

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Giảng Kinh Vô Lượng Luân Thứ XI

Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không

Tập 01

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đại đức, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống.

Ngày hôm nay nhằm tiết Thanh Minh Âm lịch, chúng tôi chọn ngày hôm nay để bắt đầu giảng Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa. Đối với mọi người, danh xưng này dường như rất xa lạ, nhưng các vị đồng tu đã lâu trong nhà Phật biết Tịnh Độ Đại Kinh là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ hiện thời có chín phiên bản khác nhau, bản được chúng tôi chọn lựa chính là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Sắp theo thứ tự triều đại trước sau, bản này là bản cuối cùng, là bản thứ chín. “Giải” (解) là chú giải, do đệ tử cụ Hạ là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải. Duyên khởi này cũng rất chẳng thể nghĩ bàn! Trong giáo pháp Đại Thừa, cũng như trong Phật môn, [mọi người] đều cảm thấy kinh Vô Lượng Thọ rất hy hữu. Vì sao? Vì thuở đức Thế Tôn tại thế, giảng kinh, dạy học suốt bốn mươi chín năm; trong bốn mươi chín năm, Ngài đã giảng khá nhiều kinh luận, [các kinh luận khác] lão nhân gia chỉ giảng một lần, chẳng hề giảng trùng lặp, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ được giảng trùng lặp mấy lượt. Đối với sự phiên dịch tại Trung Quốc, từ Dịch Kinh Mục Lục, chúng ta thấy kinh này có mười hai bản dịch, được phiên dịch nhiều lần nhất. Từ triều Hán cho đến triều Tống, trong vòng tám trăm năm, dịch mười hai lần. Lẽ đương nhiên, nếu cùng một bản gốc, tuy có nhiều bản dịch, đương nhiên vẫn tự trong các bản dịch ấy khác nhau, nhưng nội dung chắc chắn là đại đồng tiểu dị. Như kinh Kim Cang có sáu bản dịch, từ Đại Tạng Kinh, chúng ta có thể thấy sáu bản dịch ấy có cùng một nguyên bản (bản gốc), cũng có nghĩa là đức Thế Tôn chỉ giảng [kinh Kim Cang] một lần. Kinh Vô Lượng Thọ rất lạ lùng, những bản dịch sai biệt rất lớn. Chỗ rõ ràng nhất, mà cũng là phần trọng yếu nhất trong kinh này, chính là bản nguyện của A Di Đà Phật. Hiện tại, chỉ còn lại năm bản trong mười hai bản dịch, đã thất truyền bảy bản. Hiện thời, trong Đại Tạng Kinh có mục lục [ghi tựa đề của các bản dịch ấy], nhưng không có văn bản. Đây là chuyện rất đáng tiếc nuôi!

Trong năm bản dịch gốc còn được lưu truyền, hai bản ghi bốn mươi tám nguyện, hai mươi bốn nguyện cũng được ghi trong hai bản, còn bản dịch đời Tống chép ba mươi sáu nguyện, sai biệt quá lớn! Nếu bảo nguyên bản chỉ có một loại, chắc chắn không thể nào có sự sai biệt này. Đó là chuyện chẳng thể xảy ra được! Do vậy, từ chỗ có ba loại bản nguyện sai biệt, cô đại đức phán đoán: Đối với bảy bản dịch đã thất truyền, do không biết

nội dung [nên chẳng dám bàn tới], từ năm bản dịch này, khẳng định đức Thế Tôn tôi thiếu giảng [kinh Vô Lượng Thọ] ba lần. Ba lượt nói bốn nguyện của A Di Đà Phật, đức Thế Tôn nói các điều nguyện không giống nhau, nên mới có sai biệt. Dự đoán này rất hợp la-tập (logic), bọn chúng ta cũng đều có thể chấp nhận. Nhiều lần tuyên giảng đâu phải dễ! Nếu không phải là hết sức trọng yếu, đức Thế Tôn chẳng thể tuyên giảng nhiều lượt. Trong Đại Tạng Kinh, gần như chẳng tìm được dấu vết [những bộ kinh khác] được tuyên giảng nhiều lần. Sở dĩ, thuở còn tại thế, đức Phật đã tuyên giảng bộ kinh này nhiều lần, vì đây là một bộ kinh vô cùng trọng yếu. Nhất là chúng ta thấy Thiện Đạo đại sư đã nói hai câu, ngài Thiện Đạo là người đời Đường, theo truyền thuyết Ngài là A Di Đà Phật tái lai, lời ngài Thiện Đạo nói chính là lời A Di Đà Phật nói! Ngài dạy: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (Sở dĩ đức Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ vì muốn nói biến bốn nguyện của Phật Di Đà), có nghĩa là nói: Thập phương chư Phật thị hiện trong thế gian [chỉ vì nguyên nhân này]. Qua phẩm Hoa Tạng Thế Giới và phẩm Thế Giới Thành Trụ của kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy vũ trụ quan của nhà Phật (Triết Học hiện đại bảo [nội dung những điều được nói trong hai phẩm kinh trên đây] là vũ trụ quan nhà Phật) quá lớn! Các nhà thiên văn học hiện thời chưa đạt tới cảnh giới này. Nói theo Phật giáo, sự quan sát và lý giải của các nhà thiên văn học vẫn chưa thể thoát khỏi thế giới Sa Bà.

Chúng tôi học kinh giáo nhiều năm như thế, thấy hầu hết các vị đại đức tiền bối đã sớm cho rằng một đơn vị thế giới nói trong kinh Phật là địa cầu. [Kinh nói] mặt trời xoay vòng quanh núi Tu Di (Sumeru), rất nhiều người hiểu lầm, nghĩ núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya) là Tu Di Sơn. Sau này, khoa học chứng minh địa cầu hình tròn nên gọi là “địa cầu”, chẳng khác gì các ngôi sao trên trời, cũng không thể coi là quá lớn được! Địa cầu xoay quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời xoay quanh địa cầu. Họ biết có Thái Dương Hệ (Solar system), mặt trời xoay quanh hệ Ngân Hà (Galaxy), nhưng chúng ta không có cách nào xoay chuyển quan niệm này! Tu Di Sơn ở đâu? Chắc chắn Tu Di Sơn chẳng ở trên địa cầu. Phật pháp hình dung Tu Di Sơn bằng danh xưng Diệu Cao, chúng ta có thể hiểu chữ Cao, nhưng Diệu rất khó hiểu. Chúng tôi vốn nghĩ [một đơn vị thế giới trong kinh Phật] là một cõi Phật, tức là phạm vi giáo hóa của một vị Phật, giống như các khoa học gia hiện thời bảo là một “hệ Ngân Hà”. Kể từ năm 1986, tôi kết duyên, quen biết lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Thuở ấy, hai người chúng tôi vô cùng vui sướng, vì hoàng dương bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư vốn chỉ có hai người bọn tôi. Cụ giảng bộ kinh này trong nước, tôi giảng bộ kinh này tại hải ngoại. Chúng tôi gặp mặt, cụ Hoàng nêu lên vấn đề này, cho tôi biết: Một đơn vị thế giới trong kinh Phật chẳng phải là Thái Dương Hệ, mà là hệ Ngân Hà. Trung tâm của hệ Ngân Hà là “hắc động” (black hole), Tu Di Sơn phải là hắc động. Sự cao lớn của hắc động chúng ta có thể hiểu được, nhưng cho đến hiện thời, vẫn chưa có ai có thể lý giải tình trạng thật sự của hắc động, chỉ biết là nó có sức hút rất lớn, ngay cả ánh sáng cũng không có cách nào xuyên qua, đều bị nó hút

mắt. Nó là cốt lõi của hệ Ngân Hà, tất cả các tinh cầu đều xoay quanh cái lõi này. Cổ nhân Trung Quốc gọi nó là Hoàng Cực (Ecliptic Pole), hệ Ngân Hà mới là một đơn vị thế giới. Một ngàn đơn vị thế giới gọi là một “tiểu thiên thế giới”. Đó chính là một ngàn hệ Ngân Hà, một tiểu thiên thế giới đấy! Lại lấy tiểu thiên thế giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thế giới gọi là “trung thiên thế giới”, một ngàn trung thiên thế giới gọi là một “đại thiên thế giới”. Một đại thiên thế giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức hệ Ngân Hà. Các nhà thiên văn học hiện tại chưa thể quan sát [điều này]; đây là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói có vô lượng vô biên thế giới như vậy trong vũ trụ. Nói đến “thế giới Hoa Tạng” thì thế giới Hoa Tạng giống như một cao ốc có hai mươi tầng, thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc đều thuộc tầng thứ mười ba. Lại chẳng biết có bao nhiêu thế giới giống như thế giới Hoa Tạng! Đây là thế giới quan của Phật pháp, thế giới đồ sộ, quả thật chẳng thể nghĩ bàn được!

Đức Phật xuất hiện trong thế gian, khu vực giáo hóa của mỗi vị Phật nhỏ nhất là một đại thiên thế giới. Có trường hợp là hai, ba đại thiên thế giới, hay năm, sáu đại thiên thế giới, mười mấy đại thiên thế giới cũng có; Phật cũng có phước báo to hay nhỏ khác nhau! Nguyên nhân do đâu? Trong khi tu nhân, tâm lượng khác nhau, cho nên [khi thành Phật] cảm quả cũng chẳng giống nhau. Trừ điều này ra, chẳng có gì khác biệt. Đây là nói “duyên hóa độ chúng sanh” không giống nhau. Vì vậy, người học Phật phải rộng kết pháp duyên với hết thầy chúng sanh; trong tương lai, quý vị thành Phật sẽ độ người khác đông đảo. Rộng kết pháp duyên rất quan trọng! Đức Phật thị hiện trong các cõi Phật khác nhau đều do có duyên, chẳng thể nói là “không có duyên”, đều có duyên, duyên ấy rất phức tạp. Dùng phương pháp ôn hòa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng nào để giúp người khác có thể trở về tự tánh? Trở về tự tánh là thành Phật viên mãn, trở về nguồn cội, dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp Niệm Phật của Tịnh Độ; do vậy, ngài Thiện Đạo nói: *“Duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải”* (chỉ để nói bốn nguyện của Phật Di Đà). Kinh ấy là kinh gì? Kinh Vô Lượng Thọ. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ được gọi kinh bậc nhất trong Tịnh Tông. Tịnh Độ Tông thật đơn giản, kinh điển để làm căn cứ gồm năm thứ. Thuở ấy, đức Thế Tôn giảng ba thứ, tức là ba bộ kinh, [thường gọi là] Tịnh Độ Tam Kinh: Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh và Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Phân lượng cũng chẳng lớn. Nếu chỉ là kinh văn của ba bộ kinh, tức là chánh kinh không có phần chú giải, in chung lại thành một quyển mỏng tanh, phân lượng rất ít, đơn giản, dễ dàng, nhưng thành tựu vô cùng thù thắng. Thiện Đạo đại sư cho chúng ta biết điều này.

Chúng ta phải tin tưởng, gặp được pháp môn này chính là cơ duyên hy hữu trong một đời này! Quý vị có được cơ hội này, có thể trở về tự tánh, có thể viên thành Phật đạo, khó thể gặp gỡ cơ hội này. Bởi lẽ, *“thân người khó được, Phật pháp khó gặp”*. Chúng ta được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, lại gặp được pháp môn thù thắng khôn sánh trong Phật pháp, phải trân quý cơ duyên này. Pháp môn này còn gọi là “pháp khó tin”, do

phương pháp quá đơn giản, quá dễ dàng, nên rất nhiều vị Bồ Tát chẳng tin! Nói theo Lý, phải hết vọng mới có thể quay về nguồn được, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều chẳng tách lìa nguyên tắc này. “Vọng” là phiền não. Ba loại phiền não lớn là Vô Minh phiền não, Kiến Tư phiền não, và Trần Sa phiền não; đây là ba loại lớn. Đoạn Kiến Tư phiền não, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Bởi lẽ, lục đạo chẳng thật, giống như một giấc mộng. Quý vị chưa thoát khỏi lục đạo, đang nằm mộng, vẫn chưa tỉnh mộng. Khi nào quý vị buông Kiến Tư phiền não xuống, kinh Hoa Nghiêm gọi Kiến Tư phiền não là chấp trước, đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn chấp trước, buông Kiến Tư phiền não xuống, quý vị bèn chứng quả A La Hán. A La Hán đã tỉnh, từ trong lục đạo tỉnh giấc mộng lớn bèn là A La Hán, lục đạo chẳng còn nữa! Lục đạo chẳng còn, đã tỉnh; vì sao quý vị vẫn còn ở trong mộng? Quý vị còn có phân biệt, còn có vọng tưởng, [những thứ này] vẫn là phiền não, nhẹ hơn Kiến Tư phiền não một tí, nhưng vẫn còn. Nếu phân biệt cũng buông xuống, chẳng còn phân biệt nữa, không chỉ là chẳng phân biệt, mà vọng tưởng cũng buông xuống. Vọng tưởng là gì? Tôi thường gọi nó là “khởi tâm, động niệm”. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Khởi tâm động niệm đều không có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, quý vị thật sự tỉnh mộng. Hễ tỉnh thì tứ thánh pháp giới đều không có, tức là mười pháp giới chẳng có. Mười pháp giới bao gồm lục đạo, dưới là lục đạo, trên là tứ thánh, tứ thánh là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; Phật [trong tứ thánh pháp giới] cũng chẳng thật! Phải biết điều này! Đừng nên chấp trước, chớ nên phân biệt! Sau khi buông xuống những điều này, chẳng thấy tứ thánh pháp giới nữa, quý vị thật sự tỉnh khỏi mộng cảnh. Khi tỉnh ấy, vẫn còn có tướng cảnh giới, vẫn còn có tướng, tướng gì vậy? Chúng ta thường gọi nó là Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Chúng ta nói thế giới Cực Lạc, kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Hoa Tạng, chúng đều là những cõi Thật Báo của Như Lai. Nói tới cõi Thật Báo của Như Lai, quý vị phải nhớ: Nó là cõi Thật Báo của chính mình, Tự - Tha bất nhị, Tha là chư Phật Như Lai, thật sự chẳng hai!

Do vậy, trong mấy năm gần đây, chúng tôi cực lực đề xướng: Phật sự sử dụng trong Tịnh Tông là Tam Thời Hệ Niệm do thiền sư Trung Phong biên soạn, Ngài là bậc đại đức trong Thiền Tông. Quý vị thấy Ngài biên soạn nghi thức Hệ Niệm hoàn toàn dùng [giáo nghĩa] Tịnh Độ, cõi âm lẫn dương gian đều được lợi ích. Lão nhân gia nói rất rõ ràng: “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, Di Đà ở đâu? Di Đà là tự tánh, Tịnh Độ cũng là tự tánh; tâm và tánh là một, chẳng hai. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, sẽ biết chư Phật Như Lai và hết thảy chúng sanh có mối quan hệ mật thiết với bản thân chúng ta. Nói tới “quan hệ” thì mối quan hệ ấy thuộc loại luân lý, tức là quan hệ nói theo phương diện luân lý. Kinh giáo Đại Thừa giảng quan hệ rất thấu triệt, giảng đến mức viên mãn rốt ráo: Trọn khắp pháp giới hư không giới, trên là chư Phật, dưới là chúng sanh, có cùng một Thể với chính mình, chẳng phải là “một nhà”, mà là “một Thể”. Nói tới mối quan hệ này. Do vậy, lòng yêu thương ấy được gọi là Vô Duyên Đại Từ, Từ là lòng yêu thương, quan

tâm, Vô Duyên là chẳng có điều kiện; Đồng Thể Đại Bi, Bi là thương xót, thương xót hết thảy chúng sanh mê mất tự tánh. Phải biết: Họ và chúng ta là một Thể, chẳng phải là người ngoài, mà là Đồng Thể. Vô Duyên là giúp đỡ họ vô điều kiện. Vì thế, trong nhân gian có lòng Chân Ái (lòng yêu thương chân thật), Chân Ái là lòng yêu thương của Phật, Bồ Tát, là đại từ đại bi. Thật đấy! Bạc giác ngộ thì có, còn kẻ mê mất tự tánh chẳng phải là không có, nhưng kẻ ấy bị mê, do mê nên lòng Chân Ái bị biến chất. Do vậy, trong kinh đức Phật gọi lòng yêu thương ấy (lòng yêu thương của kẻ mê mất chân tánh) là Hữu Ái Duyên Từ, như trong thế gian hiện thời, lòng thương yêu của cha mẹ đối với con cái gọi là Ái Duyên, có lòng từ bi, nhưng từ bi đối với kẻ có quan hệ máu mủ, ruột thịt, bị chi phối bởi mối quan hệ này. Lại có Chúng Sanh Duyên Từ Bi, tâm lượng lớn hơn một chút, yêu thương chính mình, mà cũng có thể yêu thương người khác. Câu “*phàm thị nhân, giai tu ái*” (phàm là người, đều phải yêu) trong Đệ Tử Quy chính là Chúng Sanh Duyên Từ Bi. Bồ Tát có Pháp Duyên Từ Bi, lại cao hơn một tầng nữa, các Ngài liễu giải chân tướng sự thật. Thật sự đạt đến minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, đó là lòng từ bi của Phật. [Lòng từ bi ấy] chẳng có điều kiện, đấy mới là Chân Ái. Những lòng Ái khác có điều kiện, còn lòng Ái này chẳng có điều kiện. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này thì học Phật mới tìm được người thân thật sự! Chúng ta giống trẻ nhỏ mê mất phương hướng, thật sự tìm được cha mẹ, tìm được người quan tâm, yêu thương chúng ta rồi. Những người ấy là chư Phật, Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài thật sự có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, trở về tự tánh, công đức viên mãn. Bởi lẽ, chỗ khác nhau giữa chúng sanh và Phật là mê hay ngộ; trừ mê và ngộ ra, chẳng có gì khác nhau! Trong giáo pháp Đại Thừa, quý vị càng đọc, càng hiểu rõ, càng minh bạch, đọc đến cuối cùng, quý vị hoá nhiên hiểu rõ, “*nguyên lai đương hạ*”, tức là ở ngay nơi này, ngay trong lúc này!

Tịnh Tông thật sự khó tin, đặc biệt là đối với những phần tử tri thức. Tôi học Phật là do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu. Lúc trẻ cũng theo học trong nhà trường, chịu ảnh hưởng của các giáo viên, nghĩ Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, lại còn là đa thần giáo (polytheism), phiếm thần giáo (pantheism) trong các tôn giáo, là một tôn giáo thuộc loại thấp. Tôn giáo bậc cao chỉ nói tới một vị chân thần. Qua biểu hiện, Phật giáo thật sự là mê tín, thuở ấy, tôi chẳng liễu giải. Trong xã hội hiện thời, kẻ chẳng liễu giải càng nhiều! Tôi học Triết Học với thầy Phương. Trong khóa học cuối cùng, thầy giảng Triết Học trong kinh Phật, tôi nói: “Phật giáo là tôn giáo, mê tín, là phiếm thần giáo, kiếm đâu ra Triết Học?” Thầy bảo tôi: “*Anh không biết, tuổi anh còn trẻ, Thích Ca Mâu Ni Phật là một triết gia vĩ đại nhất trên thế giới. Triết Học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong Triết Học trên toàn thể thế giới*”. Lúc ấy, thầy bảo tôi như thế này: “*Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong đời người*”. Trong khóa học ấy, tôi tiếp nhận Triết Học từ kinh Phật như vậy, mới thay đổi quan niệm sai lầm trong quá khứ, nhận thức Phật giáo bằng nhãn quan mới. Duyên của tôi rất thù thắng, sau khi thầy Phương giới thiệu Phật giáo cho tôi biết, không đầy hai tháng sau, tôi có cơ hội quen biết Chương Gia đại sư, do một thân

vương Mông Cổ cuối đời Thanh giới thiệu cho tôi quen biết Chương Gia đại sư. Khi đó, tôi vừa tiếp xúc Phật pháp, đây cũng là do thầy Phương từ bi, chỉ cho tôi đường lối học tập. Thầy nói Phật pháp chẳng ở trong chùa chiền, ở đâu? Trong kinh điển. Anh muốn thật sự tìm được Phật giáo, phải tìm từ kinh điển. Sự hướng dẫn này vô cùng quan trọng, do vậy, tôi thủy chung cảm tạ ân đức thầy; bởi lẽ, không có sự chỉ điểm ấy, chúng tôi sẽ thỉnh giáo người xuất gia. Nhiều kẻ xuất gia vứt bỏ kinh giáo, chẳng học tập, chẳng thể thuyết pháp, trong tình hình ấy, chắc chắn chúng tôi sẽ hoài nghi, lòng tin chẳng còn nữa! Do cụ Phương biết [Phật pháp] ở trong kinh điển, cụ nói thuở xưa, người xuất gia và tại gia học Phật đều là những bậc học vấn lỗi lạc, thật sự là đại đức, đại triết, hiện nay rất hiếm [những người như vậy].

Sau khi tôi tiếp xúc Chương Gia đại sư, Ngài dạy tôi học về Thích Ca Mâu Ni Phật, bảo tôi hãy xem hai tài liệu. Hai tài liệu ấy ở trong Đại Tạng Kinh, thuở ấy chưa có bản lưu hành riêng, đó là Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí¹[1]. Lão nhân gia rất từ bi: “Anh muốn học Phật, trước hết, anh phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật, sẽ chẳng đi lòng vòng”. Sau khi đọc xong hai tài liệu ấy, tôi mới biết Thích Ca Mâu Ni Phật quả thật rất vĩ đại. Nói theo cách bây giờ, Ngài là nhà giáo dục, chẳng vương mắc trong tôn giáo. Xuất thân từ dòng dõi vua chúa, phụ thân Ngài là quốc vương. Cổ Ấn Độ thuở ấy chẳng khác thời Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Hoa cho mấy, đều là có rất nhiều quốc gia nhỏ. Ngài là vương tử, mười chín tuổi rời khỏi gia đình, đi tham học. Do vậy, chúng ta biết Thích Ca Mâu Ni Phật tuổi thanh niên vô cùng hiếu học, rời khỏi gia đình để cầu học, cuộc sống rất khổ sở, giống như vị Tăng khổ hạnh. Ấn Độ [thuở ấy] quả thật là một nơi tốt đẹp. Thuở ấy, học thuật trên địa cầu này, đặc biệt là Triết Học, có thể coi như Ấn Độ đứng đầu thế giới. Tôn giáo cũng giống như thế, Ấn Độ là xứ sở tôn giáo, tất cả các bậc đại đức trong tôn giáo Ngài đều gặp gỡ, học tập; lại còn học hết sức nghiêm túc, tất cả các học phái Ngài cũng đều học qua. Khi ấy, phong khí Thiên Định ở Ấn Độ rất thịnh, bất luận tôn giáo hay học thuật đều coi trọng Thiên Định. Tứ Thiên Bát Định nói trong kinh Phật chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật đề xướng. Chẳng phải vậy! Tôn giáo lẫn học thuật của Cổ Ấn Độ đều học những môn này, đương nhiên, chàng thanh niên Thích Ca Mâu Ni cũng không ra ngoài lệ ấy.

1[1]Thích Ca Phổ do ngài Tăng Hựu soạn vào đời Lương, nội dung trích dẫn rộng rãi các kinh điển Đại và Tiểu Thừa, ghi chép lịch sử thị tộc Thích Ca và sự tích của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng như sự kiện kể từ sau khi đức Phật nhập diệt cho đến thời A Dục Vương. Do bộ này viết hơi rườm rà nên đến đời Đường, ngài Đạo Tuyên viết tác phẩm Thích Ca Thị Phổ ngắn gọn hơn.

Thiền Định có thể đột phá các chiều không gian (spatial dimensions), cho nên phát hiện lục đạo. Lục đạo là thật, chẳng giả. Quý vị tu Định đến một trình độ nhất định, sẽ thấy giống như họ đã thấy: “Hoàn toàn giống như các vị đã nói!” Người thấy [những điều này] nhiều lắm! Phía trên là từ hai mươi tám tầng trời, phía dưới đến A Tỳ địa ngục, họ hiểu rành rẽ tình trạng trong toàn thể lục đạo, nhưng nếu hỏi: “Lục đạo do đâu mà có? Vì sao có lục đạo? Ngoài lục đạo ở ngoài còn có thế giới hay chăng?” Vấn đề này, không chỉ hết thầy các tôn giáo của Ấn Độ chẳng có cách nào trả lời, mà những triết gia Ấn Độ cũng chẳng thể giải đáp. Thích Ca Mâu Ni Phật tu mười hai năm, đến năm ba mươi tuổi, thôi học tập, học mười hai năm, rốt cuộc đã tốt nghiệp, buông bỏ, tịnh tọa dưới cội cây Tất Bát La (Pippala) bên bờ sông Hằng, khai ngộ. Cây ấy về sau được gọi là “*Bồ Đề thụ*”. Bồ Đề (Bodhi) có nghĩa là “giác ngộ”. Ngài đại triệt đại ngộ ở nơi ấy. Nhập Thiền Định càng sâu hơn, Thiền Định gì vậy? Trong kinh Lăng Nghiêm, Định ấy được gọi là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, kinh Hoa Nghiêm gọi Định ấy là Sư Tử Phấn Tấn tam-muội, đó là kiến tánh; đó cũng là nói: Thật sự buông “khởi tâm, động niệm” xuống. Chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn khôi phục tự tánh, mới thật sự hiểu rõ ràng, rành rẽ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Lục đạo luân hồi là chuyện nhỏ nhặt, quá nhỏ bé, thấy đều hiểu rõ ràng, đương nhiên hết sức vui sướng, Ngài bèn tường thuật, báo cáo tỉ mỉ cảnh giới này. Nói với ai? Nói với con người, người ta nghe chẳng hiểu! Đừng nói người thế gian chúng ta nghe không hiểu, chư thiên trong hai mươi tám tầng trời nghe cũng không hiểu; bởi lẽ, Ngài giảng trong Định. Chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tịnh tọa dưới cội Bồ Đề, đâu biết Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm nơi ấy. Kinh Hoa Nghiêm là cảnh giới khai ngộ của đức Thế Tôn. Ngài nói cặn kẽ, nêu bày toàn bộ. Nói trong bao nhiêu ngày? Theo kinh chép thì là “*hai thất*”, tức mười bốn ngày, cũng có kinh bảo là giảng trong hai mươi một ngày. Chúng ta có thể không cần quan tâm đến chuyện này, cũng không cần phải khảo chứng, đừng phân biệt, chấp trước chuyện này. Tôi đa là hai mươi một ngày, giảng trong Định!

Trong Thiền Định, thời gian và không gian chẳng còn nữa. Thời gian và không gian chẳng còn, chúng ta có thể tin chuyện này, vì sao? Có chứng minh khoa học! Khoa học chứng minh như thế nào? Thôi miên rất khoa học! Trong thôi miên, thời gian và không gian chẳng còn nữa! Quý vị thấy: Thôi miên hai tiếng, người được thôi miên có thể nhớ được vài đời trong quá khứ. Lúc bị thôi miên, người ấy có thể tới thiên đường, mà cũng có thể xuống địa ngục. Quý vị thấy đó: Đột phá thời gian lẫn không gian! Do chúng ta biết: Thôi miên cũng là tinh thần phải buông lỏng hết thầy, buông xuống hết thầy, trong tâm không có tạp niệm, có cùng một nguyên lý [với Thiền Định]. Công phu Thiền Định càng sâu hơn, thời gian [nhập Định] càng dài hơn, bảy ngày, hai mươi một ngày, trọn pháp giới hư không giới quả thật đều có thể thấy rõ rệt, minh bạch. Thật ra, có cần tốn ngần ấy thời gian hay không? Không cần! Chỉ trong một niệm! Trong một niệm bèn thông đạt, hiểu rõ, tùy thuộc quý vị buông xuống nhiều hay ít. Sai biệt chẳng do công

phu cạn hay sâu, mà do quý vị buông xuống nhiều hay ít. Vì thế, quý vị muốn dụng công, ngàn muôn phần đừng chấp trước; buông xuống càng nhiều, tâm quý vị càng thanh tịnh, càng gần với tự tánh. Trong cuốn [Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận] Hoàn Nguyên Quán có nói: “*Tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”, tức là càng buông xuống nhiều, càng gần với tự tánh. Càng gần tự tánh, quý vị càng liễu giải. Sau khi liễu giải chân tướng, lão nhân gia xuất Định, bắt đầu dạy học, vì sao bắt đầu dạy học? Tâm từ bi tự nhiên lưu lộ, chẳng có lý do, không có điều kiện, thấy chúng sanh bèn muốn giúp họ trở về tự tánh. Vì lẽ gì? Họ và ta là một, không hai. Người giác ngộ biết, kẻ mê chẳng biết [ta và người] là một Thể. Làm như thế, dạy suốt bốn mươi chín năm, đức Thế Tôn viên tịch lúc bảy mươi chín tuổi. Từ năm ba mươi tuổi bắt đầu dạy học tới năm bảy mươi chín tuổi; do đó, Ngài giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm.

Chúng ta nhìn từ chỗ này, Ngài dùng thân phận nào? Mang chức nghiệp giáo sư, suốt đời dạy học. Dạy gì? Hết thấy các kinh do Phật đã giảng lúc còn tại thế chưa chép thành văn tự, đều chỉ là miệng nói. Sau khi đức Thế Tôn viên tịch, các học trò đem những gì thầy đã dạy, đã nói trong quá khứ ghi chép lại, đến khi ấy mới trở thành kinh điển. Ghi chép cũng chẳng phải là chuyện đơn giản, phải tìm người nhắc lại, tìm ai? Tìm A Nan. A Nan là thị giả của đức Phật. Kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong một đời, ngài A Nan đều nghe qua. A Nan là em họ nhỏ nhất của đức Phật. Anh em họ của Ngài gồm tám người, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn nhất, A Nan nhỏ nhất, tức lão Bát, kém Phật hai mươi tuổi. Do thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh từ hai mươi năm trước đó, tức là khi Thích Ca Mâu Ni Phật bắt đầu giảng kinh, ngài A Nan mới sinh ra. Đức Phật đã giảng kinh suốt hai mươi năm, ngài A Nan mới xuất gia năm hai mươi tuổi, những kinh Phật đã giảng trong hai mươi năm trước, A Nan chưa được nghe. Vì thế, kinh có chép: Những lúc rảnh rỗi, đức Thế Tôn đem những gì đã nói trong quá khứ đều giảng lại cho ngài A Nan nghe, cho nên Ngài nghe kinh rất hoàn chỉnh. Ngài A Nan có trí nhớ đặc biệt tốt, nghe một lần sẽ vĩnh viễn chẳng quên, giống như máy thu âm, Ngài có thể nhắc lại nguyên văn, có khả năng hy hữu này. Trong các đệ tử Phật, chỉ có Ngài có trí nhớ cao nhất. Vì thế, sau khi đức Phật diệt độ, mọi người thỉnh A Nan lên tòa giảng lại, năm trăm vị A La Hán là các đệ tử đức Phật, trong thuở ấy, họ là những vị thường nghe kinh, đều chứng minh. Kinh nói ra phải được năm trăm A La Hán cùng đồng ý “*A Nan nói không sai, đức Phật đã nói như thế*” rồi mới ghi chép lại. Nếu có [điều nào bị] một ai đó nghi ngờ, phải lược bỏ điều ấy, nhằm giữ chữ Tín với người đời sau. Kinh tạng được kết tập nghiêm ngặt như thế, chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Văn tự dùng để kết tập thuở ấy là Phạn văn, hiện thời rất ít người hiểu cổ văn Ấn Độ. Kinh điển truyền đến Trung Quốc bằng tiếng Phạn, thuở ấy, những lưu học sinh Trung Quốc (những vị cao tăng sang Thiên Trúc cầu pháp) đến Ấn Độ học tập cũng học Phạn văn, từ tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán mà có thể chẳng bị sai lầm ư? Nay chúng ta dịch một bài văn chương từ tiếng Anh sang tiếng Hán, có thể dịch đúng một trăm phần trăm

hay không? Không thể nào! Nói chung là có sai lầm. Đừng nói ngôn ngữ ngoại quốc, đôi với cổ văn Trung Quốc, quý vị lấy một bài văn chương của cổ nhân, tìm vài người, hay tìm mười người, bảo họ dịch bài ấy thành văn Bạch Thoại, mười người dịch khác nhau, rốt cuộc dùng tiêu chuẩn nào [để phán định đúng sai]? Rất khó nói, điều này có thể khiến cho người ta tin tưởng [tính chính xác của kinh Phật] hay chẳng? Khi ấy, tôi đã thỉnh giáo tiên sinh Phương Đông Mỹ chuyện này, làm thế nào để khiến chúng ta sanh khởi lòng tin? Thầy Phương hết sức cảm khái, nói: Người Trung Quốc thời cổ chẳng giống người Trung Quốc hiện thời. Người Trung Quốc hiện thời đánh mất lòng tự tin dân tộc, nên mới bị lăng nhục lớn lao như thế, chịu lắm khổ nạn như vậy. Xưa kia, người Trung Quốc không như vậy, hết sức tự hào. Kinh điển tiếng Phạn sau khi dịch sang tiếng Hán, không những ý nghĩa chẳng bị sai lầm, mà văn tự còn đẹp đẽ, bóng bẩy hơn nguyên văn! Nói cách khác, đã có bản tiếng Hán, có thể không cần đến bản tiếng Phạn, tự hào như thế đó! Tại Trung Quốc vào thời Tùy - Đường, người Trung Quốc thật sự giống như người Trung Quốc, đâu phải như hiện thời? Thầy Phương dạy tôi như thế, hóa giải nỗi nghi vấn của tôi.

Đúng không? Đúng! Từ xưa tới nay, Trung Quốc quả thật là một nước lễ nghĩa, là một nước to lớn minh mông, mãi cho đến đời Thanh, lòng tự tin ấy bị mất sạch. Vào cuối đời Thanh, vào cuối triều đại mới nảy sanh vấn đề, rất nhiều nhân tố khiến cho vấn đề nảy sanh, sử cận đại đã chép rất rõ ràng: Chẳng phải là truyền thống Trung Quốc có vấn đề, mà do người lãnh đạo đất nước thuở ấy là Từ Hy Thái Hậu có vấn đề. Đúng là “*một người khiến đất nước hưng thịnh, một người khiến cho quốc gia, dân tộc bị diệt vong*”, liên quan tới một cá nhân quá lớn! Nhà Thanh từ thuở khai quốc cho đến đời chồng của bà ta là vua Hàm Phong, Từ Hy Thái Hậu là phi tử của Hàm Phong, để vương các đời đều mời các bậc cao nhân Nho, Thích, Đạo, nói theo danh từ hiện nay là “chuyên gia, học giả” vào hoàng cung. Hoàng đế dẫn phi tần, văn võ đại thần nghe giảng mỗi ngày, học tập mỗi ngày, thật sự làm! Từ Hy phé trừ chế độ này; Từ Hy không theo những bậc đại đức Nho, Thích, Đạo nữa, không nghe lời họ nữa. Bà ta mê tín, cầu cơ, phò loan, ham chuyện thần tiên, quốc gia đại sự đều đem thưa hỏi trong đàn cầu cơ. Do vậy mất nước! Chương Gia đại sư kể cho tôi biết chuyện này. Đời trước của ngài Chương Gia là quốc sư của các đời hoàng đế nhà Thanh; trong tứ đại lạt-ma²[2] chỉ mình Ngài có đạo

2[2] Tứ đại lạt-ma là bốn vị sư trưởng cao cấp nhất theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng và Mông Cổ, gồm: Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama, ta thường đọc trại thành Đại Lai Lạt Ma, nhưng người Tây Tạng thường gọi Ngài bằng danh xưng Gyalwa Rinpoche, Kundun hay Yishin Norbu), Ban Thiền Ngạch Nhĩ Đức Ni (Panchen Erdeni, Ban Thiền Lạt Ma), Triết Bố Tôn Đan Ba (Jetsundampa) và Chương Gia Hoạt Phật (Lcang-skya Hutugtu, đôi khi viết là Janggiy-a qutuy-tu hoặc Changkya Khutukhtu). Trong bốn vị này, danh xưng Quốc Sư của Đại Lai Lạt Ma chỉ là mỹ hiệu phong tặng, nhà Thanh nhiều lần chèn ép Đại Lai Lạt Ma rất tệ hại, chỉ có ngài Chương Gia là được trọng vọng, tôn kính đúng thân phận quốc sư.

tràng tại Bắc Kinh. Chương Gia đại sư có trụ sở tại Bắc Kinh, Ngài thường ở Bắc Kinh để làm cố vấn cho hoàng thượng. Lão nhân gia cho tôi biết: Chuyện xấu do Từ Hy gây ra, bà ta phá hoại chế độ; người lãnh đạo coi rẻ truyền thống, dần dần ảnh hưởng tới quần chúng. Nếu chúng ta truy cứu, truyền thống văn hóa tốt đẹp như thế, vì lẽ nào mà trở thành nông nổi như hiện thời? Đầu mối do Từ Hy. Chúng ta phải biết yêu mến, phải làm thế nào để khôi phục [truyền thống văn hóa].

Do vậy, sau khi chúng tôi hiểu rõ ràng, minh bạch chuyện này, mới biết Phật pháp thù thắng, càng học càng ham thích, khi ấy, mới phát hiện, thật sự phát hiện của báu, phát hiện kinh giáo là món trân bảo thù thắng khôn sánh. Nhưng trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải*” (Phật pháp không có người nói, thì tuy có trí vẫn chẳng thể hiểu được). Hiện thời, sách vở thì có, nhưng thiếu người truyền thừa. Trong thời Dân Quốc, đúng là đời sau thua đời trước, đã đến thuở mạt. Trong thời Kháng Chiến, nói chung còn có mười mấy vị xuất gia và tại gia [hoàng dương Phật pháp]. Sau thời Kháng Chiến, ngày càng ít, bậc đại đức hiếm hoi, thiếu người kế tục, đặc biệt là trong năm mươi năm gần đây. Chúng ta biết: Phật giáo thật sự hoàn toàn chẳng có diện mục. Tại Đài Loan, thật sự giảng kinh, dạy học chỉ có mình thầy Lý. Cụ mở một liên xã tại Đài Trung, trong liên xã mở lớp dạy học. Cụ mở mười mấy lớp đều là dạy truyền thống văn hóa giống như giáo dục xã hội hoặc lớp huấn luyện bổ túc, không nhận học phí. Bản thân thầy Lý lắm tài nhiều nghề, biết rất nhiều thứ, có năng lực dạy dỗ. Cụ dạy học tại Đài Trung ba mươi tám năm, tịch năm chín mươi bảy tuổi. Cụ giảng kinh tại Đài Trung suốt ba mươi tám năm chẳng gián đoạn, nhưng mỗi tuần chỉ giảng một buổi, ấn định buổi học nhằm ngày thứ Tư, thời gian cố định, nơi chốn cố định. Do vậy, cụ chẳng cần tuyên truyền, thứ Tư mỗi tuần đến Từ Quang Đồ Thư Quán ở Đài Trung, nhất định thấy cụ giảng kinh ở đó, mỗi tuần một lần. Cụ dạy lũ học sinh chúng tôi là những học sinh trẻ tuổi học giảng kinh cũng là mỗi tuần một lần nhằm ngày thứ Sáu, dạy chúng tôi giảng kinh; còn dạy cổ văn thì như một lớp học nhỏ của nhóm ông Giang Dật Tử, họ học thi từ với cụ. Ngoài ra, còn có nhiều khoa mục, nhưng chính thầy tìm không ra thời gian, phải mời giáo viên từ bên ngoài đến dạy. Do là giáo dục xã hội, nên xét về điểm này, rất giống với cách thức dạy dỗ thời Thích Ca Mâu Ni Phật.

Đối với Phật giáo trên toàn thế giới hiện thời, tôi nghĩ: Nếu nói đại lược, tối thiểu có sáu hình thức khác nhau mà chúng ta phải biết. Loại thứ nhất là giáo dục của Thích Ca Mâu Ni Phật, lão nhân gia suốt đời làm thầy; nói theo cách bây giờ, Ngài là một nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, Ngài mang thân phận là một người có nghĩa vụ làm công tác giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, không nhận học phí. Cuộc sống rất đơn giản, ăn một bữa Ngọ, ngủ dưới gốc cây, suốt đời không xây trường học. Giảng dạy ở chỗ nào? Rừng núi, dưới cội cây, số người học chẳng ít! Vì thế, nay chúng ta nghĩ đến, thấy chẳng đơn giản. Thường Tùy Chúng là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, những vị này chẳng rời khỏi Phật. Tôi nghĩ những người tham dự khác, tối thiểu cũng bằng số này. Nói

cách khác, khi Phật dạy học, thỉnh chúng phải tới hai, ba ngàn người. Thở ấy, đâu có máy khuếch âm, ở trong đồng trống, nếu người ta nghe không rõ ràng lắm, có còn hứng thú theo học với Phật nữa hay chẳng? Buổi tối nghỉ dưới cội cây, gió thổi, nắng hun, mưa tấp đều chẳng ngại, thân kim cang bất hoại mà! Giữa trưa ăn một bữa, người ta cho gì ăn nấy, chẳng phân biệt tí nào. Đó là hạng người gì, thân thể gì vậy? Chúng ta ngẫm lại, không có cách nào sánh bằng! Chúng ta ra ngoài đồng ở một đêm, hôm sau về nhà bèn ngã bệnh, làm sao có thể sánh bằng? Chẳng phải là một hai ngày, mà là sống như vậy suốt bốn mươi chín năm, chẳng thể khiến kẻ khác bội phục ư? Thật sự có công phu, thân lẫn tâm đều khỏe mạnh. Đây chính là Phật giáo nguyên gốc của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lão nhân gia suốt đời chẳng lập đạo tràng là có lý của Ngài; bởi lẽ, lập đạo tràng sẽ có kẻ khởi ý niệm cong queo: “Làm thế nào để có đạo tràng ấy?” Ngài không có đạo tràng, vì biết người đời sau [đối với đạo tràng] sẽ có tác dụng phụ (kiến giải chấp trước, tham cầu lệch lạc), thứ gì cũng không có, chúng ta nên học theo điều này!

Phật giáo truyền sang Trung Quốc, đạo tràng do quốc gia, hoặc những vị trưởng giả đại phú kiến tạo, đều gọi là “thập phương đạo tràng”, đều chẳng thuộc tư nhân. Đạo tràng tự quản lý là cách thức rất hay, hết thấy những người điều hành đều được bầu ra. Do vậy, Phật môn có chế độ tuyển cử sớm nhất. Trụ Trì hay Đương Gia đều do tuyển cử, nhiệm kỳ một năm. Vì lẽ gì? Đây là phục vụ; phục vụ thì chẳng thể bắt người ta phải phục vụ mãi, mỗi cá nhân đều phải có nghĩa vụ này, hoàn toàn là nghĩa vụ. Vì thế, mỗi cá nhân tối thiểu phải phục vụ một năm. Trong chùa chiền, ngày Ba Mươi tháng Chạp, các vị [chấp sự] cùng từ chức, bầu cử lại. Ngày hôm sau, những người mới được tuyển cử sẽ nhậm chức vào ngày mừng Một tháng Giêng, đến hôm Ba Mươi [tháng Chạp năm ấy] sẽ cùng từ chức. Vì vậy, đây là một chế độ tốt đẹp, chẳng có ai tranh chấp, thật sự là tuyển lựa người tài năng và đức độ làm Trụ Trì đạo tràng; bởi lẽ, đây là một cơ cấu giáo học. Tại Trung Quốc đã có chế độ này, chính thức đi vào khuôn khổ, chính thức tiến hành công tác giáo học. Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo học tư nhân, giống như Khổng lão phu tử cũng là giáo học tư nhân. Sau khi đạo Phật truyền đến Trung Quốc bèn có chế độ, chế độ này được gọi là “*chế độ tùng lâm*”. Trong quá khứ, Phương tiên sinh đã nhiều lượt nói với tôi điều này, tối thiểu cũng phải mười mấy lần, tạo ấn tượng rất sâu đậm. Thầy nói Phật giáo muốn hưng vượng, nhất định phải khôi phục chế độ tùng lâm. Chế độ tùng lâm là trường học, chính thức quản lý trường học: Chủ tịch tùng lâm là hiệu trưởng, Thủ Tọa là giáo vụ trưởng, Duy Na là huấn đạo trưởng, Giám Viện là tổng vụ trưởng, hoàn toàn giống với cách phân chia trách nhiệm trong trường đại học. Tuy khác danh xưng, nhưng chức trách như nhau, quả thật là một trường học. Đây là trong quá khứ. Hiện thời chẳng còn nữa. Hiện nay, Phật giáo biến thành tôn giáo. Chúng ta nên biết điều này xảy ra từ thời vua Gia Khánh trở đi. Trong thời Càn Long - Gia Khánh, chùa chiền, tùng lâm Trung Quốc vẫn còn là nơi dạy học, đời nào cũng có bậc cao tăng, đại đức. Hiện nay đã biến thành tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận nó. Do vậy, loại thứ hai là

tôn giáo Phật giáo. Quý vị thầy loại này lấy kinh sám Phật sự, pháp hội làm chính yếu, chẳng giảng kinh, dạy học, biến chất rồi! Loại thứ ba là biến thành học thuật. Trong trường đại học, ban Triết Học dùng kinh Phật để giảng dạy, tôi cũng dạy mấy năm, Phật giáo biến thành học thuật, biến chất rồi! Loại thứ tư là du lịch văn cảnh trong nước, tức là loại Phật giáo tham quan du lịch. Còn có một loại rất mới, rất “hợp thời trang” là xí nghiệp Phật giáo, nghe nói còn có cạnh tranh trên thị trường, xí nghiệp Phật giáo mà! Loại cuối cùng là tà giáo Phật giáo, đeo chiêu bài Phật giáo, thật ra chẳng ăn nhập gì với Phật giáo, giống như cái gọi là Pháp Luân Công, hoàn toàn sai lầm. Như vậy là tối thiểu có sáu hình thức khác nhau, chúng ta đang học loại nào, phải hiểu rõ điều này!

Do Chương Gia đại sư chỉ tôi đường lối này, dạy tôi hãy học về Thích Ca Mâu Ni Phật, tôi cũng rất vâng lời, hết sức tôn kính thầy, vâng lời thầy chỉ dạy. Sau đấy, không những thầy dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, mà còn mong tôi hãy xuất gia, đi theo con đường của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi làm theo, chứng thực lời cụ Phương đã nói: “*Học Phật là hưởng thụ tối cao trong đời người*”, thật là hạnh phúc sung sướng mỹ mãn. Có thử thách hay chẳng? Thử thách hết sức nhiều, thử thách đều là khảo thí. Chúng ta học Phật, đối với người, đối với sự, đối với vật, phải vĩnh viễn giữ tấm lòng cảm ơn. Quý vị sẽ luôn gặp phải hủy báng, chướng ngại, thậm chí hãm hại, quý vị phải cảm ơn những người ấy. Vì sao? Họ đến khảo ta, ta đều có thể vượt qua, chẳng oán hận, chỉ cảm ơn. Vì lẽ gì họ chướng ngại ta như thế? Đại khái là do hai nguyên nhân: Một là trong đời quá khứ, có lẽ ta đã chướng ngại họ. Đây là oan oan tương báo. Nay chúng ta hiểu rõ, giác ngộ, tiếp nhận quả báo này, hóa giải oan nghiệt ấy. Ta chẳng trả thù họ, mà cũng đừng nên oán hận họ. Một nguyên nhân khác là từ xưa đến nay, đây là điều chẳng thể tránh khỏi. Bị đổ ky, chướng ngại là do bản thân chúng ta cư xử chẳng cẩn thận, thái độ chẳng khiêm tốn, khiến kẻ khác sanh lòng ghen ghét. Đó là ta sai, chẳng phải kẻ ấy sai, chúng ta cũng phải cảm ơn kẻ ấy. Trong Phật pháp, nơi đâu hữu duyên bèn đến đó, hữu duyên được gọi là “*thời tiết nhân duyên*”. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Nhân vô thiên nhật hảo, hoa vô bách nhật hương*” (người chẳng tốt đẹp ngàn ngày, hoa chẳng thơm trăm bữa). Người và người ở chung với nhau, có thể ở chung ba năm, quý vị bèn chán ngán, nảy sanh vấn đề. Chúng ta phải biết dè dặt, cẩn thận trong khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi, phải lấy những lời chỉ dạy của Phật, Bồ Tát, thánh hiền làm tiêu chuẩn ứng xử cho chúng ta, nghiêm ngặt tuân thủ, chắc chắn sẽ có ích. Đối với những kẻ thương tổn chúng ta, chúng ta dùng tâm tình báo ân để đối đãi, lâu ngày họ sẽ biết, biết rồi cũng sẽ hối cải, nhưng như thế nào? Nói xin lỗi là vấn đề thể diện! Chúng ta biết điều ấy, trong tâm kẻ ấy chẳng còn oán hận chúng ta, hóa giải rồi. Quý vị nói xem chuyện này có vui sướng lắm hay không, là chuyện tốt đẹp như thế đó!

Bởi lẽ, trong thế gian hiện tại, oan oan tương báo quá nhiều, vì lẽ gì? Quý vị đối xử với người khác, chẳng ban bố ân đức, khó tránh kết oán với người khác. Nay vì sao con hiếu cháu hiền ít ỏi, quý vị ngẫm xem chính mình có bố thí ân đức đối với người ngoài

hay chẳng? Bồ thí ân đức mới có kẻ báo ân tìm đến. Bồ thí tài vật mới có người tới trả nợ. Luôn luôn toan chiếm phần tiện nghi hơn người, đó là gì? Con cháu của quý vị là kẻ đến đòi nợ. Đâu đâu cũng ngạo nghễ, lấn áp người khác, như vậy là sẽ có kẻ tới báo oán. Phiền phức ở chỗ này. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, đều là “tự làm, tự chịu”. Mọi người đều là người tốt, tổ tiên dạy chúng ta “*nhân tánh bản thiện*” (tánh con người vốn lành), Đại Thừa Phật pháp dạy chúng ta “*tất cả chúng sanh vốn là Phật*”, chúng ta thấy người khác như thế nào? Chúng ta phải thấy người khác, hết thấy chúng sanh đều là Bồ Tát, đều là Phật, thật đấy, chẳng giả đâu! Vì sao Thiện Tài chúng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn trong một đời? Xưa kia, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, cũng bỏ ra không ít thời gian; đáng tiếc là khi ấy ngay cả máy thu âm cũng chưa có. Tôi giảng kinh được một nửa bèn hiểu rõ, biết bí quyết thành tựu của Ngài chính là: Trong lòng Ngài, chúng sanh toàn là thiện tri thức, toàn là Phật, Bồ Tát, cho nên Ngài thành tựu. Tôi quan sát cẩn thận, tìm ra thông tin này từ kinh điển: Thầy của Ngài là Văn Thù Bồ Tát. Ngài đắc Căn Bản Trí nơi Văn Thù Bồ Tát, mà cũng là đắc thanh tịnh tâm, đại triệt đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu, khởi tu là gì? Khởi tu là sống. Văn Thù Bồ Tát bảo Ngài đi tham học, năm mươi ba lần tham học, tham học là gì? Tiếp xúc các tầng lớp trong xã hội, hết thấy mọi người mà quý vị tiếp xúc từ sáng đến tối toàn là Phật, toàn là Bồ Tát, chỉ có một mình ta là phàm phu. Ngài mang tâm thái như vậy, áp dụng toàn bộ những điều đã học từ chỗ thầy vào cuộc sống, áp dụng trong công việc, áp dụng trong xử sự, đãi người, tiếp vật.

Khi thầy Phương giới thiệu kinh Hoa Nghiêm, đã bảo tôi: Kinh Hoa Nghiêm có lý luận viên mãn, có phương pháp thiện xảo, cuối kinh lại còn có biểu diễn. Năm mươi ba lần tham học là biểu diễn, quý vị thấy: Đem đạo lý và phương pháp áp dụng vào cuộc sống, công tác, vào xử sự, đối nhân xử thế cho quý vị thấy. Cụ nói bộ sách giáo khoa này, cụ quan niệm kinh Hoa Nghiêm là Phật học khái luận bậc nhất trên thế giới, tìm chẳng ra loại tài liệu giảng dạy thứ hai nào tốt đẹp như thế. Vì thế, vào tuổi xế chiều, lão nhân gia dạy Triết Học Hoa Nghiêm cho chương trình tiến sĩ ở đại học Phụ Nhân (đại học của giáo hội Công Giáo) đúng là thỏa thích. Chúng tôi được thầy chỉ dạy, mới biết Phật pháp thù thắng khôn sánh. Phật pháp quả thật có thể giải quyết vấn đề của chính mình. Bản thân tôi có rất nhiều vấn đề, trong đời quá khứ chẳng tu phước báo. Số mạng có thật! Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, thấy tiên sinh Liễu Phàm được Khổng tiên sinh đoán mạng, suốt hai mươi năm chẳng sai mảy may: Thu nhập hàng năm, thứ tự đỗ đạt, địa vị đẳng cấp mỗi năm đã định trước trong số mạng. Trong cuộc sống hằng ngày, tiên sinh Viên Liễu Phàm chuyện gì cũng chẳng nghĩ tới, cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong Thiền Đường suốt ba ngày ba đêm, chẳng khởi một niệm. Loại người này rất ít, thiền sư Vân Cốc rất kinh ngạc, ba ngày ba đêm chẳng khởi một niệm, công phu này khá lắm! Liên hỏi ông ta: “Ông tu như thế nào?” Ông ta liền đáp lời, cũng rất thật thà: “Con chẳng có công phu gì! Số mạng đã được người khác đoán sẵn, khởi niệm vô ích, chẳng thà coi

như xong, chẳng khởi niệm nữa!” Thiền sư Vân Cốc cười, bảo: “Ta ngỡ ông là thánh nhân, hóa ra ông vẫn là phàm phu”. Ông ta hỏi: “Sao thầy nói vậy?” Sư bèn giải thích. Đây là một người thật sự hiểu mạng vận, chẳng khởi vọng tưởng. Quý vị tin vào số mạng, hãy xem thiền sư Vân Cốc dạy ông Viên phương pháp sửa đổi số mạng. Số mạng của quý vị do đâu mà có? Do [các nghiệp nhân] trong đời quá khứ tạo thành.

Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi; Ngài đã già, lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi, khi ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, lão nhân gia đã sáu mươi lăm tuổi. Sư đã gặp nhiều người. [Theo Sư nhận định], con người tôi ngoại trừ có chút thông minh nhỏ nhặt, trong số mạng chẳng có của cải, chẳng có địa vị, là kẻ bần tiện, có số ăn mày! Còn có một tí thiện căn, đây là điểm khó có: Biết tôn sư trọng đạo, hiếu thuận cha mẹ, thọ mạng chỉ được bốn mươi lăm tuổi, tôi tin tưởng [lời Sư]. Vì thế, Ngài giúp tôi, dạy tôi tu ba điều: Tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí, dạy tôi những điều này để sửa đổi số mạng. Tài bố thí thì tôi không có tiền, mỗi tháng bản thân chỉ có chút tiền lương, đời sống khá chật vật, tiền đâu để bố thí? Ngài hỏi tôi: Có các nào hay không? Một các cũng được! Một đồng có được hay không? Một đồng vẫn được! Anh hãy bố thí từ một các, một đồng, trước hết, phải có ý nguyện bố thí, có ý niệm ấy. Về sau, tôi thường đến chùa miếu mượn kinh xem, chẳng có chi khác, chùa miếu có kinh sách, mua bên ngoài chẳng được. Thấy nhà chùa in kinh sách, bèn quyên góp một ít tiền, chúng ta bỏ ra năm mươi xu, hay một đồng đều được, làm từ chỗ này. Phóng sanh thì lúc tôi mới học Phật bèn phóng sanh, in kinh, đúng là càng thí càng nhiều, chẳng giả tí nào! Sau này, theo thầy Lý học kinh giáo, rồi đi giảng kinh. Giảng kinh là pháp bố thí. Đại khái, tôi giảng kinh mười một, mười hai năm, có lần gặp Cam Châu Hoạt Phật (Kanjurwa Khutughtu), vị này đã khuất, cũng là học trò của Chương Gia đại sư, cũng có địa vị rất cao trong Phật giáo theo truyền thống Tây Tạng. Có một lần, Sư cho tôi biết: “Pháp sư Tịnh Không, thầy đến đây, tôi có lời muốn nói với thầy”. Tôi nói: “Thưa Phật gia, chuyện gì thế?” Tôi và Sư rất thân thuộc. Sư nói: “Chúng tôi phê bình sau lưng thầy”. Tôi hỏi: “Phê bình tôi điều gì?” Sư nói: “Thầy là người rất thông minh, cũng là một người tốt, rất đáng tiếc mạng thầy rất khổ, đoản mạng”. Tôi đáp: “Chuyện này có thể nói trước mặt mà! Tôi biết rất rõ, tôi đâu bận tâm chuyện này”. Sư nói: “Mấy năm nay, thầy giảng kinh công đức rất lớn, số mạng của thầy đã chuyển biến”. Tôi hỏi: “Thật sao?” “Thật đó! Thầy thọ mạng rất dài, phước báo rất lớn”. Tôi cũng chẳng cầu phước báo, cũng chẳng cầu tuổi thọ, thật đấy! Sư nói với tôi chuyện này xong, năm sau bèn vãng sanh, tôi không ngờ Sư vãng sanh nhanh như vậy!

Vì thế, gặp được Phật pháp, vận mạng mới chuyển biến rất lớn, mỗi một lần bị vùi dập là một lần được tiến triển với mức độ lớn, đồng học ở cạnh tôi đều đích thân thấy điều này. Chúng ta học Phật chỉ có một sứ mạng: Mong cho chánh pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật tồn tại lâu dài, học đời Thích Ca Mâu Ni Phật giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ. Phá mê khai ngộ bằng giáo học. Con người khổ nạn, xã hội gặp tai nạn là vì

đâu? Đều do chúng sanh mê hoặc, điên đảo, tạo tác nghiệp bất thiện mà cảm vời. Làm thế nào để giúp chúng sanh, giúp xã hội hóa giải tai nạn? Dùng ngay biện pháp quen thuộc của Thích Ca Mâu Ni Phật, giảng kinh, dạy học. Bởi lẽ, người giảng kinh dạy học càng đông, kẻ được giáo hóa càng nhiều, người giác ngộ càng lắm, nhiều vấn đề trong xã hội sẽ được giải quyết, cái gọi là “thiên tai” cũng dần dần bị hóa giải, chuyện này là thật, chẳng giả! Tiến sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm trên nước, mới đây đã triệu tập một hội nghị tại Đông Kinh, có mời tôi. Tôi viết một bài diễn giảng, giao cho cư sĩ Chung Mậu Sâm thay tôi tham dự, báo cáo trong đại hội. Khoa học chứng minh ý niệm của chúng ta chẳng thể nghĩ bàn. Bởi lẽ, theo giáo pháp Đại Thừa, vũ trụ do đâu mà có? Vạn pháp do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Đức Phật nói rất rõ ràng: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Vì thế, chúng ta giải quyết vấn đề của chính mình, sẽ giải quyết vấn đề nơi hoàn cảnh. Đối với thiên tai trong môi trường hiện thời, Phật pháp đã dạy chúng ta một nguyên tắc chỉ đạo tối cao, tức là quý vị phải thật sự hiểu: “*Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm*”. Chỉ cần chuyển biến cái tâm. Giáo học của Phật pháp không có gì khác, dạy bảo chúng ta hãy chuyển ác thành thiện, [thiện, ác] có tiêu chuẩn. Thập Thiện Nghiệp Đạo là tiêu chuẩn trong nhà Phật. Quý vị đừng coi thường mười điều này. Trong giáo pháp Tiểu Thừa, mười điều ấy được triển khai thành ba ngàn oai nghi; trong Đại Thừa Bồ Tát pháp, triển khai thành tám vạn bốn ngàn oai nghi, tức là mười điều này mở rộng thành tám vạn bốn ngàn điều, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, tu Thập Thiện viên mãn thì tám vạn bốn ngàn điều quý vị đều thực hiện, quý vị sẽ thành Phật!

Đừng coi thường một trăm mười ba điều trong cuốn Đệ Tử Quy của Nho gia! Nếu triển khai thì chúng cũng thành tám vạn bốn ngàn điều, toàn bộ văn hóa truyền thống được thực hiện ngay trong đó. Do vậy, Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, thậm chí Tứ Khố Toàn Thư đều chẳng tách rời [những điều ấy]; mỗi một điều đều chẳng tách rời, đều giống với Thập Thiện Nghiệp Đạo. Mỗi một bộ kinh, mỗi một câu, mỗi một chữ trong Đại Tạng Kinh đều chẳng tách lìa Thập Thiện Nghiệp Đạo, một tức hết thấy, hết thấy tức một. Cũng vì hiện thời đúng là lúc tai nạn rất nhiều, cho nên tôi phát tâm tạm ngừng giảng kinh Hoa Nghiêm từ một năm tới hai năm để lần này giảng bộ kinh này. Trong quá khứ, tôi đã giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lần, nhưng lần này, tôi chẳng giảng kinh mà giảng chú giải, giảng chú giải của ai? Giảng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Hoàng lão cư sĩ với tôi là bạn bè, mà cụ cũng là thầy của tôi. Cụ có cùng vai vế với thầy tôi. Lão cư sĩ Lý Bình Nam là học trò của đại sĩ Mai Quang Hy. Mai đại sĩ và cụ Hạ Liên Cư là sư huynh, sư đệ, bạn bè hết sức thân thiết. Cụ Hoàng Niệm Tổ là cháu gọi cụ Mai Quang Hy bằng cậu, là học trò cụ Hạ Liên Cư. Do trước kia chưa từng gặp mặt, nhưng tôi từng nghe cụ Lý nhắc đến tên cụ Hoàng, có chút ấn tượng như thế đối với cụ Hoàng Niệm Tổ. Thuở ấy, năm 1986, tôi là hội trưởng của Hoa Phủ Phật Giáo Hội tại Washington, Mỹ quốc. Các đồng tu tới bảo tôi: Họ tính mời một vị thượng sư Mật Tông sang Mỹ hoằng pháp. Khi đó, tôi nghe xong, không cho là đúng: “Chúng ta là Tịnh Độ

Tông, chớ nên dính dáng môn phái khác!” Tôi nói: “Chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu”. Tôi hỏi họ: “Vị đại đức Mật Tông ấy là ai thế?” Họ thưa: “Hoàng Niệm Tổ”. Trong đầu tôi có ấn tượng về Hoàng Niệm Tổ, tôi nghĩ mãi mới ra, tôi hỏi: “Có phải ông ta là cháu cụ Mai Quang Hy hay chăng?” Họ đáp: “Đúng vậy”. Tôi bảo: “Hãy thỉnh ông ta sang”. Thầy Lý đã nói đến vị này mấy lần, tôi tưởng cụ là người lớp trước, đã tịch rồi, [nào ngờ] cụ vẫn còn trong nhân gian, rất khó có! Những điều cụ giảng là chân truyền, không có vấn đề gì! Vị này được đích thân cụ Mai và cụ Hạ uốn nắn, dạy dỗ, tôi nói: “Vị đại đức này khó có, quý vị hãy thỉnh cụ đến đây”. Thỉnh cụ đến như thế đó.

Thỉnh đến rồi mới biết, cụ hoàng dương bản hội tập này trong nước, tôi hoàng dương tại hải ngoại. Cụ nghe nói xong, hai người chúng tôi hết sức cao hứng. Điều hết sức khó có là khi ấy, cụ vừa viết xong bản chú giải, in bằng ronéo, chữ in mờ, chẳng rõ ràng. Chúng ta biết: In thứ gì bằng ronéo, nhiều nhất là không hơn một trăm bản. In hơn một trăm bản, giấy sếp (stencil) sẽ chẳng thể dùng được nữa. Cho nên cụ mới phải dùng bản in như vậy. Đương nhiên, bộ sách cụ mang sang Mỹ, nhất định là chọn bản in tương đối rõ ràng một chút để tặng cho tôi; tôi đọc xong, hết sức hoan hỷ. Cụ mong tôi viết lời tựa, do vậy, lời tựa [bộ chú giải ấy] là do tôi viết. Trước kia, tôi sang Bắc Kinh, sang vài lần, toàn là đến gặp cụ, vì gặp cụ mà sang đó. Mỗi một lần sang đó, chúng tôi đều có một khoảng thời gian rất dài để thảo luận các vấn đề Phật pháp. Cụ dạy tôi rất nhiều; do vậy, chúng tôi là bạn bè thân thiết, mà cụ cũng là thầy tôi, tôi cũng cảm kích ân đức của cụ. Bản hội tập này của cụ Hạ đâu phải là dễ có, phàm phu làm sao có thể làm được! Các lần hội tập trong quá khứ, [các bản hội tập của] Vương Long Thư, Ngụy Mặc Thâm, hay tiết bản (bản trích lục, phân chia thành chương đoạn) của Bành Tế Thanh đều có vấn đề, vẫn chưa thể coi là bản tận thiện tận mỹ. Đọc bản này, nếu quý vị xem lời tựa rất dài của cư sĩ Mai Quang Hy, [sẽ thấy cụ Mai] viết hết sức rõ ràng. Do vậy, ở Đài Trung, sau khi bản này truyền đến Đài Trung, thầy Lý đã giảng kinh này một lượt. Khi ấy, kinh chưa có chú giải, chính cụ Lý dùng bút lông viết lời mi chú^{3[3]} kỹ càng, đầy đủ. Khi cụ giảng bộ kinh này, tôi còn chưa đến Đài Trung, chưa được nghe, nhưng cụ đem bản mi chú này trao cho tôi, tôi có thể đọc hiểu; dùng bản này, tôi cũng có thể giảng, có năng lực này. Do vậy, khi đó, chúng tôi đã tính giảng bộ kinh này, trình lên thầy. Thầy bảo chưa được, chưa đến lúc, chưa đến thời tiết nhân duyên. Vì thế, các đồng tu ở Đài Bắc đã in kinh xong, nhưng rút cuộc đổi sang giảng kinh Lăng Nghiêm; tôi ở Đài Bắc, trước sau đã đem kinh Lăng Nghiêm học được từ lão nhân gia giảng bảy lần.

Do nguyên nhân gì? Đổ ky, chương ngại. Tại Đài Loan, mọi người có thành kiến đối với cụ Hạ, đối với thầy Lý cũng có thành kiến, nên thầy bảo tôi hãy tránh né. Đến khi lão

3[3] Mi chú là viết lời chú thích ở đầu mỗi trang.

nhân gia vãng sanh, tôi ở Mỹ, nghĩ thầy đã cho tôi bản này, rất nhiều người chưa thấy bản này, tôi liền phát tâm in một vạn cuốn. Năm sau, tức năm 1987, in xong xuôi, bèn cho lưu thông, tại ngoại quốc, các đồng học ở Mỹ thấy bản này hết sức thích thú, liền thỉnh tôi giảng giải. Vì thế, tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ lần đầu tiên tại Vancouver, Gia Nã Đại. Lần thứ hai, tại thành phố San Francisco. Trước sau, giảng tất cả mười lần, kinh mới được giảng giải, lưu thông như vậy. Lần này tôi mang theo nguyên bản kinh này, tặng cho ông Hồ Tiểu Lâm làm kỷ niệm. Ông ta cũng thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, số lần đọc tụng rất nhiều. Từ nay về sau, chúng ta phải vĩnh viễn lưu truyền kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta cảm tạ ân đức hội tập của cụ Hạ, cảm tạ cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nhọc lòng chú giải bộ kinh này. Vì thế, lần này, tôi phát tâm giảng bản chú giải của cụ, gọi là Diễn Nghĩa. Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm có Diễn Nghĩa, đối với kinh Di Đà, Liên Trì đại sư có tác phẩm Sớ Sao. Học trò của Liên Trì đại sư lại chú giải Sớ Sao gọi là Diễn Nghĩa. Đại khái, đối với diễn nghĩa, các vị có khái niệm sâu nhất, như là tiểu thuyết Tam Quốc Diễn Nghĩa. Chúng ta dùng phương pháp này để cùng nhau học tập, học tập nhằm thâm nhập, thấu triệt, theo phương pháp giống như ông Hồ Tiểu Lâm học tập tác phẩm [Tu Hoa Nghiêm Áo Chi] Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, từng câu, từng chữ chúng tôi đều giảng rõ ràng.

Trong những năm qua, chúng tôi gặp nhiều người thuộc giới học thuật, tôi tiếp xúc rất nhiều, đặc biệt là đối với sinh viên đại học hiện thời, cảm thấy họ không giống thuở trước. Xưa kia, khi tôi dạy tại đại học, sinh viên kể ra cũng khá lắm. Khi lên lớp, chúng tôi đã không theo cách dạy thời cổ, mà là giảng giải, giảng hai tiếng đồng hồ, sinh viên thường rất yên lặng lắng nghe. Trong nhà trường hiện thời, không thể làm như vậy được! Sức chú ý của học sinh trong nhà trường hiện thời đại khái chỉ có mười lăm phút. Sau mười lăm phút, họ sẽ không để tâm nữa. Do vậy, tôi thường đem chuyện này hỏi các giáo sư: “Quý vị dạy trong trường, dạy như thế nào?” Họ nói: “Giảng bài mười lăm phút”. Sau đó thì sao? Sau đó là nói chuyện phiếm, dùng phương pháp này cho qua thời gian. Chúng tôi thấy điều này hết sức khó chịu, cũng là do học sinh tánh khí hời hợt. Nói cách khác, đời chúng nó thiếu mục tiêu, thiếu phương hướng, mù quáng, hiện tượng này rất đau xót. Bởi vậy, tôi nghĩ tới hai câu nói của Khổng phu tử, hôm nay tôi đặc biệt nêu ra hai câu này: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*”. Dùng hai câu nói này làm thái độ học vấn, rất hay! “*Thuật nhi bất tác*” là gì? Không sáng tạo, không phát minh. Phu tử tự nói sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền cả đời Ngài toàn là những thứ do cổ thánh tiên hiền đã nói, không có gì là của chính mình! Chúng ta có tin được hay chẳng? Tôi học Phật nhiều năm như thế mới tin tưởng, đặc biệt là đối với những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm và bộ Hoàn Nguyên Quán, vì sao? Cổ thánh tiên hiền đều kiến tánh, thật sự minh tâm kiến tánh. Tôi từng hỏi thầy Lý, tôi nói: “Thưa thầy! Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Trang có phải là Phật, Bồ Tát tái lai hay chẳng?” Thầy mỉm cười, bảo tôi: “*Nói theo Lý thì được, nhưng trên mặt Sự thiếu chứng cứ*”. Phạm Phổ Môn nói “*nên dùng thân gì để*

đắc độ bèn hiện thân ấy”, nhưng họ chẳng bộc lộ thân phận. Vì thế, chúng ta có thể nói theo Lý thì thông suốt, họ đều là bậc đại triết đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Kiến tánh sẽ viên mãn, quý vị chẳng thể thêm hay bớt chút nào, luôn là viên mãn. Người ấy chứng viên mãn, mà quý vị minh tâm kiến tánh cũng chứng viên mãn. Do vậy, hai chữ Như Lai có một cách giải thích: *“Như Lai giả, kim Phật như cổ Phật chi tái lai”* (Như Lai là Phật hiện tại giống như cổ Phật trở lại), giống như nhau, cho nên nói: *“Những điều ta nói đều giống như cổ nhân đã nói”*. Đúng vậy, chẳng sai tí nào! Tự - Tha bất nhị. Vì vậy, đùn trách nhiệm cho lời cổ nhân nói, chính mình chẳng có sáng tạo, phát minh, đó là khiêm hư. Bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, khiêm hư là bậc nhất. Quý vị thấy trong sáu mươi bốn quẻ [của kinh Dịch] có câu: *“Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích”* (Tự mãn sẽ chuốc lấy tổn hại, khiêm tốn được lợi ích). Trong sáu mươi bốn quẻ, chỉ có quẻ Khiêm là *“lục hào giai cát”* (sáu hào⁴[4] đều tốt lành). Tâm con người hiện thời hời hợt, bộp chộp, chẳng khiêm hư; do vậy, chẳng những không thể tiếp nhận thánh giáo, mà học thuật thế gian cũng chẳng thể thành tựu. Hiện tại, tìm chẳng ra những nhà văn học giống như thời Đường, Tống, Nguyên, Minh. Vì thế, *“thuật nhi bất tác”* rất quan trọng! *“Tín nhi hiếu cổ”*: Đối với những trước tác của cổ nhân, thành tâm tin tưởng, một chút hoài nghi cũng chẳng có. Ưa chuộng cổ nhân, vui thích những giáo huấn của cổ nhân, những thứ ấy đã trải qua bao nhiêu thử thách, chịu đựng nổi khảo nghiệm, bị thời gian lẫn con người khảo nghiệm mà vẫn có thể lưu truyền tới nay, chúng tỏ chúng có giá trị, chúng ta phải tôn trọng, nghiêm túc, nỗ lực học tập. Quý vị thấy Phật pháp nói theo Lý rất đơn giản, chúng sanh và Phật chẳng khác, khác nhau ở chỗ nào? Mê hay ngộ. Phật, Bồ Tát đã giác ngộ, chúng sanh chưa giác ngộ, mê rồi! Do vậy, Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh, giúp gì? Giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ *“vọng tận, hoàn nguyên”* (hết vọng, trở về nguồn), đây là giáo dục. Giúp họ hoàn nguyên, giúp họ chứng đắc Bồ Tát, chúng đắc Phật, có công đức hay không? Chẳng có công đức. Vì sao? Họ vốn là Phật, vốn là Bồ Tát. Giác ấy là Bản Giác, Bản Giác vốn có.

Quý vị mới biết những bậc đại thánh đại hiền giúp người, tâm địa thanh tịnh lắm, thật sự chẳng nhiễm mây trần, chẳng có vọng niệm nào. Nếu tôi giúp quý vị như thế là có ân đối với quý vị. Đây là vọng niệm, không có [vọng niệm ấy]! Chẳng có mây may nào! Cho nên các Ngài thanh tịnh, tự tại, chúng ta nhất định phải hiểu điều này! Hiện thời, con

4[4] - *“Hào là một vạch liền hay đứt, mỗi một quẻ trong kinh Dịch gồm sáu vạch, tức là hai quẻ đơn chồng lên nhau. Quẻ Khiêm có tên gọi đầy đủ là Địa Sơn Khiêm, gồm quẻ Khôn chồng lên quẻ Cấn, phần Hào Từ (giải thích ý nghĩa của mỗi Hào trong một quẻ) đều giải thích cả sáu Hào của quẻ Khôn với ý nghĩa tốt đẹp, cả sáu câu đều có chữ Cát. Chẳng hạn, hào thứ nhất được giải thích như sau: “Khiêm khiêm quân tử, dụng thiệp đại xuyên, Cát”. Theo các nhà chú giải, câu này phải hiểu là: Bậc quân tử khiêm tốn, có trí tuệ, nên có thể tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, giống như có chiếc thuyền vững chãi có thể vượt sông to sóng cả an toàn, nên bảo là tốt lành.”*

người hiểu lầm Phật giáo rất sâu, khi chúng ta giảng giải, phải đặc biệt giảng rõ ràng. Người Ấn Độ nói Phật, người Hán nói “thánh nhân”. Phật nghĩa là gì? Nghĩa là giác ngộ. Thánh (聖) là gì? Thánh có nghĩa là hiểu rõ! Hiểu rõ chẳng phải là giác ngộ ư? Giác ngộ chẳng phải là hiểu rõ ư? Bởi lẽ, Tự - Tha là một, chẳng hai. Chúng ta xưng tụng Không Tử là Chí Thánh Tiên Sư, chúng ta cũng có thể xưng tụng Phật giống như vậy: “*Chí Thánh Bốn Sư*”. Dùng cách xưng hô như vậy, mọi người sẽ chẳng cảm thấy mê hoặc, sẽ không nói Phật giáo là tôn giáo. Chí Thánh Bốn Sư, về căn bản là một bậc thầy. Các Ngài đều dạy chúng ta “*thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*”. Hai câu nói này của Không Tử được chép trong sách Luận Ngữ, còn hai câu này của Phật được ghi ở nơi đâu? Trong kinh Hoa Nghiêm, [tức là trong lời giảng về] tựa đề của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư bảo đức Phật còn nói viên mãn hơn Không Tử. Ngài nói đức Thế Tôn từng bảo hết thầy các kinh do lão nhân gia đã nói trong bốn mươi chín năm đều do cổ Phật đã nói; đối với các kinh do cổ Phật đã nói, đức Phật chẳng nói thêm một chữ nào, “*thuật nhi bất tác*”, Ngài nói đến mức độ ấy, đúng hay không? Đúng! Vì sao? Phật hiện tại và cổ Phật chẳng khác, sở chứng của Phật hiện tại là sở chứng của cổ Phật, sở thuật của Phật hiện tại là sở thuật của cổ Phật, chẳng khác nhau!

Như vậy thì chúng ta thực hiện hai câu này ra sao? Thực hiện trong lần này. Đây là lần thứ mười một tôi giảng bộ kinh này, dùng Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa, hoàn toàn dựa theo bản chú giải của thầy Hoàng Niệm Tổ. Chúng ta báo ân, báo ân cụ Hạ đã vì chúng ta hội tập một bộ sách viên mãn như vậy, hy hữu khó gặp gỡ! Tôi tin cụ Hạ chẳng phải là người thường, mà là bậc tái lai. Tôi từng hỏi cụ Hoàng. Cụ Hoàng khẽ gật đầu, bảo: “Chớ nên nói điều này với người ngoài”. Chúng tôi biết, trong tâm hiểu rõ: Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng không phải là người tầm thường, trong hoàn cảnh khó khăn như thế mà viết ra một bộ chú giải như vậy, quá khó có! Suu tập lắm tài liệu như thế. Tôi đã đến nhà cụ vài lần, thấy các tài liệu chất đống trong thư phòng. Quả thật là Tam Bảo gia trì, gần như cụ nghĩ đến thứ gì, đều có người tặng cho. Người tầm thường có thể được như vậy hay chẳng? Bộ kinh hay như thế, bản chú giải tuyệt như thế, nếu chúng ta chẳng sốt sắng học tập, sao chẳng phụ lòng cụ Hạ? Sao chẳng khiến cụ Hoàng thất vọng? Sao khỏi phụ lòng Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này? Báo ân Phật, báo ân thầy, báo ân quốc gia, báo ân chúng sanh, chúng ta dùng phương pháp diễn nghĩa này cũng là nghiêm túc, cẩn thận học tập. Đó là nhân duyên giảng kinh lần này. Trong thời đại này, phương thức báo ân cụ thể là phải dùng phương pháp này, chúng tôi làm trước tiên. Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tập tới đây. Ngày mai, chúng ta sẽ bắt đầu học từ phần Tiên Ngôn (lời mở đầu). À! Cám ơn mọi người.

Tập 02

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngài xuống. Xin hãy xem Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải.

Ba chữ Hội Tập Bản chẳng cần đến, từ Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải bèn có thể hiểu rõ. Chúng ta dùng bản này do lão cư sĩ Hạ Liên Cư ở huyện Vận Thành, tỉnh Sơn Đông hội tập, người chú giải là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Cụ Hoàng cũng là một vị Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông. Chú giải có tất cả bốn quyển, nay chúng ta in thành một tập. Bản quý vị vừa xem, tức là bản tôi đang cầm đây được chỉnh lý vào năm ngoái. Bản này được lưu thông rất nhiều, trong ngoài nước, hồi mười năm trước, chúng tôi in lần đầu một vạn bản. Sau này, gần như hàng năm đều có số lượng bản in tương đương được lưu thông. Xin xem quyển thứ nhất. Chúng ta học tập lần này, hoàn toàn học tập bản chú giải của cụ Hoàng. Chúng ta báo đáp vị lão nhân này lúc tuổi già đã một phen khổ tâm, kể thừa hồng nguyện của thầy, mong muốn Tịnh Tông được vĩnh viễn truyền thừa. Trong ngày hôm qua, chúng tôi đã báo cáo nhân duyên này với quý vị.

Hôm nay chúng ta xem quyển thứ nhất. *“Tùng tiền ngôn, khái yếu, chỉ chánh thích kinh văn đệ nhất phẩm chỉ đệ tam phẩm”* (Từ lời nói đầu, phần khái yếu cho tới phần giải thích chánh kinh từ phẩm thứ nhất tới phẩm thứ ba), cho biết nội dung quyển thứ nhất là giảng đến phẩm thứ ba [của chánh kinh]. Cả bộ kinh có bốn mươi tám phẩm. Trước hết, chúng ta xem phần thứ nhất là Tiền Ngôn (lời nói đầu). *“Phù Tịnh Độ pháp môn giả, nãi Nhất Thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy, tam căn phổ bị, phàm thánh tề thâm, hoành siêu tam giới, kính đấng tứ độ, cực viên cực đốn, bất khả tư nghị chi vi diệu pháp môn dã”* (Pháp môn Tịnh Độ là Nhất Thừa liễu nghĩa, muôn điều thiện cùng quy vào, độ khắp ba căn, phàm lẫn thánh đều được tiếp độ, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, mau chóng vượt lên bốn cõi, cực viên, cực đốn, là pháp môn vi diệu chẳng thể nghĩ bàn). Đoạn mở đầu này là một tiểu đoạn nhằm tán thán Tịnh Độ, tán thán Tịnh Độ đến tột bậc. Có đúng là như vậy hay chẳng? Phật Thích Ca giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, trong bốn mươi chín năm nói rất nhiều kinh, bộ kinh nào trọng yếu nhất, kinh nào là kinh bậc nhất? Chúng ta nghĩ như vậy, chẳng biết cổ nhân đã sớm có cách nói như vậy. Trong thời đại Tùy - Đường, các vị đại đức phương Đông lẫn phương Tây, phương Đông là những cao tăng, tổ sư đại đức Trung Quốc, phương Tây là các vị đại sư

từ Ấn Độ sang phương Đông truyền đạo, dịch kinh. Trong đó, còn bao gồm các đại đức Nhật Bản hay Hàn Quốc tới học ở Trung Quốc. Sau đó, họ trở về nước, đều thành bậc tông sư trong nước mình, như mười ba tông phái của Nhật Bản^{5[5]} đều từ Trung Quốc truyền sang. Đi về phương Nam còn bao gồm Việt Nam; do vậy, Phật giáo Việt Nam cũng từ Trung Quốc truyền sang. Thuở ấy, có tổ sư đại đức nêu ra câu hỏi như thế này: Trong các bộ kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào có thể đại diện cho kinh giáo cả một đời đức Thế Tôn? Các vị đại đức gần như đều công nhận Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, mọi người công nhận. Bất luận tông, phái nào cũng đều thừa nhận. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm biến thành căn bản pháp luân trong Phật pháp, giống như một cây to, đây là cội, đây là rễ, tất cả các chi phái đều từ căn bản này mà phát triển ra. Lại truy cứu đến chỗ cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm là căn bản, chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Đây là khí tượng^{6[6]} như thế nào?

Bôn Sư của thế giới Hoa Tạng là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Văn Thù, Phổ Hiền giúp Tỳ Lô Giá Na Phật giáo hóa chúng sanh, họ là hai đại đệ tử thủ lãnh trong hàng đệ tử. Văn Thù chủ trì Giải Môn, tượng trưng cho trí huệ; Phổ Hiền chủ trì Hạnh Môn, tượng trưng cho tu chứng. Một đằng là Hạnh Môn, một đằng là Giải Môn. Đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ Tát, kinh Hoa Nghiêm lấy Thiện Tài đồng tử làm đại biểu, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Qua kinh điển, chúng ta thấy hai vị Bồ Tát này: Văn Thù là thầy của bảy vị Phật, học trò đều thành Phật, nhiều người đã thành Phật, lão nhân gia vẫn giữ thân phận Bồ Tát, vẫn phụng tá Tỳ Lô Giá Na Phật dạy dỗ hàng Pháp Thân đại sĩ, từ bi đến tột bậc! Đây gọi “*đạo giá Từ hàng*” (thả chiếc bè Từ). Ngài đã thành Phật, bèn lui xuống địa vị Bồ Tát, điều này có ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu. Phật dạy chúng sanh chẳng dễ, vì sao? Phật tượng trưng cho bản thể, tượng trưng Pháp Tánh. Pháp Tánh

5[5] Mười ba tông phái của Phật giáo Nhật Bản là 1) Hoa Nghiêm Tông (do Lương Biện sáng lập). 2) Thiên Đài Tông (do Tối Trùng sáng lập). 3) Pháp Tướng Tông (do Đạo Chiêu sáng lập). 4) Luật Tông (do Giám Chân sáng lập). 5) Lâm Tế Tông (do Vinh Tây sáng lập). 6) Tào Động Tông (do Đạo Nguyên và Oánh Sơn sáng lập). 7) Hoàng Bá Tông (do Ấn Nguyên Long Kỳ sáng lập). 8) Nhật Liên Tông (do Nhật Liên sáng lập). 9) Dung Thông Niệm Phật Tông (do Lương Nhẫn sáng lập). 10) Thời Tông (do Nhất Biến sáng lập). 11) Tịnh Độ Tông (do Pháp Nhiên sáng lập). 12) Tịnh Độ Chân Tông (do Thân Loan sáng lập). 13) Chân Ngôn Tông (do Không Hải sáng lập). Tuy có mười ba tông, nhưng nếu xét đến pháp môn hành trì và kinh điển chánh yếu làm chỗ y cứ thì chỉ có bảy tông là Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm Tông), Thiên Thai (Thiên Đài Tông, Nhật Liên Tông), Duy Thức (Pháp Tướng Tông), Luật Tông, Thiên Tông (Lâm Tế, Tào Động, Hoàng Bá), Tịnh Độ (Dung Thông Niệm Phật Tông, Thời Tông, Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Chân Tông) và Mật Tông (Chân Ngôn Tông).

6[6] – “*Chữ Khí Tượng ở đây không có nghĩa là thời tiết mà có nghĩa là bối cảnh, tình huống chung.*”

không có tướng, Pháp Tánh là gì? Pháp Tánh là Thường Tịch Quang. Chúng ta gọi cõi cao nhất trong bốn cõi Tịnh Độ là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, “*thường tịch*” chỉ Pháp Tánh. Thường Tịch Quang chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần; cả hai phương diện này đều chẳng bàn luận được, do không có cách nào, nên gọi nó là Thường Tịch Quang. “*Thường*” là vĩnh hằng bất biến, chữ Thường mang ý nghĩa này! “*Tịch*” là thanh tịnh tịch diệt. Quý vị thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã kiến tánh, câu nói đầu tiên là: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”, Tịch mang ý nghĩa này. Diệt là gì? Diệt là diệt hết thấy phiền não. Kinh Hoa Nghiêm gọi phiền não là “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”. Trong giáo pháp Đại Thừa, vọng tưởng được gọi là Vô Minh phiền não, hoặc gọi là Căn Bản Vô Minh, phân biệt được gọi là Trần Sa phiền não; kinh Đại Thừa gọi chấp trước là Kiến Tư phiền não. Danh xưng khác nhau, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Đối với những điều kinh Hoa Nghiêm đã nói, chúng ta hiểu dễ dàng, nhưng rất khó thể hiểu nổi ý nghĩa chân thật, chúng ta hiểu theo kiểu nuốt trôi quả táo. Do vậy, Căn Bản Vô Minh, Trần Sa, Kiến Tư như kinh Đại Thừa đã nói chẳng dễ hiểu cho lắm, nhưng giảng giải sẽ trở nên dễ lý giải hơn. Do vậy, chúng ta biết: Những danh từ thuật ngữ trong kinh giáo là bất định, đức Phật chẳng có pháp nhất định để nói. Do vậy, chúng ta “*y nghĩa, chẳng y ngữ*”, quý vị phải hiểu ý nghĩa của chúng, đừng chấp trước nơi ngôn ngữ, văn tự, danh tướng, đều chẳng cần chấp trước. Hiểu những ý nghĩa được tượng trưng bởi chúng là được rồi!

Do vậy, chúng ta học Phật, phải biết tư tưởng trung tâm trong giáo pháp suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật là gì? Là Tịnh Độ. Trong hội Hoa Nghiêm, ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền suất lãnh bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ của thế giới Hoa Tạng, từ Sơ Trụ Bồ Tát đến Thập Địa Bồ Tát, kể cả Đẳng Giác là bốn mươi một địa vị; Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa bốn mươi địa vị, thêm địa vị Đẳng Giác, là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, đến nơi đâu? Đến thế giới Cực Lạc, lễ bái A Di Đà Phật. Quý vị hãy suy ngẫm cảnh giới này, sẽ thấy Tỳ Lô Giá Na Phật có lòng độ lượng rất lớn! Nếu nói theo chúng ta hiện thời, chúng ta theo một vị thầy, nghiêm nhiên phát hiện một vị thầy tốt đẹp, bèn dẫn hết các đồng học sang chỗ vị thầy kia, trong lòng vị thầy này sẽ nghĩ như thế nào? Chẳng phải là rất khó chịu ư? Đó là phản thầy, nghịch đạo! Không những Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng phản đối, mà Tỳ Lô Giá Na Phật còn vui vẻ: “Tốt! Các quý vị sang đó hay lắm! Sang gặp A Di Đà Phật”. Vì sao? A Di Đà Phật và Tỳ Lô Giá Na Phật bất nhị, là một, chẳng hai. Vì sao sang thế giới Cực Lạc? Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật có phương tiện thiện xảo, giúp quý vị tu hành chứng quả, rút ngắn thời gian rất nhiều. Trong thế giới Hoa Tạng, chúng ta nói về bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, chúng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn phải mất thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói như thế này: Chẳng phải là tính từ hiện tại, chẳng phải vậy! Mà bắt đầu tính từ lúc quý vị minh tâm kiến tánh, chưa minh tâm kiến tánh chẳng tính! Minh tâm kiến tánh là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hay Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt

Giáo, bắt đầu tính từ ngày đó, cần thời gian dài ngàn ấy. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một ngày bèn viên mãn, đó gọi là gì? Niệm và kiếp viên dung chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, quý vị nói xem: Thế giới Cực Lạc rất thù thắng! Cho nên, cổ đại đức bảo: Khi truy cứu [đâu là] tột đỉnh của Phật pháp, từ Hoa Nghiêm chúng ta truy tới Vô Lượng Thọ, kinh Hoa Nghiêm tới cuối cùng trở về kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ chuyên giảng thế giới Cực Lạc.

Kinh Vô Lượng Thọ có chín bản, có thể nói bản này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư là bản hay nhất; trong năm bản dịch, bản này được coi là bản hoàn chỉnh nhất, đây là công trình tổng hợp hoàn thiện năm bản dịch gốc. Từ đời Tống trở đi, đã có người muốn làm chuyện này, Vương Long Thư hoàn thành đầu tiên. Trong phần sau, chúng tôi sẽ báo cáo tỉ mỉ. Ông ta hội tập khá lắm, nhưng vẫn có tỳ vết, chưa phải là tận thiện, tận mỹ. Về sau, trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm hội tập lần thứ hai, đương nhiên hay hơn bản của Vương Long Thư. Vương Long Thư chỉ đọc bốn bản dịch gốc, còn Ngụy Mặc Thâm xem trọn năm bản dịch gốc, hội tập cũng khá, nhưng vẫn chưa tận thiện, tận mỹ, trong ấy có vấn đề. Mãi cho tới cuối cùng, đầu thời Dân Quốc, lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập lần thứ ba. Rất lạ lùng, ba lần hội tập đều là tại gia cư sĩ, tại gia Bồ Tát, cho thấy pháp môn Tịnh Độ có duyên vô cùng thù thắng với kẻ tại gia, cho nên ba lần hội tập đều do hàng tại gia. Trong ấy, có nghĩa thú biểu thị pháp sâu xa, thành tựu thù thắng khôn sánh, trong những phần sau chúng ta sẽ thấy những điều này.

Mở đầu, cụ Hoàng giới thiệu với chúng ta, cụ bảo pháp môn này là Nhất Thừa Liễu Nghĩa. Kinh Nhất Thừa là gì? Chúng ta thường thấy Nhị Thừa, Nhị Thừa là Đại Thừa và Tiểu Thừa, đó gọi là Nhị Thừa. Tam Thừa là Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, và Bồ Tát Thừa, tức là tách Tiểu Thừa thành Thanh Văn và Duyên Giác. Thanh Văn là A La Hán, Duyên Giác là Bích Chi Phật. Tách [Tiểu Thừa] thành hai, Bích Chi Phật cao hơn A La Hán một chút. Đó là Tam Thừa. Trong kinh Pháp Hoa, đức Thế tôn đã nói rõ chư Phật Như Lai ứng hóa trong thế gian này để giáo hóa chúng sanh. Phẩm Phương Tiện của kinh Pháp Hoa có nói: *“Thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết”* (Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba, trừ Phật nói phương tiện). Bài kệ này hết sức trọng yếu, nói cách khác, đức Phật giảng Tam Thừa hay giảng Nhị Thừa là nói phương tiện; nói chân thật thì sao? Nói chân thật là pháp Nhất Thừa. Nhất Thừa là Phật thừa, nói cách khác, pháp môn này nhằm dạy người ta thành Phật, lại còn thành Phật ngay trong một đời; đó là pháp Nhất Thừa. Đại Thừa là thành Bồ Tát, trong một đời này, quý vị tu đến quả vị tối cao là Bồ Tát; đó là Đại Thừa. Nếu trong đời này, quý vị tu thành A La Hán hay tu thành Bích Chi Phật thì là Tiểu Thừa. Giống như chúng ta đi học, Nhất Thừa là gì? Nhất Thừa là lớp Tiến Sĩ nghiên cứu sinh. Trong đời này, quý vị đạt được học vị (degree) tối cao, Đại Thừa là lớp Thạc Sĩ (Cao Học, Master), Tiểu Thừa là Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor). Tốt nghiệp Đại Học là Học Sĩ. [Tam Thừa] là danh xưng của ba loại

học vị trong Phật môn, cần phải biết điều này! Pháp môn nào có thể chứng đắc Phật quả rốt ráo trong một đời sẽ gọi là Nhất Thừa, pháp môn ấy cũng là pháp môn Nhất Thừa, kinh ấy cũng là kinh Nhất Thừa.

Trước hết, chúng tôi giảng chữ Nhất Thừa theo cách giải thích thông thường trong kinh Phật: Thừa (乘) là ví như cỗ xe, cỗ nhân dùng xe làm tỷ dụ. Đại Thừa là cỗ xe lớn. Thời cổ, xe lớn là xe ngựa. Xe ngựa to, có thể ngồi được nhiều người. Tôi nhớ lúc nhỏ đi học tại Nam Kinh, đi học bằng xe ngựa, một cỗ xe ngựa chở được bao nhiêu học trò? Mười bốn đứa, ngồi xe ngựa đi học. Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, xe ngựa vẫn còn. Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, năm năm Dân Quốc 34 hay năm Dân Quốc 35 (1946), tôi học tại Nam Kinh, thuê ấy xe ngựa rất nhiều, xe bus không nhiều lắm. Tiểu Thừa là xe dê hay xe nai. Xe dê hay xe nai khá nhỏ, chỉ ngồi được một, hai người. Trong kinh Pháp Hoa, đức Phật dùng điều này làm tỷ dụ. “Thừa” có nghĩa là chuyên chở. “*Phật thuyết Nhất Thừa chi pháp, vị linh chúng sanh, y thử tu hành, xuất ly sanh tử khổ hải, vận chí Niết Bàn bỉ ngạn*” (Phật nói pháp Nhất Thừa để làm cho chúng sanh nương theo pháp này tu hành, thoát khỏi biển sanh tử, chở đến bờ Niết Bàn bên kia). Niết Bàn này là Niết Bàn rốt ráo. Niết Bàn của Tiểu Thừa cũng gọi là Niết Bàn, nhưng là Thiên Chân Niết Bàn. Tiểu Thừa thoát sanh tử là thoát khỏi sự sanh tử trong lục đạo luân hồi, cho nên họ chứng đắc Thiên Chân Niết Bàn. Đại Thừa lia hai thứ sanh tử: Loại thứ nhất là Phần Đoạn sanh tử, nay [thọ mạng của] chúng ta là từng thời kỳ, từng giai đoạn một. Loại thứ hai là Biến Dịch sanh tử. Biến Dịch sanh tử chẳng dễ hiểu. Ví như chúng ta đi học, chúng ta học lớp Một; học lớp Một xong, năm sau lên lớp Hai, lớp Một đã chết, lớp Hai bèn sanh, mang ý nghĩa này. Nói lên điều gì? Chúng ta đang đi trên đường Bồ Đề, bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Tiểu Thừa có tám địa vị, theo kinh Hoa Nghiêm, Đại Thừa có bốn mươi một địa vị. Quý vị tiến lên từng bước một, vừa rời khỏi địa vị dưới, lên địa vị trên, bèn gọi là Biến Dịch. Biến Dịch chẳng phải là sanh tử thật sự. Vì sao dùng [danh từ] sanh tử? Sanh tử khổ lắm! Quý vị leo lên một lớp cũng rất khổ cực, phải làm bài tập, chẳng dễ gì lên lớp. Do vậy, quý cũng phải ném những nỗi khổ sở, mới có thể tiến cao hơn. Quý vị thấy một người từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, học tới nghiên cứu sinh, cũng phải học mất hai mươi mấy năm. Quý vị phải hứng chịu rất nhiều khổ sở mới có thể giành được học vị; đó là Biến Dịch sanh tử. Từ A La Hán trở lên, đã thoát khỏi lục đạo. Trong lục đạo có cả hai loại [sanh tử], Biến Dịch cũng có, mà Phần Đoạn cũng có. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới có Biến Dịch, nhưng không có Phần Đoạn sanh tử. Trong lục đạo có nỗi khổ sanh tử, ngoài lục đạo chẳng có, nhưng có Biến Dịch. Tu hành cũng chẳng phải là chuyện rất dễ dàng, cũng phải nghiêm túc, nỗ lực, tinh tấn, lại còn phải buông xuống phân biệt, buông bỏ tập khí phân biệt, rồi buông vọng tưởng xuống. Buông vọng tưởng xuống, mười pháp giới chẳng còn, bèn đạt tới Nhất Chân pháp giới, đạt đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai.

Đức Thế Tôn đã có mục tiêu thật sự là mong cho hết thảy chúng sanh mau chóng thành Phật giống như Ngài; nhưng căn tánh của chúng sanh không giống nhau, mê hoặc có sâu hay cạn, tập khí khác nhau. Mê sâu, tập khí nặng, sẽ chẳng thể tiếp nhận pháp Đại Thừa, nên [đức Phật] bèn dùng pháp phương tiện. Ví như thầy và cha mẹ chúng ta đều mong chúng ta đạt được học vị Tiến Sĩ, nhưng học vị Tiến Sĩ chẳng dễ gì đạt được, làm cách nào đây? Mở trường học, lập ra Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nâng [trình độ của] quý vị lên từ từ. Trung Học, Tiểu Học, Đại Học đều là phương tiện quyền xảo, chương trình Tiến Sĩ mới là mục tiêu thật sự, đức Phật dạy học cũng giống như vậy. Quý vị thấy đức Thế Tôn sau khi giác ngộ dưới cội Bồ Đề, đại triệt, đại ngộ, thuật bày viên mãn cảnh giới Ngài đã ngộ nhập, nói suốt mười bốn ngày. Mười bốn ngày ấy là nói trong Định, chúng ta thấy Phật Thích Ca nhập Định dưới cội Bồ Đề, đâu biết Ngài giảng kinh nơi đó, giảng kinh gì? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, là cảnh giới do chính Ngài chứng đắc. Chúng ta nhìn lại Trung Quốc, vào đời Đường, Huệ Năng đại sư cũng đã minh tâm kiến tánh. Trong phương trượng thất của hòa thượng Ngũ Tổ Nhân, Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Sư. Huệ Năng đại sư không biết chữ, đương nhiên chẳng có quyển kinh, Tổ giảng đại ý Kim Cang Kinh, giảng đến chỗ “*Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (Đừng trụ vào đâu để sanh tâm), Sư đại triệt đại ngộ. Sư cũng nói ra cảnh giới của chính mình, thốt ra năm câu. Năm câu ấy chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói. Kinh Hoa Nghiêm rút gọn thành năm câu ấy, mà năm câu ấy triển khai sẽ thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh.

Huệ Năng đại sư nói năm câu, câu đầu tiên là: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, không nghĩ đến, kiến tánh rồi, nào ngờ tánh vốn sẵn thanh tịnh, chưa từng bị ô nhiễm. Tự tánh của chúng ta có ô nhiễm hay không? Không! Ô nhiễm sẽ chẳng thật, sẽ biến thành đồ giả. Chúng ta nói ô nhiễm là thứ gì vậy? A Lại Da ô nhiễm, A Lại Da là vọng tâm; tự tánh là chân tâm, chân tâm chưa từng bị ô nhiễm. Do vậy, nhiễm là vọng tâm. Nay chúng ta đang mê, nhưng thật sự chẳng biết, ngỡ giả là thật, thiệt thòi ở chỗ này! Câu thứ hai là: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng sanh diệt*”. Vốn chẳng sanh diệt là Đại Bát Niết Bàn, đây là khát vọng tha thiết bất sanh bất diệt của tất cả các tôn giáo tại Ấn Độ thời cổ. Hiện tại, mỗi tôn giáo đều nói “*sống đời đời*” chính là ý nghĩa này. Có sống đời đời hay không? Có! Cái Ngã thật sự sẽ sống mãi, Giả Ngã có sanh tử, cái Ngã ấy là giả, chẳng thật! Quý vị hiểu rõ chuyện này sẽ rất thoải mái, thành thoi, chẳng còn sợ hãi. Những thứ ấy là giả, mặc cho nó sanh diệt như thế, Chân Ngã vĩnh hằng bất diệt. Quý vị tìm lại cái thật này, đức Phật dạy chúng ta tìm cái thật. Đây là đại sự.

Ngài nói câu thứ ba rất hay: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ*”, trọn đủ gì vậy? Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói một câu nhằm căn dặn rõ ràng, Phật dạy: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Đây là “*vốn tự trọn đủ*”. “*Như Lai*” là nói về tự tánh. Trong giáo pháp Đại Thừa, quý vị thấy nói Phật, nói Như Lai. Trong mười đại nguyện vương: “*Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai*”. Nói

Phật là nói theo Tướng; nói Như Lai là nói theo Tánh, khác nhau ở chỗ này! Tướng là giả, Tánh là thật. Đây là chỗ khác nhau giữa hai danh từ này. Nói “*hết thấy chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai*” chính là nói đến tự tánh. Trong tự tánh của quý vị có trí huệ, trí huệ viên mãn. Đó là gì? Sẵn có trong tự tánh, chẳng phải do học được. Trí huệ viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể; đây là lời tán thán Thượng Đế của các tôn giáo thông thường. Thượng Đế và thần chưa chắc có [những đặc tánh này], nhưng tự tánh thật sự có. Vì sao biết? Thượng Đế và thần cũng là chúng sanh trong lục đạo, thuộc thiên đạo. Họ vẫn chưa ra khỏi lục đạo, vẫn chưa thoát tam giới, vẫn là mê chẳng giác, phước báo lớn hơn chúng ta, trí huệ nhiều hơn chúng ta một chút, nhưng vẫn chưa đạt đến viên mãn rốt ráo! Tự tánh sẵn có trí huệ mới là viên mãn. Đây là gì? Khi nó ẩn, nhà Phật gọi là “*ẩn hiện*”, ẩn là gì? Ví như cái màn huỳnh quang của chúng ta trong hiện thời, nhấn nút tắt đi, hình ảnh gì cũng chẳng có! Đó là “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự sẵn đủ*”. Quý vị chẳng thể nói chúng không có. Vặn đúng băng tần, chúng bèn hiện tiền. Vặn đúng băng tần thì sao? “*Có thể sanh vạn pháp*”, chúng bèn hiện tiền. Lúc chẳng hiện tiền, chẳng thể bảo là không; khi hiện tiền, chẳng thể nói là có. Điều này được sách Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán giảng rất rõ ràng, quý vị chẳng thể nói nó là có. Đây là chân tướng sự thật, chúng ta nên hiểu rõ.

Ngài nói câu thứ tư: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng lay động*”, như như bất động, đây là một mấu chốt quan trọng nhất trong tu hành. Quý vị tu gì? Nhà Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu gì? Thừa quý vị, đều là tu Thiền Định, đều gọi là tam-muội. Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, Tam là Chánh, Muội là Định, [tam-muội] là Chánh Định. Vốn là Chánh Định, tâm quý vị vốn định, nay vì sao tâm loạn như thế? Loạn là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm vốn định, chưa hề bị dao động. Đó là năm câu nói của Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ. Sau khi nói ra năm câu này, Ngũ Tổ bảo: “Được rồi”, truyền y bát cho Ngài. Truyền cho Ngài rồi như thế nào? Bảo Ngài hãy đi cho nhanh, tìm nơi lánh nạn. Lánh nạn gì? Phải biết là xưa nay, trong ngoài, đồ kỵ, chướng ngại ở đâu cũng chẳng tránh khỏi. Quý vị nói xem: Thần Tú đại sư ở đạo tràng của Nhẫn hòa thượng (tổ Hoằng Nhẫn) bao nhiêu năm, là một đồ đệ được mọi người kính ngưỡng nhất của Tổ; ai nấy đều cho rằng Ngũ Tổ truyền pháp, chắc chắn truyền cho Thần Tú, tại sao vô duyên vô cớ truyền cho người khác? Gã ấy trọn chẳng có ai biết đến, lại còn không biết chữ? Quý vị thấy ngài Huệ Năng đến núi Hoàng Mai làm gì suốt tám tháng? Giã gạo trong phòng chứa củi. Sư ở Hoàng Mai tám tháng, chưa từng vào Thiền đường, giảng đường cũng chẳng mò đến, chưa từng nghe kinh ngày nào, có sao Ngũ Tổ đem y bát truyền cho Ngài, ai phục? Chẳng ai phục, chắc chắn sẽ tìm Ngài gây sự, đoạt y bát về. Đây là chuyện nhỏ, chuyện lớn là có thể còn hại mạng Ngài nữa kia! Do vậy, Tổ bảo Ngài đi cho nhanh, Ngài lập tức cầm y bát đi ngay. Trón trong phùng thợ săn mười lăm năm. Mười lăm năm ấy khiến mọi người dần dần quên đi chuyện này, Ngài mới ra mặt. Ra mặt, bèn gặp pháp sư Ấn Tông, Ấn Tông tuyệt lắm! Ngài Ấn Tông ở Lãnh Nam,

nay chúng ta gọi vùng ấy là Quảng Đông, khi ấy, gọi là Lãnh Nam, sư Ấn Tông là bậc cao tăng, giảng kinh, thuyết pháp bậc nhất. Đạo tràng giảng kinh của Ngài nay ở Quảng Châu, chùa nào ở Quảng Châu? Gió động, hay phan động, lão hòa thượng Bồn Hoán làm Trụ Trì [chùa ấy]. Tôi không nhớ nổi chùa nào ở Quảng Đông. Quang Hiếu Tự^{7[7]}, đúng rồi, chùa Quang Hiếu là nơi Sư giảng kinh Niết Bàn.

Lục Tổ rời khỏi phường thợ săn đến Quảng Đông, gặp đạo tràng như vậy, ngồi ở phía sau nghe kinh. Nghe hai vị xuất gia đang biện luận, một người nói: “Lá phan treo bên ngoài động”. Quý vị thấy lá phan đang lay động; người kia nói: “Chẳng phải là phan động, mà là gió động”. Hai vị tranh luận không ngớt, Ngài nói chen vào một câu, Ngài nói: “*Thưa nhân giả*”, hết sức khiêm hư, vô cùng khách sáo, “*nhân giả*” (仁者: đáng nhân từ) là tiếng gọi bậc Bồ Tát, là cách xưng hô tôn kính nhất, Ngài gọi họ là “*nhân giả*”. “*Chẳng phải là gió động, cũng chẳng phải là phan động*”, Ngài nói: “*Mà là tâm của nhân giả động*”. Khi nghe vậy, hết thảy mọi người bội phục năm vóc sát đất. Ấn Tông giảng xong, bước xuống bục giảng, gặp mặt Tổ, liền hỏi, ngày nay chúng ta thường gọi sự đối đáp này là Thiền Cơ. Pháp sư Ấn Tông hỏi: “*Nghe nói ngài Hoàng Mai về sau truyền pháp cho hành giả, có tên là Năng đại sư, chẳng lẽ là Ngài?*” Huệ Năng đại sư bèn thừa nhận. Sư bèn thỉnh cầu: “*Ngài hãy giữ y bát ra cho chúng tôi xem*”. Y bát ấy là chứng minh, nhận đúng người rồi. Đối với kinh giáo, pháp sư Ấn Tông còn có chút vấn đề bèn thỉnh giáo đại sư, Ngài đều giải thích cho pháp sư. Sau đấy, Ấn Tông làm lễ xuống tóc xuất gia cho Tổ. Vì thế, Ấn Tông là thầy thế độ của Lục Tổ Huệ Năng đại sư. Nhưng sau khi xuống tóc, pháp sư Ấn Tông bái Tổ làm thầy, chuyện này chẳng phải là người thường [làm được]! Vị này là Phật hay Bồ Tát thị hiện, [nếu không], đâu có lòng độ lượng lớn như thế? Một vị cao tăng khắp vùng Lãnh Nam ngay lập tức bái Tổ làm thầy, địa vị của Huệ Năng đại sư liền cao trở. Ngay lập tức nâng lên cao. Nếu không, Huệ Năng đại sư muốn đạt tới địa vị sâu xa như thế, tối thiểu phải mất mười năm, hai mươi năm, còn nay là được đề cao ngay. Do vậy, tôi nghĩ ngài Ấn Tông là Bồ Tát thị hiện, hai vị này thối kèn hòa tấu cho chúng ta xem, đâu phải là phàm nhân!

7[7] Chùa Quang Hiếu ở thủ phủ Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông. Chùa này rất cổ, nơi này vốn là nhà cũ Triệu Kiến Đức, cháu nội của Nam Việt Vương Triệu Đà (cha của Trọng Thủy, bố chồng công chúa Mỵ Châu). Thời Tam Quốc, đô úy Ngu Phiên do bị Ngô Vương Tôn Quyền đày xuống Quảng Châu, đã mở rộng nơi này thành chỗ dạy học. Sau khi ông ta chết, người nhà sửa dinh thự của Ngu Phiên thành chùa, đặt tên là Chế Chỉ Tự. Mãi đến thời Đông Tấn, khi ngài Đàm Ma Da Xá sang Quảng Châu hoằng pháp, đã xây chánh điện rộng hơn. Đến đời Tống, chùa được đổi tên thành Báo Ân Quảng Giáo Tự. Đến niên hiệu Thiệu Hưng 21 (1151) đời Tống, mới đổi thành Quang Hiếu Tự và tên này dùng mãi đến hiện thời. Dưới đời Lương thời Nam Bắc Triều, sa môn Trí Dược của Ấn Độ đã trồng một cây Bồ Đề tại giới đàn của chùa này và huyền ký: “*Sau này sẽ có một vị nhục thân Bồ Tát thọ giới tại đây*”. Lời huyền ký này ứng nghiệm vào trường hợp tổ Huệ Năng.

Năm câu nói ấy của Ngài mở rộng ra sẽ là kinh Hoa Nghiêm, từng câu, từng chữ trong kinh Hoa Nghiêm chẳng rời khỏi năm câu ấy! Do vậy, Huệ Năng đại sư chứng đắc cùng một cảnh giới với Thích Ca Mâu Ni Phật. Một vị dùng thân Phật, dùng thân phận Phật xuất hiện, phẩm Phổ Môn có nói: *“Nên dùng thân Phật để độ được, liền hiện thân Phật để thuyết pháp”*. Ngài Huệ Năng ở Trung Quốc, nên dùng thân tỳ-kheo xuất hiện, liền hiện thân tỳ-kheo để thuyết pháp, chẳng khác gì nhau! Chúng ta phải biết điều này! Phật pháp bình đẳng, đây là pháp Nhất Thừa. Vì thế, Thiên Tông Trung Quốc là Nhất Thừa, nhưng Đại Thừa không nhất định [là Nhất Thừa]. Cổ đại đức bảo kinh Nhất Thừa chỉ có ba bộ là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và Phạm Võng. Hết sức đáng tiếc là kinh Phạm Võng chẳng truyền sang Trung Quốc. Đó là một bộ kinh lớn, phân lượng chẳng khác kinh Hoa Nghiêm cho lắm. Chỉ có một phẩm được truyền sang Trung Quốc là Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm, tức Bồ Tát Giới, truyền mỗi mình phẩm này, hai quyển, chẳng thấy những phẩm khác. Kinh hoàn chỉnh là hai bộ Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Đối với kinh Pháp Hoa, vì sao có thể khẳng định là kinh Nhất Thừa? Kinh Nhất Thừa là thành Phật trong một đời. Trong phẩm Đề Bà của kinh Pháp Hoa có nói long nữ tám tuổi thành Phật; rồng là súc sanh. Long nữ tám tuổi, nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh trong cung rồng, cô ta nghe hiểu, giác ngộ, minh bạch. Chư vị phải biết: Nghe pháp khai giải, đoạn nghi sanh tín, lập tức thành tựu Hạnh môn. Hạnh môn là gì? Buông xuống! Quý vị thấy trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: Chỉ cần quý vị có thể buông ba thứ phiền não là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị liền thành Phật. Do vậy, chúng tôi tin rằng: Sau khi long nữ nghe hiểu, bèn buông xuống. Sau khi buông xuống, đến núi Linh Thứu gặp Thích Ca Mâu Ni Phật; sau khi lễ Phật liền hiện thân Phật, thành Đẳng Chánh Giác trong thế giới Vô Cấu ở phương Nam. Đây là kinh Pháp Hoa.

Chúng ta thấy cuối kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài viên chứng vô thượng Bồ Đề trong một đời, Ngài đắc Căn Bản Trí trong hội Văn Thù. Căn Bản Trí là gì? Nếu nói theo cách hiện thời cho dễ hiểu, sẽ là tâm thanh tịnh. Tâm quý vị thanh tịnh sẽ ra sao? Chẳng phải là giống như Huệ Năng đại sư sao? *“Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”*, đó là Căn Bản Trí. Ngài buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đó gọi là gì? Đốn đoạn, tức là đoạn ngay lập tức, Ngài bèn chứng đắc. Nay chúng ta hiểu điều này, nhưng không bỏ xuống được, vẫn đề ở chỗ này. Người ta thật sự buông xuống, không chỉ buông chấp trước xuống, buông phân biệt xuống, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng buông xuống. Buông xuống vọng tưởng là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Do vậy, bèn gọi là kinh Nhất Thừa. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mười pháp giới chẳng còn; bởi lẽ, mười pháp giới là mộng cảnh, lục đạo là “mộng trong mộng”. Chúng ta buông xuống hết thấy chấp trước; nếu chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị bèn tỉnh thức, lục đạo chẳng còn, giống như tỉnh mộng. Tỉnh mộng rồi, sau khi tỉnh mộng, cảnh giới ấy sẽ là tứ thánh pháp giới, vẫn là một giấc mộng, nhưng trong giấc mộng ấy, phiền

não [của tứ thánh pháp giới] nhẹ hơn chúng ta, chỉ là vọng tưởng, phân biệt. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, mộng cảnh cũng chẳng còn, tứ thánh pháp giới cũng chẳng có. Vì thế, nói: “*Hễ có hình tướng, đều là hư vọng*”, chẳng giả tí nào! Mười pháp giới không có, cảnh giới gì xuất hiện? Thế giới Hoa Tạng xuất hiện, thế giới Cực Lạc xuất hiện, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật. Những cõi ấy có thật hay không? So với chúng ta mà nói thì là thật, thế giới này của chúng ta thiên biến vạn hóa. Vì thế, lúc ấy, tôi nghĩ không ra vấn đề này, biến như thế nào? Cớ sao biến đến mức chẳng có cùng tận? Tôi nghĩ tới lúc nhỏ chơi kính vạn hoa (kaleidoscope), bọn họ tìm rất nhiều kính vạn hoa cho tôi, mấy tấm giấy màu, đặt giữa ba miếng gương, quý vị xoay ống kính, vừa xoay thì các kết cấu hình thể (pattern) trong ấy chưa bao giờ trùng lặp. Do vậy, chúng ta học bộ Hoàn Nguyên Quán, thấy có câu: “*Sanh ra vô tận*”, dùng vật này (ống kính vạn hoa) có thể tượng trưng [nguyên lý ấy], đúng là sanh ra vô tận, chẳng giả! Điều gì thiên biến vạn hóa trong vũ trụ? Niệm làm chủ tể, ý niệm làm chủ tể, thuận theo ý niệm của quý vị mà dấy lên biến hóa, chuyện là như vậy đó. Do vậy, phải hiểu rõ chân tướng sự thật này!

Trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Mệnh đề này chính là điều các nhà khoa học truy cầu, triết học cũng truy cầu điều này, các nhà tôn giáo cũng truy cầu điều này, nhưng đều chưa thể nói rõ ràng. Vì sao họ chẳng nói rõ ràng? Nay chúng ta hiểu rõ, bọn họ vĩnh viễn chẳng thể nói rõ ràng, vì sao? Họ chưa đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chưa buông xuống được, hễ buông xuống sẽ thấu hiểu! Có những thứ [vọng tưởng, phân biệt, chấp trước] này, quý vị nghiên cứu thế nào đi nữa, đều cách một tầng chướng ngại, không có cách nào giải thích rõ ràng! Chỉ có buông xuống, trở về tự tánh. Vì sao? Những thứ này chẳng thật, hư huyền. Nếu quý vị không tin, quý vị có kinh nghiệm nằm mộng hay không? Có! Chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, mộng là thật hay giả? Thế gian này giống như nằm mộng; vì thế, trong kinh, đức Phật rất hay dùng mộng làm tỷ dụ. “*Mộng, huyền, bọt nước, bóng dáng*”, cái chủ yếu trong tỷ dụ này là mộng cảnh. “*Huyền, bọt nước, bóng dáng*” đều là những thứ phụ thuộc, chủ yếu là tỷ dụ này. Do vậy, trong kinh Kim Cang, đức Phật có một bài kệ vô cùng nổi tiếng nhằm dạy bảo chúng ta: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyền, bào, ảnh, như lộ, diệc như điện, ưng tác như thị quán*” (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyền, bào, ảnh, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Đây là cái nhìn của đức Phật đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. “*Như lộ, diệc như điện*”, “*điện*” (電) là tia chớp, “*lộ*” (露) là sương buổi sớm, đây là hai tỷ dụ. “*Như điện*” là nói về một niệm, giống như tia chớp, [*như lộ*] là giọt sương mai, nó tồn tại một lúc, mặt trời mọc lên bèn bốc hơi, chẳng còn nữa! “*Bốc hơi*” là nói về tương tục (nối tiếp liên tục); giống như trong điện ảnh, chúng ta thấy những hình ảnh trên màn bạc; hình ảnh là tương tục do các tấm phim được rọi sáng kết hợp thành, chẳng thật! Từ khoa học cận đại, chúng ta có thể hiểu rất rõ ràng, đâu có gì là thật? Tìm

chẳng được thứ nào là thật! Nếu thật sự tìm được cái nào là thật, có thể nói là “vĩnh hằng không thay đổi”, tối thiểu phải là cõi Thật Báo.

Những vật trong thế giới Cực Lạc là vĩnh hằng, không có biến hóa, nhưng chúng cũng chưa phải chân thật rốt ráo. Vì sao? Kinh bảo cõi Thật Báo xuất hiện như thế nào? Đoạn hết vô minh, tuy đoạn sạch vô minh, nhưng tập khí vô minh hãy còn, chưa đoạn hết tập khí. Do vậy, cõi Thật Báo Trang Nghiêm do tập khí vô minh hiện, chẳng phải là vô minh. Thật sự đoạn hết vô minh nên chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Chẳng khởi tâm, không động niệm, nhưng tập khí quá vi tế, không riêng gì chúng ta chẳng biết, A La Hán không biết, Bích Chi Phật cũng chẳng biết. Trong kinh, đức Phật dạy: Từ Thất Địa Bồ Tát trở xuống đều không biết, từ Bát Địa trở lên mới nhận biết, mới biết có thứ này tồn tại. Vì thế, ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói về công phu tu hành thông thường, mà là nói về đoạn tập khí vô minh. Không có phương pháp đoạn tập khí vô minh, chỉ để cho nó mất dần, một thời gian lâu sau sẽ tự nhiên chẳng còn. Để giảng về thứ vô minh tập khí này, cổ nhân dùng tỷ dụ để nói; nếu không giảng rõ ràng, chúng ta cũng chẳng thể lãnh hội. Họ dùng bình rượu, bình rượu đựng rượu, đổ hết sạch rượu trong bình, lau sạch bên trong, quả thật chẳng có giọt rượu nào, nhưng vẫn ngửi thấy mùi rượu. Cái mùi ấy gọi là tập khí. Có cách nào để khử mùi? Không có phương pháp nào! Chỉ có cách mở toang nắp bình bỏ đó, để một năm hay nửa năm, sẽ chẳng còn ngửi thấy mùi nữa! Tập khí vô minh của chúng ta phải bao lâu mới hết? Ba A-tăng-kỳ kiếp. Quý vị đừng quan tâm đến nó, điều này gọi là “vô công dụng đạo”, quyết định chớ nên có ý niệm đoạn trừ nó. Hễ có ý niệm, vô minh sẽ tăng trưởng, khởi hiện hành. Không để ý tới nó là xong, chẳng còn chuyện ấy nữa!

Do vậy, trong cõi Thật Báo, quý vị chẳng khác gì Phật quả rốt ráo, chúng sanh hữu duyên trong mười phương thế giới hễ có cảm, quý vị bèn có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! Như vậy thì sau khi thành Phật, có phải là chẳng có Sự hay không? Không phải, Sự rất nhiều. Sự dẫu nhiều, quý vị chẳng cảm thấy mệt nhọc, có năng lực ứng phó. Vì sao? Trí huệ, thần thông, đạo lực toàn bộ hiện tiền. Quý vị có thể hiện vô lượng vô biên thân, tự tại lắm! Trăm ngàn ức hóa thân, nơi nào có cảm, nơi đó bèn có ứng, “*nên dùng thân nào để đắc độ*” đều chẳng phải là ý nghĩ của chính mình, chính mình chẳng có ý nghĩ gì. Hễ chính mình có ý nghĩ, sẽ biến thành phàm phu. Chính mình chẳng có ý nghĩ gì, tự tánh khởi tác dụng. Do vậy, trong tánh đức, hiện thời chúng tôi đã đọc kinh Đại Thừa nhiều năm như thế, bèn hiểu rõ, đúng như Huệ Năng đại sư đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”. Cái trọn đủ thứ nhất trong tự tánh là trí huệ, trí huệ là gì? Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết) là tự tánh, là Tánh Đức, trọn hết thảy các chỗ. Sau khi mê, tự tánh biến thành A Lại Da. A Lại Da là trạng thái đang mê, kiến văn giác tri biến thành gì? Biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chúng ta có cảm nhận, có tư tưởng. Nói theo bát thức, cũng rất dễ nói: Kiến là nhãn căn khởi tác dụng, Văn là nhĩ căn khởi tác dụng; ngoài ra, mũi có thể ngửi, lưỡi có thể nếm, thân có thể cảm giác, ý

có thể biết bèn khởi tác dụng. Tác dụng ấy do đâu mà có? Là Tánh Đức trong tự tánh, kiến văn giác trí là vốn có.

Thân thể có sanh diệt. Thọ, Tưởng, Hành, Thức chẳng có sanh diệt. Vì thế, người đã chết, đã tắt thở, thần thức chưa có rời khỏi [xác thân], thần thức có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, lũ chúng ta gọi thần thức là “linh hồn”. Linh hồn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chuyện này phiền phức lắm! Nếu quý vị còn có oán hận, còn có đố kỵ, còn có chuyện gì phải trả thù, từ đây, đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo chẳng xong! Chúng ta đọc bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân, trong phần đầu, Văn Xương Đế Quân tự nói Ngài mười bảy đời làm sĩ đại phu⁸[8]. Quý vị thấy Ngài mười bảy đời nhân quả báo ứng, thê thảm lắm. Sau này, gặp được Phật pháp mới giác ngộ, mới hóa giải. Đau khổ ngàn ấy! Báo thù, đôi bên đều đau khổ, có gì phải vậy? Do vậy, dù trong nhãn quan của Phật, những hiện tượng này đều là hư huyễn, hết như mộng cảnh, [nhưng phàm phu] ở trong mộng cảnh thật sự chịu khổ, thật sự có khổ, sướng, lo, mừng, xả. Sau khi tỉnh mới biết là trống không. Nay chúng ta đang nằm mộng, chưa tỉnh, khi nào có thể bỏ được chấp trước đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn chấp trước nữa, tâm quý vị sẽ khôi phục sự thanh tịnh, tuy thanh tịnh nhưng còn chưa bình đẳng. Khôi phục thanh tịnh, lục đạo chẳng còn nữa! Lục đạo là nhiễm ô, trong tứ thánh pháp giới không có nhiễm ô, nhưng nó bất bình đẳng, vì có phân biệt. Không có chấp trước, nhưng có phân biệt, nên là bất bình đẳng. Nếu quý vị buông phân biệt, vọng tưởng xuống, bình đẳng giác sẽ hiện tiền. Buông phân biệt xuống sẽ bình đẳng, chẳng phân biệt sẽ bình đẳng, buông khởi tâm động niệm xuống bèn giác. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã dạy chúng ta ba giai đoạn trong Hạnh môn: Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tu điều gì? Tu những điều này, ba món này đều có sẵn trong tự tánh. Nay chúng ta mê mất tự tánh, nên mới sanh ra chướng ngại, đó là nghiệp chướng, chẳng biết chân tướng sự thật. Biết chân tướng sự thật, trọn khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, không phải là “một nhà”, mà là một Thể, chẳng hai, “*sanh Phật bất nhị*”. “*Sanh*” là chúng sanh, “*Phật*” là chư Phật, sanh - Phật bất nhị! Phật rất khiêm hư, đặt chúng sanh ở phía trước, nói chúng sanh trước rồi mới nói đến Phật, sanh Phật bất nhị! Những điều này đều là Tánh Đức lưu lộ.

Trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy Thiện Tài viên mãn Bồ Đề trong một đời, Ngài đắc Căn Bản Trí nơi Văn Thù Bồ Tát, chúng ta phải hiểu: Ngài đắc thanh tịnh tâm, đắc bình đẳng tánh, đã giác rồi. Cũng có nghĩa là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” như trong tựa

8[8] - “*Sĩ đại phu*” là danh xưng phẩm chỉ quan chức thời cổ, cũng như dùng để chỉ những thành phần trí thức có danh vọng và địa vị. Thoạt đầu, chữ Sĩ được dùng để gọi những bầy tôi của các vị khanh đại phu (quan chức cầm quyền lớn nhất thời Thương - Châu). Về sau, Sĩ thành danh từ chỉ chung những người có chức vị, và gọi gộp chung là Sĩ Đại Phu. Về sau, chữ Sĩ chỉ những người có học thức, có khí tiết, được dùng lẫn với khái niệm “*quân tử*”.

đề kinh Vô Lượng Thọ Ngài đều đạt được, cũng có nghĩa là Ngài đã hoàn toàn buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đạt được “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Sau khi đạt được, bèn vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, vận dụng vào công việc, vì sao? Nhục thân vẫn ở trong thế gian này, vẫn chưa vứt bỏ thân thể này. Nói cách khác, quý vị vẫn phải sống, vẫn phải mặc áo, ăn cơm, vẫn phải làm việc. Do vậy, Ngài có thể vận dụng thanh tịnh, bình đẳng, giác trong cuộc sống, vận dụng vào công việc, vận dụng xử sự, đãi người, tiếp vật, là gì vậy? Chính là năm mươi ba lần tham học. Chúng ta từ sáng đến tối, coi những người quý vị tiếp xúc trong xã hội là năm mươi ba lần tham học. Ngài chia xã hội muôn hình muôn vẻ thành năm mươi ba loại. Quý vị vừa tiếp xúc, trí huệ bèn khởi tác dụng, đó gọi là Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là gì? Hậu Đắc Trí là Căn Bản Trí khởi tác dụng. Khởi tác dụng linh hoạt tốt bậc, chẳng khô cứng mà sống động, hoạt bát, mọi mặt viên dung, người Hoa nói là “*bát diện linh lung*” (tám mặt lóng lánh), đắc đại tự tại. Kinh Hoa Nghiêm nói “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, cảnh giới này hiện tiền. Tới cuối cùng, quy vào đâu? Cuối cùng quy vào thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy khi Thiện Tài tham học, vị [thiện tri thức] thứ nhất, “*tiên nhập vi chủ*” (điều gì tiếp xúc trước sẽ thành chủ yếu), là tỳ-kheo Đức Vân. Tỳ-kheo Đức Vân tu gì? Tu Ban Châu tam-muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Điều này đúng là đã nói rõ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Tu pháp môn Niệm Phật. Vị thầy đầu tiên mà! Vị thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị nhìn vào vị mở đầu và vị kết thúc, sẽ biết rõ Thiện Tài tu pháp môn gì. Thiện Tài là học trò ngoan của thầy! Văn Thù Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, Phổ Hiền Bồ Tát cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Học sinh theo thầy cùng nhau tu Tịnh Độ, học sinh ngoan!

Như vậy thì Tịnh Độ là kinh Vô Lượng Thọ; còn Hoa Nghiêm và Pháp Hoa tới cuối cùng quy vào đâu? Quy vào kinh Vô Lượng Thọ; do vậy, kinh Vô Lượng Thọ trở thành kinh đệ nhất, thật sự là kinh đệ nhất. Kinh Vô Lượng Thọ có bốn mươi tám phẩm, nếu chúng ta tiếp tục không ngừng truy tìm, phẩm nào là bậc nhất? Trong bốn mươi tám phẩm, kinh văn của phẩm nào là quan trọng nhất? Đương nhiên là phẩm thứ sáu. Phẩm thứ sáu do chính A Di Đà Phật nói, Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại cho chúng ta biết. Đây là A Di Đà Phật trong khi tu nhân đã phát ra bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện, trong bốn mươi tám nguyện này, nguyện nào quan trọng nhất? Cổ đại đức cho biết: Nguyện thứ mười tám. Nguyện thứ mười tám là “khi lâm chung, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc”, tuyệt quá! Như vậy thì thập phương tam thế hết thầy chư Phật Như Lai ứng hóa trong mười pháp giới và lục đạo của vô lượng vô biên các cõi Phật, dùng gì để giáo hóa, tiếp dẫn chúng sanh, giúp chúng sanh thành Phật trong một đời? Đều bằng pháp môn này. Nói cách khác, Tịnh Độ Tam Kinh, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật là những kinh mà tất cả chư Phật Bồ Tát hóa độ lục đạo chúng sanh trong mười pháp giới nhất định phải giảng! Đây là phương thức độ chúng sanh chủ yếu của các Ngài, hết thầy các kinh giáo khác đều là

kèm theo, còn những kinh này là chủ yếu nhất, chúng ta phải có nhận thức này. Vì sao giảng những kinh khác? Chúng sanh không tin Tịnh Độ, chẳng thể tiếp nhận, họ thích những thứ khác. Thích điều gì, tôi bèn giảng cho quý vị điều ấy. Giảng đến cuối cùng đều trở về đây, diệu tuyệt chẳng thể nghĩ bàn! Bất luận Tông Môn hay Giáo Hạ, quý vị thấy những đại đức trong Thiên Tông đến tuổi già chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Trong Vãng Sanh Truyện có rất nhiều [trường hợp như vậy]; tông Hoa Nghiêm chẳng cần phải nói nữa! Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tông Thiên Thai, bản thân Trí Giả đại sư tu hành theo Quán Vô Lượng Thọ Kinh, [kinh này] còn gọi là Thập Lục Quán Kinh, Ngài vãng sanh thế giới Cực Lạc. Từ những tổ sư đại đức này, chúng ta bèn nhận ra pháp môn này và bộ kinh này đúng là Nhất Thừa.

“*Liễu nghĩa*” là gì? Dùng một câu trong Phật pháp để giải thích, “*cứu cánh hiển liễu*” (phơi bày rõ rệt đến tột cùng), “*hiển*” (顯) là minh hiển (sáng tỏ, rõ rệt), sáng tỏ đến tột cùng là “*liễu nghĩa*”. Ví như trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn*”, đây là ý nghĩa rõ rệt đến tột cùng. Khi mê gọi là “*phiền não*”, lúc giác ngộ gọi là Bồ Đề. Lúc mê có sanh tử, khi giác ngộ gọi là Niết Bàn; chỉ có mê hay ngộ. Trừ mê và ngộ ra, đích xác là hết thảy các pháp đều bất nhị. Trong quá khứ, chúng ta từng học pháp môn “*mười hai món Bất Nhị*” của tông Thiên Thai, đó là hiển liễu đến tột cùng. Liễu nghĩa, nói đơn giản nhất, sau khi chúng ta học xong sẽ hưởng thụ chân thật thì đó là “*liễu nghĩa*”. Nếu chẳng chân thật hưởng thụ, chẳng phải là liễu nghĩa! Chúng ta hỏi: Chúng ta học pháp môn này, mong có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, có thể chứng đắc quả vị vô thượng Bồ Đề, pháp môn này có đáp ứng những điều ấy hay không? Được chứ! Pháp môn này là liễu nghĩa, thật sự có thể giúp đỡ, thành tựu chúng ta. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chưa thành Phật, nhưng cũng như đã thành Phật, người ấy thật sự gần như thành Phật, điều này do chính A Di Đà Phật nói. Trong bốn mươi tám nguyện có nói: Sanh về thế giới Cực Lạc “*giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát). Kinh Vô Lượng Thọ nói như thế, kinh Di Đà cũng dạy như thế, Quán Kinh cũng giảng như thế, ba kinh đều có câu này. A Duy Việt Trí là hạng Bồ Tát nào? A Duy Việt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*Bất Thoái Chuyển*”. Trong ba thứ Bất Thoái Chuyển, môn thứ nhất là Vị Bất Thoái, môn thứ hai là Hạnh Bất Thoái, môn thứ ba là Niệm Bất Thoái, chẳng tuyệt lắm sao? Nói thông thường, hạng Bồ Tát nào chứng đắc Tam Bất Thoái? Chúng ta nói theo nghĩa rộng thì minh tâm kiến tánh mới chứng đắc, [người như vậy] còn gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh giống như Huệ Năng đại sư đã chứng đắc. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo như kinh Hoa Nghiêm đã nói, vượt thoát mười pháp giới. Kẻ còn thuộc trong mười pháp giới chắc chắn chẳng thể [chứng đắc ba thứ Bất Thoái]. A La Hán thuộc trong mười pháp giới là Vị Bất Thoái, chẳng đạt được những thứ khác như Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái, chỉ có Vị Bất Thoái. Pháp Thân Bồ Tát mới thật sự trọn đủ ba món Bất Thoái này. Nói nghiêm ngặt, từ bậc Thất Địa

trong Viên Giáo trở lên mới thật sự Bất Thoái, còn sao nữa? Đối với chuyện vãng sanh, kinh chẳng nói, chẳng bảo “kẻ Hạ Hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư không thuộc vào trường hợp này!” Chẳng nói câu ấy! Có nghĩa là: Chỉ cần sanh sang thế giới Cực Lạc, Hạ Hạ phẩm trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Phương pháp khó tin này, ai có thể tin tưởng?

Trong kinh cũng có tỷ dụ sau đây. Qua tỷ dụ, chúng ta có thể biết rõ các tin tức. Như người sanh vào thế gian này, vừa sanh ra liền hưởng tôn quý như đế vương, có thể đạt được phước báo lớn như thế hay không? Không được! Đâu có năng lực ấy! Nếu quý vị sanh trong nhà quốc vương, làm vương thái tử, há chẳng đạt được ư? Chẳng phải là không có, nhưng quá ít. Thế nhưng, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật là quốc vương, toàn bộ [nhân dân] đều là vương tử, quý vị hưởng phước của ai? Phước của phụ vương. Do vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, kẻ Hạ Hạ phẩm vãng sanh đều được bốn nguyện gồm bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì, tu pháp môn khác chẳng có được điều này. Bất luận pháp môn nào khác đều chẳng có cách nói này, chỉ có Tịnh Độ Tam Kinh nói như thế! Vì thế, nói: Chúng ta được Phật gia trì, Phật lực gia trì. Trí huệ của Phật gia trì chúng ta, khiến trí huệ của chúng ta giống như trí huệ của Phật; công đức của Phật gia trì chúng ta, khiến công đức của chúng ta giống như Phật, phước báo của Phật gia trì chúng ta, khiến phước báo của chúng ta giống như Phật, mọi điều đều do lẽ này, chẳng phải do chính mình, chuyện là như vậy đó! Khi nào chính quý vị có năng lực này, không cần Phật gia trì nữa? Trong thế giới Cực Lạc, quý vị đã chứng đắc từ Thất Địa Bồ Tát trở lên sẽ không do Phật gia trì, [trí huệ, phước báo, công đức] là của chính mình. Trước khi đắc Thất Địa, tất cả đều do Phật lực gia trì. Điều này thù thắng khôn sánh, hy hữu khôn sánh, quý vị nói xem: Quý vị có thể chẳng chọn pháp môn này hay chẳng? Người chẳng học pháp môn này không ít, người nào vậy? Kẻ rất tự phụ, tự nghĩ mình ghê gớm lắm, không cam lòng, không bằng lòng làm con nuôi của A Di Đà Phật. Những kẻ này muốn tự lực. Được thôi! Quý vị cứ tà tà mà học! Quý vị phải đi theo một con đường rất dài, thật đầy! Nếu quý vị quyết theo A Di Đà Phật, quý vị rất may mắn, thành tựu rất nhanh! Đây là Nhất Thừa liễu nghĩa, câu này viết hay quá!

“*Vạn thiện đồng quy*”: Chữ “*vạn*” này không phải là con số, mà có nghĩa là viên mãn. Hết thấy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian quy vào đâu? Quy vào A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là gì? A Di Đà Phật là Tánh Đức, A Di Đà Phật là danh hiệu của tự tánh. Dịch theo văn tự, câu này là dịch âm từ tiếng Phạn, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật nghĩa là gì? Trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng hai chữ để giải thích ý nghĩa [của danh hiệu] Phật: Một là Quang, hai là Thọ. Quang tượng trưng điều gì? Quang tượng trưng không gian, Thọ tượng trưng thời gian. Nay chúng ta nói “thời - không” (thời gian và không gian) thì trong “thời - không” đã bao hàm hết thấy thiện pháp đều chẳng lìa A Di Đà Phật. A Di là Vô Lượng, vô lượng quang, vô lượng thọ, hoàn toàn là tự tánh, là vạn thiện đồng quy. Quý vị niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật là niệm Nhất

Thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy. Như chúng tôi vừa mới báo cáo đơn giản cùng quý vị: Một câu A Di Đà Phật bao quát toàn bộ vô lượng Phật hiệu được tuyên dương trong thập phương tam thế từ vô lượng kiếp đến nay. Một câu A Di Đà Phật triển khai thành bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện triển khai thành kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ triển khai thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, kinh Hoa Nghiêm triển khai thành hết thảy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm. A Di Đà Phật là tổng cương lĩnh, là tột đỉnh của hết thảy các pháp do hết thảy chư Phật Như Lai đã nói; nhận biết rõ ràng điều này chẳng dễ dàng đâu nhé! Tôi học Phật gần như ba mươi năm mới hiểu chuyện này, cảm thấy may mắn khôn sánh, vui mừng khôn sánh, cũng chẳng còn chao đảo nữa, chẳng hoài nghi nữa! Như thế thì tám chữ trong hai câu này đã nói trọn vẹn những điều đó!

Tiếp đó là “*tam căn phổ bị, phạm thánh tề thâm*”, đây là nói đến căn cơ tương ứng với pháp này, đối tượng được giáo hóa bởi pháp môn này. Tam căn là thượng trung hạ tam căn. Thượng căn là căn tánh Đại Thừa, trung căn là căn tánh Duyên Giác, hạ căn là căn tánh Thanh Văn, [trung căn và hạ căn] là căn tánh Tiểu Thừa. Toàn bộ ba thứ căn tánh đều có phần [trong pháp môn Tịnh Độ]. Thậm chí ngay cả kẻ chẳng biết chữ, chưa hề tiếp xúc học thuật thế gian hay xuất thế gian nào, người trong nước thường gọi hạng người ấy là “không có văn hóa”, mà nếu có thể tin, tin sâu xa chẳng nghi ngờ, nếu kẻ ấy thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, nhất định được vãng sanh. Trường hợp này rất nhiều, trong Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, hạng người như vậy tối thiểu chiếm hơn một phần ba. Do nguyên nhân nào? Vì sao hễ nói với các ông già bà cả, họ bèn tin, còn phần tử tri thức chẳng tin? Tôi học Phật rất khó khăn, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi. Nếu tôi không học Triết Học với cụ, nếu cụ không giảng Triết Học trong kinh Phật, giảng môn này, tôi vĩnh viễn chẳng tiến vào cửa Phật, từ chỗ này mà nhận biết Phật giáo. Sau khi đã tiến vào Phật môn, lão cư sĩ Lý Bình Nam là học trò của Ấn Quang đại sư, là người hoằng truyền Tịnh Độ Tông, tôi học kinh giáo, học giảng kinh với cụ. Thoạt đầu, tôi hoài nghi pháp môn Tịnh Độ, nghĩ đây là pháp phương tiện của Thích Ca Mâu Ni Phật nhằm tiếp dẫn các bà già! Quan niệm [lệch lạc này] rất sâu, thành kiến rất sâu! Theo thầy Lý nhiều năm như thế, theo thầy mười năm, thầy rất miệt mài suốt lòng giới thiệu pháp môn này với tôi, tôi đọc [kinh sách Tịnh Độ] chẳng hoài nghi, không dám khi dễ, chẳng dám khinh mạn pháp môn này, cũng rất tôn trọng, nhưng chẳng có ý nghĩ muốn học, hứng thú đều đặt nơi kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm do thầy Phương giới thiệu thuở ấy có ảnh hưởng rất lớn đối với tôi!

Khi nào tôi mới tin tưởng Tịnh Độ? Cũng phải là khi đã học Phật được hai mươi năm, tôi bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm. Lúc ấy, mỗi tuần giảng ba ngày, mỗi ngày một tiếng rưỡi, không có máy thâu hình, ngay cả máy thâu âm cũng không có. Tôi giảng lần thứ nhất, hình như cũng giảng chẳng ít năm, giảng được phân nửa [bộ kinh]. Lúc đó, giảng Bát Thập Hoa Nghiêm và Tứ Thập Hoa Nghiêm cùng một lúc; cứ hai ngày giảng

Bát Thập Hoa Nghiêm thì một ngày giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, giảng hai kinh cùng nhau. Giảng gần hơn phân nửa, có một hôm, bỗng nghĩ Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Do chưa giảng đến phần sau kinh, bèn lật phần sau ra xem, vừa mở phần sau ra xem, bèn sững sờ, có sao Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc? Lại xem kỹ phần nói về Thiện Tài đồng tử bèn thấy rõ. Quý vị thấy tôi giảng đến phân nửa, toàn là đọc theo kiểu “nuốt trọn quả táo”, chẳng phát hiện chuyện này! Thiện Tài kế thừa pháp mạch của thầy, là đệ tử nhập thất, là đệ tử truyền pháp của Văn Thù Bồ Tát, chẳng phải là người tầm thường; nếu thầy phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, học trò đâu có ngoại lệ? Do vậy, sau đó, tôi quay trở lại xem những phần đã giảng qua, xem lại. Khi ấy, tôi dùng bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, [tỳ-kheo Đức Vân được Tứ Thập Hoa Nghiêm] dịch là tỳ-kheo Cát Tường Vân, phần này tôi cũng đã giảng xong! Kinh nói rõ ràng Ngài tu Ban Châu tam-muội, tôi cũng giảng rất rõ ràng, nhưng không liên kết Thiện Tài với pháp môn Niệm Phật, chẳng liên hệ đến phần trước. Khi đọc lại, liên kết với phần trước, mới biết chẳng sai tí nào, Thiện Tài chuyên tu pháp môn Niệm Phật; chúng ta nói Ngài niệm một câu Di Đà đến tận cùng!

Năm mươi ba lần tham học là chuyện như thế nào? Năm mươi ba lần tham học là học rộng nghe nhiều, chẳng trở ngại, đúng là Sự Sự vô ngại, pháp môn gì cũng đều tiếp xúc. Hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ, hiểu rõ là tăng trưởng trí huệ, là Hậu Đắc Trí, chẳng có gì không biết. Biết như thế nào? Đều tiếp xúc, đều hiểu rõ, chuyện gì cũng đều hiểu rõ, pháp nào cũng đều thông đạt, tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng thông, nhưng như thế nào? Như như bất động, một câu Di Đà niệm đến cùng; đối với Hạnh môn của chính mình, chẳng bị ảnh hưởng mây may. Đó là công phu định lực gì? Thành tựu viên mãn Định Huệ của chính mình! Không có sự từng trải này, làm sao biết Định Huệ thành tựu? Pháp môn gì cũng đều tiếp xúc, nhưng chẳng bị ảnh hưởng bởi pháp môn nào, đều không bị ảnh hưởng. Hai bữa nay, chúng ta nghe cư sĩ Lưu Tố Vân báo cáo, quý vị thấy bà ta pháp môn nào cũng đều tán thán “đều hay”, như vậy đó! Thiện Tài đồng tử giống như vậy, đối với chúng ta, không chỉ riêng các pháp môn trong Phật môn đều hay, mà các tôn giáo khác đều hay. Đã nhiều năm qua, tại các nơi trên thế giới, tôi làm công tác đoàn kết tôn giáo, mỗi tôn giáo đều hay, đều đáng tán thán, lễ kính. Tôi cũng đọc tụng kinh điển của họ, nhưng chẳng trở ngại niệm Phật. Càng tiếp xúc, càng hiểu rõ. Càng tiếp xúc, một câu A Di Đà Phật càng chẳng thể nghĩ bàn, thích hợp khắp ba căn, thâm tiếp phạm lãn thánh. Chúng ta là phàm nhân, Văn Thù, Phổ Hiền là thánh nhân, đều sanh về thế giới Cực Lạc.

“*Hoành siêu tam giới*”: Tám vạn bốn ngàn pháp môn được gọi là Thụ Xuất (thoát ra theo chiều dọc), tức là nâng cao lên từng bước một, giống như các địa vị của hàng Bồ Tát. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có năm mươi một địa vị, từ địa vị Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, tới Thập Địa là năm mươi địa vị; trên nữa là

Đấng Giác, trên nữa là địa vị Diệu Giác, còn gọi là địa vị Phật. Thụ xuất đấy! Pháp môn Tịnh Độ này không cần, [tiến lên từng bước như vậy] phiền quá, thời gian quá dài, hoành siêu! Nay chúng ta đang thuộc nhân đạo, không cần từ nhân đạo sanh lên thiên đạo. Thiên thì còn có hai mươi tám tầng trời, vượt lên từng tầng một, tốn công lắm! Từ ngay trong nhân đạo vượt ra theo chiều ngang (hoành siêu), trở về thế giới Cực Lạc, đó là “hoành xuất”, không cần phải trải qua những phiền phức như thế. Thật sự làm được! Chuyện này chẳng giả đâu! Trong cuộc đời này, tôi đã gặp mấy người niệm Phật vãng sanh, biểu diễn, thị hiện cho chúng ta thấy: Chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh. Khoảng bốn mươi năm trước đây, Phật Quang Sơn thành lập học viện Đông Phương Phật Giáo, pháp sư Tinh Vân mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ, tôi ở trên núi ấy mười tháng. Trong thời gian ấy, nghe một công nhân dài hạn [kể chuyện]. Phật Quang Sơn công trình rất nhiều, suốt năm chẳng nghỉ ngơi, không ngừng xây cất, cho nên công nhân ở đó cũng làm việc cho Phật Quang Sơn nhiều năm. Buổi tối, tôi hướng dẫn một vài người học trò thảo luận Phật pháp, người công nhân ấy cũng tham dự, nói với chúng tôi: Năm ngoái, một bà cụ hàng xóm của ông ta niệm Phật, đứng vãng sanh. Ông ta bảo: “Thật đấy, chẳng giả tí nào!” Hôm ấy, chúng tôi nghe ông ta kể chuyện, hết sức hứng thú.

Bà cụ ấy tâm địa hết sức tốt, hết sức từ bi, cũng chẳng hiểu Phật pháp, đâm ra coi lạ thần như lạ Bồ Tát, ông Địa cũng là Bồ Tát, Thành Hoàng cũng là Bồ Tát, những loại Vương Gia Công^{9[9]} mà dân gian thờ cúng, cụ đều nghĩ là Bồ Tát. Ba năm trước, cụ cưới dâu, con dâu học Phật, hiểu Phật pháp, liền khuyên mẹ chồng chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên tụng Tây Phương Tam Thánh, những vị thần khác đều thỉnh đi, Bồ Tát đều thỉnh đi. Bà mẹ chồng này hiếm có, nghe lời con dâu khuyên bảo, thật sự làm, chỗ nào cũng không tới; bình thường hề miếu nào có lễ hội đều tham gia, cụ không đi nữa, ở nhà niệm Phật, trong nhà lập Phật đường, [tụng niệm] ba năm. Đến một tối nọ, đến bữa cơm tối, cụ dặn dò con trai, con dâu; con trai, con dâu vô cùng hiếu thuận, cụ bảo: “Các con dùng cơm trước, mẹ đi tắm”. Thật ra, cả nhà đợi cụ, đợi thật lâu chẳng thấy cụ ra. Tới phòng tắm, coi cụ đã tắm xong chưa, gọi chẳng thấy ai trả lời. Tới Phật đường, thấy cụ mặc áo tràng chỉnh tề, tay cầm chuỗi, đứng trước tượng Phật, gọi chẳng thấy cụ trả lời, tới nhìn kỹ, cụ đã vãng sanh rồi. Hàng xóm đều đến xem, cụ đứng mất! Chúng tôi nghĩ: Có lẽ cụ chẳng báo cho người nhà biết; cho người nhà biết, sợ họ sẽ ngăn trở, cụ chẳng thể tự tại đường ấy. Đúng là tự tại, tiêu sái ra đi, chính mắt ông ta trông thấy, chẳng giả.

9[9] Vương Gia Công là tiếng dân gian gọi chung các vị thần thánh của Đạo Giáo hay thần thánh theo tín ngưỡng cổ của dân gian.

Vị công nhân dài hạn ấy đã giảng cho chúng tôi nghe một bài học do chính mắt ông ta thấy.

Khi tôi đến Hương Cảng giảng kinh, chúng tôi nghe băng thâu âm lời khai thị trong Phật Thất của pháp sư Đàm Hư, tôi nghe thấy lão nhân gia giảng rất nhiều. Sau đó, qua tác phẩm Ảnh Trần Hồi Úc Lục [biết thêm nhiều chuyện vãng sanh], đây là truyện ký về lão nhân gia do Ngài kể, học trò Ngài là pháp sư Đại Quang ghi chép. Chúng tôi cũng hết sức thân thiết với ngài Đại Quang, Sư vãng sanh chắc cũng đã mười năm rồi. Ba mươi năm trước, ở Hương Cảng, chúng tôi thường ở chung một chỗ. Văn tài của Sư hết sức hay, Ảnh Trần Hồi Úc Lục do Sư viết, toàn là chuyện thật. Gần đây nhất, chừng ba năm trước đây, ở Thâm Quyển có cư sĩ Hoàng Trung Xương ba mươi mấy tuổi, nghe tôi giảng kinh, nghe nói từ xưa tới nay người thật sự niệm Phật khoảng chừng ba năm công phu thành tựu bèn vãng sanh. Trong quá khứ, đã từng có mấy vị pháp sư hỏi tôi, bọn họ thấy những trường hợp ấy, bèn nói: Có phải là những người vãng sanh ấy thọ mạng vừa đúng ba năm là hết [nên vãng sanh sau ba năm niệm Phật] đó chẳng? Tôi nghĩ nói kiểu này chẳng hợp lý, thỉnh thoảng có một hai người thì được, chứ nhiều người như vậy sẽ chẳng hợp với lý luận, không hợp la-tập (logic). Vì sao vãng sanh? Người ấy công phu đã thành phiền. Chỉ cần công phu thành phiền, quý vị muốn ra đi lúc nào cũng được! Muốn đi thì đi; muốn ở lại cũng được! Ở lại thế gian này là do có nhiệm vụ, có sứ mạng, làm cho người khác thấy. Nếu chẳng có duyên phận với thế gian này, người ấy đã ra đi. Lúc ấy, cư sĩ Hoàng Trung Xương bé quan tại Thâm Quyển ba năm, ông ta nghĩ: “Hãy thử xem, cỗ nhân ba năm có thể thành tựu. Xem ta có đúng ba năm thật sự thành tựu hay không?” [Bé quan niệm Phật] hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng, ông ta biết trước lúc mất, thật sự ra đi, chẳng ngã bệnh. Khi hỏa táng, lưu lại xá-lợi, nay xá-lợi vẫn còn thờ ở nơi ấy, làm một cái tháp nhỏ đặt ở đó. Nêu gương cho chúng ta, thật đấy, chẳng giả đâu!

Tin thật, nguyện thiết tha, không ai chẳng thành tựu, đừng bỏ lỡ cơ hội! Từ vô lượng kiếp đến nay sanh tử luân hồi trong lục đạo, khổ chẳng thể nói được! Suốt đời này quý vị gặp cảnh khổ vẫn chưa phải là Đại Khổ. Trong quá khứ, quý vị từng ném mùi địa ngục, ném mùi ngạ quỷ, ném mùi súc sanh, cũng đã từng làm thân trời; nếu nghĩ đến nỗi khổ trong tam đồ, quý vị còn muốn ở đây để làm gì nữa? Nếu chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, nói cách khác, đối với bất cứ ai, cũng dám chắc là thời gian trong tam đồ lâu dài, thời gian trong nhân thiên ngắn ngủi. Vì sao? Chúng ta học Pháp Tướng Duy Thức bèn biết: Trong A Lại Da thức, đối với Tương Ứng Tâm Sở, Thiện Tâm Sở chỉ có mười một món, Ác Tâm Sở có hai mươi sáu món, chúng tỏ trong tập khí của quý vị, thiện ít, ác nhiều. Giáo dục của cổ thánh tiên hiền chẳng có dụ dỗ, mê hoặc. Sự dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài hiện thời toàn là giết, trộm, dâm, dối, toàn là bạo lực, tình dục, còn gì nữa đâu? Thế giới ngày nay vì sao loạn? Tai nạn vì sao nhiều? Nguyên nhân là như vậy. Quý vị còn có thể không vãng sanh ư? Thật sự giác ngộ, phát tâm đại từ bi, trụ nơi đây thêm vài

năm nữa, chịu tội thêm một chút, mong mang thêm một ít người cùng đi, đây là sứ mạng. Có người tiếp nhận, có người nghe lọt tai, có người tin tưởng thì chúng ta vẫn phải làm, một người cũng chẳng bỏ, tới lúc công đức viên mãn, tự nhiên ra đi. Ra đi cũng thị hiện rất tốt đẹp cho mọi người thấy, giống như ông Hoàng Trung Xương, giống như bà cụ niệm Phật ở Đài Nam. Dù bà cụ suốt đời cũng không biết giảng kinh, cũng chẳng biết hoằng pháp, sự biểu hiện của cụ đã độ bao nhiêu người, khiến cho bao nhiêu người dấy lên lòng tin, khiến cho bao nhiêu người hóa giải nỗi hoài nghi đối với Tịnh Độ. Đây là Tác Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân; nay mọi người đòi hỏi chứng cứ, bèn tạo chứng cứ cho quý vị xem.

“*Kính đặng tứ độ*”, “*kính*” (逕) là nhanh chóng, “*tứ độ*” là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Du Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ và Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức đặc thù. Trong các thế giới khác của chư Phật, tứ độ có giới hạn, chẳng ở cùng một chỗ. Thế giới Sa Bà này là báo độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, tứ độ chẳng cùng một chỗ. Chúng ta chỉ là nhân đạo trong lục đạo, nhân đạo là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, có Phật, Bồ Tát ở trên địa cầu hay không? Có chứ! Nhưng phàm phu chúng ta chẳng thấy các Ngài, người có duyên phận đặc biệt sẽ đôi khi thấy, các Ngài cũng không cho quý vị thường thấy. Đâu Suất Thiên là Phạm Thánh Đồng Cư Độ; trời Đâu Suất có nội viện và ngoại viện. Ngoại viện là phàm phu, phàm phu chẳng thấy Bồ Tát trong nội viện, thật sự có chướng ngại! Nhưng trong thế giới Cực Lạc không có chướng ngại này, bốn cõi không có giới hạn, đều ở cùng một chỗ. Do vậy, người vãng sanh Hạ Hạ phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể thấy Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền trong cõi Thật Báo, đều có thể trông thấy. Không chỉ trông thấy, mà mỗi ngày còn học cùng một chỗ, cùng nghe A Di Đà Phật giảng kinh, mỗi ngày cùng học tập một chỗ, duyên này tìm ở đâu ra? Thông thường, không phải cùng một tầng lớp, sẽ chẳng thể ở chung một chỗ. Như bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm đúng là giống như chúng ta học tập trong nhà trường: Quý vị thuộc lớp Một, hết thầy mọi người trong phòng học đều là lớp Một, không có cách nào chuyển sang phòng học của lớp Hai, tình hình như thế đó! Theo kinh Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ Tát chẳng thấy Nhị Trụ, nhưng Nhị Trụ có thể thấy Sơ Trụ, Sơ Trụ chẳng thấy Nhị Trụ; nhưng thế giới Cực Lạc là bình đẳng, giống như là học sinh của năm mươi một lớp học đều cùng một chỗ. Tôi dùng tỷ dụ này, có lẽ mọi người hiểu được, học cùng một phòng học, quý vị hoàn toàn thấy được.

Vì thế, sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh trọn bốn cõi, các cõi ấy ở cùng một chỗ, trong ấy chẳng có chướng ngại. Nay chúng ta nói không gian duy thứ (chiều không gian, spatial dimensions), Cực Lạc không có không gian duy thứ, đều thấy hết. Không chỉ có chỗ tốt đẹp này, mà sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị mỗi ngày có năng lực đi lạy vạn Phật. Chữ “*vạn*” này không phải là con số, mà [có

nghĩa] là vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Quý vị có thể tới thân cận, cúng dường các vị Phật. Cúng dường là gì? Tu phước, nghe Phật thuyết pháp, khai trí huệ. Ở đây, chúng ta tìm một vị thầy tốt đẹp không ra, tới thế giới Cực Lạc, mỗi ngày bèn có vô lượng vô biên chư Phật thuyết pháp cho quý vị. Đi bằng cách nào? Hóa thân tới, thân của quý vị đang ở trước mặt A Di Đà Phật chẳng động, phân thân đi. Quý vị có thể phân ra vô lượng vô biên thân. Quý vị thấy trong kinh Di Đà, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng rất rõ ràng: Mỗi ngày cúng dường mười vạn ức Phật. “Mười vạn ức” là biểu thị pháp, vì thế giới Sa Bà cách thế giới Cực Lạc mười vạn ức cõi Phật, nghĩa là gì? Quý vị tới thế giới Cực Lạc, mỗi ngày đều có thể trở về thăm [Sa Bà], mang ý nghĩa như vậy. Chẳng phải là quý vị còn có tình chấp đối với thế giới này ư? Cha mẹ, thầy, người nhà, quyến thuộc trong đời đời kiếp kiếp ở tại thế giới này, chẳng muốn tách rời, mỗi ngày đều có thể thấy họ, dụng ý ở chỗ này! Trên thực tế, không phải chỉ có vậy, đâu phải chỉ mười vạn ức! Cho thấy [người trong Cực Lạc] có đại thần thông. Tôn Ngô Không trong Tây Du Ký mới có bảy mươi hai phép biến hóa, hấn còn kém lắm. Long trên khắp người hấn, một sợi lông có thể biến thành một tiểu Tôn Ngô Không, vẫn là có hạn lượng! Đến thế giới Cực Lạc, phân thân không có số lượng. Do vậy, sanh sang thế giới Cực Lạc là sanh vào hết thấy các cõi Phật, trong các pháp môn khác không có điều này. Quý vị nói có thù thắng lắm hay không?

“Cực viên cực đốn, bất khả tư nghị chi vi diệu pháp môn”, chẳng giả tí nào! Quý vị nói xem: Đời này gặp gỡ pháp này, được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, gặp được Hoa Nghiêm, gặp Vô Lượng Thọ, phước báo đã viên mãn, đâu có phước báo nào to lớn như thế! Đâu may mắn như thế! Hoàn toàn đạt được. Nếu quý vị chẳng biết quý trọng, sẽ là ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Con người sống chẳng phải một đời, mà là đời đời kiếp kiếp, điều gì tiếc nuôi lớn nhất? Đây là tiếc nuôi lớn nhất, không có gì tiếc nuôi hơn nữa! Gặp cơ hội tốt như vậy, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ! Thời Càn Long, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói, vị cư sĩ này cũng rất phi phạm, ông ta nói: Pháp môn Tịnh Tông là “*một ngày khó thể gặp gỡ từ vô lượng kiếp đến nay*”, [thế mà] quý vị đã gặp. Nói như bây giờ, Bành Tế Thanh là con em quan chức cao cấp, cha ông ta là Binh Bộ Thượng Thư của hoàng đế Càn Long, tức bộ trưởng Quốc Phòng. Vì vậy, gia thế tốt đẹp, là người thông minh, chưa đầy hai mươi tuổi đã đậu Tiến Sĩ, phải biết là [ông ta thi đậu] năm mười chín tuổi, chưa được hai mươi, [nếu đủ] hai mươi tuổi sẽ làm lễ Gia Quan (bới tóc lên, đội mũ). Suốt đời chẳng làm quan, học Phật, hoàn cảnh gia đình tốt đẹp, học Phật đúng là học đến nơi đến chốn, Tông, Giáo, Hiền, Mật viên dung, là đại cư sĩ, đại đức thời ấy. Đến chỗ này là một đoạn.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo, “*nhi kỳ trung chi Vô Lượng Thọ kinh giả, nãi Tịnh Độ quán kinh chi thủ yếu, Tịnh tông đại đức thường xưng vi Tịnh Độ đệ nhất kinh dã*”(nhưng trong ấy, kinh Vô Lượng Thọ chính là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ, các bậc đại đức trong Tịnh Tông thường gọi kinh này là kinh Tịnh Độ bậc

nhất). Không chỉ là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ, chúng ta có thể nói theo cách như thế này: Kinh này là kinh đứng đầu, cốt yếu của cả Đại Tạng Kinh. Do vậy, từ xưa tới nay, trải qua các triều đại, đặc biệt là các vị đại đức thời Tùy - Đường, kinh này được gọi là “*Tịnh Độ đệ nhất kinh*”. Luận theo phương diện thời gian phiên dịch, Tịnh Độ Tông truyền đến Trung Quốc, bộ kinh [Tịnh Độ] được phiên dịch đầu tiên là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà và Quán Kinh được dịch về sau này. Kinh này được dịch sớm nhất vào đời Hán, lúc vừa được truyền tới, nhằm thời ngài An Thế Cao. Thật đấy, chẳng giả đâu! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

phần 1 hết

Tập 03

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Lộc và Huệ Trang

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Kinh Giải, hàng thứ hai từ dưới đếm lên.

Chúng ta từ “*nhi kỳ trung chi Vô Lượng Thọ Kinh giả, nãi Tịnh Độ quán kinh chi thủ yếu, Tịnh Tông đại đức thường xưng vi Tịnh Độ đệ nhất kinh giả dã*” (nhưng trong ấy, kinh Vô Lượng Thọ chính là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ; các bậc đại đức trong Tịnh Tông thường gọi kinh này là kinh Tịnh Độ bậc nhất). Trong phần trước, tôi đã nói với quý vị, câu này là do lão cư sĩ từ bi vô tận, trí huệ chân thật, vừa mở đầu, trong đoạn ngắn thứ nhất này, đã giới thiệu bộ kinh điển hy hữu này với chúng ta. Trong đời này, chúng ta may mắn có thể nghe, có thể đọc, có thể y giáo phụng hành, chúng ta có thể nói giống như ông Bàn Tế Thanh: “*Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”, ông ta nói nguyên văn như thế. Một ngày như vậy quá khó có! Nói “*một ngày*” thì chúng ta phải nắm chắc ngày ấy, ngày ấy không chỉ là vĩnh viễn thoát ly luân hồi lục đạo, mà thừa cùng quý vị, còn là vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Thoát ly lục đạo luân hồi, nhưng chưa thoát ly mười pháp giới, do thoát ly mười pháp giới khá khó khăn. Sau khi có được pháp môn này, sẽ thoát ly mười pháp giới. Ở đây nói là “*Tịnh Độ quán kinh chi thủ yếu*” (đứng đầu, trọng yếu nhất trong các kinh Tịnh Độ); theo tôi thấy, không chỉ là Tịnh Độ, mà còn là đứng đầu, trọng yếu nhất trong các kinh thuộc Đại Tạng Kinh! Quý vị đều biết: Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh là kinh đứng đầu, trọng yếu nhất của Bát Nhã bộ^{10[1]}, chẳng dài, hai trăm sáu mươi chữ. Đức Phật nói kinh Đại Bát Nhã suốt hai mươi hai năm, hai mươi hai năm giảng những gì? Tâm Kinh triển khai thành bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, quy nạp lại, bèn thành hai trăm sáu mươi chữ này, bất tăng, bất giảm; nhưng Tịnh Độ Tông cũng có tâm kinh, tâm kinh là gì vậy? Kinh cuối cùng trong Tịnh Độ Ngũ Kinh là do Ấn Quang đại sư đề xuất, ghép vào sau Tịnh Độ Tứ

10[1] – “*Đây là cách phân chia các kinh trong Đại Tạng theo hệ thống tư tưởng, chẳng hạn như Niết Bàn bộ, Hoa Nghiêm bộ, Phương Đẳng bộ v.v... Bát Nhã bộ bao gồm toàn bộ các kinh đặc biệt giảng giải giáo nghĩa Bát Nhã như kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật, Kim Cang, Nhân Vương Hộ Quốc, Phóng Quang Bát Nhã, Lý Thú Bát Nhã, Đạo Hành Bát Nhã, Đại Minh Độ, Thắng Thiên Vương Bát Nhã v.v... Bộ Đại Bát Nhã Kinh sáu trăm quyển do ngài Huyền Trang dịch bao gồm toàn bộ các bản kinh Bát Nhã đã được dịch trước đó.*”

Kinh, trở thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Tôi thấy cử chỉ này, kinh ngạc khôn cùng, thật sự rất tuyệt, đây chính là Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương trong kinh Lăng Nghiêm. Kinh văn của chương này là bao nhiêu? Còn ít hơn Bát Nhã Tâm Kinh, hai trăm bốn mươi bốn chữ. Bát Nhã Tâm Kinh có hai trăm sáu mươi chữ; chương này có hai trăm bốn mươi bốn chữ, là Tâm Kinh của Tịnh Tông. Tịnh Tông là phần quan trọng hàng đầu trong giáo pháp của cả Đại Tạng Kinh. Nói cách khác, Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương có thể nhiếp trọn vẹn hết thảy kinh giáo và vô lượng pháp môn do thập phương tam thế hết thảy Như Lai đã nói, thật đấy, chẳng giả đâu! Viên Thông Chương dạy chúng ta: “*Bất giả phương tiện tự đắc tâm khai*” (chẳng nhờ vào phương tiện, tâm tự khai ngộ), “*đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối) bèn thành công, bèn viên mãn. Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp, trong một đời này chúng ta được gặp gỡ, may mắn khôn sánh, phải giữ chắc. Nếu chẳng giữ lấy, đáng tiếc quá! Quý vị luân hồi trong lục đạo, ngày nào mới có thể gặp được những thứ này?

Chúng ta lại đọc tiếp, “*chí u Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh giả, nãi tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ, hội tập Vô Lượng Thọ Kinh, Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống, ngũ chủng nguyên dịch, quảng hiệt tinh yếu, viên nhiếp chúng diệu, hội thành kim kinh, hiện thời vi Vô Lượng Thọ Kinh chi thiện bản giả dã*” (Còn như Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh là do tiên sư là lão cư sĩ Liên Cư, hội tập năm bản dịch kinh Vô Lượng Thọ trong các đời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống, chọn rộng rãi những chỗ tinh yếu, thu tóm trọn vẹn các chỗ hay, hội tập thành bản kinh này, nay được tôn là bản hoàn thiện nhất của kinh Vô Lượng Thọ). Chuyện này không dễ dàng! Thầy của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là cụ Hạ Liên Cư, cụ Hoàng sanh trưởng trong một gia đình tin Phật pháp, cậu của cụ Hoàng là cư sĩ Mai Quang Hy. Trong thuở ấy, Phật môn có câu “*Nam Mai, Bắc Hạ*”, [nghĩa là] trong giới tại gia học Phật, ở phía Nam, người bậc nhất là cụ Mai Quang Hy; ở phương Bắc, người bậc nhất là cụ Hạ Liên Cư. Câu “*Nam Mai, Bắc Hạ*” chỉ hai vị đại đức này. Hai người họ là đồng sự bao nhiêu năm, là đồng tham đạo hữu, quan hệ vô cùng thân thiết. Hoàng Niệm Tổ là cháu được gởi sang bên cụ Hạ, theo cụ Hạ học Phật. Theo học hơn hai mươi năm, trở thành truyền nhân, là đệ tử truyền pháp của cụ Hạ, trong Phật môn chúng ta gọi là “*pháp tử*”. Bộ kinh này do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập dựa trên năm bản dịch gốc trong các đời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống được bảo tồn trong Đại Tạng Kinh. Nói về triều đại, Ngụy là nhà Tào Ngụy^{11[2]} thuộc thời đại Tam Quốc, triều Ngô cũng thuộc thời Tam Quốc. Ngụy và Ngô

11[2] - “Nhà Tào Ngụy (220-266) do Tào Phi (con trai Tào Tháo) sáng lập. Năm 220, Tào Phi bắt Hán Hiến Đế (Lưu Hiệp) nhường ngôi, xưng đế, lập ra nhà Ngụy. Lãnh thổ nước Ngụy bao gồm phần lớn phía Bắc sông Trường Giang, kinh đô là Lạc Dương. Do Tào Tháo được nhà Hán phong thái ấp thuộc vùng lãnh thổ nước Ngụy thời Chiến Quốc, nên có hiệu là Ngụy

đều thuộc thời đại Tam Quốc, cùng với [các bản dịch thời] Đường và Tống, tổng cộng là năm bản dịch gốc. Sự phiên dịch này sẽ được nói trong phần sau. Với kỹ thuật ấn loát phát triển hiện tại, tìm năm bản dịch gốc chẳng khó khăn gì!

Đừng nói chi thời cổ, ngay trong lúc tôi học Phật, tức sáu mươi năm trước. Vào sáu mươi năm trước đây, ấn loát vẫn dùng chữ đúc bằng kim loại để sắp chữ, kể như đã tiến bộ lắm rồi, nhưng vẫn chẳng sánh bằng lối in bằng cách chụp ấn bản như hiện thời, hết sức thuận tiện! Thuở ấy, thư tịch cũng chẳng dễ gì tìm được, rất khó tìm năm bản dịch này. Bản thường thấy nhất là bản dịch đời Ngô, tức bản của ngài Khang Tăng Khải¹²[3]; kinh Vô Lượng Thọ chỉ có bản này lưu thông bên ngoài nên [hành nhân Tịnh Độ] có thể đọc được, bốn bản kia rất ít lưu truyền. Chúng ta rất khó đọc được cả năm bản dịch gốc, trừ phi tìm trong Đại Tạng Kinh, chứ không có bản lưu thông riêng! Theo cổ đại đức, năm bản dịch có nội dung sai khác rất lớn, có những điều được bản dịch này nói tới, bản dịch kia chẳng có. Do vậy, cổ đại đức đã căn cứ trên chân tướng sự thật này để phán đoán: Đúng là trong thuở ấy, đức Thế Tôn đã nhiều lần tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, nên mới có tình hình này. Nếu chỉ tuyên đọc một lần, người phiên dịch dẫu nhiều, nói chung, [nội dung các bản dịch] sẽ là đại đồng tiểu dị, chẳng sai biệt rất lớn. Cách suy đoán này rất hợp với lý luận, chúng ta thừa nhận cách suy đoán ấy chính xác. Nhiều lần tuyên giảng, tỏ rõ pháp môn này trọng yếu. Thật đấy! Đặc biệt là trong thời kỳ Mật Pháp, hết thầy chúng sanh có thể đắc độ trong một đời, có thể nói là [chỉ có] pháp môn này. Chúng ta có thể nói: Về sau, cụ Hoàng Niệm Tổ niệm Phật vãng sanh. Lúc cụ bệnh nặng, đã cậy bạn bè bảo cho tôi biết: Mỗi ngày cụ niệm Phật mười bốn vạn tiếng, niệm Phật viên tịch. Cụ là Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông, nhưng chẳng tu Mật pháp, mà niệm Phật qua đời. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng là Hiền Mật viên dung, cuối cùng vãng sanh cũng là niệm Phật qua đời. Những vị này đều là biểu diễn cho chúng ta xem.

Công; vì thế, Tào Phi mới xưng quốc hiệu là Ngụy. Tuy Tào Tháo chưa bao giờ xưng đế, Tào Phi đã truy tặng cha mình là Ngụy Thái Tổ Vũ Đế, cũng như tôn xưng ông cố và ông nội là Cao Hoàng Đế và Thái Hoàng Đế, còn tự mình xưng là Văn Hoàng Đế, truyền được năm đời. Về sau, Tư Mã Viêm soán ngôi của Ngụy Nguyên Hoàng Đế (Tào Hoán), lập ra nhà Tấn.

Nhà Ngô (222-280) còn gọi là Đông Ngô hoặc Tôn Ngô, do Tôn Quyền (Ngô Thái Tổ) sáng lập, truyền được bốn đời, đóng đô tại Kiến Nghiệp (Nam Kinh). Đến đời Tôn Hạo, Tấn Vũ Đế (Tư Mã Viêm) diệt Đông Ngô, Tôn Hạo bị giải về Lạc Dương. Do Tôn Hạo quá nhu nhược, hèn nhát, ngây ngô, nên Tấn Vũ Đế tha không giết, phong cho một tước hữu danh vô thực là Quy Mạng Hầu.”

12[3] - “Do Đông Ngô và Tào Ngụy tồn tại song hành, nên nói là ngài Khang Tăng Khải sống vào đời Ngô cũng được.”

Hai câu kệ đó gồm tám chữ nhằm giới thiệu đơn giản ưu điểm của bản hội tập này. “*Quảng hiệt tinh yếu*” nghĩa là toàn bộ những tinh hoa và phần khai thị quan trọng nhất trong năm bản dịch gốc đều thuộc trong bản hội tập này. Do vậy, chúng ta có thể nói: Bản hội tập này là bản tổng hợp hoàn chỉnh của năm bản dịch gốc, cụ Hạ đã thực hiện công tác này. “*Viên nhiếp chúng diệu*”, “*viên*” (圓) là viên mãn, Lý, Sự tinh diệu nhất trong năm bản dịch gốc đều được gom vào bộ kinh này. “*Hiện thôi vi Vô Lượng Thọ kinh chi thiện bản giả dã*” (được đề cao là bản kinh Vô Lượng Thọ hoàn thiện nhất), ai đề cao? Lão cư sĩ Hạ Liên Cư rất khiêm hư, đương nhiên cụ sẽ ngượng ngùng, chẳng tự nói. Quả thật là so với ba bản hội tập trong quá khứ, cả ba bản hội tập ấy đều có tỳ vết, còn bản này chẳng tìm được một khuyết điểm nào, khó có lắm! Người đề cao đầu tiên là lão pháp sư Huệ Minh, tức vị thầy quy y của cụ Hạ Liên Cư. Đây là một vị xuất gia, là một vị lão pháp sư thông Tông lẫn thông Giáo, Hiền Mật viên dung. Trong giới cư sĩ, người đầu tiên đề cao là đại sĩ Mai Quang Hy. Bản này truyền sang Đài Loan, cũng do một lão cư sĩ từ Sơn Đông mang sang Đài Loan. Phía trước bản này có một bài tựa rất dài; chữ vị thấy trong bản in hiện thời, bài ấy được in kèm vào phía sau kinh. Thầy Lý thấy đây là lời tựa do thầy của mình viết để giới thiệu, bèn hoan hỷ khôn sánh! Khi đó, thầy Lý mới ngoài sáu mươi, đại khái khoảng sáu mươi lăm tuổi, thấy bản này, bèn giảng tại Đài Trung một lần. Bản này vừa mới được hội tập xong, được lưu thông với số ấn bản không nhiều lắm, đại khái chỉ in ba ngàn bản, số lượng không nhiều! Sau khi bản này ra đời, đương nhiên chưa có ai viết chú giải. Về sau này, chỉ nghe nói có pháp sư Từ Châu là một vị trưởng lão bên Luật Tông, Sư là một vị đại đức trong Phật môn vào đầu thời Dân Quốc, giảng bản này một lần tại Sơn Đông, lại còn viết khoa phán. Hoàng lão cư sĩ đã photocopy bản khoa phán này tặng cho tôi một quyển; tôi dựa theo bản khoa phán của Ngài, viết một bản khoa phán tỉ mỉ hơn, tôi có bản khoa hội này. Bản này được nhiều người tôn sùng như thế. Thầy Lý giảng bộ kinh này, tự viết lời mi chú; đọc lời mi chú của thầy, tôi có thể hiểu [nội dung của kinh]. Cụ phân chia [kinh văn thành] từng đoạn, nêu đại ý mỗi đoạn, đó chính là “*khoa đề*” (tựa đề của từng khoa) nhằm nêu rõ nội dung. Vì thế, lần đầu tôi giảng bộ kinh này tại Mỹ, đã dựa theo lời mi chú của thầy. Hình như đã giảng chừng hai ba lần rồi mới gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ tặng tôi bản chú giải này. Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, cụ tặng tôi bản in bằng ronéo, in trên giấy thường, chữ in trong ấy lờ mờ, bản in như vậy đó. Khi ấy, cụ Hoàng trở về Bắc Kinh, tôi bèn cậy người thỉnh giáo lão nhân gia xem cụ có giữ bản quyền hay không. Nếu cụ giữ bản quyền, chúng tôi rất tôn trọng cụ. Nếu không giữ bản quyền, tôi chuẩn bị in thành sách, chính thức lưu thông tại Đài Loan. Cụ phúc đáp: “*Không giữ bản quyền*”, lại muốn tôi viết lời tựa, muốn tôi ghi tựa đề cho tác phẩm này^{13[4]}. Vì thế, chúng tôi in lần đầu một vạn bộ tại Đài Loan, bản này bèn được lưu thông tại hải ngoại.

13[4] – “*Đây là một vinh dự. Người Hoa in sách thường nhờ một người viết chữ đẹp mà mình tôn trọng, quý mến nhất, dùng bút lông viết tên sách, chụp lại, in làm bìa. Cụ Hoàng Niệm Tổ*

Tịnh Tông Học Hội do cụ Hạ đề xướng. Phật pháp muốn hoằng dương trong xã hội hiện đại, cần phải có chánh danh (danh xưng chính đáng) như câu nói: “*Danh bất chánh, tắc ngôn bất thuận*” (Danh chẳng chính đáng, chẳng thể nói lọt tai). Trong quá khứ, vào thời cổ, đạo tràng nhà Phật đều gọi là “*tự viện, am, đường*”, dùng danh xưng này; người hiện thời thấy danh xưng ấy bèn ngỡ là tôn giáo, cho là mê tín. Do vậy, cụ Hạ đề ra “*chánh danh*”, “*danh bất chánh, tắc ngôn bất thuận*” rất có lý; tôi nghe xong, hoan hỷ, hết sức tán thành. Cụ nói: Đạo tràng là nơi đại chúng cùng nhau tu hành, hãy nên gọi là Học Hội. Tịnh Độ Tông thì Tịnh Tông Học Hội, Hoa Nghiêm Tông thì gọi là Hoa Nghiêm Học Hội, [tông Thiên Thai dùng danh xưng] Thiên Thai Học Hội, dùng chữ Học Hội. Cơ cấu giáo học dùng chữ Học Viện, tuyệt lắm! Người ta vừa nhìn, liền biết đây là cơ cấu giáo dục, chẳng đến nỗi dính dáng mê tín, đề nghị này hết sức hay! Nhưng sau khi đề ra, chưa từng thiết lập trong nước, chẳng chính thức thành lập. Vì thế, cụ Niệm Tổ dặn tôi hãy thành lập tại hải ngoại: “Ông giảng kinh, hoằng pháp các nơi, hy vọng ông có thể thành lập bộ môn Tịnh Tông Học Hội ở các nơi”. Tịnh Tông Học Hội đầu tiên được thành lập ở Vancouver là Gia Nã Đại Tịnh Tông Học Hội, hiện thời vẫn còn. Thứ hai là Mỹ Quốc Tịnh Tông Học Hội được thành lập tại Sunnyvale, San Jose, California, hiện vẫn còn tồn tại, do cư sĩ Dương Nhất Hoa chủ trì. Sau đấy, tại Mỹ và Gia Nã Đại, tôi thành lập tổng cộng hơn ba mươi hội, chắc là hiện thời vẫn còn, cũng có nơi chẳng còn. Tôi nghĩ là phải có mười mấy hội tại Mỹ và Canada. Thành lập nhiều nhất là ở Malaysia. Quốc gia Malaysia không lớn, nay sợ rằng có hơn một trăm Tịnh Tông Học Hội, gần tới hai trăm hội, nơi ấy có nhiều nhất! Một nơi khác nữa là Âu Châu. Tôi biết ở Âu Châu, tại các quốc gia chủ yếu, gần như đều có [học hội], chẳng hạn như Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha đều có. Tại Úc Châu hình như có mười mấy chỗ. Trên thực tế, Tịnh Tông Học Hội có tánh chất không khác gì liên xã thuở xưa, chỉ là thay đổi tên gọi. Học hội không có tổ chức, không có quyền quản trị theo hàng dọc; cho nên nhân sự, kinh tế, hành chánh [của các học hội] hoàn toàn độc lập. Phạm là Tịnh Tông Học Hội, chúng ta đều là đồng đạo, đồng môn hữu nghị, quan hệ hữu nghị; các hoạt động theo quy mô lớn khi được yêu cầu, chúng ta đều góp sức, hỗ trợ hợp tác, không giống những giáo hội thông thường! Họ có tổng hội, phân hội, chúng ta không có! Chúng ta không có hội nào là tổng hội, hay hội nào là phân hội, không có! Mỗi hội đều lớn như nhau, đều là bậc nhất, không có bậc nhì. Thuở đức Thế Tôn tại thế, dạy học bốn mươi chín năm, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng lập một tổ chức nào, thậm chí một trường học cũng chẳng mở, cũng chẳng có lớp học nào! Tinh thần này tốt đẹp, thật sự “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chúng ta phải biết vĩnh viễn gìn giữ, phát dương quang đại, hòng hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức. Đây là nói thêm về lòng yêu thương của các vị lão nhân đối với hậu thế, chỉ dạy chúng ta nên làm như thế nào trong thời đại này.

cũng là một tay thư pháp lỗi lạc vùng Hoa Bắc, nhưng không tự đề tên sách, mà nhờ hòa thượng Tịnh Không viết tựa sách nhằm tỏ lòng kính mến sâu đậm.”

Ấn Quang đại sư nói càng hay hơn nữa. Tổ Ấn Quang nói: Trong thời kỳ Mạt Pháp, cũng là nói trong thời đại hiện tại này, đạo tràng không nên quá lớn, đồng học chớ nên quá đông. Ngài dạy chúng ta: Tốt nhất là đồng học đừng nhiều hơn hai mươi người. Đúng thế, trong xã hội hiện thời, cách này hay lắm, chi tiêu ít, hai ba vị hộ pháp khá giả sẽ có thể chiếu cố [đạo tràng]! Điều kiện đầu tiên của người tu hành là: Thân an ổn, đạo mới hưng thịnh. Quý vị muốn thân và tâm yên ổn, hết thảy đều phải đơn giản hóa. Nếu đơn giản, sẽ chẳng cầu cạnh ai, không sợ khổ. Đức Phật dạy chúng ta hai điều kiện. Lúc sắp viên tịch, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy các đệ tử hai điều kiện từ nay trở đi:

- Thứ nhất là phải trì giới, lấy Giới làm thầy.
- Thứ hai là lấy khổ làm thầy.

Quý vị không thể chịu khổ, chẳng thể trì giới, sẽ chẳng đạt được gì, [nếu có đạt được điều gì], đó là giả, chẳng thật! Hai câu khai thị này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác, chúng ta có làm được hay không? Vì lẽ gì người thuở trước có thể làm được? Cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, mọi người đều có thể làm được, vì sao người hiện thời không thể làm được? Tôi suy nghĩ vấn đề này rất lâu, tôi đã tới rất nhiều nơi, gặp rất nhiều bạn học Phật trong nhà Phật chúng ta, kể tại gia không hành Thập Thiện Nghiệp, hàng xuất gia không hành Sa Di Luật Nghi, chúng tôi cảm thấy rất tiếc nuối. Chúng ta truy tìm nguyên nhân vì đâu? Truy tới cuối cùng, tìm ra căn nguyên: Thiếu giáo dục!

Vào cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, tức là khoảng từ năm Dân Quốc 20 (1931) trở về trước, tuy truyền thống văn hóa đã suy vi, ít người nói tới, nhưng vẫn có người nhắc tới, vẫn có người làm chuyện này, nên còn có cội rễ! Cũng có thể nói là gia giáo^{14[5]} chưa hoàn toàn đoạn tuyệt, gia giáo tại Trung Quốc là giáo dục tư thực. Quê chúng tôi là đất văn hóa thịnh vượng vào thời cổ, phái văn học Đồng Thành^{15[6]} thuộc

14[5] – “Chữ “gia giáo” ở đây bao gồm giáo dục trong gia đình lẫn sự giáo dục truyền thống do cộng đồng, địa phương duy trì. Có thể hiểu “gia giáo” là lối giáo dục theo truyền thống cổ, chưa học theo phương Tây.”

15[6] – “Đồng Thành phái là một trường phái chuyên viết văn xuôi đời Thanh do Phương Bao khởi xướng; cùng với Phương Bao, Lưu Đại Khôi và Diêu Nãi được gọi là Đồng Thành Tam Tổ, tức ba người hoàn thành lý luận và tông chỉ của học phái này. Do cả ba người này đều quê ở huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy, nên trường phái này được gọi là Đồng Thành Phái. Họ chủ trương nghiên cứu những tác phẩm như *Tả Truyện*, *Sử Ký* để tìm ra ý nghĩa chân chính hòng tu thân lập đức. Năm Khang Hy 50, vì đã viết lời tựa cho bộ *Nam Sơn Tập* của Đới Danh Thế, Phương Bao bị liên lụy, phải hạ ngục. Về sau, được Lý Quang Địa phát hiện, tiến cử lên Khang Hy. Vua Khang Hy hết sức ngưỡng mộ, biết ông Phương không thích làm quan, bèn mời Phương Bao dùng thân phận áo vải để làm bạn văn chương của hoàng đế, thật ra là cố vấn riêng cho nhà vua tại Nam Thư Phòng. Ông trở thành “trí nang” (cái túi kiến thức) của ba đời vua Khang Hy, Ung Chánh và Càn Long. Dưới thời Ung Chánh, nghe theo lời nhà vua thuyết phục, ông đã chấp nhận giữ chức *Tả Trung Doãn* của *Tả Xuân*

quê hương chúng tôi, trong hai thời Minh và Thanh đã xuất hiện rất nhiều người tài năng. Tại nông thôn, trong các thôn trang, trẻ nhỏ đều đi học, gần như không có trẻ nhỏ thất học, trường học mở trong các từ đường. Do có căn bản này, nên từ nhỏ đã học biết quy củ, đọc các sách cổ, có căn bản, tức là có căn bản về Nho học, có căn bản đạo đức. “Đạo” [ở đây] chính Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Đạo tràng phổ biến nhất của Đạo gia là miếu Thành Hoàng, sự giáo dục quan trọng nhất trong ấy là Thập Vương Điện, [tức điện thờ] Thập Điện Diêm Vương, dạy điều gì? Dạy nhân quả. Phụ nữ ở nông thôn mỗi năm đến miếu Thành Hoàng dâng hương cũng phải bốn năm lượt. Thuở nhỏ, tôi theo mẹ, khi đó, hầy còn rất bé, độ năm sáu tuổi, tới miếu Thành Hoàng thấp hương, cha mẹ có cơ hội giáo dục, bảo chúng tôi: “Khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, cử chỉ đều đừng nên phạm tội. Phạm tội thì con thấy hình phạt là núi đao, vạc dầu. Nói dối bị rút lưỡi”. Ấn tượng này rất sâu, suốt đời cũng không thể quên! Lớn lên, khởi tâm động niệm bèn nghĩ đến miếu Thành Hoàng, có những chuyện quý vị chẳng dám làm. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”* (Tập luyện từ nhỏ sẽ trở thành tánh tình giống như bẩm sinh, do thói quen trở thành tự nhiên). Giáo dục được dưỡng thành từ nhỏ, sanh hiệu quả rất lớn. Gặp chuyện, quý vị sẽ suy nghĩ xem chuyện này có nên làm hay không, sau này còn có nhân quả ra sao, cho nên kính sợ! Vì vậy, học Phật, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện rất dễ tiếp nhận, rất dễ làm được! Hiện thời vì sao khó khăn dường ấy? Giáo dục cơ sở truyền thống, giáo dục đặt nền tảng căn bản đã bị vứt bỏ. Chúng ta đánh nhau với Nhật Bản tám năm, [sự giáo dục căn bản này bị bỏ mất], tôi cảm thấy tổn thất khôn sánh. Sau này, chúng tôi dần dần tiếp xúc Phật pháp, quay trở về truyền thống văn hóa, [nhận biết] mối quan hệ giữa Nho, Thích và Đạo hết sức mật thiết, vĩnh viễn chẳng có cách nào tách rời! Sau khi tiếp xúc bèn hiểu rõ, [biết truyền thống văn hóa] thật tốt đẹp! Trên khắp thế giới không tìm đâu ra! Sau khi quý vị học rồi, mới thật sự yêu thương đất nước, yêu thương dân tộc, khắp thế giới không tìm đâu ra được [nơi nào có mối quan hệ này].

....Nhiều năm qua, chúng tôi tới nhiều quốc gia, qua lại với người ngoại quốc, biết mình, biết người, chúng ta hiểu ưu điểm lẫn nhược điểm của họ. Họ biết nhược điểm của người Trung Quốc, nhưng không biết ưu điểm, trừ một số ít nghiên cứu văn hóa và lịch sử Trung Quốc là hiểu được, không ai chẳng bội phục. Đó là [truyền thống văn hóa giáo dục] nhân tánh, họ bội phục. Như học giả Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee) đã nói rành rẽ: *“Giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Đại Thừa Phật pháp”*, người Anh đã nói như thế đó. Đúng vậy, chẳng giả tí nào! Tôi tham dự hội nghị hòa bình do Liên Hợp Quốc chủ trì mười mấy lần; hiện thời, quốc tế và xã hội quá rối ren, gần như đã tới tình trạng không thể văn hồi, làm thế nào đây? Do vậy,

Phường Chiêm Sự Phủ, thăng Nội Các Học Sĩ, rồi Lễ Bộ Thị Lang, làm tổng biên tập bộ Đại Thanh Nhất Thống Chí cũng như làm phó tổng biên tập bộ Tam Lễ Thu thời Càn Long.”

khi tôi giảng diễn tại Kiếm Kiều (Cambridge), đã hỏi các đồng học: “Người Anh nói như thế đó, những thứ trong Nho gia và Đại Thừa Phật pháp thật sự có thể giải quyết vấn đề hay chẳng?” Các đồng học cười, không ai trả lời! Tôi lại hỏi: “Hóa ra tiến sĩ Thang Ân Tử nói trật lất rồi sao?” Cũng chẳng có ai nói gì! Cuối cùng, tôi nêu quan điểm của mình, tôi nói: “Ông Thang Ân Tử nói không sai, đại khái là do chúng ta đã đọc và hiểu sai!” Vì sao? Đối tượng nghe tôi nói chuyện đều là sinh viên ngành Hán học, điều nghiên cứu văn hóa truyền thống của Trung Quốc, nghiên cứu rất nghiêm túc, chúng ta chẳng thể không bội phục. Rất nhiều sinh viên thuộc lòng Luận Ngữ, tôi không thuộc Luận Ngữ, hoàn toàn thua họ. Họ dùng kinh điển Nho gia hay kinh Phật để viết luận án Tiến Sĩ. Trong đó, có một sinh viên cho tôi biết anh ta dùng kinh Vô Lượng Thọ để viết luận án Tiến Sĩ. Tôi nói: “Kinh Vô Lượng Thọ có chín phiên bản khác nhau, anh dùng bản nào?” Anh ta dùng bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, cùng một bản như chúng ta đang học. Tôi nói: “Ngày hôm nay chúng tôi nhắc tới Khổng Mạnh, ngay lập tức quý vị nghĩ đến Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, nghĩ đến những sách ấy. Nói đến Đại Thừa Phật học, nhất định sẽ nghĩ đến Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã. Những kinh điển Đại Thừa ấy đối với các vị rất quen thuộc, chúng có thể giải quyết vấn đề xã hội trong hiện tại hay không?” Không ai dám nói gì. Tôi bảo họ, [nghĩ như vậy] là hiểu lầm!

Nhắc tới văn hóa truyền thống của Trung Quốc, quý vị đều nghĩ tới những sách vở mang tánh chất đại biểu, không sai! Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh là đại biểu cho Nho gia. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, Pháp Tướng là đại biểu của Đại Thừa Phật pháp, đúng vậy. Những thứ ấy là hoa quả, thật đẹp, thật ưa nhìn, hoa quả từ đâu ra? Mọc trên cành nhánh. Cành nhánh do đâu mà có? Cành nhánh có cội rễ; cội rễ là gì? Cội rễ của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng dài; trong kinh, đức Phật đã giảng rất rõ ràng: Thập Thiện Nghiệp Đạo giống như đại địa, cây cối, hoa, cỏ, đều sanh từ mặt đất. Như vậy mới là đã tìm được cội rễ. Đức Phật dùng điều này làm tỷ dụ. Pháp nhân thiên, Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, đều sanh từ đại địa này, tìm được cội rễ rồi. Cội rễ của Khổng Mạnh là gì? Cội rễ của Khổng Mạnh là Đệ Tử Quy. Cội rễ của Đạo Giáo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên; ba thứ này không ai nghĩ đến! Những thứ này có thể sanh ra Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, có thể sanh ra hết thảy các pháp Đại Thừa, sanh từ đây. Quý vị tìm những thứ này, học từ đây, hạ công phu là được, thật sự cứu được. Để cứu xã hội hiện thời, ba loại cội rễ này sẽ hữu dụng.

Hiện thời, chúng tôi nghĩ tai nạn rất nhiều, trong kinh luận, đức Phật đã dạy chúng ta: Nếu một địa phương có đạo tràng, một đạo tràng thật sự, chẳng giả. Đạo tràng thật sự là gì? Là Lục Hòa Kính. Quý vị thấy khi chúng ta thọ trì Tam Quy, “*quy y Tăng, chúng trung tôn*”, phải đọc lời thề này, câu này có nghĩa là gì? Tăng là tăng đoàn, là đoàn thể. Đoàn thể như thế nào sẽ được gọi là Tăng đoàn? Tăng đoàn không nhất định là người xuất gia! Mọi người học Phật nhất định phải hiểu rõ điều này. Từ bốn người trở lên, sống

cùng một chỗ, đều tu Lục Hòa Kính thì gọi là Tăng đoàn, hay Hòa Hợp Chúng. “*Chúng*” (眾) là từ bốn người trở lên, người Trung Quốc gọi ba người là “chúng”, nhưng trong Phật pháp, bốn người gọi là “chúng”. Bốn người ấy nếu là gia đình của quý vị, gia đình quý vị có bốn người, trong gia đình tu Lục Hòa Kính thì gia đình quý vị là Tăng Đoàn. Tăng Đoàn sanh ra hiệu quả gì? Thập phương chư Phật hộ niệm, hết thấy long thiên thiện thần ủng hộ. Nơi nào có đoàn thể này, nơi ấy không có tai nạn, thật đấy, chẳng giả đâu! Do vậy, “Tăng” không phải chỉ riêng người xuất gia! Chư vị phải biết: Xuất gia và tại gia đều như nhau, bốn người cùng tu hành một chỗ [là Tăng đoàn]. Lục Hòa Kính là gì? Chúng ta cũng treo những điều này phía ngoài lầu mười, quý vị vào đó sẽ thấy: “*Kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân*”, sáu điều ấy. Phải làm thế nào mới có thể thực hiện những điều ấy? Thưa quý vị, thực hiện ba món căn bản [của Nho, Thích, Đạo như đã nói trên], sẽ thực hiện được [Lục Hòa Kính]. Nếu trong đoàn thể nhỏ này, chúng ta thực hiện Đệ Tử Quy, thực hành Cảm Ứng Thiên, thực hành Thập Thiện Nghiệp, sẽ là Tăng đoàn hòa hợp. Đoàn thể nhỏ này có số lượng từ bốn người trở lên; nếu nhiều thì chẳng hạn chế số lượng, tu hành trong đạo tràng này, đạo tràng này được thập phương chư Phật hộ niệm, tất cả long thiên thiện thần phù hộ. Có đạo tràng như vậy hay không? Tôi học Phật năm mươi chín năm rồi mà chưa hề thấy! Không chỉ là chưa thấy, mà cũng chưa nghe nói tới! Tôi chỉ nghe nói hai người xuất gia ở cùng một chỗ hằng ngày đều cãi nhau, đau buồn thay! Hiện nay lắm tai nạn như thế, nếu xuất hiện một Tăng đoàn như vậy, Hương Cảng có một Tăng đoàn như vậy xuất hiện, cả khu Hương Cảng này sẽ chẳng có tai nạn. Quý vị có chịu phát tâm hay không? Chúng tôi đề nghị: Người thật sự phát tâm hãy ghi danh, ký tên. Trước đó, phải suy nghĩ cẩn thận, thật sự thực hiện. Nếu không làm, đừng bõn cọt. Đùa bõn tội rất nặng. Chúng ta chẳng thể đòi hỏi người khác, phải từ chính mình làm, từ bản thân làm, làm từ đạo tràng nhỏ này của chúng ta. Tôn trọng đạo tràng của người khác, quyết định chẳng phê bình, quyết định không can thiệp, quyết định chẳng nói người khác là sai, hết thấy hãy từ chính mình mà làm, từ đạo tràng nhỏ của chúng ta mà làm. Hãy xem đạo tràng nhỏ của chúng ta có ai ghi tên hay không? Có người phát tâm thật sự làm hay không? Tai nạn lắm như vậy, làm thế nào để cứu khu vực Hương Cảng? [Nếu] Hương Cảng không có tai nạn, tôi tin tưởng vùng duyên hải Trung Quốc sẽ không có tai nạn. Hướng ra ngoài, từ Nhật Bản, Hàn Quốc tới Đài Loan, Phi Luật Tân, dưới là đến Việt Nam, những khu vực này cũng chẳng có tai nạn, quý vị nói xem: Công đức này nhiều lắm! Hoàn toàn do chính mình có chịu phát tâm hay không, chịu thật sự làm hay không? Lão cư sĩ Hạ Liên Cư suốt đời thường nói hai chữ này, “*chân cán*” (thật sự làm).

Thật sự thực hành ba thứ căn bản ấy, chúng ta quy y kinh Vô Lượng Thọ. Quy (皈) là quay đầu, Y (依) là dựa vào, dựa vào đạo lý được giảng trong kinh Vô Lượng Thọ, nương theo phương pháp giảng trong kinh Vô Lượng Thọ, nghiêm túc tu hành, không ai

chẳng sanh Tịnh Độ. Sanh vào Tịnh Độ là thành Phật trong một đời. Nói cách khác, quý vị thành Phật trong đời này, công đức viên mãn; nhưng quý vị phải ghi nhớ: Muốn thật sự viên mãn, ba món căn bản này rất trọng yếu. Có người cho tôi biết dường như người chẳng có ba căn bản này, nghe nói cũng vãng sanh, có tình hình này hay không? Có! Nhưng ba căn bản của người ấy chẳng lộ rõ! Người ấy có hay không? Chắc chắn là có; nếu không, làm sao có thể vãng sanh, đâu có lẽ này? Nói tới một bà cụ già niệm Phật vãng sanh, suốt đời cũng chưa hề học Phật, cũng chẳng hề học Đạo, mà cũng chẳng hề học Nho, chuyện gì cũng chẳng biết. Quý vị lấy tiêu chuẩn của Đệ Tử Quy để xem xét, bà cụ có phạm một điều nào hay chẳng? Quý vị nghiêm túc kiểm tra, bà cụ chẳng phạm một điều nào, tuy chưa từng học! Thập Thiện Nghiệp chưa hề học, nhưng người này đúng là thiện nhân, trọn đủ! Quý vị quan sát cẩn thận, mới phát hiện: Người vãng sanh, người niệm Phật vãng sanh, bất luận có học hay không, biết chữ hay không, đều là người rất có đức hạnh, đều thật sự là thiện nhân mới có thể vãng sanh. Kẻ tâm hạnh chẳng lành, lắm mưu mô, rất khó vãng sanh. Vì sao? Quý vị chẳng thể đến thế giới Cực Lạc là nơi chư thượng thiện nhân hội họp. Quý vị vẫn dấy lòng tính toán, làm sao có thể vãng sanh cho được? Quý vị khởi tâm động niệm, Phật, Bồ Tát biết ngay, chư thượng thiện nhân ai nấy đều biết. Thật à? Thật đấy! Sách Hoàn Nguyên Quán dạy chúng ta thế này: Trong tâm của hết thầy chúng sanh vừa mới dấy một niệm, niệm ấy bèn trọn khắp pháp giới. Tốc độ quá nhanh, xúng táng, nhưng bản thân chúng ta không biết! Bất luận niệm gì, chỉ cần niệm vừa dấy lên, sẽ có ba thứ trọn khắp:

- Thứ nhất là tin tức này trọn khắp pháp giới.
- Thứ hai là xuất sanh vô tận.
- Thứ ba là chứa đựng cả Không lẫn Có.

Trong một niệm bèn có ba thứ trọn khắp. Quý vị không có cách nào tưởng tượng phạm vi trọn khắp ấy, người Trung Quốc có hai câu nói hình dung hết sức hay: “*Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội*” (không có gì lớn mà ra ngoài, không có gì nhỏ mà chẳng lọt vào trong). Hai câu này rất nhiều người nghe đã quen tai, cũng đều có thể nói, nhưng trên thực tế, rất khó nói rõ ý nghĩa! “*Kỳ đại vô ngoại*” là không có ngăn mé, nhưng “*kỳ tiểu vô nội*” khó hiểu! Kinh Hoa Nghiêm đã giảng rất hay, thế nào là “*vô nội*?” Trong một hạt vi trần có thế giới, thế giới như thế nào? To như thế giới bên ngoài! Trong vi trần có thế giới, thế giới trọn chẳng rút nhỏ, vi trần chẳng phình to, vẫn như vậy, chẳng lớn hay nhỏ! Thế giới trong vi trần lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận, gọi là “*kỳ tiểu vô nội*”. Quý vị truy tìm đến tột cùng được chẳng? Tìm không được, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật chẳng nói dối, vì sao? Quý vị kiến tánh sẽ thấy được, bèn hiểu rõ. Quý vị chưa kiến tánh, nghĩ cách nào cũng nghĩ không ra, đều chẳng thể tư duy được! Do vậy, gọi là chẳng thể nghĩ bàn, [tức là] chẳng thể nghĩ, chẳng thể tưởng,

cũng chẳng có cách nào bàn luận, xứng tánh mà! Thứ gì chẳng xứng tánh? Thứ nào cũng đều xứng tánh, chỉ là do chúng ta mê, nên bất giác!

Ở đây nói tới bản hay nhất, bản tiêu chuẩn tốt nhất, trong bản này không có chữ sai. Sợ nhất là sách bị sai chữ, trong bản này không có chữ sai, đó chính là bản tốt nhất. Nghĩa lý chẳng bị khiếm khuyết, lớp lang hoàn chỉnh, phương pháp tinh tế. Chiếu theo lý luận và phương pháp này tu hành, quý vị có thể đạt được lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật quan trọng nhất là: Quý vị liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, liền khế nhập cảnh giới, đó gọi là “*liễu nghĩa rốt ráo*”. Chúng ta thường gọi khế nhập cảnh giới là “*chứng quả*” hay “*thành Phật*”, có ý nghĩa như vậy!

Chúng ta xem câu tiếp theo. “*Vô Lượng Thọ kinh nãi Tịnh Tông chi tổng cương*” (kinh Vô Lượng Thọ là tổng cương lãnh của Tịnh Tông): “*Cương*” (綱) là cương lãnh, [tổng cương] là tổng cương lãnh; do vậy, được gọi là “*Tịnh Tông đệ nhất kinh*”. Kinh Tịnh Tông không nhiều lắm. Trong tất cả các tông phái, chỉ có Tịnh Độ Tông là kinh điển ít nhất, chỉ có ba bộ kinh, một bộ luận, đó là [nói về] lúc xưa. Ba bộ kinh, thứ nhất là kinh Vô Lượng Thọ, thứ nhì là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, còn gọi là Thập Lục Quán Kinh, thứ ba là A Di Đà Kinh, phân lượng đều rất ít; một luận là Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, tam kinh nhất luận! Một luận chính là báo cáo tâm đắc về việc tu Tịnh Độ, vãng sanh thế giới Cực Lạc của Thiên Thân Bồ Tát để chúng ta tham khảo. Hiện thời thì sao? Hiện thời là ngũ kinh nhất luận, ngũ kinh do đâu mà có? Ba kinh là do Phật nói, ngũ kinh là trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh; vợ vua Hàm Phong là Từ Hy Thái Hậu mọi người đều biết, nói đến Hàm Phong thì chẳng mấy ai biết đến! Nói Từ Hy Thái Hậu rất nhiều người biết, chồng Từ Hi Thái Hậu là Hàm Phong. Trong niên hiệu Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, trong phần sau sẽ giới thiệu, vị lão cư sĩ này cũng rất giỏi, đem quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, không phải là một phẩm, quyển cuối cùng [của kinh Hoa Nghiêm] là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, đem quyển cuối cùng này của kinh Hoa Nghiêm, tức là rút ra một chương trong một phẩm này, ghép vào sau Tịnh Độ Tam Kinh, trở thành Tịnh Độ Tứ Kinh. Do vậy, nếu sau này, quý vị thấy trong Phật môn có Tịnh Độ Tứ Kinh, quý vị biết đó là do ông Ngụy Mặc Thâm thêm vào. Thêm hay lắm! Vì sao thêm vào rất hay? Trong kinh Vô Lượng Thọ, đặc biệt là trong bản hội tập của cụ Hạ, chúng ta thấy phẩm thứ hai là Đức Tuân Phổ Hiền, một chương ấy. Quả thật kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng trở về Tịnh Độ, trở về kinh Vô Lượng Thọ. Do vậy, ông ta thêm thiên ấy vào hay lắm. Đó là Tịnh Độ Tứ Kinh.

Ngũ kinh là do Ấn Quang đại sư [đề xướng], vị này thuộc thời cận đại, Ấn Quang đại sư cách chúng ta không xa, năm Dân Quốc hai mươi mốt Ngài mới vãng sanh^{16[7]} trong thời gian Kháng Chiến. Ngài đem chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương trong phần Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, đem đoạn kinh văn ngắn này ghép vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Cách làm này chẳng thể nghĩ bàn! Tịnh Độ có cần thêm kinh điển nào khác nữa hay không? Không cần! Đến đây là đã viên mãn. Vì sao? Hai trăm bốn mươi bốn chữ, tôi đã nói với quý vị, đó là Tâm Kinh của Tịnh Độ Tông, mà cũng là Tâm Kinh của toàn bộ giáo pháp trong Đại Tạng Kinh. Đây cũng là như Thiện Đạo đại sư lão nhân gia thường nói: “*Chư Phật sở dĩ xuất hiện trong thế gian chỉ vì để nói biến bốn nguyện của Phật Di Đà*”. Cách làm này của Ấn Quang đại sư đã khiến cho chúng ta hoàn toàn hiểu rõ câu nói ấy của Thiện Đạo đại sư. Phương pháp bậc nhất của hết thầy chư Phật ứng hóa trong mười pháp giới, phổ độ chúng sanh trong mười pháp giới của hết thầy các cõi Phật là gì? Là trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thích hợp khắp ba căn, gồm thâm độn căn lẫn lợi căn, đó là pháp môn tuyệt diệu! Cực đơn giản, dễ dàng, ôn hòa, thích đáng, ai cũng có thể tu, ai cũng đều có thể thành tựu. Thiện Đạo đại sư nói pháp môn này “*vạn tu, vạn người đến*”, chẳng sót một ai!

Vì sao người tu Tịnh Độ đông như thế, người vãng sanh ít như vậy? Có mâu thuẫn với [lời nhận định của] Thiện Đạo đại sư hay không? Thưa quý vị, không! Do nguyên nhân nào? Quý vị tu hành chẳng đúng pháp, đúng lý! Lỗi tại quý vị, chẳng phải do pháp môn, không do kinh điển. Nếu quý vị tu đúng pháp, đúng lý, thật sự là “*vạn người tu, vạn người đến*” chẳng sót một ai! Kinh Di Đà đã dạy rất rõ ràng: “*Không thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi ấy*”. Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Nhân duyên là gì? Nay chúng ta trọn đủ nhân duyên, được làm thân người là nhân duyên, gặp Phật pháp là nhân duyên, gặp Đại Thừa là nhân duyên, gặp kinh Hoa Nghiêm, gặp Tịnh Độ là nhân duyên phi phạm, duyên trọn đủ. Vấn đề ở đâu? Thiện căn, phước đức. Thiện căn là gì? Tín giải. Quý vị có thật sự tin tưởng hay không? Đối với pháp này, quý vị còn có vấn đề nào hay không? Nếu còn có hoài nghi, thiện căn của quý vị có vấn đề. Quý vị có hiểu rõ đạo lý Tịnh Tông hay không? Không thấu triệt, hiểu rõ; hiểu rõ sẽ giúp quý vị tin tưởng. Sở dĩ quý vị có hoài nghi là do chưa lý giải thấu triệt. Thật sự hiểu rõ, minh bạch, sẽ chẳng hoài nghi. Quý vị có tín giải, tín giải là thiện căn. Phước đức là gì? Thật sự hành! Người thật sự hành có phước đức. Quý vị chẳng thật sự hành, vẫn chưa buông thế gian này xuống được, còn lưu luyến, vậy là xong luôn! Quý vị cũng rất khó thành tựu. Vì thế, kinh không có khuyết điểm, lý luận và phương pháp đều không có khuyết điểm. Khuyết điểm là do phiền não và tập khí của chính mình. Nếu buông những thứ ấy xuống, chắc chắn quý vị đạt được Tịnh Độ ngay trong một đời này!

^{16[7]} - “Ấn Quang đại sư viên tịch năm Dân Quốc 29 (1940).”

Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ trích dẫn lời ông Bành Thiệu Thăng (Bành Tế Thanh): “*Ngã quốc Thanh đại Bành Thiệu Thăng cư sĩ tán viết: Vô Lượng Thọ kinh giả, Như Lai xứng tánh chi Viên Giáo, chúng sanh bốn cụ chi hóa nghi*” (vào đời Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Tăng của nước ta đã ca ngợi: “Kinh Vô Lượng Thọ là Viên Giáo xứng tánh của Như Lai, là cơ nghi hóa độ chúng sanh sẵn có”). Mấy câu này hết sức quan trọng! “*Như Lai*” là những vị minh tâm kiến tánh trong mười phương, đó là chư Phật Như Lai. Kinh Vô Lượng Thọ là lời bàn luận xứng tánh, từng câu, từng chữ đều từ tự tánh lưu lộ, từng câu, từng chữ đều viên mãn, nên gọi là Viên Giáo. Tự tánh của hết thảy chư Phật Như Lai và tự tánh của hết thảy chúng sanh là một tánh, chẳng phải hai tánh. Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật nói đến tự tánh thường thường dùng biển làm tỷ dụ, [chẳng hạn như] “*tánh hải*”. Mỗi một chúng sanh khác nhau giống như một bọt nước trong biển cả, bọt nước do đâu mà sanh ra? Từ biển sanh ra. Từng bọt nước nếu không bị vỡ tan, dường như có đôi lập. Chỗ này là một bọt, chỗ kia là một bọt khác. Sau khi bọt nước vỡ tan, tất cả đều là biển cả. Người thông minh chẳng cần chờ [đến lúc] bọt nước vỡ, toàn là nước biển, mỗi bọt nước đều là nước biển, nước biển là tự tánh. Do vậy, trong kinh, đức Phật thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên*” (mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế), không có gì chẳng giống nhau, vì sao? Quý vị chẳng lìa tự tánh. Câu này đã đem Thật Tướng của các pháp nói huych toẹt trong một lời, chúng ta và hết thảy chúng sanh có quan hệ gì? Một Thể, một tự tánh! Quý vị nói xem: Quan hệ này có mật thiết lắm hay không? Vì sao có sai biệt nhiều như thế? Do mê hay ngộ khác nhau! Ngộ bèn biết chúng ta là một Thể, còn thân thiết hơn người một nhà, một Thể mà! Khi mê mới chia ra ta, ra người, mới có phân biệt, mới có chấp trước, mới tạo nghiệp, mới chuốc lấy những quả báo oan uổng. Oan uổng luân hồi trong lục đạo, là cảnh giới trong mộng, chúng chẳng thật. Thật sự tham thấu thì giấc mộng ấy cũng chẳng rời khỏi tự tánh. Do vậy, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng lìa tự tánh, đều do tự tánh hiện.

Do vậy, ông ta (Bành Tế Thanh) nói: “*Chúng sanh bốn cụ chi hóa nghi*”, nay ta gọi “*nghi*” (儀) là phương thức hay hình thức. Nay chúng ta dạy bảo học trò, dùng hình thức như thế nào. Nay chúng ta biết: Đối với trẻ nhỏ, trẻ thơ, chúng ta lập ra vườn trẻ, mở trường Tiểu Học, tùy theo độ tuổi của chúng, rồi lại mở trường Trung Học, mở Đại Học, rất giống phương thức ấy. Đó gọi là “*hóa nghi*”. Trừ hóa nghi ra, còn có “*hóa pháp*”, “*pháp*” là phương pháp dạy học. Chúng sanh căn tánh khác nhau; đối với căn tánh khác nhau, dùng phương pháp gì để dạy họ? Vì thế, nhà Phật nói tới hóa nghi và hóa pháp. Thích Ca Mâu Ni Phật bốn mươi chín năm dạy học trò, xét theo phương diện hóa nghi: Trước hết, sau khi khai ngộ, Ngài giảng A Hàm mười hai năm. A Hàm giống như Tiểu Học của Phật giáo, giảng điều gì? Giảng pháp nhân thiên, giảng cách làm người như thế nào, cũng như ngày nay chúng ta nói là giảng luân lý, giảng đạo đức, giảng nhân quả.

Trong kinh A Hàm, những thứ giáo học này rất nhiều, chú trọng những điều đó. Đến thời kỳ Đại Thừa, dần dần thảo luận vũ trụ và nhân sinh, nay chúng ta gọi là Triết Học và khoa học, đều giảng đến viên mãn rốt ráo. Vũ trụ do đâu mà có? Vạn pháp từ đâu ra? Ta từ đâu đến? Giảng thật rõ ràng, minh bạch, quả thật chẳng dễ dàng! Cho tới hiện thời, bao nhiêu khoa học gia, triết học gia, tôn giáo gia trên thế giới đang nghiên cứu vấn đề này, đều chẳng tìm được câu trả lời, vẫn là có những vấn đề tồn đọng, chỉ riêng Đại Thừa Phật pháp giảng rõ ràng, giảng minh bạch, chẳng có nghi hoặc!

Bởi lẽ, thườ ầy tôi học Triết Học, Phương tiên sinh giảng Triết Học trong kinh Phật cho tôi nghe, cụ bảo tôi, theo cách nhìn của cụ: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới; kinh Phật là đỉnh cao nhất của Triết Học trên cả thế giới”*. Đây là nguyên văn lời cụ nói, cụ bảo tôi như thế này: *“Học Phật là hưởng thụ tối cao trong đời người”*, cụ dẫn tôi tiến vào Phật môn. Lại còn đặc biệt bảo tôi, câu nói này rất trọng yếu. Nếu không, tôi sẽ mê hoặc, sẽ hoài nghi, sẽ nhìn những kẻ học Phật học như thế nào, chân tướng có đúng như Phương tiên sinh nói hay chẳng? Vì thế, câu nói sau đây của Phương tiên sinh quan trọng lắm, cụ bảo: *“Triết Học trong kinh Phật ở trong kinh điển, không ở trong chùa chiền”*! Câu này hết sức trọng yếu. Vì sao không ở trong chùa chiền? Người trong chùa chẳng học! Xưa kia, cổ đại đức trong chùa chiền thật sự rất phi phạm, vì sao? Họ học thật sự. Nay thì sao? Người xuất gia trong chùa chiền hiện thời chẳng học, biến [Phật giáo] thành tôn giáo. Xuất gia để làm gì? Xuất gia để giao tiếp quý thân, lo siêu độ, làm Phật sự, pháp hội, làm những chuyện này. Những chuyện này có cần phải làm hay không? Cần chứ! Nhưng phải nên làm như thế nào? Vào trong quỹ đạo để làm, còn trong nhân đạo hãy lo dạy con người. Quỹ đạo có hay không? Có! Phật, Bồ Tát ở trong quỹ đạo; quý vị thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát: *“Địa ngục bất không, thê bất thành Phật”* (Địa ngục chẳng trống, thê chẳng thành Phật). Quý vị thấy làm lễ Diệm Khẩu, Tiêu Diệm Đại Sĩ đối diện với Diệm Khẩu là ai? Là Quán Thế Âm Bồ Tát, hiện thân quỹ trong quỹ đạo để độ quỹ đạo. Nên hiện thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy, thân đang ở trong nhân gian thì phải dạy con người, sao lại dùng thân người để dạy quý? Đâu có lẽ ấy! Dùng thân quý cũng chẳng thể dạy người.

Do vậy, Phật, Bồ Tát ứng hóa chẳng thể nghĩ bàn, nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, nên dạy họ điều gì sẽ dạy họ điều ấy! Phải biết điều này không do chính các Ngài quyết định, mà do người ấy cảm, Phật bèn ứng, tự nhiên cảm ứng đạo giao. Giống như tiến sĩ Giang Bôn Thắng (Masaru Emoto) của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, chúng ta dùng thiện tâm để cảm, quý vị thấy nước đáp ứng bằng kết tinh đẹp nhất. Chúng ta dùng ác niệm để cảm, nó đáp ứng bằng hình thái rất khó coi. Chư Phật, Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh cũng như vậy! Họ đẩy lên niệm gì để cảm các Ngài, các Ngài bèn ứng như thế. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, tuyệt đối chẳng có cách suy tưởng hay nghĩ ngợi nào. Nếu có cách suy tưởng hay nghĩ ngợi, sẽ là phạm phu. Phạm phu mới có cách suy tưởng và nghĩ ngợi, Pháp Thân Bồ Tát là bậc kiến tánh, chắc chắn không có, vì

sao? Kiến tánh thì điều kiện đầu tiên là đoạn trừ khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, chẳng động niệm, còn có cách suy tưởng hay cách nhìn gì nữa đây? Không có! Đó gọi là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Do vậy, chúng sanh có tâm cảm, Phật vô tâm ứng, nên gọi là “*xứng tánh*”, tự tánh tự nhiên sẽ có ứng. Vì thế, chúng ta phải hiểu ý nghĩa hóa nghi và hóa pháp này. Nói thông thường, trong khi học tập, chúng ta cũng thường nói “*hóa ác thành lành*”. Nay chúng ta giúp đỡ người khác, bước đầu tiên là dạy kẻ ấy, giúp kẻ ấy sửa đổi. “*Hóa*” (化) ở đây là biến hóa khí chất, là giáo học nói theo mặt quả. Mục tiêu cuối cùng của giáo học là biến hóa khí chất của người được dạy. Nói cụ thể, biến hóa ác niệm, lời nói ác và hành vi ác thành thiện niệm, thiện hạnh, tức là chúng ta dạy học thành công! Đây là bước đầu tiên. Tiến thêm bước nữa, chính là hóa mê thành ngộ, đây mới thật sự là Phật pháp. Hóa ác thành thiện là thế gian pháp, hóa mê thành ngộ mới có thể xuất thế gian, thật sự giác ngộ. Cuối cùng là hóa phàm thành thánh, tiến lên cao hơn từng bước một!

Xét về phần tài liệu, có thể nói là Hoàng lão cư sĩ rất dụng tâm, hết sức phong phú, tận tâm tận lực sưu tập. Tiếp theo đó, cụ trích dẫn lời pháp sư Đạo Ân của Nhật Bản tán thán kinh Vô Lượng Thọ: “*Như Lai hưng thế chi chánh thuyết*” (là chánh thuyết do đức Như Lai xuất hiện trong cõi đời [nhằm nói ra]), “*hưng*” (興) là hưng khởi (興起), ý nghĩa tương đồng với lời Thiện Đạo đại sư. Thiện Đạo đại sư nói: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế*”. Chữ “*hưng*” này là “*hưng khởi*”, xuất hiện trên thế gian, “*duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (chỉ để nói biển bốn nguyện của Phật Di Đà), bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật phổ độ chúng sanh. Tôi không tra tài liệu xem vị Đạo Ân này là người thời nào, vì Tịnh Độ Tông Nhật Bản là từ Thiện Đạo đại sư truyền sang. Vào thời Đường, có nhiều cao tăng Nhật Bản sang Trung Quốc du học; lúc ấy, Thiện Đạo đại sư còn tại thế. Do vậy, tại Nhật Bản, Thiện Đạo đại sư rất nổi danh. Ngài chẳng nổi tiếng tại Trung Quốc, chứ ở Nhật Bản, Ngài rất nổi tiếng. Nhật Bản có rất nhiều ngôi chùa mang tên Thiện Đạo Tự. Quý vị thấy Thiện Đạo Tự, biết đó là Tịnh Độ Tông. Đài Bắc còn có một ngôi Thiện Đạo Tự, được thành lập vào thời Nhật Bản thống trị [Đài Loan], đây là đạo tràng Tịnh Độ Tông. Do vậy, câu nói này có lẽ phỏng theo Thiện Đạo đại sư. Sư nói: “*Như Lai hưng thế chi chánh thuyết*” thì nói cách khác, hết thấy các kinh khác do đức Phật đã nói, hết thấy các kinh trong bốn mươi chín năm đều là “*bàng thuyết*” (nói kèm thêm), kinh này mới là chánh tông. Kinh Vô Lượng Thọ là chánh tông, những kinh khác đều nhằm phụ trợ kinh Vô Lượng Thọ, có ý nghĩa này, đây mới là chánh thuyết. Vì thế, quả thật qua lời tựa của đại sĩ Mai Quang Hy, chúng ta thấy các vị đại đức thời Tùy - Đường đều thừa nhận: Ngay cả kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm đều nhằm dẫn dắt chúng ta quy hướng Tịnh Độ. Quý vị đọc phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Vì vậy, ông Ngụy Mặc Thâm ghép quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm vào cuối tam kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh là có lý, chẳng phải bàn cãi gì nữa, chúng ta hai

tay tán thành hành động này! Kinh Hoa Nghiêm quy vào kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ tám tuổi thành Phật, cũng do nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh, Cô ta nghe hiểu rồi, cũng cầu sanh Tịnh Độ. Đây là như Ấn Quang đại sư đã nói: “*Ngàn kinh vạn luận, chỗ nào cũng chỉ quy*”. Do vậy, nói kinh này là chánh thuyết, xác thực là có căn cứ.

“*Kỳ đặc tối thắng chi diệu điển*” (bộ kinh điển màu nhiệm lạ lùng, đặc biệt, thù thắng nhất). “*Kỳ đặc*”, tối thắng là thù thắng khôn sánh, hết thảy các kinh chẳng thể sánh bằng, kể cả kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, tuy [hai kinh ấy] đều là Đại Thừa, đều là kinh Nhất Thừa, nhưng đâu có thù thắng như pháp môn này! “*Nhất Thừa cứu cánh chi cực thuyết*” (giảng về Nhất Thừa rốt ráo đến tột cùng), nói rõ chỗ lạ lùng đặc biệt ở nơi nào, thù thắng nhất ở chỗ nào. Kinh này đúng giáo pháp Nhất Thừa. Giáo pháp Nhất Thừa là thành Phật trong một đời, được kinh này giảng đến chỗ viên mãn rốt ráo. “*Tốc tạt*” (速疾) là nhanh chóng. Trong các pháp môn, tức là các pháp môn của các tông phái thông thường, thời gian tu học đều phải rất lâu, chỉ riêng pháp môn này chẳng cần một thời gian rất dài. Trong các pháp môn khác, tu hành phải mất vô lượng kiếp mới có thể đào thải hết sạch phiền não tập khí, Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não. Quý vị chẳng đoạn hết phiền não, làm sao có thể hoàn nguyên? Hết vọng mới hoàn nguyên. Kinh Hoa Nghiêm gọi những phiền não ấy là “vọng tướng, phân biệt, chấp trước”, dùng những danh từ này. Vọng tướng là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Những danh từ này đều có thể tra trong Phật Học Đại Từ Điển. Đào thải hết sạch, đoạn hết Kiến Tư phiền não, bèn chứng A La Hán, vượt thoát lục đạo. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới, lục đạo là giới hạn, ở trong lục đạo thì gọi là nội phàm, là phàm phu, [nội phàm] tức là phàm phu trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới gọi là ngoại phàm, ở ngoài lục đạo, nhưng vẫn phàm phu, chưa phải là thánh nhân. Phàm và thánh sai biệt ở chỗ nào? Một đặng dùng chân tâm thì là thánh nhân, [một đặng] dùng vọng tâm là phàm phu. Vọng tâm là dùng A Lại Da Thức. Phải biết: Trong tứ thánh pháp giới, ngoài A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, còn có Phật, [tức là] trên đó còn có Phật, [nhưng Phật trong tứ thánh pháp giới] hoàn toàn dùng A Lại Da. Vì thế, gọi là “ngoại phàm”, tức phàm phu ở ngoài lục đạo! Tuy họ dùng vọng tâm, vọng tâm này được dùng rất chánh đáng, rất giống chân tâm. Vì sao dùng rất chánh đáng, rất giống chân tâm? Đều do học Phật, dung hội lý luận được giảng trong kinh Phật vào nội tâm của chính mình, tức là vào trong A Lại Da, biến [những lý luận ấy] thành những chủng tử trong A Lại Da, nên khi thực hiện, từng điều trong Giới Luật đều được thực hiện rõ rệt, đều làm rất khá, hết sức giống Phật. Do vậy, tứ thánh pháp giới được gọi là “*tương tự tức*”, [nghĩa là] rất giống, làm rất giống, nhưng chưa phải là thật sự. Vì sao chưa phải là thật sự? Chưa chuyển Thức thành Trí, chưa chuyển được! Đây chính là như kinh Bát Nhã đã dạy: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, huống chi phi pháp). Giáo lý giảng trong kinh quý vị làm được, làm tốt đẹp, nhưng vẫn là

phàm phu, có thể ra ngoài lục đạo, nhưng chưa ra khỏi mười pháp giới. Nếu muốn ra khỏi mười pháp giới, phải buông những thứ này xuống. Pháp còn nên bỏ, hà huống phi pháp! Phật pháp cũng bỏ luôn, sẽ thoát khỏi mười pháp giới, phải biết điều này!

Vì thế, quý vị thầy kinh này tuyệt lắm! Phương pháp tu hành trong kinh này, đầu tiên là như trong tựa đề kinh này, nửa đầu là quả báo, nửa sau là tu nhân. Nửa đầu là “*Đại Thừa*”, Đại Thừa là gì? Đại Thừa là trí huệ, tức trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. “*Vô lượng thọ*” là đức, “*trang nghiêm*” là tướng. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Tất cả chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, trí huệ là Đại Thừa, đức là vô lượng thọ, tướng là trang nghiêm. Đây là trên mặt quả, hết thầy chúng sanh đều có. Chúng ta khôi phục chúng như thế nào? “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đó là Tu Đức. Chúng ta tu hành là tu gì? Tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thành tựu bằng giới luật. Tâm bình đẳng thành tựu bằng Thiền Định. Giác thành tựu từ Bồ Đề. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì vậy, tu “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chúng “*Đại Thừa vô lượng thọ trang nghiêm*”, ngay trong tựa đề kinh [đã nêu ra cương lĩnh tu hành và thành tựu nơi quả địa].

Bởi lẽ đó, tại Trung Quốc lẫn ngoại quốc, các tổ sư đại đức đã nói rất tuyệt, nói thật hay: “*Nhất Thừa cứu cánh chi cực thuyết, tốc tạt viên dung chi kim ngôn*” (Lời giảng về Nhất Thừa rốt ráo đến tột bậc, là lời vàng viên dung nhanh chóng). Chữ “*kim*” này được dùng rất nhiều trong kinh Phật, quý vị phải hiểu ý nghĩa. Kim có nghĩa là gì? Vàng chẳng thay đổi. Kim loại đều bị oxide hóa, đều bị đổi màu, chỉ mình hoàng kim không thay đổi, quý ở chỗ này. Vì thế, Phật pháp dùng “*kim*” theo ý nghĩa “không thay đổi”. “*Kim thân*” vĩnh hằng bất hoại, là chân thân, dùng theo ý nghĩa này; chứ không phải là thật sự sơn thành màu vàng ròng. Hiện thời, trong chùa chiền, tượng Phật mạ vàng, nhằm biểu thị pháp. [Da] Phật có thật sự giống như màu vàng mạ hay không? Màu ấy cũng trợn chẳng dễ coi! Phải hiểu đó là biểu thị pháp, vĩnh hằng không thay đổi, là xứng tánh. Thân ấy có hay không có? Có! Trong cõi Thật Báo thì có, trong cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai, cõi Thật Báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng của quý vị vĩnh viễn không thay đổi. [Nhân dân trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng sanh từ bào thai, chẳng phải là từ trẻ nhỏ dần dần trưởng thành. Chẳng phải! Họ là hóa sanh, hóa sanh đến nơi ấy trong hoa sen. Hóa thân có hình dáng như thế nào? Dáng vẻ chẳng khác A Di Đà Phật cho mấy, chỗ này là pháp bình đẳng. Hiện thời, chúng ta vẽ Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẽ A Di Đà Phật đặc biệt to, vẽ Bồ Tát nhỏ hơn một chút, người vãng sanh lại vẽ nhỏ hơn chút nữa. Điều này cũng không đúng pháp, to như nhau! Đâu có to hay nhỏ như vậy! Thật sự có to hay nhỏ, sẽ chẳng bình đẳng, to như nhau! Vĩnh hằng không thay đổi, họ là hóa sanh. Do những điều này, quý vị đọc kinh giáo nhiều hơn, sẽ dần dần hiểu rõ, sẽ thấy ý nghĩa được thật sự bao hàm ở đây.

Vì sao không bị biến hóa? Vì chẳng có ý niệm, đạo lý ở chỗ này! Quý vị hiểu đạo lý này, sẽ tin tưởng. Biến hóa do đâu mà có? Biến hóa là “*duy thức sở biến, duy tâm sở*

hiện”. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm chỉ có duy tâm sở hiện, không có duy thức sở biến, đã chuyển Thức thành Trí, cho nên chẳng biến. Quý vị không có ý niệm, sẽ chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm sẽ biến; chẳng khởi tâm, không động niệm, làm sao biến? Sẽ chẳng biến, vĩnh hằng không thay đổi. Hoa, cỏ, cây cối trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vĩnh viễn chẳng điêu tàn, vĩnh viễn chẳng biến chất, đạo lý ở chỗ này! Cư dân nơi ấy vẫn chưa phải là cảnh chuyển theo tâm ư? Cư dân nơi ấy mỗi người đều minh tâm kiến tánh. Nói “minh tâm kiến tánh” là đã đoạn vọng tưởng, vọng tưởng là khởi tâm động niệm, mọi người chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Đạo lý là như thế đó! Chúng ta hiểu rõ rồi, bèn thừa nhận chuyện này là thật, chẳng giả!

Chúng ta muốn bất biến trong thế giới này có được hay chẳng? Được! Quý vị chẳng khởi tâm, không động niệm là được, cảnh giới như vậy đấy! Làm không được là vì ý niệm quá vi tế. Quý vị thấy đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, Thích Ca Mâu Ni Phật hỏi ngài Di Lặc, vẫn chưa phải là nói cho chúng ta nghe! Một niệm của bọn phàm phu chúng ta dấy lên, tức là trong tâm có ý niệm, một niệm của chúng ta dấy lên, trong một niệm này có bao nhiêu tế niệm hợp thành một niệm? Đức Phật hỏi mấy niệm, mấy tướng, mấy thức? Di Lặc Bồ Tát trả lời “*trong khoảng khảy ngón tay*”. Chúng ta nói tới một niệm và một cái khảy ngón tay; chúng ta khảy nhanh thì ước chừng trong một giây khảy được bốn lần. Nếu khảy rất nhanh, chắc là có thể khảy tới năm lần, trong một giây có thể khảy tới năm lần. Ngài nói trong một khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Trăm ngàn là đơn vị; một trăm ngàn là mười vạn. Ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba trăm hai mươi triệu. Quý vị thấy trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu; trong một giây, chúng ta khảy bốn lần, sẽ là một ngàn hai trăm tám mươi triệu. Nếu khảy năm lần sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Một niệm quá vi tế, làm sao chúng ta có thể cảm thấy? Di Lặc Bồ Tát nói: “*Niệm niệm thành hình*”, “*hình*” (形) là vật chất, là tướng cảnh giới của A Lại Da, “*hình giai hữu thức*” (hình đều có thức), đấy là Chuyển Tướng của A Lại Da.

Ở chỗ này, quý vị nhất định phải hiểu: Trong tự tánh cái gì cũng đều có, chẳng thiếu gì! Nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện. Niệm có thể biến, thức có thể biến. Không có thức thì nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện. Thế giới Cực Lạc có thể sanh, có thể hiện, chẳng có biến, người bên ấy hoàn toàn dùng chân tâm, chẳng có vọng tâm, đều là chuyển Thức thành Trí. Do vậy, thế giới của họ vĩnh hằng không thay đổi. Vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông, vô lượng đức năng, đều có sẵn trong tự tánh, chẳng do học được, mà là những thứ ta có sẵn từ lâu. Có phải là đã đạt đến rốt ráo hay chưa? Chưa, thật sự hoàn nguyên là cõi Thường Tịch Quang. Trong cõi Thường Tịch Quang, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều không có, đấy mới gọi là “trở về tự tánh”. Làm như thế nào mới trở về tự tánh? Do trong cõi Thật Báo tuy đã đoạn vọng tưởng,

nhưng tập khí vọng tưởng chưa đoạn; do có tập khí vọng tưởng, nên mới có cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Tập khí vọng tưởng cũng đã đoạn, chẳng còn nữa, cõi Thật Báo cũng sẽ không có. Bởi lẽ, *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng không phải là ngoại lệ. Trong kinh, đức Phật chẳng nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm là ngoại lệ, không nói lời này! Cõi Thật Báo cũng chẳng phải là cảnh giới thật. Cảnh giới thật sự là Thường Tịch Quang. Huệ Năng đại sư thốt ra năm câu, năm câu ấy nói về Thường Tịch Quang. Câu cuối cùng là *“có thể sanh vạn pháp”*. Vạn pháp sanh từ Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang có thể sanh, có thể hiện. *“Phàm cái gì có hình tướng”* đều thuộc về cõi Thật Báo, cõi Phương Tiện, hay cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tứ thánh pháp giới là cõi Phương Tiện, lục đạo luân hồi là cõi Đồng Cư, chẳng có gì là chân thật. Phải hiểu: Hư không cũng là giả, chẳng thật. Thời gian và không gian đều là giả. Trong cõi Thường Tịch Quang, không có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có trước sau. Chẳng có không gian, sẽ không có khoảng cách; đây mới là thật sự trở về tự tánh.

Do vậy, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh. Thừa quý vị, không chỗ nào chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện thân. Hiện thân dài hay ngắn là do nghiệp cảm của chúng sanh. Chúng sanh vẫn còn cảm thì tướng ấy vẫn còn. Chúng sanh chẳng còn cảm, tướng ấy chẳng còn nữa! Cái thân này của chúng ta là thân nghiệp báo, cũng có tánh thời gian, tức là có thời gian [tồn tại] dài hay ngắn, nghiệp báo mà! Phật, Bồ Tát chẳng phải là nghiệp báo; Phật, Bồ Tát là ứng hóa, ứng theo sự cảm của chúng sanh mà hiện thân tướng. Không chỉ là hiện thân tướng loài người, mà còn có thể hiện tướng cây cối, hoa, cỏ, có thể hiện tướng núi, sông, đại địa, tướng gì các Ngài cũng đều có thể hiện. Vì vậy, chúng ta đọc những câu chuyện xưa hay công án trong Thiền Tông, có những người tham Thiền thấy cây cối, hoa, cỏ bèn khai ngộ, thấy mưa rơi trên tàu chuối bèn hoát nhiên khai ngộ. Đó là gì? Nói như chúng ta hiện nay, đây chính là Phật gia trì. Trong khoảnh khắc ấy, những thứ vô tình ấy là Phật, người ấy có cảm, Phật bèn ứng hiện, khiến cho người ấy do cảnh giới đó mà hoát nhiên khai ngộ. Chẳng có chuyện nào chẳng do Phật lực gia trì. Phật lực gia trì là tác dụng của tự tánh, là tự tánh khởi tác dụng. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, cũng chẳng hoài nghi tí nào! Vì thế, đối với Phật, dẫu Phật hiện thân Phật đến gia trì, chúng ta cũng chẳng sanh tâm hoan hỷ, cũng chẳng bị kích động, bị kích động là hỏng rồi! Vì sao? A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà của quý vị, do tự tánh của chính quý vị biến hiện, chẳng ở bên ngoài. Thế giới Cực Lạc là duy tâm Tịnh Độ, chỗ nào là bên ngoài? Toàn là Tánh Đức, tự tánh lưu lộ. Quý vị hiểu đạo lý này, sẽ vĩnh viễn tâm bình, khí hòa, vĩnh viễn là như như bất động. Huệ Năng đại sư nói rất tuyệt: *“Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động”*. Quý vị vĩnh viễn giữ được “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chẳng để cho tâm dấy lên chút sóng mòi nào trong cảnh giới; như thế là đúng.

“*Thập phương xưng tán chi thành ngôn*” (là lời khen ngợi chân thành trong mười phương), câu này dễ hiểu. Lời lẽ chân thành, chắc chắn chẳng nói dối. “*Chúng sanh bốn cụ chi hóa nghi, Nhất Thừa chi liễu nghĩa, vạn thiện chi tổng môn*” (là hóa nghi sẵn có của chúng sanh, là liễu nghĩa Nhất Thừa, là môn tổng quát của muôn điều thiện), những điều này đều đã nói trong phần trước. “*Tịnh Độ quần kinh bách sở thập bộ chi cương yếu, nhất Đại Tạng giáo chi chi quy dã*” (là cương yếu của một trăm mấy chục bộ kinh giảng về Tịnh Độ, là chỗ chỉ về của các giáo pháp trong Đại Tạng Kinh), ở đây cụ cũng nói đến giáo pháp trong cả Đại Tạng Kinh, xác thực là như vậy. “*Như thượng chư hiền sở dĩ thịnh tán thử kinh giả*” (sở dĩ, các vị hiền nhân nồng nhiệt khen ngợi kinh này như trên): Xưa nay các đại đức tán thán bộ kinh này, “*cái dĩ bốn kinh trì danh Niệm Phật pháp môn*” (là vì pháp môn trì danh niệm Phật trong kinh này), mấy câu tiếp theo quan trọng lắm! “*Viên mãn*”, quá khó có! Pháp môn nào có thể giảng đến viên mãn rốt ráo? Viên mãn là gì? Mấy may khiếm khuyết cũng chẳng có, pháp môn này viên mãn. Hoa Nghiêm là viên mãn, Pháp Hoa là viên mãn, nhưng quá dài, không như kinh này. Kinh này phân lượng ít dường ấy, nhưng viên mãn như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, hiếm có lắm! “*Trực tiệp*” (thẳng thừng, nhanh chóng), thẳng thừng, thỏa đáng. “*Phương tiện*”: Pháp môn này thuận tiện nhất trong hết thảy các pháp môn. Các pháp môn đều gọi là phương tiện, pháp môn này là pháp môn thuận tiện nhất trong các phương tiện. “*Cứu cánh*” (rốt ráo): Phương tiện nào giúp quý vị thành Phật, phương tiện ấy là rốt ráo. Phương tiện nào giúp quý vị thành Bồ Tát, tuyệt lắm, nhưng chưa rốt ráo. Phương tiện nào giúp quý vị thành A La Hán, lại càng chẳng phải là rốt ráo! Do vậy, nay chúng tôi dạy quý vị, giúp quý vị chuyển ác thành thiện, quý vị biến thành người tốt, vẫn chưa phải là rốt ráo! Phải là thành Phật thì mới là rốt ráo; chưa thành Phật thì chưa rốt ráo. Giúp quý vị chứng Đẳng Giác Bồ Tát như Quán Thế Âm vẫn chưa rốt ráo, bởi lẽ, quý vị chưa thành Phật! Pháp môn này giúp chúng ta rốt ráo thành Phật. “*Nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn*” (hễ vượt thoát bèn vào thẳng Phật quả, viên đốn tột cùng), cực viên, cực đốn, “*đốn*” là đốn siêu.

Dùng phương pháp gì? “*Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh chi cứu cánh quả giác, tác ngã chúng sanh chi nhân tâm*” (Dùng biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà, sáu chữ hồng danh nơi quả giác rốt ráo, làm cái tâm cho lũ chúng sanh chúng ta trong khi tu nhân), đây là nói rõ ra! Cụ Hoàng nói “*nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn*” là nói gì vậy? Là sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*”. Đơn giản như thế đó, dễ dàng như thế đó, sanh ra hiệu quả to dường ấy, ai tin tưởng? Vì thế gọi là “*phương pháp khó tin*”. Trong kinh, đức Phật nói: “*Duy Phật dữ Phật, phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Đẳng Giác Bồ Tát đối với pháp môn này giống như nhìn trăng qua một lớp the. Đây là lời ví von; giống như chúng ta ngắm mặt trăng, trăng Trung Thu [chẳng hạn], cách một lớp the, the rất mịn, “*the*” là một loại sa rất mịn, the như trong “*the, lụa, sa, đoạn*”, cách một lớp the ngắm trăng, còn cách một tầng. Đẳng

Giác Bồ Tát đối với pháp môn này giống như cách một lớp the ngắm trăng; Phật chẳng có lớp the hay sa này, Đấng Giác Bồ Tát còn bị ngăn cách bởi một lớp the hay sa. Quá sâu! Đạo lý quá sâu, nhưng sự tình quá đơn giản, do sáu chữ bèn thành công! Thật vậy ư? Thật đấy! Nay tôi nói về cư sĩ Tiểu Ly ở nơi đây, quý vị thấy cư sĩ Hoàng Trung Xương làm thí nghiệm coi sáu chữ [hồng danh] có hiệu quả hay không, ông ta thí nghiệm. Nghe nói cổ nhân niệm Phật ba năm có thể vãng sanh, ông ta bèn thí nghiệm. Ông ta mới ba mươi mấy tuổi, là một người rất trẻ, bé quan tại Thâm Quyển, nhờ cư sĩ Tiểu Ly hộ trì, hai năm mười tháng, ông Xương bèn biết trước lúc mất. Thật đấy, chẳng giả đâu! Pháp môn dễ dàng như thế đó!

Trong quá khứ, chúng tôi nghe lão pháp sư Đàm Hư báo cáo. Tôi không có duyên phận này, thiếu phước phận, chẳng được gặp lão pháp sư. Tôi đến Hương Cảng, Ngài đã vãng sanh hai, ba năm rồi! Nhưng tôi nghe từ băng âm, Sư giảng khai thị trong Phật Thất, có đồng tu đem cuốn băng âm đến [cho tôi nghe]. Sư nói bằng giọng địa phương miền Bắc, tôi nghe chẳng hiểu lắm, tôi nghe liên tục không ngừng ba mươi lượt, đại khái có thể nghe hiểu chín phần. Cuối cùng, tôi rốt cuộc tìm được một đồng tu ở phương Bắc, nhờ chép toàn bộ băng âm thành văn tự, in ra một cuốn sách nhỏ. A! Sư giảng thật hay! Quý vị thấy Sư kể chuyện người thợ vá nôi là đồng tham đạo hữu của Sư, là người quen, tại gia niệm Phật, một câu A Di Đà Phật thôi! Ông thợ vá nôi không biết chữ, chưa từng đi học, ngoài bốn mươi tuổi mới xuất gia, điều gì cũng chẳng biết, là bạn chơi đùa hồi nhỏ của lão hòa thượng Đệ Nhàn, cùng ở trong một thôn trang. Ông ta đến tìm pháp sư Đệ Nhàn, cuộc sống của ông ta thật sự khổ sở quá, thấy pháp sư Đệ Nhàn làm pháp sư xuất gia cũng thoải mái lắm, rất hâm mộ, bèn muốn theo Ngài xuất gia. Lão pháp sư Đệ Nhàn cũng hết sức từ bi, gặp người bạn chơi đùa thuở ấy, bảo ông ta: “Xuất gia phải học kinh giáo. Ông lớn tuổi như thế, mà cũng chẳng biết chữ, xem ra học kinh giáo chẳng thành công!” Thuở ấy trong nhà chùa, chẳng học kinh giáo thì phải học kinh sám Phật sự. Kinh sám Phật sự là ngũ đường công khóa^{17[8]}, thấy ông ta đầu óc chậm lụt, ông học cũng chẳng thành công. Có nghĩa là “ông xuất gia làm sao được?” Nhưng người bạn ấy cứ nhất định muốn nương cậy Ngài, cuối cùng không có cách nào, Ngài bèn nói: “Tôi có điều kiện, ông có thể chấp nhận hay không?” Ông ta nói: “Sư cứ nói đi, hết thảy tôi đều nghe theo lời Sư”. Với điều kiện như thế, ông ta nói: “Được”, Sư bèn cho ông ta xuống tóc. Sau khi xuống tóc, Sư nói: “Ông không cần thợ giới. Nghi thức thợ giới ông cũng chẳng hiểu, ông cũng chẳng thợ được”. Tại vùng quê ở Ninh Ba

17[8] – “Theo quy chế tụng lâm, tăng chúng phải tham dự năm thời khóa tụng niệm, ba thời khóa trên Phật đường, hai thời khóa trong trai đường, nên gọi là “ngũ đường công khóa”, tức tảo khóa (khóa tụng kinh sáng), tảo xan quá đường (tụng niệm khi ăn cơm sáng), cúng Ngọ, ngọ xan quá đường (tụng niệm khi ăn cơm trưa), và vãn khóa (khóa tụng kinh tối). Trừ các pháp sư chuyên giảng kinh pháp, các pháp sư khác phải thuộc nghi thức và biết sử dụng pháp khí để thay phiên nhau dẫn chúng trong các khóa tụng niệm này.”

có một ngôi miếu nát, không ai ở, cho một mình ông ta ở nơi đó, dạy ông ta một câu “Nam-mô A Di Đà Phật” sáu chữ. Sư dặn dò: “*Ông ở nơi đó, niệm một câu này, niệm một bèn nghỉ. Nghỉ ngơi khỏe khoắn rồi lại niệm tiếp, sau này chắc có lợi lạc*”.

Bí quyết thành công của người này chẳng có gì khác: Thật thà, vâng lời, thật sự làm, ông ta bèn thành công! Quý vị thấy người ta niệm Phật ba năm bèn đứng vãng sanh. Tại vùng quê thuở ấy, giao thông chẳng thuận tiện, một bà cụ già trong thôn phát hiện: “Sư phụ đã đứng vãng sanh”. Quá sức lạ lùng, hiếm có, trước nay chưa hề thấy ai đứng mất! Còn có những vị lão cư sĩ niệm Phật báo cho mọi người đến xem; xem xong, sai người sang chùa Quán Tông báo tin, báo với lão hòa thượng Đệ Nhàn. Lão hòa thượng nghe tin này, vội vã đến xem, đi về mất ba ngày. Thấy tình hình này, lão hòa thượng Đệ Nhàn rất hoan hỷ, tán thán: “*Ông xuất gia chẳng uống, khá lắm, ông mất như thế đó*”. Sư tán thán: “*Đại pháp sư giảng kinh thuyết pháp chẳng bằng ông, phương trượng, chủ tịch tùng lâm cũng không bằng ông! Ông đúng là giỏi lắm!*” Niệm một câu sáu chữ “Nam-mô A Di Đà Phật” ba năm, thù thắng lắm! Đó là chuyện trước mắt, không xa mấy! Trong phần trước, tôi đã kể với mọi người chuyện một bà cụ tại làng Tướng Quân ở Đài Nam, cũng là niệm Phật ba năm rồi đứng mất. Lời tán thán này chẳng hư giả mảy may nào, vấn đề là chúng ta phải thật sự làm thì mới được.

Nhưng trong thời đại hiện tại, quý vị phải nhớ: Tịnh Tông là Đại Thừa, chẳng phải là Tiểu Thừa, người Đại Thừa phải giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn, nhất là trong thời đại hiện tại. Chính quý vị thành tựu, nhưng không có duyên phận giáo hóa chúng sanh, bèn có thể thị hiện giống như vậy. Nếu có duyên phận giáo hóa chúng sanh, quý vị còn trụ thêm mấy năm nữa. Trụ thêm mấy năm nữa, chẳng trở ngại. Do vậy, nếu muốn đến chỗ hết thảy chư Phật Như Lai, nhất là muốn đến chỗ A Di Đà Phật, nguyện vọng của A Di Đà Phật là gì? Phổ độ hết thảy chúng sanh khổ nạn trong mười pháp giới. Chúng ta hiểu ý A Di Đà Phật, chúng ta cũng khiến cho A Di Đà Phật hoan hỷ, mang thêm nhiều người đi. Quý vị mang thêm càng nhiều càng hay, đây là chuyện tốt. Vì thế, chớ nên làm kẻ tự giải thoát cho riêng mình như trong Tiểu Thừa, tức là vừa thành tựu đã ra đi ngay lập tức, chẳng đúng! Vì sao người thợ vá nồi đi ngay lập tức? Người thợ vá nồi ra đi là có lý, ông ta thị hiện, đó là Tác Chứng Chuyển. Cư sĩ Hoàng Trung Xương cũng là thị hiện, chứng minh cho người niệm Phật chúng ta. Tôi giảng kinh tại Hương Cảng, chúng tôi ở đây rất gần, ông ta mỗi ngày nghe CD của tôi. Tôi ở đây là Khuyến Chuyển, Thị Chuyển, ông ta Tác Chứng Chuyển bên ấy, chứng minh những điều kinh nói chẳng giả, mà là chuyện thật, quyết định [thành tựu] trong một đời! Hơn nữa, trong ba năm ngắn ngủi, quý vị có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, có thể vượt thoát mười pháp giới. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào có thể làm được? Chỉ có pháp môn này! Chúng ta phải hiểu rõ chuyện này, “*Viên mãn trực tiếp, phương tiện cứu cánh*” là thật, chẳng giả chút nào! Do vậy, pháp môn này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, đáng tin cậy nhất, lại còn nhanh chóng nhất. Điểm mấu chốt là quý vị có thể buông những thứ

vật vãng trong thế gian xuống hay không? Những kẻ chẳng thể vãng sanh vốn là vì lý do này: Quý vị vẫn còn tham luyến thế gian này, vẫn muốn tiếp tục luân hồi trong lục đạo, vậy là hết cách! A Di Đà Phật chẳng thể lôi quý vị đi theo, vì quý vị chẳng bỏ thế gian này được! A Di Đà Phật gật đầu, bỏ đi, đợi lần sau vậy! Khi nào quý vị buông hết xuống, A Di Đà Phật sẽ đến, chúng ta chẳng thể không biết điều này! Thời gian đã hết rồi mà tôi không thấy. Hôm nay chúng ta học tới đây, cảm ơn mọi người.

Tập 04

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngời xuống. Xin xem trang hai trong quyển thứ nhất, phần Tiên Ngôn (lời nói đầu).

Chúng ta đã học đến chỗ cụ Niệm Tổ giới thiệu sự tán thán của cổ đại đức đối với bộ kinh này. Tiếp đó, cụ nói: “*Cái dĩ bốn kinh trì danh niệm Phật pháp môn*” (là vì pháp môn trì danh niệm Phật được nói trong kinh này), chúng ta đọc từ chỗ này, “*viên mãn trực tiếp, phương tiện cứu cánh, nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn*” (viên mãn, thẳng thừng, nhanh chóng, phương tiện rất ráo, hễ vượt thoát bèn vào thẳng cảnh giới Phật, viên đốn tốt bậc). Trong lần trước, chúng ta đã đọc đến câu này. Đây là nói vì sao pháp môn này được lắm người tán thán như thế, tôi nghĩ nó có quan hệ mật thiết với thập phương chư Phật. Có thể nói pháp môn này trọn khắp pháp giới hư không giới, không có vị Phật nào chẳng tán thán A Di Đà Phật. Trong kinh Di Đà, chúng ta đọc thấy sáu phương Phật ca ngợi; trong bản dịch kinh A Di Đà của Huyền Trang đại sư, ghi là mười phương Phật tán thán, nói rất cặn kẽ. Trong kinh Vô Lượng Thọ và Quán Kinh, đức Phật đều giới thiệu với chúng ta như vậy. Trong khi tu nhân, Phật Di Đà phát nguyện quá vĩ đại, chẳng thể nghĩ bàn! Phật Phật đạo đồng, chư Phật chúng đấng trí huệ và đức tướng chẳng sai biệt, nhưng do lúc tu nhân, phát nguyện và phát tâm thật sự có sai biệt. Phật pháp chẳng tách lia nhân quả, đừng nói là pháp thế gian, Phật pháp cũng chẳng tách rời!

Lúc chúng tôi mới học Phật, thầy khuyến khích chúng tôi; thườ ầy, chúng tôi chưa hiểu sâu như thế. Thầy chỉ nói phải phát tâm, phải rộng kết duyên duyên, trong tương lai, pháp duyên hồng pháp lợi sanh của anh sẽ thù thắng. Nói với chúng tôi chân tướng sự thật hiện tiền này, chúng tôi nghe xong cảm thấy rất vui vẻ. Kết duyên như thế nào? Thườ ầy, chúng tôi sống khá chật vật, học trò cũng chẳng có bao nhiêu tiền bạc để kết duyên với mọi người. Thầy dạy: Anh cầm một đồng, mua một bao đậu phộng, đứng ở cửa chính, người ta đến nghe kinh, tặng mỗi người một hạt. Đó là kết duyên. Mua kẹo, tặng mỗi người một chút, dùng tâm cung kính, dùng vẻ mặt tươi cười để đón người ta, tiếp đãi đại chúng tới nghe kinh. Pháp duyên giảng kinh của thầy Lý rất tốt, đại khái là thỉnh chúng cả ba, bốn trăm người; thầy dạy tôi môn phương pháp này. Về sau, chúng tôi có sức, không chỉ dùng phương pháp này để kết duyên, mà dùng cách kết pháp duyên trọng yếu hơn. Chúng tôi bắt đầu in tặng những tấm thẻ, sau đó là kinh sách. Do khoa

học kỹ thuật tiến bộ, chúng tôi tặng băng âm, băng thu hình, hiện thời bèn tặng CD. Chúng ta có truyền hình vệ tinh, có mạng Internet, đều nhằm kết pháp duyên.

Nhưng sau này, chúng tôi thâm nhập kinh tạng, hiểu rõ pháp môn này, trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật đã phát nguyện quá lớn, Phật Phật đạo đồng. Giữa chư Phật có thể nói, [tức là đúng như] kinh đã nói như thế này: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên*” (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Phật có tâm đố kỵ hay chằng? Không có! Chẳng những không có tâm [đố kỵ], mà Phật chẳng có ý niệm! Chúng ta thường nói là “chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, đừng chấp trước”, Phật làm được điều này. Nếu Ngài làm không được, còn khởi tâm động niệm, sẽ là Bồ Tát, chưa phải là Phật. Còn có phân biệt, chấp trước, sẽ là phàm phu, chưa phải là thánh nhân. Phật đâu có những đố kỵ, chướng ngại này! Tuyệt đối chẳng thể có! Do Phật Di Đà phát đại nguyện này, chư Phật hoan hỷ, đối với tất cả hết thảy chúng sanh, hết thảy chư Phật Như Lai đều giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, kể cả Tỳ Lô Giá Na Phật trong hội Hoa Nghiêm cũng không ra ngoài lệ này. Vì thế, Văn Thù, Phổ Hiền dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng sang thế giới Cực Lạc quy y A Di Đà Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng tức giận. Không chỉ chẳng tức giận, mà còn hoan hỷ. Vì sao? Tu hành thành Phật trong thế giới Hoa Tạng, kinh giảng điều này rất rõ ràng, phải mất bao lâu? Ba A-tăng-kỳ kiếp mới đoạn được tập khí vô minh từ vô thủy trong A Lại Da Thức. Vô minh đã đoạn rồi, nhưng tập khí vô minh chưa đoạn, trong thế giới Hoa Tạng phải tốn thời gian dài như thế [để đoạn]. Đến thế giới Cực Lạc thì sao? Đến thế giới Cực Lạc bèn làm được, trong một ngày là xong! Phương tiện thù thắng như thế, mười phương thế giới chẳng có, chỉ riêng A Di Đà Phật là có. Được rồi! Chỗ của Ngài có [sự thù thắng này], có thể giải quyết thì mười phương chư Phật đều đưa học trò của mình, kể cả hàng Bồ Tát, sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là biểu thị pháp cho chúng ta biết: A Di Đà Phật dạy dỗ là chư Phật Như Lai dạy dỗ. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, phải có tâm lượng này, đây là gì? Tùy hỷ công đức! Kinh Hoa Nghiêm nói “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, đây là đạt tới rốt ráo viên mãn. Chư Phật Như Lai, quý vị hãy ngẫm xem, chẳng phải là thanh tịnh tự tại ư? Ta mong hết thảy chúng sanh thành Phật, đều tới thế giới Cực Lạc, đều thanh tịnh tự tại! A Di Đà Phật có mệt mỏi hay chằng? Chẳng có! Làm mà không làm, không làm mà làm! Giúp hết thảy chúng sanh thành Chánh Đẳng Giác, thành Vô Thượng Bồ Đề, trong tâm A Di Đà Phật cũng chẳng có dấu vết. Đây gọi là “*tùy duyên diêu dụng*”, thật sự màu nhiệm, màu nhiệm đến tột bậc! Đây là biểu thị pháp cho chúng ta thấy, nói thật ra, chư Phật là như thế, Phật Di Đà là như thế, mà mỗi người chúng ta cũng đều như thế. Chỉ là mê mất tự tánh, chẳng biết Thể, Tướng, Dụng của tự tánh rộng lớn như thế, không biết trong tự tánh vốn sẵn có, chẳng phải do bên ngoài mà có, chẳng liên quan gì với bên ngoài. Do vậy, pháp môn trì danh niệm Phật là tự tánh.

“Viên mãn trực tiếp”, “viên mãn” là chẳng khiếm khuyết, “trực tiếp” là không có chướng ngại; “*phương tiện cứu cánh, nhất siêu trực nhập*”. Vì vậy, pháp môn này là Đốn Giáo. Buông xuống là đốn xả. Chỉ cần quý vị có thể bỏ, buông xuống được, quý vị sẽ chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo ngay trong hiện tiền. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật thườ ầy dưới cội Bồ Đề, buông xuống, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, bèn minh tâm kiến tánh. [Cảnh giới của] Huệ Năng đại sư lúc canh ba nửa đêm trong phương trượng thất của Ngũ Tổ cũng là cảnh giới này, buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, bèn thành Phật. Cảnh giới của Huệ Năng đại sư và cảnh giới của Thích Ca Mâu Ni Phật dưới cội Bồ Đề giống nhau, là tương đồng, đó “*tối cực viên đốn*”. Nay chúng ta không có năng lực này, thật đấy! Vì sao không có năng lực này? Tập khí phiền não quá nặng, đức Phật giảng rõ ràng chân tướng sự thật, chúng ta đã hiểu rõ, nhưng không thể bỏ xuống được. Ở chỗ này, đức Phật có nói: “*Phương tiện cứu cánh*”, câu này tuyệt diệu! Phương tiện là gì? Sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật. Quý vị nắm vững sáu chữ này, chấp trước nó; do vậy, Tịnh Tông gọi trì danh niệm Phật là chấp trì danh hiệu, “*chấp*” (執) là nắm giữ. Quý vị chẳng giữ lấy những thứ khác, buông xuống toàn bộ những thứ chấp trước khác, thay bằng sự chấp trước này, đây gọi là phương tiện rốt ráo. Nam-mô A Di Đà Phật là gì? Thừa quý vị, là tự tánh, là Tánh Đức của tự tánh. Hai chữ “*Nam-mô*” là tiếng Phạn, có nghĩa là quy y, hay quy mạng. Quy (歸) là quay về, Y (依) là dựa vào, cái gì ta cũng đều buông xuống, nay ta hoàn toàn nương cậy A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là tự tánh, vô lượng quang, vô lượng thọ; lại nói rõ cùng quý vị, trong Hoa Nghiêm, đức Phật nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Vô lượng quang là trí huệ trong tự tánh, vô lượng thọ là đức tướng của tự tánh. Do vậy, niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật là niệm trí huệ và đức tướng của tự tánh, tuyệt lắm! Tiếp theo đó là đoạn: “*Dĩ Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh chi cứu cánh quả giác, tác ngã chúng sanh chi nhân tâm*” (Dùng biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà, sáu chữ hồng danh nơi quả giác rốt ráo để làm cái tâm trong khi tu nhân của chúng ta). Vì thế, pháp môn này gọi là “*quả pháp*” (pháp môn tu nơi quả vị), chẳng phải là “*nhân pháp*” (pháp môn chú trọng tu nhân). Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tu nhân hồng chúng quả, pháp môn này vừa bắt đầu đã là quả, chẳng phải là pháp môn tu nhân.

Tiếp đó, cụ Niệm Tổ nói: “*Dĩ quả vi nhân, nhân quả đồng thời. Tùng quả khởi tu, tức tu, tức quả. Tâm tác, tâm thị, bất khả tư nghị*” (Lấy quả làm nhân, nhân quả đồng thời. Từ quả khởi tu, tu chính là quả, quả chính là tu, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, chẳng thể nghĩ bàn). Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tức là nói pháp môn này khác với tám vạn bốn ngàn pháp môn ở chỗ nào, nói rõ ra. Quý vị gặp pháp môn này há dễ dàng ư? Nhiều kẻ Tiểu Thừa hay Bồ Tát gặp được, nhưng chẳng tin, nên gọi là “*pháp khó tin*”. Nhị Thừa, Bồ Tát không tin, mà lũ phàm phu chúng ta tin tưởng, kỳ quái thay! So ra, chúng ta cao minh hơn hàng Nhị Thừa và Bồ Tát. Do duyên có nào? Thiện căn và

phước đức khác nhau. Trong một đời này, gặp được pháp môn này, có thể tin, có thể hiểu, lại còn chịu thật sự hành, đây chẳng phải là chuyện trong một đời này, mà là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, từ vô lượng kiếp đến nay, quý vị đã gieo thiện căn, trong A Lại Da có thiện căn. Quý vị chẳng có thiện căn, chẳng thể vừa gặp bèn tin tưởng! Nếu thiện căn, phước đức và nhân duyên đều đầy đủ, có đủ những điều kiện ấy, chắc chắn vãng sanh trong một đời này. Vẫn chưa đủ thì sao? Chưa đủ, còn kém một chút; kém một chút bèn có cách: Trong một đời này, nếu quý vị thật sự tin tưởng, thật sự có thể lý giải, hãy dũng mãnh, tinh tấn nhằm bù đắp cho thiện căn và phước đức chưa đủ. Trong đời này, chúng ta có thể làm được, khi thật sự muốn bù đắp sẽ rất nhanh. Nếu như giải đãi, biếng nhác, tán loạn, sẽ chẳng có cách nào hết! Trong một đời này, chẳng có cách nào bù đắp thì sao? Vẫn luân hồi trong lục đạo. Lần sau gặp gỡ, sẽ tiếp tục tu. Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, không biết chúng ta cũng đã làm chuyện như vậy bao nhiêu lần! Đây là sự thật. Từ vô lượng kiếp trong quá khứ đến nay, không biết chúng ta đã làm bao nhiêu lần; đời này lại gặp gỡ là do thiện căn và phước đức trong đời quá khứ hiện hành. Lần này hiểu rõ rồi, quyết định hạ quyết tâm “ta phải thành tựu trong một đời này”, phải hạ quyết tâm này! Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, quý vị thật sự có quyết tâm này, lẽ nào chẳng thành tựu? Có quyết tâm như vậy, nhất định quý vị phải giác ngộ. Quý vị buông thể duyên trong thế gian này xuống, phải thật sự hiểu rõ: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Ý nghĩa chân thật của câu này là gì? Đừng nói là một đời này trong nhân gian, mà ngay cả lục đạo lẫn mười pháp giới cũng chẳng thật, đều là giả, đều chẳng đáng bận lòng, hãy nên buông xuống, chẳng lưu luyến mảy may, quý vị sẽ chẳng còn có chướng ngại nữa

Nếu có mảy may nào chẳng buông xuống được, còn vướng mắc, đối với phàm phu mà nói, nặng nhất là tình chấp, đây là mê hoặc. Buông được những thứ này, những thứ khác sẽ buông dễ dàng! Nhất định phải biết: Những thứ như tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần là họa hại, tình chấp chẳng phải là chuyện tốt. Sau khi quý vị thấy thấu suốt, tình chấp là nghiệt duyên (孽緣). Nó chướng ngại quý vị chứng quả, chướng ngại quý vị khai ngộ, chướng ngại quý vị niệm Phật vãng sanh. Trong thế gian này, chẳng lẽ cha mẹ, thân thuộc chúng ta đều từ bỏ? Điều này dường như đã trái phạm luân thường! Thật vậy! Làm thế nào để có thể làm trọn vẹn đôi bề? Quý vị có thể chuyển biến tình duyên thành pháp duyên, chuyển biến người nhà, quyến thuộc thành pháp lữ, thành đồng tham đạo hữu, cùng sanh về cõi Cực Lạc, tốt hơn nhiều! Trong một đời này, dẫu tình duyên sâu đậm đến đâu đi nữa, chết rồi là phải chia tay, còn có thể ở chung với nhau nữa hay chẳng? Chẳng thể nào! Nhưng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thật sự vĩnh viễn ở cùng một chỗ. Bất luận quý vị ứng hóa trong đường nào, đều có thể thấy rõ ràng, họ cần giúp đỡ, quý vị bèn sanh trong cùng một đường với họ, giúp họ một tay. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật trong thế gian này, quý vị thấy các vị đệ tử gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, đều là đồng tham đạo hữu trong đời quá khứ, còn có

hàng tại gia: Quốc vương, đại thần, cư sĩ hộ pháp, toàn là pháp quyền trong quá khứ. Do vì giúp đỡ chúng sanh, nên giáo hóa chúng sanh mới được thuận lợi như vậy, phải hiểu đạo lý này, chúng ta sẽ chuyển biến thành công.

“*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (tâm này là Phật, tâm này làm Phật): Đức Thế Tôn đã nói câu này trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Đối với hiện thời, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta gặp nhiều kẻ chẳng học Phật hiểu lầm Phật, có thể dùng điều này để giải thích cho kẻ ấy. Phật là gì? Phật là chân tâm của quý vị. Ma là gì? Ma là vọng tâm. Trong tám tướng thành đạo của Tiểu Thừa có hàng ma, Đại Thừa không có. Đại Thừa biết Phật và ma là một, chẳng hai. Giác ngộ, ma bèn thành Phật; mê rồi, Phật biến thành ma, chuyện là như vậy đó, thầy đều là chính mình. Nói cách khác, mê là ma, giác là Phật. Tâm thì sao? Tâm không có giác hay mê, giác hay mê là vọng tâm, chân tâm chẳng có giác hay mê. Vì vậy, đã giác ngộ, mà quý vị còn ý niệm giác ngộ, tức là quý vị vẫn chưa giác ngộ, vẫn rớt trong hai ba (tam tâm, nhị ý). Hai ba là bất giác; [nhận thấy] mê và giác đối lập, làm gì đi nữa thì vẫn là hai thứ! Câu cuối cùng nói rất hay: “*Bất khả tư nghị*” (Chẳng thể nghĩ bàn). Chuyện này quý vị chẳng thể nghĩ nổi. Hễ vừa nghĩ liền trật, vừa nghĩ tới liền mê. Quý vị chẳng thể nói được, hễ nói thì cũng mê rồi! Thốt không nên lời! Nói không nên lời, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật nói suốt bốn mươi chín năm, tuy nói suốt bốn mươi chín năm, [nhưng đúng như] đức Phật đã nói rất hay: “Nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói”. Chúng ta nghe lời này càng nghe càng hồ đồ, lời Ngài nói là thật. Ngài nói lời giả, chúng ta nghe hiểu rõ lắm, chẳng có vấn đề gì. Ngài nói lời thật, càng nghe càng hồ đồ! Chúng ta phải biết dụng tâm để hiểu. Do vậy, đức Phật mới bảo chúng ta: Quý vị phải biết nghe. “Biết nghe” là như Mã Minh Bồ Tát đã dạy trong Khởi Tín Luận: “*Ly ngôn thuyết tướng*”, [nghĩa là] quý vị nghe, nhưng đừng chấp trước tướng nói năng. Nghe nhưng chẳng chấp trước, chẳng phân biệt sẽ là đúng. Nói cách khác, thật sự có thể chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, ai nghe như vậy? Phật nghe như vậy. Có khởi tâm, động niệm, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước, ai nghe như thế? Bồ Tát nghe như thế. Có khởi tâm, động niệm, vẫn còn phân biệt, nhưng không chấp trước, đó là cái nghe của A La Hán. Nếu khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, thầy đều trọn đủ, đó là cái nghe của phàm phu. Quý vị thấy đó: Đều là nghe, nhưng khác nhau, cảnh giới lãnh hội khác nhau.

Quý vị thấy danh từ Khởi Tín trong bộ Khởi Tín Luận của Mã Minh Bồ Tát, đó chính là nhập môn. Đại Thừa nhập môn liền cho quý vị biết: Thật ra, đối với khởi tâm động niệm, nói thật ra, chúng ta chẳng có cách nào, nó quá vi tế. Di Lặc Bồ Tát bảo: “*Trong một khoảnh ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, làm sao chúng ta có thể phát hiện được? Chúng ta làm sao có thể đoạn sạch niệm? Chẳng thể nào! Do chúng ta chẳng phải là bậc thượng thượng thừa, nhưng chúng ta có thể học theo bậc thượng thừa. Bậc thượng thừa là Bồ Tát, Bồ Tát có khởi tâm động niệm, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ nghe được nghĩa chân thật của Như Lai. Có phân biệt, chấp trước,

quý vị nghe xong, nói đã hiểu, thì đó là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng phải [ý nghĩa] do đức Phật nói. Lại nói rõ hơn một chút, đây chẳng phải là kiến giải do Tánh Đức của quý vị, mà là kiến giải trong A Lại Da Thức. Vì sao? Vì quý vị có phân biệt, chấp trước, vẫn là A Lại Da làm chủ tể! A Lại Da là vọng tâm. Tri kiến trong vọng tâm, chẳng phải là chân tâm, còn cách chân tâm một tầng; do điều này mà biết tu hành Phật pháp là tu gì? Chính là hai chữ “buông xuống”, buông xuống là được!

Thật sự có thể đạt đến chẳng nghĩ bàn, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, điều gì cũng chẳng nói tới, người ta hỏi, quý vị bèn trả lời. Chẳng hỏi, cái gì cũng không biết; còn hề hỏi tới, điều gì cũng biết. Không ai hỏi quý vị, tâm quý vị hoàn toàn ở trong Định. Đó là Căn Bản Trí, kinh Bát Nhã bảo là “*Bát Nhã vô tri*”. Lúc không có duyên, Bát Nhã vô tri, ở trong đại định, đó chính là cảnh giới Đại Niết Bàn thanh tịnh, tịch diệt. Người khác có cảm, quý vị lập tức có ứng; khi ứng thì “không gì chẳng biết”, đó là gì? Căn Bản Trí khởi tác dụng, không gì chẳng biết. Giống như trong kinh đã kể chuyện ngài Xá Lợi Phất: Ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất, không có vấn đề nào bắt bí Ngài được! Bao nhiêu người thỉnh giáo Xá Lợi Phất, Ngài đều đối đáp trôi chảy. Có người tới hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao Xá Lợi Phất có đại trí huệ như vậy? Trí huệ của Ngài do đâu mà có? Phật giờ cái trống lên. Gõ trống, đức Phật lấy cái trống làm tỷ dụ, Ngài nói: “Ông có thấy cái trống này hay chẳng?” “Dạ thầy”. “Bên trong cái trống có gì hay không?” “Không có, trống tròn!” Là hai tấm da căng ra; gõ nó, gõ mạnh, kêu to, gõ nhẹ, kêu nhỏ, chẳng gõ, chẳng kêu! Đức Phật nói trí huệ trong tâm Xá Lợi Phất giống như cái trống. Nếu quý vị chẳng gõ, cái gì cũng đều không có. Nếu quý vị gõ, Ngài sẽ lập tức có phản ứng. Đó là gì? Tự tánh Bát Nhã, chẳng phải do bên ngoài mà có, bên ngoài không có. Học những thứ từ bên ngoài quá khổ sở. Cảnh giới bên ngoài là duyên, sẽ cảm. Giống như chúng ta đọc kinh, mở kinh vãn ra, đối trước vãn tự, vãn tự là cảm, chúng ta phải ứng, do tự tánh ứng, nên sanh trí huệ. Nếu chúng ta dùng phân biệt hay chấp trước để ứng, nói theo cách người hiện thời là “nghiên cứu”, nghiên cứu theo kiểu nào, nghiên cứu tới, nghiên cứu lui cũng đều là phiền não, đều là tri kiến sai lầm, chẳng phải là chánh tri chánh kiến. Đức Phật nói “chánh tri chánh kiến”, chớ nên nghiên cứu, nghiên cứu là suy nghĩ, bàn bạc. Chớ nên nghiên cứu thì gọi là gì? Danh từ Phật học là “*tham cứu*”, không gọi là nghiên cứu. Tham cứu và nghiên cứu khác nhau ở chỗ nào? Trong nghiên cứu có phân biệt, có chấp trước; trong tham cứu không có phân biệt, chấp trước; khác nhau ở chỗ này! Tham cứu là trí huệ, nói thẳng thừng thì trong ấy chắc chắn không có hiện tượng cong vạy, chúng ta học Đại Thừa chẳng thể không biết điều này!

Tiếp đó, dẫn sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Trong Di Đà Kinh Yếu Giải có một đoạn như thế này: “*Nhất thanh A Di Đà Phật, tức Thích Ca Bổn Sư u ngũ trước ác thế sở đắc chi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp. Kim dĩ thử quả giác toàn thể thọ dữ trước ác chúng sanh, nãi chư Phật sở hành cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cứu giới tự lực sở năng tín giải dã*” (Một tiếng A Di Đà Phật, chính là pháp để Thích

Ca Bôn Sư đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trược. Nay đem toàn thể quả giác này trao cho chúng sanh trược ác, đây chính là cảnh giới do chư Phật đã hành, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu tột cùng, chẳng phải là chín giới cày vào tự lực mà hòng tin hiểu được). Đây là nói rõ, thuyết minh đơn giản pháp môn này khó tin, khó hiểu. Vì sao khó tin, khó hiểu? Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật như thế nào? Ngẫu Ích đại sư đã vạch trần bí mật: Niệm A Di Đà Phật bèn thành Phật. Lời này ở đâu vậy? Nói ngay trong kinh Di Đà. Chúng ta niệm kinh Di Đà mỗi ngày mà chẳng nhận ra. Niệm mấy chục năm vẫn chẳng phát hiện. Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà thành Phật, thật đấy, chẳng giả tí nào! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã dạy chúng ta một nguyên lý, nguyên tắc: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Nghĩ đến Phật bèn thành Phật, chúng ta hằng ngày tưởng A Di Đà Phật, quý vị quyết định thành Phật; quý vị mỗi ngày tưởng Quán Âm Bồ Tát, sẽ thành Quán Âm Bồ Tát. Quán Âm Bồ chẳng phải là một người, A Di Đà Phật cũng chẳng phải là một người, nhất định phải biết điều này. Quán Âm, Di Đà vô lượng vô biên thân, quý vị niệm các Ngài, sẽ hòa cùng một Thể với các Ngài, Tự, Tha bất nhị! Trong [Tam Thời] Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã nói: *“Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”*. Niệm danh hiệu này là đức hiệu của tự tánh, Quán Âm Bồ Tát cũng là đức hiệu của tự tánh, một đấng được kiến lập từ quả, một đấng kiến lập từ nhân. Danh hiệu Phật là nói theo Quả, danh hiệu Bồ Tát là nói theo nhân, Thể đều là tự tánh, chẳng rời khỏi tự tánh.

Câu này rất quan trọng, Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật như thế nào? Điều này được chính đức Phật dạy rõ trong kinh. Đây là pháp để Ngài đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, cả câu này là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán thì có thể dịch là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A là Vô, chữ A trong A Di Đà Phật phải dịch là Vô; Nậu Đa La là Thượng, [A Nậu Đa La là] Vô Thượng; Tam là Chánh, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh; Miệu là Đẳng, tức Đẳng trong bình đẳng. Phía sau lại có một chữ Tam là Chánh, Bồ Đề là Giác. Do vậy, dịch toàn bộ sang nghĩa tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có thể dịch, chứ không phải là chẳng thể dịch. Vì sao không dịch? Do tôn trọng, nên không dịch. Trong pháp Đại Thừa, quý vị tu học nhằm hướng đến mục tiêu gì? Chính là câu này! Nói cách khác, Đại Thừa nhằm cầu chính điều này, chứ không có gì khác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là tự tánh giác, chẳng phải điều gì khác, cũng là nói “trở về tự tánh”. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề sẵn có trong tự tánh, “đắc” là “trở về”. Nói theo mặt Tướng, Tịnh Độ Tông nói bốn cõi, Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong bốn cõi chính là điều này, nó tương ứng với Thường Tịch Quang. Trong Thường Tịch Quang, không có hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, nó tồn tại, chẳng có sanh diệt. Khi Huệ Năng đại sư khai ngộ, đã nói năm câu về Thường Tịch Quang: *“Vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt, vốn tự trọn đủ, vốn chẳng lay động, có thể sanh ra vạn pháp”*. Sanh ra vạn pháp như thế nào? Có một niệm bất giác, vạn pháp liền xuất hiện. Một niệm bất giác gọi là “vô thí vô

minh”, quý vị phải nhớ, đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. “*Vô thi*”, “*thi*” (始) là bắt đầu, [vô thi là] không có bắt đầu. Vì sao có một niệm bắt giác? Chẳng có lý do, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có sự gì. Nếu quý vị muốn truy cứu một niệm bắt giác, vì sao có một niệm bắt giác, quý vị đọa lạc ngay lập tức. Quý vị thấy quý vị có phân biệt, có chấp trước, liền từ chỗ cao nhất rớt xuống lục đạo luân hồi. Do vậy, đức Phật dùng danh từ này hay lắm, vô thi! Quý vị chớ nên truy cứu, đừng nên truy cứu nó bắt đầu khi nào, chớ nên truy cứu, đúng là vô thủy.

Mãi cho đến khi đọc phân đối thoại giữa đức Thế Tôn và Di Lặc Bồ Tát, chúng tôi mới hơi hiểu rõ chân tướng sự thật này. Vì sao nó vô thi? Nó quá ngắn ngủi! Quý vị hãy nghĩ xem, nay chúng ta tính trong một giây khảy ngón tay bốn lần, một niệm là thời gian bao lâu? Một ngàn hai trăm tám mươi triệu phần của một giây, quý vị có thể nói nó bắt đầu từ đâu hay chẳng? Chúng ta nói “bắt đầu” thì chẳng biết đã trải qua bao nhiêu niệm, bởi lẽ, niệm tồn tại trong một thời gian quá ngắn ngủi, tạm bợ. Kinh thường nói là một “sát-na” là thời gian cực ngắn, nhưng ngắn đến mức nào, sẽ nói mơ hồ, chẳng rõ ràng. Di Lặc Bồ Tát giảng rõ ràng chuyện này, chẳng mơ hồ tí nào: “*Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”. Chúng ta khảy ngón tay lạ lùng, có thể là tôi khảy nhanh hơn, được năm lần, nói chung khảy chừng bốn lần. Nếu khảy năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu, tức là năm nhân với ba trăm hai mươi triệu, quý vị thấy tốc độ lạ như thế, làm sao có thể nói nó có sanh diệt? Vì thế, chẳng thể nói nó sanh diệt, tính không kịp! Do vậy, kinh Phật bảo là “*sanh diệt đồng thời*”. Chữ “*đồng thời*” có thể giảng theo cách này. Bất sanh bất diệt chỉ có thể nói theo cách này. Quý vị phải thật sự hiểu ý nghĩa của cách nói này. Nếu thật sự chẳng sanh diệt, nói “bất sanh bất diệt” chẳng phải là nói nhảm, nói dư thừa hay sao? Xác thực có sanh diệt, nhưng sanh diệt với tốc độ quá nhanh, quý vị không có cách nào quan sát, mắt chẳng thể thấy được, ý niệm nghĩ không ra; cho nên chỉ nói sự sanh diệt ấy là bất sanh bất diệt. Trong bất sanh bất diệt có sanh diệt, sanh diệt chính là bất sanh diệt, bất sanh diệt chính là sanh diệt, quý vị mới hiểu chân tướng sự thật rõ ràng, minh bạch. Chúng ta hiểu rõ ràng, minh bạch thì nói thật ra, vẫn là phân biệt, chấp trước; chẳng dùng đến phân biệt, chấp trước, vẫn không hiểu rõ lắm, chẳng hiểu rõ rệt! Vì sao? Chưa biết dùng chân tâm, mà chính là dùng vọng tâm. Thật sự chưa hiểu rõ lắm thì quý vị đừng cố nữa, hãy cứ thật thà niệm A Di Đà Phật, về thế giới Cực Lạc sẽ chẳng hiểu rõ ràng ư? Đây là biện pháp tốt đẹp, cần gì phải chuốc lấy phiền phức? Cung kính niệm kinh Đại Thừa một biến, đây là công đức; nhưng quý vị khởi tâm động niệm suy nghĩ “*kinh có ý nghĩa gì*”, công đức bị phá sạch! Công đức chẳng còn nữa, biến thành phước đức. Phước đức khác công đức. Vì sao chúng ta vẫn phải niệm? Niệm nhằm tu Định, dùng phương pháp đọc kinh để nhiếp tâm, buông tất cả vọng tưởng, chấp trước xuống. Đọc kinh cũng chẳng dấy vọng tưởng, cũng không khởi chấp trước, đọc kinh là tu Định. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, đây cũng là một pháp môn, vấn đề là chính mình có biết sử dụng hay không.

Mấy câu tiếp theo có thể nói là rất trọng yếu đối với Tịnh Tông! “*Kim dĩ thử quả giác toàn thể thọ dữ trước ác chúng sanh*” (nay đem toàn thể quả giác này trao cho chúng sanh trước ác). “*Trước*” là ngũ trước ác thể. Lúc tôi mới học Phật, vào sáu mươi năm trước, thấy kinh nói đến ngũ trước ác thể, chúng tôi thường cảm thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nói hơi quá lớn! Thế giới này dù trước ác, vẫn chưa trước ác đến mức ấy. Nhưng nay nhìn lại chữ này, Ngài nói đúng quá, chẳng quá lớn tí nào! Sở dĩ thế giới hiện tại có tai nạn, tai nạn vì sao mà có? Do dính dáng đến trước ác. “*Trước*” (濁) là hỗn trước (dơ bẩn, đục ngầu), “*ác*” (惡) là Thập Ác. Quý vị thấy chúng sanh trong thế gian này khởi tâm động niệm tương ứng với Thập Ác, chẳng có Thập Thiện. Tương ứng với Thập Ác, đúng là đại tai nạn sẽ xảy ra! Nay chúng ta suy nghĩ: Thật sự có tai nạn hay không? Có rất nhiều người hỏi tôi, tôi nói “*hãy nên biết là thật đấy*”, vì sao? Chúng ta nhìn từ nhân quả, thiện nhân cảm thiện quả, ác nhân cảm thọ ác quả. Trước hết, hãy nhìn từ tướng hảo của chính mình, tướng chuyển theo tâm. Tâm địa thiện lương, tướng mạo sẽ thiện lương; tâm địa thiện lương, thân sẽ khỏe mạnh. Thầy lang Bành Hâm¹⁸[9] nói rất hay: “*Bất thiện, quý vị sẽ nhiễm bệnh*”. Trong bản báo cáo, ông ta đã nói như thế. Bất nhân, “*nhân*” (仁) là thương yêu con người. Kẻ bất nhân dễ bị bệnh gan. Kẻ bất nghĩa, dễ mắc bệnh phổi, nó có cảm ứng với phổi. Vô lễ, dễ mắc bệnh tim. Vô trí là hồ đồ, thiếu trí huệ, dễ mắc bệnh thận. Bất tín, thiếu tín nhiệm, thường mong lừa gạt kẻ khác, dễ mắc bệnh tỳ vị (lá lách và bao tử). Phải làm như thế nào để thân thể khỏe mạnh? Phải thực hiện Ngũ Thường, tức là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, quý vị đều làm được. Ngũ Thường chính là Ngũ Giới trong Phật pháp. Chẳng sát sanh là nhân, không trộm cắp là nghĩa, chẳng tà dâm là lễ, chẳng uống rượu là trí, chẳng nói dối là tín; nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Quý vị có thể giữ vẹn Ngũ Giới, nội tạng sẽ chẳng sanh bệnh. Chỗ nào bị bệnh, nhất định quý vị thiếu đạo đức, Ngũ Thường là năm đức, [do thiếu đức nào] nên quý vị mới bị bệnh ấy. Bị bệnh mà quý vị hiểu đạo lý này, ta khéo tu đức, khiến cho ngũ tạng lục phủ¹⁹[10] khôi phục bình thường, chẳng còn bệnh nữa! Trung Y dùng thuốc men để chữa bệnh, hiệu quả chỉ được ba phần, sửa đổi tâm tư thái độ chiếm mất bảy phần! Nếu biết thay đổi tâm tư, thái độ, lại dùng một chút thuốc men để phụ trợ, sẽ trị bệnh hết sức hữu hiệu.

¹⁸[9] – “*Bành Hâm là Trung y sĩ (thầy thuốc Bắc) là chuyên viên nghiên cứu tại Sở Nghiên Cứu Lý luận trực thuộc Trung Quốc Trung Y Đại Học Viện, tốt nghiệp từ Bắc Kinh Trung Y Dược Đại Học, chuyên nghiên cứu châm cứu, và các lý luận ứng dụng chữa trị, chẩn đoán và phòng bệnh trong Đông Y, chủ trương đường lối dưỡng sinh bằng tu đức.*”

¹⁹[10] – “*Ngũ tạng lục phủ là danh từ phẩm chỉ tất cả cơ quan nội tạng trong thân thể con người. Tâm, can, tỳ, phế, thận (tim, gan, lá lách, phổi, thận) là Ngũ Tạng. Tiểu Trường, Đâm, Vị, Đại Trường, Bàng Quang (ruột non, mật, bao tử, ruột già, bàng quang) kèm thêm Tam Tiêu thành Lục Phủ. Tam Tiêu là khoảng trống giữa ngực và bụng được chia thành ba phần gọi là Thượng Tiêu, Trung Tiêu và Hạ Tiêu.*”

Do Phật đã chứng đắc viên mãn quả giác, tức là đã trở về tự tánh viên mãn, đem điều này giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh. Đây là “*chư Phật sở hành cảnh giới*”. Ở đây, câu này bảo rõ với chúng ta: Hết thấy chư Phật đều là niệm A Di Đà Phật mà thành Phật, không có ngoại lệ! Quý vị tin được không? Tôi đọc kinh Hoa Nghiêm, trong lần tham học thứ nhất của phần năm mươi ba lần tham học, tỳ-kheo Cát Tường Vân dạy Thiện Tài đồng tử hai mươi một pháp môn Niệm Phật, tôi đã giảng rồi, nhưng suy nghĩ vẫn chưa thấu triệt, vì sao? Lúc ấy, chưa đạt tới cảnh giới như hiện thời, nhưng tôi nói hai mươi một pháp môn Niệm Phật bao quát tất cả các pháp môn do thập phương tam thế hết thấy chư Phật, Bồ Tát đã nói, hễ triển khai thì môn nào cũng đều là pháp môn Niệm Phật. Cổ đại đức nói: Đúng thế, mỗi pháp môn đều là pháp môn Niệm Phật; nhưng pháp môn niệm A Di Đà Phật là pháp môn nói thẳng thừng, ôn hòa, thích đáng, nhanh chóng, dễ dàng, thành công cao, là quả giác rốt ráo viên mãn, “*duy Phật dữ Phật năng cứu tận*”(chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu tột cùng), “*cứu tận*” là hiểu rõ triệt để. Tánh, Tướng, Sự, Lý, nhân quả, tới khi thành Phật quý vị mới hiểu rõ. Bồ Tát chưa được, đối với chuyện này, Bồ Tát có thể liễu giải, nhưng trong kinh, đức Phật có nêu một tỷ dụ, tức là “*ngắm trăng qua một lớp the*”. “*The*” là gì? The là lượt là, rất mịn, the, sa, nhiều, đoạn, rất mịn, trong suốt, giống như sa, nhưng trong suốt, còn mịn hơn sa nữa! Quý vị có thể nhìn thấy bên ngoài qua lớp the, ngắm trăng qua sự ngăn cách này. Bồ Tát đối với pháp này có thể lý giải [nhưng vẫn chưa hoàn toàn thấy tường tận]; cho nên nói: “*Phi cứu giới tự lực*” (chẳng phải do chính sức lực của chúng sanh trong chín pháp giới). Chín pháp giới đặc biệt dùng sức của chính mình, nếu được Phật gia trì, quý vị sẽ có thể tin, có thể hiểu. Chẳng có Phật lực gia trì, dựa vào sức của chính mình, chắc chắn quý vị chẳng có cách nào cả! Tại đây cũng là hé lộ một tin tức: Nay chúng ta có thể tin, có thể hiểu pháp môn này, lại còn muốn thật sự hành; quý vị phải nghĩ chính mình đã được Phật lực gia trì. Không có Phật lực gia trì, sẽ làm không được! Nay chúng ta gặp pháp môn này là có duyên với Phật, là có cảm. Chúng ta muốn học, Phật sẽ có ứng, Phật sẽ gia trì chúng ta, giúp chúng ta có tín tâm, giúp chúng ta có thể lý giải, giúp chúng ta tu hành chứng quả. Tới lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, đó chính là Chúng. Hoàn thành “*tín, giải, hành, chứng*” trong một đời.

“*Hựu viết*” (lại nói), đây vẫn là điều được viết trong Di Đà Yếu Giải, “*cử thư Thễ*” (toàn bộ cái Thễ này), Thễ là gì? Thễ là pháp giới Thễ, là tự tánh. Trong sách Hoàn Nguyên Quán có câu: “*Tự tánh thanh tịnh viên minh thể*” chính là nói về điều này. Câu nói này của quốc sư Hiền Thủ và câu “*tất cả chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*” trong kinh [Hoa Nghiêm] là cùng một câu nói, có cùng một ý nghĩa. “*Tự tánh, thanh tịnh, viên minh*”, nói thành ba chuyện, nhưng ba chuyện này là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát. Minh là trí huệ, thanh tịnh là đức hạnh, viên mãn là tướng hảo. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Toàn bộ Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát được bao gồm trong Tánh Đức. “*Tác Di Đà thân độ*” (làm thân và cõi nước của Di Đà), thân Di Đà

được gọi là Pháp Thân, cõi nước Phật Di Đà ngự được gọi là Tịnh Độ. Pháp giới Thế là tự tánh, thân và cõi nước đều do Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Kinh Phật dạy: “*Pháp như thị*” (pháp vốn là như thế). Đó là “*cử thử Thế tác Di Đà danh hiệu*” (dùng toàn bộ cái Thế này để làm danh hiệu Di Đà). Danh hiệu của cái Thế ấy là A Di Đà Phật. “*Thị cố, Di Đà danh hiệu tức chúng sanh Bản Giác lý tánh*” (vì thế, danh hiệu Di Đà là lý tánh Bản Giác của chúng sanh). Bản Giác là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. Lý là lý tánh, tác dụng của Lý là Sự, tác dụng của Tánh là Tướng. Tánh, Tướng, Sự, Lý sẵn có trong tự tánh của chúng sanh, chẳng phải do bên ngoài mà có! Đây là nói rõ mối quan hệ giữa danh hiệu A Di Đà Phật và hết thảy chúng sanh: A Di Đà Phật chẳng phải là ai khác, mà thật sự là chính mình, chớ nên hiểu lầm! Chính mình vốn là Phật! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói [chuyện này] bao nhiêu lần. Chính mình vốn là Phật, nay niệm A Di Đà Phật tức là muốn thành Phật. Quý vị suy nghĩ coi: Có thể nào chẳng thành Phật ư? Chính mình vốn là Phật, nay lại muốn làm Phật, niệm Phật chính là muốn làm Phật, chúng ta chẳng còn hoài nghi nữa. Đây là hai đoạn trích dẫn từ sách Di Đà Yếu Giải.

Tiếp theo đó, Hoàng lão cư sĩ nói: “*Khả kiến thử kinh thật thị đại bi từ phụ Như Lai Thế Tôn xứng tánh cực đàm*” (Có thể thấy kinh này thật là lời bàn luận xứng tánh đến tột bậc của đức đại bi từ phụ Như Lai Thế Tôn). Kinh này quả thật là như vậy, đại từ bi phụ là A Di Đà Phật, tức vị Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Như Lai Thế Tôn là [nêu đại lược hai thứ trong] mười thứ đức hiệu của Phật. Như Lai có nghĩa là gì? Kinh Kim Cang giảng rất khéo: “*Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa*” (Như Lai là nghĩa Như của các pháp). Câu này giảng khéo lắm! Hết thảy các pháp đều do tự tánh biến, hết thảy các Pháp Tướng giống như Pháp Tánh. Hoặc là chúng ta nói như thế này: Hết thảy Pháp Tướng đều là tự tánh, quý vị càng dễ hiểu hơn! Tự tánh của chúng ta ở chỗ nào? Bất luận pháp nào cũng đều là tự tánh. Do vậy, đối với người đại triệt đại ngộ trong Tông Môn, tỏ sự bèn khảo nghiệm, trắc nghiệm kẻ ấy: [Tự tánh] ở đâu? Tùy tiện lấy một pháp đều là [tự tánh], pháp nào cũng đều Như, chẳng có một pháp nào chẳng Như. Phàm và thánh sai khác ở chỗ mê hay ngộ. Người ngộ rồi sẽ được gọi là Phật hay Bồ Tát; kẻ mê bất giác, chẳng biết hết thảy các pháp đều là tự tánh, cho nên gọi kẻ ấy là phàm phu. Trong pháp môn Bất Nhị, phàm và thánh chẳng hai, thật đấy. Nói thật với quý vị: “*Sanh Phật bất nhị*”, [nghĩa là] chúng sanh và Phật là một, không hai, đều là nói thật, nhưng quý vị chẳng thừa nhận. Quý vị chẳng dám nhận, đó là gì? Quý vị mê rồi! Khi nào quý vị giác ngộ, tự tánh vốn ở ngay đây, vấn đề gì cũng đều được giải quyết! Vì thế, kinh này là đức Thế Tôn xứng tánh cực đàm. Cực là tột cùng, nay chúng ta gọi là “đỉnh cao nhất” không có gì cao hơn được, viên mãn đến rốt ráo, không còn gì viên mãn hơn. Bộ kinh này đúng là như vậy, chẳng giả. “*Chư Phật bí tạng*”, chữ “*bí*” (祕) này chẳng phải là bí mật, quý vị phải hiểu: Trong Phật pháp không có bí mật. Có bí mật, sẽ chẳng thể nói với người khác, trong Phật pháp không có [điều ấy]. “*Bi*” trong Phật pháp là nói đến sự sâu xa, kín

nhiệm, Sự lẫn Lý đều quá sâu, chẳng dễ liễu giải, ẩn kín. Đây là nói thập phương tam thể hết thầy chư Phật Như Lai trong không ngần mé thể giới, trong mười pháp giới của các thế giới chư Phật, giáo hóa chúng sanh trong lục đạo, giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh. Bốn chữ “*chư Phật bí tạng*” có ý nghĩa này.

Lại nói là “*hòa bàn thác xuất*” (和盤托出: giải bày trọn hết), chẳng giữ lại! Giống như chúng ta đãi khách, dọn thức ăn đầy mâm, toàn bộ dọn ra hết. Cái mâm (bàn tử: 盤子) ấy chính là bộ kinh này, trong bộ kinh này có nội dung gì? Bí tạng của thập phương tam thể hết thầy chư Phật đều ở trong đây, tuyệt diệu thay! Vì thế, cổ đại đức nói: Mọi người tán thán hai bộ kinh lớn là Hoa Nghiêm và Pháp Hoa khôn cùng, đại kinh Nhất Thừa mà! Cổ đại đức bảo [hai kinh ấy] đều nhằm dẫn đường cho kinh Vô Lượng Thọ. Nếu tôi chấp nhận cách nói này, tôi tin tưởng Tịnh Độ. Quý vị thấy thầy Lý khuyên tôi như vậy, nhưng tôi chẳng tiếp nhận. Tôi tiếp nhận Tịnh Độ là do giảng kinh Hoa Nghiêm, phải biết cũng là giảng được bảy, tám năm rồi, có một hôm, bỗng nhiên dấy lên ý niệm: Nghĩ coi Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Giảng kinh chưa đến phần sau, lật phần sau ra. Giờ phần sau ra [mới thấy] khi kinh này sắp giảng xong, hình như là trong quyển ba mươi chín, quyển bốn mươi là chấm dứt kinh. Trong quyển thứ ba mươi chín, Văn Thù Bồ Tát, trong sách Chú Giải này, cụ Hoàng cũng trích dẫn, trong phần sau sẽ nói đến, Văn Thù Bồ Tát phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ, Phổ Hiền Bồ Tát cũng phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ. Lại xem kỹ, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử chứng tỏ, [giống như] người Hoa nói “*tiên nhập vi chủ*” (điều gì tiếp xúc đầu tiên sẽ là chánh yếu), Thiện Tài đồng tử tham phỏng vị [thiện hữu] thứ nhất là tỳ-kheo Cát Tường Vân, Ngài niệm A Di Đà Phật, tu Ban Châu tam-muội, chuyên tu niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Ngài giảng cho Thiện Tài hai mươi một pháp môn Niệm Phật. Tôi vừa mới nói với quý vị, hai mươi một môn này triển khai thành vô lượng vô biên pháp môn, chẳng có một pháp môn nào chẳng phải là pháp môn Niệm Phật, tương ứng với “*chư Phật bí tạng, hòa bàn thác xuất*”.

“*Thả thử niệm Phật pháp môn, diệc tức chúng sanh bốn cụ chi hóa nghi*” (Hơn nữa, pháp môn Niệm Phật này cũng chính là hóa nghi sẵn có của chúng sanh). Trong phần trước, chúng tôi đã từng nói: “*Hóa*” (化) là giáo hóa, “*nghi*” (儀) là nghi thức. Đây là phương thức giáo hóa, phương thức này do đâu mà có? Chúng sanh có sẵn, cho nên nó thuộc về Tánh Đức. Chúng ta mê mất, Phật, Bồ Tát lấy ra [dùng điều này để giáo hóa chúng sanh], nó là cái bản thân chúng ta vốn sẵn có. Nghi thức này giống như cách chúng ta học tập trong các trường học hiện thời, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh, chúng ta tu học cũng giống như vậy. Thời gian mê trong lục đạo quá lâu, mê quá sâu, chẳng thể quay lại ngay được, phải làm từ từ! Trước hết là buông xuống phiền não nghiêm trọng nhất, buông xuống chấp trước nghiêm trọng nhất, chẳng hề chấp trước hết thầy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, thưa quý vị, lục đạo sẽ chẳng còn nữa, chúng

đều là giả. Trong kinh Kim Cang, đức Phật nói: *“Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, do quý vị có chấp trước, nên bèn hiện tướng này, đây là mộng cảnh. Khi tỉnh khỏi chấp trước, tỉnh rồi, lục đạo không còn nữa, quý vị sẽ tìm không ra lục đạo! Tỉnh lại, sẽ là cảnh giới nào? Là tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, cảnh giới này xuất hiện. Cảnh giới này vẫn là một mộng cảnh; vì thế, lục đạo là *“mộng trong mộng”*. Tứ thánh do đâu có? Tứ thánh do phân biệt và vọng tưởng mà có. Có vọng tưởng, có phân biệt, sẽ có tứ thánh pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát là phân biệt, sau khi đoạn sạch [phân biệt] bèn thành Phật. Phật [trong tứ thánh pháp giới] chưa đoạn vọng tưởng, có khởi tâm động niệm, tức là Vô Minh phiền não chưa đoạn. Nếu đối với pháp thế gian và xuất thế gian chẳng khởi tâm, không động niệm, thật sự tỉnh, mười pháp giới sẽ không có! Do vậy, thưa với quý vị: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, *“hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, là thật, chẳng giả. Đây là sau khi tỉnh lại, bèn thoát khỏi mười pháp giới, cảnh giới ấy sẽ gọi là Nhất Chân pháp giới. “Chân” là gì? “Chân” là vĩnh hằng không thay đổi! Quý vị thấy trong thế gian này, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, di, diệt, khoáng vật như núi, sông, đại địa, kể cả tinh cầu, có thành, trụ, hoại, không, biến đổi trong từng sát-na, vô thường. Người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai đều chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, cho nên thế giới ấy không biến hóa. Quý vị sanh vào thế giới ấy là hóa sanh, chẳng sanh bằng bào thai, đều là thân kim cang bất hoại, thân tướng sẽ không già yếu, sẽ không sanh bệnh, trên thân sạch sẽ, không cần phải tắm táp, rửa ráy, không cần thiết, hóa sanh mà! Cây cối, hoa cỏ vĩnh viễn như trong mùa Xuân, chẳng biến đổi, không có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông biến hóa. Do vậy, gọi là Nhất Chân.

Tu gì trong cảnh giới ấy? Phải đoạn trừ tập khí vô thi vô minh. Đoạn tập khí bằng cách nào? Không có cách nào hết! Không để ý tới nữa, nó sẽ đoạn, tự nhiên đoạn. Cổ nhân dùng tỷ dụ bình rượu để nói về tập khí, phương pháp này rất hay! Bình rượu chứa rượu, đổ sạch sành sanh rượu, chùi sạch bong, quả thật là một giọt cũng chẳng còn, nhưng vẫn ngửi thấy mùi, đó là “tập khí”, không có cách nào diệt trừ! Không thể làm gì khác hơn là mở toang nắp bình, bỏ ở đó, để một năm hay nửa năm, ngửi thử sẽ không thấy mùi nữa! Do vậy, sự tu hành của người ấy trong cõi ấy được gọi là “vô công dụng đạo”, căn bản là không màng tới, mặc cho nó biến mất. Nhưng ở trong ấy, Pháp Thân Bồ Tát thần thông quảng đại, chúng sanh trong mười phương thế giới có cảm, Ngài lập tức có ứng, sẽ làm những chuyện ấy. Có cảm bèn có ứng, cảm ứng hết sức rất nhanh. Đây là như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói, một niệm vừa động, bèn trọn khắp pháp giới, bất luận quý vị động niệm nào! Vì thế, sau khi đọc bộ luận này, chính mình phải hiểu: Chúng ta khởi tâm động niệm, dấy lên thiện niệm, những người tâm địa thanh tịnh trọn khắp pháp giới hư không giới đều thu được, đều nhận được tin tức ấy. Giống như chúng ta đang ở trên màn hình TV, toàn bộ hoạt động của quý vị họ thấy hết. Quý vị có thể gạt

gồm được người nào hay chăng? Quý vị khởi lên ác niệm, họ cũng biết hết, chẳng thể giấu diếm mảy may nào! Đừng tưởng người ta không biết, biết toàn bộ! Quý vị chỉ có thể giấu diếm chúng sanh mê hoặc, điên đảo, họ không biết; chứ không gạt được người giác ngộ! Đây là chân tướng sự thật. Một niệm trọn khắp pháp giới, một niệm sanh ra vô tận, đó tức là nói: Nó biến huyền vô cùng, chứa đựng cả Không lẫn Có. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát), thật đấy! Một niệm là như vậy, một hạt vi trần cũng là như vậy, bất luận là hiện tượng vật chất hay tinh thần, toàn bộ đều là như vậy. Hơn nữa, vật chất và tinh thần là một, không hai. Nếu quý vị đã học ba tể tướng của A Lại Da Thức, quý vị sẽ biết. Trong Đại Thừa Phật giáo dùng ba tể tướng của A Lại Da Thức để giải thích duyên khởi của vũ trụ, vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật do đâu mà có? Sanh mạng do đâu mà có? Ta từ đâu đến? Giải thích hết sức rõ ràng. Vì sao có thể hiểu rõ như thế? Đó là cảnh giới do chính những người đó giác ngộ, chứng đắc, chẳng phải do nghiên cứu, quan sát, suy đoán như trong khoa học, chẳng phải, mà do họ đích thân thấy. Họ trở về tự tánh, thật sự hiểu rõ toàn bộ Tánh, Tướng, Sự, Lý, nhân quả trong tự tánh.

Vì sao địa cầu ngày nay biến thành tình trạng như vậy? Vì sao nhiệt độ địa cầu tăng lên? Vì sao băng ở Nam Cực và Bắc Cực tan chảy? Vì sao các nơi bị động đất nhiều như thế? Kinh Phật giảng rõ ràng! Mà cũng có [biện pháp] để giải quyết vấn đề này ra sao, chỉ cần quý vị tin tưởng, địa cầu sẽ có thể lập tức khôi phục bình thường. Không chỉ hữu dụng đối với địa cầu, ngay cả các tinh cầu, tinh hệ trong vũ trụ cũng sẽ vận hành theo đúng quỹ đạo bình thường, chẳng đến nỗi rối loạn, chúng ta đều có thể làm được, chứ các khoa học gia chẳng có cách nào. Vì sao có thể làm được? Vì hết thảy các pháp sanh từ tâm tướng, Thái Dương Hệ sanh từ tâm tướng, Ngân Hà Hệ sanh từ tâm tướng, chỉ cần quý vị chẳng có quan niệm sai lầm, chúng bèn bình thường. Nếu quý vị muốn thay đổi chúng, chúng sẽ biến thành dị thường. Các nhà khoa học làm chuyện dị thường, muốn nhân định thắng thiên, muốn sửa đổi hoàn cảnh thiên nhiên, vấn đề sẽ nảy sanh. Vì sao có những hiện tượng này? Vì chúng từ tâm tướng của quý vị sanh ra. Hiện thời, quý vị có tâm tướng chẳng bình thường, chúng liền biến thành bất thường, chuyện là như vậy đó! Vì sao trước kia bình thường như vậy? Không ai nghĩ đến chuyện thay đổi hoàn cảnh tự nhiên, không ai có ý niệm này, cho nên địa cầu rất bình thường. Hiện tại, các khoa học gia mỗi ngày động niệm, phá hoại môi trường sống và hoàn cảnh tự nhiên, phiền phức dấy lên. Sau khi vấn đề nảy sanh, bèn bó tay, không có cách nào, đáng thương quá!

Sách Hoàn Nguyên Quán đúng là tuyệt diệu! Thầy Hồ Tiểu Lâm xem từ đầu đến cuối ba lần, gọi điện thoại cho tôi biết, hoan hỷ khôn sánh. Khi xem, thầy quên cả ăn cơm, uống nước, đi vệ sinh, hễ xem là xem mười mấy tiếng. Ông ta gọi điện thoại, hỏi tôi: “Có phải là con đang mê hay không? Có vấn đề gì hay không?” Tôi bảo ông ta: “Ông chẳng có vấn đề gì, bình thường! Pháp hỷ sung mãn đấy mà! Quên ăn cơm, lại chẳng cảm thấy đói, Thiền duyệt làm thức ăn. Tuy ông chưa chứng đắc cảnh giới này, ông đã

có chút mon men hưởng thụ”. Lần này [ông ta] sang đây, vốn định báo cáo chuyện này, sau khi đã tới đây, vẫn cảm thấy chưa đủ, vẫn phải thâm nhập một tầng nữa rồi mới báo cáo, tôi nói “được!” Bài luận văn này của quốc sư Hiền Thủ chẳng dài, nhưng thật là phi phàm. Toàn bộ những lý luận và phương pháp tu hành trong kinh Hoa Nghiêm đều được viết ra trong bài văn ngắn ngủi này! Chúng ta học Hoa Nghiêm mười năm, dùng hơn bốn ngàn giờ, mà phần sau [của kinh Hoa Nghiêm chưa được giảng] còn rất dài, do vậy, đem bài luận văn này của quốc sư Hiền Thủ ghép vào học tập giữa chừng, học tập hai lượt. Sau đây, học tiếp kinh Hoa Nghiêm sẽ có ý vị khác hẳn, cảnh giới khác hẳn. Nay chúng ta coi lại kinh Vô Lượng Thọ, sẽ lại khác hẳn! Lẽ nào ông ta chẳng vui mừng! Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm vui vẻ. Do vậy, đây là hóa nghi sẵn có trong tự tánh của chúng sanh.

“Thử nhất cú Phật hiệu, chánh như Yếu Giải sở thị, ký thị chúng sanh Bốn Giác Lý tánh, cố tri thử giới nhĩ năng niệm chi tâm tức thị Như Lai quả giác” (Một câu Phật hiệu này, đúng như sách Yếu Giải đã chỉ ra, đã là Lý tánh Bốn Giác của chúng sanh, cho nên biết cái tâm niệm Phật nhỏ nhoi này chính là quả giác của Như Lai). Chúng ta phải chú tâm thấu hiểu: Câu Phật hiệu ấy là sáu chữ hồng danh “*Nam-mô A Di Đà Phật*” như trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư đã giảng, nó chính là Lý tánh Bốn Giác của chúng sanh, Lý tánh là tự tánh. Nhằm dạy học thuận tiện, đức Phật lập ra sáu chữ để đại diện cho muôn sự muôn vật trong vũ trụ. Tánh Tướng: Tánh có thể sanh, có thể hiện; Tướng là cái được sanh, cái được hiện. Đây là tầng cao nhất, tức duyên khởi của vũ trụ. Tầng thứ hai là Lý, Sự; Lý Sự là A Lại Da Thức, Lý là chủ thể có thể biến, Sự là cái được biến (sở biến), y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến. Trong “cái có thể biến” (năng biến) có nhân và quả; trong sở biến cũng có nhân và quả. Quý vị thấy: Dùng sáu chữ “*Tánh, Tướng, Lý, Sự, nhân, quả*” bao quát trọn hết toàn bộ. Ở đây, quan trọng nhất là phải biết: Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, nhưng chẳng biến. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là cảnh giới này. Do vậy, nó được gọi là Nhất Chân pháp giới. Đến tầng Lý Sự, Năng Biến biến thành A Lại Da Thức, hiện tướng vô lượng vô biên ở trong ấy, chẳng phải là bất biến, mà là biến hóa khôn lường, biến đổi trong từng sát-na. Khi chúng ta học những điều này, cũng không có cách nào để diễn tả, nói không được! Do vậy, tôi đã nghĩ tới thuở nhỏ, chơi ống kính vạn hoa, đơn giản như vậy đó. Quý vị thấy kết cấu của ống kính vạn hoa là ba mảnh gương, ở giữa bỏ mấy mảnh giấy màu khác nhau. Quý vị xoay nó, sẽ thấy những thứ biến hóa bên trong. Quý vị xoay cách nào cũng chẳng tìm được một mô thức (pattern) giống nhau. Có cùng một đạo lý như vậy, A Lại Da Thức khởi tác dụng, biến thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới giống như ống kính vạn hoa, kính vạn hoa chuyển động không ngừng. Niệm này khởi lên, niệm kia diệt mất, tiền niệm diệt, hậu niệm khởi. Vì thế, chúng ta thấy tướng được hiện là hiện tượng gì? Là một thứ gần như là tướng liên

tục, chẳng phải là hai tướng giống nhau, chẳng có! Về căn bản, chẳng giống hệt nhau mà là tương tự.

Giống như chúng ta coi phim, dùng dụng cụ sau đây: Cuộn phim, tức là phim điện ảnh. Quý vị thấy phim bỏ vào máy chiếu phim, một giây chiếu được hai mươi bốn tấm, ống kính đóng hay mở, tức là đối với tấm phim dùng để rọi, hễ ống kính mở, tấm phim ấy bèn được chiếu lên màn bạc, [ống kính] đóng lại, đổi sang tấm kế tiếp. Tốc độ quá nhanh, trong một giây là hai mươi bốn tấm, chúng ta thấy dường như hình ảnh cử động trên màn bạc; thật ra, chúng bất động, đâu có động! Từng tấm khác nhau. Do vậy, quý vị biết, sau khi lật ngửa con bài, [mới biết] thế giới này là tướng liên tục tương tự. Quý vị thấy: Trong điện ảnh, hai mươi bốn tấm phim [trong một giây] đã gạt được mắt ta, chúng ta ngỡ là thật. Đức Phật nói hiện thời [sự tướng biến hóa trong thế gian] theo tốc độ nào? Trong một giây là một ngàn hai trăm tám mươi triệu tấm, tốc độ chuyển động như vậy, làm sao chúng ta biết nổi? Hai mươi bốn tấm đã gạt chúng ta được rồi! Nay tôi cho quý vị biết, trong một giây có bao nhiêu tấm? Một ngàn hai trăm tám mươi triệu! Nói với chúng ta chân tướng sự thật này. Vì thế, có những thứ ấy tồn tại hay không? Không có, vạn pháp đều là Không.

Chúng ta thường nói nhân quả chẳng không, “nhân quả chẳng không” là so với gì để nói? So với tương tục mà nói, nói đối với tướng tương tự liên tục, trong ấy có nhân quả, bảo quý vị phải dè chừng, cẩn thận. Lên cao hơn nữa thì sao? Lên cao hơn nữa thì nhân quả cũng không. Tới Thường Tịch Quang, nhân quả chẳng có, hoàn toàn trở về tự tánh, nhân quả do đâu mà còn nữa? Trong Thường Tịch Quang, ngay cả hiện tượng vật chất lẫn hiện tượng tinh thần đều không có, nhưng có kiến văn giác tri, bởi lẽ, kiến văn giác tri là Tánh Đức. Biến thành A Lại Da Thức là khi nhất niệm vọng động, bèn biến thành A Lại Da Thức, kiến văn giác tri trong A Lại Da biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức; khi mê sẽ là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Giống như tiến sĩ Giang Bồn Thắng dùng nước làm thí nghiệm. Nước có thể thấy, nghe, đó là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Cội nguồn của Thọ, Tưởng, Hành, Thức là gì? Cội nguồn là kiến văn giác tri. Kiến văn giác tri trong tự tánh là trí huệ và đức năng sẵn có trong tự tánh. Đức Phật nói rõ ràng như thế, nói minh bạch như thế, các nhà khoa học chẳng nói đến.

Chánh báo như tóc, lông của chúng ta, y báo như vi trần, đều là tướng được hiện. Chúng ta thường nói “sanh diệt trong từng sát-na”, thật sự quý vị không có cách nào hiểu được khái niệm này, hiểu lời Di Lặc Bồ Tát nói: “*Trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, từ đây chúng ta mới có khái niệm. Bất luận là đầu lông hay vi trần, đều thuộc về vật chất, trong hiện tượng vật chất có kiến văn giác tri. Nay chúng ta đã mê, nói cách khác, có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong một đầu lông đều có, hết thấy các sợi lông, hết thấy các vi trần thấy đều có. Trong Phật pháp nói vi trần, các nhà khoa học hiện thời dùng danh từ “*nguyên tử, điện tử, hạt căn bản, khoa-khắc*

(*quark*)”, đều gọi là “*vi trần*”, là hiện tượng vật chất, có tinh thần hay không? Có! Có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Trong hạt cơ bản có Thọ, Tướng, Hành, Thức, nó biến hóa, nghe theo ai chỉ huy? Ai đang biến hóa nó? Ý niệm. Chúng ta khởi tâm động niệm, nó bèn thuận theo ý niệm của chúng ta mà biến hóa. Ý niệm của chúng ta là thiện, sẽ chẳng có thứ gì bất thiện; ý niệm của chúng ta là bất thiện, sẽ chẳng có gì là thiện.

Nếu chúng ta đều là thiện niệm, cho nên đức Phật mong chúng ta, mong các đệ tử Phật nêu gương tốt cho hết thảy chúng sanh, thực hiện từ nơi đâu? Thực hiện từ Lục Hòa Kính. Vì thế, đoàn thể trong Phật môn được gọi là Tăng đoàn. Quý vị thấy khi chúng tôi thuyết Tam Quy Y: “*Quy y Tăng, chúng trung tôn*”, “*Chúng*” là đoàn thể. Trong Phật pháp, Chúng là nói từ bốn người trở lên, ở cùng một chỗ chung sống, tu hành chung với nhau, một đoàn thể như vậy tu Lục Hòa Kính. “*Kiến hòa đồng giải*”: Cách nhìn, cách nghĩ của ta và cách nhìn của mọi người như nhau, gọi là kiến hòa đồng giải. “*Giới hòa đồng tu*”, mọi người ở cùng một chỗ tuân thủ quy củ. Chẳng tuân thủ quy củ sẽ loạn. Giới luật là quy củ. Sau đây là “*thân đồng trụ, khẩu vô tránh, ý đồng duyệt*” (thân cùng ở, miệng chẳng tranh cãi, cùng vui vẻ chia sẻ ý kiến), đó là vui vẻ ở cùng một chỗ. “*Lợi đồng quân*”: Đây là nói bình đẳng hưởng thụ hết thảy các thứ cúng dường, không có đặc quyền. Đây là Lục Hòa Kính. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, mọi người khát thực, tôi đi khát thực, khát thực được cúng dường kha khá, cơm và thức ăn ngon lành, người kia khát thực, nhà người ta nghèo khổ, cúng thí khác hẳn. Ngày hôm nay chúng ta được món lợi này thì làm sao? Chẳng phải là xin xong bèn ăn ngay, không thể! Khát thực xong, quay về, trở về Tăng đoàn, đem cơm xin được trộn lẫn với nhau, rồi lại phân chia, ăn theo cách như vậy, cho nên nói “*nhất bát thiên gia phạn*” (một bát, cơm ngàn nhà). Đúng vậy, chẳng giá! Tăng đoàn một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, ra bên ngoài khát thực, chẳng phải là cơm ngàn nhà hay sao? Trộn lẫn lại để ăn, quý vị thấy đó: Lợi hòa đồng quân (chia sẻ lợi lạc bình đẳng). Quý vị ra ngoài khát thực, khát thực chẳng được, không sao cả! Biết về nhà sẽ được ăn, được mọi người chia phần, lợi hòa đồng quân.

Trong đây, quan trọng nhất là kiến hòa đồng giải, chúng ta làm sao để có thể có cách nghĩ và cách nhìn chung? Khi chúng ta mê, bất giác, chưa đại triệt đại ngộ, chúng ta phải nương theo Phật, nương tựa thầy, nương theo kinh giáo của thầy. Lấy những thứ ấy làm căn cứ cho tư tưởng, kiến giải, tương ứng với kinh giáo là chánh tri chánh kiến. Trái phạm kinh giáo là tà tri tà kiến. Chúng ta phải chuyển tà thành chánh. Chánh - tà có rất nhiều tiêu chuẩn, mỗi kinh điển khác nhau; vì vậy, các tông, các phái đều khác nhau, nhưng là đại đồng tiểu dị, đều là chánh tri chánh kiến. Thậm chí nay chúng ta mở rộng tầm mắt, thấy trên thế giới này có nhiều tôn giáo khác nhau, chỉ cần chính phủ công nhận tôn giáo ấy là tôn giáo chính đáng, chúng ta cũng tôn trọng và thừa nhận kiến giải của họ cũng là chánh tri chánh kiến. Như vậy thì chúng ta mới có thể chung sống hòa thuận, mới có thể đối đãi bình đẳng, mới mang lại hòa bình, yên ổn cho thế giới. Đó là trong nhân

gian và trong lục đạo. Nếu là trong hàng Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát, cảnh giới ấy được nâng cao hơn, tiêu chuẩn khác hẳn. Đến địa vị Bồ Tát, tiêu chuẩn là tự tánh: Tương ứng với Tánh Đức thì là chánh tri chánh kiến; trái nghịch Tánh Đức của tự tánh sẽ là tà tri tà kiến, khác hẳn [nhân gian và lục đạo]. Do vậy, tiêu chuẩn rốt ráo, tiêu chuẩn tuyệt đối là tự tánh; khi quý vị minh tâm kiến tánh, quý vị sẽ chứng đắc.

Khi chưa chứng đắc, quý vị học tập những người đã chứng đắc, người chứng đắc cho chúng ta biết: Đó là Tánh Đức. Đó là gì? Thừa quý vị, Thập Thiện Nghiệp Đạo là Tánh Đức, Tam Quy Ngũ Giới là Tánh Đức, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia là Tánh Đức, Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân cũng là Tánh Đức, Đệ Tử Quy của Nho gia cũng là Tánh Đức, giảng ngũ luân, ngũ thường, tứ duy bát đức^{20[11]} là Tánh Đức, là chứng đắc của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta chưa chứng đắc, phải nương theo giáo huấn của các Ngài để hành, tùy thuận Tánh Đức, kiến lập chánh tri chánh kiến và kiến hòa đồng giải. Tu Lục Hòa Kính như thế nào? Thực hiện ba thứ căn bản của Nho, Thích, Đạo là thật sự tu Lục Hòa Kính, Lục Hòa Kính sẽ được thực hiện! Thật sự làm! Bắt đầu làm từ đâu? Làm từ chính mình, đừng đòi hỏi người khác, quý vị sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Chỉ đòi hỏi chính mình, đừng đòi hỏi ai khác, kiến lập hòa hợp tăng đoàn như thế đó! Tuyệt đối chớ nên đem ni tắc của chính mình xét đoán người khác, đến mọi nơi phê bình người ta. [Làm như vậy] quý vị sẽ phạm lỗi to lớn quá đỗi! Phải hiểu đạo lý này! Chính quý vị làm được thì sẽ thành tựu. Quý vị thành tựu, chắc chắn sẽ cảm hóa người khác. Một người chịu làm, có thể cảm hóa cả nhà; một nhà đều làm, chắc chắn cảm hóa xóm giềng, cảm hóa thân thích, bằng hữu. Vì thế, sách Đệ Tử Quy có nói: “*Thế phục nhân*” (dùng uy thế khuất phục người khác), chưa chắc người ta đã tiếp nhận, “*Lý phục nhân*” (dùng lý khuất phục người khác), người ta tự nhiên bị cảm hóa. Phải làm từ chính bản thân mình mới là đúng.

Đã là Lý tánh trong Bản Giác của chúng sanh thì là chính mình, chính mình là chúng sanh. Hai chữ “*chúng sanh*” có nghĩa là các duyên hòa hợp sanh ra hiện tượng thì gọi là chúng sanh. Con người chúng ta, thân thể này do các duyên hòa hợp; cái thân vật chất là Tứ Đại, đất, nước, lửa, gió, Tứ Đại, Tứ Đại là gì? Nói theo danh từ khoa học hiện thời, Tứ Đại là nguyên tử hay điện tử. Các nhà khoa học cho biết: Một nguyên tử, một điện tử, hoặc một hạt cơ bản đều có bốn đặc tánh. Thứ nhất là vật chất, nhìn bằng kính hiển vi cao cấp, quý vị có thể thấy được, nó là vật thể quá nhỏ, quý vị chẳng thể đụng tới, nhưng có thể thấy nó. Nhà Phật gọi tánh chất này là Địa Đại, Địa tượng trưng cho vật chất. Một vật thể bé như thế có mang điện tích, chứa âm điện hay dương điện. Dương điện được gọi là Hỏa Đại, âm điện là Thủy Đại. Nó có độ ẩm và nhiệt độ, độ ẩm là Thủy Đại, nhiệt

^{20[11]} – “Ngũ luân là năm mối quan hệ chính yếu: Vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn. Ngũ thường là lễ, nghĩa, trí tín. Tứ duy là lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Bát đức là trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình.”

độ là Hỏa Đại. Nó chuyển động, chứ không tĩnh lặng, [chuyển động với] tốc độ rất nhanh, sự chuyển động ấy gọi là Phong, dùng Phong để tượng trưng, nên gọi là Phong Đại. “Địa, thủy, hỏa, phong” là nói về vật chất cơ bản hay hạt căn bản. Di Lặc Bồ Tát dạy chúng ta: “*Niệm niệm thành hình*”, thì “*hình*” là Tứ Đại, chúng có bốn hiện tượng này. “*Hình giai hữu thức*” (hình đều có thức), câu này quan trọng. Thức là gì? Thức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chỉ cần là vật chất, chắc chắn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nước là vật chất, tiên sĩ Giang Bồn Thắng đã làm thí nghiệm với nước, chứng minh vật chất có Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

Tôi bốn lần sang Nhật Bản tham dự hội nghị quốc tế, có hai lần đi phỏng vấn, tôi sang Nhật Bản sáu lần. Trong sáu lần này, tôi đã hai lần tới thăm phòng thí nghiệm của tiên sĩ Giang Bồn Thắng, tôi tới thăm, ông ta đã giảng giải cặn kẽ. Ông ta làm thí nghiệm mấy chục vạn lần, chứng minh nước thật sự có kiến văn giác tri. Tôi bảo ông ta: “Vấn chẳng phải chỉ có hiện tượng này, nay quý vị đã thấy nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đối với những thí nghiệm này, nước bộc lộ sắc tướng cho quý vị thấy, nhưng trong kinh Phật nói Sắc, Thanh, Hương, Vị, có bốn loại hiện tượng, quý vị chỉ mới thấy Sắc, vẫn chưa phát hiện Thanh, Hương, Vị”. Tôi nói: “Quý vị phải tiếp tục nỗ lực, tôi mong quý vị dùng phương pháp khoa học, nước có âm thanh, có hương, vị, quý vị có thể làm thí nghiệm để xem xét, công đức vô lượng. Đây là như kinh Phật đã nói: Bất luận vật chất gì cũng đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, đều có Sắc, Thanh, Hương, Vị. Hãy dùng một phương pháp khác, chẳng dùng nước nữa”. Quý vị thấy hôm qua, mấy người bọn họ báo cáo ở nơi đây: Họ dùng cơm, lấy ba chén cơm. Một nồi cơm nấu xong, xới ra ba chén, để hai mươi ngày. Một chén thì mỗi ngày tán thán, ca ngợi nó. Chén khác, chán ghét, oán hận nó. Còn một chén nữa, về căn bản là mặc kệ, không màng tới. Hai mươi ngày sau, chén được tán thán mỗi ngày, cơm biến thành màu vàng, có mùi thơm, chén bị oán hận trở nên hết sức khó ngửi, biến thành đen thui; chén không được để ý cũng bị hư, nó thật sự hiểu được ý nghĩ của con người. Đó là gì? Đó là thị hiện có Sắc, Hương, Vị, còn âm thanh chưa có cách để làm thí nghiệm. Đối với lời đức Phật dạy, hoàn toàn làm thí nghiệm [sẽ thấy] hết thấy vật chất đều có Sắc, Thanh, Hương, Vị, đều có bốn hiện tượng này xuất hiện. Phật pháp kỳ diệu khiến cho các nhà khoa học phải gắng công chứng thực.

Vì thế, ý niệm của chúng ta có mối quan hệ với tướng mạo. Muốn đẹp đẽ, ngàn muôn phần đừng tới thăm mỹ viện. Theo như họ đã tường trình trong ngày hôm qua, thăm mỹ viện khổ lắm! Tốn cả đồng tiền để dày đọa bản thân, chịu bao nhiêu dày đọa, gần như mất mạng, lầm lạc quá! Chỉ cần quý vị có tâm tốt, tướng mạo sẽ đẹp đẽ, tướng chuyển theo tâm. Vì sao quý vị không tin chuyện này? Tâm tốt, tướng sẽ tốt đẹp; tâm tánh tốt, thân sẽ khỏe khoắn, thân lẫn tâm khỏe mạnh. Đừng bị kẻ khác lừa gạt! Phật, Bồ Tát chẳng lừa ai, luôn nói lời chân thật, mà quý vị chẳng nghe! Quý vị nghe lời chuyên viên thăm mỹ, chẳng phải là tự chuốc khổ đó sao? Chúng ta muốn thân lẫn tâm khỏe mạnh,

phải tin vào chính mình, tâm niệm phải lành, tư tưởng phải lành. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật bảo long vương: “*Bồ Tát hữu nhất pháp, năng ly nhất thiết thế gian khổ*” (Bồ Tát có một pháp có thể lìa hết thảy nỗi khổ trong thế gian), pháp gì vậy? Là thiện pháp, tức là Thập Thiện nghiệp đạo. Tư tưởng của quý vị tương ứng với Thập Thiện nghiệp, kiến giải của quý vị tương ứng với Thập Thiện nghiệp, ngôn ngữ, hành vi của quý vị tương ứng với Thập Thiện nghiệp, chẳng có điều gì bất thiện, thân và tâm khỏe mạnh, hạnh phúc mỹ mãn sẽ thật sự đạt được! Do vậy, đừng nên cầu bên ngoài.

Tiếp theo đó, sách viết: “*Có tri thử giới nhĩ năng niệm chi tâm tức thị Như Lai quả giác*” (cho nên biết cái tâm năng niệm nhỏ nhoi chính là quả giác của Như Lai). Như Lai quả giác là tự tánh, quả giác nơi tự tánh. Chữ “*giới nhĩ*” thường thấy trong kinh Phật, nhằm hình dung một niệm vô cùng vi tế. Nói thật ra, vi tế đến cùng cực là như Di Lặc Bồ Tát đã nói: “*Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, đó là “*giới nhĩ*”, tức một niệm tâm, chúng ta không có cách nào phát hiện điều này. Nay chúng ta chỉ nhận biết một cái khảy ngón tay là một phần tư giây. Chúng ta có thể cảm nhận được, đó là nhất niệm của bọn phàm phu chúng ta; còn một niệm tâm ở đây thuộc về quả giác của Như Lai, là Tánh Đức, là tự tánh giác. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này. Cảm ơn mọi người!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

phần 2 hết

Tập 05

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Hàng thứ nhất, trang thứ ba của sách Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, xem từ hàng thứ nhất.

“*Thử nhất cú Phật hiệu, chánh như Yếu Giải sở thị, tức thị chúng sanh Bản Giác Lý tánh, cố tri: Thử giới nhĩ năng niệm chi tâm tức thị Như Lai quả giác*” (một câu Phật hiệu này, đúng như sách Yếu Giải đã dạy, chính là Lý tánh trong Bản Giác của chúng sanh. Cho nên biết: Cái tâm niệm Phật nhỏ nhoi này chính là quả giác của Như Lai). Trong lần trước, chúng ta đã đọc tới chỗ này. Câu này vẫn phải nói rõ cặn kẽ hơn một chút, nó có quan hệ rất lớn đối với sự niệm Phật của chúng ta. Cái “*giới nhĩ năng niệm chi tâm*” này là chân tâm, mà cũng là vọng tâm; trong các thứ vọng tâm, nó gần với chân tâm nhất. Vì sao? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm nó là chân tâm. Hễ khởi tâm động niệm, nó là vọng tâm, chỉ là cái tâm bé nhỏ này vừa mới dấy lên [ý niệm]. Nhìn từ phía chân và vọng, cái tâm này khó có; dùng cái tâm này để niệm Phật thì cái tâm ấy chính là “*Như Lai quả giác*” được nói đến ở đây. Người ấy chẳng mê, chẳng có Hoặc (phiền não), [tức là] chẳng mê hoặc. Khi một niệm tâm khởi lên, bèn A Di Đà Phật; niệm Phật phải niệm theo cách như vậy. Nay chúng ta là phàm phu, là lục đạo phàm phu chính cống; nếu trong kinh Đại Thừa, đức Phật không nói ra, chúng ta sẽ vĩnh viễn không nhận biết một niệm tâm này. Nó quá vi tế, “*giới nhĩ*” có nghĩa là “*vi tế*” (nhỏ nhiệm), cực kỳ vi tế, chúng ta không có cách nào nghĩ tưởng được!

Chúng ta vừa mới dấy lên một niệm suy tưởng, Di Lặc Bồ Tát đã bảo: Trong một niệm tưởng, có “*ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, đây là “*giới nhĩ năng niệm chi tâm*” (cái tâm có thể niệm nhỏ nhoi này). Chúng ta vừa mới tưởng, trong cái ý niệm vừa dấy động ấy, bèn có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Di Lặc Bồ Tát đã cho chúng ta biết: [Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm chỉ là] trong khoảng khảy ngón tay, cho nên không có cách nào thấu hiểu điều này được! Trong kinh, đức Phật cũng nói rất rõ khi nào quý vị mới có thể quan sát, nhận biết những niệm vi tế này tồn tại: [Phải là khi đã đạt đến] Bát Địa Bồ Tát, tức Bát Địa Bồ Tát [trong Viên Giáo] như kinh Hoa Nghiêm [đã nói]. Từ Thất Địa trở về trước, đều không có cách nào cảm nhận được! Bát Địa Bồ Tát có công phu định lực như vậy, chúng ta gọi [công phu ấy] là “*thanh tịnh tâm*”. Cái tâm thanh tịnh ấy đạt đến mức độ tinh thuần như vậy, nên Ngài mới cảm nhận được. Cao hơn nữa là

Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa (Đẳng Giác), trên nữa là Diệu Giác, đó chính là viên mãn, tức quả Phật rốt ráo viên mãn! Nay chúng ta nên học như thế nào? Phải rèn luyện trong cuộc sống thường ngày. Chúng ta có thể học theo bí quyết về phương pháp huấn luyện trong cuộc sống thường ngày của Ấn Quang đại sư, bí quyết gì vậy? [Chính là] chữ Tử trong “sinh tử”, thường nghĩ đến lúc phải đối diện cái chết. Đừng sợ chết! Quý vị phải biết: Chết là thân có sanh tử, chứ linh hồn (thần thức) không có sanh tử! Nếu sau khi chết, cái gì cũng đều không có, linh hồn cũng chẳng có; nói chung, chúng ta cũng chẳng cần phải học Phật, cũng chẳng cần phải tu hành, giống như phàm nhân thường nói “*người chết như ngọn đèn đã tắt*”. Chết rồi, cái gì cũng đều chẳng có! Không phải vậy! Thân chết, linh hồn không chết; linh hồn lại đi đầu thai, tức là nói “luân hồi trong lục đạo”, chuyện này phiền phức lắm! Chúng ta phải thật sự hiểu rõ, minh bạch chân tướng sự thật này: [Thần thức] chẳng thể chết được! Trong quá khứ, khi giảng kinh, tôi đã nói rất nhiều lần, chết là phiền lắm! Phiền phức quá lớn! Nhất định phải vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này, vãng sanh Tịnh Độ là thành Phật!

Có thể làm được hay không? Ai cũng có thể làm được! Chỉ cần quý vị hiểu lời khai thị này của pháp sư Ấn Quang, thường nghĩ thọ mạng của mình chỉ là một ngày hôm nay, đừng nghĩ sẽ có ngày mai, [chỉ có ngày] hôm nay thôi, quý vị còn có gì mà không buông xuống được? Chỉ có một ngày hôm nay, ngày hôm nay là ngày cuối cùng, ta phải nên làm chuyện gì? Thật thà niệm Phật, chẳng phải là đã thành công rồi hay sao? Cách niệm như thế nào? Mỗi tế bào trên thân thể ta đều là A Di Đà Phật, mỗi sợi lông đều là A Di Đà Phật. Ta lại mở banh mắt nhìn ra thế giới bên ngoài, nghe âm thanh bên ngoài, những điều mà sáu căn tiếp xúc, chẳng có điều nào không phải là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật trọn khắp pháp giới; đây là niệm Phật. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng rất hay: Hết thấy chúng sanh, “*chúng sanh*” ở đây hiểu theo nghĩa rộng, không theo nghĩa hẹp, do các duyên hòa hợp sanh ra hiện tượng [thì gọi] là chúng sanh, có hiện tượng nào chẳng phải do các duyên hòa hợp? Cái thân động vật của chúng ta do các duyên hòa hợp, [gọi theo] danh từ Phật học là Tứ Đại, Ngũ Uẩn. Tứ Đại là vật chất, Ngũ Uẩn là tinh thần, tức Thọ, Tướng, Hành, Thức. Tứ Đại và Ngũ Uẩn hợp thành thân thể này. Hoa, cỏ, cây cối thì sao? Hoa, cỏ, cây cối cũng vậy, cũng do các duyên hòa hợp mà sanh. Chúng ta thấy thân tướng của chúng là hiện tượng vật chất; chúng có Thọ, Tướng, Hành, Thức hay không? Có chứ! Không rõ ràng như động vật, trì độn hơn động vật nhiều lắm, nhưng chúng có [Thọ, Tướng, Hành, Thức]. Nếu không có, làm sao chúng ta có thể khởi cảm ứng đạo giao với chúng?

Mười năm gần đây nhất, tôi di dân sang Úc, lập một đạo tràng tại Úc. Đất ở Úc rẻ, tiền xây cất đạo tràng rất thấp, đất đai đặc biệt rẻ. Hoàn cảnh sống của tôi ở Úc là ở vùng nông thôn, cách thành phố mười hai cây số, lái xe [vào thành phố mất] mười lăm phút. Phía ngoài căn nhà tôi ở là sân, sân to chừng nào? Cỡ một trăm bảy mươi mẫu Trung

Quốc²¹[1], sân to như vậy đó! Phía ngoài dùng dây kẽm rào lại, đi vòng quanh hàng rào ấy phải mất một giờ. Vì thế, tôi trồng rất nhiều rau, rất nhiều cây cối, hoa cỏ. Cây cối, hoa, cỏ có linh khí, rau có linh khí, thực vật có linh tánh, chúng có [khả năng] thấy nghe, hay, biết. Chúng ta dùng thiện tâm chăm sóc, đối đãi chúng, chúng sẽ báo đáp tốt đẹp: Hoa nở đặc biệt thơm, kết quả đặc biệt ngọt, chúng đền đáp đầy! Chúng tôi không dùng thuốc trừ sâu và phân hóa học. Thuốc trừ sâu và phân hóa học sẽ tổn hại chúng, chúng chẳng muốn tiếp nhận. Chúng giống như chúng ta, có một phần tinh thần. Phật pháp nói đến tâm, thực vật có tâm pháp. Chăm sóc vườn rau, vườn rau rất lớn, chúng tôi tổ chức các hoạt động, rau trong vườn có thể đủ cung cấp cho một ngàn người ăn. Tổ chức các hoạt động suốt bảy ngày có thể chẳng cần phải mua rau ở bên ngoài. Vườn rau của chúng tôi có thể đủ cho một ngàn người ăn mỗi ngày. Vườn rau to ngàn ấy, trồng rất nhiều loại. Pháp sư Ngô Khiêm cho tôi biết: Cô ta trông nom vườn rau, một hôm nằm mộng, thấy có một trái dưa leo báo mộng: “Tôi đã già khăng rồi mà các cô không hái”. Quý vị thấy nó báo mộng cho cô ta vì cô trông nom vườn rau. Hôm sau, [thức dậy], cô ta cảm thấy lạ lắm, bần khoăn: “Mỗi ngày mình đều vào vườn, cứ sao chẳng thấy?” Tìm đúng vị trí [trái dưa] đã chỉ [trong giấc mộng], quả nhiên có một trái dưa; nó khuất sau mớ dây leo nên chẳng thấy. Cô ta thấy nó đúng là quá già, chẳng thể nào ăn được. Thôi! Để dành làm giống vậy! Quý vị thấy đó: Dưa có thể báo mộng cho quý vị; cho nên nó có linh tánh, quý vị đừng coi rẻ, xem thường nó! Quý vị phải tôn trọng nó. Không chỉ cây cối, hoa, cỏ có linh tánh, mà núi, sông, đại địa cũng có linh tánh, cũng tức là nói “*khoáng vật có linh tánh*”. Tiên sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, nhà khoa học này thừa nhận, ông ta chẳng bịa chuyện. Ông ta làm thí nghiệm mười hai năm, nước là khoáng vật, nó có thể thấy và nghe, hiểu ý nghĩ của con người. Sau khi tin tức này được công bố, nói theo Phật pháp, [sở dĩ nước có thể thấy, nghe, hiểu ý là vì] tất cả hết thảy khoáng vật, núi, sông, đại địa đều có linh tánh, cũng có thể nói là chúng đều có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Thân thể của động vật là Ngũ Uẩn, nhưng thực vật và khoáng vật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, chẳng lìa Ngũ Uẩn, chỉ là mức độ mẫn cảm khác nhau. Động vật mẫn cảm nhất, rõ ràng nhất, thực vật kém hơn, khoáng vật kém hơn nữa, nhưng vẫn có linh tánh. Do điều này, chúng ta mới thật sự hiểu một hạt vi trần có là A Di Đà Phật hay không? Đúng vậy! Một sợi lông có phải là A Di Đà Phật hay không? Phải! A Di Đà Phật ở đâu? Khấp pháp giới hư không giới, không chỗ nào chẳng phải là A Di Đà Phật! A Di Đà Phật là tự tánh, là Tánh Đức của chúng ta. Một niệm của chúng ta vừa dấy lên, bèn tương ứng viên mãn với Tánh Đức, đó gọi là niệm Phật. “*Giới nhĩ năng niệm chi tâm*” chính là quả giác của Như Lai, chẳng giả tí nào!

“*Thị cổ, Quán Kinh vân*” (Do vậy, Quán Kinh nói). Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh là một trong ba kinh Tịnh Độ, bộ kinh này giảng về lý luận và phương pháp tu hành; còn

21¹⁴ – “Một mẫu (畝) Trung Hoa bằng 666.67 mét vuông.”

kinh Vô Lượng Thọ là Tịnh Tông khái luận, giới thiệu toàn thể y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quán Kinh chuyên giảng về hai bộ phận lý luận và phương pháp. Kinh A Di Đà là lược bản (bản rút gọn) của kinh Vô Lượng Thọ, tức là một phiên bản (version) tinh giản, thuận tiện cho quý vị học tập trong khóa sáng và khóa tối. Trong kinh ấy, có bốn lần khuyên dạy, chẳng dễ có, rất miệng, buốt lòng khuyên bảo chúng ta hãy tin tưởng, hãy phát nguyện, phải cầu sanh Tịnh Độ, [làm như thế] là đúng. Đây là chư Phật Như Lai bi tâm vô tận, mong cho chúng ta thành tựu trong một đời. Trong các kinh điển khác, đức Phật chẳng khuyên chúng ta nhiều như thế, nhưng trong kinh Di Đà khuyên tới bốn lần; cũng có nghĩa là pháp môn này đảm bảo quý vị sẽ thành tựu trong một đời. Chỉ cần thật sự làm được, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, sẽ thành công. Đại Thế Chí Bồ Tát đã làm gương cho chúng ta thấy. Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, có hai câu như sau: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật); đây là nguyên văn hai câu trong kinh ấy. “*Tâm này là Phật*”, tôi vừa mới nói lăm lờ như vậy chỉ nhằm giải thích bốn chữ này! Tôi nói tới các tế bào trên toàn thân chúng ta thì tế bào vẫn còn lớn. Nếu chia chẻ tế bào, sẽ biến thành phân tử. Lại chia chẻ phân tử, sẽ biến thành nguyên tử. Chia đến cuối cùng là hạt cơ bản. Mỗi hạt cơ bản đều là A Di Đà Phật, do tâm biến ra. Hạt cơ bản là tâm, tâm này là Phật, lẽ nào các hạt cơ bản ấy chẳng phải là Phật! Tất cả tế bào trên thân tôi đều là Phật, các tế bào trên thân quý vị có là Phật hay không? Là! Ngay cả cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa đều là! Từ chỗ này, quý vị sẽ giác ngộ: Chẳng có một pháp nào chẳng phải [là A Di Đà Phật]! Hễ giác ngộ, pháp nào cũng đều như thế. Do vậy, kinh Phật được mở đầu bằng câu “*nur thị ngã văn*”, “*nur thị*” là gì vậy? Như là Chân Như. “*Tướng giống như Tánh, Tánh giống như Tướng, Tánh và Tướng bất nhị*”. Tánh là Phật, lẽ nào Tướng chẳng phải là Phật! Đâu có lẽ ấy! Tâm này là Phật, có chuyện gì chẳng phải là Phật! Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, Phật là gì? Phật là tâm, là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm, là gì? Cái tâm có thể sanh, có thể hiện. Cái tâm có thể biến chính là thức tâm, tức A Lại Da Thức, chuyển các tướng “có thể hiện, có thể sanh” thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, chuyển biến thành lục đạo luân hồi. Đó là chuyện thực hiện bởi thức tâm. Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước. Thức thức sáu, tức Ý Thức, phân biệt; thức thứ bảy chấp trước, Mạt Na chấp trước. Thức thức sáu phân biệt, thiên biến vạn hóa. Sách Hoàn Nguyên Quán nói có ba thứ “*châu biến*” (trọn khắp), “*xuất sanh vô tận*” (sanh ra vô tận) chính là nói về ý nghĩa này. Tâm này là Phật, không gì chẳng phải Phật, dùng tâm này để trì danh, niệm Phật.

“*Tâm này làm Phật*”, làm Phật như thế nào? Niệm Phật là làm Phật, niệm Bồ Tát là làm Bồ Tát, niệm A La Hán là làm A La Hán. Người trong thế gian hiện nay niệm gì? Đầu óc nghĩ tới tiền, nghĩ nhớ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, nghĩ tới những thứ này. Niệm những điều này sẽ biến thành những điều này, niệm gì sẽ biến ra đó, giống như ông kính vạn hoa vậy, niệm cái gì sẽ biến ra cái đó. [Niệm ngũ dục] sẽ không phải là

Phật. Tài sắc là gì? Thừa quý vị, tài sắc là ngọc quý, địa ngục. Vì sao? Quý vị nổi tâm tham. Tâm tham là ngọc quý, sân khuê là địa ngục, ngu si là súc sanh. Ngu si là chẳng liễu giải chân tướng sự thật, nên gọi là ngu si. Trong thế gian hiện thời, mấy ai hiểu rõ chân tướng sự thật? Nếu chúng ta không học kinh giáo Đại Thừa, sẽ chẳng có cách nào thoát khỏi ngu si; chỉ có những kinh điển Phật pháp Đại Thừa mới giúp chúng ta phá mê khai ngộ. “Ngộ” ở đây chẳng phải là chứng ngộ, mà là giải ngộ, chúng ta đã hiểu rõ. Vì sao chưa chứng đắc? Chưa buông xuống! Thật sự buông xuống là cảnh giới nào? Tôi vừa mới nói đấy thôi! Khi thật sự buông xuống, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, chẳng phải là thô niệm, mà là tế niệm, niệm niệm thật sự giác ngộ. Trong cảnh giới ấy chẳng có lục đạo, chẳng có mười pháp giới, cảnh giới ấy là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Chúng ta gọi cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới, “nhất” là thật, “nhị” là giả. Quý vị đọc đoạn thứ nhất trong Hoàn Nguyên Quán, tức bài văn của Hiền Thủ đại sư, [Ngài đã giảng về] Nhất Chân, [cảnh giới] đó là thật: “*Tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể là tâm, là Phật, chẳng hai; tâm và Phật là một, chẳng hai. Khởi lên nhị dụng thì sao? Khởi lên nhị dụng sẽ biến đổi! Nhị dụng là gì? Vũ trụ xuất hiện, vạn vật xuất hiện, ta xuất hiện! Ta là chánh báo; trừ chánh báo ra, tất cả hết thảy hoàn cảnh đều là y báo. Trong y báo, có y báo nhân sự, tức là quan hệ giữa con người với nhau, và y báo hoàn cảnh vật chất. Hễ ý niệm vừa dấy lên, y báo và chánh báo trang nghiêm đều xuất hiện. Khi nó xuất hiện, nó chưa biến, đều do tự tánh hiện; do vậy, có thể hiện, có thể sanh, nhưng chẳng biến hóa. Đấy gọi là Nhất Chân pháp giới.

Nhưng nếu khởi phân biệt, [cảnh giới] sẽ biến đổi. Chư vị phải hiểu: Tâm phân biệt dấy lên, sẽ chẳng thấy cõi Thật Báo nữa, xuất hiện cảnh giới gì? Tứ thánh pháp giới, tức là bốn tầng trên trong mười pháp giới, có phân biệt, nhưng không chấp trước. Nếu hơi có một chút chấp trước, chấp trước gì vậy? Ta mong không chế nó, toan chiếm hữu nó; hễ có ý niệm như thế, tứ thánh pháp giới chẳng còn nữa, không thấy nữa, lại xuất hiện gì? Lục đạo luân hồi xuất hiện. Lục đạo do đâu mà có? Do chấp trước! Do vậy, trong lục đạo, toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều có. Trong tứ thánh pháp giới, có vọng tưởng, có phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước. Trong Nhất Chân pháp giới của các cõi Phật, có vọng tưởng, nhưng không có phân biệt và chấp trước. Chấp trước hại chết người! Vì sao quý vị sống trong thế gian khổ sở như thế? Do chấp trước. Chấp trước chẳng còn nữa, trong thế gian này, quý vị sẽ sung sướng, chẳng khổ sở, lìa khổ, được sướng. Câu tiếp theo là “*tâm này làm Phật*” quá quan trọng! Vì sao quý vị chẳng niệm Phật? Niệm Phật được tự tại, niệm Phật được tương ứng, càng niệm càng hoan hỷ, càng niệm càng sung sướng, biết vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là nhất thể; quý vị bèn chứng đắc hai câu “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”, đó chính là cảnh giới của quý vị. Người ấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với bốn cõi, sẽ sanh trong cõi nào? Sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa nở, thấy Phật, chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, đó là gì? Là một vị A

Duy Việt Trí Bồ Tát thật sự, chẳng giả tí nào! Nếu chưa nhập cảnh giới này, vẫn có thể vãng sanh, thường gọi là “đời nghiệp vãng sanh”, pháp môn này thù thắng khôn sánh! Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng có đời nghiệp, chỉ có pháp môn này cho phép quý vị đời nghiệp vãng sanh, sanh về cõi Phương Tiện hay cõi Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế giới của chúng ta, cõi Đồng Cư là lục đạo, cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới.

Nhưng cõi Đồng Cư và Phương Tiện trong thế giới Tây Phương không giống với thế giới của chúng ta. Ở nơi đây (thế giới Sa Bà), chúng ta có chướng ngại; thứ bậc khác nhau sẽ chẳng thấy được [cảnh giới của các cõi Tịnh Độ khác]. Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới bình đẳng, không có chướng ngại. Điều này giống như gì? Chúng ta học tập trong nhà trường, Tiểu Học và Trung Học chẳng ở chung trong một trường, học trò Tiểu Học chẳng thể đến trường Trung Học; mà học trò Trung Học cũng chẳng thể đến [học trong] trường Tiểu Học. Trong Tiểu Học, còn có các lớp khác nhau; những trò cùng một lớp sẽ học chung với nhau. Nếu khác lớp, tuy là bạn đồng học, chẳng thường gặp mặt, chẳng cùng lên lớp với nhau. Thế giới Cực Lạc rất đặc biệt, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học cùng nghe giảng trong một phòng học; cho nên gặp mặt mỗi ngày, thật sự là đồng học. Học trò lớp Một, lớp Hai Tiểu Học cùng học với các đàn anh sinh viên Đại Học năm thứ nhất, năm thứ hai thuộc hệ nghiên cứu sinh, gọi nhau là huynh đệ hay đồng học, gặp mặt mỗi ngày. Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn của thế giới Cực Lạc. Mười phương thế giới không có trạng huống và tình hình này, thù thắng lắm! Do vậy, thế giới Cực Lạc là “*sanh vào một, là sanh hết thảy*”. Quý vị sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, gần như cũng đồng thời sanh vào cõi Phương Tiện và cõi Thật Báo. Đây là lý do vì sao Thích Ca, Di Đà khuyên chúng ta vãng sanh, chư Phật trong mười phương thế giới cũng khuyên chúng ta vãng sanh, đạo lý ở chỗ này. Nếu trong một đời này, chúng ta chẳng thể vãng sanh, làm sao xứng với Phật Thích Ca? Làm sao xứng với Phật Di Đà? Làm sao xứng với mười phương chư Phật? Những câu này, câu nào cũng đều là lời chân thật. Vì thế, hai câu nói “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*” đã nói trọn hết [những nghĩa lý tinh vi của pháp môn Tịnh Độ].

Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ viết: “*Bỏn lai thị Phật, hiện hựu tác Phật. Thị cố, đương hạ tức Phật*” (Vốn sẵn là Phật, nay lại làm Phật; cho nên, ngay lập tức là Phật). Câu này chẳng phải nhằm khuyến khích, cổ vũ chúng ta, mà là sự thật, vấn đề ở chỗ nào? Vấn đề là bản thân chúng ta không dám gánh vác, bản thân chúng ta chẳng dám thừa nhận! Không dám gánh vác, không dám thừa nhận là đúng, như thế nào là đúng? Vốn là Phật! Chẳng cần nói năng chi nữa, lời này là đúng! Nay lại làm Phật, quý vị hữu danh vô thực! Niệm A Di Đà Phật để mong thành Phật, nhưng có rất nhiều nghi vấn đối với câu Phật hiệu ấy, thật hay chẳng? Có rất nhiều câu hỏi trong đó! Niệm một câu Phật hiệu này, có rất nhiều xen tạp; nhưng xen tạp những gì, chính quý vị cũng chẳng biết! Vì sao không biết? Do quý vị ngu si, tham, sân, si. Nếu chẳng ngu si, sẽ biết điều gì xen tạp. Do ngu si,

nên xen tạp mà chẳng biết; vì thế, công sức chẳng thuần. Niệm Phật lập tức thật sự là Phật, nhưng vì quý vị công phu chẳng thuần, chẳng đạt tiêu chuẩn, cứ hướng theo phương hướng đó thì sẽ chẳng sai, nhưng chưa đạt được mục tiêu này. Làm sao để chẳng hoài nghi? Phải thấy thấu suốt. Khi tôi mới học Phật, thầy dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Thấy thấu suốt là hiểu rõ minh bạch chân tướng sự thật. Kẻ căn tánh trung hạ như chúng ta chỉ có thể từ từ hiểu rõ kinh giáo. Sau khi hiểu rõ, quý vị cũng rất dễ buông xuống. Chính quý vị biết “chẳng buông xuống là sai”, làm lẫn quá đỗi! Vì sao phải buông xuống? Vì nó (phiền não, mê hoặc, chấp trước, phân biệt, vọng tưởng) vốn không có, hết thấy đều là giả! Phạm những gì có hình tướng đều là hư vọng, vạn pháp đều Không. Khi đến cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nhân quả cũng là không. Chư vị phải biết: Đến cõi Thường Tịch Quang, nhân quả chẳng còn nữa. Trong cõi Thật Báo, còn có nhân quả. Trong Phật môn có câu: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (vạn pháp đều là không, nhân quả chẳng không). Trong mười pháp giới, nhân quả chẳng không. Thật ra, trong cõi Thật Báo, vẫn là nhân quả chẳng không, đến cõi Thường Tịch Quang [nhân quả] mới chẳng còn nữa.

“*Trực tiếp liễu đáng, phương tiện cứu cánh, kỳ đặc thù thắng, bất khả tư nghị*” (Thẳng chóng ôn hòa, thích đáng, phương tiện rốt ráo, đặc biệt lạ lùng thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn). Mấy câu này là lời tán thán bộ kinh này và pháp môn này, thù thắng khôn sánh. Chúng ta có thể gặp gỡ, tức là có nhiều phước báo. Thật đấy, trong pháp giới hư không giới, bao nhiêu vị Bồ Tát mong cầu mà chẳng cầu được. Đạo tràng này của chúng ta tuy không lớn, thính chúng đông đảo, lũ chúng ta mắt thịt chẳng thấy. Khi quý vị thấy được, sẽ biết thính chúng nhiều vô số. Tuy chúng ta ở đây mở toang cửa, hoan nghênh mọi người, chẳng có bất luận điều kiện gì, nhưng rành rành là vẫn có thân hộ pháp, có chẳng ít chúng sanh bị thân hộ pháp chặn ở ngoài cửa, không vào được. Chúng ta thờ bài vị, là thiết lập chỗ ngồi cho họ, để họ có chỗ ngồi, có thể tiến vào nghe kinh, đến nơi đây tu hành. Hết thấy pháp toàn là huyễn hóa, chẳng có lớn hay nhỏ. Lớn hay nhỏ tùy thuộc tâm lượng của quý vị. Tâm lượng càng lớn, đạo tràng càng to. Tâm lượng nhỏ nhoi, đạo tràng sẽ bé tí, đại đạo tràng cũng biến thành tiểu đạo tràng. Tâm lượng lớn, tiểu đạo tràng cũng biến thành đại đạo tràng, chẳng thể nghĩ bàn! “*Tiện dĩ Tịnh Độ chư kinh chi trung, duy thử kinh bị nhiếp viên diệu*” (Ấy là vì trong các kinh Tịnh Độ, chỉ có kinh này gồm trọn các điều màu nhiệm viên mãn). Tịnh Độ có tam kinh, trong phần trên tôi đã thưa với quý vị, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đem quyển cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm, ghép vào sau Tam Kinh, biến thành Tứ Kinh; Ấn Quang đại sư đem Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương của kinh Lăng Nghiêm ghép vào cuối Tứ Kinh, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh, viên mãn! Tu Tịnh Độ năm kinh này là viên mãn. Trong ngũ kinh, bộ kinh nào giảng viên mãn nhất, một chút khiếm khuyết cũng không có? Đó là kinh Vô Lượng Thọ; vì thế, cổ đại đức tán thán bộ kinh này là cực viên, cực diệu.

“*Đĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi Tông, dĩ Di Đà thập niệm tất sanh chi đại nguyện vi bốn*” (Lấy phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm làm Tông, lấy đại nguyện “mười niệm tất sanh” của Phật Di Đà làm gốc). Hai câu này rất quan trọng! Phẩm Tam Bối Vãng Sanh trong kinh này đã giảng rất rõ ràng [ý nghĩa của] “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Phẩm Tam Bối Vãng Sanh gồm bốn đoạn kinh văn: Thượng bối vãng sanh, trung bối vãng sanh, hạ bối vãng sanh; đoạn cuối cùng là tu học Đại Thừa Phật pháp, bất luận tu học pháp môn nào, đem công đức đã tu hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, sẽ đều có thể vãng sanh. Quý vị thấy pháp môn Tịnh Độ này lớn như thế đó! Trong khoa phán, pháp sư Từ Châu đã đặt đề mục cho đoạn này là Nhất Tâm Tam Bối, đặt hay lắm, đã gồm thâu toàn bộ Phật pháp. Phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm là gì? Điều này thường được nói tới. Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh giảng Bồ Đề tâm là “*chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm*”, kinh dạy như thế. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Bồ Đề tâm được giảng là “*trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*”. Gộp chung kinh và luận lại để xem, ý nghĩa rất rõ rệt. Thể của Bồ Đề tâm, cũng là chân tâm trong Bồ Đề tâm, Thể của chân tâm là gì? Là chân thành. Chân thành đến chỗ cùng cực thì gọi là chí thành, tức chí thành tâm. Trực tâm như Khởi Tín Luận đã nói: Chẳng có mảy may cong vạy nào, đó chính là chân thành. Chúng ta chiếu theo kinh luận để hiểu ý nghĩa. “*Thâm tâm*” chẳng dễ giải thích. Cổ đại đức giải thích [thâm tâm] là ưa thiện, chuộng đức, giải thích thâm tâm như thế. Thâm tâm là tự thụ dụng, dành cho chính mình. Đại bi tâm là đối người khác, từ bi đối người khác. Do vậy, trong hơn hai mươi năm trước, tôi giảng kinh này, dùng ngay [những từ ngữ trong] tựa đề kinh Vô Lượng Thọ “*thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*”, đó là thâm tâm. Chân thành tâm như đã nói trong phần trên chính là cái Thể của Bồ Đề tâm. “*Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*” là Tự Thụ Dụng, từ bi là Tha Thụ Dụng. Nói cách khác, dùng tâm gì đối với chính mình? “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Dùng tâm gì đối với người khác? Đại từ đại bi. Đây gọi là “*phát Bồ Đề tâm*”.

Chúng ta tu hành là tu điều gì? Tu tâm. Tâm chúng ta có thanh tịnh hay không? Bình đẳng hay bất bình đẳng? Tâm thanh tịnh là giới luật, tâm bình đẳng là Thiên Định, tâm Chánh Giác là trí huệ, Giới - Định - Huệ. Chúng ta học Giới - Định - Huệ như thế nào, quý vị phải hiểu rõ: Nếu trì giới mà tâm chẳng thanh tịnh, quý vị đã ủng công trì giới! Tu Định mà chẳng khai trí huệ, cũng ủng công tu Định! Nhân Giới đắc Định, do Định khai Huệ. Vì thế, trì giới là phương tiện, không phải là mục đích, [trì giới] nhằm muốn đạt tới Thiên Định, đạt tới bình đẳng. Bình đẳng mới là Định. Nếu chúng ta thật sự đạt được cái tâm thanh tịnh, thưa quý vị, Thủy Tai trong Tam Tai chẳng còn nữa. Tâm bình đẳng hiện tiền, động đất chẳng còn nữa. Hôm nay, có một đồng học đưa cho tôi xem một tài liệu, gần như chưa đầy một tháng, động đất cấp sáu²²[2] trở lên đã xảy ra mười mấy

22^[2] – ““Cấp sáu” nói ở đây chính là dựa theo cách đánh giá theo tiêu chuẩn Richter. Quy định này được Charles Francis Richter và Beto Gutenberg đưa ra vào năm 1935 nhằm đánh giá mức độ chấn động của các trận động đất. Tuy báo chí vẫn viết là “một trận động đất mấy

lần tại các nơi trên toàn thế giới, liên tiếp xảy ra như thế là do nguyên nhân gì? Từ cấp sáu trở lên đã đáng sợ lắm, [có trường hợp động đất] đến cấp tám. Sau khi giắc ngộ, Phong Tai chẳng còn nữa. Ngu si cảm Phong Tai. Nếu chúng đắc tâm bình đẳng, nhiệt độ của địa cầu sẽ chẳng tăng lên, khôi phục bình thường. Vì thế, đức Phật chỉ dạy chúng ta: “*Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham sân si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si). Cảm ứng của tham, sân, si là tai nạn, là bất thường. Giới, Định, Huệ là bình thường. Do vậy, phải phát Bồ Đề tâm, một mục chuyên niệm, một phương hướng là Tây Phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, một nguyện vọng là thân cận A Di Đà Phật, chúng ta sẽ thành công trong một đời này, những thứ khác đều là giả.

Học rộng nghe nhiều khá lắm, nhưng [tai ương, vô thường] xảy đến, [trở tay] chẳng kịp! Do vậy, tôi thường khuyên các đồng học: Học rộng nghe nhiều tốt lắm, nhưng sang thế giới Cực Lạc hãy làm. Vì sao? Sang bên đó, điều đầu tiên mà chúng ta đạt được là Vô Lượng Thọ, dẫu học nhiều thứ vẫn được! Ta có thời gian mà! Ở nơi đây, sanh mạng quá ngắn ngủi, chúng ta chớ nên lãng phí thời gian, đừng lãng phí! Hơn nữa, trong thế gian này, trí huệ chưa khai, học gì cũng chẳng viên mãn, hiểu biết nửa vời, lại còn phạm rất nhiều sai lầm, có gì cứ phải như thế? Do vậy, phải thật thà, phải nghe lời! Đức Phật dạy chúng ta một mục chuyên niệm, đức Phật dạy như thế trong kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ. Tông (宗) là tôn chỉ, Tông nghĩa là gì? Là điều quan trọng nhất. Đây là nói về phương pháp tu học. [Tông] là phương pháp tu học quan trọng nhất, là phương pháp đáng tôn sùng nhất, thập phương chư Phật đều tán thán. Phương pháp tu học chủ yếu của Tịnh Tông là “*nhất hướng chuyên niệm*”. Chữ “Tông” có ba ý nghĩa ấy.

“*Dĩ Di Đà thập niệm tất sanh chi đại nguyện vi bản*” (lấy đại nguyện “*mười niệm ắt sanh*” của Phật Di Đà làm gốc). Đây là nguyện thứ mười tám; “*phát Bồ Đề tâm*” là nguyện thứ mười chín. Đây là hai nguyện trọng yếu nhất trong bốn mươi tám nguyện. Cổ đại đức nói nguyện nào trọng yếu nhất trong bốn mươi tám nguyện? Mọi người đều nói là nguyện thứ mười tám. Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm hay một niệm, đều có thể vãng sanh*”. Điều kiện là gì? Điều kiện là trọn đủ tín nguyện. Một niệm hay mười niệm là nói về lúc nào? Là nói khi quý vị vãng sanh, lúc quý vị rời khỏi thế gian, niệm cuối cùng [trong lúc ấy]. Niệm cuối cùng là A Di Đà Phật, do niệm ấy bèn vãng sanh. Do vậy, lúc lâm chung, nếu một niệm vẫn là nghĩ tới tài sản trong nhà, xong luôn! Sẽ đi vào quỷ đạo! Nếu nghĩ tới kẻ nào khiến ta bị oan uổng, ta vẫn còn hận hấn, sẽ sanh vào địa ngục! Một niệm cuối cùng quyết định quý vị từ nơi này rớt cuộc sẽ sanh về đâu, máu chốt ở

độ Richter”, nhưng thật ra thang đo hiện thời được sử dụng là MMS (moment magnitude scale, thường dịch là Cự Chấn Cấp) căn cứ trên mức năng lượng do một trận địa chấn phóng thích. Nói chung, một trận động đất cấp sáu sẽ phóng thích một năng lượng bằng 15 kilotons, có sức tiêu hủy trong vòng bán kính 160 km. Cấp tám là rất mạnh, có thể tàn phá hàng trăm km.”

một niệm ấy; vì thế, một niệm rất trọng yếu! Điều quan trọng nhất trong việc đưa người khác đi vãng sanh (trợ niệm) là giúp cho người ấy trong một niệm cuối cùng đừng quên mất A Di Đà Phật. Chúng ta vây quanh người ấy, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, nhắc nhở người ấy, công đức vô lượng, bảo người ấy không nên có ý niệm nào khác. Cổ đại đức đã làm rất tốt, không cho phép người nhà, quyến thuộc gần gũi người sắp mất. Khi người ấy sắp tắt hơi, người nhà, quyến thuộc lánh đi để người ấy chẳng khởi lên tình chấp. Hễ tình chấp dấy lên, ngay lập tức [người sắp mất ấy] bị đọa lạc, sanh trong tam ác đạo. Người nhà, quyến thuộc rời khỏi, các đồng tham đạo hữu giúp đỡ; đây là chính xác. [Dẫu] người nhà, quyến thuộc học Phật, tốt nhất là cũng nên rời khỏi, [kéo] người sắp mất thấy con cháu sẽ dấy động tình cảm, khi ấy, sẽ là vấn đề nghiêm trọng. Vì thế, người nhà, quyến thuộc rời khỏi người chết là chuyện hết sức hợp lý.

“*Thâm minh tam bối vãng sanh chi nhân*” (Nêu tỏ sâu xa cái nhân vãng sanh của ba bậc). Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, trong hai chương Tam Bối Vãng Sanh và Vãng Sanh Chánh Nhân đã nói rõ ràng, minh bạch. “*Quảng nhiếp cứu giới thánh phàm chi chúng*” (rộng nhiếp các bậc thánh phàm trong chín pháp giới): Pháp môn này quá lớn, có năng lực nhiếp thọ chúng sanh trong chín pháp giới. Trong chín pháp giới, ba pháp giới phía trên là Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, chúng ta gọi họ là thánh nhân. Bồ Tát là đại thánh, Thanh Văn và Duyên Giác là tiểu thánh. Trong lục đạo đều là phàm phu, phàm chúng. Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là đi làm Phật, ai nấy đều có phần, quý thần cũng có phần, trời, người cũng có phần, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cũng có phần, vấn đề là quý vị có phước báo và duyên phận gặp gỡ hay không? Đã gặp, quý vị bèn tin tưởng, phát nguyện vãng sanh thì sẽ thành. Nói theo Lý, đáng lẽ Bồ Tát, A La Hán dễ [có phước đức và nhân duyên tu pháp môn này] hơn chúng ta; vì sao kinh nói “trong mười pháp giới, nhân gian vãng sanh thuận tiện nhất”, do nguyên nhân nào? Trong Tứ Thập Nhị Chương Kinh có tỷ dụ: “*Phú quý học đạo nan*”; người phú quý hưởng phước, quên tuốt, coi thường chuyện học Phật. Bần cùng học đạo cũng khó! Kể bần cùng cuộc sống quá khổ, ba bữa còn chưa đủ ăn, bận bịu kiếm sống, chẳng có thời gian để học Phật. Còn loài người thì sao? Chẳng thể coi là rất giàu có, nhưng cũng là chẳng thanh bần, thuộc loại thường thường bậc trung, dễ giác ngộ, dễ tu hành. Thuận tiện ở chỗ này! Chúng ta có thể hiểu được! Cuộc sống của chư thiên nhân tốt đẹp hơn chúng ta, phước báo to lớn; còn tam ác đạo thì sao? Quá khổ sở!

Hiện thời, dường như tình hình có biến hóa đôi chút. Tôi nghe không ít tin tức, ngay cả nga quý, địa ngục niệm Phật vãng sanh cũng không ít; ngược lại, con người chẳng tin! Người niệm Phật đến cuối cùng đều niệm đến nỗi sanh vào quỷ đạo hay địa ngục, chuyện này là như thế nào? Đối với chuyện này, nếu chư vị đọc bộ Đại Thế Chí Viên Thông Chương Sớ Sao của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh, Đại Thế Chí Viên Thông Chương rất ngắn, hai trăm bốn mươi bốn chữ, mà bản chú giải của Ngài là một quyển dày như thế. Bản tôi đọc chính là loại sách đóng gáy bằng cách khâu chỉ, là một quyển dày như thế đó!

Nơi trang cuối, thở ấy, tôi đọc mà không hiểu, Ngài nói một trăm thứ quả báo của người niệm Phật; câu đầu tiên là người niệm Phật đọa A Tỳ địa ngục, đọa nga quý, đọa súc sanh. Tôi đọc xong, hết sức nghi hoặc, cầm cuốn sách ấy đến hỏi thầy, tôi học kinh giáo với lão cư sĩ Lý Bình Nam. Tôi hỏi: “Thưa thầy, niệm Phật là chuyện tốt, nhưng niệm Phật như thế nào mà đọa địa ngục?” Thầy xem rồi bảo: “Đây là một vấn đề lớn, quan trọng lắm, tôi chẳng nói với một mình anh! Khi giảng kinh tôi sẽ giảng giải đạo lý này cùng mọi người”. Thật ra, quý vị dùng cái tâm gì để niệm Phật? Quý vị niệm Phật, nhưng chẳng đoạn tham, sân, si. Tham, sân, si, mạn, nghi gọi là Ngũ Độc. Quý vị dùng tâm Ngũ Độc này để niệm Phật thì vẫn đọa địa ngục; do vậy, chẳng thể không hiểu nhân quả. Vậy thì niệm Phật có uổng công hay không? Chẳng phí công niệm Phật! Trong A Lại Da Thức đã gieo chủng tử Phật. Trước hết, quý vị gánh chịu quả báo do các tội nghiệp đã tạo tác, đợi cho đến khi quý vị thoát khỏi địa ngục, chẳng biết tới đời nào đó, lại được làm thân người, lại gặp gỡ Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ, quý vị lại tu tiếp. Vì thế, chỉ có thể nói là trong A Lại Da Thức đã gieo chủng tử niệm Phật, chủng tử ấy vĩnh viễn bất hoại, sau này nhất định sẽ khởi tác dụng. Lợi ích ấy cũng rất thù thắng, nhưng luân hồi trong lục đạo, quý vị vẫn phải chịu hết các nỗi khổ sở. Do vậy, niệm Phật phải dùng Bồ Đề tâm để niệm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Quý vị dùng tâm này để niệm, sẽ hoàn toàn tương ứng; đúng là *“nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”*.

“Chánh hiển trì danh niệm Phật chi pháp, trực chỉ vãng sanh quy nguyên chi lộ. Thị cố, thử kinh xưng vi Tịnh Tông đệ nhất kinh dã” (Chỉ rõ ràng phương pháp Trì Danh Niệm Phật, chỉ thẳng con đường vãng sanh để trở về nguồn. Vì thế, kinh này được gọi là kinh bậc nhất của Tịnh Tông). Quả thật tổ sư đại đức đã chỉ rõ phương pháp Trì Danh Niệm Phật; đây là chỉ thẳng, không đi đường vòng, chỉ thẳng thừng một con đường gần nhất, con đường thẳng ấy không ngoằn ngoèo. Dẫn đến đâu? Vãng sanh quy nguyên! *“Quy nguyên”* là trở về nguyên thủy, nguyên thủy là gì? Tự tánh. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới từ tự tánh biến hiện. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da có thể biến; đây là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Chúng ta gặp Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát cũng ở trong mười pháp giới, cũng có cùng một hoàn cảnh bị khổ, chịu nạn như chúng ta, nhưng các Ngài giác ngộ, quy nguyên, trở về tự tánh. Chúng ta thường nói các Ngài “thành Phật, thành Bồ Tát”, trở về tự tánh. Các Ngài hiểu rõ, minh bạch, nên các Ngài đến chỉ dạy, giáo hóa chúng ta làm thế nào thoát ly biển khổ. Lục đạo là biển khổ. Trong biển khổ sâu thẳm, tứ thánh pháp giới là chỗ ven bờ, chỗ biển cạn, lên được bờ mới tính là thoát ly. Bờ ấy được gọi là *“bi ngạn”* (bờ bên kia), là *“Niết Bàn bi ngạn”*. Niết Bàn là bất sanh, bất diệt, công đức viên mãn. Bi ngạn là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đức Phật giáo hóa, giúp đỡ hết thấy chúng sanh [đạt đến Niết Bàn] mới được coi là viên mãn. Do vậy, kinh này là kinh bậc nhất của Tịnh Tông, Tịnh Tông đồng học chẳng thể không học.

Lại đọc tiếp: “*Đản thử thù thắng đệ nhất chi Tịnh Tông bảo điển, cánh tại ngã quốc Đại Tạng trung trần phong nhất thiên dư niên*” (Nhưng kinh điển quý báu bậc nhất của Tịnh Tông này bị bụi phủ trong Đại Tạng Kinh nước ta đã hơn một ngàn năm). Kinh Vô Lượng Thọ được truyền sang Trung Quốc sớm nhất, vào thời đại Đông Hán. Vào thời Hậu Hán, ngài An Thế Cao đến Trung Quốc, kinh Vô Lượng Thọ liền được truyền sang Trung Quốc, cho nên cũng là kinh được phiên dịch sớm nhất. Thời đại Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư lập Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tức Đông Lâm Niệm Phật Đường, nay là Đông Lâm Tự, [là đạo tràng] cho các đồng học chuyên tu Tịnh Độ, trong ấy người tại gia lẫn xuất gia, tổng cộng một trăm hai mươi ba người. Một trăm hai mươi ba người cùng nhau niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thưa cùng quý vị, kinh điển để làm căn cứ là kinh Vô Lượng Thọ, vì khi đó, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh A Di Đà đều chưa truyền sang Trung Quốc, kinh điển Tịnh Tông chỉ có một bộ này. Vì thế, cả nhóm người của vị tổ sư đời thứ nhất là Huệ Viễn đại sư dựa theo kinh Vô Lượng Thọ, không dễ dàng! Đối với bộ kinh này mà có thể tin, có thể hiểu, có thể phát nguyện, có thể thật sự hành, há dễ dàng ư? Chúng ta xem truyện ký của Huệ Viễn đại sư trong Cao Tăng Truyện, quý vị có thể thấy được tình hình tu hành nồng nhiệt thuở ấy. Họ kết giới an cư, phía trước [đạo tràng] có một con suối nhỏ, tên là Hồ Khê. Chúng tôi suy đoán, chắc là khi ấy trên núi có cộp, nên mới gọi là Hồ Khê. Hồ Khê là giới tuyến của họ, người tu hành nhất định chẳng rời khỏi giới tuyến này. Tại Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo là một nhà, nên cũng có một câu chuyện về Viễn Công được gọi là Hồ Khê Tam Tiểu. Có hai người bạn thân đến thăm, Đào Uyên Minh (Đào Tiềm) là Nho gia, Lục đạo trưởng tu Đạo, tới Đông Lâm thăm Viễn Công, nói chuyện rất cao hứng. Lúc chia tay, Viễn Công đưa tiễn, vô tình vượt qua Hồ Khê. Bước qua chiếc cầu bắt ngang Hồ Khê, sau khi bước qua khỏi, ba người cười ha hả. Đó là giới tuyến, chẳng thể vượt qua, mà ngấm nhiên đi quá lối. Vì thế, truyền thống văn hóa Trung Quốc chẳng tách rời Nho, Thích, Đạo, vững vàng như cái đỉnh có đủ ba chân.

Viễn Công nương theo bộ kinh này tu hành; nhưng người đời sau không sót sáng dốc công nơi kinh này như vậy, là vì không lâu sau đó, ước chừng chưa đầy năm mươi năm, kinh Di Đà và Quán Kinh được dịch ra. Quả thật, vào thời kỳ đầu của Tịnh Tông, điển tịch Phật văn được truyền sang Trung Quốc, người ta thường dốc công nhiều nhất nơi kinh Di Đà, chú sớ [kinh Di Đà] cũng nhiều nhất. Hơn một ngàn năm qua, kinh này (kinh Vô Lượng Thọ) không được Tịnh Tông chú trọng vì nguyên nhân gì? Sách viết tiếp: “*Khảo kỳ nguyên nhân, cái do thử kinh ngữ chủng nguyên dịch, hữ hữu tường lược, xuất nhập thậm cự*” (xét đến nguyên nhân là do năm bản dịch gốc của kinh này, có bản chi tiết, có bản đại lược, sai biệt quá lớn), phải biết nguyên nhân là như vậy. Năm bản dịch gốc được nói đến ở đây hiện thời được bảo lưu trong Đại Tạng Kinh, kinh Vô Lượng Thọ có năm bản dịch. Theo Dịch Kinh Mục Lục, từ triều Hán tới triều Tống, có mười hai bản dịch, quá nhiều, rốt cuộc nên tuân theo bản nào? Trong các bản dịch này,

sai biệt rất lớn, ở đây, cụ Hoàng nêu một ví dụ, “*lệ như Di Đà đại nguyện*” (chẳng hạn như đại nguyện của Phật Di Đà). Chúng ta thường nói bốn mươi tám nguyện thì bốn mươi tám nguyện là dựa theo bản dịch đời Ngụy và đời Đường, hai bản này chép bốn mươi tám nguyện. Trong bản dịch đời Hán và Ngô, Ngô [ở đây] là nhà Đông Ngô thời Tam Quốc, do Chi Khiêm phiên dịch, thì là hai mươi bốn nguyện. Trong bản dịch đời Tống là ba mươi sáu nguyện, sai biệt quá lớn! Nếu chỉ có một bản gốc bằng tiếng Phạn, bất luận là ai dịch, đương nhiên vẫn tự sẽ không giống nhau, nhưng ý nghĩa nhất định như nhau, chẳng hạn các điều trong lời nguyện nhất định sẽ giống nhau, chẳng thể nào có sai biệt lớn như vậy. Do đó, cổ nhân phán đoán: Thích Ca Mâu Ni Phật thưở còn tại thế đã nhiều lần tuyên giảng kinh này, nên mới có tình hình này xuất hiện. Đức Thế Tôn giảng kinh từ trước tới nay, chưa hề giảng kinh nào hai lần, chỉ giảng một lần, chẳng giảng hai lần, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ được tuyên giảng nhiều lần, chứng tỏ tầm quan trọng của bộ kinh này và tầm quan trọng của pháp môn này. Tổ sư đại đức đã chỉ ra như vậy!

“*Toại sử sơ tâm học giả, chuyên trì nhất dịch, nan minh thâm chỉ, biến độc ngữ chúng, hựu cảm gian nan*” (Khiến cho người mới học chuyên trì một bản dịch sẽ khó thấu hiểu tông chỉ sâu xa; nếu đọc trọn năm bản dịch, sẽ cảm thấy khó khăn). Thật khó! Quý vị thấy vào đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư là một vị đại đức lỗi lạc, nhưng không thể đọc cả năm bản dịch gốc, chỉ được thấy bốn bản. Vì thế, bản hội tập của ông căn cứ trên bốn bản dịch gốc. Bản dịch đời Đường chính là hội Vô Lượng Thọ trong kinh Đại Bảo Tích, ông Vương Long Thư chưa được đọc bản dịch này! Trong bản này, có rất nhiều khai thị tuyệt diệu, mà bốn bản dịch kia không nhắc tới. Vì thế, bản hội tập này chưa hoàn mỹ. Quý vị hãy suy nghĩ: Có địa vị, giàu có như Vương Long Thư, mà còn chẳng có cách nào sưu tập hoàn toàn năm bản dịch gốc, vẫn thiếu mất một loại, tìm không ra! Xưa kia, tìm một bản kinh là chuyện hết sức khó khăn! Vì thế, cổ đại đức dạy chúng ta: Kinh điển phải bảo tồn rất cẩn thận, khi đọc phải cẩn thận. Trên kinh bản, quyết định không thể đánh dấu hay viết chữ, chớ nên gây hư hại. Vì sao? Nhằm lưu truyền cho hậu thế, để người đời sau có kinh để đọc. Không như hiện thời, thuật ấn loát phát triển, thuận tiện như thế. Vì lẽ đó, có người hỏi tôi: “Chúng con có thể viết chữ hay đánh dấu trên cuốn kinh được hay không?” Tôi bảo: “Được chứ!” Vì sao? Quá nhiều! Chẳng bị thất truyền! Trước kia quá ít, sợ bị thất truyền. Từ đời Tống trở về trước, kinh điển toàn là chép bằng tay, kỹ thuật ấn loát mới được phát minh vào đời Tống, nhưng dùng bản khắc gỗ để in, suy cho cùng vẫn là hữu hạn, hết sức hữu hạn. Ấn loát phát triển cũng chỉ trong năm mươi năm gần đây, chứ năm mươi năm trước đó, sắp chữ đúc bằng kim loại vẫn khá phiền phức. Hiện thời quá thuận tiện, chúng ta phải hiểu điều này. Đối với bản in hiện thời, nếu quý vị cảm thấy chỗ nào rất quan trọng, có thể đánh dấu, có thể gạch một vạch đỏ, như Hoàng Nhất đại sư đọc sách, dùng các màu khác nhau để đánh dấu; kinh bản nhiều, có thể làm theo cách này!

“*U thi, đa xả thử kinh, nhi chuyên công A Di Đà kinh hỹ*” (do vậy, đa số bỏ kinh này để dốc sức nơi kinh A Di Đà). Đây là lý do vì sao từ xưa tới nay, ít người giảng kinh này, người chú giải kinh này cũng ít, nhưng đối với kinh A Di Đà, chú giải đông, giảng giải nhiều. Do vậy, Tịnh Tông gần như coi kinh A Di Đà là bộ kinh quan trọng nhất. “*Thanh sơ, Bành Thiệu Thặng cư sĩ viết*” (đầu đời Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Thặng nói), Bành Thiệu Thặng là Bành Tế Thanh, “*thử kinh xiển dương giả thiếu, thật dĩ vô thiện bản cố*” (kinh này ít người xiển dương, thật ra là vì chưa có bản hoàn thiện), lời này rất hợp lý! Chưa có bản nào tận thiện! Quý vị nhìn vào năm bản dịch gốc sẽ biết liền! “*Thành tai thị ngôn! Thị dĩ, Tống Vương Nhật Hưu, Thanh Bành Thiệu Thặng, Ngụy Thừa Quán đẳng đại cư sĩ, quân vị hoằng dương thử kinh, tiên hậu nhi hữu hội bản dữ tiết bản chi tác*” (Lời ấy đúng thay! Do vậy, các vị đại cư sĩ như ông Vương Nhật Hưu đời Tống, Bành Thiệu Thặng và Ngụy Thừa Quán đời Thanh, vì hoằng dương kinh này mà trước sau đã có các bản hội tập và bản trích lục, phân chia chương đoạn). Đến phần sau, sẽ giới thiệu tỉ mỉ [chuyện này]. Đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư, Vương Nhật Hưu là Vương Long Thư, từng viết cuốn Long Thư Tịnh Độ Văn. Long Thư là địa danh, cũng chính là Thư Thành ở tỉnh An Huy quê tôi, cách nơi tôi sanh ra rất gần. Cuốn Tịnh Độ Văn của ông Vương viết hết sức hay, nhiều người do đọc cuốn sách này mà tu Tịnh Độ, tiếp dẫn rất nhiều người. Ngụy Thừa Quán là Ngụy Mặc Thâm, là người thuộc niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh. Những vị này đều là đại đức cư sĩ, Bành Thiệu Thặng sống vào thời Càn Long. Vương cư sĩ và Ngụy cư sĩ đều có bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ, họ soạn bản hội tập, còn Bành Thiệu Thặng soạn tiết bản, [tức là] ông ta chỉ lấy một bản, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, đem chỉnh lý, san đính^{23[3]} một lần nữa. Nay chúng ta nói “*san đính*” tức là gạt bỏ những phần khó hiểu, chẳng dễ đọc, tạo thành bản trích lục, trở thành dễ đọc hơn. Vì thế mới có một tiết bản và hai loại bản hội tập.

Tiếp đó, sách giới thiệu, “*Tống đại, đại cư sĩ Vương Nhật Hưu, tăng soạn Long Thư Tịnh Độ Văn, tứ hải xưng dự, truyền tụng chí kim*” (đời Tống, đại cư sĩ Vương Nhật Hưu từng viết Long Thư Tịnh Độ Văn, được bốn biển khen ngợi, truyền tụng đến nay). Các đồng học tu Tịnh Độ, hình như rất ít ai chưa đọc Long Thư Tịnh Độ văn. Khi chúng tôi

^{23[3]} *San đính (刪訂): Nói gọn của “san cải, tu đính” tức là gạt bỏ những chỗ rườm rà, trùng lặp, sửa những chữ bị chép lầm. San đính khác với “san định” (刪定). Khổng Tử san định Ngũ Kinh của Nho gia chính là hệ thống hóa, gạt bỏ thặng thừa những phần được coi là không đúng với tư tưởng Nho gia, đồng thời sắp đặt, chỉnh lý, thay đổi kết cấu của cả một bộ kinh; trong khi san đính chỉ nhằm mục đích làm cho một văn bản trở nên mạch lạc, rõ ràng, sửa những chữ sai, lược bỏ những đoạn văn trùng lặp thường thấy trong tiếng Phạn, hay những phần khó hiểu, rườm rà, không ảnh hưởng đến ý nghĩa chánh yếu của cả bản kinh.*

mới học Phật, cũng hết sức ưa thích bộ sách này. Viết hay lắm, có thể coi như sách để học Quốc Văn. “*Vương thị lâm chung, đoan lập vãng sanh*” (Họ Vương lúc lâm chung, đứng thẳng vãng sanh), cư sĩ Vương Long Thư đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh. Trong Cư Sĩ Truyện, trong Đại Tạng Kinh có bộ Cư Sĩ Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, đều có ghi chép. “*Khả chứng cư sĩ thật vi ngã quốc Tịnh Tông giải hạnh câu ưu, thù thắng hy hữu chi tại gia đại đức*” (Đủ chứng tỏ Vương cư sĩ là bậc tại gia đại đức thù thắng hiếm có, hạnh lẫn giải đều tốt đẹp trong Tịnh Tông nước ta). Chúng ta thấy ông ta vãng sanh, cách ông ta biểu diễn, chúng ta liền biết ông ta vãng sanh chẳng giả chút nào, đứng mất. “*Vương thị thâm khái bảo điển chi trần phong, u thị nãi hội tập Vô Lượng Thọ kinh, Hán, Ngụy, Ngô, Tống tứ chủng nguyên dịch, lánh thành nhất bản, danh vi Đại A Di Đà Kinh*” (Họ Vương tiếc nuôi sâu xa bảo điển bị phủ bụi, bèn hội tập bốn bản dịch gốc các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống, tạo thành một bản riêng, đặt tên là Đại A Di Đà Kinh). Trong Long Tạng (Càn Long Đại Tạng Kinh) có bản này, hình như Nhật Bản Đại Chánh Tạng²⁴[4] cũng có, Đại Chánh Tạng cũng thu nhập bản này. Có thể đưa vào Đại Tạng Kinh tức là bản này được lịch đại cao tăng đại đức công nhận, nên mới có thể “nhập Tạng” (đưa vào Đại Tạng Kinh). Vì lẽ đó, Đại Tạng Kinh là tiêu chuẩn thật sự. Nếu chúng ta muốn học kinh điển, nhưng kinh điển ngụy tạo rất nhiều, rốt cuộc kinh nào là thật, bộ kinh nào đáng tin cậy? Vào thời cổ, khi quý vị xem Đại Tạng, hề kinh nào có trong Mục Lục của Đại Tạng sẽ là đáng tin cậy, kinh nào không có, chẳng đáng tin cậy!

²⁴[4] Long Tạng là tên gọi tắt của Càn Long Đại Tạng Kinh, còn gọi là Càn Long Tạng, hoặc Thanh Tạng, là Đại Tạng Kinh được triều đình Thanh chủ trì khắc in. Công trình này được khởi xướng từ năm Ung Chánh 11 (1733), do Hòa Thạc Thân Vương Doãn Lộc chủ trì, Hòa Thạc Thân Vương Hoằng Trú và Trụ Trì chùa Hiền Lương Siêu Thánh phụ tá. Chính thức tiến hành khắc in vào năm Ung Chánh 13 (1735) đến năm Càn Long thứ ba (1738) mới hoàn thành, gồm 79.036 tấm ván in, chia thành 724 hòm, dùng những chữ trong bài Thiên Tự Văn để đánh số thứ tự (tập một là Thiên, tập hai là Địa, tập ba là Huyền v.v...) gồm 1.669 bộ kinh sách, 7.168 quyển, trình bày giống như bộ Vĩnh Lạc Bắc Tạng (Đại Tạng Kinh đời Minh).

Đại Chánh Tạng gọi đủ là Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taishō Shinshū Daizōkyō), tức là Đại Tạng Kinh Nhật Bản được đề xướng từ năm Đại Chánh 13 (1922). Đại Chánh (Taishō) là niên hiệu của hoàng đế Yoshihito (Gia Nhân thiên hoàng, tức ông nội của Nhật Hoàng Akihito (Minh Nhân Thiên Hoàng) hiện thời). Công trình này do hai ông Cao Nam Thuận Thứ Lang (Takakusu Junjirō) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe Umiakira) biên tập, nhóm các ông Tiểu Dã Huyền Diệu (Ono Genmyo) v.v... giáo chánh, ấn hành năm 1934. Sách được chia thành 100 tập, chia thành Chánh Tạng 55 tập, Tục Tạng 33 tập, Biệt Quyển 15 tập (gồm Đồ Họa, Chiêu Hòa Pháp Bảo Tổng Mục Lục v.v..)

Đây là lập một tiêu chuẩn cho người đời sau. Nhưng tốt nhất là nếu quý vị có được một bản, đối chiếu với Đại Tạng Kinh [thấy có bản kinh ấy] sẽ càng yên tâm. Quý vị thấy ông Vương chỉ dùng bốn bản dịch gốc thuộc các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống, thiếu bản dịch đời Đường, chỉ có bốn bản!

“*Vương bốn xuất thế, hải nội xưng tiện, tùng lâm phụng vi khóa bốn*” (bản của ông Vương ra đời được trong nước khen là tiện lợi, chốn tùng lâm dùng làm kinh nhật tụng). “*Tùng lâm*” là Phật môn đạo tràng, nhà Phật gọi là tùng lâm, còn hiện tại thì sao? Hiện thời là đại học. Nói thật ra, tùng lâm là đại học Phật giáo, có chế độ chánh thức, được chế độ hóa. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh giáo học, giống như trường tư thực do tư nhân quản lý, không có chế độ, giống như thuở Khổng lão phu tử còn tại thế dạy học, không có trường học nào theo hệ thống, quy chế chánh quy, không có! Tại Trung Quốc, đến thời Tùy - Đường, [trường học] mới chính thức đi vào khuôn khổ. Vì thế, đây là một điểm đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc. Thuở đó, thầy Phương bảo tôi: “*Tùng lâm là một sáng kiến mang tính cách mạng của Phật giáo Trung Quốc, chính thức biến tu viện thành trường học*”. Người đứng đầu tùng lâm được gọi là Chủ Tịch, còn gọi là Phương Trượng Trụ Trì, đó là gì? Hiệu Trường! [Trụ Trì] là chức vị Hiệu Trường. Thủ Tọa Hòa Thượng là Giáo Vụ Trường. Duy Na là Huấn Đạo Trường. Giám Viện là Tổng Vụ Trường. Phân công những người chịu trách nhiệm hoàn toàn giống như cách tổ chức của một trường đại học hiện thời; danh xưng khác nhau, nhưng trên thực tế, Duy Na đúng là Huấn Đạo Trường, [phụ trách] giáo huấn, chỉ đạo. Điện, đường là phòng học, “chia ra nơi chốn để giảng kinh” (phân tòa giảng kinh). Quý vị thích học khoa mục nào, sẽ có thầy chỉ dạy, có giảng đường nhất định, giống như trong nhà trường. Vì vậy, quý vị phải hiểu Phật giáo truyền tới Trung Quốc là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo, mãi cho tới niên hiệu Càn Long nhà Thanh vẫn chưa bị biến chất, luôn là giáo dục. Tùng lâm là đại học, [ngoài ra] còn có những ngôi chùa nhỏ. Chùa nhỏ là trường chuyên khoa, chỉ học một thứ. Tịnh Tông đạo tràng tu tập năm kinh Tịnh Độ, chẳng có “phân tòa giảng kinh” (chia thành nhiều pháp môn để giảng kinh chuyên biệt), là trường chuyên khoa chuyên dốc sức vào một môn, hoặc là cũng học các kinh luận có liên quan đến môn này. Tình hình là như vậy đó.

Hiện thời Phật giáo suy vi, do đâu mà suy? Vứt bỏ giáo học. Sau khi vứt bỏ giáo học, kinh sám Phật sự trở thành hưng vượng, biến Phật giáo thành tôn giáo, thật sự trở thành tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận, nó quả thật biến thành tôn giáo, đã quên mất gốc, Phật giáo vốn chẳng phải là tôn giáo! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, quý vị kiểm trong kinh điển, đức Phật chẳng làm Phật sự một ngày nào. Nếu làm Phật sự một bữa nào, kinh điển phải ghi chép tường tận, nhưng chẳng thấy! Trong Đại Tạng Kinh có nhiều tài liệu về kinh sám, Phật sự. [Những thứ ấy] do người đời sau, tức các vị tổ sư đại đức đời sau biên soạn, chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật [nói ra]. Vì vậy, chẳng thể không biết vì sao Phật giáo trở thành nông nổi này, suy vi đến tình trạng này,

nhất định phải hiểu rõ ràng. Tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nhiều lần nhắc nhở tôi: “*Phật giáo Trung Quốc muốn phục hưng, nhất định phải thực hiện bằng cách khôi phục chế độ tòng lâm*”. Đó chính là mở trường đại học, phải thực hiện giáo dục. Vào thời đầu Dân Quốc, có mấy vị [đã làm chuyện này], nhưng thời gian rất ngắn, đều chẳng còn nữa! Hình như có một vị pháp sư mở Hoa Nghiêm Đại Học, pháp sư Thái Hư mở Phật học viện tại Hạ Môn. Pháp sư Viên Anh mở Lăng Nghiêm Chuyên Tông Học Viện tại Thượng Hải. Có mấy vị làm, nhưng thời gian cũng không dài, sau này đều chẳng còn nữa. Pháp sư Đế Nhân giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời giảng kinh, dạy học. Ngài thuộc tông Thiên Thai, đào tạo không ít nhân tài. Ở Mỹ, tôi còn gặp môn hạ của Ngài. Hội dịch, hội tập là chuyện có lý, ông Vương Long Thư hội tập đầu tiên, được tòng lâm tôn trọng, dùng bản ấy làm kinh nhật tụng. “*Ngã quốc Long Tạng*” (Long Tạng nước ta) chính là Đại Tạng kinh được biên tập dưới thời vua Càn Long, “*cập Nhật Bản Đại Chánh Tạng diệc quân thái nhập Vương bốn*” (và Đại Chánh Tạng của Nhật Bản cũng đều chọn bản của ông Vương để nhập tạng), dùng bản của ông Vương Long Thư, tức là bản hội tập của ông Vương Nhật Hư.

“*Liên Trì đại sư viết*” (Liên Trì đại sư nói). Liên Trì đại sư sống vào cuối đời Minh, lúc tại thế, Ngài đã phục hưng Tịnh Độ Tông, hết sức khó có! Đạo tràng của Ngài ở Hàng Châu. Ngài nói: “*Vương thị sở hội, giáo chi ngữ dịch, giản dị minh hiển, lưu thông kim thế, lợi ích thậm đại*” (bản hội tập của họ Vương, so với năm bản dịch gốc, đơn giản, dễ hiểu, rõ ràng, được lưu thông trong đời hiện tại, lợi ích rất lớn). Đây là lời tán thán của vị tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông là Liên Trì đại sư đối với ông Vương Long Thư. “*Hựu viết: Dĩ Vương bốn thế sở thông hành, nhân tập kiến cố*” (Lại nói: Do bản của ông Vương được lưu hành rộng rãi trong cõi đời, người ta quen thấy), do được lưu thông rất rộng, người đọc tụng rất nhiều. “*Cố u sở trước Di Đà Sớ Sao trung, phạm dẫn chứng Vô Lượng Thọ Kinh chi xứ, đa thủ Vương văn, gián thái nguyên dịch*” (Vì thế, đối với tác phẩm Di Đà Sớ Sao của tôi, hễ chỗ nào dẫn chứng kinh Vô Lượng Thọ, phần lớn trích theo bản của ông Vương, chỉ đôi khi dẫn theo bản dịch gốc). Hình như tôi đã giảng A Di Đà Kinh Sớ Sao đôi ba lần, quả thật [là một tác phẩm] hết sức hay! Do trong thời đại đó, chúng ta nhìn vào nội dung sách Sớ Sao, giống như chúng ta nhìn vào toa thuốc, sẽ biết những người ấy đang bị bệnh gì. Trong thời đại đó, trên lãnh thổ Trung Quốc, Phật giáo Thiên Tông hết sức hưng thịnh, nhiều kẻ coi rẻ, xem thường Tịnh Độ. Do vậy, trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã dùng gì để chú giải kinh A Di Đà? Dùng Hoa Nghiêm, nâng kinh Di Đà lên ngang tầm vóc kinh Hoa Nghiêm, khiến mọi người tôn trọng! Rất tuyệt vời! Quả thật lời của cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói, trong phần sau cũng có dẫn chứng lời này, có lý lắm! Cư sĩ Bành Tế Thanh nói kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm trung bản. Nói cách khác, kinh Hoa Nghiêm là Đại Vô Lượng Thọ Kinh. Hoặc nói cách khác, kinh A Di Đà là Tiểu Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ,

kinh Di Đà một mà ba, ba mà một, Liên Trì đại sư đề xướng điều này, được các bậc cao tăng đại đức trong Phật môn công nhận, tán đồng, Tịnh Độ lại được hưng vượng, nên Ngài được xưng tụng là tổ sư đời thứ tám.

Tổ sư của Tịnh Độ Tông không giống như trong các tông phái khác, các tông phái là khác là “*đại đại tương truyền*”, [tức là] từ một đời này truyền lại cho đời sau, trong Tịnh Độ Tông không có [thể lệ ấy]. Tịnh Độ Tông chẳng phải là “*đại đại tương truyền*”, mà là sau khi vị đại đức ấy đã vãng sanh, người đời sau khẳng định vị ấy đối với Tịnh Độ Tông có công hiến đặc thù, bèn tôn vị ấy làm tổ sư. Vì thế, tổ sư Tịnh Độ Tông là do dân tuyển (bầu chọn), chẳng phải đời này truyền sang đời kia, mà là dân tuyển. Giống như thời cận đại, Ấn Quang đại sư đối với Tịnh Độ Tông có công hiến rất lớn, mọi người công nhận Ngài xứng đáng là vị tổ sư đời thứ mười ba. Nếu là tổ sư tương truyền (tổ sư này truyền cho tổ sư kia), phải biết là sẽ có tới sáu bảy mươi đời, nhưng Tịnh Độ Tông mới có mười ba đời. Nếu như đời này không có người như vậy, sẽ không ai được chọn. Thật sự có công hiến đặc thù đối với sự tu trì và hoằng dương Tịnh Tông, người ấy sẽ được người đời sau tôn xưng là “*nhất đại tổ sư*” (tổ sư trong một đời). Tổ sư [trong Tịnh Tông] do đó mà có, do dân tuyển. [Chư Tổ của] Tịnh Tông được gọi là “đại sư” cũng là do đặc biệt tôn trọng, bởi lẽ, đây cũng là một kiến thức thông thường quý vị cần biết. Chữ “đại sư” chẳng thể tùy tiện xưng hô! Danh xưng “đại sư” trong Phật môn chuyên dùng để gọi Thích Ca Mâu Ni. Quý vị thấy đó: Trước kia, thầy của hoàng đế gọi là Quốc Sư; người phiên dịch kinh điển được gọi là Tam Tạng Pháp Sư, bậc đại đức trong Thiền môn gọi là Thiền Sư, vị nào chuyên dốc sức nơi Luật thì gọi là Luật Sư, nghiên cứu luận điển thành công bèn gọi là Luận Sư, không ai xưng là đại sư! Chỉ có Tịnh Độ tông xưng là đại sư, vì sao? Các vị ấy chẳng khác gì Phật, có thể chỉ dạy chúng sanh niệm Phật vãng sanh, hễ vãng sanh bèn thành Phật. Quý vị xem: Phật độ chúng sanh chẳng phải [chỉ dạy, giúp họ] thành Phật đó sao? Những vị đại đức độ chúng sanh dùng pháp môn này, cũng dạy họ thành Phật trong một đời, có khác gì Phật? [Cho nên] đều gọi là đại sư. Vì thế, chỉ có tổ sư Tịnh Tông được gọi là đại sư, phải biết kiến thức thông thường này! Nay chúng ta là kẻ tầm thường mà xưng là đại sư tức là quá lớn, không thể được!

Tiếp theo đó là: “*Hựu U Khê đại sư cánh hữu thịnh yên*” (hơn nữa, U Khê đại sư càng dùng rộng rãi hơn), đây là một vị cùng thời đại với Liên Trì đại sư, cũng là một vị đại đức trong Tịnh Tông. Ngài có trước tác bộ Di Đà Viên Trung Sao. Khi chúng tôi mới vừa tiếp xúc Tịnh Tông, thầy có trao cho tôi ba bản chú giải, ba bản chú giải ấy là ba tác phẩm chú giải kinh Di Đà có uy tín nhất, người tu Tịnh Độ chẳng thể không đọc. Thứ nhất là A Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư, thứ hai là Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu; thứ ba là Viên Trung Sao của U Khê đại sư. Ba bản chú giải này là tác phẩm chú giải kinh Di Đà có uy tín nhất. Trong Viên Trung Sao, hễ trích dẫn kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ bèn hoàn toàn dùng bản hội tập của ông Vương Long Thư. Trong bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, đại khái là trích dẫn bản hội tập của ông

Vương Long Thư hơn phân nửa một chút, phần còn lại vẫn trích dẫn từ các bản dịch gốc. “*Cận đại, Ấn Quang đại sư u sở soạn Trùng Khắc Viên Trung Sao Tự trung, diệc tán Vương bốn văn nghĩa tường tất, cử thế lưu thông*” (gần đây, trong bài Tựa Tái Bản Bộ Viên Trung Sao do Ấn Quang đại sư viết, Ngài cũng khen ngợi bản của ông Vương văn lẫn nghĩa tường tận, đầy đủ, lưu thông rộng rãi trên cõi đời). Cận đại, trong Ấn Quang Văn Sao có bài này, đây là một thiên văn chương của Ngài. Trong bài Trùng Khắc A Di Đà Kinh Viên Trung Sao Tự, Ngài đã tán thán như vậy, chứng tỏ việc hội tập là chính xác, là chuyện phải có người đứng ra làm. Vậy mà trong thời cận đại có người phê bình hội tập là sai lầm, lời này nói chẳng xuôi tai!

Có rất nhiều người đến hỏi tôi, đối với bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, ở trong nước lẫn Đài Loan đều có những vị đại đức trong Phật môn phản đối “đừng nên làm chuyện này”, [họ đem chuyện ấy] tới hỏi tôi. Tôi nói: Nếu chúng ta chẳng thừa nhận việc hội tập, cho là không đúng pháp, sẽ có rất nhiều vấn đề! Hiện thời, trong nhà chùa, khóa tụng sáng tối chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, kinh văn và nghi quy trong ấy đều là hội tập, cũng chẳng thể dùng những khóa bản ấy! Bình thường, quý vị làm Phật sự, như Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, Đại Bi Sám, Diệm Khẩu, Thủy Lục, những bản ấy toàn là hội tập, thầy đều chẳng thể dùng. Khóa tụng sáng tối trong nhà chùa phải đọc nguyên văn mới đúng, vậy thì rất nhiều thứ trong nhà chùa đều trở thành có vấn đề, đều chẳng đúng pháp! Quý vị thấy trong Phật môn có bao nhiêu thứ là hội tập của tổ sư đại đức từ xưa đến nay. Vì thế, phải hiểu đạo lý này, chẳng thể không nói theo lý. Sau khi quý vị đều hiểu rõ, sẽ biết hội tập là cần thiết, nhất là thuở ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy chúng ta: “*Y pháp, bất y nhân; y nghĩa, bất y ngữ; y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa; y trí, bất y thức*”. Hơn nữa, kinh Đại Thừa thường dạy: “*Phật vô hữu định pháp khả thuyết*” (Phật không có pháp nhất định nào để nói), “*pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp), nói rành mạch, triệt để như vậy! Vì thế, chúng ta nhất định phải hiểu pháp do đâu mà có? Do con người mà hưng khởi, người ta mắc bệnh gì, đức Phật bèn kê toa thuốc đó; người không có bệnh, sẽ chẳng có toa thuốc! Đó là chữa bệnh. Do vậy, nhất định phải hiểu đạo lý này. Đây là nói rõ hội tập là chuyện phải nên làm!

Tiếp đó là nói đến những vấn đề trong hai bản hội tập: “*Vương thị hội kinh, tuy đại hữu công u Tịnh Tông, đản sở hội chi bốn phá đa suyễn ngộ*” (Ông Vương hội tập kinh, tuy có công lớn đối với Tịnh Tông, nhưng trong bản hội tập có khá nhiều sai lầm), trong ấy phạm sai lầm, đó là sự thật! Cho nên cũng phải nhận biết rõ ràng [những khuyết điểm ấy]! Cụ Hoàng nêu tỷ dụ: “*Bạch khuê chi hà, hiền giả tích chi*” (bạch khuê có vết, người

hiền tiếc nuôi), bạch khuê²⁵[5] là ngọc, ngọc có tỳ vết, tỷ dụ bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư [có khuyết điểm], khiến người hiền tiếc nuôi! “*Liên Trì đại sư vị kỳ: Sao tiền trước hậu, khử thủ vị tận*” (Liên Trì đại sư nói: “Trích dẫn kinh văn trong phần trước, ghép lời văn do mình sáng tác vào phần sau, lấy bỏ chẳng trọn hết”), điều này sẽ được giải thích trong phần sau. “*Bành Thiệu Thăng cư sĩ xích chi vi: Lãng loạn quai suyễn, bất hợp viên chi*” (Cư sĩ Bành Thiệu Thăng chê trách: “Rối ren, sai sót, chẳng hợp ý chi viên dung”). Những lời phê bình này cũng đều có căn cứ. Nếu như chúng ta đem năm bản dịch gốc đối chiếu, quý vị sẽ hiểu ngay. Hiện thời có mấy vị cư sĩ [đã làm chuyện so sánh này], tôi thấy họ đã đối chiếu sự bất đồng giữa hai bản hội tập với năm bản dịch gốc, làm kỹ lưỡng, rất tốn công. Sau khi quý vị đã xem xong, mới biết bản hội tập này của Hạ lão cư sĩ hay lắm, hội tập quá khéo! Đúng là hay hơn mấy bản hội tập trước đó! Do vậy, hiện thời có tổng cộng chín bản, gồm: Ba bản hội tập, một bản tiết lục, năm bản dịch gốc, tôi in cả chín bản này thành một cuốn. Khi ấy, tôi giảng bản hội tập của Hạ lão cư sĩ ở nước ngoài, sợ có kẻ đến kiểm chuyện, cho nên tôi in chung cả chín loại để quý vị tự xem. Kẻ nào thắc mắc, có nghi vấn, tôi đưa sách cho kẻ ấy xem, “ông hãy tự xem đi!”, tôi chẳng cần phải trả lời. Chín bản đều có, nhưng đều đọc hết thì thật là khó! Một bản hội tập hay như thế, đức Thế Tôn đã nói: Đến lúc pháp diệt tận, hết thấy các kinh đều chẳng còn nữa, cuối cùng chỉ còn lưu lại mình kinh Vô Lượng Thọ này, nhưng là bản nào của kinh Vô Lượng Thọ? Chắc chắn là bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, chứ không phải là bản dịch gốc. Chúng ta có thể khẳng định điều này! Bản hội tập này quá hay, chúng ta cần phải nhận biết điều này thì mới chẳng đến nỗi hoài nghi kinh này! Kẻ phê bình rất nhiều, sự tu học, thâm nhập kinh giáo của họ đã đạt tới bản lãnh như Vương Long Thư, Ngụy Mặc Thâm, và Hạ Liên Cư hay chưa? Nếu chưa đạt tới trình độ ấy, lẽ nào có thể tùy tiện phê bình? Cá nhân quý vị phê bình, chính quý vị tạo nghiệp phải tự gánh vác. Nếu quý vị ảnh hưởng tới người khác, khiến người khác nảy sinh hoài nghi đối với bản này, không học tập nữa, lỗi lầm lớn lắm! Quý vị đoạn Pháp Thân huệ mạng của người khác, có phải gánh trách nhiệm nhân quả hay chẳng? Chắc chắn là phải! Chúng ta học kinh giáo, chẳng thể không biết điều này! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

²⁵[5] Khuê (圭) còn gọi là ngọc khuê, vốn là một vật dụng tượng trưng cho quyền lực vào thời cổ, thường làm bằng ngọc quý, nhất là loại ngọc trắng, tạc thành hình thuôn dài, đẹp, trên đầu khắc thành hình tam giác, phía dưới cắt thẳng. Quý tộc thường cầm ngọc khuê khi vào chầu vua, dự tiệc, cúng tế, hoặc trong tang lễ. Tùy theo địa vị mà kích thước, chất liệu được quy định chặt chẽ, loại quý nhất là bạch khuê, nên về sau chữ “bạch khuê” được dùng với ý nghĩa “trân quý”.

Tập 06

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ tư, hàng thứ bảy. Đây là đoạn thứ hai, chúng ta vẫn đọc từ đầu.

“*Vương thị hội kinh, tuy đại hữu công u Tịnh Tông, đản sở hội chi bản phả đa suyễn ngộ. Bạch khuê chi hà, hiền giả tích chi. Liên Trì đại sư vị kỳ: Sao tiền trước hậu, khứ thủ vị tận. Bành Thiệu Thặng cư sĩ xích chi vi: Lãng loạn quai suyễn, bất hợp viên chi*” (Họ Vương hội tập kinh, tuy có công lớn đối với Tịnh Tông, nhưng bản hội tập của ông ta có lắm sai lầm. Bạch khuê có vết, người hiền tiếc nuôi. Liên Trì đại sư bảo: “Sao chép kinh văn trong phần trước, ghép thêm lời văn của chính mình sáng tác vào sau đó, lẩy bỏ chưa trọn hết”. Cư sĩ Bành Thiệu Thặng chê trách: “Rối ren, sai lạc, chẳng hợp ý chỉ viên dung”). Chúng ta xem trước chỗ này. Trong phần trước, tôi đã giới thiệu các phiên bản kinh Vô Lượng Thọ hiện đang được lưu thông, ngoài năm bản dịch gốc ra, còn có bốn bản nữa: Ba bản là bản hội tập, một bản là bản tiết lục. Nhân tiện, tôi giới thiệu ở đây. “*Vương thị*” (họ Vương) là Vương Long Thư, hay Vương Nhật Hữu, hội tập kinh Vô Lượng Thọ sớm nhất. Có thể thấy là từ rất sớm đã có người chú ý tới vấn đề này. Các phiên bản nhiều lắm, mà nội dung sai biệt rất lớn. Nếu bảo năm bản đều cùng đọc, quả thật rất phiền; đọc một loại, sẽ chẳng thấy những điều được nói trong bốn bản kia, trong bốn bản kia có rất nhiều kinh văn không có trong bản này, rất đáng tiếc! Vì thế, đó là một nhân tố quan trọng khiến cho những bản này được lưu thông rất ít. Cư sĩ Vương Long Thư là người đời Tống, trong phần trên đã giới thiệu: Ông ta trước tác rất phong phú, niệm Phật thật sự có công phu, khi vãng sanh là đứng mất. Bộ Tịnh Độ Văn của ông ta vô cùng hay, cũng có thể dùng để học Quốc Văn. Trong phần trước, tôi đã từng giới thiệu với quý vị, Trúc Song Tuy Bút của Liên Trì đại sư, Linh Phong Tông Luận của Ngẫu Ích đại sư, và Tịnh Độ Văn của cư sĩ Vương Long Thư cũng hết sức hay, văn tự hết sức khá, đều là những tác phẩm văn chương hay của các bậc đại đức trong Tịnh Tông. Chúng ta học văn chương Văn Ngôn, coi những tác phẩm ấy như sách để học Quốc Văn, rất tốt!

Sau khi bản hội tập của ông ta ra đời, được lưu thông rất rộng. Quý vị thấy Đại Chánh Tạng của Nhật Bản và Long Tạng được biên tập dưới đời vua Càn Long đều nhập tạng bản này. Có thể đưa vào Đại Tạng Kinh tức là được các vị đại đức thuở ấy chấp

nhận. Thế nhưng bản của ông ta vẫn có sai lầm, “*suyễn ngộ*” (舛誤) là sai lầm, còn có những sai sót. “*Bạch khuê chi hà, hiền giả tích chi*” (bạch khuê có vết, người hiền xót xa), hai câu này thể hiện ý tiếc hận: Đáng tiếc là ông ta làm chưa viên mãn, còn có khuyết điểm! Liên Trì đại sư cũng hết sức bội phục ông Vương. Trong bộ Di Đà Kinh Sớ Sao, đây là một tác phẩm rất to lớn, kinh văn kinh Vô Lượng Thọ được trích dẫn trong ấy, quá nửa là trích từ bản hội tập của cư sĩ Long Thư, đây cũng là khẳng định [giá trị] của bản hội tập ấy. Đương nhiên, bản ấy chẳng thể tận thiện, tận mỹ, nên Liên Trì đại sư cũng phê bình, bảo bản này của họ Vương “*sao chép kinh văn trong phần trước, ghép phần trước tác của chính mình vào phần sau, lấy bỏ chưa trọn vẹn*”. Hai câu này trong phần sau đều có giải thích. Bành Thiệu Thăng có tiết bản, chẳng phải là hội tập, chỉ lấy bản của ngài Khang Tăng Khải. Bản dịch của ngài Khang Tăng Khải cũng chẳng dễ đọc cho lắm, ông Bành đem chỉnh lý một lần nữa, soạn thành bản mới, gạt bỏ những chỗ trúc trắc, thiếu trôi chảy, cho nên bản dịch này đọc lên rất lưu loát, coi như là một bản kinh hay, nhưng chẳng thể coi là bản hội tập, mà coi là tiết bản (bản rút gọn, trích yếu, có phân chương đoạn). Ông ta cũng phê bình bản hội tập của cư sĩ Long Thư, bảo là “*lãng loạn quai suyễn, bất hợp viên chí*” (rối ren sai lầm, chẳng hợp ý chỉ viên dung), cũng là nói bản hội tập của ông ta chưa hoàn mỹ. Chẳng thể bảo ông Vương không có công lao gì! Quả thật là công lao cũng chẳng thể xóa sạch, nhưng chưa phải là bản hoàn mỹ. Đây là một chuyện rất đáng tiếc!

Tiếp đó là lời giải thích của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ: “*Kim bút giả*” (nay người viết), nói về người cầm bút viết bản chú giải này, tức là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, “*ngưỡng thừa cổ đức chư thuyết*” (kính vâng theo các nhận định của cổ đức), nói theo cách hiện thời là “căn cứ trên cách nói của cổ đại đức”, “*thiết kê Vương thị chi thất*” (trộm kể ra những khuyết điểm của họ Vương), “*thiết kê*” (竊計) là theo cách so sánh, cách nghĩ của riêng tôi, bản hội tập của cư sĩ Long Thư tôi thiếu có ba chỗ sai sót. Thứ nhất là: “*Vương thị hội tập, căn cứ tứ chủng, vị cập Đường dịch. Đường dịch danh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội, xuất tự Đại Bảo Tích Kinh, nãi Bồ Đề Lưu Chí đại sư sở dịch, đa áo diệu tinh yếu chi văn, vi tha dịch sở vô*” (Bản hội tập của họ Vương chỉ dựa trên bốn bản dịch, chưa có bản dịch đời Đường. Bản dịch đời Đường có tên là Vô Lượng Thọ Như Lai Hội trích từ kinh Đại Bảo Tích do Bồ Đề Lưu Chí đại sư dịch, kinh văn có nhiều chỗ uyên áo, huyền diệu, tinh tường, trọng yếu mà những bản dịch khác không có). “*Tha dịch*” là bốn bản dịch gốc kia, trong ấy không có những điều [được nói trong bản Đường dịch]; quả thật cư sĩ Long Thư cả đời chưa thấy bản Như Lai Hội trong kinh Đại Bảo Tích. Từ chỗ này, chúng ta mới hiểu vào thời cổ, có được kinh sách đâu phải dễ! Vì thuở ấy, kinh sách đều vẫn phải chép bằng tay. Vì thế, trong kinh sách cổ truyền có chữ sai là chuyện khó tránh. Một bộ kinh phân lượng to như vậy, khó tránh khỏi chép thiếu, hoặc chép sai một chữ, hết sức khó tránh chuyện này! Bản này (tức bản Đường

dịch), như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói: Có nhiều đoạn văn tự “áo diệu tinh yếu” (sâu xa, huyền nhiệm, tinh tế, quan trọng) chẳng thấy có trong bốn bản dịch kia, đương nhiên đây là điều sai sót. Đây là chỗ chẳng viên mãn thứ nhất, tức là ông Vương chưa đọc trọn năm bản dịch gốc. Đó là điều thứ nhất.

Thứ hai, “*khử thủ vị tận*” (lấy, bỏ chưa trọn hết). Đây là lời Liên Trì đại sư phê bình, chê lão nhân gia (ông Vương Nhật Hưu) chọn và bỏ chưa trọn vẹn, tức là nói “*thủ phần di yếu, cải thâm vi thiển*” (lấy chỗ rườm rà, bỏ chỗ quan trọng; sửa chỗ sâu thành cạn), ông ta mắc phải khuyết điểm này! Những chỗ rườm rà đáng nên tinh giản, ông ta vẫn cứ chép vào [bản hội tập]; những thứ quan trọng bị bỏ sót, vì sơ ý mà bỏ sót. Nêu ra thí dụ nhằm chứng tỏ lời [phê phán] này chẳng phải là nói tùy tiện: “*Lệ như Liên Trì đại sư sở trách: Như tam bối vãng sanh*” (Chẳng hạn như Liên Trì đại sư đã trách: Như trong phần ba bậc vãng sanh), trong đoạn kinh văn này, “*Ngụy dịch giai viết phát Bồ Đề tâm*” (bản dịch đời Ngụy ghi cả ba bậc đều phát Bồ Đề tâm), chữ “*Ngụy*” chỉ [bản dịch của] ngài Khang Tăng Khải; trong bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, ba bậc vãng sanh đều phát Bồ Đề tâm, nhưng trong bản hội tập của Vương Long Thư, chỉ có bậc trung là phát Bồ Đề tâm, bậc hạ chẳng phát, chẳng hề phát Bồ Đề tâm, trong bậc thượng cũng chẳng nói, không đề cập. “*Tắc cao hạ thất thứ, cố vãn vị tận*” (tức là thứ bậc cao thấp bị mất, cho nên bảo là “chưa trọn hết”), đây là nói “*khử thủ vị tận*”. Lời Ngài nói có căn cứ, Ngài bảo: “*Do thượng lệ khả kiến, thượng cánh bất ngôn*” (Do dựa theo điều này (bậc trung đã phát Bồ Đề tâm), có thể thấy [bậc thượng phải phát Bồ Đề tâm], nhưng [trong bản hội tập] bậc thượng hoàn toàn chẳng nói [phát Bồ Đề tâm, đó là điều vô lý]), “*thượng*” là thượng bối vãng sanh, [bản hội tập của ông Vương] chẳng nói tới phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm quan trọng lắm! Đây là “*di yếu*”, nghĩa là bỏ sót điều quan trọng! Đối với bậc Hạ, [chánh kinh] cũng nói là phát Bồ Đề tâm, nhưng ông ta viết là “*chẳng phát*”, tức là bậc Hạ có thể chẳng cần phát Bồ Đề tâm, [đó là] “*cải thâm vi thiển*” (sửa sâu thành cạn). Đây là những chỗ Liên Trì đại sư và Bành cư sĩ chê trách ông Vương, thật sự có căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện!

Thứ ba, “*suất ý tăng văn, nghiêm nhược tự trước*” (tùy tiện tăng thêm văn tự, nghiêm nhiên tự soạn thêm), “*suất ý*” (率意) là tùy ý, tăng thêm văn tự, giống như chính mình sáng tác, điều này không thể chấp nhận! Phiên dịch thì được! Nếu quý vị dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán thì chấp nhận được, vì quý vị phải chằm chước dùng câu chữ nào [cho lời văn gãy gọn, dễ hiểu, nhưng không sai ý]! Hội tập thì không thể, hội tập nhất định phải dùng nguyên văn [từ các bản dịch gốc], chẳng thể thay đổi văn tự, Ấn Quang đại sư hết sức coi trọng chuyện này. Bởi lẽ, tùy tiện sửa đổi văn tự, tôi nghĩ dùng câu chữ theo kiểu này mới hay, tôi bèn sửa; quý vị cho rằng hành văn theo kiểu kia mới hay, quý vị lại sửa. Sửa tới, sửa lui, đến cuối cùng chẳng còn cách nào đọc [nguyên dạng] kinh Phật nữa! Do vậy, phải tôn trọng lời dịch gốc, nhất định chớ nên sửa đổi. Dẫu nhận thấy

[câu văn hay đoạn văn ấy] có vấn đề, có thể ghi chú bên cạnh, chẳng thể sửa chữ của người ta, đây là quy củ. Do vậy, chỗ này là sơ sót. “*Cổ Liên Trì đại sư trách viết*” (Vị thế, Liên Trì đại sư trách rằng), quả trách ông Vương: “*Sao tiền trước hậu, vị thuận dịch pháp*” (sao chép kinh văn trong phần trước, ghép thêm lời văn của chính mình sáng tác vào sau đó, chưa tuân thủ cách dịch). Ngay sau đó, cụ Hoàng giảng rõ: “*Cái trách kỳ sao dẫn kinh văn u tiên*” (ấy là chê trách [ông Vương] đã sao lục kinh văn trong phần trước), đó là “*sao tiền*”, “*phục hựu tự trước cú tự u hậu*” (lại đem những câu chữ do mình đặt ra, ghép vào phía sau), ghép ý kiến của chính mình vào sau kinh văn, cũng giống như chính mình dịch vậy, sai lầm rồi! Phía sau [mỗi đoạn kinh], nếu có kiến giải, có thể dùng chữ nhỏ ghi chú bên cạnh, nhất định chẳng ghi lẫn lộn vào kinh văn. Đây là một điều kỵ húy rất lớn. Đó gọi là “*sao tiền, trước hậu, vị thuận dịch pháp*”. Dịch kinh có quy củ dịch kinh; ở đây là đã vi phạm quy củ dịch kinh, ông ta cũng chẳng phải là phiên dịch, mà là hội tập.

Tiếp đó, cụ Hoàng giảng: “*Cái thị hội tập, tất tu y cứ nguyên kinh, vạn vạn bất khả u nguyên dịch ngoại thiện tăng văn cú*” (Đã là hội tập, cần phải dựa theo nguyên văn của bản dịch, muôn vàn chẳng thể tự tiện thêm câu văn [do chính mình đặt ra]). Cư sĩ Long Thư phạm quy củ này: Anh hội tập, chẳng phải là phiên dịch! Anh phiên dịch thì được, chính anh châm chước nên dùng chữ gì, dùng từ gì để dịch ý nghĩa tiếng Phạn này, được phép làm như thế! Nhưng hội tập thì không được! Bởi lẽ, anh chẳng dựa trên nguyên văn bằng tiếng Phạn, mà dùng bản dịch do người khác đã dịch sang tiếng Hán. Anh nhất định phải tôn trọng, phải tuân theo nguyên văn, chẳng thể thay đổi, động chạm chữ nào. Đây là quy củ hội tập. Vậy thì cư sĩ Long Thư đã sửa đổi, sửa có khéo hay không? Sửa thật khéo! Tuy sửa thật khéo, nhưng đã phá hoại quy củ, không được rồi! Quý vị chẳng thể phá hoại quy củ, chẳng thể tạo ra tiền lệ này! Quý vị đã sửa được, người khác cũng có thể sửa. Đối với quý vị thì không có vấn đề gì, đối với kinh Phật, sự tu dưỡng của quý vị đã đạt tới tiêu chuẩn, công phu và cảnh giới tu trì cũng đạt tới, quý vị có sửa cũng chẳng sao, nhưng hễ tạo nên tiền lệ này, người đời sau sẽ như thế nào? Người đời sau tuy chưa có trình độ như quý vị mà cũng sửa chữa: Cư sĩ Vương Long Thư đã có thể sửa, lẽ nào ta chẳng thể sửa? Hễ tiền lệ này được lập ra, sau này, những tệ đoan sẽ xuất hiện.

Nói thật ra, [bản hội tập của] Vương Long Thư có vấn đề, bản của Ngụy Mặc Thâm cũng có vấn đề. Chúng ta xem kỹ, ông ta sửa có khéo hay không? Sửa đúng là khéo lắm, nhưng nếu quý vị nghĩ tới những tác hại về sau, đáng sợ lắm! Không thể tạo nên tiền lệ này! Chẳng phải là nói ông ta sửa không hay, mà là nói chẳng thể lập ra tiền lệ. Phải như thế nào mới trọn vẹn đôi bề? Tôi vừa mới nói đấy thôi, dùng chữ nhỏ ghi chú bên cạnh thì được, cách này có thể tận thiện tận mỹ. Do vậy, đây là: “*Cổ trách Vương thị vị thuận dịch pháp. Do thượng khả kiến Vương thị chi thất*” (vị thế, mới trách là ông Vương chưa tuân theo cách dịch. Do những điều trên đây, có thể thấy khuyết điểm của họ Vương). Do

ông ta có những chỗ thiếu sót, bản hội tập này có những chỗ sai sót, “*phi thị bất ưng hội tập, nhi tại ư hội bốn chi đa tỳ dã*” (chẳng phải là không nên hội tập, mà do trong bản hội tập có nhiều tỳ vết). Đó là tỳ vết. Do có những tỳ vết, nên chẳng thể gọi là “tận thiện tận mỹ”. Đây là kiến thức thông thường, nhưng là một kiến thức thông thường rất quan trọng: Chúng ta học Phật, cần phải tôn trọng kinh điển. Chẳng thể tùy tiện sửa đổi nguyên văn kinh điển, mà đối với chú giải của cổ đại đức cũng chớ nên tùy tiện thêm bớt văn tự. Cổ đức có thể chú giải bộ kinh này, bản chú giải ấy có thể lưu truyền cho tới hiện thời, nói chung là mấy trăm năm, trong mấy trăm năm ấy, người đọc tác phẩm ấy rất nhiều. Quý vị thấy cổ nhân đều tôn trọng, cứ sao chúng ta có thể tùy ý sửa đổi văn tự? Đây là chuyện rất thiếu đạo đức. Chúng ta có ý kiến, có thể thêm ghi chú vào bên cạnh, làm như vậy thì được!

Chúng ta lại đọc đoạn tiếp theo: “*Bành Thiệu Thăng cư sĩ hám ư Vương bốn chi thất*” (cư sĩ Bành Thiệu Thăng tiếc nuôi trước những khuyết điểm trong bản hội tập của họ Vương). Đây là nói: Rất đáng tiếc! Cảm thấy bản của ông Vương là một bản hay, nhưng hết sức đáng tiếc là có chút tỳ vết này, chưa hoàn mỹ. “*Nãi thủ Ngụy dịch bốn nhi san tiết chi*” (bèn lấy bản Ngụy dịch mà gạn lọc, trích lược), ông ta chỉ lấy một bản. Chẳng thể coi việc làm này của ông ta là hội tập, do chỉ lấy bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đời Tào Ngụy. Vào thời đại Tam Quốc, Tào Tháo cầm quyền, [nên vương triều thời đó gọi là] Tào Ngụy. Ngài Khang Tăng Khải là người thuở đó. Bởi lẽ, trong thời đại Tam Quốc, Phật pháp đã khá hưng thịnh, [trong lãnh thổ của các vương triều] Ngụy, Thục, Ngô đều có [Phật giáo], các địa phương đều có đạo tràng Phật giáo. “*Thị Vô Lượng Thọ kinh chi đệ thất chủng*” (là phiên bản thứ bảy của kinh Vô Lượng Thọ), bản của ông Vương Long Thư vừa nói trong phần trên là loại thứ sáu. Năm loại trước là bản dịch gốc, loại thứ sáu là bản hội tập của Vương Long Thư, bản của Bành Thiệu Thăng là loại thứ bảy. Loại thứ bảy là tiết bốn, cũng được lưu thông, người ta cũng thích đọc. “*Đản thủ căn vi Ngụy dịch nhất chủng chi tiết bốn, nhi phi chư dịch chi hội bốn*” (Chỉ là một bản trích lược của bản Ngụy dịch, chưa phải là bản hội tập của các bản dịch).

Trong thời đại hiện tại này, bản tiết bốn này là gì? Được gọi là “kiến thức bùng nổ”. Quý vị thấy số lượng sách so với xưa kia nhiều hơn bao nhiêu? Trước đây, in ra một quyển sách chẳng dễ dàng; hiện thời, nhất là do computer quá tiên bộ, xuất bản một quyển sách là chuyện dễ ợt! Chúng ta vào tiệm sách mà xem, trước kia, vào tiệm sách, từ trường hết sức tốt đẹp, bước vào thư viện hay tiệm sách, từ trường đặc biệt tốt. Nay thì không còn nữa, hiện thời thỉnh thoảng tôi đến tiệm sách tìm mấy cuốn sách, vừa bước vào tiệm, [cảm nhận] từ trường hết sức xấu, vì nguyên nhân gì? Chánh luận chẳng còn nữa, đều là tà tri tà kiến, nên tạo thành cảm giác hết sức lớn, hết sức rõ rệt. Lúc tôi còn trẻ, thường la cà tiệm sách, quả thật là tối thiểu những sách vở của cổ nhân chiếm phân nửa, một nửa là của người thời nay, nửa kia của cổ nhân. Hiện thời, tác phẩm của cổ

nhân ít ỏi. Chúng ta tới tiệm sách, sẽ thấy chỉ là một góc nhỏ, những tác phẩm khác đều của con người hiện thời. Vì thế, từ trường rất bất hảo. Kiếm một nơi có từ trường thanh tịnh thoải mái, gần như hiện nay tìm không ra, do nguyên nhân gì? Tôi nghĩ mọi người chúng ta đều biết: Ai phá hoại từ trường? Khoa học kỹ thuật! Những thứ vừa mới được phát minh đã phá hoại từ trường của cả địa cầu!

Chúng ta hãy quan sát cẩn thận cuộc sống của chúng ta. Những thứ người bình thường ăn, đúng như kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Ăn khổ thực độc*” (ăn khổ, nuốt độc), toàn ăn thứ độc địa. Thịt các động vật, nếu là sáu mươi năm trước, chẳng nói xa xôi, so với sáu mươi năm trước, người bảy, tám mươi tuổi có thể nhớ lại, những món thịt quý vị đã ăn lúc nhỏ có mùi vị giống với thịt mình ăn trong hiện tại hay không? Tôi từng hỏi sư mẫu của tôi, tức phu nhân của tiên sinh Phương Đông Mỹ, tôi nêu ra câu hỏi: “Các bà ăn thịt heo, thịt gà, so với lúc tuổi thơ, tuổi thiếu niên, thấy có cùng mùi vị hay chẳng?” Bà ta suy nghĩ ba bốn phút, rồi cho biết: “Khác hẳn!” Chúng ta là người ăn chay, hãy suy nghĩ cẩn thận, nay chúng ta ăn rau, những thứ rau thường ăn, cải bẹ trắng cũng vậy, rau giền cũng thế, củ cải cũng thế, đặc biệt là các loại nấm, có giống như sáu mươi năm trước hay không? Quá khác biệt! Sáu mươi năm trước, vị nấm đông cô ngon hơn nhiều, tuyệt hơn nhiều! Hiện thời chẳng có mùi vị gì! Thấy chúng rất lớn, hình dáng rất dễ ưa, nhưng chẳng có vị gì hết! Rau dưa cũng chẳng tươi ngon như trước, đều chẳng còn nữa, do nguyên nhân gì? Thuốc trừ sâu và phân hóa học đã phá hoại rồi! Do vậy, đất đai hiện thời có chất độc, quý vị trồng thứ gì cũng đều có độc, đây chẳng phải là “*thực độc*” (ăn chất độc) ư? Đúng vậy! Chẳng giả tí nào! Vì thế, người sống trong thế gian này, càng sống càng vô vị, cuộc sống càng ngày càng khổ sở. Khoa học hiện thời nói tới gì? Cơ nhân (genes)! Phá hoại toàn bộ cơ nhân, phá hoại hoàn cảnh thiên nhiên, phá hoại cuộc sống của chúng ta.

Chúng ta coi phần tiếp theo: “*U thị, văn Thanh Ngự Thừa Quán (tự Mặc Thâm) cư sĩ*” (Do vậy, vào cuối đời Thanh, cư sĩ Ngự Thừa Quán, tên tự là Mặc Thâm), chúng ta thường gọi ông này là Ngự Mặc Thâm, đáng ra phải gọi là Ngự Nguyên^{26[6]}. Ngự cư

^{26[6]} Ngự Nguyên (1794-1857) vốn có tên là Ngự Viễn Đạt, sau đổi thành Ngự Nguyên, tên tự là Mặc Thâm, hoặc Mặc Sanh, hiệu Lương Đờ, pháp danh là Thừa Quán, người huyện Thiệu Dương, tỉnh Hồ Nam, là bạn thân của Lâm Tắc Từ. Ông ta được coi là một nhà tư tưởng lỗi lạc cuối đời Thanh. Khi ông ta thi Cử Nhân, bài thi đã được vua Đạo Quang rất tán thưởng, nhưng khi vào thi Hội liền bị rớt. Chủ khảo Lưu Phùng Lộc rất nuối tiếc. Mãi cho đến năm Đạo Quang 25 (1845), ông ta mới đỗ Tiến Sĩ, đỗ hạng ba mươi chín, làm quan tới chức Tri Châu. Tuổi già, chuyên tâm nghiên cứu Phật giáo, ẩn cư tại Hàng Châu. Ngoài bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ ra, ông còn có những tác phẩm biên khảo nổi tiếng như Hải Quốc Đồ Chí, Thánh Vũ Ký, Hoàng Triều Kinh Thế Văn Biên. Những trước tác khác của ông được môn sinh biên tập thành Ngự Nguyên Toàn Tập.

sĩ là người đời Thanh. Nói “*văn Thanh*” vì ông ta sống vào thời Hàm Phong. Chúng ta biết Từ Hy Thái Hậu là phi tử của hoàng đế Hàm Phong²⁷[7]. “*Vị cứu Long Thư chi thất, thủ ngữ chủng nguyên dịch, lánh hành hội tập, biệt thành nhất thư, sơ nhưng danh Vô Lượng Thọ Kinh, hậu kinh Chánh Định Vương Canh Tâm thị cải danh vi Ma Ha A Di Đà kinh*” (Nhằm cứu chữa khuyết điểm của ông Long Thư, bèn lấy năm bản dịch gốc, tiến hành hội tập lần nữa, soạn thành một bản khác, thoát đầu vẫn gọi là Vô Lượng Thọ Kinh; về sau, được ông Chánh Định Vương Canh Tâm đổi tên thành Ma Ha A Di Đà Kinh). Bản này hiện thời không được lưu thông, nhưng trong Đại Tạng kinh thì có. Đây là bản thứ tám của kinh Vô Lượng Thọ. “*Nguy bốn văn tự giản khiết, tinh đáng, viễn quá Vương bốn*” (bản của ông Ngụy văn tự đơn giản, trong sáng, tinh vi, thỏa đáng, vượt xa bản của ông Vương), hội tập khá lắm, tiến bộ hơn bản của ông Vương Long Thư. “*Đản suất tự tăng văn chi bệnh, vị năng tận miễn, cố Ngụy bốn diệc vị tận thiện dã*” (Khuyết điểm tự tiện thêm lời văn vào vẫn chưa thể hoàn toàn tránh khỏi, cho nên bản của ông Ngụy cũng chưa phải là hoàn thiện). Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư phê bình ông Ngụy đã tùy tiện dựa theo ý mình, sửa chữa văn tự trong kinh văn. Chuyện này, lúc chúng tôi mới học kinh giáo với thầy Lý tại Đài Trung, thầy có nêu lên vấn đề này. Ông ta sửa có khéo hay không? Sửa thật khéo lắm, nhưng cũng là tạo ra tiền lệ. Quý vị thấy Vương Long Thư đã lập ra tiền lệ này, Ngụy Mặc Thâm lại noi theo lệ ấy, đáng sợ quá! Sợ là sẽ tạo thành [tiền lệ] cho những kẻ chưa đạt trình độ như vậy, chưa có cảnh giới này, sẽ mặc sức sửa kinh. Vấn đề này nghiêm trọng lắm!

Tiết bốn như chúng tôi vừa mới nói, đối với xã hội hiện tại rất cần thiết, vì người trong xã hội hiện tại chuộng đơn giản. Quý vị có một quyển kinh sách kích thước to như thế, người ta chẳng muốn đọc, mà cũng chẳng có thời gian đọc. Càng đơn giản càng hay, người ta càng ưa thích, đặc biệt là đối với phần tử trí thức. Do vậy, tôi cũng soạn tiết bốn, biên soạn tiết bốn cho kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo; đối với Đệ Tử Quy, tôi cũng soạn tiết bốn. Tiết bốn Thập Thiện Nghiệp Đạo của tôi đại khái chỉ có sáu trăm chữ, thuận tiện, mọi người đọc sẽ vui vẻ, lưu thông dễ dàng. Tôi còn có một tiết bốn nữa. Đó là tiết bốn cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông. Cuốn Giảng Nghĩa phân lượng rất lớn, tôi trích lấy những điều trọng yếu. Tôi đã từng giảng kinh Kim Cang một lần, hình như là giảng Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa Tiết Yếu, dùng cuốn tiết bốn này để giảng. Tiết bốn này cũng được lưu thông, có thể nói là rất thuận tiện cho người mới học. Quý vị muốn thâm nhập hãy đọc nguyên bản. Trong thời đại hiện tại có nhu cầu này!

²⁷[7] Sau Hàm Phong chỉ còn ba đời vua là Đồng Trị, Quang Tự và Phổ Nghi, nhà Thanh bị lật đổ dưới thời vua Phổ Nghi. Vì thế, sống vào thời Hàm Phong là sống vào những năm cuối cùng của nhà Thanh nên mới nói là “*văn Thanh*”.

Tiếp theo đó là nói đến bản hội tập này, giới thiệu nhân duyên khiến cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập. “*Tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ*”, thầy của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã qua đời, đã vắng sanh, nên gọi là “*tiên sư*” lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Trước hết, giới thiệu giản lược đức hạnh của lão cư sĩ. “*Bi trí song vận*”, cụ thật sự có lòng từ bi, có trí huệ. Chữ “*song*” (雙) chỉ từ bi và trí huệ, tự hành, hóa tha, “*vận*” (運) là vận dụng để tự hành, dạy người. Điều này khá khó khăn! Có những người sẵn lòng từ bi nhưng thiếu trí huệ; có kẻ có trí huệ lại thiếu lòng từ bi, không chịu dạy người khác, đều chẳng hoàn bị. Có trí huệ lại chịu dạy người khác, Bồ Tát đấy! “*Tông Thuyết câu thông*”, Tông (宗) là Thiền Tông, Thuyết (說) là Giáo Hạ. Nói đến Đại Thừa Phật pháp của Trung Quốc thì chính là Tông Môn và Giáo Hạ. Do vậy, bản thân Phật giáo được gọi là Tông, Giáo, chẳng liên quan gì đến [từ ngữ] “*tôn giáo*” như chúng ta nói trong hiện thời, nhất định phải biết điều này. Phật pháp tự xưng là Tông Giáo, Tông ở đây là Thiền Tông, còn gọi là Tông Môn, chín tông phái ngoài Thiền Tông đều gọi là Giáo Hạ. Vì sao nói như thế? Phương thức giáo học khác nhau! Thiền Tông là “*ngộ hậu khởi tu*” (sau khi đã ngộ, sẽ tu). Khi chưa khai ngộ, chẳng xem kinh giáo, chẳng đọc kinh điển. Sau khi khai ngộ rồi mới xem kinh điển; còn Giáo Hạ đọc sức nơi kinh điển trước, đến cuối cùng là khai ngộ. Vì thế, đây là hai con đường [khác nhau].

Như vậy thì Thiền Tông thích ứng với căn tánh nào? Bậc thượng thượng căn, đó là đối tượng của Thiền, người thường không tu được, chúng ta phải hiểu điều này. Người tầm thường không tu Thiền được. Bởi lẽ, chẳng phải là bậc thượng thượng căn, nếu quý vị tham Thiền, tham suốt đời, vẫn gọi là tham uổng công. Quý vị chẳng khai ngộ! Nếu quý vị chẳng thể khai ngộ, sẽ chẳng thể liễu sanh tử. Nói cách khác, đáng luân hồi như thế nào thì vẫn luân hồi như thế ấy. Do vậy, lúc tôi mới học Phật, ba vị thầy đều cảnh cáo tôi đừng nên học Thiền Tông, quyết định không thể học theo Lục Tổ Đàn Kinh, chẳng thể học đòi ngài Huệ Năng. Họ thẳng thừng bảo tôi: “Anh không hội đủ điều kiện!” Thầy Phương giới thiệu Pháp Tướng Duy Thức và Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Thầy Lý giới thiệu Tịnh Độ và Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, đó là Giáo Hạ. Đối tượng của Giáo Hạ là ba căn thượng, trung, hạ, đọc sức nơi kinh điển, theo thứ tự tiến lên dần dần, giống như đi học, quý vị học từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, đến nghiên cứu sinh, từ từ tiến lên. [Đối tượng của] Thiền Tông là đứa trẻ thiên tài; nó chẳng cần đến Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, chẳng hề cần, có thể vào ngay ban nghiên cứu sinh, có bản lãnh này! Vì thế, thiếu bản lãnh này, chẳng thể học theo họ được! Đúng là chẳng thể tùy tiện học tập được!

Vì thế, trong Phật pháp, giữa Thiền và Mật, Mật hay hơn Thiền một chút; đúng là nếu chẳng phải là bậc thượng thượng căn, sẽ chẳng đạt lợi ích nơi Thiền Tông. Mật cũng như vậy, nhưng Mật còn có thứ tự, trước hết học Hiền Giáo, Hiền Giáo có trình độ nhất định.

Hiển Giáo là Giáo Hạ, có trình độ nhất định, phải tham gia khảo thí. Cũng có nghĩa là chưa đại triệt đại ngộ trong Hiển Giáo [sẽ chẳng thể học Mật]; đại triệt đại ngộ kiến tánh rồi, so ra, mức độ đại triệt đại ngộ thấp nhất phải là đại ngộ. Có tiểu ngộ, có đại ngộ. Nói cách khác, [người muốn tu Mật phải] đạt được tâm thanh tịnh. Đối với đại triệt đại ngộ, chúng ta dùng ngay tiêu chuẩn trong tựa đề kinh này: “*Thanh tịnh bình đẳng giác*”. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là điều kiện của Thiên Tông, điều kiện của Tông Môn. Trong Giáo Hạ, quý vị đắc thanh tịnh tâm, thừa quý vị, đắc thanh tịnh tâm là buông Kiến Tư phiền não xuống, chẳng còn chấp trước nữa, đương nhiên trí huệ mở mang, tâm thanh tịnh sanh trí huệ, đó gọi là “khai ngộ”. Vẫn chưa phải là đại ngộ, nhưng nếu đã thật sự đắc thanh tịnh tâm, đoạn hết Kiến Tư phiền não, có thể học Mật được hay không? Có thể được! Nhưng vẫn chưa phải là học sinh chính thức của Mật Tông! Học sinh chính thức của Mật Tông còn phải nâng [cảnh giới] lên cao hơn một tầng nữa là đại ngộ, chưa phải là triệt ngộ, mà là đại ngộ. Đại ngộ là gì? Vẫn phải buông Trần Sa phiền não xuống, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt, đó là học sinh chính thức của Mật Tông, quý vị mới có tư cách học tập, chẳng dễ dàng đâu nhé! Người ấy đã đại ngộ, nhưng vẫn chưa triệt ngộ. Vì sao? Vẫn còn khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm tức là chưa phá vô minh phiền não.

Chúng ta chọn lựa pháp môn, chính mình hiểu rõ ràng căn tánh của chính mình. Chọn sai là quý vị đã uống lầm thuốc! Bị mắc bệnh mà uống lầm thuốc, không chỉ chẳng trị hết bệnh, mà không chừng bệnh còn nặng hơn. Quý vị nói có phiền lắm không? Phật pháp là thuốc. Tám vạn bốn ngàn pháp môn giống như vào tiệm thuốc, thấy các món thuốc bày la liệt nhiều ngàn ấy, quý vị có thể uống hết hay chẳng? Có dám uống hay chẳng? Chúng ta biết: Không có bác sĩ kê toa, chẳng dám uống, sợ uống vô là rồi đời! Vậy mà Phật pháp quý vị tùy tiện tu, chẳng sợ hay sao? Vì thế, trong kinh Đại Thừa, trong kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Phật pháp không có ai nói, đâu là người trí cũng chẳng thể hiểu*”. Những vị tổ sư đại đức từ xưa giống như bác sĩ, hay giống như y tá, họ thông hiểu. Chúng ta muốn học Phật, hãy kiếm những người ấy. Họ thấy chúng ta thuộc căn tánh nào, sẽ giới thiệu cho chúng ta kinh điển nào; đây là chuyện tất yếu, chính mình chớ nên tùy tiện mò mẫm. Do vậy, quý vị thấy: Trong sự học Phật, thầy là mấu chốt quyết định sự thành bại đối với sự tu học của quý vị trong một đời này. Nếu quý vị thật sự gặp được thiện tri thức hay một vị thầy thật sự tốt đẹp, quý vị sẽ chiếm tiện nghi rất lớn. Vì sao? Không đi theo đường vòng! Chính mình mắc bệnh, hãy tìm một bác sĩ giỏi, bác sĩ khám bệnh, kê toa, quý vị uống thuốc ấy vào, sẽ khỏi bệnh. Vì thế, thiện hữu trong Phật môn khó gặp gỡ! Chúng ta đến nơi đâu để cầu? Bất quá, trong hiện tại cũng chẳng có ai cầu! Vì sao? Ngay cả đối với cha mẹ mà cũng không hiếu thảo, chẳng cần đến họ, còn nói gì đến tôn trọng thầy?

Phật pháp là giáo dục của thánh hiền, là giáo dục của bậc đại thánh đại hiền. Nếu quý vị không biết tôn sư trọng đạo, đến nơi đâu để cầu? Chẳng có chỗ nào để cầu! Nhà Phật

thường nói: “*Phật độ hữu duyên nhân*”, ai là người có duyên? Thừa chư vị, hiểu thuận phụ mẫu, tôn sư trọng đạo, kẻ ấy có duyên. Bất hiểu phụ mẫu, bất kính tôn trưởng, không coi trọng thánh đạo, vô duyên! Có gặp bậc thiện tri thức chân chánh cũng vô dụng. Vì sao? Quý vị chẳng thể tiếp nhận! Quý vị đọc kinh chẳng hiểu, hiểu lệch lạc ý nghĩa, chính mình suy tưởng kinh có ý nghĩa gì, nghe kinh cũng không hiểu. Vì thế, bài Khai Kinh Kệ đã nói rất hay: “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”. Quý vị thiếu tâm tôn kính, thiếu tâm thành kính, nghe rồi sẽ hiểu vắn vẹo ý nghĩa, dùng phiền não tập khí của chính mình, dùng tri kiến bất chánh để giải thích kinh Phật, giải thích hoàn toàn sai bét. Học được mấy chục năm, cuối cùng bảo kinh Phật chẳng linh, lại còn hủy báng. Vì thế, thiện tri thức chân chánh suốt đời mong kiếm được truyền nhân. Thầy truyền dạy Phật pháp cho ta, ta phải truyền cho ai? Nếu không có truyền nhân, quý vị phải soạn sách, đem sở học và sở ngộ của ta viết thành sách, hòng lưu truyền sách ấy cho hậu thế, hòng truyền cho người hữu duyên trong đời sau. Chẳng dễ dàng! Quá khó khăn!

Thầy Lý bảo tôi: Học trò kiếm thầy đã khó, mà thầy kiếm được một học trò để truyền pháp càng khó hơn, đến đâu để tìm? Chẳng thể nói học trò của thầy Lý không đông! Đông lắm! Tính toán dè dặt nhất cũng phải hơn năm mươi vạn người! Trong số đó, có mấy ai có thể truyền pháp của cụ? Người vãng sanh thì có, người vãng sanh không ít, niệm Phật vãng sanh; kẻ thật sự truyền pháp ít lắm! Khó quá! Người thật sự truyền pháp phải hội đủ điều kiện như Ấn Quang đại sư đã dạy: Đối với thầy, một phần thành kính, được một phần lợi ích; hai phần thành kính, được hai phần lợi ích; mười phần thành kính, quý vị phải mười phần lợi ích. Chẳng thành kính, quý vị nghe suốt một trăm năm ở nơi đó cũng chẳng có lợi ích, máu chột ở chỗ này. Thành kính do đâu mà có? Thành kính là Tánh Đức, từ hiếu dưỡng phụ mẫu sanh ra. Dùng tâm hiếu dưỡng cha mẹ để đối đãi thầy, đó là tôn sư trọng đạo. Nếu đối với cha mẹ cũng chẳng hiếu thuận, vậy là xong luôn! Học Phật suốt đời này, chẳng có lợi ích gì, [chỉ là] gieo chủng tử Phật pháp trong A Lại Da Thức, chẳng thể thành tựu trong một đời này. Chúng ta nghe lời này, rất kinh sợ, chẳng thể thành tựu thì làm thế nào đây? Khéo sao có duyên phận đặc biệt với pháp môn Tịnh Tông! Quý vị phải thật sự học, sám trừ nghiệp chướng, khi còn có một hơi thở, tới cuối cùng một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh. Đây là chỗ thù thắng trong Tịnh Tông. Do vậy, tại Đài Trung Liên Xã, chúng tôi thấy quả thật có không ít liên hữu vãng sanh. Tính toán dè dặt nhất thì thầy Lý giảng kinh, dạy học tại Đài Trung ba mươi tám năm, người theo cụ niệm Phật vãng sanh Cực Lạc thế giới, thật sự vãng sanh, tôi phỏng đoán phải hơn năm trăm người! Công đức này thù thắng, thật sự khó có, khá lắm!

Do vậy, Phật pháp là sư đạo. Sư đạo nhất định lấy hiếu đạo làm cơ sở. Quý vị thấy Tịnh Nghiệp Tam Phước đã nói rất rõ ràng! Câu đầu tiên là “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”, câu thứ hai là “*phụng sự sư trưởng*”, “*từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”, đây là điều kiện cơ bản để vào Phật môn. Quý vị phải thực hiện bốn câu này thì mới có thể trở thành

một đệ tử Phật thật sự. Nói cách khác, đối với kinh Phật, quý vị có thể tin, có thể hiểu, đó là thiện căn của quý vị. Quý vị có thể y giáo phụng hành, đó là phước đức. Quý vị có thể hành, có thể chứng, vãng sanh là chứng quả, bất luận ba bậc chín phẩm, dầu là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quý vị cũng chứng đắc Phật quả viên mãn rất ráo. Vì sao? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, không một ai chẳng viên thành Phật đạo trong một đời. Chúng ta nghiệp chướng nặng nề, sám trừ như thế nào? “*Sám trừ*” là sửa đổi. Kinh điển là tiêu chuẩn [để biện định] thị phi, thiện ác, bắt đầu học từ chỗ nào? Đức Thế Tôn chỉ dạy chúng ta, bắt đầu bằng Thập Thiện Nghiệp Đạo. Ngẫu Ích đại sư có soạn tiết bản cho Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh, dài hơn tiết bản của tôi, hãy dùng [kinh này] để sửa lỗi, đổi mới, rất thực dụng! Trên thực tế, trong những năm qua, ba món căn bản của Nho, Thích, Đạo do chúng tôi đề xướng là có căn cứ hay không? Có phải là bịa đặt, đồn thổi hay không? Có căn cứ! Căn cứ gì vậy? Căn cứ theo điều thứ nhất của Tịnh Nghiệp Tam Phước. Hiếu dưỡng phụ mẫu bằng cách nào? Phụng sự sư trưởng bằng cách nào? Chúng ta thi hành Đệ Tử Quy. Một trăm mười ba điều trong Đệ Tử Quy đều là hiếu thân tôn sư (hiếu thảo đối với cha mẹ, tôn trọng thầy), xuất phát từ Tịnh Nghiệp Tam Phước. Đối với từ tâm chẳng giết, chúng ta bèn thực hiện Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo Gia, [do sách ấy] giảng nhân quả, giáo dục. Để thực hiện câu cuối cùng, chúng ta tu Thập Thiện Nghiệp. Do vậy, chúng ta thi hành ba món căn bản của Nho, Thích, Đạo, đây là dựa trên điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước. Trước hết, quý vị thi hành ba món căn bản, sau đây mới có thể nhập Phật môn, mới có thể thật sự tiếp nhận Tam Quy, Ngũ Giới. Điều thứ hai là “*thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Trong điều này, chuyện rất tuyệt vời là trọn đủ các giới, “*trọn đủ*” là chẳng thiếu một điều nào. Trong Tiểu Thừa có bao nhiêu điều? Ba ngàn oai nghi, tức ba ngàn điều; Đại Thừa có bao nhiêu điều? Tám vạn bốn ngàn oai nghi, Bồ Tát mà! Tận thiện, tận mỹ. Nhiều điều như thế, do đâu mà có? Thưa quý vị, từ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp triển khai. Tám vạn bốn ngàn oai nghi Bồ Tát quy nạp lại sẽ là ba thứ này, mà triển khai ra sẽ nhiều như thế đó. Có một lần ở Úc, tôi phỏng vấn Do Thái Giáo, trưởng lão Do Thái Giáo bảo tôi: Họ có sáu trăm điều giới luật. Tôi nghe xong rất hoan hỷ, tôi cũng mời ông ta giới thiệu cho tôi, mời họ tới học viện của chúng ta giảng về môn này để chúng ta học tập khuôn mẫu sống.

Cụ Hạ “*Tông Thuyết câu thông*” tức là Tông Môn lẫn Giáo Hạ đều thông, chữ “*thông*” này chẳng dễ dàng! Trong câu trước, “*bi trí song vận*” là nói đến đức hạnh của cụ, “*Tông Thuyết câu thông*” là nói về học vấn. “*Viên dung hiển mật, Thiền Tịnh u nhất tâm*” (viên dung Hiển Mật, Thiền Tịnh trong một tâm) là nói về công phu và cảnh giới của cụ. Hiển Giáo, Mật Giáo, Thiền Tông, Tịnh Độ, bốn chữ này bao quát hết thấy những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, chẳng sót thứ gì, viên dung trong nhất tâm. Tuy là như thế, lão nhân gia “*chuyên hoằng Trì Danh Niệm Phật nhiếp vạn đức*” (chuyên hoằng dương pháp môn Trì Danh Niệm Phật nhiếp thâu

muôn đức), đây là nói cụ phát đại Bồ Đề tâm phổ độ hết thảy chúng sanh, dùng phương pháp gì? Dùng Tịnh Độ, dùng phương pháp Trì Danh Niệm Phật trong Tịnh Độ. Phương pháp này từ đâu ra? Từ kinh Vô Lượng Thọ, từ kinh Di Đà, từ phép Quán thứ mười sáu trong kinh Thập Lục Quán. Phép Quán thứ mười sáu là trì danh niệm Phật. Những cách khác gồm có Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, đến cuối cùng là nói Trì Danh Niệm Phật, Trì Danh là phương tiện rất ráo. Đây là Hạ lão cư sĩ từ bi đến tột cùng, cụ dùng pháp môn này để nhiếp vạn đức. Vạn đức là trí huệ và đức tướng xứng tánh nơi quả địa Như Lai. “*Vị hoàng Tịnh Tông, cố nguyện thủ Tịnh Tông đệ nhất chi kinh, phá trần sanh quang*” (vì hoàng dương Tịnh Tông, nên nguyện khiến cho bộ kinh đệ nhất trong Tịnh Tông này được tan bụi, tỏa sáng). “*Phá trần sanh quang*” là tỷ dụ, do mong muốn bộ kinh bậc nhất của Tịnh Tông nhất định phải có bản tốt nhất, có một bản tiêu chuẩn, cho nên phải hội tập lần nữa. Hai lần hội tập trước kia đều có tỳ vết, có sai lầm, dẫu hay nhưng chưa viên mãn. Đó là điều đáng tiếc nuối, cho nên lão nhân gia phát tâm hội tập lần nữa.

“*Ký thủ vô thượng chi điển, nhiều ích đương lai*” (mong cho cuốn kinh vô thượng này lợi lạc mai sau). Trong tương lai, hãy còn có chín ngàn năm nữa, thời Mạt Pháp là một vạn năm. Kẻ học Phật chúng ta chẳng thể không biết pháp vận của đức Phật, rất nhiều người nói tới ngày tận thế, trong Phật pháp không có cách nói này. Pháp vận của Phật hãy còn chín ngàn năm nữa. Những năm qua, tôi đã lớn tuổi, trí nhớ chẳng tốt lắm; trước kia, tôi nhớ rất rõ ràng, các vị trẻ tuổi hãy kiểm xem, theo ghi chép của người Trung Quốc, từ các trước tác của cổ nhân sẽ có thể tra ra, từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho đến hiện tại, tôi nhớ hình như là ba ngàn ba mươi mấy năm, cụ thể là ba mươi mấy năm thì các vị hãy kiểm xem. Trong Niên Phổ của lão hòa thượng Hư Vân có nói ba ngàn ba mươi mấy năm. Pháp vận của Phật: Chánh Pháp là một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, hiện thời đã qua hai ngàn năm, sau đó, còn có Mạt Pháp một vạn năm. Một vạn năm mới trải qua một ngàn lẻ ba mươi mấy năm, cho nên thời gian về sau vẫn còn dài, lẽ nào có ngày diệt vong? Trong thời kỳ Mạt Pháp dài như thế, Phật pháp có hưng, có suy, xưa kia Chương Gia đại sư đã bảo với tôi chuyện này. Ngài bảo tôi: Hiện tại Phật pháp đã suy đến chỗ cùng cực, nhưng chớ sợ, sẽ hưng khởi, Phật pháp sẽ lại hưng khởi, có hưng, suy, nhưng chẳng diệt. Tới khi nào sẽ diệt? Chín ngàn năm sau, Phật pháp thật sự diệt. Chúng ta tin đức Phật chẳng vọng ngữ, Như Lai là đáng chân ngữ, đáng thật ngữ, đáng như ngữ, đáng không nói dối, chúng ta tin tưởng Ngài. Vì thế, cụ Hạ mong bộ kinh này có được một bản tiêu chuẩn hoàn thiện vô cùng tốt đẹp. Bản này sẽ lợi lạc tương lai trong khắp chín ngàn năm sau.

Pháp môn nào, kinh điển nào khế cơ nhất? Phải là bộ kinh này. Trong bộ kinh này, từng câu, từng chữ đều do đức Phật nói, chẳng giả tí nào. Bản dịch gốc được dịch từ tiếng Phạn, trong bản tiếng Phạn có rất nhiều chỗ khác nhau, cho thấy Thích Ca Mâu Ni

Phật chẳng phải chỉ tuyên giảng kinh này một lần, mà là tuyên giảng nhiều lần. Nhìn từ năm bản dịch gốc, tối thiểu là ba lần tuyên giảng. Chúng ta bị thất truyền bảy bản, chẳng thấy nữa. Nếu cả bảy bản ấy hãy còn, có phải là còn có những chỗ chẳng giống nhau hay không? Quý vị có thể tìm thấy [bằng cứ chứng tỏ] kinh này đã được giảng hơn ba lần. Đây là đức Thế Tôn vô tận từ bi, chúng ta có hiểu rõ mới có thể sanh tâm cảm ơn. Chẳng do pháp môn này, chúng ta sẽ chẳng thể đắc độ, chắc chắn là vậy! Chúng ta có thể sanh lên trời, nhưng không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Thoát lục đạo luân hồi rất khó, đoạn Kiến Tư phiền não chẳng dễ dàng [đoạn trừ]. Chẳng đoạn Kiến Tư, quý vị chẳng thoát khỏi luân hồi. Sanh lên trời thì có ai đã chưa từng sanh lên trời? Tất cả chúng sanh trên quả địa cầu này, quý vị nghĩ xem có ai chưa từng sanh lên trời? Trong quá khứ đều đã ở trên trời, hưởng hết phước trời, nghiệp chướng hiện tiền, lại đọa xuống, chuyện là như thế đó! Lên lên xuống xuống trong lục đạo! Có người nào chẳng từng đọa địa ngục? Có chứ, trong các đồng học học Phật của chúng ta có [người đã đọa địa ngục], làm sao biết? Do thôi miên nên biết. Người ấy được chuyên viên thôi miên đến mức độ sâu, rồi hỏi: “Bạn đang ở đâu?” Trong địa ngục. Trạng huống của địa ngục khổ vô cùng, chịu khổ trong địa ngục. Người ấy đi vào địa ngục, mà cũng lên thiên đường, thật đấy! Trong lục đạo, đường nào người ấy cũng đều đã từng trải; cho nên chẳng có chi là lạ lùng, hiếm có cả!

Liễu giải chân tướng sự thật này. Quý vị biết con người có chết hay không? Không chết, mà là luân hồi trong lục đạo. Cái thân xác thịt sanh tử, nhục thân có sanh diệt, đây là một hiện tượng bình thường, linh hồn (thần thức) bất diệt. Thừa quý vị, linh hồn là mê, khi mê gọi là linh hồn; hễ giác ngộ chẳng gọi là linh hồn, mà gọi là “linh tánh”, linh tánh bất diệt. Chưa thoát khỏi lục đạo thì gọi là linh hồn, vượt thoát lục đạo bèn gọi là linh tánh, đó là ai? Từ bậc A La Hán trở lên. Chỉ cần quý vị thoát khỏi lục đạo luân hồi, bèn là A La Hán. A La Hán được gọi là linh tánh, chẳng mê; cho nên A La Hán đắc Chánh Giác. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là mục tiêu chung và duy nhất của người học Phật chúng ta, học Phật để mong đạt được gì? Đạt được điều này. Dịch sang nghĩa tiếng Hán, [A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề] là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A La Hán đắc Chánh Giác, Bồ Tát đắc cao hơn, Chánh Đẳng Chánh Giác. Sở đắc của Phật có thêm Vô Thượng, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vượt thoát mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, chúng ta cũng thường gọi cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới. Bồ Tát vẫn thuộc trong tứ thánh pháp giới của mười pháp giới.

Đây là nói rõ với chúng ta: Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật hãy còn chín ngàn năm nữa. Chín ngàn năm sau, khi thế gian này không còn Phật pháp, thật là khổ! Phật, Bồ Tát chẳng bỏ chúng sanh khổ nạn, cho đến lúc này, dù Phật, Bồ Tát chẳng hiện, vẫn có một vị đại diện. Tôi nghĩ vị này chư vị đều biết: Địa Tạng Vương Bồ Tát! Ngài thay Phật hóa độ chúng sanh, đại diện cho Phật, mãi cho đến khi đức Phật kế tiếp xuất thế.

Đức Phật kế tiếp là Di Lặc Bồ Tát. Hiện thời có rất nhiều lời đồn đại Di Lặc Bồ Tát đã giáng hạ. Thừa quý vị, giả trá, chẳng thể tin tưởng được! Di Lặc Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này là chuyện bình thường, chẳng hiếm lạ tí nào! Trong các truyện ký của Phật môn Trung Quốc đã ghi chép rất rõ ràng, Bồ Đại Hòa Thượng là Di Lặc Bồ Tát hóa thân vào thời Tống. Nay chúng ta thờ tượng Bồ Đại Hòa Thượng chính là thờ hóa thân của Di Lặc Bồ Tát. Chúng ta thấy Di Lặc Bồ Tát ở Tây Tạng, hoặc thấy tượng Di Lặc Bồ Tát của Phật Giáo Nam Truyền (Phật Giáo Nam Tông, Theravada), Ngài có hình dáng giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, gầy nhom, chẳng phải là dáng vẻ [mập mạp này]. Do Ngài thị hiện tại Trung Quốc dùng hình dạng Bồ Đại Hòa Thượng, nên dùng hình dáng ấy để tạc tượng. Theo truyện ký ghi chép, một hóa thân khác là Phó Đại Sĩ vào đời Đường, hiện thân cư sĩ, đó là Di Lặc Bồ Tát tái lai. Phật, Bồ Tát thường đến ứng hóa trong thế gian, nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy. Nói Di Lặc Bồ Tát chương quản thiên bàn^{28[8]}, hay Di Lặc Bồ Tát giáng hạ nhân gian làm Phật, đều là giả. Di Lặc Bồ Tát sẽ giáng sanh cõi nhân gian làm Phật vào lúc nào? Trong Di Lặc Hạ Sanh Kinh^{29[9]} đã nói rất rõ ràng: Năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau. Trong thời gian không có Phật xuất thế, Địa Tạng Bồ Tát thay mặt. Chúng ta nhất định phải căn cứ trên những điều kinh điển đã ghi chép, đó là thật, chẳng phải giả.

Do Phật pháp còn có thời gian [tồn tại] dài như thế, trong thời kỳ Mạt Pháp, pháp môn này sẽ dần dần biến thành pháp môn chánh yếu. Vì sao? Các pháp môn khác tuy hay, nhưng chẳng hợp căn tánh, quý vị nương theo những pháp môn khác tu học hết sức khó khăn, rất khó thành tựu, nên Tịnh Tông biến thành chủ yếu. Trở thành chủ yếu mà

28^[8] “Chương quản thiên bàn” là nắm quyền cai quản thiên đình, giáng phước phạt tội, quyết định ai sẽ được cứu. Đây là một quan điểm rất phổ biến của các tà phái, chẳng hạn tà giáo Nhất Quán Đạo của Trung Hoa bịa chuyện lịch sử con người được chia làm ba thời kỳ: Thanh Dương, Hồng Dương và Bạch Dương. Trong mỗi thời kỳ, Minh Minh Lão Mẫu (Thượng Đế) sẽ cử một người xét đoán tội phước của nhân gian, giáng tai họa, khuyến thiện, cứu vớt những người nào thật sự tin theo Nhất Quán Đạo. Vị đó được gọi là Chương Quản Thiên Bàn, cụ thể là ba vị chương quản Thiên Bàn cho ba thời kỳ theo thứ tự là Nhiên Đăng Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Phật. Theo họ, thế giới đang thuộc vào thời kỳ Bạch Dương và Di Lặc Bồ Tát đã giáng thế, chương quản thiên bàn. Quan điểm này cũng có thể thấy rất rõ trong các tà phái Minh Lý, Long Hoa Trai Hội, Minh Sư Đạo v.v...

29^[9] Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sanh Kinh do ngài Trúc Pháp Hộ người xứ Nhục Chi dịch vào đời Tây Tấn, một quyển. Theo kinh này, trong tương lai, cõi đất đẹp đẽ, bằng phẳng, sản vật dồi dào, tại đại thành Sí Đầu, lúc ấy pháp vương Thương Khư xuất hiện, dùng chánh pháp giáo hóa dân chúng. Vua có một vị đại thần tên Tu Đạt Ma, vợ là Phạm Ma Việt, đoan chánh, xinh đẹp như vợ Thiên Đế. Di Lặc Bồ Tát bèn giáng sanh làm con họ, thị hiện thành Phật dưới cội Long Hoa, ba lượt chuyển pháp luân.

nếu không có một kinh điển tiêu chuẩn để chúng ta nương theo, đúng là rất đáng tiếc. Do vậy, mới có “cảm”, cũng có nghĩa là nói do người tu hành trong chín ngàn năm của thời Mạt Pháp có nhu cầu, nhu cầu ấy là cảm, nên Phật, Bồ Tát có ứng. Sự “ứng” ấy chính là cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trên thế gian. Do chúng sanh có cảm, Ngài tới ứng hóa. Ngài tới thế gian này để làm chuyện gì? Để làm chuyện này! Chúng ta hiểu rất rõ ràng. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ biết, nhưng tôi không biết, tôi thỉnh giáo cụ, tôi hỏi: “Rốt cuộc cụ Hạ là vị nào tái lai?” Cụ Hoàng mỉm cười: “Hiện thời phải giữ kín, hiện thời chẳng thể nói được!” Chẳng thể nói, hiện thời cụ cũng đã khuất bóng rồi, tôi chẳng hỏi ai được! Chắc chắn [cụ Hạ] chẳng phải là phạm nhân. Quý vị hãy nghĩ xem: Vương Long Thư có phải là phạm nhân hay không? Ngụy Mặc Thâm có phải là phạm nhân hay không? Phạm nhân không thể làm được! Cụ Hạ Liên Cư hội tập một bản viên mãn như vậy, chúng tôi suy đoán: Nếu cụ chẳng phải là A Di Đà Phật tái lai, nhất định là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai, mới có trí huệ, mới có đức năng để làm chuyện to lớn này! Điều này cũng giống như thầy Lý thường nói với chúng tôi: Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng trên mặt Sự chưa có chứng cứ, nhưng nói theo Lý thì hợp lý.

Lợi lạc tương lai, “*nãi kế tiền hiền, trùng hành hội tập*” (bền kế tục tiền hiền, hội tập lần nữa). “*Tiền hiền*” là ba vị trước đó, trên thực tế là hai vị, tức Vương Long Thư và Ngụy Mặc Thâm, hội tập lần thứ ba. Đây là phiên bản thứ chín. Đoạn tiếp theo nói rõ tâm thái và những điều từng trải khi cụ Hạ hội tập lần nữa, cụ dùng tâm tư thái độ như thế nào? “*Bình khí vạn duyên*” (Ngăn bỏ muôn duyên), chúng ta thường nói là “buông xuống vạn duyên”, điều gì cũng đều buông xuống. “*Yếm quan tam tái*”, nghĩa là bế quan trong thời gian ba năm, dùng cách thức này để buông xuống hết thầy những thứ quấy nhiễu. Một mình, vì trong phần sau, cụ Hoàng có viết một câu: “*Minh tâm cô nghệ*” (lặng lẽ tiến hành một mình), đây là chỉ có một người, không có đồng bạn. “*Tịnh đàn kết giới*” là cụ chân thành thực hiện công tác hội tập. Ba năm sau, hoàn thành bản thảo. Sau khi đã hoàn thành, “*cảo kinh thập dịch*”, nghĩa là trải qua mười lần sửa chữa, “*phương khánh kinh thành*” (mới mừng kinh đã được hội tập xong), kinh này mới thành tựu. Chẳng phải là ba năm bền thành tựu, ba năm mới hoàn thành bản thảo đầu tiên, mất mười năm mới hoàn thành bản [hoàn thiện] này. Quý vị thấy Ngài rất nghiêm túc, đã biểu thị cho chúng ta thấy, biểu thị ý nghĩa gì vậy? Mười phần thành kính, bền được mười phần lợi ích. Kinh này công đức viên mãn, chẳng thể có mấy may khinh mạn nào. Dùng cái tâm khinh mạn, chắc chắn quý vị chẳng thể làm thành công, chắc chắn có tỳ vết! Cụ Hạ hội tập chân thành như vậy, nay chúng ta thọ trì, cũng phải dùng tấm lòng chân thành như cụ Hạ để thọ trì mới đạt được lợi ích. Nếu chẳng có lòng chân thành như thế, quyển kinh bày ra trước mặt quý vị, đọc tụng mỗi ngày, chẳng có lợi ích! Chúng ta nhất định phải hiểu điều này!

Vì sao chúng ta học Phật học lâu năm như thế mà vẫn cứ hời hợt, bộp chộp? Trong tâm lý vẫn đầy ắp tham, sân, si, mạn, nghi? Học Phật đã lâu năm như thế mà Ngũ Độc có

giảm được vài phần hay chẳng? Không có! Giống hết như chẳng học Phật thì kê ra vẫn còn chưa sao, sợ nhất điều gì? Bản thân ta mỗi năm mỗi lớn tuổi, càng phiền toái hơn, phiền não tập khí càng ngày càng nặng! Nếu là tình huống như vậy, chính mình phải hiểu rõ: Chẳng tránh khỏi luân hồi. Luân hồi vào đâu? Đòi sau ta còn có thể được làm thân người hay không? Vậy là phải hỏi quý vị, quý vị tu Thập Thiện Nghiệp ra sao? Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, Trung Phẩm Thập Thiện sẽ được làm thân người, đòi sau vẫn được làm người. Quý vị hãy tự suy nghĩ: Hãy dựa vào lương tâm của quý vị để chấm điểm Thập Thiện Nghiệp Đạo của bản thân, có được bảy mươi hay tám mươi điểm hay không? Có thể chấm đến bảy mươi, tám mươi điểm, đòi sau quý vị chẳng mất thân người. Nếu nói ta chỉ được năm mươi điểm, chẳng chắc ăn! Cơ duyên đọa lạc vô cùng nhiều! Nếu đạt điểm trọn vẹn, sẽ là Dục Giới Thiên, đại đa số sanh về đâu? Lên trời Đạo Lợi. Trời Đạo Lợi thì phải được trọn điểm. Thực hiện Thập Thiện Nghiệp bằng cách nào? Đệ Tử Quy! Đệ Tử Quy là bước đầu thực hiện Thập Thiện Nghiệp. Một trăm mười ba điều của Đệ Tử Quy, quý vị có làm được hay không? Từ chỗ này mà suy nghĩ, quý vị sẽ run sợ, vì sao? Nếu chẳng thể vãng sanh, vẫn phải tiếp tục luân hồi, cơ duyên tam ác đạo quá nhiều! Duyên trong ba thiện đạo quá mỏng, làm thế nào đây? Đáng sợ hay chẳng? Đáng sợ! Có thể sửa đổi hay không? Vẫn chẳng thay đổi thì có sợ cũng vô dụng!

So với pháp sư Oánh Kha đòi Tống, chúng ta kém xa! Người ta quả thật là kẻ xuất gia, phá giới, hủy phạm Thanh Quy, tự biết do khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi của chính mình chắc chắn sẽ đọa địa ngục. Sư sợ, biết địa ngục khổ não, hỏi đồng tham đạo hữu có phương pháp nào cứu giúp hay không? Bạn đồng học cũng tuyệt lắm, tặng Sư một quyển Vãng Sanh Truyện, bảo Sư tự xem. Sư đọc bèn cảm động, cứ xem một bài, lại đau đớn khóc ròng, tâm sám hối nảy sanh, hạ quyết tâm bẻ quan niệm Phật, ba ngày ba đêm chẳng ngủ, chẳng ăn, chẳng nghỉ ngơi, một câu Phật hiệu chân thành niệm đến cùng. Vì lẽ gì? Sợ nỗi khổ địa ngục! Cầu cứu mạng nên thật sự thực hiện. Ba ngày ba đêm niệm được A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật thật sự từ bi, quý vị thật sự tu, Ngài sẽ thật sự quan tâm chăm sóc quý vị. A Di Đà Phật hiện đến bảo Sư: “Ông còn thọ mười năm nữa, hãy gắng niệm Phật. Chờ tới khi ông đã hết tuổi thọ, ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Oánh Kha nghe xong bèn xin với A Di Đà Phật, Sư nói: “Con chẳng cần mười năm thọ mạng. Nếu con sống thêm mười năm nữa, bản thân con không chống nổi dụ dỗ, mê hoặc, chẳng biết sẽ tạo bao nhiêu tội nghiệp, con chẳng cần mười năm thọ mạng, nay con đi theo Ngài”. A Di Đà Phật thông tình đạt lý, bảo Sư: “Được! Ba ngày sau ta đến đón ông”. Sư vui sướng, mở toang cửa phòng, bảo đại chúng: “Tôi niệm A Di Đà Phật ba ngày, cảm Phật hiện đến. Ba ngày nữa A Di Đà Phật sẽ tiếp dẫn tôi vãng sanh”. Đồng tham đạo hữu trong chùa ai nấy đều cảm thấy rất ngạc nhiên: “Thời gian ba ngày coi bộ chẳng dài, xem người ba ngày sau có vãng sanh hay không?” Nhưng nghe ra lời lẽ của ông ta chẳng giống như gạt người, dường như là thật sự có chuyện như vậy. Tới ngày thứ

ba, Sư yêu cầu đại chúng niệm Phật đưa Sư vãng sanh; đương nhiên đại chúng vui vẻ, được rồi, đều niệm Phật hồi hướng cho ông ta. Niệm Phật chưa đầy một khắc, Sư bảo mọi người: “A Di Đà Phật tới rồi, tôi thấy Ngài đón tôi đi” liền tịch, thật sự đi. Kinh Di Đà có nói: “*Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày*”, là thật, chẳng giả. Pháp sư Oánh Kha biểu diễn cho chúng ta xem, thật sự sợ khổ địa ngục, buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, lập tức vãng sanh. Thọ mạng bao nhiêu cũng chẳng cần, ở trong thế gian này đều là tạo nghiệp! Chỉ cần bản thân chúng ta buông xuống, vứt bỏ muôn duyên, thật sự làm!

Ba năm trước, có một vị cư sĩ ở Thâm Quyển, là một người còn trẻ, ba mươi mấy tuổi, tức ông Hoàng Trung Xương, nghe trong Vãng Sanh Truyện có nói: “Niệm Phật ba năm bèn có thể vãng sanh”, ông ta bèn quan coi thử ba năm có thể thành tựu hay không? Ở trong quan phòng hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng nữa mới mãn thời hạn, ông ta liền biết trước lúc mất, vãng sanh, cũng không sanh bệnh. Sau khi hỏa táng, lưu lại xá-lợi, nay đang được thờ trong một tiểu đạo tràng tại Thâm Quyển, chứng minh cho chúng ta thấy [ba năm thành tựu] là thật, chẳng giả! Ba năm trong quan phòng, mỗi ngày ông ta niệm kinh Vô Lượng Thọ một lần, ngoài ra, Phật hiệu chẳng gián đoạn. Phương pháp tôi đã dạy ông ta là phương pháp do pháp sư Đệ Nhàn đã dạy người đồ đệ làm thợ vá nôi: Niệm một bèn nghỉ ngơi, chẳng phân biệt ngày hay đêm. Tỉnh dậy sẽ niệm tiếp, thật sự làm được “*tâm vô nhị niệm*”, chỉ một câu A Di Đà Phật. Ông ta khác với người thợ vá nôi ở chỗ mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ một lần, thêm vào một bộ kinh Vô Lượng Thọ, nhưng Phật hiệu chẳng gián đoạn, bèn thành công. Vãng sanh khó hay không? Chẳng khó! Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không, mấu chốt ở chỗ này! Vứt bỏ vạn duyên là câu mấu chốt, chỉ cần làm được câu này là được rồi!

Vì thế, ở đây, bằng sáu câu, mỗi câu gồm bốn chữ, giới thiệu tâm thái và sự từng trải trong hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Sau khi kinh này được hoàn thành, bản [sửa chữa lần] thứ mười là bản hoàn thành, “*thủ môn Tông Giáo câu triệt chi Huệ Minh lão pháp sư thủ trì hội bốn nhiếp ảnh ư Phật tiền, vị tác chứng minh*” (trước hết, được lão pháp sư Huệ Minh là một vị thông triệt Tông lẫn Giáo, cầm bản hội tập chụp ảnh trước Phật đài để chứng minh). Lão hòa thượng Huệ Minh là một vị đại đức trong Phật môn thuở ấy. Trong bản in này không có [bức hình ấy]; khi tôi in [cuốn chú giải của cụ Hoàng] lần đầu, phía trước có bức ảnh lão pháp sư Huệ Minh tay nâng cuốn sách này chụp hình trước Phật đài để chứng minh. Bức hình này rất dễ tìm, chúng tôi in ra với số lượng khá nhiều. “*Luật Tông đại đức Từ Châu lão pháp sư kế chi, chuyên giảng thử kinh ư Tế Nam, tịnh thân vi khoa phán*” (Tiếp đó, bậc đại đức trong Luật Tông là lão pháp sư Từ Châu chuyên giảng kinh này ở Tế Nam, lại còn đích thân viết khoa phán). Khoa phán là phân định kết cấu, đề cương, và những chủ điểm trong một bộ kinh, nay chúng ta nói là phân đoạn, chia thành tầng lớp rõ ràng để giải thích bộ kinh này. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có tặng tôi bản khoa phán này của lão pháp sư Từ Châu, chẳng phải là tặng bản gốc, mà là

bản sao chụp, tôi cất giữ tại Úc. Đọc khoa phán, ta thấy: Thuở ấy, pháp sư Từ Châu giảng kinh này tại Tế Nam chẳng phải là giảng bằng bản hiện thời. Bản hiện tại là bản hoàn thiện đã được hiệu đính trong lần tu chỉnh thứ mười, [bản do ngài Từ Châu sử dụng] chính là bản trước của bản hiện tại. Vì sao? Chúng ta xem bản hiện thời, cụ Hạ chia ra chương tiết, nhà Phật gọi là phẩm, [bản hiện thời] có bốn mươi tám phẩm, còn bản do pháp sư Từ Châu đã dùng thuở ấy gồm ba mươi bảy phẩm, tức là toàn bộ bản kinh được chia thành ba mươi bảy phẩm. Vì vậy, cũng biết đây chẳng phải là bản cuối cùng. Tôi dựa theo bản khoa phán của Ngài, lấy nó làm gốc để soạn một bản khoa phán rất tỉ mỉ, bản ấy đã được chỉnh lý hoàn thiện, tức là bản [khoa phán dựa trên bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ gồm] bốn mươi tám phẩm. Chúng ta có cuốn Khoa Hội được lưu thông rất rộng. Sau khi tôi viết xong, đã tặng một quyển cho lão cư sĩ Triệu Phác Sơ. Cụ Triệu trông thấy, hết sức vui vẻ, bảo kinh Vô Lượng Thọ nói chung đã được hoàn thiện. Quý vị thấy: Có bản hội tập, có chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ, tôi có giảng ký, vì trong quá khứ, tôi đã giảng mười lần. Có giảng ký, lại có khoa phán tỉ mỉ như vậy, cụ nói bộ kinh này điều gì cũng đều trọn vẹn, vui vẻ vô hạn!

Chúng ta đọc tiếp: “*Tiên cứu phụ Mai lão cư sĩ*” (người cậu đã khuất của tôi là Mai lão cư sĩ), tức lão cư sĩ Mai Quang Hy. Mai lão cư sĩ là thầy của thầy Lý Bình Nam, chúng tôi gọi cụ là “*su ông*”. Cụ Lý Bình Nam học Phật pháp với Mai lão cư sĩ, có quan hệ thầy trò. “*Tại trung ương quảng bá điện đài, bá giảng thử kinh, xưng chi vi tối thiện chi bản*” (truyền giảng kinh này trên đài phát thanh Trung Ương, gọi bản này là bản hoàn thiện nhất). So với hai bản hội tập trước kia, bản này là hoàn thiện. Nói cách khác, trong bản này, không tìm được tý vết nào. “*Hậu phục u kinh tự trung tán viết*” (sau đây, trong phần lời tựa của kinh này, cụ lại ca ngợi rằng), cụ Mai có viết một bài tựa rất dài để giới thiệu bộ kinh này với đại chúng. Bài tựa này hay vô cùng, trong ấy có những câu như thế này: “*Tinh đáng minh xác, tạc nhiên hữu cứ*” (tinh yếu, thỏa đáng, rõ ràng, xác thực, rành rành là có căn cứ). “*Tinh*” là tinh yếu, “*đáng*” là thỏa đáng, “*minh*” là minh bạch, “*xác*” là xác thực. Sau khi quý vị đọc [lời tựa và bản kinh này], từng câu, từng chữ đều khẳng định, quý vị sẽ không nghi hoặc. “*Tạc nhiên hữu cứ*” là dựa theo năm bản dịch gốc, không hề sửa đổi mảy may, ngay cả tên kinh cũng chẳng sửa đổi. Tựa đề của kinh cũng là hội tập, đến phần sau chúng ta sẽ thấy. “*Vô nhất nghĩa bất tại nguyên dịch chi trung, vô nhất cú dật xuất bốn kinh chi ngoại*” (không nghĩa nào chẳng có trong bản dịch gốc, không một câu nào vượt ngoài nguyên văn), hai câu này [cho thấy bản hội này] đã sửa trừ khuyết điểm trong hai bản hội tập trước đó, quả thật đã tùy thuận cách dịch, tự mình chẳng dùng ý kiến của chính mình để sửa đổi một chữ nào.

“*Gian sát trầm hối*” (khó khăn, trúc trắc, nặng nề, tối nghĩa), đây là nói về những chỗ trong bản dịch gốc, “*gian*” (艱) là gian nan, rất khó đọc, “*sát*” (澀) là khó hiểu, “*trầm*” (沉) là quá sâu, “*hối*” (晦) cũng là không dễ gì hiểu rõ, trong các bản dịch

gốc có [những khuyết điểm này]. Đây là lý do vì sao kinh này chẳng được lưu thông rộng rãi; đó là vì khi phiên dịch đã dùng những văn tự như thế, quả thật cụ Hoàng đã miêu tả khá chính xác, “*gian sát trầm hối*”. Quý vị đọc các bản dịch gốc sẽ nhận thấy khó hiểu lắm! Còn bản của cụ Hạ thì sao? “*Sử chi sáng lãng*” (khiến cho trôi chảy, rõ ràng), cụ Hạ gạt bỏ những chỗ [gian, sát, trầm, hối] này! Đây là “*thủ, xả*” (lấy hay bỏ, tức là chọn phần nào để giữ lại trong bản hội tập, phần nào bỏ đi), là sự chọn lựa, cân nhắc trong khi hội tập. Phàm những chỗ nào khó khăn, tối nghĩa, trúc trắc, cụ không dùng, cụ chọn lấy những chỗ rất sáng sủa, trôi chảy, khiến quý vị đọc sẽ thấy rất thoải mái. Như trong hiện tại, chúng ta đọc bản này, quý vị đọc thấy thoải mái lắm, không cảm thấy kinh văn quá sâu, mà cũng chẳng khó hiểu, ý nghĩa đều rất rõ rệt, không có chỗ nào tối nghĩa. Điều này khó có lắm! “*Phiền phức trầm mạn*” (rườm rà, trùng lặp, lan man), chúng ta gọi điều này là “cà kê, rườm rà, trùng lặp”, vì người Ấn Độ thích lặp đi, lặp lại, không như người Hoa, người Hoa chuộng đơn giản, dễ hiểu, còn người ngoại quốc chuộng lặp đi, lặp lại. Lặp đi, lặp lại cũng có lợi, vì sao? Khiến cho quý vị nhớ sâu hơn; do vậy, nó cũng có lợi. Người Hoa từ xưa tới nay đòi hỏi “*giản yếu tường minh*”, tức là ngôn ngữ văn tự đều phải tuân theo nguyên tắc sau đây: Phải đơn giản, nêu lên được ý nghĩa chánh yếu, cốt lõi, lại còn rõ ràng, vừa phải dễ hiểu. “*Giản yếu tường minh*” là vừa chi tiết, vừa rõ ràng, phải hội đủ bốn tiêu chuẩn này. Vì thế, khi đọc những thứ của Trung Quốc có thể đọc nhiều, chứ đọc kinh Phật rất khó. Trong toàn bộ Đại Tạng kinh, những chỗ “*gian sát trầm hối, phiền phức trầm mạn*” (khó hiểu, trúc trắc, nặng nề, tối nghĩa, rườm rà, trùng lặp, lan man) được nhắc đến ở đây đúng là rất nhiều! Bản hội tập của cụ Hạ “*quy u giản khiết*” ([biên đổi những chỗ nặng nề ấy] trở nên đơn giản, rõ ràng), “*Lãng loạn tỳ thành chỉnh nghiêm*”, tức là cụ Hạ đã điều chỉnh, rút gọn [những chỗ luộm thuộm, rườm rà]. “*Khuyết sơ tất linh viên mãn*” (khiến cho những chỗ thiếu sót được viên mãn): Những chỗ khiếm khuyết, cụ bèn sắp xếp, bổ sung ý nghĩa, khiến cho [độc giả] đọc đến sẽ thấy ý nghĩa viên mãn. Công việc này chẳng dễ thực hiện, lão nhân gia làm suốt mười năm, chẳng phải là hội tập cầu thả, hời hợt, mà suốt mười năm, mỗi ngày đều nghiên cứu và tu đính.

“*Tất kỳ hữu mỹ giai bị, vô đế bất thấu... Tuy dục bất vị chi thiện bốn, bất khả đắc dã*” (Ất mong cho mọi điều đẹp đẽ đều được hoàn bị, không điều chân thật nào chẳng bao gồm... Dù chẳng muốn bảo là bản văn hoàn thiện cũng không thể được). Đây là lời đại sĩ Mai Quang Hy đánh giá bản hội tập này. Cụ Hạ hội tập quá khéo, quả thật là do năm bản dịch gốc ghép lại; quý vị thấy bản này hay lắm, mà nay còn có kẻ hoài nghi, đó là gì? Đó là nghiệp chướng, kẻ ấy có chướng ngại, phiền não, tập khí, chẳng liễu giải bi trí hồng nguyên của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Người ta đến thế gian này để làm gì? Đến để thị hiện: Tồn thời gian suốt mười năm nơi bộ kinh này, để làm chuyện [hội tập] này, đến để thị hiện. Cụ biết pháp môn này, bộ kinh này, trong thời gian dài đến chín ngàn năm sau như thế, sẽ khiến cho vô số chúng sanh do pháp môn này mà đắc độ. Đây là bản kinh

tiêu chuẩn. Cụ vì chúng ta làm chuyện này, khó có ngần ấy, hy hữu dường ấy, chúng ta đã biết thì phải tri ân. Có tri ân, quý vị mới biết báo ân. Chúng ta dùng gì để báo ân? Y giáo phụng hành, trong một đời này, quyết định vãng sanh Tịnh Độ, đến thế giới Cực Lạc gặp cụ Hạ Liên Cư, đó là báo ân cụ đã tiếp dẫn chúng ta.

“*U thị, tiên sư hội bốn vấn thế dĩ lai, bất hĩnh nhi tẩu*” (do vậy, từ khi bản hội tập của tiên sư ra đời, không chân mà đi khắp chốn), “*hĩnh*” (脛) là bắp chân (phần từ đầu gối xuống đến bàn chân). Không có chân mà đi được, có nghĩa là được truyền bá rất nhanh. Thật ra, cũng chẳng phải là chuyện đơn giản như thế. Hoàng lão cư sĩ bảo tôi: “Thầy tôi là cụ Hạ Liên Cư bảo trong tương lai, bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền vào trong nước”. Trong lúc đó, mọi người bọn họ đều cảm thấy chẳng biết nói sao, làm sao có thể như thế được? Sau này gặp tôi, thật sự là từ hải ngoại truyền vào trong nước! Chúng tôi là người đầu tiên hoằng dương tại hải ngoại, chỉ có hai bản đưa về Đài Loan. Thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam nhận được, đọc lời tựa do thầy mình là cụ Mai Quang Hy viết dài như vậy ở đầu sách, cho nên hết sức nghiêm túc học tập. Do vậy, cụ bắt đầu giảng kinh này tại Đài Trung, giảng bằng bản này, cụ có viết lời mi chú. Khi lão nhân gia bắt đầu giảng bản này tại Đài Trung, tôi vẫn chưa học Phật; sau này, tôi đã học Phật, tới Đài Trung quen biết cụ, cụ tặng cho tôi bản ấy. Tôi đọc xong, hết sức hoan hỷ, thật đấy! Vì lời chú giải của cụ rất rõ ràng, phân đoạn rất rõ rệt, tôi đã toan giảng kinh này, nhưng cụ bảo thời tiết nhân duyên chưa chín muồi. Nhưng hôm nay đã hết thời gian rồi, chuyện này để đến mai tôi kể tiếp. Khó khăn trùng trùng! Hiện thời chẳng còn nữa. Hiện thời, đối với bản này, mọi người chẳng còn nghi hoặc nữa, đã được quốc gia khẳng định. Tại Trung Quốc, cục tôn giáo nhà nước đã chấp nhận. Nay chẳng còn ai dị nghị nữa, thật sự trở thành bản hoàn chỉnh trong Tịnh Tông. À! Hôm nay học tới đây, cảm ơn mọi người.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Phần 3 hết

Tập 07

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem trang thứ sáu, hàng thứ ba trong bản kinh, xem từ câu cuối cùng.

“*U thị, tiên sư hội bản vấn thế dĩ lai, bất hĩnh nhi tẩu*” (do vậy, từ khi bản hội tập của tiên sư được ra đời đến nay, không chân mà đi khắp nơi), xem từ câu này. Cụ Hoàng nói bản hội tập này của cụ Hạ, sau khi in ra, bèn được lưu thông rất nhanh, cho nên không có chân mà đi khắp nơi. “*Hĩnh*” (脛) là bắp chân (phần từ đầu gối đến bàn chân). “*Bất hĩnh*”: Mặc dù nó không có chân, nhưng đi rất nhanh, truyền bá rất lẹ, [hàm ý bản hội tập này được] truyền bá rất nhanh chóng. Đây là tình hình lúc đó. Vì xã hội chẳng an định, chiến tranh Trung Nhật bùng nổ; đây là chuyện trước khi chiến tranh nổ ra. Cả một giải Sơn Đông cũng bị người Nhật chiếm đóng, nên công tác hoằng pháp của cụ Hạ Liên Cư đương nhiên gặp trở ngại. Mãi cho đến nay, xã hội cũng không ổn định, sau khi cả nước thoát khỏi ngoại xâm, lại trải qua nhiều tai nạn, trong phần sau, cụ Hoàng sẽ nói đến điều này. Sau cuộc cải cách khai phóng^{30[1]} mới kể như yên ổn, hoạt động tôn giáo dần dần khôi phục. Vì thế, Hạ lão cư sĩ bảo cụ Hoàng Niệm Tô: “*Trong tương lai, bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền về Trung Quốc*”. Cụ Hạ nói những lời này, các đồng học nghe xong, đều chẳng nghĩ là đúng, cảm thấy rất kỳ quái. Mãi sau này, mấy chục năm sau, quả nhiên như thế. Do vậy biết: Pháp vận hưng hay suy, lão nhân gia đã thấy hết sức rõ ràng. Do vậy, thuở ấy, lúc ban đầu in ra không nhiều lắm. Lần trước tôi đã nói, pháp sư Từ Châu tại Tế Nam đã giảng bản hội tập này. Trong lần trước, tôi đã thừa cùng quý vị, [lúc ấy] bản hội tập này nói chung chưa có phiên bản cố định, lão nhân gia (cụ Hạ Liên Cư) đã sửa chữa cả mười lần. Bản mà pháp sư Từ Châu đã dùng chưa

^{30[1]} “Cải cách khai phóng” là danh từ do đảng Cộng Sản Trung Quốc đặt ra để gọi cuộc cải tổ kinh tế dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình vào năm 1978, theo khẩu hiệu: “Đổi nội cải cách, đối ngoại khai phóng” (đối nội: cải tổ; đối ngoại: mở cửa). Đây là một bước nhượng bộ nhằm vực dậy nền kinh tế suy yếu, rệu rã, mọi cơ cấu bị phá nát bởi cuộc cách mạng Văn Hóa dưới thời Mao Trạch Đông. Nói cách khác, đây là công cuộc tư bản hóa, tư nhân hóa, khuyến khích ngoại quốc đầu tư, mạnh dạn tiếp thu tư tưởng quản trị kinh tế và khoa học kỹ thuật của Tây Phương, đúng như Đặng Tiểu Bình đã trào phúng nói: “Mèo trắng hay mèo đen không quan trọng, miễn bắt được chuột là được rồi!”

phải là bản tu đính cuối cùng, chưa phải là bản hoàn chỉnh cuối cùng. Vì từ bản khoa phán của Ngài, tôi thấy: Bản hội tập mà lão nhân đã dùng, toàn bộ kinh văn được chia thành ba mươi bảy phẩm, có lẽ là dùng ý nghĩa Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm. Tôi có một quyển khoa phán gồm ba mươi bảy phẩm này. [Bản khoa phán ấy] chẳng dựa trên bản hiện thời chúng ta đang dùng. Bản hiện tại là bản hoàn chỉnh cuối cùng, tổng cộng gồm bốn mươi tám phẩm; nhưng đối với Đại Kinh, pháp sư Từ Châu được coi như là người đã lập ra tiền lệ đầu tiên, đem phần khoa phán ghép thêm vào cuối kinh. Tôi dựa theo bản khoa phán của lão nhân gia, nhưng dùng [chánh kinh theo] bản [hội tập] hiện tại, để viết khoa phán tỉ mỉ hơn, chia đoạn rất chi tiết. Chúng ta có Khoa Hội, [tức là] khoa phán và kinh được xếp chung một chỗ. Bản khoa hội này cũng được lưu thông với số lượng rất lớn. Phải biết là ở nơi đây chúng ta không có triệp điệp bản, mà có trang đính bản³¹[2], có khoa hội. Còn có một bản in chung kinh văn và lời mi chú của cụ Lý, khoa hội và mi chú được in chung thành một bản, bản này cũng in rất nhiều, có thể giúp [học nhân] học tập, nghiên cứu Đại Kinh.

“*Phật giới tôn túc đa dĩ hội bốn văn giản, nghĩa phong*” (Các bậc tôn túc trong giới Phật giáo đa số công nhận bản hội tập văn từ giản dị, nghĩa lý phong phú). Quả thật, so với các bản dịch gốc và hai bản hội tập trong quá khứ, văn tự của bản hội tập này đơn giản và dễ hơn rất nhiều, ý nghĩa lại còn hết sức viên mãn. Những điều thiếu sót trong hai bản hội tập trước đã được cụ Hạ bổ sung toàn bộ, điều này rất khó có. “*Từ sưống, Lý viên*” (Từ ngữ lưu loát, Lý viên mãn): Lý viên mãn chẳng khiếm khuyết, văn tự hết sức trôi chảy, khiến người đọc rất thoải mái. “*Giảng, thuyết, tán dương, lưu bá trung ngoại*” (giảng, nói, tán dương, lưu truyền trong ngoài nước), dùng bản này để giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng thuật, tán thán, tuyên dương, lưu truyền trong ngoài nước, chúng tôi rất nỗ lực thực hiện công tác này, bắt đầu từ lúc nào? Sau khi cụ Lý Bình Nam vãng sanh. Khi lão nhân gia còn sống, chúng tôi muốn làm, nhưng thầy không đồng ý, nói bản này có những điều bị tranh luận, quả thật có những điều bị chướng ngại trong Phật môn. Khi ấy, tôi muốn giảng kinh này, thầy nói: “Chưa được! Tuổi anh quá trẻ, chưa đủ uy tín. Nếu giảng kinh này, người khác phê bình, anh sẽ chống đỡ không nổi”. Vì thế, khi tôi đem bản này in một ngàn cuốn, tôi nhớ là vào dịp sinh nhật năm mươi tuổi của Hàn Quán Trưởng, chúng tôi muốn giảng kinh này để chúc thọ bà ta, thầy Lý không đồng ý, chúng tôi bèn đổi thành giảng kinh Lăng Nghiêm, mọi người sẽ chẳng bàn ra nói vào nữa! Những thứ tranh luận, dị nghị kinh này quá nửa đều do ganh ghét, chướng ngại, từ xưa tới nay không thể nào tránh được chuyện này. Nay chúng ta sanh nhằm thời kỳ Mạt

³¹[2] Triệp điệp (摺疊) là in các trang thành một tờ giấy dài, rồi xếp lại thành sách, không đóng gáy, chỉ dán bìa cứng vào trang đầu và trang cuối. Trang đính (裝訂) bản là in thành sách như ta thường thấy, thường có bìa cứng.

Pháp, bất luận đức hạnh hay trí huệ đều kém cô nhân, ngay cả cô nhân cũng gặp khó khăn nhiều đường ấy. Quý vị thấy tại Đại Lục mấy năm trước lên tiếng phản đối bản hội tập này, hết thầy mọi người biết. Nay tiếng phản đối ấy không còn nữa, vì Cục Tôn Giáo quốc gia khẳng định bản này, mọi người không còn nói gì được nữa! Vì thế, chúng ta biết cụ Hoàng Niệm Tổ chú giải bản kinh này chẳng dễ dàng, vô cùng gian nan. Chúng ta phải hiểu chân tướng sự thật này.

“*Kiến giả, văn giả, hoan hỷ tín thọ, trì tụng, ấn hành, lạc dịch bất tuyệt*” (Người thấy, kẻ nghe, ưa thích, tin nhận, trì tụng, ấn hành liên tục chẳng dứt). Câu này là sự thật. Sau khi cụ Lý Bình Nam vãng sanh, khi đó tôi đang ở Mỹ, xướng suất in bộ kinh điển này tại Mỹ. Do thầy Lý chỉ có một bản hội tập này, khi giảng giải, cụ đã tự tay viết lời mi chú bằng bút lông, viết theo lối Tiểu Khải và Hành Thư^{32[3]}, viết hết sức hay. Lão nhân gia cho tôi bản này, tôi gìn giữ đã nhiều năm như thế, chưa có người nào khác đọc. Cụ vãng sanh, tôi lấy bản này ra, phát tâm in một vạn bộ để lưu thông, nhằm kỷ niệm ngày thầy vãng sanh. Sau khi mọi người đọc bản này, thật sự, giống như [cụ Hoàng] đã nói ở đây: “*Kiến giả, văn giả, hoan hỷ, tín thọ*” (người thấy, kẻ nghe, ưa thích, tin nhận), trì, tụng, ấn hành liên tiếp. Vì thế, hiện thời bản này lưu thông trên cả thế giới với số lượng rất lớn; trong quá khứ, chúng tôi đã giảng mười lần, CD/DVD cũng được lưu thông rất rộng.

Tiếp đó, cụ viết: “*Cận thả mông hải ngoại Phật học giới thân nhập tâm ấn chi Tục Tạng*” (Gần đây, lại còn được giới Phật học ở hải ngoại đưa bản này vào bản in mới của Tục Tạng Kinh). Có ý nghĩ này, nhưng mãi cho đến hiện thời vẫn chưa thể thực hiện. Tại hải ngoại, đã qua nhiều năm như thế, họ đã in Đại Tạng Kinh không ít lần, nhưng chưa

^{32[3]} *Khải Thư (楷書) còn gọi là Chánh Khải, Khải Thể, Chánh Thư, hoặc Chân Thư) là lối viết chữ mực thước, ngay ngắn, cân đối, đầy đủ nét, không hoa dạng, bay bướm. Chữ Khải có nghĩa gốc là “khuôn mẫu, mực thước”. Tiểu Khải là loại chữ Khải nhỏ từ 5cm trở xuống, lớn hơn 5cm sẽ gọi là Đại Khải. Bốn nhân vật viết chữ Khải đẹp nhất được xưng tụng từ trước đến giờ là Âu Dương Tuân, Nhan Chân Khanh, Liễu Công Quyền (ba người này sống vào đời Đường) và Triệu Mạnh Phủ (đời Nguyên) hình thành bốn phong cách viết chữ Khải riêng biệt, thường được gọi là Âu Thể, Nhan Thể v.v...*

Hành Thư (行書) còn gọi là Hành Khải, được hình thành vào cuối đời Hậu Hán. Hành Thư thường được dùng để viết cho nhanh, nét viết mềm mại, tròn trịa hơn Khải Thư, chủ yếu dùng trong thư tín hay ghi chép cho nhanh, có thể ghi tắt vài nét, nhưng không quá phóng túng, tung hoành như lối chữ Thảo. Những người nổi tiếng về thư pháp theo kiểu Hành Thư là Vương Hy Chi, Phùng Thừa Tổ...

đưa bộ kinh này vào Tục Tạng, chuyện này đợi chúng ta trong tương lai nỗ lực, nhất định sẽ làm được. “*Hành kiến đại kinh quang minh, thường chiếu thế gian*” (khiến cho quang minh của Đại Kinh thường chiếu trong thế gian), những điều này đều là thật. “*Tích hiền hội tập chi thắng nguyện, hạnh cáo viên thành*” (Ý nguyện hội tập thù thắng của bậc hiền nhân thuở xưa may sao đã được thành tựu viên mãn). Trong quá khứ, đã có nhiều người mong hoàn thành một bản hội tập cho kinh Vô Lượng Thọ, muốn làm thành một bản tiêu chuẩn để lưu thông. Vương Long Thư đã làm, Ngụy Mặc Thâm cũng làm, nhưng đều có những chỗ đáng tiếc nuối, đều có khuyết điểm. Vì vậy, cụ Hạ thực hiện công tác này lần thứ ba, đối với những thiếu sót của người đi trước cụ đều có thể sửa chữa viên mãn, trở thành một bản đúng như cụ Hoàng Niệm Tổ đã nói: “*Văn giản, nghĩa phong, từ sướng, Lý viên*” (văn từ giản dị, nghĩa lý phong phú, từ ngữ lưu loát, Lý viên mãn), giống như cư sĩ Mai Quang Hy đã nói: “*Tuy dục bất vị chi thiện bản, bất khả đắc dã*” (Tuy muốn bảo chẳng phải là bản tốt nhất cũng không thể được), nhân duyên hy hữu khó gặp! Ở đây, cụ Hoàng viết: “*Vô Lượng Thọ Kinh chi thiện bản*”, [tức là] bản hoàn mỹ nhất, “*ư tu khánh hiện, thử thật vi hy hữu nan phùng chi đại sự nhân duyên dã*” (nay mừng được xuất hiện, đây thật sự là một đại sự nhân duyên hiếm có, khó gặp vậy). Chớ nên xem thường, chúng ta phải có sự nhận thức này! Nay chúng ta may mắn gặp được bản hội tập này, cũng là đại sự nhân duyên hiếm có, khó gặp mà chúng ta đã được gặp! Trong quá khứ, tôi đã giảng giải mười lần, mấy lần trước, tôi không đọc bản chú giải này, mà dựa theo lời mi chú của thầy Lý để giảng giải bộ kinh này. Tôi nhớ lần đầu tiên giảng giải là ở Tân Gia Ba, lần thứ hai cũng tại Tân Gia Ba, [hoặc là] lần đầu tiên tại Mỹ, lần thứ hai tại Tân Gia Ba, thời gian đã dùng để giảng là sáu mươi tiếng đồng hồ; vì tôi đến Tân Gia Ba giảng kinh một tháng, mỗi ngày giảng hai tiếng, giảng một tháng bèn viên mãn. Băng thâu âm được lưu thông rất nhanh, phạm vi lưu thông lại còn hết sức rộng, ai trông thấy cũng đều ưa thích.

Trong đoạn tiếp theo, cụ Hoàng Niệm Tổ trình bày nhân duyên vì sao cụ chú giải bản hội tập này, chúng ta hãy đọc đoạn này: “*Niệm Tổ nãi cụ phược hạ phàm*” (Niệm Tổ là phàm phu hạ căn đầy đầy triền phược), đây là lão nhân gia khiêm hư. “*Phược*” (縛) là phiền não, phiền não trói buộc phàm phu hạ căn, tức là chẳng phải phàm phu trung thượng căn, mà là hạ căn. “*Mậu mông tiên sư dĩ chú giải hoằng dương thử kinh chi đại sự tương chúc*” (được tiên sư lầm lẫn giao phó đại sự chú giải, hoằng dương kinh này), ở đây toàn là lời lẽ khiêm tốn. “*Mậu*” (謬) là sai lầm, thầy đã lầm yêu thương ta, ta không có năng lực, mà thầy mong mỏi ta làm. Chuyện này quả thật chẳng dễ dàng, kinh đã được hội tập, nhất định phải chú giải. Không có chú giải, dầu có nghĩa lý huyền áo rất sâu trong ấy, kẻ mới học chẳng dễ gì nhận ra! Vì thế, chú giải là chuyện tất yếu; trong lời tựa ở đầu bản chú giải này, tôi cũng nhắc đến chuyện ấy. Hoằng dương kinh này thì dùng chú giải để hoằng dương, nay chúng ta dùng [phương thức] diễn nghĩa để hoằng dương

bản chú giải này, cũng đều là đại sự chẳng thể nghĩ bàn. Cụ Hoàng chú giải kinh là do nhận lãnh lời phó thác của thầy, đây cũng là mệnh lệnh của thầy, thầy căn dặn đó là chuyện cụ phải làm trong một đời này. Đời cụ Hạ đã hoàn thành công tác hội tập kinh, cụ Hoàng Niệm Tổ nối tiếp, soạn một bản chú giải cho Đại Kinh. “*Dư tuy sơ phát đại tâm, đản dĩ chương thâm huệ thiên, thừa thử trọng mạng, thật thâm hoảng cụ*” (Tôi thoát đầu tuy phát đại tâm, nhưng vì chương sâu, huệ cạn, vâng lãnh sứ mạng nặng nề này, thật sợ hãi sâu xa), “*hoảng*” (惶) là kinh hãi, “*cụ*” (懼) là sợ sệt. Sứ mạng này quá nặng nề! Ở chỗ này, chúng ta thấy lão nhân gia khiêm hư, có thể là quá khiêm hư. Lão nhân gia đã hoàn thành nhiệm vụ này, chẳng cô phụ lời thầy phó chúc, chúng ta phải cảm ơn cụ.

Tiếp đó, cụ tường thuật nhân duyên: “*Sở hạnh tăng tham tiên sư giảng tịch, thân văn thử kinh toàn bộ*” (may là đã từng được nghe tiên sư giảng giải, đích thân nghe giảng toàn bộ kinh này). Sau khi hội tập, cụ Hạ đã đích thân giảng bộ kinh này, cụ Hoàng Niệm Tổ có duyên phận ấy, đích thân nghe thầy giảng toàn bộ kinh này, chẳng thiếu một buổi giảng nào. “*Thả ư nhập tải tùy thị chi trung*” (lại còn theo hầu thầy suốt hai mươi năm), đây là nói cụ đã theo thầy hai mươi năm, chẳng phải trong thời gian ngắn ngủi, hai mươi năm không rời thầy. “*Đắc linh Thiên, Tịnh, Mật các tông huyền áo, thô hiểu tiên sư hội tập đại kinh chi thâm tâm*” (được nghe những điều huyền diệu, sâu xa trong các tông Thiên, Tịnh, Mật, hiểu sơ lược thâm tâm hội tập Đại Kinh của tiên sư). Theo thầy hai mươi năm, mỗi ngày nghe thầy giảng kinh, thuyết pháp. Cụ Hạ Liên Cư thông Tông, thông Giáo, Hiền Mật viên dung, tuy là tại gia, nhưng thật sự là một vị đại đức trong Phật môn thuở ấy. Có trí huệ, năng lực, từ bi như vậy thì mới có thể thực hiện viên mãn chuyện này để truyền cho những kẻ hữu duyên trong chín ngàn năm sau trong thời Mạt Pháp. Gặp được kinh này chính là kẻ hữu duyên, gặp kinh này sẽ có cơ hội đắc độ, rất khó có! Đây là nói rõ nhân duyên vì sao cụ được thầy phó chúc làm đại sự này. Đương nhiên, thầy hiểu rõ trò. Theo thầy suốt hai mươi năm, trò có trí huệ hay không, có tâm từ bi hay không, có thể đảm nhiệm sứ mạng này hay không, đương nhiên thầy hiểu rất rõ ràng, chọn trúng cụ Hoàng Niệm Tổ. Do vậy, tôi thường nói: Vừa nghe đến tên họ của lão nhân gia, tôi liền bảo mọi người, vị này là truyền nhân của cụ Hạ, khích lệ, cổ vũ mọi người hãy thân cận cụ cho nhiều. Duyên phận và phước phần này đều chẳng thể nghĩ bàn!

“*Lục thập niên đại sơ*” (đầu thập niên sáu mươi), “*lục thập niên đại*” là năm 1960, vào đầu năm 1960. “*Tăng thí tả thử kinh huyền nghĩa chi đề cương nhất sách, trình sư giám hạch, hạnh mônng ấn khả*” (từng thử viết một bản đề cương cho kinh này, trình lên thầy giám định, may mắn được thầy ấn khả). Cụ chuẩn bị công tác sơ bộ, viết đề cương, đề cương là gì? Là phần Khái Luận mà chúng ta nay đang học tập, cụ gọi phần này là Khái Yếu. Trong quá khứ, khi tôi giảng kinh đã dùng phần tài liệu này của cụ để viết đại cương, có lẽ các đồng học đã đọc, trong quá khứ tôi đã giảng nhiều lần. Tôi lấy phần

Khái Yếu, trích lục những điểm tinh yếu trong đó, làm như vậy, trong các buổi giảng sẽ có thể rút ngắn thời gian. Tuy đã rút ngắn, đại khái cũng phải giảng mất mười mấy giờ, nhằm giới thiệu “yếu nghĩa” (ý nghĩa trọng yếu) của cả bản kinh với đại chúng. Cụ Hoàng viết đề cương phần Huyền Nghĩa đưa cho cụ Hạ xem, được đồng ý, chấp nhận. “Đản kinh Văn Cách hạo kiếp, thử cảo dĩ dăng nhiên vô dư” (nhưng trải qua con kiếp nạn Cách Mạng Văn Hóa to lớn, bản thảo ấy đã mất sạch chẳng còn). Khi ấy, cụ cũng gặp nạn Cách Mạng Văn Hóa^{33[4]}, cũng bị lôi ra “phê đấu” (phê bình, đấu tố), vì cụ học Phật liền bị chụp mũ là “ngưu quỷ, xà thần” (quỷ trâu, thần rắn), nhà cửa cũng bị lục soát, tịch biên, những thứ đã viết lách đều bị thiêu sạch, trải qua con kiếp nạn to lớn ấy. “Hiện dư niên du cổ hy” (nay tuổi đã ngoài bảy mươi), cổ nhân gọi bảy mươi tuổi là “cổ hy”. Câu “nhân sanh thất thập cổ lai hy” (xưa nay, hiếm người sống đến bảy mươi tuổi) là do Đỗ Phủ đời Đường đã nói. Vì vậy, bảy mươi tuổi được gọi là “cổ hy chi niên”, “du” (逾) là vượt qua, [“du cổ hy”] là hơn bảy mươi tuổi. Khi tôi gặp lão nhân gia, cụ đã ngoài bảy mươi tuổi. “Phục đa túc tật” (lại lắm bệnh cũ), cũng là do trong thời Cách Mạng Văn Hóa chịu rất nhiều khổ nạn, cho nên tuổi già thân chẳng khỏe, rất nhiều bệnh tật. “Quý thâm ân chi vị báo, cụ vô thường chi tương chí” (thẹn ơn sâu chưa báo, sợ vô thường xảy tới), đây là lời thật, sứ mạng thầy đã giao phó chưa hoàn thành, làm sao xứng với thầy? Tuổi già, lắm bệnh, sợ lắm, sợ thọ mạng không đủ để hoàn thành việc này, thường nặng lòng vì chuyện này. “U thi, phán lão bệnh chi tàn thân, kế truyền dăng chi hoằng thệ” (Do vậy, gắng gượng tâm thân tàn già bệnh, kế tục hoằng thệ truyền dăng). Chúng tôi đích thân thấy chuyện này, đêm nói tiếp ngày, cụ làm chuyện này chẳng nghỉ ngơi để viết bản chú giải này.

^{33[4]} Nguyên văn là “văn hóa đại cách mạng”, đây là một phong trào vận động quần chúng do đảng Cộng Sản Trung Quốc tiến hành từ năm 1966 dưới sự chỉ đạo của Mao Trạch Đông nhằm quét sạch những tư tưởng truyền thống của Trung Hoa và mọi ý niệm bị đảng Cộng Sản Trung Quốc quy chụp là “phản động, lạc hậu” trong mọi tầng lớp xã hội, với mục đích suy tôn chủ nghĩa Mao, tiêu trừ các thành phần đối lập, củng cố địa vị độc tôn của Mao, trấn áp những dư luận chỉ trích trong xã hội sau các thất bại thảm của các phong trào Đại Nhảy Vọt (Đại Dục Tiến) cũng như các hệ lụy do các kế hoạch năm năm, ba năm, Chính Phong, Chính Đảng trước đó. Họ Mao lợi dụng lực lượng Hồng Vệ Binh tấn công các đối thủ, triệt hạ những lãnh tụ có uy tín như Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Niếp Vinh Trăn, Từ Hướng Tiền v.v... Hồng Vệ Binh tấn công bất cứ ai chống đối hay bị nghi ngờ là phản động, chống Mao, đập phá các cơ sở thờ tự, chùa miếu, hủy diệt các tác phẩm văn hóa, nghệ thuật cổ truyền. Tuy về sau, chính quyền Mao Trạch Đông đã kiểm soát được sự hoành hành của Hồng Vệ Binh, Cách Mạng Văn Hóa thật sự chỉ chấm dứt vào năm 1976 sau khi Mao Trạch Đông chết và tân chủ tịch Hoa Quốc Phong hạ bệ Tứ Nhân Bang (Giang Thanh, Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiêu, và Diêu Văn Nguyên), tức bốn tên hung thần thừa cơ kéo bè kéo đảng khuấy nát tình hình chính trị tại Hoa Lục bấy giờ.

Viết chú giải cũng chẳng dễ dàng! Sau khi viết xong, không vừa ý lại sửa chữa, đến cuối cùng khi đã sửa chữa hoàn chỉnh, tôi đã kể với quý vị, lúc ấy cuốn sách này chỉ được in bằng ronéo. Nói chung, những người trẻ tuổi hiện nay chẳng biết in ronéo là gì, người năm sáu mươi tuổi chắc chắn biết. Chất liệu rất kém cỏi, in bằng ronéo, chữ in ra không rõ ràng. Tôi tin bản do cụ đem sang Mỹ tặng cho tôi, phải là bản in ronéo rõ ràng nhất, tốt nhất, cụ tặng cho tôi một quyển. Sau khi tôi đọc xong một lượt, hết sức vui thích, vô cùng bội phục, rốt cuộc kinh Vô Lượng Thọ có một bản chú giải hay như thế, đúng là khó có! Tôi bèn thỉnh giáo lão nhân gia: “Cụ có giữ bản quyền hay không?” Cụ bảo: “Không giữ bản quyền!” Không giữ bản quyền thì tôi bèn in lại. Do vậy, tại Đài Loan, tôi in lần đầu một vạn cuốn, in thành một quyển đóng bìa cứng. Bản của cụ vốn là bốn cuốn, in thành bốn cuốn, chúng tôi đổi thành một cuốn đóng bìa cứng, chính là bản hiện thời quý vị đang cầm trên tay. Bản này đã được in mấy lượt; bản gốc chúng tôi dùng để in một vạn cuốn nay vẫn rất dễ tìm thấy, nguyên bản ở phía trước có rất nhiều ảnh chụp, có hình lão pháp sư Huệ Minh chứng minh cho cụ Hạ Liên Cư, tôi đều đem in ở đầu sách. Tinh thần ấy khó có lắm!

“Dĩ thử thân tâm, cúng dường Tam Bảo, bệ môn tạ khách, toàn lực chú kinh” (Đem thân tâm này cúng dường Tam Bảo, đóng cửa, không tiếp khách, dốc toàn lực chú giải kinh), không gặp ai, đem hết thầy tinh lực, thời gian, tinh thần dồn vào việc chú giải kinh. Chú giải kinh phải sưu tập tài liệu tham khảo, khó có lắm! Tôi cho rằng cụ được Phật, Bồ Tát che chở, gia trì; hễ cụ nghĩ phải cần những tài liệu nào, đều có người tặng cho. Tôi từng xem những tài liệu trong thư phòng của cụ, tôi cũng phải than là quá tuyệt diệu, đúng là chẳng dễ dàng, từ đâu mà tìm được nhiều thứ như thế? Âm thầm được oai thần gia trì, những tài liệu cụ cần đều có thể tìm được. *“Ký báo tiên sư kỳ thập phương tam thế thượng sư Tam Bảo, dữ pháp giới chúng sanh chi thâm ân u vạn nhất”* (mong báo một phần trong muôn phần ơn sâu của tiên sư, mười phương ba đời thượng sư, Tam Bảo và pháp giới chúng sanh). Chân thành, thanh tịnh, từ bi, tâm báo ân, trên báo ơn Phật, báo ơn thầy, dưới báo đáp ơn của hết thầy chúng sanh và pháp giới chúng sanh. Đọc đến chỗ này, chúng ta phải biết cảm ơn, cụ viết bộ sách này khổ cực quá! Vì ai mà viết? Nay chúng ta có được quyển sách này thì cụ vì tôi mà viết, quý vị có được một quyển sách này tức là cụ đã vì quý vị mà viết, thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị đã có, có thể đọc hiểu bản chú giải này, đoạn nghi hoặc, buông xuống tạp niệm, nhất tâm niệm Phật, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai tiếp dẫn? Hoàng lão cư sĩ tiếp dẫn, quý vị mới hiểu công đức to lớn này!

Chúng tôi thiếu trí huệ, không có năng lực này, viết không được, bèn phát tâm; hiện thời ẩn hành lưu thông thuận tiện lắm. Đây chính là chúng ta báo đáp một phần trong muôn phần ân đức của lão nhân gia, tuyên truyền bản chú giải của cụ. Trên thế giới này, càng có nhiều bản này càng tốt, vì sao? Trong kinh này, đức Phật đã nói, trong tương lai, đến lúc Phật pháp bị diệt, tức là vào chín ngàn năm sau, Phật pháp bị diệt trên thế gian

này, kinh Vô Lượng Thọ bị diệt cuối cùng. Sau khi hết thấy các kinh bị diệt, kinh Vô Lượng Thọ còn tồn tại trên thế gian này một trăm năm. Một trăm năm sau đó, kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng còn, hãy còn một câu “Nam-mô A Di Đà Phật”. Gặp được danh hiệu này cũng là có duyên phận đặc biệt, có thể đắc độ. Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn! Đức Thế Tôn nhiều lần tuyên giảng chẳng thể nghĩ bàn, phiên dịch chẳng thể nghĩ bàn, hội tập chẳng thể nghĩ bàn, chú giải cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta y giáo phụng hành, chính mình được lợi ích; bản thân ta được lợi ích, mà cũng sẽ ảnh hưởng tới người khác, người ta thấy quý vị như thế sẽ bị cảm động, tự nhiên học theo quý vị. Do vậy, quý vị tự hành là hóa tha. Huống chi, nếu quý vị có thể giảng giải, diễn nói cho người khác, đây là tài liệu tham khảo để quý vị diễn thuyết, quý vị có thể ấn hành lưu thông.

Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta học Phật cũng phải vận dụng linh hoạt. Quý vị đem một quyển sách to như vậy tặng cho người khác, người ta vừa nhìn thấy: “Dày quá! Tôi không có thời gian đọc!” Thật đấy, chẳng giả đâu! Tuyên dương Tịnh Tông, quả thật là trong thời đại hiện tại, so với bất cứ tông nào khác cũng dường như thuận lợi, hưng vượng hơn, do nguyên nhân nào? Đặc lực nhờ công cụ khoa học kỹ thuật! Chúng ta học tập ở đây, mười lần giảng diễn trong quá khứ, chúng ta có CD/DVD, có vệ tinh, có Internet, có nhiều thứ thuận tiện như thế, cho nên tiếp dẫn nhiều người hơn. Trong quá khứ không có, trong quá khứ phải nhờ vào sách, số lượng sách ít ỏi, lại còn phải phụ thuộc vào người đọc, người ta không đọc thì làm gì được nữa? Đĩa CD/DVD lưu thông với số lượng lớn. Hiện thời, khoa học ngày càng tiến bộ, lúc ban đầu chúng tôi giảng kinh, một đĩa CD chỉ thu được một giờ. Lần giảng tại Tân Gia Ba, được lưu thông tại Trung Quốc Đại Lục là sáu mươi đĩa CD, chẳng ít! Hiện tại thì sao? Hiện thời chừng hai đĩa, [từ sáu mươi đĩa] biến thành hai đĩa, ngày càng tiến bộ. Tôi tin là sau đôi ba năm nữa, một đĩa sẽ thu được sáu mươi giờ, đối với mọi người, học tập quá thuận tiện. Tôi còn đề xướng đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, quý vị không muốn đọc bản này, bèn mở TV sẽ có tiết mục đọc tụng. Trong phần đọc tụng ấy có kinh văn, có âm thanh, nhưng không có hình ảnh ai cả! Có kinh văn, có âm thanh đọc tụng, giúp đỡ quý vị! Lần này, chúng tôi giảng Diễn Nghĩa, hoàn toàn giảng bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ nhằm báo ân cụ. Lão nhân gia tuổi già nhọc nhằn như vậy, chính mắt tôi thấy, chớ nên phụ bạc cụ! Chúng ta có thể làm thành đĩa CD/DVD, mà cũng có thể ghi thành văn tự để đọc tụng. Có văn tự, có giảng giải, không cần phải có hình ảnh con người. Đây là nói về nhân duyên lão cư sĩ chú giải kinh.

Tiếp theo đó là giới thiệu kinh này khế Lý, khế cơ, khó có nhất. “*Phục dĩ bốn kinh chi thù thắng tại ư khế Lý, khế cơ*” (lại nữa, kinh này vốn thù thắng ở chỗ khế Lý, khế cơ). Lý là gì? Lý là tự tánh. Huệ Năng đại sư là người Trung Quốc, chúng ta nói tới Ngài là một nhân vật đặc biệt thân thiết, nhất là đối với người Quảng Đông, chúng ta đang ở địa bàn tỉnh Quảng Đông, đặc biệt thân thiết! Lão nhân gia khai ngộ khi chưa tròn hai

mười bốn tuổi. Chúng ta gọi Ngài là “*lão nhân gia*”, vì Ngài có đức hạnh; thật ra, Ngài chưa già, hai mươi bốn tuổi mà! Khi khai ngộ, Ngài đã nói năm câu, hai mươi chữ: “*Hà kỳ tự tánh*”, [nghĩa là] không ngờ tự tánh, tự tánh như thế nào? “*Bổn tự thanh tịnh*” (vốn tự thanh tịnh), đây là câu đầu tiên; “*bổn bất sanh diệt*” là câu thứ hai, “*bổn tự cụ túc*” (vốn tự đầy đủ), “*cụ túc*” là như Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, vốn tự trọn đủ, “*cụ túc*” là trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, đây là những thứ có trong tự tánh. “*Bổn vô dao động, năng sanh vạn pháp*” (vốn chẳng lay động, có thể sanh ra vạn pháp). Có thể sanh ra vạn pháp là có thể hiện vũ trụ, có thể hiện vạn vật. Ta do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện! Vì thế, [tự tánh] có thể sanh, có thể hiện, có thể biến; hết thấy vạn pháp là cái được sanh, cái được hiện, cái được biến. Cái có thể sanh là Lý, cái được sanh chính là Sự; Khế Lý! Tự tánh vốn sẵn có trí huệ Bát Nhã, tự tánh vốn sẵn có đức năng, đây là Lý. “*Cơ*” (機) là nói về chúng sanh, về đối tượng, tức đối tượng của bộ kinh này, [nghĩa là] ai có thể học? Bất cứ ai cũng đều có thể học, thích hợp khắp ba căn thượng, trung, hạ, lợi căn lẫn độn căn đều thâm tóm toàn bộ. Hai đoạn tiếp theo đây sẽ nói về vấn đề này.

Trước hết, nói về Lý, “*Lý giả, Thật Tế Lý Thể, diệc tức Chân Như Thật Tướng, chân thật chi bổn tế dã*” (Lý là Thật Tế Lý Thể, cũng tức là Chân Như Thật Tướng, là gốc rễ chân thật). Câu này giảng về Lý. Lý là gì? Tôi vừa mới trình bày một cách dễ hiểu cùng quý vị, [những ý nghĩa ấy] hoàn toàn giống với ba câu nói [của cụ Hoàng] ở nơi đây. “*Thật*” (實) là chân thật, “*Thật Tế*” (實際) là quyết định chẳng giả, nó là Lý Thể, còn gọi là Tự Tánh, tức là cái được gọi là Năng Sanh, Năng Hiện, Năng Biến (cái có thể sanh, hiện, biến). Lý ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại. Nó chẳng phải là tinh thần, mà cũng chẳng phải là vật chất, nó không có hình tướng, sáu căn chẳng thể tiếp xúc được, chúng ta không thể tưởng tượng được. Hễ quý vị suy tưởng là trật mất rồi! Đến khi quý vị điều gì cũng không suy tưởng nữa, nó bèn hiện tiền. Vì vậy, trong kinh Phật thường gọi chuyện này là “*chẳng thể nghĩ bàn*”, [nghĩa là] quý vị chẳng thể tưởng, mà cũng chẳng thể nói, nói không được! Nó còn được gọi là Chân Như Thật Tướng, Thật Tướng là chân tướng, Chân Thật Bản Tế, nói theo cách bây giờ, trong Triết Học gọi bản thể chân thật là Bản Thể Luận (Ontology). Trong Triết Học, cho đến hiện thời vẫn chưa thể giảng rõ khái niệm “bản thể” (noumenon) này, chưa thể luận định chắc chắn, nhưng trong Phật pháp đã giảng rõ ràng, minh bạch, chẳng có mảy may nào mơ hồ. Vì sao? Nhiều người đã chứng đắc. Thích Ca Mâu Ni Phật chứng đắc đầu tiên dưới cội Bồ Đề. Trong số các học trò [của Ngài], cũng có nhiều vị chứng đắc, chứng đắc bèn gọi là “*thành Phật*”. Tại Trung Quốc, lịch đại tổ sư đại đức thật sự chứng đắc cảnh giới này có đến mấy ngàn vị. Trong Truyền Đăng Lục của Thiền Tông, có một ngàn bảy trăm công án, đây chính là có tới một ngàn bảy trăm người chứng đắc, chẳng phải là một người. Ngoài ra, còn có Giáo Hạ, “đại khai viên giải” cũng là cảnh giới này. Tịnh Độ

Tông niệm đến Lý nhất tâm bất loạn cũng là cảnh giới này. Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh. Vì thế, chuyện này chẳng giả. Sau khi chứng đắc, quý vị để các Ngài trình bày, tức là để cho mỗi một vị đã chứng đắc giải thích [cảnh giới chứng đắc, sẽ thấy] ý nghĩa tương đồng, đại đồng tiểu dị, tuy lời lẽ không hoàn toàn giống, nhưng ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Chuyện này chẳng phải giả, mà là hội đủ tinh thần khoa học trong ấy. Họ không cần tới các dụng cụ khoa học để cầu chứng đắc, họ dùng công phu Thiền Định. Thiền Định là gì? Buông xuống! Buông vọng tưởng xuống, buông phân biệt xuống, buông chấp trước xuống, bèn chứng đắc.

Trên thực tế, chúng ta và hết thầy chư Phật Như Lai chẳng khác gì nhau. Vì thế, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn thường nói: *“Hết thầy chúng sanh vốn là Phật”*, lời này là thật, chẳng giả tí nào! Nay vì sao biến thành như vậy? Mê rồi, mê mất tự tánh, trọn chẳng phải là tự tánh không có, tự tánh vẫn tồn tại, nhưng quý vị đã mê rồi! Trong kinh Lăng Nghiêm có một tỷ dụ rất hay: *“Diễn Nhã Đạt Đa, mê đầu nhận ảnh”* (chàng Diễn Nhã Đạt Đa soi gương, thấy đầu mình chiếu trong gương bèn mê cuông), đức Phật đã kể chuyện này. Nói rõ điều gì? Nói rõ phạm phu chúng ta mê mất nơi hình dáng của Tự Tánh. Nếu dựa theo kinh Phật để kể câu chuyện này mà chúng ta vẫn chưa hiểu lắm, chúng tôi còn có một câu chuyện dễ hiểu hơn mà vẫn có cùng ý nghĩa. Thử chúng tôi còn là học trò, nhằm lúc người Nhật gây chiến, trong thời gian kháng chiến, học trò Tiểu Học lớp lớn, tức lớp Năm, lớp Sáu, phải học chương trình huấn luyện quân sự, có môn học ấy, đến bậc Trung Học càng chẳng cần phải nói nữa! Đây là một môn học rất quan trọng. Trong huấn luyện quân sự có tập hợp khẩn cấp, hạn định trong ba phút phải trang phục chỉnh tề phải đến thao trường tập hợp, thường có chuyện *“Diễn Nhã Đạt Đa, mê đầu nhận ảnh”* xảy ra. Khẩn cấp tập hợp khiến mọi người bối rối, căng thẳng. Hễ căng thẳng bèn mê, mũ đã đội ngay ngắn trên đầu, mặc trang phục chỉnh tề ra ngoài tập hợp, tìm khắp nơi, hỏi người khác, hỏi bạn học: *“Bạn có thấy cái mũ của tôi hay không?”* Hoang mang tờ mờ đi kiếm mũ, mê rồi! Bạn học liền chỉ: *“Chẳng phải bạn đang đội mũ trên đầu đó sao?”* Sờ thử, quả nhiên mũ ở trên đầu! Có mất hay chẳng? Không mất, mà là mê rồi! Đức Phật nêu tỷ dụ này nhằm bảo chúng ta: Tự tánh của chúng ta và tự tánh của Phật chẳng khác, nay có tồn tại hay không? Tồn tại! Vì sao tìm không được? Mê rồi! Khi nào giác ngộ, quý vị liền được gọi là Phật. Khi quý vị đang mê thì gọi là phạm phu. Giống như lúc tập hợp khẩn cấp, đúng là mũ đang đội trên đầu mà chính mình không biết, tìm khắp nơi, tình huống như vậy đó!

Trong kinh điển, thường thấy ba danh từ này, rất khó giải thích, coi từ từ sau này sẽ hiểu. Tâm quý vị càng thanh tịnh, càng hiểu sâu hơn. Hời hợt, bộp chộp là chướng ngại lớn nhất trong sự học tập của chúng ta. Nếu không diệt trừ hời hợt, bộp chộp, sẽ vĩnh viễn không thể thấu hiểu. Cái mà quý vị có thể học được chỉ là ngôn từ! Ngôn từ là bề ngoài, là văn tự, danh tướng, quý vị học những thứ này, không có cách nào nhận biết đạo

lý chân thật. Tâm quý vị càng thanh tịnh, càng hiểu sâu; đến khi tâm bình đẳng hiển hiện, gần như là chưa khai ngộ thì cũng mấp mé khai ngộ! Thanh tịnh là Kiến Tư phiền não mỏng nhẹ. Đoạn Kiến Tư phiền não, tâm thanh tịnh thật sự hiện tiền; Trần Sa phiền não đoạn rồi, tâm bình đẳng hiển tiền. Tâm chúng ta bất bình đẳng thì làm gì được? Vì sao chẳng bình đẳng? Có Ngã! Có Ngã sẽ chẳng bình đẳng; nói chung, [sẽ nghĩ] ta giỏi hơn người khác một chút, đó là ngạo mạn. Chư vị phải biết: Hễ có Ngã, bèn có ngạo mạn, quý vị chẳng thừa nhận cũng không được! Đức Phật nói rất hay, vì sao? Quý vị có Ngã là có Mạt Na Thức, bốn đại phiền não thường phụ thuộc Mạt Na Thức. Bắt đầu có từ khi nào? Trong pháp Đại Thừa, có một câu mà hết thấy mọi người đều biết: “*Phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Đó chính là Ngã, chẳng phải là được cha mẹ sanh ra rồi mới có Ngã. Trước khi được cha mẹ sanh ra đã có Ngã. Người bình thường chúng ta gọi Ngã là “*linh hồn*”. Nói theo Phật pháp, không gọi là linh hồn, mà gọi là “*linh tánh*”. Kẻ ấy có Ngã Chấp hay không? Có! Có Ngã Chấp thì gọi là “*linh hồn*”, không có Ngã Chấp sẽ gọi là “*linh tánh*”. Vì sao? Không gian hoạt động của kẻ ấy không ra khỏi lục đạo luân hồi, kẻ ấy chuyển vần trong lục đạo, không thoát ra được. Vì sao? Mê rồi! Nếu kẻ ấy giác ngộ, sẽ vượt thoát lục đạo; chẳng gọi là “*linh hồn*” nữa, mà gọi là “*linh tánh*”, hoạt động trong không gian lớn hơn, không gian hoạt động của kẻ ấy là mười pháp giới. Vì sao kẻ ấy vẫn chưa vượt thoát mười pháp giới? Còn có khởi tâm động niệm, do chưa phá vô minh. Sau khi phá vô minh, danh từ “*linh tánh*” cũng chẳng còn, mà gọi là “*tự tánh*”, đã trở về nguồn, tức là trở về tự tánh. Khi ấy gọi là gì? Gọi là Phật, chân Phật, chẳng phải giả Phật. Một thứ mà có tới ba danh từ (linh hồn, linh tánh, tự tánh), một mà ba, ba mà một!

Như vậy thì chúng ta chỉ cần một niệm bị mê, hễ mê thì tự tánh của chúng ta biến thành A Lại Da Thức. Trong ba tế tướng của A Lại Da Thức, Chuyển Tướng chính là Mạt Na Thức. Cái đầu tiên trong Mạt Na Thức là Ngã Kiến. Ngã Kiến là chấp trước có Ngã. Lấy gì làm Ngã? Chấp trước một phần của A Lại Da Thức, nói theo kiểu bây giờ sẽ là “*một phần năng lượng*”, mọi người dễ hiểu hơn. Nói theo danh từ hiện tại là một phần vật chất, có lẽ chúng ta không nói “*năng lượng*”, mà nói rõ ràng hơn một chút là “*một phần thông tin*”. Mạt Na là thông tin³⁴[5], A Lại Da là năng lượng, tướng cảnh giới là

³⁴[5] Nguyên văn “*tín tức*” (信息). Đây là cách người Hoa dịch chữ Information. Theo Wikipedia, Information hiểu theo nghĩa hạn chế nhất sẽ là tập hợp các thông điệp chứa đựng các ký hiệu được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có thể thu nhận hoặc chuyển tải. Theo nghĩa rộng, Information là bất cứ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến trạng thái của một hệ thống. Nó có thể bao gồm tất cả những ý nghĩa như dữ liệu, điều kiện hạn chế, kiến thức, những hướng dẫn, nhân tố kích thích tinh thần, mô thức, sự tiếp nhận v.v... Chúng tôi tạm dịch Information thành “*thông tin*” theo cách dịch phổ biến hiện thời tuy vẫn không cảm thấy thỏa đáng lắm.

vật chất. Theo khoa học hiện đại, trong vũ trụ chỉ có ba thứ là năng lượng, vật chất, và thông tin. Ba tế tướng của A Lại Da (chuyển tướng, vô minh nghiệp tướng và cảnh giới tướng) có cùng một ý nghĩa [với năng lượng, vật chất và thông tin trong cách diễn giải của khoa học], nhưng họ (các khoa học gia) giảng không rõ ràng lắm. Vật chất do đâu mà có? Thông tin do đâu mà có? Năng lượng do đâu mà có? Họ chẳng nói được! Trong Phật pháp nói đến Nhất Thể, đó chính là Tự Tánh. Khi chẳng mê là nhất thể, quý vị chẳng thể chia ra phần nào là năng lượng, phần nào là vật chất, phần nào là thông tin, chia không được! Đây chính là [ý nghĩa của] câu nói thứ ba của Huệ Năng đại sư: “*Hà kỳ tự tánh, bốn tự cụ túc*” (nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ), nó có, nhưng chẳng hiện. Khi nó hiển hiện, tức là có duyên phận, tức là một niệm vọng động, khởi lên một niệm, nó bèn hiện, có thể sanh vạn pháp. Có thể sanh vạn pháp thì ta là chánh báo, hoàn cảnh là y báo. Y báo và chánh báo đồng thời khởi lên, không có trước sau. Trong sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng chuyện này rất rõ ràng, từ nhất thể khởi ra nhị dụng. Nhị dụng gồm:

- Một là chánh báo của chúng ta, Ngã xuất hiện.
- Thứ kia là hoàn cảnh sống xuất hiện; đó là vũ trụ.

Đối với chuyện này, khoa học lẫn Triết Học hiện đại đều chưa thể nói rõ ràng. Trong kinh Phật từ ba ngàn năm trước đã giảng rõ ràng dường ấy! Hết sức đáng tiếc là các nhà khoa học thiếu phước báo, chưa đọc kinh Phật. Nếu họ xem kinh Phật, tôi tin là những người đó rất thông minh, cảnh giới của họ nhất định sẽ được nâng cao trên một mức độ rộng lớn. Vì sao nói quý vị có phiền não? Mạt Na Thức có Ngã Kiến, dính dáng Ngã Ái. Ngã Ái là tham, ngã mạn. Ngã mạn là sân khuê, ngã mạn và sân khuê dính liền, ta bèn si. Do vậy, Ngã Kiến, Ngã Ái, ngã mạn, và ngu si, bốn đại phiền não thường nương theo [Mạt Na Thức]. Lẽ nào quý vị chẳng ngạo mạn? Ngạo mạn là bầm sinh, tự nhiên có! Một niệm bất giác bèn mê, mê rồi bèn sanh ra hiện tượng này, chứ trong Thật Tế Lý Thể không có hiện tượng này, Thật Tế Lý Thể hiện ra những hình tướng nào? Trí huệ, đức năng, tướng hảo. Một niệm dấy lên sẽ mê, biến thành tham, sân, si; thông tin ấy bèn phát sanh.

Thật Tướng Lý Thể còn gọi là Chân Như Thật Tướng, Chân là nói về Thể, có thể sanh. [Chân] là cái bản thể có thể sanh, có thể hiện. “*Như*” là nói về tướng, tức hiện tướng (tướng được biến hiện). Hiện tướng là tướng được biến hiện từ bản thể. Hiện tướng và Thể chẳng tách rời; cho nên nói “*Tánh Tướng bất nhị*”. Điều này cũng chẳng dễ hiểu. Xưa nay, tổ sư đại đức, trong kinh Phật cũng có nói, thường dùng vàng và các vật chế bằng vàng để làm tỷ dụ, đem vàng ví với Thể. Đúng vậy! Vàng làm thành các món đồ; đó gọi là Như. Vì sao gọi là Như? Nó là vàng. Quý vị nói xem: Đem vàng ròng làm thành tràng hạt. Tràng hạt ấy có phải là vàng hay không? Là vàng! Đem vàng làm thành nhẫn, làm vòng đeo tay, làm thành chén trà, đều có thể làm được. Do vậy

nói: “*Tướng cũng như Tánh, Tánh cũng như Tướng, Tánh và Tướng chẳng hai*”. Từ Tướng, quý vị thấy được vàng, tức là quý vị thật sự biết giá trị. Nếu quý vị chẳng biết giá trị, sẽ tách rời vàng và những món đồ này. Tôi để cho quý vị chọn lấy vàng, quý vị nhìn vào hết thấy những món đồ này: “Không có, ở đây không có vàng!” Vòng đeo tay có phải là vàng hay không? Cái chén có phải là vàng hay không? Cái tô có phải là vàng hay không? Toàn là vàng làm thành. Bảo quý vị lấy vàng ra, quý vị tìm không được, đó là gì? Mê rồi! Mê mất tự tánh. Hễ ngộ, [bảo quý vị] lấy vàng ra, bèn thuận tay cầm lấy, thứ gì cũng đều là vàng! Do vậy, Tánh - Tướng chẳng hai! Tánh không có hình tượng được biến hiện (hiện tướng), tuy nó hiện ra hình tượng, nhưng Tướng là huyền tướng, chẳng thật! Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Vạn pháp đều là không, trọn chẳng thể được*”. Đó là thật. Kinh Kim Cang nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng*”, đều là nói lời thật với quý vị. Đây là Chân Như.

Thật Tướng: Thật Tướng là chân tướng. Quý vị phải nhận biết chân tướng. Chân tướng là gì? Trong Tướng có Tánh, Tánh và Tướng không tách rời, thật đây! Tánh không thể được, mà Tướng cũng không thể được. Nếu Tánh đã là không thể được, làm sao có thể đạt được Tướng? Do vậy, trong một bộ Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, đức Phật giảng điều gì? Chính là giảng “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, không thể được). Hiện tại, phiền não của chúng ta từ đâu mà sanh? Đã là “chẳng thể được” mà cứ nhất định muốn đạt được, chẳng phải là quý vị đã tự chuốc phiền đó sao? Khổ não không có bờ mé. Hễ giác ngộ, khổ não bèn chẳng còn nữa; đã hiểu rõ chân tướng, chẳng còn chấp trước, chẳng còn dấy vọng tưởng. Thọ, Tướng, Hành, Thức đều không thể được, đều là giả. Thọ, Tướng, Hành, Thức do đâu mà có? Do tự tánh mà có. Tự tánh có bốn tịnh đức “thấy, nghe, hay, biết”, chúng là thật. Sau khi mê, từ “thấy, nghe, hay, biết” sẽ biến thành Thọ, Tướng, Hành, Thức. Chúng ta gọi Thọ, Tướng, Hành, Thức là “tâm lý”. Tâm lý là giả, chẳng thật. Chân tâm là thanh tịnh; “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Đó là chân tâm. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhất định là vọng tâm.

Trong kinh nói “*huệ dĩ chân thật chi lợi*”, “*huệ*” (惠) là ban tặng. Chư Phật Như Lai, Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật trong bộ kinh này đã ban cho chúng ta lợi ích chân thật, cho nên là thuần nhất chân thật. Bộ kinh này “*trụ chân thật huệ, khai hóa hiển thị chân thật chi tế, huệ dĩ chân thật chi lợi, thuần nhất chân thật dã*” (trụ trong chân thật huệ, khai hóa, hiển thị Chân Thật Tế, ban cho lợi ích chân thật, thuần nhất chân thật). Đây là nói kinh này khế Lý; không chỉ khế Lý, mà còn khế Lý viên mãn. “*Hựu bốn kinh xưng vi trung bốn Hoa Nghiêm Kinh*” (kinh này còn được gọi là kinh Hoa Nghiêm bản trung). Câu này do Bành Tế Thanh nói, ông ta là người sống trong thời Càn Long nhà Thanh trước kia, là một vị đại đức trong Phật môn, thông Tông, thông Giáo, Hiền Mật viên

dung, rất lỗi lạc. Ông ta nói: Kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm. Nói cách khác, A Di Đà Kinh là tiểu bản Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm Kinh là đại bản A Di Đà Kinh. Một mà ba, ba nhưng một, kinh Hoa Nghiêm giảng tỉ mỉ, kinh Di Đà nói vắn tắt, thuận tiện cho khóa tụng. Vì thế, thuở trước, tôi giảng kinh thường khuyên những đồng học trẻ tuổi: Nếu thật sự muốn giảng giải thấu triệt Tịnh Độ ngũ kinh nhất luận, nhất định phải học Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là chú giải tỉ mỉ của ngũ kinh nhất luận, là một, không hai.

Ở đây, cụ Niệm Tổ dẫn câu nói này, cụ bảo: “*Kinh trung sở thuyên*”, tức là những điều được trình bày trong kinh này, “*nhất thiết Sự Lý, tức Hoa Nghiêm chi Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại chi Nhất Chân pháp giới*” (hết thảy Sự Lý chính là Nhất Chân pháp giới Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm). Đây là nói rõ: Nội dung của kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm chẳng khác nhau. Kinh Hoa Nghiêm nói tỉ mỉ, còn ở đây (tức kinh Vô Lượng Thọ) nói những điều giản yếu, tức là nói đơn giản, chú trọng những chỗ quan trọng, mấu chốt. Sau khi đọc bộ kinh này, tôi chẳng giảng kinh Hoa Nghiêm nữa. Tôi thuở trẻ học kinh giáo, trong những kinh được thầy Phương Đông Mỹ tiên sinh giới thiệu cho tôi đọc có kinh Hoa Nghiêm. Hơn nữa, thầy hết sức coi trọng kinh Hoa Nghiêm. Thầy yêu thích, tiên sinh Phương Đông Mỹ ưa thích bộ kinh này, đặc biệt giới thiệu với tôi, giới thiệu bản chú giải của Thanh Lương đại sư, có lý lắm. Tôi nhớ lúc Hoàng Nhất đại sư tại thế, giới thiệu kinh giáo Đại Thừa cho những phần tử tri thức học tập, Ngài cũng giới thiệu bản chú sớ kinh Hoa Nghiêm của Thanh Lương đại sư. Sau khi tiếp xúc, nếu quý vị kiên nhẫn thâm nhập, sẽ có pháp hỷ sung mãn, có thể thụ dụng, nhưng kinh này quá dài! Trước kia, Hoàng lão cư sĩ vào đầu thập niên sáu mươi [chuẩn bị chú giải kinh Vô Lượng Thọ], vào đầu thập niên sáu mươi, tôi cũng bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm, cũng giảng suốt mười mấy năm, chỉ giảng được phân nửa. Sau này, giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng rất hoan hỷ. Kinh Vô Lượng Thọ đã là trung bản Hoa Nghiêm, tôi chẳng cần phải giảng Hoa Nghiêm nữa. Chính mình đọc kinh Hoa Nghiêm là được rồi. Vì thế, ngưng lại [không giảng nữa]. Tôi cũng thật sự từ kinh Hoa Nghiêm mà nhận thức Tịnh Độ, chết sạch so đo, khẳng khái tu học pháp môn này. Chuyện này trong các buổi giảng trước đây, tôi đã từng thưa bày cùng quý vị.

Giảng kinh Hoa Nghiêm lần này là nhân duyên đặc thù, do có ba người khai thỉnh. Người thứ nhất là pháp sư Khai Tâm ở Đài Loan, Sư đã vãng sanh. Thuở trước, khi còn sống, mỗi lần gặp tôi, Sư đều khuyên tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, bảo tôi: “Pháp sư Tịnh Không! Nếu thầy không giảng, sợ rằng sau này chẳng có ai giảng!” Không chỉ một lần, mỗi lần gặp mặt Sư đều nhắc nhở. Tôi rất cảm kích, nhưng hoàn chẳng động tâm. Lần thứ hai tại Bắc Kinh, tôi sang thăm lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lão cư sĩ rất nghiêm túc, cũng rất từ bi, thỉnh tôi giảng kinh Hoa Nghiêm. Tôi cũng rất cảm kích, cụ cũng nghĩ sau này, người có thể giảng bộ kinh này không nhiều lắm, nhưng tôi vẫn chẳng động

tâm. Lần thứ ba là khi Hàn Quán Trưởng của Hoa Tạng Đồ Thư Quán bệnh nặng, trên thực tế là hai hôm trước khi bà ta vãng sanh, đã hết sức khẩn thiết yêu cầu tôi giảng kinh Hoa Nghiêm một lần, giảng hoàn chỉnh một lần, lưu một bộ băng thu hình. Khi đó là băng video, còn chưa có CD, CD chưa phổ biến. Khi chiếu lên TV, vẫn phải dùng một cái hộp to ngăn ấy (VCR) để chạy băng. Bà ta mong lưu lại một bộ băng video hoàn chỉnh để người đời sau tham khảo. Do bà ta đang bệnh, bệnh nặng như vậy, nhằm an ủi bà, tôi liền nhận lời, tôi nói: “Được! Chờ bà lành bệnh, tôi sẽ giảng”. Hai ngày sau, bà ta vãng sanh. Ba lần [được khuyến thỉnh như vậy].

Sau khi lão nhân gia qua đời, chúng tôi rời Đài Loan sang Tân Gia Ba, giảng kinh tại Tân Gia Ba Cư Sĩ Lâm. Tôi và cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói tới chuyện này. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên hết sức hoan hỷ, ông ta nói: “Tôi thay mặt ba người ấy khái thỉnh pháp sư!” Ông ta sốt sắng như vậy, được rồi! Lần này, chúng tôi khai giảng kinh Hoa Nghiêm tại Tân Gia Ba Cư Sĩ Lâm khai giảng, giảng nhiều năm như thế, giảng tới bốn ngàn giờ. Giảng được bao nhiêu? Đại khái là giảng được một phần năm của cả bản kinh. Như vậy thì để giảng viên mãn bộ kinh này theo phương pháp mà tôi đã dùng, đại khái cần bao nhiêu giờ? Hơn hai vạn giờ! Chắc chắn phải hơn hai vạn giờ. Tôi còn có thể sống lâu như thế hay chẳng? Kinh dài mà giảng gọn lại thì được, hai, ba năm cũng có thể giảng xong; nhưng con người hiện thời nghe kinh, càng chi tiết, càng thú vị. Theo phương pháp giảng kinh như cổ nhân, đừng nói tới thời xa xôi quá, ngay như phương pháp giảng kinh của thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam, người bình thường trong hiện tại sẽ chẳng dễ tiếp nhận. Quá đơn giản, nghe không hiểu, đây là nói tới vấn đề khế cơ. Giảng cho người hiện đại, phải giảng thấu triệt, giảng rõ ràng, giảng minh bạch, họ thật sự nghe hiểu sẽ sanh tâm hoan hỷ. Đúng là khó khăn!

Lần này tôi nói với các đồng học, tôi tạm thời ngưng kinh Hoa Nghiêm lại. Tôi nghĩ là ngưng một năm, trong thời gian một năm này, giảng minh bạch, rõ ràng bộ chú giải này. Vì sao? Đây là trung bản Hoa Nghiêm. Hiện tại, cả thế giới, xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra. Trong tháng này, các đồng học có gởi cho tôi xem một tài liệu: Từ ngày mùng Bốn tháng Ba đến mùng Bảy tháng Tư, trong thời gian một tháng, khắp thế giới đã có mười một lần động đất từ cấp sáu trở lên. Vùng biển Ấn Ni (Indonesia) phát sanh sóng thần (tsunami), xảy ra liên tiếp như vậy, dày đặc như vậy. Nhiều đồng học đã xem phim “2012”. Bốn mươi, năm mươi năm qua tôi chẳng xem phim, chẳng coi TV, các đồng học một mực kéo tôi đi xem. Tôi coi xong, trở về bảo mọi người: Đây chẳng phải là ngẫu nhiên, phim được chiếu trên khắp thế giới, đối với người học Phật chúng ta mà nói, đây là một thứ cảm ứng, cõi trời đã cảnh cáo nhân loại. Nếu chẳng sám hối, nếu không quay đầu, chẳng thể đoạn ác tu thiện, sửa lỗi, đổi mới, sợ rằng tai nạn ấy sẽ là sự thật, chẳng giả!

Hai năm gần đây nhất, chúng ta làm Tam Thời Hệ Niệm Phật sự, tôi đề xướng làm bốn mươi chín ngày. Đang khi bắt đầu, trong hôm thứ nhất hay hôm thứ hai, trong đạo tràng có một đồng tu bị quỷ thần dựa thân, đến tìm tôi, tôi hỏi: “Chuyện gì?” Người ấy nói: “Thầy không biết đâu! Hiện thời, tai nạn rất nghiêm trọng [sẽ xảy ra] trong một thời gian rất dài”, báo cho tôi biết mức độ nghiêm trọng. Tôi nói: “Ước chừng bao lâu?” Người ấy nói: “Đại khái là từ ba năm đến năm năm”, thời gian dài như thế đó! Người ấy nói: “Phật sự bốn mươi chín ngày không đạt hiệu quả”. Tôi hỏi: “Làm sao mới có thể đạt được hiệu quả?” Người ấy đề nghị một trăm thất, tức là phải làm Hệ Niệm Phật sự bảy trăm ngày! Sau khi tôi nghe xong, tôi nói: “Được rồi! Người hãy đi đi”. Sau đây, tôi tìm lão hòa thượng Mãn Thành ở Thật Tế Thiên Tự^{35[6]}, Ngài cũng đã vãng sanh rồi, vãng sanh vào năm ngoái. Tôi và Ngài thương lượng. Tôi hỏi: “Ý lão hòa thượng như thế nào?” Lão hòa thượng đáp ứng ngay. Vì thế, tại Thật Tế Thiên Tự, lần đầu tiên làm một trăm thất, làm Hệ Niệm Phật Sự bảy trăm ngày là do quỷ thần nhập thân yêu cầu. Pháp hội này đến ngày Hai Mươi Lăm tháng Ba mới viên mãn, bảy trăm ngày!

Hiện thời, tai nạn ngày càng nhiều, khi ấy, tôi ở Đài Loan để chữa răng, tôi bị bệnh nha chu^{36[7]}, tôi báo pháp sư Ngô Đạo, đạo tràng của thầy ấy ở Đài Bắc. Tôi nói: “Sau khi thầy trở về, hãy tổ chức Phật sự bảy trăm ngày tại Đài Bắc”. Pháp sư Ngô Hạnh ở Đài Nam, tôi bảo: “Ông cũng làm Phật sự bảy trăm ngày tại Đài Nam. Tôi phối hợp với các ông bắt đầu giảng kinh Vô Lượng Thọ”. Bọn họ đều hoan hỷ. Tôi nói: “Chúng ta giảng bộ kinh này cõi âm lẫn dương gian đều được lợi, hy vọng đem công đức giảng kinh này hồi hướng cho hư không pháp giới, mong hóa giải tai nạn. Dầu chẳng thể hóa giải, cũng khiến cho tai nạn giảm nhẹ, chậm xảy ra, chúng ta có thể tin tưởng điều này”. Đây là nhân duyên chúng tôi giảng kinh lần này. Chúng tôi mong muốn đem bộ kinh này do cụ Hạ đã tốn thời gian mười năm hội tập thành một bản tiêu chuẩn hoàn mỹ như vậy, cụ Hoàng Niệm Tổ không nề hà tuổi già, lảm bẻm, suốt ngày đêm không nghỉ ngơi để hoàn thành trước tác này, nếu chúng ta không nghiêm túc nỗ lực học tập kỹ càng, làm sao xứng với hai vị lão nhân ấy?

Do vậy, tôi bảo các đồng học, mọi người chúng ta hãy phát tâm. Thật sự muốn cứu vớt tai nạn này, có thể [cứu vớt] hay không? Câu trả lời là khẳng định! Nếu trên thế giới

^{35[6]} Thật Tế Thiên Tự thuộc huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, nằm ở phía Đông Bắc rặng núi Dã Phụ. Chùa do thiền sư Phục Hồ khai sơn vào đời Đường. Chùa nhiều lần hưng thịnh rồi suy vong, có lúc bỏ hoang. Chùa được xây dựng lại vào năm 1993.

^{36[7]} Nha chu gọi đầy đủ là nha chu viêm (periodontitis) là một bệnh viêm (inflammation) các mô quanh nướu và chân răng, khiến răng lỏng lẻo và rụng dần. Nếu không chữa trị, người bệnh sẽ không còn cái răng nào.

này, thật sự có một đạo tràng đúng pháp xuất hiện, trên cả địa cầu sẽ chẳng còn tai nạn! Đạo tràng gì vậy? Tăng đoàn. Tăng là gì? Tăng có nghĩa là Lục Hòa Kính, trong ấy có sáu điều kiện. Sáu chuyện ấy đều làm được [thì gọi là Tăng]. Bốn người trở lên ở cùng một chỗ tu hành thì gọi là Chúng; đây là một đoàn thể tuân thủ giáo huấn của đức Phật. “*Kiến hòa đồng giải*”, con người hiện thời gọi là “*thành lập cộng thức*” (hình thành một nhận thức chung). Chúng ta là những người cùng nhau tu học, tư tưởng nhất trí, kiến giải là nhất trí, chẳng mâu thuẫn, chẳng đối lập; đây là điều kiện trọng yếu nhất trong Lục Hòa. Thứ hai là “*giới hòa đồng tu*”, mọi người ở cùng một chỗ nhất định phải giữ quy củ, quy củ là gì? Quy củ là giới luật. Thứ ba là “*thân hòa đồng trụ*”, chúng ta ở cùng một chỗ. “*Khẩu hòa vô tránh*”, mọi người giữ một niềm hòa khí, không tranh cãi. “*Ý hòa đồng duyệt*”, tu hành cùng một chỗ, sống cùng một chỗ, vui vẻ, pháp hỷ sung mãn. Điều cuối cùng là “*lợi hòa đồng quân*”, cũng là đãi ngộ bình đẳng trong cuộc sống vật chất, không có người nào được ưu đãi [hơn người khác]. Đây là thưở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, trong Tăng đoàn của Ngài có sáu quy củ đơn giản như thế. Tăng đoàn của Phật rất lớn, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người; trong kinh chúng ta thường thấy: Người người đều tuân thủ sáu điều này. Nay có thể xuất hiện một Tăng đoàn như thế, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Hết thầy chư Phật hộ niệm, hết thầy thiên long thiện thần ủng hộ, nơi ấy sẽ không có tai nạn; nhưng Tăng đoàn như vậy [kiếm không ra]. Ba mươi năm trước, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh vào năm 1977, đã gặp pháp sư Tây Trần, chúng tôi hết sức hợp duyên, nói chuyện rất hợp. Sư cũng là một trong các vị lãnh tụ của Phật giáo Hương Cảng, Sư cũng vãng sanh từ mấy năm trước rồi! Tôi và Sư nói tới vấn đề này, tôi nói: “Chúng ta có thể phát tâm hay không? Tìm năm người xuất gia chí đồng đạo hợp, năm vị tỳ-kheo, chúng ta thi hành Lục Hòa Kính, thành lập Tăng đoàn này?” Sư nghe xong rất hoan hỷ. Tôi ở Đài Loan, Sư ở Hương Cảng. Bàn bạc rất vui vẻ, nhưng không có cách nào thực hiện, chẳng dễ dàng! Đạo tràng hiện thời, hai người ở chung một chỗ thường cãi nhau, còn làm gì được nữa? Thật sự có thể xuất hiện Tăng đoàn này, thì nơi ấy, tai nạn sẽ bị hóa giải. Có ai thật sự chịu làm hay không?

Làm thế nào mới có thể thực hiện? Đạt đến vô ngã sẽ thực hiện được! Khởi tâm động niệm nghĩ đến người khác. Nếu khởi tâm động niệm, ý niệm thứ nhất bèn nghĩ đến chính mình, sẽ không thể thực hiện được! Vào Phật môn, ải thứ nhất là phá Ngã Chấp. Trong Kiến Tư phiền não có năm món Kiến Hoặc, món đầu tiên là Thân Kiến, chấp chặt cái thân này là ta. Hết thầy đều vì cái thân ta mà suy nghĩ, hồng rồi! Tự tư, tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, toàn bộ dấy lên, làm sao có thể hòa hợp với người khác? Vì thế, đừng chấp trước thân này là ta nữa, đừng đối lập với người khác nữa. Không chỉ chẳng đối lập với người khác, mà trong hết thầy mọi sự đều chẳng đối lập, chẳng đối lập với vạn vật trong trời đất. Đó là phá Biên Kiến. Sau đây, lại phá Thành Kiến. Chúng ta nói người nào đó thành kiến rất sâu, ta nghĩ như vậy. Ta cho là như vậy

thì sẽ không thể tu tùy hỷ công đức, sẽ không thể hằng thuận chúng sanh. Phải buông thành kiến xuống, quý vị mới có thể tu tùy hỷ công đức, mới có thể tu hằng thuận chúng sanh. Đây mới là bước đầu để nhập Phật môn. Trong Tiểu Thừa là Tu Đà Hoàn, trong Đại Thừa là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm. Tuy mới nhập môn, nhưng công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn, cho nên được hết thầy chư Phật hộ niệm, quý vị thật sự là đệ tử của Phật, lẽ nào Phật chẳng quan tâm đến quý vị? Trời, rồng ủng hộ, quỷ thần tôn kính. Một Tăng đoàn như vậy xuất hiện, nơi ấy thật có phước! Có bốn năm người thật sự chịu làm [như vậy] hay chẳng? Bỏ mình vì người, khởi tâm động niệm đều mong cho chánh pháp của Thích Ca Như Lai được tồn tại lâu dài, khởi tâm động niệm luôn vì hết thầy chúng sanh khổ nạn trong thế gian này, đừng nghĩ tới chính mình, quên đi bản thân thì mới có thể thực hiện Lục Hòa Kính.

Hiện thời tai nạn hiện tiền, tôi đã nói với mọi người. Cư sĩ Lưu Tổ Vân cũng đã báo cáo với quý vị, rất khó có! Chúng ta phải có cách nhìn như thế nào? Phải giống như Ấn Quang đại sư đã nói: Đem một chữ Chết dán trên trán! Tôi đã đến viếng quan phòng (nơi bệ quan) của Ấn Quang đại sư tại Linh Nham Sơn Tự, Tô Châu. Trong quan phòng có một Phật đường nhỏ, chẳng lớn, đại khái chỉ lớn bằng nửa phòng thâm hình của chúng ta. Sau tượng Phật có viết một chữ, do chính lão nhân gia đã viết chữ “Tử” ấy. Hằng ngày nghĩ đến, cái chết ở trước mặt, còn có cái gì mà quý vị không thể buông xuống được? Do vậy, hôm nay, sau khi chúng ta xem xong phim “2012”, tôi nói với mọi người, chúng ta phải coi ngày hôm nay như ngày cuối cùng trên cuộc đời. Sáng mai thức dậy, ta lại coi như là ngày cuối. Mỗi ngày đều là ngày cuối cùng, điều gì quý vị cũng buông xuống mới hòng đạt được tâm thanh tịnh! Đến thế gian này với hai bàn tay trống trơn, khi đi, vẫn trống trơn ra đi, cái gì cũng không mang theo được! Nhất tâm tướng Phật, trong tâm điều gì cũng chẳng màng tới, chỉ có A Di Đà Phật, một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là Tây Phương Cực Lạc thế giới, một mục tiêu là đến Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật. [Chỉ có] một niệm này, trừ một niệm này ra, không có niệm thứ hai, quý vị mới thật sự buông xuống vạn duyên. Tai nạn xảy đến có sợ hay không? Không sợ. Ta mỗi ngày tưởng A Di Đà Phật, mỗi ngày tưởng thế giới Cực Lạc, rốt cuộc đến dịp, ta bèn ra đi, chẳng có mảy may sợ hãi gì! Mỗi ngày đều chờ đợi, mỗi ngày đều hướng về, đó là đúng. Đây chẳng phải là tiêu cực, mà là tích cực. Ngày hôm nay là ngày cuối cùng của ta, ắt phải đoạn ác tu thiện, ắt phải tích công lũy đức, vì sao? Phải biết nâng cao phẩm vị của chính mình. Chúng sanh khổ nạn, ta có được một ngày, sống một ngày thì phải toàn tâm toàn lực giúp mọi người một ngày. Ta giúp mọi người một ngày nhưng tâm địa trong sạch, tam luân thể không, trọn chẳng chấp tướng, niệm niệm chẳng xả A Di Đà Phật. Có được bốn năm người thật sự có thể quán như thế, thật sự làm, Tăng đoàn hòa hợp sẽ thành lập, ở nơi đâu? Ngay trong tiểu đạo tràng này, tiểu đạo tràng này chiếu sáng đại thiên. Chúng ta là người đã học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, đều

biết: Niệm vừa dấy lên, lập tức trọn khắp pháp giới. Đây là nói thông tin linh thông, chẳng bị chướng ngại mảy may. Tốc độ [lan truyền ấy] nhanh hơn tốc độ ánh sáng, nhanh hơn tốc độ của sóng điện từ (electromagnetic wave). Ý niệm vừa khởi, bèn trọn khắp pháp giới, chư Phật, Bồ Tát biết, thiên long quỷ thần cũng biết. Trong cuộc đời này, phải có lòng tin kiên định, quyết định thành Phật trong một đời này. Nay chúng ta học bộ kinh này, bộ kinh này hướng dẫn chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu, thành tựu viên mãn Bồ Đề trong một đời.

Vì thế, kinh có dạy, tức là kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Cảnh giới vô chướng ngại là Nhất Chân pháp giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới. “*Hoa Nghiêm bí áo chi Lý Thể, chánh tại bốn kinh, có vân Khế Lý*” (Lý Thể ẩn kín, nhiệm màu của kinh Hoa Nghiêm ở ngay trong kinh này, nên nói là Khế Lý). Những điều được nói trong kinh này và kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn tương đồng. “*Chỉ u khế cơ, tặc cánh thị bốn kinh chi độc thắng*” (Còn về phần khế hợp căn cơ, bản kinh này lại càng thù thắng độc đáo). Câu này viết hay quá! Độc thắng! Hết thầy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, nếu luận về phương diện khế cơ, đều thua bộ kinh này. Sở dĩ đức Thế Tôn thuở tại thế đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này, vì lẽ nào? Kinh này khế cơ! Phương pháp này bất luận là ai cũng đều có thể học, đơn giản, dễ dàng, ôn hòa, thích đáng, thành tựu lại đặc biệt thù thắng, tìm đâu ra một pháp môn nào khác giống như vậy? “*Kinh trung chi trì danh pháp môn, phổ bị tam căn, tề thâm phạm thánh*” (pháp môn trì danh trong kinh thích hợp khắp ba căn, thâm tóm lợi căn lẫn độn căn). Đây là chỗ độc thắng. Dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp Niệm Phật, niệm danh hiệu Phật. Quý vị niệm bốn chữ A Di Đà Phật cũng được; mà niệm sáu chữ cũng được, Nam-mô A Di Đà Phật. Sáu chữ này là dịch âm tiếng Phạn. “*Nam-mô*” có nghĩa là “quy y, quy mạng, tôn kính”, có những ý nghĩa này, đó là ý nghĩa của chữ Nam-mô. Chữ “*A*” có thể dịch sang chữ Hán, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác, Vô Lượng Giác! Vô Lượng Giác là gì? Là tự tánh. Vì thế, danh hiệu này là chính chúng ta, là danh hiệu tự tánh của đương nhân. Trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã nói rất hay: A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà, Tây Phương Cực Lạc thế giới là duy tâm Tịnh Độ, chẳng ở bên ngoài! Hết thầy các pháp chẳng lìa tự tánh, Di Đà và thế giới Cực Lạc cũng chẳng lìa tự tánh. Nói cách khác, do tự tánh biến, tự tánh Di Đà! Nói rõ hơn một chút: Chính mình niệm chính mình, ta chẳng niệm tham, sân, si, mạn, ta chẳng niệm tự tư, tự lợi, ta chẳng niệm tiếng tăm, lợi dưỡng, ta niệm tự tánh, tự tánh là Vô Lượng Giác. Trong kinh Đại Thừa thường giảng, chúng ta đã nghe rất nhiều rồi, học nhiều lắm rồi: “*Hết thầy các pháp sanh từ tâm tướng*”. Quý vị tưởng gì, bèn hiện ra cảnh giới ấy. Nay ta tưởng A Di Đà Phật, ta nghĩ tới Tánh Đức trong tự tánh của ta, lẽ nào chẳng thành tựu? Minh tâm kiến tánh là vọng tận hoàn nguyên, dùng phương pháp này thù thắng khôn sánh!

“*Phổ bị tam căn*”, tam căn là thượng, trung, hạ, [*“phổ bị tam căn”* là] các căn tánh bất đồng đều có thể học. “*Tề thâm phạm thánh*”: Phạm phu có thể học, có thể thành công; thánh nhân cũng có thể học, cũng có thể thành công. “*Thượng thượng căn giả, chánh hảo toàn thể thừa đương*” (người thượng thượng căn rất thích hợp để gánh vác toàn thể), bậc thượng thượng căn là ai? Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Âm, Thế Chí, những vị thánh nhân là bậc thượng thượng căn. Đúng vậy! Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tôi đã từng thưa với các vị đồng học, khi tôi còn trẻ, vốn tưởng Phật giáo là mê tín, là tôn giáo, không muốn tiếp xúc, mà cũng chẳng muốn gần gũi. Về sau, theo học Triết Học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, từ sách giáo khoa, cụ giảng Triết Học trong kinh Phật cho tôi. Tôi thỉnh giáo cụ. Tôi nói: “Phật giáo là mê tín, đa thần giáo, phiếm thần giáo^{37[8]}, là tôn giáo cấp thấp, làm sao có Triết Học cho được?” Cụ dạy tôi: “*Anh còn trẻ, chưa biết, Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc triết gia vĩ đại nhất trên cả thế giới*”. Tôi chưa từng nghe ai nói như thế! “*Triết Học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong toàn bộ Triết Học thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong cuộc đời*”. Tôi mới sửa đổi quan niệm sai lầm trong quá khứ. Lời dạy sau đây của cụ hết sức quan trọng: “*Phật pháp ở trong kinh điển, không ở chốn chùa chiền*”. Lời hướng dẫn này hết sức quan trọng. Nếu chúng tôi đến tìm [Phật pháp] trong chùa chiền sẽ chẳng thấy, thấy toàn là mê tín, lời thầy nói chẳng phải là giả hay sao? Do cụ cũng sợ tôi khởi lên mối nghi hoặc này, [nên dạy tôi hãy học Phật pháp] từ kinh điển, bảo tôi tìm Phật pháp trong kinh điển, học tập từ kinh điển.

Sau đây không lâu, tôi quen biết Chương Gia đại sư. Chương Gia đại sư dạy tôi hãy học tập Thích Ca Mâu Ni Phật, dạy tôi đọc sách. Sách Phật tôi đọc sớm nhất là Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí, đó là truyện ký về Thích Ca Mâu Ni Phật. Sư nói: “Nếu anh muốn học Phật, trước hết, phải nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật”. Đọc rồi mới biết: Thích Ca Mâu Ni Phật vốn chẳng dính dáng tới tôn giáo. Nhìn theo quan điểm hiện thời,

^{37[8]} *Phiếm thần giáo (Pantheism), đúng ra phải dịch là Phiếm Thần Luận, là quan điểm cho rằng vũ trụ và thiên nhiên cùng thần (Chúa, Thượng Đế, thần linh v.v...) đồng nhất. Để nhận thức Thượng Đế, tốt nhất là quan sát từ thiên nhiên. Theo đó, vũ trụ là biểu hiện hoàn mỹ thánh khiết của thánh linh. Để nhận biết chân thiện mỹ thật sự, con người phải hòa nhập với thiên nhiên, cảm nhận sự hiện diện của Thượng Đế trong từng sự vật của vũ trụ. Quan điểm này đã có từ thời cổ Hy Lạp bắt nguồn từ luận thuyết của triết gia Heraclitus, Zeno v.v..., được kế thừa bởi những nhà tư tưởng sau này như Giordano Bruno, Baruch Spinoza, John Toland, Hegel, Walt Whitman, Ralph Waldo Emerson, Henry David Thoreau, Albert Einstein, Arnold Toynbee... Do Đại Thừa Phật giáo thường nhấn mạnh Tánh và Tướng bất nhị, từ Tướng phải thấy được Tánh, Tánh lại được thường diễn tả bằng danh từ Chân Như, Như Lai Tạng v.v... nên các triết gia Tây Phương thường hiểu lầm Phật giáo là Phiếm Thần Luận.*

Phật là gì? Ngài giữ chức trách của một vị thầy, suốt đời dạy học. Sau khi đã khai ngộ vào năm ba mươi tuổi, đức Phật bèn bắt đầu dạy học; bảy mươi chín tuổi vãng sanh, dạy học suốt bốn mươi chín năm, vui thích sự nghiệp này, chẳng mệt mỏi, giống như Không lão phu tử, dạy dỗ không phân biệt, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi không giữ lại. Suốt đời làm công tác dạy học, chẳng lập đạo tràng! Rừng núi, cội cây, các đệ tử thường theo hầu không ít người, hơn một ngàn người. Còn có những người chẳng thường theo học, ngẫu nhiên đến tham dự, tôi phỏng đoán nơi Ngài dạy học chắc phải có chừng hai ba ngàn người, phải là như vậy, kể cả những người ngẫu nhiên đến dự, phải có quy mô to lớn như thế. Điều này khiến cho chúng ta suy tưởng: Thuở ấy, chẳng có máy khuếch âm (amplifier), Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, âm thanh giảng kinh có thể phủ trọn, có thể nhiếp thọ một nơi to lớn như vậy, người bình thường sẽ chẳng thể làm được! Huống hồ còn “*nhất âm thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu*” (một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu). Chúng ta biết: Người từ bốn phương tám hướng tới dự, ngôn ngữ khác nhau, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp, họ đều có thể nghe hiểu. Đây cũng chẳng phải là chuyện dễ! Đều có thể nghe hiểu, tiếp nhận, đúng là một vị thầy giỏi!

Phật giáo biến thành tôn giáo, biến thành tình trạng như hiện thời, chúng ta phải biết là đã xảy ra rất trễ, đại khái tôi nghĩ phải xảy ra sau thời Gia Khánh. Vào thời Càn Long, chúng ta thấy [Phật giáo] vẫn là giáo học. Trong chùa chiền, cao tăng đại đức mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày đều dạy học. Sau Càn Long là Gia Khánh, sau Gia Khánh là Đạo Quang, nói chung là dần dần biến chất trong thời gian này. Tôi nghĩ thật sự biến chất trên bình diện lớn phải là vào thời Từ Hy Thái Hậu. Từ Hy Thái Hậu mê tín, nhiều chuyện chẳng theo gương các vị đế vương khi trước hướng về cao tăng đại đức thỉnh giáo. Trong cung đình của Từ Hy Thái Hậu không hề giảng kinh. Trong cung đình nhà Thanh [trước thời Từ Hy], thường không ngừng mời cao nhân Nho, Thích, Đạo dạy học. Từ Hy Thái Hậu phế trừ chế độ này, trong cung đình chẳng còn giảng học nữa. Bà ta thích lên đồng, cầu cơ, Chương Gia đại sư kể cho tôi nghe chuyện này. Quốc gia đại sự đều thỉnh ý thần, cầu cơ để hỏi thần, cho nên vong quốc! Tôi nghĩ chuyện này có ảnh hưởng hết sức lớn, người trên làm, kẻ dưới bắt chước theo, cho nên Phật giáo biến thành tôn giáo. Hiện thời, nói Phật giáo là tôn giáo, chúng ta chẳng thể phủ định, nhưng thầy tôi là Chương Gia đại sư và tiên sinh Phương Đông Mỹ đều dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta học tập kinh điển, trong kinh điển có những món báu, có những thứ tốt đẹp, có thể giúp chúng ta quay đầu, giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Vì thế, bậc thượng thượng căn mới có thể đảm nhiệm toàn thể, hoàn toàn tiếp nhận. [Câu này] có nghĩa là hoàn toàn tiếp nhận.

“*Hạ hạ căn giả, diệc khả y chi đắc độ*” (kẻ hạ hạ căn cũng có thể noi theo mà đắc độ): Quý vị nương theo lý luận và phương pháp do kinh điển đã giảng, nghiêm túc thực hiện, sẽ có thể vãng sanh. Vãng sanh là thành Phật, chuyện này là thật, chẳng

giả. “*Thượng tặc Văn Thù, Phổ Hiền Pháp Thân đại sĩ, diệt quân phát nguyện cầu sanh*” (trên thì Văn Thù, Phổ Hiền, Pháp Thân đại sĩ cũng đều phát nguyện cầu sanh), đây là nói về bậc thượng thượng căn; “*hạ chí Ngũ Nghịch, Thập Ác*” (dưới là đến phường Ngũ Nghịch, Thập Ác), những kẻ không việc ác nào chẳng làm, “*lâm chung niệm Phật*” cũng có thể “*tùy nguyện đắc sanh*”, hết sức phi phạm! Ngũ Nghịch là gì? Thập Ác là gì? Hôm nay thời gian qua nhanh quá, không có thời gian để giảng, ngày mai tôi sẽ nói với quý vị, vì có rất nhiều đồng tu chẳng hiểu Ngũ Nghịch, Thập Ác là gì! Chúng sanh làm ác như vậy, lâm chung gặp người khác khuyên dạy, kẻ ấy có thể tin, thật sự sám hối, thật sự niệm Phật, cũng có thể vãng sanh. Đúng là chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải giả! “*Hoành xuất tam giới, viên đăng tứ độ*” (vượt tam giới theo chiều ngang, lên trọn vẹn bốn cõi). Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta sẽ học tập đoạn tiếp theo.

Tập 08

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngồi xuống. Xin xem dòng thứ tư trong trang bảy của bản kinh.

Chúng ta xem từ chỗ “*chí u khế cơ, tắc cánh thị bốn kinh chi độc thắng*” (còn về khế cơ thì càng là chỗ thù thắng độc đáo của kinh này), xem từ chỗ này. “*Kinh trung chi trì danh pháp môn, phổ bị tam căn, tề thâm phạm thánh. Thượng thượng căn giả, chánh hảo toàn thể thừa đương; hạ hạ căn giả, diệc khả y chi đắc độ*” (Pháp môn trì danh trong kinh này thích hợp khắp ba căn, thâm trọn phạm thánh. Bậc thượng thượng căn rất hợp để gánh vác toàn thể. Kẻ hạ hạ căn cũng có thể nương theo kinh này mà đắc độ). Lần trước, chúng ta học tập đến chỗ này. Tiếp theo đó là: “*Thượng tắc Văn Thù, Phổ Hiền, Pháp Thân đại sĩ, diệc quân phát nguyện cầu sanh*” (trên thì như Văn Thù, Phổ Hiền, Pháp Thân đại sĩ cũng đều phát nguyện cầu sanh), đến phần sau, chúng ta sẽ thấy cụ Niệm Tổ dẫn kinh văn của kinh Hoa Nghiêm [để làm chứng cho nhận định trên đây]. “*Hạ chí Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung niệm Phật, diệc tất tùy nguyện đắc sanh*” (dưới thì đến Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung niệm Phật, ắt cũng được tùy nguyện vãng sanh), dưới thì nói đến căn tánh nào? Nói đến kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác. Ngũ Nghịch là gì? Là kẻ tạo tác tội nghiệp cực nặng. Trong kinh nói, tội Ngũ Nghịch, Thập Ác nhất định đọa địa ngục A Tỳ, vào rất dễ, thoát ra rất tốn sức, quá khó khăn!

Ngũ Nghịch: Thứ nhất là “giết cha”, thứ hai là “giết mẹ”. Ân đức cha mẹ to lớn, trong kinh Phật có một bộ kinh chuyên giảng về điều này là Phụ Mẫu Ân Trọng Nan Báo Kinh. Trong Đại Tạng Kinh, kinh này có hai bản dịch, thứ nhất là bản dịch của ngài An Thế Cao, bản này chắc chắn không phải là ngụy kinh vì trong Dịch Kinh Mục Lục có bản này. Bản thứ hai do ngài Cưu Ma La Thập dịch, bản này không đáng tin, vì trong mục lục các kinh do La Thập đại sư phiên dịch không thấy bộ này, rất có thể là do người đời sau ngụy tạo, mạo nhận tên La Thập đại sư; nhưng những điều được giảng trong ấy cũng khá lắm, chúng ta có thể coi như một loại sách khuyến thiện, nên Đại Tạng Kinh cũng thâm nhận. Được thâm nhận là vì có những thứ quả thật là ngụy tạo, nhưng do nội dung cũng rất tốt, cổ đại đức cũng đưa vào Đại Tạng, chúng ta học tập kinh giáo chớ nên không biết. Những loại này có thể dùng làm tài liệu tham khảo. Nếu muốn học, muốn

giảng giải bên ngoài, tốt nhất là dùng bản của ngài An Thế Cao, có căn cứ! Giết cha, giết mẹ, xong luôn!

Thứ ba là “giết A La Hán”. A La Hán giống như thầy; trong thế gian này, A La Hán giáo hóa một phương, công đức cũng hết sức thù thắng, quý vị giết hại Ngài. Hại Ngài là chuyện nhỏ, Ngài chẳng trách quý vị, người ta đã chứng quả thành thánh nhân, trọn chẳng ghi nhớ cừ hận. Kết tội ở chỗ nào? Nhiều người không có ai giáo hóa! A La Hán vốn giáo hóa cả vùng này, quý vị giết Ngài đi, duyên nghe pháp của cả vùng này bị đoạn, kết tội từ chỗ này! Nếu Ngài dạy học rất rộng, thời gian rất lâu, tội của quý vị cũng rất sâu, rất nặng, đó gọi là tội Đẳng Lưu, vẫn là đọa trong địa ngục A Tỳ.

Thứ tư là “làm thân Phật chảy máu”. Phật phước báo to lớn, không ai có thể hại chết Phật, nhưng có thể khiến Phật chảy một chút máu. Chuyện này xuất phát từ Đề Bà Đạt Đa, Đề Bà Đạt Đa muốn hại Thích Ca Mâu Ni Phật, ông ta rất ganh ghét Thích Ca Mâu Ni Phật, dù là đệ tử Phật, và trong quan hệ thế gian là anh em họ [của Phật]. Cho nên có quan hệ rất sâu, anh em họ mà! Ganh ghét vì Thích Ca Mâu Ni Phật sau khi thành Phật có nhiều tín đồ, được thập phương cung kính cúng dường. Ông ta thấy vậy, không chịu được, luôn nghĩ đủ mọi cách hại Phật. Có một ngày, ông ta tính toán: Mỗi ngày Thích Ca Mâu Ni Phật đi khát thực phải đi theo con đường dưới vách núi, Đề Bà Đạt Đa chuẩn bị sẵn một tảng đá lớn trên đỉnh vách núi, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đi phía dưới, bèn đẩy xuống, nghĩ Phật sẽ bị đá đè chết. Phật phước báo to lớn, có thần hộ pháp, thần hộ pháp là Vi Đà Bồ Tát, ở trên không trung dùng Kim Cang xử ngăn tảng đá. Bị chặn lại, tảng đá vỡ thành mảnh nhỏ, sau khi các miếng đá rơi xuống, một miếng cắt trúng chân Phật, chảy một chút máu. Chảy một chút máu gọi là “*làm thân Phật chảy máu*”. Nếu nay chúng ta muốn làm thân Phật chảy máu, nhưng Phật lại không ở trên đời, cho nên đây là chuyện không thể được; nhưng có chuyện giống như thế, tội nặng bằng, đó là gì? Chính là khởi ác niệm muốn hủy diệt hình tượng Phật, điều này cũng giống như làm thân Phật chảy máu!

Do vậy, công đức tạo tượng chẳng thể nghĩ bàn! Một pho tượng được đắp tại một nơi nào đó, bao nhiêu người trông thấy bức tượng Phật ấy, gieo một chủng tử Phật vào A Lại Da Thức, họ bèn có duyên với Phật. Trong một đời này, chủng tử ấy chưa thể nảy mầm, chưa thể trưởng thành, chẳng sao cả! Đời kế tiếp hoặc đời sau nữa, gặp duyên, chủng tử này bèn khởi hiện hành, sẽ khởi tác dụng. Bởi lẽ, kẻ được Phật hóa độ chính là những chúng sanh căn cơ đã chín muồi, Phật nhất định giúp cho kẻ ấy thành Phật trong đời này. Chúng sanh căn cơ đã chín muồi là do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tích lũy các công đức, đến đời này công đức tu học bèn chín muồi. Trong Thiên Tông, bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật chính là chúng sanh căn cơ chín muồi; nếu luận về căn tánh sẽ được gọi là bậc thượng thượng căn, họ đều thuộc về hạng thượng

thượng căn. Trong Giáo Hạ, bậc được gọi là “đại khai viên giải”, thật sự triệt ngộ sẽ có cảnh giới giống như bậc minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông. Trong pháp môn Niệm Phật, họ được gọi là “Lý nhất tâm bất loạn”. Quý vị thấy danh xưng khác nhau, Tịnh Tông là Lý nhất tâm bất loạn, Giáo Hạ là đại khai viên giải, Tông Môn là đại triệt đại ngộ, nhưng đều là minh tâm kiến tánh. Quý vị phải biết: Mục tiêu chung cực (cuối cùng, rốt ráo) của niệm Phật vẫn là minh tâm kiến tánh. Cho nên đức Phật mới nói, như kinh Kim Cang đã chép: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Vì sao bình đẳng? Đạt tới mục tiêu giống nhau là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh trong Niệm Phật là Lý nhất tâm bất loạn; chứ Sự nhất tâm bất loạn vẫn chưa đạt đến [minh tâm kiến tánh]. Trong mười pháp giới, tứ thánh pháp giới là Sự nhất tâm bất loạn, công phu ấy coi như khá lắm, vượt thoát lục đạo luân hồi. Nếu chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, công phu niệm Phật ấy là công phu thành phỉ. Công phu thành phỉ cũng có chín phẩm, vì trong cõi trời từ Tứ Vương Thiên cho đến Phi Tướng Phi Tướng Xứ Thiên là hai mươi tám tầng, mỗi tầng khác nhau! Đây là kiến thức Phật học thông thường, chúng ta phải biết. Trong Sự nhất tâm bất loạn có tứ thánh pháp giới, trong Tiểu Thừa là Tứ Quả, Tứ Hướng, nhưng trong tứ thánh pháp giới, trên A La Hán còn có Bích Chi Phật, còn có Bồ Tát, còn có Phật, thấy đều thuộc về Sự nhất tâm bất loạn. Nếu chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, sẽ vượt thoát, không còn thuộc trong mười pháp giới, đã thành Phật, đạt đến Nhất Chân pháp giới, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đây là chúng sanh hữu duyên với Phật.

Sự thù thắng trong Tịnh Độ Tông, nói thật ra, vô cùng thù thắng, vì sao? Tịnh Độ Tông chẳng đoạn một phẩm phỉ nào. Đoạn phỉ nào đúng là chẳng dễ dàng! Đoạn được một phẩm phỉ nào sẽ là thánh nhân, chẳng phải là phàm nhân. Quý vị đoạn được một phẩm Kiến Tư phỉ nào, sẽ chứng đắc quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, còn trong Đại Thừa, nói theo kinh Hoa Nghiêm, sẽ là địa vị Sơ Tín trong Thập Tín. Tuy địa vị chẳng cao, mới là bậc thánh nhân nhỏ tí, [điều này] giống như một trường học trong Phật giáo: Học lớp Một Tiểu Học, quý vị đã bước vào trường. Sơ Tín Vị Bồ Tát là học sinh lớp Một Tiểu Học, thật sự là đệ tử Phật. Công phu đoạn phỉ nào bình đẳng và giống như Tu Đà Hoàn; cho nên vị ấy thật sự là tiểu thánh, chưa rời khỏi lục đạo. Tuy chưa rời khỏi lục đạo, vị ấy chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo. Do vậy, chứng đắc gì? Vị Bất Thoái trong ba món Bất Thoái. Vĩnh viễn chẳng đọa làm phàm phu, chẳng ở trong ác đạo. Dù không có Phật xuất thế, [nhằm lúc] thế gian không có Phật pháp, vị ấy vẫn có thể [thành tựu], trong lục đạo có thọ mạng nhất định, sanh trong nhân gian hoặc cõi trời, từ nhân gian chết bèn sanh lên trời, thọ mạng trong cõi trời đã hết bèn sanh xuống nhân gian, bảy lần qua lại trong nhân gian và cõi trời, sẽ thành Độc Giác. Đó là khi không có thầy, vị ấy là Độc Giác. Vì sao có thể thành Độc Giác? Độc Giác không ai dạy. Chúng ta có thể suy ra Ngài là bậc thiện căn sâu dày. Phật, Bồ Tát vẫn chiếu cố vị ấy, tuy chiếu cố, nhưng không lộ rõ. Chúng ta là người bình thường không cảm nhận được, nhưng vị ấy có

cảm nhận, thấy sắc, nghe tiếng đều có lãnh ngộ. Điều kiện cơ bản để lãnh ngộ là tâm địa thanh tịnh, điều này rất trọng yếu. Trong Phật pháp nói “đắc tam-muội”, tâm địa thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Nếu gặp Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh trong thế gian này, vị ấy sẽ trở thành Thanh Văn, nghe Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp bèn khai ngộ. Không gặp Phật, Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp, vẫn có thể khai ngộ, tuy thời gian lâu hơn một chút, khổ cực hơn một chút, nhưng năng lực lãnh ngộ của vị ấy rất mạnh. Nếu chúng ta hỏi: Vị tiểu thánh như vậy, nếu xét theo điều kiện trong hiện tại là Thập Tín vị Đại Thừa của Phật, để được vào học lớp Một Tiểu Học, phải có đủ những điều kiện nào? Kinh điển thuộc giáo pháp Đại Thừa thường nói: Quý vị phải đoạn hết năm thứ Kiến Hoặc. Đối với Kiến Tư phiền não, Kiến là gì? Chúng ta gọi nó là “cách nhìn”. Có năm cách nhìn sai lầm to lớn, quý vị hãy bỏ sạch mới là đúng. Trên nữa là Tư Hoặc, tức là tư tưởng sai lầm, hay cách nghĩ sai lầm. Cách nghĩ sai lầm là gì? Tham, sân, si, mạn, nghi. Quý vị phải biết: Trong tự tánh không có những thứ ấy, những thứ ấy chẳng thật! Trong tự tánh không có, nhưng nay quý vị đang có. Hiện tại, do quý vị có những thứ này bèn có lục đạo luân hồi, sai lầm nơi tư tưởng!

Sai lầm nơi kiến giải: Thứ nhất là Thân Kiến, chấp trước thân là ta, ta ở đâu? Nhất định là ở đây, đây là ta. Phiền phức to! Quý vị vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi lục đạo. Chúng ta học Phật, học đã lâu năm như thế, tuy chưa khế nhập cảnh giới, nhưng đức Phật đã giảng quá nhiều, chúng ta cũng nghe và hiểu rõ, biết thân chẳng phải là ta, thân là gì? Thân là ngã sở, tức là cái mà ta có. Quần áo ta mặc trên người do ta sở hữu, nhưng y phục của ta chẳng phải là ta. Chư vị phải biết, cái mà ta sở hữu sẽ có sanh diệt, nhưng Ngã bất sanh bất diệt. Thân thể có thể bất sanh bất diệt hay không? Chẳng thể! Thân có sanh diệt, nhưng Ngã không có sanh diệt. Các triết gia ngoại quốc cũng rất thông minh, họ nói Ngã là gì? Họ không nói tới thân, họ nói: “*Tôi tư duy, nên tôi tồn tại*” (Cogito ergo sum)^{38[9]}, cao minh hơn người bình thường một chút. Ta có thể suy nghĩ, cái “có thể suy nghĩ” là ta, cái thân xác thịt này chẳng thể suy nghĩ, nó là vật chất; cũng có nghĩa là họ nói: Trong thân thể này, phần tinh thần là ta. Vật chất có sanh diệt, tinh thần chẳng sanh diệt, [quan điểm này] cao hơn [cách nhìn của] người bình thường một chút. Phương Đông chúng ta thường gọi [“tinh thần”] là “linh hồn”, linh hồn là ta, chấp trước điều này. [Tuy chúng ta] chấp trước điều này, nhưng linh hồn tuy bất diệt, nó vẫn bỏ thân trong lục đạo để đầu thai. Chuyện này là thật, tuyệt đối chẳng phải giả. Hiện thời, được coi như có chứng cứ khoa học rõ ràng là trong thuật thôi miên của phương Tây. Rất nhiều người đã

^{38[9]} Đây là một câu nói nổi tiếng của triết gia René Descartes của Pháp. Câu nói này được tìm thấy trong hai tác phẩm *Discourse of Method* và *Principles of Philosophy* của ông.

xem báo cáo bác sĩ Ngụy Tư (Brian L. Weiss)³⁹[10] của Hoa Kỳ; thật ra, theo các đồng học bên Mỹ đã bảo tôi, còn có rất nhiều người cao minh hơn ông ta, nhưng họ chưa in sách. Sau khi sách của ông Weiss ra đời, đã được dịch thành hơn ba mươi thứ tiếng khác nhau lưu thông trên cả thế giới, ông ta bèn nổi danh. Đương nhiên cũng kể như là rất khá, ông ta là một người rất thành công trong lãnh vực thôi miên. Mấy bữa gần đây, hình như ông ta đang ở Úc, các đồng học bên Úc cho biết ông ta đang ở Úc, tôi vốn muốn mời ông ta đến báo cáo, nhưng ông ta cũng hết sức bận rộn, các nơi đều mời ông ta. Qua thôi miên, biết con người có đời quá khứ, quá khứ không chỉ là một đời. Có người được thôi miên đã nói ra mười mấy đời, hai mươi mấy đời. Tôi đọc báo cáo của ông Weiss, đã có một người gần như là nhớ mấy chục đời, tính ngược lại gần như là hơn bốn ngàn năm trước, nhằm thời thượng cổ, bọn họ không có nhà ở, sống trong hang hốc, sống trong thời đại như thế đó! Đây là linh hồn chuyển thế.

Lục đạo là thật, chẳng giả. Tại cổ Ấn Độ, trong thời Thích Ca Mâu Ni Phật, Ấn Độ là đất nước tôn giáo, các tín đồ tôn giáo đều có công phu Thiên Định, trong giới học thuật đều biết tu Thiên Định. Trong Thiên Định có thể đột phá chiều không gian, cũng có nghĩa là trong lục đạo mà họ có thể đột phá chiều không gian, nhờ Tứ Thiên Bát Định, có thể thấy được Phi Tường Phi Phi Tường Thiên, phía dưới có thể thấy địa ngục A Tỳ. Chuyện này chẳng giả, ai đắc Định đều có thể thấy. Quý vị hỏi những người đắc Định, thưa hỏi về trạng huống địa ngục và thiên đường mà họ đã thấy, họ sẽ nói cho quý vị nghe, mọi người đều nói như nhau, chẳng giả! Họ chẳng dùng dụng cụ khoa học, mà dùng công phu Thiên Định để đột phá chiều không gian. Hiện thời, khoa học biết quả thật có các chiều không gian tồn tại, nhưng vẫn không biết dùng phương pháp nào để đột phá, chưa tìm ra phương pháp. Tại cổ Ấn Độ, những vị đại đức trong giới tôn giáo, học thuật từ mấy ngàn năm trước, nếu nói theo Ấn Độ Giáo, các trưởng lão Ấn Độ Giáo bảo tôi, họ đã có lịch sử lâu tới một vạn năm, nhưng hiện thời, giới học thuật trên thế giới thừa nhận [lịch sử nhân loại] là tám ngàn năm trăm năm, sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm. Họ (các trưởng lão Ấn Độ Giáo) tự nói [lịch sử] lâu đến một vạn năm, tôi tin tưởng, họ không chú trọng ghi chép lịch sử mà là đời đời truyền cho nhau.

Đột phá chiều không gian là chuyện khác hẳn, cảnh giới hoàn toàn khác nhau, nhưng đều không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nói thật ra, đối với linh hồn, tôi nghĩ thánh nhân Trung Quốc cũng biết chuyện này, biết nhưng không nói. Vì sao không nói? Chẳng phải là cảnh giới của quần chúng thế tục. Không nói tốt hơn! Nói ra sẽ nhiều loạn tâm tư của

³⁹[10] Brian Leslie Weiss (sinh năm 1944) là một bác sĩ tâm lý, tốt nghiệp tiến sĩ Y Khoa từ đại học Yale. Ông làm chủ nhiệm khoa Tâm Lý tại Mount Sinai Medical Center ở Miami, Florida. Năm 1980, khi thực hiện thôi miên một nữ bệnh nhân, ông đã kinh ngạc khi nghe bà ta kể chuyện đời quá khứ, và những dữ kiện này được kiểm chứng khi tra cứu các hồ sơ lưu trữ tại các nơi đã được bệnh nhân nhắc đến.

họ, khiến họ suy nghĩ lung tung, chẳng thà không nói, [đại chúng] chưa đạt đến trình độ mà! Vì thế, phu tử giảng về nhân đạo và thiên đạo, rất ít nói tới quỷ thần. Đây là nói “*cơ cảm bất đồng*”, cho nên phương pháp giáo học khác hẳn. Khi Lục Tổ Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói Ngã là gì? Tự tánh là Ngã. Đây là nói theo Phật pháp, tự tánh là Ngã. Nếu nói theo thế tục, sẽ không thể gọi là linh hồn, mà gọi là linh tánh. Hồn chẳng linh. Nếu hồn là linh, quý vị đến đầu thai trong thế gian, nhất định có thể chọn gia đình đại phú đại quý, cuộc sống thoải mái hơn! Nếu quý vị đến đầu thai trong nhà bần cùng, chẳng phải là làm lạc hay sao? Mê, chẳng ngộ, bất giác. Vì thế, phu tử nói rất hay. Trong kinh Dịch, Ngài đã giảng trong phần Hệ Từ Truyện: “*Du hồn vi biến, tinh khí vi vật*”⁴⁰[11], hai câu này nói rất hay! Quỷ hồn có tốc độ rất nhanh, dao động không ngừng, chẳng thể ở yên, [dao động với] tốc độ rất nhanh, đúng là “*du hồn*”, thuyết này rất có lý. Trong Phật pháp nói đến “mê hồn”, nó đã mê rồi, mê mà chẳng giác, không biết đó là chính mình; nói thật ra, [thần hồn, mê hồn, hay du hồn] chính là A Lại Da Thức như trong nhà Phật đã nói. A Lại Da Thức là mê. Hễ giác sẽ không gọi là A Lại Da Thức, mà gọi là tự tánh, gọi là pháp tánh. Cùng một chuyện, nhưng do mê hay ngộ mà có danh hiệu khác nhau!

Phàm phu chúng ta và Phật có cùng một tánh, một tự tánh, một linh tánh, chẳng có mảy may sai biệt nào! Qua bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, chúng ta đã biết thông tin này. Lão nhân gia đã giảng rất tỉ mỉ, giảng vô cùng tinh vi tuyệt diệu. Sau khi chúng ta học xong, tuy chẳng chứng ngộ, nhưng có giải ngộ, chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này. Chắc chắn Phật, Bồ Tát, tổ sư chẳng lừa gạt chúng ta, chúng ta phải có lòng tin kiên định. Chúng ta học Phật chẳng có gì khác, chính là nhằm tìm lại diện mục của chính mình. Vì thế, đề mục bài luận văn của Ngài (Hiền Thủ quốc sư) là Vọng Tận Hoàn Nguyên, “*hoàn nguyên*” là tìm lại, kiếm lại cái Ngã thật sự. Thân là giả ngã, ngũ thân là Ngã, quý vị đã sai mất rồi! Về trật nhà rồi! Vì thế, trước hết, phải giác ngộ thân chẳng phải là Ngã, thân là ngã sở hữu (cái mà ta có). Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, đã thật sự thấu hiểu, quý vị có sợ chết nữa không? Không sợ! Vì sao? Không có sanh tử, quý vị sợ cái gì! Bỏ thân mạng giống như thay quần áo. Cởi bỏ quần áo dơ, vứt bỏ nó để thay một bộ mới. A Lại Da Thức là như vậy, Phật pháp gọi A Lại Da

⁴⁰[11] Hai câu này đã được cư sĩ Từ Tĩnh Dân giảng trong tác phẩm *Độc Dịch Giải Thuyết* như sau: “*Sinh mạng chúng ta do âm dương của cha mẹ giao hội mà sinh thành, thần hồn của chính mình nhập vào thai mẹ, nhờ vào tinh khí của cha mẹ mà thành thân thể, đó là ý nghĩa của câu ‘tinh khí vi vật’.* Đó gọi là sanh. Thân mạng của ta rốt cuộc già suy, âm dương tách lìa nhau; do vậy, thần hồn mất nơi nương cậy, đó gọi là chết. Thần hồn đã mất nơi nương tựa nên gọi là Du Hồn (hồn lang thang), cho đến khi gặp âm dương giao hợp, cảm lấy tướng khí phận để nương vào, lại bắt đầu một cuộc sống mới, nên nói ‘*du hồn vi biến*’.

Thức là “thần thức”. Thân thể này già rồi, chẳng tiện sử dụng nữa, bèn đổi sang cái mới, nhưng có người càng đổi càng tốt, có kẻ càng đổi càng tệ. Mối quan hệ này lớn lắm. Trong lục đạo, nhân thiên là tốt đẹp, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục rất tệ, quý vị đổi lấy cái thân nào? Ở đây nói tới nghiệp nhân quả báo, quý vị tâm thiện, hạnh thiện, tiêu chuẩn thiện ác là gì? Là tự tánh, Tánh Đức trong tự tánh. Cốt lõi của Tánh Đức trong tự tánh, nói theo kiểu thông thường hiện thời là Ái, trong Phật pháp gọi là “từ bi”, cổ nhân Trung Quốc gọi là “nhân nghĩa”, trong bản tánh là Ái. Quả thật, sau khi kiến tánh, lòng Ái trong tự tánh sẽ tự nhiên lưu lộ, chắc chắn chẳng phân biệt, quyết định chẳng chấp trước, lòng Ái trọn khắp vũ trụ, khắp pháp giới, giống như ánh sáng, như sóng điện từ, trọn pháp giới hư không giới thấy đều cảm nhận được.

Hiện thời, trong ý niệm của chúng ta, khởi tâm động niệm rất phi phạm, bất luận là thiện niệm, hay ác niệm, vừa dấy động sẽ trọn khắp pháp giới, nhưng chính chúng ta không biết. Vì sao? Sách Hoàn Nguyên Quán bảo chúng ta: Bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, các vật chất cũng có hiện tượng dao động, bất luận vật chất nào cũng đều có hiện tượng dao động. Do vậy, các khoa học gia hiện thời bảo vũ trụ trong tình trạng dao động, trên thực tế điều gì cũng không có, vật chất do dao động mà hình thành, tinh thần cũng do dao động mà hình thành. Nếu không có dao động, tinh thần và vật chất cũng chẳng tồn tại. Cách nói này cũng rất gần với cách Phật pháp giảng về căn nguyên của vạn vật trong vũ trụ. Trong kinh Phật có nói: “*Nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh*”, [nghĩa là] từ nhất niệm bất giác mà sanh khởi vạn vật, nhất niệm là dao động. Thế nhưng khoa học gia không giảng nhất niệm rõ ràng, còn kinh Phật giảng rõ ràng. Chúng ta xem cuộc đối thoại giữa Phật và Di Lặc Bồ Tát trong Bồ Tát Xử Thai Kinh⁴¹[12]; trong bộ kinh này có một đoạn đối thoại như vậy. Đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát: “*Tâm hữu sở niệm*”, [nghĩa là] bạn phạm phu chúng ta, tức phạm phu trong lục đạo, trong tâm khởi lên một niệm, đức Phật bèn hỏi: “Trong một niệm ấy có bao nhiêu niệm?” Chúng ta nghĩ không ra, trong một niệm lại còn có mấy niệm nữa ư? Ai có thể nghĩ đến vấn đề này? Tôi nghĩ khoa học gia thông minh nhất trong hiện tại cũng không nghĩ đến. Trong một niệm có mấy niệm? Nói cách khác, nhất niệm này do bao nhiêu tế niệm hợp thành? Câu hỏi này mới có ý nghĩa, có bao nhiêu niệm? Tiếp đó, lại hỏi: Có mấy tướng? Có mấy thức? Tướng là hiện tượng vật chất, thức là hiện tượng tinh thần. Đức Phật nêu câu hỏi như thế!

Di Lặc Bồ Tát là một nhà tâm lý học trong Phật giáo; nếu coi Phật giáo như giáo dục thì Ngài chuyên môn dạy tâm lý học. Ngài đáp lời đức Thế Tôn, trên thực tế, hai vị đàm

⁴¹[12] Bồ Tát Xử Thai Kinh do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào thời Diêu Tần, gồm năm quyển, chia thành ba mươi sáu phẩm, nội dung vô cùng phong phú, giảng về hạnh đức, tánh đức của Phật trước khi giáng sanh thị hiện thành Phật. Đức Phật giảng kinh này tại Sa La Song Thọ Lâm trước khi nhập Niết Bàn.

thoại để bọn chúng ta nghe, chẳng phải là không biết. Di Lạc Bồ Tát nói một khảy ngón tay, thời gian khảy ngón tay rất ngắn, người trong thế gian này khởi lên một niệm ước chừng bằng thời gian khảy ngón tay. Trong khoảng khảy ngón tay, có bao nhiêu tế niệm? Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Đơn vị là trăm ngàn, một trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, người Trung Quốc nói là ba trăm hai mươi triệu, một cái khảy ngón tay đó nghe! Một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu. Trong kinh Phật đã nói [như thế], còn các khoa học gia chưa nói! Di Lạc Bồ Tát nói: “*Niệm niệm thành hình*”, “*hình*” (形) là vật chất, Phật gọi nó là tướng, tức Tướng Phần, Tướng Phần của A Lại Da Thức. “*Hình giai hữu thức*”, mỗi hình đều có thức. Đây là nói vật chất và tinh thần đồng thời sanh ra, không có trước sau. Trong vật chất nhất định có tinh thần, trong tinh thần nhất định có vật chất. Đối với vật chất, trong kinh Phật có một danh từ là Vô Biểu Sắc. [Những vật chất mà] chúng ta có thể thấy bằng mắt thường là Hữu Biểu, đây là hiện tượng vật chất. Chúng ta không thể thấy Vô Biểu Sắc, nhưng nó thật sự tồn tại, có thể cảm nhận nó hay không? Có thể!

Vô Biểu Sắc là gì? Chúng ta đã từng thấy. Giữa Hương Cảng và Cửu Long là biển^{42[13]}, là nước biển, chẳng phải là nước ngọt, mà là nước biển, chúng ta đều thấy. Nay chúng ta ngồi trong nhà, chúng ta nghĩ tới nước trong biển, có thể có khái niệm rõ ràng hay không? Hỏi quý vị có sắc hay không? Có! Chính quý vị cảm nhận rất rõ ràng, nhưng người khác không thấy. Đó là vật chất, điều này cho thấy trong tinh thần có vật chất. Tinh thần là gì? Tinh thần là Thọ, Tướng, Hành, Thức. Thọ, Tướng, Hành, Thức do đâu mà có? Từ “thấy, nghe, hay, biết” vốn sẵn có trong tự tánh. Thấy, nghe, hay, biết là Tánh Đức. Hễ giác ngộ thì Thọ, Tướng, Hành, Thức không còn nữa, chúng chuyển biến thành thấy, nghe, hay, biết. Nếu mê thì thấy, nghe, hay, biết biến thành Thọ, Tướng, Hành, Thức. Chuyện là vậy đó, biến chất rồi! Thọ, Tướng, Hành, Thức là năm thứ cảm nhận^{43[14]} của phàm phu trong lục đạo, chẳng thật! Do vậy, trong kinh đức Phật đã nói: Thân chúng ta do Ngũ Uẩn hòa hợp, tạo thành thân thể này. Các duyên hòa hợp [gọi là] chúng sanh. Mỗi cá nhân được gọi là chúng sanh, vì do các duyên hòa hợp mà sanh. Trong ấy có sắc pháp, sắc pháp là vật chất, là hình; có Thọ, Tướng, Hành, Thức là tâm pháp. Thọ là năm thức đầu (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức), Tướng là

^{42[13]} Hương Cảng (Hong Kong) gồm ba khu vực chính: Cửu Long (Kowloon, nằm trên đất liền, thuộc tỉnh Quảng Đông), đảo Hương Cảng và đảo Lạn Đầu (Lantau, Đại Dục Sơn). Lãnh thổ Hương Cảng có hơn 200 hòn đảo lớn nhỏ. Ở đây, hòa thượng Tịnh Không nói đến cái eo biển thường gọi là vịnh Victoria nằm giữa bán đảo Cửu Long và đảo Hương Cảng.

^{43[14]} Vì sao nói Thọ, Tướng, Hành, Thức là năm thứ cảm nhận? Năm thứ cảm nhận chính là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Năm thứ cảm nhận này do quá trình tâm lý Thọ, Tướng, Hành, Thức sanh khởi.

thức thứ sáu (ý thức), Hành là thức thứ bảy (Mạt Na, còn gọi là Ý Căn), thức cuối cùng là A Lại Da, đó là hiện tượng tinh thần.

Vì thế, chúng ta nói duy vật hay duy tâm đều trật! Tâm và vật có cùng một nguồn, là một chuyện, quyết định chẳng tách rời. Chúng ta là động vật có Thọ, Tuồng, Hành, Thức rất rõ ràng, thực vật có hay không? Có! Khoáng vật có hay không? Có! Tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản rất hiếm có! Nước là khoáng vật, ông ta quan sát nước cẩn thận, [nhận thấy] nước có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người, nó có thấy, nghe, hay, biết. Đó là khoáng vật có thấy, nghe, hay, biết! Tôi bảo ông ta: “Không riêng mình nước có thấy, nghe, hay, biết; tất cả khoáng vật đều có thấy, nghe, hay, biết. Hiện thời, ông chỉ thấy được Sắc của nó, thấy được sắc tướng, nhưng nó còn có thanh, hương, vị, ba thứ này, ông vẫn chưa phát hiện được. Ông hãy gắng tiếp tục nỗ lực, trong bất luận vật chất nào cũng có hương, ông có thể ngửi được, nó có vị, có âm thanh, nay ông chỉ thấy được sắc tướng của nó”. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã nói rõ như thế, nay ông ta làm thí nghiệm mới thấy được một điều, ông ta bội phục. Vốn nghĩ Phật giáo là mê tín, không dám tiếp xúc, nay ông ta đã hiểu rõ, tin tưởng. Chúng tôi giảng kèm thêm một đoạn đông dài vào phần “*làm thân Phật ra máu*” như thế, những điều này đều thuộc loại kiến thức Phật học thông thường.

Điều cuối cùng trong Ngũ Nghịch là “*phá hòa hợp Tăng*”, cũng đọa địa ngục A Tỳ. Thuở tôi còn trẻ, giảng kinh tại Đài Bắc, tôi nhớ lúc đó đã bốn mươi mấy tuổi, có một vị lão cư sĩ là bạn cũ của lão cư sĩ Lý Bình Nam, thầy chúng tôi. Vị này tuổi nhỏ hơn thầy Lý một chút, khi ấy, cụ cũng ngoài sáu mươi tuổi, tôi mới vừa bốn mươi mấy tuổi, cụ hơn tôi nhiều lắm là hai mươi tuổi. Có một hôm cụ mời tôi dùng cơm, cạnh trạm xe lửa có một tiệm cơm chay tên là Công Đức Lâm, thuộc thành phố Đài Bắc. Tôi tới Công Đức Lâm thì cụ đã đến rồi, đến nơi thấy chỉ có hai người chúng tôi, cụ chẳng mời ai khác, chỉ mời một mình tôi! Chọn món ăn xong, khi đang ăn, cụ hỏi tôi: “Pháp sư Tịnh Không, thầy có biết vì sao hôm nay tôi mời thầy dùng cơm hay không?” Tôi nói: “Tôi không biết”. Cụ bảo: “Có một chuyện tôi muốn hỏi ý thầy”. Tôi hỏi: “Chuyện gì vậy?” Cụ nói: “Chuyện này nghiêm trọng lắm! Trong Ngũ Nghịch, tôi giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, rất ư là ít!” Khi ấy, đúng là ít, chứ nay thì chẳng ít! Quý vị đọc báo, đọc tạp chí, sẽ thấy giết cha, giết mẹ, anh em giết nhau, giết thầy, giết bạn học là chuyện thường nghe nói tới. Thưa quý vị, năm mươi năm trước không có hiện tượng này, rất ít thấy chuyện này xảy ra, “chỉ có một điều là phá hòa hợp Tăng, điều này nghiêm trọng lắm”. Tôi hiểu ý cụ, các đồng học học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, ganh ghét, chướng ngại, hủy báng lẫn nhau là phá hòa hợp Tăng. Cụ nói chuyện này nghiêm trọng, tạo tội này sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Tôi cười nói: “Chúng ta hãy ăn cơm, không có chuyện gì đâu!” Cụ thấy tôi rất thông dong, cảm thấy rất lạ, sao lại không có chuyện gì? Ta hỏi ngược lại: “Thưa lão cư sĩ! Cụ học Phật sớm hơn tôi”. Cụ học Phật với Ấn Quang đại sư, là bạn học của thầy Lý, lúc đó, tôi học Phật đại khái cũng được mười mấy năm. Tôi nói:

“Tôi không chỉ chưa được thấy hòa hợp Tăng, mà còn chưa hề nghe nói tới, cụ thấy ở đâu có Tăng đoàn hòa hợp?” Tôi vừa hỏi, cụ cũng cười theo. Hai người xuất gia ở cùng một chỗ luôn cãi nhau, Tăng đoàn hòa hợp từ đâu mà có? Chưa hề thấy! Cụ bận lòng chuyện này làm gì? Hiện thời không có Tăng đoàn hòa hợp, chúng ta dùng cơm là được rồi. Thật đấy!

Kinh nói rất hay, nếu ở nơi đây xuất hiện một Tăng đoàn hòa hợp, bốn người trở lên ở cùng một chỗ cộng tu, thật sự thực hiện Lục Hòa Kính, kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân, làm được sáu điều này, sẽ thật sự là đạo tràng của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất định cảm hết thảy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, nơi này sẽ không có tai nạn. Thật đấy, chẳng giả đâu! Trong đời này, từ lúc tôi bắt đầu học Phật, biết chuyện này, bèn lưu ý, mong có được một Tăng đoàn hòa hợp như thế xuất hiện, nhưng tìm không ra. Ba mươi năm trước, tức năm 1977, tôi đến Hương Cảng lần đầu tiên để giảng kinh, bên Hương Cảng các đại đức pháp sư không ít, từ các nơi trong đại lục vân tập về cuộc đất ấy. Trong số đó, cũng có một pháp sư trẻ tuổi, đại khái chừng bốn mươi mấy tuổi, tuổi tác chẳng chênh lệch với tôi cho mấy, lớn hơn tôi mấy tuổi là pháp sư Tảo Trần. Ở Hương Cảng, mọi người đều biết pháp sư Giác Quang và pháp sư Tảo Trần, hai vị này là lãnh tụ của giới Phật giáo Hương Cảng. Sư Tảo Trần là người Đông Bắc, sư Giác Quang cũng là người Đông Bắc, chúng tôi nói chuyện rất hợp ý. Đặc biệt là pháp sư Tảo Trần, tôi đã từng thỉnh cầu Sư vài lần, tôi nói: “Thầy có thể tìm năm người xuất gia hay không? Tôi sẽ tham gia. Tôi ghi danh, thầy là người cầm đầu. Năm người chúng ta thi hành Lục Hòa Kính. Chúng ta thành lập Tăng đoàn này”. Lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh suốt bốn tháng, giảng kinh Lăng Nghiêm. Giảng xong đã hết thời gian lưu trú, tôi trở về Đài Loan, tôi nói thầy hãy tiếp tục nỗ lực để chúng ta cùng làm, Sư cũng rất hoan hỷ. Không làm thành công! Chẳng dễ dàng, tìm không ra!

Phải thực hiện Lục Hòa Kính ra sao? Thừa quý vị, thực hiện ba căn bản của Nho, Thích, Đạo thì Lục Hòa Kính sẽ thực hiện được! Quý vị nghĩ coi có đúng hay không? Đệ Tử Quy, Cấm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, Sa Di Luật Nghi của người xuất gia, chỉ cần làm được một trăm phần trăm bốn món căn bản này, đoàn thể ấy sẽ là Lục Hòa Kính, là một Tăng đoàn danh phù hợp thực chất. Chẳng tu Lục Hòa Kính, chẳng đạt được tiêu chuẩn Lục Hòa Kính, chẳng thể xưng là Tăng đoàn! Khi chúng ta niệm Tam Quy Y, “*quy y Tăng, chúng trung tôn*”, “*Chúng*” là đoàn thể, là tổ chức xã hội. Trong tất cả các đoàn thể xã hội, đoàn thể của đệ tử Phật tôn quý nhất, vì sao? Hòa thuận. Tổ tiên Trung Quốc bảo: “*Hòa vi quý*” (hòa là quý), họ thực hiện chữ Hòa. Trong đoàn thể ấy, chắc chắn chẳng thấy có tranh chấp, chắc chắn chẳng thấy nổi nóng. Hiện thời, chúng ta có thể thấy hay không? Đi tìm khắp nơi [vẫn chẳng thấy]! Vì sao Phật pháp suy? Không có Tăng đoàn! Tăng đoàn hình thức thì có, Tăng đoàn thực chất không có! Hiện thời

phiền phức lắm! Tai nạn nhiều quá, làm thế nào để hóa giải tai nạn? Có một Tăng đoàn xuất hiện trong thế gian này, địa cầu sẽ được cứu, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, tai nạn gì cũng đều không có. Có ai chịu phát tâm hay không? Không ai hết. Vì sao? Tự tư, tự lợi không buông xuống được, tiếng tăm, lợi dưỡng không buông xuống được, hưởng thụ ngũ dục lục trần không buông xuống được. Vậy là không có cách nào cả! Cùng nhau chịu nạn, không có đường nào để đi được nữa! Vì thế, quý vị có chịu buông xuống, bỏ mình vì người khác hay không? Nói thật ra, vì người khác thật ra là vì chính mình; vì chính mình thì thật ra là tự mình hại mình.

Phật, Bồ Tát, thánh hiền biết chuyện này, nhưng phàm phu mê hoặc, điên đảo không biết, trước mắt niệm niệm đều mong chiếm được một chút tiện nghi. Có tiện nghi chiếm được, nhưng cũng có những điều chẳng chiếm được, vì sao chiếm được? Do trong mạng có [nên quý vị mới chiếm được], quý vị nói xem có phải là oan uổng hay không? Trong mạng có, bèn đạt được! Trong mạng không có, dùng cách nào cũng đều chiếm không được. Cổ nhân Trung Quốc nói rất hay: *“Nhất sanh giai thị mạng, bán điểm bất do nhân”* (Cả đời đều do số mạng, chẳng có được nửa điểm do con người quyết định). Mạng do đâu mà có? Mạng là do quý vị tạo nghiệp trong đời trước. Trong đời quá khứ tạo thiện nghiệp, quý vị đến [thế giới này để] hưởng phước, trong mạng quý vị có [phước báo ấy]. Trong đời quá khứ tạo tác nghiệp bất thiện, quý vị hứng chịu khổ báo, chẳng do người khác ban cho, tự làm, tự chịu! Nhất định phải hiểu đạo lý này, quyết định chớ nên oán trời, hờn người! Oán trời hờn người là tội lại chồng thêm tội. Đây là chân tướng sự thật. Trước khi chúng ta chưa học Phật, chưa tiếp xúc Phật pháp thì không biết. Sau khi tiếp xúc Phật pháp, vui thích học tập, càng ngày càng hiểu rõ, càng ngày càng minh bạch, tai họa vì sao mà có? Hạnh phúc vì sao mà có? Rõ ràng, rành rẽ. Đoạn ác, tu thiện, sám trừ nghiệp chướng, tích công lũy đức, hạnh phúc sẽ đưa đến. Hạnh phúc thật sự là gì? Phước báo thế gian là giả, chẳng thật, giống như hoa Đàm thoáng hiện! Phước báo cõi trời cũng chẳng thật, tuy thời gian dài hơn nhân gian một chút, nhưng vẫn là hữu hạn. Nay chúng ta biết, với thân phận của chúng ta, với trình độ của chúng ta, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là đệ nhất phước, đệ nhất đức, có thể hay không? Thật sự có thể!

Nếu đã xác định một phương hướng, một mục tiêu như vậy, quý vị sẽ dám buông xuống, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, Tăng đoàn hòa hợp sẽ xuất hiện chẳng khó. Cổ nhân có thể làm được, nhưng người thời nay không làm được. Vì sao cổ nhân có thể làm được? Giác ngộ sẽ làm được! Vì sao người thời nay không làm được? Chẳng giác ngộ, bị tiếng tăm, lợi dưỡng dụ dỗ, mê hoặc, đọa lạc trong ấy, không thể tự dẹp trừ, cho nên làm không được. Làm không được là do chưa giác ngộ, hễ giác ngộ bèn làm được. Do vậy, khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư thường bảo tôi: *“Phật pháp là chuyện biết khó, hành dễ”*. Đúng vậy! Hành rất dễ, mê hay ngộ đúng là trong một niệm, chẳng

khó, nhưng biết chuyên mê thành ngộ, khó lắm! Quý vị thật sự nhận rõ cái gì là thật, cái gì là giả, khó lắm, chẳng dễ dàng! Đúng là cần phải giống như Phật, Bồ Tát nhận biết như thế này: Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng! Xa lìa hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần chẳng phải là chuyện khó, vấn đề là quý vị có thật sự hiểu rõ hay không? Giảng rõ ràng, đơn giản nhất là bài luận văn Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư, bài này chẳng dài. Chẳng dài mà mọi người chúng ta cùng nhau học tập cũng gần như mất cả một hai trăm giờ, hết sức hữu ích!

Chúng ta đã hiểu rõ Ngũ Nghịch, năm thứ này hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức, chẳng phải do ai khác trừng phạt quý vị, địa ngục cũng do chính quý vị biến hiện, chẳng do người khác tạo, đó là địa ngục A Tỳ. Thập Ác là trái nghịch với Thập Thiện, tạo tác sát sanh, tà dâm, trộm cắp. Giết, trộm, dâm là thân nghiệp. Giết, trộm, dâm là gì? Kẻ bình thường chúng ta chỉ thấy thô tướng, không biết đến [tướng] vi tế, kinh Phật giảng rất tỉ mỉ, chẳng thể không biết. Sát là giết hại, ta không giết, nhưng ta tổn hại chúng sanh, đó là một phần của Sát! Bất cứ khi nào, hễ có thể được, nhất định đừng tổn hại một chúng sanh nào thì quý vị mới thực hiện viên mãn điều này. Hễ quý vị còn có ý niệm và hành vi tổn hại chúng sanh, tức là quý vị chưa làm được điều này. Đúng vậy, chẳng dùng dao giết chúng sanh, nhưng lời lẽ gây tổn thương, khởi tâm động niệm gây tổn thương, đều tính là sát! Đối với trộm cắp thì trộm cắp vi tế là gì? Chiếm tiện nghi. Chiếm một chút ít tiện nghi từ người khác là nghiệp trộm, giới “chẳng trộm cắp” sẽ chẳng tinh sạch! Chiếm tiện nghi nơi người khác, chiếm tiện nghi của quốc gia, làm thế nào để nạp thuế cho quốc gia ít hơn một chút, tìm kẽ hở trong luật lệ. Hoàn toàn hợp pháp, nhưng quý vị có ý niệm: Nay ta tìm được điều này trong luật pháp, có thể đóng thuế ít hơn một chút, đó là cái tâm trộm cắp, tâm trộm cắp chưa dứt! Lại mở rộng ra, đổi hoa, cỏ, cây cối, có tâm trộm cắp, đổi với núi, sông, đại địa cũng có tâm trộm cắp. Cứ nghĩ chiếm một chút tiện nghi, luôn mong hưởng thụ khá hơn người khác một chút, hễ có ý niệm này tức là tâm trộm cắp chưa đoạn, rất vi tế!

Do mười điều này tương phản với Thập Thiện nên gọi là Thập Ác. Triển khai ra, trong Tiểu Thừa sẽ biến thành ba ngàn điều, từ mười điều biến thành ba ngàn điều. Nói như thế nào? Thí dụ như sát sanh. Trong điều sát sanh này, có chứa đựng chín điều kia, mười nhân với mười thành một trăm; mỗi điều trong một trăm điều ấy lại có mười điều, bèn biến thành một ngàn; trong mỗi điều của một ngàn điều lại có mười điều, càng nói càng vi tế, ba ngàn oai nghi của Tiểu Thừa do đây mà ra. Đại Thừa lại càng nhiều! Đại Thừa Bồ Tát đem Thập Thiện Nghiệp triển khai thành tám vạn bốn ngàn oai nghi, tám vạn bốn ngàn điều! Vì thế, Thập Thiện Nghiệp đạo viên mãn, tám vạn bốn ngàn cũng không phạm một điều nào, người ấy bèn thành Phật. Chúng ta chẳng phạm mười điều này, mười điều rất thô, sẽ là người lương thiện, là người tốt. “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*” trong kinh Phật được dùng theo tiêu chuẩn này. Thập Thiện chưa làm được, sẽ

chẳng phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Làm được Thập Thiện mới gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Mở kinh điển ra, quý vị thấy “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, ta có thuộc trong số đó hay không? Ta có thể được coi là thiện nam tử, thiện nữ nhân hay không? Tiêu chuẩn là có làm được mười điều này hay không? Lấy chuyện này làm tiêu chuẩn, chẳng phải là nói tùy tiện!

Đối nghịch của Thập Thiện là Thập Ác. Chúng ta quan sát cẩn thận xã hội hiện tại, chẳng phải là xã hội Thập Thiện, mà là xã hội Thập Ác. Quý vị thấy ba nghiệp nơi thân là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, miệng nói dối, nói dối chiều, ác khẩu, nói thêu dệt; ý tham, sân, si, ai nấy đều trọn đủ, xã hội này phiền quá, chắc chắn có tai nạn. Vì thế, đối với bộ phim “2012” do người Mỹ thực hiện, mấy chục năm qua tôi chưa từng xem phim, mà cũng không xem TV, một đồng tu trong Phật môn mua vé dẫn tôi đi xem. Xem xong, tôi nói chuyện với mọi người, mới biết phim này được cùng lúc chiếu trên toàn cầu. Đây là chuyện lớn, chẳng phải là chuyện nhỏ, đây là cõi trời cảnh cáo chúng ta. Nếu chúng ta vẫn tiếp tục tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, tai nạn sẽ diễn ra giống như trong phim. Vì thế, có rất nhiều người hỏi tôi về cách nhìn này, tôi nói: Chúng tôi nhìn từ nhân quả. Hiện thời, cư dân trên địa cầu nghĩ gì, nói gì, làm gì? Quý vị triển khai tiêu chuẩn Thập Thiện để xét, liền biết toàn bộ là Thập Ác, chẳng có một điều thiện nào! Tai nạn là thật, chẳng giả chút nào. Có thể cứu vãn tai nạn hay không? Câu trả lời là khẳng định! Chỉ cần cư dân trên địa cầu hồi tâm chuyển ý: “Ta hiểu rõ rồi, ta biết làm như vậy thì sau này, quả địa cầu sẽ chẳng còn nữa! Tất cả tai nạn sẽ đều xuất hiện”. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật bảo chúng ta: Tâm tham cảm Thủy Tai, trong tương lai nước biển dâng lên nhấn chìm toàn bộ lục địa là do tâm tham cảm ứng. Cái gì cũng đều tham, ngay cả học Phật cũng tham. Học Phật còn phải đốt một nén hương, đây là tâm tham. Phật bảo chúng ta buông xuống tâm tham, chẳng phải là thay đổi đối tượng tham! Phải diệt trừ tâm tham, phải hiểu đạo lý này. Sân khuê cảm ứng Hỏa Tai. Hiện thời, nhiệt độ địa cầu tăng lên, chuyện này thuộc về sân khuê. Do vậy, chính chúng ta phải có cảnh giác cao độ! Gặp chuyện chẳng vừa ý, trong tâm cảm thấy khó chịu, phần hận, chính là quý vị đã thêm dầu vào lửa khiến cho nhiệt độ địa cầu tăng cao hơn, quý vị có trách nhiệm! Ngu si cảm Phong Tai, ngạo mạn cảm động đất. [Các tai nạn] đều có nhân: Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác cảm vờn những tai nạn ấy. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta một câu về bí quyết tiêu tai miễn nạn, đó chính là: “*Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), tai nạn sẽ bị hóa giải. Chúng ta yêu cầu mọi người trên toàn thế giới thực hiện [bí quyết trên đây] sẽ là chuyện không thể xảy ra được, làm không được, chúng ta chỉ có thể yêu cầu Phật môn đệ tử. Người học Phật chúng ta có chung một vị thầy là Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta đều là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, hãy nên tiếp nhận lời giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, nghiêm túc tu hành, đoạn ác, tu thiện, sám hối, sửa lỗi. Nếu đệ tử Phật trên toàn thế giới đều có thể làm như vậy, có cứu được quả địa cầu này hay không? Có chứ! Cứu được!

Trên thế giới này, tôi nghe rất nhiều người bảo tôi, [so với] các tôn giáo trên toàn thế giới, rốt cuộc Phật giáo vẫn kể như có tín đồ rất đông, ước tính chừng bảy ức người. Số người trên cả thế giới hiện thời là sáu mươi bảy ức người, tính ra [Phật giáo] là một phần bảy, con số này rất đáng kể, giữa bảy người có một người quay đầu, sáu người kia sẽ được hưởng lây. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, chúng sanh tạo nghiệp có cộng nghiệp và biệt nghiệp; đối với các đệ tử chúng ta, điều này là một sự cố vũ hết sức to lớn, trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, phải nhớ câu này! Cộng nghiệp bất thiện, chúng ta chuyên tu thiện nghiệp, do vậy, đòi hỏi chính mình phải nghiêm túc thi hành viên mãn ba món căn bản, người xuất gia còn phải thực hiện Sa Di Luật Nghi. [Người xuất gia] có ba món căn bản ấy kể ra cũng khá lắm, nhưng thiếu Sa Di Luật Nghi thì không được, vì sao? Có lỗi với Phật, Bồ Tát! Nếu quý vị xuất gia thì phải thật sự thực hiện. Không xuất gia thì còn được, tu tốt đẹp Thập Thiện Nghiệp đạo là được rồi, Phật cũng thừa nhận quý vị là đệ tử Phật. Trên thực tế, trọn đủ ba món căn bản thì mới có thể trọn đủ điều kiện học Phật. Trong Tịnh Nghiệp Tam Phước đã nói rõ ràng, quý vị mới có thể tiếp nhận Tam Quy Ngũ Giới. Bởi lẽ, Tam Quy Ngũ Giới chẳng phải là vô điều kiện, phải có điều kiện nào mới có thể tiếp nhận Tam Quy Ngũ Giới? Thiện nam tử, thiện nữ nhân mới có thể tiếp nhận phép “rửa tội” này! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ắt phải làm được điều đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”, bốn câu này! Thi hành “hiếu thân, tôn sư” (hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy) bằng Đệ Tử Quy; bởi lẽ, làm được Đệ Tử Quy thì “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng” sẽ làm được. Thi hành Thái Thượng Cảm Ứng Thiên thì “từ tâm chẳng giết” sẽ làm được. Cuối cùng là Thập Thiện Nghiệp Đạo thì mới có thể trở thành Phật môn đệ tử. Ngày nay Phật pháp suy vi, vì sao suy? Chúng ta coi nhẹ cơ sở giáo dục này, cho nên Phật pháp suy đồi. Vấn đề không xuất pháp từ Phật pháp, mà xuất pháp từ bản thân các đồng học học Phật chúng ta trong một đời này, chúng ta chẳng học nghiêm túc! Thích Ca Mâu Ni Phật đã không còn trụ thế, bản thân chúng ta tuyên bố là đệ tử của Ngài, nhưng lão nhân gia có thừa nhận hay không, chúng ta không biết, tự cho là đã được Ngài thừa nhận; thật ra, chẳng phải!

Kinh này giảng rất hay, dấu trót tạo nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, nhất định đọa địa ngục A Tỳ, gặp pháp môn này cũng được cứu, “*lâm chung niệm Phật, diệt tất tùy nguyện đắc sanh*” (lâm chung niệm Phật, ắt cũng được vãng sanh theo ý nguyện). Tạo tội nghiệp nặng nề dường ấy có cứu được hay không? Cứu được! Một niệm hồi đầu! Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Lãng tử hồi đầu kim bất hoán*” (lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi). Đừng nghĩ hấn tạo lắm điều ác nghiệp, hễ hấn quay đầu bèn là đại thiện nhân. Thiện hay ác chỉ trong một niệm, hấn có thể quay đầu lại, chẳng dễ dàng! Cho thấy điều gì? Chúng tỏ hấn có thiện căn rất sâu dày. Trong một đời này, không có ai dạy hấn, nên hấn mê, tạo ác nghiệp nhiều ngàn ấy, hễ có người cảnh tỉnh hấn, hấn sẽ ngay lập tức

quay đầu. Chẳng phải là không có đạo lý. Do điều này có thể biết: Giáo dục trọng yếu lắm! Thế gian có người xấu hay chẳng? Không có người xấu. Trong mắt Phật, chẳng có ai xấu! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Hết thầy chúng sanh vốn là Phật*”, những kẻ tạo tác Ngũ Nghịch Thập Ác có là Phật hay không? Họ vốn là Phật. Yêu ma quỷ quái có là Phật hay không? Vốn là Phật. Không ai chẳng phải là Phật, Phật thấy toàn bộ hết thầy chúng sanh đều là chư Phật Như Lai. Nhưng trong lục đạo, những vị Phật này có vị mê, có vị ngộ, có vị mê rất sâu, có vị mê cạn hơn một chút, căn tánh mỗi người khác nhau, thiện căn, phước đức, nhân duyên không giống nhau, chẳng thể không biết [điều này]!

Đối với bốn câu tiếp theo, nếu quý vị thật sự giác ngộ, tiếp xúc pháp môn này, thật sự có thể tin tưởng, lý giải, thật sự làm, khó lắm, đáng quý thay! Pháp môn này gọi là “pháp khó tin”, mọi người quý vị vừa tiếp xúc bèn tin tưởng, tôi rất bội phục, tôi chẳng bằng quý vị. Phải mất một thời gian dài mười mấy năm, tôi mới thật sự tiếp nhận pháp môn này. Thuở còn trẻ, đi học trong trường chịu ảnh hưởng của giáo viên, chịu ảnh hưởng giáo dục của đạo Tin Lành, nghĩ các tôn giáo khác đều là mê tín, Phật giáo là mê tín nhất, các tôn giáo khác chỉ thờ một vị thần, một vị chân thần duy nhất, đó là tôn giáo cao cấp, Phật giáo thần nào cũng đều thờ, là đa thần giáo, phiếm thần giáo, là tôn giáo thuộc cấp thấp, làm sao có thể tiếp nhận [Phật giáo] được? Cũng may là thuở trẻ tôi rất ưa thích Triết Học, tìm được một vị thầy là tiên sinh Phương Đông Mỹ, theo học Triết Học với cụ. Trong khóa học khái luận Triết Học cuối cùng, cụ giới thiệu Triết Học trong kinh Phật, tôi được nhập môn như thế. Trong kinh điển Phật giáo, lão nhân gia đặc biệt ưa thích kinh Hoa Nghiêm, bảo tôi: Đây là “khái luận của Triết Học trong kinh Phật”, cụ dùng danh từ này để giới thiệu kinh Hoa Nghiêm. Cụ nói trong kinh ấy có lý luận hoàn mỹ, có phương pháp tinh tế, cuối cùng lại còn kèm theo biểu diễn. Tìm không ra một bộ sách giáo khoa thứ hai nào giống như vậy trên khắp thế giới. Đó là thật, chẳng giả. Có kèm theo biểu diễn, phần sau là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài để biểu diễn cho quý vị xem. Do vậy, tôi cũng đặc biệt yêu thích bộ kinh này, hết sức hữu duyên, nhưng đối với Tịnh Tông đúng là có bài xích, thoát đầu cho rằng: Nói chung, pháp môn này do Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho các bà già, chẳng dành cho phần tử tri thức. Pháp sư Sám Vân⁴⁴[15] giúp đỡ tôi, tôi ở thảo am của Ngài nửa năm, làm công quả tại

44^[15] Pháp sư Sám Vân (1915-2009), họ Tào, pháp danh Thành Không. Sư được sinh ra tại một tiểu trấn bên bờ sông Áp Lục, thuộc địa phận tỉnh An Đông, gần biên giới Đại Hàn. Sư từng sang Nhật du học về ngành Mỹ Thuật. Năm hai mươi bốn tuổi bắt đầu học Phật, thọ Cụ Túc Giới năm ba mươi tuổi tại chùa Quảng Tế, Bắc Kinh, từng theo học tại Bắc Bình Phật Giáo Học Viện. Năm 1948, Sư đến Phước Châu theo học với pháp sư Từ Châu. Năm 1949, Sư rời Hoa Lục sang Đài Loan. Năm 1956, Sư lập Ấn Hoằng Mao Bồng (thảo am Ấn Hoằng) tại núi Quán Âm, thuộc trấn Bồ Lý, huyện Nam Đầu, Đài Loan. Ngôi chùa này bị thủy tai phá hủy vào ngày Bảy tháng Tám năm 1959. Năm 1963, Sư dựng chùa Liên Nhân tại làng Thủy Lý

thảo am. Thời gian rảnh rỗi, Ngài muốn tôi đọc Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, đọc Di Đà Kinh Yếu Giải, Sớ Sao, Viên Trung Sao. Do vậy, tôi có ấn tượng rất sâu đối với ba bản này, cũng hết sức ưa thích, không phản đối Tịnh Độ Tông, cũng rất tôn trọng, nhưng không muốn học, có hứng thú rất sâu đối với kinh điển Đại Thừa. Thầy Lý khuyên tôi tu Tịnh Độ, tôi theo cụ học Giáo, đương nhiên chẳng thể phản đối, nhưng chẳng phải là thật tâm học, tu cho có lệ, thầy cũng nhìn thấy điều này!

Khi nào mới thật sự nhận thức Tịnh Độ? Giảng kinh Hoa Nghiêm, lúc ấy tôi ở Đài Loan. Tôi nhớ là năm tôi hai mươi sáu tuổi, quen biết tiên sinh Phương Đông Mỹ. Năm tôi hai mươi sáu tuổi vẫn còn đi làm, ba mươi tuổi nghỉ việc, một lòng mong học Phật pháp. Do Chương Gia đại sư chỉ dạy, Ngài khuyên tôi xuất gia, muốn tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi rất vâng lời, quả thật là thật thà, nghe theo, cũng thật sự làm. Tôi theo thầy Lý mười năm để học kinh giáo, theo lão nhân gia đến năm thứ hai bèn xuất gia, duyên xuất gia chín tuổi! Sau khi xuất gia, tôi giảng kinh dạy học các nơi. Năm Dân Quốc 60 (1971), tôi bắt đầu giảng Hoa Nghiêm kinh lần đầu tiên, Thầy Lý giảng tại Đài Trung, tôi đến nghe [thầy giảng] quyển thứ nhất để nghe kinh này bắt đầu như thế nào, nghe xong một quyển này, tôi có khả năng giảng một bộ Bát Thập Hoa Nghiêm. Tôi giảng ở Đài Bắc, tôi nhớ đã giảng hình như hai năm, chưa đầy ba năm đã giảng đuổi kịp tiến độ của thầy, vì cụ mỗi tuần chỉ giảng một giờ; cụ giảng kinh hai tiếng, nhưng có phiên dịch sang Đài ngữ⁴⁵[16], nên trên thực tế là mỗi tuần giảng một giờ. Khi ấy, mỗi

huyện Nam Đầu. Năm 1966, sáng lập Đại Chuyên Thanh Niên Trai Giới Học Hội. Pháp sư Sám Vân giữ luật rất nghiêm, không ăn quá Ngọ, mỗi ngày sau bốn giờ chiều, nữ chúng không được ở lại chùa, cũng không cho phép ai ở lại qua đêm. Sư rất chú tâm hoằng truyền Tịnh Tông, Ngài được coi là một trong số các vị pháp sư đóng góp rất nhiều trong việc truyền bá pháp môn Tịnh Độ tại Đài Loan.

45^[16] Đài ngữ gọi đầy đủ là Đài Loan Ngữ, là một ngôn ngữ được coi như tiếng mẹ đẻ của đại bộ phận dân chúng Đài Loan, tuy trong công sở và trường học, tiếng Quan Thoại được dùng như ngôn ngữ chính thức. Đài ngữ thật ra là một thứ tiếng địa phương thuộc ngữ hệ Môn Nam (ngôn ngữ của tỉnh Phước Kiến). Do thời Trịnh Thành Công chiếm đóng Đài Loan và sau khi Khang Hy tái chiếm Đài Loan, đa phần di dân đến Đài Loan từ vùng Chương Châu và Tuyên Châu cũng như một số huyện ở phía Nam tỉnh Phước Kiến chiếm đa số, nên tiếng nói của họ dần dần chiếm ưu thế. Đặc biệt là khi Quốc Tánh Gia Trịnh Thành Công đuổi quân xâm lăng khỏi Đài Loan, thành lập căn cứ chống nhà Thanh, quân sư Trần Vĩnh Hoa chịu trách nhiệm giáo dục, do họ Trịnh lẫn Trần Vĩnh Hoa (Trần Cận Nam) đều là người Tuyên Châu, binh lính đa số tuyển mộ từ Tuyên Châu, nên giọng Tuyên Châu (Phước Kiến) trở thành ngôn ngữ chính thức của đảo Đài Loan thời đó. Đài Ngữ gần với tiếng Phước Kiến vùng Hạ Môn nhất, nhưng có những đặc thù riêng và những từ ngữ đặc biệt của Đài Loan, cũng như một số từ ngữ vay mượn từ tiếng Nhật và ngôn ngữ của thổ dân Đài Loan. Ở đây,

tuần tôi giảng ba lần, mỗi lần là một tiếng rưỡi, nên mỗi tuần giảng bốn giờ rưỡi, bằng với cụ giảng cả tháng. Vì thế, tôi đuổi kịp cụ rất nhanh, tiến độ đuổi kịp cụ, sau đấy, bèn vượt lên trước.

Phải biết cũng mất mười năm, giảng kinh Hoa Nghiêm được phân nửa, khi ấy là Bát Thập và Tứ Thập Hoa Nghiêm cùng giảng, mỗi tuần tôi giảng Bát Thập Hoa Nghiêm hai ngày, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm một ngày. Giảng được phân nửa, có một hôm, đột nhiên nghĩ Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử học pháp môn gì? Kinh Hoa Nghiêm giảng được phân nửa, còn có nửa sau, lật phần sau ra xem, lật xem tới phần sau, tới quyển ba mươi chín trong bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, thấy Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát thấy đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, điều này khiến tôi hết sức chấn động. Hơn nữa, thấy không riêng gì Văn Thù, Phổ Hiền tự mình phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, mà còn suất lãnh bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm sang thế giới Cực Lạc gặp A Di Đà Phật. Ngạc nhiên quá! Hai vị đại Bồ Tát này trợ thủ của Tỳ Lô Giá Na Phật, hai vị đại trợ thủ đem toàn bộ học trò của Tỳ Lô Giá Na Phật sang thế giới Cực Lạc, Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng tức giận ư? Đem toàn bộ học trò của ta đi? Tỳ Lô Giá Na Phật không chỉ chẳng giận, mà còn hết sức hoan hỷ.

Sau đấy, tôi đọc kỹ, môn sinh đặc ý, đệ tử truyền pháp của Văn Thù Bồ Tát là Thiện Tài đồng tử, lại coi xem Ngài học gì? Trước kia, đúng là hời hợt, vô ý, giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm đến phân nửa mà chẳng nhìn ra vấn đề này, phải dụng tâm mới thấy được, mới nhận ra: Thiện Tài và thầy của Ngài vốn tu pháp môn Tịnh Độ. Nhìn từ chỗ nào? Từ lần tham phỏng thứ nhất, do thầy giới thiệu, Văn Thù Bồ Tát giới thiệu Thiện Tài đi tham phỏng tỳ-kheo Cát Tường Vân. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội. Ban Châu tam-muội là gì? Còn gọi là Phật Lập tam-muội, chuyên tu trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lúc ấy mới biết, người Trung Quốc thường bảo vị thiện tri thức (thầy) thứ nhất là “*tiên nhập vi chủ*” (điều gì tiếp xúc đầu tiên sẽ là chánh yếu), Ngài tu môn này! Sau đó nhìn vào quá trình tham học, đối với mỗi một vị thầy, Thiện Tài đều luyện đức lễ từ (hâm mộ đức hạnh, kính lễ, từ tạ), quý vị hãy chú ý quan sát, Thiện Tài tham học điều gì cũng đều thấy, đều học, đều hiểu, nhưng chẳng tu, Ngài tu gì? Niệm Phật. Nhìn đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, một vị đầu, một vị cuối [đều tu Tịnh Độ], chẳng phải là rõ rệt ư? Ngài môn nào cũng học, môn nào cũng đều hiểu, nhưng chính Ngài chuyên dốc công sức nơi pháp môn Niệm Phật. Từ chỗ này, tôi mới tiếp nhận Tịnh Độ, thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, thầy khuyên tôi, tôi chẳng có lòng tin sâu xa như thế. Lại từ Hoa Nghiêm, từ Pháp Hoa, từ Lăng Nghiêm tổng kết, tôi mới biết cái hay của Tịnh Độ, Tịnh Độ thù thắng. Thật không dễ dàng! Tôi thấy

do cụ Lý Bình Nam thường nói bằng giọng Sơn Đông, nên phải có người dịch sang Đài Ngữ để thỉnh giả hiểu cụ đang nói gì.

quý vị chỉ vừa nghe bèn tiếp nhận, tôi rất bội phục, sao tôi lại khó khăn như thế? Mất mười mấy năm mới thật sự tiếp nhận pháp này!

Pháp môn này “*hoành xuất tam giới, viên đặng tứ độ, đón đỡ Quán Âm, Thế Chí tịnh kiên, khả kiến thủ pháp môn chi cứu cánh phương tiện, thiện ứng quân cơ dã*” (vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, lên trọn vẹn bốn cõi, nhanh chóng cùng Quán Âm, Thế Chí sánh vai, đủ thấy pháp môn này là phương tiện rốt ráo đến tột cùng, khéo thích ứng mọi căn cơ), đây là nói thật, chẳng giả! “Hoành xuất” còn gọi là “hoành siêu”, vì tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tiến lên từng bậc, đó là thụ xuất (thoát tam giới theo chiều dọc), chẳng phải là hoành xuất (vượt thoát tam giới theo chiều ngang). Kinh Hoa Nghiêm chẳng phải là một ví dụ rất hay ư? Quý vị thấy địa vị Thập Tín, trên Thập Tín là Thập Trụ, trên Thập Trụ là Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, giống như chúng ta đi học, Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, Nghiên Cứu Sinh, đó gọi là thụ xuất. Pháp môn Tịnh Tông không cần, ngay từ nhân đạo bèn vượt ngang ra, không cần phiền phức như thế! Từng bước một như vậy thì đến bao giờ quý vị mới có thể thoát ra? Vượt ngang ra, sang thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật tiếp dẫn quý vị. Sau khi đến bên ấy, bèn lên trọn bốn cõi, đây là điều đặc biệt. Thích Ca Mâu Ni Phật có bốn cõi Tịnh Độ hay không? Có, nhưng theo chiều dọc, không phải là “*viên đặng*”. Quý vị phải trèo từng bước một. Lục đạo là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tứ thánh pháp giới là cõi Phương Tiện, thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật, tiến lên nữa là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, trong thế giới Hoa Tạng vẫn phải tiến lên từng bước một! Tịnh Độ khác hẳn, bốn cõi của A Di Đà Phật không có giới hạn. Nói cách khác, nói theo các khoa học gia hiện tại, Tịnh Độ không có các chiều không gian. Thập phương thế giới thấy đều không có hiện tượng này, chỉ có thế giới Cực Lạc đặc biệt, không có các chiều không gian, bốn cõi ở cùng một chỗ. Vì thế, một sanh, hết thủy sanh!

Quý vị hãy xem ví dụ do cụ Hoàng nêu tiếp theo đó. Quán Âm, Thế Chí đang ở nơi đâu? Các Ngài ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nay chúng ta niệm Phật vãng sanh là sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Trong thế giới này, cõi Phàm Thánh Đồng Cư không thấy cõi Phương Tiện Hữu Dư, có giới hạn, có chướng ngại; chúng ta sanh trong nhân đạo của lục đạo, chẳng thể thấy thiên đạo. Cõi trời có hai mươi tám tầng, tầng dưới không thể thấy tầng trên, nhưng tầng trên có thể trông thấy tầng dưới. Nhưng cái hay của thế giới Cực Lạc là do so với điều gì? Thập phương thế giới chư Phật Như Lai dạy học đều là từ Tiểu Học, Trung Học, đến Đại Học, đều theo cách như vậy. Hơn nữa, lớp Một và lớp Hai Tiểu Học mỗi lớp có phòng học riêng, chẳng ở cùng một chỗ. Phòng học của A Di Đà Phật to lớn, từ Tiểu Học, Trung Học cho đến lớp Tiến Sĩ đều ở cùng một chỗ, lên lớp trong cùng một phòng học, tình hình là như vậy đó, thấy đều ở cùng một chỗ, điều này rất đặc thù. Do vậy, nói: “*Sanh về một là sanh về hết thủy*”. Chúng ta là hạ hạ

phẩm vãng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quý vị đến thế giới Cực Lạc, có thể thấy Quán Âm, Thế Chí, có thể thấy Văn Thù, Phổ Hiền, đều ở nơi đó. Thường cùng những vị này ở cùng một chỗ, như vậy là quý vị may mắn quá! Họ là Pháp Thân đại sĩ, quý vị không hiểu, các Ngài sẽ dạy quý vị. Ngoại trừ Phật dạy bảo ra, các Bồ Tát nhiều ngàn ấy giúp đỡ quý vị, nâng đỡ quý vị, quý vị cũng thành tựu rất nhanh. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh của thế giới Cực Lạc; cho nên cảm được thập phương chư Phật tán thán. Nói “*viên đặng tử độ*” là không có cấp bậc. “*Đốn*” có nghĩa là ngay lập tức, quý vị lập tức sánh vai cùng Quán Âm Bồ Tát, Thế Chí Bồ Tát, đều là học trò của A Di Đà Phật, các Ngài biến thành lớp đàn anh của chúng ta.

“*Khả kiến thử pháp môn chi cứu cánh phương tiện, thiện ứng quần cơ*” (có thể pháp môn này là phương tiện rất ráo đến tột cùng, thích ứng mọi căn cơ), căn tánh nào gặp pháp môn này thấy đều đắc độ, vấn đề là quý vị có tin hay không, quý vị nghe có hiểu hay không? Thật sự tin tưởng, nghe chẳng hiểu cũng không sao, một câu A Di Đà Phật thật thà niệm, niệm đến công phu thành phiền sẽ tự tại vãng sanh, biết trước lúc mất. Rất nhiều người suốt đời chưa hề nghe kinh, không biết chữ, niệm một câu A Di Đà Phật, niệm ba năm công phu thành tựu, có người đứng mất, có người ngồi mất, chẳng ngã bệnh, nói đi là đi, chẳng khó khăn gì! Mấy năm trước, cư sĩ Hoàng Trung Xương ở Thâm Quyển đã làm mẫu cho chúng ta xem. Ông ta nghe nói về pháp môn này, bèn tự mình phát tâm làm thí nghiệm, thử coi có đúng là ba năm có thể vãng sanh hay không. Ông ta bé quan tại Thâm Quyển, cư sĩ Hương Tiểu Ly hộ quan, hai năm mười tháng bèn biết trước lúc mất, Phật tiếp dẫn ông ta, còn thiếu hai tháng mới đủ ba năm, thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng tôi khuyên mọi người ở chỗ này, ông ta tạo chứng minh, thực hiện Tác Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân, chứng minh chuyện này là thật, chẳng giả. Chúng ta có muốn vãng sanh hay không? Muốn vãng sanh thì dùng cách của ông ta là được. Mấu chốt là gì? Triệt để buông xuống! Sở dĩ quý vị chẳng đi được là vì quý vị chưa buông xuống, còn tham luyến thế gian này, mê hoặc, điên đảo. Thật sự giác ngộ thì cái gì cũng chẳng cần, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, không có chuyện nào khác. Quý vị thấy trường thời huân tu mất bao lâu? Ba năm, một ngàn ngày! Huân tu một ngàn ngày quý vị bèn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thiện Đạo đại sư nói rất hay: “*Vạn tu, vạn nhân khứ*” (vạn người tu, vạn người đến), pháp môn này chẳng sót một ai. Tu hành mà bị bỏ sót, nguyên nhân do chính quý vị, chính quý vị phải chịu trách nhiệm, không thể trách A Di Đà Phật, không thể trách kinh Vô Lượng Thọ, không thể trách ai hết, chỉ trách chính mình chẳng đúng pháp. Mỗi ngày nghe kinh mà chẳng hiểu, thật đấy, vì sao nghe không hiểu? Bộp chộp, hời hợt! Quý vị hoài nghi pháp môn này, đối với kinh giáo này, quý vị tin chẳng sâu, không hiểu thấu triệt, cho nên có chương ngại.

Đoạn tiếp theo vẫn giảng về khế cơ, đoạn này có ngụ ý sâu xa, chúng ta hãy đọc kinh văn: “*Hựu khế cơ giả, diệc ngụ khế hợp thời cơ chi nghĩa*” (lại nữa, khế cơ bao hàm ý nghĩa khế hợp thời cơ). Đoạn này giảng rất hay, cho thấy trí huệ chân thật của cụ Hoàng

Niệm Tổ, rất trọng yếu. Phù hợp gì? Phù hợp thời cơ trong xã hội hiện thời. “*Như Lai rử lòng Từ, độc lưu trữ kinh, u chư kinh diệt tận chi tối hậu bách niên*” (Đức Như Lai rử lòng Từ, riêng lưu lại kinh này một trăm năm cuối sau khi các kinh đã bị diệt hết). Trong tương lai, Phật pháp sẽ tiêu mất trên thế gian này, bị tiêu diệt, vì sao? Pháp là duyên sanh, duyên không còn, pháp sẽ diệt, duyên sanh, duyên diệt; chẳng phải là bất diệt, nó là pháp được sanh bởi nhân duyên, cho nên cũng chẳng phải là thật. Trong kinh Bát Nhã, đức Phật bảo chúng ta: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp). Giảng rất thấu triệt! Phật pháp tốt đẹp, đừng nên tham, chớ nên khởi tâm tham, khởi tâm tham là sai! Trong kinh Kim Cang, đức Phật có nêu tỷ dụ, Ngài dùng thuyền bè vượt sông làm tỷ dụ. Vượt sông cần phải có chiếc thuyền nhỏ, hoặc là bè kết bằng gỗ hay bằng thân tre, dùng để vượt sông. Ngài nói pháp giống như thuyền để vượt sông, giúp quý vị từ bờ này vượt sang bờ kia, đến bờ kia, quý vị phải bỏ, bỏ thì mới lên bờ được. Nếu quý vị chẳng bỏ thì sai mất rồi, vĩnh viễn không thể lên bờ được. Vì thế, Phật dạy chúng ta: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp). “*Bỏ*” có nghĩa là quý vị đừng chấp trước, đừng ghim trong lòng, ghim trong lòng là trệ! Vì sao? Nó là pháp hữu vi, nó là pháp duyên sanh, chẳng phải là tự tánh. Quý vị có thể buông xuống hết thấy sẽ kiến tánh, tánh mới là pháp chân thật duy nhất, bất sanh bất diệt, thứ gì cũng trọn đủ, thứ gì cũng viên mãn; trí huệ trọn đủ, đức năng trọn đủ, tướng hảo trọn đủ! Nay ta gọi tướng hảo là phước báo, là thứ quý vị vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng phải tìm từ bên ngoài, bên ngoài không có, lại còn vĩnh viễn hưởng thụ bất tận. Đó mới gọi là Bảo! Thật sự là bảo, Tự Tánh Tam Bảo. Đây là thứ mà Phật dạy chúng ta hãy thật sự mong đạt được, tìm lại, nay đã mê mất, hãy tìm về!

Do vậy, quý vị nhất định phải biết, trí huệ do đâu mà có? Chính mình vốn sẵn có. Quý vị cầu trí huệ, chẳng có chuyện này! Cái mà quý vị cầu được là tri thức, tri thức và trí huệ là hai chuyện [khác nhau]. Cầu trí huệ bằng cách nào? Phải định cái tâm, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ. Tâm chúng ta bất định, trong tâm có cả đồng thứ lộn xộn, vì vậy, trí huệ chẳng sanh, mà sanh phiền não. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Bởi lẽ, trí huệ phát xuất từ buông xuống, [hễ buông xuống] trí huệ bèn xuất hiện; không buông xuống, sẽ vĩnh viễn chẳng có trí huệ, cái mà quý vị học được toàn là tri thức. Tri thức có thể giải quyết vấn đề nhỏ nhất; nhưng giải quyết vấn đề vẫn còn có những rắc rối về sau. Khi khoa học kỹ thuật giải quyết vấn đề, nếu giải quyết vấn đề lớn sẽ có những hậu quả to lớn, vấn đề nhỏ sẽ có hậu quả nhỏ. Giải quyết vấn đề nhỏ còn được, chứ giải quyết vấn đề lớn sẽ gây ra tai nạn cho cả thế giới, cuối cùng là địa cầu có ngày diệt vong là do khoa học kỹ thuật gây ra! Người Trung Quốc thông minh. Năm 1982, tôi đến Mỹ lần đầu, lần thứ hai là năm 1983, cư sĩ Trầm Gia Trinh mời tôi tới giảng kinh tại Nữ Ước. Đến Nữ Ước, có một bữa, ông ta mời tôi dùng cơm, khách mời cũng rất nhiều, có rất nhiều người Mỹ tại địa phương, tôi nghĩ họ đều là bạn thân của Trầm lão cư sĩ. Có một người hỏi tôi:

“Hiện thời người Tây Phương chúng tôi đối với người Hoa có cách nhìn khác với thuở xưa. Trong quá khứ, nói chung là coi thường người Hoa, nghĩ người Hoa thiếu văn hóa, là lũ người dã man. Nay chúng tôi biết: Trên cả thế giới, nếu một chọi một, người Hoa là hạng nhất, có trí huệ, rất có khả năng. Một chọi một, người Hoa là bậc nhất. Nhưng đem hai người so với hai người, người Do Thái bậc nhất; đem so từng ba người một, người Nhật Bản bậc nhất”. Cuối cùng, hỏi tôi một câu: “Vì sao người Hoa các ông thiếu đoàn kết?” Tôi nghe xong, bèn cười, tôi biết họ đều tin theo Cơ Đốc Giáo hay Thiên Chúa Giáo, bèn nói: “Đấy là do Thượng Đế an bài”. Ông ta rất kinh ngạc, lẽ nào là do Thượng Đế an bài? Tôi nói: “Nếu người Hoa đoàn kết, quý vị còn có cơm ăn nữa hay chẳng?” Mọi người đều cười xòa. Thật ra, ông ta chê cười chúng ta chẳng đoàn kết; họ biết người Hoa thật sự thông minh, nhưng thiếu đoàn kết, vẫn còn may, họ còn có cơm ăn. Gặp chuyện như thế. Ở Mỹ, tôi gặp chuyện như vậy rất nhiều.

Hiện tại, do khoa học kỹ thuật đổi mới mỗi ngày, đã phá hoại sinh thái (ecological environment) của địa cầu đến mức nghiêm trọng, nên trên địa cầu có lắm tai nạn như thế, chẳng phải là không có nguyên nhân, mà do con người gây ra! Chúng ta nhất định phải hiểu, nếu tiếp tục phá hoại như vậy, tôi ước đoán, tới đa mười năm nữa sẽ tận thế. Hiện thời, các nơi bị tai nạn, đó là gì? Đó là điềm báo trước đại tai nạn, chúng ta đã thấy, mà nếu chẳng nghiêm túc nỗ lực, chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi tai nạn này! Do vậy, chúng ta chẳng thể không biết, không thể chẳng sốt sắng nỗ lực học Phật. Hóa giải tai nạn không có gì khác, hãy khuyên lơn, hướng dẫn mọi người hồi tâm chuyển ý, đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức hòng giải trừ tai nạn. Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tập tới chỗ này!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

phần 4 hết

Tập 09

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngồi xuống. Xin hãy xem bản kinh, trang thứ bảy, dòng thứ sáu từ dưới đếm lên: *“Hựu khế cơ giả, diệc ngụ phù hợp thời cơ chi nghĩa”* (Lại nữa, khế cơ còn ngụ ý phù hợp thời đại và căn cơ). Cụ Niệm Tổ sau khi giới thiệu sự khế cơ thù thắng độc đáo, mà cũng là chỗ đặc biệt thù thắng của bản kinh này xong, lại cho chúng ta biết: Bản kinh này không chỉ là thích hợp khắp ba căn, gồm thấu trọn vẹn lợi căn lẫn độn căn, mà nó còn thích hợp với thời đại. Chữ *“thời đại”* này bao gồm những ý nghĩa: Các thời đại khác nhau, các nơi khác nhau, các bối cảnh văn hóa khác nhau, thấy đều thích hợp. Một bộ kinh [hội tụ các ưu điểm] như vậy, đích xác là chẳng dễ gì kiếm được, nhưng kinh này chính là một bộ kinh như vậy. Tiếp đó, cụ viết: *“Như Lai thùy Từ”* (đức Như Lai rủ lòng Từ), ở đây là nói Thích Ca Mâu Ni Phật, mà cũng là nói A Di Đà Phật vô cùng từ bi. *“Độc lưu thử kinh u chư kinh diệt tận chi tối hậu bách niên”* (riêng lưu lại kinh này một trăm năm cuối cùng khi các kinh khác đều bị diệt mất). Trong Pháp Diệt Tận Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói về tình hình Phật pháp suy diệt trong tương lai: Hết thấy các kinh đều bị diệt mất, đều chẳng tồn tại, tới cuối cùng, kinh Vô Lượng Thọ còn được lưu truyền một trăm năm, đó là một trăm năm cuối cùng [trong pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật]. Bản nào của kinh Vô Lượng Thọ sẽ được lưu lại? Cũng theo các bậc đại đức thuở ấy, họ không sống cùng thời chúng ta, mà thuộc thời đại của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, còn sớm hơn tôi một thế hệ, cùng vai vế với thầy tôi, cùng khẳng định bản hội tập này của Hạ lão cư sĩ [sẽ được lưu lại trong một trăm năm cuối khi pháp diệt tận]. Vì sao? Trong phần trước, tôi đã giới thiệu cùng quý vị, bản này thật sự là bản kinh tiêu chuẩn bậc nhất trong Tịnh Tông, là bản tổng hợp hoàn chỉnh của năm bản dịch gốc, quả thật là bản tốt nhất của bộ kinh bậc nhất trong Tịnh Tông. Chúng ta nghe xong cũng chẳng hoài nghi tí nào! Kinh này thật sự là như thế. Hạ lão cư sĩ xuất hiện trong thời đại này, chúng ta tin cụ là bậc tái lai để làm chuyện này. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ xuất thế cũng nhằm chú giải bản này. Họ tới thế gian này với nhiệm vụ đặc thù và đều đã hoàn thành. Do điều này, có thể biết: Thời Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa; vì thế, chúng ta nói: Đối với các nơi khác nhau, thời gian khác nhau, văn hóa khác nhau, kinh này đều có thể thích ứng.

“*Chánh biểu thử kinh năng khế u đương tiền cập vị lai chi xã hội dã*” (Điều này cho thấy kinh này có thể khế hợp xã hội trong hiện tại và tương lai): Bất luận nơi nào cần đến, bản kinh này đều [đáp ứng]. “*Đương tiền khoa học phát đạt, nhân loại ung cụ chi tri thức di quảng*” (Nay nhằm lúc khoa học phát triển, kiến thức cần phải có của nhân loại càng rộng), kiến thức mà chúng ta cần phải có ngày càng nhiều, đó có phải là chuyện tốt đẹp hay không? Nói thật ra, đây chẳng phải là chuyện tốt, người thật sự tu đạo không cần phải học những thứ ấy. Tổ tiên, cổ thánh tiên hiền đã sớm dạy chúng ta [điều này] như Đạo gia đã nói: “*Vị đạo nhật tổn, vị học nhất ích*” (vì đạo ngày càng hao tổn, vì học vẫn mà ngày càng tăng thêm), “*vị học*” là như ở đây [cụ Hoàng] đã nói: “*Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển*”, đó là “*vị học*”. Mỗi ngày quý vị phải tăng trưởng những thứ ấy (kiến thức khoa học), đó là về phương diện tri thức; nhưng “*vị đạo*” (vì đạo) thì mỗi ngày phải buông xuống, tất cả đều phải buông xuống thì đạo mới thành tựu. Đạo là gì? Đạo là thứ mà bản thân quý vị sẵn có. Hiện thời, đạo của quý vị chẳng thể hiện tiền do quý vị có chướng ngại, có phiền não, nhà Phật gọi nó là “*nghiệp chướng*”. Chướng ngại nhiều vô lượng, vô biên, vô tận, vô số, nhưng quy nạp lại, sẽ không ngoài hai loại lớn: Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Hai loại lớn này chướng ngại quý vị kiến tánh, chướng ngại cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng của quý vị. “*Thanh tịnh bình đẳng giác*” là đạo, là tựa đề của bộ kinh này, chúng ta tu đạo là tu thứ này. Nếu tâm địa mỗi năm một thanh tịnh hơn, tức là đạo nghiệp của quý vị tăng trưởng. Bất luận tu học pháp môn hay tông phái nào trong mười tông phái của Đại Thừa Phật pháp Trung Quốc, trong chữ “*pháp môn*”, “*pháp*” (法) là phương pháp, “*môn*” là môn đạo (門道: đường ngõ), “*môn kính*” (門徑: cửa ngõ, đường lối), [do vậy, “*pháp môn*”] là cửa ngõ để trở về tự tánh, trong kinh nói tám vạn bốn ngàn [pháp môn]. Tám vạn bốn ngàn pháp môn nhằm đối trị tám vạn bốn ngàn phiền não. Bồ Tát vô cùng tuyệt vời, có thể triển khai Thập Thiện Nghiệp Đạo thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh (hạnh vi tế), công đức viên mãn, thành Phật.

Đạt đến “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là cảnh giới như thế nào? Nửa phần trước của tựa đề kinh này nói về quả, nửa phần sau là nói tới nhân, tu nhân chứng quả. Quả bậc nhất là Đại Thừa, Đại Thừa là trí huệ, tức trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh hiện tiền. Trí huệ không do học mà có, trí thức thì học được. Trí huệ chẳng do học được, mà sanh từ cái tâm thanh tịnh “*Vô Lượng Thọ*” là đức, “*Trang Nghiêm*” là tướng hảo. Quý vị thấy đây chẳng phải là như kinh Hoa Nghiêm đã nói hay sao? “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”! Tựa đề kinh này chính là trí huệ và đức tướng của Như Lai. “*Đại Thừa*” là trí huệ, “*Vô Lượng Thọ*” là đức, “*Trang Nghiêm*” là tướng, quý vị đạt được [những điều này]. Vào lúc nào? Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, quý vị tu thành tựu cái tâm thanh tịnh bình đẳng, trở về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Tựa đề kinh này hay lắm, nhưng chẳng phải do người hội tập tự lập một đề mục như cư sĩ Vương Long Thư đặt tên cho bản hội tập của mình là Đại A Di Đà Kinh, bản của Ngụy Mặc Thâm có tựa đề là Vô Lượng Thọ Kinh, họ đều tự mình lập ra

đề mục. Chỉ riêng đề mục [bản hội tập] của cụ Hạ Liên Cư là hội tập, thật sự chẳng thêm vào một chữ nào. Đây mới gọi là bản hội tập tiêu chuẩn, ngay cả đề mục cũng là hội tập. Phần nửa trước của đề mục là tựa đề kinh của bản dịch đời Tống, nửa dưới tức là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” lấy từ bản dịch đời Hán, [tên gọi của kinh] do được hội tập từ [tên gọi của] các bản dịch gốc mà thành, nên ý nghĩa càng rõ ràng.

Tiếp đó, sách viết: “*Xã hội tiến bộ, mỗi nhân sở kiên chi trách nhiệm bội tăng, cố hàm ưng quảng học đa năng, cúc cung tận tụy, tham gia kiến thiết, tạo phước nhân dân, thực hiện nhân gian Tịnh Độ*” (Xã hội tiến bộ, trách nhiệm của mỗi cá nhân tăng lên gấp bội. Vì thế, ai nấy đều nên học rộng, biết nhiều, một lòng tận tụy, tham gia xây dựng [xã hội] nhằm tạo phước cho nhân dân, thực hiện cõi Tịnh Độ trong nhân gian). Chúng ta đọc câu này, phải biết Như Lai, Bồ Tát không đâu chẳng ứng hóa, biến hiện, đúng như phẩm Phổ Môn đã nói “*nên hiện thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy*”, nên dùng phương thức nào để có thể giúp đỡ, thành tựu chúng sanh, bèn dùng phương pháp ấy, chẳng có một phương pháp nhất định. Do vậy, đối với chuyện đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, chớ nên chấp trước, hễ chấp trước là trật! Nếu quý vị chấp trước, đức Phật nói Ngài không thuyết pháp, chẳng thừa nhận Ngài thuyết pháp. Trong kinh Kim Cang có ý nghĩa ấy. Đức Phật bảo: Nếu quý vị nói đức Phật thuyết pháp, quý vị đã báng Phật. Quý vị hủy báng Ngài, đức Phật chẳng thuyết pháp, một chữ cũng không nói! Chẳng thuyết pháp mà nói suốt bốn mươi chín năm, chúng ta phải hiểu như thế nào đây? Thanh Lương đại sư đã giảng rất hay, lời Phật nói là thật, chẳng giả. Trong khi giảng tựa đề bộ kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm, Thanh Lương đại sư đã nói một câu như thế này: “*Hết thầy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm toàn là do cổ Phật đã nói*”. Đối với kinh giáo do cổ Phật đã nói, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng thêm vào một chữ nào! Đức Phật nói còn nghiêm cẩn hơn câu nói của Khổng lão phu tử: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*” (thuật lại, chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ). Phu tử chỉ nói “*thuật lại, chứ không trước tác*”, còn đức Phật nói “*chẳng thêm một chữ nào vào kinh điển do cổ Phật đã nói*”, tuyệt vời lắm! Vì sao người ta có thể thành Phật, thành Bồ Tát? Mấu chốt ở ngay chỗ này! Con người hiện thời tâm ý bộp chộp, hời hợt, do nguyên nhân nào? Nguyên nhân là nếu học thì phải sáng tạo, phải phát minh, chính mình phải có thứ gì đó, chẳng phục cổ nhân!

Cổ nhân quả thật khác với chúng ta. Cổ nhân bội phục, ngưỡng mộ, học theo cổ nhân, chưa từng có ý nghĩ sáng chế cái mới, đi ngược với lối tư duy khoa học hiện thời. Cách nghĩ này của cổ nhân là đúng, hay cách nghĩ của người hiện thời là đúng? Nếu chúng ta học thấu triệt bộ Hoàn Nguyên Quán, sẽ biết thái độ của cổ nhân là đúng, còn quan niệm của khoa học hiện thời là sai lầm. Vì sao? Cổ nhân chúng đấng viên mãn, chúng đấng giống như một khối cầu. Trên khối cầu, quý vị chẳng thể thêm vào một điểm; thêm vào một điểm nó sẽ chẳng tròn đều nữa, mà cũng chẳng thể thiếu một điểm, thiếu

một điem cũng chẳng tròn. Viên mãn, bất tăng, bất giảm! Cổ Phật chứng điều này, mà kim Phật cũng chứng đúng điều này. Do vậy, “kim Phật như cổ Phật chi tái lai” (Phật hiện tại giống như cổ Phật trở lại), chúng ta hiểu rõ: Hết thầy các pháp do đức Phật hiện thời nói ra giống hệt như cổ Phật đã nói, bất tăng, bất giảm. Người hiện thời có thể hiểu ý nghĩa và chân tướng sự thật này không nhiều. Vì thế, tôi cũng thường nói thái độ tu học của các bậc đại thánh thế gian và xuất thế gian là tấm gương tốt nhất cho hàng hậu học chúng ta. Sở dĩ, chúng tôi đặc biệt chọn bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ để học tập lần này, quý vị hãy đọc kỹ bản chú giải của cụ Hoàng, có đúng là “*thuật nhi bất tác*” hay chẳng? Mỗi khi cụ giải thích một đoạn kinh văn hay một câu kinh văn, đều dẫn kinh điển làm chứng. Nếu không, lại dẫn lời giải thích của các vị cổ đại đức. Cổ đại đức cũng căn cứ trên kinh điển, chính mình chẳng phát minh hay sáng tạo [nghĩa lý nào], chúng ta phải hiểu điều này! Chúng ta phiền não tập khí nặng nề như thế, phân biệt, chấp trước nặng như thế, phải biết mình là hạng phàm phu chính cống, làm thế nào để có thể chuyển phàm thành thánh? Hãy học tập thánh nhân, thật thà, ngoan ngoãn học, thật sự nghe lời. [Đối với những giáo huấn trong] kinh giáo, chúng ta có làm được hay không? Có thể giảng kinh hay chẳng? Chẳng có điều kiện này thì trí huệ và đức năng đều chẳng phù hợp!

Xưa kia, tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý, theo Ngài học Phật, nhằm đúng lúc cụ mở khóa “kinh học” để bồi dưỡng môn đệ học cách giảng kinh. Cụ muốn tôi tham gia, tôi tự xét mình: Thiếu trí huệ, thiếu năng lực! Tôi chẳng dám, tôi nói: “Con nghe kinh, nghe lão nhân gia giảng kinh để học tập, con nghĩ con chẳng có năng lực giảng kinh”. Thầy cho tôi đến xem lớp học ấy, đến xem thì đương nhiên là được rồi! “Hãy đến xem thử một lần”, thầy dùng phương pháp thiện xảo phương tiện ấy để dẫn tôi nhập môn. Tôi thưa với thầy là chúng tôi chẳng thể giảng, kết quả là nhận thấy phương pháp dạy giảng kinh của thầy vốn là giảng chú giải của cổ nhân. Đọc chú giải của cổ nhân không hiểu thì giảng chú giải của người hiện thời, xem chú giải bằng văn Bạch Thoại, cách giảng như vậy đó! Tôi hỏi thầy: “Vì sao học theo cách ấy?” [Thầy trả lời]: “Không còn cách nào, bắt buộc phải chọn lấy cái kém hơn”. Hiện thời không có ai giảng kinh, chúng ta chẳng phát tâm thì làm thế nào đây? Ai sẽ ra tay? Không có ai cả! Kinh giảng sai, sai một chữ là không được rồi! Cổ đại đức đã nói về chuyện giảng sai một chữ; đây vốn là một công án trong Thiền Tông: “*Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngữ bách thế dã hồ thân*” (Hạ làm một chữ chuyển ngữ, đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời). Quý vị phải gánh trách nhiệm. Quý vị giảng bậy một chữ, sẽ đọa làm thân súc sanh năm trăm đời, đáng sợ quá! Thầy bảo tôi: “Chúng ta chẳng có tư cách giảng thì hãy giảng chú giải, giảng chú giải của cổ nhân. Chú giải của cổ nhân viết bằng văn chương Văn Ngôn, nay chúng ta dịch sang văn Bạch Thoại, dùng biện pháp này. Hễ sai thì là lỗi của tác giả, chứ ta không sai! Nếu văn chương viết bằng Văn Ngôn đọc không hiểu, chúng ta hãy xem văn Bạch Thoại hiện thời, chiếu theo đó để giảng. Bỏ sót cũng chẳng sao, chớ nên tự

thêm những thứ gì của mình vào, hãy để cô nhân chịu trách nhiệm”. Chúng tôi bắt đầu học giảng kinh từ chỗ này. Đến khi nào quý vị có thể tự mình giảng? Khai ngộ! Chưa khai ngộ thì hãy giảng [lời chú giải của] người khác.

Phật khai ngộ, trong các vị tổ sư đại đức, có rất nhiều vị khai ngộ. Tuy khai ngộ, họ vẫn chẳng rời khỏi Phật, Bồ Tát, hoàn toàn dựa theo di giáo của Phật, Bồ Tát, chẳng có một tí ý nghĩa mới mẻ nào! “*Tin nhi hiếu cổ, thuật nhi bất tác*” là thái độ chúng ta nên học theo, hãy nên sốt sắng học tập. Học tập có thể thành tựu hay không? Tùy thuộc vào tâm thái học tập của quý vị! Tâm thái như thế nào mới có thể học thành công? Ấn Quang đại sư nói rất hay: “Thành kính!” Ngài dạy: “*Một phần thành kính được mười phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Thành là gì? “Tôi rất thành kính, tôi mười hai phần thành kính”; đó là tiêu chuẩn của chính kẻ ấy, chẳng phải là tiêu chuẩn của Phật, Bồ Tát, thánh hiền. Theo tiêu chuẩn của Phật, Bồ Tát và thánh hiền, Thành là gì? Trong Độc Thư Bút Ký (bút ký đọc sách), tiên sinh Tăng Quốc Phiên^{46[1]} đã định nghĩa chữ “*Thành*”, ông ta giải thích như thế nào? “*Nhất niệm bất sanh thị vị thành*” (Một niệm chẳng sanh được gọi là Thành). Người ta có học vấn, có đức hạnh, giảng tuyệt lắm, “*niệm*” [trong câu nói của Tăng Quốc Phiên] là gì? Vọng niệm đấy! Hễ quý vị còn có vọng niệm sẽ chẳng Thành! Nói theo Phật pháp, quý vị vẫn khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, Thành ở chỗ nào? Phân biệt, chấp trước chính là gió to, sóng cả, phiền não nghiêm trọng. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta: Quý vị có thể chẳng chấp trước hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian; đối với hết thầy các

46[1] Tăng Quốc Phiên (1811-1872) là một vị văn thần, chính trị gia, quân sự gia, lý luận gia, và văn học gia lỗi lạc đời Thanh. Ông sinh tại Tương Hương, phủ Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, vốn có tên là Tử Thành, tự là Bá Hàm, hiệu Dịch Sanh, thụy hiệu Văn Chánh. Ông vốn là cháu đời thứ bảy mươi của Tăng Tử. Ông nổi tiếng thông minh, năm mười lăm tuổi dự thi khoa Đồng Tử đã đỗ hạng bảy, thi Hương đậu cao, nhưng thi Hội nhiều lần không đậu, mãi đến năm Đạo Quang 18 (1838) mới đỗ khoa thi Hội, vào thi Đình đỗ Tiến Sĩ năm ấy, được bổ làm Hàn Lâm Viện Thứ Cát Sĩ. Khi Hồng Tú Toàn làm loạn, lập ra Thái Bình Thiên Quốc tiến chiếm Giang Ninh, gần như chiếm trọn miền Giang Nam, Tăng Quốc Phiên đã gom góp học trò, thân thích, bạn bè để thành lập đoàn quân Sở Dụng chống cự Thái Bình Thiên Quốc, huấn luyện đoàn quân ô hợp này trở thành một lực lượng quân sự đáng nể. Trải qua bao nhiêu khó khăn, cuối cùng ông đã đại phá quân Thái Bình Thiên Quốc, tận diệt loạn đảng. Do vậy, ông được phong tước Thái Tử Thái Bảo, bổ làm tổng đốc tỉnh Trực Lệ, sau đó trở về làm Tổng Đốc Lương Giang, làm quan tới chức Vũ Anh Điện Đại Học Sĩ, tước phong Nghị Dũng Hầu. Về phương diện tư tưởng, ông đóng góp rất lớn trong sự hình thành trường phái văn học Tương Hương, gây ảnh hưởng rất lớn đến những nhà tư tưởng cuối đời Thanh như Nghiêm Phục, Đàm Tự Đồng, Lương Khải Siêu v.v... Ông trước rất phong phú, sau khi mất, các môn đệ biên tập trước tác của thầy thành bộ Tăng Văn Chánh Công Toàn Tập.

pháp thế gian và xuất thế gian, mà quý vị chắc chắn chẳng chấp trước, thì xin chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng quả A La Hán, đã vượt thoát lục đạo luân hồi. Nếu lại tiến thêm một bước nữa, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, phân biệt cũng buông xuống, chẳng còn phân biệt nữa. Thừa quý vị, buông chấp trước xuống, đạt được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ; buông phân biệt xuống, đạt được tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh là tâm Bồ Tát, tâm bình đẳng là tâm Phật. Cuối cùng là khởi tâm động niệm, tức là vọng niệm cũng buông xuống, chẳng sanh ý niệm, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. “*Vì đạo ngày càng tôn giãm*”, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều phải buông xuống! Mỗi năm [vọng tưởng, phân biệt, chấp trước] một nhẹ hơn thì đạo nghiệp của quý vị đang tiến bộ. Nếu mỗi năm một nghiêm trọng hơn, quý vị đã hoàn toàn tương phản, quý vị đang học đạo, nhưng đạo ấy chẳng phải là Phật đạo, mà là đạo gì? Phải biết đây là lục đạo, quý vị đang tu luân hồi trong lục đạo! Tu luân hồi trong lục đạo có thiện, có ác; nếu là thiện, sẽ là ba thiện đạo; nếu bất thiện thì quý vị đang tu ba ác đạo, đều là tu đạo, đều gọi là Đạo, chớ nên không biết điều này! Chúng ta phải thấu hiểu cẩn thận vì sao Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, hãy khéo học tập, nâng cao cảnh giới của chính mình. Thật đấy! Đức Phật đã nói hai câu mà ai cũng đọc được, nhưng quý vị chưa làm được: “*Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), đó là công phu thật sự.

Nay chúng ta phải nghiêm túc tự hỏi chính mình: Tịnh Nghiệp Tam Phước không chỉ là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong Tịnh Tông, mà còn là nguyên tắc chỉ đạo của toàn thể Phật pháp. Điều thứ nhất là: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”. Chúng ta có làm được hay không? Đó là gì? Là điều kiện cơ bản để học Phật. Nếu chúng ta không trọn đủ, sẽ chẳng có tư cách tiến nhập Phật môn. Tiến nhập Phật môn đòi hỏi điều kiện, hạng người nào vậy? Thiện nam tử, thiện nữ nhân. Thiện là bốn câu [trên đây], bốn câu này là ba món căn bản của Nho, Thích, Đạo. Hiếu thân tôn sư (hiếu thuận cha mẹ, tôn trọng thầy) ở trong Đệ Tử Quy, từ tâm chẳng giết trong Cảm Ứng Thiên. Do vậy, quý vị có thể thật sự thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp, thật sự làm được, sẽ hội đủ tiêu chuẩn “thiện nam tử, thiện nữ nhân”. Có điều kiện này mới có thể tiến nhập Phật môn, thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Phước thứ hai chính là đệ tử Phật môn chân chánh: “*Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”, chẳng đủ điều kiện trên đây sẽ chẳng có tư cách thọ lãnh [giới pháp]; nhưng nay thì sao? Nay chúng ta không đủ điều kiện mà vẫn thọ! Chương Gia đại sư bảo tôi: Thọ giới để làm gì? Thọ để học! Ngàn vạn phần chớ nên nghĩ mình đã thọ giới, đã đắc giới, không thể nói như vậy! Nói như vậy chính là gì? Đại vọng ngữ. Đại vọng ngữ vì quý vị chưa đạt được mà tưởng đã đạt được!

Người nói câu này sớm nhất chính là Ngẫu Ích đại sư. Ngẫu Ích đại sư sống vào cuối đời Minh, Minh mạt Thanh sơ (cuối đời Minh, đầu đời Thanh), tuy là Tổ Sư Tịnh Độ Tông, tức Tổ Sư đời thứ chín, nhưng Ngài có công phu rất sâu nơi giới luật. Giống như

Hoàng Nhất đại sư trong thời cận đại, mọi người đều biết Hoàng Nhất đại sư nghiên cứu giới luật. Vào thời ấy, Ngẫu Ích đại sư nghiên cứu giới luật, Ngài cũng trước tác về giới luật rất nhiều. Ngài bảo: “Tại Trung Quốc, từ triều đại Nam Tống trở đi không có tỳ-kheo!” Tỳ-kheo là tỳ-kheo trên danh tự, hữu danh vô thực! Không giữ được giới tỳ-kheo, nên chẳng có tỳ-kheo. Muốn truyền giới xuất gia, tức là truyền xuất gia tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới, tối thiểu phải có năm vị tỳ-kheo mới có thể truyền. Do chẳng có năm tỳ-kheo truyền giới, nên người thọ giới chẳng thể đắc giới. Ngài nói từ triều đại Nam Tống về sau chẳng có [tỳ-kheo], danh tự tỳ-kheo chẳng phải là thật sự có. Do vậy, khuyên mọi người: Quý vị có thể đến thọ giới, nhưng biết đó là hình thức, thọ rồi phải học. Thật sự học một điều sẽ đắc một điều vì quý vị làm được. Người thọ Ngũ Giới rất nhiều, rất phổ biến, người thọ Tại Gia Bồ Tát giới cũng không ít, nhưng Ngũ Giới có giữ được hay chẳng? Đừng nói chi khác! “Chẳng nói dối” có làm được hay chẳng? Thường nói những câu nhằm nhí, dù hữu ý hay vô ý, tức là chẳng giữ [giới “bất vọng ngữ”]! Không sát sanh, không trộm cắp, chẳng tà dâm, quý vị hãy suy nghĩ đã làm được điều nào hay chưa? Vẫn cứ nói tôi thọ Mãn Phần Ngũ Giới (thọ đủ năm giới), Mãn Phần Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di! Ngũ Giới làm không được, Bồ Tát Giới càng khó cần phải nói nữa. Do vậy, hữu danh vô thực, chúng ta phải biết điều này. Kiếm đủ mọi cách lừa gạt chư Phật, Bồ Tát, [mà vẫn ra rả]: “Tôi chuyện gì xấu cũng đều chẳng làm!” Quý vị thọ giới mà làm không được, tội ấy rất nặng. Cách kết tội ra sao? Đã phạm tội gì? Phá hoại hình tượng Phật giáo, quý vị có thừa nhận hay chẳng? Người ta nhìn vào Phật giáo, quý vị thấy Phật giáo đồ giống như vậy, người ta đâu có chửi quý vị, mà chửi toàn bộ Phật giáo, ngay cả chư Phật, Bồ Tát đều bị chửi lây, phải hiểu điều này!

Tín đồ tại gia không giữ được Thập Thiện! Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới đều làm không được. Các đệ tử xuất gia không giữ được Sa Di Luật Nghi! Không chỉ Sa Di Luật Nghi, mà Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện cũng làm không được. Quý vị nói xem: Phật giáo lẽ nào chẳng suy? Phật giáo suy ở chỗ nào? Chẳng có giới luật! Quý vị thấy Phật pháp là “tín, giải, hành, chứng”; quý vị có tín, có giải, nhưng chẳng có hành, khoan bàn tới chứng. Không có hành, làm sao có chứng? Chỉ có tín giải, tín giải biến thành học thuật, biến thành Phật học. Có hành và có chứng mới biến thành học Phật. Học Phật và Phật học khác nhau! Phật học là có thể nói, nhưng chẳng thể hành; học Phật là có thể nói và có thể hành. Vì thế, trong thời đại hiện tại, tìm một thiện tri thức phải đến nơi đâu để tìm? Tìm không ra! Vì thế, thầy mới dạy tôi, thưa thầy Lý tại thế, lão nhân gia hết sức khiêm hư, tôi bái sư, hành lễ bái sư để xin học với Ngài. Lão nhân gia bảo tôi: “Tôi chỉ có thể dạy anh năm năm”. Sau năm năm sẽ làm như thế nào? Cụ giới thiệu một vị thầy, thầy của Ngài là Ấn Quang đại sư. Ấn Quang đại sư đã khuất, Văn Sao vẫn còn. Hằng ngày, quý vị đọc Văn Sao là thân cận Ấn Quang đại sư. Ghi nhớ giáo huấn của Ấn Quang đại sư, sôt sáng nỗ lực thực hiện thì quý vị sẽ là học trò của pháp sư Ấn Quang.

Mở ra một cửa, vì hiện thời tìm không được một vị thiện tri thức chân chánh, nhưng cổ nhân thì có, hãy làm tư thực đệ tử của cổ nhân. Thầy giới thiệu tôi làm tư thực đệ tử của Ấn Quang đại sư. Tôi giảng kinh, dạy học tại các nơi ở hải ngoại nhiều năm như thế, chẳng dám tự nhận mình là thầy, chưa đủ tư cách, tôi cũng học theo phương pháp của thầy, giới thiệu một vị thầy cho mọi người. Tôi giới thiệu ai vậy? Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật là hai vị thầy tốt đẹp, theo các Ngài chắc chắn tốt đẹp lắm!

Thầy ở nơi đâu? Trong Vô Lượng Thọ Kinh và A Di Đà Kinh. Thâm nhập một môn, trường thời huân tu. Xem kinh không hiểu thì hãy tìm trợ giáo (tutor), tìm người giúp đỡ! Trợ giáo là ai? Người chú giải kinh là trợ giáo. Xem kinh Hoa Nghiêm không hiểu, hãy tìm Thanh Lương đại sư, tìm Lý Trường Giả, chú giải của các Ngài giúp chúng ta học tập. Xem Di Đà không hiểu, tìm Liên Trì đại sư, Ngài có bộ Sớ Sao, Ngẫu Ích đại sư có bộ Yếu Giải, U Khê đại sư có Viên Trung Sao. Trước khi bản [hội tập] này ra đời, thông thường người học kinh Vô Lượng Thọ đều học theo bản dịch của Khang Tăng Khải. So trong năm bản dịch gốc, bản của ngài Khang Tăng Khải hay nhất, lưu thông cũng rất rộng. Đòi Tuy, Huệ Viễn đại sư^{47[2]} có chú giải. Sư có pháp danh hoàn toàn giống với Sơ Tổ Tịnh Độ Tông. Lô Sơn Huệ Viễn đại sư là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông Trung Quốc. Do Huệ Viễn đại sư đời Tuy trùng tên, trong Phật môn gọi Ngài là Tiểu Huệ Viễn. Nghe nói Tiểu Huệ Viễn liền biết ngay là Huệ Viễn đại sư đời Tuy, hãy đọc

47^[2] Ngài Huệ Viễn (523-592) họ Lý, người xứ Hoắc Tú, Trạch Châu, vốn quê ở huyện Đông Hoàng, tỉnh Cam Túc. Ngài cùng với Trí Giả đại sư của tông Thiên Thai, Cát Tạng đại sư của tông Tam Luận được tôn xưng là “Tùy đại tam đại sư” (ba vị đại sư đời Tuy). Ngài thông hiểu kinh luận rất rộng, trước tác chú sớ rất nhiều, nên được tôn xưng là Sớ Vương, hoặc Thích Nghĩa Cao Tổ. Ngài là người chú thích kinh Vô Lượng Thọ đầu tiên (bộ Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ). Ngài cũng là một trong những người lập thuyết sơ khởi cho tông Tịnh Độ với giáo thuyết Tam Tịnh Độ gồm Sự Tịnh Độ, Tướng Tịnh Độ và Chân Tịnh Độ. Do vậy, có những người chủ trương Ngài mới đáng được coi là Sơ Tổ Tịnh Độ thay vì ngài Lô Sơn Huệ Viễn vì Ngài đã xác lập nền tảng và hệ thống cho tư tưởng Tịnh Độ. Quan điểm này chỉ chú trọng đến phương diện giáo thuyết mà quên đi một sự kiện là các tổ sư Tịnh Độ được tôn là tổ sư vì có công hoằng dương, phổ biến Tịnh Độ, đồng thời còn là những vị đại hành giả thành tựu lỗi lạc trong Tịnh Tông. Ngoài những cống hiến về giáo nghĩa Tịnh Độ, ngài Huệ Viễn còn đặc biệt nghiên cứu Địa Luận, Ngài được coi là khai tổ của phái Tương Châu Nam Đạo trong Địa Luận Tông. Tác phẩm Hoa Nghiêm Kinh Yếu Nghĩa của Ngài cũng rất được tông Hoa Nghiêm tôn trọng. Những trước tác nổi tiếng nhất của Ngài là Đại Thừa Nghĩa Chương, Thập Địa Kinh Luận Nghĩa Ký, Hoa Nghiêm Kinh Sớ, Đại Bát Nhã Kinh Nghĩa Ký, Thắng Man Kinh Nghĩa Ký, Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, Duy Ma Kinh Nghĩa Ký v.v... Ngài cũng hết sức can đảm vì đã dám chất vấn, quở trách Châu Vũ Đế khi nhà vua chủ trương hủy diệt Phật pháp. Do Ngài trụ tại chùa Tịnh Ảnh nên người ta thường gọi Ngài là Tịnh Ảnh Huệ Viễn và bộ Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ thường được gọi tắt là Tịnh Ảnh Sớ.

bản chú giải của Ngài. Khi chúng tôi học kinh Vô Lượng Thọ tại Đài Trung, nhằm lúc bản này vẫn chưa truyền đến Đài Trung, thầy Lý giảng Vô Lượng Thọ Kinh bằng bản chú giải của ngài Tiểu Huệ Viễn. Chú sớ của cổ nhân giúp đỡ các đồng học. Hiện thời có nhiều công cụ hơn, dùng máy thu âm hay máy thu hình để giảng giải nhằm giúp đỡ người đời sau, quá sức thuận tiện! Chúng ta thành lập một đạo tràng, quý vị phải ghi nhớ, Ấn Quang đại sư là một vị nhất đại tổ sư có đức hạnh, có trí huệ, lão nhân gia dạy chúng ta: Trong tình hình xã hội hiện thời, kiến lập đạo tràng hãy trọng phẩm chất, đừng coi trọng số lượng, tức là “trọng thực chất, đừng coi trọng hình thức”. Đạo tràng chớ nên to lớn; thảo am nhỏ là lý tưởng nhất. Chúng thường trụ không nên hơn hai mươi người, dễ duy trì. Các đồng học chí đồng đạo hợp ở cùng một chỗ cộng tu, một phương hướng, một mục tiêu, quyết định cầu sanh Tịnh Độ. Thảo am nhỏ ở được hai mươi người, người trong ấy tâm đều thanh tịnh. Nếu dựng một ngôi chùa lớn, giàu có, lộng lẫy, nguy nga, có bao nhiêu người sẽ dòm ngó, nghĩ cách tranh đoạt!

Thích Ca Mâu Ni Phật thấy rõ ràng, cho nên, thuở Phật tại thế, Ngài giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, chẳng dựng một đạo tràng nào, ngay cả thảo am nhỏ cũng chưa hề dựng. Vì sao? Nay chúng ta hiểu rõ: Lập đạo tràng sẽ có kẻ khởi ý niệm ác. Cái gì cũng đều chẳng có, ba y một bát, trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây, quý vị còn tranh đoạt gì nữa? Vì thế, mỗi cá nhân đều thanh tịnh, chẳng tranh chấp. Thị hiện hay quá! Thị hiện từ bi đến cùng cực, Ngài thật sự chịu khổ thay cho chúng sanh. Vì sao làm như vậy? Nêu gương cho người đời sau xem. Nói thật ra, thân thể chúng ta trong hiện thời chẳng thể sánh với thân Phật, ngay cả đệ tử Phật, chúng ta cũng chẳng thể sánh bằng. Người ta là năm này qua tháng khác, đêm ngồi dưới cội cây, chẳng ngán gió tạt, mưa tạt. Kinh bảo là “*kim cang bất hoại thân*”, người ta có đức hạnh. Nay chúng ta không làm được, nay chúng ta nghỉ một đêm dưới gốc cây, nói chung là ngày hôm sau phải nằm phòng cấp cứu, chẳng có đức hạnh như người ta! Tướng chuyển theo tâm, tâm người ta thanh tịnh, chúng ta chưa đạt đến mức độ thanh tịnh ấy. Vì vậy, chớ nên không biết điều này! Trong xã hội hiện thời, chúng ta càng chẳng thể rời khỏi xã hội, mỗi ngày nghiêm túc học tập trong tiểu đạo tràng, đem công đức học tập hồi hướng cho xã hội, hồi hướng cho hết thảy chúng sanh khổ nạn, tiêu tai miễn nạn, chuyện này có thật hay không? Thật đấy! Trong kinh, đức Phật đã nói rất tuyệt: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Có một nhóm người như thế, dùng cái tâm thanh tịnh hằng ngày cầu nguyện, chân thành cầu nguyện sẽ sanh ra hiệu quả; đấy là đối với xã hội. Trong xã hội có kẻ không tin, xưa nay, trong ngoài nước có rất nhiều sự tích linh nghiệm, hiện tại có hay không? Hiện tại vẫn có. Dần dần khoa học cũng chậm chạp ấn chứng cho chúng ta, chúng ta cảnh chuyển theo tâm, chúng minh tướng do tâm sanh, kẻ thật sự có đức hạnh sẽ thật sự có cảm ứng. Chẳng có đức hạnh thì sao? Chẳng có đức hạnh thì cũng phải tham dự các sự nghiệp phước lợi xã hội. Các tôn giáo ngoại quốc rất coi trọng việc này,

họ lập viện dưỡng lão, cô nhi viện, dục ấu viện (preschool), bệnh viện, làm rất nhiều, tôi cũng thấy rất nhiều, họ nhiệt tâm thực hiện các sự nghiệp từ thiện phước lợi xã hội. Trong Phật môn, những chuyện này là làm kèm thêm, chuyện thật sự phải làm là tự nâng cao cảnh giới của chính mình, thành tựu đạo đức và trí huệ, quý vị mới có thể thật sự giúp chúng sanh khổ nạn, thật sự có năng lực hóa giải tai nạn.

“*Văn cặn, Thái Hư pháp sư đề xướng nhân gian Tịnh Độ*” (gần đây, pháp sư Thái Hư đề xướng nhân gian Tịnh Độ), vị này cũng là người sống trước chúng tôi một thế hệ, có khá nhiều cống hiến đối với Phật giáo Trung Quốc, cũng có không ít trước tác. “*Tăng tường dẫn Vô Lượng Thọ Kinh văn cú*” (từng trích dẫn cặn kẽ nhiều câu trong kinh Vô Lượng Thọ). Trong khi diễn giảng, Sư trích dẫn kinh văn từ kinh Vô Lượng Thọ rất nhiều. “*Cái dĩ thử kinh song chiếu thế xuất thế gian*” (ấy là vì kinh này soi rọi cả thế gian lẫn xuất thế gian), trong bộ kinh này, đức Phật giảng về pháp thế gian không ít, mà giảng pháp xuất thế gian cũng rất nhiều. “*Tường thị Chân Tục nhị đế*” (chỉ bày cặn kẽ Chân Đế và Tục Đế), đức Phật nương theo Nhị Đế để thuyết pháp, đó là một tổng nguyên tắc của giảng kinh, giáo học. “*Đế*” (諦) là gì? Nói theo cách phổ thông hiện thời, Đế là chân lý, chân thật, thực tại. Có hai thứ [chân lý]: Một là Tục Đế, hai là Chân Đế. Tục Đế là pháp thế gian, Chân Đế là Phật pháp, thế gian và xuất thế gian đều quan tâm. Chân Đế là sau khi mình tâm kiến tánh, quý vị đã thấy được Thật Tướng của các pháp, những người tầm thường trong thế gian chúng ta rất khó lý giải điều này. Thật Tướng là thật, nhưng chúng ta chưa tu học đến trình độ ấy, nên đức Phật chẳng nói chuyện này. Ngài giảng về pháp thế gian, cũng có nghĩa là đức Phật rất thông hiểu những kiến thức thông thường. Đức Phật nói về những kiến thức thông thường của người thế gian, chúng ta rất dễ tiếp nhận, rất dễ hiểu. Ngài dạy “cha nhân từ, con hiếu thảo, anh nhường, em kính”, chúng ta nghe rất vui vẻ. Đó là Thế Tục Đế, chẳng phải là Chân Đế. Chân Đế giảng “*vạn pháp đều không*”, chúng ta sẽ không hiểu, chúng ta thấy rõ hết thấy các pháp hiện tiền, có sao là không? Lẽ nào Phật là không? Tôi không hiểu điều này! Đó là Chân Đế, thuộc về Triết Học cao cấp, người bình thường chẳng thể hiểu. Đức Phật nhìn vào căn tánh của chúng sanh, thấy quý vị thuộc trình độ nào bèn thuyết pháp [đến mức đó]. Vì thế, trong toàn bộ Phật pháp, Tiểu Thừa toàn giảng về Tục Đế, Chân Đế cũng nói, nhưng rất ít. Trong pháp Đại Thừa, Chân Đế và Tục Đế đều giảng, ngay cả trong pháp Nhất Thừa [cũng như thế]. Pháp Nhất Thừa là Pháp Hoa và Hoa Nghiêm, trong ấy vừa có Tục Đế, vừa có Chân Đế, không hoàn toàn giảng Chân Đế.

“*Phù Tịnh Tông chi diệu, tại ư bất ly Phật pháp, nhi hành thế pháp, bất phé thế pháp, nhi chứng Phật pháp*” (Điều hay tuyệt của Tịnh Tông là chẳng lìa Phật pháp mà hành pháp thế gian, chẳng bỏ pháp thế gian mà chứng Phật pháp). Đây là chỗ thù thắng của Tịnh Tông, đúng là xảo diệu. Tiếp đó, sách viết: “*Nhân trì danh chi pháp, tối vi phương tiện, tùy địa khả tu*” (do pháp trì danh thuận tiện nhất, chỗ nào cũng có thể tu

được), có thể tu bất cứ lúc nào, tu ở bất cứ chỗ nào, một câu Phật hiệu trong tâm, phải thật sự làm được tiêu chuẩn “*nhiep trọn sáu căn, tinh niệm tiếp nối*” như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói, thật sự, chẳng giả. Giữ vững lục căn chẳng cho chúng rong ruổi theo bên ngoài, “*phi lễ vật thị, phi lễ vật thính*” (phi lễ chớ nhìn, phi lễ chớ nghe), không chế được! Lục căn chẳng chạy theo cảnh giới lục trần. Đối với phàm phu, cảnh giới lục trần bên ngoài dẫn dụ lục căn, quý vị bèn tạo nghiệp; thật sự có thể không chế nó, thì có thấy cảnh giới bên ngoài hay không? Thấy chứ! Nhưng thấy ra sao? Chẳng để trong lòng, thấy mà như không thấy, nghe mà chẳng nghe, chẳng bận lòng, đó gọi là công phu. Trong tâm là gì? Trong tâm là A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng đều chẳng có. Trò chuyện trao đổi với quý vị, đó là pháp thế gian, nhưng Phật hiệu trong tâm chẳng gián đoạn. Chẳng phải là nói tôi có chuyện phải làm, tôi buông niệm Phật xuống, đó là gì? Đó là công phu vẫn chưa đủ, chưa đạt, người mới học mới phải làm như vậy. Đặc biệt là khi phải dùng đến đầu óc suy nghĩ, quý vị tạm thời buông Phật hiệu xuống để làm việc. Sau khi làm xong xuôi, lại niệm Phật. Nếu đã đạt Niệm Phật tam-muội, sẽ chẳng có chướng ngại, trong mười hai thời Phật hiệu chẳng gián đoạn, làm được, chứ chẳng phải là không làm được!

Xưa kia, tôi ở Đài Loan, vào dịp Tết năm nọ, có một vị lão cư sĩ đến chúc Tết tôi, cụ cũng là tín đồ đã lâu của Hoa Tạng Đồ Thư Quán. Bà cụ đến bảo tôi: “Bạch pháp sư! Nay trong lòng tôi rất thanh tịnh, chuyện gì tôi cũng đều buông xuống, nhưng không thể bỏ cháu nội được!” Công phu niệm Phật của bà cụ rất tốt, không buông cháu nội xuống được, tôi nói với cụ: “Bà hãy tưởng A Di Đà Phật là cháu bà, bà sẽ thành công!” Bà cụ chẳng nghĩ đến cháu, chẳng nghĩ tới, nhưng trong tâm thật sự có cháu, thời thời khắc khắc đều có bóng dáng của đứa cháu, A Di Đà Phật thường treo nơi miệng, trong tâm là cháu. Do vậy, tôi dạy bà cụ một phương pháp để thay đổi: “Hãy đem cháu bà đổi thành A Di Đà Phật, bà sẽ thành công!” Trong lòng thật sự có [A Di Đà Phật]! Đó là niệm Phật! “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật), Đại Thế Chí Bồ Tát nói như thế. Nếu chúng ta một lòng một dạ nghĩ tới thế giới Cực Lạc, mong vãng sanh, chẳng vãng sanh sẽ phiền phức lớn lắm, chẳng vãng sanh sẽ phải luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo đúng là khổ quá, chẳng muốn luân hồi nữa! Chẳng còn tiêm nhiễm những thứ trong lục đạo, tâm quý vị bèn định, cái gì cũng đều chẳng nghĩ tới. Mỗi ngày ăn no ba bữa là được rồi, chuyện gì cũng không phải truy tìm, có thể ăn đủ no, quần áo có thể chống lạnh là được rồi, có một chỗ nhỏ bé để ngủ là đủ rồi, cần chi nữa? Quý vị đã biết đủ, biết đủ thường vui. Tâm chẳng có mảy may gánh nặng nào, thân lẫn tâm đều chẳng có áp lực, quý vị nói có tự tại lắm hay không? Trong tâm thật sự có Phật, công phu như vậy nhanh là một năm, chậm thì tôi đa là ba năm, quý vị sẽ đạt được Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là gì? Tâm thanh tịnh. Trong tựa đề của kinh Vô Lượng Thọ có “*thanh*

tịnh”, quý vị đã đạt được. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, chẳng còn sanh phiền não nữa. Khi nào sẽ vãng sanh? Trong cảnh giới ấy, muôn vãng sanh lúc nào sẽ vãng sanh khi ấy; quý vị vừa nghĩ, A Di Đà Phật liền đến. Có thọ mạng, nhưng chẳng cần thọ mạng nữa, đi ngay bây giờ được chẳng? Được! Thông tin của quý vị gửi sang A Di Đà Phật, ở nơi đây vừa khởi niệm, A Di Đà Phật liền biết ngay, Phật đến tiếp dẫn. Chẳng có công phu ấy sẽ không được, nghĩ cách nào Phật cũng chẳng đến, vì sao nghĩ mà Phật không đến? Do quý vị vọng tưởng, nên Phật không đến, vẫn chưa buông những thứ tạp nhạp trong thế gian xuống được! Thật sự buông xuống sẽ có thể ra đi bất cứ lúc nào!

Thế giới này khổ ngàn ấy, chịu khổ nhiều năm ngàn ấy, còn có gì tốt đẹp để lưu luyến nữa? Sanh về thế giới Cực Lạc vĩnh viễn lìa khổ, được vui. Vì sao chẳng làm? Nói thật ra là vì tham sống sợ chết! Nếu có Niệm Phật Đường nào mở ở đây, bảo mọi người: “Đến chỗ tôi niệm Phật, chắc chắn bảy ngày sẽ vãng sanh”, quý vị thấy có ai dám tới hay không? Không dám tới! Mỗi ngày cầu vãng sanh, nhưng bảy ngày chắc chắn vãng sanh thì chẳng ai dám tới Niệm Phật Đường ấy! Giả trá, chẳng thật! Miệng đúng, tâm sai! Sau khi chúng ta hiểu rõ, phải thật sự làm, các đạo lý đều hiểu rõ ràng, minh bạch.

Quả thật là chẳng lìa Phật pháp mà hành pháp thế gian. Pháp thế gian và Phật pháp chẳng có một chút chướng ngại nào! Bất luận làm việc gì, trong tâm Phật hiệu chẳng gián đoạn, đó là “công phu thành phiền”, sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới; nhưng [sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng] chẳng sao cả! Đức Thế Tôn đã nói minh bạch: Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới liền viên chứng bốn cõi. Quả đức thù thắng này đến đâu để cầu? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có một môn này là có, những môn khác chẳng có. Vì thế, gặp gỡ pháp môn rất khó có này, rất chẳng dễ dàng! Đã gặp mà không chịu tu, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, tội ấy rất nặng, có lỗi với chính mình, có lỗi với chư Phật, Bồ Tát, có lỗi với cha mẹ, tổ tiên; bởi lẽ, quý vị vãng sanh sẽ thành Phật, người nhà của quý vị sẽ đắc độ. Bất luận họ ở trong đường nào, quý vị đều thấy rõ ràng, họ gặp khổ nạn, quý vị có thể giúp họ. Họ có duyên với quý vị, cho nên họ có cảm, quý vị sẽ có ứng. Họ đang chịu khổ, chịu nạn, mong mỗi có người giúp đỡ. Đó chính là Cảm. Quý vị có duyên với họ, lập tức nhận được tin tức ấy, thật sự có thể giúp đỡ họ. Chẳng phé pháp thế gian, mà chứng Phật pháp. “Chẳng phé” và “chẳng lìa” có cùng một ý nghĩa. Thế pháp (pháp thế gian) là gì? Thừa cùng quý vị, Đệ Tử Quy là thế pháp, Cảm Ứng Thiên là thế pháp, Thập Thiện Nghiệp cũng là thế pháp. Quý vị thấy đó, vận dụng ba thứ này ngay trong cuộc sống hằng ngày của chính mình, vận dụng ngay vào công việc của chính mình, dùng ngay trong sự đãi người tiếp vật của chính mình, thế pháp đấy! Nêu gương tốt cho người thế gian. Trong tâm là A Di Đà Phật thì sẽ thành công. Thế pháp không chỉ chẳng chướng ngại quý vị, mà quý vị còn tích lũy công đức nơi ấy, nâng cao phẩm vị khi sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị làm bao nhiêu chuyện tốt, nêu gương rất tốt trong xã hội. Tâm quý vị thanh tịnh, người ta nhìn không thấy, nhưng Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp của

quý vị người ta sẽ thấy, để thay đổi phong thái xã hội hiện thời cần phải có những điều này! Tổ tiên để lại cho chúng ta những thứ tốt đẹp, yêu thương con cháu dường ấy, ân sâu đại đức khôn sánh! Nay chúng ta là con cháu bất hiếu trong đời này, chẳng hiểu lòng yêu thương của tổ tiên, gạt bỏ giáo huấn của họ sang một bên, lại còn chê họ lỗi thời, tâm thái như vậy, quý vị nói xem: Có tránh khỏi chẳng bị báo ứng hay chẳng? Chúng ta đúng là khó có, trong thời đại này và trong lứa tuổi như vậy mà được gặp gỡ [pháp môn này], mới giác ngộ, mới hiểu rõ, nhanh chóng quay đầu sốt sắng học tập, tự lợi, lợi tha, lợi tha là tự lợi. Bản thân quý vị chẳng sốt sắng học tập, sẽ không có cách nào lợi tha. Chính mình thật sự học, sẽ thật sự đạt được lợi ích, người khác trông thấy sẽ học theo, [do thấy chúng ta có] biểu hiện tốt đẹp mà!

Tôi nhớ năm xưa chúng tôi ở Mỹ, hàng xóm gần đó đều là người Mỹ. Tôi sống trong một căn nhà nhỏ đối diện nhà Hàn Quán Trường. Những người hàng xóm rất hâm mộ chúng tôi. Có một buổi sáng, chúng tôi ra ngoài tản bộ, bên ngoài là công viên; những người hàng xóm trông thấy tôi, bèn nói họ thấy chúng tôi mỗi ngày đều vui vẻ dường ấy, khuôn mặt tràn đầy dáng vẻ tươi cười, hỏi: “Các vị làm nghề gì vậy? Vì sao vui sướng ngần ấy?” Chúng tôi bảo họ: “Chúng tôi niệm Phật”. Họ hỏi: “Niệm Phật là gì?” Có cơ hội giáo dục rồi! “Niệm Phật đích thực là học điều gì?” Chúng tôi bảo họ: “Niệm Phật chính là học trí huệ”. Họ nghe xong, [bèn nói] điều này cần thiết, tôi cũng muốn học. Tôi nói: “Thứ hai là trường thọ, thứ ba là vui sướng”. Họ nói: “Chúng tôi cần [những điều ấy]” Bọn họ đều là tín đồ Cơ Đốc, mỗi Chủ Nhật đều đi nhà thờ, tôi bèn khuyên họ: “Ngày thứ Bảy các vị hãy đến Phật đường của chúng tôi để học trí huệ, học trường thọ, học vui sướng. Ngày Chủ Nhật, quý vị đi nhà thờ, chẳng vi phạm [luật đạo]. Ở chỗ quý vị có Chúa, còn chúng tôi ở đây có thầy”. Đức Phật là thầy của chúng ta, Ngài chẳng phải là thần. Đúng là sau đây, dần dần người ta đến đông hơn, những vùng phụ cận đều đến. Bởi lẽ, họ quan sát trước, quan sát mấy tháng rồi mới tiếp cận chúng tôi, từ từ họ hiểu biết. Vì lẽ đó, tôi nói: Tín ngưỡng tôn giáo và học Phật chẳng xung đột. Quý vị tín ngưỡng tôn giáo, thần là cha của quý vị, có quan hệ cha con hoặc chủ tớ với quý vị. Quý vị đến chỗ chúng tôi, có quan hệ thầy trò với Thích Ca Mâu Ni Phật. Ở nhà, quý vị có cha mẹ, ở trường có thầy, làm sao xung đột cho được? Họ nghe nói rất vui thích, chẳng xung đột mà!

Tiếp đó, cụ Hoàng nhắc nhở chúng ta: “*Tùy địa khả tu, hà đãi độn nhập sơn lâm, tùy thời khả niệm, bất lao bé quan yển tọa*” (tu ở bất cứ chỗ nào cũng được, chẳng cần phải trốn vào núi rừng; niệm bất cứ lúc nào cũng được, chẳng nhọc công bé quan, ngồi yên), ý nói: Chẳng cần phải tìm một A Lan Nhã. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, tức là tìm một nơi thanh tịnh. [Pháp môn Tịnh Độ] có thể tu trong bất cứ lúc nào. Hương Cảng là nơi phồn hoa nhất, có thể tu được hay chẳng? Có thể! Chẳng bị trở ngại gì, [pháp môn Tịnh Độ] thuận tiện hơn các pháp môn khác. Thí dụ như học Thiên, học Mật sẽ chịu ảnh

hưởng rất lớn từ hoàn cảnh, đều phải tìm một nơi thanh tịnh, [nơi ấy] gọi là Lan Nhã, [Lan Nhã] có nghĩa là thanh tịnh, rất an tĩnh. Tiêu chuẩn như thế nào? Vào thời cổ, [chỗ ấy] phải là nơi không nghe tiếng trâu kêu, lấy đó làm tiêu chuẩn. Tại nông thôn nuôi trâu, tiếng trâu kêu lớn nhất. Chỗ quý vị [tu Thiền hay tu Mật] phải là nơi không nghe thấy tiếng trâu kêu trong thôn trang, nơi đó gọi là đạo tràng thanh tịnh. Niệm Phật phải có phước báo; nhưng khi tôi thiếu phước báo thì ở chốn náo nhiệt vẫn tu được, vẫn có thể học thành công. Do vậy, không cần phải lánh vào rừng núi, cũng không cần phải bế quan, yên tọa, “yến tọa” (宴坐) là tĩnh tọa. Tiểu gia đình trong xã hội hiện thời, công việc vô cùng bận bịu, lấy đâu ra thời gian để tĩnh tọa? Do vậy, pháp môn này thù thắng, pháp môn này chẳng có một tí chướng ngại nào!

“Đản phát quang đại giác tâm, nhất hướng chuyên niệm danh hiệu, hạ chí thập niệm, nhất niệm, diệt đắc vãng sanh. Bất ngộ thế gian công tác, y cự đốn thoát sanh tử. Kỳ năng tự giác, giác tha, quảng độ chúng sanh ư vị lai, diệt phục tự tha câu lợi, tạo phước xã hội ư đương thế” (chỉ cần phát khởi giác tâm rộng lớn, một mực chuyên niệm danh hiệu, tối thiểu là mười niệm, hay một niệm cũng được vãng sanh, chẳng trở ngại công việc trong thế gian, mà vẫn nhanh chóng thoát khỏi sanh tử y như thế. Đã có thể tự giác, giác tha, rộng độ chúng sanh trong thời vị lai, lại còn khiến cho mình lẫn người đều được lợi lạc, tạo phước cho xã hội trong đời hiện tại). Đây là sự thật, nói rõ pháp môn này thích hợp bất luận thời đại nào; đặc biệt là trong xã hội hiện tại, khoa học kỹ thuật phát triển, những người công việc bận rộn, phải tranh thủ từng phút, từng giây, khoa học kỹ thuật thay đổi hằng ngày, hằng tháng, nếu quý vị không nỗ lực học tập, sẽ trở thành lạc hậu! Nhất là những người làm việc trong lãnh vực khoa học kỹ thuật, chúng ta thấy họ có lớp huấn luyện bổ túc, cứ mỗi nửa năm lại phải tái giáo dục. Những thứ mới mẻ hơn ra đời, họ phải đi học từ một tuần cho đến hai tuần, nhằm tiếp nhận những thứ mới mẻ. Đôi khi mỗi ba tháng lại phải học huấn luyện bổ túc một lần. Mỗi năm, chẳng thể thiếu hai hoặc ba lần [huấn nghiệp như vậy]. Quả thật cuộc sống trong xã hội này rất bận rộn, nếu quý vị muốn thành tựu đạo nghiệp sẽ chẳng dễ dàng. Nhưng Tịnh Độ đã tạo phương tiện cho quý vị, hóa giải vấn đề khó khăn này!

Tiếp theo là: “Thị cổ kinh vân, đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế, kỳ hữu chúng sanh, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ” (Vì thế, kinh dạy: “Trong đời tương lai, khi kinh đạo diệt hết, ta do lòng từ bi, thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm. Có chúng sanh nào gặp được kinh này, tùy theo sở nguyện đều có thể đắc độ”). Đây là kinh văn ở phần sau kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ giới thiệu: “Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận” (trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết), khẳng định chẳng phải là hiện tại. Do trên thế giới có nhiều nhà tiên tri nói đến ngày tận thế, các tôn giáo ngoại quốc cũng nói tới tận thế; có đúng là thế giới sẽ có ngày tận thế hay không? Đều có vấn đề!

Phật pháp chẳng có cách nói như thế! Phật pháp nói “*pháp vận*”. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vận hai ngàn năm. Thừa cùng quý vị, chư Phật xuất thế pháp vận khác nhau; nói thật ra, Phật đâu có pháp vận! “*Vận*” là do chúng sanh [mà có]; Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp đều do chúng sanh. Chúng ta sốt sắng chịu học, đấy chính là Chánh Pháp. Sau khi nghe xong, chẳng muốn thực hành, đó chính là Tượng Pháp. Nghe mà cũng chẳng muốn nghe, đó chính là Mạt Pháp. Do vậy, ba thứ pháp vận là nói theo phía chúng sanh, chứ không nói theo Phật pháp, Phật chẳng có vấn đề, mà Pháp cũng không có vấn đề, thật sự là con người có vấn đề. Chúng ta có tâm ưa thích Phật pháp mạnh mẽ như vậy, đó là Chánh Pháp. Nay chúng ta học tập như vậy có khác gì [thái độ] học tập của mọi người thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế hay không? Chẳng khác gì cả! Họ theo Thích Ca Mâu Ni Phật có thể thành tựu trong một đời; nay chúng ta gặp pháp môn này, bảo đảm cũng thành tựu trong một đời này, đấy là Chánh Pháp. Nhưng đức Phật thấy căn tánh con người, đời sau đúng là kém hơn đời trước. Đến chín ngàn năm sau, nay chúng ta dần dần nghĩ đến chuyện này: Nghiệp do chúng sanh đã tạo tích lũy lại, tích lũy ác nghiệp càng nhiều, vận may của con người chẳng còn, hoàn cảnh cư trụ biến đổi theo, Phong Thủy luân lưu xoay chuyển. “*Phước nhân cư phước địa*” (người có phước ở cuộc đất có phước). Chỗ Phong Thủy chẳng tốt, nhưng người có phước báo đến ở nơi ấy; hai ba năm sau, Phong Thủy sẽ biến thành tốt, sẽ biến chuyển. Nơi ấy trở thành đất báu trong Phong Thủy. Kẻ thiếu đạo đức, tạo tác ác nghiệp, đến ở đó ba năm, Phong Thủy đều biến thành xấu, cảnh chuyển theo tâm mà! Địa cầu là một khối bảo địa, người trên địa cầu đều có thể tùy thuận Tánh Đức, tu Thập Thiện, chẳng tạo Thập Ác, cả một khối bảo địa sẽ chẳng có tai nạn gì, sẽ trở thành giống như thế giới Cực Lạc.

Quý vị thấy đức Thế Tôn giới thiệu thế giới Cực Lạc, kinh Di Đà nói người nơi ấy đều là bậc thượng thiện cùng ở một chỗ, chẳng phải là thiện tâm thường, mà là thượng thiện! Tiêu chuẩn thượng thiện cũng không cao lắm; đức Phật bảo chúng ta tu Thượng Phẩm Thập Thiện mà không muốn đến thế giới Cực Lạc thì sẽ sanh vào đâu? Sẽ sanh trong thiên đạo, từ Đạo Lợi Thiên trở lên là Thượng Phẩm Thập Thiện. Vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là thượng thiện, nơi ấy chẳng có tai nạn gì. Trung Phẩm Thập Thiện là nhân đạo, Hạ Phẩm Thập Thiện là A Tu La đạo; đó là tam thiện đạo. Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là thượng thiện, ngoài thượng thiện ra, người ấy còn giác ngộ, chẳng mê. Trong lục đạo, kẻ thượng thiện sanh lên cõi trời vẫn là mê, chẳng giác, chưa ngộ. Vì sao biết là ngộ? Trong kinh đã nói rất rõ ràng: Một người thật sự phát Bồ Đề tâm là giác ngộ. Phát tâm quyết định muốn cầu sanh về Tây Phương Tịnh Độ, ý niệm ấy là giác ngộ. Vì sao? Quý vị muốn rời khỏi lục đạo luân hồi. Không chỉ muốn rời khỏi lục đạo luân hồi, mà còn muốn thoát ly mười pháp giới. Thoát ly mười pháp giới là ai vậy? Bồ Tát! A La Hán chưa thoát được, A La Hán chỉ thoát ly lục đạo luân hồi, chẳng thoát ly mười pháp giới. Quý vị phát cái tâm

này, muốn sanh về thế giới Cực Lạc, đầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng thoát ly mười pháp giới. Tuy chưa phải là đại triệt đại ngộ, nhưng đã đạt được quả báo giống như người đại triệt đại ngộ, đây là pháp môn hy hữu. Thật sự phát tâm, chẳng còn lưu luyến thế giới này. Không chỉ chẳng lưu luyến thế giới này, mà thế giới Hoa Tạng cũng chẳng lưu luyến. Quý vị hướng tới thế giới Hoa Tạng, sẽ không sanh về đó được! Nếu quý vị thật sự không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước thì mới có thể sanh về thế giới Hoa Tạng, quý vị nói xem có khó khăn lắm hay không? Nhưng tới thế giới Cực Lạc là tới thế giới Hoa Tạng, chỗ bảo địa thù thắng nhất trong thế giới Hoa Tạng là thế giới Cực Lạc. Trước kia, tôi giảng kinh này tại Tân Gia Ba, đã nêu một tỷ dụ cho các đồng học, họ nghĩ Hoa Tạng và Cực Lạc là hai chỗ. Tôi bảo họ: Chẳng phải là hai chỗ, mà là một chỗ. Tôi nói thế giới Hoa Tạng giống như Tân Gia Ba, còn thế giới Cực Lạc giống như con đường Ô Tiết (Jalan Orchard). Con đường Ô Tiết là nơi phồn hoa nhất trong xứ họ, [Cực Lạc] là chỗ tinh hoa nhất trong thế giới Hoa Tạng. Sanh về thế giới Cực Lạc là sanh vào Hoa Tạng, sanh vào Hoa Tạng vẫn chưa đến thế giới Cực Lạc, nhưng cũng có người có thể đến! Văn Thù, Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, vẫn có thể đến, nhưng chẳng trực tiếp vãng sanh thỏa đáng như vậy! Do vậy, chúng ta phải hiểu rõ điều này thì mới thật sự buông xuống vạn duyên, nhất tâm quy y Di Đà Tịnh Độ.

Trong đoạn này đã dẫn một đoạn kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật nói: *“Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận”* (trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết), có cùng một ý nghĩa như đã nói trong phần trên: *“Ngã dĩ từ bi ai mãn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế”* (ta do lòng từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm). Chúng ta phải biết: Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này, nhất định phải ghi nhớ điều này. Thuở Phật tại thế, bất luận kinh điển nào cũng chỉ giảng một lần, chẳng nhắc lại, chỉ riêng bộ kinh này được tuyên giảng nhiều lần, vì sao? Là do mong mỗi kinh này có thể tồn tại đến khi pháp diệt tận, sẽ là bộ kinh bị diệt cuối cùng. *“Kỳ hữu chúng sanh trị tư kinh giả”* (có chúng sanh nào gặp được kinh này), *“trị”* (值) là gặp gỡ, cũng có nghĩa là đến khi pháp gần như bị diệt hết, kinh đạo đều chẳng còn, chỉ còn lại một bộ kinh, mà nếu quý vị được gặp. *“Tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ”* (tùy theo sở nguyện, đều có thể đắc độ). Quý vị nghĩ đến thế giới Cực Lạc là được rồi! Quý vị niệm Phật bèn có thể vãng sanh. Quý vị muốn sanh lên trời cũng được, muốn sanh trong loài người cũng được, thuận theo lòng mong mỏi, đều có thể mãn nguyện. *“Lương dĩ thử kinh phù hợp xã hội chi thật hướng”* (ây là vì kinh này phù hợp với tình huống thật sự trong xã hội). Đúng như kinh Hoa Nghiêm đã nói “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”, pháp môn này là pháp môn vô chướng ngại. *“Chân Tục tịnh chiếu, Lý Sự song dung, phàm thánh tề thâm, tâm Phật bất nhị”* (Chân và Tục cùng chiếu, Lý và Sự đều viên dung, gồm thâm phàm lẫn thánh, tâm và Phật chẳng hai), tâm Phật bất nhị là Thật Đẳng. Trong phần trước, tôi đã nói với quý vị: *“Phàm thánh tề thâm”* là Tục Đẳng, đến

phần sau sẽ nhắc lại ý nghĩa này, trong kinh nói đến điều này rất nhiều. “*Cố năng trường tồn nhi độc lưu u mặt thế*” (Vì thế, có thể trường tồn, một mình được lưu lại trong đời Mặt), “*mặt thế*” là thời đại Mặt Pháp.

“*Luong dĩ thử kinh bất đản vi Tịnh Độ quân kinh chi cương yếu, nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy, thật diệc vi thử giới tha phương, hiện tại, vị lai nhất thiết hữu tình ly khổ đắc lạc cứu cánh Bồ Đề chi pháp yếu*” (Ấy là vì kinh này không chỉ là cương yếu của các kinh Tịnh Độ, là chỗ chỉ quy của toàn bộ giáo pháp trong Đại Tạng Kinh, mà còn là pháp trọng yếu để hết thảy hữu tình trong cõi này, phương khác, hiện tại, tương lai, lia khổ được vui, đạt đến Bồ Đề rốt ráo), kỳ diệu như vậy ư? Thật vậy, chẳng giả tí nào. Kinh này không chỉ là cương lĩnh và tinh yếu của Tịnh Tông, mà Tịnh Độ còn là chỗ chỉ quy cuối cùng của hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là Tịnh Độ, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ tám tuổi thành Phật cũng là do nghe Văn Thù Bồ Tát giảng kinh Pháp Hoa, nghe hiểu rồi bèn phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thành Phật. Trong hết thảy các kinh, đức Phật chuyên giảng Tịnh Độ trong ba bộ kinh, tức là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh A Di Đà, những kinh này là chuyên giảng. Trong ba bộ kinh ấy, kinh Vô Lượng Thọ được tuyên giảng nhiều lần, còn hết thảy các kinh khác giảng kèm thêm về Tịnh Độ có hơn một trăm bộ. Do vậy, cổ đại đức bảo: “*Thiên kinh vạn luận, xú xú chỉ quy*” (ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ về). Đặc biệt lịch đại tổ sư đại đức, chư đại Bồ Tát, bất luận tuyên giảng pháp môn như thế nào, đều khuyên thêm mọi người hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chỉ có mình pháp môn này Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, bất luận căn tánh nào cũng đều có thể tu, đều có thể thành tựu, giống như Thiên Đạo đại sư đã nói: “*Vạn tu, vạn nhân khứ*” (vạn người tu, vạn người về). Muôn người căn tánh khác nhau, không một ai chẳng thành tựu. Do vậy, đúng là “*thử giới, tha phương*”; chữ “*thử giới*” chỉ thế giới Sa Bà, chữ “*tha phương*” chỉ cõi nước của hết thảy chư Phật, “*hiện tại, vị lai*” là hiện tại và tương lai trong thế giới này và các phương khác. Pháp yếu để hết thảy hữu tình lia khổ được vui, đạt được Bồ Đề rốt ráo, Bồ Đề rốt ráo là thành Phật viên mãn, “*pháp*” là phương pháp, “*pháp yếu*” là phương pháp quan trọng nhất, chẳng dễ gì đạt được!

Tiếp theo đó, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ phát nguyện, hồi hướng: “*Niệm Tổ cảm ân đồ báo, phát vô thượng tâm, kính chú thử kinh, tục Phật huệ mạng*” (Niệm Tổ cảm ơn, mong báo đáp, phát tâm vô thượng, kính cẩn chú giải kinh này nhằm duy trì huệ mạng của Phật). Báo ân, gặp được pháp môn này, tri ân, báo ân, vì sao mọi người chẳng thể dũng mãnh phát khởi như vậy? Do không biết ân đức. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhiều lần tuyên giảng là vì ai? Khi chúng ta gặp được, chịu tin tưởng, có thể lý giải, phát nguyện cầu vãng sanh, đó chính là [đức Phật đã] vì ta [mà giảng]. Nếu quý vị hiểu rõ, có thể tiếp nhận, tức là Phật đã vì quý vị giảng kinh này. Ngay lập tức gánh vác mới

là tri ân, [đức Phật] chẳng phải giảng cho ai khác, mà là giảng cho tôi, Hoàng lão cư sĩ gánh vác như thế đó! Dùng phương pháp nào để báo ân? Chú giải kinh này. Thầy phó chúc, sau khi Hạ lão cư sĩ hội tập thành công bộ kinh này, đã tự giảng, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là học trò của cụ Hạ, đã nghe từ đầu, chẳng sót buổi giảng nào, cụ nghe rất nghiêm túc, thầy có thể nhìn thấy: Đưa học trò này đối với pháp môn này mười phần thành kính, nó sẽ được mười phần lợi ích; vì thế, để cho trò chú giải, thầy tin tưởng trò. Đệ tử thật sự của đức Phật phải báo ơn Phật. Câu tiếp theo là “*tục Phật huệ mạng*”, niệm niệm mong cho chánh pháp của Thích Ca Như Lai tồn tại lâu dài trong cõi đời. [Muốn cho] chánh pháp tồn tại lâu dài trong cõi đời phải dùng đến phương cách nào? Chính mình phải nghiêm túc học tập, đời đời truyền thừa. Chúng ta học từ chỗ thầy, đạt được lợi ích thù thắng, phải truyền cho đời tiếp theo, Phật môn gọi chuyện này là “*truyền đăng*”, chớ để ngọn đèn sáng ấy bị tiêu diệt. Chúng ta chẳng truyền thì chẳng truyền là tiêu diệt. Hễ bị tiêu diệt tức là có tội, tội ấy rất nặng!

Làm thế nào để thực hiện tốt đẹp công tác này, làm rất đúng pháp, khiến cho chư Phật Như Lai đều thỏa ý? Đầu tiên là đức hạnh, đây là điều kiện đầu tiên và trọng yếu nhất trong “*tục Phật huệ mạng*”; đây chính là ba hay bốn món căn bản như chúng tôi đã nói trong hiện thời. Nếu quý vị chẳng nghiêm túc và thật sự thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Sa Di Luật Nghi, quý vị sẽ chẳng thể nối tiếp huệ mạng của Phật. Điều kiện đầu tiên là thành tựu đức hạnh, sau đó mới là học vấn. Học vấn là thâm nhập một môn, trường thời huân tu. Nho và Phật đều dạy chúng ta như vậy, chẳng dạy chúng ta học rộng nghe nhiều. Học rộng nghe nhiều khi nào? Sau khi khai ngộ. Khi chưa khai ngộ, mục tiêu đặt chắc nơi khai ngộ, chẳng phải là học rộng nghe nhiều. Học rộng nhất định chướng ngại khai ngộ, vì sao? Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, quá tạp, quá nhiều thứ. Quý vị phải biết: Thâm nhập một môn là [độc sức nơi] một bộ kinh. Tôi nói với mọi người: Tôi giảng ở đây, giảng xong một bộ kinh, sẽ làm như thế nào? Chẳng coi như đã xong, giảng lần thứ hai. Giảng xong lần thứ hai, bèn giảng lần thứ ba. Cổ nhân giảng kinh Di Đà, trong một đời giảng hơn hai trăm lượt, thính chúng nghe có hứng thú hay chẳng? Họ giảng mỗi biến mỗi khác, cảnh giới khác nhau, càng nghe càng hoan hỷ, cảnh giới của người giảng không ngừng nâng cao, người nghe cũng tiến lên không ngừng, giảng tràn đầy ý vị, thật sự thực hiện, thật sự tu, được Tam Bảo gia trì. Trong quá khứ, tôi ở Đài Trung, thầy Lý cho tôi biết: Cụ giảng kinh Di Đà sáu lần, biểu hiện sáu cách [khác nhau], thật đấy, chẳng giả đâu! Tôi học kinh Lăng Nghiêm từ cụ, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm bảy lần, kinh ấy quá dài, phải tốn rất nhiều thời gian. Tôi nhớ đã giảng viên mãn từ đầu đến cuối chỉ có hai lượt, năm lần giảng khác đều chưa viên mãn.

Tứ Hoàng Thệ Nguyên là cương lĩnh chỉ đạo tu học tối cao của chúng ta. Quý vị thấy điều thứ nhất là dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, phát Bồ Đề tâm, vì chúng sanh, chứ không phải vì chính mình. Thực hiện từ chỗ nào? “*Phiền*

não vô tận thế nguyên đoạn” là đức hạnh. Trước hết, quý vị phải đoạn hết phiền não, sau đây mới có thể học pháp môn. Nếu phiền não chưa đoạn, quý vị tu học pháp môn sẽ xen tạp phiền não, rất khó thành tựu. Do vậy, thâm nhập một môn, trường thời huân tu là gì vậy? Là đoạn phiền não; dùng một bộ kinh, dùng phương pháp này để đoạn phiền não. Đối với tám vạn bốn ngàn pháp môn, dùng kinh giáo này, quý vị đọc mỗi ngày, giảng mỗi ngày, dùng biện pháp này, tâm quý vị sẽ định. Một bộ, tâm sẽ định, càng giảng, càng thuần thực, tâm càng định. Định sanh Huệ, từ một bộ kinh mà đắc tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng. Chỉ cần đạt được hai thứ ấy sẽ khai ngộ. Sau khi ngộ sẽ như thế nào? Hết thấy các pháp môn hễ tiếp xúc bèn thông suốt.

Vì thế, Long Thọ Bồ Tát đã nêu gương cho chúng ta: Lão nhân gia chứng đắc Sơ Địa Bồ Tát. Sơ Địa trong Biệt Giáo giống Sơ Trụ trong Viên Giáo. Tại Trung Quốc, nói tới những vị đại triết đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì vị đại biểu trọn vẹn nhất của Trung Quốc là Huệ Năng đại sư, Long Thọ Bồ Tát chứng đắc cùng một cảnh giới như thế đó. Thuở đức Thế Tôn tại thế, giảng kinh bốn mươi chín năm, Long Thọ Bồ Tát dùng bao nhiêu thời gian để học xong toàn bộ hết thấy các kinh do đức Phật đã nói? Ba tháng! Đối với cái gọi là Đại Tạng Kinh hiện thời, Ngài học xong trong ba tháng. Vì sao Ngài học nhanh như vậy? Quý vị đọc Lục Tổ Đàn Kinh sẽ hiểu rõ. Quý vị thấy Lục Tổ Đàn Kinh có chép một câu chuyện, trong Phật môn gọi là “*công án*”, tức là thí dụ điển hình. Thiền sư Pháp Đạt học kinh Pháp Hoa, đến gặp Lục Tổ, khi lễ bái đầu chẳng chạm đất. Lục Tổ thấy Sư lạy Tam Bảo mà đầu vẫn chẳng chạm sát đất, bèn đứng dậy hỏi Sư: “Ông có điều gì đáng để kiêu ngạo vậy?” Nói theo cách hiện thời, người có cái gì đáng để ngông nghênh như thế? Lễ bái mà đầu chẳng chạm sát đất. Sư thưa: “Đã niệm tới ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa”. Kinh Pháp Hoa rất dài, ba ngàn bộ tối thiểu là ba ngàn ngày. Nói cách khác là mười năm, mười năm niệm một bộ kinh, đáng nên kiêu ngạo lắm chứ! Lục Tổ bèn khảo Sư: “Kinh Pháp Hoa giảng những gì?” Nói không được, bèn quay sang thỉnh giáo Lục Tổ. Lục Tổ nói: “Ta không biết chữ, nên chưa đọc kinh ấy, mà cũng chưa nghe qua”. Ngài bảo: “Nếu ông đã niệm thuần thực như vậy, hãy đọc cho ta nghe”. Kinh Pháp Hoa gồm hai mươi tám phẩm, Sư đọc đến phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện. Đọc đến phẩm thứ hai, Lục Tổ nói: “Được rồi, chẳng cần niệm nữa, ta biết hết rồi”. Ngài giảng cho Sư nghe, Sư bèn khai ngộ, khi lễ bái, đầu bèn đập sát đất. Quý vị hiểu: Người khai ngộ có cần phải đọc toàn bộ hay chẳng? Không cần! Xem một quyển, đọc một đoạn, bèn hiểu toàn bộ giảng về pháp nào, hoàn toàn thông suốt! Vì thế, ba tháng đọc hết một bộ Đại Tạng Kinh là thật, chẳng giả!

Thiền Tông nói “*ngộ hậu khởi tu*” (sau khi ngộ bắt đầu tu tập). Vì sao Tông Môn và Giáo Hạ khác nhau? Giáo Hạ vừa bắt đầu bèn học tập kinh giáo, còn Tông Môn thì chắc chắn là chưa khai ngộ sẽ không cho quý vị xem kinh, cũng không cho quý vị nghe gì khác, nhằm khiến cho quý vị buông xuống, buông phân biệt xuống, buông chấp trước

xuống, khi ngộ sẽ là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Giác là giác ngộ; giác ngộ ắt phải đoạn hết vô thi vô minh phiền não. Vô thi vô minh phiền não là khởi tâm động niệm, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, đạt đến cảnh giới này. Giác tánh, tức tự tánh giác hiện tiền; hễ hiện tiền thì lục căn tiếp xúc cảnh giới, vừa tiếp xúc bèn thông đạt, hiểu rõ, học nhanh lắm! Lục Tổ chẳng biết chữ, chưa từng nghe kinh. Nếu nói Ngài nghe kinh thì chính là lúc canh ba nửa đêm, hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn giảng kinh Kim Cang cho Ngài tại phương trượng thất, đương nhiên là giảng đại ý. Giảng đến câu “*ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (đừng nên trụ vào đâu để sanh tâm), Ngài bèn kiến tánh, nói ra cảnh giới gồm năm câu: “*Hà kỳ tự tánh bốn tự thanh tịnh, bốn bất sanh diệt, bốn tự cụ túc, bốn bất dao động, năng sanh vạn pháp*” (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt, vốn tự trọn đủ, vốn chẳng dao động, có thể sanh ra vạn pháp). Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn nói: “Được rồi, những điều sau đó không cần phải nói nữa!” Trao y bát cho Ngài, giục Ngài hãy đi cho nhanh, vì sao phải đi? [Sẽ bị] người khác ganh ghét, chướng ngại, chẳng phục. Người khác hằng ngày nghe kinh tại giảng đường, hằng ngày tọa Thiền trong Thiền Đường, đều chẳng được truyền y bát. Thế mà gã này đến đây, chưa từng vào Thiền Đường một ngày nào, cũng chẳng tới giảng đường bữa nào. Ngũ Tổ chỉ giao cho hắn giã gạo, bửa củi trong phòng xay xát, làm suốt tám tháng, kết quả là y bát bị hắn ôm đi. Cho nên chẳng có ai phục. Đến hôm sau, họ truy tìm khắp nơi, toan bắt Ngài về. Phật, Bồ Tát gia hộ, Ngài ẩn núp trong phùng thợ săn mười lăm năm. Mười lăm năm khiến mọi người quên dần chuyện này, lúc ấy mới xuất hiện.

Trên đường lánh nạn, tại thôn Tào Hâu, Sư gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng, bà này thọ trì kinh Đại Bát Niết Bàn. Kinh Đại Bát Niết Bàn có phân lượng lớn, có hai phiên bản, một bản là bốn mươi quyển, bản kia gồm ba mươi sáu quyển. Huệ Năng đại sư lúc ấy hai mươi bốn tuổi, khi mới vừa bỏ trốn, còn chưa đến chỗ phùng thợ săn, tại thôn Tào Hâu gặp vị tỳ-kheo-ni này, nghe bà ta niệm kinh Niết Bàn. Nghe xong, bèn giảng giải cho bà ta nghe, vị tỳ-kheo-ni ấy bội phục năm vóc sát đất. Giảng quá hay, giảng đến mức bà ta khai ngộ. Bà ta cũng là “nhất tâm thọ trì, thâm nhập một môn, trường thời huân tu”, nên đắc tam-muội, khi Tổ vừa giảng bèn khai ngộ. Cầm kinh điển hướng về Lục Tổ thỉnh giáo, Lục Tổ nói: “Ta không biết chữ”. Bà ta hỏi: “Ngài không biết chữ, sao có thể giảng được ý nghĩa?” Tổ nói: “Chẳng dính dáng gì đến văn tự!” Chúng ta chớ nên không hiểu, đúng là chẳng dính dáng! Vì thế, cổ nhân thâm nhập một môn, trường thời huân tu, ở đây có đạo lý to lớn! Tại Trung Quốc, không chỉ học Phật là như thế, mà học Đạo, học Nho cũng đều là như thế. Thời cổ, trường tư thực dạy học trò, điều quan trọng là khơi gợi, phát khởi ngộ tánh của trò, coi đó là điều quan trọng nhất, những điều khác đều là hạng hai, hạng ba! Xếp ngộ tánh vào bậc nhất, chớ nên ngăn lấp ngộ tánh của người ta. Con người hiện thời không hiểu [chuyện này]. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tập 10

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ tám, đọc từ câu cuối cùng nơi dòng thứ sáu trong trang thứ tám.

“*Thị cố, Niệm Tổ cảm ân đồ báo, phát vô thượng tâm, kính chú thử kinh, tục Phật huệ mạng*” (Vì thế, Niệm Tổ cảm ơn, mong báo đáp, phát tâm vô thượng, kính cẩn chú giải kinh này nhằm duy trì huệ mạng của Phật), lần trước, chúng ta đã học đến chỗ này. Đoạn trước là phần thừa bày [tâm nguyện], mấy câu cuối cùng của cụ nhằm hồi hướng, vừa cảm ân vừa hồi hướng. Chúng ta sau khi đọc, cũng phải biết cảm ơn, có biết ơn mới có thể cảm ơn. Nếu chẳng biết ân đức, tâm báo ân chẳng thể sanh khởi. Đặc biệt là chúng ta sanh nhằm thời đại này, gặp nhiều khổ nạn rất ít thấy [xảy ra] trong lịch sử, cũng có thể nói là: Không chỉ chưa thấy, mà cũng chưa từng nghe nói đến! Nguyên nhân vô cùng phức tạp, như trong kinh Phật đã nói là “*vô lượng nhân duyên*”. Chắc chắn không thể oán trời hờn người, nói chung là do nghiệp lực của chính mình cảm vờ. Sống trong hoàn cảnh khổ nạn, chúng ta cũng phải cảm thấy may mắn, vì chúng ta biết dùng thân người để nghe Phật pháp, có thể nghe kinh Hoa Nghiêm và Tịnh Độ, đó là đã gặp gỡ nhân duyên hy hữu khôn sánh! Được gặp gỡ, chúng ta đều phải sanh tâm cảm ơn. Tịnh Tông chúng ta có thể gặp được bản hội tập này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, là bản tiêu chuẩn của Tịnh Tông; chúng ta có thể tin tưởng là trong chín ngàn năm về sau này, có nhiều người sẽ nhờ bộ kinh này mà đắc độ. Lại gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vâng lãnh lời phó chúc của thầy, chú giải cận kề kinh này. Chúng ta biết khi cụ viết chú giải, thứ nhất là tuổi tác đã già, thứ hai là thân thể lắm bệnh. Trong tình trạng ấy, cụ chẳng nề hà nhọc nhằn, cay đắng, hoàn thành công tác gian nan, to lớn, vô cùng khó khăn này! Tôi không chỉ là nghe nói, mà ở Bắc Kinh, tôi đã tận mắt thấy. Thấy sự tình ấy, đương nhiên quý vị sẽ cảm động, cảm nhận một phen khổ tâm của lão nhân, vì sao? Vì chín ngàn năm sau trong thời kỳ Mạt Pháp, các đồng học có thể lý giải chính xác bản kinh này. Sau khi hiểu rõ, mới có thể phát khởi lòng tin. Có lòng tin thì mới có thể thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, vâng theo lý luận và phương pháp trong kinh này để tu học; ân đức ấy to lớn lắm! Thù thắng khôn sánh, công đức viết chú giải trọn chẳng kém công hội tập của thầy Ngài là cụ Hạ Liên Cư, có cùng một công đức. Do vậy, chúng ta học tập lần này, đặc biệt chọn bản Đại Kinh Giải nhằm tri ân, báo ân. Trước hết, chúng tôi giải thích đơn giản đoạn văn

này. “*Cảm ân đồ báo*” (cảm ơn, mong báo đáp), cảm ơn như thế nào? Báo ơn như thế nào? Đó chính là lão nhân gia phát vô thượng tâm, cung kính chú giải kinh này, nhằm tiếp nối huệ mạng của Phật. Nay chúng ta báo ân bằng cách nào? Nay chúng ta hãy khéo chiếu theo kinh, nương theo chú giải, sốt sắng học tập, y giáo phụng hành, đó là tiếp nối huệ mạng của Phật. Chúng ta phải tham cứu thấu triệt đạo lý trong kinh và trong bản chú giải, phải vận dụng những đạo lý ấy vào cuộc sống hằng ngày, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử sự, đãi người, tiếp vật, mục tiêu chung cực là quyết định vãng sanh Tịnh Độ, nghiêm túc báo ân, thật sự tiếp nối huệ mạng của đức Phật.

Tiếp đó, cụ cầu gia bị, “*kiền kỳ lưỡng độ đạo sư*”, nghĩa là kiền thành khẩn cầu Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ở phương này và Bồn Sư A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc, hai vị đạo sư trong hai cõi. “*Thập phương Như Lai*”, trong kinh, [cụ thể là] trong kinh Di Đà, chúng ta thấy chư Phật trong sáu phương tán thán, còn trong bản kinh này là mười phương chư Phật tán thán. “*Thượng sư bốn tôn*” là thầy. Cụ Hoàng, cụ Hạ đều từng học Thiên Tông, mà cũng đã học Mật Tông. Tông Môn, Giáo Hạ, Hiền Mật viên dung, thầy đều thông đạt, cuối cùng quy hướng Tịnh Độ. Đây đều là biểu thị pháp cho chúng ta thấy: Bất luận học Giáo hay tham Thiên, hay tu Mật, đến cuối cùng thì sao? Cuối cùng vẫn phải niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Điều này khiến cho chúng ta nhìn vào hai vị lão nhân, họ đã làm như thế nào? Trên thực tế, họ hoàn toàn học theo hai vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền trong hội Hoa Nghiêm, đến cuối cùng đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật sự sanh về Tịnh Độ. Họ nêu gương cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta là những kẻ chẳng có căn khí giống như họ, họ là bậc thượng thượng căn, chúng ta là kẻ trung hạ căn hay hạ hạ căn, hãy nên khẳng khẳng một mực nhất tâm quy mạng A Di Đà Phật, suốt đời tuân theo một phương hướng là Tây Phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, đó là đúng, thật sự tiếp nối huệ mạng của Phật! Chúng ta làm như vậy cũng sẽ ảnh hưởng nhiều người, những người ấy sẽ tiếp tục làm theo. Nói “*Kim Cang hộ pháp*” là cầu thân hộ pháp gia hộ. “*Từ ân phú hộ*” (từ ân che chở, hộ trì), đó là hộ trì. “*Oai đức minh gia*” là ngấm ngấm gia hộ. “*Ký thử chú thích, thượng khế thánh tâm, quảng khai chúng tín, phàm hữu kiến văn, đồng nhập Di Đà Nhất Thừa nguyện hải*” (mong sao bản chú thích này trên khế hợp thánh tâm, khơi gợi rộng rãi lòng tin của mọi người. Có ai thấy nghe đều cùng nhập biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà): Mong cho bản chú giải này được Thích Ca, Di Đà gia trì, được mười phương chư Phật hộ niệm, chẳng chú giải sai lầm, những câu chữ đã chú giải đều hợp với ý nghĩa giáo hóa của Như Lai. Quan trọng nhất là người đời sau sẽ đối với kinh này và bản chú giải này tin sâu chẳng nghi, quý vị đạt được lợi ích. Tổ Ấn Quang nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. “*Phàm có ai thấy nghe*” là nói đến kẻ hữu duyên, Phật độ kẻ hữu duyên, có thể thấy kinh và bản chú giải này chính là kẻ có thể tham dự pháp hội này, sẽ cùng nhập biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà. Niệm Phật Đường là A Di Đà Phật Nhất Thừa nguyện hải. Nhất

Thừa là thành Phật, chẳng phải là Bồ Tát, chẳng phải là Nhị Thừa, hay Tam Thừa. Nhị Thừa là Đại Thừa và Tiểu Thừa. Tam Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát; Nhất Thừa là thành Phật. Pháp môn này thẳng chóng, ổn thỏa, là pháp môn thành Phật trong một đời, cho nên gọi là “*Nhất Thừa nguyện hải*”. Hai chữ cuối cùng là cảm ơn, tức là cảm ơn A Di Đà Phật đã dùng bốn mươi tám nguyện nhiếp thọ hết thầy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới. Những lời mào đầu của cụ Hoàng đến đây là hết.

Sau đó là phần giải thích bộ kinh này; đoạn lớn thứ hai là Khái Yếu. “*Thập môn phân liệt trung tiền cứu môn. Căn thích thử kinh, y Hoa Nghiêm tông pháp cập Di Đà Sớ Sao lệ, tổng khai thập môn*” (Chín môn đầu trong cách phân chia, sắp xếp thành mười môn, kính căn giải thích kinh này tuân theo cách [chú giải kinh điển] của tông Hoa Nghiêm và thể lệ của bộ Di Đà Sớ Sao, chia [nội dung bản chú giải] tổng quát thành mười môn). Trước hết, nói rõ cách thức mà cụ đã tuân theo trong bản chú giải này: Dựa theo cách thức của tông Hoa Nghiêm. Tông Hoa Nghiêm dùng “*thập môn khai hải*” để giới thiệu đại ý của cả bản kinh, rồi mới giải thích chi tiết kinh văn. Trong mười môn ở trước [phần giải thích chánh kinh], đặc biệt là chín môn đầu nhằm làm cho người học tập kinh giáo chúng ta, trước khi đọc đến phần chánh kinh, đã hiểu rõ đại ý của cả bản kinh. Ở đây, có hai tầng ý nghĩa:

1) Tầng ý nghĩa thứ nhất là trước hết khiến cho quý vị liễu giải đại ý của cả bản kinh, khơi gợi hứng thú học tập pháp môn này. Đây là điều cần phải có.

2) Những vị lão tham, tức là những người tu hành đã lâu, đối với bộ kinh này, họ đã rất thuần thục, nhưng họ đến tham dự pháp hội để làm Ảnh Hưởng Chúng, họ nghe gì? Nghe Huyền Nghĩa! Phần Khái Yếu chính là Huyền Nghĩa. Vì Huyền Nghĩa là sự “thể ngộ” (thấu hiểu, lãnh ngộ) của quý vị đối với cả bản kinh sẽ được biểu lộ trong ấy. Cũng có nghĩa là nói: Từ đoạn này, sẽ có thể hoàn toàn thấu hiểu quý vị tu học đến tầng lớp, giai đoạn nào. Nếu người tu hành đã lâu mà nghe là nghe chỗ này; đây cũng là nói theo kiểu hiện thời của chúng ta: [Huyền Nghĩa] là tâm đắc tu học. [Nghe giảng Huyền Nghĩa] là nghe báo cáo tâm đắc của quý vị, phần giải thích kinh văn ở phía sau không cần nghe, họ đã hiểu rất rõ.

Tuy đã hiểu rất rõ ràng, nhưng đúng là có không ít người từ đầu đến cuối vẫn nghe hết sức nghiêm túc, hết sức cung kính; đó là gì? Làm Ảnh Hưởng Chúng, nhằm dẫn dắt kẻ sơ học. Kẻ sơ học đối với kinh này chưa có tín tâm, hoài nghi, nghe chẳng lọt tai, thấy những vị tu hành đã lâu đều nghe nghiêm túc như thế, lòng tin của họ được tăng trưởng. [Các vị ấy đã] nêu gương, làm mẫu cho họ. Người thật sự học Phật bèn hiểu rõ: Bất luận quý vị nghe hiểu hay không, vẫn một mực kiên trì nghe thì quý vị mới có thể nhập môn.

Bản chú giải kinh A Di Đà của Liên Trì đại sư có phân lượng rất lớn; bản chú giải ấy có tên là A Di Đà Kinh Sớ Sao. Sớ là giải thích kinh, Sao là giải thích lời Sớ, tức là chú giải lời chú giải. Sớ do Liên Trì đại sư viết, mà Sao cũng do Ngài viết. Sau khi đã viết lời chú giải, văn tự còn có chỗ rất sâu, sợ người đời sau khó hiểu, nên Ngài lại chú giải lời Sớ, từ bi đến mức cùng cực! Đệ tử của Ngài là pháp sư Cổ Đức, là truyền nhân của Liên Trì đại sư, sau khi Liên Trì đại sư vãng sanh đã biên tập, chỉnh lý tất cả các trước tác của lão nhân gia đem xuất bản, lưu truyền đến hiện tại. Bản sách in hiện thời gần như là in thành bốn cuốn [in chung thành một bộ]. Bốn quyển sách dày như vậy do Liên Trì đại sư trước tác, chúng ta phải cảm kích pháp sư Cổ Đức. Pháp sư Cổ Đức rất từ bi, sợ Sớ Sao vẫn còn có những chỗ rất sâu, luôn mong cho người đời sau dễ đọc sẽ hiểu rất dễ dàng, nên lại viết một bản chú giải sách Sớ Sao gọi là Diễn Nghĩa. Vì thế, quý vị thấy A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa thì phần Diễn Nghĩa là của pháp sư Cổ Đức. Sớ Sao do Liên Trì đại sư viết, Sớ Sao do chính Ngài viết. Lão nhân gia viết Sớ Sao, cũng dùng thập môn khai khái của tông Hoa Nghiêm, không dễ dàng! Chúng ta có thể hiểu nổi khổ tâm của lão nhân gia. Trong thời đại của Ngài, có thể nói là tại Trung Quốc, Thiên Tông phổ cập khắp nước, phong khí nhà Thiền hưng thịnh, sự hưng thịnh ấy chỉ ở bề ngoài! Trên thực tế, Thiền hưng thịnh nhất trong hai triều đại Đường và Tống, còn họ (những người đồng thời với ngài Liên Trì) là người đời Minh. Tổ sư thấy tham Thiền công phu chẳng đắc lực, nếu muốn vượt thoát lục đạo chẳng dễ dàng! Tu học Phật pháp, vượt thoát lục đạo được coi là tiêu thành tựu, quý vị chứng đắc tiêu quả. Nếu chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, chẳng có thành tựu, chỉ có thể nói là tăng trưởng thiện căn trong A Lại Da, chẳng thể tính là thành tựu! Do vậy, Ngài đề xuất pháp môn Tịnh Tông, chẳng ai tin tưởng. Đã thế, mọi người coi rẻ pháp môn Tịnh Độ, thường nghĩ pháp môn Tịnh Độ dành để dạy cho các bà lão. Hiểu lầm là Thích Ca Mâu Ni Phật vì tiếp dẫn những kẻ chẳng có kiến thức nên khuyên họ niệm Phật, toàn là tâm lý và quan niệm sai lầm như vậy. Làm thế nào để đề cao Tịnh Độ? Đối với kinh Hoa Nghiêm, chẳng ai bàn cãi! Kẻ không hiểu Phật pháp nghe kinh Hoa Nghiêm cũng bội phục năm vóc sát đất. Do vậy, Ngài bèn dùng thập môn khai khái của Hoa Nghiêm để giảng Phật Thuyết A Di Đà Kinh, đưa kinh A Di Đà lên ngang tầm kinh Hoa Nghiêm, đó là nổi khổ tâm của Liên Trì đại sư. Quý vị chẳng phải là tin tưởng Hoa Nghiêm lắm ư? Kinh Di Đà chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm! Trong giáo pháp Đại Thừa có câu ngạn ngữ: “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên mãn), viên nhân là gì? Người kiến tánh. Người minh tâm kiến tánh, tùy tiện lấy một pháp nào, cũng đều có thể tương ứng với Hoa Nghiêm. Nhìn từ chỗ này, Liên Trì đại sư cũng không phải là kẻ bình phàm, kẻ bình phàm sẽ chẳng thể làm được!

Ngẫu Ích đại sư là tư thực đệ tử của Liên Trì đại sư, có quan hệ giống như quan hệ giữa Mạnh Tử và Khổng Tử. Ngài Ngẫu Ích muốn tìm một vị thầy, nhưng tìm không ra! Quý vị đọc sách do Ngài trước tác, sẽ thấy: Khi ấy, Ngài chẳng vừa ý lắm với những kẻ

tu hành trong Phật môn, nên đã lấy biệt hiệu là Bát Bất Đạo Nhân, chẳng thường qua lại với mọi người, chẳng hợp tính với họ, [bị những kẻ tu hành đương thời coi] là một quái nhân trong Phật môn. Khi ấy, Liên Trì đại sư đã vãng sanh, nhưng trước tác của Ngài còn đó. Do vậy, Ngài làm tư thực đệ tử của tổ Liên Trì, cũng nghĩa là nói Ngài tôn Liên Trì đại sư làm thầy. Thầy không còn trên đời, nhưng trước tác của thầy còn đó, bèn dựa theo trước tác của thầy để học tập. Giống như Mạnh Tử vào thời cổ, Mạnh Tử học Khổng Tử, Khổng Tử cũng đã khuất, nhưng trước tác của Khổng Tử còn đó, [Mạnh Tử bèn] đọc sách của Khổng Tử, chỗ nào chẳng thấu hiểu, bèn thưa hỏi học trò của Khổng Tử. Ngài học thành tựu, học còn giỏi hơn đệ tử của Khổng Tử. Do vậy, hễ nói tới Nho gia, toàn là nói Khổng Mạnh, chẳng nhắc tới ai khác. Điều này cho thấy: Tuy Ngài chẳng được chính Khổng Tử truyền dạy, nhưng chiếu theo sách của Khổng Tử để học, trọn chẳng thua kém học trò do đích thân Khổng Tử đã truyền dạy, thành tích hết sức ưu tú, đây là người đầu tiên lập ra thể lệ “tư thực đệ tử” của Trung Quốc. Trong Phật môn, Ngẫu Ích đại sư học theo tổ Liên Trì, Ngài bội phục Liên Trì đại sư nhất, cũng học theo rất giống, cho nên ngài Liên Trì là tổ sư Tịnh Độ Tông đời thứ tám, Ngẫu Ích đại sư là tổ sư đời thứ chín, chúng ta đều nên học tập những điều này. Trong thời đại hiện tại, chúng ta không tìm được thiện tri thức chân chánh, hãy tìm cổ nhân! Học kinh A Di Đà có thể tìm Liên Trì đại sư, học kinh Vô Lượng Thọ có thể tìm lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là Kim Cang thượng sư⁴⁸[3] trong Mật Tông, nên ở đây Ngài có thượng sư bốn tôn⁴⁹[4]. Cụ Hoàng cũng đã vãng sanh, lão nhân gia niệm Phật vãng sanh; khi bệnh nặng, đã báo tin cho tôi biết, mỗi ngày cụ niệm Phật hiệu mười bốn vạn câu, ngủ rất ít, Phật hiệu không ngừng, thật sự vãng sanh.

48^[3] Kim Cang thượng sư (Vajra Guru): Mật Tông dùng Kim Cang làm biểu tượng, tượng trưng cho chân tâm vĩnh viễn bất sanh, bất diệt, có thể xuyên thấu tất cả mọi thứ. Thượng sư (Guru) vốn có nghĩa gốc là một vị thầy đầy kinh nghiệm trong một lãnh vực nào đó, có thể hướng dẫn học trò không sai lạc. Về sau, chữ Guru thường được dùng để chỉ một bậc thầy hướng dẫn tâm linh. Gu có nghĩa là tối tăm, Ru là một ánh sáng. Như vậy, Guru là “ánh sáng dẫn đường trong đêm tối”. Ngoài chữ Thượng Sư, các danh xưng Hòa Thượng, A Xà Lê, Lạt Ma, A Khương (Achan, Ajahn, Acharn, biến âm của chữ Acariya) đều được coi là tương đồng với danh xưng Thượng Sư

49^[4] Bốn Tôn (Ishta-devata, hoặc Yidam) là một thuật ngữ trong Mật Tông, là đối tượng Thiền Quán của người tu Mật Pháp. Bốn Tôn thường là Phật, Bồ Tát, Minh Vương v.v... tức là vị đã nói ra bài chú hay Mật pháp ấy. Thông thường, các vị nữ Bốn Tôn sẽ được gọi là Phật Mẫu, Không Hành Mẫu (Dakini), hoặc Minh Phi. Trong Mật Tông, nếu Bốn Tôn được mô tả dưới dạng an tường, ngồi trong tư thế Thiền Định sẽ gọi là Tịch Tĩnh Tôn, còn nếu hiện tướng dữ dội, đáng sợ thì gọi là Phần Nộ Tôn.

“Mười môn” là báo cáo tâm đắc của cụ được chia thành mười đoạn, nói như vậy mọi người sẽ dễ hiểu. Tiếp đó cụ nêu ra mười đề mục, tức là mỗi đoạn có một tiêu đề. “*Kế vi nhất, giáo khởi nhân duyên*” (mục thứ nhất là nhân duyên khiến cho giáo pháp phát khởi), thứ hai là “*bốn kinh Thử Tánh*” (Thử và Tánh của bản kinh này), thứ ba là “*nhất kinh Tông Thụ*” (tông và thụ của kinh), thứ tư là “*phương tiện lực dụng*”, thứ năm là “*sở bị căn khi*” (căn tánh được tiếp độ bởi bản kinh này), thứ sáu là “*tạng giáo sở nhiếp*” (kinh này thuộc về tạng nào và giáo nào), thứ bảy là “*bộ loại sai biệt*”, thứ tám là “*dịch hội hiệu thích*”, “*dịch*” (譯) là phiên dịch, “*hội*” (會) là hội tập, “*hiệu*” (校, còn đọc là giáo) là do Bành Tế Thanh thực hiện, ông ta đã soạn một bản tiết hiệu (trích lục, phân đoạn, chỉnh sửa những chữ bị chép lầm), “*thích*” là giải thích. Thứ chín là “*tổng thích danh đề*”, tức là giải thích đề mục bản kinh. Đoạn cuối cùng là “*chánh thích kinh nghĩa*”, bắt đầu giải thích kinh văn; kinh văn có tất cả bốn mươi tám phẩm.

“*Tiền cửu môn tổng luận toàn kinh cương tông bộ loại, thử dữ Thiên Thai tông chi Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, đại đồng tiểu dị*” (chín môn trước là luận định chung về cương lĩnh, tông chỉ, bộ loại của cả bản kinh, điều này giống như phần Năm Tầng Huyền Nghĩa của tông Thiên Thai, chỉ là khác biệt đôi chút). Tông Thiên Thai dựa trên kinh Pháp Hoa, Pháp Hoa cũng là kinh điển Nhất Thừa. Báo cáo [tâm đắc] của họ được chia thành năm đoạn, còn tông Hoa Nghiêm chia thành mười đoạn. Hoa Nghiêm dùng “*thập*” để biểu pháp, “*thập*” tượng trưng viên mãn. Nói chung, vì mười môn rắc rối, nên lịch đại pháp sư giảng kinh khi báo cáo như vậy quá nửa đều tuân theo cách thức của tông Thiên Thai, đơn giản, rất ít dùng phương pháp của tông Hoa Nghiêm. Cách của Hoa Nghiêm hay lắm, nhưng phải tốn nhiều thời gian hơn. Hiện thời, Ngũ Trùng Huyền Nghĩa dường như cũng không phổ biến lắm! Các báo cáo hiện thời trước hết là nói nhân duyên giảng kinh là đủ rồi, sau khi đã trình bày xong nhân duyên giảng kinh, đại khái là nói về đề mục của bộ kinh sẽ được giảng, rồi bước vào kinh văn, ngày càng đơn giản hóa. Nhưng muốn thật sự nghiên cứu thì [phương pháp của tông] Hoa Nghiêm hay lắm. Chúng ta tự mình tu học, chớ nên dùng phương pháp ngắn gọn ấy, không cần thiết, nhưng nếu đi giảng kinh bên ngoài thì có thể. Đối với người hiện thời, nếu dùng phương pháp [thập môn khai hải] này để giảng, giảng một thời gian rất dài mà vẫn chưa được nghe kinh văn, họ sẽ chẳng có hứng thú, rút lui! Vì thế, càng nói đơn giản càng hay. Trước đây, chúng tôi học tập kinh giáo tại Đài Trung, thầy luôn giảng những điều này, nhưng vì khế cơ trong xã hội hiện đại, cũng không dùng tới cách này. Chúng tôi không dùng những đề mục này, nhưng nội dung giảng giống hệt, nêu nhân duyên giảng kinh: Vì sao muốn chọn giảng bộ kinh này? Tiếp đó, giảng đề mục của kinh. Sau đấy mới giảng thẳng vào chánh kinh, tức là tiếp theo phần giảng đề mục bèn giảng kinh văn. Vì thế, phần Huyền Nghĩa phía trước giảng một hai giờ là xong, ngày hôm sau đã có thể thấy kinh văn. Đây là nhằm thích ứng căn cơ của đại chúng trong xã hội hiện tại, chúng ta chớ nên không biết điều này. Phương pháp tu học như trong bản chú giải này, thích hợp với chỗ nào? Thích hợp với Phật học

viện hay chùa chiền; đối với các đồng tu trong chùa chiền, hết thầy mọi người cùng nhau tu hành thì có thể [áp dụng phương pháp thập môn khai khai này]. Tại các cơ sở thông thường, hoặc khi giảng tại hội trường tạm thời, không thể dùng phương pháp này, chúng ta chẳng thể không biết điều này!

“*Tổng chi, giai tương nhất kinh cương yếu, tổng luận u tiên, phát huy minh liễu, sử độc giả tiên thức tổng thể, hậu nghiên kinh văn, cương cử mục trương, dị u lãnh hội*” (nói chung, đem cương yếu của toàn bộ bản kinh luận định chung ở đầu sách, nêu bày sáng tỏ, khiến cho độc giả trước hết nhận biết tổng thể, sau đó nghiên cứu kinh văn, cái lưới giơ lên, các mắt lưới căng ra, sẽ dễ lãnh hội). Chúng ta nhìn từ chỗ này, có thể thấy được khuôn mẫu giảng kinh giáo học trong tông lâm vào thời cổ. Trong Phật môn, gọi [cách thức này] là “*nghi thức*”, hiện thời gọi là “*phương thức*”, đều có ý nghĩa giống nhau. Trong quá khứ, chùa viện am đường đều là trường học, quý vị phải biết điều này. Thích Ca Mâu Ni Phật đi tham học năm mười chín tuổi, chúng ta nhất định phải biết điều này: Trước khi tròn mười chín tuổi, Ngài nhất định đã có cơ sở khá vững vàng nên mới có thể đi tham học; nếu chẳng có, Ngài sẽ không thể đi. Tại Trung Quốc, chúng ta thấy chính Khổng Tử đã tự thuật trong Luận Ngữ như sau: “*Thập ngũ hữu chí u học*” (mười lăm tuổi đã có chí dốc sức nơi việc học). Chúng ta tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật nhất định có chí học hành sớm hơn Khổng Tử, Ngài đã có cơ sở kha khá thì mới có thể tìm thầy, hỏi bạn. Mười chín tuổi đi tham học, tất cả các vị đại đức trong các tôn giáo và học phái của Ấn Độ, Ngài đều thân cận, chẳng sót một vị nào! Tham học mười hai năm, Ngài tròn ba mươi tuổi, chúng tôi tin rằng trong mười hai năm ấy, thành tựu của Ngài vô cùng ưu tú. Ngài hiểu học, lại thông minh, mang tư cách vương tử là một thân phận đặc thù, đến chỗ nào cũng đều được đối xử lễ độ, ai mà chẳng ưa thích một người như vậy?

Ở Ấn Độ vào thời cổ, tôn giáo lẫn học thuật đều đề xướng Thiên Định. Tứ Thiên Bát Định được kinh Phật nói nhắc đến, chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật sáng tạo, các Bà La Môn của Cổ Ấn Độ đã tu [trước đó] rồi! Bà La Môn giáo (Brahmanism) chính là Hưng Đô giáo (Ấn Độ Giáo, Hinduism) hiện thời, tôi qua lại với họ rất nhiều, các trưởng lão bảo tôi: Giáo lý của họ truyền thừa từ thời cổ đã có lịch sử tối thiểu trên một vạn năm, chúng ta có thể tin tưởng điều này. Thời đại thượng cổ không có văn tự ghi chép, [đến khi] có văn tự, người Ấn Độ không coi trọng lịch sử, chẳng giống như người Hoa! Người Hoa hết sức coi trọng lịch sử, năm, tháng, ngày được ghi chép rõ ràng. Người Ấn Độ chẳng làm chuyện này, họ coi trọng khai ngộ, không đặt nặng lịch sử; vì thế, chúng ta có thể tin lời [các trưởng lão Bà La Môn]. Văn hóa truyền thống Trung Quốc tuyệt đối chẳng phải chỉ là năm ngàn năm, vì văn tự Trung Quốc mới được phát minh bốn ngàn năm trăm năm. Văn tự được phát minh vào thời Hoàng Đế. Trước khi văn tự được phát minh [những dữ kiện lịch sử được các sử gia coi] là truyền thuyết. Trước Hoàng Đế có Thần Nông Thị, trước đó nữa là Phục Hy Thị. Theo truyền thuyết, từ Thần Nông đến

Hoàng Đế là năm trăm năm, từ Phục Hy đến Thần Nông^{50[5]} lại là năm trăm năm nữa, [tổng cộng] là một ngàn năm. Chúng ta nói truyền thống Trung Quốc có năm ngàn năm văn hóa là nói đến Phục Hy và Thần Nông, trước đó vẫn còn có [lịch sử cổ hơn].

Không Tử tổng hợp những truyền thuyết từ xưa, dùng văn tự ghi chép lại để lưu truyền cho hậu thế. Do vậy, chúng tôi tin trong Luận Ngữ có nhiều câu chẳng do Không Tử nói. Không Tử lão nhân gia nói Ngài suốt đời “*thuật nhi bất tác*”, “*thuật*” (述) là những điều ta nói vốn do người khác nói, do cổ thánh tiên hiền [đã nói], chứ không phải là chính mình, chính mình chẳng sáng tạo hay phát minh. “*Tín nhi hiếu cổ*” (tin tưởng, chuộng cổ), đối với truyền thuyết, Ngài tin tưởng, ưa thích. Do vậy, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, trọn chẳng phải là đến thời Ngài mới có, chúng ta có lý do để tin [những thứ ấy] phải từ một vạn năm trở lên. Cổ nhân truyền lại những thứ tinh giản, quý vị mới dễ nhớ, mới không bị biến chất. Ngũ Luân là “*phụ tử hữu thân, phu phụ hữu*

50[5] Theo truyền thuyết, Thần Nông, Phục Hy và Hoàng Đế được gọi là Tam Hoàng. Chữ Thị chỉ các bộ tộc của họ. Phục Hy còn gọi là Bào Hy, Hy Hoàng, Hoàng Hy, Thái Hạo v.v... cùng với bà Nữ Oa được coi là thủy tổ của loài người. Ông sống ở khu vực Lũng Tây, đóng đô ở Uyển Khưu (nay thuộc Hoài Dương, tỉnh Hà Nam), có công dạy dân nấu nướng, đan lưới, đánh cá, bắt thú, thiết lập quan hệ hôn nhân, và chế ra Bát Quái. Cũng có thuyết nói Phục Hy chính là Bàn Cổ. Theo huyền sử, mặt đất bị lụt lớn, chết sạch, Phục Hy bèn cùng Nữ Oa nặn đất thành hình người, hà hơi cho họ biến thành người sống, nên Phục Hy và Nữ Oa được tôn là thủy tổ loài người.

Thần Nông là người phát minh y dược, nếm trăm thứ cỏ cây để chế ra thuốc, dạy dân canh tác, sáng chế ra lưới cày và đồ gốm; do vậy, được coi là thủy tổ Đông Y và nông nghiệp Trung Hoa. Ông được tôn xưng là Dược Vương, Ngũ Cốc Vương. Ông thường được mô tả có diện mạo kỳ quái, thân thể còm cõi, đầu có bướu, trờ chân tay và đầu ra, toàn thân trong suốt, có thể thấy rõ nội tạng. Huyền sử Trung Hoa nói hậu duệ của ông là hai bộ lạc của Viêm Đế và Hoàng Đế. Về sau, Hoàng Đế đánh bại Viêm Đế, xưng là Thiên Tử. Xi Vưu cũng là hậu duệ của Thần Nông, sau khi bị Hoàng Đế đánh bại, phải chạy về phía Tây, các sắc dân người Miêu ở vùng Ngạc, Tương, Quý Châu và người Đại Hàn thường tự nhận là hậu duệ của Xi Vưu.

Hoàng Đế được coi là tổ tiên của dân Hoa Hạ, thuộc họ Công Tôn, do sống ở gò Hiên Viên nên còn gọi là Hiên Viên Thị. Thoạt đầu sống ở gần sông Cơ Thủy, nên về sau đổi thành họ Cơ, đặt tên nước là Hữu Hùng nên còn gọi là Hữu Hùng Thị. Ông sinh ra ở Thọ Khưu (gần Khúc Phụ, Sơn Đông ngày nay), sau di cư đến vùng Trác Lộc. Thoạt đầu, liên kết với Viêm Đế đánh bại Xi Vưu, giết chết Xi Vưu tại cánh đồng Trác Lộc, thống nhất các bộ lạc tại Trung Nguyên. Ông ta tiến vào khu vực của dân Cửu Lê, lên đỉnh Thái Sơn, hội họp các bộ lạc, cử hành lễ Phong Thiện, chính thức trở thành Cộng Chủ của toàn vùng Trung Nguyên. Đột nhiên, trên trời hiện ra hai con vật sắc vàng óng, nên người ta nói vua lấy đức hạnh của đất để xưng đế. Do vậy, tôn xưng vua là Hoàng Đế.

biệt, quân thân hữu nghĩa, trường ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín” (cha con có quan hệ thân thiết, vợ chồng có trách nhiệm khác nhau, vua tôi có nghĩa, lớn nhỏ có tôn ty thứ tự, bạn bè giữ chữ tín), quý vị thấy rất dễ truyền, sẽ chẳng bị truyền sai, ngàn vạn năm vẫn một mực truyền xuống như thế. Ngũ Thường là thường đạo (đạo nghĩa thường hằng), vĩnh viễn chẳng thể thay đổi, đó là đạo, tức năm chữ “*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*”, đều được đòi hỏi truyền thừa trước khi có văn tự. Tứ Duy là “*lễ, nghĩa, liêm sỉ*”, bốn chữ ấy. Bát Đức là tám chữ “*trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình*”. Đó là văn hóa truyền thống, đặc sắc và tinh thần văn hóa Trung Quốc. Phát triển cho đến hiện tại, Tứ Khố Toàn Thư được biên soạn vào thời đại Càn Long chính là sách vở các đời tích lũy lại, quý vị hãy xem, sẽ thấy bất luận ai soạn sách, đều chẳng tách rời những nguyên tắc này. Do vậy, chúng ta dùng Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức để khái quát toàn bộ văn hóa truyền thống của Trung Quốc từ xưa đến nay, chẳng thể nào vượt ra khỏi những nguyên tắc này.

Đến đời Hán, Phật pháp truyền vào Trung Quốc, tuy chẳng phải là văn hóa bản thổ, nhưng người Trung Quốc tâm lượng lớn, có thể bao dung, có thể dung hợp Phật pháp và văn hóa bản thổ thành một thể, như ông Thang Ân Tỹ (Arnold J. Toynbee) đã nói: “*Phật pháp phong phú văn hóa bản thổ của Trung Quốc, nâng cảnh giới lên cao hơn*”. Phật pháp biến thành văn hóa của Trung Quốc; nói tới văn hóa Trung Quốc, chắc chắn chẳng thể tách rời Phật pháp, chúng ta có hiểu [điều này] mới yêu quý. Đặt Phật pháp qua một bên khoan nói tới, đối với những thứ của chúng ta, tức là nói Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức của Trung Quốc, trong thời đại hiện tại, đi khắp địa cầu, bất luận nơi nào, những quốc gia, dân tộc khác biệt, tín ngưỡng, văn hóa khác biệt, đều có thể dung hội, chẳng chướng ngại. Đây là kinh nghiệm của bản thân chúng tôi trong mấy chục năm gần đây nhất, chúng ta nói rõ ràng, minh bạch, không ai chẳng ưa thích, đều tiếp nhận. Vì thế, tiến sĩ Thang Ân Tỹ nói: “*Thế kỷ hai mươi mốt là thế kỷ của người Trung Quốc*”. Có rất nhiều người hiểu lầm [câu nói ấy], tưởng người Trung Quốc xưng hùng xưng bá, chẳng phải vậy, mà là văn hóa truyền thống của Trung Quốc sẽ phổ cập toàn cầu, khiến cho thế giới này có thể thật sự hóa giải xung đột, khôi phục an định, hòa bình, hết thảy mọi người đều cần [điều này], chúng ta phải có sự nhận biết này. Phải giống như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, phải biết báo ân, báo ân tổ tiên. Báo bằng cách nào? Phải thực hiện văn hóa truyền thống, tức là phải thực hiện Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, phải nghiêm túc thực hiện. Có như vậy mới là báo ân chân chánh. Quý vị thật sự làm được, hiệu quả sẽ vô cùng rõ rệt, thứ nhất là thân tâm khỏe mạnh. Phật pháp nói: “*Tướng do tâm chuyển*”. Thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, tiếp đó là trị quốc, bình thiên hạ. Thiên hạ bình, “*bình*” là bình đẳng, là đối đãi bình đẳng, cư xử hòa thuận. Vì vậy, xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt hết sức cần đến học thuyết Khổng Mạnh và Đại Thừa Phật Pháp, ông Thang Ân Tỹ thấy chẳng sai!

Đoạn thứ nhất trong phần Khái Yếu là “*giáo khởi nhân duyên*”, nay chúng ta học tập đoạn này. “*Giáo khởi nhân duyên giả, minh đại giáo sở dĩ hưng khởi chi nhân duyên*” (Giáo khởi nhân duyên là nói rõ nhân duyên khiến cho đại giáo hưng khởi). “*Minh*” (明) là nói rõ, “*đại giáo*” là Đại Thừa. Tịnh Tông thuộc Đại Thừa. [Giáo khởi nhân duyên] là lý do vì sao Đại Thừa Phật pháp hưng khởi. Vì sao nó hưng khởi? Chúng ta học Phật, phải hiểu rõ điều này trước tiên. Trong phần này, chia thành hai đoạn. Đoạn thứ nhất là “*sơ minh đại giáo dĩ Tịnh Độ pháp môn chi hưng khởi*” (trước hết, nêu rõ sự hưng khởi của giáo pháp Đại Thừa và pháp môn Tịnh Độ): Vì sao pháp Đại Thừa và pháp môn Tịnh Độ hưng khởi? Đoạn thứ hai là “*tắc tường thuật bốn kinh hưng khởi chi nhân duyên*” (trình bày cặn kẽ nhân duyên khiến cho kinh này xuất hiện), đây là nói về nhân duyên hưng khởi của bộ kinh này, tức Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh. Chúng ta đọc câu văn kế tiếp: “*Phù nhất thiết pháp, bất ly nhân duyên*” (hết thảy các pháp chẳng lìa nhân duyên). “*Phù*” (夫) trợ từ, tuy lão cư sĩ dùng văn tự rất minh bạch để viết [lời chú giải], nhưng vẫn theo quy củ của Văn Ngôn. Chữ “*phù*” này là “ngữ trợ từ” trong văn chương Văn Ngôn, không có ý nghĩa, là tiếng đệm, tức là nói: Hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng tách rời nhân duyên. Nó được hưng khởi, “*đại giáo chi hưng, nhân duyên vô lượng, nhi vô lượng nhân duyên duy vi nhất đại sự nhân duyên có*” (Đại giáo được hưng khởi bởi vô lượng nhân duyên, nhưng vô lượng nhân duyên chỉ là một đại sự nhân duyên). Quả thật nhân duyên phát khởi của vạn vật trong vũ trụ đều là vô lượng, vô tận, vô số, chẳng phải là ngẫu nhiên, đúng là vô lượng nhân duyên.

Đức Phật dạy học, đặc biệt là dạy kẻ mới học, đã quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn, nói khéo lắm. Trong bốn loại lớn, thứ nhất là Thân Nhân Duyên, thứ hai là Sở Duyên Duyên, thứ ba là Vô Giáns Duyên, thứ tư là Tăng Thượng Duyên. Đức Phật chia vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn. Quý vị phải biết, mỗi loại trong bốn loại lớn này đều là vô lượng nhân duyên. Trong sự giảng học ấy có pháp phương tiện, tức là nói đại lược. Giống như thực vật, nó sanh trưởng như thế nào? Nó có hạt giống, hạt giống là Thân Nhân Duyên. Chẳng có hạt giống, làm sao nó sanh trưởng được? Nhưng chỉ có mình hạt giống, mà chẳng có những duyên khác; đem hạt giống ấy bỏ trong chén trà, để cả trăm năm, nó cũng chẳng thể mọc thành cây. Vì thế, nó phải có Sở Duyên Duyên. Có Sở Duyên Duyên, hạt giống nhất định có hy vọng mọc thành cây, đơm hoa, kết quả, nó có một mục tiêu để duyên vào. Cũng giống như động vật, chúng có Sở Duyên Duyên là nhất định muốn được sanh tồn, còn mong mỗi sẽ sanh sôi nảy nở thành đời sau. Đây là bản năng, “*bản năng*” như chúng ta đã nói chính là Sở Duyên Duyên. Sở Duyên Duyên chẳng thể gián đoạn; hễ gián đoạn, nó sẽ hủy diệt. Vì vậy, quý vị nhìn vào ba món duyên đầu tiên, ba thứ hiện tượng có cùng một Thể. Duyên sau cùng là Tăng Thượng Duyên, nó cũng chẳng thể thiếu. Tăng Thượng Duyên: Hạt giống muốn trưởng thành, cần phải có đất đai, cần đến không khí, cần có nước, thậm chí còn phải có sức người giúp nó, nó mới có thể phát triển. Toàn bộ những thứ ấy gọi là Tăng Thượng Duyên. Tăng

Thượng Duyên là sức mạnh bên ngoài giúp đỡ, là ngoại lực; ba thứ duyên trước đó, chính mình vốn sẵn có. Phật pháp là nhân duyên sanh, cho nên ý nghĩa này rất sâu. Phàm thứ gì là nhân duyên sanh (do nhân duyên sanh ra) sẽ đều chẳng thật! Pháp được sanh bởi duyên sẽ có sanh, có diệt; có sanh có diệt sẽ chẳng thật. Vì thế, đức Phật bảo chúng ta: *“Pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp”* (pháp còn nên bỏ, hướng hồ phi pháp). Quý vị chớ nên chấp trước Phật pháp. Hễ chấp trước thân này là Ngã, trật rồi! Nếu quý vị chấp trước kinh điển là Phật pháp, cũng trật luôn! Nó là pháp được sanh bởi các duyên. Thứ nào chân thật sẽ chẳng phải là duyên sanh, nó vốn có. Tự tánh là vốn có, Tánh Đức trong tự tánh là vốn có. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo vốn sẵn có trong tự tánh. Ý nghĩa này sâu lắm, nó biến thành cái được gọi là Triết Học cao cấp và khoa học trong hiện thời. Nói pháp duyên sanh với quý vị, đó là sơ cấp, Tiểu Học và Trung Học đều có thể học.

Sở dĩ vô lượng nhân duyên chỉ là một đại sự nhân duyên là vì nếu chúng ta tổng quy nạp vô lượng nhân duyên lại, chúng ta sẽ tìm ra nhân duyên quan trọng nhất là gì? Vì sao phải xuất sanh? Đó là một đại sự nhân duyên. Một đại sự nhân duyên là như trong kinh Pháp Hoa đức Phật đã dạy: *“Chư Phật Thế Tôn duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế”* (Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời). *“Duy dĩ Phật chi tri kiến, thị ngộ chúng sanh”* (chỉ nhằm dùng tri kiến của Phật để chỉ bày, khiến cho chúng sanh khai ngộ). Trong kinh Pháp Hoa có một câu nói về đại sự nhân duyên như sau: *“Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến”*. Vì sao mười phương chư Phật, Bồ Tát, đến ứng hóa trong thế gian? Vì chuyện này! Bởi lẽ, Phật tri Phật kiến chính là cái mà hết thảy chúng sanh vốn có; do vậy, Phật chẳng độ chúng sanh! Phật ban cho quý vị cái gì? Cái gì Phật cũng chẳng ban cho, bản thân quý vị đã vốn có! Vốn có, nhưng quý vị mê rồi, chẳng thể thụ hưởng. Đang mê hoặc, điên đảo, đang luân hồi trong lục đạo, sống cuộc đời thâm khổ, khổ nạn như thế; Phật đến điểm hóa quý vị. Quý vị có Phật tri Phật kiến, vốn là Phật, nhưng bị mê, mê mất tự tánh. Do vậy, đối với chúng sanh, đức Phật chỉ có thể làm được hai chữ: *“Khai thị”*. Dùng phương tiện nào để hoàn thành hai chữ này? Thân hành và ngôn giáo. Thân hành là *“thị”* (示). *“Thị”* làm mẫu cho quý vị xem; *“ngôn giáo”* là [giáo hóa bằng] lời nói. Đức Phật coi *“thị”* là phương pháp trọng yếu để giáo hóa chúng sanh, *“ngôn”* nhằm bổ sung những chỗ thiếu sót trong *“thị”*. Vì thế, trước hết nêu gương cho quý vị xem, sau khi xem xong, quý vị sẽ cảm động, lãnh hội. Sau khi nhìn thấy sẽ cảm động, nhưng chưa hiểu rõ lắm, quý vị lại hỏi, khi được hỏi sẽ giải thích cho quý vị. Đức Phật làm trước! Vì sao đức Phật phải thị hiện làm một vị Tăng khổ hạnh, tam y nhất bát, đêm nghỉ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa Ngọ, để làm gì vậy? Có ý nghĩa gì? Chúng tôi học nhiều năm như thế, đã hiểu ý nghĩa, nhằm dạy người ta điều gì? Buông xuống! Buông xuống bèn trở về tự tánh. Vì sao quý vị mê? Do quý vị

tự tư, tự lợi, có tham, sân, si, mạn, tham ái hưởng thụ ngũ dục, lục trần, do làm những chuyện này cho nên mê.

Trên thực tế, có thể hưởng thụ ngũ dục lục trần hay chẳng? Có thể! Vì sao không thể? Quý vị hưởng thụ, nhưng trong lúc ấy chẳng khởi phân biệt, dấy chấp trước nơi ấy, đó là đúng. Nhưng khi quý vị hưởng thụ, bèn khởi phân biệt, dấy chấp trước, khởi lên thất tình, ngũ dục, hồng rồi! Sẽ sanh ra nhiều tác dụng phụ, đó là tạo nghiệp⁵¹[6]! Sanh ra những thứ ấy, những thứ đó lại chuốc lấy quả báo. Do cái nhân chẳng thiện, nên chẳng đạt được thiện quả, [thọ sanh trong] lục đạo tam đồ. Quý vị phải hiểu: Lục đạo tam đồ chẳng có, trong tự tánh chẳng có, vốn chẳng có, nhưng hiện thời là có hay không? Hiện tại vẫn là chẳng có, nói với quý vị, quý vị đâu có tin! Nói “hiện tại có”, quý vị sẽ tin tưởng; nói “hiện tại chẳng có”, quý vị không tin. Trong sự cảm nhận của Phật, Bồ Tát, đúng là chẳng có, chẳng phải là giả! “*Đương tướng tức không, liễu bất khả đắc*” (Chính tướng ấy là không, trọn chẳng thể được), có ở chỗ nào? Trong kinh, đức Phật thường nói “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Nói tổng kết về kinh Đại Bát Nhã thì bộ kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển đã giảng điều gì? Nhằm giảng bốn câu: “*Hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”, bốn câu ấy! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng [Bát Nhã] hai mươi hai năm, nhằm dạy chúng ta chân tướng sự thật là như vậy đó. Quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật, chấp trước nó là có thật, trật rồi! Trong các cảnh giới, cảnh giới hư huyền, quý vị dấy lên ý niệm không chế, chiếm hữu, sai rồi! Quý vị đã tạo tội nghiệp! Nếu quý vị thụ dụng, nhưng chẳng có ý niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm động niệm, sự thụ dụng của quý vị là sự thụ dụng của chư Phật Như Lai. Thừa quý vị, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là sự thụ dụng ấy. Người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm có thụ dụng, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó gọi là hưởng thụ thật sự, đó gọi là thế giới Cực Lạc. Chẳng khởi tâm, không động niệm, cho nên sự hưởng thụ của họ chẳng có một tí trở ngại nào, chẳng khởi tâm động niệm! Nay chúng ta hưởng thụ, bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, phiền phức ở chỗ này! Do vậy, nói: Chẳng có luân hồi mà tạo tác thành luân hồi. Luân hồi là ác mộng. Quý vị đi ngủ vốn chẳng có mộng, mỗi ngày gặp ác mộng thì ác mộng do chính quý vị tạo tác, chẳng phải do người khác tặng cho quý vị.

Đại sự nhân duyên là khai thị ngộ nhập, đức Phật có thể làm được hai chữ “*khai thị*”; nhưng chúng sanh tiếp xúc sự khai thị ấy, phải ngộ nhập! “*Ngộ*” là hiểu rõ, giống như chúng ta thường nói là “*thấy thấu suốt*”. “*Nhập*” thế nào? Nhập là buông xuống, buông xuống là nhập. Quý vị chẳng buông xuống được, sẽ chẳng nhập cảnh giới; hề buông xuống liền nhập. Cận đại, Ấn Quang đại sư có một phương pháp hết sức tuyệt

⁵¹[6] Nghiệp (孽) ở đây là đầu mối tội chướng, không phải “nghiệp”.

diệu, dạy chúng ta ngộ nhập như thế nào. Khi lão nhân gia tại thế, có một khoảng thời gian rất lâu, Ngài bé quan tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu, đó là đạo tràng tu học cuối cùng của lão nhân gia. Tôi đã đến thăm quan phòng (gian phòng dùng để bé quan) ấy. Rất nhỏ, hết sức đơn giản, chỉ có một cái bàn vuông, trên bàn thờ một pho tượng Phật, thứ gì cũng đều chẳng có, rất đơn giản! Một pho tượng Phật, một cặp chân đèn, một lư hương, một cái dẫn khánh, một cái mõ nhỏ. Phía sau tượng Phật viết một chữ to, do chính lão nhân gia viết. Ngài viết một chữ Tử. Phương pháp này khéo lắm! Khiến cho quý vị vừa trông thấy, cái chết đã cận kề, thử hỏi quý vị còn có điều gì chẳng buông xuống được chăng? Vì thế, trong thời đại hiện tại, bản thân tôi thường nghĩ: Thọ mạng của chúng ta tới hôm nay là hết, ngày hôm nay phải chết, còn có gì để mơ tưởng nữa? Do vậy, chúng ta sẽ sót sáng, nghĩ đến cái chết, đã chết rồi, cái chết đang đón đầu, còn có thể nghĩ tới ăn, mặc, ở, đi nữa chăng? Còn có thể mong hưởng thụ hay chăng? Chẳng có! Hiện thời chỉ còn sót lại một ý niệm cầu sanh Tịnh Độ. Điều gì cũng đều buông xuống, chỉ nghĩ đến A Di Đà Phật, “con ở đây chờ Ngài, Ngài hãy đến tiếp dẫn con”. Trừ một niệm này ra, ý niệm gì cũng đều chẳng có. Có thứ gì trong thế gian này là của ta? Ngay cả cái thân cũng chẳng phải! Chúng ta phải dùng tâm thái ấy để niệm Phật, đúng như kinh Di Đà đã nói: “*Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày*” sẽ vãng sanh, thật đấy, chẳng giả đâu! Hôm nay A Di Đà Phật chưa đến, coi như chưa tới lúc, ngày mai vẫn nghĩ như thế, mỗi ngày đều nghĩ như thế, có nghĩa là gì? Nêu gương cho các đồng học học Phật, khẳng định có một ngày nào đó, A Di Đà Phật sẽ đến. A Di Đà Phật nói: “Người đã nêu gương, có thể đến thế giới Cực Lạc”.

Chẳng có gì khác, triệt để buông xuống! “Buông xuống” chẳng phải là bỏ hết mọi việc, chẳng phải vậy! Mọi sự vẫn phải làm, chuyện trong ngày hôm nay vẫn phải làm như thế, nhưng trong tâm không in dấu vết. Tâm như thế nào? Trong tâm là một câu A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, tưởng A Di Đà Phật, thật sự niệm Phật, chẳng giả vờ. Đây là gì? Vì đại sự này mà chư Phật Như Lai tới thế gian này, để làm gì? Giúp chúng sanh nhanh chóng thành Phật. Quý vị vốn là Phật, nay quý vị niệm Phật, chắc chắn làm Phật, vốn là Phật mà! Chuyện thế gian, chuyện trong mười pháp giới đừng quan tâm tới, tùy duyên là tốt rồi, không nên phan duyên! Cổ đại đức dạy chúng ta: “*Tùy duyên tiêu nghiệp, mạc tái tạo tân ương*” (tùy duyên tiêu nghiệp cũ, đừng tạo ương họa mới). Nếu chúng ta không biết, đối với hết thầy người và sự vật xung quanh vẫn khởi tâm động niệm, vẫn còn phân biệt, chấp trước, đây là quý vị đang tạo ương họa mới, tạo nghiệp, làm rồi! Trên mặt Sự bèn tùy duyên, trong lòng phải tinh sạch. Sự là gì? Là giả, Sự Sự vô ngại! Chỉ cần chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chướng ngại gì cũng đều chẳng có. Chướng ngại là khởi tâm động niệm! Khởi tâm động niệm là chướng ngại nghiêm trọng nhất. Thứ nhất là đối lập. Quyết định chẳng thể đối lập với người khác. Chớ nên đối lập với Sự. Chớ nên đối lập hết thầy vạn vật. Trước hết

phải tiêu trừ điều này, thành tựu viên mãn đạo nghiệp của chính mình trong một đời này. Quyết định chớ nên có ý niệm không chế, càng không nên có ý niệm chiếm hữu, hãy học điều này, thực hiện từ chỗ này. Làm thế nào để hóa giải ý niệm? Niệm A Di Đà Phật để hóa giải. Trong tâm ta chỉ có A Di Đà Phật, chỉ nghĩ đến A Di Đà Phật, nhất tâm mong quay về thế giới Cực Lạc sớm hơn một chút, đến thế giới Cực Lạc để thành Phật.

Hoàn cảnh tu học ở bên ấy tốt đẹp, thọ mạng con người lâu dài, vô lượng thọ, lại thành tựu nhanh chóng. Vì sao? Hoàn cảnh tu học tốt đẹp, quý vị chắc chắn chẳng gặp duyên gây chướng ngại, quý vị tìm ở nơi đâu không có chướng ngại? [Các duyên trong thế giới Cực Lạc] đều là duyên thành tựu. Do vì quý vị ở bên đó, những người quý vị được tiếp xúc đều là chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát. Phải hiểu: Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị có thể thời thời khắc khắc tiếp xúc mười phương hết thảy chư Phật Như Lai. Quý vị có năng lực phân thân, ngồi nơi đó nghe A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp, [đồng thời] phân vô lượng vô biên thân đến thập phương thế giới lễ Phật, cúng dường, nghe Phật thuyết pháp. Trong mười phương thế giới chẳng có duyên phận này, nhưng thế giới Cực Lạc trọn đủ. Do vậy, học rộng nghe nhiều thì đến thế giới Cực Lạc sẽ thật sự học rộng nghe nhiều, chư Phật đích thân giáo huấn. Quý vị có năng lực phân thân. Quý vị nói xem: Nhân duyên và hoàn cảnh học tập thù thắng như vậy, có thể nào không đến đó? Có gì tham luyến nơi đây? Thích Ca Mâu Ni Phật sợ chúng ta ở nơi đây sẽ dấy động ý niệm tham luyến, cho nên suốt đời chẳng lập đạo tràng, chẳng tham luyến, chỉ cho phép ngủ dưới mỗi gốc cây một đêm, vì sao? Bóng cây rất lớn, quý vị dấy lên tâm tham, nên chỉ có thể ngủ một đêm, ngày hôm sau sang chỗ khác, [chế định như vậy] nhằm đoạn tâm tham của quý vị. Đúng là phương tiện thiện xảo, giúp cho chúng ta chẳng sanh phiền não, giúp chúng ta chẳng tạo tội nghiệp. Cũng có người nói: Một đại sự nhân duyên này chính là sanh tử đại sự. Nếu hiểu theo ý nghĩa ấy thì chưa đủ thấu triệt! Thấu triệt vẫn phải là tuân theo kinh điển để nói. Trong kinh điển đã nói “*khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*”, [đại sự nhân duyên] là chuyện ấy.

Trong toàn bộ sự giáo học của Phật pháp, chuyện này gồm ba giai đoạn phải hoàn thành. Học Phật là học gì? Trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy câu “*A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”; câu này cũng là tiếng Phạn dịch âm, có thể phiên dịch, nhưng vì sao chẳng dịch? Do tôn trọng nên chẳng dịch, do nó là mục tiêu tu học chung cực của quý vị; vì thế, giữ nguyên âm tiếng Phạn, [nhằm tỏ ý] tôn trọng. Dịch sang tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là tri kiến Phật mà chúng ta phải viên mãn. Trong ba giai đoạn này, trước hết là cầu Chánh Giác, giác ngộ, giác ngộ chính xác, chẳng lệch lạc, chẳng tà, đều là sẵn có trong tự tánh. Làm thế nào để có thể thành Chánh Giác? Chỉ cần chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, buông chấp trước xuống sẽ thành Chánh Giác. Thành Chánh Giác có một danh xưng học vị là A La Hán, quý vị chứng đắc A La Hán. Vì thế, quý vị phải hiểu: Chứng đắc A La Hán là thành Chánh Giác; trong khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, quý vị đạt tới giai đoạn thứ nhất. Giai

đoạn thứ hai là phải tiếp tục buông xuống, buông phân biệt xuống, phân biệt nhẹ hơn chấp trước, chấp trước rất nghiêm trọng. Do chấp trước mới có lục đạo luân hồi; buông chấp trước xuống, lục đạo chẳng còn nữa, đó gọi là vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng còn nữa, lục đạo chẳng có, là giả, giống như nằm mộng, tỉnh giấc thì mộng cảnh chẳng tồn tại nữa! Nếu quý vị buông phân biệt xuống, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt, cảnh giới của quý vị sẽ được nâng cao, chứng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác. Chánh Đẳng Chánh Giác được gọi là Bồ Tát, là danh xưng của học vị thứ hai trong Phật pháp, quý vị thành Bồ Tát. Ai chẳng phải là Bồ Tát? Hễ buông xuống sẽ là Bồ Tát! Học vị tối cao sẽ thêm chữ Vô Thượng vào đằng trước, tức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, danh xưng của học vị này là Phật Đà. Do vậy, trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật thường nói: *“Hết thảy chúng sanh vốn là Phật”*, quý vị nói có đúng hay không? Đúng! Chỉ cần quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị sẽ là Phật. Chẳng buông xuống thì vẫn là Phật! Chẳng thể nói quý vị không phải là Phật, nhưng là một vị Phật có đeo thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thật đấy, chẳng giả! Do vậy, đức Phật chẳng dám khinh mạn ai! Vì sao? Ngài biết hết thảy đều là Phật. Phật Phật bình đẳng, Phật Phật Tánh Đức giao lưu. Phật thấy hết thảy chúng sanh là Phật, nhưng chúng sanh thấy Phật cũng là chúng sanh, vì sao? Họ có phân biệt; dùng cái tâm phân biệt để nhìn Phật, dùng cái tâm chấp trước để nhìn Phật, cho nên khác nhau, thấy làm rồi! Do vậy, nếu quý vị hỏi: “Ngày nào tôi sẽ thành Phật?” Rất đơn giản! Ngày nào quý vị thấy tất cả hết thảy chúng sanh đều là Phật, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật rồi! Không chỉ hữu tình chúng sanh đều là Phật, mà cây cối, hoa, cỏ, núi sông, đại địa thảy đều là như vậy, chẳng có một pháp nào không phải, quý vị thành Phật rồi! Quý vị vẫn thấy ưa thích cái này, thấy chán ghét cái kia, quý vị là lục đạo phàm phu. Vì chuyện này mà đức Phật xuất hiện trong cõi đời, giúp chúng ta là những vị Phật bị mê hoặc, điên đảo khôì phục bình thường. Đây là nhân duyên hưng khởi của chư Phật, Bồ Tát.

Phẩm [Nhu Lai] Tánh Khởi của kinh Hoa Nghiêm có một câu như sau: *“Nhu Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác”*, đây là mười hiệu của đức Phật. Mười thứ danh hiệu, tất cả chư Phật bình đẳng, mười loại đức hiệu ấy là Tánh Đức, cho nên trong tự tánh của quý vị thảy đều có. *“Tánh khởi chánh pháp, bất khả tư nghị”* (tánh khởi chánh pháp chẳng thể nghĩ bàn), *“chánh pháp”* là Đại Thừa, Đại Thừa do đâu mà có? Trong tự tánh vốn trọn đủ, là thật, chẳng giả. Vì là tánh khởi, nó chẳng phải là duyên khởi, duyên khởi chẳng thật, tánh khởi là thật. Phải biết: Luân lý đạo đức như tổ tiên đã dạy là tánh khởi, chẳng phải là duyên khởi. Văn hóa truyền thống của Trung Quốc dùng một chữ làm đại biểu, tức là Hiếu đạo. “Hiếu văn hóa” (văn hóa đặt nền tảng trên chữ Hiếu). Từ “hiếu” mở rộng thành bốn khoa là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, và Bát Đức. Chúng là tánh khởi, chẳng do một ai sáng chế, chẳng do ai định đặt, chẳng phải vậy! Giống như trong

thiên nhiên, bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông phân minh, chẳng do con người định đoạt, tự nhiên mà! Danh từ trong Phật pháp [nhằm diễn tả điều này] là “*pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn là như thế), vốn là như vậy, cho nên là Tánh Đức. Tổ tiên Trung Quốc cũng rất phi phàm, nói ra chân tướng sự thật: Tánh con người vốn lành. Tam Tụ Kinh có câu: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thuở đầu, tánh vốn lành), “*thiện*” ấy chẳng phải là thiện trong thiện - ác. Thiện trong thiện - ác là tương đối, là duyên khởi, thiện [trong câu “*tánh bản thiện*”] là tánh khởi. Tánh khởi chẳng có tương đối. Nói cách khác, hai bên thiện và ác đều chẳng vướng mắc, đó là chân thiện. Có thiện, có ác, đó là bất thiện. Cảnh giới này cao lắm, tánh con người vốn thiện. Nếu dùng Phật pháp để nói sẽ dễ hiểu hơn. Huệ Năng đại sư kiến tánh, [đã diễn giải] tánh như thế nào? Quý vị hãy xem Ngài miêu tả: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”, thanh tịnh là Tánh Đức, thanh tịnh là tánh khởi, tánh vốn là như vậy, chưa từng bị nhiễm. Nay bốn tánh thanh tịnh của chúng ta có bị nhiễm hay không? Chẳng có! Tại thánh hay tại Phật, chẳng thêm tí nào, nơi phàm chẳng giảm, nó cũng chẳng giảm tí nào, đúng là bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh. Nó chẳng phải là nhị biên, mà cũng chẳng phải là Trung Đạo. Trung Đạo và nhị biên đối lập, cho nên: “*Nhị biên bất lập, Trung Đạo bất tồn*” (Hai bên chẳng lập, Trung Đạo chẳng còn), chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị chẳng thể nghĩ, hễ nghĩ bèn trật! Quý vị chẳng thể nói, hễ nói cũng sai, không thể nói được! Vì thế, các vị đại đức trong Tông Môn có tỷ dụ: “*Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri*” (như người uống nước, ấm lạnh tự biết), chính quý vị biết rõ ràng, rành rẽ, nhưng chẳng thể nói được! Chỉ có người đạt đến cảnh giới ấy, đôi bên hiểu ý nhau bèn cười, đều hiểu rõ. Kẻ chưa đạt đến cảnh giới ấy thì không được. Do vậy, tánh khởi và duyên khởi khác nhau, tánh khởi chánh pháp, Đại Thừa là tánh khởi, Tiểu Thừa là duyên khởi. Trong Đại Thừa có duyên khởi hay chẳng? Có! Nếu phân chia Đại Thừa theo đẳng cấp, Thượng Thượng Thừa là tánh khởi, còn Đại Thừa, Trung Thừa, Tiểu Thừa như thường nói đều là duyên khởi. Thiên Tông rất rõ rệt, Huệ Năng đại sư tiếp dẫn bậc thượng thượng căn, đó là tánh khởi; Thần Tú đại sư tiếp dẫn Đại Thừa, đó là duyên khởi, vì Ngài còn có thấy: “*Thân thị Bồ Đề thụ, tâm như minh kính đài*” (thân là cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng), đây là duyên khởi. Chúng ta phải lắng lòng thấu hiểu!

“*Sở dĩ giả hà? Phi thiếu nhân duyên, thành Đẳng Chánh Giác, xuất hưng ư thế*” (Vì sao vậy? Chẳng phải do đôi chút nhân duyên mà [Phật] thành Đẳng Chánh Giác, xuất hiện trong cõi đời), đó là gì? Đó là duyên khởi. Chư Phật Như Lai ứng hóa trong thế gian là duyên khởi, chẳng phải là tánh khởi. Duyên khởi là gì? Cảm ứng. Do nhân gì? Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Chúng tôi dùng thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng [để trình bày], quý vị sẽ hiểu rõ. Ông ta làm thí nghiệm với nước, có rất nhiều ảnh chụp, chúng tôi có treo [những bức ảnh ấy] trên hành lang ở nơi đây, quý vị có thể đến xem. Chúng ta khởi tâm động niệm là cảm, là duyên. Nước là khoáng vật, tức vật chất, vật chất thì sao? Nó thấy nghe hay biết, thấy nghe hay biết vĩnh viễn chẳng diệt.

Câu nói kiến tánh thứ hai của Huệ Năng đại sư là: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt*”. Cái vốn chẳng sanh diệt chính là thấy nghe hay biết, cho nên thấy nghe hay biết là tự tánh; nhưng sau khi mê thì sao? Sau khi mê sẽ không gọi là thấy nghe hay biết, mà gọi là gì? Gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, biến thành A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Quý vị thấy năm thức đầu là Thọ; thức thứ sáu là Tưởng; thức thứ bảy là Hành, Hành là niệm niệm chẳng trụ, thức thứ tám là Thức, [thấy nghe hay biết] biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chúng ta gọi [Thọ, Tưởng, Hành, Thức] là tinh thần, hay tâm lý, hoặc tâm pháp. Do vậy, tâm pháp và vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời. Chỉ cần là vật chất, trong ấy nhất định có thấy nghe hay biết. Trong lục đạo, chắc chắn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Do vậy, chúng ta khởi lên ý niệm: “Ta ưa thích người”, quý vị thấy nước bèn tiếp nhận, nó cũng ưa thích chúng ta, hiện ra cấu trúc kết tinh hết sức đẹp đẽ. Chúng ta ưa thích nó, nó ưa thích chúng ta. Ta chán ghét nó, nó hiện tướng rất xấu xí, thô kệch, có nghĩa là “tôi cũng chán ghét quý vị”. Khoáng vật thông hiểu tình cảm của con người! Tôi bảo tiến sĩ Giang Bồn: Nước có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Tất cả vật chất đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, ông hãy gắng thí nghiệm. Nó không chỉ hiện tướng Sắc. Đức Phật dạy nó có bốn loại: Sắc, Thanh, Hương, Vị, nó có bốn loại [tướng ấy]. Nay ông làm thí nghiệm, mới nhìn thấy một trong bốn loại, mới thấy Sắc. Quý vị còn chưa nghe âm thanh, chưa ngửi hương, chưa nếm vị; nó có Sắc, Thanh, Hương, Vị. Vì thế, khoa học vẫn còn kém Phật pháp một khoảng cách! Khi nào phương pháp khoa học có thể trải nghiệm Sắc, Thanh, Hương, Vị thì mới là viên mãn. Đức Phật nói tới Thật Tướng của các pháp, chẳng phải là giả, mà là chân tướng. Thật Tướng là chân tướng của hết thấy các pháp. Nay chúng ta nói hiện tượng vật chất nhỏ nhất là hạt cơ bản, tức khoa-khắc (quark, hạt vi lượng), chẳng thể thấy bằng mắt thường. Quý vị chớ nên coi thường vật chất bé bỏng như vậy, tất cả hết thấy hiện tượng vật chất đều do vật chất nhỏ nhoi này hợp thành. Mỗi vật chất nhỏ nhất, vật chất cơ bản, thấy đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Hễ giác ngộ, Thọ, Tưởng, Hành, Thức biến thành thấy, nghe, hay, biết. Khi mê, thấy nghe hay biết biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nó bất sanh, bất diệt, đó là chân tướng sự thật.

Vì thế, đức Phật xuất hiện trên thế gian là cảm ứng. Chúng sanh chẳng có cảm, Phật sẽ không thể xuất hiện; chúng sanh có cảm, Phật bèn xuất hiện. Chúng ta muốn thấy A Di Đà Phật, A Di Đà Phật thật sự bị quý vị trông thấy. Quý vị có cảm, tôi chẳng có cảm, vì sao cũng thấy A Di Đà Phật? Thật ra là có cảm, nhưng chính quý vị không biết. Cảm có hiển cảm (cảm rõ rệt) và minh cảm (cảm ngấm ngấm). “*Hiển*” (顯) là khởi tâm động niệm rất rõ rệt, tôi muốn cầu Phật; “*minh*” (冥) là gì? Tôi khởi tâm động niệm, nhưng chính mình cũng không biết, hoặc là duyên quá khứ bất tri bất giác chín muồi, nên cảm Phật hiện tiền, Bồ Tát hiện tiền. Ứng cũng có hai thứ là hiển ứng và minh ứng. Chúng ta cầu Phật thì Phật, Bồ Tát có đến hay không? Đến! Chúng ta mắt thịt nhìn không thấy, đó

là “*minh ứng*” (ứng ngầm ngầm). Chẳng phải là các Ngài không đến, thật sự các Ngài ở bên cạnh quý vị, nhưng quý vị không thấy các Ngài, các Ngài thấy quý vị. Quý vị chẳng thấy các Ngài. “*Minh ứng*” là âm thầm chiếu cố, giúp đỡ quý vị, có thật, chẳng phải là không có! Có “*hiển cảm, hiển ứng, minh cảm, minh ứng*”, cho nên có bốn câu cảm ứng. Đây là nói rõ chuyện gì? Phật pháp là duyên sanh pháp. Chớ nên chấp trước duyên sanh pháp! Phật pháp có cần thiết hay không? Nay tôi đang mê, vẫn chưa khai ngộ, chưa kiến tánh, tôi cần nó, nó giúp đỡ tôi. Sau khi kiến tánh, chẳng cần nữa, buông toàn bộ xuống. Sau khi kiến tánh, nếu quý vị vẫn chấp trước Phật pháp thì lại mê rồi, trật lất rồi! Chúng ta chẳng thấy người kiến tánh mà vẫn còn kè kè cả đồng kinh sách, chẳng có! Kẻ chưa kiến tánh đi tới đâu đều vác theo kinh sách, người kiến tánh chẳng có. Vì sao? Tất cả hết thấy kinh luận thấy đều từ tự tánh lưu lộ, người ấy cần phải vác theo làm chi? Huệ Năng đại sư không biết chữ, suốt đời chẳng mang theo quyển sách nào. Ngài mang theo đến bất cứ nơi đâu là y bát, chớ hề có một quyển kinh sách nào! Quý vị đem kinh sách hỏi Ngài, Ngài đối đáp như nước chảy, chẳng có gì bắt bí Ngài được! Đó là gì? Xứng tánh. Chúng ta học Phật có mục tiêu chung cực là muốn kiến tánh, muốn kiến tánh phải buông xuống. Buông Phiền Não Chương xuống, buông Sở Tri Chương xuống, sẽ chẳng có chương ngại nào!

Câu tiếp theo là “*dĩ thập chủng*”. “*Thập*” chẳng phải là con số mà là tỷ dụ, tỷ dụ điều gì? Vô lượng, viên mãn. Hoa Nghiêm dùng “*thập*” để biểu thị pháp, kinh Di Đà dùng “*thất*” để biểu thị pháp, đều chẳng phải là con số, mà nhằm tượng trưng cho sự viên mãn. “*Thất*” tượng trưng cho viên mãn: Bốn phương, trên và dưới là “*lục*”, lại còn có chính giữa, thành “*thất*”. “*Thất*” biểu thị pháp, viên mãn. “*Thập*” là con số tượng trưng, từ một đến mười là con số viên mãn, nó [được sử dụng] nhằm biểu thị pháp, cho nên “*thập*” tượng trưng sự viên mãn. Cũng giống như vậy, câu kế tiếp là: “*Vô lượng vô số*”, vô biên, vô tận, dùng theo ý nghĩa này. “*Bách thiên A-tăng-kỳ*” (trăm ngàn A-tăng-kỳ), A-tăng-kỳ (Asamkhyā) là một đơn vị số lượng lớn của Cổ Ấn Độ, nó là một trong mười con số lớn. “*Nhân duyên, thành Đẳng Chánh Giác xuất hưng u thế*”, chúng ta có thể tin tưởng lời này hay chẳng? Có thể tin tưởng! Chắc chắn chẳng phải là một mình chúng ta, chúng ta ở nơi đây tưởng Phật, Phật bèn xuất hiện trong cõi đời, chẳng phải là như vậy! Bao nhiêu chúng sanh có duyên với Phật, do công nghiệp sở cảm, Phật bèn xuất hiện trong thế gian, chẳng đơn giản! Nếu chúng ta suy nghĩ lại, nay chúng ta là cái thân nghiệp báo, mang theo nghiệp đến thế gian này, tìm được cha mẹ, chúng ta sanh trong nhân gian, có bao nhiêu nhân duyên? Thừa quý vị, cũng giống như vậy, cũng là do “*mười thứ vô lượng, vô số, trăm ngàn A-tăng-kỳ nhân duyên*” mà chúng ta đến thế gian này. Trong các duyên ấy có nhiễm, có tịnh, có thiện, có ác. Phật, Bồ Tát xuất hiện, duyên ấy là thanh tịnh, là thiện. Chúng ta đến thế gian này, xả thân, nhận thân, luân hồi trong lục đạo, duyên ấy là nhiễm duyên, bất thiện duyên. Vì thế, bất luận một pháp nào cũng đều do vô lượng nhân duyên thành tựu. Phạm là nhân duyên thành tựu, phải biết nó

chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể. Trung Quán Luận nói: “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không*” (pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói nó là không), đức Phật nói như vậy. Vì thế, “*đương thể tức thị không, liễu bất khả đắc*” (bản thể của nó chính là không, trọn chẳng thể được), quý vị có thể thương thức nó, chứ chẳng thể không chế, chẳng thể chiếm hữu. Đây là đúng! Quý vị hoàn toàn làm đúng. Nếu quý vị muốn không chế, toan chiếm hữu, sai rồi! Quý vị tạo nghiệp! Bất luận quý vị tạo tác ra sao, đều chẳng thể không chế được, mà cũng chẳng chiếm hữu được! Đây là nói thật với quý vị. Khi quý vị có ý niệm ấy, trong tâm bị ô nhiễm, chẳng thanh tịnh, tâm thanh tịnh mất đi, tâm bình đẳng bị mất, đây là [những tâm được nhắc đến trong] đề mục kinh Vô Lượng Thọ, tâm giác ngộ bị mất đi. “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là Tánh Đức mà quý vị sẵn có, quý vị vốn là như vậy. Một niệm sai lầm, cả ba thứ ấy đều bị mất, chẳng còn thanh tịnh, biến thành nhiễm ô; chẳng còn bình đẳng, biến thành kiêu căng, ngạo mạn; chẳng còn giác, biến thành ngu si, hồ đồ, biến chất rồi! Do vậy, người thật sự tu hành phải biết: Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, gìn giữ “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” của chính mình, thật sự tu hành. Thật sự tu hành thì quý vị phải nghĩ Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta, thật sự buông xuống. Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, tâm địa Phật thanh tịnh, cái gì cũng đều chẳng có, nhưng điều gì Ngài cũng đều biết, đều trọn đủ, chẳng có mảy may khiếm khuyết nào, vì sao? Tánh Đức là viên mãn, chẳng thể nghĩ bàn, thật đấy, chẳng giả đâu!

Tiếp đó là nói: “*Nãi chí quảng thuyết như thị đẳng vô lượng nhân duyên. Duy vi nhất đại sự nhân duyên, đại sự nhân duyên giả hà? Duy dục chúng sanh khai thị Phật tri kiến cố*” (Cho đến rộng nói vô lượng nhân duyên như thế, chỉ là một đại sự nhân duyên. Đại sự nhân duyên gì vậy? Chỉ vì muốn khai thị tri kiến của Phật cho chúng sanh). “*Duy*” là “*duy độc*” (唯獨: chỉ có một), hy vọng khai thị tri kiến của Phật cho chúng sanh. Phật tri Phật kiến là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh. Tiếp theo là nói: “*Phù Hoa Nghiêm Kinh nãi Thế Tôn tối sơ sở sáng ngôn*” (kinh Hoa Nghiêm là do đức Thế Tôn đã nói ra đầu tiên), Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trên thế gian này, khi thành Phật, bộ kinh đầu tiên được Ngài giảng là kinh Hoa Nghiêm, đó là kinh được giảng trước hết, Tiểu Thừa chẳng thừa nhận, vì sao? Đức Phật giảng trong Định, chúng ta là những kẻ bình phàm, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi yên dưới cội Bồ Đề trong mười bốn ngày. Ngài tịnh tọa dưới cội Bồ Đề hai tuần mới xuất Định, làm sao chúng ta biết được? Ở trong Định, Ngài vì hàng Pháp Thân Bồ Tát giảng kinh Hoa Nghiêm, đó chính là gì? Ngài đã khai ngộ, minh tâm kiến tánh, tánh là như thế nào? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chính là báo cáo chi tiết tường tận với mọi người. Huệ Năng đại sư khai ngộ đã trình lên Ngũ Tổ Nhẫn hòa thượng hai mươi chữ. Huệ Năng đại sư khai ngộ chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ, hoàn toàn bình đẳng. Sau đây, chúng ta mới biết, hai mươi chữ của Huệ Năng triển khai thành Đại Phương Quảng Phật Hoa

Nghiêm Kinh. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cô đọng thành hai mươi chữ ấy, tuyệt diệu! Một đằng là nói chi tiết, một đằng là chỉ nêu cương lĩnh. Do vậy, Huệ Năng đại sư có thể giảng kinh Hoa Nghiêm hay không? Không ai khả thỉnh, không ai tìm Ngài. Nếu thật sự muốn khả thỉnh, xin Ngài giảng kinh Hoa Nghiêm, Ngài sẽ giảng giống hệt Thích Ca Mâu Ni Phật, thật đấy, chẳng giả! Đây cũng là chỉ dạy cho chúng ta biết phải học Phật như thế nào, chẳng cần dùi mài nơi kinh giáo. Dùi mài kinh giáo khổ chẳng thể nói nổi. Vì sao? Trí huệ chẳng khai. Học được gì? Học bề ngoài, học văn tự bề ngoài, nói theo danh từ hiện thời là “*Phật học*”, chẳng phải là “*học Phật*”. Học Phật thì phải khai ngộ giống như Phật, trọn chẳng phải là trong lòng ghi nhớ những thứ của Phật, trong tâm ghi nhớ những thứ của Phật sẽ biến thành gì? Biến thành Sở Tri Chương, vẫn là chương ngại quý vị minh tâm kiến tánh; nhưng như thế nào? Nói chung, chẳng hề chương ngại quý vị vãng sanh, chỉ chương ngại quý vị kiến tánh. Quý vị chẳng thấy được tánh, sẽ chương ngại quý vị chứng quả. Chắc chắn tạo thành chương ngại! Nhưng nếu quý vị sốt sắng niệm Phật cầu vãng sanh, vẫn phải vứt bỏ những thứ ấy, quý vị dùng cái tâm thanh tịnh sanh vô lượng thọ, sanh vào cõi Cực Lạc. Tâm không thanh tịnh sẽ chẳng đến được thế giới Cực Lạc, phải hiểu điều này. Do vậy, kinh Hoa Nghiêm được nói đầu tiên.

“*Pháp Hoa kinh nãi mạt hậu chi thùỳ giáo*” (kinh Pháp Hoa là lời dạy lúc sau cùng), nói một kinh lúc ban đầu, nói một kinh cuối cùng. “*Tự thử chí chung, duy vị thử đại sư nhân duyên, dục linh chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*” (từ đầu đến cuối, chỉ vì một đại sư nhân duyên này: Muốn làm cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật). Có nghĩa là gì? Tiếp đó, cụ viết: “*Diệc tức dục nhất thiết chúng sanh khai minh bốn tâm, đồng Phật tri kiến, đặng thành Chánh Giác dã*” (cũng là muốn cho hết thấy chúng sanh khai minh bốn tâm, có cùng tri kiến như Phật, cùng thành Chánh Giác), đây là lời giải thích. Tri kiến của Phật là gì? Tri kiến của Phật là bốn tâm của quý vị. Bốn tâm của quý vị giống như Huệ Năng đại sư đã nói: “*Nào ngờ tự tánh*”, đó chính là bốn tâm. “*Vốn tự thanh tịnh, vốn tự trọn đủ*”, trọn đủ gì? Chẳng thiếu thứ gì, viên mãn! Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, dùng câu này có thể giải thích câu “*nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*” của Huệ Năng đại sư, trọn đủ gì? Trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Trí huệ và đức tướng là gì? Dùng ngay bản kinh này để nói sẽ là “*Đại Thừa vô lượng thọ trang nghiêm*”, Đại Thừa là trí huệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng. Quý vị thấy hết thấy đều trọn đủ, vốn tự trọn đủ, chẳng khiếm khuyết. Vì thế, Phật pháp chẳng có gì khác, buông xuống là được!

Thuở ấy tôi học Phật, người xuất gia tôi được gặp đầu tiên là Chương Gia đại sư do một người bạn giới thiệu. Thời Mãn Thanh, người bạn ấy là một vị thân vương⁵²[7], tức Mãn thân vương. Thanh triều sụp đổ, ông ta trở thành thường dân, chúng tôi mới có duyên quen biết. Ông ta là đệ tử của Chương Gia Lạt Ma, tôi vừa mới tiếp xúc Phật pháp, xem kinh nơi đó. Ông ta trông thấy, bảo: “Ông xem kinh có hiểu giải hay không?” Tôi nói: “Không được! Tham cứu ý nghĩa không ra”. Ông ta hỏi: “Có muốn tìm một vị thầy chỉ điểm hay không?” Tôi hỏi: “Ai?” Ông ta đáp: “Chương Gia đại sư”. Tôi nói vâng! Tôi cũng chẳng biết Chương Gia đại sư là ai, do ông ta có lòng tốt, tôi nói vâng, có người chỉ điểm thật tốt quá. Ông ta bèn dẫn tôi đến gặp Ngài. Tôi gặp mặt đại sư, câu đầu tiên là hướng về Ngài thỉnh giáo, tôi nói: “Thầy Phương đã giới thiệu kinh Phật cho con, con biết cái hay của Phật pháp, nhưng có phương pháp nào để con khế nhập rất nhanh hay chẳng?” Tôi nêu câu hỏi như thế. Ngài nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài, chúng tôi nhìn nhau tới nửa giờ, Ngài buông một chữ: “Có!” Tôi đợi cả nửa tiếng đồng hồ mới được một chữ “có”, tinh thần phấn chấn trở lại. Ngài lại chẳng nói gì, lại đợi khoảng sáu bảy phút, Ngài bảo tôi sáu chữ: “*Thấy thấu suốt, hãy buông xuống*”. Phương pháp này của lão nhân khiến tôi cảm thấy rất kinh ngạc! Đơn giản như thế, vì sao? Tôi hỏi quý vị, quý vị hãy nên trả lời, có sao phải đợi nửa giờ rồi mới trả lời? Ước chừng mười mấy, hai mươi năm sau, tôi mới hoát nhiên đại ngộ: Thuở ấy, tôi tuổi trẻ, nhất định là tánh tình bộp chộp, hời hợt, cho nên thầy nhìn tôi, để tôi buông toàn bộ vọng niệm xuống, tập trung tinh thần, dùng tâm thanh tịnh nghe Ngài răn dạy; nhưng Ngài nói “có”, tinh thần của tôi phấn chấn, chẳng phải là lại bộp chộp, phập phều ư? Vì thế, lại phải nén xuống, khiến cho tôi nghĩ đến ý vị giáo học của cổ nhân, đến lúc đó, tôi mới mấp mé nắm được đôi chút, ngôn ngữ hết sức đơn giản. Ngài dạy chẳng sai, từ khi chúng tôi bắt đầu học kinh giáo cho tới hiện thời, năm mươi chín năm, giảng kinh cũng đã giảng được năm mươi hai năm mới hiểu rõ. Sở dĩ, người hiện tại học những thứ này nọ chẳng tốt đẹp, đó là lẽ đương nhiên, vì sao? Hời hợt, bộp chộp, kém xa tôi, làm sao có thể học được gì? Thuở ấy, tôi nghĩ mình cũng khá lắm, nhưng trước mặt Chương Gia đại sư vẫn chưa được, chưa đủ tư cách, vẫn phải ngồi với Ngài nửa tiếng, lão nhân gia mới mở kim khẩu. Hiện thời tìm đâu ra loại học trò này? Nếu học trò nêu câu hỏi với tôi, mà tôi cả nửa giờ chẳng trả lời, hẳn bèn quay ngoắt mình bỏ đi, điều gì cũng không nghe nữa! Tôi vẫn còn là khá lắm, còn có

52 [7] Chữ Thân Vương thường được dùng để gọi các hoàng tử, hay anh em ruột của hoàng đế. Quy chế này bắt đầu từ thời Ngụy - Tấn, về sau, tước vương được chia làm hai loại là Thân Vương và Quận Vương. Thoạt đầu, Quận Vương chuyên dành để phong cho con trai của Hoàng Thái Tử, về sau, các trọng thần cũng được phong tước Quận Vương. Quy định về danh xưng cũng nghiêm ngặt hơn: Thân Vương chỉ có một chữ, Quận Vương dùng hai chữ. Chẳng hạn, Đường Duệ Tông trước khi lên ngôi là Tương Vương, đại thần Quách Tử Nghi là Phần Dương Vương. Đến đời Thanh, các thân vương còn được gọi kết hợp giữa tiếng Hán và tiếng Mãn Châu thành Hòa Thạc Thân Vương (*Hošo i cin wang*).

thể thật sự chờ đợi. Vì thế, cô nhân dạy học, truyền đạo chẳng giống người hiện thời, họ thật sự có những thứ [để trao truyền].

Do vậy, nói toạc chuyện này ra, với mong muốn hết thầy chúng sanh sẽ khai minh bốn tâm. Khai minh bốn tâm là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh; có cùng tri kiến với Phật, sở chứng hoàn toàn giống như mười phương chư Phật Như Lai. Đó gọi là “*thành Đẳng Chánh Giác*”: “*Đẳng*” (等) là bình đẳng, thành Chánh Giác, Chánh Giác ở đây là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. “*Bốn kinh hưng khởi nhân duyên diệt phục như thị*” (nhân duyên hưng khởi kinh này cũng giống như thế), chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp Hoa, trực tiếp giúp chúng sanh khai minh bốn tâm, có cùng tri kiến với Phật, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là xếp kinh Vô Lượng Thọ Kinh bình đẳng với kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Không chỉ là bình đẳng, mà còn vượt trội, đến phần sau sẽ trình bày. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa dẫn đường cho chúng ta nhập Vô Lượng Thọ, điều này có chứng cứ. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, rành rành là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Do vậy, Vô Lượng Thọ là chỗ quy túc, chỗ tổng kết của Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Quý vị biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn, không thể suy tưởng, điều này mới khiến cho chúng ta thật sự nhận biết vị trí của bộ kinh này trong Phật pháp, chẳng kinh nào có thể sánh bằng! Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, mới biết có được kinh này chẳng dễ dàng! Đã có được là may mắn lắm thay!

Tiếp đó, lấy Xung Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh để làm thí dụ. Đây là bản kinh A Di Đà do Huyền Trang đại sư phiên dịch, bản được tụng niệm phổ biến hiện thời là do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch vào thời Diêu Tần. Huyền Trang đại sư thuộc đời Đường, [Xung Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh] là bản dịch [kinh Di Đà] đời Đường. Trong kinh A Di Đà do Huyền Trang đại sư phiên dịch, có một câu như thế này: “*Ngã quán như thị lợi ích an lạc đại sự nhân duyên, thuyết thành để ngữ*” (Ta thấy đại sự nhân duyên an lạc như thế, nói lời đúng thật này). Trong bản dịch của La Thập đại sư chẳng có câu này, nhưng trong bản của ngài Huyền Trang đại sư thì có. Huyền Trang đại sư là trực dịch, tức là chiếu theo [nguyên văn] kinh văn bằng tiếng Phạn để dịch thẳng ra, La Thập đại sư dịch ý, chẳng chiếu theo nguyên bản kinh văn, Ngài đem ý nghĩa trong bản gốc, hoàn toàn dùng cách hành văn quen thuộc của người Hán để phiên dịch, nên chúng ta đọc [những bản kinh do Ngài dịch] thấy giống như đọc cổ thư Trung Quốc, hết sức dễ tiếp nhận. “*Khả kiến Tịnh Độ pháp môn chi hưng khởi, chánh đồng ư Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, đồng vì nhất đại sự nhân duyên dã. Hà dĩ cố?*” (đủ thấy pháp môn Tịnh Độ được hưng khởi, giống hệt như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, cùng vì một đại sự nhân duyên. Vì sao vậy?). Lại thêm một câu hỏi “*vì sao?*”. Vì sao mà đã hết thời gian rồi? Tôi quên khuấy thời gian đã hết rồi. Ngày hôm nay chúng ta học tập tới đây, ngày mai sẽ học tiếp.

Tập 11

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ mười, hàng thứ năm, chúng ta xem từ câu thứ hai: “*Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh*”, bắt đầu xem từ chỗ này. Chúng ta hãy đọc kinh văn.

“*Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh (tức A Di Đà kinh Đường dịch bốn vân)*” (Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh (tức kinh A Di Đà, bản dịch đời Đường) đã nói). Trong kinh văn có một câu như thế này: “*Ngã quán như thị lợi ích an lạc đại sự nhân duyên, thuyết thành đế ngữ*” (ta thấy đại sự an lạc lợi ích như thế, nói lời đúng thật). Trong câu nói này, “*ta*” là Thích Ca Mâu Ni Phật [tự xưng]. Chúng ta biết bộ kinh Phật Thuyết A Di Đà Kinh giống như thường lệ, trong một đời, đức Thế Tôn chỉ giảng một lần, chẳng giảng lần thứ hai. Hiện thời, trong Đại Tạng Kinh, kinh này có hai bản dịch, một là do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch, dịch theo ý, [tức là] chẳng phải là trực dịch (dịch theo sát nguyên văn từng chữ trong nguyên bản), mà hoàn toàn dịch theo đại ý của kinh; [bản dịch của] Huyền Trang đại sư là trực dịch, tức là căn cứ theo văn tự của kinh điển bằng tiếng Phạn để phiên dịch. Nói như vậy, Huyền Trang đại sư dịch khá sát, trung thành với nguyên văn, La Thập đại sư dịch theo ý nghĩa, không chiếu theo văn tự. Trong cái nhìn của người Trung Quốc, bản dịch của Cưu Ma La Thập đại sư giống như văn chương do người Trung Quốc viết, rất hợp với khẩu vị của chúng ta, cho nên được lưu truyền rất rộng; bản của Huyền Trang đại sư tuy là trực dịch, giữ nguyên diện mạo của nguyên văn, nhưng chúng ta không ưa thích lắm, nên bản này chẳng được lưu thông, chỉ được lưu giữ trong Đại Tạng Kinh.

Đức Phật nói lời ấy, Ngài thấy “*đại sự lợi ích an lạc như thế*”, tức là thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật phổ độ chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới, chẳng giống các cõi Phật thông thường, cõi của A Di Đà Phật dạy người ta thành Phật trong một đời; vì thế, [kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ] chẳng khác gì Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Nhất Thừa giáo. Cái gọi là Nhất Thừa giáo đã được giảng rất rõ ràng trong phần trước, giáo pháp ấy giảng về lý luận và phương pháp thành Phật trong một đời. Phật Thuyết A Di Đà Kinh cũng dạy người ta thành Phật trong một đời, đây là ưu điểm, ở đây bảo là: “*Lợi ích an lạc như thế*”. Ưu điểm là phù hợp khắp ba

căn, gồm thâu lợi căn lẫn hạ căn, kẻ hạ hạ căn cũng có thể thành Phật trong một đời, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, kinh này [được nói ra] vì cùng một đại sự nhân duyên như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa.

Mục tiêu tu học của hết thầy các kinh Đại Thừa là Bồ Tát, mục tiêu tu học của kinh Tiểu Thừa là A La Hán. Điều này giống như trong nhà trường trên thế gian hiện thời họ mở trường Trung Học, khi [học sinh] tốt nghiệp sẽ là tốt nghiệp Trung Học; còn khi tốt nghiệp Đại Học thì là sinh viên Đại Học, có thể đạt được học vị Học Sĩ (Cử Nhân), khác hẳn! Mỗi trường học khác nhau. Nhà trường của A Di Đà Phật rất lạ lùng! Chúng tôi thường nghĩ đây là một ngôi trường “trộn gói”^{53[1]}, quý vị vào trường ấy học, chỉ có lên lớp, không bị ở lại lớp, mà cũng không bị đuổi xuống lớp dưới, tuy thời gian dài hay ngắn khác nhau, nhưng chắc chắn thành Phật trong một đời, Ngài bảo đảm cho quý vị. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa giống như nghiên cứu sở (graduate school), còn trường của A Di Đà Phật là từ Tiểu Học cho đến nghiên cứu sở, là một loại trường học như vậy đó! Điều này giống như Liên Trì đại sư đã viết trong Di Đà Sớ Sao: “*Kim đản nhất tâm trì danh, tức đắc Bất Thoái*” (Nay chỉ nhất tâm trì danh, liền đắc Bất Thoái). Bất Thoái là Vãng Sanh Kinh của Tịnh Tông. Từ ngữ Vãng Sanh Kinh nhằm chỉ Tịnh Độ “*ngũ kinh nhất luận*” trong hiện tại, những kinh luận này đều nhằm dạy con người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều nói “*viên chứng ba món Bất Thoái*”, đây là pháp khó tin. Đối với ba thứ Bất Thoái, Tiểu Thừa chứng đắc Vị Bất Thoái, Đại Thừa Bồ Tát chứng đắc Hạnh Bất Thoái, đạt đến Pháp Thân Bồ Tát mới chứng đắc Niệm Bất Thoái. Từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên mới chứng đắc Niệm Bất Thoái, hoặc ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa đạt đến viên mãn, chưa thể bảo là “*viên*”. Chứng đắc viên mãn ba món Bất Thoái là ai? Từ Thất Địa trở lên, quý vị thấy địa vị rất cao, A Duy Việt Trí Bồ Tát đấy nhé!

Trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, có một nguyện là: “Hễ ai sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, thầy đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, viên chứng ba món Bất Thoái”. Ngài hoàn toàn chẳng nói “ngoại trừ cõi Phàm Thánh Đồng Cư”, chẳng nói! Ngài chẳng nói câu ấy thì nói cách khác, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Làm sao có thể nói cho xuôi? Chúng tôi học đã nhiều năm như thế, rốt cuộc hiểu rõ ràng, minh bạch: Người ấy do được bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì, nên trí huệ và oai thần bằng Thất Địa Bồ Tát, chẳng khác Thất Địa Bồ Tát; chẳng phải do năng lực của chính người ấy, mà do A Di Đà Phật gia hộ, được bốn mươi tám nguyện gia hộ. Nếu nói đến chuyện chứng đắc thì trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi nào quý vị sẽ chứng đắc? Trong

^{53[1]} “Trộn gói”: Tạm dịch chữ “nhất điều long”, một ngôi trường gọi là “nhất điều long” khi nó có toàn bộ các cấp lớp, chẳng sót một lớp nào.

kinh thường nói: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”, đó là quý vị thật sự chứng đắc. Khi quý vị chưa ngộ Vô Sanh, cũng có nghĩa là đang thuộc vào ba bậc chín phẩm trong bốn cõi trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị vẫn chưa có năng lực nâng cao [cảnh giới] lên, thật sự đạt tới cõi Thật Báo. Khi quý vị tự mình thật sự chứng đắc cõi Thật Báo, sẽ không cần A Di Đà Phật gia trì; nhưng khi chưa chứng đắc cõi Thật Báo, hoàn toàn phải nhờ A Di Đà Phật gia trì. Trí huệ, thần thông, năng lực, và hưởng thụ giống như trong cõi Thật Báo, hễ sanh về thế giới Cực Lạc sẽ đạt được. Giống như đầu thai luân hồi trong lục đạo, quý vị đầu thai vào nhà đế vương, vừa sanh ra liền được hưởng thụ sự phú quý của bậc đế vương. Do vậy, chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc, liền hưởng thụ thần thông và đức tướng của A Di Đà Phật, liền được hưởng thụ ngay! Nếu hiểu rõ và nhận biết điều này, chúng ta sẽ chẳng hoài nghi sự trang nghiêm thù thắng khôn sánh như Vãng Sanh Kinh đã giảng, đó là Phật lực gia trì. Đây là nói về “*chỉ nhất tâm trì danh, liền đắc Bất Thoái*”.

“*Thử nữi trực chỉ phàm phu tự tâm cứu cánh thành Phật*” (Đây là chỉ thẳng: Từ ngay tự tâm của phàm phu mà rốt ráo thành Phật), ở chỗ này, trước chữ “*thành Phật*” đã thêm chữ “*cứu cánh*” (rốt ráo), vì sao? A Duy Việt Trí Bồ Tát mới có thể thêm hai chữ “*rốt ráo*”. Nếu chẳng có hai chữ “*rốt ráo*”, mà nói là “*thành Phật*” thì Sơ Trụ trong Viên Giáo đã thành Phật. Thêm vào hai chữ “*rốt ráo*” thì khẳng định là từ Thất Địa trở lên mới viên chứng ba món Bất Thoái. Mấu chốt là hai chữ tiếp theo: “*Nhược năng đế tín*”(nếu có thể tin chắc thật), hai chữ trọng yếu là “*đế tín*”. “*Đế*” (諦) là thật, quý vị thật sự tin, một mảy hoài nghi cũng chẳng có thì mới gọi là “*đế tín*”. Thật sự tin tưởng, quý vị sẽ thật sự làm; thật sự tin, thật sự muốn vãng sanh, thật sự niệm Phật. Thật sự niệm Phật là gì? Hết thấy duyên đều buông xuống, trong mười hai thời, trong tâm quả thật chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, hết thấy những thứ khác đều buông xuống, kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm cũng đều buông xuống. Vì sao? Từ một câu A Di Đà Phật, quý vị sẽ đắc Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là nhất tâm bất loạn, từ Sự nhất tâm đạt đến Lý nhất tâm. Đã đạt Lý nhất tâm bất loạn, trong phần sau, chúng ta sẽ nói về Lý nhất tâm, là đã kiến tánh, kiến tánh bèn thật sự thành Phật. Đắc Lý nhất tâm bất loạn, vãng sanh thế giới Cực Lạc, chẳng thuộc trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, mà cũng không thuộc cõi Phương Tiện Hữu Dư. Thưa quý vị, niệm đến Sự nhất tâm bất loạn sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn liền đạt đến cõi Thật Báo. Thật sự có thể niệm đến [cõi ấy] ư? Đúng là có thể niệm đến [cõi ấy], chúng ta hiểu đạo lý này rất rõ ràng, vì lẽ gì? Người ấy đã buông toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đạo lý ở chỗ này. Chúng ta hãy suy nghĩ: Chúng ta chưa buông xuống, nhưng người ấy thật sự buông xuống. Buông xuống sẽ kiến tánh, kiến tánh là viên mãn, trí huệ viên mãn, đức hạnh viên mãn, tướng hảo viên mãn, đặc đại viên mãn. Viên mãn thì còn có chướng ngại hay chẳng? Không chỉ đối với hết thấy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm không có

chương ngại, mà đối với vô lượng vô biên kinh luận do mười phương hết thầy chư Phật Như Lai đã nói, quý vị chẳng bị chương ngại chút nào. Vì sao? [Những kinh luận ấy] đều do tự tánh lưu lộ, quý vị đã kiến tánh. Trong sự giáo học của Phật pháp, không có gì khác, chỉ là dạy quý vị hãy bỏ hết vọng, trở về tự tánh. Trở về tự tánh, quý vị sẽ chứng đắc Phật quả rốt ráo, rốt ráo thành Phật.

“*Hà tu biến lịch tam thừa, cứu kinh đa kiếp*” (há cần phải trải khắp ba thừa, trải qua nhiều kiếp lâu xa), không cần phải trải qua các địa vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, tiến lên từng bước một, không cần thiết! Trải qua các địa vị trong tam thừa đúng là phải mất nhiều kiếp lâu xa, không chỉ là ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói theo kinh Hoa Nghiêm, từ phạm phu tu đến bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo phải mất vô lượng kiếp! Sơ Trụ trong Viên Giáo là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Học từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta biết: Tập khí vô thì vô minh chưa đoạn; nhưng vô minh đã thật sự đoạn hết. Quả thật chẳng động tâm, chẳng khởi niệm, nhưng tập khí khởi tâm động niệm vẫn có; vì thế, nó chẳng trở ngại sự. Muốn đoạn sạch tập khí này, phải mất thời gian bao lâu? Cần tới ba A-tăng-kỳ kiếp để đoạn tập khí. Không có thứ gì khác có thể đoạn trừ tập khí; sau một thời gian lâu dài, nó sẽ tự nhiên chẳng còn nữa! Đoạn tập khí trong thế giới Cực Lạc cũng nhanh, thời gian được rút ngắn trên một mức độ lớn. Do vậy, các vị Pháp Thân Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng theo Văn Thù, Phổ Hiền đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Để rút ngắn thời gian đoạn tập khí, đạo lý là như vậy đó.

“*Bất viết nhất niệm, đốn chứng Bồ Đề*” (chẳng ngoài một niệm, mau chóng chứng Bồ Đề). Bồ Đề ở đây là Vô Thượng Bồ Đề, là nhất niệm, là danh hiệu Di Đà gồm bốn chữ. “*Nam-mô*” chẳng phải là danh hiệu, A Di Đà Phật mới là danh hiệu. Nam-mô có nghĩa là quy y, quy mạng, hay lễ kính. Do vậy, lúc Liên Trì đại sư tại thế, trong bộ Trúc Song Tùy Bút có một câu chuyện như thế này: Có người thỉnh giáo lão nhân gia: “Lão nhân gia bình thường niệm Phật như thế nào?” Ngài nói Ngài niệm bốn chữ A Di Đà Phật. “Ngài dạy người khác thì sao?” “Ta dạy người khác niệm sáu chữ Nam-mô A Di Đà Phật”. Vì sao khác nhau? Liên Trì đại sư nói: “Trong một đời này, ta nhất định muốn sanh về Tịnh Độ, cho nên kiêu cách khách sáo nào cũng chẳng cần, những lời lẽ khách sáo đều bỏ sạch”. Kinh dạy chúng ta chấp trì danh hiệu, danh hiệu là bốn chữ, Ngài bèn niệm bốn chữ. Vì sao dạy người khác niệm sáu chữ? Người khác chưa chắc đã có quyết tâm kiên định muốn sanh về Tịnh Độ, cho nên thêm chữ Nam-mô, tức là quy y A Di Đà Phật, quy mạng A Di Đà Phật, cung kính A Di Đà Phật, không nhất định trong một đời này người ấy đã có thể vãng sanh. Thêm vào chữ “*cung kính*”, đó là nói năng cung kính. Chính mình thật sự muốn vãng sanh, chẳng cần dùng đến lời lẽ cung kính, không cần thiết! Những chữ khách sáo đều không cần! A Di Đà Phật sẽ không trách quý vị, quý vị

rất nghe lời! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy quý vị chấp trì danh hiệu, danh hiệu là A Di Đà Phật, trong danh hiệu không có chữ Nam-mô. Quý vị thấy lời này rất có ý nghĩa!

Ấn Quang đại sư cả đời dạy người khác niệm sáu chữ, vì sao? Ngài thấy chúng sanh đông đảo, nhưng chẳng mấy ai thật sự muốn vãng sanh, nên [dạy họ] niệm hồng danh sáu chữ nhằm kết pháp duyên với A Di Đà Phật. Quý vị hiểu tổ sư dạy người khác sử dụng tâm gì, quý vị sẽ hiểu rõ! Tín nguyện kiên định, chẳng có mảy may hoài nghi, trong một đời này ta quyết định phải vãng sanh, quý vị thật sự buông xuống vạn duyên. Những trường hợp như vậy nhiều lắm! Quý vị đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, sẽ thấy những tấm gương như vậy hiện tiền, thật sự cầu vãng sanh, biểu diễn cho chúng ta xem. Mấy năm trước, ở Thâm Quyển, ông Hoàng Trung Xương nghe kinh, thường nghe chúng tôi nói như vậy, ông ta thật sự giác ngộ, đại triệt đại ngộ! Sự đại triệt đại ngộ của ông ta chẳng phải là minh tâm kiến tánh, mà là ngộ “*bất việc nhất niệm, đốn chứng Bồ Đề*” (chẳng ngoài một niệm, mà mau chóng chứng Bồ Đề), ông ta ngộ điều này. Buông xuống hết thấy, mỗi ngày niệm một bộ kinh Vô Lượng Thọ, tiếp đó hoàn toàn niệm Phật hiệu, ước hẹn kỳ hạn cầu chứng đắc, ước định thời gian là ba năm, xem thử có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc hay không? Niệm tới hai năm mười tháng, biết trước lúc mất, ra đi, chẳng sanh bệnh, còn thiếu hai tháng nữa mới đủ ba năm, đến thế giới Cực Lạc là đi làm Phật. Chúng tôi giảng kinh tại nơi đây là Thị Chuyển và Khuyển Chuyển, cư sĩ Hoàng Trung Xương làm Chứng Chuyển cho chúng tôi, tam chuyển pháp luân đã toàn vẹn. Ông ta làm chứng cho chúng tôi. Do điều này có thể biết: Triệt ngộ là thật sự buông xuống. Vì sao chúng ta chưa thể buông xuống? Giác chưa đủ trình độ. Thật sự giác ngộ sẽ thật sự triệt để buông xuống, như trong kinh Đại Thừa đã nói: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp). “*Pháp*” [trong câu này] là Phật pháp. Phật pháp cũng không cần, nắm vững một câu A Di Đà Phật [là đủ rồi]. “*Đốn chứng Bồ Đề, khởi phi đại sự*” (Mau chóng chứng Bồ Đề, há chẳng phải là đại sự?). Đi làm Phật! Sau thời gian hai năm mười tháng bèn đi làm Phật.

“*Khả kiến Tịnh Tông chánh thị trực chỉ đốn chứng chi pháp*” (đủ thấy Tịnh Tông chính là pháp chỉ thẳng, đốn nhập), đây là một đại sự nhân duyên, “*Dĩ niệm Phật tâm, nhập Phật tri kiến. Tịnh Tông chi hưng khởi, chánh do thử đại sự nhân duyên dã*” (dùng cái tâm niệm Phật để nhập tri kiến của Phật. Tịnh Tông hưng khởi chính vì đại sự nhân duyên này). “*Hạ*” là tiếp theo đó, “*tường minh bốn kinh hưng khởi chi nhân duyên*” (giảng rõ nhân duyên hưng khởi của bản kinh này). Trong phần trên là nói về nhân duyên chư Phật Như Lai xuất hiện trên thế gian này. Căn tánh của chúng sanh khác nhau, nhưng tổng mục tiêu, tổng phương hướng của chư Phật là nhất trí, ngàn kinh muôn luận tuy khác đường nhưng về cùng một chỗ, cuối cùng là trở về Tịnh Độ. Do vậy, trong Phật pháp, chẳng cần biết quý vị tu hành theo tông nào, phái nào, hay pháp môn nào, có ba khoa mục chung bắt buộc phải tu:

1) Thứ nhất là giới luật. Giới luật là khoa mục chung, là cơ sở. Quý vị phải vun bồi cội rễ vững vàng, giống như xây nhà, bất luận quý vị xây cao đến đâu, bất luận xây theo kiểu nào, trước hết, phải đắp nền. Giới luật là nền móng, không có giới luật thì điều gì cũng chẳng thể thành tựu!

2) Thứ hai là lý luận, đây là khoa mục chung. Đối với Pháp Tướng Duy Thức, Hoa Nghiêm là một bộ kinh điển trọng yếu trong Pháp Tướng Duy Thức. Pháp Tướng Duy Thức có sáu kinh, mười một bộ luận; trong sáu kinh có kinh Hoa Nghiêm giảng về căn nguyên của vũ trụ. Trong Hoàn Nguyên Quán đã giảng rất hay: “*Hiển nhất thể, khởi nhị dụng*” (hiển lộ một thể, khởi lên hai tác dụng). Nhị Dụng, bất luận là y báo hay chánh báo, nhỏ như vi trần, lớn như hư không pháp giới, đều có ba thứ trọn khắp chẳng thể nghĩ bàn. Thứ nhất là “trọn khắp pháp giới”, thứ hai là “sanh ra vô tận”, thứ ba là “chứa đựng không và có”. Lý này chung khắp, mỗi một pháp môn trong tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng chẳng thể vượt ra ngoài, đó là lý luận để quý vị dựa vào.

3) Thứ ba là quy túc, [tức là] quý vị tu hành, kết quả cuối cùng đều là vãng sanh thế giới Cực Lạc. Tám vạn bốn ngàn pháp môn thầy đều quy vào thế giới Hoa Tạng, đến cuối cùng đều quy vào thế giới Hoa Tạng. Sau khi đã đến thế giới Hoa Tạng, Văn Thù và Phổ Hiền sẽ dẫn quý vị cùng tới thế giới Cực Lạc. Do vậy, thế giới Cực Lạc là nơi quy túc chung.

Đó là ba khoa mục chung. Đối với đoạn này, chúng ta học tập tới đây.

Lại xem đoạn kế tiếp: “*Xưng tánh cực đàm, Như Lai chánh thuyết*”. Ở đây, chia thành mấy đoạn nhỏ; đây là đoạn thứ nhất, dùng Giáp, Ất, Bính, Đinh^{54[2]} để đánh số theo thứ tự. “*Hoa Nghiêm, Pháp Hoa quân viên đốn xưng tánh chi giáo, đản kỳ quy thú khước tại bốn kinh*” (Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều là giáo pháp Viên Đốn xưng tánh, nhưng chỗ quy thú của chúng lại thuộc trong kinh này). Hai bộ kinh này từ xưa tới nay, vào thời đại Tùy - Đường đã được các vị tổ sư đại đức nhất trí công nhận, khẳng định là kinh Nhất Thừa. Trong giáo pháp suốt một đời của đức Thế Tôn, có tổng cộng ba bộ kinh Nhất Thừa, ngoài Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, còn có một bộ nữa là Phạm Võng. Kinh Phạm Võng ngoại trừ một phẩm Phạm Võng Bồ Tát Giới được dịch sang tiếng Hán, những phẩm khác chưa truyền tới Trung Quốc. Bộ kinh này cũng là một kinh lớn, phân lượng rất lớn, nhưng chỉ truyền sang Trung Hoa một phẩm, tức là Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm. Những kinh này đều là Viên Giáo viên mãn, Đốn Giáo thành tựu nhanh chóng, thành tựu trong một đời, xưng tánh, trong ấy không có phương tiện quyền xảo, mà là thẳng chóng, thỏa đáng. Chỗ quy thú của chúng là ở trong kinh này (kinh Vô

^{54[2]} Giáp, Ất, Bính, Đinh v.v... là cách đánh số thứ tự theo lối truyền thống trong cổ văn, giống như chúng ta dùng số La Mã hoặc các con số 1,2,3... để đánh số từng đoạn.

Lượng Thọ). Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, chúng ta thấy, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, Hoa Nghiêm quy vào Vô Lượng Thọ, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong Hoa Nghiêm hải hội quy vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là thật, chẳng giả tí nào, trong kinh đã nói rõ ràng.

“*Ngẫu Ích đại sư tán bốn kinh vân: Tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị*” (Ngẫu Ích đại sư khen ngợi kinh này như sau: “Đứt bất đối đãi một cách viên dung chẳng thể nghĩ bàn”). Ngẫu Ích đại sư tán thán kinh Vô Lượng Thọ viên dung đến tột bậc, “*Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tủy*”, “*áo tạng, bí tủy*” (kho sâu thăm, cốt lõi kín nhiệm) là những từ ngữ hình dung sự cao thâm, áo diệu. Đây là nói với ai? Nói với những người từ Quyền Giáo Bồ Tát trở xuống, họ không hiểu, chưa đại triệt đại ngộ, sẽ chẳng thể nhập cảnh giới này. Cảnh giới Hoa Nghiêm, cảnh giới Pháp Hoa phải là người triệt ngộ, minh tâm kiến tánh mới có thể lãnh ngộ; kẻ chưa kiến tánh còn cách một tầng! Tinh tủy sâu kín của Pháp Hoa (Pháp Hoa bí tủy) là nói về Lý trong kinh ấy. “*Nhất thiết chư Phật chi tâm yếu, Bồ Tát vạn hạnh chi tư nam, giai bất xuất ư thủ hỷ*” (tâm yếu của hết thầy chư Phật, kim chỉ nam cho muôn hạnh Bồ Tát đều chẳng ra khỏi kinh này), chữ “*thủ*” chỉ kinh Vô Lượng Thọ. Bồ Tát vạn hạnh là nguyên tắc chỉ đạo sự tu hành tối cao của Bồ Tát, [nguyên tắc ấy] ở trong kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ trực tiếp dạy mọi người niệm Phật sanh về Tịnh Độ, trực tiếp dẫn dắt người vãng sanh Tịnh Độ trong một thời gian rất ngắn sẽ đạt tới mục tiêu triệt ngộ tâm tánh. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật đã nói: Một người niệm Phật sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, tu trong thế giới Cực Lạc đến khi minh tâm kiến tánh, tu đến mức khế nhập cõi Thật Báo Trang Nghiêm, sẽ cần thời gian bao lâu? Đức Thế Tôn bảo là mười hai kiếp. Chúng ta thấy mười hai kiếp rất dài, nhưng tại Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười hai kiếp cũng rất ngắn, chẳng dài! Tu hành trong thế giới này, muốn tu chứng đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, quý vị thấy kinh thường nói phải mất thời gian bao lâu? Phải mất vô lượng kiếp, chẳng phải mười hai kiếp, mà là vô lượng kiếp! Tu hành trong các cõi Phật khác cần tới vô lượng kiếp, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là mười hai kiếp, quý vị thấy thời gian đã rút ngắn bao nhiêu!

Hơn nữa, vừa đến nơi ấy, trí huệ, thần thông, và đạo lực đều giống như Thất Địa Bồ Tát. Lời này có nghĩa là gì? Ý nghĩa rất sâu, có nghĩa là nói quý vị vừa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ có năng lực giống như Pháp Thân Bồ Tát, ngàn xú khăn cầu, bèn ứng hiện trong ngàn xú. Chúng sanh nơi nào có cảm, quý vị bèn có thể tới đó giáo hóa họ, nên dùng thân gì để độ được, quý vị liền hiện thân ấy, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, có đại bản lãnh và thần thông to dường ấy! Quý vị phải hiểu: Những điều đó chẳng phải do chính quý vị tu được, mà do bản nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, khiến cho quý vị khởi ra tác dụng ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Đây

chẳng phải là nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chờ khi ta tu thành tựu rồi mới có thể độ chúng sanh, quý vị cứ tới đó là [sẽ độ chúng sanh] được. Trong thế giới của thập phương chư Phật không hề có [chuyện này]. “*Thị cố bốn kinh xung vi xứng tánh chi cực đàm dã*” (Do vậy, kinh này được xưng tụng là lời bàn luận xứng tánh đến mức cùng cực), đây cũng là nói từ trong tự tánh của chư Phật Như Lai và A Di Đà Phật viên mãn lưu lộ. Giảng đến chỗ cùng cực, “*cực*” (極) là viên mãn.

Ở đây, cụ Hoàng đã trích dẫn rất nhiều. “*Hữu Nhật*”, “*Nhật*” là Nhật Bản. Cao tăng Đạo Ân trong tác phẩm Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải, trong Vạn Tục Tạng có cuốn này, chúng ta có thể đọc từ Vạn Tục Tạng; trong đó có một đoạn như sau: “*Ngũ Trước chi thế, tạo ác chi thời, thánh đạo nhất chủng kim thời nan tu, kỳ nạn phi nhất*” (Hiện tại nay là đời Ngũ Trước, lúc tạo ác; cho nên khó tu một thứ thánh đạo vì sẽ gặp nhiều chướng nạn). Quý vị thấy trong hiện thời, đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, đúng là Ngũ Trước đã ô nhiễm đến mức cùng cực. Ngay cả bầu trời trong xanh cũng chẳng nhìn thấy nữa! Chúng ta thấy bầu trời khói đen mù mịt, ô nhiễm đến tột cùng! Vì sao? Chúng sanh tạo ác. Hãy suy nghĩ xem có điều nào trong Thập Ác chẳng làm? Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói dối, nói thêu dệt, tham, sân, si, chúng ta hãy lắng lòng suy nghĩ, quan sát cẩn thận một phen, hiện thời có người nào sống trên địa cầu chẳng tạo? Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác thấy đều tương ứng [với Thập Ác], ai nấy đều gây tạo. Quay trở lại suy nghĩ, ta có tạo hay không? Hữu ý hay vô ý cũng đều tạo, biết làm sao được nữa? Có cách nào chẳng tạo? Thưa quý vị, niệm Phật sẽ chẳng tạo nữa! Ta niệm Phật một giờ, trong một giờ ấy sẽ không tạo; niệm Phật hai giờ, trong hai giờ ấy sẽ chẳng tạo. Chẳng niệm Phật, chắc chắn sẽ hữu ý hay vô ý tạo, tập khí quá nặng mà! Do vậy, chẳng đọc kinh, chẳng niệm Phật thì làm sao được nữa? Khi đọc có thể chẳng tạo, phải biết rằng: Thời thời khắc khắc phải phản tỉnh, thời thời khắc khắc phải kiểm điểm.

“*Thánh đạo nhất chủng kim thời nan tu*” (hiện thời khó tu một thứ thánh đạo), thánh đạo là Phật, Bồ Tát đạo. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, tu tập bất luận pháp môn nào trong hiện tại đều khó lắm, thật là khó! Trì giới có thể không tạo nghiệp hay chẳng? Thời thượng cổ thì được! Đức Thế Tôn đã nói: “*Thời kỳ Chánh Pháp, giới luật thành tựu*”. Người trì giới tâm địa thanh tịnh sẽ chẳng tạo nghiệp. Nay chúng ta hãy suy nghĩ: Chúng ta trì giới là tạo hay chẳng tạo nghiệp? Thưa quý vị, đại khái là chẳng tạo ác nghiệp, nhưng tạo thiện nghiệp, vẫn là tạo nghiệp! Nói cách khác, tâm quý vị vẫn chưa thanh tịnh, không thoát khỏi lục đạo luân hồi; bất quá quý vị chẳng đọa tam ác đạo, đời sau sẽ hưởng quả báo trong cõi nhân thiên. Đây chẳng phải là ý Phật! Ý Phật là dạy chúng ta không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới; đây là niềm kỳ vọng của đức Phật đối với chúng ta. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là vượt thoát mười pháp giới, hạ hạ phẩm trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng đã vượt thoát mười

pháp giới. Đây là niềm kỳ vọng của chư Phật đối với chúng ta, chẳng thể không biết. “*Kỳ nạn phi nhất*” (chẳng phải chỉ là một nạn), câu này nói rất hay, đặc biệt là trong thời đại chúng ta, chúng ta mới hiểu sâu sắc, chương nạn quá nhiều!

“*Đặc thử nhất môn, chí viên cực đốn, nhi thả do kỳ giản dị trực tiếp*” (chỉ riêng pháp môn này chí viên, cực đốn, lại còn đơn giản, dễ dàng, thẳng chổng). Pháp môn này tốt đẹp; trong thời đại như vậy, nếu chưa thể khiến cho cả thiên hạ đều thiện, phải làm sao cho [ít nhất] bản thân ta là thiện, đóng cửa niệm Phật tại nhà. Trước đây, tôi từng dạy người ta, người bình thường mỗi ngày kiếm tiền không nhiều lắm. Trong quá khứ, tôi giảng kinh tại Đài Bắc, người thường xuyên đến nghe kinh, gần như chẳng thiếu buổi nào, có tới mười mấy người lái taxi. Tôi từng nói đùa với bọn họ, nhưng cũng là lời chân thật, tôi nói: Các ông mỗi ngày kiếm tiền, kiếm một ngày, ăn ba ngày hay năm ngày chẳng có vấn đề gì, có thể nghỉ ngơi năm ba ngày. Một ngày kiếm tiền có thể sống đủ năm ba ngày. Tôi nói: Quý vị hãy gắng kiếm tiền một năm, có thể nghỉ ba năm, dùng thời gian ba năm để gắng công niệm Phật. Vì sao? Vấn đề ăn uống đã được giải quyết rồi! Ba năm thành công, sang thế giới Cực Lạc; nếu không thành công, quay về lái taxi tiếp, lái một năm, lại có thể nghỉ ngơi ba năm. “*Đặc thử nhất môn, chí viên, cực đốn*”: Ăn, mặc, đi, ở, càng đơn giản càng hay! Phật, Bồ Tát chẳng phải cầu cạnh ai trong bất cứ phương diện nào! Chẳng có! Trong Tăng đoàn nguyên thủy, Thích Ca Mâu Ni Phật chọn cách sống là khát thực, ăn Ngọ một bữa, ngủ dưới gốc cây. Người Trung Quốc thường nói: “*Nhân đạo vô cầu, phẩm tự cao*” (người đạt đến mức chẳng cầu mong gì, phẩm hạnh tự cao trội). Ngài thật sự vô cầu. Chẳng cầu cạnh thế gian, nói toàn những câu chân thật, chẳng lừa gạt người khác. Đúng là đơn giản, dễ dàng, thẳng chổng!

“*Tắc xuất thế chi chánh thuyết thiên tại tư kinh, nhất đại sở thuyết quy thử kinh, như chúng thủy quy ư đại hải*” (Chánh thuyết xuất thế riêng thuộc trong kinh này. Cả một đời thuyết pháp quy về kinh này, như các dòng nước xuôi về bể cả), câu sau là tỷ dụ. Chánh thuyết xuất thế riêng trong kinh này, tôi nghĩ câu nói của Thiện Đạo đại sư, chắc là đã căn cứ trên câu kinh văn này để nói. Câu danh ngôn của Thiện Đạo đại sư là: “*Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (sở dĩ chư Phật xuất thế chỉ là để nói biển bốn nguyện của Phật Di Đà). Mười phương ba đời hết thấy chư Phật, dùng thân Phật xuất hiện trong thế gian, nên dùng thân Phật để độ, bèn dùng thân Phật giáo hóa. Hết thấy chư Phật thị hiện thân Phật đến thế gian này để làm gì? Chỉ để nói biển bốn nguyện của Phật Di Đà! Có nghĩa là gì? Nói kinh Vô Lượng Thọ. “*Nhất đại sở thuyết quy thử kinh*” (Cả một đời thuyết pháp quy về kinh này), trong một đời, suốt bốn mươi chín năm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói hết thấy các kinh nhằm nói lên điều gì? Nói kinh Vô Lượng Thọ, ngàn kinh muôn luận chỗ nào cũng chỉ về. Có người chẳng ưa thích pháp môn này, không hợp khẩu vị! Đức Phật bèn tùy thuận khẩu vị của người ấy mà giảng cho kẻ ấy nghe [pháp môn thích hợp], giảng đến cuối lại quẹo trở về, quay về Vô Lượng Thọ, đấy là phương tiện thiện xảo của đức Phật. Thật vậy, lời Thiện Đạo đại sư nói chẳng

sai, “*chỉ để nói biến bốn nguyện của Phật Di Đà*”, kinh Hoa Nghiêm nói nhiều ngàn ấy, đến cuối cùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tỷ dụ [trong đoạn này] dễ hiểu, “*như chúng thủy*” (như các dòng nước), sông ngòi, Trường Giang và Hoàng Hà cuối cùng đều đổ vào biển cả.

“*Do thử ngôn chi, bách vạn A-tăng-kỳ nhân duyên dĩ khởi Hoa Nghiêm chi điển, nhất đại sự nhân duyên dĩ thành Pháp Hoa chi giáo, diệc duy vi thử pháp chi do tự*” (Do vậy, nói: Trăm vạn A-tăng-kỳ nhân duyên phát khởi kinh Hoa Nghiêm, một đại sự nhân duyên để thành kinh Pháp Hoa cũng chỉ là nguồn gốc của pháp này), nói rất hay! Vào đời Đường, các quốc gia Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam đều phái nhiều tăng nhân (người xuất gia) sang Trung Quốc du học. Khi ấy, Thiên Thai Trí Giả đại sư và Thiện Đạo đại sư của Tịnh Tông chúng ta đều là những bậc thầy nổi tiếng. Đối với những nước nhỏ ấy, rất nhiều người sau khi trở về nước đã trở thành tổ sư đại đức, đều là học trò của Thiện Đạo đại sư hay Trí Giả đại sư. Nay chúng ta sang Nhật Bản, gần như trong mỗi ngôi chùa, quý vị đến viếng Tổ Đường, đều thấy họ tạc tượng thờ Tổ Sư là ngài Thiện Đạo hay Thiên Thai đại sư, ở Trung Quốc không có. Họ còn vẽ hình các Ngài, treo trên xà nhà. Quý vị ngẩng đầu nhìn sẽ thấy tượng vẽ hay tượng đắp [của các Ngài]. Họ vô cùng tôn trọng tổ sư, đặc biệt là Thiện Đạo đại sư đã truyền dạy Tịnh Độ Tông. Chùa miếu Nhật Bản dùng [tên hiệu của] Thiện Đạo đại sư để đặt tên chùa, gần như đến nơi nào quý vị cũng đều thấy Thiện Đạo Tự. Quý vị thấy [tên chùa] là Thiện Đạo Tự, chắc chắn là đạo tràng tu Tịnh Độ. Đối với chuyện này, trong bài tựa của lão cư sĩ Mai Quang Hy, chúng ta đọc thấy: Những vị đại đức Tăng thời Tùy - Đường đã rất nghiêm túc suy tìm trong giáo pháp cả một đời đức Thích Ca Mâu Ni Phật: Trong một đời Ngài, hết thầy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào trọng yếu nhất, có thể đại diện cho hết thầy các kinh giáo đã nói trong bốn mươi chín năm? Mọi người cùng suy cử kinh Hoa Nghiêm, xưng tụng kinh Hoa Nghiêm là căn bản pháp luân, hết thầy các kinh giáo khác là quyến thuộc của Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm là một cái cây to, nó là căn bản, những kinh khác là cành lá trên cây ấy; nhưng Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy vào Tịnh Độ. Do vậy, kinh Vô Lượng Thọ biến thành căn bản của căn bản, cuối cùng, kinh ấy (Hoa Nghiêm) quy vào kinh này (Vô Lượng Thọ), căn bản của căn bản. Vì thế, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, những giáo pháp Đại Thừa đều biến thành gì? Biến thành pháp dẫn khởi của kinh Vô Lượng Thọ. Đối với cách nói này, tôi bội phục năm vóc sát đất, vì sao? Vì sao tôi tin tưởng Tịnh Độ? Do kinh Hoa Nghiêm mà tin tưởng, từ kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm mà tin tưởng.

Thầy tôi khuyên tôi nên tin tưởng, tôi bề ngoài vâng lời, nhưng trong lòng chẳng phục. Đương nhiên tôi rất tôn kính thầy, nhưng vẫn ngờ vực Tịnh Tông. Lúc ấy, tôi có cách nghĩ sai lầm rất lớn, sự hiểu lầm này rất nhiều người vướng phải, ngỡ Tịnh Độ là pháp phương tiện do Thích Ca Mâu Ni Phật dùng để tiếp dẫn những bà già thiếu hiểu

biết, chẳng biết pháp môn này rốt ráo là như thế nào, không hiểu! Tôi đã kể với quý vị, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm được phân nửa, [khi đó là] lần giảng thứ nhất, [giảng] lần này là lần thứ hai. Giảng lần đầu tiên cũng giảng không ít năm, mười bảy năm đã giảng được phân nửa. Có một hôm, bỗng nhiên nghĩ: “Rốt cuộc Văn Thù, Phổ Hiền học những gì? Thiệt Tài đồng tử là môn sinh đặc ý của Văn Thù Bồ Tát, là pháp tử của Văn Thù Bồ Tát, Ngài tu gì vậy?” Lật đến phần sau của Tứ Thập Hoa Nghiêm, giờ đến quyển thứ ba mươi chín, thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, điều này khiến tôi bị rúng động rất lớn. Văn Thù là thầy của bảy vị Phật, Phổ Hiền được tôn xưng là Nguyên Vương, [các Ngài] thật sự tu [Tịnh Độ]! Trong các vị Bồ Tát, hạnh môn triệt để nhất là Phổ Hiền, Ngài đại diện cho hạnh môn. Tôi nảy sanh lòng tin đối với Tịnh Độ là nhờ Hoa Nghiêm. Ở đây, cụ Hoàng nói: *“Hoa Nghiêm, Pháp Hoa lưỡng kinh chỉ thị bốn kinh chi đạo dẫn, bốn kinh giả chánh thị nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy”* (Cả hai kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa chỉ là pháp dẫn đường cho kinh này. Kinh này đúng là chỗ chỉ quy của cả Đại Tạng giáo), tức là Hoa Nghiêm và Pháp Hoa nhằm dẫn khởi pháp này, pháp này là Vô Lượng Thọ kinh. Quả thật là tôi đã được [kinh Hoa Nghiêm] hướng dẫn, nên mới thật sự phát tâm học tập [pháp môn Tịnh Độ]. Chúng ta thấy một câu nói của cư sĩ Bành Tế Thanh, trong sách này cũng được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trích dẫn rất nhiều; ông Bành nói kinh Vô Lượng Thọ là trung bốn Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm quá dài, tôi giảng lần đầu tiên, giảng được phân nửa, sau khi liễu giải vấn đề bèn buông kinh Hoa Nghiêm xuống, chẳng giảng [Hoa Nghiêm] nữa, mà giảng kinh Vô Lượng Thọ. Tôi giảng mười lần, trước sau tổng cộng giảng từng lần một thành mười lượt, lần này là lần thứ mười một. Kinh này là trung bốn Hoa Nghiêm, chẳng khác gì Hoa Nghiêm.

“Hoa Nghiêm kinh mạt, Phổ Hiền đại sĩ thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc, thị kỳ minh chứng” (cuối kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền đại sĩ dẫn về Cực Lạc là một chứng cứ rõ ràng), chẳng giả tí nào! *“Thánh giáo như chiêm đàn, phiến phiến giai hương. Pháp pháp viên đốn, bốn vô cao hạ”* (thánh giáo như chiêm đàn, miếng nào cũng thơm. Pháp nào cũng viên đốn, vốn chẳng cao thấp), là như kinh Kim Cang đã nói: *“Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”*, đúng vậy, chẳng giả tí nào! Pháp không có cao thấp, nhưng người có cao thấp, do căn tánh của mỗi người khác nhau. Tiếp theo là: *“Duy dĩ chúng sanh cấu trọng chướng thâm, tâm thô, trí liệt”* (chỉ vì chúng sanh cấu nặng, chướng sâu, tâm thô, trí hèn), đó là có cao thấp. Vì vậy, tổ sư đại đức phán giáo, tuyệt đối chẳng phân chia theo nội dung kinh, mà phân chia theo căn tánh của con người, căn tánh nào sẽ thích hợp học tập kinh điển nào! Nói thật ra, kinh đâu có Đại Thừa hay Tiểu Thừa, đều là bình đẳng. Do vậy, cổ đức Trung Quốc đã nói: *“Viên nhân thuyết giáo, vô giáo bất viên”* (người viên mãn bàn về giáo pháp, giáo pháp nào cũng là viên mãn), câu này hay lắm! *“Viên nhân”* là người khai ngộ, người kiến tánh, dù là giáo pháp Tiểu Thừa giáo cũng nói thành cảnh giới Hoa Nghiêm. Kinh A Di Đà là tiểu bốn,

mọi người thường niệm, cũng chẳng cảm thấy hy hữu, lạ lùng chi hết, nhưng bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư đã nâng kinh ấy lên cảnh giới Hoa Nghiêm. Quý vị đọc Sớ Sao, chính là như cổ đức đã nói “*viên nhân thuyết giáo, vô giáo bất viên*”. Liên Trì đại sư dùng “thập môn khai khai” và giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm để giảng giải kinh A Di Đà, đề cao địa vị Tịnh Độ Tông. Vào thời ấy, người ta khinh thường Tịnh Độ, chẳng muốn học pháp môn này, mà thích học Giáo, hay học Thiền. Liên Trì đại sư thấy rất rõ ràng: Quý vị học Giáo chẳng khai ngộ, học Thiền chẳng đắc Thiền Định. Nói cách khác, quý vị đã phí uổng tinh lực và thời gian! Do tâm đại từ bi nên Ngài khuyên quý vị niệm Phật. Quý vị coi thường Tịnh Tông, nên Ngài dùng kinh Hoa Nghiêm để giải thích. Sau khi nghe, nhận thấy [cảnh giới trong kinh Di Đà] chẳng khác cảnh giới Hoa Nghiêm, quý vị mới có thể phát khởi tín tâm, mới có thể quay đầu. Lòng từ bi vô tận!

Kế tiếp, Ngẫu Ích đại sư viết Yếu Giải. Yếu Giải không dài, nhưng đúng là danh phù hợp thật, lời chú giải của Ngài đúng là đơn giản, nhưng trọng yếu. Lão pháp sư Ấn Quang tán thán: “*Dù A Di Đà Phật tái lai, tự viết chú giải kinh Di Đà, cũng chẳng thể hay hơn được!*” Tán thán đến tột bậc! Xưa kia, tôi ở Tân Gia Ba, pháp sư Diễn Bồi là bạn già, có lần Sư mời tôi dùng cơm, có nhắc tới vấn đề này, hỏi tôi: “Lời tán thán ấy của Ấn Quang đại sư có phải là hơi quá lố một chút hay không?” Sư hỏi tôi như vậy. Tôi thưa: “Chẳng quá lố tí nào! Câu nào cũng là lời thật!” Hơn hai mươi năm trước, gần như ba mươi năm, tôi ở Mỹ, có một cư sĩ hỏi tôi, ông ta cũng hết sức hiếu học. Ông ta nói: “Pháp sư Tịnh Không! Nếu chỉ cho phép thầy chọn lựa một bộ trong Đại Tạng Kinh, thầy sẽ chọn bộ nào?” Tôi chẳng do dự mảy may, bảo ông ta: “Tôi chọn lựa Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư”. Quá hay! Tôi tán thành câu nói Ấn Quang đại sư cả hai tay. Tuy vẫn tự không nhiều lắm, nhưng có nhiều ý tưởng trong ấy từ trước đến nay các vị tổ sư đại đức chưa hề nói đến, mà Ngài có thể nói ra, nói rõ ràng đường ấy, nói thấu triệt ngàn ấy, quả thật hết sức khó có! Trong bản chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn [sách Yếu Giải] rất nhiều, chúng ta có thể đọc thấy điều này.

Tiếp đó là nêu tỷ dụ: “*Cơ ngộ vương thiện, nhi bất năng xan*” (đói gặp cỗ vua mà chẳng dám ăn), nói lên điều gì? Đây là nói chúng sanh thiếu phước. Không chỉ riêng đói với Thích Ca Như Lai, đây là kinh bậc nhất và pháp môn bậc nhất để hết thấy chư Phật ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong lục đạo, phổ độ chúng sanh, nhưng kẻ ấy chẳng tin, chẳng tiếp nhận, nghe không hiểu, đúng là nghe chẳng hiểu, chẳng giá! Tôi hiểu rất rõ đạo lý này, vì sao kẻ ấy nghe không hiểu? Đối với pháp môn này, kẻ ấy hoài nghi, đó là chướng ngại. Kẻ ấy ngạo mạn, xem thường bộ kinh nhỏ này, không thèm quan tâm tới. Thiếu phước báo mà! Đưa cho hẩn kinh bậc nhất của chư Phật Như Lai, hẩn chưa thể tiếp nhận. Đúng là tám chữ [trong lời nhận định của cụ Hoàng] đã nói rất hay: “*Cấu trọng, chướng thâm, tâm thô, trí liệt*” (cấu nặng, chướng sâu, tâm thô, trí kém), đúng là giống như gặp được thức ăn của quốc vương mà chẳng dám xơi!

“*Duy bốn kinh trì danh nhất pháp, nãi dị hành đạo, nhân nhân năng tu*” (Chỉ một pháp Trì Danh trong kinh này mới là đạo dễ hành, ai cũng có thể tu được). Nói đến kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ và Tiểu Bản Di Đà Kinh tương đồng, đề xưng trì danh, không như Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, kinh ấy đề xưng tu Quán, nên còn gọi là Thập Lục Quán Kinh. Trong mười sáu phép Quán, phép cuối cùng, tức phép Quán thứ mười sáu, là trì danh. Trì danh được đặt sau cùng, pháp sau cùng là pháp quan trọng nhất! Quý vị xem biểu diễn văn nghệ hay diễn tuồng, màn hay nhất chắc chắn là “*áp trục hỷ*” tức màn diễn xuất cuối cùng. Phật pháp cũng là như vậy, thứ tốt nhất đặt ở cuối cùng. Quý vị xem phần Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm, [hai mươi lăm môn Viên Thông] được xếp theo thứ tự lục căn, lục trần, lục thức, thất đại, xếp theo thứ tự ấy. Theo thứ tự thuận, pháp Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm phải thuộc vị trí thứ hai, kết quả là quý vị thấy các pháp ấy chẳng được xếp theo thứ tự thuận, pháp của Quán Thế Âm Bồ Tát được đặt ở cuối cùng, chứng tỏ điều gì? Pháp môn ấy là pháp môn đặc biệt, chẳng phải là pháp môn thông thường. Trên thực tế, đây là hai pháp môn đặc biệt, nhưng rất nhiều người hiểu lầm, chỉ nói tới Nhĩ Căn Viên Thông, phớt lờ pháp Niệm Phật Viên Thông của Đại Thế Chí Bồ Tát. Do Quán Thế Âm Bồ Tát thay đổi vị trí, từ thứ hai chuyển đến cuối cùng, hết sức rõ rệt, quý vị vừa nhìn liền biết ngay, còn Đại Thế Chí Bồ Tát [nếu theo thứ tự thuận] được xếp vào vị trí thứ hai mươi ba, Di Lạc Bồ Tát được xếp vào vị trí hai mươi tư, nhưng lại đổi chỗ đôi chút: Di Lạc Bồ Tát xếp ở vị trí hai mươi ba, Đại Thế Chí Bồ Tát xếp xuống vị trí hai mươi bốn, chỉ thay đổi một vị trí, cho nên rất nhiều người không chú ý. Trong chương Hai Mươi Lăm Viên Thông có hai pháp môn đặc biệt, chẳng phải là một! Hai vị này không được xếp theo thứ tự thuận, nên [pháp môn của hai Ngài] là các pháp môn đặc biệt, đặc biệt trọng yếu! Chúng ta đọc kinh, nghiên cứu giáo pháp, chớ nên không lưu ý những chỗ như vậy. Trì danh mới là đạo dễ hành, người nào cũng có thể tu.

“*Đại Thế Chí Viên Thông Chương viết: ‘Tịnh niệm tương kế, tự đắc tâm khai’, tức phàm phu tâm, khai Phật tri kiến*” (Chương Đại Thế Chí Viên Thông chép: “Tịnh niệm nối tiếp, tâm tự khai ngộ”, chính là [dùng ngay cái] tâm phàm phu mà khai tri kiến Phật). Cụ trích dẫn câu này hay lắm, “*tịnh niệm tương kế*” là công phu, cũng là nhất tâm trì danh; “*tự đắc tâm khai*” là khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, không cần tới phương pháp nào khác, chỉ là một câu Phật hiệu. “*Tức phàm phu tâm, khai Phật tri kiến*”, khai Phật tri kiến là đại triệt đại ngộ, là minh tâm kiến tánh, chẳng cần dùng phương pháp nào khác. Qua các đời, chúng ta thấy người niệm Phật trong thời gian ba năm bèn thành công, biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh; chúng ta hãy nghĩ coi những người ấy tâm có tự được khai ngộ hay chăng? Công phu tịnh niệm nối tiếp mà chắc chắn có, tâm sẽ được tự khai. Sau khi tâm đã tự khai, vì sao chẳng giảng kinh, chẳng hoằng pháp? Giảng kinh, hoằng pháp phải có pháp duyên; người ấy thiếu pháp duyên nên ra đi. Người ấy ra đi, có giảng kinh hay không? Có hoằng pháp hay không? Có! Người ấy làm

như vậy đã nêu gương tốt nhất cho người đời sau, chẳng dùng ngôn giáo, mà dùng thân để biểu diễn. Trong Phật pháp, chúng tôi giảng kinh, dạy học hơn năm mươi năm, ông Hoàng Trung Xương biểu diễn, trong một thời gian chẳng dài [vẫn có thể vãng sanh], đã nêu ra một ví dụ tốt nhất, chứng minh cho chúng tôi giảng kinh, dạy học, công đức ấy thù thắng lắm! Nếu quý vị không tin, thấy người ta y giáo phụng hành, niệm hai năm mười tháng bèn thành công, [liền vỡ lẽ]: “Là thật! Chẳng giả!” Có bao nhiêu kẻ thiếu lòng tin, do dự, chần chừ, vừa trông thấy [tám gương của ông Hoàng Trung Xương], lòng tin bèn kiên định! Ông ta thật sự tiếp dẫn đại chúng vãng sanh, mà cũng là tiếp dẫn kẻ hữu duyên. Người ta thấy gương ấy, thật sự phát khởi lòng tin: Nghiêm túc như ông ta, thật sự làm, ai nấy đều thành tựu!

“*Chỉ ư căn khí thiên giả, đản năng chí tâm tín nhạo, nguyện sanh bỉ quốc, nãi chí thập niệm, lâm mạng chung thời, mông Phật nhiếp thọ, tiện sanh Cực Lạc, hoa khai kiến Phật, ngộ nhập Vô Sanh. Kỳ diệu tât tiếp, mạc quá ư thị*” (Còn như kẻ căn khí cạn cợt, chỉ cần chí tâm tin ưa, nguyện sanh cõi kia, dầu chỉ mười niệm, lúc mạng sắp hết, được Phật nhiếp thọ, liền sanh về Cực Lạc, hoa nở thấy Phật, ngộ nhập Vô Sanh, kỳ diệu, nhanh chóng, không chi hơn được). Kẻ căn khí nông cạn, tham Thiền chưa thể đắc Định, học Giáo chưa thể đại khai viên giải; chữ “*căn khí thiên*” chỉ hạ người ấy. Chỉ cần người ấy chí tâm tin tưởng, ưa thích. “*Chí tâm*” là chân thành đến tột bậc, quyết định chẳng hoài nghi mảy may, tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, tin tưởng kinh Vô Lượng Thọ, tin tưởng kinh A Di Đà, khẳng khái một mực thâm nhập một môn. “*Nhạo*” (樂) là yêu thích. Không cần nhiều, một quyển sách nhỏ mỏng manh là được rồi! Nguyện sanh về Tịnh Độ, nguyện này vô cùng trọng yếu. Trong một đời này, khẳng định một phương hướng, một mục tiêu như thế, quyết định phải làm được! Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói rất khéo: Hành nhân, tức là người niệm Phật, có được vãng sanh thế giới Cực Lạc hay không, [điều ấy] được quyết định bởi [hành nhân] có tín nguyện hay không? Chỉ cần quý vị thật sự tin, thật sự nguyện, không ai chẳng vãng sanh! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cao hay thấp, tùy thuộc công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn. Câu này hay lắm! Công phu cạn là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, vì sao? Chưa niệm đến nhất tâm bất loạn. Niệm đến Sự nhất tâm bất loạn, sẽ sanh trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Công phu niệm Phật sâu hay cạn, trong ba cõi đều có chín phẩm, [tức là] đều có ba bậc chín phẩm, tùy thuộc công phu cạn hay sâu. Vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không, câu nói này hay quá! Cổ nhân chưa có ai nói vậy, nhưng trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói như thế.

Do vậy, trọn đủ Tín, Nguyện, Hạnh. Hạnh là quý vị thật sự niệm. “*Nãi chí thập niệm*” (dầu chỉ mười niệm), “*mười niệm*” là như nguyện thứ mười tám “*mười niệm ắt sanh*” trong bốn mươi tám nguyện đã nói. Đó là nói khi lâm chung, trong một đời này

chưa có duyên gặp gỡ, đến khi lâm chung mới gặp thiện hữu nói cho biết phương pháp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, khuyên kẻ ấy niệm Phật. Điều kiện là người ấy nghe xong, ngay lập tức tiếp nhận, có thể tin tưởng, phát nguyện, bèn có thể vãng sanh, dầu trong một đời chưa hề gặp [pháp môn này trước khi lâm chung]! Ở Mỹ, tôi đã được gặp một người. Tại đặc khu Hoa Thịnh Đốn (Washington DC), có một đồng tu cả đời chẳng tin ngưỡng tôn giáo nào, bị ung thư. Ông ta mở tiệm bán bánh mì, con người hết sức tốt lành, thật thà. Khi lâm chung, mắc bệnh ung thư, bệnh viện đã không nhận chữa trị nữa, bảo đã hết cách cứu. Người nhà lãnh về, đến khắp nơi cầu thần, bái Phật, mong có kỳ tích xuất hiện. Chúng tôi ở nơi ấy, có các đồng học học Phật thành lập một hội Phật giáo, có tên là Hoa Phủ Phật Giáo Hội (hội Phật giáo Washington). Có mấy đồng học [thuộc hội ấy] đến thăm ông ta, thấy tình trạng như vậy, bèn khuyên: “Nhân gian rất khổ, đừng cầu lành bệnh, hãy niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc”. Dem y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc giảng cho ông ta nghe. Nghe xong, ông ta hết sức hoan hỷ, bảo người nhà chẳng cần chạy chữa cho ông ta nữa, tất cả hãy cùng niệm Phật giúp ông ta cầu sanh Tịnh Độ. Niệm ba ngày, ông ta thật sự vãng sanh. Trước khi lâm chung ba ngày, ông ta mới chuyển biến ý niệm. Hễ niệm Phật, ông ta sẽ không đau. Ông ta vốn bị bệnh ung thư rất đau đớn; [nay do niệm Phật] không đau nữa. Vì thế, ông ta lòng tin tràn trề, niệm ba ngày, ra đi rất thuận lợi. “Mười niệm ắt sanh” là thật, chẳng giả! Khi lâm chung được Phật nhiếp thọ, Phật đến tiếp dẫn, liền sanh về Cực Lạc, hoa nở kiến Phật, ngộ nhập Vô Sanh.

Trong kinh Di Đà, có một câu kinh văn Huyền Trang đại sư và La Thập đại sư phiên dịch hoàn toàn khác nhau. Bản dịch của ngài La Thập có câu “*nhất tâm bất loạn*”; bản dịch của Huyền Trang đại sư không có câu này, Ngài ghi là “*nhất tâm hệ niệm*”, chẳng phải là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn khó, nhất tâm hệ niệm dễ, chúng ta đều có thể làm được. Có phải là Cưu Ma La Thập đại sư dịch sai hay không? Nói thật ra, La Thập đại sư chẳng dịch sai, mà Huyền Trang đại sư cũng chẳng dịch sai! Nguyên văn là “*nhất tâm hệ niệm*”, chẳng dịch sai! Đó là nguyên văn. La Thập đại sư dịch theo ý, khi lâm chung, [Tịnh nghiệp hành nhân] thật sự nhất tâm bất loạn. Khi lâm chung, công phu thành phiền, chưa đạt đến nhất tâm, nhưng khi Phật đến tiếp dẫn, trước hết, Phật quang chiếu tới quý vị, Phật quang vừa chiếu, khiến cho công phu của quý vị nâng cao gấp bội. Quý vị đã có công phu thành phiền, Ngài vừa chiếu, ngay lập tức trở thành nhất tâm bất loạn, chẳng dịch sai! Đức Phật giúp đỡ chúng ta, bản thân chúng ta chẳng có công phu gì thì không được rồi! Đức Phật chẳng có cách nào giúp đỡ quý vị! Phật giúp quý vị là tương đối, [nghĩa là] quý vị có một phần công lực, Ngài sẽ gia trì quý vị một phần. Quý vị có mười phần công lực, Ngài sẽ gia trì quý vị mười phần. Chính mình phải thật sự tu. Nếu chính mình chẳng thật sự tu, chỉ cầu Phật gia trì, đó là chuyện không thể thực hiện được! Hai bên phải đối ứng mà! Chính mình nhất định phải nghiêm túc nỗ lực nâng cao

[cảnh giới] của chính mình, đến khi lâm chung, hiệu quả gia trì sẽ vô cùng rõ rệt. Vì thế, pháp môn này đúng là kỳ diệu, nhanh chóng; tốc độ nhanh chóng không chi hơn được!

“Nhất thiết chúng sanh do thử đắc độ, thập phương Như Lai nãi xứng bốn hoai” (Hết thấy chúng sanh do pháp này đắc độ mới xứng hợp bốn hoai của mười phương Như Lai). Thật vậy! Mười phương Như Lai ứng hóa trong thế gian này chỉ vì một chuyện này: Giúp chúng sanh lìa khổ, được vui, chẳng vì chính mình. Các Ngài đâu có ý niệm lo toan cho bản thân, các Ngài chẳng vì mình, mà vì chúng sanh mà đến [thế gian này]. Chúng sanh khổ sướng bởi đâu? Do mê hay ngộ mà ra. Vì sao quý vị khổ? Vì quý vị tạo nghiệp bất thiện. Có sao quý vị tạo nghiệp bất thiện? Do quý vị mê hoặc, nên mới tạo nghiệp, mới cảm lấy ác báo. Bởi lẽ, đức Phật biết: Sướng do đâu mà có? Sướng từ khai ngộ mà có. Sau khi đã ngộ, chắc chắn chẳng tạo ác nghiệp, đó là tiểu ngộ. Khi đại ngộ, thiện lẫn ác đều chẳng tạo, tạo gì? Phật pháp nói là “tịnh nghiệp”, tức nghiệp thanh tịnh. Thanh tịnh nghiệp là gì? Vẫn là đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện, đoạn ác, tu thiện, nhưng trong tâm thanh tịnh, chẳng có dấu vết gì, bèn gọi là “tịnh nghiệp”; đấy cũng là thật sự buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đoạn ác, tu thiện thì gọi là “tịnh nghiệp”.

Phật dùng phương pháp gì để giúp những chúng sanh khổ nạn và chúng sanh trong lục đạo? Phật dùng giáo học. Vì thế, thuở lão nhân gia tại thế đã nêu gương cho chúng ta: Sau khi khai ngộ bèn bắt đầu dạy học. Ba mươi tuổi khai ngộ, bảy mươi chín tuổi viên tịch, suốt bốn mươi chín năm chẳng bỏ sót ngày nào, hằng ngày dạy dỗ. Phật môn đệ tử chúng ta bất luận tại gia hay xuất gia, nhất định phải ghi nhớ: Đức Phật xuất hiện trong thế gian này để làm gì? Dùng phương pháp gì? Chúng ta phải học tập điều ấy. Phật giáo truyền đến Trung Quốc là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo, quý vị chớ nên không biết điều này! Đạo tràng Phật giáo là cơ sở, thời cổ gọi là Tự. Tự có nghĩa là gì? Vì sao gọi là Tự? “Tự” (寺) là cơ quan làm việc của chính phủ, trực tiếp thuộc quyền cai quản của hoàng đế. Nếu quý vị đến Bắc Kinh, đến thăm Cố Cung⁵⁵[3], trong Cố Cung có chín Tự⁵⁶[4]. Một đơn vị bầy tôi của hoàng đế được gọi là Tự. Tự, có nghĩa là vĩnh viễn thiết

⁵⁵[3] Cố Cung, còn gọi là Tử Cấm Thành là cung điện hoàng đế của hai triều đại Minh và Thanh tại Bắc Kinh. Cố Cung do hoàng đế Minh Thành Tổ (Châu Lệ) bắt đầu xây dựng vào năm 1406 khi dời kinh đô từ Nam Kinh lên Bắc Kinh, mãi đến niên hiệu Vĩnh Lạc thứ tư (1420) mới hoàn thành. Tổng công trình sư (kiến trúc sư trưởng) là Khoái Tường, một trong những thiết kế sư (kiến trúc sư) nổi tiếng của công trình này là thái giám Nguyễn An (vốn bị nhà Minh bắt về nước khi chiếm Việt Nam dưới đời Hồ Quý Ly).

⁵⁶[4] Quy chế “cửu tự” đã có từ thời Tiền Hán. Đây chính là chín cơ cấu quản lý sự vụ trực thuộc chánh quyền trung ương. Chín cơ cấu này do cửu khanh (chín vị đại thần quyền hạn nhỏ hơn Tam Công) đứng đầu, tâu trình trực tiếp với hoàng đế, không qua sự quản lý của Tế

lập, chẳng thể phế trừ! Do vậy, Tự được thành lập từ đời Hán cho mãi đến đời Thanh cũng không thay đổi. Triều đại thay đổi theo mỗi đời, chỉ riêng chín Tự không thay đổi danh xưng. Phật giáo truyền đến Trung Quốc cũng được gọi là Tự, vì thế, dưới hoàng đế có mười Tự, tức là vốn đã có chín tự, thêm vào cơ cấu này (nhà chùa) thành mười Tự. Tự này (nhà chùa Phật giáo) làm chuyện gì? Lo dạy học. Giáo dục Trung Quốc biến thành

Tướng (hay Thủ Phụ). Dinh thự của cửu khanh gọi là Tự. Do đó, chín cơ quan này cũng được gọi là Tự. Cửu Tự gồm:

1. *Thái Thường Tự: Chưởng quản nghi lễ, phụ trách các điển lễ của quốc gia (thường gọi chung là Quốc Tế) như lễ tế trời, tế xã tắc v.v..., đồng thời quản lý âm nhạc cung đình, cũng như quản lý các thuật sĩ và y sĩ. Cơ quan này về sau trực thuộc bộ Lễ.*

2. *Quang Lộc Tự: Chưởng quản những sự vụ thường ngày trong cung, phụ trách yến tiệc, chuẩn bị các nhu cầu ăn mặc trong cung.*

3. *Vệ Ủy Tự: Chưởng quản vũ khí và canh gác, phòng bị trong cung, nhất là chịu trách nhiệm bảo vệ kho vũ khí, sắp đặt các thứ nghi trượng và ngự lâm quân bảo vệ khi vua xuất du.*

4. *Tông Chánh Tự: Chưởng quản sự vụ trong hoàng tộc, tông thất, cũng như gia phả của ngoại thích (họ hàng của các hoàng hậu, phi tần), bảo vệ, tu bổ lăng miếu của hoàng gia, kiêm nhiệm chưởng quản tăng nhân, đạo sĩ.*

5. *Thái Bộc Tự: Chưởng quản xe ngựa của hoàng gia, kho dự trữ, các bãi chăn nuôi, cung cấp quân lương.*

6. *Đại Lý Tự: Chưởng quản pháp luật. Đây là cơ quan tư pháp tối cao, gần như Tối Cao Pháp Viện hiện thời. Các vụ trọng án do các quan Án Sát (Niết Ty) các tỉnh phải đệ đơn hồ sơ lên Đại Lý Tự trước khi phán án chung thẩm. Nếu cần, Tam Pháp Ty đồng thời tham gia thẩm tra vụ án. Thời Minh, Đại Lý Tự kiêm nhiệm vai trò mật vụ, có thể bắt giữ bất cứ ai, kể cả hoàng thân, quốc thích. Đại Lý Tự cùng với Ngự Sử Đài và bộ Hình được gọi là Tam Pháp Ty.*

7. *Hồng Lô Tự: Chưởng quản chuyện tiếp đón sứ thần ngoại quốc, tiếp nhận lễ vật, chuẩn bị tặng phẩm của hoàng đế đối với các phái bộ ngoại quốc, cũng như hướng dẫn nghi lễ cho các sứ thần ngoại quốc triều kiến hoàng đế.*

8. *Tư Nông Tự: Chưởng quản lương thực, hàng hóa, vải vóc trong toàn quốc, gần như tương đương với bộ Tài Chánh hiện thời. Về sau, vai trò của Tư Nông Tự bị bộ Hộ thay thế, hầu như chỉ còn giới hạn vai trò trong kinh thành. Vai trò của Tự này đôi khi xen lẫn với Thái Phủ Tự.*

9. *Thái Phủ Tự: Chưởng quản sự giao dịch mua bán hàng hóa, tiền tệ, dự trữ, trả lương, phát bổng cho các quan, cũng như khống chế vật giá.*

hai cơ cấu: Bản thân nhà vua nắm giữ một cơ cấu, giáo dục của Phật Đà do chính nhà vua nắm giữ, nên được phổ cập rất nhanh, phổ cập toàn quốc, vì mọi người tôn kính hoàng thượng. Cơ cấu kia là giáo dục Nho gia do Tể Tướng nắm giữ, nó có một bộ riêng, gọi là bộ Lễ. Bộ Lễ là bộ giáo dục. Tể Tướng cai quản bộ giáo dục, hoàng thượng tự mình nắm giữ nhà chùa, tức bộ giáo dục của Phật Đà. Hai nền giáo dục tồn tại song song ở Trung Quốc, Phật giáo chẳng phải là tôn giáo.

Hiện thời, Phật giáo biến thành tôn giáo, tứ chúng đệ tử chúng ta bất xứng với Thích Ca Mâu Ni Phật, vì sao trở thành nông nổi này? Chúng ta thấy chùa chiền thời cổ, mỗi ngày làm chuyện gì? Giảng kinh, dạy học, giống như một ngôi trường. Điện đường là phòng học, Hòa Thượng Thủ Tọa phân tòa giảng kinh, giống như trong nhà trường hiện thời, lớp học khác nhau. Giảng đường này giảng Hoa Nghiêm, giảng đường kia giảng Vô Lượng Thọ, giảng đường nọ giảng Bát Nhã; họ có thầy, mỗi ngày lên lớp. Chẳng cho phép học trò lớp nào cũng đều học, chẳng phải vậy! Học trò chỉ có thể chuyên dồn công sức nơi một môn; quý vị học lớp của thầy nào, bèn đến giảng đường ấy. Một môn thâm nhập, chẳng phải là bảo quý vị môn gì cũng đều học, chẳng phải vậy! Thầy cũng chuyên dạy một môn, trò cũng chuyên học một môn. Học còn chưa xong một môn, chẳng thể học môn thứ hai. Quý vị có thể học rất nhiều môn, nhưng chẳng phải là học cùng một lúc. Học từng môn một thì được phép. Vì thế, nhà chùa là cơ cấu giáo dục. Nhất là đến thời đại Tùy - Đường, mười tông phái của Trung Quốc hình thành, đề xướng chế độ từng lâm, đó chính là mở rộng quy mô, chính thức biến [nhà chùa] thành Đại Học. Chủ tịch từng lâm là Phương Trượng, Trụ Trì, Hiệu Trưởng. Quý vị thấy các vị chấp sự (đảm đương trách nhiệm) dưới vị ấy: Thủ Tọa là giáo vụ, Duy Na là huấn đạo, trông nom việc giáo huấn, uốn nắn, Giám Viện trông nom tổng vụ (quản lý mọi sự vụ chung), hoàn toàn giống cách phân công trong trường Đại Học hiện thời. Trong Đại Học hiện thời, quý vị thấy Giáo Vụ Trưởng (Provost), Huấn Đạo Trưởng (Proctor), Tổng Vụ Trưởng (Dean of General Affairs), danh xưng khác nhau, nhưng công việc hoàn toàn tương đồng. Vì thế, Phật giáo truyền đến Trung Quốc đã biến hóa mang tánh chất cách mạng, được tổ chức theo quy củ chính thức, mang hình thức một trường học chính quy. Phật giáo vào thời đức Thế Tôn và vào thời mới truyền sang Trung Quốc mang tánh chất trường tư, giống như tư thục giáo dục, chưa được “chế độ hóa” (Institutionalized). Chế độ hóa là điểm đặc sắc trong Phật giáo Trung Quốc.

Khi tôi mới học Phật, thầy tôi đã nói chuyện này rất nhiều lần, đương nhiên là đặt hy vọng nơi tôi, nhưng tôi không có đại phước báo như thế. Thầy đã bảo tôi rất nhiều lần: “*Muốn cho Phật giáo hưng vượng trở lại, nhất định phải khôi phục chế độ từng lâm*”. Nếu nói theo cách bây giờ, nhất định phải lập Đại Học Phật giáo thì Phật pháp mới có thể hưng vượng. Chuyện này chúng ta chỉ đành trông chờ quốc gia, cá nhân chẳng có năng lực ấy, nói theo Phật pháp là chẳng có đại phước báo dường ấy! Vì thế, đức Thế

Tôn đem đại sự Phật pháp hưng vượng hay suy vi phó thác cho quốc vương, đại thần, để họ hộ trì. Trong quá khứ, tại Trung Quốc, lịch đại đế vương đều hộ trì Phật pháp, đặc biệt là nhà Thanh là dân tộc thiểu số vào làm chủ Trung Quốc, thống trị một quốc gia to như thế, họ dùng phương pháp gì? Dùng giáo dục. “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, lấy giáo dục làm đầu). Họ dùng giáo dục của Nho, Thích, Đạo, giữ vững nền cai trị tới hai trăm sáu mươi năm, giữ ổn định trong một thời gian dài. Cuối cùng, đúng là [thành quả ấy] bị hủy mất bởi chính Từ Hy Thái Hậu. Từ Hy Thái Hậu nắm quyền, bèn phế trừ sự giảng học. Trong quá khứ, trong cung đình luôn lễ thỉnh những vị cao tăng đại đức Nho, Thích, Đạo vào dạy học trong cung đình, hoàng thượng dẫn văn võ bá quan nghe giảng, những ý nghĩa được giảng đều [được thấu đạt] trong Tứ Khố Toàn Thư. Tôi đọc Tứ Khố Toàn Thư, thích xem những thứ như Luận Ngữ, Mạnh Tử, [để tìm hiểu] cách giảng nghĩa tại cung đình trong quá khứ là như thế nào? Những nghĩa lý đã giảng giải đều được thấu đạt trong bộ Tứ Khố, bản ấy là bản tiêu chuẩn. Họ thật sự làm, không giống như hiện thời, hiện tại không làm! Đến thời Từ Hy, không làm như vậy nữa. Từ Hy chuộng quý thần, thích cầu cơ, gặp chuyện gì chính mình chẳng thể giải quyết, bèn chẳng hỏi han ai khác, mà thưa hỏi trong đàn cầu cơ, cho nên bà ta làm mất nước! Chương Gia đại sư kể cho tôi nghe chuyện này. Chương Gia đời trước là quốc sư của nhà Thanh⁵⁷[5]. Do vậy, Phật giáo bị biến thành tôn giáo, giáo dục của Phật Đà chẳng còn nữa, chúng ta phạm lỗi với Thích Ca Mâu Ni Phật ở chỗ này!

Chẳng liễu giải thì thôi, chẳng cần phải nhắc tới, nhưng thật sự liễu giải, nhận biết rồi, chúng ta nhất định phải đi theo con đường của Thích Ca Mâu Ni Phật. Bản thân tôi tiếp nhận sự giáo huấn của Chương Gia đại sư, Ngài khuyên tôi xuất gia, lại còn dặn tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Tôi hiểu ý lão nhân gia, chẳng cô phụ thầy, suốt đời chúng tôi đi theo con đường này. Đi theo con đường này rất nhọc nhằn, nhưng đáng công lắm! Mong các đồng học chúng ta đều có thể giác ngộ, thật sự phát tâm dạy học, bất luận

⁵⁷[5] Nói “đời trước” vì người Mông Cổ tin ngài Chương Gia là một vị hoạt Phật (tức tu sĩ được coi là hóa thân của các tổ sư, Phật, Bồ Tát) chuyển thế nhiều lần. Chương Gia đại sư (Lobsang Pelden Tenpe Dronme, 1891-1957), thầy của hòa thượng Tịnh Không, là đời thứ mười chín. Vị “Chương Gia đời trước” được nhắc đến ở đây là Chương Gia đời thứ mười bảy (1849-1875) được vua Hàm Phong (chồng Từ Hy Thái Hậu) mời vào kinh để coi sóc việc nhập tạng kinh điển, chưởng quản Lạt Ma Giáo toàn quốc, và vị kế tiếp là Chương Gia đời thứ mười tám (1878-1888) đều là quốc sư nhà Thanh. Tuy nói Chương Gia có đến mười tám đời, nhưng trên thực tế chỉ có bảy đời, vì vị Chương Gia thứ nhất (Dragpa Oser, 1607-1641) được tăng sĩ Mông Cổ coi là hóa thân lần thứ mười ba của tôn giả Channa (người Hoa thường phiên âm là Tôn Đạt, còn ghi là Chandaka, tức ngài Xa Nặc, người đánh ngựa của đức Phật Thích Ca). Ngài Xa Nặc là một trong sáu vị tỳ-kheo thường được gọi là Lục Quân Tỳ Kheo chuyên gây rối trong Tăng đoàn để đức Thế Tôn có cơ hội chế giới.

là tại gia hay xuất gia đều có thể [làm công tác giáo hóa]. Thuở đức Thế Tôn tại thế, cư sĩ tại gia Duy Ma Cát (Vimalakīrti) giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, giảng kinh, dạy học mỗi ngày. Thời đầu Dân Quốc, tiên sinh Âu Dương Cán Vô là một vị đại đức trong Phật môn đã thành lập Chi Na Nội Học Viện, thâm nhận hàng xuất gia lẫn tại gia, tổ chức rất thành công; nhưng vì tình hình chiến tranh, hoạt động được hai năm rồi phải đóng cửa học viện. Ông ta nói rất hay: “*Phật môn là sư đạo*”. Sư đạo có nghĩa là thầy là lớn nhất, tôn sư, trọng đạo! Chúng ta thấy trong kinh Duy Ma, đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật là Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, nghe cư sĩ Duy Ma giảng kinh, lễ tiết hoàn toàn giống như [lễ tiết dành cho] Thích Ca Mâu Ni Phật. Cư sĩ Duy Ma là kẻ tại gia, khi lên tòa giảng kinh, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đánh lễ cư sĩ ba lạy, nhiễu quanh ba vòng. Đó là tôn sư trọng đạo, Ngài là thầy mà! Tuy quý vị xuất gia, là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị vẫn là học trò, vẫn chưa đạt tới địa vị như Ngài (Duy Ma Cát). Vì vậy, nói theo Phật pháp, hai vị Phật đồng thời xuất hiện trong thế gian thuở ấy, một vị là xuất gia Phật, vị kia là tại gia Phật, hai vị Phật, quyết định chẳng thể khinh mạn! Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp, nhất định phải tôn trọng đôi bên; chẳng thể nói vừa xuất gia bèn ngạo nghễ, ngã mạn, coi thường người khác. Trong giới cư sĩ, thật sự có những bậc đại đức, tu hành rất tốt đẹp, thậm chí có người khai ngộ, làm sao quý vị có thể khinh mạn họ được? Nhất định phải hiểu điều này! Bất luận tại gia hay xuất gia, nếu thật sự học Phật, phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật khiêm hư, cung kính hết thầy chúng sanh, phải nêu gương thật sự đoạn trừ tham, sân, si, mạn. Kẻ còn có ngạo mạn thì như thế nào? Quý vị là phạm phu! Bởi lẽ, mười phương Như Lai xuất hiện trên cõi đời chẳng có chi khác, [chỉ là] mong giúp cho hết thầy chúng sanh sớm có ngày thành Phật, sớm có ngày rời khỏi lục đạo, rời khỏi mười pháp giới, đây là tâm nguyện của Phật.

Kẻ đó là: “*Hựu bốn kinh sở tuyên, nãi Như Lai chân thật thuần nhất chi pháp, vô hữu quyền khúc, cố danh chánh thuyết*” (Kinh này lại tuyên dương pháp chân thật thuần nhất của Như Lai, chẳng quyền biến, cong queo, nên gọi là Chánh Thuyết). Mấy câu này hết sức quan trọng, vì trong hết thầy kinh giáo, đức Thế Tôn khai thị quả thật có nói phương tiện, có khi nói uyển chuyển, tùy thuận, [những cách nói như vậy] rất nhiều, hết sức phổ biến, vì sao? Chúng sanh căn tánh khác nhau. Do vậy, giáo học trong Phật môn thường được gọi là “đại giảng đường” hay “đại giảng tòa”. “Đại” có nghĩa là gì? Căn tánh của thính chúng hoàn toàn khác nhau, có kẻ không biết chữ, có người trình độ Tiểu Học, cũng có người học lớp Tiến Sĩ, mỗi cá nhân nghe giảng đều hoan hỷ, mỗi người nghe đều được lợi ích, đây chẳng phải là chuyện dễ! Không giống như lên lớp trong trường học, học trò có trình độ ngang nhau, dễ giảng, ở đây là hoàn toàn khác nhau, “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp*” (Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp), hết thầy chúng sanh không chỉ nghe hiểu, mà còn đều được thụ dụng. Đó gọi là “đại giảng

tòa”; những vị giáo thụ⁵⁸[6] hay giáo sư bình thường sẽ chẳng thể làm được. Do vậy, giảng đường trong Phật môn người đến chẳng cự tuyệt, người đi không giữ lại. Quý vị thông đạt quyền biến, hễ giảng sâu, phải quan tâm đến những kẻ trình độ nông cạn, xét coi họ có hiểu hay không? Nếu giảng nông cạn, cũng phải quan tâm đến những kẻ có trình độ cao; phương diện nào cũng phải xét đến. Vì thế, đức Phật có Thật và có Quyền, có thẳng, và có cong (nói phương tiện, vòng vo để từ từ hướng dẫn đến mục tiêu), dùng phương pháp dạy học thiên biến vạn hóa, có thể thích hợp các loại căn khí khác biệt. Nhưng kinh này không như vậy, nói thẳng thừng, thỏa đáng, chẳng nói phương tiện, chẳng nói loanh quanh, câu nào cũng giảng pháp chân thật, trực tiếp hướng dẫn quý vị trở về tự tánh. Quý vị phải biết: Vãng sanh Cực Lạc là trở về tự tánh. Trở về tự tánh là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, phương pháp hết sức đơn giản, ôn hòa, thích đáng, nhanh chóng, đạt đến rốt ráo viên mãn.

“Hựu nãi Thế Tôn xưng kỳ bốn tánh, hòa bàn thác xuất, hào vô bảo lưu, cố danh xưng tánh” (Lại nữa, Thế Tôn xưng hợp bốn tánh trao bày hết cả ra, chẳng có chút mảy may giấu diếm, nên gọi là Xưng Tánh). Mấy câu này nói rất hay, kinh Vô Lượng Thọ từ bản tánh của Thích Ca Như Lai tự nhiên lưu lộ, lại còn là viên mãn lưu lộ. Giống chúng ta tặng quà, dọn hết cả mâm ra, chẳng giữ lại mảy may nào, tuyên dương toàn bộ tự tánh. Những kinh điển đàm luận xưng tánh như vậy, giải bày trọn hết như thế không nhiều lắm! Vì thế, kinh này cực viên, cực đốn, nên gọi là xưng tánh. *“Nhất thiết hàm linh giai nhân thử nhi đắc độ thoát, nãi xưng tánh trung đẳng phong tạo cực chi đàm, cố vi Xưng Tánh Cực Đàm”* (Hết thảy hàm linh đều do đây mà được độ thoát, thật là bàn luận xưng tánh đến cùng tột, nên gọi là Xưng Tánh Cực Đàm). “Cực” (極) là đạt tới đỉnh điểm. Bởi lẽ, kinh Vô Lượng Thọ là chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm đàm luận xưng tánh, nhưng so với kinh Vô Lượng Thọ thì kinh Vô Lượng Thọ là *“xưng tánh cực đàm”*, đẳng phong tạo cực (đạt tới tột đỉnh). Đây cũng là nói rõ: Kinh Hoa Nghiêm bước vào Tịnh Độ mới thật sự viên mãn. Nếu chẳng do mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, kinh Hoa Nghiêm chẳng viên mãn. Vì sao? Hoa Nghiêm chỉ có thể độ bậc thượng thượng căn, đối với căn tánh thượng trung hạ sẽ chẳng khế cơ. Hễ dẫn về Cực Lạc, từ thượng thượng căn cho đến thượng trung hạ toàn bộ đều độ được, Hoa Nghiêm bèn viên mãn! Thượng trung hạ căn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn bộ đều biến thành thượng thượng căn, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta học pháp môn Tịnh Độ chớ nên không biết điều này! Quý vị biết những đạo lý và chân tướng sự thật này, mới có

⁵⁸ Giáo Thụ là cách người Hoa dịch chữ Professor, tức là các giáo sư trong trường Đại Học, và được chia thành nhiều cấp như Giảng Tòa Giáo Thụ (Chair Professor), Giáo Thụ (Professor), Phó Giáo Thụ (Associate Professor), Trợ Lý Giáo Thụ (Assistant Professor), Giảng Sư (Instructor). Còn chữ Giáo Sư chỉ chung các thầy giáo, nhất là trong các trường Tiểu Học, Trung Học, nhưng hầu như rất ít khi dùng chữ Giáo Sư mà thường gọi là Lão Sư.

thê chết sạch so đo, khăng khăng tu một môn này, chắc chắn thành tựu trong một đời này. Đối với thế giới này, đối với thiên đường, hay đối với mười pháp giới, chẳng còn có ý niệm tham luyến nữa! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tập 12

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin ngời xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang mười hai, dòng thứ nhất. “*Át, tam căn phổ bị, thánh phàm tề thâu*” (tiểu đoạn thứ hai là thích hợp khắp ba căn, thâu gồm thánh lẫn phàm). Chúng ta xem đoạn này, đây là đoạn thứ hai của phần Giáo Khởi Nhân Duyên.

“*Phù chúng sanh căn khí thiên sai vạn biệt, Thế Tôn có thuyết bát vạn tứ thiên pháp môn quảng ứng quần cơ*” (Chúng sanh căn khí ngàn muôn sai khác; do vậy, đức Thế Tôn nói tám vạn bốn ngàn pháp môn để thích ứng rộng rãi các căn cơ). Vừa mở đầu đã bảo chúng ta: Đức Phật thuyết pháp chẳng lìa Nhị Đế: Chân Đế là cảnh giới đức Phật đích thân chứng đắc, Tục Đế là do căn tánh của chúng sanh trong mười pháp giới khác nhau. Do vậy, Chân Đế là Nhất Phật thừa, Tục Đế có tám vạn bốn ngàn pháp môn. “*Tám vạn bốn ngàn*” cũng chẳng phải là một con số cố định, mà để hình dung rất nhiều, vô lượng vô biên pháp môn nhằm thích ứng các thứ căn cơ sai khác trong thế gian. “*Hoa Nghiêm Viên Giáo, chuyên tiếp thượng thượng căn nhân*” (Hoa Nghiêm là Viên Giáo, chuyên tiếp độ bậc thượng thượng căn): Bộ kinh Hoa Nghiêm giảng thật nhiều, thích ứng với căn cơ của chúng sanh, chứ không phải là chẳng hề thích ứng. Tuy ứng theo căn cơ để thuyết pháp, nhưng [kinh ấy] vẫn quy về tự tánh y như cũ. Vì thế, đối tượng giáo học của kinh ấy là bậc thượng thượng căn. Chúng ta cũng biết bộ kinh ấy do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng đầu tiên sau khi kiến tánh, giảng trong Định; vì thế, người Tiểu Thừa chẳng thừa nhận. Người Tiểu Thừa chỉ thừa nhận Tứ A Hàm⁵⁹[7] giảng ở Lộc Dã Uyển

⁵⁹[7] Tứ A Hàm (Āgama), còn phiên âm là A Hàm Mộ, hay A Cấp Ma, tương ứng với Nikāya trong hệ thống Phật giáo Nam Truyền. Tứ A Hàm trong Đại Tạng Kinh được dịch từ tiếng Bắc Phạn (Sanskrit), trong khi Nikāya chép bằng tiếng Nam Phạn (Pali). A Hàm có nghĩa là lần lượt lưu truyền. Du Già Sư Địa Luận quyển tám mươi lăm giảng: “*Bốn loại như thế, do thầy trò lần lượt truyền cho nhau đến nay; do đạo lý này, nên gọi là A Cấp Ma*”. Tứ A Hàm gồm bốn bộ Trường A Hàm Kinh (Dīrgha Āgama, hai mươi hai quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào thời Diêu Tần, tương ứng với bộ Dīgha Nikāya của Nam Tông), Trung A Hàm Kinh (Madhyama Āgama, sáu mươi quyển, do ngài Đàm Ma Nan Đề dịch vào thời Phù Tần, tương ứng với bộ Majjhima Nikāya của Nam Tông), Tạp A Hàm Kinh (Samyukta Āgama, năm mươi quyển, do ngài Cầu Na Bạt Đà La và Bảo Vân dịch vào đời Lưu Tống, tương ứng với Samyutta Nikāya của Nam Tông), Tăng Nhất A Hàm (Ekottara Āgama, năm mươi một quyển, do ngài Trúc Phật Niệm dịch, tương ứng với Anguttara Nikāya của Nam Tông).

(Mrigadava, Sārnātha), chứ [đức Phật giảng trong] Định đầu có ai thấy! Trong Định giảng cho ai? Cho bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, các vị ấy là thánh chúng, cũng là từ Sơ Trụ trở lên như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: Thập Trụ Bồ Tát, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, giảng cho bốn mươi một địa vị, họ đều là Phật, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Do vậy, đức Thế Tôn và chư Phật Như Lai đã nêu ra báo cáo. Giống như vào đời Đường, Lục Tổ Huệ Năng sau khi khai ngộ, đã hướng về hòa thượng Ngũ Tổ Nhân thừa bày, Ngài thừa trình rất đơn giản, chỉ có năm câu, còn Thích Ca Mâu Ni Phật báo cáo rất tỉ mỉ, nhưng cảnh giới hoàn toàn bình đẳng, chẳng có cao thấp.

Cảnh giới khai ngộ của Thích Ca và cảnh giới khai ngộ của Lục Tổ như nhau, sau khi khai ngộ, thật sự thích ứng rộng rãi mọi căn cơ, nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy. Phật Thích Ca ở Ấn Độ, căn tánh nơi ấy là căn tánh Phật, cho nên phải dùng thân Phật hòng [làm cho kẻ hữu duyên] đắc độ, Thích Ca Mâu Ni Phật bèn hiện thân Phật. Huệ Năng đại sư tại Trung Quốc, đối tượng thuyết pháp tại Trung Quốc thuở ấy là tỳ-kheo, đáng nên dùng thân tỳ-kheo để độ, liền hiện thân tỳ-kheo mà thuyết pháp. Nói theo ba mươi hai ứng thân⁶⁰[8] của Quán Thế Âm Bồ Tát, bất luận hiện thân gì cũng đều bình đẳng. Ngài là một vị Phật thật sự, chẳng phải là Phật giả. Đối tượng tiếp dẫn [của Lục Tổ] là bậc thượng thượng căn, [thánh chúng nếu] chẳng phải là bậc thượng thượng căn sẽ chẳng có phần. Từ Đàn Kinh chúng ta thấy: Huệ Năng đại sư trong một đời độ được bao nhiêu người? Bốn mươi ba người. Cũng có nghĩa là trong hội của Ngài, bốn mươi ba người đại triệt đại ngộ, có cảnh giới bình đẳng với Ngài. Đây là chuyện không tiền tuyệt hậu trong lịch sử Trung Quốc, trước Lục Tổ không có tình huống hưng thịnh như thế, mà sau Lục Tổ cũng chẳng thấy tình huống hưng thịnh ấy. Từ nay về sau, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật hãy còn chín ngàn năm nữa, có chuyện như vậy trong thời kỳ Mật Pháp hay không? Không có! Trước kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo tôi: Từ nay về sau, trong Thiên Tông chẳng còn bậc đại triệt đại ngộ, không còn có người căn tánh như thế! Trong Mật Tông, “tam mật tương ứng, tức thân thành Phật” cũng không có, chỉ có niệm Phật vãng sanh, thân cận A Di Đà Phật là hạng người đắc độ. Chỉ có pháp môn này thích hợp khắp ba căn, gồm thâm phàm lẫn thánh, mãi cho đến khi Phật pháp trong thế gian này bị tiêu diệt, cũng có nghĩa là nói [cho tới] khi pháp vận một vạn hai ngàn năm của đức Thế Tôn chấm dứt, pháp môn này luôn luôn hữu hiệu. Nói cách khác, từ nay về sau, chúng ta có thể đắc độ chỉ do một môn này; trừ một môn này ra, đúng là khó lắm, thật sự chẳng dễ dàng!

60[8] Thông thường nói là ba mươi ba ứng thân, ở đây, chỉ nói ba mươi hai tức là không kể thân Bồ Tát

Trong hội Hoa Nghiêm, “*trí huệ như Xá Lợi Phất, thần thông như Mục Kiền Liên, u Phật Thanh Văn đệ tử trung quân xung đệ nhất*” (trí huệ như Xá Lợi Phất, thần thông như Mục Kiền Liên, trong các đệ tử Thanh Văn của đức Phật, các Ngài đều được gọi là bậc nhất). Ngài Xá Lợi Phất là trí huệ đệ nhất, ngài Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất. “*Đản tại Hoa Nghiêm hội thượng, như manh, như lung, hưởng thị hạ u thử giả, cố vân hạ căn tuyệt phần*” (nhưng trong hội Hoa Nghiêm, các Ngài đều như mù, như điếc, hưởng hồ những kẻ kém hơn các Ngài. Vì thế, nói: “Kẻ hạ căn trọn chẳng có phần”). Như hai vị này, trí huệ, thần thông đều là đệ nhất, nhưng trong hội Hoa Nghiêm, các Ngài nghe không hiểu, mà cũng chẳng thấy. Phàm là người tham gia pháp hội Hoa Nghiêm, từ kinh điển chúng ta thấy, ngoài hàng Bồ Tát ra, có Thanh Văn hay không? Có chứ! Cũng có Duyên Giác, còn có thiên thần, thậm chí còn có nhiều vị thần trong thế gian này đều tham gia. Họ là lục đạo phàm phu, vì sao có thể tham gia? Ở đây, kinh đã ban cho chúng ta một khái thị rất lớn, nói rõ nơi này (thế giới Sa Bà) là cõi Phàm Thánh Đồng Cư; có nhiều phàm phu trên thực tế là Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trong lục đạo, chẳng phải là phàm phu thật sự. Thần cây, thần núi, thần sông, địa thần, địa thần là thổ địa thần, cũng hiện diện trong hội Hoa Nghiêm, đó là gì? Những vị thần ấy toàn là Pháp Thân đại sĩ, Pháp Thân Bồ Tát, là bậc thượng thượng căn thị hiện trong ấy. Do vậy, có thể biết: Chúng sanh càng có khổ nạn, chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này càng nhiều, nhưng lũ phàm phu mắt thịt chúng ta chẳng nhận biết! Nếu trong nhân gian không có Phật, Bồ Tát nhiều như thế, đại địa đã sớm chìm lìm mất rồi. Chúng ta nương nhờ phước của các Ngài, các Ngài đang âm thầm giúp đỡ chúng ta, nhưng chúng ta không biết. Nếu chúng ta có thể hồi tâm hướng thiện, y giáo phụng hành, không chỉ chính mình đắc độ, mà còn có thể giúp đỡ địa cầu, và cũng có thể giúp hóa giải tai nạn trong xã hội này. Tuy chưa thể hóa giải hoàn toàn, nhưng tai nạn giảm khinh, rút ngắn thời gian [tai nạn], khẳng định sẽ có thể thu được hiệu quả. Sau khi chúng ta thâm nhập kinh tạng, quý vị sẽ thấy rõ ràng, minh bạch chuyện này. Ở đây, cụ Niệm Tổ cho chúng ta biết: Nếu chẳng giống như Mục Kiền Liên hay Xá Lợi Phất, đương nhiên trọn chẳng có phần nơi pháp môn [Hoa Nghiêm] này.

“*Chí u Tiểu Thi chư giáo, nãi tiếp quyền tiểu chi cơ*” (Còn như các giáo pháp Tiểu Giáo và Thi Giáo nhằm tiếp dẫn căn cơ quyền tiểu). Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên là Hoa Nghiêm ngũ giáo. So với cách tổ chức nhà trường thì Tiểu Giáo như Tiểu Học, Thi Giáo là Trung Học. Tiểu Giáo thật sự là Tiểu Thừa, Thi Giáo là khởi đầu của Đại Thừa, Chung Giáo là Đại Thừa viên mãn. Trong đây cũng có rất nhiều tầng lớp: Năm mươi một tầng cấp Bồ Tát. Chung Giáo là kết cục của Đại Thừa, là tầng cao nhất. Cao hơn nữa là căn tánh đặc biệt, chẳng phải căn tánh bình thường, mà là đốn căn hay viên căn. Tiểu, Thi, Chung là [các giáo pháp theo đường lối] thông thường; chúng ta nói là “thượng, trung, hạ ba thừa”. Vì thế, các giáo pháp Tiểu Giáo và Thi Giáo nhằm tiếp dẫn các căn cơ quyền tiểu. “*Đối u thượng căn, tắc hữu giáo thiên cơ thâm chi thất, diệc bất ứng cơ*” (đối với

thượng căn, sẽ phạm lỗi giáo pháp nông cạn mà căn cơ sâu xa, cũng chẳng phù hợp căn cơ): So với thượng căn, Tiểu Giáo và Thi Giáo quá nông cạn, căn khí của bậc thượngthượng căn quả thật là căn sâu, tâm lớn, lượng lớn; vì thế, [Tiểu Giáo và Thi Giáo] cũng không ứng hợp căn cơ. Đây là nói về kinh Hoa Nghiêm. “*Duy bốn kinh chi trì danh niệm Phật pháp môn, thánh phàm tề thâu, lợi độn tất bị*” (chỉ có pháp môn trì danh Niệm Phật trong kinh này gồm thâu thánh lẫn phàm, lợi căn lẫn độn căn đều thích hợp). Đó là so sánh giữa kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ dùng phương pháp trì danh niệm Phật, dễ hơn!

Kinh Hoa Nghiêm tu gì? Tu Chỉ Quán. Trước đây, chúng ta từng học Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, cách tu trong ấy như thế nào? Ngũ Chỉ Lục Quán⁶¹[9], Tiểu Giáo và Thi Giáo chẳng thể tiếp nhận! Nói cách khác, những pháp đó dành cho người thượng thượng căn học. Họ học Hoa Nghiêm mới thụ dụng được. Chẳng phải là người có căn tánh như vậy mà học kinh Hoa Nghiêm thì chỉ là học văn tự, không thể thụ dụng. Học kinh Hoa Nghiêm mà thật sự thụ dụng, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thuộc vào cõi Phàm Thánh, cũng chẳng thuộc cõi Hữu Dur, trực tiếp sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, khác hẳn! Đối với phương pháp trì danh niệm Phật, bậc thánh nhân như Văn Thù, Phổ Hiền là thánh nhân, Quán Âm, Thế Chí là thánh nhân, đại thánh; phàm phu như bà già, ông lão chẳng biết chữ, nhưng tin tưởng, thật sự hành, khi lâm chung cũng có thể vãng sanh, [đó là] gồm thâu cả thánh lẫn phàm. “*Lợi căn*” là thượng thượng căn, “*độn căn*” là trung hạ căn; [đối với căn cơ nào], pháp môn này cũng đều thích hợp. Vì thế, trong chín ngàn năm của thời Mạt Pháp, hết thầy chúng sanh đắc độ phải trông cậy vào bộ kinh này, nương theo pháp môn này. Thật sự chết sạch so đo, khẳng khái tu pháp môn này, không một ai chẳng thành tựu, Thiện Đạo đại sư bảo: “*Vạn người tu, vạn người về*”.

“*Triệt thượng*” là nêu ví dụ để nói thì trên là “*tắc như Phổ Hiền, Văn Thù*” (như Phổ Hiền, Văn Thù), đây là hai vị đại Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Phong nền sau lưng chúng tôi là hình Hoa Nghiêm Tam Thánh, chính giữa là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, hai bên là Văn Thù và Phổ Hiền Bồ Tát. Các đồng học học Phật đều biết: Văn Thù trí huệ đệ

⁶¹[9] Ngũ Chỉ là chiếu pháp thanh hư ly duyên chỉ, quán nhân tịch phạ tuyệt dục chỉ, tánh khởi phồn hưng nhĩ chỉ, định quang hiển hiện vô niệm chỉ, Sự Lý huyền thông phi tướng chỉ. Lục Quán là: Nhiếp cảnh quy tâm chân không quán, tòng tâm hiện cảnh diệu hữu quán, tâm cảnh bí mật viên dung quán, trí thân ảnh hiện chúng duyên quán, đa thân nhập nhất cảnh tượng quán, và chủ bản hõ hiện đế vông quán.

Nếu muốn biết chi tiết các phép Chỉ và Quán này, xin xem bộ Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán do hòa thượng đã giảng.

nhất trong hàng Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát là vị tu hành đệ nhất giữa các Bồ Tát. Một vị là giải môn đệ nhất, một vị là hạnh môn đệ nhất. Nếu nói theo cách hiện thời, Phổ Hiền Bồ Tát thật sự làm, làm thật sự triệt để, thật sự viên mãn. Vì thế, hễ nói tới tu hành, hết thấy các vị Bồ Tát đều tôn Phổ Hiền đứng đầu, không ai chẳng tán thán. Hai vị này “*thượng phát nguyện cầu sanh Cực Lạc*” (còn phát nguyện cầu sanh Cực Lạc); ở đây, sách đã dẫn bài kệ phát nguyện của các Ngài. Trong quyển thứ ba mươi chín của bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm, “*Phổ Hiền kệ vân: Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời, tận trừ nhất thiết chư chướng ngại, diệt kiến bỉ Phật A Di Đà, tức đắc vãng sanh An Lạc sát*” (ngài Phổ Hiền có bài kệ rằng: “Nguyện khi tôi sắp mạng chung, trừ sạch hết thấy các chướng ngại, gặp mặt đức Phật A Di Đà, liền được vãng sanh cõi An Lạc”). “*An Lạc sát*” là Tây Phương Tịnh Độ. Bài kệ của ngài Văn Thù có ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Bài kệ do Văn Thù Bồ Tát nói [mỗi câu] gồm năm chữ: “*Nguyện ngã mạng chung thời, diệt trừ chư chướng ngại, diệt kiến A Di Đà, vãng sanh An Lạc sát*” (Nguyện khi tôi mạng chung, diệt trừ các chướng ngại, gặp mặt A Di Đà, vãng sanh cõi An Lạc). Trong phần trước, tôi đã từng thưa bày cùng quý vị, tôi tiếp nhận pháp môn Tịnh Độ, chết sạch so đo, một mục niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ là do đọc hai bài kệ này!

Chuyện này đã xưa lắm rồi. Thuở trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, có lúc nọ, nghĩ Văn Thù và Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Bèn tra duyệt kinh về chuyện này, mới biết Văn Thù và Phổ Hiền niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thiện Tài là môn sinh đặc ý, là đệ tử truyền pháp của Văn Thù, làm sao có thể khác thầy cho được? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Xem kỹ năm mươi ba lần tham học, khi ấy năm mươi ba lần tham học đã giảng được phân nửa, một mục giảng theo kiểu nuốt trọn quả táo, người ta hỏi tôi Thiện Tài đồng tử học gì, tôi đáp không được. Tôi nghĩ dường như môn nào Ngài cũng đều học. Ngài là một bậc đại thông gia, học rộng nghe nhiều, thật ra, chẳng phải vậy! Quay trở lại, đọc cẩn thận lần nữa, [mới biết] Thiện Tài đồng tử tu trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, giống như thầy Ngài. Nói như bây giờ, Ngài đã tốt nghiệp từ giảng tòa của thầy, tốt nghiệp là gì? Đắc Căn Bản Trí sẽ gọi là tốt nghiệp. Căn Bản Trí là gì? Thiên Tông gọi nó là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Khi ấy, địa vị của Ngài là Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo [như trong] kinh Hoa Nghiêm [đã dạy], Ngài chứng đến địa vị này. Thầy nói: “Được rồi, người chẳng cần phải trụ tại đây nữa, hãy đi ra ngoài tham học”. Cũng có nghĩa là trong hội Văn Thù, Ngài đã làm được chuyện này. Hai nguyện đầu trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*” là đại Bồ Đề tâm, Ngài đã phát, đó là Đại Thừa, đã phát đại Bồ Đề tâm. “*Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*”, Ngài đã đoạn, đoạn hết Kiến Tư phiền não, đã đoạn Trần Sa phiền não, đã đoạn Vô Minh phiền não, đã thực hiện viên mãn hai điều này. Sau khi viên mãn, bèn làm như thế nào? Nguyện thứ ba: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Năm mươi ba lần tham học chính là “*pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”.

Bản thân Ngài học pháp môn gì? Chính Ngài học Tịnh Độ. Thông tin này do đâu mà có? Nhìn vào năm mươi ba lần tham học của Ngài, quý vị thấy vị thiện tri thức thứ nhất là Sơ Trụ Bồ Tát. Nếu chính Ngài chưa chứng đắc Sơ Trụ, sẽ chẳng thể tham học với bậc Sơ Trụ. Thầy Ngài giới thiệu: “Người hãy đến tham học với tỳ-kheo Cát Tường Vân, người hướng về Ngài tinh giáo”. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội, còn gọi là Phật Lập tam-muội, cũng là pháp tu hành thù thắng bậc nhất trong Tịnh Độ. Mỗi kỳ tu học trong pháp môn này là chín mươi ngày, trong chín mươi ngày chớ nên ngủ nghỉ, chẳng được ngồi, chỉ được phép đứng hay đi, cho nên gọi là Phật Lập tam-muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc. Mỗi kỳ là chín mươi ngày, thân chẳng khỏe mạnh sẽ không thể tu được. Tuổi tác đã cao sẽ chẳng có cách nào tu pháp môn này; nói chung phải là người tuổi trẻ, có thể lực. Khá ư là khó khăn! Ngài thân cận tỳ-kheo Cát Tường Vân; tỳ-kheo Cát Tường Vân khai thị, giảng giải hai mươi một pháp môn Niệm Phật. “*Hai mươi một*” chẳng phải là con số, mà là viên mãn, đại viên mãn, Mật Tông nói như vậy. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm, Hiền lẫn Mật thầy đều có; Hiền, Mật, Tông, Giáo thầy đều được gộp trong ấy. Hai mươi một loại pháp môn Niệm Phật ấy nếu triển khai sẽ là vô lượng pháp môn do mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai đã nói. Có pháp môn nào chẳng phải là Niệm Phật? Môn nào cũng đều là! Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất*” (một chính là hết thầy, hết thầy chính là một), mới biết pháp môn Niệm Phật thù thắng. Quý vị thấy vừa mở đầu đã nói với quý vị điều này. Trung Quốc lẫn Ấn Độ đều có khái niệm giống như thế, gọi là “*tiên nhập vi chủ*” (môn gì được tiếp xúc đầu tiên sẽ là chủ yếu). Đầu tiên là học pháp môn Niệm Phật. Chúng ta lại nhìn tới vị cuối cùng, tức vị thứ năm mươi ba, vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát, càng nói rõ rệt hơn: Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị thấy Thiện Tài [tham học với các thiện tri thức], một vị đầu tiên, một vị cuối cùng, từ đầu đến cuối là một môn, thâm nhập một môn. Vì sao phải đi tham học? Tham học nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Vì sao? Nếu quý vị hành Bồ Tát đạo, phải rộng độ chúng sanh. Căn tánh của chúng sanh thiên sai vạn biệt, pháp môn gì quý vị đều biết, chẳng thể không biết, thì quý vị mới có thể độ hết thầy chúng sanh. Vì thế, tham học nhằm để tiếp dẫn chúng sanh có căn tánh bất đồng, chẳng phải vì chính mình! Vì chính mình thì một câu A Di Đà Phật bèn minh tâm kiến tánh, đã thành Phật rồi. Biểu diễn cho chúng ta xem mà!

Do vậy, trong quá khứ, khi giảng học, tôi thường khuyên lơn, khích lệ các đồng học, đối với Tứ Hoằng Thệ Nguyện, trong thế gian này chúng ta chỉ học hai nguyện đầu, hai nguyện sau chúng ta chưa làm được. Chúng ta chỉ học hai nguyện trước, hai nguyện sau đến thế giới Cực Lạc mới viên mãn, đến thế giới Cực Lạc học rộng nghe nhiều. Chưa tới thế giới Cực Lạc, ta cứ thâm nhập một môn. Ta nhờ vào một môn để ổn thỏa, thích đáng giữ lấy thế giới Cực Lạc; sau khi thân cận A Di Đà Phật mới bèn học rộng nghe nhiều.

Hiện thời đừng nên làm [như vậy]; nếu trong hiện tại mà học rộng nghe nhiều, quý vị sẽ tự khiến chính mình bị lỡ làng! Nếu quý vị phân tâm, tinh thần, tinh lực, và thời gian sẽ chẳng đủ dùng. Điều thứ hai là quý vị đã bị phân tâm, chẳng thể tập trung tinh thần, ý chí; nói cách khác, một môn vẫn chưa học tốt đẹp, đáng tiếc lắm! Chẳng thà trong một đời này, chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu, chính mình quyết định có thành tựu, đến thế giới Cực Lạc rồi mới học rộng nghe nhiều, ổn thỏa, thích đáng, phương pháp này tốt đẹp lắm! Hãy học theo Liên Trì đại sư, Ngài đã nói hai câu rất tuyệt diệu: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ*” (Tam Tạng mười hai bộ loại, nhường cho người khác ngộ). Ta không làm, nhường cho người khác làm. “*Bát vạn tứ thiên môn, diệc nhượng cấp biệt nhân hành*” (tám vạn bốn ngàn pháp môn cũng dành cho người khác hành), chính chúng ta chỉ đi theo một con đường. Trong một đời này, chỉ theo một con đường, một phương hướng, một mục tiêu, chết sạch so đo, khăng khăng chấp trì danh hiệu, cầu sanh Tịnh Độ; đây là đúng, sẽ thành công. Cần gì phải chuốc lấy lắm nỗi phiền phức như thế? Khiến cho cái tâm được định, tự tư, tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn thảy đều buông xuống. Phải biết những thứ ấy chướng đạo; không chỉ chướng ngại quý vị chứng quả, mà còn chướng ngại quý vị khai ngộ, cũng như chướng ngại quý vị vãng sanh. Không buông những thứ ấy xuống, quý vị sẽ bị thiệt thòi to lớn. Chúng ta học Phật, nếu muốn thành tựu trong một đời này, quyết định phải biết điều này. Phải học theo Văn Thù, học theo Phổ Hiền, quý vị thấy những vị Bồ Tát này: Văn Thù Bồ Tát là thầy của bảy vị Phật, học trò đều thành Phật cả rồi. Học trò của Địa Tạng Bồ Tát lão nhân gia thành Phật chẳng thể đếm xiết. Trong pháp hội tại Đạo Lợi thiên cung, chúng ta thấy: Chư Phật đến từ mười phương đều là học trò của Ngài. Điều này đã tạo lòng tin cho chúng ta.

“*Hữu như bốn kinh vân*” (lại như kinh này nói), tức là trong phẩm cuối cùng, trong đoạn kinh văn cuối cùng của kinh Vô Lượng Thọ đã chép: “*Phật cáo Di Lặc, ở thế giới này*” (đức Phật bảo ngài Di Lặc: Trong thế giới này), “*thế giới này*” là thế giới Sa Bà, chẳng phải là địa cầu, mà là thế giới Sa Bà, “*hữu thất bách nhị thập ức Bồ Tát, dĩ tăng cúng dường vô số chư Phật, thực chứng đức bốn, đương sanh bỉ quốc*” (có bảy trăm hai mươi ức Bồ Tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, gieo các cội đức, sẽ sanh về nước ấy). Đây là nói về thế giới Sa Bà, là khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật trong hiện tại. Hiện thời, trên địa cầu mới có sáu mươi bảy ức, chưa đến bảy mươi ức, [chỉ là] sáu mươi bảy ức. Quý vị thấy [kinh chép] “*bảy trăm hai mươi ức Bồ Tát*” thuộc thế giới Sa Bà, đây cũng là nói tới lực đạo và mười pháp giới thuộc khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong khu vực giáo hóa này, trong giai đoạn pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, trong tương lai có bảy trăm hai mươi ức người niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta có thuộc trong số đó hay không? Tùy thuộc chính mình. Nếu chính mình thật sự tin tưởng, nguyện thiết tha, sẽ thành công trong một đời này, chẳng cần đợi đến đời sau, mà thành tựu ngay trong một đời này. Bồ Tát cúng

đường Phật thành tựu thiện căn, chúng ta phải học theo, chớ nên phớt lờ lời giáo huấn của đức Thế Tôn. Các đồng học học Tịnh Độ dùng gì để cúng dường chư Phật? Chữ “*chư Phật*” chỉ những ai? Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã bảo chúng ta: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Quá khứ Phật là những người đã thành Phật, chẳng có cách nào tính toán con số ấy; hiện tại Phật là mười phương thế giới chư Phật, mỗi thế giới có một vị Phật, thế giới vô lượng vô biên vô tận vô số. Chúng ta đọc phẩm Thế Giới Thành Tựu và phẩm Hoa Tạng Thế Giới của kinh Hoa Nghiêm, thấy kinh nói rất nhiều, rất rõ ràng, đó là hiện tại Phật; còn vị lai Phật thì sao? Vị lai Phật là hết thấy chúng sanh. Hết thấy chúng sanh trong tương lai sẽ đều thành Phật, những loài bay, bò, ngựa, ruồi nhặng, kiến đều có thể thành Phật, chớ nên khinh dễ chúng! Chúng rất thông minh, có linh tánh, người học Phật phải xem chúng như Bồ Tát (đều tôn trọng chúng), chúng sẽ vô cùng hợp tác với chúng ta. Trong mười mấy năm gần đây nhất, chúng tôi có thể trò chuyện, trao đổi với các tiểu động vật: Chúng ta cùng chung sống, chẳng tổn hại lẫn nhau, thật sự có thể đối xử hòa thuận với nhau, đối đãi bình đẳng, đây là cúng dường.

Trong cúng dường, quan trọng nhất là cúng dường bằng cách y giáo phụng hành, chúng ta thật sự tu tập, nêu gương cho chúng sanh, họ thấy, họ cũng nghe, hiểu, chúng ta tu tập, chúng sanh cũng cùng tu với chúng ta. Ngay cả những loài tiểu động vật bay, bò, ngựa cũng không phải là ngoại lệ, chúng đều có linh tri. Đứng trên phương diện tâm thức của chúng ta để nói, chúng nó cũng Thọ, Tướng, Hành, Thức, phải đối xử tốt đẹp với chúng. Chúng ta gọi chúng nó là Bồ Tát, gọi chúng nó là Bồ Tát kiến, kiến sẽ rất vui vẻ, bảo: “Con người rất tôn trọng chúng ta, gọi chúng ta là Bồ Tát”. Chúng nó có thể hiểu, chứ chẳng phải không hiểu. Chúng ta làm việc ở nơi đây, chúng nó nhiễu loạn chúng ta, chúng ta mời chúng nó rời khỏi, đừng trở ngại chúng ta làm việc, chúng nó bèn bỏ đi, rất nghe lời. Kiến đều bỏ đi hết, còn có hai ba con. Có sao hai ba con bò tới bò lui trên bàn Phật, vì sao chúng không đi? Ban đêm có một pháp sư nhỏ tuổi năm mộng, được kiến nói cho biết: Chúng nó đang tuần tra, xem còn có con nào chẳng đi. Kiến nói chúng nó có nhiệm vụ, hình như bốn con kiến tuần tra. Vì thế, chúng ta chớ nên trách lầm chúng. Về sau, chúng tôi đều biết, kiến thấy đều đi hết, còn có mấy con [ở lại để] tuần tra. Như vậy là các tiểu động vật có tánh thông linh. Không chỉ động vật, mà thực vật cũng chẳng phải là ngoại lệ. Cây cối, hoa, cỏ, chúng ta trồng nhiều rau trong vườn, chúng đều thông suốt, thông hiểu tình cảm của con người.

Do vậy, phạm vi của bảy trăm hai mươi ức Bồ Tát rất rộng, đó là những kẻ có duyên với Phật, thiện căn sâu dày. Thiện căn sâu dày ấy do đâu mà có? Do rộng tu cúng dường. Phổ Hiền Bồ Tát chỉ dạy chúng ta: “*Lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu cúng dường, sám trừ nghiệp chướng*”, quý vị thực hiện tốt đẹp bốn khoa này, nghiêm túc thực hiện, sẽ thành tựu thiện căn, “*thực chúng đức bốn*” (gieo trồng các cội đức). Lễ tiết rất

trọng yếu, không thể phớt lờ. Lễ phép với người khác, người ta sẽ vui vẻ. Người khác lễ phép đối với ta, ta cũng rất vui vẻ. Bởi lẽ, con người có cùng một tâm này, tâm cùng một Lý này. Đầu tiên là “*lễ kính chư Phật*”, từ nội tâm phát sanh tâm cung kính, quan trọng nhất là [cung kính] đối với ai? Đối với vị lai Phật, tức là đối với hết thảy chúng sanh, phải có tâm cung kính, chớ nên coi rẻ, quý vị khinh mạn là trật rồi! Chẳng tôn trọng người khác là chuyện nhỏ, tổn hại đức hạnh của chính mình [là chuyện lớn], Tánh Đức của chính mình chưa thể hiện tiền, sanh ra chướng ngại. Đó là ngạo mạn, cuồng vọng, tự đại, gây chướng ngại cho Tánh Đức và thiện căn của chính mình. Do vậy, đầu tiên, đức Phật phải dạy chúng ta chuyện này. Nho gia cũng giống như vậy. Quý vị đọc Lễ Ký, vừa mở sách ra, mở đầu là: “*Khúc Lễ*62[10] viết: *Vô bất kính*” (Khúc Lễ chép: “Không gì chẳng kính”), có cùng một ý nghĩa với “*lễ kính chư Phật*”. Kinh Mân Côi63[11] của đạo Thiên Chúa là khóa tụng sớm tối của họ, tôi đã từng giảng [kinh này], đĩa CD/DVD [ghi lời giảng] của tôi được lưu thông trong đạo Thiên Chúa. Đoạn thứ nhất [của kinh ấy] nói về sự khiêm tốn, nhún nhường, Thánh Mẫu Maria khiêm nhường. Mẹ chúa Jesus đối với hết thảy mọi người đều khiêm hạ, nhún nhường, cung kính, Đức Bà đã nêu gương tốt. Tám gương của Đức Bà chính là “*lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai*” như trong Phật pháp đã nói, chúng ta phải học theo Ngài. Cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc dạy chúng ta hãy “*ẩn ác, dương thiện*” (ẩn giấu điều ác, đề cao điều lành). Người khác có chuyện gì tốt đẹp chúng ta phải tán dương, phải ca ngợi. Người khác phạm lỗi làm gì, trọn chẳng nói tới, quyết định chớ nên ghim trong lòng; đó gọi là “tu hành, học Phật”. Vì sao? Chúng ta học Phật rốt cuộc là học gì? Tịnh Độ tu gì vậy? Tựa đề của kinh đã nêu ra

62[10] *Khúc Lễ là một bộ phận của sách Lễ Ký, chuyên giảng về những lễ tiết nhỏ nhặt nhưng quan trọng trong cuộc sống*

63[11] *Đúng ra phải đọc là Mai Côi (玫瑰: hoa hồng), nhưng thường bị đọc trại thành Mân Côi, Văn Côi, Môi Côi, Mai Khôi, hay Môi Khôi trong tiếng Việt. Bản kinh này vốn có tên bằng tiếng Latin là Rosarium, có nghĩa là “vườn hồng” hay “tràng hoa hồng” nhằm vinh danh Đức Mẹ Maria. Thuật ngữ này cũng dùng để chỉ chuỗi hạt thường được dùng trong khi cầu kinh của Công Giáo. Thông thường, người Công Giáo tin bản kinh này và chuỗi Mân Côi do chính Đức Mẹ truyền cho thánh Dominic (Domingo, thánh Đa Minh) vào năm 1214. Khi thực hành, tín hữu Công Giáo đọc kinh này ra tiếng hay đọc thầm theo trình tự: Một kinh Lạy Cha (Pater Noster), sau đó là mười kinh Kính Mừng (Ave Maria), và kết thúc bằng một kinh Sáng Danh (Gloria Patri), mỗi trình tự như thế gọi là một “mầu nhiệm” (Mysteria, hay còn dịch là suy niệm), được hiểu là một bộ mười kinh. Một “mầu nhiệm” còn được gọi là một “sự”, tương ứng với một sự kiện về cuộc đời chúa Jesus và Đức Mẹ theo kinh Tân Ước. Đến thế kỷ 16, kinh Mân Côi đã bao gồm mười lăm “mầu nhiệm”, được chia làm ba nhóm: Mầu nhiệm năm sự vui (Mysteria Gaudiosa), mầu nhiệm năm sự thương (Mysteria Dolorosa), mầu nhiệm năm sự mừng (Mysteria Gloriosa). Tất cả hầu như không có gì thay đổi cho đến năm 2002, Giáo Hoàng Gioan Phao Lồ đệ nhị (John Paul II) công bố thêm năm “mầu nhiệm” mới, đó là “mầu nhiệm năm sự sáng” (Mysteria Luminosa). Do vậy, kinh Mân Côi hiện thời có hai mươi “mầu nhiệm”*

cương lĩnh tu học cho chúng ta: Tu tâm thanh tịnh. Trong tựa đề của kinh có “*thanh tịnh bình đẳng giác*”, đây là tổng cương lĩnh tu học của Tịnh Tông. Chúng ta thường muốn ghim khuyết điểm của người khác trong lòng, biến cái tâm của chính mình thành thùng rác cho người khác, làm sao quý vị có thể đạt được thanh tịnh? Nếu quý vị đạt được tâm thanh tịnh thì tâm thanh tịnh là Sự nhất tâm bất loạn, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thuộc cõi Đồng Cư, mà sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, phẩm vị được nâng cao với một mức độ to lớn. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, thông hiểu chân tướng sự thật này, có còn ghim những sai quấy của người khác trong tâm mình nữa chăng? [Ghi nhớ lỗi lầm của người khác sẽ] bị thiệt thòi to lớn, tạo thành lỗi lầm to lớn. Thường nghĩ tới khuyết điểm của người khác, dẫu quý vị có thể vãng sanh, chỉ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, phẩm vị chẳng cao!

Vì thế, các Tịnh Tông đồng học chúng ta hiểu rõ rồi, quyết định chẳng làm chuyện ngốc nghếch. Ai nấy đều biết ân ác dương thiện, kẻ làm ác có lương tri sẽ nghĩ: “Ta làm ác, người khác đều tha thứ, cũng không đả động tới ta! Ta làm một tí chuyện tốt, họ đều tán dương”, từ từ đánh thức lương tâm của kẻ ấy, hấn bèn sửa đổi, quý vị đã giúp cho một người “quay đầu là bờ”. Chúng ta hãy cẩn thận quan sát dụng tâm của chư Phật, Bồ Tát, sẽ dần dần hiểu rõ, muốn học tập Phật. Thật ra, đối với những kẻ làm nhiều chuyện lầm lỗi, chúng ta gặp họ, dùng tâm thái gì để đối đãi họ? Nếu dùng tâm thái của Phật, cảnh giới của chúng ta sẽ được nâng cao. Bởi lẽ, những người ấy làm lành hay làm ác cũng đều là thiện tri thức của chúng ta, đều có thể giúp cho chúng ta tiến bộ hơn. Nho gia nói: “*Tam nhân hành, tất hữu ngã sư*” (Ba người cùng đi, ắt có người là thầy ta). Ba người ấy là ai vậy? Chính mình là một, còn một người lành, một kẻ ác, hai người ấy đều là thầy của ta. Ta trông thấy người lành, nghĩ ngợi: Người ta có thiện hạnh, ta có hay không? Nếu ta không có, hãy học tập theo người ấy; nếu đã có thì phải gìn giữ. Kẻ làm ác cũng là thầy của ta, ta trông thấy, hãy suy nghĩ ta có phạm lỗi lầm ấy hay chăng. Hễ có, bèn sửa đổi; nếu không, hãy càng thêm gắng sức. Kẻ làm ác còn có ích cho chúng ta hơn người làm lành, vì sao? Trong khi tu sám hối, chư vị sẽ thấy: Ta tìm không được khuyết điểm của chính mình, dường như chính mình chẳng có khuyết điểm nào, thấy người khác toàn là khuyết điểm, chẳng thấy mình có một khuyết điểm nào hết!

Quý vị có thể phát hiện khuyết điểm của chính mình như thế nào? Thấy khuyết điểm của người khác, hãy hồi quang phản chiếu xem ta có [khuyết điểm ấy] hay không, sẽ tìm ra. Đó là đại ân nhân, chân thiện tri thức của chính mình. Người ấy giúp quý vị sửa đổi, quý vị có thể nào chẳng cảm ơn người ấy hay chăng? Quý vị còn nói những điều sai quấy của kẻ ấy, đó là vong ân phụ nghĩa! Hãy cảm kích, tri ân, báo ân người ấy, thường hồi hướng công đức tu học của chính mình cho người ấy. Nếu không có người ấy, làm sao ta có thể tiến cao hơn? Nếu không do người ấy, làm sao biết chính mình còn có khuyết điểm? Do vậy, trong Đản Kinh, Lục Tổ đã nói rất hay: “*Nếu người thật sự tu đạo, chẳng*

thấy lỗi người khác”. Không có lỗi! Giống như diễn tuồng, người ấy đóng vai phản diện, nhằm nhắc nhở ta, đâu phải là người ấy thật sự có khuyết điểm! Chúng ta đối đãi với người ấy như Bồ Tát, người ấy không có khuyết điểm. Hành vi của người ấy đã giúp đỡ ta, khiến cho ta phát hiện lỗi lầm của chính mình. Chúng ta dùng tâm thái này, đó là Bồ Tát tâm, là Bồ Đề tâm. Tổ sư đại đức bảo kẻ quên mất Bồ Đề tâm, dẫu tu hết thầy thiện pháp vẫn gọi là ma, chẳng phải là Phật. Chắc chắn Phật chẳng thể rời khỏi Bồ Đề tâm, chúng ta phải học tập điều này, thời thời khắc khắc đừng quên gieo trồng các cội đức.

“*Triệt hạ, tắc Quán Kinh trung, Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung đắc ngộ thiện hữu giáo dĩ niệm Phật, thập niệm thành công, diệt sanh bỉ quốc*” (Thấu dưới là như trong Quán Kinh, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung gặp được bạn lành dạy niệm Phật, mười niệm thành công, cũng sanh về cõi ấy). Chuyện này là thật! Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện đã ghi chép [những sự tích của] cổ nhân. Nếu chúng ta hơi lưu ý, [sẽ thấy] trong hiện tại cũng có! Chính chúng tôi mắt thấy, tai nghe. Trước kia, tôi ở Hoa Phủ của nước Mỹ, tức Washington DC, có một Hoa kiều, tức là người Trung Quốc, đó là ông Châu Quảng Đại. Người này chẳng phải là Ngũ Nghịch, Thập Ác, mà là người tốt, thiện nhân, nhưng cả đời chẳng tin tôn giáo, tôn giáo nào cũng không tin. Người này tâm địa thiện lương, rất tốt bụng. Ông ta bị ung thư, khi sắp mất, nhà thương đã ngừng trị liệu, bảo thân nhân đưa về nhà. Khi ấy, người nhà đi khắp nơi cầu thần, bái Phật, xem có kỳ tích nào xuất hiện hay không. Đó gọi là “gặp chuyện bèn ôm chân Phật”, tìm được hội Phật giáo của chúng tôi. Khi ấy, ở Hoa Phủ có hội Phật giáo mang tên là Hoa Phủ Phật Giáo Hội, thành lập chưa được bao lâu, do mấy đồng học Tịnh Độ thành lập một hội như vậy, mời tôi làm hội trưởng. Tôi quen biết với lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ở nơi ấy. Có mấy đồng tu đến trợ niệm cho ông ta, nhìn bộ dạng của ông ta đúng là bó tay, bèn khuyên nhủ, hướng dẫn, nói đời người khổ sở, cần gì phải lưu luyến, hãy buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, giảng giải và giới thiệu thế giới Cực Lạc cho ông ta nghe. Người này có thiện căn, thiện căn ấy chính là thiện căn trong đời quá khứ, nhưng trong một đời này, ông ta chưa gặp thiện duyên, đến lúc ấy mới gặp gỡ. Ông ta nghe xong bèn vui vẻ, tiếp nhận, bảo người nhà: Đừng đến khắp nơi tìm cách trị liệu cho ông ta nữa, không cần! Cả nhà hãy giúp ông ta niệm Phật cầu vãng sanh. Căn bệnh của ông ta đau đớn lắm, nhưng ý niệm vừa chuyển, chẳng còn đau đớn nữa, chẳng còn đau khổ nữa, vui vẻ cùng niệm Phật với mọi người, ba ngày bèn ra đi. Đúng như kinh đã dạy: “*Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật*” (Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày). Chẳng sai! Niệm ba ngày ba đêm ông ta bèn ra đi. Khi mất có tướng lành, toàn thân mềm mại. Khi hỏa táng có xá-lợi. Đây là một người chẳng tin tưởng tôn giáo, lâm chung gặp thiện hữu bèn thành công. Dẫu đã tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, có thể cứu được hay không? Có thể cứu được! Trong phần sau của bốn mươi tám nguyện, có một câu: Nếu kẻ ấy chẳng tin, sẽ không thể cứu! Kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, khi lâm chung có tín tâm và nguyện tâm kiên định, vẫn có thể cứu được! Như

Ngẫu Ích đại sư đã nói: “Điều kiện quan trọng nhất để có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không là do có tín nguyện hay không. Thật sự có tín nguyện, chắc chắn được vãng sanh, phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn”. Lời ấy rất có lý! Niệm đến mức tâm thanh tịnh, nếu chúng ta dùng tựa đề kinh để nói thì niệm đến mức tâm thanh tịnh bèn sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, niệm đến bình đẳng giác sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. “Bình đẳng giác” là Lý nhất tâm bất loạn, thanh tịnh tâm là Sự nhất tâm bất loạn, chúng ta phải nỗ lực hướng đến mục tiêu này. Bình đẳng là gì? Chẳng có tâm phân biệt, thật sự giác ngộ. Tâm phân biệt đã chẳng có, lại nâng [cảnh giới] lên cao hơn thành “nhập pháp môn Bất Nhị”, Tánh Tướng bất nhị, Sự Lý bất nhị, sanh Phật bất nhị (chúng sanh và Phật), người ấy sẽ sanh vào cõi Thật Báo, đến thế giới Cực Lạc, hoa nở thấy Phật. Có thể thấy pháp môn này thù thắng khôn sánh.

Tiếp đó, sách viết: “*Khả kiến bốn kinh nãi quảng thâm vạn loại, phổ bị tam căn chi A Già Đà dược, năng dĩ vạn bệnh*” (Có thể thấy kinh này rộng thâm muôn loài, là thuốc A Già Đà thích hợp khắp ba căn có thể trị lành muôn bệnh). A Già Đà (Agada) là tiếng Ấn Độ, giống như người Trung Quốc nói tới “*vạn ứng đan*”; thuốc này bệnh gì cũng đều trị được, chắc chắn có lợi, chứ không có hại gì. Đây là nói bộ kinh này căn cơ nào cũng đều phù hợp, bậc thượng thượng căn như Văn Thù, Phổ Hiền, hạ hạ căn là kẻ tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, chỉ cần quý vị có thể tin tưởng, chịu phát nguyện, chắc chắn được vãng sanh, chẳng thể nghĩ bàn! Khi lâm chung có thể tin, có thể nguyện, tôi nghĩ đây cũng chẳng phải là ngẫu nhiên, mà do người ấy có túc thế nhân duyên. Người ấy có đời quá khứ, tuy trong một đời này không có duyên gặp gỡ, nhưng trong đời quá khứ, chắc chắn đã từng học Phật, chắc chắn đã tu pháp môn này. Do vậy, khi lâm chung gặp thiện hữu nhắc nhở, chúng tử trong A Lại Da của người ấy bèn lập tức khởi hiện hành, chẳng phải là ngẫu nhiên! Vì thế, nay chúng ta hãy giúp những kẻ không tin gieo chủng tử. Giúp kẻ không tin gieo chủng tử bằng cách nào? Trong hết thầy thời, hết thầy chỗ, tay cầm tràng hạt (xâu chuỗi), miệng niệm A Di Đà Phật, đó là gieo chủng tử cho chúng sanh. Trên đường đi, quý vị vừa đi vừa niệm Phật, người bên cạnh hữu ý hay vô tình nghe, thấy, đã gieo chủng tử vào A Lại Da Thức, kết duyên với Tịnh Độ Tông. Chủng tử ấy gọi là “chủng tử kim cương”, vĩnh viễn bất hoại. Trong đời kế tiếp hoặc đời sau, gặp duyên, chủng tử ấy sẽ khởi hiện hành, khởi tác dụng. Do vậy nói người xuất gia đầu bát hảo, nói trắng ra là người xuất gia ấy phá giới, công đức vẫn to hơn quý vị, vì sao? Người ấy mặc y phục [biểu thị cho] hình tượng [Phật giáo], vừa đi ra ngoài, người ta trông thấy, đã gieo chủng tử về ấn tượng nơi Phật, quý vị chẳng có năng lực ấy! Tuyệt diệu lắm! Quý vị nói xem: Trong một đời này, người ấy đã gieo thiện căn cho bao nhiêu người? Hãy nên tôn kính [người xuất gia, đầu người ấy có phá giới đi nữa] là do đạo lý này! Xưa kia, tôi dạy học trong nhà trường, dạy tại đại học mấy năm, dạy khoảng năm năm, tôi bảo

các đồng học, khi ấy, các đồng học trong nhà trường dường như cảm thấy học Phật sẽ bị kẻ khác chê là mê tín, khó chịu lắm, nên lén lút học Phật. Tôi bảo họ: “Các vị phải chánh đại quang minh mà học, phải phổ độ chúng sanh. Tay đeo râu chuỗi, đừng sợ kẻ khác cười. Dẫu người ta có cười nhạo quý vị: ‘Anh xem gã bạn học đó mê tín quá chừng!’ Tuy nói các vị mê tín, chúng tử Phật của người ấy đã được gieo xuống rồi, đó là chuyện tốt, đâu phải chuyện xấu”. Trên bìa sách học dùng trong nhà trường đều có đề tên, tôi nói: Quý vị đừng viết tên họ của mình, mà hãy ghi A Di Đà Phật, người ta trông thấy cuốn sách ấy bèn niệm A Di Đà Phật. Quý vị thấy đó, chẳng phải là lại độ được một người hay chăng? Rất nhiều đồng học thật sự sử dụng phương pháp này của tôi; về sau, dần dần trở thành một phong cách. Vì thế, phương tiện thiện xảo rộng độ hữu tình. Nếu chúng ta hiểu đại đạo lý, đại nhân duyên ở đây, sẽ đối với người xuất gia, đối với người niệm Phật khởi tâm cung kính, hình tượng họ đã biểu lộ cũng nhằm biểu thị pháp, công đức thù thắng khôn sánh!

Cuối cùng, “*cố bốn kinh vân: Trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ*” (vì thế, kinh này nói: “Người gặp được kinh này, tùy theo sở nguyện đều có thể đắc độ”). Cụ Hoàng dùng câu nói này để tổng kết đoạn này. Gặp bộ kinh này, “*tri*” (值) là gặp. Gặp gỡ bộ kinh này, tùy theo ý nguyện của quý vị, đều có thể đắc độ. Ý nghĩa của “*tùy ý*” vô cùng rộng, đây là như trong Phật môn đã nói: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (trong nhà Phật, có cầu ắt ứng), “*tùy ý sở nguyện*” là có cầu ắt ứng. Quý vị cầu gì được nấy! Cầu thế giới Cực Lạc, quý vị được thế giới Cực Lạc. Cầu thấy A Di Đà Phật, quý vị sẽ có thể thấy A Di Đà Phật. Cầu thành Phật, được thành Phật. Cầu thành Bồ Tát, quý vị thành Bồ Tát. Tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian này cũng giống như thế, nhưng đó là những chuyện lông gà vỏ tỏi nhỏ nhặt, quý vị cầu điều gì đều có thể cầu được, chẳng hề có chuyện cầu không được! Nhưng quý vị nhất định phải giác ngộ: Chẳng thoát khỏi lục đạo, sẽ vĩnh viễn chẳng thể lìa khổ, lục đạo khổ lắm! Nhân thiên là thiện đạo, thiện đạo mà còn khổ dường ấy, huống chi ác đạo! Quý vị phải chú tâm quan sát, hiện thời súc sanh có khổ hay không? Đặc biệt là gia súc. Hiện thời, nếu quý vị đầu thai trong đường súc sanh, biến thành một con lợn hay một con gà, hoặc một con vịt, quý vị thấy hiện thời lợn, gà, vịt, thậm chí bò, loại bò chuyên nuôi để lấy thịt, nhìn vào tình trạng sống của chúng, từ lúc đẻ ra cho đến khi xuất chuồng, được nuôi lớn trong chuồng, một chuồng nhốt quá nhiều, xoay mình cũng chẳng thể xoay được! Cuộc sống trước khi bị giết của chúng là như thế này: Suốt đời bị nhốt chặt, đến khi bị giết, quý vị nói thử xem tâm tình của chúng ra sao? Chúng nó có oán hận hay chăng? Con người có cùng cái tâm này, tâm có cùng Lý này. Người và súc sanh chẳng khác, chúng nó oán hận, bất bình. Oán hận nên thịt của chúng có chất độc, mang rất nhiều nguồn bệnh. Đó là lý do vì sao hiện thời ăn thịt bị bệnh nhiều như vậy. Cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất*” (Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra), đó là chân lý. Hiện

thời, không chỉ thịt chẳng thể ăn, đó là thứ độc địa, mà ngay cả đồ chay trong hiện tại cũng biến thành chất độc! Rau dưa có phân hóa học và thuốc sát trùng!

Người thế gian khổ quá, đừng nên lưu luyến thế gian nữa, vãng sanh sớm một ngày là sớm được giải thoát một ngày, lưu luyến thế gian là sai lầm! Chúng ta niệm Phật, Phật còn chưa đến tiếp dẫn chúng ta, chúng ta nghiệp báo của chúng ta chưa tiêu hết, nghiệp chướng chưa tiêu trừ. Để tiêu trừ nghiệp chướng, phải cậy vào ai để tiêu trừ nghiệp chướng? Dựa vào chính mình, chẳng có người nào khác giúp đỡ được! Tiêu bằng cách nào? Ta có thọ mạng, trong mạng ta còn có phước báo, chẳng cần nữa, hãy bỏ sạch, chướng ngại sẽ chẳng còn nữa, Phật sẽ đến tiếp dẫn quý vị. Nếu quý vị phát tâm Đại Thừa, hết thấy đều từ bỏ, hiện thời vẫn còn thân thể, hãy lợi dụng cái thân này để giúp đỡ các chúng sanh khổ nạn nhiều hơn, khuyên dạy họ, giúp đỡ họ, dẫn theo những người ấy vãng sanh, đó là chuyện tốt, chẳng có vị Phật, Bồ Tát nào chẳng tán thành. Sanh tử tự tại, muốn đi lúc nào bèn đi lúc đó, chẳng vướng mắc tí ti nào, càng tốt đẹp hơn! Chúng ta thấy con người trong thế gian đáng thương quá, tai nạn nhiều như thế đó! Chúng ta biết có tai nạn, do đâu mà biết? Từ kinh điển nhà Phật, trong kinh điển, đức Phật thường nói: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, đó là chân lý. Người trên thế giới suy tưởng gì? Phim “2012” đã được chiếu trên toàn cầu. Sau khi phim ấy được phát hành, ai nấy đều nghĩ đến tai nạn; đâu không có tai nạn, tai nạn vẫn xảy tới, do tâm tưởng mà! Vì vậy, tôi xem bộ phim ấy xong, nói: “Đó là ý trời, có hai tác dụng: Một là dạy con người hãy đề cao cảnh giác, đoạn ác tu thiện, đừng tạo tội nữa. Đó là giúp chính mình, thành tựu chính mình. Mặt khác, sanh lòng sợ hãi, hằng ngày nghĩ đến tai nạn, không có tai nạn mà do ta suy niệm nên tai nạn sẽ xảy tới, hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng mà!” Tôi xem bộ phim ấy xong, đã bảo rất nhiều đồng học: “Đó là ý trời”. Đại khái, con người hiện thời tạo tội nghiệp nhưng không có cách nào trị được, pháp luật cũng chẳng trị được, quốc gia cũng chẳng trị được! Tổng thống, hoàng đế cũng chẳng trị được, làm sao đây? Chỉ có ông trời ra tay. “Ông trời ra tay trừng trị” là “tai họa thiên nhiên” như chúng ta thường nói trong hiện thời, quả thật rất đáng sợ!

Vậy thì phải hỏi: Có thể hóa giải tai nạn hay không? Nói theo Phật pháp, câu trả lời là khẳng định, chỉ cần hồi tâm hướng thiện. Đức Phật dạy chúng ta hai câu, đó là câu Khẩu Đầu Thiên trong Phật môn: *“Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si”* (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), tai nạn sẽ hóa giải. Nếu quý vị thật sự làm, sẽ thật sự hữu hiệu! Sẽ thấy hiệu quả ở chỗ nào? Từ chính mình! Chính mình có tai nạn, có bệnh khổ, nếu quý vị tuân theo phương pháp này để tu, bệnh khổ được lành, nghiệp chướng cá nhân sẽ tiêu! Nghiệp chướng đã tiêu rồi, thân thể khôi phục sức khỏe. Đó gọi là *“tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển”*, trong kinh đức Phật thường nói như vậy. Tướng mạo của quý vị thuận theo ý niệm mà chuyển biến, sức khỏe cũng giống như thế. Tâm địa của quý vị là thiện niệm, sẽ khỏe mạnh, trường thọ. Nếu trong tâm là tịnh niệm,

càng khỏe mạnh, trường thọ. Tâm lẫn hạnh đều thiện, hoàn cảnh cư trụ của ta sẽ chẳng có tai nạn. Dầu ở nơi ấy người tạo tác ác nghiệp rất nhiều, nhưng có một ít người đang tu thiện, tuy nơi ấy có tai nạn thì cũng nhẹ nhàng, chẳng nghiêm trọng. Cổ đức từng nói: “Giữa một trăm người, có một người tu thiện, chín mươi chín người kia đều hưởng lây”, một phần trăm đấy nhé! Lời này là thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng ta lại xem tiếp đoạn kệ: “*Thượng minh bốn kinh, quảng ứng quần cơ, nhi kỳ ân đức vu thâm ư ngã sài phạm phu*” (Trên đây đã nói rõ kinh này thích ứng rộng rãi các căn cơ, nhất là đối với lũ phạm phu chúng ta, càng có ân đức sâu đậm), nói theo hiện thời, “sài” (儻) là “đẳng” (等: ngang hàng), [“ngã sài”] là những kẻ cùng hàng với chúng ta. Trong phần trước đã nói về sự ứng cơ (thích ứng với các căn cơ), trong đoạn này, luận về công đức. “*Đương kim Mạt Pháp, chúng sanh phước huệ thiểu bạc, cấu chướng thâm trọng, duy lại thử phương tiện pháp môn. Dẫn bằng tín nguyện trì danh, tiện năng công siêu lũy kiếp, vãng sanh Cực Lạc, kính đảnh Bất Thoái*” (Nay đang thời Mạt Pháp, chúng sanh phước huệ cạn mỏng, cấu chướng sâu nặng, chỉ cậy vào pháp môn phương tiện này, chỉ nhờ vào tín nguyện trì danh, công liền có thể vượt trôi bao kiếp, vãng sanh Cực Lạc, nhanh chóng chúng lên Bất Thoái). Chúng ta đọc đến chỗ này, tiểu đoạn này nói đến chúng ta trong hiện tại. Cụ Hoàng Niệm Tổ là người đương đại, đã vãng sanh chưa lâu. Khi trước, mỗi năm, tối thiểu tôi sang Bắc Kinh một hai lần, chẳng vì chuyện gì khác, mà chỉ nhằm đến gặp cụ. Sau khi cụ đã mất, tôi còn đến thăm một lần, gặp con gái và học trò cụ. Đoạn văn này nói về chúng ta trong hiện thời, người hiện thời thật sự phước mỏng, huệ cạn, chẳng có trí huệ, mà cũng không có phước báo; nói cách khác, chúng ta phiền não tập khí sâu nặng! “Cấu” (垢) là nhiễm ô, “chướng” (障) là nghiệp chướng, chúng ta tạo tác nghiệp chướng bất thiện. Vì sao sanh ra chuyện này? Đối với tiêu chuẩn thiện ác, chúng ta không biết; nói chung cứ tưởng chính mình luôn làm đúng, không biết chính mình đã lầm lỗi, làm ác. Vì thế, chúng ta quan sát cẩn thận sẽ thấu hiểu, đừng xét nét người khác, hãy xét nét chính mình!

Thuở trước, khi còn trẻ, tôi giảng kinh, thường nhắc tới khóa tụng buổi sáng. Mục đích của khóa tụng buổi sáng là gì? Nhắc nhở chính mình, ngày hôm nay ta đừng quên mất giáo huấn của đức Phật, hãy thường đề cao cảnh giác, y giáo phụng hành, đó là quý vị thật sự tụng niệm khóa sáng. Chúng tôi đã từng biên tập lại nghi thức tụng niệm của cổ nhân. Nghi thức do cổ nhân biên soạn có quá nhiều chú ngữ, hiện thời [người tụng] chẳng hiểu rõ ý nghĩa của chú ngữ, cho nên không đạt được hiệu quả. Do vậy, chúng tôi tuyển chọn, ấn định kinh văn bản mới dành cho các đồng học Tịnh Tông chúng ta. Các đồng học Tịnh Tông có Triêu Mộ Khóa Tụng Bản (nghi thức tụng niệm sớm tối) do tôi biên tập. Kinh văn đề niệm cho buổi sáng là phần bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ. Trong khóa sáng, hãy suy nghĩ: A Di Đà Phật đã phát bốn mươi tám nguyện, ta có phát hay không? Đối chiếu với chính mình, mong muốn biến bốn mươi tám nguyện ấy thành bốn nguyện của chính mình, tâm nguyện của chúng ta và A Di Đà Phật tương

đồng. Với khóa tối, chúng tôi chọn phần kinh văn từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy, đoạn kinh văn ấy giảng điều gì? Dạy chúng ta trì giới, phản tỉnh, sửa đổi, sám hối, dùng phần này để làm khóa tối. Trong khóa tối, phải thật sự phản tỉnh, kiểm điểm, sửa lỗi, khóa tụng đối với chúng ta mới có lợi ích. Luôn chọn lựa kinh Vô Lượng Thọ là pháp phương tiện. Chuyên tu, khóa sáng niệm kinh Vô Lượng Thọ, khóa tối cũng niệm kinh Vô Lượng Thọ, chuyên tu mà! Bọn chúng ta không có nhiều thời gian như thế, bèn trích lục những phần kinh văn trọng yếu trong kinh Vô Lượng Thọ để sớm tối nhắc nhở chính mình, mục đích không gì chẳng nhằm tiêu nghiệp chướng, xa lìa phiền não, tập khí, chúng ta học Phật mới có thể công phu đắc lực. Nếu quý vị chẳng nhớ kinh văn, chưa thể lý giải, quý vị tu tập bằng cách nào?

Hóa giải tai nạn hiện tiền. Hiện thời tai nạn rất nặng, trên khắp thế giới có ai chẳng tạo nghiệp? Tạo nghiệp gì vậy? Vừa mở kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo ra, quý vị sẽ biết ngay: Hoàn toàn trái phạm, đúng là Ngũ Nghịch, Thập Ác. Thập Ác là gì? Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói dối chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham lam, sân khuê, ngu si. Quý vị nói thử xem: Trong thế gian hiện thời, ai chẳng tạo? [Ngay cả] trẻ nhỏ cũng tạo! Trẻ nhỏ tạo bằng cách nào? Trẻ nhỏ học từ TV, mỗi ngày xem TV, TV sẽ dạy chúng nó. Đi học, tại Trung Quốc tôi không biết, chứ ở ngoại quốc, lớp Một Tiểu Học đã cho dùng computer. Thông tin từ computer rất nhiều, điều gì chúng nó cũng đều học. Xong luôn, tạo Thập Ác! Tạo Thập Ác sẽ có hành vi Ngũ Nghịch xuất hiện, giết cha, giết mẹ, giết thầy, giết A La Hán cũng giống như giết thầy! Đây là xã hội hiện tiền của chúng ta, càng nghĩ, càng đáng sợ, càng nhìn, càng đáng sợ. Trong đời chúng ta đây, còn có thể duy trì tình trạng trước mắt, chứ hai mươi năm sau sẽ làm như thế nào đây? Ai có năng lực duy trì trật tự xã hội? Chẳng có ai hết! Tổ tiên chúng ta thường nói, đến khi con người trị không được, cha mẹ không quản được con cái, pháp luật không quản được dân, thượng thiên sẽ ra tay. Khi thượng thiên can thiệp sẽ là tai nạn, cả đồng tai nạn thấy đều xuất hiện. Vì vậy, cứu vớt thế giới, nói thật sự là kinh Vô Lượng Thọ, trong Đại Thừa Phật pháp, kinh này hữu hiệu nhất! Pháp môn này đúng là pháp môn phương tiện, “đản bằng tín nguyện trì danh” (chỉ cậy vào tín nguyện trì danh), ba điều kiện này, thật sự tin, mảy may hoài nghi cũng chẳng có, thật sự nguyện vãng sanh, trì danh là niệm Phật, thật sự làm, trong mười hai thời, một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn.

Vài ngày trước, cư sĩ Lưu Tố Vân từ miền Đông Bắc đến chỗ này báo cáo, nói suốt mười mấy giờ. Người này là như thế nào? Là người thật sự làm! Lúc năm mươi chín tuổi, bà ta bị bệnh nặng, người phương Bắc đều biết [căn bệnh nghiêm trọng này], hồng ban lang sang (Lupus Erythematosus)⁶⁴[12]. Bị bệnh này thì hầu như chẳng thể nào trị

⁶⁴[12] Đây là một chứng bệnh rối loạn hệ thống miễn nhiễm (Immune system) của con người, gây tổn hại nghiêm trọng đến phổi, da, thận, tế bào máu, và tim. Trong căn bệnh này, hệ

lành, y học Trung Quốc lẫn Tây Phương đều chẳng có cách nào chữa trị, bà ta có nhiều bạn bè mắc bệnh này, họ đều mất cả rồi. Bà ta bị bệnh này, tín nguyện trì danh, đối với A Di Đà Phật, đối với thế giới Cực Lạc chẳng có mảy may hoài nghi nào, coi nhẹ sanh tử, nhất tâm nhất ý muốn cầu sanh Tịnh Độ. Bác sĩ cho bà ta biết, cũng là nói thật: “Bệnh của bà chẳng có hy vọng gì, bà phải chuẩn bị tâm lý, vì có thể chết bất cứ lúc nào!” Bà ta cười hi hi: “Nếu tôi chết, A Di Đà Phật sẽ đến đón tôi, tôi về thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là quê nhà của tôi, tôi chẳng sợ hãi tí nào!” Bà ta lành bệnh, bác sĩ cảm thấy lạ quá, làm sao lành bệnh được? Bà ta nói: Do Niệm Phật mà lành bệnh! Cả ngày từ sáng đến tối là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, toàn là A Di Đà Phật. Bà ta còn nghe kinh, nghe kinh Vô Lượng Thọ, nghe CD/DVD rất dụng công. Trong bài báo cáo, bà ta nói mỗi ngày nghe một đĩa. Đó là bài giảng của tôi trong thuở trước, mỗi đĩa dài một giờ, mỗi ngày nghe mười tiếng, mỗi đĩa nghe mười lượt, nghe rất thuần thục. Niệm kinh Vô Lượng Thọ, nghe kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật, lành bệnh! Bác sĩ tin lời bà ta, bà ta có ưu điểm lớn nhất mà lũ chúng ta chưa làm được là cả đời chẳng nói dối, con người vô cùng trung hậu, thật thà, chẳng dối gạt người khác, câu nào cũng đều nói thật. Năm nay, bà ta sáu mươi sáu tuổi, do tôi xem đĩa CD/DVD phỏng vấn được thâu vào ngày Bốn tháng Năm năm 2003, dài nửa tiếng, do đài truyền hình phỏng vấn, nên tôi nghĩ: Bà ta đã nhiều tuổi như thế, người này có còn sống hay không? Tôi bảo các đồng học bên Hương Cảng hỏi thăm, biết người này còn sống, họ còn tìm được số điện thoại của bà ta nữa. Tôi liền gọi điện thoại cho bà ta, khi ấy, tôi đang chữa răng tại Đài Loan, đã nghe tin tức như thế. Nói chuyện điện thoại, bà ta rất căng thẳng, mà cũng rất kinh ngạc. Tôi hỏi bà khỏe không, thân thể như thế nào? Tốt lắm! Mỗi năm một khỏe hơn! Tôi liền mời bà ta sang Hương Cảng gặp mặt, đúng là khỏe lắm, quý vị thấy: Giảng mười mấy tiếng ở chỗ chúng ta, sau khi giảng xong, Hương Tiểu Ly mời bà ta sang Thâm Quyển. Ở Thâm Quyển, bà ta rất cực nhọc, mỗi ngày giảng gần như sáu tiếng, lại còn phải trả lời thắc mắc của người khác, mỗi ngày giảng tám tiếng, giảng hai ngày, phải quay về. Do bốn chữ “tín nguyện trì danh”, bà ta hết bệnh, sống khỏe mạnh và hạnh phúc

thống miễn nhiễm của người bệnh tự tấn công các tế bào khỏe mạnh trong cơ thể, khiến bệnh nhân bị viêm nhiễm lâu dài. Y giới vẫn chưa biết rõ nguyên nhân của căn bệnh này. Bệnh kéo dài dai dẳng, có lúc tiềm ẩn, rồi bùng phát, khiến cho các tế bào bị tấn công, thân thể bệnh nhân sưng phồng, lở loét, các khớp đau cứng, khó thở, mệt mỏi, sốt cao, rụng tóc, lở miệng, ngứa ngáy, sợ ánh sáng, sưng các hạch lâm-ba (lympho nodes), nhức đầu, đau bụng, ói mửa, tim loạn nhịp, ho ra máu, da mọc vảy nến, bong tróc, đầu ngón tay tím tái. Trong trường hợp nghiêm trọng, người bệnh không thể cử động, thậm chí mặt sưng phù nề biến dạng trông hao hao như mặt con sói nên mới gọi là Lupus. Chữ “hồng ban lang sang” (lở loét nổi mẩn đỏ, mặt giống con sói) nhằm hình dung tình trạng phù nề và biến chứng trên da của người bệnh. Không rõ danh từ y khoa tiếng Việt dịch căn bệnh này chính xác như thế nào, chú thuật ngữ y tế của Hà Nội dịch là “bệnh lupus viêm ban đỏ” nghe không ổn lắm!

đường ấy! Tôi giảng kinh đã nhắc tới [chuyện này] vài lần, nay bà ta đã trở thành người nổi tiếng rồi, rất nhiều nơi mời bà ta đến giảng diễn. Bà ta là người hết sức hướng nội (introvert), tôi bảo bà ta: “Hiện nay, bà chưa thể tốt lành cho riêng mình được! Hiện thời, phải làm cho cả thiên hạ cùng tốt lành, phải đến khắp nơi hoằng pháp, phải đi giúp đỡ người khác”. Bà ta cũng rất khó có: “Phật, Bồ Tát dạy ta làm như thế nào, ta bèn làm như thế ấy”. Bốn chữ ấy (tín nguyện trì danh) trọng yếu lắm! Chúng ta nắm chắc bốn chữ này, sẽ giải quyết vấn đề trong một đời này, chắc chắn sanh về Tịnh Độ.

“*Tiện năng công siêu lũy kiếp*” (liền có thể công vượt trời bao kiếp), lời này là thật đấy! Nếu chẳng tu pháp môn này thì trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận quý vị muốn tu hành pháp môn nào, tu đến mức thoát khỏi mười pháp giới phải mất bao lâu? Phải khá nhiều kiếp quý vị mới có thể thoát khỏi mười pháp giới. Quý vị vượt thoát lục đạo, chứng A La Hán quả. A La Hán lại phải tu hành hòng thoát lìa mười pháp giới, đây chẳng phải là chuyện dễ, trong Phật pháp thường nói là “vô lượng kiếp”. Nhưng dùng pháp môn Tịnh Độ thì Tịnh Độ được gọi là “*hoành siêu*”. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tiến lên theo từng giai đoạn một, nên gọi là “*thụ xuất*” (thoát ra theo chiều dọc). Pháp môn Tịnh Độ chẳng dùng phương pháp ấy, từ trong nhân đạo (loài người), trực tiếp tiến sang thế giới Cực Lạc nên gọi là “*hoành siêu*” (siêu thoát theo chiều ngang). “*Vãng sanh Cực Lạc, kính đặng Bất Thoái*” (vãng sanh Cực Lạc, nhanh chóng đạt Bất Thoái), “*kính*” (徑) là nhanh chóng, “*tiệp kính*” (捷徑: con đường tắt), quý vị bèn chứng đắc Bất Thoái Chuyển, trong kinh vẫn luôn nói như thế. Trong kinh Vô Lượng Thọ, chính A Di Đà Phật nói, phẩm thứ sáu tức phần bốn mươi tám nguyện do chính A Di Đà Phật nói: Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát), nói câu ấy. A Duy Việt Trí (Avaivartika) là tiếng Ấn Độ, dịch nghĩa sang tiếng Hán, có nghĩa là Bất Thoái Chuyển. Trong Bất Thoái Chuyển bao gồm ba thứ Bất Thoái Chuyển: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái. Ba thứ Bất Thoái Chuyển đều chứng đắc, là quả vị gì vậy? Nói thông thường, [địa vị ấy phải là] Sơ Trụ trong Viên Giáo hay Sơ Địa trong Biệt Giáo; cũng có nghĩa là người ấy đã vượt thoát mười pháp giới, đã vãng sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật thì mới chứng ba thứ Bất Thoái. A La Hán chỉ chứng Vị Bất Thoái, Bồ Tát chứng được Hạnh Bất Thoái, chứ Niệm Bất Thoái vẫn chưa đạt được, đều chưa ra khỏi mười pháp giới. Chứng đắc Niệm Bất Thoái, vượt thoát mười pháp giới, thật sự thành Phật!

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, một phẩm phiền não tập khí chúng ta vẫn chưa đoạn, hoàn toàn cậy vào tín nguyện trì danh, phải dựa vào đó, nương cậy Phật lực gia trì! Chính chúng ta chỉ cần thực hiện được bốn chữ “tín nguyện trì danh”, Phật lực sẽ gia trì, chúng ta bèn có thể vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói cách khác, mang theo phiền não, tập khí, nên gọi là “*đời nghiệp vãng sanh*”. Tu pháp môn khác sẽ chẳng thể [làm như vậy được], quý vị không thoát khỏi lục

đạo luân hồi! Tu pháp môn này rất may mắn, không chỉ ra khỏi lục đạo, mà còn thoát khỏi mười pháp giới, quý vị nói xem: Khó có đường ấy! Đúng là công vượt trời bao nhiêu kiếp! Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho dù hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng chứng ba món Bất Thoái. Chứng ba món Bất Thoái mà trước đó còn có thêm một chữ, [tức là Viên], viên chứng ba món Bất Thoái! Điều này cũng không đơn giản! “*Viên*” (圓) là viên mãn, [“*viên chứng*” là] chứng đắc viên mãn ba món Bất Thoái, đó là ai? Từ Thất Địa Bồ Tát của Viên Giáo trở lên như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Chứng ba món Bất Thoái thì Sơ Trụ đã chứng đắc, nhưng nếu thêm chữ Viên thì phải là đã đạt đến Thất Địa! Không ai tin tưởng [chuyện này]; vì thế, pháp môn này được gọi “*nan tín chi pháp*” (pháp khó tin). Chúng ta có thể tin tưởng là nhờ vào đâu mà tin tưởng? Cậy vào bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Chẳng nhờ bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, làm sao có thể [tin được pháp môn này]? Đối với phàm phu, nói thật ra, [viên chứng ba thứ Bất Thoái] chẳng phải do chính quý vị chứng đắc. Trí huệ, đạo hạnh, thần thông, và phước báo của quý vị bình đẳng với Thất Địa Bồ Tát là nhờ vào phước báo của A Di Đà Phật. Sang bên đó, hưởng phước của Ngài, chẳng phải là phước của chính mình, mà là hưởng phước của Phật. Nếu chính mình chứng đắc Thất Địa, [tức là] trong thế giới Cực Lạc, chính mình tu hành đã chứng đắc Thất Địa, đấy mới là phước báo của chính mình. Nếu chính mình chưa chứng đắc tới cấp bậc ấy, bèn hưởng thụ phước báo của A Di Đà Phật, cho nên tin tưởng, chẳng có nghi vấn gì. Đối với chúng ta, A Di Đà Phật ân đức to quá! Do vậy, chúng ta hãy nên tin tưởng những lời này, đó là lời thành thật, chân xác của Phật, của Tổ. Nói theo Lý, trong kinh đức Phật thường dạy: “*Hết thấy pháp sanh từ tâm tưởng*”.

Niệm niệm chẳng bỏ pháp môn này; pháp môn này là pháp môn bậc nhất, còn thù thắng hơn Hoa Nghiêm. Khi tôi giảng kinh này, mới thật sự biết cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói [kinh Vô Lượng Thọ] là trung bản Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm quá dài, tôi cũng không nghĩ sẽ giảng. Lúc ấy, tôi phát nguyện trong một đời chuyên giảng bộ kinh này, giảng lần lượt từng lần, đã giảng được mười lần rồi. Về sau lại giảng kinh Hoa Nghiêm, duyên ấy do lâm trưởng Tân Gia Ba Cư Sĩ Lâm là Lý Mộc Nguyên khai thỉnh. Ông ta thay mặt lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ và Hàn Quán Trưởng, vì trong quá khứ, họ đã khai thỉnh, nhưng tôi chẳng phát tâm. Đến Tân Gia Ba, nhắc tới chuyện này, ông ta hết sức nhiệt tâm, trọn đủ oai nghi khai thỉnh, rất long trọng, rất trang nghiêm, tôi liền nhận lời, [điều này] cũng khiến cho chúng tôi hết sức cảm niệm: Trong quá khứ, Hàn Quán Trưởng của Hoa Tạng Đồ Thư Quán khi bệnh tình nguy kịch, trước khi vãng sanh hai ngày, đã thỉnh cầu lần nữa, mong muốn lưu lại một bộ CD/DVD giảng kinh Hoa Nghiêm cho người đời sau tham khảo. Do bà ta bệnh nặng, nhằm an ủi bà ta, nên tôi đáp ứng, tôi nói: “Được rồi! Chờ đến khi bà lành bệnh, chúng tôi sẽ khai giảng lần nữa”, duyên phận như thế đó! Bộ kinh này (kinh Vô Lượng Thọ) quả thật là cương yếu của kinh Hoa Nghiêm, vấn đề gì cũng đều giải quyết. Trưa ngày hôm nay, mấy đồng tu Mã Lai đặc

biệt đến Hương Cảng thăm viếng, có bàn tới một vấn đề, “thực hiện giáo học bằng kinh điển của tôn giáo nhằm cứu nguy địa cầu”. Đoàn kết tôn giáo vẫn chưa đủ. Kinh điển của mỗi tôn giáo đều hay, quý vị lật ra xem, trong ấy đều là giảng về luân lý, đạo đức, nhân quả. Mỗi tôn giáo đều phải thật sự chú ý, coi trọng thực hiện giảng kinh, giáo học, cảm hóa lòng người, khuyên dạy mọi người quay đầu là bờ, thế giới này sẽ được cứu! Đó gọi là “*cảnh tùy tâm chuyển*”, ai nấy đều có thể hướng thiện, người người đều có thể buông sai lầm xuống, buông ác niệm xuống, buông ác hạnh xuống, thế giới sẽ thật sự được cứu. Chúng ta bàn đến vấn đề này, vấn đề là sẽ thực hiện cụ thể như thế nào?

Tiếp theo, sách viết: “*Nhược vô như thị vi diệu pháp môn, phàm phu hà năng độ thử sanh tử nghiệp hải, nhi đặng bỉ ngạn*” (Nếu không có pháp môn vi diệu như thế này, phàm phu làm sao có thể vượt khỏi biển nghiệp sanh tử này, vượt sang bờ kia). Trong thời Mạt Pháp, từ nay về sau hãy còn chín ngàn năm nữa, trừ pháp môn này ra, chẳng có bất cứ một pháp môn nào mà hòng thành tựu, vì sao? Mỗi pháp môn đều phải đoạn phiền não, quý vị có thể đoạn Kiến Tư phiền não hay chẳng? Chẳng nói chi khác, không tính tới Tư Hoặc, chỉ nói tới Kiến Hoặc, quý vị có thể đoạn hay chẳng? Kiến Hoặc đoạn xong, mới chứng Sơ Quả trong Tiểu Thừa. Còn theo kinh Hoa Nghiêm của Đại Thừa, đó là địa vị Sơ Tín Bồ Tát; nói cách khác, [lúc ấy] quý vị mới nhập môn! Kiến Hoặc là gì? Nói chi tiết sẽ gồm tám mươi tám phẩm, nói đại lược, đức Phật quy nạp Kiến Hoặc thành năm loại lớn. Thứ nhất Thân Kiến, thứ hai là Biên Kiến, thứ ba là Kiến Thủ Kiến, thứ tư là Giới Thủ Kiến, thứ năm là Tà Kiến. Năm loại lớn này, quý vị có thể đoạn trừ hay chẳng? Thật sự đoạn trừ, quý vị làm được bốn câu trong kinh Kim Cang: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*” thì mới đoạn được. Chúng ta hãy tự hỏi chính mình có thể làm được hay không? Làm không được! Đúng là khó! Từ vô thi kiếp tới nay đã chấp trước thân này là ta. Nay đức Phật bảo “thân này chẳng phải là ta”, quý vị đừng vì cái thân mà bận tâm. Bận tâm vì cái thân chính là tạo oan nghiệt. Thân chẳng phải là ta, mà là gì? Thân là cái ta có, giống như y phục. Y phục chẳng phải là ta, y phục là cái ta có, thân thể là cái ta có. Do vậy, quý vị nhất định phải biết, ta bất sanh, bất diệt, ta vĩnh viễn chẳng chết. Thân thể có sanh diệt, giống như y phục, mặc rách một bộ quần áo bèn đổi bộ khác. Thân chúng ta dùng vài chục năm chẳng còn thuận tiện sử dụng nữa, bèn thay đổi, rất tự tại, rất vui vẻ, đổi lấy quần áo mới. Nhưng khi “thay quần áo” sẽ liên quan đến nghiệp lực của quý vị, quý vị suốt đời tâm lành, hạnh lành, sẽ càng thay đổi càng tốt đẹp. Nếu quý vị tâm hạnh bất thiện, càng thay đổi càng tệ: Đời này mang thân người, đời sau đổi thành thân súc sanh, đổi thành thân quỷ đói, càng thay đổi càng tệ! Nhưng bất luận thay đổi thân nào, thân luôn chẳng phải là chính mình, phải hiểu chuyện này! Thế tục thường nói chính mình là gì? Linh hồn là chính mình. Linh hồn chẳng sanh tử, nó đến kiếm thân xác trong lục đạo, đi tìm một cái thân. Tìm một cái thân cũng chẳng phải là tùy theo ý nghĩ của chính mình! Nếu tùy thuộc ý nghĩ của chính

mình, chúng ta sẽ tìm lấy thân trời tốt đẹp hơn để hưởng phước trời. Việc tìm lấy cái thân mới bị chi phối bởi nghiệp lực. Vẫn là hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng! Tâm quý vị lành, sẽ tìm được [cái thân mới] toàn là tốt lành; tâm quý vị bất thiện, cái thân [và hoàn cảnh sống mới] mà quý vị tìm được cũng bất thiện. Do vậy, biết: Thiện tâm và thiện niệm trọng yếu lắm!

Hiện thời, hoàn cảnh bên ngoài luôn dẫn dụ chúng ta khởi tham, sân, si, mạn. Tham, sân, si, mạn là tâm niệm bất hảo nhất. Nếu thật sự hiểu nhân quả báo ứng, quý vị sẽ có thể kèm chế chính mình. Theo lý luận nhân quả: “*Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định*” (một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng được định sẵn). Trong mạng mà có, quý vị sẽ nhất định đạt được. Nếu trong mạng không có, dùng thủ đoạn như thế nào cũng đều chẳng chiếm được, tội tình gì mà quý vị phải tạo ác, chẳng đáng! Phát tài như thế nào? Trong mạng quý vị có, bất luận quý vị buôn bán gì cũng đều phát tài. Trong mạng không có, quý vị nghĩ hết mọi cách vẫn chẳng phát tài. Quý vị cầm súng cướp bóc người khác cũng chẳng thể phát tài! Mới sờ đến súng đã bị cảnh sát thộp cổ! Quý vị chẳng có thì cần chi nữa! Ông Hồ Tiểu Lâm hiểu rõ đạo lý này, trước đây đã dùng thủ đoạn bất chánh để kinh doanh, buôn bán, trật rồi! Nay đã hoàn toàn sửa đổi sai lầm ấy, thật thà kiếm tiền, doanh số hằng năm đều tăng lên. Ông ta mới hoảng nhiên đại ngộ, vốn chẳng phải là dùng bất thiện thủ đoạn mà hòng kiếm được, chẳng phải vậy! Do thủ đoạn bất thiện mà đạt được thì vẫn là do trong mạng của chính quý vị đã có. Nếu trong mạng quý vị không có, [vận dụng] thủ đoạn gì cũng chẳng đoạt được! Do vậy, chúng tôi suy ngẫm: Người Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, toan chiếm lãnh Trung Quốc, nhưng họ thiếu phước báo, Trung Quốc chẳng phải của họ, đánh nhau tám năm rồi vẫn phải đầu hàng, chẳng phải là của họ mà! Chính phủ Mãn Thanh ở ngoài biên ải⁶⁵[13] vào Trung Quốc thống trị hai trăm sáu mươi năm, họ làm được là vì trong mạng họ có, đất đai ấy là của họ. Nếu chẳng phải là của họ, dùng chiến tranh hay chiếm đóng đều chẳng được. Đúng là “*nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định*”. Dùng thủ đoạn chiến tranh để đoạt được vẫn là do trong mạng của chính mình có, nhưng thủ đoạn chiến tranh là thủ đoạn hết sức tội tệ! Quý vị giết bao nhiêu người, gây tổn thất tài sản cho bao nhiêu người dân, đó là điều ác cực lớn, đều có báo ứng, quý vị hưởng hết phước sẽ mắc quả báo. Làm vua mà làm không tốt, sau khi mất nước, còn phải trả nợ, còn phải thương mạng, đâu có chuyện tiện nghi như vậy! Vì thế, người thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, vọng niệm hoàn toàn đoạn dứt. Gì là tốt? Vẫn là niệm Phật tốt đẹp, vẫn là vượt thoát lục đạo luân hồi, vượt

⁶⁵[13] Dân Mãn Thanh sống chủ yếu ở vùng Liêu Ninh, tức ở ngoài Sơn Hải Quan. Sơn Hải Quan là cửa ải trọng yếu của cực Đông vùng Trung Nguyên, nằm giữa ranh giới tỉnh Hà Bắc và Liêu Ninh. Sơn Hải Quan thuộc rặng Yên Sơn, địa thế hiểm yếu. Cái tên Sơn Hải Quan do đại tướng Từ Đạt của nhà Minh đặt ra khi vâng chiếu tu bổ Vạn Lý Trường Thành do nhận thấy ải này nằm giữa Yên Sơn và Bột Hải.

thoát mùi pháp giới là tốt đẹp! Người ấy làm chuyện này, chẳng làm gì khác! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

phần 6 hết

Tập 13

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, dòng cuối trang thứ mười hai, chúng ta xem từ câu thứ hai.

“*Duy lại thử phương tiện pháp môn, đản bằng tín nguyện trì danh, tiện năng công siêu lũy kiếp, vãng sanh Cực Lạc, kính đấng Bất Thoái*” (Chỉ nhờ vào pháp môn phương tiện này, cậy vào tín nguyện trì danh, công liền vượt trội bao kiếp, vãng sanh Cực Lạc, nhanh chóng chứng lên Bất Thoái). Lần trước chúng ta học tập tới đây. Hôm nay chúng ta tiếp tục: “*Nhược vô như thị vi diệu pháp môn, phạm phu hà năng độ thử sanh tử nghiệp hải, nhi đặng bỉ ngạn*” (Nếu chẳng có pháp môn vi diệu như thế này, phạm phu làm sao có thể vượt qua biển nghiệp sanh tử này, lên được bờ kia). Đây là cụ Niệm Tổ cảm thán vô hạn, nhắc nhở chúng ta: Nếu không có pháp môn này, tức là pháp môn “*tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ*” này, có thể nói là chúng sanh đời Mạt Pháp sẽ chẳng một ai có thể vượt thoát sanh tử luân hồi trong một đời này. Vì sao nói như thế? Vì tám vạn bốn ngàn pháp môn đều phải tiêu nghiệp chướng, chẳng hề đời nghiệp. Lục đạo do Kiến Tư phiền não biến hiện; đoạn Kiến Tư phiền não thì luân hồi lục đạo chẳng còn nữa! Quả thật lục đạo giống như một con ác mộng; đoạn xong Kiến Tư phiền não sẽ tỉnh giấc mộng. Đó là như đức Phật thường nói trong kinh: “*Hết thấy những gì có hình tướng đều hư vọng*”, chẳng thật! Trong kinh Phật nói [điều này] rất nhiều, quý vị quan sát cẩn thận, sẽ thấy đúng như đức Phật đã nói, đức Phật dạy chẳng sai một tí nào! Chúng ta đã luân hồi trong thế gian này chẳng biết bao nhiêu lần, chẳng thể nói rõ được! Do tập khí quá nặng, thời gian quá dài, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, chúng ta muốn đoạn nhưng chẳng thể đoạn được. Kiến giải sai lầm, chấp trước nhục thân này là chính mình, luôn vì thân thể này, tuy thân thể chẳng phải là ta, mà vì nó bèn tự tư tự lợi, mưu cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Quý vị thấy: Vì ba tác lười chẳng nát thường muốn nếm ngũ vị, quý vị nói xem ta đã vì nó mà tạo bao nhiêu tội nghiệp? Ăn thứ này thứ nọ, nuốt qua khỏi cổ họng sẽ chẳng còn mùi vị gì nữa, chẳng nhận biết nữa, nhưng do ba tác lười tham đắm vị ngon, cả đời này đã tạo bao nhiêu nghiệp? Thân này không phải là ta, mấy ai giác ngộ? Thân thể này là huyễn tướng, là công cụ; khi mê công cụ này tạo nghiệp; lúc giác ngộ nó bèn tu tập, tích lũy công đức. Chúng ta phải khéo lợi dụng công cụ này, đừng để nó tạo tội nghiệp, phải dùng nó để giúp chúng ta hóa giải oán nghiệp, tiêu trừ chướng ngại, như vậy là đúng!

Các tổ sư đại đức trong Phật môn chỉ dạy chúng ta hãy “*tá giả tu chân*” (nhờ vào cái giả để tu cái thật), thân thể này là giả, nhờ vào nó để tu chân. “*Chân*” là chân tánh; chân tánh bất sanh bất diệt, đây mới là chính mình. Do vậy, nói chung, phải nhận biết rõ ràng. Nếu không nhận biết rõ ràng, sẽ mê hoặc. Chỗ tốt đẹp trong môn này là đời nghiệp vãng sanh, có thể mang theo tập khí phiền não từ vô thi kiếp tới nay đi vãng sanh, nhưng có điều kiện: Mang theo nghiệp quá khứ, chẳng mang theo nghiệp hiện hành; [tức là chỉ] có thể mang theo tội nghiệp đã tạo trong quá khứ. Quá khứ là gì? Những gì đã tạo trong ngày hôm qua đều là quá khứ, có thể mang theo được, nhưng nếu lại tạo tác trong ngày hôm nay, sẽ không thể vãng sanh. Chúng ta mong cầu vãng sanh, tội nghiệp đã tạo trong ngày hôm qua có thể sám hối, hôm nay ta sửa lỗi, đổi mới, ngày hôm nay niệm Phật có thể vãng sanh hay không? Chắc chắn có thể vãng sanh. Trong trường hợp nào sẽ chẳng thể vãng sanh? Ngày hôm nay vẫn tạo [tội lỗi] thì chẳng có cách nào cả! Quý vị thấy pháp môn này thù thắng lắm! [Nghiệp chướng trong] ngày hôm qua đều có thể mang đi; chỉ sợ lúc lâm chung vẫn tạo nghiệp! Nếu như vậy thì chẳng có một tí ti biện pháp nào! Tạo nghiệp gì vậy? Trong hơi thở cuối cùng, vẫn còn ý niệm tư lợi, còn có ý niệm tiếng tăm, lợi dưỡng, còn có ý niệm thấy có kẻ nào xử tệ với ta, ta vẫn chưa báo thù. Khi những ý niệm ấy khởi lên, sẽ không thể vãng sanh. Đối với người nhà, quyến thuộc thì tham ái, đối với chính mình thì do có lăm của cải, niệm niệm chẳng buông bỏ, như vậy là không được rồi! Điều phải bỏ sạch sành sanh, chẳng nhiễm mây trần, một tí vướng mắc cũng chẳng có, lúc ấy mới có thể vãng sanh. Mấu chốt là một niệm cuối cùng. Do duyên này quá thù thắng, mà cũng quá khó có, Phật, Tổ dạy chúng ta mỗi ngày đều phải nghĩ đến vãng sanh. Nói cách khác, mỗi ngày đều phải nghĩ buông xuống, triệt để buông xuống, chẳng lưu luyến bất cứ thứ gì. Mỗi ngày đều suy niệm như thế. Ngày hôm nay đức Phật đến tiếp dẫn, ta lập tức ra đi, vướng mắc gì cũng chẳng có, như thế thì quý vị sẽ thật sự vãng sanh. Quý vị chẳng thể nói: “A Di Đà Phật hãy chờ con, con còn có chuyện chưa lo liệu xong xuôi!” A Di Đà Phật chẳng chờ quý vị, Ngài lại đi mất, quý vị đã bỏ lỡ cơ hội. Vì thế, pháp môn này thật là vi diệu.

Kế đó, sách viết: “*Cố đại bi từ phụ, lưỡng độ đạo sư*” (vì thế, đáng đại bi từ phụ, đáng đạo sư hai cõi), từ ngữ “*đại bi từ phụ*” chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật là Đạo Sư trong thế giới này, A Di Đà Phật là Đạo Sư của thế giới Cực Lạc. “*Mẫn niệm ngã đấng, khai thử Tịnh Độ pháp môn, diệu hiển khổ lạc nhị độ, khích dương trầm mê chúng sanh*” (nghĩ thương chúng ta, nên mở ra pháp môn Tịnh Độ này, khéo léo chỉ bày hai cõi sướng và vui, nhằm khích động, cổ vũ chúng sanh đang mê muội chìm đắm). Mở ra pháp môn này; nói thật ra, pháp môn này là đại từ bi nguyện lực của A Di Đà Phật. Hết thầy chư Phật thành Phật quả thật hoàn toàn bình đẳng, trí huệ bình đẳng, đức năng bình đẳng, phước báo bình đẳng. Vì sao các thế giới của chư Phật không giống thế giới Cực Lạc? Đây là do lúc tu Bồ Tát Đạo, nguyện lực khác nhau. A Di

Đà Phật phát nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới. Phát nguyện quá lớn như vậy, từ phần bốn mươi tám nguyện trong kinh này, chúng ta sẽ thấy, quý vị hãy đọc kỹ càng, chư Phật Như Lai có nguyện lực khác nhau. Vì thế, sau khi thành Phật, Tịnh Độ [của chư Phật] thắng diệu cũng chẳng giống nhau. Trừ điều đó ra, chẳng có gì không giống nhau. Đức Phật thương xót chúng ta, đặc biệt là đối với chúng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư phiền não tập khí nặng nề. Do vậy, cổ đức đã nói: “*Pháp môn này trước là độ phàm phu, sau là độ thánh nhân*”, lời này là thật, chẳng giả! Phàm phu trọn đủ ba điều kiện “Tín, Nguyện, trì danh niệm Phật”, đầy đủ ba điều kiện này sẽ thành công. Do mở ra pháp môn này là pháp môn đặc biệt ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, nên gọi là “*môn đur đại đạo*” (con đường to lớn nằm ngoài các pháp môn). “*Diệu hiển khổ lạc nhị độ*”: Thế giới Cực Lạc sung sướng, thế giới Sa Bà khổ sở. Lúc tôi mới học Phật vào sáu mươi năm trước, thấy kinh Vô Lượng Thọ giảng những khổ báo của chúng sanh, lúc đó, tôi cảm thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nói hơi phóng đại một chút, thế gian này đâu đến nỗi khổ sở dường ấy? Nhưng đến hiện tại thì sao? Nay đọc lại kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật nói chẳng sai tí nào! Ngài nói về thế gian hiện thời của chúng ta!

Trong thế giới này, đúng là chẳng cần biết nghèo, giàu, sang, hèn, quý vị hãy xét coi có ai hạnh phúc? Có ai sống khoái lạc trong thế gian này? Người nào sống trong thế gian này có cảm giác an toàn? Tìm không ra! Nay chúng ta vì sao chẳng có phước báo nhân thiên như trong kinh đã dạy? Phước báo ấy đi đâu rồi? Thật ra là có phước báo, nhưng đã bị chính chúng ta phá hỏng! Vì sao? Chúng ta sống chưa ra người. Điều kiện tối thiểu để được coi là con người là “*nhân giả ái nhân*” (người có lòng nhân yêu thương con người). Sách Đệ Tử Quy chép: “*Phàm thị nhân, giai tu ái*” (phàm là người, đều phải yêu thương), người có lòng nhân yêu thương con người. Người Hoa nói đến “*nhân*”, [tức là] nhân trong “*nhân nghĩa*”, quý vị thấy bên cạnh chữ Nhân (人) là Nhị (二), đó là Nhân (仁). Nghĩ đến chính mình đồng thời nghĩ đến người khác, đó là Nhân; chỉ nghĩ tới mình, chẳng nghĩ tới ai khác, sẽ chẳng phải là Nhân. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta: Chỉ có con người biết báo ân, tri ân, báo ân, con người hiểu biết [điều này]. Báo ân thì điều thứ nhất là báo ân cha mẹ. “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta điều này. Tại Trung Quốc, đời đời kiếp kiếp tổ tiên dạy người khác như vậy. Nay chúng ta chẳng biết ân cha mẹ, mà cũng không biết ơn thầy, nói thật ra, hiện thời kẻ làm cha mẹ chẳng biết làm [tròn trách nhiệm của cha mẹ], luôn bận bịu với công chuyện của chính mình. Con thơ chẳng do chính mình nuôi dạy, toàn là giao cho người khác chăm bẵm, thiếu sót bỗn phận đối với con, chẳng có ơn nghĩa với con, làm sao trẻ nhỏ biết báo ân? Thầy chẳng dạy học trò, chẳng thật sự dạy. Vì thế, học trò cũng chẳng biết cảm kích ơn thầy! Vấn đề này hết sức phức tạp, vì lẽ gì xã hội trở thành nông nổi này? Bất chước nói theo một câu trong Phật pháp, “*là do vô lượng nhân duyên*” rất phức tạp!

Đức Phật dạy chúng ta dùng tâm thái gì để sống, để ứng phó với xã hội hiện tiền? Đức Phật nói rất hay, chính quý vị phải nhận biết: “*Tổ tiên bất thiện (vô tri)*” (Tổ tiên chẳng lành (vô tri)), kinh Vô Lượng Thọ đã nói như vậy. Cha mẹ chúng ta chẳng biết, vì sao cha mẹ không biết? Ông bà không biết, chẳng dạy họ. Vì sao ông bà không biết? Ông bà cố chẳng dạy. Tính ngược lên từng đời một, tối thiểu là năm đời, năm đời trước đây cha mẹ thật sự dạy bảo. Vì lẽ nào, sau năm đời chẳng dạy nữa? Chẳng phải là cha mẹ không dạy, mà tại Trung Quốc, xã hội động loạn, kể từ khi nhà Thanh sụp đổ, quân phiệt cát cứ^{66[1]}, xã hội động loạn, tiếp theo đó là chiến tranh Trung Nhật, tám năm kháng chiến đã phá sạch [nền tảng] gia đình. Vì thế, mãi cho đến ngày nay, tối thiểu có từ bốn đời đến năm đời thiếu sót sự giáo dục trong gia đình. Gia tộc chẳng còn nữa, gia tộc nay đã không có, lấy đâu ra gia giáo? Trước thời Kháng Chiến còn có gia tộc, còn có gia giáo. Lứa tuổi chúng tôi kể ra hết sức may mắn, sanh trưởng tại nông thôn; nếu sanh trưởng tại đô thị, gia giáo cũng không có, nhưng ở nông thôn thì có, còn bảo tồn nền văn hóa từ xưa. Quê hương chúng tôi lại tương đối đặc thù một chút, vào hai triều đại Minh - Thanh, cái nôi của Dòng Thành học phái ở ngay tại quê tôi. Phong thái học hành tại quê tôi rất thịnh, trong hương thôn có trường tư thực; cho nên còn dính líu đôi chút với gia giáo. Đại khái là sau năm Dân Quốc hai mươi mấy, khoảng từ năm Dân Quốc hai mươi ba, hai mươi bốn trở đi, không còn gia giáo nữa. Tư thực ở hương thôn đổi thành trường Tiểu Học, chẳng còn học cổ thư nữa; từ đấy về sau, đương nhiên chẳng còn ai biết đến

^{66[1]} *Quân phiệt cát cứ: Đây là thời kỳ các tướng lãnh địa phương nổi lên xưng hùng xưng bá chia nhỏ Trung Hoa thành từng vùng kể từ năm 1916 đến năm 1928. Tuy trên danh nghĩa, họ vẫn tuân phục chính quyền Trung Hoa Dân Quốc, nhưng các tướng lãnh quân phiệt hầu như có chính quyền, quân đội riêng biệt, và chánh quyền Trung Ương phải điều đình, mua chuộc, dựa dẫm họ. Thời kỳ quân phiệt nổ ra sau cái chết của Viên Thế Khải vào năm 1926 và chấm dứt sau cuộc Bắc Phạt, quân phiệt cát cứ vẫn tồn tại cho đến khi Mao Trạch Đông đánh bại phe Quốc Dân Đảng mới chấm dứt. Nguyên nhân xa là do triều đình nhà Thanh không có hệ thống quân đội trung ương, quân lực được tổ chức thành các tỉnh, các kỳ, do các quan Đoàn Luyện chỉ huy tại mỗi tỉnh. Mạnh nhất là quân đoàn Bắc Dương của Viên Thế Khải. Sau khi lật đổ nhà Thanh, chính quyền Nam Kinh của Tôn Dật Tiên phải liên kết với Viên Thế Khải để thống nhất Trung Hoa, và đổi lại, Viên Thế Khải trở thành đại tổng thống, thành lập chính quyền Bắc Dương. Mọi âm mưu chống đối bị họ Viên đè nát, và khi họ Viên tuyên bố lên ngôi hoàng đế, các tỉnh miền Nam chống đối, hình thành mặt trận Vệ Quốc, dẫn đến sự xuất hiện đông đảo các tướng lãnh quân phiệt. Trung Hoa bị tách thành hai chính quyền song hành: chính quyền Bắc Dương và chính quyền Nam Kinh. Những tướng quân phiệt nổi tiếng thời ấy là Trương Tác Lâm, Phùng Quốc Chương, Đoàn Kỳ Thụy, Lê Nguyên Hồng, Trương Huân, Tào Khôn, Đường Kế Nghiêu, Diêm Tích Sơn v.v...*

chuyện này. Do vậy, hình thành tình trạng giáo dục hiện thời đúng là đời sau kém hơn đời trước. Hiện thời, hoàn toàn chẳng thấy [đức dục] nữa!

Trong kinh điển, đức Phật giảng hai cõi sướng và khổ, nay chúng ta hoàn toàn thấu hiểu, nhưng phải nhớ lời Phật khai thị: “*Tổ tiên bất thiện (vô tri), bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả*” (Tổ tiên bất thiện, chẳng biết đạo đức, không có ai nói). Không có ai giảng cho chúng ta, chúng ta làm chuyện sai quấy, đức Phật khoan hồng độ lượng, tha thứ, chẳng trách móc, chẳng chỉ trích chúng ta. Chúng ta cũng phải dùng tâm thái này để đối đãi hết thầy chúng sanh làm ác trong hiện tại, cũng phải giống như đức Phật khoan dung đối với bọn họ. Bọn họ đáng thương, vô tri mà! Nếu họ được tiếp nhận giáo dục văn hóa truyền thống Trung Quốc như thời cổ, sẽ chẳng làm như vậy. Hiện thời, khắp thế giới xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, có phương pháp nào cứu vãn hay chăng? Phương pháp có chứ! Trước đây đã từng có người hỏi tôi, người ấy nói: Khi chúng tôi còn thơ, hề gặp khó khăn sẽ nhờ cha mẹ [hướng dẫn cách] giải quyết. Nay chúng ta gặp khó khăn thì phải làm sao? Vẫn theo lệ ấy! Tìm đến tổ tiên, vấn đề sẽ được giải quyết, thật sự có thể giải quyết. Tổ tiên không còn trên đời, nhưng trí huệ và kinh nghiệm của tổ tiên truyền lại, ở nơi đâu? Trí huệ của tổ tiên ở trong kinh điển. Quý vị thấy những gì được biên tập trong Tứ Khố Toàn Thư là kinh, sử, tử, tập^{67[2]}, trí huệ ở trong kinh và tử, còn kinh nghiệm thì sao? Kinh nghiệm trong phần sử, quý vị tìm tòi trong lịch sử, chắc chắn có phương pháp giải quyết. Tổ tiên biết rõ ràng, sợ người đời sau sơ sót, nên đã đặc biệt nêu ra một chân lý vĩnh hằng không thay đổi, đó là chân lý gồm tám chữ: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, giáo dục làm đầu). Dùng phương pháp gì để giải quyết vấn đề? Giáo học! Giáo học có thể giải quyết vấn đề. Nói

^{67[2]} Kinh, sử, tử, tập là cách phân chia truyền thống các sách vở của Trung Hoa, Tứ Khố Toàn Thư cũng được phân loại nội dung theo cách này.

1. Kinh bao gồm những tác phẩm giảng giải về chính trị, luân lý, đạo đức, chủ yếu là những tác phẩm truyền thống kinh điển của Nho gia như Tứ Thư, Ngũ Kinh, Xuân Thu Công Dương Truyện, Xuân Thu Cốc Lương Truyện, Nhĩ Nhã v.v...

2. Sử là những tác phẩm ghi chép sự kiện lịch sử, điển chương, chế độ, địa lý, lại được chia thành nhiều tiểu loại như chánh sử, biên niên, bốn sự, kỷ sự bốn mặt, biệt sử, tạp sử, chiếu lệnh, tấu nghị, sử ký v.v... Kể cả những tác phẩm đánh giá, bình luận sự kiện lịch sử.

3. Tử bao gồm các trước tác của bá gia chư tử, Nho gia, Phật, Đạo gia, chia thành các tiểu loại như Nho gia, binh gia, nông gia, pháp gia, y gia, thiên văn, toán pháp, thuật số, nghệ thuật, ký lục, tạp gia, số thư (sách bói toán), tiểu thuyết gia v.v...

4. Tập bao gồm các tác phẩm trước tác của các danh sĩ các đời như tản văn, biền văn, thơ, từ, ca khúc, bình luận văn học, bút ký v.v...

theo căn bản Phật pháp, đức Phật biết khổ và sướng, khéo léo chỉ bày khổ và sướng, khổ do đâu mà có? Do mê hoặc, điên đảo mà có! Quý vị mê rồi bèn làm chuyện sai trái, sẽ bị khổ báo, mê mất rồi! Nếu quý vị giác ngộ, tỉnh ngộ, sẽ chẳng làm chuyện ác, sẽ đoạn ác làm lành, bèn lìa khổ, được vui. Đây là một đại tiền đề (antecedent), đại nguyên tắc.

Nay chúng sanh khổ như thế, không ai dạy, dạy gì? Dạy con người giác ngộ, đó là giáo dục. Không phải là dạy khoa học, kỹ thuật, đó không phải là giáo dục; người Trung Quốc nói tới “*giáo dục*” thì giáo dục có nghĩa là dạy con người giác ngộ, đó là giáo dục, chúng ta phải hiểu rõ chuyện này! Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy con người giác ngộ từ nhỏ, hiểu mối quan hệ giữa con người với nhau, sẽ mới có thể suốt cuộc đời sống hạnh phúc mỹ mãn, sẽ có quan hệ cư xử hết sức tốt đẹp; quan hệ cư xử tốt đẹp thì gọi là “*đức*”. Thông hiểu mối quan hệ nhân quả, không chỉ chẳng làm chuyện ác, mà ngay cả ác niệm cũng chẳng dấy lên. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, tâm quý vị thiện, tư tưởng thiện, ngôn ngữ thiện, hành vi thiện, quý vị suốt đời hưởng phước báo bất tận, phước báo do vậy mà có! Người thế gian coi hưởng thụ vật chất là phước báo, thật ra, đó là một phần nhỏ trong phước báo. Của cải là do trong mạng có. Trong mạng có bao nhiêu, quý vị chẳng có cách nào cưỡng cầu. Quý vị muốn vượt hơn số lượng của cải đã định sẵn trong số mạng, đó là chuyện không thể nào xảy ra được! Sẽ chẳng làm được! Trong mạng quý vị đã có, mong giảm bớt một chút cũng chẳng giảm được! Trong mạng của quý vị có [của cải, phước lộc] như thế nào? Trong đời quá khứ đã gieo nhân, đời này quả báo hiện tiền. Của cải là quả báo, bố thí tài vật là nhân. Đời này là phú ông giàu có vạn ức, kiếp trước tu Tài Bố Thí khá nhiều, đến khắp nơi phân phát của cải. Khi thấy kẻ bần cùng cần đến, chẳng mảy may keo kiệt, đến đời này suốt đời được giàu có lớn, [tiền của] đưa đến như thế đó! Thông minh, trí huệ là quả báo, trong đời quá khứ tu pháp bố thí. Khỏe mạnh trường thọ là quả báo, trong đời quá khứ tu vô úy bố thí. Tu ba thứ bố thí này, sẽ đạt được ba thứ quả báo: Tiền của, thông minh trí huệ, và khỏe mạnh, trường thọ. Trong đời quá khứ chẳng tu, nếu đời này may mắn, gặp cao nhân chỉ điểm, quý vị có thể tin tưởng, tu trong đời này vẫn kịp. Tôi là một kẻ may mắn, khi tôi còn trẻ, ba điều này (phú quý, trí huệ, thọ mạng) đều không có. Có rất nhiều người xem tướng, đoán mạng cho tôi, tôi rất tin lời họ: Trong mạng tôi, của cải trống trơn, có số ăn mày, còn được một chút thông minh trí huệ; suốt đời này muốn chuyển biến phải dựa vào điều này. Chẳng vô úy bố thí nên đoán mạng, tôi tin tưởng. Người ở quê tôi đều biết: Đời ông cố tôi còn khá, đến đời ông nội tôi gia cảnh đã lụn bại, đến đời cha tôi nghèo túng không có mảnh đất cắm dùi, chẳng có được một mẫu ruộng nào ở quê nhà, không có nhà cửa để ở!

Một mình tôi theo các bạn học đến Đài Loan, gặp được văn hóa truyền thống, gặp được Phật pháp. Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, vì tôi một thân một mình chẳng phải lo lắng gì. Số mạng tệ quá, chẳng có của cải gì, Ngài dạy tôi tu; vì thế, lão nhân gia dạy tôi tu Tài Bố Thí. Tôi thưa: “Con cơm còn chưa đủ ăn, lấy đâu ra để Tài Bố Thí?”

Ngài hỏi tôi: “Có các nào hay chẳng?” Một các thì được! “Một đồng tiền có hay chẳng?” Miễn cưỡng thì một đồng cũng được! “Anh hãy bỏ thí từ một các, một đồng, phải có ý niệm bỏ thí, phải có cái tâm này. Hễ gặp cơ hội, anh bèn tu, thật sự làm!” Khi ấy, tôi đã hiểu, biết Phật pháp chẳng phải là mê tín, thường đến chùa miếu, tới chùa miếu để làm gì? Tìm đọc kinh sách. Do thuở ấy, chẳng thể mua kinh Phật ngoài phố, chẳng thể mua kinh sách được, chỉ có trong chùa miếu Phật giáo mới có kinh Phật, [nhà chùa] có tàng kinh lâu, có thư viện, có thẻ mượn đọc. Kinh điển trọng yếu như Đại Tạng Kinh không cho mượn về, chỉ đành lợi dụng ngày cuối tuần hay ngày nghỉ đến đó sao chép. Vì thế, gặp gỡ mấy vị cư sĩ, khi đó, chúng ta còn chưa gọi họ là cư sĩ, cầm cuốn sổ nhỏ đến hóa duyên in kinh, mọi người tùy hỷ bỏ ra chút ít. Gặp tôi, tôi ghi hai các, ba các, năm các, tôi chỉ có sức đến đó, thầy dạy tôi như thế. Còn có phóng sanh, phóng sanh cũng là góp tiền, chúng tôi cũng đóng góp một chút như thế, bắt đầu làm. Càng làm, hoàn cảnh càng tốt đẹp hơn. Quý vị thấy trong mười năm gần đây, mỗi năm tôi bỏ thí để làm những thiện sự gần như là một ngàn vạn Mỹ kim, tôi nằm mộng cũng không ngờ là càng thí càng nhiều! Pháp bỏ thí tăng trưởng thông minh, trí huệ, tuổi thọ [theo số mạng của tôi] là bốn mươi lăm tuổi, tôi đã sống lâu hơn bốn mươi năm, đó là gì? Vô úy bỏ thí. Vô úy bỏ thí thứ nhất là ăn chay, không kết oán cừu với chúng sanh. Tôi ăn chay đến năm nay là năm mươi chín năm, sang năm là sáu mươi năm, ăn chay, chẳng kết oán cừu với chúng sanh! Phóng sanh, bỏ thí thuốc men; bỏ thí thuốc men sẽ không sanh bệnh. Vì thế, tôi bảo mọi người: Vì sao tôi không thể bị bệnh? Không có tiền thuốc thang, tiền thuốc thang đem bỏ thí hết rồi! Nếu tôi để dành một khoản tiền chữa bệnh, chắc chắn phải ngã bệnh, vì sao? Quý vị đã chuẩn bị kỹ lưỡng, khoản tiền ấy dùng để chữa bệnh, chắc chắn quý vị phải sanh bệnh thì mới dùng khoản tiền ấy được! Do vậy, tôi đem khoản tiền thuốc men tặng cho bệnh viện để bỏ thí cho người nghèo cùng mắc bệnh, giúp đỡ họ, hàng năm giúp cho họ hơn hai mươi vạn. Do tiêu hết khoản tiền thuốc nên khỏe mạnh, trường thọ, sẽ không thể ngã bệnh, chẳng mắc bệnh. Những chuyện này đều do thầy dạy, tôi tin tưởng thầy, y giáo phụng hành, cho nên đời này sống rất tự tại, sống rất hạnh phúc. Hạnh nghiệp này là đi theo con đường của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, chỉ dạy học, chẳng làm chuyện gì khác!

Nay chúng ta thật sự hiểu rõ: Chỉ có giáo học là có thể giúp hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui. Khổ lạc là quả báo, nhân là mê ngộ, giáo học giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, là cái quả tự nhiên, lẽ nào Ngài chẳng lìa khổ được vui? Nhìn lại, tôi thấy tất cả những vị sáng lập tôn giáo đều là những người hết sức lỗi lạc, vì sao? Đều là giáo học. Thuở tại thế, Gia Tô (Jesus) dạy học ba năm, Ngài bị người ta hại chết. Nếu chẳng bị kẻ khác hại chết, tôi tin Ngài sẽ giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời dạy học. Mục Hãn Mặc Đức (Mohammed, Muhammad) dạy học hai mươi bảy năm. Thời gian Phật Thích Ca dạy học dài nhất, bốn mươi chín năm. Dạy học vui sướng, nâng cao đức hạnh và trí huệ của chính mình, giúp người khác phá mê khai ngộ. Vì thế, để cứu vãn phong

khí xã hội hiện thời, dùng phương pháp gì? Dạy học. Nếu quốc gia nào hiểu rõ, người lãnh đạo đất nước giác ngộ, hiểu rõ, lợi dụng đài truyền hình và mạng Internet của đất nước để dạy những khoa mục luân lý, đạo đức, nhân quả, những khoa mục ấy đều giúp cho con người giác ngộ, tôi tin tưởng quốc gia ấy tới đa sau một năm, xã hội sẽ an định, vấn đề sẽ được giải quyết. Trong quá khứ, tôi đã bàn với nhiều người, trong khi giảng kinh cũng nhắc tới, hiện thời, quốc gia cần loại nhân tài nào bức thiết nhất? Giáo viên giáo dục truyền thống. Nếu đất nước có thể bồi dưỡng năm mươi, sáu mươi giáo viên, thiết lập một đài truyền hình chuyên phát sóng trong hai mươi bốn giờ, thì sức mạnh của năm mươi, sáu mươi giáo viên ấy sẽ hơn năm trăm vạn đại quân, trong thời gian một năm có thể đưa quốc gia xã hội theo đúng quỹ đạo. Ai nấy đều giác ngộ, tai nạn sẽ hóa giải, ngay cả thiên tai cũng chẳng còn! Hết sức đáng tiếc là hiện thời nhiệm kỳ tuyển cử [của Tổng Thống hay Thủ Tướng ở] các quốc gia Tây Phương là bốn năm, đầu óc họ luôn nghĩ cách tranh thủ phiếu bầu cho nhiệm kỳ tới, chẳng hề nghĩ đến chuyện này, rất đáng tiếc! Hễ tôi có cơ hội vẫn khuyên họ, đừng bận tâm đến phiếu bầu, nhiệm kỳ kế tiếp đắc cử hay không chẳng sao cả, chính mình trong thời gian bốn năm hãy khéo làm tốt chuyện này, công đức to lắm! Công đức không gì có thể sánh bằng, hơn đắc cử nhiều lắm, đây là chuyện chúng ta phải nên làm. Do vậy, đối với “*diệu hiển khổ lạc*”, nay chúng ta mới thật sự thấu hiểu dụng tâm giảng kinh của đức Thế Tôn từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước. Dụng tâm chân thật nhằm khích phát, cổ vũ chúng sanh đang mê muội, chìm đắm. Chúng ta đã giác ngộ, hãy giúp người khác giác ngộ. Chúng ta biết phương pháp này, phải giúp đỡ những vị đại đức có địa vị, có cơ duyên.

“*Thử đại hỏa tụ, bỉ thanh lương trì*” (cõi này là đồng lửa lớn, cõi kia là ao thanh lương), “*thử*” là thế giới của chúng ta. Thế giới này quá nhiều khổ nạn, “*đại hỏa tụ*” là giống như địa ngục. “*Bỉ*” là Tây Phương Cực Lạc thế giới, nơi đó là ao thanh lương. Chúng ta học tập kinh Phật, cũng thường nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thế giới ấy có khác gì thế giới của chúng ta hay chẳng? Chẳng sai khác mấy may! Vì lẽ gì nơi này là đồng lửa lớn, nơi kia là ao thanh lương? Cư dân có tâm tư khác nhau. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu thế giới Cực Lạc, như trong kinh Di Đà đã nói: Thế giới ấy là “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*”, người trong thế giới ấy như thế nào? Thượng thiện. “*Thiện*” có tiêu chuẩn, tức là Thập Thiện Nghiệp, chẳng sát sanh, không ăn trộm, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng ác khẩu, chẳng nói thù dật, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, người thực hiện viên mãn mười điều này chính là thượng thiện! Ai nấy đều như vậy, nên thế giới đó tốt đẹp. Trong kinh điển, đức Phật thường dạy: “*Tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển*”. Con người ở bên ấy mang tấm lòng thượng thiện, nên chẳng có gì bất hảo, tướng mạo con người đẹp đẽ, hoàn cảnh sống tốt đẹp, tai nạn gì cũng đều không có. Nhìn lại thế giới của chúng ta thì sao? Cũng là “*thượng*”, chẳng khác gì thế giới Cực Lạc, nhưng chẳng phải là thiện, mà là ác, sát sanh,

trộm cắp, tà dâm, cho đến tham, sân, si, cũng là làm rất viên mãn, cho nên có phiền phúc đưa tới liền! Vì thế, xã hội động loạn, thiên tai, nhân họa liên tiếp xảy ra; bới tung cả thế giới, phú quý hay bần tiện đều chẳng có cảm giác an toàn, đều chẳng cảm thấy hạnh phúc, quý vị nói thử xem thế giới chúng ta đang sống đây có đáng thương quá hay chẳng? Chúng ta có cảm giác an toàn đôi chút, không bị sợ hãi, có cảm giác hạnh phúc, là vì sao? Chúng ta chỉ biết chắc chúng ta sống sót ngày hôm nay, chẳng nghĩ đến ngày mai, cho nên hôm nay phải rất hạnh phúc. Chuyện đáng nên làm bèn thực hiện tốt đẹp, toàn bộ những chuyện chẳng nên làm đều buông xuống, chẳng lo nghĩ. Nếu nghĩ đến ngày mai, sang năm, năm sau, sẽ rắc rối to, quyết định không có ý niệm này, niệm niệm tưởng sanh về thế giới Cực Lạc, niệm niệm nghĩ tới A Di Đà Phật. Nói chung, ta có một ngày để nghĩ đến Ngài, chẳng nghĩ chi khác! Nghĩ nhớ A Di Đà Phật là thượng thiện, A Di Đà Phật là bậc thượng thiện, Thập Thiện nghiệp đều viên mãn.

“*Bảo liên tại tiên, đao sơn tại hậu*” (sen báu trước mặt, núi đao sau lưng), chuyện này là do chúng ta chọn lựa. Chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới thì ao sen bảy báu ở trước mặt. Nếu không đến được thế giới Cực Lạc, vẫn muốn ở lại thế giới này, thì đao sơn sẽ ở sau lưng, đó là gì? Địa ngục! Đao sơn địa ngục đấy! Quý vị tiến lên trước, hay lùi về sau? Quý vị hãy liễu giải chân tướng sự thật này. “*U thi, tự nhiên sanh khởi thắng nguyện, yếm ly Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc*” (Do vậy, tự nhiên sanh khởi ý nguyện thù thắng, chán lìa Sa Bà, cầu sanh Cực Lạc). Quý vị phải thật sự biết, vì sao? Thì mới có thể buông xuống, chẳng còn tham luyến thế gian này, chẳng còn tạo nghiệp luân hồi. Không chỉ chẳng tạo nghiệp luân hồi, mà cái tâm luân hồi cũng phải đoạn. Đoạn cái tâm luân hồi như thế nào? Đặt cái tâm của A Di Đà Phật ở chính giữa [tâm mình], hết thấy các tạp niệm khác đều vứt bỏ, tâm luân hồi sẽ chẳng còn! Tâm quý vị sẽ là tâm A Di Đà Phật. Vì thế, đối với khóa tụng sáng tối của các đồng học Tịnh Tông chúng ta, trong khóa sáng, chúng ta chưa thể niệm toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ, tôi khuyên mọi người trong khóa sáng hãy niệm phẩm thứ sáu, tức phần bốn mươi tám nguyện. Phải đem bốn nguyện của A Di Đà Phật biến thành bốn nguyện của chính mình. Ta và A Di Đà Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, há còn chẳng thể vãng sanh ư? Chắc chắn vãng sanh! Khóa tối, chúng ta chọn từ phẩm ba mươi hai tới phẩm ba mươi bảy nhằm sám trừ nghiệp chướng, đoạn kinh văn này giảng gì? Giảng Ngũ Giới, Thập Thiện. Dùng tiêu chuẩn này để tu chỉnh khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi tạo tác của chúng ta. Phải thật sự hành Thập Thiện, phải thật sự đoạn bất thiện. Đọc hằng ngày, học hằng ngày, giảng hằng ngày, quý vị nói có phải là sung sướng, hạnh phúc lắm hay không? Chẳng phải là giảng cho người khác nghe, mà là giảng cho chính mình nghe; người khác là bàng thính (nghe kẻ), chính mình thật sự học. Mỗi ngày nâng cao cảnh giới và đức hạnh của chính mình, tăng trưởng trí huệ của chính mình, trong thế gian này còn có chuyện gì tốt đẹp hơn chuyện này? Thật sự thông đạt đạo lý, thật sự hiểu rõ, tự nhiên quý vị có thể

buông xuống, buông Sa Bà khổ sở xuống, đạt được Cực Lạc sung sướng. Thật tâm cầu sanh Cực Lạc, chẳng giả!

“*Ký sanh tín nguyện, cánh trì danh hiệu, tiên đắc độ thoát*” (đã sanh tín nguyện, lại còn trì danh hiệu, liền được độ thoát), chân tín! Vì sao người niệm Phật chẳng thể vãng sanh? Lòng tin chẳng đủ, người ấy hoài nghi! Vì sao hoài nghi? Liễu giải Lý Sự chưa đủ thấu triệt. Vì sao đức Phật giảng kinh, thuyết pháp mỗi ngày? Giảng kinh, thuyết pháp nhằm mục đích giúp mọi người đoạn nghi, sanh tín. Nếu là chân tín, sẽ có thể chẳng cần nghe kinh, mà cũng có thể chẳng cần niệm kinh. Phải hiểu đức Phật giảng kinh nhằm mục đích giúp chúng ta đoạn nghi rồi mới sanh tín. Sau khi đoạn nghi, sanh tín, quý vị thật sự phát nguyện, hiểu luân hồi thật sự khổ, sở, chẳng thể luân hồi nữa! Trong dĩ vãng đã luân hồi nhiều như vậy, chẳng có cách nào tín toán số năm, luận tính kiếp số sẽ là vô lượng kiếp, khổ không thể nói nổi! Nay đã hiểu rõ, minh bạch rồi, ngày hôm nay đã gặp cơ hội này, nhất định có thể thoát ra, nương theo pháp môn này sẽ thật sự có thể vượt thoát. Chẳng dễ gì gặp được dịp này, cư sĩ Bành Tế Thanh vào đời Thanh trước kia đã nói: “*Hy hữu nan phùng chi nhất nhật*” (một ngày hiếm có khó gặp), hay như trong phần trước đã nói: “*Vô lượng kiếp lai, hy hữu nan phùng*” (hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay), ngày hôm nay quý vị đã gặp, nếu có thể nắm chắc, sẽ thành Phật ngay ngày hôm nay! “*Tiên đắc độ thoát*” (liền được độ thoát): Độ thoát là vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới, không chỉ là lục đạo, mà là thoát ly mười pháp giới. Thế giới Cực Lạc không thuộc trong mười pháp giới, hoành siêu mà!

“*Sanh bỉ quốc dĩ*” (sanh sang cõi ấy), quý vị đã đến thế giới Cực Lạc, “*kiến Phật văn pháp, đắc vô thượng ngộ*” (thấy Phật, nghe pháp, đắc vô thượng ngộ), chúng ta niệm niệm mong cầu điều này. Tới thế giới Cực Lạc gặp A Di Đà Phật, đồng thời gặp thập phương tam thế hết thấy chư Phật. Kinh Di Đà mà quý vị thọ trì do ngài Cưu Ma La Thập dịch, trong bản dịch này ghi sáu phương Phật; bản dịch của Huyền Trang đại sư ghi mười phương Phật. Kinh Vô Lượng Thọ ghi mười phương Phật; thập phương tam thế hết thấy chư Phật quý vị đều thấy. Vì sao? Thế giới Cực Lạc không có các chiều không gian và thời gian, nhưng trong thế gian này thì có các chiều không gian và thời gian, còn trong thế giới Cực Lạc thì không có. Không có thời gian thì quá khứ và vị lai quý vị đều thấy; không có không gian, sẽ chẳng có khoảng cách, khoảng cách xa đến mấy vẫn ở ngay trước mặt, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, quý vị thân cận hết thấy chư Phật Như Lai, mười phương thế giới chẳng tốn một tí công sức nào, chẳng mất công giờ chân, chẳng tốn sức bước một bước nào, mười phương Phật đều ở tại trước mặt. Khoa học kỹ thuật hiện thời vẫn chưa đạt tới mức này! Nay chúng ta do màn hình TV, cảnh tượng nơi xa xôi cũng có thể thấy giống như đang đối diện, nhưng cảnh tượng ấy là cảnh tượng phẳng lì, người trong cảnh tượng ấy chẳng thể bước ra trò chuyện với ta, còn thế giới Tây Phương là thật sự đối diện. Do vậy, chúng tôi nói: Khoa học còn thua thế giới Cực Lạc

rất xa! Tôi không ngừng cố vũ, khuyến khích các khoa học gia hãy tới thế giới Cực Lạc du học, A Di Đà Phật là đại khoa học gia, thật sự lỗi lạc, phải theo Ngài học tập. Thấy Phật có lợi gì? Nghe Phật thuyết pháp chúng ta sẽ khai ngộ, “*đắc vô thượng ngộ*”, vô thượng ngộ là khai ngộ viên mãn đến tột cùng. Đó là gì? Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật; vì vậy, tới thế giới Cực Lạc thành Phật rất dễ dàng. Quý vị có quá nhiều cơ hội, mỗi ngày đều tiếp xúc vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, cúng dường các Ngài, lễ bái, tu phước báo, nghe kinh là khai trí huệ. Đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Chính là để làm hai chuyện ấy!

“*Do hữu niệm nhi nhập vô niệm, nhân vãng sanh nhi khế vô sanh*” (do hữu niệm mà nhập vô niệm, do vãng sanh mà khế nhập vô sanh). Hữu niệm là phàm phu, vô niệm là Phật; hữu niệm là có niệm gì? Khởi tâm động niệm, kinh Đại Thừa gọi khởi tâm động niệm là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là hữu niệm, những thứ này chẳng còn nữa thì người ấy đã thành Phật. Lục căn của Phật đối trước cảnh giới lục trần chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, quý vị chẳng thể nói Ngài vô niệm. Ngài giảng kinh, thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, chẳng thể nói Ngài hữu niệm. Do nguyên nhân gì? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm là thanh tịnh tịch diệt, tự tánh bản thể hiện tiền; chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Ứng là khởi tác dụng, tác dụng có thể hiện tướng. Quý vị có thể thấy Phật, Bồ Tát, có thể thân cận Phật, Bồ Tát, hễ có nghi hoặc, Phật, Bồ Tát có thể giúp quý vị giải quyết, đây là từ Thể khởi Dụng. Thể là thật, vĩnh hằng bất diệt; Tướng là giả, sanh diệt trong từng sát-na. Vì thế, chẳng thể nói Tướng là có, chẳng thể nói Thể là không! Những khái niệm này đều là sự tưởng tượng hư vọng của lục đạo chúng sanh, chúng ta quá quen thuộc với chúng, cứ tưởng chúng là những chuyện rất bình thường. Thật ra, hoàn toàn sai lầm! Do vì những thứ này, nên không thoát khỏi luân hồi trong lục đạo, hãy nên buông xuống; nói dễ, làm khó! Tịnh Tông thuận tiện, tức là dùng một câu danh hiệu “A Di Đà Phật” để thay thế tất cả những quan niệm hư huyền. Ý niệm vừa mới dấy lên, bèn A Di Đà Phật, chẳng cho có ý niệm thứ hai. Vì sao? Phật hiệu là tín hiệu liên lạc giữa chúng ta ở nơi đây và Tây Phương Cực Lạc thế giới đạo sư A Di Đà Phật. Quý vị niệm câu Phật hiệu này để liên lạc với Ngài. Liên lạc mỗi ngày, thời thời khắc khắc liên lạc, vứt bỏ hết những thứ khác, chúng ta dùng đường dây [liên lạc] này sẽ thông suốt, ắt có cảm ứng đạo giao. Nay chúng ta dùng một câu A Di Đà Phật là hữu niệm, khi tới Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chứng đắc vô niệm. Do vãng sanh mà khế nhập vô sanh, do phương pháp này ta bèn vãng sanh, tới thế giới Cực Lạc bèn chứng đắc vô sanh. Vô sanh là chẳng còn sanh tử, Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật là như vậy. “*Đốn ngộ thứ tâm, bốn lai bình đẳng*” (đốn ngộ cái tâm này vốn bình đẳng), bình đẳng là Phật tâm, quý vị thật sự tìm được chính mình.

“*Đường Hải Đông Nguyên Hiếu sư vân*” (sư Nguyên Hiếu ở Hải Đông vào đời Đường đã nói), Đường là nhà Đường, Hải Đông là Hàn Quốc hiện thời. Hàn Quốc có

một vị pháp sư tên là Nguyên Hiếu (Wonhyo)^{68[3]}, Ngài sang Trung Quốc học, thân cận Thiện Đạo đại sư, làm đệ tử của Thiện Đạo đại sư, sau khi trở về nước giáo hóa một phương, là bậc đại đức của Tịnh Tông Hàn Quốc. Ngài nói như sau: “*Tứ thập bát nguyện, tiên vị phàm phu, kiêm vị tam thừa thánh nhân*” (Bốn mươi tám nguyện trước là vị phàm phu, sau là vị kèm thêm thánh nhân trong tam thừa). Nói rất hay, nếu chẳng khéo nhập cảnh giới sẽ không thể nói ra lời này! Từ cảnh giới này, chúng ta cảm ơn Phật Di Đà, Phật Thích Ca vô hạn, vì sao? Không do pháp môn này, lữ phàm phu chúng ta chẳng thể thành tựu; do pháp môn này mà thành tựu của chúng ta vượt trội tam thừa thánh nhân. “*Tam thừa*”: Đại Thừa là Bồ Tát, Trung Thừa là Bích Chi Phật, Tiểu Thừa là A La Hán; vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới vượt trội các vị ấy. Các Ngài gặp nhiều khó khăn hơn chúng ta, vì sao? Các Ngài có chấp trước, có Sở Tri Chướng, chẳng tin tưởng pháp môn này. Tuy chúng ta có chướng ngại, nhưng do thiện căn đời trước sâu dày, nói thật thà là chúng ta vừa nghe pháp môn này bèn hoan hỷ, vừa nghe đã muốn thật sự học, thật sự muốn sang thế giới Cực Lạc. Tuyệt đối chẳng phải chỉ trong một đời này, mà là trong quá khứ chắc chắn đã học pháp môn này. Vì thế, vừa tiếp xúc, chúng tôi thiện căn trong A Lại Da bèn dẫn khởi sự tu tập trong đời trước, nên mới sanh khởi sức mạnh khiến tín nguyện kiên cố. “*Khả kiến Tịnh Độ Tông chi diệu, thủ vị phàm phu đắc độ*” (Có thể thấy điều màu nhiệm của Tịnh Độ Tông là làm cho phàm phu đắc độ trước tiên). Đây là sự hay khéo của Tịnh Tông.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ ba: “*Tha lực diệu pháp, thiện hộ hành nhân*” (diệu pháp tha lực, khéo hộ trì hành nhân). “*Kỳ tha pháp môn toàn bằng tự lực, mật thể tu hành đa chur chướng nạn*” (những pháp môn khác hoàn toàn cậy vào tự lực, tu hành trong đời Mật có lắm chướng nạn). Chúng ta phải ghi nhớ câu nói gồm mười sáu chữ này! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào cũng đều phải cậy vào tự lực, tự lực là gì? Đoạn phiền não, chúng Bồ Đề. Trong thời đại Mật Pháp hiện tại, từ nay về sau, tu hành quả thật khó khăn. Kế đó, sách nêu ra thí dụ: “*Lệ như Lăng Nghiêm trung, quảng minh hành nhân u Thiên Quán trung chi ngũ thập chủng Ám Ma can nhiễu*” (Chẳng hạn như trong

^{68[3]} Ngài Nguyên Hiếu (617-685) là một vị cao tăng Đại Hàn, tục danh Tiết Tư (Seolsa), thụy hiệu Hòa Tịnh Quốc Sư, biệt hiệu Tây Cốc Sa Di, quê ở Khánh Sơn (Gyeongsan), sống vào thời đại Tân La (Syalla). Sư là bạn thân của sư Nghĩa Tương (Uisang) sáng tổ tông Hoa Nghiêm của Đại Hàn. Ngài Nguyên Hiếu trước tác vô cùng phong phú, chú giải cả trăm loại kinh luận khác nhau (có sách nói Ngài biên soạn đến 240 bộ chú giải), nên có mỹ hiệu là Bách Bộ Luận Chủ. Sư được coi là sơ tổ của Hải Đông Tông, tức tông phái chuyên nghiên cứu về Pháp Tướng tại Đại Hàn. Sư đặc biệt có ảnh hưởng lớn lao đến sự nghiên cứu các giáo nghĩa Hoa Nghiêm, Duy Thức và Như Lai Tạng trong Phật giáo Đại Hàn. Do quá lỗi lạc, vua Tân La là Vũ Liệt Vương đã ép Ngài phải lấy công chúa Dao Thạch làm vợ, sinh hạ một trai là Tiết Thông (Seol Chong). Tiết Thông cũng là một nhà nghiên cứu Nho học lỗi lạc thời ấy.

kinh Lăng Nghiêm đã giảng tường tận người tu Thiên Quán bị năm mươi thứ Âm Ma quấy nhiễu). Lần này, chúng tôi không giảng về năm mươi thứ Âm Ma nữa; nếu giảng năm mươi thứ Âm Ma, có lẽ mất hai mươi tiếng đồng hồ vẫn chưa giảng xong. Nếu quý vị muốn biết, hãy xem kinh Lăng Nghiêm. Đọc kinh Lăng Nghiêm không hiểu thì coi chú giải. Chú giải kinh Lăng Nghiêm rất nhiều; tương đối đơn giản, dễ hiểu thì có thể đọc bộ Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh trong thời cận đại. “*Hành nhân chánh kiến sảo thất, tiện hãm ma võng*” (hành nhân hơi mất chánh kiến, liền vướng vào lưới ma), chúng ta phải đặc biệt lưu ý câu này. Năm mươi thứ Âm Ma, Âm là Ngũ Âm, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong mỗi Âm có mười thứ ma, [nên thành] năm mươi thứ. Quý vị thấy Sắc chính là cảnh giới hữu hình bên ngoài, cũng có thể nói là ngoại giới dụ dỗ, mê hoặc; bốn mươi thứ kia là phiền não trong nội tâm quý vị. Hễ quý vị bị dụ dỗ, mê hoặc, sẽ bị mắc lừa, chánh kiến vừa bị mất đôi chút bèn biến thành ma tuy quý vị vốn là Phật. Chánh kiến là gì? Mỗi tông phái khác nhau, mỗi pháp môn khác nhau, mỗi tông phái, pháp môn có chánh kiến khác biệt! Chánh kiến trong pháp môn Tịnh Tông là một câu Di Đà, chánh tri, chánh kiến. Quên mất A Di Đà Phật, tiếng tăm, lợi dưỡng dấy lên, xong rồi! Quý vị rớt vào ma giới. Quý vị phải biết: Đi theo con đường Tây Phương Cực Lạc thế giới này, nếu bước vào ngõ rẽ mà chẳng lập tức quay lại, chắc chắn sẽ mê mất phương hướng, đúng là muôn kiếp chẳng trở lại được! Trong một vạn kiếp, quý vị có thể tìm đường trở về hay chẳng? Có vấn đề, chưa chắc đã có thể tìm được lối về. Bởi lẽ, trong quá khứ, lòng người thiện lương, phong tục xã hội thuần hậu, tu hành rất dễ dàng, bên ngoài chẳng dụ dỗ, mê hoặc như trong hiện tại. Hiện thời, sức dụ dỗ, mê hoặc không chỉ cao hơn quá khứ một trăm lần, đáng sợ quá! Các đồng tu học Phật đã lâu, đã từng học kinh Lăng Nghiêm, học kinh Đại Thừa đều biết [điều này], nhưng có thể đối phó những cảnh giới ấy hay không, rất khó nói! Vì thế, người tu hành bị đọa trong cảnh giới ma quá nhiều!

Ở đây, cụ Hoàng nêu một ví dụ, quý vị phải từ ví dụ này mà răn dè, đây là nói về cảnh giới hiện tiền, khi cảnh giới Phật hiện tiền: “*Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới, nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà*” (Nếu [thấy cảnh giới thù thắng hiện tiền] tâm chẳng nghĩ là đã chứng thánh thì cảnh giới ấy gọi là cảnh giới tốt lành. Nếu cho là ta đã chứng thánh quả, liền rớt vào các loài tà ma, ngoại đạo). Nêu ra thí dụ này để nói điều gì? Vừa hơi mất chánh niệm, quý vị liền đọa lạc. Trong xã hội hiện thời, cảnh giới này rất nhiều, thấy tướng lành, thấy A Di Đà Phật, thấy các cõi Phật, thật sự có người trông thấy, chẳng giả, thậm chí có mấy người cùng thấy. Trong xã hội hiện tại, còn có những trường hợp quỷ thần dựa thân rất nhiều, Trung Quốc lẫn ngoại quốc đều là như thế, những hiện tượng do ảo giác sanh ra cũng rất nhiều. Trong ấy có rất nhiều cảnh giới Phật, đó là thật hay giả? Sau khi quý vị thấy mà chẳng động tâm thì cảnh giới ấy là thật. Nếu khi quý vị thấy cảnh giới ấy bèn động tâm, cho là thật thì sai mất rồi! Quý vị phải biết: Hết thấy cảnh giới hiện tiền, quý vị vẫn như như bất động, những cảnh giới ấy sẽ là thật. Nếu cảnh

giới hiện tiền, tín tâm dao động, khởi vọng tưởng, quý vị đã sai mất rồi, bị lừa rồi, cảnh giới ấy là cảnh giới ma! Do vậy, cảnh giới là ma hay là Phật chẳng do bên ngoài, mà do nội tâm quyết định. Nội tâm quý vị vẫn là Giới - Định - Huệ làm chủ thì cảnh giới bên ngoài đều là cảnh giới Phật; cảnh giới ma vẫn là cảnh giới Phật. Nếu quý vị khởi tâm động niệm, hoặc sanh tâm hoan hỷ, hoặc sanh tâm chán ngán, đều sai cả! Tâm quý vị bị động, hoặc dấy lên tham, sân, si, mạn, sai mất rồi! Đừng nên bị cảnh giới bên ngoài lay động. Người ta nói quý vị là vị Phật nào tái lai mà quý vị thật sự nghĩ đúng như vậy thì xong mất rồi, đã đọa vào cảnh ma mất rồi!

Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa Trung Quốc đã có những tiền lệ, Bồ Tát có thể ứng hóa trên thế gian hay không? Có thể! Có thật hay chẳng? Nếu là thật, hễ thân phận bị bộc lộ, bèn đi ngay lập tức, thật đấy, chẳng giả đâu! Thân phận bị bộc lộ mà vẫn không tịch, dùng lời lẽ yêu mị để mê hoặc người khác, đó là đồ giả, chẳng thật! Thuở Ấn Quang đại sư tại thế, có người nói Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, lão nhân gia quyết liệt phủ nhận, cảnh cáo nghiêm khắc. Đó là một cô bé, chẳng tin Phật, là học trò Sơ Trung (cấp Hai, Trung Học đệ nhất cấp), mộng thấy Quán Thế Âm Bồ Tát bảo cô ta: “Gần đây, Đại Thế Chí Bồ Tát đang giảng kinh ở chỗ các ngươì”, bảo cô ta hãy đến nghe. Cô bé hỏi Đại Thế Chí là ai? Pháp sư Ấn Quang! Do vậy, cả nhà hoan hỷ đến gặp pháp sư Ấn Quang, kể lại giấc mộng, bị pháp sư Ấn Quang quở mắng một trận: Sau này mà ngươì còn nói như vậy nữa, chẳng cho ngươì vào cửa, nên chẳng dám nói nữa! Tới khi pháp sư Ấn Quang viên tịch, cô ta viết một bài, được in trong bộ Ấn Quang Đại Sư Vĩnh Tư Lục, thật đấy, chẳng giả! Quán Âm Bồ Tát bảo cô ta, pháp sư Ấn Quang trụ thế gần như chỉ còn bốn năm. Quả thật, bốn năm sau Ngài vãng sanh, nên cô ta mới nói ra chuyện này. Vào thời cổ, ở Trung Quốc, thật sự có Bồ Đại hòa thượng là người đời Tống, ở chùa Tuyết Đậu huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Đây là một nhân vật truyền kỳ, vì chẳng ai biết tình hình lúc Ngài chưa xuất gia, chẳng ai biết cả! Chỉ thấy có một vị hòa thượng như thế, thường hóa duyên bên ngoài, cầm một chiếc túi lớn, được người khác cúng dường, Ngài cũng không phân loại, mà cũng chẳng nhìn tới, hễ được cúng dường bèn tổng vào túi, vác đi, cho nên người ta gọi Ngài là Bồ Đại hòa thượng (hòa thượng túi vải). Chẳng ai biết pháp danh của Ngài, [nên cứ kêu là] Bồ Đại hòa thượng. Khi vãng sanh, Ngài bảo mọi người Ngài là Di Lạc Bồ Tát tái lai; nói xong, Ngài tịch, thật sự ra đi! Vì thế, người Hoa tạc tượng Di Lạc Bồ Tát đều tạc tượng Bồ Đại hòa thượng, Ngài thật sự có bản lãnh! Quý vị thấy các vị Hàn Sơn, Thập Đắc, Phong Can ở chùa Quốc Thanh núi Thiên Thai: Phong Can là A Di Đà Phật tái lai, Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền. Khi thân phận bị vạch trần, hai vị Hàn Sơn và Thập Đắc chạy lên núi, rất nhiều người hướng về các Ngài lễ bái, núi bèn nứt ra, các Ngài đi vào, núi bèn khép lại, chẳng thấy đâu nữa! Hòa thượng Phong Can là A Di Đà Phật, sau khi thân phận bị bộc lộ, bèn mất tăm tung

tích, chẳng biết đi đâu rồi! Cổ nhân có những trường hợp như thế nhằm giữ chữ tín với đời sau!

Ứng hóa thân đúng là thường có, trăm ngàn ức hóa thân; một vị Phật, một vị Bồ Tát có vô số hóa thân. Vì thế, quý vị gặp các Ngài, nếu giống như giáo pháp Đại Thừa đã nói “chớ nên nghĩ các Ngài là có, mà cũng đừng nghĩ các Ngài là không”, tâm quý vị vĩnh viễn giữ được sự thanh tịnh, vĩnh viễn giữ được lòng cung kính, đó là đúng. Vì sao? Đức Phật nói rất hay: *“Hết thấy chúng sanh vốn là Phật”*. Chúng ta cung kính A Di Đà Phật, cung kính Quán Âm Bồ Tát như thế nào, hãy dùng tấm lòng cung kính giống hết như vậy để cung kính hết thấy chúng sanh, vì sao? Họ đều là Phật! Quý vị nói tới bậc tái lai, có ai chẳng phải là bậc tái lai? Người vào trong cõi Phật đều là bậc tái lai, người từ nạ quý đạo thoát ra cũng là bậc tái lai; ai cũng là bậc tái lai, có gì hiếm lạ đâu? [Chỉ khác nhau ở chỗ là] từ đường nào tái lai! Trong hiện tại, điều mấu chốt thật sự quan trọng là chúng ta đừng đánh mất chánh niệm, trong mười hai thời, Phật hiệu chẳng gián đoạn, sẽ chẳng mất chánh niệm. Hễ Phật hiệu bị gián đoạn sẽ gọi là *“thất niệm”* (mất chánh niệm), bỏ lỡ chánh niệm. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: *“Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế”*, nhiếp trọn sáu căn, thâm hồi cái tâm phan duyên lại, đó chính là *“phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo”* (xoay cái Nghe lại để nghe tự tánh, tánh thành vô thượng đạo) của Quán Thế Âm Bồ Tát. *“Tịnh niệm”*: Tịnh là “tịnh” trong “thanh tịnh”, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp là Tịnh, *“tương kế”* là chẳng gián đoạn. Vĩnh viễn giữ gìn tịnh niệm tiếp nối, đó là chánh niệm trong Tịnh Tông. Đối với bất cứ cảnh giới nào hiện tiền, kinh Kim Cang có một câu nói rất hay: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, chẳng bị ngoại cảnh nhiễu loạn, đó là đúng! Do vậy, bất cứ cảnh giới Phật hay Bồ Tát nào hiện tiền, đều biết: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, sẽ là thiện cảnh giới, hảo cảnh giới. Tâm quý vị chẳng bị cảnh giới ấy xoay chuyển thì sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Nếu quý vị nghĩ: “Ta trông thấy, tức là công phu của ta ngon lành lắm, các người thua ta, ta thấy Phật, ta trông thấy Phật, tuy các người tu hành nhưng vẫn chưa thấy!”, tự nghĩ mình ghê gớm lắm, bị lừa mất rồi, đã bị ma chuyển rồi!

Do vậy, vào thời Tấn, Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư hướng dẫn một trăm hai mươi ba người cùng chung chí hướng, thấy đều tu Tịnh Độ, đều cầu vãng sanh, lấy Hồ Khê làm giới hạn, không ra khỏi giới tuyến ấy, phát nguyện vãng sanh tại nơi ấy. Quả thật, một trăm hai mươi người ai nấy đều vãng sanh, đúng là tuyệt diệu! Vãng sanh đương nhiên có kẻ trước người sau. Khi Viễn Công đại sư vãng sanh, Ngài thấy A Di Đà Phật và những đồng tu trong Niệm Phật Đường ấy đã vãng sanh trước theo A Di Đà Phật cùng đến tiếp dẫn Ngài. Ngài bảo đại chúng: *“A Di Đà Phật đến đón ta, ta sẽ vãng sanh trong ngày hôm nay”*. Ngài lại bảo mọi người: Trong thời gian Ngài ở trên núi ấy, trong quá khứ đã ba lần thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, lần này là lần thứ tư, nhưng chẳng kể với ai! Người khác hỏi Ngài: “Thế giới Cực Lạc như thế nào?” Ngài nói: “Hoàn toàn giống như trong kinh điển đã giảng”. Quý vị phải biết kinh điển khi đó chính là kinh Vô Lượng

Thọ, Viễn Công đại sư mở Niệm Phật Đường do dựa theo một quyển kinh này! Vì sao? Kinh Di Đà và kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật vẫn chưa được dịch ra, có thể là đã được truyền đến Trung Quốc rồi nhưng vẫn chưa dịch sang tiếng Hán, cho nên Ngài chỉ dựa theo kinh Vô Lượng Thọ. Tổ sư đã nêu gương đúng đắn cho chúng ta, dù thấy cảnh giới tốt đẹp đến đâu đi nữa vẫn chẳng nói, trong tâm chính mình như như bất động, càng thêm dụng công, đây là cảnh giới tốt. Công phu của quý vị đạt mức kha khá, Phật, Bồ Tát bèn thị hiện cảnh giới để làm gì? Nhằm khảo nghiệm quý vị, quý vị như như bất động, công phu sẽ tăng cao. Nếu quý vị động tâm, ngay lập tức bị giáng cấp: Vẫn chưa chịu nổi khảo nghiệm, chưa đủ sức qua nổi cái ải này! Vì thế, hai câu nói này của kinh Lăng Nghiêm rất trọng yếu!

“*Khả kiến hành nhân sảo hữu chấp trước, tiện thất chánh kiến, tức nhập ma đồ, cầu thăng phản giáng, thậm chí đọa nhập Nê Lê*” (Đủ thấy hành nhân hễ có chấp trước đôi chút bèn mất chánh kiến, liền lọt vào đường ma, cầu thăng lên, đâm ra đọa xuống, thậm chí rớt vào địa ngục). Nê Lê (Naraka, Niraya) là địa ngục, rất đáng sợ! Hiểu rõ đạo lý này, người tu hành thật sự sẽ giữ vững chánh niệm; thuận cảnh, [tức là] cảnh giới của Phật, Bồ Tát hiện tiền chẳng động tâm, cảnh giới yêu ma quỷ quái hiện tiền cũng không động tâm. Quý vị thấy địa ngục hiện tiền, vẫn là một câu “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, chẳng để ý nó, vẫn giữ chặt một câu A Di Đà Phật, ngay lập tức cảnh giới chẳng còn! Chánh niệm là gì? Không bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng thì gọi là “chánh niệm”. Người này xử tốt với ta, ta rất cảm kích, tri ân, báo ân, hết thấy tùy duyên; chớ nên dấy lên ý nghĩ: “Ta nhất định phải báo đáp người như thế nào!”, [nghĩ như vậy] là xong rồi, quý vị lại bị đọa lạc. Người này có thù oán với ta, hận ta, chẳng cần phải báo thù. Nói chung, đều coi những người ấy như chư Phật, Bồ Tát. Các Ngài xử tốt với ta nhằm khảo nghiệm ta, xem ta có tham luyến hay không; các Ngài xử tệ với ta để xem ta có sân hận hay không, đều là cảnh giới Phật. Vì vậy, Phật và ma là một, chẳng hai. Phật hay ma nhìn từ chỗ nào? Từ ý niệm! Một niệm giác thì ma cũng là Phật; một niệm mê, Phật cũng biến thành ma. Nếu Phật hiện tiền, quý vị dấy lên tâm ngạo nghễ, ngã mạn: “Các người thấy ta tu khá quá chớ! Thấy Phật mà, các người đâu có bằng ta!” Thôi rồi! Đọa lạc rồi! Vì vậy, quý vị chẳng thấy Phật là vì sao? Công phu vẫn chưa đủ, chẳng cần phải khảo nghiệm, quý vị vẫn chưa được. Đến khi quý vị gần như đạt đủ trình độ, sẽ có cảnh giới hiện tiền nhằm khảo nghiệm quý vị, quý vị phải nhớ: Đừng bị dao động bởi các cảnh giới ấy! Thật ra, trong cuộc sống thường ngày, mọi người đều biết năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba tham học là gì? Từ sáng thức dậy đến tối đi ngủ, trong lúc ấy, lục căn tiếp xúc cảnh giới chính là năm mươi ba lần tham học, nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề.

Quý vị chẳng cần phải hâm mộ Thiện Tài, Ngài gặp nhiều thiện tri thức đường ấy, ta chẳng gặp một ai! Từ sáng đến tối, những người quý vị đã gặp đều là thiện tri thức,

nhưng quý vị chẳng nhận ra! Quý vị thấy kẻ này làm lành, đó là thiện tri thức, hãy lập tức nghĩ: Ta có những điều tốt đẹp giống như kẻ ấy hay chẳng? Nếu ta chưa có, phải học theo kẻ ấy. Nếu ta có, tốt lắm, hãy gìn giữ, đừng để mất đi! Thấy kẻ làm ác, kẻ ấy là thầy ta, hồi quang phản chiếu, ta có làm chuyện ác như kẻ ấy hay chẳng? Hễ có, phải sửa đổi; nếu không có, từ nay ta chớ nên phạm khuyết điểm ấy. Quý vị thấy đó: Họ chẳng phải là thầy ta ư? Chẳng đều là Phật ư? Thiện Tài mỗi ngày gặp gỡ, mỗi ngày không ngừng nâng cao cảnh giới, thành Phật viên mãn trong một đời. Chúng ta gặp gỡ mỗi ngày đều bỏ lỡ, không hiểu biết vốn là [thiện tri thức luôn hiện diện trong] cuộc sống thường ngày! Phật pháp là gì? Phật pháp nhằm dạy chúng ta giác ngộ; hễ ngộ sẽ là Phật, ngộ rồi bèn quay đầu, ngộ rồi bèn lìa khổ được vui, do mê nên mới chịu khổ. Những phần tử tri thức, [nhất là] hạng tri thức bậc cao, Sở Tri Chương nặng nề, chấp trước kiến thức của chính mình, trí huệ chưa mở mang; nếu họ có thể buông xuống, buông tham, sân, si, mạn, nghi xuống, lòng rỗng rang học tập kinh điển, từng câu từng chữ trong kinh điển là những lời lẽ chân thật, chẳng dối trá. Quý vị có thể tiếp nhận thì tốt lắm; nếu chẳng thể tiếp nhận thì có thể còn có nghi vấn, nhưng chẳng phải là hoài nghi, vì sao? Đạo lý trong kinh điển quá sâu, nay ta chưa đủ trình độ, đang cầu giác ngộ, cầu liễu giải. Cách cầu như thế nào? Dùng cái tâm thanh tịnh để đọc tụng kinh điển, cứ đọc từng lần một, đừng nên suy tưởng. Giống như trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã bảo: Đọc kinh chẳng chấp trước tướng văn tự, chẳng chấp trước tướng danh tự, chẳng chấp trước tướng tâm duyên; quý vị dùng phương pháp ấy để đọc, sau một thời gian dài, tâm sẽ định. Vì vậy, đọc kinh giống như trì giới, nhất định phải chân thành, cung kính đọc, giống hệt như Phật đang ở trước mặt ta, cung kính đọc. Đọc lâu ngày, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, hoát nhiên khai ngộ, sẽ hiểu rõ.

Kinh Hoa Nghiêm giảng về duyên khởi vũ trụ, các phẩm như Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu giảng viên mãn hơn những nhà khoa học hiện thời. [Vũ trụ] san khởi như thế nào? “*Nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh*” (một niệm bất giác bèn có vô minh), do nhất niệm bất giác, trong tự tánh bèn biến ra một huyễn tướng, huyễn tướng ấy gọi là A Lại Da. A Lại Da lại biến ra vũ trụ, biến thành thân thể của chính mình. Gần như là xuất hiện cùng một lúc, tốc độ quá nhanh, Di Lặc Bồ Tát đã giảng về tốc độ này [như sau]: Trong một cái khảy ngón tay, có ba trăm hai mươi triệu niệm, khảy ngón tay một cái thì đã ba trăm hai mươi triệu niệm trôi qua! Mỗi niệm ấy được gọi là “nhất niệm”, “nhất niệm bất giác” như Phật pháp đã nói chính là một niệm này. Trong nhất niệm có hiện tượng vật chất xuất hiện, vật chất là vũ trụ; có hiện tượng tinh thần xuất hiện, tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Ngũ Uẩn xuất hiện, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, tướng cảnh giới là Tướng Phần của A Lại Da. Biểu hiện của tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chúng là Kiến Phần của A Lại Da, [còn gọi là] Chuyển Tướng. Cách nói này rất hay! Đều là từ một niệm bất giác; vì thế, một niệm bất giác được gọi là vô thi vô minh, vô thi là gì? Không có khởi đầu. Quý vị phải hiểu cách nói này có dụng ý rất

sâu: Chẳng có khởi đầu thì là giả, chẳng thật! A Lại Da có thể hiện, có thể biến là giả, chẳng thật, vũ trụ được biến [bởi A Lại Da] lẽ đâu có thật? Chẳng phải là thật! Quý vị mê nên ngộ nó là thật; hễ giác ngộ sẽ biết nó chẳng thật. Vì vậy, cái tâm giác ngộ thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, người ấy chẳng có ý niệm chiếm hữu hay khống chế, chẳng có ý niệm đối lập, quý vị nói xem: Người ấy có tự tại lắm hay không? Đây là Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, người ta dùng cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác, trong tựa đề kinh ghi “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, người ấy sống hạnh phúc lắm, mỹ mãn lắm. Giác ngộ rồi; hễ giác ngộ bèn thanh tịnh, bình đẳng, giác; hễ mê thì thanh tịnh biến thành ô nhiễm, bình đẳng biến thành ngạo mạn, ngạo mạn là phiền não bảm sinh, “giác” biến thành hồ đồ, ngu si.

Quý vị thấy: Khi giác ngộ sẽ là thanh tịnh, bình đẳng, giác; khi mê hoặc sẽ là ô nhiễm, ngạo mạn, sân khuê, ngu si. Đây là căn nguyên của vạn hữu trong vũ trụ, tìm được căn cội rồi! Căn cội ấy là giả, chẳng thật; cái Giả này từ Chân biến hiện ra. Chân là chân tánh, vĩnh hằng bất diệt. Tịnh Độ Tông gọi chân tánh là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, nó là thật. Cũng như khi Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói ra năm câu đề hình dung Thường Tịch Quang; nó thanh tịnh, vĩnh viễn thanh tịnh, bất sanh, bất diệt, trọn đủ vô lượng trí huệ, đức tướng, chưa hề lay động, có thể sanh ra vạn pháp, nhất niệm bất giác bèn hiện vạn pháp. Liễu giải chân tướng sự thật này, tâm chúng ta sẽ định, bất luận trong hoàn cảnh nào, quý vị cũng đều chẳng bị cảnh giới lay động, đó là hạnh phúc thật sự. Vì sao chúng ta không làm được? Trên thực tế, do liễu giải chẳng thấu triệt; xưa kia, Chương Gia đại sư đã bảo tôi thế này: “*Phật pháp biết khó, làm dễ*”. Quý vị thấy: Hành thì phạm hay thánh ngay trong một niệm, Huệ Năng đại sư khai ngộ trong một sát-na, Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ dưới cội Bồ Đề cũng là một sát-na, chẳng khó tí nào, buông xuống là được! Vì sao không buông xuống được? Chưa thấy thấu suốt! Đối với kẻ chưa buông xuống, đức Phật bèn dùng kinh giáo để giúp đỡ kẻ ấy; do vậy, Ngài giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm nhằm giúp những kẻ chưa buông xuống được. Nếu vừa giảng liền buông xuống, đâu cần phải phiền phức như thế, chẳng cần thiết! Bậc đại đức căn tánh thượng thượng trong Tông môn nghe một, ngộ cả ngàn, triệt ngộ ngay lập tức là vì các Ngài triệt để buông xuống. Vì sao đã buông xuống rồi mà vẫn phải khởi tu, vẫn phải học tập kinh giáo? Nhằm rộng độ chúng sanh. Nếu quý vị chẳng thông hiểu kinh giáo, do căn tánh của chúng sanh không giống nhau, căn tánh gì cũng đều có, làm sao quý vị giúp họ được? Do vậy, phải học tràn lan nhiều kinh giáo, học giáo nhằm giúp đỡ người khác, chẳng nhằm giúp chính mình. Giúp chính mình thì chúng ta chẳng tu Thiền, mà tu Tịnh Độ, một câu A Di Đà Phật là đủ để thành tựu chính mình rồi! Kinh giáo nhằm giúp người khác, tự lợi, lợi tha! Chúng ta chưa đại triệt đại ngộ thì kinh giáo nhằm giúp người khác mà cũng đồng thời giúp chính mình nâng cao, thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt mới thật sự buông xuống được! Do vậy, chưa thấy thấu suốt thì phải dốc

sức nơi kinh giáo; nếu đã thấy thấu suốt, chẳng cần [phải làm như vậy]. Đoạn này đặc biệt nhắc nhở chúng ta: Chánh kiến rất quan trọng! Người tu hành bất luận thuộc tông phái hay pháp môn nào, nhất định phải giữ vững chánh tri chánh kiến. “*Thị cố kỳ dư chư pháp, danh nan hành đạo*” (do vậy, các pháp môn khác được gọi là đạo khó hành), pháp môn này là “*dị hành đạo*” (đạo dễ hành).

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: “*Đản Niệm Phật pháp môn, đồng ư Mật pháp, thị tha lực môn, thuộc ư Quả giáo*” (nhưng pháp môn Niệm Phật giống như Mật pháp, là tha lực môn, thuộc về Quả giáo). Phật pháp khai ngộ, pháp môn vô lượng vô biên, nhưng tới cuối cùng, chỉ có ba môn, ba môn ấy là giác, chánh, tịnh, tới cuối cùng là ba môn này. Giống như chúng ta tới giảng đường này, giảng đường có ba cửa, nhưng có rất nhiều đồng học từ các nước trên thế giới đến đây theo vô lượng vô biên lộ trình [khác biệt], bất luận quý vị đi theo lộ trình nào, khi tới chỗ tôi, muốn vào giảng đường này phải theo ba cái cửa ấy. Vì thế, tới cuối cùng là ba môn này. Giác môn dành cho bậc thượng thượng căn, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh; Thiền Tông, Tánh Tông theo môn này, chẳng phải là người thượng thượng căn sẽ chẳng thể hành theo môn này. Môn thứ hai là Chánh môn, Chánh môn dễ đi, giống như học hành phải theo thứ tự, từ Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh mà đạt được học vị tối cao. Học vị tối cao là thành Phật, nhưng thời gian rất dài, trong một thời gian ngắn chẳng thể thành tựu ổn thỏa, thích đáng. Dẫu có khi ổn thỏa, thích đáng, nhưng thọ mạng của chúng ta quá ngắn, sợ rằng chẳng thể thành tựu trong một đời được! Như vậy thì phiền quá, đời sau chẳng biết khi nào lại được làm thân người. Được làm thân người, nhưng có được gặp gỡ [pháp môn này] lần nữa hay không, vẫn là một câu hỏi! Rất nhiều kẻ được làm thân người, nhưng chẳng gặp gỡ, sống uổng phí một đời này, vì thế [liễu thoát theo Chánh môn] chẳng dễ dàng, phải tốn thời gian rất dài! Môn thứ ba là Tịnh môn, tu tâm thanh tịnh. Tu Tịnh môn gồm hai tông, Mật Tông là Tịnh môn, Tịnh Độ Tông là Tịnh môn, đều dựa vào tha lực, Phật đến gia trì. Mật Tông cũng là Phật gia trì, Tịnh Độ Tông cũng vậy, nhưng Tịnh Tông dễ tu hơn Mật Tông.

Thầy tôi là Chương Gia đại sư, Ngài là Thượng Sư bên Mật Tông, sư huynh sư đệ của Ngài gồm bốn vị là Đạt Lai (Dalai), Ban Thiên (Panchen), Chương Gia, Triết Bồ Tôn Đan Ba (Jebtsundamba), bốn người cùng là đệ tử của đại sư Tông Khách Ba (Je Tsongkhapa)⁶⁹[4]. Bốn vị này ở biên cương Trung Quốc: Đạt Lai ở Tiền Tạng (Ü-

⁶⁹^[4] Đạt Lai Lạt Ma (ta thường gọi là Đa Lai Lạt Ma) là danh hiệu ghép bởi từ ngữ Dalai (biển cả) trong tiếng Ấn Độ và chữ Lama của tiếng Tây Tạng, dịch nghĩa chữ Guru (trong tiếng Ấn). Đạt Lai vừa là người lãnh đạo nhất của dòng tu Gelugpa vừa là quốc vương Tây Tạng. Tương truyền, danh hiệu Dalai được vua Mông Cổ Altan Khan ban cho Sonam Gyatso vào năm 1578; đổi lại, Sonam Gyatso công nhận Altan Khan là Phạm Vương của dân Mông Cổ. Tuy thế, đây chỉ là truyền thuyết, vì theo chính vị Đạt Lai Lạt Ma hiện tại, từ ngữ Dalai chỉ

Tsang), Ban Thiền ở Hậu Tạng, Chương Gia ở Nội Mông, Triết Bồ Tôn Đan Ba tại Ngoại Mông, người ta thường gọi họ là Tứ Đại Lạt Ma, còn gọi là Tứ Tôn Hoạt Phật (bốn vị Phật sống). Khu vực giáo hóa của ngài Chương Gia lớn nhất: Từ vùng Đông Bắc của Trung Quốc, Nội Mông cho tới Cam Túc, Nhiệt Hà, Sơn Tây, Thiểm Tây, lại còn bao gồm cả phía bên kia như Tân Cương, Thanh Hải, cả vùng này đều thuộc phạm vi quản hạt của Ngài. Do vậy, giáo khu của Ngài có phạm vi lớn nhất. Chúng tôi có duyên phận hiếm có, được thân cận Thượng Sư, Ngài chẳng dạy tôi học Mật, mà dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài giảng cho tôi nghe rất nhiều Mật pháp, nên tôi liễu giải: Trong Phật môn, Mật pháp là Phật pháp cao cấp trong giáo pháp Đại Thừa, giống như gì? Chương trình học của nghiên cứu sinh, kẻ bình thường chẳng thể tu được! Người bình thường có thể tu Mật, [thì Mật pháp ấy] là giả, chẳng thật. Đó là kết duyên, giống như trong vườn trẻ (ấu trĩ viên, kindergarten) cho trẻ tốt nghiệp, cũng đội mũ Tiến Sĩ, chúng ta phải hiểu người bình thường học Mật cũng giống như vậy. Thầy bảo tôi: Thật

là dịch nghĩa danh hiệu Gyatso (biển cả) trong tiếng Tây Tạng, Sonam Gyatso (1543-1558) là trưởng tu viện Drepung đã cảm hóa được tù trưởng hung bạo nhất của Mông Cổ thời ấy là Altan Khan. Dưới sự giúp sức của Altan Khan và con trai của Altan là Sengge Dureng, Sonam Gyatso đã chuyển Mông Cổ thành quốc gia theo Mật Tông Tây Tạng. Theo truyền thống, Sonam Gyatso được coi là hóa thân của Gendun Drup (đại đệ tử của đại sư Tsongkhapa) đã tôn xưng hai vị Lạt-ma “tiền thân” của mình đều là Đạt Lai Lạt Ma, và tự nhận mình là hóa thân của Phagpa (vị cao tăng chế ra chữ Tây Tạng). Đến đời Đạt Lai Lạt Ma thứ năm, Ngawang Lobsang Gyatso (1617-1682), với sự giúp sức của vua Mông Cổ là Gushi Khan đã đánh bại các tông phái đối lập, trở thành quốc vương, và chính ông ta tự nhận mình là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Chính Đạt Lai Lạt Ma đã tôn xưng thầy mình là Lobsang Chokyi Gyaltsen là Panchen Lama (Ban Thiền Lạt Ma) và tuyên bố Ban Thiền là hóa thân của A Di Đà Phật. Trước đó, Lobsang Chokyi Gyaltsen được coi là hóa thân đời thứ tư của Khedrup Je (một trong các đại đệ tử của đại sư Tsongkhapa).

Vị Jebtsundamba đời thứ nhất là Undur Geghen Zanabazar (dịch âm chữ Jnanavajra, Trí Kim Cang) được Ban Thiền và Đạt Lai công nhận là Phật sống vào năm 1640 và trở thành pháp vương của toàn thể giáo đồ Phật giáo tại vùng Ngoại Mông. Vị này đã đóng góp rất nhiều vào văn hóa Mông Cổ cũng như là người đầu tiên đã chế ra văn tự Soyombo cho Mông Cổ.

Tsongkhapa (1357-1419), pháp hiệu Lobsang Drakpa (Thiện Huệ) là giáo tổ sáng lập tông phái Gelugpa (dòng đức hạnh hay còn gọi là phái Mũ Vàng). Vị này kế thừa giáo nghĩa của tôn giả Atiśa Dipankara Shrijnana, đã tổng hợp nhiều giáo nghĩa Mật giáo đã có từ trước tại Tây Tạng, nhấn mạnh đến hành trì giới luật (do giới luật trong các tông phái Cổ Mật thường rất lỏng lẻo, nên tổ Tông Khách Ba phế trừ những hành vi tính dục nhằm đạt đến giác ngộ trong Mật Tông trước đó). Ngài được coi là một nhà cải cách, chấn hưng tôn giáo của Tây Tạng, có công hệ thống giáo nghĩa Mật Tông Tây Tạng

sự học Mật thì ai mới đủ tư cách? Sơ Địa Bồ Tát, Ngài nói đến [Sơ Địa trong] Biệt Giáo. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, [người đủ tư cách học Mật] là Sơ Trụ Bồ Tát, sau khi vượt thoát mùi pháp giới, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật bèn học Mật pháp, dùng Mật làm gia hạnh, cảnh giới sẽ nâng cao lên rất nhanh. Nếu quý vị chưa đạt cảnh giới này mà học Mật sẽ là giả, chẳng thể thành tựu!

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng học Mật, cụ bảo tôi: “Hiện thời, Mật chẳng dùng được, chẳng có cách nào đạt được sự thù thắng trong Mật Tông”. Thiền cũng không được, cụ học Thiền với lão hòa thượng Hư Vân. Cụ bảo tôi: “*Hiện thời, trừ Niệm Phật ra, chẳng có cách thứ hai nào để thành tựu!*” Vì thế, lúc cụ vãng sanh, đã cho tôi biết: Mỗi ngày cụ niệm Phật hiệu mười bốn vạn tiếng. Sau khi viết xong bản chú giải kinh này, thứ gì cụ cũng không đọc, chỉ niệm Phật, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ; vì thân thể cụ không khỏe, lắm bệnh, tuổi đã cao, nên cầu sanh Tịnh Độ chẳng giả! Vì thế, Mật Tông ắt phải là đã thành tựu thật sự trong Hiền Giáo rồi mới dùng Mật pháp làm gia hạnh. Hiện nay, Tạng Mật (Mật Tông Tây Tạng) cũng biến hóa theo thời đại. Do vậy, trên thực tế, so với trước kia đã thua kém rất nhiều. Tôi từng hỏi thầy, Lạt Ma chuyển thể truyền thừa trong Mật Tông là thật hay giả? Thầy bảo:

- Đại khái, ba đời đầu tiên là thật, từ đời thứ tư trở đi, không dám chắc! Tuy vậy, chớ nên khinh thường! Sau khi đã chọn được linh đồng^{70[5]}, đứa trẻ ấy có duyên phận được những vị thầy giỏi nhất kèm cặp; nếu nó dụng công thật sự tu học, sẽ thành công.

Thật đấy! Người khác chẳng gặp được duyên phận có các vị Thượng Sư giỏi nhất chỉ dạy, Ngài nói thật với tôi như thế. Lại hết thời gian rồi! Ngày mai chúng ta lại nói tiếp từ câu “*Niệm Phật pháp môn, đồng ư Mật pháp*” (pháp môn Niệm Phật cùng với Mật pháp). Ngày hôm nay học tập tới chỗ này!

^{70[5]} “Linh đồng” (*xubilgan*) là những đứa trẻ được coi là hóa thân của các lạt-ma đã mất. Dựa trên những huyền ký hoặc dự ngôn của vị lạt-ma đã mất, các môn đệ đi tìm đứa trẻ ấy đem về, trải nghiệm chứng thực rồi tấn phong đứa trẻ ấy vào ngôi vị của vị lạt-ma đã mất. Sở dĩ Chương Gia đại sư nói “ba đời đầu tiên là thật, từ đời thứ tư trở đi, không dám chắc” vì trong quá khứ đã có trường hợp do tranh chấp quyền lực giữa các phe phái, không thể công nhận ai mới là vị lạt-ma hóa thân kế tiếp, phải dùng cách rút thăm quyết định từ chiếc bình vàng do vua Càn Long ban vào năm 1792. Các đời Đạt Lai Lạt Ma 10, 11 và 12 được chọn theo cách này.

Tập 14

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống! Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang thứ mười ba, dòng thứ hai đếm từ dưới lên, chúng ta xem từ chỗ này.

“Đàn Niệm Phật pháp môn, đồng u Mật pháp, thị Tha Lực Môn, thuộc u Quả giáo. Hành nhân phát tâm niệm Phật, trượng Di Đà bốn nguyện nhiếp thọ, oai thần gia bị, hộ trì hành giả, ma bất năng nhiễu” (Nhưng pháp môn Niệm Phật cùng với Mật pháp là Tha Lực Môn, thuộc về Quả giáo. Hành nhân phát tâm niệm Phật, nương vào bốn nguyện và oai thần của Phật Di Đà gia bị, hộ trì hành giả, ma chẳng thể quấy nhiễu). Cụ Niệm Tổ bảo: Pháp môn này và Mật Tông rất giống nhau, thuộc loại Quả giáo, thuộc loại Tha Lực Môn, nhất định phải được Phật gia trì. Tám vạn bốn ngàn pháp môn có được đức Phật gia trì hay không? Có chứ! Chẳng thể nói không có gia trì, đều có gia trì; nhưng pháp môn này được Phật gia trì đặc biệt thù thắng, khác hẳn những pháp môn thông thường! Vì thế, cổ đại đức gọi pháp môn này là “*môn dư đại đạo*”, những pháp môn kia là tám vạn bốn ngàn pháp môn, [pháp môn này] chính là một hành môn đặc biệt ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, nên gọi là “*môn dư đại đạo*”; quả thật nó giống như Mật pháp. Lần trước, tôi đã thưa với quý vị, Phật pháp thật sự là vô lượng pháp môn, do căn tánh của hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới khác biệt, nhằm thích ứng hết thảy chúng sanh, đức Phật lập ra vô lượng pháp môn làm phương tiện tiếp dẫn; nhưng hết thảy các pháp môn tới cuối cùng chỉ còn ba môn là “giác, chánh, tịnh”; trong lần trước tôi đã thưa với quý vị, ba môn này cũng gọi là Tam Bảo. Quý vị thấy học Phật, nhập môn bèn trước hết truyền trao Tam Quy, Tam Quy có ý nghĩa gì? Tức là truyền trao cho quý vị ba cửa ngõ để nhập Phật môn. Đối với ba môn ấy, từ bất cứ môn nào để tiến vào đều như nhau, tiến vào bằng cửa ngõ khác nhau, nhưng đã vào trong thì đều giống như nhau. Ví như một căn nhà có ba cửa, bất luận từ cửa nào tiến vào cũng đều chẳng khác nhau, đó là “*pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”.

Nhưng ba môn này, đích xác có tiêu chuẩn khác nhau. Giác môn dành cho người thượng thượng căn. Trong tám tông phái Đại Thừa của Trung Quốc, chỉ có Thiên Tông và Tánh Tông thuộc hành môn này. Môn này được gọi là “*nhất bộ đặng thiên*” (một bước lên trời), là Đốn Giáo, chẳng phải Tiệm Giáo. Nó là Đốn Giáo, đốn xả, đốn chứng,

đồn siêu. Quý vị thấy người ấy (người tu tập hành môn này) có năng lực buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống cùng một lúc, buông xuống đồng thời. Điều này nói dễ, làm chẳng dễ! Hễ buông xuống sẽ thành Phật. Do vậy, nói theo lý luận, phàm phu thành Phật tốn bao nhiêu thời gian? Một niệm! Phàm phu chúng ta nghĩ không ra “một niệm” này, một niệm là gì vậy? Một niệm chừng bao lâu? Một sát-na? Không phải vậy! Chẳng phải là một sát-na, nó còn ngắn hơn một sát-na. Di Lặc Bồ Tát giảng: Trong một khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm; “một niệm” là như vậy đó. Nay chúng ta tính toán bằng giây, trong một giây, đại khái là khảy thật nhanh, có người khảy nhanh hơn ta, ắt phải trong một giây có thể khảy năm lần, thường thì ta khảy bốn lần! Nếu là bốn lần, trong một giây có bao nhiêu niệm? Có một ngàn hai trăm tám mươi triệu; nếu khảy năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Quý vị nói có phải là niệm quá vi tế hay chẳng? Chúng ta chẳng có cách nào, chẳng có cách gì nghĩ tưởng, do khi vừa mới nghĩ tới, đã có bao nhiêu niệm khởi lên? Tuyệt đối chẳng phải là một niệm, chữ “*nhất niệm*” chỉ điều này!

Đoạn được nhất niệm ấy, liền thành Phật; vì vậy, vẫn phải dùng tỷ dụ để nói. Thí dụ như trong hiện tại, chúng ta quen thuộc nhất, có ấn tượng sâu đậm nhất chính là điện ảnh. Hiện tại, điện ảnh dùng [kỹ thuật] “số mã” (digitalized), lại khác hẳn, trước đây dùng phim nhựa. Dùng phim nhựa thì mỗi tấm phim là một tấm ảnh có thể chiếu sáng, từng tấm phim một. Phim được quay bằng máy quay phim tạo thành dương bản (positive film, chánh phiến), cuộn phim gồm nhiều bức hình chụp liên tiếp. Bỏ vào máy chiếu phim, mở máy chiếu phim lên, tấm phim này [trong cuộn phim] được rọi lên màn bạc, ống kính [của máy chiếu phim] đóng lại rồi lại mở ra để chiếu tấm kế tiếp, tức là đổi sang tấm khác, trong một giây thay đổi hai mươi bốn tấm [khác nhau], khiến mắt chúng ta bị lừa, chúng ta thấy phim ảnh giống như thật. Thật ra, những hình ảnh ấy chẳng thật, từng tấm khác nhau, đó là một thứ “*trương tự trương tục tướng*” (hình tướng gần như tồn tại liên tục), “trương tự”, tuyệt đối chẳng phải là trương đồng! Ở đây, chúng ta có một bộ phim, một giây là hai mươi bốn tấm, mỗi tấm khác nhau, chẳng có tấm nào giống nhau. Nay chúng ta dùng chuyện này làm tỷ dụ, trong điện ảnh là một giây [máy chiếu phim chiếu qua] hai mươi bốn tấm; đức Phật bảo trong vũ trụ này, trong một giây, vũ trụ chiếu bao nhiêu tấm? Tôi vừa mới nói đấy thôi, nếu một giây khảy ngón tay bốn lần, sẽ là một ngàn hai trăm tám mươi triệu, chúng ta làm sao biết hình tượng được hiện là giả? Ai thấy được? Kinh thường nói Bát Địa Bồ Tát do công phu định lực sẽ trông thấy. Nếu nói một giây khảy ngón tay năm lần thì sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. [Do vậy, tương được biến hiện trong vũ trụ là] giả, chẳng thật! Khi đã đoạn được niệm, quý vị sẽ thấy Thật Tướng của vũ trụ, thứ gì cũng đều không có. Thứ gì cũng chẳng có, sẽ xuất hiện điều gì? Cái hiện ra sẽ được gọi là Thường Tịch Quang, đây là tầng cấp cao nhất trong Tịnh Độ. Trong Thường Tịch Quang, không có hiện tượng vật chất, mà cũng không có hiện tượng tinh thần, nhưng quý vị chẳng thể nói là nó không có!

Đức Thế Tôn minh tâm kiến tánh, nói ra một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, nói rất nhiều, chúng ta chẳng nắm được cương lĩnh. Nói đơn giản, rốt cuộc kinh nói những gì? Kiến tánh, tánh là như thế nào? Nhưng Huệ Năng đại sư đã kiến tánh, Ngài đã nêu ra một tổng cương lĩnh, gồm năm câu, hai mươi chữ. Hai mươi chữ ấy giảng về Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang là như thế đó. Quý vị phải hiểu: Thường Tịch là nói về tự tánh của chính mình, Thường Tịch là cái Ngã thật sự, trong Thiền Tông nó được gọi là “*phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục*” (mặt mũi vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Diện mục ấy mọi người đều giống nhau! Huệ Năng đại sư cho chúng ta biết, câu đầu tiên là “*bổn tự thanh tịnh*” (vốn tự thanh tịnh), cũng có nghĩa là nói: Trong tự tánh chẳng có mây may ô nhiễm nào! Hiện thời nó có ô nhiễm hay không? Không có! Chắc chắn không có ô nhiễm. Hiện tại, đức Phật thường nói lục đạo mười pháp giới là ô nhiễm, nhưng tự tánh chẳng ô nhiễm. Cái bị ô nhiễm là gì? A Lại Da bị ô nhiễm! Tự tánh là chân tâm, A Lại Da là vọng tâm. Vọng tâm có ô nhiễm, chứ chân tâm chẳng bị ô nhiễm. Chúng ta dùng điện ảnh hay dùng máy TV [để làm tỷ dụ thì] cũng giống như vậy. Lấy nó làm tỷ dụ thì có thể thấy các sắc tướng hiện ra trên màn hình là ô nhiễm, mở trúng một băng tần thì sắc tướng là ô nhiễm. Vì sao? Màn hình vốn thanh sạch, bất luận quý vị là thiện hay ác, đều là ô nhiễm. Nếu chúng ta hỏi màn hình có thật sự bị ô nhiễm hay không? Sau khi tắt TV, màn hình chẳng có chút ô nhiễm nào! Chuyện này rất gần giống chân tướng sự thật, xác thực là không có ô nhiễm. Do vậy, ô nhiễm là vọng tâm, vọng tâm chẳng phải là chân tâm, chẳng liên can gì đến tự tánh, là chuyện khác hẳn! Do vậy, A Lại Da có ô nhiễm, tự tánh chẳng ô nhiễm. A Lại Da có sanh diệt, những tướng được hiện bởi nó, bất luận là hiện tượng vật chất, hay hiện tượng tinh thần, đều có sanh diệt, là pháp duyên sanh (pháp sanh bởi các duyên). “Nhân duyên sanh pháp” (pháp sanh bởi nhân duyên) sẽ có sanh diệt. Tự tánh chẳng sanh bởi nhân duyên, nó vốn sẵn có, cho nên nó “*không có sanh diệt*”, “*vốn tự trọn đủ*”. Tuy nó chẳng có bất cứ hiện tượng vật chất hay tinh thần gì, nhưng nó có thể hiện hết thảy các tướng. Điều này cũng rất khó hiểu, cái gì cũng chẳng có, cứ sao nó có thể hiện? Vì sao hiện ra vô lượng, vô số, vô tận, cứ sao hiện nhiều ngàn ấy? Biến huyền vô cùng! Tôi học kinh Hoa Nghiêm, suy nghĩ thật lâu mà chẳng nghĩ ra: Thứ gì đều không có thì nó biến bằng cách nào? Biến ra nhiều ngàn ấy! Rồi tôi nghĩ đến lúc nhỏ chơi kính vạn hoa, tôi nghĩ tới món đồ chơi ấy. Kính vạn hoa rất đơn giản, mọi người đều biết, tôi vừa nhắc tới, khá nhiều người tặng kính vạn hoa cho tôi, tặng cả mười mấy cái! Ba miếng thủy tinh, bên trong bất quá là mấy mảnh vụn có màu sắc khác nhau, quý vị xoay chuyển ống kính, xoay suốt ngày từ sáng đến tối, nó sẽ hiện ra vô số mô thức sắp xếp (pattern), chẳng có cái nào giống nhau! Tôi liền nghĩ “*vốn tự trọn đủ, có thể sanh vạn pháp*” có cùng một đạo lý với kính vạn hoa, thật đấy, chẳng giả đâu! Dầu hiện nhiều đến mấy, quý vị chẳng thể nói nó là có; khi nó chẳng hiện, chẳng thể nói nó không có. Có và Không là tương đối, có và Không là nhị biên, trong tự tánh chẳng có đối lập, phải hiểu rõ đạo lý này! Chúng ta

muốn trở về tự tánh, mà có ý niệm đối lập, sẽ trở về không được, điều ấy rất nghiêm trọng!

Vì vậy, học Phật đầu học thật giỏi, nói đến nổi hoa trời rơi loạn xạ, mà vẫn đối lập với người khác, đối lập với sự, đối lập với vạn vật, thì kẻ ấy là lục đạo phàm phu chính cống, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, mà cũng chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tuy Cực Lạc thế giới nói “đới nghiệp vãng sanh”, chẳng thể mang theo [nghiệp chướng] hiện hành, có thể mang theo cựu nghiệp, [tức là] có thể mang theo nghiệp trong quá khứ, chẳng thể mang theo nghiệp hiện tiền. Ta oán một ai, đến lúc lâm chung, lúc thở hắt ra hơi cuối cùng, còn oán hay chẳng? Còn oán thì chẳng có hy vọng chi hết, quý vị chẳng vãng sanh được! Trong hơi thở cuối cùng, ta chẳng oán hờn, A Di Đà Phật mới có thể đón quý vị đi. Công phu này phải luyện trong lúc bình thường, kẻ đối với ta có thâm cừ đại hận như thế nào đi nữa cũng chẳng ghim trong lòng. Ghim trong lòng sẽ chẳng đến được thế giới Cực Lạc, chẳng thể thấy A Di Đà Phật, phải buông xuống! Người khác oán hận ta, chẳng sao cả! Tâm ta thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần; người khác có oán hận tức là kẻ ấy chẳng thanh tịnh, có ô nhiễm. Do vậy, phải nhớ: Kinh Vô Lượng Thọ dạy ba tiêu chuẩn tu hành là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Phải biết do ba chuyện này sẽ vãng sanh ba cõi Tịnh Độ khác nhau trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thật sự đoạn, chẳng còn chấp trước, sẽ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Chẳng còn phân biệt, đoạn vô minh rồi, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm; hễ bình đẳng bèn sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nếu đã giác thì sao? Đại triệt đại ngộ, giác rồi thì sao? Giác rồi bèn trở về cõi Thường Tịch Quang. Vì vậy, chúng ta đới nghiệp, nói thật thà là “thứ gì cũng chưa thể đoạn”, nhưng đới nghiệp là mang theo nghiệp quá khứ, chẳng mang theo nghiệp hiện hành! Nay chúng ta phải hóa giải tất cả hết thảy những đối lập, mâu thuẫn, xung đột với người khác, buông xuống từ nội tâm, đừng nên so đo nữa, mong cho tâm mình đạt đến thanh tịnh. Tâm thanh tịnh hiện tiền, chắc chắn quý vị được vãng sanh, điều này trọng yếu lắm! Đừng để ngoại cảnh quấy nhiễu khiến cho cơ hội lần này lại bị chướng ngại, [nếu để bị chướng ngại] tức là sai lầm quá đỗi to lớn!

Ba môn “giác, chánh, tịnh”, giác bèn sanh vào Thường Tịch Quang, bình đẳng bèn sanh vào cõi Thật Báo, thanh tịnh sanh vào cõi Phương Tiện. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta: Cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương thù thắng, chẳng giống các cõi nước khác. Cõi ấy chẳng có lục đạo, tuy cũng có cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng cõi Phạm Thánh Đồng Cư chẳng phải là lục đạo, chỉ có hai đường nhân thiên, chẳng có Tu La đạo, mà cũng chẳng có tam ác đạo. Đây là chỗ khác biệt! Trong ba môn, hành theo môn nào cũng đều được. Nếu hành theo Giác môn, chắc chắn sanh vào cõi Thật Báo, giác, chánh, tịnh. Chánh môn thì tùy thuộc công phu sâu hay cạn, chẳng nhất định. Công phu cao, sanh vào cõi Phương Tiện; kém hơn thì vẫn sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Hành theo Tịnh môn khác hẳn. Đối với Tịnh môn, nếu niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ là cõi Thật Báo, Sự nhất tâm bất

loạn là cõi Phương Tiện; công phu thành phiền là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vì vậy, thấp nhất là công phu thành phiền. “Thành phiền” là gì? Chưa đoạn phiền não, nhưng trong tâm có Phật, có A Di Đà Phật, trừ Phật ra, ý niệm gì cũng đều có thể chế ngự, chẳng cho nó khởi tác dụng, khuấy phục phiền não, chứ chưa đoạn phiền não. Đoạn phiền não bèn chuyển thức thành trí, người ấy chưa đoạn. Công phu niệm Phật nhằm chế ngự phiền não, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đè nén phiền não. Đó là điều kiện phải có đủ để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; không hội đủ điều kiện này sẽ chẳng thể vãng sanh. Chúng ta hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, biết trong cuộc đời này phải nên làm chuyện gì, điều gì trọng yếu nhất đối với chúng ta. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là trọng yếu, phải dốc toàn lực tìm lại. Chính mình vốn sẵn có giác, chánh, tịnh. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói: “*Bốn giác vốn có, bất giác vốn không*”. Đây là bốn giác, tìm lại nó thì tìm từ cái tâm thanh tịnh, tu gì trong hết thủy hoàn cảnh? Tu tâm thanh tịnh, tu không bị ô nhiễm, không bị khuấy nhiễu, đó là tu hành thật sự.

Mười tông phái đều hành theo ba môn này, tôi vừa mới nói: Tánh Tông và Thiên Tông hành giác môn, những tông khác là Giáo Hạ, như Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Tam Luận và Pháp Tướng Duy Thức đều hành theo Chánh môn, chánh tri, chánh kiến. Loại thứ ba là hành theo Tịnh môn, gồm hai tông phái là Tịnh Độ Tông tu tâm thanh tịnh, Mật Tông cũng tu tâm thanh tịnh; nhưng Hiển và Mật khác nhau, công phu của Mật Tông đúng là cao hơn Tịnh Tông. Tịnh Tông tu cái tâm thanh tịnh như thế nào? Viễn ly hết thủy nhiễm pháp, viễn ly hết thủy ô nhiễm, tu tâm thanh tịnh dễ dàng! Còn trong Mật pháp là chẳng lia cảnh giới để tu tâm thanh tịnh, khó lắm! Đó chẳng phải là chuyện dễ dàng. Tịnh của họ (Mật Tông) là chân tịnh, còn chúng ta là tách lia, thanh tịnh, sau khi tiếp xúc chưa chắc đã thanh tịnh. Vì vậy, người ta là thanh tịnh thật sự. Mật là pháp thượng thượng thừa trong Phật pháp, chẳng học pháp môn ấy sẽ chẳng thể thành Phật. Chẳng thể không tu [Mật pháp], nhưng tu lúc nào? Từ Sơ Địa trở lên. Nói cách khác, Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền tu Hiển Giáo. Trong trường học, vị ấy học lớp Tiên Sĩ, quý vị đã tốt nghiệp Thạc Sĩ mới có thể tu theo ban Tiên Sĩ. Nếu quý vị chưa phải là trình độ này mà tu Mật sẽ rắc rối to, cuối cùng sẽ đến đâu? Vào A Tỳ địa ngục! Trong quá khứ, Chương Gia đại sư bảo tôi: Trong thế gian chúng ta, trình độ thấp nhất [để có đủ tư cách học] Mật Tông là Sơ Trụ trong Viên Giáo, cũng có nghĩa là thật sự đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Quý vị tiếp xúc bất luận cảnh giới gì đều chẳng bị lay động, cũng sẽ không bị khuấy nhiễu, giống như Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần.

Vì sao thầy chúng tôi hạn chế rất nghiêm, thứ gì cũng không cho phép đọc, cũng chẳng cho phép nghe, mà cũng chẳng cho phép học, sợ gì? Sợ bị khuấy nhiễu. Quý vị chưa có định tánh, “gần sơn sẽ đỏ, gần mực sẽ đen” thì làm sao được? Sơn và mực bày ra trước mặt, quý vị hết sức tiếp cận, chẳng tiêm nhiễm mảy may! Có công phu ấy thì mới có thể học, mới có thể đi ra ngoài tham học. Vì vậy, tham học là có điều kiện, chẳng phải

tùy tiện ai cũng đều có thể đi tham học, không thể nào! Quý vị thấy Thiện Tài đồng tử tham học, Ngài đã minh tâm kiến tánh trong hội Văn Thù Bồ Tát, đắc Căn Bản Trí, đó là kiến tánh, là đại triệt đại ngộ. Kinh Bát Nhã nói: “*Bát Nhã vô tri*”, Căn Bản Trí là vô tri, từ vô tri khởi tác dụng là Hậu Đắc Trí. Ngài tham học nhằm thành tựu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là không gì chẳng biết. Khi chính quý vị đã đạt đến vô tri thì mới có thể đi tham học, mới thành tựu Hậu Đắc Trí. Chúng ta chưa đắc Căn Bản Trí mà ta đi tham học, có được hay không? Quý vị muốn đi thì Phật cũng chẳng có cách nào! “Ông cứ đi đi! Ông có thể học được gì hay chẳng? Hết thấy những gì ông học được đều là tri kiến sai lầm, chẳng có gì là tri kiến chính xác hay chánh tri chánh kiến cả!” Chúng tôi dám nói như thế này: “Toàn là học sai trật!” Phải đến khi trong tâm thanh tịnh chẳng sanh một niệm thì lúc quý vị tiếp xúc mới là trí huệ chân thật, là Phật tri Phật kiến. Quý vị chưa đạt tới trình độ này, mà ra bên ngoài, bắt luận đến tham học nơi đâu, toàn là học được tà tri tà kiến! Vì sao? Do tâm quý vị tà, trong tâm khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Do đó, chánh pháp đều biến thành tà pháp. Người đắc Căn Bản Trí là như thế nào? Người ấy không có tri kiến. Chẳng có tri kiến bèn gọi là chánh tri chánh kiến, chẳng có tà kiến, chẳng mê. Do vậy, khi người ấy tiếp xúc, sẽ hoàn toàn tương ứng với tự tánh, khi ấy mới có tư cách đi ra ngoài tham học.

Vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, mắt thấy bèn hiểu rõ, tai vừa nghe bèn hiểu rõ, giống như Huệ Năng đại sư đã thị hiện, chúng ta hãy nghĩ có đúng như thế hay không? Người ta chưa từng học kinh Pháp Hoa, chưa hề nghe nói. Thiện sư Pháp Đạt niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa; kinh Pháp Hoa rất dài, mỗi ngày tối đa niệm được một bộ, niệm ba ngàn bộ phải mất mười năm. Niệm mười năm chẳng khai ngộ, có tập khí ngạo mạn, cảm thấy mình ghê gớm lắm, rất đáng kiêu ngạo. Sư đã niệm ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa đã niệm thuộc lòng. Tới chỗ Huệ Năng đại sư thỉnh giáo, gặp mặt, [sư Pháp Đạt nghĩ] gã này là hậu học, đánh lễ thầy ba lạy. Thầy thấy rất rõ ràng, lúc Sư lạy đầu chẳng sát đất, đó là gì? Tập khí ngạo mạn, lễ bái đầu chẳng sát đất. Khi Sư đứng lên, Tổ bèn hỏi: “Ông có gì đáng để kiêu ngạo?” Sư thưa đã đọc ba ngàn bộ kinh Pháp Hoa. Huệ Năng đại sư bèn hỏi: “Kinh Pháp Hoa nói những gì?” Sư chẳng thưa được, quay lại thỉnh giáo Huệ Năng đại sư. Huệ Năng đại sư bảo: “Kinh này ta chưa từng nghe, ta cũng chẳng biết chữ. Nếu ông đã niệm đến ba ngàn bộ, hãy niệm cho ta nghe”. Kinh Pháp Hoa có hai mươi tám phẩm, Sư đọc đến phẩm thứ hai, tức là đọc đến phẩm Phương Tiện, Huệ Năng đại sư nói: “Được rồi! Không cần niệm nữa! Ta đã hiểu toàn bộ”. Người có bản lãnh ấy mới có thể tham học! Tổ giảng cho Sư nghe, Sư khai ngộ, lại lạy, đầu đập sát đất, chẳng nói năng gì! Tham học phải có bản lãnh này mới được; thiếu bản lãnh này sẽ chẳng thể tham học, quý vị tham cái gì đây? Quý vị là phạm phu!

Vì vậy, trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã biểu diễn điều kiện tham học, chúng ta liền biết: Chưa kiến tánh, chẳng thể rời khỏi thầy! Rời thầy sẽ có vấn đề liền! Quý vị sẽ bị ô nhiễm, biến thành tà tri tà kiến, bị đọa lạc! Do đó, thầy có ý tốt chẳng cho

quý vị đi ra ngoài, phải ở quanh thầy. Ai mới có cơ hội khai ngộ? Người thật thà, theo chắc thầy, thầy chẳng hại ta. Kẻ tự cậy thông minh, không nghe lời, cảm thấy vị thầy này khá lắm, nhưng còn có vị thầy khác cao minh hơn thầy, mà thầy chẳng chấp thuận cho tôi học, ở bên kia người ta học rộng nghe nhiều! Có đấy! Xưa nay trong ngoài nước đều có loại người này. Hẳn rời khỏi vị thầy này, lại đi tìm vị thầy khác, xong rồi! Đòi này xong luôn rồi! Thiên tri thức quả thật khó cầu, trong thời đại hiện tại này chẳng có, tìm không được! Chỉ có một phương pháp là tìm cổ nhân, cổ nhân đáng tin cậy. Cổ nhân là kinh giáo, chúng ta học kinh Hoa Nghiêm bèn kiếm Thanh Lương đại sư, kiếm Lý Trường Giả, các Ngài đã chú giải kinh Hoa Nghiêm tỉ mỉ. Chúng ta đọc kinh chẳng hiểu, xem chú giải là nghe các Ngài chỉ dạy. Đọc một lần không hiểu, xem mười lần, mười lần không hiểu, xem trăm lần! Nếu quý vị có thể đọc Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao một trăm lần, có thể khai ngộ hay chẳng? Hết sức có thể! Một trăm lần, tâm quý vị định rồi. Do vậy, trước hết đắc tam-muội, đạt được tâm thanh tịnh. Đọc cho đến mức tập khí phiền não, tập khí tri kiến thấy đều mất sạch, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. Trí huệ là có thể khai ngộ, chuyện này là thật, chẳng gạt người đâu nhé!

Vì vậy, cương lĩnh rốt cục, tột cùng trong giáo học Phật pháp là ba món: “*Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ*”. Giới là quy củ, quý vị vâng giữ quy củ. Dạy quý vị thâm nhập một môn, đó là quy củ. Thật sự thâm nhập sẽ đắc định, đắc định bèn khai ngộ. Đối với điều này, cổ thánh tiên hiền Trung Quốc, chứ không riêng gì Phật pháp dạy người như vậy, mà Nho và Đạo cũng chẳng ra ngoài lệ ấy. Vào thời cổ, trong trường tư thực, thầy dạy học trò, chú ý tới điều trọng yếu nhất là ngộ tánh của học trò, giúp nó khai ngộ. Sau khi khai ngộ, hề tiếp xúc gì cũng đều thông hiểu, người ấy cũng rất thông minh, hề tiếp xúc bèn có thể hiểu rõ. Vì sao? Hết thấy các pháp chẳng lia tự tánh, chỉ cần kiến tánh thì vấn đề gì cũng đều giải quyết! Nay chúng ta học kinh Vô Lượng Thọ, tìm bản chú giải này của cụ Hoàng Niệm Tổ là được rồi. Vì sao? Kinh do thầy cụ là lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập từ năm bản dịch gốc, nay chúng ta thấy bản chú giải này của cụ Hoàng đã tổng hợp toàn bộ những lời chú giải kinh Vô Lượng Thọ của các vị đại đức xưa nay, trong ngoài nước, hoàn toàn tổng hợp lại. Quý vị đọc bản chú giải của cụ Hoàng tức là đã xem bao nhiêu kinh? Trong phần sau, cụ đã dẫn chứng hơn hai trăm thứ. Quý vị được đọc toàn bộ, tổng hợp toàn bộ mà! Khi chúng ta muốn xem nhiều như vậy, phải tốn bao nhiêu thời gian? Cụ đã chỉnh lý kỹ lưỡng. Trong quá khứ, những bản chú giải xưa gồm có mấy thứ chúng tôi đã từng xem qua, ở đây cụ cũng đều sao lục đầy đủ, sao toàn bộ trong tác phẩm này! Do vậy, bộ Kinh Giải này là tổng hợp hoàn chỉnh của các kinh luận chú sớ trong Tịnh Độ; chúng ta phải nhận biết tác phẩm quý giá này! Trong hết thấy các kinh, kinh điển Tịnh Tông là quý báu. Trong các sách vở Tịnh Tông, nay bày ra trước mặt chúng ta, bản chú giải này là món báu! Không có tác phẩm nào siêu thắng hơn tác phẩm này, chẳng có! Chúng ta phải quý trọng, phải nghiêm túc học tập. Với phân lượng

của sách này, với kích thước như vậy, nếu chúng ta thâm nhập một môn học tập từ đầu đến cuối, học tập năm năm hay mười năm, sẽ đắc Niệm Phật tam-muội, chẳng còn vọng niệm nữa! Thời gian, tinh thần, tinh lực của chúng ta đều tập trung vào đây, lẽ đâu chẳng đắc định? Tam-muội ấy gọi là Niệm Phật tam-muội. Đắc Niệm Phật tam-muội sẽ có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn và Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là kiến tánh. Chúng ta mong sớm có ngày thành tựu, sớm có ngày thành tựu thì phải thật sự buông xuống, bộ kinh điển này dạy chúng ta buông xuống, thả đều buông xuống.

Đối với tổng cương lĩnh, đức Phật nói ba câu, tức là tam nghiệp thanh tịnh. Ngài xếp khẩu nghiệp đầu tiên, chẳng giống những kinh khác. Các kinh nói “thân, khẩu, ý”, kinh này nói “khẩu, thân, ý”: *“Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá”* (khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi lầm của người khác), thật sự làm. Chúng ta còn phê phán người khác hay chẳng? Hữu ý hay vô tình phê bình người khác, quý vị đều vi phạm. Nếu thật sự học, phải thời thời khắc khắc cảnh giác, chẳng chê bai lỗi lầm của người khác. Đừng nên ghi nhớ khuyết điểm của kẻ khác, càng chớ nên nói ra. Quý vị làm được điều này, sẽ có thể học Phổ Hiền Bồ Tát thập nguyện *“lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai, quảng tu cúng dường”*, xử sự, đãi người, tiếp vật đều phải như vậy thì mới được, mới giống Bồ Tát. Bồ Tát chẳng có oán gia đối đầu. Tổ tiên chúng ta dạy: *“Nhân giả vô địch”* (người có lòng nhân không có kẻ đối địch). Trong Phật môn, *“nhân giả”* được gọi là Bồ Tát; đối với Bồ Tát thường gọi họ là *“nhân giả”*, tức là bậc nhân từ. Bồ Tát là người nhân từ, không ai đối địch, trong tâm Ngài chẳng có địch thủ. Nếu còn phân biệt, còn chấp trước, còn có đối lập, kẻ ấy chẳng phải là Bồ Tát, kẻ ấy là gã bất nhân! Bất nhân là chẳng có tâm từ bi, *“nhân giả”* là đại từ đại bi. Còn oán hận thì làm sao có thể coi là bậc nhân từ? Kẻ ấy có lỗi với ta, hủy báng ta, lăng nhục ta, hãm hại ta, nếu quý vị là người có lòng nhân, kẻ ấy dùng thủ đoạn gì để đối phó quý vị, trong tâm quý vị đều chẳng vướng mắc. Không chỉ chẳng vướng mắc, mà còn rất cảm kích kẻ ấy. Vì lẽ gì cảm kích kẻ ấy? Kẻ ấy tới khảo nghiệm xem quý vị có phải là học Phật hay chẳng? Rốt cuộc có công phu gì hay chẳng? Chử quý vị mấy câu để coi có nổi quạu hay chẳng? Hễ nổi quạu là xong rồi! Quý vị thấy đó, kẻ ấy đến khảo nghiệm quý vị!

Từ kinh điển, quý vị thấy kinh Kim Cang có nhắc đến chuyện vua Ca Lợi vương cắt chặt thân thể [của Nhẫn Nhục tiên nhân]. Nguyên văn câu chuyện này được kinh Đại Niết Bàn kể rất tỉ mỉ, kinh Kim Cang chỉ nói đại lược! Đó là khi Thích Ca Mâu Ni Phật chưa thành Phật, Ngài tu Nhẫn Nhục Ba La Mật, người ta gọi Ngài là Nhẫn Nhục tiên nhân. Gặp phải vua Ca Lợi xem Ngài có thể nhẫn hay không? Vua Ca Lợi đem Ngài lăng trì xử tử, dùng đao cắt thịt Ngài, lóc lấy từng miếng, xẻo cho đến chết để coi Ngài có thể nhẫn hay không? Người vẫn có thể chẳng tức giận, vẫn có thể chẳng oán hờn ta ư? Nhẫn Nhục bảo vua: *“Ta chẳng có mảy may oán hận!”* Đã thế, còn đối trước vua phát nguyện: *“Trong tương lai ta thành Phật, người đầu tiên đắc độ sẽ là nhà vua”*. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, người đầu tiên đắc độ thành A La Hán là tôn giả Kiều Trần

Như, tôn giả chính là vua Ca Lợi thuở ấy. Hứa sao làm vậy! Vua Ca Lợi thành tựu cho Ngài, nên Nhẫn Nhục tiên nhân cảm ơn, chẳng oán hận. Thành tựu Ngài như thế nào? Giúp Ngài sớm thành Phật. Trong một ngàn vị Phật thuộc Hiền Kiếp, vị Phật thứ tư là Di Lặc Phật, [lẽ ra], Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật sau Di Lặc Phật, là vị Phật thứ năm; nhưng quý vị thấy nay Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật trước. Di Lặc Phật biến thành hậu bổ Phật của Phật Thích Ca, do nguyên nhân nào? Do Nhẫn Nhục Ba La Mật nên sớm thành tựu, quý vị nói đó là chuyện tốt hay xấu?

Tổ tiên dạy chúng ta: “*Thua thiệt là phước*”, quý vị chẳng chịu thua thiệt, tức là chẳng cần phước báo! Nhẫn Nhục tiên nhân biết “*thua thiệt là phước*”, hoàn toàn tiếp nhận, nên phước báo hiện tiền, Ngài sớm thành Phật. Sự thị hiện này nhằm dạy bảo chúng ta, nạn lớn ngàn ấy, nhưng Ngài luôn coi như chẳng có chuyện gì, nghịch cảnh xảy đến bèn vâng chịu. Nay chúng ta gặp một tí thử thách vật vãnh đã chịu không nổi, làm sao có thể vãng sanh? Vì vậy, người tu hành dầu bị thua thiệt quá mức, dầu bị lừa gạt quá mức, vẫn coi như chẳng có chuyện ấy! Phải luôn nhớ một câu trong kinh Kim Cang: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, phải buông chuyện ấy xuống, trong tâm chẳng có dấu vết gì, chẳng oán hận mảy may, thường sanh lòng hoan hỷ. Đối với những oán thân trái chủ, cảm ơn, cảm tạ! Nếu trong quá khứ, tôi thiếu nợ họ, đáng phải đền trả, vui vẻ. Nếu trong quá khứ, tôi chẳng thiếu nợ họ, chẳng cần đền, sau khi họ đoạt lấy, chẳng cần họ phải trả! Họ trả thì tôi phải trở lại thế gian làm người lần nữa hòng nhận nợ của họ, rắc rối to! Không cần nữa! Quý vị nói xem có phải là tự tại lắm không! Đây là chân tướng sự thật, có thể chịu thua thiệt, thua thiệt sao cũng được, luôn hoan hỷ.

Vì vậy, đối với Mật, chúng ta tôn trọng, tán thán, nhưng chẳng học. Vì sao? Biết chúng ta thiếu năng lực để học. Chúng ta chẳng ăn thịt hết thảy chúng sanh nhằm tiêu nghiệp chướng của chính mình. Người học Mật có thể ăn thịt hết thảy chúng sanh, vì sao? Khi người ấy ăn thịt chúng nó, có thể siêu độ chúng nó, có bản lãnh đó. Nay chúng ta ăn thịt chúng sanh, có bản lãnh siêu độ nó hay chẳng? Đừng nói siêu độ gì khác, chúng ta ăn một con gà, có thể khiến con gà ấy sanh lên trời, nó bèn có thể hưởng phước trời, có năng lực ấy hay chẳng? Không có năng lực ấy thì ngàn vạn phần chớ nên [ăn thịt chúng sanh], vì sao? Quý vị kết oán cừu với chúng. Mật chẳng phải là đùa bỡn được! Trong Mật Tông không có con đường chính giữa. Nói cách khác, một là thành Phật, hai là đọa A Tỳ địa ngục. Nếu quý vị chẳng thành Phật, sẽ đi vào A Tỳ địa ngục, quyết định chẳng thể đùa bỡn được! Thượng Sư Mật Tông kết duyên với các tín đồ thông thường, quán đảnh cho quý vị, truyền cho quý vị một câu chú. Quá nửa là truyền bài chú Lục Tự Đại Minh của Quán Thế Âm Bồ Tát: “*Úm ma-ni bát-mê hồng*”, rất nhiều người đều biết niệm. Chương Gia đại sư cũng truyền bài chú này cho tôi, bảo tôi thường niệm. Tôi hỏi Ngài bài chú ấy có nghĩa là gì? Ngài giảng: “*Úm*” (Aum) là tiếng Phạn, có nghĩa là Thân, hiểu là Pháp Thân cũng được, mà Báo Thân cũng được, [Úm là] thân thể. Trong kinh Đại

Thừa, Ma-ni rất nhiều, hoa sen đây. “Ma-ni” (Mani) là hoa sen; “Bát-mê” (padme) là gìn giữ. “Hồng” (Hum) là ý, ý niệm. Theo ngữ pháp của họ, quý vị thấy, [câu chú ấy có nghĩa] là “thân, hoa sen, gìn giữ, ý”. Theo ngữ pháp của người Hoa, [có nghĩa là] “gìn giữ thân tâm (ý là tâm) như hoa sen”, ý nghĩa này hay lắm! Do vậy, trì chú phải tam mật tương ứng, tay kết ấn, miệng niệm chú, trong tâm quán tưởng. Quán tưởng gì? Thời thời khắc khắc giữ cho thân tâm của chính mình giống như hoa sen, mọc lên từ bùn lầy mà chẳng nhuốm bẩn, ý nghĩa này thật hay! Hiện thời rất nhiều người niệm [chú này], nhưng chẳng biết ý nghĩa, do không biết nên chẳng sanh ra hiệu quả. Do trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật bảo: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, quý vị chẳng quán tưởng, chỉ niệm suông, chỉ kết ấn suông, chẳng quán tưởng thì không được rồi, chẳng đạt được lợi ích chân thật! Vì vậy, trong Tam Mật, quán tưởng trọng yếu nhất, còn quan trọng hơn trì chú và kết ấn. Tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, Ngài chẳng truyền Mật pháp cho tôi, Ngài nói tôi chẳng đủ trình độ: “Anh còn thiếu trình độ rất xa!” Đó là nói thật, chẳng giả! Vì vậy, tôi hết sức cảm kích vị lão nhân này. Cơ sở Phật pháp của tôi được Ngài thiết lập trong ba năm, nên sau này mới có một chút thành tựu như vậy!

Trong đoạn này, [cụ Hoàng có ý nói hành nhân] thật sự được oai thần từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Do vậy, pháp này thuộc Tha Lực Môn, thuộc về Quả giáo, A Di Đà Phật dùng quả đức gia trì chúng ta. “*Hành nhân phát tâm niệm Phật, trượng Di Đà bốn nguyện nhiếp thọ, oai thần gia bị, hộ trì hành giả*” (hành nhân phát tâm niệm Phật, nương vào bốn nguyện và oai thần của Phật Di Đà nhiếp thọ, gia bị, hộ trì hành giả). Quý vị thật sự y giáo phụng hành, sẽ chẳng bị ma dựa. Quý vị thật sự y giáo phụng hành, người có công năng đặc dị sẽ trông thấy. Đó là: Quý vị thật sự có công phu ấy, thân thể tỏa ánh sáng, ma chẳng thể đến gần. Huống hồ lại quy y A Di Đà Phật, thật sự có hai mươi lăm vị thần hộ pháp hộ vệ. Vì sao rất nhiều người tu hành lại đổ bệnh? Đó chính là như trong phần trước đã nói: “*Hành nhân sảo hữu chấp trước*”, tức là có một tí chấp trước như thế, “*tiện thất chánh kiến, tức nhập ma đồ*” (liền mất chánh kiến, thuộc vào đường ma), phiền phức liền! Toàn bộ oán thân trái chủ của quý vị tìm tới cửa. Tâm này phải trụ nơi đạo, làm thế nào để trụ nơi đạo? Thời thời khắc khắc niệm Phật. Chẳng niệm Phật, bèn nghĩ đến những đạo lý được giảng trong kinh điển. Đại Thế Chí Bồ Tát chỉ dạy chúng ta: “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thấy Phật). Ức Phật là gì? Thường xuyên tưởng Phật, Phật ở đâu? Những điều kinh đã giảng đều là Phật.

Kinh Hoa Nghiêm càng giảng cặn kẽ hơn. Trong quá khứ, chúng ta học kinh Hoa Nghiêm lâu ngàn ấy, đã hơn bốn ngàn giờ. Vì thời gian dài như thế, chúng tôi mới đem ghép bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán vào, đó là cương lĩnh tu học, là tinh hoa của toàn bộ kinh Hoa Nghiêm. Bài luận văn ấy chẳng dài, cả bài văn chỉ có sáu đoạn; tiên sinh Phương Đông Mỹ nói ba đoạn đầu là Triết Học tối cao, ba đoạn sau là khoa học tối cao. Đây là triết học và khoa học trong giáo pháp Đại Thừa đều được giảng đến tột đỉnh, rất

ráo viên mãn, giảng rõ ràng duyên khởi của vũ trụ, duyên khởi của vạn vật, duyên khởi của sanh mạng, ta từ đâu đến, duyên khởi của bản thân chúng ta, đều nói ra hết, quá ư là khó có! So với những thứ triết học và khoa học tột đỉnh trong cả thế giới hiện thời, trọn chẳng thua kém. Chúng tôi cũng dùng hơn hai trăm giờ để giảng. Bộ DVD này có thể nghe nhiều lần, nghe không hiểu chẳng sao cả! Cứ nghe từng lần một, nghe rồi sẽ khai ngộ. Nghe xong, dầu chẳng khai ngộ, chắc chắn cũng giúp quý vị buông xuống, lợi ích ấy cũng rất lớn.

Tiếp đó, cụ dẫn một đoạn trong kinh Thập Vãng Sanh: “*Phật ngôn: Nhược hữu chúng sanh niệm A Di Đà Phật, nguyện vãng sanh giả, bỉ Phật tức khiển nhị thập ngũ Bồ Tát ủng hộ hành giả. Nhược hành, nhược tọa, nhược trụ, nhược ngọa, nhược trú, nhược da, nhất thiết thời, nhất thiết xứ, bất linh ác quỷ, ác thần đắc kỳ tiện dã*” (Đức Phật dạy: “Nếu có chúng sanh niệm A Di Đà Phật, nguyện vãng sanh, đức Phật ấy liền sai hai mươi lăm vị Bồ Tát ủng hộ hành giả. Dù đi, hay ngồi, dù đứng, hay nằm, dù ngày, hay đêm, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, chẳng để cho ác quỷ, ác thần có cơ hội thuận tiện [quấy nhiễu hành giả]”). Quý vị có tin điều này hay không? “*Bỉ Phật*” là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật phái hai mươi lăm vị Bồ Tát. Khi Tam Quy Y bèn có ba mươi sáu vị thần hộ pháp, “*hai mươi lăm*” là nói đến Ngũ Giới. Quý vị thật sự thọ trì Ngũ Giới, sẽ có hai mươi lăm vị thần hộ giới. Do vậy, kiếp trước, kiếp này, oán thân trái chủ cũng không thể tìm đến quấy phá. Quý vị thật sự học Phật, dù họ có cừ hận quý vị, cũng chẳng có cách nào báo thù! Họ thấy quý vị thật sự tu hành, biết quý vị có thành tựu, khi quý vị thành tựu, nhất định họ sẽ được lợi ích, nhất định siêu độ họ, nhất định giúp đỡ họ. Oán thân trái chủ tới kiếm người tu hành gây chuyện là vì nguyên nhân nào? Quý vị tu hành giả dối, chẳng chân thật. Căn bản là họ coi thường quý vị, nên tới kiếm chuyện, chuyện là như vậy đó! Quý vị tu được, sẽ khiến họ bội phục, lẽ đâu họ quấy rối quý vị? Quý vị trách ai? Chẳng thể trách ai khác, phải tự trách mình. Nếu chính mình thật sự đúng pháp, oán thân trái chủ đều cung kính, họ biết họ sẽ được giải thoát, họ có duyên với quý vị, Phật độ kẻ hữu duyên mà! Duyên ấy, bất luận là thiện duyên hay ác duyên, nói chung, hễ có duyên bèn có thể đắc độ. Chúng ta là người học Phật, mỗi ngày trong Niệm Phật Đường của chính mình hãy thờ một bài vị oán thân trái chủ, chẳng quên họ, chẳng quan tâm họ có biết hay là không, trong đời này có lẽ có thể nhớ, nhưng đời quá khứ chẳng thể nhớ được, chúng ta thờ bài vị đời trước kiếp này, thảy đều có. Thật sự tu hành, họ sẽ thật sự bội phục, thật sự sanh tâm hoan hỷ, chẳng tìm đến làm phiền, mà tới hộ trì quý vị, mong mỗi quý vị thành tựu sớm ngày nào, họ sẽ sớm đắc độ ngày ấy. Vì vậy, con người có cùng cái tâm này, tâm có cùng lý này, lời Phật đã giảng trong kinh chắc chắn chẳng phải là vọng ngữ.

Lại xem đoạn tiếp theo: “*Hựu Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương vân: ‘Kim ư thử giới, nhiếp niệm Phật nhân, quy ư Tịnh*

Độ” (Lại nữa, trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Thủ Lăng Nghiêm có nói: “Nay ở trong cõi này, nhiếp thọ người niệm Phật về Tịnh Độ”), đây là lời Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói trong kinh Lăng Nghiêm. Chương này kinh văn chẳng dài, tổng cộng chỉ có hai trăm bốn mươi bốn chữ, đây là một đoạn trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương. Đối với đoạn này, Ấn Quang đại sư, tôi nghĩ hiện thời rất nhiều đồng học đều biết: Ấn Quang đại sư là Tây Phương Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Trong đời quá khứ, trước khi thành Phật, Quán Âm và Thế Chí đều là người trong thế giới Sa Bà, cũng có thể nói [các Ngài] là đồng hương của chúng ta. Các Ngài sanh về thế giới Cực Lạc, nay họ giống như lớp trưởng của các vị Bồ Tát, lãnh đạo các vị Bồ Tát giúp A Di Đà Phật giáo hóa chúng sanh. Thế giới Sa Bà là quê hương của các Ngài, nên cũng đặc biệt chiếu cố; vì vậy, Ngài thường đến thế giới này, thật vậy, giống như trong phần trước đã nói: Hết thầy thời, hết thầy chỗ, quý vị niệm Ngài, Ngài bèn hiện tiền. Ngài dạy chúng ta phương pháp Niệm Phật chính xác nhất, đơn giản nhất, ôn hòa nhất, đáng tin cậy nhất. Phương pháp là “*nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*”, tám chữ! “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*”, câu này khẳng định như vậy, chẳng có mảy may hoài nghi nào! Trong tâm thường tưởng Phật, miệng thường niệm Phật, trong hiện tại, quý vị đã có thể thấy Phật. Hết thầy các pháp sanh từ tâm tưởng mà! Tương lai, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật và chư Phật Như Lai, cùng học tập với các đại Bồ Tát, đến nơi đâu tìm được hoàn cảnh này? Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như một trường đại học Phật giáo, hết thầy chư Phật đem toàn bộ những chúng sanh thuộc ba căn tánh thượng trung hạ trong khu vực giáo hóa của các Ngài đưa sang học bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không ra ngoài lệ ấy! Chỉ có các vị thượng thượng căn là sang thế giới Hoa Tạng. Do vậy, thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng trang nghiêm, chúng ta phải tin tưởng, chớ nên có mảy may hoài nghi nào!

Kinh giáo Đại Thừa quả thật rất hấp dẫn con người, khiến cho quý vị sau khi xem xong chẳng muốn buông xuống! Nếu chúng ta không cảm lòng nổi, thứ gì cũng đều muốn học, sẽ là vấn đề nghiêm trọng. Vì sao? Tâm lực của chúng ta phân tán, chẳng thể tập trung. Học tập phân tán thì quý vị chỉ có thể đạt được kiến thức Phật học thông thường; nói theo thuật ngữ của giới học thuật hiện thời là quý vị chỉ có thể thành tựu trong Phật học. Trước kia, thầy Lý thường nói: “*Trong thế gian này, quý vị có thể trở thành một nhà Phật học (chuyên gia nghiên cứu Phật giáo) hay là một học giả về Phật học, chứ đối với liễu sanh tử, thoát tam giới chẳng liên quan chi hết!*” Quý vị biến đại pháp xuất thế gian thành một thứ học thuật thế gian, biến chất rồi! Tuy biến chất, đương nhiên vẫn là kết pháp duyên với Phật, trong A Lại Da đã gieo chủng tử Phật pháp, đời kế tiếp hay đời sau, khi duyên chín muồi, vẫn có thể thành tựu; nhưng trong đời này, chắc chắn quý vị chẳng thể tránh khỏi nỗi khổ luân hồi, thời gian luân hồi rất dài. Do vậy, thầy Lý nói: “*Quý vị không thể tránh khỏi nỗi khổ luân hồi nhiều kiếp dài lâu!*” Thật sự giác

ngộ, buông xuống vạn duyên, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ. Những kinh giáo ta ưa thích, muốn học, đến thế giới Cực Lạc sẽ học, hiện thời, trước hết phải giữ lấy Tịnh Độ, đến thế giới Cực Lạc, vô lượng thọ, hoàn cảnh tu học tốt đẹp, chẳng trễ nãi gì! Hiện tại, nếu thứ gì cũng đều muốn học, sẽ lỡ làng chuyện này, quý vị có thể sanh về thế giới Cực Lạc hay không, vẫn phải đánh rất nhiều dấu hỏi vì quý vị chưa nắm vững! Chớ nên không hiểu đạo lý này. Sau khi đã hiểu, chớ nên không làm, hãy thật sự làm!

Hơn hai mươi năm trước, tôi đã nghĩ buông bỏ kinh giáo, chẳng làm nữa! Lần trước, giảng Kinh Hoa Nghiêm được một nửa thì ngừng, không giảng nữa! Quý vị thấy tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lượt, lần này là lần thứ mười một. Lúc ấy, tôi nghĩ: Suốt đời này, chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ. cứ giảng từng lượt một, mỗi lượt khác nhau! Nhân duyên giảng kinh Hoa Nghiêm lần này, tôi cũng đã trình bày cùng quý vị, rất bất đắc dĩ, nhưng cũng là có lý. Pháp sư Khai Tâm ở Đài Loan, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, và Hàn Quán Trưởng, ba người thỉnh cầu, mong giảng kinh ấy một lần làm thành CD/DVD để giữ lại cho người đời sau tham khảo, nhằm mục đích này! Nếu đối với bản thân tôi, một bộ kinh Vô Lượng Thọ này là đủ rồi! Con đường này ôn hòa, đơn giản, dễ dàng hơn nhiều lắm! Một môn thâm nhập. Bản chú giải này hay dường ấy, quá khó được, quá hy hữu. Ở nơi đây, tôi phát tâm, hướng dẫn mọi người cùng nhau học tập; nếu không hướng dẫn, có lẽ hứng thú học tập chẳng quá nồng đậm! Học tập bản chú giải này nhằm khẳng định, kết duyên phận thật sâu với thế giới Cực Lạc, thật sự phát nguyện, không ai chẳng vắng sanh!

Đặc biệt là trong thế gian hiện thời, chúng sanh khổ lắm! Bất luận là giàu, nghèo, sang, hèn, các nghề nghiệp, không nương tựa vào đâu được! So với bất cứ thời đại nào trong quá khứ đều là đáng thương xót hơn! Trong xã hội thời quá khứ, con người sống trong thế gian này, họ có nơi nương tựa, nơi nương tựa là gia đình. Bất luận gặp chuyện khó khăn gì, gia đình sẽ là người ủng hộ, quý vị chắc chắn chẳng hoài nghi gia đình. Sau thời chiến tranh Trung Nhật, trong tám năm ấy, gia đình chẳng còn nữa, không nhìn thấy nữa. Người Trung Quốc đáng thương, không có nhà để về, cửa nát nhà tan. Vì vậy, chúng ta cảm ơn Phật, Bồ Tát vô tận, Phật, Bồ Tát bảo chúng ta có nhà, thế giới Cực Lạc là nhà của chúng ta, A Di Đà Phật, Tây Phương tam thánh là nơi nương tựa. Đúng vậy, tuyệt đối chẳng giả! Vấn đề là quý vị có thể tin tưởng hay không? Nay chúng ta có lý do tin tưởng, vì sao? Trong Hoàn Nguyên Quán đã giảng rõ ràng, chúng ta và A Di Đà Phật có mối quan hệ, chẳng phải là không có, quan hệ hết sức thân mật. Di Đà là tự tánh Di Đà, Tịnh Độ là duy tâm Tịnh Độ. Di Đà, Tịnh Độ, có quan hệ gì với ta? Nhất thể, chẳng kém mối quan hệ với cha mẹ, mà còn thân thiết hơn quan hệ với cha mẹ nữa! Chúng ta thật sự hiểu rõ quan hệ này, hiểu rõ rồi, quý vị còn hoài nghi hay chẳng? Chẳng hề hoài nghi nữa! Giống như cư sĩ Lưu Tố Vân đã làm gương: Nhất tâm nhất ý nương tựa A Di Đà Phật, bị bệnh nặng ngàn ấy, bác sĩ trong thế gian chẳng trị được, chẳng cần quý vị

chữa trị! A Di Đà Phật là đại y vương, chắc chắn có thể trị cho tôi lành bệnh. Mỗi ngày niệm Phật, niệm đến nổi lành bệnh, điều này chẳng giả! Bà ta đã giảng cho chúng ta nghe ở đây mười mấy giờ. Phật, Bồ Tát có lòng tin đối với chúng ta, vấn đề hiện thời là chúng ta có lòng tin đối với Phật, Bồ Tát hay chẳng? Nếu có lòng tin, sẽ tâm tâm tương ấn!

Chúng ta xem đoạn tiếp theo. Quý vị thấy cụ Hoàng trích dẫn Tịnh Tu Tiếp Yếu, đây là một nghi thức tu hành do lão cư sĩ Hạ Liên Cư biên soạn. Trong ấy có viết: “*Đại Thế Chí Bồ Tát, hiện cư thế giới, tác đại lợi lạc. Ư niệm Phật nhân, nhiếp thủ bất xả, linh ly tam đồ, đắc vô thượng lực*” (Đại Thế Chí Bồ Tát nay đang ở trong cõi này, tạo đại lợi lạc. Ngài nhiếp thủ chẳng bỏ người niệm Phật, khiến họ lìa tam đồ, đắc vô thượng lực). Chúng tôi nghĩ khi cụ Hạ tại thế, cụ nói Đại Thế Chí Bồ Tát là Ấn Quang đại sư. Cụ chẳng nêu đích danh, nhưng trên thực tế thì sao? Trên thực tế, chẳng giả tí nào! “*Hiện đang ở trong cõi này, thật sự tạo đại lợi lạc*”. Đại lợi lạc là gì? Giáo dục nhân quả. Tổ Ấn Quang suốt đời cực lực đề xướng giáo dục nhân quả. Chúng ta thấy xã hội hiện tiền, có thể chữa trị căn bệnh nặng nề của đại chúng trong xã hội này, đích thực là giáo dục nhân quả. Thuở ấy, Ngài đã thấy rõ ràng, thấy xã hội hiện tiền của chúng ta, dùng luân lý chẳng trị được! Đạo đức cũng chẳng trị được, chỉ có giáo dục nhân quả. Phải giảng thấu triệt, giảng rõ ràng, những chuyện nhân quả quá nhiều. Nếu sưu tập những câu chuyện gần đây nhất thì nhật báo, tạp chí, phương tiện truyền thông đã báo cáo, hễ quý vị nói [nhân quả], người ta đều có ấn tượng, chẳng giả tí nào! Thiện có thiện quả, ác có ác báo. Hiện thời, trong thế gian này, trên bất cứ con đường nào tại Hương Cảng đều có nhà hàng hải sản, quả báo do ăn hải sản rất nhiều, đều là nhãn tiền. Đó là quả báo do sát sanh, quả báo do ăn thịt. Còn có một chuyện nghiêm trọng là thiếu nữ phá thai; nghe nói hiện thời độ tuổi [phá thai] là từ mười tuổi cho đến ba mươi tuổi, thật là đáng sợ! Người có công năng đặc dị hiện thời thấy bao nhiêu trẻ gái bên thân có rất nhiều tiểu quý bám theo. Ở nơi đâu? Ở ngay trên thân họ, cho nên khắp thân họ là bệnh, bệnh chẳng thể chữa lành. Tới bệnh viện khám nghiệm, kiểm không ra bệnh, nhưng khắp thân đã dục, vì những loài oán quỷ đến kiểm họ. Nếu họ thật sự hiểu chuyện này, có chịu làm chuyện xấu hay chẳng? Chẳng chịu làm! Vì vậy, [đối với họ] giềng mối luân lý đạo đức chẳng đủ, họ không thể chống nổi dụ dỗ, mê hoặc; nhưng do nhân quả đáng sợ, người hiểu nhân quả sẽ chẳng dám. Vì vậy, đối cả thế giới hiện thời, nhân quả có đại lợi lạc.

“*Đặc biệt nhiếp thủ chẳng bỏ người niệm Phật*”, Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì người niệm Phật, [đó là nói] người thật sự niệm Phật, thật sự muốn vãng sanh, Phật lực gia trì, nhiếp thủ quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc. Vì sao chẳng nhanh hơn một tí? Trên thế giới có tai nạn, cũng có thể là Phật, Bồ Tát trao cho quý vị sứ mạng, quý vị hãy khéo tu, để nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, thực hiện luân lý, đạo đức, nhân quả cho người khác thấy, thật sự phổ độ chúng sanh. Nếu thực hiện, nếu tuyên dương bằng phương tiện truyền thông, sẽ có ảnh hưởng to lớn. Ông Hồ Tiểu Lâm là một thí dụ, không hề lừa gạt khách hàng, cũng chẳng cần phải cạnh tranh với đối thủ, cứ theo đúng

quy củ, tuân theo giáo huấn trong văn hóa truyền thống của Trung Quốc để kinh doanh mà một mực có lời. Chính ông ta đã báo cáo bao nhiêu lần, tiền kiếm được quang minh, lỗi lạc, yên tâm, thoải mái kiếm tiền, ông ta tự tại lắm, chẳng thiếu tiền. Vì vậy, ai nấy hiểu nhân quả, người người đều theo quy củ, bất luận quý vị làm nghề gì, sẽ được đại tự tại, sẽ thật sự hạnh phúc. “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng), cầu phú quý, đắc phú quý, ngay cả cầu làm Phật, làm Bồ Tát đều cầu được, phú quý thế gian trong Phật pháp là chuyện nhỏ nhoi, chẳng thứ gì chẳng cầu được. Vẫn là phải hiểu rõ ràng, minh bạch nhân quả.

“*Hựu A Di Đà kinh vân: - Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả*” (lại nữa, kinh A Di Đà dạy: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe kinh này, thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật), chữ “*chư Phật*” ở đây chỉ A Di Đà Phật, “*thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, giai vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm*”. Ở đây, chữ quan trọng nhất là chữ “*thiện*”, thiện nam tử, thiện nữ nhân. Tiêu chuẩn của thiện là gì? Là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Hiện tại, chúng ta học tập, phải nên gộp cả Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên vào đó. Vì sao? Vì lẽ nào chúng ta học Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng tốt đẹp? Nói thật ra, vào thời cổ, không cần nói quá xa, người sống vào đầu thời Dân Quốc, tức thế hệ trước chúng tôi, như thầy Lý, cụ Hạ Liên Cư, họ thuộc thế hệ trước, đã thực hiện đúng tiêu chuẩn “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Vì sao họ làm được? Họ được hưởng thụ sự giáo dục tốt đẹp từ gia đình. Người sống vào đầu thời Dân Quốc, gia đình vẫn còn, gia học (sự giáo học trong gia đình hoặc trong gia tộc) còn hưng thịnh. Những người có học cũng chẳng học từ đại học nào như hiện thời, đều là do học trong các tư thực mà thành tựu rồi sau đấy đi thi. Thầy Lý còn chưa bao giờ đến trường, thế hệ trước thầy Lý, tức thân phụ của thầy còn chưa hề đến trường, đời Thanh không có trường học; khi đó, không có trường học, mà toàn là tư thực, là gia học⁷¹[6].

Dạy dỗ trong gia học rất nghiêm, thầy nghiêm khắc mới có trò giỏi! Thầy Lý học rất khổ sở, chúng ta có năm mộng cũng chẳng ngờ tới! Cụ kể cho biết: Bị phạt quỳ, chẳng phải quỳ trên đất, mà quỳ trên đồng gạch, khổ cực lắm! Lão nhân gia dạy chúng tôi học, chỉ bảo chúng tôi, bất luận là Phật học hay Nho học, dẫn chứng kinh điển cứ thuận miệng đọc ra, chẳng cần phải tra cứu tài liệu, chúng tôi thấy vậy rất bội phục. Cụ bảo tôi: “Các anh có biết do đâu mà được vậy hay chẳng?” “Con chẳng biết?” “Do quỳ trên gạch đấy. Các anh chưa hề quỳ trên gạch, cho nên chẳng được vậy!” Do đó, Trung Quốc vào thời cổ, trẻ nhỏ đúng là khổ sở, được giáo dục rất nghiêm ngặt, chẳng giống như Tây Phương.

⁷¹[6] *Gia học là cách dạy học trong gia tộc, hoặc gia đình khá giả mời thầy về dạy dỗ cho con, hoặc trong làng, mời những người có học thức, đạo đức làm thầy dạy cho trẻ nhỏ; đôi khi do chính cha, anh, chú, bác, người trong họ dạy nhau. Nói chung, không chỉ là dạy chữ mà còn kèm cặp, uốn nắn tính tình. Do lớp học không đông, nên thầy theo dõi trò rất sát.*

Người Tây Phương quan niệm: Thuở nhỏ là thiên đường, cuộc sống của nhi đồng là thiên đường, sung sướng, chẳng bị trói buộc gì! Trẻ nhỏ Trung Quốc khổ sở, mười một, mười hai tuổi đi ra ngoài, [giữ gìn oai nghi] giống như một người đã trưởng thành thu nhỏ, quy củ, quan niệm khác nhau! Thuở thơ ấu, phải hoàn thành những thứ cần phải học trong một đời. Sau khi đỗ đạt, theo đuổi bất cứ nghề nghiệp gì, tuổi thanh xuân cống hiến xã hội, tạo phước cho gia đình, vì gia đình tạo phước. Cả đời người ấy có mục tiêu, ta sống vì lẽ gì? Ta vì gia đình mà sống. Suốt đời nghĩ tưởng cho gia đình, làm cho tổ tông được vinh diệu, gia tộc được vẻ vang. Vì vậy, người ấy có chỗ để nương dựa, tâm bèn định. Dẫu suốt đời sống ở nơi xa xôi, đến cuối cùng lá rụng về cội, lúc tuổi già về hưu, nhất định trở về quê hương, vì sao? Dưỡng lão tại quê nhà. Vì vậy, đời người sung sướng nhất, hạnh phúc nhất. Nói đến lúc hưởng thụ nhất sẽ là khi nào? Tuổi già! Tuổi già hưởng lạc. Thuở nhỏ vun bồi căn cội cho sâu chắc, vững bền, vun bồi rất nhọc nhằn, “căn cội” ấy chính là luân lý, đạo đức, giáo dục nhân quả. Vì vậy, với nền giáo dục ấy, ai nấy đều là người tốt, mọi chuyện đều tốt lành, xã hội an định. Khi trẻ khỏe, vì xã hội, vì quốc gia, vì gia đình tạo phước, lúc tuổi già hưởng phước. Điều này khác với ngoại quốc, ngoại quốc đến tuổi xế chiều rất đáng thương, đối với Trung Quốc thì tuổi già là lúc hạnh phúc nhất, hưởng phước từ sáu mươi tuổi trở đi. Trước kia làm quan, làm quan đến bảy mươi tuổi bèn về hưu. Quan lại đến khi bảy mươi tuổi bèn cáo lão hồi hương, trở về nhà dưỡng lão, hưởng phước.

Vì vậy, chữ “*thiện*” này trọng yếu lắm, thiện nam tử, thiện nữ nhân. “*Giai vị nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm*” (đều được hết thầy chư Phật hộ niệm), dẫn kinh điển nhiều như thế cho quý vị thấy: Chẳng phải chỉ có một bộ kinh này nói như vậy, mà đức Thế Tôn thường nói như thế. Tiếp theo đó, sách viết: “*Hựu niệm Phật chi nhân hữu tứ thập lý quang minh chiếu thân, ma bất năng phạm*” (Lại nữa, người niệm Phật thân có quang minh chiếu xa bốn mươi dặm, ma chẳng thể xâm phạm). Nhất tâm chuyên niệm, trong kinh Đại Thừa đã dạy: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất tâm chuyên niệm*”, Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ thật sự. Quang minh bốn mươi dặm: Trong Phật pháp gọi bốn mươi dặm là một do-tuần, quang minh này là gì? Quang minh này là tự tánh quang minh, cũng là “*thiện*” được nói trong phần trước, thiện tâm, thiện nguyện, thiện hạnh. Quang minh như trong kinh Phật nói được con người hiện tại gọi là “*từ trường*”. Người ấy (người niệm Phật) ở lại nơi đây, từ trường trong vòng bốn mươi dặm sẽ khác hẳn. Một người tu hành chân chánh ở nơi này, hoặc là trong một đạo tràng nhỏ, nếu không có đạo tràng nhỏ, thì hoàn cảnh nơi người ấy sống, chúng tôi tin là cả nhà người ấy đều học Phật. Trong nhà ấy, thông thường có nhân số khoảng ba trăm người, người già trong nhà học Phật sẽ dẫn dắt mọi người cùng nhau học Phật. Vì vậy, chúng ta có thể tin tưởng là một trang viên⁷²[7],

⁷²[7] Một trang viên là một đơn vị kinh tế độc lập trực thuộc quyền sở hữu của một quý tộc hoặc một danh gia vọng tộc hay một kẻ giàu có thời cổ, tương tự như các lãnh địa của các lãnh chúa tại Âu Châu. Trang viên thường có ruộng đất riêng, có tường vây bao bọc, hay

một thôn xóm, một tiểu trấn ấy chắc chắn đều bị cảm hóa. Mấy năm trước đây, tại tiểu trấn Thang Trì, chúng tôi chỉ là làm thí nghiệm, chỉ dùng Đệ Tử Quy để dạy học, khiến cho bốn vạn tám ngàn cư dân trong tiểu trấn ấy, nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề cùng học, đại khái là trong thời gian ba bốn tháng, lòng người bèn chuyển biến, từ trường hoàn toàn khác hẳn. Do vậy, chuyện này là thật, chúng ta có thể tin “ma chẳng thể phạm”. Nay chúng tôi nói những lời này, có ai tin tưởng hay không? Người ta bảo đó là chuyện thần thoại, chẳng thể nào có! Nói thật ra, đấy chẳng phải là Phật không linh, cũng chẳng phải pháp không linh, hiện thời chẳng có hiệu quả thì phải nên biết toàn là do bản thân chúng ta tuy học Phật nhưng tâm bất chánh! “*Bất chánh*” là không chịu buông tà mê xuống, bị tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần từ ngoại cảnh dụ dỗ, mê hoặc, thời thời khắc khắc động tâm, bị hoàn cảnh bên ngoài xoay chuyển, nay chúng ta niệm Phật, nguyên nhân khiến cho hoàn cảnh của chúng ta khác với hoàn cảnh được nói trong kinh là ở chỗ này.

Tiếp theo đó, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tô dùng một đoạn ngắn để kết luận, “*Do thượng khả kiến, niệm Phật chi nhân, hữu Di Đà sở khiến chi nhập ngũ Bồ Tát, u nhất thiết thời xứ, ủng hộ gia trì, hựu hữu Đại Thế Chí Bồ Tát đẳng, oai đức nhiếp thọ, phục vi nhất thiết chư Phật chi sở hộ niệm*” (do những điều trên đây có thể thấy người niệm Phật được hai mươi lăm vị Bồ Tát do Phật Di Đà sai đến ủng hộ gia trì trong hết thảy lúc, hết thảy nơi, lại có những vị như Đại Thế Chí Bồ Tát v.v... oai đức nhiếp thọ, lại được hết thảy chư Phật hộ niệm). Phước báo này to nhiều, là phước báo bậc nhất! Chư vị phải biết: Thật sự tu tập thì mới được [ủng hộ, gia trì như thế]. “*Có đắc viễn ly ma nạn, an ổn tu trì. Trượng tha lực cố, hóa hiểm vi di, xung vi dị hành đạo*” (Cho nên được xa lìa ma nạn, an ổn tu trì; do cậy vào tha lực nên hóa hiểm thành lành, [do đó pháp này] được gọi là đạo dễ hành). Cư sĩ Lưu Tô Vân là một tấm gương tốt cho chúng ta, bà ta là người hết sức thật thà, hết sức hướng nội, cả đời chỉ sợ danh lợi, trọn chẳng tìm kiếm danh lợi. Do bị bệnh, niệm Phật được lành bệnh, cảm động bao nhiêu người. Giới truyền thông tới phỏng vấn bà ta, sau khi đĩa DVD được phát hành đã cảm động vô số người. Đúng là ban cho chúng ta một gương tốt về đạo dễ hành: Hết sức đơn giản là vạn duyên buông xuống, nhất tâm nhất ý nương cậy A Di Đà Phật. Do bà ta chẳng sợ chết, nên bệnh nặng như

hàng rào phòng vệ, có quy củ, luật lệ riêng, theo mô hình kinh tế tự cung, tự cấp. Trong những trang viên lớn thường có xưởng chế biến thực phẩm, quần áo, vật dụng, kho dự trữ, hoặc các công xưởng chế tạo vật dụng. Tại Trung Quốc, trang viên đã có từ thời Nam Bắc Triều, nhất là do tình hình loạn lạc thường xuyên, các thủ lĩnh, phú hào địa phương càng ngày càng có khuynh hướng chiếm đoạt, sát nhập đất đai vào lãnh địa của mình để tăng cường oai thế. Trang viên còn được gọi là điền trang, trang điền, trang trạch, trang viện, sơn trang.

vậy, hoàn toàn chẳng lo lắng. Bác sĩ bảo bà ta có thể chết bất cứ lúc nào, bảo bà hãy chuẩn bị tâm lý. Bà ta nói: “Tôi chẳng bận tâm đến điều ấy, lúc nào tôi cũng mong mỏi A Di Đà Phật đến tiếp dẫn tôi, thế giới Cực Lạc là quê cũ của tôi”. Chẳng có chút cảm giác hoảng sợ gì, tâm bình khí hòa. Đó là điều khiến cho bác sĩ và y tá trong bệnh viện hết sức bội phục. Cớ sao bà ta an tường dường ấy, chẳng sợ hãi tí nào, chẳng lo buồn chút nào, do nguyên nhân gì vậy? Về sau, họ biết bà ta là người học Phật, niệm Phật. Do đó, phong khí niệm Phật lan truyền, người niệm Phật ở chỗ bà ta sống trở nên đông hơn, kẻ không tin cũng tin tưởng, kẻ chẳng niệm Phật cũng niệm Phật. Hiện thời tiếng tăm lan truyền, mọi người đều biết tới, các nơi đều mời mọc bà ta. Tôi nói: “Tốt lắm!” Bà ta cũng rất vui vẻ, rất nghe lời, tôi bảo: “Đây là A Di Đà Phật trao sứ mạng cho bà, bà phải đi nhiều, gặp gỡ nhiều, trao đổi nhiều, khiến cho càng nhiều người hiểu rõ, giác ngộ”. Chuyện này chẳng giả, bà ta hiện thân thuyết pháp, có đạo lý to lớn trong ấy!

Tiếp theo đó, cụ Hoàng nêu ra một vấn đề, vấn đề này rất có thể xảy ra. Có những kẻ học Phật: “*Hoặc dĩ đàm tha lực vi trước tướng*” (Chắc cũng kẻ bảo tha lực là chấp tướng), kẻ nào thế? Kẻ học Thiền Tông, họ chê quý vị chấp tướng. Chấp tướng được thôi! Chúng ta chấp tướng, nhưng chấp tướng để cầu vắng sanh. “*Ứng tri tha lực, diệt thị tự tâm, tự tha bất nhị*” (Nên biết tha lực cũng là tự tâm, tự và tha chẳng hai), trong Tịnh Tông thường nói “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, tự tha là một, tự tha bất nhị, “*tự tha uyển nhiên*” (tự tha rành rành). Tự và tha có hay chẳng? Có, nói theo Lý, cùng một tự tánh; nói theo Sự, cùng do một tự tánh sanh ra, tự tánh có thể sanh ra vạn pháp. “*Nhân tha lực nhi hiển tự tâm, tòng hữu niệm dĩ nhập vô niệm, chánh thị bản pháp thâm diệu xứ*” (Do tha lực mà hiển lộ tự tâm, từ hữu niệm mà nhập vô niệm, đây chính là chỗ sâu màu của pháp này). Nếu chúng ta gặp phải kẻ phê phán chúng ta, quý vị hãy nên liễu giải: Có thể đáp, [tức là] nếu hiểu đạo lý này thì có thể nói với kẻ ấy. Nếu chẳng hiểu bèn cười trừ, niệm A Di Đà Phật là được rồi: “Mặc kệ ông nói như thế nào, tôi vẫn một câu A Di Đà Phật. Tôi cung kính ông, pháp môn của ông hay lắm, tôi tán thán. Pháp môn này của tôi chẳng bằng, căn tánh của tôi kém hơn ông. Coi thử trong tương lai hai người chúng ta, ai sẽ thành công?” Chẳng cần phải kèn cựa trong hiện tại, nhìn vào sự thành tựu sau này để chứng thực!

“*Thị cố Di Đà Yếu Giải vân: Thử chi pháp môn, toàn tại liễu Tha tức Tự. Nhược hựu ngôn Tha Phật, tắc thị Tha Kiến vị vong*” (Vì thế, sách Di Đà Yếu Giải viết: “Pháp môn này chú trọng hiểu rõ Tha chính là Tự. Nếu không nói đến Phật khác, tức là Tha Kiến chưa hết”). Kẻ ấy vẫn còn phân biệt, vẫn đang chấp trước. “*Nhược thiên trọng Tự Phật, khước thành Ngã Kiến điên đảo*” (Nếu khăng khăng coi trọng Tự Phật, sẽ thành Ngã Kiến điên đảo). Ngẫu Ích đại sư nói hay quá! Do Ngẫu Ích đại sư sống vào cuối đời Minh, phong khí Thiền học rất thịnh, Thiền xem thường Tịnh Độ. Do vậy, Liên Trì đại sư thiện xảo phương tiện, chú giải kinh A Di Đà dùng “*thập môn khai hải*” của kinh Hoa Nghiêm để nâng kinh Di Đà lên cảnh giới giống hệt như Hoa Nghiêm. Đây là

phương tiện thiện xảo và dụng tâm của lão nhân gia. Trong thời đại ấy, phong khí Thiền học cực thịnh, làm thế nào để khiến người ta tin tưởng Tịnh Độ. Những năm xưa kia, tôi ở Đài Loan, lúc ấy vừa mới có một đạo tràng nhỏ là Hoa Tạng Đồ Thư Quán. Khéo sao có một du học sinh người Mỹ du học tại Đài Loan để học Phật pháp, học chương trình nghiên cứu sinh tại Đài Loan. Cô ta tìm đến tôi, ở lại Đồ Thư Quán. Cô nói tiếng Hoa khá sõi, rất khó có, cô gái ấy hai mươi mấy tuổi. Tôi hỏi cô học tiếng Hoa ở đâu? Cô ta học tại Nữ Ước ba năm. Chúng tôi rất bội phục, học chỉ ba năm mà nói tiếng Hoa rất lưu loát, có thể đọc hiểu cổ văn Trung Quốc, quá khó có! Cô ta nghe tôi giảng kinh Di Đà, mong tôi sang Mỹ hoằng pháp. Cô ta nói: “Thưa pháp sư! Thầy đến Mỹ thì mới có thể chấn hưng Tịnh Độ Tông”. Cô ta ở chỗ tôi bốn tháng. Đây cũng là một nhân duyên khiến tôi sang Mỹ, vì lúc ấy, nước Mỹ chỉ có Thiền Tông và Mật Tông. Thiền Tông từ Nhật Bản truyền sang. Mật Tông từ Tây Tạng truyền đến. Pháp sư Trung Quốc rất nhiều, nhưng ở bên ấy chẳng dễ gì truyền thừa Đại Thừa Phật pháp Trung Quốc. Đã hết thời gian rồi, ngày mai tôi sẽ lại giảng đoạn này cho mọi người nghe.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Phần 7 hết

Tập 15

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang thứ mười bốn, hàng thứ ba từ dưới đếm lên. Chúng ta xem từ hàng thứ ba, xem từ câu cuối cùng trong trang trước.

“Thị có Di Đà Yếu Giải văn: Thứ pháp môn, toàn tại liễu Tha tức Tự, nhượ chú ý ngôn Tha Phật, tắc thị Tha Kiến vị vong. Nhượ thiên trọng Tự Phật, khước thành Ngã Kiến diên đảo” (Vì thế, sách Di Đà Yếu Giải viết: “Pháp môn này chú trọng liễu giải Tha chính là Tự. Nếu không nói đến Tha Phật, tức là Tha Kiến chưa mất. Nếu không coi trọng Tự Phật, sẽ thành Ngã Kiến diên đảo”). Mấy câu này trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư có ý nghĩa rất sâu. Sở dĩ phạm phu rất khó thành Phật, mấu chốt là ở chỗ này: Nói chung là do chẳng buông phân biệt, chấp trước xuống được! Ở đây nói về phân biệt và chấp trước. Bất luận tu pháp môn nào, do tập khí từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta rất dễ phạm sai lầm. Tổ sư đã giảng về pháp môn này rất hay: *“Toàn tại liễu Tha tức Tự”, “liễu”* (了) là hiểu rõ, biết Tự và Tha bất nhị, Tha là A Di Đà Phật, Tự là chính mình. A Di Đà Phật và chính mình vốn cùng một Thể, là tự tánh Di Đà. A Di Đà Phật do đâu mà có? Do tự tánh biến. Ta do đâu mà có? Cũng do tự tánh biến; ta và A Di Đà Phật có cùng một tự tánh. Đạo lý này rất sâu, thật sự khế nhập cảnh giới này, khẳng định chuyện này là thật, đó gọi là *“chứng đắc”*, trong Tông Môn nói: *“Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”*. Tha Phật và Tự Phật là một, mười phương tam thế hết thấy chư Phật đều do tự tánh này biến ra, hết thấy chúng sanh trong hư không pháp giới cũng do tự tánh này biến ra. Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư đã giảng thấu triệt chuyện này, giảng hết sức rõ ràng! Quý vị hiểu chư Phật Như Lai và đông đảo chúng sanh có quan hệ gì với ta, hiểu rõ ràng. Nói theo mặt quan hệ thì là luân lý. Do vậy, tại Trung Quốc, luân lý rất được coi trọng. Từ xưa tới nay, luôn nhấn mạnh luân lý; luân lý là nói tới mối quan hệ giữa con người với nhau. Trong Phật pháp, luân lý được giảng viên mãn nhất. Không chỉ giảng về quan hệ giữa con người với nhau, mà quan hệ giữa con người và tất cả hết thấy động vật, quan hệ với tất cả hết thấy cây cối hoa cỏ, quan hệ với núi, sông, đại địa, mối quan hệ giữa các chiều không gian khác biệt trong hư không và các sinh vật, [những mối quan hệ ấy] đều được [Phật pháp] nêu ra toàn bộ. Có thể nói: Đại Thừa Phật pháp đã giảng luân lý đến rất ráo viên mãn. Đặc biệt là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh,

chúng ta thấy [các phẩm] ThếGiớiThànhTự và Hoa Tạng Thế Gioidều giảng về luân lý. Làm thế nào để xử lý thật tốt đẹp những mối quan hệ ấy, đó là đức hạnh. Trong tự tánh vốn có trí huệ và đức tướng, xử lý đều chẳng liạt tự tánh, từ Tánh Đức lưu lộ. Tổ tiên Trung Quốc đã thật sự khai quật được cốt lõi của Tánh Đức, cốt lõi ấy là Hiếu. Vì vậy, đối với văn hóa Trung Hoa, nói tới điểm đặc sắc của Trung Quốc, dùng một chữ Hiếu để nói! Trong Phật pháp, cũng là một chữ Hiếu này! Vì thế, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, bèn rất nhanh chóng dung hợp với văn hóa Trung Quốc thành một Thể, căn bản của chúng là một, chẳng hai. Quý vị thấy phần Tịnh Nghiệp Tam Phước trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Tịnh Tông, câu đầu tiên là “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”, câu thứ hai là “*phụng sự sư trưởng*”. Văn hóa truyền thống của Trung Quốc cũng lấy điều này làm cơ sở, “*hiếu thân, tôn sư*” (hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy). Các tôn giáo và những nền văn hóa khác có [quan niệm này] hay không? Có, nói thật ra thì cốt lõi là một. Do vậy, các tôn giáo trên thế gian có thể đoàn kết, cùng một cốt lõi mà! Chẳng có gì không nói tới hiếu đạo. Những tôn giáo và văn hóa khác chẳng giảng rõ ràng như Phật và Nho, họ nói đến “*ái*” (lòng yêu thương): Chúa yêu thương người đời, Thượng Đế yêu thương người đời; họ nói đến nhân từ. Trên thực tế, đều là cùng một ý nghĩa, một cốt lõi.

Có thể thật sự giác ngộ chẳng dễ dàng! Sau khi giác ngộ, những tri kiến ấy chẳng còn, sẽ không còn nói Tha Phật hay Tự Phật, chẳng còn ý niệm ấy nữa! Có ý niệm ấy chẳng phải là đối lập hay sao? Có Tự, sẽ có Tha. Vì vậy, Ngẫu Ích đại sư nói: “*Nếu ký hựu Tha Phật, chưa quên Tha Kiến*”. Nếu thiên trọng Tự Phật, đó là Ngã Kiến điên đảo, chưa quên Ngã Kiến. Tự và Tha đối lập sẽ biến thành hai pháp, chẳng phải là Phật pháp. Giống như Huệ Năng đại sư ở chùa Quang Hiếu, [chùa này hiện thời] là Quang Hiếu Tự 73[1], gặp gỡ pháp sư Ấn Tông lần đầu tiên, pháp sư Ấn Tông thỉnh giáo Tổ: “*Khi Ngài ở Hoàng Mai, Ngũ Tổ lão nhân gia giảng Thiên Định và giải thoát như thế nào?*” Huệ Năng đại sư giải thích, giảng giải Thiên Định và giải thoát, giải thoát có nghĩa là Niết Bàn, Huệ Năng đại sư nói: “*Thiên Định và giải thoát là hai pháp, hai pháp chẳng phải là Phật pháp, Phật pháp là pháp bất nhị*”. Nên giải thích câu nói này của đại sư như thế nào? Chúng ta có thấu hiểu hay chẳng? Pháp sư Ấn Tông còn thấy hai pháp, tức là vẫn còn có phân biệt, chấp trước; Huệ Năng đại sư đã dung hội cả hai thành một Thể. Không chỉ Thiên Định và giải thoát là một,

73[1]- “*Chùa Quang Hiếu vốn có tên là Chế Chỉ, vốn là nền trường học cũ của Ngu Phiên, được khai sơn vào khoảng năm 233. Chùa trở thành đạo tràng hoằng pháp của pháp sư Ấn Tông trong niên hiệu Nghi Phụng đời Đường Cao Tông. Chùa đổi tên thành Báo Ân Quảng Hiếu Tự vào năm Thiệu Hưng 20 (1150) đời Cao Tông nhà Nam Tống, về sau rút gọn tên gọi và đổi Quảng thành Quang, nên chùa có tên là Quang Hiếu Tự như hiện thời. Chùa Quang Hiếu cũng là nơi Tế Tướng Phòng Dung giúp pháp sư Bát Lạt Mật Đế nhuận sắc bản dịch kinh Lăng Nghiêm khi ông bị Võ Tắc Thiên đày xuống Khâm Châu (nay là huyện Khâm Châu tỉnh Quảng Đông).*”

không hai, mà hết thấy các pháp đều là một. Pháp thế gian và Phật pháp cũng là một. Giác ngộ thì gọi là xuất thế pháp, hay Phật pháp; chưa giác ngộ thì gọi là thế gian pháp. Đúng là một, không hai. Sau khi giác ngộ, chẳng tìm được hai; vì vậy, nhập Bất Nhị môn, vì sao? Phân biệt, chấp trước, ngay cả khởi tâm động niệm đều không có, lấy đâu ra hai pháp? Mấy câu này giảng về pháp môn Bất Nhị; nói theo cách bây giờ, đây là triết học cao cấp trong kinh Phật. Chúng ta nghe xong có thể hiểu thì “nghe hiểu” chính là lãnh hội lời giảng của cô đức. Nghe không hiểu là chưa lãnh hội. Lãnh hội được thì tốt lắm, chưa lãnh hội cũng chẳng sao, cứ thật thà niệm Phật là được rồi. Vâng lời, thật sự thật thà vâng lời, quý vị thật sự tu, chắc chắn có thể thành tựu, đây là bí quyết. Chúng ta học đoạn này tới đây.

Chúng ta xem đoạn kế tiếp, tức đoạn thứ tư: “*Đình, ám hợp diệu đạo, xảo nhập vô sanh*” (thứ tư, thâm hợp đạo mầu, khéo nhập vô sanh). Đây là nói pháp môn Trì Danh Niệm Phật này tương ứng với minh tâm kiến tánh, tuy còn chưa đạt đến trình độ ấy, nhưng có cùng một phương hướng, một mục tiêu, chắc chắn tốt đẹp, đó là “*ám hợp diệu đạo*”. “*Xảo nhập vô sanh*”: Vô sanh là kiến tánh, thật sự thấy hết thấy các pháp chẳng sanh diệt, sanh diệt chẳng hai. Pháp môn này là phương tiện thiện xảo khiến cho chúng ta cũng có thể khéo nhập [vô sanh]. Xin xem kinh văn trong trang mười lăm, hàng thứ nhất. “*Phù vô niệm dữ vô sanh, viễn phi phạm phu chi sở năng*” (vô niệm và vô sanh vượt xa ngoài khả năng của phạm phu). Vô niệm là vô sanh, chúng ta phải thấu hiểu ý nghĩa ở đây: Có sanh thì sẽ có niệm! Chúng ta chưa phải thuộc cảnh giới này, mà cũng chưa nhập cảnh giới này, nhưng người đã học Hoàn Nguyên Quán sẽ hiểu vũ trụ xuất hiện như thế nào? Vạn vật xuất hiện như thế nào? Do ý niệm mà có, ý niệm và khởi, chúng (vạn vật và vũ trụ) bèn hiện tiền; ý niệm chẳng có, ngay lập tức, chúng cũng chẳng còn! Di Lặc Bồ Tát nói ý niệm sanh diệt vô cùng nhanh, trong một giây có bao nhiêu niệm? Có một ngàn hai trăm tám mươi triệu, có nhiều niệm dường ấy. Ngài nói: Do niệm niệm tiếp nối, nên dường như có sanh; nếu ý niệm “*có một niệm*” này đã đoạn, cảnh giới vô sanh sẽ hiện tiền. Vô sanh là gì? Vô sanh là Thường Tịch Quang, trong ấy chẳng có hiện tượng sanh diệt, chẳng sanh, chẳng diệt. Huệ Năng đại sư đã thấy, quý vị thấy trong bài báo cáo gồm năm câu của Ngài, câu thứ hai là: “*Hà kỳ tự tánh, bốn vô sanh diệt*” (nào ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt). Ngài đã thấy, chúng đắc, Ngũ Tổ mới truyền y bát cho Ngài, chẳng truyền cho Thần Tú, vì Thần Tú có sanh diệt: “*Thân thị Bồ Đề thụ, tâm như minh kính đài*” (thân như cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng), có sanh, có diệt, còn người ta (Huệ Năng) thật sự thấy vô sanh. Vì vậy, cảnh giới không giống nhau.

Cảnh giới ấy chẳng phải là cảnh giới phạm phu, mà là cảnh giới của ai? Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Viên Giáo Bát Địa Bồ Tát, ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt, thi danh chân đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn*” (Bậc Bát Địa Bồ Tát trong Viên Giáo, li hết thấy tâm ý thức, phân biệt, mới thật sự được gọi là đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn). “*Vô sanh*” là Vô Sanh Pháp Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn là gì? Nhẫn là tán thành. Quý vị đã

thấy, cũng chẳng có chút hoài nghi nào, quý vị chứng nhận điều ấy. Do vậy, “*nhẫn*” (忍) có nghĩa là tán thành, khẳng định. Đức Phật giảng pháp Vô Sanh “*hết thấy các pháp chẳng sanh, hết thấy các pháp chẳng diệt*”, người ấy tiếp nhận, khẳng định. Chúng ta nghe câu này, nhất định sẽ nói: “Thưa Thích Ca Mâu Ni Phật! Con thấy đời người có sanh, lão, bệnh, tử, thấy hoa nở, hoa tàn, lẽ nào chẳng có sanh diệt?” Chúng ta không hiểu! Thật vậy! Thật sự chẳng có sanh diệt! Đối với kiến thức thông thường này, muốn hơi hiểu rõ một chút, hãy đọc bộ Hoàn Nguyên Quán, trong ấy đã giảng rất rõ ràng, chúng ta chưa thể chứng thực, nhưng Bát Địa Bồ Tát đã thấy. Đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Sơ Trụ Bồ Tát thuộc Viên Giáo phá vô minh, chứng Pháp Thân, Ngài đã thấy vô niệm, vô sanh, thoát ly mười pháp giới. Thưa quý vị, mười pháp giới có sanh, có diệt. Mười pháp giới do đâu mà có? Do A Lại Da biến hiện. Những điều các khoa học gia hiện thời nói rất giống với ba tế tướng của A Lại Da. Các khoa học gia nói: Trong vũ trụ, chỉ có ba thứ, trừ ba thứ ấy ra, thứ gì cũng đều không có. Ba thứ ấy là gì? Thứ nhất là năng lượng, thứ hai là vật chất, thứ ba là thông tin. Đức Phật giảng ba tế tướng của A Lại Da, thứ nhất là Nghiệp Tướng, [thứ hai là] Chuyển Tướng, [thứ ba là] Cảnh Giới Tướng. Nghiệp Tướng là năng lượng, Chuyển Tướng là thông tin, Cảnh Giới Tướng là vật chất. Chúng ta cũng chẳng thể không bội phục các nhà khoa học, họ cũng phát hiện, nhưng chẳng nói rõ ràng như Đức Phật. Đức Phật nói ba hiện tượng này do đâu mà có? Họ (các nhà khoa học) không biết ba hiện tượng này lại biến hiện ra vũ trụ, biến hiện ra vạn vật, biến hiện ra con người chúng ta như thế nào, các khoa học gia chẳng nói được! Khoa học cận đại có thể phát hiện ba thứ này, há phải dễ dàng!

Sơ Trụ Bồ Tát buông khởi tâm động niệm xuống, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước. Sau khi khởi tâm động niệm mới có phân biệt, sau khi phân biệt mới có chấp trước. Những thứ này thấy đều buông xuống, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chưa đến được Thường Tịch Quang, có thể nói là “*chứng Thường Tịch Quang, nhưng chưa khế nhập*”. Vì sao? Còn tập khí vô minh chưa đoạn. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ có tập khí vô minh dày hay mỏng khác nhau; [nếu] toàn bộ tập khí đã đoạn hết, cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng chẳng còn. Họ đến nơi đâu? Tới cõi Thường Tịch Quang. Trong Thường Tịch Quang, không có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cũng chẳng có, đúng là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, quý vị không có cách nào tưởng tượng, mà cũng chẳng diễn tả được. Nó thật sự tồn tại, vĩnh hằng tồn tại, chẳng sanh, chẳng diệt. Có khởi tác dụng hay không? Khởi tác dụng! Chúng sanh có cảm, nó bèn ứng; sự cảm ứng đạo giao này cũng rất khó tưởng tượng. Thuở trẻ, chúng tôi học Phật pháp, thầy cũng chẳng giảng rõ ràng chuyện này, đối với chuyện này, chúng tôi luôn hoài nghi. Nỗi hoài nghi ấy chẳng có vấn đề, trong Phật pháp gọi [nỗi hoài nghi ấy] là “*nghi tình*”, thường nghi, chưa thể đoạn. Huân tập kinh giáo Đại Thừa một thời gian dài, tôi mới dần dần lãnh ngộ. Sự lãnh ngộ ấy là ngộ, là giải ngộ, chưa

phải chứng ngộ. Giải ngộ, chẳng ngoài nghi nữa! Có lý, đạo lý cũng đã hiểu. Có Lý đương nhiên có Sự, có Sự đương nhiên có Lý. Từ Sự mà hiểu rõ Lý, từ Lý cũng liễu giải Sự. Vì sao chưa thể chứng đắc? Chưabông khởi tâm động niệm xuống được! Phân biệt, chấp trước nhẹ hơn người bình thường, vì sao người bình thường ngay cả giải ngộ cũng gặp khó khăn dường ấy? Do phân biệt, chấp trước quá nặng, điều này chướng ngại ngộ môn của quý vị, chưa thể chứng ngộ. Quý vị thấy giải ngộ còn bị chướng ngại, hướng hồ chứng ngộ!

Tu hành Phật pháp chẳng có chi khác, buông xuống, triệt để buông xuống! Bồ Đại hòa thượng đã biểu thị pháp đến nỗi đến chốn. [Ngài sống] vào đời Tống, cùng một thời với Nhạc Phi, Bồ Đại hòa thượng là Di Lặc Bồ Tát, người Hoa gọi Ngài là Hoan Hỷ Phật. Đây là một nhân vật truyền kỳ, nhưng trong Cao Tăng Truyện có truyện ký của Ngài. Trong truyện ký, chẳng ghi tên họ của Ngài vì không ai biết, [Ngài là] người xứ nào cũng không biết. Ngài xuất hiện tại Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Nơi Ngài trụ là chùa Tuyết Đậu, ngôi chùa này hiện thời là đạo tràng của Di Lặc Bồ Tát, Ngài trụ tại nơi đó. Mập mạp, luôn tươi cười, hằng ngày ra ngoài hóa duyên, bắt luận người ta cho thứ gì đều nhét vào túi vải. Có một lần, trên đường, gặp mấy người thừa hoi lão nhân gia: “Phật pháp là gì?” Ngài bỏ cái túi vải xuống đất, buông thõng hai tay, thể hiện tư thế như vậy, chẳng nói một câu nào! Người ta nhìn ra: “Đó là buông xuống, sau khi buông xuống sẽ làm như thế nào?” Ngài khoát túi vải lên lưng bỏ đi, chẳng đoái hoài đến ai. Ngài đã thật sự trả lời, thật sự giảng rõ ràng. Phật pháp là gì? Buông xuống là Phật pháp. Quý vị thấy: Trong giáo pháp Đại Thừa, buông chấp trước xuống bèn chứng A La Hán, buông phân biệt xuống là Bồ Tát; buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị bèn thành Phật. Từ đầu đến cuối đều dạy quý vị buông xuống, buông xuống tới mức chẳng còn gì hết. Ngay cả sự buông xuống ấy cũng buông luôn, quý vị sẽ thành Phật.

Sau khi thành Phật thì sao? Nâng lên! Buông xuống được, sẽ nâng lên được! Nâng lên là gì vậy? “Nâng lên” là phở độ chúng sanh. Nói theo từ ngữ hiện thời, “độ” là giúp đỡ, giúp sức, góp tay. Chúng sanh có khổ nạn, quý vị giúp họ. Chúng sanh đang mê hoặc, chướng ngại, quý vị giúp họ giác ngộ. Dùng phương pháp gì? Giảng kinh, giáo học. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật dùng phương pháp này, chúng ta đều thấy “*thân hành, ngôn giáo*”: những gì Ngài đã nói, Ngài đều thật sự làm được. Thân hành, ngôn giáo, giảng kinh, thuyết pháp, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời làm chuyện như vậy. Ba mươi tuổi khai ngộ, khai ngộ rồi bắt đầu dạy học, bảy mươi chín tuổi viên tịch, giảng kinh, dạy học suốt bốn mươi chín năm, những điều Ngài đã nói Ngài đều làm được toàn bộ, chẳng có điều nào không làm! Ngài dạy chúng ta như dạy trẻ vỡ lòng, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Ngài làm được, chẳng sát sanh, không trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói dối chiều, chẳng nói thêu dệt, chẳng ác khẩu, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si, thật sự làm được, làm thành tịnh. Tam Quy là buông xuống “mê, tà, nhiễm”, nương theo “giác, chánh, tịnh”, đó là Tam Quy, Ngài làm được. Ngũ Giới Ngài làm

được. Kinh giáo dạy chúng ta buông chấp trước xuống, Ngài làm được. Buông phân biệt xuống, Ngài cũng làm được. Buông khởi tâm động niệm xuống, Ngài làm được. Sau đây, bảo quý vị: Chỉ cần quý vị thật sự buông xuống, trong tự tánh có sẵn vô lượng trí huệ; vô lượng công đức và vô lượng tướng hảo thấy đều trọn đủ trong tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, thật đấy, chẳng gì đâu! Huệ Năng đại sư khai ngộ, nói: “*Hà kỳ tự tánh, bốn tự cụ túc*” (Nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ), có cùng ý nghĩa như kinh Hoa Nghiêm đã nói.

Khi quý vị buông xuống, Tánh Đức trong tự tánh hiện tiền, bắt luận quý vị học hay chẳng học, đúng là sáu căn và tiếp xúc bên triệt để hiểu rõ, đó là bản năng (năng lực sẵn có). Tổ tiên Trung Quốc đã hiểu [điều này], nhưng nói quá đơn giản, cho nên người đời sau quá nửa hiểu cong vẹo, hiểu sai lầm. Tổ tiên chỉ nói một câu: Bỏ tánh vốn lành. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (Con người thoạt đầu tánh vốn lành). Chúng ta thấy những chữ này, ngay lập tức dựa trên văn tự để suy đoán ý nghĩa, ngộ thiện là gì? Thiện là thiện trong thiện ác. Chẳng phải vậy! Đó chẳng phải là thiện trong “thiện, ác”, chúng ta đã hiểu lầm mất rồi! Làm thế nào để hiểu “thiện” [trong câu nói đầu tiên của Tam Tự Kinh] chẳng phải là thiện trong thiện ác? Hãy dùng đạo lý được giảng trong kinh Phật để đọc lời lẽ của tổ tiên. Do vậy, ông Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee) nói rất hay! “*Người Trung Quốc tâm lượng rất lớn, dung nạp văn hóa Ấn Độ, đó là dung nạp văn hóa ngoại lai, Phật giáo Ấn Độ đã làm phong phú văn hóa bản địa của Trung Quốc*”. Chúng ta nói “thiện” ở đây chẳng phải là thiện trong “thiện, ác”, điều này đã làm phong phú văn hóa bản địa của Trung Hoa. “Thiện” ở đây là tự tánh, chẳng phải là thiện trong thiện ác; có thiện và ác sẽ chưa phải là thiện, vì sao? Có phân biệt, chấp trước. Thiện ở đây là gì? Là tự tánh như trong kinh Phật đã nói, pháp môn Bất Nhị mới gọi là “thiện”. Nhị là bất thiện; thiện ác là nhị pháp, đối lập, chẳng thiện. Thiện thật sự chẳng có đối lập. Nhà Phật nói Tánh, Tướng, Lý, Sự, nhân, quả là một, không hai, lúc đó mới là thiện, ý nghĩa này cũng rất sâu, Đại Thừa Phật pháp mới viên dung. Có phải là ý nghĩa này hay chẳng? Đúng vậy, vì tự tánh viên dung hết thấy các pháp, tuyệt đối chẳng hiểu sai ý nghĩa.

Tổ tiên Trung Quốc chẳng đơn giản, quý vị thấy điều thú vị nhất trong Ngũ Luân là “*phụ tử hữu thân*”, “*thân*” (親) là thân ái. Hiếu được biểu hiện như thế nào? Là thân ái. Cha con thân ái là hiếu. Chữ Hiếu thuộc loại Hội Ý, quý vị hãy nhìn vào sự sáng tạo văn tự; vì thế, văn tự Trung Quốc chẳng thể sửa. Hễ sửa, ý nghĩa chẳng còn nữa! Quý vị thấy phù hiệu này sẽ nghĩ đến ý nghĩa. Quý vị thấy chữ Hiếu (孝), phía trên là Lão (老), phía dưới là Tử (子). Hai chữ này hợp lại, quý vị thấy được ý nghĩa sau đây: Một đời trước và đời hiện tại có cùng một Thể, đó là Hiếu, là ý nghĩa gốc của Hiếu. Trên một đời, còn có một đời nữa, đời tiếp theo còn có đời tiếp theo nữa. Quá khứ không có khởi nguồn, vị lai không

kết thúc, là nhất thể. Ý nghĩa này trong [văn tự] ngoại quốc không có. Trong văn tự ngoại quốc càng chẳng có cách nào nhìn ra [ý nghĩa này]; văn tự Trung Quốc khéo quá, hay quá, tận thiện, tận mỹ. Quý vị nhìn vào văn tự Trung Quốc, nếu chẳng nhận biết [ý nghĩa được bao hàm trong từng chữ], tức là chưa biết đọc; nhưng nếu có thể nhìn ra ý nghĩa của nó, [sẽ thấy] đây là phù hiệu trí huệ.

Chúng ta thấy Bát Địa Bồ Tát “*lynhat thiết tâm ý thức phân biệt*” (là hết thấy tâm ý thức phân biệt). Bát Địa Bồ Tát đã sớm chẳng còn tâm ý thức, vì sao? Trong Viên Giáo, Sơ Trụ Bồ Tát đã thoát ly mười pháp giới, sanh về cõi Thật Báo, đã chuyển thức thành trí, lẽ nào còn có tâm ý thức phân biệt? Câu này nên hiểu ra sao? Câu này nói về tập khí vô minh từ vô thủy, tập khí này hết sức mỏng nhẹ, hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, kể cả Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác trong mười pháp giới hoàn toàn chẳng biết [tập khí này hiện hữu], huống hồ phàm phu chúng ta! Chúng ta tưởng các Ngài đã hoàn toàn đoạn hết, [nào ngờ họ] chẳng thấy tập khí. Tập khí rất mỏng, chính các Ngài có biết hay không? Chính các Ngài chẳng biết, người có địa vị cao hơn các Ngài sẽ biết, người có địa vị thấp hơn các Ngài không biết. Cũng có nghĩa là Thất Địa không biết [cảnh giới của] Bát Địa, nhưng Bát Địa biết Thất Địa; Bát Địa không biết Cửu Địa, nhưng Cửu Địa hiểu Bát Địa. Ở đây nói: “*Là hết thấy tâm ý thức phân biệt*” là nói đến tập khí. Tập khí này hầu như đã đoạn được. Đạt tới Bát Địa thì trên vị Bồ Tát ấy có Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, cho đến Diệu Giác sẽ hoàn toàn đoạn dứt, tập khí hoàn toàn chẳng còn. Bốn mươi một phẩm tập khí gần như Ngài đã đoạn hết, lúc ấy mới thật sự là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Hiểu theo nghĩa rộng, địa vị nào đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn? Sơ Trụ Bồ Tát đã đắc. Vì sao? Ngài buông khởi tâm động niệm xuống, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm là đoạn vô minh. Đoạn hết vô minh nên chứng Pháp Thân, thoát ly mười pháp giới. Vì vậy, chúng ta phải hiểu chỗ này! Nếu quý vị chẳng hiểu, sẽ hoài nghi: Sơ Trụ Bồ Tát chẳng còn khởi tâm động niệm, cơ sao vẫn chưa thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn? Nói theo pháp chúng ta, Sơ Trụ Bồ Tát thật sự chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn; nhưng đối với những địa vị cao hơn Ngài, Ngài vẫn chưa chứng, phải đến lúc Ngài đắc Bát Địa Bồ Tát, người ta mới thừa nhận Ngài đã thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa, Diệu Giác. Thập Nhất Địa là Đẳng Giác. Bốn địa vị trên Bát Địa chắc chắn đã đắc [Vô Sanh Pháp Nhẫn] vì đã đoạn trừ tập khí.

“*Khả kiến thử nãi thánh giả chi sở nan, an năng kỳ chi ư cụ phục phạm phu*” (có thể thấy bậc thánh còn gặp khó khăn, làm sao phạm phu đầy dẫy triền phược mà hòng làm được). Làm sao chúng ta có thể thực hiện được? Đây là nói vô niệm vô sanh [phạm phạm chúng ta] chẳng làm được! Sơ Trụ mới chứng đắc vô niệm vô sanh, đến địa vị Bát Địa mới coi như viên mãn, tập khí chẳng còn nữa. “*Thị dĩ Thiện Đạo đại sư Tứ Thiếp Sớ viết*” (do vậy, trong Tứ Thiếp Sớ của Thiện Đạo đại sư có nói). Tứ Thiếp Sớ là bản chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật của Thiện Đạo đại sư, bản chú giải có tên là Tứ Thiếp Sớ, còn

gọi là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, đây là [trước tác] của Thiên Đạo đại sư. Trong ấy, có một đoạn như thế này: “*Kim thư Quán môn đảnh*” (nay các phép Quán). Do kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật giảng tất cả mười sáu phép Quán, cho nên “*Quán môn đảnh*” là mười sáu phép Quán, đều là “*chỉ phương lập tướng*”, [tức là] chỉ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ ra phương vị, lại còn dạy quý vị cách quán như thế nào. Phép Quán thứ nhất dạy quý vị quán hình dáng mặt trời lặn ở phương Tây, “*mặt trời lặn giống như cái trống treo*”. Khi mặt trời sắp lặn, đỏ rực như cái trống, bảo quý vị nhìn điều ấy. Phải như thế nào mới là quán thành tựu? Mở banh con mắt bên thấy, mà nhắm mắt, nó vẫn ở tại đó, vẫn trông thấy, thì phép Quán này mới được gọi là “*quán thành*”. Mười sáu phép Quán này, bất luận quý vị quán thành một phép Quán nào, cầu sanh Tây Phương sẽ có phần; chẳng phải là cả mười sáu phép Quán đều phải quán thành tựu. Bất luận một phép Quán nào, sau khi quán thành đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Khó hơn niệm Phật! Chúng ta thấy ấn tượng về mặt trời đỏ rất sâu, ở trong căn phòng này, chúng ta có thấy mặt trời đỏ hiện hữu hay chẳng? Hiện hữu! Nếu vậy, đó là [quán cảnh thành tựu] thật sự. Nếu không, phép Quán này chưa thành. Do vậy, quán tướng cũng chẳng dễ dàng, tinh thần quý vị chưa thể chuyên chú, cảnh giới ấy sẽ chẳng hiện tiền. Vì sao có thể hiện tiền? Theo Lý, kinh Đại Thừa dạy: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”, trong tâm quý vị thật sự có, nó sẽ thật sự hiện tướng.

Trong Thập Lục Quán Kinh có cách quán tướng Phật, [tức là] Quán Tướng Niệm Phật; Quán Tướng Niệm Phật, “*tướng*” là trong tâm nghĩ tướng y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chỉ cần quý vị nhìn vào tướng, cảnh giới bên hiện tiền; khi quý vị chẳng tưởng, cảnh giới không còn nữa! Lúc nào tưởng, lúc ấy cảnh giới hiện tiền, vãng sanh còn có vấn đề gì hay chẳng? Khi lâm chung, tâm tướng thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc bên hiện tiền, Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn quý vị, công phu này phải luyện thành trong lúc thường nhật. Quán Tướng Niệm Phật là tạo một bức tượng A Di Đà Phật, mỗi ngày chiêm ngưỡng, cũng giống như [quán] mặt trời lặn giống như cái trống treo, thấy như thế nào? Mở banh con mắt, tượng Phật ở trước mặt; nhắm tịt mắt lại, tượng Phật vẫn hiện tiền, bất luận ở nơi đâu, quý vị vừa nghĩ, tượng Phật liền ở trước mặt, đó là Quán Tướng Niệm Phật. Phép Quán cuối cùng, tức phép Quán thứ mười sáu, là trì danh. Do vậy, Trì Danh Niệm Phật cũng có trong mười sáu phép Quán, là phép Quán cuối cùng trong mười sáu phép Quán. Phép cuối cùng là quan trọng nhất. Ấn Độ và Trung Quốc có rất nhiều tập tục tương đồng, thứ tốt nhất đặt ở cuối cùng, “*áp trục*” (màn chót trong các cuộc biểu diễn nghệ thuật). Cũng có nghĩa là: Nếu dùng những phép Quán này mà quán chẳng thành thì sao? Quán chẳng thành bên niệm Phật. Niệm Phật có thể vãng sanh, dễ hơn bất cứ cách nào. Vì vậy, Trì Danh Niệm Phật là phép Quán thứ mười sáu; pháp môn này độ trọn hết thấy chúng sanh hữu duyên. Phải có duyên! “*Hữu duyên*” là quý vị tin tưởng, có tín, có nguyện, thật sự niệm Phật, đó gọi là “*hữu duyên*”

chúng sanh”. Thiện Đạo đại sư nói: “*Vạn tu, vạn nhân khứ*” (vạn người tu, vạn người về). Do vậy, [cách tu này] là “*chỉ phương lập tướng*”. “*Trụ tâm thủ cảnh*” (lắng tâm giữ lấy cảnh), chẳng phải là vô niệm, vô sanh; “*trụ tâm*” là bảo quý vị hãy chú tâm nơi cảnh giới, giữ lấy cảnh giới. “*Tổng bất năng vô tướng ly niệm dã*” (nói chung là chưa thể vô tướng lìa niệm). Thập Lục Quán Kinh chẳng bảo quý vị lìa tướng, mà cũng chẳng buộc quý vị ly niệm. Phương pháp Trì Danh này là phép Quán thứ mười sáu, đương nhiên cũng là hữu niệm, cũng là hữu sanh, chẳng phải là vô tướng ly niệm.

“*Như Lai huyền tri mật đại tội trước phạm phu, lập tướng trụ tâm thượng bất năng đắc, hà huống ly tướng nhi cầu sự giả*” (Như Lai sớm biết phạm phu tội chướng như bản trong đời Mật Pháp, lập tướng để trụ tâm còn chưa thể làm được, huống hồ tu tập theo lối lìa tướng): Như Lai ở đây là A Di Đà Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật, mở rộng ra là hết thầy chú Phật Như Lai. Chú Phật Như Lai thị hiện làm Phật trong các thế giới khác nhau, giáo hóa chúng sanh, dùng pháp môn gì? Đều dùng pháp môn này. Vì sao? Pháp môn này thích hợp khắp ba căn, thâm trọng phạm lỗi thánh. Trừ pháp môn này ra, người thượng thượng căn có phần, chứ kẻ trung hạ căn chẳng có phần. Chúng sanh càng khổ nạn, mê hoặc, tội chướng, tập khí nặng nề, Như Lai càng đặc biệt thương xót bọn họ. Để độ bọn họ, chỉ có pháp môn này. Pháp môn này của kinh Vô Lượng Thọ hết sức thuận tiện, chuyên giảng “*trì danh niệm Phật, tín nguyện trì danh*” là được rồi, có thể đắc độ; nhưng pháp môn này đúng là pháp khó tin! Chỉ cần quý vị kiên định lòng tin, quyết định chẳng hoài nghi, sẽ đắc độ trong một đời này. Nếu hoài nghi thì sao? Hễ hoài nghi, phải nghiên cứu kinh giáo. Đức Thế Tôn giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm nhắm vào đối tượng nào? Nhắm vào đối tượng là kẻ có nghi vấn, đặc biệt là những kẻ nghi hoặc pháp môn Niệm Phật. Tín tâm của quý vị chẳng kiên định, nguyện tâm chẳng khẩn thiết, làm thế nào đây? Nghe kinh, đức Phật đã giảng cẩn thận, quý vị nghe rõ ràng, nghe rồi hiểu rõ, tin tưởng. Do vậy, giảng kinh với dụng ý giúp đỡ chúng sanh đoạn nghi sanh tín. Nếu đã thật sự tin tưởng, chẳng hoài nghi tí nào, có cần phải nghe kinh hay chẳng? Chẳng cần thiết! Quý vị giữ lấy Tịnh Độ, nhất định thành tựu, không còn phải mất công nghe kinh, niệm một câu Phật hiệu đến cùng. Như vậy thì trong Niệm Phật Đường có thể chẳng cần nghe kinh ư? Có thể; nhưng vì sao nay trong Niệm Phật Đường, chúng ta yêu cầu họ phải nghe kinh? Họ chưa dứt tín nguyện, chẳng nghe kinh sẽ không xong! Quý vị đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, thời đại của tổ Ấn Quang cách thời đại chúng ta không xa, đại khái là bảy mươi, tám mươi năm trước đây, vào thuở Ấn Quang đại sư tại thế, Niệm Phật Đường trong thuở ấy không cho phép giảng kinh, chỉ giảng khai thị, chẳng giảng kinh! Vì sao? Lòng người thuần hậu, mọi người vào Niệm Phật Đường đều có tín tâm, chẳng hoài nghi, thật thà niệm Phật. Người niệm Phật thiện thì chẳng thật thà, có nghi hoặc; chẳng đoạn nghi sẽ không được. Chẳng đoạn nghi thì sẽ chướng ngại quý vị. Quý vị thấy trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã dạy rất hay: “*Nghị là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát*”, chướng ngại gì? Chướng ngại tinh tấn. Nghị còn có thể chướng ngại các Bồ Tát

ting tân thì đối với lũ phàm phu chúng ta, nó gây chướng ngại càng to hơn, chướng ngại gì vậy? Chướng ngại quý vị giác ngộ. Quý vị có nghi, nghe kinh không hiểu, đọc kinh chẳng liễu giải ý nghĩa, điều gì chướng ngại vậy? Chướng ngại chính là lòng hoài nghi; do quý vị hoài nghi, nên chẳng cung kính kinh giáo, Phật có muốn gia trì quý vị cũng không được! Ấn Quang đại sư nói rất hay: “*Một phần thành kính đấng một phần lợi ích, mười phần thành kính đấng mười phần lợi ích*”. Quý vị thiếu tâm cung kính vì quý vị hoài nghi. Thiếu tâm cung kính, sẽ chẳng đạt được lợi ích, nghe cũng không hiểu, nghe vài chục năm vẫn không hiểu. Nghe không hiểu vẫn phải nghe, đức Phật vô cùng từ bi, không ngại phiền phức, nghe mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, sẽ nghe hiểu, nghe hiểu rồi sẽ chẳng hoài nghi nữa. Khi quý vị chẳng còn hoài nghi, tiến bộ cũng nhanh chóng, sẽ cảm thấy mỗi năm mỗi khác. Tới khi nào, quý vị có thể cảm thấy mỗi tháng đều khác nhau, cảnh giới chẳng giống nhau, chắc chắn quý vị được vãng sanh. Mỗi năm khác nhau, đó là cảnh giới tốt đẹp, nhưng vãng sanh chưa nắm chắc. Mỗi tháng đều khác nhau, nắm chắc vãng sanh! Câu kệ tiếp là tỷ dụ, “*tự vô thuật thông nhân, cư không an lập xá dã*” (cũng giống như kẻ chẳng có thần thông hay pháp thuật xây nhà trên không). Đây là phàm phu mong muốn vô niệm, vô sanh, khế nhập cảnh giới này, giống như kẻ chẳng có thần thông lại toan xây nhà trên hư không, có được hay chẳng? Người có thần thông thì được, kẻ không có thần thông chẳng làm được! Có nghĩa là: Nếu phàm phu chúng ta muốn khế nhập vô niệm vô sanh, sẽ giống như kẻ chẳng có thần thông toan cất nhà trên hư không. Đây là một câu trong Tứ Thiếp Số.

Kể đó, cụ Hoàng Niệm Tổ nói: “*Cái dĩ chúng sanh vọng tâm, niệm niệm tương tục, như cấp lưu thủy, từng vị tạm tức*” (ấy là vì chúng sanh vọng tâm niệm niệm tiếp nối như dòng nước chảy xiết, chưa hề tạm ngừng). Tỷ dụ này hay lắm, đúng như vậy, chúng ta vọng tâm, vọng tâm là gì? Là khởi tâm động niệm! Khởi tâm động niệm vô cùng vi tế; tâm vừa động, vọng tâm bèn xuất hiện. Vọng tâm là A Lại Da, A Lại Da cũng chẳng liạt tự tánh, từ chân khởi vọng. Nói thật ra, chân và vọng chẳng hai. Do chân và vọng chẳng hai, nên chư Phật Như Lai thấy hết thấy chúng sanh đều là Phật, hết thấy chúng sanh vốn là Phật, vì sao? Chân và vọng chẳng hai. A Lại Da chẳng rời khỏi tự tánh, chỉ là lệch khỏi Tánh Đức, trái nghịch, xa rời Tánh Đức, nên sanh ra những huyễn tướng ấy. Không như tứ thánh pháp giới, tứ thánh pháp giới cũng dùng A Lại Da, nhưng các Ngài thật thà, nghe lời, vâng lời dạy của chư Phật Như Lai, y giáo phụng hành; do đó, các Ngài học rất tốt đẹp, học rất giống Phật. Chưa phải là Phật thật sự, nên gọi là Tương Tự Túc Phật. Thiên Thai đại sư nói các vị trong tứ thánh pháp giới rất giống Phật. Vì sao chưa phải là chân Phật? Họ dùng A Lại Da, vẫn dùng vọng tâm; tuy dùng vọng tâm nhưng học rất giống. Khi nào buông vọng tâm xuống, chân tâm sẽ hiện tiền. Vì ấy là chân Phật, đó gọi là “chuyển thức thành trí”, đó là chân Phật, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là gì? Đại Viên Kính Trí là Thường Tịch Quang. Do mê, Thường

Tịch Quang bèn biến thành A Lại Da, hễ giác thì là Thường Tịch Quang. Trí huệ trong Thường Tịch Quang là Chuyển Tướng của A Lại Da, tức là Kiến Phần của A Lại Da. Đức tướng của Thường Tịch Quang là Cảnh Giới Tướng của A Lại Da, tức là Tướng Phần. Nó bị biến chất, tuy không có hình tướng, mà có thể biến ra hình tướng. Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết) trong tự tánh chẳng sanh, chẳng diệt. Trong A Lại Da Thức, kiến văn giác tri biến thành Thọ, Tướng, Hành, Thức. Vì vậy, Thọ, Tướng, Hành, Thức từ kiến văn giác tri biến ra. Thọ, Tướng, Hành, Thức có sanh diệt, kiến văn giác tri chẳng sanh diệt.

Thế giới này dường như tồn tại là do nguyên nhân nào? Niệm niệm nối tiếp, vọng tâm là khởi tâm động niệm. Trong lục đạo, chúng ta không chỉ khởi tâm động niệm, mà còn phân biệt, chấp trước. Nếu quý vị chẳng chấp trước, lục đạo sẽ chẳng có. Có khởi tâm động niệm, có phân biệt, bèn có tứ thánh pháp giới, trong Tịnh Độ gọi [tứ thánh pháp giới] là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Có chấp trước, bèn là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, lục đạo luân hồi. Vì vậy, quý vị nói xem: Có phải là chấp trước tổn hại chúng ta nhiều lắm, mang lại cho chúng ta lắm nỗi thống khổ? Lục đạo quá khổ sở! Đức Phật đã nói rõ ràng như thế, nay chúng ta cũng biết, có thể buông chấp trước xuống hay chăng? Vẫn chưa thể, vẫn cứ chấp trước. Do nguyên nhân gì? Tập nhiễm quá nặng, thời gian đã quá lâu, dường thành thói quen, hữu ý hay vô ý khởi hiện hành. Tu hành là tu theo cách nào? Thời thời khắc khắc hãy cảnh giác; các vị đại đức trong Tông Môn đã nói rất hay: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chập*”. Vì sao chẳng sợ niệm khởi? Niệm niệm tiếp nối, lẽ nào nó chẳng khởi lên cho được? Đã trở thành thói quen, nó sẽ khởi lên. Khởi lên chẳng sợ, vấn đề là quý vị phải giác ngộ, phải hiểu rõ, đừng bị nó mê hoặc. Giác là như thế nào? Giác có hiện tượng là chẳng chấp trước, hễ giác ngộ thì địa vị A La Hán bèn chẳng phân biệt, địa vị Bồ Tát bèn chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, từ Sơ Trụ trở lên thuộc vào địa vị Phật; đó là Giác. Nay chúng ta chẳng giác, ngay cả tầng cấp A La Hán vẫn chưa đạt được. Chúng ta học tập, vẫn phải biện luận, vẫn phải suy xét, đó là gì? Đó là đang chấp trước. Chẳng chấp trước thì có biện luận hay chăng? Chẳng chấp trước sẽ chẳng có biện luận. Khi quý vị thấy người khác biện luận sẽ cười khì, cười khì là gì? Cười khì tức là dấy lên phân biệt, tuy chẳng chấp trước, cao hơn kẻ chấp trước (kẻ chấp trước) một chút, nhưng vẫn chưa được! Đến tầng bậc cao là như như bất động, chẳng thể hiện tình cảm gì, cảnh giới càng cao; cười khì là còn khá lắm, so ra còn cao hơn kẻ chấp trước một tầng. “*Chưa từng ngưng dứt*”, câu này là lời nhắc nhở rất quan trọng đối với chúng ta.

“*Kim nhược miễn cưỡng án nại, thô niệm tuy đắc sảo tức, tế niệm từng vị tạm chỉ*” (nay nếu miễn cưỡng đè nén, tuy thô niệm hơi ngưng nghỉ, tế niệm chưa hề tạm dứt). Nay các đồng học chúng ta đọc câu văn này đều có thể lý giải, khẳng định: Chuyện này chẳng thể miễn cưỡng, càng miễn cưỡng càng phiền phức. Vì vậy, đức Phật rất kiên nhẫn, chẳng nóng ruột tí nào, cứ thông thả giáo hóa. Chúng sanh ô nhiễm bao kiếp dài lâu, dường

thành tập khí phiền não này, Bồ Tát cũng có thể hóa giải [tập khí ấy] trong bao nhiêu kiếp. Nếu đời này, chúng ta nắm được cơ hội, thứ gì cũng đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật, thật sự vãng sanh Tịnh Độ, có phải là đời này mới bắt đầu [tu tập] hay không? Chẳng phải, vãng sanh thế giới Cực Lạc, quý vị sẽ thấy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đều học Phật, học bao nhiêu đời, nhưng đời này thành công, thoát ly lục đạo luân hồi. Quý vị cảm thấy vô cùng may mắn, rất cảm ơn A Di Đà Phật, vì sao? Nếu chẳng dopháp môn này, quý vị tu bất luận một pháp môn nào trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chắc chắn chẳng thể thành tựu trong một đời này. Vì sao? Bất cứ một pháp môn nào cũng đều phải buông phiền não xuống, quý vị mới có thể vượt lên, nhưng pháp môn này không cần, không cần buông phiền não tập khí xuống, cách này dễ dàng. Khăng khăng một mực theo chắc A Di Đà Phật, một bước cũng chẳng chịu buông, sẽ đến thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy [sự khăng khăng bám chắc nơi A Di Đà Phật] là chấp trước; nhưng Tịnh Tông chẳng sợ chấp trước! Chấp trì danh hiệu là chấp trước, “trì” là bảo trì (giữ gìn), chớ nên đánh mất, chấp trước kiên cố, chấp trước A Di Đà Phật, chẳng cần đến những thứ khác. Người ấy vãng sanh Cực Lạc thế giới trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, tốt lắm! Trong thế giới Cực Lạc, cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Thật Báo Nghiêm chẳng sai khác, chúng ở cùng một chỗ, chẳng bị chướng ngại bởi các chiều không gian; nhưng trong thế giới của chúng ta thì có, thế giới bên kia chẳng có, vì sao chẳng có? Chướng ngại về chiều không gian là do chấp trước, phân biệt; quý vị chẳng còn phân biệt, chấp trước, chướng ngại này sẽ không còn nữa!

Phân biệt, chấp trước chừa đoạn, chẳng phải là sẽ mang tập khí này sang thế giới Cực Lạc ư? Chẳng sao cả! Người trong thế giới Cực Lạc thấy đều chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, quý vị đến nơi ấy, sẽ rất nhanh chóng, trong vòng vài ngày sẽ quen nếp, cũng sẽ buông tập khí phân biệt, chấp trước ấy xuống. Vì sao? Phân biệt, chấp trước là do quý vị mong đạt được thứ gì đó, dục vọng chẳng thỏa, nên mới chấp trước. Nếu hết thấy những gì quý vị cần, vừa nghĩ đến bèn có, chẳng cần nữa sẽ biến mất, quý vị thấy tự tại lắm! Do bốn mươi tám nguyện của Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật gia trì, quý vị đến thế giới Cực Lạc, nghĩ gì đều có, thấy gì đều có thể đạt được. Cổ đức thường nói: “*Tư y đắc y, tư thực đắc thực*” (nghĩ đến y phục bèn có y phục, nghĩ tới ăn bèn có ăn), không cần sức người làm lưng. Đối với y phục, chẳng cần mua vải vóc, chẳng phải cắt may, vờ nghĩ tới, y phục bèn khoá trên thân. Khi nghĩ đến thì thức ăn trăm vị, kinh thường chép: “*Bách vị ẩm thực*”, chuyện này có điển cố. Khi ăn là một trăm món; xuakia, mỗi bữa ăn của hoàng đế gồm một trăm món ăn. Bất luận nhà vua ăn hay không, mỗi bữa ăn là một trăm món, bách vị ẩm thực mà! Cuộc sống vật chất của quý vị [trong thế giới Cực Lạc] giống như đế vương, cũng chẳng cần đến sức người làm lưng, quý vị vừa nghĩ thứ gì, thứ ấy ở ngay trước mặt, ăn xong, không cần nữa thì sẽ chẳng thấy nữa. Sạch sẽ, chẳng nhiễm mấy trần. Thật ư? Thật đấy! Vì sao là thật? Các khoa học gia nói năng lượng có thể biến thành vật chất, vật chất có thể biến thành năng lượng. Trong thế giới hiện

tại, có thể biến vật chất thành năng lượng, bom hạch nhân (bom nguyên tử) được phát minh do điều này, nhưng hiện thời [khoa học] chưa thể biến năng lượng thành vật chất, tuy biết là chuyện có thể, nhưng chưa làm được! Trong thế giới Cực Lạc làm được, mỗi cá nhân đều có năng lực này. Họ chẳng cần dùng khí cụ nào, mà dùng ý niệm. Trong tâm họ muốn thứ gì, năng lượng tự nhiên biến thành vật chất cho họ thụ dụng. Không cần thụ dụng thì vật chất hóa thành năng lượng, chẳng còn nữa, chẳng cần đến kho chứa. Cung điện nơi họ ở trống trơn, chẳng có gì cả, cần gì có nấy, nên chẳng có kho chứa, quý vị nói có phải tự tại lắm hay không? Trong hoàn cảnh này, khi sống trong ấy, dần dần quý vị sẽ chẳng còn vọng tưởng nữa. Quý vị còn muốn có tiền ư? Tiền muốn bao nhiêu sẽ có bấy nhiêu. Quý vị muốn hoàng kim, người ta dùng hoàng kim phủ đất, trải đường, quý vị có đem nhựa đường chất đống trong nhà hay chẳng? Tôi tin quý vị sẽ không làm như vậy. Vì sao? Ở đây, hoàng kim quá ít, nó là kim loại hiếm có, còn bên kia quá nhiều. Quý vị cần thất bảo, một viên kim cương bé tí đem cắt thành nhẫn đeo tay rất đẹp, người ta làm như thế nào? Người ta đem cả khối kim cương lớn cắt thành vật liệu xây cất, dùng làm vật liệu xây nhà. Do vậy, tới thế giới ấy, tâm tham lam hưởng thụ vật chất ngay lập tức sẽ chẳng còn nữa!

Do vậy biết rằng: Thế giới Cực Lạc tài nguyên phong phú ngàn này, quá phong phú. Tài nguyên này do đâu mà có? Trong tự tánh. Thế giới này cũng có, cũng phong phú giống hệt như vậy, nhưng trong thế giới này, thất bảo biến thành thứ gì? Biến thành cát, thành bùn đất. Ai học khoa học cũng biết chúng biến thành những thứ ấy. Vì sao biến thành những thứ ấy? Ý niệm chẳng thiện, dấy lên tham, sân, si; do vậy, trần bảo trong tự tánh đều biến thành ô nhiễm. Trong giáo pháp Đại Thừa, có một câu nói diễn tả đại đạo lý: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”; bên thế giới Cực Lạc “*giai thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (đều là các vị thượng thiện nhân nhóm họp cùng một chỗ), người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thượng thiện. Chúng ta niệm Phật phải tu thiện; chẳng tu thiện, còn có tham, sân, si, mạn, dấy niệm Phật vẫn chưa thể vãng sanh. Kinh đã giảng rất rõ ràng: Phát Bồ Đề tâm, còn phải tu Bồ Tát Lục Ba La Mật, đem công đức cây hồi hương Tịnh Độ mới được vãng sanh. Chúng ta thấy có rất nhiều kẻ bàn cùng, chẳng tu Lục Ba La Mật, vì sao cũng vãng sanh? Quý vị quan sát tỉ mỉ, [sẽ thấy] tuy họ không tu, nhưng Lục Ba La Mật đã viên mãn. Bồ thí nhằm mục đích đo lường tâm tham, tuy họ bàn cùng, trước nay chưa hề Bồ thí, nhưng chẳng tham luyến thế gian này, nên Bồ Thí Ba La Mật viên mãn. Trì giới là phá ác nghiệp, họ niệm câu Phật hiệu này, chẳng làm ác nữa, nên Trì Giới Ba La Mật viên mãn. Nhẫn nhục nhằm đối trị sân khuê, trong tâm họ, đối với hết thấy mọi người, hết thấy sự chẳng có tâm sân khuê, cũng chẳng oán hờn người khác. Tinh tấn là niệm Phật chẳng giải đãi; Thiên Định là nhất tâm nhất ý; trí huệ là chọn lựa pháp môn này, chẳng hoài nghi tí nào. Quý vị hãy nghĩ xem: Bả lão một chữ không biết, nhưng thầy đều trọn đủ, tương ứng với những gì kinh đã dạy. Quý vị quan sát cẩn kỹ, [sẽ thấy] những điều kiện như kinh đã dạy, người ấy thầy đều trọn đủ.

“Hành nhân thắng nhược thác nhận, tiện vân tương ứng” (hành nhân nếu ngộ nhận, liền cho là đấ trong ứng), đó là làm to rồi. “Hành nhân” là người niệm Phật, ở đây chỉ người niệm Phật tu Tịnh Độ. Thô niệm hơi ngưng dứt đôi chút, nhưng tế niệm về căn bản là chưa định chỉ. Nếu tế niệm đã đoạn, tốt lắm, Thường Tịch Quang Tịnh Độ hiện tiền, bèn minh tâm kiến tánh. Tế niệm đoạn rồi, chính mình có biết hay không? Biết chứ, rõ ràng, rành rẽ, thật sự buông xuống, triệt để buông xuống. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, không chỉ nhân gian, thiên thượng, mà cây báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới toàn bộ đều buông xuống, đó là tế niệm đã đoạn rồi, chỉ cần kiến tánh, sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Huệ Năng đại sư đã kiến tánh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã kiến tánh, thân thể vẫn lưu trong thế gian, kinh Phật gọi trường hợp này là Hữu Dư Y Niết Bàn. Niết Bàn có nghĩa là chính Ngài đã chứng đắc cảnh giới, kiến tánh. Kiến tánh là chứng Niết Bàn, nhập Đại Bát Niết Bàn, kiến tánh là kiến đạo. Tuy đã kiến đạo, nhưng thân thể vẫn còn, những tướng đã hiện đều tồn tại, đó là gì? Tập khí chưa đoạn. Tập khí chưa đoạn cũng không sao cả, vì sao? Ở trong cảnh giới ấy, Ngài chẳng còn khởi tâm động niệm, vĩnh viễn giữ được cảnh giới này, đó gọi là Bất Thoái. Ba món Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái. Sơ Trụ Bồ Tát chứng ba món Bất Thoái, nhưng Ngài có tập khí.

Vì vậy, trong Tịnh Tông, trong bốn nguyện của A Di Đà Phật có nguyện thứ mười chín, sanh về thế giới Cực Lạc, “giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát” (đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát), câu này tuyệt lắm! A Duy Việt Trí là gì? A Duy Việt Trí là viên chứng ba món Bất Thoái, chứng ba món Bất Thoái lại còn thêm một chữ “Viên”. Sơ Trụ Bồ Tát chứng ba món Bất Thoái, nhưng chưa thể nói viên. Viên là gì? Tập khí cũng đã đoạn. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta: Từ Thất Địa trở lên, Bát Địa chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, Thất Địa viên chứng ba món Bất Thoái, còn thua Bát Địa Bồ Tát một bậc. Tịnh Tông được gọi là “pháp khó tin”, “khó tin” ở đây có nghĩa là “aichịutin tương”! Quý vị là phàm phu, niệm A Di Đà Phật sanh về thế giới Cực Lạc, là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư mà quả đức thù thắng ngàn ấy, ai tin được? Nay chúng ta đã hiểu rõ ràng, chẳng phải là hề vãng sanh sẽ thật sự được nâng cao tới phẩm vị này, chẳng phải vậy, người ấy vẫn là phàm phu, chưa đoạn tập khí phiền não, chỉ là khuất phục phiền não, nhưng ở bên ấy chẳng có duyên [khiến cho phiền não dấy động]. Tuy có chủng tử nhưng thiếu duyên, các phiền não chẳng thể khởi hiện hành. Hoàn cảnh [bên Cực Lạc] đúng là quá tốt đẹp, đạo lý ở chỗ này. Tới thế giới Cực Lạc, trí huệ và đức năng bèn có năng lực cảm ứng đạo giao với chúng sanh trong mười pháp giới. Chúng sanh có cảm, họ bèn có ứng, có năng lực giống như Phật, Bồ Tát ứng hóa độ chúng sanh. Năng lực do đâu mà có? Do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chẳng phải do chính họ. Họ phải thông thả tu đến địa vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, cho đến lúc ấy [năng lực hóa độ chúng sanh mới] là của chính mình; chưa đạt đến trình độ ấy, sẽ do oai thần của A Di Đà Phật gia trì; Phật lực chẳng thể nghĩ bàn! Pháp môn này gọi là Nhị Lực Pháp Môn. Vì vậy, [thần

thông, trí huệ, đạo lực] chẳng phải dotương ứng, mà do Phật gia trì, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này.

“*U thị đại bi từ phụ*” (do vậy, đấng cha lành đại bi), đây là nói về A Di Đà Phật. “*Hưng vô duyên chi từ, thù tư kỳ diệu phương tiện pháp môn, chỉ phương lập tướng, nhiếp tâm chuyên chú, tức thử vọng tâm, trì Phật danh hiệu, niệm nhất Phật danh, hoán trừ bách thiên vạn ức vọng tưởng tạp niệm, niệm đặc thuần thực, nãi vong năng sở, tâm vô sở trụ, Phật hiệu phân minh, ám hợp đạo diệu, tiện khế Kim Cang Bát Nhã Kinh vô trụ sanh tâm chi diệu đế*” (Khởi lòng Từ vô duyên, ban pháp môn phương tiện kỳ diệu này, chỉ phương, lập tướng [để hành nhân] nhiếp tâm, chuyên chú, dùng chính cái vọng tâm này để trừ danh hiệu Phật. Niệm một danh hiệu Phật nhằm thay thế, trừ bỏ trăm ngàn vạn ức tạp niệm vọng tưởng. Niệm đến mức thuần thực sẽ quên mất Năng lẫn Sở, tâm chẳng trụ vào đâu, Phật hiệu phân minh, ngầm hợp đạo màu, liền khế nhập chân lý màu nhiệm “vô trụ sanh tâm” trong kinh Kim Cang Bát Nhã). Cụ Niệm Tổ viết đoạn này rất hay, đây là A Di Đà Phật vô duyên đại từ, truyền cho chúng ta một pháp môn thuận tiện như vậy, thuận tiện hơn bất cứ pháp môn nào, chẳng tìm được pháp nào thuận tiện hơn bốn chữ “A Di Đà Phật”. Trong tâm quý vị thật sự có câu A Di Đà Phật này, niệm niệm chẳng quên, hết thấy thời, hết thấy chỗ trong tâm thật sự có [câu danh hiệu ấy], quý vị sẽ thành công. Niệm bao lâu mới có thể vãng sanh, quả báo mới có thể hiện tiền? Chúng ta hãy đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, đại khái quá nửa là ba năm.

Thuở đầu, khi tôi giảng kinh, khi đó ước chừng tôi hơn bốn mươi tuổi, tôi ra giảng kinh lúc ba mươi ba tuổi, có pháp sư đến hỏi tôi, ông ta hoài nghi, nói: “Có phải là những người được kể trong Vãng Sanh Truyện và Tịnh Độ Thánh Hiền Lục từ khi họ bắt đầu niệm Phật tới lúc vãng sanh, thọ mạng của họ chỉ còn vừ đúng ba năm, do thọ mạng đã hết, A Di Đà Phật bèn đến tiếp dẫn họ ra đi?” Dem vắn đề này hỏi tôi. Tôi nói: “Cách nghĩ của ông chẳng hợp lý luận! Một, hai người hay ba bốn người thì có thể, chứ đằng này nhiều quá. Nhiều quá nên [lập luận của ông] chẳng hợp lý. Vì sao ba năm họ ra đi? Chỉ cần họ đạt công phu thành phiền, tuy còn thọ mạng nhưng chẳng cần đến, ra đi sớm. Niệm đến mức công phu thành phiền bèn sanh tử tự tại”. Nói như thế mới thông suốt, viên mãn. Có người niệm tới trình độ này, nhưng vẫn chưa đi, vì lẽ gì? Người ấy có duyên với chúng sanh trong thế gian này, đã có duyên, phải mang thêm mấy người cùng đi, mang càng nhiều càng hay nên người ấy lưu lại. Người ấy sanh tử tự tại, muốn đi lúc nào bèn đi lúc ấy, thật sự có năng lực này. Quý vị hãy quan sát cẩn thận người như vậy, tuyệt đối chẳng tự tư tự lợi, chắc chắn chẳng có [ý niệm tham đắm] tiếng tăm, lợi dưỡng, nhất định chẳng có tham, sân, si, mạn, quý vị hãy quan sát cẩn thận. Nhưng khi hóa độ, họ cũng biểu diễn, cũng nổi nóng, giống như hát tuồng; chẳng làm như vậy sẽ không thể thực hiện [sự hóa độ] được, nhưng trong tâm quả thật chẳng có. Trung Quốc có một câu ngạn ngữ để hình dung hạng người này: “*Đao tử khâu, đậu hủ tâm*” (Miếng dao găm, lòng đậu phụ). Tâm địa

rất dịu dàng, làm như thế đó nhằm thực hiện sự hóa độ, đó là “thiện xảo phương tiện”, chẳng phải là thật, quan sát cẩn thận quý vị sẽ có thể thấy được. Chúng ta thường gọi họ là “bậc tái lai”, họ có thể đi, nhưng chậm lại mấy năm, ở lại thêm vài năm nhằm giúp đỡ chúng sanh hữu duyên. Nếu không có duyên, họ bèn ra đi. “Không có duyên” chính là người ấy dạy mà chẳng ai nghe, người ta không tin tưởng, nên người ấy ra đi. Ra đi cũng nhằm độ chúng sanh, tướng lành lúc người ấy mất khiến cho những kẻ bình phàm trông thấy, sanh khởi lòng tin, phát tâm học Phật. Vì vậy, người ấy ra đi cũng là độ chúng sanh, mà ở lại thế gian cũng là độ chúng sanh.

Ở đây, chúng ta phải đặc biệt lưu ý, trong đây có một câu nói phải khéo hiểu, “*chỉ phương lập tượng, nhiếp tâm chuyên chú, tức trừ vọng tâm, trì Phật danh hiệu, niệm nhất Phật danh*” (chỉ phương lập tượng, nhiếp tâm chuyên chú, dùng ngay cái vọng tâm này để trừ danh hiệu Phật. Niệm một danh hiệu Phật), niệm A Di Đà Phật, “*hoán trừ bách thiên vạn ức vọng tưởng tạp niệm*” (thay thế, trừ khử trăm ngàn vạn ức vọng tưởng, tạp niệm), câu này trọng yếu lắm! Niệm Phật có công đức gì? Đây là công đức, công đức chân thật. Khi quý vị chẳng niệm Phật, có vọng tưởng, có tạp niệm; một mực niệm một câu Phật hiệu, quý vị sẽ chẳng có vọng tưởng; niệm Phật để trừ vọng tưởng, tạp niệm, đó là công đức chân thật. Tạp niệm, vọng tưởng là đang tạo nghiệp, rất nhiều người chẳng biết điều này. “Tôi chẳng làm chuyện xấu”, đây lên một ác niệm là đã tạo rồi! Vì vậy, trì danh niệm Phật nhằm trực tiếp khiến cho quý vị chẳng khởi ác niệm. Không chỉ là ác niệm chẳng thể khởi, mà thiện niệm trong lục đạo cũng không khởi! Quý vị khởi thiện niệm sẽ cảm được quả báo trong ba đường lành, ác niệm cảm được quả báo trong ba đường ác. Thiện niệm hay ác niệm đều chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Trong một câu A Di Đà Phật này, chẳng có lục đạo luân hồi; người ấy (người niệm Phật) chẳng ở trong lục đạo, A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Vì sao niệm Phật? Niệm Phật chẳng tạo nghiệp, niệm niệm là A Di Đà Phật, đó gọi là “*Tịnh nghiệp*”, người ấy tương ứng với Tây Phương Tịnh Độ. Vì vậy, hề niệm Phật hiệu bèn tương ứng với Phật. “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Chúng ta nghĩ lại trong giáo pháp Đại Thừa, đức Thế Tôn thường bảo: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Chúng ta vốn là Phật, hiện tại niệm niệm đều là Phật, lẽ nào người ấy chẳng thành Phật? Quả vị cao nhất trong mười pháp giới là Phật Quả, còn phải vượt qua [quả vị ấy]! Do ở trong mười pháp giới, vẫn chưa thoát khỏi mười pháp giới; niệm A Di Đà Phật bèn vượt thoát mười pháp giới. Hạ hạ phẩm vọng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng vượt khỏi mười pháp giới, nhất định phải biết sự thật này, đừng tắt mà! Ở ngoài, xác đáng! Do vậy, có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, đó là trí huệ khôn sánh. Nếu chẳng phải là giác ngộ thật sự, trí huệ chân thật chân chánh, người ấy sẽ chẳng chọn lấy pháp môn này trong một đời này!

Khi niệm đến thuần thực, sẽ nhập pháp môn Bất Nhị. “*Nãi vongnăng sở*” (bèn quên mất Năng và Sở), Năng và Sở tương trưng cho tương đối, Năng và Sở chẳng hai. “*Tâm vô sở trụ*” (tâm chẳng trụ vào đâu), chẳng trụ sở niệm (đức Phật được ta niệm), mà cũng chẳng trụ năng niệm (cái tâm niệm Phật), Năng lẫn Sở đều chẳng trụ, hiểu rõ ràng, rành rẽ một câu Phật hiệu này; cảnh giới ấy gọi là “*ám hợp đạo diệu*” (thâm hợp đạo mầu), “*đạo diệu*” là như kinh Kim Cang đã dạy: “*Vô trụ sanh tâm*”. Vì sao gọi nó là đạo diệu? Huệ Năng đại sư khai ngộ do câu này. Tục ngữ Trung Hoa thường nói “*đắc đạo trong một câu*”. Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn giảng kinh Kim Cang cho Lục Tổ nghe, đương nhiên là giảng đại ý, vì Lục Tổ không biết chữ, chắc chắn không đọc kinh bản; giảng đến câu “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (đừng trụ vào đâu để sanh tâm), Lục Tổ bèn hoát nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Khi đó, Lục Tổ hai mươi bốn tuổi, rất trẻ, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài. Nửa đêm, truyền y bát cho Ngài, bảo Ngài đi ngay lập tức, do nguyên nhân gì? Tổ sư cũng là biểu diễn pháp cho chúng ta thấy, nhằm dạy chúng ta học tập: Ganh ghét, chướng ngại là chuyện chẳng thể tránh được. Thần Tú theo Ngũ Tổ đã bao nhiêu năm, là Thủ Tọa trong các đồng học, là lớp trưởng, là trợ giáo của Nhẫn hòa thượng. Các đồng học cho rằng nếu Ngũ Tổ truyền pháp, trong lòng mọi người đều đoán quyết Tổ sẽ truyền cho Thần Tú, sao lại là người khác? Nay y bát truyền cho một kẻ từ nơi khác đến, hết thấy mọi người đều coi thường hẳn. Trong tự viện, người đông dườngậy, tới cả ngàn người, trong lòng những người đó có phục hay chẳng? Vì lẽ nào Ngũ Tổ lại truyền y bát cho người khác? Đó là chuyện không thể chấp nhận được, nhất định phải đoạt trở về. Có lẽ là lão hòa thượng tuổi đã cao, nhất thời hồ đồ, đem y bát truyền cho kẻ chẳng liên can! Do vậy, Ngũ Tổ nói: “*Người hãy mau trốn đi*”. Cuối cùng trốn trong phùng thợ săn mười lăm năm, mười lăm năm khiến mọi người quên dần chuyện này, Ngài mới xuất hiện. Chúng ta phải ghi nhớ lời giáo huấn này. Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ, đi các nơi giảng kinh, nói pháp, nhiều kẻ đổ ky! Lục sư ngoại đạo đổ ky, đó là đối với các tôn giáo khác, là người ngoài. Trong nhà có người đổ ky chẳng? Có chứ! Đề Bà Đạt Đa là kẻ đổ ky số một! Nhưng đức Phật có trí huệ chân thật, đức năng chân thật, có thể bao dung, tránh né ông ta, đức Phật có năng lực ấy. Những chuyện này đều nhằm thị hiện cho chúng ta thấy: Phật, Tổ thành tựu đều gian nan ngàn ấy; chúng ta muốn bình an, thành tựu ổn thỏa, thích đáng, đâu có đại phước báo như vậy? Do vậy, hết thấy chướng ngại là chuyện không thể tránh được, phải dùng trí huệ và đức hạnh, dùng tâm nhẫn nại để khắc phục. Đối với chúng ta mà nói, hết thấy chướng ngại là khảo nghiệm, cửa ải nào chúng ta cũng đều vượt qua, sẽ đạt tiêu chuẩn, quý vị bèn thành tựu. Có cửa ải nào chẳng thể vượt qua, quý vị bèn đọa lạc. Hễ đọa lạc, chẳng biết phải tới đời nào đời nao mới có thể tiếp tục tu. Người thật sự tu hành, thật sự mong thành tựu trong một đời này, chẳng thể không biết [điều này].

“*Vô trụ sanh tâm*”, vô trụ là thanh tịnh tịch diệt. Thuật ngữ trong Phật môn [gọi vô trụ sanh tâm là] Đại Bát Niết Bàn, trong Tịnh Độ gọi là Thường Tịch Quang, tức Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong bốn cõi. Trên thực tế, nó là tự tánh. Trở về tự tánh, vọng tận,

hoàn nguyên, hoàn nguyên sẽ chẳng trụ. Người ấy sanh tâm là sanh cái tâm gì? Chúng sanh có cảm bèn có ứng. Ngài thì có ứng. Sự “ứng” ấy chính là đại từ bi tâm, đại Bồ Đề tâm. Vì vậy, cảnh giới Niết Bàn chẳng phải là chết cứng, mà là sống động, vì trong cảnh giới ấy không có hiện tượng vật chất, mà cũng không có hiện tượng tinh thần. Chuyện này rất kỳ quái, không có hiện tượng tinh thần, mà sống động hoạt bát, chẳng chết cứng! Do vậy, chúng sanh có cảm thì Ngài bèn có ứng, dầu là cảm cực kỳ vi tế vẫn luôn có ứng, tuy yếu ớt, nhỏ nhoi đến nỗi kỹ cụ khoa học của chúng ta trong hiện tại chẳng thể dò xét được, nhưng nó là thật! Quý vị hãy nghĩ xem, một niệm này chính là một phần của một ngàn hai trăm tám mươi triệu của một giây, ý niệm vi tế như thế! Tâm vô trụ là chân tâm, nó có thể cảm ứng, cảm phản hồi thành ứng. Ứng là sanh tâm. Sanh tâm gì? Tuyệt đối chẳng phải là hữu ý. Ngài không có ý, cũng chẳng có niệm, vì vậy gọi là Ứng. Chúng sanh có cảm Ngài bèn ứng. Ứng là tùy thuận cảm ở một nơi nào đó, chính mình tuyệt đối chẳng hề khởi tâm động niệm. Kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (tùy lòng chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ), đây là nguyên lý cảm ứng. Chúng sanh cầu Phật, Ngài bèn hiện thân Phật; chúng sanh cầu Bồ Tát, Ngài bèn hiện thân Bồ Tát, thân gì Ngài cũng đều có thể hiện. Quý vị ưa thích gì, Ngài bèn hiện thân ấy. Có thể hiện cây cối, hoa, cỏ, mà cũng có thể hiện sơn hà, đại địa. Cái thân hiện ra ấy, tức ứng thân ấy chắc chắn sẽ giúp cho quý vị có ngộ xứ. Đạo lý cảm ứng được giảng rất nhiều trong kinh Hoa Nghiêm, có hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng (cảm rõ rệt ứng ngầm ngầm), minh cảm minh ứng (cảm lẫn ứng đều âm thầm), minh cảm hiển ứng (cảm âm thầm, ứng rõ rệt), quyết định có ứng!

Cảnh giới này cũng chẳng thể nghĩ bàn, vì sao? Toàn thể vũ trụ, chúng ta nói “vũ trụ” thì khái niệm này chẳng rõ ràng như đức Phật đã nói, đức Phật nói “pháp giới”. [Thuật ngữ] pháp giới chứa đựng nhiều ý nghĩa hơn vũ trụ, vô lượng, vô biên! Chúng ta đọc phẩm Hoa Tạng Thế Giới [của kinh Hoa Nghiêm] mới biết thế giới to lớn. Những điều các nhà thiên văn đã nói vẫn chưa vượt ngoài thế giới Sa Bà. Trong toàn bộ vũ trụ, thế giới Sa Bà là một chấm rất nhỏ, nhỏ tí, không đáng kể! Vũ trụ quá lớn, tự tánh quá lớn, vũ trụ do tự tánh biến hiện. Tự tánh là một, cho nên khắp pháp giới hư không giới làm một Thể. Quý vị hãy suy nghĩ, trong pháp giới, trong mỗi cõi Phật đều có mười pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, sẽ không khởi tác dụng cảm ứng đạo giao cùng quý vị, nhưng mười pháp giới thì có. Chúng sanh trong mười pháp giới khởi tâm động niệm, mỗi niệm đều trọn khắp pháp giới, mỗi niệm xuất sanh vô tận, chứa đựng Không và Có, ba thứ ấy đều trọn khắp, tốc độ quá nhanh, đồng thời! Chúng ta dấy lên ý niệm, bất luận lấy niệm gì, ý niệm mấy vừa khởi lên sẽ trọn khắp pháp giới, tự tánh thấy đều thấu nhận, nhận được tin tức ấy, nó sẽ có phản ứng. Giống như tiến sĩ Giang Bồn Thảng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm với nước. Trong thí nghiệm của ông ta,

sự phản ứng khá chậm chạp, còn phải mất thời gian mấy tiếng đồng hồ. Phản ứng của tự tánh đối với hết thầy chúng sanh là ngay lập tức, đồng thời .

Nếu quý vị thật sự biết đạo lý và chân tướng sự thật này, quý vị sẽ dấy lòng cảm ơn chư Phật, Bồ Tát. Vì sao? Chẳng thời khắc nào không chiếu cố quý vị; không thời khắc nào chẳng quan tâm quý vị, còn chu đáo hơn cha mẹ lo lắng cho con cái. Có sao nay chúng ta trở thành nông nổi này? Là do chính chúng ta không quay đầu, không biết khéo học, tự làm tự chịu, có cách nào đâu? Bất luận chúng ta đang ở trong đường nào, súc sanh đạo cũng thế, mòng quạ quỷ đạo cũng vậy, địa ngục đạo cũng vậy, đều quan tâm như nhau. Vì vậy, có thể thật sự dấy lòng cảm ơn Phật, Bồ Tát, quý vị sẽ thật sự học tập, có ý nguyện chân thành học tập. Có thành ý, thành tựu cũng nhanh chóng! Ấn Quang đại sư dạy: *“Mười phần thành ý, sẽ được mười phần thu hoạch”*. Chưa học Hoàn Nguyên Quán, chúng ta vẫn chưa hiểu rõ khái niệm này; chưa hiểu rõ vẹn mười! Sau khi học Hoàn Nguyên Quán, chúng ta hiểu rất rõ, sẽ chân thật thể hiện lòng cảm ơn đối với hết thầy chư Phật Như Lai, rồi quay lại áp dụng [lòng cảm ơn này] đối với hết thầy chúng sanh. *“Hết thầy chúng sanh vốn là Phật”*, thật vậy, *“hết thầy chúng sanh là vị lai Phật”*, câu này cũng là thật. Chắc chắn quý vị sẽ chuyển biến trong mỗi đời, cảnh giới trong mỗi đời sau cao hơn đời trước, nhất định sẽ có ngày đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, trở về tự tánh. Nói theo phương diện thế gian của nhân loại, thời gian này rất dài, nhưng nói theo cõi Thật Báo, bên này chẳng có thời gian, cũng chẳng có không gian. Không có thời gian, sẽ chẳng có trước sau; không có không gian, sẽ chẳng có khoảng cách. Đây là diệu đức (chân lý mầu nhiệm) *“vô trụ sanh tâm”*.

Tiếp theo đó, nói: *“Phù chúng sanh chi sanh diệt tâm, xú xú năng duyên, độc bất năng duyên u Bát Nhã, tu vị đặng Biệt Giáo địa thượng chi Bồ Tát, phương năng khế nhập”* (Cái tâm sanh diệt của chúng sanh, chỗ nào cũng có thể duyên, chỉ chẳng thể duyên nơi Bát Nhã. Địa vị cần phải đạt đến Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên mới hồng khế nhập). Sơ Địa trong Biệt Giáo là Sơ Trụ trong Viên Giáo, kinh Hoa Nghiêm gọi địa vị này là Sơ Trụ Bồ Tát, lúc ấy mới có thể khế nhập. Vì sao? Ngài chẳng dùng sanh diệt tâm, chuyển bất thức thành tứ trí, tứ trí là Bồ Đề tâm, chuyển thức thành trí. Tứ trí là chân tâm, A Lại Da là vọng tâm, chuyển vọng trở thành chân, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh bèn mở mang, hiện tiền. Bát Nhã là đức năng của tự tánh. Quý vị đã kiến tánh, đức năng trong tự tánh thầy đều hiện tiền, quý vị được thụ dụng. Vì vậy, phải là bậc Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên, là Viên Giáo trong kinh Hoa Nghiêm thì mới có thể khế nhập. Khế nhập là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Hôm nay lại hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tập 16

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang mười lăm, dòng số sáu từ dưới đếm lên, xem từ câu thứ hai.

“*Phù chúng sanh chi sanh diệt tâm, xử xử năng duyên, độc bất năng duyên u Bát Nhã*” (Cái tâm sanh diệt của chúng sanh, chỗ nào cũng có thể duyên, chỉ chẳng thể duyên nơi Bát Nhã). Đây là nói về tâm phàm phu, chúng ta cũng gọi nó là “tâm luân hồi”, chừa ra khỏi lục đạo luân hồi, nhưng nó có tác dụng rất lớn, chỗ nào cũng có thể duyên, có thể duyên quá khứ, mà cũng có thể duyên tương vị lai, cõi này hay phương khác nó đều có thể tương. Tuy có năng lực to dường ấy, kinh Phật bảo: Trong thì nó có thể duyên tới A Lại Da, bên ngoài có thể duyên hư không pháp giới, nhưng chẳng thể duyên tự tánh! Bát Nhã là đức năng của tự tánh; do nó (sanh diệt tâm) chẳng thể duyên tự tánh, đương nhiên chẳng thể duyên Bát Nhã. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, điều này tâm phàm phu chẳng duyên được, tâm sanh diệt của chúng sanh chẳng duyên được! Đến khi nào mới có thể duyên được? Kiến tánh sẽ duyên được. Minh tâm kiến tánh sẽ duyên được, đức năng và trí huệ trong tự tánh đều hiện tiền. “*Tu vị đấng Biệt Giáo địa thượng chi Bồ Tát, phương năng khế nhập*” (Địa vị cần phải đạt đến Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên mới hòng khế nhập). Sơ Địa trong Biệt Giáo là Sơ Trụ trong Viên Giáo, kinh Hoa Nghiêm nói là từ Sơ Trụ trở lên, còn Biệt Giáo là từ Sơ Địa trở lên, Phật giáo Trung Quốc gọi người như vậy là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Khi ấy, người đó duyên tới [tự tánh], “*mới có thể khế nhập*”, khế nhập là nhập tự tánh, đây cũng là bậc minh tâm kiến tánh như chúng ta thường nói.

“*U vô trụ thời tức sanh tâm, u sanh tâm thời tức vô trụ*” (lúc vô trụ bèn sanh tâm, lúc sanh tâm bèn vô trụ). Đây là cảnh giới minh tâm kiến tánh, sanh tâm là hiện tượng, sanh tâm gì? Sanh tâm độ chúng sanh. Điều thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ nguyện là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, Ngài sanh tâm như thế nào? Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng. Bậc Địa Thượng Bồ Tát trong Biệt Giáo, Thập Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo đều là chân Phật, trong Lục Túc Phật của Thiên Thai đại sư, [những vị này] được gọi là Phần Chứng Túc Phật, trên họ là Cứu Cánh Túc Phật. Cứu Cánh Túc Phật chỉ có một [địa

vị], kinh Hoa Nghiêm gọi địa vị ấy là Diệu Giác. Phần Chứng Túc Phật có bốn mươi một địa vị, [tức là] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một địa vị này đều là Phần Chứng Túc Phật, là chân Phật, chẳng phải giả Phật. Phật trong mười pháp giới chẳng phải là chân Phật, mà là Tương Tự Túc Phật, rất giống, vì sao? Họ dùng A Lại Da, chưa chuyển thức thành trí. Chuyển thức thành trí chính là các vị Địa Thượng Bồ Tát như đang nói ở đây, đã kiến tánh. Chưa chuyển thức thành trí là chưa kiến tánh. Đây là một kiến thức thông thường trong Phật giáo, chúng ta phải biết. Ngài ứng hóa, là do chúng sanh có cảm Ngài bèn ứng. Nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Thuở ấy, tại Ấn Độ, Thích Ca Như Lai “*nên dùng thân Phật để độ*”, Ngài bèn hiện Ứng Thân Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tùy hình hảo, hiện thân tướng này. Tại Trung Quốc, Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư, xuất hiện vào thời Đường, cũng đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, chẳng khác gì Thích Ca Phật. Hiện ra cùng một cảnh giới, chỗ khác biệt là Ngài hiện thân tỳ-kheo, Thích Ca Mâu Ni Phật hiện thân Phật thân, tức thân ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Huệ Năng đại sư tại Trung Quốc, nên dùng thân tỳ-kheo để độ người, nên Ngài hiện thân tỳ-kheo. Đúng vậy, cả đời Ngài độ hơn bốn mươi vị tỳ-kheo thành Phật, minh tâm kiến tánh, dùng thân tỳ-kheo. Khi Ngài hiện thân, thừa cùng quý vị, Ngài là vô trụ, vô trụ có nghĩa là gì? Hiện thân tướng chẳng khác gì chúng ta, thân tướng gầy cũng sáng dậy, tối ngủ, cũng mỗi ngày phải ăn cơm, mặc áo, chẳng khác gì hết. Chỗ thật sự không giống nhau là chúng ta có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, Ngài không có. Do Ngài không có, nên gọi là vô trụ. “*Ứng vô sở trụ nhĩ sanh kỳ tâm*” (Nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), bậc Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trên thế gian, vô trụ và sanh tâm là một, không hai, là cùng một chuyện, ứng hóa trên thế gian. Nếu còn có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, chúng ta phải biết kẻ ấy là phạm phu, tức là phạm phu trong lục đạo. Kẻ khác nói quý vị là vị Phật nào đó hay Bồ Tát nào đó tái lai, chính mình phải tự hiểu: “Giả trát, chẳng thật!” Giác có thể tu thành thật hay chẳng? Có thể!

Ở đây, chúng ta phải biết: Danh hiệu của các vị Phật có cùng tên là vô lượng vô biên, danh hiệu của các vị Bồ Tát có cùng tên cũng là vô lượng vô biên. Quán Âm Bồ Tát chẳng phải là một người, nếu quý vị nói là một thì sai mất rồi! Giống như vị thầy dạy học trong nhà trường, Quán Âm Bồ Tát giống như thầy dạy môn Ngữ Văn, ở đây, nếu tôi hỏi quý vị, trên thế giới này có bao nhiêu vị giáo sư Ngữ Văn? Quý vị sẽ hiểu rõ ngay! Chúng ta là phạm phu chấp trước, nói đến Quán Âm Bồ Tát bèn tưởng là một người, sai rồi! Nhiều lắm, vô lượng, vô biên, [những người] tu pháp môn [từ bi] này đều gọi là Quán Âm Bồ Tát; tu pháp môn Bát Nhã đều là Văn Thủ Bồ Tát; tu mười đại nguyện vương đều là Phổ Hiền Bồ Tát; tu hiếu thân tôn sư (hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính thầy) đều là Địa Tạng Bồ Tát, các đồng học học Phật chớ nên không biết điều này. Trong số các vị Bồ Tát nhiều ngàn ấy, cảnh giới của các Ngài có giống nhau hay không? Chẳng giống nhau! Quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm, từ địa vị Sơ Tín tới địa vị Đẳng Giác tổng cộng là năm

mười một giai cấp, vậy là Quán Âm Bồ Tát thuộc địa vị nào? Từ ba bộ kinh, chúng ta thấy Quán Âm Bồ Tát không cùng một địa vị. Trong kinh Hoa Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát là Đệ Thất Hồi Hương Bồ Tát, tức là Đệ Thất Hồi Hương trong Tam Hiền. Trong kinh Lăng Nghiêm, Quán Âm Bồ Tát là Sơ Trụ Bồ Tát, vừa mới chứng đắc Viên Thông. Trong kinh Pháp Hoa, Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, khác nhau! Vì vậy, nói Quán Âm Bồ Tát tái lai, thì là Quán Âm Bồ Tát thuộc địa vị nào? Nếu là Quán Âm Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín, đúng vậy, Ngài là Quán Âm Bồ Tát, nhưng Ngài vẫn chưa thoát lục đạo luân hồi, công phu đoạn chứng chỉ bằng Tu Đà Hoàn, nhưng Ngài tu pháp môn Quán Âm, nhất định phải biết điều này. Đây là hỏi xem, trong năm mươi một địa vị, Ngài thuộc địa vị nào, sai biệt rất lớn! Từ Sơ Trụ trở lên, đó là địa vị Phần Chứng, Pháp Thân đại sĩ, thật sự là Pháp Thân đại sĩ. Nếu Ngài thuộc các địa vị trong Thập Tín, từ Sơ Tín tới Thập Tín, Ngài chưa ra khỏi mười pháp giới, nhưng do Ngài tu pháp môn này, chẳng thể nói Ngài chẳng phải là Bồ Tát.

Nay chúng ta phát tâm nương theo kinh Vô Lượng Thọ, nương theo Tịnh Độ (nay là ngũ kinh) ngũ kinh nhất luận để tu hành, vậy thì quý vị là ai? Thưa quý vị, là A Di Đà Phật! Kinh này giảng rất rõ ràng, [người tu pháp môn này] chẳng phải kẻ tầm thường, tổ sư đại đức nói như vậy. Quý vị chiểu theo pháp môn này, do Tịnh Tông lấy Quả làm nhân, nên pháp môn này rất đặc biệt, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng hề “*lấy quả làm nhân*”, chỉ có pháp môn này lấy quả làm nhân, quả là gì? Quả là A Di Đà Phật. Trong phần Khái Yếu, ở phần sau, Hoàng lão cư sĩ trích dẫn nhiều kinh luận để giảng rõ chuyện này. Vì thế, người thông đạt kinh giáo sẽ hiểu rõ, chẳng chấp trước, liễu giải chân tướng sự thật. Thật sự thành tựu, nhất định là Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo, mới được coi là thật sự thành tựu. Chưa đạt đến địa vị ấy, sẽ là Tương Tự Tức Phật. Lại thấp hơn một tầng nữa, vẫn chưa đạt đến Tương Tự, chúng ta phải gia công dụng hạnh. Nói theo Lý thì là Danh Tự Tức Phật, chuyện này ai nấy đều bình đẳng, hữu danh vô thực, vì sao? Tự tánh của quý vị là Phật; do vậy, trong kinh, đức Phật dạy: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Chúng ta bắt đầu học Phật, rất nghiêm túc học Phật, nhưng công phu chưa đắc lực, khi ấy, gọi là Danh Tự Tức Phật, hữu danh vô thực, Danh Tự Tức Phật! Công phu đắc lực là Quán Hạnh Tức Phật. Địa vị Quán Hạnh khá lắm, trong pháp môn Tịnh Độ, đạt đến địa vị Quán Hạnh được gọi là “*công phu thành phiên*”. Quán Hạnh là công phu thành phiên, quyết định sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tương Tự thì sao? Tương Tự sẽ không sanh vào cõi Đồng Cư, mà sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, đó là Sự nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đó chính là các địa vị được nói đến ở đây: Địa Thượng trong Biệt Giáo, Thập Trụ Pháp Thân Bồ Tát trong Viên Giáo. Mỗi tầng đều hiểu rõ ràng, chúng ta tiến lên từng cấp, tiến cao hơn, đó là đúng. Nâng cao hơn, nâng cao bên ngoài xuống được, nhất định phải noi theo thứ tự thuận này: Trước hết, phải buông chấp trước xuống. Quý vị nói trước hết ta buông khởi tâm động niệm

xuống? Chẳng thể nào! Buông khởi tâm động niệm xuống chính là địa vị Diệu Giác, chẳng phải là Phần Chứng, đó là viên mãn chứng đắc, ta chưa làm được đâu! Chớ nên không biết điều này!

Hiện thời còn có vấn đề, ta vẫn chưa thể hiểu rõ vấn đề này! Chúng sanh có cảm, Phật ứng, đó là Phật thuộc giai tầng nào ứng? Nay chúng ta biết, trong cõi Thật Báo, từ địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo [trở lên] bèn có năng lực này: Nên dùng thân Phật để động người, bèn hiện thân “ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo” để ứng. Nhà Phật nói tới “*Bổn Tích nhân duyên*”, Bổn của Ngài Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hiện Tích là Phật tướng, tức “ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo”. Nếu nên hiện thân Đẳng Giác Bồ Tát, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là Đẳng Giác Bồ Tát; hoặc cũng nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài cũng hiện thân Phật. Vị Phật này là Đẳng Giác, vị Phật kia là Sơ Trụ Bồ Tát, còn có viên mãn rất ráo. Viên mãn rất ráo là vị Phật do tự tánh hiện ra trong cõi Thường Tịch Quang, tức là A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là địa vị Diệu Giác, chẳng phải là Đẳng Giác, đó là vị Phật rất ráo viên mãn. Thích Ca Mâu Ni Phật tới thị hiện trong thế giới này, thưa quý vị, Ngài là địa vị viên mãn, chẳng phải là Đẳng Giác Bồ Tát, vì sao? Trong kinh Phạm Võng, Ngài nói rất hay, Phật không vọng ngữ, nói toàn những lời thật. Ngài tới thế giới này, thị hiện thân Phật trong nhân gian, lần này là lần thứ tám ngàn, chẳng phải một lần, hai lần, mà là tám ngàn lần! Khi nào Ngài đến? Chúng sanh có cảm, Ngài bèn đến. Chúng sanh không có cảm, Ngài sẽ không ứng, cảm ứng đạo giao mà! Chính Ngài tuyệt đối chẳng có ý nghĩ: Chúng sanh rất khổ, ta phải đến giúp đỡ họ. [Nếu có ý nghĩ như thế], sẽ chẳng phải là Phật, vì sao? Khởi tâm động niệm! Bồ Tát có khởi tâm động niệm, không có phân biệt, chấp trước, nhưng có tập khí phân biệt, chấp trước. Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín không có phân biệt, chấp trước, nhưng có tập khí phân biệt, chấp trước. Từ Sơ Trụ trở lên, không có phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm cũng không có, nhưng có tập khí khởi tâm động niệm. Bốn mươi một tầng cấp này là do tập khí dày hay mỏng khác biệt, chúng ta phải hiểu rõ. Chẳng thể nói một vị Bồ Tát này là Đẳng Giác, chẳng phải vậy, có năm mươi một tầng cấp mà! Nói một vị Phật là Diệu Giác ư? Không nhất thiết! Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều có có năng lực hiện thân Phật. Quý vị nghĩ tới vị Phật nào, Ngài bèn hiện ra vị Phật ấy. Vị Phật nào có duyên với quý vị, Ngài bèn hiện ra vị Phật ấy. “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*”, chớ nên không hiểu đạo lý này! Tuy hiện thân, chắc chắn Ngài không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Ở đây, phải đặc biệt chú ý vọng tưởng, đó là khởi tâm động niệm, đây là gì? Bạc Pháp Thân Bồ Tát, Sơ Trụ trong Viên Giáo chẳng khởi tâm, chẳng động niệm.

Vì vậy, chúng ta ở trong thế gian này, tự mình phải thường suy nghĩ, chúng ta vẫn khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, còn có chấp trước, đây có phải là mê khi cách ám hay chẳng? Nói “mê khi cách ám” cũng có lý! Vì sao? Tất cả hết thấy chúng sanh chẳng một ai không mê khi cách ám. Nếu Phật, Bồ Tát tới ứng hóa trong thế gian này, còn có mê khi

cách âm hay chẳng? Chúng ta có thể suy nghĩ: Trong mười pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật thuộc tứ thánh pháp giới có thể làm mê khi cách âm, vì sao? Họ chưa kiến tánh. Chư kiết tánh, nhưng trí huệ, đức năng, thần thông của những người tu hành ấy lớn hơn chúng ta, chúng ta chẳng thể sánh bằng! Các Ngài có thể vào lục đạo độ chúng sanh hay chẳng? Có! Những kẻ hữu duyên trong lục đạo, kẻ hữu duyên nghĩ tới các Ngài, các Ngài cũng có cảm, sẽ ứng đến. Nhưng ứng thân của các Ngài trong thế gian này là tiểu thánh, chẳng phải là đại thánh, là Bồ Tát, chẳng phải là MaHa Tát. Chư vị phải biết: Ngoài mười pháp giới là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, [những vị Bồ Tát trong cõi ấy] gọi là MaHa Tát; chúng ta gọi [những vị Bồ Tát trong] tứ thánh của mười pháp giới là Bồ Tát. Do vậy, Bồ Tát MaHa Tát [có nghĩa như thế đó]. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã phó chúc những Đại Bồ Tát phải thường hộ niệm Tiểu Bồ Tát, vì Tiểu Bồ Tát còn mê khi cách âm. Họ cũng có tâm từ bi, ứng hóa trong thế gian này, có khi họ cũng bị mê hoặc; nhưng họ rất thông minh, những vị Đại Bồ Tát ở bên cạnh chiếu cố họ, khi nào duyên đã chín muồi, chỉ điểm họ, họ bèn tỉnh ngộ. Hết tỉnh ngộ bèn giác; sau khi giác, đúng là tối thiểu cũng buông phân biệt xuống. Đối với cảnh giới, tuy là kiến thức thông thường, phổ biến, chớ nên không biết. Không biết thì có khi chúng ta cũng bị mê trong ấy; [do vậy], biến thành chướng ngại, chính mình muốn nâng cảnh giới lên sẽ khó khăn, thậm chí tạo thành chướng ngại cho vãng sanh trong tương lai. Giảng tới đây, chẳng thể không rườm rà thêm mấy câu!

“*Kỳ dư địa tiền chư hiền, nhưng dĩ đã thành lương tiết*” (những vị Bồ Tát trước khi chúng So Địa, vẫn tách thành hai). Đối với chữ Địa Tiền này, trong phần trước đã nói rất rõ ràng, đây là Biệt Giáo, chẳng phải là Viên Giáo. [Địa Tiền nói trong câu này] là Địa Tiền của Biệt Giáo, tức là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo, [còn gọi là] Tam Hiền Bồ Tát. Tam Hiền Bồ Tát của Biệt Giáo chưa thoát khỏi mười pháp giới, vẫn ở trong mười pháp giới, cũng tức là nói họ “chưa phác bản vô minh”. Vì thế, các vị hãy xem, điều gì bị tách thành hai? “*Nhất thời sanh tâm, lánh nhất thời vô trụ*” (thời này sanh tâm, thời khác vô trụ). Họ chẳng có cách nào, đây cũng là như trong kinh Đại Thừa đã nói: Họ vẫn chưa nhập pháp môn Bất Nhị! Tánh - Tướng chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai, động - tĩnh chẳng hai, họ hoàn toàn chưa làm được, chưa đạt tới cảnh giới ấy! “*Khả kiến phàm phu tuyệt phận*” (có thể thấy phàm phu chẳng có phần), phàm phu thuộc lục đạo, làm sao có thể hành được? Làm sao có thể sánh với người ta?

“*Kim thử Tịnh Độ pháp môn, giáo chúng sanh trì danh niệm Phật, linh chúng sanh tức niệm ly niệm, tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo điều, xảo nhập vô niệm, tức phàm thành thánh*” (nay pháp môn Tịnh Độ này dạy chúng sanh trì danh niệm Phật, khiến cho chúng sanh do niệm mà lìa niệm, ngầm thông với Phật, thâm hợp đạo mâu, khéo nhập vô

niệm, từ ngay nơi phàm mà thành thánh). Đây là chỗ mâu nhiệm củapháp môn này, thật sự mâu nhiệm! Tôi không biết các quý vị đồng học thế nào, nhưng nếu các đồng học chú tâm một chút, tâm địa vọng niệm ít một chút, tôi nghĩ các quý vị sẽ phát hiện một hiện tượng, đó chính là pháp duyên giảng kinh Vô Lượng Thọ đặc biệt thù thắng. Chính tôi đã suốt đời thể nghiệm, tôi đã giảng rất nhiều bộ kinh luận, nhưng pháp duyên thù thắng nhất chính là kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ. Nói chung là có duyên có, tính chúng đặc biệt đồng, pháp môn thù thắng, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ đạo tràng, chẳng giả tí nào! Pháp môn tốt lành, nhưng người thật sự nhập cảnh giới này vẫn là thiểu số. Nói theo lý luận, Thiện Đạo đại sư nói, Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, lời của Thiện Đạo đại sư do chính miệng A Di Đà Phật nói ra, pháp môn này là “*vạn người tu, vạn người đến*”. Vì sao có người tu pháp môn này chưa thể thành tựu? Phật không có vấn đề, pháp môn cũng chẳng có vấn đề, kinh điển cũng không có vấn đề, vấn đề do người tu hành mà có! Người ấy bụng dạ vướng mắc cả đống chuyện, chẳng buông xuống được. “*Tức niệm*”, kêu chẳng là niệm, “*tức niệm*” là A Di Đà Phật; “*ly niệm*”, là như trong phần trước đã nói, niệm một câu A Di Đà Phật này để thay thế, trừ khử trăm ngàn vạn ức vọng tưởng, tạp niệm, đó là thật sự niệm Phật. Một mặt niệm A Di Đà Phật, nhưng trong ấy vẫn xen tạp vọng tưởng, tạp niệm công phu niệm Phật bị phá hoại; cho nên quý vị chẳng có cách nào! “*Tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu*”. Quý vị thấy [lời chú giải] giảng rõ ràng lắm, minh bạch lắm, quý vị phải do niệm mà là niệm, niệm A Di Đà Phật, trong tâm chỉ có một niệm A Di Đà Phật này, chớ nên xen tạp vọng niệm vào đấy. Vì vậy, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức dạy chúng ta đừng hoài nghi, đừng xen tạp, đừng gián đoạn, niệm như vậy quý vị sẽ có thể “*tiềm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu*”, vì sao? Quý vị niệm Phật đã niệm đến mức nhất tâm. Sự nhất tâm có địa vị bằng với tầng cấp A La Hán và Bích Chi Phật. Lý nhất tâm có cảnh giới giống như bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ từ Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo. Quý vị có thể niệm tới nhất tâm bất loạn. Hơn nữa, phương pháp này đơn giản, dễ dàng, ôn hòa, thích đáng, đáng tin cậy, chẳng phiền phức tí nào, chẳng thông Giáo cũng không sao! Do vậy, có nhiều người chẳng biết chữ, chưa từng học kinh giáo, niệm một câu A Di Đà Phật này mấy năm, đúng là niệm gì cũng mất, niệm tới mức nhất tâm bất loạn, nhưng chính người ấy hoàn toàn không biết, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh vào cõi Phương Tiện, người như vậy rất nhiều. Người sanh vào cõi Thật Báo có lẽ ít hơn một chút, nhưng người sanh vào cõi Phương Tiện rất nhiều. Họ đã bỏ được chấp trước, chẳng chấp trước gì hết, cứ đơn giản là kinh dạy quý vị chấp trước danh hiệu, chấp trì danh hiệu, “*chấp*” là chấp trước, “*trì*” là nắm vững vàng, nắm chặt, tức là [giữ chặt] một câu Phật hiệu này. Ngoài một câu Phật hiệu này ra, tạp niệm gì cũng đều không có, vọng tưởng gì cũng đều không có, đó là niệm Phật công phu thành phiến. Công phu thành phiến sẽ sanh vào cõi Đồng Cư. Sanh trong cõi Đồng Cư cũng thành thánh nhân. Thế giới Cực Lạc không có phàm phu, đều là thánh nhân, do phàm mà thành thánh!

“*Cổ Sớ Sao viết*” (Do vậy, sách Sớ Sao nói), [tức là]Liên Trì đại sư nói: “*Việt tam kỳ u nhất niệm, tề chư thánh uphiếnngôn*”(vượt ba A-tăng-kỳ trong một niệm, bằng với chư thánh do một lời).[Vượt] tam kỳ là người nào vậy? Nay chúng ta hiểu rất rõ ràng, theo kinh Hoa Nghiêm đã dạy, từ Sơ Trụ tới Đẳng Giác là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, các Ngài do đoạn hết vô minh, nhưng tập khí vô minh vẫn còn. Tới Đẳng Giác mới đoạn hết tập khí vô minh, cần thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Vượt thoát ba đại A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm chính là do một tiếng Phật hiệu này bèn vượt qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp. “*Tề chư thánh*”(bằng với chư thánh): Chư thánh là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. “*Phiến ngôn*” (một lời) là bốn chữ A Di Đà Phật, chính là một một câu này. Bằng gì? Bằng với Pháp Thân, chẳng phải là hạng Bồ Tát thông thường. Pháp Thân đại sĩ là Ma Ha Tát, còn có gì thù thắng hơn pháp môn này? Tìm chẳng ra! Do vậy, chúng ta học kinh này, quý vị còn có vấn đề gì nữa chẳng? Quý vị học kinh này, mười phương ba đời hết thầy chư Phật hộ niệm quý vị, tuy quý vị chẳng thấy các Ngài, các Ngài thấy quý vị. Trước đây, chúng ta còn có nghi vấn, nay chẳng còn nghi vấn, chúng ta tin tưởng, khẳng định rồi! Vì sao? Sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng ba thứ trọn khắp, bất luận làm một mảy lông noi chánh báo hay một vi trần trong y báo, sự dao động của chúng trọn khắp pháp giới trong mỗi niệm, niệm niệm xuất sanh vô tận, niệm niệm hàm dung Không và Có; vì vậy, chúng ta khởi tâm động niệm, hết thầy tạo tác, mười phương chư Phật đều thấy. Chúng ta chân tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, hết thầy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ. Phước báo này như thế nào? Ba đời chư Phật hợp nhau cùng nói vẫn chẳng thể giải thích rõ ràng, vì phước báo ấy quá to! Câu danh hiệu này, trên thực tế là tổng cương lĩnh của hết thầy các kinh điển do mười phương ba đời chư Phật đã tuyên dương, mà cũng là chỗ quy y của hết thầy các kinh điển. Do vậy, những điều vừa nói trên đây chẳng phải do một mình cụ Hoàng Niệm Tổ nói, Hoàng lão cư sĩ cũng chỉ tiếp nhận, vâng theo lời lịch đại tổ sư đại đức đã nói, xứng đáng cực đùm, giảng đến rốt ráo viên mãn chính là một câu danh hiệu này.

“*Chí tai diêu dụng, bất khả tư nghị*” (diêu dụng cùng tốt thay, chẳng thể nghĩ bàn), đã đến tột đỉnh! “*Kỳ tha pháp môn nãi chánh nhập vô sanh, cố vi nan hành đạo*” (Những pháp môn khác nhập thẳng vào Vô Sanh, nên là đạo khó hành), “*chánh nhập*” là gì? Thực hiện từng bước một, tiến lên theo từng cấp bậc một, tiến cao lên dần, giống như năm mươi một địa vị được nói trong kinh Hoa Nghiêm, đó là “*chánh nhập*”, thời gian rất dài. “*Kim thử tịnh nghiệp, xảo nhập vô sanh, cái dị hành đạo dã*” (Nay Tịnh nghiệp khéo nhập Vô Sanh nên là đạo dễ hành), nó quá xảo diệu (khéo léo, tuyệt diệu), chẳng phải là tiến lên từng cấp bậc một, mà bất tri bất giác viên mãn, đạt tới tột đỉnh, do vậy, nó là đạo dễ hành. “*Niệm Phật pháp môn nãi tu hành chi kính lộ*” (pháp môn Niệm Phật là đường tắt trong sự tu hành), “*kính lộ*”(徑路) là đường gần; đường tắt. “*Nhi trì danh nhất pháp hựu vi tứ chủng niệm Phật trung chi kính lộ, cố xưng vi kính trung chi kính*”

(nhưng trì danh lại là đường tắt trong bốn món Niệm Phật, nên được gọi là đường tắt nhất trong các con đường tắt), là đường gần nhất trong các con đường gần. Trong bốn món Niệm Phật này, Quán Kinh có nhắc tới [ba món], Quán Kinh giảng Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, và Trì Danh Niệm Phật, đều là những pháp chúng ta thường tu. Một loại khác chúng ta không làm được là Thật Tướng Niệm Phật. Khi nào tu Thật Tướng Niệm Phật? Từ Sơ Trụ trở lên tu Thật Tướng Niệm Phật. Vừa rồi, trong phần trích dẫn, cụ Hoàng đã nói từ Sơ Địa trong Biệt Giáo trở lên, tức là từ Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên, niệm Phật khi ấy là Thật Tướng Niệm Phật, chẳng phải là Trì Danh Niệm Phật. Trong bốn món Niệm Phật, Trì Danh là đường tắt. Do vậy, theo kinh Hoa Nghiêm, bậc đã chứng đắc từ Sơ Trụ trở lên phải tu pháp môn Niệm Phật, cách niệm Phật của các Ngài thuộc loại Thật Tướng Niệm Phật.

“*Hựu bốn kinh bất xướng nhất tâm bất loạn*” (Lại nữa, kinh này chẳng đề xướng nhất tâm bất loạn), “*xướng*” (倡) là đề xướng, kinh Vô Lượng Thọ không đề xướng nhất tâm bất loạn, vì sao? Nhất tâm bất loạn quá khó, đúng là chẳng dễ làm được. Sự nhất tâm bất loạn là đã đoạn Kiến Tư phiền não, chứng nhập bằng quả A La Hán. Lý nhất tâm bất loạn đã đoạn Trần Sa phiền não, phá Vô Minh phiền não, [cảnh giới ấy] bằng với “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, chẳng phải là chuyện dễ. Vì vậy, kinh này chẳng nói tới nhất tâm bất loạn. “*Trực dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật vi Tông*” (thẳng thừng lấy phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm A Di Đà Phật làm Tông). Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm, chẳng phải là nhất tâm bất loạn. Một bề chuyên niệm thì chúng ta làm được, một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm A Di Đà Phật sẽ làm được! Nhất tâm bất loạn chẳng dễ gì làm được, vì phải đoạn phiền não. Khuất phục phiền não thì sự khuất phục ấy chẳng phải là nhất tâm bất loạn; đoạn hết phiền não mới là nhất tâm bất loạn, quý vị biết nhất tâm bất loạn quá khó. Nhưng kinh Di Đà nói “*nhất tâm bất loạn*”, và “*tâm chẳng điên đảo*”! Kinh Di Đà và bộ kinh này là cùng một bộ, nội dung như nhau; quý vị phải biết: Theo bản dịch kinh A Di Đà của Huyền Trang đại sư thì là “*nhất tâm hệ niệm*”, chẳng phải là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là do La Thập đại sư dịch, Ngài dịch cũng rất có lý! Công phu của chính mình là nhất tâm hệ niệm, lâm chung Phật đến tiếp dẫn, trước hết, Phật quang chiếu tới quý vị; khi Phật quang chiếu gọi, được Phật lực gia trì, khiến cho công phu của quý vị được nâng lên gấp bội. Quý vị thật sự đạt được nhất tâm hệ niệm, đó là công phu thành phiền, ngay lập tức sẽ được nâng cao lên thành nhất tâm bất loạn. Vì vậy, La Thập đại sư hoàn toàn chẳng dịch sai, đích xác là [hành nhân khi vãng sanh] được bốn nguyện và oai thần từ bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà gia trì; nhưng đối với kẻ sơ học chúng ta mà nói, do rất nhiều người thấy chữ “*nhất tâm bất loạn*” mà cảm thấy pháp môn này vẫn chẳng dễ tu, không dám tu pháp môn này, ngã lòng! Thấy “*Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”, bèn nghĩ chính mình vẫn có thể, điều này còn có thể làm được. Bồ Đề tâm sẽ được giải thích tỉ mỉ trong phần sau. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng rất tuyệt: Quý vị thật sự phát nguyện cầu

sanh Tịnh Độ, tâm ấy là vô thượng Bồ Đề tâm. Cổ nhân chưa hề nói, Ngẫu Ích đại sư nêu ra cách giải thích như thế khiến cho chúng ta nghĩ đến rất nhiều ông lão bà cụ chẳng biết chữ, cũng chưa từng học hành, mà cũng chưa nghe Phật pháp, người ta dạy họ niệm một câu “A Di Đà Phật”, họ bèn thật thà niệm, niệm tới cuối cùng còn có thể đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, tướng lành hy hữu. Dường như họ chẳng phát Bồ Đề tâm! Dường như trực tâm, thâm tâm và đại bi tâm được nói trong Bồ Đề tâm họ chẳng phát, có sao họ niệm Phật bèn có thể vãng sanh? Họ chẳng biết phát Bồ Đề tâm là gì, nhưng quý vị quan sát kỹ lưỡng, sẽ thấy trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm họ đều trọn đủ. Họ bất tri bất giác phát ra, đã phát, nhưng chính mình vẫn không biết, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, mong thấy A Di Đà Phật, tâm chân thành trọn đủ. Thâm tâm là thanh tịnh bình đẳng giác, học có, tuy chưa viên mãn, nhưng học có từ bi tâm!

“Đản năng phát tâm chuyên niệm, giai khả vãng sanh. Cố cánh vi minh xác giản yếu” (Chỉ cần có thể phát tâm chuyên niệm, đều được vãng sanh. Do vậy, pháp này càng là rõ ràng, xác thực, đơn giản, tóm tắt), “*minh*” là minh bạch, “*xác*” (確) là chân thật, [giản yếu là] đơn giản, tóm tắt. Quý vị thấy pháp môn này, “*thị cố thử kinh xung vi Tịnh Tông đệ nhất kinh*”, lưu truyền tới khi Phật pháp trên thế gian này diệt sạch, tới cuối cùng, hãy còn bộ kinh này tồn tại trên thế gian một trăm năm, từ chỗ này, chúng ta có thể suy ra sự thù thắng của bộ kinh điển này. “*Nhân kỳ vi trực tiệt trung chi trực tiệt, phương tiện trung chi phương tiện. Tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị*” (do vì pháp này thẳng gọn nhất trong các pháp thẳng gọn, thuận tiện nhất trong các pháp phương tiện, dứt bặt đối đãi một cách viên dung, chẳng thể nghĩ bàn). Đây là lời thật, chẳng giả tí nào! Hết thấy chúng sanh trong lục đạo có thể gặp gỡ [pháp môn này], chắc chắn đắc độ trong một đời này, nhất định vượt thoát lục đạo luân hồi. Không chỉ vượt thoát lục đạo, người ấy còn vượt thoát mười pháp giới, điều này thù thắng chẳng thể tưởng tượng được!

“Nhật Bản Tịnh Tông đại đức thời trọng thử kinh quá ư ngã quốc” (Các bậc đại đức trong Tịnh Tông Nhật Bản đề cao kinh này còn hơn nước ta), đúng vậy! Trong Đại Tạng Kinh Nhật Bản, [các tác phẩm] nghiên cứu và chú giải kinh Vô Lượng Thọ rất phong phú. Nhìn lại Trung Quốc, các vị tổ sư đại đức từ xưa chú giải kinh này rất ít, chỉ có mấy loại. Do nguyên nhân gì? Cư sĩ Bàn Tế Thanh nói rất khéo, do kinh này không có bản tốt nhất! Không ít vị đại đức đã khẳng định câu nói này của ông Bàn Tế! Ông ta nói rất thay, quả thật là vì kinh này chưa có bản tốt nhất. Đọc trọn cả năm bản dịch gốc vào thời cổ là chuyện chẳng dễ dàng cho lắm! Vì khi ấy, kinh sách quá ít, chẳng phải lần loát, mà là chép tay. Ngay cả cư sĩ Vương Long Thư có thân phận như vậy, làm một vị trưởng giả giàu sụ, vẫn chưa thấy trọn năm bản dịch gốc, chỉ thấy bốn loại. Ông ta chưa được thấy bản dịch đời Đường, tức bản Vô Lượng Thọ Như Lai Hội trong kinh Đại Bảo Tích; do vậy, bản hội tập của ông ta chỉ gồm bốn bản dịch gốc, thật đáng tiếc! Bởi

lẽ, trong Vô Lượng Thọ Như Lai Hội của kinh Đại Bảo Tích có rất nhiều phần đặc sắc mà bốn bản kia không có! Nhưng người Nhật Bản hữu tâm, khi tới Trung Quốc du học, đối với những bản kinh sách tốt đẹp đều thu thập toàn bộ đem về. Chính chúng ta đã coi nhẹ chuyện này, chẳng thu thập, bị người Nhật Bản thu thập đem đi. Có nhiều thứ từ Nhật Bản truyền ngược trở về [Trung Quốc], điều này nhờ vào công đức của cư sĩ Dương Nhân Sơn. Vào những năm cuối đời Thanh, cư sĩ Dương Nhân Sơn là tham tán tại Đại Sứ Quán ở Nhật Bản. Ông ta đối với Phật pháp hết sức lưu ý, do vậy, tìm tòi tại Nhật Bản, rất nhiều thứ đã bị thất truyền cả mấy trăm năm tại Trung Quốc, trong mục lục [Đại Tạng Kinh] có ghi, nhưng chẳng thấy sách đâu, tại Nhật Bản thì thấy. Do vậy, ông ta bèn dựa theo mục lục để tìm tại Nhật Bản, tìm tòi rất nhiều, tìm được chẳng ít, đem trở về Trung Hoa; đặc biệt là những chú sớ của kinh luận Pháp Tướng Duy Thức.

Tiếp đó, những phần được trích dẫn đều là chú giải của người Nhật Bản. “*Nhật Hắc Cốc Đại Kinh Thích văn*” (Bộ Đại Kinh Thích của sư Hắc Cốc 74[2] người Nhật), “*Đại Kinh Thích*” là tác phẩm giải thích kinh Vô Lượng Thọ, trong đó có một đoạn như sau: “*U vãng sanh giáo, hữ căn bản, diệc hữu chi mạt*” (đối với giáo pháp vãng sanh, có pháp là căn bản, mà cũng có pháp cành nhánh), vãng sanh là niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người Trung Quốc gọi “*vãng sanh giáo*” là Tịnh Độ Tông. Sư nói [vãng sanh giáo] có căn bản mà cũng có cành nhánh. “*Thư kinh danh căn bản, dư kinh danh chi mạt*” (kinh này là căn bản, những kinh khác là cành

74[2] - “*Hắc Cốc Thượng Nhân chính là tôn xưng của ngài Pháp Nhiên, sáng tổ Tịnh Độ Tông (Jōdo Shū) Nhật Bản. Ngài Pháp Nhiên (Honen, 1133-1212) sinh ở huyện Mỹ Tác Quốc (Mimasaka), pháp húy Nguyên Không (Genkū). Sư còn được gọi là Cát Thủy Thượng Nhân hoặc Viên Quang đại sư. Sau khi thân phụ mất, năm chín tuổi, Sư xuất gia theo tông Thiên Đài (Tendai, tức Thiên Thai Tông Nhật Bản), sau đó, tu tại tổng bản sơn Tỷ Duệ (Hiei). Đến năm 24 tuổi, vẫn chưa cảm thấy thỏa mãn với giáo nghĩa Thiên Đài, Sư rời Tỷ Duệ đến tham học tại Đông Đại Tự và Hưng Phước Tự, nhưng vẫn chưa cảm thấy đã tìm được con đường giải thoát đúng đắn cho bản thân. Trở về Tỷ Duệ, vui mình trong Tàng Kinh Các, cuối cùng Sư đã đọc Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ của ngài Thiện Đạo, giải ngộ, chân thành đề xướng trì danh niệm Phật. Rời Tỷ Duệ, hòa mình vào tầng lớp bình dân, Sư giảng dạy giáo nghĩa Tịnh Độ, thu hút các tín đồ, kể cả các quan to trong triều. Điều này gây nên sự đố kỵ và lo ngại của giới tầng lớp thuộc tông Thiên Đài vì sợ mất ảnh hưởng quyền lực đối với triều đình. Các tăng sĩ như Minh Huệ (Myōe) và Trinh Khánh (Jōkei) đã công khai chỉ trích Pháp Nhiên là tà giáo. Đã thế, những tín đồ, môn đệ của ngài Pháp Nhiên trong nhiệt tình truyền giáo đã hiểu lệch lạc khái niệm Tha Lực nên không tuân thủ giới luật, kịch liệt chỉ trích những tông phái khác bằng luận điệu khiên cưỡng, bôi nhọ, dẫn đến phản ứng mạnh của tông Thiên Đài. Cuối cùng dưới sức ép của các tăng sĩ chùa Hưng Phước, Thiên Hoàng Hậu Điều Vũ (Go-Toba) đã hạ lệnh nghiêm cấm niệm Phật, bắt Pháp Nhiên và các đệ tử đi lưu đày. Mãi đến năm 1211, lệnh cấm mới được bãi bỏ và Pháp Nhiên được trở về Kinh Đô (Kyoto), nhưng Sư tịch vào năm sau. Một đệ tử của Sư là Thân Loan (Shinran) đã thành lập một tông phái Tịnh Độ mới là Tịnh Độ Chân Tông (Jōdo Shinshū).”*

nhánh), kinh chuyên giảng Tịnh Độ gồm ba bộ, kinh Vô Lượng Thọ là căn bản, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật và kinh A Di Đà là cành nhánh. Trong khi đức Phật giảng kinh, thuyết pháp đã giảng kèm thêm Tịnh Độ, giảng pháp môn niệm Phật cầu sanh Di Đà Tịnh Độ, đại khái có từ hơn một trăm tới gần hai trăm bộ kinh, đương nhiên những kinh ấy là “cành nhánh của cành nhánh”. “*Hựu thử kinh danh chánh vãng sanh giáo, dư danh bàng vãng sanh giáo. Hựu thử kinh danh vãng sanh cụ túc giáo, tha kinh danh vãng sanh bất cụ túc giáo*” (Hơn nữa, kinh này là chánh vãng sanh giáo, những kinh khác là bàng vãng sanh giáo. Lại nữa, kinh này gọi là vãng sanh giáo trọn đủ, những kinh khác gọi là vãng sanh giáo chưa trọn vẹn), đây là cách nói khái luận của người Nhật Bản đối với bộ kinh này. Những người Nhật Bản này đều tới Trung Quốc du học vào thời đại Tùy-Đường, thân cận Trí Giả đại sư, hoặc thân cận Thiện Đạo đại sư, nhiều vị đều là học trò của Thiện Đạo đại sư. Thuở Thiện Đạo đại sư tại thế đã giảng bộ kinh này, các vị ấy đều đích thân nghe giảng nơi pháp tòa của Ngài.

“*Cứ thượng chi nghĩa, Tịnh Độ Tông thí như Diệu Cao phong đầu, nhi bốn kinh chánh như phong đầu chi đánh tiêm. Bốn kinh vị đương lai nhất thiết hàm linh, giai y thử pháp nhi đắc độ thoát*” (theo nghĩa trên đây, Tịnh Độ Tông ví như đỉnh núi Diệu Cao, mà kinh này lại như chóp đỉnh của đỉnh núi. Kinh này sẽ làm cho hết thảy các hữu tình trong tương lai donương theo pháp này bên được độ thoát), nhận định này có cùng một ý nghĩa như tôi đã nói trong phần trước, hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới đều nương vào pháp môn này để độ thoát luân hồi, vượt thoát mười pháp giới. “*Thị tri lợi tế chúng sanh, thử kinh vi tối. Trì danh chi pháp, ám hợp đạo diệu, tối dị hành cố*” (do vậy, kinh này lợi lạc chúng sanh lớn nhất; pháp trì danh thâm hợp đạo mầu, dễ hành nhất). Trong thời đại này, cuộc sống của chúng ta vô cùng gian nan, chướng duyên nghiêm trọng khôn sánh, bản thân chúng ta phải suy nghĩ, trong thời gian ngắn ngủi, tạm bợ của kiếp sống này, chúng ta phải làm như thế nào để nắm chắc sự thành tựu chân thật cho chính mình? Vì sao? Chính mình chẳng thành tựu, sẽ chẳng thể lợi lạc chúng sanh. Các bậc đại thánh đại hiền trong pháp thế gian và Phật pháp, không vị nào chẳng dạy chúng ta: Thành tựu chính mình rồi mới có thể thành tựu người khác. Chính mình chẳng có thành tựu, nếu muốn hoằng pháp lợi sanh, đức Phật thường nói: “*Vô hữu thị xứ*” (chẳng có lấy). Đúng là lòng thì có thừa, nhưng sức chẳng đủ, quý vị chẳng làm được. Nhất định là trước hết phải thành tựu chính mình. Tứ Hoàng Thệ Nguyên là nguyên tắc chỉ đạo tốt nhất, phải phát nguyện lớn: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, phải độ tận hữu tình trong chín pháp giới, đây là phát đại Bồ Đề tâm. Quý vị độ họ bằng cách nào? Quý vị chưa độ chính mình được, sẽ chẳng thể độ người khác. Phải tự độ ra sao? Đầu tiên là đoạn phiền não, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Kiến Tư phiền não vô tận, Trần Sa phiền não vô tận, Vô Minh phiền não vô tận, đoạn bằng cách nào? Ngay trong cuộc sống hằng ngày, học gì? Nguyên tắc chỉ đạo chung là học “*chẳng khởi tâm, chẳng động*”

niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước”, đó là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc. Đối với tế hạnh trong cuộc sống hằng ngày, Đại Thừa nói tám vạn tế hạnh, Tiểu Thừa nói ba ngàn oai nghi, từng ly từng tí trong cuộc sống, đức Phật dạy chúng sanh đừng chấp trước từng điều nhỏ nhất!

Bắt đầu học từ đâu? Trong Phật giáo, Tịnh nghiệp học nhân bắt đầu từ bằng *“tam phước”*; nếu quý vị chưa thể tự độ, sẽ chẳng thể có phước báo. Vì vậy, mở kinh Phật ra, thiện nam tử, thiện nữ nhân, có thiện căn, có phước đức, kinh Di Đà kinh nói: *“Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc”* (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà sanh về cõi ấy). Thiện căn và phước đức học từ Tam Phước, đó là phước đức chân chánh. *“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”*, quý vị thấy phước từ đâu? Từ hiếu dưỡng phụ mẫu. Kẻ chẳng hiếu thảo với cha mẹ sẽ chẳng có phước, niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, kẻ không biết tôn sư trọng đạo cũng chẳng thể vãng sanh! Thân mạng của quý vị do cha mẹ mà có, huệ mạng của quý vị do thầy mà có. Quý vị thấy hai câu này được đức Phật xếp trước hết. *“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp”*. Vì vậy, có những đồng học hỏi tôi: “Thư pháp sư, vì sao thầy phải đề xướng Cảm Ứng Thiên? Vì sao đề xướng Đệ Tử Quy? Những thứ ấy không phải của Phật giáo!” Tôi bảo họ: “Những thứ ấy đều là của Phật giáo” [Họ cãi]: “Trong Phật giáo không có nói!” Ai bảo không có nói? Điều thứ nhất trong Tịnh nghiệp tam phước là *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”*, quý vị coi thử Đệ Tử Quy có giảng [những điều ấy] hay không? Có! Làm thế nào để thực hiện hai câu ấy? Thực hiện Đệ Tử Quy, quý vị sẽ thực hiện được [hai câu ấy]. *“Từ tâm chẳng giết”*, quý vị thi hành Cảm Ứng Thiên liền làm được câu này. Ba câu trên đây là cơ sở, tiếp theo là *“tu Thập Thiện nghiệp”* mới có thể làm được. Vì sao chưa làm được Thập Thiện nghiệp? Do chưa làm được ba câu trên. Ba câu trước đó chính là Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên, chưa làm được! Vì vậy, quý vị chớ làm được Thập Thiện nghiệp, [như vậy thì đề xướng Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên] còn sai nữa hay không? Tôi thấy chẳng sai! Đó, thật sự học Phật, nay chúng ta phải nương theo lời giáo huấn của Ấn Quang đại sư; Ấn Quang đại sư dạy chúng ta phải vun bồi vững vàng cõi rể bằng Cảm Ứng Thiên. Căn bản thứ nhất là Cảm Ứng Thiên, giáo dục nhân quả, quý vị thật sự liễu giải đạo lý nhân quả, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ không chỉ chẳng dám làm ác, mà ngay cả ác niệm cũng chẳng dám dấy lên. Vì sao? Động một niệm bất thiện, ba thứ “trọn khắp” đều có, trọn khắp pháp giới, aimà không biết? Khấp phụ không, trọn pháp giới, tất cả hết thầy Phật, Bồ Tát, A La Hán thầy đều biết. Chẳng thể gạt ai! [Có muốn] gạt ai cũng chẳng được! Một niệm của quý vị trọn khắp pháp giới, một niệm xuất sanh vô tận. Xuất sanh vô tận là gì? Thiện niệm sanh ra thiện công đức, ác niệm sanh ra những điều ác độc, có báo ứng. Không dám động niệm thì còn dám làm nữa r? So với luân lý, đạo đức, so với bất cứ loại giáo dục nào, cũng đều hữu dụng hơn! Có rất nhiều kẻ học hành rất giỏi, nhưng bất hiếu với cha mẹ, phản thầy, nghịch đạo, họ dám làm, do nguyên nhân gì vậy? Cổ nhân bảo là *“lợi dụng huân tâm”*

(mờ mắt vì lợi lộc, dục vọng). Họ bịđánh lợi trước mắt mê hoặc, biết rõ, nhưng vẫn cố phạm. Biết sai lầm, mà vẫn muốn làm; nhưng nếu kếu hiền nhân quả, sẽ chẳng dám làm, vì sao? Những gì quý vị đạđược trong hiện tiền làm một chút danh lợi bé tẹo, trong tương lai phải trả giá quá to, [biết như vậy] liền chẳng dám làm nữa!

Nói tới chôn này, hai hôm nay, có đồng học đưa cho tôi xem một quyển sách, “*Khải Tát quân đoàn Đông chinh chi mê*” (biên về đoàn quân chinh phục phương Đông của Caesar). Hai ngàn năm trước, đạđế Khải Tát (Caesar) của đế quốc La Mã nghe nói Trung Quốc rất giàu có, muốn chiếm lãnh Trung Quốc, phái muời vạn đại quân, thật sự tiến đến vùng Cam Túc của Trung Quốc, toàn quân thảm bại. Thống soái cầm đầu đoàn quân này là con trai thứ ba của Khải Tát, tứ tam vương tử. Gần đây, chuyện này do một quý hôn dựa vào một bé gái nói ra, có nhiều người tới đó điều tra, thấy là chuyện thật, chẳng giả, lời quý nói là chuyện có chứng cứ. Đã hai ngàn năm rồi, bộn họ cũng rất may mắn, gặp đượ Bò Tát, nhà Phật đúng là từ bi, Bò Tát bảo họ: “Nơi này của Trung Quốc, chẳng phải của quý vị. Quý vị đến đây làm gì?” Họ thưa: “Chúng con không biết”. Tôi đọc tới câu nói này của Bò Tát, liền lập tức nghĩ tới người Nhật Bản xâm lược Trung Quốc, chiến tranh tám năm, cuối cùng đầu hàng, đó là như Bò Tát đã nói: “Trung Quốc chẳng phải của quý vị, quý vị không có phước báo này, quý vị tới làm gì?” Quý vị thấy đó: Làm đế vương, quý vị có phước báo lớn cỡ nào, có lãnh thổ to cỡ nào, có bao nhiêu nhân dân, trong mạng đã định sẵn! Không có phước phần này, quý vị muốn xâm lược người khác, nếu thắng trận, thật sự thôn tính đượ, nói chung, quý vị cũng chẳng thể chết tốt lành, thiếp phước báo mà! Đúng là Khải Tát chẳng chết an lành, ông ta chết tại Trung Quốc. Lịch sử chép ông ta bị người khác mưu sát, nhưng kết quả là mưu sát kẻ thể thân, chẳng phải nhà vua, mà là một viên quan hầu cận rất trung thành. Người bị giết mặc y phục nhà vua ở bên ngoài, nên người ta tưởng nhà vua bị giết chết. Trong cơn hỗn loạn, vua đào tẩu, cũng trốn tới Trung Quốc, chết ở Cam Túc. Có gì phải vậy? Đúng là “*Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định*” (miếng ăn, hớp uống, không gì chẳng đượ định sẵn), chớ nên cưỡng cầu. Cưỡng cầu, cướp đoạt lấy, hay lén trộm lấy, đều là do trong mạng quý vị sẵn có, quý vị [phải phí uổng tâm cơ làm chuyện đó] có oan uổng hay chẳng? Quý vị không cần đoạt, chẳng cần phải giở trò trộm cắp, lâu đạđược hơn một chút thì bắt quá một hai năm sẽ có, có gì phải nóng lòng? Tào tội nghiệp này, thật đáng sợ! Sau khi xem xong tác phẩm này, [tôi nghĩ] nếu một kẻ lãnh đạo đất nước sau khi đọc xong sẽ chẳng dám phát động chiến tranh. Đó chẳng phải là chuyện tốt, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp.

Vì vậy, tổ Ân Quang suốt đời đề xướng nhân quả, có thể nêu ra rất nhiều ví dụ, những tác phẩm đượ Ngài nêu lên đều của Đạo Gia, như Ngọc Lịch Bảo Sao chẳng hạn, Ân Quang đại sư đề xướng lưu thông cuốn sách này. Ngài dạy người học Phật phải đọc Cảm Ứng Thiên, Ngài có lý. Đó là sự thật, tuyệt đối chẳng phải làm mê tín, chẳng phải Ngài dùng các tác

phẩm đó để hù dọa con người! Thiên có thiện quả, ác có ác báo. Hiện tại, tạo tác cái nhân ác nghiệp, trong đời quá khứ, quý vị tích lũy đại phước, tu đại thiện, do quý vị làm ác nên phước báo đã có trong mạng bị suy giảm với một mức độ lớn, còn một chút phước thừa. Hưởng hết phước thừa, nghiệp báo của quý vị sẽ hiện tiền; chẳng chống đỡ được! Cho đến lúc ấy, hối hận chẳng kịp! Vì vậy, con người quyết định chớ nên làm chuyện thiếu lương tâm. Trong lúc quá nhiều tai nạn hiện thời, hãy ghi nhớ: Hiếu thuận cha mẹ là phước báo bậc nhất. Chỗ nào có lỗi với cha mẹ, phải thật sự sám hối, phải tôn trọng đạo, phải yêu quý sanh mạng [muôn loài], trọn chớ nên sát sanh. Một con muỗi, một con ruồi cũng là một sanh mạng, đừng xem nhẹ! Quý vị giết hại nó, trong tương lai nó sẽ báo thù, phiền phức ấy rất to!

Độc chính mình phải được thực hiện từ bộ kinh này. Tịnh nghiệp tam phước là nguyên tắc chỉ đạo tối cao, chúng ta nhất định phải thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, đầy đủ những điều kiện này mới có thể học Phật. Phước thứ hai là *“tho trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*, quý vị chính thức trở thành đệ tử Phật môn. Lại nâng cao hơn nữa là *“phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả”*. Tôi đã giảng về *“tin sâu nhân quả”* rất nhiều, chẳng phải là nhân quả thông thường, mà nhân quả ấy chính là *“niệm Phật là nhân, thành Phật là quả”*. Nếu chúng ta muốn thành Phật thì phải niệm Phật, niệm Phật nhất định thành Phật. *“Đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả”*, chúng tôi dùng tám chữ để giải thích câu *“khuyến tấn hành giả”*: *“Thân hành, ngôn giáo”*, giúp đỡ người khác, giáo hóa người khác, trước hết, chính mình phải làm được rồi mới dùng lời lẽ để dạy người khác; *“giảng kinh, giáo học”*, tám chữ ấy! Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng kinh, dạy học; nhìn lại những vị tổ sư đại đức từ xưa, chẳng vị nào không phải là suốt đời đều giảng kinh, dạy học! Ngẫu Ích đại sư vãng sanh lúc Ngài năm mươi mấy tuổi, quý vị thấy Ngài sáng tác mấy chục tác phẩm, trước tác vô cùng phong phú, mỗi ngày đều viết lách. Vì sao phải khổ sở viết lách như thế? Chẳng tìm được truyền nhân, bèn dùng phương pháp này để truyền pháp cho đời sau. Người hữu duyên đời sau đọc đến, sẽ nương theo phương pháp và lý luận do Ngài đã nói để học tập, thành tựu, truyền lại cho người đời sau. Trong nhiều sáng tác ngàn ấy, thù thắng nhất, được Ấn Quang đại sư tán thán nhất là bộ Di Đà Kinh Yếu Giải. Từ lời bạt, chúng ta thấy: Thuở ấy, Ngẫu Ích đại sư viết bộ Yếu Giải nhằm giải thích đơn giản [kinh Di Đà], viết xong trong thời gian chín ngày. Phân lượng không nhiều lắm, đúng là Yếu Giải, giải thích quá hay! Tổ Ấn Quang đã tán thán: *“Dù cổ Phật tái lai viết một bản chú giải kinh Di Đà khác, cũng chẳng thể hay hơn được”*. Quý vị thấy Ấn Quang đại sư tán thán tới tột bậc. Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, trong phần trước tôi đã thưa cùng quý vị, năm mươi một địa vị đều là Đại Thế Chí Bồ Tát, Ngài thuộc địa vị nào chúng ta không biết, Ngài có phải là Pháp Thân đại sĩ hay chẳng? Nếu là Pháp Thân đại sĩ, sẽ chẳng mê khi cách ăm, chính Ngài hiểu rành rẽ. Nếu là Đại Thế Chí Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín sẽ mê khi cách ăm. Ngài tu pháp môn Thế Chí Bồ Tát này, khi vãng sanh thế giới Cực Lạc, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang

Nghiêm là chuyện rất có khả năng! Ngài sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư là điều chắc chắn, từ địa vị Sơ Tín sang Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thuộc cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cõi Phương Tiện Hữu Dư cũng có ba bậc chín phẩm.

Chúng ta hiểu rõ những đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, sẽ chẳng mê hoặc tí nào! Vì vậy, phải tự độ thì mới có thể giúp đỡ người khác. Chính mình chẳng làm được, giảng cho kẻ khác nghe, người ta đâu có tin, chẳng có năng lực nhiếp thọ chúng sanh! Do vậy, chính mình nhất định phải làm được, phải quên đi bản thân. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín đã đoạn Thân Kiến, chẳng chấp trước thân này là ta, thân là cái ta có, bèn tự nhiên toàn tâm toàn lực phục vụ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Lục đạo toàn là chúng sanh khổ nạn, phải biết điều này, vì sao? Thiếu trí huệ, khởi Hoặc, tạo nghiệp, thọ báo, khổ chẳng thể nói nổi! Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, cứu vớt tai nạn, dùng gì? Dùng giáo học. Con người tánh vốn lành, quý vị chẳng dạy nên họ mới mê. Mê rồi mới tạo nghiệp. Tạo nghiệp bất thiện, chịu khổ báo trong tam đồ. Họ đã giác ngộ, sẽ trợn mắt tạo ác nghiệp. Vì vậy, khổ và lạc thuộc về quả báo, quả ắt có nhân, nhân là giác hay mê. Phật giúp đỡ hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, chẳng đóc sức nơi quả, mà từ nơi nhân. Đức Phật dùng giảng kinh, dạy học, thân hành, ngôn giáo, giúp đỡ chúng sanh phá mê, khai ngộ. Phá mê, bèn thoát khổ; giác ngộ, lạc bèn hiện tiền. Đức Phật dùng phương pháp này, Bồ Tát, tổ sư, đại đức đều dùng phương pháp này, phương pháp này hay lắm, thật sự có hiệu quả. Quá khứ hữu hiệu, hiện tại vẫn hữu hiệu. Trong quá khứ, chúng tôi đã làm thí nghiệm tại Thang Trì thuộc huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, Trung Quốc để coi xem lời dạy của cô thánh tiên hiền có ích gì cho hiện tại hay không, làm thí nghiệm ba năm. Chúng tôi tìm một nhóm giáo viên, khuyến khích, cổ vũ họ làm Bồ Tát, làm thánh nhân, dùng thân hành, ngôn giáo để mở lớp, dạy học. Đối tượng là ai? Đối tượng là bốn vạn tám ngàn cư dân trong tiểu trấn ấy, nam, nữ, già, trẻ các nghề nghiệp cùng nhau học, thật sự hữu dụng! Chúng tôi vốn nghĩ phải mất hai ba năm mới có thể thấy thành quả, không ngờ trong ba bốn tháng, thành quả lớn lao, khiến chúng tôi cảm thấy vô cùng kinh ngạc, nhân dân dễ giáo hóa như thế. Không ai dạy, hề được dạy, sẽ quay đầu, lương tâm tỏ lộ, chúng tôi tỏ tánh con người vốn lành. Hai câu đầu trong Tam Tự Kinh ngàn vạn phần xác đáng: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”. Giáo dục thánh hiền là giáo dục xứng tánh, con người bản tánh vốn lành, hề được kêu gọi bèn tỉnh giác nhanh dường ấy!

Hiện thời, nhiều người nói tới tai nạn, các đồng học học Phật phải biết: Phật pháp có nói tai nạn hay không? Phật pháp có nhắc tới tai nạn, nhưng chẳng nghiêm trọng dường ấy, tận thế là chuyện chẳng thể xảy ra! Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn haingàn năm. Chiếu theo cách nói cổ xưa của Trung Quốc thì kể từ khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ tới nay đại khái hơn ba mươi năm. Quý vị thấy [pháp vận là] một vạn hai ngàn năm, phía sau còn có chín ngàn năm nữa, thời gian rất dài. Do vậy, “tận thế”

là đồng người ngoại quốc nói, người Trung Quốc chẳng nói, mà càng chẳng phải do Phật pháp nói. Thanh bình, loạn lạc, tai họa, đồng nguyên nhân nào gây ra? Tại Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền đã nói rất nhiều, nói rất khéo, có thật, chẳng giả, đó là gì? Đó là cảm ứng! Con người có thiện tâm, thiện hạnh, cảnh duyên sẽ là thiện cảm. Cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau), cũng có thể nói là hoàn cảnh nhân sự và vật chất chẳng có gì bất thiện. Nếu con người dùng cách để cảm, hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự sẽ cảm ứng tác động! [Cổ nhân] nêu ra nguyên lý này! Chúng ta muốn cứu văn xã hội, cứu văn địa cầu, phải nên làm như thế nào? Đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện. Dùng phương pháp gì? Phương pháp chúng ta dùng hiện thời là giảng kinh, dạy học. Chúng ta dùng Internet, dùng TV để khuếch đại hiệu quả dạy học, mong mọi các đồng học chúng ta đối trước Internet hay TV đều phải duy trì. Bản thân chúng ta thật sự phát tâm, tuân theo giáo huấn trong kinh điển để sớt sáng học tập, bắt đầu học từ hiếu thuận cha mẹ, tôn sư, trọng đạo, phát tâm từ bi, yêu quý hết thấy sanh mạng, chẳng sát sanh. Tốt nhất là có thể phát tâm ăn chay, ăn chay có lợi ích lớn nhất đối với sức khỏe.

Tôi hai mươi sáu tuổi học Phật, biết đối với ẩm thực, điều được Phật pháp nhấn mạnh chính là vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm (bảo vệ sanh mạng, bảo vệ tánh đức, bảo vệ chân tâm), tôi bồi phục tới cùng cực. Người thế gian chỉ biết vệ sinh, bảo vệ lẽ sống, nhưng đối với tánh của chính mình thì sơ sót, càng thiếu sót trong việc bảo vệ lòng yêu thương của chính mình. Trước khi tôi học Phật, đi học tại Nam Kinh, tôi ở nhà một bạn học. Gia đình người bạn học này tuy chẳng phải là đại gia đình, nhưng anh ta có đồng anh chị em, có năm hay sáu anh chị em, cha, mẹ, còn có bà nội. Nhưng trong gia đình này có ba tôn giáo, đa nguyên văn hóa: Bà nội niệm Phật, trong nhà có tiểu Phật đường, niệm Phật; cha anh ta theo đạo Hồi, mẹ anh ta theo Cơ Đốc Giáo. Vì vậy, các trẻ nhỏ nói chung đều theo mẹ. Tôi sống trong một gia đình như thế, mới biết đạo Hồi chú trọng vệ sinh trong ẩm thực, lại còn coi trọng vệ tánh. Phàm những động vật nào tánh tình chẳng tốt đẹp, ông ta không ăn, có chọn lựa. Con vật nào tánh tình rất ôn thuận, thiện lương ông ta mới ăn. Phật giáo còn tiến hơn nữa, chọn thức ăn chay, nhằm bồi dưỡng tâm từ bi. Do vậy, tôi cảm thấy phương cách ăn uống này rất viên mãn, học Phật chưa đầy nửa năm tôi bèn chọn cách ăn chay. Thuở ấy, tôi chẳng biết gì về nhân quả, mà vì tin tưởng cách ăn này là vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm, cách này rất viên mãn. Đúng là lành mạnh! Tôi ăn chay tới năm nay là năm mươi chín năm, sang năm vừa đúng một giáp, thân thể ngày càng khỏe mạnh, chẳng yếu hơn ai! Điều này chứng tỏ ăn chay có lợi, ăn chay quả thật là khỏe mạnh trường thọ. Nếu quý vị yêu quý sanh mạng, có sao chẳng ăn chay? Tôi làm chứng cho mọi người ăn chay là tốt lành! Con người phải giữ tâm lòng tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, làm người tốt, tiêu chuẩn của sự tốt lành là Đệ Tử Quy của Nho gia, Cảm Ứng Thiên của Đạo gia, và Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật gia.

Gần đây nhất, tôi cũng nghe đồng học nói, trong ngoài nước quả thật có những người dùng danh nghĩa Tịnh Không để bịa đặt, gây chuyện, làm những chuyện phi pháp, tôi mong các đồng tu phải có tâm cảnh giác. Cả đời tôi, chuyện gì cũng chẳng tham dự, tôi thường bảo mọi người cả đời tôi đều là bị động, trước nay chưa hề tự làm chuyện gì, chưa hề! Toàn là bị động. Người khác tới tìm tôi, tôi cảm thấy chuyện này đối với xã hội, đối với đại chúng có lợi thì tôi cũng vui vẻ tham gia. Chủ động làm chuyện tốt, tôi chưa hề làm, vì sao? Làm chuyện tốt phải có phước báo, tôi không có phước báo! Tôi đã nói với quý vị, tôi suốt đời là một kẻ cô quạnh, mọi người thường sợ chung với tôi đều hiểu rõ chuyện này. Người làm chuyện này nợ phải có phước báo, dưới tay người ấy có rất nhiều nhân viên lo liệu công việc, và cũng có tài lực thì mới có thể làm được việc! Hai thứ này tôi đều thiếu, tiền cũng không có, mà người làm việc cũng thiếu luôn! Trơ trọi một mình giảng kinh, dạy học. Trừ chuyện này ra, bất cứ chuyện gì cũng chẳng liên can đến tôi. Tôi đã nghĩ tới rất nhiều chuyện, chẳng hạn như viện Dưỡng Lão, giáo dục văn hóa truyền thống, thôn Di Đà, tôi nghĩ rất nhiều, nhưng tôi có mong làm hay chẳng? Tôi không mong làm, vì sao không mong làm? Không có người, chẳng có tiền, làm bằng cách nào? Chỉ là nói suông mà thôi! Nhưng tôi nói những chuyện này, nói ra, người nói vô tâm, người nghe hữu ý, có rất nhiều người sau khi nghe xong, thật sự muốn làm. Được! Tôi tán thành, chỉ như vậy mà thôi! Người ta nghĩ sao? Đó là do pháp sư Tịnh Không làm, sai rồi, tôi là người nói vô tâm, người nghe hữu ý. Người nghe thích làm [chuyện đó] đến báo cho tôi biết, còn cầm những bản kế hoạch cho tôi xem. Tôi gật đầu, được, chuyện tốt có lợi ích lớn cho xã hội và quốc gia thì phải nên làm, chẳng phải do tôi làm.

Chuyện ở Thang Trì nói thật ra do các bằng hữu thuộc Liên Hiệp Quốc xếp làm. Thế giới động loạn, quá nhiều vấn đề, làm thế nào để hóa giải xung đột? Làm thế nào để khôi phục xã hội an định, thế giới hòa bình? Chúng tôi báo cáo những giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc trong đại hội Liên Hiệp Quốc, họ nghe xong, rất vui thích, sau đó, tìm tôi nói chuyện thêm: “Pháp sư Tịnh Không, ông nói tuyệt lắm, rất hay, chúng tôi đều ưa thích, nhưng đó là chuyện lý tưởng, chẳng thể làm được!” Chuyện này khiến tôi khó xử, họ chẳng có lòng tin, phải thế nào thì những người ngoại quốc ấy mới có lòng tin? Nhất định phải thực hiện, quý vị làm ra cho người ta thấy, họ sẽ bội phục, chẳng nói ra nói vào nữa! Tôi tiếp tục như vậy, quý vị thấy tôi không có ai, chỉ kiếm được hai người, một là cô giáo Dương Thục Phân, hai là thầy giáo Thái Lễ Húc. Các vị phụ lão, bằng hữu ở quê nhà giúp đỡ, tôi nói được rồi, bọn họ giúp sức, hai người các vị đi làm! Quý vị thấy hai người ấy, chiêu mộ một nhóm giáo viên gồm ba mươi bảy người. Chúng ta có một cộng đồng lý tưởng như thế, yêu cầu các giáo viên học theo thánh hiền, học theo Phật, Bồ Tát, tự mình nêu gương tốt cho người khác thấy. Những giáo viên này rất tuyệt diệu, tôi đánh lễ họ, đúng là khó có, nêu tấm gương tốt nhất, cảm động người noi lấy, trong ba bốn tháng đạt được hiệu quả tốt đẹp dường ấy!

Do vậy, tháng Mười năm 2006, tôi tham gia hội nghị do tổ chức Giáo Dục Văn Hóa Khoa Học Liên Hiệp Quốc (UNESCO) tổ chức, do tổng bộ Ba Lê triệu tập chủ trì, tôi còn được coi là một trong những người tổ chức. Tôi đi thí nghiệm tại Thang Trì báo cáo trước đại hội trong tám tiếng đồng hồ. Bọn họ nghe xong, kinh ngạc, đại diện của một trăm chín mươi hai quốc gia đều muốn tới thăm và khảo sát Thang Trì, thật chẳng dễ dàng, làm thành công! Nay mọi người tin tưởng, những thứ của cổ nhân Trung Quốc vẫn còn hữu hiệu. Vì vậy, ba năm hoạt động của chúng ta ở trong nước cũng tạo ra ảnh hưởng rất lớn. Nay quốc gia chính thức xếp Đệ Tử Quy khóa trình trong nhà trường, chuyện tốt đẹp mà! Nhưng muốn an định xã hội, muốn cứu vớt thế giới này, vẫn phải dốc sức thúc đẩy toàn dân học tập, nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề trên cả nước cùng nhau học. Tôi nghĩ chỉ cần có năm mươi, sáu mươi giáo viên, lợi dụng giờ để dạy? Lợi dụng đài truyền hình quốc gia, lợi dụng mạng Internet, mỗi ngày hai mươi bốn giờ giảng chẳng giảng đoạn. Giảng suốt một năm, xã hội Trung Quốc sẽ an định. Giảng ba năm, thế giới này sẽ thái bình, chuyện gì cũng đều chẳng có. Đó là gì? Người có đại phước báo sẽ làm, tôi chỉ nói, tôi chẳng thể làm. Tôi chẳng có một ai hết. Hiện thời, Thang Trì đã giải tán, Thái Lễ Húc cũng đi rồi, cô Dương cũng đi, hiện thời chỉ có mình tôi trợ trợ. Do vậy, nếu quý vị hỏi tôi có phương pháp gì hay không? Tôi biết đôi chút, có thể đưa ra một chút kiến nghị, quả thật là chẳng năng lực để làm. Hiện thời, tuổi cũng đã cao, chỉ mong giảng kỹ càng kinh Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ một lượt. Sau khi giảng viên mãn hai bộ kinh này, nếu tôi còn có thọ mạng, sẽ giảng kinh Di Đà một lần nữa, giảng cạn kẽ một lượt. Những điều khác không phải là chuyện của tôi. Bồi dưỡng nhân tài hoàng pháp cũng không phải là chuyện của tôi, tôi chẳng có tinh lực này. Nếu tôi năm mươi, sáu mươi tuổi thì còn có thể, [nay đã] tám mươi bốn tuổi rồi, chẳng thể làm chuyện này nữa! Vì vậy, trao cho tôi điều kiện tốt đẹp nào, tôi đều cưng tuyệt, đều chẳng cần đến. Vì vậy, các đồng học cũng chẳng cần phải tặng tiền cho tôi. Tặng tiền cho tôi, đương nhiên tôi thay quý vị làm chuyện tốt, thay quý vị in kinh, thấy những nơi làm công tác giáo dục cần tiền, thực hiện giáo dục truyền thống, tôi sẽ thay quý vị chuyển tiền sang những nơi đó. Bản thân tôi thứ gì cũng chẳng cần nữa. Tôi thừa cùng mọi người, người đã trên tám mươi tuổi, hằng ngày mong vãng sanh, chuyện này là thật, chẳng giả. Tôi thường nói, đều là lời thật. Thọ mạng của tôi tới ngày nào? Cho tới hôm nay, ngày hôm nay sẽ chết, còn có gì không bỏ xuống được? Còn có chuyện gì để có thể làm? Chẳng có chuyện gì hết, chỉ là niệm Phật, cầu A Di Đà Phật để tiếp dẫn. Mỗi ngày đều là ngày cuối cùng của tôi. Vì vậy, điều gì tôi cũng chẳng nghĩ tới, sống rất thoải mái, sống tự tại lắm. Ngoại trừ giảng kinh là đọc kinh, vui thích chuyện này chẳng chán!

Do vậy, kết luận cuối cùng: *“Thị tri lợi tế chúng sanh, thử kinh vi tối. Trì danh chi pháp, ám hợp đạo diệu, tối dị hành cố”* (do vậy, kinh này lợi lạc chúng sanh lớn nhất; pháp trì danh thâm hợp đạo màu, dễ hành nhất). Hoàng lão cư sĩ nói rất hay, quá khó có, chúng ta chẳng thể không bội phục. Đoạn cuối cùng: *“Đại thánh thù từ, đặc lưu thử*

kinh” (đứcđại thánh rử lòng Từ,đặc biệt lưu lại kinh này), “*đại thánh*” làThích Ca Mâu Ni Phật,Pháp vận củaThích Ca Mâu Ni Phậtlà mộtvạn hai ngànnăm,kinhdiệt cuối cùng làkinh này. “*Kinh vân*” (kinh nói),tức là kinh này [có nói], “*độc lưu thử kinh*” (riêng lưu lại kinh này).Trong phẩm bốn mươi lăm, có đoạn như sau: “*Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận. Ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bách tuế. Kỳ hữ chúng sanh trị tư kinh giả,tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ*” (trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết. Ta do lòngtừ bi thương xót, riêng lưu lại kinh này tồn tại trong thế gian một trăm năm. Nếu có chúng sanh gặpđược kinh này, tùy lòng mong muốnđềuđượcđộ thoát). “*Đương lai*” là tương lai, một trăm nămcuối cùng trong thời MạtPháp, kinh Phậtoàn toàn diệt sạch trong thế gian này.Vì sao bị diệt? Thừa quý vị,chúng sanh thiếu phước, lắm kẻ tạo ác, chẳng cóngườituphước. Nếucòn cóngườituphước, kinh đạo vẫn còn thấy trên thế gian. Vì sao đờiđời kiếp kiếp con nguờitạo ác? Chúng ta hãy nhìn lướitqua lịch sử,ngườithời nay tạo ác quả thật nhiều hơn cổ nhân. Lứa tuổi chúng tôidãđích thân thấyđiều này,Trung Quốc nóiba mươi năm là một thế hệ, tôi gần nhưđã thấy ba thế hệ. Ba thế hệấy như thế nào?Thế hệ sau chẳng bằng thế hệ trước! Từ nay về sau, nếuquý vị chúý một chút, lắng lòng suy nghĩ, vàoba mươi năm sau xã hội này có tình hình ra sao? Quý vị có dám nghĩ tớihay chẳng?Quý vị thấy gì?Quý vị thấy những kẻ trẻ tuổi hiện thời, từ mười lăm tuổitới hai mươi tuổi, chúng nó nghĩ gì, nói những gì, làm những gì? Vì sao trở thành tình trạng như thế?Chúng ta đã bỏ sót giáo dục củacổ thánh tiên hiền, nhữngđứa trẻấy hiện thờiđược giáo dục bởi những gì? TV, Internet!

Tôiở ngoại quốc lâu ngày, các trường học tại ngoại quốc, học trò lớp Mộtđã sử dụng computer, nối vào Internet. Trên Internet có rất nhiều thứ, [chúng nó] xem vui sướng chẳng biết mệt. Khi ngủ cũngđể[laptop]trong mềđể xem, cha mẹ còn rấtđắcý, con ta rất siêng năng! Chúng nó coi gì vậy? Coi bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối. Chúng nótiếp nhận những thứấy. Do đó, chẳng biếthiếu dưỡng phụ mẫu, chẳng biết yêu thương anh em. Hai mươi năm sau, chúng nó là thành phần trung kiên trong xã hội. Nếu bọn chúng làm lãnh tụ trênchánh trường, còn có thể làm nhữnggì?Càng nghĩ càngđáng sợ. Ngườithời trong thế hệ này còn có thể khống chế bản thân, chẳngphát động chiến tranh hạch nhân, có dám nói thế hệ kế tiếp [sẽ chẳng phát động] hay không? Chẳng dám nói! Sợ rằnghiện thời, nhữngđứa trẻ chơi game điện tử, chơi trò giếtngườidã thành thói quen, đến lúc đó, nếu nó làm Tổng Thống,tóikhi nắm quyền, sẽ có thể lấy vũ khí hạch nhân ra chơi. [Chúng nó nghĩ]đâu phải là chiến tranh giếtngườidã,đó là trò chơi; nhưngtrò chơiấy sẽ khiếnthế giới bịhủy diệt. Hủy diệt thế giới cũng là trò chơi, làm thế nàobây giờ? Tôi cũng gặp một số vị lãnhđạo quốcgia, tôi kiến nghị với bọn họ hãyhủy sạchvũ khí hạch nhân, tiêu hủy vũ khíhóa học; trong tương lai, bọn chúng sẽ tưởng là trò chơi, chẳngđến nỗi có những món vũ khí mang tính hủy diệtnhư vậy.Điều này có lợi cho xã hội và thế giới, chẳng cần phải duy trì [những món vũ khíấy]. Néuthế giới thật sự hiểu nhân quả báo ứng,

chúng ta biết vũ lực chưa thể giải quyết vấn đề, chỉ có dùng phương pháp hòa bình thật sự mới hòng giải quyết vấn đề, dùng vũ lực giải quyết vấn đề sẽ tạo thành vô lượng vô biên tội nghiệp. Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Phần 8 hết

Tập 17

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Xin xem Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang mười sáu, dòng thứ tư đếm từ dưới lên.

“*Đại thánh thù từ, đặc lưu thử kinh*” (Đức đại thánh rừ lòng Từ, đặc biệt lưu lại kinh này). “*Kinh vân: Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bách tuế, kỳ hữu chúng sanh trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ*” (Kinh dạy: “Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta do lòng từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm, có các chúng sanh gặp được kinh này, tùy theo sở nguyện đều được độ”). Chúng ta xem đoạn này. “*Kinh vân*”: Phẩm bốn mươi lăm, tức phẩm Độc Lưu Thử Kinh (riêng lưu lại kinh này) trong kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn nói như vậy. “*Đương lai chi thế*” là nói về tương lai, trong thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài thuyết pháp đã nói tới tương lai, thời gian tương lai ấy rất xa. Sáng nay, tôi đã nhận lời mời tham dự chuyên mục phỏng vấn của đài truyền hình Phụng Hoàng, đề tài cho lần phỏng vấn này là [thảo luận về vấn đề] tai nạn. Có thể thấy là hiện thời, trong ngoài nước vấn đề này đều được phổ biến coi trọng. Trước đây, chúng tôi ở ngoài quốc rất ít bàn tới vấn đề này. Năm nay, tôi tham dự cuộc phỏng vấn năm tôn giáo tại Úc, bàn tới vấn đề này, họ hỏi chúng tôi: “Phật giáo có cách nhìn như thế nào đối với vấn đề này? Dùng phương pháp gì để đối phó?” Sáng nay, cuộc phỏng vấn của đài [truyền hình] Phụng Hoàng cũng nhằm bàn thảo chủ đề này. Người ngoại quốc nói tới Tận Thế, người Trung Quốc không nói. Quả thật mấy ngàn năm qua, Trung Quốc là đời thái bình hưng thịnh, là đất nước bình trị trên toàn cầu, được mọi người hết sức tôn trọng, kính phục. Trong Phật pháp càng chẳng có tận thế. Đức Phật nói: “*Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận*” (Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết), tức là trong pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, đến cuối cùng kinh điển nhà Phật cũng bị tiêu mất trên thế gian này. Lúc nào vậy? Kinh dạy chúng ta, Chánh Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật là một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp là một vạn năm; vì thế, pháp vận là một vạn hai ngàn năm. Nói theo cách bây giờ, sự giáo hóa của đức Thế Tôn có sức ảnh hưởng trong một thời gian dài như thế. Về không gian, nhục nhãn của chúng ta có thể thấy toàn bộ địa cầu, nhưng nhục nhãn chúng ta chẳng thấy được [sức giáo hóa của đức Phật trọn khắp] những chiều không gian khác biệt, [những chiều không gian ấy] thường được gọi

là “*muời pháp giới*”. Vì thế, [pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật] tồn tại trong thời gian dài như thế.

Trong chín ngàn năm của thời Mạt Pháp, Mạt Pháp đã trôi qua một ngàn năm rồi; trong chín ngàn năm ấy, pháp vận của Phật có lúc hưng, lúc suy. Trên thực tế, hưng hay suy không phải do Phật, mà cũng chẳng phải do Pháp, mà do con người có tin tưởng giáo huấn của Phật Đà hay không? Có chịu thật sự tu tập hay không? Nếu chúng ta tin sâu, chẳng nghi ngờ, sốt sắng y giáo phụng hành, [pháp vận] sẽ là thời Chánh Pháp, quý vị chắc chắn có thành tựu trong một đời này. Trong Tịnh Tông, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chứng quả, là thành tựu, lại còn là thành tựu viên mãn. Kinh này đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, đây chính Chánh Pháp. Kinh giáo diệt tận, nói thật ra, một bộ kinh này đại diện trọn vẹn hết thảy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, vì sao? Hết thảy các pháp đến cuối cùng đều quy vào Tịnh Độ, vậy thì Tịnh Độ há chẳng phải là hết thảy các pháp ư? Đức Phật đặc biệt từ bi, đến cuối cùng, lưu lại kinh này một trăm năm. Trong một trăm năm cuối cùng của thời Mạt Pháp, bản nào [sẽ được lưu lại]? Chắc chắn là bản đang dùng hiện tại này! Chắc chắn là kinh và chú giải, tức là bản chú giải kinh này của cụ Hoàng Niệm Tổ, sẽ được lưu lại đến cuối cùng trong thời Mạt Pháp. Sau một trăm năm ấy, kinh này cũng chẳng còn, chẳng tồn tại trên thế gian này nữa, vẫn còn có sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, ai có thể nghe danh hiệu này, cũng có thể tin, niệm, phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì vẫn có thể thành tựu. Đức Như Lai quả thật từ bi vô tận, thương xót chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Sau khi đức Phật diệt độ, sau khi Phật pháp diệt sạch trên thế gian này, chúng ta biết đại nguyện của hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ, được vui, chẳng bỏ chúng sanh. Hiện thời, đức Phật chẳng tại thế, nhằm lúc đức Phật chẳng tại thế, Địa Tạng Vương Bồ Tát thay mặt đức Phật trong thế gian này, thay Phật hóa độ chúng sanh; đây là giai đoạn không có Phật xuất thế, giai đoạn này thời gian rất dài. Di Lặc Hạ Sanh Kinh nói phải chờ suốt năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, vì Phật tiếp theo là Di Lặc Bồ Tát mới đến thị hiện thành Phật trong thế gian này giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, dùng tám tướng thành đạo để thị hiện thành Phật, thế gian này lại có Phật thuyết pháp. Do vậy, chúng ta phải biết: Trong thế gian này, thời gian có Phật xuất thế chẳng dài! Tuy là một vạn hai ngàn năm, chúng ta thoát nhìn [tưởng chừng] rất dài, nhưng trong không gian và thời gian vô tận thì một vạn hai ngàn năm rất ngắn!

Sau khi liễu giải chân tướng sự thật, mới biết được gặp gỡ Phật pháp chẳng dễ dàng; do vậy, đức Phật thường nói: “*Thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Nay chúng ta được làm thân người, lại gặp gỡ Phật pháp, lại được gặp pháp thượng thượng thừa trong Phật pháp, gặp Hoa Nghiêm, gặp Tịnh Độ, hy vọng các đồng học hãy thật sự thức tỉnh, chúng ta quyết định phải thành tựu trong một đời này. Thành tựu khó hay dễ? Nói khó thì chẳng khó, mà nói là dễ thì cũng khá khó. Khó hay dễ hoàn toàn phải hỏi chính mình, chẳng thể hỏi Phật, cũng chẳng thể hỏi Pháp, cũng chẳng thể hỏi ai khác! Quý vị

thật sự tin, thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật sự chịu thật thà niệm Phật thì sẽ chẳng khó, thật sự chẳng khó! Nếu quý vị hoài nghi, nếu còn lưu luyến thế gian này, muốn vãng sanh nhưng lại chẳng rời khỏi thế gian này, sẽ khó lắm! Do vậy, nhất định là nếu hiểu rõ ràng, minh bạch Lý, Sự, nhân quả của Tịnh Độ thì lòng tin của chúng ta sẽ thanh tịnh, chẳng cô phụ đức Thế Tôn thuở tại thế đã giảng kinh, giáo học suốt bốn mươi chín năm, nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích giúp chúng ta đoạn nghi, sanh tín. Chúng ta nghe hiểu rõ ràng, minh bạch duyên khởi của toàn bộ vũ trụ và sanh mạng, chính mình do đâu mà có? Sa Bà là như thế nào? Cực Lạc là như thế nào? Đều hiểu rõ ràng, chúng ta sẽ biết chọn lựa ra sao, biết dụng công như thế nào. Chúng ta giữ lấy thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc chúng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo. Đó là như trong phần sau đã nói: “*Kỳ hữ chúng sanh trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ*” (nếu có chúng sanh gặp gỡ kinh này, tùy theo sở nguyện, đều được độ). Lúc pháp diệt tận mà gặp bộ kinh này, gặp được hồng danh sáu chữ này, sẽ đều có thể đắc độ, hà huống hiện tại! Hiện thời, hãy còn chín ngàn năm nữa kinh đạo mới diệt tận. Do vậy, chúng ta phải có tín tâm, đừng bị những lời đồn đại bên ngoài lay động, hễ tâm chúng ta định thì định sanh trí huệ, sẽ biết ứng phó với những tai nạn trước mắt như thế nào. Có tín tâm, có quyết tâm, chúng ta sẽ có thể bình an vượt qua.

Lại xem đoạn kinh văn tiếp theo: “*Hựu Pháp Diệt Tận Kinh*” (Lại nữa, kinh Pháp Diệt Tận), trong bộ kinh này, đức Phật giảng trạng huống diệt tận của Phật pháp trên thế gian này trong tương lai sau khi pháp vận của đức Phật kết thúc, “*diệt cụ Vô Lượng Thọ kinh tối hậu nhập diệt chi tình cảnh*” (cũng nói chi tiết tình cảnh kinh Vô Lượng Thọ sẽ diệt cuối cùng), kinh ấy nói Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh bị diệt cuối cùng. Nay chúng ta gặp được bộ kinh này quá đáng quý! Chúng ta phải quý trọng, phải nghiêm túc học tập. “*Thử chánh hiển bốn kinh hưng khởi chi thắng duyên, trì danh pháp môn chi diệu dụng*”: Đây chính là trình bày rõ rệt nhân duyên hưng khởi thù thắng của bộ kinh này và tác dụng mâu nhiệm của trì danh niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Tiếp theo là tỷ dụ: “*Ký như dinh dưỡng phong phú chi mỹ thực, khả tăng kiện giả chi thể lực*” (giống như thức ăn ngon lành dồi dào chất bổ có thể tăng cường thể lực của người khỏe mạnh). Kinh điển này, pháp môn này, giống như thực phẩm ngon lành giàu chất bổ dưỡng nhất, bồi bổ Pháp Thân huệ mạng của chúng ta. “*Phục như thù hiệu thần nghiệm chi linh dược*” [có nghĩa là] lại giống như toa thuốc có hiệu quả đặc thù, hay toa thuốc thần kỳ. “*Năng dĩ bất trị chi trầm kha*” (có thể trị lành căn bệnh trầm kha chẳng trị được). Vài hôm trước, chúng ta thấy đồng tu Lưu Tổ Vân ở Đông Bắc mắc chứng Hồng Ban Tánh Lang Sang (Systemic Lupus Erythematosus), tật bệnh hết sức nghiêm trọng, người mắc bệnh này gần như rất khó sống sót. Bà ta đã chứng minh cho chúng ta thấy: Niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật nghiêm nhiên trị lành căn bệnh này. Lành đến mức độ nào? Ngay cả vết sẹo cũng không có, đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn! Bác sĩ phụ trách điều trị cho bà

ta kinh ngạc, dầu lành bệnh, những vết sẹo ấy vĩnh viễn chẳng mất được, vì sao ngay cả vết sẹo cũng chẳng có? Bác sĩ hỏi bà ta: “Bà lành bệnh bằng cách nào?” Bà ta bảo bác sĩ: “Tôi niệm A Di Đà Phật nên được lành bệnh”. Bác sĩ tin lời bà ta, vì sao tin tưởng? Bà ta suốt đời chưa nói dối, đối với bất luận là ai cũng đều là nói thật, chẳng nói dối; vì thế, bác sĩ tin lời bà ta. Bà ta bảo niệm Phật lành bệnh thì chắc chắn là do niệm Phật mà lành bệnh, tạo lòng tin cho mọi người!

Do vậy, thân mắc cả đồng bệnh tật, xét về hiệu quả của thuốc men, thuốc tốt nhất chỉ có hiệu quả trị liệu ba phần, bảy phần tùy thuộc vào tâm thái (trạng thái tâm lý). Nếu quý vị tâm thái tốt đẹp, bệnh ấy sẽ rất dễ chữa trị. Nếu tâm thái chẳng tốt lành, thường nghĩ đến bệnh tật, sợ hãi, lo âu, bệnh ấy cũng rất khó lành, chẳng dễ gì lành bệnh! Do vậy, Lưu cư sĩ đã cho chúng ta biết: Căn bệnh của bà ta được lành là do bà ta chẳng sợ hãi chút nào! Bác sĩ bảo bà ta: “Bệnh của bà rất nghiêm trọng, có thể chết bất cứ lúc nào, phải chuẩn bị tâm lý”. Bà ta cười bảo bác sĩ: “Chẳng sao hết! Nếu tôi chết, tôi sẽ về thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật đến đón tiếp tôi, Tây Phương Cực Lạc thế giới là quê nhà của tôi. Nếu là Phật vẫn còn giao cho tôi nhiệm vụ gì đó, muốn tôi ở lại thế gian này thì cũng được, tôi vâng lời”. Quý vị thấy: Chẳng có mấy may lo nghĩ hay kinh sợ, tâm thái quá tốt đẹp, dường như chẳng có chuyện ấy, bà ta thật sự lành bệnh tật! Tiếp đó, [sách Chú Giải] nói “có thể chữa lành bệnh chẳng trị được”, bà ta đúng là đã trị lành căn bệnh nặng. “*Quảng liệu chúng bệnh, phổ thí nhiều ích*” (Rộng trị các bệnh, ban lợi lạc trọn khắp). “*Có vân: Đại tai diệu dụng, bất khả tư nghị*” (Vì thế, nói: “Tác dụng mầu nhiệm lớn lao thay, chẳng thể nghĩ bàn”). Hai câu này là lời tán thán nhằm ca ngợi pháp môn này, tán thán hiệu quả của trì danh niệm Phật. Quý vị thấy trong hiện tiền, [pháp môn Niệm Phật] có thể trị bệnh, sau khi lâm chung có thể vãng sanh, pháp môn như thế có thể đến nơi đâu để tìm được? Nay chúng ta gặp được, đã gặp thì nhất định phải biết quý trọng, thật sự tu tập.

“*Chi u mạt thế*” (Còn như trong đời Mạt Pháp), chữ “*mạt thế*” chỉ thời kỳ Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là trong một vạn năm. Thời Mạt Pháp đã trải qua một ngàn năm, chúng ta sống nhằm lúc bắt đầu một ngàn năm thứ hai trong thời Mạt Pháp, sau này còn có một ngàn năm thứ ba, một ngàn năm thứ tư, cho đến một ngàn năm thứ mười. Vì vậy, thời gian vẫn còn rất lâu. “*Chi u mạt thế, trước ác di thâm, chúng căn dữ liệt, nhân thọ thập tuế, cấu trọng chướng thâm, u tư, ác lãng thao thiên, độc diễm biến địa chi tế*” (Còn như trong đời Mạt Pháp, như bản, ác độc sâu khắp, các căn tánh càng kém hèn, con người thọ mười tuổi, cấu nặng, chướng sâu; vào thuở ấy, sóng ác ngập trời, lửa độc trọn khắp cõi đất). Chúng ta đọc mấy câu này, thấy chúng nói về hiện tượng xã hội trong đời Mạt Pháp; tuy chúng ta chưa sống nhằm cuối đời Mạt Pháp của Thích Ca Mâu Ni, nhưng hiện thời đã có đôi chút hiện tượng này, chúng ta chớ nên không cảnh giác. “*Trước*” (濁) là ô nhiễm, trên cả thế giới hiện thời, mọi người đều bàn tới chuyện

“bảo vệ môi trường”; vì sao phải bảo vệ môi trường? Địa cầu bị ô nhiễm, ô nhiễm rất nghiêm trọng! Hoàn cảnh bị ô nhiễm, nhưng càng nghiêm trọng hơn là cái tâm thanh tịnh của chúng ta bị ô nhiễm. Do vậy, người trong thế gian này nói đến chuyện bảo vệ môi trường, có thể thu được hiệu quả hay chẳng? Có người hỏi tôi, tôi nói thật với họ: “Rất khó thu được hiệu quả”. Vì sao? Trong Phật pháp có một câu nói nói rất hay: “*Cảnh chuyển theo tâm*”. Bên ngoài là hoàn cảnh, hoàn cảnh bị ô nhiễm có mối liên quan với lòng người. Trong tâm ô nhiễm nghiêm trọng, nếu chẳng hóa giải chuyện này, chúng ta chỉ chú trọng hoàn cảnh bên ngoài, sẽ chẳng thu được hiệu quả. Do vậy, bảo vệ môi trường thì điều đầu tiên là phải nói đến bảo vệ tâm lý. Tâm chúng ta vốn tốt đẹp, nếu nói theo Đại Thừa Phật pháp, [tâm ta] vốn thanh tịnh, vốn bình đẳng, vốn giác, chứ chẳng mê, nhưng nay chẳng phải vậy! Hiện thời là ô nhiễm, chẳng phải là thanh tịnh, mà là ngạo mạn, kiêu căng, bất bình, [tức là] chẳng hề bình đẳng, ngu si, mê hoặc, cho nên trí huệ và giác ngộ chẳng thể hiện tiền. Đây là tâm lý bị ô nhiễm hết sức nghiêm trọng.

Có nhiều người hỏi tôi, đối với những tai nạn trước mắt này, dùng phương pháp gì để đối phó? Thật ra, đức Phật và tổ tiên đã dạy chúng ta hãy dùng phương pháp gì? Giáo học. Trong thiên Học Ký [của sách Lễ Ký] có câu: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, dạy học làm đầu). Dạy học là dạy gì vậy? Dạy luân lý, khiến cho mọi người hiểu mối quan hệ giữa con người với nhau, hiểu rõ ràng các mối quan hệ, thực hiện trọn vẹn những nghĩa vụ phải nên trọn hết. “Ngũ luân, thập nghĩa, cha con có tình thân, cha từ, con hiếu” là trọn hết nghĩa vụ, đó là điều phải làm! Anh nhường, em kính, vua nhân từ, bầy tôi trung thành, mỗi cá nhân làm tròn nghĩa vụ, hiểu rõ các mối quan hệ, thực hiện nghĩa vụ. Đây chính là sự hài hòa trong vũ trụ: Xã hội là hài hòa, gia đình hòa thuận, thật sự là hạnh phúc mỹ mãn trong đời người, do đâu mà có? Do dạy dỗ mà thành! Quý vị thấy tại Trung Quốc, suốt mấy ngàn năm, có triều đại nào không coi trọng giáo dục. Ở đây, giáo dục chẳng phải là dạy khoa học kỹ thuật, mà là giáo dục cách làm người, cũng là giáo dục nhân tánh. Giáo dục nhân tánh là gì? Vốn là lành! “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành). Giáo dục về cái vốn sẵn tốt lành [trong mỗi cá nhân], đã dạy được như vậy thì chuyện gì, vấn đề gì cũng đều được giải quyết. Sau khi đã dạy dỗ tốt đẹp, ai nấy cũng là người tốt, người tốt chắc chắn chẳng làm chuyện xấu; do vậy, mọi chuyện đều là chuyện tốt. Sau khi làm được điều này, sẽ là như kinh Phật đã dạy: “*Nhật nhật thị hảo nhật, thời thời thị hảo thời*” (ngày nào cũng là ngày tốt, giờ nào cũng là giờ tốt). Vì thế, phương pháp để giải quyết và đối phó là giáo dục. Hôm nay, tại đài truyền hình Phụng Hoàng, họ cũng nêu ra vấn đề này, tôi nói: “Chỉ cần thực hiện tốt giáo dục, vấn đề sẽ được hóa giải. Giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, lại còn phải giáo dục tôn giáo thì xã hội mới được kiện toàn, mới viên mãn”.

Mọi người đều biết trong các tôn giáo, [chỉ nói đến] các tôn giáo cao cấp, có luân lý, đạo đức, nhân quả, khoa học, triết học, chẳng phải là mê tín. Trên thế giới này, nhiều người công nhận sáu tôn giáo lớn; giáo nghĩa của sáu tôn giáo lớn ấy đều có năm khoa mục ấy. Nếu mỗi tôn giáo đều phổ biến, tuyên dương năm khoa mục “luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học” đã được giảng trong kinh điển để giáo hóa tín đồ, xã hội này sẽ hòa thuận, tai nạn sẽ được hóa giải. Chỉ cần chúng ta chịu nỗ lực làm việc này, tôi tin tưởng mỗi tín đồ tôn giáo đều vui lòng, nhất là hiện thời nhìn thấy tai nạn ngay trước mắt, họ sẽ đồng tâm hiệp lực hóa giải tai nạn. Hóa giải từ chỗ nào? Hóa giải ngay trong tâm hạnh của chúng ta. Thật vậy ư? Đúng vậy! Cảnh chuyên theo tâm. Kinh Phật dạy như thế dường như thiếu căn cứ khoa học, chúng ta rất khó tin tưởng. Hết sức khó có là tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm trên nước suốt mười hai năm nhằm chứng minh vật chất, nước là khoáng vật, chẳng phải là động vật, mà cũng chẳng phải là thực vật, chẳng phải là sinh vật, mà là khoáng vật, thí nghiệm mười mấy năm, [quan sát thấy] khoáng vật có thể nghe, nhìn, hiểu được ý nghĩ của con người, nước có năng lực ấy. Trong kinh điển, đức Phật dạy chúng ta: Tất cả hết thảy khoáng vật đều có năng lực ấy, đều có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Khoa học phân chia cái vốn là một ấy thành hai phương diện: Tinh thần và vật chất. Trong pháp Đại Thừa, tinh thần và vật chất đồng nhất, chẳng thể phân cách!

Trong tinh thần có vật chất, trong vật chất có tinh thần. Tất cả vật chất có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩa của con người, nó có tinh thần trong ấy. Trong tinh thần có vật chất, chúng ta chứng minh bằng cách nào? Thật ra, bản thân mỗi cá nhân đều có thể chứng tỏ! Đêm ngủ nằm mộng có phải là hiện tượng tinh thần hay chẳng? Nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, ban đêm nằm mộng là hiện tượng tinh thần. Trong giấc mộng, có vật chất hay không? Trong mộng quý vị có thân thể hay không? Quý vị mộng thấy rất nhiều người, quý vị nói họ có thân thể hay không? Trong mộng có núi, sông, đại địa, trong mộng có hư không, pháp giới? Có! Có hiện tượng vật chất! Trong tinh thần có hiện tượng vật chất. Mọi người đều có kinh nghiệm này, có kinh nghiệm nằm mộng, sau khi tỉnh giấc, thứ gì cũng đều chẳng có. Đó là gì? Kinh Phật dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, nhưng trong lúc nằm mộng, thật sự có hiện tượng, người ấy không biết mình đang nằm mộng, tưởng là thật; chứng tỏ vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng tách rời, là một, chẳng hai. Do vậy, khởi tâm động niệm của con người không chỉ gây ảnh hưởng tới thân thể. Chúng ta có thiện niệm thì sẽ khỏe mạnh, trường thọ, đẹp đẽ, chân thiện mỹ huê. Tư tưởng và hành vi lành mạnh tương ứng với luân lý và đạo đức. Nếu trái nghịch luân lý và đạo đức, hằng ngày nghĩ tưởng tham, sân, si, mạn, gây tạo giết, trộm, dâm, dối, chắc chắn thân thể chẳng khỏe mạnh, tướng mạo chẳng dễ coi, mà cũng ở trong hoàn cảnh lắm tai nhiều nạn, đây là gì? Vật chất bị ảnh hưởng bởi tinh thần. Chúng ta phải dùng thiện niệm để ảnh hưởng nó, đừng nên dùng ác niệm, các tai nạn ấy đều do tâm hạnh bất thiện cảm ứng. Phật, Bồ Tát, các bậc đại thánh đại hiền xưa nay

trong ngoài nước đã dạy bảo chúng ta như vậy, chúng ta nên lý giải, nghiêm túc học tập, sẽ thật sự có thể hóa giải, chẳng giả đâu nhé!

Mạt Pháp chẳng bằng Tượng Pháp, Tượng Pháp chẳng bằng Chánh Pháp. Một ngàn năm thứ nhất sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt là thời Chánh Pháp, nhân tâm thuần hậu, thật thà, vâng lời, thật sự tu tập; do vậy, giới luật thành tựu, chỉ cần nghiêm túc giữ giới luật tốt đẹp, người ấy có thể chứng quả, chứng quả A La Hán rất nhiều. Thời kỳ Tượng Pháp, căn tánh của con người kém hơn thời Chánh Pháp, chỉ trì giới sẽ chẳng thể chứng quả, vì sao? Trì giới chẳng thuần! Bên trong có phiền não, có tập khí, bên ngoài có ngũ dục lục trần dụ dỗ, mê hoặc; chỉ dựa vào một mình trì giới sẽ chẳng thể nhiếp tâm. Vì thế, thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu, tu Định; tu Định là thích hợp! Thời kỳ Mạt Pháp, tu Định cũng không được, vì sao? Phiền não tập khí quá nặng, mà sức dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài quá mạnh, trong ứng, ngoài hợp, cho nên tu Thiền chẳng thể đắc định, học giáo chẳng thể khai ngộ, vì sao? Bội chợp, hời hợt. Đây là hiện tượng trong hiện tại, trước ác trọn khắp, sâu đậm, ngày càng sâu hơn, căn tánh ngày càng kém cỏi. Con người thọ mười tuổi, trong kinh, đức Phật dạy chúng ta ngày nay sanh nhằm giai đoạn được gọi là Giảm Kiếp. Thọ mạng con người lúc dài nhất là tám vạn bốn ngàn năm, lúc ấy tuổi thọ dài nhất. Giảm Kiếp là từ tám vạn bốn ngàn tuổi, cứ mỗi một trăm năm lại giảm một tuổi, giảm đến mười tuổi. Mười tuổi là thấp nhất, chẳng còn giảm nữa. Từ mười tuổi, cứ mỗi một trăm năm lại tăng thêm một tuổi, lại tăng cho đến tám vạn bốn ngàn tuổi. [Thời gian] một tăng một giảm này được gọi là một tiểu kiếp. Chúng ta hiện đang sống trong giai đoạn Giảm Kiếp này. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất thế, tuổi thọ con người là một trăm năm, cứ một trăm năm giảm một tuổi, đến nay đã ba ngàn năm rồi; vì vậy, tuổi thọ bình quân (trung bình) của con người trong hiện tại là bảy mươi năm. Chúng ta thấy người Trung Quốc thường nói: “*Nhân sinh thất thập cổ lai hy*” (người sống đến bảy mươi tuổi xưa nay hiếm), sống trong Giảm Kiếp, bảy mươi tuổi! Cứ một trăm năm giảm một tuổi, giảm đến mười tuổi thì còn có sáu ngàn năm nữa. Tới sáu ngàn năm sau, khi đó là lúc ô nhiễm, nghiệp chướng cực nặng, con người sẽ quay đầu vào lúc ấy, vì sao? Chịu quả báo quá khổ sở. Kẻ đã bị đau khổ tột bậc sẽ quay đầu, tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ sẽ tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền.

“*U tư, ác lãng thao thiên*” (trong khi ấy, sóng ác ngập trời), Ác ở đây là Thập Ác, nhìn vào [tình hình] hiện thời của chúng ta thấy rất tương tự, do vậy, có tai nạn. Ác là nói tới Thập Ác, quý vị nghĩ xem: Ta rất lạnh lòng, quan sát khách quan, sẽ thấy nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp trong xã hội này đang suy tưởng gì? Họ nghĩ tới sát sanh, trộm cắp! Sát sanh là gì? Tổn hại người khác hòng làm lợi cho bản thân, điều này thuộc về sát sanh. Trộm cắp là trong mỗi niệm đều chiếm tiện nghi của người khác. Nói cách khác, khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình, có ý niệm này. Chẳng hề thấy con người khởi tâm động niệm “tổn hại chính mình để tạo lợi ích cho người khác”, [nếu có ý niệm]

như vậy thì mới có thể tiến cao hơn. Khởi tâm động niệm toàn là tôn người lợi mình thì còn làm sao được nữa? Ai nấy đều tôn người lợi mình, lẽ nào chẳng phát sanh xung đột? Do vậy, xung đột ngày càng nhiều! Vô lượng vô biên vô tận xung đột, hóa giải bằng cách nào? Trong quá khứ, tôi đã nhiều lần tham dự hội nghị hòa bình của Liên Hiệp Quốc, chủ đề thảo luận là hóa giải xung đột. Từ trong gia đình, vợ chồng xung đột, cha con xung đột, anh em xung đột, xóm giềng xung đột, cho đến trong xã hội các sắc dân xung đột, quốc gia xung đột, thậm chí xung đột văn hóa, xung đột tôn giáo, quá nhiều mỗi xung đột dẫn đến động loạn, chiến tranh, tai họa tày trời, sóng ác ngập trời. “*Lừa độc*”, độc là gì? Ngũ độc, tức tham, sân, si, mạn, nghi; tham, sân, si, mạn là độc. Nghi là gì? Hoài nghi giáo huấn của thánh hiền. Quý vị thấy Phật, Bồ Tát, cổ thánh tiên hiền cũng xếp điều này (Nghi) vào độc, coi nó là một trong năm thứ độc. Giáo huấn của thánh hiền là những thứ tốt đẹp mà quý vị hoài nghi, chẳng chịu tiếp nhận, không chịu học tập, chẳng thể phụng hành. Nói cách khác, giáo huấn của thánh hiền nhằm cứu vớt, chữa trị quý vị. Quý vị khắp thân bệnh nặng, lại chẳng chịu tiếp nhận trị liệu, chẳng phải là chỉ còn con đường chết hay sao? Xã hội ngày nay khiến cho chúng ta cảm giác “*sóng ác ngập trời, lừa độc khắp đất*”. Vậy thì thế gian sẽ có đại tai nạn hiện tiền, đó là đạo lý tất nhiên.

Nhằm hóa giải tai nạn này, quý vị tin tưởng, chúng ta buông tham, sân, si, mạn, nghi xuống. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta hai câu, vấn đề sẽ được giải quyết: “*Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), vấn đề sẽ bị hóa giải. Chúng ta có chịu làm hay không? Giới là gì? Giới là quy củ. Đệ Tử Quy là giới [của Nho gia], Cảm Ứng Thiên là giới của Đạo Gia, Thập Thiện Nghiệp Đạo là giới [của nhà Phật]; ba căn cội Nho, Thích, Đạo này thuộc về giới, chúng ta có thể tuân thủ, phụng hành. Những thứ ấy là giáo huấn của thánh hiền, chúng ta đừng hoài nghi, hãy nên tin tưởng, giống như Phu Tử đã nói: “*Tín nhi hiếu cổ*” (tin tưởng, chuộng cổ). Cổ thánh tiên hiền truyền lại, chúng ta nghiêm túc nỗ lực phụng hành, sửa trừ thói xấu và tập khí, tự mình sẽ đắc độ. Tự mình đắc độ, sẽ ảnh hưởng cả nhà, người nhà quý vị đều vui vẻ, họ sẽ học theo quý vị, người trong nhà quý vị đắc độ. Người nhà đắc độ, xóm giềng, thân thích, bằng hữu trông thấy sẽ học theo quý vị, toàn bộ đều đắc độ, dần dần ảnh hưởng xã hội. Nếu quốc gia giác ngộ, không chỉ cứu đất nước, mà còn cứu toàn bộ thế giới! Quốc gia đề cao ba món căn bản của Nho, Thích, Đạo, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp cùng nhau học tập, dùng Internet và phương tiện truyền thông để đề xướng rộng rãi. Do vậy, tôi thường nói: Nếu quốc gia thật sự làm theo cách này, trong vòng một năm quốc gia sẽ an định, thái bình. Một quốc gia thu được hiệu quả tốt đẹp ngàn ấy, các quốc gia khác sẽ đến học tập, ba năm, tối đa là năm năm, thế giới này an định, hòa bình, tai nạn gì cũng đều không có! Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Niệm lực của chúng ta không chỉ ảnh hưởng thân tâm của chính mình, mà còn ảnh hưởng hoàn cảnh xung quanh, lại còn có thể ảnh hưởng tới quỹ đạo của các tinh cầu trong vũ trụ. Hễ chánh niệm thì các tinh cầu [vận chuyển] bình thường, sẽ chẳng lệch quỹ đạo. Sức mạnh to dường ấy,

bất luận là Thái Dương hệ, bất luận Ngân Hà hệ, nó có sức mạnh to lớn ngàn ấy. Chúng ta có thể tin tưởng hay chẳng? Tôi tin các đồng học đã học Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên sẽ tin tưởng [chuyện này], vì sao? Nửa phần trước trong bài luận văn ấy của Hiền Thủ quốc sư đã giảng thấu triệt duyên khởi vũ trụ. Vũ trụ hình thành ra sao? Vạn pháp xuất hiện như thế nào? Huệ Năng đại sư khi khai ngộ đã nói: “*Tự tánh có thể sanh ra vạn pháp*”, ta do đâu mà có, đã hiểu rõ ràng, minh bạch toàn bộ, quý vị bèn biết sức mạnh của niệm lực quá to lớn!

Những điều được giảng trong bài văn ấy là thật, chẳng giả. Bài văn ấy giảng về kinh Hoa Nghiêm, giảng giải tinh hoa kinh Hoa Nghiêm. “Vọng” là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, buông hết những thứ ấy xuống, đoạn sạch chúng, quý vị sẽ trở về nguồn (hoàn nguyên). Hoàn nguyên là gì? Nói theo Phật pháp, “*hoàn nguyên*” là thành Phật. Phật là gì? Người Ấn Độ gọi là Phật, người Trung Quốc gọi là “*thánh nhân*”. Chúng ta tán thán Không lão phu tử là Chí Thánh, [gọi Ngài là] Chí Thánh Tiên Sư. Dùng tiếng Hán để tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật thì phải là Chí Thánh Bồn Sư, chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là Bồn Sư, Phật là bậc Chí Thánh. Người Ấn Độ gọi là Phật, chúng ta gọi là Chí Thánh, cùng một ý nghĩa. Phật Thích Ca là vị thầy căn bản của chúng ta, nên chúng ta gọi Ngài là Chí Thánh Bồn Sư, dùng cách nói này của người Hoa sẽ dễ hiểu, rất dễ lãnh hội! Ngài chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên. Thuở tại thế, Ngài khai ngộ lúc ba mươi tuổi; sau khi khai ngộ liền tiến hành dạy học suốt một đời, bảy mươi chín tuổi viên tịch, giảng kinh, giáo học bốn mươi chín năm. Nói theo cách bây giờ, chức nghiệp của Ngài là thầy. Lại còn hết sức khó có, Ngài đã trọn hết nghĩa vụ của một vị thầy, chẳng lấy học phí. Nhiệt tâm dạy học, dạy dỗ chẳng phân biệt, bất luận người nào, quốc gia khác biệt, dân tộc khác biệt, văn hóa khác biệt, tôn giáo, tín ngưỡng khác biệt, chỉ cần quý vị tìm đến Ngài, Phật đều rất hoan hỷ, hết sức sốt sắng dạy quý vị, một vị thầy tốt đẹp dường ấy! Chúng ta được biết Ngài, học tập theo Ngài, quá sức may mắn dường ấy! Thầy hiện thời chẳng tại thế, chẳng sao hết! Tài liệu giảng dạy của Ngài vẫn còn trong thế gian này, tài liệu ấy chính là Đại Tạng Kinh. Những kinh điển trong Đại Tạng Kinh chính là tài liệu dạy học thuở Ngài tại thế, chúng ta có được tài liệu này giống như thân cận lão nhân gia, chẳng khác gì! Nay chúng ta gặp phải hoàn cảnh hiện tượng, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất này, quả thật rất giống hiện tượng lúc pháp diệt, tám chữ “*sóng ác ngập trời, lửa độc khắp đất*” [miêu tả hiện tượng ấy], nhưng đây là tương tự, chẳng phải là thật sự.

Lúc con người thọ mười tuổi là thật, vì sao? Họ nhiễm tập khí quá nặng, Phật, Bồ Tát tới dạy, nhưng họ không quay đầu. Do vậy, cứ dần dần, mỗi trăm năm tăng lên một tuổi, tăng từ từ, thọ mạng càng dài, phước báo to lớn. Đây gọi là “*phước chí tâm linh*”, phước báo to, dần dần trí huệ hiện tiền. Tăng kiếp và giảm kiếp khác nhau, trong lúc giảm kiếp, kẻ phước báo lớn sẽ tạo ác to hơn. Lúc tăng kiếp, kẻ có phước báo lớn sẽ tu thiện càng

lớn hơn, khác nhau ở chỗ này! Chúng ta phải quan sát kỹ càng, chú tâm thấu hiểu, sẽ có thể đạt được. Vì sao chúng ta nói sự mê hoặc trong hiện tại là nhất thời, rất dễ đánh thức họ? Trong quá khứ, chúng tôi đã làm thí nghiệm tại Thang Trì, hoàn toàn dùng Đệ Tử Quy để dạy học, mới ba năm, lòng người đã thật sự quay đầu, giác ngộ, khiến cho chúng tôi biết nhân dân dễ dạy như thế nào! Khiến cho chúng tôi tin tưởng tổ tiên đã nói chẳng sai: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”, đáng tiếc là chẳng ai dạy họ. Hễ được dạy, họ sẽ quay đầu, đây là nói họ “có lương tâm”, có thể phân biệt thiện ác; do không có ai giảng giải nên chịu ảnh hưởng bên ngoài rất lớn. Nếu được dạy dỗ trực tiếp, thường xuyên nhắc nhở họ, họ sẽ quay đầu rất nhanh. Trong [giai đoạn cuối của] thời Mạt Pháp, vấn đề ấy nghiêm trọng hơn so với chúng ta trong hiện tại. “*Thế Tôn thù từ*” (đức Thế Tôn rủa lòng Từ), đây là nói Thích Ca Mâu Ni Phật từ bi đến cùng cực, lưu lại kinh Vô Lượng Thọ; “*đặc lưu thử pháp*”, “*thử pháp*” là kinh Vô Lượng Thọ. Vì trong lúc ấy, chỉ có bộ kinh này, chỉ có phương pháp trì danh này là có thể độ chúng sanh. “*Dĩ tác từ hàng, dĩ giáng cam lộ*” (làm chiếc bè từ, tuôn cam lộ), “*từ hàng*” là tỳ dụ chiếc thuyền trong biển cả khiến cho quý vị có thể vượt biển. “*Cam lộ*” (Amrita) cũng là tỳ dụ, cam lộ là thức uống của chư thiên, chẳng hạn như Đào Lợi Thiên, thức uống tốt nhất trong cõi trời Đào Lợi là cam lộ. Sánh ví bộ kinh như từ hàng, cam lộ. “*Phật ân thâm trọng, phẩn thân nan báo*” (ơn Phật sâu nặng, nát thân khó đền), tri ân thì quý vị mới biết cảm ơn, mới nghĩ đến báo ân. Nếu chẳng biết ân đức này, làm sao quý vị có ý niệm cảm ơn? Càng không thể nghĩ đến báo ân, những điều này hoàn toàn cậy vào giáo học. Chúng ta học tập phần Giáo Khởi Nhân Duyên tới đây.

Tiếp đó, đoạn lớn thứ hai là Bồn Kinh Thê Tánh (Thê tánh của kinh này), Đoạn này có ý nghĩa khá sâu! Thê là gì? Là sở y (cái để giáo nghĩa nương tựa vào, căn bản để lập ra giáo nghĩa). Những lý luận được giảng, phương pháp được sử dụng, cảnh giới sẽ đắc trong kinh điển này dựa trên đạo lý nào? Nếu chẳng hiểu rõ điều này, tín tâm của chúng ta chẳng thể kiến lập; thật sự có đạo lý, chúng ta sẽ tin tưởng! Đức Phật nương vào gì để nói, nương vào gì để chỉ dạy chúng ta? Xin xem kinh văn: “*Nhất thiết Đại Thừa kinh điển giai dĩ Thật Tướng vi kinh chánh thê*” (hết thầy kinh điển Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Chánh Thê của kinh), câu này trước hết nêu ra kinh thê. Quý vị thấy hết thầy kinh điển Đại Thừa, không riêng gì bộ kinh này, đều lấy Thật Tướng [làm Thê]. Thật Tướng là gì? Chân tướng sự thật là Chánh Thê. Nói cách khác, hết thầy kinh Đại Thừa đều là giảng Thật Tướng chân thật của vũ trụ và nhân sinh; sự thật là như thế nào, kinh bèn nói như thế đó, nhất định hoàn toàn tương ứng với sự thật. Chúng ta muốn liễu giải Thật Tướng của vũ trụ và nhân sinh, kinh bèn giảng cho chúng ta điều ấy, chẳng giả! Lúc tôi mới học Phật, theo học triết học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, thầy Phương giới thiệu kinh Phật với tôi, nói như thế nào? Bảo đấy là triết học. Tôi học triết học với thầy, chẳng học tôn giáo, tôi nói: “Kinh Phật là tôn giáo, trong tôn giáo đâu có triết học? Mê tín!” Tuổi trẻ, thiếu trí huệ, người ta nói sao nghe vậy, lầm tưởng Phật giáo là tôn giáo, là

mê tín; do vậy, chưa hề nghĩ muốn tiếp xúc Phật giáo, chưa từng. Lúc thầy giới thiệu, đã hết sức trình trọng nói: *“Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc triết gia vĩ đại nhất thế giới, kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới, học Phật là hưởng thụ cao nhất trong đời người”*. Tôi theo học môn ấy với cụ mới thay đổi toàn bộ quan niệm sai lầm, thầy đặc biệt cảnh tỉnh tôi: *“Triết học của kinh Phật không ở tại chùa chiền”*. Chùa chiền chẳng phải là chuyên môn học Phật ư? Thầy nói: *“Trước đây, đúng là như vậy. Hiện thời chẳng còn nữa. Trước kia, người xuất gia đúng là những vị đại học vấn, có đạo đức, có học vấn. Hiện thời, họ chẳng học, chùa chiền có kinh điển, họ niệm kinh chứ chẳng nghiên cứu, chẳng nương theo giáo huấn trong kinh điển để học tập. Do vậy, anh phải học tập triết học trong kinh Phật, phải khởi sự từ kinh điển”*. Thầy bảo tôi điều này, câu nói ấy vô cùng quan trọng. Nếu chẳng được nhắc nhở bởi câu ấy, tôi đến chùa miếu tìm gặp các vị xuất gia, thỉnh giáo họ. Họ chẳng có cách gì trả lời, tôi sẽ hoài nghi lời thầy Phương có vấn đề, lòng tin vào thầy bị dao động. Khéo sao, thầy nói câu ấy, bảo tôi tìm tòi trong kinh điển, không cần phải đến hỏi bọn họ, hãy trực tiếp tìm từ kinh điển.

Không lâu đó, tôi được biết Chương Gia đại sư. Giống như thầy Phương, Chương Gia đại sư vô cùng yêu thương tôi, rất quan tâm dạy dỗ. Lão nhân gia dạy tôi học Thích Ca Mâu Ni Phật, bảo tôi đọc Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí. Đó là truyện ký về Thích Ca Mâu Ni Phật trong Đại Tạng Kinh do người đời Đường viết. Chúng tôi liễu giải cuộc đời Thích Ca Mâu Ni Phật, đã hiểu rõ đức Phật. Nếu quý vị học Phật mà chẳng biết gì về Thích Ca Mâu Ni Phật, sự học tập của quý vị có vấn đề, rất dễ ngã theo thiên kiến, đi vào lối rẽ, [nói theo kiểu] người hiện thời là đi đường vòng. Quý vị nhận biết Thích Ca Phật rõ ràng, sẽ chẳng đi lòng vòng, lời chỉ đạo này hết sức hay! Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, tôi rất vâng lời, vì tôi không có gia quyến tại Đài Loan. Cha tôi đã mất sớm, mẹ còn có một em trai ở Đại Lục [chăm sóc]. Khi ấy, tin tức chẳng thông, suốt cả ba mươi sáu năm chẳng có tin tức gì, đôi bên chẳng biết tình hình của nhau. Do vậy, tôi là một người chẳng lo âu gì ở Đài Loan, thầy bảo đi xuất gia, được! Chuyên môn công sức nơi Phật pháp. Tôi xuất gia là giảng học, tức là dạy học. Tôi học Phật bảy năm rồi xuất gia, xuất gia xong bèn dạy tại Phật Học Viện, ngoài dạy học ra, nhận lời mời giảng kinh. Giảng suốt năm mươi chín năm chẳng ngừng, mỗi ngày đều giảng. Tôi ở Úc, trong các trường đại học, hiệu trưởng đại học Cách Lý Phi Tư (Griffith) mời tôi dùng cơm, hỏi tôi một câu: *“Thưa pháp sư, thầy giảng kinh (lúc ấy đã giảng kinh bốn mươi ba năm), trong bốn mươi ba năm, có khi nào gặp phải trường hợp người khác hỏi mà thầy chẳng thể trả lời?”* Tôi suy nghĩ một chốc, rồi bảo ông ta: *“Hình như không có!”* Ông ta nói: *“Thầy thật sự là một vị hiệu trưởng giỏi”*. Vì thế, nhà trường tặng tôi học vị Tiến Sĩ, họ chủ động trao tặng học vị Tiến Sĩ cho tôi. Khi đó, tôi đã ngoài bảy mươi. Họ còn phong cho tôi danh vị giáo sư danh dự. Giáo sư danh dự (Honorary Professor) là gì? Đại khái là người ấy dạy học ở trường của họ khá lâu năm, dạy đã bao nhiêu năm, có công hiến đối

với sự nghiệp giáo dục trong nhà trường. Một vị thầy như vậy về hưu sẽ có một danh vị danh dự, Giáo Sư Danh Dự, tức là Giáo Sư Danh Dự của nhà trường. Mỗi khi nhà trường có lễ lạc lớn, chẳng hạn như lễ khai trường, lễ tốt nghiệp, đều mời những vị này tham dự. Như vậy là nhà trường đã tặng tôi danh vị như vậy, tham gia hoạt động của trường, sau này, thật sự là đại biểu của trường tham dự hội nghị Liên Hiệp Quốc.

Thưa quý vị, nếu người ta hỏi quý vị: Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời giảng kinh, rốt cuộc giảng những gì? Giải đáp bằng một câu: “*Giảng về Thật Tướng của vũ trụ và nhân sinh*”. Quý vị nói xem có phải là mê tín hay chẳng? Chẳng mê tín. Câu này rất trọng yếu; nếu không, quý vị học Phật như thế nào? Tôi nhớ có một năm, lúc tôi ăn Tết ở Đài Loan, có một đồng học tới gặp tôi, ông ta là giáo sư đại học, khi gặp tôi cho biết: Ở đại học Phụ Nhân, trong chương trình ngoại khóa, ông ta đã giảng cho sinh viên một bộ Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm. Ông ta kể với tôi [như vậy], tôi bảo: “Tốt lắm! Rất khó có!” Lúc ấy, tại Đài Loan, phong khí học Phật của sinh viên đại học rất thịnh, mỗi trường đều thành lập Phật Học Xã. Tại đại học Phụ Nhân là Đại Thiên Phật Học Xã do các đồng học tổ chức nhằm học tập Phật pháp. Tôi bèn hỏi ông ta một câu: “Tôi hỏi ông một câu, ông hãy cho tôi biết những kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm rốt cuộc là giảng những gì? Ông hãy trả lời tôi bằng một câu thôi!” Ông ta suy nghĩ khoảng năm phút, chẳng có cách nào, bảo tôi: “Tôi nghĩ không ra câu trả lời, nghĩ không ra!” Ông ta hỏi ngược lại tôi, tôi bảo: “Trong kinh Phật có một câu, tức là kinh Bát Nhã giảng chư pháp Thật Tướng, dùng câu này để trả lời có được hay không?” Ông ta suy nghĩ, gật đầu, được! “*Chư pháp Thật Tướng*” là Thật Tướng của hết thảy các pháp. Chúng ta phải biết điều này, đơn giản, dễ hiểu; [cách nói này đã] trình bày đơn giản, dễ hiểu cho người khác biết những điều mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã suốt đời tu tập, học hỏi, dạy dỗ, lưu truyền, kể ấy sẽ chẳng nói [Phật giáo] là mê tín.

Chúng ta xem tiếp, cụ Hoàng đã trích dẫn khá nhiều kinh điển và lời nhận định của các tổ sư đại đức. “*Cổ đức vân*” (cổ đức nói), đây là những vị đại đức từ xưa, các Ngài nói: “*Chư Đại Thừa kinh giai dĩ nhất Thật Tướng vi ấn*” (các kinh Đại Thừa đều lấy một Thật Tướng làm ấn). Người Hoa hết sức coi trọng cái ấn, gọi là “ấn tín”. Nói đến “đóng ấn” thì cái ấn ấy là quyết định! Ấn ấy là gì? Thật Tướng. Nếu những điều được giảng trong kinh điển là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh thì kinh ấy do đức Phật nói. Chẳng [thật sự] do đức Phật nói thì sao? Chẳng do chính đức Phật nói thì cũng giống như do đức Phật nói, vì nói giống hệt như Phật. Do vậy, phải học sự khoan dung rộng lượng ấy của Phật giáo! Phật giáo thừa nhận: Nếu tất cả những gì do người ta đã nói là chân tướng sự thật thì đều gọi là kinh Phật. Quý vị thấy thái độ học vấn ấy, chẳng chia đây kia, Phật thừa nhận, Bồ Tát cũng thừa nhận: Quý vị nói đúng chân tướng sự thật. Tiếp theo đó là giải thích: “*Thật Tướng giả, chân thật chi tướng dã*” (Thật Tướng là tướng chân thật), là chân tướng của vạn vật trong vũ trụ. “*Hựu bình đẳng nhất tướng dã*” (mà cũng là một tướng bình đẳng), câu này sâu lắm. Chúng tôi nói chân tướng của vũ trụ và nhân sinh thì

quý vị dễ hiểu, còn nếu nói là “*bình đẳng nhất tướng*” sẽ khó hiểu, vì sao? Đây đúng là triết học cao cấp, thầy Phương bảo là “tột đỉnh của triết học”. Nói với quý vị: Hết thầy các pháp bình đẳng, hết thầy các pháp có cùng một thể tánh. Trong Phật pháp, thể tánh ấy được gọi bằng danh từ Pháp Tánh, còn gọi là Chân Tánh, hay còn gọi là Tự Tánh. Có đến mười mấy danh từ! Vì sao đối với một chuyện mà đức Phật nói nhiều danh từ thuật ngữ như thế? Nhằm bảo quý vị đừng chấp tướng. Quý vị chớ nên chấp trước, chỉ cần nói tới chuyện này, còn dùng phương pháp gì để nói, dùng danh từ gì để nói đều được, chớ nên chấp tướng. Ngài dạy chúng ta buông chấp trước xuống, mà chúng ta chấp tướng là trật rồi! “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”.

Do vậy, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta thái độ tu học: Khi lên lớp nghe giảng, chúng ta đừng chấp trước tướng ngôn thuyết, người giảng nói sâu, hay nói cạn, nói dài, hay nói ngắn, chẳng sao cả, chỉ cần nói đến chân tướng là được rồi. Chúng ta xem kinh điển đừng chấp trước tướng văn tự, đừng chấp trước tướng danh tự. “Danh tự” là danh từ thuật ngữ. Danh từ thuật ngữ là công cụ để trao đổi ý kiến, không quan trọng, chúng ta có thể thấu ý nghĩa, đó mới là quan trọng. Vì thế, các danh từ thuật ngữ không quan trọng, đừng chấp trước chúng. Hễ chấp trước là trật rồi! Chẳng hạn như [các từ ngữ] “Phật, Bồ Tát, chúng sanh” trong kinh Phật đều là tướng danh tự, quý vị liễu giải ý nghĩa của chúng, chớ nên chấp trước những danh tướng ấy. Điều thứ ba rất trọng yếu, phải lìa tướng tâm duyên, quý vị chớ nên tự mình nghĩ nó có ý nghĩa gì. Hễ quý vị suy tướng là trật rồi! Quý vị chẳng cần suy nghĩ mà trực tiếp hiểu rõ, đây gọi là Ngộ. Nếu quý vị suy nghĩ sẽ là sai, suy tướng nó là gì bèn rơi vào ý thức. Ý thức là phân biệt, chấp trước, quý vị rơi vào đó! Đức Phật dạy hàng Bồ Tát, đó là những học trò đã đăng đường nhập thất^{75[1]}, chẳng phải là học trò thông thường, mà là những học trò có thành tựu rất khá, mà họ cũng chẳng được phép khởi tâm động niệm. Vì vậy, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân chạm, ý biết, lục căn đối đãi cảnh giới lục trần chớ nên khởi tâm, chớ nên động niệm, [nhưng vẫn hiểu biết] rõ ràng, rành mạch, đó là gì? Trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh hiện tiền, đó là chân trí huệ. Khởi tâm động niệm sẽ mê, vì sao khởi tâm động niệm lại mê?

^{75[1]} Đăng đường nhập thất: Thời cổ, đối với kiến trúc trong các dinh thự, phủ đường lớn, các công trình phía trước gọi là đường, phía sau gọi là thất. “Đăng đường nhập thất” có nghĩa là tiến vào sảnh đường, vào tận những gian phòng ở sâu phía trong, tức là người thân thuộc với chủ nhân, hoặc người nhà. Do vậy, dùng hình ảnh này để mô tả những người đã thâm nhập, là học trò đã đạt mức độ thấu hiểu sâu xa đối với một môn học.

Tại Trung Quốc, quý vị đều biết, Huệ Năng đại sư khai ngộ, minh tâm kiến tánh, tánh là Thật Tướng. Tánh là như thế nào? Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, không thể diễn tả được! Không chỉ chẳng diễn tả được, ngay cả suy tưởng cũng chẳng thể suy tưởng, quý vị vừa nghĩ liền rớt vào trong ý thức. Ngài khai ngộ, Ngũ Tổ cũng khai ngộ, người khai ngộ nói chuyện với người khai ngộ, tiện lắm! Lục Tổ đã diễn tả tự tánh bằng năm câu nói, câu đầu tiên là *“hà kỳ tự tánh, bốn tự thanh tịnh”* (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh), *“hà kỳ”* là không ngờ tới. Không ngờ tự tánh vốn thanh tịnh, chưa bao giờ ô nhiễm. Thành Phật là thanh tịnh, nay ở trong nhân gian tánh vẫn thanh tịnh. Dầu tạo tác tội nghiệp đọa vào A Tỳ địa ngục, tánh vẫn thanh tịnh, thật vậy, chẳng giả! Trong kinh Phật thường nói đến các thứ ô nhiễm, quý vị thấy như chúng ta vừa mới đọc: *“Trược ác di thâm, ác lãng thao thiên, độc diễm biến địa”* (Trược ác sâu xa, trọn khắp, sóng ác ngập trời, lửa độc trọn đất), đó là ô nhiễm, ô nhiễm chẳng liên quan gì đến tự tánh, cái gì bị ô nhiễm? A Lại Da ô nhiễm, tự tánh chẳng thể bị ô nhiễm. A Lại Da có sanh diệt, tự tánh chẳng thể có sanh diệt. A Lại Da là gì? A Lại Da là vọng tâm, là giả, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm quyết định chẳng có sanh diệt, quyết định chẳng bị lay động, quyết định chẳng có ô nhiễm. Đây là chân tâm, quý vị thấy nó là con người thật sự của quý vị. Chúng ta dùng chân tâm thì là Phật, dùng vọng tâm thì là phàm phu. Vọng tâm là A Lại Da, A Lại Da là gì? Là tâm ý thức. Quý vị phải nhớ: Tâm là vọng tưởng, ý là chấp trước, thức là phân biệt. Chúng ta dùng những thứ ấy; nên khởi tâm động niệm đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, giả trá, chẳng thật! Do dùng những thứ ấy, nên mới có lục đạo luân hồi. Nếu quý vị chẳng dùng những thứ ấy, lục đạo luân hồi sẽ chẳng có. Không chỉ lục đạo luân hồi chẳng có, ngay cả mười pháp giới cũng không có. Không có những thứ ấy thì là cảnh giới gì? Đó là Nhất Chân pháp giới. Do vậy, mười pháp giới và lục đạo luân hồi đều là mộng, giống như nằm mộng, trong mộng có [những hình tướng] thì là lúc quý vị mê mới có. Khi giác ngộ, tỉnh ngộ, sẽ chẳng còn nữa! Nói cách khác, quý vị dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì có; nếu buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, không dùng chúng thì lục đạo và mười pháp giới chẳng còn nữa, [chúng là] giả tướng. Quý vị đã tỉnh giấc mộng rồi!

Quý vị có thấu hiểu “bình đẳng nhất tướng” hay chẳng? Tôi vừa mới nói điều này, nếu quý vị chưa thể hiểu thì tôi nhắc nhở quý vị một chút, trong mộng bất luận là hưởng lạc hay chịu khổ, sau khi tỉnh giấc có phải là giống nhau hay chẳng? Lạc chẳng có, mà khổ cũng không có, chẳng phải là bình đẳng nhất tướng ư? Chúng chẳng phải là thật! Thiên đường, địa ngục toàn là giả, nhưng quý vị phải hiểu: Quý vị chưa tỉnh sẽ thật sự hứng chịu! Quý vị đang nằm mộng thì thiên đường thật sự vui, trong địa ngục thật sự khổ, dường như chẳng giả chút nào! Sau khi tỉnh mới biết chúng là giả. *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*; *“hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*, quý vị biết những điều ấy là bình đẳng nhất tướng. Nếu quý vị học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, sẽ rất dễ liễu giải bình đẳng nhất tướng. Vọng Tận Hoàn Nguyên là nhất tướng.

Nay chúng ta liễu giải, chưa đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vẫn tiếp tục sử dụng chúng, nhưng chúng ta tin tưởng lời Thích Ca Mâu Ni Phật là chân thật, chẳng giả. Bài luận văn này do Hiền Thủ quốc sư dựa theo kinh Hoa Nghiêm soạn ra, cũng là chân thật, chẳng giả. Nay chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, chúng ta dùng cái tâm bình đẳng để đối đãi, chắc chắn không có sai biệt, nghĩ đức Phật thường dạy trong kinh Đại Thừa: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”, chúng ta dùng tâm thái này để xử sự, đãi người, tiếp vật, để sống, đó chính là cảnh giới Phật. Quý vị có phân biệt, tôi không phân biệt; quý vị có chấp trước, tôi không chấp trước; quý vị có khởi tâm động niệm, tôi chẳng khởi tâm động niệm. Tôi có thể tùy thuận sự phân biệt, chấp trước của quý vị, nhưng chính mình chẳng phân biệt, chấp trước, giống như diễn tuồng! Trên sân khấu, quý vị phải biểu diễn theo kịch bản. Kịch bản bắt cười thì quý vị phải cười, bắt khóc, quý vị phải khóc, có phải là quý vị thật sự cười hay khóc chẳng? Chẳng hề! Cứ dựa theo kịch bản để biểu diễn. Phật, Bồ Tát ở trong nhân gian, quý vị vui vẻ, các Ngài cũng vui vẻ. Quý vị khổ sở, dường như các Ngài cũng có tâm đồng cảm, đó là gì? Đó là diễn tuồng, quý vị là thật sự, các Ngài là giả, khác hẳn. Quý vị thật sự có khổ, có sướng, các Ngài chẳng khổ mà cũng chẳng sướng. Đây là người giác ngộ ở cùng chỗ với người chưa giác ngộ, nhưng khác nhau. Người có cùng cảnh giới giác ngộ như vị ấy sẽ thấy được, thấy rất rõ ràng. Nếu chưa đạt tới cảnh giới ấy, sẽ chẳng thấy được! Phật, Bồ Tát và chúng sanh hòa quang đồng trần, nhưng chúng sanh nhìn không ra, đó gọi là diệu! Vì thế, pháp này gọi là diệu pháp, đạo lý ở chỗ này! Đây là bình đẳng nhất tướng.

“*Thật Tướng vô tướng, diệt vô bất tướng, tướng nhi vô tướng, danh vi Thật Tướng*” (Thật Tướng vô tướng, mà cũng chẳng phải là không có tướng, tướng mà không có tướng nên gọi là Thật Tướng); đọc mấy câu này khiến chúng ta hồ đồ! Người mới học đọc đến sẽ hồ đồ, nhưng nếu quý vị là người thật sự hiểu rõ, sẽ biết mấy câu này nói quá hay! Thật Tướng vô tướng, nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, nhưng nó có thể biến hiện vật chất và tinh thần, có thể sanh ra hiện tượng vật chất, có thể sanh ra hiện tượng tinh thần, có thể hiện ra hiện tượng vật chất, có thể hiện ra hiện tượng tinh thần, nên nó là có thể sanh, có thể hiện (năng sanh, năng hiện). Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần là toàn thể vũ trụ, trong Phật pháp chúng được gọi là pháp giới. Hết thấy hiện tượng trong trọn pháp giới khắp hư không giới, mười pháp giới lục đạo là “sở sanh, sở hiện” (cái được sanh, cái được hiện). Cái có thể sanh, có thể hiện là chân thật, vĩnh hằng bất biến; sở sanh sở hiện là giả, giống như nằm mộng, là cảnh giới trong mộng. Chúng chẳng phải là thật, mà là giả; nhưng giả và thật lại chẳng tách rời, giả do đâu mà có? Giả nương vào thật để khởi; chẳng có Thật, lấy đâu ra Giả? Nương vào Thật mà khởi. Tuy nương vào Thật mà khởi, nhưng nó chẳng thật, nó là hình bóng của Thật mà thôi. Phải hiểu rõ chân tướng sự thật này. Sau khi hiểu rõ, tuy quý vị còn chưa giác ngộ hoàn toàn, chưa hoàn toàn trở về tự tánh, nhưng đối với hết thấy các pháp trong thế

gian này, quý vị có thể buông xuống, chẳng còn chấp trước nữa; đó là quý vị thật sự giác ngộ. Quý vị coi trọng điều gì? Quý vị coi trọng chuyện nâng cao linh tánh, chẳng coi trọng tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian này, coi thường những thứ ấy, rất coi trọng việc nâng cao đức hạnh, trí huệ, linh tánh của chính mình. Trong ấy có niềm vui chân thật, có lạc thú không cách nào tưởng tượng được! Do vậy, các tổ sư đại đức từ xưa thường dùng một câu nói để hình dung: “*Thế vị na hữu pháp vị nùng!*” (Pháp thế gian chẳng nòng đậm bằng pháp vị). Con người hiện thời tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần trong thế gian. Quý vị thật sự hưởng thụ linh tánh thì ngũ dục, lục trần, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ trong thế gian này làm sao có thể sánh bằng pháp? Thua kém quá xa! Quý vị đã nếm pháp vị, sẽ tự nhiên buông ngũ dục lục trần của thế gian xuống, mới thật sự biết chúng là ô nhiễm, trong ấy có gì để hưởng thụ? Ô nhiễm gì? Ô nhiễm linh tánh! Thật ra, chẳng thể ô nhiễm linh tánh. Nếu linh tánh thật sự bị ô nhiễm thì sẽ chẳng linh, tự tánh bị ô nhiễm sẽ không gọi là tự tánh, thật sự chẳng bị [ô nhiễm]. Những phiền não ấy ô nhiễm thứ gì vậy? Nhiễm bản A Lại Da, đó là vọng tâm của quý vị, khiến cho vọng tâm thêm hư vọng. Nói “hư vọng” thì chúng ta khó hiểu, chúng tôi nói là “vọng tướng, phân biệt, chấp trước nặng hơn”, những thứ này càng sâu thêm hơn mà thôi! Chúng ô nhiễm cái tâm của quý vị, khiến cho chính mình ngày càng thêm xa cách tâm thanh tịnh và tự tánh, nó gây chướng ngại trong ấy, chuyện là như vậy đó!

“*Thật Tướng vô tướng*”, như tôi vừa mới nói, đó là Thể. Thật Tướng là Thể, là tự tánh. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, “*diệc vô bất tướng*”, đó là sở sanh, sở hiện. Thật Tướng có thể hiện tướng, điều này rất khó hiểu. Thường là mỗi khi chúng tôi giảng đến chỗ này, tôi đều dùng máy truyền hình làm tỷ dụ. Thật Tướng là gì? Thật Tướng là màn hình, màn hình TV là thật, nó tồn tại. “*Vô bất tướng*” là gì? Vô bất tướng là những hình ảnh hiện ra nơi màn hình. Quý vị thấy chúng ta nhấn nút mở TV, hình ảnh bèn hiện ra, hiện trong màn hình. Nếu chúng ta hỏi: Màn hình là Thật Tướng, hình ảnh hiện ra là vọng tướng (tướng hư vọng), tách rời chân tướng và vọng tướng bằng cách nào? Quý vị có cách nào tách rời chúng hay chẳng? Những hình ảnh ấy rời khỏi màn hình sẽ chẳng thể hiện tướng, tuy chúng hiện trên màn hình, nhưng tuyệt đối chẳng phải là màn hình, chẳng có mảy may gì liên quan đến màn hình cả! Chân là chân, vọng là vọng. Làm thế nào để tiêu diệt vọng tướng? Nhấn nút tắt TV, lập tức chẳng còn nữa. Do vậy, trong chân tướng có thể hiện vô lượng vô biên sắc tướng. Có nhiều băng tần, quý vị tùy tiện nhấn một nút nào đó. Nếu quý vị chẳng nhấn nút, màn hình sẽ khôi phục hình trạng như cũ, đó gọi là “*vô tướng, vô bất tướng*”. Màn hình là vô tướng, [các hình ảnh] trong băng tần là vô bất tướng, đó là thứ chúng ta đối diện mỗi ngày. Do vậy, xem TV mà có thể khai ngộ, nếu quý vị có thể coi theo cách như vậy thì sẽ có thể khai ngộ, liễu giải điều gì? Chân và vọng chẳng hai, chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân, nhưng chân và vọng chẳng hai! Chân ở đâu? Chân ở trong vọng; vọng ở đâu? Vọng ở trong chân, tham ngộ điều này sẽ khai ngộ. Do vậy, đối với TV, nếu quý vị biết cách xem TV thì chẳng khác gì

niệm kinh Hoa Nghiêm! Chẳng khác gì nhau! Quý vị chẳng biết xem, khi xem, sẽ hoàn toàn bị những động tác trong ấy mê hoặc, bèn hồ đồ. Nếu quý vị có thể nhìn ra chân và vọng chẳng hai trong TV, nhìn thấy “phàm những gì có tướng đều là hư vọng”, chẳng phải là quý vị đã đại triệt đại ngộ rồi ư? Đó là gì? TV và kinh Hoa Nghiêm chẳng khác nhau, mà cũng chẳng khác kinh Vô Lượng Thọ. Xem TV là học Phật, người biết coi sẽ là thành Phật, thành Bồ Tát. Kẻ chẳng biết coi sẽ là tạo nghiệp, trong tâm bị TV xoay chuyển, nó cười quý vị cũng cười, nó khóc quý vị cũng khóc. Học những thứ giết, trộm, dâm, dối trong ấy, sao không đọa địa ngục cho được? Vì vậy, kinh Phật ở nơi đâu? Không có gì chẳng phải là kinh Phật! Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm ở đâu? Vô Lượng Thọ ở đâu? Không có gì chẳng phải là Vô Lượng Thọ, không có gì chẳng phải là Đại Phương Quảng, chẳng phải là Phật Hoa Nghiêm. Vấn đề là quý vị có biết hay là không? Do vậy, kinh do đâu mà có? Kinh từ Thật Tướng xuất hiện, đức Phật giảng về Thật Tướng.

Tiếp đó là nói về vô tướng. “*Vô tướng giả, ly nhất thiết hư vọng chi tướng. Vô tướng tức ly tướng*” (vô tướng là lìa hết thảy các tướng hư vọng, vô tướng chính là ly tướng). Có tướng hay không? Có tướng. Vì sao gọi là vô tướng? Trong tâm không có tướng. Mắt chúng ta nhìn vào TV, TV có tướng hay không? Có tướng; nhưng trong tâm chúng ta hiểu rất rõ ràng, tướng ấy là huyền tướng, chẳng thật, là giả. Đối với sắc tướng hiện trên màn hình, quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Quý vị chẳng chấp trước thì là tu A La Hán; chẳng phân biệt là tu Bồ Tát hạnh; không khởi tâm, không động niệm là tu Nhất Thừa Phật pháp. Quý vị thật sự học hiểu, thì mỗi ngày xem TV sẽ tu hành ngay nơi đó, quý vị tu A La Hán, hay tu Bồ Tát, hay tu Phật. Chẳng biết tu thì sao? Chẳng biết tu sẽ tu nhân thiên, tu A Tu La, tu súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, đều là trong một niệm; thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị học tập những thứ giết, trộm, dâm, dối từ TV, đó là tam ác đạo, quý vị đang học tam ác đạo. Quý vị coi TV, đây là tốt, là thiện, tự nhiên: Ta phải học theo. Chẳng tốt thì ta phải sửa đổi, hối lỗi, ta có [những điều xấu ấy] hay chẳng? Nếu có lúc ta phạm những lỗi ấy, ta chớ nên giống như họ, đó chính là [tu nghiệp] nhân thiên; thứ gì cũng chẳng chấp trước là A La Hán, thứ gì cũng chẳng phân biệt là Bồ Tát. Quý vị thấy đó, cùng xem TV như nhau, nhưng mỗi cá nhân thành tựu khác nhau. Có người coi TV bèn thành Phật, thành Bồ Tát, có người coi TV bèn đi vào địa ngục. Do vậy, tổ sư đại đức trong Tông Môn thường hỏi học trò một câu: “Người có hiểu không?” Câu này có ý nghĩa vô lượng sâu rộng, quý vị có hiểu ý nghĩa hay chẳng? Quý vị hiểu thì sẽ thành Phật, thành Bồ Tát; không hiểu thì sao? Không hiểu sẽ vào tam đồ! Do vậy, “lìa hết thảy các tướng hư vọng” là bảo quý vị lìa trong tâm, chẳng phải là bảo quý vị lìa nơi sự. Sự chẳng có chướng ngại, Sự Sự vô ngại, trong tâm không có [chướng ngại]. Vĩnh viễn giữ gìn cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác, đấy là đạo thành Phật. Vì sao không có Sự? Sự là giả, là hư vọng, quý vị chẳng cần lìa nó; coi nó là có thật, quý vị đã bị lừa, sai

mất rồi! Quý vị biết nó là hư vọng, chỉ cần quý vị chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, chuyện gì cũng đều không có, đó là Như Lai ứng thể. Chư Phật Như Lai đến thế gian là đến như vậy, các Ngài ở cùng chúng ta, nhưng quả thật chẳng khởi tâm động niệm. Trên hình thức, các Ngài chẳng khác gì chúng ta, hòa quang đồng trần với chúng ta. Trên thực tế, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Bồ Tát ở cùng chỗ với chúng ta, tuy có khởi tâm động niệm, nhưng chẳng phân biệt, chấp trước. Từ chỗ này, chúng ta hiểu cảnh giới của các Ngài cạn hay sâu khác nhau.

Câu kệ đó là: “*Hữu Thật Tướng vô bất tướng, phi ngoan không dữ đoạn diệt, phi như quy mao thố giác, nhất thiết hư vô*” (lại nữa, Thật Tướng chẳng phải là không có tướng, chẳng phải như hư không trơ trơ và đoạn diệt, chẳng giống như lông rùa, sừng thỏ, hết thấy hư vô). Những điều này đều nhằm chúng ta giải thích vô tướng, vô tướng là gì? Vô tướng là lìa hết thấy các tướng hư vọng. Vô tướng là ly tướng, phải nhớ điều này; chứ chẳng phải là lìa khỏi tướng, chẳng có ý nghĩa ấy! Ngay nơi tướng mà lìa tướng, tướng ở ngay trước mặt, biết nó là hư vọng, quý vị sẽ chẳng chấp trước, đó gọi là “*ly tướng*”, trọn chẳng phải là tiêu diệt tướng, [nếu hiểu “*ly tướng*” là tiêu diệt tướng] thì trật mất rồi! Do vậy, tiếp đó, cụ Hoàng giảng: Thật Tướng chẳng phải là không có tướng, chẳng phải là hư không trơ trơ, chẳng phải là đoạn diệt. Phật pháp nói “*vô bất tướng*”, nếu quý vị hiểu lầm [“*vô tướng*”] là Không, Không là gì? Thứ gì cũng đều chẳng có, [hiểu “*vô tướng*” là như vậy thì] sai mất rồi! Không có thứ gì, giống như chúng tôi vừa mới nêu tỷ dụ, màn hình TV trống không, thứ gì cũng đều chẳng có, nhưng sắc tướng trong mỗi băng tần là có. Chúng ta coi TV lập tức phải thấu hiểu Không và Có chẳng hai. Chân Không là gì? Chân Không: Biết tất cả sắc tướng là giả, tướng hiển hiện trên màn hình là giả, nhưng màn hình có ô nhiễm hay không? Chẳng có ô nhiễm, chẳng ô nhiễm mảy may! Vì sao biết là không ô nhiễm? Tắt TV chẳng phải là không thấy nữa ư? Chẳng lưu lại dấu vết gì! Sau đây mở lên, cũng hiểu rõ nó chẳng lưu lại dấu vết gì! Chẳng ô nhiễm mảy may! Chân tánh chẳng bị ô nhiễm. Dùng màn hình để tượng trưng cho chân tánh của chúng ta, tự tánh của chúng ta chẳng ô nhiễm! Cái gì bị ô nhiễm? A Lại Da bị ô nhiễm, A Lại Da là hư vọng, ô nhiễm là gì vậy? Trong phim ảnh biểu diễn có thiện, có ác, có nhân, có quả, đó là gì? Đó là hư vọng. Có tịnh, có uế, trong sự biểu diễn có các thứ đối lập, toàn là giả, toàn là chẳng thật. Những rắc rối của chúng ta trong hiện thời là do ngỡ những thứ hư giả được biểu diễn ấy toàn là thật, nên bị khổ chịu nạn ở trong ấy. Trong cảnh giới ấy, dấy lên thất tình, ngũ dục, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, toàn là giả, chẳng có gì là thật. Do vậy, nhà Phật nói Không, thì chẳng phải là thứ gì cũng đều chẳng có! Không ở nơi đâu? Không ở trong Có, Có tức là Không, Không tức là Có, giống như tình hình nơi TV mà chúng ta vừa nhắc đến, Có và Không chẳng hai.

Nói “*vạn pháp đều là không*” là nói tới những hình ảnh trong băng tần. Nói “*tự tánh chẳng Không, Thật Tướng chẳng không*” là nói về màn hình TV. Do vậy, vừa nhìn xem kinh giảng điều gì, chúng ta đều có thể lý giải, nói gộp lại sẽ là “*Không, Hữu bất nhị*”.

Tâm Kinh nói rất hay: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*”, lấy Không đại diện cho tự tánh. Chúng ta dùng TV làm tỷ dụ, Không được tượng trưng bằng màn hình, Có được tượng trưng bằng các sắc tướng hiển lộ trong các băng tần. “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*.” “*Bất dị*” là giống nhau. Sắc là Không, Không là Sắc. Chớ nên chấp trước Sắc, mà cũng đừng nên chấp trước Không. Hễ chấp trước là trật rồi, cũng chớ nên chấp trước nhị biên thì quý vị mới thật sự khế nhập cảnh giới, đó là chân tướng, tức là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, quý vị thật sự khế nhập cảnh giới. Chẳng chấp trước bèn khế nhập. “Nhập” như vậy còn cạn, chẳng sâu, vì sao? Quý vị chẳng chấp trước, nhưng chắc là còn phân biệt! Nếu chẳng phân biệt, sẽ nhập càng sâu, đến mức chẳng khởi tâm, chẳng động niệm bèn khế nhập viên mãn. Viên mãn thì chính là Phật, thâm nhập là Bồ Tát, thiền nhập (nhập nông cạn) là A La Hán. Nói theo cách bây giờ, A La Hán, Bồ Tát, Phật là các danh xưng học vị trong Phật giáo, quý vị khế nhập Thật Tướng sâu hay cạn khác nhau, nhưng đều nhập cảnh giới. Phật giống như học vị Tiến Sĩ, đây học vị tối cao, Bồ Tát là học vị Thạc Sĩ, A La Hán là học vị Học Sĩ (Cử Nhân). Thật sự khế nhập thì gọi là học Phật; chưa khế nhập tức là ở ngoài Phật môn, dụng công cách nào, quý vị chẳng lấy được học vị. Giành được học vị mới được coi là đệ tử Phật thật sự, là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật. Đạt được học vị bằng cách nào? Buông xuống là được! Quý vị chịu buông xuống! Không buông xuống sẽ chẳng được! Vì sao buông xuống? Do là giả, chẳng thật. Nếu là thật sẽ chẳng cần phải buông xuống, giả mà!

Có phải buông thân thể xuống hay không? Phải buông xuống, giả đấy, vì sao? Thân có sanh, lão, bệnh, tử, chẳng thể tồn tại vĩnh hằng. Trong Phật pháp nói “chân, giả” thì định nghĩa và tiêu chuẩn là: Chân là vĩnh hằng bất biến, đó là Chân! Chỉ cần nó có thể biến thì cũng không phải là Chân. Vì vậy, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, nên là giả, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, nên cũng là giả, khoáng vật, thậm chí tinh cầu, có thành, trụ, hoại, không, nên cũng là giả. Vì thế, phàm những gì có hình tướng đều chẳng thật! Buổi tối, chúng ta nhìn lên bầu trời, thấy vô lượng tinh cầu, vô lượng tinh hệ, đều là thành, trụ, hoại, không, đều chẳng thật, không có gì là thật. Chúng giống như những tướng được hiển hiện trên màn hình, quý vị đừng nghĩ chúng là thật, toàn là giả. Những thứ ấy do đâu mà có? Trong giáo pháp Đại Thừa, đạo lý này được giảng rất sâu, chúng do ý niệm của chúng ta sanh ra. Tạo Hóa là gì? Tạo Hóa là ý niệm. Quý vị không khởi tâm, không động niệm thì trong vũ trụ không có vật chất, mà cũng không có tinh thần. Ý niệm vừa động, hiện tượng vật chất và tinh thần đều hiện ra. Thật vậy! Giống như màn hình TV, chúng ta chưa vặn lên, hay tắt máy đi, thứ gì cũng đều chẳng có; đó Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong nhà Phật. Ý niệm vừa mới động, hình tướng bèn xuất hiện, đó là cõi Thật Báo. Nếu lại phân biệt thì là tứ thánh pháp giới; lại còn chấp trước, sẽ là lục đạo luân hồi. Nếu chúng ta hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch những khái niệm ấy, sẽ sống rất khoái lạc

trong thế gian này, trong Phật pháp nói là “*pháp hỷ sung mãn, thường sanh hoan hỷ tâm*”. Pháp hỷ ấy chẳng do bên ngoài kích thích, chẳng phải do quý vị gặp chuyện gì vui vẻ, phát tài, chẳng phải vậy, chẳng dính dáng đến những thứ ấy! Chẳng liên quan mảy may, mà từ tự tánh lưu lộ ra. Câu đầu tiên trong Luận Ngũ là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi tập luyện, chẳng vui lắm ư), sự hỷ duyệt ấy là pháp hỷ. Nói theo Phật pháp, quý vị học tập Phật pháp, đạt được thụ dụng, thật sự hoan hỷ, sự hỷ duyệt từ nội tâm lan tỏa ra ngoài, thật sự hoan hỷ, đó gọi là pháp hỷ. Pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Sự hoan hỷ ấy, chúng ta gọi là sự dưỡng sinh của con người, là nhân tố quan trọng nhất trong phép dưỡng sinh. Do vậy, cổ nhân đã nói: “*Nhân phùng hỷ sự, tinh thần sáng*” (con người gặp chuyện vui, tinh thần sáng khoái), suốt ngày từ sáng đến tối vui vẻ, làm sao thiếu tinh thần cho được! Làm sao người ấy chẳng khỏe mạnh? Quý vị khế nhập cảnh giới này sẽ quên mất tuổi tác, quên mất tuổi tác thì tuổi thanh xuân tồn tại mãi, tuy tuổi tác đã cao, nhưng chẳng già. Thật đấy, chẳng già đâu!

Con người già đi như thế nào? Đến năm mươi, sáu mươi tuổi bèn già nua, [là vì] người ấy mỗi ngày nghĩ đến tuổi già. Vừa nghĩ, sẽ lập tức già đi. Đặc biệt rõ rệt nhất là gì? Về hưu. Trong quá khứ, nhiều đồng học, bạn bè của tôi, lúc đang làm việc, giữ chức vị, họ chẳng nghĩ họ già, làm việc vô cùng hăng hái, vừa về hưu, già rồi mới về hưu, về hưu bèn ngay lập tức nghĩ đến tuổi già. Hai năm chẳng gặp mặt, hình như họ đã già đi cả chục tuổi, có sao trở thành nông nổi ấy? Già rồi sẽ như thế nào? Họ nghĩ đến bệnh, chỗ này đau đốn, chỗ kia nhức nhối, thường vào bệnh viện. Bệnh một thời gian đã nghĩ tới cái chết, kết quả là chết thật, họ đều khuất bóng rồi! Rất nhiều đồng học, bằng hữu đều đã mất, có sao mất nhanh như vậy? Tư tưởng chẳng đúng, hiểu sai rồi! Những người bạn già này gặp tôi, [họ bảo] hình như tôi không già, vì sao không già? Chưa từng nghĩ đến già, mỗi ngày nghĩ tới kinh bốn, ta phải giải thích cho mọi người như thế nào? Giảng giải rõ ràng, minh bạch những thứ trong kinh bốn, chưa hề nghĩ đến già, tuổi tác mỗi năm một tăng, nhưng thật sự chẳng già! Bất luận tinh thần hay thể lực dường như đều giữ nguyên tình trạng cũ, năm hai mươi sáu tuổi học Phật, mỗi năm đều giữ nguyên tình trạng như thuở hai mươi sáu tuổi, mỗi cá nhân đều có thể làm được như vậy. Đây là Phật pháp ban cho chúng ta lợi ích chân thật. Ngày hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới chỗ này.

Tập 18

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem kinh bản Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang mười bảy, hàng thứ sáu, xem từ hai chữ cuối cùng.

“*Vô tướng giả, ly nhất thiết hư vọng chi tướng. Vô tướng tức ly tướng*” (Vô tướng là lia hết thấy các tướng hư vọng, vô tướng chính là lia tướng). Mấy câu này, nói thật ra, cụ Hoàng đã giảng rất rõ ràng, chúng ta phải chú tâm đọc. Kinh dạy: “*Thật Tướng vô tướng*”, vô tướng là gì? Vô tướng là lia hết thấy các tướng hư vọng. Do vậy, vô tướng và ly tướng có cùng một ý nghĩa, ly tướng là vô tướng. Hết thấy các tướng hư vọng là gì? Kinh Phật đã vô số lần dạy chúng ta: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Vì sao? Do hết thấy các hiện tượng đều là pháp sanh bởi nhân duyên, Trung Luận nói rất hay: “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không*” (Pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói nó là Không), “*ngã*” ở đây là đức Phật nói, trích dẫn lời Phật dạy. “*Ly*” là lia như thế nào? Lia chấp trước, chẳng chấp trước sẽ lia. Chấp trước là chẳng lia! Chớ nên chấp trước chúng (hết thấy các tướng), đừng nên phân biệt chúng. Đối với tất cả hết thấy các hiện tượng, chớ nên khởi tâm động niệm, quý vị sẽ lia toàn bộ. Vì thế, không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, người ấy thành Phật, vì sao? Đã lia sạch sành sanh! Tướng có tồn tại hay chẳng? Tướng tồn tại, tướng là huyền tướng, tướng là pháp sanh diệt. Thật Tướng là chẳng sanh, chẳng diệt, Thật Tướng là nói theo Thể, còn tướng hư huyền là nói theo hiện tượng (tướng được biến hiện), lớn thì như hư không, pháp giới; trọn khắp pháp giới hư không giới đều là một huyền tướng.

Chúng ta đã học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, quý vị cũng rất dễ hiểu [những điều này]. Chân là gì? Chân là Thể, nhất thể. Thể là một, tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đó là Chân. Vì sao là Chân? Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ đã nói rất hay: Thể ấy “*vốn tự thanh tịnh*”, chưa hề bị ô nhiễm; nay có bị ô nhiễm hay không? Chẳng bị ô nhiễm, vĩnh viễn chẳng ô nhiễm, chẳng sanh, chẳng diệt. “*Vốn tự trọn đủ*”, câu này rất trọng yếu, trong Tịnh Tông gọi tự tánh thanh tịnh viên minh thể là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, trong ấy, không có hiện tượng vật chất, mà cũng không có hiện tượng tinh thần, nhưng chẳng thể nói nó là không, vì sao? Vốn tự đầy đủ, thứ gì nó cũng chẳng thiếu, nhưng nó chẳng hiện tiền. Câu nói thứ tư của Huệ Năng đại sư là: “*Vốn chẳng lay động*”; nói cách khác, nó là định. Sáng hôm qua, đài truyền hình đến phỏng vấn tôi, họ có nói một câu:

“Con người hiện thời thường nói ‘nhân định thắng thiên’, phải khai thác, phát triển thiên nhiên”. Nhân định thắng thiên, nói không sai, nhưng hiểu sai ý nghĩa rồi! Nhân định thắng thiên nên giảng như thế nào? Chính là câu thứ tư của Huệ Năng đại sư: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động*”, đó là tự tánh vốn định. Nếu quý vị chúng đặc điều ấy, sẽ “thắng thiên”, thật đấy, chẳng giả tí nào! Chứ chẳng phải là nói con người chúng ta thông minh, trí huệ thì khoa học, kỹ thuật nhất định sẽ có thể chiến thắng thiên nhiên. Đừng nói thiên nhiên, ngay cả địa cầu còn chưa chiến thắng được! Địa cầu vừa chấn động đã chịu không nổi, làm sao quý vị có thể thắng nó? Một đại đô thị có mấy ngàn vạn người sống trong ấy, một trận động đất lớn là xong, mọi người đều biết chuyện này! Chưa thắng được trời! Nhưng tự tánh vốn định, nếu quý vị chúng đặc thì sẽ có thể thắng.

Câu cuối cùng: “*Nào ngờ tự tánh, có thể sanh ra vạn pháp*”. Câu “*có thể sanh ra vạn pháp*” và câu “*vốn tự trọn đủ*” trong phần trước là hai mặt thuận và nghịch. “*Vốn tự trọn đủ*” là ẩn, Phật pháp gọi đó là ẩn; “*có thể sanh ra vạn pháp*” là hiển, tức hiện hành. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể giống như cái TV nay đang ở trước mặt chúng ta. Thể là gì? Thể là màn hình TV, cái gì cũng đều không có. Nó cái gì cũng đều không có, nhưng quý vị chẳng thể nói nó là không, vì sao? Nhấn nút một cái, hình ảnh sẽ xuất hiện. Hình ảnh xuất hiện, chẳng thể nói là nó có. Quý vị biết chân và vọng, màn hình là chân, hình ảnh là vọng, chân và vọng là nhất thể, vọng há có thể rời khỏi chân ư? Chẳng có cách gì rời khỏi, rời khỏi màn hình, các hình ảnh sẽ chẳng thể hiện ra được! Có chân nào chẳng ở trong vọng? Trong màn hình này, mỗi tác vuông đều có hình ảnh, nhưng chân là chân, vọng là vọng, chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân, đúng hay không? Nói cách khác, chân là vọng, vọng là chân, chân và vọng là một, chẳng hai, đúng hay không? Cũng đúng! Quý vị hiểu rõ điều này! Do vậy, đức Phật đã nói: “*Thật Tướng ly tướng*”. Thật Tướng ly tướng tức là Thật Tướng vô tướng, Thật Tướng vô bất tướng, chúng là cùng một chuyện. Do vậy, xem TV mà biết xem thì sẽ là cảnh giới Hoa Nghiêm! Khi biết xem, có thể ngộ nhập tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đây là thành Phật; nhưng vấn đề là quý vị có hiểu hay không! Vì sao chúng ta không hiểu? Do lúc quý vị đang xem, bèn khởi tâm động niệm, có phân biệt, có chấp trước, cho nên quý vị chấp tướng. Do quý vị chấp tướng, nên chẳng phải là ly tướng, mà là chấp tướng. Chấp tướng là lục đạo phàm phu, trong Phật pháp nói “ly tướng là A La Hán”, chẳng phải là phàm phu! Người đạt được ly tướng sẽ chẳng còn chấp trước hết thấy các hiện tượng; tâm bình đẳng, sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi, chứng quả A La Hán. Chẳng phân biệt, quý vị là Bồ Tát. Không khởi tâm, không động niệm, quý vị sẽ thành Phật. Ở đây, điều trọng yếu nhất là dạy chúng ta: Sau khi liễu giải chân tướng sự thật, đừng chấp trước nữa, phải thực hiện từ chỗ này!

Lục đạo xuất hiện như thế nào? Có thể sanh vạn pháp, lục đạo từ đâu mà có? Lục đạo từ chấp trước mà có. Tứ thánh pháp giới do đâu mà có? Phía trên của mười pháp giới là tứ thánh pháp giới, tức Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, do đâu mà có? Từ phân

biệt mà có. Thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm thì mười pháp giới cũng không có, mười pháp giới bèn ẩn, chẳng hiển lộ nữa! Nhưng tập khí vô minh từ vô thủy chưa đoạn, chẳng có cách nào buông tập khí xuống; do còn chưa buông xuống, cho nên còn có một cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm do đâu mà có? Bốn mươi một phẩm tập khí vô minh, tập khí trong ấy có dày hay mỏng khác nhau; vì thế, đức Phật chia thành bốn mươi một đẳng cấp. Tuy có bốn mươi một đẳng cấp, nhưng chẳng trở ngại quý vị mấy may! Vì sao? Quý vị đã không khởi tâm, không động niệm, chẳng cần phải quan tâm tới cái vô minh ấy, lâu ngày, nó sẽ tự nhiên chẳng còn nữa! Phải mất thời gian bao lâu? Kinh nói là ba A-tăng-kỳ kiếp, [tập khí phiền não] sẽ tự nhiên chẳng còn nữa. Sau khi không còn, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm viên mãn hiện tiền, trở về tự tánh, chứng đắc Phật quả rốt ráo, chuyện là như vậy đó! Nói chung, phải hiểu rõ, minh bạch. Sau khi minh bạch, quý vị mới chịu buông xuống. Nguyên nhân khiến không chịu buông xuống là do chưa hiểu rõ chân tướng sự thật, nên mới có phân biệt, chấp trước. Đây là một chướng ngại rất lớn.

Nếu chẳng thật sự buông xuống, cả đời này, quý vị sẽ làm gì? Phật học, chẳng phải là học Phật. Người Phật học rất nhiều, người thật sự học Phật chẳng mấy! Học Phật là gì? Học Phật là buông xuống. Lúc tôi mới học, Chương Gia đại sư dạy tôi: “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”, bắt đầu làm từ đâu? Thực hiện từ buông xuống. Quý vị có buông xuống được thì mới thật sự có thể thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt lại giúp quý vị buông xuống một tầng nữa. Từ Sơ Phát Tâm đến địa vị Như Lai là “thấy thấu suốt bèn buông xuống, buông xuống bèn thấy thấu suốt”; hai phương pháp này giúp đỡ lẫn nhau thành tựu từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai. Đến cuối cùng, buông luôn tập khí vô minh xuống, quý vị bèn thành Phật. Đó gọi là học Phật. Nếu chẳng phải dùng phương pháp thấy thấu suốt và buông xuống này, quý vị là Phật học. Phật học và học Phật là hai chuyện [khác hẳn nhau]! Phật học chẳng thể liễu sanh tử, không thể thoát khỏi tam giới; ngay cả niệm Phật vãng sanh vẫn phải buông xuống. Hễ có mấy may lưu luyện thế giới này, sẽ không bỏ xuống được, chẳng thể vãng sanh! Chẳng có thứ gì trên thế gian này có thể mang qua thế giới Cực Lạc được! Do vậy, thật sự cầu vãng sanh thì hết thảy mọi thứ ở nơi đây, thường nói là “thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống” thì mới có thể ra đi được!

Khó buông xuống nhất là thân tình, thứ này khó lắm! Phải thật sự thực hiện, thật sự mong liễu sanh tử, thoát tam giới trong một đời này thì phải bắt đầu từ đâu? Trước hết, phải nhứt bót thân tình, “nhứt bót” chẳng phải là bất hiếu với cha mẹ! [Nếu bất hiếu] thì quý vị đã phạm lỗi mất rồi! Quý vị phải thật sự thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, tuy thi hành nhưng lại chẳng chấp trước, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mấy trần. Bên ngoài thực hiện vô cùng chu đáo, đó là gì? Bên ngoài thực hiện vô cùng chu đáo nhằm phổ độ chúng sanh, nêu gương tốt nhất cho người thế gian. Bên trong thanh tịnh, chẳng nhiễm mấy trần, đây là nâng cao linh tánh của chính quý vị, mỗi ngày

đều tương ứng với thế giới Cực Lạc, tương ứng với A Di Đà Phật. Quý vị thấy pháp xuất thế gian và pháp thế gian có cùng một Thể, ta xử sự đãi người tiếp vật, sinh sống, làm lụng chẳng khác gì kẻ khác, nhưng đối với người thế gian mà nói thì khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, hoàn toàn tùy thuận Pháp Tánh, điều này trọng yếu! Luân lý, đạo đức đều do Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Nếu quý vị chấp tướng, chấp tướng sẽ phải tu thiện. Đoạn ác, tu thiện! Chẳng chấp tướng sẽ thành Phật, thành Bồ Tát. Tuy chẳng chấp tướng, nhưng trọn chẳng lìa tướng. Mọi người mỗi ngày đều xem TV, hãy nghĩ tới tỷ dụ của tôi, đối với màn huỳnh quang và sắc tướng hiện trong ấy, quý vị thường nghĩ đến điều ấy, chúng có lìa hay không? Chẳng lìa, chẳng tức. Màn hình là thật, vĩnh viễn chẳng đổi; nhưng tướng cảnh giới trong ấy, tức là tướng được hiện ra sẽ biến đổi trong từng sát-na, chẳng ngưng dứt. Tốc độ biến đổi nhanh như thế nào? Mọi người đều có kiến thức thông thường này, chúng ta hình dung nó [biến đổi trong] từng sát-na, chẳng phải là từng giây một! Nó biến hóa trong từng một phần trăm giây, một phần ngàn giây, một phần vạn giây.

Nhưng vũ trụ là tướng được hiện giống như hình ảnh hiện ra trên màn hình, tốc độ nhanh như thế nào? Di Lạc Bồ Tát cho chúng ta biết trong một giây biến hóa bao nhiêu lần? Một ngàn hai trăm tám mươi triệu lần. Nguyên văn trong kinh điển là: Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu? Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn là ba trăm hai mươi triệu, trong một cái khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu. Chúng ta khảy ngón tay [thì trong một giây] có thể khảy bốn lần, tôi tin có người còn khảy ngón tay nhanh hơn tôi. Khảy tới năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu, trong một giây, chứ không phải là một phần vạn hay một phần mười vạn giây, chẳng phải! Biến hóa ở trong ấy, cứ một niệm là một tướng được hiện; niệm trước vừa diệt, niệm sau lại sanh. Do vậy, chúng ta thấy những hiện tượng này, sự thật là gì? Là “tương tự tương tục tương” (tương gần như liên tục), chúng chẳng phải là thật sự liên tục, mà là tương tự liên tục. Chúng biến hóa, nghe theo ai chỉ huy? Trong kinh, đức Phật đã dạy: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”, tâm tướng chỉ huy chúng (các hiện tượng ấy). Tâm tướng thiện thì các tướng được hiện sẽ là lành. Tâm tướng ác, tướng được hiện là ác. Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng! Chúng ta mong bản thân tướng mạo đẹp đẽ, thân thể khỏe mạnh, quý vị nghĩ đến điều lành cho nhiều bèn đạt được! Bởi lẽ, tâm thái quyết định tướng mạo và sức khỏe của chúng ta. Tâm thái, chứ chẳng phải thứ gì khác!

Hoàn cảnh sống của chúng ta tốt hay xấu cũng tùy thuộc vào tâm thái. Nếu mỗi cá nhân trong các cư dân trên địa cầu đều nghĩ tới Thập Thiện Nghiệp Đạo, địa cầu này sẽ chẳng khác gì thế giới Cực Lạc. Vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp như vậy? Toàn là những người thượng thiện nhóm họp một chỗ, cư dân bên đó nghĩ tưởng những điều thượng thiện, nói những lời thượng thiện, làm những chuyện thượng thiện, nguyên nhân là như vậy đó! Hiện thời, địa cầu của chúng ta

rắc rối quá, hiện nay chẳng nói đến tai nạn cũng không được, tai nạn nhiều quá! Hôm qua, đài Phương Hoàng phỏng tôi với chủ đề là “tai nạn”, trước nay chưa hề thảo luận vấn đề này. Tôi cũng bảo họ, năm nay trong cuộc phỏng vấn năm tôn giáo tại Úc, trong quá khứ, khi gặp gỡ giữa các tôn giáo, chúng tôi cũng chưa hề bàn đến tai nạn. Khi tham dự phỏng vấn lần này, mọi người lấy tai nạn làm chủ đề hội thảo, có thể thấy rất nhiều người đã khá coi trọng vấn đề này. Tai nạn do đâu xảy ra? Đức Phật đã dạy: Trước hết là do cái tâm của quý vị. Tâm quý vị xấu xa, trong tâm có tham, sân, si, mạn, nghi, chúng được gọi là Ngũ Độc. Quý vị thấy trong tâm của chính mình có Ngũ Độc. Cảnh giới vừa hiện tiền, nhất định sẽ khiến quý vị phản ứng, từ Ngũ Độc nảy sinh phản ứng gì? Oán hận, ảo não, giận dữ, phiền muộn, thôi rồi, thân thể quý vị sẽ đổ bệnh, ngã bệnh, quý vị bệnh là do vậy. Chúng ta thường gọi chất độc bên trong là “tam độc phiền não”, tức là tham, sân, si, còn thêm vào hai thứ nữa, thành tham, sân, si, mạn, nghi Ngũ Độc. Năm thứ này kết hợp với năm duyên “oán, hận, não, nộ, phiền”, tế bào của chúng ta lập tức biến thành tế bào bị bệnh, nó biến hóa, thay đổi, đó là nguyên nhân khiến quý vị nhiễm bệnh. Phải như thế nào mới không bị bệnh? Đức Phật đã dạy chúng ta một câu, quý vị thật sự ghi nhớ, thật sự thực hiện thì bách bệnh chẳng sanh. Đức Phật dạy quý vị điều gì vậy? “*Siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si*”, hóa giải virus gây bệnh từ trong tâm mình, sẽ vĩnh viễn chẳng sanh bệnh. Bởi lẽ, tâm thái quyết định hết thảy, đạo lý này tương thông với y học Trung Quốc. Y học Trung Quốc bảo: Chữa bệnh thì tác dụng trị liệu của thuốc men tối đa chỉ chiếm ba phần, bảy phần là tâm thái. Hễ tâm thái chuyển biến, có lúc căn bản là không cần tới thuốc thang, tự nhiên lành bệnh, điều này chẳng có gì hiếm lạ, mà có căn cứ lý luận, ai nấy đều làm được. Vì thế, tâm con người phải tốt đẹp!

Tổ tiên Trung Quốc dạy con người, tôi nghĩ tổ tiên Trung Quốc đều là chư Phật, Bồ Tát tái lai, chẳng phải là phạm nhân. Thuở tôi còn trẻ, học Phật, thỉnh ý thầy Lý: “Cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Vương, Võ Vương, Châu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử có phải là Phật, Bồ Tát tái lai, hóa thân tại Trung Quốc hay chẳng? Họ nên dùng tư cách thánh hiền để độ người, bèn hiện thân thánh hiền để nói pháp”. Tôi thỉnh ý thầy, thầy đáp: “Nói theo Lý thì hợp lẽ, nhưng trên mặt Sự chẳng có chứng cứ”. Cụ nói hay quá! Các Ngài lại chẳng bộc lộ thân phận, chẳng nói mình là Bồ Tát nào tái lai, chẳng hề nói! Nói theo Lý thì thông suốt, vì trong giáo pháp Đại Thừa thường nói “*nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy*”, chúng ta phải hiểu điều này! Thật sự hiểu rõ, minh bạch, quý vị sẽ thật sự làm, đoạn hết thảy ác, buông hết thảy ác xuống, tu hết thảy thiện. Tu hết thảy thiện, đừng chấp tướng; chẳng chấp tướng thì sẽ khai ngộ, sẽ kiến tánh, sẽ đắc định, đắc tam-muội, sẽ khai ngộ, sẽ chứng quả. Chấp tướng thì sao? Chấp tướng thì là thiện pháp nhân thiên, quả báo ở trong nhân thiên, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Đoạn ác nhưng chẳng chấp vào tướng đoạn ác, tu thiện nhưng

chẳng chấp tướng tu thiện, ly tướng, lìa hết thấy các tướng hư vọng, làm như vậy là đúng, đó là thật sự học Phật. Chúng ta lại xem câu kế tiếp: “*Hư Thật Tướng vô bất tướng, phi ngoan không dữ đoạn diệt*” (Lại nữa, Thật Tướng chẳng phải là không có tướng, chẳng phải là hư không trống rỗng và đoạn diệt). Chúng ta vẫn lấy màn hình TV làm tỷ dụ, Thật Tướng là gì? Thật Tướng giống như màn hình TV, đó là Thật Tướng. Thật Tướng vô bất tướng, “vô bất tướng” là có tướng, đúng vậy! Ta vừa mở máy liền có tướng, chẳng phải là vô tướng, mà là có tướng; tuy có tướng, nó vẫn là Thật Tướng. Tôi vừa mới nói rất rõ ràng, Thật Tướng và vọng tướng dung hợp lại, tuy là hai chuyện, nhưng chẳng thể phân biệt! Quý vị chẳng thể phân biệt cái nào là vọng tướng, cái nào là Thật Tướng, không thể phân biệt! Vọng tướng là Thật Tướng, Thật Tướng là vọng tướng; nhưng Thật Tướng và vọng tướng đúng là khác nhau. Chúng ở cùng một chỗ, vĩnh viễn chẳng tách rời, cũng có thể nói là tất cả hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần trong khắp pháp giới hư không giới đều do Thật Tướng biến hiện, toàn là tự tánh. Chân Như tự tánh ở đâu? Không có một pháp nào chẳng phải [là Chân Như tự tánh]. Ta lấy cái này, nó có phải là Chân Như tự tánh hay không? Phải! Lẽ nào chẳng phải? Thứ nào cũng đều phải, bản thể của chúng là Chân Như tự tánh. Tùy tiện lấy một pháp nào, cũng đều là Chân Như tự tánh. Người kiến tánh và kẻ chưa kiến tánh có gì khác nhau? Khác nhau ở chỗ kẻ chưa kiến tánh chấp trước, phân biệt; người kiến tánh chẳng chấp trước, chẳng phân biệt. Kẻ chưa kiến tánh tâm lượng rất nhỏ, thứ gì cũng đều so đo. Người kiến tánh tâm lượng to như hư không pháp giới, tâm bao thái hư, lượng trọn khắp các cõi nước nhiều như cát, người ấy chẳng so đo, chẳng chấp trước. Khác hẳn! Người kiến tánh pháp hỷ sung mãn, sung sướng; kẻ chưa kiến tánh phiền não trùng trùng, cuộc sống rất khổ, làm sao giống nhau cho được? Người kiến tánh thấy thấu suốt, người chưa kiến tánh chẳng thấy thấu suốt. Do vậy, Thật Tướng chẳng phải là ngoan không, ngoan không là gì? Là nói tới hư không, cái gì cũng đều không có. Màn hình này chẳng phải là cái gì cũng đều không có, nó có, mở máy lên sẽ có thể hiện tướng. Cũng không phải là đoạn diệt, đoạn diệt là gì? Là trừ bỏ tướng này, đó là đoạn diệt! Có thể đoạn diệt hay không? Chẳng đoạn diệt được! Chẳng trừ khử được!

Do vậy, “*phi như quy mao, thố giác*” (chẳng giống như lông rùa, sừng thỏ), rùa không có lông, thỏ chẳng có sừng, đó là gì? Đây là một tỷ dụ về ngoan không, đoạn diệt, [Thật Tướng có] ý nghĩa khác hẳn những thứ này. “*Nhất thiết hư vô*” (hết thấy hư vô), nó chẳng phải là hết thấy đều hư vô, mà là thật sự có, nhưng “thật sự có” là có tướng, nhưng tướng ấy chắc chắn là giả tướng, chẳng thật! Đây là từ một Thể phát khởi hai tác dụng, hai tác dụng bèn hiện tướng, đó là giả tướng. Hai tác dụng thì thứ nhất là y báo, tức là vũ trụ, trọn khắp pháp giới hư không giới. Chúng ta đọc phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy những điều được giảng trong hai phẩm ấy chính là vũ trụ quan của Đại Thừa Phật pháp, giảng cặn kẽ hơn triết học hiện tại. [Vũ trụ quan theo cách diễn giải của] các khoa học gia và triết gia hiện thời đều thua

kém thế giới Hoa Tạng quá xa! [Vũ trụ quan theo] kinh Hoa Nghiêm là trùng trùng vô tận, khoa học lẫn triết học vẫn chưa nói tới điều này. Những điều kinh Phật giảng là sự thật ư? Thật đấy, chẳng sai chạy chút nào! Trong vi trần có thế giới, thế giới ấy giống hệt như vũ trụ của chúng ta, chẳng sai khác! Trong vi trần có thế giới, trong thế giới đó lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận! Do vậy, nói: “*Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội*” (cái lớn không ra ngoài, cái nhỏ không ở trong), thật đấy! Vì tự tánh là viên mãn, không có lớn nhỏ, chẳng có trước sau. Không có trước sau là không có thời gian; không có lớn nhỏ là chẳng có không gian. Thời gian và không gian cũng chẳng tồn tại, đấy là thuộc về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang ở đâu? Trọn khắp hết thấy các nơi, không lúc nào, không chỗ nào nó chẳng tồn tại, vì nó có thể biến, [tức là] có thể sanh, có thể biến (năng sanh, năng biến); vũ trụ vạn vật là sở sanh sở biến (cái được sanh ra, cái được biến ra). Năng và Sở là một, chẳng hai!

Vì thế, xưa kia tiên sinh Âu Dương Cảnh Vô đã nói: “*Phật pháp chẳng phải là triết học*”. Ông ta nói cũng rất có lý, vì sao? Trong triết học có Năng và Sở (chủ thể và khách thể), tuy Phật pháp nói đến Năng và Sở, nhưng Năng và Sở là một, chẳng hai, Năng Sở bất nhị. Trong triết học chẳng có cách nói này! Do vậy, ông ta nói: “*Phật pháp chẳng phải là triết học, cũng chẳng phải là tôn giáo, mà là thứ cần thiết cho đời hiện tại*”. Thế giới hiện thời chẳng thể thiếu Phật giáo, quả thật Phật giáo có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề xã hội, dùng Đại Thừa Phật pháp để giải quyết vấn đề xã hội hiện thời. Do hiện thời xã hội loạn lạc, trên địa cầu tai nạn rất nhiều, thật sự dùng Đại Thừa Phật pháp, dùng kinh Vô Lượng Thọ, dùng kinh Hoa Nghiêm để giải quyết vấn đề hiện tại, cần bao lâu? Chưa đầy một năm, xã hội an định, tai nạn chẳng còn nữa! Thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị không tin thì chẳng có cách nào hết, chẳng tin tưởng mà! Cổ nhân Trung Quốc có nói một câu: “*Bất thính lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhãn tiền*” (Chẳng nghe lời người già, bị thua thiệt ngay trước mắt). Quý vị phải hứng chịu những sự hỗn loạn trước mắt, tất cả những tai biến trên địa cầu quý vị cũng phải hứng chịu vì quý vị không nghe lời người già. Người già là ai vậy? Thích Ca Mâu Ni Phật là người già, Không Tử, Mạnh Tử là người già, Gia Tô (Jesus), Mục Hãn Mặc Đức (Mohamed) đều là người già, quý vị chẳng nghe lời các vị ấy, sẽ chịu thiệt thòi to lớn.

Tiếp đó, Hoàng lão cư sĩ dẫn một câu trong kinh Kim Cang để nói: “*Kim Cang kinh vân: - Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai*” (kinh Kim Cang nói: “Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng thì chính là thấy Như Lai”). Như Lai là tự tánh viên minh thể, quý vị có thể thấy “*chư tướng phi tướng*” sẽ kiến tánh, “*tức kiến Như Lai*” là “minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Quý vị có thể thấy “*chư tướng phi tướng*” thì hết thấy các hiện tượng là gì? Tôi vừa mới nói, chúng sanh diệt trong từng sát-na, là tương tự tương tục tướng, không có gì là thật, kể cả thân thể của chúng ta, [vậy thì] quý vị có còn

chấp trước nữa chẳng? Quý vị có còn dấy lên ý niệm muốn không chế, muốn chiếm hữu hay chẳng? Vì sao sẽ không khởi lên những ý niệm này? Vì chúng là Không. “*Đương thể tức không, liễu bất khả đắc*” (bản thể là không, trọn chẳng thể được). Thuở trẻ, tôi có xem bộ kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển một lần, tôi tổng kết được mười hai chữ, những điều do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong hai mươi hai năm là gì? Ngài dạy chúng ta: “*Nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Quý vị thật sự hiểu [mười hai chữ ấy] sẽ không chỉ chẳng khởi lên ý niệm không chế, chiếm hữu hết thấy cảnh giới bên ngoài, mà đối với thân tâm của chính mình cũng chẳng có ý niệm ấy. Thân, tâm, thể giới đều là huyền tướng, đều là phi tướng. Vạn pháp đều là Không, thưa quý vị, nói đến cuối cùng, thật sự minh tâm kiến tánh thì nhân quả cũng là không.

Nhưng trong Phật pháp nói: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (vạn pháp đều là không, nhân quả chẳng không) là nói với ai? Nói với kẻ chưa kiến tánh. Chỉ cần quý vị chưa kiến tánh, sẽ có nhân, có quả; kiến tánh rồi bèn không có. Kiến tánh là gì? [Kiến tánh là] quý vị đã thấy Như Lai; “thấy Như Lai” là gì? Quý vị thành Như Lai! Cũng là như trong Hoa Nghiêm thường giảng, những gì có nhân quả? Mười pháp giới chẳng lia nhân quả; Phật trong mười pháp giới vẫn chẳng lia nhân quả, vì sao? Ngài chưa thể chuyển thức thành trí. Khi nào Ngài tiến cao hơn, chuyển tám thức thành bốn trí, sẽ chẳng còn nhân quả. Thật ra, chúng ta nói tới nhân quả báo ứng thì chỉ thuộc trong mười pháp giới; Phật pháp giới trong mười pháp giới hễ tiến cao hơn sẽ chẳng còn [nhân quả] nữa! Tiến cao hơn chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Nếu chúng ta hỏi: Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm còn có nhân quả hay không? Có! Vì sao mà có? Do tập khí vô minh từ vô thủy chưa đoạn cho nên người trong cõi ấy (Thật Báo Trang Nghiêm) có [nhân quả]. Họ còn có bốn mươi một phẩm vô minh, “vô minh” ấy chính là tập khí vô minh! Nói rành rẽ sẽ là bốn mươi một phẩm tập khí vô minh. Vô minh đã đoạn rồi, vì nếu chưa đoạn vô minh, sẽ không thoát khỏi mười pháp giới; do vô minh đã đoạn, mười pháp giới chẳng còn nữa, nhưng tập khí vô minh vẫn còn. Do vậy, còn có cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Sau khi đoạn được tập khí, cõi Thật Báo chẳng còn, hoàn toàn trở về tự tánh. Trở về tự tánh thì nhân quả chẳng còn nữa, thật sự chẳng có!

Do vậy, chúng ta hiểu vạn vật: Đối với cái có thể sanh ra vạn vật thì cái nhân có thể sanh [vạn vật] chính là “một niệm bất giác”, đó là nhân. Ý niệm ấy dấy lên, dao động vô cùng vi tế, chúng ta chẳng có cách gì nhận biết được! Không riêng mình chúng ta chẳng có cách nào nhận biết, mà kinh còn nói: Thất Địa Bồ Tát cũng chẳng cảm nhận được, từ Bát Địa trở lên mới có thể cảm nhận. Bạc Bát Địa trong Viên Giác nhận biết. Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, năm địa vị này đều biết. Do vậy, [một niệm bất giác ấy] gọi là vô thủy vô minh. Hai chữ “*vô thủy*” hay lắm, vô thủy nghĩa là gì? Vô minh cũng chẳng thật; do vậy, quý vị chớ nên nghĩ cõi Thật Báo Trang Nghiêm là thật, chẳng có chuyện này! Cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng chẳng thật! “*Phàm những gì có hình*

tướng đều là hư vọng”. Đức Phật chẳng nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm là ngoại lệ, chẳng nói như vậy! Vì thế, ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai cũng là hư vọng; bất quá, trong ấy chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, mà cũng chẳng có khởi tâm động niệm, đúng là lợi hại! Các Ngài có năng lực cảm ứng đạo giao cùng hết thấy chúng sanh trong mười pháp giới. Đừng tưởng chúng ta khởi tâm, động niệm chẳng ai biết! [Nếu nghĩ như vậy], quý vị đã lầm lẫn quá đỗi! Quý vị nhìn vào duyên khởi của vũ trụ và tác dụng của nó: Một niệm dấy lên, trong tự tánh liền biến hiện A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm, vọng từ chân khởi, nó chẳng phải là chân, nhưng nó nương vào chân để khởi lên. Giống như những hình ảnh trong cái màn hình, màn hình không có hình ảnh, nhưng hình ảnh nương vào màn hình để hiển hiện. Không có màn hình, chúng chẳng hiện ra được. Nó là tướng được biến hiện do nương vào tự tánh, đây là y báo. Chánh báo là chính mình. Chính mình và cảnh giới khởi lên cùng lúc, đó gọi là ba tế tướng của A Lại Da, ba tế tướng hoàn thành trong một niệm.

Nói như các nhà khoa học hiện thời, Nghiệp Tướng là năng lượng. Năng lượng có thể biến thành tinh thần, mà cũng có thể biến thành vật chất. Biến thành tinh thần là thức thứ bảy, biến thành vật chất thì là Tướng Phần. Chúng ta nói Kiến Phần và Tướng Phần cho dễ hiểu, thì Kiến Phần là tinh thần, Tướng Phần là vật chất; nó cũng là Cảnh Giới Tướng. Tinh thần là Chuyển Tướng và Kiến Tướng, nó thật sự chuyên biến. Cái vốn có trong tự tánh là kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết), những điều này vốn sẵn có. “*Nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ*”, nó có kiến văn giác tri. Trong A Lại Da, kiến văn giác tri biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Do đâu mà có Thọ, Tưởng, Hành, Thức? Từ kiến văn giác tri biến hiện ra. Nếu quý vị đã chuyển thức thành trí, Thọ, Tưởng, Hành, Thức chẳng còn nữa, chúng lại hồi phục thành kiến văn giác tri. Thường Tịch Quang có khởi tác dụng hay chẳng? Khởi tác dụng. Vì sao? Nó có kiến văn giác tri. Do vậy, Thường Tịch Quang cảm ứng đạo giao cùng hết thấy chúng sanh. Chúng sanh cầu Phật, Thường Tịch Quang sẽ thật sự khởi cảm ứng. Kinh dạy có bốn loại cảm ứng, trong khi giảng kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi đã giảng rất rõ ràng: Hiện cảm hiển ứng (cảm lẫn ứng đều rõ rệt), hiển cảm minh ứng (cảm rõ rệt, ứng ngấm ngấm), minh cảm hiển ứng (cảm ngấm ngấm, ứng rõ rệt), và minh cảm minh ứng (cảm lẫn ứng đều ngấm ngấm), bốn loại! Thật sự có cảm ứng, nhưng chúng ta vô tâm sơ ý, chẳng cảm nhận được. Niệm niệm đều có cảm ứng, do vậy, Phật chẳng hề rời khỏi chúng ta, mười phương ba đời chư Phật chẳng hề rời khỏi. Phật là gì? Phật là tự tánh, [nói đến sự cảm ứng đạo giao tức là nói đến] đức năng trong tự tánh.

Hiền Thủ quốc sư đã dựa theo kinh Hoa Nghiêm để soạn luận; bài luận văn Hoàn Nguyên Quán là một tác phẩm dựa theo giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm để viết. Quý vị thấy khi nó (tự tánh) khởi tác dụng, bất luận là tinh thần hay vật chất, đều có tác dụng trọn khắp pháp giới, tốc độ ấy vô cùng nhanh. Ý niệm vừa dấy lên đã trọn khắp pháp giới

vô cùng nhanh, nhanh hơn ánh sáng, nhanh hơn dòng điện. Ánh sáng và điện chẳng thể trọn khắp pháp giới, thua kém quá xa! Lẽ nào nó chẳng có cảm ứng? Điều thứ hai [trong sách Hoàn Nguyên Quán] là nói: “*Xuất sanh vô tận*”. Xuất sanh là biến hóa, biến hóa vô cùng. Điều thứ ba là “*hàm dung Không và Có*”. Nếu chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này, mới biết: Ý niệm không chỉ là chủ thể của thân thể, tướng mạo, và sức khỏe của chúng ta, không chỉ chủ thể những thứ ấy, mà còn là chủ thể của địa cầu, núi, sông, đại địa, chủ thể trọn khắp pháp giới hư không giới, chủ thể các tinh hệ trong hư không khiến chúng vận hành theo đúng quỹ đạo và quy luật. Vũ trụ do ai sáng tạo? Do ý niệm sáng tạo, ý niệm lợi hại lắm. Nếu ý niệm hơi bất chánh, quý vị sẽ gặp nhiều tai ương, lắm bệnh hoạn, lắm nỗi ưu sầu, nhiều nỗi lo toan, cuộc sống rất nhọc nhằn! Nếu ý niệm trở về chánh đạo, sẽ là cuộc sống đúng mực trong cõi trời người, đúng là hạnh phúc viên mãn trong đường trời người; nhưng chớ nên lưu luyến nhân thiên đạo. Lưu luyến nhân thiên đạo sẽ chẳng tránh khỏi tạo tội nghiệp. Tạo tội nghiệp thì hễ biến hóa sẽ lại biến thành ngạ quỷ, địa ngục, thảy đều do ý niệm của quý vị biến ra, chẳng có gì do bên ngoài đưa tới. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm!

Cụ Hoàng nói bốn câu ấy trong kinh Kim Cang: “*Ý vị tức tướng ly tướng, ly tận hư vọng chi tướng*” (Có nghĩa là: Từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, lìa hết sạch các tướng hư vọng). Câu này nên giảng như thế nào? Lìa hết sạch các tướng hư vọng, cội rễ của tướng hư vọng là tam tế lục thô trong A Lại Da. Trừ bỏ tam tế lục thô, quý vị sẽ buông xuống các tướng hư vọng. Thấy đều buông xuống, chẳng còn phân biệt, chẳng còn chấp trước, thậm chí chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. “*Tức kiến Thật Tướng*” (liền thấy Thật Tướng), [tức là] quý vị sẽ thấy tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Quý vị hãy nhớ: Chúng ta mắt thấy, tai nghe, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, quý vị sẽ thấy tự tánh thanh tịnh viên minh thể. “*Cố vân tức kiến Như Lai*” (nên nói: Liền thấy Như Lai). Chúc mừng quý vị, quý vị đã viên mãn thành tựu rốt ráo, thành tựu Pháp Thân Như Lai. “*Thử chỉ Pháp Thân Như Lai dã. Pháp Thân Như Lai ly nhất thiết tướng, cố vân Thật Tướng vô tướng*” (đây là nói về Pháp Thân Như Lai. Pháp Thân Như Lai lìa hết thảy tướng, nên nói Thật Tướng vô tướng). Vô tướng là thể tánh, giống như tử dụ màn hình mà chúng tôi đã nêu: Màn hình là Thật Tướng, quả thật chẳng có hết thảy các tướng. Hết thảy các huyễn tướng hiển hiện trong ấy, nhưng nó (màn hình) chẳng nhiễm mảy may, chẳng bị trở ngại mảy may! Nói cách khác, về căn bản là [những huyễn tướng ấy] chẳng liên quan gì với nó! Phải hiểu ý nghĩa này: Chúng ta đã thành Phật, ta đã thành Phật, nhưng còn có rất nhiều người còn chưa thành Phật, mặt gương của ta (Đại Viên Kính Tri) thanh sạch, những kẻ chưa thành Phật ấy hiển hiện tướng trong tâm ta, có nhiễm bản cái màn hình ấy hay chẳng? Chẳng nhiễm! Tuy ta thành Phật, nhưng những kẻ chưa thành Phật ấy chẳng hề nhiễm bản chúng ta mảy may nào! Cùng sống một chỗ như nhau, [mà Phật, Bồ Tát] sung sướng; còn họ (kẻ chưa thành Phật) đang tạo nghiệp. Phật, Bồ Tát thì sao? Phật, Bồ Tát

giúp họ giác ngộ, giúp họ quay đầu để họ giống như chính mình. Vì thế, học Phật mà chẳng phát Bồ Đề tâm, chẳng phát tâm độ chúng sanh, sẽ chẳng thể thành! Vì sao quý vị chẳng phát tâm? Chẳng phát là vì quý vị chưa buông xuống. Chưa buông chính mình xuống thì còn làm sao được nữa? Quý vị còn có cái Ta, còn chấp trước, còn có thành kiến, quý vị là phạm phu chính cống. Vì thế, chướng ngại do đâu mà có? Do chính mình mà có! Trừ chính mình ra, chướng ngại gì cũng không có. Hễ quý vị một niệm giác ngộ, chướng ngại chẳng còn nữa. Khi mê, chướng ngại trùng trùng.

“Đản phi vô Pháp Thân, cố vân Thật Tướng vô bất tướng” (nhưng chẳng phải là không có Pháp Thân, nên nói Thật Tướng chẳng phải là không có tướng). Vô bất tướng là tác dụng của Thật Tướng. Nếu Ngài đến nhân gian độ các chúng sanh, có phải hiện tướng hay không? Phải hiện! Phải hiện thì là vô bất tướng (chẳng phải là không có tướng). Thích Ca Mâu Ni Phật hiện tướng; nếu Ngài chẳng hiện tướng sẽ chẳng thể giảng kinh, thuyết pháp, chẳng thể giúp đỡ chúng ta. Tuy Ngài hiện tướng, nhưng tướng được hiện là tướng giác ngộ, chẳng phải là tướng mê hoặc. Tướng mê hoặc tạo nghiệp, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác thấy đều tạo nghiệp, tạo nghiệp gì vậy? Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Tạo thiện nghiệp sanh trong tam thiện đạo, tạo ác nghiệp sanh trong tam ác đạo, quyết định không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Lúc thị hiện, Ngài chẳng tạo thiện mà cũng không tạo ác, chúng ta gán cho điều này cái tên là “tịnh nghiệp”, do thanh tịnh nên gọi là tịnh nghiệp. Do Ngài thị hiện tướng này, hằng ngày khởi tác dụng, nhưng chẳng dính dáng tới lục đạo. Không chỉ chẳng dính dáng tới lục đạo, mà mười pháp giới cũng chẳng liên can. Nếu Ngài chưa đoạn hết vô thi vô minh thì vẫn trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đoạn hết vô thi vô minh tập khí, sẽ trụ trong cõi Thường Tịch Quang. Không sao cả! Vạn pháp là nhất thể, phải biết điều này. Vì sao có thể cảm ứng đạo giao cùng hết thấy chúng sanh? Phật độ kẻ hữu duyên, nói theo nghĩa rộng, hết thấy chúng sanh và Phật là nhất thể, có chúng sanh nào chẳng có duyên với Phật? Thấy đều có duyên, nhất thể mà! Làm sao có thể chẳng có duyên cho được? Hết thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tự tánh biến hiện, lẽ nào chúng chẳng có duyên với tự tánh? Đâu có đạo lý ấy!

Phật độ kẻ hữu duyên, đó là gì? Duyên chín muồi, chính là nói về điều này. Duyên chưa chín, Phật tới độ kẻ ấy, hẳn sẽ chẳng nghe, chẳng bằng lòng tiếp nhận, đó gọi là “vô duyên”, chứ chẳng phải là thật sự vô duyên! Do vậy, khi chúng ta nghe câu này phải biết nghe, đừng nhụt chí! Nghe xong, kẻ ấy có thể tin, hiểu, thật sự hành, đó là duyên đã chín muồi! Người như vậy chắc chắn đắc độ trong một đời này; Phật, Bồ Tát giúp đỡ, dạy bảo, hướng dẫn kẻ ấy, kẻ ấy nhất định xuất ly tam giới, thoát ly lục đạo luân hồi, đấy là gì? Chúng sanh căn cơ chín muồi. Gặp pháp môn Tịnh Độ, kẻ ấy đời này thật sự niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là viên mãn đắc độ. Loại kém hơn là những kẻ nghe xong cũng rất hiểu, nhưng ngũ dục lục trần trong thế gian này không bỏ

xuống được, vẫn còn tham luyến, kẻ ấy đoạn ác tu thiện, đời sau hưởng phước báo nhân thiên. Kẻ ấy cũng tin tưởng Phật pháp, nhưng duyên chưa chín muồi. Đối với những kẻ này, Phật, Bồ Tát giúp họ tiến lên; vì thế, gặp Phật, Bồ Tát họ cũng được lợi lạc, chắc chắn không bị tổn thất gì. [Đối với kẻ] phiền não tập khí nặng nề, chướng duyên sâu đậm, Phật, Bồ Tát gieo chủng tử trong A Lại Da thức của kẻ ấy, [khiến cho kẻ ấy] thấy sắc, nghe tiếng, [tức là] thấy hình tượng Phật, nghe âm thanh thuyết pháp của đức Phật, một phen thoáng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo, [tạo thành] chủng tử trong A Lại Da. Cơ hội này cũng chẳng nhiều, trên cả thế giới bao nhiêu người suốt đời chẳng có duyên này, chẳng thấy tượng Phật, chẳng nghe âm thanh của Phật, rất nhiều! Phật chẳng lìa bỏ chúng sanh, nhưng chúng sanh chẳng muốn, mê man trong ngũ dục lục trần, mê quá sâu, không quay đầu được, tuy gặp gỡ những nhân duyên này, họ vẫn tránh né. Chúng ta biết họ vẫn phải chịu khổ trong lục đạo, còn có rất nhiều nỗi khổ họ phải gánh chịu. Chịu xong các nỗi khổ, khổ tận cam lai, chịu hết khổ rồi họ mới quay đầu, mới có ý niệm mong được siêu độ.

Câu kệ tiếp nói rất hay: “*Sanh diệt chi pháp, toàn thuộc hư vọng, đản sanh diệt chi trung, hữu cá bất sanh bất diệt đích*” (Pháp sanh diệt hoàn toàn thuộc về hư vọng, nhưng trong sanh diệt có cái chẳng sanh, chẳng diệt). Phải biết: Trong sanh diệt có cái chẳng sanh diệt, cái “chẳng sanh diệt” là gì vậy? Là tánh. Tánh là như thế nào, nó có hình dạng ư? Có! Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết). Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo vua Ba Tư Nặc: “Nhục thân này của bệ hạ là sanh diệt; nhưng trong nhục thân ấy có cái chẳng sanh diệt. Cái chẳng sanh chẳng diệt chính là cái Ngã thật sự”. Vua hỏi: Nó ở đâu? Đức Phật dạy: “Tánh Thấy”. Chư vị phải biết: Nhãn Thức có sanh diệt, tánh Thấy chẳng sanh diệt. Đức Phật hỏi nhà vua: “Bệ hạ thấy nước sông Hằng lần đầu vào lúc mấy tuổi?” Vua suy nghĩ: Lúc ba tuổi, mẹ dẫn vua đến bên sông Hằng, biết con sông ấy tên là Hằng Hà, vua thấy nước sông Hằng. Sau đấy, đức Phật lại hỏi vua: “Lúc bệ hạ mười tuổi, có cảm thấy thân thể già suy hơn lúc ba tuổi hay chẳng?” “Đúng vậy!” Lúc hai mươi tuổi thì sao? Hai mươi tuổi lại già suy hơn mười tuổi. Bị già suy thì là sanh diệt. Năm nay bệ hạ bao nhiêu tuổi? Sáu mươi hai tuổi! Vua Ba Tư Nặc và Thích Ca Mâu Ni Phật cùng tuổi, sáu mươi hai tuổi. Đức Phật nói: “Khi nhà vua sáu mươi hai tuổi nhìn sông Hằng thì cái thấy ấy có biến đổi hay không?” Vua thưa: Thấy chẳng thay đổi! [Đức Phật dạy]: Chẳng biến thì là thật. Thân thể biến đổi, mỗi năm phải già đi, đó là già, là sanh diệt. Do vậy, trong cái thân sanh diệt có tánh chẳng sanh diệt. Tánh Thấy chẳng sanh, chẳng diệt, tánh Nghe chẳng sanh, chẳng diệt. Tuổi già mất hoa, đó là gì? Đó là công cụ có vấn đề, chẳng phải là tánh Thấy có vấn đề. Quý vị mang kiếng vào sẽ lại [nhìn] bình thường; do vậy, Nhãn Thức là sanh diệt, [điều này] chứng tỏ tánh Thấy chẳng sanh diệt, tánh Nghe chẳng sanh diệt. Nhãn Thức là gì? Sau khi quý vị thấy, bèn phân biệt, chấp trước, đó là do thức thứ sáu, tức Ý Thức, và thức thứ bảy thao túng ở phía sau. Ý Thức, tức thức thứ sáu, phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, chúng thao túng quý vị.

Nhưng nói tới kiến văn giác tri thì chúng chẳng hề liên quan gì đến thức thứ sáu và thức bảy. Do vậy, trong sanh diệt có cái chẳng sanh diệt. Chẳng sanh chẳng diệt gọi là Pháp Thân, hay Pháp Tánh. Do vậy, phải quý trọng, nhờ cái thân giả này để tu những thức chân thật, [đó gọi là] “*tá giả tu chân*”. Giả là thân, tức căn thân có lục căn, chân là gì? Chân là chân tánh.

Giao Quang đại sư giảng kinh Lăng Nghiêm, Ngài có bản chú giải mang tên Chánh Mạch, viết rất hay! Do trước thời Ngài, Giao Quang đại sư là người đời Minh, cùng thời đại với Liên Trì đại sư. Trước thời Ngài, hễ giải thích kinh Lăng Nghiêm, quá nửa đều dùng thuyết Tam Chi Tam Quán của tông Thiên Thai nhằm giải thích Xa Ma Tha, Tam Ma và Thiền Na trong kinh Lăng Nghiêm. Giao Quang đại sư đưa ra cách nhìn mới mẻ. Ngài nói trong kinh Lăng Nghiêm “*bỏ thức dùng căn*”, khác hẳn tông Thiên Thai, vì sao? Thiên Thai chẳng lia tâm ý thức, còn kinh Lăng Nghiêm là “*bỏ thức dùng căn*”; cho nên, cách giảng và tư tưởng chẳng giống với tông Thiên Thai. Vì thế, Ngài soạn một bản chú giải khác gọi là Chánh Mạch. Quý vị đọc lời tựa [của bộ chú giải ấy], thấy có một đoạn nhân duyên: Ngài đã hết tuổi thọ, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Ngài, Ngài xin phép A Di Đà Phật: “*Kinh Lăng Nghiêm chú giải chưa viên mãn, con phải soạn một bản chú giải mới*”. Ngài xin A Di Đà Phật hãy chờ, chờ Sư chú giải hoàn tất sẽ lại đến thế giới Cực Lạc. A Di Đà Phật đồng ý, ra đi. Ngài chẳng nói lời giả dối, trong lời tựa có một câu chuyện như thế. Do vậy, Lăng Nghiêm là bỏ thức dùng căn, dạy chúng ta tu hành như thế nào? Quý vị nhìn thì chớ nên dùng Nhãn Thức để nhìn, hãy dùng tánh Thấy để thấy; nghe thì chớ nên dùng Nhĩ Thức để nghe, hãy dùng tánh Nghe để nghe, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, xoay cái nghe để nghe tự tánh, tánh thành vô thượng đạo. Nói khá lắm, nhưng chẳng dễ dàng! Bỏ thức dùng căn chẳng dễ dàng!

Bỏ thức dùng căn có nghĩa là gì? Buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị dùng toàn là kiến văn giác tri, [kiến văn giác tri là] căn tánh của sáu căn, chẳng phải là sáu thức. Những đạo lý này chúng ta đều hiểu rõ thì gọi là “*giải ngộ*”. Chúng ta chưa làm được, chưa làm được là chưa buông xuống. Buông xuống sẽ là thật sự [làm được], bèn gọi là “*chúng ngộ*”. Hiểu rõ nhưng chưa làm được là giải ngộ. Giải ngộ cũng là do huân tập kinh giáo nhiều lần, trường thời huân tập sẽ dần dần hiểu rõ. Hiểu rõ gọi là “*thấy thấu suốt*”, biết chân tướng sự thật là như vậy. Do vậy, trong cuộc sống hằng ngày, trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta, phải gắng hết sức dùng căn tánh của sáu căn, đừng nên dùng sáu thức. Tôi nhắc lại lần nữa, thức là gì? Thức là chấp trước, Mạt Na là chấp trước, ý thức là phân biệt, thức thứ sáu, tức ý thức, là phân biệt, A Lại Da là giữ lại ấn tượng. Năm thức trước chịu ảnh hưởng từ ba tế tướng của A Lại Da, đi theo chúng. Vì vậy, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân bèn tạo nghiệp, năm thức trước bèn tạo nghiệp. Nếu vâng theo tự tánh, vâng theo kiến văn giác tri, năm thức trước sẽ gọi là Thành Sở Tác Trí, thành tựu sự hóa độ hết thủy chúng sanh của Như Lai, biến thành công

cụ đề độ chúng sanh, vô lượng công đức. Nói thật ra, bỏ thức là thức thứ sáu, tức ý thức, chớ nên phân biệt; bỏ thức thứ bảy, chẳng chấp trước; bỏ A Lại Da thức, không lưu dấu vết, đó là cảnh giới gì? Thanh tịnh bình đẳng giác trong kinh Vô Lượng Thọ! Chẳng chấp trước, tâm bèn thanh tịnh; chẳng phân biệt, tâm bèn bình đẳng; chẳng mê hoặc sẽ khai ngộ. Giao Quang đại sư chú giải rất hay. Vì vậy, những bản chú giải kinh Lăng Nghiêm trước thời ngài Giao Quang đều gọi là “cựu chú”; sau ngài Giao Quang, rất nhiều người học theo Ngài, gọi bản chú giải ấy là “tân chú”. Cựu chú cũng rất khó có, vì sao? Người bình thường học tập khá dễ. “Tân chú” thì chú giải hay lắm, nhưng kẻ mới học chẳng dễ gì đạt tới. Đây là nhắc nhở chúng ta: Trong sắc thân sanh diệt này, thật sự tồn tại cái không sanh diệt. Cái tánh chẳng sanh chẳng diệt ấy, trừ kiến văn giác tri ra, chẳng có cách nào nêu bày được! Nói tới kiến văn giác tri thì cũng phải có đôi chút cơ sở nơi pháp Đại Thừa; không có cơ sở sẽ khó giảng rõ ràng, rất khó hiểu được!

“Chư sanh diệt pháp thị sai biệt tướng, đản sai biệt chi trung, hữu cá vô sai biệt đích. Bất sanh bất diệt, vô hữu sai biệt, tức thị bình đẳng tướng” (Các pháp sanh diệt là tướng sai biệt, nhưng trong sai biệt có cái chẳng sai biệt. Chẳng sanh chẳng diệt, chẳng có sai biệt, tức là tướng bình đẳng). Câu này cũng chẳng dễ hiểu. Sai biệt là gì? Sai biệt là tướng, chúng ta nói một cách thông thường sẽ là tướng tương tự liên tục, sanh diệt trong từng sát-na, đó là sai biệt. Vô sai biệt: Vô sai biệt là tánh. Chúng ta dùng màn hình TV [để diễn tả] sẽ dễ hiểu. Âm thanh và sắc tướng trong màn hình sanh diệt trong từng sát-na, có sai biệt; nhưng màn hình không có sai biệt, màn hình là tướng bình đẳng, sai biệt và vô sai biệt chẳng hai. *“Cố vân Thật Tướng nãi bình đẳng nhất tướng dã”* (vì thế nói Thật Tướng là một tướng bình đẳng). Một niệm ấy có hình, có thức, đều chẳng thể được, đó gọi là *“bình đẳng nhất tướng”*. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất đều do một niệm khởi. Quý vị phải biết: Một niệm ấy chính là “nhất niệm” như Di Lặc Bồ Tát đã giảng; trong một giây có bao nhiêu “nhất niệm”? Nếu chúng ta nói khảy ngón tay năm lần [trong một giây], khảy nhanh sẽ được năm lần, [trong một giây] sẽ có một ngàn sáu trăm triệu niệm, lẽ nào chúng chẳng bình đẳng? Đương nhiên là bình đẳng, đây là huyền tướng, chẳng thật!

Chúng ta lại lật sang trang mười tám, vẫn là nói về vấn đề này. *“Thật Tướng nghĩa thâm”*, [tức là] ý nghĩa [Thật Tướng] này quá sâu! *“Nhược minh Thật Tướng, tức vi ngộ Đại Thừa lý”* (nếu hiểu Thật Tướng, tức là ngộ lý Đại Thừa). Lý là gì? Lý là Thể của kinh, mà cũng là cái để nương vào mà nói kinh này. Kinh có đạo lý, đạo lý ấy là lý Đại Thừa. Kế đó, lão cư sĩ dùng tỷ dụ để giảng rõ. *“Tư dĩ dụ minh: Thí như dĩ kim chế tác tháp, tượng, bình, oản, xuyên, hoàn”* (ở đây, dùng tỷ dụ để giảng rõ: Ví như lấy vàng chế thành tháp, tượng, bình, chén, xuyên, vòng), những điều này chúng ta đều hiểu, chúng là đồ vật được chế bằng vàng. *“Các hiển sai biệt chi tướng”* (mỗi thứ đều tỏ lộ tướng sai biệt). Nó có hình cái tháp, tượng ấy có thể là tượng Phật, mà có thể là tượng người, có thể mang hình dáng của những món đồ chơi, đó là gì? Vật dụng! Dùng vàng và đồ vật

làm tỷ dụ, mỗi món đều có hình tướng khác biệt. “*Thẳng tương chúng khí, trùng nhập dã lô, phục hóa vi kim, nguyên hữu chư tướng tận giai tiêu diệt, đản các khí bốn thể chi kim nhưng cự như thị*” (Nếu đem các món đồ lại bỏ vào lò nung, chúng lại hóa thành vàng, các tướng vốn có đều bị tiêu diệt sạch, nhưng chất vàng là bản thể của mỗi món vẫn y như cũ). Đều đem nung chảy ra, chúng chính là vàng. “*Khả kiến các khí sai biệt chi tướng, hữu sanh, hữu diệt, giai thuộc hư vọng; đản các khí bốn thể chi kim, bình đẳng nhất tướng, bất sanh, bất diệt, bất tăng, bất giảm*” (Có thể thấy tướng sai biệt của các món đồ có sanh, có diệt, đều là hư vọng; nhưng chất vàng là bản thể của các món đồ là một tướng bình đẳng, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng tăng, chẳng giảm). Tỷ dụ này dễ hiểu. Cổ đại đúc dùng một câu để nói: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng là vàng). Lấy vàng sánh với tự tánh thanh tịnh viên minh thể, đó là tự tánh; sánh ví hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất trong khắp pháp giới hư không giới như các món đồ, chúng đều do cái Thể ấy biến hiện. Thể có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da Thức có thể biến. Vì sao trong Nhất Chân pháp giới, mọi thứ chẳng thay đổi, vĩnh hằng bất biến? Chúng ta bèn hiểu rõ: A Lại Da có thể biến, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến (sở biến). Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm không có A Lại Da, A Lại Da đã chuyển thành Đại Viên Kính Trí. Vì vậy, nó chỉ có thể sanh, có thể hiện, chẳng có sở biến lẫn năng biến. Do đó, trong thế giới ấy, vĩnh hằng bất biến. Người trong thế giới ấy hóa sanh, dung mạo vĩnh viễn bất biến, thân vĩnh hằng bất biến, đúng như chúng ta thường nói: “*Bồ Tát Bồ Tát, niên niên thập bát*” (Bồ Tát năm nào cũng là mười tám tuổi), Ngài chẳng già! Ngài vĩnh viễn chẳng già, vì sao? Ngài không có A Lại Da thức. Chúng ta bị biến đổi vì A Lại Da thức. A Lại Da thức có thể biến, do vậy, chúng ta sanh, lão, bệnh, tử là vì bị nó biến. Chính nó lại có sanh diệt, cho nên những thứ do nó biến ra thấy đều có sanh diệt. Do vậy, trong Nhất Chân pháp giới, chúng ta gọi là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, trong ấy không có sanh diệt, vì các Ngài chẳng dùng A Lại Da. Do vậy có thể biết: Tứ thánh pháp giới có biến đổi hay chẳng? Quý vị hãy suy nghĩ: A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật, tức là Phật trong mười pháp giới đều có biến, họ dùng A Lại Da, bất quá tốc độ biến đổi chậm một chút, không nhanh như chúng ta, [chúng ta] biến đổi rất nhanh, họ biến đổi chậm hơn một chút. Vì thế, đạo lý là ở chỗ này!

Hoa trong thế giới Cực Lạc vĩnh viễn chẳng tàn, vĩnh viễn chẳng khô; khí hậu chẳng quá lạnh hay quá nóng, không có những hiện tượng này. Vì sao? Người trong thế giới ấy chẳng dùng A Lại Da; người đời nghiệp vãng sanh cũng chẳng dùng, điều này rất lạ lùng! Vì sao người đời nghiệp vãng sanh chẳng dùng? Được bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, quý vị thấy bốn mươi tám nguyện đã nói rất rõ ràng, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, [chuyện này được] nói trong nguyện nào? Trong nguyện thứ mười chín, tức là nguyện phát Bồ Đề tâm, đều là A Duy Việt Trí

Bồ Tát. A Duy Việt Trí là gì? Từ Thất Địa trở lên! Tuy là đời nghiệp vãng sanh, phiền não tập khí đúng là một phẩm cũng chưa đoạn, nhưng sự hưởng thụ, đãi ngộ trong thế giới Cực Lạc là sự đãi ngộ Thất Địa Bồ Tát. Quý vị chẳng phải là Thất Địa Bồ Tát, nhưng tới đó, hưởng thụ sự đãi ngộ dành cho Thất Địa Bồ Tát, do ai ban cho quý vị? A Di Đà Phật ban cho quý vị, hưởng ké từ A Di Đà Phật, cậy vào phước báo của A Di Đà Phật, chẳng phải là của chính mình. Trong thập phương chư Phật thế giới, không có sự thù thắng này, chỉ có thế giới Cực Lạc là có sự đãi ngộ đặc thù này! Đức Phật chẳng nói “đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, trừ cội Phạm Thánh Đồng Cư ra”, Ngài chẳng nói lời ấy! Nếu chẳng nói lời ấy, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cội Phạm Thánh Đồng Cư cũng có sự đãi ngộ này. Quý vị thật sự hiểu rõ, minh bạch chuyện này, há còn có thể chẳng cầu sanh Tịnh Độ ư? Còn làm chuyện khác nữa ư? Làm chuyện khác, mệt chết luôn, nhưng chưa chắc đã thành tựu trong một đời. Quý vị khẳng khái một mực niệm một câu A Di Đà Phật này, đôi ba năm sẽ thành công, sẽ đạt được, còn làm [điều gì khác] nữa? Quý vị thật sự buông xuống vạn duyên; vì sao người khác chưa buông xuống được? Chưa hiểu rõ. Do vậy, sau khi hiểu rõ, ta thường khuyên người khác; nhưng cũng chẳng phải là khuyên bất cứ ai vì kẻ ấy chưa chắc đã tiếp nhận. Ta khuyên mọi người, chúng ta hãy suy nghĩ cho nhiều, học theo Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư đã giác ngộ, đã hiểu rõ, bèn nói: “*Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ*”, quý vị ưa thích thì hãy dụng công nơi đó, tôi chẳng làm! “*Tám vạn bốn ngàn hạnh, dành cho người khác hành*”, tôi cứ một bộ kinh Di Đà, một câu A Di Đà Phật, định rồi! Liên Trì đại sư chẳng làm nữa, nêu gương tốt cho người đời sau. Tịnh Độ ngũ kinh đều được, thọ trì toàn bộ ngũ kinh cũng được, mà thọ trì một kinh trong ngũ kinh cũng được, quý vị thấy pháp môn này thuận tiện lắm, chẳng thể nghĩ bàn lắm!

Đôi với pháp môn này, giảng giải Tánh, Tướng, Lý, Sự, nhân quả thấu triệt nhất, minh bạch nhất là kinh Vô Lượng Thọ. Quả thật, khó thể đọc trọn cả năm bản dịch gốc của kinh Vô Lượng Thọ. Vì vậy, đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư hội tập đầu tiên, có thể nói là cổ nhân đã sớm nghĩ hội tập là chuyện bắt buộc phải làm, đến phần sau sẽ có một đoạn chuyên nói rõ [chuyện này]. Sau đây, chúng ta mới thật sự nhận biết bản hội tập này của Hạ lão cư sĩ chẳng thể nghĩ bàn, hội tập thật viên mãn, chẳng dùng ý tưởng của chính mình, ngay cả tựa đề kinh cũng là hội tập. Bản dịch gốc đời Tống dịch là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, quý vị thấy cụ bỏ chữ Kinh, dùng Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm; bản dịch đời Hán là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, nay hai tựa đề kinh được gộp thành một, trở thành Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, đúng là áo trời không vết may, chẳng thêm vào một chữ nào! Bản hội tập của Vương Long Thư có tựa đề là Đại A Di Đà Kinh, nhưng trong kinh chẳng có những chữ này! Còn tựa đề kinh của cụ Hạ là nguyên văn, chúng ta chẳng thể không bội phục Ngài. Đề mục này tuyệt quá, phô rõ nhân quả của thế giới Cực Lạc. Đại Thừa là trí huệ, Vô Lượng Thọ là đức,

Trang Nghiêm là tướng hảo. Quý vị thấy quả báo là như đức Thế Tôn trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, quý vị thấy chẳng phải là đề mục này hay sao? Đại Thừa là trí huệ, Vô Lượng Thọ là đức, trang nghiêm là tướng, quả đấy! Quả đức. Cách tu quả ấy ra sao? Thanh tịnh, bình đẳng, giác! Bởi lẽ, quý vị tu “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, sẽ chứng Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm. Quý vị thấy tựa đề này viên mãn lắm!

Đối với tỷ dụ này của cụ Hoàng, chúng ta niệm niệm đều [thấu hiểu] là được rồi. Có thể thấy tướng sai biệt của các món đồ, có sanh, có diệt, đều là hư vọng, nhưng chất vàng bản thể của các món đồ là bình đẳng nhất tướng, chẳng sanh, chẳng diệt. “*Dĩ thượng, dĩ kim dụ chân thật bình đẳng chi Thật Tướng, dĩ kim khí dụ chúng chúng sai biệt tướng*” (trên đây, dùng vàng để sánh ví Thật Tướng bình đẳng chân thật, dùng các vật dụng bằng vàng để sánh ví các tướng sai biệt), y báo và chánh báo trong mười pháp giới sai biệt. “*Do thượng dụ khả minh, nhược khán phá chư kim khí (tháp, tượng, bình, oản, xuyên, hoàn đẳng) hư vọng sai biệt chi tướng, tức kiến chư khí trung bình đẳng chân thật chi kim*” (nếu thí dụ trên đây có thể nói rõ: Nếu thấy thấu suốt tướng sai biệt hư vọng của các món đồ bằng vàng (tháp, tượng, bình, chén, xuyên, vòng v.v...), sẽ liền thấy chất vàng bình đẳng chân thật). Quý vị hãy thấy vàng, đừng chấp trước tướng. Quý vị lấy vàng, bèn tùy tiện lấy món nào cũng đều là vàng. Bảo quý vị lấy vàng ra, quý vị thấy cái này là tháp, cái kia là tượng, cái đó là bình, quý vị nói “không có vàng, chẳng có hoàng kim” quý vị chấp tướng rồi! Cổ nhân dùng [tỷ dụ] “*dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*”, dùng tỷ dụ này. “*Dĩ dụ ly nhất thiết pháp hư vọng chi tướng*” (để tỷ dụ lia tướng hư vọng của hết thấy các pháp), quý vị sẽ thấy Thật Tướng, sẽ thấy chân tánh. Tánh và tướng vĩnh viễn chẳng thể tách rời, nhưng đối với tướng thì sáu căn tiếp xúc được, nhìn thấy nó, sờ được nó, còn tánh thì sáu căn chẳng thể tiếp xúc, nhìn không thấy, nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Chẳng phải là vật chất, nên mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chẳng tiếp xúc được; chẳng phải là tinh thần, quý vị tưởng tượng chẳng ra, vì Thọ, Tướng, Hành, Thức của quý vị đều không thấu đạt. Nếu buông Thọ, Tướng, Hành, Thức xuống, sau khi buông xuống, Thể của Thọ, Tướng, Hành, Thức là kiến văn giác tri sẽ thấy được! Kiến văn giác tri là chân tánh.

Trong [chú giải] kinh Lăng Nghiêm, Giao Quang đại sư bảo “bỏ thức dùng căn”, [tức là] dùng căn tánh của sáu căn. Căn tánh là kiến văn giác tri, chẳng phải là Thọ, Tướng, Hành, Thức; cũng có nghĩa là: Thọ, Tướng, Hành, Thức là vọng tâm, kiến văn giác tri là chân tánh. Lúc mê, kiến văn giác tri biến thành Thọ, Tướng, Hành, Thức. Khi giác ngộ, có thể buông Thọ, Tướng, Hành, Thức xuống, khiến cho kiến văn giác tri hiện tiền, đó gọi là “chuyển thức thành trí”. Nói cách khác, thấy sắc, nghe tiếng, chớ nên chấp trước, quý vị chẳng dùng Mạt Na; chớ nên phân biệt, chẳng dùng ý thức; chớ nên khởi tâm động niệm, chẳng dùng A Lại Da thức. Trong Thiên Tông, tham Thiên thì “tham” là

gi? Lìa tâm ý thức là “tham” (參). Tâm ý thức là biết! A Lại Da là khởi tâm động niệm, Mạt Na là chấp trước, ý thức là phân biệt. Chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, đó là lìa tâm ý thức, lìa tâm ý thức thì gọi là “tham”. Do vậy, nghiên cứu giáo, chẳng dùng tâm ý thức thì gọi là “tham cứu”. Nếu dùng tâm ý thức, bèn gọi là “nghiên cứu”. Nghiên cứu và tham cứu khác nhau, tham cứu sẽ kiến tánh, còn nghiên cứu chẳng thể kiến tánh. Dùng nghiên cứu, Phật pháp biến thành triết học, biến thành Phật học; lìa tâm ý thức sẽ là học Phật, thật sự có thể thành Phật. Dùng tâm ý thức chẳng thể thành Phật, nhất định phải biết điều này! Dùng tâm ý thức, nói thật ra, chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi, vì lục đạo luân hồi do tâm ý thức biến hiện.

Tiếp đó nói: “*Ly hư vọng sai biệt chi tướng, cố vân vô tướng*” (do lìa tướng sai biệt hư vọng nên gọi là vô tướng). Đây là ý nghĩa tôi vừa mới nói. Sáu căn của chúng ta đối với cảnh giới sáu trần bên ngoài thấy đều là hư vọng. Sáu căn của chính mình đều là hư vọng, lục thức là hư vọng, cảnh giới bên ngoài cũng là hư vọng. Chỉ cần không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, sẽ lập tức là [vô tướng]! Nó là vô tướng, ngay nơi đó là vô tướng, trọn chẳng trừ khử tướng, mà ngay lập tức là vô tướng. Do vậy, phải hiểu rõ, minh bạch ý nghĩa “tướng” và “vô tướng” này. “*U hư vọng sai biệt chu tướng chi trung, hữu chân thật bình đẳng chi bản thể, cố vân vô bất tướng. Đương tướng ly tướng, tướng nhi vô tướng, nãi hiển Thật Tướng*” (Trong các tướng sai biệt hư vọng, có cái bản thể chân thật bình đẳng, nên nói chẳng phải là không có tướng. Từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, có tướng mà vô tướng, nên mới hiển lộ Thật Tướng). Mấy câu này nói hay quá, mười hai chữ này (“*Đương tướng ly tướng, tướng nhi vô tướng, nãi hiển Thật Tướng*”) vô cùng hay, ngay lập tức là nó, một và nhiều chẳng hai. Ngay trong cuộc sống hằng ngày, trong công tác, trong xử sự, đãi người tiếp vật, chúng ta phải sót sáng, thực hiện viên mãn, tận tâm tận lực làm, đây là “*đương tướng*” (từ ngay nơi tướng). Làm tốt đẹp, trong tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, đó là “*ly tướng*”. Do vậy, “*đương tướng*” và “*ly tướng*” là đồng thời, chẳng cắt rời thành hai thứ thì mới thật sự hữu dụng! Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị sẽ sống thật sự hạnh phúc mỹ mãn, tự tại vô cùng! Trong công việc cũng như thế, đãi người tiếp vật cũng như thế, quý vị sẽ khiến cho hết thấy mọi người vui vẻ. Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa có nói: “*Bồ Tát sở tại chi xứ, linh nhất thiết chúng sanh sanh hoan hỷ tâm*” (Bồ Tát ở chỗ nào cũng có thể khiến cho hết thấy chúng sanh đều sanh tâm hoan hỷ), vì sao Ngài có thể làm cho hết thấy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ? Ngài từ ngay nơi tướng mà lìa tướng, ly tướng và đương tướng cùng lúc, ai chẳng vui vẻ! Trước hết là chính quý vị vui vẻ, quý vị đã vui vẻ thì người khác thấy quý vị cũng vui vẻ.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Đản Thật Tướng ly ngôn thuyết, chánh như Nam Nhạc Hoài Nhượng vân: Thuyết tự nhất vật, tức bất trúng*” (Nhưng Thật Tướng lìa ngôn thuyết, đúng như ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng đã nói: “Nói dường như có một vật thì

chẳng trúng”). Câu này ở trong Đàn Kinh. Pháp sư Hoài Nhượng khai ngộ, minh tâm kiến tánh trong hội của Lục Tổ Huệ Năng đại sư. Khi Ngài kiến tánh, Lục Tổ giống như đưa ra một đề mục nhằm khảo nghiệm Sư: “Ông kiến tánh, vậy tánh là như thế nào?” Sư trả lời bằng câu này: “*Nói dường như có một vật thì chẳng trúng*”, nói không được! Lục Tổ gật đầu, ấn khả, Tổ nói: “*Ông như thế, mà ta cũng như thế*”, ấn chứng Sư thật sự khai ngộ, chẳng phải là giả khai ngộ. “*Có thật phi nhậm hà thế gian thí dụ sở năng thâm minh*” (cho nên đúng là bất cứ thí dụ nào của thế gian cũng chẳng thể giảng rõ rệt sâu xa được). Tỷ dụ chỉ có thể sánh ví mừng tượng, tuyệt đối chẳng có cách nào tỷ dụ sát sự thật, một tí biện pháp cũng chẳng có. Do vậy, hiện thời khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta dùng hình ảnh nơi màn hình TV để tỷ dụ, so ra gần sát, dễ hiểu hơn những tỷ dụ trước kia. Xưa kia, đúng là khó! Do vậy, khi chưa có những thứ khoa học, mà cổ đại đức, đừng nói là chứng ngộ, chỉ có thể giải ngộ thôi, chúng ta đều bội phục năm vóc sát đất. Hiện thời, chúng ta nhờ rất nhiều những thứ thuộc về khoa học mà thấy, nghe, hay, biết, nên mới có thể thấu hiểu những điều này, mới có thể nói rõ ràng, giảng rõ ràng. Tuy nói rõ ràng, giảng rõ ràng, chỉ là gần sát, vẫn còn cách một tầng. Tầng ấy chính quý vị phải ngộ, bất luận là ai cũng chẳng giúp đỡ được! Phật đến giảng cho quý vị cũng chẳng có cách nào! Phật đến giảng cho quý vị thì cũng chỉ có thể nói đến mức này!

Nói đến mức độ này thì có thể, nhưng nếu quý vị muốn thật sự khế nhập cảnh giới, chứng ngộ, chẳng phải là bảo quý vị buông xuống hay chẳng? Quả thật là trong cuộc sống, mỗi ngày quý vị ăn cơm, chớ nên so đo món ăn này, món ăn nọ, đừng nên so đo mùi vị nữa. Mặc quần áo, thứ gì cũng được! Âm áp là được rồi, đừng nên kén chọn! Đó là gì vậy? Tập khí, tức tập khí phiền não của quý vị. Đây là gì? Chấp trước, nhất định phải như thế nào đó. Hễ nhất định phải như thế nào đó sẽ phiền phức liền! Phải học theo Đại Thừa Bồ Tát tự tại tùy duyên, bất luận câu thúc gì đều chẳng có, cái gì cũng đều tốt, chẳng có gì không tốt. Người ta làm chuyện tốt, tốt! Người ta làm chuyện xấu, cũng tốt luôn. Người ta hưởng phước, tốt! Người ta đang chịu tội trong địa ngục, cũng tốt. Chịu tội trong địa ngục là gì? Tiêu nghiệp chướng! Kẻ ấy có lắm nghiệp chướng dường ấy, nhất định phải tới đó để tiêu, tiêu hết thì chẳng phải là tốt đẹp hay sao? Có sao chẳng phải là chuyện tốt? Sau đây mới hiểu: Mười pháp giới vốn là bình đẳng. Quý vị làm chuyện tốt nhiều ngàn ấy, đến thiên đường để hưởng phước, đó là gì? Tiêu phước báo ấy! Quý vị làm chuyện tốt nhiều ngàn ấy thì phải tiêu, làm những chuyện ác thì phải đến tiêu [nghiệp chướng] trong địa ngục. Quý vị thấy đó: Tiêu phước báo, tiêu nghiệp chướng; thấy đều tiêu sạch, chẳng phải là kiến tánh hay sao? Cái đáng quý là buông xuống, chẳng có gì khác! Do vậy, tôi suốt đời tôn trọng thầy, lúc gặp mặt thầy trong ngày đầu tiên, thầy đã dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Tôi mới biết người tu hành từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai tu gì? Thấy thấu suốt, buông xuống! Buông xuống giúp cho thấy thấu suốt, thấy thấu suốt lại giúp buông xuống, hai phương pháp này giúp đỡ thành tựu

lẫn nhau từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai. Đẳng Giác Bồ Tát nếu buông một phẩm tập khí sanh tướng vô minh cuối cùng xuống, sẽ viên mãn, vẫn là buông xuống! Chỉ có buông xuống mới có thể tiến lên cao; chỉ có hiểu rõ mới thật sự chịu buông xuống. Do quý vị chẳng hiểu rõ, nên không buông xuống được; hễ hiểu rõ sẽ buông xuống.

Hiện thời, điều đáng quý là hiểu rõ, rành rẽ thế giới Cực Lạc, hiểu rành rẽ thế giới này, so sánh giữa hai thế giới, bèn buông thế giới Sa Bà xuống, ta về thế giới Cực Lạc, điều này là trọng yếu. Quý vị thật sự muốn buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, điều này nói dễ, làm chẳng dễ, thật sự là khó! Do nguyên nhân gì? Nghiệp chướng phiền não tập khí quá nặng, từ vô lượng kiếp đến nay đã tích lũy những thứ này, đâu có dễ dàng nói buông xuống liền buông xuống như vậy được! Nay chúng ta buông thân, tâm, thế giới xuống, đó là phần chút ít, rất nhỏ của tập khí phiền não, chỉ cần chịu buông thứ ấy xuống sẽ có thể vãng sanh. Do vậy, đến thế giới Cực Lạc, nhất định phải tin sâu chẳng nghi: Đức Phật chẳng nói một lời hư giả nào! Nay chúng ta chẳng thể nghe lời con người trong thế gian này, lời giả quá nhiều, nói lời gạt người nhiều quá! Phật, Bồ Tát chẳng nói câu nào lừa người, phải tin sâu chớ ngờ điều này! Nhất định phải tin: Đến thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, lời này chính là “pháp khó tin”. Do vậy, kinh này được gọi là “khó tin”, [pháp môn được giảng trong] kinh này được gọi là “*pháp khó tin*”. [Trong các thế giới phương khác], đâu có chuyện một phẩm Kiến Tư phiền não chưa đoạn, đến thế giới Cực Lạc bèn có thể hưởng thụ sự đãi ngộ như Thất Địa Bồ Tát, A Duy Việt Trí là Thất Địa. Sự đãi ngộ như Thất Địa Bồ Tát do A Di Đà Phật ban cho, chẳng phải do chính mình có, mà do A Di Đà Phật ban cho.

Sau đoạn này có một câu tiểu kết: “*Cố vân: Phàm hữu ngôn thuyết, giai vô thật nghĩa*” (Vi thế, nói: Hễ có ngôn thuyết đều chẳng phải là thật nghĩa). Vì ngôn thuyết cũng là tướng. “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, ngôn thuyết cũng là hư vọng, các thứ diễn đạt, biểu thị vẫn là hư vọng, phải biết điều này! Ngôn thuyết có cần hay chẳng? Cần chứ! Đối với kẻ chưa khai ngộ thì cần, đối với người đã khai ngộ thì chẳng cần, không cần dùng ngôn thuyết nữa. Do vậy, đối với lục đạo chúng sanh thì phải dùng ngôn ngữ, phải dùng biểu pháp (các hành động, phương cách nhằm biểu thị, diễn đạt pháp); cho đến tứ thánh pháp giới, tuy ít dùng ngôn ngữ, nhưng vẫn cần, dùng biểu pháp khá nhiều; đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm thì [ngôn thuyết lẫn biểu pháp] đều không cần dùng tới nữa. Không cần dùng tới vì chính mình chưa viên chứng tự tánh, quý vị thấy kinh đã nói, chắc chắn chẳng giả, người trong thế giới Cực Lạc mỗi ngày nghe [A Di Đà] Phật thuyết pháp, đồng thời họ có thể phân thân, có thể phân thành vô lượng vô biên thân, đến các cõi nước Phật trong mười phương cúng dường Phật. Cúng dường Phật là tu phước, nghe Phật thuyết pháp là trí huệ, phước huệ song tu, vĩnh viễn không ngừng nghỉ! Cái thân ấy của họ hoàn toàn là hóa thân, đến đi tự do. Trong cảnh giới đó, chúng

ta biết: Không có không gian tức là chẳng có khoảng cách, ý niệm vừa dấy lên, cảnh giới bèn hiện tiền, ở ngay trước mắt, ngay lập tức, thật sự chẳng có đến hay đi!

Kinh nói “*mười vạn ức cõi Phật*”, đó là nói phương tiện, nói tùy thuận Tục Đê. Trong sự tưởng tượng của chúng ta, điều ấy khó khăn, thật sự khó, nhưng trong cảnh giới của họ (người trong thế giới Cực Lạc), điều ấy quá dễ dàng! Họ có thân thể, nhưng thân thể họ chẳng giống sắc tướng của chúng ta trong hiện tại. Họ có thân thể, cũng có sắc thân, nhưng trong kinh, đức Phật có nói tới một loại [sắc tướng] là Vô Biểu Sắc. Vô Biểu Sắc là gì? Thí dụ như chúng ta tưởng tượng, chúng ta nghĩ tới Chương Gia đại sư, tôi vừa nghĩ, hình dáng Chương Gia đại sư thuở ấy bèn hiện diện [trong tâm tôi], tôi thấy rất rõ ràng, nhưng quý vị chẳng thấy, sắc ấy là Vô Biểu Sắc. Chúng ta nằm mộng, cảnh giới trong mộng cũng rất rõ rệt, sắc tướng ấy tươi sáng, nhưng ta đang nằm mộng, người bên cạnh nói họ chẳng thấy gì, thật sự có sắc tướng, mà họ nhìn không thấy. Nhưng người có Thiên Nhân có thể thấy, chúng tỏ sắc ấy chẳng phải giả, người có Thiên Nhân, hay có công năng định lực sẽ thấy được. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, nhiều vọng niệm, cho nên chẳng nhìn thấy. Ý niệm dấy lên, nó bèn có tướng, tướng do tâm sanh, hễ khởi niệm bèn có tướng. Tưởng một quả núi, sẽ có tướng núi. Tưởng một cái cây, sẽ có tướng cây. Tưởng hoa, sẽ có tướng hoa. Tưởng gì, tướng ấy đều hiện tiền, lẽ nào chẳng có tướng? Tướng sanh từ tâm tưởng, thật là thiên biến vạn hóa. Sách Hoàn Nguyên Quán nói: “*Xuất sanh vô tận*”, thiên biến vạn hóa. Khi ấy, tôi đọc câu này chẳng hiểu lắm, vì sao có hiện tượng này? Tôi nghĩ thuở nhỏ chơi kính vạn hoa, chẳng phải là kính vạn hoa rất đơn giản ư? Đúng là thiên biến vạn hóa, sanh ra vô tận. Ba mảnh gương, ở giữa đó cắt một ít giấy vụn màu sắc khác nhau, quý vị vĩnh viễn xoay chuyển, xoay cả tuần, cũng chẳng thể có hai mô thức giống nhau. Theo kinh Phật, tự tánh của chúng ta là bất động, A Lại Da là động. Do vậy, A Lại Da giống như kính vạn hoa, xuất sanh vô tận, biến hóa vô cùng, nhưng toàn là giả, chẳng có gì là thật.

Do vậy, quả thật đều là “chẳng có thật nghĩa”. Đây là nói rõ tất cả hết thấy hiện tượng trong khắp pháp giới hư không giới, hiện tượng vật chất cũng thế, mà hiện tượng tinh thần cũng thế, quý vị đừng nghĩ chúng là thật, đừng mê trong ấy. Nói cách khác, quý vị cũng chớ nên dấy lên ý niệm mong không chế, chiếm hữu chúng, sai rồi! Chỉ cần khởi lên ý niệm này, quý vị bèn đọa trong luân hồi, chẳng thoát ra được! Do vậy, đối với kẻ giác ngộ, tất cả hết thấy những thứ họ có, nếu quý vị hỏi họ, được! Lấy đi! Họ thật sự chẳng có ý niệm, chẳng phân biệt, chấp trước, ta dùng hay quý vị dùng đều như nhau! Tiền mất đi là để cho người khác lấy dùng, chẳng phải là giống như ta dùng hay sao, đâu có gì khác nhau? Quý vị nói có phải là sống vui sướng lắm chẳng? Vui sướng do đây mà có! Vì sao quý vị khổ? Thứ gì cũng đều muốn chiếm hữu, thứ gì cũng đều muốn không chế, vậy là quý vị khổ chẳng thể nói nổi, quý vị sai rồi, mê mất rồi! Do vậy nói “đều

không có thật nghĩa”, ý nghĩa này hay lắm! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

phần 9 hết

Tập 19

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ mười tám, xem từ dòng thứ ba từ dưới đếm lên.

“*Hựu Viên Giác kinh vân: Chư huyễn tận diệt, giác tâm bất động. Huyễn diệt diệt cố, phi huyễn bất diệt, thí như ma kính, cấu tận, minh hiện*” (Lại như kinh Viên Giác chép: “Các huyễn tận diệt, giác tâm bất động. Sự diệt mất hư huyễn ấy đã bị diệt, chứ cái chẳng huyễn không bị diệt, giống như mài gương, chất dơ hết, ánh sáng sẽ hiện”). Chúng ta xem đoạn thứ nhất, đoạn này vẫn tiếp tục nghiên cứu thể tánh của kinh này, đây là giảng rõ đức Phật nói bộ kinh này đã căn cứ vào điều gì để nói, điều ấy được gọi là “thể tánh”. Nếu chẳng có căn cứ, kinh sẽ chẳng thể thành lập. Căn cứ gì vậy? Trong lần trước, chúng ta đã học tập, hết thấy các kinh Đại Thừa đều căn cứ trên Thật Tướng để nói. Thật Tướng, nói thông tục là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Những điều được nói [trong kinh Phật] đều là chân tướng. Nếu chẳng phải là chân tướng, sẽ thành vọng ngữ. Chân tướng này rất khó hiểu, chân tướng là “*Thật Tướng vô tướng, Thật Tướng vô bất tướng*” (Thật Tướng vô tướng, Thật Tướng chẳng phải là không có tướng), các kinh Đại Thừa đều giảng rõ sự thật này. Ở đây, Hoàng lão cư sĩ lại dẫn kinh văn của kinh Viên Giác để nói; do vậy, chúng ta đọc bản chú giải này, giống như đọc rất nhiều kinh luận và những lời giảng giải của tổ sư đại đức. Đoạn kinh Viên Giác này hết sức trọng yếu! “*Chư huyễn tận diệt, giác tâm bất động*”, huyễn là gì? Trong giáo pháp Đại Thừa có nói “tam tế, lục thô”; tất cả hết thấy các huyễn pháp có cội nguồn là tam tế, lục thô. Rất khó có là hiện thời khoa học đã phát hiện tam tế tướng, họ bảo chúng ta: Trong vũ trụ, chỉ có ba thứ; trừ ba thứ này ra, thứ gì cũng chẳng có, ba thứ ấy là gì? Là vật chất, năng lượng, và thông tin. Những danh từ hiện đại này khác danh từ trong kinh Phật, nhưng có cùng một ý nghĩa. Trong kinh Phật nói tới Nghiệp Tướng. Nghiệp Tướng của A Lại Da là năng lượng, Cảnh Giới Tướng của A Lại Da là vật chất, Chuyển Tướng của A Lại Da, hoặc gọi là Kiến Tướng, chính là thông tin. Quý vị thấy: Nói về những thứ giống nhau; nhưng các nhà khoa học chẳng thể giảng rõ rệt như đức Phật: Những thứ ấy do đâu mà có? Các khoa học gia chẳng nói rõ ràng.

Trong Phật pháp, ba tể tướng này do đâu mà có? Do từ tự tánh mà có! Chỉ có tự tánh là thật, còn những tướng ấy đều chẳng thật. Vì vậy, A Lại Da là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm; nhưng chúng sanh trong mười pháp giới rộng rãi và nhiều hơn chúng sanh trong lục đạo. Phía trên lục đạo, vượt lên khỏi lục đạo, lục đạo là giới hạn, thường là chẳng dễ gì vượt thoát lục đạo luân hồi, vượt thoát lục đạo luân hồi là A La Hán, [những người có thể vượt thoát] được gọi là A La Hán. Trên A La Hán là Bích Chi Phật, trên Bích Chi Phật là Bồ Tát, trên Bồ Tát là Phật, chúng ta gọi họ là “tứ thánh pháp giới”. [Những vị thuộc] bốn pháp giới này là thánh nhân, họ vẫn dùng A Lại Da, [tức là] vẫn dùng vọng tâm; vì vậy, chưa phải là Phật [trong Viên Giáo]. Thiên Thai đại sư gọi Phật trong mười pháp giới là Tương Tự Tức Phật, chưa phải là Phật thật sự, vì còn dùng vọng tâm, nhưng dùng [vọng tâm] rất chánh đáng, dùng rất thuần, thoát nhìn dường như là chân Phật, trên thực tế chưa phải. Phân biệt chân và vọng như thế nào? Ở chỗ dùng cái tâm khác nhau, Phật dùng chân tâm. Quý vị phải ghi nhớ điều này: Dùng chân tâm! Chân tâm chẳng phải là ba thứ ấy (Chuyển Tướng, Nghiệp Tướng, Cảnh Giới Tướng), phải biết: Chân tâm là tự tánh của Dụng. Tổ tiên bảo: Tánh con người vốn lành. Tam Tự Kinh dạy: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”; cái tánh “*bản thiện*” chính là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. “*Thiện*” ấy chẳng phải là thiện trong “thiện, ác”. Nếu là thiện trong “thiện, ác” thì sẽ là vọng tâm, phải biết điều này! “*Thiện*” ở đây là hình dung từ, là từ ngữ ca ngợi, [nhằm hình dung] không thể diễn tả được, quá tốt đẹp, quá hoàn bị, chẳng có thiếu khuyết gì. “*Bản thiện*” có thể sanh ra vạn pháp, nó mới là căn nguyên của vũ trụ và nhân sinh.

Huệ Năng đại sư khai ngộ, khai ngộ là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh là thấy gì? Là thấy bản thiện. Thấy bản thiện thì phải diệt hết ba thứ Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng, ba thứ ấy chẳng còn, chúng là vọng tâm, [vọng tâm đã chẳng còn thì] chân tâm mới hiện tiền. Chân tâm hiện tiền, trong chân tâm chẳng có hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, trong Tịnh Tông gọi là “*tứ độ*” (bốn cõi Tịnh Độ), tầng tối cao là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, một bầu quang minh, trọn khắp hết thấy mọi nơi. Ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại! Không lúc nào chẳng hiện hữu. Chúng ta cũng chẳng rời khỏi Thường Tịch Quang, mà cũng chẳng rời khỏi tự tánh, nhưng chúng ta chẳng thấy. Chẳng rời khỏi nó, nhưng chẳng thấy! Vì sao chẳng thấy? Năng lực của lực căn là hư vọng, vọng chẳng thể duyên chân, vọng chỉ có thể duyên vọng, chẳng duyên được chân. Vọng tâm của chúng ta rất lợi hại, nó có thể duyên tới A Lại Da, tức là Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, và Cảnh Giới Tướng nó đều có thể duyên được, đều có thể đạt tới, nhưng chẳng thể đạt tới tự tánh. Đạt tới tự tánh thì phải buông những thứ ấy xuống, ba thứ ấy đều buông xuống, tự tánh sẽ hiện tiền, quý vị mới hòng thấy được!

Buông xuống chẳng dễ dàng, nói rất dễ, nhưng sự thật rất khó. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật nói “khởi tâm động niệm” thì khởi tâm động niệm là Nghiệp Tướng, phân biệt là Chuyển Tướng, chấp trước là Cảnh Giới Tướng. Đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chúng ta đều chẳng chấp trước, quý vị sẽ chứng quả A La Hán. Trước hết, quý vị khôi phục điều gì? Khôi phục tâm thanh tịnh, tâm địa chẳng nhiễm mảy trần; cũng có nghĩa là chân tâm thấu lộ một phần. Thấu lộ một phần, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa! Vì vậy, chư vị phải hiểu: Lục đạo chẳng thật! Kinh Đại Thừa thường nói “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, vì chúng là pháp sanh diệt. Quý vị thấy hết thảy động vật có sanh, lão, bệnh, tử; còn những thứ chân thật thì sao? Đúng là chẳng sanh, chẳng diệt. Do vậy, tôn giáo của phương Tây nói tới “*chân thân*” (Chúa thật) hơi giống, nhưng chưa đúng, vẫn còn cách biệt với chân tướng. Nhưng hiện thời tôn giáo của phương Tây nói tới chân thân khác với xưa kia, họ nói thần chẳng có thân xác, không nơi đâu chẳng hiện hữu, họ cũng học theo cách nói này. Cách nói này hơi giống với ý nghĩa được giảng trong Phật pháp, nhưng trong ấy còn có mê, ngộ khác biệt. Giác mới là tự tánh, lúc mê sẽ gọi là “thần thức”, danh từ nhà Phật gọi [chân tâm bị mê] là “thần thức”. Người thế gian chúng ta, người phương Đông gọi [thần thức] là “linh hồn”, người phương Tây cũng gọi nó là “linh hồn”. Linh hồn là Chuyển Tướng, Chuyển Tướng là ở trong trạng thái mê bèn gọi là Chuyển Tướng; giác ngộ thì ba tướng ấy (Chuyển Tướng, Nghiệp Tướng, Cảnh Giới Tướng) đều chẳng có. Do vậy, đúng là “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Đây là nói về khởi nguyên của vũ trụ.

Chuyển Tướng là thông tin, do vậy, chuyển cảnh giới bằng cách nào? Cảnh giới tiếp nhận thông tin. Nếu chúng ta hiểu đạo lý này thì hiện thời địa cầu có tai nạn, chúng ta có thể hóa giải tai nạn hay không? Có thể! Chỉ cần quý vị biết chuyển ra sao, quý vị nắm vững [cách chuyển ấy], sẽ có thể chuyển cảnh giới. Chuyển cảnh giới thì nhỏ là chuyển tự thân, đối với thân tướng của chính mình, đầu tiên là khỏe mạnh. Làm thế nào để nó chẳng sanh bệnh, khỏe mạnh, trường thọ? Làm thế nào để thân thể chúng ta chẳng lão hóa, hễ quý vị hiểu đạo lý sẽ liền làm được! Nói theo hiện thời, tâm thái của quý vị thanh tịnh chính là tướng trường thọ, dung mạo rạng rỡ, màu da nhất định hết sức tươi tắn, chẳng dễ gì lão hóa. Vì sao? Tâm quý vị thanh tịnh. Nếu đạt tới bình đẳng, tức là đạt lên một bậc cao hơn, tâm bình đẳng thì có thể nói là quý vị sanh tử tự tại. Nếu tâm bình đẳng thật sự hiện tiền, chúng ta sống trên thế giới này hai ba trăm năm chẳng có vấn đề gì. Đối với y học Trung Quốc, tức Trung Y, thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam hết sức giỏi Trung Y, cụ bảo tôi: Cả đời cụ kê toa chữa bệnh cho người khác, chắc chắn chẳng lầm một ai, cụ dám nói như vậy. Cụ cũng từng làm quan tòa. Cụ nói: “Ta làm quan tòa xử án, có khiến ai bị oan uổng hay không, ta chẳng dám nói, không dám chắc, rất có thể là có chỗ xử oan người ta, nhưng khám bệnh cho kẻ khác, chưa hề kê toa sai”. Cụ có gan nói ra lời ấy. Cụ bảo chúng tôi: “Trung Y chẳng nhằm chữa bệnh. Điều thứ nhất trong

Trung Y là dạy con người trường sinh”. Cụ nói: “Đôi với thọ mạng của con người, thân thể con người là một cỗ máy. Nếu có thể bảo dưỡng cỗ máy ấy rất khá, tối thiểu là [có thể duy trì] hai trăm năm, hai trăm tuổi là thọ mạng bình thường. Quý vị sống không đến hai trăm tuổi là do không biết bảo dưỡng, chính mình làm hỏng bản thân”. Lời ấy rất có lý, mục tiêu thứ nhất của Trung Y là trường sinh. Mục tiêu thứ hai là phòng ngừa bệnh tật, quý vị thật sự hiểu đạo lý này, có thể ngăn ngừa cả đời chẳng bị bệnh. Mục tiêu thứ ba mới là chữa bệnh, chữa bệnh là mục tiêu thứ ba của Trung Y.

Khi chữa bệnh còn thần kỳ hơn nữa. Thầy nói: Chữa bệnh thì thầy lang bậc nhất chỉ nhìn, không cần phải hỏi, nhìn sắc tướng và dung mạo, nghe âm thanh của quý vị nói, chẳng hỏi han, liền hoàn toàn liễu giải tình trạng thân thể của quý vị. Người ấy còn có thể phán đoán: Hiện thời thân thể quý vị rất tốt, chẳng có bệnh tật gì, nhưng người ấy biết mười năm sau, hoặc hai mươi năm sau, quý vị sẽ bị bệnh gì, bị trục trặc chỗ nào! Cụ nói: Thần kỳ! Điều này có đạo lý, chẳng phải là không có đạo lý. Thí dụ như người thợ sửa chữa xe hơi, kinh nghiệm rất phong phú, nghe tiếng máy xe chạy, liền biết tình trạng cái xe. Quý vị còn chạy được bao nhiêu cây số nữa thì chỗ nào đó [trong xe] sẽ bị trục trặc, người ta là dân nhà nghề mà! Người ngoài nghề như chúng ta nghe không ra, nhưng người ấy có thể nghe biết. Vì vậy, Trung Y nói “*vọng, vãn*” (quan sát, nghe tiếng), thứ ba là bắt mạch, tức “*vọng, vãn, vắn, thiết*” (quan sát, nghe tiếng nói, hỏi tình trạng bệnh tật, bắt mạch). Quý vị thấy hạng nhất, vừa nhìn là biết, đây là thầy chữa bệnh bậc nhất. Hạng hai phải hỏi, hỏi han quý vị. Hạng ba mới phải bắt mạch. Chúng tôi học những điều thường thức này từ thầy Lý, biết thầy thuốc phải bắt mạch là loại thầy thuốc hạng ba. Quý vị thấy trong Trung Y, điều thứ ba mới là chữa bệnh. Chữa bệnh mà nhìn, hỏi xong vẫn phải bắt mạch, sẽ là thầy thuốc hạng ba, kể ra cũng khá lắm, nhưng hiện thời thầy lang giỏi trong loại ba này cũng chẳng dễ gì kiếm được!

Chúng ta phải biết: “Tâm thái là chủ tể của hết thảy”. Quý vị thấy vài hôm trước, cư sĩ Lưu Tố Vân biểu diễn ở đây, chính bà ta bị bệnh Hồng Ban Lang Sang, mắc bệnh ấy gần như chẳng có cách nào chữa lành, nhưng bà ta hoàn toàn khôi phục, ngay cả vết sẹo cũng chẳng còn! Quý vị thấy bà ta giảng kinh, ở đây là mỗi ngày giảng hai giờ; tôi nghe nói ở Thâm Quyển, mỗi ngày bà ta giảng tám giờ, chẳng dễ dàng! Bà ta năm nay sáu mươi sáu tuổi, lúc năm mươi chín tuổi mắc bệnh ấy. Quý vị thấy đó! Tâm thái trị liệu, chẳng dùng thuốc. Đây là căn cứ lý luận trong Phật pháp, hễ tâm thái chuyển biến, các tế bào mắc bệnh trong nội tâm đều có thể khôi phục bình thường. Nếu tâm thái chẳng tốt đẹp, quý vị thấy thầy lang Bành Hâm đã phân tích. Ông ta nói Ngũ Thường “nhân, nghĩa, lễ, trí, tín”, làm được năm chữ ấy, quý vị sẽ chẳng mắc bệnh. Bất nhân sẽ bị bệnh gan, bất nghĩa sẽ bị bệnh phổi, vô lễ sẽ bị bệnh tim, đều là [bệnh tật] tương ứng [tâm thái]. Đây là y học Trung Quốc. Y học Trung Quốc đã có lịch sử hơn năm ngàn năm, làm sao quý vị có thể chẳng thừa nhận? Thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ có lần bảo tôi:

“Trung Y có năm ngàn năm lịch sử, Tây Y mới ba trăm năm. Trong Đệ Nhị Thế Chiến đã may mắn phát minh chất kháng sinh (antibiotics). Nếu chẳng phát minh chất kháng sinh, sẽ chẳng có Tây Y”. Thầy hỏi tôi: “Anh tin vào ba trăm năm, hay tin năm ngàn năm?” Năm ngàn năm chịu đựng sự khảo nghiệm của thời gian và con người, nó đã định hình. Quý vị chẳng thể không bội phục trí huệ của tổ tiên, họ chứng đắc Thật Tướng của các pháp như trong kinh điển đã nói. Những thứ được giảng trong kinh giống như vậy, đức Phật nói ai có thể thấy và chứng thực? Từ Bát Địa trở lên. Bồ Tát có các tầng cấp: Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa là Đẳng Giác, Thập Nhị Địa là Phật, năm tầng cấp này đều hiểu rõ ràng, rành rẽ. Từ Thất Địa trở xuống đều chưa chứng đắc. Chưa chứng đắc thì chỉ nên nghe lời thầy, nỗ lực nâng cao linh tánh của chính mình, nâng lên tới Bát Địa, quý vị sẽ chứng đắc.

Các huyền diệt sạch như vừa mới nói là tam tế tướng và lục thô tướng. Từ tam tế biến thành lục thô; tam tế tướng quá vi tế, chẳng dễ gì nhận biết. Do vậy, khoa học hiện thời có thể nói tới năng lượng, vật chất và thông tin, chúng ta không thể chẳng bội phục họ, hết sức hiềm có! Khoa học vẫn cần tiến cao hơn, chúng ta cũng mong các khoa học gia có thể minh tâm kiến tánh, nhưng minh tâm kiến tánh thì phải buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống. Nếu vẫn dùng những tâm ấy, tức là dùng vọng tâm, vọng tâm chỉ có thể đạt tới A Lại Da là cùng, họ chẳng có cách nào đột phá. Vì vậy, “*chư huyền tận diệt*”, công phu học Phật là dùng ở chỗ này! Trước hết, công phu ấy có thứ tự và cũng có khó, dễ, đầu tiên là từ chấp trước, quyết định chớ nên chấp trước. Hễ có chấp trước, sẽ chẳng thể đột phá cửa ải đầu tiên là lục đạo. Lục đạo cũng chẳng thật, chỉ cần buông chấp trước xuống, chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Chẳng chấp trước thì chúng ta thường nói: Phải thực hiện từ nơi đâu? Thực hiện bằng cách buông đối lập xuống, tôi thường khuyên lon đòng học chuyện này, chúng ta thực hiện từ chỗ này: Quyết định chẳng đối lập với người khác. Hấn đối lập với ta, ta chẳng đối lập với hấn. Nếu ta đối lập với hấn thì quý vị sẽ khó đi được một tấc nào trong Phật pháp. Chẳng đối lập hết thấy sự, chẳng đối lập hết thấy vạn vật, tâm lượng quý vị sẽ mở rộng, có thể bao dung, đó là bước đầu! Đầu tiên phải buông xuống, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chớ nên có ý niệm không chế hay chiếm hữu. Nếu quý vị có ý niệm không chế hay chiếm hữu, đó là căn bản của tất cả hết thấy phiền não. Phải dốc sức nơi đây thì mới có thể đạt được cái tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh mới hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền sẽ vô cùng sung sướng, đó là pháp hỷ sung mãn. Quý vị thấy câu đầu tiên trong Luận Ngữ, Khổng Tử nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi thường tu tập, cũng chẳng sướng sao), quý vị hoàn toàn thực hiện những điều đã học trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự đãi người tiếp vật, trong tâm hỷ duyệt, sự hỷ duyệt ấy chẳng do ngũ dục lục trần bên ngoài kích thích, mà là sự hỷ

duyệt từ trong nội tâm lưu xuất ra ngoài. Phật pháp cũng giống như thế, quý vị có thể thật sự buông tập khí phiền não xuống, tâm sẽ tự tại lắm, thanh tịnh lắm!

Vì vậy, trước hết là tu tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh đã đạt được, lục đạo chẳng còn nữa, vượt thoát lục đạo, thành A La Hán quả. Tiến thêm một bước nữa, buông phân biệt xuống; không chỉ chẳng chấp trước, ngay cả phân biệt cũng chẳng có, [cảnh giới] sẽ nâng cao lên thành Bồ Tát. Cuối cùng, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm thì gọi là “thành Phật”. Vì vậy, Phật, Bồ Tát, A La Hán là danh xưng của ba tầng lớp tu hành trong nhà Phật, giống như danh xưng ba học vị trong nhà trường hiện thời: Cao nhất trong học đường hiện thời là Tiến Sĩ, kế đó là Thạc Sĩ (Cao Học, Master), rồi Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor). A La Hán là Học Sĩ, Bồ Tát là Thạc Sĩ, Phật là Tiến Sĩ, đây là danh xưng học vị, chẳng thể lẫn lộn được! Ngày nay, Phật giáo biến thành tôn giáo chính là tội lỗi của chúng ta, do tội lỗi của đệ tử Phật, lẽ nào Phật giáo bị lẫn lộn với tôn giáo! Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học, quý vị hãy xem kỹ, Ngài chẳng dính dáng gì với tôn giáo, nhưng nay Phật giáo thật sự biến thành tôn giáo, quý vị lại chẳng thể không thừa nhận nó là tôn giáo. Chúng ta đã có lỗi với thầy! Thích Ca Mâu Ni Phật mang thân phận, chức nghiệp của một vị thầy, giống như Khổng Tử, Khổng Tử giáo học chỉ được năm năm, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy học suốt đời, bốn mươi chín năm, ba mươi tuổi đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, bắt đầu dạy học, nhập diệt năm bảy mươi chín tuổi, giảng kinh, giáo học suốt bốn mươi chín năm. Ngài dạy chúng ta: Tất cả vấn đề thế gian và xuất thế gian, dùng phương pháp gì để giải quyết? Dùng giáo dục! Chỉ cần quý vị dạy người ta giác ngộ, giúp họ phá mê khai ngộ; hễ họ khai ngộ, sẽ có thể giải quyết vấn đề. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, nhưng trí thức không thể. Trí thức giải quyết vấn đề giới hạn, và còn để lại hậu quả, trí huệ chẳng vậy, trí huệ chẳng có ngàn mé, chắc chắn chẳng để lại hậu quả!

Đại Thừa Phật pháp là trí huệ viên mãn, trí huệ do đâu mà có? Sẵn có trong tự tánh, đó là giác tánh. Giác tâm bất động, giác tánh là trí huệ, là cái quý vị vốn sẵn có, giác tánh là gì? Kiến văn giác tri (thấy, nghe, hay, biết), chẳng sanh, chẳng diệt. Lúc Huệ Năng đại sư kiến tánh đã báo cáo rất đơn giản, hai mươi chữ, quả thật là “*vốn tự thanh tịnh*”. Tâm quý vị có ô nhiễm hay không? Chẳng có! Dầu tạo tác ác nghiệp, đọa vào A Tỳ địa ngục vẫn chẳng ô nhiễm. Nếu nó bị ô nhiễm, sẽ chẳng gọi là chân tâm, mà là hư vọng. Vì vậy, ô nhiễm là gì? Ô nhiễm là A Lại Da bị ô nhiễm. Tôi vừa mới nói tới Nghiệp Tướng, Cảnh Giới Tướng, và Chuyển Tướng, những thứ ấy bị ô nhiễm, nhưng tự tánh chẳng ô nhiễm, tự tánh mới là con người chân thật của chính mình. Đại Thừa Phật giáo thường gọi nó là “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai mục*” (diện mạo sẵn có trước khi được cha mẹ sanh ra); nhưng mê liền biến thành A Lại Da, giác ngộ thì A Lại Da chẳng có, kiến văn giác tri hiện tiền. Kiến văn giác tri trọn khắp pháp giới hư không giới, toàn bộ hư không pháp giới là một sanh mạng có chung một cái Thể, đây là luân lý theo quan

điềm nhà Phật. Luân lý là nói về quan hệ. Chúng ta sống trong thế gian này, nói tới Ngũ Luân, tức là quan hệ cha con, quan hệ anh em, quan hệ vua tôi, quan hệ bè bạn, nói tới những mối quan hệ này. Nhưng Phật gia nói tới luân lý, bèn nói tốt cùng viên mãn, vì sao? Cả hư không pháp giới cùng chính mình là một Thể, chẳng phải là một nhà, mà là một Thể, một sanh mạng có cùng một Thể! Vì vậy, lòng yêu thương chẳng có phạm vi, chẳng có điều kiện, được gọi là Vô Duyên Đại Từ. Nói theo hiện thời, “*duyên*” là điều kiện, [vô duyên] là chẳng có điều kiện. Đồng Thể Đại Bi: Thương xót chúng sanh có cùng một Thể [với chính mình], trên thân ta chỗ nào đau ngứa, ta rất quan tâm tới chỗ ấy, đồng thể mà! Đại Thừa Phật pháp thấy trọn khắp pháp giới hư không giới có cùng một Thể với chính mình, điều này quá khó! Nay chúng ta vì sao chẳng thể khế nhập cảnh giới? Vì chúng ta có Ngã, ta và người khác vạch rõ giới tuyến, chẳng biết tự tha chẳng hai, tự và tha là một, chẳng biết đạo lý này!

Vì vậy, trong Phật pháp, trước hết là phải phá Thân Kiến, chẳng còn chấp trước cái thân này là Ngã. Thân này là gì? Thân có sanh diệt, Ngã chẳng sanh diệt, Ngã là giác tánh, giác tánh chẳng sanh diệt, kiến văn giác tri là giác tánh. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bàn vấn đề này với vua Ba Tư Nặc. Vua Ba Tư Nặc lo ngại, tuổi đã già rồi, lúc ấy, vua sáu mươi hai tuổi, bằng tuổi Thích Ca Mâu Ni Phật, dần dần già rồi sẽ phải bệnh chết, lo sâu chuyện này. Thích Ca Mâu Ni Phật liền hỏi nhà vua, nhằm dạy bảo vua, gọi vua là “đại vương” vì vua là quốc vương, hỏi vua: “Đại vương thấy nước sông Hằng lúc mấy tuổi?” Vua thưa: “Ba tuổi”. Mẹ dẫn vua đến một nơi cũng là một thần miếu (miếu thờ thần), lúc tới chiêm bái thần miếu, có đi trên bờ sông Hằng hà, biết đó là dòng sông Hằng, nhìn thấy sông. Đức Phật nói: “Lúc đại vương mười ba tuổi, mười năm sau đó, đại vương cảm thấy thân thể già hơn lúc ba tuổi rất nhiều, bị lão hóa hay chẳng?” “Đúng vậy”. Khi hai mươi ba tuổi, lại già hơn lúc mười ba tuổi mười năm, năm nay sáu mươi hai tuổi, thân thể biến hóa không ngừng. Đức Phật hỏi nhà vua: “Cái thấy của đại vương đối với nước sông Hằng có biến hóa hay chẳng?” “Ba tuổi ta thấy nước sông Hằng, mười ba tuổi ta cũng thấy, lúc hai mươi ba tuổi ta cũng trông thấy”. “Tới sáu mươi hai tuổi, đại vương cũng thấy, cái thấy của đại vương có biến hóa hay chẳng?” Vua thưa: “Chẳng biến hóa”. Đức Phật bèn nói: “Chẳng có biến hóa là bất sanh, bất diệt. Bị biến hóa là cái thân hư giả của đại vương. Cái thân hư giả của đại vương có sanh tử, còn cái chẳng sanh chẳng diệt sẽ chẳng sanh tử”. Vua Ba Tư Nặc do vậy giác ngộ, rất vui vẻ, vốn là thân đã chết, nhưng linh tánh của ta trọn chẳng thật sự chết!

Thân là gì? Thân chẳng phải là Ngã, thân là sở hữu của Ngã, là công cụ, giống như y phục, là quần áo của ta, thân để ta sử dụng, dùng vài chục năm chẳng còn thuận tiện sử dụng nữa bèn thay bộ khác, thay đổi thân thể; nhưng trong đây có mê hay ngộ. Lúc mê

gọi là “linh hồn”, lúc ngộ gọi là “linh tánh”. Lúc mê, phạm vi hoạt động của linh hồn là lục đạo, không thoát lìa lục đạo luân hồi. Tình hình trong lục đạo đã được con người phát hiện rất sớm, cần biết là hơn một vạn năm trước, điều này đã được các tôn giáo và học phái xa xưa của Ấn Độ nhận biết. Lịch sử của họ lâu hơn chúng ta! Tôi có qua lại với họ, các trưởng lão Ấn Độ bảo tôi: Tôn giáo của họ tương truyền đã lâu hơn một vạn năm, chúng ta có thể tin tưởng [chuyện này]. Người Ấn Độ không chú trọng lịch sử, chẳng giống người Trung Quốc đời đời truyền thừa; nhưng hiện tại cả thế giới thừa nhận họ (người Ấn Độ) có tám ngàn năm trăm năm [lịch sử], cũng là sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm, trên thực tế không phải chỉ có vậy! Thích Ca Mâu Ni Phật đã học những thứ của họ, điểm đặc sắc nhất trong sự tu học của họ là Tứ Thiên Bát Định, kinh Phật nói Tứ Thiên Bát Định là Bà La Môn giáo. Nếu tu môn Định này thành công, trong Định có thể đột phá các chiều không gian, cũng có nghĩa là: Quý vị nhập Định này, trong Định, quý vị đi lên, sẽ thấy hai mươi tám tầng trời, đi xuống, có thể thấy địa ngục. Chỉ cần quý vị tu Định này, đều có thể thấy được. Tầng lớp sâu cạn khác biệt trong Định này, nói chung gồm bốn thứ: Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên; Bát Định là tầng cao nhất, tức là nói đến Vô Sắc Giới Thiên. Tứ Thiên thấy tới Sắc Giới Thiên; đạt đến Đệ Bát Định, sẽ thấy Vô Sắc Giới Thiên, hai mươi tám tầng trời đều trông thấy. A La Hán chẳng phải chỉ như vậy, A La Hán tu Cửu Thứ Đệ Định, đột phá lục đạo luân hồi, đạt tới một thế giới khác. Quý vị chân tu, sẽ thật sự thấy, chẳng giả tí nào, nhưng đức Phật nói đây vẫn chưa phải là rốt ráo, rốt ráo thì còn phải tiến lên cao hơn nữa. Quý vị thấy: A La Hán vẫn chưa thấy A Lại Da; Bồ Tát cũng chẳng thấy, Phật trong mười pháp giới vẫn chưa thấy! Phải buông khởi tâm động niệm xuống, cái tâm ấy thật sự định, Định là gì? Đó là chân tâm. Chân tâm vốn bất động, quý vị thấy Huệ Năng đại sư nói: “*Hà kỳ tự tánh, bản vô dao động*” (nào ngờ tự tánh, vốn không lay động), trước nay chưa hề động! Bất động là chân tâm, bị động là vọng tâm, vọng tâm là ý niệm, khởi tâm động niệm! Niệm có tịnh, có nhiễm; tịnh bèn ra khỏi lục đạo luân hồi, nhiễm sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Trong nhiễm có thiện, có ác; thiện niệm cảm ba thiện đạo, ác niệm cảm ba ác đạo. Trong nhiễm có thiện, ác; trong tịnh chẳng có thiện, ác. Đó là tứ thánh pháp giới, vẫn chưa phải là chân. Chân thì sao? Nhiễm, tịnh, thiện, ác, thấy đều chẳng có, đó là chân, bèn vượt thoát mười pháp giới.

Chư huyền tận diệt, giác tâm bất động, kiến văn giác tri sẵn có trong tự tánh bèn hiện tiền, chúng bất động, kiến văn giác tri bất động. Lúc mê biến thành A Lại Da Thức; trong A Lại Da Thức, kiến văn giác tri biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ là quý vị có cảm nhận, tức là có cảm nhận “khổ, lạc, ưu, hỷ, xả”. Tưởng là quý vị có suy nghĩ. Hành là ý niệm chẳng trụ, niệm trước vừa diệt, niệm sau bèn sanh, đó là Hành. Nay chúng ta nói một cách rất dễ hiểu thì Thức là ký ức, những gì quý vị đã từng trải qua đều có thể ghi nhớ, đó là tác dụng của Thức. Hôm qua, tôi nghe một đồng học cho biết: Họ thấy trên Internet, đại khái là ở Mỹ, một số khoa học gia trong khi nghiên cứu, đã phát

hiện nước có ký ức. Thí nghiệm của tiên sĩ Giang Bồn Thắng cho chúng ta biết: Nước có thể nghe, thấy, hiểu ý nghĩ của con người. Họ còn tiến hơn bước nữa là phát hiện nước còn có ký ức. Đây là khoáng vật, trong kinh Phật đã sớm nói đến rồi! Kinh Phật dạy chúng ta: Tâm và vật cùng một Thể, vĩnh viễn chẳng tách rời. Trong vật có tâm, trong tâm có vật. Bất luận vật chất gì đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sau khi tiên sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm này thành công, một đồng học phát hiện [tin ấy] trên Internet, in ra thành bốn trang đưa cho tôi xem. Sau khi tôi xem xong, vô cùng vui vẻ, khoa học gia đã chứng tỏ tất cả hết thấy hiện tượng vật chất đều có năng lực ấy, đó là bản năng (năng lực sẵn có). Nước có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, bùn đất có hay không? Đương nhiên là có! Đá có hay không? Đương nhiên là có. Một hạt cát, một hạt bụi cũng có, theo Phật pháp nói, một cọng lông, một sợi lông cũng trọn đủ [các năng lực ấy]. Thoạt nghe thì rất thần kỳ, nhưng là sự thật.

Chúng ta thấy cuộc đối đáp giữa Thích Ca Mâu Ni Phật và Di Lặc Bồ Tát, cuộc đối đáp ấy là khoa học cao cấp. Thuở ấy, thầy Phương giới thiệu Phật giáo với tôi, đã nói Phật giáo là triết học cao cấp. Tôi hiểu, tôi cũng phát hiện Phật giáo là khoa học bậc cao. Nhỏ như vi trần, khoa học hiện thời gọi vi trần là nguyên tử, điện tử, lap tử, hạt cơ bản là khoa-khắc (quark), nhục nhãn chẳng thấy được; đó là vật chất; trong các vật chất như vậy cũng có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Vì vậy, chúng có sanh mạng, chúng sống động. Theo như Phật pháp giảng, cả vũ trụ là một thể hữu cơ (organism), chẳng phải là chết cứng, mà sống động. Chứng minh bằng cách nào? Dùng phương pháp Thiên Định để chứng minh. Không giống như khoa học, khoa học dùng các máy móc, máy móc đôi khi còn có lầm lẫn, sai lệch; Thiên Định chẳng sai lạc. Từ trong Thiên Định rất sâu, đột phá từng tầng chướng ngại, quý vị sẽ thấy được. Người đời còn có một phương pháp, nhưng rất hữu hạn, chỉ có thể chứng minh chuyện này là có thể xảy ra, chẳng giả, đó là thuật thôi miên rất thịnh hành ở phương Tây trong vòng nửa thế kỷ trở lại đây! Trong lúc được thôi miên rất sâu, quý vị có thể trở lại đời quá khứ, thậm chí trở lại nhiều đời trong quá khứ. Tôi đọc báo cáo của bác sĩ Ngụy Tư (Brian L. Weiss) nước Mỹ, đã có một người được thôi miên đã quay lại gần như mấy chục đời, không chỉ mấy chục đời, mà gần như bảy tám mươi đời, tức là hơn bốn ngàn năm trước! Hoàn cảnh lúc ấy là còn sống trong hang động, con người chưa biết ở trong nhà cửa, mà sống trong hang động. Người ấy có thể nói ra tình trạng sống lúc ấy, tuyệt đối chẳng phải là bịa đặt. Vì vậy, từ thôi miên có thể chứng thực. Thiên Định chứng thực con người thật sự có thể trở lại quá khứ, cũng thật sự có thể thấy được vị lai. Vì sao? Thời gian và không gian là giả. Đại Thừa Phật pháp dạy chúng ta: Chẳng có thời gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có trước sau; chẳng có không gian, sẽ chẳng có khoảng cách. Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật; nếu không gian bị đột phá, thế giới Cực Lạc ở đâu? Thế giới Cực Lạc ở ngay nơi đây. Các nhà khoa học đã thừa nhận thời gian và không gian chẳng có thật, nhưng

dùng phương pháp gì để đột phá họ không biết! Các chiều không gian (không gian duy thứ: Spatial dimensions) do đâu mà có chúng ta đều biết, kinh Phật đã giảng rất rõ ràng chúng do đâu mà có? Từ vọng tưởng, chấp trước mà ra! Quý vị chẳng có vọng tưởng, chấp trước, các chiều không gian sẽ chẳng còn nữa! Điều phải tu Định, phải tu tâm thanh tịnh, phải tu tâm bình đẳng; thanh tịnh có thể đột phá lục đạo, bình đẳng có thể đột phá mười pháp giới, giác tâm có thể đột phá toàn thể vũ trụ, ba tầng lớp như vậy. Phải có công phu như thế nào? Buông xuống! Quý vị chẳng buông xuống sẽ chẳng được, phải thật sự buông xuống!

Vì vậy, tôi rất cảm tạ thầy tôi. Người xuất gia tôi gặp mặt đầu tiên là Chương Gia đại sư, tôi hướng về Ngài thỉnh giáo, tôi nói: Thầy Phương giới thiệu Phật pháp cho tôi, tôi biết [Phật pháp] đúng là một môn đại học vấn, có phương pháp gì để có thể khế nhập cảnh giới hay chăng? Tôi nêu câu hỏi như thế, nêu câu hỏi xong, lão nhân gia không trả lời tôi. Ngài nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài, chúng tôi ở trong căn phòng khách nhỏ ấy nhìn nhau nửa giờ. Tôi đợi nửa giờ, đợi đến khi Ngài nói một chữ: “Có”. Có! Tinh thần chúng tôi phấn chấn, chú ý nghe, Ngài lại chẳng nói năng gì, lại đợi sáu, bảy phút, Ngài mới lại nói: “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”. Mấy chục năm sau, tôi mới nghĩ ra: Khi ấy, vì lẽ nào Ngài nhìn tôi nửa giờ chẳng nói gì? Tôi tuổi trẻ, bộp chộp, nóng vội, nhất định phải đợi cho tâm tình lắng xuống, vọng niệm chẳng còn, lúc ấy nói với quý vị thì mới có ích, quý vị mới thật sự nghe lọt. Nói một chữ Có, tâm tư chúng tôi lại xáo động, lại chuyển động, không được rồi, vẫn phải chờ cho tâm tình lắng xuống. Nay tôi nhìn vào nhiều trường học, ấn tượng sâu nhất là khi tôi ở Luân Đôn, đến thăm trường đại học Kiếm Kiều (Cambridge) tại Luân Đôn, tôi thấy sinh viên ở đây kể ra còn khá, tốt hơn những trường khác, vẫn chẳng khác lắm so với lúc tôi trẻ tuổi. Gặp Chương Gia đại sư, Ngài chẳng nói gì, cứ trừng mắt nhìn, khi nào quý vị có thể định được tâm thái bằng bột, Ngài mới nói với quý vị. Từ điểm này, chúng tôi hiểu được sự giáo học của cổ nhân. Bởi lẽ, thời cổ, trẻ nhỏ được bồi dưỡng sự ôn trọng từ nhỏ, nhất cử, nhất động đều giống như một người trưởng thành thu nhỏ, nên nó có thể tiếp nhận [giáo dục đạo đức]. Còn như những trẻ nhỏ của phương Tây, chẳng có cách nào tiếp nhận, tiếp nhận khoa học kỹ thuật thì được, chứ chúng chẳng có năng lực tiếp nhận loại học vấn như của Trung Quốc. Vì vậy, học gì cũng đều cần tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, thật sự là cơ sở để học theo cổ thánh tiên hiền. Thiếu cơ sở này, chúng ta chỉ nghe những kiến thức thông thường bề ngoài, chẳng có cách nào khế nhập cảnh giới!

Trong đoạn tiếp theo, vẫn là điều được nói trong kinh Viên Giác: “*Huyễn diệt diệt có, phi huyễn bất diệt*” (cái huyễn diệt bị diệt, nhưng cái chẳng huyễn bất diệt). Huyền là giả, chẳng thật, quý vị chẳng thể nói nó chẳng có tướng, nay tất cả các hiện tượng đều hiện tiền, làm sao quý vị có thể nói là không có tướng? Tuy hiện tượng hiện tiền, chẳng thể nói là nó có, vì sao chẳng thể nói là nó có? Tướng ấy là huyền tướng, thật vậy, giống

như những tấm phim trong máy chiếu phim. Chúng ta coi phim, phim hiện thời dùng kỹ thuật mã hóa (digitalized), chẳng dễ gì thấy được [chúng là huyền tượng]! Trước đây, điện ảnh dùng phim nhựa. Ở đây, tôi vẫn có vài cuộn phim, phim xi-nê. Đây là cuộn phim nhựa, đây là máy chiếu; quý vị thấy mỗi tấm ảnh trong cuộn phim là một tướng cảnh giới, là một huyền tượng. Ống kính của máy chiếu phim mở ra, tấm phim này được chiếu lên màn bạc; ống kính đóng lại, lại đổi sang tấm phim thứ hai, tấm phim thứ nhất chẳng còn, lại đổi sang tấm phim thứ ba, [tấm phim thứ hai chẳng còn]. Nó thay đổi nhanh chóng, trong một giây thay đổi hai mươi bốn tấm, chúng ta bèn bị gạt, chúng ta coi phim giống như bị nó mê hoặc, dường như là thật, thật ra tốc độ là một phần hai mươi bốn phần giây. Hiện tượng trong vũ trụ hiện tại của chúng ta nhanh hơn tướng được hiện trên màn ảnh bao nhiêu? Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát, thật ra, hai Ngài một hỏi một đáp cho chúng ta nghe, song tấu cho chúng ta nghe hòng giác ngộ. Phật hỏi, Di Lặc Bồ Tát đáp. Đức Phật nói tâm có niệm, đây là nói về những kẻ bình phàm giống như chúng ta trong tâm khởi lên ý niệm, trong một niệm có bao nhiêu tế niệm? Có mấy niệm? Đó là ý niệm vô cùng vi tế, giống như chúng ta trong một giây nhìn các hình ảnh hiện trên màn bạc, hình ảnh trong phim, thấy một giây là hai mươi bốn niệm, hai mươi bốn niệm sanh diệt, chúng ta coi mỗi niệm là một giây; còn Di Lặc Bồ Tát nói tới một cái khảy ngón tay, một cái khảy ngón tay chưa đầy một giây! Nếu chúng ta khảy nhanh, trong một giây có thể khảy bốn lần. Khảy nhanh hơn sẽ có thể khảy năm lần. Ngài nói một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn, trong một cái khảy ngón tay có bao nhiêu niệm? Ba mươi hai ức nhân với mười vạn là ba trăm hai mươi triệu, chúng ta làm sao có thể biết nó là giả được! Nếu một giây chúng ta khảy năm lần, trong một giây có bao nhiêu tế niệm? Một ngàn sáu trăm triệu! Trên màn bạc điện ảnh, một giây mới là hai mươi bốn lần, hai mươi bốn niệm sanh diệt, còn hoàn cảnh hiện thực là trong một giây có một ngàn sáu trăm triệu, ai có thể thấy được? Trong kinh, đức Phật nói: Bát Địa Bồ Tát! Bát Địa Bồ Tát do cái tâm [thanh tịnh, không chấp trước] và công phu định lực có thể nhìn thấy một giây có một ngàn sáu trăm triệu niệm vi tế như vậy, Ngài có thể nhận biết. Từ Bát Địa trở lên là Cửu Địa Bồ Tát, Thập Địa, Đẳng Giác Bồ Tát, Diệu Giác, những vị thuộc năm địa vị này thấy rõ ràng; đây là thấy được căn nguyên duyên khởi vũ trụ. Dụng cụ khoa học chẳng có cách nào, làm không được, [căn nguyên ấy] quá vi tế. Những công cụ của các nhà khoa học có thể thấy được [ba tế tướng của] A Lại Da thì kể ra là đã khá lắm rồi, còn niệm này tột bậc vi tế, [mong thấy được nó] quá khó khăn!

Chúng ta tưởng thế giới này là thật, do đức Phật dạy như vậy, chúng ta mới biết thế giới này luôn được tạo thành trong mỗi niệm, do những niệm cực kỳ vi tế tụ tập nên mới thành tựu. Do vậy, tướng chẳng thật, chúng là huyền tượng, giống như nay chúng ta đang xem TV, TV hiện thời dùng kỹ thuật mã hóa, nhanh hơn tốc độ của điện ảnh, quý vị

càng thấy rất thật. Quý vị hiểu toàn thể hiện tượng trong vũ trụ rất giống với chuyện [chiếu phim] này, chẳng thể nói nó là giả, nhưng cũng chẳng thể nói nó là thật. Nếu quý vị nói nó là thật thì nó niệm niệm chẳng tồn tại, niệm trước chẳng phải là niệm sau. Trong lúc giảng kinh, chúng tôi thường dùng chữ “*trương tự trương tục trương*” (trương gần giống như liên tục) để chỉ tướng này. Tướng trước và tướng sau tuyệt đối khác nhau, nhưng rất gần gũi, rất tương tự, chẳng hoàn toàn tương đồng, mỗi tấm phim khác biệt, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Hoàn toàn không chế ý niệm thì ý niệm của quý vị càng thanh tịnh. Nói cách khác, nó biến hóa, từng tấm phim đều biến hóa, nhưng mức độ biến hóa rất nhỏ. Nếu tâm quý vị bộp chộp, nóng nảy, phiền não tập khí rất nặng, sự biến hóa này cũng rất lớn. [Biến hóa] rất lớn thì thí dụ như chúng ta suy lão nhanh chóng, [biến hóa] rất chậm thì chúng ta cũng già rất chậm. Đạo lý ở chỗ này, nó có đạo lý! Sau khi quý vị liễu giải Phật pháp, nhìn lại thấy Trung Y đúng là rất phi phạm, thật sự có lý, kinh Phật đã giảng thấu triệt. Vì vậy, chúng ta có thể không chế chính mình, chúng ta làm thế nào để chẳng mắc bệnh, hoàn toàn không chế từ tâm thái, tâm lượng phải lớn, nhất định phải có tâm từ bi, nhất định chớ nên có lòng oán hận. Oán, hận, phiền não, tức giận, phiền muộn, đều là duyên gây nhiễm bệnh, nhân là tham, sân, si, mạn, nghi. Tham, sân, si, mạn, nghi là nguyên nhân gây bệnh; oán, hận, phiền não, tức giận, phiền muộn là nguồn gốc gây bệnh. Nhân duyên kết hợp, các tế bào sẽ sanh ra virus, sẽ biến thành virus. Quý vị hiểu đạo lý này, chỗ nào có bệnh, quý vị liền giữ cho tâm địa thanh tịnh, nghĩ đến những điều tích cực! Chúng ta học kinh này, học Đại Thừa, ta liền khởi lên mười chữ Bồ Đề tâm, quý vị nghĩ tới “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”, nghĩ tới những điều này. Các tế bào bị nhiễm virus sẽ khôi phục bình thường. Chúng phục tùng ý niệm của quý vị. Nếu người khác làm thiện sự, tụng kinh hồi hướng cho quý vị thì cũng có lợi đôi chút, chẳng nhiều lắm, không lớn, chính mình vừa chuyên ý niệm sẽ có sức mạnh to lớn. Người khác gia trì quý vị chẳng phải là vô dụng, mà là hữu dụng! Cũng có ích đôi chút, nhưng hiệu quả chẳng trực tiếp như vậy. Nếu ý niệm thật sự xoay chuyển, hồi tâm hướng thiện, sẽ chuyển rất nhanh!

Chúng ta hiểu đạo lý này: “*Huyễn diệt diệt cố, phi huyễn bất diệt*”. “*Phi huyễn*” là giác tánh; vì vậy, nó là bình thường, chỉ cần trừ khử những thứ hư vọng, nó sẽ khôi phục bình thường, vốn là bình thường, vốn khỏe mạnh. Như thầy Lý đã bảo tôi: Con người vốn có thể sống thọ tới hai, ba trăm tuổi, sống hai ba trăm tuổi cũng chẳng hiếm lạ tí nào! Quan trọng nhất là tâm thái phải bình thường, chớ nên có tạp niệm, chớ nên có phiền não. Trong xã hội này, cái được gọi “chuyện chẳng như ý” thường chiếm đến tám chín phần, đều là có nguyên nhân. Người này hủy báng ta, ta nhận lãnh, chớ nên ghim trong lòng, mà hãy cảm tạ kẻ đó! Vì sao cảm tạ hắn? Cũng giống như kẻ đó đến khảo nghiệm công phu của ta, coi ta có thể nhẫn hay không? Ta chịu đựng được thì đạt, ta vượt được cái ải này, chẳng ghim trong lòng, cảm tạ hắn. Hắn tổn hại ta, lăng nhục ta, đều là khảo nghiệm, khảo nghiệm bằng nghịch cảnh; còn thuận khảo thì làm cho quý vị vui sướng.

Nếu quý vị đang bị thuận khảo thì sẽ là thuận cảnh thiện duyên, trong tình hình ấy, hết thảy đều rất thuận lợi, nếu quý vị khởi lên tham luyến, sanh tâm hoan hỷ, cũng trật rồi! Vì sao? Thất tình ngũ dục là phiền não. Trong thuận cảnh chẳng tham luyến, trong nghịch cảnh chẳng oán hận, vĩnh viễn giữ gìn tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, khi ấy mới gọi là “*huyền diệt diệt tận*”. Liễu giải chân tướng là thấy thấu suốt. Liễu giải chân tướng “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*” như kinh Kim Cang đã dạy: “*Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng*”. Pháp hữu vi là gì? Hữu vi là có sanh, có diệt. Quý vị thấy có pháp nào chẳng sanh diệt, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật, núi, sông, đại địa thành, trụ, hoại, không, chẳng có một thứ nào không sanh diệt. Đã có sanh diệt thì quý vị biết những hiện tượng ấy do đâu mà có? Hiện tượng tụ tập trong từng sát-na. Di Lạc Bồ Tát nói: Trong một khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, khởi lên như vậy. Niệm niệm đều bất khả đắc; vì vậy, quý vị có thể hưởng thụ hết thảy tướng cảnh giới, nhưng đừng chấp trước, chớ nên chiếm hữu, chẳng thể chiếm hữu được! Ngay cả thân thể cũng chẳng thể chiếm hữu. Nếu ta có thể chiếm hữu thân thể, ta sẽ mười tám tuổi mãi mãi, tốt hơn nhiều! Vĩnh viễn chẳng già vì ta đã chiếm hữu. Quý vị chẳng chiếm hữu được, nên nó biến hóa trong từng sát-na. Tất cả hiện tượng đều là huyền hóa, kể cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai như đức Phật đã giảng trong kinh. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm biến hóa hết sức chậm rãi. Do vậy, chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ, thấy kinh miêu tả tình trạng trong thế giới Cực Lạc: Người trong thế giới Cực Lạc trường sinh bất lão, chẳng bị bệnh, không sanh bệnh, cũng chẳng bị già yếu. Hoa trong thế giới Cực Lạc vĩnh viễn chẳng tàn. Do nguyên nhân gì? Do người sống trong cõi ấy trong tâm chẳng có phân biệt, chấp trước. Vì sao còn có hiện tượng? Do họ có khởi tâm động niệm. Khi chẳng có phân biệt, chấp trước, sự biến hóa trở nên vô cùng chậm rãi, dầu thời gian lâu đến đâu đi nữa, họ vĩnh viễn trẻ trung do đạo lý này. Nếu chúng ta hiểu, sẽ buông tập khí phiền não xuống, tốc độ già yếu trong thế gian này sẽ chậm lại, là do đạo lý như vậy!

Tôi học Phật, cảm kích thầy đã truyền dạy tôi hãy “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Ngày đầu tiên gặp mặt, câu đầu tiên thầy dạy tôi, thật chẳng dễ dàng, đã nói cho tôi biết một bí mật của Phật pháp. Chúng tôi mới biết từ Sơ Phát Tâm cho tới địa vị Như Lai là như vậy, “*thấy thấu suốt, buông xuống; buông xuống, thấy thấu suốt*”. Lúc quý vị điều gì cũng buông hết xuống, ngay cả buông xuống cũng chẳng có, cũng buông xuống luôn, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật, trở về Thường Tịch Quang. Tập khí chưa đoạn sẽ là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, như tôi vừa mới nói, trong cõi ấy vĩnh hằng bất diệt, hoa vĩnh viễn tươi mới, chẳng héo hon, rơi rụng, con người vĩnh viễn trẻ trung, chẳng già yếu. Thật sự có đạo lý, những đạo lý ấy chúng ta đều có thể dùng được, lúc dùng sẽ thật sự hữu hiệu. Thầy tu hành thật sự có công phu, chẳng giả. Thưa quý vị, vị thầy này là một trong Tứ Đại Lạc Ma. Bốn vị này, hai vị ở Tây Tạng là Đạt Lai và Ban Thiền, hai vị

ở Mông Cổ: Chương Gia ở Nội Mông, Triết Bồ Tôn Đan Ba ở Ngoại Mông. Bốn vị này đều là học trò của Tông Khách Ba đại sư. Bốn đại đệ tử của Tông Khách Ba ở bốn phương giáo hóa chúng sanh, tôi rất may mắn gặp một vị. Chúng tôi tuổi trẻ, chưa từng tiếp xúc Phật pháp. Vì vậy, tôi đã từng rất mạo muội thỉnh giáo Ngài, chúng tôi gọi Ngài là “Phật gia”. Tôi nói: “Thưa Phật gia, nghe nói các Ngài chuyển thế, Hoạt Phật (Phật sống) chuyển thế là thật hay giả?” Tôi hỏi Ngài câu ấy. Vị thầy này thật tốt, luôn nói lời thật, chẳng lừa gạt chút nào! Ngài dạy: *“Ba đời đầu tiên có thể là thật, những đời sau sẽ chẳng thật”*. Ngài là [Chương Gia] đời thứ mười sáu, thuộc về đời sau nên chẳng thật. Ngài nói: *“Đưa linh đồng sau khi được tìm ra, tuyển chọn, sẽ được giáo dục tốt nhất, được vị thầy đức hạnh nhất, học vấn khá nhất đương thời dạy dỗ, người bình thường chẳng gặp được [cơ hội ấy]. Nếu nó thật sự chịu học, sẽ có bản lĩnh khá sâu!”* Điều này đúng là khó có, giống như hoàng tử thuở trước, được hưởng sự giáo dục mà người khác chẳng được hưởng. Trước đây, vào thời đại đế vương, cả thiên hạ là của nhà vua, đế vương “đăng cơ”, đó cũng là điển lễ nhậm chức. Chuyện lớn đầu tiên là lập Thái Tử, nhằm bồi dưỡng thế hệ kế tiếp. Sau khi lập Thái Tử, thỉnh mấy vị đức hạnh ưu tú và có học vấn nhất trong nước làm thầy của Thái Tử. Thái tử thật sự tích cực học tập thì triều đại kế tiếp sẽ tốt đẹp, con em của văn võ bá quan cùng học ké, đó là nhằm bồi dưỡng một tiểu triều đình kế tục. Thật sự dụng tâm, đời trước thật sự chịu trách nhiệm đối với đời kế tiếp. Trung Quốc khác ngoại quốc, ngoại quốc đúng là chuyên chế, Trung Quốc chẳng phải vậy! Quý vị đọc lịch sử Trung Quốc cẩn thận sẽ thấy lịch đại đế vương của Trung Quốc rất có trách nhiệm, kẻ thiếu trách nhiệm đã bị người khác lật đổ!

Do vậy, các hoàng đế thuộc những đời cuối của mỗi triều đại đều là kẻ chẳng tuân thủ giáo huấn của tổ tông, phá hoại toàn bộ gia quy, nên bị kẻ khác thay thế. Nếu họ thật sự tuân theo gia pháp do tổ tông truyền lại, y giáo phụng hành, triều đại của họ sẽ tiếp tục truyền thừa. Thầy Phương từng bảo tôi: “Khổng Tử bội phục Châu Công là có lý”. Lão nhân gia suốt đời khâm phục Châu Công nhất. Cụ nói Châu Công đúng là thánh nhân đã tạo ra một bản điển chương chế độ là Châu Lễ. Châu Lễ là hiến pháp của nhà Châu. Thầy bảo tôi đọc, nhưng tôi chẳng có hứng thú đối với chánh trị, thầy bảo tôi nhiều lần, nhưng tôi chưa đọc Châu Lễ. Cụ nói nếu đời nào của nhà Châu cũng đều tuân thủ giáo huấn trong bộ sách ấy thì đến nay vẫn là nhà Châu, cụ đã nói một câu như thế. Đó là vì đối với từng câu, từng chữ, Châu Công đều nghĩ thay cho người trong thiên hạ, chẳng hề vì chính mình. Do vậy, tác phẩm của ông ta chịu được sự khảo nghiệm [của thời gian và tình thế xã hội]. Trong lịch sử Trung Quốc, triều đại nhà Châu lâu nhất, tám trăm năm, nhưng đến cuối thời, năm trăm năm cuối cùng trong tám trăm năm ấy là thời Xuân Thu Chiến Quốc, là đời loạn. Triều đình nhà Châu tuy xưng Thiên Tử, chư hầu chẳng nghe lệnh, nhưng nhà Châu vẫn có hơn ba trăm năm gần như tới bốn trăm năm yên bình lâu dài. Vấn đề ở chỗ nào? Vấn đề ở chỗ có tích cực thúc đẩy giáo dục hay không. Bởi lẽ, *“kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên”* (xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo dục

đúng đầu), câu này là chân lý! Chỉ cần thực hiện tốt giáo dục, vấn đề gì cũng đều được giải quyết, con người được dạy dỗ tốt đẹp rồi! Trung Quốc ổn định lâu dài mấy ngàn năm, càng lâu càng mới mẻ, cấy vào đâu? Cấy vào giáo dục. Còn có một cơ cấu vững vàng mà cả thế giới đều chẳng có; đó là gia tộc. Gia tộc của Trung Quốc gánh vác trách nhiệm xã hội, có nhiều cống hiến đối với Trung Quốc! Trung Quốc là đại gia đình, quý vị tới nông thôn Trung Quốc để xem: Đây là thôn họ Trương, kia là thôn họ Lý, là người một nhà, ngũ, lục đại đồng đường (năm sáu thế hệ cùng sống trong một nhà), chẳng tách ra. Do vậy, một gia tộc gần như có khoảng ba trăm người, nếu chẳng có quy củ, chẳng có chế độ, làm sao gia tộc không loạn được? Tan nhà, chết người liền! Vì vậy, đối với người Trung Quốc, trẻ nhỏ được dạy từ lúc mang thai, thai giáo đấy! Vừa sanh ra, quý vị phải biết: Đưa nhỏ ấy vừa biết nhìn, biết nghe đã học tập, đã mô phỏng, gieo trồng căn bản giáo dục trong ba năm, tức là cho đến ba tuổi. [Được giáo dục] từ lúc ra đời cho đến khi tròn ba tuổi là một ngàn ngày, đó gọi là đặt vững căn bản giáo dục. Đặt vững căn bản giáo dục do ai dạy? Mẹ dạy. Người mẹ vĩ đại, giúp chồng, dạy con, gia đình quý vị có đời sau nên người hay không tùy thuộc người mẹ. Dạy gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả, gốc rễ vững bền! Vì vậy, trước đây tại Trung Quốc có câu ngôn ngữ: “*Tam tuế khán bát thập*”, [nghĩa là] gieo trồng căn bản từ thuở ba tuổi thì đến tám mươi tuổi chẳng thay đổi, gieo trồng căn bản kiên cố lắm! Vì vậy, gia tộc có gia đạo, có gia quy, có gia học, gia học trước đây là tư thực, tức là trường học của con em trong gia tộc, có gia nghiệp, tức là sự nghiệp kinh doanh của gia tộc, trong gia phả mỗi nhà đều chép rất rõ ràng. Vì vậy, gia đã tề, quốc bèn trị!

Tôi thường nói, vì tôi quen nhiều bạn bè, rất nhiều người có chân trong chánh trường, khi nói chuyện với họ, tôi nói: Thời quá khứ, trong xã hội Trung Quốc có ba trăm sáu mươi ngành nghề, nghề nghiệp tốt nhất là ai? [Những người] làm quan! Quý vị thấy văn chương, thi từ trong phần Tập76[1] của bộ sách Tứ Khố Toàn Thư do ai viết? Đều do kẻ làm quan viết. Khi họ không làm việc, chẳng có vụ án nào phải xử, ai nấy là người tốt, mọi chuyện là chuyện tốt, chẳng có vụ án nào! Vì vậy, họ là kẻ thanh nhàn nhất, đãi ngộ lại tốt đẹp, địa vị lại cao, được người khác tôn trọng, bất luận tới chỗ nào, đều được bình dân bá tánh yêu mến, cung kính. Họ thường lữ du, đến thăm các vị đạo trưởng, pháp sư, kết bạn phương ngoại77[2] với họ, thật đấy. Trong xã hội hiện tại, nghề nghiệp khổ cực nhất là làm quan, vì lẽ gì biến ra nông nổi này? Giáo dục đã mất, gia tộc chẳng còn,

76[1] -“Tứ Khố Toàn Thư được chia thành bốn phần: Kinh, Sử, Tử, Tập. Tập chính là phần thu thập tất cả các trước tác văn chương, thi phú. “

77[2]-“Phương ngoại là danh xưng chỉ người xuất gia. Bạn phương ngoại tức là tăng sĩ kết giao với người trong thế tục.”

gia giáo chẳng có. Chúng tôi cảm giác thật sâu đậm trong quá khứ, chúng ta trải qua tám năm kháng chiến chống Nhật, tám năm kháng chiến hy sinh tánh mạng, tài sản là chuyện nhỏ, [điều bị mất mát to lớn] là truyền thống gia tộc bị xóa sạch. Tề gia, quốc sẽ trị, thiên hạ sẽ thái bình, lịch đại đế vương nói là “*thùy cùng nhi trị*” (khoanh tay chẳng làm gì mà đất nước bình trị); chẳng có chuyện gì, khoanh tay ngồi yên mà đất nước thịnh trị, thiên hạ thái bình, nhờ vào đâu? Cậy vào giáo dục, cậy vào gia tộc. Do vậy, trong quá khứ, trách nhiệm xã hội do gia đình gánh vác, giáo dục do gia đình phụ trách, dưỡng lão cũng do gia đình phụ trách. Một người sống trong thế gian này là vì lẽ gì? Vì gia đình, vinh tông diêu tổ, vẻ vang dòng họ, sẽ chẳng làm chuyện xấu. Làm chuyện xấu, gia đình bị mất mặt, tổ tiên bị thiên hạ chửi mắng, đó là đại bất hiếu! Truyền thống này tìm khắp thế giới không ra, chỉ riêng Trung Quốc có. Vào một trăm năm trước thì Trung Quốc có, nhưng sau một trăm năm ấy cho tới hiện thời, chẳng có. Do vậy, hiện thời người Hoa rất khổ, chúng ta phải hiểu chuyện này! Làm sao mới có thể lìa khổ được vui? Phải khôi phục gia tộc như trước kia, nhưng gia tộc theo kiểu quan hệ huyết thống thì chẳng được! Mấy năm nay, tôi nghĩ đến xí nghiệp gia. Chẳng phải là thường nói “xí nghiệp gia” ư? Xí nghiệp là đoàn thể; nếu xí nghiệp có thể khôi phục tinh thần gia tộc Trung Quốc, Trung Quốc sẽ ổn định cả ngàn năm... Người Trung Quốc thật sự có đạo, đạo ấy chính là họ có phương pháp, vừa có lý luận, vừa có phương pháp. Hiện nay, dần dần cũng có mấy vị đồng tu trong Phật môn kinh doanh xí nghiệp, tôi khuyến khích họ, hãy kế thừa truyền thống gia tộc. Hiện thời phải kế thừa ra sao? Chủ nhân phải coi viên chức, công nhân trong xí nghiệp đều là anh em ruột hay chị em ruột, coi người già của những công nhân viên chức đều là chú bác của chính mình, phải lãnh trách nhiệm dưỡng lão, coi con cái của công nhân, viên chức như con em, cháu chắt của chính mình, phải đối đãi như vậy, quý vị là đại gia trưởng mà! Chính chúng ta phải mở trường dạy dỗ con em, dạy dỗ con thơ của công nhân, viên chức. Chính chúng ta phải mở viện dưỡng lão, chứ không phải xã hội, [để phụng dưỡng] người già của công nhân, viên chức. Công ty, đoàn thể ấy kinh doanh, phụ trách dưỡng lão, nuôi nấng trẻ thơ, chữa trị, gánh vác trách nhiệm xã hội, xí nghiệp đảm nhận [những trách nhiệm ấy]. Có gương tốt ấy, các xí nghiệp khác đều làm theo, nhân viên, công chức vĩnh viễn trung thành với xí nghiệp, vì sao? Đối xử với họ quá tốt, trong nhà quý vị có chuyện gì họ đều gánh vác. Đó là một tổ chức đạo nghĩa, trước đây là quan hệ huyết thống, nay là quan hệ đạo nghĩa. Nếu sau khi cách này được truyền lại, Trung Quốc đúng là ngàn năm vạn đời yên ổn, chứ không phải là chẳng thể thực hiện được!

Quốc gia nay đang đề xướng một chủ nghĩa xã hội đặc sắc của Trung Quốc, điểm đặc sắc của Trung Quốc là gì? Hiếu! Dùng một chữ để nói thì Trung Quốc là văn hóa “hiếu”, trên thế giới chẳng tìm được điều này! Từ Hiếu, diễn biến thành bốn khoa mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, mấy chữ này! Vì vậy, tôi tin tưởng tổ tiên Trung Quốc không chỉ [tồn tại trong lịch sử] năm ngàn năm, người Ấn Độ đã tồn tại hơn một

vạn năm, tôi tin Trung Quốc trọn chẳng kém họ. Vì khi đó, [Trung Quốc] chưa có văn tự, văn tự do Hoàng Đế^{78[3]} phát minh. Từ khi có văn tự cho đến hiện tại mới là bốn ngàn năm trăm năm, [trước đó] chưa có văn tự. Tôi tin văn hóa truyền thống Trung Quốc tôi thiếu cũng là hơn một vạn năm, trọn chẳng kém hơn Ấn Độ. Đòi đòi truyền thừa, tới khi có văn tự, Khổng lão phu tử mới biên tập, hệ thống hóa hoàn chỉnh, dùng văn tự ghi lại những gì đã được truyền lại từ quá khứ, do tổ tông truyền lại, dùng văn tự viết xuống. Vì vậy, tôi tin là trong Luận Ngữ có rất nhiều điều do tổ tiên nói. Thái độ của phu tử là như lão nhân gia đã nói rất hay, Ngài suốt đời: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*” (thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ). Nói cách khác, Ngài tự nói Ngài chẳng sáng tạo, chẳng phát minh, những gì Ngài đã học, tu, dạy, truyền lại đều là của cổ thánh tiên hiền. Thái độ học tập này tốt đẹp, những gì thật sự tốt đẹp đâu cần cứ phải do chính mình đề ra, chẳng cần phải vậy! Do đó, lần này tôi chọn bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Đối với tôi, tức là đối với thân phận của tôi thì có thể nói Hoàng lão cư sĩ là thầy của tôi, tôi là học trò của cụ. Tuy chúng tôi chẳng có danh phận chính thức ấy, nhưng tôi quả thật mang tâm thái đó. Tôi và cụ là bạn già, trong xã hội hiện tiền, chúng tôi là hai người hoằng dương bộ kinh này. Tôi [hoằng dương] ở hải ngoại, cụ ở trong nước, đều rất cô đơn. Vừa gặp mặt, [cảm thấy] đúng là gặp gỡ tri kỷ. Vì vậy, khi lão nhân gia còn sống trên đời, mỗi năm, tôi thiếu tôi sang Bắc Kinh đôi ba lần để gặp cụ. Đúng là khó có! Nay tôi giảng bản chú giải của cụ là vì lẽ gì? “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*”! Bày đầu, nêu gương tốt! Không cần chính mình phải chơi trội, những gì của cụ là của chính tôi, tự tha bất nhị. Dùng tên của người khác tốt đẹp thì cần gì phải dùng đến tên mình, chẳng có ý niệm ấy. Đây là đi theo đường lối thánh hiền, tiếng tăm, lợi dưỡng thả đều buông xuống, quý vị nói có phải là tâm chính mình thanh tịnh nhiều lắm hay chẳng? Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, tâm thanh tịnh sanh pháp hỷ, sanh tâm hoan hỷ.

78[3]-“Hoàng Đế còn gọi là Hiên Viên Hoàng Đế, được coi là thủy tổ của người Hán. Theo huyền sử, ông trị vì từ năm 2697 đến năm 2598 trước Công Nguyên. Theo Hán Thư, Hoàng Đế vốn là họ Cơ, là con của Thiếu Đế, do sống tại gò Hiên Viên nên lấy Hiên Viên làm tên. Về sau, tên ấy được coi là họ (với danh xưng Hiên Viên Thị). Sách Sử Ký lại nói ông vốn họ Công Tôn, nhưng cũng công nhận do ông sống tại gò Hiên Viên nên lấy Hiên Viên làm tên. Do đặt tên nước là Hữu Hùng, nên còn gọi là Hữu Hùng Thị. Hoàng Đế liên kết Viêm Đế đánh bại Xi Vưu (thủ lãnh bộ tộc Cửu Lệ) tại cánh đồng Trác Lộc. Về sau, do mâu thuẫn quyền lợi, Viêm Đế và Hoàng Đế đánh nhau. Viêm Đế thua trận Bản Tuyền, Hoàng Đế trở thành Cộng Chủ (thủ lãnh liên minh các bộ lạc thời ấy) của cả Trung Nguyên. Các phát minh trong thời kỳ này đều được gán cho Hoàng Đế như làm nhà cửa, đóng ghe thuyền, chế kim chỉ nam, làm lịch, y học v.v... Tương truyền, một đại thần của vua là Thương Hiệt đã chế ra chữ Hán. Vợ Hoàng Đế là Luy Tổ được coi là người đầu tiên tìm ra cách kéo kén, dạy phụ nữ ươm tơ, dệt lụa.”

“*Phi huyễn*” là giác tánh. “*Thí như ma kính, cấu tận, minh hiện*” (ví như mài gương, chất dơ trừ hết, ánh sáng hiện). Quý vị phải biết “*mài gương*” là [tỷ dụ trong lời] chú giải của cổ nhân, cụ Hoàng cũng dùng [tỷ dụ này] của cổ nhân. Thời cổ, gương làm bằng đồng, phải thường xuyên mài, mài rất bóng sẽ có thể soi mặt. Khác với hiện thời, hiện thời tiến bộ hơn thuở trước quá nhiều; do vậy, nói “*mài gương*” người hiện thời chẳng hiểu. Nếu quý vị lấy cái gương thời cổ [để giảng], người hiện thời mới hiểu; đó là “*mài gương*”! Quý vị thấy gương cổ được đặt trong viện Bảo Tàng của Cố Cung, quý vị sẽ hiểu. Cái gương ấy phải thường xuyên mài, mài sạch sẽ, những thứ dơ bẩn trên mặt gương chẳng còn, gương lại tỏa sáng, bèn có tác dụng [soi chiếu]. Chúng ta tu hành cũng giống như vậy, phải mài sạch vọng tưởng, phân biệt, phiền não, tập khí! Cách mài ra sao? Mài trong cuộc sống hằng ngày, mỗi ngày đều mài. Người tốt tán thán quý vị cũng là mài; nếu quý vị sanh tâm hoan hỷ, tức là như bản, đã bị ô nhiễm; gặp phải nghịch cảnh, trong tâm quý vị bực bội, lại bị nhiễm dơ! Cảnh giới gì hiện tiền, quý vị đều có thể giữ gìn cái tâm thanh tịnh, cũng không ô nhiễm, đó là tu hành thật sự. Quý vị phải biết: Tu hành chẳng phải là hằng ngày niệm kinh, mỗi ngày gõ mõ niệm Phật, chẳng phải như vậy. Đây cũng là một phương pháp, nhưng công phu thật sự ở nơi giác tánh. Quý vị thời thời khắc khắc [phải dốc công phu giác tánh trong những hành vi nhỏ nhặt như] mặc quần áo, ăn cơm. Mặc quần áo, quý vị cảm thấy y phục này chẳng dễ nhìn, lại khởi tâm động niệm, lại phân biệt, chấp trước rồi! Do vậy, mặc quần áo cũng là tu hành. Lúc ăn cơm, món này ngon ăn nhiều hơn một chút, ăn thêm mấy miếng, tâm tham của quý vị dậy lên. Món kia chẳng dễ coi, ăn không ngon, chẳng muốn ăn, quý vị cự tuyệt, quý vị thấy toàn bộ tập khí phiền não hiện hành. Trong cuộc sống thường ngày, xử sự, đối đãi người, tiếp vật, thuận cảnh, nghịch cảnh, quý vị phải coi tất cả mọi người là Bồ Tát, họ giúp ta nâng cao cảnh giới, [đối với bất cứ người nào, chuyện nào, cũng đều là] chuyện tốt, người tốt! Người lừa đảo, hãm hại quý vị đều là người tốt; chẳng có họ, làm sao quý vị biết công phu của quý vị hiện tiền? Vì vậy, quý vị thường sanh tâm hoan hỷ, thấy ai cũng là Bồ Tát, thấy ai cũng là ân nhân, tri ân, báo ân. Cách báo ân như thế nào? Báo ân là sửa lỗi, tu thiện, nhất định giữ gìn cái tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng của chính mình. Nếu có thể giữ gìn giác tâm thì càng tốt hơn, đó là rất viên mãn. Đó gọi là thật sự báo ân, thật sự thành tựu, thật sự nâng cao [cảnh giới].

Tiếp đó, cụ Hoàng lão nói: “*Kinh trung sở vân huyễn diệt hậu chi giác tâm*” (Giác tâm sau khi huyễn diệt như trong kinh đã nói), cái “*huyễn*” ấy là vật chất và tinh thần. Quý vị biết: Trong Phật pháp, vật chất được gọi là sắc pháp, tinh thần là tâm pháp, tinh thần là gì? Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tức là cảm thụ trong cuộc sống hằng ngày, tức là những cảm nhận khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Những thứ này không bình thường, bình thường là chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Tâm bình, thanh tịnh, vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, tâm ấy chẳng sanh phiền não. Phiền não là gì? Khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, sanh ra những cảm thụ này, chúng là phiền não. Tâm chẳng sanh phiền não, sẽ sanh trí huệ, làm sao giống nhau

cho được? Sanh phiền não sẽ chẳng sanh trí huệ, sanh trí huệ bèn chẳng sanh phiền não, nó khởi tác dụng, tác dụng viên mãn. Chúng tôi nói thật thà: Tôi học nhiều năm như thế, đã đắc tâm thanh tịnh hay chưa? Chưa! Thanh tịnh, bình đẳng, giác đều chẳng đạt được! Nhưng so với người bình thường để nói, tôi đạt được ít phần, tâm thanh tịnh hơn so với người bình phàm, vì sao? Tôi tu tập hằng ngày, có tánh cảnh giác rất cao, vì vậy, hằng ngày vui vẻ. Nhất là trả lời câu hỏi, trong quá trình học tập, đồng học nêu câu hỏi, lúc được phỏng vấn, có rất nhiều vấn đề chẳng nghĩ đến, [nhưng câu hỏi] vừa nêu ra liền lập tức giải đáp, trí huệ đầy! Năng lực ấy do đâu mà có? Tâm tôi thanh tịnh hơn tâm họ, nên tôi có thể trả lời họ. Nếu tâm tôi chẳng thanh tịnh hơn họ, tôi sẽ chẳng trả lời được, đạo lý là như vậy đó. Vì vậy, công phu là gì? Tâm thanh tịnh là công phu. Tôi nêu ra: Tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, đây là công phu thật sự. Chẳng thể không dụng công, lợi ích quá nhiều!

Đặc biệt trong thời gần đây, nhất là trong hiện tại, có nhiều vấn đề nan giải, xã hội hỗn loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, tôi gặp rất nhiều lãnh tụ tôn giáo hỏi tôi, cũng có rất nhiều người thuộc giới lãnh đạo đem những vấn đề này hỏi tôi, tôi vẫn đều có thể giải đáp. Sau khi quý vị thật sự hiểu rõ, tôi đã nói nhiều lần, muốn khôi phục cục diện xã hội Trung Quốc an định, hài hòa, chỉ cần một năm là thực hiện được rồi; giải quyết vấn đề của cả thế giới, ba năm là có thể làm được rồi! Như ông Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee) của Anh Quốc đã nói: “[Giải quyết vấn đề của thế giới bằng] học thuyết Không Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật học”, chẳng phải lời giả, thật đây, bản thân chúng ta phải có tín tâm. Bắt đầu làm từ ai? Làm từ chính mình, đừng hy vọng ai khác. Hy vọng người khác, quý vị sẽ sanh phiền não, trông cậy vào chính mình sẽ sanh trí huệ, khác hẳn! Chính mình học tốt đẹp rồi sẽ ảnh hưởng người khác, trong Phật pháp gọi chuyện ấy là “tự độ, độ tha”. Chính mình độ chính mình mà còn chưa độ được, chắc chắn chẳng thể độ kẻ khác. Người giác ngộ ngày càng nhiều, duyên sẽ từ từ chín muồi. Tôi mong các đồng học hãy có tín tâm đối với quốc gia và dân tộc, quý vị thấy hiện thời, khắp nơi trong nước, nơi đâu cũng đều thực hiện Đệ Tử Quy. Các xí nghiệp gia cũng tổ chức những luận đàn (diễn đàn), khóa giảng về Đệ Tử Quy, đó là hiện tượng tốt đẹp....

Đối với tất cả các tôn giáo tôi được tiếp xúc, nhận thấy điều gì? Tôi nhận thấy các giáo chủ sáng lập tôn giáo thuở đầu, nói theo cách bây giờ, đều là những nhà giáo dục xã hội vĩ đại, họ đều theo đuổi việc dạy học. Thời gian dạy học của Thích Ca Mâu Ni Phật dài nhất, bốn mươi chín năm. Mục Hãn Mặc Đức (Mohammed) hai mươi bảy năm. Gia Tô (Jesus) bị kẻ khác hại chết, Gia Tô giảng ba năm, bị kẻ khác hại chết. Quý vị lại nhìn những người như Ma Tây (Moses) đều là dạy học. Dạy gì vậy? Phổ biến giáo dục, đại chúng hóa giáo dục, đều là giảng luân lý, đạo đức, nhân quả; chẳng qua trong tôn giáo của những người ấy nói đến thần, nói tới Thượng Đế, ý thần, ý Thượng Đế. Trong Phật

giáo chẳng nói tới thần, chẳng nhắc đến Thượng Đế, Phật giáo nói tới tự tánh, người Trung Quốc nói tới bản tánh. Nhưng chúng ta giải thích cho họ biết: Tuy nói khác nhau, nhưng có cùng một ý nghĩa. Nhất là hiện thời họ thừa nhận: Thần chẳng có thân thể, chẳng có hình tướng! Nói hay lắm, ngày càng gần với ý nghĩa bản tánh như người Trung Quốc đã nói. Tôi mong các tôn giáo đều giảng giải kinh điển cặn kẽ, hướng dẫn các tín đồ của họ. Ở đây, có thể nói: Tám mươi phần trăm những điều được giảng trong các tôn giáo rất gần gũi với nhau, đều là tương đồng. Hai mươi phần trăm kia không giống nhau, đó là gì? Thời cổ giao thông chẳng thuận tiện, chẳng có truyền thông, người ta đến già đến chết chẳng qua lại với nhau; Vì vậy, hoàn cảnh địa phương cư trú, bối cảnh văn hóa khác nhau, phương thức sống khác nhau, sai biệt ở chỗ này! Hiện tại thì khác, với phương tiện giao thông hiện thời, đi quanh địa cầu một vòng có thể thực hiện trong một ngày. Truyền thông phát triển. Hiện tại, chúng ta sống trên địa cầu, phải khẳng định người địa cầu chúng ta là người một nhà, phải tương thân tương ái, phải học khiêm hư, phải học tôn trọng, phải học hỗ trợ hợp tác, chớ nên tranh chấp, chuyện gì cũng đều giải quyết hòa bình, thế gian này sẽ tốt đẹp lắm! Có thể làm được hay không? Có thể làm được chứ! Chẳng phải là không thể làm được! Vẫn là bắt đầu làm từ chính chúng ta, làm từ một đơn vị nhỏ là chính mình, nêu gương cho người khác coi. Có một tấm gương tốt, ngay lập tức mọi người náo nức nhìn vào, ngay lập tức học theo, vì lẽ gì? Mỗi cá nhân đều muốn giải quyết vấn đề này, nhưng chẳng có cách nào! Có nói thì chẳng dễ dàng, người ta chẳng tin, họ bảo đó là chuyện lý tưởng, làm không được! Nếu nêu gương, họ sẽ tin tưởng, sẽ bắt chước theo.

Chúng ta coi đoạn văn tiếp theo: “*Ma kính thật thị ma cầu*” (mài gương thật ra là mài bỏ chất nhơ), mài gương là tu hành. Mài gương thì gương có cần mài hay chẳng? Do mặt gương dính những thứ ô nhiễm, bẩn thỉu, nên phải mài bỏ những thứ ấy. Do vậy, mài gương ví như nay chúng ta nói là tu hành, phải buông trần cấu xuống, buông xuống là được! Vì vậy, phải học buông xuống, chớ nên ghim trong lòng, làm việc gì cũng phải nghiêm túc đảm trách, sau khi làm xong, tâm địa thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó là tu hành thật sự. Cũng chẳng phải là nói quý vị đừng làm chuyện gì, chẳng gánh trách nhiệm, [nếu hiểu như vậy] thì không được, sai lầm rồi! Đó là quý vị hiểu lệch lạc, hiểu sai giáo huấn của thánh nhân. “*Kính tánh bốn minh, phi tòng ngoại đắc*” (tánh gương vốn sáng, chẳng do bên ngoài mà có). Thời cổ, dùng gương làm bằng đồng; đối với tỷ dụ này, biết “gương” là cái gương bằng đồng, sẽ hiểu rất rõ rệt. Tánh chất của cái gương đồng là vốn sẵn sáng tỏ; gương vốn có tác dụng chiếu soi, chẳng phải từ bên ngoài mà có. Chỉ cần mài sạch, trừ bỏ chất bẩn trên mặt gương, quang minh sẽ hiện tiền. Đây là tỷ dụ “*lia vọng chính là chân*”, chân và vọng vĩnh viễn chẳng tách rời. Tôi thường lấy TV làm tỷ dụ cho mọi người dễ hiểu, vì quý vị mỗi ngày đều phải xem. Tôi ví màn hình TV với chân tánh, hình ảnh trong một băng tần là vọng tướng (tướng hư vọng), đó là huyễn tướng. Vì sao? Nhà Phật nói tới chân và vọng, chân là vĩnh hằng bất biến, đó là chân; chỉ

cần có biến hóa sẽ chẳng phải là chân! Quý vị thấy các hình ảnh trong băng tần biến động trong từng sát-na, nên chẳng phải là thật, nhưng màn hình vĩnh viễn chẳng động. Màn hình là tự tánh của chúng ta, hình ảnh là huyền tướng từ trong tự tánh hiện ra. Kinh Phật gọi vũ trụ là “y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới”, đó là huyền tướng, đó là hình ảnh được hiện trong băng tần. Vọng ở chỗ nào? Vọng chẳng rời khỏi chân, chân là màn hình, rời khỏi màn hình sẽ chẳng thể hiện hình tướng. Chân ở đâu? Chân ở trong vọng, vọng ở trong chân, chân chẳng phải là vọng, vọng chẳng phải là chân, nhưng chân và vọng nhất thể, chẳng có cách nào tách lia. Vì vậy, tôi thường nói, biết xem TV, quý vị thật sự biết xem, sẽ khai ngộ! Thật sự biết xem thì màn hình TV sẽ là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, là kinh Vô Lượng Thọ, đó là quý vị thật sự biết xem. Không biết xem, sẽ mê nơi hình ảnh: Hình ảnh cười, quý vị cười theo; hình ảnh khóc, quý vị khóc theo, tâm quý vị hoàn toàn bị cảnh giới xoay chuyển, trật rồi! Từ các hình ảnh, quý vị phải nhìn ra gì là chân, gì là vọng. Sau khi đều nhìn minh bạch, chúng ta nhận biết xã hội hiện tiền và chuyện này (hình ảnh trên TV) chẳng khác gì nhau, quý vị đều hiểu rõ, đều giác ngộ. Sau đây, quý vị sẽ biết phải xử lý ra sao, trong khi xử lý và sau khi xử lý xong, tâm thanh tịnh phải hiện tiền; đừng nên trong lúc xử lý, tâm sanh phiền não. Hễ sanh phiền não, sẽ có sai lầm; sanh trí huệ sẽ xử lý vô cùng viên mãn. Thật sự hiểu rõ ràng, quý vị sẽ chẳng sợ chết, vì sao? Chẳng có sanh tử! Huyền tướng sanh diệt trong từng sát-na, linh tánh bất diệt, [giống như] màn hình chẳng diệt, màn hình mới là chính mình thật sự. Huyền tướng giống như nằm mộng, mộng, huyền, bọt, bóng, chẳng thật. Tự tánh mới là thật, vĩnh hằng chẳng diệt, phải hiểu rõ ràng. Do vậy, lia vọng chính là chân. Lia vọng chẳng phải là thật sự bảo quý vị vứt bỏ, mà là bảo quý vị hãy hiểu rõ, trong tâm chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó là chân. Vọng là chân, chân và vọng vĩnh viễn chẳng tách rời. Chỉ cần lia vọng tướng, phân biệt, chấp trước! Trong Phật pháp, người lia vọng tướng sẽ thành Phật. Lia phân biệt, nhưng chưa lia vọng tướng, đã lia phân biệt thì là Bồ Tát. Vọng tướng và phân biệt chưa lia, nhưng lia chấp trước thì là A La Hán. Đó gọi là tu hành thật sự.

Tiếp đó là lời tổng kết của đoạn này: “*Cố vân, bất dụng cầu chân, duy tu tức Kiến*” (Vì thế nói: “Chẳng cần cầu chân, chỉ cần dứt Kiến”). Vì sao không cần cầu chân? Chân ở ngay trước mặt, chân vĩnh viễn không thay đổi, quý vị cầu chân là trật rồi, vì sao? Quý vị khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thấy chân tướng; vì vậy, chớ nên cầu chân! Trong chân tánh có trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, điều gì cũng không thiếu, toàn thể vũ trụ do chân tâm biến hiện, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng lia tự tánh. Vì vậy, chỉ cần “*tức Kiến*” (dứt Kiến), Kiến là gì? Là vọng tướng, phân biệt, chấp trước. Cụ Hoàng dùng một chữ Kiến rất hay. Vì sao? Khởi đầu từ chỗ này, Kiến là Kiến Hoặc, chúng ta thấy sai lầm. Đầu tiên là thấy sai, coi thân thể này là Ngã. Đó là cái thấy sai lầm đầu tiên. Trong kinh Kim

Cang, đức Phật đã nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, đây chính là dứt Kiến. Có ta, người, chúng sanh, thọ giả hay chẳng? Có, đều ở trước mặt. Cách dứt như thế nào? Chẳng chấp trước là dứt, đừng nên coi những thứ này là có thật; biết chúng là có, tuy chúng có, nhưng là huyễn có, chẳng thật! Vì sao? Sanh diệt trong từng sát-na, chẳng trụ. “*Trụ*” là ngưng nghỉ, chúng [biến hóa] chẳng ngưng nghỉ, chẳng ngừng trong một sát-na nào! Vì sao chẳng ngừng? Ý niệm của quý vị sanh diệt chẳng ngừng. Nếu niệm sanh diệt ngưng nghỉ thì tốt lắm, không chỉ là mười pháp giới chẳng có, mà cõi Thật Báo cũng chẳng có. Niệm ngưng nghỉ thì cảnh giới gì xuất hiện? Thường Tịch Quang xuất hiện, đó là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, điều này chẳng dễ gì làm được. Vì vậy, chúng ta nỗ lực thực hiện từ chỗ cơ bản nhất: Chớ nên chấp trước thân là ta, quý vị sẽ thấy thấu suốt cái ảo sanh tử này, sẽ chẳng tham sống, sợ chết, sống ở thế gian này tùy duyên, quý vị thấy tự tại lắm, chẳng có chấp trước! Quý vị hiểu rõ: Sau khi bỏ thân này, sẽ đạt được cái thân khác chắc chắn tốt đẹp hơn cái thân này, vì sao? Quý vị chẳng mê hoặc. Giống như mặc quần áo, bộ quần áo này ta mặc bẩn rồi, cởi ra, thay bộ khác, chắc chắn thay một bộ sạch sẽ hơn, mới hơn, đáng ưa hơn, chẳng phải là đạo lý ấy hay sao? Chẳng có may mắn bi thương, [do hiểu] rõ ràng, rành rẽ. Mê hoặc, điên đảo sẽ phiền phức lớn. Khi ra đi mê hoặc, điên đảo, sẽ bị nghiệp lực biến đổi, tự mình chẳng thể làm chủ. Nghiệp lực là gì? Thiện nghiệp sẽ vào trong ba thiện đạo, ác nghiệp sẽ vào tam ác đạo, chính quý vị chẳng thể làm chủ được! Khi [lâm chung, thần trí] sáng suốt, chính mình sẽ làm chủ. Vì vậy, người lúc mất chớ nên mê hoặc, điên đảo, nhất định phải là tỉnh táo, sáng suốt, chắc chắn người ấy sẽ chẳng đọa trong ác đạo. “*Tức Kiến*” là từ Kiến Hoặc mà đoạn; đoạn hết Kiến Hoặc, người ấy sẽ chứng quả Tu Đà Hoàn, đây là Tiểu Thừa Sơ Quả. Trong Đại Thừa là địa vị Sơ Tín Bồ Tát như kinh Hoa Nghiêm đã dạy. Tuy địa vị rất thấp, nhưng thật sự là thánh nhân, đã đặt vững cơ sở. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo, nhưng trong lục đạo, chỗ vị ấy tu hành là nhân gian hay trên cõi trời, tuyệt đối chẳng đọa tam đồ. Vì vậy, địa vị này được gọi là đặc Vị Bất Thoái, [tức là] địa vị đã chứng đắc tuyệt đối chẳng thoái chuyển. Nhà Phật nói tới ba thứ Bất Thoái, người ấy đã đạt được món đầu tiên. Tốc độ nâng cao cảnh giới sẽ khác nhau, tùy thuộc người ấy dụng công siêng hay lười! Dụng công siêng năng, nhanh chóng tiến cao hơn; dụng công rề rà, sẽ tiến lên cao chậm chạp, nhưng chắc chắn là tiến cao hơn, chẳng lui sụt. Vì vậy, ở đây là “*duy tu tức Kiến*” (chỉ cần dứt Kiến), dùng hai chữ “*tức Kiến*” hay lắm! Chúng ta phải có cái nhìn chính xác, chớ nên có cái nhìn sai lầm!

“*Chúng sanh chi kiến, giai vọng kiến dã*” (cái thấy của chúng sanh đều là vọng kiến). Câu này do đức Phật nói, trong kinh Đại Thừa lần Tiểu Thừa, đức Phật thường nói “*phàm phu tri kiến*”. Vọng kiến là gì? Thấy sai chân tướng sự thật, “*vọng kiến*” mang ý nghĩa này, thấy trật rồi! Vì sao thấy trật? Vì quý vị có phiền não, tập khí. Tập khí phiền não là bầm sinh, chẳng do học được, đã mang theo từ đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, những thứ gì vậy? Tham, sân, si, mạn, nghi. Quý vị thấy trật, nhìn sai vấn đề, là vì có

những thứ ấy, cho nên mới tự tư tự lợi, tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần, mới thường khởi phiền não tham, sân, si, mạn, xuất hiện những vấn đề này. Nếu quý vị thấy rõ chân tướng sự thật, bốn tánh “*bốn thiện*” là thật, vĩnh hằng bất diệt. Hết thấy những thứ trong ấy tuy chẳng có, [tức là] trong tự tánh chẳng có tinh thần, chẳng có vật chất, nhưng tự tánh có thể sanh, có thể hiện; hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều nương vào nó mà hiện, đấy là tự tánh. Chúng sanh đông đảo trong mười pháp giới khác biệt, nhưng tự tánh giống hệt, là nhất thể, đều do từ tự tánh biến hiện ra. Chuyện này Lý rất sâu, Sự rất phức tạp, vô lượng nhân duyên rắc rối phức tạp, nhưng kinh Phật đã giảng rõ ràng, minh bạch. Quý vị học Pháp Tướng Duy Thức, nói chung cũng phải mất hai mươi hay ba mươi năm, mới hiểu rõ ràng đầu mối của chuyện này, sẽ hoảng nhiên đại ngộ. Trong tông Duy Thức, họ không nói “đại ngộ”, mà bảo là “đại khai viên giải”, tức là lý giải viên mãn. Trong Thiền Tông, trong Tánh Tông là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”; Giáo Hạ gọi là “đại khai viên giải”, cảnh giới hoàn toàn tương đồng, nhưng dùng phương pháp khác nhau. Tịnh Độ Tông vẫn là cảnh giới này, nhưng danh từ lại khác! Tịnh Độ Tông gọi là “nhất tâm bất loạn”, chia ra Sự nhất tâm, Lý nhất tâm, và công phu thành niệm, ba tầng cấp ấy! Lý nhất tâm có cùng cảnh giới với đại khai viên giải và đại triệt đại ngộ, đều là vượt thoát mười pháp giới. Sự nhất tâm bất loạn là tứ thánh pháp giới, tức là tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới, vượt thoát lục đạo luân hồi. Nhưng bất luận học pháp môn hay tông phái nào, nếu chưa đạt được cảnh giới này, sẽ chẳng có cách nào vượt thoát luân hồi, không gọi là thành tựu, cũng giống như chúng ta đi học mà chẳng có học vị! Phải có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi thì mới đạt được học vị đầu tiên, giống như chúng ta đi học, tốt nghiệp đại học giành được học vị Học Sĩ (Cử Nhân), phải hiểu điều này. Nhưng gặp được Tịnh Độ thì lại khác, chẳng có học vị vẫn có thể đến thế giới Cực Lạc, đấy là điều được nói trong bộ kinh này. Do vậy, bộ kinh này có thể đại diện cho hết thấy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, vì làm Phật chẳng có chi khác, Phật mong giúp cho quý vị vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, vĩnh viễn thoát ly mười pháp giới. Pháp môn này quá thù thắng, thù thắng khôn sánh, chẳng cần đoạn phiền não cũng được. Hễ có thể không chế phiền não, đè nén chúng, không cho chúng phát tác, có năng lực này là được rồi! Nhưng trong các pháp môn khác, có năng lực này vẫn chưa được, phải là đoạn hết thì mới được, khuất phục phiền não thì chưa được, còn trong pháp môn [Tịnh Độ] này, hễ khuất phục phiền não đã có thể thành tựu rồi!

Sau khi lìa vọng, chân sẽ hiện tiền. “*Chân giả, Phật tri kiến dã*” (Chân là tri kiến Phật), Phật tri, Phật kiến. Phật là ai? Là chính mình, là trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh hiện tiền. Vì vậy, trí huệ chẳng do học được, trí huệ phải từ tâm thanh tịnh mà có, trí huệ từ Định mà có. Trí thức có thể học được. Lần trước, lúc tôi giảng diễn tại đại học Kiếm Kiều (Cambridge), đã bàn đến vấn đề này, tôi nói điều mà các đồng học đang học chính

là tri thức, chẳng phải là trí huệ. Ba nhà Nho, Thích, Đạo của Trung Quốc đều nói tới trí huệ, đều đòi hỏi trí huệ. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả. Tri thức giải quyết vấn đề hạn chế, chẳng viên mãn, để lại hậu quả, chẳng thể không biết điều này! Do vậy, Chân là trí huệ viên mãn trong chân tánh hiện tiền. Thời gian trôi qua rất nhanh, đã hết hai tiếng đồng hồ rồi. Ngày hôm nay chúng ta học tới đây, cảm ơn mọi người!

Tập 20

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang mười chín, hàng thứ hai. Chúng ta đọc một đoạn kinh văn: “*Hữu Yếu Giải vân: Ngô nhân hiện tiền nhất niệm tâm tánh, bất tại nội, bất tại ngoại, bất tại trung gian; phi quá khứ, phi hiện tại, phi vị lai; phi thanh, hoàng, xích, bạch, trường, đoản, phương, viên; phi hương, phi vị, phi xúc, phi pháp. Mịch chi liễu bất khả đắc, bất khả ngôn kỳ vô; cụ tạo bách giới thiên như, bất khả ngôn kỳ hữu. Ly nhất thiết duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn, văn tự tướng, nhi duyên lự, phân biệt, ngữ ngôn, văn tự, phi ly thủ biệt hữu tự tánh*” (Lại nữa, sách Yếu Giải nói: “Một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa, chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, ngắn, vuông, tròn, chẳng phải hương, chẳng phải vị, chẳng phải xúc, chẳng phải pháp, tìm trọn chẳng thể được, chẳng thể nói nó là không; tạo đủ bách giới thiên như, chẳng thể nói nó là có. Lìa hết thấy duyên lự, phân biệt, ngôn ngữ, tướng văn tự, nhưng duyên lự, phân biệt, ngôn ngữ, văn tự chẳng lia điều này mà có riêng tự tánh được”), chúng ta xem tới đoạn này. Cụ Hoàng Niệm Tổ trong phần Bốn Kinh Thể Tánh đã dẫn một đoạn từ sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Vì kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ thuộc cùng một bộ, cổ nhân gọi [hai kinh ấy] là Đại Bản và Tiểu Bản. Kinh Vô Lượng Thọ gọi là Đại Bản, kinh Di Đà gọi là Tiểu Bản, nhưng thể tánh để y cứ [của hai kinh] hoàn toàn tương đồng. Nói thật ra, hết thấy các kinh Đại Thừa đều có cùng một thể tánh, thể tánh ấy gọi là Thật Tướng. Chúng ta cũng có thể nói như thế này: Thử Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, nói hết thấy các kinh trong bốn mươi chín năm đã dựa vào đâu? Nương vào đâu để nói? Một câu: “*Chư pháp Thật Tướng*”, tức là chân tướng của hết thấy các pháp, dựa vào đây để nói. Chúng ta lại hỏi một câu: Hết thấy các kinh đã nói trong bốn mươi chín năm nhằm giảng những gì? Dùng một câu để trả lời, vẫn là một câu này: “*Chư pháp Thật Tướng*”! Hết thấy các kinh đã nói trong bốn mươi chín năm nhằm giảng cho chúng ta chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, một câu bèn nói minh bạch. Kinh Bát Nhã thường nói “*chư pháp Thật Tướng*”, bốn chữ này hay lắm! Ở đây, Ngẫu Ích đại sư đã giảng “*chư pháp Thật Tướng*” là như thế nào? Đoạn này nhằm miêu tả hình trạng của nó.

Điều khó hiểu là một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta; câu này hết sức khó hiểu! “Hiện tiền” là chính ngay trong lúc ấy, “nhất niệm” đã chẳng dễ hiểu rồi! Bình thường, chúng ta khởi tâm động niệm, niệm ấy rất thô, ở đây nói tới “niệm vi tế”, niệm vô cùng vi tế, chúng ta phải hiểu rõ điều này! Chẳng phải là thô niệm như chúng ta đang khởi tâm động niệm trong hiện tại. Trong Bồ Tát Xử Thai Kinh có một đoạn nói đức Thế Tôn đối trước Di Lạc Bồ Tát giảng giải: “*Phật vấn Di Lạc, tâm hữu sở niệm*” (đức Phật hỏi ngài Di Lạc, tâm có bao nhiêu niệm). Đây là phàm phu chúng ta, tâm khởi lên một niệm, trong thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, bèn dấy lên một niệm. Trong một niệm ấy, có mấy niệm, có mấy tướng, có mấy thức? Hỏi điều này chúng ta sẽ biết: Phàm phu chúng ta dấy lên một niệm, trong một niệm ấy có bao nhiêu [tế] niệm, khiến cho chúng ta nhận biết có một niệm dấy lên, có bao nhiêu niệm? Tướng là hiện tượng vật chất, Thức là hiện tượng tinh thần. Tôi nghĩ rất nhiều người trong quý vị đều từng niệm Tâm Kinh; Tâm Kinh nói tới Ngũ Uẩn. Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Đức Phật hỏi “mấy tướng”, thì đó là Sắc, tức sắc tướng, đây là một phần vật chất. “Mấy thức?” là nói về Thọ, Tưởng, Hành, Thức ở sau [Thức], có bao nhiêu Thọ, Tưởng, Hành, Thức? Di Lạc Bồ Tát đáp lời hỏi của Thích Ca Mâu Ni Phật: “*Nhất đàn chỉ*” (một cái khảy ngón tay), nói theo phía chúng ta, thời gian khảy ngón tay là một niệm, tức là trong tâm có một niệm. Thời gian khảy ngón tay rất ngắn, đại khái là một giây. Chúng ta khảy nhanh, trong một giây có thể khảy từ bốn lần tới năm lần. Nói cách khác, trong một giây chúng ta có chừng bốn tới năm niệm, đây là điều chúng ta có thể cảm giác được! Bồ Tát nói trong một cái khảy ngón tay, có bao nhiêu tế niệm? Chúng ta không có cách nào tưởng tượng được! Ngài nói “*ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, trăm ngàn là đơn vị, trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn, quý vị thấy một cái khảy ngón tay [là như thế đó]! Phàm phu chúng ta cảm giác đó là một niệm, nhưng trong một cái khảy ngón tay có nhiều niệm như thế!

Tôi tin tưởng đức Phật nói lời chân thật, [điều này] khiến cho chúng tôi nghĩ đến lời Thế Tôn đã nói trong kinh Nhân Vương, đó là nói phương tiện, chẳng phải là chân tướng sự thật, mà là nói phương tiện. Trong kinh Nhân Vương, đức Phật nói một cái khảy ngón tay có sáu mươi sát-na, một sát-na có chín trăm lần sanh diệt, giảm rất nhiều! Tôi Di Lạc Bồ Tát để hỏi, Di Lạc Bồ Tát là chuyên gia Duy Thức, nói như bây giờ, Ngài là chuyên gia tâm lý học trong Phật giáo, chuyên môn giảng tâm lý học, lời Ngài nói nhất định là sự thật, chẳng phải là nói phương tiện, mà là nói chân thật. Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm; chúng ta lấy ba mươi hai ức nhân với mười vạn, tức là nhân với một trăm ngàn, thành ba trăm hai mươi triệu. Trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, [như vậy là] có bao nhiêu hiện tượng vật chất? Bồ Tát nói: “*Niệm niệm thành hình*”, trong mỗi niệm đều có hiện tượng vật chất; “*hình đều có thức*”, trong mỗi hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần, cũng là Ngũ Uẩn trọn đủ, Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức Ngũ Uẩn trọn đủ! Ngũ Uẩn là cơ sở, căn bản của hết

thầy các pháp, giống như nay chúng ta nói tới nguyên tử, điện tử, lap tử cơ bản, nhục nhãn chẳng nhìn thấy những cơ sở vật chất hết sức vi tế ấy. Ngài nói vật chất và tinh thần đồng thời phát sanh; lại còn chẳng tách rời, trong vật chất có tinh thần, trong tinh thần có vật chất. Nếu trong tinh thần chẳng có vật chất, tìm không ra, thì trong vật chất chẳng có tinh thần, cũng tìm không được, vì sao? Chúng đồng thời phát sanh, chắc chắn chẳng thể phân cách, chúng là một Thể.

Gần đây, tiên sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã dùng thời gian mười mấy năm, phải biết đến năm nay đã là mười hai năm, hay mười ba năm, nghiên cứu nước, phát hiện nước có đủ Ngũ Uẩn, Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức trọn đủ. Nước là một vật thể, là hiện tượng vật chất, hơn nữa là khoáng vật. Chúng ta nói khoáng vật, chẳng phải là sinh vật, phát hiện nước có thể thấy, nghe, hiểu ý con người, chúng ta khởi tâm động niệm nó đều biết; thiện niệm hay ác niệm nước đều hiểu toàn bộ. Những điều này đều được trải nghiệm, thí nghiệm mười mấy năm, chẳng sai chạy mây may! Quý vị thấy trong hiện tượng vật chất lại có hiện tượng tinh thần. Hơn nữa, chúng ta phải biết: Một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu niệm, [những niệm ấy] là tế niệm. Lúc chúng ta dấy lên một niệm vi tế, trong một sát-na có nhiều tế niệm dường ấy! Mỗi niệm đều sanh ra hiện tượng vật chất, trong mỗi hiện tượng vật chất đều trọn đủ hiện tượng tinh thần. Hôm nay có một đồng học cho tôi biết: Ông ta hạ tải (download) từ Internet [một văn bản, theo đó], một khoa học gia của Mỹ đã tiến hơn nữa, phát hiện nước có năng lực ký ức, điều này cũng được các khoa học gia chứng thực. Nước không chỉ có thể thấy, nghe, hiểu được ý tưởng của con người, mà còn có thể ghi nhớ. Điều này hoàn toàn tương ứng với những điều được giảng trong kinh Phật: Một hiện tượng vật chất dù nhỏ đến mấy đi nữa, nói theo danh từ trong kinh Phật là “vi trần”, nói theo khoa học hiện thời là lap tử cơ bản, nhục nhãn không thấy được, vẫn trọn đủ hết thảy các thông tin viên mãn trong vũ trụ.

Kinh thường nói: “*Giới tử nạp Tu Di, Tu Di nạp giới tử*” (hạt cải bỏ vào núi Tu Di, Tu Di bỏ vào trong hạt cải), đây là nói lớn và nhỏ chẳng hai! Kinh Hoa Nghiêm nói trong vi trần có thể giới, thể giới trong vi trần và thể giới bên ngoài to như nhau, trong thể giới ấy lại có vi trần, trong vi trần lại có thể giới, trùng trùng vô tận. Vì sao có hiện tượng này? Ở đây, Ngẫu Ích đại sư cũng giải thích rất tuyệt, vì điều này thuộc về tự tánh, tự tánh có công đức viên mãn. Trong tự tánh chẳng có lớn hay nhỏ; vì vậy, trong nhỏ có thể hiện lớn, trong lớn có thể hiện nhỏ, chẳng có lớn hay nhỏ, tự tại vô ngại. Trong tự tánh chẳng có thời gian, chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng chẳng có không gian, không gian là khoảng cách, chẳng có! Kinh Di Đà nói thể giới Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi Phật, trong tự tánh “*đương hạ tức thị*” (ngay nơi đây chính là). Điều này rất khó hiểu, nó là một sự thật rất khó hiểu, đây là Thật Tướng, Thật Tướng của các pháp là như thế đó. Vì vậy, sách Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán là do Hiền Thủ quốc sư đã hoàn

toàn căn cứ trên giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm để viết thành bài luận văn ấy. Bài luận văn ấy chẳng dài, nhưng đã thật sự giảng viên mãn rốt ráo vũ trụ quan và nhân sinh quan của Đại Thừa. Vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật do đâu mà có? Ta do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện!

Trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư đã giảng rất hay, Ngài kiến tánh, thừa bày với thầy là Ngũ Tổ Nhẫn hòa thượng. Quý vị phải biết: Huệ Năng đại sư không biết chữ, chưa hề học hành. Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Ngài, chắc chắn là giảng đại ý kinh Kim Cang, nửa đêm canh ba trong Phương Trượng Thất, chúng tôi phỏng đoán thời gian nhiều nhất là hai giờ. Giảng tới câu “*ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (hãy nên đừng trụ vào đâu để sanh tâm), Ngài bèn hoảng nhiên đại ngộ, trong Thiền Tông gọi [sự hoảng nhiên đại ngộ ấy] là minh tâm kiến tánh. Kiến tánh là như thế nào? Ngài báo cáo rất đơn giản, năm câu: “*Hà kỳ tự tánh, bốn tự thanh tịnh*” (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh), điều này trọng yếu. Cũng có nghĩa là nói: Tự tánh là chân tâm, có thể hiện, có thể sanh (năng hiện, năng sanh); vạn vật, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là sở hiện sở sanh (cái được hiện, cái được sanh). Chân tâm có thể hiện, có thể sanh, vĩnh viễn thanh tịnh. Câu thứ hai, Ngài nói: “*Bốn bất sanh diệt*” (vốn chẳng sanh diệt), tự tánh là cái Ta chân thật, tức là cái mà trong Tông Môn gọi là “*phụ mẫu vị sanh tiền bốn lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), đó là Chân Ngã. Thân này là giả ngã, chẳng phải là Ngã, vốn chẳng sanh diệt! Câu thứ ba là “*bốn tự trọn đủ*” (vốn tự trọn đủ), nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ. Trọn đủ là gì? Chẳng có mảy may khiếm khuyết. Dùng một câu trong kinh Hoa Nghiêm để giải thích thì như trong phẩm [N hư Lai] Xuất Hiện, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, đây là vốn tự trọn đủ. Vì vậy, trí huệ sẵn có trong tự tánh, quý vị và hết thấy chư Phật Như Lai chẳng khác nhau; “*đức*” là đức năng, là đức hạnh, cũng chẳng khác nhau; tướng hảo cũng chẳng khác nhau. Câu này chính là phân nửa của tựa đề kinh này: “*Đại Thừa*” là trí huệ, “*Vô Lượng Thọ*” là đức, “*Trang Nghiêm*” là tướng hảo, hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, trọn đủ! Chẳng phải cầu từ bên ngoài, hễ quý vị kiến tánh sẽ đạt được. Huệ Năng đại sư trọn chẳng nói lời hư giả với chúng ta. Câu thứ tư là: “*Bốn vô dao động*” (vốn chẳng dao động), đây là tự tánh vốn định, chẳng phải do tu thành. Câu cuối cùng là: “*Năng sanh vạn pháp*” (có thể sanh ra vạn pháp). Vì vậy, nói tới đức hạnh và tự thể của chính mình là bốn câu trước, câu cuối cùng là nói tới tác dụng, đức dụng, có thể sanh ra vạn pháp.

Sanh ra vạn pháp như thế nào? Nhất niệm dấy lên. Nhất niệm ấy chẳng có nguyên nhân. Trong giáo pháp Đại Thừa gọi nhất niệm ấy là vô minh, tức là “*vô thi vô minh*”. Vô minh là động, một niệm ấy dấy động. Hễ động, nó bèn hiện tướng, hiện tướng gì? Hễ động, A Lại Da bèn hiện ra; bất động, chẳng có A Lại Da (A Lại Da là vọng tâm), [bất động là] chân tâm! Vừa động, chân tâm liền biến thành A Lại Da. Quý vị phải biết: Câu

này rất khó giảng, lúc mọi người nghe nói phải nghe ra ý nghĩa của nó, đừng hiểu lầm nơi mặt ngôn ngữ. Chân tâm bất động, nó vốn chẳng dao động, làm sao nó động được? Động, nhưng [sự động ấy] chẳng phải là thật. Quý vị hiểu sự “động” ấy chẳng phải là thật, nó nương theo y tự tánh mà dấy lên một hiện tượng, hiện tượng ấy gọi là A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm, vọng tâm nương vào chân tâm mà dấy lên, chẳng phải là chân tâm. Một niệm tối sơ ấy chẳng có khởi đầu, vì sao? Ngay chính khi đó, chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai! Quý vị thấy một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu niệm, mỗi niệm đều là ngay lập tức. Hiện tượng này, nói thật ra là một thứ “tương tự tương tục tướng” (tướng gần giống như liên tục). Đúng như chúng ta thấy trong điện ảnh, điện ảnh trước kia, chứ không phải hiện thời, hiện thời họ dùng kỹ thuật mã hóa (digitalized), chẳng dễ gì nhìn ra được. Trước kia dùng cuộn phim nhựa. Phim nhựa là phim được soi bằng đèn chiếu lên từng tấm một. Tốc độ chiếu phim là hai mươi bốn tấm trong một giây, mỗi một tấm phim đều khác nhau, từng tấm độc lập, chẳng giống nhau. Vì vậy, nó là tương tự; chúng ta nói là “đại đồng, tiểu dị”, tương tự, tướng gần giống như liên tục. Trong một giây, sanh diệt hai mươi bốn lần, lừa dối khiến chúng ta thấy nó giống như thật. Còn đối với hiện tượng trong hiện tiền, trong một giây là bao nhiêu tấm, bao nhiêu lần? Nếu [một giây] khảy ngón tay bốn lần, sẽ là một ngàn hai trăm tám mươi triệu; nếu khảy ngón tay năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Vì vậy, dùng phim ảnh để nói thì [trong một giây sẽ có] một ngàn sáu trăm triệu [tấm phim được chiếu ra], chúng ta làm sao biết nó là giả cho được? Huyền tướng mà!

Tâm tánh, thưa quý vị, chính là Tánh trong “minh tâm kiến tánh”. Tánh chẳng có trong, ngoài, cũng chẳng ở giữa, trong, ngoài, trung gian đều ở trong tánh, chẳng lìa khỏi tánh, chẳng rời khỏi tự tánh. Chẳng phải là quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai. Đây là chẳng có thời gian, còn những điều trong phần trên (chẳng có trong, ngoài, cũng chẳng ở giữa) tức là chẳng có không gian. Nó chẳng có hình tướng, chẳng có sắc tướng, dài, ngắn, vuông, tròn là hình tướng, cái gì cũng chẳng phải! Tìm chẳng thể được, thật đấy! Vì sao? Sáu căn chẳng duyên được, mắt nhìn chẳng thấy nó, tai chẳng nghe được nó, tâm nghĩ chẳng ra. Tâm tưởng là thức thứ sáu, tức ý thức. Công năng của thức thứ sáu (ý thức) rất lớn, đối nội bèn có thể duyên đến A Lại Da, đối ngoại nó có thể duyên tới hư không pháp giới, nhưng chẳng duyên được tự tánh, vì sao? Nó là vọng tâm, vọng tâm chẳng thấy chân tâm. Vì vậy, tìm chẳng thể được. Quý vị chẳng thể nói nó là không, vì nó có thể hiện tướng, nó hiện ra gì vậy? Tạo đủ bách giới thiên như, nhưng chẳng thể nói nó là có. Nó có thể biến hiện bách giới thiên như, nay chúng ta nói là “vũ trụ, vạn vật”. Vũ trụ vạn vật do nó sanh ra, nhưng quý vị chẳng thể nói vũ trụ vạn vật là có! Vì sao chẳng thể nói nó là có? Quý vị phải hiểu duyên khởi của nó, nó là hiện tượng tích lũy trong từng niệm một, giống như chúng ta coi phim, hoặc giống như nhìn vào hình ảnh trên màn hình [TV, hoặc computer], thấy dường như là có, nhưng trên thực tế,

chúng chẳng có, sanh diệt trong sát-na. Phải hiểu “sát-na” thật sự là ba trăm hai mươi triệu lần sanh diệt trong một cái khảy ngón tay. Do sanh diệt quá nhanh, nhanh đến nỗi không cách nào tưởng tượng, nên sanh diệt là chẳng sanh diệt. Câu này có ý nghĩa rất sâu. Nếu thật sự chẳng có sanh diệt, nói “sanh diệt là chẳng sanh diệt”, há phải là lời lẽ thừa thãi ư? Quả thật có sanh diệt, nhưng sanh diệt quá nhanh. Không chỉ năng lực sáu căn của chúng ta chẳng có cách nào thấy được sự sanh diệt này, mà sáu thức của chúng ta tư duy, tưởng tượng nó cũng nghĩ không ra, tốc độ quá nhanh, lục căn, lục thức đều do nó biến hiện. Phải như thế nào thì mới có thể thấy? Chúng ta buông lục căn và lục thức xuống, tự nhiên nó sẽ hiện tiền. Vì vậy, nếu chúng ta hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật khai ngộ dưới cội Bồ Đề là như thế nào ư? Trong Phương Trượng Thất, Huệ Năng đại sư nghe giảng kinh Kim Cang khai ngộ như thế nào? Chẳng có gì khác! Giáo pháp Đại Thừa dạy chúng ta: Chỉ cần quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, bèn khai ngộ. Những thứ này và cương lĩnh tu hành yêu cầu trong Tông Môn có cùng một ý nghĩa, tu hành trong Tông Môn đòi hỏi người ta phải lìa tâm ý thức để tham, tức Tham Thiền. Tham là như thế nào? Lìa tâm ý thức mới gọi là tham; dùng tâm ý thức thì gọi là nghiên cứu. Dùng tâm ý thức để tu học Phật pháp là Phật học; lìa tâm ý thức thì quý vị thật sự học Phật, vì sao? Quý vị thành Phật. Tâm là gì? Tâm là A Lại Da. Nghiệp Tướng trong ba tế tướng của A Lại Da gọi là tâm; Mạt Na là chấp trước, tứ đại phiền não thường nương theo, đó là chấp trước; ý thức là phân biệt. Lìa tâm ý thức là gì? Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; lìa sạch sành sanh, tự tánh bèn hiện tiền.

Hiện thời chúng ta đã hiểu đạo lý này, đã hiểu như thế nào? Đã hiểu gọi là giải ngộ, nhưng chưa có cách nào chứng đắc. Chứng đắc mới hữu dụng, giải ngộ vẫn chưa hữu dụng. Lúc chứng đắc gọi là chứng ngộ, quý vị thật sự buông xuống, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Họ (người đã chứng ngộ) rất lợi hại, đốn xả, đốn ngộ, ngay lập tức buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Phạm phu thành Phật trong một niệm; buông một niệm xuống, rất lợi hại! Qua kinh giáo, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật là như vậy, đó là “căn tánh viên đốn”. Chúng ta thấy Huệ Năng đại sư vào thời Đường tại Trung Quốc cũng là đốn ngộ, đốn xả. Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không? Chẳng chịu buông xuống là giải ngộ, buông xuống là chứng ngộ. Nay chúng ta là giải ngộ, huân tập trong giáo pháp Đại Thừa nhiều năm như thế, chúng ta thừa nhận, chẳng hoài nghi tí nào, chúng ta cũng có thể được gọi là căn tánh Đại Thừa trung thượng. Quý vị đã hiểu rõ, minh bạch chân tướng sự thật, chẳng hoài nghi, chẳng buông xuống. Cổ nhân nói: “Ngộ hậu khởi tu” (sau khi ngộ sẽ bắt đầu tu), nay quý vị phải làm gì? Buông xuống. Buông xuống như thế nào? Lúc ăn cơm, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; lúc mặc quần áo, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống; lúc làm việc cũng như thế; xử sự, đãi người, tiếp vật cũng như thế, quý vị bèn thành công, đó gọi là tu hành thật sự!

Đồn xả khó lắm, Phật, Bồ Tát có phương tiện thiện xảo, dạy chúng ta tiệm tu (tu từ từ), từ từ buông xuống. Phải thật sự đoạn trừ tập khí phiền não, “đoạn” (斷) là buông xuống; do vậy, buông xuống là được! Lúc ăn cơm, chớ nên kén chọn, tùy duyên mà chẳng phan duyên, đó gọi là công phu, tu hành. Theo như kinh giáo đã dạy: Trước tiên là buông Thân Kiến xuống, kinh điển dạy chúng ta điều này. Căn bệnh lớn nhất của chúng ta là chấp trước thân này là ta, có chấp trước ấy là do có tự tư lợi nên bèn có tham, sân, si, mạn. Lời đức Phật nói là thật, đầu tiên, quý vị phải thấy thấu suốt thân chẳng phải là ta, cái gì là ta? Tự tánh là ta. Vạn hữu trong vũ trụ do tự tánh biến, tự tánh là ta, hết thấy các pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do tự tánh biến. Nếu thật sự hiểu rõ ràng y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới và chính mình là nhất thể, thứ nào chẳng phải là ta? Đông đảo chúng sanh là ta, hoa, cỏ, cây cối là ta, núi, sông, đại địa là ta, khắp pháp giới hư không giới là ta, chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng đắc Pháp Thân, đó gọi là Pháp Thân. Thân đó và chính mình cùng một Thể, là một, chẳng hai! Vì sao? Tự tánh biến. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da Thức có thể biến, cái được hiện được sanh là hết thấy vạn pháp thiên biến vạn hóa, cái thiên biến vạn hóa là gì? Là A Lại Da, thức có thể biến. Tánh có thể sanh, có thể hiện; thức có thể biến, nhất thể! Dùng ngôn ngữ Trung Quốc để nói thì là luân lý, đây là luân lý Phật pháp, luân lý Đại Thừa. Luân lý là nói tới quan hệ, trọn hết hư không khắp pháp giới là chính mình. Quý vị nói quan hệ này có mật thiết lắm hay không!

Vì vậy, chỉ cần quý vị kiến tánh, lòng từ bi trong tự tánh tự nhiên sanh khởi, gọi là đại từ đại bi. “*Vô Duyên Đại Từ, Đồng Thể Đại Bi*” hiện tiền. Hễ hiện tiền, quý vị sẽ tự nhiên giống như chư Phật, Bồ Tát, phải phổ độ chúng sanh. “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, quý vị làm chuyện này, giúp hết thấy chúng sanh giác ngộ. Đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo đang mê, mê quá sâu, chẳng liễu giải chân tướng sự thật, tự cho mình là đúng. Vì vậy, người giác ngộ nhất định sẽ giúp đỡ những kẻ chưa giác ngộ. Quý vị đoạn phiền não, học pháp môn, thành Phật đạo, những điều đó đều là biểu diễn tuồng cho họ xem, giúp họ giác ngộ. Pháp môn: “*Pháp*” là phương pháp, “*môn*” là môn đạo (門道:đường nẻo), vô lượng vô biên! Quý vị đã khai trí huệ hoàn toàn, khéo dùng những pháp môn và phương tiện thiện xảo ấy giúp chúng sanh giác ngộ. Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã vì chúng ta biểu diễn phương pháp này, biểu diễn hết sức sống động. Sau khi chúng ta hiểu rõ, bèn bội phục năm vóc sát đất. Do vậy, Phật pháp là gì? Quý vị phải hiểu điều này! Phật pháp là giáo học, Thích Ca Mâu Ni Phật ba mươi tuổi khai ngộ liền bắt đầu dạy học, dạy suốt cả đời, bảy mươi chín tuổi viên tịch; kinh chép “*giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm*”. Ngài mang thân phận gì? Chúng ta hiểu rất rõ ràng, nói theo cách bây giờ là mang chức nghiệp của một vị thầy! Ngài dạy những gì? Dạy Thật Tướng của các pháp, chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Dựa vào điều này [để thuyết pháp], mà [thuyết pháp] cũng là để dạy điều này.

Thật sự hiểu rõ chân tướng vũ trụ, chắc chắn quý vị sẽ chẳng làm chuyện sai quấy, chắc chắn sẽ chẳng tạo nghiệp. Người hồ đồ tạo nghiệp, do mê hoặc nên tạo nghiệp, người giác ngộ chẳng tạo nghiệp. Tuy giúp đỡ hết thảy chúng sanh, giúp họ phá mê khai ngộ; phá mê khai ngộ là nhân, lia khổ được sướng là quả. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê mà có; mê đã phá, khổ sẽ chẳng còn. Vui sướng do đâu mà có? Vui sướng là giác ngộ, giác ngộ bèn vui sướng, pháp hỷ sung mãn, do ngộ sẽ được vui sướng. Muốn giúp chúng sanh lia khổ được vui sướng, dùng phương pháp gì? Dùng phá mê khai ngộ. Dùng phương pháp gì để phá mê khai ngộ? Dạy học bằng thân hành, ngôn giáo! Đức Phật thị hiện, những gì Ngài đã giảng đều biểu diễn toàn vẹn cho quý vị thấy. Quý vị thấy Ngài chẳng chấp trước món ăn, lần lượt đi xin từng nhà, người ta cho gì ăn nấy, đều hoan hỷ, chẳng kén chọn, chẳng hề! Thường Tùy Chúng của đức Phật là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, mỗi ngày ra ngoài khát thực, chẳng phải là xin xong sẽ tự mình ăn, chẳng thể vậy! Sau khi xin xong trở về, bèn để chung [những món xin được vào] một chỗ, thầy đều dọn chung lại, sau đấy, chính mình lại lấy từ đó ra. Vì thế nói: “*Nhất bát thiên gia phạn*” (Một bát, cơm ngàn nhà), quý vị ăn một bát cơm đúng là xin từ một ngàn nhà bên ngoài, dọn chung lại, trộn lẫn rồi lại chia ra, đó là “*lợi hòa đồng quân*”. Chẳng phải là quý vị xin được món ăn ngon thì hôm nay sẽ ăn ngon lành lắm, kẻ khác chẳng xin được món ngon, sẽ chẳng được nếm món ngon, mà là trộn chung với nhau!

Đức Phật biểu diễn cho chúng ta thấy, nay chúng ta biết: Một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị đệ tử của Ngài đều là những vị đại Bồ Tát tái lai, Giống như diễn tuồng, Thích Ca Mâu Ni Phật đóng vai chính, họ đóng những vai phụ, thầy đều là tới thị hiện, đến hát vở tuồng này biểu diễn cho chúng ta xem, giúp chúng ta giác ngộ. Các Ngài mới thật sự là giai cấp vô sản, Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời chẳng dựng một ngôi chùa miếu nào, vậy thì Tăng đoàn ở nơi đâu? Ở ngoài đồng, trong rừng, dưới cội cây. Quý vị hãy suy nghĩ, tư tưởng của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng vô cùng sống động, chúng ta nói là Ngài hết sức hiện đại hóa, chẳng câu thúc chút nào! Quý vị thấy quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, chính họ có hoa viên, có biệt thự, mời Ngài đến cúng dường, thỉnh Ngài tới giảng kinh, Ngài cũng đồng ý, cũng tiếp nhận. Nổi tiếng nhất là Trúc Lâm Tinh xá (Kalandaka Venuvana), Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên (Jetavana Vihara), thời gian đức Phật trụ tại những nơi ấy cũng khá dài; nhưng sau khi giảng hết một bài kinh lớn, Ngài rời khỏi, vật trở về chủ cũ. Nói theo cách bây giờ, Ngài chỉ tiếp nhận quyền sử dụng, chẳng cần tới quyền sở hữu. Quyền sở hữu vẫn thuộc về chủ nhân các vị, Ngài không cần sẽ giao lại. Lúc đức Phật nhập diệt là ở trong rừng, chẳng ở trong nhà! Vì vậy, chúng ta quan sát cận kề, suy ngẫm ý nghĩa này, đúng là sắc thân ở trong thế gian này cũng chẳng nhiễm mảy trần, chẳng sở hữu một thứ gì, ba y một bát, ngày ăn một bữa Ngọ, ngủ dưới cội cây, đắc đại tự tại, thật sự an lạc.

Hiện thời, người ta gọi Phật giáo là tôn giáo, Thích Ca Mâu Ni Phật nghe như vậy cũng thờ dài, oan uổng! Phật giáo chẳng phải là tôn giáo, Phật giáo và tôn giáo chẳng dính dáng gì với nhau, làm sao có thể nói Phật giáo là tôn giáo? Ngài suốt đời giáo học! Từ kinh điển, nếu chúng ta quan sát cẩn thận, liễu giải Phật, nói theo cách bây giờ, đức Phật là một nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên chánh cống. Suốt đời Ngài biểu diễn cho chúng ta thấy [tấm gương của] một người có nghĩa vụ làm công tác giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên. Đức Phật dạy học chẳng phân biệt quốc tịch, chủng tộc, tôn giáo. Từ kinh điển, chúng ta thấy có nhiều người Bà La Môn giáo, hay thuộc các tôn giáo khác ở Ấn Độ, theo Thích Ca Mâu Ni Phật học tập. Dạy dỗ không phân biệt, Ngài chẳng cự tuyệt, cũng không buộc quý vị thay đổi, tín ngưỡng hay tôn giáo nào, Ngài thấy đều hoan nghênh. Chúng ta phải học tập điều này. Đức Phật dạy này nọ, cách dạy như thế nào? Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ, đây là tông cương lãnh giáo học của Phật. Đầu tiên, dạy quý vị trì giới, trì giới là gì? Giữ quy củ, nghe lời, khiến cho cái tâm của quý vị định. Nói “định” là phiền não, tập khí thầy đều buông xuống, tâm bèn định. Sau khi tâm định bèn khai trí huệ. Do vậy, tâm định rồi thì tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Cái tâm phập phều, chao động sẽ sanh phiền não, người Hoa gọi [cái tâm ấy] là “*tâm phù khí táo*” (bộp chộp, vội vàng), “*tâm phù khí táo*” sanh phiền não, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Vì vậy, tu hành bước đầu tiên là phải đạt được tâm thanh tịnh. Người đạt được cái tâm thanh tịnh, nói theo Phật pháp là đã đạt được học vị thứ nhất, tức A La Hán. A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, tâm thanh tịnh, đây là học vị đầu tiên. Sau đó, tiếp tục nỗ lực, phân biệt cũng buông xuống. Công phu của bậc A La Hán là buông chấp trước xuống. Chấp trước là Kiến Tư phiền não. Kinh Đại Thừa thường gọi “phân biệt” là Trần Sa phiền não, trần sa là tỷ dụ nhằm ví von “số nhiều”. Đoạn Trần Sa phiền não là chẳng phân biệt, chẳng phân biệt hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có tâm phân biệt. Hiểu rõ ràng cảnh giới trước mặt, đó là Huệ; chẳng phân biệt là Định. Định này cao hơn Định của A La Hán; vì vậy, danh xưng của học vị này là Bồ Tát, cao hơn A La Hán. Tới cuối cùng, trong giai đoạn cuối cùng, bèn chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó là đoạn sạch vọng tưởng, đoạn vô thi vô minh. Vô thi vô minh là khởi tâm động niệm. Sau khi đoạn sạch, mười pháp giới chẳng còn. Đạt đến cảnh giới A La Hán, lục đạo chẳng còn, vượt thoát lục đạo; khi đạt đến cảnh giới Phật, mười pháp giới chẳng còn, lúc đó, Nhất Chân pháp giới hiện tiền, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai.

Chúng ta thấy trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng. Cư dân trong các thế giới ấy đúng là “trường sinh bất lão”, thọ mạng là vô lượng thọ, con người chẳng có hiện tượng lão hóa, hoàn toàn đúng là hình tướng trẻ trung, chẳng có tướng già nua. Hoa, cỏ, cây cối xanh tươi mãi mãi, chẳng giống như nơi này Xuân sanh, Hạ trưởng, chẳng có hiện tượng ấy, chẳng có tướng biến hóa ấy, mà là

vĩnh hằng. Thật sự có thể giới ấy. Trong kinh điển, đức Phật đã giảng đạo lý đó, chúng ta hiểu rõ, minh bạch, có lý luận để có thể dựa vào. Vì sao người trong thế giới ấy chẳng lão hóa? Vì họ chẳng có phân biệt, chấp trước. Vì sao người trong thế gian này bị lão hóa? Có phân biệt, chấp trước. Hoa, cỏ, cây cối vì sao Xuân sanh, Hạ trưởng? Chúng cũng có phân biệt, chấp trước, hoa, cỏ, cây cối có [phân biệt, chấp trước]; núi, sông, đại địa thành, trụ, hoại, không, vì sao? Núi, sông, đại địa cũng có phân biệt, chấp trước, Ngũ Uẩn mà! Thí nghiệm trên nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã chứng tỏ rất rõ ràng, quý vị thấy nước có thể thấy, nghe, lại còn hiểu ý nghĩ con người. Chúng ta tán thán, ca ngợi nó, nó sẽ biểu hiện sự kết tinh vô cùng đẹp đẽ, đáp ứng chúng ta. Chúng ta chửi bới, chán ghét nó, nó phản ứng [bằng cách kết tinh] rất xấu xí. Nước có phân biệt, chấp trước. Hiện thời, khoa học còn tiến một bước nữa, phát hiện nước còn có ký ức. Có ký ức sẽ phiền lắm! Nếu quý vị xử tệ đối với nó, nó sẽ trả thù quý vị. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta phá hoại hoàn cảnh sanh thái thiên nhiên, thiên nhiên có ký ức, nó oán hận, sẽ trả thù chúng ta. Vì vậy, núi lửa bùng nổ, động đất, đó là thiên nhiên báo thù, chẳng phải là chuyện thần thoại. Vì vậy, đối với tin tức này, chúng tôi mong có CD/DVD cho mọi người xem, thấy nước có ký ức, nước là một đại biểu [của toàn bộ thiên nhiên]. Tất cả hiện tượng vật chất, nay đã được khoa học chứng tỏ, đúng như lời đức Phật đã nói, thầy đều có Ngũ Uẩn, đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thức là ký ức, Thọ là cảm nhận, Tưởng là phân biệt, Hành là chấp trước, Thức là vô thi vô minh, những vọng tưởng nó đều có hết. Động vật biểu hiện [Ngũ Uẩn] rất rõ rệt, khoáng vật biểu hiện chẳng rõ ràng, phải thông qua thí nghiệm khoa học để chứng tỏ. Ngay cả đối với núi, đá, bùn, đất, chúng ta cũng chớ nên đắc tội, huông chi cây, cối, hoa, cỏ, huông hồ hết thầy động vật! Vì vậy, khoa học kỹ thuật càng ngày càng phát triển, ngày càng chứng thực những điều đức Phật đã dạy trong kinh. Đây là chuyện tốt, chúng ta chẳng thể không tin!

Vì vậy, chớ nên chấp trước hết thầy các hiện tượng là có, mà cũng đừng chấp trước chúng là không! Có hay không đều chẳng thể được! Trong giảng đường, chúng tôi thường dùng điện ảnh để tỷ dụ, dùng TV làm tỷ dụ. Nay chúng ta học tập, có thể nói là đại đa số đồng học đều cùng nhau học tập qua Internet, hay truyền hình vệ tinh. Internet thì quý vị có thể thấy cùng lúc; truyền hình vệ tinh phát sóng, đại khái phải sau một tháng, vì vẫn còn phải chế tác [băng đĩa], in chữ phụ đề lên phim. Nói tới Thật Tướng của các pháp, quý vị hãy quan sát cẩn thận màn hình TV của chúng ta, chân tướng là gì? Chúng ta hãy sánh ví màn hình như tự tánh, Thật Tướng vô tướng, đúng là vô tướng! Quý vị chẳng thể nói nó thật sự chẳng có, vặn đúng đài, sắc tướng bèn hiện tiền, hiện tượng này chúng ta đều biết, bày ra trước mắt mỗi ngày. Sắc tướng hiện tiền, quý vị chẳng thể nói nó là có, vì sao? Quý vị tắt TV đi, nó chẳng còn nữa! Đổi sang băng tần khác, sẽ đổi sang hình ảnh khác, đổi băng tần giống như mười pháp giới. Phật pháp nói chân và vọng, vọng là có thể biến. Sắc tướng trên màn hình có thể biến, sanh diệt trong từng sát-na, Di Lạc Bồ Tát nói một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm.

Mỗi một niệm đều có sắc tướng, đều có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Lúc mê gọi là Thọ, Tướng, Hành, Thức. Khi giác ngộ, Thọ, Tướng, Hành, Thức chẳng có, biến đổi, biến thành gì? Biến thành Chân, kiến văn giác tri, đây là trí huệ và đức tướng trong tự tánh, nhưng nó chẳng hiện tiền, quả thật là có. Do vậy, quý vị chẳng thể nói nó là không!

Chúng ta dùng màn hình làm tỷ dụ, tắt máy đi, quý vị chẳng thể nói trong ấy chẳng có sắc tướng. Mở trúng băng tần, sắc tướng hiện tiền, quý vị chẳng thể nói nó là thật sự có, tình hình trong toàn thể vũ trụ rất giống như vậy! Nếu quý vị hiểu những đại đạo lý này, mỗi ngày mở TV, xem TV bằng cách nhìn này, xem lâu ngày sẽ khai ngộ, cùng một đạo lý! Trong quá khứ, chuyện này đúng là khó hiểu! Đối với các bậc tổ sư đại đức thời cổ đọc kinh Phật mà có thể khai ngộ, chúng ta bội phục năm vóc sát đất. Hiện tại, có những công cụ khoa học nhiều ngàn ấy bày ra trước mặt chúng ta, những thứ tương tự ngày càng nhiều, nên dễ hiểu, nhưng các Ngài chẳng có những thứ ấy, làm thế nào để hiểu? Từ chỗ này, từ màn hình TV, quý vị bèn nhập pháp môn Bất Nhị, Có và Không bất nhị, Không và Hữu bất nhị. Màn hình là không, sắc tướng trong mỗi băng tần là có, Không và Hữu bất nhị. Tâm Kinh dạy: *“Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc; Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc”*, quý vị hoàn toàn thấy được, chúng là một, chẳng hai. Đây là triết học tối cao. Nếu nhìn từ duyên khởi, đây là khoa học tối cao. Khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên của vạn vật, khởi nguyên của sanh mạng, nhà Phật nói y báo và chánh báo trang nghiêm từ đâu mà có, quý vị đều hiểu rõ ràng, đều minh bạch, hoàn toàn trở về tự tánh. Trở về tự tánh là thành Phật, sự giáo học của Phật đã viên mãn, [học trò (chúng sanh được hóa độ) đã] tốt nghiệp rồi!

Chúng ta xem câu cuối cùng: *“Yếu chi, ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp. Ly cố vô tướng, tức cố vô bất tướng, bất đắc dĩ cưỡng danh Thật Tướng”* (Nói tóm lại, lìa hết thấy tướng tức là hết thấy pháp. Do lìa nên vô tướng, do “tức” nên chẳng phải là không có tướng, bất đắc dĩ cưỡng gọi là Thật Tướng). Nói Thật Tướng với quý vị thì Thật Tướng có thật hay chẳng? Nếu quý vị chấp trước là trật rồi, đây là danh từ thuật ngữ, là một thứ phương tiện dạy học nhằm làm cho quý vị ngộ nhập những điều trên đây, quý vị đừng nên chấp trước thật sự có Thật Tướng. Thật sự có Thật Tướng? Tìm Thật Tướng chẳng được! Vì vậy, điều khẩn yếu là “chúng ta lìa hết thấy tướng sẽ chính là hết thấy các pháp”. Chỉ cần quý vị rời khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy chân tướng. Hết thấy các pháp, giống như chúng ta coi TV, chỉ cần tách lìa khỏi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ thấy chân tướng, chẳng bị những hình ảnh trên TV nhiễu loạn, chẳng bị nó xoay chuyển. Quý vị bị hình ảnh xoay chuyển tức là tâm quý vị chẳng làm chủ được, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đã bị nó xoay chuyển, bị nó khuấy nhiễu. Nếu quý vị chẳng có khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, sẽ có thể chuyển nó, nó chẳng thể chuyển quý vị. *“Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như*

Lai” (nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống với Như Lai), ta chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, vì sao? Liễu giải rồi! Giống như kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Bát Nhã hai mươi hai năm, điều này chư vị đồng học đều biết. Khởi đầu, lúc vừa mới thành đạo, [đức Phật] bèn giảng Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm giảng trong Định; vì vậy, Tiểu Thừa chẳng thừa nhận, không tin, đức Phật giảng trong Định mà! Tiểu Thừa chỉ thừa nhận đức Thế Tôn sau khi thành đạo độ năm vị tỳ-kheo tại Lộc Dã Uyển, đó là khởi đầu của sự nghiệp giáo học, họ thừa nhận chuyện này, chẳng thừa nhận Hoa Nghiêm. Đức Phật giảng A Hàm mười hai năm, Phương Đẳng tám năm, Bát Nhã hai mươi hai năm, Pháp Hoa tám năm, [tổng cộng] bốn mươi chín năm, thời gian giảng Bát Nhã dài nhất. Bát Nhã tổng kết lại là gì? Là bảo quý vị: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”, đó là chân tướng.

Làm thế nào để thấy chân tướng này? Đó là lìa hết thấy tướng chính là hết thấy các pháp. Quý vị lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy được, sẽ thấy chân tướng của hết thấy các pháp. “Ly” và “tức” là một, chẳng hai. Quý vị thật sự ngộ điều này, thật sự thụ dụng. Do “lìa” nên vô tướng, tâm trong sạch, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, chẳng có dấu vết pháp thế gian và xuất thế gian. Do “tức” nên chẳng phải là không có tướng. “Tức” và “ly” chẳng hai, chân và vọng đồng thời. Giống như màn hình TV chẳng phải là chân và vọng đồng thời ư? Chẳng phải là “ly” và “tức” chẳng hai ư? Màn hình là chân, sắc tướng là vọng, chân và vọng nhất thể, chân và vọng chẳng hai, phải liễu giải rõ ràng điều này. Chân ở đâu? Chân ở trong vọng, là lục đạo mười pháp giới, chân ở trong ấy, vọng ở đâu? Vọng ở trong chân; băng tần và sắc tướng đều ở trên màn hình, màn hình là chân. [Phải nói như vậy] quý vị mới thật sự liễu giải chân tướng; vì vậy, bắt đầu nói “Thật Tướng”, quý vị chớ nên chấp trước danh từ Thật Tướng này. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta: Đọc kinh đừng chấp trước tướng văn tự, văn tự là công cụ, là phương pháp, chẳng phải là mục đích, mục đích là khai ngộ. Nếu quý vị chấp trước, sẽ chẳng khai ngộ. Chớ nên chấp tướng văn tự, nghe giảng thì sao? Nghe giảng đừng nên chấp trước tướng ngôn thuyết, văn tự là phù hiệu của ngôn thuyết, chớ nên chấp trước. Điều thứ hai, Ngài dạy chúng ta đừng nên chấp trước tướng danh tự. Danh từ thuật ngữ là giả lập, chẳng thật. Những thứ ấy có thể hướng dẫn quý vị, đừng nên chấp trước! Giống như những tấm biển chỉ đường, chúng ta muốn đến Bắc Kinh, con đường này là xa lộ cao tốc (Express way), bên đường có tấm biển ghi “Bắc Kinh”. Tấm biển ấy chẳng phải là Bắc Kinh, nó là tướng danh tự. Quý vị chiếu theo phương hướng đó mà đi, chớ nên chấp trước tấm biển thì mới có thể tới Bắc Kinh. Nếu quý vị chấp trước Bắc Kinh ở ngay nơi ấy, làm rồi! Chớ nên chấp trước danh từ thuật ngữ! Điều thứ ba, chớ nên chấp trước tướng tâm duyên. Đọc kinh, ta nghĩ điều này có nghĩa là gì, vừa nghĩ bèn trật, chớ nên suy tưởng, vì sao? Chẳng có ý nghĩa gì. Quý vị suy nghĩ [một ý nghĩa nào] thì đấy là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng thể là ý nghĩa của Phật. Chớ nên suy tưởng thì quý vị mới có thể hiểu nghĩa chân thật. Nghĩa chân thật là gì? Thưa quý vị,

là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác. Sau khi khôi phục, sau khi đạt được, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Người ta chẳng hỏi quý vị thì tâm địa trong sạch, chẳng [nhận thấy chính mình] biết một thứ gì, đó là “*Bát Nhã vô tri*”. Người khác đến thỉnh giáo quý vị, lúc kẻ ấy hỏi quý vị, quý vị bèn ứng đối lưu loát, “*không gì chẳng biết*”. Không gì chẳng biết do đâu mà có? Từ vô tri mà có, vô tri là tự tánh, tự tánh khởi tác dụng, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng lìa khỏi tự tánh, vì vậy, kiến tánh sẽ viên mãn. Huệ Năng đại sư kiến tánh, Ngài có biết những điều do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng hay không? Biết toàn bộ, chẳng cần học, [những điều ấy] đều từ tự tánh lưu xuất. Hết thấy các kinh do mười phương hết thấy chư Phật Như Lai đã nói, Huệ Năng đại sư có biết hay không? Đều biết, chẳng thiếu một điều gì! Vì vậy, kinh Phật được gọi là “*nội học*”, chẳng phải là hướng ngoại. Hướng ngoại sẽ cầu chẳng được. Cái cầu được do hướng ngoại là tri thức, chẳng phải là trí huệ; hướng nội sẽ cầu được trí huệ, chẳng phải là tri thức. Trí huệ có thể giải quyết vấn đề, tri thức giải quyết vấn đề mang tánh chất cục bộ, hạn chế; lại còn có hậu quả, trí huệ chẳng giống như vậy. Chúng ta chớ nên không hiểu rõ ràng điều này!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: “*Khả kiến Thật Tướng nãi ngô nhân đương tiên nhất niệm tâm tánh chi cường danh*” (có thể thấy Thật Tướng chính là tên gọi miễn cưỡng của một niệm tâm tánh hiện tiền của chúng ta), “*cường danh*” là miễn cưỡng dùng danh từ này, chớ nên nghĩ là thật, chúng ta ngàn vạn phần chớ nên coi nó là thật. “*Danh khả danh, phi thường danh*” (cái tên có thể gọi ra thì chẳng phải là cái tên thường hằng), Lão Tử nói: “*Đạo khả đạo, phi thường đạo*” (cái đạo có thể diễn tả sẽ chẳng phải là cái đạo thường hằng). Thứ chân thật sẽ chẳng thể diễn tả được, chắc chắn là lìa ngôn ngữ, văn tự. Vì vậy, đây là bất đắc dĩ, miễn cưỡng thành lập một danh tướng. “*Ngô nhân nhất niệm tâm chi tánh, cường danh vi tự tánh*” (Một niệm tâm tánh của chúng ta cưỡng gọi là tự tánh). Tất cả những danh từ thuật ngữ này đều là bất đắc dĩ phải dùng nó, dùng nó để làm gì? Nhằm dạy học thuận tiện. Hễ chấp trước sẽ trật, hễ chấp trước thì sao? Kinh Phật biến thành Phật học, biến thành một thứ học thuật thế gian. Kinh Phật vốn là gì? Kinh Phật vốn là tự tánh, hễ chấp trước sẽ trật, làm rồi, hễ phân biệt sẽ hỏng bét. Đây là chỗ khó khăn trong Phật học. Nếu quý vị thật sự hiểu thì đây cũng là chỗ dễ dàng trong Phật học, thật sự quá dễ! Quý vị đến trường để học hành, trong đại học hiện thời ước chừng có mấy trăm khoa hệ, một khoa học bốn năm, mười khoa hệ là bốn mươi năm, một trăm khoa hệ là bốn trăm năm, quý vị học suốt một ngàn năm vẫn chưa tốt nghiệp, chẳng có cách nào học xong! Sau khi học xong thì như thế nào? Vẫn chẳng thông một tí nào hết! Nếu quý vị thật sự hiểu khuôn phép Phật pháp này, sẽ dễ dàng, tốn mấy năm thật sự y giáo phụng hành, vọng tưởng, chấp trước thầy đều buông xuống, đều tách rời. Quý vị thấy: Buông chấp trước xuống, chúng A La Hán; buông phân biệt xuống,

thành Bồ Tát; buông khởi tâm động niệm xuống, quý vị thành Phật. Toàn bộ trí huệ và đức tướng trong tự tánh đều hiện ra, không điều gì chẳng thông, không gì chẳng thể!

Chư vị phải nhớ: Lúc Huệ Năng đại sư minh tâm kiến tánh, Ngài hai mươi bốn tuổi, chẳng có chuyện thế gian hay xuất thế gian nào Ngài không biết! Tuy Ngài không biết chữ, quý vị cầm một quyển sách đọc cho Ngài nghe, Ngài bèn giảng cho quý vị nghe trong sách ấy nói điều gì, giảng chẳng trật một tí nào! Trí huệ đã mở mang, từ tự tánh lưu xuất, chẳng do học được! Vì vậy, Phật pháp chẳng phải tôn giáo, nhưng bản thân Phật pháp xưng là Tông Giáo, [tức là] Tông Môn và Giáo Hạ [nói gộp chung lại], hoàn toàn chẳng liên can gì đến hàm ý trong [thuật ngữ] “*tôn giáo*” trong hiện thời. Tông Môn hay Giáo Hạ là do dùng phương pháp giáo học khác nhau. Thiền Tông chẳng dùng sách giáo khoa, hoàn toàn dùng phương pháp tham cứu, trong ấy, có rất nhiều phương pháp. Quý vị phải nhớ: Tham cứu là lìa tâm ý thức, quyết định không dùng tâm ý thức, cũng có nghĩa là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, huấn luyện điều này, khiến cho quý vị khôi phục cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh vốn sẵn có, khôi phục cái tâm thanh tịnh; sau đây, tiến thêm một bước nữa là khôi phục tâm bình đẳng. Thanh tịnh, bình đẳng, sau đây nhất định khai ngộ, khai ngộ là giác. Thanh tịnh là công phu và cảnh giới của A La Hán và Bích Chi Phật. Tâm bình đẳng là cảnh giới của Bồ Tát. Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm sẽ khai ngộ, đại triệt, đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu, sau khi giác ngộ, quay lại đọc kinh. Người ấy đã khai ngộ, tuyệt vời!

Chúng ta thấy vị cổ đại đức trong Phật môn là Long Thọ Bồ Tát của Ấn Độ được Trung Quốc rất tôn kính. Tám tông phái Đại Thừa Trung Quốc đều công nhận Long Thọ là Sơ Tổ, Long Thọ là Tổ Sư của tám tông, các tông đều tôn trọng Ngài. Trong truyện ký dường như có một đoạn như thế này: Thuở lão nhân gia tại thế, Ngài học hết thầy các kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, nay chúng ta gọi là Đại tạng Kinh, Ngài học xong những kinh điển ấy, trong bao lâu? Ba tháng! Ba tháng học xong toàn bộ những gì Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm. Có thể như thế ư? Có thể chứ! Chúng tôi tin tưởng, vì sao? Từ Đàn Kinh, chúng ta thấy được một đoạn tin tức. Đó là thiền sư Pháp Đạt thọ trì kinh Pháp Hoa, niệm được ba ngàn biến kinh Pháp Hoa. Chúng tôi tin niệm ba ngàn biến phải mất mười năm! Kinh Pháp Hoa rất dài, mỗi ngày niệm một bộ, mất thời gian mười năm. Sư tới Tào Khê gặp Lục Tổ, khi lễ bái, đầu chẳng sát đất. Khi lễ ba lạy, tổ Huệ Năng thấy rất rõ ràng: Đầu chẳng chạm đất. Sau khi Sư bái xong, đứng dậy, Huệ Năng đại sư hỏi Sư: “Ông lễ bái đầu chẳng sát đất, nhất định có điều gì đáng để kiêu ngạo, ông hãy nói cho ta nghe”. Sư thưa: “Đã tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn biến”. Lục Tổ gật đầu: “Kinh Pháp Hoa giảng những gì?” Sư nói không được, thỉnh giáo ngược lại Lục Tổ! Lục Tổ nói: “Ta chưa nghe kinh này”. Đương nhiên Ngài chẳng thể xem, không biết chữ, chẳng xem sách. Tổ nói: “Nếu ông niệm ba ngàn lần thì hãy đọc cho ta nghe”. Kinh Pháp Hoa tổng cộng hai mươi tám phẩm, Sư

niệm tới phẩm thứ hai là phẩm Phương Tiện, niệm tới phẩm thứ hai, Huệ Năng đại sư nghe: “Được rồi! Chẳng cần niệm nữa, ta đã hiểu rõ toàn bộ”. Học theo cách giống như vậy, một bộ Đại Tạng Kinh có thể học trong ba tháng, chắc chắn học xong, không cần phải xem toàn vẹn. Coi mấy trang đã hiểu toàn bộ. Giảng đại ý kinh Pháp Hoa cho Sư nghe, Sư liền khai ngộ. Sau khi khai ngộ lại lễ bái, dập đầu sát đất, thiền sư Pháp Đạt là như vậy đấy! Từ một đoạn tin tức này, chúng ta liễu giải, vốn là “ngộ hậu khởi tu” nhanh chóng dường ấy, vừa nhìn liền hiểu rõ, vừa nghe liền hiểu rõ, không cần nghe hết!

Vì vậy, chúng ta biết lúc ấy Long Thọ Bồ Tát chứng đắc Sơ Địa, phải biết đây là Biệt Giáo, còn trong Viên Giáo là Sơ Trụ, đã vượt thoát mười pháp giới, là Pháp Thân Bồ Tát. Vì vậy, gọi là “ngộ hậu khởi tu”, đó là phương pháp của Thiên Tông. Đây là pháp của người thượng thượng căn, chẳng dành cho người thường, người thường chẳng tu được! Lúc tôi mới học Phật, ba vị thầy của tôi cảnh cáo tôi: Chẳng cho phép tôi đọc Đản Kinh. Họ nói: “Chớ nên học theo Huệ Năng, chắc chắn là học không được, chúng ta chẳng phải là căn tánh ấy”. [Căn cơ] bình thường là căn tánh thượng trung hạ, thật sự là ngay cả thượng căn chúng ta vẫn chưa đạt được, mà là căn tánh trung hạ, vẫn phải thật thà làm theo từng bước, giống như đi học, lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, dần dần trèo lên cao. Ngài Huệ Năng một bước lên trời; [còn chúng ta bắt chước Ngài] lên không được sẽ tan thân, nát xương, xong luôn! Vì vậy, nhất định phải hiểu căn tánh của chính mình. Căn tánh trung hạ, chỉ cần quý vị giùi mài kinh giáo, chẳng buông bỏ, hiểu phương pháp. Phương pháp ấy vẫn là một môn thâm nhập, trường thời huân tu, vì sao? Tương ứng với Giới, Định, Huệ, chớ nên có tâm tham, thứ gì ta cũng đều phải học, quảng học đa văn, hỏng rồi! Đó là gì? Đó là pháp thế gian, quý vị phân tâm, vọng niệm nhiều quá! Những thứ trong Phật pháp nhằm tu tâm thanh tịnh, vọng niệm chẳng tương ứng với tâm thanh tịnh^{79[4]}. Vì vậy, chỉ học một môn. Một môn thì quý vị chẳng có vọng tưởng, [tuân theo] quy củ, cung kính học một môn, quyết định tuân thủ giáo huấn của Mã Minh Bồ Tát trong Khởi Tín Luận. Ta học một bộ kinh này, chẳng chấp tướng văn tự, chẳng chấp tướng danh tự (danh từ thuật ngữ), chẳng chấp tướng tâm duyên. Mỗi ngày niệm như vậy, niệm từ đầu đến đuôi một bộ kinh này. Do vậy, kinh Đại Thừa rất có hiệu quả, như ngài Pháp Đạt cũng rất lỗi lạc. Quý vị thấy Ngài niệm một bộ kinh Pháp Hoa mười năm, có thể thấy tâm Ngài đã định. Nếu tâm Ngài chưa định, Huệ Năng đại sư giảng cho Ngài mấy câu, Ngài có thể khai ngộ được chẳng? Vì sao nay chúng ta đọc Đản Kinh chẳng khai ngộ, mà Ngài khai ngộ? Người ta có mười năm Pháp Hoa tam-muội làm cơ sở, nên vừa giảng bèn khai ngộ.

79[4] Ý nói các pháp môn trong Phật pháp đều nhằm tu thanh tịnh, nhưng nếu hành giả tham cầu học càng nhiều pháp môn càng tốt, tưởng đó là quảng học đa văn, thật ra là vọng niệm, vọng niệm chẳng tương ứng với tâm thanh tịnh!

Do vậy, phương pháp học tập của Trung Quốc rất phi phạm, người ngoại quốc nằm mộng cũng nghĩ không ra, trí huệ do như vậy mà có! Tại Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo đều dùng phương pháp này. Phật pháp coi trọng khai ngộ, Nho và Đạo cũng coi trọng, đều nói tới Thiên Định. Trước đây, trong trường tư thục, thầy coi trọng điều gì nơi trò? Ngộ tánh, chớ nên chướng ngại ngộ tánh của trò. Trò học đồng thời rất nhiều thứ sẽ chẳng có ngộ tánh, cái mà trò học được là tri thức, chẳng khai ngộ. Phương pháp này thật sự chỉ có tại Cổ Ấn Độ và Trung Quốc, trong các quốc gia khác rất ít, chưa hề nghe nói tới. Một môn thâm nhập, trường thời huân tu, huân thành gì? Huân thành tam-muội. Nếu chúng ta mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ, kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ chẳng dài, người thật sự tu hành trong một ngày có thể đọc mười biến hay chín biến, mỗi lần là bốn mươi phút, đại khái mỗi ngày mất tám giờ. Niệm kinh là gì? Tu Định, chẳng khác gì tham Thiền của Thiền Tông. Họ dùng phương pháp tham cứu để tu Định, chúng ta dùng phương pháp đọc kinh để tu Định. Dùng phương pháp Niệm Phật cũng có thể tu Định. Nói chung, tám vạn bốn ngàn pháp môn là tám vạn bốn ngàn phương pháp tu Định khác biệt. Quý vị phải dựa theo quy củ này để làm, chớ nên tam tâm nhị ý, một môn thâm nhập, sau một thời gian lâu dài sẽ định, định tới một trình độ nhất định, tự nhiên sẽ khai ngộ. Sau khi đã ngộ, lại học hết thầy kinh giáo rất dễ dàng, vừa xem liền hiểu rõ, chướng ngại gì cũng chẳng có, đó là gì? Trí huệ khai rồi! Giáo Hạ khai trí huệ, có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Tích lũy tiểu ngộ biến thành đại ngộ, tích lũy đại ngộ biến thành đại triệt đại ngộ. Đó gọi là “*tiệm tu*”, [tức là] từng bước một nâng cao lên. Người căn tánh trung hạ có thể làm được. Vì vậy, thầy tôi dạy tôi đi theo con đường này, tôi cũng rất nghe lời; nhưng Đàn Kinh tôi vẫn đọc, tôi vẫn hết sức hoan hỷ; vì trong hoàn cảnh này, cả đời tôi chẳng có đạo tràng, chẳng có chùa chiền. Học hội của chúng ta là do các cư sĩ tại Hương Cảng phát tâm tạo dựng, họ có đồng sự hội (board of directors) quản lý, đây cũng chẳng phải là chỗ của tôi. Cả đời này, ở đâu có duyên tìm tôi, tôi liền đến đó. Lúc đi, nói chung là tùy duyên, họ thích nghe kinh gì, đến bảo tôi phải giảng kinh ấy, gần như tôi đều đáp ứng. Vì vậy, cả đời này, giảng kinh luận cũng rất nhiều, nói chung là mấy chục bộ. Tôi cũng mong hoàn toàn giống như cổ nhân một môn thâm nhập, nhưng chẳng có duyên ấy. Nếu có phước báo rất lớn, quý vị mới có thể làm được. Chẳng có đại phước báo sẽ không được. Đến mọi nơi kết duyên, nói chung là nghe lệnh người khác, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; nhưng pháp mà bản thân tôi học là Niệm Phật, niệm Phật chẳng gián đoạn.

Ở đây nói tới “*nhất niệm tâm*”, chúng ta hiểu rõ nhất niệm tâm. “*Nhất niệm*” ấy chính là vô thi vô minh, nó cũng là tự tánh. Vì vậy, theo Pháp Tướng Duy Thức, A Lại Da là chân vọng hòa hợp, một nửa chân, một nửa vọng. Chúng ta dùng màn hình TV làm tỷ dụ, đó chính là hiện tượng này. Quý vị thấy màn hình là thật, hiện tượng trong ấy là vọng, chân vọng hòa hợp. Vọng là A Lại Da, chân là khi chẳng có hết thầy các tướng, đó là tánh, là tự tánh. Vì vậy, nhất niệm tâm tánh, cưỡng gọi là tự tánh. Chân tánh chẳng

phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Do chẳng phải là vật chất, ngũ căn của chúng ta duyên chẳng được; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân chẳng duyên được nó. Nó chẳng phải là tinh thần; vì vậy, ý thức của chúng ta chẳng duyên được nó. Miễn cưỡng gọi tên, đặt cho nó một tên gọi là Tự Tánh. Nó có rất nhiều [danh xưng], đức Phật gọi nó là Chân Như, Bản Tánh, Pháp Tánh, rất nhiều danh từ, nhưng đều là cùng một chuyện. Đối với chuyện này, đức Phật nói ra rất nhiều danh từ; đây cũng là phương tiện dạy học thiện xảo nhằm bảo quý vị chớ nên chấp trước, chỉ cần hiểu ý nghĩa này là được rồi, chớ nên nghiêm túc chấp trước. Danh tướng chẳng khẩn yếu, chẳng có quan hệ, kiến tánh mới thật sự là trọng yếu.

“*Nhị Tổ mịch tâm bất khả đắc, tức thị ‘an tâm cánh’, đản bất khả ngôn kỳ vô*” (Nhị Tổ tìm tâm chẳng thể được, chính là ‘tâm đã an rồi’, nhưng chẳng thể nói tâm là không). Trong câu chuyện này, Nhị Tổ là ngài Huệ Khả thuộc Thiên Tông. Đạt Ma Tổ Sư tới Trung Quốc truyền pháp môn Thiên này, ở Trung Quốc, Ngài được coi là Sơ Tổ; Huệ Khả đại sư là truyền nhân của Ngài, minh tâm kiến tánh trong hội của Ngài. Câu chuyện này các đồng tu học Phật đều biết. Đạt Ma Tổ Sư giống như bé quan tại chùa Thiếu Lâm, vì sao? Chẳng gặp người có căn tánh như vậy để truyền pháp; vì vậy, Ngài chỉ đành tự mình bé quan nhập định, chờ người truyền pháp. Đợi rất nhiều năm, có một người xuất gia như thế hướng về Ngài cầu pháp, tâm địa rất kiên thành, rất cung kính thầy. Vì vậy, chư vị phải biết: Điều kiện trọng yếu nhất của truyền nhân là “tôn sư, trọng đạo”. Quý vị chẳng tôn trọng thầy, chẳng tôn trọng điều mình sẽ học, Phật, Bồ Tát truyền cho quý vị, vô ích! Quý vị chẳng có cách nào tiếp nhận. Tuyệt đối chẳng phải là thầy mong quý vị phải tôn trọng Ngài, không phải! Vị thầy nào [mong được quý vị tôn trọng] sẽ chẳng phải là chân thiện tri thức, mà là kẻ còn ham danh. Chẳng phải vậy! [Tôn trọng thầy tức là] tâm quý vị chân thành cầu đạo. Ấn Quang đại sư nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Tâm thành kính của quý vị được biểu hiện qua điều này, thầy thấy tâm quý vị mười phần thành kính, thầy sẽ chẳng bỏ quý vị. Một vị thầy cả đời chẳng có gì khác, mong muốn gặp được một học trò giỏi để có thể truyền đạo của mình. Đó là như người Trung Quốc thường nói: “*Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại*” (Bất hiếu có ba điều, không có người kế tục là điều bất hiếu lớn nhất). Hậu nhân của thầy là người truyền pháp. Điều này hết sức trọng yếu!

Huệ Khả mười phần thành kính, mùa Đông trời đổ tuyết, Sư ở ngoài cửa, Đạt Ma Tổ Sư nhập định bên trong, Sư ở ngoài cửa, [tức là] đứng ở ngoài cửa, tuyết phủ đến đầu gối, có thể thấy là trời đổ tuyết rất lâu, tuyết đóng dày như thế, vẫn chẳng bỏ đi, một mực đứng ở đó. Đạt Ma Tổ Sư biết, nhìn Sư hỏi, hình như Sư quỳ gối ở nơi đó, Tổ hỏi: “Ông đến cầu điều gì?” Sư thưa: “Tâm con chẳng an, xin đại sư an tâm cho con”. Đạt Ma Tổ Sư nói: “*Ông lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an nó thay cho ông*”. Nay chúng ta thấy rất nhiều

tượng Đạt Ma giơ một tay ra, đó là ý nghĩa này! Quý vị lấy tâm ra, ta sẽ thay quý vị an nó. Huệ Khả tìm mãi, tìm không được, tâm rốt cuộc ở đâu? Kinh Lăng Nghiêm bày chỗ gạn tâm, thật sự chẳng tìm được! Huệ Khả bèn thưa: “*Tìm tâm trọn chẳng thể được*”, nói lời ấy, con chẳng tìm được tâm ở chỗ nào cả! Đạt Ma Tổ Sư trả lời: “*Ta đã an cái tâm của ông rồi!*” Một câu nói này của Ngài đã đánh thức Huệ Khả, Ngài bèn khai ngộ. Chư vị phải hiểu: Tâm người ta đạt tới thanh tịnh; vì vậy, sau khi được chỉ điểm liền bình đẳng. Tâm bình đẳng là Phật tâm, tâm Lục Độ là Bồ Tát tâm, tâm bình đẳng là Phật tâm, Ngài lập tức khai ngộ. Vì vậy, tìm tâm trọn chẳng thể được! Quý vị chẳng thể nói không có tâm. Nếu nói “tìm tâm chẳng thể được”, bèn hiểu “như vậy là chẳng có tâm”, trật mất rồi! Nếu ở chỗ này, quý vị đưa ra câu trả lời như thế này: “Chẳng phải là không có tâm ư?” Quý vị đã rơi vào hầm vô minh rồi, vĩnh viễn chẳng khai ngộ. Phật pháp vĩnh viễn là sống động, ở nơi đâu? Ngay chính lúc này, từ đầu đến cuối ngay trong một niệm ấy; nhưng một niệm ấy chẳng thể được, một niệm ấy là gì vậy? Trôi qua rất nhanh! Khi phàm phu chúng ta đẩy lên một niệm, Di Lặc Bồ Tát đã giảng một [thô] niệm (một niệm mà chúng ta có thể nhận biết) có tới ba mươi hai ức trăm ngàn [tế] niệm. Chính là một niệm ấy, tuy một niệm chẳng thể được, chẳng thể nói nó là không!

“*Lục Tổ vân: ‘Hà kỳ tự tánh năng sanh vạn pháp’, diệc bất năng chấp vi hữu*” (Lục Tổ nói: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh vạn pháp”, vẫn chẳng thể chấp là có). Đối với “vũ trụ” như chúng ta nói hiện thời, nhà Phật gọi nó là “vạn pháp”, hay “pháp giới”. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới có thể sanh ra vạn pháp. Tuy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới bày ra trước mặt, quý vị chẳng thể nói nó là có. Thân thể hiện thời của chúng ta, đồng tu đạo hữu đồng như thế cùng ngồi một chỗ, chẳng thể nói nó là có, đây là cảnh giới. Người ta hỏi chúng ta có hay không? Chúng ta trả lời có, vì sao? Quý vị có phân biệt, có chấp trước, khi tôi và quý vị ở chung một chỗ, tôi cũng có phân biệt, cũng có chấp trước, nên chúng ta mới có thể trò chuyện, trao đổi với nhau. Nếu tôi nói “chẳng có”, quý vị sẽ coi tôi là dị loại, rắc rối to! Vì vậy, chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này, phải hòa quang đồng trần cùng hết thảy chúng sanh. Đức Phật thuyết pháp, đã giảng rất rõ ràng, Ngài dựa vào gì? Nhị Đế! Đức Phật dựa vào Nhị Đế để giảng kinh, thuyết pháp cho hết thảy chúng sanh. Nhị Đế: Thứ nhất là Tục Đế, là sự hiểu biết và lý giải thông thường của chúng sanh. Thuận theo những gì chúng sanh hiểu rõ, nói với quý vị hiểu, để, trung, tín, quý vị hiểu ngay. Nói Ngũ Luân, Ngũ Thường, quý vị hiểu liền, đó là gì? Thế Tục Đế (Tục Đế). Tới khi cảnh giới của quý vị đã nâng lên cao hơn, bèn giảng Chân Đế. Đạt Ma và Nhị Tổ nói về lẽ chân, quả thật, chúng ta nghe chẳng hiểu, rành rành là có, sao quý vị nói chẳng có? Đúng là chẳng có, nhưng chúng ta hiểu lầm, tưởng là thật sự có. Phật cũng chẳng tranh cãi với chúng ta, quý vị nói có thì có, quý vị nói không thì không! Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, giúp quý vị nâng cao lên từ từ. Đây là phương pháp áp dụng cho tuyệt đại đa số mọi người!

Quý vị thầy Đạt Ma Tô Sư ở Trung Quốc nhiều năm như vậy, độ được một người là Huệ Khả; Huệ Khả cũng độ một người, suốt đời chỉ độ được một người là Tăng Xán, mãi cho đến Huệ Năng, suốt thời Ngũ Đại^{80[5]} đều là đơn truyền. Ngũ Tổ Nhẫn hòa thượng cũng là độ một người. Huệ Năng đại sư Lục Tổ độ bốn mươi ba người, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Ngài dạy bốn mươi ba người đều đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đúng là trước và sau Ngài chẳng hề có trường hợp nào giống như vậy! Sau thời Lục Tổ chẳng có tình hình này, thầy chỉ dạy được đôi ba người khai ngộ, dường như tôi đã được năm người, nhiều hơn nữa chẳng có! Có thể thấy chuyện này khó khăn lắm! Trong thời đại hiện tại, có ai khai ngộ hay không? Xưa kia, tôi sang Hương Cảng giảng kinh vào năm một ngàn chín trăm bảy mươi bảy (1977), nơi tôi giảng kinh là Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán của lão pháp sư Đàm Hư trên đường Giới Hạn (Boundary Street), lần đó giảng kinh Lăng Nghiêm. Tôi nghe băng thâu âm lời khai thị lão pháp sư Đàm Hư trong Phật Thất, vì khi tôi đến đó, lão hòa thượng đã vắng sanh mấy năm rồi, ba bốn năm, chẳng được gặp mặt. Trong lời khai thị, Sư bảo, cả đời Ngài đã từng gặp người đắc Định, tức là đắc Thiền Định trong Thiền Tông, Ngài đã thấy, cũng từng nghe nói, nhưng khai ngộ thì không chỉ chưa hề thấy, mà cũng chưa hề nghe nói tới. Nên biết lúc Đàm lão pháp sư nói [lời ấy], Ngài đã chín mươi tuổi.

Gần đây nhất, đại khái là hai mươi năm trước, tôi quen biết lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lúc lão nhân gia còn sống, mỗi năm tôi sang Bắc Kinh tôi thiểu hai lượt để gặp cụ. Hai người chúng tôi đều học bản kinh này, tức bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, không ai giảng bản này. Tôi ở hải ngoại giảng bản này, cụ ở trong nước giảng bản này, trong nước cũng chẳng có người thứ hai giảng. Vì vậy, hai người chúng tôi gặp nhau rất hợp ý. Cụ bảo tôi: Cụ học Thiền, cũng như học Mật, đều có thành tựu khá. Cụ bảo tôi: Trong thời đại hiện tiền này, căn tánh Thiền và Mật đều chẳng có. Ngay cả tham Thiền đắc định còn chẳng thấy; học Mật, tam mật tương ứng, tức thân thành Phật cũng chẳng có! Cụ nói từ nay về sau, có thể thành tựu trong Phật pháp chỉ có niệm Phật. Thầy của cụ

80[5] Ngũ Đại là giai đoạn lịch sử từ năm 907 đến năm 979, trải qua năm triều đại chính là Hậu Lương (907-923, do Châu Hoảng tức Châu Ôn sáng lập), Hậu Đường (923-937, do Lý Tồn Úc sáng lập), Hậu Tấn (936-947, do Thạch Kính Đường sáng lập), Hậu Hán (947-951, do Lưu Trí Viễn sáng lập), và Hậu Châu (951-960, do Quách Oai sáng lập). Trong giai đoạn này, ngoài năm vương quốc chính nói trên, có tất cả mười vương quốc được sáng lập và diệt vong trong một thời gian ngắn nên sử thường gọi chung là Ngũ Đại Thập Quốc. Mười nước ấy là Ngô (904-937, do Dương Hành Mật sáng lập), Nam Đường (937-975, do Lý Biện sáng lập), Ngô Việt (907-978, do Tiền Liêu sáng lập), Sở (897-951, do Mã Ân sáng lập), Mân (909-945, do Vương Thẩm Tri), Nam Hán (917-971, do Lưu Nghiễm sáng lập), Tiền Thục (907-925, do Vương Kiến sáng lập), Hậu Thục (934-965, do Mạnh Tri Tường sáng lập), Nam Bình (còn gọi là Kinh Nam hay Bắc Sở, 924-963, do Cao Quý Hưng sáng lập) và Bắc Hán (951-979, do Lưu Mân sáng lập).

là lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng từng học Thiên, cũng từng học Mật, lúc mất bèn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Hoàng lão cư sĩ cũng giống như thế. Lúc cụ ngã bệnh, đã cho tôi biết, mỗi ngày niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, đúng là buông xuống vạn duyên, những điều đã học trong cuộc đời cũng đều buông xuống, một câu Phật hiệu đưa cụ đi vắng sanh. Đây là đại thiện tri thức thị hiện, hiện thân thuyết pháp cho chúng ta biết pháp gì sẽ có thể thành tựu, do pháp này sẽ có thể thành tựu.

Nhất là trong hiện thời, xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, người bình thường chẳng còn kiêng dè mà bàn nói tai nạn. Trước đây, trong các cuộc gặp gỡ quốc tế, chẳng hề bàn chuyện tai nạn. Năm nay, tôi ở Úc, trong cuộc phỏng vấn năm tôn giáo, hết thầy mọi người đều bàn vấn đề này. Vài hôm trước, đài truyền hình Phụng Hoàng cũng phỏng vấn tôi về đề tài này, có thể thấy hết thầy mọi người rất coi trọng [chuyện này]. Chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm chưa xong, đã giảng đến bốn ngàn giờ, nhưng cũng vì xã hội hiện tại cần thiết, tạm ngưng kinh Hoa Nghiêm, giảng kinh Vô Lượng Thọ một lần nữa, phối hợp giữa quốc nội và Đài Loan, nơi khác tổ chức Tam Thời Hệ Niệm một trăm thất, đều đem công đức của những chuyện này hồi hướng cho Trung Quốc, cho nơi này, cho toàn bộ thế giới, mong rằng do công đức này, tai nạn có thể giảm nhẹ, chậm xảy ra. Muốn hoàn toàn hóa giải, sợ rằng sức chúng ta chưa làm được! Vì vậy, chúng ta đồng tâm hiệp lực làm chuyện này, tôi giảng bộ đại kinh này để phối hợp với họ. Giảng kinh này viên mãn, tôi lại giảng tiếp kinh Hoa Nghiêm. Đây là nhân duyên giảng kinh lần này.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: *“Cái ly tứ cú, tuyệt bách phi, phi tư lượng, phân biệt chi sở năng giải”* (Áy là vì lia tứ cú, dứt bách phi, chẳng thể do suy lường, phân biệt mà hòng hiểu được). *“Tứ cú”* là có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không, bốn câu này. Những điều này đều nói về tâm phàm phu của chúng ta, tâm phàm phu quả thật là tâm luân hồi; trong tâm luân hồi, phân biệt, chấp trước nghiêm trọng nhất. Nay chúng ta biết: Trong Thật Tướng của các pháp, Có và Không đều chẳng có. Có và Không là đối lập. *“Cũng có, cũng không”* và *“chẳng phải có, chẳng phải không”* đều là hý luận, Phật pháp gọi [những điều đó là] hý luận. Hý luận chẳng có ý nghĩa chân thật. Những gì gọi là *“chẳng có nghĩa chân thật”*? Trái nghịch chân tướng sự thật. Lời này là thật, tuyệt đối chẳng giả; nhưng lời như vậy người tu lâu có thể hiểu, kẻ mới học sẽ khá khó hiểu. Người nào có thể hoàn toàn tiếp nhận, chẳng hoài nghi? Phải là người thượng căn trong Phật pháp; nhưng căn tánh có thể nâng cao lên nhờ huân tu. Chúng ta là kẻ hạ căn, chẳng sao hết! Chỉ cần tuân thủ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, [điều này] khiến cho chúng tôi nhớ đến một câu ngạn ngữ của Trung Quốc: *“Bất thính lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhĩn tiền”* (chẳng nghe lời người già, bị thua thiệt trước mắt), lão nhân là ai? Chư Phật, Bồ Tát là lão nhân, cổ thánh tiên hiền là lão nhân. Tôi có lý do để tin văn hóa Trung Quốc chẳng phải chỉ là năm ngàn năm, văn hóa Cổ Ấn Độ truy ngược về thời

đại Bà La Môn là hơn một vạn năm, Trung Quốc trọn chẳng thua kém họ. Chúng ta nói [văn hóa Trung Quốc có lịch sử] năm ngàn năm là gì? Vì thời đại thượng cổ chẳng có văn tự, chẳng có ghi chép, đều dựa vào truyền khẩu, từ đời này truyền sang đời kia; Ấn Độ vẫn là như vậy, vì họ không coi trọng lịch sử, còn người Trung Quốc coi trọng ghi chép lịch sử. Do đó, Khổng phu tử nói bản thân lão nhân gia “*thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ*”. Tôi cảm thấy hai câu ấy của Luận Ngữ vô cùng quan trọng, đó là gì? Tu học thành tựu nhờ vào đâu? Thái độ tu học. Câu này nói rõ cả đời Khổng Tử chẳng sáng tạo, chẳng phát minh, chẳng có gì lỗi lạc, những gì Ngài học, tu, dạy, truyền lại, hết thấy đều là của cổ thánh tiên hiền. Trong Luận Ngữ có rất nhiều câu tôi tin là từ cả ngàn vạn năm trước truyền lại, lão nhân gia thâm thập, hệ thống hóa, chỉnh lý, dùng văn tự ghi lại lời cổ thánh tiên hiền để lưu truyền hậu thế. Vì vậy, nói: Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư đã “*tập đại thành*”. Công đức này vô lượng, vô biên, chẳng có văn tự của Ngài ghi chép, những thứ được truyền lại cũng rất ít, đây là công hiến lớn nhất của Ngài đối với người đời sau.

Chúng ta nên có thái độ này, thái độ này của Phu Tử là tâm thanh tịnh, chẳng tự tư tự lợi, chẳng vì tiếng tăm, lợi dưỡng. Ngài yêu thích những giáo huấn của cổ nhân, nói cách khác, Ngài ưa chuộng thánh nhân, Ngài là thánh nhân. Nếu Ngài chẳng phải là thánh nhân, làm sao có thể ưa thích thánh nhân? Giống như năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham phỏng tỳ-kheo Cát Tường Vân. Tỳ-kheo Cát Tường Vân là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, chính Ngài đã chứng đắc. Nếu Ngài chẳng phải là Sơ Trụ, sẽ chẳng thấy Sơ Trụ; chẳng phải là Sơ Địa sẽ chẳng thấy Sơ Địa. Khổng Tử có thể thấy, hiểu nghĩa chân thật trong những giáo huấn của thánh nhân, Ngài đã đạt tới cảnh giới ấy. Đã đạt thì dùng những giáo huấn của người khác là được rồi, cần gì phải dùng của chính mình! Nêu gương tốt cho người đời sau; đó là chính xác, chúng ta phải nên học theo điều này! Vì vậy, tôi giảng bộ kinh này, lần này là lần thứ mười một, phương pháp sử dụng trong lần thứ mười một khác hẳn, giảng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ; đây là “*thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*”, chẳng có gì của chính mình, có gì cứ phải của chính mình! Hoàng lão cư sĩ chú giải, tôi đồng ý, chẳng phải là giống hệt như của chính mình ư? Có gì cứ phải nêu ra những thứ của chính mình? Nêu ra những thứ hay đẹp của người khác, mong muốn hết thấy mọi người học tôn trọng cổ thánh tiên hiền, sẽ có đại lợi ích! Chẳng tạo tiếng tăm, lợi dưỡng cho chính mình, chẳng làm chuyện tự tư tự lợi, khiến cho tâm của chính mình được khôi phục sự thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần!

Lìa tứ cú, tuyệt bách phi, được tổng kết ngay sau đó, “*phi tư lượng phân biệt chi sở năng giải*” (chẳng phải là suy lường, phân biệt mà hòng hiểu được). Chúng ta dùng tâm ý thức, tâm ý thức chính là nghiên cứu trong hiện thời, nghiên cứu là gì? Dùng thức

thứ sáu (ý thức) để phân biệt, dùng thức thứ bảy để chấp trước. Có thể nghiên cứu những thứ chân thật hay chẳng? Chẳng thể nào! Đây là chỗ khác biệt giữa khoa học và truyền thống Trung Quốc. Truyền thống Trung Quốc có thể kiến tánh, có thể khôi phục trí huệ trong tự tánh, khoa học không làm được, vì sao không làm được? Khoa học dùng tâm ý thức. Dùng tâm ý thức sẽ đạt được tri thức, chẳng phải là trí huệ, hai chuyện [khác nhau]. Cổ Ấn Độ và Trung Quốc cổ xưa coi trọng trí huệ, tri thức là hạng nhì. Hai mươi lăm bộ sử là tri thức, mười ba kinh⁸¹[6] là trí huệ. Tri thức có thể dùng làm tài liệu tham khảo, nhưng quyết sách, quyết đoán nhất định phải là trí huệ. Vì vậy, Trung Quốc mấy ngàn năm ổn định là có đạo lý. Những thứ của tổ tiên thật sự tốt đẹp, nếu chúng ta coi thường sẽ là đại bất hiếu, [tổ tiên] lưu lại những thứ quá tốt như vậy, sao lại hời hợt coi thường?

Tiếp theo là “*linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng*”. Đã hết thời gian rồi, ngày hôm nay chúng ta học tới đây, ngày mai chúng ta sẽ học tập tiếp câu này. Nghĩa lý trong đoạn này rất sâu, chúng ta phải chú tâm cùng nhau học tập trong lần tới. À! Ngày hôm nay học tới đây!

81[6] Thoạt đầu, Trung Hoa chỉ coi hai mươi bốn bộ sử được coi là sách lịch sử chính thống, đến năm 1921, tổng thống Từ Thế Xương hạ lệnh đưa thêm Tân Nguyên Sử (do Kha Thiệu Mẫn biên soạn) vào danh sách ấy nên mới có hai mươi lăm bộ sử. Về sau, ngoại trừ tại Đài Loan vẫn chấp nhận quy định này, các nơi khác thay thế Tân Nguyên Sử bằng Thanh Sử Cảo (do Triệu Nhĩ Tồn chủ biên). Hai mươi bốn bộ sử truyền thống là Sử Ký (do Tư Mã Thiên biên soạn dưới thời Đông Hán), Hán Thư (do Ban Cố biên soạn), Hậu Hán Thư (do Phạm Việp biên soạn), Tam Quốc Chí (do Trần Thọ biên soạn), Tấn Thư (do Phòng Huyền Linh chủ biên), Tống Thư (do Trầm Ước biên soạn), Nam Tề Thư (do Tiêu Tử Hiến biên soạn), Lương Thư (do Diêu Tư Liêm biên soạn), Trần Thư (do Diêu Tư Liêm soạn), Ngụy Thư (do Ngụy Thâu soạn), Bắc Tề Thư (do Lý Bách Dục soạn), Châu Thư (do Lệnh Hồ Đức Phân chủ biên), Tùy Thư (do Ngụy Trung chủ biên), Nam Sử (Lý Diên Thọ biên soạn), Bắc Sử (Lý Diên Thọ biên soạn), Cựu Đường Thư (do Lưu Hú chủ biên), Tân Đường Thư (do Âu Dương Tu biên soạn), Cựu Ngũ Đại Sử (Tiết Cư Chánh chủ biên), Tân Ngũ Đại Sử (Âu Dương Tu biên soạn), Tống Sử, Liêu Sử, Kim Sử (ba bộ này đều do Thoát Thoát chủ biên), Nguyên Sử (do Tống Liêm biên soạn), và Minh Sử (do Trương Đình Ngọc biên soạn).

Thập Tam Kinh là mười ba bộ kinh điển chủ yếu của Nho gia mà các sĩ tử Trung Hoa kể từ đời Tống bắt buộc phải học nếu muốn đỗ đạt, gồm kinh Thi, kinh Thư, Lễ Ký, Châu Dịch, Tả Truyện (Tả Thị Xuân Thu là bộ biên niên sử nhằm chú giải kinh Xuân Thu do Tả Khâu Minh biên soạn), Công Dương Truyện (chú giải kinh Xuân Thu do Công Dương Cao người nước Tề biên soạn), Cốc Lương Truyện (chú giải kinh Xuân Thu do Cốc Lương Tử biên soạn), Châu Lễ (trương truyền do Châu Công biên soạn, viết về cách tổ chức quan chế đời Châu), Nghi Lễ (ghi chép các thứ nghi lễ đời Châu), Luận Ngữ (ghi chép lời dạy của Khổng Tử), Hiếu Kinh (ghi chép lời Khổng Tử dạy Tăng Sâm về đạo hiếu), Nhĩ Nhã (bộ từ điển đầu tiên của Trung Hoa, không rõ tác giả) và Mạnh Tử (sách ghi lại tư tưởng, quan điểm của Mạnh Tử, thường được tin là do chính Mạnh Tử biên soạn, và do các học trò của ông như Vạn Chương, Công Tôn Sửu v.v... chỉnh lý).

Tập 21

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Kinh Vô Lượng Thọ Giải, trang mười chín, dòng thứ sáu đếm từ dưới lên, xem câu này từ trang sau. Chúng ta đọc kinh văn: “*Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng. Cô minh lịch lịch, bình hách hư không. Linh quang độc diệu, huýnh thoát căn trần*” (Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, riêng sáng vắng vặc, rạng ngời hư không, linh quang độc diệu, thoát sạch căn trần), chúng ta xem tới chỗ này. Mấy câu này do cổ đại đức tán thán, miêu tả tự tánh. Thật ra, chẳng có cách nào diễn tả tự tánh, nói cách nào cũng chẳng trọn vẹn, chỉ có thể nói được một phần rất ít. Tổng hợp cách nói của nhiều vị cổ đức, chúng ta có thể lãnh hội đôi chút, tổ sư bảo chúng ta: Chuyện này phải đích thân chứng thì mới có thể hiểu rõ, đó gọi là: “*Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri*” (như người uống nước, nóng lạnh tự biết); quý vị chưa chứng đắc, nói kiểu nào, dù là Phật nói, hay Bồ Tát nói, [đối với quý vị] cũng đều rất khó hiểu, [vì] nó chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Trong đoạn này, cũng giảng rất rõ ràng, đó chính là Lý Thể của vạn hữu trong vũ trụ, tất cả hết thảy các pháp đều từ chỗ này biến hiện ra. Vì vậy, nó có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da là có thể biến (năng biến). Cái “có thể sanh, có thể hiện” sẽ nhất định là đã có A Lại Da. Nếu không có A Lại Da, sẽ chẳng thể “có sanh, có hiện”. Cõi Thường Tịch Quang được nói trong Tịnh Tông chính là tự tánh, chữ “*đại quang minh tạng*” cũng nhằm hình dung tánh thể này. Nó chẳng phải là hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần. Chẳng phải là hiện tượng vật chất, nên năm căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của chúng ta chẳng có cách nào tiếp xúc nó. Nó chẳng phải là vật chất, nhưng cũng chẳng phải là hiện tượng tinh thần, nên chúng ta tư duy, tưởng tượng chẳng được. Vì vậy, trong kinh Phật thường dùng bốn chữ “*bất khả tư nghị*”, “*tư*” (思) là tư duy, quý vị nghĩ không ra. Tư duy có giới hạn, tuy nó có công năng rất lớn, đây là thức thứ sáu, kinh dạy chúng ta: Đối với

bên ngoài, tư duy có thể duyên tới hư không, pháp giới; đối với bên trong, nó có thể duyên tới A Lại Da, nhưng chẳng thể duyên tự tánh. Vì vậy, nhất định phải là đích thân chứng thì mới có thể biết. Đến khi nào sẽ có thể chứng đắc? Kinh dạy chúng ta: Từ Bát Địa trở lên. Có tất cả năm mươi một giai tầng Bồ Tát, giống như chúng ta đi học, lớp Một, lớp Hai, [có tất cả] năm mươi một lớp. Phải đạt tới Bát Địa, Bát Địa rất cao, cao nhất là Thập Địa Bồ Tát. Đệ Bát Địa đã thấy, kiến tánh. Nói “*kiến tánh*” tức là đã thật sự thấy. Nếu nói theo nghĩa rộng, Sơ Trụ trong Viên Giáo đã thấy rồi. Sau khi thấy, hãy còn có tập khí vô thi vô minh chưa đoạn! Tuy tập khí chẳng chướng ngại sự, tức là nói trong tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ, đức năng, tướng hảo, nó chẳng bị chướng ngại. Có thể nói: Những điều này sau khi được thấu lộ, sẽ chẳng khác gì Phật quả rốt ráo, đó là vũ trụ thuở tối sơ được bắt nguồn như thế nào. Họ biết [những điều ấy] là do thầy nói, chứ họ chưa đích thân chứng được. Đạt tới Bát Địa sẽ đích thân chứng; vị ấy chứng đắc giống hệt như thầy đã giảng, chẳng khác nhau. Khi ấy là đích thân chứng đắc. Câu thứ nhất: “*Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng*” nói về tác dụng của nó (tự tánh). Nay chúng ta gọi “*linh*” là “*cảm ứng*”; đối với sự cảm ứng tốt bậc vi tế, tự tánh đều có thể hiểu được, biết rõ ràng, rành rẽ sự cảm ứng ấy. Nó khởi tác dụng ra sao? Tác dụng là đối với những dao động vô cùng vi tế trong trọn khắp pháp giới, hư không giới, nó đều có thể hiểu rõ. Các khoa học gia hiện thời cũng phát hiện, họ nói trong thế gian này không có vật chất, tất cả hết thảy các hiện tượng đều là hiện tượng dao động, các khoa học gia cận đại đã nói như vậy. Phật pháp bảo khởi nguyên của vũ trụ là một hiện tượng dao động vô cùng vi tế! Trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư đã giảng rất rõ ràng. Trong sách ấy, ba đoạn đầu quả thật [nhằm giải thích] hai câu này: Từ Nhất Thể khởi Nhị Dụng, Nhị Dụng là hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần sanh khởi.

Khi sanh khởi, tác dụng gồm ba điều:

1) Thứ nhất là “*châu biến pháp giới*” (trọn khắp pháp giới), “*đồng triệt*” (洞徹) là trọn khắp pháp giới. “*Linh minh đồng triệt*” là trọn khắp pháp giới hư không giới nó đều hoàn toàn biết, nó có tác dụng ấy! Hiện tượng vật chất cũng như vậy, mà hiện tượng tinh thần vẫn như vậy. Nói theo Phật pháp, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần dung hợp với nhau; tuy là hai thứ, nhưng chúng chẳng tách rời! Trong khi chúng ta học tập vấn đề này, dùng điện ảnh hiện thời để làm tỷ dụ, đặc biệt là TV, vì trong hiện tại, gia đình nào cũng hầu như hằng ngày chẳng rời khỏi TV. Tôi tỷ dụ màn hình như tự tánh, các hình ảnh trong TV ví như các hiện tượng dao động sanh khởi, tức là hiện tượng tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng

thể tách lia tự tánh. Hễ tách lia thì chúng (các hiện tượng vật chất và tinh thần) sẽ không còn nữa, chúng ắt phải hiển thị trên màn hình. Không có màn hình, chúng chẳng thể hiển thị. Màn hình là chân tánh; những hình tượng ấy là huyễn tướng. Một đấng là chân, một đấng là vọng. Chân là gì? Tướng được hiện trên màn hình sanh diệt trong từng sát-na. Nó có sanh diệt nên là hư huyễn, chẳng thật sự tồn tại. Màn hình là vĩnh hằng, vĩnh hằng không thay đổi, đó là Chân. Nhưng quý vị phải hiểu: Chân vọng bất nhị, chân vọng nhất thể, diệu dụng ở chỗ này. Khi nó khởi ra tác dụng thì sự dao động ấy đúng là trọn khắp pháp giới.

2) Loại thứ hai là “*xuất sanh vô tận*”. Trong tự tánh có A Lại Da. A Lại Da là thức biến. A Lại Da là cái thức năng biến (có thể biến), hết thấy các hiện tượng là sở biến (cái được biến hiện). Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là sở biến. Năng và Sở bất nhị, năng biến và sở biến là một, không hai. A Lại Da ở đâu? A Lại Da ở trong Tướng Phần, trong Kiến Phần và Tướng Phần đều có, đều chẳng tách rời. Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng tuy một mà ba, tuy ba mà một, quyết định chẳng thể độc lập. Vì thế, gọi là hư huyễn, huyễn tướng, mộng, huyễn, bọt, bóng. Bất luận dưới trạng thái nào, Thể của chúng đều là “*trạm tịch thường hằng*”, “*trạm*” (湛) là thanh tịnh, “*tịch*” (寂) là tịch diệt. Chúng ta dùng cương lĩnh tu học trong tựa đề kinh này để nói sẽ dễ hiểu: Trạm là thanh tịnh, Tịch là bình đẳng, Thường Hằng là vĩnh hằng bất biến. Những chữ này nhằm miêu tả tự tánh và sự khởi tác dụng của tự tánh. Thể, Tướng và Dụng như kinh Hoa Nghiêm đã giảng đều thuộc trong một câu này (trạm tịch thường hằng). Vì vậy, câu này quả thật chẳng dễ hiểu cho lắm!

Tiếp theo là “*cô minh lịch lịch*” (riêng sáng vắng vặc) cũng là hình dung. “*Cô*” (孤: một mình) là chỉ có tự tánh, thực sự chỉ có tự tánh là bất sanh, bất diệt, chẳng có đôi lập, chẳng có tương đối. Hễ khởi lên tác dụng thì có tương đối, quý vị thấy tinh thần và vật chất là tương đối. Tuy tương đối, chúng dung hợp với nhau, trong tinh thần có vật chất, trong vật chất có tinh thần. Hôm qua, có một vị đồng học tìm được trên mạng Internet, hôm nay đã làm thành DVD, tối qua tôi có xem một chút, hình như [đoạn phim ấy] dài bốn mươi lăm phút. Đó là báo cáo gần đây nhất của một nhà khoa học Mỹ đang khảo sát, nghiên cứu nhằm chứng tỏ nước có ký ức. Nếu sau khi phát hiện này được xác nhận, trong Vật Lý Học sẽ dấy lên một cuộc cách mạng rất lớn, cách mạng gì vậy? Hiện thời, chúng ta nói khoáng vật chẳng phải là sinh vật, nhưng nghiêm nhiên là trong ấy có thấy, nghe, hay, biết, lại còn có ký ức. Có ký ức thì có thể báo thù hay không? Chúng ta xử tệ với nó, nó có

báo thù hay không? Nếu có báo thù sẽ phiền lắm. Ngày nay, chúng ta phá hoại núi, sông, đại địa trên địa cầu, phá hoại chúng. Nếu chúng ghi hận, sẽ báo thù; chúng nó sẽ báo thù bằng động đất, bằng thiên tai, rất đáng sợ! Do vậy, trong kinh giáo, đức Phật một mực dạy chúng ta hãy “cung kính hết thủy”. Trong Phật pháp nói tới luân lý, luân lý là nói về quan hệ. Người thế gian chúng ta nói tới luân lý thì chỉ nói về quan hệ giữa con người, Ngũ Luân là quan hệ cha con, quan hệ vợ chồng, quan hệ vua tôi, quan hệ anh em, quan hệ bằng hữu, nói tới những mối quan hệ này. Nhưng quan hệ được giảng trong Phật pháp không chỉ là quan hệ giữa con người với nhau, mà còn là quan hệ giữa con người và hết thủy động vật, Phật pháp giảng khá nhiều quan hệ! Quan hệ giữa con người và các chiều không gian khác nhau, trong các chiều không gian khác biệt lại có sinh vật, còn có mối quan hệ giữa con người và hoa cỏ cây cối, đó là quan hệ với thực vật, quan hệ giữa con người và núi, sông, đại địa, quan hệ giữa con người với trọn khắp pháp giới hư không giới, luân lý được giảng hết sức rộng!

Sau khi đã biết quan hệ, đức Phật sẽ dạy cho chúng ta một tâm thái: Cung kính hết thủy! Quý vị thấy sám nghi trong Phật pháp vừa mở đầu bèn: “*Nhất tâm đánh lễ, nhất thiết cung kính*” (nhất tâm đánh lễ, hết thủy cung kính). Chúng ta cung kính hoa, cỏ, cây cối, cung kính núi, sông, cung kính vạn pháp trong vũ trụ, không có gì chẳng dùng tâm cung kính. Nguyên thứ nhất của Phổ Hiền Bồ Tát là “*lễ kính chư Phật*”, bao gồm quan hệ luân lý được giảng trong nhà Phật. Đối xử tử tế với vạn vật, hoa, cỏ, cây cối, chúng nó có Thọ, Tướng, Hành, Thức; trong những năm qua, chúng tôi cũng chứng thực chuyện này. Chúng tôi trồng trọt rau dưa, cây ăn trái đều có cảm ứng, chúng ta khởi tâm động niệm chúng nó sẽ biết, đều có cảm ứng. Chúng tôi đối xử tử tế với chúng, chúng cũng báo đáp rất tốt đẹp: Lá đặc biệt xanh, hoa đặc biệt thơm, quả đặc biệt ngọt, chúng nó báo đáp đầy! Nếu những loài chim nhỏ, trùng nhỏ muốn ăn những loài rau dưa, hoa quả ấy, chúng tôi ước định với chúng nó, chúng tôi cũng chiếu cố chúng nó, chúng nó cũng chiếu cố chúng tôi. Do vậy, vườn rau của chúng tôi nhất định chừa ra một khu nhỏ, khu ấy chuyên dành cho tiểu trùng ăn. Chúng đến đó ăn, chẳng quấy nhiễu những nơi khác. Cây ăn trái cũng vậy, chúng tôi chỉ định mấy cây chuyên dành cho các loài chim nhỏ, chim tới ăn trái cây, sẽ ăn trên mấy cây ấy. Nếu cây không được chỉ định sẵn, chúng nó chẳng quấy nhiễu. Do chúng tôi đối xử hết sức tốt đẹp với những loài trùng nhỏ, chim nhỏ ấy, đôi bên tôn trọng lẫn nhau, chiếu cố lẫn nhau, cho nên hoa quả chẳng cần thuốc sát trùng. Thuốc sát trùng có hại, khi chim nhỏ ăn vào sẽ mắc bệnh, con người ăn vào lâu ngày cũng sanh bệnh, bản thân trái cây cũng bị biến chất. Vì thế, chớ nên dùng những thứ ấy! Không chỉ chớ nên dùng thuốc sát trùng,

mà phân hóa học cũng chớ nên dùng. Chúng ta chẳng cần đến những thứ ấy, dùng thiện tâm đối đãi những tiểu động vật và hoa, cỏ, cây cối, sẽ thấy đặc biệt tốt đẹp. Những nông phu lân cận đến thăm nông trường của chúng tôi đều vô cùng kinh ngạc: Các vị dùng phương pháp gì mà trồng tốt đẹp ngần ấy? Tôi bảo họ, tôi dùng phương pháp Niệm Phật để trồng. Trong vườn rau, vườn cây ăn quả, chúng tôi đặt máy niệm Phật, suốt hai mươi bốn giờ phát ra Phật hiệu “A Di Đà Phật” cho cây cối nghe. Chúng tôi chỉ dùng A Di Đà Phật để trồng trọt, những năm qua trồng trọt rất thành công! Vậy thì quý vị hãy nói, đó là đạo lý gì? Ở đây nói “*linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng*” chính là đạo lý và nguyên lý ấy, nó chẳng lia tự tánh, từ trong tự tánh biến hiện. Do vậy, chúng ta tùy thuận Tánh Đức thì thứ gì cũng tốt đẹp, trái nghịch Tánh Đức sẽ xảy ra phiền phức liền! Khoa học kỹ thuật trái nghịch Tánh Đức, có thể trồng trọt quả, hạt to đùng, nhưng chẳng ngọt, chẳng có mùi vị gì, thoát nhìn ngon lành lắm, ăn vào chẳng có mùi vị gì! Đó là gì? Đây là thiên nhiên báo thù, chúng ta đừng nên đối đãi với chúng như thế!

Mấy câu tiếp theo đều là tán thán: “*Bình hách hư không*” (rạng ngời hư không). Đây là tán thán “*hàm dung Không Hữu*” (dung chứa Không và Có) trong ba thứ trọn khắp [như sách Hoàn Nguyên Quán đã nói]; đây cũng là như nhà Phật thường nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi có số lượng nhiều như cát), chẳng có ngần mé. “*Linh quang độc diệu, huýnh thoát căn trần*” (linh quang riêng chiếu, vượt thoát căn trần), đây là đặc biệt nói với người tu hành, người tu hành hãy nên làm như thế. “*Linh quang độc diệu*” là nói về trí huệ, trí huệ viên mãn. Trí huệ viên mãn do đâu mà có? Quý vị có thể buông căn trần xuống, trí huệ và đức tướng trong tự tánh thấy đều hiện ra, “*căn*” là lục căn, “*trần*” là lục trần. Thật ra, ở đây vẫn nói về lục thức; nói cách khác, chớ nên chấp tướng! Căn và trần là hiện tượng vật chất. Lục thức: Trong căn trần bao gồm thức. Căn, trần, thức hợp thành mười tám giới. Thức là hiện tượng tâm lý. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tâm lý thấy đều phải buông xuống, vì sao? Chúng là giả. “*Linh quang độc diệu*” là chân, linh quang độc diệu là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, vạn đức, vạn năng. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Chữ “*linh quang*” chỉ điều ấy, chỉ cần quý vị buông phân biệt, chấp trước xuống, nó sẽ hiển hiện. “*Có Liên Trì đại sư tán viết: Đại tai chân thể, bất khả đắc nhi tu nghị giả, kỳ duy tự tánh dư*” (Vì thế, Liên Trì đại sư ca ngợi: “Lớn thay chân thể! Chẳng thể nghĩ bàn thì chỉ có mỗi tự tánh mà thôi”). Những câu này đều nhằm tán thán tự tánh. Tự tánh cũng là bất đắc dĩ, gượng đặt tên là “tự tánh”, như trong phần

trước đã nói: Ngay cả cái tên “*tự tánh*” cũng đừng nên chấp trước; hễ quý vị chấp trước thì cũng trật rồi!

Đoạn tiếp theo là: “*Thật Tướng chi chi, như thượng thô minh*” (Tông chỉ của Thật Tướng đã được giảng thô thiển như trên đây), tông chỉ của Thật Tướng đã được giảng đại khái trong đoạn trước. Hết thầy các kinh Đại Thừa đều căn cứ trên Thật Tướng của các pháp để nói, đây là chân tướng của hết thầy các pháp. Đức Phật giảng kinh căn cứ vào đâu? Căn cứ trên chân tướng của hết thầy các pháp để nói. Nói những gì? Những gì Phật nói cũng chẳng rời khỏi chân tướng của hết thầy các pháp. Chúng ta có thể nói: Thích Ca Mâu Ni Phật, thậm chí hết thầy kinh giáo do mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai đã nói, đều nhằm giảng những gì? Thật Tướng của chư pháp. Nếu dùng một câu đơn giản, gần gũi để nói thì là “giảng về chân tướng của vũ trụ vạn pháp”, giảng về điều ấy. Tiếp đó, lại nói về bản kinh này: “*Chỉ ư bốn kinh thể tánh*” (còn như Thể Tánh của kinh này), đối với bộ kinh Vô Lượng Thọ này, “*hà đặc xưng vi Thật Tướng da?*” (cớ sao gọi là Thật Tướng), cũng có thể gọi là Thật Tướng ư? “*Hạ thân kỳ thuyết*”, [nghĩa là] tiếp đó bèn nói rõ, quả đúng như vậy! “*Thế Thân Bồ Tát*”, ngài Thế Thân (Vasubandhu) còn gọi là Thiên Thân, trong Vãng Sanh Luận có mấy câu như thế này: “*Trang nghiêm Phật độ công đức thành tựu, trang nghiêm Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu, thử tam chủng thành tựu nguyện tâm trang nghiêm, ưng tri*”(trang nghiêm cõi Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Phật công đức thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát công đức thành tựu. Nên biết...). Ba thứ thành tựu ấy là thành tựu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới: Phật độ (cõi nước Phật) là y báo, Phật, Bồ Tát là chánh báo. Phật là buông toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Bồ Tát là đang buông xuống, chưa buông sạch sành sanh, chưa triệt để, đây là Bồ Tát. Bồ Tát (Bodhisattva) là tiếng Phạn, Huyền Trang đại sư giải thích, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác Hữu Tình. Hữu Tình (Sattva) là còn có tình thức, tình thức chưa đoạn, nhưng đã giác ngộ. Phật thì sao? Phật là Giác, dùng một chữ này là được rồi, phía sau chẳng có Hữu Tình. Phật thật sự giác ngộ viên mãn rốt ráo; Bồ Tát tuy giác ngộ, nhưng tình thức chưa đoạn, Huyền Trang đại sư dịch theo cách ấy. Chúng ta gọi những bản dịch trước thời Huyền Trang đại sư là Cổ Dịch, cổ đại đức dịch chữ Bồ Tát thành Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, Đại Đạo Tâm là Giác, Chúng Sanh là Hữu Tình, cũng dịch rất hay! Quả thật là từ Huyền Trang đại sư trở đi, dùng cách gọi Bồ Tát là Giác Hữu Tình khá nhiều!

Ba thứ thành tựu này là y báo và chánh báo trang nghiêm. Quý vị thấy thầy là một vị Phật trang nghiêm, đó là công đức của thầy đã thành tựu, Bồ Tát là học trò.

Do vậy, trong thế giới Tây Phương, trong thế giới Hoa Tạng, chúng ta chỉ nhìn thấy người trong các thế giới ấy gồm hai loại người: Một là Phật, hai là Bồ Tát. Trừ hai loại này ra, dường như kinh chẳng nói tới ai khác. Nếu chúng ta quan sát cẩn thận thế giới ấy, sẽ thấy thế giới ấy giống như gì? Thế giới ấy là trường học. Trong trường học, chỉ có thầy và học trò, không có tổ chức chánh phủ nào! Trong thế giới Cực Lạc chẳng nói có quốc vương, trước nay chưa hề nói. Thế giới Hoa Tạng cũng không có một thiên vương nào! Do vậy, những tổ chức như trong thế gian chúng ta chỉ trong lục đạo mới có, bốn thánh pháp giới chẳng có. Trong lục đạo bèn có, Sắc Giới thiên có Đại Phạm Vương (Brahma), Sơ Thiên Thiên có Ma Hê Thủ La Thiên Vương (Mahésvara), Tứ Thiên Thiên; trong Vô Sắc Giới không có! Vô Sắc Giới không có hiện tượng vật chất, chỉ có tinh thần. Nay chúng ta nói tới Duy Vật và Duy Tâm, thì Tứ Thiên và Tứ Không [có thể tạm hiểu là tương ứng với Duy Vật và Duy Tâm]. Tứ Không Thiên là duy tâm, người nơi ấy chẳng có nhục thể, tức là chẳng có hiện tượng vật chất. Do vậy, họ cũng chẳng cần sống trong cung điện, chẳng cần! Chúng ta gọi họ là “linh giới”, hoàn toàn là hiện tượng tinh thần. Nếu không có nhục thể thì là u linh; nhưng trong vật chất, nhất định có hiện tượng tinh thần. Trên thực tế, trong hiện tượng tinh thần vẫn có hiện tượng vật chất, nhưng chúng ta chẳng thấy hiện tượng vật chất ấy, Phật, Bồ Tát thấy được, A La Hán cũng thấy được. Đây là nói rõ tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời. Trong sắc có hiển sắc và bất hiển sắc, nhà Phật gọi [bất hiển sắc] là Vô Biểu Sắc (Avijñapti-rūpa). Thật ra, loại sắc này đối với chúng ta cũng chẳng khó hiểu. Mỗi người chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, trong mộng có sắc hay không? Có sắc tướng, chính mình nhìn thấy sắc tướng ấy rõ ràng, nhưng người khác chẳng nhìn thấy, đó là Vô Biểu Sắc. Chúng ta tưởng tượng, nghĩ đến Bắc Kinh, nghĩ đến Cố Cung, Cố Cung bèn hiện tướng ngay trong óc, chính chúng ta nghĩ đến rất rõ ràng, chúng ta biết, nhưng khi ta nghĩ, người khác chẳng biết. Thế nhưng đối với người có công phu, quý vị nghĩ gì, hiện ra tướng gì, người ấy sẽ thấy, nhưng người thường chẳng thể thấy. Điều này chứng tỏ vật chất và tinh thần vĩnh viễn chẳng thể tách rời. Nói duy tâm hay duy vật đều chẳng thỏa đáng, chúng là một Thể, chẳng thể chia thành hai phương diện. Chia thành hai phương diện là trật rồi! Giống như hiện thời chúng ta nói đến TV, màn hình TV và sắc tướng chẳng phải là một chuyện, nhưng chúng là nhất thể. Quý vị chẳng có cách nào tách rời chúng; hề tách rời sẽ chẳng có. Câu tiếp theo rất quan trọng, phải nên biết, quý vị cần phải biết:

“*Lược thuyết nhập nhất pháp cú có*” (nói đại lược [thì ba thứ trang nghiêm ấy] đều gồm trong một pháp cú), pháp cú gì vậy? Tiếp đó, sách có giải thích: “*Nhất*

pháp cú giả, vị thanh tịnh cú” (một pháp cú là thanh tịnh cú). Thanh tịnh cú (câu thanh tịnh) là gì? “*Thanh tịnh cú giả, vị chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân cố*” (Thanh tịnh cú là “Pháp Thân vô vi trí huệ chân thật”). Nói rõ ràng, trí huệ chân thật vốn trọn đủ trong tự tánh của chúng ta, đây cũng là như trong kinh giáo, đức Phật thường nói “*kiến, văn, giác, tri*”, có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Đã thế, trong kiến văn giác tri chắc chắn chẳng nầy sanh sai lầm, vì sao? Nó là tánh đức, là trí huệ chân thật. Khi giác ngộ, người ấy chẳng lấy thân này làm thân, thân này là sắc thân, là nhục thân, người ấy chẳng coi cái thân này làm thân [chân thật], biết thân này là giả, nên lấy Pháp làm thân. Pháp là gì? Toàn thể vũ trụ. Trong Phật pháp nói hết thấy vạn vật trọn khắp pháp giới hư không giới thấy đều là thân, do tự tánh biến hiện ra. Thân thể này của chúng ta vẫn là tự tánh, chẳng lìa khỏi tự tánh, giống như chúng ta xem TV, tắt cả sắc tướng chẳng thể rời khỏi màn hình. Pháp Thân là gì? Màn hình là Pháp Thân, hết thấy các tướng được hiện trong màn hình đều là Pháp Thân, không có gì chẳng phải là Pháp Thân. Sau khi chúng ta hiểu rõ thân này chính là Pháp Thân, cũng là một trong các Pháp Thân. Tất cả hết thấy thân động vật đều là Pháp Thân, là một, không hai với ta, quả thật là một Thể. Chúng ta khởi tâm động niệm, mỗi thân ấy đều nhận được tin tức, mỗi cá nhân khởi tâm động niệm đều có thể giao thoa lẫn nhau, vô cùng nhạy bén, chẳng sai lầm tí nào! Cho đến cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa, vô lượng vô số tinh cầu, tinh hệ trong vũ trụ, chẳng có gì không liên quan mật thiết với nhau, trao đổi khít khao với nhau trong từng sát-na. Nhà Phật dùng cái lưới làm tỷ dụ, tức là lưới trời của Đệ Thích Thiên, giao thoa như vậy. Do vậy, theo vũ trụ quan của nhà Phật, vũ trụ là một Thể, có quan hệ mật thiết như vậy, đây là Pháp Thân. Pháp Thân vô vi, nhưng không gì chẳng làm. “Vô vi” là nói về tự tánh, “không gì chẳng làm” là nói về A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm, tự tánh là chân tâm, chân vọng bất nhị. Vì thế, điều này khác với triết học! Thời đầu Dân Quốc, Âu Dương Cán Vô đại sư 82^[1] trong bài phát biểu nhân dịp giảng diễn lần thứ tư tại đại học Trung Sơn, khi ấy cũng gây chấn động trong giới học thuật. Ông ta nói: “*Phật pháp chẳng phải là tôn giáo, chẳng phải là triết học, mà là nhu cầu tất yếu trong hiện thời*”, nêu ra một lập luận như thế. Chẳng phải là tôn giáo thì chúng ta chẳng bàn tới, vì sao chẳng phải là triết học? Triết học có Năng và Sở (chủ thể và khách thể,

82^[1] Xin lưu ý là Âu Dương Cán Vô là một triết gia, một nhà Phật học tại gia, chứ không phải là tăng sĩ. Hòa Thượng Tịnh Không dùng chữ “đại sư” ở đây theo cách dùng phổ biến của người Hoa để gọi một chuyên gia hàng đầu về một lãnh vực nào đó. Chẳng hạn, cụ Chương Thái Viêm được gọi là Quốc Học đại sư, Tề Bạch Thạch được gọi là Thư Pháp đại sư.

chủ quan và khách quan), Phật pháp tuy nói đến Năng và Sở, nhưng Năng và Sở là một, chẳng hai. Do vậy, đây chẳng phải là phạm trù triết học (Category) 83^[2], nên chẳng thể bảo Phật giáo là triết học được! Vậy thì nên nói là gì? Phật pháp là Phật pháp, không thể dùng danh từ nào khác để thay thế! Đó là cách nói của Âu Dương đại sư, chúng ta nghe xong cũng cảm thấy rất có lý, ông ta nói Phật giáo là nhu cầu tất yếu trong hiện thời, câu nói này hết sức nói thẳng vào trọng tâm!

Do vậy, vô vi là Thể, hữu vi là Dụng. Vô vi là thanh tịnh, tịch diệt; hữu vi là cái thứ hai trong ba thứ “*trộn khắp*” (tam chủng châu biến) [được nói trong Hoàn Nguyên Quán]: “*Xuất sanh vô tận*”. Sau khi chúng ta hiểu rõ chân tướng, dùng tâm thái gì để đối ứng? “*Hàm dung Có và Không*”. Tâm lượng của quý vị vốn to như vậy, hết thảy đều có thể bao dung. Bao dung thì sẽ chẳng so đo, đúng là “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”, vốn là như vậy, mỗi mỗi đều là như vậy. “*Thử luận trực hiển Sự Lý vô ngại chi Nhất Chân pháp giới. Tức Sự nhi chân, đương tướng tức đạo*” (Luận này đã hiển thị trực tiếp Nhất Chân pháp giới Sự Lý vô ngại, do chính từ Sự mà nhập Chân, ngay nơi tướng chính là đạo). Đây là nói về chư Phật, Bồ Tát và hoàn cảnh sống của họ trong thế giới Cực Lạc, nay chúng ta gọi đó là vũ trụ. Cụ Hoàng vô cùng tán thán mấy câu này của Thế Thân Bồ Tát trong Vãng Sanh Luận. Khi chúng tôi gặp mặt, cụ cũng thường nhắc tới, cũng thường trích dẫn mấy câu này để chỉ rõ thế giới Cực Lạc là Nhất Chân pháp giới Sự Lý vô ngại. “*Tức Sự nhi chân*”, Sự là Tướng, Chân là Tánh, Tánh Tướng bất nhị, Tánh Tướng như một. “*Đương tướng tức đạo*”, Đạo là nói về Tánh, Tướng là nói về Sự. Hai câu này (tức “*tức Sự nhi Chân*” và “*đương tướng tức đạo*”) có ý nghĩa tương đồng. “*Cực Lạc thế giới chủng chủng y chánh trang nghiêm, nhất nhất giai thị chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân*” (Các thứ y báo và chánh báo trang nghiêm trong thế giới Cực Lạc, mỗi thứ đều là Pháp Thân vô vi trí huệ chân thật). Ở đây, cụ Hoàng đã giảng ý nghĩa lời nói của Thiên Thân Bồ Tát theo Lý, “*chân thật*” là tự tánh, “*trí huệ*” là Bát Nhã, “*vô vi*” là Đức, Pháp Thân là Tướng, chúng là nhất thể. “*Nhất nhất tức thị Thật Tướng*” (mỗi mỗi chính là Thật Tướng). Pháp vốn là như vậy, tự tánh là Thật Tướng, Bát Nhã là Thật Tướng, Đức cũng là Thật Tướng,

83^[2] Có thể hiểu sơ lược như thế này: Phạm trù là cách phân loại những khái niệm trong triết học, người ta sắp xếp những khái niệm có cùng một số đặc điểm tiêu biểu và quy luật phát triển thành từng loại, xem xét quan hệ giữa những khái niệm ấy với khái niệm khác. Do vậy, phạm trù có thể hiểu là một cách hệ thống hóa tư tưởng, xác định phạm vi của những khái niệm, nghiên cứu sự tương tác giữa các khái niệm với nhau.

Tướng cũng là Thật Tướng. “*Cố vân bốn kinh dĩ Thật Tướng vi Thế dã*” (Vì thế nói: Kinh này lấy Thật Tướng làm Thế vậy). Đây là nói theo Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát.

Tiếp theo đó: “*Minh Cừ Am đại sư viết: ‘Quyền lâm ngọc chiếu’*” (Cừ Am đại sư đời Minh nói: “Rừng quyền, ao ngọc”), “*quyền lâm*” là cây báu trong thế giới Tây Phương, “*ngọc chiếu*” là ao sen. Trong Đại Bản lẫn Tiểu Bản chúng ta đều thấy điều này. “*Trực hiển u tâm nguyên*” (hiển hiện trực tiếp nguồn tâm), “*tâm nguyên*” là tự tánh. “*Thọ lượng, quang minh, toàn chương u tự tánh*” (thọ lượng, quang minh, phô bày trọn vẹn tự tánh), thọ lượng là đức, quang minh là trí, phô bày trọn vẹn tự tánh, thấy đều là tự tánh viên mãn thấu lộ, chúng ta thường nói là “*tự tánh phóng quang, quang minh biến chiếu*” (tự tánh tỏa ánh sáng, quang minh chiếu khắp) chính là nói đến ý nghĩa này. “*Chương*” là “*chương hiển*” (彰顯: phô bày rõ rệt). Trong bộ Viên Trung Sao, U Khê đại sư cũng nói đến ý nghĩa này giống như vậy: “*Quyền lâm, ngọc chiếu, thọ lượng, quang minh, cố nhất thiết chư pháp chi tướng dã, nhiên tắc trực hiển u tâm nguyên, toàn chương u tự tánh, cố hà tướng chi khả đắc tại*” (Rừng quyền, ao ngọc, thọ lượng, quang minh vốn là tướng của hết thảy các pháp, nên chúng đã hiển lộ trực tiếp nguồn tâm, phô bày trọn vẹn tự tánh thì có tướng nào để đạt được?). Tướng chính là phi tướng, phi tướng chính là tướng, đây là giáo pháp Đại Thừa đến chung cực nhập pháp môn Bất Nhị. Nhập pháp môn Bất Nhị tức là như đức Phật thường chỉ dạy chúng ta “chớ khởi tâm, đừng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước”, quý vị sẽ khế nhập. Làm được “chẳng phân biệt, chẳng chấp trước” thì vẫn chưa được, vẫn chưa nhập pháp môn Bất Nhị. Nhập pháp môn Bất Nhị là Pháp Thân Bồ Tát, theo như kinh Hoa Nghiêm đã giảng, đó là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên! Buông phân biệt, chấp trước xuống, nhưng còn có khởi tâm động niệm, quý vị vẫn chưa thoát khỏi mười pháp giới. Chưa ra khỏi mười pháp giới, quý vị sẽ chẳng có cách nào khế nhập cảnh giới Bất Nhị. Đây là một giới hạn rất lớn, là ranh giới giữa phàm và thánh. Vượt thoát mười pháp giới bèn minh tâm kiến tánh, chúng ta thường nói là “*thành Phật*”. Cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim Cang, trong bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của chính ông, đã giảng về chư Phật Như Lai. Quý vị thấy ông giải thích chữ “*chư Phật*” chẳng phải là nhiều vị Phật, mà “*chư Phật*” là bốn mươi hai tầng cấp, tức Thập Trụ, những địa vị ấy đều thuộc Viên Giáo, [ngoài] Thập Trụ [ra, còn có] Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Ông ta giải thích “*chư Phật Như Lai*” là bốn mươi hai địa vị chư Phật Như Lai. Minh tâm kiến tánh bèn thành Phật, minh tâm kiến tánh là đã buông khởi tâm động niệm

xuống, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước.

Trong cảnh giới này, vì sao còn có bốn mươi hai tầng cấp? Không khởi tâm, không động niệm, cứ sao vẫn còn có tầng cấp? Có tầng cấp thì chẳng phải là có khởi tâm động niệm ư? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đức Phật nói có bốn mươi hai tầng cấp. Chúng ta có thể hiểu: Bốn mươi hai tầng cấp ấy chẳng thể nói là có, mà cũng chẳng thể nói là không có, chẳng phải có, chẳng phải không. Nếu quý vị nói có thì do chẳng khởi tâm động niệm, lấy đâu ra bốn mươi hai tầng cấp? Quý vị nói chúng là không có, thì họ (các vị Pháp Thân Bồ Tát) chưa đoạn tập khí vô minh. Không khởi tâm, không động niệm là đoạn vô minh; vô minh đã đoạn rồi, nhưng còn có tập khí vô minh. Tập khí vô minh có dày hay mỏng khác nhau, nên vừa mới đoạn vô minh, tập khí còn rất nồng, sau đó, [cảnh giới] càng cao lên, [tập khí vô minh] càng nhạt bớt. Chữ “*tập khí*” cũng chẳng dễ hiểu, nên cổ đức dùng bình rượu làm tỷ dụ, tỷ dụ này rất hay! Bình đựng đầy rượu, đổ sạch đi, đổ hết, lau chùi sạch bóng bên trong, một giọt cũng chẳng còn, thật sự chẳng có tí rượu nào, nhưng vẫn ngửi thấy mùi. Đó gọi là Tập Khí. Mùi vị ấy không lau mất được, nhưng nó cũng chẳng trở ngại Sự. Quý vị đem thứ khác đựng trong đó cũng chẳng ngại Sự. Tập khí ấy sau một thời gian lâu dài sẽ tự nhiên chẳng còn. Do vậy, trong cõi Thật Báo, họ dụng công đoạn tập khí ấy, chẳng có cách nào khác, nên gọi là Vô Công Dụng Đạo. Trong ấy, chớ nên có một tí ý niệm nào! Hễ quý vị khởi niệm sẽ đọa lạc, vậy là không được rồi! Vì thế, người ấy chắc chắn chẳng khởi tâm, không động niệm. Khi ấy, phiền não đã đoạn hết, chẳng cần phải dụng công đoạn phiền não. Lúc đó, tâm từ bi trong tự tánh hiện tiền, kẻ ấy đã đạt được chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi trong tự tánh, các Tánh Đức xuất hiện, người ấy và hết thảy chúng sanh trong trọn pháp giới hư không giới sanh khởi sự cảm ứng đạo giao, chúng sanh có cảm, người ấy bèn ứng.

Hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo có năng lực này: Nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật để nói pháp. Như trong phẩm Quán Thế Âm Phổ Môn [của kinh Pháp Hoa] đã nói về ba mươi hai ứng thân [của Quán Thế Âm Bồ Tát]: Nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy. Bản thân Phật, Bồ Tát chẳng có ý nghĩ “ta phải hiện thân gì”, [nếu các Ngài có ý nghĩ như vậy] thì sẽ là phàm phu. Các Ngài không có Ngã, Ngã của các Ngài là Pháp Thân, chứ không có một cái Ngã đơn độc, không có ý niệm ấy! Pháp Thân ở nơi đâu? Pháp Thân trọn khắp pháp giới hư không giới, không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện diện,

một niệm của chúng ta bèn khởi cảm ứng. Do vậy, có bốn loại cảm ứng, chắc chắn có cảm ứng. Có khi có cảm ứng, nhưng bản thân chúng ta nghiệp chướng quá nặng nên chẳng thể thấy được, nhưng thật sự có cảm ứng. Biết chân tướng sự thật này, sẽ biết: Trong hết thủy chổ, hết thủy lúc, chớ nên có ý niệm bất thiện. Đừng nghĩ không ai biết! Dấy lên một niệm bất thiện, chư Phật, Bồ Tát với số lượng chẳng biết nhiều hơn số người trên địa cầu bao nhiêu lần, các Ngài đều biết. Không chỉ chư Phật, Bồ Tát biết, mà như trong mấy đoạn trước chúng tôi cũng đã nói rất rõ ràng, tất cả vật chất đều có kiến văn giác tri, chúng đều biết! Ở nơi đây, chúng ta khởi tâm động niệm, bàn ghế có biết hay không? Biết. Vì sao? Hết thủy vật chất đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, ý niệm dấy lên, chúng bèn cảm nhận, chúng cũng có thể suy nghĩ!

Trong sách Hoàn Nguyên Quán đã giảng chuyện này rất rõ ràng, rất minh bạch, nhỏ đến mức độ nào? Nhà Phật nói “vi trần”. Ba thứ châu biến (trọn khắp) trong Hoàn Nguyên Quán đều lấy một vi trần làm tỷ dụ. Một hạt vi trần, nhục nhãn chẳng thể thấy, khoa học hiện thời gọi nó là nguyên tử, điện tử, hạt cơ bản, năng lượng của một hạt vi trần như thế trọn khắp pháp giới. Sau khi mê, năng lượng ấy biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong tự tánh, nó được gọi là kiến văn giác tri. Trong A Lại Da, chúng được gọi là Thọ, Tưởng, Hành, Thức; Thọ là năm thức trước, Tưởng là thức thứ sáu, Hành là thức thứ bảy, cái cuối cùng là A Lại Da Thức. Thức trong “Thọ, Tưởng, Hành, Thức” chính là A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là năng lượng, hai thức thứ sáu và thứ bảy là phân biệt và chấp trước, nay chúng ta gọi chúng là “thông tin”. Năm thức đầu là do vật chất khởi tác dụng, chúng có Thọ. Năm thức đầu là Thọ, chúng có thể tiếp nhận, có năng lực tiếp nhận. Vì thế, mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức; thân thể của chúng ta do bao nhiêu hạt cơ bản hợp thành, mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong kinh, đức Phật thường nói một sợi lông trên thân con người, nói theo y báo, tức là nói theo phương diện vật chất, mỗi vi trần đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Vì thế, các nhà khoa học hiện thời dùng nước làm thí nghiệm, [nhận thấy] nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người, nó có cảm nhận, có Thọ, Tưởng, Hành. Hiện thời, họ còn thí nghiệm thấy nó có ký ức, ký ức ấy là Thức. A Lại Da Thức chứa đựng chủng tử, ký ức ấy chính là Thức khởi tác dụng, nó có toàn bộ Thọ, Tưởng, Hành, Thức, thủy đều trọn đủ. Đây chính là nói trong vật chất có đủ tâm pháp. Nhà Phật nói Ngũ Uẩn thì Sắc là hiện tượng vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là hiện tượng tâm lý, bất luận trong vật thể nào cũng đều có, nhưng quý vị chẳng nhận biết. Vì thế, Phật pháp quả thật là phi thường! Tới khi nào mới có thể nhận biết hiện tượng này? Nói thông thường thì là khi đã đại triệt đại ngộ, minh

tâm kiến tánh sẽ trông thấy hiện tượng này, triệt để hiểu rõ, trông thấy duyên khởi của vũ trụ. Duyên khởi của vũ trụ là lúc nào? Ngay trong lúc này, chẳng có quá khứ lẫn vị lai, mà là một niệm ngay trong lúc này! Thời gian và không gian là giả, là ảo giác. Trong Phật pháp, thời gian và không gian được gọi là Bất Tương Ứng Hành Pháp. Nói theo cách bây giờ, Bất Tương Ứng Hành Pháp là khái niệm trừu tượng, không có sự thật, [duyên khởi vũ trụ là] ngay lập tức.

Hai câu kế tiếp là: “*Thử chánh vô tướng bất tướng*” (đấy chính là vô tướng mà chẳng phải là không có tướng), vô tướng nhưng chẳng phải là không có tướng, câu này có ý nghĩa như vậy! “*Tướng nhi vô tướng chi chánh thể*” (cái chánh thể tuy có tướng nhưng là vô tướng), đó là Thật Tướng. Điều này nêu rõ đức Phật nói kinh Vô Lượng Thọ cũng là dựa trên Thật Tướng để nói. “*Cái ngô nhân tâm tánh, lượng đồng pháp giới, linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương. Cực Lạc quốc độ, phi tại tâm ngoại. Bách giới thiên như, giai ngã bốn cụ*” (ây là vì tâm tánh của chúng ta lượng bằng pháp giới, linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, theo chiều dọc cùng tận ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Cõi nước Cực Lạc chẳng phải ở ngoài tâm, bách giới thiên như ta đều sẵn đủ). Đây là chân tướng sự thật. Tâm tánh của chúng ta lượng đồng pháp giới, pháp giới (tức là vũ trụ) không có ngăn mé, vì sao? Tâm tánh không có ngăn mé. Cổ nhân Trung Quốc đã nói hai câu: “*Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội*” (không có gì lớn mà ra ngoài được, không có gì nhỏ nhoi chẳng gồm trong), [đó là] người Trung Quốc miêu tả tâm tánh. Do vậy, tôi nói tổ tiên của chúng ta là Phật, Bồ Tát tái lai, tuyệt đối chẳng phải là giả, họ nói hoàn toàn giống như Phật, quý vị hãy suy nghĩ hai câu nói ấy: “*Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội*”, quyết định chẳng có ngăn mé, quý vị tìm ngăn mé chẳng ra! Các nhà khoa học và vật lý học hiện thời bảo: Vũ trụ mênh mông, chẳng có cái gì to lớn vượt ra khỏi nó, Lượng Tử Lực Học (Quantum Mechanics) nói về “*kỳ tiểu vô nội*”, nghiên cứu hai cực đoan này! Nghiên cứu cách nào đi nữa, vẫn chẳng có cách nào vượt khỏi những gì kinh điển đã nói, vì sao? Nhờ vào các máy móc, nhờ vào toán học đều chẳng có cách nào, đều là còn có giới hạn. Vì sao đức Phật biết? Đức Phật chứng đắc bằng Thiên Định. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước Ngài thấy đều buông xuống; sau khi buông xuống, chân tướng ấy bèn rõ ràng, hiện tiền. Sau đấy mới hiểu: Khởi tâm động niệm là vô thi vô minh phiền não. Dùng từ ngữ này rất hay, vô thi vô minh phiền não, nó chẳng có khởi đầu, vì sao? Nhất niệm, đó là nhất niệm [vô minh]. Chúng ta bị phiền phức vì sau một niệm lại có một niệm khác tiếp nối, sanh ra tướng tương tục (tướng tiếp nối). Nếu nhất niệm là giác ngộ, tướng tương tục sẽ

chẳng sanh, ngay lập tức Thường Tịch Quang hiện tiền. Do vậy, vấn đề chẳng có trước hay sau, quả thật là “*đương hạ nhất niệm*” (một niệm ngay trong hiện tại), quý vị chẳng nắm bắt niệm ấy được, nó quá nhanh. Trong một giây có bao nhiêu niệm? Nếu khảy ngón tay năm lần [trong một giây], sẽ là một ngàn sáu trăm triệu, làm sao quý vị có thể nắm bắt được? Do nó là giả, chẳng phải là thật, nên chẳng cần phải quan tâm, hễ bận tâm là trật rồi! Bận tâm sẽ sanh phiền não, quý vị bèn đọa vào vô minh, hết thấy đều buông xuống là đúng, chân tâm sẽ hiện tiền. Trong chân tâm có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, nhà Phật gọi [những điều ấy] là công đức, vô lượng công đức trang nghiêm, trang nghiêm là tướng hảo. Vì thế, lượng đồng pháp giới.

Pháp giới, nói theo những cái nhỏ nhoi thì chẳng điều nhỏ nhất nào không bao gồm. Nhà Phật nói trong vi trần có thế giới. Trong vi trần có thế giới, nhưng vi trần chẳng phình to, thế giới chẳng rút nhỏ, chúng bình đẳng như nhau! Phổ Hiền Bồ Tát có thể tiến nhập thế giới trong một vi trần để lễ Phật, cúng dường, nghe kinh, Phổ Hiền Bồ Tát có năng lực ấy. Vì sao Phổ Hiền Bồ Tát có năng lực ấy? Phổ Hiền Bồ Tát trở về tự tánh; bởi lẽ, mỗi nguyện trong mười đại nguyện vương của Ngài đều tương ứng viên mãn với tự tánh, Ngài có năng lực vào thế giới trong vi trần để lễ Phật, tham học. Chúng ta phải hiểu: Bên trong thế giới ở trong vi trần ấy lại có vi trần, trong vi trần ấy lại có thế giới, trùng trùng vô tận, đây là Pháp Tánh. Do vậy, nhà Phật thường nói: “*Rộng không ngăn mé, sâu không có đáy*” là nói đến đạo lý này. Không có [ngăn ngại, giới hạn]! Không có đáy. Pháp Tánh vốn là như thế, vốn là như vậy. “*Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng*”, là nói về tác dụng [của Pháp Tánh]. “*Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương*” (theo chiều dọc cùng tột ba đời, theo chiều ngang trọn khắp mười phương), “*thụ*” (豎) là nói đến “*tam tế*” (三際), tức quá khứ, hiện tại, vị lai; một đằng nói về thời gian, một đằng nói về không gian. “*Hoành biến thập phương*” là nói về không gian. “*Trọn khắp thời gian và không gian*” là nói về tự tánh. Sau đây, lại nói với quý vị: “*Cực Lạc quốc độ, phi tại tâm ngoại*” (cõi nước Cực Lạc chẳng ở ngoài tâm), do tự tánh biến. “*Bách giới thiên như, giai ngã bổn cụ*” (bách giới thiên như đều là thứ ta vốn sẵn có) là nói về toàn thể vũ trụ. “*Thiên như*” chính là mười món Như Thị được nói trong kinh Pháp Hoa, ngài Thiên Thai triển khai Thập Như Thị thành Thiên Như (một ngàn món như thị) 84[3]. Triển khai mười pháp giới, mỗi pháp giới đều trọn

84[3] Thiên Như là phối hợp bách giới với mười món như thị mà thành. Sách Pháp Hoa Huyền Nghĩa giảng: “Mỗi pháp giới có mười như thị, mười pháp giới trọn đủ một trăm như thị. Lại nữa, trong mỗi pháp giới có chín pháp giới kia, cho nên một trăm pháp giới có ngàn món

đủ mười pháp giới, nên [mười nhân mười] thành “*bách giới*”. Đây là nói tới vô lượng vô biên thể giới trong toàn thể vũ trụ. Những điều được nói trong các phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm đã giảng trọn hết tám chữ ấy, đều là những thứ vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh.

Kế đó là lời kết luận, quý vị hiểu ngay: “*Tâm tịnh tắc Phật độ tịnh, độ tịnh tức ngã tâm tịnh*” (Tâm tịnh ắt cõi Phật tịnh, cõi tịnh thì tâm ta tịnh). Nếu hiện thời chúng ta muốn giải quyết vấn đề của địa cầu, cứu vớt địa cầu bằng cách nào ư? [Vận dụng] hai câu ấy là đủ rồi, tâm chúng ta tịnh, địa cầu sẽ thanh tịnh; địa cầu thanh tịnh, chúng ta tâm chúng ta thanh tịnh, vì chúng có cùng một Thể; cho nên cảm ứng hết sức nhạy bén. Ngày nay chúng ta phá hoại địa cầu, quý vị có phá hoại địa cầu hay không? Có! Ta phá hoại địa cầu khi nào? Mỗi ngày quý vị nghĩ đến tham, sân, si, mạn, mỗi ngày nghĩ tổn người lợi mình, chính là quý vị phá hoại địa cầu. Quý vị vì tự tư tự lợi mà tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần, những điều ấy đều là sai lầm, tâm hạnh bất thiện tức là phá hoại địa cầu. Nói gần gũi hơn một chút, quý vị phá hoại thân của chính mình, thân thể này là tiểu vũ trụ, bên ngoài là đại vũ trụ. Tư tưởng bất thiện khiến cho thân thể quý vị chẳng khỏe mạnh, thật đấy! Chẳng giả tí nào! Thân thể con người là một cỗ máy; nếu quý vị biết quý trọng cỗ máy ấy, sẽ có thể sử dụng bao lâu? Trước kia, thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam cho tôi biết, thầy tinh thông Trung Y, y học rất cao minh, cụ bảo tôi [nếu bảo dưỡng thân thể đúng mực], tôi thiếu phải sử dụng hai trăm năm. Quý vị không sống tới hai trăm năm là do chính mình đã làm hư hỏng [thân thể]. Do vậy, chúng ta thấy đạo lý này trong kinh Phật: “*Tâm tịnh, ắt cõi Phật thanh tịnh*”. Nếu chúng ta chỉ dùng cái tâm thanh tịnh, chắc chắn thân thể này có thể sống đến hai trăm tuổi, mà còn có thể nhiều hơn nữa. Trung Quốc có cụ Bành Tổ 85^[4] sống

như thị”. Mười món Như Thị được nói trong phẩm Phương Tiện kinh Pháp Hoa như sau: “Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo Thật Tướng của các pháp, tức là các pháp như thị tướng, như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị cứu cánh bốn mặt...”

85^[4] Bành Tổ, tên thật là Tiễn, còn gọi là Tiễn Khanh, cháu của Chuyên Húc (một trong Ngũ Đế, người được coi là có công sáng chế lịch pháp, thiên văn, quy định người có quan hệ huyết thống không được lấy nhau v.v...). Do được vua Nghiêu phong cho thái ấp ở đất Bành, nên gọi là Bành Khanh. Bành Tổ được coi là thủy tổ của những người mang họ Bành. Ông giữ chức Thủ Tạng từ đời vua Nghiêu trải các đời Hạ, Thương, Châu. Theo truyền thuyết, do quá thọ, Bành Tổ lấy vợ bốn mươi chín lần, sanh được năm mươi bốn người con. Đạo giáo coi ông là

tám trăm tuổi. Kẻ bình phàm chúng ta chẳng dám tin [chuyện ấy], có phải là truyền thuyết hay chẳng? Nếu chiếu theo kinh Phật để nói thì [Bành Tổ sống đến tám trăm tuổi] là chuyện có thể xảy ra!

Thích Ca Mâu Ni Phật có một vị đệ tử vẫn còn ở trên thế gian, chưa nhập diệt, ai vậy? Tôn giả Đại Ca Diếp. Ngài phải đợi Di Lạc Bồ Tát đến thế gian này thì hiện thành Phật, đem y bát của Thích Ca Mâu Ni Phật trao cho Di Lạc Phật. Ngài làm đại biểu, cho nên phải lưu lại thân thể trên thế gian. Phải lưu lại bao nhiêu năm? Phải lưu lại mấy chục ức năm. Có thể hay chẳng? Có thể chứ! Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng. Nhìn từ chỗ này, Bành Tổ tám trăm tuổi quá dễ dàng, có trở thành vấn đề hay chẳng? Không thành vấn đề! Vì vậy, thọ mạng của chúng ta dài hay ngắn do chính tay ta thao túng, chẳng do người khác, phải biết điều gì? Tâm tịnh là trọng yếu, tâm thanh tịnh chẳng thể có ô nhiễm! Nghĩa là nhất định phải buông vọng tưởng, chấp trước xuống, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng chấp trước nữa, tâm thanh tịnh hiện tiền; chẳng còn phân biệt nữa, tâm bình đẳng hiện tiền. Có phân biệt sẽ bất bình đẳng; có chấp trước sẽ chẳng thanh tịnh. Tựa đề kinh ghi “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, thật sự đạt tới “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” sẽ tự nhiên khai ngộ! Đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Do vậy, khởi tâm động niệm của chúng ta có quan hệ mật thiết với thân thể của chúng ta, mà cũng có quan hệ mật thiết với hoàn cảnh, cũng có quan hệ mật thiết với núi, sông, đại địa. Biết mối quan hệ này, biết chân tướng sự thật này, chúng ta sẽ biết: Chúng ta có thể cứu địa cầu này, có thể hóa giải tai nạn này, phương pháp là dùng “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Chính mình phải nghiêm túc học tập, lại còn phải giảng cho người khác nghe, vì sao? Người khác có cộng nghiệp với chúng ta, nhiều người có cái tâm thanh tịnh bình đẳng, tai nạn sẽ chẳng xảy ra, chẳng có! Vì thế, người giác ngộ, sau khi giác ngộ chỉ có một sứ mạng là giáo học, giúp đỡ kẻ chưa giác ngộ, chuyện là như thế đấy. Trừ chuyện này ra, chẳng có chuyện gì khác!

“*Hà hữu nhất pháp, tại ngã tâm ngoại*” (há có pháp nào ở ngoài tâm ta), tổ sư đại đức thường nói: “*Tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm*” (ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm), tâm là tự tánh, không có một pháp nào ở ngoài

một vị tiên, những tác phẩm như Bành Tổ Dưỡng Sanh Kinh, Bành Tổ Nhiếp Sanh Dưỡng Tánh Luận do hậu nhân biên soạn rồi gán cho ông.

tâm. “*Bốn kinh sở thuyên, trực hiển bốn tâm, toàn chương tự tánh. Đương tương tức đạo, vô phi Thật Tướng*” (Những điều được nói trong kinh này nhằm chỉ thẳng cái tâm, phô bày trọn vẹn tự tánh. Từ ngay nơi Tướng chính là Đạo, không gì chẳng phải là Thật Tướng), mấy câu này nói rất hay! Đức Phật nói kinh Vô Lượng Thọ, nói ra bộ kinh này, các vị tổ sư đại đức thuở xưa đã giới thiệu cho chúng ta biết: Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này. Hết thảy các kinh chỉ được đức Phật giảng một lần, chẳng giảng lần thứ hai, chỉ mình kinh Vô Lượng Thọ được giảng rất nhiều lần, những dấu vết hiện thời cho thấy tối thiểu kinh này được giảng ba lần! Nhưng kinh Vô Lượng Thọ từ đời Hán tới đời Tống, trong tám trăm năm ấy, tổng cộng được phiên dịch mười hai lần, tức là vốn có mười hai bản dịch. Rất đáng tiếc trong mười hai bản dịch ấy, có bảy bản bị thất truyền. Trong mục lục của Đại Tạng Kinh thì có [ghi tựa đề những bản dịch ấy], nhưng kinh không còn. Thất truyền bảy loại, còn giữ được năm loại. Năm loại ấy trong Đại Tạng Kinh đều có. Năm bản ấy sai khác rất lớn; nếu là bản gốc chỉ có một, chẳng thể nào có sai biệt lớn như vậy, mà phải là như thường nói: “*Đại đồng tiểu dị*”. Quý vị nói kinh Kim Cang có sáu bản dịch khác nhau, quý vị hãy xem kỹ trong Đại Tạng Kinh, [sáu bản ấy] đại đồng tiểu dị. Trong kinh Vô Lượng Thọ, phần quan trọng nhất là bốn nguyện tức là lời phát nguyện của A Di Đà Phật, hiện thời trong năm bản ấy, có hai bản ghi bốn mươi tám nguyện, có hai bản ghi hai mươi bốn nguyện, bản dịch đời Tống là bản cuối cùng, ghi ba mươi sáu nguyện, khi phiên dịch chắc chắn không thể nào có sai lầm được! Do vậy, cổ đại đức dựa vào điều này mà phán đoán: Tối thiểu đức Phật cũng giảng ba lần, tuy bảy bản thất truyền chẳng thấy, nhưng điều này đã chứng tỏ [kinh này được] tuyên giảng nhiều lần. Tuyên giảng nhiều lần, nhất định có dụng ý, đó là pháp môn này quá trọng yếu! Pháp môn này thật sự lợi ích chúng sanh, cũng có thể nói là trong hết thảy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, kinh này trọng yếu nhất. Do vậy, lão nhân gia tuyên giảng nhiều lần.

Chúng ta phải hiểu “*đương tương tức đạo, vô phi Thật Tướng*” là cảnh giới gì? Sơ Trụ trong Viên Giáo, hay Sơ Địa trong Biệt Giáo bèn nhập cảnh giới này. Tướng là gì? Hiện tượng. Từ ngay nơi hiện tượng (hình tướng được hiện) ấy, chúng ta hiểu tự tánh, tướng do tự tánh biến. Cổ nhân nói: “*Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”, thấy các món đồ liền biết chúng là vàng; vàng và đồ vật chẳng thể tách rời. Tánh ở nơi đâu? Chúng ta đọc ngữ lục của Thiên Tông, tuy đọc không hiểu, nhưng thấy lão hòa thượng trải nghiệm học trò, coi trò khai ngộ là ngộ như thế nào? Làm như thế nào? Thuận tay lấy một thứ gì đó để so sánh, [ấn

chúng]: “Chẳng sai! Trò thật sự giác ngộ”. Chẳng lấy vật gì, duỗi một ngón tay cũng được! Từ ngay nơi tướng chính là đạo, thầy bèn ấn chúng cho trò, người này thật sự khai ngộ, thật sự khế nhập, đó là hiện tiền, chẳng rời khỏi khoảnh khắc trong hiện tại, không gì chẳng phải là Thật Tướng. Thật sự ngộ nhập, tâm thái hoàn toàn khác biệt, chẳng có phiền não! Thừa quý vị, đoạn vô minh phiền não thì mới kiến tánh; chẳng đoạn sẽ chẳng thể kiến tánh. Đoạn vô minh phiền não, quý vị liền biết phân biệt lẫn chấp trước đều chẳng có. Từ vô minh sanh ra phân biệt, từ phân biệt sanh ra chấp trước! Khi đã đoạn cội rễ, toàn bộ cành lá chẳng còn, sanh ra gì? Sanh ra trí huệ, trí huệ viên mãn. Kẻ thật sự kiến tánh, bất luận hỏi kẻ ấy vấn đề gì, người ấy đều có thể nói rõ ràng, rành rẽ. Người ấy chẳng học, mà chẳng cần phải học, vì sao? Chẳng lia tự tánh, trí huệ, thần thông, đạo lực hiện tiền viên mãn. Hễ khai ngộ sẽ bình đẳng với thầy, thầy bảo trò: “*Nhữ như thị, ngã diệc như thị*” (ông như thế mà ta cũng như thế), bình đẳng! Tánh Đức hoàn toàn lưu lộ, chẳng có tăng giảm; vì thế, kim Phật giống như cổ Phật tái lai.

Thanh Lương đại sư khi giảng tựa đề kinh Tứ Thập Hoa Nghiêm đã nói một câu: Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp trong bốn mươi chín năm, hết thấy các kinh mà Ngài đã nói đều do cổ Phật đã nói, Phật Thích Ca chẳng nói kinh nhiều hơn cổ Phật một chữ! Chúng ta có thể tin tưởng [điều này] hay chẳng? Trước đức Phật Thích Ca, chẳng nghe nói tới một vị nào, về sau, đức Phật dạy chúng ta: Ngài là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp. Nhưng thời gian mỗi vị Phật xuất thế rất ngắn, thời gian không có Phật rất dài, có sao [kinh do Phật Thích Ca đã nói chính là kinh do] cổ Phật đã nói? Ngài kiến tánh, cổ Phật cũng kiến tánh, kiến tánh bèn là Phật Phật đạo đồng. Nếu là đạo đồng thì quý vị có thể nói những lời do bản thân đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói chính là lời giảng của cổ Phật; cũng có thể nói như thế này: Những gì cổ Phật đã giảng chính là lời giảng của Thích Ca Mâu Ni Phật, các Ngài là một, không hai. Mê mới có một, hai; khi ngộ, chẳng còn nữa! Tướng được biểu thị ấy rất hay, hình tướng được biểu thị trở về Tánh Đức, chẳng có chính mình, giống như Không lão phu tử đã biểu thị cho chúng ta thấy, lẽ nào Ngài chẳng phải là Phật, Bồ Tát! “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*” (thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ), Ngài khai ngộ, cổ nhân cũng khai ngộ, những thứ của cổ nhân chính là của Ngài, những thứ của Ngài cũng là của cổ nhân. Ngài không nói tới chính mình, Ngài nói hết thấy những thứ của ta toàn là của cổ nhân, phá trừ cái tâm ngạo mạn của chúng sanh, dụng ý ấy quá tuyệt! Dụng ý ấy có công đức chân thật, hiện thân thuyết pháp. Chúng sanh chưa buông những phiền não, tham, sân, si, mạn này xuống được, đức Thế Tôn hiển thị thái độ ấy, Không Tử giảng những điều này, nếu chúng ta hiểu ý Ngài hãy nên cảm ơn, Ngài chỉ dạy

chúng ta khiến cho chúng ta triệt để buông tham, sân, si, mạn xuông, chính mình khiêm tốn, tôn trọng người khác, tự tha bất nhị. Từ trong khiêm tốn mới hiển lộ Tánh Đức; từ lễ tán, hiển lộ đức hạnh và trí huệ chân thật trong tự tánh. Các Ngài hiện thân thuyết pháp nhằm dạy chúng ta, chúng ta phải nên thấu hiểu.

Tiếp đó: “*Như Di Đà Yếu Giải vân, Thật Tướng vô nhị, diệc vô bất nhị*” (như sách Di Đà Yếu Giải nói: “Thật Tướng không hai, mà cũng chẳng phải là không hai”), vô nhị là nói theo Thể. “Không phải là chẳng hai” là nói theo tác dụng. “*Thị cố cử thể tác y, tác chánh, tác pháp, tác báo, tác tự, tác tha, nãi chí năng thuyết, sở thuyết, năng độ, sở độ, năng tín, sở tín, năng nguyện, sở nguyện, năng trì, sở trì, năng sanh, sở sanh, năng tán, sở tán, vô phi Thật Tướng chánh ấn chi sở ấn dã*” (Vì thế, dùng toàn bộ cái Thể để làm y báo, chánh báo, Pháp Thân, Báo Thân, làm tự, làm tha, cho đến người nói (Thích Ca Mâu Ni Phật), cái được nói (pháp được nói), người hóa độ (Phật), kẻ được hóa độ (chúng sanh), người tin tưởng, pháp được tin tưởng, người phát nguyện (hành nhân tu Tịnh Độ), điều được phát nguyện (nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc), người trì (hành nhân Tịnh Độ), pháp được trì (danh hiệu A Di Đà Phật), kẻ sanh về, cõi nước được sanh về, người khen ngợi, cái được khen ngợi (pháp môn Tịnh Độ, thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật v.v...), không gì chẳng được Thật Tướng Chánh Ấn in vào). Hai câu đầu nói nhiều ngàn ấy! Thật Tướng vô nhị, mà cũng chẳng phải là bất nhị; vì thế, “*cử thể*” tức là toàn bộ Thể biến hiện những gì? Biến hiện ra y báo hoặc chánh báo. Đối với “*y, chánh*” ở đây, chúng ta nhất định phải có khái niệm rất rõ ràng! Chánh báo là gì? Chánh báo là chính mình, y báo là hoàn cảnh sống của chúng ta. Do vậy, chư vị nhất định phải hiểu chánh báo; nếu quý vị nói chánh báo là hết thảy mọi người, trật rồi! Chánh báo là chính mình, là một người, ngoài ta ra, đều là hoàn cảnh sống, những người khác thuộc về hoàn cảnh nhân sự của ta! Trong hoàn cảnh có hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, hoàn cảnh tự nhiên, hoàn toàn thuộc về hoàn cảnh. Hoàn cảnh đều là y báo, chánh báo chỉ có một bản thân ta! Thân Thích Ca Mâu Ni Phật là chánh báo của Ngài, thân ta là chánh báo của ta. Nếu nói theo phía ta, Thích Ca Mâu Ni Phật là y báo của ta. Nói theo phía Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta là y báo của Ngài. Do vậy, phải hiểu thật rõ quan niệm này: Chánh báo là một mình ta. “*Tác Pháp, tác Báo*”: Pháp là Pháp Thân, Báo là Báo Thân; “*tác tự, tác tha*”: Bất luận như thế nào, đều là một tự tánh, hoàn toàn do một tự tánh biến hiện. Giống như gì? Giống như y báo và chánh báo hiện ra trong giấc mộng. Điều này chẳng dễ hiểu, tự tánh của ta biến hiện ra như thế nào? Cớ sao ta có thể biến hiện người khác? Biến hiện người nhiều dường ấy? Trong những người ấy còn có

oan gia đối đầu, còn có những cư xử chẳng vui lòng, vì sao có chuyện này? Giống như nằm mộng, quý vị thấy: Có lần nào nằm mộng mà trong mộng chẳng có chính mình? Quý vị có thể tìm được lần nào nằm mộng mà không có chính mình? Không có chính mình, sẽ không thể nằm mộng! Trong mộng nhất định có chính mình, quý vị mộng thấy rất nhiều người, mộng thấy núi, sông, đại địa, đó đều là y báo. Người bình phàm chúng ta đều có kinh nghiệm, đây là tâm ý thức khởi tác dụng. Thế giới hiện tiền của chúng ta do tự tánh khởi tác dụng, thật ra, trong mộng vẫn chẳng lìa khỏi tự tánh. Truy cứu căn nguyên vẫn là tự tánh, hết thảy đều do tự tánh hiện.

Tiếp đó là nói tới “*năng thuyết, sở thuyết*”. Người có thể nói pháp (năng thuyết pháp) chính là Phật, sở thuyết pháp (pháp được nói) là kinh điển. Có thể độ chúng sanh là Phật, Bồ Tát; sở độ (kẻ được độ) là hết thảy chúng sanh. Năng tín, sở tín là chính mình; năng nguyện, sở nguyện cũng là chính mình. Chính mình phát nguyện là năng nguyện, chúng ta mong muốn nguyện của ta được thỏa. Những điều tiếp theo đều có Năng và Sở, Năng và Sở là một, không hai, bất nhị là Thật Tướng. Câu cuối cùng: “*Vô phi Thật Tướng chánh ấn chi sở ấn dã*” (không gì chẳng được chánh ấn Thật Tướng in vào). Do vậy, nhất định phải chú tâm thấu hiểu: Những câu đức Phật đã nói đều là lời chân thật, đều nhằm giảng về Thật Tướng của các pháp. Nếu chúng ta nhận biết, khẳng định những điều ấy, tâm quý vị sẽ định, trong tâm sẽ chẳng khởi tâm động niệm, bèn khế nhập cảnh giới. Tuy “chẳng khởi tâm, không động niệm” quá sâu, chúng ta chưa làm được, nhưng đó là sự thật, vậy thì chúng ta hãy làm từ chỗ nông cạn, dễ dàng, tức là: Đừng chấp trước, đừng phân biệt! Chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chúng ta đổ công sức vào hai chỗ này; thấy sắc, nghe tiếng chẳng chấp trước, chẳng phân biệt. Quý vị tu gì? Chẳng chấp trước là tu tâm thanh tịnh, chẳng phân biệt là tu tâm bình đẳng, quý vị thật sự học. Lại thưa cùng quý vị, đó gọi là thật sự niệm Phật, chẳng phải là quý vị mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới ư? Quý vị niệm Phật có phân biệt, có chấp trước, cũng chẳng sao, đời nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị chẳng chấp trước, niệm Phật sẽ vãng sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu quý vị chẳng phân biệt, chúc mừng quý vị, quý vị tới thế giới Cực Lạc sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Vì sao? Quý vị bình đẳng, tâm bình đẳng là cõi Thật Báo, tâm thanh tịnh là Tịnh Độ, Tịnh Độ ấy là tứ thánh pháp giới, còn gọi là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Phân biệt và chấp trước đều có, tâm quý vị vẫn chưa thanh tịnh, vẫn có thể vãng sanh. Pháp môn này quá thù thắng; vì thế, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp toàn bộ lợi căn lẫn độn căn, vạn người tu, vạn người về.

Đoạn phiên nào quả thật chẳng dễ dàng, đến cõi Phạm Thánh Đồng Cư bằng cách nào? Đối với cõi Phạm Thánh Đồng Cư, một câu Phật hiệu có thể không chế phân biệt, chấp trước, giống như đá đè cỏ, [phân biệt, chấp trước vẫn] có, chưa đoạn, nhưng chúng nó chẳng khởi tác dụng là được rồi! Vào lúc nào? Trong một niệm vãng sanh, một niệm cuối cùng là một câu Phật hiệu, trong tâm vẫn là một câu Phật hiệu, không có ý niệm nào khác, quý vị sẽ vãng sanh. Trong một niệm cuối cùng, quý vị nghĩ tới chuyện khác, sẽ trở lại lục đạo, không thể vãng sanh! Chân tướng sự thật này hết sức trọng yếu! Khi quý vị chẳng hiểu rõ ràng, sẽ thường là luống uổng một đời này, nhất định phải hiểu rõ ràng! Niệm Phật trong lúc bình thường là gì? Lúc thường ngày giống như luyện binh, một niệm lâm chung là giao chiến. Do vậy, có rất nhiều người bình thường niệm Phật rất khá, niệm cả đời, nhưng khi lâm chung không xong, vì còn vướng mắc chưa buông xuống được, tôi đã thấy rồi! Lúc tôi mới xuất gia, tại chùa Lâm Tế thuộc Viên Sơn, Đài Bắc, có một lão cư sĩ lớn tuổi hơn tôi, học Phật lâu hơn tôi. Trong chùa ấy có hội niệm Phật, cụ làm Duy Na, hướng dẫn đại chúng niệm Phật, tới cuối cùng, cụ chẳng vãng sanh. Khi lâm chung, mọi người trợ niệm cho cụ, cụ bảo mọi người: “Các người đừng niệm Phật tiễn ta, ta không thích!”, lại luân hồi! Cho đến lúc ấy, không thể làm chủ chính mình, tập khí vô minh phiền não quá nặng, cũng là như chúng tôi hay nói là “không buông xuống được!” Vì thế, buông xuống là phải buông xuống trong hiện tại, chớ nên đợi đến ngày mai hay năm sau, [nếu không], sẽ phiền phức lớn. Chúng tôi bình thường rất tôn kính vị lão cư sĩ ấy, niệm Phật rất giỏi, quý vị thấy cụ có thể làm Duy Na hướng dẫn đại chúng, nhưng một chiêu cuối cùng cụ làm không được, chẳng thật sự buông xuống. Do vậy, “*do thượng khả kiến toàn kinh hốt luân tại nhất Thật Tướng trung*” (do những điều trên đây, có thể thấy toàn bộ bản kinh gồm trọn trong Thật Tướng). Chữ “*hốt luân*” (回輪) có nghĩa là “hoàn toàn, hoàn mỹ, hoàn chỉnh”. Toàn bộ từng câu từng chữ trong kinh đều thuộc trong Thật Tướng, lời này là thật. “*Cố vân dĩ Thật Tướng vi Thệ Tánh dã*” (cho nên nói lấy Thật Tướng làm Thệ Tánh [của kinh này]), nói những điều này, chẳng có gì khác, khiến cho chúng ta tin tưởng đức Phật nói bộ kinh này có căn cứ lý luận, chẳng phải là tùy tiện nói; một mực từ trong tự tánh tự nhiên lưu lộ, nói như vậy cũng hợp lý!

Trong đoạn cuối cùng, nêu kinh văn trong kinh này để chứng minh: “*Hựu bốn kinh Đức Tuân Phổ Hiền phẩm vân, khai hóa, hiển thị chân thật chi tế*” (hơn nữa, phẩm Đức Tuân Phổ Hiền trong kinh này có nói: “Khai hóa, hiển thị Chân Thật Tế”). Chân Thật Tế là tự tánh; khai thị, giáo hóa chúng sanh về Chân Thật

Tề. “Đại Giáo Duyên Khởi phẩm vân: Dục chửng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi” (Phẩm Đại Giáo Duyên Khởi nói: “Muốn cứu vớt quần manh, ban cho cái lợi chân thật”). Đức Phật nói kinh này, “quần manh” (群萌) là hết thảy chúng sanh, đức Phật giúp đỡ hết thảy chúng sanh, giúp họ lìa khổ được vui. Lìa khổ được vui nói đến chỗ rốt ráo là: Nếu quý vị chẳng rời khỏi lục đạo luân hồi, sẽ chẳng có cách nào thật sự lìa khổ. Tôi giúp quý vị sanh lên trời, sau khi quý vị hưởng hết phước trời, vẫn phải đọa lạc; đấy chẳng phải là rốt ráo. Giúp quý vị thoát ly lục đạo luân hồi, quý vị chẳng thoát khỏi mười pháp giới, sẽ chẳng có chân lạc. Vì thế, đức Phật giúp đỡ chúng sanh, thật sự chỉ có một mục tiêu: Giúp quý vị thoát ly mười pháp giới, vãng sanh Nhất Chân pháp giới, vấn đề này mới thực sự được giải quyết. Thật Báo Trang Nghiêm cũng là Nhất Chân pháp giới, cư dân nơi ấy không chỉ chẳng có phân biệt, chấp trước, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng đều không có, đó là thế giới gì? Thế giới Phật. Đến thế giới ấy, đều thật sự thành Phật, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, họ có thể cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới. Cảm ứng đạo giao thì họ có khởi tâm động niệm hay không? Không có. Chẳng khởi tâm động niệm, làm sao có thể cảm ứng đạo giao? Chúng tôi lúc mới học Phật có nổi nghi hoặc này, nghi hoặc suốt mấy chục năm. Chúng tôi đến thỉnh giáo các vị lão hòa thượng, đại đức, họ cũng chẳng giảng rõ ràng. Học tập vài chục năm mới từ từ thông hiểu, đấy là do Tánh Đức trong tự tánh chẳng thể nghĩ bàn. Tánh Đức là Thường Tịch Quang, trong ấy cái gì cũng đều không có, chính là như Huệ Năng đại sư đã nói năm câu: “Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ”. Câu này nói rõ ràng, nhưng trước kia chúng tôi không hiểu, nghe mà chẳng hiểu ý nghĩa này: Trong tự tánh, thứ gì cũng trọn đủ, chẳng có gì khiếm khuyết. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thảy đều ở trong ấy, nhưng nó chẳng hiển lộ. Giống như màn hình TV, chúng ta không mở máy thì chỉ thấy một màn hình [trống trơn], trong ấy thứ gì cũng chẳng có! Lúc ấy, quý vị chẳng thể nói là nó không có; khi quý vị nhấn nút, chẳng phải là [hình ảnh] bèn xuất hiện ư? Nó ở trong cảnh giới ấy, cho nên thứ gì cũng đều chẳng có.

Khi ứng thì chư Phật, Bồ Tát có thể hiện hay chẳng? Khi ứng thì sẽ hiện. Hiện như thế nào? Cảm ứng. Ai nhấn nút? Người cảm “đã nhấn nút”, chư Phật, Bồ Tát bèn tự nhiên ứng, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm. Người cảm cầu Phật, Bồ Tát gia hộ, cho nên một niệm tâm ấy là Cảm, khi các Ngài ứng bèn vô tâm, giống như tỷ dụ của chúng ta trong hiện tại. Nói thật ra, chỉ có thể tỷ dụ phảng phất, chẳng có cách nào tỷ dụ khít khao, không thể [kiếm được tỷ dụ vừa khớp]. Giống như làm thí nghiệm trên nước, nước là khoáng vật, chúng ta đối với nước khởi lên

ý niệm: “Ta ưa thích người, ta yêu mến người”, nước sẽ tiếp nhận, phản ứng bằng cách kết tinh rất đẹp đẽ cho chúng ta thấy. Chúng ta truyền cho nó một ý niệm khác: “Tao chán ghét mày, tao hận mày”, nó bèn truyền tin tức trở lại bằng cách kết tinh rất xấu xí cho quý vị thấy. Nó có khởi tâm động niệm hay chẳng? Nước có khởi tâm động niệm hay chẳng? Không có! Nó hiểu bằng cách nào? Thuở xưa, đức Phật đã dùng chuông trống làm tỷ dụ. Ngài nói quý vị gõ chuông, cố ý gõ chuông, nó sẽ ngân vang. Quý vị gõ mạnh, âm thanh sẽ to; gõ nhẹ, âm thanh nhỏ, chuông có khởi tâm động niệm hay chẳng? Nó có phân biệt, chấp trước hay không? Tự tánh cảm ứng giống như chuông trống, quả thật chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, gõ mạnh kêu to, gõ nhẹ kêu bé, thật sự chẳng khởi tâm động niệm. Vì sao? Do có đạo lý này: Do trong tự tánh có kiến văn giác tri, nó là bất sanh, bất diệt. Thọ, Tưởng, Hành, Thức có sanh diệt. Hễ mê thì từ tự tánh biến thành A Lại Da, bèn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong tương lai, chuyển thức thành trí, Thọ, Tưởng, Hành, Thức bèn chẳng có. Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức đều không có, trở về tự tánh. Điều này quả thật chẳng dễ hiểu lắm, nhưng nó là chân tướng sự thật, các tướng được hiện toàn là huyền tướng, ngàn vạn phần chớ nghĩ nó là thật. Hễ tướng là thật thì quý vị đã trật rồi. Coi nó là thật thì sao? Coi các hiện tướng là thật sẽ tạo nghiệp. Nghiệp có nhiễm nghiệp, có tịnh nghiệp, có thiện nghiệp, có ác nghiệp, quả báo khác biệt. Do vậy, đối với hết thảy chúng sanh, đúng là đức Phật đã ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích chân thật; chân thật là gì? Khiến cho quý vị minh tâm kiến tánh, trở về tự tánh.

Trong phẩm Tích Công Lũy Đức có một câu như thế này: “*Trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ*” (trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, một mực chuyên dốc chí trang nghiêm cõi nước màu nhiệm). Ở đây nêu ra rất hay, nói ra ba thứ chân thật: “*Chân thật chí tể, chân thật chi lợi, trụ chân thật huệ*”, nói đến ba thứ chân thật. Chỉ có trụ trong Chân Thật Huệ thì mới có thể dũng mãnh tinh tấn. Chân Thật Huệ là gì? Là Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Kinh Vô Lượng Thọ dạy quý vị phương pháp “*nhất hướng chuyên niệm*”, dạy chúng ta phương pháp tu học để trở về tự tánh, phương pháp đại triệt đại ngộ, phương pháp thoát ly lục đạo, mười pháp giới, phương pháp vãng sanh cõi Thật Báo Trang Nghiêm, [tức là] tám chữ “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Người thật sự làm, sẽ như Liên Trì đại sư đã nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp tha nhân ngộ*” (Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ). Nay ta hiểu rõ, hiểu ý nghĩa thật sự của đức Thế Tôn, đó là chân thật nghĩa, ta chẳng còn kiếm lấy những nỗi phiền phức nữa, đó

là “*trụ Chân Thật Huệ*”. Bao lâu sẽ có thể thành công? Tôi đa là ba năm, thật đấy, chẳng giả tí nào! Ba năm sẽ đắc Niệm Phật tam-muội, có thể vãng sanh. [Điều này được] chứng tỏ trong Vãng Sanh Truyện, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, quý vị hãy đọc, trong ấy, gần như quá nửa là người ta [niệm Phật] ba năm bèn vãng sanh. Do vậy, trong quá khứ có một vị pháp sư hỏi tôi, vị này cũng đã mất, tức là pháp sư Đức Dung, hình như Sư đã qua đời chẳng ít năm, tuổi tác cũng xấp xỉ tôi. Sư từng hỏi tôi một câu. Sư nói: “Có đúng là những người được chép trong Vãng Sanh Truyện thọ mạng chỉ còn vừa đúng ba năm, sau ba năm, thọ mạng đã hết nên họ phải ra đi?” Tôi nghe hỏi như vậy, không cho cách nghĩ ấy là đúng, đâu có chuyện phù hợp khít khao như vậy? Hai, ba người thì có lẽ còn có thể, chứ đông như thế, mấy trăm người, làm sao có thể có chuyện như vậy được? Chuyện ấy chẳng thể xảy ra. Có sao họ niệm ba năm bèn vãng sanh? Khẳng định là tròn ba năm, người ấy đã tu được công phu thành phiền, bèn từ bỏ tuổi thọ. Công phu thành phiền tốt đẹp, chúng ta có thể chia công phu thành phiền thành ba bậc, chín phẩm. Thượng Phẩm vãng sanh ra đi tự tại, muốn đi bèn đi, ta có thọ mạng nhưng chẳng cần tới, ta sang thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, đến bên kia để tu hành, thật sự đi được

Mấy năm trước, cư sĩ Hoàng Trung Xương ở Thâm Quyển, ba mươi mấy tuổi, còn rất trẻ, đã làm thí nghiệm: Bế quan niệm Phật ba năm, xem thử có thể vãng sanh hay chẳng? Ông ta niệm hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng nữa mới viên mãn mà đã đi, thật sự chẳng giả tí nào! Chẳng cần [thọ mạng] nữa, thế gian này, quá khổ. Độ chúng sanh như thế nào? Cuộc biểu diễn ấy của ông ta nhằm độ chúng sanh, chẳng dạy bằng lời lẽ (ngôn giáo), mà dùng thân giáo, nêu gương cho quý vị thấy. Trong Tam Chuyển Pháp Luân, cách này gọi là Thị Chuyển, [tức là] thị hiện tám gương cho quý vị nhìn vào, thật sự, chẳng phải là giả. Những trường hợp như vậy quá nhiều. Đây là “*trụ Chân Thật Huệ*”, thâm nhập một môn. Đạt được công phu này, tam-muội là Định, chắc chắn Định sanh trí huệ, trí huệ sanh từ tâm thanh tịnh, tâm chẳng thanh tịnh sẽ sanh phiền não, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Trong Tịnh Tông, đạt được công phu như thế, một là vãng sanh Cực Lạc thế giới, hai là ở lại thế giới này hòng độ chúng sanh. Ở lại thế giới này thì cũng có thể nói là người ấy có nhiệm vụ: Mang thêm mấy người nữa về thế giới Cực Lạc. Chính mình vãng sanh thì lúc nào cũng đều có thể đi, đến đi tự do, muốn đi lúc nào bèn đi lúc ấy, chẳng vướng mắc tí nào! Người ấy trụ trong thế gian này mới thật sự là chịu khổ thay cho chúng sanh. Nếu người ấy chẳng trụ trong thế giới này, sẽ chẳng thể giúp đỡ người khác. Người ấy ở trong thế giới này, đúng là bốn đức đã được nói trong sách Hoàn Nguyên Quán: “*Tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tác, nhu hòa*

chất trực, đại chúng sanh khổ” (tùy duyên diệu dụng, oai nghi có chừng mực, mềm mỏng, chân thật, thẳng thắn, chịu khổ thay cho chúng sanh). Người ấy làm những điều này, chịu khổ thay cho chúng sanh. Có phải là thật sự chịu khổ thay cho chúng sanh hay chẳng? Chẳng phải! Người ấy thị hiện tướng trạng ấy. Vì sao? Tâm người ấy thanh tịnh, chẳng có phân biệt, chấp trước, làm sao có khổ được! Do vậy, trong tâm người ấy rất tự tại, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, đều là thị hiện. Thích Ca Mâu Ni Phật tam y nhất bát, đêm ngủ dưới cội cây, Ngài sung sướng lắm! Nhưng chúng ta thấy rất khổ, vì sao? Chúng ta chịu không nổi. Phật có thể chịu được, Ngài là thân kim cang bất hoại, cho nên ở trong ấy, Ngài có niềm vui, pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ. Hôm nay lại hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta sẽ học tập tiếp, hôm nay giảng tới đây.

Tập 22

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Tôi vừa mới xem một tờ truyền đơn, nghe nói tờ truyền đơn này đã lưu hành trên Internet khá lâu! Tôi đọc một đoạn cho mọi người nghe nhé: *“[Tờ truyền đơn này] đến từ lão pháp sư Tịnh Không. Sau khi tai nạn bộc phát tại Tứ Xuyên, Miến Điện, gần đây tai nạn lại bộc phát càng nghiêm trọng hơn. Cả thế giới bị ôn dịch, có thể hơn trăm vạn người bị chết, so với tai nạn tại Tứ Xuyên và Miến Điện trong thời gần đây càng đáng sợ hơn. Hiện thời đã có mấy quốc gia như Đại Hàn, Ấn Độ đã bắt đầu [xảy ra tai nạn]”*. Tôi chẳng biết chuyện này, mà cũng chẳng biết ai đã viết [như vậy], chuyện này tôi không hiểu. Đoạn tiếp theo viết: *“Pháp sư Tịnh Không kêu gọi các đồng tu trên thế giới bắt đầu từ tám giờ rưỡi mỗi tối, niệm tụng thánh hiệu Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát một ngàn câu suốt một tuần để hồi hướng cho chúng sanh trên cả thế giới tiêu tai miễn nạn, lìa khổ được vui, quốc thái dân an, mưa hòa, gió thuận. Xin quý vị sau khi nhận được tin tức này bèn báo cho càng nhiều nhân sĩ thiện tâm biết, công đức vô lượng”*. Câu sau cùng là do người viết truyền đơn thêm vào. Tôi kêu gọi đồng học Tịnh Tông trên toàn cầu niệm Quán Thế Âm Bồ Tát hồng tiêu tai miễn nạn cho thế giới, tôi đã nói điều này, đoạn ấy tôi đã nói, nhưng câu trước và câu cuối cùng, tôi chẳng biết đến. Những gì tôi nói đã được đài truyền hình vệ tinh Hoa Tạng phát sóng. Mặt sau tờ truyền đơn có toa thuốc của Quán Thế Âm Bồ Tát, đối với toa thuốc ấy, tôi không biết Trung Y, có thể nhờ các thầy thuốc Bắc xét coi có hiệu quả hay không? Chuyện này thậm trọng một chút sẽ tốt hơn. Tai nạn rất nhiều, nhất là trong thời gian gần đây nhất, hình như hôm nay tại Đài Loan lại bị động đất, còn có núi lở. Nhiều năm qua, tôi thường khuyên lon các đồng tu phải nghiêm túc học mười sáu chữ: *“Phóng hạ tự tư tự lợi, phóng hạ danh văn, lợi dưỡng, phóng hạ đối ngữ dục lục trần hưởng thụ, phóng hạ tham, sân, si, mạn”* (Buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống). Tâm thái của chúng ta đoạn chánh sẽ khiến cho thân tâm khỏe mạnh, mang lại hạnh phúc cho gia đình, mang lại thuận lợi trong sự nghiệp, mang lại an định hòa bình cho xã hội, đưa đến

sự đối xử hòa thuận trên thế giới, tôi thường nói những điều này. Tai nạn chẳng đáng sợ, chúng ta đoan chánh tâm hạnh sẽ có thể hóa giải tai nạn, trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta: *“Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm”*. Trong giáo pháp Đại Thừa nói rất nhiều, đối với những lý luận ấy, chúng ta có mức độ khá hiểu biết. Do vậy, chúng ta công nhận hai câu nói ấy của đức Phật, chỉ cần sửa đổi tâm thái của chúng ta cho đúng, sẽ có thể hóa giải tai nạn. Vì thế, rất nhiều thứ được lưu truyền mượn danh nghĩa của tôi, tôi chẳng biết rõ lắm! Trong quá khứ, cục trưởng cục Tôn Giáo Quốc Gia là ông Diệp đã từng cho tôi biết. Ông ta đến Hương Cảng phỏng vấn. Trong thời gian phỏng vấn, có một hôm mời tôi dùng bữa sáng tại khách sạn, ông ta bảo: “Trong nước có những kẻ giả mạo danh nghĩa pháp sư để làm những chuyện bất thiện, pháp sư có biết những chuyện đó hay không?” Tôi nói tôi thật sự không biết. Ông ta bảo: “Chuyện này sẽ do quốc gia xử lý”. Tôi nói tôi rất cảm ơn. Do vậy, ở đây, tôi nói kèm thêm chuyện này cùng mọi người. Tờ truyền đơn này không có khuyết điểm gì to lớn, toàn là khuyến thiện, nhưng lời khuyến thiện và toa thuốc của Quán Âm Bồ Tát chúng tôi chẳng biết tới, toa thuốc Quán Âm Bồ Tát do đâu mà có? Tôi hoàn toàn không biết. Quý vị liễu giải là được rồi, cảm ơn mọi người.

Nay chúng ta bắt đầu xem kinh, xin coi Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang hai mươi, dòng thứ hai từ dưới đếm lên, coi từ giữa câu: *“Tích Công Lữ Đức phẩm vân: Trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”* (Phẩm Tích Công Lữ Đức có nói: “Trụ Chân Thật Huệ, dũng mãnh tinh tấn, một mực chuyên dốc chí trang nghiêm cõi nước màu nhiệm”). Câu đầu tiên này hết sức trọng yếu! Quý vị thấy chư Phật Như Lai chỉ dạy chúng ta trí huệ chân thật, điều này quan trọng lắm! Trí huệ chân thật ở đâu? Trí huệ chân thật chẳng ở bên ngoài, mà sẵn có trong tự tánh của chúng ta, lại còn viên mãn, hết thảy chúng sanh đều có. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rõ ràng: *“Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Trong quá khứ, đối với câu nói này, trình độ hiểu biết của chúng tôi như sau: Nói *“hết thảy chúng sanh”* thì đại khái là người, tối đa là động vật, chúng tôi hiểu như vậy. Hiện thời, chúng tôi hiểu sâu đậm hơn, vì “chúng sanh” được nói trong Phật giáo vốn có nghĩa là “các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi” thì gọi là “chúng sanh”. Định nghĩa này bao gồm tất cả các hiện tượng, có hiện tượng nào chẳng do các duyên hòa hợp? Kinh thường nói động vật là Tứ Đại, Ngũ Uẩn, đó là các duyên hòa hợp. Nay chúng ta đã biết: Thực vật cũng do các duyên hòa hợp, bộ phận vật chất của thực vật là Sắc pháp, hiện thời thực vật cũng có Thọ, Tướng, Hành, Thức.

Mười năm gần đây, chúng tôi ở Úc. Tại Úc, chúng tôi có một vườn rau rất lớn, trong vườn rau trồng rất nhiều loại rau, đại khái có từ mười mấy tới hai mươi loại, do chính chúng tôi chăm bón. Chúng tôi chăm bón những thứ rau ấy, còn có cây ăn quả, trong bốn năm qua, chúng tôi còn trồng trúc, cho nên năm nay, thu được hoạch măng trúc rất ngon, chúng tôi cũng chẳng thiếu thức ăn. Chúng tôi chuyện trò với những loài thực vật ấy, nhận thấy chúng nó có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Chuyện trò rất tốt đẹp, hỗ trợ hợp tác. Đối với khoáng vật, chúng ta chẳng có cách nào thí nghiệm! Tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm trên nước, phát hiện nước có “kiến, văn, giác, tri”, nó có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người. Một bữa gần đây, tôi đã xem một đĩa DVD [do một đồng tu] hạ tải (download) từ Internet, đặc biệt đưa cho tôi xem. Khoa học gia Mỹ đã phát hiện nước có ký ức, ký ức là thức. Nói cách khác, khoáng vật có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Phạm vi ấy to lắm! Đức Phật nói “thân Ngũ Uẩn” bao gồm tất cả các hiện tượng trong trọn khắp pháp giới hư không giới, bất luận hiện tượng tinh thần hay hiện tượng vật chất. Tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng tách rời, trong phần trước, tôi đã từng thưa bày cùng quý vị điều này. Trong vật chất có Thọ, Tướng, Hành, Thức; Thọ, Tướng, Hành, Thức là tinh thần, trên phương diện tinh thần có Vô Biểu Sắc, nó chẳng phải là không có sắc. Chúng ta nằm mộng, trong mộng có sắc; chúng ta tưởng tượng, trong tưởng tượng có sắc pháp. Do vậy, nói thật ra, Vô Sắc Giới Thiên vẫn có sắc, sắc của họ là Vô Biểu Sắc, người bình thường chúng ta chẳng thấy, nhưng Phật, Bồ Tát có thể trông thấy, A La Hán có thể trông thấy, những người có công phu đều có thể trông thấy. Do vậy, “*trụ Chân Thật Huệ*” có ý nghĩa rất rộng. Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, một hạt bụi, một giọt nước, hoặc như kinh nói một sợi lông, một vi trần, đều trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Chúng ta hiểu như vậy thì mới là chân thật nghĩa của Như Lai, chẳng giới hạn trong động vật, động vật có phạm vi quá nhỏ.

“*Trụ*” (住) là an trụ. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, tự hành, hóa tha; tự hành là trong cuộc sống hằng ngày của chính chúng ta, hóa tha là ảnh hưởng hết thầy chúng sanh chung quanh; đó là Trụ, toàn là trí huệ chân thật. Đương nhiên người bình phàm chúng ta chẳng làm được câu này, vì sao? Chúng ta mê tự tánh, tức là mê Chân Thật Huệ. Thật ra, Chân Thật Huệ vẫn khởi tác dụng, khi mê bèn khởi tác dụng gì? Khởi phiền não. Do vậy, phải hiểu, kinh dạy “*phiền não tức Bồ Đề*”, phiền não và Bồ Đề là cùng một chuyện. Hễ giác ngộ, phiền não liền biến thành trí huệ; mê thì trí huệ biến thành phiền não. Quý vị thấy: Do chúng ta mê hay ngộ bèn có thể biến hóa những thứ được sanh bởi tự tánh! Giác ngộ sẽ sanh ra thứ

tốt nhất, trí huệ viên mãn. Nếu mê thì trí huệ biến thành vô lượng vô biên phiền não. Do vậy có thể biết: Phật, Bồ Tát trụ Chân Thật Huệ, hiện thân thuyết pháp dạy bảo chúng ta, chúng ta và các Ngài có cùng một tự tánh, chẳng hai, chẳng khác. Các Ngài trụ Chân Thật Huệ như thế nào? Buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, trí huệ chân thật bèn hiện tiền. So với các Ngài, chúng ta khởi tâm động niệm, có phân biệt, chấp trước, những thứ này được gọi là “phiền não”. Trong pháp Đại Thừa, khởi tâm động niệm gọi là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. “*Kiến*” là kiến giải, “*Tư*” là tư tưởng. [Kiến Tư phiền não] là trong kiến giải và tư tưởng của quý vị có kèm theo các phiền não. Phiền não vô lượng vô biên, nhằm nói cho thuận tiện, đức Phật đã chia phiền não thành ba loại lớn. Buông những thứ ấy xuống, trí huệ bèn hiện tiền. Quý vị thấy: Buông phiền não xuống, phiền não bèn khôi phục nguyên trạng, nguyên trạng (tình trạng vốn có) của nó là trí huệ. Phiền não là gì? Phiền não là tình trạng [trí huệ đang] bị bệnh (ý nói: Bị biến chất, bị ô nhiễm bởi phân biệt, vọng tưởng). Chúng ta khởi lên ý niệm, trật rồi! Trong tự tánh chẳng có khởi tâm động niệm, không có phân biệt, chấp trước; do vậy, những tướng được hiển lộ đúng mực [của tự tánh] sẽ là trí huệ, đức năng, tướng hảo, đó là bình thường. Trong kinh giáo, đức Phật nói tới Nhất Chân pháp giới, hoặc cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai, đó là bình thường. Mười pháp giới thì sao? Không bình thường. Mười pháp giới từ Phật cho đến địa ngục, mỗi tầng sau nghiêm trọng hơn tầng trước, nghiêm trọng nhất không chỉ hơn địa ngục, tầng này nghiêm trọng nhất, mê sâu nhất. Trong địa ngục, cũng có rất nhiều chủng loại, cũng có [mê hoặc] sâu hay cạn khác nhau. Chỗ mê sâu nhất gọi là A Tỳ địa ngục, mê nặng nề! Do vậy, đức Phật hóa độ chúng sanh, nguyên tắc là gì? Giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ. Họ chẳng mê hoặc, sẽ giác ngộ, bệnh thái (tình trạng bệnh tật) hoàn toàn khôi phục bình thường, sẽ được an vui. Do vậy, đức Phật giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, hoàn toàn dùng giáo dục, chúng ta phải hiểu điều này.

Do vậy, chúng tôi thường nghĩ, mà cũng thường nhắc nhở mọi người: Tổ tiên chúng ta, cổ thánh tiên hiền, thật sự đều là Phật, Bồ Tát tái lai. Những gì họ dạy bảo chúng ta chẳng khác gì kinh Phật. Tổ tiên dạy chúng ta: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (kiến thiết đất nước, cai trị dân chúng, giáo học làm đầu), giáo học! Quý vị chỉ cần thực hiện tốt giáo học, vấn đề gì cũng đều được giải quyết, hãy thực hiện tốt việc giáo dục. Giáo dục là dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả, đây là giáo dục phổ thông, cần phải được học tập phổ biến. Còn có một số ít người tiến cao hơn nữa, đó là giáo dục khoa học, giáo dục triết học,

những điều ấy nhằm giúp đỡ quý vị nâng cao linh tánh, nhưng cũng đều xếp giáo dục vào vị trí bậc nhất. Phật pháp cũng giống như thế. Bậc đại thánh đại hiền vĩ đại nhất trong thế gian và xuất thế gian, nói theo Phật pháp, toàn là Phật, Bồ Tát; nói cách khác, đều là những người tiến hành công tác giáo dục. Tại Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền cũng có vị tham gia chính trường, như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang nắm quyền chính trị từ ngôi vua, nhưng cũng có vị chuyên môn tiến hành giáo dục như Khổng Tử, Mạnh Tử, cũng là suốt đời dạy học. Khổng Tử tuy chu du các nước, mong được một chức quan nhỏ nhoi để thực hiện hoài bão của Ngài, nhưng trong lúc chu du các nước, học trò theo Ngài, rất nhiều người chẳng rời thầy, mỗi ngày đều học tập, giống như Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật, bất quá tăng đoàn của Khổng Tử chẳng có quy mô to như Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng đều là tiến hành công tác giáo dục. Khổng Tử chu du các nước, cảm thấy tuổi tác đã cao, tuy gặp rất nhiều chư hầu, chẳng ai muốn dùng Ngài, tới lúc ấy, mới bỏ cách nghĩ ấy, trở về nhà, chuyên môn tiến hành công tác giáo học. Khi đó, lão nhân gia đã sáu mươi tám tuổi, mất năm bảy mươi ba tuổi, cho nên toàn bộ tinh thần chuyên chú vào dạy học chỉ là năm năm. Thích Ca Mâu Ni Phật toàn tâm toàn ý dạy học bốn mươi chín năm, trong các vị cổ thánh tiên hiền, thời gian dạy học dài nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật, đây là dũng mãnh tinh tấn.

Chúng ta cầu trí huệ, học Phật là học trí huệ, là đào bới, khơi lên trí huệ trong tự tánh, giống như khai quật kho báu từ trong hầm mỏ. “Khai quật” là buông xuống. Buông xuống những chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, trí huệ sẽ bắt đầu hiện bày, bắt đầu trào ra ngoài, [tuy vậy, trí huệ ấy] chưa nhiều lắm, trong Phật pháp gọi là A La Hán. A La Hán đắc Chánh Giác, Chánh Giác là trí huệ. Tiếp tục buông xuống không ngừng. Tôi thừa với các đồng học, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, buông ngũ dục lục trần xuống, sẽ đạt đến giai đoạn nào? Thừa quý vị, sẽ đạt tới cửa ngõ của Phật giáo, nhưng chưa tiến vào. Chư vị phải biết: Chớ nên tưởng rằng ta buông xuống nhiều ngàn ấy, bèn nghĩ chính mình ghê gớm lắm, mới đến ngoài cửa mà thôi, chưa vào cửa! Bước vào cửa, cần phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Do vậy, tôi nói tới phương tiện nhằm giúp đỡ quý vị tiến đến trước cửa, sau đây, chính quý vị lại phải bước vào. Thật sự tiến vào cửa, sẽ là như trong kinh thường nói: Đối với Kiến Tư phiền não, phải đoạn sạch Kiến Hoặc, quý vị có rất nhiều cách nhìn sai trái phải bỏ đi. Cách nhìn sai lầm rất nhiều, đức Phật đã quy nạp thành năm loại. Loại thứ nhất là Thân Kiến, hãy buông xuống, biết thân chẳng phải là chính mình, thân là gì? Thân là cái mà ta có, chẳng phải là ta, phải xoay chuyển quan niệm sai lầm này. Y phục chẳng phải là ta, mà là cái thuộc về ta, thân

thể giống như quần áo, là cái ta vốn có, chẳng phải là ta. Do vậy, cái thân dùng vài chục năm đã trực trặc, lại thay một thân khác, giống như quần áo mặc dơ, quý vị rất vui vẻ cởi ra, đổi lấy một bộ mới. Sau khi đột phá cái ả này, quý vị sẽ chẳng sợ hãi sanh tử, thay một bộ quần áo mới mà thôi! Chẳng sợ hãi, thừa quý vị, y phục càng thay càng đẹp đẽ hơn, càng thay càng tốt hơn. Tham sống sợ chết thì càng thay càng tệ hơn! Phật có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Chúng ta liễu giải chân tướng, thân chẳng phải là chính mình, chớ nên vì thân này khởi tham, sân, si, mạn; [nếu khởi lên] là trật rồi, nó chẳng phải là chính mình.

Thứ hai là phải buông bỏ đối lập, danh từ Phật giáo [gọi đối lập] là Biên Kiến, nhị biên (hai bên, tức có không, đúng sai, thiện ác v.v...), nay chúng ta nói là “*đối lập*”, mọi người dễ hiểu. Đối lập là căn nguyên của tất cả phiền não tội nghiệp, vì trong vũ trụ, trong Pháp Tánh chẳng có đối lập, tìm không ra đối lập! Hết thấy chúng sanh trong toàn thể vũ trụ và chính mình là nhất thể, nhất thể mà quý vị chia thành đối lập thì trật mất rồi! Chẳng thể phân chia. Vì thế, kinh Kim Cang vừa mở đầu liền dạy: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, bốn câu này nói rất hay, là tứ tướng, nó là một chỉnh thể (entirety), nhất thể! Làm sao quý vị có thể phân chia được? Đâu có đạo lý ấy! Do vậy, chúng ta phải học chẳng đối lập với hết thấy mọi người, họ đối lập với ta, nhưng ta và họ chẳng đối lập, vì sao? Họ mê, chưa giác ngộ. Nay ta đã hiểu rõ, giác ngộ; nếu ta đối lập với các vị, chẳng phải là lại mê hay sao? Do vậy, không có đối lập. Chẳng đối lập với người khác, chẳng đối lập với sự, mà cũng chẳng đối lập với hết thấy vạn vật, đối với núi, sông, đại địa cũng không đối lập, vì sao? Nhất thể, chúng là y báo của ta, đều do tự tánh biến hiện, giống như trong Hoàn Nguyên Quán đã giảng: Từ nhất thể khởi nhị dụng. Tuy khởi nhị dụng, nhưng nhị dụng vẫn là nhất thể, nhị mà bất nhị. Vì thế, Tánh và Tướng như nhau, Tánh và Tướng bất nhị, cách nhìn này là chính xác.

Điều buông xuống thứ ba là Thành Kiến. Thành Kiến là gì? Tự cho mình là đúng. Người Hoa thường nói: “Kẻ nào đó có thành kiến rất sâu”. Thành Kiến là gì? Thành Kiến là chấp trước. Thành Kiến có hai loại: Một là Thành Kiến nơi nhân, hai là Thành Kiến nơi quả trong lục đạo. Chúng sanh trong lục đạo đều rất chấp trước, đây là loại chấp trước nghiêm trọng, tự cho mình là đúng, đây là sai lầm. Vì sao sai lầm? Trong kinh, đức Phật thường nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”; nếu đã hiểu hết thấy hiện tượng đều là hư vọng, mà cũng chẳng chân thật, sẽ chẳng có thành kiến. Không có thành kiến mới có thể tùy duyên, tùy hỷ

công đức. “*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Phật, Bồ Tát chẳng có thành kiến, còn hết thấy chúng sanh, quý vị nói như thế nào mới là tốt theo kiểu nào đi nữa, Phật cũng đều có thể tùy thuận, chẳng ép buộc quý vị một tí nào! Quý vị làm lành, sanh lên thiên đường; quý vị tạo ác bèn đọa địa ngục, Phật biết rất rõ ràng, nhưng Phật chẳng ngăn trở quý vị, vì sao? Quý vị thích làm như vậy thì còn cách nào nữa? Tới khi nào quý vị thật sự giác ngộ, hướng về Phật thỉnh giáo, Ngài sẽ dạy quý vị. Quý vị chẳng hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài chẳng dạy quý vị, vì sao? Dạy thì quý vị chẳng chịu tiếp nhận, tạo tội nghiệp. Đó là trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật hiển thị, đó là đức năng chân thật, tướng hảo chân thật sẽ tự nhiên hiển thị.

“*Dũng mãnh tinh tấn*”, đoạn kinh văn này nhằm miêu tả A Di Đà Phật khi đang tu nhân, chúng ta phải học tập, học theo A Di Đà Phật. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta khởi tâm động niệm có phải là trí huệ hay chẳng? Là trí huệ hay là tình thức? Tình thức là phiền não, “tình” là Mạt Na thức, “thức” là A Lại Da. Trong kinh Phật đã giảng rất rõ ràng, tình là gì? Tình là Ngã Kiến, ngã ái, ngã si, ngã mạn, đây là tình. Trong kinh Đại Thừa thường nói là “tham, sân, si, ngã”, “ngã” ở sau tham, sân, si, còn có “mạn”. Tham, sân, si mạn là bốn đại phiền não thường nương theo [A Lại Da], đó là “tình chấp” (chấp trước nơi tình thức). Do vậy, nếu chẳng dùng trí huệ, sẽ biến thành tình chấp, chắc chắn sẽ là như vậy. Dũng mãnh tinh tấn, muốn tìm lại tự tánh, muốn tìm lại trí huệ. Một mực như vậy, quý vị nhìn theo một phương hướng, chuyên môn trang nghiêm cõi nước nhiệm mầu, cõi nước nhiệm mầu chính là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc do nguyện lực của A Di Đà Phật biến hiện, thật sự là hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng. Thế giới Cực Lạc từ tâm tưởng của A Di Đà Phật mà xuất hiện. Chúng ta có tưởng ra một thế giới hay chẳng? Cũng tưởng ra, quả địa cầu là một thế giới do tâm tưởng của chúng ta sanh ra. Nếu tâm chúng ta chẳng tưởng, sẽ chẳng có địa cầu, thật đấy, chẳng giả đâu!

Kế đó là lời giải thích, Hoàng lão cư sĩ giải thích: “*Chân thật chi tế giả*” (Chân Thật Tế là...), Chân Thật Tế là gì? “*Chân Như Thật Tướng chi bốn tế dã*” (căn cội của Chân Như Thật Tướng). Chân là Chân Như, Thật là Thật Tướng, Tế là bốn tế (cội rễ, giới hạn), cũng có nghĩa là Chân Như Thật Tướng, “*tế*” (際) là giới hạn, là “*biên tế*” (ranh giới), giới hạn ấy có hay chẳng? Chẳng có, không có ngăn mé! Không có gì to lớn có thể vượt ra ngoài được, trong giáo học của Phật, điều đó được gọi là Chân Thật Tế. “*Thử tức bốn kinh chi sở khai thị giả dã*” (đây chính là điều được khai thị trong bản kinh này). Đây là nói rõ bộ kinh này giảng điều gì?

Giảng về Chân Thật Tế, giảng chân tướng này, không gì to lớn lọt ra ngoài, không gì nhỏ nhặt chẳng được bao gồm. Đây là biên tế; chẳng ngoài, chẳng trong; đây là “*biên tế*”, nó không có biên tế. “*Cực Lạc diệu độ nãi chân thật trí huệ chi sở trang nghiêm thành tựu giả*” (cõi nước màu nhiệm Cực Lạc được trang nghiêm thành tựu bởi trí huệ chân thật). Câu này quan trọng lắm! Vì sao chúng ta phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới? A Di Đà Phật mở một trường học tại đó. Thế giới Cực Lạc là một đại học Phật giáo, cũng có thể nói là một đại học về Chân Thật Tế. Chúng sanh trong mười pháp giới thuộc mười phương thế giới, mười phương thế giới đều có mười pháp giới, mười pháp giới là mê, chẳng giác, những chúng sanh ấy đã giác ngộ, mong quay đầu, nhưng tìm không ra phương pháp, nhất là chẳng tìm được một phương pháp rất thỏa đáng, rất nhanh chóng. A Di Đà Phật ban cho chúng ta một môn phương tiện, tiếp dẫn quý vị về thế giới Cực Lạc để tán tu tại đó, hết thấy điều kiện tu học bên ấy đều vô cùng hoàn thiện, đây là “*trang nghiêm thành tựu*”. Trong phần trước, chúng ta thấy ba thứ thành tựu, “*trang nghiêm Phật thành tựu, trang nghiêm Bồ Tát thành tựu, trang nghiêm diệu độ thành tựu*”, kinh gọi ba thứ thành tựu này là ba thứ thành tựu chân thật.

Chúng ta tập khí phiền não nặng nề, mê rất sâu, những điều đức Phật đã giảng trong kinh, chúng ta hiểu rõ, nhưng chưa thể làm được! Chúng ta có thể tin tưởng, vì sao có thể tin tưởng? Vì sau khi nghe những đạo lý ấy, chúng ta có thể khẳng định chúng hợp lý, chẳng phải là vô lý, nên có thể tin tưởng, có thể lý giải, nhưng chưa làm được. Làm chưa được do chưa bỏ xuống được! Thật đấy, chẳng giả đâu! Buông xuống sẽ có thể khế nhập, bèn nhập cảnh giới, như tôi vừa mới nói: Đi tới cửa ngõ, nếu quý vị chẳng buông ba thứ ấy xuống, sẽ chẳng tiến vào được! Quý vị buông Thân Kiến xuống, buông Biên Kiến xuống, buông Thành Kiến xuống, mới có thể tiến vào. Quý vị chẳng buông xuống, sẽ không tiến vào được! Hễ tiến vào, thừa quý vị, sẽ gọi là thánh nhân, chẳng gọi là phàm phu; trong Tiểu Thừa là Tu Đà Hoàn, Sơ Quả; trong Đại Thừa thì như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín chứng đắc Sơ Tín, quý vị thấy tầng thứ nhất là Sơ Tín. Thập Tín giống như Tiểu Học trong Phật giáo, học lớp Một Tiểu Học, trường học này có mười lớp, từ lớp Một đến lớp Mười, quý vị vừa mới vào lớp Một, trở thành thánh nhân. Khác với phàm phu ở chỗ nào? Quý vị chỉ cần tiến nhập lớp Một của ngôi trường ấy, chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo. Tuy chưa thoát khỏi lục đạo, bảo đảm chẳng đọa tam đồ. Không gian học tập của quý vị là bảy lần sanh trong cõi trời hay nhân gian, chắc chắn sẽ thoát ly lục đạo luân hồi, đạt được sự bảo đảm ấy, đó là Vị Bất Thoái trong ba thứ Bất Thoái, [tức là] địa vị của quý vị chẳng thoái chuyển.

Nhà Phật nói ba thứ Bất Thoái, quý vị đạt được loại thứ nhất (Vị Bất Thoái). Loại thứ hai là Hạnh Bất Thoái, tức là Bồ Tát. Loại thứ ba là Niệm Bất Thoái, đó là Pháp Thân đại sĩ, hoặc là Phật, chứ Bồ Tát vẫn chưa làm được. Do vậy, ba tầng lớp này chính là cảnh giới dần dần được nâng cao lên.

A Di Đà Phật kiến lập thế giới Cực Lạc nhằm giúp đỡ chúng ta là những kẻ thiếu năng lực đoạn phiền não, chỉ cần chuyên niệm A Di Đà Phật, quý vị có thể vãng sanh. Đối với A Di Đà Phật, chỉ nên chú tâm niệm, chớ nên phân biệt. A Di Đà Phật có ý nghĩa rất rộng, A là Vô, Di Đà là Lượng, đây là tiếng Phạn, chẳng phải là không thể dịch nghĩa, có thể dịch nghĩa, nhưng do tôn trọng nên chẳng dịch. [A Di Đà] là vô lượng. Phật thì sao? Phật là giác ngộ. [A Di Đà Phật là] vô lượng giác, vô lượng giác là gì? Là danh hiệu của trí huệ Bát Nhã có sẵn trong tự tánh. Nếu quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, niệm Phật hiệu là niệm tự tánh, đó là “*tự tánh Di Đà*”. Mỗi ngày niệm tự tánh, tự tánh phóng quang, tự tánh bèn hiển lộ. Chẳng phải là hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng ư? Đạo lý như thế đó! Do vậy, niệm Phật thấy Phật, lúc lâm chung, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đến tiếp dẫn quý vị, đó là gì? Toàn là tự tánh biến, tự tánh Di Đà, tự tánh Quán Thế Âm, tự tánh Đại Thế Chí, ngay cả Tây Phương Tịnh Độ cũng là duy tâm Tịnh Độ, do Chân Như bản tánh của chính mình hiện ra. Quý vị hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, sẽ nắm chắc niệm Phật vãng sanh; quý vị có tín tâm, chẳng còn hoài nghi nữa, lẽ nào chẳng thành tựu! Do vậy, Thiệu Đạo đại sư nói pháp môn này là “*vạn người tu, vạn người về*”, không ai chẳng thành tựu. Kẻ niệm Phật chẳng vãng sanh là ai vậy? [Thứ nhất là những kẻ] hoài nghi pháp môn này, thứ hai là những kẻ tu học pháp môn này nhưng tạp niệm quá nhiều. Xen tạp nên tâm chẳng thuần, sẽ chẳng thể tương ứng.

Chân Thật Huệ do đâu mà có? Do tâm thanh tịnh mà có. Khi quý vị xen tạp, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh chẳng sanh trí huệ, chỉ sanh phiền não. Phiền não là vọng niệm. Vọng niệm ấy niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sanh, vĩnh viễn chẳng ngừng, niệm này tiếp theo niệm kia, đó là phiền não tập khí, những thứ ấy rất nghiêm trọng. Trong tu học pháp môn, cũng là nói chuyên biến những phiền não tạp niệm ấy, khôi phục trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật gọi là Bồ Đề, khôi phục trí huệ chân thật thì phương pháp niệm Phật này tuyệt diệu! Trong tám vạn bốn ngàn phương pháp, phương pháp Niệm Phật này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ôn hòa, thích đáng nhất, thẳng chóng nhất, cho nên chọn lựa pháp môn này là đại trí huệ! Có rất nhiều ông già bà cả chẳng có học thức gì, không biết chữ, quý vị dạy họ, họ bèn tin tưởng, chịu niệm, có phải là chân trí huệ

hay chẳng? Đúng là chân trí huệ, chính họ vẫn chẳng biết [chính mình trọn đủ] thiện căn, phước đức, nhân duyên. Vì sao quý vị giảng cho kẻ khác nghe, kẻ ấy chẳng tin tưởng? Giảng cho phần tử tri thức cao cấp nghe, họ vẫn không tin, vì sao? Có lắm chướng ngại, Phiền Não Chướng nặng nề, Sở Tri Chướng nặng nề, hai thứ chướng ấy chướng ngại họ. Chướng gì vậy? Chướng trí huệ, chướng thiện căn, nhân duyên của người ấy. Do vậy, chớ nên coi thường những ông già bà cả, đừng coi thường họ. Vì sao họ có thể tiếp nhận? Đời trước họ đã huân tập, đời này vừa tiếp xúc, liền sanh tâm hoan hỷ, trong đời quá khứ, trong A Lại Da có chủng tử Phật pháp, có thiện căn Tịnh Tông, chẳng phải là không có đạo lý!

“*Di Đà Thế Tôn nhiếp thủ diêu độ, tuyên thủ diêu pháp giả, dục huệ dữ chúng sanh dĩ chân thật chi lợi dã*” (Di Đà Thế Tôn nhiếp cõi mầu nhiệm này, tuyên pháp mầu này, muốn ban cho chúng sanh mỗi lợi chân thật). A Di Đà Phật, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật có vị này, Ngài ở nơi đó, tuyên dương pháp môn này. Pháp môn này được nói trong bộ kinh Vô Lượng Thọ. Tuyên dương pháp môn này nhằm mục đích ban cho chúng sanh, “*huệ*” (惠) là bố thí, ban cho hết thảy chúng sanh lợi ích chân thật. Hoàng lão cư sĩ nói: “*Thử tam chân thật*” (ba điều chân thật này), tức là Chân Thật Tế, trụ Chân Thật Huệ, Chân Thật Lợi Ích, ba món chân thật này một chính là ba, ba tức là một. Trong Chân Thật Bồn Tế, nhất định có Chân Thật Huệ, nhất định có Chân Thật Lợi Ích; trong Chân Thật Lợi Ích, nhất định có Chân Thật Tế và Chân Thật Huệ, một mà ba, tuy ba nhưng một. “*Phương tiện cứu cánh, bất khả tư nghị*” (phương tiện rốt ráo, chẳng thể nghĩ bàn). Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là phương tiện môn, mà Tịnh Tông là môn phương tiện nhất trong các môn phương tiện, đúng là quá đơn giản, quá dễ dàng. Vì quá đơn giản, quá dễ dàng, nên rất nhiều người không tin, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ chẳng biết là bao nhiêu. Chúng ta chớ nên khinh dễ người khác, bản thân chúng ta trong nhiều đời nhiều kiếp quá khứ cũng đã ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ chẳng biết bao nhiêu lần! Không có nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên trong quá khứ như vậy, dầu đời này gặp gỡ cũng chẳng thể tin tưởng; bởi thế, pháp môn này chẳng dễ dàng, gọi là phương pháp khó tin, chẳng giả.

“*Cực Lạc y chánh, Tịnh Độ pháp môn, cử Thế thị chân thật chi tế, cố vân bốn kinh dĩ Thật Tướng vi thể tánh dã*” (Trọn vẹn cái Thế của y báo, chánh báo của cõi Cực Lạc và pháp môn Tịnh Độ là Chân Thật Tế, cho nên nói kinh này lấy Thật Tướng làm thể tánh). Tới cuối cùng, tổng kết bộ kinh này dùng Thật Tướng làm Thế, bộ kinh này nói về Thật Tướng của các pháp. Đối với y báo và chánh báo

trong thế giới Cực Lạc, nói theo kinh thì chánh báo là A Di Đà Phật, y báo là hoàn cảnh cư trụ của A Di Đà Phật. Chúng ta niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chánh báo là bản thân chúng ta, A Di Đà Phật là hoàn cảnh y báo của chúng ta. Sau khi quý vị tới thế giới Cực Lạc, mới thật sự dần dần buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống. Sau đấy mới biết A Di Đà Phật và chính mình là nhất thể, vũ trụ và chính mình là nhất thể, thế giới Cực Lạc và chính mình là nhất thể. Nếu trọn đủ trí huệ chân thật, chúng ta hãy nghĩ xem [thế giới] hiện tiền có phải là thế giới Cực Lạc hay chẳng? Đúng vậy, chẳng sai chút nào! Nhưng rất nhiều người chẳng hiểu điều này, vì sao? Tâm thái chẳng xoay chuyển! Quý vị khởi tâm động niệm hoàn toàn tương ứng với kinh thì sẽ có thể lãnh hội: Không nơi nào chẳng phải là thế giới Cực Lạc. Thế giới này của chúng ta nằm trong thế giới Cực Lạc, vì sao? Chẳng có lớn hay nhỏ! Trong mỗi vi trần đều có thế giới, trong thế giới lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, lẽ nào [thế giới hiện tiền] chẳng ở trong [thế giới Cực Lạc]? Cho tới lúc ấy, quý vị sẽ thấy A Di Đà Phật ở khắp mọi nơi, hết thấy y báo và chánh báo đều là A Di Đà Phật, chúc mừng quý vị, quý vị thành Phật. Quý vị đã thành một vị Phật rất tuyệt diệu, trở thành A Di Đà Phật. Chúng ta học phần Bôn Kinh Thể Tánh tới đây.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ ba, tức đơn vị thứ ba [trong bộ chú giải này], Nhất Kinh Tông Thù, tức là [phần giảng về] Tông và Thù của bộ kinh này. “*Kinh chi sở sùng thượng giả, danh chi vi Tông. Tông giả, yếu dã*” (Điều được kinh đề cao gọi là Tông; Tông nghĩa là trọng yếu). Chữ Yếu này có ba ý nghĩa: Chủ yếu, trọng yếu, và tuân theo. “*Toàn kinh chi tông chi*” (tông chỉ của cả bộ kinh), Tông là tông chỉ. Câu tiếp theo lại giảng về [ý nghĩa của] tông chỉ: “*Hựu Tông giả, tu hành chi yếu kính dã*” (lại nữa, Tông là đường lối trọng yếu trong tu hành), đó là đường lối quan trọng. Chúng ta nói tới tông chỉ của một bộ kinh thì đó nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao, đó là Tông. “*Có tri Tông giả, vi toàn kinh chi cương lĩnh. Cương cử, mục trương, lãnh đề, y thuận. Thị cố u Biện Thể hậu, thủ ưng Minh Tông. Thể thị Lý, tông thị Hành*” (Vì thế, phải biết Tông là cương lĩnh của cả bản kinh. Cái lưới giơ lên, mắt lưới căng ra, nắm cổ áo, áo sẽ xuôi theo. Vì thế, sau phần biện định Thể, trước hết phải giảng rõ Tông. Thể là Lý, Tông là Hành). Ý nghĩa của hai khoa lớn này đều được nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Phần trước là Biện Thể, tức phân biệt, biện định bản thể của kinh. Kinh Thể là căn cứ lý luận: Bộ kinh này căn cứ trên lý luận nào để giảng, giảng về điều gì? Trong phần trước, chúng ta đã học, kinh này nương vào Thật Tướng, tức chân tướng sự thật. Kinh nói những gì? Cũng là nói về Thật Tướng. Nay chúng ta bàn cách tu, cách học tập ra sao; vì thế, nói đến Hành, tức Hành môn. “*Thể giả, nãi Tông sở y chi Thể. Tông giả, tức thị hiển Thể chi*

Tông. Nhị giả hồ tương biểu lý. Tông thị hội Thễ chi yếu hạnh, cố ưng sùng thượng” (Thễ là cái Thễ để Tông nương vào; Tông là cái Tông nhằm hiển lộ Thễ. Hai thứ này lần lượt làm trong và ngoài của nhau. Tông là hạnh trọng yếu để thấu hiểu Tông, cho nên cần phải đề cao). Mấy câu này nói rất hay. Thễ là chỗ nương vào của Tông, tức là chỗ nương tựa, căn cứ của việc tu hành, đấy là Thễ. Tông: Tông là hạnh, là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu hành, sự tu hành ấy có thể hiển lộ Thễ, có thể hiển thị Thật Tướng trong hành vi sinh hoạt của quý vị. “Hiển thị” là nói tới điều gì? Trí huệ chân thật (Chân Thật Huệ), Chân Thật Tế, Chân Thật Lợi Ích. Nếu quý vị chẳng tu hành, ba thứ chân thật ấy sẽ chẳng thể hiển lộ. Có thể thấy người thật sự tu học Tịnh Tông, quý vị chú tâm quan sát, sẽ thấy tư tưởng, lời nói và việc làm của người ấy chắc chắn tương ứng với ba câu ấy, từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, dần dần nâng cao lên, dần dần mở rộng, lợi ích thù thắng ấy tìm ở đâu ra? Do vậy, Lý Thễ chẳng thể rời khỏi sự tướng, rời khỏi sự tướng sẽ biến thành huyền học. Sự tướng mà không có Lý thì sự tướng sẽ trái nghịch tự tánh; nếu chẳng tùy thuận tự tánh sẽ là trái nghịch tự tánh. Vì thế, hai thứ ấy (Lý và Sự) làm trong và ngoài cho nhau: Ngoài là Sự, trong là Thật Tướng. “*Hội Thễ chi yếu*” (Điều quan trọng để thấu hiểu Thễ), hiển Thễ, như vừa mới nói, đây là một phương tiện trọng yếu, cho nên phải tuân theo, phải đề cao.

Nói tới chỗ này, chúng ta hiểu văn hóa truyền thống của Trung Hoa lấy Hiếu làm Thễ. Hiếu là gì? Hiếu là Thật Tướng. Quý vị hãy nhìn vào chữ Hiếu của Trung Quốc, sở dĩ văn tự Trung Quốc chẳng thể thay đổi là vì nó là phù hiệu trí huệ, khiến cho quý vị nhìn vào phù hiệu ấy sẽ hiểu được ý nghĩa của nó. Chữ Hiếu (孝) phía trên là Lão (老), phía dưới là Tử (子), hiển thị điều gì? Hiển thị quan hệ luân lý. Phía trên còn có phía trên nữa, đó là tổ tông, quá khứ vô thi (không có khởi đầu); đời tiếp theo còn có đời tiếp theo nữa, vị lai vô chung (không kết thúc). Vô thi vô chung là nhất thể! Do vậy, người ngoại quốc nói tới “sự cách biệt giữa các thế hệ”, người Hoa không có “sự cách biệt giữa các thế hệ”. Nếu có “sự cách biệt giữa các thế hệ”, sẽ là đại bất hiếu. Quý vị nhìn vào chữ Hiếu ấy, những ý nghĩa được bao hàm trong ấy dường như cũng có ba thứ ý vị. Do vậy, văn hóa Trung Quốc là văn hóa Hiếu, mở rộng ra thành Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Đấy là Tông. Chúng ta nói tới Thễ, nói tới Tông, lấy “*tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*” làm Thú, tức Thú Hướng (điều để hướng về, đạt đến). Chúng ta nói tới Thễ, Tông và Thú của toàn bộ văn hóa Trung Quốc chớ nên hiểu lầm, nó tương ứng với Đại Thừa Phật pháp, quý vị nói xem: Tổ tiên chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái

lai thì họ từ đâu đến? [Điều này được] khẳng định! Thầy Lý nói: “*Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng trên mặt Sự thiếu chứng cứ*”. Nói theo Lý quả thật là hợp lý.

“*Hương Tượng Tâm Kinh Sớ vân: Ngôn chi sở quý viết Tông, Tông chi sở quý viết Thú*” (Bản Tâm Kinh Sớ của ngài Hương Tượng 86[5] có viết: “Điểm được coi trọng trong lời giảng thì gọi là Tông, chỗ quy hướng của Tông gọi là Thú”), đây là giải thích hai chữ Tông và Thú. “*Ngôn*” là nói tới Giáo, tức ngôn giáo. “*Ngôn chi sở quý*”: “*Quý*” là điều trọng yếu nhất trong sự hướng dẫn giáo học, [điều ấy] được gọi là Tông. Tông có nghĩa như vậy. Chỗ quy hướng của Tông, tức là sau đây Tông sẽ trở về đâu, điều đó được gọi là “*thú hướng*”. Do vậy, Tông là nhân, Thú là quả; ở đây nói tới nhân quả, tu nhân chứng quả. Tôi nương theo cái Tông này để tu, tu đến cuối cùng sẽ đạt được gì, cái quả ấy là Thú, “*tu nhân, thú quả*” (tu nhân, hướng đến quả). Tiếp đó, sách viết: “*Khuê Phong đại sư*”, tức là ngài Tông Mật, tổ sư đời thứ năm của tông Hoa Nghiêm, “*Viên Giác Lược Sớ vân: Thú giả, ý thú, thú hướng. Tức tâm ý thức sở quy thú chi xứ*” (Viên Giác Lược Sớ ghi: “Thú là có nghĩa là hướng đến, tức là chỗ quy hướng của tâm ý thức”), lời giải thích này rất rõ ràng. Thú (趣) là gì? Quy thú (歸趣), [tức là] chỗ quý vị trở về, hướng đến chỗ nào. Chỗ hướng về của tâm ý thức gọi là Thú Hướng. “*Khả tri, Thú giả, quy thú dã. Thị cố, y kinh tông chỉ, minh kỳ sở vi, thức kỳ sở cầu, cứu kỳ sở chí, danh chi vi Thú*” (Có thể biết: Thú là hướng đến, quay về. Vì thế, dựa vào tông chỉ của kinh để tỏ rõ việc được làm, biết điều mong cầu, thấu đạt tột cùng chỗ kinh sẽ đạt tới, thì gọi là Thú). Quý vị chiếu theo nguyên tắc chỉ đạo trong bộ kinh điển này để tu hành, biết đức Phật làm gì [khi giảng bộ kinh này], biết Ngài mong cầu điều gì. Việc Ngài làm là ban bố lợi ích chân thật, do điều này mà chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức giảng kinh, diễn giáo. “*Diễn*” ở đây chẳng phải là “*ngiên*” trong “*ngiên cứu*” 87[6] mà là biểu diễn. Ngài dạy bằng cách làm ra, biểu diễn, thuyết kinh, diễn giáo, vì sao? Nhằm ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Người ta chưa hiểu rõ [cho nên phải giảng kinh, diễn giáo], sau khi đã thật sự hiểu rõ, cái tâm cung kính đối với Phật giáo sẽ nảy sanh tràn trề, tự nhiên sanh khởi, tuyệt diệu

86[5] Theo Hòa Thượng Tịnh Không đã nói trong *Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú*, tập 19, ngài Hương Tượng chính là Hiền Thủ quốc sư, tác giả bộ *Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*.

87[6] Do chữ *Diễn* (yǎn) và *Ngiên* (yán) có cách phát âm tương tự, nhất là chữ “*ngiên giáo*” (*yán jiào*: *ngiên cứu giáo pháp*) được dùng rất phổ biến, nên Hòa Thượng sợ người nghe hiểu lầm Ngài đang nói về “*ngiên giáo*” thay vì “*diễn giáo*”.

quá! Chúng ta đối với những vị Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức giảng kinh thuyết pháp chẳng có chỗ tốt đẹp gì, các Ngài ban cho chúng ta những điều lợi ích, lại còn ban cho chúng ta lợi ích chân thật. Chúng ta đối với các Ngài chẳng chân thật, nhưng các Ngài đối với chúng ta luôn chân thật. Trong thế gian tìm đâu ra người tốt lành dường ấy? Vậy là quý vị hiểu rõ việc làm của các Ngài. “*Thực kỳ sở cầu*” (biết điều mong cầu): Các Ngài cầu điều gì? Các Ngài mong mỗi quý vị khai ngộ, giúp quý vị phá mê khai ngộ. Sau khi ngộ, thấu đạt điều sẽ đạt tới chính là quý vị sẽ lia khổ được vui. Kinh Phật dạy người ta như vậy. Vì thế, trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, trừ giáo học ra, chẳng có cách nào khác có thể đạt được [mục đích ấy]!

Vào thời cổ ở Trung Quốc, đế vương từ Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, mãi cho đến đời cuối cùng, có đế vương nào chẳng tuân theo giáo huấn của tổ tông? Đời đời truyền nhau, giáo học làm đầu, đều xếp giáo dục vào vị trí thứ nhất. Phật giáo truyền tới Trung Quốc, tiến sĩ Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee) nói rất hay: Người Trung Quốc tâm lượng lớn, phước lớn, có thể bao dung văn hóa khác biệt. Phật giáo là văn hóa Ấn Độ, truyền đến Trung Quốc, được Trung Quốc tiếp nhận hoàn toàn, biến thành văn hóa của chính Trung Quốc, phải có tâm lượng rất lớn. Chẳng bài xích! Hơn nữa, văn hóa nhà Phật từ Ấn Độ truyền đến Trung Quốc, quả thật đã nâng cao nền văn hóa vốn có của Trung Quốc trên một mức độ to lớn, vì sao? Dùng kinh Phật để giải thích thì giống như chúng tôi vừa mới nói: Văn hóa truyền thống của Trung Quốc lấy Hiếu làm Thể, Luân Thường, Bát Đức, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy là Tông, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ là Thú. Chúng ta dùng văn hóa Phật giáo để giải thích, nâng cao văn hóa truyền thống của Trung Quốc, bình đẳng với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Vô Lượng Thọ trong Phật pháp, làm phong phú văn hóa truyền thống Trung Quốc. Ngày nay nói tới văn hóa truyền thống thì Nho, Thích, Đạo là một nhà, quyết định chẳng tách rời. Nếu quý vị nói chẳng cần Nho, sẽ nói chẳng xuôi, chẳng có cách nào nói cho vẹn toàn được! Đề cương ấy của tổ tông chẳng được trình bày cặn kẽ, Phật giáo truyền đến cõi này, giảng giải cặn kẽ, đem kết hợp với đề cương của tổ tông liền hoàn toàn khít khao, quá khó có! Cổ nhân thông minh hơn con người hiện thời, có trí huệ hơn người hiện thời. Đây là giải thích rành rẽ thế nào là Tông, thế nào là Thú.

Kể đó, chúng ta xét tông chỉ của bộ kinh này: “*Ngụy dịch Vô Lượng Thọ Kinh chi Tông Thú, cổ hữu đa giải, kỳ lệ phi nhất*” (đối với Tông và Thú của bản dịch kinh Vô Lượng Thọ đời Ngụy, xưa kia có nhiều cách giải thích, chẳng phải chỉ có

một cách). “*Ngụy dịch*” là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải (Samghavarman), là bản được lưu thông rộng rãi nhất trong năm bản dịch. Nguyên nhân là do chúng ta đọc bản dịch của ngài Khang Tăng Khải rất thuận tiện, so với các bản khác dễ đọc hơn. Lại nữa, lời giảng trong ấy cũng rất viên mãn, rất khó có. Vì thế, có mấy vị cổ đức dùng bản này để chú giải, như trong bản Gia Tường Sớ (sớ giải kinh Vô Lượng Thọ của ngài Gia Tường Cát Tạng) đã nói: “*Thử kinh Tông Trí phạm hữu nhị lệ, nhất, Di Đà tu nhân, cảm Tịnh Độ quả; nhị giả, khuyến vật (chỉ chúng sanh) tu nhân, vãng sanh bỉ độ*” (Tông Trí của kinh này có hai thứ: Một là Di Đà tu nhân, cảm quả Tịnh Độ. Hai là khuyến vật (chỉ chúng sanh) tu nhân, vãng sanh cõi ấy), đây là lời giảng về Tông Thụ trong Gia Tường Sớ. Ngài nói Tông Thụ có hai trường hợp: Thứ nhất là A Di Đà Phật tu nhân, cảm quả Tịnh Độ; đó là điều được giảng trong kinh. Thế giới Cực Lạc, nói thật ra là do nguyện lực của A Di Đà Phật thành tựu, do bốn mươi tám nguyện thành tựu. Thứ hai là “*khuyến vật*”, “*vật*” là chúng sanh, Ngài chẳng nói “*khuyến nhân*”. Nếu nói là “*khuyến nhân*” thì chỉ có nhân đạo trong mười pháp giới. Nếu “*khuyến vật*” thì hết thảy mười pháp giới đều bao gồm, có phạm vi lớn hơn. Nhân nằm trong Vật, chẳng thể bao gồm Vật, Vật có thể bao gồm Nhân. Do vậy, khuyến hết thảy chúng sanh tu nhân hồng vãng sanh cõi ấy, đây là Thụ. Hết sức rõ rệt, câu trước là tu nhân, câu sau là hướng đến cái quả. Hai tầng: Thứ nhất là Phật Di Đà tu nhân, cảm thế giới Cực Lạc thành tựu viên mãn. Thế giới Cực Lạc quả thật chẳng có mảy may khiếm khuyết, do Tánh Đức viên mãn lưu lộ, công đức trang nghiêm. Thành tựu như thế nào? Do trí huệ; vì thế, trong phần trước đã nói ba thứ trí huệ trọn đủ.

“*Hải Đông Nguyên Hiếu sư*” (sư Nguyên Hiếu ở Hải Đông), Hải Đông được nói ở đây nay là Hàn Quốc. Sư Nguyên Hiếu cũng du học ở Trung Quốc, sau khi trở về Hàn Quốc, là nhất đại cao tăng, tổ sư đại đức của Hàn Quốc. Tôi chưa đọc những tài liệu ấy, nhưng tôi nghĩ, sư Nguyên Hiếu sống vào thời Đường, rất có thể đã thân cận Thiền Đạo đại sư, vị này là một tổ sư của Tịnh Độ Tông. Bản chú giải của Sư có tên là [Vô Lượng Thọ Kinh] Tông Yếu, trong ấy nói như sau: “*Thử kinh chánh dĩ Tịnh Độ nhân quả vi kỳ Tông Thử, nhiếp vật (chỉ chúng sanh) vãng sanh dĩ vi Ý Trí*” (Kinh này lấy nhân quả Tịnh Độ làm Tông Thử, lấy nhiếp thọ chúng sanh vãng sanh làm Ý Trí). [Cách hiểu] của sư Nguyên Hiếu và ngài Gia Tường hết sức gần gũi, cùng một ý nghĩa, trong ấy cũng có hai tầng ý nghĩa. “*Đàm Loan*”, có người cho rằng Ngài phải là tổ sư Tịnh Độ Tông, nhưng trong các vị tổ sư Tịnh Độ Tông không có tên của Ngài; đối với Tịnh Độ Tông, Ngài có công hiển hết sức to lớn. Ngài nói: “*Dĩ Phật danh hiệu vi kinh Thử*” (dùng danh hiệu của Phật làm Thử của kinh), từ đầu đến cuối chẳng rời danh hiệu, cách nói này cũng có một

chút hợp lý: Trong Thế bao gồm cả Tông lẫn Thú, vì do một câu danh hiệu quý vị có thể vãng sanh. Từ xưa tới nay, người thành tựu do chấp trì danh hiệu rất nhiều, một câu Phật hiệu niệm đến rốt ráo, khi vãng sanh, có thể biết trước lúc mất, chẳng đau khổ, không bệnh tật qua đời, bảo người chung quanh: “Phật tới tiếp dẫn”, thật chẳng dễ dàng! Bất luận tu học pháp môn gì cũng chẳng thể sánh bằng! Nhưng mấu chốt của sự thành tựu ấy là ở chỗ tín nguyện, tín nguyện kiên định, nhất định chẳng có nghi hoặc thì sẽ có thể đạt được! Thậm chí chẳng cần phải học tập kinh này, mà cũng chẳng cần phải đọc, một câu Phật hiệu, chắc chắn thành tựu. Niệm một câu Phật hiệu là buông xuống vạn duyên, thành tựu phẩm vị cao hay thấp hoàn toàn tùy thuộc hành nhân buông xuống được bao nhiêu. Nếu hành nhân thật sự giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói, các chấp trước thế gian và xuất thế gian thấy đều buông xuống, sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu người ấy có thể buông phân biệt xuống, hết sức có khả năng sanh vào cõi Thật Báo. Sanh vào cõi Thật Báo thì phải buông khởi tâm động niệm xuống. Có thể buông phân biệt, chấp trước xuống hay chẳng? Có thể, vì khi vãng sanh, Phật quang chiếu gọi, nâng cao công phu gấp bội. Lúc lâm chung thấy Phật, Phật lực gia trì; vừa được gia trì, bao nhiêu công phu do quý vị tu sẽ tăng lên gấp bội, nâng cao gấp bội, cho nên sanh vào cõi Thật Báo. Dùng phương pháp gì để tu thành tựu? Một câu Phật hiệu!

Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay, trong phần sau cụ Hoàng có trích dẫn [lời nhận định ấy]. Những vị khác, chưa ai nói điều ấy, nhưng Ngẫu Ích đại sư nói: *“Có thể vãng sanh hay không, do có tín nguyện hay không quyết định!”* Thật sự tin tưởng, phát nguyện thiết tha, không một ai chẳng vãng sanh; phẩm vị cao hay thấp, ba bậc chín phẩm trong bốn cõi, địa vị cao hay thấp do công phu sâu hay cạn quyết định, tức là công phu niệm Phật của quý vị cạn hay sâu. Công phu là gì vậy? Quý vị buông xuống nhiều hay ít. Chúng ta hiểu đạo lý này, vì sao không chịu buông xuống? Không chịu buông xuống sẽ tạo thành chướng ngại rất lớn đối với phẩm vị vãng sanh trong thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị có thể triệt để buông xuống, quả thật có thể vãng sanh trong cõi Thật Báo. Ở đây có một tin tức hết sức trọng yếu mà quý vị chẳng thể không biết: Quý vị tu pháp môn khác, buông phân biệt, chấp trước xuống, chỉ có thể sanh vào Phật pháp giới trong mười pháp giới, hoàn toàn chẳng có cách thoát khỏi mười pháp giới, vì sao? Quý vị chưa đoạn vọng tưởng, nhưng với công phu ấy trong pháp môn Tịnh Tông sẽ quyết định sanh vào cõi Thật Báo, vì sao? Phật tới tiếp dẫn, Phật quang vừa chiếu, công phu được nâng cao gấp đôi, đã nâng lên rồi. Tin tức này trọng yếu lắm! Nhanh lắm! Giống như nói: Khi quý vị đạt tới địa vị Thập Tín, địa vị Đệ Thập Tín, trong chốc lát,

Phật sẽ nâng [cảnh giới của quý vị] lên tới Sơ Trụ Bồ Tát, nâng cao trong chốc lát, đây là oai thần của A Di Đà Phật gia trì, là ân huệ, ân đức của A Di Đà Phật. Do vậy, quý vị có thể buông chấp trước xuống, Phật có thể giúp đỡ quý vị, khi vãng sanh chẳng có phân biệt. Không chỉ chẳng có chấp trước, mà phân biệt cũng không có, được nâng cao, trong chín phẩm của bốn cõi Tịnh Độ, sẽ được nâng cao với một mức độ rất lớn. Chúng ta chớ nên không hiểu điều này.

“*Thiện Đạo sư vân*” (ngài Thiện Đạo nói), vị này là tổ sư đời thứ hai của Tịnh Tông chúng ta, Ngài là người đời Đường, “*Niệm Phật tam-muội vi Tông, nhất tâm hồi nguyện vãng sanh Tịnh Độ vi Thể (Thể tự tức chỉ Tông Thú chi Thú)*” (Niệm Phật tam-muội là Tông, một lòng phát nguyện hướng về vãng sanh Tịnh Độ là Thể (chữ Thể ở đây chính là Thú trong Tông Thú)), hãy hiểu rõ lời chú giải này, chớ nên hiểu lầm ý nghĩa. Cùng một chữ, nhưng Ngài nói về điều gì, điều này rất quan trọng. Chữ Thể [trong lời dạy của ngài Thiện Đạo] chính là Thú trong Tông Thú, tức Thú Hướng. Lấy Niệm Phật tam-muội làm tông, có cùng một ý nghĩa với ngài Đàm Loan “*lấy danh hiệu Phật làm Thể của kinh*”. Chữ Thể của ngài [Đàm Loan] có nghĩa là Tông, còn Thiện Đạo đại sư nói chữ Thể lại có nghĩa là Thú. Do vậy, chữ giống nhau, nhưng quý vị đọc đoạn văn trước và sau, sẽ biết nó chỉ điều gì. Dùng Niệm Phật tam-muội, tức là như trong bộ kinh này đã nói “*nhất hướng chuyên niệm*”, phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm. Phát Bồ Đề tâm là buông xuống, một mực chuyên niệm chính là Niệm Phật tam-muội. Nhất tâm quay về nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là chỗ quy túc. “*Nhật Thích Quán Triệt Hợp Tán vân*” (trong bộ Hợp Tán của sư Thích Quán Triệt người Nhật), tác phẩm chú giải của Sư có tên là Hợp Tán, tức Vô Lượng Thọ Kinh Hợp Tán. “*Thử kinh niệm Phật vi Tông, vãng sanh vi Thể (tức Thú)*”, chữ Thể này cũng có nghĩa là Thú, cũng theo cách nói ấy. “*Nhất kinh sở tôn chuyên tại niệm Phật, cố dĩ niệm Phật vi chi Tông dã. Tông chi sở thú duy tại vãng sanh, cố dĩ vãng sanh vi kinh Thể (tức Thú)*” (Điều được kinh tôn trọng là chuyên niệm Phật, nên lấy niệm Phật làm Tông. Tông chỉ nhằm hướng đến vãng sanh, nên lấy vãng sanh làm Thể (tức Thú) của kinh này). Đây là một đoạn văn trong sách Hợp Tán.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: “*Tịnh Tông xưng Vô Lượng Thọ Kinh vi Đại Kinh, A Di Đà Kinh vi Tiểu Kinh. Cái thứ nhị kinh căn hữu tường lược chi biệt. Cố Liên Trì Sớ Sao xưng Đại Kinh vi Đại Bản, Tiểu Kinh vi Tiểu Bản, lương dĩ nhị giả thật đồng nhất kinh dã*” (Tịnh Tông gọi kinh Vô Lượng Thọ là Đại Kinh, kinh A Di Đà là Tiểu Kinh. Ấy là do hai kinh chỉ khác nhau ở chỗ tường tận hay đại lược. Vì thế, trong bộ Sớ Sao, ngài Liên Trì gọi Đại Kinh là Đại Bản, gọi Tiểu Kinh là

Tiểu Bản do hai kinh thật sự là cùng một kinh). Những điều này là kiến thức thông thường trong Tịnh Tông, chúng ta cần phải biết. “*A Di Đà Kinh chi Tông Thú, diệc hữu đa thuyết*” (Tông Thú của kinh A Di Đà cũng có nhiều thuyết). Vì hai kinh là cùng một bộ kinh, Tông Thú [của kinh A Di Đà] có thể dùng để tham khảo [nhằm phán định Tông Thú của kinh Vô Lượng Thọ], cũng đều là cùng một chuyện. Kế đó: “*Tư trạch kỳ tinh yếu giả, như Sớ Sao*” (Ở đây, chọn ra những thuyết tinh yếu, như Sớ Sao), [Sớ Sao] do Liên Trì đại sư soạn, “*y chánh thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh, dĩ vi Tông Thú*” (y báo, chánh báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh, [lấy đó] làm Tông Thú). Y báo và chánh báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới không gì chẳng thanh tịnh, đây là Tông; tín nguyện vãng sanh là Thú. Ý nghĩa sâu hơn một tầng, chúng ta là người tu Tịnh Độ, đối với y báo và chánh báo hiện tiền, phải lấy thanh tịnh làm tiêu chuẩn, tương ứng với tựa đề của bản kinh này. Tựa đề kinh đã dạy chúng ta phương pháp tu hành, mà cũng là tông yếu tu hành: “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đây là Nhân. Chánh báo của chúng ta, tức thân của chính mình phải thanh tịnh, hoàn cảnh phải thanh tịnh, thanh tịnh hoàn cảnh như thế nào? Thân chúng ta thanh tịnh, hoàn cảnh sẽ thanh tịnh, thân gây ảnh hưởng tới hoàn cảnh. Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, đây là thật chẳng giả, lấy điều này làm Tông Thú. “*Viên Trung Sao vân: Dĩ tín nguyện tịnh nghiệp vi nhất kinh Tông Trí*” (sách Viên Trung Sao viết: “Lấy tín nguyện tịnh nghiệp làm Tông Trí của kinh”). “*Tông Trí*” là Tông Thú, tin sâu, nguyện thiết, chuyên tu Tịnh nghiệp, đây là cương lĩnh chỉ đạo tu học trong Tịnh Tông. “*Di Đà Yếu Giải viết*” (sách Di Đà Yếu Giải nói), đây là bản chú giải của Ngẫu Ích đại sư, “*dĩ tín nguyện trì danh vi Tông*” (lấy tín nguyện trì danh làm Tông). Tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu, sẽ có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cụ Hoàng đã trích dẫn ba bản chú giải kinh Di Đà, ba bản này quan trọng nhất: Bộ Sớ Sao của ngài Liên Trì, bộ Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích, bộ Viên Trung Sao của pháp sư U Khê. Đại Bản và Tiểu Bản nội dung đã là nhất trí, cho nên Tông Thú cũng chẳng thể là ngoại lệ được!

“*Tổng thượng đại tiểu nhị bản, trung ngoại chư gia sở minh Tông Thú, giai dĩ tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ vi bản. Ư thị, quảng tham chư gia chi thuyết, cứ bốn kinh chi văn, tiêu minh bốn kinh Tông Thú viết*” (Tổng hợp những thuyết về Tông Thú của Đại Bản và Tiểu Bản do các vị sơ giải trong ngoài nước đã nêu ra, do vậy, tham khảo rộng khắp các thuyết của các vị, dựa trên kinh văn của kinh này, nêu rõ Tông Thú của kinh này là...). Phần sau là kết luận của cụ Hoàng Niệm Tổ. “*Bốn kinh dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi Tông*” (kinh này lấy phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm làm Tông), đây là nguyên tắc chỉ

đạo tu học tối cao; “*dĩ viên sanh tứ độ, kính đấng Bất Thoái vi Thú*” (lấy sanh trọn vẹn trong bốn cõi, nhanh chóng chứng Bất Thoái làm Thú), đây là quy thú. Chữ “*viên sanh*” tuyệt lắm! “*Viên*” là viên mãn, đây là chỗ thù thắng của thế giới Cực Lạc, Di Đà trí huệ hoằng nguyện viên mãn. Vì sao? Trong nguyện thứ mười chín, đã có nguyện “*phát Bồ Đề tâm*”, trong ấy có kinh văn để làm căn cứ như vậy, sanh về thế giới Cực Lạc “*giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát). Chữ Viên trong từ ngữ “*viên sanh*” của cụ Niệm Tổ xuất phát từ chỗ này. A Duy Việt Trí là Viên, điều này rất chẳng thể nghĩ bàn! Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc thấy Sơ Trụ Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, chứng ba thứ Bất Thoái, ba thứ Bất Thoái thấy đều trọn đủ: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, đã chứng đắc, nhưng chưa thể gọi là Viên. Viên chứng ba món Bất Thoái là địa vị nào? Từ Thất Địa trở lên, địa vị đã nâng lên cao bao nhiêu? Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, cho tới Thất Địa trong Thập Địa, địa vị đã nâng lên bao nhiêu? Nâng cao hơn ba mươi sáu địa vị!

Pháp môn này được gọi là “pháp khó tin”, nói thật ra là hết sức khó tin. Quý vị nói: “Những vị Bồ Tát bình thường tu đến địa vị này khổ cực lắm, tốn bao nhiêu thời gian mới đạt tới địa vị này, làm sao có thể vừa sanh về thế giới Cực Lạc bèn đạt tới? Đâu có đạo lý này!” Do vậy, đức Phật nói pháp môn Tịnh Tông, “*duy Phật dĩ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo), đối với pháp môn Tịnh Độ, Đẳng Giác Bồ Tát giống như cách một lớp the ngấm trắng. Thời cổ chưa có thủy tinh, dùng “*la sa*” (the lượt), lượt, là, the, đoạn, “*la*” (羅) là loại vải sa rất mịn [để che hay bịt cửa sổ], cách một lớp the để ngấm trắng, còn cách một tầng! Chỉ có thành Phật mới rốt ráo hiểu rõ, mới biết là chuyện ra sao. Bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, quý vị tới thế giới Cực Lạc, có thể hưởng thụ tức là được đãi ngộ giống như Thất Địa Bồ Tát, hiện thời nói là “đãi ngộ”, hưởng thụ giống như Thất Địa Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát mà! Chẳng phải là hạng Bồ Tát tầm thường! Viên chứng ba thứ Bất Thoái, khó có lắm! Thật chẳng dễ gì tin tưởng được! Hạ hạ phẩm vãng sanh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tới thế giới Cực Lạc cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Chúng ta đọc đoạn kinh văn nói về bốn mươi tám nguyện, trọn chẳng thấy A Di Đà Phật bảo “hạ hạ phẩm trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư bị gạt ra ngoài”. Ngài chẳng nói lời này, chẳng có câu ấy, điều đó có nghĩa là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Do vậy, thế giới Cực Lạc gọi là thế giới bình đẳng, thật sự bình đẳng.

Do vậy, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giải thích chữ A Bệ Bạt Trí trong kinh Di Đà chính là chữ A Duy Việt Trí trong kinh Vô Lượng Thọ. Tiếp theo câu ấy, Ngài nói: [Quý vị đã] vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói quý vị là Bồ Tát thì phiền não tập khí chưa đoạn, một phẩm cũng chưa đoạn, vãng sanh trong bậc Hạ là chưa đoạn. Nói quý vị chẳng phải là Bồ Tát, thì quý vị hưởng thụ đái ngộ giống như Thất Địa Bồ Tát. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư bảo: Chẳng thể nói quý vị là phàm phu, cũng chẳng thể nói quý vị là Bồ Tát; mà cũng có thể nói quý vị là Bồ Tát, và cũng có thể nói quý vị là phàm phu. Tới thế giới Cực Lạc, thân phận là như vậy! [Đối với] thân phận trong thế giới Cực Lạc, nếu chính mình thật sự tu đắc A Duy Việt Trí sẽ chẳng cần A Di Đà Phật gia trì nữa, chính quý vị đã đạt tới chuẩn mức sống [của bậc thượng thiện trong cõi Cực Lạc], chẳng cần A Di Đà Phật giúp đỡ, chuyện này vẫn phải mất một khoảng thời gian. Đúng như Quán Kinh đã nói, hạ hạ phẩm vãng sanh phải tu mười hai đại kiếp, đại kiếp ấy là đại kiếp trong nhân gian; nhưng trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng của quý vị là vô lượng thọ, cho nên mười hai đại kiếp bất quá cũng giống như mười hai ngày, rất nhanh, thời gian bên đó và thế giới chúng ta chẳng giống nhau. Vì vậy, đến thế giới Cực Lạc thành tựu đặc biệt dễ dàng. Nếu chúng ta liễu giải chẳng thấu triệt chuyện này, không hiểu rõ lắm, sẽ thường làm lỡ một đời này, vì sao? Chẳng chuyên tâm tu. Hoàn toàn dồn hết thời gian và tinh lực của chúng ta để tu pháp môn này, sẽ thành tựu rất nhanh. Thật sự phải buông xuống, chẳng buông xuống sẽ chịu thiệt thòi to lớn. Vì thế, kinh do đức Phật nói, Tam Tạng pháp sư phiên dịch, tổ sư đại đức chú giải, [các vị ấy] đều chẳng phải là phàm nhân. Từ chỗ này, ta thấy các vị Phật, Bồ Tát thật sự quan tâm, thật sự chiếu cố những chúng sanh mê hoặc, điên đảo trong lục đạo, vô lượng vô tận ân huệ! [Thế mà chúng sanh] chẳng biết! Có biết thì mới biết báo ân, tri ân mới có thể báo ân; chẳng biết ân làm sao có thể báo ân? Báo ân bằng cách nào? Y giáo tu hành! Có thể vãng sanh trong một đời này chính là báo ân. Hạ hạ phẩm vãng sanh về cõi Đồng Cư cũng là báo ân Phật, Phật hoan hỷ, chẳng cô phụ Phật, Tổ! Hai chữ Tông Thù nói tới đây!

Phần tiếp theo mới nói tới Tông Thù của bản kinh này, vì chúng ta nói tử mi. Đoạn thứ nhất “*Giáp, thủ minh Tông*” (Một, trước hết giảng về Tông), trước hết, giảng nguyên tắc chỉ đạo tu hành trong bản kinh này: “*Kinh trung Tam Bối Vãng Sanh phẩm trung, sở hữu thượng trung hạ tam bối vãng sanh chi nhân, mạc bất dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi nhân*” (Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh của kinh này, tất cả những người vãng sanh trong ba bậc thượng, trung, hạ, không ai chẳng lấy phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm làm nhân). Đối với câu

kinh văn này, trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh có tất cả bốn đoạn, ba đoạn trước là thượng bối, trung bối, hạ bối, trong cuốn Khoa Phán, pháp sư Từ Châu đã gọi đoạn cuối cùng là “*nhất tâm tam bối*”. Đoạn ấy giảng điều gì? Nói về người tu Đại Thừa, chẳng chuyên tu Tịnh Độ mà tu Đại Thừa. Người tu Đại Thừa, bất luận tu pháp môn nào, lúc lâm chung, đem những gì đã tu học hồi hướng Tịnh Độ, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy đều có thể vãng sanh. A Di Đà Phật tâm lượng to lớn, bất luận quý vị tu pháp môn nào, chỉ cần quý vị trọn đủ điều kiện này, thấy đều có thể vãng sanh. Nhưng quý vị phải nhớ điều rất quan trọng là bất luận tu hành pháp môn nào, do vì quý vị thật sự vãng sanh, cuối cùng vẫn là tín nguyện trì danh, vẫn là tới cuối cùng, bất luận tu pháp môn gì, công đức ấy đều giúp quý vị đến thế giới Cực Lạc, tăng cao phẩm vị, tuyệt diệu thay! Quý vị phải có cái tâm Đại Thừa thì mới được.

Đại Thừa là gì? Đại Thừa là tự lợi, lợi tha, đó là Đại Thừa. Chỉ nói tới tự lợi, chẳng nói tới lợi tha, đây là Tiểu Thừa. Đại hay Tiểu Thừa chẳng phải do kinh điển sai biệt, chẳng phải do giáo tướng sai biệt, mà do tâm lượng của chính mình sai biệt. Hiểu rõ ý nghĩa này, chúng ta học tôn giáo khác có được chẳng? Suốt đời học Cơ Đốc Giáo, suốt đời học Y Tư Lan Giáo (Islam, đạo Hồi), khi lâm chung, niệm Phật có thể vãng sanh hay chẳng? Chắc chắn vãng sanh. Người ấy tu công đức đó, nhất định cũng nâng cao phẩm vị, pháp môn này to quá! Trong các thứ giáo học tôn giáo, Tịnh Tông là đa nguyên văn hóa, tôn giáo gì cũng đều bao gồm, từ kinh điển chúng ta có thể thấy điều này. Người đọc kinh Địa Tạng rất nhiều, quý vị xem kinh Địa Tạng, thấy [kinh nói tới] Bà La Môn, đọc thấy chữ “ngoại đạo”, đó là gì? Đó là tôn giáo khác, đức Phật chẳng bài xích. Thuở Phật tại thế, bất luận quý vị tín ngưỡng tôn giáo nào, đức Phật tuyệt đối chẳng bảo quý vị buông bỏ tôn giáo của chính mình, tu theo Ngài, không hề có! Đối với niềm tin tôn giáo, quý vị vẫn tin tôn giáo của chính mình, vẫn chiếu theo giáo lý của quý vị để tu học, đức Phật giảng cho quý vị trí huệ. Do vậy, thuở ấy, đức Phật giáo học, chẳng phân biệt quốc tịch, chẳng phân biệt sắc tộc, chẳng phân biệt tôn giáo, bất luận quý vị thuộc bối cảnh văn hóa nào, Ngài đều chẳng phản đối, chỉ cần quý vị tới học đều hoan nghênh, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi chẳng giữ lại, Phật dạy theo cách ấy.

Do vậy, những gì mà Thích Ca Mâu Ni Phật đã phô diễn rộng rãi, người hiện thời gọi là “đa nguyên văn hóa”. Trong tâm mục của Phật, Bồ Tát, tất cả hết thấy chúng sanh, bất đồng tôn giáo cũng thế, mà bất đồng văn hóa [cũng vậy], cũng đều có cùng một Thể với chính mình. Không chỉ quý vị sống trên địa cầu có cùng một Thể với chúng tôi, mà ở trên tinh cầu khác vẫn là một Thể. Trọn khắp pháp giới hư

không giới đều là một Thể, lẽ đâu còn có phân biệt? Làm sao có chấp trước? [Phân chia] người của chúng ta, người của bọn họ, đây là gì? Đây là tri kiến phàm phu, là cái tâm luân hồi. Tâm luân hồi học Phật cũng là tạo nghiệp luân hồi, cũng chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, tâm lượng quá nhỏ, chớ nên không biết. Phàm phu có quan niệm ấy, Phật, Bồ Tát không có, người tu Tịnh Độ cũng phải nên không có. Đó mới là đúng, đây gọi là Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là tâm giác ngộ, đến phần sau chúng tôi sẽ giảng cặn kẽ. Thể của Bồ Đề tâm là chân thành tâm, sau khi giác ngộ sẽ có Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Dùng tựa đề kinh [để nói] thì là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác. “*Thanh tịnh bình đẳng giác*” là Tự Thụ Dụng, còn Tha Thụ Dụng là dùng tâm gì để đối đãi người khác? Đại từ, đại bi. Từ bi là gì? Tâm chân thành yêu thương đối với người khác. Quý vị không có Bồ Đề tâm, sẽ chẳng phải là một mực chuyên niệm, chẳng phải là tu Tịnh Tông. Mở đầu của Tịnh Tông là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao này!

Kể đó, cụ trích dẫn rất hay: “*Hựu Di Đà đệ thập cửu nguyện viết: Văn ngã danh hiệu, phát Bồ Đề tâm, tu chư công đức, phụng hành Lục Ba La Mật, kiên cố bất thoái. Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc. Nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoan. Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ Tát chúng, nghênh hiện kỳ tiền, kinh tu du gian, tức sanh ngã sát, tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (Lại nguyện thứ mười chín của Phật Di Đà là: “Nghe danh hiệu ta, phát Bồ Đề tâm, tu các công đức, phụng hành sáu Ba La Mật, kiên cố chẳng lui sụt, lại đem thiện căn hồi hướng, nguyện sanh về cõi ta. Nhất tâm niệm ta, ngày đêm chẳng dứt. Khi lâm chung, ta cùng các vị Bồ Tát đến đón trước mặt, trong khoảnh khắc sanh về cõi ta, thành bậc A Duy Việt Trí Bồ Tát”). Đoạn kinh văn này trọng yếu! Bốn mươi tám nguyện do chính A Di Đà Phật nói, Thích Ca Mâu Ni Phật thuật lại cho chúng ta nghe, từng câu từng chữ đều do chính A Di Đà Phật nói. Do vậy, toàn bộ phẩm thứ sáu do A Di Đà Phật nói, còn có thể hư giả ư? Quý vị xem nguyện thứ mười tám: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, đây là Tông; nguyện thứ mười chín là Thủ Hướng, Tông Thủ, sanh về thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong nguyện mười tám, đức Phật cũng nói và cũng được cụ trích dẫn ở đây. Kể đó là: “*Đệ thập bát nguyện viết: Văn ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo, sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc. Nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác. Duy trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp*” (nguyện thứ mười tám là: “Nghe danh hiệu ta, chí tâm tin ưa, tất cả thiện căn tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi ta. Thậm chí mười niệm mà chẳng sanh thì chẳng giữ lấy Chánh Giác. Chỉ trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp”). Ở

chỗ này, tạo tội Ngũ Nghịch có thể vãng sanh hay không? Có thể vãng sanh, chỉ cần quý vị chẳng hủy báng chánh pháp, quý vị có thể tin, có thể nguyện, đều có thể vãng sanh. Do vậy, câu cuối cùng là trọng yếu nhất, quý vị hủy báng là gì? Chẳng chịu tiếp nhận! Vậy là chẳng có cách nào hết. Chỉ cần quý vị chịu tiếp nhận, không ai chẳng vãng sanh. Do vậy, lúc lâm chung, thậm chí mười niệm, đều có thể vãng sanh. Những trường hợp như vậy rất nhiều, thời cổ đã được ghi chép, chúng ta hãy đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sanh Truyện; hiện thời trong số các đồng tu niệm Phật, chúng tôi cũng đã thấy.

Chính mắt tôi thấy một trường hợp là cư sĩ Châu Quang Đại ở Mỹ. Ông này là người thật thà, là người tốt, suốt đời chẳng tin tôn giáo, chẳng có niềm tin tôn giáo. Ông ta mở một tiệm bánh mì tại Mỹ, bị bệnh ung thư. Tới thời kỳ cuối, bệnh viện từ chối trị liệu, bảo người nhà chở về, ông ta chẳng còn sống được mấy ngày. Khi ấy, người nhà cũng chẳng tin tôn giáo, nhưng lúc ông ta sắp chết mới đi cầu thần, mong mỗi có kỳ tích xuất hiện. Ở nơi ấy, nhằm lúc chúng tôi có một hội Phật giáo, tức Hoa Phủ Phật Giáo Hội, tại Washington DC. Họ tìm đến chúng tôi, có các đồng tu đến trợ niệm cho ông ta. Đến nơi đó, thấy tình hình ấy, bảo ông ta: Quả thật là không có cách nào chữa lành được, khuyên dạy ông ta đừng cầu lành bệnh, giảng cho ông ta nghe Tây Phương Cực Lạc thế giới, giảng mạng người vô thường, không nên lưu luyến thế gian này, tới thế giới Cực Lạc tốt đẹp như thế nào, giảng cho ông ta nghe. Sau khi nghe xong, ông ta hết sức vui vẻ, tiếp nhận, bảo vợ, con thơ và con gái trong nhà: “Các người đừng tìm cách chữa trị, đừng cầu ta lành bệnh nữa. Các người hãy cùng niệm Phật giúp ta vãng sanh”. Niệm ba ngày ba đêm, ông ta ra đi, tướng lành hết sức hiếm có, hỏa táng còn có xá-lợi. Đây là nói “lâm chung mười niệm ắt sanh”. Ông ta lúc lâm chung mới tin tưởng, tiếp nhận. Năm sáu người [liên hữu] và thân nhân của ông ta, đại khái là mười mấy người, suốt ba ngày ba đêm thay phiên nhau trợ niệm giúp ông ta bèn thành công. Đây là một trường hợp chính mắt tôi thấy, lúc ra đi an tường, chẳng kinh sợ, chẳng hoảng hốt, sau khi mất, thân thể mềm mại. Kinh nói chẳng giả, có thể nói là thiện căn, phước đức, nhân duyên trong đời quá khứ thành tựu. Quả thật chẳng dễ dàng! Vừa nói, ông ta bèn tiếp nhận, hoan hỷ, thật sự làm theo, thật sự được thụ dụng.

Do vậy, tiếp theo [cụ Hoàng] viết: *“Khả kiến đệ thập cửu nguyện trọng tại phát Bồ Đề tâm, nhất tâm niệm ngã. Đệ thập bát nguyện trọng tại chí tâm tín nhạo, nhất hướng chuyên niệm. Cổ tri phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm thị Di Đà bốn nguyện chí tâm tủy, toàn bộ đại kinh chi tông yếu, vãng sanh tất bị chi chánh nhân, phương tiện độ sanh chi từ hàng, bốn kinh sở sùng, toàn tại ư thử, tu hành yếu*

kinh, duy tư tiếp yếu, cố vi bốn kinh chi tông dã” (Có thể thấy là nguyện thứ mười chín chú trọng “phát Bồ Đề tâm, nhất tâm niệm ta”. Nguyện thứ mười tám chú trọng “chí tâm tin ưa, một mực chuyên niệm”. Vì thế, biết “phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm” là tâm tủy của Di Đà bốn nguyện, là tông yếu của toàn bộ đại kinh, là chánh nhân ắt phải đủ trong vãng sanh, là thuyền Từ để làm phương tiện độ sanh. Điều được kinh đề cao đã hoàn toàn thuộc trong ấy. Đường tu hành trọng yếu, chỉ có con đường nhanh chóng, quan trọng này. Vì thế, đó là Tông của kinh này vậy). Kết luận khéo lắt, hết thảy đều là dựa theo nguyên văn trong kinh. Nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao là “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Nhật Bản có một phái cũng tu Tịnh Tông, nhưng chỉ chú trọng “*nhất hướng chuyên niệm*”, chẳng phát Bồ Đề tâm; vì thế gọi là Bốn Nguyện Niệm Phật. Không được rồi! Đã sơ sót! Chỉ giữ lấy nguyện thứ mười tám, chẳng học nguyện thứ mười chín. Do vậy, có những đồng tu của họ (Tịnh Độ Tông Nhật Bản) tới tìm tôi, tôi nói các vị sai rồi. Họ nói: “Đây cũng là do tổ sư truyền lại”. Tôi nói: “Không sai! Khi tổ sư truyền lại, lúc ấy, mỗi nguyện đều hàm nhiếp viên mãn bốn mươi bảy nguyện kia, nguyện nào cũng như thế, cho nên là đúng. Nếu quý vị chỉ [chú trọng] đơn độc nguyện này, những nguyện khác đều chẳng được bao gồm trong ấy, không được rồi, đó chẳng phải là bốn nguyện của A Di Đà Phật, nhất định phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Phát Bồ Đề tâm là trọng yếu. Bồ Đề tâm là giác ngộ, Bồ Đề tâm mới có thể buông xuống. Không có Bồ Đề tâm, sẽ chẳng buông xuống được. Buông xuống thì nhất hướng chuyên niệm mới có thể thu được hiệu quả, mới chính thức tâm tâm tương ấn, cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật. Do vậy, nguyên tắc chỉ đạo này là chính xác. Nhân đã chánh thì đương nhiên quả cũng chánh, quyết định được sanh vào thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

phần 11 hết

Tập 23

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong, Trịnh Vân và Huệ Trang

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang hai mươi ba, dòng thứ năm đếm từ dưới lên, chúng ta đọc một đoạn văn tự:

“Đàm Loan đại sư Vãng Sanh Luận Chú viết: Vô Lượng Thọ Kinh tam bối vãng sanh trung, tuy hạnh hữu ưu liệt, mạc bất giai phát vô thượng Bồ Đề chi tâm. Thủ vô thượng Bồ Đề chi tâm, tức thị nguyện tác Phật tâm; nguyện tác Phật tâm, tức thị độ chúng sanh tâm; độ chúng sanh tâm, tức nhiếp thủ chúng sanh sanh hữu Phật quốc độ tâm” (Đàm Loan đại sư đã viết trong Vãng Sanh Luận Chú: “Trong phần Tam Bối Vãng Sanh của kinh Vô Lượng Thọ, tuy hạnh có hơn kém, nhưng không ai chẳng đều phát tâm vô thượng Bồ Đề. Tâm vô thượng Bồ Đề ấy chính là tâm nguyện làm Phật. Tâm nguyện làm Phật chính là tâm độ chúng sanh. Tâm độ chúng sanh là tâm nhiếp thủ chúng sanh về cõi có Phật”). Chúng ta xem tới đây, đây là một đoạn ngắn. Đàm Loan đại sư là một vị đại đức chú giải Vãng Sanh Luận trong Tịnh Độ Tam Kinh Nhất Luận, rất nhiều vị cổ đại đức cho rằng Ngài phải là một vị tổ sư của Tịnh Độ Tông. Nếu là tổ sư, [xếp theo niên đại] Ngài ở trước ngài Thiện Đạo, Ngài có công hiển thù thắng đối với sự tu học và hoằng dương Tịnh Độ. Vãng Sanh Luận do Thiên Thân Bồ Tát viết, đây là bản báo cáo tâm đắc trong tu học Tịnh Tông của Thiên Thân Bồ Tát; khi truyền tới Trung Quốc, [luận ấy] trở thành điển tịch chánh yếu của Tịnh Tông, thuộc vào Tam Kinh Nhất Luận. Hiện thời là Ngũ Kinh Nhất Luận, hai thứ ấy, một là do cư sĩ Ngụy Nguyên đời Thanh trước kia đem quyển cuối cùng của Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm ghép vào sau tam kinh, trở thành tứ kinh; Ấn Quang đại sư đem chương Đại Thế Chí Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm ghép vào sau tứ kinh, trở thành Ngũ Kinh Nhất Luận, ngũ kinh là như thế đó. Kinh văn của Ngũ Kinh Nhất Luận cũng chẳng dài; do vậy, in Ngũ Kinh Nhất Luận thành một quyển thì vẫn là một cuốn sách nhỏ, toàn bộ điển tịch Tịnh Tông ở trong đó. Trong bản chú giải ấy, Đàm Loan đại sư nói: Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh của kinh Vô Lượng Thọ, kinh nói tuy hạnh có hơn, kém (ưu, liệt), “*hạnh*” là nói tới sự tu hành, tức là công phu

niệm Phật tu hành có cạn hay sâu khác nhau. Công phu sâu là ưu, công phu sâu là có thể niệm đến Sự nhất tâm, hoặc niệm tới Lý nhất tâm là công phu sâu, còn “kém” là nói về công phu thành phiền. Thật ra, công phu thành phiền cũng có hơn kém khác nhau, nhưng nói chung, mức độ thấp nhất là câu Phật hiệu phải có thể khuất phục phiền não thì mới được, nếu chẳng thể khuất phục tức là chẳng có công phu! Có thể chế phục [phiền não] là công phu cạn nhất. Tuy cạn nhất, vẫn hữu dụng: Khi lâm chung còn có thể chế phục [phiền não], người ấy chắc chắn vãng sanh; nhưng một câu hết sức trọng yếu ở đây là “*phát Bồ Đề tâm*”. Nếu không có Bồ Đề tâm, công phu dù giỏi đến mấy cũng chẳng thể vãng sanh, chúng ta phải biết điều này.

Bồ Đề tâm là gì? Cụ Hoàng nói: “*Thử vô thượng Bồ Đề tâm, tức thị nguyện tác Phật tâm*” (Tâm vô thượng Bồ Đề ấy chính là tâm nguyện làm Phật), câu này rất trọng yếu. Trong Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư bảo: “*Có thể vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không?*” Ở đây, nguyện ấy được gọi là “*tâm nguyện làm Phật*”, nguyện này trọng yếu! Quý vị tới Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm gì? Để làm Phật, chẳng vì lẽ gì khác! Đến nơi ấy là do mình tâm kiến tánh mà đến. Trong Thiên Tông nói “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, ngoài Thiên Tông ra, tám vạn bốn ngàn pháp môn, có pháp môn nào chẳng lấy điều này làm mục tiêu? Do vậy, trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã bảo: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”, lời này là thật, vì tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào tới cuối cùng cũng đều là minh tâm kiến tánh. Tịnh Độ Tông cũng không ra ngoài lệ ấy! Tịnh Độ Tông vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đúng là đời nghiệp vãng sanh, chưa khai ngộ! Tới khi nào sẽ khai ngộ? Sau khi tới thế giới Cực Lạc, gặp A Di Đà Phật, chắc chắn khai ngộ. Cổ nhân nói: “*Đản đắc kiến Di Đà, hà sảo bất khai ngộ*” (chỉ thấy Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ). Đây là điều thù thắng của Tịnh Tông. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận một môn nào, nếu chẳng khai ngộ, hễ chưa kiến tánh, chẳng thể coi là thành tựu được! Riêng Tịnh Tông chỉ cần vãng sanh, dầu phẩm vị vãng sanh kém cõi đến mấy, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư, đã khai ngộ hay chưa? Chưa khai ngộ! Tuy [kẻ đời nghiệp vãng sanh] chưa khai ngộ; nhưng trong bốn mươi tám nguyện, A Di Đà Phật đã cho chúng ta biết: “*Giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát). A Duy Việt Trí Bồ Tát là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì sao kẻ chưa đoạn phiền não, chưa khai ngộ, tới thế giới Cực Lạc bèn đại triệt đại ngộ, có trí huệ, đức năng, thụ dụng như vậy, đây là chuyện như thế nào? Chúng ta hiểu những điều ấy đều do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà

Phật gia trì. Trước đó, quý vị chưa giác ngộ, chẳng sao cả! Công đức và trí huệ của Phật sẽ gia trì quý vị, cho nên trong Tây Phương thế giới, quý vị hưởng sự đãi ngộ chẳng khác Thất Địa Bồ Tát. Đây là phương pháp khó tin, trong kinh điển, đức Thế Tôn cũng thường nói pháp môn này “*chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo*”. Chỉ có thật sự thành Phật mới hiểu rõ đạo lý này, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa mười phần thấu triệt đạo lý ấy. Đây là chỗ sâu mâu của pháp môn này!

Ở đây nói “*nguyên tác Phật tâm*” (tâm nguyên làm Phật) thì tâm nguyên làm Phật nghĩa là gì? Lời giải thích tiếp đó hay lắm: “*Tức thị độ chúng sanh tâm*” (tức là tâm độ chúng sanh), nguyên thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyên là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Độ chúng sanh há phải là chuyện dễ dàng? Hiện thời, thế gian này chúng sanh khổ đến cùng cực, xã hội động loạn, thiên tai xảy ra liên tiếp, hết sức dày đặc. Từ truyền thông, TV, radio, quý vị đều có thể thấy: Mỗi ngày đều có tai nạn. Hơn nữa, dường như tai nạn mỗi lần càng nghiêm trọng hơn. Hiện nay, cư dân trên toàn địa cầu dường như chẳng một người nào có cảm giác an toàn, quý vị nói xem chuyện này có đáng khiếp hãi hay chẳng? Từ trước tới giờ chưa hề có! Do nguyên nhân gì? Chúng ta thấy thế giới Cực Lạc tai nạn gì cũng đều không có, thân tâm con người khỏe mạnh, vô lượng thọ, thân kim cang bất hoại, những điều này có nghĩa là: Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử. Sanh vào nơi ấy chẳng phải là thai sanh, mà là hóa sanh, tức là hóa sanh trong hoa sen, chẳng có nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử, vô lượng thọ mà! Chẳng có nỗi khổ vì cầu không được (cầu bất đắc khổ), khổ vì yêu thương phải chia lìa (ái biệt ly khổ), khổ vì oán ghét mà cứ phải gặp gỡ (oán tắng hội khổ), khổ vì năm ám lừng lẫy (ngũ ám xí thịnh khổ). Đây là Bát Khổ như trong kinh Phật đã dạy. Người thế gian, lục đạo phàm phu, bị tám khổ chen nhau nung nấu; trong thế giới Cực Lạc chẳng có tám nỗi khổ ấy, Hoại Khổ và Hành Khổ cũng chẳng có; vì thế, gọi là thế giới Cực Lạc. Người sanh vào nơi ấy, tức người vãng sanh cõi ấy đều có tâm độ chúng sanh, đều phát cái nguyện này: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui.

Khổ do đâu mà có? Khổ do mê hoặc mà có! Quý vị chẳng hiểu chân tướng sự thật, khởi tâm động niệm đều do phiền não làm chủ. Phiền não làm chủ khiến cho quý vị tạo nghiệp. Khởi tâm động niệm là ý tạo nghiệp, ngôn ngữ và hành vi là thân khẩu tạo nghiệp. Tạo nghiệp, nghiệp có thiện và bất thiện. Thiện nghiệp thọ báo trong tam thiện đạo, ác nghiệp sẽ thọ báo trong tam ác đạo, khổ chẳng thể nói nổi, vĩnh viễn chẳng ra khỏi lục đạo luân hồi. Đó là chân khổ (nỗi khổ thật sự).

Lục đạo là thật, chẳng giả, ai phát hiện lục đạo trước hết? Chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni Phật! [Lục đạo] đã được Bà La Môn phát hiện từ xưa, còn sớm hơn Thích Ca Mâu Ni Phật tới thiếu mấy ngàn năm! Bà La Môn giáo hiện thời là Hưng Đô Giáo (Hinduism, Ấn Độ giáo), tôi có qua lại với họ, còn tham gia họp mặt với họ. Những trưởng lão [Ấn giáo] bảo tôi: Tôn giáo của họ có lịch sử lâu đến một vạn năm, đời đời tương truyền, tôi tin tưởng [lời ấy], người Ấn Độ không coi trọng lịch sử. Nghĩ lại Trung Quốc thì Trung Quốc thường nói có năm ngàn năm lịch sử, năm ngàn năm ấy là nói theo kiểu nào? [Tính từ khi] có ghi chép, có văn tự ghi chép. Văn tự được sáng chế vào thời Hoàng Đế, kể từ thời Hoàng Đế tới hiện đại là bốn ngàn năm trăm năm. Trước Hoàng Đế là Thần Nông, trước Thần Nông có Phục Hy; theo truyền thuyết, Bát Quái do Phục Hy vẽ ra. Trong khoảng thời gian ấy, từ Thần Nông đến Hoàng Đế là năm trăm năm, từ Thần Nông tới Phục Hy cũng là năm trăm năm, [tổng cộng] là một ngàn năm. Trước khi Trung Quốc chính thức sử dụng văn tự là một ngàn năm, đã bắt đầu có những phù hiệu [để đánh dấu những sự kiện quan trọng], những thứ Giáp Cốt Văn 88^[1] được khai quật đã chứng tỏ điều này. Do vậy, Trung Quốc dùng phù hiệu để ghi chép, đích xác là có thể hơn năm ngàn năm. Trước năm ngàn năm, ngay cả những phù hiệu ấy cũng không có, nhưng có nhân loại hay chẳng? Đương nhiên là có! Đã thế, người thông minh chẳng ít. Tinh hoa của văn hóa truyền thống Trung Quốc do cổ thánh tiên hiền lưu lại, Khổng phu tử biên tập, hệ thống hóa lại mà thôi. Lão nhân gia nói hết sức thành thật, cả đời Ngài “*thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*” (thuật lại chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ). Con người hiện thời phải nên học tập điều này! Từ thái độ ấy, quý vị thấy lão nhân gia khiêm hư, cung kính. Hai câu này cho thấy: Sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền suốt một đời Phu Tử chẳng phải là những thứ của chính Ngài, chính Ngài cả đời chẳng sáng tạo, chẳng phát minh, hết thảy đều do cổ thánh tiên hiền lưu lại, bất quá Ngài chỉ dùng văn tự để ghi chép hòng lưu truyền hậu thế. Chúng tôi tin rằng trong Luận Ngữ có nhiều câu là do cổ thánh tiên hiền từ ngàn vạn năm trước truyền lại. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không ngoại lệ, Thanh Lương đại sư nói: Hết thảy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm

88^[1] Giáp Cốt Văn, nói đầy đủ là Quy Giáp Thú Cốt Văn (văn tự trên mai rùa xương thú thời Ân Thương. Đây là hình thức văn tự sớm nhất của Trung Quốc, là thủy tổ của chữ Hán hiện thời. Giáp Cốt Văn được phát hiện tại di chỉ Ân Khư (An Dương, Hà Nam), xương thú vật), chủ yếu chỉ những ghi chép, lời bói toán được khắc trên yếm rùa, mai rùa, xương thú thời Ân Thương. Đây là hình thức văn tự sớm nhất của Trung Quốc, là thủy tổ của chữ Hán hiện thời. Giáp Cốt Văn được phát hiện tại di chỉ Ân Khư (An Dương, Hà Nam).

đều do cổ Phật đã nói. Ngài Thanh Lương nói: Đức Thế Tôn từng bảo Ngài chẳng thêm một chữ nào vào các kinh do cổ Phật đã nói, thái độ còn nghiêm cẩn hơn Không Tử. Thánh nhân Đông phương và Tây phương đã nêu gương cho chúng ta.

Hiện nay, chúng ta thường nghĩ phải sáng tạo, phải phát minh, phải trội hơn người khác, quan niệm ấy là gì? Quan niệm ấy là phiền não! Tham, sân, si, mạn, nghi, quý vị xem người đó đã phạm bao nhiêu chữ trong mấy chữ ấy? Chẳng khiêm nhượng như cổ nhân. Phu Tử ôn hòa, hiền từ, cung kính, tiết kiệm, nhường nhịn, chắc chắn chẳng tranh danh, đoạt lợi, tự mình có kiến giải giống như cổ nhân, bèn nói những điều cổ nhân đã nói, chẳng nói những điều của chính mình, đó là đức hạnh, tích đức. Chẳng ham tiếng tăm, lợi dưỡng, đây là điều kiện căn bản của học vấn, đức hạnh thế gian và xuất thế gian. Do vậy, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta mười cương lĩnh tu học, thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”. Kinh Mân Côi của đạo Thiên Chúa có tất cả mười lăm đoạn, đoạn thứ nhất bảo chúng ta hãy học tập đức khiêm tốn của Đức Mẹ Maria. Quý vị mở sách Lễ Ký ra xem, câu đầu tiên là “*Khúc Lễ viết, vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”). Thánh nhân thế gian và xuất thế gian dạy chúng ta học từ đâu? Học từ khiêm tốn. Người Trung Quốc nói tới Lễ, tinh thần của Lễ là “*tự ty, tôn nhân*”, [tức là] chính mình khiêm tốn, tôn trọng người khác, đó là Lễ. Chính mình làm cho người khác thấy, họ tiếp xúc sẽ cảm động, học tập theo quý vị, lúc ấy mới là “độ chúng sanh”. Thánh nhân thế gian và xuất thế gian “*độ*” là giáo hóa, chỉ dạy người khác, cách dạy ra sao? Trước hết, [chính mình] phải làm, thân hành, ngôn giáo. Thân hành được xếp hàng đầu, đó là giáo dục người khác bằng hành động gương mẫu, ta phải làm được [những điều ta dạy]. Người khác trông thấy, mong học theo, họ nêu câu hỏi, quý vị lại dùng ngôn ngữ để chỉ dạy. Nhất định phải là trước hết [chính mình] làm được.

Chúng ta phải giúp chúng sanh làm được rốt ráo viên mãn trong một đời này, điều này khó lắm. Chính chúng ta muốn làm tới mức viên mãn còn chưa dễ dàng, huống hồ người khác? Nhưng A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đã mở cho chúng ta một pháp môn phương tiện, đó là pháp môn Tịnh Độ. Pháp môn này tu như thế nào? Quý vị hãy xem, “*niếp thủ chúng sanh sanh hữu Phật quốc độ tâm*” (tâm nhiếp thủ chúng sanh sanh vào cõi nước có Phật). A Di Đà Phật ở trong cõi nước Tây Phương, quốc độ này do Ngài kiến lập, chúng ta có thể tin tưởng hay chẳng? Nếu quý vị có thể khế nhập Đại Thừa đôi chút, quý vị sẽ tin tưởng, do đạo lý nào? Hết thầy các pháp sanh từ tâm tướng! Trong tương lai, từ bộ kinh này, chúng ta cũng có thể thấy: Trong ấy, nói đến lịch sử của Tây Phương Cực Lạc thế giới, thế giới ấy thành tựu như thế nào, khi giảng đến chỗ ấy, chúng tôi sẽ lại báo

cáo tử mĩ cùng mọi người. Chúng ta liễu giải lịch sử, sanh tâm cảm ơn A Di Đà Phật, Ngài kiến lập thế giới Tây Phương, tiếp dẫn lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới. Người thuộc tứ thánh pháp giới dễ độ, chúng sanh trong lục đạo chẳng dễ độ, họ chưa thể đoạn phiền não. Tiếp dẫn những chúng sanh ấy đến thế giới Cực Lạc, nói theo cách bây giờ sẽ là “di dân”. Nơi này hoàn cảnh học tập chẳng tốt đẹp, chướng duyên rất nhiều; thế giới Cực Lạc là hoàn cảnh học tập hết sức tốt đẹp, điều kiện học tập bên ấy thứ gì cũng đều trọn đủ. Có thầy giỏi, có hoàn cảnh tốt đẹp, bạn học tốt lành, trong hoàn cảnh ấy, tập khí phiền não của chúng ta đều bắt tri bắt giác bị đào thải sạch; điều này hết sức khó có, hết sức thù thắng. “*Hữu Phật quốc độ*” (Cõi nước có Phật): Trên thế giới này chẳng có Phật, thời gian Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế rất ngắn! Từ lúc Ngài giáng sanh cho đến khi nhập diệt là tám mươi năm, từ lúc Phật khai ngộ tới khi [hoàn tất sự nghiệp] dạy học là bốn mươi chín năm. Ngài khai ngộ năm ba mươi tuổi, bắt đầu dạy học từ năm ba mươi tuổi, bảy mươi chín tuổi viên tịch, người Trung Quốc nói theo kiểu hư tuế 89[2] là tám mươi tuổi. Nói theo cách của người ngoại quốc thì Phật vừa đúng bảy mươi chín tuổi. A Di Đà Phật thường trụ trong thế giới ấy, chúng sanh thọ vô lượng, Phật cũng thọ vô lượng. Không chỉ riêng A Di Đà Phật giáo hóa ở bên ấy, mà mười phương chư Phật cũng thường đến nơi ấy để giảng kinh, giáo học. A Di Đà Phật mở trường, mười phương chư Phật tới đó với thân phận giáo thụ, tức là dùng thân phận của một vị thầy để đến nơi ấy. A Di Đà Phật cũng có hai vị trợ thủ là Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát. Hai vị trợ thủ của Phật, một vị chủ trì Hạnh môn, một vị chủ trì Giải môn: Đại Thế Chí Bồ Tát chủ trì Giải môn, giảng kinh, dạy học. Quán Thế Âm Bồ Tát chủ trì Hạnh môn, chỉ đạo quý vị thật sự tu tập như thế nào, chúng ta nói là “thật sự hành”. Do vậy, tiến bộ hết sức vô cùng nhanh chóng, đây là lý do vì sao chúng ta phải chọn lựa pháp môn này. Chọn lựa pháp môn khác sẽ không được ư? Đúng là không được! Do chúng ta chưa buông phiền não tập khí xuống được, nên mới chọn lựa pháp môn này.

Chúng ta lại đọc tiếp, “*thị cố nguyện sanh bỉ An Lạc Tịnh Độ giả, yếu phát vô thượng Bồ Đề tâm dã. Nhược nhân bất phát vô thượng Bồ Đề tâm, đản văn bỉ quốc độ thọ lạc vô gián, vị lạc cố nguyện sanh, diệc đương bất đắc vãng sanh dã*” (vì thế, kẻ nguyện sanh về cõi An Lạc Tịnh Độ kia, phải phát vô thượng Bồ Đề tâm.

89[2] Hư tuế: Ta thường gọi là “tuổi ta”, tức là tính luôn năm sinh là một tuổi, chứ không đợi đến ngày sinh nhật năm sau.

Nếu ai chẳng phát vô thượng Bồ Đề tâm, chỉ nghe trong cõi kia hưởng sự vui chẳng gián đoạn, vì [ham chuộng] vui sướng mà nguyện vãng sanh, cũng chẳng thể vãng sanh). Chúng ta phải nhớ kỹ câu này, nghe nói cõi nước ấy quá tốt đẹp, nhưng ta chẳng phát tâm độ chúng sanh, chỉ vì thế gian này quá khổ sở, ta đến đó hưởng lạc, thế giới ấy quá tốt đẹp, vô cùng hâm mộ, như vậy thì có thể vãng sanh hay chẳng? Chẳng thể vãng sanh! Vì chẳng tương ứng với bản nguyện của A Di Đà Phật, mà cũng chẳng tương ứng với nguyện vọng của tất cả những người đã vãng sanh thế giới Cực Lạc; do vậy, quý vị không đi được. Đây là nói về tầm quan trọng của nguyện thứ mười chín của A Di Đà Phật, trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác, chẳng thể xem nhẹ! Nguyện mười tám là “*mười niệm ắt sanh*”, nguyện mười chín là “*phát Bồ Đề tâm*”. Bồ Đề tâm là gì? Kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy Bồ Đề tâm có ba ý nghĩa. Thứ nhất là chí thành tâm, đây là Thể của Bồ Đề tâm, chân thành. Thứ hai là thâm tâm, tức tâm sâu hay cạn. Thâm tâm là Tự Thụ Dụng. Trong tựa đề kinh nói tới thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm và giác tâm. Ba món này là Tự Thụ Dụng Bồ Đề tâm. Nói cách khác, chính mình hằng ngày tu hành, cũng có nghĩa là trong cuộc sống, trong công việc, xử sự, đối người, tiếp vật, đều phải dùng tâm “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đây là Tự Thụ Dụng. Tâm thứ ba nhằm dành cho người khác, chúng ta dùng tâm gì để đối đãi người khác? Hồi hướng phát nguyện tâm. Hồi hướng phát nguyện là đại từ đại bi, giúp hết thảy chúng sanh nhận biết Tịnh Độ, liễu giải Tịnh Độ, và cũng phát tâm cầu sanh Tịnh Độ giống như chúng ta. Đó gọi là hồi hướng phát nguyện tâm. Ba tâm này là một tâm, chẳng phải là nói có ba tâm, mà chúng là một tâm, nhất tâm. [Nói ba tâm là nói tới] Thể và Dụng của một tâm, trong Dụng lại chia thành hai loại: Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Phạm là người tu Tịnh Độ, nếu không có ba tâm ấy, dẫu niệm Phật hiệu giỏi giang cách mấy, vẫn chẳng thể vãng sanh! Phải ghi nhớ điều này! Ở đây, nói rất rõ ràng: Nếu chẳng phát Bồ Đề tâm, sẽ không thể vãng sanh, có thể thấy phát tâm trọng yếu. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: Có thể vãng sanh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không! Quý vị có tin Tịnh Độ hay không? Quý vị có phát Bồ Đề tâm hay chẳng? Chỉ cần quý vị tin tưởng Tịnh Độ, phát Bồ Đề tâm, chắc chắn được vãng sanh. Công phu niệm Phật sâu hay cạn [quyết định] phẩm vị sanh về thế giới Cực Lạc của quý vị, phẩm vị cao hay thấp khác nhau. Công phu niệm Phật sâu, phẩm vị sẽ cao; công phu kém hơn một chút, phẩm vị sẽ thấp. Trong hai thứ này, thứ nào trọng yếu? Phát tâm trọng yếu. Thật sự phát tâm, cổ đại đức bảo: Mỗi ngày quý vị tu pháp Thập Niệm là được rồi. Cả đời chẳng gián đoạn, sáng tối mỗi ngày, buổi sáng thức dậy bèn niệm Phật mười tiếng, buổi tối đi ngủ niệm Phật mười tiếng, mỗi ngày chẳng gián đoạn, cả đời chẳng gián đoạn, đây là “*tịnh niệm tiếp*

nói”. Quý vị thấy pháp môn này dễ lắm, đơn giản lắm, đúng như Thiện Đạo đại sư nói: “*Vạn người tu, vạn về*”, chẳng sót một ai!

Xem đoạn tiếp theo: “*Hựu An Lạc Tập viết, y Thiên Thân Tịnh Độ Luận*” (Lại nữa, sách An Lạc Tập ghi: “Dựa theo Tịnh Độ Luận của Thiên Thân Bồ Tát”), [Tịnh Độ Luận] là Vãng Sanh Luận, trong ấy nói, “*phàm dục phát tâm hội vô thượng Bồ Đề giả, hữu kỳ nhị nghĩa*” (phàm muốn phát tâm hiệu vô thượng Bồ Đề thì có hai ý nghĩa), giảng vô thượng Bồ Đề rõ ràng hơn. “*Tiên tu ly tam chủng dữ Bồ Đề môn tương vi pháp*” (trước hết, phải lìa ba thứ pháp trái nghịch Bồ Đề môn). Ba pháp trái nghịch ấy sẽ chướng ngại quý vị phát Bồ Đề tâm. Chỉ cần quý vị có cái tâm ấy, sẽ chẳng thể phát Bồ Đề tâm. Do vậy, quý vị phải tách rời chúng, buông chúng xuống. “*Nhị giả, tu tri tam chủng thuận Bồ Đề môn pháp*” (Hai là cần biết ba pháp thuận Bồ Đề môn), còn có phương pháp tùy thuận Bồ Đề môn. Tiếp đó, sách giảng: “*Hà đẳng vi tam? Y trí huệ môn, bất cầu tự lạc, viễn ly ngã tâm tham trước tự thân cố*” (Ba pháp ấy là gì? Nương theo trí huệ môn, chẳng cầu vui sướng cho riêng mình, vì xa lìa cái tâm chấp ngã, tham đắm thân mình), đây là điều thứ nhất. Nói cách khác, quý vị cầu vui sướng cho riêng mình, cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần thế gian, chấp trước thân thể này, chấp thân tướng này là ta, không buông xuống được, sẽ chẳng thể phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm ắt phải vong ngã. Trong kinh Kim Cang, đức Phật nói bốn câu: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Bồ Đề tâm sẽ phát khởi.

Bởi lẽ, Ngã Chấp là chướng ngại nghiêm trọng nhất, khởi tâm động niệm đều nghĩ đến mình, chuyện này rất phiền phức. Có thể chuyển ý niệm hay không, khởi tâm động niệm đều nghĩ tới người khác, nghĩ tới xã hội, nghĩ đến những chúng sanh khổ nạn, chúng ta làm thế nào để giúp đỡ họ? Quý vị nói ta chẳng có năng lực giúp đỡ họ, đó là giả, quý vị đã hoàn toàn sai rồi! Ta dùng năng lực gì? Chỉ cần ta học đàn hoàng, học theo gương tốt, nêu gương tốt là ta đã giúp xã hội, giúp đỡ hết thảy chúng sanh. Chúng sanh cầu vui sướng cho riêng mình, ta không cầu, chúng sanh niệm niệm vì chính mình, ta niệm niệm vì người khác. Làm được [những điều ấy], chẳng phải là không làm được. Điều này cần đến trí huệ, người có trí huệ sẽ làm được. Kẻ thiếu trí huệ, tự tư tự lợi, tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục lục trần, chẳng lìa khỏi tham, sân, si, mạn, người như vậy chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Dầu niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, người ấy kết duyên với Phật, kết thiện duyên, nhưng đời này chẳng thể vãng sanh! Vì thế, đây là điều kiện tiên quyết, trong cuộc sống hết thảy tùy duyên, trọn chẳng so đo!

Thứ hai là “y từ bi môn”, “môn” là pháp môn, tức là phương pháp tu hành, “*bạt nhất thiết chúng sanh khổ, viễn ly vô an chúng sanh tâm cố*” (đẹp khổ cho hết thấy chúng sanh, xa lìa cái tâm khiến cho chúng sanh chẳng yên ổn). Câu cuối cùng này quan trọng, chớ nên khiến cho tâm chúng sanh bất an, làm cho chúng sanh tâm bất an sẽ trái nghịch Bồ Đề tâm. Đây là “tâm đẹp khổ”, thấy chúng sanh có khổ nạn phải giúp đỡ họ. Nỗi khổ lớn nhất là gì? Tâm tình bất an, điều này rất đau khổ, vọng niệm quá nhiều, lo được, lo mất. Chúng ta thấy tình hình giống như vậy trong xã hội này có nhiều hay không? Mọi nơi đều như vậy. Nhất là trong xã hội cận đại này, giáo học luân lý, đạo đức, nhân quả đều không có, con người học gì? Học tham lam, biển dục vô biên! Tâm tham bành trướng, bành trướng tới cuối cùng, [sẽ như] đức Phật đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm, tâm tham cảm ứng nước, nước biển dâng lên, nhấn chìm toàn bộ lục địa trên mặt địa cầu. Đây là kết quả tâm tham bành trướng tới cuối cùng. Chúng tôi ở Mỹ, thấy họ vẽ bản đồ thế giới tương lai, băng ở Nam Cực và Bắc Cực hoàn toàn tan chảy, các nhà khoa học bảo nước biển sẽ dâng lên cao hơn năm mươi mét, những gì có độ cao dưới năm mươi mét trong hiện thời đều bị nhấn chìm. Các khoa học gia biết điều này, và cũng công nhận đó là chuyện rất có thể xảy ra, không có cách nào giải quyết vấn đề này. Nhiệt độ địa cầu không ngừng tăng lên. Nhiệt độ tăng lên là do sân khuê, nước biển dâng trào là do tham lam, đây là đại tai nạn trên địa cầu. Xảy ra như thế nào? Do tham, sân, si của nhân loại trên địa cầu gây ra. Trong tâm kiêu căng, ngạo mạn, bất bình, tạo thành động đất, ngu si tạo thành phong tai. Có đạo lý hay chẳng? Có đạo lý!

Đạo lý giảng trong kinh Phật quá sâu, rất khó có; hiện thời các khoa học gia đã chứng tỏ, hiện thời có căn cứ khoa học. Theo Đại Thừa Phật pháp, toàn thể vũ trụ là một thể hữu cơ (organism), sống động, toàn bộ vũ trụ sống động. Nói từ chỗ nào? Phật pháp nói một vi trần, nay chúng ta gọi vi trần là nguyên tử, điện tử, hay hạt cơ bản, đây là những vật chất nhỏ nhất. Vật chất là Sắc, sau Sắc có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nhà Phật gọi chúng là Ngũ Uẩn. Dầu là một hạt cơ bản, nhỏ hơn nguyên tử và điện tử, thân thể chúng ta do một đống những hạt cơ bản tổng hợp thành, mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong Phật pháp nói là A Lại Da. Pháp Tướng Tông nói trong vũ trụ cái gì cũng không có, chỉ là Thức, nên nói là Duy Thức, điều ấy là thật. Thức là gì? Thức do tinh thần và vật chất hỗn hợp thành. Quý vị nói tới con người chúng ta, mọi người sẽ dễ hiểu, năm thức trước của chúng ta, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân có cảm thụ, có năng lực tiếp nhận. Thức thứ sáu là tư tưởng, phân biệt; thức thứ bảy là chấp trước. A Lại Da là ký ức, giống như một cái kho ký ức. Trong những năm qua, tiến sĩ Giang Bồn Thắng của

Nhật Bản phát hiện, ông ta làm thí nghiệm với nước suốt mười mấy năm, nước là khoáng vật, nhưng nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ con người, nó có phản ứng. Điều này chứng tỏ nước là một thể hữu cơ. Gần đây, lại có một tin tức do các đồng học hạ tải (download) [từ Internet] đưa cho tôi, tôi mới đọc một lần, một lần chưa được! Phải đọc cả mười mấy lượt, ấn tượng mới có thể khắc sâu. Họ nói nước còn có ký ức, ký ức là A Lại Da thức, điều này chứng tỏ: Trong hạt cơ bản có đầy đủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Cả vũ trụ là sống động, bất luận vật chất hiện tượng gì cũng đều do các hạt cơ bản hợp thành. Trong mỗi hạt cơ bản đều có đủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tác dụng của nó, là tâm pháp.

Do vậy, chúng tôi nghĩ: Thân thể này của chúng ta do bao nhiêu nguyên tử, điện tử tổng hợp thành? Nếu hỏi các khoa học gia về con số ấy, con số ấy quá lớn! Mỗi nguyên tử, mỗi hạt cơ bản đều có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, tổng hợp thành một cá nhân, toàn bộ cũng là cùng một Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Phân tích đến mức vi tế, vẫn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, chúng ta khởi tâm động niệm thì núi, sông, đại địa biết, cây cối, hoa, cỏ biết, hiện tượng tự nhiên đều biết. Chúng ta khởi lên thiện niệm, chúng nó sẽ có đáp trả tốt lành; khởi lên ác niệm, nó sẽ có đáp trả bất thiện. Hiện thời, cư dân trên địa cầu khởi lên toàn ý niệm tham, sân, si, mạn, nghi, toàn là tổn người lợi mình, cho nên địa cầu có lắm tai nạn. Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp dường ấy? Cư dân nơi đó hằng ngày được A Di Đà Phật giáo hóa, chỉ dạy, hết thầy chư Phật, Bồ Tát đều tới đó dạy học, cho nên người nơi ấy, không ai có ác niệm, lại càng chẳng có một ai mang hành vi bất thiện. Do vậy, cõi ấy [toàn là] tin tức tốt lành, cây cối, hoa, cỏ, núi, sông, đại địa thầy đều tốt đẹp, chẳng có gì bất hảo, kinh Đại Thừa gọi điều này là “*cảnh chuyển theo tâm*”. Trong các đồng học chúng ta cũng có người thật sự lạy Phật cầu phước, hỏi khi có những tai nạn ấy thì dùng phương pháp gì để hóa giải tai nạn? Nghe nói Phật, Bồ Tát chỉ có bốn chữ “*giảng kinh, giáo học*”. Quý vị nói xem có lý hay không? Tây Phương Cực Lạc thế giới vốn là mỗi ngày đều giảng kinh, giáo học chẳng gián đoạn.

Mấy năm trước, chúng tôi làm thí nghiệm tại Thang Trì, chứng tỏ điều gì? Nhân dân được giáo hóa bèn tốt đẹp. Chỉ cần con người chuyển biến ý niệm, chẳng còn tạo ác, niệm niệm tương ứng với Tánh Đức. Tại Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta: Có thể tương ứng với hiếu đạo, tương ứng với Ngũ Luân, tương ứng với Ngũ Thường, tương ứng với Tứ Duy, Bát Đức, giáo dục trí huệ, giáo dục

từ bi, trên thế giới này tai nạn gì cũng đều chẳng có. Còn bản thân quý vị thì sao? Bệnh tật gì cũng chẳng có, mỗi năm tuổi cao hơn, nhưng năm nào cũng khỏe mạnh, chắc chắn không già yếu. Do nguyên nhân gì? Tướng chuyển theo tâm, tâm của quý vị thiện lương, đạo lý ở chỗ này. Cảnh chuyển theo tâm; đối với hoàn cảnh thì đại hoàn cảnh là địa cầu, nếu hướng ra ngoài thì đại hoàn cảnh là Thái Dương Hệ, Ngân Hà Hệ đều là hoàn cảnh sống của chúng ta. Ý niệm tốt đẹp thì toàn bộ đều tốt đẹp. Ý niệm bất hảo, mọi chuyện đều xảy ra. Nếu tinh cầu chệch khỏi quỹ đạo, đúng là đại tai nạn, chẳng phải là tai nạn nhỏ nhoi. Có thể là khiến cho tinh cầu chẳng bị chệch khỏi quỹ đạo hay không? Có thể! Chỉ cần trở về luân lý, đạo đức, sẽ không xảy ra vấn đề. Những điều này đều là thật, quý vị hãy tin tưởng, phải tin tưởng lời “*lão nhân*” mới được. Phật, Bồ Tát là lão nhân, Khổng Tử, Mạnh Tử là lão nhân, các Ngài chẳng lừa người, vì sao? Các Ngài tiếng tăm, lợi dưỡng gì cũng chẳng cần. Nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện, quý vị thấy Ngài sống quá đơn giản, ba y, một bát, giữa trưa ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, tiếng tăm, lợi dưỡng gì cũng chẳng dính đến. Vì lẽ nào Ngài lừa quý vị? Chẳng có lý do nào cả! Quý vị tin tưởng, sẽ có phước, y giáo phụng hành, sẽ vượt thoát, linh tánh được nâng cao. Do vậy, ở chỗ nào cũng đều khiến cho hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ.

Xem tiếp điều thứ ba: “*Tam giả phương tiện môn, lân mãn nhất thiết chúng sanh tâm, viễn ly cung kính cúng dường tự thân tâm cố*” (Ba là phương tiện môn, tâm thương xót hết thảy chúng sanh, tâm xa lìa cung kính cúng dường thân mình). Sau đó là một câu tổng kết, “*thị danh viễn ly tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp*” (đó gọi là xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề môn). Người thế gian chúng ta háo danh, mong được người khác cung kính, cúng dường, chớ nên có ý niệm này! Vì sao? Trong tự tánh không có [những thứ ấy], tự tánh là thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Quý vị có những thứ ấy, sẽ chẳng đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh không đạt được thì tâm bình đẳng chẳng đạt được. Thưa quý vị, trong tựa đề kinh có nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đó là ba cái nhân. Tâm thanh tịnh là A La Hán, tâm bình đẳng là Bồ Tát, giác là Phật, thành Phật. Tâm chưa đạt được thanh tịnh thì là phàm phu, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Người khác hủy báng, quý vị có bực tức hay không? Quý vị nổi cáu, tâm sẽ không thanh tịnh. Người khác khen ngợi, quý vị có vui vẻ hay không? Hễ khoan khoái, tâm lại chẳng thanh tịnh rồi! Do vậy, trong thuận cảnh chẳng có tâm tham luyến, trong nghịch cảnh chẳng có tâm oán hận, tâm của quý vị mới thanh tịnh. Đó gọi là tu hành thật sự, chẳng bị cảnh giới xoay chuyển. Tu trong cuộc sống, tu trong công việc, tu trong xử sự, đãi người, tiếp vật, ai nấy đều là Phật, Bồ Tát, nơi nào cũng đều là đạo tràng của Phật, lẽ đâu quý vị chẳng thành Phật? Chắc chắn quý vị thành tựu. Trong quá khứ, chúng

ta học kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử thành tựu như thế nào? Thành tựu như vậy đó, phải học điều này, đúng là tuyệt diệu! Đạo tràng ở nơi đâu? Không chỗ nào chẳng phải là đạo tràng. Phật, Bồ Tát ở nơi đâu? Hết thầy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát, đều giúp quý vị tiến cao hơn, vấn đề là quý vị có hiểu hay không? Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, tổ sư đại đức thường hỏi kẻ khác, hỏi học trò: “*Ngươi có hiểu hay không?*” Nếu hiểu sẽ thành công.

Ở đây, chúng ta cùng nhau học tập trong một thời gian rất lâu, tôi thường dùng TV, dùng màn hình của máy TV [làm tỷ dụ], nếu quý vị hiểu, mỗi ngày xem TV đều thành Phật. TV đã trình bày điều gì? Không và Có chẳng hai. Màn hình TV là Không, cái gì cũng chẳng có! Băng tần TV là có, băng tần và màn hình không có cách nào phân chia, chẳng hai! Chúng là hai chuyện, màn hình là màn hình, sắc tướng trong màn hình là sắc tướng, là hai chuyện, nhưng khi mở TV thì băng tần hiện ra sắc tướng, quý vị có thể tách rời chúng hay chẳng? Chẳng tách được! “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”, đây chẳng phải là Tâm Kinh ư? Vì thế, quý vị biết xem thì biết xem là tu hành, là nhập pháp môn Bất Nhị, có thể nhập pháp môn Bất Nhị bèn thành Phật. Đừng bị cảnh giới xoay chuyển thì quý vị mới có thể chuyển cảnh giới. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai*” (nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống Như Lai). Trong cuộc sống của chúng ta, từ sáng đến tối đều là cảnh giới, trong cảnh giới phải làm chủ, đừng bị cảnh giới xoay chuyển. Thuận cảnh, quý vị khởi tâm tham, sanh tâm hoan hỷ, vui thích, trật rồi! Gặp nghịch cảnh bèn sanh oán hận, sanh [ý niệm] báo thù, trật rồi! Vì sao? Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, chẳng có gì là thật. Đức Phật nói “hiện tướng” (tướng được biến hiện) là giả, vì sao là giả? Nó biến hóa trong từng sát-na, vĩnh viễn chẳng ngừng. Hơn nữa, từ trước đến nay, chưa có hai hiện tướng nào tương đồng, biến đổi trong từng sát-na. Di Lặc Bồ Tát đã dạy chúng ta chân tướng sự thật: Trong một khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Nay chúng ta gọi cái “thành hình” ấy là hạt cơ bản. Trong mỗi niệm đều tạo ra hạt cơ bản; nhưng trong mỗi hạt cơ bản đều có Thọ, Tướng, Hành, Thức, “*hình đều có thức*”! Đây là nói cội nguồn của vạn vật trong vũ trụ. Nếu quý vị liễu giải chân tướng sự thật, sẽ tự nhiên chẳng động tâm trong hết thầy cảnh giới. Chẳng khởi tâm động niệm là cảnh giới Phật. Khởi tâm động niệm, nhưng không có phân biệt, chấp trước, đó là cảnh giới Bồ Tát. Khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, nhưng chẳng chấp trước, là cảnh giới A La Hán. Nếu khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thầy đều có, đây cảnh giới của chúng sanh trong lục đạo.

Chúng ta làm thế nào để nâng cao cảnh giới? Từ lục đạo phàm phu nâng lên A La Hán, tâm thanh tịnh; nâng lên tới Bồ Tát, tâm bình đẳng; nâng lên tới Phật, đại triệt đại ngộ, giác rồi! Đây là học Phật, những gì quý vị đạt được [trong học Phật] là vĩnh hằng. Đây là thật, chẳng giả. Nếu là giả thì lời Thích Ca Mâu Ni Phật là giả, làm sao có thể lưu truyền hơn hai ngàn năm trăm năm? Đức Thế Tôn nói rất cặn kẽ, pháp vận của Ngài là một vạn hai ngàn năm, hiện thời vẫn chưa đến ba ngàn năm, sau này còn có chín ngàn năm nữa. Do vậy, đối với [những dự báo về] ngày tận thế, thế giới sẽ không có ngày tận thế, địa cầu sẽ tồn tại; nhưng con người có thể tồn tại hay không? Điều này cũng rất khó nói! Địa cầu sẽ tồn tại, con người sẽ chẳng hoàn toàn bị tiêu diệt trên thế giới này, [nhân loại hoàn toàn diệt vong] là chuyện chẳng thể xảy ra. Tuy trên thế giới có tai nạn, một phần nhân loại bị chết, nhưng vẫn còn có một phần tồn tại trên thế gian này. Dẫu cho pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật bị diệt, kinh Pháp Diệt Tận đã nói rất rõ ràng, thế giới này vẫn tồn tại. Khi pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng còn, Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ thay Phật giáo hóa chúng sanh. Dùng phương pháp gì để giáo hóa? Dạy về hiếu. Địa Tạng Bồ Tát là hiếu tử, kinh Địa Tạng giảng về “*hiếu thân, tôn sư*” (hiếu thảo cha mẹ, tôn kính thầy). Hai điều ấy có thể cứu chúng sanh, giúp chúng sanh lìa khổ được vui, hiếu thân tôn sư! Mãi cho đến khi vị Phật kế tiếp xuất thế, vị Phật thứ năm là Di Lặc Bồ Tát tới thế gian này làm Phật, khi ấy, Phật pháp lại hưng vượng. Do vậy, thế giới này là liên tục, chẳng bị tiêu mất. Hiện tại, trên thế gian này rất nhiều người kể nói tới ngày tận thế, nhưng chẳng phải là ngày diệt vong, thế giới có tai nạn là thật. Do vậy, phải học kinh giáo. Ở đây, trong kinh giáo, quả thật không chỉ là triết học tối cao, khi tôi học Phật, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu, kinh Phật là triết học tối cao. Chúng tôi học lâu như thế, tôi học Phật tới năm nay là năm mươi chín năm, sang năm là sáu mươi năm, vừa đúng một giáp, tôi phát hiện trong kinh Phật không chỉ có triết học cao cấp, mà còn có khoa học cao cấp. Khoa học lẫn triết học hiện đại đều chẳng thể sánh bằng kinh Phật. Hết sức đáng tiếc, những khoa học gia, triết học gia không có cách nào tiếp xúc Phật pháp, vì sao chẳng tiếp xúc? Do có những ngộ nhận to lớn, ngộ Phật giáo là tôn giáo, mê tín, chẳng muốn tiếp xúc. Tồn thất ấy rất lớn, nếu họ tiếp xúc, tôi tin tưởng sự nghiên cứu của họ sẽ được nâng cao trên một mức độ lớn. Quý vị nói xem: Hiện thời đã phát hiện, khoa học gia cho biết, nước có ký ức, nếu khoa học thật sự chứng thực điều này, Vật Lý Học hiện đại phải thay đổi quan điểm hoàn toàn. Quý vị thấy: Đối với sự phát hiện ấy, từ ba ngàn năm trước, trong kinh Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng rất tỉ mỉ, nay quý vị mới phát hiện, chậm trễ ba ngàn năm!

Đối với ba thứ vi phạm này, chúng ta phải biết: Viễn ly, điều thứ nhất là “*viễn ly ngã tâm tham trước tự thân*” (xa lìa tâm chấp ngã, tham đắm thân mình), thứ hai là “*viễn ly vô an chúng sanh tâm*” (xa lìa cái tâm khiến cho chúng sanh chẳng an ổn), thứ ba là “*viễn ly cung kính cúng dường tự thân tâm*” (xa lìa cái tâm cung kính, cúng dường thân mình). Đó là điều kiện căn bản của niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu chúng ta phạm những điều ấy, tới khi lâm chung chẳng thể vãng sanh, cũng chớ nên trách pháp môn chẳng linh, trật rồi! Hãy trách chính mình, chính quý vị khởi tâm động niệm chẳng tương ứng. Tiếp theo là nói về thuận Bồ Đề môn. “*Thuận Bồ Đề môn giả, Bồ Tát viễn ly như thị tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp, tức đắc tam chủng tùy thuận Bồ Đề môn pháp*” (Thuận Bồ Đề môn là Bồ Tát xa lìa ba món trái nghịch Bồ Đề môn như thế, sẽ đắc ba môn tùy thuận Bồ Đề). Tiếp đó, cũng nói: “*Hà đẳng vi tam?*” (Những gì là ba), thứ nhất là “*vô nhiễm thanh tịnh tâm*”. Tâm thanh tịnh chẳng ô nhiễm, tâm ô nhiễm sẽ chẳng thanh tịnh. Thứ gì ô nhiễm? Chúng tôi nói thô thiển một chút, tôi chẳng dùng kinh Phật, vì kinh Phật quá sâu, cũng chẳng dễ hiểu; nhưng kinh Phật mới thật sự hữu dụng, vì những gì kinh nói chính là tiêu chuẩn. Tôi nói tiêu chuẩn thấp hơn [tiêu chuẩn trong] kinh Phật một chút, tôi thường nói mười sáu chữ “*buông xuống tự tu tự lợi, buông xuống tiếng tăm lợi dưỡng, buông xuống ngũ dục lục trần, buông xuống tham, sân, si, mạn*”. Đây là cảnh giới gì? Đến cửa ngõ nhà Phật, nhưng chưa vào cửa. Phải biết là: Đây là đã đến cửa. Đã đến cửa, phải nâng cao [cảnh giới] hơn nữa là vào cửa thì ba thứ thuận Bồ Đề tâm này quý vị sẽ có thể làm được. Do vậy, tôi nói tới “*tiền phương tiện*”, nay chúng ta mỗi ngày đều phải làm, phải luyện tập, phải nỗ lực. Tích cực thực hiện, khởi tâm động niệm đừng nghĩ tới chính mình, khi khởi tâm động niệm hãy nghĩ đến người khác. Tôi thường dạy người khác hãy nghĩ tới hai chuyện: Chánh pháp của Thích Ca Như Lai tồn tại lâu dài, chúng ta phải báo ân Phật. Thứ hai là phải nghĩ đến chúng sanh khổ nạn, chúng ta nên làm như thế nào để giúp đỡ họ. Để giúp đỡ họ, Phật, Bồ Tát nói “*giảng kinh giáo học chính là giúp đỡ họ*”, thật sự giúp đỡ.

Từ chỗ này, chúng ta thấu hiểu thật sâu: Giáo dục tôn giáo rất quan trọng. Kinh điển của mỗi tôn giáo đúng là quý báu, trong ấy, giảng những gì? Không gì chẳng phải là luân lý, đạo đức, nhân quả, triết học, khoa học, hết thảy đều giảng về nội dung này, chỉ cần chúng ta cùng nhau học tập, sẽ hiểu rõ. Thời cổ, giao thông chẳng thuận tiện, chẳng cần nói xa xôi gì, ngay trong thời kỳ Kháng Chiến, tức lúc Đệ Nhị Thế Chiến, nước Trung Hoa vẫn rất lạc hậu. Khi ấy, rất lạc hậu, giao thông rất bất tiện, lữ hành đều là bộ hành, không có xe cộ. Lữ hành thì phương tiện giao

thông thuận tiện nhất là thuyền nhỏ, thuyền mảnh, thuyền buồm. Trong tám năm Kháng Chiến, tôi đi mười tỉnh, gần như cũng đi hai vạn dặm đường, chỉ đi bằng hai chân. Truyền thông không có; do vậy, bao nhiêu người ở một thôn trang, ngay cả một tòa thành cũng chưa hề vào, đến già chết vẫn chưa lui tới. Hoàn cảnh xã hội là như vậy, chẳng giống như hiện thời. Hiện thời, giao thông thuận tiện, mở đường cao tốc, xe cộ nhiều, thông tin phát triển, trên khắp thế giới, một chút chuyện xảy ra ở đâu, cả thế giới biết ngay lập tức. Do đức Phật ở trong xã hội đóng kín trước đây, nên kinh Phật nói: “Nên dùng thân gì để hóa độ bèn hiện thân ấy”. Trong các sắc dân bất đồng, văn hóa bất đồng, khu vực bất đồng, Phật hiện thân thuyết pháp, hiện các thân khác nhau, thật ra là một chuyện. Xã hội hiện tại biến đổi, cả địa cầu biến thành làng địa cầu, thật vậy! Quý vị đi giáp vòng địa cầu mất hai ngày, tình trạng như vậy đó! Trong tình trạng ấy, chư Phật, Bồ Tát, hết thầy các vị thần, trong quá khứ truyền giáo tại các địa phương, nay cũng phải dung hội thành nhất thể. Nếu không, sẽ kèn cựa, phân biệt, chấp trước. Vì thế, tôn giáo phải đoàn kết, phải biến thành một nhà. Ta biết trong tôn giáo nói đến một chân thần. Trong quá khứ, một vị chân thần có vô lượng vô biên hóa thân, phân thân, nay địa cầu biến thành một nhà, các phân thân ấy cũng phải biến thành một thân thì mới chẳng đến nỗi nảy sanh đối lập, mâu thuẫn, xung đột, xã hội sẽ an định. Đây là một đại công tác cần kíp bức thiết trong lúc này, nhất định phải thực hiện tốt, phải nỗ lực thực hiện công tác giáo dục tôn giáo. Cũng như phải giáo dục luân lý, luân lý là nói tới những mối quan hệ: Quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên. Đạo đức là làm thế nào để giữ gìn tốt đẹp những mối quan hệ ấy; đây là đạo đức. Nhân quả càng quan trọng hơn, thiện nhân, thiện quả, ác nhân, ác báo, chẳng giả tí nào. Ngoài ra, có một số ít người trong Phật pháp gọi là người thượng căn, hoặc thượng thượng căn mong mọi nâng cao cảnh giới, trong tôn giáo có khoa học, có triết học, giúp họ nâng cao hơn.

“*Vô nhiễm thanh tịnh tâm, bất vị tự thân cầu an lạc cố*” (tâm vô nhiễm thanh tịnh, chẳng nhằm cầu an lạc cho bản thân). Thừa các đồng học, chẳng cầu an lạc cho chính mình, sẽ là chân an lạc. Cầu an lạc cho tự thân sẽ thật sự có phiền não. Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì sao? Có ngã thì có phiền não, có tham, sân, si, mạn; chẳng vì chính mình, vô ngã sẽ chẳng có phiền não. Đây là một cửa ải trong Phật pháp. Chúng ta không có cách nào làm được vô ngã, vì thế, tôi dạy người khác thực hiện bằng cách buông tự tư tự lợi xuống. Vẫn có Ngã, nhưng ta buông tự tư tự lợi xuống, khởi tâm động niệm nghĩ tới người khác, chẳng nghĩ tới chính mình. Ta chưa buông xuống, phải buông xuống thì mới thật sự nhập Phật pháp. Do vậy, tôi nói tôi chỉ dẫn người khác đến cửa ngõ! “*Bồ Đề thị vô nhiễm thanh tịnh xứ, nhược*

vị tự thân cầu lạc, tức vi Bồ Đề môn. Thị cố, vô nhiễm thanh tịnh tâm thị thuận Bồ Đề môn” (Bồ Đề là chỗ vô nhiễm thanh tịnh. Nếu vì chính mình mà cầu an vui, tức là trái nghịch Bồ Đề môn. Vì thế, tâm vô nhiễm thanh tịnh là thuận Bồ Đề môn). Bồ Đề là trí huệ chân thật, vô vi Pháp Thân, Vãng Sanh Luận nói như vậy! Câu này có ý nghĩa hoàn toàn giống với một câu do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật nói bằng cách khác: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Như Lai là tự tánh, trong tự tánh của hết thấy chúng sanh có trí huệ viên mãn; vì sao trí huệ ấy chẳng tỏ lộ? Vì hiện thời tâm chúng ta có ô nhiễm, nên nó không thể tỏ lộ được! Nếu tâm thanh tịnh, trí huệ sẽ tỏ lộ. Bồ Đề là trí huệ; chỉ cần quý vị không có ô nhiễm, trí huệ sẽ lộ ra. Trong tự tánh vốn có trí huệ, chẳng phải do học được, mà cũng không do tu thành, trong tự tánh vốn sẵn có. Không chỉ có trí huệ, mà còn có đức năng, tướng hảo, thứ gì cũng trọn đủ, thứ gì quý vị cũng chẳng cần phải cầu! Chỉ cần trừ sạch những chướng ngại, thấy đều buông xuống, toàn bộ trí huệ, đức năng, tướng hảo của quý vị hiện tiền, có hình dạng ra sao? Quý vị thấy thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng là như vậy đó! Đâu cần phải cực nhọc đường ấy? Ở nơi đây cuộc sống khổ quá. Tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị chẳng cần vàng, bạc, của cải; vì sao? Người ta dùng vàng ròng để lót đất, quý vị cần vàng để làm gì? Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, châu báu là vật liệu xây dựng nhà cửa, dựng nhà, lát tường. Trong thế gian này, mọi người thấy châu báu rất hiếm lạ, vì sao? Quá ít! Sang bên ấy, [châu báu] quá nhiều, lấy chẳng hết, dùng chẳng cạn, quý vị cần chúng để làm gì? Nói theo thế giới này, quý nhất chính là gì? Là không khí, con người thiếu không khí trong năm phút sẽ chẳng thể sống sót. Ai tham không khí? Có ai tích góp không khí như bảo bối? Không khí còn quan trọng hơn vàng, bạc, châu báu. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tài nguyên quá phong phú, sau khi tiếp xúc, thứ gì cũng chẳng màng. Quý vị còn cảm thấy những thứ ấy thừa thãi, phiền phức, cần chúng để làm gì! Do vậy, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ.

Thứ hai, *“an thanh tịnh tâm”*. An ổn tương ứng với tâm thanh tịnh, tâm an, thân an, cũng phải giúp cho hết thấy chúng sanh thân tâm yên ổn. Chúng ta nghĩ tới chính mình, mà cũng phải nghĩ tới người khác, chính chúng ta mong đạt được thì cũng phải giúp người khác đạt được. An như thế nào? Buông xuống liền yên ổn. Nếu quý vị chẳng buông xuống, thân tâm vĩnh viễn chẳng thể yên ổn. Buông ngũ dục lục trần xuống, đây là bên ngoài, cảnh giới bên ngoài phải buông xuống, bên trong phải buông tham, sân, si, mạn xuống, tâm liền yên ổn. Sống trong thế gian này, hết thấy tùy duyên, chẳng phan duyên, thứ gì cũng đều tốt, chẳng có gì bất

hảo, quý vị sống vui sướng lắm, tự tại lắm! Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên, đừng phan duyên; phan duyên là chính mình nghĩ nhất định phải như thế nào đó, như vậy thì quý vị sẽ bị khổ. Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, sẽ có vui sướng. “*Vị bat nhất thiết chúng sanh khổ cố*” (vì đẹp khổ cho hết thầy chúng sanh), giúp hết thầy chúng sanh lìa khổ được vui, nêu gương cho người khác thấy, thân hành, thân phải làm được [rồi mới] ngôn giáo. Do vậy, chúng ta thấy bậc đại thánh đại hiền xưa nay trong ngoài nước, các Ngài đã chọn nghề nghiệp gì trong một đời? Dạy học, dạy chữ. Thời cổ, người đọc sách bèn theo đuổi sự nghiệp dạy học. Nếu đỗ đạt, họ sẽ ra làm quan. Thi không đậu, sẽ theo nghề dạy học. Thuở ấy, tuy dạy học rất thanh bần, gọi là “*cùng tú tài*” (tú tài nghèo túng), hết sức vất vả, điều kiện sinh hoạt vật chất rất tệ, nhưng địa vị xã hội rất cao. Vì sao? Người ấy chăm sóc thể hệ kế tiếp, tận lực tiến hành, những gì được nói trong Đệ Tử Quy hiện thời, người ấy đều làm được. Cảm Ứng Thiên người ấy thực hiện được. Quý vị thấy những gì Liễu Phàm Tứ Huấn đã nói, quý vị đều hiểu. Người ấy thật sự làm được, nêu gương rất tốt trong xã hội, biết đủ, thường an vui, tạo thành một phong khí rất tốt đẹp trong xã hội. Con người không có tâm tham, xã hội sẽ yên ổn, nơi ấy sẽ chẳng có tai nạn. Do vậy, tuy những người ấy thoát nhìn chẳng có gì nổi bật, nhưng đã cống hiến rất lớn đối với xã hội. Nghề thứ hai được xã hội tôn trọng là thầy thuốc. Ở Trung Quốc, vào thuở trước, một là dạy học, được gọi là Phu Tử, thời cổ gọi họ là Phu Tử, tức là thầy; thứ hai là thầy thuốc, thầy lang, được mọi người tôn trọng. Thầy lang giúp đỡ bệnh nhân chẳng đòi hỏi tiền bạc, ông ta là người cứu mạng, làm sao có thể đòi tiền? Bệnh chữa lành rồi, tùy theo gia cảnh mà quý vị tặng một chút lễ vật báo đáp, chứ thầy lang chẳng thể chủ động đòi hỏi. Gia cảnh quý vị khá hơn sẽ tặng nhiều hơn một chút; hoàn cảnh khó khăn, tặng ít một chút. Nếu thật sự rất khó khăn, ngay cả thuốc men thầy lang đều biếu không. Do vậy, [thầy lang] được mọi người tôn kính. Không giống như hiện thời, hiện nay chỉ mong cầu lợi lộc. Tôi nghe nói ở bệnh viện, bệnh nhân bệnh nặng vẫn ở ngoài cửa, lúc không có tiền sẽ chẳng được chữa trị, quá khác biệt so với y đạo thời cổ! Hiện nay có y mà chẳng có đạo; trước đây là có y, có đạo. Hiện nay còn có một chuyện, nghe nói kẻ làm thầy mở lớp dạy thêm để kiếm rất nhiều tiền. Dạy trong nhà trường, giữ lại phân nửa chẳng giảng, giữ lại kiến thức để ép các người nhất định phải đi học thêm với ta, ta sẽ giảng bổ sung phân nửa còn lại; đó là muốn kiếm tiền, mở “*tiệm dạy chữ!*” Do vậy, lẽ nào thế gian này chẳng có tai nạn? Ngay cả hai hạng người này mà còn chẳng giữ vững [phẩm chất], đều bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trước kia, hai hạng người này chẳng bị ô nhiễm, thật sự thanh tịnh, được người ta tôn kính.

Vì thế, xã hội động loạn, tai nạn liên tiếp xảy ra, là có đạo lý, có nguyên nhân, chúng ta phải nên tìm ra những nguyên nhân ấy, làm thế nào để tiêu trừ những nguyên nhân đó, thế gian này sẽ được an định. Hết thấy đều phải thực hiện từ chính mình. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (làm không được thì phải quay lại xét mình), không nên cầu người khác. Cầu người khác, tuyệt đối sẽ làm không được, quý vị sẽ thất vọng, phải làm từ chính mình. Chính mình nghiêm túc thực hiện, sẽ có hiệu quả, thật sự làm sẽ có hiệu quả. Từ bản thân chúng ta sẽ ảnh hưởng cả nhà, từ một nhà ảnh hưởng tới thân thích, bè bạn, láng giềng, làng xóm. Tại Úc, chúng tôi thành lập một Tịnh Tông học viện rất nhỏ, quy mô rất nhỏ, mười năm rồi. Qua mười năm, thành tựu sơ bộ là ảnh hưởng đến thành phố. Thành phố ấy có mười vạn người, là một thành phố nhỏ, phong khí của thành phố nhỏ ấy tốt hẳn lên. Mỗi ngày đều làm, làm mười năm. Năm nay, chúng tôi đã nghĩ muốn thực hiện đa nguyên văn hóa, đoàn kết tôn giáo. Cách làm ra sao? Làm từ nhà của chúng tôi. Chúng tôi là Phật giáo, tôi mời mục sư Cơ Đốc Giáo, linh mục Thiên Chúa giáo, thầy cả 90^[3] đạo Hồi, chính thức mời họ làm giáo sư, mời họ giảng cho chúng ta nghe kinh Cổ Lan (Koran) 91^[4], giảng Tân Cựu Ước. Tôi còn mời một trưởng lão Do Thái Giáo, ông ta nhận lời, tôi mời ông ta giảng sáu trăm điều giới luật của đạo Do Thái. Chúng ta học kinh điển Phật giáo và cũng học kinh điển của tôn giáo khác, như thế sẽ hóa giải sự hiểu lầm, chẳng có đối lập, chẳng có xung đột, đó là biện pháp căn bản để hóa giải xung đột. Tôi tin tưởng học viện của chúng ta tiến hành một đời ba năm, chúng ta học tốt đẹp, tôi tin các tôn giáo khác sẽ bị cảm động. Chúng ta học những thứ của họ, những thứ của họ chúng ta đều biết, nhưng họ không biết Phật giáo; binh pháp nói: “*Tri kỳ tri bỉ,*

90^[3] Nguyên văn là A Hoanh (阿訇), đây là phiên âm của chữ Akhoond (Akhund, Akhwand), một từ ngữ có gốc từ tiếng Ba Tư, thường sử dụng tại Iran, A Phú Hãn, Azerbaijan và trong cộng đồng Hồi tộc (Dungans) tại Trung Hoa. Akhoond tương ứng với chữ Imam trong tiếng Ả Rập. Akhoond giữ vai trò hướng dẫn cầu nguyện, cử hành nghi lễ tôn giáo, dạy học trong các trường Hồi giáo. Điều đáng ngạc nhiên là hiện thời tại Iran, quê hương của từ ngữ Akhoond, từ Akhoond được coi như một từ ngữ mang nặng tính chất xúc phạm để chỉ những giáo sĩ đạo đức giả, kém cỏi, dốt nát, bại hoại!

91^[4] Koran (Quran, Qur'an, Alcoran, al-Qur'ān) là kinh thánh của đạo Hồi, được coi là lời dạy trực tiếp từ Thượng Đế được thiên sứ Jibril (Gabriel) truyền cho tiên tri Mahomed trong vòng hai mươi ba năm kể từ năm 610 trước Công Nguyên khi Mohamed tròn 40 tuổi. Koran được biên tập bởi Caliph Abu Bakr một thời gian ngắn sau khi Mohamed chết. Truyền thống đạo Hồi tin Mohamed được trao truyền kinh Koran tại hang Hira trong vùng núi hoang.

bách chiến bách thắng” (biết mình, biết người, trăm trận trăm thắng). Tôi tin tưởng trong tương lai họ đều phải học tập như vậy. Phong khí này khởi lên, tốt lắm, các tôn giáo trên thế giới là một nhà, hóa giải xung đột, giúp ích cho xã hội yên ổn, thế giới hòa bình rất lớn. Do vậy, cơ sở tôn giáo, tự viện am đường Phật giáo, những giáo đường của các tôn giáo khác, mỗi ngày đều phải giảng kinh, giảng đạo, mỗi ngày các đồng tu cùng nhau học tập, cùng nhau chia sẻ tâm đắc, phong khí trở nên tốt đẹp! Hiện nay, chúng ta dùng phương tiện truyền thông, dùng Internet, dùng vệ tinh truyền bá ra ngoài, để các đồng học hữu duyên trên thế giới cùng nhau chia sẻ. Ai là người hữu duyên? Chịu mở TV lên nghe đều là người có duyên.

Thứ ba là *“lạc thanh tịnh tâm”*, chữ 樂 cũng có thể đọc là Nhạo, nó có hai âm đọc, nó có hai cách đọc:

- Đọc là Nhạo, có nghĩa là yêu thích.
- Đọc là Lạc, có nghĩa là vui sướng.

“Dục linh nhất thiết chúng sanh đắc đại Bồ Đề cố, nhiếp thủ chúng sanh sanh bỉ quốc độ cố. Bồ Đề thị tất cánh thường lạc xứ, nhược bất linh nhất thiết chúng sanh đắc tất cánh thường lạc giả, tắc vi Bồ Đề môn” (vì muốn làm cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề, nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi ấy. Bồ Đề là chỗ thường vui rất ráo. Nếu chẳng làm cho hết thảy chúng sanh được thường lạc rất ráo, tức là trái nghịch Bồ Đề môn). Phải có cái tâm này, ưa thích, vui vẻ, mong mỗi hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui, lìa khổ rất ráo, được vui rất ráo. Lìa khổ rất ráo là hết thảy các đau khổ đều xa lìa, vĩnh viễn chẳng còn nữa! Tâm ấy to lớn, đó là tâm của Phật, Bồ Tát; tâm Phật, Bồ Tát phổ độ hết thảy chúng sanh. Quý vị ở trong lục đạo, dầu chỉ dạy quý vị, giúp quý vị nỗ lực tu thiện, quý vị sanh lên trời [vẫn chưa phải là lìa khổ được vui rất ráo]. Thiện có lớn hay nhỏ khác nhau. Trong Tứ Huấn dành cho gia đình, tiên sinh Liễu Phàm đã giảng thiện có tám thứ, giảng rất tỉ mỉ. Quả báo khác nhau, có [điều thiện khiến cho người hành] được phú quý trong nhân gian, có người hưởng thiện quả trong Dục Giới, Dục Giới có sáu tầng trời [92\[5\]](#), phước báo khác nhau. Lên cao hơn còn có Sắc Giới Thiên, còn có Vô Sắc Giới Thiên, hưởng phước trời, nhân gian chẳng có cách gì so sánh được. Có

[92\[5\]](#) Sáu tầng trời trong Dục Giới là Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Diễm Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Tự Tại Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên.

phải là rốt ráo hay không? Không phải là rốt ráo, vì sao? [Chúng sanh] trong lục đạo đều có thọ mạng. Thọ mạng dài nhất chính là Phi Tướng Phi Tướng Xứ Thiên thuộc Vô Sắc Giới Thiên, đức Phật dạy: Người nơi ấy thọ mạng dài tám vạn đại kiếp. Một đại kiếp là một lần thế giới thành, trụ, hoại, không, thời gian dài như thế đó! Thọ mạng tính bằng con số thiên văn như vậy. Tám vạn đại kiếp là [thời gian] tinh hệ, tức Thái Dương Hệ này thành, trụ, hoại, không tám vạn lần, nhưng đến lần thứ tám vạn thì sao? Đến lúc ấy, quý vị sẽ đọa lạc, chẳng thoát khỏi luân hồi, nghiệp bất thiện lại hiện tiền, chẳng biết sẽ đọa vào đâu. Do vậy, chẳng phải là rốt ráo!

Thật sự có thể giúp quý vị vượt thoát lục đạo luân hồi là sanh vào tứ thánh pháp giới, tứ thánh pháp giới là Tịnh Độ, thọ mạng rất dài, nhưng chưa thể kiến tánh. Chưa thể trở về tự tánh, vẫn đau khổ! Nhưng người ấy hoàn toàn chẳng có những nỗi khổ trong lục đạo, hoàn toàn chẳng có tam khổ hay bát khổ. Vẫn chưa thể nói là người ấy được an vui rốt ráo, an vui rốt ráo nhất định phải là giúp người ấy thành Phật, cũng là giúp cho người ấy đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì mới thật sự giải quyết vấn đề; nhưng chuyện này há phải là chuyện dễ dàng ư? Pháp môn Tịnh Tông thù thắng [ở chỗ] quý vị có thể thành tựu trong một đời, chẳng cần nâng cao lên từng tầng một, [tiên từ từ từng bậc] khổ lắm, phiền phức lắm! Ngay trong một đời này, từ trong loài người bèn vượt thoát, chẳng cần phải trải qua sáu tầng trời Dục Giới, mười tám tầng trời Sắc Giới, chẳng cần thiết! Từ trong nhân gian thoát ra, đó là “hoành siêu” (vượt thoát theo chiều ngang), có thể thành tựu trong một đời. Đây là nói chư Phật, Bồ Tát “*dục linh nhất thiết chúng sanh đắc đại Bồ Đề cố, nhiếp thủ chúng sanh sanh bỉ quốc độ*” (vì muốn làm cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề, nhiếp thủ chúng sanh sanh về cõi ấy), “*cõi ấy*” chính là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật là như vậy, suốt đời giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, nói rất nhiều kinh, nói rất nhiều lý luận, rất nhiều phương pháp, vì sao? Chúng sanh căn tánh khác nhau. Giống như ăn món gì đó, khẩu vị [mỗi người] khác nhau, có người thích ăn ngọt, có kẻ ưa ăn cay. Đức Phật đại khai phương tiện môn, quý vị mong điều gì, Ngài bèn giúp quý vị điều ấy, thật sự khó có! Nhưng môn rốt ráo chính môn [niệm Phật] này sẽ giúp cho quý vị đạt được sự vui rốt ráo.

Thuở tại thế, đức Thế Tôn nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này, quý vị bèn hiểu rõ đạo lý này. Chẳng phải là giảng một lần! Đọc các bản dịch, [chúng ta thấy rõ] tôi thiếu Ngài giảng ba lần. Vì sao? Nếu là một lần, nguyên bản là một bộ kinh, dấu

được dịch rất nhiều lượt, nhất định là đại đồng tiểu dị, chẳng sai biệt rất lớn, nhưng năm bản dịch kinh này sai khác quá lớn; do vậy, cổ đại đức phán đoán tối thiểu là giảng ba lần. Chúng ta biết tại Trung Quốc, bộ kinh này được phiên dịch nhiều nhất, có tất cả mười hai bản dịch, nhưng bảy bản bị thất truyền, tìm không được. Trong [mục lục của] Đại Tạng Kinh có ghi chép, có ghi tựa đề kinh, tuy có ghi chép, nhưng sách thì tìm không được. Nếu tìm được, còn có thể là thấy những chỗ khác nhau, sai biệt rất lớn so với năm bản dịch trong hiện tại, [đủ để chứng tỏ] không phải chỉ có ba lần [tuyên giảng]. Vì sao? Chúng ta hiểu ý nghĩa này sẽ thấu hiểu: Đức Phật nhiếp thủ chúng sanh, mà cũng là giúp A Di Đà Phật chiêu sinh (chọn học trò). A Di Đà Phật giống như một vị hiệu trưởng, trường học được lập bên cõi kia (cõi Cực Lạc), mười phương chư Phật đều thay A Di Đà Phật chiêu sinh: Nếu muốn thật sự thành tựu viên mãn trong một đời, hãy đến nơi ấy. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới là trường học, thiết bị của người ta rất tốt, hết thầy đều tề chỉnh, hoàn bị. Quý vị chẳng thể tới đó rồi [ở lì nơi đó] chẳng đi, đâu ra thể thống gì! Đó là trường học, chẳng phải là nhà của quý vị. Nếu quý vị nghĩ đó là quê nhà của mình, sau khi đến được đó, sẽ vĩnh viễn chẳng rời khỏi, có ý niệm ấy sẽ chẳng đến được, cõi ấy chẳng thân nhận quý vị! Nhất định là đến học, sau khi học xong, phải vào mười pháp giới, vào trong lục đạo của hết thầy các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới để giúp chúng sanh, đến đó dạy học. Ở bên đó (cõi Cực Lạc) là bồi dưỡng, huấn luyện, nhất định bồi dưỡng, huấn luyện quý vị chúng đấng vô thượng Bồ Đề, đó cũng là Phật quả rốt ráo. Sau đây, quý vị mới rời khỏi, đến các nơi giáo hóa chúng sanh. Khi ấy, quý vị thật sự tìm được nhà, nhà ở nơi đâu? Trọn khắp pháp giới hư không giới là nhà của chính mình. Tất cả hết thầy chúng sanh và chính mình là một Thể, quý vị sẽ tự nhiên giúp những chúng sanh mê hoặc, điên đảo trở về tự tánh.

Trở về tự tánh, có ảnh hưởng đến chính mình hay chẳng? Thưa quý vị, chẳng hề ảnh hưởng mảy may, vì sao? Người ấy thật sự giác ngộ, chẳng bị ô nhiễm. Ngày nay, chúng ta bị ảnh hưởng là do công phu chẳng đủ, cảnh giới hiện tiền bèn chẳng chống đỡ được! Quý vị nói giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức khá lắm, nhưng gặp phải danh vọng cao sang, lợi lộc trọng hậu, sẽ cảm lòng không được, biết rõ mà vẫn cố phạm, vẫn khởi tâm tham. Chẳng dễ dàng! Thật sự giác ngộ, biết những thứ ấy là giả! Danh vọng cao sang, bảo quý vị làm Tổng Thống, có muốn làm hay không? Chẳng làm! Thời cổ, bảo quý vị làm hoàng đế, bèn trốn cho thật xa. Vì sao? Vì hiểu nhân quả, biết địa vị ấy chẳng dễ làm! Nếu làm chẳng tốt, trong tương lai sẽ bị ác báo, quý vị giữ chức vị này nhất định phải làm tốt. Làm tốt cũng chẳng có công, vì sao? Quý vị phải làm những chuyện cần nên làm; nếu làm không tốt,

nhất định bị đọa lạc, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Lợi lộc trọng hậu, quý vị có phước báo lớn dường ấy hay chẳng? Nếu quý vị chẳng có phước báo ấy, hễ của cải đưa đến thì [đồng thời] tai nạn cũng xảy đến, do không có phước to như vậy! Phước do quý vị tu trong kiếp trước, chính mình nhất định phải hiểu điều này, [điều gì chính mình] chẳng đáng nên đạt được thì nhất định chẳng cầu; người ta cho quý vị, quý vị cũng đừng cần tới. Cho quý vị tức là họa hại [đưa đến], quý vị có dám muốn hay chẳng? Có trí huệ, hiểu nhân quả thì tiếng tăm, lợi dưỡng bày ra trước mặt vẫn như như bất động, chẳng khởi tâm động niệm, đó là đúng!

Gần đây, có một đồng học tặng cho một quyển sách, trong ấy nói Khải Tát (Caesar) xú La Mã phái một đạo quân hơn mười vạn người xâm lược Trung Quốc. Quý vị thấy từ La Mã, thuở ấy, theo đường bộ có kỵ binh, nhưng chẳng phải là mười vạn người đều cưỡi ngựa. Vì vậy, họ thay phiên nhau cưỡi ngựa, phân nửa đi bộ, còn phân nửa kia cưỡi ngựa. Quý vị nghĩ xem: Từ La Mã tới Trung Quốc, còn phải xuyên qua rừng rậm, còn phải băng qua đại sa mạc, quý vị nói xem gian khổ chừng nào! Vì vậy, mười vạn người đến Trung Quốc, gần như là bệnh tật hay chết, quá nửa chẳng còn, đánh vài trận cũng chết không ít người. Do vậy, đến Trung Quốc, quân số chẳng đông, cuối cùng toàn bộ đoàn quân bị thất trận, đều chết ở tỉnh Cam Túc, Trung Quốc. Cuốn sách ấy kể câu chuyện này. Linh hồn những người ấy chẳng tiêu tan, đoàn quân ấy vẫn còn, đó là quý, không phải là người, khổ chẳng thể nói nổi, khổ chết được! Họ gặp Bồ Tát, Bồ Tát thương xót bọn họ, mỗi mông Một, ngày Rằm đều cho họ ăn, bố thí họ. Ngài bảo họ: “Trung Quốc chẳng phải là chỗ của quý vị, đến làm gì?” Câu này có ý nghĩa rất quan trọng! Trong mạng quý vị không có cuộc đất này, nhưng quý vị đến nơi này, nên toàn quân bị diệt, [đất này] chẳng phải của quý vị mà! Điều này nói rõ: Dùng thủ đoạn chiến tranh để chiếm được, vẫn là do trong mạng quý vị sẵn có, quý vị nói có phải là oan uổng hay không? Tôi lập tức nghĩ đến chuyện người Nhật xâm lược Trung Quốc, đánh nhau tám năm, cuối cùng đầu hàng. Trung Quốc chẳng phải của họ, họ chẳng có phước báo ấy! Mới hiểu cổ nhân nói: “*Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định*” (một miếng ăn, một hóp uống, không gì chẳng do định sẵn). Nếu trong mạng không có, dùng phương pháp gì quý vị cũng đều chẳng đoạt được, đều chẳng đạt được. Trong mạng có, quý vị chẳng cần phương pháp nào, mà đến lúc, nó sẽ được đưa tới. Cầu gì? Không cần cầu, tâm định rồi, hãy khéo tu đức. Quý vị thật sự mong cầu, cầu của cải, cầu công danh, cầu phú quý, “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng) Phật dạy chúng ta cách cầu như thế nào? Bố thí. Quý vị mong có được của cải, hãy tu Tài Bố Thí, càng thí càng nhiều.

Quý vị muốn được thông minh, trí huệ, hãy tu Pháp Bồ Thí. Quý vị mong khỏe mạnh, trường thọ, hãy tu Vô Úy Bồ Thí.

Thuở tôi còn trẻ, vận mạng rất khổ. Thầy bói xem tướng nói cái kho tài sản [trong mạng tôi] rỗng tuếch, mạng gì vậy? Gọi là “số ăn mày”, bản tiện đến tột bậc, “*tiện*” (賤) là không có địa vị, bản (貧) là không có tài sản. Học Phật, được biết Chương Gia đại sư. Chương Gia đại sư dạy tôi tu, đời quá khứ chẳng tu, hiện tại tu vẫn kịp! Khi đó, tôi hai mươi mấy tuổi, cách tu ra sao? Tu ba thứ bồ thí. Tôi thưa với lão nhân gia: “Con không có tiền”. Khi đó, một tháng chỉ kiếm được mấy chục đồng, gắng gượng sống qua ngày, lấy tiền đâu để bồ thí? Ngài hỏi tôi: “Một cắc có hay không?” “Một cắc thì có thể được ạ!” “Một đồng có được hay chẳng?” “Vẫn miễn cưỡng thì cũng được”. “Anh hãy bỏ ra một cắc, một đồng để bồ thí, thật sự làm”. Tôi thật sự nghe lời, từ đây bắt đầu tích cực tu, thật sự có hiệu quả; về sau, thâm nhập mỗi năm một tốt hơn, tốt hơn thì sao? Đều đem bồ thí để thay đổi vận mạng trong một đời. [Theo tướng số], tôi chỉ thọ bốn mươi lăm tuổi, đến năm nay tôi tám mươi tư tuổi, sống lâu [hơn số mạng] bốn mươi năm, tôi cũng chẳng ưa thích tí nào. Sống lâu để làm gì? Để thay chúng sanh làm việc nhiều hơn. Chẳng vì chính mình, sống rất tự tại, sống rất hạnh phúc; nếu vì chính mình thì đã sớm hết đời rồi. Tôi có hai vị đồng học, cùng tuổi, vận mạng giống nhau, cùng tuổi, cũng đều xuất gia, [nhưng họ] chẳng phát tâm độ chúng sanh. Tôi được thầy dạy phát cái tâm ấy. Chương Gia đại sư dạy, thầy Lý thành tựu. Năm bốn mươi lăm tuổi, tôi nhớ kỹ vào khoảng tháng Hai hay tháng Ba, pháp sư Pháp Dung ra đi; tháng Năm, thầy Minh Diển mất, tháng Bảy tôi ngã bệnh, tôi biết vận hạn đã tới rồi. Tôi cũng chẳng cầu trường thọ, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, niệm một tháng, hết bệnh; sau đấy chẳng còn đồ bệnh nữa. Thật đấy, chẳng giả, “*trong cửa Phật, có cầu ắt ứng*”, cầu đúng lý, đúng pháp, không có ai chẳng có cảm ứng như thế. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này.

Tập 24

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Trịnh Lộc, Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ hai mươi bốn, dòng thứ tư, chúng ta xem từ câu đầu tiên.

“*Thuận Bồ Đề môn giả, Bồ Tát viễn ly như thị tam chủng Bồ Đề môn tương vi pháp, tức đắc tam chủng tùy thuận Bồ Đề môn pháp*” (Thuận Bồ Đề môn: Bồ Tát xa lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề như thế, liền đắc ba pháp tùy thuận Bồ Đề môn). Phía trước câu này sót một chữ, tức chữ “*nhị*”, vì trong đoạn thứ nhất thuộc phần trước đã ghi: “*Tiên tu ly tam chủng dữ Bồ Đề môn tương vi pháp*” (trước hết, cần phải lìa ba pháp trái nghịch Bồ Đề môn) đã nói xong. Ở chỗ này sẽ giảng về “*thuận Bồ Đề môn*”; thuận Bồ Đề môn cũng có ba điều, tiếp đó, sách viết: “*Hà đẳng vi tam: Nhất giả, vô nhiễm thanh tịnh tâm, bất vị tự thân cầu an lạc cố. Bồ Đề thị vô nhiễm thanh tịnh xứ, nhược vị tự thân cầu lạc, tức vi Bồ Đề môn, thị cố vô nhiễm thanh tịnh tâm thị thuận Bồ Đề môn*” (Những gì là ba? Một là tâm vô nhiễm thanh tịnh, chẳng cầu an lạc cho chính mình. Bồ Đề là chỗ vô nhiễm thanh tịnh. Nếu cầu vui sướng cho bản thân chính là trái nghịch Bồ Đề môn. Vì thế, tâm vô nhiễm thanh tịnh là Bồ Đề môn). Đề mục của đoạn lớn này là Nhất Kinh Tông Thú, nếu nói theo cách bây giờ, sẽ là y theo nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao của bộ kinh này. Nguyên tắc chỉ đạo này đã được nêu chung trong phần trước: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, đây là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao trong Tịnh Tông. Ở đây, vì chúng ta nói chi tiết: Đắc thanh tịnh tâm như thế nào? Đặc biệt là trong tựa đề của bộ kinh này, nửa sau nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, nêu ra cương lĩnh tu hành. Có Tông, đó là tông chỉ, tức tông chỉ tu học của bộ kinh này. “*Thú*” là quả, ta chiếu theo phương pháp này để tu, trong tương lai sẽ đắc quả báo ra sao. Cái quả nằm ngay trong nửa trước của tựa đề kinh. Quý vị đạt được điều gì? Đạt được “*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*”, quý vị thấy quả báo này thù thắng lắm! Trong kinh Hoa Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói: “*Hết*

thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng Như Lai”, ai nấy đều có, vốn sẵn có. Do vậy, giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Hết thầy chúng sanh vốn là Phật”* .

Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa này của đức Phật, chẳng phải là mê tín. Phật là tiếng Ấn Độ, người Ấn Độ gọi là Phật, người Trung Quốc gọi là thánh nhân. Do vậy, Phật và thánh nhân có cùng một ý nghĩa. Chữ *“thánh nhân”* của Trung Quốc nên giảng như thế nào? Thánh (聖) là thông đạt, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, đó là *“thánh”*. Chữ Phật trong tiếng Ấn Độ nghĩa là Giác, cũng là hoàn toàn giác ngộ, hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ; đúng là có cùng một ý nghĩa. Phật giáo truyền tới Trung Quốc, chữ này được dịch âm. Nói thật ra là có thể dùng chữ Thánh của tiếng Hán để dịch. Có những [đoạn kinh văn] trong Phật pháp, [gọi Phật] là Đại Thánh, điều này rất thích hợp với khẩu vị của người Hoa, Đại Thánh Thích Ca Mâu Ni. Vì thế, quý vị hiểu rõ văn tự, sẽ chẳng nói Phật giáo là mê tín. Quý vị chẳng hiểu ý nghĩa, tưởng Phật là thần, Bồ Tát là thần, La Hán là thần, hoàn toàn sai lầm! Trong Phật giáo, Phật, Bồ Tát, A La Hán là những danh xưng học vị: Phật là tối cao, người Trung Quốc gọi là Thánh. Cấp thấp hơn thánh nhân là hiền nhân, cấp thấp nhất là quân tử. Trong Phật pháp cũng có ba đẳng cấp, tối cao là Phật Đà, thứ nhì là Bồ Tát, kém hơn nữa là A La Hán. Ba danh xưng học vị, chớ nên không hiểu rõ!

Sự giáo học của Phật nhằm mục tiêu cuối cùng, tột bậc là dạy chúng ta trở về tự tánh, vì sao? Tự tánh viên mãn. Tổ tiên dạy chúng ta: Bỏ tánh vốn lành, Phật gọi là tự tánh, còn gọi là bản tánh. Hai câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là: *“Nhân chi sơ, tánh bản thiện”* (tánh con người thoát đầu vốn lành), quý vị làm thế nào để trở về bản thiện thì sự giáo học này sẽ đạt được! Vì sao chẳng thấy bản thiện? Vì quý vị có tập tánh bất thiện. Tam Tự Kinh nói rất rõ ràng: *“Tánh tương cận, tập tương viễn”* (Tánh thì gần giống nhau, do được giáo dục mà trở thành khác xa). Tánh của mọi người đều như nhau, đều là chí thiện. Thiện ấy chẳng phải là thiện trong thiện ác, phải hiểu rõ: Thiện ấy là danh từ nhằm ca ngợi nó quá hoàn mỹ, chẳng có một chút khiếm khuyết nào. Trong tự tánh có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, nay chúng ta nói tới tướng hảo là nói tới phước báo, vô lượng phước báo mà chính quý vị vốn có, vì sao mất đi? Nay ở trong thế gian này, chúng ta thấy trí huệ bất bình đẳng, đức hạnh cũng chẳng bình đẳng, phước báo cũng không bình đẳng, do duyên có nào? Do nghiệp chướng của chính quý vị có dày hay mỏng khác nhau. Nghiệp chướng dày, thông minh, trí huệ kém sút; nghiệp chướng mỏng, thông minh trí huệ hơn một chút. Do vậy, trí huệ và đức tướng đều như

nhau, nhưng vì phiền não có dày, mỏng, cạn, sâu khác nhau, cho nên lộ ra chẳng giống nhau.

Giáo học của Phật Đà chẳng có gì khác, nhằm dạy chúng ta xa lìa tập khí phiền não, buông xuống, thấy đều buông xuống, quý vị sẽ thành Phật, sẽ hoàn toàn khôi phục. Phiền não tập khí vô lượng vô biên, Thích Ca Mâu Ni Phật quy nạp thành ba loại lớn, nhằm mục đích dễ nói hơn, dễ giảng hơn trong khi dạy học. Mỗi loại đều là vô lượng vô biên, chẳng thể tính đếm được:

- Loại thứ nhất gọi là Vô Minh phiền não, kinh Hoa Nghiêm gọi loại này là vọng tưởng, còn trong giáo pháp Đại Thừa gọi nó là Vô Minh phiền não; đây là một loại.

- Loại thứ hai là Trần Sa phiền não. Trần Sa là tỷ dụ các phiền não ấy nhiều như bụi, cát; trong kinh Hoa Nghiêm, chúng được gọi là phân biệt. Vì thế, phân biệt là phiền não, tức Trần Sa phiền não.

- Loại lớn thứ ba gọi là Kiến Tư phiền não. Kiến là kiến giải của quý vị sai lầm, Tư là tư tưởng, quý vị nghĩ trật rồi, nghĩ sai chân tướng sự thật rồi, thấy sai rồi. Điều này gọi là Kiến Tư phiền não. Kinh Hoa Nghiêm gọi loại này là chấp trước, chấp trước là Kiến Tư phiền não.

Quý vị có thể buông chấp trước xuống, sẽ chứng quả A La Hán, được gọi là bậc A La Hán, đã đạt được học vị thứ nhất, chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Nếu tiến hơn một bước nữa, không chỉ chẳng chấp trước, mà phân biệt cũng không có, quý vị là Bồ Tát, đạt được học vị thứ hai. Học vị tối cao là lục căn đối với cảnh giới lục trần chẳng khởi tâm, không động niệm, đây là chẳng có Vô Minh phiền não. Vô Minh phiền não là khởi tâm động niệm; chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị sẽ thành Phật, đạt được học vị tối cao. Đó là ba danh xưng học vị.

Do vậy, các đồng học nhất định phải biết, hiện nay Phật giáo biến thành tôn giáo, chúng ta đều là tội nhân đối với Thích Ca Mâu Ni Phật, có sao hai ngàn năm trăm năm sau khi lão nhân gia [nhập diệt], giáo học đã biến thành tôn giáo? Chúng ta phải biết: Chúng ta chẳng trọn hết trách nhiệm. Thuở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng dính líu gì đến tôn giáo, mười chín tuổi cầu học, tham học, ba mươi tuổi khai ngộ. Khổng lão phu tử cũng thế, mười lăm tuổi dốc chí học hành, ba mươi tuổi hoàn tất. Thánh nhân Đông Phương và Tây Phương có rất nhiều chỗ

tương đồng; nhưng sau khi khai ngộ, đức Thế Tôn liền giáo học, suốt đời làm công tác này. Thân hành, ngôn giáo, Ngài thật sự làm được, làm được toàn bộ những điều Ngài đã giảng. Nếu Ngài làm không được, sẽ chẳng nói; hễ nói ra, đều thật sự làm được, nêu gương tốt cho mọi người chúng ta. Dạy bao lâu? Dạy suốt cả đời, bảy mươi chín tuổi viên tịch. Vì thế, trong kinh giáo, thường thấy ghi: “*Giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm*”. Từ ba mươi tuổi bắt đầu, đến bảy mươi chín tuổi [viên tịch], sống một ngày bèn dạy một ngày, vui thích dạy dỗ chẳng mệt mỏi. Nói theo cách bây giờ, Ngài mang thân phận gì? [Giáo dục] đa nguyên văn hóa! Có thể nói là đa nguyên, vì Ngài chẳng phân biệt quốc gia, tôn giáo, tín ngưỡng, cũng chẳng phân chia dân tộc, là một nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, thật sự mang thân phận ấy. Chính Ngài thì sao? Chính Phật là một người thực hiện nghĩa vụ công tác giáo dục xã hội đa nguyên, chẳng lấy học phí, cuộc sống rất đơn giản, trưa ăn một bữa, ngủ dưới cội cây, ăn cơm từ chỗ nào? Khất thực, đúng là “*nhất bát thiên gia phạn*” (một bát cơm ngàn nhà), lời này là sự thật, chẳng giả. Quý vị mở kinh điển ra xem, sẽ thấy: Các vị thường tùy đệ tử của Phật, tức là những người thường theo Ngài chẳng rời, đức Phật tới nơi đâu, họ theo tới đó, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, mỗi người đều ra ngoài khất thực, tức là một ngàn hai trăm mấy cái bát. Khất thực chẳng phải là ta xin được bèn ăn, chẳng phải vậy! Trở về đồ dòn cơm vào với nhau, sau đấy, chia ra ăn. Do vậy, cơm trong bát của mỗi người đều là do xin từ ngàn nhà về. Chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, biến Phật giáo thành tôn giáo là do lũ học trò đời sau chúng ta đại bất hiếu, cứ sao biến Phật giáo thành ra nông nổi này? Là học trò thật sự của đức Phật, phải khôi phục diện mạo vốn có, diện mục vốn có của Phật giáo là giáo học.

Phật giáo truyền tới Trung Quốc là do hai vị đại đức Ma Đằng và Trúc Pháp Lan đến Trung Quốc. Thuở ấy, Hán Minh Đế bái họ làm thầy; do vậy, họ biến thành quốc sư. Họ vốn đều là khất thực, đều ngủ dưới cội cây, nay làm thầy hoàng thượng; tại Trung Quốc, nếu thầy của hoàng thượng ra ngoài khất thực, đến ngủ dưới cội cây, người ta sẽ chửi bới hoàng đế chết mất! Người làm hoàng đế kiêu gì? Làm sao có thể khiến cho thầy nhà người sống như vậy được! Do vậy, sau khi đến Trung Quốc, họ đành bỏ truyền thống xưa ấy, quý vị thấy: Hằng thuận chúng sanh, tùy thuận tập quán của dân Trung Quốc. Hoàng thượng cũng ban cho họ cung điện, dựng chùa (tự), “*tự*” là gì? Quý vị phải biết: Tự (寺) là cơ cấu làm việc của chính phủ, là một cấp hành chánh trực thuộc hoàng đế cai quản, đó là Tự. Quý vị tới thăm Cố Cung. Trong Cố Cung có rất nhiều tám biển, như Hồng Lô Tự, Thái

Thường Tự, đầy đều là các đơn vị cấp dưới của hoàng đế, do hoàng đế trực tiếp quản trị, gọi là Cửu Tự. Trưởng quan của chín tự gọi là Khanh, Tam Công Cửu Khanh; Tam Công 93^[6] là cố vấn của hoàng thượng, địa vị rất cao, Cửu Khanh là thủ trưởng đơn vị ở dưới họ một cấp. Đơn vị dưới Tể Tướng một cấp là Bộ. Thủ trưởng của Bộ gọi là Thượng Thư. Thượng Thư là Bộ Trưởng. Thị Lang là Thứ Trưởng. Do vậy, cơ cấu dưới hoàng thượng một cấp sẽ cao hơn Tể Tướng một bậc. Cấp dưới của Tể Tướng gọi là Thượng Thư, còn họ (những người đứng đầu cử tự) gọi là Khanh, tức Tam Công Cửu Khanh. Cơ cấu làm việc của Phật giáo cũng gọi là Tự, do hoàng thượng trực tiếp nắm giữ. Do vậy, Trung Quốc vào thời ấy trở thành có hai bộ giáo dục: Bộ giáo dục dưới quyền Tể Tướng là bộ Lễ, sắp theo thứ tự thuận, bộ Lễ đứng đầu, đây là [quy chế] do tổ tiên Trung Quốc truyền lại. Bất luận là gia đình hay quốc gia, đều xếp giáo dục lên đầu. “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, giáo dục làm đầu). Quý vị thành lập một chính quyền, “*quân*” là người lãnh đạo, lãnh đạo nhân dân, coi điều gì là bậc nhất? Giáo dục bậc nhất. Vì thế, bộ Lễ là bộ thứ nhất. Khi Tể Tướng có việc chẳng thể coi sóc chính sự, Thượng Thư bộ Lễ sẽ thay mặt, quý vị thấy địa vị của ông ta rất cao! Nhìn vào chế độ thời cổ của Trung Quốc, bất luận là gia đình hay quốc gia, đều xếp giáo dục vào bậc nhất; nói cách khác, hết thầy đều nhằm phục vụ giáo dục. Do vậy, quốc gia mấy ngàn năm ổn định, đạo lý ở chỗ này!

Dạy những gì? Giáo dục vun bồi căn bản, giáo dục cơ sở trong ba năm đầu. Trẻ nhỏ từ lúc sanh ra cho đến ba tuổi là giáo dục vun bồi căn bản, do mẹ dạy. Vai trò người thầy đầu tiên của đứa trẻ do mẹ nó đảm nhận, dạy gì? Nay tôi nói với mọi người: Đấy chính là Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy chẳng phải là dạy trẻ nhỏ đọc, mà là cha mẹ [làm gương] cho con thấy. Trẻ nhỏ vừa sanh ra, mở mắt ra nó có thể thấy, tai nó có thể nghe, nó đã đang học tập. Quý vị thấy từ lúc sanh ra cho đến ba tuổi, nó học một ngàn ngày. Trong một ngàn ngày ấy, trong sự giáo dục trước đây, điều được hết sức coi trọng là hết thầy những thứ phản diện chẳng để cho trẻ nhỏ thấy, nghe, hay tiếp xúc, hết thầy những gì nó được tiếp xúc đều là chính diện. Cha mẹ

93^[6] Tam Công là ba chức quan phù tá tối cao của nhà vua, được thiết lập từ đời Châu, gồm Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Đến đời Hán, Tam Công là Thừa Tướng (về sau đổi thành Đại Tư Đồ), Thái Úy, Ngự Sử Đại Phu (về sau đổi thành Đại Tư Không). Nhà Hậu Hán gọi Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không là Tam Công. Đến đời Tống Huy Tông, lại đổi Tam Công thành Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo. Về sau, với sự hình thành lục bộ và vai trò ngày càng lớn của Tể Tướng, Tam Công chỉ còn là chức quan danh dự tặng cho các vị cố vấn cao cấp.

trước mặt con luôn lịch sự, từ tốn. Do vậy, cổ ngôn ngữ Trung Quốc có câu: “*Tam tuế khán bát thập*”, [ý nói] ba tuổi vun bồi căn bản, tám mươi tuổi sẽ chẳng biến đổi. Sự giáo dục này nhằm vun bồi cội sâu rễ vững. Sách Đại Học có câu: “*Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm*”, bồi dưỡng lúc nào? Bồi dưỡng trong ba năm một ngàn ngày ấy, vun bồi cội rễ thật tốt! Sau này, nó đi học, thầy giáo là sự tiếp tục của gia giáo, kéo dài gia giáo. Thầy giáo phải nêu gương cho học trò thấy, thầy thay thế bậc trưởng thượng trong gia đình. Bậc trưởng thượng làm như thế, thầy cũng làm như thế, lòng tin của trẻ đã được đặt vững rồi. Vì thế, trước kia, giáo dục của Trung Quốc thành công như thế đó!

Kiểu giáo dục ấy đến khi nào chẳng còn nữa? Sau khi Dân Quốc thành lập, quan niệm giáo dục ấy còn được kéo dài hai mươi năm, sau năm Dân Quốc thứ hai mươi (1931) bèn chẳng còn nữa! Nó bị triệt để tiêu diệt sau thời chiến tranh Trung Nhật, sau tám năm kháng chiến, hoàn toàn chẳng còn nữa. Do vậy, tôi thường nói: Chúng ta và Nhật Bản đánh nhau tám năm, người bị tử thương, tổn thất sanh mạng, tài sản là chuyện nhỏ, bé nhỏ không đáng kể; tổn thất lớn nhất gia đình truyền thống và nền gia giáo truyền thống bị mất đi, tổn thất quá lớn. Đối với sự tổn thất này, nếu chúng ta không có tâm cảnh giác cao độ để khôi phục ngay lập tức, dân tộc sẽ bị diệt vong. Trong bốn nền văn minh cổ 94[7] trên thế giới, ba nền văn minh khác không có điều này (gia đình truyền thống và nền gia giáo truyền thống), chỉ riêng Trung Quốc có. Nếu Trung Quốc vứt bỏ truyền thống này, cổ văn minh của Trung Quốc sẽ tiêu mất! Tôi tin rằng chưa đầy ba mươi năm, Trung Quốc sẽ chẳng còn gì hết! Nền giáo dục ấy bị mất đi là chuyện đáng buồn nhất của nhân loại trên toàn thế giới, không riêng gì Trung Quốc bị tổn thất mà cả thế giới đều bị tổn thất. Thập niên 70, ông Thang Ân Tử (Arnold J. Toynbee) thường nói, ông này là một nhà sử học người Anh, ông ta nói: “*Giải quyết vấn đề xã hội trong thế kỷ hai mươi mốt, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp*”. [Điều này do] người khác nói, chẳng phải do tôi nói, nói thật sự có lý. Ngày nay, chúng ta khôi phục nền giáo dục của đức Phật bằng cách nào? Phật giáo là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo. Làm thế nào để khôi phục truyền thống giáo dục Nho gia và Đạo gia Trung Quốc? Truyền thống Trung Quốc chắc chắn chẳng tách lia

94[7] Bốn nền văn minh cổ nổi tiếng nhất và sớm nhất trên thế giới là Cổ Ai Cập, văn minh lưu vực Lưỡng Hà (Mesopotamia), Cổ Ấn Độ và Cổ Trung Quốc. Đây là khái niệm do Lương Khải Siêu đưa ra trong bài xã luận Nhị Thập Thế Kỷ Thái Bình Dương Ca. Nếu theo quan điểm Tây Phương thì văn minh cổ không chỉ gồm bốn quốc gia này mà còn phải kể văn minh Babylon, văn minh Cổ Hy Lạp (Hy Lạp - La Mã), văn minh của thổ dân châu Mỹ v.v...

Nho, Thích, Đạo. Nho, Thích, Đạo trên hình thức thì có, trên thực tế đã chẳng còn nhìn thấy nữa! Người học Nho cũng học Đạo và Phật, người học Phật cũng học Nho và học Đạo, môn nào cũng đều thông, thứ gì cũng đều hiểu. Đây là một nhận thức căn bản đối với văn hóa truyền thống mà chúng ta phải hiểu rõ, phải minh bạch.

Hiện thời, muốn khôi phục, chẳng cần phải dựng chùa miếu, đó là [cách làm] trong thời đại đế vương trước kia, không cần tạo dựng hình thức ấy. Hiện thời, những chùa miếu ấy là cổ tích, là nơi để văn cảnh du lịch, có đặc tính hấp dẫn lịch sử, chuyện ấy tốt lắm, nhưng chẳng thể dạy học. Cần xây dựng trong hiện thời là trường học. Trước kia, tôi thường gặp cụ Triệu Phác Sơ 95^[8], hầu như hàng năm tôi đều về thăm cụ. Tôi đề nghị với cụ, hiện tại giao thông thuận tiện, truyền thông phát triển, Phật giáo Trung Quốc là mười tông phái, mười tông phái đều khôi phục, mỗi tông phái thành lập một đạo tràng, giống như viện đại học tại ngoại quốc, tìm một cuộc đất thuận lợi để xây dựng, thành lập viện đại học, chia thành hai bộ phận: Một bộ phận là Giải môn, bộ phận kia là Hành môn. Về danh xưng, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã từng đề nghị, đề nghị ấy hết sức hay! Bộ phận tu hành gọi là Học Hội, chúng ta là Tịnh Độ Tông thì Tịnh Độ Học Hội là bộ phận tu hành, còn bộ phận nghiên cứu lý luận và kinh điển được gọi là Tịnh Độ Học Viện. Đối với Thiên Thai Tông thì là Thiên Thai Học Hội và Thiên Thai Học Viện. Đây là danh xưng được hiện đại hóa, mọi người vừa nhìn vào liền hiểu giải, đó là đúng. Hoa Nghiêm Học Viện, Hoa Nghiêm Học Hội, danh xưng ấy khiến cho người ta chẳng mê hoặc tí nào. Đây là một đề nghị hết sức hay! Nếu chúng ta thật sự hiểu, thật sự làm, có như vậy thì mới có thể phục hưng văn hóa truyền thống Trung Quốc, tối thiểu Trung Quốc sẽ có một ngàn năm hưng thịnh xuất hiện, ngàn năm thịnh vượng và ổn định lâu dài. Trung Quốc hưng thịnh, nhất định sẽ hướng dẫn thế giới tiến đến hòa bình, yên định, quý vị nói xem chuyện này có vĩ đại lắm hay không? Rất có ý nghĩa!

Trong thời kỳ Mật Pháp, trong giáo pháp Đại Thừa, kinh Vô Lượng Thọ thù thắng khôn sánh. Chúng tôi vừa nói đến đề kinh, quý vị thấy cái tâm thanh tịnh và

95^[8] Triệu Phác Sơ (1907-2000) là một nhân vật đặc biệt của Trung Quốc, ông là một nhà hoạt động xã hội, lãnh tụ tôn giáo, thi nhân, chuyên gia thư pháp, đồng thời là một cư sĩ Phật giáo hữu danh. Ông quê ở huyện Thái Hồ, tỉnh An Huy, từng đảm nhiệm chức vụ Hội Trưởng Hội Phật Giáo Trung Quốc, kiêm chủ tịch hội nhà văn Trung Quốc, Hội Trưởng Danh Dự của hội Hồng Thập Tự Trung Quốc.

quả báo đạt được do tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh là nhân, quả là trang nghiêm, trang nghiêm là đẹp đẽ, tốt lành. Tâm bình đẳng là định, là tam-muội, quả báo là vô lượng thọ, đó là đức. Sau đó là giác, giác chứ không mê, quả báo là Đại Thừa. Đại Thừa là trí huệ, kinh Hoa Nghiêm nói: Tự tánh vốn trọn đủ đức tướng Bát Nhã. Đức là vô lượng thọ, tướng là trang nghiêm, trí huệ Bát Nhã là Đại Thừa, [những nhân và quả này] đều được đặt trong tựa đề kinh, tu nhân, chứng quả, đây là Tông Thù của kinh này. Nay điều đầu tiên được dạy trong kinh này là: Vô nhiễm là tâm thanh tịnh. Nhiễm là ô nhiễm; nay tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, vì sao? Có chấp trước, có phân biệt, có phải như vậy hay không? Nói chẳng tận. Nói đơn giản thì chấp trước cái thân là ta, đó là ô nhiễm. Quý vị còn có Thân Kiến, đó là cái ải đầu tiên, chấp trước thân là ta. Đức Phật nói thân này chẳng phải là ta. Thân là gì? Thân là “ngã sở”, tức là cái mà ta có. Giống như y phục, y phục là cái ta có, chẳng phải là ta, mọi người hiểu điều này dễ dàng. Y phục dơ bẩn thì thay bộ khác. Cùng một đạo lý, thân chẳng phải là ta, thân là cái mà ta có, sử dụng vài chục năm, giống như một cỗ máy, chẳng sử dụng ngon lành nữa thì đổi lấy cái mới, đổi lấy một thân thể mới. Đó là đúng!

Người thật sự có công phu, các khoa học gia hiện thời bảo: Tế bào của con người, tức tế bào trong thân thể, cứ bảy năm là một chu kỳ, mỗi ngày chúng đều thay đổi. Sau bảy năm, những tế bào cũ đều chẳng còn, đổi mới toàn bộ. Nếu chúng ta hỏi, vì sao nó càng thay đổi càng tệ? Lão hóa, chứ không phải là tệ đi. Càng thay đổi càng chẳng được lanh lợi, sáng suốt, vì sao chẳng đổi thành một cỗ máy mới? Nếu đổi thành cỗ máy mới, quý vị sẽ trường sanh bất lão, vì sao lại càng thay đổi càng kém cỏi? Quý vị suy nghĩ đạo lý này sẽ hiểu: Thuở nhỏ ngây thơ, từ mười tuổi đến hai mươi tuổi, từ bảy tuổi tới mười bốn tuổi, hai mươi một tuổi, mỗi lúc thay đổi, gần như đều là đổi mới, không có gì sai khác, thật là tốt. Sau hai mươi tuổi, cứ mỗi bảy năm sau chẳng bằng bảy năm trước đó, vì sao? Vì tự tư tự lợi dấy lên, vì vọng niệm dấy lên, chạy theo dục vọng, tham, sân, si, mạn, thối rồi, càng thay đổi càng kém cỏi hơn, càng già hơn, chấp trước càng nghiêm trọng, càng kém hơn, đạo lý là như thế đó. Tế bào trên thân thể thay đổi, nghe theo lệnh của ai? Nghe theo ý niệm của chúng ta. Do vậy, nếu quý vị thật sự đắc thanh tịnh tâm, sự thay đổi toàn là tốt đẹp. Cũng có nghĩa là quý vị chẳng có tướng già yếu. Nếu quý vị đắc tâm bình đẳng, khi thay đổi sẽ gần giống như đổi mới. Chúng ta nói: “*Bồ Tát niên niên thập bát*” (Bồ Tát mỗi năm đều là mười tám). Bồ Tát thay đổi thân tướng, do có tâm bình đẳng, các Ngài không chỉ thanh tịnh, mà còn đạt đến bình đẳng, thanh tịnh là tâm A La Hán, bình đẳng là tâm Bồ Tát. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là tâm Phật. Vì thế, “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là

ba giai đoạn, họ hiểu được. Phàm nhân chúng ta lo được, lo mất, tham lam không chán, nên càng thay đổi càng tẻ, năm sáu chục tuổi đã suy, hoàn toàn không biết đến chân tướng sự thật nên mới sanh ra hậu quả như thế.

Quý vị thầy Bồ Tát dạy chúng ta, chúng ta tu Tịnh Độ, mục tiêu cuối cùng là cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cầu sanh về thế giới Cực Lạc, điều kiện khẩn yếu thứ nhất, chớ vị phải ghi nhớ, trong kinh thường nói: “*Tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh*”. Tâm địa quý vị chẳng thanh tịnh, suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, mỗi ngày niệm mấy chục vạn tiếng, chẳng nhất định có thể vãng sanh. Vì sao? Tâm không thanh tịnh. Tới thế giới Cực Lạc để làm gì? Hưởng thụ! Thế giới Cực Lạc tốt đẹp quá, ta đến đó hưởng phước, do ý niệm này sẽ chẳng thể vãng sanh, do quan niệm ấy hoàn toàn trái nghịch thế giới Cực Lạc! Cần biết: Thế giới Cực Lạc là trường học, quý vị cũng chẳng thể coi trường học là nhà mình. Bước vào trường, chẳng nghĩ sẽ rời khỏi, chẳng thể được! Sau khi tốt nghiệp, nhất định phải rời khỏi, nơi ấy là chỗ bồi dưỡng, huấn luyện quý vị thành Phật, quý vị đến học [chứ không phải đến để hưởng phước]! Sau khi thành Phật, phải rời khỏi. Rời khỏi để đến đâu? Đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh, chẳng thể quyền luyện mãi nơi ấy. Quý vị có một động cơ như vậy, không chỉ A Di Đà Phật chẳng tiếp dẫn quý vị, mà cư dân trong thế giới Cực Lạc cũng phản đối quý vị, làm sao quý vị đến được? Do vậy, điều kiện đầu tiên là tâm vô nhiễm, thanh tịnh.

Đã nhiều năm qua, tôi thường khuyên mọi người, chúng ta học Phật điều đầu tiên là học thanh tịnh. Tôi nêu ra mười sáu chữ, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống! Thật sự làm được mười sáu chữ này, có nhập môn hay không? Thưa quý vị, chưa nhập môn! Tôi nói rất minh bạch, chớ nên hiểu lầm lời tôi nói, tôi đã dẫn quý vị đến cửa ngõ, đưa tới cửa ngõ. Nhập môn thì sao? Phải thỏa điều kiện nêu trong kinh Phật, [tức là] phải buông Thân Kiến xuống. Cái thân này thật sự chẳng phải là ta, đừng vì thân này tạo nghiệp nữa. Đó là đúng! Quý vị mới có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, quyết định chẳng vì thân này nữa, thân bỏ đi. Điều thứ hai là phải buông Biên Kiến xuống. Nói đơn giản, Biên Kiến là đối lập. Chẳng còn đối lập với người khác, người khác đối lập với ta, nhưng ta chẳng đối lập với họ. “*Biên*” (邊) là nhị biên (二邊), không chỉ chẳng đối lập với hết thầy mọi người, mà với hết thầy động thực vật cũng chẳng đối lập. Đối với núi, sông, đại địa cũng chẳng đối lập, đối với hiện tượng tự nhiên cũng không đối lập, ý niệm đối lập chẳng có. Quý vị phải hiểu: Buông ý niệm đối lập xuống, đó là cảnh giới

gi? Khấp pháp giới hư không giới và chính mình là nhất thể, nhất thể chẳng đối lập, đối lập chẳng phải là nhất thể. Trong đối lập nảy sanh phiền não, căn nguyên của tất cả hết thảy phiền não do đây sanh ra. Do vậy, phải buông nó xuống! Lại còn phải buông thành kiến xuống, người Trung Quốc hay nói: “Người nào đó có thành kiến rất sâu”. Phật pháp chia “thành kiến” thành hai loại lớn: Một là thành kiến nơi nhân. Hai là thành kiến nơi quả. Chẳng có thành kiến, con người đạt đến mức không có thành kiến, sẽ xử sự, đãi người, tiếp vật thuận buồm xuôi gió, vì sao? Chính mình chẳng có ý nghĩ gì, người khác đều tốt, nhưng quý vị có trí huệ, có thể phán đoán. Người khác đề ra điều gì tốt đẹp, quý vị nhất định phục tùng, nhất định tùy thuận. Người khác nêu ra thứ gì bất thiện, quý vị có thể uốn nắn, khuyên lơn kẻ ấy; nếu nhận thấy kẻ ấy chẳng thể lý giải, chẳng thể tiếp nhận, bèn cười cho qua. Tận hết sức tránh né hậu quả, tức hậu quả của cái nhân bất thiện ấy, đó là đúng, vĩnh viễn vui sướng. Đây mới là thật sự nhập môn, nhập pháp môn của Phật.

Nhập Phật môn: Trong Tiểu Thừa [nhập môn] là đã chứng quả Tu Đà Hoàn, tức Sơ Quả của Tiểu Thừa. Trong Đại Thừa, như kinh Hoa Nghiêm đã giảng, [nhập môn] thuộc địa vị Sơ Tín trong hàng Thập Tín Bồ Tát của Viên Giáo. Thập Tín là Tiểu Học, quý vị đã vào học lớp Một Tiểu Học. Tôi nói mười sáu chữ để dẫn quý vị đến cửa lớp Một, quý vị sử dụng tiêu chuẩn ấy của Phật sẽ vào lớp. Hễ vào rồi, tuy rất thấp, địa vị rất thấp, nhưng quý vị cũng rất lỗi lạc, được gọi là thánh nhân, tiểu thánh, một vị thánh nhỏ nhoi. Tuy là thánh nhân nhỏ nhoi, chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo, quý vị được bảo đảm, sanh trong cõi trời hay nhân gian bảy lần, chắc chắn chứng A La Hán, cũng có nghĩa là: Địa vị của quý vị ngày được nâng cao hơn, sẽ chẳng thoái chuyển. Trong ba thứ Bất Thoái, quý vị chứng đắc Vị Bất Thoái, tiến bộ mỗi ngày. Quý vị là một vị Bồ Tát nhỏ. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói rất hay: Đức Phật căn dặn hàng đại Bồ Tát phải thường chăm nom hàng tiểu Bồ Tát. Tiểu Bồ Tát định lực chẳng đủ, có khi vẫn phạm tội lỗi, cho nên bậc đại Bồ Tát thường chiếu cố quý vị. Đầu tiên là quyết định chẳng cầu an lạc cho chính mình, nơi nào có tai nạn, quý vị đừng nên tránh né, mà hãy vội vã tới đó, tận tâm tận lực giúp đỡ họ.

Hiện thời, trên địa cầu này có tai nạn, đức Phật dùng phương pháp gì để giúp họ? Giáo học! Phải biết: Giảng kinh, giáo học là phương thuốc bí truyền để hóa giải tai nạn. Quý vị phải dạy họ vì tánh họ vốn lành, quý vị phải hiểu đạo lý này, bất thiện là tập tánh. Giảng rõ ràng, giảng minh bạch, họ sẽ buông bất thiện xuống, tìm lại bản thiện, đó là thành công, đã đạt được mục đích giáo dục. Người đầu hư hỏng cách mấy, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác vẫn có bản thiện, chỉ là nhất thời hò ì

làm quây, quý vị tha thứ, khéo dạy dỗ kẻ ấy, dạy kẻ ấy quay đầu; chớ nên bỏ mặc! Bỏ mặc kẻ ấy tức là quý vị giáo dục thất bại.

Ở nước ngoài, tôi không muốn dạy học trong nhà trường, tôi rất thích chuyện trò với những vị giáo sư lâu năm, mở những cuộc tọa đàm cùng họ. Tôi bảo họ, Trung Quốc từ xưa coi trọng giáo dục nhất. Người Hoa có trí huệ và phương tiện thiên xảo trong giáo học, dạy học có hiệu quả, trên thế giới quả thật rất ít ai có thể sánh với Trung Quốc về điều này! Điều đầu tiên trong giáo dục Trung Quốc là khẳng định “con người tánh vốn lành”, dạy học chẳng có gì khác, ngoài việc làm cho người ấy từ tập tánh trở về bản tánh. Nếu nói “đưa học trò này quá hư hỏng, chẳng thể dạy được, phải khai trừ nó”, tức là dạy dỗ thất bại. Quý vị phải biến học trò hư hỏng thành học trò ngoan hiền, quý vị mới giáo dục thành công. Chẳng thể dạy, khai trừ, tức là trò chẳng có khuyết điểm, mà là chính quý vị có khuyết điểm: Thiếu năng lực, thiếu đức hạnh, chẳng thể cảm hóa nó. Đó là quý vị thất bại, chẳng phải học trò, học trò chẳng có khuyết điểm! Trong các cuộc tọa đàm, tôi thường nói với các giáo sư về chuyện này, họ nghe xong, cũng gật đầu, cũng cảm thấy tôi nói rất có lý. Những điều này chẳng phải do tôi nói, mà do cổ thánh tiên hiền đã nói. Dạy chẳng thành công, hãy trách chính mình! Cổ nhân Trung Quốc nói: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ*” (làm không được, hãy xét lại mình), quý vị mới có thể giải quyết vấn đề. Quý vị muốn đem trách nhiệm đổ lên đối phương, trật rồi, hoàn toàn trật rồi! Trung Quốc từ xưa tới nay giáo học thành công, không có gì khác, chỉ là hai câu nói ấy. Cha mẹ dạy con cái không nên thân, chẳng phải là con cái bất hảo, mà do chính mình chẳng trọn hết trách nhiệm, chẳng dạy kỹ lưỡng. Thầy dạy học trò, dạy chẳng nên người, khi đó, thầy phản tỉnh: Chẳng phải là lỗi của học trò! Do vậy, tu dưỡng đức hạnh của chính mình, nâng cao cảnh giới của chính mình, tự nhiên sẽ có thể cảm hóa thế hệ kế tiếp.

Trung Quốc mấy ngàn năm ổn định nhờ vào gia đình. Vì thế, chỗ tuyệt diệu của dân tộc Trung Hoa là: Một là biết giáo dục, hai là gia. Gia là gì? Thực hiện giáo dục triệt để. “*Gia*” ở Trung Quốc là “*đại gia đình*”. Trước thời Kháng Chiến, chúng tôi sống ở nông thôn, [sống trong] đại gia đình. Thôn này là Vương thôn, tức là Vương gia (gia tộc họ Vương), là người một nhà. Kia là Uyển thôn, Uyển thôn là một nhà, là thân thích của chúng ta. Anh em mười mấy người chẳng sống tách riêng. Trong một nhà, số người có hơn hai trăm người, [tức là nhà ấy] đã suy. Khi hưng vượng, hơn ba trăm người. Do vậy, nhà có gia đạo, có gia quy. Đệ Tử Quy là quy củ chung trong gia quy, ắt phải tuân thủ. Trừ điều này ra, sở học của mỗi nhà

khác nhau, kinh doanh những sự nghiệp khác nhau. Họ còn quy củ đặc biệt, đều chép trong gia phả. Trị gia có quy củ, giống như chính phủ, có chế độ, có pháp luật, chẳng thể trái nghịch. Do vậy, từ nhỏ, trẻ đã được dạy đại công vô tư. Nếu có tư tâm, một gia đình to như thế sẽ bị nó phá hoại, nát cửa, tan nhà. Từ nhỏ không có tư tâm, quý vị sống trong thế gian này vì điều gì? Vì gia đình, vinh tông diệu tổ, vẻ vang dòng họ, cả đời người ấy có mục tiêu. Quý vị thấy hiện thời rất nhiều học trò nhỏ tự sát, vì sao? Nó chẳng biết sống vì lẽ gì! Không có phương hướng, không có mục tiêu, cuộc sống tinh thần khổ lắm! Trước đây, bất luận theo đuổi nghề nghiệp gì, bất luận tới nơi nào, gia đình quý vị là hậu thuẫn, gia đình là người ủng hộ quý vị trung thực nhất. Khi quý vị gặp khó khăn, cả nhà sẽ chiều cố quý vị. Do vậy, thuở còn thơ, gia học là tư thực, tư thực là trường học dạy con em trong gia đình. Chỉ cần chịu học hành, nhất định sẽ có người thành tựu quý vị, gia đình giúp đỡ quý vị. Lúc già, gia đình là nơi dưỡng lão, cáo lão hoàn hương, hưởng niềm vui thiên luân. Quý vị thấy con cháu của chính mình, những đứa cháu chắt, kể ra mấy chục đứa quây quần quanh quý vị, vui sướng lắm! Hiện thời, gia đình chẳng còn nữa, thật sự đáng thương, thật đáng thương, đặc biệt là tuổi già, cô đơn. Đối với sự nghiệp dưỡng lão trong xã hội này, tôi đã thấy rất nhiều, đến mỗi nơi, chuyện tôi rất quan tâm là coi xem sự nghiệp phước lợi dành cho người già, coi tình hình phạm tội của thanh thiếu niên nơi ấy. Đây là vấn đề lo nghĩ, đau đầu nhất của chính phủ mỗi quốc gia trên thế giới, nhưng về căn bản, tại Trung Quốc, trong thời cổ đại, vấn đề ấy chẳng tồn tại! Quý vị kiểm trong hai mươi lăm bộ sử của Trung Quốc, có triều đại nào nói tới vấn đề dưỡng già, nuôi trẻ? Chẳng nhắc tới, gia tộc thay [chính quyền lo liệu], thực hiện tốt đẹp, đều dạy trẻ tốt đẹp, chăm lo người già chu đáo. Vì thế, ai nấy là người tốt, mọi chuyện đều là chuyện tốt.

Trong các nghề nghiệp của Trung Quốc cổ đại, người ta ưa thích nghề nghiệp gì nhất? Thừa quý vị, làm quan, vì sao? Đãi ngộ rất tốt, lại có địa vị xã hội, lại không có chuyện gì làm, không có những hồ sơ phải giải quyết, không có kẻ phạm tội, không có chuyện phạm tội. Chúng ta thấy những tác phẩm văn học, văn chương, thi từ, ca phú thuộc phần Tập trong Tứ Khố Toàn Thư do ai soạn? Đều do những kẻ làm quan, chẳng có chuyện gì làm, hằng ngày ở nhà đọc sách, học khá lại có chức vụ, du sơn, ngoạn thủy. Chúng ta thấy trong những tác phẩm văn học, thấy rất nhiều trường hợp [các quan chức] bái phỏng các đạo trưởng, thăm viếng hòa thượng, họ có thời gian, chẳng giống như hiện thời! Hiện thời, trong ba trăm sáu mươi nghề, làm quan vất vả nhất! Thời cổ, ngay cả hoàng đế cũng thông dong, khoanh tay cai trị, chẳng làm gì mà thiên hạ hưởng thái bình, do đâu mà được như vậy? Thực hiện giáo dục tốt đẹp, sự bồi dưỡng trong gia đình tốt đẹp, nên gia tề,

quốc trị, thiên hạ bình. Chỉ cần gia đình đã ổn định, gia đình tốt đẹp, xã hội sẽ chẳng có vấn đề gì. Nếu không, sẽ có chuyện phạm tội nảy sinh, hoàn toàn cậy vào giáo dục! Quý vị thấy tổ tiên trí tuệ lắm, trong mấy ngàn năm xếp giáo dục vào vị trí thứ nhất, tất cả những tổ chức hành chánh không gì chẳng nhằm giáo dục. Giáo dục là then chốt, quốc thái dân an, có thể thu được hiệu quả tốt đẹp ngàn ấy. Giáo dục Phật giáo chú trọng nhất là chuyện nâng cao, tức là nâng cao linh tánh của chính mình.

Vì thế, điều đầu tiên, bất luận là tại gia học Phật hay xuất gia học Phật, đều phải ghi nhớ “*chẳng cầu an lạc cho bản thân*”. Cầu an lạc cho bản thân, dẫu đạt được an lạc, vẫn có những tác dụng phụ rất phiền phức, tác dụng phụ sẽ dẫn đến bệnh tật, tai nạn. Con người sống trong thế gian là vì chúng sanh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta: Vì hết thảy chúng sanh giáo học. Lợi ích lớn nhất, công đức thù thắng nhất là giáo học: “*Học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (học làm thầy người, hành vi làm khuôn mẫu cho cõi đời). Vì thế, “*vô nhiễm thanh tịnh tâm*”, hễ làm được điều đầu tiên là vô nhiễm thì tâm thanh tịnh mới có thể đạt được. Chỉ cần có ô nhiễm, chúng ta nói tới ô nhiễm về mặt tinh thần hay vật chất, thầy đều rời khỏi, quyết định chẳng bị tiêm nhiễm. Hiện thời, ô nhiễm phổ biến nhất, nghiêm trọng nhất là gì? TV, Internet hại chết người! Tại Trung Quốc, tôi không rõ lắm, nhưng ở ngoại quốc, đặc biệt là tôi ở nước Mỹ mười mấy năm, học trò lớp Một Tiểu Học đã dùng computer. Ngoài bài tập ra, trẻ còn tiếp nhận tin tức từ Internet. Do vậy, quý vị thấy nó bị ô nhiễm từ nhỏ, ô nhiễm biến thành thói quen, cả đời chẳng bỏ được, quay lại không được, đáng sợ lắm!

Thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ, xưa kia, có lần tôi đến nhà thầy, lúc ấy, chạm mặt ba quan chức thuộc bộ Giáo Dục, địa vị cũng rất cao đến phỏng vấn lão nhân gia, nói tới chuyện phục hưng văn hóa truyền thống, hỏi cụ dùng phương pháp gì để có thể phục hưng văn hóa truyền thống của Trung Quốc? Cụ nghe hỏi xong, thái độ hết sức nghiêm túc, im lặng cả năm phút. Mọi người chúng tôi hết sức chú ý, chăm chú nghe cụ giáo huấn. Năm phút sau, cụ nói, phương pháp thì có. Thứ nhất, thưở ấy tại Đài Loan có ba đài TV, là Đài Thị, Trung Thị và Hoa Thị, ba đài truyền hình, hãy đóng cửa đài truyền hình. Thứ hai là phải đóng cửa tất cả đài phát thanh, nhật báo, tạp chí đều phải đình bản! Ba viên chức nghe xong [thốt lên]: “Thầy ơi! Chuyện ấy không làm được đâu!” [Thầy trả lời]: “Những thứ ấy phá huỷ văn hóa truyền thống Trung Quốc, nếu quý vị chẳng xóa bỏ chúng, làm sao phục hưng [văn hóa truyền thống] được!” Cụ nói rất có lý. Do vậy, ta học Phật, tuy họ

không đóng cửa, họ có quyền phát sóng, nhưng ta cũng có quyền không tiếp nhận. Gần như năm mươi năm tôi chẳng coi TV, chẳng đọc nhật báo, chẳng xem tạp chí, chẳng nghe radio. Mỗi ngày tôi đọc kinh, đọc những tác phẩm của thánh hiền. Vì thế, người khác hỏi tôi, đối với tôi, thiên hạ thái bình, chẳng có chuyện gì! Quý vị có chuyện, chứ tôi chẳng có gì. Vì thế, chỉ cần chúng ta chịu xa lìa, liền đạt được cái tâm thanh tịnh. Chúng tôi sống mỗi ngày vui vẻ, thanh tịnh lắm! Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, trí huệ có thể giải quyết vấn đề, chẳng để lại hậu quả! Tri thức không được, tri thức giải quyết vấn đề, nhưng sau đó để lại hậu quả. Hơn nữa, tri thức giải quyết vấn đề cục hạn, chẳng viên mãn, chúng ta chớ nên không biết điều này!

Thuở trước, tôi diễn giảng, trao đổi với các sinh viên và giáo sư thuộc khoa Hán Học của đại học Kiếm Kiều (Cambridge) và đại học Luân Đôn của Anh. Tôi rất bội phục những người ngoại quốc ấy, họ trẻ tuổi, nói tiếng Phổ Thông rất khá. Nói giọng Bắc Kinh rất chuẩn, có thể đọc văn chương Văn Ngôn, có thể xem cổ thư Trung Quốc, chẳng thể không bội phục. Người trẻ tuổi hai mươi mấy tuổi, học giỏi như thế, nghiên cứu Hán học, nghiên cứu Nho, Thích, Đạo, dùng kinh điển Nho, Thích, Đạo để viết luận văn tiến sĩ. Tôi từng hỏi họ: Ông Thang Ân Tỹ đã nói: *“Để giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ hai mươi mốt, phải cần tới học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc và Đại Thừa Phật pháp”*. Tôi nói hiện nay các vị đều học tập học thuyết Khổng Mạnh và Đại Thừa Phật pháp, những thứ ấy có thể thật sự giải quyết vấn đề hay chẳng? Tôi hỏi họ, họ nhìn tôi cười, chẳng trả lời. Sau đấy, tôi hỏi tiếp: “Ông Thang Ân Tỹ nói sai rồi hay sao? Quý vị có nghĩ ông ta nói sai hay không?” Họ cũng không đáp. Cuối cùng, tôi bảo họ: Ông Thang Ân Tỹ nói chẳng sai, nhưng nhiều người đọc rồi hiểu sai ý. Nhắc tới học thuyết Khổng Mạnh của Trung Quốc, chắc chắn quý vị nghĩ đến Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh, chính là những thứ họ đang học tập, trong số đó có sinh viên dùng sách Mạnh Tử để viết luận văn (thesis, luận án), còn có một sinh viên dùng kinh Vô Lượng Thọ để viết luận văn. Tôi hỏi anh ta: “Kinh Vô Lượng Thọ có chín phiên bản khác nhau, anh dùng bản nào?” Anh ta dùng bản hội tập của Hạ Liên Cư, khó có!

Ta nói rất nhiều người đọc rồi hiểu sai, vì sao? Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh là hoa quả của Nho gia, đương nhiên quý vị thấy ngay. Vừa nhắc tới Đại Thừa Phật pháp, nhất định quý vị nghĩ đến những bộ đại kinh, đại luận như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, có thể giải quyết vấn đề hay chẳng? Chẳng thể giải quyết. Quý vị không nói, để tôi nói với quý vị. Đây là hoa quả, nhưng quý vị phải nghĩ hoa quả do đâu mà có? Do cây sanh ra, cây do đâu mà có? Cây do rễ sanh ra. Ông Thang

Ân Tử chẳng nói sai, nhưng quý vị phải tìm cội rễ. Cội rễ là gì? Cội rễ của Nho gia là Đệ Tử Quy, cội rễ của Đạo gia là Cảm Ứng Thiên, cội rễ của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp; ba thứ này quý vị đều coi rẻ, nghĩ chúng quá nông cạn, quá thấp, nhưng đó là cội rễ. Nếu quý vị vứt bỏ cội rễ, lấy đâu ra cành, lá, hoa, quả? Do vậy, quý vị nghiên cứu [kinh điển Nho gia và kinh luận Đại Thừa] chẳng thấu triệt. Tôi nói hiện thời quý vị đang làm gì? Ở nơi đây, trong nhà trường, quý vị dạy và học về Nho Học, Phật học, Đạo học. Tôi nói tôi và quý vị khác nhau, trong tương lai quý vị có thể đạt được học vị Tiến Sĩ, có thể thành một chuyên gia về Hán học của Âu Châu, có thể là một giáo sư nổi tiếng, nhưng quý vị chẳng thể nào sung sướng, tự tại như tôi được, do nguyên nhân gì? Tôi học trái ngược với quý vị. Hiện thời, người ngoại quốc viết chữ từ bên trái sang bên phải, quý vị thấy những gì quý vị học được là Phật học, còn tôi tương phản, học Phật! Quý vị học Đạo học, Nho học, Phật học, còn tôi là học Nho, học Đạo, học Phật, khác nhau! Học Nho là học giống như Khổng Mạnh, họ là gương mẫu, tiêu chuẩn cho chúng ta, phải mong bằng họ. Học Phật là phải giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, học Đạo phải giống như Lão Trang, như vậy thì mới kể là có thành tựu, mới là trí huệ, có thể thật sự giải quyết vấn đề. Bởi lẽ, Phật học, Đạo học, Nho học là tri thức, học Phật, học Nho, học Đạo là trí huệ. Lời ông Thang Ân Tử nói chẳng sai, nhưng rất nhiều người giải thích sai lầm.

Buổi học ấy chỉ một giờ, tuy thời gian chẳng dài, nhưng soi sáng cho họ rất nhiều. Bởi lẽ, ba môn căn bản ấy trọng yếu, là cội rễ của Trung Quốc, trước đây, do người mẹ vun bồi căn cội này cho rễ sâu cội chắc. Nho gia là giáo dục luân lý, đạo đức, Đạo gia nhằm giáo dục nhân quả, Phật pháp là giáo dục trí huệ. Quý vị thiếu căn bản này, dụng công cách nào, học tập cách nào, đều vô dụng! Quý vị học chẳng giống! Nói cách khác, trong cuộc sống quý vị có vấn đề, trong công tác có vấn đề, quý vị đều chẳng thể giải quyết! Nếu quý vị thật sự học Nho, học Đạo, học Phật, vấn đề gì cũng đều có thể giải quyết. Quý vị mới thật sự giống như Phu Tử đã nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (học rồi luyện tập, cũng chẳng vui ư?), pháp hỷ sung mãn, nhà Phật nói “*thường sanh tâm hoan hỷ*”. Một người mỗi ngày đều vui vẻ, làm sao chẳng khỏe mạnh cho được! Mỗi ngày đều lo âu, sẽ đổ bệnh, chẳng phải là đáng về khỏe mạnh được! Tương trạng khỏe mạnh là mỗi ngày đều vui sướng. Nho, Thích, Đạo đều là như vậy. Vì thế, chúng ta phải nhận biết rõ ràng, phải nghiêm túc học tập.

Tiếp đó, điều thứ hai là: “*An thanh tịnh tâm, vị bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố*” (Tâm an, thanh tịnh, vì dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh). Đó là cứu khổ, cứu khổ, cứu nạn, dùng phương pháp gì? Mục đích gì? Khiến cho hết thảy chúng sanh được bình an. Quý vị thấy trong xã hội hiện tại, lòng người bất an, không định được, chẳng tĩnh được, mỗi cá nhân đều có phiền não khá nghiêm trọng, làm như thế nào đây? Chúng ta biết ô nhiễm quá nghiêm trọng, do những gì tạo thành? Nói thật ra, do TV tạo thành, do Internet tạo thành. Internet và TV là đại ma vương, rất đáng sợ! Trong quá khứ, thầy Phương bảo tôi những thứ này có thể hủy diệt một quốc gia, hủy diệt dân tộc, quý vị chớ nên không cẩn thận đối với nó. Thầy nói trong tương lai nước Mỹ bị diệt vong thì nhân tố đầu tiên là TV. Khi ấy, thầy đã cảnh cáo chính phủ Đài Loan phải cẩn thận. Lúc đó, Đài Loan vừa mới khởi đầu, nếu đi theo nếp sống của Mỹ sẽ bị hủy diệt trong tương lai. TV hủy diệt thế hệ kế tiếp, hủy diệt những kẻ trẻ tuổi, TV dạy gì vậy? Bạo lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, học từ nhỏ, kinh khủng quá! Hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức; nhưng người trong xã hội và những kẻ chịu trách nhiệm trong chính phủ hoàn toàn chẳng có ý thức về vấn đề nghiêm trọng này.

Khi tôi phỏng vấn tại Mã Lai, vị Thủ Tướng trước kia là Mã Cáp Địch (Mahathir Bin Mohamad) cũng từng bàn với tôi về vấn đề này, ông ta nói vấn đề này hết sức nghiêm trọng. Nhất là sau khi kỹ thuật mã hóa (digitalized) ra đời, quý vị thấy một con chip nhỏ ngàn ấy, một con chip lớn bằng móng tay mà chứa đựng thông tin nhiều ngàn ấy, nhưng hiện thời những thông tin ấy đều chẳng tốt, đều là bất thiện, đều làm hỏng con người, vấn đề này nghiêm trọng lắm! Ông ta còn tìm người nhắn tôi, mong trong lần phỏng vấn thứ hai sẽ thảo luận với ông ta về vấn đề này trong một thời gian dài; đấy cũng là một người hữu tâm. Con người hiện thời một mục mê muội truy cầu danh lợi, tranh danh trục lợi, đạt được gì? Dẫu có đạt được, khổ chẳng thể nói nổi, lo được, lo mất. Khi chưa đạt được thì mong đạt được; khi đã đạt được, lại sợ mất đi, làm sao an tâm cho được? Không thể nào an, tâm không thanh tịnh sẽ không an, con người như vậy sống khổ sở quá! Vì thế, Phật, thánh nhân dạy chúng ta phương pháp: Chúng ta muốn cứu xã hội, thế giới, và địa cầu này thì dùng phương pháp gì? Giảng kinh, giáo học, vẫn là câu nói cũ rích này! Càng nghĩ, càng thấy có lý. Quý vị giảng kinh, giáo học, nhằm đánh thức giác tánh của con người, đánh thức bản thiện, chỉ cần người ấy giác ngộ, quay đầu, tâm người ấy sẽ định, trí huệ mở mang. Đối với những thứ hư giả, tiếng tăm, lợi dưỡng là giả, tiền tài dẫu nhiều đến mấy, chẳng phải là quý vị vẫn ngày ăn ba bữa, đêm ngủ [chỉ nằm một chỗ dài rộng] sáu thước ư! Nếu liễu giải chân tướng sự thật, quý vị truy cầu những thứ ấy để làm gì? Khổ chẳng thể nói nổi! Áo cơm đầy đủ là

được rồi. Mỗi ngày có thể ăn no, quần áo mặc ấm, có một căn nhà nhỏ để đụt mưa, tránh gió, quý vị nói có phải là sung sướng lắm hay không? Nhà to, mỗi ngày phải tốn không ít thời gian để quét tước, dọn dẹp!

Tôi ở Mỹ rất nhiều năm, những đồng học bên ấy làm ăn khá lắm, mua một căn nhà to. Thứ Sáu và thứ Bảy không đi làm, họ ở nhà làm gì? Dùng thời gian cả ngày để dọn dẹp nhà cửa. Nếu quý vị không dọn dẹp, cảnh sát sẽ thay quý vị dọn dẹp, phạt tiền quý vị. Đó là người làm đầy tớ cho nhà cửa, quý vị phải hầu hạ nó. Quý vị mua một căn nhà nhỏ khỏe hơn, tốn một hai tiếng đồng hồ đã dọn dẹp sạch sẽ, ngăn nắp, mới có thời gian rảnh rỗi để hưởng thụ. Người Hoa biết sống, người đọc sách thật sự, bậc cao nhân, dựng một túp lều tranh nhỏ ở nông thôn, thoải mái cùng cực. Tôi nhớ thuở bé sống ở nông thôn, ở trong căn nhà tranh, vách đất, tôi rất lưu luyến. Căn nhà ấy quý vị thấy chẳng vừa mắt, nhà tranh, Đông ấm, Hè mát, rất thoải mái, tường rất dày. Tường gần như dày đến hai ba thước, đắp bằng đất, lợp bằng cỏ tranh rất dày. Quả thật Đông ấm, Hè mát! Mùa Đông khí lạnh chẳng lọt vào được, sống rất thoải mái. Nhà đúc bằng bê tông cốt sắt nhìn đẹp đẽ, nhưng thật sự chẳng có ích cho con người như lều tranh của Trung Quốc. Con người sống nơi ấy tâm địa thanh tịnh, trường thọ. Con người hiện thời nói là từ trường khác nhau. Hiện thời, một tòa cao ốc bao nhiêu người ở? Từ trường rất hỗn loạn, rất phức tạp. Ở nông thôn, gần bên túp lều tranh không có ai, rất xa mới có nhà người khác, làm sao giống nhau cho được? Giúp đỡ người khác bằng thân hành, ngôn giáo, chúng ta dùng thân mình tận lực thực hiện, thật sự thực hiện giáo huấn của cổ thánh tiên hiền trong công việc, trong xử sự, đãi người, tiếp vật. Học vấn thật sự là đem những đạo lý trong kinh điển biến thành tư tưởng và kiến giải của chính mình, cảnh giới ấy sẽ được nâng cao!

Vấn đề trong hiện tại là vì giao thông thuận tiện, thông tin phát triển, địa cầu đúng là thôn địa cầu, đi vòng quanh trái đất mất hai ngày, tôi đi mất ba ngày. Tôi đi một lần, ngày đầu tiên, từ Bắc Kinh bay tới Ba Lê, ở Ba Lê ngồi xe lửa sang Anh. Ngày thứ hai, từ Anh bay tới Nữ Ước. Ngày thứ ba, từ Nữ Ước bay về Bắc Kinh. Thôn địa cầu mà! Con người trước kia không có cách nào tưởng tượng chuyện này. Truyền thông phát triển, bất luận nơi đâu xảy ra chuyện gì, qua TV, radio lập tức biết ngay. Không gian sống của chúng ta khác với trước kia, đương nhiên nhu cầu tri thức khác nhau! Do vậy, chẳng thể không quan tâm đến thế giới này, thế giới này có tương quan mật thiết với chúng ta, nhưng những thứ thông tin rác rưởi quá nhiều. Nếu quý vị xem, tiếp xúc [những thứ ấy], phải lãng phí bao

nhiều tinh thần? Do vậy, tôi đều buông xuống hết; nhưng tôi cũng có “đường ống”, [tức là] có những đồng học hảo tâm, đối với những sự kiện trọng đại, họ bèn hạ tải từ Internet, đưa cho tôi xem, đại khái đôi ba ngày tôi đọc chừng hai ba trang. Những sự kiện trọng đại được nói trên Internet tôi đều biết, đó là những thứ tất yếu, không xem những thứ chẳng tất yếu, toàn bộ chẳng tiếp xúc, tận hết sức giữ gìn cái tâm thanh tịnh, giữ cho tâm an định, chúng ta mới có năng lực giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Giảng kinh, giáo học là cùng nhau chia sẻ trí huệ của Nho, Thích, Đạo.

Thứ ba là “*lạc thanh tịnh tâm*”, chữ 樂 đọc là Nhạo, nghĩa là ưa thích, nếu đọc là Lạc sẽ là vui sướng. Quý vị thấy hết thảy đều giảng về cái tâm thanh tịnh; thứ nhất là “*vô nhiễm*”, thứ hai là “*an*”, thứ ba là “*lạc*”, “*dục linh nhất thiết chúng sanh đắc đại Bồ Đề cố*” (vì muốn làm cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề). Đối với Lạc thì phải ban cho họ chân lạc; nếu sau khi vui mà còn có tác dụng phụ sẽ chẳng phải là Lạc, chẳng phải là chân lạc. Do vậy, Phật pháp từ bi cứu thế. Hai chữ “*từ tế*” (từ bi cứu giúp) nói đến chân thật rất ráo sẽ là Đại Thừa Phật pháp. Có phải là ban cho quý vị của cải hay chẳng? Không phải! Có phải là ban cho quý vị địa vị hay chẳng? Không phải! Có phải là ban cho quý vị sự vinh diệu hay chẳng? Cũng không phải, mà là giúp quý vị phá mê khai ngộ. Vì sao? Khổ do mê mà có, quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật, cũng có nghĩa là quý vị nghĩ sai, thấy sai, làm sai, nên chuốc lấy quả báo bất thiện, đó là khổ. Nếu quý vị tỉnh ngộ, giác ngộ, tư tưởng và kiến giải của quý vị chính xác, lời nói và việc làm chính xác, sẽ cảm được thiện quả, thật sự sung sướng. Lìa khổ được vui là quả báo, phá mê khai ngộ là nhân. Phật, Bồ Tát giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, tự nhiên phải đạt đến lìa khổ, được vui, giáo học mà! Trong giáo học, quan trọng nhất là chính mình phải nêu gương tốt; nếu lời nói chẳng đi đôi với việc làm, người khác chẳng tin tưởng quý vị: “Người là đồ giả, chẳng thật!” Chẳng hạn như đối với ba căn bản của giáo dục, những năm qua, tôi luôn hết sức nhấn mạnh, khuyên mọi người chúng ta phải học bù đắp những môn ấy. Những môn ấy từ nhỏ chúng ta chưa học, cha mẹ cũng chẳng học, ông bà cũng chẳng học, nay chúng ta học bù những môn ấy, đương nhiên khá khó khăn, nhưng biết những môn ấy trọng yếu, nghiêm túc học tập, học bù những môn ấy cũng chẳng khó khăn, thật sự chịu làm, hai năm sẽ nhất định học bù xong xuôi. Hai năm ấy nhằm vun bồi căn bản, hãy còn kịp!

Nếu muốn giúp đỡ người khác, giáo hóa chúng sanh, hãy học theo Khổng Tử, học theo Phật Thích Ca, còn phải học bù một môn nữa là văn chương Văn Ngôn. Văn chương Văn Ngôn là trí huệ chân thật của tổ tiên Trung Quốc, chẳng gì có thể

sánh bằng. Tổ tiên biết ngôn ngữ sẽ biến đổi theo thời đại, nếu văn nói và văn viết giống như nhau, người mấy trăm năm sau đọc đến, sẽ chẳng hiểu văn chương hiện thời. Do vậy, phát minh một phương pháp: Tách rời văn viết và văn nói, bất luận ngôn ngữ biến đổi ra sao, văn viết chẳng thay đổi! Phương pháp hay lắm, cả thế giới tìm không ra nước thứ hai nào. Hai ngàn năm trăm năm trước Khổng Tử viết sách, nay chúng ta có thể đọc hiểu, giống như đối diện trò chuyện, đây là một chuyện tuyệt diệu! Do vậy, chúng ta phải bổ sung văn chương Văn Ngôn vào khóa trình. Học văn chương Văn Ngôn như thế nào? Chẳng khó khăn chút nào cả! Văn chương Văn Ngôn phải cấy vào học thuộc. Vì thế, trong quá khứ, thầy Lý dạy chúng tôi: “Các anh có thể học thuộc năm mươi bài cổ văn”, khi ấy, tài liệu dạy học được chọn từ bộ Cổ Văn Quán Chi, “có thể thuộc năm mươi bài sẽ có năng lực đọc văn chương Văn Ngôn, nắm vững văn chương Văn Ngôn”. Đại Tạng Kinh được viết bằng Văn Ngôn, Tứ Khố Toàn Thư viết bằng Văn Ngôn, quý vị nắm được cái chìa khóa này, cổ nhân lưu lại những kho báu, quý vị đều có thể thụ dụng. Nếu có thể thuộc một trăm bài, quý vị sẽ có năng lực viết Văn Ngôn. Nếu chúng ta mỗi tuần học một bài, thuộc một bài rồi mới học bài khác, [học thuộc] một trăm bài cũng không tới hai năm. Hai năm, nắm được chìa khóa, đối với những kho báu do tổ tông lưu lại, quý vị sẽ có phần. Nếu quý vị chẳng chịu làm [sẽ rất uổng], những thứ ấy hiện thời đều có. Kỹ thuật ấn loát tiến bộ, in Tứ Khố Toàn Thư chẳng khó. Năm ngoái, hình như là năm trước đó, tôi đặt Thương Vụ Ấn Thư Quán in một trăm bộ Tứ Khố Toàn Thư, đại khái tháng Năm, tháng Sáu năm nay sẽ in xong, giao toàn bộ cho tôi. Tôi đặt in một trăm bộ, dự tính tặng cho những trường có nhu cầu trong nước! Tồn thời gian hai năm, quý vị nắm được chìa khóa, có thể duyệt đọc. Kinh là học vấn, Sử là kinh nghiệm; có học vấn, có kinh nghiệm lịch sử, quý vị sẽ có năng lực trị quốc, bình thiên hạ, có thể giải quyết vấn đề, thật sự đem lại “thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hài hòa, thiên hạ thái bình” cho chúng sanh, thật sự làm được, chẳng phải là mơ tưởng viễn vông, mà là thật sự có thể thực hiện được! Do vậy, ông Thang Ân Tử có thể nói ra câu ấy, tôi rất bội phục ông ta. Đây là một người ngoại quốc, nghiên cứu văn hóa sử thế giới, là một nhà lịch sử triết học, nói rất hay. Do vậy, người thật sự giác ngộ trong thế gian đại từ, đại bi, đại nguyện, đại lực, gần như đều theo đuổi giáo học, chọn lựa nghề nghiệp này hết sức có lý. Họ chẳng làm nghề nào khác, mà làm nghề này; làm nghề nghiệp này đúng là cứu thế, cứu dân.

Trong Phật pháp, tâm vui thanh tịnh vì muốn làm cho hết thảy chúng sanh đắc đại Bồ Đề. Đại Bồ Đề: Trí huệ viên mãn trong tự tánh gọi là đại Bồ Đề, giúp đỡ hết

thầy chúng sanh trở về tự tánh. Trí huệ Bát Nhã viên mãn trong tự tánh hiện tiền, đó gọi là “*đắc đại Bồ Đề*”. Chuyện này rất khó, tuy trong tự tánh vốn có, nhưng quý vị cần phải buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống; nói rất dễ, làm thật khó! Có thể chẳng chấp trước hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian là tiểu trí huệ, nhưng trí huệ ấy là thật, chẳng giả, tiểu trí huệ! Lại buông phân biệt xuống, bèn là Bồ Tát, gọi là đại trí huệ. Cuối cùng có thể không khởi tâm, không động niệm, trí huệ viên mãn, đó là trí huệ của Phật, đúng là chúng ta chẳng dễ gì làm được. “*Khởi tâm động niệm*”, câu này chúng ta chẳng dễ gì liễu giải. Tới khi bản thân chúng tôi học kinh Hoa Nghiêm, học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ quốc sư mới liễu giải khái niệm này đôi chút. Thật sự khó! Ngay cả nhập pháp môn đã quá khó! Quý vị thấy nhập môn, phải buông xuống Ngã Chấp, phải buông Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến xuống, rất khó khăn! Do vậy, trong Đại Thừa có pháp môn đặc biệt là “*niếp thủ chúng sanh sanh bỉ quốc độ cố*” (niếp thủ chúng sanh sanh về cõi Phật ấy). “*Bỉ quốc độ*” là thế giới của Tây Phương A Di Đà Phật. Trong các vị Phật Như Lai, A Di Đà Phật giống như một vị đã phát đại tâm thành lập một ngôi trường. Tây Phương Cực Lạc thế giới là đại học Phật giáo, là một đại học đa nguyên văn hóa. Tôi chẳng học Phật, tôi học Cơ Đốc giáo có thể vãng sanh hay không? Tôi học đạo Hồi có thể vãng sanh hay không? Thưa quý vị, thầy đều có thể vãng sanh, tuyệt diệu! Vãng sanh chỉ là lúc lâm chung, đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới tin tưởng, phát nguyện, ta tin tưởng, ta phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, ta tu Cơ Đốc Giáo, hay tu đạo Hồi, đem công đức tu hành hồi hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới, thầy đều có thể vãng sanh, môn này lớn lắm! Bất luận quý vị học pháp môn nào [cũng đều có thể vãng sanh], vì sao? Quý vị luôn tu thiện, tích đức, đem công đức ấy hồi hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều có thể nâng cao phẩm vị của quý vị. Nhà Phật không có quan niệm môn hộ; nếu có kiến giải về môn hộ, chẳng phải là đối lập ư? Vừa mở đầu đã bảo quý vị buông đối lập xuống, nhận biết cả vũ trụ và chính mình là nhất thể, ta và A Di Đà Phật là nhất thể. Trong kinh Phật chẳng nói “tin tưởng, ngưỡng mộ các tôn giáo khác sẽ bị loại trừ!” Không có! Không có câu ấy! Quý vị đọc kinh giáo Đại Thừa sẽ phát hiện trong ấy có rất nhiều vị Bà-la môn, đó là [tín đồ] Bà La Môn giáo, còn có rất nhiều ngoại đạo, họ đều là tín đồ của các tôn giáo khác, nhưng đều là học trò của Phật. Do vậy, đức Phật tiến hành giáo dục, chẳng phải là [truyền bá] tôn giáo, chẳng đối lập với các tôn giáo khác. Tôn giáo nào đến học cũng đều hoan nghênh, đều thành tựu giống hệt như nhau, đều vãng sanh như nhau, tới thế giới Cực Lạc thành Phật, đạt được học vị tối cao trong giáo dục Phật giáo. Sau khi đạt được, người ấy vẫn là Bà La Môn giáo, hay vẫn là Cơ Đốc Giáo,

chẳng thay đổi tôn giáo, biến thành bậc thánh nhân trong tôn giáo của người ấy. Đây là chân thật nghĩa trong giáo pháp Đại Thừa.

Trong những năm qua, đã mười năm rồi, từ năm 1999 bắt đầu, trọn cả mười năm, chúng ta tiếp xúc nhiều tôn giáo, đề xướng tôn giáo trên thế giới là một nhà. Tôi học tập kinh điển của tôn giáo khác, tôi cũng đã từng giảng Thánh Kinh, giảng Cổ Lan Kinh, họ cũng rất hoan nghênh. Tôi giảng kinh Mân Côi đọc trong khóa lễ sáng tối của đạo Thiên Chúa, DVD [thâu bài giảng] về kinh Mân Côi được lưu thông trong tôn giáo của họ. Trong sự cảm nhận của chúng tôi, tất cả giáo chủ các tôn giáo, nói theo Phật pháp, đều là hóa thân của Phật. Trong Phổ Môn Phẩm có nói: *“Nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy”*. Nên dùng thân Cơ Đốc (Christ) để độ, bèn hiện thân Cơ Đốc; nên hiện thân thầy cả đạo Hồi (Akhoond) để đắc độ, bèn hiện thân thầy cả đạo Hồi. Trong nhiều năm qua, cách nghĩ này của tôi được rất nhiều tôn giáo tán đồng, trước kia, tôi cứ tưởng còn phải mất một thời gian dài biện luận, kết quả là chẳng cần, đã nhiều năm như thế chưa hề gặp phải tranh cãi lần nào, đều có thể tán đồng. Do vậy, tôn giáo có thể đoàn kết .

Tôn giáo nhất định phải giảng học, phải giáo dục. Tôn giáo không có giáo dục thì chỉ có hình thức, sẽ biến thành mê tín, nhất định phải có giáo học. Thật sự, những giáo chủ sáng lập tôn giáo đều là nhà giáo dục xã hội, lại còn là đa nguyên. Thời gian dạy học của Thích Ca Phật dài nhất: Bốn mươi chín năm. Gia Tô (Jesus) bị kẻ khác hại chết, dạy học ba năm; Mục Hãn Mặc Đức (Mohamed) dạy học hai mươi bảy năm. Chúng ta chú tâm quan sát, lúc họ tại thế đều là giảng kinh, giáo học. Hơn nữa, nhìn vào nội dung, đặt vững cơ sở giáo dục, giáo dục khắp thế gian, không gì chẳng phải là luân lý, đạo đức, nhân quả. Vì sao? Ba thứ giáo dục ấy có thể đem lại lợi ích thiết thân cho đại chúng trong xã hội, chúng ta thường nói là thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hài hòa, thiên hạ thái bình, ba món giáo dục ấy có thể làm được. Một số ít những kẻ căn cơ thượng thượng lại nâng cao lên, trong kinh điển có giáo dục triết học, giáo dục khoa học, giảng rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, giảng hết sức hay, Phật pháp có thể thuyết giảng chuyện này viên mãn. Đây là A Di Đà Phật kiến lập một ngôi trường, giúp quý vị giành được học vị tối cao. Người Trung Quốc gọi đức Phật là “thánh nhân”. Nếu chúng ta dùng cách xưng hô quen thuộc của Trung Quốc, chúng ta gọi Khổng Tử là Chí Thánh Tiên Sư, thì chúng ta có thể gọi Thích Ca Mâu Ni Phật theo cách xưng hô như vậy, tức là Chí Thánh Bôn Sư. Phật môn gọi Thích Ca

Mâu Ni Phật là Bổn Sư, [nghĩa là] vị thầy căn bản, vị thầy lập giáo. Chí Thánh là Phật, Chí Thánh Bổn Sư, mọi người sẽ chẳng nầy sanh hiểu lầm.

Bồ Tát là hiền nhân, đại hiền. Đại hiền Văn Thù Sư Lợi, đại hiền Quán Thế Âm, đại hiền Địa Tạng Vương. Rất nhiều người tưởng Phật, Bồ Tát, A La Hán là thần, đều là quỷ thần, sự hiểu lầm ấy rất lớn! Chúng ta là đệ tử Phật chẳng giảng rõ ràng, giảng minh bạch, khiến cho đại chúng trong xã hội nầy sanh hiểu lầm to lớn như thế rất đáng tiếc. Vì thế, Ngài kiến lập thế giới ấy, thế giới ấy do nguyện lực tạo thành, đại nguyện tuyệt diệu. Điều này có căn cứ lý luận từ kinh giáo Đại Thừa, đức Phật nói: *“Hết thầy các pháp sanh từ tâm tưởng”*, sự biến hóa trong cả vũ trụ có quan hệ hết sức mật thiết với tâm tưởng của chúng ta. Do vậy, nếu tư tưởng của mỗi cá nhân chúng ta thuần chánh, tâm thái tốt lành, quý vị sẽ khỏe mạnh, trường thọ, chẳng sanh bệnh tật gì! Tật bệnh do đâu mà có? Lời đức Phật nói giống như những điều đã giảng trong Trung Y, cùng một đạo lý, tức là tâm thái của quý vị nầy sanh vấn đề. Trong Phật pháp nói tới Tam Độc tham, sân, si, đây là căn nguyên của tất cả hết thầy bệnh tật. Trong tâm quý vị có ba thứ ấy, cho nên bản thân quý vị có cái nhân bệnh tật. Tôi thường nói thêm hai thứ là ngạo mạn và hoài nghi. Hoài nghi thánh hiền, hoài nghi chính mình, tôi gọi [năm điều ấy] Ngũ Độc; đức Phật giảng Tam Độc là tham, sân, si, tôi thêm vào hai cái nữa, thành tham, sân, si, mạn, nghi, Ngũ Độc. Quý vị có năm thứ độc này, bên ngoài có vi khuẩn cảm nhiễm, quý vị rất dễ nhiễm bệnh. Nếu bên trong chẳng có tham, sân, si, mạn, nghi, dẫu vi khuẩn gây bệnh bên ngoài nghiêm trọng cách mấy, vẫn chẳng thể nhiễm bệnh cho quý vị. Vì thế, [điều ấy được] gọi là sức miễn dịch, quý vị sẽ không bị bệnh. Quý vị ra vào khu vực đang xảy ra nạn ôn dịch nghiêm trọng chẳng sao cả, đạo lý ở chỗ này!

Đã có ngũ độc, mà nếu quý vị còn có năm thứ duyên thì hết sức dễ bị nhiễm bệnh. Năm thứ bệnh duyên là gì? Oán hận! Quý vị có oán khí, có hờn giận, có phiền não. Oán, hận, não, nô, phiền, là duyên, tức là duyên gây nhiễm bệnh. Có nhân, có duyên, lẽ đâu quý vị chẳng ngã bệnh? Nếu quý vị hiểu đạo lý này, buông ngũ độc xuống, năm thứ tâm thái chẳng tốt đẹp cũng buông xuống, bất luận trong hoàn cảnh nào, ta không có oán mà cũng chẳng có hận, đối với thuận cảnh chẳng khởi tham luyến, đối với nghịch cảnh chẳng oán hận, vĩnh viễn giữ cho chính mình thanh tịnh, bình đẳng, quý vị sẽ trăm bệnh chẳng sanh! Dẫu bị bệnh, không cần trị liệu, tự mình lành bệnh, vì sao? Chúng ta hiểu: Phân tích mỗi tế bào trên toàn thân thì tế bào đều do nguyên tử, hạt cơ bản [hợp thành]. Những hạt cơ bản, nguyên tử ấy mang bệnh, vì lẽ gì? Do quý vị có ngũ độc, nên mới bị nhiễm bệnh, những tế

bào ấy biến thành tế bào nhiễm bệnh. Nếu quý vị giác ngộ, hiểu rõ, buông những phiền não tập khí xuống, những tế bào mang bệnh sẽ lập tức khôi phục bình thường. Khôi phục bình thường, chẳng phải là khỏe mạnh ư? Do vậy, lý luận trong cách trị bệnh của Trung Y rất cao sâu, người ngoại quốc chẳng biết. Bệnh có thể chữa lành, bảy phần cậy vào tâm thái, thuốc men chỉ hữu dụng ba phần. Khi tâm thái tốt, ba phần thuốc chẳng cần dùng đến. Nếu tâm thái của quý vị bất hảo, thường có ưu lự, thường có phiền não, thường có tham, sân, si, mạn, bệnh ấy cũng rất khó chữa lành, dầu thầy thuốc giỏi cũng đành bó tay chịu phép! Do vậy, hiểu đạo lý này, đây chính là đạo dưỡng sanh, chính mình có thể chẳng bị bệnh tật, dầu mỗi năm tuổi cao hơn, nhưng sức khỏe chẳng bị tổn hại tí nào, cũng chẳng dễ dàng lão hóa, đây là gì? Tâm thái tốt đẹp. Đây là Phật pháp mang đến lợi ích chân thật hiện tiền cho chúng ta.

Người thuộc lớp tuổi trung niên trở lên, mọi người chú trọng sức khỏe, sức khỏe phải nhờ vào thuốc bổ là giả, những thứ ấy đều rất đáng sợ, vì sao? Chúng có tác dụng phụ, chẳng phải là thứ tốt lành. Thứ tốt đẹp là tâm thái của quý vị. Hãy điều chỉnh tâm thái, đoạn ác, tu thiện. Vì thế, ăn chay là đạo dưỡng sanh tốt nhất. Tôi học Phật chưa đầy nửa năm bèn chọn cách ăn chay, tôi chẳng phải là mê tín. Vì trước khi học Phật, lúc tôi còn học trong trường, tức lúc học Trung Học tại Nam Kinh, quê tôi ở An Huy, tôi một mình ở Nam Kinh, ở nhà người bạn học họ Trần, Nhĩ Đông Trần 96^[9], Trần Trí, về sau anh ta học Y, tôi ở trong nhà anh ta hình như hai học kỳ, tức một năm. Gia đình anh ta là đa nguyên văn hóa, bà nội niệm Phật, trong nhà có tiểu Phật đường, niệm Phật, thấp nhang. Mẹ anh ta là tín đồ Cơ Đốc, cha là tín đồ đạo Hồi. Do vậy, tôi ở đây một năm, đối với Cơ Đốc Giáo và đạo Hồi đều hiểu đôi chút, thường nghe các vị lão nhân giảng giải. Hơn nữa, tôi rất thích đạo Hồi, đạo Hồi nói tới Ngũ Công 97^[10], Ngũ Điển. Ngũ Điển là Ngũ Luân

96 ^[9] Họ Trần (陳) đọc theo âm Quan Thoại là Chén, nhưng đồng thời các họ 沈 (Thẩm), 沉 (Trầm), cũng có cùng âm đọc, nên hòa thượng nói rõ là Nhĩ Đông Trần (để người ghi lại văn tự đừng chép sai), tức là bộ Phụ ghép với chữ Đông. Do bộ Phụ viết tắt có hình dáng giống như cái tai nên nói là Nhĩ Đông Trần.

97^[10] Ngũ Công (Arkān-al-Islām) chính là năm tín điều căn bản của tín đồ đạo Hồi, bao gồm:

1. Tín niệm (Shahada), tức chỉ tin vào một Chúa là Allah và chấp nhận Mohamed là tiên tri của Chúa Allah.

của Nho gia. Vì thế, đạo Hồi của Trung Quốc và văn hóa truyền thống Trung Quốc đã dung hợp thành một khối, vô cùng ôn hòa. Sau này, tôi ở ngoại quốc, có một phái đạo Hồi tại Trảo Oa (Java) thuộc Ấn Ni (Indonesia) do Trịnh Hòa 98[11] truyền qua, nên trong phái ấy có dấu ấn văn hóa Trung Quốc, vô cùng ôn hòa. Trịnh Hòa là tín đồ đạo Hồi, chủ nhân của ông ta là hoàng đế Vĩnh Lạc (Minh Thành Tổ), [nhà vua] là một Phật tử kiên thành, cho nên Trịnh Hòa cũng quy y Phật giáo, ông ta cũng truyền đạo Hồi. Một chi phái đạo Hồi ở Tô Môn Đáp Lạp (Sumatra) của Ấn Ni do Trung Đông truyền qua, so ra mạnh mẽ, hung hãn, khác hẳn phái đạo Hồi tại Trảo Oa. Vì thế, vùng Nam Dương chịu ảnh hưởng rất lớn từ Trịnh Hòa mãi cho đến hiện thời đã sáu trăm năm mà vẫn còn thấy những hiệu quả ấy.

Khi ấy, tôi biết ăn uống trong đạo Hồi được tìm hiểu kỹ hơn bình thường. Người bình thường chúng ta chỉ biết vệ sinh, sinh là sinh lý, ăn uống nhằm bảo vệ sinh lý ấy, đó là vệ sinh. Đạo Hồi không chỉ biết vệ sinh, mà còn biết vệ tánh, tánh là gì? Tánh tình. Chúng ta tánh tình ôn nhu có liên quan tới ăn uống. Do vậy, phạm

2. Cầu nguyện (Salat): Thực hành năm thời cầu nguyện mỗi ngày: bình minh, hoàng hôn, giữa Ngọ, giữa chiều, tối.

3. Trai giới (Sawm): Tức mùa chay Ramadan. Trong mùa chay, tín đồ Hồi giáo nhịn ăn từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn, hoàn toàn kiêng ăn uống, rượu chè, hút thuốc, kiêng quan hệ xác thịt từ lúc mặt trời mọc đến mặt trời lặn trong suốt tháng Ramadan. Chỉ có trẻ con, người già, người bị bệnh tật, có thai hay đang cho con bú mới được miễn trai giới trong tháng Ramadan.

4. Bố thí (Zakat): Trích 2,5% thu nhập của mình để giúp người nghèo khó. Khi cho mượn tiền, không được lấy tiền lời. Vì thế, có những kẻ lách luật bằng cách cho vay nợ, rồi đòi hỏi người mượn phải tặng quà để tỏ lòng “biết ơn”. Cái gọi là “tặng quà” ấy thật ra là tiền lời.

5. Hành hương (Haji): Mỗi tín đồ được khuyến khích hành hương ít nhất một lần trong đời đến thánh địa Mecca trong tháng Dhu al-Hijjah theo lịch Hồi giáo, tức tháng Mười Hai trong lịch Hồi Giáo.

98[11] Thái giám Trịnh Hòa là thái giám thân tín của Minh Thành Tổ, vốn có tên thật là Mã Tam Bảo, theo đạo Hồi. Tổ tiên từ Bukhara (thuộc Uzbekistan hiện thời) di cư đến Vân Nam, Trung Hoa. Khi quân Minh chiếm Vân Nam đã bắt được ông khi còn là một cậu bé con, bèn đem hoạn, đưa vào cung hầu hạ hoàng tử Châu Lệ (Minh Thành Tổ). Châu Lệ đã đổi tên ông thành Trịnh Hòa. Trong chính sách “viễn giao, cận công” (xa thì ngoại giao, gần thì đánh) của nhà Minh, ông đã được vua sai hướng dẫn thương thuyền đi khắp Đông Nam Á kết giao, phô trương thanh thế.

những động vật hay thực vật có tánh tình bất hảo họ cũng không ăn. Năm ấy, tôi hiểu được một đạo lý như thế. Sau này, tiếp xúc Phật pháp, Phật pháp chọn lựa cách ăn chay, giảng ba điều: Phật giáo không chỉ biết vệ tánh, mà còn biết vệ tâm, “tâm” là tâm từ bi. Do vậy, ẩm thực trong nhà Phật là vệ sinh, vệ tánh, vệ tâm, đây là đạo dưỡng sanh rất viên mãn, tôi vừa tiếp xúc bèn tiếp nhận. Tôi ăn chay đến năm nay là năm mươi chín năm, sang năm tròn một giáp, khỏe mạnh, suốt đời chẳng bị bệnh. Tôi tham gia nhiều hội nghị quốc tế, người ta hỏi tôi nhiều nhất là: “Pháp sư! Thầy dùng phương pháp dưỡng sanh nào?” Tôi bảo họ: “Ăn chay, tâm thanh tịnh. Tôi chẳng có đạo dưỡng sanh nào khác!” Chỉ là ăn chay, tâm thanh tịnh. Tận hết sức tránh né ô nhiễm bên ngoài, ô nhiễm vật chất, ô nhiễm tinh thần, tận hết sức tránh né, mỗi ngày thân cận cổ thánh tiên hiền, đây là tình trạng sinh hoạt mỗi ngày của tôi. Họ thấy thân thể tôi khỏe khoắn đều rất hâm mộ. Đây là vì người khác thuyết pháp, tuy họ không hiểu Phật giáo, cũng không mong học Phật, thấy thân thể tôi khỏe mạnh, mong học theo tôi. Tôi sẽ dạy họ một chiêu, vô cùng hữu hiệu. Lớn nhất là A Di Đà Phật đã kiến lập một đạo tràng tu hành cho chúng ta là thế giới Cực Lạc. Thế giới ấy vô cùng viên mãn. Trong bộ kinh này, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, giới thiệu lịch sử và trạng huống trong cõi ấy, trạng huống sinh hoạt, giới thiệu thành quả giáo học bên ấy. Đương nhiên phương pháp tốt nhất là di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, nơi ấy là chôn đọt được thường lạc rất ráo.

“*Bồ Đề thị tất cánh thường lạc xứ*” (Bồ Đề là chỗ thường lạc rất ráo), quý vị phải ghi nhớ, Bồ Đề là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là giác ngộ, thật sự giác ngộ là chôn thường lạc rất ráo. Trái lại, mê mà chẳng giác chính là thật sự thường khổ, lục đạo luân hồi do mê hoặc, điên đảo tạo thành, là một cơn ác mộng. Giác ngộ là quý vị tỉnh lại. “*Nhược bất linh nhất thiết chúng sanh đắc tất cánh thường lạc giả, tắc vi Bồ Đề môn*” (nếu chẳng làm cho hết thảy chúng sanh được rất ráo thường lạc sẽ là trái nghịch môn Bồ Đề). Câu này nói rất hay, đối với hết thảy chúng sanh, nếu chính mình đã đạt được, mà chẳng giúp cho người khác đạt được, đây chính là trái phạm Bồ Đề. Chính chúng ta đã đạt được, bèn có nghĩa vụ giúp cho hết thảy chúng sanh đều đạt được. Chính chúng ta hướng tới thế giới Cực Lạc, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì phải giúp hết thảy chúng sanh đều đến thế giới Cực Lạc. Nơi ấy có hoàn cảnh khác nơi đây, con người bên ấy là hóa sanh, chẳng phải là thai sanh, nên chẳng có sanh khổ. Người bên ấy vô lượng thọ, Đối với vô lượng thọ, nay chúng ta biết: Tâm thái của quý vị giữ được mức bình thường nhất định, thân thể sẽ chẳng dấy lên biến hóa, gọi là thân Kim Cang bất

hoại. Thân Kim Cang bất hoại chẳng hiếm lạ chút nào! Quý vị hiểu rõ đạo lý này, có căn cứ lý luận, chỉ cần quý vị có thể khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, tế bào trong thân thể quý vị sẽ chẳng biến đổi, vĩnh viễn giữ được sự bình thường. Nếu quý vị có phiền não, không được rồi, nó sẽ dấy lên biến hóa; có tham, sân, si, nó bèn biến hóa to lớn. Vì thế, chẳng khởi tâm, không động niệm, vĩnh viễn giữ gìn bình thường. Ở bên Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật gia trì quý vị, mỗi ngày chỉ dạy bên ấy, hướng dẫn quý vị, quý vị sẽ chẳng khởi tâm động niệm, muôn hình muôn vẻ trong vũ trụ, tánh, tướng, sự, lý, nhân, quả đều giảng thấu triệt cho quý vị. Quý vị đều minh bạch rồi, chẳng còn khởi tâm động niệm nữa, thế giới Cực Lạc hình thành như vậy đó, là một phòng học tốt. “*Có linh nhất tâm chuyên chí, nguyện sanh bỉ quốc, dục sử tảo hội vô thượng Bồ Đề đã*” (vì thế, khiến cho nhất tâm chuyên chí, nguyện sanh sang cõi kia, khiến cho mau đắc vô thượng Bồ Đề). “*Hội*” (會) là quý vị đạt được, chứng đắc, chữ Hội có ý nghĩa này. Hôm nay hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Phần 12 hết

Tập 25

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Minh Tiên, Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang hai mươi bốn, dòng thứ năm từ dưới đếm lên, xem từ đầu.

“*Hựu Hải Đông Nguyên Hiểu sư Tông Yếu vân: - Phát Bồ Đề tâm, thị minh chánh nhân*” (Lại nữa, trong bộ Tông Yếu, ngài Nguyên Hiểu xứ Hải Đông nói: “Phát Bồ Đề tâm là chỉ rõ chánh nhân”). Nguyên Hiểu đại sư là người Đại Hàn, trong phần trước, chúng tôi đã giới thiệu sơ lược. Tông Yếu là tên gọi bản chú sớ của lão nhân gia nhằm giảng giải kinh Vô Lượng Thọ, tức là chú giải kinh Vô Lượng Thọ. Ở đây, Ngài nói “*phát Bồ Đề tâm*” nhằm chỉ rõ chánh nhân; các tổ sư đại đức đều nhấn mạnh tính chất trọng yếu của phát Bồ Đề tâm. Nếu chẳng phát Bồ Đề tâm, sẽ như Thiện Đạo đại sư đã nói, tới cuối cùng chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ! Do vậy, chúng ta phải coi trọng hai nguyện trong bốn mươi tám nguyện, chứ chẳng phải chỉ là một nguyện. Nhiều người coi trọng nguyện thứ mười tám, [không chú ý đến nguyện thứ mười chín]. Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm ắt vãng sanh*”; nguyện thứ mười chín nói “*phát Bồ Đề tâm*” và [hết thấy những ai] sanh về thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, nguyện thứ mười chín giảng những điều này. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay, Ngài nói có thể vãng sanh hay không hoàn toàn do có tín nguyện hay không. Quý vị có lòng tin sâu xa, nguyện thiết tha thì sẽ vãng sanh; có thể thấy sự trọng yếu của phát Bồ Đề tâm! Công phu niệm Phật sâu hay cạn sẽ giúp quý vị nâng cao phẩm vị sau khi vãng sanh thế giới Cực Lạc. Nếu niệm Phật chẳng có công phu, nhưng thật sự có lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, nguyện ấy là Bồ Đề tâm, thật sự có tâm độ chúng sanh, thật sự có tâm làm Phật, khi lâm chung, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh. Khai thị này vô cùng trọng yếu, chúng ta nhất quyết chớ nên xem thường!

Tiếp theo đó, sách giảng rõ Bồ Đề tâm. “*Hựu vân phát Bồ Đề tâm hữu nhị*” (lại nói phát Bồ Đề tâm có hai loại), điều “*lại nói*” ấy vẫn ở trong sách Tông Yếu.

1) Thứ nhất là “*tùy sự phát tâm, phiền não vô biên, nguyện tất đoạn chi. Thiện pháp vô lượng, nguyện tất tu chi. Chúng sanh vô biên, nguyện tất độ chi. Thử tâm quả báo, tuy tại Bồ Đề, nhi kỳ hoa báo tại u Tịnh Độ*” (phát tâm theo mặt Sự, phiền não vô biên, nguyện đều đoạn hết; thiện pháp vô lượng, nguyện đều tu trọn; chúng sanh vô biên, nguyện đều độ hết. Tâm này tuy có quả báo là Bồ Đề, nhưng hoa báo của nó là Tịnh Độ). Điều này cũng nói rất hay, chúng ta đọc đoạn này, liền biết đó là Tứ Hoàng Thệ Nguyện: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”, đây là Tứ Hoàng Thệ Nguyện. Trong đoạn [vừa trích dẫn từ sách Tông Yếu trên đây] đã nhắc tới ba nguyện, nói tới ba điều ấy. Quả báo của sự phát tâm tuy là Bồ Đề, Bồ Đề là Chánh Giác, Bồ Đề là Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng hoa báo thuộc về Tịnh Độ. Nói cách khác, quả báo là thành tựu vô thượng Bồ Đề tại Tịnh Độ, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới để thành tựu nguyện cuối cùng, “*Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”, đây là quả báo viên mãn rốt ráo. “*Sở dĩ nhiên giả*” (nguyên nhân là), đây là trả lời câu hỏi đã nêu, “*Bồ Đề tâm lượng, quảng đại vô biên, trường viễn vô hạn*” (tâm lượng Bồ Đề rộng lớn vô biên, dài lâu vô hạn). Bồ Đề tâm là giác tâm viên mãn trong tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, Bồ Đề tâm là trí huệ. Nói thật ra, một tức là hết thấy, hết thấy tức là một; nói đến trí huệ thì đương nhiên đức năng và tướng hảo được bao gồm trong ấy, một tức là nhiều, nhiều tức là một. Trước hết, nói tới tâm lượng thì tâm lượng rộng lớn vô biên là nói về không gian, chẳng có ngăn mé, không gì lớn mà ra ngoài được! “*Trường viễn vô hạn*” (dài lâu vô hạn) là nói tới thời gian. [Thời gian và không gian] đều là vô lượng, vô biên, vô tận, vô hạn. Vì thế, trong Đại Thừa thường nói một câu như sau, đó là sự thật, chẳng giả: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”, lời này là thật. Tâm Phật là như thế, mà tâm của mỗi chúng sanh chúng ta cũng đều như thế, chẳng có mảy may sai biệt nào! Nay dường như trong vô sai biệt có sai biệt, là vì lẽ nào? Mê mất tự tánh. Do vậy, trong vô sai biệt hiện ra sai biệt. Đối với người giác ngộ, chẳng cần nói tới bậc Viên Giác, Viên Giác là Phật, Đại Giác là Bồ Tát, trong cảnh giới của họ, sai biệt chính là vô sai biệt. Vì sao? Đại Bồ Tát nhập pháp môn Bất Nhị, chúng ta có hai, ba, các Ngài không có. Chúng ta có một và nhiều, các Ngài cũng chẳng có. Chúng tôi hỏi lần nữa: “*Vì sao? Vì lẽ gì?*” Nếu chúng ta thật sự hiểu rõ, trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư đã giảng về ba thứ “*châu biến*” (trọn khắp), quý vị chưa hiểu rõ

hay sao? Đó là cảnh giới Hoa Nghiêm viên mãn. Bất luận chánh báo hay y báo, hiện thời các khoa học gia nói tất cả hết thảy hiện tượng là hiện tượng dao động, thuyết ấy rất có lý. Các khoa học gia cận đại nói trong vũ trụ thứ gì cũng đều không có, mà là dao động. Hiện tượng tinh thần do dao động hình thành, hiện tượng vật chất cũng do dao động hình thành, muôn hình muôn vẻ khác biệt là do tần số [dao động] khác nhau. Cách nói này tương ứng với những điều được giảng trong kinh Phật, tương ứng với ba thứ “*châu biến*”: “*Châu biến pháp giới, xuất sanh vô tận*”. Câu nói kế tiếp quả thật là tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, “*chứa đựng Có và Không*”.

“*Có năng cảm đắc quảng đại vô tế y báo Tịnh Độ, trường viễn vô lượng chánh báo thọ mạng*” (vì thế, có thể cảm được Tịnh Độ y báo rộng lớn không ngần mé, chánh báo có thọ mạng dài lâu vô lượng), hai câu cuối này hay quá! “*Trừ Bồ Đề tâm, vô năng đương thử*” (trừ Bồ Đề tâm ra, không gì có thể như vậy được). Câu này có nghĩa là y báo và chánh báo trang nghiêm trọn khắp pháp giới hư không giới do đâu mà có? Cụ Hoàng nói là do Bồ Đề tâm mà có. Bồ Đề tâm là gì? Kiến văn giác tri. Trong tự tánh, đoạn hết tập khí vô minh sẽ trở về Thường Tịch Quang, trong ấy không có hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần. Do vậy, có những người hỏi tôi: Nếu họ chẳng khởi tâm, không động niệm, họ còn có tri giác hay chẳng? Họ có tri giác thì chẳng phải là khởi tâm động niệm ư? Không khởi tâm, không động niệm, làm sao họ có tri giác được? Họ có những thứ ấy! Thật sự là chẳng có hiện tượng tinh thần và vật chất, nhưng họ có kiến văn giác tri. Kiến văn giác tri là trí huệ Bát Nhã trong tự tánh, nó bất sanh, bất diệt, vì nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Vật chất và tinh thần đều là pháp sanh bởi các duyên, chúng ta nói tinh thần là gì? Là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nếu một niệm vọng động, kiến văn giác tri sẽ biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Có Thọ, Tưởng, Hành, Thức thì từ trong Thọ, Tưởng, Hành, Thức sẽ biến hiện hiện tượng vật chất. Đó chính là những điều người ấy cảm thụ, suy nghĩ, phán đoán, nhận biết, tự nhiên biến hiện ra! Vì thế, trọn khắp pháp giới hư không giới, lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật, cũng có thể nói là bao gồm cả mười pháp giới, hễ chúng sanh có cảm, sẽ tự nhiên có ứng, sống động, hoạt bát, chẳng phải là chết cứng! Khi họ cảm, sẽ hiện tướng, chẳng phải do khởi tâm động niệm bèn hiện tướng, mà do cảm ứng bèn hiện tướng. Tuy hiện tướng, vẫn chẳng khởi tâm động niệm, hoàn toàn do tự tánh khởi tác dụng, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta muốn lý giải nó, sẽ trật lất, quý vị chẳng thể lý giải được, vì sao? Quý vị vận dụng tâm ý thức, nhưng tâm ý thức chẳng thể duyên tự tánh. Phải làm sao mới có thể duyên

được? Buông tâm ý thức xuống, nó sẽ hiện tiền, lập tức chính là [tự tánh]. Trong pháp Đại Thừa, đây chính là cảnh giới tối cao trong Thiền Tông hay trong bất luận tông phái nào! Hai câu cuối cùng ý nói: Trừ Bồ Đề tâm ra, không điều gì có thể đảm đương chuyện này! Quả thật đã nêu ra căn bản, đó là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh. Đó là “*tùy Sự*” (xét theo mặt Sự) [để luận định Bồ Đề tâm].

2) Kế đó, điều thứ hai là “*thuận Lý phát tâm, tín giải chư pháp giai như huyễn mộng, phi hữu, phi vô, ly ngôn, tuyệt lộ*” (Thuận theo Lý để phát tâm, tin hiểu các pháp đều như huyễn mộng, chẳng phải có, chẳng phải không, lìa ngôn ngữ, dứt suy lường). Đoạn văn này khá dài, chúng ta xem trước câu này. Trước hết, quý vị phải tin tưởng, chớ nên hoài nghi, nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát, đó là hoài nghi. Vì sao chúng ta học Phật tu hành chẳng thể thành tựu? Nói thật ra, có mấy ai thật sự tin Phật? Tin Phật suốt một đời, nhưng đối với Phật vẫn đánh dấu hỏi: “Rốt cuộc là thật sự có Phật hay chẳng?” Ai có thể chẳng có mấy may nghi hoặc nào? [Nếu chẳng có mấy may nghi hoặc nào], sẽ là chân tín; người chân tín chắc chắn sẽ y giáo phụng hành, quả báo chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta hoài nghi Phật, quý vị nói xem: Không tin mà vẫn cứ khẳng khẳng là tin; quý vị nói “hãy tin tưởng thật sự”, kẻ ấy làm không được. Do vậy, Phật pháp đúng là khó khăn! Phật pháp đúng là “biết khó, hành dễ”, cái “biết” ấy là gì vậy? Chẳng nghi mới là biết! Hễ có nghi, sẽ chẳng biết. Tuy biết, nhưng chẳng thấu triệt, thô trực lắm! Chân tín sẽ chân giải; vì vậy, tín và giải liên quan với nhau. Bọn phàm phu chúng ta thật sự hiểu rõ, minh bạch, nên tin tưởng, đó là căn tánh trung hạ. Nếu chẳng hiểu rõ ràng, minh bạch, mà lại thật sự tin tưởng thì người ấy khó có lắm, vì sao? Người ấy có thể khẳng khẳng một mực tu hành, sẽ thành tựu. Cổ nhân Trung Quốc gọi hai hạng người ấy là “*thượng trí, hạ ngu*”, được bao nhiêu người? Thượng trí cũng chẳng nhiều, hạ ngu cũng chẳng ít! Tuy hạ ngu chẳng thể thông hiểu, nhưng quý vị dạy họ, họ sẽ khẳng khẳng một mực tu tập thật sự. Bảo họ niệm Phật, họ niệm đôi ba năm liền thật sự vãng sanh, tướng lành hiếm có. Họ có hiểu đạo lý trong kinh hay chẳng? Chẳng hiểu! Người đồ đệ làm nghề vá nôi của lão hòa thượng Đệ Nhàn là loại người này, khi ông ta vãng sanh, lão hòa thượng tán thán: “Hy hữu!” Ngài tán thán sự thành tựu của ông ta: “*Pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, trụ trì phương trượng của các đạo tràng nơi danh sơn chẳng bằng ông, chẳng sánh bằng ông*”. Lời tán thán của lão hòa thượng là thật, chẳng giả. Đứng mất, lại còn đứng suốt ba ngày, chờ pháp sư Đệ Nhàn đến lo liệu hậu sự thay cho ông ta. Người bình thường chẳng thể làm được!

Vì vậy, tín giải! “*Chư pháp*” là hết thấy các pháp do đức Phật đã nói đều như huyễn mộng, chẳng phải là thật. Thật sự tin tưởng, thật sự lý giải, đối với hết thấy các pháp, quý vị quyết định chẳng chấp trước, mà cũng quyết định chẳng phân biệt, thậm chí đối với hết thấy các pháp chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, quý vị bèn đắc tam-muội. Hết thấy các pháp “*phi hữu, phi vô*”, chẳng thể nói chúng là có, mà cũng chẳng thể nói chúng là không! Quý vị nói chúng là không thì chúng có tướng. Quý vị nói chúng là có, tướng ấy chẳng tồn tại, chỉ là một thứ tướng gần như liên tục hết sức ngắn ngủi, tạm bợ, chẳng tồn tại. Chúng ta xem phim, trước đây phim được chiếu bằng máy đèn soi, mỗi giây thay đổi hai mươi bốn tấm, từng tấm được chiếu chẳng ngừng. Mỗi giây là hai mươi bốn tấm, thời gian mỗi tấm [được chiếu lên màn bạc] là một phần hai mươi bốn giây. Quý vị còn chưa nghĩ kịp thì nó đã thay đổi rồi! Pháp sanh diệt ấy có tốc độ sanh diệt quá nhanh! Di Lạc Bồ Tát bảo một cái khảy ngón tay, chẳng phải là một giây, “*trong một khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, làm sao quý vị có thể nói nó là có? Làm sao quý vị có thể nói nó là không? Chân tướng sự thật là “*phi hữu, phi vô*”. “*Ly ngôn, tuyệt lộ*”: Quý vị không có cách nào diễn tả. Hễ quý vị nói thì thời gian đã trôi qua rất lâu rồi, chẳng biết nó đã đi đâu mất rồi! “*Lự*” (慮) là suy tưởng; quý vị cũng chẳng thể suy nghĩ. Vì thế, nói “*ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt*”. “*Ly ngôn*” là ngôn ngữ đạo đoạn, “*ly niệm*” là “*tuyệt lộ*”, tâm hành xứ diệt! Ngôn ngữ và tư lự đều chẳng thể thấu đạt được! Đó là chân tướng của nó.

“*Y thử tín giải, phát quang đại tâm*” (nuông vào sự tín giải ấy, phát tâm rộng lớn). Sự tín giải ấy đã được diễn tả trong bốn câu trước đó: “*Tín giải chư pháp, giai như huyễn mộng, phi hữu, phi vô, ly ngôn, tuyệt lộ*” (tin hiểu các pháp đều như huyễn mộng, chẳng phải có, chẳng phải không, lìa ngôn ngữ, dứt suy lường); bốn câu ấy đã nêu bày chân tướng của hết thấy các pháp. “*Phát quang đại tâm*” là gì? Chân tâm hiện tiền, quý vị đối với hết thấy các pháp cũng chẳng còn khởi tâm, động niệm, phân biệt, chấp trước nữa, khi ấy chính là “*phát quang đại tâm*”. Quang đại tâm là gì? Chính là như trong phần trước đã nói: Tâm độ chúng sanh, tâm đoạn phiền não, tâm học pháp môn. “*Tuy bất kiến hữu phiền não, thiện pháp*” (tuy chẳng thấy có phiền não hay thiện pháp), phiền não là bất thiện, chẳng trụ vào hai bên thiện và bất thiện, nhưng như thế nào? Tâm thái của quý vị là “*nhị bất bất vô đoạn khả tu*” (nhưng chẳng gạt bỏ “không có gì để có thể đoạn, không có gì để có thể tu”), quý vị vẫn rất sốt sắng đoạn ác tu thiện. Quý vị biết “không có phiền não để đoạn”, nhưng vẫn đoạn trong ấy. Quý vị biết “cũng chẳng có thiện pháp để tu”, nhưng vẫn tu trong ấy. Đối với hai câu này, Hoàng lão cư sĩ đã mở

dầu ngoặc để chú giải, sợ chúng ta nghe không hiểu, đúng là từ bi! “*Bất bát vô tức bất bài trừ chi ý, bát giả, bài dã, vô giả, trừ dã*” (“Bất bát” nghĩa là chẳng bài trừ. Bát (撥) là gạt bỏ, Vô (無) là trừ bỏ đi). Vì thế, câu trên đây có nghĩa là: “*Tuy bất kiến phiền não dữ thiện pháp, đản nhưng hữu khả tu dữ khả đoạn*” (tuy chẳng thấy có phiền não và thiện pháp, nhưng vẫn có cái thể tu và cái có thể đoạn), vì sao? “*Thị cố, tuy nguyện tất đoạn, tất tu, nhi bất vi u Vô Nguyện tam-muội*” (do vậy, tuy nguyện ắt đoạn, ắt tu, nhưng chẳng trái nghịch Vô Nguyện tam-muội). Vô Nguyện tam-muội là Đại Tam Không tam-muội. Chính mình đã nhập cảnh giới ấy, nhưng vẫn phải tu. Đối với chính mình mà nói thì đã phá tập khí vô minh, nêu gương tốt cho chúng sanh, cũng giống như diễn tuồng, biết diễn tuồng là giả, vẫn diễn rất thật! Vì sao? Diễn cho kẻ khác coi, khiến cho kẻ khác sau khi xem sẽ bị cảm động mà giác ngộ. Đây là nói rõ chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, hiện thân, hành động đều hoàn toàn nhằm giúp đỡ chúng sanh. Nếu trong cảnh giới ấy, ta chẳng mong muốn, nát thân diệt trí thì sẽ biến thành Tiểu Thừa. Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau ở chỗ này!

Tiểu Thừa A La Hán kết thúc nơi cảnh giới ấy, chẳng muốn thị hiện nữa, có được hay chẳng? Không được! Vì sao không được? Chưa đoạn xong tập khí vô minh. Quý vị hãy nghĩ xem, đây là đạo lý gì? Muốn đoạn tập khí vô minh, quý vị phải học như Phật, Bồ Tát: Vô vi, mà không gì chẳng làm, không gì chẳng làm mà vô vi. Hai câu này chẳng phải là có cùng một ý nghĩa với câu “*nhập pháp môn Bất Nhị*” như đức Phật thường nói ư? Nhập pháp môn Bất Nhị mới là Đại Thừa Bồ Tát. Đối với chính mình mà nói thì mới có thể đoạn hết bốn mươi một phẩm tập khí vô minh. Sau khi phá vô minh, theo kinh Hoa Nghiêm, hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác phá vô minh cũng là không khởi tâm, không động niệm, nhập cảnh giới ấy. Chúng ta nghĩ: Người đạt tới mức chẳng khởi tâm, không động niệm, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, lấy đâu ra bốn mươi một tầng cấp! Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, há có những thứ ấy? Đã có những thứ ấy, chẳng phải là lại có phân biệt, chấp trước hay chẳng? Vì thế, trong hội giảng kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi đã nói rất minh bạch với các đồng học, có bốn mươi một tầng cấp Bồ Tát hay chẳng? Không có! Cảnh giới Hoa Nghiêm là cảnh giới bình đẳng, lấy đâu ra bốn mươi một tầng cấp? Vì sao đức Phật nói bốn mươi một tầng cấp? Chính là nói tập khí khởi tâm động niệm chưa đoạn, chứ thật ra chẳng có khởi tâm động niệm! Xác thực là chẳng có! Vẫn còn có tập khí khởi tâm động niệm, đây là vi tế vô minh. Vi tế vô minh rất khó đoạn, không có cách nào đoạn trừ! Vì thế, tu hành trong cảnh giới ấy được gọi

là “*vô công dụng đạo*”, cô nhân thường nói “chẳng thể dùng sức trong ấy!” Hễ dùng sức, toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều dấy lên!

Trong cảnh giới ấy, nói cách khác, quý vị nói ra sao thì phải làm như vậy. Trong quá khứ, khi tu nhân, quý vị đã từng phát nguyện độ chúng sanh, nay quý vị thành Phật, có sao chẳng độ chúng sanh? Quý vị nói ra sao thì phải làm như vậy, phải thực hiện; khi ấy chính là lúc quý vị thực hiện! Tuy thực hiện, nhưng chẳng khởi tâm động niệm. Hễ chúng sanh cảm, Phật, Bồ Tát liền ứng, cảm ứng đạo giao. Chúng sanh có cảm, Phật bèn vô tâm ứng. Ngài chẳng khởi tâm động niệm, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước mà ứng. Tuy ứng, vẫn là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Hiện thân là như thế, mà thuyết pháp cũng như thế. Vì vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật nói Ngài giảng kinh bốn mươi chín năm, nhưng chẳng nói một chữ nào! Chúng ta nghe lời ấy chẳng hiểu, có sao chẳng nói một chữ nào? Hiện thời người ta đã ghi chép [những lời Phật dạy] thành một bộ Đại Tạng Kinh, nhưng Phật nói Ngài chẳng nói một chữ nào! Đứng là chẳng nói một chữ nào, vì sao? Ngài chẳng khởi tâm động niệm, Ngài nói gì? Rất khó thấu hiểu cảnh giới ấy, nghe không hiểu! Rõ ràng là Ngài giảng kinh nhiều ngàn ấy, có sao nói “ngay cả một chữ cũng chẳng nói?” Vì thế, đức Phật có một tỷ dụ thiện xảo, Ngài dùng chuông trống làm tỷ dụ. Quý vị gõ trống, dùng sức nện, âm thanh sẽ lớn. Gõ nhẹ nhẹ, âm thanh bèn nhỏ. Trống có khởi tâm động niệm hay không? Có phân biệt, chấp trước hay không? Không có! Gõ mạnh kêu to, gõ nhẹ kêu nhỏ, chẳng gõ sẽ chẳng kêu, đức Phật muốn chúng ta từ chỗ này mà lãnh hội: Ngài thật sự không nói! Ngài nói là do lẽ nào? Do chúng sanh khởi tâm, động niệm, Ngài bèn tự nhiên phản ứng, Tánh Đức nơi tự tánh vốn là như vậy. Nếu không có phản ứng thì sao? Không có phản ứng tức là chết cứng rồi. Ngài chẳng phải là chết cứng, mà là sống động, hoạt bát. Vì thế, đức Phật thuyết pháp giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*”, [tức là] tùy tâm, ứng theo khả năng lãnh hội [của thính chúng mà thuyết pháp].

Tiếp theo đó, “*tuy nguyện giai độ vô lượng hữu tình, nhi bất tôn năng độ, sở độ*” (tuy nguyện vô lượng hữu tình đều độ, nhưng chẳng có ý niệm thấy có kẻ hóa độ và người được hóa độ). Hễ có năng độ và sở độ, tức là quý vị khởi tâm động niệm. Có cái có thể hiện và cái được hiện, có người nói và pháp được nói thì toàn bộ phân biệt, chấp trước sẽ dấy lên, quý vị là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Chúng ta phải học theo thánh nhân, phải buông Năng và Sở xuống. Buông Năng và Sở xuống chính là nói “quyết định chẳng thể có chấp trước”. Trong cảnh giới,

chẳng chấp trước có thân ta, chẳng chấp trước có thân người, buông tứ tướng xuống, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, quý vị đạt được cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng hằng thuận chúng sanh, chúng sanh có chấp trước, nếu quý vị chẳng chấp trước, trong tâm họ sẽ nghĩ quý vị là dị loại, chẳng thể nào sống cùng với quý vị! Vậy thì làm như thế nào? Phải thuận theo họ mà chấp trước, chấp trước giống họ. Thuận theo họ chấp trước là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Hằng thuận và tùy hỷ là có phân biệt, có chấp trước, nhưng công đức chẳng có phân biệt hay chấp trước. Có chấp trước là chẳng chấp trước, chẳng chấp trước là có chấp trước, quý vị nghe có hiểu hay không? Tuyệt diệu! Tuyệt diệu ở chỗ này! Vì thế, Bồ Tát ở nơi đâu cũng khiến cho hết thảy chúng sanh tâm hoan hỷ, đúng là pháp hỷ sung mãn. Lý này quả thật rất sâu, nghe không hiểu cũng chẳng sao, chẳng cần phải nghiên cứu, suy nghĩ nó, cứ nghe lần lượt nhiều lần. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng ngại phiền, giảng mỗi ngày, thường xuyên giảng. Nói chung, nghe mãi sẽ có một ngày nào đó hoát nhiên khai ngộ. Vì sao hoát nhiên khai ngộ? Do huân tập lâu ngày! Quý vị thấy bình thường chính mình huân tập phiền não đã lâu, bèn sanh phiền não; nay huân tập thánh giáo lâu ngày sẽ [có lúc] khai ngộ. Vì vậy, đừng sợ, cứ nghe cho nhiều; hiện thời thuận tiện, do [nghe mãi] một đĩa CD mà có thể khai ngộ! Một đĩa CD nếu mỗi ngày nghe mười lần, nghe suốt ba năm, chắc chắn khai ngộ. Nghe một đĩa ấy suốt ba năm, tâm định rồi, quý vị đắc tam-muội, lẽ đâu chẳng khai ngộ? Chắc chắn khai ngộ! Ai nấy đều có phần, vấn đề là quý vị có chịu tin hay không? Quý vị có thể tin tưởng hay không? Quý vị có bằng lòng làm như vậy hay không? Máu chột ở chỗ này! Chỉ cần bằng lòng, Đại Thừa chẳng khó!

“Nhu thị phát tâm, công đức vô biên. Thiết sử chư Phật cùng kiếp diễn thuyết bỉ chư công đức, do bất năng tận” (Phát tâm như thế, công đức vô biên. Giả sử chư Phật trọn hết một kiếp diễn nói công đức ấy, vẫn chẳng thể nói trọn). Lời này là thật, quý vị có thể chiếu theo những điều vừa nói trên đây để phát tâm, chúng sẽ giúp cho quý vị khai ngộ, giúp quý vị minh tâm kiến tánh. Công đức ấy quá to! Tiếp theo đó là một câu nói [yêu cầu hành nhân hãy] quên hết: *“Cố năng tùy thuận ư Không, Vô Tướng, như kinh ngôn”* (Vì thế, có thể tùy thuận Không, Vô Tướng, như kinh dạy), đây là điều được nói trong kinh Kim Cang, *“nhu thị diệt độ vô lượng chúng sanh, thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả”* (diệt độ vô lượng chúng sanh như thế, nhưng thật ra chẳng có chúng sanh nào được diệt độ). Câu này trích từ kinh Kim Cang. Trong thế gian, chư Phật, Bồ Tát diệt độ vô lượng chúng sanh, *“diệt”* là giúp chúng sanh diệt phiền não, giúp chúng sanh đoạn phiền não, giúp chúng sanh chúng Bồ Đề. Tuy giúp đỡ họ, chẳng chấp tướng. Chúng sanh

chấp tướng, chứ Phật, Bồ Tát chẳng chấp tướng như thế. Các Ngài có thể tùy thuận Không, Vô Tướng. Vô Nguyện tam-muội như đã nói trong phần trước được gọi là Đại Tam Không tam-muội, tức là Không, Vô Tướng, Vô Nguyện. Nói cách khác, trong cuộc sống hằng ngày, trong lúc mặc áo, ăn cơm, đều tương ứng với Không, Vô Tướng, Vô Nguyện. Trong khi làm việc cũng tương ứng, trong đời người tiếp vật cũng tương ứng, tương ứng với Đại Tam Không tam-muội, tương ứng với Kim Cang Bát Nhã. Các Ngài không gì chẳng làm, làm rất tích cực; tuy rất tích cực, chẳng để lại dấu vết nào. Đó là gì? Nói cách khác, làm mà không làm, không làm mà làm; làm và không làm là một, chẳng hai, thật sự nhập pháp môn Bát Nhị. Vì thế, đây là công đức chân thật, vô biên công đức, hết thầy chư Phật diễn nói các công đức ấy bất tận, vì sao? Công đức ấy xứng tánh, đạo lý ở chỗ này!

Chúng ta xem đoạn tiếp theo. Trong đoạn Tông Thụ này, lão cư sĩ cũng nói rất nhiều, phân lượng rất lớn. “*Hựu Quán Kinh vân, dục sanh bỉ quốc giả, đương tu tam phước*” (lại nữa, Quán Kinh nói: “Muốn sanh về cõi ấy, hãy nên tu ba thứ phước”). Đối với phần [kinh văn] trích dẫn ở chỗ này, do cụ đang giảng về phát Bồ Đề tâm, nên chỉ trích dẫn điều thứ ba: “*Tam giả, phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*” (ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích hành giả). Phía trước còn có hai điều, ở đây, chúng tôi tiện dịp nói luôn: “*Nhất giả, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp*” (một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp). Quý vị phải biết điều đầu tiên là gì? Là căn bản, cơ sở của Bồ Đề tâm. Không có điều thứ nhất, sẽ chẳng có điều thứ hai; không có điều thứ hai, sẽ không có điều thứ ba. Nay chúng ta nói tới phát Bồ Đề tâm, chúng ta thật sự làm, có sao làm chẳng giống, chẳng xuất hiện thành quả, do nguyên nhân nào? Thiếu căn bản, bỏ sót cơ sở. Nhiều kẻ xuất gia đến trao đổi với tôi, họ bàn gì tôi cũng chẳng nói năng gì hết. Vun bồi căn bản rất khẩn yếu, nhưng họ trọn chẳng nghĩ đến căn bản, làm sao quý vị có thể thành tựu được? Căn bản chính là bốn câu ấy, có thể làm được bốn câu trong điều thứ nhất này hay không? Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, có thể làm được hay không? Thực hiện hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng bằng Đệ Tử Quy. Khi mọi điều trong Đệ Tử Quy đều làm được, quý vị sẽ có căn bản này! Căn bản ấy cạn hay sâu, mạnh hay yếu, trong ấy còn có rất nhiều mức độ! Từ tâm chẳng giết là giáo dục nhân quả. Tu Thập Thiện Nghiệp là căn bản của Phật pháp. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật đã giảng rất rõ ràng về pháp nhân thiên; đời sau quý vị biết dùng thân người ra sao, sanh lên trời như thế nào. Thanh Văn Bồ Đề, Duyên

Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, đều lấy Thập Thiện làm căn bản. Tách rời Thập Thiện, đời sau quý vị sẽ chẳng được làm thân người, đừng mong tiến lên cao! Tiến lên thiên đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật đều đừng mong tưởng, vì ngay cả thân người mà quý vị còn chưa đạt được! Thật đấy, chẳng giả đâu! Do vậy, tại Trung Quốc, văn hóa truyền thống của Trung Quốc là Nho, Thích, Đạo ba nhà, thiếu một cũng không được! Ba cội rễ của Nho, Thích, Đạo ở ngay trong câu này. Căn bản của Nho gia là Đệ Tử Quy, căn bản của Đạo gia là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, căn bản của Phật pháp là kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo; hàng xuất gia còn phải vun bồi một căn bản nữa là Sa Di Luật Nghi, đó là căn bản của hàng xuất gia. Căn cơ không có thì làm sao có thể thành tựu? Chúng ta học Phật chớ nên lừa người, lừa người là có tội đấy!

Thật sự vun bồi ba thứ căn bản ấy, quý vị học Phật có thể tu thành Bồ Tát, tu thành Phật, tu Đạo có thể thành thần, thành tiên, học Nho có thể thành thánh, thành hiền, quyết định có thành tựu. Nếu cả ba căn bản này đều không có, quý vị chẳng thể nào thành tựu điều gì! Vun bồi ba thứ căn bản từ chỗ nào? Vun bồi từ Đệ Tử Quy, giống như ba tầng lầu, Đệ Tử Quy là tầng lầu thứ nhất, Cảm Ứng Thiên là tầng lầu thứ hai, Thập Thiện Nghiệp là tầng lầu thứ ba. Ba căn bản ấy trọng yếu hơn bất cứ thứ gì khác! Học Phật là học từ nơi đâu? Học từ nơi đây! Vào thời cổ, những căn bản này được vun bồi từ thuở bé, thông thường là Nho và Đạo, từ văn hóa truyền thống của Trung Quốc, quý vị có thể nhìn ra. Thực thể vật chất trong văn hóa truyền thống của Trung Quốc gồm ba thứ kiến trúc:

- Từ đường nhằm dạy điều gì? Dạy về Hiếu, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy, Xuân Thu tế tổ. Bình thường, từ đường là trường học. Các trường tư thực đều dùng từ đường làm địa điểm dạy học. Tư thực là gia học, nói theo cách bây giờ, tư thực là trường học của con em trong gia tộc. Lúc bình thường, từ đường chẳng có hoạt động, trừ Xuân Thu tế tự ra, chẳng có hoạt động nào; cho nên lợi dụng nơi chốn ấy để học hành. Vì thế, nó là giáo dục luân lý và đạo đức.

- Thứ hai là Khổng Miếu. Khổng Miếu cũng là hàng năm tế Khổng Tử một lần; đó là hoạt động của nơi ấy, chứ bình thường cũng chẳng có chuyện gì. Vì thế, những người đọc sách tại địa phương bèn lợi dụng nơi chốn này để kết xã. Quý vị đọc Du Tịch Ý Công Ngô Táo Thần Ký thấy nói đến Văn Xương Xã 99^[1], họ lợi

⁹⁹^[1] Văn Xương Xã là một đoàn thể quy tụ những người cùng chí hướng muốn thực hiện những điều khuyên dạy trong bài Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân.

dụng nơi ấy để kết xã, nhằm học tập giáo dục đạo đức, tức là giáo dục đạo đức của cổ thánh tiên hiền, lợi dụng nơi chốn này.

- Thứ ba là miếu Thành Hoàng. Nói chung, miếu Thành Hoàng đều thuộc về Đạo gia hay Đạo giáo, dạy gì? Giáo dục nhân quả. Sự giáo học ở nơi ấy đánh động con người mạnh mẽ nhất. Khiến con người xúc động nhất chính là Thập Vương Điện, Thập Điện Diêm Vương nhằm biểu thị pháp. Xưa kia, Diêm Vương Điện quá nửa là tượng đắp, nhằm thuyết minh Địa Ngục Biến Tướng Đồ, căn cứ theo Ngọc Lịch Bảo Sao¹⁰⁰[2]; [đó là] giáo dục nhân quả.

Trẻ nhỏ từ bé đã được huân tập từ ba thứ ấy, cho nên căn cội được vun bồi vững vàng; sau này, khi tiếp xúc Phật pháp sẽ hết sức dễ dàng. Đối với họ, Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng khó khăn tí nào! Căn bản tốt đẹp mà! Vì thế, kẻ tại gia học Phật, đối với Thập Thiện Nghiệp, Tam Quy, Ngũ Giới, chẳng có tí vấn đề nào! Thật sự làm được; người xuất gia học Phật thật sự có căn bản. Thế hệ hiện tại của chúng ta phiền quá! Ba căn bản Nho, Thích, Đạo đều không có. Nếu chúng ta không có, chúng ta có hành được Thập Thiện Nghiệp hay chẳng? Không được. Trong kinh Phật Tạng, đức Phật đã nói, kinh Phật Tạng là một bộ kinh, chẳng phải là Đại Tạng Kinh, phân lượng không nhiều lắm. Trong kinh Phật Tạng, đức Phật nói: “*Phật tử, bất tiên học Tiểu Thừa, hậu học Đại Thừa, phi Phật đệ tử*” (Phật tử mà trước hết chẳng học Tiểu Thừa rồi sau đó mới học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử Phật). Thích Ca Mâu Ni Phật nói lời ấy: Quý vị chẳng học Tiểu Thừa rồi sau đấy học Đại Thừa, đức Phật chẳng chấp nhận quý vị! Phật giáo truyền sang Trung Quốc rất hoàn chỉnh. Quý vị thấy Tứ A Hàm trong Đại Tạng Kinh là kinh Tiểu Thừa, Kinh, Luật, Luận của Tiểu Thừa. Vào thời Tùy - Đường, có hai tông là Thành Thật Tông và Câu Xá Tông; hai tông ấy là Tiểu Thừa, phải học hai tông ấy trước, trước hết là học Tiểu Thừa. Học xong Tiểu Thừa rồi mới học Đại Thừa. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta điều này, thời cổ luôn là như vậy. Nhưng kể từ giữa đời Đường trở đi, Phật giáo Trung Quốc chẳng học Tiểu Thừa, tại gia lẫn xuất gia đều không học, vậy thì có học Đại Thừa được hay không? Trung Quốc dùng Nho và Đạo để thay thế Tiểu Thừa. Vì thế, người học Phật chẳng ai không đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh, tối thiểu cũng đọc Lão Trang, dùng những thứ ấy làm cơ sở, rồi

¹⁰⁰[2] Ngọc Lịch Bảo Sao là thiện thư của Đạo Giáo, tương truyền do một người tu hành là Đạm Si đạo nhân vào cõi Âm, chứng kiến Thập Điện Diêm Vương xử án, ghi chép lại. Sách còn chép những lời khuyên dạy của các vị thần chương quản âm phủ. Nội dung có tác dụng khuyến thiện rất mạnh, nên sách này cũng được Phật môn Trung Hoa coi trọng.

mới học Đại Thừa bèn rất có hiệu quả, chẳng kém Tiểu Thừa. Đây là một đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc, cần phải biết: Do dùng Nho và Đạo làm cơ sở, nên Nho, Thích và Đạo dung hợp thành một Thể.

Tại Trung Quốc, trong xã hội, trên hình thức vẫn có Nho, Thích, Đạo, trên thực tế, Nho, Thích, Đạo đã dung hợp thành nhất thể. Kẻ học Đạo cũng đọc kinh Phật, cũng đọc Tứ Thư, Ngũ kinh; học Nho cũng học Đạo, mà cũng học Phật rất phổ biến. Nhất là những kinh như kinh Kim Cang, kinh Hoa Nghiêm, kinh Địa Tạng đã biến thành những công khóa rất phổ biến, Nho cũng học, mà Đạo cũng học. Tới thời cận đại, sau khi nhà Thanh sụp đổ, xã hội Trung Quốc ở mãi trong tình trạng hỗn loạn, bất an; tiếp đó [Trung Hoa] bị người Nhật Bản xâm lược, tám năm Kháng Chiến. Chúng ta coi nhẹ những thứ truyền thống này! Hiện thời, đúng như đức Phật đã giảng trong kinh Vô Lượng Thọ: “*Tổ tiên bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*” (Tổ tiên chẳng lành, chẳng biết đạo đức, không có ai nói [cho biết], nên cũng chẳng có gì là lạ). Chúng ta chẳng thể trách cha mẹ, cũng chẳng thể trách phụ mẫu, cũng không có thể trách móc ông bà, chỉ có thể trách chúng ta sanh trong hoàn cảnh này. Hoàn cảnh chẳng tốt đẹp, chúng ta ra đời trong hoàn cảnh ấy. Chúng ta phải biết: Trong ấy, có rất nhiều nhân tố, chẳng phải là họ cố ý sơ sót, mà là do tình thế gây nên. Làm thế nào đây? Phải bù đắp, phải bỏ túc cơ sở giáo dục ấy. Thật sự bỏ ra thời gian một hai năm để vun bồi căn bản. Vun bồi căn bản thật sự tốt đẹp thì bất luận tu gì cũng đều có thành tựu, điều này rất trọng yếu. Vì thế, điều đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là nói về ba căn bản của Nho, Thích, Đạo. Có những căn bản ấy mới có thể học Phật.

Vì thế, điều thứ hai là học Phật, học Phật từ chỗ nào? “*Thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*” (thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi), tới lúc này mới nhập Phật môn. Quý vị vừa mở kinh Phật ra, [bèn thấy] “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, vì sao? Họ trọn đủ điều lành đầu tiên, cũng có nghĩa là người ấy thật sự thực hiện “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện Nghiệp*”, người ấy thật sự làm được. Do người ấy có điều kiện này, nên mới có thể tiếp nhận Tam Quy Ngũ Giới trong Phật môn, khi xuất gia sẽ tiếp nhận Sa Di Giới và hai mươi bốn món oai nghi trong mười giới điều của Sa Di

Có cơ sở như vậy thì mới có thể đạt tới điều thứ ba. Điều thứ ba là Đại Thừa, điều thứ hai là Tiểu Thừa, chẳng trái nghịch thứ tự. Đạt đến điều thứ ba là Đại Thừa Bồ Tát. Điều thứ nhất của Đại Thừa Bồ Tát là “*phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả*”. Nhân quả ở đây chẳng phải là nhân quả Tiểu Thừa, hay nhân quả thể

gian; nhân quả thế gian đã học trong điều thứ nhất [của Tam Phước]. Nhân quả ở đây là gì? Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, nói về pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật thành Phật! Chẳng phải là nói tới nhân quả thông thường. Cách nói này rất thấu triệt, chúng ta chớ nên không biết! Pháp môn này dạy quý vị niệm Phật, đối với nhân quả này, quý vị phải tin tưởng, tin sâu, nguyện thiết, không ai chẳng vãng sanh. “*Độc tụng Đại Thừa*”, “*độc*” (讀) là đối trước cuốn kinh để niệm. Tụng (誦) là rời khỏi bản kinh, đọc thuộc lòng; quý vị niệm rất thuộc sẽ có thể đọc thuộc lòng. Đó là gì? Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, quý vị sẽ có thể thành Phật! Đại Thừa là nói đến gì? Nói theo nghĩa rộng sẽ là kinh Đại Thừa. Giảng theo nghĩa hẹp là Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh, tức là bộ kinh này, quý vị chắc chắn thành Phật, vãng sanh thành Phật. [Kinh này] phù hợp thể kỷ hiện đại này nhất. Hiện thời, khoa học kỹ thuật tiên bộ, kiến thức bùng nổ, con người chuộng đơn giản. Đơn giản nhất là bộ kinh này, mà bộ kinh Vô Lượng Thọ này có thể bao gồm hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, thật đấy, chẳng giả đâu! Trong phần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, đúng là “*một tức là hết thảy*”, chẳng sót một điều nào. Vì thế, bộ kinh này vô cùng thù thắng, thập phương chư Phật tán thán. Tôi giảng kinh suốt năm mươi hai năm, theo kinh nghiệm của tôi, giảng bất luận kinh nào đều chẳng có pháp duyên thù thắng như giảng kinh Vô Lượng Thọ. Nếu quý vị nghe kinh, chú tâm suy nghĩ quan sát, sẽ có thể quan sát thấy giảng bộ kinh này pháp duyên vô cùng thù thắng, bất luận ở nơi nào, vì sao? Chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ. Chúng ta mắt thịt chẳng thấy chúng sanh đông đảo! Cũng có những kẻ được Hoa Lục gọi là “*có công năng đặc dị*”, trong Phật pháp gọi là Thiên Nhân Thông, có thể thấy các chúng sanh ấy, họ biết đạo tràng này thính chúng rất đông! Vì thế, đọc bộ kinh này, giảng bộ kinh này, học tập bộ kinh này, cảm ứng thù thắng khôn sánh. “*Khuyến tấn hành giả*” là giáo hóa chúng sanh, độc tụng Đại Thừa là tự hành, tức là chính mình nương theo kinh giáo tu hành, tự hành, hóa tha, “*khuyến*” là khuyến người khác.

“*Hữu viết*” (lại nói), điều nói thêm này cũng trích từ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. “*Nhược hữu chúng sanh nguyện sanh bỉ quốc, phát tam chủng tâm, tức tiên vãng sanh*” (Nếu có chúng sanh nguyện sanh về cõi ấy, phát ra ba thứ tâm sẽ liền vãng sanh). Đây là phát Bồ Đề tâm, vì sao Bồ Đề tâm lại có ba thứ? Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói tới nhất tâm, ba tâm ở đâu ra? Ba tâm là nhất tâm, nhất tâm là tam tâm, Phật pháp nói tới Thể, Tướng, Dụng. Ở đây, nói tới “tam tâm” tức là có Thể và Dụng, Dụng được chia thành hai: Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Ta dùng tâm gì để đối đãi chính mình, dùng tâm gì để đối xử với người. Quán Kinh

dạy: “*Nhất giả chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm. Cự tam tâm giả, tất sanh bỉ quốc*” (một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm; trọn đủ ba tâm ấy, ắt sanh về cõi kia). Quý vị thấy ở đây, Thể của Bồ Đề tâm là chí thành tâm. Thành (誠) là gì? Giảng chữ này như thế nào? Trong bút ký đọc sách, tiên sinh Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa rất hay, tương ứng với Giáo pháp Đại Thừa, ông ta nói: “*Nhất niệm bất sanh, thị vị Thành*” (Một niệm chẳng sanh thì gọi là Thành). Khởi tâm động niệm sẽ chẳng có Thành! Không khởi tâm, không động niệm, tâm ấy là thành tâm, chí thành là Thành đến tột bậc. Tiên sinh Tăng Quốc Phiên cũng là một người học Phật, tôi nghĩ định nghĩa của ông ta [dựa theo những] điều được nói trong kinh Đại Thừa. Ai có chí thành tâm? Thưa quý vị, Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Trong mười pháp giới không có, chúng ta biết giai tầng cao nhất trong mười pháp giới là Phật, [tứ thánh trong] mười pháp giới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật, nhưng vị Phật ấy vẫn dùng A Lại Da. A Lại Da là gì? A Lại Da là khởi tâm động niệm. Ngài không có phân biệt và chấp trước, nhưng có khởi tâm động niệm; vì thế, Ngài là vọng tâm, chưa phải là chân tâm. Hễ phát tâm này, thưa quý vị, quý vị là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, quý vị bèn thành Phật, chân tâm mà! Dùng chân tâm là Phật, dùng vọng tâm là mười pháp giới. Tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới dùng vọng tâm chánh đáng, vì luôn luôn tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, luôn y giáo tu hành, nên sử dụng vọng tâm chánh đáng. Lục đạo dùng vọng tâm tà vạy, chẳng chánh; Kiến Tư phiền não trong lục đạo chướng ngại họ. Vì vậy, trong tứ thánh có phân biệt, nhưng không có chấp trước, có Trần Sa phiền não, nhưng không có Kiến Tư phiền não, thoát ly lục đạo luân hồi. Chí thành tâm chẳng dễ dàng!

“*Hai là thâm tâm*”, thâm tâm là Tụ Thụ Dụng; đối với cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật của chính mình, phải dùng tâm nào? Dùng thâm tâm. Thâm tâm là gì? Chúng ta dùng năm chữ “*thanh tịnh bình đẳng giác*” trong tựa đề của kinh này. Hơn hai mươi năm trước, tôi giảng kinh này tại Mỹ, khi tôi giảng Bồ Đề tâm theo cách như vậy, mọi người dễ hiểu. Tôi thêm một chữ Chánh vào Giác, thành Chánh Giác. Tôi dùng mười chữ, chân thành là chí thành tâm, chân thành; thâm tâm là thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác; còn Tha Thụ Dụng thì sao? Tha Thụ Dụng là tâm từ bi, ở đây nói là “*hồi hướng phát nguyện tâm*”. Dem hết thầy công đức do chính mình đã tu, đã học, hồi hướng cho pháp giới chúng sanh, phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc, từ bi tới cùng cực. Đây là nhiếp hết thầy chúng sanh vãng sanh Phật quốc, từ bi tới cùng cực! Chưa vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế

giới thì tâm từ bi chẳng viên mãn, vì sao? Đòi sau họ vẫn phải luân hồi trong lục đạo! Đòi này, quý vị yêu thương, che chở họ, giúp đỡ họ ra sao đi nữa, đòi sau họ vẫn phải luân hồi. Đức Phật giúp đỡ chúng sanh bèn giúp đến tột cùng, thật sự giúp kẻ khác về đến nhà, chẳng thể làm nửa vời, trong một đời phải đạt tới viên mãn, quý vị nhất định phải khuyên dạy kẻ ấy niệm Phật sanh Tịnh Độ. Chính quý vị nhất định phải là một tấm gương vô cùng tốt đẹp, khiến cho kẻ ấy sau khi trông thấy sẽ thật sự sanh tâm cảm động, thật sự có thể buông xuống vạn duyên, vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, tới thế giới Cực Lạc thành tựu hết thảy Phật pháp. Nơi ấy là một ngôi trường tốt đẹp; sanh về thế giới Cực Lạc sẽ vô lượng thọ, có thời gian [lâu dài] ấy! Tìm chẳng ra nơi chốn nào học Phật tốt hơn thế giới Cực Lạc, mười phương chư Phật tán thán. Quý vị thấy ngay cả Tỳ Lô Giá Na Phật trong thế giới Liên Hoa Tạng cũng tán dương Văn Thù và Phổ Hiền đã dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, học tập A Di Đà Phật, tuyệt diệu! Chúng ta thấy rõ chân tướng sự thật này, nghĩ thông suốt, sau đây sẽ khẳng khái một mực quy tâm Tịnh Độ, chẳng làm điều gì khác nữa!

Trong các buổi giảng, trong quá khứ, tôi đã thưa với quý vị nhiều lần, thầy Lý ban cho tôi bản mi chú bộ kinh này. Sau khi tôi đọc xong, sanh tâm đại hoan hỷ. Khi ấy, tôi đang giảng kinh Hoa Nghiêm, chẳng muốn giảng nữa. Giảng kinh Hoa Nghiêm được phân nửa, bộ Bát Thập Hoa Nghiêm giảng được phân nửa, bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm giảng được phân nửa, tôi không muốn giảng, đã nghĩ sẽ phát tâm chuyên giảng bộ kinh này. Trước sau tôi đã giảng kinh này mười lượt, lần này là lần thứ mười một, chuyên tu Tịnh Độ. Vì sao sau này lại giảng kinh Hoa Nghiêm? Tôi thưa với quý vị, là do ba người khai thỉnh, pháp sư Khai Tâm ở Đài Loan, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ ở Bắc Kinh, Hàn Quán Trưởng của Hoa Tạng Đồ Thư Quán hai hôm trước khi vãng sanh, ngã bệnh nằm trong bệnh viện, đã khẩn thiết yêu cầu, mong tôi giảng kinh Hoa Nghiêm viên mãn. Do trước đây giảng không có các thiết bị, tôi giảng Hoa Nghiêm lần đầu tiên không chỉ chẳng thấu hình, mà ngay cả thấu âm cũng không có. Bà ta hy vọng tôi có thể giảng cạn kẽ từ đầu một lượt, khi ấy vẫn là dùng băng video, lưu lại cho người đời sau tham khảo. Tôi thấy bà ta bệnh rất nặng, nhằm an ủi bà ta bèn đáp ứng; đây là nhân duyên giảng kinh Hoa Nghiêm lần thứ hai. Tôi di dân sang Tân Gia Ba, ở Tân Gia Ba gần bốn năm, cư sĩ Lý Mộc Nguyên biết chuyện này, đã thay mặt ba vị đại đức ấy chính thức khai thỉnh. Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm được khai giảng tại Tân Gia Ba Cư Sĩ Lâm. Chúng tôi giảng hơn bốn ngàn giờ, giảng được bao nhiêu? Đại khái là giảng một phần năm kinh Bát Thập Hoa Nghiêm, giảng rất tỉ mỉ, mọi người rất

hoan hỷ. Kinh này là Trung Bản Hoa Nghiêm, xét đến tiên độ (tốc độ tiên triển) học tập của chúng ta lần này ở nơi đây, ngày hôm nay là ngày thứ hai mươi lăm, chúng ta học đến trang hai mươi lăm, hai giờ học được một trang, e rằng bản Đại Kinh Giải của lão nhân gia cũng gần một ngàn trang, như vậy là một ngàn lần, [tức là] một ngàn lần hai giờ. Phương pháp học tập này có thụ dụng, càng cặn kẽ, càng hoan hỷ, đúng là pháp hỷ sung mãn, chúng tôi vẫn muốn tăng nhanh tiến độ hơn một chút. Vì thế, đối với ba thứ tâm này, chúng tôi dùng văn tự đơn giản dễ hiểu nhất để mọi người xem đến sẽ rất dễ hiểu. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, phải thật sự phát những tâm ấy. Dùng những tâm ấy cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định được vãng sanh. Đầy đủ ba tâm, ắt sanh về cõi ấy!

“*Phát thử tam tâm, diệc tức phát Bồ Đề tâm dã. Hựu Mật Tông tối trọng phát đại Bồ Đề tâm*” (Phát ba tâm ấy, cũng chính là phát Bồ Đề tâm. Lại nữa, Mật Tông coi trọng phát đại Bồ Đề tâm nhất). Hoàng lão cư sĩ từng tham Thiên, học Mật, cụ là Kim Cang Thượng Sư trong Mật Tông, Hiền Mật viên dung, thông Tông, thông Giáo, là một vị trưởng giả đại đức hiếm có. “*Kỳ giáo điển Bồ Đề Tâm Nghĩa vân: Bồ Đề chi tâm, thành Phật chi bản, đại sự nhân duyên mạc quá u thử*” (Giáo điển Bồ Đề Tâm Nghĩa của họ có nói: “Tâm Bồ Đề là cội rễ thành Phật, đại sự nhân duyên không có gì hơn điều này”), mười sáu chữ ấy nói lên tánh trọng yếu của Bồ Đề tâm. Bồ Đề là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán có nghĩa là Giác, “*tâm Bồ Đề là giác tâm*” tức là như trong tựa đề kinh đã nói “*thanh tịnh bình đẳng giác*”. Tôi thường thưa trình cùng quý vị, mà cũng nhắc nhở mọi người, tâm thanh tịnh là A La Hán, tâm bình đẳng là Bồ Tát, giác tâm là Phật, đức Phật đã giác ngộ, giác do đâu mà có? Giác do bình đẳng mà có, bình đẳng là tam-muội. Trì giới sẽ có thể đắc thanh tịnh tâm, nhân Giới đắc Định, Định là tam-muội. Đắc tam-muội, tâm bình đẳng hiện tiền, định tới một mức độ nhất định sẽ tự nhiên khai ngộ. Giác là khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là căn bản để thành Phật, là đại sự nhân duyên không gì hơn được! Đó là nói rõ chúng ta học Phật thì học Phật là một đại sự nhân duyên, vì sao? Trở về tự tánh. Chúng sanh mê mất tự tánh, đọa lạc trong mười pháp giới, đọa lạc trong lục đạo luân hồi, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ và tạo tác hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức, cho nên chịu khổ chịu nạn. Nói theo giáo nghĩa Đại Thừa, tai nạn do đâu mà có? Tâm hạnh bất thiện. Vì sao? Học đã nhiều năm như vậy, tâm quý vị đều hiểu khá rõ ràng: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Kiên định thiện tâm, thiện nguyện, hoàn cảnh cư trụ của chúng ta sẽ biến thành đại địa cứng chắc, sẽ chẳng có tai nạn, động đất, đất đá truồi! Hôm trước, chúng tôi xem một bản tin, tôi còn xem hình chụp, dường như ở Đài Loan bị

núi lở, cả ngọn núi sụp xuống, cây cối mọc trên núi vẫn còn nguyên, ở chính giữa, đột nhiên mặt đất sụp nát, trước nay chưa hề thấy hiện tượng này, chẳng hề thấy! Nói theo Phật pháp, đây là cái nhân gì? Tâm hạnh của chúng ta bất thiện cảm với đại địa lỏng lẻo, lay động, chẳng ổn định. Có đúng hay không? Đúng vậy!

Nay ta suy nghĩ, có mấy ai định tâm? Tâm đều chẳng định, có thể nói là “tâm hoảng, ý loạn”, đại chúng trong xã hội hiện thời đều là như vậy, chẳng có cảm giác an toàn. Không giống như người thuở trước, trước đây lòng người an định, tâm họ an định ở nơi đâu? Định tại luân lý, đạo đức. Bởi lẽ giáo dục thuở trước nhằm dạy vun bồi vững vàng căn bản, dạy quý vị định tại hiếu đễ, định tại Ngũ Luân, định tại Ngũ Thường, định tại Tứ Duy, Bát Đức, suốt đời khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, cuộc sống đều tốt đẹp, làm việc cũng tốt đẹp, đãi người tiếp vật luôn có thường quy (quy củ thường hằng), chẳng vượt quy củ, nên tâm họ định. Hiện thời chẳng còn nữa, hiện thời tâm bất định, không có cảm giác an toàn, nên đại địa lỏng lẻo, đại địa cũng chẳng định, giải thích chuyện này theo giáo pháp Đại Thừa sẽ thấy thông suốt. Nếu chúng ta chẳng thể nghiêm túc học tập giáo huấn của thánh hiền hòng định cái tâm, những chuyện này (thiên tai) sẽ thường xuyên nảy sinh, càng ngày càng nhiều, phiền toái lắm! Có ngăn ngừa, cũng chẳng thể ngăn ngừa xiết! Quý vị thấy trong hai năm qua, số lần động đất nhiều hơn quá khứ quá lớn. Xét trên toàn thế giới, mỗi tháng đều có vài lần, chẳng cố định ở một nơi nào cả! Số lần xảy ra càng ngày càng nhiều, tai hại ngày càng nghiêm trọng. Hãy nhớ “*hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, đức Phật nói câu này quá hay! Tâm chúng ta suy tưởng chuyện gì? Phải thường nghĩ đến giáo huấn, luân lý, đạo đức của tổ tông, thường nghĩ đến giáo huấn của Phật. Đức Phật bảo chúng ta hãy “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, tâm định chắc nơi thế giới Cực Lạc, tâm định chắc nơi A Di Đà Phật. Tâm chúng ta đã định, núi, sông, đại địa cũng được củng cố theo, sẽ chẳng xuất hiện vấn đề. Do vậy, phải định chắc nơi phát Bồ Đề tâm. Chúng ta vẫn chưa thể thực hiện tâm chân thành, vì sao? Nếu làm được, quý vị sẽ vượt thoát mùi pháp giới, thành Phật rồi! Nhưng chúng ta phải hết sức nghiêm túc học tập tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, học trong cuộc sống hằng ngày.

Phần trước đã giảng rất hay, Vãng Sanh Luận dạy chúng ta học vô nhiễm thanh tịnh tâm. Biết những gì là ô nhiễm, chúng ta xa lìa ô nhiễm. Phải nhớ: Tự tư tự lợi là ô nhiễm, tiếng tăm, lợi dưỡng là ô nhiễm, hưởng thụ ngũ dục lục trần là ô nhiễm, tham, sân, si, mạn là ô nhiễm. Ô nhiễm nhiều quá, rất nhiều! Quý vị phải có huệ nhãn, thấy rõ rệt, phân định rõ ràng, xa lìa hết thấy ô nhiễm, trở về tâm thanh tịnh.

Sau khi đạt được tâm thanh tịnh, lại tiến thêm bước nữa là tu tâm bình đẳng, tâm bình đẳng học từ nơi đâu? Học từ khiêm ty, tôi chẳng nói khiêm hư, mà là khiêm ty. Ngay cả kinh Mân Côi của Thiên Chúa giáo, đoạn thứ nhất dạy con người hãy học theo đức khiêm ty của Đức Mẹ Maria. Tại Trung Quốc, câu đầu tiên trong sách Lễ Ký là “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”). Theo Lễ Ký, tinh thần của lễ là gì? Tự nhún mình, đề cao người khác, chính mình khiêm ty, tôn trọng người khác, đó là lễ, là căn bản của lễ. Quyết định chẳng ngạo nghễ, ngã mạn! Ngạo nghễ, ngã mạn sẽ cảm vời gì? Động đất. Chúng ta bèn hiểu: Nếu chúng ta tự nhún mình, tôn trọng người khác, nơi chúng ta ở sẽ chẳng bị động đất. Chúng ta phải tin tưởng Phật và lời đức Phật nói, nếu không tin sẽ chẳng có cách nào hết! Nhất định phải tin tưởng, quyết định chớ hoài nghi, sẽ phát sanh hiệu quả. Nếu quý vị có kiến thức giống như những người bình phàm: “Phật là mê tín, không có căn cứ khoa học” sẽ rắc rối to! Tai nạn hiện tiền, nhưng quý vị như thế nào? Chẳng tin tưởng!

Chúng ta đọc đoạn tiếp theo: “*Hựu Bồ Đề Tâm Luận vân: Thử Bồ Đề tâm, năng bao tàng nhất thiết chư Phật công đức pháp cố. Nhược tu chứng xuất hiện, tắc vi nhất thiết đạo sư. Nhược quy bốn, tắc thị Mật Nghiêm độ, bất khởi u tọa, năng thành nhất thiết Phật sự*” (Lại nữa, Bồ Đề Tâm Luận nói: “Tâm Bồ Đề này có thể chứa đựng pháp công đức của hết thầy chư Phật. Nếu tu chứng xuất hiện, sẽ là đạo sư của hết thầy. Nếu trở về gốc sẽ là cõi Mật Nghiêm, chẳng rời khỏi tòa mà có thể thành tựu hết thầy Phật sự”). Đây là một đoạn trích từ Bồ Đề Tâm Luận, từ đây cho đến cuối đều là những điều được nói trong Bồ Đề Tâm Luận. Bồ Đề tâm có thể “*bao tàng*” (Bao (包) là bao dung, Tàng (藏) là chứa đựng) pháp công đức của hết thầy chư Phật, có nghĩa là tự tánh vốn sẵn đủ hết thầy trí huệ và đức tướng, có thể sanh ra vạn pháp, câu này có ý nghĩa như vậy đó. [Bồ Đề Tâm Luận đã] hiển thị vạn pháp từ đâu sanh ra? Sanh từ Bồ Đề tâm, đúng hay không? Đúng vậy! Ý nghĩa này quá sâu. Thể của tự tánh là Bồ Đề tâm, tự tánh có thể sanh ra vạn pháp. Huệ Năng đại sư kiến tánh đã nói năm câu để hình dung Bồ Đề tâm, Ngài nói: “*Hà kỳ tự tánh, bốn tự thanh tịnh*” (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh), chân tâm của chúng ta vĩnh viễn thanh tịnh, chưa hề bị ô nhiễm. Ô nhiễm là A Lại Da [bị ô nhiễm], nó là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm; trước nay chân tâm chưa hề bị ô nhiễm! Bất sanh, bất diệt, “*bốn bất sanh diệt*” (vốn chẳng sanh diệt), “*bốn tự cụ túc*” (vốn tự trọn đủ), trong câu này có rất nhiều ý, vốn tự trọn đủ thì điều thứ nhất là gì? Trí huệ là bậc nhất, tức là như trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật đã nói: “*Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, trí huệ là bậc nhất. Trí

huệ là gì? Trí huệ là Bồ Đề tâm, giác tâm, Bồn Giác. Khởi Tín Luận giảng: “*Bồn Giác vốn có, bất giác vốn không*”, bất giác là A Lại Da, là vọng tâm. Bất giác vốn không, Bồn Giác vốn có. Giác tâm là Bồ Đề tâm, giác tâm trọn đủ vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo; nên nó có thể sanh ra vạn pháp. Gặp duyên bèn hiện vạn pháp, duyên ấy là gì? Nhất niệm động, nay chúng ta nói là “dao động”, một niệm vô cùng vi tế ấy dao động!

Sự dao động ấy không có nhân, sau khi dao động bèn có nhân, có quả; chỉ có cái đầu tiên [là không có nhân], nên gọi là “vô thi vô minh”, thứ ấy không có nhân! Nếu quý vị muốn truy cứu cái nhân của nó, tức là đẩy lên phân biệt, khởi lên chấp trước, quý vị sẽ càng mê sâu hơn, trật rồi! Sự dao động thứ nhất chẳng có nhân. Đức Phật giảng rất hay, vì sao không có nhân? Vô thi, không có khởi đầu, vô thi đương nhiên sẽ chẳng diệt. Hễ có khởi đầu sẽ có kết thúc, nó chẳng có khởi đầu! Vì thế, câu nói này đã nói toạc ý nghĩa, đã không có bắt đầu thì quý vị chẳng cần phải hỏi, chẳng cần phải nghĩ tới nó. Vì thế, chẳng thể nghĩ bàn! Hễ quý vị vừa nghĩ hoặc nói bèn trật lất rồi, mà cũng chẳng biết trật đến đâu nữa! Lời này nói thật hay! Đây là ngôn ngữ thiện xảo. Nó có thể chứa đựng, vốn ẩn chứa sẵn; câu nói thứ ba của Huệ Năng đại sư, tức câu “*nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ*” mang ý nghĩa này! Ở đây nói “*pháp công đức của hết thầy chư Phật*”, nó chính là “*trí huệ và đức tướng*” như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói. Trong tựa đề kinh này, trí huệ là “Đại Thừa”, đức là “Vô Lượng Thọ”, tướng là “trang nghiêm”, toàn bộ được bao gồm trong tựa đề kinh. Thế giới Cực Lạc là cái được hiện, “*nhược tu chứng xuất hiện, tức vi nhất thiết đạo sư*” (nếu tu chứng xuất hiện, sẽ là đạo sư của hết thầy), A Di Đà Phật tu chứng xuất hiện, chúng ta thấy Ngài năm kiếp tu hành, đã tu thành công! Thế giới Cực Lạc bèn xuất hiện, thế giới Cực Lạc vẫn sanh từ tâm tưởng, có thật, chẳng giả! Ngẫu Ích đại sư có một ngoại hiệu là Tây Hữu Đạo Nhân, Tây là Tây Phương, [ngoại hiệu ấy] nghĩa là gì? Tây Phương có thật! Ngài chứng minh với mọi người, cõi Tây Phương có thật, nên tự xưng là Tây Hữu Đạo Nhân. A Di Đà Phật tu chứng xuất hiện, bèn xuất hiện Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài trở thành đạo sư của hết thầy đại chúng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đạo Sư là Phật, chỉ dạy đại chúng tu hành chứng quả. Tu hành trong thế giới Cực Lạc vẫn là tiến lên cao hơn từng cấp một, nhưng tốc độ nhanh chóng, chẳng giống như các thế giới phương khác, thời gian tu hành rất dài, vì sao? Chướng duyên quá nhiều, chướng ngại quá nhiều, hoàn cảnh tu hành chẳng tốt đẹp, thọ mạng ngắn ngủi, còn chưa thành công mà thọ mạng đã hết rồi! Chuyện thế trở lại, tôi thiếu bỏ

phí thời gian mười mấy, hai mươi năm, hễ làm lỡ bèn bị thoái chuyển, thoái chuyển với một mức độ lớn!

Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có sanh tử, vô lượng thọ. Hơn nữa, họ chẳng lãng phí, bỏ lỡ thời gian một phút, một giây nào! Đây là do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, niệm niệm đều tiến bộ. Hoàn cảnh tu học ấy tìm đâu ra? Trong các cõi Phật ở mười phương đều chẳng có! “*Nhược quy bốn, tắc thị Mật Nghiêm độ*” (nếu trở về gốc, sẽ là cõi Mật Nghiêm). Mật là gì? Chẳng phải là bí mật. Nếu bí mật chẳng thể nói với ai thì chưa hề là chuyện tốt. “*Mật*” (密) trong Phật pháp là “thâm mật”, tức là Lý quá sâu, Lý và Sự vô cùng sâu mầu. “*Nghiêm*” (嚴) là trang nghiêm. Cõi Mật Nghiêm là gì? Chính là Tây Phương Cực Lạc thế giới, thế giới Hoa Tạng. Nói rộng, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của hết thầy chư Phật đều là cõi Mật Nghiêm; nhằm phân biệt với mười pháp giới, các cõi thuộc mười pháp giới chẳng kiên cố như vậy. Cõi Mật Nghiêm vĩnh viễn chẳng có tai biến. Nó được thành tựu như thế nào? Chúng ta phải nhớ: Bồ Đề tâm thành tựu. Chúng tôi nhắc lại câu này một lượt, mọi người sẽ khắc sâu ấn tượng, “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Quý vị có thể làm được mười chữ ấy, sẽ “*tu chứng xuất hiện, làm đạo sư của hết thầy*”, sẽ thấy A Di Đà Phật, vì sao? Chính quý vị là A Di Đà Phật, thấy thế giới Cực Lạc, cõi Mật Nghiêm là thế giới Cực Lạc. Thân là thân kim cang bất hoại, tức chánh báo; cõi nước là y báo, trang nghiêm khôn sánh! Tây Phương Cực Lạc thế giới được gọi là [cõi do] thất bảo thành tựu, “*thất*” chẳng phải là con số, mà nhằm biểu thị sự viên mãn. “*Thất*” phải hiểu như thế nào? Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, chính giữa, dùng ý nghĩa này, đó là ý nghĩa viên mãn. Nói cách khác, do vô lượng vô biên trân bảo hợp thành. Đó là gì? Lòng tin kiên định thành tựu. Chúng sanh trong thế gian này mê mất tự tánh, hiện thời, chúng sanh mang tâm gì nặng nhất? Tâm nghi nặng nhất! Vì thế, hết thầy đều lỏng lẻo, phiền phức bèn xảy ra. Đối với chuyện gì cũng đều hoài nghi, chuyện này thật sự phiền phức, chẳng phải giả! Thứ gì cũng đều hoài nghi, nghiêm trọng nhất là hoài nghi thánh giáo, hoài nghi giáo huấn của tổ tông. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: “*Bất thính lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhĩ tiền*” (chẳng nghe lời người già, thua thiệt ngay trước mắt). Tổ tông yêu thương, quan tâm người đời sau, chẳng lừa gạt quý vị. Phật, Bồ Tát yêu thương, quan tâm chúng sanh, cũng chẳng lừa gạt quý vị. Quý vị không tin, sẽ chẳng có phước báo. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới chỗ này!

Tập 26

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Minh Tiên, Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang hai mươi lăm, hàng thứ tư từ dưới đếm lên, xem từ chữ cuối cùng.

“*Hựu Tán Bồ Đề Tâm viết: Nhược nhân cầu Phật huệ, thông đạt Bồ Đề tâm, phụ mẫu sở sanh thân, tốc chứng Đại Giác vị*” (Lại nữa, bài Tán Bồ Đề Tâm có đoạn: “Nếu ai cầu Phật huệ, thông đạt Bồ Đề tâm, từ thân cha mẹ sanh, mau chứng ngôi Đại Giác”). Trong những điều được giảng bởi bốn câu kệ này, câu đầu tiên nói về sự học Phật, các đồng học chúng ta phải chú ý, học Phật là học gì? Là cầu Phật huệ; Phật huệ ở đâu? Phật huệ vốn sẵn có. Tuy sẵn có, nhưng chúng ta mê mất. Cầu Phật huệ là tìm lại trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, đó gọi là “học Phật”, thật sự học Phật! Trong Đại Kinh thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta một câu mà đức Phật đã nói rất nhiều lần: “*Một tức là hết thấy, hết thấy tức là một*”, tìm được Phật huệ thì toàn bộ vô lượng công đức trong tự tánh đều tìm được. Đức Phật thường nhắc tới trí huệ và đức tướng, ở đây chỉ nói đại lược những điều chánh yếu, chứ nói chi tiết sẽ chẳng thể nói trọn! Vô lượng vô biên trí huệ và đức tướng toàn bộ đều tìm lại được, đó là thật sự học Phật. Quan trọng nhất trong việc cầu Phật huệ là phát Bồ Đề tâm. Ở đây, “*thông*” và “*đạt*” đều mang ý nghĩa “*phát*”. “*Thông*” là thông suốt, trôi chảy, chẳng có chướng ngại, “*đạt*” là đạt đến. Bồ Đề tâm là gì? Ngày hôm qua, tôi đã thưa cùng quý vị, “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*” viên mãn! Nay chúng ta tìm lại [Bồ Đề tâm] như thế nào? Thứ nhất, tâm chúng ta chẳng chân thành! Vì sao nói tâm chúng ta chẳng chân thành? Tâm chúng ta có chấp trước, có phân biệt, có vọng tưởng. Tiên sinh Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa chữ Thành là “*nhất niệm bất sanh thị vị Thành*” (một niệm chẳng sanh gọi là Thành). Ta có một niệm sẽ chẳng thành, [định nghĩa ấy có cùng] một ý nghĩa với lời đức Phật giảng trong kinh giáo. Nếu nói thông thường rất đơn giản, thì không khởi tâm, không động niệm sẽ là chân tâm, khởi tâm động niệm là vọng tâm.

Vì sao có vọng tâm? Đức Phật nói rất hay: “*Nhất niệm bất giác nhi hữu vô minh*” (một niệm bất giác bèn có vô minh). Một niệm bất giác là vô minh, gọi là vô thi vô minh. Vô thi chẳng phải là quá khứ quá lâu chẳng thể tìm được bèn gọi là vô thi, chẳng phải là ý nghĩa ấy! Thưa quý vị, vô thi là chẳng có khởi đầu, đúng vậy, nó là nhất niệm ngay trong lúc này! Di Lặc Bồ Tát đã nói, trong một giây, hiện thời chúng ta dùng giây làm đơn vị, nếu một giây khảy ngón tay năm lần, sẽ có một ngàn sáu trăm triệu niệm, một niệm trong ấy gọi là “*nhất niệm bất giác*”. Chẳng phải là chúng ta tưởng tượng mà nói ra; chúng ta tưởng tượng thì sẽ chẳng biết có bao nhiêu niệm, mỗi vọng tưởng đều dùng con số “triệu” để tính toán, một niệm ngắn nhất trong một cái khảy ngón tay, nhưng một cái khảy ngón tay đã trải qua ba trăm hai mươi triệu [niệm], đức Phật nói tới cái niệm ấy, niệm ấy vô thi. Niệm niệm đều vô thi; do vậy, niệm niệm cũng chẳng diệt, bất sanh, bất diệt, thật vậy! Quý vị chẳng tìm được sự sanh diệt của nó; vì thế, đối với vấn đề này, chúng ta thường hiểu nó là sanh diệt đồng thời, tốc độ quá nhanh! Không chỉ chẳng có cách nào diễn tả bằng ngôn ngữ, mà ngay cả thức thứ sáu của chúng ta cũng chẳng nắm bắt được [sự sanh diệt ấy]. Thức thứ sáu phân biệt nhanh lẹ nhất mà vẫn chẳng nắm bắt được! Vì sao đức Phật biết được ý niệm vi tế như thế là nhất niệm bất giác? Đức Phật dạy: Từ Bát Địa Bồ Tát trở lên đều biết! Chúng ta bèn hiểu Bát Địa Bồ Tát có công phu định lực ra sao, quý vị tu Thiên Định đến Bát Địa sẽ thấy. Tâm phải thanh tịnh dường ấy mới có thể cảm nhận được sự sanh diệt trong dao động vô cùng vi tế ấy, khởi lên và diệt mất có cùng ý nghĩa với sanh diệt. Vì thế, Bát Địa Bồ Tát thấy được, Cửu Địa thấy được, Thập Địa thấy được, Đẳng Giác thấy được, Diệu Giác thấy được, rất nhiều người thấy, chẳng phải chỉ một. Vì vậy, Bồ Đề là giác ngay trong một niệm hiện tiền, vô minh là một niệm mê ngay trong hiện tiền. Một niệm giác sẽ bất động; Huệ Năng đại sư đã nói rất hay: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng lay động*”, đó là một niệm giác. Một niệm mê là vọng động, là chuyển động. Vô minh là tướng động, cho nên Nghiệp Tướng của A Lại Da là vô minh, tức vô thi vô minh.

Vì vậy, chúng ta cầu Phật huệ, nhất định phải phát Bồ Đề tâm. Hiện tại, tâm chúng ta chẳng thành thật, chúng ta hiểu rõ điều này, đúng là chẳng chân thành. Chúng ta phải học theo đức Phật, học theo Pháp Thân Bồ Tát, sử dụng chân tâm, dùng thành ý, phải bắt đầu ngay từ bây giờ, chớ nên chờ đợi! Hễ chờ đợi là xong luôn, phải thực hiện ngay trong hiện tiền, xử sự, đãi người, tiếp vật, sinh sống, làm việc đều dùng cái tâm chân thành. Mọi người nghĩ trong xã hội này, nếu dùng cái tâm chân thành sẽ rất thiệt thòi, người khác lừa gạt quý vị, nhưng quý vị chẳng lừa người khác [sẽ bị thiệt thòi]. Quý vị phải giác ngộ, kẻ khác lừa ta, ta cũng lừa hắn,

[như vậy chính là] người khác tạo nghiệp lục đạo, ta cũng tạo nghiệp lục đạo, người khác tạo nghiệp tam đồ, ta cũng tạo nghiệp tam đồ, chẳng phải là ý nghĩa ấy hay sao? Nếu quý vị muốn thoát ly tam đồ, thoát ly mười pháp giới, hãy học theo Phật, Bồ Tát hành chân thật, chẳng giả. Điều này rất trọng yếu, đó là giác ngộ! Quý vị nhất niệm giác, sẽ chẳng theo sóng đuổi sóng, chẳng tạo nghiệp trong biển khổ lục đạo, chẳng tạo nữa, sử dụng tâm chân thành. Tâm chân thành xét theo Tự Thụ Dụng là tâm thanh tịnh, quả thật chẳng còn nhiễm dơ nữa, điều này cần phải có công phu. Vì sao? Trong thế gian này, đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, ngũ dục lục trần luôn dụ dỗ, mê hoặc quý vị, tài, sắc, tiếng tăm, ăn uống, ngủ nghỉ, thứ gì cũng đều dụ dỗ, mê hoặc, mà quý vị có thể chẳng bị lay động thì mới đắc tâm thanh tịnh. Nếu quý vị bị chúng lay động, tâm thanh tịnh sẽ mất đi ngay lập tức, Bồ Đề sẽ chẳng thông suốt, con đường ấy chẳng thông suốt. Tâm thanh tịnh thì con đường ấy sẽ thông suốt. Sau khi đắc tâm thanh tịnh, nếu còn có thể tiến thêm bước nữa, đắc tâm bình đẳng, bình đẳng là Phật tâm. [Phật nói ở đây chính là địa vị] Phật trong mười pháp giới, Phật tâm. Tiến cao hơn bước nữa là vị Phật thật sự, chẳng phải là giả Phật, Bồ Đề tâm bền thông suốt, đạt tới viên mãn.

Do vậy, biết tâm bình đẳng gắn với Bồ Đề tâm nhất. Quý vị xem tựa đề kinh này, sau “thanh tịnh, bình đẳng” là “giác”, bình đẳng mới có thể giác, bất bình đẳng sẽ chẳng giác. Phải triệt để diệt sạch tập khí ngạo mạn thì mới bình đẳng. Từ chỗ này, quý vị có thể hiểu rõ vì sao phải học khiêm ty? Vì sao ta phải khiêm ty đối với người khác, khiêm ty đối với hết thảy chúng sanh? Vốn là để thông với Bồ Đề tâm. Mảy may tập khí kiêu mạn nào sẽ đều chướng ngại Bồ Đề tâm, chẳng thông suốt. Quý vị nói xem: Khiêm ty có ích cho ai? Có đại lợi ích cho chính mình! Chẳng phải là đối với người khác, mà sự thật là thông suốt Bồ Đề tâm của chính mình! Quý vị nói xem chuyện này có trọng yếu lắm hay chẳng? Thông đạt Bồ Đề tâm phải thực hiện bằng khiêm ty; khiêm ty đối với người khác, khiêm ty đối với hết thảy động vật, đối với muỗi, trùng, kiến đều khiêm ty, chúng ta gọi chúng nó là “Bồ Tát kiến, Bồ Tát muỗi”, cung kính từ nội tâm đối với chúng nó, chúng nó sẽ cảm nhận được! Hiện thời, kể như chúng ta đã hiểu rõ, học sách Hoàn Nguyên Quán, chúng ta biết mỗi vi trần, mỗi sợi lông, hay nói theo thuật ngữ khoa học hiện tại, mỗi tế bào, mỗi hạt (hạt cơ bản), đều do Ngũ Uẩn Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức hiện ra. Nói cách khác, nó có thể tích, tuy rất nhỏ, nhục nhãn của chúng ta chẳng thể thấy được! Nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, những thứ này là A Lại Da, nó có thể biến hiện vạn pháp, hết thảy vạn pháp đều do những hạt cơ bản này hợp thành. Có khoa học gia nói những hạt cơ bản này là một hiện tượng dao động.

Chẳng sai! Quả thật là hiện tượng dao động, một niệm bất giác là dao động, từ dao động mà có, nói chẳng sai tí nào! Hễ chẳng động bèn chẳng có, Ngũ Uẩn chẳng có! Vì thế, Bát Nhã hiện tiền, chiếu kiến Ngũ Uẩn đều Không; nay chúng ta biết Ngũ Uẩn là hạt cơ bản, nhỏ hơn tế bào!

Thật sự có thể thông đạt thì “*phụ mẫu sở sanh thân, tức chứng Đại Giác vị*” (thân do cha mẹ sanh, mau chứng ngôi Đại Giác), hai câu này nói đến sự chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo trong một đời. Chỉ cần quý vị dùng Bồ Đề tâm, chắc chắn có thể chứng đắc. Pháp môn Tịnh Tông này bảo đảm quý vị thành tựu trong một đời, chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, thật sự tu hành, công phu chân thật, trong cuộc sống chẳng còn khởi tâm động niệm nữa. Trong công việc, trong đãi người, tiếp vật, trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn thành Phật viên mãn! Chuyện này chưa thể làm được! Chưa thể không khởi tâm, không động niệm, khó quá! Chẳng phải là người tầm thường [mà hòng làm được]; Phật pháp nói [người có thể làm được như vậy] là bậc thượng thượng căn. Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện [như thế]. Tại Trung Quốc, vào đời Đường, Huệ Năng đại sư cũng biểu diễn, bậc thượng thượng căn đấy! Kẻ căn cơ trung hạ, tập khí phiền não nặng nề huân tu từ vô thủy kiếp. Chúng ta gặp duyên, đối với chuyện một người có thể tu hành thành tựu trong một đời hay không, Thiện Đạo đại sư đã nói một câu rất hay: “*Tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (nói chung là do gặp duyên sai khác). Duyên là cơ hội! Nếu quý vị gặp được cơ duyên tốt đẹp, sẽ có thể thành tựu, sẽ quay đầu trong một đời này! Gặp gỡ thánh giáo, gặp Đại Thừa, gặp Tịnh Độ, duyên đấy! Gặp gỡ thiện tri thức tốt lành, tức là gặp thầy, thiện hữu và đồng học tốt lành, gặp hoàn cảnh tu học tốt đẹp, thật sự khó! Quả thật chẳng dễ dàng! Những điều ấy quý vị đều gặp, chắc chắn sẽ thành tựu trong một đời này, duyên trọn đủ, thiện căn trọn đủ, phước đức trọn đủ. Thiện căn là có thể tin, có thể hiểu; phước đức là thật sự làm. Vậy thì quý vị sẽ nhanh chóng chứng địa vị Đại Giác.

Đọc tiếp đoạn kể đó: “*Hựu chư kinh chi vương Hoa Nghiêm kinh vân: Vong thất Bồ Đề tâm, tu chư thiện pháp, thị danh ma nghiệp*” (Lại nữa, vua của các kinh là kinh Hoa Nghiêm có dạy: “Tu các pháp lành mà quên mất Bồ Đề tâm thì gọi là ma nghiệp”). Kinh Hoa Nghiêm nói như thế, chúng ta đọc qua, nhưng tu hành bèn quên tuốt Bồ Đề tâm, thật sự quên mất ư? Thật sự! Thậm chí quý vị học tập kinh giáo, giảng kinh, thuyết pháp trên giảng đài, quên sạch Bồ Đề tâm. Có sao quên sạch? Chẳng phải là tâm chân thành, vẫn xen tạp tiếng tăm, lợi dưỡng, vẫn xen tạp tự tư tự lợi, quên sạch Bồ Đề tâm, quên sạch sanh sanh! Nói cách khác, hễ còn có

vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng có Bồ Đề tâm! Đó là gì? Đó là tâm lục đạo chúng sanh, là tâm luân hồi. Tâm luân hồi giảng kinh cũng là nghiệp luân hồi, bất quá nó là thiện nghiệp trong nghiệp luân hồi, quả báo trong tương lai là tam thiện đạo, không thoát khỏi lục đạo luân hồi, [vì vậy, nói nó] là ma nghiệp! Do đó, tu hết thấy các thiện pháp, tu Phật pháp, đều gọi là ma nghiệp, là phước báo trong lục đạo. Quý vị tu đến Sắc Giới Thiên, tu tới Vô Sắc Giới Thiên, vẫn chưa được! Tuổi thọ trong Vô Sắc Giới Thiên đã hết, vẫn phải đọa lạc, ngàn ngữ bảo là “trèo cao, ngã đau”. Trèo tới Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, sau khi đã chết, trong kinh đức Phật thường dạy, thường là đọa xuống A Tỳ địa ngục. Vì sao? Tín tâm của người ấy dao động! Người ấy làm tướng Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên là Đại Bát Niết Bàn do chư Phật đã chứng đắc, ngỡ là đạt tới cảnh giới ấy thì chính mình đã chứng đắc Đại Bát Niết Bàn, bất sanh, bất diệt! Tới khi công phu định lực mất đi, thọ mạng như trong kinh đã nói cũng chính là công phu định lực của vị trời ấy, công phu định lực của vị ấy tồn tại tám vạn đại kiếp. Khi đã hết tám vạn đại kiếp, Định mất đi, khi mất đi, vị ấy bèn nghĩ: “Trước kia, chư Phật, Bồ Tát đã dối gạt ta, chứng đắc Đại Niết Bàn sẽ chẳng sanh, chẳng diệt. Cớ sao nay phiền não của ta lại hiện hành?” Do một niệm ấy bèn tạo tội nghiệp A Tỳ địa ngục, hủy báng thánh hiền, báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, do tội nghiệp ấy bèn đọa địa ngục, quý vị nói có đáng sợ lắm hay không? Vị ấy chẳng biết chính mình làm lỗi, lại đổ thừa Tam Bảo. “*Phát tâm chi yếu, bất ngôn khả dụ*” (Tầm trọng yếu của phát tâm, chẳng thể dùng lời lẽ nào tỷ dụ được), chúng ta nhất định phải nhớ lời này!

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp: “*Nguyên Hiếu sư đặng*” (các vị như ngài Nguyên Hiếu), vị này đã nói trong phần trước, “*dĩ phát Bồ Đề tâm vi chánh nhân, niệm Phật vi trợ nhân*” (các vị như sư Nguyên Hiếu cho rằng: Phát Bồ Đề tâm là chánh nhân, niệm Phật là trợ nhân). Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã tuân theo ý nghĩa này! Trong bản Yếu Giải chú giải kinh Di Đà của Ngẫu Ích đại sư, [Ngài đã nói] “có thể vãng sanh hay không là do tín nguyện có hay không quyết định”. Quý vị thấy [tín nguyện là phát Bồ Đề tâm] là chánh nhân, còn công phu niệm Phật sâu hay cạn sẽ quyết định phẩm vị cao hay thấp sau khi vãng sanh Cực Lạc. Có thể vãng sanh hay không do tín nguyện quyết định; phẩm vị cao thấp do công phu niệm Phật của quý vị [quyết định]. Ngẫu Ích đại sư cũng giảng cùng một ý nghĩa với các vị như ngài Nguyên Hiếu. “*Ngã quốc Thiện Đạo, Linh Chi dĩ Nhật Bản Tịnh Tông chư gia, tặc dĩ trì danh vi Chánh Hạnh, phát tâm vi Trợ Hạnh*” (Các vị như Thiện Đạo, Linh Chi của nước ta và các vị trong Tịnh Tông Nhật Bản coi trì danh là Chánh Hạnh, phát tâm là Trợ Hạnh). Đây là “*người nhân thấy là nhân,*

người trí thấy là trí”, các vị tổ sư đại đức có quan điểm khác nhau, có những vị nghĩ trì danh niệm Phật là Chánh Hạnh, phát Bồ Đề tâm là Trợ Hạnh, Chánh và Trợ phải cùng tu. Có Chánh mà chẳng có Trợ, sẽ chẳng thể thành công. Có Trợ mà chẳng có Chánh, cũng chẳng thể thành công. Do vậy, Liên Trì đại sư dung hội; trong Di Đà Kinh Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã “*hòa hội chi viết: Hoàn dĩ trì danh vi Chánh Hạnh, phục dĩ trì danh vi phát Bồ Đề tâm*” (bèn nói dung hòa, tổng hợp rằng: “Vẫn lấy trì danh làm Chánh Hạnh, lại coi trì danh là phát Bồ Đề tâm”). Thật sự trì danh là phát Bồ Đề tâm, vì sao? Trong ấy có đạo lý, trì danh niệm Phật đến nhất tâm bất loạn chẳng phải là Bồ Đề tâm ư? Trì danh chưa đạt tới nhất tâm bất loạn sẽ chẳng phải là Bồ Đề tâm, chư vị phải biết điều này! Bồ Đề tâm là tâm thanh tịnh, là tâm bình đẳng. Ta niệm một câu A Di Đà Phật này, niệm suốt ngày từ sáng đến tối, trong tâm là A Di Đà Phật, miệng là A Di Đà Phật, toàn bộ những thứ khác đều buông xuống, đó là Bồ Đề tâm. Nếu ta niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng chẳng buông những thứ khác xuống, để chúng xen tạp vào đó, sẽ chẳng phải là Bồ Đề tâm. Các thuyết đều có lý, Liên Trì đại sư muốn dung hội, đây là “*một là hết thấy, hết thấy là một*”, pháp môn Bất Nhị, Bồ Đề tâm và trì danh là một, không hai. Thật sự trì danh niệm Phật, quả thật đã viên mãn Bồ Đề tâm. Nếu không, cứ sao khi người ấy vãng sanh lại có thể có tướng lành tốt đẹp ngàn ấy, biết trước lúc mất, ra đi rất tiêu sái, rất tự tại? Do Bồ Đề tâm! Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư đã nói: “*Tắc song thủ lưỡng gia nhi hòa hội kỳ nghĩa dã*” (dùng cả hai thuyết để dung hội ý nghĩa).

“*Kim sùng*” (nay tôi đề cao), hiện thời, chúng ta tôn trọng, “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi bốn kinh chi Tông*” (phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm là Tông của kinh này). Đây là ghép chung phát tâm và trì danh lại thành tông chỉ và nguyên tắc chỉ đạo tu học trong kinh này. Nói cách khác, Tông ấy là [Tông của] bản kinh bậc nhất trong Tịnh Độ Tông, mà tám chữ “*phát Bồ Đề tâm, luôn luôn chuyên niệm*” cũng là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong tu Tịnh Độ “*Chánh thị song thủ lưỡng gia*” (tức là lấy ý kiến của cả hai học phái), “*lưỡng gia*” là hai phái, tức hai học phái xưa nay, thu nhận chủ trương của hai học phái. “*Phục hựu nhiếp quy danh hiệu, chánh dĩ Liên Trì đại sư chi ý tương khế*” (lại còn nhiếp về danh hiệu, thật sự khế hợp với ý của Liên Trì đại sư). Phát tâm vãng sanh, đương nhiên phẩm vị vãng sanh càng cao càng hay! Càng cao, càng hay! Đây là do trì danh, sốt sắng, thật thà niệm Phật, phẩm vị bèn cao. Chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch những ý nghĩa này, sẽ rất hữu ích đối với sự tu học của chính mình. “*Thả thủ bát tự, triển chi tắc vi Triệt Ngô thiên sư chi giáo*” (Vả nữa, tám chữ ấy khai triển sẽ thành lời dạy của thiên sư Triệt Ngô), khai triển tám chữ ấy sẽ

thành bốn câu nói của Triệt Ngô đại sư: “*Chân vị sanh tử, phát Bồ Đề tâm, dĩ thâm tín nguyện, trì Phật danh hiệu*” (thật sự vì sanh tử, phát tâm Bồ Đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật), thiền sư Triệt Ngô nói như thế. Lão nhân gia niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, là bậc đại đức trong nhà Thiên, quay đầu niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta phải ghi nhớ mười sáu chữ ấy, thật sự vì sanh tử, không tạo nghiệp sanh tử luân hồi nữa, sanh tử luân hồi khổ chẳng thể nói được! Sau khi ta thoát ly lục đạo, sẽ thành tựu trong thế giới Cực Lạc; nói thật ra, chẳng thành tựu cũng được! Vừa đến thế giới Cực Lạc, ngay lập tức tới mười phương thế giới hóa độ chúng sanh cũng được. Vì sao? Bốn nguyện và oai thần của Phật Di Đà gia trì quý vị, tuy quý vị là phàm phu, nhưng trí huệ và đức năng bằng với Thất Địa Bồ Tát, quý vị là A Duy Việt Trí Bồ Tát, chỉ cần thấy A Di Đà Phật, sẽ được đãi ngộ như A Duy Việt Trí Bồ Tát, quý vị bèn đạt được. Vì thế, quý vị chứng đắc A Duy Việt Trí đương nhiên là rất tốt, phổ độ chúng sanh; [còn nếu] chưa chứng đắc, nhưng quý vị có tâm đại từ bi, thấy chúng sanh quá khổ, cũng được, quý vị ứng hóa trong lục đạo. A Di Đà Phật và chư đại Bồ Tát sẽ thường chiếu cố quý vị. Thật sự chứng đắc A Duy Việt Trí trong thế giới Cực Lạc, A Duy Việt Trí viên chứng ba món Bất Thoái, chính là hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo như trong kinh Hoa Nghiêm [đã giảng]. Người ấy ứng hóa trong lục đạo có bị mê hay không? Người ấy sẽ chẳng mê, vì sao? Đã kiến tánh, minh tâm kiến tánh thì làm sao có thể bị thoái chuyển cho được? Chẳng có lẽ nào! Bồ Tát như thế nào sẽ mê? Trong mười pháp giới, [tức là] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, tứ thánh pháp giới ứng hóa trong lục đạo sẽ bị mê khi cách ám, chứ Pháp Thân Bồ Tát chẳng bị. Hàng Bồ Tát trong mười pháp giới chỉ có Vị Bất Thoái, nhưng Hạnh bị thoái chuyển, Niệm chẳng cần phải nói nữa; họ chỉ có Vị Bất Thoái. Đạt được minh tâm kiến tánh, thoát ly mười pháp giới, chứng đắc Sơ Trụ của Viên Giáo, hay Sơ Địa trong Biệt Giáo, sẽ chẳng thoái chuyển. Trong địa vị ấy, chư Phật Như Lai vẫn gia trì người ấy, tăng tấn trí huệ và đạo lực cho người ấy, giúp đỡ người ấy, người ấy sẽ thành tựu công đức giáo hóa chúng sanh trong ấy.

Tiếp theo đó là rút gọn lại, phần trên là triển khai, [sẽ thành] bốn câu nói của Triệt Ngô đại sư. “*Ước chi, tặc vi Ngẫu Ích đại sư sở xướng chi tín nguyện trì danh*” (rút gọn lại sẽ chính là “tín nguyện trì danh” như Ngẫu Ích đại sư đề xướng). Ngẫu Ích đại sư nói bốn chữ ấy, đơn giản! Bốn chữ ấy được lão pháp sư Ấn Công, tức Ấn Quang đại sư là vị tổ sư thứ mười ba của Tịnh Tông chúng ta, thọ trì suốt đời! Quý vị đọc Văn Sao thấy Ngài thường dạy người khác tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ. Lão nhân gia, truyền tâm, truyền pháp gồm mười sáu chữ: “*Đôn*

luân, tận phạm, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ” (vẹn hết luân thường, trọn hết bốn phạm, dứt lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ). Suốt đời tổ Ấn Quang hành trì mười sáu chữ ấy, mười sáu chữ ấy nói rất thấu triệt. “*Di Đà Yếu Giải* dĩ ‘tín nguyện trì danh’ vi Tông” (sách Di Đà Yếu Giải lấy “tín nguyện trì danh” làm Tông). Trong phần Minh Tông Luận Dụng của sách A Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã dùng “tín nguyện trì danh” làm Tông, vì kinh Di Đà và kinh này là cùng một bộ, Đại Bản và Tiểu Bản, nên nguyên tắc chỉ đạo tương đồng. Tiếp theo đó: “*Tịnh vân: Tín nguyện trì danh vi nhất kinh yếu chỉ*” (Lại còn nói, tín nguyện trì danh là ý chỉ chánh yếu của bộ kinh). Những câu này đều do Ngẫu Ích đại sư nói. “*Tín nguyện vi huệ hạnh, trì danh vi hành hạnh, đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô; phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh thâm thiển*” (Tín nguyện là huệ hạnh, trì danh là hành hạnh, được vãng sanh hay không toàn là do có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp toàn là do trì danh sâu hay cạn). Hai câu này nói rất tuyệt! Đây là nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao trong Tịnh Tông. “*Cố huệ hạnh vi tiền đạo, hành hạnh vi chánh tu*” (do vậy, huệ hạnh để dẫn đường, hành hạnh là hạnh chánh yếu phải tu tập). Tín nguyện thì như trong khi giảng giải kinh Di Đà, chúng tôi đã giảng câu: “*Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy*”. Thiện căn là gì? Thiện căn là có thể tin, có thể hiểu, đây là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là có thể niệm, quý vị thật sự hành, thật sự trì danh. Nhân duyên là hoàn cảnh trợ duyên bên ngoài, quý vị gặp gỡ pháp môn này, gặp những thiện tri thức tu học pháp môn này, họ giúp đỡ quý vị, đây là ngoại duyên. Trọn đủ ba món thiện căn, phước đức, nhân duyên này, quyết định được vãng sanh. Ba món ấy, thiếu một món nào, cũng đều chẳng được! Quý vị có phước đức, có nhân duyên, nhưng thiếu thiện căn, gặp [pháp môn này] sẽ như thế nào? Chẳng tin tưởng, mà cũng không có cách nào lý giải; vì thế, ý nguyện niệm Phật cầu vãng sanh chẳng dậy lên. Nếu không có phước đức, quý vị có thể tin và hiểu, nhưng không hành được, chẳng chóng nổi tiếng tăm lợi dưỡng trước mắt dụ dỗ, mê hoặc. Chẳng phải là quý vị không hiểu, nhưng sức dụ dỗ, mê hoặc quá mạnh, biết rõ mà vẫn cố phạm, kẻ như vậy rất nhiều, chẳng phải là không đồng đạo! Vì vậy, tổ Ấn Quang suốt đời đề xướng giáo dục nhân quả, hết sức có lý! Hiểu nhân quả là gì? Hiểu nhân quả, [sẽ biết] vấn đề sanh tử đúng là chuyện lớn! Đời đời kiếp kiếp mê hoặc, điên đảo làm chuyện ấy, kết bao nhiêu oan nghiệp với hết thầy chúng sanh. Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, hiểu rành rẽ đạo lý và chân tướng sự thật của nhân quả, thật sự giác ngộ, sẽ không làm nữa, hạ quyết tâm chẳng làm nữa, trong đời này ta nhất định phải thoát lụy đạo, ra khỏi mười pháp giới. Đó là sức mạnh của

nhân quả, vậy thì quý vị thật sự làm. Thật sự làm là đại phước đức, vô lượng phước đức. Hành hạnh là chánh tu, niệm niệm chẳng lìa A Di Đà Phật, nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, tương ứng với A Di Đà Phật. “*Như mục túc tịnh vận*” (như mắt và chân cùng vận dụng), đây là nói tỷ dụ, dễ hiểu, ta thấy đường, ta liền bước một bước.

Lại nói: “*Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề. Hợp thử tín nguyện, đích vi Tịnh Độ chỉ nam, do thử nhi chấp trì danh hiệu, nãi vi Chánh Hạnh*” (Tin sâu, phát nguyện, tức là Vô Thượng Bồ Đề. Hợp tín và nguyện lại, sẽ đích xác là kim chỉ nam cho Tịnh Độ. Do những điều ấy, chấp trì danh hiệu, chính là Chánh Hạnh). Ngẫu Ích đại sư nói mấy câu này rất hay! Trong Chánh Hạnh còn có điều kiện, phải niệm như thế nào? Trong câu Phật hiệu ấy trọn đủ “thâm tín, phát nguyện, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ”. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành; nếu đã thành Phật đạo, quý vị hãy nghĩ xem, độ chúng sanh, đoạn phiền não, học pháp môn chẳng phải đều gộp trong ấy hay sao? Bốn câu Tứ Hoằng Thệ Nguyện, mỗi câu sau sâu hơn câu trước. Hễ có điều thứ nhất, ắt có điều thứ hai. Có điều thứ hai, nhất định phải có điều thứ nhất. Có điều cuối cùng thì ba điều trước đó nhất định phải trọn đủ; vì thế, nó là viên mãn. Do vậy, “tin sâu, phát nguyện” là vô thượng Bồ Đề. “*Hợp thử tín nguyện*” là chỉ nam của Tịnh Độ, nương theo đó chấp trì danh hiệu là Chánh Hạnh. Ngẫu Ích đại sư nói: Đầy đủ những điều kiện này mới là Chánh Hạnh thật sự. “*Đại Bản A Di Đà Kinh*” là kinh Vô Lượng Thọ, “*diệc dĩ phát Bồ Đề nguyện vi yếu, chánh dữ thử đồng*” (cũng coi phát Bồ Đề nguyện là trọng yếu, hoàn toàn tương đồng với điều này). Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám là chấp trì danh hiệu, nguyện thứ mười chín là “phát Bồ Đề tâm” và “vãng sanh Tịnh Độ đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát”. Câu này cũng nhằm nói tới nguyện thứ mười chín. “*Khả kiến tín nguyện trì danh dĩ phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, chánh thị đồng chỉ*” (có thể thấy tín nguyện trì danh và phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm, đúng là cùng một tông chỉ), có cùng một tông chỉ! Ngẫu Ích đại sư nói bốn chữ, kinh Vô Lượng Thọ nói tám chữ, nhưng có cùng một ý nghĩa, chỉ thú hoàn toàn tương đồng. “*Ngẫu Ích đại sư dĩ tín nguyện trì danh vi Tiểu Bản chi Tông. Đại Tiểu lưỡng bản, tông chỉ ưng đồng. Cố kim viết*” (Ngẫu Ích đại sư coi “tín nguyện trì danh” là Tông của Tiểu Bản. Tông chỉ của hai bản Đại và Tiểu phải giống nhau, nên nay nói), nay chúng ta đang học tập kinh Vô Lượng Thọ, “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, vi Đại Bản chi Tông. Chánh thị tuân phụng Ngẫu Ích đại sư chi thùy giáo dã*” (phát Bồ Đề tâm,

một bề chuyên niệm là Tông của Đại Bôn, đây chính là tuân phụng lời dạy của Ngẫu Ích đại sư vậy), hoàn toàn tương ứng với lời dạy của Ngẫu Ích đại sư.

Đoạn tiếp theo lại giải thích “*nhất hướng chuyên niệm*”. “*Nhất Hướng nhị tự chữ hữu sở nghĩa*” (hai chữ Nhất Hướng có mấy nghĩa), trong ấy có mấy ý nghĩa:

- Thứ nhất, “*triều hướng nhất phương tiền tấn*” (hướng theo một phương để tiến lên), “*nhất phương*” là Tây Phương, mục đích là thế giới Cực Lạc, chữ Nhất Hướng có ý nghĩa thứ nhất như vậy.

- Thứ hai, “*thiên hướng nhất biên*” (ngả theo một bên), quyết định chẳng lấy Đông, Nam, Bắc, chuyên lấy Tây Phương, cũng chẳng lấy phía trên, hay phía dưới, riêng lấy Tây Phương, cũng là cùng một ý nghĩa với “*triều hướng nhất phương*” trong đoạn trên.

- Thứ ba là “*nhất vị*” (một vị).

- Thứ tư là “*tổng thị*” (luôn là).

- Thứ năm là “*nhất đoạn thời gian*” (một khoảng thời gian). Ý nghĩa thứ năm là “*nhất đoạn thời gian*” cũng nói rất hay, tức là nói khoảng thời gian hiện tiền này, chẳng nói tới quá khứ, mà cũng không nói tới tương lai. Trong khoảng thời gian hiện tiền này, chúng ta nhất định phải hoàn thành, phải đạt mục đích. “*Tổng thị*” nghĩa là khởi tâm động niệm luôn là A Di Đà Phật, quyết định chẳng có tạp niệm. “*Nhất vị*” và “*tổng thị*” mang ý nghĩa này.

“*Cố tri nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, tức chuyên hằng y chỉ trì danh niệm Phật pháp môn chi nghĩa dã*” (nên biết một bề chuyên niệm A Di Đà Phật chính là ý nghĩa chuyên luôn luôn y chỉ pháp môn trì danh niệm Phật), trọng yếu lắm! Chúng ta hãy nên buông xuống vạn duyên. Không chỉ buông xuống vạn duyên, mà ngay cả Phật pháp cũng buông xuống. Liên Trì đại sư đã nêu gương cho chúng ta, lão nhân gia nói: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ*” (Tam Tạng mười hai bộ, nhường cho người khác ngộ), Ngài không làm nữa! “*Bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ biệt nhân hành*” (tám vạn bốn ngàn hạnh, dành cho kẻ khác hành). Quý vị thích học pháp môn ấy thì học, lão nhân gia cung kính tán thán. Chính Ngài thì sao? Chính Ngài chuyên niệm Di Đà, thật sự chuyên.

Có một năm, do [thuở trước] Ngài trụ tại Hàng Châu, tôi đến thăm đạo tràng của Ngài; hiện thời nơi ấy mở quán trà, quả thật, chúng tôi thấy như vậy rất khó chịu! Trong Đại Hùng Bảo Điện, toàn bộ tượng Phật chẳng còn nữa, biến thành

quán trà, đạo tràng của tổ sư đây nhé! Đại diện chùa ấy có tên là Thần Vận Điện; vì thế, chúng tôi nghĩ đến [chuyện ấy] cũng rất khó chịu! Có một năm, Hàng Châu bị hạn hán vô cùng nghiêm trọng, quan Thái Thú, thuở ấy là Thái Thú, hiện thời là Thị Trưởng, đến cầu xin lão hòa thượng: “Mong lão hòa thượng hãy phát tâm từ bi cầu mưa dứt hạn hán”. Trong Phật môn, quý vị thấy bản Đại Khóa Tụng có nghi thức cầu mưa, đó là cầu long vương. Liên Trì đại sư bảo mọi người: “Ta không biết nghi quy ấy, ta chỉ biết niệm Phật. Chúng ta cùng nhau niệm Phật là được rồi”. Ngài dẫn cả đồng người, gõ mõ niệm A Di Đà Phật, bước trên bờ ruộng, quả thật, Ngài đi tới đâu, mưa tuôn tới đó, thật sự linh ứng! Dùng một câu A Di Đà Phật, nghi thức gì cũng đều chẳng có, hễ thành ắt linh mà! Trong truyện ký của Liên Trì đại sư có chép câu chuyện như thế. Một câu A Di Đà Phật vô cùng hữu dụng, chỉ cần thành tâm, thành ý, chắc chắn chẳng hoài nghi, nhất định chẳng xen tạp, sẽ có cảm ứng. Liên Trì đại sư dùng câu Phật hiệu A Di Đà Phật để cầu mưa, bèn cầu được!

Hiện thời, hình như là năm trước, tại huyện Khánh Vân, tỉnh Sơn Đông, cư sĩ Tề Tố Bình dựng chùa ở nơi ấy, tức Kim Sơn Tự. Lúc ấy, ở nơi đó, bốn trăm mẫu ruộng tiểu mạch (lúa mì) sắp thu hoạch, bỗng nhiên bị nạn châu chấu. Chuyện này phiền lắm, tiểu mạch sẽ bị châu chấu ăn sạch. Nông dân vùng phụ cận bảo bà ta phải phun thuốc sát trùng. Tề cư sĩ gọi điện thoại hỏi tôi, phun thuốc sát trùng là sát sanh! Tôi nói: “Bà hãy suy nghĩ xem nên xử lý ra sao!” Cuối cùng, bà ta nghĩ thông suốt, chẳng sát sanh, trợn chẳng phun thuốc sát trùng, thà đem hơn bốn trăm mẫu tiểu mạch để cho châu chấu ăn, cúng dường chúng nó, cũng chẳng sát hại chúng nó. Dấy lên ý niệm ấy, bà ta dẫn một đám người vào ruộng lúa mạch niệm A Di Đà Phật, đi nhiều quanh ruộng niệm Phật. Trời tuôn một trận mưa nhỏ, sau khi một trận gió quét qua, chẳng còn một con trùng gây hại nào! Những nông dân vùng phụ cận rất kinh ngạc, vì sao không có? Thật vậy! Chẳng tìm được con nào, bội thu! Nếu bà ta phun thuốc trừ sâu, sẽ kết oán cùng những chúng sanh ấy, phiền phức to lớn. Bà ta đã phát tâm từ bi, một con châu chấu nhỏ cũng chẳng giết. Bà ta cũng không nghĩ chúng nó sẽ rời đi, kết quả là những con tiểu trùng ấy thật sự chẳng còn, bà ta kể cho tôi nghe chuyện này. Tuần trước, quý vị thấy cư sĩ Lưu Tố Vân ở Đông Bắc, mười một năm trước bị hồng ban lang sang (systemic lupus erythematosus) hết sức nghiêm trọng. Bác sĩ bảo bà ta hãy chuẩn bị tâm lý vì có thể chết bất cứ lúc nào. Bà ta mắc chứng hồng ban lang sang nghiêm trọng, những người mắc bệnh nhẹ hơn bà ta đều chết cả rồi, còn bà ta một mực tin tưởng niệm “A Di Đà Phật”, tin tưởng A Di Đà Phật là đại y vương, A Di Đà Phật nhất định trị

lành bệnh cho bà ta, do nhất niệm ấy mà niệm A Di Đà Phật, bệnh ấy thật sự lành. Đến nay là mười một năm rồi, bà ta báo cáo với chúng ta ở nơi đây, nói suốt mười mấy giờ, nói thật hay! Năm nay, bà ta sáu mươi sáu tuổi, giảng cho chúng ta ở đây mỗi ngày hai tiếng. Sau khi giảng xong, Hương Tiểu Ly ở Thâm Quyển mời bà ta sang đó, giảng hai ngày tại đạo tràng của bà Hương, mỗi ngày giảng tám tiếng, diễn giảng sáu tiếng, hai tiếng trả lời câu hỏi, chẳng có vẻ mệt mỏi. Phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm, oai lực chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp theo đó, sách viết: *“Nhất hướng chuyên niệm, bốn u Di Đà bốn nguyện đê thập bát, thập niệm tất sanh chi đại nguyện”* (Một mực chuyên niệm vốn là nguyện thứ mười tám trong bốn nguyện Di Đà, tức là đại nguyện mười niệm ắt được vãng sanh). Câu này nói tới nguyện thứ mười tám, câu này (tức câu *“nhất hướng chuyên niệm”*) phát xuất từ nguyện thứ mười tám. *“Di Đà nhân trung phát thập niệm tất sanh đại nguyện”* (trong lúc tu nhân, đức Di Đà đã phát ra đại nguyện “mười niệm ắt được vãng sanh”), đó là nói tới lúc lâm chung, nói về hạng người nào? Suốt đời chẳng nghe Phật pháp, chẳng có tín ngưỡng tôn giáo, khi lâm chung, đầu óc tỉnh táo, chẳng mê hoặc tí nào, gặp gỡ thiện hữu, gặp một người niệm Phật, khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, vừa nghe liền tin tưởng, vừa nghe liền bằng lòng, thật sự làm, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, mười tiếng bèn vãng sanh. Mười tiếng ấy là tịnh niệm tiếp nối, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, mười tiếng! Đó là bốn nguyện của A Di Đà Phật. Ngẫu Ích đại sư cũng dựa vào nguyện này mà bảo: “Có thể vãng sanh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không?” Người ấy thật sự tin, nguyện thiết tha, trì danh niệm Phật, tịnh niệm tiếp nối, bất quá thời gian rất ngắn mà có thể thành công, là do tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật. *“Có hành nhân phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, tất đắc vãng sanh Tịnh Độ, viên chứng Bất Thoái chi diệu quả”* (cho nên hành nhân phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm, ắt được vãng sanh Tịnh Độ, chứng trọn vẹn diệu quả Bất Thoái). Viên chứng ba thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái.

“Kinh trung thượng bối, trung bối, cập hạ bối vãng sanh chi nhân, giai do u phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, nhi vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ. Cái dĩ quả giác nhân tâm, cứu cánh phương tiện, toàn hiển Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lực tự hồng danh, bất khả tư nghị chi oai thần công đức” (Người vãng sanh thuộc bậc thượng, bậc trung và bậc hạ trong kinh đều do phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm A Di Đà Phật mà vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ. Ấy là vì dùng quả giác để làm cái tâm tu nhân, phương tiện rốt ráo, hiển lộ toàn vẹn biển

nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà. Sáu chữ hồng danh có oai thần và công đức chẳng thể nghĩ bàn). Qua những câu này, cụ Hoàng Niệm Tổ đã buốt lòng rất miêng khuyên dạy chúng ta, chúng ta đã trọn đủ duyên, chỉ e thiện căn và phước đức còn thiếu kém đôi chút. Thiếu kém đôi chút chẳng sao, trong một đời này, chúng ta có thể bổ khuyết. Nói gần gũi hơn tí nữa thì hiện nay ta bù đắp cho đủ, nguyện vọng cầu vãng sanh sẽ được thỏa. Nếu chẳng bù đắp cho đủ, cả đời này rất có thể sẽ lỡ làng! Trong tình hình giống như thế, bản thân chúng ta hãy nên khẳng định đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, chúng ta đã từng nhiều lần gặp gỡ [pháp môn này], vì sao chẳng vãng sanh? Là vì chẳng bù đắp cho đủ tín nguyện bị khiếm khuyết đôi chút, cho nên vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp.

Ta ưa thích pháp môn này, nhưng pháp môn nọ rất trọng yếu, vẫn tu tập [thêm pháp môn ấy], chẳng giống như cổ đại đức. Cổ đại đức phải đạt được Tịnh Độ trước rồi mới học thêm pháp khác. Giống như Giao Quang đại sư, Ngài đã chứng đắc Tịnh Độ, khi lâm chung, A Di Đà Phật tới tiếp dẫn, Ngài đã đạt được, [tức là đã] đạt được [Tịnh Độ], nhưng Ngài nghĩ chú giải kinh Lăng Nghiêm có vấn đề, những chú giải của cổ đại đức chưa phải là ý nghĩa của Phật, nên xin A Di Đà Phật cho hoãn lại để con viết xong xuôi bộ chú giải này. A Di Đà Phật chấp thuận. Quý vị thấy Ngài đã nắm chắc Tịnh Độ, cũng có nghĩa là đối với sự vãng sanh của chính mình chẳng còn bị trở ngại, có thể tự tại trụ trong thế gian này một thời gian dài hay ngắn: Muốn đi sớm một ngày bèn được, có thể đi. Muốn giúp đỡ chúng sanh, ở lại mấy năm cũng chẳng trở ngại, do có công phu ấy bèn được!

Nếu không có công phu ấy, chúng ta phải nhớ: Chúng ta coi thế giới Cực Lạc là đại sự hàng đầu, vì sao? Tới thế giới Cực Lạc bèn thành Phật. Tổ sư đại đức bảo chúng ta: “*Đản đắc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ*” (chỉ thấy Phật Di Đà, lo chi chẳng khai ngộ), “*ngộ*” ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, chẳng phải là ngộ tầm thường! Sau khi thật sự triệt ngộ, sẽ giống như Phật, thực hiện nguyện thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, quý vị có thể thật sự làm được, đối với chính mình, độ chúng sanh chẳng bị trở ngại mảy may nào. Chúng sanh có cảm, quý vị bèn có ứng, cảm ứng đạo giao trọn chẳng trái thời!

Từ sách Hoàn Nguyên Quán, chúng ta thấy ý niệm ấy dấy lên sẽ trọn khắp pháp giới, ý niệm cảm của chúng ta sẽ trọn khắp pháp giới. Phật, Bồ Tát trọn pháp giới hư không giới, những vị Bồ Tát ấy là Pháp Thân Bồ Tát, sẽ lập tức ứng. Có khi chúng ta cầu mà chẳng có ứng, có phải là chẳng linh hay chẳng? Chẳng phải. Lúc

tôi mới học Phật đã có những nghi vấn ấy, Chương Gia đại sư giải thích: Chẳng phải là không có ứng. Có ứng, nhưng quý vị chẳng cảm nhận được, do nguyên nhân nào? Chính quý vị có nghiệp chướng. Chúng ta cảm, ví như làn sóng của chúng ta gởi tới Phật, Bồ Tát, Phật, Bồ Tát có sự hồi ứng; khi sự hồi ứng trở về bên ta, do ta có nghiệp chướng, nên chính mình chẳng cảm nhận được! Hễ nghiệp chướng tiêu trừ, sẽ có ứng vô cùng rõ rệt. “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”, Sự Lý cảm ứng cũng rất sâu, đức Phật dạy có bốn thứ.

Vì vậy, học Phật, niệm Phật cũng là tiêu nghiệp chướng. Kinh dạy niệm A Di Đà Phật một tiếng, tiêu trừ trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, mới biết công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Cổ đại đức thường nói: “*Niệm kinh chẳng bằng niệm chú, niệm chú chẳng bằng niệm Phật*”. Vì sao chúng ta niệm Phật chẳng tiêu nghiệp chướng? Tâm chúng ta không thanh tịnh, chưa đoạn nghi lự, cho nên có hoài nghi, xen tạp, lại còn thường xuyên gián đoạn. Vì thế, Phật, Bồ Tát ứng, chúng ta rất khó cảm nhận. Hiểu rõ chân tướng sự thật này, sau đây, chúng ta mới biết sám trừ nghiệp chướng là một đại sự rất trọng yếu. Sám hối nghiệp chướng; sám hối bằng cách nào? Vẫn là một câu cũ rích: “*Buông xuống!*” Đừng chứa trong lòng những thứ tạp nhạp, tâm địa khôi phục thanh tịnh, sám trừ nghiệp chướng.

Nghiệp chướng chẳng trừ, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh được? Đòi trước, đòi này, tập khí nghiệp chướng, “*đòi trước*” là tập khí, thầy đều phải buông xuống. Nói cách khác, chớ nên nghĩ tới nữa! [Những chuyện ấy] không chỉ là chuyện quá khứ, mà còn là chuyện đã qua lâu rồi, phải nhớ kỹ lời Phật dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Đã là hư vọng, quý vị nghĩ tới nó để làm gì? Quý vị nhớ tới nó để làm gì? Quý vị nghĩ tới nó sẽ lại tạo nghiệp. Quý vị nhớ tới nó cũng tạo nghiệp! Thân khẩu chẳng tạo nghiệp, nhưng ý tạo nghiệp. Ý nghiệp chẳng ngừng! Thân khẩu tạo nghiệp còn có lúc gián đoạn, khi ngủ, thân khẩu chẳng tạo nghiệp, nhưng ý vẫn tạo nghiệp, ý niệm của quý vị chẳng ngừng. Nói cách khác, quý vị vẫn đúng là “*trong tâm vướng mắc quá nhiều, không bỏ xuống được*”. Hiện thời phải biết: Nếu muốn liễu sanh tử, nếu muốn vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, hãy hết sức hâm mộ Phật, Bồ Tát, mong mọi ta cũng có thể làm Phật, Bồ Tát, quý vị sẽ thật sự buông xuống. Quý vị chẳng thể làm Phật là vì chưa buông xuống; hễ buông xuống sẽ làm được!

Pháp môn này là do A Di Đà Phật dùng tâm quả giác làm phương tiện rất ráo dạy bảo chúng ta, chẳng giống các pháp môn thông thường. Pháp môn thông thường là lấy cái tâm tu nhân để cầu sự giác ngộ nơi quả địa. Vì thế, những pháp môn ấy theo từng giai đoạn, tiến lên cao hơn theo từng giai đoạn một, từ Thập Tín

tới Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Tiến lên cao như thế, dùng cái tâm tu nhân để chứng quả giác. Pháp môn này chẳng giống như vậy, mà là quả giác. Danh hiệu A Di Đà Phật là quả giác, lấy quả giác tâm làm nhân địa tâm (cái tâm trong lúc tu nhân), nhân và quả chẳng hai. Cho nên chúng ta niệm câu “đức hiệu” A Di Đà Phật này sẽ thành A Di Đà Phật. Chỗ y cứ thật sự là dựa trên căn cứ nào? Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, dựa trên điều này! Tây Phương Tịnh Độ của A Di Đà Phật do đâu mà có? Do tự tánh sanh ra, hiện ra! Nay chúng ta dùng tự tánh để niệm Phật, cho nên vượt khỏi những tầng lớp ấy, chẳng cần đến bốn mươi một tầng cấp, đốn siêu, thành tựu.

“Toàn hiển Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, bất khả tư nghị chi oai thần, công đức” (Hiển lộ trọn vẹn biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà, sáu chữ hồng danh có oai thần và công đức chẳng thể nghĩ bàn), tôi vừa mới nói ý nghĩa này. Chúng ta phải thật sự tin vào những Lý Sự này; vì thế, pháp môn này gọi là “pháp khó tin”, quý vị không tin, người khác không tin, đó là hiện tượng bình thường. Nếu không, làm sao có thể gọi là “pháp khó tin?” Bồ Tát khó tin, Thanh Văn, Duyên Giác khó tin. Có lúc phàm phu lại tin tưởng; vậy thì phàm phu vượt trời Thanh Văn, Bồ Tát hay chẳng? Đương nhiên chẳng thể vượt trời được! Vì sao phàm phu có thể tin? Trong đời quá khứ, đã từng học pháp môn này; trong A Lại Da Thức có chủng tử Tịnh Độ, đời này gặp gỡ, khiến cho chủng tử trong quá khứ hiện hành. Nếu chẳng có nhân ấy, sẽ chẳng thể nào [tin tưởng]. Bất luận sơ học gian nan ra sao, học mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, năm mươi năm, sẽ thật sự tin, đó là gì? Chủng tử trong A Lại Da Thức hiện hành. Nếu đã học tập từ những kiếp lâu xa, chủng tử sẽ gieo rất sâu trong A Lại Da Thức. Duyên thù thắng, có bạn lành, có thuận cảnh giúp đỡ quý vị, chủng tử trong đời quá khứ nhất định sẽ hiện hành, cho nên tiếp nhận. Có khi tới lúc lâm chung, sự tiếp nhận ấy mới tỏ lộ, nhưng hễ tiếp nhận là được rồi, lâm chung mười niệm bèn vãng sanh. Người ấy vãng sanh trong phẩm vị nào? Nói [nhất quyết] là Hạ Hạ phẩm thì cũng rất khó nói, Hạ Hạ phẩm là đa số, nhưng cũng có người là Thượng Thượng phẩm, [tuy là] thiểu số. Điều này liên quan đến sự tu học trong đời quá khứ, tuyệt đối chẳng phải là thành tựu trong một đời này!

“Hựu nhất hướng chuyên niệm giả, cổ vân: Thượng tận hình thọ, hạ chí thập niệm. Thượng tận hình thọ giả, chỉ từng phát tâm niệm Phật chi nhất, chung thân niệm Phật” (lại nữa, đối với chuyện một bề niệm Phật, cổ nhân nói: “Bậc thượng là suốt đời, bậc hạ là chỉ mười niệm”. Bậc thượng thọ trì suốt đời là kể từ ngày phát

tâm niệm Phật, bền suốt đời niệm Phật). Kể từ khi hiểu rõ ràng, minh bạch Tịnh Tông, bền hoàn toàn tiếp nhận, bắt đầu thật thà niệm Phật, hễ sống một ngày bền niệm một ngày, đó gọi là “*tận hình thọ*”. “*Trực chí mạng chung chi tối hậu nhất niệm, thử nãi kỳ thượng giả. Kỳ hạ giả, vị năng cập thử, hoặc nhân chương trọng, hoặc dĩ sự phồn, vị hạ đa niệm*” (Mãi cho đến một niệm cuối cùng lúc lâm chung, đó là bậc thượng. Còn bậc hạ thì chưa được như vậy, hoặc vì chương nặng, hoặc do lắm việc, chảnh rảnh rồi để niệm nhiều), đây là nói tới phước đức. Chư vị nhất định phải hiểu phước đức thật sự là gì? Niệm Phật là phước đức thật sự. Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu chẳng dứt, đó là người đại phước đức! Vì sao nói là người đại phước đức? Vãng sanh Cực Lạc thế giới chẳng phải là phước đức tuyệt diệu ư? Chẳng phải là đại phước đức thì làm sao quý vị có thể vãng sanh? Suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu Phật hiệu này, quý vị càng niệm, phẩm vị càng cao! Như trong Thập Lục Quán Kinh đã nói, trong tương lai quý vị vãng sanh, hoa sen càng ngày càng to! Các thứ trong thế giới Cực Lạc đều giống nhau, chỉ có hoa sen khác biệt, vì sao? Công phu niệm Phật của mỗi cá nhân khác nhau, nên hoa sen lớn hay nhỏ khác nhau, ánh sáng và màu sắc của mỗi hoa sen khác biệt. Do vậy, người trong thế giới Cực Lạc thấy rất rõ ràng, người trong hoa sen ấy còn chưa sanh về, nhưng đã thấy hoa sen trước, [tức là] thấy hoa sen trong ao bảy báu, thấy hoa ấy, [liền biết] công phu niệm Phật của người ấy khá lắm, hay công phu niệm Phật của người ấy dở hơn một chút, họ đều có thể thấy rõ ràng từ nơi ấy. Hoa sen to, ánh sáng và màu sắc tốt đẹp, chắc chắn người ấy đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật rất nhanh, vận dụng công phu sâu xa mà!

Trong kinh, đức Phật dạy: Tu hành một ngày trong thế giới Sa Bà bằng tu hành một trăm năm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thế giới này khá lắm, giúp cho chúng ta thành tựu rất nhanh, còn sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành tựu thông thả, ở nơi đây rất nhanh. Cái hay của thế giới Tây Phương là thọ mạng dài, vô lượng thọ, chẳng bị mê khi cách âm, thành tựu trong một đời. Thế gian này sóng gió quá lớn, thoát chìm, thoát nổi đời đời kiếp kiếp, cho nên khổ nhiều, vui ít. Nhưng nếu tu hành thì nơi đây đúng là tu hành tốt đẹp, thời thời, khắc khắc, từng phút, từng giây đều khảo nghiệm công phu của quý vị. Quyết định chẳng sanh phiền não, trong thuận cảnh chẳng tham luyến, phải đoạn cái tâm [tham luyến] ấy, trong nghịch cảnh chẳng oán hận. Nói cách khác, trong thuận cảnh hay nghịch cảnh, bất luận hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau), hay hoàn cảnh vật chất, tu gì? Tu thanh tịnh, bình đẳng. Giác chẳng cần nhắc tới, hễ thanh tịnh bình đẳng sẽ tự nhiên giác. Đạo lý này tương ứng với “chuyên thức thành trí” của Pháp Tướng Tông.

Tướng Tông nói “chuyên thức thành trí” là “*lục, thất nhân thượng chuyên. Ngũ, bát quả thượng chuyên*” (chuyên thức thứ sáu và thứ bảy trong khi tu nhân; chuyên năm thức trước và thức thứ tám nơi quả). Chuyên thức thứ sáu, tức Ý Thức, thành Diệu Quán Sát Trí, đó là tâm thanh tịnh. Chuyên thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí, tức là thức thứ bảy chẳng còn phân biệt, bình đẳng sẽ hiện tiền. Giác là chuyên nơi quả. Do vậy, chúng ta phải coi trọng tu thanh tịnh và bình đẳng; nghĩa là thức thứ sáu và thức thứ bảy đã chuyên, thức thứ tám và năm thức trước sẽ chuyên theo. Chúng ta dùng phương pháp gì để chuyên? Dùng một câu Phật hiệu này! Trong thuận cảnh mới có một tí tham niệm dấy lên, bèn A Di Đà Phật, chuyên niệm ấy thành A Di Đà Phật. Trong nghịch cảnh mới có một tí oán hận, bèn A Di Đà Phật, chuyên toàn bộ thành A Di Đà Phật. Cách này tuyệt diệu! Vì thế, tổ sư đại đức thường nói “*ám hợp đạo diệu*” (thầm hợp đạo mầu), chẳng thấy chuyên, nhưng thật sự chuyên biến. Câu Phật hiệu này câu nọ tiếp câu kia chẳng để gián đoạn, trong mỗi tiếng Phật hiệu chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, công phu thuần thực!

Tiếp đó, sách viết: “*Tắc ư mỗi nhật hành Thập Niệm pháp, diệc phù ư nhất hướng chuyên niệm*” (Dù mỗi ngày hành pháp Thập Niệm, cũng phù hợp [tông chỉ] một mục chuyên niệm). Pháp Thập Niệm do tổ sư đại đức nói với kẻ gặp lúc công việc bận bịu, nhiều việc quá, không có thời gian để niệm Phật, cũng chẳng có thời gian để tụng niệm công khóa sáng tối, quý vị bèn dùng cách Thập Niệm. Buổi sáng thức dậy, sau khi rửa mặt, súc miệng, hướng về tượng Phật, nếu không có tượng Phật, hãy ngoảnh mặt về phương Tây, cứ hết một hơi là một niệm. Một niệm chẳng câu nệ nhiều hay ít, [cứ niệm] một hơi A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, hết một hơi là một niệm. Niệm mười hơi, suốt đời chẳng gián đoạn, cũng gọi là “*nhất hướng chuyên niệm*”. Khi tôi ở Tân Gia Ba, tôi dạy các đồng học một cách Thập Niệm khác, [tức là] thập thanh Phật hiệu. Dùng pháp Thập Niệm này, so về mặt thời gian càng dễ làm hơn. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, niệm mười câu như vậy, mỗi ngày niệm chín lần. Buổi sáng thức dậy, rửa mặt, súc miệng, niệm một lần; buổi tối trước khi ngủ niệm một lần. Đó là hai lần. Mỗi ngày khi ăn ba bữa cơm đều niệm Phật hiệu mười câu rồi mới ăn, đó là ba lần. Do vậy, ta có năm lần rồi! Quý vị buổi sáng đi làm, buổi chiều tan sở, trước khi làm việc, ngồi nơi bàn giấy niệm mười câu rồi mới làm, khi tan sở, sau khi làm xong công việc, niệm Phật hiệu mười câu rồi mới rời khỏi chỗ. Buổi sáng, buổi chiều thành bốn lần, tổng cộng chín lần. Niệm đâu nghĩ tại đó, tuy rất đơn giản, thời gian chỉ một phút là xong, nhưng hết sức có hiệu quả. Vì sao? Thời thời khắc khắc quý vị

đều nghĩ tới Phật. Dùng cách này làm “định khóa” (công khóa nhất định), những khi khác là “tán khóa”. Tấn khóa là khi nào quý vị nghĩ đến, bèn niệm khi đó; còn cách này mỗi ngày chín lần, mỗi lần niệm mười câu Phật hiệu, lấy nó làm định khóa, thật sự chẳng tốn thời gian, chẳng lỡ làng công việc. Pháp môn này quả thật vô cùng thuận tiện, phù hợp với “*nhất hướng chuyên niệm*”.

“*Cánh hạ tắc như Quán Kinh sở thuyết ác nghịch chi nhân, lâm dục mạng chung, đắc linh thánh giáo, chí tâm hồi cải, thập niệm xưng danh, diệt đắc vãng sanh, cố vân thập niệm tất sanh dã*” (thấp hơn nữa là như Quán Kinh nói kẻ ác nghịch lúc sắp mất mạng, được nghe thánh giáo, chí tâm hồi cải, xưng danh mười tiếng, cũng được vãng sanh, nên nói là “mười niệm ắt vãng sanh”). Điều này được nói trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Kinh nói kẻ tội nghiệp Thập Ác, Ngũ Nghịch sẽ đọa A Tỳ địa ngục, đại ác chẳng thể tha, kẻ ấy khi lâm chung, nếu gặp được một người niệm Phật khuyên nên niệm Phật, bèn chân tâm hồi cải. Có thể chân tâm hồi cải là do thiện căn trong đời quá khứ hiện tiền, cả đời này chẳng tu điều lành nào. Kẻ Thập Ác, Ngũ Nghịch, lâm chung quay đầu, thật sự hồi cải, niệm A Di Đà Phật mười tiếng bèn tắt hơi, vẫn có thể vãng sanh. Đây là điều được nói trong nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, pháp môn này quả thù thắng. Tiếp đó, lão cư sĩ bảo chúng ta: “*Hành giả ung tri*” (hành giả hãy nên biết), hành giả là người niệm Phật, nhất định phải biết. “*Nhất hướng chuyên niệm chỉ tòng sơ phát tâm niệm Phật, nhất trực đáo lâm chung tối hậu nhất niệm*” (“một mực chuyên niệm” nghĩa là kể từ lúc mới phát tâm niệm Phật thẳng tới một niệm cuối cùng lúc lâm chung), đó gọi là nhất hướng chuyên niệm. “*Nhi kỳ quan kiện thật tại tối hậu*” (nhưng mấu chốt quả thật là lúc cuối cùng), quan trọng nhất là lúc quý vị sắp mất, một niệm cuối cùng là A Di Đà Phật thì quý vị mới có thể vãng sanh. Một niệm cuối cùng khi lâm chung phải là A Di Đà Phật! Do vậy, trợ niệm rất trọng yếu, trọng yếu ở chỗ nào? Trợ niệm là do sợ người ấy trong một niệm cuối cùng sẽ quên sạch, chúng ta dùng phương pháp này để nhắc nhở, khiến cho một niệm cuối cùng của người ấy là A Di Đà Phật, người ấy sẽ chắc chắn vãng sanh. Chẳng cần biết công phu niệm Phật suốt đời của người ấy ra sao, một niệm cuối cùng rất trọng yếu. Đối với một niệm cuối cùng, người ta thường chẳng thể nắm chắc, nếu tập khí phiền não dấy lên hiện hành, sẽ bỏ lỡ cơ hội này. Niệm Phật suốt đời, tới một niệm cuối cùng, trong lòng có vương mắc thì hỏng rồi! Những chuyện như vậy chúng tôi đã đích thân trông thấy!

Tiếp đó là nêu tỷ dụ: “*Như thượng thuyết ác nghịch chi nhân*” (kẻ ác nghịch như vừa mới nói trên đây), đó là kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác. “*Thập thanh niệm*

Phật”, kể ấy chỉ niệm mười tiếng. “*Đệ nhất thanh thị sơ niệm, đệ thập thanh tắc mạng chung*” (Tiếng thứ nhất là niệm đầu tiên, tiếng thứ mười bèn mạng chung), vẫn coi như là “*tùng sơ phát tâm trực chí mạng chung quân tại trì danh*” (từ sơ phát tâm cho đến khi mạng chung đều luôn trì danh). Người ấy phước báo quá to, cả đời làm ác, lâm chung gặp được bạn lành, vẫn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vốn phải đọa lạc A Tỳ địa ngục, quý vị thấy: Đã đưa kẻ đó từ A Tỳ địa ngục đến thế giới Cực Lạc làm Phật. Bởi lẽ, người ấy phù hợp tông chỉ “*nhất hướng niệm Phật*”, quá thù thắng! Chúng ta chớ nên không hiểu điều này. Chuyện này là có, rất khó có, rất hy hữu; nhưng người niệm Phật chúng ta nhất thiết chớ nên có tâm lý cầu may: Hiện thời, ta làm một ít chuyện xấu vẫn chẳng sao; khi lâm chung, ta còn có cách, ta vẫn trở tay kịp, [nghĩ như vậy] là sai rồi! Khởi lên ý niệm ấy chính là ác niệm khôn sánh, toan kiếm kẽ hở trong bốn nguyện của A Di Đà Phật. Đây là điều quá đáng ghét, chắc chắn chẳng thể nào chấp nhận được! Do vậy, chúng ta chớ nên không biết chuyện này. Con người phải thật thà, phải thành khẩn, chớ nên có một ác niệm. Có ác niệm tức là bắt hao mất rồi!

“*Phản chi, như hữu nhân niệm Phật số thập niên, hoặc u tối hậu giai đoạn, khinh thị trì danh nhi cải hành tha pháp, hoặc u lâm chung bất hân Cực Lạc nhi luyện thế gian, vị năng niệm Phật, thị tắc bất danh nhất hướng chuyên niệm*” (ngược lại, như có kẻ niệm Phật mấy chục năm, nhưng trong giai đoạn cuối cùng, lại coi thường pháp trì danh, đổi sang tu phép khác, hoặc lúc lâm chung chẳng ưa thích Cực Lạc, luyện tiếc thế gian, chưa thể niệm Phật, sẽ chẳng thể gọi là “một mực chuyên niệm”). Chuyện này chúng tôi cũng thấy rất nhiều, có thật; không chỉ có, mà còn rất nhiều! Tới lúc lâm chung, người ấy lưu luyện thế giới này, lưu luyện lớn nhất là tình cảm đối với người thân, [đó là] tập khí nặng nhất. Vì vậy, trong sách Sứ Chung Tu Tri, cổ đại đức đã bảo: Nhằm tiễn người ấy đi vãng sanh, khi tiễn người ấy sắp vãng sanh trong chốc lát, tốt nhất là đừng để người ấy thấy mặt người nhà, quyến thuộc, con cái, vì sao? Trông thấy sẽ động tâm, hễ động tâm sẽ hỏng chuyện! Vì thế, hãy để cho bạn bè trong nhà Phật, đồng tu niệm Phật tới chăm sóc người ấy, tiễn người ấy vãng sanh. Sau khi người ấy vãng sanh, người nhà, quyến thuộc mới có thể tiến vào. Hơn nữa, thường là tám tiếng đồng hồ sau khi [người ấy đã tắt hơi], người nhà, quyến thuộc mới được bước vào, vì sợ nhiễu loạn trong khi thần thức người ấy đang rời khỏi [thân xác]. Người thật sự vãng sanh, hễ tắt hơi bèn ra đi, vãng sanh nhanh chóng. Có người nhờ vào trợ niệm, tuy tắt hơi, nhưng hoàn toàn chẳng đi, linh hồn vẫn còn quanh quẩn bên thân thể, lúc ấy công đức niệm Phật vô cùng thù thắng, khiến cho người ấy nghe mỗi âm thanh

đều là Phật hiệu, cuối cùng cũng theo Phật hiệu ra đi thì tốt lắm! Phải biết: Niệm Phật đưa [thần thức của người đã mất] đi vãng sanh rất nhiều. Đúng là có nhiều người vãng sanh nhờ vào trợ niệm. Vì thế, trợ niệm phải đúng pháp. Nếu chẳng đúng pháp sẽ phiền phức rất lớn!

Chúng ta xem đoạn kế tiếp: “*Hoặc nghi niệm Phật hà dĩ hữu như thị công đức*” (hoặc nghi niệm Phật, niệm Phật làm sao có công đức như thế cho được). Nghi là một căn bản phiền não. Căn bản phiền não gồm sáu món, sau tham, sân, si, mạn là nghi, cuối cùng là ác kiến. Ác kiến là Tư Hoặc, gồm Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, gọi gộp chung là Ác Kiến. Nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát, Bồ Tát chẳng thể khai ngộ, chẳng thể kiến tánh, người niệm Phật chẳng thể vãng sanh đều do phạm phải chữ [Nghi] này. Đây chẳng phải là chân tín, do lòng tin không kiên định. Chẳng phải là nói quý vị chẳng có tín tâm, mà là nói [quý vị chưa có lòng] tin một trăm phần trăm chẳng nghi ngờ! Tín tâm chín mươi chín phần trăm, vẫn còn có một phần nghi, một phần nghi ấy sẽ là chướng ngại nghiêm trọng, chướng ngại quý vị chẳng thể thành tựu, quý vị nói chuyện này có phiền phức hay chẳng? Trong quá khứ, chúng tôi nghe thầy giảng, [cảm thấy] rất khó lý giải, thầy đã nêu một thí dụ. Thầy nói thí dụ như cái chén trà này đựng đề hồ, cả một chén đề hồ đầy ắp, đề hồ là thức uống ngon nhất. Trong ấy có một giọt độc dược; do một giọt như vậy, cả chén đề hồ đều biến thành độc dược, quý vị uống một hớp sẽ phải tử vong. Điều này nói gì vậy? Quý vị có lòng tin chín mươi chín phần trăm, một phần trăm là nghi, đó là một giọt độc dược phá hoại chín mươi chín phần trăm tín tâm của quý vị. Tỷ dụ hay lắm! Khiến cho chúng ta thật sự có thể đề cao cảnh giác, chớ nên hoài nghi kinh giáo, chớ nên hoài nghi Phật, Bồ Tát, chớ nên hoài nghi thiện căn, phước đức, nhân duyên của chính mình. Có một tí hoài nghi sẽ chướng ngại chính mình thành tựu! Chân tín, quý vị thấy kinh nói đến chân tín nguyện, chân tín, thiết nguyện (lòng tin chân thật, nguyện thiết tha), công đức ấy vô cùng thù thắng.

“*Nhân năng niệm sở niệm, giai thị Thật Tướng cố*” (vì năng niệm và sở niệm đều là Thật Tướng), cụ Niệm Tổ giải thích vì sao niệm Phật có công đức thù thắng như thế? Năng niệm là giác tâm, sở niệm là quả Phật (vị Phật đã chứng quả), nhân quả tương ứng. Giác tâm chẳng mê là Thật Tướng, quả Phật cũng là Thật Tướng; vì thế, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Người niệm Phật lâm chung, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung niệm Phật mười niệm đều vãng sanh, từ A Tỳ địa ngục bèn thành Phật, vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, tới thế giới Cực Lạc làm A Duy Việt Trí Bồ Tát, đều là Thật Tướng. “*Di Đà Yếu Giải vân: Quang tác*

hoành biến thập phương, thọ tắc thụ cùng tam tế. Hoành thụ giao triệt, giai Pháp Giới Thế. Cử thử thể tác Di Đà thân độ, diệt tức cử thử thể tác Di Đà danh hiệu. Thị cố Di Đà danh hiệu tức chúng sanh Bốn Giác Lý tánh. Trì danh tức Thi Giác hợp Bốn, Thi Bốn bất nhị, sanh Phật bất nhị. Cố nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật dã” (Sách Di Đà Yếu Giải viết: “Quang theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ theo chiều dọc tốt cùng ba đời. Ngang và dọc xen nhau thấu triệt, đều là Pháp Giới Thế. Nêu lên cái Thế ấy để làm thân và cõi nước của Phật Di Đà; mà cũng lấy cái Thế ấy tạo thành danh hiệu Di Đà. Vì thế, danh hiệu Di Đà chính là Bốn Giác Lý tánh của chúng sanh. Trì danh là Thi Giác hợp với Bốn Giác. Thi Giác và Bốn Giác chẳng hai. Chúng sanh và Phật chẳng hai. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”). Chuyện này Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã giảng thấu triệt. Quang chiếu trọn mười phương, tượng trưng không gian. Thọ là quá khứ, hiện tại, tương lai, đại biểu thời gian; nay chúng ta gọi là “thời - không”. “*Hoành thụ giao triệt*”, Hoành (chiều ngang) là không gian, Thụ (chiều dọc) là thời gian. Thời gian và không gian đều vô lượng, vô tận, chẳng có ngăn mé. Đây là Pháp Giới Thế, đây là công đức viên mãn trong tự tánh; kinh Hoa Nghiêm nói đến Thế, Tướng, Dụng. Nêu lên cái Thế ấy để làm Di Đà thân, [thân ấy] tức là Pháp Tánh thân, Tây Phương Tịnh Độ là Pháp Tánh Độ, chẳng rời khỏi tự tánh. Lấy cái Thế ấy làm danh hiệu Di Đà, tức là danh hiệu của Pháp Tánh. Vì thế, danh hiệu này là Bốn Giác Lý tánh của hết thảy chúng sanh, tức là đức hiệu của tự tánh vốn sẵn trọn đủ. Dùng danh hiệu rất sâu này để kêu gọi tự tánh của chúng ta quay trở về.

Trong Mật giáo có nói “tam mật tương ứng”, nhưng trong Tịnh Tông cũng phải nói tới tam mật tương ứng. Câu danh hiệu này chẳng khác gì mật chú trong Mật Tông, nó là tiếng Phạn. A Di Đà Phật là phiên âm. Nó là tự tánh, vì thế, quý vị phải hiểu ý nghĩa này. A nghĩa là Vô, Di Đà nghĩa là Lượng, Phật nghĩa là Giác. Quý vị nghĩ tới Giác, nhất định sẽ nghĩ đến Giác - Chánh - Tịnh. Chữ Giác trong tựa đề kinh này là gì? “Chánh” là bình đẳng, bình đẳng thì mới Chánh; trước đó là Thanh Tịnh, Giác - Chánh - Tịnh, Thanh Tịnh là Tịnh, Bình Đẳng là Chánh, Giác. Vô lượng giác, vô lượng bình đẳng, thanh tịnh, thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình, tự nhiên tất cả hết thảy ô nhiễm đều chẳng còn, quý vị trở về Giác - Chánh - Tịnh, trở về Thanh Tịnh Bình Đẳng bèn tịnh. Thi Giác hợp với Bốn Giác. Thi Giác và Bốn Giác chẳng hai. Chúng sanh và Phật chẳng hai, chúng sanh bèn thành Phật. Đó là “*nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Tương ứng bằng cách nào? Từ chỗ này, chúng ta mới biết được tin tức. Đây

cũng là như chúng tôi thường nhắc nhở đồng học, tương ứng như thế nào? Niệm niệm tương ứng với “thanh tịnh, bình đẳng, giác”; nhân đã tương ứng, quả bèn tương ứng. Nơi nhân là Thi Giác, là chúng sanh; nơi quả là Bồn Giác, là Phật. Nơi quả là gì? Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm là tương ứng. Có nhân, nhất định có quả. Do vậy, từ tựa đề kinh này, quý vị nhìn vào nửa phần sau và nửa phần trước sẽ thấy: Thi Giác và Bồn Giác chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai. Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Pháp môn thù thắng như vậy tìm đâu ra? Trừ Tịnh Tông ra, sẽ chẳng tìm được! Thù thắng, hy hữu, khó gặp khôn sánh! Vì vậy, chúng ta phải quý trọng, phải thật sự tu tập!

Ở đây, nhân tiện, tôi báo một tin cùng mọi người, tối nay, tôi đáp máy bay sang Úc, ngày mai là mồng Một sẽ tới nơi, mồng Một lên núi, chẳng thể giảng kinh. Ngày mốt là mồng Hai, chúng tôi sẽ bắt đầu giảng tiếp. Từ Internet, quý vị sẽ có thể thu được [bài giảng]. Tuy rời khỏi [nơi đây] hai mươi mấy ngày, nhưng chúng ta vẫn cùng nhau giảng kinh, học tập chẳng gián đoạn. Được rồi! Cảm ơn mọi người.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 27

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo duyệt: Minh Tiến, Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang hai mươi bảy, dòng thứ ba từ dưới đếm lên, chúng ta đọc từ chỗ ấy:

“Hoặc nghi niệm Phật hà dĩ hữu như thị công đức, nhân năng niệm, sở niệm, giai thị Thật Tướng cố. Di Đà Yếu Giải vân: Quang tặc hoành biến thập phương, Thọ tặc thụ cùng tam tế. Hoành thụ giao triệt, giai Pháp Giới Thể. Cử thử Thể tác Di Đà thân độ, diệc tức cử thử Thể tác Di Đà danh hiệu. Thị cố Di Đà danh hiệu

tức chúng sanh Bốn Giác Lý tánh. Trì danh tức Thi Giác hợp Bốn, Thi Bốn bất nhị, sanh Phật bất nhị. Có nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật dã”(Hoặc có kẻ nghi niệm Phật làm sao có công đức như thế? Vì năng niệm và sở niệm đều là Thật Tướng. Sách Di Đà Yếu Giải viết: “Quang theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ theo chiều dọc rớt ráo ba đời. Ngang và dọc xen nhau thấu triệt, đều là Pháp Giới Thể. Nêu lên cái Thể ấy để làm thân và cõi nước của Phật Di Đà, mà cũng lấy cái Thể ấy tạo thành danh hiệu Di Đà. Vì thế, danh hiệu Di Đà chính là Bốn Giác Lý tánh của chúng sanh. Trì danh là Thi Giác hợp với Bốn Giác; Thi Giác và Bốn Giác chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”). Lần trước, chúng tôi giảng tới chỗ này, nay sẽ đọc phần tiếp theo. “Do thượng khả kiến, Di Đà danh hiệu tức Pháp Giới Thể, có danh hiệu công đức bất khả tư nghị” (Do những điều trên đây có thể thấy danh hiệu Di Đà chính là Pháp Giới Thể, nên danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn). Đây là tổng kết những nghĩa thú trong phần trước, để chúng ta nhận thức danh hiệu Di Đà. Câu danh hiệu này rất đơn giản, đứa trẻ ba tuổi cũng biết niệm, nhưng quả thật, nghĩa lý trong danh hiệu, đừng nói là ông lão tám mươi chẳng hiểu rõ, mà đúng như trong kinh đức Phật đã nói: “Duy Phật dữ Phật, phương năng cứu cánh” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rớt ráo). Đẳng Giác Bồ Tát đối với nghĩa lý quá sâu trong câu danh hiệu này cũng giống như cách một lớp the ngấm trắng. Công đức của danh hiệu [A Di Đà Phật] dẫn mười phương chư Phật trần thuyết, sát thuyết 101^[1] đều nói chẳng cùng tận. Ngẫu Ích đại sư nói những lời này, câu nào cũng đều là lời thật, vì danh hiệu là thể tánh của pháp giới, nên danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Một người suốt đời có thể niệm một câu [Phật hiệu], công đức bèn chẳng thể nghĩ bàn, nhưng người ấy có được thụ dụng hay không, cũng rất khó nói! Thật sự thụ dụng, ắt phải trọn đủ ba điều kiện Tín, Nguyện, Hạnh. Vãng sanh lại phải trọn

101^[1] Trần thuyết: Dẫn vật chất nhỏ nhất như vi trần cũng luôn nói vô thượng diệu pháp. Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, trong mỗi vi trần đều có cõi nước, trong cõi nước có Phật thường nói kinh Hoa Nghiêm. Về sau, kinh điển thường dùng chữ “trần sát” để diễn tả cảnh giới Sự Sự vô ngại, trùng trùng duyên khởi. Sát thuyết: Toàn bộ cõi nước đều thuyết pháp. Hòa Thượng Tuyên Hóa lại giảng “sát thuyết” có nghĩa là nội dung giảng giải rộng lớn không ngăn mé, nên dùng cõi nước (sát độ) để hình dung sự rộng lớn của các pháp được nói.

đủ [những điều kiện] như kinh đã dạy: “*Không thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy*”. Quý vị phải ghi nhớ, thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên là không được! Do vậy biết: Chúng ta muốn thật sự vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này, quý vị phải niệm niệm tu tập, tích lũy thiện căn, phước đức, nhân duyên. Chúng ta cũng từng nghe nói, trong kinh này, đức Phật cũng có nói: Khi lâm chung, mười niệm ắt vãng sanh, có phải là mâu thuẫn với câu kinh “*không thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy*” hay không? Có tình hình này hay không? Tôi tin là có nhiều người mang niềm hoài nghi này! Niềm hoài nghi này từ xưa tới nay đều có; trong kinh điển, luận, trước thuật, giảng giải, cổ đại đức cũng đều giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Kể suốt đời không tin tôn giáo, không tin tưởng Phật pháp, nhưng lúc lâm chung, thỉnh thoảng gặp duyên phận như vậy, gặp gỡ một vị thiện hữu khuyên kẻ ấy niệm Phật, khuyên kẻ ấy cầu sanh Tịnh Độ. Trong sát-na ấy, kẻ đó sau khi nghe xong bèn tin tưởng, tiếp nhận, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nghiêm nhiên cũng có thể vãng sanh. Đây chẳng phải là mâu thuẫn với câu kinh Di Đà “*Không thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên, mà được sanh về cõi ấy*” hay sao? Phàm phu chúng ta cảm thấy ở đây có vấn đề, nhưng đối với người thật sự có công phu, nhìn vào, không chỉ chẳng thấy có vấn đề, mà còn thấy là hoàn toàn tương ứng với những điều đã được giảng trong kinh. Do nguyên nhân nào? Suốt đời này, người ấy chẳng tu, nhưng trong kiếp trước người ta có tu, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tích lũy thiện căn, phước đức, nhân duyên, cả đời này chẳng có cơ duyên gặp gỡ Phật pháp, gần như luống uổng một đời. Nào ngờ khi lâm chung gặp gỡ thiện hữu cảnh tỉnh, dẫn khởi chủng tử thiện căn và phước đức trong A Lại Da thức của người ấy phát khởi, người ấy bèn thành tựu. Có phải là ngẫu nhiên hay chẳng? Chẳng phải! Huệ Năng đại sư hai mươi bốn tuổi, ở trong phương trượng thất của Ngũ Tổ, nghe kinh chút xíu như thế, bèn đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, có phải là ngẫu nhiên ư? Nếu là ngẫu nhiên, trong pháp hội của Ngũ Tổ, học trò đông ngàn ấy, theo Ngài nhiều năm như vậy, vì sao chẳng khai ngộ? Người học Phật cần phải biết: Nhân quả thông ba đời; thiện căn, phước đức, nhân duyên đã gieo trong đời quá khứ, tới đời này, duyên chín muồi, người ấy bèn hưởng thụ. Nếu đời này thiếu duyên, vẫn phải là trong đời sau hoặc trong những đời sau nữa, nói chung khi gặp được duyên, không nhất định là khi nào, chúng ta chớ nên không biết điều này. Do vậy, đối với những điều kinh điển đã nói, hay những điều tổ sư đại đức đã dạy, chúng ta chưa thể tin tưởng thì có thể còn mang nghi vấn, nhưng đừng nên phản đối. Còn mang lòng nghi nghĩa là gì vậy? Chỗ này tôi không hiểu, nhưng tôi trọn chẳng hoài nghi hay phản bác, [bởi lẽ] đức hạnh và trí huệ của chính tôi vẫn chưa

đủ. Nỗi nghi ấy là chuyện tốt, cổ đại đức thường nói “*tiểu nghi tiểu ngộ, đại nghi đại ngộ*”, không nghi ngờ sẽ chẳng ngộ. Nghi ở đây chẳng phải là hoài nghi, mà là sau khi ta nghe, ta tin lời người ấy giảng đúng là có lý, nhưng hiện thời ta chưa đủ trí huệ và đức hạnh, còn phải dụng công thêm; nói chung, sẽ có ngày ta hiểu rõ vấn đề này. Đây là chính xác, là tâm thái tu học tốt đẹp trong Phật môn.

Tiếp theo đó, [sách Đại Kinh Giải] lại nói: “*Danh hiệu tức chúng sanh chi Bản Giác Lý tánh*” (danh hiệu chính là Bản Giác Lý tánh của chúng sanh). Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất nhiều lần: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Vì vậy, trong Tịnh Tông nói “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”; lời ấy có lý, có căn cứ. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”, suốt đời này chúng ta chẳng có tướng, kiếp trước chúng ta có tướng hay chẳng? Kiếp trước nữa, chúng ta có tướng hay chẳng? Quá khứ vô thủy, vị lai vô chung, chẳng biết chúng ta luân hồi trong lục đạo đã trải bao nhiêu kiếp, trong thời gian dài như vậy, chúng ta đã từng gặp Phật hay chưa? Có nghiêm túc tu hành hay chưa? Khẳng định là có, ai nấy đều có. Vì sao đời này không tin? Tập khí phiền não quá nặng, che lấp, chèn ép thiện căn, phước đức, nhân duyên đã tu từ vô thủy kiếp, nên vẫn y như cũ chẳng giác! Ngày nào đó gặp nhân duyên, đột nhiên hiểu rõ, chúng (thiện căn, phước đức) sẽ khởi tác dụng. A Di Đà Phật chẳng phải là vật ngoài tâm, ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm, đúng là do tự tánh biến. Quý vị phải hiểu cảnh giới hiện tiền cũng do tự tánh biến. Tam đồ và địa ngục có phải do tự tánh biến hay không? Phải! Do vậy biết: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là trong một niệm. Có sao bất giác? Có sao mê đến nỗi này? Chẳng may may liên quan đến cảnh giới bên ngoài, chẳng liên quan đến chư Phật, Bồ Tát, cũng chẳng liên quan đến y báo và chánh báo trang nghiêm bên ngoài. Hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, chúng ta có thể biến địa cầu hiện tiền thành thế giới Cực Lạc hay không? Câu trả lời là khẳng định, chắc chắn là có thể, chỉ cần tâm địa quý vị đạt được thuần tịnh thuần thiện. Thuần tịnh thuần thiện, quý vị sẽ thành A Di Đà Phật; thuần tịnh thuần thiện, địa cầu liền biến thành thế giới Cực Lạc. Từ kinh điển, chúng ta nghe nói đạo lý và chân tướng sự thật này rất nhiều, nhưng có đủ hay không? Không đủ! Vì sao không đủ? Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta chẳng thể chuyển đổi ý niệm! Từ chỗ này, chúng ta hiểu chính mình tập khí phiền não nặng lắm, vì sao? Do vô lượng kiếp huân tu mà thành, từ sáng đến tối, quý vị thấy, nghe, tiếp xúc, hết thấy đều là huân tập phiền não.

Do vậy, có người đã từng hỏi Phật, Bồ Tát: “Chúng con làm thế nào để cứu vớt xã hội này và địa cầu?” Người ấy nói: “Phật, Bồ Tát nói một câu: - Giảng kinh, giáo học”. Người ấy đem chuyện này kể với tôi, tôi nói: “Đúng! Chẳng sai tí nào!” Tôi nói: “Quý vị đã thật sự hỏi Phật, Bồ Tát”. Suốt một đời Thích Ca Mâu Ni Phật, kể từ sau khi khai ngộ, Ngài bèn bắt đầu giảng kinh, giáo học, dạy suốt một đời, viên tịch lúc bảy mươi chín tuổi. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc cũng nói kiểu ấy! “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, giáo học làm đầu), dạy từ nơi đâu? Từ gia giáo. Quý vị có gia tộc, gia tộc có gia đạo, có gia quy, có gia học, kể từ khi mẹ có mang đã bắt đầu dạy, thai giáo mà! Con người được dạy dỗ bèn tốt đẹp, nói chung, chúng ta phải nhớ một câu: Nếu thực hiện tốt giáo dục, hết thảy mọi người coi trọng giáo dục của cổ thánh tiên hiền, mọi người trong thế giới này sẽ biến thành A Di Đà Phật, hoàn cảnh đều biến thành thế giới Cực Lạc, chuyện là như vậy đó! Chưa tiếp xúc Phật pháp tức là thiếu duyên phận, chẳng thể nói người ấy không có thiện căn, phước đức, nhân duyên, [chỉ có thể nói là] người ấy chưa có duyên tiếp xúc. Chúng ta đã được tiếp xúc, đã tiếp xúc thì phải giác ngộ. Chẳng giác ngộ sẽ vô dụng, cả đời này vẫn tự tư tự lợi, vẫn tạo tiếng tăm, lợi dưỡng, vẫn tạo nghiệp tam đồ lục đạo. Người ấy chẳng thể lìa bỏ lục đạo và tam đồ trong tự tánh, lìa bỏ chẳng được! Đó là mê, mê rất nặng. Nếu ngày nào đó, người ấy giác ngộ, hễ chuyển biến sẽ biến thành Cực Lạc, sẽ biến thành Phật Di Đà. Phật pháp là pháp thanh tịnh, pháp bình đẳng, chẳng có chúng sanh nào là ngoại lệ, nhất định phải hiểu đạo lý này. Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư đã giảng hết sức rõ ràng; bài luận văn ấy chẳng dài, chỉ là một cuốn sách nhỏ mỏng manh, nhưng hết thảy những điều được nói trong ấy là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, nói tới duyên khởi của vũ trụ, duyên do của vạn pháp, bản thân chúng ta do đâu mà có. Thật sự khó có, quả thật chẳng dễ dàng, Ngài đã giảng rõ ràng, minh bạch.

Thật sự hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch. Tiếp theo đó, sách nói: “*Khởi tâm niệm Phật thị vi Thi Giác*” (Khởi tâm niệm Phật là Thi Giác), chúng ta khởi lên ý niệm, niệm A Di Đà Phật, quý vị bắt đầu giác ngộ; nhưng chính mình chẳng cảm thấy bản thân ta giác ngộ, do nguyên nhân nào? Quý vị niệm Phật chưa đủ công phu. Nếu quý vị có thể khẳng khẳng một mục niệm một câu Phật hiệu này, khi niệm bèn buông xuống vạn duyên, vì sao? Chúng quấy nhiễu quý vị. Vì thế, trong kinh giáo, tổ sư đại đức dạy chúng ta nhất tâm niệm Phật, [làm như vậy] sẽ hữu hiệu! Nhất tâm là trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, trừ một câu Phật hiệu ra, thứ gì cũng đều chẳng có, lúc đó mới gọi là “nhất tâm”. Nhất tâm là tâm chân thành, nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Quý vị có thể

giữ được sự chân thành, kinh Di Đà nói quý vị có thể giữ được [sự chân thành ấy] trong một ngày, bậc thượng căn sẽ khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là bậc thượng căn, một ngày bèn thành tựu. Kinh nói rất hay, kẻ căn tánh thấp nhất, bảy ngày cũng có thể thành tựu. Có thể chấp trì tới bảy ngày, nhất tâm niệm Phật, trong tâm thật sự chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, bảy ngày thành tựu. Vì thế, mục tiêu của Tinh Tấn Phật Thất là ở chỗ này. Tôi chưa từng đả Tinh Tấn Phật Thất, tôi cũng chẳng dám làm. Xưa kia, tôi ở Đài Trung thân cận thầy Lý, thầy Lý bảo tôi cụ đã từng mở Tinh Tấn Phật Thất hai lần, làm Chủ Thất, số người tham dự ước chừng chỉ có mười mấy người. Sau lần Phật Thất ấy, đã xảy ra chuyện. Nói thật ra, nếu quý vị chẳng dụng công, oán thân trái chủ sẽ chẳng tìm đến, đến khi đó (lúc tham gia Tinh Tấn Phật Thất), họ tìm quý vị tính sổ. Quý vị tham gia Tinh Tấn Phật Thất, thật sự dụng công mong vãng sanh, họ sẽ đặc biệt chú ý; khi ấy, họ sẽ đến nhiều loạn. Họ đến nhiều loạn, quý vị bèn bị ma dựa. Do vậy, hai lần thầy Lý tổ chức [Tinh Tấn] Phật Thất đều gặp phải chuyện này, có học trò bị ma dựa. Bị ma dựa là một vấn đề nghiêm trọng! Người ta tham gia Phật Thất đang là người bình thường, niệm Phật vài ngày liền biến thành bệnh thần kinh, quý vị phải chịu trách nhiệm. Thầy Lý rất khó có, tốn thời gian hơn nửa năm để chữa cho người ấy khôi phục bình thường. Vì thế, sau đây chẳng dám tổ chức [Tinh Tấn Phật Thất] nữa. Đây là nói tinh tấn tu hành ắt phải trọn đủ thiện căn, phước đức, và nhân duyên. Quý vị chẳng có thiện căn và phước đức, chỉ hoài nghi một chút, hoặc có đôi chút ý niệm tự tư tự lợi đều không được, đó là quý vị chưa buông xuống sạch sành sanh. Thật sự buông xuống triệt để thì mới có thể tham gia phương pháp tu hành ấy. Vì thế, thầy bảo tôi: Sau đó, thầy không dám tiến hành, và cũng nhắc nhở tôi [chớ làm]. Duyên của cụ thù thắng hơn tôi, cụ được thân cận lão pháp sư Ấn Quang, Ngài là nhất đại tổ sư, duyên của chúng tôi thua cụ, mà cụ tổ chức [Tinh Tấn Phật Thất] còn gặp rắc rối, huống gì chúng tôi! Càng về sau, đời sau kém hơn đời trước, thật đấy, chẳng giả đâu!

Hiện nay, chúng ta dùng phương pháp gì? Nói thật ra, ôn hòa, thích đáng nhất, an toàn nhất, mà cũng có hiệu quả nhất là giảng kinh, giáo học, chuyện này thuộc loại tiệm tu, chắc chắn chẳng có khuyết điểm. Ở nơi đây, sang năm học viện của chúng ta đã [được thành lập] tròn mười năm. Thiên Học Ký [trong sách Lễ Ký] đã nói rất hay, pháp thế gian và xuất thế gian đều giống nhau, “*thất niên thiếu thành, cửu niên đại thành*” (bảy năm thành tựu nhỏ, chín năm thành tựu lớn), chúng ta có thành tựu hay không? Cổ đại đức đã nói: “*Sư phụ lãnh tân môn, tu hành tại cá nhân*” (sư phụ hướng dẫn nhập môn, cá nhân phải tự tu hành), đặc biệt là trong

thời đại hiện tại này, xã hội đề xướng dân chủ, tự do, cởi mở. Trong xã hội hiện tại, cha mẹ chẳng thể kiểm chế con cái, thầy chẳng thể quản trò, vì sao? Có nhân quyền! Khác hẳn xã hội trong quá khứ! Hiện thời, chúng ta chỉ có thể khuyên nhủ, đúng là tu hành và thành tựu đều do chính mỗi cá nhân [tự nỗ lực]. Kinh giáo do Phật nói, chú giải do Bồ Tát soạn, Phật, Bồ Tát chón chón nhắc nhở chúng ta, nếu chúng ta y giáo phụng hành, chắc chắn có thành tựu. Thành tựu cạn hay sâu, lớn hay nhỏ, mấu chốt chẳng do thời gian quý vị học dài hay ngắn, chẳng phải do quý vị vận dụng công phu cạn hay sâu, mà do quý vị buông xuống nhiều hay ít. Thuở trước, khi tôi đang học tập, Chương Gia đại sư đã bảo tôi lời ấy, trải qua năm mươi chín năm học tập, kiểm nghiệm, chứng tỏ lời ấy chính xác, quý vị buông xuống nhiều hay ít! Quý vị chẳng thể buông xuống, dầu tu ba trăm năm vẫn là phàm phu, có thể nâng cao công phu lên một bước hay không? Chẳng thể! Nâng lên cao một bước cũng chẳng thể! Giống như bước lên cầu thang, quý vị phải buông nấc thứ nhất xuống thì mới có thể lên được nấc thứ hai, lại buông nấc thứ hai xuống thì mới có thể lên được nấc thứ ba, buông xuống triệt để! Quý vị chỉ đặt một chân lên nấc trên, còn chân kia chẳng chịu buông bỏ nấc dưới, sẽ vĩnh viễn chẳng có cách nào lên cao được! Do vậy, dù ba trăm năm, quý vị vẫn chẳng có cách nào lên cao hơn một nấc được! Buông xuống trọng yếu lắm! Vì sao chẳng buông xuống?

Tôi khuyên các đồng học, tối thiểu [đã khuyên như vậy] cũng phải mười mấy năm, hai mươi năm, chúng ta nhất định phải buông tự tư tự lợi xuống! Khởi tâm động niệm, nói cách khác, chúng ta sống ở thế gian là vì điều gì? Tôi thưa với mọi người, tôi vì hai chuyện, một là nhằm giữ cho chánh pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật được trường tồn, hai là vãng sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật. Tôi hiểu rõ, minh bạch Phật pháp, suốt đời này làm hai chuyện ấy, sống một ngày bèn làm một ngày. Đức Thế Tôn đã nêu gương cho chúng ta. Đức Thế Tôn trước khi diệt độ, hễ còn một hơi thở, Ngài còn giảng kinh, thuyết pháp. Quý vị thấy cuối cùng Ngài dạy chúng ta Tứ Y Pháp. Tôn giả A Nan hướng về lão nhân gia thỉnh giáo: “Đức Thế Tôn tại thế, chúng con nương theo Phật là thầy. Đức Thế Tôn nhập diệt, chúng con nên nương theo ai làm thầy? Đức Thế Tôn tại thế, hết thầy mọi người đều nương theo Phật để cộng trụ; Phật nhập diệt, chúng con nương vào ai để cộng trụ?” Đức Thế Tôn nói, đó là giáo huấn của Ngài đã lưu lại, đức Thế Tôn chẳng tại thế, chúng ta “*dĩ giới vi sư*” (lấy giới làm thầy), đức Phật dạy như vậy. “*Dĩ khổ vi sư*” (lấy khổ làm thầy), Ngài dạy hai câu ấy. Nương vào ai để trụ? Nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ, sẽ chẳng khác gì đức Phật tại thế; nương vào Lục Hòa Kính để trụ. Chúng ta nương vào Lục Hòa Kính và Tứ Niệm Xứ, sẽ chẳng khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn tại thế. Chúng ta trì giới, chẳng sợ khổ, giống như vẫn ở cùng

Thích Ca Mâu Ni Phật. Hơi thở chưa dứt, đức Phật vẫn dạy bảo đạo chúng ta, từ bi đến tột cùng! Vì vậy, chẳng buông xuống tự tư tự lợi, sẽ chẳng có cách nào nhập môn, cách trở Phật môn quá u xa xôi! Sửa đổi tập khí ấy bằng cách nào? Thay đổi ý niệm! Chẳng có cách nào diệt ý niệm; đó là chuyện của hàng Tiểu Thừa làm. Thay đổi ý niệm, thay [ý niệm tự tư tự lợi bằng ý niệm] lợi ích người khác, lợi ích chúng sanh, lợi ích quốc gia, lợi ích xã hội, lợi ích toàn bộ thế giới, quý vị nghĩ tưởng những điều ấy. Ta dùng phương pháp gì để giúp đỡ, giúp đỡ chính mình, giúp đỡ xã hội, giúp đỡ quốc gia, giúp đỡ thế giới này? Phương pháp tốt nhất là y giáo phụng hành, học Phật. Quý vị hãy suy nghĩ: Chúng đắc Phật quả, nguyện vọng của quý vị sẽ được thực hiện viên mãn. Chúng tôi lại nói rõ hơn một chút, đối với chính mình, thân tâm khỏe mạnh, mọi người đều mong muốn chuyện này, gia đình hòa thuận. Chúng ta ở trong đạo tràng này, đạo tràng hòa thuận. Trong đạo tràng đều là người một nhà, chính mình khiêm tốn, cung kính, quan tâm, chiếu cố người khác, hỗ trợ hợp tác, gia đình ấy sẽ hưng vượng và vui vẻ lắm! Gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an hòa, quốc thái dân an, thế giới hòa hợp, đều đạt được, chẳng phải là không thể thực hiện được. Hãy làm từ chính mình, thay đổi từ tâm thái của chính mình. Buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, tâm định rồi! Tâm định sẽ chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, cũng có thể nói là cảnh giới bên ngoài chẳng thể ảnh hưởng quý vị, tới khi ấy, quý vị có thể ảnh hưởng thế giới bên ngoài. Giống như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển vật, ắt sẽ giống Như Lai), quý vị chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, sẽ có thể chuyển biến cảnh giới bên ngoài.

Do vậy, quý vị thấy thánh nhân thế gian và xuất thế gian giải quyết vấn đề của chính mình, giải quyết vấn đề gia đình, đoàn thể, quốc gia, thế giới, đều dùng giáo học. Giáo học làm đầu, đó là chân lý. Quý vị có thể thật sự tin tưởng, thật sự làm, quý vị có đại trí huệ, sẽ thật sự giải quyết vấn đề. Nếu quý vị không tin, mà nghĩ còn có biện pháp tốt đẹp hơn, làm theo cách ấy, đến khi đạt kết quả, đem so sánh với cách làm này, sẽ liền hiểu rõ. Trung Quốc từ xưa tới nay, mãi cho đến thời đại Mãn Thanh, đều tuân theo giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, hiện thời bình thiên hạ được gọi là thế giới hòa hài, không gì chẳng tuân thủ “*giáo học làm đầu*”. Gia đình thực hiện tốt giáo dục trong gia đình, xã hội cũng thực hiện tốt giáo dục, quốc gia cũng thực hiện tốt giáo dục, cả thế giới hòa hài. Nếu chẳng thực hiện tốt giáo dục, chẳng có cách nào cả! Xã hội hiện thời loạn lạc như thế, tai nạn lắm như vậy, nguyên nhân thật sự là gì? Chúng ta vứt bỏ giáo

dục, nên mới sanh ra phiền phức. Chư vị nhất định phải biết giáo dục [như vừa nói đó] chính là giáo dục luân lý. Thật sự hiểu rõ giáo dục luân lý, con người sẽ yêu thương nhau, con người biết tự yêu thương mình. Luân lý là nói về quan hệ; quý vị hiểu rõ ràng, minh bạch các mối quan hệ, sẽ yêu thương người khác. Người khác là cha mẹ của ta, lẽ nào ta chẳng yêu thương họ? Hiểu rõ quan hệ, người khác là con cái của ta, lẽ nào chẳng yêu thương, quan tâm họ? Hiểu thông suốt Đại Thừa Phật pháp, quý vị mới thật sự giác ngộ, giống như trong kinh đức Phật đã nói: *“Hết thấy người nam là cha ta, hết thấy người nữ là mẹ ta”*. Đúng không? Đúng vậy, vì sao là đúng? Đòi đòi kiếp kiếp, nhân quả ba đời. Trong hiện tại, nhờ thuật thôi miên, đã xảy ra những chuyện như thế này: Trong quá khứ, người kia là mẹ của kẻ ấy, nay biến thành con kẻ ấy, [người đã chết] quay trở lại. Gần đây nhất, tôi còn gặp được một người, cũng là một đồng tu học Phật, hai vợ chồng ông ta đều biết. Con gái ông ta kết hôn, sanh ra một đứa cháu gái chính là mẹ ông ta tái sanh, quý vị thấy: Bà nội cô ta do vô cùng yêu thích đứa cháu gái ấy nên đầu thai trở lại, làm con của cô ta. Quan hệ giữa người và người là như vậy! Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta luôn có những mối quan hệ mật thiết như vậy, nhưng hễ chuyển thế bèn quên mất. Nếu quý vị có trí nhớ, những thứ trong A Lại Da đều được khôi phục, quý vị đều có thể nhớ kỹ, sẽ biết tất cả hết thấy mọi người có quan hệ với quý vị như thế nào. Lời Phật giảng là chân thật, chẳng giả. Không chỉ hết thấy mọi người có quan hệ với ta như thế, mà tất cả động vật và chúng ta cũng có mối quan hệ như vậy. Kinh Lăng Nghiêm dạy: *“Nhân tử vi dương, dương tử vi nhân”* (Người chết thành dê, dê chết thành người). Đường nào trong lục đạo chúng ta cũng đã từng trải qua, thời gian lại rất dài, lại còn trải qua rất nhiều lần, chẳng phải là một hai lần, quan hệ mật thiết!

Còn nữa, theo luân lý được nói trong nhà Phật, cây cối, hoa, cỏ có quan hệ với chúng ta, núi, sông, đại địa có quan hệ với chúng ta, vì sao? Do tâm tánh của chúng ta sanh ra, do A Lại Da của chúng ta biến. Quan hệ với chúng ta như thế nào? Rất mật thiết, nhất thể, có cùng một tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Vì vậy, luân lý được giảng trong nhà Phật mới thật sự là giảng đến rốt ráo viên mãn, chẳng có một thứ nào là ngoại lệ. Nếu không hiểu thông suốt mối quan hệ ấy thì kinh Phật thường dùng một tỷ dụ để giảng giải rất hay! Tỷ dụ được dùng nhiều nhất để nói là *“nằm mộng”*. *“Mộng, huyễn, bọt, bóng”*, tỷ dụ chủ yếu là nằm mộng, còn huyễn, bọt nước, hình bóng là những ví dụ kèm thêm. Chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng; quý vị hãy nhớ, khi nào tỉnh giấc mộng, hãy suy nghĩ: Người, vật, cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa, hư không trong giấc mộng ấy do đâu mà có? Người hiện thời bảo chúng do tâm ý thức biến hiện, nói cũng khá lắm, ý thức là

thức thứ sáu. Thức thứ sáu có thể phân biệt, còn chủng tử thì sao? Chủng tử ở trong A Lại Da thức. Quả thật hoàn toàn do chính mình biến hiện, toàn bộ cảnh giới trong mộng đều do chính mình biến hiện. Đối với những cảnh giới trước mắt, chúng ta học qua Duy Thức sẽ biết, toàn là Hiện Lượng của A Lại Da, là Tướng Phần và Hiện Lượng của A Lại Da. A Lại Da do đâu mà có? A Lại Da biến hiện từ chân tánh. Sau khi mê chân tánh, A Lại Da bèn xuất hiện. Ba tế tướng (nghiệp tướng, cảnh giới tướng và chuyên tướng) của A Lại Da biến hiện ra cái được Phật pháp gọi là “y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới”.

Lại mở rộng ra, sẽ giống như phẩm Hoa Tạng Thế Giới và Thế Giới Thành Tựu của kinh Hoa Nghiêm, chẳng có ngăn mé. Tự tánh không gì lớn có thể lọt ra ngoài, không gì nhỏ chẳng gồm trong, chẳng có ngăn mé, nhất thể! Tuy vậy, chúng ta chẳng có cách nào chứng đắc, do nguyên nhân nào? Phiền não tập khí chẳng thể buông xuống được, quý vị sẽ chẳng thể chứng đắc, nhưng chúng ta tiếp nhận sự hun đúc của kinh giáo, hun đúc trong một thời gian dài, cũng hiểu rõ, minh bạch. Sự minh bạch ấy được gọi là “giải ngộ”. Ngộ có hai thứ:

- Một là minh bạch, tức là giải ngộ, nghe đức Phật nói [bèn hiểu rõ] chẳng sai.
- Loại thứ hai là chứng ngộ.

Chứng ngộ thì mới có thụ dụng, vì sao? Hoàn toàn là cảnh giới Hiện Lượng 102^[2] của chính mình. Giải ngộ chẳng phải vậy! Giải ngộ chẳng phải là cảnh giới Hiện Lượng, mà là cảnh giới Tỷ Lượng 103^[3], là cảnh giới nương vào Thánh Ngôn Lượng 104^[4] mà khởi. Vì thế, niệm Phật là giác ngộ, là Thi Giác. Thi Giác và Bản Giác là một, không hai. Thi Giác của chúng ta trong hiện thời chính là giải

102^[2] Hiện Lượng (Pratyaksa-pramāna) là một thuật ngữ trong Nhân Minh. Lượng có nghĩa đo lường, cân nhắc, phán đoán. Hiểu rộng hơn là tiêu chuẩn dùng để phán định, suy xét. Hiện Lượng là cảm giác, chưa xen lẫn những khái niệm, trọn chẳng bị phân biệt, tư duy xen vào. Chẳng hạn khi mắt thấy sắc, liền nhận biết rõ ràng, nhưng chưa suy lường đó là vật gì, tên gọi là gì, màu sắc ra sao, hình dáng thế nào, đáng ưa hay đáng ghét v.v... thì sự nhận biết ấy gọi là Hiện Lượng.

103^[3] Tỷ Lượng (Anumāna-pramāna): Sự nhận biết do so sánh điều gì chưa biết với cái đã biết.

104^[4] Thánh Ngôn Lượng (còn gọi là Chánh Giáo Lượng, Chí Giáo Lượng), sự nhận biết căn cứ trên thánh giáo của chư Phật, Bồ Tát.

ngộ, khi Bốn Giác hiện tiền sẽ là chúng ngộ. Quý vị thấy “*Thỉ Giác hợp Bốn*”, dùng phương pháp niệm Phật này để triệt ngộ tự tánh, có cùng một cảnh giới với đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong Tông Môn, chỉ là dùng phương pháp khác nhau. Một câu Phật hiệu niệm tới rốt ráo, niệm đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, sẽ là đại triệt đại ngộ; khi ấy, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai sẽ hiện tiền. Điều khẩn yếu là chính mình phải thật sự làm! “Thật sự làm” là chính mình thật sự buông xuống, thật sự làm chuyện ấy, coi nó là một đại sự phải thực hiện trong đời này thì mới có thể thực hiện được trong một đời.

“*Kim sở niệm chi Phật, chánh ngữ Bốn Giác*” (nay vị Phật được niệm chính là Bốn Giác của ta), tức là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. “*Cố vân trì danh tức thị Thỉ Giác hợp Bốn*” (nên nói trì danh chính là Thỉ Giác hợp với Bốn Giác). Cũng chớ nên quên tiêu chuẩn trì danh do Đại Thế Chí Bồ Tát đã giảng: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp), phải niệm như vậy thì mới được. Nhiếp trọn sáu căn là buông xuống vạn duyên, niệm của quý vị sẽ là tịnh niệm. Nếu quý vị chẳng thể nhiếp trọn sáu căn, mắt sẽ chạy theo sắc tướng bên ngoài, tai sẽ ruổi theo thanh trần để nghe ngóng, tâm quý vị luôn hướng ra ngoài, đều đặt nơi cảnh giới lục trần, cũng tức là tâm quý vị tán loạn. Nhiếp trọn sáu căn, tâm bèn định; mắt ta chẳng thấy sắc, tai chẳng nghe tiếng, định rồi. Học theo Quán Thế Âm Bồ Tát xoay cái Nghe để nghe nơi tự tánh, tai vốn nghe bên ngoài, [nay] chẳng nghe bên ngoài nữa, mà nghe bên trong, bên trong là gì? Bên trong là tự tánh, quay đầu. Lục căn đều quay đầu, chẳng duyên theo bên ngoài, chẳng duyên theo cảnh giới lục trần bên ngoài, đây là tự tánh vốn định. Hễ quay đầu thì tự tánh vốn định, kinh Lăng Nghiêm [gọi điều ấy] là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định. Tâm ấy đúng là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Trong tịnh niệm ấy có một câu Phật hiệu, cho nên tịnh niệm ấy dễ tu. Nếu trong tịnh niệm ấy thứ gì cũng chẳng có, sẽ chẳng dễ dàng, phàm phu chúng ta không tu được! Phàm phu chúng ta có nhất niệm, nhất niệm là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật tương ứng với Tánh Đức của tự tánh; A Di Đà Phật là đức hiệu của Tánh Đức. Niệm tới khi tự tánh Bát Nhã hiện tiền sẽ gọi là “hoát nhiên đại ngộ”, Lý nhất tâm bất loạn, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta [như vậy]. Nay chúng ta thực hiện thì phải nhớ: Hãy thực hiện ở chỗ sáu căn tạm thời đừng khởi tác dụng nào khác, xa lìa cảnh giới lục trần, tìm một nơi thanh tịnh để thu gom cái tâm! Dùng hoàn cảnh để giúp đỡ chính mình. Chẳng hoài nghi pháp môn này, chẳng hoài nghi Tịnh Độ, chẳng hoài nghi A Di Đà Phật, chẳng hoài nghi vị thầy trong đạo tràng chúng ta đang tu học, chẳng hoài nghi đồng học, quý vị sẽ chẳng bị chướng ngại! Một câu A Di Đà Phật này quý vị cứ niệm niệm tiếp nối, tiếp nối là chẳng gián đoạn, công phu đặc lực sẽ thành tựu. Ở đây, cụ

Niệm Tô giảng là “*thị cố niệm niệm tương ứng, nhi niệm niệm tức Phật, thị hiển trì danh công đức bất khả tư nghị*” (vì thế, niệm niệm tương ứng, nhưng niệm niệm chính là Phật, tỏ rõ công đức trì danh chẳng thể nghĩ bàn).

“*Hựu cứ Mật điển*” (lại nữa, dựa trên kinh điển của Mật Tông), đây là điều được nói trong Mật Tông, “*lục tự hồng danh trung nhất cá A tự, công đức dĩ thị vô lượng. Nhật Hưng Giáo đại sư viết: ‘Tự A tự xuất nhất thiết đà-la-ni, tự nhất thiết đà-la-ni sanh nhất thiết Phật’*” (công đức của một chữ A trong sáu chữ hồng danh đã là vô lượng. Hưng Giáo đại sư 105[5] của Nhật Bản nói: “Từ chữ A sanh ra hết thảy đà-la-ni, từ hết thảy đà-la-ni sanh ra hết thảy Phật”). Đây là điều được nói trong kinh điển Mật Tông. “A” là chữ cái thứ nhất trong tiếng Phạn, tất cả văn tự (vì tiếng Phạn dùng mẫu tự để ghép lại) đều từ chữ này diễn biến, nó là chữ cái thứ nhất. Giống như tiếng Anh dùng chữ A làm mẫu tự thứ nhất, A [trong tiếng Anh] cũng được phát âm là A [như trong tiếng Quan Thoại]. “*Tự A tự xuất nhất thiết đà-la-ni*” (từ chữ A sanh ra hết thảy đà-la-ni), Đà-la-ni là chú, quả thật trong hết thảy các bài chú đều có âm A này, nó chứa được vô lượng vô biên nghĩa. Tùy thuộc nó nằm trong câu chú nào, mà giảng như thế nào, nhưng thảy đều tương ứng với tự

105[5] Hưng Giáo đại sư (Kōgyō-Daishi) là ngài Giác Vãm (Kakuban, 覺鑾, 1095-1143). Sư sinh tại tỉnh Phì Tiền (Hizen) thuộc đảo Cửu Châu (Kyushu), tục danh là Di Thiên Tuế Ma (Yachitose Maro). Sư được mười tuổi thì cha mất, nên đi tu năm mười ba tuổi, theo học với ngài Khoan Trợ (Kanjo), viện chủ Thành Tự Viện. Sư thông hiểu Mật Tông, và nghiên cứu Tịnh Độ với ngài Thanh Liên (Shōren). Được sự bảo trợ của thiên hoàng Điều Vũ (Toba), Ngài sáng lập chùa Denbō-in (Truyền Pháp Viện, về sau được gọi là Đại Truyền Pháp Viện). Với nhiệt tình chấn hưng Mật Tông, Sư đã cố gắng thống nhất hai chi phái Ono (Tiểu Dã) và Hirosawa (Quảng Trạch), và trở thành tọa chủ hai chùa Đại Truyền Pháp và Kim Cang Phong (tổng bản sơn của Mật Tông), nhưng bị những tăng sĩ vì quyền lợi cá nhân chống đối dữ dội nên phải từ chức, lui về Mật Nghiêm Viện (Mitsugon-in). Các tăng sĩ chống đối vẫn không buông tha, họ tấn công đốt trụ chùa Đại Truyền Pháp, khiến ngài Giác Vãm cùng các đệ tử phải lánh về Negoro-ji (Căn Lai Tự), rồi tịch ở đó. Sau này, thiên hoàng Đông Sơn (Higashiyama) đã truy tặng Ngài đạo hiệu Hưng Giáo đại sư. Một đệ tử của Ngài là Lại Du (Raiyu) đã sáng lập tông phái Mật Tông mới dựa trên lời dạy của Ngài, gọi là Tân Nghĩa Chân Ngôn Tông (Shingi Shingon Shu). Một trong những quan điểm đặc sắc của ngài Giác Vãm là đề xướng học thuyết “*himitsu nembutsu*” (bí mật niệm Phật), coi niệm Phật là một cách tu Mật pháp cao siêu không thua gì các pháp tu khác trong Mật Tông. Trong tác phẩm Amida Hisshaku (A Di Đà Bí Thích), Ngài đã chú giải tỉ mỉ ý nghĩa của từng chữ trong sáu chữ danh hiệu, cũng như đề xướng niệm Phật kết hợp với tụng “*tâm chân ngôn*” (tâm chú) “*Hrih*” của A Di Đà Phật.

tánh. “*Nhất thiết đà-la-ni sanh nhất thiết Phật*” (hết thầy đà-la-ni sanh ra hết thầy Phật), Đà-la-ni (Dhāranī) là tiếng Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tổng Trì, [nghĩa là] “gồm chung hết thầy các pháp, nắm giữ hết thầy các nghĩa”. [Có những] chú chẳng dài, nhưng chú Lăng Nghiêm rất dài, có tới hai ngàn chữ.

“*A Di Đà Phật*” cũng là một chú ngữ, nhưng rất ngắn, [chỉ gồm] một câu là A Di Đà Phật. Bất luận bộ kinh điển nào, bất luận câu chú ngữ nào đều là một pháp môn, nhà Phật nói “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”; thật ra, không phải chỉ có vậy! Trọn đời nên hiểu tám vạn bốn ngàn là con số, phải nói như thế nào? Phải hiểu [từ ngữ này biểu thị] sự đại viên mãn. Quý vị thấy trong Tứ Hoàng Thệ Nguyễn có câu: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, chẳng nói tám vạn bốn ngàn, [mà là] pháp môn vô lượng thệ nguyện học! Tám vạn bốn ngàn pháp môn mở rộng thành vô lượng pháp môn, vô lượng pháp môn quy nạp lại thành tám vạn bốn ngàn pháp môn. Do vậy, tám vạn bốn ngàn và vô lượng có cùng một ý nghĩa, phải biết điều này! Trong Tịnh Độ Tông, lại quy nạp, quy nạp tới cuối cùng, dùng “bảy” làm con số viên mãn. “Bảy” có ý nghĩa gì? “Bảy” là Đông, Nam, Tây, Bắc, phía trên, phía dưới, gọi là “lục phương”, còn có chính giữa [thêm vào đó thành “bảy phương”], đó là viên mãn. Vì thế, nó tượng trưng sự viên mãn. “Thập” xét theo con số, từ một đến mười là viên mãn, đều nhằm biểu thị sự đại viên mãn, đừng hiểu là con số; nếu không, quý vị sẽ thấy sai!

Kinh Hoa Nghiêm nói “*một chính là hết thầy, hết thầy chính là một*”, lời này nói rất hay! Nói “một” là nói tới tự tánh, hết thầy các pháp đều do tự tánh sanh ra, hiện ra, biến ra. Trên thực tế, cái biến là A Lại Da, nhưng A Lại Da từ tự tánh thanh tịnh viên minh thể biến hiện; cho nên là một, không hai. Tự tánh là chân tâm, A Lại Da là vọng tâm, chân vọng chẳng hai. Bất luận là xét theo Lý, hay xét theo Sự, Phật pháp luôn dạy chúng ta, trọn pháp giới hư không giới hết thầy các pháp và chính mình là một Thể. Thật sự nhận thức, thật sự chứng đắc trong tự tánh có vô lượng trí huệ, vô lượng từ bi, vô lượng đức hạnh tự nhiên lưu lộ. Trí huệ, đức hạnh, từ bi lưu xuất, trong cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, quý vị dùng gì? Dùng tâm từ bi, dùng trí huệ, dùng đức hạnh, vậy thì quý vị là Phật, Bồ Tát, là đại thánh, đại hiền, giúp đỡ hết thầy chúng sanh quay đầu, giúp đỡ hết thầy chúng sanh tu hành chứng quả.

Chúng ta đọc câu văn kế tiếp: “*Hựu A tự chân ngôn, thập phương Phật tâm, chư Phật Pháp Thân, đồng sở gia trì*” (Lại nữa, chân ngôn chữ A là tâm của mười phương chư Phật, Pháp Thân của chư Phật cùng gia trì). Ở đây, cụ Hoàng dùng chữ “*hựu*” vì những điều này đều là lời giảng của Hưng Giáo đại sư người Nhật.

Chữ A này là tâm của mười phương chư Phật, là tâm chú. Chữ A là Phật tâm, tâm chú, chúng ta thường nói [chữ A ấy] là “nguyên âm” của vũ trụ, nguyên là nguyên thủy, [“nguyên âm”] tức là âm thanh nguyên thủy, nguyên âm của vũ trụ là thanh âm A này! Tất cả hết thảy các âm thanh đều từ âm này biến hiện; vì thế, nó là mẫu âm thứ nhất. Mẫu âm trong hết thảy các âm thanh được biến hiện từ nó; vì thế, nó là Phật tâm. Đã là Phật tâm, đương nhiên nó được hết thảy chư Phật gia trì, Pháp Thân Phật gia trì.

Lại nói: “*Tỳ Lô Xá Na, dĩ chữ A tự danh vi Bí Tạng*” (Tỳ Lô Xá Na Phật gọi chữ A này là Tạng Kín Nhiệm), “*Bí*” (祕) ở đây chẳng phải là bí mật! Trong Phật pháp chẳng có bí mật, chuyện bí mật chẳng thể nói với người khác mới gọi là “bí mật”, còn trong Phật pháp, “*bí*” là thâm mật (sâu xa, kín nhiệm). Lý quá sâu, Sự quá rắc rối, vô lượng nhân duyên thành tựu một pháp. Chúng ta nói đơn giản nhất thì trong sinh vật, [đơn giản nhất] là một tế bào, nhưng nói theo Phật pháp, tế bào cũng do vô lượng nhân duyên mới có thể sanh khởi. Vì thế, thường dùng chữ Bí Tạng. Dùng từ ngữ này để hiển thị ý nghĩa: Những Lý được bao hàm trong ấy quá sâu, duyên quá phức tạp, dùng chữ A này để biểu thị điều ấy.

“*Hữu tam thân duy thuyết A tự nhất pháp*” (lại nữa, ba thân chỉ nói một pháp chữ A), “*tam thân*” là Như Lai quả địa, tức Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Hóa Thân, đó là tam thân. Pháp Thân là Lý, Báo Thân và Ứng Hóa Thân đều là sự tướng. Báo Thân là Tự Thụ Dụng, có Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. Ứng Hóa Thân hoàn toàn là Tha Thụ Dụng, trong ấy chẳng có Tự Thụ Dụng. Tự Thụ Dụng Báo Thân ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm; đồng thời, dùng thân này để dạy những vị vừa mới chứng Pháp Thân Phật. Vì quý vị chỉ cần buông vô minh xuống, buông vô thi vô minh xuống thì cũng là như chúng tôi thường nói: “Đối với hết thảy các pháp, không khởi tâm, không động niệm”; đây là buông xuống vô minh. Vẫn còn khởi tâm động niệm thì không được, quý vị chưa buông xuống. Thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, sẽ kiến tánh. Kiến tánh, Báo Thân sẽ hiện tiền. Đối với Báo Thân, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Thân hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo*” (thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo), bản thân quý vị biết, hàng Bồ Tát chứng đắc Báo Thân đều biết, họ thuộc về cảnh giới ngang nhau. Vì sao hảo? Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn dạy: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Khi quý vị chứng đắc Báo Thân, hết thảy trí huệ, đức năng, tướng hảo trong tự tánh đều hiện ra toàn bộ. Ba thứ ấy là gì vậy? Chính là nửa phần trước của tựa đề bản kinh này, Đại Thừa là

trí huệ, Vô Lượng Thọ là đức, Trang Nghiêm là tướng. Quý vị chứng đắc các điều kiện, tâm quý vị thật sự đạt được Thanh Tịnh, đạt được Bình Đẳng, Giác là khai ngộ, toàn bộ đều ở trong tựa đề bản kinh! Tam thân cũng chỉ dùng một chữ A; trong một chữ này, thấy đều trọn đủ, [đó là] “*A tự nhất pháp*”.

“*Chư kinh quảng tán thử pháp công đức, văn danh xúc nhĩ, chúng tội bằng tiêu, xướng thanh kiến tự, vạn đức vân tập*” (Các kinh khen ngợi rộng rãi công đức của pháp này, danh hiệu nghe lọt vào tai, các tội tiêu tan, xướng âm thanh, thấy mặt chữ, muôn đức nhóm về như mây), hai câu này nói rất hay. “*Thiền quán dẫn tín, trực du Tịnh Độ, thâm tu viên trí, hiện chứng Phật đạo*” (kẻ thấy biết nông cạn, chỉ tin tưởng, bèn về thẳng cõi Tịnh; người trí tu sâu trí vẹn, chứng Phật đạo trong hiện đời). Kẻ công phu nông cạn, nhưng chân tín, chân phát nguyện, cầu sanh Tịnh Độ, sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc; đây là kẻ công đức nông cạn. Người sâu xa, trí huệ viên mãn xuất hiện, dùng tựa đề bản kinh này để nói sẽ là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đạt được thanh tịnh, bình đẳng. Trong ấy cũng có cạn hay sâu khác nhau; vì thế, giác có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ khác nhau, vì sao? Buông xuống nhiều hay ít khác nhau. Buông chấp trước xuống, nhưng chẳng buông phân biệt xuống, có giác hay không? Có, giác một ít, là A La Hán. Ít hơn A La Hán là Tu Đà Hoàn, nhưng đều phải buông chấp trước xuống, buông xuống nhiều hay ít khác nhau. Thật sự phải luyện, luyện sao cho hết thấy chấp trước đều chẳng cần tới, khi chúng ta sanh sang Tây Phương Tịnh Độ sẽ sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư, không thuộc cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu phân biệt cũng buông xuống, không chỉ chẳng chấp trước, mà ý niệm phân biệt cũng chẳng sanh, khi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật đến tiếp dẫn, Phật quang chiếu gội, nâng cao công phu, gia trì quý vị sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chúng tỏ pháp môn này thù thắng. Nói thật thà, học Thiền, học Giáo, học Mật, thật sự thành tựu trong một đời đều chẳng dễ dàng, duy nhất pháp môn này đúng là “*vạn người tu, vạn người đến*”.

Ngay cả công phu buông xuống của Tu Đà Hoàn quý vị cũng chẳng làm được thì cũng không sao cả! Chỉ cần quý vị có thể tin, thật sự bằng lòng ra đi, chẳng đoạn một phẩm phiền não cũng chẳng sao, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, hạ bôn vãng sanh. Thế giới Cực Lạc là một thế giới đặc biệt, đặc biệt ở chỗ nào? Đặc biệt ở chỗ “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đặc biệt ở chỗ này. Vì vậy, trong một đời, sanh về thế giới Cực Lạc, thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát thường được hiểu là Sơ Trụ trong Viên Giáo, hay Sơ Địa trong Biệt Giáo, không chỉ vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới, họ vãng sanh thế giới

Cực Lạc là sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nhưng chúng ta ở trong thế giới này, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, Ngẫu Ích đại sư nói, người [vãng sanh] ấy thật sự là phàm phu, ngay cả [quả vị] Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa [người ấy] vẫn chưa chứng đắc, cũng là như chúng ta thường nói là “chưa nhập môn”. Đối với Đại Thừa, nói theo kinh Hoa Nghiêm, người ấy chưa chứng đắc địa vị Sơ Tín trong Thập Tín, nhưng có thể vãng sanh. Vãng sanh thế giới Cực Lạc được hưởng thụ, tuy người ấy vẫn thuộc cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng hưởng thụ như thế nào? Trí huệ, thần thông, đạo lực bằng với hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Người ấy chẳng phải là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, nhưng trí huệ và đức tướng bằng với hàng Sơ Trụ; đây là do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Nói cách khác, chẳng phải do chính người ấy có, mà do đức Phật ban cho người ấy được hưởng thụ giống hết [hàng Pháp Thân đại sĩ]. Vì vậy, hạ hạ phàm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư có thể trở lại thế giới Sa Bà độ chúng sanh hay không? Có thể! Thật đấy, chẳng giả đâu! Người ấy có thể ở trong thế giới này độ chúng sanh thì có bị mê hay không? Có khi bị mê! Nhưng mê thì có bị đọa lạc hay chẳng? Chẳng bị đọa lạc, vì sao? Phật chiếu cố người ấy, Pháp Thân Bồ Tát chiếu cố người ấy. Trong kinh Kim Cang, đức Thế Tôn chẳng phó chúc đó ư? Phó chúc hàng đại Bồ Tát thường chiếu cố những vị tiểu Bồ Tát. Chữ “tiểu Bồ Tát” chỉ loại người này. Các Ngài gia trì, chỉ dạy người ấy khiến họ giác ngộ ngay lập tức. Bởi lẽ, người ấy rất dễ giác ngộ, rất dễ quay đầu, đạo lý ở chỗ này. Vì sao người ấy chẳng có thành tựu thật sự trong thế giới Cực Lạc mà lại đến [thế giới này]? Tâm người ấy từ bi thiết tha, thấy chúng sanh trong thế gian này quá đáng thương, nên tới đây. Chúng ta hiểu rõ ràng tình hình này, trên thế giới này, thật sự có người tái lai hay chẳng? Thật sự có. Có sao bậc tái lai cũng hồ đồ? Người ấy vốn là tái lai từ cõi Phàm Thánh Đồng Cư nên mới có tình hình ấy, chứ trong cõi Phương Tiện quyết định chẳng có. Đặc biệt là người trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, những người thuộc bậc trung và bậc hạ giống như vậy cũng rất nhiều, nhất định là Phật và những vị đại Bồ Tát thường xuyên chiếu cố họ. Nếu chẳng chiếu cố họ, họ sẽ bị mê, thật sự bị mê.

“A tự công đức như thị, cố Phật hiệu chi công đức khả tri hỹ” (chữ A có công đức như thế, nên có thể biết công đức của Phật hiệu vậy), một chữ đã có công đức chẳng thể nghĩ bàn, hưởng hồ câu danh hiệu A Di Đà Phật! Những điều được nói ở đây đều nhằm cực lực tán thán danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta thật sự đã biết, quý vị niệm danh hiệu này tốt đẹp hơn niệm những thứ khác. Cổ đại đức nói lời thật: *“Niệm kinh chẳng bằng niệm chú, niệm chú chẳng bằng niệm*

Phật”. Vì sao ngày nay chúng ta vẫn nhấn mạnh chuyện niệm kinh? Vì chúng ta chưa liễu giải công đức của danh hiệu này, niệm kinh nhằm giúp cho quý vị liễu giải, niệm kinh nhằm giúp quý vị phá nghi, khai ngộ. Niệm kinh cũng nhằm giúp đỡ quý vị thâm hồi cái tâm, vì tâm quý vị tán loạn, chẳng phải là tịnh niệm. Dùng phương pháp niệm kinh để thâm hồi cái tâm, đều nhằm nhiếp trọn sáu căn. Niệm một bộ kinh, tâm định rồi, tâm thanh tịnh, thâm liễm tâm tư bộn chộp, xao động, rồi mới niệm Phật, công phu sẽ đắc lực, mang ý nghĩa như thế đó! Phải hiểu rõ ràng, minh bạch thì mới có thể thật sự thu được hiệu quả.

Cuối cùng, ở đây, lão cư sĩ bảo chúng ta: *“Thả thủ nhất cú Phật hiệu, hạ thủ tới di, vô phân nam, nữ, lão, thiếu, bất luận trí, ngu, nhàn, mang, nhân nhân năng niệm, cá cá khả hành. Danh triệu vạn đức, diệu cảm nan tư”* (Vả nữa, một câu Phật hiệu này thực hiện dễ dàng nhất, chẳng phân biệt nam, nữ, già, trẻ, bất luận trí, ngu, rảnh, bận, ai cũng có thể niệm, ai cũng có thể hành. Danh chiêu vời vạn đức, cảm ứng mau nhiệm khó thể nghĩ tưởng). Cụ viết những câu này nhằm khuyên dạy chúng ta, một câu Phật hiệu này tu tập dễ dàng nhất; trong vô lượng pháp môn, chẳng có pháp môn nào dễ hơn được nữa, một câu Phật hiệu này là pháp dễ dàng nhất. Vì thế, chẳng phân biệt nam, nữ, già, trẻ, chẳng phân biệt trí, ngu, rảnh rồi, bận bịu, mỗi cá nhân đều có thể niệm, lúc nào, chỗ nào cũng đều có thể niệm. Niệm Phật chớ nên câu thúc. Chúng ta nằm ngủ có thể niệm được chăng? Niệm được. Nằm ngủ chớ nên niệm ra tiếng, vì sao? Niệm ra tiếng thương tổn thân, khí, [niệm thầm] có công đức giống hết như [niệm ra tiếng]. [Niệm Phật] trong nhà vệ sinh dường như chẳng cung kính? Chẳng cung kính thì chẳng niệm ra tiếng! Nếu không niệm ra tiếng mà chẳng thể nhiếp tâm thì quý vị niệm ra tiếng là được rồi. Niệm ra tiếng có phải là thiếu cung kính hay chẳng? Thiếu cung kính là chuyện nhỏ, vì sao? Phật, Bồ Tát chẳng quở trách quý vị, chính quý vị nhiếp tâm mới là chuyện lớn! Lớn tiếng niệm Phật trong nhà vệ sinh mà Phật quở trách chúng ta, Ngài sẽ chẳng phải là Phật, Ngài sanh phiền não, làm sao Phật có thể sanh phiền não? Đâu có đạo lý ấy! Phật chỉ mong quý vị thành tựu, mong câu Phật hiệu này thật sự có thể không chế phiền não của quý vị. Niệm Phật chẳng có gì khác, mà vì lẽ này! Quý vị chẳng niệm Phật, vọng niệm nổi lên, dùng câu Phật hiệu này để thay thế vọng niệm, vọng niệm chẳng còn nữa, toàn là câu Phật hiệu này. Vậy thì quý vị đã công phu thành phiền, thật sự đạt công phu thành phiền, có thể vãng sanh bất cứ lúc nào. Trong công phu thành phiền cũng có ba bậc chín phẩm, ba phẩm thuộc bậc thượng vãng sanh tự tại, muốn đi lúc nào bèn đi lúc đó, muốn ở lại thêm mấy năm cũng chẳng trở ngại. Đây là kỳ vọng của A Di Đà Phật, chư Phật, Bồ Tát đối với chúng ta, đó gọi là gì? Đó là cung kính thật sự! Cung kính chẳng phải các thứ chấp

trước hình thức trong thế gian này; nhưng chúng ta cũng phải coi trọng hình thức, vì sao? Tránh cho người khác tạo khẩu nghiệp, chủ yếu là ở chỗ này. Kẻ mới học chẳng biết, nghĩ quý vị thiếu cung kính, bèn tạo khẩu nghiệp, họ trông thấy, khó chịu, phê bình quý vị. Kẻ ấy chẳng liễu giải Phật pháp thấu triệt. Liễu giải thấu triệt thì người ta thấy hiện tượng ấy vẫn chẳng khởi tâm, không động niệm, chớ hề có phân biệt, chấp trước. Lý và Sự chúng ta đều phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Do vậy, nếu hiểu thì ai nấy đều có thể niệm, ai nấy đều có thể hành.

“*Danh triệu vạn đức, diệu cảm nan tư*”. Đối với câu này, chúng tôi nghĩ đến lời tựa rất dài do Mai Quang Hy đại sư đã viết ở trước [phần chánh văn của] bản kinh này nhằm giới thiệu cặn kẽ bản hội tập này. Trong phần phụ lục của bản giảng nghĩa này có bài tựa ấy, quý vị hãy nên đọc, trong ấy, có những thông tin rất quan trọng. Cụ đã giảng thấu triệt câu “*danh triệu vạn đức, diệu cảm nan tư*” này. Trong ấy, có một đoạn giảng giải như thế này: Vào thời đại Tùy - Đường, đúng là vào thời đó, cao tăng đại đức quá nhiều. Trong [bản chú giải] kinh này, đã trích dẫn lời các pháp sư Đại Hàn và Nhật Bản, đều là những người đã đến Trung Quốc du học vào thời ấy. Sau khi trở về, họ bèn trở thành khai sơn tổ sư của nhiều tông phái. Những vị ấy đã thân cận Thiện Đạo đại sư, thân cận Trí Giả đại sư, có quan hệ hết sức sâu dày với các Ngài. Trong bản Đại Kinh Giải này, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã trích dẫn bọn họ rất nhiều. Họ từng nghĩ, trong hết thảy các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào quan trọng nhất, có thể đại diện cho những gì lão nhân gia đã nói suốt cả một đời? Kết quả là hết thảy mọi người đều tôn sùng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm được xưng tụng là “*kinh trung chi vương*” (vua của các kinh), cũng có nghĩa là hết thảy những kinh khác do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm đều là quyển thuộc của Hoa Nghiêm; kinh Hoa Nghiêm là chánh yếu nhất, mọi người đều công nhận. Tôi tiếp xúc Phật pháp là do giáo sư Phương Đông Mỹ giới thiệu. Cụ nói kinh Hoa Nghiêm là khái luận của toàn bộ Phật học, cũng là tôn sùng kinh đến vị trí trọng yếu nhất, tức là [kinh Hoa Nghiêm] là khái luận [của toàn bộ] triết học trong kinh Phật. Kinh Hoa Nghiêm tới cuối cùng, thành tựu viên mãn ra sao? Hai vị đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền hướng dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm cầu sanh Tịnh Độ, tới thế giới Cực Lạc để gặp A Di Đà Phật, tới thế giới Cực Lạc để tham học, như vậy thì mới thành tựu. [Kinh Hoa Nghiêm] dẫn về Cực Lạc, mà bộ kinh này chuyên giảng Cực Lạc, cũng có nghĩa là kinh Hoa Nghiêm tới cuối cùng quy vào kinh Vô Lượng Thọ. Vậy thì kinh Vô Lượng Thọ cao hơn kinh Hoa Nghiêm, không dưới Hoa Nghiêm, mà ở trên Hoa

Nghiêm; nhưng Hoa Nghiêm khó khăn! Nhập cảnh giới Hoa Nghiêm phải tu Pháp Giới Quán, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Kinh này còn cao hơn kinh Hoa Nghiêm, nhưng dùng một câu A Di Đà Phật là có thể thành tựu. Nói cách khác, một câu A Di Đà Phật bèn nhập cảnh giới Hoa Nghiêm; cho nên kinh Vô Lượng Thọ được xếp vào bậc nhất.

Bản kinh Vô Lượng Thọ hiện thời của chúng ta là bản hội tập, chia toàn bộ bản kinh thành bốn mươi tám phẩm, nói là “bốn mươi tám chương” cũng được, do lão cư sĩ Hạ Liên Cư phân chia. Trong bốn mươi tám phẩm ấy, phẩm nào trọng yếu nhất? Chúng ta tìm phẩm trọng yếu nhất, đương nhiên là phẩm thứ sáu. Phẩm thứ sáu do đích thân A Di Đà Phật giảng, chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật nói, mà do chính A Di Đà Phật nói, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ thuật lại, kể cho chúng ta biết. Từng câu, từng chữ trong bốn mươi tám nguyện đều do A Di Đà Phật nói. Bốn mươi tám nguyện thì có bốn mươi tám điều, điều nào trọng yếu nhất? Trong quá khứ, các tổ sư đại đức cũng công nhận nguyện thứ mười tám quan trọng nhất. Nguyện thứ mười tám là gì? Mười niệm ắt vãng sanh. Do vậy, tại Nhật Bản có tông phái gọi là Bồn Nguyện Niệm Phật. Họ dựa vào nguyện thứ mười tám, niệm A Di Đà Phật bèn thành công. Chẳng sai! Cổ đại đức Nhật Bản sáng lập pháp môn này, các Ngài thành tựu, nhưng người hiện thời tu học pháp môn ấy, tôi thấy rất nhiều vấn đề, vấn đề to lớn, vì sao? Họ không hiểu giáo nghĩa. Cổ đại đức dùng một câu A Di Đà Phật này, nhưng họ có cơ sở, họ hiểu rõ, còn những người học theo hiện thời, một tí lý luận trong các bộ đại kinh, đại luận, họ cũng không biết, chấp trì một câu danh hiệu này, phiền não lẫn tập khí đều chẳng đoạn, làm sao có thể thành tựu cho được? Họ cũng chẳng thật sự phát tâm. Tông chỉ của kinh này là “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, họ có một mục chuyên niệm, nhưng chẳng phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là gì? Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Cổ nhân niệm một câu A Di Đà Phật này, quý vị quan sát cẩn thận, thật vậy, các Ngài có tâm ấy, cho nên các Ngài tương ứng. Người niệm Phật hiện tại dùng vọng tâm, tự tư tự lợi, tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần, lại còn tổn người, lợi mình, làm sao có thể vãng sanh? Niệm câu danh hiệu này, họ chỉ có thể đạt được lợi ích là gieo một chủng tử niệm Phật trong A Lại Da Thức, sẽ có thành tựu trong đời kế tiếp hay đời sau nữa, chứ đời này họ chẳng thể thành tựu. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Lại giảng Bồ Đề tâm rõ ràng, trong phần trước của bản chú giải này, chúng ta đã đọc thấy “*phát Bồ Đề tâm là phát tâm thành Phật, phát tâm làm Phật. Phát tâm làm Phật là phát tâm độ chúng sanh*”. Chẳng có cái tâm giúp đỡ và thành tựu

chúng sanh, niệm câu A Di Đà Phật sẽ chẳng tương ứng với thế giới Cực Lạc. Vì thế, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay, trong phần trước, chúng ta đã đọc rồi, có thể vãng sanh hay không được quyết định bởi có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp do công phu niệm Phật cạn hay sâu. Ngài nói lời này hay quá! Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật được hết thầy chư Phật Như Lai tán thán, vì sao? Rộng độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, thâm trọn lợi căn lẫn độn căn. Trong tâm A Di Đà Phật chẳng có gì khác, niệm niệm luôn giúp đỡ chúng sanh mau chóng thành Phật giống hệt như Ngài. Sau khi thành Phật, sẽ phổ độ chúng sanh. Ngài chẳng tự tư tự lợi, chẳng tạo tiếng tăm, lợi dưỡng; ngày nay chúng ta niệm Phật gặp chương ngại lớn nhất, vấn đề là ở chỗ này! Do vậy, trong hai mươi, ba mươi năm gần đây, tôi thường nói, thường khuyên dạy các đồng học, chính mình cũng phải thật sự làm, buông tự tư tự lợi xuống. Tôi lớn tuổi như vậy, đã ngoài tám mươi, người đã nên chết rồi, sống một ngày phải báo ân Phật một ngày. Báo ân Phật là gì? Tự hành, khuyên người khác. Mỗi ngày đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, tuân theo lý luận và phương pháp trong kinh Vô Lượng Thọ để tu học nhằm tự lợi; đồng thời chia sẻ những điều tâm đắc trong sự học tập của chính mình với các đồng học hữu duyên, kinh gọi đó là “tâm độ chúng sanh”. Sống một ngày, làm một ngày, có nghĩ tới ngày mai hay không? Không nghĩ tới ngày mai, chẳng có ngày mai, tám mươi tuổi đã đáng nên chết, còn mong tưởng gì nữa! Sống một ngày bèn làm một ngày, sống hai ngày bèn làm hai ngày, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, điều gì cũng đều buông xuống. Năm xưa, lão cư sĩ Triệu Phác Sơ, vị này là bậc trưởng thượng, là trưởng bối của chúng tôi, hết sức yêu thương tôi, mà cũng rất quan tâm, khuyên tôi rất nhiều lần, lá rụng về cội! Tôi là người vô cùng hoài niệm cái cũ, đối với quê nhà có tình chấp rất sâu, bao nhiêu năm nghĩ tới quê cũ, nơi quê cũ còn có tiểu miếu, thật ra là Thiên Tự, tôi tính trùng tu. Nhiều năm như vậy, tôi biết nhất định sẽ gặp khó khăn, đây cũng là một thứ tình chấp, cần phải buông xuống. Quê nhà của chư Phật, Bồ Tát ở đâu? Trọn khắp pháp giới hư không giới, chẳng phải là một chỗ, nơi nào cũng đều là [quê nhà], hết thầy thời, hết thầy chỗ, hết thầy chúng sanh và chính mình đều cùng một Thể. Vì vậy, ắt phải buông xuống loại tình chấp ấy, chẳng còn nghĩ tới nữa! Trong thế giới này, cả xã hội đều đang động loạn, tai nạn dồn dập, nơi nào có duyên bèn đến nơi đó, mỗi ngày đều nghĩ là ngày cuối cùng của ta, không nghĩ tới ngày mai, chẳng có ngày mai, ta ở trong thế gian này cho tới hôm nay bèn kết thúc. Điều gì trọng yếu nhất? Niệm Phật trọng yếu nhất, khuyên người khác niệm Phật trọng yếu nhất. Trừ điều này ra, chuyện gì cũng đều chẳng khẩn yếu, đều nên triệt để buông xuống!

Do vậy, quý vị hiểu một câu danh hiệu này, danh hiệu triển khai thành bốn mươi tám nguyện, một câu danh hiệu này tổng nhiếp bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện triển khai thành kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ triển khai thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh triển khai thành hết thảy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Quý vị thấy cương lĩnh là một câu A Di Đà Phật, quý vị mới thật sự hiểu “*danh triệu vạn đức, diệu cảm nan tư*”. Hết thảy các kinh được nói trong bốn mươi chín năm quy về kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm quy về Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Thọ quy vào bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện quy vào một câu Phật hiệu này! Nếu lại khuếch đại, khuếch đại hết thảy các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong bốn mươi chín năm sẽ là vô tận pháp môn do mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói. Thật vậy, chẳng giả! Quý vị hiểu rõ đạo lý này, mới biết một câu Phật hiệu này chẳng thể nghĩ bàn, vì sao quý vị chẳng niệm? Vì sao niệm gián đoạn? Vậy là quý vị lầm lẫn quá đỗi rồi! Máy ai biết bí mật này? Người thật sự biết quá ít!

Chúng ta thấy phần cuối còn có mấy câu: “*Tùng hữu niệm xảo nhập vô niệm, tức phàm tâm đốn hiển quả đức*” (Từ hữu niệm khéo nhập vô niệm, dùng ngay cái tâm phàm để nhanh chóng hiển bày quả đức), lời này là thật. Phàm phu thành Phật, dùng pháp môn này rất nhanh chóng, một đời thành tựu, đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, đáng tin cậy, tìm pháp môn nào khác giống như vậy chẳng ra! Cuối cùng, cụ nói: “*Như Sớ Sao vân*” (như sách Sớ Sao viết), tức là Liên Trì đại sư nói, “*tề chư thánh u phiến ngôn*” (bằng chư thánh trong một lời), “*phiến ngôn*” là danh hiệu, “*tề*” (齊) là bình đẳng với họ, “*chư thánh*” là ai? Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, quý vị dùng một câu Phật hiệu này sẽ bình đẳng với họ, thật đấy! Vì sao biết là thật? Chính A Di Đà Phật nói ra, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, chẳng phải là bình đẳng hay sao? A Duy Việt Trí Bồ Tát là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. “*Việt tam kỳ u nhất niệm*” (vượt khỏi ba đại A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm), “*việt*” (越) là siêu việt (vượt trội, vượt thoát), “*tam kỳ*” là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, một câu A Di Đà Phật này bèn vượt qua, chẳng cần phải tốn thời gian dài như thế, trong đời này vãng sanh thế giới Cực Lạc, bèn vượt hơn những vị Bồ Tát đã tu trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp. “*Cực viên, cực đốn, chí giản, chí dị*” (cực viên, cực đốn, đơn giản, dễ dàng tốt bậc), đơn giản đến tốt bậc, dễ dàng tới tốt bậc, viên cực, đốn cực. Được làm thân người, nghe Phật pháp, gặp gỡ pháp môn như thế này, quả thật không dễ dàng!

“Cố tri phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, bất đản vi bốn kinh chi cương tông, thật diệc vi nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy dã” (Nên biết phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm chẳng phải chỉ là cương lĩnh và tông chỉ của kinh này, mà quả thật cũng là chỗ chỉ quy của giáo pháp trong Đại Tạng vậy). Lời kết luận cuối cùng hay quá! Vì thế, người tu Tịnh Tông chúng ta muốn thành tựu trong một đời này, nhất định phải biết tám chữ ấy, quý vị phải hiểu rất rõ ràng, phải biết rất thâm nhập, phải phát Bồ Đề tâm. Phát Bồ Đề tâm thì nhất định phải phát tâm làm Phật, ta phải thành Phật trong một đời này. Vì sao phải thành Phật? Ta phải độ chúng sanh, phải giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, mong mỗi họ đều có thể thành Phật giống như ta! Nếu quý vị có tâm như vậy, có nguyện như vậy, một câu A Di Đà Phật này sẽ có cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, [tám chữ ấy] không chỉ là cương yếu và tông chỉ của kinh Vô Lượng Thọ, mà nói thật ra, nó là chỉ quy của hết thảy kinh giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm. “Chỉ quy” có ý nghĩa giống như cương tông (cương yếu, tông chỉ). Nói cách khác, thọ trì một câu A Di Đà Phật này, thật sự phát tâm làm Phật, phát tâm độ chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh thoát lìa biển khổ, lìa khổ được vui, quý vị có cái tâm ấy, sẽ có hành vi ấy. Giúp đỡ ra sao? Phải nói tường tận, rõ ràng pháp môn và kinh điển này cho họ biết, họ mới có thể lìa khổ rất ráo, được vui rất ráo. Do vậy, đại thánh đại hiện thế gian và xuất thế gian giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn chỉ dùng phương pháp giáo học. Tự mình giải quyết vấn đề của chính mình, cũng là nghiêm túc học tập thì mới có thể làm được. Chính mình chẳng nghiêm túc học tập, sẽ chẳng có cách nào giúp đỡ người khác. Giúp đỡ cả nhà, giúp đỡ toàn bộ xã hội, giúp đỡ cả thế giới đều do cùng một đạo lý này. Vì vậy, nhất định phải nghiêm túc nỗ lực nêu gương tốt cho mọi người thấy, người ta sẽ tin tưởng. Hôm nay hết thời gian rồi, chúng ta học tập tới đây.

Tập 28

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Giáo duyệt: Minh Tiên, Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang hai mươi tám. Đoạn Át, “*thứ minh Thứ*” (kế tiếp giảng về Thứ). Xin xem phần kinh văn ấy:

“*Phù Tông chi sở quy giả, danh Thứ. Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm chi sở quy, tại u vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ, chứng tam Bất Thoái. Có bốn kinh dĩ viên sanh tứ độ, kính đấng Bất Thoái vi Thứ*” (phàm chỗ Tông quy vào thì gọi là Thứ. Chỗ quy về của “phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm” là vãng sanh Cực Lạc Tịnh Độ, chứng ba thứ Bất Thoái. Vì thế, kinh này lấy “sanh trọn vẹn trong bốn cõi, mau chóng đạt lên Bất Thoái” làm Thứ). Trước hết, giải thích đơn giản, dễ hiểu tiêu đề của khoa này. Trong phần trước, đoạn thứ nhất giảng về Minh Tông, tức là giảng rõ nguyên tắc chỉ đạo tu học tối cao của bộ kinh này, đó cũng là phương hướng. Trong đoạn này, Thứ (趣) là thú hướng (hướng đến), quy thú (hướng về), chúng ta nương theo tông chỉ và nguyên tắc chỉ đạo này để học tập, cuối cùng chúng ta sẽ đạt được kết quả như thế nào. Đây là Thứ.

Do trong phần trước đã nói tông chỉ là “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, hai câu ấy trọng yếu phi thường! Phát Bồ Đề tâm là gì, phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Trong phần trước, nói đơn giản thì phát Bồ Đề tâm là “phát tâm thành Phật, tâm làm Phật”. Làm Phật nghĩa là gì? Làm Phật là muốn phổ độ hết thảy chúng sanh, giúp đỡ những chúng sanh mê hoặc, điên đảo ấy được giống như chư Phật, giống hệt như chính mình, cũng đều trở về tự tánh, đều chứng đắc Bồ Đề rốt ráo viên mãn, đây là Thứ. Niệm niệm chẳng đánh mất Bồ Đề tâm, câu này rất trọng yếu. Kinh Hoa Nghiêm có nói: Nếu quý vị quên mất Bồ Đề tâm, hết thảy các pháp đã tu đều là ma nghiệp. “Nghiệp” là sự nghiệp, quý vị làm những việc ấy đều dính dáng tới ma! Vì sao? Đều là phước báo trong tam giới, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, đó gọi là ma! Phật là vượt thoát luân hồi, vượt thoát mười pháp giới. Quý vị chẳng thể thoát ra, đó gọi là “vùi dập”, quý vị vẫn bị vùi dập trong lục đạo, phải liễu giải rất rõ ràng, rất minh bạch ý nghĩa này.

Vì thế, chúng ta học Phật, mục tiêu là thế giới Cực Lạc, cuối cùng chúng ta vẫn sanh thế giới Cực Lạc, khi nào? Ngay trong một đời này. Tới thế giới Cực Lạc để làm gì? Đến chứng ba món Bất Thoái. Vị Bất Thoái là vĩnh viễn chẳng còn lui xuống địa vị phàm phu trong mười pháp giới. Chư vị phải biết: Lục đạo trong mười pháp giới gọi Nội Phàm, [nghĩa là] phàm phu còn thuộc trong tam giới. Tứ thánh pháp giới gọi là Ngoại Phàm, [tức là] ở ngoài lục đạo, nhưng chưa ra khỏi mười pháp giới thì vẫn phàm phu. Tiêu chuẩn [phân biệt] phàm và thánh ở nơi đâu? Phàm phu dùng A Lại Da, tức vọng tâm; thánh nhân dùng chân tâm, dùng tự tánh, sai biệt ở chỗ này. Chỉ cần dùng A Lại Da, sẽ chẳng thoát khỏi mười pháp giới. Tuy tứ thánh pháp giới dùng vọng tâm, nhưng dùng chính đáng, hoàn toàn tuân theo giáo huấn của Phật, Bồ Tát, y giáo phụng hành. Vì thế, rất giống Phật, Bồ Tát, tuy chưa phải là chân thật, nhưng rất tương tự, tuy trên thực tế chẳng giống, cũng tức là họ chưa chuyển Thức thành Trí. Chuyển bát thức thành tứ trí, sẽ là Phật thật sự, là thánh nhân thật sự. Chúng ta hiểu rõ ràng, minh bạch những Sự Lý này, chính mình là hạng người như thế nào, chẳng cần phải hỏi [người khác], chính mình biết quá rõ ràng! Ta là phàm phu, hay là Phật, Bồ Tát chẳng rõ rệt hay sao? Nếu là phàm phu, hãy nghiêm túc, nỗ lực, nương theo Tông Thụ trong kinh giáo để tu hành. Bồ Đề tâm là tâm thành Phật, tâm độ chúng sanh. Thành Phật bằng cách nào? Độ chúng sanh ra sao? Thừa quý vị, [chính là] chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, dùng những điều ấy để viên thành Phật đạo, mà vẫn dùng những điều ấy để giáo hóa chúng sanh sẽ chẳng sai! Tự mình thành tựu chẳng dễ dàng, giáo hóa chúng sanh càng khó hơn. Vì thế, đem những gì chính mình đã tu, đã hành đưa về Tịnh Độ, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện này dễ dàng, đỡ tốn công hơn! Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chưa đoạn tập khí phiền não, nhưng cũng giống như đã chuyển Thức thành Trí. Trong thế giới Cực Lạc, trong một đời, chắc chắn chúng đắc quả vị rốt ráo, [chúng đắc] Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái.

“*Có bốn kinh dĩ viên sanh tứ độ*” (nên kinh này lấy sanh trọn vẹn về bốn cõi), phía trước thêm một chữ Viên, Viên là viên mãn. Đối với bốn cõi ấy, quý vị chỉ cần sanh vào một cõi, bốn cõi đều viên mãn! Hơn nữa, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, liền chứng đắc ba món Bất Thoái. Lời nguyện thứ mười chín của A Di Đà Phật đã bảo rõ ràng: Vẫn sanh thế giới Cực Lạc đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là [đạt được] ba món Bất Thoái, quý vị bèn viên chứng ba thứ Bất Thoái. Đây là điều hiếm có, khó gặp! Phải biết chuyện này là chân thật, nên chuyện này mới gọi là “đại sự”. Trọn pháp giới, hư không giới, trong hết thảy các

cõi Phật, chẳng có chuyện nào lớn hơn chuyện này! Ngày nay chúng ta may mắn gặp gỡ, há chẳng cảm ơn? Há chẳng trân trọng! Há chẳng phát tâm thành tựu trong một đời này? Vậy là quý vị đã lầm lẫn quá đỗi, chẳng có gì quan trọng hơn chuyện này. Phải như thế nào thì mới được? Tổ Ấn Quang dạy chúng ta, đem chữ “Tử” dán trên trán, thời thời khắc khắc nghĩ ta sắp chết, điều ấy có nghĩa là gì? Khiến cho quý vị buông thân, tâm, thế giới xuống, “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, dạy quý vị điều ấy. Tôi cũng thường nói, hoặc khuyên lơn, cổ vũ đồng học: Hãy coi ngày hôm nay như ngày cuối cùng của ta trên thế gian này, ngày hôm nay là ngày cuối cùng của ta, chuyện gì nên làm, chuyện gì chớ nên làm, há chẳng phải là rõ ràng, minh bạch ư? Chuyện nên làm là phát tâm niệm Phật, cầu Phật tiếp dẫn, những chuyện khác đều kém quan trọng hơn. Trong những chuyện thứ yếu, thứ nhất giúp đỡ chúng sanh hữu duyên, khuyên dạy họ phát tâm niệm Phật, đây là chuyện thứ yếu. Chuyện kém quan trọng hơn có thể buông xuống. Khi cần thiết, chuyện này cũng có thể buông xuống; về thế giới Cực Lạc trước đã! Đến thế giới Cực Lạc, sau khi thành tựu rồi sẽ trở lại cũng chẳng muộn! Đây là đại sự nhân duyên khiến đức Thế Tôn xuất hiện trên thế gian, chúng ta chớ nên không biết đại sự nhân duyên này, chớ nên chẳng nắm chắc duyên phận này.

Trong phần tiếp theo, chúng ta cũng phải học tập kỹ càng đoạn kinh văn này, [những điều nói trong đoạn này] đều là kinh văn! Biết chúng ta phải sanh về đâu; trước hết, phải hiểu rõ ràng, minh bạch chỗ ta sẽ sanh về. “*Phù Tịnh Độ hữu tứ độ*” (phàm Tịnh Độ có bốn cõi). [Chữ “*phù*”] ở đầu câu này là một ngữ trợ từ (tiếng đệm) trong Văn Ngôn, chẳng có ý nghĩa gì. Ở đây nói Tịnh Độ có bốn thứ: Thứ nhất là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, thứ hai là cõi Phương Tiện Hữu Dư, thứ ba là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, thứ tư là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. “*Dĩ hạ lược thuyết minh tứ độ vãng sanh chi tướng*” (dưới đây, nói đại lược tướng vãng sanh trong bốn cõi). Tiếp đó, đoạn Minh Thú này chia thành bốn đoạn. Chúng ta xem đoạn thứ nhất, tức cõi Phạm Thánh Đồng Cư. [Danh xưng này] nêu rõ nơi ấy vừa có phàm phu, vừa có thánh nhân. Nói cách khác, từ lục đạo tới tứ thánh pháp giới, nếu tiến cao lên thì có Đại Thừa và Tiểu Thừa. Tiểu Thừa có Tứ Quả và Tứ Hướng 106[6], Đại Thừa theo như kinh Hoa Nghiêm nói có năm mươi một giai vị,

106[6] Tứ Hướng là bốn địa vị hướng tới Tứ Quả, gồm:

1. Dự Lưu Hướng (Srotāpatti-pratipannaka), bắt đầu kiến đạo, mới thấy được lý Tứ Thánh Đế, đắc huệ nhãn vô lậu thanh tịnh (còn gọi là thanh tịnh pháp nhãn), tiến thẳng về Sơ Quả (Dự Lưu Quả, Tu Đà Hoàn) chẳng đọa trong ba ác thú. Do chưa chứng quả, nhưng chắc chắn sẽ chứng, nên gọi là Hướng.

tức [năm mươi một] địa vị Bồ Tát. Trong phạm vi của cõi Phàm Thánh Đồng Cư, [thánh và phàm] đều ở cùng một chỗ, nên gọi là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tuy ở cùng một nơi, chiều không gian (spatial dimensions, không gian duy thứ) của mỗi tầng lớp khác biệt.

Chúng ta xem tiếp, đoạn văn tự kế tiếp là: “*Cực Lạc thế giới chi Phàm Thánh Đồng Cư độ, thị đồng cư Tịnh Độ*” (Cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc là cõi Tịnh Độ đồng cư). Hãy chú ý chữ “Tịnh”, nó là Đồng Cư Tịnh Độ, khó có! Vì sao? Phàm phu, tức lục đạo phàm phu, ở trong thế giới ấy tiếp nhận sự giáo huấn của A Di Đà Phật, khiến cho chúng ta nghĩ đến câu nói của tổ tông: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (kiến thiết đất nước, cai trị nhân dân, giáo học làm đầu). Tam Tự Kinh giảng rất hay: “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện; tánh tương cận, tập tương viễn; cấu bất giáo, tánh nãi thiên*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành, tánh gần giống nhau, do huân tập mà thành khác nhau. Nếu chẳng dạy, tánh sẽ biến đổi). Thế giới Cực Lạc hoàn toàn thực hiện những gì đã nói trong câu này. Trong thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật dạy mỗi ngày, A Di Đà Phật rất tuyệt vời! Ngài chúng nhập tự tánh viên mãn; vì thế, Tánh Đức khởi tác dụng, thật sự phát huy tác dụng đến tột cùng. Nghĩa là sao? Thế giới Cực Lạc có bao nhiêu chúng sanh, A Di Đà Phật liền biến hóa bấy nhiêu thân. Mỗi cá nhân đối diện A Di Đà Phật, A Di Đà Phật đích thân chỉ dạy. Đây là Tánh Đức phát huy viên mãn. Đồng thời, phàm phu trong thế giới Cực Lạc, do [tất cả nhân dân trong] thế giới Cực Lạc đều là thiện tâm, đều tu thiện, cho nên chỉ có thiện đạo, chẳng có ác đạo. Lục đạo trong cõi ấy chỉ gồm hai đường, chẳng có A Tu La, chẳng có ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, chỉ có hai đường nhân thiên, khác hẳn! Nhưng nhân thiên bên đó, do

2. Nhất Lai Hướng (Sakrdāgāmi-pratipannaka): Đoạn trừ sáu phẩm đầu trong chín phẩm Tu Hoặc trong Dục Giới, nhưng chưa đoạn ba phẩm sau nên còn phải thác sanh lần nữa trong thiên giới.

3. Bất Hoàn Hướng (Anāgāmi-pratipannaka): Bậc thánh giả đã chứng quả Nhất Lai, sắp đoạn trừ ba phẩm cuối trong Tu Hoặc, tuy cố gắng đoạn ba phẩm cuối, vẫn chưa đoạn hết, còn sót một hai phẩm, chưa hoàn toàn chứng đắc Tam Quả (Bất Hoàn Quả), nên gọi là Bất Hoàn Hướng.

4. A La Hán Hướng (Arhat-pratipannaka), còn gọi là Vô Học Hướng, là bậc thánh giả đã đắc Tam Quả, tiến hướng địa vị A La Hán, nhưng chưa chứng nhập.

Tu Hoặc nói đủ là Tu Đạo Sở Đoạn Hoặc, tức là một danh xưng khác của Tư Hoặc.

được bốn nguyên và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, trong phần trước chúng ta đã học, họ đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Điều này có nghĩa là: Tuy họ là phàm phu, nhưng cuộc sống vật chất, cuộc sống tinh thần, đời sống tu hành, đều hưởng thụ giống hệt, có cùng một mức độ như Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát cũng có thể hóa vô lượng vô biên thân, giống như A Di Đà Phật, họ có thể hóa ra vô lượng vô biên thân. Hóa thân để làm gì? Hóa thân tới hết thầy các cõi Phật trong mười phương để cúng Phật, nghe pháp, chẳng thể nghĩ bàn! Cúng Phật là tu phước, tu vô lượng vô biên phước báo, nghe pháp là tu huệ.

Nếu chúng ta hỏi, mười phương chư Phật Như Lai giảng pháp gì cho những người ấy? Chư vị đồng học có nghĩ đến [chuyện ấy] hay không? Mười phương chư Phật, quý vị đến nghe pháp, các Ngài giảng cho quý vị pháp gì? Chư vị chẳng trả lời được! Tôi suy nghĩ rồi nói ra, quý vị suy ngẫm xem có lý hay không nhé? Có đồng ý hay không nhé? Mười phương hết thầy chư Phật Như Lai đều giảng kinh Vô Lượng Thọ, đều dạy quý vị “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”, quý vị nghĩ xem có thể là như vậy hay chẳng? Có đúng như vậy hay không? Thuở đức Thế Tôn tại thế đã nhiều lần tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, cho dù nói hết thầy các kinh, cũng thường xuyên giới thiệu kèm thêm thế giới Cực Lạc và A Di Đà Phật. Chúng ta có thể dự đoán được! Vì sao? Trong kinh Đại Thừa, đức Phật bảo: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực vô úy diệc nhiên*” (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Đây là căn cứ lý luận để chúng ta dựa vào, suy ra mười phương chư Phật giáo hóa chúng sanh đều dùng kinh Vô Lượng Thọ. Vô Lượng Thọ là chỗ quy thú của kinh Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, đương nhiên [mười phương chư Phật] giảng bộ kinh này. Vì vậy, quý vị muốn học kinh giáo thì học kinh gì? Quý vị học kinh Vô Lượng Thọ [là bản kinh] được hết thầy chư Phật cùng nhau tuyên dương; đây là Đại Thừa viên mãn. Bộ kinh này học thông, môn nào cũng đều thông, chớ nên chuốc phiền nữa! Khi thật sự thông hiểu một kinh, sẽ thông hiểu hết thầy kinh. Học thông suốt bộ kinh này, quý vị sẽ có thể giảng kinh Hoa Nghiêm, có thể giảng kinh Pháp Hoa. Đã có thể giảng Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, quý vị sẽ có thể giảng hết thầy các kinh, đây là bí quyết. Quý vị thật sự hiểu rõ ràng, thật sự hiểu tông chỉ của Tịnh Tông Học Viện, sẽ hiểu rõ tông thú, có còn phải rườm lời hay không? Chẳng cần! Phải nhận thức Đồng Cư Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp đó, sách viết: “*Ngã đẳng sở tại chi Sa Bà thế giới, diệc thị Phàm Thánh Đồng Cư độ*” (thế giới Sa Bà chúng ta đang ở cũng là cõi Phàm Thánh Đồng Cư),

cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. “*Thử độ diệc hữu phạm, hữu thánh, như Văn Thù thường hiện Ngũ Đài*” (cõi này cũng có phạm và thánh, như ngài Văn Thù thường hiện thân ở núi Ngũ Đài), Văn Thù Bồ Tát thường xuất hiện tại Ngũ Đài sơn; “*chư A La Hán thường vãng Thiên Mục hoặc Nhạn Đãng*” (các vị A La Hán thường đến núi Thiên Mục hoặc Nhạn Đãng), hai rặng núi này ở tỉnh Chiết Giang. Núi Thiên Mục gồm năm ngọn, Đông, Nam, Tây, Bắc, Trung, ở tại Chiết Giang. Nhạn Đãng là đạo tràng của Thiên Thai đại sư, cách núi Thiên Thai chẳng xa. “*Thị giai thử độ chi thánh dã*” (đều là các bậc thánh trong cõi này). Đây là nêu ví dụ, chẳng hạn như Quán Âm tại Phổ Đà, Địa Tạng tại Cửu Hoa, Phổ Hiền tại Nga Mi, những vị ấy đều là thánh nhân. “*Đản ngã đặng sở cư chi Đồng Cư độ thị Đồng Cư uế độ*” (Nhưng cõi Đồng Cư chúng ta đang sống là Đồng Cư uế độ), chẳng phải là Tịnh Độ. Do nguyên nhân nào? Nói chung, chẳng lìa nhân quả. Nhân quả ấy do chính mình tạo; chính mình đã tạo cái nhân thì chính mình phải gánh lấy quả báo. Phật, Bồ Tát đối với quý vị cũng chẳng thể làm gì được! Ất phải sám trừ sạch nghiệp chướng, tập khí. Sau khi sám trừ, Phật, Bồ Tát mới có thể giúp đỡ. A Di Đà Phật có thể phân thân giáo hóa hết thảy chúng sanh trong thế giới Cực Lạc, vì sao chẳng dạy dỗ trong thế giới của chúng ta? Chúng ta nghiệp chướng quá nặng, đức Phật có thị hiện dạy ta hay không? Có! Hạng người nào? Người thật sự tu tập, có phước báo, nghiệp chướng nhẹ nhàng! Còn đối với kẻ nghiệp chướng nặng nề thì chẳng được, vì sao? Kẻ ấy chẳng tiếp nhận, chẳng tôn trọng. [Nếu có trường hợp nào mà] Phật, Bồ Tát mỗi ngày giảng nói với kẻ ấy, mỗi ngày đều hiện thân cho kẻ ấy thấy, không được rồi, ma đấy! Phải nghĩ trọn hết các phương pháp để đuổi ma đi, [hiện tượng ấy] bất bình thường! Xã hội cũng chẳng chấp nhận. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát không đến, mà là duyên chưa chín muồi, đôi khi có vài người duyên chín muồi [mới thấy Phật, Bồ Tát], điều đó gọi là “*Phật độ kẻ hữu duyên*”. Thật sự tin, chịu phát nguyện, chịu phát Bồ Đề tâm, chịu phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nguyện tâm khẩn thiết, sẽ có cảm ứng. Trong nguyện tâm mà còn một tí tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn thì không được rồi, chẳng có cảm ứng! Chúng tôi cũng đã từng gặp những người có cảm ứng, họ có những tập khí ấy hay chẳng? Có chứ, nhưng thường là mỏng nhẹ; họ có những tập khí ấy, nhưng thời gian tương đối ngắn. Thí dụ như nổi nóng, nổi giận một trận, người ấy liền lập tức giác ngộ, hối lỗi. Có người tức giận ba ngày hay cả tuần chẳng thể hóa giải được, như vậy là quá ư nặng nề! Phật, Bồ Tát muốn giúp quý vị, quả thật cũng chẳng giúp được mấy may nào! Do vậy, Phật độ chúng sanh cần phải có thời tiết, nhân duyên; khi nào đến thời, các Ngài nhất định sẽ tới. Thời tiết nhân

duyên chưa chín muồi, cầu cách nào cũng chẳng cầu được. Thật sự cầu được, sẽ có họa hại xảy tới! Không chỉ bất lợi cho bản thân quý vị, mà còn bất lợi đối với gia đình quý vị, thậm chí bất lợi đối với toàn thể xã hội. Phật, Bồ Tát có làm chuyện ấy hay chẳng? Chẳng làm chuyện ấy! Yêu ma, quỷ quái sẽ làm chuyện ấy; chúng nó chỉ sợ quý vị chẳng loạn, Phật, Bồ Tát chẳng như vậy. Trong kinh Đại Thừa thường nói, Phật, Bồ Tát ở nơi đâu cũng đều làm cho hết thảy chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Quý vị chẳng ưa thích Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát sẽ chẳng đến, không phải là [khiến cho] quý vị rất vui vẻ hay sao? Quý vị thấy các Ngài từ bi lắm. Quý vị ưa thích Phật, Bồ Tát, các Ngài bèn đến. Quý vị chán ghét, các Ngài sẽ không tới. Chắc chắn là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, chúng ta làm đệ tử Phật phải học tập Phật, Bồ Tát điều này! Một người thật sự chẳng vì chính mình, chẳng vì gia đình, khởi tâm động niệm luôn vì chúng sanh khổ nạn, vì an định xã hội, vì hòa bình thế giới, vì chánh pháp được trường tồn, đó là đúng! Những gì đáng nên buông xuống, tự nhiên quý vị thấy đều buông xuống. Bất luận là cuộc sống, công việc, đãi người, tiếp vật, thân tâm thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần, đó gọi là “*tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh*”. Tâm quý vị thanh tịnh, bất luận ở nơi đâu cũng đều là Đồng Cư Tịnh Độ.

“*Cố tuy đồng danh Đồng Cư, nhi thật hữu bất đồng dã*” (vì thế, tuy cùng gọi là Đồng Cư, nhưng thật ra chẳng đồng). Đây là nói rõ cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Thích Ca Mâu Ni Phật và cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc, danh xưng tương đồng, nhưng trên thực tế, sai biệt rất lớn, sai biệt là do chúng sanh mê hay ngộ. Cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc, chúng sanh giác ngộ, giác ngộ nhưng chưa chứng quả, đó là gì? Giải ngộ, chưa buông tập khí phiền não xuống! [Chúng sanh trong] cõi Phạm Thánh Đồng Cư thuộc thế giới Cực Lạc tuy chưa chứng ngộ, nhưng được bản nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, nên giống như chứng ngộ. Họ thật sự chưa chứng ngộ, nhưng cũng gần bình đẳng với người đã chứng ngộ, gần giống như nhau. Nói “gần giống như nhau”, đương nhiên chẳng phải là hoàn toàn như nhau. Phật lực gia trì chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng ta đọc tiếp: “*Như Yếu Giải vị thử chi Đồng Cư viết*” (như sách Yếu Giải nói về Đồng Cư trong cõi này), đây là những điều do Ngẫu Ích đại sư đã nói trong sách Yếu Giải: “*Do thật thánh quá khứ hữu lậu nghiệp*” (do bậc thật thánh có nghiệp hữu lậu trong quá khứ). Thật là chân thật, Tiểu Thừa Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả thật sự đoạn phiền não, sở chứng thuộc những tầng cấp này, có thể đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, chứng quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa. Lại đoạn sáu phẩm đầu trong tám mươi một phẩm Tư Hoặc thuộc tam giới,

chúng Nhị Quả Tư Đà Hàm. Những vị này chưa đoạn hết phiền não tập khí trong quá khứ. Đó là những địa vị chân thật. “*Quyền thánh*” là các vị như Văn Thù, Phổ Hiền, “*đại quyền thị hiện chi Bồ Tát*” (các vị Bồ Tát đại quyền thị hiện). Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, Địa Tạng đều đã thành Phật trong kiếp lâu xa, nay đang trụ trong thế gian này. Chúng ta biết, [các Ngài] nên dùng thân Bồ Tát để độ, bèn hiện thân Bồ Tát, nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật. Hòa thượng Hư Vân triều bái Ngũ Đài Sơn, trên đường đi ngã bệnh, được một người ăn mày chăm sóc. Người ăn mày ấy tên là Văn Cát, ở Ngũ Đài Sơn, hai lần [hòa thượng] ngã bệnh đều gặp người ấy chăm sóc; về sau mới biết người ấy là Văn Thù Bồ Tát giúp đỡ lão hòa thượng Hư Vân đang bệnh tật. Nên dùng thân ăn mày để độ, bèn hiện thân ăn mày để thuyết pháp. Đó gọi là “*đại quyền thị hiện*”. “*Đại từ bi nguyện*”, xuất hiện trên thế gian, “*có phạm phu đắc dĩ thánh nhân đồng cư*” (cho nên phạm phu được ở chung với thánh nhân), những vị Tiểu Thừa A La Hán, những vị Phật, Bồ Tát trong Đại Thừa ở cùng một chỗ [với người phạm]. “*Chỉ thật thánh hôi thân*” (tới khi bậc Thật Thánh diệt thân), những vị thánh giả Tiểu Thừa khi đã hết thọ mạng, chúng ta nói các Ngài vãng sanh. “*Quyền thánh cơ tận*” (cơ duyên ứng hiện của bậc quyền thánh đã hết), nói thật ra, những vị Phật, Bồ Tát đại quyền thị hiện chẳng nhập Niết Bàn. Thời gian các Ngài trụ trong thế gian này dài hay ngắn tùy thuộc chúng sanh ở nơi này có căn tánh [đáng độ] hay không. Nếu căn cơ của chúng sanh ở nơi này có thể độ, các Ngài sẽ ở lâu hơn một chút. Nếu nơi này không có căn cơ để độ, các Ngài sẽ rời đi.

Căn cơ đáng độ là gì vậy? Tức là người có đủ sáu thứ tín tâm như Ngẫu Ích đại sư đã giảng trong sách Yếu Giải, có thể cảm động chư Phật, Bồ Tát đại quyền thị hiện trong thế gian này. Trong sáu thứ tín tâm ấy, thứ nhất là tin vào chính mình. Tin bản tánh của chính mình vốn lành, tin bản tánh của chính mình là Phật, ta cũng vốn là Phật, phải tin tưởng điều này. Ta là vị Phật mê hoặc, chư Phật là những vị Phật rất gần với giác ngộ, các Ngài đã chứng đắc vị Phật viên mãn trong tự tánh. Ta phải tin tưởng các Ngài, các Ngài tới giúp đỡ ta, thành tựu ta, chỉ dạy ta trở về tự tánh. Đây là Tín Tha, [điều thứ nhất là] Tín Tự, [điều thứ hai là] Tín Tha. Thứ ba là Tín Sự, [thứ tư là] Tín Lý, có Sự, có Lý; cuối cùng là Tín Nhân và Tín Quả. Đó là sáu thứ Tín. Trọn đủ sáu thứ tín ấy, Phật, Bồ Tát tự nhiên ứng hiện trong thế gian này, các Ngài phải giúp đỡ quý vị! Vì sau khi quý vị đã có sáu thứ tín ấy, cơ duyên quý vị đắc độ đã chín muồi. Nếu sáu thứ tín ấy chẳng trọn đủ, nói cách khác, trong một đời này, quý vị chẳng thể vượt thoát lục đạo, chẳng thể vượt thoát mười pháp giới. Phật, Bồ Tát tới nơi đây, chủ yếu chẳng vì quý vị mà tới, quý vị là kẻ

kèm thêm (hưởng ké)! Nếu quý vị có phước báo ấy, sẽ được hưởng lây, gieo một tí thiện căn, chẳng phải vì độ quý vị mà các Ngài xuất hiện. Nếu các Ngài đến thế gian này, chắc chắn trong thế gian này có mấy người [cơ duyên chín muồi], tối thiểu là có một người! “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”, một người có căn cơ ấy, các Ngài sẽ đến. Nếu hoàn chẳng có ai, các Ngài sẽ không tới, phải hiểu đạo lý này! Vì sao có người thấy, có kẻ chẳng thấy? Do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ có duyên học tập khác nhau.

Chúng ta xem tiếp, do vì Thật Thánh diệt thân, đã qua đời rồi, cơ duyên giáo hóa của bậc Quyên Thánh đã hết, “*tiền thăng trầm thác dị, khổ lạc huyền thù, nãi tạm đồng, phi cứu cánh đồng dã*” (liền thăng trầm rất khác, sướng khổ khác biệt vời vợi, đó là tạm thời đồng, chẳng phải là rốt ráo đồng vậy). Ý nói cõi Đồng Cư của chúng ta và cõi Đồng Cư trong thế giới Cực Lạc khác nhau. Chúng ta là tạm thời đồng, còn người ta là rốt ráo đồng. Thế giới Cực Lạc có lạc, chẳng có khổ; thế giới của chúng ta khổ và lạc khác biệt vời vợi. Thế giới Cực Lạc chỉ có tiến lên, chẳng có thoái chuyển. “*Trầm*” là thoái chuyển. Trong thế gian này, nếu chúng ta chẳng chú tâm, cẩn thận, rất có thể bị trầm luân trong địa ngục, cũng có thể nói là ngã xuống tận đáy hang! Chúng ta sanh lên cao hơn, con người sanh lên thiên đạo. Thiên đạo có Dục Giới Thiên; phân chia đại lược thì Dục Giới Thiên có sáu tầng, nếu chia tỉ mỉ sẽ chẳng thể nói trọn hết, nhất định phải hiểu điều này! Nếu có thể chế ngự Dục, Dục là gì? Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Dùng gì để chế phục? Dùng công phu định lực. Quý vị thật sự tu định, tâm định là thanh tịnh, đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ chẳng động tâm. Chẳng phải là thật sự không động tâm, mà là do công phu định lực chế ngự. Nếu lúc Định mất đi, những phiền não sẽ lại hiện tiền, từ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, tham, sân, si, mạn lại dấy lên, phiền não hiện tiền. Do vậy, trong lục đạo, đúng là thăng trầm bất định. Sanh lên trời, hưởng hết phước trời, thường đọa xuống địa ngục rất nhiều, nhất là Sắc Giới Thiên và Vô Sắc Giới Thiên, hầu như đều đọa lạc tam đồ. Dục Giới Thiên đỡ hơn một chút, Dục Giới Thiên đọa vào nhân đạo vì họ trèo không cao lắm!

Lại xem tiếp đoạn kể đó: “*Hựu thiên nương chi gian, kiến văn giả thiểu. Hạnh hoạch kiến văn, thân cận, bộ xu giả thiểu*” (Lại nữa trong vòng trời đất, người được thấy nghe [thánh nhân] thì ít. Người được may mắn thấy nghe bên thân cận, hướng theo lại ít). Ở vùng phụ cận của những đạo tràng ấy, nếu chúng ta dò hỏi thôn dân, thôn dân phụ cận Ngũ Đài Sơn đã từng gặp Văn Thù Bồ Tát hay chưa? Có! Thật sự trông thấy. Sau khi vừa thấy, liền chẳng còn nữa. Có tìm cũng chẳng

được, bèn biết là Bồ Tát hiện thân. Chúng tôi từng triều bái núi Kê Túc 107^[7], núi Kê Túc là đạo tràng của tôn giả Ca Diếp, [tức là đạo tràng của bậc] A La Hán! Trên thực tế, Ngài là Bồ Tát, có ai đã gặp chưa? Có! Tôi còn nghe nói có lữ khách từ Đài Loan đến vãn cảnh, lạc đường, trong khi đang lo lắng, gặp một cụ già chống gậy đi ở phía trước, bèn thưa hỏi, được cụ chỉ đường, bảo hãy đi theo đường nào, quay đầu nhìn lại, chẳng thấy cụ già đâu nữa. Do vậy, mọi người nghĩ cụ già có thể là tôn giả Đại Ca Diếp xuất hiện chỉ đường, khiến cho người ấy đến được Hoa Thủ Môn 108^[8]. Thường có những chuyện như vậy, thường xảy ra. Người thấy nghe ít ỏi, người được may mắn thấy nghe, tuy có may mắn thấy, nhưng thấy mà chẳng biết, đợi đến khi quay đầu, chẳng thấy nữa, muốn tìm cũng chẳng tìm được, muốn hỏi cũng chẳng hỏi được. Đây là sự thật, chúng tôi tin tưởng thật sự có tình hình này.

“Hựu Phật thể thánh nhân túng đa, như trân, như thủy, bất năng biến mãn quốc độ, như chúng tinh, vi trần” (Lại nữa, thuở Phật tại thế, thánh nhân dẫu nhiều, vẫn giống như vật quý, như diêm lành, chẳng thể đầy khắp cõi nước như các ngôi sao, vi trần). Chẳng hạn như thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, bậc thánh nhân nhiều, Bồ Tát đông đảo, A La Hán đông đảo, những vị này đều giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, trong kinh chẳng nói như thế này hay sao? *“Nhất Phật xuất thế, thiên Phật ủng hộ”* (Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ). Vị Phật ấy có duyên với thế gian này, bèn dùng thân Phật, hoặc dùng thân phận Bồ Tát, hoặc dùng thân phận tổ sư đại đức đến thế gian này. Nhiều vị Phật, Bồ Tát

107^[7] Núi Kê Túc ở huyện Tân Xuyên, tỉnh Vân Nam, nằm ranh giới các huyện Tân Xuyên, Đặng Xuyên, Vĩnh Thắng, Hạc Khánh, Nhị Nguyên v.v... Ngọn cao nhất đến 3.248 mét. Do hình thể của núi giống như cái chân gà nên gọi là Kê Túc. Đúng ra, phải gọi là rặng núi vì Kê Túc gồm có đến 47 quả núi nhỏ hợp lại. Cảnh nổi tiếng nhất gọi là Thiên Trụ Phật Quang. Vào cuối Hạ, sang Thu, sau khi mưa tạnh, bốn phía ngọn Thiên Trụ có mây ráng vờn quanh giống như ngọn núi tỏa hào quang bảy màu. Nơi này cũng có rất nhiều chùa, tám ngôi đại tự, ba mươi bốn chùa nhỏ hơn, sáu mươi lăm am viện, và hơn một trăm bảy mươi tịnh thất. Tăng nhân đến hơn năm ngàn người.

108^[8] Hoa Thủ Môn là một thắng cảnh tại núi Kê Túc. Ở phía Tây Nam của tháp Lăng Nghiêm, có một vách đá rộng hơn hai mươi mét, cao hơn bốn mươi mét, dựng đứng như tường thành, chính giữa có vết lõm trông như một cánh cửa đóng kín. Cảnh quan hùng vĩ nhất là những khi mưa to gió lớn, sấm giãng, chớp giật, mưa tạt vào vách đá Hoa Thủ Môn trông rất ngoạn mục, tiếng sấm bị vách núi vọng lại âm ỉ khiến người nghe kinh tâm động phách.

cùng đến với vị Phật ấy, có vị làm học trò, có vị làm hộ pháp, có vị làm quần chúng, thị hiện các thân phận khác nhau, theo Ngài học tập, họ được gọi là Ảnh Hưởng Chúng. Những vị ấy có trí huệ, có phước đức, đều tới thân cận vị tôn giả này, khiến cho đông đảo quần chúng trông thấy, dấy lòng kính ngưỡng vị tôn giả ấy, chúng tử Phật pháp bèn gieo trong A Lại Da thức điền. Giống như diễn tuồng, người này đóng vai chánh, nhất định phải có rất nhiều người phụ diễn thì vở tuồng ấy mới diễn hay được! Nếu một mình người ấy tới, không được, nhất định phải là một nhóm người. Phật pháp và thế gian pháp có cùng một đạo lý, thật sự tham thấu thì pháp thế gian vốn là Phật pháp, thế gian và xuất thế gian chẳng hai! Đó là đúng. Vì thế, thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, thánh nhân tuy đông, nhưng so với tỷ lệ nhân số trên cả thế giới vẫn quá ít, vẫn giống như vật báu, hiếm lành. Vật báu và hiếm lành rất hiếm hoi, chẳng thể đầy ấp trọn khắp cả cõi nước như các ngôi sao, như vi trần được! Đây là nói phàm phu đông đảo, kẻ mê mất tự tánh đông lắm!

Chúng ta đọc tiếp: “*Hưu cư tuy đồng, nhi sở tác, sở biện, tắc huýnh bất đồng*” (lại nữa, tuy cùng ở, nhưng việc làm rất khác biệt). So sánh hai thế giới, phàm phu trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế gian này mỗi ngày làm gì? Tạo nghiệp, tạo nghiệp luân hồi, tạo nghiệp tam đồ, họ thật sự làm! Bên thế giới Cực Lạc, tuy là phàm phu trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, vắng sanh trong ba phẩm Hạ, nghiệp chướng tập khí vẫn còn rất nặng, nhưng tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn đi học, mỗi ngày Phật, Bồ Tát dạy người ấy, chỉ dạy người ấy, ngoài chuyện này ra, chuyện gì cũng chẳng có. Tới thế giới Cực Lạc không cần làm việc, nơi đó chẳng làm lụng, các ngành nghề đều chẳng có, toàn là giáo dục. A Di Đà Phật là hiệu trưởng, chư Phật, Bồ Tát đều là giáo sư đến dạy học. Trừ chuyện này ra, chẳng nghe nói thế giới Cực Lạc có tiệm buôn, chẳng nghe thế giới Cực Lạc có chánh phủ. Nơi khác có chánh phủ, chứ thế giới Cực Lạc chẳng có quốc vương. [Trong các thế giới khác], cõi trời có thiên vương, trong thế giới Cực Lạc chẳng hề nghe nói có đại vương [hay các thiên vương], chẳng có! Thế giới Cực Lạc chỉ có Phật, chỉ có Bồ Tát. Bồ Tát và A La Hán đều là học trò. Chúng tôi nghĩ: Trên thực tế, thế giới Cực Lạc giống như một viện đại học Phật giáo do chư Phật Như Lai cùng nhau sáng lập, mời A Di Đà Phật làm hiệu trưởng, mười phương chư Phật, Bồ Tát thường tới thế giới Cực Lạc để dạy học, [Cực Lạc] là một nơi như vậy đó! Quý vị ở nơi đó là học tập cho đến khi tốt nghiệp, tốt nghiệp là chứng đắc viên mãn Bồ Đề, chẳng phải do A Di Đà Phật gia trì, mà do chính quý vị chứng đắc. Sau khi chứng đắc, quý vị có ở lại thế giới Cực Lạc hay không? Chẳng ở! Quý vị phổ độ chúng sanh trọn pháp giới hư không giới, giúp đỡ hết thảy những kẻ hữu duyên với quý vị. Quý vị giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Âm Bồ Tát, nên dùng

thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Biết phải dạy họ pháp môn gì, quý vị sẽ dạy pháp môn ấy. Chúng sanh yêu thích khác nhau, nhưng tới cuối cùng, nhất định hướng dẫn về Cực Lạc. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa nhằm dẫn dắt, đến cuối cùng, thừa chư vị, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn thầy đều trở về Tịnh Độ. Vì sao biết? Nhìn từ kinh Hoa Nghiêm. Quý vị thấy hàng Bồ Tát, La Hán vãng sanh thế giới Hoa Tạng, các Ngài tu học các pháp môn bất đồng, vô lượng pháp môn, học khác nhau, cuối cùng đều về thế giới Hoa Tạng. Sau khi tới thế giới Hoa Tạng, chắc chắn là nghe lời hai vị đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền, sang thế giới Cực Lạc tham phỏng A Di Đà Phật, tiếp nhận giáo huấn của A Di Đà Phật, triệt ngộ tâm tánh, chứng đắc viên mãn Phật quả trong thế giới Cực Lạc, ở chỗ của A Di Đà Phật. Từ chỗ này, chúng ta thấy thế giới Cực Lạc thù thắng, thấy Phật pháp đại viên mãn. Việc làm rất khác biệt!

Lại xem đoạn văn kế tiếp: “*Án Yếu Giải nghĩa*”, [tức là xét theo] nghĩa thú được giảng trong sách Yếu Giải, “*thử độ phàm thánh chi đồng cư tôn ư Cực Lạc giả hữu tứ*”, [nghĩa là] so ra thấy [Đồng Cư trong Sa Bà] thua kém, “*tôn*” (遜) là thua kém thế giới Cực Lạc. Tôi thiểu có bốn điều thua kém thế giới Cực Lạc. Thứ nhất: “*Tạm đồng, thử độ Tiểu Thừa Sơ, Nhị, Tam Quả, chứng A La Hán, tiện nhập tịch diệt*” (Tạm đồng: Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả Tiểu Thừa trong cõi này chứng A La Hán liền nhập tịch diệt). Trước khi các Ngài chứng A La Hán, bậc Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả đều ở trong lục đạo, ở trong nhân gian hay trên cõi trời. Chứng đắc A La Hán bèn ra đi, vượt thoát lục đạo, vào tứ thánh pháp giới, nhập tịch diệt. Nhập tịch diệt là vào trong tứ thánh pháp giới, chẳng ở chung với chúng ta. Ở chung với chúng ta chỉ là Sơ, Nhị, Tam Quả. “*Đại Quyền Bồ Tát, độ sanh cơ tận, tiện bất phục thị hiện*” (Đại Quyền Bồ Tát cơ duyên hóa độ chúng sanh đã hết bèn chẳng thị hiện nữa), vị này cũng ra đi. Trong thế gian này, Đại Quyền Bồ Tát có hai phương cách ở chung với chúng ta: Thứ nhất là Ứng Thân, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có cha mẹ, được sanh ra, sống trong thế gian này vài chục năm, sanh tử tự tại, chẳng phải do nghiệp lực, các chúng sanh hữu duyên nhờ Ngài mà đắc độ. Nếu chẳng có hạng người ấy, khi Ngài đến thế gian này, phải biết hết thấy chúng sanh đáng độ đều đã độ, chẳng còn ai chưa độ, nên Ngài ra đi. Thích Ca Mâu Ni Phật bảy mươi chín tuổi bèn viên tịch, chẳng ở chung với chúng ta. Vì thế, sự “ở chung” này là tạm thời, chẳng phải là rốt ráo. “*Cố dữ thử độ phàm phu chi thị tạm thời đồng cư, phi cứu cánh dã. Tại bỉ tịnh Đồng Cư độ, tắc khả dữ chư đại Bồ Tát câu hội nhất xứ, trực chí thành Phật*” (vì thế chỉ là tạm thời ở chung với phàm phu trong cõi này, chẳng phải là rốt ráo. Trong cõi Đồng Cư thanh tịnh ấy,

bèn có thể cùng ở một chỗ với các vị đại Bồ Tát mãi cho đến khi thành Phật). Khác nhau! Chúng ta sanh về nơi đó của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy là hạ hạ phẩm vãng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quý vị hằng ngày ở chung với chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát, mãi cho đến lúc quý vị chúng đắc đến rốt ráo Phật quả, các Ngài sẽ trở về Thường Tịch Quang, chẳng ở chung nữa, mà trở về Thường Tịch Quang. Sau khi trở lại Thường Tịch Quang, nếu những người trong cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc có duyên với quý vị, quý vị sẽ từ Thường Tịch Quang trở về giúp đỡ họ, đến đi tự tại! Phật độ kẻ hữu duyên. Duyên có hai thứ, có thiện duyên và ác duyên. Bất luận thiện hay ác, chỉ cần có duyên, khi họ chịu tiếp nhận Phật pháp, quý vị sẽ tự nhiên hiện thân giúp đỡ họ, thành tựu bọn họ. Đây là chỗ khác nhau thứ nhất.

Thứ hai, “*nan ngộ, tuy hữu thánh giả hiện cư thử độ, đản bất dị kiến văn thân cận*” (khó gặp; tuy có thánh giả thị hiện sống trong cõi này, nhưng chẳng dễ gì thấy, nghe, thân cận). Thật vậy, thế giới này có Phật, Bồ Tát, A La Hán ở trên địa cầu này, nhưng phàm phu chúng ta chẳng dễ gì gặp được! Chẳng có duyên phận đặc thù, sẽ không gặp được. Đó là sự thật, chúng ta phải hiểu rõ. “*Nhi tại Cực Lạc tắc giai như sư, như hữu, triêu tịch đồng tụ dã*” (nhưng trong Cực Lạc, [thánh nhân] như thầy, như bạn, sáng tối cùng tu họp). Thế giới Cực Lạc khác hẳn, trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của thế giới Cực Lạc, quý vị và thánh nhân suốt ngày từ sáng đến tối ở cùng một chỗ, thân cận, chẳng tách lìa. Những vị ấy quả thật là thầy, mà cũng là đồng học. Thầy của thế giới Cực Lạc là A Di Đà Phật [và thập phương chư Phật đến thế giới dưới thân phận Bồ Tát], các Ngài đến thế giới Cực Lạc giúp đỡ chúng ta, giống như mang thân phận trợ giáo, chúng ta có thể sáng tối cùng tu họp, chẳng phải là ngăn ngại, tạm bợ, mà là sống cùng nhau, học tập cùng nhau. Trước khi thành Phật, trong thế giới Cực Lạc, công việc của quý vị là học tập, các Ngài sẽ giúp đỡ quý vị. Đây là chỗ khác nhau thứ hai!

Thứ ba: “*Hy thiếu*” (hiếm hoi). Thế giới này “*thánh giả như trân, như thủy, hy hữu nan phùng*” (bậc thánh như vật quý, như điềm lành, hiếm có, khó gặp). Vì sao thế gian này ít như thế? Điều này có liên quan đến nghiệp cảm của chúng sanh, đó mới là nguyên nhân thật sự. Chúng sanh ưa thiện, chuộng đức, quý vị sẽ gặp được những người hiếm có, khó gặp, họ sẽ dạy quý vị. Nếu quý vị chẳng cảm thấy hứng thú đối với luân lý, đạo đức, và thánh học, mà cảm thấy hứng thú đối với tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian này, Phật, Bồ Tát sẽ không đến. Phật, Bồ Tát chẳng có hứng thú đối với những thứ đó; đó là tạo nghiệp. Quý vị ưa thích những thứ ấy, cũng có người tới gia trì và giúp đỡ quý vị,

ai vậy? Yêu ma quỷ quái. Chư vị đọc kinh Lăng Nghiêm sẽ hiểu! Bốn loại yêu ma quỷ quái lớn ưa thích những thứ đó, chúng sẽ đến. Tuy quý vị đạt được một chút vui sướng, tự nghĩ là vui sướng, trên thực tế là sự kích thích, chẳng phải là khoái lạc thật sự. Tôi giảng kinh, thường dùng tỷ dụ hút thuốc phiện. Khoái lạc ngũ dục lạc trần trong thế gian giống như hút thuốc phiện, nó là một thứ kích thích ngán ngủi, tạm bợ trong sát-na, hậu hoạn vô cùng, khổ chẳng thể nói nổi. Đó chẳng phải là chân lạc, mà là mê hoặc, điên đảo của người đời. Do vậy, bậc thánh nhân đến thế gian này, cơ hội cũng rất ít. Thế gian này có mấy kẻ lương thiện, hiếu học, các Ngài sẽ đến. Thời gian các Ngài đến [thế giới này] cũng rất ngán ngủi, tạm bợ, đến để chỉ dạy những người hữu duyên. Kẻ hữu duyên học rất nhanh, học sơ sơ đã đi vào nề nếp, các Ngài bèn rời đi, chúng ta ngay cả mong được hưởng ké một chút cũng chẳng được! Phải hiểu rõ đạo lý ở chỗ này, vì bản thân chúng ta chưa phát tâm. Nếu thật sự phát tâm học tập, Phật, Bồ Tát sẽ thường trụ trong thế gian. Chính mình vẫn tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, đương nhiên các Ngài phải ra đi sớm, các Ngài chẳng mấy may lưu luyến thế gian này! Chúng ta biết các Ngài hiện thân, người ta chúng đấng thanh tịnh Pháp Thân; theo kinh Hoa Nghiêm, trong Viên Giáo, bậc Sơ Trụ trở lên đều có năng lực này. Phẩm Phổ Môn nói tới ba mươi hai ứng thân, thầy đều có năng lực sau đây: Nên dùng thân Phật để độ, bèn hiện thân Phật. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo hiện thân Phật, Ngài là chân Phật, chẳng phải là giả Phật. Ngài trụ nơi đâu? Trọn khắp pháp giới hư không giới và Ngài là một Thể, quý vị nói xem Ngài trụ nơi đâu? Vì vậy, bất luận nơi chốn nào, thời gian nào, chỉ cần có người thật sự khởi tâm động niệm mong học Phật, Ngài liền thị hiện.

Mỗi chúng sanh chúng ta phải biết: Quá khứ vô thi, vị lai vô chung; thời gian vô thi, vô chung, không gì lớn lao lọt ra ngoài, không gì nhỏ nhất chẳng gồm trong. “*Thi chung*” là nói tới thời gian. “*Thời - không*” (thời gian, không gian) là Pháp Thân; thời - không là Tánh Đức của bậc kiến tánh, là Pháp Thân của người ấy. Vì vậy, Pháp Thân trọn khắp hết thảy mọi nơi, hết thảy mọi lúc; bất luận chúng sanh nào chỉ cần có cảm, lập tức bèn ứng, chẳng có đến đi, hiện diện ngay trong hiện tiền. Vì vậy, Đại Thừa nói “*tức tại đương hạ*” (ở ngay trong lúc này), câu ấy là thật, là lời thật, ngay trong hiện tại. Chẳng có quá khứ, vị lai, chẳng có cõi này hay phương khác. Thời - không cũng chẳng tồn tại. Khi mê, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thời - không; khi giác ngộ chẳng có. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, [Thiên Thân] Bồ Tát đã giảng chân tướng sự thật này rất rõ rệt. Trong bách pháp, thời gian và không gian là Bất Tương Ứng Hành Pháp. Người hiện thời gọi Bất Tương Ứng Hành Pháp là “khái niệm trừu tượng”, chẳng phải là sự thật, mà là

khái niệm trừu tượng. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng, phải hiểu minh bạch, Bồ Tát ở đâu? Ngay trong hiện tiền! Chưa từng rời khỏi chúng ta, mà chúng ta cũng chưa hề rời khỏi Ngài; bất quá, chúng ta mê tự tánh nên chẳng thấy! Nếu giác ngộ tự tánh, quý vị sẽ biết chưa hề rời khỏi.

“*Nhi Cực Lạc tắc kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết*” (nhưng Cực Lạc thì trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, số ấy rất nhiều, chẳng thể tính toán mà hòng biết được, chỉ có thể nói là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ). Đoạn này là kinh văn trong kinh Di Đà do đức Phật nói. Tây Phương Cực Lạc thế giới thánh hiền đông đảo, toàn là đại thánh, chẳng phải là tiểu thánh, Nhất Sanh Bồ Xứ mà! Quán Thế Âm Bồ Tát giống như Di Lạc Bồ Tát, trong tương lai, A Di Đà Phật lão nhân gia duyên đã tận, Ngài sẽ thoái vị, trở về Thường Tịch Quang, Quán Âm Bồ Tát bèn thay thế, kế tục Ngài thành Phật trong thế giới Cực Lạc. Khi Quán Âm Bồ Tát duyên tận, trở về Thường Tịch Quang, Đại Thế Chí Bồ Tát bèn kế tục Quán Âm Bồ Tát. Do vậy, thế giới ấy chỉ có Chánh Pháp, chẳng có Tượng Pháp, cũng chẳng có Mạt Pháp. Trong thế gian này của chúng ta, pháp vận của đức Phật có Tượng Pháp và Mạt Pháp, thế giới Cực Lạc chẳng có. Thế giới Cực Lạc vĩnh viễn có Phật trụ thế, từng vị kế tục nhau. Quý vị thấy lần này, Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt, vị Phật kế tiếp là Di Lạc Bồ Tát sẽ giáng thế thành Phật nhằm khi nào? Kinh Di Lạc Hạ Sanh cho biết là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Di Lạc Bồ Tát mới giáng thế. Trong khoảng thời gian dài như vậy, thế gian này chẳng có Phật, không có Phật giáo, đáng thương thay! Chúng sanh tạo nghiệp. Phật, Bồ Tát vẫn từ bi, có người thay mặt Phật; trong thời gian dài như thế, ai thay mặt? Địa Tạng Vương Bồ Tát. Hiện thời là thời kỳ Mạt Pháp của Thích Ca Phật, Địa Tạng Bồ Tát đã nhận nhiệm vụ, đã thay mặt Phật. Địa Tạng nghĩa là gì? Phải biết đó là hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy. Chỉ cần chúng sanh thật sự hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, người ấy sẽ có duyên gặp gỡ thánh hiền. Nếu chẳng có tâm nguyện ấy, suốt đời chẳng gặp được. Dẫu gặp gỡ, cũng chỉ là trong sát-na đã trôi qua (chẳng còn gặp gỡ nữa), chẳng được thánh hiền giáo huấn. Do vậy biết: Tâm thái trọng yếu lắm, tâm thái quyết định hết thảy, pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng có ngoại lệ.

Trong thế giới Cực Lạc đã là Nhất Sanh Bồ Xứ, là Đẳng Giác Bồ Tát, đây là địa vị Bồ Tát tối cao, lại tiến cao hơn là Cứu Cánh Viên Mãn Phật (quả vị Phật rốt ráo viên mãn), người như vậy đông lắm! Nhiều đến mức độ nào? Chẳng có cách nào tính toán, chỉ có thể dùng “*vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết*” (vô lượng vô

biên A-tăng-kỳ để nói). A-tăng-kỳ (Asamkhyā) là đơn vị danh xưng, là một trong mười con số lớn của Ấn Độ. Bao nhiêu A-tăng-kỳ? Vô lượng vô biên, hướng chỉ những vị thấp hơn Đẳng Giác càng nhiều! Thập Địa Bồ Tát, Thập Hạnh Bồ Tát, Thập Hồi Hương Bồ Tát, Thập Trụ Bồ Tát, chẳng biết là bao nhiêu! Hết thấy những vị ấy đều là học trò của A Di Đà Phật. Đẳng Giác Bồ Tát là trợ giáo của A Di Đà Phật. Trên thực tế, A Di Đà Phật hằng ngày chẳng rời khỏi quý vị, mỗi ngày đích thân giảng kinh, thuyết pháp cho quý vị. Quý vị thấy Đẳng Giác Bồ Tát nhiều ngàn ấy ở bên cạnh giúp đỡ quý vị, lẽ nào quý vị chẳng thành tựu? Đâu có đạo lý ấy! Chúng ta ở trong thế gian này, thân cận một vị Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn còn chẳng có duyên phận ấy, tìm mãi không ra. Trong thế giới Cực Lạc, thân cận Đẳng Giác Bồ Tát đông ngàn ấy. Không nhìn vào chuyện gì khác, chỉ nhìn riêng điều này, chúng ta phải nên khẳng khẳng một mực tu Tịnh Độ, biết vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời nhất định chứng đắc Phật quả viên mãn rõ ràng. Nếu chẳng đến đó, bất luận tu học pháp môn nào, phiền não tập khí chưa đoạn được, vẫn không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nghĩ đến luân hồi đáng sợ, hãy nên học theo pháp sư Oánh Kha, dẫu bỏ cái mạng này cũng phải cầu sanh Tịnh Độ. Có thể thành công hay không? Pháp sư Oánh Kha làm mẫu cho chúng ta thấy, Sư thật sự niệm được A Di Đà Phật hiện đến. Sau khi niệm ba ngày, A Di Đà Phật thật sự dẫn Sư đi.

Lại xem điều thứ tư: *“Sở tác bất đồng. Tại thử độ, thánh giả hàm du thánh vực”* (Việc làm khác nhau. Trong cõi này, bậc thánh đều ngao du trong cõi thánh). Ở nơi đây, trong cõi Đồng Cư, Phật, Bồ Tát tuy trụ trong thế gian này, nhưng đối với nơi cư trụ [của các Ngài, kinh điển] đã nói rất hay, *“cảnh chuyển theo tâm”*. Các Ngài là bậc minh tâm kiến tánh, tự nhiên các Ngài trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, các Ngài đã chuyển biến [cõi Phàm Thánh Đồng Cư] thành cõi Thật Báo Trang Nghiêm]. Chúng ta ở chung với các Ngài, nhưng chúng ta là tâm luân hồi, nên thấy đại địa là uế độ, lục đạo trong uế độ, tâm chúng ta chẳng thanh sạch. Chớ nên chẳng biết đạo lý này! *“Cảnh chuyển theo tâm”*. Chúng ta ở trong thế gian này có tai nạn, nhưng các Ngài chẳng có tai nạn. Bất luận chỗ nào, các Ngài ở nơi đó quả thật giống như thế giới Cực Lạc. Báo độ của các Ngài do vô lượng trân bảo hợp thành, tuyệt đối chẳng phải là bùn cát, cây cối, hoa, cỏ cũng đều là trân bảo, vĩnh hằng không thay đổi, chẳng giống như chúng ta ở nơi đây: Mùa Xuân mọc lên, mùa Hạ tăng trưởng, mùa Thu thu hoạch, mùa Đông ẩn tàng, bốn mùa biến hóa. Cõi Thật Báo của Bồ Tát chẳng biến hóa, hết thấy vạn vật hóa hiện, hóa sanh theo ý niệm. *“Việc làm khác nhau”*: Những vị thánh giả đều dạy

học. “*Nhi chúng sanh luân hồi lục đạo, thăng trầm vô định*” (nhưng chúng sanh luân hồi trong lục đạo, thăng trầm chẳng nhất định), tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, chịu báo luân hồi, đây là điều chắc chắn! Chúng ta khởi tâm động niệm, nghĩ gì? Nhớ gì? Nói gì? Tạo gì? Nếu chúng ta phản tỉnh, quý vị sẽ biết đúng như kinh Địa Tạng đã dạy: “*Vô bất thị tội, vô bất thị nghiệp*” (không gì chẳng phải là tội, không gì chẳng phải là nghiệp). Tội là gì? Nghiệp là gì? Chúng ta suy tưởng, nhớ nghĩ, tạo tác, hoàn toàn trái nghịch tự tánh. Đó là tội nghiệp.

Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ quốc sư đã quy nạp Tánh Đức thành bốn điều. Tánh Đức cũng là “*vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết*”, nói chẳng hết, quy nạp thành bốn điều. Đây là bốn cột trụ của Tánh Đức, chúng ta hãy nghĩ xem chính mình có tương ứng với những điều ấy hay không.

1) Điều thứ nhất là “*tùy duyên diệu dụng*”. Chúng ta là tùy duyên, chẳng phải là diệu dụng. Chúng ta tùy duyên khởi dụng toàn là phiền não, toàn là tội nghiệp. Tùy duyên thầy đều áp dụng vào luân hồi, tâm luân hồi, ý niệm luân hồi, dùng trật lất rồi! Diệu dụng là gì? Trong tùy duyên, xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bèn là “*diệu*”. Trong tùy duyên chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bèn là Phật. Có vọng tưởng, nhưng chẳng có phân biệt và chấp trước thì là Bồ Tát. Có vọng tưởng và phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước, là A La Hán. Nay chúng ta toàn bộ đều có, trong tùy duyên có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây là lục đạo phàm phu, như vậy sẽ chẳng diệu, chúng ta làm tương phản [với thánh nhân].

2) Điều thứ hai, “*oai nghi hữu tác*” (oai nghi đúng pháp tác), đó là cuộc sống trên thế gian này, những điều biểu diễn đều nhằm nêu gương tốt nhất cho hết thầy đại chúng; đó là Phật, Bồ Tát. Biểu diễn điều gì? Diễn xuất luân lý, diễn xuất đạo đức, diễn xuất nhân quả, diễn xuất giáo huấn của chư Phật, vì người khác diễn nói. “*Diễn*” là biểu diễn, làm gương tốt cho người khác xem, giúp đỡ chúng sanh giác ngộ. Đây là điều thứ hai.

3) Điều thứ ba, “*nhu hòa chất trực*”. Đây là nói trong cuộc sống, công việc, xử sự, đãi người, tiếp vật hằng ngày đều phải có thái độ ôn hòa, đặc biệt là trong thời đại hiện tại. Trong thời đại này, những chúng sanh trên địa cầu hiển hiện như thế nào? Tự tư tự lợi, bạo lực tình dục, giết, trộm, dâm, dối, họ đang biểu diễn những thứ ấy. Quý vị thấy tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của họ đáng ngán quá! Trái nghịch một trăm tám mươi độ với Tánh Đức. Nói cách khác, sự tạo tác ấy chắc chắn dẫn đến ngày tàn của thế giới, đi theo con đường hủy diệt, hướng đến A Tỳ địa ngục, thôi rồi! Đáng sợ quá!

4) Điều cuối cùng, “đại chúng sanh khổ” (chịu khổ thay cho chúng sanh). Con người hiện thời nghĩ theo kiểu nào? Tồn người, lợi mình, hoàn toàn tương phản với “chịu khổ thay cho chúng sanh!” Hãy nên bỏ mình vì người, đó là đúng. Quyết định chớ nên làm chuyện tồn người lợi mình.

Trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ đại sư đã quy nạp Tánh Đức thành bốn điều như vậy.

Đức Phật thường giảng Thập Thiện Nghiệp, Tánh Đức là Thập Thiện Nghiệp. Thập Thiện Nghiệp và Tứ Đức trong Hoàn Nguyên Quán hoàn toàn tương ứng. Chúng ta có thực hiện những gì kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã dạy hay không? Có thật sự làm hay không? Thật sự làm, sẽ là nghiêm túc học Phật, y giáo phụng hành. Có những người muốn làm, nhưng chẳng biết phải thực hiện từ chỗ nào! Tại Trung Quốc, xét trên cơ bản, lời tổ tiên dạy hoàn toàn phù hợp Phật pháp. Chúng ta hãy khởi sự từ sự giáo học đơn giản, dễ hiểu của tổ tiên, thì sẽ làm được chẳng khó! Đệ Tử Quy dạy chúng ta hiểu thân, tôn sư, đó là giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức. Hơn nữa, đó là giáo dục cơ sở cần phải tu, con người chẳng thể không học! Cảm Ứng Thiên là giáo dục nhân quả, phải thời thời khắc khắc ghi nhớ trong lòng: Thiện có thiện quả, ác có ác báo, nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may! Quý vị thật sự tham thấu thì mới tin tưởng, mới biết đoạn ác tu thiện, sám trừ nghiệp chướng trọng yếu lắm! Vì sao ngày nay quý vị học Phật chẳng có tiến bộ? Chắc cũng có người nói vì sao tiến bộ chậm thê? Đều là do nghiệp chướng của quý vị quá phá, nghiệp chướng chướng ngại quý vị. Đó là nhân tố thứ nhất. Oán thân trái chủ đến gây rối, cũng tới chướng ngại quý vị; đó là nhân tố thứ hai. Chỉ cần tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình, oán thân trái chủ bên ngoài sẽ rất dễ hóa giải. Nghiệp chướng chẳng trừ, oán thân trái chủ sẽ không tha quý vị, quý vị vẫn tiếp tục làm ác. Giả danh học Phật, dùng Phật pháp để che đậy [sự xấu xa của chính mình], người ta càng coi thường quý vị, rắc rối ở chỗ này.

Đã có căn bản Nho và Đạo thì Thập Thiện Nghiệp cũng sẽ rất dễ làm được. Cổ nhân học Phật, người trong một trăm năm trước, chúng ta nói là một thế kỷ, học Phật trong một trăm năm trước, người học Phật thành tựu nhiều! Vì sao? Họ được hưởng sự giáo dục ấy, từ nhỏ đã được cha mẹ, người lớn dạy! Tôi nhớ thuở nhỏ, chúng tôi sanh trưởng tại nông thôn, trẻ con chơi đùa với nhau, cũng có lúc cãi cọ, cũng có lúc cãi lẫy ồn ào, người qua đường trông thấy, bèn răn dạy chúng tôi. Thuở ấy, người lớn giáo huấn, chúng tôi đều ngoan ngoãn nghe, chẳng dám phản kháng! Đến khi cha mẹ chúng tôi biết chuyện, bèn đối đãi, cảm ơn, cảm kích những người

khách ấy. Quý vị nói có phải là xã hội thuở ấy rất hài hòa, thật tốt đẹp hay không? Trẻ nhỏ được cha mẹ trông chừng, người trong nhà dòm chừng, người ngoài cũng trông chừng, trẻ nhỏ đi tới đâu cũng được người lớn răn nhắc. Trong xã hội hiện thời, chẳng còn [tình trạng ấy nữa], cha mẹ không quản được trẻ nhỏ, thầy chẳng thể quản trò, làm sao được nữa, hiện tượng này đáng sợ lắm! Điều này khiến cho chúng tôi hiểu thật sâu [vì sao] cổ thánh tiên hiền thế gian và xuất thế gian coi trọng giáo dục ngàn ấy, chúng tôi hiểu rõ. Con người do dạy dỗ mà trở thành tốt đẹp, cũng do dạy dỗ mà thành xấu xa, tùy thuộc cách dạy như thế nào! Trẻ nhỏ hiện thời đều bị dạy hư hỏng, ai dạy chúng nó? TV dạy, Internet dạy chúng nó, người trong nhà mặc kệ. Hiện thời, cách dạy trẻ nhỏ rất khả ái, rất sinh động, nhưng mười năm, hai mươi năm sau, sẽ có phiền phức xảy ra, lúc ấy, hối cũng chẳng kịp!

Chúng ta xem tiếp phần dưới: “*Phàm thánh tuy đồng cư thử độ, nhi kỳ sở tác dữ thành tựu tắc huýnh nhiên bất đồng*” (Phàm và thánh tuy cùng sống trong cõi này, nhưng việc làm và thành tựu khác biệt rất xa). Vì sao bất đồng? Tiếp đó, sách viết: “*Tại Cực Lạc tắc đồng tận vô minh, đồng đặng Diệu Giác*” (Tại Cực Lạc thì cùng dứt vô minh, cùng lên Diệu Giác). Diệu Giác là đạt đến Phật quả viên mãn rất ráo, còn cao hơn Đẳng Giác một tầng. Đại chúng vãng sanh cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc mỗi ngày đều học tập, không ngừng nâng cao, muốn tiến lên địa vị Diệu Giác, đoạn hết tập khí vô minh, trở về cõi Thường Tịch Quang, trở về tự tánh. Đây là việc làm và thành tựu của họ. “*Cố tri Đồng Cư Tịnh Độ chi đồng cư, thắng ư thử gian vô lượng ức bội dã*” (nên biết sự đồng cư trong cõi Đồng Cư Tịnh Độ thù thắng hơn cõi này vô lượng ức lần). Đúng vậy, chẳng thể sánh bằng!

Lại đoán nhìn cõi Đồng Cư của chúng ta: “*Hựu thử độ chi phàm*” (lại nữa, phàm phu trong cõi này), đây là phàm phu lục đạo, “*bao quát địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh tam ác thú*” (bao gồm ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), đây là ba ác đạo, “*nhi bỉ độ Đồng Cư tắc thượng vô ác đạo chi danh, hà hướng hữu thật*” (nhưng trong Đồng Cư cõi kia, cái tên ác đạo còn chẳng có, hướng là có thật). Đây là điều được giảng trong kinh Di Đà, thế giới Tây Phương còn chưa nghe tới danh xưng ác đạo, lẽ đâu có chuyện ấy? “*Đắc vãng sanh giả, bất phục cánh nhập tam ác đạo, vĩnh ly ác thú*” (người được vãng sanh, chẳng đọa trong ba ác đạo nữa, vĩnh viễn lìa đường ác). Cho dù quý vị đời nghiệp vãng sanh, hạ hạ phàm vãng sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư, thậm chí sanh vào biên địa, cũng chẳng còn đọa tam ác đạo, vĩnh viễn lìa đường ác, đó là chỗ thù thắng của thế giới Cực Lạc. “*Bất tự thử gian chúng sanh, sanh tử hải trung, đầu xuất, đầu một, triển*

chuyên ác đạo, khổ thú thời trường dã” (Chẳng giống như chúng sanh trong cõi này, thoát nổi, thoát chìm trong biển sanh tử, xoay vần trong ác đạo, ở mãi trong nẻo khổ). Không như thế gian này, chúng sanh trong thế gian này, lục đạo luân hồi là biển cả sanh tử. “Đầu xuất” là giống như quý vị ở trong biển, ngoi đầu lên hít một hơi không khí trong lành, đó là gì? Tam thiện đạo, lập tức chìm xuống dưới. Do vậy, trong lục đạo, quý vị nhất định phải biết, thời gian trong thiện đạo rất ngắn, thời gian trong ác đạo rất dài! Quý vị thấy trong thiện đạo tạo bao nhiêu ác nghiệp, vào trong ba ác đạo tiêu sạch những nghiệp ấy rồi quý vị mới thoát ra. Lúc thoát ra, lại tạo ác. Thời gian thoát ra ngắn ngủi, [thời gian] tạo tác ác nghiệp thì nhiều, lại đọa xuống! Vì thế, nhà của chúng sanh trong lục đạo ở đâu? Nhà ở trong tam ác đạo, thoát [khỏi tam ác đạo] là lữ du, là đi ngắm cảnh. Lần này đi ngắm cảnh, gặp gỡ Phật pháp, thù thắng khôn sánh! Nếu quý vị có thể thật sự nắm vững, sẽ vĩnh viễn rời tam ác đạo, vĩnh viễn vượt thoát lục đạo luân hồi, đó là đúng! Nếu chẳng thể nắm vững cơ duyên này, nhất định phải biết: Quý vị vẫn tiếp tục ở trong lục đạo, vẫn phải tiếp tục chờ đợi trong tam ác đạo, thời gian chờ đợi vô cùng dài, khổ chẳng thể nói nổi! Thật sự giác ngộ điều này, mới thật sự phát Bồ Đề tâm, thật sự chịu niệm Phật, thật sự chịu buông xuống! Trên con đường Bồ Đề, phải dựa vào chính mình, chính mình chẳng thật sự phát tâm, thật sự phát nguyện, Phật, Bồ Tát đều chẳng giúp được. Thật sự phát tâm, sẽ cảm động chư Phật, Bồ Tát. Chư Phật, Bồ Tát đại từ, đại bi, tìm đến chúng sanh hữu duyên. Hữu duyên là gì? Thật sự phát tâm, phát nguyện sẽ là người hữu duyên. Nguyện tâm ấy không dấy lên nổi, chân tâm chẳng phát ra được, A Di Đà Phật đâu từ bi cũng chẳng có cách nào giúp đỡ quý vị! Ngày hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây.

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Phần 14 hết

Tập 29

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang ba mươi, dòng thứ sáu đọc từ dưới lên.

“*Cánh hữu tân giả, như Yếu Giải vân: Đương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan tối nan thấu thoát*” (tiên cao hơn nữa sẽ như sách Yếu Giải đã nói: “Phải nên biết, đối với đại sự nhân duyên của chúng ta, một cửa ải Đồng Cư khó vượt thoát nhất”). Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói như thế. Đoạn văn giảng về Tông Thụ này rất dài, cũng nhằm thuyết minh một chủ đề vô cùng quan trọng trong tu học Tịnh Tông, giảng về phương hướng tu học và mục tiêu của chúng ta, ắt phải hiểu rất rõ ràng, rành rẽ thì chúng ta mới có thể thành tựu trong một đời này. Qua câu này, Ngẫu Ích đại sư đã nhắc nhở chúng ta: Cần phải biết rằng, đối với chúng ta, nói theo cách bây giờ là những kẻ phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đó là chuyện lớn, còn có chuyện nào khác lớn hơn được nữa? Liều sanh tử, thoát tam giới, thành Phật quả viên mãn rốt ráo, còn có chuyện gì lớn hơn chuyện này? Trong kinh Pháp Hoa, đức Thế Tôn nói: Ngài vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời; nói cách khác, những chuyện khác thì những bậc thánh hiền, hào kiệt thông minh, trí huệ trong thế gian này có thể giải quyết, chỉ riêng chuyện này là họ chẳng có cách nào, chẳng ai có thể giải quyết, nên chư Phật, Bồ Tát mới xuất hiện trong cõi đời. Nếu có ai khác có khả năng giải quyết, chư Phật, Bồ Tát chẳng cần phải chuốc lấy phiền phức! Khái thị này rất quan trọng, chúng ta phải học tập. Một ải Đồng Cư là khó nhất, [hễ vượt qua được cửa ải này thì] những cõi trên đó đều thuận tiện hơn. Đúng như ngôn ngữ thế gian đã nói: “*Phàm sự khởi đầu nan*” (凡事起頭難: Mọi việc khởi đầu đều khó khăn). Tu học Phật pháp là trở về tự tánh, cũng là một bước khởi đầu rất khó, khó “*thấu thoát*” nhất, “*thấu*” (透) là hiểu rõ, “*thoát*” (脫) là giải thoát, thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly tam giới.

Tiếp theo đó, cụ Niệm Tổ viết: “*Cái dĩ Đồng Cư độ chi phàm phu*” (bởi lẽ, phàm phu trong cõi Đồng Cư), tức là lục đạo phàm phu, “*tu đoạn tận Kiến Tư nhị Hoặc, phương đắc Lưu Tận Thông, thí tiệt sanh tử lưu, xuất Đồng Cư, nhi thăng*

Phương Tiện Hữu Dư độ, thử danh thụ xuất tam giới, kỳ sự thậm nan dã” (phải đoạn hai thứ Hoặc là Kiến Hoặc và Tư Hoặc, mới đắc Lộ Tận Thông, cắt đứt dòng chảy sanh tử, thoát khỏi Đồng Cư, vượt lên cõi Phương Tiện Hữu Dư. Đó gọi là “vượt khỏi tam giới theo chiều dọc”, chuyện này rất khó). Do đâu mà có phạm phu trong lục đạo? Nay chúng ta cũng hiểu rõ: Lục đạo là cảnh giới do Kiến Tư phiền não biến hiện. Cách nhìn sai lầm, cách nghĩ sai lầm; Kiến Hoặc là cách nhìn sai lầm, Tư Hoặc là cách nghĩ sai lầm, cũng có nghĩa là quý vị nhìn sai, nghĩ trật đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Do vậy, biến hiện cảnh giới sai lầm; cảnh giới sai lầm là lục đạo luân hồi. Đây là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, trong đó có cả thánh lẫn phạm, đã được giới thiệu trong phần trước. Phải đoạn hai loại đại phiền não này, hai loại phiền não lớn này đều là vô lượng vô biên. Nhằm thuận tiện dạy bảo, đức Phật đã quy nạp lại, quy nạp Kiến Hoặc thành tám mươi tám phẩm, quy nạp Tư Hoặc thành tám mươi một phẩm, chia ra thành chín địa, mỗi địa gồm chín phẩm, chín lần chín thành tám mươi một phẩm, đều phải đoạn tận [tám mươi một phẩm ấy] thì mới có thể cắt đứt dòng sanh tử, tức là đoạn luân hồi sanh tử trong lục đạo, lục đạo chẳng còn nữa. Do vậy, lục đạo là giả, chẳng thật. Quý vị đã đoạn Kiến Tư phiền não, sẽ chẳng có lục đạo. Kẻ chưa đoạn Kiến Tư phiền não, vẫn ở trong lục đạo. Cộng nghiệp và biệt nghiệp khác nhau! Kiến Tư phiền não nhiều như thế, nên để thuận tiện dạy học, đức Phật đã quy nạp Kiến Tư phiền não thành năm loại lớn để nói cho tiện. Kiến giải sai lầm thì điều đầu tiên là hiểu lầm thân thể là chính mình. Đó là sai lầm đầu tiên; vì thế, thứ đầu tiên phải phá trong Kiến Hoặc là Thân Kiến, thật sự giác ngộ thân chẳng phải là chính mình. Thân là gì? Thân là cái ta có, chẳng phải là ta. Rốt cuộc trong Phật pháp có nói đến Ngã hay chẳng? Có! Có Chân Ngã. Quý vị thấy trong Đại Bát Niết Bàn của Như Lai có bốn tịnh đức, tức là có bốn thứ chân thật, đó là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, bốn tịnh đức này thật sự có. Thường là gì? Vĩnh hằng, bất sanh, bất diệt, chẳng có biến hóa; đó là Chân Thường. Chân Lạc là gì? Hai bên khổ và vui đều không có, đó là Chân Lạc. Khổ và Lạc là tương đối, tương đối sẽ chẳng vĩnh hằng. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta: Ngay cả sự vui trên thế gian này phải từ bỏ, trong ấy có đạo lý, nó là giả, chẳng thật. Nếu thật thì có bỏ cũng bỏ chẳng được! Hễ có sanh thì có diệt; phạm những gì có sanh và có diệt đều gọi là pháp sanh diệt, đều là chẳng thật.

Thân thể có sanh, có diệt, linh tánh bất sanh, bất diệt, linh tánh là chính mình. Huệ Năng đại sư kiến tánh, đã tìm được linh tánh, linh tánh là như thế nào? Đầu tiên là thanh tịnh, “*nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”, chưa từng bị ô nhiễm. Dầu đọa lạc trong ngạ quỷ hay trong địa ngục, vẫn chẳng bị ô nhiễm. Đức Phật cũng

thường nói tới ô nhiễm, cái bị ô nhiễm là gì? A Lại Da bị ô nhiễm, bản thân A Lại Da cũng là pháp sanh diệt; do vậy, nó chẳng thật. Nó là từ chân khởi vọng, biến thành vọng. Đó là điều thứ nhất [trong Kiến Hoặc], là cội nguồn của hết thảy các biến hóa chẳng chân thật. Trong các tôn giáo thường nói tới Tạo Vật Chủ (Tạo Hóa), ai là Tạo Vật Chủ? A Lại Da là Tạo Vật Chủ, pháp Đại Thừa giảng điều này rất rõ ràng. Sách Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán cũng cho biết: Nhất niệm bất giác, từ trong tự tánh biến hiện A Lại Da. A Lại Da có ba tế tướng: Nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng; nói theo danh từ khoa học hiện thời là năng lượng, thông tin, và vật chất, [những điều này] có cùng một ý nghĩa với A Lại Da. Năng lượng là nghiệp tướng của A Lại Da, thông tin là chuyển tướng của A Lại Da, vật chất là cảnh giới tướng của A Lại Da. Trừ những thứ này ra, trọn khắp pháp giới, hư không giới, chẳng có một pháp nào để có thể được! Tất cả hết thảy trang nghiêm nơi y báo và chánh báo đều từ nó biến hiện ra, nên gọi là “*duy thức sở biến*”. Nó là năng biến (chủ thể có khả năng biến), hết thảy các pháp là sở biến (cái được biến hiện). Đã có thể biến thì nhất định phải có “cái có thể sanh” (năng sanh). Nếu không có năng sanh, nó sẽ biến gì? Tự tánh năng sanh, năng hiện; A Lại Da là năng biến, sở biến. Phật pháp giảng rất rõ ràng, thấu triệt. Trong Phật pháp, A Lại Da còn được gọi bằng danh từ “*thần thức*”, thần thức là gì? Người thế gian chúng ta gọi [“thần thức”] là “linh hồn”, cũng có người gọi nó là “*linh tánh*”, [gọi bằng danh từ nào cũng] đều được! Nếu nó giác ngộ thì gọi là linh tánh, khi nó mê thì gọi là linh hồn. Linh tánh và linh hồn là cùng một chuyện, là một thứ, là chính mình, còn thân thể chẳng phải là chính mình. Trong Phật pháp nói linh hồn, “vong linh” được nhắc tới trong sự siêu độ chính là linh hồn, nó không thoát khỏi tam giới, mà cũng chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nếu có thể đoạn hết Kiến Tư, sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng gọi là “linh hồn” nữa, mà gọi là “linh tánh”, vì sao? Nó đã giác ngộ. Chẳng giác sẽ chẳng thể thoát khỏi luân hồi; hễ giác ngộ bèn vượt thoát. Vì vậy, A La Hán được gọi là Chánh Giác. Người thế gian cũng giác ngộ, khoa học gia giác ngộ, triết học gia giác ngộ, nhà tôn giáo cũng giác ngộ, chẳng thể nói họ không giác ngộ. Tuy giác ngộ, nhưng Phật chẳng nói họ là Chánh Giác theo tiêu chuẩn của Chánh trong Phật pháp. Phải tuân theo tiêu chuẩn nào thì mới được gọi là Giác? Chẳng có Kiến Tư phiền não thì là Chánh Giác. Nếu còn có Kiến Tư phiền não sẽ là tà giác, chẳng gọi là Chánh Giác. Kiến phiền não là sai lầm về mặt kiến giải, quý vị còn có Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, dẫu giác ngộ to tát cách mấy cũng chẳng thể gọi là Chánh Giác! Quý vị còn có những Tư Hoặc như tham, sân, si, mạn, nghi, tức là đã suy nghĩ sai lầm. Đức Phật quy nạp vô lượng vô biên Kiến Tư phiền não thành mười điều, Kiến Hoặc

gồm năm điều, Tư Hoặc gồm năm điều. Chỉ cần có những thứ ấy, sẽ không thể gọi là Chánh Giác. Chánh Giác chẳng có cả mười thứ ấy, chẳng dễ dàng! Nhưng mười điều ấy chẳng phải là không thể đoạn, vì sao? Chúng chẳng thật, trong tự tánh không có những thứ ấy!

Phật, Bồ Tát dạy chúng ta, những gì có sẵn trong tự tánh thì nhất định phải bảo trì, vĩnh viễn bảo trì; những gì trong tự tánh không có, hãy buông xuống ngay lập tức. Thật sự chịu buông xuống, sẽ chứng quả, sẽ thành Chánh Giác. Thành Chánh Giác là chứng quả A La Hán. Thành Chánh Đẳng Chánh Giác là chứng quả vị Bồ Tát, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là thành Phật. Trong kinh giáo Đại Thừa, đức Phật thường giảng những điều này, thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta, khởi đầu bằng đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc thì mới có thể đắc Lưu Tận Thông. Lưu Tận Thông là gì? Lưu (漏) là Kiến Tư phiền não, chữ Lưu là tử dụ. Ví như một chén trà, dưới đáy có lỗ thủng, bị hỏng rồi, đựng nước, nước sẽ bị rịn ra. Cũng giống như Pháp Tánh của chúng ta, hoặc nói là tự tánh hay bản tánh đều được, đều có cùng một ý nghĩa, [trong bản tánh] hề có Kiến Tư phiền não, sẽ giống như tự tánh có thiếu sót, vô lượng vô biên công đức đều bị rò rỉ. Lưu Tận là chẳng còn rò rỉ, “chẳng rò rỉ” sẽ thông suốt. “*Thông*” (thần thông) ấy chính là loại cuối cùng trong sáu món thần thông, A La Hán mới đắc Lưu Tận Thông. Tam quả thánh nhân A Na Hàm chỉ đắc năm thứ thần thông trước đó, tức Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Túc Mạng, Thần Túc. Thần Túc là phi hành biến hóa. Bộ tiểu thuyết Tây Du Ký của Trung Quốc có nói Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, quá nhỏ, quá ư nhỏ bé! So với hấn (Tôn Ngộ Không), [thần thông của] A La Hán to hơn rất nhiều, Ngài có thể biến hóa [tùy ý], bởi lẽ, A La Hán mới có trọn đủ Lục Thông, cuối cùng đắc Lưu Tận, vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo. Vì sao? Chẳng có nhân trong lục đạo, đương nhiên chẳng thể thấy các hiện tượng trong lục đạo. Lục đạo giống như nằm mộng, quý vị tỉnh giấc mộng, cảnh giới trong mộng hoàn toàn không còn nữa! Cảnh giới ấy không có, xuất hiện cảnh giới gì? Xuất hiện cõi Phương Tiện Hữu Dư, tiến cao hơn. Cõi Phương Tiện Hữu Dư là tứ thánh pháp giới, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, gồm bốn tầng cấp khác nhau!

Nếu tiến cao hơn nữa, còn phải đoạn phiền não, quý vị thấy đoạn hết Kiến Tư phiền não, còn có Trần Sa phiền não. Trần Sa phiền não do đâu mà có? Do phân biệt mà có. Tâm phân biệt khởi lên vô lượng, vô biên, vô tận, vô số tác dụng; đức Phật dùng Trần Sa làm tử dụ, [phiền não] nhiều như trần sa (cát bụi). Thật đấy,

chẳng giả! Những thứ ấy vẫn là hư vọng, trong tự tánh thanh tịnh tâm không có phiền não. Nếu có những thứ ấy, Bình Đẳng Tánh Trí sẽ bị chướng ngại. Có Trần Sa phiền não, quý vị sẽ chẳng bình đẳng. Tự tánh là bình đẳng, tự tánh là pháp môn Bất Nhị chân chánh. Bất Nhị là Nhất, Nhất mới là bình đẳng, Nhị sẽ không bình đẳng. Do vậy, có thể buông phân biệt xuống, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn phân biệt nữa, các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều trở về tự tánh, một pháp giới mà! Khi đạt đến một pháp giới, duyên chín muồi, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, buông khởi tâm động niệm xuống, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài thật sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Cảnh giới bên ngoài là gì? Trọn chẳng phải là vô tri. Vô tri là vô minh, quý vị vẫn chưa giác ngộ. Trí huệ Bát Nhã hiện tiền, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Trí huệ, đức năng dùng để làm gì? Dùng để phổ độ chúng sanh. Tuy phổ độ chúng sanh, vẫn chẳng khởi tâm động niệm y như cũ. Chẳng khởi tâm, không động niệm, nên có thể độ hết thảy chúng sanh trong trọn khắp pháp giới, hư không giới, người ấy thành Phật, chúng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nhắc nhở, chỉ dạy chúng ta điều này. Do vậy, phải chiếu theo thứ tự thuận ấy để tiến cao hơn từng bước. Trong tứ thánh pháp giới, từ Thanh Văn tiến lên Bích Chi Phật, từ Bích Chi Phật tiến lên Bồ Tát, từ Bồ Tát tiến lên Phật, tức là Tương Tự Phật. Lại tiến lên cao hơn bước nữa thì mới là một vị Phật thật sự, thoát lìa mười pháp giới. Biết mười pháp giới cũng chẳng thật, mười pháp giới vẫn là mộng cảnh. Giác ngộ điều này, chẳng thấy mười pháp giới nữa, đã tỉnh rồi. Do điều này có thể biết: Lục đạo là cảnh trong giấc mộng!

Thực sự tỉnh giấc mộng mười pháp giới, sau khi tỉnh lại, trước mắt người ấy là cảnh giới gì? Là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, Bồ Tát, còn gọi là Nhất Chân pháp giới. Trong cõi Thật Báo có tướng, vì người trong cõi Thật Báo đều đã chúng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phải biết điều này; nhưng họ còn có giai tầng địa vị vì còn có tập khí vô minh vô thi chưa đoạn! Chẳng có cách nào đoạn tập khí. Mỗi cá nhân mang theo tập khí dày hay mỏng khác nhau. Tập khí nặng nề là Thập Trụ, Thập Hạnh; tập khí nhẹ hơn là Thập Hồi Hướng, Thập Địa; nhẹ hơn tí nữa là Đẳng Giác. Chẳng có tập khí sẽ là địa vị Diệu Giác. Tuy nói là bốn mươi một địa vị, thật ra, kinh Hoa Nghiêm đã nói rất hay: “*Một tức hết thảy, hết thảy chính là một*”. Nói tới Sơ Trụ Bồ Tát, Sơ Trụ Bồ Tát là “nhất”, “hết thảy” là gì? Bốn mươi hai địa vị. Trí huệ, công đức, đạo lực của bốn mươi một địa vị khác phơi bày, hiện lộ viên mãn trong địa vị này, chẳng có mảy may sai biệt nào. Bởi lẽ, cõi Thật Báo thật sự là một thế giới bình đẳng, chẳng có thứ gì bất bình đẳng. Đoạn sạch tập khí vô thi vô minh, lúc ấy mới có thể trở lại Thường Tịch

Quang. Thường Tịch Quang là tự tánh, [trở về Thường Tịch Quang là] trở về tự tánh. Trong tự tánh, trí huệ, đức tướng viên mãn hết thấy đều hiện tiền. Khi nào sẽ hiện tiền? Chúng sanh có cảm, sẽ tự nhiên hiện tiền. Vì người ấy hiện tiền chẳng khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm còn không có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước! Do chuyện này, tiến lên từng bước một khó khăn lắm, quá ư khó khăn!

“*Kim thử vãng sanh pháp môn, nãi xả Đồng Cư uế, nhi sanh Đồng Cư tịnh, đắc sanh Cực Lạc, tức đoạn sanh tử, cố danh hoành xuất tam giới*” (nay pháp môn vãng sanh này, bỏ cõi Đồng Cư uế để sanh vào cõi Đồng Cư Tịnh, được sanh vào Cực Lạc, liền đoạn sanh tử, nên gọi là ra khỏi tam giới theo chiều ngang). Tịnh Độ màu nhiệm ở chỗ này! Quý vị thấy chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn ở trong cõi Đồng Cư. Trong phần trước, đã nói rất rõ ràng: Cõi Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là Tịnh Độ, cõi Đồng Cư trong thế giới này là uế độ. Đều là Đồng Cư, nhưng thật sự [thánh và phàm] chẳng ở cùng! Do nguyên nhân nào? Giáo dục! Trong thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật thực hiện giáo dục thành công. Trong thế giới này, Thích Ca Mâu Ni Phật giáo dục chẳng thành công ư? Đúng vậy! Rốt cuộc vấn đề ở chỗ nào? Chẳng do Phật, trong kinh giáo thường nói: “*Phật Phật đạo đồng, pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Bất đồng ở chỗ nào? Bất đồng ở chỗ căn tánh của chúng sanh khác nhau, chúng ta chớ nên không biết điều này. Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đúng như trong kinh điển đã nói, nhiều thiện căn, lắm phước đức, lắm nhân duyên, đó là thiện căn, phước đức, nhân duyên tích lũy từ vô lượng kiếp [đến nay] đã viên mãn, nên mới có thể vãng sanh. Viên mãn sẽ có thể chẳng vãng sanh hay chẳng? Không thể nào! Vì chỉ cần quý vị viên mãn thì viên mãn là cảm, Phật, Bồ Tát liền biết, sẽ tự nhiên ứng, sự cảm ấy gọi là “*minh cảm*” (冥感: cảm ngầm ngầm). Quý vị chẳng dấy lên ý niệm cầu các Ngài, nhưng chính các Ngài tự đến, vì duyên của quý vị đã chín muồi, Phật bèn đến giúp đỡ quý vị sanh về thế giới Cực Lạc. Tới thế giới Cực Lạc, phàm vị cũng do chính mình cảm được, chẳng phải do A Di Đà Phật an bài cho quý vị, phải biết điều này. Do vậy, chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, biết phải nên tu theo cách nào. Ta đến thế giới Cực Lạc nâng cao phẩm vị của chính mình, học theo A La Hán chẳng chấp trước, học Bồ Tát chẳng phân biệt, tận tâm tận lực học tập. Học tập nơi đâu? Học tập trong cuộc sống, công việc, học tập, xử sự, đãi người, tiếp vật, thấy đều phải học tập, bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, nhất định phải học theo năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử. Cảnh giới gì cũng đều có thể tiếp cận, tiếp xúc, vấn đề là quý vị phải hiểu, hiểu điều gì? Ta luyện tập trong cảnh giới, đó là tu hành, tu hành thật sự! Học

chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, thật sự tu! Không câu nệ nghi thức, khởi tác dụng to lớn chẳng ngăn ngại. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới liền đoạn sanh tử, lục đạo luân hồi sanh tử chẳng còn nữa, đây là chỗ thù thắng của Đồng Cư Tịnh Độ; vì thế, gọi là “hoành xuất tam giới”.

“Nhi vãng sanh chi nhân, bất đãi đoạn thử Kiến Tư nhị Hoặc, đản năng phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, tiện mông Phật nguyện minh gia, quyết đắc vãng sanh Tịnh Độ, kỳ sự chí dị, cố danh Dị Hành Đạo” (Nhưng người vãng sanh chẳng đợi đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, chỉ cần phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm, sẽ được Phật ngấm ngấm gia hộ, quyết được vãng sanh Tịnh Độ. Chuyện này dễ dàng nhất, nên gọi là Đạo Dễ Hành). Được bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, quý vị nhất định được vãng sanh. Cụ Niệm Tổ nói: “N hư thị phương tiện trực tiệt” (phương tiện thẳng thừng, gọn gàng như vậy), “phương” (方) là phương pháp, “tiện” (便) là tiện nghi (便宜), có nghĩa là phương pháp thích hợp nhất giúp cho quý vị thành tựu trong một đời, thẳng thừng, nhanh chóng, chẳng có mảy may vòng vo nào! “Thù thắng hy hữu”: Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng tìm được [pháp môn nào khác] dễ dàng như vậy! Cũng có thể nói phương tiện này dễ dàng, ôn hòa, thích đáng, thẳng thừng, nhanh chóng, trực nhập (tiến nhập trực tiếp), do nguyện nhân nào? Đều do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. “Nãi thập phương thế giới chi sở vô. Cố tri Cực Lạc Đồng Cư, thắng ư thập phương Phật độ” (mười phương thế giới đều chẳng có [cõi nào giống như vậy]). Vì thế, biết cõi Đồng Cư trong Cực Lạc vượt trội mười phương cõi Phật). Không chỉ vượt trội cõi Đồng Cư hiện thời của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà đối với các cõi Phạm Thánh Đồng Cư của mười phương chư Phật Như Lai, sự tịnh - uế trong ấy khác biệt rất lớn; có thể nói: Chỉ có một mình Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi thuần tịnh, vô uế.

Lại đọc đoạn kế tiếp: “Hựu đới nghiệp vãng sanh, nhưng thuộc phạm phu, đản vô thoái chuyển, nhất sanh thành Phật, cố vãng sanh Đồng Cư, diệt tức viên sanh tứ độ dã” (Lại nữa, đới nghiệp vãng sanh tuy vẫn thuộc phạm phu, nhưng chẳng thoái chuyển, thành Phật trong một đời, nên vãng sanh Đồng Cư cũng chính là sanh về bốn cõi trọn vẹn). Điều này vô cùng trọng yếu! Chúng ta niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc, chính mình nhất định phải biết ta vẫn là phạm phu; nhưng như thế nào? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thoái chuyển, không chỉ là Vị Bất Thoái, mà đồng thời chúng đắc Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái trong cõi Đồng Cư; điều này giống như Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo và Sơ Địa Bồ Tát

trong Biệt Giáo. Sinh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư thuộc địa vị gì? Hạ hạ phẩm vãng sanh. Quý vị có chứng đắc quả vị Bồ Tát hay không? Không! Chưa chứng đắc, nhưng ngang cấp! Chúng tôi thường nói: “Sinh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị đã hưởng thụ sự đãi ngộ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm”. Vì [địa vị] thấp nhất trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm là Sơ Trụ Bồ Tát, tức Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị sẽ “*giai tác A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát). Vì thế, vãng sanh Đồng Cư giống như đã viên mãn đạt được bốn cõi, một tức là nhiều, nhiều tức là một. Cõi Phương Tiện, cõi Đồng Cư, cõi Thật Báo, cõi Thường Tịch Quang [của Cực Lạc] đều dung hợp một chỗ, chẳng tách rời, sanh về một là sanh về hết thảy, như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền đều ở trong cõi Thật Báo. Trong bốn cõi Tịnh Độ của Thích Ca Mâu Ni Phật nơi thế gian này, chúng ta chẳng thấy hàng Bồ Tát trong cõi Thật Báo, chúng ta cũng chẳng thấy được Bồ Tát và Thanh Văn trong cõi Phương Tiện! Nhưng quý vị vãng sanh thế giới Cực Lạc sẽ khác hẳn, trong cõi ấy không có chướng ngại. Nay chúng ta gọi [sự chướng ngại ấy] là “chiều không gian” (không gian duy thứ, spatial dimension). Bên cõi kia không có chiều không gian. Vì vậy, hằng ngày gặp mặt đại Bồ Tát. Chư Phật Như Lai thường đến thế giới Cực Lạc giúp A Di Đà Phật giáo hóa chúng sanh, quý vị mỗi ngày đều được tiếp xúc. Những vị đại thánh đại hiền là bạn bè, giúp quý vị tiến cao hơn, đến nơi nào khác để tìm được pháp duyên thù thắng ấy? Thật rõ ràng, thật minh bạch, quý vị đối với Tây Phương Tịnh Độ kháng khí một mực, chẳng có ý niệm thứ hai, trong đời này ta nhất định phải đến đó, không đến không được! Tín nguyện kiên định!

Lại xem tiếp đoạn kệ đó: “*Phương Tiện Hữu Dư độ, nhược nhân niệm Phật công thâm*” (Cõi Phương Tiện Hữu Dư, nếu người niệm Phật công hạnh sâu xa), công phu niệm Phật sâu dày. “*Dĩ ly tạp loạn chi tâm, chuyên niệm nhất cú danh hiệu, tâm khẩu tương ứng, tự tự phân minh*” (Dùng cái tâm lìa tạp loạn, chuyên niệm một câu danh hiệu này, tâm và miệng tương ứng, từng chữ phân minh). Ở chỗ này, chuyên niệm một câu danh hiệu, tâm và miệng tương ứng, từng chữ phân minh, đây là công phu thành phỉến, đó là điều kiện phải hội đủ để vãng sanh cõi Đồng Cư.

Lại xem tiếp: “*Tâm bất ly Phật, Phật bất ly tâm, niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn, như thị niệm Phật, danh Sự nhất tâm*” (tâm chẳng lìa Phật, Phật chẳng lìa tâm, niệm niệm tiếp nối, chẳng gián đoạn. Niệm Phật như thế gọi là Sự nhất

tâm). Kiến Tư phiền não đã đoạn; tiếp đó nói: “*Nhược đạt thử cảnh giới*”, quý vị đạt tới cảnh giới ấy, “*tuy bất cầu đoạn Hoặc, nhi Kiến Tư phiền não tự nhiên đoạn lạc*” (tuy chẳng cầu đoạn Hoặc, mà Kiến Tư phiền não tự nhiên đoạn rớt). Vì thế, Kiến Tư phiền não là phiền phức, cần phải đoạn. Càng muốn đoạn, càng chẳng đoạn được, vì sao? Ý niệm “muốn đoạn” chính là chấp trước kiên cố, mà Kiến Tư phiền não cũng là chấp trước, chấp trước chẳng thể đoạn chấp trước! Vậy thì làm sao? Không quan tâm tới nó là được rồi! Chỉ cần thật sự nắm vững cương lĩnh tu học như kinh đã dạy: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” sẽ thành công. Chuyện gì khác cũng đều chẳng mong tưởng, Kiến Tư phiền não sẽ tự nhiên đoạn. Chẳng cần nghĩ ta phải làm như thế nào để đoạn sạch Ngã Chấp, phá trừ Thân Kiến, phá sạch Biên Kiến, đừng bận lòng vì những chuyện ấy! Niệm niệm chỉ nghĩ đến chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, đấy là Bồ Đề tâm. Ở trong ấy, không có chấp trước, phân biệt, vọng tưởng. Chúng ta biến đổi sức chú ý, hãy chuyên chú nơi nhất tâm, chuyên chú nơi “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chuyên chú cầu sanh Tịnh Độ, thân cận Di Đà, đó là đúng, chẳng sai một tí nào! Những thứ khác đều chẳng cần nghĩ tới, chẳng nghĩ tới chẳng phải là buông xuống ư? Trong cuộc sống hằng ngày, niệm niệm chẳng quên “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chân tu! Trong cuộc sống, đừng bị ô nhiễm bởi cuộc sống; trong công việc, đừng bị ô nhiễm bởi công việc, trong xử sự đãi người tiếp vật, cũng không bị hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) ô nhiễm, cũng không bị hoàn cảnh vật chất ô nhiễm, thật sự tu hành. Lúc đó mới có thể khế nhập “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*” của kinh Hoa Nghiêm, như vậy thì quý vị vắng sanh Tịnh Độ, chẳng ở trong cõi Phương Tiện Hữu Dư, mà là trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Tổ sư đại đức thường khám nghiệm học trò: “*Ngươi có hiểu hay không?*” Vấn đề thật sự là chính mình có hiểu hay không? Luôn luôn giác, chỗ nào cũng giác.

Lại xem tiếp đoạn dưới: “*Thật Báo Trang Nghiêm độ. Nhược ức Phật, niệm Phật, lịch lịch phân minh, hành, trụ, tọa, ngọa, duy thử nhất niệm, vô đệ nhị niệm*” (Cõi Thật Báo Trang Nghiêm: Nếu nhớ Phật, niệm Phật, rành mạch, phân minh, đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có một niệm này, không có niệm thứ hai). Mấy câu này nói về công phu thành phiền, công phu thành phiền sẽ có thể vắng sanh. Nói thật ra, chúng ta mong đời này làm được một bước, sanh về nơi đâu? Sanh về cõi Đồng Cư. Tiếp đó là: “*Bất vị tham, sân, phiền não chư niệm chi sở tạp loạn, thị danh Sự nhất tâm*” (Chẳng bị các niệm tham, sân, phiền não làm loạn thì gọi là Sự nhất tâm). Đó là buông Kiến Tư phiền não xuống. Trong đoạn trước đã nói, trong tâm không có Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ, Giới Thủ, Tà Kiến, không có! Tham, sân, si, mạn, nghi cũng không có, đấy là Sự nhất tâm, sanh về cõi Phương

Tiền Hữu Dur trong thế giới Cực Lạc. “*Sự thượng tức đắc, Lý thượng vị triệt, thuộc Định môn nhiếp, vị hữu Huệ có*” (Đã đắc về mặt Sự, nhưng chưa thấu triệt Lý, thuộc về Định môn, do chưa có Huệ). Ở đây dùng Giới, Định, Huệ để giảng, do đây có thể biết: Sanh về cõi Đồng Cư là thuộc vào Giới môn. Đức Phật dạy chúng ta trì giới niệm Phật, giới ấy rất thanh tịnh, mọi giới đều giữ được, điều này khẩn yếu lắm! Nay chúng tôi nói là “vun bồi ba căn bản”, ba căn bản ấy là Giới, vun bồi vững bền ba căn ấy là được rồi, vì sao? Quý vị là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” như trong kinh đã nói, quý vị có phần! Quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật nhất định đến tiếp dẫn quý vị, phải hiểu đạo lý này! Dẫu niệm Phật tốt đẹp, niệm nhiều cách mấy đi nữa, cỗ nhân nói niệm đến mức độ nào? “*Gió thổi chẳng lọt, mưa tạt không ướt*”, niệm đạt tới công phu như vậy, nhưng nếu không có Giới, quý vị vẫn chẳng thể vãng sanh, vì sao? Quý vị chẳng phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân! Công phu ấy có phải là phí uổng hay chẳng? Chẳng phí uổng! Công phu ấy sẽ là thiện căn cho đời sau, chứ đời này chưa vãng sanh được! Khi nào sẽ có thể vãng sanh? Khi nào Giới thanh tịnh, quý vị sẽ vãng sanh. Giới luật thanh tịnh cũng thuộc loại Niệm Phật tam-muội, vừa mới đắc tam-muội, công phu không sâu, rất cạn! Sự nhất tâm công phu sâu hơn, thật sự đắc Niệm Phật tam-muội, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động; do vậy người ấy có Định, nhưng chưa khai Huệ. Đối với bản kinh này, người ấy đạt được tâm thanh tịnh, đạt được tâm bình đẳng, nhưng chưa giác. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, chưa đạt được điều này; vì thế, người ấy sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dur.

“*Nhược ư bách xích can đầu, cánh tán nhất bộ, ư tự bốn tánh, hốt nhiên khế hợp*” (nếu ở đầu sào trăm thước, tiến thêm một bước nữa, bỗng nhiên sẽ khế hợp bốn tánh của chính mình). Sự khế hợp ấy là kiến tánh, minh tâm kiến tánh, buông khởi tâm động niệm xuống. Khởi tâm động niệm là vô minh, vô thi vô minh là khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm chẳng có mở đầu; chẳng thể nói nó có khởi đầu, chẳng thể nói nó có nguyên nhân, nó chẳng có nguyên nhân, điều này rất khó hiểu! Trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã dùng hình ảnh “*Diễn Nhã Đạt Đa mê đầu nhận ảnh*” (anh chàng Diễn Nhã Đạt Đa làm nhận hình bóng cái đầu của chính mình [phát cuồng]) để hình dung, mong sao từ thí dụ ấy, quý vị sẽ có thể hiểu được, có thể hiểu đại khái. Những lời Phật nói ấy bao hàm những nghĩa vô cùng sâu! “*Liễu tri năng niệm, sở niệm, duy thị nhất tâm, bất trụ hữu niệm, bất lạc vô niệm*” (hiểu rõ năng niệm và sở niệm chỉ là một tâm, chẳng trụ hữu niệm, chẳng rơi vào vô niệm). Đây là “*niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm*”, thanh tịnh, bình

đăng, giác hiện tiền, đây là kiến tánh. “*Liễu tri*” là kiến, năng niệm và sở niệm chỉ là nhất tâm, năng niệm là ta, là chính mình, duy tâm sở hiện, đức A Di Đà Phật được niệm cũng là duy tâm sở hiện, nhất tâm, vô nhị tâm. Chẳng trụ hữu niệm, chẳng rớt vào vô niệm, trên mặt Sự thì có, niệm Phật chẳng gián đoạn; nơi Lý thì chẳng có! Có sao về Lý chẳng có? Nếu chúng ta thật sự hiểu rõ lời Di Lạc Bồ Tát nói: “*Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, quý vị sẽ hiểu rõ: Có niệm hay không? Không có niệm, về Lý không có; nhưng Sự thì sao? Nơi Sự là tướng “*tương tục tương tự*” (gần như là tương liên tục). Về căn bản, tương tương tự tương tục chẳng tồn tại! Vì sao niệm? Pháp vốn là như thế, tự nhiên, chẳng khởi tâm động niệm. Chẳng khởi tâm động niệm, nhưng Phật hiệu lại chẳng gián đoạn! Đó là gì? Tập khí vô minh từ vô thủy. Có thể nói theo cách như vậy được hay không? Có thể đoạn tập khí ấy hay không? Chẳng thể đoạn! Vì sao chẳng thể đoạn? Trong nhân địa đã từng phát nguyện: “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”; vì thế, vô niệm mà niệm chính là sự hiện hữu cụ thể của nguyện này. Trong sự hiện hữu ấy, chẳng có khởi tâm động niệm, đương nhiên không có phân biệt, chấp trước, cảnh giới ấy chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng vướng mắc hai bên. Chẳng trụ hữu niệm là chẳng chấp Có. Không rơi vào vô niệm là chẳng chấp Không. Nhị biên hợp nhất, chẳng thấy nhị biên nữa! Có nhị biên thì là Biên Kiến. Không có nhị biên sẽ gọi là Chánh Tri Chánh Kiến, Phật Tri Phật Kiến.

Tiếp đó, trích dẫn lời Liên Trì đại sư đã nói trong Sớ Sao, đều là nói về niệm Phật: “*Nhược ngôn kỳ hữu, tắc năng niệm chi tâm, bản thể tự không, sở niệm chi Phật, liễu bất khả đắc*” (Nếu nói là có thì cái tâm năng niệm bản thể vốn là không, đức Phật được niệm trọn chẳng thể được!). Trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, trọn chẳng thể được! “*Nhược ngôn kỳ vô, tắc năng niệm chi tâm, linh linh bất muội*” (Nếu nói nó là Không thì cái tâm năng niệm sáng suốt linh thông chẳng mê mờ). Chúng ta nhìn từ tướng: “*Sở niệm chi Phật, lịch lịch phân minh*” (đức Phật được niệm vắng vặc phân minh). Vì thế, đối với sự niệm Phật ấy, quý vị chẳng thể nói người ấy hữu niệm, mà cũng chẳng thể nói người ấy vô niệm; cũng có thể nói người ấy hữu niệm, và cũng có thể nói người ấy vô niệm. “*Vô niệm nhi niệm, niệm nhi vô niệm, ngôn tư lộ tuyệt, bất khả trạng huống*” (Vô niệm mà niệm, niệm nhưng vô niệm, nói năng lẫn suy nghĩ đều dứt bật, chẳng thể diễn tả được). Trong cảnh giới ấy, không có cách nào dùng ngôn ngữ để diễn tả rõ ràng! Càng nói càng mơ hồ, phạm vi công dụng của ngôn ngữ hữu hạn; quả thật có những chỗ ngôn ngữ chẳng thể diễn đạt được! “*Tư*” (思) là thức thứ sáu, tức Ý Thức, có năng lực rất lớn, bên trong nó có thể duyên tới A Lại

Da, bên ngoài nó có thể duyên đến hư không pháp giới, nhưng nó chẳng duyên tự tánh. Vì vậy, ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt, không thể diễn đạt được! Không thể diễn tả thì chẳng có cách gì nói, mà cũng chẳng có cách nào hình dung. “*Duy thị nhất tâm, thanh tịnh bản nhiên chi thể, cánh hữu hà pháp nhi đắc tạp loạn, thị danh Lý nhất tâm, thuộc Huệ môn nhiếp, kiêm đắc Định cố*” (Chỉ là nhất tâm, bản thể vốn sẵn thanh tịnh, há còn có pháp nào tạp loạn được nó. Điều đó gọi là Lý nhất tâm, thuộc về Huệ môn, kèm thêm đắc Định). Trí huệ đã khai, đương nhiên có Định, không có Định thì làm sao có thể khai trí huệ cho được? Trí huệ khởi tác dụng, nhưng công phu định lực chẳng mất. Nếu bỏ mất công phu định lực, sẽ chẳng có Huệ. Tác dụng của không có Định là phiền não, phiền não khởi tác dụng. Tác dụng của có Định là trí huệ. Nếu chúng ta dùng tựa đề kinh [Vô Lượng Thọ] để nói, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ, nhưng chưa viên mãn. Tâm bình đẳng khởi tác dụng là đại trí huệ, vẫn chưa viên mãn. Giác tâm khởi tác dụng là trí huệ viên mãn. Giác tâm khởi tác dụng, tâm bình đẳng hay bất bình đẳng, thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh? Đương nhiên là thanh tịnh, bình đẳng! Thanh tịnh là Định, bình đẳng cũng là Định, chỉ có chữ Giác là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh hiện tiền viên mãn, nó nương vào đâu? Nương vào thanh tịnh và bình đẳng. Quý vị phải biết: Trong mười pháp giới, chúng ta nói tới nhân tố thứ nhất, Phật là tâm bình đẳng, Bồ Tát là tâm thanh tịnh, quý vị thấy nó trọng yếu lắm!

Do vậy, người tu hành phải thời thời khắc khắc cảnh giác chính mình, một khi tâm chẳng thanh tịnh, bèn ngay lập tức quay đầu, ta sai rồi! Có sao chẳng thanh tịnh? Khởi phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng. Chỗ màu nhiệm của Tịnh Tông khiến cho Tịnh Tông là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện chính là gì? Lập tức bảo quý vị hãy trở về với A Di Đà Phật, khôi phục cái tâm thanh tịnh của chính mình! Trong cái tâm thanh tịnh của chính mình, chỉ có một câu A Di Đà Phật. Ngay từ đầu, đã chẳng nói rồi đó sao? Nhớ Phật, niệm Phật, vắng vặc phân minh, đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có một niệm này, không có niệm thứ hai nào! Khi ấy, tâm quý vị là thanh tịnh, bình đẳng, nhưng sau khi quý vị bỏ Phật hiệu đi, tâm quý vị lại chẳng thanh tịnh, lại bất bình đẳng. Chúng ta dốc công sức tu tập ở chỗ này, tu đến mức tâm thanh tịnh hiện tiền, vẫn chẳng thể bỏ phương pháp này, vẫn dùng phương pháp này, tu đến mức tâm bình đẳng, vẫn y như cũ, chẳng bỏ phương pháp này! Thật sự thành Phật, vẫn chẳng lìa bỏ phương pháp này, khi ấy, [niệm Phật] nhằm dạy chúng sanh. Trước khi thành Phật, phương pháp này là tự lợi. Chính mình đã thành tựu, một câu Phật hiệu này vẫn niệm đến cùng, nhằm hóa độ người khác. Tự hành, dạy người, chỉ có một pháp này. Căn tánh

của chúng sanh khác nhau, như Thích Ca Mâu Ni Phật giảng hết thầy các kinh, đối với căn cơ nào, Ngài bèn giảng pháp môn đó, nhưng tới cuối cùng đều hướng dẫn về Cực Lạc. Qua những lời trình bày, hướng dẫn của tổ sư đại đức, chúng ta thấy hết thầy các pháp môn do đức Thế Tôn đã nói cả đời trong suốt bốn mươi chín năm, cuối cùng quy về đâu? Quy về Hoa Nghiêm, trở về Hoa Tạng. Hoa Tạng đến cuối cùng, hai vị đại Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền suất lãnh bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng đến bãi phỏng A Di Đà Phật, dẫn về Cực Lạc. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy được chuyện này! Hành động ấy của Văn Thù và Phổ Hiền đương nhiên là thuận theo ý của Tỳ Lô Giá Na Phật. Tỳ Lô Giá Na Phật không có ý này, Văn Thù và Phổ Hiền sẽ chẳng thể làm như vậy được! Tỳ Lô Giá Na Phật tán đồng, Tỳ Lô Giá Na Phật hoan hỷ, vì sao? Thân cận A Di Đà Phật sẽ thành tựu mau chóng! Chư Phật Như Lai mong cho hết thầy chúng sanh lập tức thành Phật, đây là bản nguyện của chư Phật Như Lai. Do vậy, cổ đức nói rất hay: “*Ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ về*”, chẳng có một pháp nào chẳng quy về Tịnh Độ.

Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, chúng tôi cũng thường nói có ba khoa mục chung. Thứ nhất là giới luật, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, bất luận pháp môn nào cũng đều chẳng thể rời khỏi giới luật; giới luật là cơ sở. Hiện thời, chúng ta nói là “*vun bồi căn bản giáo dục*”, quý vị chẳng thể không có căn bản. Giới luật là cội rễ, tức căn bản. Khoa mục chung thứ hai cần phải tu tập là Lý, Lý là gì? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, đó là Lý. Đây là khoa mục chung bắt buộc [phải học] trong bất luận pháp môn nào. Thứ ba là quy túc, tức là Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận pháp môn nào đến cuối cùng thầy đều trở về thế giới Cực Lạc. Ba đại khoa mục chung, chúng ta chẳng thể nào không nghiêm túc học tập. Thưa quý vị, ba đại khoa này trọn đủ viên mãn trong bộ kinh chẳng được coi như quá dài này, chúng ta chớ nên không biết. Sự tu học của chúng ta lấy những điều này làm căn bản chánh yếu, là môn chủ yếu để học tập, là khóa trình tu tập chánh yếu. Hết thầy các kinh, thậm chí kinh điển của các tôn giáo khác đều là khóa trình phụ trợ cho chúng ta. Quý vị thông suốt một môn này, sẽ thông suốt hết thầy toàn bộ các kinh; hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian cũng đều thông.

Chúng ta xem câu chót do cụ Niệm Tổ [đã viết trong đoạn này]: “*Niệm Phật nhược đạt Lý nhất tâm, phá nhất phần vô minh, tắc sanh Thật Báo Trang Nghiêm độ, đồng thời phần chứng Thường Tịch Quang Tịnh Độ*” (Nếu niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm, phá một phần vô minh, sẽ sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, đồng thời chứng một phần Thường Tịch Quang Tịnh Độ). Lý nhất tâm nhất định là phá

vô minh, vô minh là gì? Khởi tâm động niệm. Phá bằng cách nào? Sáu căn của chúng ta thấy sắc, nghe tiếng chẳng khởi tâm, không động niệm, sẽ chẳng có vô minh. Khởi tâm động niệm, vô minh tồn tại; khởi tâm động niệm là vô minh. Chúng ta có thể làm được điều này hay không? Chẳng thể nói là không làm được, nhưng rất khó, so với thanh tịnh và bình đẳng còn khó hơn! Có thể nói là cả đời này chúng ta có thể thành tựu hay không, hoàn toàn phụ thuộc vào công phu tu học cá nhân, mà cũng là nói quý vị có thể buông xuống hay không! Buông xuống có tầng lớp, chúng ta chẳng phải là bậc thượng thượng căn, trước hết, phải buông chấp trước xuống, khôi phục cái tâm thanh tịnh, rồi lại buông phân biệt xuống, khôi phục tâm bình đẳng. Cuối cùng, chẳng khởi tâm, không động niệm, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hiện tiền. [Hành nhân] bắt đầu chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thành Phật, theo kinh Hoa Nghiêm, chư vị phải hiểu [người như vậy] là Sơ Trụ Bồ Tát. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, thấy cảnh giới của Thập Trụ và cảnh giới của Thập Địa vô cùng tương tự, do nguyên nhân gì? Chư Phật Như Lai chứng đến viên mãn rốt ráo, chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm thấy đều không có, còn có gì hay chẳng? Thứ gì cũng đều không có! Toàn bộ trí huệ và đức tướng trong tự tánh đều hiện tiền. Do vậy, quý vị nói bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm là bình đẳng hay bất bình đẳng? Thật sự bình đẳng. Trong khi học tập, chúng tôi đã từng báo cáo tỉ mỉ cùng quý vị, chẳng thể nói bốn mươi một địa vị ấy là có, mà cũng chẳng thể nói là không. Vì sao chẳng thể nói là có? Khởi tâm động niệm còn không có, lấy đâu ra bốn mươi một địa vị? Nếu có bốn mươi một [địa vị], chẳng phải là trong ấy có phân biệt ư? Nếu quý vị chấp trước [những địa vị ấy] là có, đó chẳng phải là nầy sanh chấp trước ư? Do chấp trước là có, do phân biệt bèn nói là bốn mươi một [địa vị], há có đạo lý ấy? Đó là gì? Đó là mười pháp giới, chứ trong cõi Thật Báo đâu có những danh xưng ấy! Chẳng thể nói là có! Vì sao chẳng thể nói là không? Tuy chẳng khởi tâm động niệm, nhưng có tập khí, tập khí có mức độ dày hay mỏng khác nhau! Người đã chứng đắc từ lâu, tập khí cũng rất mỏng, người đến nay mới chứng đắc, tập khí cũng rất nồng đậm. Do nói theo [mức độ] tập khí [dày hay mỏng] mà có bốn mươi một cấp bậc, chuyện là như vậy đó, phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Chúng ta có thể thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch hay không? Chẳng dễ dàng! Chúng ta [hiểu phải] làm như thế nào, đó là giải ngộ, nhưng chưa khế nhập cảnh giới, vì sao? Khế nhập cảnh giới sẽ không động tâm, nay chúng ta vẫn động tâm, vẫn khởi tâm động niệm. Vì thế, chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cầu ở nơi đâu? Chỉ cầu cõi Phạm Thánh Đồng Cư, phải biết điều này! Vì sao? Quý

vị đặt vững mục tiêu ở nơi đó, ôn hòa, thích đáng, chắc chắn sẽ thành tựu, chẳng thất bại. Nếu quý vị nâng mục tiêu cao hơn, sẽ chẳng chắc ăn, vì quý vị thiếu trí huệ, thiếu định lực, thiếu khả năng ấy. Do vậy, nhất định phải hiểu bản thân thật rõ ràng, rành rẽ!

Trong đoạn lớn kế tiếp, giảng rất nhiều về cõi Thật Báo, chúng ta lại xem kinh văn: “*Thật Báo Trang Nghiêm độ nữ Pháp Thân đại sĩ chi sở du cư, Biệt Giáo Sơ Địa, Viên Giáo Sơ Trụ dĩ thượng chư đại sĩ thí đắc sanh thử*” (Cõi Thật Báo Trang Nghiêm là chỗ ngao du, cư trú của hàng Pháp Thân đại sĩ, các đại sĩ từ Sơ Địa trong Biệt Giáo hay Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên mới được sanh về cõi ấy). Nếu chúng ta niệm tới Lý nhất tâm, quý vị hiểu Lý nhất tâm là minh tâm kiến tánh, là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. “*Phá nhất phần vô minh, chứng nhất phần Pháp Thân, phương sanh thử độ*” (phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, mới sanh vào cõi ấy). Nói “*một phần vô minh*” có nghĩa là gì? Chúng ta học Hoàn Nguyên Quán, sẽ hiểu khá rõ khái niệm này. Theo Di Lạc Bồ Tát đã nói, nay chúng ta nói theo cách bây giờ là một giây, hiện thời nói đến thời gian luôn dùng một giây làm đơn vị, một giây phải chia thành bao nhiêu phần? Chúng tôi thường nói, một giây khảy ngón tay bốn lần, sẽ là một nghìn hai trăm tám mươi triệu, [tức là] một phần của một nghìn hai trăm tám mươi triệu phần của một giây là một phần vô minh. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới xuất hiện trong [một niệm] vô minh ấy, mỗi niệm đều là một phần vô minh. Nếu đoạn sạch một phần vô minh ấy, mười pháp giới sẽ chẳng còn, quý vị sẽ chứng một phần Pháp Thân, hết thấy các pháp là chính mình, còn thân thể thì sao? Thân thể này cũng là một phần trong đó, chẳng lọt ra ngoài, y báo và chánh báo trang nghiêm trọn khắp pháp giới hư không giới được biến hiện trong một niệm vô minh. Hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng, một phần vô minh ấy cũng là tâm tướng. Lúc ấy, liễu giải hết thấy các pháp và chính mình có mối quan hệ: “*Một chính là hết thấy, hết thấy chính là một*”, đó chính là luân lý được giảng trong Đại Thừa Phật pháp. Trong tâm Bồ Đề, chân thành là Lý thể, Pháp Thân Lý thể, Chân là chẳng giả, vĩnh hằng không thay đổi; Thành: Chẳng phải là hư ngụy. Luân lý ấy là: Trọn khắp pháp giới hư không giới chỉ là chính mình. Pháp Thân: Pháp là hết thấy các pháp, hết thấy các pháp là thân của chính mình, đó cũng là hết thấy các pháp. Quý vị chỉ chấp trước thân xác này là thân của chính mình thì trật rồi, hết thấy các pháp mới là thân của chính mình. Như thân thể của chúng ta là do vô số tế bào hợp thành, nếu quý vị chấp trước một tế bào trong đó là chính mình thì đã sai mất rồi, mỗi tế bào đều là chính mình, làm sao quý vị có thể chấp trước một tế bào cho được?

Khi nào quý vị thật sự giác ngộ, khắp pháp giới hư không giới do nhất tâm của chính mình hiện, duy tâm sở hiện, toàn là chính mình. Cũng giống như chúng ta nằm mộng, sau khi tỉnh mộng, chính quý vị hãy suy nghĩ kỹ càng, tất cả hết thấy người, sự, vật trong mộng, có gì chẳng phải do tâm chính mình biến hiện? Chúng ta dùng mộng cảnh [làm tỷ dụ] vì mộng cảnh dễ hiểu, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm, toàn bộ mộng cảnh do nhất tâm hiện ra. Sau đấy, quý vị lại mở rộng, vũ trụ như chúng ta nhận biết trong hiện thời cũng do nhất tâm của chính mình hiện ra, hết sức giống với mộng cảnh, chẳng giả tí nào. Đây là quan niệm luân lý trong Phật pháp được giảng đến mức rốt ráo viên mãn. Luân lý như tổ tiên chúng ta đã nói chỉ giảng về mối quan hệ giữa con người với nhau, mục tiêu chung cực là: *“Phàm là người, đều phải yêu thương”*, điều đó gọi là Đức. Phật pháp giảng [luân lý] rất viên mãn, nhưng tổ tông chúng ta có nói tới [những điều ấy] hay không? Có chứ! Trong Luận Ngũ đã thật sự nói đến: *“Phiếm ái chúng, nhi thân nhân”* (yêu thương rộng khắp mọi người, thân cận kẻ nhân từ), *“chúng”* là gì? *“Chúng”* là chúng sanh, do các duyên hòa hợp mà sanh ra các hiện tượng. Ta do các duyên, tức Tứ Đại và Ngũ Uẩn hòa hợp, hoa, cỏ, cây cối cũng do các duyên hòa hợp, núi, sông, đại địa vẫn là các duyên hòa hợp. [Nói tới] Ngũ Uẩn là đã hoàn toàn khái quát các duyên. Trong Ngũ Uẩn, Sắc là vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần; tinh thần và vật chất vĩnh viễn chẳng thể tách rời. Cây cối, hoa, cỏ có Thọ, Tưởng, Hành, Thức hay không? Có! Chúng tôi ở đây mười năm, trông những loài rau và cây cối, chúng tôi trò chuyện với chúng, những cây cối, hoa cỏ ấy hiểu được ý nghĩ của chúng ta. Chúng ta ưa thích, tôn trọng, yêu thương chúng, cây cỏ sẽ đặc biệt xanh tươi, hoa đặc biệt thơm, trái đặc biệt ngọt, chúng hiểu được ý nghĩ của chúng ta. Không chỉ thực vật có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, mà khoáng vật cũng có, có thứ nào chẳng do Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức thành tựu? Đức Phật đã giảng trọn hết. Tiên sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm với nước, nước là khoáng vật, nó có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Vì sao? Trong tự tánh vốn sẵn có kiến văn giác tri, khi đã giác ngộ thì gọi là kiến văn giác tri, vì trong kiến văn giác tri không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong Thọ, Tưởng, Hành, Thức có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hễ mê liền biến thành tám thức, trong tám thức có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Theo quan niệm luân lý của Phật pháp, biết hết thấy các pháp và chính mình là một Thể, quý vị dùng tâm gì để đối đãi? Thân thiết như cha và con!

Tình thân trong Phật pháp là đại từ đại bi, không có pháp nào chẳng có quan hệ với chính mình. Nếu quý vị nói có một pháp đối lập, mâu thuẫn với chính mình,

quý vị đã lầm lẫn quá đỗi rồi! Chính quý vị đã mê hoặc, điên đảo tận gốc, làm sao có chuyện như vậy được? Do vậy, trong lục đạo, người giác ngộ hòa quang đồng trần với chúng sanh trong lục đạo, nhưng người ấy hiểu rõ ràng, minh bạch, [chẳng mê hoặc, điên đảo như chúng sanh]. Chúng sanh trong lục đạo đều mê hoặc, điên đảo, mê mất tự tánh, người ấy là bậc giác ngộ, những chúng sanh ấy đã làm rất nhiều chuyện xấu, trái nghịch tự tánh, người ấy có ghim trong lòng hay không? Chẳng để ở trong lòng. Người ấy có trách móc họ hay không? Chẳng trách móc họ! Vì sao? Người ấy khẳng định hết thảy chúng sanh tánh vốn lành, nơi hữu tình gọi là Phật Tánh, tánh vốn lành, nơi vô tình gọi là Pháp Tánh, vẫn là tánh vốn lành. Trong tự tánh, chẳng tìm được một chút mây may thiếu khuyết nào, tìm không được, viên mãn mà! Nhỏ nhất là vi trần cũng đầy đủ trí huệ và đức tướng, lớn như hư không pháp giới vẫn trọn đủ trí huệ và đức tướng, thật đấy, chẳng giả! [Người đã] mê sẽ làm chuyện sai trái, quý vị phải dạy họ, giúp họ quay đầu, đó là đúng; chư Phật, Bồ Tát làm theo cách ấy. Tuyệt đối chẳng hề có ý niệm muốn trừng phạt người đó. [Nếu thấy] kẻ đó đã làm bao nhiêu chuyện xấu, phải trừng phạt kẻ đó, [người có cái nhìn như thế] sẽ chẳng phải Bồ Tát, chưa giác ngộ, vẫn là lục đạo phàm phu. Thật sự giác ngộ sẽ chẳng thể nào có ý niệm ấy, ai thật sự giác ngộ? Từ A La Hán trở lên, các Ngài đã đắc Chánh Giác, đối với hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, chẳng cần biết họ làm chuyện sai quấy nào, cũng thấy họ giống như con cái của chính mình, quý vị có thể trách móc chúng nó hay chẳng? Có thể vút bỏ chúng nó hay không? Không! Sẽ cố gắng dạy dỗ chúng. Dùng tấm lòng yêu thương để dạy bảo, chẳng có kẻ nào không thể dạy dỗ thành tốt đẹp, không có một ai chẳng thể quay đầu, chỉ là họ mê sâu hay cạn khác nhau. Mê sâu sẽ khó quay đầu một chút, phải tốn thời gian dài hơn một chút, nhưng chắc chắn sẽ quay đầu. Kẻ chẳng thể quay đầu trong đời này, [sẽ quay đầu trong] đời sau, Phật, Bồ Tát độ chúng sanh đời đời kiếp kiếp chưa hề gián đoạn. Đời này có thể quay đầu, có thể thành tựu, đều là do thiện căn, phước đức, nhân duyên đã tích lũy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, đến đời này chín muồi, nên đắc độ. Chưa chín muồi phải giúp cho kẻ ấy chín muồi, chưa gieo thiện căn sẽ giúp cho kẻ ấy gieo thiện căn, tâm ấy bình đẳng, không có dày, mỏng, chẳng có cao, thấp, nên gọi là “*phổ độ*”.

Chúng ta xem đoạn tiếp theo: “*Thử độ đại sĩ, sắc tâm tự tại, thân độ hõ hiện, u nhất hào đoan hiện bảo vương sát, u vi trần lý chuyển đại pháp luân*” (Các bậc đại sĩ trong cõi ấy sắc và tâm tự tại, thân và cõi hiện lẫn nhau, trong một đầu lông hiện cõi bảo vương, trong một vi trần chuyển đại pháp luân). Ngài đắc đại tự tại, những chuyện này hoàn toàn là thật, chẳng có câu nào là vọng ngữ hay khoa trương! Như Lai là “*đáng nói lời thật, nói sự thật, nói đúng như sự thật*”, “*như ngữ*” là gì?

Hoàn toàn là chân tướng sự thật. Các bậc đại sĩ trong cõi ấy (Thật Báo Trang Nghiêm), nói thật ra, rất nhiều vị đại Bồ Tát đã thành Phật từ nhiều kiếp lâu xa, nay Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật ở nơi đây, Ngài là giáo chủ. Một vị Phật ra đời, ngàn vị Phật ủng hộ, vô lượng chư Phật dùng thân phận Bồ Tát đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật tiếp dẫn, giáo hóa, thành tựu chúng sanh, đến làm trợ thủ. Phàm phu chúng ta thấy hình như có cao, thấp, trên thực tế là bình đẳng, hoàn toàn bình đẳng. Vì giáo hóa chúng sanh, hằng thuận chúng sanh, do chúng sanh có bất bình đẳng, có cao, thấp, nên Bồ Tát cũng thị hiện sự cao thấp cho quý vị thấy. “*Thân độ hồ hiện*” (thân và cõi hiện lẫn nhau), nhờ vào Sắc và Tâm tự tại, vì sao tự tại? Chẳng chướng ngại! Chẳng có gì chướng ngại ư? Không có Vô Minh chướng ngại, không có Trần Sa chướng ngại, không có Kiến Tư chướng ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói buông toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ chẳng có chướng ngại, đặc tự tại. Thân và cõi hiện lẫn nhau, câu này hay quá! Thân tự tại, cõi tự tại; thân thanh tịnh, cõi bèn thanh tịnh; thân bình đẳng, cõi bèn bình đẳng. Thân chẳng tự tại, chúng ta sống trên đại địa này cũng chẳng tự tại, vì sao? Cảnh chuyển theo tâm, tướng do tâm sanh. Nếu chúng ta thấu triệt, hiểu rõ ý nghĩa này, nếu có thể vận dụng trong cuộc sống hằng ngày thì mới thật sự được thụ dụng!

Sáu câu tiếp đó nói rõ đức dụng tự tại của các Ngài: Trong một đầu lông, sách Hoàn Nguyên Quán đã nêu một ví dụ là một hạt vi trần, một vi trần là y báo nhỏ nhất. Một sợi lông thật sự là chánh báo nhỏ nhất, trên thân thể chúng ta, một sợi lông là nhỏ nhất, [*“nhất hào đaoan”* là] chót đầu một sợi lông, *“nhất hào đaoan”* quả thật đã chỉ điều này. Trong đầu một sợi lông hiện *“bảo vương sát”*, bảo vương sát là gì? Cõi nước của chư Phật là tam thiên đại thiên thế giới, ở nơi đâu? Trong đầu một sợi lông! Đầu lông chẳng phóng to, đại thiên thế giới chẳng rút nhỏ, vì sao? Xứng tánh. Tự tánh không có lớn hay nhỏ, chẳng có trước hay sau, cũng có nghĩa là trong tự tánh không có thời gian, chẳng có không gian, tự tại! *“U vi trần lý chuyển đại pháp luân”* (Trong một vi trần chuyển đại pháp luân), *“vi trần”* là một hạt vi trần, vi trần là nhỏ nhất, đây là nói về y báo. Hai câu trước nói về chánh báo. [Tuy nói về y báo và chánh báo], nhưng có cùng một ý nghĩa, hiện cõi bảo vương và chuyển đại pháp luân có cùng một ý nghĩa. Thị hiện cõi nước để làm chuyện gì? Dạy học làm đầu, chuyển đại pháp luân là dạy học làm đầu, ở trong ấy, giúp kẻ mê mất tự tánh quay đầu là bờ! *“Xứng tánh trang nghiêm, vô chướng, vô ngại”*, hoàn toàn khác thế gian này, chúng ta phải hiểu ý nghĩa sâu xa, uyên áo, kín nhiệm ở đây, nghĩa gì vậy? Chúng ta và chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ chẳng hai, chẳng khác, vì sao nay các Ngài có thể, mà chúng ta chẳng thể? Các Ngài không có

chương ngại, chúng ta có chương ngại; không có chương ngại là thật, có chương ngại là giả. Chúng ta bị hại bởi điều gì? Bị hại bởi các hành pháp bất tương ứng. Các hành pháp bất tương ứng toàn là giả, [chúng là] những khái niệm trừu tượng sai lầm tạo thành chương ngại. Câu cuối cùng: “*Viên Giáo Sơ Trụ dĩ thượng trực chí Đẳng Giác Bồ Tát, tứ thập nhất vị Pháp Thân đại sĩ giai thuộc thử độ, vị vị giai phân chứng Thường Tịch Quang độ*” (Từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên cho đến Đẳng Giác Bồ Tát, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều thuộc về cõi này, địa vị nào cũng đều phân chứng cõi Thường Tịch Quang). Hôm nay đã hết thời gian rồi, ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu học từ câu này!

Tập 30

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Giáo dục: Huệ Trang và Đức Phong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải trang ba mươi hai, chúng ta xem từ dòng thứ nhất.

“Thử độ đại sĩ, sắc tâm tự tại, thân độ hõ hiện, u nhất hào đoan hiện bảo vương sát, u vi trần lý chuyển đại pháp luân. Xứng tánh trang nghiêm, vô chướng vô ngại”(Các bậc đại sĩ trong cõi ấy sắc và tâm tự tại, thân và cõi hiện lẫn nhau, trong một đầu lông hiện cõi bảo vương, trong một vi trần chuyển đại pháp luân. Xứng tánh trang nghiêm, chẳng chướng ngại). Lần trước, chúng ta đã học tập tới đây, chúng ta xem tiếp đoạn văn kể đó: *“Viên Giáo Sơ Trụ dĩ thượng, trực chỉ Đẳng Giác Bồ Tát, tứ thập nhất vị Pháp Thân đại sĩ giai thuộc thử độ, vị vị giai phân chứng Thường Tịch Quang độ”* (Từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo trở lên cho đến Đẳng Giác Bồ Tát, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều thuộc về cõi này, địa vị nào cũng đều phân chứng cõi Thường Tịch Quang). Đây là câu cuối cùng trong đoạn này, đoạn này nói về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm là báo độ do Pháp Thân Bồ Tát chiêu cảm. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá vô minh, chứng Pháp Thân. Vô thi vô minh là khởi tâm động niệm, rất khó hiểu, cũng có thể nói là lục đạo phàm phu bất luận dùng phương pháp gì cũng đều chẳng thể hiểu, nghĩ không ra chuyện này, cũng không thể nói được, đúng như trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: *“Ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xir diệt”*, hai câu ấy diễn tả cảnh giới này. Đức Phật đã nói rất hay: *“Thử sự duy chứng nãi tri”* (chuyện này chỉ có chứng thì mới biết), chính quý vị chứng đắc sẽ hiểu rõ ràng, rành rẽ. Sau khi quý vị chứng đắc, cũng không thể diễn tả được! Không diễn tả được, đức Phật bèn có phương tiện, đó là trí huệ viên mãn, phương tiện thiện xảo của Phật. Tuy đức Phật đã nói, nhưng phàm phu chúng ta vẫn chẳng hiểu. Ai hiểu? Pháp Thân Bồ Tát hiểu. Tiếp đó, hàng Quyền Giáo Bồ Tát đã buông phân biệt, chấp trước xuống cũng có thể hiểu. Kinh nói họ giải ngộ, chưa chứng ngộ, [tức là chỉ] nghe hiểu [chưa chứng nhập cảnh giới ấy]. Tâm họ thanh tịnh hơn tâm chúng ta. Kinh Vô Lượng Thọ nói họ đắc tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, cho nên họ hiểu.

Ắt phải phá vô minh, chứng Pháp Thân, họ mới thật sự hiểu. Vì sao? Đó là cảnh giới của họ, từ Sơ Trụ trở lên cho đến bậc Đẳng Giác.

Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ ấy đều thuộc về cõi đó, cõi ấy là báo độ của họ. Pháp Thân đại sĩ chứng đắc Pháp Tánh thân, hoàn cảnh cư trụ là “cõi Pháp Tánh”, rất khác với chúng ta nơi đây. Trong cõi này, chúng ta nói tới tịnh và nhiễm, tức là uế độ. Lục đạo là uế độ, tứ thánh pháp giới là Tịnh Độ. Trong cõi Pháp Tánh không có tịnh hay uế, càng không có thiện hay ác, ngay cả những danh tự ấy cũng đều chẳng nghe thấy, lẽ đâu có các hiện tượng đó. “*Vị vị giai phần chứng Thường Tịch Quang*” (địa vị nào cũng đều phần chứng Thường Tịch Quang), nói thật ra, nói Tịch Quang là chỉ hết thấy Lý Thể của hết thấy y báo và chánh báo, nói theo danh từ Triết Học, [Tịch Quang là] bản thể của hết thấy y báo và chánh báo. Trong những phần trước, chúng tôi đã nhiều lần dùng TV làm tỷ dụ, Tịch Quang là gì? Tịch (寂) là màn hình TV. Các cõi Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo là những hình ảnh hiện trên màn hình, chúng có mối quan hệ như vậy. Do vậy, chúng ta biết chính mình có ở trong cõi Thường Tịch Quang hay không? Có! Chưa từng rời khỏi Thường Tịch Quang! Rời khỏi Thường Tịch Quang là rời khỏi màn hình, rời khỏi màn hình thì thứ gì cũng đều không có. Ở chỗ này, vì sao nói địa vị nào cũng đều phần chứng Thường Tịch Quang? Các Ngài đã chứng đắc, “*phần chứng*” ở đây là minh tâm kiến tánh. Tánh là gì? Thường Tịch Quang là tánh, các Ngài đã kiến tánh. Tuy tự tánh của chúng ta ở trước mặt, nhưng không thấy được! Giống như chúng ta xem TV, chỉ nhìn thấy hình ảnh, chẳng thấy màn hình, màn hình có tồn tại hay không? Ở ngay nơi đó, nhưng chẳng nhìn thấy màn hình, chỉ nhìn thấy hình ảnh trong màn hình. Pháp Thân đại sĩ khác hẳn, trông thấy hình ảnh đồng thời biết chúng là tướng được hiện trong màn hình, so với màn hình là một, không hai, có quan hệ “*bất tức, bất ly*” (chẳng phải chính là một, mà cũng chẳng phải tách lìa) với màn hình. Nó chẳng rời khỏi màn hình, nhưng cũng chẳng phải là màn hình, bất tức, bất ly! Thường Tịch Quang: Thường (常) là vĩnh hằng, chẳng gián đoạn giữa chừng. Nói là “cõi Thường Tịch Quang” cũng được, mà nói “thân Thường Tịch Quang” cũng được, thân và cõi là một. Vì thế, kinh Đại Thừa có lúc tỉnh lược thân và cõi, chỉ gọi là Thường Tịch Quang, nhằm dạy chúng ta chớ nên phân biệt, chấp trước, mang ý nghĩa như thế. Nói về cõi Thật Báo tới đây [là xong].

Tiếp đó, giảng về cõi thứ tư “*Thường Tịch Quang độ. Pháp Thân Phật sở cư chi độ, danh vi Thường Tịch Quang độ*”. (Cõi Thường Tịch Quang: Cõi nước do Pháp Thân Phật trụ được gọi là cõi Thường Tịch Quang). Những vị này chẳng phải là Đại Sĩ, mà là Pháp Thân Phật. Pháp Thân Phật là địa vị Diệu Giác, cao hơn

Đẳng Giác là Diệu Giác. Đẳng Giác, gần bằng Diệu Giác, nhưng vẫn chưa phải là Diệu Giác, vì sao? Còn có một phẩm tập khí sanh tướng vô minh cuối cùng chưa phá. Do vậy, trong cõi Thật Báo có tướng, nhưng cõi Thường Tịch Quang không có tướng, Thường Tịch Quang hiện tướng thành cõi Thật Báo. Vì sao nó có thể hiện tướng? Tập khí vô minh chưa đoạn, tướng được hiện ấy là do tập khí vô minh biến hiện. Chư vị hãy nhớ, cõi ấy chẳng do A Lại Da biến hiện, mà do tập khí vô minh biến hiện. Không có tập khí thì cõi Thật Báo cũng chẳng có; nhưng cõi Thật Báo dường như cũng vĩnh viễn tồn tại, trong kinh Đại Thừa có một câu nêu rõ nguyên nhân, kinh nói như thế nào? “*Pháp Thân Phật lưu Hoặc để lợi ích chúng sanh*” (Pháp Thân Phật giữ lại Hoặc để lợi ích chúng sanh). “Hoặc” là gì vậy? Tập khí vô minh từ vô thủy chính là một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, Ngài có năng lực đoạn một phẩm ấy, nhưng không đoạn, vì sao? Sau khi đoạn, sẽ không thể phục vụ chúng sanh, sẽ chẳng còn độ chúng sanh. Đây là lòng từ bi vô tận từ tự tánh thị hiện, mà cũng là vô lượng trí huệ thị hiện, đó là hai thứ quý báu nhất trong tự tánh: Trí huệ Bát Nhã và đại từ đại bi. Hai thứ ấy do Tánh Đức viên mãn mở rộng ra, hiển hiện, chẳng do tu thành. Chúng ta chẳng cần nói tới Pháp Thân Phật, chỉ nói tới Pháp Thân Bồ Tát, trong cõi Thật Báo, trí huệ của các Ngài đã trọn khắp pháp giới hư không giới, lòng từ bi của các Ngài cũng trọn khắp pháp giới hư không giới. Giống như trong phần trước, đức Phật đã nêu thí dụ, “*nhất hào đóaan*” (đầu một sợi lông), “*vi trần lý*” (trong một hạt vi trần), viên mãn trọn đủ trí huệ Bát Nhã và từ bi của tự tánh. Chúng ta có [trí huệ và lòng từ bi ấy] hay không? Đương nhiên là có, trong đầu mỗi sợi lông của chúng ta cũng đều có, trong mỗi một hạt vi trần của y báo cũng đều có. Hạt vi trần như trong nhà Phật nói được khoa học hiện tại gọi là “hạt cơ bản” hoặc “khoa-khắc” (quartz: hạt vi lượng), tràn ngập trí huệ, đầy ấp từ bi.

Chúng ta biết: Tự tánh không có lớn hay nhỏ, không có trước hay sau. Không có lớn hay nhỏ là không có không gian. Không có trước hay sau là không có thời gian. Siêu việt thời gian và không gian, nhưng không nơi nào chẳng tồn tại, không khi nào chẳng tồn tại, không chỗ nào chẳng hiện diện. Vì thế, chư Phật Như Lai, kể cả Pháp Thân Bồ Tát chẳng có gì không yêu thương. Vì sao? Các Ngài đã giác ngộ, hiểu rõ hết thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trọn khắp pháp giới và hư không giới có cùng một Thể với chính mình. Một tự tánh, sở sanh, sở hiện; một A Lại Da, năng biến, sở biến, trừ những thứ này ra, chẳng còn pháp nào khác. Vì vậy, tông Duy Thức trong Đại Thừa chẳng thừa nhận trong vũ trụ có thể lập ra một pháp nào, chỉ có Thức tồn tại, chỉ có A Lại Da. Trừ A Lại Da ra, điều gì cũng đều không có,

từ ba ngàn năm trước đức Phật đã nói điều ấy. Các khoa học gia hiện thời cũng nói giống như vậy, họ đã chứng thực lời Phật. Các khoa học gia nói: Trong vũ trụ này, thứ gì cũng đều chẳng có, chỉ có ba thứ là năng lượng, thông tin, và vật chất. Trừ những thứ ấy ra, thứ gì cũng đều chẳng có! Cách nhìn ấy nếu xét theo Duy Thức thì năng lượng là nghiệp tướng của A Lại Da, thông tin là chuyển tướng, vật chất là cảnh giới tướng. Ba thứ ấy do đâu mà có? Sanh từ nhất niệm, là dao động vô cùng vi tế. Hễ nó vừa động, cả ba hiện tượng ấy bèn hiện ra. Toàn thể vũ trụ do ba hiện tượng này biến hóa, nó là hiện tượng dao động. Vì sao có muôn hình muôn vẻ khác nhau nhiều như thế? Tần số dao động khác nhau, nhưng thật ra, tốc độ dao động giống nhau. Tướng tương tự tương tục khác nhau rất lớn. Đây là từ Tam Tế lại giảng cho quý vị nghe tướng Lục Thô. Tướng Lục Thô là nói về phân biệt, chấp trước, A Lại Da là nói đến khởi tâm động niệm; đây là triết học cao cấp trong Phật pháp, là khoa học cao cấp. Do vậy, cõi mà Pháp Thân Phật ngự, trở về tự tánh viên mãn là Thường Tịch Quang.

“*Yếu Giải vân: Thật Tướng chi thể, phi Tịch, phi Chiếu*” (Sách Yếu Giải giảng: “*Thể của Thật Tướng chẳng Tịch, chẳng Chiếu*”). Tịch là thanh tịnh tịch diệt, trong kinh Đại Thừa gọi Tịch là Bát Niết Bàn. Bát Niết Bàn (Parinirvana) là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là “*thanh tịnh tịch diệt*”. Huệ Năng đại sư kiến tánh, nói: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”. Vì sao thanh tịnh? Vọng tướng, phân biệt, chấp trước thấy đều chẳng có, nên gọi là Diệt, tức là diệt vọng tướng, phân biệt, chấp trước. Thể của nó là thanh tịnh; đây là bản thể. Tổ tiên và cổ thánh tiên hiền Trung Quốc đã nói: “*Bổn tánh bổn thiện*” (bổn tánh vốn lành) nhằm ý nghĩa này! Tự tánh có rời khỏi chúng ta hay không? Không có! Chẳng thể nào rời khỏi. Nay chúng ta có tự tánh hay không? Đương nhiên là có, giống như chúng ta xem TV, TV có thể tách rời màn hình hay chẳng? Quý vị chẳng thể rời khỏi, hễ rời khỏi màn hình sẽ chẳng có tướng. Ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm, tâm là màn hình, tướng thuộc các băng tần được biến hiện trên màn hình là pháp, tức vạn pháp. Thể, Tướng, Dụng chắc chắn chẳng thể phân khai độc lập, không thể nào! Thể, Tướng, Dụng vĩnh viễn dung hợp thành một Thể, Thể ấy là tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Chúng tôi dùng màn hình làm tỷ dụ cho quý vị dễ hiểu. Ví như nay chúng ta xem TV, nhưng quên tắt màn hình TV, nói sao quý vị cũng chẳng thông, chẳng có cách nào hiểu. Vì sao? Quý vị vẫn một mực chưa thấy màn hình, giống như TV vĩnh viễn mở, quý vị sẽ chẳng biết TV có màn hình, chỉ nhìn thấy nó có tướng cảnh giới. Tướng cảnh giới ấy thiên biến vạn hóa, nó là pháp sanh diệt, màn hình là bất sanh bất diệt. Phạm phu chẳng biết trong sanh diệt có bất sanh bất diệt. Chẳng sanh diệt mới là chính mình. Đó là tự tánh, là chân tâm. Ai biết? Vọng tướng, phân biệt,

chấp trước thầy đều buông xuống, quý vị sẽ có thể thấy được, chúng đặc, đó gọi là “minh tâm kiến tánh”. Tánh được gọi là Thường Tịch Quang, Thường là vĩnh hằng không thay đổi. Chúng ta dùng những câu nói của Huệ Năng đại sư để diễn tả thì Thường là câu nói thứ hai của Ngài [khi đã giác ngộ]: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng sanh diệt*”, đây là Thường. Tịch là gì? Câu đầu tiên là Tịch, “*nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”, đây là Tịch. Câu thứ tư là Tịch, “*nào ngờ tự tánh vốn chẳng dao động*”. Quý vị thấy hai câu ấy là Tịch. Còn có hai câu là Quang, câu thứ ba: “*Vốn tự trọn đủ*”, trong tự tánh vốn tự trọn đủ, trọn đủ gì vậy? Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói [tự tánh vốn trọn đủ] trí huệ và đức tướng, chúng tôi thay [trí huệ và đức tướng] bằng một câu văn do đức Phật giảng, [đó là] kiến văn giác tri, tự tánh vốn tự trọn đủ [kiến văn giác tri]. Câu cuối cùng [của Lục Tổ] chính là nói nó (tự tánh) tỏa ánh sáng, [tức là] khởi tác dụng: “*Có thể sanh vạn pháp*”. Có thể sanh vạn pháp thì vạn pháp do đâu sanh ra? Sanh từ câu thứ ba “*vốn tự trọn đủ*”! Không có duyên, nó sẽ chẳng sanh, nó thanh tịnh. Hễ có duyên, nó bèn sanh. “*Có duyên*” là nhất niệm bất giác. Nhất niệm bất giác là động rồi, hễ động, thứ đầu tiên xuất hiện là A Lại Da. A Lại Da vừa xuất hiện, tất cả vạn pháp sẽ xuất hiện, sách Hoàn Nguyên Quán viết: “*Hiện nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến*”. Ba đoạn lớn này giảng về duyên khởi vũ trụ, mà cũng là duyên khởi của A Lại Da, duyên khởi của Tánh Đức, nói cách nào cũng được, nói như thế nào cũng đều thông suốt. Đây là chân tướng sự thật, “*Thật Tướng của các pháp*” như trong Bát Nhã thường nói chính là nói về điều này. Bởi lẽ, Thể của Thật Tướng chẳng Tịch, chẳng Chiếu. Tịch là thanh tịnh tịch diệt, Chiếu là quang minh chiếu khắp. Nó có Tịch hay không? Có Chiếu hay không? Có! Nhưng xét trên Thể, Tịch và Chiếu đều ẩn, chẳng khởi tác dụng, nhưng vốn tự trọn đủ! Thứ gì cũng đều không có, nhưng quý vị chẳng thể nói là không có. Nó có, khi khởi tác dụng nó có thể sanh muôn pháp, nhưng quý vị chẳng thể nói nó là có, chẳng Tịch, chẳng Chiếu.

“*Nhi phục Tịch, nhi hằng Chiếu, Chiếu nhi hằng Tịch*” (nhưng lại là Tịch mà luôn Chiếu, tuy chiếu nhưng luôn Tịch). Khi nó khởi tác dụng, xét theo Tướng, chúng ta nói là hình ảnh trên màn hình, Tịch nhưng hằng Chiếu, ẩn và hiện như nhau. Tịch là ẩn, Chiếu là hiện; tuy hiện, nhưng hiện mà thường Tịch. Tôi dùng hai chữ này để giảng cho mọi người dễ hiểu. Chúng ta có biết chân tướng sự thật này hay không? Đối với chân tướng sự thật này, ắt phải thật sự tham thấu triệt lời Di Lặc Bồ Tát đã giảng: “*Trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*” thì quý vị sẽ hiểu rõ hai câu này. Tịch mà hằng Chiếu, Chiếu mà hằng Tịch, thay đổi một chữ, nhưng ý nghĩa vẫn như vậy, thay bằng một chữ rõ nghĩa hơn để

mọi người dễ hiểu hơn một chút: Tịch mà thường Chiêu, Chiêu mà thường Tịch. Hằng và Thường có cùng một ý nghĩa, dùng chữ Thường sẽ rõ nghĩa hơn một chút, mọi người sẽ dễ hiểu [ý nghĩa] “*Tịch mà thường chiêu, tuy Chiêu nhưng thường Tịch*”. Trong tất cả các hiện tượng, bất luận nhiễm hay tịnh, thiện hay ác, bất luận trong cảnh giới nào, quý vị vẫn chớ nên khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là trật rồi! Khởi tâm động niệm đều chẳng thể được đương nhiên càng chớ nên có phân biệt, chấp trước. Có phân biệt là sai lầm to lớn; có chấp trước thì càng sai lầm lớn hơn nữa. Đó là gì? Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng! Quý vị có phân biệt, sẽ biến cõi Thật Báo thành cõi Phương Tiện, cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới. Quý vị có chấp trước, sẽ biến cõi Phương Tiện thành cõi Đồng Cư, lại biến thành lục đạo luân hồi. Chẳng phải do ai khác làm, chẳng may may liên quan đến người khác. Chư vị phải biết: Chẳng dính dáng gì đến Phật, Bồ Tát, mà cũng chẳng dính líu Thượng Đế, mà cũng chẳng dính dáng đến vua Diêm La, chẳng liên can đến hết thấy các ngoại duyên. Ai làm? Do ý niệm của chính mình quấy phá, đó là chân tướng sự thật, quý vị phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch.

Hết thấy chúng sanh ai nấy đều có phần nơi ba học vị tu học trong Phật pháp. Chỉ cần quý vị chẳng chấp trước hết thấy các pháp, chúc mừng quý vị đã đạt được học vị thứ nhất là A La Hán. Đạt được học vị này, lục đạo chẳng còn nữa, vì sao? Lục đạo do chấp trước biến hiện, không có chấp trước sẽ chẳng có lục đạo. Không có phân biệt sẽ chẳng có tứ thánh pháp giới, sẽ chẳng có cõi Phương Tiện Hữu Dư, địa vị nâng cao lên thành Bồ Tát, Chánh Đẳng Chánh Giác. Tiến thêm bước nữa, không chỉ chẳng chấp trước, chẳng phân biệt, ngay cả khởi tâm động niệm cũng buông xuống, chúc mừng quý vị, quý vị lại tiến thêm bước nữa, đạt đến tột đỉnh, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đạt được học vị tối cao là Phật Đà. Phật Đà giống như học vị Tiến Sĩ trong nhà trường hiện thời, Bồ Tát là học vị Thạc Sĩ, A La Hán là học vị Học Sĩ (Cử Nhân), quý vị đã thành tựu. Cả ba học vị ấy đều chưa đạt được, dẫu học Phật, dụng công cách nào đi nữa, quý vị chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, biến toàn bộ những gì đã tu học thành phước báo thế gian, tương lai sẽ đi về đâu? Đến Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên để hưởng phước. Quý vị phải hiểu: Hưởng hết phước, nhưng còn có tội báo, chớ nên không biết [điều này]! Quý vị tạo những ác nghiệp, hưởng hết phước, tai họa sẽ xảy đến, nợ mạng phải đền mạng, thiếu nợ phải trả tiền. Chúng ta thật sự hiểu rõ ràng chân tướng sự thật này, chẳng còn nợ mạng chúng sanh nữa, quyết định chẳng sát sanh, chẳng gây thương tích, tổn hại chúng sanh, không còn chiếm tiện nghi của người khác, chẳng thiếu nợ. Nghèo hèn, khôn quẩn đến chết, vẫn cam tâm bằng lòng chịu chết, vẫn không tham một chút tiện nghi, cũng chẳng đoạt lấy sanh mạng

của chúng sanh để duy trì mạng sống của chính mình, [nếu đoạt lấy] là sai rồi! Do lẽ nào? Thân chẳng phải là ta, thân có sanh diệt, linh tánh bất sanh bất diệt, ta phải chiếu cố linh tánh, chớ nên chiếu cố cái thân này, người hiểu rõ [sẽ làm như vậy]! Quyết định chẳng ích kỷ, tự lợi. Trong một đời người, đáng quý nhất là hiểu rõ, người đã hiểu rõ được gọi là “thánh nhân”. Người Hoa gọi [người đã hiểu rõ] là “thánh nhân”, người Ấn Độ gọi là Phật. Quý vị hãy nhìn vào ý nghĩa của chữ Phật, đó là chữ phiên âm, mang ý nghĩa là “giác giả”, tức bậc giác ngộ. Người Trung Quốc gọi [bậc giác ngộ] là “thánh nhân”, Thánh có nghĩa là gì? Người hiểu rõ, chẳng hồ đồ, đã hiểu rõ rồi! Phật chẳng mê hoặc, đã giác ngộ. A La Hán, Bồ Tát đều đã giác ngộ, nhưng chưa viên mãn, đạt đến giác ngộ viên mãn rốt ráo sẽ gọi là Phật. Chúng ta nhất định phải lý giải chính xác ý nghĩa của những danh từ này thì học Phật mới học được này nọ, thụ dụng chân thật.

“Chiếu nhi Tịch, cường danh Thường Tịch Quang độ. Tịch nhi Chiếu, cường danh thanh tịnh Pháp Thân” (Chiếu mà Tịch, cường gọi là cõi Thường Tịch Quang. Tịch mà Chiếu, cường gọi là Pháp Thân thanh tịnh). Tịch là Thử, Chiếu là tác dụng. Từ Dụng trở về Thử thì gọi là “cõi Thường Tịch Quang”. Từ Thử khởi Dụng bèn gọi là “thanh tịnh Pháp Thân”. “Thân độ bất nhị, giai thuộc cường danh” (Thân và cõi nước là một, [gọi là thân hay cõi nước] đều là gọi gương ép), nó vốn không có tên, bất đắc dĩ miễn cưỡng đặt cho nó một danh xưng. Vì sao? Nhằm dạy học thuận tiện, chẳng phải là thật sự. Vì thế, Lão Tử nói rất hay: “Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo”, phải hiểu đó là những danh từ thuật ngữ. Danh từ thuật ngữ chẳng phải là những thứ có thật, do dạy học thuận tiện mà giả lập. Ngàn vạn phần đừng coi những thứ giả bày là chân thật để rồi lại mê man nơi đó, mê nơi danh tướng. Vì thế, trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta một tâm thái học tập, nhất định phải biết lìa tướng ngôn thuyết, văn tự là phù hiệu [dùng để ghi chép] ngôn thuyết. Ly ngôn thuyết tướng, đừng nên phân biệt, chấp trước ngôn thuyết. Quý vị thấy những kinh điển của thánh nhân là những lời dạy từ chính miệng Thích Ca Mâu Ni Phật được ghi chép lại. Vì thế, văn tự là phù hiệu của ngôn thuyết. Đừng nên phân biệt, chấp trước ngôn thuyết, mà cũng chớ nên phân biệt, chấp trước văn tự. Vì thế, phải lìa tướng văn tự. Tiến hơn bước nữa, không chỉ phải lìa ngôn ngữ văn tự, mà còn phải biết lìa tướng danh từ thuật ngữ. Những chữ Chiếu và Tịch [được nói đến ở đây] đều là danh từ thuật ngữ. Thân, cõi, Pháp Thân đại sĩ, Pháp Thân Phật đều là danh từ, đều nhằm thuận tiện biểu đạt pháp mà giả lập, chẳng có thật nghĩa trong ấy! Khiến cho chúng ta nghe, đọc, hiểu được ý nghĩa là được rồi, chớ nên chấp trước. Điều cuối

cùng Mã Minh Bồ Tát dạy là “chớ nên chấp trước tướng tâm duyên”, tâm duyên là gì? “Nhìn vào văn tự, suy đoán ý nghĩa”. Ta đọc đến điều này, ta cảm thấy nó có ý nghĩa chi đó, sai rồi! Chẳng có ý nghĩa gì! Phải vĩnh viễn ghi nhớ: Bậc đại triệt đại ngộ chính mình chẳng có ý nghĩ gì! Khi quý vị đọc, chính mình nghĩ có ý nghĩa gì thì đó là ý nghĩa của quý vị, chẳng liên quan gì đến Phật, Bồ Tát. Quý vị đã hiểu lầm ý nghĩa mất rồi!

Khi nào quý vị nghe kinh, đọc kinh, đọc thấy trong ấy chẳng có ý nghĩa gì, quý vị sẽ hoảng nhiên đại ngộ, nó quả thật chẳng có ý nghĩa gì! Đó là chuyện gì vậy? Kinh Bát Nhã thường nói: “*Bát Nhã vô tri*”, quý vị tiếp cận Tánh Thể. Giống như chúng ta xem TV, quý vị dần dần hiểu rõ màn hình: Trong màn hình chẳng có gì cả, nó là bản thể của hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp nương vào nó để biến hiện, hình ảnh trong hơn một trăm băng tần thảy đều là nương vào màn hình này để hiện ra. Nay quý vị hồi phục tự tánh, thứ gì cũng đều không có, Bát Nhã vô tri; nó khởi tác dụng thì sao? Không gì chẳng biết. Vì thế, khi quý vị đạt đến vô tri, mới thật sự khởi tác dụng to lớn, không gì chẳng biết. Có cần phải học hay không? Chẳng cần học. Quý vị học thì cái tri kiến [do học hành mà có] ấy sẽ là sai lầm, đó là tri thức. Trí huệ chân chánh, trong tâm địa sạch lầu, như Huệ Năng đại sư đã nói: “*Vốn tự thanh tịnh, vốn bất sanh diệt, vốn tự trọn đủ, vốn chẳng dao động*”, khi khởi tác dụng “*có thể sanh vạn pháp*”, đó là trí huệ. Trí huệ là vô tri, không gì chẳng biết; tri thức là có biết, nên sẽ có điều chẳng biết, hoàn toàn tương phản. Nếu chúng ta coi kinh Phật như tri thức để nghiên cứu, quý vị đã đi sai đường mất rồi! Học Phật là cầu trí huệ, chẳng phải là cầu tri thức! Tri thức có thể giải quyết một phần nhỏ của vấn đề, sau đấy còn để lại cả đống hậu quả, trí huệ có thể giải quyết hết thảy vấn đề, chẳng để lại hậu quả!

Trí huệ nhất định phải đạt tới minh tâm kiến tánh. Muốn đạt tới minh tâm kiến tánh, quý vị phải buông tướng ngôn thuyết, tướng danh tự, tướng tâm duyên xuống. Chưa làm được thì cứ tiến hành dần dần. Chưa đạt được, quý vị cứ học mỗi ngày như vậy, học lâu ngày sẽ đạt được. Vì thế, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật pháp, đọc tụng là một pháp môn, mỗi ngày ta niệm kinh, niệm kinh là gì? Niệm kinh là tu Giới, Định, Huệ. Nương theo phương pháp ấy của Mã Minh Bồ Tát chính là tu Giới, Định, Huệ. Ta đọc bộ kinh này mất một giờ là mỗi ngày ta tu Giới, Định, Huệ một giờ, hoàn thành Giới, Định, Huệ một lần. Nương theo quy củ này để niệm, đó là trì giới. Y theo quy củ này là lìa tướng văn tự, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, thật thà dùng cái tâm thanh tịnh để niệm kinh từ đầu đến cuối một lần, đấy là trì giới. Khi niệm quý vị cũng chẳng chấp trước, buông tướng văn

tự xuống, danh từ thuật ngữ cũng buông xuống, cũng chẳng bận tâm nghĩ tới ý nghĩa trong kinh, đây là Định. Quý vị thấy đó, quý vị đang tu Giới và tu Định. Niệm tới khi đủ biến số (số lần cần phải niệm), khi nào thì đủ? Đủ là gì? Duyên phận của mỗi cá nhân khác nhau, tiêu chuẩn của mỗi cá nhân khác nhau. Thật sự ra, tiêu chuẩn chính là tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ, đó là tiểu ngộ, chẳng phải là đại ngộ, mà là tiểu ngộ, nhưng so với phàm nhân bất giác vẫn cao minh hơn. Từ tiểu ngộ, vẫn dùng phương pháp này, lại trải qua bao nhiêu năm đó, sẽ đại ngộ, vì sao? Tâm bình đẳng hiện tiền. Lại qua bao nhiêu lâu sau nữa, sẽ đại triệt đại ngộ, quý vị sẽ trở thành Pháp Thân Bồ Tát, thành Phật, đó là gì? Giác rồi! Giác ấy là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Giác ấy là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì sao? Nó là ba địa vị: Tâm thanh tịnh đắc Chánh Giác, tâm bình đẳng đắc Chánh Đẳng Chánh Giác, do vậy, địa vị cuối cùng là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Từ chỗ này, chư vị có thể thấu hiểu, có thể khẳng định, có thể tin sâu chẳng nghi ngờ: Do một bộ kinh này, phàm phu có thể thành tựu Phật quả viên mãn, quý vị nói pháp môn này có thù thắng lắm hay không?

Như vậy thì quý vị có biết niệm kinh này hay không? Biết niệm thì chúng ta từ địa vị phàm phu sẽ niệm tới Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị có hiểu hay không! Nếu vừa niệm vừa khởi vọng tưởng, xong luôn! Một mặt vẫn nghĩ ta thuộc cảnh giới gì? Ta nên nâng cao như thế nào? Xong rồi! Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta nguyên tắc ấy (liạ tướng văn tự, liạ tướng ngôn thuyết, liạ tướng tâm duyên) là chân lý, vĩnh hằng không thay đổi. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều phải tuân thủ nguyên tắc này. Quý vị không tuân thủ nguyên tắc này, sẽ phạm lỗi, lỗi lầm do chính quý vị, không thể trách móc người khác. “*Có tri thân độ bất nhị, giai thuộc cường danh. Tịch Chiếu đồng thời, phi tư lượng cảnh*” (Vì thế, biết thân và cõi chẳng hai, đều thuộc cường danh. Tịch và Chiếu đồng thời, chẳng phải là cảnh giới suy lường). Đừng nên suy nghĩ loạn xạ, hễ suy nghĩ loạn xạ là trật rồi. Có thời gian để suy nghĩ loạn xạ, sao không niệm A Di Đà Phật? Suy nghĩ loạn xạ cũng chẳng dễ gì trừ được; vì thế, Tịnh Tông có diệu pháp, dùng một câu danh hiệu A Di Đà Phật để thay thế suy nghĩ loạn xạ, tốt đẹp hơn! Suy nghĩ loạn xạ, nếu chẳng đọa vô minh, sẽ đọa trạo cử (lao chao, tức suy nghĩ loạn xạ), luôn tạo nghiệp luân hồi, lục đạo luân hồi. Trong lục đạo chẳng tìm được một câu A Di Đà Phật này, bất cứ đường nào trong lục đạo cũng chẳng tìm được A Di Đà Phật, A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cần tương ứng với nơi ấy, sẽ chẳng tương ứng với lục đạo và mười pháp giới, quý vị nhớ kỹ câu này là được

rồi. “Trao cử” là suy nghĩ loạn xạ, “hôn trầm” là muốn ngủ gà ngủ gật, tinh thần không dấy lên nổi; hôn trầm là vô minh. Hai thứ phiền não ấy hiện tiền, quý vị hãy khéo niệm Phật, thật thà niệm Phật. Dùng phương pháp Niệm Phật để thay thế phiền não.

Lại xem tiếp đoạn dưới: “*Hựu Thường Tịch Quang tam tự*” (lại nữa, ba chữ Thường Tịch Quang), câu này vẫn do Ngẫu Ích đại sư viết trong Yếu Giải, ba chữ này “*toàn hiển Niết Bàn tam đức Như Lai bí tạng*” (hiển hiện toàn vẹn Niết Bàn tam đức Như Lai bí tạng). Trong kinh Bát Niết Bàn nói đến tam đức, tam đức ấy là bí tạng của Như Lai, ba đức nào vậy? Tiếp theo là: “*Thường tức Pháp Thân đức, Pháp Thân thường trụ cố*” (Thường là đức của Pháp Thân, vì Pháp Thân thường trụ). Vì thế, một người giác ngộ, sẽ không coi thân này là cái thân của chính mình, gì mới là thân của chính mình? Hết thấy các pháp đều là thân của chính mình. Tâm hiện, tâm là chính mình, thức biến, thức cũng là chính mình. Tâm là chân tâm của chính mình, thức là vọng tâm của chính mình. Chân tâm là bản tánh của chính mình. Vọng tâm là A Lại Da, là tập tánh của chính mình. Cổ nhân Trung Quốc nói “bản tánh, tập tánh”, Phật pháp nói “chân tâm, vọng tâm”. Chân tâm là bản tánh, vọng tâm là tập tánh, chân và vọng là một, không hai. Giác và mê cũng là một, cũng chẳng hai. Người thật sự giác ngộ, người minh tâm kiến tánh, thân của người ấy là gì? Thân của hết thấy chúng sanh là thân của người ấy, thân của hoa, cỏ, cây cối cũng là thân người ấy, núi, sông, đại địa cũng là thân người ấy. Khắp pháp giới hư không giới đều là thân của người ấy, thân người ấy không đâu chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng hiện diện. Tuy nó có sanh diệt, diệt rồi lại sanh, giống như gì? Thân thể của chúng ta giống như nhau; thân thể này có bao nhiêu tế bào? Mỗi tế bào này đổi cũ thay mới mỗi ngày, giống như sinh vật trên địa cầu, mỗi ngày có sanh và diệt. Đức Phật giảng: Vô lượng vô biên các cõi Phật trong toàn thể vũ trụ sanh diệt vĩnh viễn chẳng ngừng trong ấy, nên gọi là “Pháp Thân thường trụ”. Chúng ta sánh ví thân ấy như Pháp Thân, Pháp Thân thường trụ. Cái thân của chúng ta giống như tế bào, các khoa học gia nói mỗi tế bào có tuổi thọ tối đa là bảy năm. Trong bảy năm, tế bào này diệt, tế bào mới lại sanh ra. Do vậy, nói thật ra, thân thể của chúng ta, bảy năm là một chu kỳ, tất cả các tế bào trên thân đều thay đổi. Chúng ta mê hoặc, điên đảo, vì sao? Bảy năm đổi một lần, vì sao chẳng đổi mới, chẳng đổi lấy cái tốt, cứ phải lấy cái già nua, hư hoại, thân thể càng đổi càng tệ hơn! Đó là gì? Chẳng biết cách! Người giác ngộ cao minh, cũng đổi mỗi ngày, do giác ngộ nên toàn là đổi lấy tốt đẹp, khỏe mạnh, người ấy chẳng sanh bệnh, chẳng suy lão. Vì sao? Người ấy đổi lấy sự tốt đẹp, chẳng đổi lấy thứ hư xấu. Ai

chủ trì sự thay đổi trong ấy? Ý niệm. Ý niệm của Phật, Bồ Tát tốt đẹp, cho nên tế bào của các Ngài hoàn toàn mới. Hoàn toàn mới là do ý niệm trẻ trung, luôn khỏe mạnh, chẳng ngã bệnh, chẳng đổi lấy tế bào bệnh tật? Tế bào bị bệnh tật là hạng người nào? Tham, sân, si mạn, nghi, nên đổi lấy cái xấu. Tham, sân, si, mạn, nghi thay đều đoạn sạch, vô tham, vô sân, vô si, bèn thay đổi lấy cái tốt lành, hoàn toàn thay đổi bằng cái tốt lành, chuyện là như thế đó! Đây là chân tướng sự thật. Khởi tâm động niệm đều là đại công vô tư, chẳng vì chính mình, chẳng vì thân này, vì sao? Vì Pháp Thân. Chẳng vì nhục thân này, mà vì Pháp Thân!

Trong những năm qua, có rất nhiều người muốn tặng đạo tràng cho tôi, tôi rất cảm kích. Tôi có nên tiếp nhận hay chẳng? Chẳng nghĩ vì mình. Nếu đạo tràng ấy có thể lợi ích nơi đó, tôi sẽ giúp sức, khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài nơi đó, lợi ích xã hội, lợi ích chúng sanh, chuyện tốt đẹp mà! Tôi chẳng thể vì chính mình, vì chính mình là tư tâm. Đạo tràng nhiều, chẳng phải là biến thành giống như một chuỗi cửa hàng hay chẳng? Đó là mở tiệm buôn Phật, biến thành xí nghiệp Phật giáo, chính mình chẳng làm đệ tử Như Lai, mà làm ông chủ, trật mất rồi, lại mê rồi! Vì thế, người bình thường sẽ thấy đó là cảnh giới tốt, chuyện tốt đẹp, thấy người khác trao tặng mà nếu quý vị mê, sẽ mê nơi đó, càng mê sâu hơn! Quý vị vốn có thể thành Phật, làm Tổ, nay đã mê, lại luân hồi, lại vào tam đồ. Vì thế, tổ sư thường xuyên cảnh tỉnh người khác, mà cũng thường là trong lúc khám nghiệm kẻ khác, bèn hỏi: “Hiểu không?” Hai chữ này ý vị sâu dày, quý vị có hiểu hay không? Nếu quý vị thật sự hiểu, bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, uế độ hay Tịnh Độ, đều có thể nâng cao cảnh giới của chính mình, đều có thể phổ độ chúng sanh. Nếu không hiểu, thuận cảnh hay nghịch cảnh đều giúp quý vị đọa lạc, mê hoặc, tạo nghiệp. Tạo nghiệp thì sau này phải chịu báo. Vấn đề ở chỗ quý vị có hiểu hay không? Quý vị có thật sự giác ngộ hay không? Người giác ngộ chắc chắn chẳng hại người; kẻ chưa giác ngộ, dẫn dắt tâm cũng thường hại người.

Đối với bất cứ ai, kẻ giác ngộ luôn một mực chân thành, vì sao? Giúp kẻ khác giác ngộ. Nếu kẻ ấy rắp tâm muốn lừa gạt, muốn hại quý vị, chẳng sao hết, quý vị cứ dùng tâm chân thành đối đãi kẻ ấy. Khi kẻ ấy già chết, nghĩ lại, một đời này, ta đã thật sự gặp được người tốt. Đó là gì? Giúp gieo thiện căn trong A Lại Da của kẻ ấy. Người giác ngộ biết hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, hết thấy chúng sanh vốn là Phật, nay kẻ ấy tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng chẳng sao, vì sao? Đó là tập tánh. Đừng quan tâm tới tập tánh, hãy chuyên môn quan tâm bản tánh của người ấy; đó là điều kiện thứ nhất trong việc độ chúng sanh của Phật, Bồ Tát, là quan

niệm độ sanh duy nhất của Phật, Bồ Tát. Chúng sanh trong địa ngục A Tỳ cũng có thể viên thành Phật đạo. Nếu họ tiếp xúc pháp môn Tịnh Độ này, có thể vãng sanh hay không? Có thể! Làm sao mà không thể cho được? Pháp môn này, bất luận quý vị là thiện hay ác, cũng chẳng cần biết quý vị thuộc căn tánh nào, chỉ cần quý vị có thể tin tưởng, chịu phát nguyện, là được rồi. Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: Có thể vãng sanh hay không, được quyết định bởi có tín nguyện hay không? Phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn! Chỉ nói tới vãng sanh thì hết thấy chúng sanh đều có phần, pháp môn này thật là tuyệt, quá sức thù thắng! Ấn Quang đại sư nói rất hay: *“Bỏ pháp môn này, người thượng thượng căn mong được thành tựu cũng vô cùng khó khăn!”* Đối với pháp môn này, tin sâu không nghi ngờ, chúng sanh chẳng biết chữ, thiếu trí huệ, nghèo cùng, khốn khó vẫn có thể đắc độ. Quý vị mới hiểu trong các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có pháp nào thù thắng hơn pháp này.

Chúng ta duyên phận quá tốt đẹp, vô cùng thù thắng, gặp được bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư hay như thế này. Vương Long Thư chẳng gặp được, Ngụy Mặc Tâm cũng chẳng gặp, bao nhiêu vị cổ thánh tiên hiền đều chẳng gặp! Lại gặp được lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết tác phẩm Chú Giải này, trong ấy, cụ trích dẫn kinh luận và chú sớ của cổ nhân, tổng cộng một trăm chín mươi ba thứ! Quý vị đọc quyển sách này giống như đọc một trăm chín mươi ba bộ kinh, luận, trước tác, chẳng dễ dàng! Nhân duyên vô cùng thù thắng. Do vậy, tôi tin tưởng sâu đậm không nghi ngờ, khi Phật pháp bị diệt hết trên thế gian này, bản này vẫn lưu lại một trăm năm. Trong chín ngàn năm thời Mạt Pháp, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị nương theo pháp môn nào? Chỉ có pháp môn này. Ta giúp hết thấy chúng sanh học pháp môn gì? Cũng học pháp môn này, tự hành, dạy người bằng một bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Tôi vẫn còn muốn học pháp môn khác? Được thôi! Thông suốt pháp môn này, sẽ thông suốt toàn bộ hết thấy các pháp môn khác. Tôi có cần phải lãng phí thời gian và tinh thần để học bộ nào khác hay chăng? Không cần! Phật pháp thật sự là “một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông!”

Năm xưa, tôi ở Đài Trung, theo học lớp giảng kinh của cụ Lý. Cụ mở lớp ấy để dạy học sinh học cách giảng kinh, các bạn đồng học trong lớp ấy có hơn hai mươi người. Thuở ấy, tôi tuổi trẻ, thầy cũng đại khai phương tiện môn. Tôi học từ cụ mười ba bộ kinh, kinh Tiểu Thừa nhiều hơn. Đối với kinh Đại Thừa, tôi học một bộ kinh A Di Đà, một bộ Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, đó là quyển cuối cùng [trong kinh Hoa Nghiêm], mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, học một quyển này, học một bộ kinh Kim Cang, học những kinh Đại Thừa ấy. Những kinh khác

như Thập Thiện Nghiệp Đạo là kinh cùng tu của Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh là Tiểu Thừa, học mười ba bộ ấy. Tôi xuất gia, đến dạy tại Phật Học Viện. Ở Đài Trung, tiến độ (tốc độ tiến triển) [học tập] là mỗi tháng học một bộ kinh, pháp hỷ sung mãn. Đến dạy tại Phật học viện, mỗi học kỳ mới dạy một bộ kinh, ba năm là sáu học kỳ, tôi dạy sáu bộ kinh, còn bảy bộ vẫn chưa sử dụng được. Tôi suy nghĩ: Không được rồi, căn bản của chính mình không đủ sâu dày, mong được học một bộ kinh lớn. Lúc ấy, trong lòng nghĩ đến kinh Pháp Hoa; vì thế, tôi sưu tập tài liệu về kinh Pháp Hoa đến mười mấy thứ. Trở về Đài Trung, thưa với thầy Lý, mong lại được học một bộ đại kinh với thầy. Gặp đúng lúc lão nhân gia đang giảng kinh Lăng Nghiêm, Ngài bảo tôi Ngài bận bịu lắm việc, tìm không ra thời gian để dạy mình tôi, “nay tôi đang giảng Lăng Nghiêm, anh học kinh Lăng Nghiêm là được rồi!” Cụ giảng kinh Lăng Nghiêm ba năm. Tôi thấy phân lượng [kinh Lăng Nghiêm và kinh Pháp Hoa] không sai khác lắm, cho nên tôi chuyên tâm học kinh Lăng Nghiêm. Thầy giảng ngày thứ Tư, tôi phức giảng (複講: giảng lại, nhắc lại) vào ngày thứ Năm, tức là hôm sau, tôi nhắc lại lời thầy đã giảng một lần. Thính chúng của tôi có sáu người, kể cả tôi là bảy, chúng tôi thành lập một lớp nhỏ. Mỗi ngày thứ Năm, họp mặt phức giảng trong phòng học nhỏ ở Đài Trung Liên Xã. Do thầy giảng bộ Lăng Nghiêm, tôi cũng phức giảng bộ Lăng Nghiêm, cách học ấy rất thực tiễn. Vì thế, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm ở Đài Bắc là giảng lần thứ hai. Các đồng tu Hương Cảng nghe giảng rất thích, mời tôi sang Hương Cảng giảng kinh Lăng Nghiêm, tôi giảng tại Hương Cảng chính là lần thứ ba hay là thứ tư, đã có căn bản rồi!

Kinh Hoa Nghiêm là do tám người đồng học chúng tôi liên danh khai thỉnh thầy Lý, thỉnh lão nhân gia giảng bộ kinh Hoa Nghiêm này. Lúc ấy, tuổi thầy đã cao, ngoài tám mươi, chúng tôi mong thầy thường trụ thế. Chưa giảng xong kinh Hoa Nghiêm, chắc là cụ sẽ chẳng tiện ra đi. Thỉnh cụ giảng bộ kinh ấy, dự đoán cụ sẽ sống tới một trăm hai mươi tuổi thì cụ mới có thể giảng xong. Trao cho thầy một đề mục lớn như vậy, cụ cũng rất cao hứng, chẳng ngờ cụ giảng phân nửa, chẳng giảng nữa, đã ra đi. Tôi học Hoa Nghiêm, ở Đài Trung nghe cụ giảng quyển thứ nhất, tôi chỉ học một quyển. Quyển thứ nhất, tôi nghe xem cụ mở đầu như thế nào, cách giảng ra sao, tôi sẽ biết toàn bộ những phần sau. Cụ giảng ở Đài Trung, tôi giảng ở Đài Bắc. Tôi giảng với tiến độ nhanh hơn cụ, vì mỗi tuần cụ chỉ giảng một lần, [mỗi lần] một giờ, vì cụ giảng hai giờ thì đã mất một giờ dịch sang Đài ngữ. Vì thế, một năm cụ chỉ có thể giảng hơn bốn mươi giờ. Tôi giảng tại Đài Bắc, mỗi tuần giảng ba lần, mỗi lần một tiếng rưỡi, không có phiên dịch. Cho nên tôi giảng

một năm bằng thầy giảng bốn năm rưỡi tại Đài Trung, tôi giảng hai năm bằng với thầy giảng chín năm, tiến độ của tôi nhanh hơn. Bất quá, lúc ấy, tôi thường ra ngoại quốc, ra ngoại quốc thì phải ngưng kinh ấy lại, cho nên cứ gián đoạn, rồi lại tiếp tục. Tôi nhớ hình như giảng trước sau mười bảy năm, đứt đứt, nối nối. Bát Thập Hoa Nghiêm giảng phân nửa, Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng phân nửa. Lúc ấy, mỗi tuần tôi giảng Bát Thập hai lần, giảng Tứ Thập một lần. Giảng mỗi ngày, gần như giảng tới mấy bộ kinh. Chính là do các đồng học tìm đến, tôi cũng nhận lời; đâm ra là luyện tập, học giảng. Bình quân mỗi ngày giảng tối thiểu hai giờ, thông thường là ba giờ hay bốn giờ, hằng ngày chẳng nghỉ ngơi, vui sướng, chẳng mệt nhọc. Do vậy, thông suốt một kinh sẽ thông suốt hết thấy các kinh, chưa học qua nhưng có thể giảng, đọc chú giải của cổ nhân là được rồi. Vì thế, công sức nhất định phải dồn nơi một bộ. Khi ấy, ở Đài Trung, tôi bỏ thời gian ba bốn năm nơi kinh Lăng Nghiêm, chuyên tâm nơi một bộ kinh, như vậy thì mới đặt vững cơ sở.

Nếu nay quý vị hỏi tôi, trong hết thấy các kinh, bộ kinh nào hay nhất? Tôi bảo quý vị: Chính là bản chúng ta đang dùng đây, tức bản chú giải Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Tôi vừa mới thừa trình cùng quý vị, trong tác phẩm này, cụ đã trích dẫn một trăm chín mươi ba bộ kinh, luận, chú sớ, nội dung hết sức phong phú. Nếu thật sự học bộ kinh này, kinh nào cũng đều không có vấn đề, thông một sẽ thông suốt hết thấy. Hơn nữa, do bộ kinh này, chắc chắn sẽ đắc độ. Chính mình nắm chắc cầu sanh thế giới Cực Lạc rồi mới giúp đỡ người khác. Giúp người khác, vẫn là dùng một bộ kinh này, vì sao? Khế cơ! Những kinh luận khác chưa chắc có thể giúp đỡ người khác, cũng có thể nói là quý vị có thể thật sự buông xuống được hay không? Thật sự có thể buông xuống thì được. Nếu quý vị chẳng buông phân biệt, chấp trước xuống, bất luận học pháp môn nào cũng chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Trong tâm còn có đôi chút [vướng mắc] sẽ không thoát khỏi lục đạo luân hồi; hễ chuyển thế, bị mê khi cách âm, quên sạch sành sanh những điều đã học trong kiếp trước. Nhất là quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, chắc chắn sẽ đọa trong tam ác đạo. Chính quý vị phải khéo suy nghĩ, Ngũ Giới, Thập Thiện quý vị có làm được hay chẳng? Tổ tông dạy chúng ta Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, quý vị có làm được hay không? Nếu quý vị chẳng làm được, đời sau chắc chắn không được làm thân người, nghĩ đến chỗ này, mới biết thật sự đáng sợ. Một đời trong thế gian này chẳng dài, dẫu quý vị sống đến trăm tuổi, cũng chỉ là một cái khảy ngón tay, thời gian trôi qua quá nhanh, chẳng thành tựu một chuyện gì! Đối với chuyện học Phật mà chẳng thành tựu tức là tạo tội nghiệp, nói như vậy nghĩa là sao? Tôi chẳng làm chuyện gì sai quấy! Quý vị chẳng học thành công, khiến cho đại chúng trong xã hội nhìn vào, thấy quý vị

học Phật suốt một đời, nhưng sau đây vẫn giống hệt như cũ, [như vậy là] quý vị đã phá hoại hình tượng Phật pháp, có tội lỗi hay chẳng? Người học Phật sống trên thế gian, khi chết cũng phải nêu gương tốt cho người thế gian, như thế thì mới chẳng có tội lỗi. Quý vị không thể nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội nhìn vào, khiến cho đại chúng trong xã hội chửi bới, hủy báng Phật giáo, đây là nghiệp nhân khiến quý vị đọa tam đồ, chứ chưa nói tới những chuyện khác! Nếu quý vị muốn biết đôi chút, hãy lật Đệ Tử Quy hoặc Sa Di Luật Nghi ra xem, quý vị đã làm được mấy điều? Quý vị liền biết nghiệp nhân quả báo ở chỗ nào, chẳng cần hỏi ai khác, [mà chính mình] sẽ hiểu rõ rệt. Người học Phật phải xứng đáng với cha mẹ, tổ tông, Phật, Bồ Tát, chẳng phụ lòng lịch đại cao tăng đại đức truyền pháp. Chúng tôi không nói đến thầy, vì hiện thời trong lòng chúng ta, những [người mà quý vị nghĩ xứng đáng] làm thầy quá ít. Nhưng nếu trong lòng chẳng thấy ai đáng làm thầy, người ấy sẽ chẳng học được gì cả! Vì sao? Ấn Quang đại sư đã nói rất tuyệt: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Thầy chẳng cần quý vị phải thành kính đối với thầy, một vị thầy đòi hỏi quý vị phải cung kính sẽ chẳng phải là một vị thầy tốt! Nhưng thầy có thể thấy quý vị có thể thành tựu trong tương lai hay không, đó là gì? Tùy thuộc tâm quý vị được bao nhiêu phần thành kính học tập ở nơi đây, điều đó nhất định tỷ lệ thuận với sự thành tựu của quý vị.

Chúng ta lại xem tiếp về Tam Đức Bí Tạng, Thường là Pháp Thân. *“Tịch tức Giải Thoát đức”*, Giải Thoát là tự tại, *“trần lao vĩnh tịch”* (trần lao vĩnh viễn dứt bật). *“Trần”* (塵) là ý thức, phân biệt, vọng tưởng của quý vị nhiều như bụi đất, Trần cũng là ô nhiễm. *“Lao”* (勞) là nhọc nhằn, đây là nói tới xác thân. [Trần lao] cũng có nghĩa là thân tâm, Lao là nói về thân, Trần là nói về tâm. [*“Trần lao vĩnh tịch”* là] thân và tâm đều buông xuống, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh hiện tiền, quý vị mới tự tại. Do A La Hán chưa chứng đắc Pháp Thân và Bát Nhã, nhưng đã chứng đắc ít phần Giải Thoát, thành tựu Cửu Thế Đệ Định, buông Kiến Tư phiền não xuống, đoạn trừ rồi. *“Quang tức Bát Nhã đức, trí quang biến chiếu cố”* (Quang chính là Bát Nhã đức, vì trí quang chiếu trọn khắp). Quang ấy là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, trí huệ và từ bi trọn khắp pháp giới, trọn khắp hết thấy các vi trần, trọn khắp hết thấy các đầu sợi lông. Do vậy, Thường Tịch Quang là ba đức của Niết Bàn, ba đức ấy được gọi là Như Lai Bí Tạng. *“Đẳng Giác đại sĩ phá tận tứ thập nhất phẩm vô minh”* (Đẳng Giác đại sĩ phá sạch bốn mươi một phẩm vô minh), bốn mươi một phẩm ấy chính là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác như kinh Hoa Nghiêm đã nói. *“Cánh phá tối hậu*

nhất phẩm sanh tướng vô minh” (lại phá một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng), đó là Đẳng Giác. Đẳng Giác Bồ Tát phá một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng. “*Pháp Thân toàn hiển, viên chứng tam đức, triệt bốn tâm nguyên, cứu cánh thanh tịnh, chứng nhập Thường Tịch Quang độ*” (Pháp Thân hiển lộ toàn vẹn, chứng trọn vẹn ba đức, thấu suốt tột cùng nguồn tâm, rốt ráo thanh tịnh, chứng nhập cõi Thường Tịch Quang). Ở đây gọi “sanh tướng vô minh” là “tập khí”. Vô minh là khởi tâm động niệm. Sơ Trụ Bồ Tát đã phá, Sơ Trụ Bồ Tát chẳng khởi tâm, không động niệm, nên minh tâm kiến tánh.

Bốn mươi một địa vị [Pháp Thân đại sĩ] ấy có thật hay không? Nếu có thật, tức là các Ngài còn có phân biệt, chấp trước. Nếu các Ngài chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, lấy đâu ra bốn mươi một phẩm? Thừa quý vị, trong cõi Thật Báo, quả thật chẳng có phân biệt, chấp trước, cho nên chẳng thể nói bốn mươi một phẩm này là có thật. Nếu quý vị nói chúng có thật, trật mất rồi! Quý vị cũng chẳng thể nói chúng không có, vì sao? Tuy đều chứng đến cõi Thật Báo, mỗi cá nhân có trình độ khác nhau. Giống như chúng đi học trong trường, cùng lớp, nhưng trình độ có ngang nhau hay không? Cùng một cấp lớp, lớp học có bốn năm chục học trò, lúc thi cử vẫn là từ hạng nhất tới hạng bét, khác nhau, tuy [cùng học] một lớp. Các bạn đồng học cùng một lớp trong cõi Thật Báo, đi thi vẫn khác nhau, do duyên có gì? Tập khí vô thi vô minh chưa đoạn, trong hội Hoa Nghiêm chúng tôi đã nói rất nhiều, đó là chân tướng sự thật. Vì thế, chẳng thể nói chúng là có, cũng chẳng thể nói chúng là không, biết có chuyện như thế; nhưng Pháp Thân Phật rốt ráo viên mãn có thể làm chuyện gì thì hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo cũng đều có thể làm được, nhất định chẳng thua kém, quý vị biết đó là bình đẳng. Giống như trong phẩm Phổ Môn đã dạy: Phật quả rốt ráo, Đẳng Giác Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, nên dùng thân gì để độ bèn hiện thân ấy. Chẳng do ý nghĩ của chính mình, mà do tùy thuận chúng sanh. Kinh Lăng Nghiêm đã nói rất hay: “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (tùy thuận theo tâm chúng sanh mà ứng hiện với khả năng nhận biết của họ), tùy tâm ứng lượng! Chính mình chẳng khởi tâm động niệm, đương nhiên càng chẳng có phân biệt, chấp trước. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo vừa mới phá vô minh, chúng Pháp Thân, cũng có thể làm giống hết, nên dùng thân gì đặc độ bèn hiện thân ấy, nên dùng thân Phật để độ bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ Tát liền hiện thân Bồ Tát, như nhau! Chẳng sai biệt tí nào, chúng ta nhất định phải hiểu sự thật này, nhất định phải rõ ràng, không nên phân chia cao thấp!

Trong mười pháp giới đều là phàm phu, trong tứ thánh pháp giới là ngoại phàm, trong lục đạo là nội phàm. Vì sao tứ thánh pháp giới thanh tịnh? Vì các Ngài

đều là đệ tử Phật, đều y theo kinh giáo của Phật để tu hành, Phật dạy người ấy làm như thế nào, người ấy thật sự có thể làm được; Phật dạy người ấy đừng làm điều gì, người ấy sẽ tuyệt đối chẳng vi phạm. Vì thế, nhìn bề ngoài rất giống Phật, nhưng trên thực tế chưa phải, vì sao? Vẫn còn dùng A Lại Da, tức vọng tâm, chẳng dùng chân tâm. Dùng chân tâm mới là Phật, dùng vọng tâm thì chẳng phải là Phật thật sự. Vì thế, Thiên Thai đại sư gọi họ là Tương Tự Tức Phật, rất giống Phật, nhưng chưa phải. Chúng ta hiểu điều này! Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vị ấy là chân Phật, chẳng phải là giả Phật, cho nên Thiên Thai đại sư gọi bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ ấy là Phần Chứng Tức Phật, các Ngài là thật, chẳng giả. Không có cách nào đoạn tập khí vô thi vô minh, để mặc nó, một thời gian lâu sau, nó sẽ tự nhiên chẳng còn. Đối với chỗ này, cổ đức gọi là “*vô công dụng đạo*”, vì sao? Chẳng thể khởi tâm động niệm, quý vị muốn đoạn tức là khởi tâm động niệm, trật rồi, càng mê sâu hơn! Vì thế, các Ngài niệm gì cũng đều chẳng có, ý niệm tu hành chứng quả cũng chẳng có. Chuyện của các Ngài là cảm ứng, chúng sanh có cảm, các Ngài bèn ứng. Nói cách khác, nâng cao cảnh giới của chính mình trong sự ứng hóa, đó là gì? Phá tập khí vô thi vô minh của chính mình trong ứng hóa. Cảnh giới này quá vi tế, chúng ta không có cách nào tưởng tượng được cảnh giới ấy! Kinh Hoa Nghiêm đã tiết lộ đôi chút tin tức, đó là từ năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử đã hé lộ đôi chút tin tức. Quý vị thấy từ Sơ Trụ trở lên, Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng, hoàn toàn biểu hiện sự ứng hóa nơi sự tướng. Nếu chẳng chú tâm nơi điều này, quý vị sẽ chẳng thể lãnh hội được! Từ văn tự, quý vị thấy là Sự, nhưng trong ấy có đạo lý rất sâu. Quý vị phải tự mình ngộ nhập đạo lý ấy, chẳng thể nói rõ được! Quý vị có công phu thật sự, sẽ ngộ nhập cảnh giới khác hẳn!

Tôi qua có một đồng tu cho tôi xem một đĩa DVD về chuyện người ngoại quốc làm thí nghiệm với nước. Họ phát hiện nước có ký ức, cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Đối với chúng ta, tin tức ấy rất bình thường, chẳng đáng kinh ngạc tí nào. Điều đó chứng tỏ trong hiện tượng vật chất có Thọ, Tướng, Hành, Thức. Tiến sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm, [đã khám phá] nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người, có phản ứng, cho nên nước có giác tri. Đó là Tánh Đức, tự tánh vốn là như thế. Nhưng sự thấy biết trong lục đạo là mê; lục đạo và mười pháp giới đều đang mê, chúng bị biến thành A Lại Da. Biến thành A Lại Da thì kiến văn giác tri cũng biến đổi, biến thành Thọ, Tướng, Hành, Thức, Tâm Kinh gọi chúng là Ngũ Uẩn. Bất luận hiện tượng vật chất gì cũng đều do Ngũ Uẩn hợp thành, đó là các duyên hòa hợp. Do vậy, chúng ta thấy nước có Thọ, Tướng, Hành, Thức, nó có

cảm nhận, có phân biệt, Tướng là phân biệt; nó có chấp trước, Hành là chấp trước; nó có ký ức, Thức là ký ức. Bất quá, chẳng rõ rệt như động vật. Dùng khoa học rất vi tế để quan sát, sẽ phát hiện nước có Thọ, Tướng, Hành, Thức, điều này hoàn toàn giống hệt như kinh Đại Thừa đã nói. Vì thế, nói theo Đại Thừa Phật pháp, toàn thể vũ trụ kể cả hư không và các hiện tượng tự nhiên thay đều là thể hữu cơ (Organism), sống động, chẳng chết cứng. Trong vật chất có tinh thần, trong tinh thần có vật chất, kinh Hoa Nghiêm đã giảng rất nhiều. Vì thế, đối với hoàn cảnh vật chất chớ nên phá hỏng nó, chớ nên khinh dễ, phải đối đãi tử tế đối với núi, sông, đại địa. Quý vị chẳng khéo đối đãi nó, nó có ký ức, sẽ căm hận. Quý vị phá hoại chúng, chúng cũng phá hoại quý vị. Quả núi vừa lay động, quý vị đã chịu không nổi, thật đấy, chẳng giả đâu! Chúng ta đối đãi hết thay động vật, hoa, cỏ, cây cối, núi, sông, đại địa, vi trần, đều phải giống như đối xử với Phật, Bồ Tát. Chính mình khiêm ty, lễ kính người khác. Chúng ta đối xử tốt đẹp với chúng, chúng sẽ báo đền đẹp đẽ. Nhìn từ chỗ nào? Trong thế giới Cực Lạc, trong thế giới Hoa Tạng.

Quý vị thấy vì sao cõi Thật Báo của chư Phật tốt đẹp dường ấy? Nơi ấy là chỗ ở của bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Quý vị nghĩ xem có vị nào trong các hàng Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị lại chẳng học theo ngài Phổ Hiền? Phẩm thứ hai trong kinh Vô Lượng Thọ là “Đức Tuân Phổ Hiền”. Nguyên thứ nhất trong mười nguyện Phổ Hiền Bồ Tát là lễ kính chư Phật, [nguyện thứ hai là] xưng tán Như Lai, Như Lai là tự tánh. Đối với muôn vật trong trời đất, chúng ta phải khen ngợi, lễ kính, cúng dường, nghiêm túc tu hành thì chính là cúng dường chúng nó. Chúng ta đối xử tốt đẹp với chúng nó, chúng nó sẽ đối xử tốt đẹp với ta. Vì sao thế giới Cực Lạc tốt đẹp như thế? Thế giới Hoa Tạng tốt lành như vậy? Do người nơi ấy đều dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, những tâm ấy là Đại Bồ Đề tâm, thực hiện viên mãn mười nguyện Phổ Hiền. Vì thế, đối với bản thân mà nói thì sẽ là thân Kim Cang bất hoại, thân thể có tướng hảo, có vô lượng tướng, trong mỗi tướng có vô lượng hảo, chẳng phải chỉ là ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Hoàn cảnh cư trụ vô lượng vô tận mỹ mãn, tìm chẳng được mây may khiếm khuyết nào, xứng tánh mà! Thân là Pháp Tánh thân, cõi là Pháp Tánh độ, chúng ta chớ nên không biết điều này.

Vì thế, trong cõi Thật Báo, hiển lộ toàn vẹn Pháp Thân, trong cõi Thường Tịch Quang, còn có gì để nói nữa? Rốt ráo viên mãn. “*Viên chứng tam đức, triệt bốn tâm nguyên, cứu cánh thanh tịnh*” (Chúng trọn vẹn ba đức, thấu suốt tột cùng nguồn tâm, rốt ráo thanh tịnh), mấy câu này viết ở chỗ này khiến cho chúng ta dần dần thấu hiểu trong cõi Thường Tịch Quang không có hình tướng, cũng chẳng

có hiện tượng vật chất, cũng chẳng có hiện tượng tinh thần. Đây chính là bốn câu đầu trong năm câu báo cáo khi Huệ Năng đại sư kiến tánh, không hiện tượng. Không có hình tướng, không có hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần cũng chẳng có, có còn khởi tác dụng hay chẳng? Tôi đã gặp những người đem vấn đề này hỏi tôi, [xin thưa] có tác dụng! Vì sao khởi tác dụng? Chúng trọn vẹn ba đức, thấu suốt tột cùng nguồn tâm, rốt ráo thanh tịnh. Câu thứ ba do Huệ Năng đại sư đã nói là “*vốn tự trọn đủ*”. Đây là Lý. Có lý luận này làm căn cứ, chúng ta chỉ biết nó khởi tác dụng, chúng sanh có cảm, nó bèn khởi tác dụng; chúng sanh chẳng cảm, nó chẳng khởi tác dụng, cảm ứng đạo giao mà! Vẫn là “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*”. Tuy ứng lượng, thị hiện giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh, Pháp Thân vẫn hiển lộ toàn vẹn giống như thế, chúng trọn vẹn ba đức, thấu triệt thông suốt nguồn tâm, rốt ráo thanh tịnh. Vị ấy ở trong cõi Phương Tiện, ở trong cõi Đồng Cư, thậm chí ở trong lục đạo tam đồ, hay địa ngục A Tỳ, vẫn đạt đến thanh tịnh rốt ráo, chẳng nhiễm mảy may. Ở nơi nào cũng đều tùy thuộc chúng sanh mà hiện tượng thuyết pháp, đều do chúng sanh cảm, vị Pháp Thân đại sĩ ấy tự nhiên ứng. Ứng nhưng chẳng có khởi tâm động niệm, đương nhiên càng chẳng có phân biệt, chấp trước. Như vậy là ứng ở chỗ nào? Ứng trong Thường Tịch Quang. Phạm phu nhìn vào sự ứng của các Ngài giống như chúng ta xem TV: Phạm phu nhìn vào sắc tướng hiện trên màn huỳnh quang, còn chính các Ngài thì sao? Chính các Ngài thường ở trong Thường Tịch Quang, tức là màn hình [trong tỷ dụ này], không có gì, thứ gì cũng đều chẳng có. Dần dần chúng ta thấu hiểu đạo lý ấy. Đó là gì? Pháp Thân Phật, chẳng phải là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, Pháp Thân Phật trụ trong Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tuy trụ Thường Tịch Quang, vẫn ứng giống hệt như nhau. Tự tánh là sống động, khởi tác dụng, chẳng phải là không khởi tác dụng. Rất nhiều người sợ nhập Thường Tịch Quang, hiện tượng tinh thần không có, hiện tượng vật chất cũng không có, chẳng phải là hết thảy đều không ư? “Tôi chẳng muốn đến nơi ấy”, [điều này] khiến kẻ ấy chết khiếp. Không phải vậy! Chúng ta vĩnh viễn chẳng có cách nào lý giải cảnh giới ấy, tin tưởng nó có thật, sẽ thật sự có tác dụng to lớn, chẳng phải là tác dụng nhỏ nhoi. Chớ nên sợ nó, đừng kinh hoảng. Hôm nay đã hết thời gian, chúng ta học tập tới đây!

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 31

Giảng ngày 06 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị Pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 32, hàng thứ 5 đếm từ dưới lên. “Phàm phu đời nghiệp vãng sanh đồng cư độ. Dĩ thân văn Phật huân cố, vô thoái chuyển cố, thọ mạng vô lượng cố, cố tất u thử nhất sanh, viên đoạn chư hoặc, viên tịnh tứ độ, cố sanh đồng cư, diệt tức sanh thượng tam độ, cố viết viên sanh tứ độ”

Đoạn kinh văn này tổng kết 4 loại tịnh độ mà chúng ta đã học phía trước, Trong 4 loại tịnh độ này, thù thắng không gì sánh bằng chính là đồng cư độ. Chẳng những là tất cả pháp mà Thế Tôn đã nói 49 năm, đó là điều thù thắng thứ nhất. Dù có ở trong thế giới mười phương, tất cả pháp môn mà vô lượng chư Phật đã nói, đồng cư ở thế giới Cực Lạc là thù thắng thứ nhất. Nếu như chúng ta không tìm hiểu và nhận biết rõ sự việc này, đối với niềm tin sâu sắc, sẽ có cảm xúc khiếm khuyết, chỉ sau khi thông đạt hiểu rõ, thì niềm tin mới được đầy đủ. Tín nguyện viên mãn, giống như Ngâu Ích đại sư từng nói: “nhất định vãng sanh”. Vãng sanh về đồng cư độ, rốt cuộc thù thắng ở điểm nào? Đoạn ngắn này nói cho chúng ta hiểu rõ.

văn trích cung lục— tịnh thổ đại kinh giải diễn nghĩa (đệ tam thập nhất tập)

2010/5/6 đương danh : 02-039-0031

00:01:55,508

“Phàm phu đời nghiệp”, nên biết chúng ta chính là phàm phu, chúng ta không phải là thánh nhân, chẳng những không có phần của đại thánh, mà tiểu thánh cũng không có luôn. Tiểu thánh mà chúng ta còn chưa đạt được, từ điểm này chúng ta cảm nhận sâu sắc, và cũng vô cùng hổ thẹn. Học Phật cách nào? Đầu tiên phải trì giới, không trì giới thì chẳng có căn, cho nên người tại gia học Phật có 3 căn, người xuất gia học Phật có 4 căn. Thứ hai phải tu tập, phải thật sự tu tập, bạn mới thành tựu được. Thật sự tu tập, chúng ta đời nghiệp cầu vãng sanh, đó chính là cần phát nguyện, cần niệm Phật. Ba điều kiện, tín- hạnh- nguyện, bạn phải có đầy đủ. Chân thật phát nguyện, nguyện này làm sao mà có? Biết được thế gian này là khổ, khổ không nói hết, biết được khổ, chúng ta mới phát nguyện thoát ly khỏi thế giới này, thế giới này có quá nhiều thứ cám dỗ, tài sắc danh thực thù ngũ dục lục trần cám dỗ, biết được khổ là không bị cám dỗ. Nếu tôi muốn được

những sự hưởng thụ của thế gian, thì chính mình nên nghĩ xem, phải trả giá như thế nào? Có đáng không? Không đáng! Tuy làm đến bậc Quốc Vương ở trên thế gian này. Người ta thường nói rằng: “quí vi thiên tử, phú hữu tứ hải”, bạn có thể hưởng thụ được mấy năm? Đại khái trong lịch đại đế vương, người hưởng thụ lâu nhất không ai ngoài Khang Hy. Khang Hy làm hoàng đế 61 năm. Vua Càn Long không dám vượt quá ông mình, nên làm 60 năm, đem vương vị giao cho con trai, còn bản thân làm Thái thượng hoàng 4 năm rồi cũng ra đi. Cho nên bạn nghĩ xem, có thể hưởng thụ bao lâu? Sau khi hưởng hết phước báu thì đi về đâu? Không ra khỏi luân hồi lục đạo. Đã không ra khỏi luân hồi lục đạo, thế thì có thể đoán biết được, đời này qua đời khác, chúng ta nói kiếp, kiếp này qua kiếp khác, đó là sự thật. Đó chính là cái giá mà bạn phải trả, tạo phước bao nhiêu đời, mới có được một đời làm đế vương, một đời hưởng hết phước rồi, lại phải đọa lạc bao nhiêu đời nữa, hà tất phải như vậy? Đây là việc chúng ta phải nhìn thấu hiểu rõ, cho nên chẳng những ngôi vị đế vương của thế gian, không thể cảm dỗ được chúng ta. Đại Phạm Thiên vương, Ma Ê Đầu La Thiên vương, cũng không thể dụ dỗ được một người tu hành, người tu tập giác ngộ, hiểu rõ. Thế gian vô lượng kiếp bất quá chỉ là một khay móng tay mà thôi, phải nên xác định rõ mục tiêu và phương hướng, quyết định trở về tự tánh, trở về đại viên mãn, tự tánh là đại viên mãn. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Thế Tôn có dạy chúng ta rằng: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”, chúng ta phải tìm lại cái này, cái này vốn sẵn có, sẵn có nên nhất định phải tìm lại. Lục đạo và thập pháp giới vốn không có, đó chỉ là một cơn ác mộng, ác mộng nên chắc chắn có thể tỉnh lại, tỉnh lại thì không còn nữa, chúng ta tin rằng, thật sự tỉnh lại trong tâm có đủ; Lục đạo khổ, thập pháp giới khổ, đây là một cơn ác mộng. Cho nên thức tỉnh lại không dễ dàng, thật sự thức tỉnh lại đi. Chúng ta rất may mắn, không dễ dàng chút nào, nghe được lời giáo huấn của chư Phật Bồ tát, hiểu rõ được chân tướng sự thật, không cần đoạn hoặc mà có thể chứng chơn, chơn này là pháp hy hữu khó tin. Đồng cư của Cực Lạc, là Tịnh Độ chứ không phải là uế độ, cho nên đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn sẽ được 3 điều lợi, 3 điều lợi này không gì sánh bằng. Điều lợi thứ nhất, là đích thân nghe Phật thuyết pháp, điều này không dễ gì gặp được. Nghe Phật nào nói pháp vậy? Nói cho quí vị biết, đến thế giới Cực Lạc nghe báo thân Phật thuyết pháp. Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, tam thân tức là nhất thân, nhất thân tức là tam thân. Chúng ta ở thế gian này, tuy được sanh cùng thời với Phật Thích Ca Mâu Ni, có duyên gặp được Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật Thích Ca Mâu Ni là ứng hóa thân, đích thân bạn nghe được Pháp thân, báo thân Phật vì bạn thuyết pháp, làm sao có lý không khai ngộ được. Điều lợi thứ hai là bất thoái chuyển, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc là chứng được bất thoái chuyển, cho nên đức Phật dạy chúng ta, phàm thánh đồng cư độ, hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng là làm A Duy Việt Trí Bồ tát, điều này rất khó. Chúng ta không thể thành tựu ở thế gian này, nguyên nhân vì sao vậy? Là ở chỗ tiến bộ quá ít, thoái bộ lại quá nhiều, đúng là tiến một bước lùi 10 bước, cho nên không dễ gì thành tựu. Điều lợi ích thứ ba là “thọ mạng vô lượng”, thế

giới Tây Phương Cực Lạc, thật sự là vô lượng thọ, không phải là số vô lượng của hữu lượng, mà là số vô lượng thật sự. Cho nên nhất định trong đời này, trong đời này phải sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Viên đoạn chư hoặc, viên mãn đoạn hết kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc. Trong Kinh Hoa Nghiêm cũng có dạy: Đoạn hết chấp trước, phân biệt, vọng tưởng. Viên tịnh tứ độ, viên mãn chứng đắc thanh tịnh tứ độ. Nhất tức là tứ, tứ tức là nhất, cho nên sanh đồng cư, chính là sanh thượng tam độ, đồng thời sanh thượng tam độ. Viên sanh tứ độ, là trong đời này thành tựu viên mãn. Chúng ta nhận thức được như vậy, nhận biết được như vậy, làm sao không thể vãng sanh? Trong đời này chúng ta có thể đạt được không? Được, chắc chắn đạt được, vấn đề ở chỗ bạn có muốn hay không, cái muốn hay không muốn này, chính là cái bạn có thật sự nhận biết hay không? Sau khi thật sự nhận biết thế gian này, bạn mới thật sự buông bỏ được, thế gian này còn có điều gì không buông bỏ được Nói cách khác, đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc, bạn nhận biết mơ hồ không rõ ràng, nếu thật sự nhận biết rõ ràng, thì đâu còn gì để nói nữa? Chắc chắn thành tựu, buông bỏ hết tất cả. Sau khi buông bỏ, công việc của chúng ta bây giờ, vừa rồi cũng có đề cập đến; thứ nhất là phải hiểu rõ vấn đề căn bản, nền tảng. Có bốn căn; Cấm Ưng Biến, Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp, Sa Di Luật Nghi, trì giới. Có những nền tảng này, thật sự làm, không làm không xong, thật sự làm chính là phát Bồ Đề Tâm, nhất hướng chuyên niệm. Thứ ba là hoàng kinh, đây là đại thừa, câu nói cuối cùng của đại thừa là: “khuyến tấn hành giả”. Tịnh nghiệp tam phúc, tổng cộng 11 câu. 10 câu trước đều là tự lợi, câu cuối cùng là lợi tha. Minh thành tựu rồi thì nhất định phải giúp đỡ người khác, chính là tự hành hóa tha, câu cuối cùng này, bạn đã hoàn toàn vào được cảnh giới rồi. Thâm tín nhân quả, đọc tụng đại thừa, khuyến tấn hành giả. Bạn phải giúp đỡ tất cả người tu hành, phá mê khai ngộ, hiểu rõ chân tướng sự thật, giống như chính mình vậy, phát nguyện cầu sanh tịnh độ, như vậy mới đúng. Giống như con đường tu tập của mười phương ba đời tất cả chư Phật, một phương hướng, một con đường, thì làm sao không thành công được!

Tiếp tục coi đoạn kế tiếp. “hựu thử độ tu hành nan, thoái duyên đa cố, xú xú chương ngại”. Chương ngại nghĩa là sao? Chính là giúp cho bạn thoái chuyển, cũng chính là rất nhiều cám dỗ. Nếu bạn không thắng được sự cám dỗ, là bạn thoái chuyển. Ai cám dỗ bạn vậy? Ma đang cám dỗ bạn, oan thân trái chủ đều là ma, bạn ở thế gian này, đời này kiếp kia thiếu nợ họ quá nhiều, họ mê hoặc điên đảo, họ muốn báo thù, họ muốn đòi lấy. Nợ mạng phải đền mạng thiếu tiền phải trả tiền, không trả, thì họ không cam lòng đâu, thường đến làm phiền bạn, huống là còn có đại Ma Vương ở phía sau, làm chỗ nương tựa của họ. Chúng ta cũng quá mê, mê quá sâu nặng, chư Phật bồ tát muốn giúp cũng không thể giúp được, chẳng phải chư Phật bồ tát không giúp bạn, mà là không giúp được. Làm sao không giúp được vậy? vì bạn không tin tưởng, không nghe lời. Không thắng được sự cám dỗ, thế là xong, bị thoái chuyển thôi. Cho nên người tu đạo nhiều như lông Ngưu, người đắc đạo thì ít như sừng Lân. Vì sao vậy? thoái chuyển rồi! Cái lý ở chỗ

này. Thế giới ngày nay, những thứ mà lục căn của bạn tiếp xúc, bạn quán sát kỹ mà xem, cái nào chẳng phải là sự cám dỗ của danh văn lợi dưỡng? chẳng phải là sự cám dỗ của tài sắc danh thực thù chứ? Bạn có thể chịu đựng được, có thể thắng được sự khảo nghiệm này chăng? Cho nên người thoái chuyển rất nhiều, đó là hiện tượng rất bình thường. Thật sự bất thoái chuyển chỉ có hai hạng người; Hạng thứ nhất là người nhiều đời trong kiếp quá khứ đã tu tập, thiện căn thâm hậu, hạng người này bất thoái chuyển. Hạng người thứ hai chính là huân tập kinh giáo, tuy Túc Thế Thiện Căn chưa sâu dày, nhưng đời này có nhân duyên thù thắng. Không ngày nào xa rời kinh giáo, loại huân tập này cũng phải có nền tảng, nền tảng là gì vậy? Nền tảng chính là căn tốt, trồng sâu bốn căn, Hạnh Nguyên Chân, Phát Bồ Đề Tâm, Nhất Hướng Chuyên Niệm, làm thiệt! Có nền tảng như vậy, hàng ngày không rời kinh giáo, tự hành chính là hóa tha, hóa tha chính là tự hành. Học tập kinh giáo, nhất định phải tuân theo quy củ xưa, phương pháp xưa, Trung Quốc từ xưa tới nay, chưa từng thấy một người nào, rời phương pháp xưa mà thành tựu, không thấy. Phương pháp xưa là do tôn giả A Nan để lại. Tôn giả A Nan kiết tập kinh tạng, ngài lên pháp tòa giảng kinh, ngài giảng như thế nào? Giảng lại, không có ý riêng của mình. Trên pháp tòa, thêm vào ý của mình, sai rồi! Vì sao vậy? Ý của mình từ đâu mà có? Từ tâm ý thức mà có. Đức Phật khi còn tại thế, kinh giáo, những thứ ngài giảng từ đâu mà có? Từ tự tánh lưu xuất ra. Bạn chưa chuyển thức thành trí, bạn giảng từ A Lại Da thức lưu xuất ra. Tự tánh lưu xuất là sự lưu xuất của chân tâm, A Lại Da lưu xuất là sự lưu xuất của vọng tâm, dùng vọng tâm thì làm sao bạn có thể thành tựu được. Cho nên đạo Phật đời đời kiếp kiếp giảng kinh, đều tuân theo quy củ xưa này, tự tánh lưu xuất, chúng ta vẫn chưa kiến tánh thì làm sao đây? Chưa kiến tánh, nên y theo phương pháp của người xưa mà giảng, đừng thêm suy nghĩ của riêng mình vào trong đó, đó là cách giảng lại, đều như thế mà thành tựu, ngay cả thời cận đại này cũng thế thôi.

Tôi còn nhớ năm 1977, lần đầu tiên nhận lời mời của người bạn người Hongkong, là Pháp Sư Thánh Hoài, năm ngoài ngài vắng sanh rồi, mời tôi sang Hongkong giảng Kinh Lăng Nghiêm. ở Hongkong tôi gặp pháp sư Diễn Bối, pháp sư Diễn Bối khi đó là đại pháp sư, rất nổi tiếng, tứ chúng đồng tu ở Hongkong thuê một chiếc xe lớn, đưa ngài đi tham quan khắp Hongkong, đúng dịp tôi giảng kinh ở Hongkong nên mời luôn cả tôi, tôi quen biết Diễn công. Tôi và Diễn công nói chuyện Phật Học Viện, ngài nói Phật Học Viện không đào tạo được nhân tài, ngài chỉ tôi nói, ngày nay thầy giảng kinh ở đây, thầy không phải là người xuất thân từ Phật Học Viện. Không sai, chúng tôi đều xuất thân từ chỗ trùng tuyên lại. Ở Đài Trung của chúng tôi, thầy giáo Lý mở một lớp học kinh, có hơn hai mươi học sinh học giảng kinh, giảng cách nào? Trùng tuyên lại. Vào thời đó rất khó khăn, không có thâu âm, thâu hình, những thiết bị này đều không có. Nhờ vào cái gì? Nhờ vào ghi chép. Ai tài giỏi thì ghi chép lại toàn bộ những gì thầy giảng, ai không có khả năng này, thì các bạn giúp đỡ lẫn nhau. Thầy giáo giảng bộ kinh này, dạy các bạn

giảng, mỗi vị học sinh đều ghi chép , nhưng mà phương pháp của thầy giáo là mỗi lần kêu hai người, hai người này ngồi trước mặt thầy, có nghĩa là nhưng người khác đều là dự thính, chỉ dạy 2 người này. Sau khi hai vị này học xong, đến tuần sau lên bục giảng giảng cho mọi người cùng nghe, không được có ý kiến của riêng mình, không ghi chép kịp, thì các bạn giúp cho, tất cả các bạn ghi xong rồi đưa hết cho người này, người này đem về soạn lại, viết thành một bài giảng hoàn chỉnh. Sau khi viết xong bài giảng này, giảng cho cả lớp nghe một lần, có cả thầy giáo đến nghe, trong khi giảng, có chỗ cần sửa, có chỗ cần thêm, sau đó soạn lại bài giảng lần thứ hai. Bài giảng lần thứ hai này, vẫn phải lên bục giảng giảng lại cho các bạn cùng nghe, mọi người đồng ý, là được rồi. Lần thứ ba là lên pháp tòa giảng cho phật tử nghe, một tuần giảng một lần, mỗi lần 1 tiếng đồng hồ, mà phải bỏ ra thời gian 1 tuần lễ, phương pháp này rất đần độn, nhưng lại rất hữu hiệu. Bài giảng 1 giờ đồng hồ, phải viết 8 ngàn chữ, mỗi tuần phải viết bài giảng 8 ngàn chữ, trên thực tế thì không đến 2 giờ đồng hồ, mà là một giờ rưỡi, một giờ rưỡi, một người giảng tiếng phổ thông, một người giảng tiếng Đài. Giống như là phiên dịch, nhưng thực ra là cùng một bài giảng, hai người lên giảng. Trên thực tế thời gian giảng kinh là 45 phút, bài giảng 8 ngàn chữ, không dễ đâu, khổ học mà ra đó. Học giảng kinh, đại khái là một bộ kinh, thầy giáo quy định, ít nhất không dưới 3 lần, nhiều nhất không thể quá 10 lần. 10 lần là hai tháng, mỗi tuần 1 lần, 3 lần là 3 tuần rồi, rất có hiệu quả! Học tập giảng kinh vào thời đó, đúng như lời thầy Lý từng nói, ăn cơm không biết ngon dở, ngủ không yên giấc, thời gian 1 tháng, hơn một tháng, toàn tâm toàn lực đều để vào kinh, đó gọi là khổ học. Cho nên điều kiện cơ bản để giảng kinh, thứ nhất, lý giải hay, trí nhớ tốt, không có hai điều kiện này thì không thể giảng kinh được. Học sinh nghe kinh rất nhiều, người giảng kinh được tuyển chọn từ trong những học sinh nghe kinh đó, người đó có hai điều kiện này, nghe kinh có thể lý giải, có thể ghi nhớ, không có hai điều kiện này thì không thể nào học giảng kinh được Tôi theo học lớp này, học tập ở lớp này, học được rất nhiều, tôi vẫn chưa đến lượt thầy giáo dạy mình giảng kinh, có nghĩa là tôi vẫn chưa có tư cách ngồi trước mặt thầy giáo, là phải lên bục giảng giảng, tôi thì ngồi phía sau, ngồi phía sau nghe ké thôi. Tôi may mắn ở chỗ, chính là có đủ hai điều kiện trên, tôi lý giải được, và trí nhớ rất tốt. Tôi nghe thầy giáo giảng 1 tiếng đồng hồ, kêu tôi trùng tuyên lại, thì ít nhất tôi cũng có thể giảng được 55 phút, tôi có năng lực đó. Cho nên các bạn cùng học trong lớp, tôi đã giúp đỡ cho họ rất nhiều, họ bỏ sót hoặc quên mất đoạn nào đều đến tìm tôi, tôi đã nhiều lần nói với các bạn, khi tôi học giảng kinh, 1 tháng là 1 bộ kinh. Tôi ở Đài Trung 15 tháng, một năm 3 tháng, tôi học được 13 bộ kinh, 13 bộ kinh này tôi đều giảng được. Tôi chỉ ngồi nghe ké thôi, vì cách dạy của thầy giáo là theo thứ tự trước sau, tôi là người sau cùng gia nhập vào lớp này, cho nên tên tôi sau cùng, chưa đến lượt mình, là tôi đã đi rồi. Khi đó nhân duyên xuất gia thành thực, cho nên xuất gia xong là tôi đi dạy ở Phật Học Viện. Tôi học được 13 bộ kinh, có thể giảng được 13 bộ kinh, đi dạy Phật Học Viện, trùng tuyên lại rất vất vả, nhưng hiệu quả cao. Nếu không học từ cách này, trong đạo Phật nói, xuất thân từ Khoa Ban, đó là hoàn toàn học theo quy củ, không học theo

quy củ thì rất khó khăn. Giảng kiến thức của thầy giáo, giảng kiến thức của người khác, cho nên lần này, là lần thứ 11 tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ. Tôi giảng lại kiến thức của thầy giáo, không có kiến thức của riêng mình, diễn nghĩa. Kinh, là của Hạ Liên lão cư sỹ hội tập, Hạ lão là ai vậy? Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ biết, không nói, không nói thì tốt. Đều là chư Phật Bồ tát tái lai, không phải những vị tái lai thì không thể làm được những việc này đâu. Bạn coi, Vương Long Thư đời Tống làm rồi, Ngụy Mặc Thâm đời Thanh làm rồi, Bành Tế Thanh cũng từng thưởng thức, đều không đầy đủ, đều có khiếm khuyết. Đến lần thứ 3 này, Hạ lão cư sỹ hội tập lại, tốn mất bao nhiêu thời gian? 10 năm. Không dễ dàng! Đó là làm mẫu cho chúng ta, làm gương cho chúng ta. Khiêm hạ, từ tốn. Hoàng Niệm Lão thọ nhận lời phó chúc của thầy giáo, chú giải bộ kinh này. Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, đích thân nghe Hạ lão giảng kinh Vô Lượng Thọ. Thu tập kinh luận, các vị Đại Đức chú thích, giảng thuật, tổng cộng có 193 loại, làm dẫn chứng, đây là Bồ tát tái lai, chứ không phải là phàm phu. Họ xuất hiện ở thế gian này, sứ mệnh duy nhất, chính là hoàn thành công việc này. Bộ kinh giải này, phổ độ chúng sanh sau thời mạt pháp 9 ngàn năm, đồng quy Cực Lạc, nhân duyên này thù thắng quá! Tôi ở Đài Trung 10 năm, thân cận thầy Lý, nhân duyên đó cũng hy hữu không gì sánh bằng, gặp được pháp môn này, gặp được bộ kinh giải này, tôi gặp được, vẫn chưa gặp được cuốn chú giải của Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, tôi gặp được cuốn chú thích của thầy Lý, tôi dùng lời chú thích của thầy ấy giảng 3,4 lần, mới gặp được cuốn chú giải của Hoàng lão cư sỹ, lần này hoàn toàn giảng chú giải, làm theo các vị đại đức ngày xưa từng nói: “thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ”, không có cái gì của mình hết. Kinh là của Phật nói, giải là của Bồ tát nói. Học sự khiêm hạ và cung kính của người xưa, thì con đường tu tập của chúng ta sẽ dễ dàng, thì không phải là con đường khó đi nữa.

Chúng ta học tiếp, “Cực Lạc thành Phật dị, vô thoái chuyển cố”. vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Vì sao phải vãng sanh? Là vì cái này, không lấy thế giới Tây Phương Cực Lạc, tu hành quá khó. Mười phương tam thế nhất thiết chư Phật Như lai, đều hướng dẫn người tu hành cầu sanh Tịnh độ. Chư Phật như lai không ích kỷ, không vì mình, đều muốn giúp cho người khác thành tựu, nơi nào nhân duyên thù thắng thì giới thiệu cho chúng sanh đi về đó. Niệm niệm đều nghĩ độ chúng sanh, niệm niệm đều mong chúng sanh quay đầu, chúng sanh thành Phật, không bao giờ nghĩ đến bản thân mình. Trong kinh phẩm Vãng Sanh Chánh Nhân có dạy rằng: “chư vãng sanh giả, giai đắc A Duy Việt Trí, viên chúng tam bất thoái”. “chư vãng sanh giả”, câu này rất quan trọng, tứ độ tam bói cửu phẩm, bất luận là phẩm vị nào, bất luận là chúng sanh có căn tánh gì, chỉ cần bạn có thể vãng sanh về thế giới Cực Lạc, hạ hạ phẩm ở đồng cư độ cũng tốt, cũng là Bồ tát A Duy Việt Trí, đều có kim sắc thân đầy đủ 32 tướng tốt, đều được làm Phật, đó là khẳng định. Ý câu này nói rằng phàm thánh đồng cư độ, vì sao vậy? Kim sắc thân, 32 tướng, đều có nơi đồng cư độ. Tướng của người vãng sanh giống như tướng của Phật A

Di Đà vậy. Cõi Cực Lạc hơn các cõi khác trong mười phương, phàm phu đời nghiệp sanh về cõi này, bèn được A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí, dịch là bất thoái. A Duy Việt Trí là tiếng Phạn, dịch thành tiếng Trung có nghĩa là bất thoái chuyển, vị bất thoái, hành bất thoái, niệm bất thoái. Dưới đây nói, bất thoái có 3 nghĩa, đã giải thích cho chúng ta, bất thoái có 3 nghĩa. Thứ nhất, vị bất thoái, “nhập thánh lưu”, thánh nhân, thánh lưu, khu vui chơi của thánh nhân. Phải cần điều kiện gì? Ở thế giới của chúng ta đây phải đoạn kiến hoặc, bạn mới có thể nhập thánh lưu. Thánh lưu là sơ quả của Tiểu thừa, còn Đại thừa thì kinh Hoa Nghiêm có ghi, đó là Bồ Tát Sơ Tín trong Thập Tín, trong Phật pháp gọi là tiểu tiểu thánh, sơ quả. Phải buông bỏ thân kiến, không nên chấp trước thân là của mình, phải buông bỏ biên kiến, quyết định không có niệm đối lập, không đối lập với mọi người, không đối lập với sự việc, không đối lập với tất cả vạn vật, buông bỏ hết. Kế đến buông bỏ thành kiến, chính là ý kiến của riêng mình, không có ý kiến của riêng mình. Thành kiến lại chia làm, thành kiến của nhân và thành kiến của quả. Thành kiến của nhân gọi là giới thủ kiến, thành kiến của quả gọi là kiến thủ kiến, hai loại thành kiến lớn này đều không có. Các vị nên biết rằng, tâm thanh tịnh hiện tiền, vừa mới hiện tiền, thanh tịnh bình đẳng giác, tất cả những kiến giải sai lầm, đều buông bỏ hết. Vì sao vậy? Hoàn toàn nương vào sự giáo huấn của Thánh giáo, đối với Thánh giáo không hề nghi hoặc. Thông thường người ta học Phật khó khăn, cho rằng trong kinh điển có ý kiến riêng của mình, cho rằng không thích hợp với xã hội hiện đại, mấy câu này không thích hợp với sự tu tập của chúng ta ngày nay. Họ đã khởi tâm như vậy. khởi tâm như vậy thì sẽ bị chướng ngại, không thể nhập vào Thánh lưu, họ khởi phiền não, khởi phân biệt, khởi chấp trước. Nếu chúng ta đối với kinh giáo, không khởi phân biệt, không khởi chấp trước, như thế là đúng. Khó! Vô cùng khó! Đặc biệt là giới luật, đối với giới luật tôi có niềm tin. Chương Gia đại sư bỏ ra 3 năm trời, Ngài là người có trí huệ, thiện xảo phương tiện, vì tôi theo đạo Phật, là bước vào từ con đường học thuật. Học triết học với thầy Phương, ở trong đây có sự phân biệt chấp trước nghiêm trọng, thầy Phương khi đó cũng có, thầy nói: Trong Phật pháp, có một bộ phận là triết học cao thâm, còn có một bộ phận là Tôn giáo mê tín. Những thứ đó chúng ta nên bỏ đi, cho nên trong 10 tôn giáo, thầy Phương chỉ chú trọng Tánh tông và Tướng tông, hai tông Tánh, Tướng là triết học. Tôi chịu ảnh hưởng của thầy rất nhiều, đặc biệt là đối với giới luật, giới luật là chuẩn mực trong cuộc sống hàng ngày. Trung Quốc và Ấn Độ, trong ngoài không giống nhau, người Trung Quốc có chuẩn mực của người Trung Quốc, ngoại quốc có chuẩn mực của ngoại quốc. Chuẩn mực của người Trung Quốc, từ thời đạo Nho nói về Lễ, đó là chuẩn mực của Trung Quốc. Còn Lễ, thì mỗi thời mỗi khác, Lễ của 3 đời đều có sửa đổi, phải thích hợp với tình trạng sinh hoạt hiện tiền, giống như pháp luật vậy, cứ cách một năm là phải sửa lại một lần. Như người xưa hành lễ, kính lễ nhất là tam quý cửu khẩu đầu, vào thời đó, còn thời nay chúng ta kính lễ nhất là vái ba vái. Trung Quốc và ngoại quốc không giống nhau, thời xưa và thời nay không giống nhau. Cho nên chúng ta chỉ cần học ở chỗ tinh thần, không cần học ở phương thức, thành kiến của chúng ta rất sâu dày, phân biệt chấp

trước cũng rất nghiêm trọng. Chương Gia đại sư biết được căn bệnh của những người trẻ chúng ta, không thể nói, có nói chúng ta cũng không chịu nghe, có nói cũng vô dụng. Thiệt xảo phương tiện của Ngài, mỗi lần tôi đến thăm Ngài, khi ra về ngài đều đưa đến cổng, đưa đến cổng rồi nói với tôi một câu: “giới luật rất quan trọng”, Ngài chỉ nói một câu này, cho nên câu này, tôi nghe rất quen thuộc, tôi đã nghe mấy chục lần rồi. Thầy giáo vãng sanh rồi, tôi theo thầy 3 năm, lúc tôi theo thầy, thầy 65 tuổi, 68 tuổi thì thầy ra đi, tôi theo thầy năm đó tôi 26 tuổi. Khi hỏa táng thầy, đơn độc làm một đài hỏa táng riêng, tôi và Cam Châu Hoạt Phật, cùng với mười mấy người nữa, dựng mấy túp lều bên lò hỏa táng, tôi ở trong lều 3 ngày, tôi xin nghỉ 3 ngày, ở đó 3 ngày, ở đó suy nghĩ kỹ, tôi theo thầy 3 năm, thầy đã dạy tôi những gì? Vừa phản tỉnh, ấn tượng sâu đậm nhất chính là câu “giới luật rất quan trọng”, thầy đã nhắc nhở tôi mấy chục lần, tôi đã cố gắng tìm giới luật của đạo Phật đọc, nghĩ ra một việc, Phật pháp là pháp xuất thế gian, ngày trước chúng tôi lấy pháp thế gian để nhìn pháp xuất thế gian, thậm chí còn mang theo một chút phi báng trong đó nữa. Sai rồi! Thế gian pháp và xuất thế gian pháp không giống nhau. Thế gian có thiên lưu biến hóa, chuẩn mực trong cuộc sống có thay đổi, xuất thế gian thì không thể thay đổi, xuất thế gian mà thay đổi thì không thể xuất được thế gian đâu. Tôi nghĩ tới điểm này, tôi đã tiếp nhận được, dụng công học tập, bởi vì thế gian không đoạn phiền não, không đoạn, xuất thế gian thì nhất định phải đoạn, bạn không đoạn thì không thể xuất thế. Sau này mới biết được, luân hồi từ đâu mà có? Luân hồi là do phiền não kiến tư hoặc biến hiện ra. Nói cách khác, là từ chấp trước mà có, nếu chúng ta thật sự buông bỏ chấp trước, thì kiến giải, tư tưởng của chúng ta không sai lầm, lục đạo sẽ không còn nữa. Lục đạo là cách suy nghĩ sai lầm của chúng ta, cái thấy sai lầm của chúng ta biến hiện ra. Cái thấy sai lầm quá nhiều, đức Phật chia chúng thành 5 loại: Thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Buông bỏ được hết 5 loại thấy này, thì mới chứng được quả vị Tu Đà Hoàn, nhập thánh lưu, bất đọa phạm địa. Không ra khỏi lục đạo, nhưng thế nào đây? Bạn đã chứng được sơ quả tiểu thừa rồi, bạn ở thế gian này, bảy lần lui tới cõi trời cõi người tu tập, bạn sẽ chứng được quả vị A la hán, quyết định không đọa vào ba ác đạo, cho nên gọi là thánh nhân, vị bất thoái.

Thứ hai là hành bất thoái, trừ kiến tư hoặc, phục đoạn trần sa, hằng độ chúng sanh, bất đọa tiểu thừa địa, đó là Bồ tát. Đoạn hết kiến tư phiền não, đoạn hiết kiến tư phiền não tương đương với A La hán, nhưng người này không phải A la hán, đây là giảng Đại thừa, Tịnh tông là Đại thừa. đại thừa là quả vị gì? Trong kinh Hoa Nghiêm nói là Bồ tát Thất Tín Vị, nhập thánh lưu là sơ tín vị. Giống như tiểu học, lớp 1 của tiểu học là nhập thánh lưu, hành bất thoái vị là lớp 7, lớp 7 trở lên. Vì sao vậy, vì người này giáo hóa chúng sanh, ra khỏi lục đạo rồi, Lục Tín vẫn chưa ra khỏi lục đạo, vậy lục tín ở đâu? Ở chỗ trong kinh giáo thường nhắc tới đó là Tứ Thiên Thiên tu tập, người này không xuống, ở Tứ Thiên Thiên. Trong Tứ Thiên Thiên, có một loại gọi là Ngũ Bất Hoàn

Thiên. Tứ Thiên Thiên có chín tầng, có chín tầng thiên, tầng trên cùng là Ngũ Bất Hoàn Thiên, là nơi các vị A Na Hàm ở đó tu tập. Người lợi căn thì ngay nơi đó chứng quả A La Hán, thoát ly lục đạo, nếu là các vị độn căn, thì còn phải thông qua Tứ Không Thiên, phía trên vẫn còn 4 tầng phải thông qua, lợi căn thì không cần phải thông qua, từ Tứ Thiên trực tiếp đến Thanh Văn, Thanh Văn trong Tứ Thánh, người này đến được đó, là thoát ly sanh tử luân hồi, người này độ chúng sanh, cho nên không đọa nơi tiểu thừa, tiểu thừa chỉ lo cho mình, thành tựu cho mình, không hề nghĩ tới việc giúp người khác, cho nên Bồ tát trong kinh Hoa Nghiêm, niệm niệm không rời chúng sanh, đó là hành bất thoái.

Thứ 3 niệm bất thoái, phá vô minh, hiển Phật tánh, đoạn hết vô thi vô minh. Trong hội Hoa Nghiêm chúng ta thường nhắc đến, “bất khởi tâm, bất động niệm”. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, thấy rõ, nghe hiểu, đó là Huệ, quyết định không hề khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm còn không có, thì làm sao có phân biệt chấp trước? Cho nên ba loại phiền não lớn này đều đoạn tận, kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não đều đã đoạn hết, không Còn Thập Pháp Giới nữa, siêu việt Thập Pháp Giới, người này đi đâu? Đến Nhất Chân Pháp Giới, người này đến Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Chư Phật Như Lai. Từ Sơ Trụ, Sơ Trụ của Viên Giáo, cho đến Bồ tát Đẳng Giác đều ở đó, đều ở nơi Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Hiển Phật tánh tức là kiến tánh, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. “niệm niệm lưu nhập Như Lai quả hải”, Như Lai quả hải chính là Tự Tánh, cũng chính là Thường Tịch Quang mà trong Tịnh độ chúng ta thường nói, niệm niệm lưu nhập Thường Tịch Quang, đó là 3 loại bất thoái.

Ba loại bất thoái trên đây, nếu ở nơi này tu hành, ở thế giới này của chúng ta tu tập. Tu là tu hành, sửa đổi những hành vi sai lầm, tư tưởng sai lầm, đó là tu. Trì là bảo trì. “tu đoạn kiến hoặc”, bắt đầu từ chỗ này, “như sơ quả của Tạng Giáo, quả Tu Đà Hoàn. Kiến địa của Thông Giáo, Sơ Trụ của Biệt Giáo, Sơ Tín của Viên Giáo, gọi là Vị Bất Thoái. Đây là nói đến tứ giáo Tạng Thông Biệt Viên, Tu Đà Hoàn của tiểu thừa là Tạng Giáo, Tạng Giáo là tiểu thừa, công phu đoạn chúng của họ, Tu Đà Hoàn tương đương với Kiến Địa Bồ tát của Thông Giáo, Sơ Trụ Bồ tát của Biệt Giáo, Sơ Tín Bồ tát của Viên Giáo, công phu đoạn phiền não của họ, là bình đẳng, là ngang nhau, nhưng trí huệ không giống nhau, không tương đồng, trí huệ cao nhất là Sơ Tín của Viên Giáo, trí huệ kém nhất chính là Sơ quả của Tạng Giáo. Chúng ta nên biết điều này, Bồ tát Thông Giáo, Thập hồi hướng Bồ tát của Biệt Giáo, Thập Tín Vị Bồ tát của Viên Giáo, gọi là Hành Bất Thoái. Họ sẽ không thoái chuyển thành tiểu thừa, họ sẽ không thoái chuyển thành tiểu thừa. Sơ Địa của Biệt Giáo, Sơ Trụ của Viên Giáo, gọi là Niệm Bất Thoái, trong đây không có Tạng Giáo, cũng không có Thông Giáo. Sơ Địa Bồ tát của Biệt Giáo, công phu đoạn chúng giống như Sơ Trụ của Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng được một phần Pháp thân, đó là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Nói cách khác, Phật của Tạng Giáo và Phật của Thông Giáo ở đâu? Ở Thập Pháp Giới, là Phật trong Thập Pháp Giới. Không ra khỏi Thập Pháp Giới, cho nên nói tương tự tức Phật, không phải là thật, người này

không chuyên A Lai Ya thức thành Đại Viên Cảnh Trí, đúng là không chuyên, nhưng Sơ Trụ của Viên Giáo và Sơ Địa của Biệt Giáo thì chuyên rồi. Chuyển tám thức thành 4 trí, dùng chân tâm chứ không dùng vọng tâm nữa, dùng chân tâm chính là niệm bất thoái. Công phu đoạn chúng của Biệt Giáo và Viên Giáo tương đồng, nhưng trí huệ thì khác, trí huệ đức năng không tương đồng, nhưng trong pháp môn tịnh độ này, vô cùng viên siêu, không thể nghĩ bàn. Đó là giảng về tứ giáo, hoặc là Ngũ Giáo trong kinh Hoa Nghiêm, tiểu thi chung đốn viên, đều giảng về thứ lớp, từng cấp bậc từng cấp bậc từ dưới đi lên. Tịnh độ thì không như vậy, Tịnh độ, chúng ta ở nhân gian này, không đoạn một chút phiền não nào, so với quả Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa còn thua xa, không thể so bì được, nhưng mà chúng ta ở trong cõi người này, có thể vãng sanh về thế giới Cực Lạc, đây gọi là hoành xuất, chứ không phải thụ xuất, không phải từng bước từng bước tiến lên, đi ra từ phía trên, chúng ta đi ra từ bên cạnh, đó là hoành xuất mà trong đây nói, tuy là hoành sanh, nhưng là viên siêu, siêu đến đâu? Siêu qua Sơ Trụ của Viên Giáo, Sơ Địa của Biệt Giáo, trực tiếp chúng đắc Bồ tát A Duy Việt Trí, cái này không thể nghĩ bàn. Phạm người vãng sanh, không còn đọa vào phạm địa, chúng vị bất thoái. Chúng ta ở cõi này, muốn chúng được sơ quả của Tạng Giáo, bạn thử xem, đoạn 5 loại kiến hoặc, bạn có thể làm được không? Cái đầu tiên là thân kiến bạn phá được chăng? Không còn chấp trước thân này là mình nữa, thật sự xem thân thể này giống như bộ quần áo vậy, thân chắc chắn không phải là mình. không còn đối lập với mọi người nữa, bạn làm được không? Thật sự buông bỏ được thành kiến chăng? Bản thân mình không có chủ trương, tất cả tùy duyên. Khó quá! Nói thì dễ nhưng làm thì khó lắm! bạn không làm được, bạn không làm được thì bạn không chứng được quả vị này, trong đại thừa pháp giảng, Bồ tát sơ tín vị. tôi thường khuyến khích các bạn học sinh, khi tôi ở Mỹ tôi thường nói, có tới 2,3 chục năm rồi, khuyên mọi người cũng như khuyên chính mình, buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ sự hưởng thụ ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn. Tôi nói thiệt, 16 chữ này chúng ta buông bỏ hết, sự tu tập của chúng ta trong Phật pháp là cấp bậc nào? Là ở cửa vào Sơ Tín Vị, vẫn chưa vào trong được. Chúng ta cho rằng bản thân mình rất giỏi, ở ngoài cửa không được vào trong, làm thế nào để vào được bên trong? Nhập môn, điều kiện của chúng ta như thế không được đâu, phải dùng điều kiện trong kinh mà đức Phật đã dạy, thật sự đoạn hết 5 loại kiến hoặc, bạn mới có thể chứng được Bồ tát Sơ Tín Vị. Dùng cái gì để chứng minh rằng bạn đã thật sự đoạn hết? sau khi thật sự đoạn hết, tâm thanh tịnh hiện tiền, trong kinh này nói là, thanh tịnh bình đẳng giác, tâm thanh tịnh vừa mới hiện tiền. Giống như sáng sớm, mặt trời vẫn chưa mọc, ánh sáng mặt trời nhìn thấy được, nhìn thấy ánh ban mai, ở trong cảnh giới này thôi. Bản năng của chúng ta, bản năng chính là lục thần thông, có hai loại xuất hiện, đó là thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông. Có được thiên nhãn thông nghĩa là bạn nhìn xuyên suốt không gian, bạn có thể nhìn thấy tình hình trong lục đạo, bởi vì bạn mới có được, nên năng lực còn yếu, tiểu thần thông, hai loại này chắc chắn có được. Nếu không có hai loại

này, thì chắc chắn bạn vẫn chưa chứng được Sơ Tín Vị, đến Nhị Tín Tam Tín, lại có thêm hai loại thần thông nữa, là tha tâm thông và túc mạng thông, đến Tứ Tín và Ngũ Tín, năng lực từ từ mạnh lên, đến Lục Tín Vị, thì có được Thần Túc Thông, đến Thất Tín Vị, có được Lưu Tận Thông, cũng có nghĩa là đoạn hết phiền não kiến tư hoặc. Chỗ này nói phục đoạn trần sa, đoạn hết phiền não kiến tư hoặc, phục đoạn trần sa. Bồ tát Thất Tín trở lên, người này vào trong Lục Đạo để giáo hóa chúng sanh, đó là tiểu Bồ tát vào trong lục đạo giáo hóa chúng sanh. Đôi khi sức mạnh của mình không hàng phục được, phục đoạn, khi không hàng phục được, vẫn bị thoái chuyển, vẫn bị đọa lạc, nhưng không lo sợ, đại Bồ tát sẽ giúp đỡ họ, khi người này gặp phải ma chướng, đại Bồ tát sẽ đến cứu giúp, họ sẽ tiếp nhận, dễ dàng quay đầu. Trong kinh Kim Cang, đức Phật phó chúc cho các vị Đại Bồ Tát, thường hộ niệm cho Tiểu Bồ tát. Tiểu Bồ tát là nói đến Thập Tín Vị, Thập Trụ trở lên thì gọi là đại Bồ tát ma ha tát, ma ha tát là từ Sơ Trụ trở lên, Biệt Giáo là từ Sơ Địa trở lên, Viên Giáo là từ Sơ Trụ trở lên. Phạm người vãng sanh, không còn đọa vào phàm địa, chứng Đắc Vị Bất Thoái. Cực lạc quốc độ, duy nhất Phật thừa, cho nên không đọa vào tiểu thừa, là hành bất thoái. Thế giới Tây Phương Cực Lạc, thật sự giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong kinh Pháp Hoa: Duy chỉ nhất thừa pháp, không hai cũng không ba. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có tam thừa, không có nhị thừa, nhị thừa là đại thừa và tiểu thừa, tam thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, thế giới Tây Phương Cực Lạc không có, chỉ có Nhất thừa pháp, nhất thừa pháp, nhất Phật thừa, giống như trong kinh Hoa Nghiêm nói, 41 vị Pháp thân Đại sỹ, 41 vị này, chúng ta không cần phải tìm hiểu, chỉ đề xuất Pháp thân Đại sỹ, chính là Nhất Thừa Pháp, 41 vị đó là phi hữu phi vô, không thể nói là thật có, cũng không thể nói là không thật có. Trong kinh giáo chúng tôi đã giảng rất nhiều lần, đó là tập khí vô thi vô minh, thật sự đoạn hết vô thi vô minh, thật sự bất khởi tâm, bất động niệm, nhưng mà tập khí không dễ dàng đoạn đâu, đó là hành bất thoái.

Đã sanh đồng cư, tức đồng sanh thượng tam độ, viên tu viên chứng, ở trong độ này, tất phá vô minh, hiển Phật tánh, mà chứng niệm bất thoái.

Đây là nói về trạng thái tu tập ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, đại khái là như vậy. Ở thế giới trong Mười Phương không có, cho nên tu tập ở thế giới Cực Lạc mau thành Phật, tất cả mọi chướng duyên đều không tồn tại.

Ở trong niệm bất thoái, vượt qua 41 nhân vị, nhất sanh thành Phật. 41 nhân vị này chính là Pháp thân đại Sỹ, vẫn chưa đoạn tận tập khí vô thi vô minh, cho nên mới nói như vậy, nhưng mà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc chắc chắn bạn không thấy được, đó là Sơ Trụ Bồ tát, hay Đẳng Giác Bồ tát, bạn không biết được đâu. Vì sao vậy? Vì trí huệ, thần thông, đạo lực của họ đều bình đẳng, làm sao bạn có thể nhận ra được, chỉ có Phật mới nhận ra được thôi.

Như Yếu Giải có dạy rằng: Ngũ nghịch thập ác, đây là tội nghiệp phải đọa vào A Tỳ địa ngục, ngũ nghịch thập ác. Thập niệm thành tựu, đối nghiệp vãng sanh. Đối với những người tạo tội nghiệp này, chúng ta có dám xem thường không? Không dám! Người này khi lâm chung gặp được bạn lành, khuyên họ niệm Phật cầu vãng sanh, nếu người này ngay đó Giác ngộ, nhất niệm hồi đầu, đoạn ác tu thiện, 10 tiếng niệm Phật là tu thiện, người này chắc chắn được vãng sanh. Trong 48 nguyện, Phật A Di Đà nói, duy trừ ngũ nghịch thập ác. Vì sao vậy? Vì người này không tin, không tin thì không thể cứu được. Ngũ nghịch thập ác nếu như có đầy đủ Tín-Hạnh-Nguyện thì vẫn thành tựu được. Cho nên sau đó Ngài nói, nói rất rõ ràng, nếu người đó không tin thì không có cách nào, không thể quay đầu được. Người tạo ngũ nghịch thập ác khi lâm chung, có thể tin được là đã quay đầu rồi, có thể quay đầu là có thể vãng sanh, bạn nghĩ xem, chuyện này có dễ không, thật sự không thể nghĩ bàn.

“Đối nghiệp vãng sanh, người ở hạ hạ phẩm, cũng được tam bất thoái”. Câu này rất quan trọng. “Phàm thánh đồng cư độ, hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng được tam bất thoái, cho nên người này là Bồ tát A duy việt trí.”

Lại “hiểu rõ”, đây là trong Yếu Giải nói, “ mới có thể thâm tín nguyện lực của Phật A Di Đà”. Câu này phải nên nhớ lấy. Thâm tín, không nghi ngờ nguyện lực của Phật A Di Đà chút nào. Tín Phật lực, mới có thể thâm tín Công đức Danh hiệu. Chúng ta niệm Phật, mọi người đều niệm Phật, công phu niệm Phật không giống nhau, hiệu quả không giống nhau, công đức không giống nhau. Vì sao vậy? hoàn toàn nhìn vào tín lực của bạn, bạn có một phần thành tín, bạn sẽ có một phần công đức niệm Phật, bạn có 10 phần thành kính, thì công đức niệm Phật của bạn chắc chắn có 10 phần, thì làm sao mà giống nhau được, không giống. Thâm tín đối với Công đức Danh hiệu của chúng ta từ đâu mà có? Bạn nên hiểu rõ đạo lý này, bạn sẽ hiểu được tầm quan trọng của việc nghiên cứu kinh giáo. Đối với kinh giáo bạn càng thấu triệt, thì tín nguyện của bạn càng kiên cố. Đối với kinh giáo không thấu triệt, không hiểu rõ, thì lòng tin rất mong manh, có thể nói rằng chỉ trông một chút thiện căn trong A Lại Da thức mà thôi, không có tác dụng gì. Người khác nói với họ, pháp môn này tốt, pháp môn kia hay, là họ dao động, họ sẽ đổi sang tin pháp môn khác, học kinh giáo khác, điều này chư Tổ thường dạy, chư vị tổ sư gọi đó là “lộ thủy đạo tâm”, mặt trời vừa mọc là giọt sương không còn nữa, đó chính là người niệm Phật nhiều, người được vãng sanh thì ít. Vì sao vậy? Vì tín nguyện không kiên cố, không thâm sâu, lý là như vậy. Do đó, đối với việc học tập kinh giáo, là quan trọng hơn hết, đặc biệt là vào thời đại từ nay trở đi, Ở quá khứ, chúng ta không nói đâu xa, quá khứ 60 năm về trước, một khảy móng tay, những người trước thời chúng tôi, nhưng chi tiết về truyền thống văn hóa rất sâu dày, người thời đó không học qua kinh giáo, chuyên dạy họ niệm một câu A Di Đà Phật, những người đó thật thà, nghe lời, làm thiệt tình, vãng sanh được. Cả đời không nghe qua kinh giáo, ngày đó cơ hội được nghe

kinh không dễ dàng, không phương tiện như ngày nay, một câu danh hiệu Phật niệm thành công, có đủ điều kiện này. Giống như Lưu Tố Vân cư sỹ nói vậy, cô này không có sở trường, chỉ chân thật nói với người khác, sở trường của cô ấy chỉ có 6 chữ; Thật thà, nghe lời, làm thiệt, nhưng mà cô ấy vẫn còn nghe kinh, nuôi dưỡng thiện căn phước đức của mình sâu dày. Vì cô ấy là người thời hiện tại, có đầy đủ phương tiện khoa học, cô ấy có được đĩa kinh Vô Lượng Thọ, chắc là đĩa của tôi giảng ở Singapore ngày xưa, đĩa kinh Vô Lượng Thọ tôi giảng ở Singapore, không bao lâu đã phổ biến ở Trung Quốc, cô ấy có được. Bộ đó có 60 đĩa, khi đó tôi đã ở Singapore một tháng, một ngày giảng 2 tiếng đồng hồ, 60 giờ đồng hồ là giảng xong kinh Vô Lượng Thọ, chú giải mà tôi dùng là chú thích của Lý Bính Nam lão cư sỹ, tôi đã dùng cuốn đó, khi đó vẫn chưa được tiếp xúc với Hoàng lão cư sỹ. Mỗi đĩa là một tiếng đồng hồ, ngày xưa thâu, là băng cát xét, sau này mới chuyển thành đĩa. Cô ấy nói với tôi, mỗi ngày cô ấy nghe một đĩa, một tiếng đồng hồ, mỗi đĩa cô ấy nghe 10 lần, nói cách khác, mỗi ngày cô ấy nghe 10 lần, chính là 1 đĩa nghe 10 lần. Qua ngày thứ hai thì đổi đĩa khác, 60 ngày thì nghe hết bộ kinh này, sau khi nghe xong lại nghe lại từ đầu, cô ấy đã làm được nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Cho nên đối với bộ kinh này cô ấy rất rành, tín nguyện đã như thế mà chân định được, cô ấy không hề có tư hào hoài nghi. Người chân thật, nghe lời, làm thiệt, cô ấy đã thành công! Mọi người nghe cô ấy giảng đều khen cô ấy giảng hay. Cổ nhân ở Trung Quốc thường dạy thực năng sanh xảo. Thành thực rồi thì biến thành của mình thôi, cho nên cô ấy giảng kinh dạy học, thành tựu được vẫn là trong phương pháp truyền thống xưa kia, chính là trùng tuyên lại, chứ không có cách nào khác. Bạn xem một bộ kinh từ đầu đến cuối nghe 10 lần, cô ấy rất khéo léo, 10 lần của cô ấy, không phải là từ đầu đến cuối nghe 10 lần, mà là mỗi đĩa nghe 10 lần, cũng là 60 ngày, 10 lần đầy đủ. Sức mạnh này lớn lắm, mỗi ngày 1 đĩa, nghe lại 10 lần, so với mỗi ngày nghe 10 đĩa, 6 ngày nghe 1 lần, hiệu quả tốt hơn nhiều. Quý vị đều có thể thực nghiệm, thử xem sao, bạn sẽ hiểu được, phương pháp dạy học hay của cổ thánh tiên hiền, phương pháp xem ra rất ngốc, nhưng thật sự đạt hiệu quả, không để cho bạn khởi vọng tưởng. Thành thực rồi là của chính mình, đến khi mình có chỗ lãnh ngộ thì mới có thể phát huy, được oai thần gia trì của Tam bảo, bạn mới phát huy được. Sau khi phát huy xong thì thế nào? Bản thân mình cũng không biết là giảng cái gì, như vậy là đúng rồi. Mình có thành kiến ở trong đó, bạn sẽ nhớ ra bạn đã nói những gì, khi Phật lực gia trì bạn, thì bạn sẽ không nghĩ ra, sau khi giảng xong, trong đầu bạn không có gì, hỏi bạn vừa giảng gì vậy? Bạn không biết. Kinh nghiệm này, phạm các vị pháp sư lên tòa giảng kinh đều có. Đế Nhân lão pháp sư, là pháp sư một đời giảng kinh, ngài giảng kinh Viên Giác, có mấy vị cư sỹ già, đều là những người rất nổi tiếng vào năm Dân Quốc đầu tiên, nghe ngài giảng kinh ghi chép lại. Sau khi chép xong, mỗi lần giảng kinh hoàn tất, Giang Vị Nông cư sỹ ghi chép cho ngài, đưa cho ngài coi, ngài coi xong bèn hỏi Giang cư sỹ: “cái này tôi giảng hả”? Ông ấy nói “vâng”. “Sao tôi giảng được hay quá vậy”? Ngài không hề biết. Trên pháp tòa Tam bảo gia trì, không phải mình nghĩ, mình giảng thế nào thế nào, không phải đâu, không hề

chuẩn bị, đến khi đó tự mình giảng được, là Phật lực gia trì đó. Phàm những vị thường ở trên pháp tòa giảng kinh đều có kinh nghiệm này. Cho nên trước khi giảng kinh phải thỉnh gia, thỉnh cầu Tam bảo gia hộ, sau khi giảng kinh xong phải biết cảm ơn. Tu cái gì, tu khiêm hạ, tu lễ kính.

Tiếp tục coi, Tín trì danh, mới có thể thâm tín tâm tánh ngộ nhân vốn bất khả tư nghì vậy.

Tâm tánh của chúng ta, trên pháp tòa một niệm chân thành, thì sẽ thông với chư Phật Bồ tát, cho nên tin tức đó, tự nhiên truyền đến, danh từ trong Phật pháp gọi đó là “ pháp nhĩ như thị”, pháp vốn là như vậy. Đó là bạn có cảm. Bạn nói, bạn không cầu. Đây gọi là minh cảm, chính bản thân bạn không hề hay biết, một chút chân thành đó của bạn, một chút phụng hiến vô tư, một chút nguyện vọng đó, nguyện tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ. Chính bản thân bạn còn chưa cảm nhận được, thì chư Phật Bồ tát đã nhận được điện tín rồi, các ngài sẽ minh hiển gia hộ cho bạn. Tâm tánh bất khả tư nghì, tâm tánh đồng với chư Phật bồ tát.

“Lại nữa, nhân duyên bất thoái ở Cực Lạc có 5”, đều muốn giải thích trong đây, Ngẫu Ích đại sư giảng.

“thứ nhất, Di Đà đại bi nguyện lực nhiếp trì, nên bất thoái”. Tâm từ bi của Phật A Di Đà, nguyện lực nhiếp thọ tất cả chúng sanh, bình đẳng nhiếp thọ, phổ biến nhiếp thọ, nhiếp thọ vĩnh hằng không gián đoạn. Vì sao chúng ta không cảm nhận được? Chúng ta thật sự được nhiếp thọ, nhưng mà không cảm nhận được. Vì sao vậy? Vì tập khí phiền não quá sâu dày làm chướng ngại, nếu như tập khí phiền não mỏng một chút, thì bạn sẽ cảm nhận được, đó là bất thoái thứ nhất.

“Thứ hai Phật quang thường chiếu, Bồ Đề tâm tăng tiến, nên bất thoái”. Đó là Phật lực gia trì bạn, đến thế giới Cực Lạc quá rõ ràng. Phật quang chiếu đến, chắc hẳn nâng đạo hạnh và công lực của bạn lên.

“Thứ ba, nước, chim cây cối đều diễn nói diệu pháp, tăng kỳ chánh niệm, nên bất thoái”. Điểm này quý vị đều biết, trong kinh đức Phật giảng rất rõ, thế giới Cực Lạc; Nước, chim, cây cối, hoa cỏ đều diễn nói pháp, đó đều do thần thông của đức Phật A Di Đà biến hóa ra. Đức Phật A Di Đà biến thành một đóa hoa, Đức Phật A Di Đà biến thành một con chim, Đức Phật A Di Đà biến thành một cái cây, đều đang nói pháp cho bạn, cho nên bạn sẽ không thoái chuyển.

“Thứ tư, đều là chư Bồ tát làm bạn hữu, ngoài không có tà ma, trong không có phiền não, cho nên bất thoái”. Cực lạc thế giới thù thắng không gì bằng. Chư Bồ tát là ai vậy? Là 41 vị Pháp thân Đại sĩ. Bạn nên biết, tuy là hạ hạ phẩm vãng sanh sanh về phàm

thánh đồng cư độ, bạn nên nhớ câu này trong kinh: Đều là Bồ tát A Duy Việt Trí, là nền tảng của Bồ Tát A Duy Việt Trí, là Sơ Trụ của Viên Giáo, là Sơ Địa của Biệt Giáo, đều là Pháp thân Đại sỹ, cũng chính là phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân. Đến thế giới Cực Lạc đã phá vô minh chưa? Chưa phá. Cũng chưa chứng được Pháp thân, nhưng mà bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì cho bạn. Bạn ở thế giới Tây Phương Cực Lạc hưởng thụ, thọ dụng, hoàn toàn giống như Pháp thân Bồ tát, trí huệ bình đẳng, thần thông bình đẳng, đạo lực bình đẳng, không có cái gì là chẳng bình đẳng, đó là bốn nguyện oai thần của Phật Di Đà gia trì. Nói cách khác, sanh về thế giới đó, giống như thế giới Thật Báo Trang Nghiêm Độ của mười phương Chư Phật không hề sai khác. Bạn nên nhớ, Đồng cư độ và Thật báo độ không sai khác. Điều này trong quốc độ của tất cả chư Phật đều không có, chỉ có thế giới Tây phương là đặc biệt. Thần thông đạo lực của tất cả chư Phật Như Lai cùng Phật A Di Đà bình đẳng, đức Phật A Di Đà hiện ra Tịnh độ này, vì sao các vị Phật khác không hiện? Chư Phật Như Lai không phải là phàm phu, phàm phu háo thắng, anh làm tôi cũng làm, anh hiện Cực Lạc tôi cũng có thể hiện Cực Lạc, tôi không thua anh đâu. Háo thắng! chư Phật Bồ tát không có tập khí này, Phật A Di Đà hiện ra, được. Mọi người cùng đi đến đó. Bạn nghĩ tâm lượng này có lớn không? Những gì Phật A Di Đà hiện ra, chính là của nhất thiết chư Phật hiện, trong đó không có sự phân biệt. Ở bên đó đã có sẵn rồi, mười phương chư Phật tiếp dẫn chúng sanh thành Phật, giáo hóa một thời gian, đi hết, qua hết bên đó, không có mình! Mười pháp giới chính là một pháp giới, quốc độ của chư Phật chính là một quốc độ, đâu có giống như chúng ta ở đây phân biệt chấp trước. Cho nên lạc vào phân biệt chấp trước, tức khắc bị đọa lạc, cái này không thể không biết. Bạn xem toàn bộ là Pháp thân Đại sỹ, không có ma vương ngoại đạo, không có tà ma bên ngoài, bên trong thì không có phiền não, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, cho nên người này không thoái chuyển.

“Thứ năm, thọ mạng vĩnh kiếp, cùng Phật tương đồng, nên bất thoái.” Vô lượng thọ, thật sự vô lượng thọ.

Chúng ta tiếp tục coi đoạn cuối cùng này. “Khái phu, thánh đức khó lường, ân Phật khó báo Phật Di Đà bi tâm chí cực, thánh trí vô luân, từ đó lưu hiện, đồng cư Tịnh độ này phàm phu dễ sanh, hành nhân không cần đoạn hoặc tiêu nghiệp, chỉ cần tín nguyện trì danh, hạ chí 10 niệm, đều được vãng sanh, ra khỏi tam giới, vĩnh ly chư khổ, vị đẳng bất thoái, nhất sanh bổ Phật, siêu tình ly kiến, bất khả tư nghì”.

Đây là đoạn tổng kết tông thú cuối cùng, mỗi câu đều chân thật bất hư. Đúng vậy, chỗ này nói Thánh đức, chính là đức lớn của Phật A Di Đà, đại ân, đại huệ, không thể tưởng tượng. Ân của Di Đà, ân của chư Phật, chư Phật giới thiệu, chư Phật đề cử. Ân của Di Đà khiến chúng ta cảm nhận được, ân đức của nhất thiết chư Phật. Mười phương nhất thiết chư Phật, không có vị nào chẳng tán thán Phật A Di Đà, không vị nào chẳng đề cử

Phật A Di Đà, không vị nào chẳng giới thiệu Phật A Di Đà, khiến cho chúng ta thật sự nhận biết được Phật A Di Đà, biết được vị Phật này, biết được pháp môn này, thật khó gặp! Cho nên tâm từ bi của Di Đà chí cực, đến cực điểm, trí huệ của Di Đà không gì sánh bằng, không gì có thể so sánh được. Từ ân đức của Ngài, Bi Trí lưu hiện, lưu lộ xuất hiện, đồng cư Tịnh độ phàm phu dễ sanh, chúng ta mới có thể một đời viên mãn thành tựu.

Hôm nay hết giờ rồi, đoạn cuối cùng này ngày mai chúng ta tiếp tục nghiên cứu.

HẾT TẬP 31

Tập 32

Giảng ngày 07 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi! Mời coi Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 33, chúng ta bắt đầu học từ hàng cuối cùng.

“Khái phu, thánh đức khó lường, ân Phật khó báo, Phật Di Đà bi tâm chí cực, thánh trí vô luân, từ đó lưu hiện, đồng cư Tịnh độ này phàm phu dễ sanh, hành nhân không cần đoạn hoặc tiêu nghiệp, chỉ cần tín nguyện trì danh, dưới chí 10 niệm, đều được vãng sanh, ra khỏi tam giới, vĩnh ly chư khổ, vị đấng bất thoái, nhất sanh bỏ Phật, siêu tình ly kiến, bất khả tư nghĩ”.

Đoạn này rất quan trọng, khiến chúng ta có đầy đủ niềm tin đối với pháp môn niệm Phật vãng sanh, đặc biệt là nói đến, “không cần đoạn hoặc tiêu nghiệp, chỉ cần Tín-nguyện-trì danh, cho đến 10 niệm, đều được vãng sanh”. Mấy câu này quan trọng lắm! Đoạn trước chúng ta coi Hoàng lão, dẫn chứng trong Yếu Giải của Ngâu Ích đại sư có mấy câu. Ngài nói: “ngũ nghịch thập ác, thập niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, người ở hạ hạ phẩm, đều được tam bất thoái”. Nguyện thứ 18 trong kinh Vô Lượng Thọ, nguyện văn có mấy câu như thế này: “ cho đến 10 niệm, nếu không vãng sanh, không thủ chánh giác”. Đó là Phật A Di Đà phát nguyện, các vị Tổ sư hoàn toàn y cứ theo nguyện thứ 18 này mà giảng nói, nhưng mà phía sau có 2 câu: “duy trừ ngũ nghịch, hủy báng chánh pháp”. Nói cách khác, ngũ nghịch thập ác chỉ cần có niềm tin chánh pháp, không còn hoài nghi, không còn hủy báng, 10 niệm là được vãng sanh. Điều này nói rằng khi lâm chung, tình trạng này chúng tôi đã tận mắt chứng kiến, lúc trước khi tôi ở Mỹ có gặp một người, bây giờ tính ra coi như là học trò của tôi, người này thật sự vãng sanh. Châu Quảng Đại tiên sinh ở Hoa Thịnh Đốn DC, suốt đời không tin ngưỡng tôn giáo, không tin bất cứ tôn giáo nào. Ông ta mở cửa hàng bánh mì bên đó, người trung hậu lão thành, không hề tiếp xúc qua tôn giáo, sau này bị ung thư, khi sắp lâm chung, người trong nhà đều bó tay cả, nên tìm đến hội Phật giáo của chúng tôi, hội Phật Giáo Hoa Phủ. Khi đó tôi đang làm hội trưởng ở đó, tôi và mấy người học trò đi đến nhà ông ấy xem, thấy ông ấy thật sự không cứu được nữa, khuyên ông ta cầu vãng sanh. Nói cho ông ấy biết, thế gian này rất khổ, không có gì đáng lưu luyến, nói cho ông ấy biết phong cảnh ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Ông ấy nghe rất vui mừng, bèn nói với người thân rằng, đừng đi cầu thầy thuốc, đừng mong ông ta hết bệnh, tất cả niệm Phật A Di Đà, giúp ông ấy cầu vãng sanh. Thời gian có 3 ngày thôi, ông ấy thật sự được vãng sanh, điềm tốt hy hữu, khi

đó mọi người đứng bên cạnh đều được tận mắt chứng kiến, đã nói lại tình hình đó cho tôi biết. Từ trong hiện tượng này chúng ta có thể quan sát được, khi ông ấy sắp lâm chung, đầu óc sáng suốt, không mơ hồ, đó là điều kiện thứ nhất. Nếu như mê hoặc điên đảo, thì thật là khó nói, đây là phước báo, khi lâm chung, rõ ràng minh bạch, bản thân mình lựa chọn nên đi về đâu, ông ta có năng lực này. Điều kiện thứ hai, là gặp được thiện hữu giúp đỡ, khuyên ông ấy cầu sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thứ ba, ông ấy vừa nghe là tin nhận liền, ông ấy lý giải, ông ấy làm được, nên ông đã thành công. Điều này không dễ đâu, trong hàng ngàn vạn người mới có được một người, tuyệt đối không phải là may mắn. Cho nên đức Phật A Di Đà đã tạo dựng đồng cư Tịnh độ ở thế giới Cực Lạc, đúng là nan năng khả quý! Đồng cư tịnh độ không khác Thật báo tịnh độ, thật sự là pháp khó tin! Không cần đoạn hoặc, cũng không cần tiêu nghiệp, chỉ cần Tín-nguyện-trì danh, ba điều kiện, tín-nguyện-hạnh. Trì danh là hành, thật sự tin, thật sự phát nguyện, thật sự làm. Dưới đến 10 niệm, đó là bệnh rất nặng, 10 niệm cuối cùng là ngừng thở, cũng được vãng sanh. Hoàn xuất tam giới, không phải là thụ xuất, thụ không xuất được đâu. Thụ xuất, đừng nói vãng sanh về thế giới Cực lạc, sanh về cõi Trời dục giới, cũng không dễ đâu, cũng rất khó khăn, phải có đầy đủ thượng phẩm Thập thiện, mới được sanh về cõi Trời dục giới, vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi trong tam giới. Vãng sanh về thế giới Cực lạc, không còn lục đạo nữa, bên đó tuy là đồng cư độ, không có tam ác đạo, không có A Tu La, đồng cư tịnh độ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, chỉ có hai đường là trời và người. Chúng sanh trong hai đường này, đều là chư thượng thiện căn. Cho nên sanh về bên đó, được bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia hộ, đều làm Bồ tát A duy việt trí, đều được bất thoái. Bất thoái ở đây, là đầy đủ ba loại bất thoái, quyết định trong một đời, chúng được địa vị Bồ tát đẳng giác, nhất sanh bồ xứ, Bồ tát đẳng giác. Pháp môn này cùng với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, “siêu tình ly kiến, không thể nghĩ bàn”. Siêu là siêu việt, tình là tình chấp, thức thứ 7, kiến là tà kiến, thức thứ 6. Siêu tình ly kiến, là chuyển thức thứ sáu thánh Diệu quan sát trí, chuyển Mạt na thức thành Bình đẳng tánh trí, là thành Phật thôi. Trong Pháp Tướng tông nói rất hay, lục thất nhân thượng chuyển, ngũ bát quả thượng chuyển, chuyển A lại da thành Đại viên cảnh trí, chuyển tiền Ngũ thức thành Thành sở tác trí. Người này là ai vậy? Trong kinh Hoa Nghiêm nói đó là Sơ Trụ của Viên Giáo trở lên. Không những siêu việt lục đạo, mà còn siêu việt Thập pháp giới, sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai. Nhưng mà trong kinh này nói cho chúng ta biết, người này sanh về Đông Cư Tịnh Độ, ở trong Đồng Cư Tịnh Độ chờ đợi, trí huệ, thần thông, đạo lực, giống như pháp thân Bồ tát ở Thật Báo Độ. “điều này ở mười phương thế giới không có”, đây là sự thật, không giả dối. Trong quốc độ của mười phương chư Phật, Phật Thích Ca Mâu Ni không nói như vậy, chỉ có tây phương Di Đà tịnh độ, là nơi thiên kinh vạn luận đều tán thán, cái lý ở chỗ này. Vì sao vậy? Thập phương nhất thiết chư Phật đều tán thán, cái lý là ở chỗ này, nó quá thù thắng, quá viên mãn. Mười phương chư Phật và Phật A Di Đà, các vị nên biết là

bình đẳng, trí huệ bình đẳng, đức năng bình đẳng, tướng hảo bình đẳng. Phật Phật đạo đồng, không hề có chút sai biệt. Phật A Di Đà, đã kiến lập một cõi Tịnh độ thù thắng ở Tây phương, các vị Phật khác cũng nói, chúng ta cũng tạo dựng một cái đi. Được không nào? Được! Chẳng phải là không được. Vì sao chư Phật Như Lai lại không phát tâm như vậy? Phật A Di Đà tạo dựng Tịnh độ rất đẹp, các người qua đó đi! Nghĩa là sao vậy? Hàm ý trong này rất thâm sâu, nói lên rằng chư Phật Như Lai đã đoạn trừ sạch sẽ tập khí phiền não. Ngày nay chúng ta, ở trong giáo pháp Đại thừa học nhiều năm như thế, chúng ngộ tuy không có, nhưng cũng có một chút giải ngộ, chúng ta lý giải, chúng ta hiểu. Hiểu cách nào đây? Không phải là khai ngộ, kinh giáo học nhiều, nghe Thế Tôn nói, nghe Bồ tát nói, nghe chư Tổ sư giảng như vậy, chúng ta hiểu được từ trong đó, kiến tư phiền não hoàn toàn đoạn hết. Phật Phật chẳng những đạo đồng, Phật Phật còn là nhất thể. Di Đà tạo Cực lạc rồi, chúng ta đem hết những chúng sanh chưa được độ này, đưa về thế giới Cực lạc, đó chẳng phải là chuyện tốt sao? Cho nên thập phương tam thế nhất thiết chư Phật Như Lai, đều biến thành tuyên truyền viên cho thế giới tây phương Cực lạc, đều giúp cho Phật A Di Đà, đi chiêu sinh, đi giới thiệu, đi bảo lãnh, làm những việc đó. Phật Thích Ca Mâu Ni cũng như vậy, đem sự thù thắng vi diệu này nói cho chúng ta biết, khuyên chúng ta niệm Phật cầu sanh về thế giới tây phương Cực lạc, quy y với Phật A Di Đà, làm đệ tử Phật A Di Đà, ngài không đố kỵ, không làm chướng ngại, chẳng những không đố kỵ chướng ngại, mà còn thành tựu cho bạn. Các bạn nghĩ thử xem ý này có sâu không, ý này vi diệu quá, đã dạy cho chúng ta. Vì sao vậy? Vì đố kỵ chướng ngại là phiền não vô cùng nghiêm trọng. Người nào không có? Ai cũng có! Những phiền não này sanh ra là đã có rồi. Nếu bạn nói bạn không đố kỵ, thì bạn đã thành Pháp thân Bồ tát. A la hán, và Quyền giáo Bồ tát, tuy không có đố kỵ, nhưng có tập khí đố kỵ, hành vi đố kỵ không có, nhưng tập khí vẫn còn. Công cao ngã mạn, tập khí tật đố đều đoạn trừ hết, là ai vậy? là Pháp thân Bồ tát, Sơ Trụ của Viên Giáo, Sơ Địa của Biệt Giáo. Khi đó, tập khí phân biệt chấp trước đều đoạn tận, sanh về Thật báo trang nghiêm độ, tập khí vô minh vẫn còn, đây chính là 41 giai cấp trong Thật báo độ. Bạn nên biết rằng, trong đây chắc chắn không có tập khí kiến tư hoặc, chắc chắn không có tập khí trần sa hoặc, chỉ có tập khí vô minh, cái đó không quan trọng, không ngại gì. Nên biết, đố kỵ, kiêu mạn, tập khí này chướng ngại, nó tạo nghiệp. Quả báo chiêu cảm là tam đồ, cho nên rất đáng sợ. Sự biểu diễn của chư Phật Như Lai như thế, khiến cho chúng ta thật sự thấy nhất thể, khắp cả vũ trụ này là nhất thể, ai làm cũng vậy thôi! Người khác làm, cũng vất vả, cũng mệt mỏi vậy, chúng ta đứng bên tùy hỷ tán thán, tu tùy hỷ công đức, bạn xem tự tại biết bao nhiêu, không cần phải vất vả, công đức vẫn bằng nhau. Vì sao bằng nhau? Mình người không hai, chúng sanh và Phật không hai. A Di Đà Phật tự tánh Di Đà. Nghiệp báo thân của chúng ta ngày nay, là tự tánh nghiệp báo, không xa rời tự tánh, là một chẳng phải hai. Di Đà làm và chúng ta làm có gì khác đâu! Lý này chẳng thể không hiểu, không hiểu, bạn vẫn tạo nghiệp. Cho nên trong kinh Địa Tạng nói rất hay: “chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề, khởi tâm động niệm, đều là nghiệp”. Nói khó nghe một chút, “đều là

tội”, bạn tạo tác là tội, không tạo tác, khởi tâm động niệm cũng là tội. Đó là niệm gì vậy? Niệm đó là tập khí phiền não, là tham sân si mạn, là tật đố chướng ngại, những tập khí này vẫn còn. Nếu như không phải chân tu tập, tập khí hiện hành thì quả báo cũng hiện hành. Chân tu tập nghĩa là sao? Trong cuộc sống hàng ngày những tập khí bất thiện này trừ bỏ hết. Thiệt Tài Đồng tử biểu diễn cho chúng ta lịch sự luyện tâm. Sự, là những chuyện thể tục, bạn ở nơi này rèn luyện, luyện cho chân tâm của bạn hiện ra, thật sự buông bỏ hết tập khí phiền não, luyện cái đó. Tập khí phiền não sa thải hết, Chân tánh của bạn sẽ xuất hiện, trong Chân tánh có đầy đủ vô lượng vô biên đức tướng trí huệ, cái này bạn vốn sẵn có, bạn không hề bị đánh mất, hiện tại chỉ là mê thất mà thôi. Chư Phật Bồ tát Đại từ Đại bi, đã nhắc nhở chúng ta, còn giúp cho chúng ta phục hồi. Cho nên Niệm công giảng ở chỗ này đúng “Thánh đức nan tư, Phật ân nan báo”. Báo đáp cách nào? Y giáo tu hành chính là chân thật báo ân. Các bạn không chịu chân tu, tánh trần còn nguyên, ngày nay tôi không thật tu, thì thật là ghê sợ! Tôi lo sợ, tôi hoảng hốt! Vì sao vậy? Bây giờ tôi mới thật sự hiểu rõ, có rất nhiều người đang làm ba thời hệ niệm Phật sự, làm lễ siêu độ, thậm chí đả Phật thất, trong số đều dùng pháp sư Tịnh Không làm pháp chủ, nếu như tôi không dụng công tu tập, món nợ này thật ghê sợ! Nếu những chúng sanh đó không được độ, thì món nợ này đều tính trên đầu tôi, tôi thấy cái này rất lo sợ, chỉ có dụng công tu tập, đem công đức tu học hồi hướng cho họ, hồi hướng cho tất cả chúng sanh, âm dương đều lợi. Bây giờ tôi biết được, mỗi lần quý vị làm Phật sự, đều đem lại áp lực cho tôi. Áp lực này cũng tốt, ép buộc tôi không thể không thật tu, toàn tâm toàn lực tu hành.

Vãng sanh đồng cư, bèn là hoành sanh thượng tam độ. Những gì trong kinh Hoa Nghiêm nói, đều nhìn thấy hết ở thế giới Tây phương Cực lạc, cho nên Kinh Hoa Nghiêm, người xưa gọi là Đại Bản Vô Lượng Thọ kinh, có nghĩa là giảng kỹ kinh Vô Lượng Thọ chính là Hoa Nghiêm. Lần này chúng ta dùng thời gian dài một chút, giảng kỹ Tịnh Độ Đại Kinh Giải, cũng là đồng đẳng Hoa Nghiêm, bộ kinh này giảng xong rồi, thì Hoa Nghiêm có thể lược thuyết, không cần giảng kỹ như vậy nữa. Vì sao vậy? Vì bộ kinh này đã giảng kỹ rồi, đây là một chặng phải hai. Tứ độ, một tức là bốn, bốn tức là một, nhìn thấy ở thế giới Cực lạc.

Chứng vị bất thoái, diệt tức viên chứng tam bất thoái. Các vị nên biết, chứng tam bất thoái là Bồ tát Sơ Trụ của Viên Giáo. Vị bất thoái, hành bất thoái, niệm bất thoái đều chứng được, nhưng không thể nói là Viên. Thêm vào một chữ Viên, địa vị này cao rồi. Trong chú sớ của người xưa cho chúng ta biết, viên chứng tam bất thoái là cấp bậc nào? Thất địa trở lên, mới có thể gọi là Viên chứng tam bất thoái, đây là bản nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia hộ, thật sự không thể nghĩ bàn. Bác địa phàm phu lâm chung thập niệm nhất niệm vãng sanh, sanh về phàm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm, đến thế giới Tây phương Cực lạc, cũng có thể Viên chứng tam bất thoái. Có nghĩa là đến thế giới Tây

phương Cực lạc, quyền lợi hưởng thụ là Bồ tát thất địa trở lên. Biểu người ta làm sao mà tin được? Nhưng mà ở thế gian này cũng có trường hợp như vậy, từ trường hợp này chúng ta suy nghĩ xem, thì có thể hiểu được lý này. Ví như người đến đầu thai ở thế gian, nếu như linh thể này chọn vào nhà của Đế vương, đầu thai sanh ra nó chính là thái tử, quyền lợi hưởng thụ của nó còn hơn các vị Đại thần, thậm chí còn hơn cả Tể tướng. Bạn có tin được không? Quyền lợi đó tuyệt đối không phải trí huệ năng lực của nó làm ra, mà là phụ vương cho nó. Chúng ta vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, cũng giống như ví dụ này vậy. Chúng ta chọn về thế giới Cực lạc của Phật A Di Đà, làm con của Phật A Di Đà, hưởng thụ trí huệ đức năng của Phật A Di Đà, có nghĩa là như vậy. Không phải quyền lợi bình thường, mà là quyền lợi thù thắng!

Hai câu dưới đây rất quan trọng, bạn chỉ hưởng thụ, không làm tròn nghĩa vụ thì không được, hai câu dưới đây chính là nghĩa vụ của bạn. Bắt buộc bạn phải tương đồng với tâm nguyện của Phật A Di Đà, nguyện của Phật A Di Đà là 48 nguyện. Tâm của Phật A Di Đà là niệm niệm phổ lợi quần sanh, chẳng có niệm nào không cả. Niệm niệm ở đây Bồ tát Di Lặc từng nói, một khảy móng tay có 32 ức trăm ngàn niệm, niệm niệm phổ lợi quần sanh. Chúng ta phải có niệm này, niệm niệm không có chính mình.

Tâm tâm lưu nhập biển giác. Trong tâm có gì? Trong tâm là giác, không có một chút mê hoặc. Biển ví dụ cho Tự tánh, Tự tánh bản giác. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ tát cho chúng ta biết: “bồn giác bồn hữu, bất giác bồn vô”. Bất giác là gì? Bất giác là A lại da, A lại da là vọng tâm, chứ không phải là chân. A lại da bất giác, tự tánh bồn giác. Tâm tâm, tâm tâm và niệm niệm ý của nó tương đồng. Niệm niệm là khởi dụng của Chân tâm, tâm tâm là bản thể của Chân tâm. Nói tâm là nói về mặt thể, nói niệm là nói về mặt dụng. Thể là gì? Thể là Đại giác! Trong bồ đề tâm, giác này là tâm tâm lưu nhập biển giác, chính là chân thành. Trong Quán Kinh nói là tâm chí thành, tâm chí thành chính là biển giác, trong Khởi Tín Luận nói là trực tâm, hình dung trong tâm, không hề có chút tướng cong vạy, hoặc là chúng ta nói rõ hơn một chút, không có hiện tượng quanh co, đây là biển giác. Một niệm bất giác mà có vô minh, từ trong biển giác, biến hiện ra A lại da, A lại da chính là linh hồn trong tục ngữ của người Trung Quốc chúng tôi, trong pháp giới Tứ thánh gọi là linh tánh, trong lục đạo gọi là linh hồn. Linh hồn là mê, linh tánh là giác ngộ, tuy giác ngộ nhưng không viên mãn. Người giác ngộ không tạo nghiệp, thiện ác nghiệp đều không tạo. Người mê tạo nghiệp, tạo thiện nghiệp sanh 3 đường lành, tạo ác nghiệp sanh 3 đường ác. Những chân tướng sự thật này, chúng ta học Phật đã nhiều năm như thế, hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch, phải có một khái niệm rõ ràng.

Bạn xem Bồ tát vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, cho nên hai câu này, bây giờ chúng ta phải dụng tâm học tập. Niệm niệm phổ lợi quần sanh, tâm tâm lưu nhập biển giác. Đây gọi là chân tu hành, giác mà không mê. Làm thế nào mới có thể làm được? Bạn xem câu cuối cùng, “thị vi bồn kinh chi thú”. Như thế là hiểu rồi, tôn chỉ của

bộ kinh này nói về tu tập. Chỗ về của sự tu tập, bạn xem, về chỗ phổ lợi quần sanh, lưu nhập đại hải. Chúng ta phải làm thế nào đây? Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm. Phát bồ đề tâm, người xưa nói rất hay, chính là phát tâm làm Phật, tâm thành Phật, phải phát tâm này. Thành Phật nghĩa là sao? Thành Phật là tâm độ chúng sanh. Nói cách khác, chính là bốn đức mà Hiền Thủ quốc sư giảng ở trong Hoàn Nguyên Quán, nhất định chúng ta phải hành tứ đức. Thứ nhất là tùy duyên diệu dụng. Diệu là gì? Diệu là tùy duyên. Trong tùy duyên không có vọng tưởng phân biệt chấp trước. Đó chính là diệu dụng, cái này không dễ làm được đâu, Phật Bồ tát cho chúng ta biết có thứ đệ, cứ làm theo đó đi. Đầu tiên học tập không chấp trước trong tùy duyên, học được thật sự thành công, bạn đã thành chánh giác, bạn đã chứng được quả A la hán. Trong kinh Hoa Nghiêm, bạn chứng được Bồ tát thất tín vị trở lên. Thất tín, bát tín, cửu tín, thập tín đều là giai vị này. Chánh giác; Hướng lên trên một bước nữa, chẳng những không chấp trước, mà tâm phân biệt cũng không còn, các vị nên biết rằng, tâm chấp trước không còn, thì tâm thanh tịnh của bạn xuất hiện, chấp trước là nhiễm ô, là Mạt na thức, nhiễm ô, nhiễm ô xóa bỏ hết, tâm thanh tịnh phục hồi. Đại sư Huệ Năng có dạy: “hà kỳ tự tánh, bản tự thanh tịnh”. Tâm thanh tịnh của bạn hiển lộ rồi, nhưng mà chưa viên mãn, rất hữu dụng, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Nếu có thể không phân biệt, tiến thêm một bước không phân biệt, thì bạn sẽ thành Bồ tát chánh đẳng chánh giác, từ A la hán thăng cấp, thăng lên Bồ tát. Tiếp tục buông bỏ khởi tâm động niệm, thì bạn đã thành Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thành Phật rồi, đạt đến địa vị tối cao. Trong kinh Hoa Nghiêm, bạn là Bồ tát Sơ Trụ của Viên Giác, siêu việt thập pháp giới. A la hán siêu việt lục đạo, Phật siêu việt thập pháp giới, bạn ở cõi Thật báo trang nghiêm độ, bạn ở trong Thật báo độ tu hành. Ở trong Thật báo độ tu gì? Cho quý vị biết, thật báo độ tu 53 tham. Đó đúng là niệm niệm phổ lợi chúng sanh, đồng thời, tâm tâm lưu nhập biển giác. Hai câu này không có trước sau, chỉ trong một niệm là đầy đủ, đây gọi là chân tu. Kinh Hoa Nghiêm tu cái này, kinh Vô Lượng Thọ cũng tu cái này. Cho nên Cổ đức dạy rằng, kinh Vô Lượng Thọ tức là trung bản Hoa Nghiêm. Lời nói này không sai một chút nào, kinh A Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm có đại trung tiểu tam bản. Tông thứ, chúng ta học đến chỗ này.

Coi tiếp đoạn thứ tư bên dưới, “phương tiện lực dụng”. Chúng ta coi kinh văn, “như kinh Đại Tỳ Lô Giá Na viết: bồ đề là nhân, đại bi là gốc, phương tiện là cứu cánh. Cho nên biết, phương tiện độ sanh, chính là kiết quy đại nguyện của chư Phật, đại trí hiển hiện, vạn đức trang nghiêm, là chỗ quả giác cứu cánh vậy”. Lực, chính là năng lượng mà chúng ta đang giảng hiện nay, năng lượng mà hiện nay khoa học nói, đó là lực. Dụng là tác dụng tha khởi. Phương là phương pháp. Tiện là tiện nghi. Phương pháp tiện nghi, chính là phương pháp thích đáng nhất, phương pháp thích hợp nhất, phương pháp hay nhất. Cho nên phương tiện không phải chỉ có một, mà là vô lượng vô biên phương tiện.

Cử ra cương lĩnh để nói, nhân người bất đồng, nhân thời bất đồng, nhân địa bất đồng, nhân sự bất đồng, chư Phật Bồ tát giáo hóa chúng sanh, gọi đó là phương tiện thần thông, chẳng phải là một phương pháp. Trong kinh điển đại thừa đức Phật thường dạy, “Phật vô hữu định pháp”, đó chính là pháp phương tiện, pháp phương tiện không phải là phương pháp nhất định, tùy người, tùy việc, tùy thời mà biến hóa tha khởi, rất hoạt bát, người đương thời nói là hoạt học hoạt dụng, là ý này, nó không phải là pháp chết. Cho nên có thể khiến tất cả chúng sanh tâm sanh hoan hỷ, thế mới gọi là phương tiện. Trong kinh nói rất hay, Bồ đề là nhân, Bồ đề là giác, giác ngộ là nhân, giác là hiểu rõ, đối với chân tướng nhân sanh vũ trụ hiểu rõ, đó là nhân. Sau khi hiểu rõ, nếu như bạn không động lòng, tuy đã hiểu rõ, vô số chúng sanh đang chịu khổ chịu nạn, bạn chẳng hề quan tâm, hoặc giả quan tâm, thì cũng chỉ quan tâm đến những người có duyên, và những người liên quan đến mình, nhưng người không liên quan thì chẳng hề quan tâm, hạng người này trong Phật pháp gọi là tiểu thừa, họ thường bị chư Phật Bồ tát la rầy trách mắng, có trí huệ, có năng lực mà không chịu giúp đỡ người khác. Bồ tát đại thừa thì khác, Bồ tát đại thừa có tâm Từ bi, tâm đại bi này chính là tâm đồng tình, tâm lân mẫn, hiểu được tất cả chúng sanh và bản thân mình cùng một thể. Sanh Phật bất nhị, chúng sanh và Phật là một chẳng phải hai, đều có đức tướng trí huệ của Như Lai, đồng một tự tánh, đồng một trí huệ, đức năng giống nhau. Lực, ở đây nói là lực dụng, trong quả địa của Như Lai Thập lực, Tứ Vô Úy, cũng hoàn toàn tương đồng. Cho nên chúng sanh có cảm, chư Phật Bồ tát lập tức có ứng, chắc chắn không nói rằng, chúng sanh có cảm, Phật Bồ tát không có ứng, không có lý này. A la hán không ứng thì có, Phật Bồ tát không ứng, không hề có lý này. Ngày nay chúng ta có khổ có nạn, ngày nào chúng ta cũng cầu Phật Bồ tát, vì sao Phật Bồ tát không đến? Phật Bồ tát có đến, chẳng phải không đến. Đến rồi thì sao? Đến mà bạn không biết, Phật Bồ tát đến giúp bạn mà không giúp được, ở ngay bên cạnh bạn, vì sao không giúp được? bạn có nghiệp chướng, làm chướng ngại sự giúp đỡ của Phật Bồ tát. Việc này khi tôi mới bắt đầu học Phật, năm 26 tuổi tôi mới tiếp xúc với Phật pháp, và cũng chính năm đó mới quen biết Chương Gia đại sư. Chương Gia đại sư rất tốt với tôi, là bậc đại ân đại đức của tôi. Ngài nói với tôi: “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”. Nếu như có cầu mà không ứng, thì không phải là Phật Bồ tát rồi. Số lượng của Phật Bồ tát nhiều hơn con người. Chúng ta khởi lên một niệm, tất cả chư Phật Bồ tát đều cảm ứng được, chính bản thân chúng ta không thể nhận biết được, là vì nghiệp chướng tập khí của mình quá sâu nặng. Phải làm sao đây? Bắt buộc phải hóa giải hết nghiệp chướng của chính mình, thì Phật Bồ tát cảm ứng hiện tiền. Làm cách nào để hóa giải nghiệp chướng? Đại sư dạy tôi, sám trừ nghiệp chướng, nguyện thứ tư trong thập nguyện của Phổ Hiền Bồ tát. Mỗi ngày bạn cần nên sám hối, sám hối cách nào? Thầy dạy tôi: “không cần phải học những nghi thức quy củ đó, chỗ này nói đến phương tiện, những nghi thức đó là làm cho người khác xem, khiến cho người khác nhìn thấy cảm động, khởi phát người đó quay đầu, nghĩa là như vậy thôi. Đó là biểu diễn trên khán đài. Thật sự sám hối, không có nghi thức, chỉ có một câu: Về sau không làm nữa. Biết ý nghĩ này sai rồi, ngôn ngữ này sai rồi, hành vi sai

rồi, lần sau vĩnh viễn không phạm phải lỗi lầm này nữa, đây gọi là chân sám hối. Tôi nghe xong, bèn nghĩ đây chẳng phải là trong văn hóa truyền thống của Trung Quốc nói là “bất nhị quá” sao? Đúng! Khổng Tử tán thán Nhan Hồi, trong số học sinh của Khổng Tử, chỉ có Nhan Hồi làm được bất nhị quá. Lỗi lầm chỉ có một lần, ông ấy hiểu, sau này không phạm phải lỗi lầm như vậy nữa. Đạo Nho cũng nói, sử dụng ngôn từ không giống như Phật giáo, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng, cho nên sám trừ nghiệp chướng chính là bất nhị quá, không có bất cứ hình thức nào.

Nói đến siêu độ vong linh, có chuyện như vậy không? Có! Thật sự siêu độ, cũng không có nghi thức. Chúng tôi thấy trong tự truyện của pháp sư Tán Hư, trong Ảnh Trần Hồi Úc Lục. Khi còn trẻ lão pháp sư vẫn chưa xuất gia, đến trung niên Ngài mới xuất gia. Cùng người bạn mở một tiệm thuốc bắc nhỏ, trong đó có một người bạn họ Lưu, là một Phật tử thuần thành, hàng ngày đọc kinh Lăng Nghiêm, mỗi ngày đọc một bộ, đọc 8 năm, gọi là bát tải hàn song độc Lăng Nghiêm, có công phu đấy. Cho nên siêu độ phải có công phu siêu độ mới được, không có công phu lấy gì để siêu độ đây? Một hôm vào buổi trưa, tiệm không có khách, không có ai đến cửa tiệm mua đồ, Ngài ngồi ngủ gục ở quầy, mơ mơ hồ hồ, nhìn thấy hai người đi vào, đi vào cửa tiệm, Ngài bèn ngồi dậy tiếp đón họ, nhìn kỹ hai người này là oan thân trái chủ của Ngài. Vì tiền tài tranh chấp mà đi kiện cáo, hai người này bị thua, phán quyết hai người thua, sau khi thua hai người này treo cổ tự vẫn, Ngài vô cùng hối hận, không nên vì một chút việc nhỏ bé này mà cướp đi hai mạng người. Bây giờ thấy họ đến, ngài rất lo sợ, nhưng thấy họ đi vào với thái độ rất ôn hòa, hình như không có ác ý, trong lòng hơi bình tĩnh một chút, hỏi họ; Quý vị đến đây có việc gì không? Họ nói đến xin được siêu độ, thế thì ngài yên tâm rồi, đến cầu siêu độ mà. Ngài nói; Vậy các ông muốn tôi phải làm thế nào? Hai người nói, chỉ cần ông hứa khả là được rồi. Được, tôi hứa khả! Bèn nhìn thấy hai vong hồn này, đập vào đầu gối của Ngài, đập vào vai ngài, thẳng thiên. Dễ dàng như vậy thôi, không hề có nghi thức gì hết. Hai người này đi rồi, không bao lâu lại đến hai người nữa, là vợ của Ngài ngày trước, và con của Ngài, họ đều chết rồi, đến trước mặt Ngài cũng cầu xin siêu độ, cũng cách đó, Ngài đồng ý, nhìn thấy hai vong hồn này, cũng đập vào đầu gối, đập vào vai mà thẳng thiên. Không có công phu thì chẳng xong, công lực này của Ngài chính là 8 năm. Trong đạo Phật thường nói, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Lực dụng như thế mà có được, bát tải hàn song độc Lăng Nghiêm, thành tựu được phương tiện lực của Ngài. Bạn xem oan thân trái chủ, thân bằng quyến thuộc Ngài đã dùng được, từ ác đạo đưa họ lên thiên đạo, tốt hơn con người rất nhiều. Đây là nói về công lực, cho nên Bồ tát có tâm Đại bi, có phương tiện, có phương tiện mới gọi là cứu cánh. Phương tiện chính là phương pháp thích hợp nhất, phương pháp đơn giản nhất, phương pháp ổn định nhất, phương pháp nhanh chóng nhất. Phương tiện là cứu cánh nghĩa là sao? Niệm Phật là phương tiện. Phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, nhưng mà phải nên nhớ rằng, niệm niệm phổ

lợi chúng sanh, không nên vì mình, phạm vi phải lớn, niệm niệm là thập pháp giới, biến pháp giới hư không giới tất cả khổ nạn chúng sanh. Tâm lượng lớn như vậy, có thể làm được không? Làm được! Chỉ cần bạn dùng tâm chân thành, thì bạn sẽ làm được. Nếu như trong đây có pha một chút tự tư tự lợi, pha một chút tập khí phiền não, thì bạn sẽ không làm được, sẽ phá hoại hết toàn bộ công lực của bạn, cho nên không được pha một chút nào cả. Hàng ngày trong cuộc sống, trong công việc, trong tiếp nhân xử thế, tập cái gì? Tập buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, tập cái đó đó, đó gọi là chân công phu. Không buông bỏ được thì phải làm sao? Không buông bỏ được, lập tức quy hướng A Di Đà Phật. Người xưa có dạy: “chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”, bất luận là thiện niệm hay ác niệm, không cần phải lý tới nó. Vì sao vậy? thiện niệm hay ác niệm, không phải là chân, nó là vọng niệm. Lập tức chuyển biến thành A Di Đà Phật, đây là chánh niệm, niệm niệm phổ lợi quần sanh, chính là niệm niệm A Di Đà Phật. Tôi đem công đức niệm A Di Đà Phật, hồi hướng cho tất cả chúng sanh khổ nạn, cầu chúc cho họ thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an hòa, thiên hạ thái bình, nguyện này hay! Nên biết rằng, mỗi một niệm đều biến pháp giới hư không giới.

Hiền Thủ quốc sư có dạy trong Hoàn Nguyên Quán rằng: Mỗi một niệm đều xuất sanh vô tận, mỗi một niệm đều hàm dung có không, chính là tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, loại tâm niệm này, mới gọi là Bồ tát đại thừa.

“Tùy duyên diệu dụng”, đó là nguyên tắc tối cao, “oai nghi hữu tắc”, là mô phạm phải làm bây giờ, không phải vì mình, là làm mô phạm tốt cho toàn thể xã hội. Phàm những gì không tốt, quyết định không làm. Khởi tâm động niệm, tự mình nghĩ xem, tâm niệm này của mình có được hay không, nếu như cả xã hội này đều giống như tâm niệm này của mình, thế giới này sẽ như thế nào đây? Nên suy nghĩ, nếu là tự tư tự lợi, nếu là tham sân si mạn, như thế có được không? Thế giới này sẽ bị hủy diệt mất. Vì sao lại có tâm niệm này? Mê hoặc! Giác ngộ thì không có. Giác ngộ; Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đều phải làm mẫu mực hay nhất, làm gương mẫu cho xã hội, thế thì nhất định phải học theo sách Đệ Tử Quy, làm được thiên cảm ứng, làm được thập thiện nghiệp, học kỹ Sa Di Luật Nghi, đây là cơ bản nhất. Tất cả những điều này đều làm được, đó là mẫu mực hay.

Chúng ta chúc phúc cho tất cả chúng sanh khổ nạn, đó không phải là khẩu hiệu, thật sự có thể thật hiện. Tiếp nhân xử thế, thái độ của Phật giáo chúng ta là nhu hòa chất trực, bất luận là đối với ai, ngôn ngữ phải nhu hòa, thái độ nên thành kính. Chất trực là chân thành cung kính, mình phải nên học khiên tôn hữu lễ. Phải khẳng định thế gian không có người xấu, tâm niệm này vô cùng quan trọng, tâm này chính là tâm đồng thể Đại bi. Người kia tạo tội ngũ nghịch thập ác, là nhất thời mê hoặc, chẳng phải chân tâm, là vọng tâm của người đó, do tập khí bất thiện tạo thành, chân tâm của họ vốn thiện. Người này có tâm Bồ đề, tâm Bồ đề là chân tâm của họ, vẫn chưa hiển lộ, bị phiền não

tập khí che mắt rồi, chỉ cần bỏ đi hết chướng ngại, thì chân tâm bản thiện sẽ hiện tiền, người này là tâm Phật, người này là tánh Phật. Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai, cái này chẳng thể không biết, nếu bạn thật sự hiểu, thì bạn sẽ không có oan thân trái chủ. Oan thân trái chủ biến hết thành Phật Bồ tát, tuy họ vẫn chưa có thể biến ra được, nhưng mà trong tâm mình đã thay đổi rồi. Bạn nghĩ xem tâm của chúng ta có dễ chịu không, tâm của chúng ta có đẹp không? Trong kinh Phật thường dạy chúng ta: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, hoàn cảnh mà chúng ta thọ dụng có đẹp không. Có liên quan gì đến người khác không? Không liên quan gì. Nếu như có liên quan, thì hoàn cảnh của Chư Phật Bồ tát sẽ không tốt nữa. Vì sao chư Phật Như Lai vĩnh viễn ở Thật báo độ? Có sống cùng chúng ta, thì các Ngài vẫn ở Thật báo độ, chắc chắn không bị thập pháp giới lục đạo làm ảnh hưởng, thế mới gọi là được Đại tự tại, thế mới gọi là chứng đại thần thông, cho nên các Ngài đầy đủ vô lượng thần thông phương tiện để giáo hóa chúng sanh. Câu cuối cùng của tứ đức là “thay chúng sanh khổ”, đặc biệt là vào thời đại ngày nay, chúng sanh mê muội quá nặng, thời gian mê muội dài, chúng ta sống với họ hòa quang đồng trần.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, từ 19 tuổi xuất gia, đến 80 tuổi viên tịch, thời gian 60 năm trụ thế, dùng phương pháp gì? Khổ hạnh tăng! Thị hiện làm khổ hạnh tăng, mỗi ngày một bữa, ở dưới gốc cây, ba y một bát, 12 năm cầu học, 49 năm dạy học, đây là thay chúng sanh khổ, làm như vậy, cho mọi người xem, thật sự buông bỏ. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần đều buông bỏ hết, không hề dính mắc. Ngài đã làm được rồi, cho nên Ngài dạy chúng ta, chính bản thân chúng ta tự biết thể lực chưa được, phương pháp sinh hoạt của Ngài chúng ta không làm được, chúng ta phải nên sanh lòng hổ thẹn. Nhu cầu cuộc sống không nên quá nhiều, quá nhiều thì làm sao xứng đáng với đức Phật đây. Chúng ta có nghĩ đến việc thay chúng sanh khổ không? Sự biểu diễn một đời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lúc sắp lâm chung vẫn còn thuyết pháp cho chúng sanh, vẫn còn nhắc nhở người đời sau.

Hiểu ơn thì mới thật sự biết được báo ơn, không biết ơn thì không biết báo ơn đâu. Báo cách nào đây? Y giáo phụng hành.

Quả giác, vô thi vô minh đoạn tận, chứng được quả báo cứu cánh viên mãn, trong kinh Hoa Nghiêm gọi là Diệu Giác Vị, thành tựu địa vị này, thì được đại viên mãn. Sau khi viên mãn, thì hoàn toàn đi giúp chúng sanh quay đầu, giúp cho chúng sanh chúng được đại viên mãn giống như mình vậy, đây gọi là cứu cánh xứ.

Cho nên sau khi kế thể tánh tông thú, luận bản kinh, đại lực đại dụng phương tiện thắng diệu, đây chính là nguồn gốc của chương này. Đầu tiên giải nghĩa về hàm ý của danh từ “phương tiện lực dụng”. Tiếp tục coi bản kinh lực dụng, như trong kinh Quán Phật Tam Muội có ghi: “ Phật cáo phụ vương, chư Phật xuất thế cơ 3 lợi ích, một là,

khâu thuyết 12 bộ kinh, pháp thí lợi ích, có thể trừ vô minh ám cấu của chúng sanh, mở trí huệ nhãn, sanh trước chư Phật, sớm đắc vô thượng bồ đề.

Đức Phật đến thế gian, xuất hiện ở thế gian, cho con người ở thế gian 3 điều lợi ích thù thắng. Lợi ích thứ nhất là gì? Là dạy học. Ngôn giáo, thân hành ngôn giáo, thân phải làm mẫu mực, làm mẫu mực cho chúng sanh coi, dùng ngôn ngữ giáo hóa chúng sanh, nói 12 bộ kinh, đức Phật giảng kinh, sử dụng 12 phương pháp khác nhau, trong văn học hiện tại nói là thể tài. Đức Phật giảng kinh có 12 loại thể tài, đây chính là tất cả kinh điển ngài đã nói 49 năm.

Pháp thí lợi ích. Đây là pháp bố thí, lợi ích này có thể trừ được vô minh ám cấu của chúng sanh. Ám cấu là phiền não, phiền não kiến tư hoặc là cấu, phiền não trần sa hoặc là ám. Vô minh trong câu này, bao gồm ba loại đại phiền não. Chúng sanh sở dĩ làm chúng sanh, chính là bị ba loại phiền não này trói buộc, không thể siêu việt được. Trong kinh Hoa Nghiêm nói cho chúng ta biết, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chấp trước là cấu, phân biệt là ám, vọng tưởng là vô minh. Ba thứ này hại chúng ta, vô lượng kiếp, ở trong lục đạo sanh tử luân hồi, khổ không kể xiết. Các vị nhất định phải hiểu rõ, ở trong lục đạo, chắc chắn thời gian ở trong ba ác đạo dài, thời gian ở ba đường thiện ngắn, điều này phải biết. Lấy thọ mạng mà nói, thời gian của cõi người rất ngắn, suốt cuộc đời người sống được trăm tuổi không nhiều, tuy sống được trăm tuổi, nhưng đem so với cõi trời, đem so với trời Đao Lợi, một ngày ở cõi trời Đao Lợi, bằng 100 năm ở cõi người, người sống được trăm tuổi, bằng một ngày ở trời Đao Lợi. Nếu như so với Tứ Vương Thiên, một ngày ở Tứ Vương thiên, là 50 năm ở cõi người, bất quá chỉ là hai ngày, hai ngày ở Tứ Vương thiên. Đó là so với cõi trên, còn so với cõi dưới, cõi ngạ quỷ, thọ mạng của quỷ dài, trong cõi quỷ một ngày, là một tháng ở nhân gian, cho nên cõi nhân gian tế bái quỷ thần, mừng một mười lăm tế tự cúng dường, vừa đúng bữa sáng, bữa tối, bữa trưa, 15 ngày một lần cúng dường. Cõi nhân gian một tháng bằng ở đó một ngày. Thọ mạng của họ, đại khái sống một ngàn tuổi là chuyện bình thường, là bạn hiểu được, ở trong cõi quỷ không dễ ra đâu. Nếu như đọa vào địa ngục thì càng phiền phức, ở địa ngục sự sai biệt về thời gian rất lớn, địa ngục bình thường, không phải rất nghiêm trọng, ngày xưa Thầy Lý khi giảng kinh nói cho chúng tôi nghe, đại khái ở nhân gian 2700 năm, bằng địa ngục một ngày, đó vẫn chưa phải là dài nhất đâu, bạn nói bạn nghĩ ra được có khó không. Thời gian, nói cho đúng, thời gian và không gian đều không có thật, chỉ là khái niệm trừu tượng, đều từ trong tâm ý thức của bạn biến hiện ra thôi, cảm thọ bất đồng, khi chúng ta ở chỗ khổ nạn, một ngày như một năm, khi vui sướng, cảm giác thời gian trôi qua rất nhanh, làm sao một chút là hết mất rồi. Tất cả chúng sanh trong Thập pháp giới, quan niệm đối với thời gian đều là tánh chất này, ngày khổ cực rất khó vượt qua. Chư Phật Bồ tát ở thế gian này, giáo hóa chúng sanh, giảng kinh thuyết pháp, có thể giúp cho chúng sanh đoạn phiền não, sanh trí huệ, nếu phiền não không đoạn, trí huệ sẽ không sanh khởi, bạn có học nhiều thứ, đó chỉ là tri thức, chẳng phải trí huệ. Tri thức

không thể giải quyết được vấn đề sanh tử, không thể thăng hoa linh tánh, trí huệ thì có thể. Trí huệ phát sanh từ tâm thanh tịnh, từ tâm bình đẳng. Tâm của bạn không thanh tịnh, tâm của bạn không bình đẳng, chỉ sanh phiền não, không sanh trí huệ. Nghe kinh học giáo cũng không ngoại lệ, bạn có thật sự nghe hiểu không? Thật sự được lợi ích không? Các vị Cổ đức cao minh nhìn là biết liền. nhìn từ đâu? Giống như tiêu chuẩn Ấn Quang đại sư giảng: Một phần thành kính được một phần lợi ích, thập phần thành kính được thập phần lợi ích, coi tâm thanh tịnh của bạn. Coi chỗ nào? Coi mức độ tự tư tự lợi của bạn, coi mức độ đối với danh văn lợi dưỡng của bạn. Nếu như bạn coi nhẹ sự tự tư tự lợi, coi nhẹ danh văn lợi dưỡng, chắc chắn bạn nghe kinh, thật sự nghe được tinh túy trong đó, bạn cảm nhận được. Nếu như tâm danh lợi của bạn nặng nề, dù Đức Phật có giảng kinh thuyết pháp ở đây, bạn cũng nghe không vào. Vì sao vậy? Vì bị chướng ngại làm chướng ngại, chẳng phải đức Phật không bình đẳng, mà là nghiệp chướng của mỗi người nặng nhẹ khác nhau. Người nghiệp chướng nhẹ rất dễ nhập môn, người này nghe hiểu, thật sự cảm nhận được, người nghiệp chướng sâu nặng thì không được. Nghiệp chướng sâu nặng như chúng ta thì phải làm sao đây? Chỉ có một cách duy nhất, là trường thời huân tu, ngày nào cũng nghe, nghe 20 năm, 30 năm; A! hiểu rồi, nhập môn rồi. Nghe đến 40 năm, 50 năm, từ từ khế nhập, sanh pháp hỷ, thế thì cảm nhận được.

Thái độ học tập của học sinh ngày nay không được, nó không nghe vào tai điều gì hết, bạn xem nghe kinh nghe một lần; Ê! bộ kinh này tôi nghe qua rồi. Giảng lần thứ hai; tôi không nghe kinh này đâu, tôi đã nghe rồi mà. Vốn là nghe không hiểu! Người xưa dạy: “đọc sách ngàn lần, kỳ nghĩa tự kiến”. Chúng ta ngày nay nghe kinh mà nghe được ngàn lần, thì làm gì có lý không khai ngộ! Vì sao vậy? Nghe một ngàn lần, tâm định rồi, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh sanh trí huệ, thì sẽ khai ngộ, người này thật sự nhập cảnh giới. Nhập cảnh giới cạn hay sâu, là mức độ tâm thanh tịnh của người này, có được một phần thanh tịnh, thì thâm nhập được một phần, có được thập phần thanh tịnh, thì thâm nhập được thập phần. Vì sao vậy? Vì tất cả kinh của Đức Phật nói, đều từ Tự tánh lưu xuất. Nghe hiểu là bạn khế nhập được Tự tánh, là như vậy thôi. Tự tánh của đức Phật và Tự tánh của mình là một Tự tánh, chứ không phải là hai Tự tánh. Những gì đức Phật làm là chính mình làm, những gì đức Phật nói cũng là chính mình nói, nhất định phải dùng tâm tự tánh thanh tịnh mới có thể khế nhập.

Cho nên đoạn phiền não khai trí huệ, khai trí huệ, còn phải làm sao nữa? Phải được sanh ra trước Phật. Bạn nên biết, vững vàng, nhanh chóng, thành tựu. Sanh trước Phật là vãng sanh về thế giới Tây phương Cự lạc, bạn đã nhanh chóng thành tựu, không cần vô lượng kiếp, không cần ba đại a tăng kỳ kiếp, nhanh chóng thành tựu, sớm đắc Vô thượng Bồ đề, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạn xem lợi ích như thế, nếu chẳng phải Đức Phật xuất hiện ở thế gian này thì bạn không có được đâu.

Lợi ích thứ hai là, chư Phật Như Lai, có thân tướng trang nghiêm, vô lượng diệu hảo, nếu có chúng sanh xung niệm quán sát, hoặc tổng tướng, hoặc biệt tướng, bất luận thân Phật hiện tại hay quá khứ, đều có thể trừ diệt tội tứ trọng ngũ nghịch của chúng sanh, ra khỏi tam đồ.

Đoạn trước nói, điều thứ nhất là khẩu nghiệp của đức Phật lợi ích chúng sanh. Điều thứ hai là thân nghiệp của Đức Phật lợi ích chúng sanh. Chư Phật Như Lai thân tướng quang minh. Người thời nay nói gì? Nói từ trường. Người Trung Quốc nói là không khí. Mỗi người có từ trường của riêng mình, mỗi người có không khí riêng của mình. Bạn xem có người từ trường tốt, chúng ta tiếp xúc với từ trường của người đó, cảm nhận thấy yên ổn, có thể khiến tâm bạn an định, ít vọng niệm, đầu óc sáng suốt, từ trường này nhiếp thọ người. Người thật sự có tu tập, có đức hạnh thì khác. Từ trường của Chương Gia đại sư tốt, cảm nhận được rõ ràng, vào đến cửa chỗ Ngài ở, không khí khác hẳn, vào trong phòng khách của Ngài, là cảm nhận thấy rất an lạc, rất dễ chịu, bạn sẽ có cảm giác đó, bạn sẽ không muốn đi, tuy Ngài không nói một câu nào, nhưng mình cũng muốn ngồi thêm mấy phút nữa, hưởng thụ từ trường của Ngài. Đây chính là thân tướng quang minh mà Phật giáo đề cập, trong khí công thì nói là khí trường, có từ trường này khiến bạn cảm nhận được.

Thân tướng của chư Phật Bồ tát, thật sự là từ trường lợi ích cho tất cả chúng sanh. Từ trường cũng biến hóa. Đoạn trước có nói, nhân người, nhân thời, nhân địa, nhân việc có khác, đều làm cho bạn cảm nhận được diệu hảo, vô lượng diệu hảo. Đó là việc tự nhiên, có thể nhiếp thọ tất cả chúng sanh.

Nếu có chúng sanh xung niệm quán sát; Xung là xung danh, giống như chúng ta niệm danh hiệu Phật Bồ tát, niệm Nam mô A Di Đà Phật, niệm Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát, nam mô Địa Tạng Vương Bồ tát, đó là xung. Niệm là ức niệm, không niệm thành tiếng, trong tâm niệm, trong tâm nghĩ tưởng Phật. Chương Viên Thông nói, ức Phật niệm Phật, hiện tại vị lai chắc chắn thấy Phật. Ưc niệm, trong tâm thật sự có.

Quán sát, quán sát là có hình tướng của Phật Bồ tát, hoặc tổng tướng, hoặc biệt tướng. Tổng tướng là thấy tướng toàn thân của Phật Bồ tát, biệt tướng là nhìn thấy một phần, hoặc là nhìn thấy tướng nhục kế, vô kiến đánh tướng, vô kiến đánh tướng trên nhục kế, hoặc là thấy tướng bạch hào, giữa chận mày có hai cọng bạch hào quện vào nhau, giống như viên châu. Hoặc là quán sát tướng thủ ấn của Phật Bồ tát, đó là thấy biệt tướng.

Không hỏi thân Phật hiện tại quá khứ, điều này đều không cần hỏi. Hiện tại, là Phật Bồ tát trụ thế, quá khứ thì chúng ta có thể tạo đắp hình tượng của Phật bồ tát, hoặc là vẽ, vẽ hình tượng của Phật bồ tát. Hiện nay tiện nhất là chụp hình, chúng ta nhìn thấy

tượng Phật bồ tát rất trang nghiêm, tâm sanh hoan hỷ, chúng ta chụp hình lại, mang về nhà thờ cúng, đem hình tượng của Phật bồ tát ở đạo tràng mang về nhà cúng dường.

Đều có thể trừ diệt tội tứ trọng ngũ nghịch của chúng sanh. Nghĩa là sao vậy? Có nghĩa là tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, đem tâm niệm bất thiện của bạn chuyển biến. Tứ trọng là nói về giới, tứ trọng giới: Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, tứ trọng giới, tội tứ trọng này đều là địa ngục. Ngũ nghịch là tội A tỳ địa ngục, ngũ nghịch là tội; Giết cha, giết mẹ, giết A la hán, Phật thì không giết được, phước báo của Ngài lớn lắm, nhưng làm thân Phật chảy máu. Đó là Đề Bà Đạt Đa, khi còn tại thế muốn hại đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ông ta biết hàng ngày đức Phật đi khát thực, đều phải đi qua sườn núi này, ông ta ở bên trên lăn một cục đá rất lớn xuống, khi đức Phật đi ngang qua, ông ta lăn cục đá xuống, muốn đè chết đức Phật. Phước báo của đức Phật lớn, Bồ tát Vi Đà hộ pháp, khi đó ngài dùng chày Kim Cang chặn ngang cục đá, chặn ngang cục đá bẻ nát, một miếng đá văng vào chân đức Phật làm chảy máu, đó gọi là làm thân Phật chảy máu. Cuối cùng là phá hòa hợp tăng, đây cũng là tội A tỳ địa ngục. Cho nên ngày nay phá hoại hình tượng của Phật giáo, đó cũng đều là tội phá hòa hợp Tăng. Ngày nay chúng ta mang hình tượng xuất gia, sống trong xã hội này, nếu chúng ta làm những việc không đúng pháp, làm cho xã hội phê bình Phật giáo, hủy báng Phật giáo, lăng mạ Phật giáo, thì chúng ta phạm tội rồi. Cho nên tứ chúng đệ tử, phải nên thường thường nể mặt đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không thể để cho đức Phật Thích Ca mất mặt. Người xưa dạy, chúng ta nên dán vàng lên mặt đức Phật, đó là công đức. Y giáo phụng hành, để người khác tán thán đức Phật, cung kính Phật, đó chính là đã dán vàng lên mặt đức Phật rồi. Nếu như chúng ta làm không đúng pháp, vẫn còn tự tư tự lợi, vẫn là tham sân si mạn, vẫn là tổn người lợi mình, như vậy thì giống như bôi lọ nghe lên mặt đức Phật, làm cho xã hội khởi tâm oán hận Phật giáo, khởi tâm hủy báng Phật giáo, như vậy thì hỏng mất. Cho nên phá hoại hình tượng của Phật giáo, ngũ nghịch tội là đọa vào đại ngục A tỳ, quả báo rất nặng. Chúng ta thường thấy được tượng Phật, 32 tướng của đức Phật, có nghĩa là gì cần nên hiểu, 32 tướng là quả báo, 32 loại thiện hành chiêu cảm ra quả báo, có thể tra trong đại từ điển Phật học. Lúc trước tôi giảng kinh Kim Cang, trong kinh Kim Cang Giảng Nghĩa của Giang Vị Nông cư sỹ giảng rất rõ ràng, nghiệp nhân của 32 tướng, mỗi mỗi đều nói rõ. 80 loại tùy hình hảo, lưỡi của đức Phật le ra, có thể trùm hết khuôn mặt, gọi là Quảng trường thiết tướng. Quả báo là gì vậy? Là đời đời kiếp kiếp không vọng ngữ. Đức Phật giảng trong kinh, nếu như một người có thể 3 đời không vọng ngữ, lưỡi có thể liếm đến chóp mũi, le lưỡi ra liếm được chóp mũi là 3 đời không vọng ngữ. Đức Phật đời đời kiếp kiếp không vọng ngữ, cho nên lưỡi của Ngài rất mỏng, sau khi le ra có thể che hết khuôn mặt. Tướng hảo do tu mà thành, đức Phật hiện ra 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, là dạy chúng ta phải tu nhân tốt, nhân tốt thì sẽ có quả báo tốt. Người tâm tốt thì tướng sẽ tốt, hành vi tốt thì thân thể khỏe mạnh, thân tâm là đại biểu tu tập của chúng ta. Bạn có thật sự tu tập

không, tu như thế nào, nhìn thấy hình tướng của bạn, thấy thân thể của bạn là biết được thôi, không cần hỏi gì hết, nhìn là biết được. Công phu của bạn, là ở trên khuôn mặt của bạn, ở nơi hành vi của bạn, làm sao bạn gạt người ta được. Cho nên thường xưng niệm quán sát tượng Phật, nghĩa là sao? Nghĩa là 16 quán trong kinh Quán Vô Lượng Thọ có nói. Bạn thật sự có thể tu, có thể tu chính là ngưỡng mộ đức Phật, cung kính đức Phật, quý mến đức Phật, học tập với đức Phật. Mình phải giống như ngài vậy, thế thì tứ trọng tội và ngũ nghịch tội của bạn, đều được hóa giải, ra khỏi tam đồ, vĩnh viễn không bao giờ đọa và tam ác đạo nữa.

Tùy ý mong muốn, thường sanh Tịnh độ cho đến làm Phật. Đây là nói về lợi ích, có thể tùy theo ý của mình, tôi muốn về thế giới Tây phương Cực lạc, chắc chắn bạn sẽ được mãn nguyện. Thường sanh tịnh độ cho đến ngày thành Phật, đó là lợi ích thân nghiệp của đức Phật.

Tiếp tục coi loại thứ 3, loại thứ 3 là lợi ích của ý nghiệp. Thứ 3, khuyên răn phụ vương hành niệm Phật tam muội. Đó là khuyên tất cả chúng sanh tu pháp môn niệm Phật, dùng phương pháp gì để khuyên? Ngài khuyên cha của Ngài, quan hệ phụ tử quá thân thiết, phụ tử hữu thân, Ngài khuyên phụ thân của mình tu pháp môn này, chắc chắn là pháp môn tối cao. Pháp môn tối thù thắng, cúng dường phụ mẫu, dùng pháp môn nào cúng dường phụ mẫu? Pháp môn niệm Phật, Ngài không khuyên tu pháp môn nào khác, mà tu niệm Phật tam muội, làm mẫu mực cho chúng ta coi, cho nên đức Phật xuất hiện trên thế gian này, có 3 loại lợi ích của thân khẩu ý.

Dưới đây có giải thích; Phụ vương bạch Phật, Phật địa quả đức, như chân thật tướng, đệ nhất nghĩa không, nhân gì không thấy chư đệ tử hành như vậy?

Đây là sự thành tựu chân thật của Như Lai quả địa, vì sao thầy không kêu học trò của thầy học đi?

Phật cáo phụ vương, quả đức của chư Phật, có vô lượng cảnh giới thâm diệu, thần thông giải thoát, chẳng phải cảnh giới mà phàm phu có thể làm được, cho nên khuyên phụ vương hành niệm Phật tam muội.

Điều này chúng ta chẳng thể không biết, chân như thật tướng, đệ nhất nghĩa không; Được. Ai chứng được cảnh giới này? Pháp thân Bồ tát chứng được. Vì sao vậy? Vì ngài đã bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, ngay cả tập khí phân biệt chấp trước cũng không có, chỉ có tập khí vô thi vô minh là chưa đoạn tận, họ tu tập, chính là Chân như thật tướng, đệ nhất nghĩa không. Ở đâu vậy? Ở Thật báo trang nghiêm độ, chẳng phải trong Thập pháp giới, càng không phải ở trong lục đạo, cho nên đức Phật đã nói với phụ vương rất hay: Quả đức của chư Phật, có vô lượng cảnh giới thâm diệu, thần thông giải thoát, đều hiển hiện ở Thật báo độ, hiển hiện ở chỗ nào vậy? Hiển hiện ở chỗ chúng

sanh có cảm, Phật Bồ tát có ứng, đó đều là Pháp thân Bồ tát, ứng hóa ở biên pháp giới hư không giới, trong Thập pháp giới nơi quốc độ của chư Phật, vì Thập pháp giới chúng sanh mà làm 3 loại lợi ích như trên đã giảng, giúp chúng sanh diệt tội, giúp chúng sanh được phước, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, giúp cho chúng sanh hồi quy tự tánh, đó chẳng phải là cảnh giới của phàm phu. Thập pháp giới, Tứ thánh pháp giới, cũng là phàm phu, đó là ngoại phàm, họ còn chưa làm được, hà huống là lục đạo nội phàm. Cho nên đức Phật khuyên phụ vương hành niệm Phật tam muội. Vì sao vậy? Vì niệm Phật tam muội, vững vàng, phương tiện, nhanh chóng, dễ dàng tu tập, thành tựu không gì sánh bằng, phiền não tập khí chưa đoạn, chỉ cần khi lâm mạng chung thời, bạn thật sự điều phục được nó, phiền não tạm thời không khởi tác dụng, thì có thể vãng sanh. Một niệm hàng phục, mười niệm hàng phục, người này sanh về thế giới Cực lạc. Sanh về thế giới Cực lạc, tập khí phiền não vĩnh viễn không tái phát, điều này rất khó, hơn nữa ở thế giới Tây phương Cực lạc, phàm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, người này sẽ được hưởng thụ quyền lợi của A duy việt trí. Thật là không thể nghĩ bàn, Ngài đã đem pháp môn tối thắng không gì bằng này, cúng dường phụ mẫu, khuyên răn phụ mẫu tu tập. Cũng là khuyên tất cả chúng sanh có duyên, thế nào gọi là có duyên? Họ chịu tin, họ chịu phát nguyện, chịu làm, gọi là người có duyên. Người có duyên chắc chắn một đời được độ. Hôm nay hết giờ rồi, chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 32

Tập 33

Giảng ngày 08 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang ba mươi lăm, bắt đầu từ câu thứ hai, hàng thứ ba.

Hựu Phật cáo phụ vương, nhất thiết chúng sanh tại sanh tử trung, niệm Phật chi tâm diệc phục như thị, đản năng hệ niệm bất chỉ, định sanh Phật tiền, nhất đắc vãng sanh, tức năng cải biến nhất thiết chư ác thành đại từ bi.

Đoạn này ở trong Kinh Quán Phật Tam Muội có đề cập đến. Đức Phật đã nói với phụ vương, tất cả chúng sanh ở trong luân hồi lục đạo, sanh tử ở đây là chỉ cho luân hồi lục đạo. Niệm Phật chi tâm diệc phục như thị, chúng sanh ở trong sanh tử luân hồi. Tâm luân hồi tạo thành nghiệp luân hồi, nòng cốt của tâm luân hồi chính là ngã chấp. Trong kinh điển của Pháp Tướng tông đã giảng rất rõ ràng, Mạt Na Thức là một bộ phận chấp trước kiên cố của A Lại Da, A Lại Da, vọng tâm này rất lớn, chấp trước một phần, một phần tướng phần cho là tự thân, sanh ra thân kiến, sau khi tâm niệm này sanh khởi, kiên cố chấp trước không chịu buông bỏ. Trong Phật pháp nói, ngày nào buông bỏ được thì thật sự đã quay đầu, là có thể hồi quy tự tánh, có thể viên thành Phật đạo, nhưng mà không quay đầu lại được. Câu này nói thì rất dễ nhưng làm thì khó lắm. Vì sao vậy? Không hiểu rõ ràng chân tướng sự thật, nên không quay đầu lại được, chỉ có hiểu rõ ràng minh bạch sự thật chân tướng, thật sự buông bỏ, buông bỏ được thì ngay đó khế nhập tự tánh, Tiểu thừa chứng quả Tu Đà Hoàn, Đại thừa trong 51 cấp bậc của Bồ tát, người này chứng được Sơ Tín Vị. Sơ Tín Vị tuy rất thấp, nhưng chắc chắn thứ lớp tiến lên, không hề thoái chuyển. Vì sao vậy? vì Sơ Tín Vị là chứng được vị bất thoái. Nói cách khác, người này chỉ tiến lên, mức độ tiến lên nhanh chậm khác nhau, điều này liên quan đến sự chuyên cần, nếu như dũng mãnh tinh tấn thì sẽ tiến bộ nhanh, còn như giải đãi thì sẽ tiến bộ chậm hơn một chút, nhưng chắc chắn không hề thoái chuyển. Chúng sanh ở trong sanh tử luân hồi là như thế.

Ngã chấp kiên cố, tham sân si cùng ngã chấp đồng thời khởi lên. Chấp trước kiên cố gọi là ngã kiến, ngã ái sẽ theo ngã kiến mà khởi lên. Ngã ái này chính là tham, ngã mạn chính là sân hận, một phần sân hận, cuối cùng là ngã si, bạn xem ngã ái, ngã mạn, ngã si. Tam độc phiền não tham sân si cùng với ngã kiến đồng thời khởi lên, cho nên Mạt Na Thức thường đi theo tứ đại phiền não. Chúng ta chẳng thể không thừa nhận, chỉ cần chưa chuyển thức thành trí, thì tứ đại phiền não vẫn còn. Đến khi nào vẫn còn? Đến Phật

pháp giới trong Thập pháp giới vẫn còn. Vấn đề này rất nghiêm trọng, làm thế nào cũng không chuyên được.

Như Lai có phương tiện, đoạn này là nói đến phương tiện lực dụng của chúng ta. Pháp phương tiện là gì vậy? chính là một câu lục tự hồng danh, công phu thật sự đặc lực, trong 24 giờ đồng hồ danh hiệu không dán đoạn, người này có thể đem ngã kiến, ngã ái, ngã mạn, ngã si, dùng một câu danh hiệu để thay thế. Ở trong Mật tông, thì dùng một câu Lục Tự Đại Minh chú để thay thế. Sự tu tập của Chương Gia đại sư, chính là câu Lục Tự Đại Minh chú, trong 24 giờ không hề gián đoạn, khi tiếp khách, chúng tôi học Phật pháp với Ngài cũng như vậy, khi ngài tiếp tôi, thường thường là hai tiếng đồng hồ. Ngài Kim Cang trì, chúng ta thấy miệng Ngài mấp máy nhưng không có âm thanh, ngài trì chú, ngài trì chú gì? Án Ma Ni Bát Di Hồng. Miệng đọc chú, tay kiết ấn, tâm quán tưởng. Ngài cũng đem câu thần chú này truyền lại cho tôi, kêu tôi thường xuyên đọc. Tôi thỉnh giáo với Ngài, ý nghĩa của câu thần chú này là gì? Ngài đã dạy tôi. Án là thân thể, Ma Ni là hoa sen, chúng ta có thấy trong kinh cũng có dịch, Ma Ni là hoa sen, Ma Ni là bảo trì, đây là bảo trì của tiếng Tây Tạng, Hồng, chữ Hồng cuối cùng là ý. Chúng ta liên kết lại mà nói, thân - liên hoa - bảo trì - ý, đây là ngữ pháp của phạm văn Ấn độ, y theo ngữ pháp của Trung quốc mà nói, bảo trì thân tâm, ý là tâm, giống như liên hoa vậy. Hoa sen ra khỏi bùn mà không nhiễm ô, bùn dụ cho lục đạo, nhiễm là nhiễm ô. Hoa sen nở trên mặt nước, cọng sen thì ở trong nước, nước tượng trưng cho tứ thánh pháp giới, tịnh độ chính là Phương Tiện Hữu Dư Độ, hoa sen nở ở trên cùng, nhiễm tịnh đều lia bỏ, đó là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Bạn xem bùn, rễ sen mọc ở trong bùn, bùn tượng trưng cho lục đạo- nhiễm. Cọng sen mọc trong nước, nó không ở trong bùn, mà ở trong nước, nước tượng trưng cho thanh tịnh, hoa nở trên mặt nước, có nghĩa là Nhất Chân Pháp Giới. Tôi mới hiểu được câu thần chú này ý nghĩa hay quá! Tâm bất ly khẩu, khẩu bất ly tâm, niệm niệm nghĩ rằng thân tâm của mình giống như hoa sen, chẳng những không nhiễm Lục Đạo, mà Pháp Giới Tứ Thánh cũng không nhiễm, bạn nghĩ xem ý nghĩa này hay quá, tâm quán tưởng. Tịnh tông của chúng ta dùng Nam Mô A Di Đà Phật, một câu danh hiệu này cũng là sáu chữ, sáu chữ này có nghĩa là gì? Nam Mô có nghĩa là quy y, có nghĩa là quy mạng, A dịch là vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, Vô Lượng Giác là Chân Như Tự Tánh của chính mình, A Di Đà Phật là chân như tự tánh của chính mình, quy y Vô Lượng Giác, quy mạng Vô Lượng Giác, bạn coi nghĩa là như vậy, cho nên bạn phải hiểu ý nghĩa này. Vô Lượng Giác là cái vốn sẵn có của mình, chứ không phải tìm cầu bên ngoài. Trong Khởi Tín Luận Mã Minh Bồ tát giảng rất hay: “bổn giác bổn hữu, bất giác bổn vô”. Bất giác là gì? A Lại Da thức bất giác. A Lại Da là ông chủ tạo nên thập pháp giới, thập pháp giới từ nó mà sanh ra, từ nó mà biến hiện. Năng biến là hư vọng, thì sở biến đâu thật có, cho nên “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”. căn là hư vọng, chân thật là tự tánh, Vô Lượng Giác là chân, vĩnh hằng bất biến. Chúng ta nên quay đầu, nên

quay đầu y vào Vô Lượng Giác, quay đầu bản lai chính là Vô Lượng Giác, cho nên câu này có nghĩa là, dạy chúng ta bỏ đi tâm luân hồi, mà sanh khởi tâm niệm Phật, dùng tâm niệm Phật, thay thế tâm sanh tử luân hồi lục đạo, như vậy là đúng. Chúng ta học Phật bao nhiêu năm trời rồi, cơ bản đạo lý này đã hiểu được, “nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”, chỉ cần tâm đó chuyển lại là được. Cho nên tất cả pháp quyết định ở tâm thái, chúng ta không nên tin tưởng người khác, nhất định chúng ta phải tin tưởng vào chính mình. Đạo Phật nói về Tín, hoàn toàn không giống như những tôn giáo khác. Tôn giáo khác, thứ nhất phải tin chân thần, phải tin chân chủ, đây là điểm vô điều kiện thứ nhất, trong đạo Phật, điểm vô điều kiện thứ nhất là tin vào chính mình. Ngẫu Ích đại sư giảng trong Yếu Giải rất hay, thứ nhất là tin chính mình, thứ hai là tin Người, là Người gì? Người ở đây chỉ cho Phật. Chúng ta tu Tịnh độ, tin A Di Đà Phật, tin Thích Ca Mâu Ni Phật. Đầu tiên tin chính mình, không tin chính mình, tin Phật cũng vô dụng, đức Phật không giúp gì được. Trong đại thừa giáo đức Phật dạy chúng ta rất nhiều, cho nên nhất định chúng ta phải tin tưởng rằng, chúng ta vốn là Phật, chư Tổ cũng dạy chúng ta như vậy, nhất định phải tin tưởng chính mình bản tánh bản thiện, tất cả những điều bất thiện là tập tánh, bất thiện là tâm luân hồi, bản thiện là tâm Phật. Bạn vốn là Phật, ngày nay ra nông nổi này, chính là bị mê thất đi Tự tánh, không phải thật sự mất mà chỉ là mê thôi. Không biết rằng mình có bản thiện, không biết rằng mình vốn là Phật. Những lời này đều là những điều Đức Phật dạy chúng ta trong kinh điển đại thừa, chúng ta phải nên thật sự hiểu rõ ràng minh bạch.

Bạn xem Đức Phật dạy chúng ta đoạn dưới đây: “đản năng hệ niệm bất chi, định sanh Phật tiên”, đây là nói những người học pháp môn Tịnh độ. Hệ là gì? Là ghi vào lòng, chúng ta gọi là nhớ, trong tâm đừng nhớ đến điều gì khác, nhớ đến những việc khác, đều là luân hồi lục đạo, bạn đã sai, bạn nên nhớ đến A Di Đà Phật, là bạn làm đúng. Tâm hệ niệm này không được gián đoạn, suốt 24 giờ trong tâm thật sự có Phật, thật sự có A Di Đà Phật. Công phu hàng ngày, thân lễ Phật A Di Đà, mỗi ngày ít nhất lạy 300 lạy, đây cũng là một môn thể dục rất tốt, miệng niệm A Di Đà Phật, có định khóa, có tán khóa. Định khóa là công phu sáng tối, công phu sáng tối ít nhất niệm 3000 danh hiệu Phật, không nhiều mà. Nếu như bạn có thời gian, công việc không nhiều, không bận rộn, hay nhất là bạn có thể niệm được 1 vạn danh hiệu Phật. Trước khi niệm danh hiệu Phật, tốt nhất nên đọc kinh Vô Lượng Thọ một biến, hoặc là đọc quyển kinh A Di Đà đều được cả. Nếu như có nhiều thời gian thì đọc kinh Vô Lượng Thọ. Tín tâm kiên cố, chẳng hề có chút hoài nghi, nguyện lực khẩn thiết cầu sanh tịnh độ. Thời gian đọc kinh có thể rút ngắn lại, đọc kinh Di Đà là được rồi, kinh Vô Lượng Thọ dài quá. Nếu như chúng ta đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc nhận thức chưa rõ ràng, chưa hiểu biết nhiều, vẫn chưa có thể trừ tận gốc mê hoặc, thì nên đọc kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ đức Phật nói rất rõ ràng, từ từ đọc lâu ngày sẽ hiểu được, cái lý ở chỗ này. Thật sự không còn một chút hoài nghi nào thì đọc kinh Di Đà, không cần đọc kinh Vô Lượng Thọ nữa. Vì

sao vậy? chấp trì danh hiệu là chủ tu, phải nên hiểu điều này. Ngoài hai thời công phu sáng tối ra, những thời gian khác gọi là tán khóa, nghĩ đến là niệm, đến một ngày nào đó trong suốt 24 giờ đồng hồ, danh hiệu Phật tự nhiên không gián đoạn, chúc mừng bạn, công phu của bạn đã thành phiền, kiến tu phiền não của bạn không còn nữa, bạn công phu được đến đây, chắc chắn không chế được kiến tu phiền não, tuy chưa đoạn nhưng nó không khởi tác dụng, công phu đạt đến đây thì sẽ được tự tại vãng sanh. Khi nào bạn muốn ra đi, thì Phật A Di Đà sẽ đến rước bạn, bạn sẽ cảm thấy chúng sanh trong thế giới này rất đáng thương, có quá nhiều tai nạn, muốn ở lại thế giới này giúp cho họ. Được! không gì đáng ngại. Tai nạn của thế giới này có nhiều, tai nạn có ở ngay trước mắt bạn, thì bạn cũng bình an vô sự. Vì sao vậy? vì cộng nghiệp bất đồng. Người ta có cộng nghiệp gặp nạn, bạn thì không có cộng nghiệp này, cho nên Phật Bồ Tát sẽ gia hộ cho bạn, thần Hộ Pháp sẽ bảo hộ bạn, bạn đến giúp cho mọi người mà. Nhân duyên giúp đỡ chúng sanh đã hết, công việc của bạn đã làm xong, thì bạn sẽ về bên thế giới Cực Lạc.

Định sanh Phật tiên, bạn xem những chữ này dùng khẳng định biết bao, để cho bạn không còn một chút nghi ngờ nào nữa.

Nhất đắc vãng sanh, tuy là hạ hạ phẩm vãng sanh về phàm thánh đồng cư độ, vẫn có thể thay đổi tất cả điều ác thành Đại Từ Bi. Rốt ráo đoạn ác tu thiện, rốt ráo chuyển mê khai ngộ. Khi nào vậy? khi sanh về thế giới tây phương cực lạc, tuy là hạ hạ phẩm vãng sanh về phàm thánh đồng cư độ cũng như vậy. Đúng là không thể nghĩ bàn! Thành Đại Từ Bi, nói lên rằng không phải là tiểu Thừa, Tiểu Thừa không có Đại Từ Bi. Từ đó cho thấy, thế giới Tây Phương Cực Lạc là đại thừa, Tu Đà Hoàn, A La Hán, sanh về thế giới Cực Lạc cũng thành đại từ bi, tâm lượng của những vị này lập tức mở ra, vô duyên đại từ, đồng thể đại bi trong tự tánh tự nhiên lưu xuất, đó là bản nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì cho.

Hoàng lão dạy chúng ta rằng, trên đây đức Thế Tôn đại từ chí hiếu khuyên phụ vương, chỉ khuyên niệm Phật, ý này rất thâm sâu, đoạn này chúng ta cần nên lãnh hội một cách sâu sắc, bạn xem đức Phật Thích Ca Mâu Ni độ cho cha mình, không nói những pháp môn khác, chỉ khuyên niệm Phật. Cho thấy, vô lượng pháp môn chẳng pháp nào là không thù thắng, nhưng phàm phu chúng sanh chẳng thể tu được, pháp môn đại thừa thật sự thù thắng không gì bằng. Vì sao đức Thế Tôn không cho phụ thân tu những pháp môn khác, không khuyên cha tu thiền, không khuyên cha trì chú? Không khuyên cha nghiên cứu giáo lý, mà chỉ khuyên cha niệm Phật. chúng ta nên suy nghĩ xem. Chỉ có pháp môn chuyên lòng niệm Phật, là thích hợp nhất, và nương vào pháp môn niệm Phật, quyết có thể được vãng sanh. Vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chính là thành Phật, tuy ở trong đồng cư độ chưa thành Phật, ở trong phương tiện độ cũng chưa thành Phật, chắc chắn một đời thành Phật, được vô lượng thọ, thọ mạng dài, chắc chắn thành tựu. Hơn nữa

thiện căn phước đức nhân duyên thâm hậu, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng không đổi pháp môn nào khác, cũng không muốn tu pháp môn khác, chỉ một câu danh hiệu niệm đến cùng, chóng thành Phật! Nguyên nhân gì vậy? người này được niệm Phật tam muội. Đức Phật giảng dạy trong giáo lý đại thừa rất nhiều: “niệm Phật tam muội, tam muội trung vương”, các vị còn nhớ câu này hay không? Tam muội là thiên định. Niệm Phật tam muội, là vua trong các tam muội, không gì thù thắng bằng, được định, định có thể sanh huệ, vua của tam muội là người này có trí huệ, chắc chắn là trí huệ Bát Nhã cứu cánh viên mãn. Có trí huệ rồi, mười phương tam thế nhất thiết chư Phật, đã nói vô lượng vô biên pháp môn, chẳng phải người này đã thông đạt được hết hay sao? Đạo lực thần thông của chư Phật Như Lai, vạn đức vạn năng, chẳng phải đồng thời đầy đủ hay sao? Đây thật sự là con đường tắt thành Phật. Pháp môn này tìm ở đâu ra chứ. Tuy ở Trung quốc rất phổ biến, người niệm Phật lại rất đông, nhưng có được mấy người thật sự hiểu được lý này, thật sự phát tâm tu. Thật sự phát tâm nghĩa là buông bỏ được hết vạn duyên, mới gọi là chân phát tâm. Tâm của bạn thật sự được thanh tịnh, thật sự diệu dụng được, sau khi diệu dụng được, kể đến lợi người, giúp đỡ cho người khác. Bạn chưa buông bỏ được, đối với lý của chân tướng sự thật, bạn vẫn chưa thấu triệt, cho nên chưa thể buông bỏ được. Thật sự thấu triệt, thật sự hiểu rõ, biết rằng thiên kinh vạn luận cũng không ra ngoài một câu danh hiệu Phật, chỉ cần niệm một câu này đến thông đạt, thông đạt đến đâu? Thông đạt đến Tự Tánh. Tất cả kinh điển, pháp thế gian và xuất thế gian, không một pháp nào bạn chẳng thông đạt.

Khi được vãng sanh bèn có thể chuyển ác thành thiện. Trên đây nói có thể cải biến tất cả điều ác thành đại từ bi, ở đoạn này lại nói bèn có thể chuyển ác thành thiện. Phương tiện diệu dụng của niệm Phật, hiển thị vô dư. Ấn Quang đại sư dạy người ta đem chữ tử dán ở trên trán. Câu này nói lên rằng, thời thời khắc khắc nghĩ đến mình sẽ chết. Tôi thường dạy mọi người, hãy coi ngày hôm nay, là bữa cuối cùng mình sống trên thế gian này, thì còn có gì không buông bỏ được chứ? Nếu như mình còn có ngày mai, ngày một, còn có sang năm, còn có năm tới, thì những việc vướng bận của bạn sẽ còn rất nhiều, những chuyện vướng mắc này đối với bạn không hề có chút lợi lạc nào. Vì sao vậy? vì đó là sự vướng bận trong sanh tử. Nếu như biết hôm nay là ngày cuối cùng của mình, thì chúng ta thử nghĩ xem hôm nay chúng ta nên làm gì? Ngoài việc trì danh niệm Phật ra, tôi không làm gì hết. các bạn nghĩ thử xem có phải như vậy không? Toàn tâm toàn ý cầu sanh Tịnh Độ. Tôi có tâm đồng tình, tôi có tâm lân mẫn, thấy chúng sanh khổ não trên thế gian này, trong đó còn có thân bằng quyến thuộc của mình, tôi thật sự muốn giúp cho họ, bây giờ thì không được, lực bất tòng tâm mà, sau khi tôi về thế giới Tây Phương Cực Lạc, thấy được Phật A Di Đà, được làm Bồ Tát A Duy Việt Trí và được Phật A Di Đà gia hộ, mình có thể lập tức tái sanh chẳng? Được! lập tức có thể trở lại, trở lại thì bạn sẽ được giống như Phật, trí huệ, thần thông, đạo lực, phương tiện thiện xảo, thì bạn có thể đi giúp cho mọi người, nếu bạn không trở lại thì bạn không thể giúp được gì.

Hiểu rõ được sự thật chân tướng của lý này, thì danh hiệu Phật bạn sẽ không rời miệng, trong tâm bạn sẽ không còn vướng bận những thứ vớ vẩn nữa, mỗi tâm niệm đều là Phật A Di Đà. Thật sự không thể nghĩ bàn, như thế mới thật sự thâm nhập được phương tiện diệu dụng của niệm Phật.

Chúng ta coi tiếp đoạn dưới. Cứ thượng kinh trung, Thế Tôn khuyên phụ vương niệm Phật, vị nhất thiết chúng sanh tại sanh tử trung, niệm Phật chi tâm hệ niệm bất chỉ. Phật ý sở chỉ chi niệm Phật, nãi tứ chủng niệm Phật trung chi trì danh niệm Phật.

Đây là bốn cách niệm Phật trong kinh tạng tịnh độ tông, bốn cách niệm Phật không giống nhau, cách nào tiện nhất? cách nào chắc chắn nhất? cách nào nhanh nhất? chắc chắn các bạn niệm Phật sẽ hỏi như thế. Chúng ta nên chọn cách nào? Tiểu bản kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, đều nói đến trì danh niệm Phật. cho nên dưới đây nói niệm Phật có 4 cách. Thứ nhất là trì danh niệm Phật, thứ hai là quán tượng niệm Phật, thứ ba là quán tướng niệm Phật, thứ tư là thật tướng niệm Phật. Thứ tự sắp xếp này, trong nhiều kinh điển đem thật tướng niệm Phật để ở số một, trì danh niệm Phật để cuối xấp ở cuối cùng. Ở đây Hoàng lão cư sỹ để trì danh niệm Phật ở số 1. Vì sao vậy? vì bản kinh sở tông.

Dưới đây chúng ta giải thích về bốn cách niệm Phật, thứ nhất là trì danh niệm Phật, là tông chỉ của bộ kinh này, xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Sở tông, tông ở đây nghĩa là tu tập, phương hướng, mục tiêu, tổng cương lĩnh chủ yếu. Tu tập chính của pháp môn này là gì? Tu tập chính của chúng ta, chính là một câu lục tự hồng danh, nhất tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Xưng là niệm ra tiếng, miệng niệm. Còn niệm? niệm là ý niệm, niệm ở trong tâm. Xưng là miệng đọc, niệm là tâm đọc, tâm miệng nhất như, trong ngoài bất nhị, người này gọi là chân thật niệm Phật. Dưới đây dẫn chứng lời dạy của Thiện Đạo đại sư. Thiện Đạo đại sư dạy, duy có con đường tu tập xưng niệm A Di Đà Phật, con đường ở đây là đường gần, một con đường gần nhất, con đường phàm phu thành Phật gần nhất, thời gian ngắn nhất, đạt hiệu quả nhất, đó là đản niệm A Di Đà Phật, đản ở đây có nghĩa là chuyên niệm, không có bất cứ một tạp niệm nào trong đây, gọi là đản niệm, nếu trong đó còn có những tạp niệm khác là sai rồi. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát viết trong cuốn Tây Phương Xác Chi, dạy chúng ta rằng, niệm Phật nên niệm thế nào? Không hoài nghi, không tạp niệm, không gián đoạn. Những điều vị Bồ tát này dạy và Đại Thế Chí Bồ tát, nói ở pháp hội Lăng Nghiêm hoàn toàn giống nhau. Đại Thế Chí là trợ giáo của Phật A Di Đà nơi cõi Tây Phương Cực Lạc, Quan Âm và Thế Chí là trợ giáo, là bậc thượng thủ của Bồ tát nơi cõi tây phương, giống như lớp trưởng của chúng ta ngày nay. Dạy chúng ta phương pháp niệm Phật. “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, hai câu tám chữ này. Đô nhiếp lục căn nghĩa là sao? Dùng ngôn ngữ thời nay mà nói, thì đô nhiếp lục căn chính là buông bỏ vạn duyên. Tất cả đều buông bỏ, mắt

không thấy, tai không nghe, mũi không ngửi, lưỡi không nếm vị, cũng có nghĩa là lục căn buông bỏ lục trần, không tiếp xúc, đô nhiếp lục căn, lục căn quay vào trong không hướng ra ngoài phan duyên nữa, sau đó bạn mới có thể đạt được tịnh niệm tương tục. tịnh niệm là niệm thanh tịnh, nếu bạn có tâm hoài nghi, tâm của bạn không thanh tịnh, nếu tâm của bạn có tạp niệm thì cũng không thể thanh tịnh, bạn xem chữ tịnh này là không hoài nghi, không tạp nhập, tương tục là không gián đoạn, ý nghĩa giống như Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát. Chúng ta rất khó đạt được, không hoài nghi, không tạp nhập, không gián đoạn thật chẳng dễ làm đâu. Vì sao vậy? vì chúng ta không nhiếp phục được tâm mình, làm học giả, làm công phu, điều kiện tiên quyết là phải nhiếp phục được tâm mình. lời Mạnh Tử có dạy, giống như Đại Thế Chí Bồ tát từng dạy. Mạnh Tử nói rằng: “học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỷ”, có nghĩa là làm học giả không có gì khác, chỉ cần thu phục được tâm đừng để phóng ra bên ngoài nữa là đủ rồi. Bạn xem, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, đều là duyên hướng ra ngoài, bây giờ không hướng ra ngoài nữa, tai không nghe thấy âm thanh, mắt không nhìn thấy sắc. Thu nhiếp nó lại, thu nhiếp lại thì tâm bạn được thanh tịnh, đó gọi là thu nhiếp. Phải nên hiểu nhiếp tâm, chẳng phải không thấy, chẳng phải không nghe, bạn có thể thấy, bạn có thể nghe, nhưng tâm không bị vướng mắc. thật sự công phu, cổ nhân có nói một ví dụ rất hay: “thấy mà không thấy, nghe mà không nghe”, bạn nghĩ xem nghĩa là sao vậy? tôi nhìn thấy, thấy một cách rõ ràng minh bạch, vì sao lại nói là không thấy? vì thấy mà không dính mắc, công phu này không còn chỗ chê, công phu thượng thượng thừa, bạn thấy bạn nghe, nhưng bạn hoàn toàn không phân biệt, không chấp trước, đó chính là bạn đã nhiếp phục được tâm mình. Thấy là phân biệt, là chấp trước, nghe là phân biệt là chấp trước, tâm của bạn hoàn toàn hướng ra ngoài, bạn duyên vào lục trần bên ngoài, duyên vào lục trần bên ngoài nghĩa là sao? Đó là tâm sanh tử, đó là tâm luân hồi. Không hướng ngoại phan duyên, hướng vào trong chiếu căn tánh, đó chính là phương pháp của ngài Quán Thế Âm Bồ tát. Quán Thế Âm Bồ tát làm thế nào để tu tập thành công? Chính là phản văn văn tự tánh, tánh thành vô thượng đạo. Bồ tát dùng nhĩ căn, nhĩ căn không hướng ngoại phan duyên, mà hướng nội, nội là gì? Nội là tự tánh, tự tánh là thanh tịnh. Dùng nhĩ căn hay hơn dùng nhãn căn, vì sao vậy? vì nhãn căn bạn chỉ có thể nhìn được ba hướng, không nhìn thấy phía sau, trên dưới cũng không nhìn thấy, nếu như nói sáu hướng thì nó chỉ có thể nhìn thấy 3 hướng, nhĩ căn rất hay, nhĩ căn có thể nghe được 6 hướng, trước sau phải trái trên dưới đều có thể nghe được, cho nên Quán Thế Âm Bồ tát đã dùng nhĩ căn, đối với thanh trần thì tu cái gì? Không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, đó gọi là chân tu, điều này rất khó, không dễ dàng đâu. Tịnh tông đã dạy chúng ta phương pháp, tất cả quy về A Di Đà Phật, lục căn trong cảnh giới lục trần, đều đổi thành A Di Đà Phật, cái này dễ dàng, quá dễ dàng, ngoài A Di Đà Phật ra không có bất cứ thứ gì khác, đó là công phu đã thành phiền, sâu chút nữa là nhất tâm bất loạn. Cho nên Thiện Đạo đại sư dạy rất hay, Thiện Đạo đại sư là Phật A Di Đà tái lai, lời dạy của Ngài chính là lời dạy của Phật A Di Đà, đúng là con đường gần, thật sự nhanh chóng, tám vạn bốn ngàn pháp

môn, không pháp môn nào sánh kịp, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Thiên tông, Mật tông đều không bằng. Trong cuốn Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, trong Vãng Sanh Truyện cũng thấy được, thật sự có rất nhiều người đã làm thực nghiệm với chúng ta, làm mô phạm cho chúng ta, 3 năm thành công. Niệm Phật đến năm thứ 3, biết được giờ đi, Phật đến tiếp dẫn, không hề tật bệnh, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, ra đi tiêu dao tự tại như thế, con đường tắt tu tập. Phàm phu lục đạo, thật sự mê mờ sâu dày, mê mờ lâu đời. Nói 3 năm vãng sanh, 3 năm là chết rồi, pháp môn nay không thể tu được, tu là sẽ chết sớm, người ta sợ lắm, sợ không dám tu nữa. Vì sao vậy? đối với giáo lý, đối với chân tướng sự thật hoàn toàn không biết. Ở thế gian này bạn có sống đến 100 tuổi thì bạn cũng phải chết, bạn không chết được chẳng? Vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc thật sự không chết, các vị nên hiểu điều này, còn sống mà về thế giới Tây Phương Cực Lạc, chứ không phải chết rồi mới đi. Người chết rồi còn nói được sao? Làm gì có chuyện đó. Bạn xem lúc sắp lâm chung người này nói với bạn, nói với những người thân rằng, đã nhìn thấy Phật A Di Đà đến đón, bây giờ sẽ đi theo Phật, rất rõ ràng minh bạch. Người này đã đi, không cần thân xác này nữa, cho nên vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, không chết, còn sống mà vãng sanh, làm gì có chuyện chết mà vãng sanh được. Trên thực tế chết cũng có thể được vãng sanh. Pháp môn của Phật A Di Đà, chẳng những độ được người, mà còn độ được cả súc sanh, độ được ngựa quý, độ được địa ngục, phổ độ chúng sanh. Nếu như chỉ độ được người, súc sanh, ngựa quý, địa ngục không độ được, thì không thể được gọi là phương tiện. Chính pháp giới chúng sanh, chỉ cần bạn có duyên gặp được, thì sẽ được độ, dễ dàng như vậy thôi.

Dưới đây ví dụ nói: “du môn tu hành danh thụ xuất tam giới”. “Du môn” ở đây chỉ cho tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ cho vô lượng pháp môn, chính là ngoài tịnh độ tông ra, hoặc giả tiến lên một bước nữa, ngoài trì danh niệm Phật ra. Thế nào gọi là “thụ xuất tam giới”? “như trùng sanh trúc trung, thụ xuất tắc nan”. Cây tre có từng đốt từng đốt, nếu con trùng muốn đi ra theo con đường thẳng, mỗi một đốt nó phải đục thủng thì mới có thể chui ra, cứ thế bò đến trên đỉnh thì chui ra. Chữ “nan” ở đây, gọi là “nan hành đạo”. “đản niệm Phật như trùng hoành xuất trúc trung, dị ư thấu thoát, thị hoành xuất tam giới, xưng dị hành đạo”. Con trùng này không cần phải đục thủng từng đốt từng đốt của cây tre, nó từ bên cạnh, đục thủng cạnh cây tre là có thể chui ra được rồi, nó không cần phải làm cách phiền phức trên. Đây là từ ví dụ nói, cách nào dễ, cách nào khó, ví dụ này rất rõ ràng. Dụ cho đường tắt, vì nó thẳng tới, thành công nhanh chóng. Đặc biệt chỉ trì danh, đường tắt trong những con đường gàn, nó dễ dàng, thẳng tới, không đi đường vòng, cho nên nó thành công tấn tốc. Kinh Di Đà có dạy chúng ta rằng: hoặc 1 ngày hoặc 2 ngày cho đến 7 ngày, bạn xem có nhanh không. Chúng ta thấy trong cuốn Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, đời Tống pháp sư Doanh Kha, từ khi ngài tiếp xúc với Tịnh độ, xem Vãng Sanh Truyện ngài rất cảm động, ngài thật sự phát tâm niệm danh hiệu Phật đến

cuối cùng, ba ngày ba đêm không ngủ nghỉ, ngay cả cơm nước cũng quên mất, Phật A Di Đà đã đến, Phật A Di Đà đã nói với ngài, ông còn sống mười năm nữa, khuyên ngài chuyên cần niệm Phật, khi ngài mệnh chung, Phật A Di Đà đã đến tiếp dẫn ngài, ngài thương lượng với Phật A Di Đà, ngài nói, thọ mạng 10 năm nữa con không cần, con đi theo ngài bây giờ thôi. Vì sao vậy? vì liệt căn tánh của con quá nghiêm trọng, phiền não tập khí sâu dày, con sống thêm 10 năm nữa không biết sẽ tạo bao nhiêu ác nghiệp, sợ rằng không vãng sanh được, cho nên 10 năm thọ mạng con không cần nữa, mà con đi theo ngài bây giờ. Phật A Di Đà đã hứa khả. Được, ba ngày sau ta sẽ đến đón ông. Đây là biểu pháp, vì sao Phật A Di Đà không dẫn ngài đi ngay lúc đó? Mà phải hoãn lại 3 ngày? Kêu ngài nói với đại chúng trong chùa. Đây là một vị tỳ kheo phá giới, không giữ thanh quy, ở trong ngôi chùa này ác danh lẫy lừng, chẳng ai là không biết ngài tạo ác nghiệp. Ngài niệm Phật cầu vãng sanh là vì sợ tương lai đọa vào địa ngục, vì những việc làm của ngài, coi trong cuốn giới luật, thì hoàn toàn phải đọa vào địa ngục A tỳ, ngài quá sợ hãi, ngài hỏi các bạn, có cách nào để không bị đọa vào địa ngục chẳng? Có người tặng cho ngài cuốn Vãng Sanh Truyện. Bạn xem những người này niệm Phật vãng sanh không đọa vào địa ngục, ngài phát tâm như vậy, cho nên nói, ngài sợ khổ địa ngục, phát bồ đề tâm, cầu sanh tịnh độ. Cái tâm phát tâm cầu sanh tịnh độ này, trong cuốn Yếu Giải Ngâu Ích đại sư dạy rằng, đó chính là tâm đại Bồ Đề. Ngài không hiểu gì hết, cái gì gọi là Bồ Đề tâm ngài cũng không biết, nhưng chỉ một lòng cầu sanh tịnh độ. Các vị nghĩ thử xem, tâm cầu sanh tịnh độ nếu không chân thành, không thanh tịnh, không bình đẳng, vãng sanh được chẳng? vãng sanh không được! Tâm đó nhất định phải là chân tâm, chứ không phải là vọng tâm. Chân tâm chính là tâm bồ đề, tâm chân thành. Trong cuốn Yếu Giải Ngâu Ích đại sư nói rất hay, dạng ví dụ này trong cuốn Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy rất nhiều. Trong những bạn đồng tu hiện tại đây cũng có, chỉ cần chúng ta chú ý một chút là có thể nhận ra, là sự thật, chẳng phải là giả. Mấy năm nay thời gian tôi sống ở Hongkong nhiều hơn. Hongkong cách Thâm Quyến rất gần, ở Thâm Quyến có vị cư sỹ tên là Hoàng Trung Xương, ngoài 30 tuổi, nghe được pháp môn này, anh ta phát tâm làm thí nghiệm cho mọi người, tự mình thử xem. Nhập thất 3 năm, ở trong thất, mỗi ngày đọc một bộ Kinh Vô Lượng Thọ, ngoài ra đều niệm Phật, ngày đêm không gián đoạn, mệt thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại tiếp tục niệm, hai năm 10 tháng, biết được giờ đi. Phật A Di Đà đến tiếp dẫn anh ta đi, còn hai tháng nữa là đủ 3 năm, thật sự ra đi, không bị bệnh, còn rất trẻ, tướng tốt hy hữu. Sau khi hỏa táng lưu lại xá lợi, hiện này con an trí ở Thâm Quyến, trong một đạo tràng nhỏ, người ta vì anh này mà dựng một cái tháp, những chữ trên tháp là do tôi viết, nghe tôi giảng kinh được mấy năm, phát tâm làm thí nghiệm, đã thành công. Nói cho quý vị biết, đó là sự thật không phải là dối gạt đâu. Vãng sanh không khó, vấn đề ở chỗ bạn có chịu làm hay không, bạn có chịu buông bỏ hay không? Mấu chốt thật sự ở chỗ này đây. Có chịu buông bỏ không? Có buông bỏ được hay không? Buông bỏ là không lo bất cứ chuyện gì nữa, tốt cũng được, không tốt cũng được, tất cả những chuyện trên thế gian này đều buông bỏ hết. Sống trên thế gian này, còn sống một ngày thì

thật sự niệm một ngày, hàng ngày đều nghĩ rằng đây là ngày cuối cùng của mình. Xem tiếp đoạn thứ hai dưới đây;

Quán tượng niệm Phật, dĩ trần cúng thành tượng, chú mục quán thị.

Đây là quán tượng niệm Phật trong Thập Lục Quán. Bạn có thể chọn một tượng Phật mà bạn yêu thích, tượng Phật A Di Đà, bạn cung phụng, hàng ngày nhìn tượng Phật, khiến cho tượng Phật này in sâu vào trong đầu của bạn, Phật giáo nói là trong A Lại Da thức, hàng ngày nhìn tượng Phật, thời thời khắc khắc nghĩ đến.

Đản tượng tại khả tu, ly tượng tắc nan, tịnh nhân dĩ đoạn, tương tục thậm gian. Cố vân, tượng khứ hoàn vô, nhân thành gián đoạn.

Cho nên ở đây không có phương tiện trì danh, bởi vì bạn có tinh thất, bạn có Phật đường, bạn ở trong Phật đường có thể tu được, ra khỏi Phật đường thì tượng Phật không còn ở trước mắt bạn nữa. Nhưng mà ngày nay có cách gì tiện lợi đây? Ngày nay máy chụp hình rất tiện lợi, bạn chụp lại hình tượng Phật trong Phật đường của bạn, thời thời khắc khắc để ở bên mình, thời thời khắc khắc mang ra xem. Ngày xưa không có thiết bị khoa học, bạn ra khỏi Phật đường là công phu bị gián đoạn, cho nên khi gián đoạn khi tương tục. “Tương khứ hoàn vô, nhân thành gián đoạn”.

Cố kỳ phương tiện bất như trì danh niệm Phật chi tùy thời tùy địa khả dĩ tu dã.

Đoạn này nói quán tượng không bằng niệm Phật

Thứ ba là quán tưởng niệm Phật. Tức Quán Kinh sở thuyết, “dĩ ngã tâm mục, tương bỉ Như Lai. Đản phàm phu chi tâm tán loạn phù động, tiên hữu tĩnh định chi thời, nan nhập vi diệu chi quán”.

Đây là nói sự thật, phàm phu tâm thật sự dao động không thể định được, tuy có quán nhưng những cảnh giới quán không thể xuất hiện.

Cố viết, cảnh tế tâm thô, diệu quán nan thành.

Đây là sự thật, không phải giả đầu. Trong 16 quán quán thứ 16 là trì danh, cho nên trì danh cũng ở trong 16 quán. Phật pháp và truyền thống cổ lão của Trung Quốc, có rất nhiều khái niệm tương đồng. Người Trung Quốc đem thứ tốt nhất đặt ở cuối cùng, cổ Ấn độ cũng có tập quán này, ngay cả pháp môn mà đạo Phật nói, pháp môn tối thắng nhất chắc chắn đặt ở sau cùng. 25 Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm, Quán Thế Âm Bồ tát đặt ở cuối cùng, Đại Thế Chí Bồ tát sắp ở cuối cùng, cuối cùng là thù thắng nhất, không căn cứ sắp đặt theo thứ lớp, Quán Âm, Thế Chí là hai chẳng phải là một người, cho nên rất nhiều người không sâu sắc nên bỏ qua, không nhìn thấy vấn đề. Phương pháp sắp xếp

là lục căn, lục thức, lục trần, thất đại, 25 viên thông. Quán Âm bồ tát dùng nhĩ căn, nếu y theo thứ lớp mà sắp thì Quán Âm bồ tát phải sắp thứ hai, thứ nhất là nhãn căn, thứ hai là nhĩ căn. Di Lạc Bồ tát là Thức đại trong thất đại; địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức, thức đại phải sắp ở cuối cùng. Vị trí sắp đặt này không y theo thứ lớp, Quán Âm bồ tát sắp thứ 25. Đại Thế Chí Bồ tát là căn đại, trong thất đại, địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức, kiến là căn đại, phải đứng ở vị trí trước Di Lạc Bồ tát là thức đại, Di Lạc Bồ tát đứng cuối cùng, nhưng rốt cuộc Quán Âm Bồ tát lại đứng cuối cùng, còn Đại Thế Chí bồ tát và Di Lạc bồ tát hai người đổi vị trí cho nhau. Di Lạc bồ tát đứng thứ 23, còn Đại Thế Chí bồ tát đứng thứ 24. Cho nên đọc bộ kinh này bạn cần nên chú ý, hai pháp môn đặc biệt, chứ không phải là một, đó chính là pháp môn Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm bồ tát, và pháp môn Niệm Phật Viên Thông của Đại Thế Chí bồ tát. Vì sao đặt Quán Âm bồ tát ở sau cùng, mà không để Đại Thế Chí bồ tát ở sau cùng. Pháp môn của Đại Thế Chí bồ tát, là ứng biến pháp với căn cơ của chúng sanh trong giới hư không giới, vô cùng rộng lớn, đương nhiên cũng bao gồm cả thế giới của chúng ta ở trong đó. Còn pháp Môn Nhĩ Căn Viên Thông của Quán Thế Âm bồ tát, chỉ thích hợp với căn cơ của chúng sanh trong thế giới này. Chúng sanh trong cõi Ta Bà thế giới nhĩ căn lạnh nhất, có đôi khi thấy không rõ ràng nhưng lại nghe rõ ràng, thích ứng nhất với căn cơ hiện nay đặt ở sau cùng, cái này quan trọng lắm, không phải là một pháp môn đặc biệt mà là hai pháp môn đặc biệt. Hai pháp môn đặc biệt đều ở Tịnh độ, cho nên tu quán tâm phải tỉ mỉ, phải thanh tịnh, thật sự thanh tịnh bình đẳng thì tu quán mới có thể thành tựu, không có tâm thanh tịnh bình đẳng, thì tu quán rất khó khăn.

Cổ bất như trì danh chi phương tiện dị hành. Bất vấn thượng trí hạ ngu, vô luận khổ lạc mang nhàn, nhân nhân năng niệm, cá cá khả hành.

Chính là pháp môn trì danh, bạn nghĩ xem pháp môn này thù thắng quá đấy, thật tiện lợi.

Thượng trí: trước đây có giảng, là chư Phật Bồ tát, chư vị tổ sư. Hạ ngu: là chỉ cho người già nơi nông thôn, không biết chữ, không nghe kinh, không hiểu gì hết, người ta dạy họ niệm một câu A Di Đà Phật, vì có thiện căn, nên họ tin tưởng, họ thật sự niệm, rốt cuộc cũng được vãng sanh, là thành công rồi.

Vô luận khổ lạc mang nhàn, nhân nhân năng niệm, cá cá khả hành.

Trong bốn loại niệm Phật trì danh là thù thắng.

Cuối cùng là thật tướng niệm Phật. Viễn ly sanh diệt, hữu vô năng sở, ngôn thiết danh tự, tâm duyên đẳng tướng.

Viễn ly: Chúng ta thấy những điều trên đây là tương đối. Sanh diệt là tương đối, hữu vô là tương đối, năng sở là tương đối, tất cả là tương đối. Tương đối không còn,

nghĩa là sao? Là nhập bất nhị pháp môn. Đúng, thật tướng niệm Phật, thật sự không nhập bất nhị pháp môn, thì không thể tu được, cho nên ai là người tu thật tướng niệm Phật đây? Công phu niệm Phật, đoạn hết kiến tư phiền não và trần sa phiền não, phá được một phần vô minh phiền não, siêu việt thập pháp giới, sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Người này còn niệm Phật không? Còn niệm. Khi đó gọi là thật tướng niệm Phật. thật tướng niệm Phật là lý nhất tâm bất loạn. Nói về nhất tâm bất loạn, gồm có sự nhất tâm và lý nhất tâm, lý nhất tâm bất loạn sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Như thế chúng ta biết rằng, pháp thân Đại sĩ ở Thật Báo Trang Nghiêm Độ, họ niệm Phật A Di Đà là thật tướng niệm Phật. Cho nên bây giờ chúng ta chưa làm được, chúng ta về thế giới Tây Phương Cực Lạc thì làm được. Vì sao vậy? Vì bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng được làm bồ tát A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí bồ tát niệm Phật là thật tướng niệm Phật. Hay không thể diễn tả được.

Thế nào gọi là thật tướng, dưới đây có mấy câu giải thích: “chuyên niệm tự tánh bốn cụ thiên chân chi Phật”. Phải cần không khởi tâm, không động niệm, cảnh giới tự tánh hiện tiền, khởi tâm động niệm thì cảnh giới này không thể hiện tiền

Đản dĩ chúng sanh vị xuất luân hồi, sanh diệt chi tâm niệm niệm tương tục.

Lục đạo chúng sanh không thể tu được. Như Viên Giác kinh vân, vị xuất luân hồi nhi biện viên giác, bỉ viên giác tánh tức đồng lưu chuyển, nhược xuất luân hồi vô hữu thị xứ.

Vị xuất luân hồi: Lục đạo chúng sanh chưa ra khỏi luân hồi, bạn muốn biện biệt viên giác. Viên giác là đại giác viên mãn, Như Lai cứu cánh quả đức. Ngày nay chúng sanh trong lục đạo luân hồi, chúng ta nghiên cứu viên giác, chúng ta phân biệt viên giác, chúng ta muốn lý giải viên giác, có thể làm được không? Không thể. Vì sao vậy? vì tánh viên giác và tâm luân hồi hỗn độn với nhau, lưu chuyển chính là luân hồi. Trên thực tế tâm luân hồi và viên giác tánh là một chảng phải hai. Mê là tâm luân hồi, ngộ là viên giác tánh, phải phá mê khai ngộ mới được, cửa mê chưa phá, thì làm sao nghiên cứu, nghiên cứu không được. Vì sao vậy? Vì tâm nghiên cứu là thức thứ sáu, là tâm phân biệt, công năng của thức thứ sáu thật sự không thể nghĩ bàn. Trong kinh điển đại thừa Đức Phật dạy chúng ta rằng, đối với bên ngoài năng duyên hư không pháp giới, đối với bên trong năng duyên thức A Lại Da, nhưng không duyên được tự tánh, viên giác tánh là tự tánh, thì nó duyên không được. Bạn thường thấy viên giác tánh trong kinh điển, viên giác tánh cùng với tâm luân hồi ý nghĩa giống nhau, nó đã biến thành luân hồi rồi. Ý muốn nói rằng không thật sự công phu, hàng ngày chúng ta nghiên cứu kinh điển, nghiên cứu kinh điển có thể ra khỏi luân hồi được chăng? Không có lý đó. Bạn dùng tâm luân hồi nghiên cứu Phật giáo, thì Phật giáo cũng là luân hồi giáo. Nên nhớ câu này: Nhất thiết pháp từ tâm

tướng sanh, tâm của chúng ta như thế nào thì pháp sanh ra như thế ấy; bạn dùng tâm luân hồi xem đại tạng kinh, đại tạng kinh sẽ là luân hồi pháp, là thiện pháp trong lục đạo luân hồi, tu tập hay đi nữa, thì tương lai cũng chỉ sanh về 28 tầng trời trong lục đạo, không ra khỏi luân hồi lục đạo, điều này cần nên hiểu. Làm thế nào để ra khỏi luân hồi lục đạo? Buông bỏ phân biệt chấp trước là siêu việt luân hồi, là siêu việt lục đạo. Còn dùng tâm phân biệt chấp trước thì không ra khỏi được luân hồi, điều này chẳng thể không biết, những lời đức Phật dạy trong kinh đều là sự thật.

Chúng ta coi đoạn kế tiếp; Hựu hà huống luân chuyển sanh tử cấu tâm tăng vị thanh tịnh, quán Phật viên giác nhi bất toàn phục.

Mấy câu này là ở trong kinh Viên Giác. Luân hồi sanh tử cấu tâm, đây nói về phàm phu lục đạo, tâm của phàm phu lục đạo không thanh tịnh. Vì sao vậy? Vì chưa phá ngã chấp, cùng với ngã chấp sanh khởi chính là tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, ngũ dục lục trần, nhưng thứ này không thể rời xa bạn, bạn cũng không muốn buông bỏ. Rốt cuộc thì sao? Rốt cuộc bạn nhiều đời lưu chuyển. bất cứ con đường nào trong luân hồi, bạn cũng không thể ở đó luôn, chỉ ở đó tạm thời thôi. Theo nghiệp lực dẫn dắt mà bạn luân chuyển trong lục đạo, đúng là khổ không tả hết. Bạn xem vọng niệm trước diệt vọng niệm sau sanh, từng niệm tiếp nối, bạn quán sát kỹ mà xem, có vọng niệm nào chẳng phải tự tư tự lợi, có vọng niệm nào chẳng phải tham sân si mạn. Đó là gì? Đó gọi là tạo nghiệp luân hồi. Thân không tạo nghiệp, miệng không tạo nghiệp, tâm niệm tạo, gọi là ý nghiệp. Mặc dù bạn là người học Phật, quán Phật viên giác nhi bất toàn phục. Toàn phục có nghĩa là gì? Là khởi tâm động niệm. Bạn học kinh điển đại thừa, bạn học nhất thừa kinh giáo như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, bạn vẫn còn khởi tâm động niệm.

Dưới đây Hoàng lão cho một ví dụ, ví dụ này ở trong kinh. Ví như Thái Mạc trùng có thể đậu ở khắp nơi, nhưng không thể đậu trên ngọn lửa. Trong kinh Phật nói đến Thái Mạc trùng, là chỉ cho cái gì ? Ngày nay chúng ta gọi là virus. Đúng vậy, virus nơi nào cũng có, nhưng mà nó sợ lửa, cho nên sát trùng, dùng cách nào? Dùng nhiệt độ cao, dưới nhiệt độ ấm thì virus không thể tồn tại, nó sẽ bị tiêu diệt. Đây là ví dụ cho tâm chúng sanh, tâm luân hồi, xú xú năng duyên, độc bất năng duyên ư bát nhã. Ý nghĩa của câu này rất thâm sâu, chẳng thể không hiểu. Đây là nói đến tâm phan duyên của mình, vọng tưởng phân biệt chấp trước của bạn, loại tâm này tài năng rất giỏi. Ngày nay khoa học, triết học, đều dùng cái tâm này phát minh ra những dụng cụ khoa học tân tiến đều do tâm này, nhưng nó lại không duyên được bát nhã. Bát nhã là gì? Là trí huệ. Vì sao vậy? Trí huệ từ thiên định mà có, chỉ có tâm định, buông bỏ hết tâm phân biệt chấp trước, thì bát nhã mới có thể hiện tiền. Tâm phân biệt chấp trước không buông bỏ, thì những thứ bạn nghiên cứu được là gì? Đó là tri thức. Tri thức không giống với trí huệ. Vì sao vậy? Vì trí huệ trong tự tánh vốn sẵn có, nhất định phải tương ứng với tự tánh thì trí huệ mới hiện tiền. Chúng ta biết rằng trí huệ của chúng ta, tự tánh vốn sẵn có trí huệ vô lượng vô biên,

ngày nay không hề nhận được một chút nào. Nguyên nhân gì vậy? đức Phật dạy chúng ta bị ba loại chướng ngại che khuất. Thứ nhất là vô minh phiền não, thứ hai là trần sa phiền não, thứ ba là kiến tư phiền não. Ba loại chướng ngại này đã che khuất tự tánh, trong tự tánh có đầy đủ đức tướng và trí huệ bát nhã hoàn toàn không hiển lộ được. Mục đích giáo hóa của chư Phật Như Lai không gì khác, ngoài việc đem chân tướng sự thật này giảng giải rõ ràng minh bạch. Chúng sanh thật sự giác ngộ, buông bỏ ba loại chướng ngại này, thì sẽ thành Phật. Trí huệ, đức tướng, thần thông, đạo lực của chúng ta và Phật không hai không khác. Ngài có thể nói vô lượng vô biên 12 bộ kinh, bạn cũng có thể nói được, bạn không kém đức Phật một điều gì. Vấn đề ở chỗ đức Phật đã bỏ hết chướng ngại, nhưng chúng ta vẫn còn chướng ngại, chỉ cần chính mình chịu buông bỏ, buông bỏ là được. Phạm phu thành Phật, chẳng những trên lý luận nói là một niệm, mà chân tướng sự thật cũng là một niệm. Ngày xưa đức Thế Tôn ở dưới cội bồ đề đã thực nghiệm cho chúng ta thấy, ngài nhập định, buông bỏ khởi tâm động niệm là thành Phật. Ở Trung Quốc vào triều Đường Lục Tổ Huệ Năng đại sư, ở thất phương trượng của ngũ tổ Hoàng Nhẫn, nghe ngũ tổ Hoàng Nhẫn giảng kinh Kim Cang, giảng đến câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, ngài buông bỏ, buông bỏ khởi tâm động niệm, hồi quy tự tánh, kiến tánh thành Phật. Lục Tổ Huệ Năng thị hiện cho chúng ta là 24 tuổi, đức Phật Thích Ca thị hiện cho chúng ta là 30 tuổi. Điều này cho chúng ta thấy buông bỏ là đúng! Vì sao bạn không chịu buông bỏ? Vì sao bạn vẫn còn so đo tính toán? Lý và sự là một chẳng phải hai. Nhưng mà người ta nói rằng khó quá! Tôi cũng nói là rất khó. Khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư cũng nói là khó, không thể không thừa nhận là khó. Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ thời gian mê muội của chúng ta quá dài, lâu đời lâu kiếp đến ngày nay thời gian mê muội lâu quá, mê muội sâu dày, mê muội nghiêm trọng, tuy ngày nay hiểu được những vẫn không thể quay đầu lại. Cho nên Như Lai có pháp môn phương tiện. Pháp môn phương tiện này, chính là muốn chúng ta chuyển tạp niệm thành A Di Đà Phật, điều này rất dễ. Chuyển biến thành A Di Đà Phật, tuy chúng ta trong một đời này không thể khai ngộ, nếu chúng ta niệm đến lý nhất tâm bất loạn thì sẽ khai ngộ, thì cảnh giới sẽ cùng với Phật Thích Ca Như Lai và cùng với Lục Tổ đại sư, đó là bậc thượng thượng căn. Chúng ta không phải là hàng thượng thượng căn nên không làm được, nên phải lão thật niệm Phật, lão thật niệm Phật thì trong một đời chắc chắn thành công. Nếu như thật sự hạ thủ công phu, thì chư vị tiền bối đã làm mô phạm cho chúng ta thấy, không quá 3 năm, chúng ta tin tưởng rằng trong vòng 3 năm chúng ta sẽ làm được. Hoàng Trung Xương làm được, vì sao chúng ta làm không được? Làm gì có lý đó! Cực nhanh. Nên biết rằng chúng ta sống trên thế gian này, muốn học đến địa vị tiền sỹ phải học 20 mấy năm, còn phạm phu muốn thành Phật chỉ có 3 năm, không phải giả đâu, thật sự đó! Trên người có một chút bệnh, nếu bạn thật sự niệm Phật, thì chỉ 1 tuần thôi là bệnh hết liền. Vì sao vậy? Vì tâm thái chuyển tốt rồi. Tật bệnh là gì? Tật bệnh do phiền não mà có. Ngũ độc tham sân si mạn nghi là bệnh căn, oán hận não nộ phiền là bệnh duyên, bạn xem trong đây có bệnh

nhân, thêm vào đó 5 loại duyên nữa, thì tế bào bình thường của bạn sẽ biến thành tế bào bệnh tật, bạn sẽ bị bệnh, và bạn sẽ thống khổ. Nếu tâm niệm đó chuyên được, oán hận não nộ phiền buông bỏ hết, có oan ức cỡ nào cũng không oán hận người, cũng chẳng nổi nóng. Bảo trì tâm bình khí hòa, tham sân si mạn buông bỏ, thì bệnh của bạn không cần chữa mà khỏi. Bạn đi khám bệnh, bác sỹ chữa cho bạn, rất dễ, rất mau khỏi, cho nên hết bệnh, trong đó 7 phần do tâm thái, còn 3 phần là do thuốc, không cần 3 phần thuốc. Nếu tâm thái vui vẻ thì bệnh tật cũng hết, đó là lý này, trong đây không có gì là thần bí cả, đó là nói về sinh lý, nói về tâm lý cho bạn, tâm lý ảnh hưởng đến sinh lý, tâm lý khỏe mạnh thì sinh lý sẽ khỏe mạnh, tâm lý không mạnh khỏe, muốn cho thân thể mạnh khỏe là rất khó, thể dục thể nào cũng vô dụng thôi, thể dục, tắm bồn đều không có hiệu quả. Phật pháp dạy chúng ta đạo lý này. Trí huệ và tri thức là hai, nhất định chúng ta phải phân biệt rõ ràng, chúng ta dùng thức thứ sáu để học, những thức học được chính là tri thức, chúng ta buông bỏ phân biệt chấp trước, cũng có nghĩa là chấp trước là thức thứ bảy, phân biệt là thức thứ tám, chúng ta không dùng thức thứ 6, thức thứ 7, thì trí huệ sẽ hiện tiền. Trí huệ hiện tiền thì có thể giải quyết được tất cả mọi vấn đề, không bị di chứng. Học Phật nghĩa là sao? Học Phật nghĩa là khai trí huệ, học khai trí huệ thì phải trì giới, nhân giới sanh định, nhân định phát huệ, cho nên vì sao chư Phật Như Lai và chư vị tổ sư đều chú trọng đến việc trì giới, bởi vì nếu bạn không có giới luật, thì bạn tiêu đời rồi, suốt đời sống trong Phật pháp, thì cũng chỉ học được một số tri thức mà thôi, bạn không thể khai trí huệ, cái lý là ở chỗ này.

Thị dĩ thật tướng chi Phật, viên giác chi tánh, tuy nhiên chúng sanh bản cụ, đản nhân vọng tâm niệm niệm sanh diệt, nhi bất năng quán.

Đoạn này nói rất rõ ràng, bạn sẽ không thể quán. Quán là ly tâm ý thức, đạo Phật nói là quán chiếu, “chiếu kiến ngũ uẩn giai không”, bạn mới có thể hiểu được chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Có vọng tâm, vọng tâm ở đây là chỉ cho vọng tưởng phân biệt chấp trước, đều là niệm niệm sanh diệt, vô thị vô minh phiền não, cũng là niệm niệm sanh diệt.

Cổ Quán Phật Tam Muội kinh, Phật cáo phụ vương, chư Phật bản đức, chân như thật tướng đẳng, phi thị phạm phu sở hành cảnh giới, cố khuyên phụ vương niệm Phật đã.

Đoạn trước chúng ta đọc qua rồi, bây giờ lại lập lại. Đức Phật thuyết pháp không sợ lặp lại. Vì sao vậy? Vì phạm phu chúng ta rất dễ quên, trước kia có nghe nhưng lại quên, cho nên Thế Tôn luôn luôn nhắc lại, hy vọng chúng ta không lãng quên nữa. Ý nghĩa thứ hai là, đức Phật giảng kinh thuyết pháp thính chúng không cố định, người cũ thì đoạn trước có nghe rồi, nhưng người mới đến hôm nay lại không được nghe, đó là tâm từ bi bình đẳng, phương diện nào cũng lo chu đáo.

Do thượng khả kiến, niệm Phật pháp môn u chú pháp trung xung vi kính lộ. Nhi tứ chủng niệm Phật trung, trì danh niệm Phật canh vi phương tiện cứu cánh. Cố xung vi kính trung chi kính.

Đây là con đường tắt, không gì gần bằng con đường này. Phật đã dạy cho chúng ta pháp môn này, nói cách khác, đức Phật đem pháp môn phàm phu một đời thành Phật, truyền lại cho chúng ta, chúng ta là phàm phu, một đời này có thể thành tựu được hay không? Điều này phải xem thiện căn phước đức của bạn, duyên đầy đủ, nói cho bạn rồi. Thiện căn là gì? Lòng tin chân thật, thật sự hiểu rõ. Phước đức là gì? Là thật sự hạ thủ công phu, nghe xong rồi thật sự hạ thủ công phu, bạn có phước, một đời này bạn sẽ thành Phật. Phước báo của thế và xuất thế gian, còn lớn hơn sự thành Phật hay sao? Thành Phật đạt đến cứu cánh, đạt đến đỉnh điểm. Đời này chúng ta được thân người, được gặp chánh pháp, có thể không cảm ân sao? Dùng cái gì để báo ân? Chuyên cần tu tập, trong đời này quyết định vãng sanh, là báo ân Phật rồi. Nếu như đời này không được vãng sanh, thì chúng ta hóa thành một người vong ân bội nghĩa mất rồi. Hôm nay hết giờ rồi, chúng ta ngưng tại đây.

Tập 34

Giảng ngày 09 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 36 dòng thứ 3 từ dưới lên.

Hựu tứ chúng niệm Phật, nan dị hiền thù, thâm tiên tư dị, thật tắc sự lý bất nhị, tiện thâm tương tức, nhược thị viên nhân khán lai, xung danh ám hợp đạo diệu sơ bộ tức thị đáo gia. Cố trì danh niệm Phật, hựu hà dị ư niệm Phật thật tướng.

Đến đây là một đoạn nhỏ, đoạn này Niệm lão vì chúng ta mà nói rõ về công phu tu tập; Tu là tu chánh, hành là tư tưởng hành vi. Trong hành bao gồm ba loại, khởi tâm động niệm là hành vi của ý, ngôn ngữ là hành vi của khẩu, tất cả động tác của thân là hành vi của thân. Hành vi có nhiều chẳng nữa, thì cũng không ra ngoài ba loại thân, khẩu, ý. Nếu như tư tưởng hành vi của chúng ta sai lầm. Đạo Phật mà nhất là đại thừa, tiêu chuẩn là tự tánh, cũng chính là pháp tánh, những thứ cùng với tự tánh pháp tánh tương ưng, là hành vi đúng, hành vi chính xác, những thứ trái ngược với tánh đức tướng đó chính là hành vi sai lầm. Hành vi chính đáng là mạnh khỏe, đối với bản thân mà nói là thân tâm mạnh khỏe. Chúng ta thường nói gia đình hòa mục, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thế giới hòa bình. Từ góc độ gần mà nói, đó là điều tốt có được từ việc sửa đổi hành vi, nếu như nhìn từ góc độ xa, thì tâm hành của chúng ta sẽ ảnh hưởng đến hoàn cảnh xung quanh, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất, sẽ ảnh hưởng đến hoa cỏ cây cối, ảnh hưởng đến sơn hà đại địa, sẽ ảnh hưởng đến cả vũ trụ này. Vì sao vậy? Trong kinh điển Phật giáo đại thừa có hai câu vô cùng quan trọng, đó là nguyên tắc tối cao, là sự thân chứng của chư Phật Như Lai, ngày nay chúng ta thường nói là Chân lý, chư Phật Như Lai thân chứng, đó chính là “tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển, nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”. Chư Phật Như Lai vì tất cả chúng sanh giảng kinh thuyết giáo, bất luận là ở thế giới này hay nơi phương khác, ngày nay chúng ta nói, không đồng không gian thứ lớp giáo hóa tất cả chúng sanh, không thể xa rời hai câu này. Hai câu này nếu như chúng ta tham thấu, thật sự hiểu rõ, thì vấn đề của chính chúng ta đã giải quyết xong, vấn đề giữa vũ trụ với vũ trụ cũng giải quyết xong, thật là không thể nghĩ bàn! Đức Phật dạy những gì Ngài chứng được, chẳng phải của riêng một mình Ngài, vậy thì ai là người có được? Đức Phật dạy tất cả chúng sanh đều sẵn có, chúng sanh ở đây, chẳng phải là rất nhiều người, nếu chúng ta hiểu được vấn đề này, thì sẽ thấy phạm vi xung quanh mình quá bé nhỏ. Trong kinh nói bản nghĩa của chúng sanh, là hiện tượng chúng

duyên hòa hợp mà có, nên gọi là chúng sanh. Chúng ta nghĩ thử xem, bất luận là hiện tượng gì, có trường hợp nào chẳng phải là chúng duyên không hòa hợp mà thành không? Tìm không ra. Chúng ta là động vật, con người là động vật, đức Phật dạy cái gì hòa hợp thành con người? Là tứ đại và ngũ uẩn, tứ đại là nói về vật chất, ngũ uẩn là nói đến toàn bộ; Sắc trong ngũ uẩn chính là tứ đại, sắc nói rõ chính là tứ đại, thọ, tưởng, hành, thức là tinh thần. Cả vũ trụ này cũng không ngoài hai thứ vật chất và tinh thần, trong vật chất có tinh thần, trong tinh thần có vật chất, đây là khoa học tối cao, triết học tối cao trong Phật pháp. Vũ trụ từ đâu mà có? Sinh mạng từ đâu mà có? Tôi từ đâu mà có? Trong kinh điển Đại thừa nói rất rõ ràng minh bạch, là từ tâm hiện thức biến, tâm ở đây chính là tánh, tánh làm thể mà nói, cho nên tâm tánh đôi khi ý nghĩa tương đồng, cũng có khi chia ra làm hai ý, xem bạn dùng nó vào chỗ nào. Cũng có thể lấy tâm tánh liên kết lại mà nói, tâm tánh là chân tánh, trong tâm tánh không có vật chất cũng không có tinh thần, giống như bản thể trong triết học nói, bản thể của vũ trụ vạn hữu, trong Đại thừa giáo gọi là tâm tánh, nó không phải là tinh thần, cũng không phải là vật chất, nhưng nó có thể biến hiện ra vật chất, cũng có thể biến hiện ra tinh thần. Nói cách khác, hiện tượng tinh thần và vật chất, hai hiện tượng này đều từ tâm tánh biến hiện ra, đều từ tâm tánh mà có, chỉ có tâm tánh là vĩnh hằng, là bất sanh bất diệt, nó không sanh thì đương nhiên là không diệt, nó không có gì hết nhưng chẳng thể nói nó là không, nó có thể sanh vạn pháp, không thể nói vạn pháp là có. Các nhà khoa học ngày nay, chúng ta rất khâm phục họ, họ nói giữa vũ trụ với vũ trụ chỉ có 3 thứ, ngoài ba thứ này ra thì không có bất cứ một thứ gì. Ba thứ đó là gì? Là năng lượng, vật chất, tin tức, đó là các nhà khoa học cận đại nói, cùng với tam tế tướng trong thức A lại da của đại thừa Phật giáo tương đồng, nghiệp tướng của A lại da chính là năng lượng, kiến tướng của A lại da là tin tức, cảnh giới tướng của A lại da chính là vật chất. Các nhà duy thức học nói; Giữa vũ trụ duy thức chỉ có 3 thứ, ngoài ba thứ này ra thì không còn gì nữa, tất cả mọi cảnh giới đều do ba thứ này biến hiện mà có. Rất khó được! Vậy thì ba thứ này từ đâu mà có? Khoa học không nói được, nhưng Phật pháp nói được, ba thứ này do tự tánh biến hiện, là bản thể của tự tánh. Làm thế nào mà biến ra được? Biến này là hiện tượng ba động, điều này cũng được các nhà khoa học hiện nay khám phá ra, tất cả muôn sự muôn vật trong vũ trụ này, đều là hiện tượng ba động. Vì sao lại có nhiều như vậy? Là vì tần số ba động không đồng, cho nên vật chất nó biến hiện ra chẳng tương đồng. 3000 năm về trước, đức Phật đã tuyên bố về chân tướng của vũ trụ. Vì sao Ngài biết được? Ngài hiểu rõ hơn các nhà khoa học nhiều, hiểu biết tỉ mỉ, vì sao vậy? Vì các nhà khoa học từ số học, số lý mà suy luận, sau đó dùng công cụ và phương pháp khoa học để chứng minh, khiến chúng ta biết được. Đức Phật không dùng số học, cũng không dùng công cụ khoa học, nhưng vì sao Ngài biết được? Hiểu được rõ ràng, siêu việt hơn khoa học rất rất nhiều. Vì sao vậy? Vì chư Phật Bồ tát tận mắt nhìn thấy, điều này hay quá, tận mắt nhìn thấy. Vì sao chúng ta không nhìn thấy mà các Ngài lại nhìn thấy? Vì ngài dùng tâm thanh tịnh để thấy, Ngài

dùng tâm bình đẳng để thấy, Ngài dùng tâm giác ngộ viên mãn nhìn thấy. Cho nên đức Phật nói chúng ta cũng có khả năng này, nhưng mà hiện tại thì sao? Chúng ta khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, gọi đó là phiền não, đã che khuất bản năng của chúng ta, cho nên sự tu tập của đạo Phật, tu cái gì? Tu thiền định, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều tu thiền định, nếu như rời thiền định thì đó chẳng phải là Phật pháp. Pháp môn niệm Phật của chúng ta, có phải là tu thiền định hay không? Phải! Tất cả đều là tu thiền định, chỉ là phương pháp khác nhau thôi, sự định tâm sâu cạn khác nhau. Ví như lục đạo luân hồi, lục đạo luân hồi, không cần đại định là nhìn thấy rồi, nhất là dục giới, sáu tầng trời dục giới, bao gồm cả phía dưới là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, gọi là dục giới. Dục giới chỉ cần một chút định là nhìn thấy rồi, một chút định này, trong kinh Hoa Nghiêm nói, là Bồ tát Sơ tín vị, giống như lớp sơ cấp trong Phật giáo vậy. Quả vị Tu Đà Hoàn của tiểu thừa, là có khả năng nhìn thấy được, tuy thấy được, nhưng không ra khỏi được. Vì sao vậy? Vì công phu thiền định chưa đủ, người này mới được một chút xú tâm thanh tịnh, phục hồi được 2 khả năng. Đức Phật dạy bản năng của chúng ta có 6 loại, gọi là lục thông, lục chủng thần thông, mọi người ai cũng có, chẳng có gì kỳ lạ hết, chỉ cần bạn bỏ hết chướng ngại, thì khả năng đó sẽ phục hồi. Bỏ đi chướng ngại gì? Chướng ngại này chẳng phải là rất lớn. Sơ quả mà Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa chứng được, họ đã đem năm loại kiến hoặc, tức là buông bỏ những kiến giải sai lầm, đây là tu hành, sửa đổi! Sửa đổi chính là cái nhìn chính xác. Cái nhìn chính xác thứ nhất; Thân không phải là ta, điều này đối với người bình thường rất khó, thân không phải là ta. Vậy thân là gì? Thân giống như quần áo mình có vậy, nó là một công cụ của ta, nó không phải là ta. Phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, không nên chấp trước thân là ta nữa. Thứ hai là buông bỏ biên kiến. Biên kiến là gì? Chúng ta nói đối lập, đây là nguồn gốc của tất cả phiền não, chúng ta không còn đối lập với người nữa, bất luận là người thân hay kẻ thù, hay oan gia trái chủ, đều không đối lập, mình người không khác. Không đối lập, tiếp tục buông bỏ thành kiến, thành kiến là gì? Cho mình là hay, quan niệm này phải buông bỏ, nó sai lầm. Kế đến là buông bỏ tất cả những quan niệm sai lầm, nếu bạn có thể sửa đổi được những bộ phận này, đó là tu tập, là sửa đổi, thì sẽ chứng được quả Tu Đà Hoàn. Sáu khả năng của bạn bạn sẽ phục hồi được hai loại, hai loại này, cái thứ nhất là thiên nhãn, cái thứ nhì là thiên nhĩ, bạn có thể nhìn thấy những thứ người khác không thấy. Vì sao vậy? Vì bạn đã phá được một bộ phận không gian duy thứ. Người bình thường chỉ có thể nhìn thấy không gian ba chiều, nhưng bạn có thể nhìn thấy bốn chiều, thấy 5 chiều, thấy 6 chiều, tự nhiên không giống người khác. Vì sao vậy? Không gian duy thứ từ đâu mà có? Từ vọng tưởng phân biệt chấp trước biến hiện ra, chỉ cần bạn giảm bớt tâm phân biệt chấp trước, buông bỏ được một bộ phận thì phá vỡ được một bộ phận. Không gian duy thứ, các nhà khoa học cho chúng ta thấy, đứng về mặt lý luận mà nói, nó không có số lượng, nó là vô lượng vô biên, cho nên chỉ cần bạn có thể phá vỡ, các nhà khoa học không biết không gian duy thứ từ đâu mà có, nhưng đức Phật biết được, nó từ vọng tưởng phân biệt chấp trước biến hiện ra. Nếu như buông bỏ hết tâm vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì đã phá vỡ được toàn

bộ không gian duy thứ, sau khi phá được hết thì khả năng của bạn rất lớn, mở mắt ra là bạn có thể nhìn thấy được biến pháp giới hư không giới, không cần dùng kính viễn vọng, không cần sử dụng đến những dụng cụ khoa học, bạn có thể nhìn thấy những quả địa cầu khác, nhìn thấy tinh cầu rõ giống như thấy đồ vật ở trước mặt, những tinh cầu khác cự ly cách chúng ta là vô hạn, nơi đó có những âm thanh gì, chúng ta ở đây nghe được rõ ràng, người đó có khả năng này.

Bản năng, trong Hoàn Nguyên Quán có đề cập đến, nó có ba loại châu biến; Thứ nhất khởi niệm lên châu biến pháp giới, thứ hai xuất sanh vô tận, thứ ba hàm dung không hữu. Loại năng lực này có hay không? Thật sự không thể nghĩ bàn! Không cần sử dụng các công cụ, cho nên đức Phật không gì khác, là buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, hoặc nói là Ngài đã đoạn hết, cho nên bản năng của Ngài hoàn toàn phục hồi. Cho nên những điều Ngài nói đều là cảnh giới hiện lượng, tận mắt thấy được, tận tai nghe thấy, thì đương nhiên là sự thật rồi, chẳng phải là suy đoán, không phải là vọng tưởng. Hơn nữa đức Phật nói cho chúng ta biết, chúng ta cũng có khả năng này, chỉ cần chúng ta chịu buông bỏ thì khả năng này sẽ phục hồi, cho nên đây là khoa học, khoa học thực nghiệm. Bạn thử xem, bạn thử buông bỏ mà xem, bạn chịu buông bỏ thì khả năng này thật sự phục hồi, điều này chứng minh rằng đó là sự thật chẳng phải giả đâu. Cuộc sống hàng ngày của phàm phu, sống ở đâu? Sống ở chỗ bấp bênh không ổn định. Vì sao lại có cuộc sống không ổn định? Vì vọng tưởng phân biệt chấp trước gây nên, chỉ cần có những thứ này, đức tướng trí huệ trong tự tánh của bạn hoàn toàn không thể hiện tiền. Những thứ hiện tiền là gì? Hiện tượng xiềng xích hiện tiền, phiền não hiện tiền, tai nạn hiện tiền, là như thế đó. Đây là nguyên tắc hướng dẫn tu tập tối cao, cần nên biết. Sự tu tập của Tịnh tông chính là bốn loại niệm Phật, bốn loại niệm Phật có khó có dễ, cho nên sự sai biệt giữa khó và dễ rất lớn, thiện thâm hình như không giống nhau, nhưng thật ra lý sự bất nhị, thiện thâm tương tức, thiện trung có thâm, thâm trung có thiện. Đây là chân tướng sự thật, và chân tướng sự thật này, ở đây tuy là nói công phu niệm Phật của chúng ta, kỳ thật tám vạn bốn ngàn pháp môn, cho đến trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, đều có thể ứng dụng được, chính là cái lý này vậy.

Nhược thị viên nhân khán lai, xưng danh ám hợp đạo diệu.

Xưng danh chính là niệm một câu Nam mô A Di Đà Phật. Đạo diệu là gì? Đạo diệu là tánh đức. Xưng danh rất cạn, mọi người ai cũng biết, đức trẻ lên ba cũng biết niệm Nam mô A Di Đà Phật. Đạo diệu là gì? Đạo diệu là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Xưng danh, dốt lòng niệm danh hiệu Phật, niệm đến không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì bạn sẽ thành Phật, bạn đã đạt được thành tựu tối cao, tối viên mãn rồi. Vì sao chúng ta niệm mấy chục năm, niệm suốt một đời, mà vẫn không lìa được phiền não. Vì sao vậy? Là vì bạn không biết niệm, bạn không hiểu rõ

đạo lý niệm Phật, bạn không nắm bắt được phương pháp niệm Phật, cho nên bạn không thể hợp với đạo diệu. Nếu như bạn biết niệm, bạn hiểu đạo lý, hiểu lý luận, biết phương pháp, thì lợi ích của sự niệm Phật thật không thể nghĩ bàn. Bộ kinh này đã dạy chúng ta những việc này, chỉ cần bạn hiểu được những việc này, thì bạn sẽ hiểu được hết Phật pháp, chẳng những thông hiểu Phật pháp, mà thông hiểu được tất cả pháp thế và xuất thế gian. Vì sao vậy? Vì không rời tự tánh, chỉ cần minh tâm kiến tánh, thì bạn sẽ thông hết, sẽ hiểu rõ hết. Năm đức Phật Thích Ca Mâu Ni 30 tuổi, Ngài cảm thấy Ngài học 12 năm trời, năm 19 tuổi ngài đi tham học, đến năm 30 tuổi Ngài học được 12 năm, những tôn giáo, triết học của cổ Ấn độ Ngài đều học hết, Ngài cũng tu tập thành công tứ thiên bát định, cảm thấy không còn nơi nào để học nữa, cho nên Ngài đến bờ sông Hằng, tìm một gốc cây đại thọ để nhập định, buông bỏ hết sở học trong 12 năm, buông bỏ chính là buông bỏ sở tri chướng, những thứ Ngài học gọi là sở tri chướng. Buông bỏ được nên Ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, người thế gian tôn xưng Ngài là Phật, thành Phật nghĩa là thành tựu giác ngộ viên mãn. Bắt đầu từ ngày hôm đó Ngài đi giáo hóa; Lục đạo từ đâu mà có, vũ trụ từ đâu mà có, vạn vật từ đâu mà có, sanh mạng từ đâu mà có, ta từ đâu tới, ngài đều hiểu rõ ràng, không hề có một chút nghi hoặc, Ngài bắt đầu đi giáo hóa, 79 tuổi ngài nhập Niết bàn, suốt cuộc đời giáo hóa 49 năm, cho nên kinh luận ghi lại, Ngài giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Các vị nên biết rằng, Phật giáo là giáo dục của đức Phật, chứ chẳng phải là tôn giáo, Ngài không kiến lập một chủ nhân tạo vật, không hề kiến lập một hình tượng, Khổng tử của Trung Quốc giống như Ngài hữu giáo vô loại, dùng cách nhìn của người đương thời định vị cho Ngài, thì ngài thật sự là một nhà giáo dục trong xã hội đa nguyên văn hóa, xứng danh không hổ thẹn! Địa vị của Ngài là người làm nghĩa vụ giáo dục trong xã hội đang nguyên văn hóa, Ngài dạy học mà không nhận học phí, không phân biệt giống nòi, không phân biệt quốc gia, cũng không phân biệt Tôn giáo tín ngưỡng, bạn chịu học với Ngài thì ngài sẽ hết lòng dạy bạn, điều này chúng ta thấy rõ trong kinh điển. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không bao giờ dạy người ta phải thay đổi Tôn giáo tín ngưỡng, bạn tra trong đại tạng kinh xem, không hề nói như vậy. Ngài tôn trọng Tôn giáo, cũng có nghĩa là Ngài tôn trọng xã hội, tôn trọng quốc gia, tuyệt đối không phá hoại. Ngài tuyệt đối không nói rằng; Tôn giáo người tin không đúng, người nên tin ta mới đúng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không làm như vậy, đó là giáo dục, cho nên bất cứ một Tôn giáo nào cũng có thể tiếp nhận sự giáo dục của Đức Phật, nâng cao đức hạnh học vấn của bạn, như thế là đúng, bất luận tin Tôn giáo nào, không xung đột với giáo dục. Bạn xem trong đại học hiện nay tín ngưỡng Tôn giáo bất đồng, nhưng vẫn cùng học ở trong một lớp học mà. Giáo dục của Phật giáo dạy ta điều gì? Dạy ta về chân tướng của nhân sanh vũ trụ, mệnh đề này hiện nay có ở trong môn học nào vậy? Có ở trong môn triết học, trong môn khoa học, đó không phải là Phật pháp thì là gì? Khi tôi mới học Phật, Phương Đông Mỹ tiên sinh giới thiệu với tôi, Phật pháp là triết học tối cao trên toàn thế giới, thầy Phương đã thấy được. Chúng tôi học gần 60 năm rồi, 26 tuổi tôi bắt đầu học, năm nay 59 năm, sang năm là tròn 60 năm rồi, tôi đã

cảm nhận sâu sắc, khoa học tối cao nằm trong đây. Vậy đối với xã hội có lợi ích gì chẳng? Có! Có lợi ích gì? Nó có giáo dục luân lý. Giáo dục luân lý nói gì? Nói về quan hệ; quan hệ giữa con người với con người, quan hệ giữa con người với động vật, quan hệ giữa con người và thực vật, quan hệ giữa con người với sơn hà đại địa, quan hệ giữa con người với đại tự nhiên, quan hệ giữa con người với bất đồng không gian duy thứ, những luân lý này giảng rất đầy đủ. Người Trung Quốc giảng luân lý chỉ nói đến con người, không nói đến quan hệ giữa chúng ta với động vật với thực vật, nhưng đạo Phật nói đến. Nói quan hệ đến cuối cùng, kết luận của nó là gì? Là nhất thể. Biến pháp giới hư không giới, là một tự tánh, là nhất thể, triết học này nói rất đầy đủ. Cho nên lời của Thầy Phương không sai, không sai một chút nào, là nhất thể, vì là nhất thể cho nên chúng ta cần phải tôn trọng, chẳng những tôn trọng với người. Bạn xem trong Đệ Tử Quy nói, “phàm là người, đều nên thương”, đây là lý luận của Đạo Nho Trung Quốc, chỉ nói đến người, chúng ta đối với hoa cỏ cây cối, phải tôn trọng, phải thương yêu nó, cho nên trong Phật giáo nói Thần Hoa, Thọ Thần, Thần Cây Cỏ, là ý này, phải yêu thương sơn hà đại địa, nhỏ như một hạt vi trần cũng không thể xem thường, Đó là gì vậy? Tôn trọng tự tánh, biểu hiện ở chỗ này, phải tôn trọng hiện tượng tự nhiên; Trời mát, trời mưa, sấm chớp, gió bão đều phải tôn trọng. Đó là gì? Đó là hiện tượng tự nhiên, chúng ta có tâm tôn trọng, tâm cung kính, tâm yêu mến, thật là mưa thuận gió hòa, không có những thiên tai xảy ra. Bạn xem Ngài dạy về luân lý, kể đến nói về đạo đức, về nhân quả, con người nếu như học được ba điều này, thì xã hội này an định, thiên hạ thái bình, gọi đó là trường trị cửu an. Những điều này có thể cống hiến cho các vị Đế vương trị thế, họ sẽ được lợi ích, dùng những thứ này trị quốc bình thiên hạ. Có một số ít người muốn nâng cao cảnh giới của mình, muốn mình thành tựu học vấn đức hạnh đầy đủ, thì hướng thượng vươn lên, ở đây khẳng định đáp ứng đầy đủ nhu cầu của bạn, khiến bạn chứng được quả báo cứu cánh. Kỳ thật chư vị tổ sư của Trung Quốc cũng rất giỏi, tôi thấy đó cũng là hóa thân của Phật Bồ tát tại Trung Quốc, trong tam thập nhị ứng có nói, muốn có thân gì để được độ thì hiện ra thân đó, cần lấy thân Thánh hiền để được độ, thì ở Trung Quốc các Ngài đã hiện Thân thánh hiền. Cho nên trong Đệ Tử Quy có hai câu tương ứng với đại thừa “phàm là người, đều nên thương”, đây là tương ứng với bậc tiểu thừa. Có hai câu: “phiếm ái chúng, nhi thân nhân” hai câu này là đại thừa, chữ “chúng” ở đây có nghĩa là gì? Chúng là chúng sanh, là hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, bao gồm hết cả vũ trụ. Ý nghĩa của từ “phiếm ái chúng” giống như pháp đại thừa, chẳng những thương người, mà hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, hiện tượng vũ trụ này đều thương yêu hết. Vì sao vậy? Vì nó đều là chúng duyên hòa hợp mà. Phạm vi chữ “chúng” rất rộng lớn, con người chưa đủ, con người chỉ là một bộ phận trong thập pháp giới, chữ “chúng” đây bao gồm tất cả. Thập pháp giới nghĩa là y chánh trang nghiêm, chữ chúng bao gồm hết, bạn nghĩ xem tâm lượng này có lớn không, đúng là tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, tình thương chân thật, tình thương thanh tịnh, tình thương bình đẳng. Nền tảng của

tình thương này, nâng cao cảnh giới của chính mình, chính là mở rộng lòng Từ bi của chính mình, cảnh giới càng cao thì tâm Từ bi của bạn càng lớn, không có một thứ gì có thể chứa đựng được. Cho nên Bồ tát Viên Giác xem ra ám hợp đạo diệu, bước đầu là đã đến nhà rồi, đây là đại thừa Viên Giác.

Cổ trì danh niệm Phật, hựu hà dị ư niệm Phật thật tướng.

Thật tướng chính là chân tướng của tất cả pháp. Vì sao vậy? Vì câu Phật hiệu này là A Di Đà Phật bằng tiếng Phạn, nếu hoàn toàn phiên dịch thành Trung văn, A nghĩa là Vô, Di Đà nghĩa là Lượng, Phật nghĩa là Giác, không phải không dịch được, vì sao không dịch? Là tôn trọng không dịch, cả câu dịch ra là Vô Lượng Giác. Không có thứ gì là chẳng giác. Chúng ta ngày nay thì sao? Chúng ta ngày nay tất cả là mê, không giác một thứ gì, ngày ngày niệm câu này nhắc nhở chính mình. Thế nào là Giác? Buông bỏ chướng ngại là Giác, không chấp trước, không còn thành kiến nữa, thì bạn đã bắt đầu Giác ngộ đấy. Thật sự không chấp trước nữa, đối với tất cả pháp của thế và xuất thế gian đều không chấp trước, thân này cũng không chấp trước. Chúc mừng bạn, bạn chứng được quả A La Hán rồi, bạn đã thành chánh giác. Kể đến buông bỏ phân biệt, chẳng những không chấp trước, đối với tất cả pháp của thế và xuất thế gian đều không phân biệt, vì sao vậy? Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng, nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh. Ngày nay các nhà khoa học cho chúng ta thấy, tất cả hiện tượng đều là ba động, nó không hề thật sự tồn tại, không chút sở đắc, các nhà khoa học phát hiện được chân tướng sự thật này, chỉ cần người đó chịu buông bỏ, thì người đó cũng thành Phật, cũng thành Bồ tát. Không nhất định là học Phật mới có thể thành Phật, học khoa học cũng có thể thành Phật, học triết học cũng có thể thành Phật, học những Tôn giáo khác cũng có thể thành Phật. Điều kiện thành Phật là buông bỏ, bất luận học gì, chỉ cần bạn có thể buông bỏ chấp trước, trong đạo Phật nói, bạn thành Phật, thành A La Hán, bạn buông bỏ tâm phân biệt, bạn thành Bồ tát, bạn thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạn không khởi tâm, không động niệm, thì bạn thành Phật, bạn thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói cho chúng ta biết chân tướng sự thật này, ngoài việc giáo hóa chúng sanh, giúp cho chúng ta Giác ngộ, giúp cho chúng ta hồi quy tự tánh, thì Ngài cần gì? Ngài không cần bất cứ một thứ gì. Ngài không cần danh, cũng không cần lợi, và cũng không cần người khác phải tôn trọng, tâm địa thật sự không nhiễm một mảy vi trần. Ngài thị hiện cho chúng ta, những phương pháp mà Ngài hướng dẫn chúng ta, đều là những thứ mà chúng ta vốn sẵn có, chúng ta vốn cùng Ngài không khác, chúng ta học theo Ngài thì sẽ tìm lại được bản lai diện mục của chính mình. Cho nên đại ý của đoạn này cho chúng ta thấy rằng, trì danh tuy rất thấp, rất dễ, nhưng mà nếu thật sự công phu đắc lực, công phu đến cùng, thì sẽ biến thành thật tướng, khế nhập thật tướng.

Dưới đây trích dẫn một đoạn trong Di Đà Sớ Sao, đoạn này do Liên Trì Đại sư dạy; “thật tướng vân giả”. Thế nào gọi là thật tướng? “phi tất diệt trừ chư tướng”, câu

này rất quan trọng, chẳng phải tận diệt tất cả tướng, không phải ý này. “cái tức tướng nhi vô tướng dã”, đây mới gọi là thật sự khế nhập thật tướng, vấn đề này không dễ hiểu đâu. Chúng ta đang trong quá trình học tập, thường dùng màn hình của Ti vi để làm ví dụ, vì sao lại lấy ví dụ này, ngày nay nhà nào cũng có Ti vi, trong cuộc sống, mỗi ngày chán chán có bạn xem Ti vi, hơn nữa thời gian xem Ti vi rất nhiều, cho nên Ti vi đã biến thành một bộ phận quan trọng nhất trong cuộc sống của bạn. Bạn phải biết xem, biết xem thì sẽ thành Phật, chỉ sợ bạn không biết xem, chúng ta lấy màn hình của Ti vi, dụ cho năng sanh năng hiện của tự tánh. Vì sao vậy? Vì nó vĩnh hằng bất biến, những thứ hiện ra trên màn hình, chính là năng sanh vạn pháp, có đúng không nào? Vạn pháp này thiên biến vạn hóa, tần số chúng ta không mở ra mà đóng lại, tắt nguồn điện, đó chính là bản lai diện mục của nó, thanh tịnh, không nhiễm mảy vi trần. Kênh được mở ra, sắc tướng lập tức xuất hiện, đó chính là Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, làm cách nào nó hiện tiền được, nó nương và màn hình mà hiện, nếu không có màn hình, thì nó không thể xuất hiện được. Màn hình là thật, nó bất sanh bất diệt, nó không có gì hết, nhưng sắc tướng hiện ra thì cái gì cũng có. Sát na sát na sanh diệt, tuy những thứ hiện ra là có, nhưng nó sát na sanh diệt, thường thức này mọi người đều hiểu, cho nên bạn không thể nói là nó thật có, mà hình không có gì hết nhưng chẳng thể nói là nó thật không, vì nó có thể hiện, màn hình và sắc tướng trong tần số biến thành nhất thể, nó có cách nào để phân khai chẳng? Không thể phân khai, kỳ thật nó là hai, hai cái bao dung trong nhất thể, không thể chia lìa. Bạn nên biết rằng, sắc tướng tức là màn hình, có tức là không, cái có đó là huyền có, màn hình vĩnh hằng bất biến, thật sự không hề thay đổi màn hình một chút nào, nó vẫn sạch sẽ như vậy, nó vẫn không hề bị nhiễm ô, đó gọi là tức tướng mà vô tướng, xem tiết mục đồng thời bạn có thể thấy màn hình vĩnh hằng bất biến, cái này gọi là tức tướng mà vô tướng. Ly tướng có nghĩa là như vậy, chứ chẳng phải là sau khi tắt nguồn điện, gọi đó là ly tướng, không phải vậy đâu, ý nghĩa ly tướng như thế rất cạn cợt, đưa trẻ lên ba cũng hiểu được, tắt mắt rồi. Tức tướng ly tướng, cảnh giới này cao lắm, người thật sự có trí huệ mới hiểu được. Hiện tượng này có tồn tại hay không? Hiện tượng này không tồn tại, sát na là diệt rồi, nhất là Bồ tát Di Lặc nói cho chúng ta biết, những sắc tướng hiện tiền trước chúng ta đây, tốc độ biến động của nó, một khảy móng tay 32 ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức, thức tức là thọ tướng hành thức, Ngài cho chúng ta biết, tất cả hiện tượng vật chất, đều có thọ tướng hành thức. Bữa trước có một học trò mang đĩa đến cho tôi xem, đĩa này do nhà khoa học người Mỹ phát hiện, phát hiện ra điều gì? Nước có trí nhớ, tiên sỹ Giang Bồn của Nhật Bồn thực nghiệm, nước có thể nhìn, thấy, nghe, hiểu được ý của con người, giác tri, có kiến văn giác tri. Khi giác ngộ là kiến văn giác tri, còn khi mê thì kiến văn giác tri sẽ bị biến chất, biến thành cái gì? Biến thành thọ tướng hành thức. Bạn xem nước có thọ tướng hành thức hay không? Có! Bạn dán thương nó thích, bạn dán hận nó ghét, thì nó lập tức phản ứng, nó có thọ, nó tiếp nhận mà, ý niệm của chúng ta nó hiểu được, cho nên nó biết nghĩ. Hành là gì? Hành là

chấp trước. ngày nay phát hiện nó có ký ức, ký ức chính là thức, bạn xem thọ tướng hành thức đều có đầy đủ. Sự việc này phiền phức lắm đấy, chúng ta dùng để giải thích sự tai nạn của địa cầu hiện nay, con người sống trên quả địa cầu, khởi tâm động niệm, là có lỗi với địa cầu, bạn phá hoại nó. Bạn nên biết rằng, tất cả những hiện tượng vật chất này, nó đều có ký ức, có phân biệt, có chấp trước. Bạn có lỗi với nó, thì nó cũng chẳng nể bạn, chỉ cần nó lắc nhẹ một chút, là bạn không thể chịu nổi, lắc nhẹ một chút là động đất, nước biển lắc nhẹ một chút là sóng thần rồi. Cho nên đức Phật dạy chúng ta đạo lý này, nhất định phải ghi nhớ, tất cả pháp từ tâm tướng sanh. Tâm địa của chúng ta lương thiện, tâm địa của chúng ta Từ bi, sẽ chiêu cảm ra cây cối hoa cỏ, sơn hà đại địa cái nào cũng đẹp. Dem so sánh thế giới Cực lạc với thế giới của chúng ta, vì sao thế giới đó lại đẹp như vậy? Không gì khác, người dân ở thế giới đó, đều là chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ, chẳng phải là như vậy sao. Ngày nay chúng ta nghĩ lại, nhìn lại quả địa cầu xem, thật là tương phản, địa cầu của chúng ta đây, đều là chư thượng ác nhân câu hội nhất xứ, khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình, như thế thì hỏng mất! Sự dạy dỗ của thần thánh thì lãng quên, nói đó là mê tín, sự dạy dỗ của Thánh hiền thì quá xưa, không thích hợp với thời đại, không thích hợp với khoa học, nên không cần, không chút nể nang, cố ý làm ác. Luân lý đạo đức không thể làm gì được bạn, pháp luật cũng không thể làm gì được bạn, chánh phủ không canh chừng được bạn, Hoàng đế cũng không có cách nào đối với bạn, cuối cùng thì thế nào đây? Cuối cùng thì sơn hà đại địa nổi giận, chúng báo thù bạn, bạn có cách nào không? Cho nên chúng ta học kỹ kinh giáo Đại thừa, thì đối với những việc nhân quả, chúng ta hiểu rõ hết. Cộng nghiệp của chúng sanh thì chẳng có cách gì, chúng ta nói với họ, họ cũng không tin, nhưng ngày nào chúng ta cũng giảng ở đây, gọi đó là Phật độ người có duyên, chúng tôi dùng ti vi, dùng Internet, đến một lúc nào đó, họ mở kênh thì xem được, đó là người có duyên. Thật sự hiểu được, thì hồi tâm hướng thiện, không còn dám làm ác nữa. Người ta không tốt với mình, mình cũng không bận lòng, tha thứ cho họ, không thể đối địch với họ, đối địch với họ thì oan oan tương báo, không thể chấm dứt, đó là việc không tốt, chi bằng xóa bỏ tất cả, tự tại biết bao. Người hủy báng ta, người mạ nhục ta, người hãm hại ta, tất cả đều xóa bỏ hết, họ đều là Bồ tát, họ đều là ân nhân của ta. Vì sao vậy? Vì họ đã giúp ta tiêu trừ nghiệp chướng, việc tốt đó! Nâng cao cảnh giới của chính mình. Thuận cảnh, thiện duyên, không khởi tham luyến; nghịch cảnh, ác duyên, không sanh tâm sân hận, vĩnh viễn bảo trì sự Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác của chính mình, đó là tiến lên, không ngừng tiến lên, cho nên họ là Bồ tát, thị hiện cảnh giới này giúp chúng ta tiến lên. Nếu như bạn chịu không nổi, trong thuận cảnh khởi lên tâm tham, trong nghịch cảnh khởi tâm sân hận, thì những người đó chính là ma. Vì sao vậy? Vì người này đưa bạn xuống địa ngục. Thật sự có Phật có ma ở bên ngoài hay không? Không có! Một niệm của chúng ta với thái độ chính xác đối đãi với người thì đó là Phật, nếu như thái độ bất thường, đối đãi với tâm oán hận, thì đó là ma, cho nên trong cảnh giới không Phật cũng không ma, hoàn toàn do tâm niệm thiện hay ác của chính chúng ta, thiện niệm khởi lên thì đều là Phật, ác niệm khởi lên thì toàn

là ma, ma không phải ở bên ngoài, mà ở trong tâm của bạn. Hàng ngày tiếp cận với Phật pháp, hàng ngày học tập giáo pháp, thì khắp cả vũ trụ đều là Phật, không thấy một con ma nào hết. Nếu như xa rời Phật pháp, đi học theo xã hội này, trong Ti vi ngày nay, sát đạo dâm vọng, bạo lực, sắc tình, bạn học theo họ, thì lục căn của bạn hoàn toàn tiếp cận với ma, cần nên hiểu cái lý này. Sau khi thật sự hiểu rõ, thái độ của chúng ta phục hồi lại bình thường, sơn hà đại địa, nhất thiết chúng sanh, không đâu chẳng phải là Phật, là Bồ tát, là A La Hán, thì Cực lạc thế giới ở nơi đâu? Chính là ở đây. Khi công phu của chúng ta còn chưa đủ, không có định lực thâm hậu, chưa có đủ trí huệ để chuyển đổi cảnh giới của chính mình, thì phải làm sao đây? Ít tiếp xúc. Mặt trái nên ít tiếp xúc, mặt phải nên tiếp xúc nhiều. “phiếm ái chúng, nhi thân nhân”. Chư Phật Bồ tát là nhân từ, thần thánh trong Tôn giáo là nhân từ, nhân viên thân chức đó là nhân từ, nên thân cận với họ, học tập với họ, thế thì tốt. Ở trong thế giới như ngày nay, chúng ta vẫn có một đời sống vô cùng hạnh phúc viên mãn, điều này trong đạo Phật thường nói, là trong công nghiệp có biệt nghiệp, trong biệt nghiệp có công nghiệp. Làm thế nào để hóa giải kiếp nạn? Đối với bản thân mà nói, thì không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đối với bản thân, lão thật niệm Phật, dùng trì danh niệm Phật, ám hợp đạo diệu. Đối với mọi người trong xã hội, nhất định phải tu lục hòa kính, bản thân mình học khiêm hạ, học cung kính người khác.

Dưới đây Liên Trì đại sư nói một câu rất cảm khái. “Kinh vân; Trị thế ngữ ngôn giai dữ thật tướng bất tương vi bội”. Câu này là sự thật, đó là gì? Là thánh hiền trị thế, bạn xem ở Trung Quốc hơn 5000 năm lịch sử, ghi chép lại cổ thánh tiên hiền dùng phương pháp nào để trị thế? Tổng cương lĩnh chỉ có 4 chữ, bạn xem rất đơn giản, đó là giáo học vi tiên, “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”, kiến lập một chánh quyền, trị lý nhân dân trong xã hội. Cái gì quan trọng nhất? Là dạy học. Trung Quốc ngày xưa, đặc sắc làm nên một xã hội Trung Quốc là gia đình, điều này trên thế giới không có, cho nên ở Trung Quốc, nhà đầy đủ thì nước sẽ yên. Trong gia đình cái gì là số 1? Giáo dục là số 1, vẫn là dạy học. vậy dạy học bắt đầu từ đâu? Điều này đại khái những nước khác trên thế giới rất ít có, ở Trung Quốc thì rất phổ biết, là bắt đầu từ thai giáo. Người mẹ mang thai, biết mình khởi tâm động niệm, lời nói hành động đều ảnh hưởng đến thai nhi, cho nên đi đứng nằm ngồi của người mẹ phải đoan chánh, thường bảo trì tâm Từ bi thanh tịnh, điều này ảnh hưởng rất lớn đối với thai nhi. Đứa trẻ ra đời là biết, nó mở mắt ra nhìn, nằm đó nó đã biết nghe, tuy không biết nói chuyện, nhưng nó đã bắt đầu học. Cho nên tất cả những hành vi không tốt, nhất định không được ở trước mặt em bé, tất cả những gì em bé thấy được, nghe được, tiếp xúc được phải hoàn toàn là thiện. Cho nên Đệ Tử Quy không phải để dạy trẻ đọc, mà khi đứa bé chào đời, cha mẹ nó ở trong nhà làm cho nó thấy. Ngày nào nó cũng thấy, nhìn đến lên 3 tuổi, thì nó học được 3 năm, đây gọi là giáo dục từ gốc. Ngạn ngữ của Trung Quốc có câu: “tam tuế khán bát thập”, 3 tuổi

trông xuống thiện căn này, đó là căn lành, đến 80 tuổi cũng không thay đổi, cho nên người Trung Quốc chú trọng gia giáo, vì nó là đại gia đình, gia đình không hưng thịnh cũng có hơn trăm người, gia đình hưng thịnh một chút, một gia đình bình thường cũng có 300 người, gia đình thật sự hưng thịnh có đến 500 người. Một đoàn thể lớn như vậy, là đại gia đình, anh em không ra ở riêng. Các vị xem Hồng Lô Mộng rồi đó, Hồng Lô Mộng chính là một gia đình, cho nên từ nhỏ là phải phòng ngừa đứa trẻ nó có tâm ích kỷ, từ nhỏ đã phải học đại công vô tư, nếu đức bé có tâm ích kỷ, thì gia đình đó sẽ bị hủy hoại. Cho nên cần nuôi dưỡng nó một quan niệm, nó ra đời, nó được ra đời là vì sao? Là vì gia đình, chứ không phải vì chính bản thân nó, vì gia đình, vinh hiển tổ tông, vẻ vang dòng dõi, cho nên khi ra đời, nó sẽ phân đấu, vì nó có mục đích, tôi vì gia đình. Số giàu có, giàu có cỡ nào thì cũng quy về công, còn tiền sinh hoạt hàng ngày của mình, trong Hồng Lô Mộng các bạn thấy rồi đó, hàng tháng phát tiền lương, tiền tiêu vặt, nơi ăn chốn ở quần áo vân vân đều do gia đình phụ trách, cung cấp cho bạn. Gia đình phụ trách nuôi trẻ, phụ trách giáo dục, phụ trách dưỡng lão, cho nên gia đình là chỗ nương tựa duy nhất trong cuộc đời của bạn, bất luận bạn làm việc gì trong xã hội này, khi bạn bị thất bại, thì gia đình của bạn là hậu thuẫn đắc lực nhất cho bạn, nó ủng hộ bạn, nó giúp đỡ bạn, cho nên giáo dục gia đình rất quan trọng. Trong Đệ Tử Quy đã nói lên, ở trong gia đình đúng là đại công vô tư. Cho nên trong tương lai, khôn lớn nên người, ra ngoài xã hội, đức hạnh của người này có thể phù hợp với tiêu chuẩn của cổ thánh tiên hiền. Người này thường nghĩ đến người khác, chứ không vì chính bản thân mình, từ nhỏ đã tập được, đó là giáo dục, trong gia đình nuôi dưỡng những người này đều là người tốt, đều là thiện nhân, quân tử, người này làm sao có thể làm việc xấu được. Làm những việc xấu trong xã hội, là gia đình nuông chiều, có người nói, cha mẹ anh không biết dạy anh, cha mẹ cảm thấy tủi nhục, tổ tông cảm thấy tủi nhục, gia tộc này làm sao lại có một người con như vậy chứ. Có được một người hiền, có được một người tốt, mọi người khen ngợi, gia đình khéo dạy, tổ tông có đức, bạn xem, dạy được như thế đấy. Cho nên gia đình hòa thuận, thì đất nước an bình. Thời xưa 360 hăng, thì hăng này phục vụ tốt nhất? Là làm quan, làm quan có lương bổng, nghĩa là thu nhập không ít, địa vị cũng rất cao quý, được người cung kính, lại chẳng phải làm gì, không có vụ án nào để giải quyết! Ai cũng là người tốt, việc gì cũng là việc hay, cho nên Hoàng đế buông tay an nhàn, cũng chẳng có việc gì làm. Không có việc gì làm thì làm gì? Đọc sách, viết văn, làm thơ, các bạn xem Tứ Khố Toàn Thư tập, đó là tác phẩm văn học, hầu như một nửa là do những người làm quan viết. Bây giờ thì họ làm gì có thời gian, ngày xưa thì không có việc, cho nên bạn thường thấy họ đi tham vấn trong thâm sơn, đi tìm các vị đạo trưởng, các vị pháp sư, kết bạn với họ, tới lui với họ, hấp thụ văn hóa cao thâm của Nho, Thích, Đạo. Trong tất cả mọi công việc, công việc nhẹ nhàng nhất, dễ chịu nhất, và được mọi người tôn kính nhất, đó là công việc làm quan, cho nên “học nhi ưu tặc sỹ”, ngày nay thì không phải vậy, ngày nay trong công việc, chúng ta thấy rất rất nhiều người làm quan, họ đều dạy con cái mình, không nên làm công việc này, khuyến khích chúng làm thương gia, hoặc làm

những công việc khác. Thế giới thay đổi rồi, thay đổi thế nào? Đã xếp giáo dục vào chỗ cuối cùng, nhưng ngày xưa đất nước đặt nền giáo dục vào số 1. Ở Trung Quốc từ thời triều Hán về sau, Trung Quốc có hai hệ thống giáo dục; Thứ nhất là nền giáo dục của Nho giáo, thứ hai là nền giáo dục của Phật giáo. Giáo dục của Phật giáo, chính bản thân Hoàng đế nắm giữ, quản lý; giáo dục của Nho giáo, thì Thừa tướng quản lý, dưới Thừa tướng có một bộ, gọi là bộ giáo dục, thời đó không gọi là Bộ giáo dục, mà gọi là Lễ bộ, Lễ bộ thượng thư chính là bộ trưởng Bộ giáo dục, người này quản lý việc hướng đến toàn quốc phổ biến nền giáo dục Nho giáo. Giáo dục của Phật giáo do Hoàng thượng quản lý, cho nên giáo dục của Phật giáo phổ biến dễ dàng hơn Nho giáo, người dân sùng kính Hoàng thượng, cho nên giáo dục của Phật giáo nhanh chóng phổ biến đến toàn quốc, ngay cả một thôn nhỏ cũng có miếu, cũng có chùa. Hai loại giáo dục, Phật giáo dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo, Nho giáo dùng Đệ Tử Quy, Đạo giáo dùng Cảm ứng Biến. Đây thuộc về nền giáo dục luân lý đạo đức nhân quả, cho nên xã hội duy trì được trường trị cửu an, người dân ai ai cũng học được khiêm hạ kính nhường, không tranh! Đây cũng là điều Thang Ân Tử nói, giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21 hiện nay, cần đến học thuyết Khổng Mạnh và Phật giáo đại thừa, ông ta là nhà lịch sử triết học, chuyên môn nghiên cứu văn hóa sử, ông biết được kinh nghiệm 5000 năm của Trung Quốc, 5000 năm trí tuệ, 5000 năm phương pháp, 5000 năm thành tựu, xứng đáng để ngày nay tham khảo.

Trị thế ngũ ngôn dữ thật tướng tương ung. Văn hóa truyền thống của Trung Quốc, chính là Nho, Thích, Đạo. Đứng về mặt tổng thể mà nói, văn hóa của Trung Quốc là văn hóa hiếu đễ. Nhà Nho, từ hiếu đễ phân ra làm bốn khoa mục là; ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức, rất dễ nhớ! Đây là tổng đại cương, thiên kinh vạn luận đều không thể rời tông chỉ này. Tông chỉ này là gì vậy? Là dữ thật tướng tương ung, cho nên nó vĩnh hằng bất biến. Trong mấy ngàn năm rồi, thay đổi triều đại đã bao nhiêu lần, lý niệm giáo dục, chính sách giáo dục, phương pháp giáo dục, chưa hề bao giờ thay đổi, đều có thể tuân thủ. Chỉ sau khi thành lập Dân Quốc, từ từ cách xa, học Tây phương, ngày nay bản thân Tây phương có vấn đề, chúng ta phải làm sao đây? Bản thân họ đối với những vấn đề xã hội của mình, và những vấn đề thiên tai tự nhiên, họ không thể giải quyết được. Cho nên có người hướng về Đông phương tìm của báu, tìm những thứ cổ thánh tiên hiền của Trung Quốc, đến Ấn độ tìm Phật pháp, tìm Bà La Môn, tìm cách giải quyết những vấn đề xã hội, làm thế nào để cứu địa cầu, làm thế nào để hóa giải tai nạn. Trong kinh nói câu này. Dưới đây là câu cảm thán của Liên Trì đại sư: “vân hà vạn đức hồng danh, bất cập trị thế nhất ngữ”. Hàm ý trong câu Phật hiệu này rất sâu rất rộng, nó là tổng đại cương của giáo lý Đại thừa, giống như hiếu đễ của nhà Nho vậy. Vạn đức hồng danh tương đương với tổng đại cương của hiếu đễ trong nhà Nho. Câu A Di Đà Phật có phải là tổng đại cương hay không? Phải! Bạn xem A Di Đà Phật triển khai ra chính là 48 nguyện, 48 nguyện triển khai ra là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ triển khai ra là kinh Đại

Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm triển khai ra là tất cả kinh mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong 49 năm, A Di Đà Phật là nguồn cội. Thật sự các vị học Tịnh tông ngày nay, người có thể giảng giải về Phật A Di Đà một cách rõ ràng không có nhiều.

Chúng ta coi tiếp đoạn sau. “hựu Viên Trung Sao viết”, chú giải Kinh Di Đà của U Khê đại sư. “tứ minh vân”, Tứ Minh tôn giả của tông Thiên Thai. “viên cực chi quả, sở hữu danh tự, nhất nhất bất hư, cứu cánh thành tựu, cái kỳ sở chiêu, giai cực chân cố”. Phật A Di Đà chúng được cứu cánh viên mãn, chúng ta niệm danh hiệu Phật này, mục đích là gì? Mong rằng chúng ta giống như đức Phật Di Đà chúng được viên mãn, như thế là đúng. Làm được không? Được! Chỉ cần bạn dùng câu A Di Đà Phật này, trong cuộc sống hàng ngày của bạn, dùng nó thay thế cho khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước, thì sẽ thành công ngay. Vừa mới khởi niệm là A Di Đà Phật, tất cả đều quy về A Di Đà Phật, không để cho khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước trôi dạt, dùng danh hiệu Phật đè nén nó, khống chế nó, lâu ngày chày tháng thì không còn nữa, không hề hay biết là mình đã thành A La Hán, thành Bồ tát, thành Phật rồi. Niệm niệm vô lượng giác, giác mà không mê, đó là nghĩa này, bạn phải biết niệm. Vừa có chấp trước là mê rồi, A Di Đà Phật, quay về vô lượng giác, vừa có phân biệt là mê rồi, khởi tâm động niệm là mê rồi. Dùng phương pháp nào để phá mê khai ngộ đây? Dùng một câu A Di Đà Phật, rất có tác dụng, rất hữu hiệu. Không nên bị người ta lường gạt, trên thế giới ngày nay có quá nhiều người lường gạt, yêu ma quỷ quái nơi nào cũng có, bạn không đi theo Phật thì đi theo ai? Nhất định không được đi theo quỷ thần, nhất định không được đi theo tà ma. Đầu tiên bạn phải có được huệ nhãn, đối với con người, đối với sự việc bạn phải thấy được rõ ràng minh bạch, thì bạn mới không bị mắc lừa. Cho nên tất cả danh tự, chính là lục tự hồng danh. Nhất nhất bất hư, cứu cánh thành tựu, cái kỳ sở chiêu. Sở chiêu là cảm ứng, giai cực kỳ cố. Cùng với tự tánh tương ứng, đối với những thứ khác không tương ứng, mà tương ứng với tự tánh, tương ứng với trí huệ đức tướng sẵn có trong tự tánh.

Cổ đại kinh vân, đại kinh ở đây chính là Kinh Vô Lượng Thọ, là bản kinh. “thế đế đản hữu danh, vô thật nghĩa”. Thế đế ở đây giảng về cái gì? Giảng về thập pháp giới, không chỉ riêng lục đạo, vì sao vậy? Nó không tương ứng với tự tánh. “đệ nhất nghĩa đế, hữu danh hữu thật nghĩa”. Lục tự hồng danh là đệ nhất nghĩa đế. Vô lượng giác là danh, tự tánh đích thật là vô lượng giác, hơn nữa Vô lượng giác không sanh diệt. Đức Thế Tôn nói trong kinh Hoa Nghiêm, tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai, đây là hữu danh hữu thật nghĩa. Phật là Cứu cánh đệ nhất nghĩa đế. Phật là ai? Là chính mình đây, chẳng phải là người khác, mình vốn là Phật. bây giờ có phải là Phật không? Bây giờ là Phật, chỉ là bây giờ trong tự tánh của bạn có lớp chướng ngại, vọng tưởng phân biệt chấp trước, những thứ này đã làm chướng ngại bạn. Nếu chúng ta dùng thế gian pháp mà nói, thì bạn là một ông Phật hồ đồ, bạn có chướng ngại, một ông Phật chướng ngại, sau khi bỏ hết chướng ngại, thì bạn chính là bậc Đại giác có trí huệ. Bạn xem có ba loại

chương ngại, bỏ đi một loại chấp trước, bỏ đi chấp trước, thì bạn thành Chánh giác, danh từ trong đạo Phật gọi là A La Hán, buông bỏ tâm phân biệt, thì bạn là Chánh đẳng Chánh giác, là Bồ tát, tôn xưng bạn là Bồ tát. Buông bỏ vô minh, vô minh là khởi tâm động niệm cực kỳ vi tế, buông bỏ được cái này, thì bạn là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bạn hoàn toàn hồi quy tự tánh, bạn là cứu cánh viên mãn Phật, bạn nên thành Phật, bạn vốn là Phật. Trong Phật giáo nói đến tín tâm, đây là tín tâm quan trọng nhất, đối với điều này bạn không tin, thì sự công phu tu tập của bạn vĩnh viễn không bao giờ đắc lực. Cho nên đạo Phật không giống với những tôn giáo khác, đó là sự thật đấy. Bạn xem đạo Phật nói về thế giới Cực lạc, Cực lạc thế giới không phải là một quốc gia, nơi đó không có chánh phủ, không hề nghe nói thế giới Cực lạc có Hoàng thượng, không có, Cực lạc thế giới có vị đại thần, cũng không có, thế giới Cực lạc có thị trưởng, cũng không có luôn. Vậy thế giới Cực lạc là gì? Thế giới Cực lạc là một lớp học, sống ở bên đó chỉ có hai hạng người, một thầy giáo, một học sinh, nó lớp học. Cho nên chúng ta nên xem thế giới Cực lạc như một khu vực, nó không phải là một quốc gia. Trong tôn giáo nói thì đó là quốc gia, có Thượng đế, có tổ chức chánh phủ, Cực lạc không phải vậy, cho nên đó là trường học. Thập phương chư Phật Như Lai cùng nhau mở một trường học ở đó, Phật A Di Đà là hiệu trưởng, Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền đều là giáo thọ ở đó, cho nên đến đó là người cầu học, là người thành tựu. Khi bạn thật sự thành Phật rồi, bạn không thể ở luôn nơi thế giới Cực lạc, điều đó không thể được, trường học không thể ở như nhà mình, sau khi đã thành tựu, bạn nên làm như đức Phật, đi giáo hóa chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, nơi nào có duyên thì đến nơi đó, điều này nhất định phải hiểu rõ. Bạn xem những tôn giáo khác, sanh lên thiên đường, về được thiên quốc, thì sẽ an cư nơi đó, nhập khẩu ở đó, thế giới Tây phương Cực lạc thì không phải vậy, học thành công rồi, thì mau chóng rời trường học, để đi làm sự nghiệp dạy học của mình, hoàn toàn khác. Chư Phật Bồ tát đối với thiên quốc rất tôn trọng, gặp Thiên vương, Thượng đế, cũng tôn trọng tán thán, chúng ta thường thấy trong kinh điển.

Chúng ta coi đoạn kế tiếp. hựu kim Di Đà ký dĩ chứng hồ cứu cánh đệ nhất nghĩa đế, cố nhất xưng gia danh, vạn đức tề chương, Di Đà vạn đức huệ nhật, ký dĩ cụ thể tề chương, chúng sanh hắc ám tội hà, tự nhiên đương niệm tiêu hồ trần kiếp.

Đây là nói đến diệt tội, có tội hay không? Có tội. Làm thế nào diệt đây? Chuyển niệm chính là tiêu diệt, giác là diệt rồi, tội là từ mê mới cảm nên, giác ngộ thì không còn nữa. Trong kinh đức Phật nói một ví dụ rất dễ hiểu, nghiệp tội giống như bóng tối, gọi là thiên niên trong phòng tối, nghiệp tội của tôi nặng quá, lâu ngày rồi, thắp ngọn đèn lên, thì bóng tối không còn nữa. Ngọn đèn đó là gì vậy? Là giác ngộ, là khai mở trí huệ, ánh sáng trí huệ chiếu đến, thì bóng tối sẽ tan biến. Cho nên tạo tất cả nghiệp tội không đáng sợ, chỉ sợ bạn không giác thôi, nếu bạn không giác sẽ chiêu cảm quả báo là tam đồ địa ngục, cái đó hiện tiền, nếu thật sự giác ngộ thì cái đó không còn nữa. Cho nên trong kinh

dạy chúng ta rằng, nhất niệm thập niệm, ngũ nghịch thập ác, nhất niệm thập niệm, đều có thể vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, sanh về đó đều là Bồ tát A Duy Việt Trí, một đời quyết định chứng được cứu cánh viên mãn, đây là sự thật, không hề dối trá. Nghĩa là sao vậy? Lý này cũng chính là, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh”, đây chính là nguyên lý. Dưới đây dạy rằng: “tự tánh bản không, hư nhi bất thật”, giác ngộ thì không còn, nhưng không giác ngộ thì vẫn có. Giáo dục của Phật giáo không gì khác ngoài việc giúp cho chúng ta giác ngộ, giúp cho chúng ta hồi phục trở lại bình thường, không gì khác hơn, đức Phật thật sự không có gì dạy cho chúng sanh, trí huệ thì bạn vốn sẵn có, đức năng bạn cũng sẵn có, tướng hảo bạn cũng sẵn có mà, tất cả đều ở trong tự tánh thôi. Giống như Huệ Năng đại sư khi khai ngộ nói rằng: “hà kỳ tự tánh, bản tự cụ túc”, không thiếu thứ gì hết, thì đức Phật lấy gì để dạy bạn chứ? Ngài chỉ khuyên bạn quay đầu, nói cho bạn biết, bạn không thiếu một thứ gì, bạn cùng chư Phật Như Lai không hai không khác, chỉ là mê thất tự tánh, trí huệ biến thành phiền não, đức năng biến thành tạo nghiệp, tướng hảo biến thành tam đồ lục đạo, bị biến chất hết rồi. Cho nên cần hiểu, cần nên quay đầu, phải thật sự nghĩ điều tốt, nói lời hay, làm điều lành, làm người lương thiện.

Dưới đây có mấy câu: “tội tánh bản không, hư nhi bất thật giả ký tiêu, tắc xung danh công đức, phước đặng hư không giả tự sanh”. Tiêu tai rồi, thì phước sẽ đến. Vì sao vậy? Vì phước là bạn vốn sẵn có, trong tự tánh vô lượng tướng hảo, đây là phước báo, bởi vì bạn mê thất tự tánh, bị nghiệp tội làm chướng ngại bạn, nghiệp tội tiêu trừ rồi thì chẳng phải là phước báo hiện tiền hay sao? Chính là lý này vậy. Phương pháp tiêu trừ nghiệp tội hay nhất, không gì hay hơn niệm Phật, cho nên trong kinh có dạy câu này: “một tiếng niệm Phật, tiêu trừ 80 ức kiếp tội nghiệp sanh tử”. Có đúng như vậy không? Đúng, không sai một chút nào. Chúng ta niệm, thật sự là tiêu trừ được chăng? Do bạn không biết niệm thôi. Thế nào gọi là biết niệm? Dùng tâm chân thành niệm, dùng tâm Thanh tịnh niệm, dùng tâm Bình đẳng niệm, dùng tâm Từ bi niệm. Bằng không, bạn niệm danh hiệu Phật, trong đó những tạp niệm hoài nghi, những tạp niệm vọng tưởng, những tạp niệm khác nữa, Phật hiệu này không thuần, cho nên nó không thể khởi tác dụng, nhất định phải thuần, không thể có tư hào tạp niệm trong đây. Ngày xưa Thầy Lý thường dạy chúng tôi, thầy dùng ví dụ nói, thí như đề hồ, đề hồ là món ăn ngon nhất của chư thiên, trong ly đề hồ này, nhỏ một giọt thuốc độc vào đó, thì nguyên cả ly đề hồ đã biến thành thuốc độc. Dùng đề hồ dụ cho tánh đức của chúng ta, thuốc độc là tập khí phiền não, chỉ cần có một chút xíu thôi, thì trí huệ của bạn hoàn toàn biến thành phiền não, đức năng của bạn hoàn toàn biến thành bực bội, bạn tạo nghiệp rồi. Điều này chẳng thể không biết.

Cứ thượng sao nghĩa, nhất xung danh hiệu, công đức thượng nhiên, hướng bản kinh phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm giả hồ.

Đây là căn cứ vào ý nghĩa trong Viên Trung Sao nói: “nhất xung danh hiệu, công đức thượng thừa như thử, nhất xung gia danh, vạn đức tề chương”. Nhất xung, chữ nhất ở đây, chúng ta cần nên chú ý, then chốt là ở chữ này, nhất nghĩa là sao? Nhất là nhất tâm. Nhất tâm nghĩa là thế nào? Nghĩa là không có hoài nghi, không có tạp niệm, thế mới gọi là nhất, là thuần nhất. Nếu chúng ta có hoài nghi, thiết không? Có thật sự là hay như vậy không? Thế thì không được, có những vọng niệm tạp nhập ở trong đây, thì không còn linh nữa. Nhất xung là nhất tâm xung niệm, vạn đức tề chương. Câu này đoạn trước chúng ta cũng đọc qua rồi, nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Nhất niệm này có tương ưng với A Di Đà Phật hay chăng? Chắc chắn là tương ưng, bạn không nên hoài nghi. Vì sao vậy? Vì trong Hoàn Nguyên Quán có nói, một niệm cực kỳ vi tế vừa mới động, thì tốc độ của nó đã châu biến pháp giới. Tuyệt đối không phải là tốc độ của ánh sáng, hay tốc độ của điện từ, không cách nào so sánh với nó được. Ánh sáng mặt trời chiếu đến địa cầu, cần phải 8 phút mới tới nơi, chúng ta khởi tâm một cái lập tức châu biến pháp giới, ánh sáng làm sao so sánh được. Cho nên một niệm vừa khởi lên, thì chư Phật Bồ tát trong biến pháp giới hư không giới, bèn nhận được hết. Bạn cần nên biết chân tướng sự thật này, bạn có sợ không? Đừng tưởng rằng khởi ác niệm lên người khác không biết, thập phương nhất thiết chư Phật Bồ tát, đều biết hết, bạn giấu ai được? Chỉ có thể giấu được chúng sanh ngu si trong lục đạo, vì nó không biết, thậm chí quỷ thần, quỷ thần cũng có ngũ thông, những việc nhỏ, những việc gần, nó có thể biết được một cách rõ ràng, sự việc trong hai ba tháng, nó biết được, hai ba năm thì chưa chắc, thần thông của nó không lớn. Cho nên đôi khi bạn thấy nó nói về kiết hung phước đức rất linh, rất linh nghiệm, đó là gì vậy? Đó là những việc rất gần, nếu nói xa, thì không tin tưởng được. Cho nên niệm Phật thật sự có thể diệt tội, bất luận có hiển lộ rõ ràng hay không, nhưng chắc chắn là diệt tội được, tội của chúng ta không diệt được, là vì một bên chúng ta diệt, một bên lại sanh ra, cho nên miên viễn không bao giờ diệt được là vậy, bên kia diệt, bên này không sanh, thì sẽ diệt được hết, nhất định phải hiểu rõ. Như trong Kinh Địa Tạng nói, Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội. Muốn giải quyết vấn đề này, không có cách nào khác, người xưa dạy chúng ta, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, thì sẽ giải quyết được vấn đề. Bạn thật sự có tâm nhẫn nại, bạn thật sự có tâm kéo dài, hạ thủ công phu. Định! Tâm định trên bộ kinh này, tu tập bộ kinh này 10 năm, tâm định rồi, không có những tạp niệm khác, thì hiệu quả sẽ hiển hiện. Bộ kinh này, chúng ta thấy người xưa, hướng dẫn cho chúng ta, thật sự là đệ nhất kinh của đạo Phật, thật sự có thể nói lên Phật Thích Ca Mâu Ni, đến thế gian này, trụ thế 80 năm, giảng kinh thuyết pháp 49 năm, đệ nhất bộ kinh là kinh gì? Đây chính là đệ nhất kinh. Bộ kinh này có thể thay cho tất cả, chỉ cần bạn chịu tin tưởng nó, thật sự thọ trì nó, buông bỏ vạn duyên, nhất tâm đọc tụng, xung niệm, thì sự thành tựu của bạn rất rất nhanh chóng, thật sự thành tựu nhanh chóng, nghiệp chướng của bạn được tiêu trừ, và trí huệ sẽ hiển tiền.

Đoạn dưới đây: “hựu trì danh tức thị thâm thâm bát nhã”. Đây là ám hợp bát nhã. Trong kinh Bát Nhã nói: “Bát nhã vô tri, vô sở bất tri”. Vô tri nghĩa là sao? Là căn bản trí, nó là căn bản, khi nó khởi tác dụng thì vô sở bất tri. Người thế gian chúng ta hiện nay cầu cái gì? Đang cần cầu hữu tri, đó không phải là bát nhã, vậy họ cầu đó là cái gì? Là tri thức, tri thức hữu tri, hữu sở bất tri, nó không viên mãn. Vô tri nghĩa là sao? Vô tri là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Hữu tri là gì? Là vọng tưởng tạp niệm, trong đạo Phật gọi là sở tri chướng. Sở tri chướng sanh ra cái gì? Sanh ra tri thức, không phải là trí huệ, tâm thanh tịnh sanh trí huệ, tâm phân biệt chấp trước sanh phiền não, hoàn toàn khác nhau, cho nên tri thức và trí huệ là hai chuyện khác nhau. Trí huệ có thể giải quyết được tất cả các vấn đề, không có di chứng, tri thức có thể giải quyết được một số vấn đề, nhưng để lại một đồng di chứng. Xã hội ngày nay, phổ biến truy cầu tri thức, còn trí huệ thì chẳng có ai cầu. Người cầu trí huệ, thân tâm thanh tịnh, bạn xem hiện tượng của người này, xem nhẹ danh lợi, tâm của người này định, ngôn ngữ của họ định, hành vi của họ cũng định, trong kinh gọi người này là: Na già thường tại định, vô hữu bất định thời. Người này vĩnh viễn là tỉnh quán pháp giới, người này thấy được rõ ràng, minh bạch. Cho nên Trung Quốc ngày xưa, những người có chức có quyền, gặp phải vấn đề khó khăn, không giải quyết được, đi tìm ai đây? Tìm Đạo trưởng, tìm Hòa thượng, thỉnh giáo với họ, họ thật sự có thể giúp cho người này giải quyết vấn đề, điều này phù hợp với ngôn ngữ Trung Quốc: “đương cục giả mê, bàng quan giả thanh”, họ là những người bàng quan, bàng quan nghĩa là sao? Là không có lợi hại được mất, họ thấy rất rõ ràng. Vì sao bạn không thấy được rõ ràng? Vì trong đó bạn có lợi hại được mất, trong suy nghĩ của bạn xen lẫn những thứ này, xen lẫn lợi hại được mất, cho nên bạn không thể thấy rõ ràng, còn những người đó, lợi hại được mất hoàn toàn không tương can đến họ, cho nên họ có cái nhìn rất khách quan, bạn thấy không rõ vì bạn chủ quan, chủ quan nghĩa là bạn có thành kiến, họ không có thành kiến, cho nên họ thấy rõ ràng, đạo lý ở chỗ này, cho nên đây không phải là mê tín, cũng chẳng phải có diệu pháp gì, rất đơn giản.

Trì danh ám hợp đạo diệu, chính là thâm thâm bát nhã, căn bản trí.

Niệm đặc thuần thực, vạn duyên tề phóng, năng sở đốn không, tức thị vô trụ. Trong kinh Kim Cang nói, vô trụ sanh tâm. Tâm thanh tịnh hiện tiền, vạn duyên buông xuống, trong tâm chỉ có một câu niệm Phật, ngoài câu niệm Phật ra không có gì hết, đây là vô trụ.

Ư thử chi thời, nhất cú Phật hiệu, lãng nhiên minh bạch, tương tục bất đoạn, tức thị sanh tâm.

Tâm của người này sanh, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, một câu A Di Đà Phật này, cùng với Phật A Di Đà ở Tây phương Cực lạc tâm tâm tương ấn.

Thử bản chúng sanh hành bất đáo xứ, tư dĩ niệm Phật cố, ám hợp đạo diệu.

Bạn nghĩ xem người phàm phu bình thường, làm thế nào có thể kết nối được với Phật A Di Đà chứ? Ngày nay gọi là dây nóng, dây nóng này làm thế nào có thể kết nối được với Phật A Di Đà đây? Một câu niệm Phật niệm đến thuần thục thì kết nối được. Sở dĩ không kết nối được, là vì bạn có tâm hoài nghi, có xen lẫn, có gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ tát dạy phương pháp niệm Phật, không sai một chút nào, “đô nhiếp lục căn”, đô nhiếp lục căn chính là buông bỏ vạn duyên. Buông bỏ những gì mắt thấy, không để trong lòng, những gì mũi ngửi được, cũng không để trong lòng, lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, đều không để vào trong tâm, đó gọi là đô nhiếp lục căn. Chẳng phải nói bạn không thấy không nghe, không có nghĩa là như vậy. Kiến văn giác tri của phàm phu chúng ta đều để trong tâm, vừa để vào tâm, lập tức tâm khởi lên phân biệt chấp trước, tâm liền bị nhiễm ô. Chúng ta cần làm như thế nào đây? Thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, cũng có nghĩa là quyết định không dùng tâm ý thức, như thế thì không khác gì Bồ tát. Tâm là A lại da, tâm là gì? Nhớ, lưu lại ấn tượng, Mặc na là chấp trước, Ý thức là phân biệt, không dùng tâm ý thức, chính là không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, đây gọi là ly tâm ý thức, ly tâm ý thức là Bồ tát, Bồ tát làm được như vậy. Trong Phật pháp gọi là tham, tham là tham cứu, chứ không phải là nghiên cứu, trong nghiên cứu có tâm ý thức, nghĩa là có phân biệt chấp trước, tham cứu không có phân biệt chấp trước, cho nên nó thuộc về trực giác. Đó gọi là vô trụ sanh tâm.

Ám hợp đạo diêu, bất hành nhi hành, vô đáo nhi đáo, cú cú thị Phật tri kiến, niệm niệm phóng bát nhã quang, mật giáo vị thanh tự giai thật tướng.

Thanh là âm thanh, tự là văn tự, âm thanh, văn tự vô phi thật tướng, chỉ cần không lạc vào tâm ý thức thì đều là thật tướng.

Cổ niệm Phật danh tức thị niệm thật tướng, trì danh niệm Phật, vô dị thật tướng niệm Phật.

Người tu tập nên biết niệm, chư vị tông môn thường nói, biết không? Biết! Đích thực trì danh chính là thật tướng, thật tướng là dùng trì danh, dùng trì danh có thể đạt được thật tướng, thật tướng và trì danh không hai không khác. Đoạn này nói rất hay, vẫn chưa giảng xong, nhưng mà hết giờ rồi. Đoạn dưới đây, tiếp theo đoạn trên, bởi vì đây là lời chỉ dạy rất quan trọng trong vấn đề tu tập, chúng ta siêng năng học tập, không những có lợi đối với cuộc sống hiện tại, chúng ta có thể áp dụng nó, đối với cảnh giới thì nâng cao, hoặc là tương lai chúng ta hy vọng đến được thế giới Cực lạc, đến nơi đó thân cận Phật A Di Đà, thì điều này giúp ích cho chúng ta rất lớn. Hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 34

Tập 35

Giảng ngày 10 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 37 hàng thứ tư từ dưới lên.

Hữu bản kinh đại tiểu nhị bản, Tàn dịch tiểu bản, hữu nhất tâm bất loạn chi văn, kim thử đại bản bất vân nhất tâm bất loạn, nhi chuyên chủ nhất hướng chuyên niệm, lưỡng giả tương giao, tắc bản kinh sở tông cánh vi minh xác, cánh khế chúng sanh căn cơ, di hiển Từ Tôn ân đức vô cực.

Chúng ta đọc đến đây. Tam kinh nhất luận của Tịnh tông. Người xưa cũng thường gọi đó là kinh Vãng Sanh, chuyên giảng đến việc vãng sanh về thế giới Cực lạc. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà là một bộ, cho nên người xưa gọi kinh Vô Lượng Thọ là đại bản, kinh Di Đà là tiểu bản. Tiểu bản có hai bản dịch, đại bản có 12 bản dịch. Tàn dịch, là đời Diêu Tàn ngài Cư Ma La Thập phiên dịch, trong kinh có câu nhất tâm bất loạn, có câu này.

Kim thử đại bản bất vân nhất tâm bất loạn, nhi chuyên chủ nhất hướng chuyên niệm. Nghĩa là câu này có sự khác biệt; Tiểu bản là do ngài Huyền Trang đại sư phiên dịch vào đời Đường, Ngài dịch không phải là nhất tâm bất loạn, mà là nhất tâm hệ niệm, đây là nguyên văn trong kinh điển tiếng phạn, ý nghĩa của nguyên văn. Huyền Trang đại sư dùng trực dịch, Cư Ma La Thập dùng ý dịch, Ngài không dịch chữ, mà dịch ý nghĩa trong kinh, cho nên chúng ta đọc bản dịch của Ngài La Thập, giống như văn chương của người Trung Quốc viết vậy, rất thích hợp với khẩu vị của người Trung Quốc. Kinh Di Đà lưu thông rất rộng rãi, bản dịch của ngài Huyền Trang, từ trước đến nay đều được bảo tồn trong Đại tạng kinh, không có ai đọc bản dịch của Ngài, bản dịch đó giống như văn chương của người ngoại quốc vậy, chúng ta đọc không thấy suông sẻ.

Nhất tâm bất loạn, trên thực tế không dễ gì đạt được, cho nên rất nhiều người nhìn thấy nhất tâm bất loạn trong kinh, đều lắc đầu nói rằng không đạt được. Nhất tâm hệ niệm thì đại khái là không có vấn đề gì. Nhất tâm hệ niệm nghĩa là trong lòng mình thường nhớ đến, cái này thì dễ đạt được, nhất hướng chuyên niệm lại càng dễ đạt được, chỉ một phương hướng là thế giới Tây phương Cực lạc, chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyện này lại càng dễ làm. Ngài La Thập dịch là nhất tâm bất loạn, có phải là Ngài đề cao cảnh giới hay không? Có lỗi lầm này hay chăng? Thật ra không có! Nếu bạn thật sự

niệm đến công phu thành phỉen, đó chính là nhất hướng chuyên niệm. Trong nhất hướng chuyên niệm cũng có tam bối cửu phẩm, nếu là thượng bối, chính là thượng tam phẩm. Lúc lâm chung khi Phật Di Đà đến tiếp dẫn, chắc chắn là Ngài phóng quang phổ chiếu trước, được phóng quang nên công phu của bạn nâng cao, cùng hướng thượng nâng cao, công phu thành phỉen thì nâng cao đến nhất tâm bất loạn, trong nhất tâm bất loạn, vẫn còn có tam bối cửu phẩm, sự nhất tâm có tam bối cửu phẩm. Ở thế giới của chúng ta, phương tiện hữu dư độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là ở đâu? Là Tứ thánh pháp giới trong Thập pháp giới, trong đó vẫn còn bốn đẳng cấp. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật, bốn đẳng cấp, đều gọi là phương tiện hữu dư độ, đều là sự nhất tâm bất loạn, cho nên sự sai biệt trong đây còn rất lớn, A La Hán đem so với Phật với Bồ tát đúng là còn cách xa nhiều lắm. Lý nhất tâm bất loạn là bình đẳng sanh về Thật báo trang nghiêm độ, công phu này lại càng khó hơn. Cho nên kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà so ra, tôn chỉ của kinh này chính là nguyên tắc hướng dẫn tu tập, thì càng rõ ràng, càng chính xác.

“Cánh khê chúng sanh căn cơ”, khiến cho tất cả chúng sanh thấy cuốn kinh này không sanh tâm hoài nghi, cảm thấy mình có thể tiếp nhận, có thể học tập theo được nên gọi là Di hiên, Từ tôn là Phật A Di Đà. Ân đức của Phật Di Đà đối với tất cả chúng sanh là vô cực.

Di Đà Yếu Giải vân: Nhược chấp trì danh hiệu vị đoạn kiến tư, tùy kỳ hoặc tán hoặc định, u đồng cư độ, phân tam bối cửu phẩm.

Tam bối cửu phẩm trong đồng cư độ. Chấp trì danh hiệu nhưng kiến tư phỉen nào vẫn chưa đoạn. Trong công phu có tán, có định, đây là nói về tâm của bạn. Bạn dùng tâm tán loạn trì danh, có khả năng vãng sanh hay không? Có khả năng, không nhất định, then chốt là ở niệm cuối cùng, một niệm cuối cùng khi lâm chung, là Phật A Di Đà, quyết định được vãng sanh, nguyện thứ 18, một niệm mười niệm đều được vãng sanh. Bởi vì một câu A Di Đà Phật đã không chế được vọng tâm của bạn, vọng niệm của bạn biến thành A Di Đà Phật, then chốt là ở một niệm cuối cùng, bình thường thì không sao, nhưng sau cùng thì liên quan rất lớn. Được định là thật sự công phu đã thành phỉen, công phu hàng ngày niệm Phật, thật sự có thể hàng phục được tập khí phỉen nào, kiến tư phỉen nào chưa đoạn, ở trong Phạm thánh đồng cư độ, phẩm vị đã cao rồi, ở đây nói rất rõ, tam bối cửu phẩm, tam bối thượng trung hạ, trong mỗi bối đều có tam phẩm thượng trung hạ. Đến Thật báo trang nghiêm độ, trong kinh luận của Tịnh tông không giảng, nhưng trong kinh Hoa Nghiêm thì giảng rất rõ ràng, 41 vị Pháp thân Đại sỹ, có 41 cấp bậc, chúng ta được hiểu rõ ở trong hội Hoa Nghiêm, ở giai đoạn này không thể nói có, cũng chẳng thể nói không. Ở thế giới Tây phương Cực lạc, Thật Báo Trang Nghiêm Độ cũng có tam bối cửu phẩm, cũng giống như vậy, không thể nói là có, chẳng thể nói là không. Thế giới Cực lạc thù thắng không gì bằng, trên thực tế chính là nói về Phạm Thánh Đồng Cư Độ.

Bởi vì nó là Đồng Cư Tịnh Độ, trong Mười pháp giới của Thập phương thế giới chư Phật Như Lai, thì lục đạo là uế độ, chẳng phải là tịnh độ, Tứ thánh pháp giới là tịnh độ. Ý muốn nói rằng tâm có tịnh uế, ở trong uế độ thì có thiện ác, trong tịnh độ thiện ác không còn, có thiện ác thì không thanh tịnh, nên không có thiện ác, trong lục đạo có thiện ác, cho nên trong đó có tam thiện đạo và tam ác đạo. Sự thật chân tướng của những cảnh giới này, chúng ta phải hiểu rằng, chúng ta nghĩ đến một nơi nào, đó là ý niệm, ý niệm quyết định sự thật, bạn thật sự muốn đi, thì cảnh giới đó sẽ hiện tiền. Vì sao vậy? Vì nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh, đó là sự thật, không hề sai chạy. Y chánh trang nghiêm của Thập pháp giới đều từ tâm tướng sanh, duy thức sở biến, thức chính là tâm ý thức, thức là năng biến, cảnh giới là sở biến. Trong pháp Đại thừa hiện nay, giảng về nguyên tắc đạo lý này, các nhà khoa học thời cận đại, cũng đang dần dần hiểu ra. Hội trưởng Lăng tống tôi một cuốn sách, đây là mật mã giảng về lời tiên đoán, tôi lật mấy trang và phát hiện ra, không ít các nhà khoa học thời cận đại, các nhà tiên tri, nói giống như trong đại thừa Phật giáo, chính là ý niệm làm chủ tất cả. Quả địa cầu này đang đi về hướng hủy hoại, có thể cứu được chăng? Đáp án là khẳng định được, chỉ cần chúng ta chuyển đổi ý niệm, mỗi người đều nghĩ đến hòa bình, thì sẽ có hòa bình, mỗi người đều nghĩ đến an định, thì an định sẽ hiện tiền. Trong đây nói rất hay, nhỏ là nói đến cơ thể của mình, tâm niệm của bạn đúng đắn, thì cơ thể của bạn sẽ khỏe mạnh, sẽ không bị bệnh, chúng ta có một ví dụ gần đây rất rõ ràng, Lưu Tố Vân cư sỹ ở Đông bắc Trung Quốc, 10 năm trước cô ấy bị bệnh hồng ban rất nặng, căn bệnh này quý vị đều biết, trầm trọng hơn ung thư nhiều, người mắc bệnh này, hầu như không còn khả năng để tồn tại, thuốc nam thuốc tây đều không thể chữa được. dùng thuốc thang để trợ duyên cho cô ấy, nhiều lắm cũng chỉ sống được 3 tháng, rất trầm trọng. Cô ấy chỉ có một ý niệm, ý niệm rất mãnh liệt, A Di Đà Phật. Lần này trước khi tôi đến Úc Châu, giảng kinh ở Hongkong, cô ấy đến Hongkong thăm tôi, nói cho tôi biết sự học tập của mình trong mấy năm nay. Tôi thấy, nền tảng của cô ấy rất vững, trong kinh nói thiện căn thâm hậu, đó là sự tu tập trong đời quá khứ tích lũy lại, tuy đời này cô ấy không tiếp xúc với Phật pháp, công phu tu học trong Phật pháp của cô ấy hoàn toàn hiện tiền. Thứ nhất là thành thật, suốt đời không lường gạt người, không có bất cứ chuyện gì giấu người khác. Nói cách khác, cô ấy không có gì riêng tư hết, trong ngoài nhất như, không biết đến danh, không màng đến lợi, cho nên không có khái niệm về vấn đề tiền bạc, cho đến bây giờ cũng như vậy. Cô ấy nói người ta cười cô ấy, bạn bè cười chê, cô ấy không biết số, cô ấy đếm từ một đến hai thì được, từ ba trở đi thì mơ hồ, cô ấy còn làm quan của chánh phủ nữa, làm xứ trưởng của tỉnh Hắc Long Giang, tiền lương hàng tháng, cô ấy không biết là bao nhiêu, sau khi lãnh tiền lương, nhìn thấy những người đáng thương cô ấy liền bố thí, đều có thể giúp đỡ người khác, hỏi cô ấy một tháng được bao nhiêu tiền lương, cô ấy không biết, trong tâm của cô ấy không có những thứ này. Sau khi học Phật, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, một đời không vọng ngữ, thật sự buông bỏ hết danh văn lợi dưỡng, trước khi chưa học Phật cô ấy đã buông bỏ được, cho nên tâm cô ta thanh tịnh. Bị bệnh rồi, nên không thể đi làm

được, ở nhà nghỉ ngơi. Cô ấy nói với tôi, mỗi ngày nghe kinh Vô Lượng Thọ 10 tiếng đồng hồ, ngoài việc nghe kinh là niệm Phật A Di Đà, cô ấy tâm tin không nghi ngờ, Phật A Di Đà chắc chắn sẽ chữa khỏi bệnh cho cô ấy, ý niệm chữa khỏi, cô ấy không còn nghĩ đến bệnh tật. Bác sỹ nói với cô ấy, bệnh của cô rất nặng, có thể chết bất cứ lúc nào. Cô ấy nói với bác sỹ, không sao đâu, nếu như tôi chết, tôi rất vui mừng, tôi về thế giới Cực lạc, nơi đó là quê hương của tôi. Bác sỹ cảm thấy rất ngạc nhiên, không hề sợ sệt, một chút lo sợ cũng không có, trở về quê mà, vô cùng vui mừng. Cô ấy nghe kinh nghe cách nào đây? Chắc là nghe bộ đĩa tôi giảng ở Singapore lúc trước. Lần đó tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, tất cả giảng 1 tháng là xong, mỗi ngày giảng hai giờ, 60 giờ đồng hồ, mỗi đĩa là 1 giờ đồng hồ, mỗi ngày cô ấy nghe một đĩa, một đĩa nghe 10 lần, đây gọi là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, cho nên 2 tháng là nghe xong, nghe hết là 10 lần, 10 bộ, từ đầu đến cuối nghe 10 bộ, mỗi ngày nghe một đĩa, cho nên bây giờ cô ấy giảng, giảng rất là lưu loát. Khiến tôi nhớ đến người xưa nói rất hay, trong Học Ký có dạy rằng: “thất niên tiểu thành, cửu niên đại thành”, đây là học những điều hay của thánh hiền. Bạn học tập như vậy, học 7 năm, tiểu thành nghĩa là có thành tựu nho nhỏ, bạn có thể đảm nhiệm trợ giảng, 9 năm thì bạn có thể đảm nhiệm giáo thọ. Nhất môn thâm nhập, không có tạp niệm, cô ấy khế nhập rồi, chắc chắn có chỗ ngộ, cho nên cô ấy ở Thâm Quyển 2 ngày, mỗi ngày giảng 8 tiếng đồng hồ, 16 tiếng đồng hồ, không hề có đàn bài. Học kinh có khó không? Không khó! Trí huệ đức tướng là thứ vốn sẵn có trong tự tánh của bạn, chỉ cần trừ bỏ chướng ngại, thì nó sẽ hiện tiền. Chướng ngại là gì? Là phiền não, đức Phật thường nói, kiến tư phiền não, trần sa phiền não, vô minh phiền não. Trong kinh Hoa Nghiêm nói là; vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chỉ cần trừ bỏ được hết những thứ này là thành công thôi. Lưu Tổ Vân nói với tôi, tôi tin rằng cô ấy nói thật, vì cô ấy không vọng ngữ. Bây giờ cô ấy sống trên thế gian này, giúp cho Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sanh, chính là công việc này, thân hành ngôn giáo. Nếu như trên thế gian này không còn người có duyên, thì bất cứ lúc nào Phật A Di Đà cũng tiếp dẫn tôi đi, thiệt đó, không hề sai trái. Tu tịnh độ nên lấy Phật tâm, tâm của Phật A Di Đà, cùng với tâm của mình phải tương ưng. Tâm là tâm của Phật, nguyện là nguyện của Phật, 48 nguyện, Phật A Di Đà phát 48 lời nguyện, tôi cũng phát 48 lời nguyện, tôi và Phật A Di Đà đồng nguyện, đồng tâm đồng nguyện, đồng đức đồng hạnh. Phật A Di Đà từ bi vô cùng, trong tâm ngài nhìn tất cả chúng sanh đều là Phật. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, bây giờ nó bị mê, bất luận làm việc gì sai trái, tạo ngũ nghịch thập ác, trong ánh mắt của đức Phật thì người này vẫn là một vị Phật, có tâm niệm trách móc hay không? Không có! Có tâm niệm trách móc thì chính bản thân chúng ta đã đọa lạc vào cảnh giới phàm phu rồi, phàm phu có phiền não, có vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên mới trách móc người khác, Phật Bồ tát đã đoạn tận những thứ này, cho nên Phật Bồ tát không trách móc những người tạo ngũ nghịch thập ác. Người tạo ngũ nghịch thập ác, khi lâm mạng chung, niệm Phật A Di Đà cầu sanh tịnh độ, thì vẫn được vãng sanh, vấn đề ở chỗ

sợ người này không có đức tin, họ không chịu niệm, thì đành bó tay thôi, nghĩa là không có duyên rồi. Chúng ta vốn giống như đức Phật A Di Đà, cho nên cần phải học, đây chính là tu tập! Khi chưa hiểu biết, khi mê hoặc điên đảo, chúng ta sẽ trách móc chính mình, và chúng ta trách móc người khác, nhất là những người phỉ báng chúng ta, người sỉ nhục chúng ta, người bêu nhục chúng ta, người hãm hại chúng ta. Chúng ta có tâm oán hận hay không? Chắc chắn là có, chẳng những có oán hận, mà còn tìm cách để báo thù. Thế là đã gây nên oan oan tương báo không bao giờ chấm dứt. Sau khi giác ngộ, những cảnh giới này có hiện tiền, thì tâm địa vẫn thanh tịnh, không hề bị nhiễm trước, thản nhiên như không, đây chính là thật sự công phu, người đời gọi là tu dưỡng, thản nhiên như không. Vì sao người này có thể làm được thản nhiên như không vậy? Bởi vì người này hiểu được chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật là gì? Trong kinh Bát Nhã nói, nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc. Nếu như bạn còn nhớ trong lòng là bạn đã sai rồi, bạn đã mê hoặc như người đó vậy, cho nên bạn mới khắc ghi trong lòng, khi bạn không bị phóng tâm đi thì hoàn toàn khác hẳn, người đó dùng tâm ý thức, còn bạn dùng Giới Định Huệ, thì làm sao giống nhau được. Người đó dùng vọng tâm, còn bạn dùng chân tâm, chân tâm là thanh tịnh bình đẳng giác, cho nên bạn mới hiểu được Phật Bồ tát, gọi đó là chân thiện, là chí thiện. Chẳng những không tìm thấy trong lục đạo, mà trong Tứ thánh pháp giới cũng không tìm thấy, vậy đi tìm ở đâu đây? Tìm ở nhất Chân pháp giới, tìm ở Thật báo trang nghiêm độ, họ ở Thật báo độ, thị hiện ở nhân gian, sống cùng với chúng ta, hòa quang đồng trần, nhưng trên thực tế thì họ vẫn sống ở Thật báo trang nghiêm độ. Phạm phu chúng ta ở trong lục đạo luân hồi, còn họ thì sống ở Thật báo trang nghiêm độ, tuyệt đối không phải là họ từ Thật báo trang nghiêm độ bị thoái lui về đây, không có chuyện đó. Vô lượng vô biên pháp giới là trùng điệp, một là tất cả, tất cả là một, đồng thời, đồng xứ, trùng điệp nhưng không chướng ngại nhau, đây là cảnh giới Thập Huyền Môn trong Hoa Nghiêm. Kinh Vô Lượng Thọ người xưa gọi là Trung Bản Hoa Nghiêm, vì sao vậy? Vì kinh Vô Lượng Thọ có đầy đủ Thập Huyền Môn, mai một chúng ta sẽ học tới.

“Tùy kỳ hoặc tán hoặc định”, đây là công phu niệm Phật, chúng ta cần nên biết, chúng ta từ tán loạn phải niệm đến khi tâm thanh tịnh hiện tiền, điều này rất quan trọng, muốn cho tâm thanh tịnh hiện tiền, thì nhất định phải chịu được sự thử thách. Thuận cảnh, bạn có sanh tâm vui mừng không? Bạn có tâm tham luyến không? Có tâm này thì không được, bạn ở trong tán chứ không phải ở trong định. Nghịch cảnh hiện tiền, bạn có khởi tâm oán hận chăng? Có tâm oán hận thì bạn vẫn ở trong tán, chứ chưa đạt được định. Được định, thì bạn mới nắm chắc được vãng sanh, không được định thì không nắm chắc, điều này vô cùng quan trọng, một niệm khi lâm chung không phải danh hiệu Phật, thì chắc chắn bị luân hồi, rơi xuống hố sâu vực thẳm luân hồi rồi, thì không biết trải qua bao nhiêu đời, gặp phải bao nhiêu kiếp nạn, bạn mới có thể hồi đầu được. Hiểu được rõ chân tướng sự thật này rồi, thì chuyện của thế gian bạn sẽ buông bỏ được hết, sẽ không

còn lưu luyện bất cứ một chuyện gì. Chúng ta phải giúp đỡ người khác, phải độ chúng sanh, bạn thử nghĩ xem, mình độ mình còn chưa xong, thì lấy gì để độ người đây? Đó là giả, chẳng phải thật, thật sự độ chúng sanh chính là độ mình rồi, mình độ rồi chính là đã độ chúng sanh. Vì sao vậy? Vì người khác thấy bạn như thế học theo bạn, sanh khởi lòng tin. Lưu Tố Vân không hề khởi niệm độ chúng sanh, nhưng cô ấy đã độ được biết bao nhiêu người, Tín Nguyễn Hạnh trong sự niệm Phật của cô ấy, đã đem lại cho mọi người đức tin không gì bằng, cho nên chỉ có thật sự độ mình rồi, thì tự nhiên sẽ thật sự độ được chúng sanh. Mình còn chưa độ mà nói là độ chúng sanh, thì điều đó là giả thôi, điều này trong lòng chúng ta phải tự biết. Cần bỏ ra bao nhiêu thời gian đây? Chúng ta thấy Lưu Tố Vân bất quá là 10 năm thôi, 10 thời gian không dài, nhưng cô ấy đã thành công. Tôi có lý do để tin cô ấy, cô ta sanh tử tự tại, muốn đi khi nào thì đi, những chúng sanh ở cõi này cần cô ấy giúp đỡ, cô ấy sống thêm vài năm nữa cũng không sao, nếu không đạt đến cảnh giới này thì không được đâu, tự mình còn nghiêng ngã, háo thắng mà độ chúng sanh, việc lớn sanh tử của chính mình còn chưa giải quyết xong, đó là sự thật, nói khó nghe một chút là gạt mình gạt người, cho nên không thật sự công phu sao được. Thật sự niệm Phật, ghi nhớ 4 câu này, đồng tâm với Phật A Di Đà, đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh. Hạnh nghĩa là tiếp dẫn thượng trung hạ chúng sanh trong mười phương thế giới, tam căn phổ bị, lợi đốn toàn thu.

Dưới đây nói rằng: “nhược trì chí sự nhất tâm bất loạn”, sự nhất tâm bất loạn là được định, cũng có nghĩa là đoạn hết kiến tư phiền não rồi. “Kiến tư nhậm vận tiên lạc”, nhậm vận nghĩa là gì? Là tự nhiên đoạn hết, chẳng phải là tác ý, chúng ta muốn đoạn trừ nó, muốn đoạn trừ nó thì lại trừ không được. Vì sao vậy? Bạn muốn đoạn trừ nó, tâm niệm đó chính là vọng tưởng, thuộc về kiến tư phiền não, phiền não không thể đoạn được phiền não, chỉ là một câu niệm Phật niệm cho đến cùng, một bộ kinh học đến cùng, thì tự nhiên đoạn được. Niệm niệm đều là Phật A Di Đà, niệm niệm là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là gì? Kinh Vô Lượng Thọ chính là tâm nguyện đức hạnh của Phật A Di Đà, chính là cái này. Bạn đọc nhuần nhuyễn kinh Vô Lượng Thọ rồi, biến kinh Vô Lượng Thọ thành của chính mình rồi, thì bạn sẽ giống như Phật A Di Đà, như thế còn không đi được sao? Bạn với Phật A Di Đà chí đồng đạo hợp. Khổng Phu Tử trong Dịch-Hệ Từ Truyện có nói: “Vật dĩ loại tự, nhân dĩ quần phân”. Bạn đã đồng tâm đồng nguyện đồng đức đồng hạnh với Phật A Di Đà, thì chắc chắn bạn vào được câu lạc bộ của Phật A Di Đà, bạn hoàn toàn giống Ngài không khác, chắc chắn được vãng sanh. Đọc 10 năm kinh Vô Lượng Thọ, nhập Vô Lượng Thọ Tam Muội, niệm Phật tam muội thật sự, đây là điều kiện sanh về phương tiện hữu dư độ.

“Nhược chí lý nhất tâm bất loạn, hoát phá vô minh nhất phẩm”. Các vị nên biết, vô minh chỉ có một phẩm, vô minh lấy đâu ra hai phẩm. “Nãi chí tứ thập nhất phẩm”, 41 phẩm này là tập khí vô minh. Điều này nhất định phải biết, phiền não không có một con

số, nó có quá nhiều, quá phức tạp, vô minh cũng không có một con số, vì sao vậy? Vì nó quá đơn thuần, chính là một niệm tại đây. Chúng ta nhớ lại lời Bồ Tát Di Lặc dạy, thì sự việc này bạn sẽ hiểu được. Bồ tát Di Lặc dạy: Một khảy móng tay có 32 ức bách thiên niệm, một niệm đó chính là vô minh, vô minh này không có nhân, vô minh này cũng không có chỗ bắt đầu, cho nên đức Phật gọi nó là vô thi vô minh, vô thi là không có bắt đầu, vậy nó có kết thúc không? Không có. Bạn nghĩ thử xem, ngày nay khoa học dùng giây làm đơn vị, một giây chúng ta búng móng tay được bao nhiêu lần? Đại khái là búng nhanh, người trẻ có sức lực búng được nhanh, thì có thể búng được 5 lần, một búng móng tay có 32 ức bách thiên niệm. Dùng cách tính của người Trung Quốc là 320 triệu, 320 triệu nhân cho 5, bằng bao nhiêu? 1600 triệu. Nghĩa là 1 giây có 1600 triệu, 1 giây có 1600 triệu, gọi đó là 1 niệm. Bạn có thể được 1 niệm này không? Một niệm đó gọi là nhất phẩm vô minh, cho nên vô minh chỉ có một phẩm, không có 2 phẩm, một niệm này bất khả đắc, một niệm này nếu đoạn mất, các vị nên biết, chẳng những không có Thập pháp giới, Thật Báo Độ cũng không có luôn. Vì sao vẫn còn Thật Báo Độ? Vì tập khí của nó vẫn còn, tập khí của vô minh biến thành Thật Báo Trang Nghiêm Độ, tập khí vô minh đoạn rồi, thì Thật báo độ không còn nữa, còn lại duy chỉ có một là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, đó là thật, đó là tự tánh, nó vĩnh hằng bất diệt, đó chính là Đại thừa giáo nói, cảnh giới Đại Bát Niết Bàn. Những thứ trong Thật Báo Độ, thiệt đó, toàn là vô lượng thọ, người là vô lượng thọ, hoa cỏ cây cối là vô lượng thọ, sơn hà đại địa vô lượng thọ, vĩnh viễn không thay đổi. Vì sao nó không thay đổi? Bởi vì nó không phân biệt, không chấp trước. Phân biệt chấp trước năng biến, ở trong đó không có năng biến, cho nên nó bất biến. Người ta thương ngộ nhận nơi đó, là Đại Bát Niết Bàn bất sanh bất diệt, không phải vậy, nó rất gần, nhưng nó không thật. Thật sự đoạn tận vô thi vô minh, hoàn toàn khế nhập Thường Tịch Quang, như thế mới đúng.

“Tắc sanh Thật Báo Trang Nghiêm Tịnh Độ, diệc phân chứng Thường Tịch Quang Độ”. Vừa rồi tôi có nói, tập khí vô thi vô minh hoàn toàn đoạn hết rồi, 41 phẩm này là tập khí vô thi vô minh, sau khi đoạn hết tập khí, thì không còn Thật Báo Độ nữa, hoàn toàn quay về Thường Tịch Quang Độ.

Dưới đây nói: “cái vị tán tâm trì danh tức đắc vãng sanh Đồng Cư Tịnh Độ, nhược năng nhất tâm bất loạn, nãi vãng sanh thượng tam độ chi sở nhu, thử thật vi thánh hiền chi hạnh cảnh, nhi phi vân vân phàm phu chi sở năng”. Phạm phu nghiệp chướng quá nặng, thời gian mê thất tự tánh dài lâu, tập khí phiền não lại còn thêm tội nghiệp, quay đầu không dễ chút nào. Câu dưới đây là sự thật: “nhược tất nhất tâm bất loạn thì năng vãng sanh giả, thức vấn khổ hải chúng sanh năng hữu kỷ hứa đắc độ”. Câu nói này là sự thật, nếu nói nhất định phải nhất tâm bất loạn mới có thể được vãng sanh, thì lục đạo chúng sanh chúng ta có được mấy người đắc độ? Có được mấy người niệm đến nhất tâm bất loạn? Có nghĩa là không nói đâu xa, chỉ cần buông bỏ được kiến tư phiền não, không làm được, đây là sự thật, rất khó. Đức Phật dạy chúng ta, nỗ lực dùng

danh hiệu Phật này, dùng bộ kinh này, bộ kinh này nghĩa là gì? Sau khi đọc nhuần nhuyễn là nhớ Phật, thường nghĩ đến tâm Phật, nguyện của Phật, đức của Phật, hạnh của Phật, gọi là nhớ Phật, danh hiệu là niệm Phật. Đại Thế Chí Bồ tát dạy chúng ta, ức Phật niệm Phật, hiện tại tương lai nhất định gặp Phật. Nếu như không thông thuộc kinh, thì cảnh giới của Phật A Di Đà bạn không nhớ ra được, thế nên hoàn toàn nương vào công phu niệm Phật. Niệm Phật dán đoạn thì vọng tưởng hiện tiền, chúng ta ở những nơi này phải thật sự phản tỉnh, thật sự soát lại, 1 ngày từ sáng đến tối suốt 24 giờ đồng hồ, có bao nhiêu thời gian chúng ta niệm Phật? Có bao nhiêu thời gian chúng ta khởi vọng tưởng, mỗi thứ một nửa, thì không nắm chắc được vãng sanh đâu. Nếu như bạn thật sự làm được, trong 24 giờ đồng hồ, có 20 giờ niệm Phật, còn 4 giờ bị gián đoạn. Ngủ nghĩ là hôn trầm, nằm mơ là trạo cử, vẫn là tập khí phiền não hiện tiền, công phu tốt rồi, thuận thực rồi, ngủ nghĩ nằm mơ cũng niệm Phật, thì cảnh giới đó rất tốt, như thế mới hàng phục được phiền não, những vẫn cần khoảng thời gian dài. Công phu như thế nếu có thể làm được năm ba năm, thật sự hàng phục được, thì chắc chắn có năng lực để vãng sanh, nếu như không có duyên với chúng sanh ở thế giới này, không có duyên nghĩa là sao? Bạn dạy nó, nó không nghe, nó không nghe lời bạn, đó chính là không có duyên, không có duyên thì mình có thể vãng sanh sớm một chút, tuy có thọ mạng, nhưng không cần, tình trạng này rất nhiều. Trong Vãng Sanh Truyện chúng ta thấy có rất nhiều người, niệm đến 3 năm, hàng phục được phiền não, không cần thọ mạng nữa, mà vãng sanh, đó là việc tốt, đến thế giới Cực lạc vẫn tiếp tục tu tập, chưa thành tựu, chúng ta chưa đạt được nhất tâm, sự nhất tâm, lý nhất tâm, đều về thế giới Cực lạc để hoàn thành. Như phát đại nguyện, chúng ta giống như Phật phổ độ chúng sanh, “pháp môn vô lượng thế nguyện học”, về thế giới Cực lạc có cần học nữa hay không? Nói cho các vị biết, không cần học nữa. Vì sao không cần học nữa? về thế giới Cực lạc, bạn kiến tánh là thông đạt tất cả, kinh điển của Thập phương Tam thế nhất thiết chư Phật giảng nói bạn đều thông hết. Giản tiện! Đến thế giới Tây Phương Cực Lạc được đại tự tại. Công việc trong cuộc sông hàng ngày làm gì vậy? Công việc hàng ngày chính là tham học, đến sát độ của Thập phương chư Phật để cúng dường, cúng dường Phật là tu phước, nghe Phật giảng kinh thuyết pháp là khai mở trí huệ. Phật lấy nhất âm mà thuyết pháp, chúng sanh tùy loài mà được giải. Sự thật này chúng ta không cách nào tưởng tượng nổi, nghe Phật giảng kinh, Phật giảng kinh gì vậy? Bạn muốn nghe kinh gì, thì bạn nghe được đức Phật giảng về kinh đó. Chúng ta có 2 người hoặc 3 người cùng nhau đi lễ Phật, tôi muốn nghe Hoa Nghiêm, thì tôi thật sự nghe được kinh Hoa Nghiêm, bạn muốn nghe kinh Pháp Hoa, thì thật sự bạn sẽ nghe được kinh Pháp Hoa, người kia muốn nghe kinh Vô Lượng Thọ, thì đức Phật sẽ giảng kinh Vô Lượng Thọ cho họ nghe, không ở chỗ đức Phật, bản thân chúng ta muốn nghe gì thì bạn sẽ nghe được thứ đó. Điều này không thể nghĩ bàn, thật sự minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh thì mới có thể khế nhập cảnh giới này. Nghe pháp là tu huệ, đạt được căn bản trí, viên mãn hậu đắc trí phải tham học. Cho nên công

việc hàng ngày là phước huệ song tu. Ở thế giới tây phương cực lạc không cần khoảng thời gian dài, mà phước huệ của bạn đã đạt được viên mãn, sau khi viên mãn, thì thật sự giống như đức Phật A Di Đà. Chúng sanh ở trong sát độ của Nhất Thiết Chư Phật Mười Phương, khởi tâm động niệm là bạn đã biết được. Vì sao vậy? Trong Hoàn Nguyên Quán giảng nói rất rõ ràng, khởi niệm này, niệm này các nhà khoa học ngày nay vẫn không biết được, bởi vì nó quá vi tế, thời gian rất ngắn. Thời gian, bạn nghĩ thử xem, 1 giây có 1600 triệu, thời gian ngắn như thế. Một niệm chúng ta khởi niệm lên mà chính mình còn không biết, nhưng pháp thân Bồ tát biết được, cũng có nghĩa là những người sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ, họ biết được, họ nhận được tín hiệu này, nhận được nên có ứng, cùng với tất cả chúng sanh cảm ứng đạo giao, ở trong cảnh giới này rất rõ ràng, khắp cả vũ trụ biến pháp giới hư không giới cùng với mình là một thể, không có phân biệt, thật sự là nhất thể. Đồng thể Đại bi, vô duyên Đại từ do đó mà sanh, tự nhiên sanh khởi. Người đó quan hệ gì đến mình? Nhất thể! Quan hệ này thân mật quá!

Cuối cùng nói: “Tắc thử trì danh phương tiện pháp môn, diệt tương thị nan hành đạo hỷ”. Đây là tiếp theo câu trước, nói chúng ta trì danh niệm Phật, nhất định phải niệm đến nhất tâm bất loạn mới được vãng sanh, đó là nan hành đạo, đó cũng không phải là dị hành đạo. Cho nên ở đây nói rất có lý, nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, chỉ xem nhất niệm này có tương ứng được hay không! Niệm niệm vốn là tương ứng, thì làm gì có chuyện không tương ứng chứ? Vì sao lại không tương ứng? Vì ở trong đây chúng ta xen lẫn sự hoài nghi, xen lẫn sự vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên không tương ứng, thật sự buông bỏ được phân biệt chấp trước, thì tương ứng, nếu đoạn hết được vọng tưởng, cũng có nghĩa là không khởi tâm không động niệm. Điều này chúng ta chưa làm được, đó là sự tương ứng viên mãn, tương ứng với Thường Tịch Quang. Chư Phật Như Lai trong Thường Tịch Quang, trong kinh thường nói đó là ngôi Diệu Giác, cảnh giới đó dùng ngôn ngữ không thể nói được, tư tưởng của chúng ta không đạt được, gọi là “ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”, cảnh giới đó như vậy, đó là đoạn hết vọng tưởng. Chúng ta chẳng những không đạt được cấp bậc này, cấp bậc A La Hán thấp nhất chúng ta cũng vẫn chưa đạt được. Chẳng những không đạt được quả A La Hán, thấp nhất là sự nhất tâm, là ngôi Sơ Tín trong thập tín, Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa giáo, là sự nhất tâm thấp nhất, chỉ cần bạn chứng được quả vị này, vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, không còn ở Phàm thánh đồng cư độ nữa, ở phương tiện hữu dư độ. Người này có năng lực đoạn thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến, người này có thể đoạn hết 88 phẩm kiến hoặc trong tam giới, chúng Tiểu thừa Tu Đà Hoàn quả, Sơ Tín Bồ tát trong Thập tín Bồ tát, có mấy người làm được như vậy? Trong mấy năm gần đây tôi thường khuyến cáo mọi người, và cũng khích lệ chính mình, thật sự buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ sự hưởng thụ của ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn. Tôi đã nói rất rõ ràng, nói rất minh bạch, điều này có thể vào cửa được chăng? Tiểu thừa vào cửa là Tu Đà Hoàn, Đại thừa vào cửa

là ngôi Sơ Tín Bồ tát, tôi xin nói thiệt với quý vị, vẫn chưa vào cửa, chỉ ở ngoài cổng thôi, 16 chữ này nếu bạn thật sự làm được, thì bạn đến được cửa, chưa vào bên trong. Nếu muốn vào cửa thì cần phải có điều kiện trong kinh nói, 16 chữ này so ra còn dễ dàng, làm được 16 chữ này thì hàng phục được phiền não, thật sự có thể vãng sanh về thế giới Cực lạc, sanh về Phạm Thánh Đờng Cư Độ. Nếu không làm được 16 chữ này, chính là chướng ngại niệm Phật vãng sanh của bạn, chướng ngại không ở bên ngoài, bên ngoài không có bất cứ một sức mạnh nào có thể chướng ngại được bạn. Trong Phật pháp, tu tích công đức thì không dễ, còn tu phước thì dễ. Vì sao tu tích công đức không dễ? Tôi tin rằng các bạn đều nghe qua câu này: “lửa thiêu rừng công đức”. Cái gì là lửa? Là nổi nóng, vừa nổi nóng là đốt cháy hết công đức, không còn nữa. Bạn nghĩ lại xem, lần trước bạn nổi nóng là khi nào? Nếu như nổi nóng ngày hôm qua, thì công đức của bạn chỉ có từ sau lúc nổi nóng cho đến bây giờ, nếu hôm nay nổi nóng một lần nữa thì tiêu hết. Một đời tu công đức, đến khi lâm chung nổi trận lôi đình, thì tiêu tan hết. Công đức là định huệ, nổi nóng thì không có định, không có định thì huệ cũng không có. Ai có thể phá hoại công đức của bạn đây? Chính bạn thôi. Oán thân trái chủ của bạn không thể phá hoại công đức của bạn được, nó sẽ xúi bậy, nó khiến bạn nổi nóng, bạn rất nghe lời; Anh kêu tôi nổi nóng thì tôi nổi nóng, kêu bạn thiêu thì bạn thiêu, nó không thiêu được bạn, nó kêu bạn thiêu, bạn rất nghe lời, nên thiêu hết công đức của bạn, nó đã đạt được mục đích rồi. Nếu như bạn không chịu thiêu, thì nó chẳng có cách nào hết, cho nên bạn không nghe lời Phật, mà lại nghe lời ma, bạn nghe lời oan thân trái chủ, nghe lời yêu ma quỷ quái. Bạn nên biết rằng, công đức ở trong cảnh giới thuận hay nghịch đều không động tâm, ở trong thuận cảnh vừa khởi tham tâm thì công đức không còn nữa, ở trong nghịch cảnh sanh tâm sân hận, thì công đức cũng mất hết.

Chúng ta coi tiếp đoạn dưới, Hoàng lão dẫn Đại Kinh Hợp Tán vân. Đại kinh là kinh Vô Lượng Thọ. Hợp Tán là Hạ Liên lão cư sỹ viết, phía sau cuốn kinh này có ghi chú.

Y thử kinh phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, phương đắc nhất tâm bất loạn cố, bất năng chuyên niệm, quyết nan nhất tâm cố.

Câu này nói rất hay, đó là sự thật, từ đó cho thấy, phát bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, là phương pháp tu tập nhất tâm bất loạn quan trọng, bạn y theo phương pháp này tu tập, trong lòng không cần nghĩ đến nhất tâm bất loạn, nghĩ đến nhất tâm bất loạn là vọng niệm, phá vỡ nhất tâm bất loạn, vốn không cần nghĩ tới, nước đến cừ thành, tự nhiên thâm nhập cảnh giới. Vì sao vậy? Vì bạn đã buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước. Nếu cứ nghĩ khi nào được nhất tâm bất loạn, thì vĩnh viễn bạn không được nhất tâm. Vì sao vậy? Vì chướng ngại này bạn không bỏ được, bạn mới thật sự có thể thành tựu. Chỉ cần bạn thường nhớ tới phát Bồ đề tâm, Bồ đề tâm có thể phát được

chăng? Nếu chỉ phát ở miệng là giả đấy, không phải Bồ đề tâm đâu, trong tâm niệm phát cũng không phải là thiệt. Vì sao vậy? Vì Bồ đề tâm là chân tâm, bạn lại dùng vọng tâm để phát Bồ đề tâm, thì làm sao phát được. Bồ đề tâm là tâm chân thành, thể là tâm chân thành, trong tâm chân thành không hề có một vọng niệm. Nói cách khác, không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, tâm đó là tâm chân thành, bạn thấy có khó không. Bồ đề tâm là chân tâm của chính mình, chúng ta tìm lại Bồ đề tâm ở đâu đây? Tìm từ chỗ khởi dụng, khởi dụng đối với chính mình, tự thọ dụng là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, đây là thâm tâm, cho nên học Phật là học cái gì? Là học tâm thanh tịnh, bắt đầu từ điểm này, tôi tu tâm thanh tịnh trước, thanh tịnh đến cùng thì tâm bình đẳng hiện tiền, bình đẳng đến trình độ nhất định, thì đại triệt đại ngộ, giác chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, như thế là đến lý nhất tâm. Đối đãi với người khác, đối đãi với tất cả chúng sanh, trong tất cả chúng sanh này, bao gồm động vật và thực vật, sơn hà đại địa, hiện tượng tự nhiên, đều gọi được là chúng sanh, phải dùng Đại Từ Đại Bi, tình thương chân thật bình đẳng. Từ điểm này chân tu, đến thời điểm nhất định, tâm chân thành hiện tiền, là kiến tánh, tâm chân thành chính là tự tánh. Nếu trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc, trong xử sự đối người tiếp vật, chúng ta tu cái tâm này, chúng ta dùng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác đối với chính mình, đối với tất cả chúng sanh là Vô Duyên Đại Từ, Đồng Thể Đại Bi, đây gọi là phát Bồ đề tâm. Hàng phục tập khí phiền não của chúng ta, thì cần nên dùng nhất hướng chuyên niệm, tôi thật sự buông bỏ, tôi chỉ có một phương hướng là Tây phương, chỉ có một mục tiêu là thế giới Cực lạc, chỉ có một nguyện vọng, là thân cận Phật A Di Đà. Suốt cuộc đời tôi sống ở thế gian này là làm việc này, công việc này bạn làm được, là bạn đã viên mãn rồi, gia thân quyết thuộc không tin cũng chẳng sao, tất cả tùy thuận, nếu bạn làm thật sự thành công, là bạn đã độ được cả gia đình bạn rồi.

Năm xưa, sự việc này xảy ra sau chiến tranh, ở HongKong lão thái thái Hà Đông Tước Sĩ niệm Phật, cả gia đình con trai con dâu bà ấy là tín đồ đạo Cơ Đốc, nhưng con người thời bất giờ rất hay, tuy bất đồng tôn giáo tín ngưỡng, đối với cha mẹ vẫn hiếu thảo, không bài xích. Cho nên trong nhà vẫn có bàn thờ Phật, mẹ niệm Phật, tôn trọng lẫn nhau, người mẹ chưa bao giờ khuyên con cháu mình phải theo Phật, không có, đến nhà thờ của đạo Cơ Đốc, tốt, rất tốt, ngày chủ nhật các con cứ đi. Hôm lão thái thái vãng sanh, mở đại hội vãng sanh, bà ấy biết được giờ đi, ngồi mà vãng sanh, rõ ràng, minh bạch. Hôm đó bà nói với con trai con dâu của mình rằng, hôm nay mẹ về thế giới Cực lạc, con tiễn chân mẹ một chuyến, xem như một đời mẫu tử chúng ta. Mọi người cũng rất vui vẻ, sau khi thấy được tình hình như vậy cả nhà đều tin Phật hết. Sau đó đem căn nhà cúng dường, bây giờ ngôi biệt thự Đông Liên Giác Uyển chính là căn nhà của bà ngày xưa. Lão thái thái cao minh, có trí huệ, cuối cùng hiện thân thuyết pháp, xem bạn có tin hay không, là giả hay thật đều rõ ràng hết. Nói với con cũng vô dụng, vì nó không tin, làm cho nó thấy, thật sự ra đi rất tự tại, khi đó có tướng tốt hy hữu. Người niệm Phật khi mất, có người thấy Tây phương Tam thánh đến tiếp dẫn, ngửi mùi hương lạ, nhìn thấy

tướng tốt. Thật sự hạ thủ công phu, thật sự phát tâm, thật sự độ người. Hà Đông lão thái thái vãng sanh, khi đó chưa có Ti vi, báo, Tạp chí đều đăng sự kiện này, bạn xem độ được biết bao nhiêu người.

Chúng ta xem tiếp đoạn sau, tổng kết của Niệm lão, phương tiện lực dụng.

Tổng thượng lương thuyết, cổ tri bốn kinh dĩ phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi tông.

Tông ở đây là tông chỉ, chính là chỉ đạo nguyên tắc tu học tối cao của bộ kinh này, chỉ có 8 chữ, phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm.

“Lực dụng nan tư chi quả đức”. Quả đức là Phật lực gia trì. “phàm thánh tề thu, lợi độn cụ bị”, chữ này ở đây nên đọc là “phi”, (khoác), khoác ở trên mình, bất luận là lợi căn hay độn căn, đều được Phật lực gia trì, phi có nghĩa là gia trì, cho nên tiếng Đài đọc gia phi là đúng đấy, họ đọc theo âm cổ.

“Hạ chí thập ác ngũ nghịch”, câu này quan trọng hơn hết, chúng ta đối với những người tạo thập ác ngũ nghịch, còn oán hận, còn trách móc hay không? Sai rồi, không được đâu. Phải nghĩ thế nào đây? Nhất thời hồ đồ, phải tha thứ cho nó. Chính bản thân chúng ta đôi khi cũng có lúc làm sai, chúng ta hy vọng được người khác tha thứ cho mình, thì người khác làm sai, vì sao chúng ta không thể tha thứ cho họ được. “Ngạ quỷ súc sanh”, là đã đọa lạc vào ác đạo, nói những người này, “đần năng phát tâm chuyên niệm, tất đắc độ thoát”. Bạn xem pháp môn này, thật sự bất khả tư nghì, đó là pháp môn bậc nhất mà chư Phật Như Lai phổ độ chúng sanh. Vào Triều Thanh thời đại Càn Long, có vị pháp sư Quán Đảnh, là pháp danh của thầy ấy, hiệu của Thầy là Từ Vân, Từ Vân Quán Đảnh pháp sư, là vị cao tăng trong đạo Phật, thông tông thông giáo, hiền mật viên dung, trước tác vô số. Trước tác của Ngài phần lớn trong Vạn Tục Tạng của Nhật Bản, hầu như trong Vạn Tục Tạng trước tác của Ngài có hơn 20 loại, trước tác của Ngài tổng cộng có hơn 50 loại. Tôi có đọc qua mấy quyển, trong đó có chú giải Quán Vô Lượng Thọ Kinh, đây là kinh Tịnh độ, gọi là Quán Kinh Trục Chi, có lưu thông bản in lẻ, trong đó có nói một câu, Ngài nói: Chúng sanh tạo tội nghiệp cực trọng, tất cả những nghi thức sám hối trong kinh giáo của đạo Phật, đều không thể cứu được người này, cũng có nghĩa là không còn linh nữa, cuối cùng vẫn còn một phương pháp, “nam mô A Di Đà Phật” có thể cứu người này, điều này nói lên rằng, câu Phật hiệu này có sức mạnh lớn hơn tất cả các kinh giáo khác, có sức mạnh hơn tất cả những phương pháp sám hối, câu Phật hiệu này có thể cứu được người đó, đây là giảng về công đức niệm Phật đến chỗ rốt ráo. Cho nên công đức danh hiệu không thể nghĩ bàn, lý thâm sâu, cảnh giới rộng sâu vô bờ, không có ranh giới, sự tán thán của Phật, “chỉ có Phật và Phật, mới có thể biết được”, Bồ tát Đẳng giác cũng không có cách nào hiểu được thấu triệt, huống là những người bình

thường! Gặp được rồi, có thể tin, có thể giải, có thể hành, thiện căn phước đức của người này không thể nghĩ bàn. Vậy chúng ta gặp được, gặp được thì làm sao? Không tin tưởng, không lý giải. Vì sao tôi lại nói như thế? Bởi vì các bạn ở chỗ văn tự đã 10 năm rồi, 10 năm không thành tựu, còn không bằng Lưu Tố Vân cư sỹ, người ta học Phật cũng 10 năm, cô ấy thật sự tin, thật sự phát nguyện, thật sự thực hành, 10 năm chắc chắn có thành tựu. 10 năm chúng ta hỏi thử xem, đối với việc sanh tử các bạn có nắm chắc không? Tập khí phiền não của các bạn sửa đổi được bao nhiêu? Có đạt được tâm Thanh tịnh không? Tâm Bình đẳng chưa đạt được thì không nói, không đề cập đến. Nhưng tâm Thanh tịnh có đạt được hay không? Nếu như 10 năm ở đây đạt được tâm Thanh tịnh, 20 năm đạt được tâm Bình đẳng là Bồ tát, 30 năm đại triệt đại ngộ thì là Phật rồi, trong đạo Phật gọi là tiệm tu chứ không phải là đốn siêu. Dùng phương pháp nào? Một bộ kinh, nhất môn thâm nhập, một câu danh hiệu là có thể đạt được, không cần phải đến triệt ngộ, chỉ cần đến lúc tâm Bình đẳng hiện tiền, là thông suốt hết Phật pháp rồi. Bất luận bạn xem kinh luận gì, chưa bao giờ đọc đến, nhưng chỉ cần xem qua là hiểu ngay, tâm Bình đẳng hiện tiền là sẽ có năng lực này, đại triệt đại ngộ, thì thông suốt hết, thông suốt pháp của thế và xuất thế gian, cho nên phải thật sự hạ thủ công phu! Lưu Tố Vân cư sỹ, trong bản báo cáo của cô ấy rất hay, cô ấy nói cô ấy không biết làm gì, một đời cô ấy có được một chút thành tựu nhỏ chính là sáu chữ. Cô ấy dạy người ta, quý vị muốn học theo tôi thì học sáu chữ này. Thứ nhất là thành thật, thứ hai là nghe lời, thứ ba là làm thật, đây chính là bí quyết học Phật 10 năm của cô ấy. Chúng ta nghĩ thử xem sáu chữ này chúng ta chưa làm được, thứ nhất chúng ta không thành thật, chúng ta thường cho rằng sự suy nghĩ của mình là chính xác, những việc làm của mình là đúng. Thứ hai chúng ta không nghe lời, kinh điển dạy chúng ta không làm theo. Năm xưa khi ở Mỹ chúng tôi có duyên gặp được Hoàng Niệm lão, Hoàng Niệm lão phó thác cho tôi một công việc, là kiến lập Tịnh Tông Học Hội, Tịnh Tông Học Hội do thầy của Ngài là Hạ Liên Lão cư sỹ đề xuất ra, chỉ là đề xuất chứ không chánh thức thành lập, kỳ thật Tịnh Tông Học Hội là Liên Xã ngày xưa, nội dung hoàn toàn tương đồng, chỉ đổi tên gọi mà thôi. Tịnh Tông Học Hội là tên gọi ngày nay, Liên Xã là tên gọi ngày xưa, đổi thành tên gọi ngày nay, thì mọi người sẽ không nói nó là mê tín nữa. Tôi nghe thấy có lý, chúng tôi thật sự có đồng cảm, vào thời đại này cần phải hiện đại hóa, cho nên học tập chúng tôi dùng Học viện, tu hành chúng tôi dùng Học hội. Hội đầu tiên chúng tôi thành lập tại Ôn Ca Hoa ở Canada, Tịnh Tông Học Hội Canada, hình như bây giờ vẫn còn, đã lâu lắm rồi tôi không qua đó. Ngày xưa vào thời điểm đó mỗi năm tôi ở bên đó 1 tháng, tính đến nay có ít nhất là 13 năm tôi không qua đó rồi. Hội thứ hai thành lập ở Mỹ, Gia Châu, Tịnh Tông Học Hội Mỹ quốc, ở khu vực Cựu Kim Sơn. Sau này ở Lạc Sam Ki cũng thành lập một nơi, Lạc Sam Ki Tịnh Tông Học Hội, tôi có ở đó mấy năm, khi đó nước Mỹ và Canada, có khoảng 30 học hội như thế, hiện nay chắc còn tồn tại khoảng một nửa. Sau này trở về Đông Nam Á, nơi đây thành lập nhiều hội hơn, đơn độc một nước Malaysia thôi, chánh thức ghi chép có hơn 50 học hội, có hội mà không ghi chép, cũng có khoảng năm sáu mươi hội. Ở Malaysia là

nhieu nhất, có hơn 100 Tịnh Tông Học Hội. Học hội này đều tu theo pháp môn Tịnh độ, đều y theo lời giáo huấn của Ấn Quang Đại sư mà học tập, Kinh Vô Lượng Thọ thì y theo bốn hội tập của Hạ lão cư sỹ. Mỗi hội đều độc lập, hành chánh độc lập, nhân sự độc lập, tài chánh độc lập, chúng tôi không quản lý, cũng không có liên hệ mật thiết, tất cả đều không có, chúng tôi chỉ cùng nhau học tập kinh giáo, cùng nhau niệm Phật. Khi có những hoạt động chúng tôi sẽ gửi giấy báo, những Tịnh Tông Học Hội này có thể giúp đỡ lẫn nhau, quả nhiên có thể y giáo phụng hành. Cho nên sau khi Tịnh Tông Học Hội ra đời, chúng tôi đưa ra năm điều tu học cơ bản, điều này quý vị đều biết, trong duyên khởi của Tịnh Tông Học Hội có đề ra 5 mục. Mục thứ nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước, đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao của Tịnh tông, trong Quán Vô Lượng Thọ kinh nói 3 điều 11 câu. Thứ hai là Lục Hòa Kính, thứ ba là Giới Định Huệ Tam Học, thứ tư là Lục Ba La Mật, lục độ của Bồ tát, thứ năm là Thập đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ tát. Đây là chương trình chỉ đạo cho chúng ta tu học, nhiều nay nay không thấy có tiến bộ, cho nên chúng ta cần kiểm nghiệm lại từ đầu, vì sao không đạt được Tịnh Nghiệp Tam Phước, không đạt được Lục Hòa Kính? Các vị tại gia học Phật không đạt được thập thiện nghiệp, người xuất gia Sa Di Luật Nghi không làm được, không hợp đạt tiêu chuẩn. Chúng ta thật sự phản tỉnh kiểm nghiệm lại, phát hiện ra chúng ta đã không hạ thủ từ nền tảng giáo dục, có nghĩa là không có nền tảng, đó là sự thật, không đùa đâu. Căn chính là nói về điều thứ nhất Tịnh Nghiệp Tam Phước, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp, bốn câu này còn chưa làm xong, thì hoàn toàn thất bại rồi. Cho nên chúng ta suy nghĩ làm cách nào để bù đắp đây? Làm thế nào để đạt được hiếu thân tôn sư đây? Chúng ta nhớ đến Đệ Tử Quy của nhà Nho, thực hiện Đệ Tử Quy chính là làm được câu thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước, “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”. Câu thứ hai “từ tâm bất sát”, chúng ta nhớ đến nhân quả giáo dục trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Nếu như có nền tảng này, chúng ta thực hiện hai điều trên đây, thì thập thiện nghiệp đạo không có vấn đề gì. Thực hiện được Thập thiện nghiệp đạo, thì Sa Di luật nghi cũng chẳng ngại gì, rất dễ dàng làm được. Đây là nền tảng giáo dục của Đại thừa giáo, không tu từ chỗ căn bản này, chúng ta có dùng nhiều thời gian hơn, nhiều tinh thần hơn, e rằng vẫn không đạt được hiệu quả. Lời đức Phật dạy rất có lý, nhân giới sanh định, nhân định phát huệ, chúng ta sơ suốt giới luật, thì không đạt được định huệ. Những điều chúng ta học mấy năm nay là gì? Là Phật học thường thức, là Phật giáo tri thức, không phải là Trí huệ, không có Trí huệ. Tâm của chúng ta tán loạn, tâm không được định, tâm của chúng ta là nhiễm ô, tâm không thanh tịnh. Thời gian 10 năm đã trôi qua, cho nên chúng ta cần phản tỉnh, bây giờ nỗ lực vẫn còn kịp, vẫn còn cứu được, hy vọng quý vị nên cố gắng, ghi nhớ câu nói ở đoạn này, đối với chúng ta có sự khích lệ rất lớn.

“Thập ác ngũ nghịch, nga quý súc sanh, đản năng phát tâm chuyên niệm, tất đắc độ thoát”. Câu này khích lệ rất lớn đối với chúng ta. Phải thật sự phát tâm, Bồ đề tâm tôi giảng có phần rõ ràng hơn, quý vị dễ hiểu. Trong kinh luận: Kinh là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh; Luận là Đại Thừa Khởi Tín Luận, nói rất khó hiểu. Bồ đề tâm trong kinh nói, thứ nhất là tâm chí thành, đây là thể của Bồ đề tâm. Thứ hai là thâm tâm, tự thọ dụng. Thứ ba là tâm phát nguyện hồi hướng, là tha thọ dụng. Ba tâm trong Khởi Tín Luận nói, thứ nhất là trực tâm, trực tâm là tâm chí thành, đây là thể. Thứ hai cũng nói là thâm tâm, hai bên tương đồng. Thứ ba là tâm đại bi, chính là tâm phát nguyện hồi hướng. Kinh luận hợp lại xem thì có phần dễ hiểu hơn, trong đây khó hiểu nhất là thâm tâm, cho nên tôi đã áp dụng một nửa đề kinh phía sau của chúng ta, “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác” đây là thâm tâm. Chúng ta dùng tâm gì để đối đãi với chính mình? Dùng tâm Thanh tịnh, dùng tâm Bình đẳng. Giác, tôi thêm vào đó một chữ, chánh giác, tự thọ dụng. Tâm của chúng ta ngày càng Thanh tịnh, ngày càng Bình đẳng, đây chính là đặc lực, công phu tu tập của bạn đặc lực, thật sự là được giác mà không mê, thật sự giác ngộ rồi. Đối đãi với người, chúng ta dùng Từ bi, Đại Từ Đại Bi, không có bất cứ điều kiện gì. Vô Duyên Đại Từ, duyên chính là điều kiện, vô điều kiện, đối xử với ngũ nghịch thập ác vẫn Đại Từ Đại Bi, đối với nga quý súc sanh cũng Đại Từ Đại Bi, vô điều kiện, bản thân thì khiêm hạ, đối với tất cả chúng sanh thì cung kính, chúng ta nhìn thấy con muỗi con sâu con kiến, còn chấp tay lại gọi chúng là Bồ tát, huống là đối với con người! Đối với những người tạo chư ác nghiệp, chúng ta cũng gọi họ là Bồ tát, cung kính với họ, giúp cho họ quay đầu. Khẳng định rằng tánh người với thiện, khẳng định rằng đức Phật dạy trong kinh điển, tất cả chúng sanh vốn là Phật, chỉ nhất thời hồ đồ, từ đó đọa vào A Tỳ địa ngục cũng là nhất thời hồ đồ, đừng có lo, họ sẽ ra thôi, họ trả xong nghiệp báo họ sẽ ra thôi. Như người phạm tội bị nhốt trong nhà tù, mã tù họ sẽ được thả ra, đọa vào tam đồ cũng giống như định hình phạt vậy, định hình phạt tạo ác nghiệp, từ từ chờ nó ra. Trong Phật pháp thời gian và không gian là giả không có thật, đọa địa ngục A Tỳ vô lượng kiếp, thật sự chúng sanh trong địa ngục A Tỳ không có quan niệm về thời gian. Vô lượng kiếp là gì? Là mê mà không giác, không biết sám hối, chẳng biết quay đầu, tội đó rất thống khổ, họ tiếp tục thọ nhận. Đến khi nào người đó mới giác ngộ, thật sự sám hối là Giác ngộ, thật sự quay đầu, thì người đó sẽ rời xa địa ngục, sẽ ra khỏi, đây đều là sự thật. Tội nghiệp có nặng đến đâu, chỉ cần sám hối thì người đó là Bồ tát, đúng là quay lại là bờ.

Quảng bị nhất thiết hàm linh, phổ huệ chân thật chi lợi. Đây là hạnh của Phật A Di Đà, chúng ta phải siêng năng học hỏi. Linh là gì? Linh là tinh thần. Chúng ta biết các nhà khoa học hiện nay từ từ cũng phát hiện ra, chỉ cần là vật chất, các nhà khoa học nói hạt căn bản, chúng ta dùng mắt thịt này không thấy được, nó là vật chất. Là vật chất nên nó có tinh thần, nó có thọ tướng hành thức. Chúng ta thấy được ở trong Lục đạo, tất cả hiện tượng vật chất trong Lục đạo, đều có thọ tướng hành thức. Tâm và vật chất miên viễn ở một chỗ, không bao giờ tách rời, bạn cố tình phân nó làm hai, là sai rồi. Cho nên tiên sỹ

Gian Bồn làm thực nghiệm nước, tôi nghe được rất vui mừng, ông đã chứng minh được tâm và vật chất là nhất thể mà trong kinh Phật đã dạy, dùng phương pháp khoa học để chứng minh. Gần đây một nhà khoa học người Mỹ làm thực nghiệm, cái đĩa này tôi mới xem, tôi mới xem qua hai lần, chứng minh được nước có ký ức, nó nhớ được. Chúng ta thấy thực nghiệm của tiến sỹ Giang Bồn, nước có thọ tướng hành, hành là chấp trước, đã phát hiện ra điều này, còn thức thì chưa phát hiện ra, hiện nay nhà khoa học người Mỹ phát hiện ra thức, thức là ký ức. Có ký ức là phiền hà rồi, vì sao vậy? Vì bạn không tốt với nó nó sẽ nhớ trả thù, nó sẽ báo thù bạn. Sơn hà đại địa, ngày nay chúng ta phá hoại hoàn cảnh sinh thái tự nhiên, nó nghi nhớ, nó mà báo thù thì phiền lắm đấy, núi lửa bộc phát, động đất, sóng thần, đều là sự báo thù của nó. Cho nên chư Phật Bồ tát dạy chúng ta, đối với tất cả chúng sanh phải lễ kính, lễ kính chư Phật, nên đối xử tốt với hoa cỏ cây cối. “Tỳ kheo thanh tịnh không đập lên cỏ tươi”, điều này trong Giới kinh có dạy, không được xem thường nó, cũng phải tôn trọng sơn hà đại địa. Trong kinh đức Phật có dạy: Núi có Sơn thần, cây có Thọ thần, nước có Thủy thần, đó là sự thật không phải giả đâu. Thần là gì? Thần chính là linh, một phương diện khác của vật chất, chính là tâm pháp. Chúng ta nên học chư Phật Bồ tát, quảng bị nhất thiết hàm linh, giúp cho họ phá mê khai ngộ, thường tốt với họ, cúng dường họ, thuyết pháp cho họ, chúng ta có thành ý này mà mời thì họ sẽ đến, giống như đãi khách vậy, yển tiệc pháp.

“Phổ huệ chân thật chi lợi”, sự chân thật trong chân thật, cho các vị biết, chính là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là chân thật tuyệt đối, Kinh Vô Lượng Thọ từng câu từng chữ khai triển ra, chính là Thập Phương Tam Thế Nhất Thiết Chư Phật, tu hành chứng quả, hoằng pháp lợi sanh, nhất nhất đều ở trong đó, không lọt ra ngoài một pháp nào. Ở trong đây có diệu pháp chân thật được đặc độ, đó là trì danh niệm Phật.

“Đại ân đại đức” chính là Phật A Di Đà, chúng ta học Phật A Di Đà, là phải học 4 thứ này, “đại ân đại đức, đại nguyện đại lực”. Chúng ta có thể thật sự phát tâm, thì sẽ được bốn nguyện gia trì của Phật A Di Đà, đối với tất cả chúng sanh bố thí ân đức. Bố thí cách nào? Tôn trọng họ, đó là điều thứ nhất, kính yêu họ, quan tâm họ, lo cho họ, giúp cho họ, đó là ân. Giới thiệu Phật pháp Đại thừa cho họ, dạy dỗ họ, đó là đại đức. Chúng ta quan tâm, lo lắng, tôn trọng, chăm lo, 48 nguyện của Phật A Di Đà, nguyện nào cũng là quan tâm lo lắng cho tất cả chúng sanh, toàn tâm toàn lực làm tốt việc này. Bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu làm từ tâm của chính mình, bắt đầu làm từ nguyện của mình, bắt đầu làm từ công việc trong cuộc sống hàng ngày của mình, trong việc đối nhân xử thế, làm trên tất cả mọi phương diện. Đó chính là đại dụng độ sanh, tự mình siêng năng tu tập, siêng năng tu, sau đó bạn đọc bộ kinh này, bạn sẽ có cảm nhận khác, bạn là tâm của Phật A Di Đà, bạn mới cảm nhận được chân thật nghĩa trong bộ kinh này của Phật A Di Đà, bạn không phải là tâm của Phật A Di Đà, thì bạn cảm nhận được là vọng tưởng của mình, bạn không cảm nhận được chân thật nghĩa, thọ dụng của chân thật nghĩa vô cùng, pháp

hỷ vô lượng. Câu đầu tiên trong Luận Ngữ: “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”. Học là học chư Phật Bồ tát, học chư vị thánh hiền, sau khi học rồi, quan trọng nhất là tập, tập là thực hiện, thực hiện ở trong tâm. Sửa đổi tâm thái và tư duy của chúng ta, ngày trước tư duy, tâm thái của chúng ta đều là tự tư tự lợi, đều là chạy theo danh văn lợi dưỡng, sai rồi! Chư Phật Bồ tát đã buông bỏ hết những thứ này, các Ngài thanh tịnh. Vì sao vậy? Vì trong tự tánh thanh tịnh không có những thứ này. Những thứ có trong tự tánh thanh tịnh, chúng ta phải khai quật ra, phát triển rộng rãi. Ở trong tự tánh thanh tịnh vốn đầy đủ thập thiện, vốn có đủ luân lý đạo đức, lý luận và sự thật về nhân quả, cũng có đầy đủ. Thật sự có thể thực hiện, đó là sự vui sướng không gì bằng, sự vui sướng này không phải có từ bên ngoài, sự vui sướng này được lưu xuất ra từ tự tánh, gọi là pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, nếu bạn quét sạch hết ưu bi khổ não, vọng tưởng chấp trước. Chối ở đây là gì? Câu Nam Mô A Di Đà Phật chính là cây chối, quét sạch sẽ, khôi phục lại tâm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác của bạn, khôi phục lại tâm Từ bi của bạn, tự nhiên không còn oán hận người, không còn ghét bỏ người khác nữa, bạn thấy những người tạo tác ác nghiệp vô cùng đáng thương, họ vô tri, không có ai dạy họ, bạn sẽ sanh tâm lân mẫn, sanh tâm đồng tình, bạn sẽ không ghét họ. Có duyên, nghĩa là họ chịu nghe, bạn dạy cho họ, nếu họ không nghe chúng ta niệm Phật hồi hướng cho họ. Chuyện này đã làm hết mình rồi, niệm Phật hồi hướng rất có tác dụng, người này trong tương lai thật sự quay đầu, thì họ sẽ biết được, nếu không quay đầu thì không thể cảm nhận được, sau khi quay đầu thì sẽ cảm nhận được. Bạn đã dùng nhiều thời gian như thế để quan tâm đến họ, chúng ta lo lắng quan tâm mà không cần người đó phải biết. Đó là cái gì? Đó là tánh đức, tự tánh vốn là như vậy. “Vi diệu nan tư”, câu này nói rất đúng. Sự quan tâm của chư Phật Bồ tát đối với tất cả chúng sanh, đúng là vi diệu khó nghĩ bàn.

“Nhu thị phương xung Như Lai bốn hoài, tài thị cứu cánh phương tiện”. Bạn xem trong đại cương đây nói, vẫn chưa giảng đến kinh văn, trước đem một số đại ý trong kinh, có ý nghĩa quan trọng nói trước cho chúng ta biết, sau khi chúng ta vào kinh trong kinh văn, chúng ta sẽ biết được cần học như thế nào. Nếu bạn không hiểu những điều này, thì bạn sẽ không biết phải học như thế nào, sau khi học rồi lại chẳng biết tu cách nào, cho nên đại cương cần phải học kỹ. Đại cương phong phú nhất, viên mãn nhất, là ở trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao của Thanh Lương Đại sư, đây là bài viết tâm đắc nói lên sự tu tập của mình. Khế nhập cảnh giới này, là bài báo cáo chân thật nói về thật chứng thật tướng của các pháp. Bộ phận quan trọng nhất trong đại cương này, chính là bốn đoạn trước. Dưới đây, từ đoạn 5, sẽ bị căn khí, cũng là 4 đoạn, bởi vì đoạn thứ 9 là giải thích đề kinh, đoạn 10 là giải thích kinh văn. Đó là một số kiến thức trong Phật giáo, không thể không hiểu. Nhưng đoạn này không phải là bộ phận quan trọng, cũng là kiến thức bắt buộc phải hiểu khi nghiên cứu kinh giáo, thì sự tiến bộ có thể nhanh được một chút. Hôm nay hết giờ rồi, chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 35

Tập 36

Giảng ngày 11 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 38, hàng thứ 2 từ dưới lên, cũng chính là đoạn thứ 5, “sở bị căn khí”. Tiền minh bốn kinh quảng thu vạn loại, phổ bị tam căn. Chữ này không đọc là bị mà đọc là phi, chữ này gồm chữ bì và bộ thủ bên cạnh, có nghĩa là khoác trên mình. Cổ âm đọc là phi, phổ phi tam căn.

Kim dương cánh minh, vạn loại chi nội, như hà thị khí, tam căn chi trung, thù thị dương cơ.

Đầu tiên trước đây nói về bộ kinh này, về pháp môn này, là tất cả căn tánh đều có thể hấp thụ được lợi ích, cho nên Tịnh độ tông thường nói, “tam căn phổ phi, lợi đốn toàn thu”. Đây nói về sự rộng lớn của pháp môn, cũng là một sự dặn bảo, với vô số người bất đồng căn tánh, rốt cuộc là căn tánh như thế nào, là căn khí khế nhập pháp môn này nhất. Điều này chẳng thể không biết, dưới đây cho chúng ta biết.

“Phu căn khí hữu thị khí dữ phi khí chi biệt”. Khí ở đây là ví dụ, là đồ đựng, giống như ly uống trà. Ly uống trà, dùng cái này để ví dụ. “Thị khí” là đã hoàn thiện, có thể đựng nước. “Phi khí”, là cái ly này bị bể, dưới đáy ly bị nứt ra một đường, thì không còn là khí nữa, chúng ta đựng nước vào thì nước rò rỉ ra hết, đây gọi là phi khí. Dùng cái này để làm ví dụ, có nghĩa là người như thế nào thì có thể tiếp nhận được pháp môn này, người như thế nào thì không thể tiếp nhận được, tiếp nhận được là thị khí, không tiếp nhận được là phi khí.

“Phá lậu chi khí bất kham thừa thọ pháp lộ”. Pháp là Phật pháp, lộ là cam lộ, chính là cái hay nhất trong Phật pháp, vì đây cũng là một ví dụ, dùng người cõi trời, thức uống của cõi trời, cam lộ là thức uống tốt nhất. Nếu như đồ đựng bị nứt, đi đựng cam lộ, thì cam lộ sẽ bị chảy mất, cho nên những thứ không thể thọ nhận được cam lộ trong Phật pháp thì gọi là phi khí. Đó là giải thích sơ lược về ý nghĩa của danh tướng.

Dưới đây dẫn chứng lời Liên Trì Đại sư nói về tiền tam phi khí trong Sớ Sao. Ba hạng người trước đây không thể tiếp nhận được lời chỉ bảo của Tịnh tông. Thứ nhất là “vô tín”, người này không tin. Thứ hai là tuy có tin nhưng không phát nguyện cầu vãng sanh, người đó rất lưu luyến thế gian này, cảm thấy thế gian này rất đẹp, rất thú vị nên

không muốn đi. Thứ ba là vô hạnh, tuy cũng muốn vãng sanh nhưng không chịu làm, không thể y giáo tu hành. Ba hạng người này chính là phi khí.

“Phản thị giai khí”. Còn như ngược lại thì là khí, người này tin được, nguyện được, làm được, người như thế quyết định được vãng sanh, bắt buộc phải đầy đủ ba điều kiện này. Có tín có nguyện, hạnh không rốt ráo, không chân thật làm, không làm được. Nếu như khi lâm chung gặp được thiện hữu, khi lâm chung có một điều kiện quan trọng, là đầu óc sáng suốt, nếu đầu óc không sáng suốt thì bó tay thôi, cho nên người già bị bệnh mất trí thì không có cách nào đâu. Suốt đời niệm Phật niệm đến cuối đời bị tình cảnh này, thì không thể nắm chắc được vãng sanh. Người già bị bệnh mất trí trong đạo Phật nói đó là oan thân trái chủ, là nghiệp chướng. Cho nên học Phật không thể không biết một số chân tướng sự thật này. Chúng ta còn sống một ngày, không nói đến năm, sống một ngày phải biết nỗ lực tiêu trừ nghiệp chướng, tiêu trừ một ngày nghiệp chướng, nhất định không kết oán thù với người. Phải học được ở đâu cũng chịu thiệt thòi, chịu thiệt thòi là có phước, chịu thiệt thòi thì bạn mới tiêu trừ được nghiệp chướng, không chịu thiệt thòi thì nghiệp chướng không tiêu được. Nếu như còn muốn chiếm một chút về mình, thì mỗi ngày bạn làm tăng trưởng nghiệp chướng, như thế hoàn toàn sai rồi. Ở thế gian này, tuy bạn được cả thế giới thì có nghĩa gì chứ, tạo tội nghiệp bao lớn. Giống như trong cuốn sách này có nói, thời đại đế quốc La Mã, đế vương Khải Tát phái đoàn quân, đến xâm lược Trung Quốc, mười mấy vạn người, vào thời đó hành quân đường bộ, đi 1 năm 2 tháng mới đến biên giới của Trung Quốc. Vất vả quá! Đi bộ đường dài như thế, đội quân đã mất đi một phần ba người rồi, người thì bị bệnh chết, người thì già yếu mà chết. Cho nên đến Trung Quốc còn chưa đến được Trung Nguyên, đến được Cam Túc, thì hình như chỉ còn lại hơn sáu ngàn người. Bạn nghĩ xem mười mấy vạn người, chỉ còn lại hơn sáu ngàn người, đánh mấy trận còn lại 600 người, cuối cùng còn lại 600 người. 600 người này sau khi đánh một trận với tướng quân của Trung Quốc thì còn lại 200 người, cuối cùng toàn bộ tự sát, hủy diệt hết toàn quân. Bạn nghĩ xem có ý nghĩa gì chứ, đó là do dục vọng của Khải Tát quá lớn, muốn chinh phục toàn thế giới, hơn 3 năm gần 4 năm, mười mấy vạn quân đều chết hết. Cho nên chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật của thế gian này, dù bạn có được cả thế giới này, thì bạn hưởng được phước mấy năm đây? Bạn đã tạo tội nghiệp nặng cỡ nào! Sau khi chết chắc chắn đọa vào địa ngục A Tỳ. Cho nên hiểu được chân tướng sự thật về nhân quả, thì bạn sẽ không khởi lên tâm niệm như vậy, tâm niệm này là tâm niệm bất thiện. Thật sự có duyên, có phước báo lớn gặp được Phật pháp, nguyện vọng lớn nhất khi gặp được Phật pháp, đời này làm Phật, bạn mới thật sự giải quyết được vấn đề. Phật là gì? Phật là người hiểu biết rõ ràng, bạn hiểu rõ ràng chân tướng sự thật về nhân sinh vũ trụ, không hề có tư hào sai chạy, thì người này chính là Phật. Phật là người thông đạt rõ ràng, thật là xứng đáng, thật sự đạt được cứu cánh viên mãn. Cho nên Tín hạnh nguyện, là ba điều kiện quyết định tánh, cho việc tu tập

pháp môn Tịnh độ. Phạm người có đầy đủ ba điều kiện này, đều là người học Tịnh tông, là những người học Tịnh tông mà được.

Dưới đây Niệm lão giải thích cho chúng ta: Tín nghĩa là, tin chúng sanh và Phật bất nhị, thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật, chúng sanh niệm Phật, chắc chắn được vãng sanh, cứu cánh thành Phật. Đó là nói về tín. Trong Yếu Giải Ngâu Ích Đại sư nói về 6 đức tin. Thứ nhất là tin chính mình, ở đây cũng nói là tin chính mình. Chúng sanh và Phật là một chẳng phải hai, phải tin tưởng điều này, tin tưởng chính mình vốn là Phật, thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật. Vì sao bạn không thành Phật được, không thành Phật được là vì nghiệp chướng của chúng ta quá sâu nặng. Trong nghiệp chướng nặng nhất, khó phá nhất, chính là tham, sân, si, mạn, nghi. Chúng ta phải thật sự quay lại nhìn xem bản thân mình có hay không. Nếu như 5 chữ này đều có cả, thì 8400 pháp môn không có phần cho bạn đâu, pháp môn Tịnh tông cũng không thể vãng sanh. Vì sao vậy? Vì có 5 loại phiền não này, thì Tín Hạnh nguyện của bạn không chắc chắn. Có hay không? Hình như có, khi có khi không, bạn không thắng được tập khí phiền não. Chúng ta nên quan sát từ đâu? Từ trong cuộc sống hàng ngày, từ trong công việc, tiếp nhân xử thế, bạn quan sát kỹ càng, người đó không buông bỏ. Chúng ta dùng mực thước trong kinh điển, 88 phẩm kiến hoặc trong tam giới, điều này đầu tiên cần phải đoạn, đoạn hết thì chứng được quả Tu Đà Hoàn. Cấp bậc trong kinh Hoa Nghiêm, là Bồ tát Sơ Tín vị. Chúng ta nghĩ thử xem, mình có chấp chặt thân kiến nghiêm trọng hay không; Chấp trước thân này là chính mình, chẳng phải mình và người bất nhị, mình và người chắc chắn là hai rồi, làm sao mà bất nhị được. Cửa này còn chưa phá được, thì phía sau hoàn toàn không thể phá được, đó là cửa ải thứ nhất. Cửa ải thứ hai là đối lập, cửa ải thứ ba là thành kiến; Chấp trước kiến giải của mình cho là đúng, chắc chắn mình tài giỏi hơn người khác, không hề có một chút khiêm nhường cung kính, phải làm sao đây? Ấn Quang đại sư dạy chúng ta rằng, bạn nên học theo đức Phật. Đức Phật đã dùng cái gì để học? Ngài dùng tâm cung kính, một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích, thập phần thành kính được thập phần lợi ích. Thế nào gọi là thành? Thành là tâm thanh tịnh. Nhất niệm bất sanh gọi là thành, niệm là tà niệm, nhất niệm bất sanh là thành, thành là tâm chân thành, tâm chân thành tự nhiên phát xuất ra chính là kính, kính người, kính việc, kính vật. Kính ở đây người ta thường nói là chịu trách nhiệm đến nơi đến chốn. Đối nhân, đầu tiên phải biết được quan hệ giữa người và người, vì sao vậy? Vì biết được quan hệ thì sẽ biết được cách sử dụng chữ thành. Quan hệ phụ tử phải tận hiếu, quan hệ quân thần phải tận trung, quan hệ giữa bạn bè phải tận tín, nói tóm lại chính là một chữ hiếu. Hiếu dùng trong quan hệ phụ tử, gọi là phụ tử tử hiếu, dùng trong quan hệ quân thần, gọi là quân nhân thần trung. Bạn sẽ hiểu được phải làm cách nào, quan hệ là đạo, hành vi thuận với đạo, đó chính là đức, gọi là đạo đức. Bạn không hiểu được quan hệ, ngày nay thật sự có người không hiểu được, điều này không giả đâu. Bạn không thể trách họ, từ nhỏ không có ai dạy họ, lớn lên thành thói quen rồi thì khó có thể thay đổi được. Cổ nhân

nói, “giang sơn dễ đổi bản tánh khó dời”, đó là tập tánh, không phải là bản tánh, tập tánh khó dời, không thể trách họ. Trong bộ kinh này đức Thế Tôn vô cùng Từ bi dạy chúng ta, tất cả những người làm sai sự việc đều không thể trách móc họ. Nhất định phải biết, người đi trước họ vô tri, không biết đạo đức, không có ngữ ngôn, nên không dạy họ. Cha mẹ họ không dạy họ, ông bà nội không dạy họ, ông bà cố cũng không dạy họ, chúng ta tính đến ít nhất là bốn đời. Chúng ta sơ suất, quên mất đạo đức dạy học của truyền thống Trung Quốc bốn đời rồi, làm sao bạn có thể trách họ được. Cho nên chỉ dùng tâm lân mẫn, tâm đồng tình để giúp cho người này, giúp cho họ, họ sẽ không cảm ơn bạn đâu, thậm chí còn oán hận bạn, bạn đã làm phiền họ. Người hiểu được thì phải nhẫn nại, bạn không nhẫn, thì họ sẽ không có cơ hội quay đầu, đến khi họ quay đầu rồi, thì họ lại rất biết ơn bạn, biết được những hành vi trong quá khứ là có lỗi với bạn. Bạn thật sự yêu thương họ, thật sự giúp đỡ họ, khẳng định rằng tánh người vốn thiện, khẳng định rằng con người sẽ quay đầu. Quay đầu có khó có dễ, có người đời này không thể quay đầu được, thì đời sau. Đức Phật giáo hóa chúng sanh, đời đời kiếp kiếp không bỏ một người, tâm Từ bi đến cùng cực, không ở nhất thời, không ở một đời, Ngài quả là tài giỏi thiệt. Chỉ cần tiếp xúc với Phật, là đã gieo chủng tử Phật rồi, điều này dám khẳng định, “nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng”. Bạn nghe được một danh hiệu Phật, nghe được một câu kinh, bất luận bạn có hiểu hay không hiểu, chủng tử này đã gieo xuống rồi. Thấy tượng Phật, thấy kinh Phật, thấy người xuất gia, thì chủng tử Phật cũng đã gieo xuống rồi. Nhưng mà vẫn chưa hình thành khí, khí là thật sự có thể lãnh thọ.

Thị tâm thị Phật, có nghĩa là vốn là Phật, trong kinh điển Đại thừa đức Phật thường dạy, bạn vốn là Phật, thị tâm tác Phật. Chữ tác này nghĩa là ngày nay bạn tu tập, bạn phải làm Phật, tôi vốn là Phật, bây giờ tôi phát tâm làm Phật. Có thể thành Phật được không? Dĩ nhiên là được. Dùng phương pháp gì đây? Chúng sanh niệm Phật, chắc chắn được vãng sanh, cứu cánh thành Phật, đó là phương pháp đơn giản nhất, nhưng mà người này cần có thiện căn thâm hậu. Vì sao vậy? Vì họ phải không có một chút hoài nghi, thật sự đạt được không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, chân thật niệm Phật, chân thật niệm Phật, buông bỏ vạn duyên, bước vào niệm Phật đường. Phải tốn bao nhiêu thời gian mới có thể thành Phật? Bình thường mà nói, thì ba năm là có thể thành Phật. Thật sự không khó! Chúng ta thấy rất nhiều người ở trong niệm Phật đường, niệm suốt cả cuộc đời mà vẫn không thể thành Phật. Vì nguyên nhân gì? Vì không thật sự hạ thủ công phu, cũng có nghĩa là ngày nào cũng vào niệm Phật đường, nhưng không buông bỏ một thứ gì hết. Mình người, phải quấy không buông bỏ, danh văn lợi dưỡng không buông bỏ, ngũ dục lục trần không buông bỏ, tham sân si mạn không buông bỏ, đừng nói là niệm một đời, có niệm mười đời cũng không được, không thể thành tựu, thật sự thành tựu chính là buông bỏ tất cả. Tôi sống ngày hôm nay, thì thời khóa tu tập ngày hôm nay của tôi chính là niệm Phật, chính là buông bỏ vạn duyên, ngoài việc này ra, thì không còn bất cứ một

việc gì khác, niệm Phật như thế mới được! Nhưng phương pháp lý luận này trong rất nhiều kinh điển, tôi đều không học, không học thì không cần phải học. Vì bạn chân thật nên những điều trong kinh điển nói bạn đều có đầy đủ hết, không cần phải học. Chỉ cần không hoài nghi, không xen tạp, thì những điều trong kinh điển nói bạn không cần phải học, bạn hoàn toàn đầy đủ. Điều kiện để thành Phật, thứ nào bạn cũng có, thù thắng quá! Ấn tổ dạy chúng ta rằng, vào thời đại hiện nay, tốt nhất không quá 20 người ở trong niệm Phật đường. Có lý đấy, ít người thì ít chuyện, ít thị phi, ít chướng ngại, dễ dàng thành tựu. Đông người rất khó, rất phức tạp, nhiều chướng ngại, không dễ thành tựu. Lời chỉ dạy của Tổ sư, trong đó có đạo lý lớn, có học vẫn nhiều, nhất định không được sơ suất. **Đừng tưởng rằng người ta đông đức, đạo tràng mới hưng thịnh**, bên ngoài thấy đạo tràng hưng thịnh, thì không thể vãng sanh được đâu, đều là đạo tràng ồn náo, điều này cần nên hiểu.

Thứ hai nói đến Nguyên: Nguyên là chán ghét Ta bà, ngưỡng mộ Cực lạc, như con nhớ mẹ, tất muốn vãng sanh, đó là nguyên.

Thật sự cảm nhận được thế gian này của chúng ta là khổ, đặc biệt là vào thời đại hiện nay, xã hội loạn động, địa cầu có quá nhiều tai biến. Mỗi ngày bạn đều có thể nhìn thấy, bình quân con số phát sanh, càng ngày càng nhiều hơn, tai nạn thì mỗi ngày một nghiêm trọng hơn. Cho nên dân cư sống trên thế giới ngày nay, bất luận là nam nữ già trẻ, phú quý bần tiện, có thể nói, đại đa số người đều không cảm thấy an toàn, sống trên thế gian này mà không có cảm giác an toàn, thì bạn nghĩ xem có khổ không. Hôm nay không biết ngày mai có thay đổi gì, cho nên Ấn tổ dạy chúng ta thường nghĩ đến chết, nghĩ đến mình sắp phải chết, thì còn có gì là không buông bỏ được chứ, ngược lại tâm sẽ an. Tôi học Ấn Quang Đại sư, xem mỗi ngày đều là ngày cuối cùng trong cuộc đời mình, tôi còn có gì không buông bỏ được chứ? Không còn gì! Thật sự quán tưởng như vậy, phải xem nó là thật, không phải là giả, không phải là giả thiết đâu, tâm bạn được an. Thế gian có thay đổi thế nào, có loạn động thế nào, cũng không liên quan đến tôi, thời gian của tôi chỉ có mấy tiếng đồng hồ này, mấy giờ nơi đây không xảy ra chuyện gì, thì chỗ của tôi rất an ổn. Tâm an mới có thể biện đạo, tâm không an thì niệm Phật không đắc lực, nhất định tâm phải an, tâm an thì lý rõ ràng. Chân tướng sự thật của vũ trụ là sát na sanh diệt, sát na vô trụ. Trong Kinh Kim Cang đức Phật dạy chúng ta “vô trụ sanh tâm”, đó là đúng. Đối với bản thân, đối với thế giới, nhất định không có mong cầu, nhất định không có dục vọng. Việc lớn thứ nhất, là phát triển tánh linh của chính mình, vãng sanh Tịnh độ, thân cận Phật Di Đà, đó là nguyện vọng thứ nhất. Giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, phải có duyên, tận tâm tận lực, không có duyên thì đừng phan duyên, đừng ép buộc, vì sao vậy? Phan duyên, ép buộc, thì bạn đã bị lạc vào chỗ phân biệt chấp trước rồi, bạn cách ly tâm chân thành Bình Đẳng Giác, càng ngày càng xa, như thế là sai rồi, bạn lại ở trong luân hồi, tạo nghiệp luân hồi rồi. Duyên thành thực thì làm, có duyên mà duyên chưa thành thực, thì cũng đừng nên làm. Thành thực nghĩa là sao? Là mọi người hoan hỷ, như thế thì

nên làm, không làm thì có lỗi với người. Duyên chưa thành thực, một số ít có thể chấp nhận, đại đa số người là không đồng ý, không biết bạn làm để làm gì. Đối với bạn họ còn hoài nghi, ngày nào cũng nghiên cứu xem, bạn làm việc này có ý đồ gì, có mục đích gì, như thế chẳng phải bạn làm người khác sanh phiền não rồi sao? Làm người khác sanh phiền não, Bồ tát nhất định không làm. Trong Đại thừa giáo đức Phật thường dạy, Bồ tát ở bất cứ nơi đâu cũng đều khiến cho chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, không làm mà họ hoan hỷ, thì chúng ta đừng làm, làm mà họ hoan hỷ, thì chúng ta làm. Bạn không vì mình, mà vì mọi người, mọi người không biết điều này hay, không sao, bạn dạy họ, giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy, bạn ở nhà dạy học. Ngày nay dạy học, tìm không ra học sinh, đó là sự thật, không giả đâu nhé. Học sinh tuy nhiều, nhưng học sinh thật sự cầu học lại rất ít, đến để góp vui thì rất nhiều, chứ không phải đến để cầu học. Chúng ta biết trong đạo Phật người giảng kinh càng ngày càng ít. Có người thật sự học giảng kinh không? Hình như là có đấy, thật ra không phải vậy. Vì sao vậy? Đầu tiên, nền giáo dục cơ bản người này có hay không? Nền giáo dục rất quan trọng, người tại gia có 3, người xuất gia có 4, bạn đã làm được chưa? Đó là những điều cơ bản, thật sự có 3 thứ này, đến đâu để học đây? Đời này tôi thật sự rất rất may mắn, không có chỗ để học, không học được ở Phật học viện, tôi gặp được Thầy Lý, đúng dịp Thầy Lý mở lớp học, đào tạo và huấn luyện Pháp sư giảng kinh, học sinh có hơn 20 người, phương pháp của thầy dạy học có hai thứ: Thứ nhất là giảng diễn thuật, “thực dụng giảng diễn thuật”, thứ hai là “nghiên cứu giảng về nội điển”. Cách này nghĩa là gì? Là phương pháp dạy học trong trường sư phạm, những thứ này trong Phật học viện không dạy, cách này nghĩa là sao? Là do người xưa đời đời truyền lại cho nhau, phương pháp giảng kinh, diễn giảng. Bạn không biết phương pháp, bạn vừa lên pháp tòa, mở miệng là nói sai rồi, người ta sẽ cười bạn, giới không chuyên môn thì chẳng biết, giới chuyên môn thì biết liền. Nhưng mà xã hội ngày nay, đã không còn giới chuyên môn nữa, bạn lên pháp tòa biểu diễn, họ không nhận ra đâu. Thật sự gặp phải giới chuyên môn, thì họ thấy quá rõ ràng, nhìn qua là biết được bạn có học qua hay không, xuất thân từ Khoa ban, đó là người trong nghề. Cho nên tôi thấy cách dạy của Thầy Lý, e rằng sẽ bị thất truyền, nếu chúng ta không tiếp tục truyền thừa, thì thật sự sẽ bị thất truyền. Lúc trước chúng tôi ở Singapore mở lớp đào tạo và huấn luyện ngắn ngày, một kỳ là 3 tháng, chúng tôi đã sử dụng phương pháp này, hiệu quả rất tốt. Các bạn tham dự lớp đào tạo, khi họ chia sẻ những điều tâm đắc, ở Singapore tiếp nhận 3 tháng huấn luyện, đã đạt hiệu quả tốt hơn ngày xưa học 3 năm trong Phật học viện. Lớp huấn luyện ngắn ngày, chúng tôi không giảng về cơ bản giáo dục, mà chỉ nói về kỹ thuật, những phương pháp, quy củ trên bục giảng, những thứ này rất quan trọng. Ngày xưa Thầy Lý, tôi nói cho các vị nghe, các vị không nên cười, cuốn sách này của Thầy Lý là do chính Thầy viết, sau khi viết xong cuốn sách này, Thầy chỉ in có 300 cuốn, đặt vào trong thùng, khóa trái lại, không ai có thể lấy được. Lớp học kinh chúng tôi có hơn 20 người, thầy có phát cho không? Không, thầy không cho ai hết. May

mấn trong số học sinh chúng tôi được 3 người có, do Thầy Lý cho, thầy cho tôi một cuốn, cho Châu Gia Lân 1 cuốn, cho Từ Tĩnh Dân 1 cuốn, những người khác thì không được. Hỏi thầy giáo, thầy giáo lắc đầu không cho, các bạn đến hỏi tôi, tôi phải làm sao đây? Tôi đem cuốn sách của thầy giáo làm biểu đồ, làm đại cương, biểu đồ này đem cho thầy giáo xem trước, thầy xem rồi nói, tốt, được đấy. Tôi dùng cách này gián tiếp giới thiệu với các bạn trong lớp, tôi giảng đại ý cuốn sách này của thầy, không giảng văn của thầy, cũng không giảng tài liệu của thầy. Tôi dùng biểu đồ của tôi, hình như có khoảng 5, 6 trang gì đó, tôi đã giảng cái này. Thầy thận trọng quá! Khi đó tôi có thỉnh giáo với thầy giáo, tôi nói: Thưa thầy, thầy đâu cần phải như thế? Hay như vậy, vì sao không truyền lại cho các học sinh? Thầy nói: Cậu không hiểu đâu! Tôi cũng cả người. Thầy nói: “Người ta không hiểu, nghe kinh cũng như nuốt táo cả quả. Rất hay, hay ở chỗ nào thì không nói ra được. Không hay chỗ nào không hay cũng không nói ra được, đừng tạo nghiệp! Những thứ này nếu họ thật sự xem rồi, họ lại mang đi phê bình người khác, họ có thể nói ra tất cả những chỗ không hay của Pháp sư khi đăng tòa, chỗ hay của bạn, họ cũng có thể nói, đây là chuẩn mực, tùy tiện đi phê bình Pháp sư, đó là tạo khẩu nghiệp”. Tôi mới hiểu ra, không phải thần bí gì, chỉ tránh người ta tạo khẩu nghiệp, tùy tiện đi phê bình Pháp sư. Từ đó tôi mới hiểu được dụng ý của Thầy, đó là tiêu chuẩn, là mực thước, không nên đem những thứ này đi khắp nơi đo lường người khác, đó là bạn đã tạo tội nghiệp rồi. Cho nên đến khi Thầy vãng sanh, tôi mới khuyến khích họ đem cuốn sách này in ra phổ biến lưu thông, hy vọng đem phương pháp giảng kinh, diễn giảng trong Phật giáo, những quy củ này lưu thông rộng rãi, để làm lợi ích. Thực tế mà nói, trong Phật học viện, lớp học Phật pháp, môn học đầu tiên là học điều này, nhưng mà đức hạnh là trên hết. Tại gia không có 3 điều cơ bản, xuất gia không có 4 điều cơ bản, thì không thể học môn này. Thật sự sau khi nắm chắc những điều cơ bản rồi mới học môn này, thì tương lại bạn mới có thể xiển dương Phật pháp, hoằng pháp lợi sanh. Cho nên ngày xưa người xuất gia ở trong xã hội, vì sao đáng được mọi người cung kính, là có lý của họ, vì họ thật sự có đức hạnh, thật sự có học vấn. Tôi ở lớp đào tạo và huấn luyện ngắn ngày tại Singapore, 3 khóa trước, khóa I, khóa II, khóa III tôi giảng dạy, tôi giảng về môn này, khi đó Pháp sư Ngô Văn cũng đến nghe, vào thời đó chưa có máy thu hình, chỉ có thu âm, tôi để Thầy ấy nghe băng thu âm viết ra một cuốn giảng ký, giảng ký này cũng in ra rồi. Pháp sư Ngô Văn cũng rất siêng năng, sau khi viết xong, Thầy ấy đem cho tôi coi, tôi đọc qua một lần từ đầu đến cuối, chỗ nào không được thì sửa lại, giảng ký này đã in ra rồi, chánh thức lưu thông rồi. Nguyên văn của Thầy Lý, so ra khó hiểu hơn. Thầy viết theo dạng văn cổ, không sâu, rất cạn làm nổi bật thể văn ngôn, giảng ký thì dễ hơn nhiều. Bất luận là các bạn tại gia hay xuất gia, thật sự phát tâm học giảng kinh, học diễn giảng, thì cuốn sách này bắt buộc phải đọc. Bạn thật sự học thật sự theo thầy giáo. Năm xưa Thầy Lý đưa cuốn sách này cho tôi, một tuần là tôi đọc hết, tôi hiểu được hết, nhưng mà sao? Lên bục giảng lại không dùng được, đồ chơi này giống như đánh trận vậy, một tháng có thể học hết “Tôn Tử Binh Pháp”, nhưng ra chiến trường thì không biết đánh trận. Điều này thầy

giáo không thể dạy cho bạn, bởi vì nó là sống, trạng thái thì thiên biến vạn hóa, cho nên tôi quyết định trở về Đài Trung, tôi theo thầy giáo 10 năm, để nhìn điều gì? Để nhìn Thầy ứng dụng trên bục giảng, tôi không học gì khác với Thầy, bởi vì điều này Thầy không thể dạy được. Thời gian dài sống với Thầy, thời gian dài nghe Thầy giảng, quan sát Thầy, **điều này trên bục giảng Thầy rất là linh hoạt thiện xảo toàn tâm toàn ý.** Cho nên người khác nghe ý của thầy giảng, còn tôi thì không, tôi nghe, tôi quan sát. Nghe và quan sát phương pháp và kỹ xảo của thầy, nội dung là do thầy tham khảo những tư liệu chú sớ của người xưa, tôi cũng biết coi đấy, nhưng mà người ta háy Thầy biểu diễn hoạt bát và tự tại quá như vậy, tôi thì chẳng làm được như thế. Bạn có hỏi Thầy điều này Thầy cũng không thể dạy cho bạn, vì nó là thứ sống mà, cho nên tôi ở Đài Trung nhiều năm như thế, tôi học một môn thôi. Ngạn ngữ Trung Quốc nói: Chuyên môn coi môn đạo, không chuyên môn coi nhiệt náo. Đó chính là trường kỳ thân cận, nếu bạn không huân tập trường kỳ, thì cái hay khi ứng dụng bạn không thể cảm nhận được, cho nên thân cận thiện tri thức rất quan trọng, không gì quan trọng hơn điều này. Từ xưa đến nay, người thật sự kế thừa, người thật sự thành tựu, là người gì? Đại đa số là thị giả của Hòa thượng. Vì sao vậy? vì ngày nào cũng theo hầu, nên học được tất cả, ngài A Nan làm thị giả, kế thừa đức Phật Thích Ca Mâu Ni, pháp sư Cổ Đức là thị giả của đại sư Liên Trì. Các bạn quan sát kỹ mà xem, người kế thừa đại sư Ngâu Ích cũng là thị giả của Ngài, sau khi đại sư Ngâu Ích vãng sanh, tất cả những trước tác của đại sư Ngâu Ích đều do vị này chỉnh lý, in ấn và phát hành ở đời. Ở Trung Quốc, thị giả của Lão hòa thượng Viên Anh, là người đầu tiên trong số học sinh của Lão hòa thượng, Thầy là người chủ biên cuốn Viên Anh Pháp Sư Toàn Tập. Tất cả những điều trên đây nói lên thời gian dài thân cận thiện tri thức, quan sát kỹ sự ứng dụng trên bục giảng của họ, sự ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày. Còn nữa, cách Lão hòa thượng tiếp đón khách, biết bao nhiêu người đặt vấn đề thỉnh giáo với hòa thượng, Ngài giải đáp thế nào, Ngài chỉ bảo thế nào, bạn thân cận thì mới có thể học được thứ thiệt. Điều này không có cách nào dạy được, nó không có tài liệu, nguyên tắc nguyên lý chỉ có 1 cuốn sách này, hai cách dạy hiện nay chúng tôi in thành một cuốn sách, tài liệu của Thầy Lý quả thật là tóm tắt rõ ràng, Thầy không nói vòng vo. Tôi đọc cuốn Thực Dụng Giảng Diễn Thuật của Thầy, rất mỏng, in ở phía sau, bởi vì khi đó mới học diễn giảng. Tôi vào trong tiệm bán sách tìm rất nhiều loại, những tài liệu này đều dạy người ta cách diễn giảng, mỗi cuốn đều rất dày, sau khi đọc hết, quay lại nhìn sách của Thầy, đúng là bái phục đến mức ngũ thể đầu địa. Người ta viết một cuốn sách dày như thế, nhưng lại không đơn giản và đầy đủ bằng của Thầy, những điều người khác nói đến, sách của Thầy cũng có, có những điều trong sách của Thầy có, mà người ta thì không đề cập đến, mới biết rằng cuốn sách đơn giản như thế mà lại đầy đủ, bạn không thể không bái phục. Học tập không dễ đâu! Nếu không thật sự hạ quyết tâm, bạn sẽ chẳng học được điều gì, không khiêm hạ, không học được điều gì, không cung kính, cũng chẳng học được điều gì, đó là thái độ cơ bản khi bạn học tập.

Nguyện ở đây rất quan trọng. Nguyện là gì? Là quyết định đời này được vãng sanh. Phật A Di Đà hay như thế, có đức hạnh, có học vấn, không thể không thân cận Ngài, gặp được vị thầy giáo giỏi như thế bạn có thể buông lời sao? Làm thế nào mới thật sự nắm chắc được vãng sanh đây? Nếu bạn tham thấu bộ kinh Vô Lượng Thọ này, thì bạn chính là đệ tử của Di Đà, chắc chắn bạn sẽ đi theo Ngài. Trong bộ kinh này nói về điều gì? Nói về tâm của Phật. Tâm của Phật A Di Đà là gì? Là phổ độ chúng sanh, không bỏ một chúng sanh nào. Nguyện của Phật A Di Đà, là 48 nguyện, Hạnh của Phật A Di Đà, tu hành, tất cả đều nằm trong bộ kinh này, 48 phẩm, phẩm nào cũng nói đến, tâm đồng Phật, nguyện đồng Phật, giải đồng Phật, hạnh đồng Phật. Tâm, Nguyện, Giải, Hạnh, đều nằm trong bộ kinh Vô Lượng Thọ hội tập bốn, có cuốn này rồi, thì không cần phải đọc những cuốn khác nữa, chuyên nghiên cứu cuốn này, học thành công cuốn này rồi, nếu có thời gian thì xem qua những cuốn kinh khác là đủ rồi, bạn sẽ hiểu hết tất cả, công lực nhất định phải dồn vào cuốn kinh này.

Hạnh vị, từng nguyện khởi hạnh, nhất hướng chuyên niệm, vô hữu gián đoạn.

Một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm trong câu này, chú trọng nhất là chữ “chuyên”. Trong hội Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ tát dạy chúng ta rằng: “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Chữ “chuyên” ở đây chính là “đô nhiếp lục căn”. Nếu bạn không đô nhiếp lục căn, thì làm sao bạn chuyên được? Bạn không chuyên được rồi, đô nhiếp lục căn, thì bạn mới chuyên được. “Tịnh niệm”, tịnh ở đây là không hoài nghi, không xen tạp. Tịnh niệm tương tục, tương tục là không gián đoạn, vô hữu gián đoạn, đem so với lời dạy của Đại Thế Chí bồ tát, chữ thì có khác, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Chúng ta cũng học theo như vậy, nhưng học thế nào cũng không giống được. Vấn đề ở chỗ nào? **Chướng ngại rõ ràng nhất là chúng ta không thật sự Tin**, trong tâm bạn mang sự hoài nghi. Bạn xem, muốn học cái này, muốn học cái nọ, đó chẳng phải là có nghi rồi sao? Thật sự không còn hoài nghi rồi, thì một bộ kinh này nhất môn thâm nhập, những cái khác để sang một bên. Như đại sư Liên Trì nói :“ Tam tạng 12 bộ kinh để cho người khác ngộ, tám vạn bốn ngàn hạnh để cho người khác làm”, đó mới gọi là chuyên, thật sự buông bỏ, nhất tâm quy mạng kinh Vô Lượng Thọ, nhất tâm qui mạng Phật A Di Đà, như thế mới có thể thành tựu được. Cho nên có tâm hoài nghi, bạn tưởng cái này, bạn nhớ cái kia, có hoài nghi, xen tạp, không chuyên. Năm xưa tôi ở Mỹ, sống ở Đức Châu Đạt Lạp Tư, có vị cư sỹ tên là Doãn Kiến Duy hỏi tôi một câu: Tịnh Không pháp sư, nếu Đại tạng kinh lớn như thế này, để Ngài chọn một bộ, thì ngài chọn bộ nào? Tôi không hề suy nghĩ bèn nói ngay, tôi chọn bộ kinh Di Đà Yếu Giải. Nhiều năm nay tôi sống không cố định một chỗ, bản thân không có đạo tràng, tùy duyên người ta mời tôi giảng kinh gì thì tôi giảng kinh đó, cho nên giảng rất nhiều. Giả dụ bản thân tôi có đạo tràng, tôi có thể tự làm chủ được, tôi không đi ra bên ngoài, tôi ở trong đạo tràng chỉ giảng một bộ kinh, một bộ kinh giảng 1 trăm lần, một ngàn lần, như thế chẳng phải thành Phật A Di Đà rồi sao! Hà tất phải giảng kinh này giảng kinh nọ, không cần thiết

như vậy. Chuyên giảng một bộ kinh người xưa có đấy, tôi không nhớ rõ tên, hình như cuộc đời vị này giảng một bộ kinh Di Đà, giảng hơn 200 lần, vị này không giảng kinh gì khác. Lúc tôi còn trẻ, Tỉnh Vân đại sư mở Đông Phương Phật Học Viện ở Phật Quang Sơn, tôi từng góp ý với Ngài rằng, để mỗi học sinh học một bộ kinh, khi đó Thầy ấy có hơn 100 học sinh, lúc đó tôi góp ý phân tổ, mỗi tổ học một bộ kinh, một tổ 3 người, 3 người học một bộ kinh, lúc đó tính ra có khoảng hơn hai chục bộ kinh. Nếu dạy như thế mà thành công, thì Phật Quang Sơn, có số lượng nhân tài giảng kinh rất lớn, 2, 3 chục người, thế thì hay lắm! Chuyên gia mà: Chuyên giảng kinh Di Đà chính là Phật A Di Đà, chuyên giảng phẩm Phổ Môn chính là Quán Thế Âm Bồ tát, chuyên giảng kinh Địa Tạng là Địa Tạng Bồ tát, hoàng biến toàn thế giới. Một bộ kinh ít nhất cho họ dụng công thời gian khoảng 10 năm, 10 năm chuyên nghiên cứu 1 bộ, họ sẽ được định, sẽ được Tam muội, định thì có thể khai Trí huệ, thật sự họ sẽ giảng rất sống động, nếu tâm xen tạp, loạn động, chuyện gì cũng muốn bàn đến, đọc qua, mấy chục năm trôi qua vô ích, thì thật đáng tiếc. Đời người rất ngắn, quý giá nhất là thời gian, là sức lực, thời gian và sức mạnh dùng ở một chỗ, thì chẳng có chuyện không thành công, một thông thì tất cả sẽ thông. Tôi ở Đài Trung học với thầy Lý 10 năm dài như thế, nhưng học kinh không nhiều, chỉ học có 6 bộ thôi. Bộ thứ nhất là kinh A Nan Vấn Phật Việc Kiết Hung, bộ thứ hai là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, bộ thứ ba là Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, đó là một quyển, quyển cuối cùng trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, bộ thứ năm là Kinh Kim Cang, bộ thứ sáu là Kinh Lăng Nghiêm. Học từng bộ một, học được một bộ rồi, ít nhất phải giảng 10 lần, giảng cho ai đây? Ở Đài Trung giảng cho Phật tử tại gia, đến nhà họ giảng, người đến nghe kinh có khoảng 5,6, hoặc 7,8 người, giảng ở nhà này xong rồi thì đến nhà khác, như vậy giảng 10 lần, thì ấn tượng đó mới sâu đậm, thật sự đạt được tự lợi, còn lợi tha thì không dám nói, tự lợi. Sau khi giảng xong thì thỉnh giáo với thính chúng, thính chúng đều là bạn học, đều là học sinh của thầy Lý, nhờ họ phê bình, chỉ dạy để sửa đổi. Kinh Lăng Nghiêm là chọn một bộ kinh lớn, bộ kinh lớn này tôi giảng chưa đến 10 lần, tôi nhớ là hình như đã giảng 7 lần, đó gọi là gì? Là nhất môn thâm nhập trường thời huân tu, nếu bạn không sử dụng phương pháp cũ của người xưa, thì không học được đâu. Cho nên điều cơ bản này, sau này bất luận bạn coi kinh luận của Đại thừa hay Tiểu thừa, bản thân cũng hiểu được phương pháp của thầy giáo, trong việc giảng kinh quan trọng nhất là khoa phán, phân khoa phán giáo. Khoa phán có nghĩa là gì? Nghĩa là từ văn chữ giảng về chương pháp kết cấu, từ nghĩa lý bên trong giảng về tư tưởng thể hệ. Bạn hiểu được rõ điều này, thì bạn phát hy ra sẽ không sai lầm, văn tự, chương pháp kết cấu hiểu rõ, nghĩa lý, tư tưởng, thể hệ rõ ràng, thì còn có vấn đề gì nữa! Kinh Vô Lượng Thọ, chúng tôi đã làm một khoa hội, khoa hội này phổ rộng rãi. Người học giảng kinh cần chú ý, phải xem nhiều, đó chính là xem chương pháp kết cấu trên văn tự, xem tư tưởng thể hệ trên nội dung, đây là nền tảng của kinh giáo, là điều cơ bản của kinh giáo, cho nên học giảng kinh thì đầu tiên phải học làm khoa phán. Cổ nhân đã có khoa phán rồi, bạn thử làm xem,

không cần phải xem của người xưa, tự mình làm. Sau khi làm rồi, mang khoa phán của người xưa ra so sánh, bạn sẽ biết được chỗ nào không được bằng người ta, ưu điểm của người khác ở chỗ nào, bạn sẽ nhận ra, như thế bạn mới tiên bộ được. Tất cả những việc này đều là công việc dự định, bạn phải làm xong hết rồi mới lên bục giảng biểu diễn. Cho nên khi lên bục giảng biểu diễn, thì nhất định phải có thời gian dài quan sát học tập, trên bục giảng mới giảng giải rõ ràng, nói năng thành thạo. Điều này các bạn học giảng kinh trong Học viện, bất luận là tại gia hay xuất gia, không thể không hiểu rõ.

Chúng ta coi tiếp đoạn sau: Dĩ thượng tam sự, hiệu vi tư lương, tư lương thứ khuyết, tiện nan tiền tấn.

Tư lương là du lịch, tư là bạn phải mang theo một ít lộ phí, mang theo một ít tiền. Ngày xưa đi du lịch không có khách sạn, cũng không có quán ăn, bắt buộc bạn phải mang theo ít lương khô, vào thời kỳ chiến tranh, chúng tôi từng làm học sinh lưu vong, cũng từng dùng một cái bao dài đựng gạo và đeo bên mình, đó gọi là tư lương, như thế bạn mới có thể đi du lịch được, đó là thời xưa. Bây giờ chỉ cần tư là đủ rồi, không cần lương nữa, nơi đâu cũng có quán ăn, nơi đâu cũng có khách sạn, tiện lợi hơn ngày xưa nhiều.

Ở đây là nói về ba việc: Tín Nguyễn Hạnh tam, khuyết nhất bất khả, như đánh tam túc, khuyết nhất tiện nghiêng, khuyết túc chi đánh, thị danh phi khí.

Đó chính là ba điều kiện, thiếu đi một có nghĩa là đời này bạn không thể được vãng sanh, bạn thật sự muốn cầu sanh Tịnh độ, thì bắt buộc bạn phải có đầy đủ ba điều kiện này, như thế bạn sẽ thành Khí gì của Tịnh độ tông? Là Khí căn đã thuần thực, bạn có thể vãng sanh, ba điều kiện này bạn có đầy đủ, thiện căn của bạn thuần thực rồi. Đức Phật Di Đà gặp được một người như thế, thì Ngài sẽ đặc biệt gia trì, đặc biệt hộ niệm. Vì sao vậy? Vì sẽ giúp cho bạn một đời được thành tựu. Nếu như trong ba điều kiện này thiếu một, thì Phật A Di Đà sẽ không đến, Ngài sẽ chờ đợi. Vì sao vậy? Vì có đến cũng vô dụng. Ý nguyện cầu được vãng sanh của bạn không mạnh, vọng tưởng của bạn, tâm tư của bạn vẫn còn rất tạp loạn, nên Ngài sẽ không đến.

Sớ Sao phục vân, hựu phục thể nhân, tuy hành chúng thiện, ư bỉ Phật độ, vô tín hạnh nguyện, diệc danh phi khí.

Đại sư Liên Trì dạy, trên thế gian thật sự có một số người ở trong cửa Phật tu phước, trồng rất nhiều thiện căn, cũng lễ Phật, cũng niệm Phật, nhưng đối với danh lợi, thân tình của thế gian không buông bỏ được, cho nên họ không thể vãng sanh, đây gọi là Phi khí.

Tuy hữu chư quá, ư bỉ Phật độ, hữu tín hạnh nguyện, diệc danh Vi khí.

Câu này vô cùng quan trọng, khi bạn còn chưa gặp được Phật pháp, bạn đã tạo rất nhiều tội nghiệp mà mình không biết. Tuy tạo ngũ nghịch thập ác, nếu như có Tín Nguyện Hạnh, thì người này vẫn được vãng sanh. Như vậy là lý gì? Lý này ở trong kinh điển Đại thừa đức Phật nói rất nhiều, “nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”, chỉ cần chuyển đổi tâm niệm, thì nghiệp sẽ tiêu. Người Trung Quốc chúng ta cũng có nói: “Lãng tử hồi đầu kim bất hoán”. Chúng ta đừng xem thường những người làm ác, khi họ hồi đầu, họ sẽ thành người tốt trong số người tốt. Dạy họ quay đầu, đó chính là nền giáo dục của Thánh hiền, nếu họ có cơ hội tiếp xúc, họ hiểu rõ rồi, họ sẽ quay đầu. Cho nên điều này làm tăng trưởng niềm tin của chúng ta, quá khứ làm sai đừng sợ, bắt đầu từ hôm nay, hôm nay học cái gì? Chính là học bộ kinh Vô Lượng Thọ, đủ rồi, đã quá nhiều rồi đấy. Tôi chưa nắm được nền tảng cơ bản trong Phật pháp, không cần thiết, cứ bắt đầu từ bộ kinh này là được rồi, một lòng một dạ cầu sanh Tịnh độ. Cho nên chúng tôi thành lập Tịnh Tông Học Hội, khi đó tôi đang ở Mỹ, tôi đã viết ra một cuốn kinh tụng, gọi là Khóa Tụng Sáng Tối Của Tịnh Tông. **Chúng tôi thấy cuốn Khóa tụng cổ xưa của chư vị Tổ sư ngày trước viết, trong cuốn Khóa tụng sáng tối đó, Kinh chú rất nhiều**, chúng tôi chuyên tu Tịnh độ, tôi đã tinh lược những thứ đó, viết cuốn Nhật tụng này, y theo lý luận chính là, chúng ta nên học theo tâm nguyện đức hạnh của Phật A Di Đà. Cho nên trong cuốn Nhật tụng này, công phu khuya, kinh văn mà chúng tôi chọn đọc, chính là 48 nguyện ở phẩm thứ sáu, cùng Phật A Di Đà đồng tâm đồng nguyện. Công phu tối, kinh văn chúng tôi chọn, là từ phẩm 32 đến phẩm 37, trong đây gồm có trì giới, sám hối, tu hành. Trì giới là đức của Phật A Di Đà, sám hối là hạnh của Phật A Di Đà, cho nên trong cuốn Nhật tụng này, có tâm nguyện đức hạnh của Phật A Di Đà. Chuyên tu Tịnh tông, một lòng chỉ cầu về thế giới Tây Phương Cực Lạc, cho nên những kinh chú khác chúng tôi đã tinh lược hết. Rất may, cuốn Nhật tụng này, theo Tịnh Tông Học Hội cũng phổ cập hết, bây giờ trong và ngoài nước dùng cuốn này để tu tập rất nhiều. Những năm gần đây, chúng tôi thấy có người thật sự phát tâm, thật sự dụng công, rất tinh tấn, nhưng mà vẫn chưa thấy được kết quả tu học. Nguyên nhân vì đâu? Chúng ta quan sát kỹ xem, nguyên nhân chủ yếu, là chúng ta đã đánh mất đi nền giáo dục cơ bản, nền tảng giáo dục, mất thứ này, cho nên không thắng được cảnh giới. Ngày nay cảnh giới cám dỗ, bên trong có phiền não, bên ngoài có những thứ bất thiện cám dỗ chúng ta, không thắng được ngũ dục lục trần, cho nên tâm của bạn không tĩnh được, không định được, tâm theo cảnh chuyển, thế là tiêu rồi! Khởi tâm động niệm, vẫn là Lục đạo luân hồi, không dính dáng gì với Tín Nguyện Hạnh, không nghĩ đến, công phu sáng tối nhớ đến Tín Nguyện Hạnh, xong thời khóa rồi thì quên mất, vẫn là tham sân si mạn nghi, thì làm sao có thể thành tựu được? Ở đây chư vị Tổ sư cho chúng ta một viên định tâm hoàn, quá khứ làm việc lầm lỗi đừng sợ, hôm qua tạo cũng đừng sợ, hôm qua cũng qua rồi, từ nay về sau tôi không làm nữa, nhất định tôi làm theo lời dạy của Phật Thích Ca Mâu Ni và Phật A Di Đà, tôi tu hành nghiêm chỉnh. Người khác học hay không chẳng dính dáng đến tôi, đối với mọi người

cung kính như đối với đức Phật, đó là bạn làm đúng, hạnh Phổ Hiền bạn đã làm được rồi, điều thứ nhất trong hạnh Phổ Hiền, là xem tất cả chúng sanh đều như Phật, lễ kính chư Phật, chúng ta cung kính tất cả chúng sanh, giống như cung kính đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy, giống như cung kính Phật A Di Đà vậy, đó là thật, không phải giả đâu nhé. Đối với con người như vậy, đối với động vật nhỏ cũng như vậy, đối với hoa cỏ cây cối cũng như vậy, đối với sơn hà đại địa cũng như vậy. Bạn có phước đấy, bạn thật sự đã Giác ngộ rồi. Chịu đựng thiệt thòi, chấp nhận sự sỉ nhục, chấp nhận sự tổn thương vô cớ, không sao hết, tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình, thành tựu sự Nhẫn Nhục Ba La Mật cho chính mình, việc tốt đấy, không phải việc xấu đâu! Điều này thật sự phải có chút Trí huệ, chẳng những không có tâm oán hận, mà còn sanh lòng biết ơn. Vì sao vậy? Vì họ đến thử mình, xem công phu nhẫn nhục của mình đến giai đoạn nào rồi, trong lòng vẫn còn một chút oán hận, biết rằng công phu của mình chưa đủ, là miễn cưỡng chấp nhận thôi. Nếu thật sự công phu chín mùi, thì không còn một chút miễn cưỡng nào nữa, chẳng hề có một chút tâm niệm chịu đựng, mà đầy lòng biết ơn. Cảnh giới của bạn thật sự nâng cao rồi, mọi sinh hoạt trong cuộc sống hàng ngày là tu tập, sửa đổi những hành vi sai lầm của mình, tương lai vắng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, đây là điều kiện nâng cao phẩm vị của bạn. Bạn không có công phu này, bạn đến thế giới Cực lạc phẩm vị thấp, còn có công phu này thì phẩm vị sẽ nâng cao lên. Bạn xem có hay không, làm sao mà không biết ân được! Nếu như có tâm oán hận, tiêu rồi, không về Tây phương được, mà đi về Tam đồ, như thế là sai rồi, cần Giác ngộ, cần thông mình, không làm việc sai quấy. Cho nên đầy đủ Tín Nguyện Hạnh, đầy đủ 6 Ba La Mật. Chúng tôi giới thiệu đến các bạn học Tịnh tông, chỉ có 5 khoa mục: thứ nhất là tam phước, “tịnh nghiệm tam phước”, đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao, “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, thầy giáo không có ở lớp, giảng đường của tôi, là phòng thu hình đây, bất luận ở nơi đâu, thì hình của thầy giáo và hình ngài Hộ pháp tôi đều treo lên, niệm niệm không quên ơn Thầy. Ngày nay tôi học tập ở đây, thầy giáo đều nhìn thấy, giữ tâm biết ơn! “từ tâm bất sát”, đối với tất cả chúng sanh nhất định không có tâm niệm sát hại, đối với hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, nhất định không phá hoại, “tu thập thiện nghiệp”. Thập thiện nghiệp là tiêu chuẩn của đạo Phật, mỗi một điều đều nên phản tỉnh, công phu tối phản tỉnh, công phu khuya thức tỉnh, tâm đồng Phật, nguyện đồng Phật, công phu tối phản tỉnh, phản phản tỉnh trong phẩm 32 đến phẩm 37, chủ yếu là dùng Thập thiện nghiệp. Lục đạo chúng sanh trong thế giới Ta bà, thiện nam tử thiện nữ nhân chuẩn mực là ở chỗ này, đầy đủ Thập thiện nghiệp, thì bạn mới là thiện nam tử thiện nữ nhân, vừa mở cuốn kinh ra là thấy được, mình có phần, mình ở trong đây, như thế mới có thể trở thành người đệ tử chân chánh của đức Thế Tôn. Thọ trì Tam quy, đầy đủ chúng giới, không phạm oai nghi, đó là điều thứ hai, từ đây nâng cao lên, nâng cao lên chính là đệ tử của đức Phật. Điều làm được rồi, thì tiếp tục hướng thượng nâng cao là đệ tử Đại thừa, “phát Bồ đề tâm, thâm tín nhân quả”, nhân quả ở đây chính là nhân thành Phật. Ở đây chúng ta dùng Tín Nguyện Hạnh là nhân, vắng sanh Tịnh độ là quả. Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm là

nhân, đây là nhân thứ nhất. Thứ hai là Tín Nguyễn Hạnh là nhân, Tín Nguyễn Hạnh quyết định vãng sanh. Thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, chính là đọc bộ kinh Vô Lượng Thọ, những kinh khác không cần, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Câu cuối cùng là “khuyến tấn hành giả”, phía trước 10 câu đều là bản thân, đều là thành tựu chính mình, cuối cùng là mình thành tựu rồi thì giúp đỡ người khác. Giúp đỡ cách nào? Bản thân chúng ta thật sự tu tập chính là giúp đỡ người khác, người khác nhìn thấy sẽ học tập theo bạn, người khác gặp bạn sẽ thỉnh giáo với bạn, thật sự tu tập, không thể giả tu. Cần nên lượng sức mà làm, không nên phân tâm, không nên làm quá nhiều, làm nhiều không thành tựu được việc gì hết, thì là hại chính bản thân mình. Thế giới ngày nay rất nhiều vấn đề, việc cấp bách cần thiết chính là việc tôi thường đề cập đến nhiều năm nay, cần Đại học tôn giáo, cần Đại học đa nguyên văn hóa, cần số lượng lớn nhân tài, nên lợi dụng truyền thông, để giáo hóa chúng sanh trên toàn thế giới. Tôn giáo cần đoàn kết, tôn giáo đoàn kết là phương pháp tốt nhất, cần hỗ trợ học tập kinh giáo, như thế sẽ thật sự đoàn kết. Làm cho tất cả mọi người trên địa cầu này, đều hiểu rõ được giáo nghĩa của tôn giáo. Họ thích học theo tôn giáo nào, chúng ta cũng đều tùy hỷ, cổ vũ họ. Vì sao vậy? Vì tôn giáo là bình đẳng không cao thấp, chúng tôi thường nói tôn giáo nào cũng là số một. Tôi ở Singapore đoàn kết tôn giáo, mỗi tôn giáo đều là số một không có số hai, tôi lấy ví dụ như cơ thể của con người, đạo Cơ Đốc là con mắt, đạo Hồi giáo là lỗ tai, đạo Phật là cái mũi. Con mắt số một, thì lỗ tai cũng là số một, cái mũi cũng là số một, thì cơ thể người này khỏe mạnh, nếu như nói con mắt là số một, còn những bộ phận khác thì không được, thì chẳng phải bạn bị bệnh rồi sao? Cơ thể bạn có vấn đề rồi, mỗi cái đều là số một, không có số hai. Không có cái gì là chẳng tốt, bình đẳng tôn kính, nghiêm chỉnh học tập, thành tựu đức hạnh của mình, thành tựu trí huệ của mình, đó gọi là Đại viên mãn. Nhưng mà bắt đầu hạ thủ công phu từ đâu đây? Từ kinh nghiệm của chúng tôi, thì nhất định phải làm từ tự thân. Bắt đầu làm từ đạo tràng nhỏ của mình, nếu bản thân chúng ta không làm được, thì chúng ta không thể làm gương cho đạo tràng nhỏ của mình, bản thân làm được, thì mới có thể làm gương cho đạo tràng. Đạo tràng nhỏ làm được rồi, mới có thể làm gương cho khu vực lân cận. Máy con đường ở đây, từ từ tự nhiên nó phát triển rộng ra, chẳng cần phải cố ý. Nếu như cố ý làm thì bạn lại lạc vào tâm ý thức, lại có phân biệt chấp trước, nhất định hoàn toàn theo lẽ tự nhiên, trong đạo Phật nói, “pháp nhĩ như thị”, như thế là bạn làm rất tự tại, rất hoan hỷ, chẳng hề có chướng ngại. Đây là nguyên tắc đạo lý, mà chư Phật Bồ tát cùng tất cả các vị Thánh hiền của tôn giáo dạy chúng ta, nếu chúng ta không nghe lời các Ngài, mà dùng suy nghĩ của mình để lên kế hoạch làm thế nào, thế thì phiền phức đấy, vì đều làm những việc của thế gian. Sự nghiệp của Thánh hiền chắc chắn do các vị Thánh hiền làm, đại trí huệ, đại phước báo, chúng nhìn lại mình xem, phước báo trí huệ không đủ, chỉ có thể đốt lửa thôi. Mong rằng có thể mở được, hậu lai có người đến tiếp nối, nhưng hay nhất là chánh phủ địa phương tiếp, quốc gia đến tiếp, ngay nay có tổ chức quốc tế Liên Hiệp Quốc, Liên Hợp Quốc đến tiếp thì hay quá.

Chúng ta phải làm gương mẫu, nếu không gương mẫu họ sẽ không tin, họ không có lòng tin, chính là điểm nhỏ này, một đạo tràng nhỏ, làm gương mẫu. Chúng tôi vẫn còn có duyên với Liên Hợp Quốc, có thể mời họ đến thăm quan, thật sự làm xong rồi thì mời họ đến thăm quan, họ thấy rồi họ sanh tâm hoan hỷ, họ có niềm tin, thì những người này có phước báo lớn, có nhân duyên lớn, họ có thể đem sự nghiệp này phát triển rộng ra. Chúng ta ở đây niệm Phật A Di Đà, lạc quan kỳ thành, đó mới thật sự gọi là việc tốt!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: “Luận cơ, tắc hữu đương cơ dữ bất đương cơ chi biệt, tam căn chi trung, thùy tối đương cơ, cổ thuyết bất nhất, kim đương minh cứu”.

Tam căn là thượng trung hạ, rốt cuộc pháp môn Tịnh độ này, căn tánh nào là tối đương cơ đây, từ xưa đến nay, các vị tiền bối giảng không đồng nhất, Niệm Công lão nhân nói kim đương minh cứu. Bây giờ chúng ta nên, rõ ràng minh bạch để nghiên cứu sự việc này.

Cái dĩ Thế Tôn ngũ thời thuyết pháp, quân thị tùy cơ thiết giáo, ung bệnh dữ dược.

Nghiên cứu thì phải có ý cứ, vẫn không rời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế giáo hóa, việc giáo hóa của Ngài có thể phân làm 5 giai đoạn, gọi là ngũ thời. Năm giai đoạn này giống như ngày nay chúng ta mở trường học vậy, đầu tiên mở Tiểu học, kế đến Trung học, tiếp theo là Đại học, rồi Nghiên cứu sở. Từng lớp từng lớp đưa học sinh tiến lên, điều này gợi ý cho chúng ta rất hay. Ngày nay chúng ta muốn mở một trường học tốt, thì phải dùng phương pháp này, học tập theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bạn xem cái đầu tiên là quan trọng nhất. Ngài vừa khai ngộ, tức là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Xem tánh tướng, lý sự, nhân quả trong vũ trụ, Ngài đã khai ngộ một cách rất ráo, không hề có một chút sai lầm, và thành tựu được trí huệ viên mãn. Ngài đã thành tựu cách nào? Từ công phu thiền định, từ tu định nhập tánh định, điểm này chúng ta chẳng thể không hiểu. Hôm nay tâm của chúng ta tán loạn, tu định nghĩa là từ từ buông bỏ tâm tán loạn, khiến cho tâm ý thức tập trung, buông bỏ tất cả tạp niệm. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm, đó là tu định. Đến khi buông bỏ được khởi tâm động niệm, thì tánh định sẽ hiện tiền, tự tánh bản định, khi tánh định đã hiện tiền, thì tất cả đều thông hết. Đức Phật nói trong kinh Hoa Nghiêm, tất cả chúng sanh đều có Đức Tướng Trí Huệ Như Lai, **tất cả hiện tiền**. Như Lai là gì? Như Lai là tự tánh. Trí huệ trong tự tánh của bạn, đức năng, tướng hảo hoàn toàn hiện tiền, hoàn toàn hiểu rõ. Điều này như thế nào? Giống như ngày nay chúng ta muốn mở trường học, mở trường học thì phải làm điều gì trước? Đầu tiên là bồi dưỡng thầy giáo, không có thầy giáo làm sao được, cho nên bồi dưỡng thầy giáo trước. Ngày trước tôi ở Học viện Văn Hóa Đài Loan, khi đó gọi là Học viện Văn Hóa, bây giờ phát triển thành Đại học, Đại học Văn Hóa. Tôi dạy ở Học viện Văn Hóa 5 năm, dạy môn Triết năm 3 và năm 4, dạy Triết học trong kinh Phật. Tôi nhớ 1 tuần có 4 tiết học, tôi đã dạy ở đó 5 năm. Học viên này do tiên sinh Trương Kỳ

Quân sáng lập, từ cách làm của Thầy ấy chúng tôi đã học được rất nhiều điều hay. Trước khi thầy ấy mở trường học, thầy đã mở lớp Nghiên cứu sở, quy mô của Nghiên cứu sở nhỏ, ít người, Thầy chiêu sinh người nào? Thầy chiêu sinh sinh viên tốt nghiệp Đại học, trong đó có lớp Thạc sỹ, lớp Tiến sỹ. Sau khi mở được mấy năm, những sinh viên này tốt nghiệp rồi, thì Thầy mở Học viện, những Tiến sỹ Thạc sỹ được Thầy huấn luyện ra, đều trở về Học viện đảm nhiệm công việc như giáo sư, phó giáo sư, giảng sư ..., không một người nào bỏ đi, tất cả đều ở lại làm việc, phương pháp hay quá, thật là thông minh. Cho nên trường học của Thầy ấy rất thành công, vì Thầy giáo đều là học sinh cũ của mình, quan niệm, suy nghĩ, cách nhìn đều giống nhau, tôi rất khâm phục cách làm đó của thầy ấy. Cho nên tôi suy nghĩ, nếu tương lai chúng tôi mở Phật Học viện, khi mở Học viện tôn giáo, thì nhất định phải mở lớp Nghiên cứu sở trước, đầu tiên phải bồi dưỡng một lớp giáo sư. Đức Phật Thích Ca sau khi giác ngộ, trong 21 ngày giảng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, giống như là bồi dưỡng Thầy giáo vậy, trước nên làm điều này. Sau khi giảng xong rồi, bạn xem Ngài giảng kinh A Hàm, A Hàm giảng 12 năm, 12 năm này là tiểu học của Phật giáo. Sau khi 12 năm kết thúc, kể đến giảng Phương Đẳng, Phương Đẳng giống như trung học vậy, Phương Đẳng giảng 8 năm, kể đến giảng Bát Nhã, Bát Nhã là tinh hoa trong kinh Phật, là bộ phận quan trọng nhất, Bát Nhã là trí huệ, giảng 22 năm. Bạn nghĩ xem Ngài giảng kinh 49 năm, trong đó Bát Nhã là 22 năm, nên biết rằng đây là một bộ phận quan trọng nhất trong kinh Phật. Cuối cùng giảng kinh Pháp Hoa 8 năm, đó giống như Nghiên cứu sở, phương pháp Ngài dạy là như vậy, cuối cùng trước một ngày nhập diệt Ngài đã giảng Kinh Niết Bàn. Kinh Niết Bàn là gì? Là lời di chúc cuối cùng, hy vọng đối với người đời sau, giao phó cho người đời sau, đó là kinh Niết Bàn. Đó là thứ lớp mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng dạy, ngũ thời thuyết pháp. Đầu là tùy cơ thiết giáo, coi trình độ học tập của học sinh mà nâng cao lên, gọi là xem bệnh cho thuốc, giống như bác sỹ khám bệnh cho bệnh nhân, bạn bị bệnh gì thì cho bạn thuốc đó.

Dưới đây nói, thông thường mà nói, theo kinh điển Đại thừa chúng Bồ tát là đương cơ. Đại thừa ở đây, từ Phương Đẳng trở về sau đều là Đại thừa: Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa đều là Đại thừa. Pháp Hoa là Nhất Thừa, phải là pháp thân Bồ tát đương cơ, chẳng phải là Bồ tát bình thường đâu. Đại thừa nhất định phải phát Bồ đề tâm, Bồ đề tâm là căn tánh của Đại thừa. Bồ đề tâm là gì? Gần đây nhất là khoảng 2,3 chục năm nay, đem phương pháp của người xưa dạy, có sửa đổi lại đôi chút, làm cho mọi người dễ hiểu hơn. Thể của Bồ đề tâm, tôi gọi là chân thành, tự thọ dụng của Bồ đề tâm, người xưa gọi là thâm tín, tôi thì dùng năm chữ sau của tựa đề bộ kinh này, Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, đây là tự thọ dụng. Tha thọ dụng của Bồ đề tâm, nghĩa là chúng ta dùng tâm nào để tiếp nhân xử thế, chúng ta dùng tâm Từ bi, giống như trong kinh luận của người xưa giảng không khác, điều này dễ hiểu hơn trong kinh luận. Cho nên tổng cộng chúng tôi

dùng 10 chữ, trước chữ Giác thêm vào một chữ Chánh: Chánh Giác, Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi, nên dùng cái tâm như vậy. Đối với mình, đối với người, khởi tâm động niệm, có tương ưng với tâm này hay không? Phải luyện tập mỗi ngày, đó chính là Đại thừa, tâm này hiện tiền, thì bạn chính là căn khí Bồ tát, kinh điển Đại thừa đối với bạn sẽ tương ưng, rất thích hợp cho bạn học tập, cái đầu tiên là biết được, chúng ta không thể dùng tâm hư giả, dùng tâm hư ngụy, đối với mình đối với người. Nếu như dùng tâm hư ngụy, là Tiểu thừa, đó không phải là chân tâm, ngay cả tiểu thừa cũng không được, tâm hư ngụy là tâm lục đạo luân hồi, đọc kinh điển Đại thừa vẫn là làm việc luân hồi lục đạo. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp từng tâm tướng sanh, tâm của bạn là tâm luân hồi, kinh điển Đại thừa vào tay bạn, cũng biến thành nghiệp luân hồi thôi, cảnh tùy tâm chuyển, đạo lý này cần nên hiểu. Cho nên khởi tâm động niệm rất quan trọng, khởi tâm động niệm nhất định phải tương ưng với điều này. Đối với tất cả chúng sanh Đại Từ Đại Bi, đối với chính mình thì Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Trong hành vi, hành vi trong cuộc sống hàng ngày, tiếp nhân xử thế, cần học điều gì? Cần học nhìn thấu, buông bỏ, tự tại, tùy duyên, cuối cùng là niệm Phật, làm sao có lý không sanh về tịnh độ được! Đầu tiên nói về nhìn thấu, nhìn thấu điều gì? Đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh hiểu rõ, chẳng phải bản thân chúng ta có tài hiểu rõ được, chúng ta từ chỗ huân tập kinh giáo mà hiểu rõ, chúng ta tin tưởng kinh giáo, mỗi một câu đều là lời nói chân thật của đức Phật, chắc chắn không lường gạt chúng ta đâu, chúng ta nên tin tưởng ngài. Chúng ta biết được chân tướng của vũ trụ, nên buông bỏ không nên chấp trước, nên không chấp trước, chấp trước là sai lầm. Bạn chấp nhận buông bỏ, tự tại mới tùy duyên, tùy duyên là tự tại, không nên kiên trì giữ lấy thành kiến của mình, người khác nói hay, chúng ta tán thán, chúng ta tùy hỷ, thế có vui không! Đầu tiên học tùy thuận chúng sanh, Phổ Hiền Bồ tát dạy chúng ta, “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”, học trước điều này, những gì người khác nghĩ, người khác làm, nếu không có sai lầm thì chúng ta đều tùy hỷ hết. Nếu sai lầm nghiêm trọng, bạn góp ý, thì cần nên khéo léo uyển chuyển khi nói ra, để cho mọi người tham khảo, người ta có thể hoan hỷ tiếp nhận, người hoan hỷ, là người hoan hỷ khiêm hạ, ý kiến của bạn là hay. Nếu như thái độ, tư cách của bạn ngạo mạn, **thì có hay chẳng nữa người ta cũng không tiếp nhận đâu**. Chúng ta hy vọng sự việc tốt, mọi người đều được lợi ích, đâu cần phải lập công cho riêng mình! Đâu cần nhất định phải là của mình, điều đó không cần thiết. Bản thân bạn không biết sự khiêm hạ hay như thế nào, thọ dụng của nó, nếu bạn thật sự làm được, thì đúng là pháp hỷ sung mãn. Phu Tử từng nói: “Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”, bạn có thể đạt được pháp lạc. Sự công cao ngạo mạn, **cho mình là hay**, thì trong đó có chứa đựng phiền não, bạn sẽ mang đến đau khổ, không có niềm vui, đó chính là bạn không có tâm bình khí hòa. Khiêm hạ miên viễn giữ được tâm bình khí hòa, tâm dao động thì chắc chắn trong đó là tham sân si mạn, những điều này cần nên hiểu.

“Tiểu thừa điền tịch, nhị thừa đương cơ”. Nhị thừa là gì? Là Thanh Văn, Duyên Giác, Tiểu thừa cũng rất khó được, đối với lời dạy của đức Phật, họ nghiêm chỉnh y giáo phụng hành, nhưng tâm lượng không rộng lớn, họ chú trọng việc tự thọ dụng, không chủ động đi giúp đỡ người khác. Chẳng phải họ không giúp đỡ người khác, mà chỉ giúp những người có duyên, thế nào gọi là người có duyên? Nghĩa là người họ thích, họ thích người đó, họ sẽ giúp đỡ, người họ không thích, thì họ không lý tới. Cho nên chúng ta nói hàng Tiểu thừa tâm lượng nhỏ, hàng Đại thừa tâm lượng rộng lớn, hàng Đại thừa đối với kẻ thù cũng giúp đỡ, hủy nhục họ, tổn thương họ, hỷ báng họ thì khỏi cần phải nói nữa, họ đều giúp đỡ hết, còn hàng Tiểu thừa đối với những người như thế họ không giúp đâu, bạn tôn trọng họ, họ sẽ giúp bạn.

Duy thủ Tịnh độ, kỳ thù thắng diệu, độc tiêu nhất cách, cổ hữu chư thuyết, hạ tiêu tam liệt.

Pháp môn Tịnh độ thật sự rất hy hữu, rất thù thắng, rất vi diệu. Ở đây giảng về đương cơ hoàn toàn khác với Tiểu thừa và Đại thừa. Người xưa có nhiều cách nói khác nhau, dưới đây đưa ra ba ví dụ. Thứ nhất, “thượng bồi vãng sanh, duy thị Bồ tát”. Thứ hai, “bôn vi phạm phu, kiêm vi thánh nhân”. Thứ ba, “chuyên tiếp thượng căn, bàng cập trung hạ”.

Ba điều này cần phải nói cho kỹ, sau khi giảng rõ rồi, mới hiểu được đương cơ của Tịnh tông, thật sự hy hữu, thù thắng, vi diệu không thể diễn tả được. Tóm lại không tách khỏi nguyên tắc phía trước đã nói, phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, đầy đủ ba điều kiện Tín Nguyện Hạnh. Nói đến cùng, chỉ cần đầy đủ những điều này, thì bất luận là người nào cũng là đương cơ hết. Có thể thành công được không? Chúng tôi cần bổ xung thêm rằng, bạn có thể buông bỏ vạn duyên chẳng? Có đời nghiệp thì cũng không thể mang theo Ta bà thế giới đi đâu, điều này không thể, bạn phải buông bỏ thì mới có thể đi được, nếu bạn không buông bỏ thì bạn không đi được đâu. Đời nghiệp thật sự nói đến tuyệt đỉnh, trước khi hơi thở của bạn chấm dứt, nghiệp đó vẫn có thể mang theo được, hơi thở chấm dứt rồi, thì nghiệp đó không thể mang theo được nữa, niệm cuối cùng vẫn không mang theo được. Niệm trước vẫn còn nổi nóng, không sao cả, niệm cuối cùng, chỉ cần bạn tâm bình khí hòa là đi được thôi. Bạn nghĩ xem điều này có hay không, Pháp môn này không có gì thù thắng và hy hữu bằng. Nhưng bạn cần nên biết rằng, đứng về lý, về sự thì quả thật là như thế, nhưng không dễ làm đâu! Có người oán hận chết không nhắm mắt, thế thì đành bó tay thôi, họ không thể đi được. Có người thì chấp mắc người thân, không buông bỏ được, cũng đành bó tay. Cho nên điều này cần phải nhìn thấu, cảnh giới thuận hay nghịch, ở trong đó mà tập luyện, đó là thật sự luyện công phu, thuận cảnh không tham luyện, nghịch cảnh không oán hận, miên viễn duy trì được Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, thì khi nào muốn vãng sanh cũng được, đó là thật sự đạt được đại tự tại, thật

sự gọi là thành Phật. Đạt được Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, thì gọi là A Di Đà Phật, Phật A Di Đà chính là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, trong cuốn kinh này có nói, đức Phật hỏi tôn giả A Nan: “Ông có muốn Thấy Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác chăng? Đó chính là Phật A Di Đà”. Cho nên nếu chúng ta học được Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, thì tâm của chúng ta và Phật A Di Đà tương đồng, 48 nguyện, nguyện tương đồng, 48 nguyện biến thành 1 nguyện, phổ độ chúng sanh, giống như nguyện thứ nhất trong tứ hoằng thệ nguyện, là chúng sanh vô biên thệ nguyện độ. Triển khai ra là 48 nguyện, quy nạp lại thành 1 nguyện, thật sự muốn giúp đỡ chúng sanh, thật sự muốn thành tựu chúng sanh. Giúp đỡ chúng sanh nghĩa là sao? Giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, điều này rất quan trọng, những giúp đỡ khác không phải là cứu cánh, chỉ giúp chúng sanh khai ngộ mới thật sự là cứu cánh, mới thật sự viên mãn. Đoạn văn dưới đây vẫn còn dài, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 36

Tập 37

Giảng ngày 12 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 39, dòng thứ 3 từ dưới lên, bắt đầu học chữ Giáp.

Giáp, thượng bối vãng sanh, duy thị Bồ tát, bốn kinh minh tam bối vãng sanh, mỗi bối tái phân tam phẩm, tặc đồng ư Quán Kinh trong chi cửu phẩm. Đường Thiệu Đạo đại sư dĩ tiền chi cổ đức chư sư, vị vãng sanh Cực Lạc Thượng phẩm Thượng sanh giả, thị tứ địa chí thất địa dĩ lai Bồ tát.

Chúng ta học đoạn này trước, đoạn này tiếp theo đoạn trước nói rằng: Duy thủ Tịnh độ, kỳ đặc thù diệu, độc tiêu nhất cách. Đây nói về sở bị căn cơ, không giống như những kinh luận khác. Từ xưa đến nay có rất nhiều chư vị tiền bối, cách giảng của mỗi người không giống nhau, giảng giải tuy nhiều nhưng quy nạp lại không ngoài ba hạng, hạng người thứ nhất là Thượng bối vãng sanh, cũng chính là Thượng bối tam phẩm, Thượng thượng phẩm, Thượng trung phẩm, Thượng hạ phẩm, đây toàn là Bồ tát, nói cách khác, không phải người bình thường. Dưới đây Niệm Công nói ngắn gọn cho chúng ta dễ hiểu. Bốn kinh Vô Lượng Thọ, trong đây nói tam bối vãng sanh, mỗi bối lại phân thành tam phẩm, cùng với Cửu phẩm trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, hoàn toàn tương đồng, ba lần ba là chín. Thiệu Đạo đại sư vào đời Đường ngày trước, chư vị tôn sư, nghĩa là các vị Tổ sư ngày xưa, họ chủ trương, người vãng sanh Cực lạc Thượng phẩm Thượng sanh, đều là Bồ tát từ Tứ địa đến Thất địa, bốn cấp bậc, 4,5,6,7, vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc là Thượng phẩm thượng sanh. Thượng trung phẩm là từ Sơ địa đến Tứ địa, cũng là 4 cấp bậc, đó là Thượng trung phẩm. Thượng hạ phẩm là Bồ tát Đại thừa chúng tánh trở lên đến Sơ địa. Ở đây nói đến Đại thừa chúng tánh, chúng là chúng tử, nghĩa là trong A Lại Da thức, ngày nay chúng ta nói là ấn tượng. Nó có nghĩa là năng sanh, giống như chúng tử của thực vật vậy, chúng ở đây thêm vào một chữ tánh, tánh là thể tánh. Tánh có nghĩa là vĩnh hằng bất biến, cho nên nói là tánh thể, nghĩa là sao? Trong Hoàn Nguyên Quán nói, “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”, trong Triết học nói là bản thể của vạn hữu, không thể xa rời nó. Trong ví dụ của chúng tôi nói, thể chính là màn hình của Ti vi, thức năng sanh năng biến, nó có sanh diệt, là những cảnh tượng hiện ra trên màn hình. Nói đến chúng tánh có nghĩa là; Năng sanh, năng hiện, năng biến, bao

gồm tất cả. Trong Đại thừa kinh giáo thường nói, tâm hiện thức biến, chủng tánh có nghĩa là như vậy, chủng là Đại thừa chúng tánh. Kinh Anh Lạc có nói, có ngũ chủng tánh, có lục chủng tánh. Ngũ chủng tánh từ là nhân mà nói, lục chủng tánh là vừa nhân vừa quả, ở đây chúng tôi sơ lược giới thiệu qua một chút. Thứ nhất là tập chủng tánh. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: “Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”, đạo Phật thường nói tập khí, chính là tập chủng tánh. Tập chủng tánh trong Đại thừa, dĩ nhiên là bạn đã huân tập rất lâu trong giáo lý Đại thừa, học tập kinh giáo Đại thừa, cái gọi là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, huân tu thật sự có chủng tánh này, thật sự có chủng tánh này nó sẽ khởi tác dụng. Nó khởi tác dụng gì đây? Trong Hoàn Nguyên Quán nói ngũ chỉ lục quán, nó khởi tác dụng này đấy, tác dụng này có thể chiếu kiến ngũ uẩn giai không, có thể phá phiền não Kiến tư hoặc. Nếu như không thể chiếu kiến ngũ uẩn giai không, thì không thể đoạn trừ phiền não Kiến tư hoặc, không đoạn được thì không ra khỏi tam giới, không ra khỏi luân hồi Lục đạo, không ra khỏi Thập pháp giới. Những điều trong kinh Anh Lạc nói là Đại thừa, Đại thừa có Biệt Giáo và Viên Giáo, cảnh giới của Biệt Giáo và Viên Giáo khác nhau rất nhiều. Hoa Nghiêm nói về Viên Giáo, nhưng mà thông thường thì nói về giáo nghĩa của Biệt Giáo nhiều hơn, như trong kinh Anh Lạc nói, đó chính là giáo nghĩa của Biệt Giáo, vì nó còn ở trong phẩm vị Tam Hiền. Đoạn hết phiền não Kiến tư hoặc, công phu đoạn chứng bằng với A La Hán. Người này đến cảnh giới nào? Đến quả pháp giới Thanh Văn trong pháp giới Tứ Thánh, trong Hoa Nghiêm thì người này đến Thất tín trong Thập tín vị, vẫn chưa đến Sơ trụ, Sơ trụ là chứng quả, chẳng phải là nhân. Trong Thập pháp giới Phật, Bồ tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trong Đại thừa giáo đều là nhân vị, đều đang tu nhân. Từ đó cho thấy, không quán quan trọng, nghiên cứu không quán, cũng chính vì lý do này, cho nên Kinh Kim Cang ở Trung Quốc, trong số kinh điển sự nổi tiếng của nó đứng hạng nhất, rất nhiều người biết có kinh Kim Cang, còn những kinh khác thì họ không biết, chẳng ai là không biết Kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang phá không, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Dạy chúng ta tu tập, hạ thủ công phu từ đâu đây? Từ chỗ phá bốn tướng, vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Bốn tướng này, nếu bạn nhìn thấu, thì không còn chấp trước nữa. Vô ngã tướng, là không còn chấp trước thân này là Ta, thật sự coi cái thân này giống như bộ quần áo vậy, đây là chân tướng sự thật. Chấp trước thân này là Ta, sai lầm rồi, sẽ không thoát khỏi luân hồi lục đạo, tu đức hạnh gì, làm việc tốt nào, hành thiện tích đức, quả báo đều ở cõi trời người, không thoát khỏi lục đạo. Nguyên nhân vì sao? Vì chấp thân này là Ta, nhất định phải biết rằng, thân này không phải là Ta, nó là một bộ phận sở hữu của Ta, nó không phải là Ta. Vì sao vậy? Vì thân có sanh diệt, giống như truyền thống y học của Trung Quốc có nói, “hoàng đế nội kinh”, “linh xu”, “tổ vấn”, như trong những cuốn sách này nói, thọ mạng của con người có khoảng 200 tuổi, 200 tuổi vẫn còn phải chết, trường thọ như trong cổ điển của Trung Quốc có ghi, người Trung Quốc có thọ mạng dài nhất, là Bàn Tổ sống hơn 800 tuổi, đó là ở Trung Quốc. Ở nước ngoài nghe nói cũng có một

vị trường thọ, sống hơn 900 tuổi, nhưng mà cuối cùng thân xác này cũng phải hủy diệt, nó không vĩnh hằng, linh tánh thì vĩnh hằng. Linh tánh là gì vậy? Nó chính là chủng tánh chúng ta đang nói ở đây, chủng tánh là danh từ trong Phật giáo. Trong Duy thức gọi là thần thức, thần thức chỉ cho A Lại Da thức. Đúng vậy, vì sao nói A Lại Da là Ta? Bởi vì A Lại Da có tập khí của Ta, tập chủng tánh tuy đã đoạn tận, nhưng tập khí của nó vẫn tồn tại, vẫn còn tập khí. Nếu tập khí không còn nữa, thì gọi là chủng tánh, tập không còn nữa, nên không gọi là tập chủng tánh, mà là chủng tánh. Hoặc giả không thể có chủng, khi có chủng là chủng ẩn, ẩn hiện không hai, nó không khởi hiện hành, nó không khởi tác dụng. Cho nên ngày xưa Chương Gia đại sư dạy chúng ta, “nhìn thấu buông bỏ”, điều này thuộc về nhìn thấu, học tập không quán thường nên suy nghĩ như vậy. Lục căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, cảnh giới này là ý niệm đang khởi tác dụng. Ý niệm cực kỳ vi tế, giống như Bồ Tát Di Lặc nói: Một khảy móng tay, có 32 ức bá thiên niệm, niệm niệm thành hình. Hình là gì? Hình là vật chất, biến hiện ra vật chất, “hình giai hữu thức”, trong mỗi vật chất đều có Thọ Tướng Hành Thức, vật chất này ngày nay khoa học gọi là nguyên tử, hoặc gọi nó là ánh sáng. Nó vô thường, sát na sanh diệt, trong Phật pháp nói, sanh diệt đồng thời, sanh diệt không hai, chính là nói về cái này, cái này chính là chủng tánh. Thường quán xét như vậy, tất cả hiện tượng vật chất đều do nó biến hiện ra, nó tích lũy lại thành một huyền tướng này. Vì sao hiện tượng này khác nhau một trời một vực như vậy? Ngày nay chúng ta nói có động vật, có thực vật, có khoáng chất, có hư không, chính là tần số ba động không tương đồng. Tần suất chậm, sẽ biến thành khoáng chất, sơn hà đại địa; Tần suất nhanh hơn một chút, thì biến thành thực vật hoa cỏ cây cối; Nhanh hơn chút nữa thì biến thành động vật; Nhanh hơn chút nữa, thì biến thành ánh sáng, biến thành điện. Tần suất chấn động không đồng nhau, tần suất này khác nhau một trời một vực, là hiện tượng như vậy. Có thể đạt được hay không? Bất khả đắc. Trong kinh Bát Nhã nói rất rõ ràng, “nhất thiết pháp”, tính từ thân thể của chúng ta, thân thể của chúng ta có thể đạt được hay không? Không thể được, “bất khả đắc”. Tất cả hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần đều bất khả đắc. Nếu bạn cho là bạn có khả đắc, thì đó chỉ là một huyền giác, đó không phải là chân. Bạn xem nói “đắc”, đây là khái niệm trừu tượng, trong Bách pháp của Đại thừa, nó được liệt vào Bất Tương Ứng Hành Pháp. 24 bất tương ứng, cái đầu tiên là đắc, tự mình cho là đạt được, kỳ thật đó là giả. Bất Tương Ứng Hành Pháp có việc này, nó cùng tâm bất tương ứng, cùng sắc bất tương ứng. Cùng tâm không tương ứng nghĩa là cùng tinh thần không tương ứng, cùng sắc bất tương ứng nghĩa là cùng vật chất bất tương ứng, cùng Tâm Sở Hữu Pháp cũng bất tương ứng. Nhưng bạn không thể nói là nó không có, gọi là Bất Tương Ứng Hành Pháp, dùng ngôn ngữ ngày nay thì gọi là khái niệm trừu tượng, không có thật thể. Chúng ta chấp trước cái này, nên biến ra hiện tượng luân hồi, bạn đã bị nó ràng buộc, không ra khỏi phạm vi này. Ngày nào đó giác ngộ một chút, sai rồi, đó chỉ là huyền giác, bạn buông bỏ nó, thì không thấy lục đạo nữa. Cho nên thân tướng là giả, đối lập với thân tướng, mới xuất hiện nhân

tướng, ngã, nhân, đối lập với người là chúng sanh tướng, đối lập với chúng sanh lại sanh ra một quan niệm thời gian, thọ giả tướng, thọ giả tướng là thời gian. Tất cả đều thuộc về khái niệm trừu tượng, bạn phải nhìn thấu, sau khi nhìn thấu rồi, thì buông bỏ chấp trước, không còn chấp trước nữa, lúc này bạn lập tức được hoàn nguyên, cảnh giới của bạn xuất hiện, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm thanh tịnh là Chánh giác. Chúng ta học Phật cầu mong điều gì? Ba thứ chúng ta đều có sẵn, bị mê rồi, bây giờ tìm trở lại, tìm lại Chánh giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đầu tiên tìm lại Chánh giác. Tìm lại được Chánh giác rồi, cách suy nghĩ, cách nhìn của bạn đối với tất cả pháp là chính xác, chắc chắn không sai lầm, giống như cách nhìn của Phật Bồ tát vậy.

Tiến lên một bước nữa có thể buông bỏ được phân biệt, phân biệt là Trần Sa phiền não, buông bỏ phân biệt chính là “tánh chủng tánh”. Tánh chủng tánh là Thập Hạnh Vị, chẳng trụ ở không, buông bỏ không, có thể giáo hóa chúng sanh, phân biệt tất cả pháp tánh. Năng lực này không phải cầu từ bên ngoài, mà là trong Tự tánh của bạn vốn đầy đủ. Năng lực này hiện tiền, năng lực này hiện tiền, thì bạn có thể giáo hóa chúng sanh. Phàm mọi việc nhất định phải có thứ tự trước sau, bạn không có cách nào vượt bậc được. Tập Chủng tánh là phá phiền não Kiến Tư Hoặc, nghĩa là phá chấp trước. Bạn không chấp trước, thì bạn mới có năng lực giáo hóa những chúng sanh chấp trước. Bạn cao hơn họ một bậc, bạn mới có thể giáo hóa họ, bạn bằng với họ, thì bạn không thể giáo hóa họ được. Những điều bạn dạy họ, bạn cho là đúng, thật ra không phải vậy. Từ đó cho thấy, chúng ta muốn dạy người, thì trước tiên phải dạy mình, mới có năng lực dạy người khác. Mình còn không dạy được mình, thì làm sao có năng lực dạy người khác? Thứ tự trong Tứ Hoảng Thệ Nguyên, đương nhiên thứ nhất phải phát tâm, phải phát đại tâm, đại tâm chính là đại Bồ đề tâm, tâm độ chúng sanh. Muốn độ chúng sanh nhất định phải thành Phật, không thành Phật được thì làm sao có thể độ chúng sanh? Muốn thành Phật thì đầu tiên phải đoạn phiền não, “phiền não vô tận thệ nguyện đoạn”, thành tựu đức hạnh của mình, hồi quy về tự tánh, là đoạn phiền não. Sau khi đoạn phiền não, mới có thể học pháp môn, “pháp môn vô lượng thệ nguyện học”. Được pháp môn rồi, gọi là khai ngộ, sau khi ngộ thì đức tướng trí huệ trong tự tánh vốn sẵn có đều hiện tiền. Nếu như không kiến tánh, thì bạn học đến kiếp nào đây? Học không hết, miên viễn học không hết. Kiến tánh rồi thì hoàn toàn minh bạch, khi đó gọi là thành Phật đạo. Thành Phật đạo, sơ trụ Bồ tát là thành Phật đạo, tuy thành Phật đạo, nhưng vẫn còn tập khí vô thi vô minh trong Thập pháp giới, đoạn hết tập khí, ngay Thật Báo Trang Nghiêm Độ cũng không có, thật là “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, không nói rằng trừ Thật Báo Trang Nghiêm độ ra, không nói như thế, Thật Báo Độ cũng là hư vọng, cuối cùng duy nhất thật sự xuất hiện là Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang là bản thể của tự tánh, như thế mới đạt đến cứu cánh viên mãn. Cho nên Bồ tát Thập hạnh vị, có thể giáo hóa chúng sanh, Biệt Giáo bắt buộc phải tuân thủ theo lời dạy của Thầy, Thầy là Đức Phật. Nếu không y theo lời dạy của Đức Phật, mà làm theo ý của mình, thì sẽ có lệch lạc, có sai lầm, thì phải

gánh trách nhiệm về nhân quả. Như người xưa từng nói, sai một chữ chuyên ngữ, phải đọa làm thân Dã Cô 500 đời. Công án này của Bách Trượng Đại sư, đã cho chúng ta sự cảnh giác rất lớn, từ đó chúng ta có sự cảm nhận sâu sắc rằng, việc tu tập quan trọng nhất là buông bỏ, nhất định phải nhìn thấu. Buông bỏ 5 loại Kiến hoặc, bạn mới có thể chứng được Bồ tát Sơ Tín Vị trong Thập Tín Vị. Công phu đoạn chứng của vị này, tương đương với Tiểu thừa Tu Đà Hoàn. Bạn nên biết rằng: Nhị Tín Vị là nhị quả hướng, Tam Tín Vị là nhị quả Tư Đà Hàm của Tiểu thừa. Tứ Tín Vị là tam quả hướng, Ngũ Tín Vị là tam quả A Na Hàm. Lục Tín Vị là tứ quả hướng, Thất Tín Vị là tứ quả A La Hán, bạn thấy rất rõ. Bát Tín Vị là Bích Chi Phật, Cửu Tín Vị là Bồ tát, Thập Tín Vị là Phật, Phật trong Thập pháp giới. Thấy rất rõ ràng trong Kinh Hoa Nghiêm, phá vô thi vô minh, có nghĩa là không khởi tâm, không động niệm. Thập Tín Vị tiến lên nữa là Sơ Trụ, Sơ Trụ của Viên Giáo bằng với Sơ Địa của Biệt Giáo, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, đây là sự thật. Thập Tín Vị không kiến tánh, tiến thêm một bước nữa là kiến tánh. Nói cách khác, người đến ranh giới của kiến tánh, còn kém một chút xúi thôi, công phu cao lên một tí nữa là kiến tánh. Sau khi kiến tánh mới có thể phổ độ chúng sanh. Thông thường mà nói A La Hán là có tư cách ở trong lục đạo độ chúng sanh, khi vị này độ chúng sanh chính là tánh chủng tánh, vị này không trụ ở không, cho nên là Đại thừa. A La Hán Tiểu thừa không độ chúng sanh, không độ chúng sanh mà trụ ở không, sự khác biệt là ở chỗ này. Không đó là gì? Là Thiên Chân Niết Bàn, là chỗ A La Hán chứng được, vị này chứng được, không trụ, không trụ sanh tử, không trụ Niết Bàn, đó chính là Đại thừa, hồi tiểu hướng đại.

Thứ ba gọi là Đạo chủng tánh, Đạo chủng tánh là Thập Hồi Hướng Vị, tu trung đạo diệu quán, nghĩa là không trụ nhị biên, không trụ nhị biên, vẫn còn có trung đạo, lại biến thành nhị biên, một bên là không hữu, một bên là trung đạo. Cho nên phía sau đức Phật thêm vào một câu: “Nhị biên bất trụ, trung đạo bất tồn”, bạn mới thật sự trụ ở trung đạo. Ở trong trung đạo ngay cả ý niệm về trung đạo cũng không có, ý niệm nhị biên cũng không có, thế mới gọi là Trung đạo. Bạn còn có không, có hữu, còn có trung đạo, thì xáo trộn rồi, tâm của bạn làm sao thanh tịnh được? Trên thực tế tánh chủng tánh trụ ở thanh tịnh vị, đạo chủng tánh trụ ở bình đẳng vị. Đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ là Bình Đẳng, đến thánh chủng tánh là giác ngộ, là kiến tánh. Đó là sự tu tập của chúng ta, chẳng riêng gì Tịnh tông, mà bất luận tu pháp môn nào, khám xét công phu của bạn là ở chỗ này. Chúng ta học Phật rốt cuộc tu được thế nào, nhìn vào đâu? Tâm thanh tịnh. Tâm của chúng ta thật sự có thanh tịnh hơn lúc trước hay không? Tâm thanh tịnh không nhiễm ô, trong thuận cảnh không bị cảnh giới nhiễm ô, vậy nghĩa là sao? Nghĩa là không tham luyến. Ở trong thuận cảnh, không hề có tư hào tâm niệm tham luyến. Ở trong nghịch cảnh, chẳng hề có tư hào tâm niệm sân hận. Tâm của bạn giống như nước trong đầm, vĩnh viễn duy trì gió yên sóng lặng, không có nhiễm ô. Phải biết cảnh giới bên ngoài,

thuận cảnh, nghịch cảnh, ác duyên, thuận duyên đều là cảnh giới bên ngoài. Thuận cảnh nghịch cảnh đến trức nghiệm tâm của bạn có thanh tịnh hay không? Thiện duyên ác duyên để xem tâm của bạn có bình đẳng hay không? Cho nên chúng ta tu tập, tu ở đâu đây? Không thể tách rời hoàn cảnh, tách rời hoàn cảnh thì làm sao bạn có thể tu tập thành công được. Trong hoàn cảnh nhân sự tu bình đẳng, trong hoàn cảnh vật chất tu thanh tịnh, đó gọi là thật sự công phu. Hàng ngày đọc tụng kinh giáo, nghiên cứu kinh giáo, đó là gì? Là nhắc nhở bạn, sợ cảnh giới hiện tiền bạn lại hồ đồ, lại mê hoặc, đó là sai. Thời khóa hàng ngày, đều là để trức nghiệm bản thân, xem có bị cảnh giới làm dao động hay không? Trong hoàn cảnh vật chất có khởi tâm động niệm chăng? Khởi tâm động niệm là nhiễm ô. Trong hoàn cảnh nhân sự, khởi tâm động niệm, thì đánh mất bình đẳng, giống như nước trong đầm dầy sóng, thế là sai. Kinh giáo là môn học trên lớp, trong cuộc sống, trong công việc, trong việc tiếp nhân xử thế, đó là tu tập, đó là hạ thủ công phu, đó là luyện công. Luyện công ở đó, chỉ học trên lớp mà không luyện công thì không được, không thể thành tựu, luyện công mà không có tiêu chuẩn của tiết học cũng không được, không có tiêu chuẩn, luyện tập, không tiêu chuẩn. Cho nên hạnh giải hai cửa không thể thiếu một; Tiết học là giải, cảnh giới thuận nghịch là hạnh, có giải có hạnh bạn mới có chúng.

Cho nên Thập Hồi Hướng vị, tu trung đạo diệu quán, do đó thông đạt tất cả Phật pháp. Bạn xem, thông đạt, thông là không có chướng ngại, đạt được rõ ràng, thật sự rõ ràng, cái gọi là một kinh thông tất cả kinh thông. Chúng được một pháp môn, thì tất cả các pháp môn khác đều chứng được. Trong kinh Hoa Nghiêm nói : “Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”, cho nên người biết học, hạ thủ công phu ở một pháp môn, nhất định phải học thông, không thông không buông tay. Bạn vẫn chưa thông, bạn đổi pháp môn khác, điều này thì phiền phức đấy, đó là điều cấm kỵ lớn nhất, đổi tới đổi lui, suốt cả cuộc đời cũng không thông được. Nếu như một pháp môn, bạn giữ chặt, nhất định không thay đổi. Trong truyện ký của người xưa chúng tôi có xem qua, trong Ngũ Đẳng Hội Nguyên, tình trạng bình thường, thì 3 đến 5 năm là được tam muội. Được tam muội nghĩa là sao? Là được Thanh Tịnh Bình Đẳng, tâm vị này thanh tịnh bình đẳng, thông thường chúng ta nói vị này được định. Được định không phải ngồi thiền, điều này nhất định các vị phải biết, không phải ngồi xếp bằng diện bích, mà ở trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, khi sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, vị này luôn giữ được tâm bình khí hòa, đó là định. Vị này không bị cảnh giới bên ngoài làm dao động, ở trong cảnh giới tự mình có thể làm chủ được, khoảng 3 đến 5 năm là có thể đạt được. Đạt được định, ở những pháp môn khác, thì không thoát khỏi lục đạo luân hồi, nếu như ở pháp môn niệm Phật, thì chắc chắn bạn được vãng sanh. Ở trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, chắc chắn là tam bối, nghĩa là Thượng tam phẩm, rất có thể bạn tiến lên một bậc nữa, là sanh về Phương Tiện Hữu Dư Độ. Ở trong định một thời gian, cổ nhân của Trung Quốc có nói: “7 năm tiểu thành, 9 năm đại thành”, thêm mấy năm công phu nữa thì sẽ khai ngộ.

Khai ngộ nghĩa là minh tâm kiến tánh, vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc là thượng bồi vãng sanh, đó là sự thật, không phải giả đâu. Cho nên Thiện Đạo Đại sư vào đời Đường, cùng chư vị tôn sư, các Ngài nói cũng rất có lý, chẳng phải là vô lý đâu. Đó là nói về đạo chủng tánh, nghĩa là phải không ngừng hướng thượng.

Thứ tư là Thánh Chủng Tánh, Thánh Chủng Tánh là nói về Thập địa. Thập trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng đều là hiền vị, gọi là tam hiền. Tam hiền có 30 cấp bậc, tu đầy đủ Thập Hồi Hướng chứng được Sơ Địa, Sơ Địa trở lên gọi là Thánh. Trong đại thừa giáo chúng ta thường niệm, “bồ tát ma ha tát”. Bồ tát là Bồ tát tam hiền, tam hiền vị, Ma ha tát là Thập địa vị, Thập Địa Gọi là Ma Ha Tát, là Đại Bồ Tát, là thánh nhân, thánh hiền, thập địa là thánh. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng là hiền, tam hiền thập thánh. Bồ tát ma ha tát gọi là thánh chủng tánh. Điều do tu mà có.

Tiến lên một bước nữa, đẳng giác vị, gọi là Đẳng Giác Tánh, địa vị này là Bồ tát, nhìn về sau, phía sau là Diệu Giác, còn kém một chút nữa. Nhìn về phía trước thì vị này đã siêu việt, siêu việt Tam hiền Thập thánh, địa vị này là Hậu Bồ Phật, đẳng giác vị là Hậu Bồ Phật.

Thứ sáu là đến cực điểm, gọi là Diệu Giác Tánh, thứ sáu là diệu giác tánh, diệu cực giác mãn. Trong đây tánh tuy thông lục vị, nhưng chúng chỉ ở tại nhân, cho nên bốn vị trước gọi là chủng. Đẳng Giác tuy vẫn là nhân vị, nhưng nó thù thắng hơn những điều trước nhiều, nên nó không gọi là Nhân, mà gọi là Giác. Những điều trước Thập Địa đều là nhân vị, Đẳng giác không gọi là nhân, Đẳng giác gọi là Giác, đây là Giác vị, không gọi là chủng nữa. Chủng là chủng tử, chủng tử chỉ đến Thập Địa Vị, Đẳng Giác không gọi là chủng, như vậy có nghĩa là gì? Là bất sanh bất diệt. Nếu dùng giáo nghĩa Hoa Nghiêm, chúng ta có thể lãnh hội được, tập khí vô minh của Thập địa Bồ tát, vẫn còn tác dụng rất vi tế, đến Đẳng Giác tập khí vô minh vẫn chưa đoạn sạch, nó không khởi tác dụng, thật sự không khởi tác dụng, cho nên không gọi nó là chủng. Khởi tác dụng vẫn còn là chủng, chủng tử khởi tác dụng, còn nó không khởi tác dụng, nhưng mà nó vẫn còn, cho nên gọi nó là Giác chứ không gọi là Chủng. Đến vị Diệu Giác, giác đã viên mãn, gọi là Diệu Giác, Diệu chính là Phật quả cứu cánh viên mãn. Ở đây nói về cái gì gọi là Đại thừa chủng tánh, Đại thừa chủng tánh, cũng có nghĩa là Thập Trụ của Biệt Giáo trở lên, Thập Trụ của Biệt Giáo trở lên cho đến Thập Địa Thánh Chủng Tánh, đều được gọi là Đại thừa Chủng tánh. Đại thừa Chủng tánh trở lên đến Sơ Địa Bồ tát, họ sanh thế nào? Thượng bồi hạ sanh, thượng bồi hạ phẩm là những người này.

Trung phẩm thượng sanh là Tiểu thừa tam quả. Vì sao không gọi là Tiểu thừa tứ quả? Tiểu thừa tứ quả là thượng bồi hạ sanh, thượng hạ phẩm, cho nên trung bồi thượng sanh là Tiểu thừa tam quả. Đây là những điều người xưa dạy, đều là thánh nhân, đoạn tận phiền não Kiến Tư Hoặc.

Dưới đây Niệm Công dạy chúng ta: Nhược như thị giải, tắc cử phẩm chi trung, thượng phẩm duy thị Bồ tát thánh chúng sở sanh, trung thượng phẩm thị tiểu thánh sở sanh, tùng thượng thượng chí trung thượng tứ phẩm phạm phu tụyệt phần.

Hình như phạm phu không có phần vậy, chẳng phải có nghĩa là như vậy sao? Điều này Thiện Đạo Đại sư, và các vị Tôn sư có giảng nói như vậy.

Chúng ta học đoạn kế tiếp, đoạn Át. “Bổn vi phạm phu, kiêm vi thánh nhân”, những vị này chủ trương khác với những người trước. Thiện Đạo Đại sư viết cuốn Quán Kinh Tứ Thiếp Số, chú giải Quán Kinh, tứ thiếp, thiếp là quyển. Chú giải của Ngài tổng cộng có 4 quyển, cho nên gọi là Tứ Thiếp Số, chính là số của Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

Trong truyền thuyết, Thiện Đạo Đại sư là Phật Di Đà tái lai. Tôi đến tham vấn ở Nhật Bản trước sau sáu lần, tiếp xúc với các vị Đại đức của Tịnh tông ở Nhật Bản rất nhiều. Tôi thỉnh giáo với họ, nghe nói Thiện Đạo Đại sư là hóa thân của Phật Di Đà, người Nhật quý vị có suy nghĩ gì? Họ trả lời rằng, người Nhật tin như vậy. Một số chùa chiền ở Nhật Bản, có thờ hình tượng Thiện Đạo Đại sư, tượng gỗ, tượng xi măng, tranh vẽ vân vân. Nơi nào cũng có thể nhìn thấy, đối với Tổ sư họ rất sùng bái, sự sùng bái Tổ sư còn hơn là sùng bái Bồ tát, cho nên họ có Tổ Đình, Tổ Sư Điện. Rất nhiều chùa tông Tịnh độ, sử dụng tên của Thiện Đạo Đại sư, chùa Thiện Đạo, chỉ cần bạn nhìn thấy chùa Thiện Đạo, là biết ngay đây là tông Tịnh độ, rất sùng kính đối với Thiện Đạo Đại sư.

Trong chú giải Quán Kinh của Thiện Đạo đại sư, “phá tiền thuyết viết”, tiền thuyết nghĩa là trước đời Thiện Đạo Đại sư, tức là người xưa chuyên vì Bồ tát mà giảng thuyết, Thiện Đạo đại sư thì không như vậy.

Như Lai thuyết thử thập lục quán pháp, đản vi thường một chúng sanh, bất can đại tiểu thánh dã.

Câu này nói hay quá, chúng ta nghe rồi cảm thấy yên tâm. Thượng thượng phẩm vãng sanh, chúng ta cũng có phần, chẳng riêng gì Bồ tát, 16 loại quán pháp này, nghĩa là Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, nói về 16 cách quán của pháp môn Tịnh độ.

Đản vi, có thể nói rằng chuyên vì thường một chúng sanh. Thường một nghĩa là sao? Là chúng sanh trong lục đạo, là vì chúng sanh trong lục đạo. Bất can đại tiểu thánh, cùng với đại thánh, tiểu thánh, đại thánh là Bồ tát, tiểu thánh là tam quả, không tương can với họ. Chuyên vì lục đạo chúng sanh mà nói, câu này của Thiện Đạo đại sư nói. Thiện Đạo Đại sư là hóa thân của Phật Di Đà, thì câu này do chính kim khẩu của Phật Di Đà nói với chúng ta vậy.

Dưới đây, ý vị Phật thuyết Quán Kinh trung chi Cửu Phẩm vãng sanh, chỉ vi trầm nịch chi chúng sanh.

Thường một nghĩa là thường thường đọa vào ba ác đạo, giống như bơi lội trong biển cả vậy, thời gian ngược đầu lên rất ngắn, hít thở chút không khí trong lành, lại hụp đầu xuống, thời gian đó dài, chỉ cần ở trong lục đạo, thì thật sự giống tình trạng này. Cho nên lục đạo chúng sanh đến cõi nhân thiên thời gian rất ngắn, đến tam đồ thì thời gian dài, thường trú ở chỗ khổ.

Nhi phi chuyên vi Bồ tát dữ A La Hán dã.

Thế giới Tây Phương Cực Lạc không phải chuyên vì Bồ tát, cũng chẳng phải chuyên vì bậc A La Hán, mà là chuyên vì sanh tử phàm phu trong lục đạo. Điều này nên nhận thức rõ ràng.

“Hựu vân”, điều này cũng do Thiên Đạo đại sư nói. “Hựu khán thử Quán Kinh, định thiện cập tam bối thượng hạ văn nghĩa, tổng thị Phật khứ thế hậu, ngũ trước phàm phu, đản dĩ ngộ duyên hữu dị, chí linh cửu phẩm sai biệt.

Câu này nói quá hay, Thiên Đạo Đại sư dạy chúng ta, ý nghĩa rất đơn giản. Thế giới Tây Phương Cực Lạc Tam Bối Cửu Phẩm. Hình thành thế nào đây? Ở chỗ ngộ duyên bất đồng, nếu như duyên vô cùng thù thắng, thì người này rất có khả năng thượng bối vãng sanh. Nếu gặp phải duyên không thù thắng, thì có thể là hạ bối vãng sanh, điều này rất rõ ràng. Ví dụ như xã hội ngày xưa, phương tiện giao thông không tiện, thông tin không có, các vị Pháp sư giảng kinh đều giảng ở trong chùa. Hạng người nào duyên có phần thù thắng hơn? Dân trí thức. Giáo viên dạy học ở những trường học tư nhân, thời gian nghỉ lễ nghỉ tết, có thì giờ nhiều hơn một chút, họ sẽ đến chùa nghe các vị Pháp sư giảng kinh, có nhân duyên thù thắng như thế, họ có thể nghe được kinh điển Tịnh độ, có thể tiếp nhận người xuất gia dạy họ tu tập, duyên của họ thù thắng. Họ hiểu lý, họ biết phương pháp nên nghiêm chỉnh tu tập, rõ ràng phẩm vị của họ đã nâng cao. Thông thường người không biết chữ rất nhiều, họ không thể đến chùa để nghe kinh, nghe người khác nói: Phật A Di Đà hay, thế giới Tây phương Cực lạc là đẹp, chỉ cần bạn chuyên niệm là có thể được vãng sanh. Người cũng làm, họ liền chuyên niệm, lão thật niệm, niệm đến 3 năm 5 năm, công phu đến nhà thì họ cũng được vãng sanh, phẩm vị thì không cao, đại khái đều sanh về Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Đó chính là ngộ duyên bất đồng.

Nói đến ngộ duyên của chúng ta quả thật là quá thù thắng, thù thắng không gì sánh bằng. Vì sao vậy? Vì chúng ta có thể gặp được cuốn Hội Tập của Hạ Liên lão cư sỹ, đó là thù thắng không gì sánh bằng. Ngày xưa người ta cũng học kinh Vô Lượng Thọ, đó là học năm loại bản dịch, điều này chúng ta có thể thấy trong Đại tạng kinh. Ngày nay chúng ta đem 9 cuối kinh Vô Lượng Thọ in thành một cuốn, mọi người xem là hiểu

được, cuốn sách này quá hay, năm bản dịch kết tập thành 1. Sự giảng giải của Đức Thế Tôn, thật sự là một câu không sót, cuốn sách này rất khó được, lại có duyên gặp được cuốn chú giải của Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, đó đều là nhân duyên hy hữu không gì bằng. Ngộ duyên của chúng ta quá thù thắng! Đồng thời chúng ta còn gặp được Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm và rất nhiều kinh luận khác. Khiến chúng ta đối với Đại thừa, đối với những cuốn sách nói về sự vãng sanh của Tịnh tông có được sự nhận thức, có một nhận thức sâu đậm. Chúng ta hiểu được phương pháp, y theo phương pháp tu tập, đời này không được Thượng bồi thượng sanh, nhưng Thượng bồi hạ sanh thì có phần, Thượng bồi hạ sanh là được rồi. Vì sao vậy? Vì cũng sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thượng bồi sanh thật báo độ, trung bồi sanh phương tiện độ, hạ bồi sanh đồng cư độ. Chúng ta thật sự nắm chắc, bây giờ chính là lúc có chấp nhận buông bỏ hay không? Không còn chấp trước, phải ghi nhớ việc không còn chấp trước. Buông bỏ thân kiến, buông bỏ biên kiến, biên kiến chính là đối lập, học tùy duyên, học hòa hợp, không đối lập với người. Đó là gì? Là tất cả phiền não đều hàng phục được hết, buông bỏ thành kiến, những kiến giải sai lầm cho mình là đúng, đều buông bỏ hết. Buông bỏ thì thế nào? Thì tâm thanh tịnh của bạn sẽ hiện tiền. Tâm thanh tịnh sanh Chánh giác, chúng ta sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc cấp bậc sẽ cao hơn là sanh về Phương Tiện Hữu Dư Độ. Nếu như tiếp tục buông bỏ được, buông bỏ tâm chấp trước thì bạn sẽ được tâm Bình đẳng, tâm Bình đẳng này là trung thượng phẩm. Tiến lên một bước nữa, nghĩa là không khởi tâm không động niệm, thì sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Công phu niệm Phật không tiến bộ thì làm sao mà được.

Trong cuộc sống hàng ngày chúng ta học điều gì? Học chịu thiệt thòi, điều này quan trọng hơn tất cả. Không chấp nhận thiệt thòi, không chấp nhận bị gạt, đó là gì? Đó là chấp trước. Nếu như tâm niệm này không thể buông bỏ, thì chúng ta chỉ vãng sanh về Đồng Cư Độ, không thể sanh về Phương Tiện Độ và Thật Báo Độ. Khi bạn muốn tiến lên, thì phải buông bỏ vạ duyên, người ta gạt tôi, hãm hại tôi, việc tốt đấy, tôi rất biết ơn, tuyệt đối không để ý, không chất chứa trong lòng, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng của mình từ đó mà thành tựu, tuyệt đối không bị cảnh giới bên ngoài làm dao động, tâm được bình đẳng, tuyệt đối không bị cảnh giới bên ngoài khởi lên thất tình ngũ dục. Thất tình ngũ dục là nhiễm ô, hỷ, nộ, ai, lạc, ái, ác, dục, cảnh giới bên ngoài hiện tiền, bạn khởi lên tâm này, thì sẽ bị nhiễm ô. Trong cảnh giới có tâm cao thấp, thì không phải là tâm bình đẳng, không có tâm cao thấp, tất cả bình đẳng, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Nhìn bất cứ chúng sanh nào, cũng giống như nhìn Phật vậy, tu tâm bình đẳng. Luyện trong cuộc sống hàng ngày như thế, thời thời khắc khắc ở bất cứ nơi nào đều luyện công phu. Vừa khởi niệm lên, bất luận là tâm niệm cao hay thấp, tâm niệm thất tình ngũ dục, vừa mới khởi niệm lên liền A Di Đà Phật. Cổ nhân có dạy, “đừng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Niệm là gì? Niệm là tập khí vô thi vô minh, làm sao nó không khởi, nó mà không khởi

thì chẳng phải bạn đã thành Phật rồi sao? Bạn không phải là phàm phu nữa. Là phàm phu chắc chắn sẽ khởi niệm, khởi niệm đừng sợ, vừa khởi niệm lập tức giác ngộ ngay, niệm thứ hai bèn biến thành A Di Đà Phật, dùng một câu A Di Đà Phật để thay thế, đó là chân thật niệm Phật, là biết niệm Phật. Người không biết niệm thì không được, người không biết niệm, thì vẫn còn phân biệt, vẫn còn chấp trước. Đó chính là tâm xen tạp mà chúng ta thường nói, hoài nghi, xen tạp, không biết niệm. Người biết niệm thì không hoài nghi, không xen tạp. Dùng một câu danh hiệu Phật để thay thế tất cả mọi tâm niệm của mình. Không khởi niệm, khởi niệm chính là A Di Đà, đây gọi là tương ưng, nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật, đó là thật sự công phu. Cho nên đoạn kinh văn này, Quán Kinh nói về định thiện. Nói về thiện có định thiện và tán thiện. Định thiện là thời khóa cố định, tán thiện là tu trong cuộc sống hàng ngày.

Cập tam bồi thượng hạ văn nghĩa, tổng thị Phật khứ thế hậu. Sau khi đức Phật Thích Ca diệt độ, lục đạo phàm phu ở đời ác ngũ trược.

Đản dĩ ngộ duyên hữu dị, chí linh cửu phẩm sai biệt, hoặc giả thượng phẩm tam nhân thị ngộ đại phàm phu.

Đời này chúng ta không thật sự gặp được Bồ tát Thánh nhân, không gặp được Phật Bồ tát, mà gặp đại phàm phu, chúng ta có thể gọi đại phàm phu là đại thiện nhân, thiện tri thức. Họ có nhân duyên thù thắng, gặp được thầy hay, đồng tham bạn hữu tốt, chánh tri chánh kiến, tu giới, tu định, tu huệ, có thể làm thầy của chúng ta.

“Trung phẩm tam nhân”, trung phẩm nghĩa là thượng trung hạ: Trung thượng, trung trung, trung hạ. “Ngộ tiểu phàm phu”, ở thế giới của chúng ta đây, cũng là thiện tri thức, là bạn hữu tốt, cũng có thể giúp cho chúng ta thành tựu, sanh về Phương Tiện Hữu Dư Độ.

“Hạ phẩm tam nhân thị ngộ ác phàm phu”, ác phàm phu nghĩa là gì? Là tập khí phiền não nặng, người này cũng học Phật, bản thân họ có được vãng sanh hay không, không quan trọng, họ dạy chúng ta tu tập pháp môn này, chúng ta nghe lời, và thật sự tu tập, chắc chắn được vãng sanh, sanh về Phàm Thánh Đồng Cư Độ.

Từ đó cho thấy, có thể một đời này thành tựu được hay không, mấu chốt của nó ở chỗ nào? Mấu chốt ở bản thân mình chứ không phải ở người khác. Trí Giả Đại sư nói rất hay, Ngài nói: “Năng thuyết bất năng hành, quốc chi sư dã”. Năng thuyết bất năng hành là ác phàm phu, người này có thể làm thầy của chúng ta, chúng ta chỉ cần nghe lời, “quốc chi sư dã”. “Năng thuyết hựu năng hành, quốc chi bảo dã”, đó là gì vậy? Là đại phàm phu, là quốc bảo. Họ có thể dạy bạn, nhưng bản thân họ không làm được. Nếu bạn thật sự có tâm cung kính, thì không để ý đến hành trì bất thiện của họ, không để ý đến những điều này, những điều họ nói là đúng, những điều họ nói là thiện, chúng ta y giáo phụng

hành, thì chúng ta có thể thành tựu. Cho nên ngôn ngữ Trung Quốc có câu: “Thanh xuất ư lam nhi thắng ư lam”, câu này có nghĩa là thầy giáo biết dạy, nhưng bản thân thầy thì không làm được. Dạy học sinh học sinh làm được, học sinh thành tựu vượt hơn thầy, thầy giáo thì không có gì thành tựu, còn học sinh thì thành tựu được, cái lý của nó ở chỗ này. Vì sao học sinh thành tựu được? vì tôn sư trọng đạo, học sinh đã làm được điều này. Thầy giáo thiện hay bất thiện đều không để trong lòng, chỉ cần những điều thầy dạy tương ứng với kinh luận là được rồi. Thầy giáo không giảng sai kinh luận, chỉ dạy chúng ta phương hướng và đường đi chính xác, điều này rất khó. Bản thân làm được, hay không làm được, hoặc là bản thân tin tưởng hay không tin tưởng, đó là chuyện khác, không liên quan gì đến chúng ta. Chúng ta phải tu học như thế mới thật sự được thành tựu. Học đến cuối cùng, bản thân công phu đắc lực, sự học hỏi không thể gián đoạn, sống đến già, học đến già, học hoài không hết. Học đến một giai đoạn nào đó, thì giống như Thiện Tài đồng tử Ngũ Thập Tam Tham. Ngũ Thập Tam Tham nghĩa là sao? Là ai ai cũng là thầy của tôi, người lành là thầy của tôi. Những biểu hiện của vị này, những thiện pháp mà vị này nói ra, chúng ta nghe rồi, nhìn lại bản thân, xem mình có hay không, nếu như không có, phải nghiêm chỉnh học tập làm theo. Nếu như có, tốt! Phải tiếp tục duy trì, đừng để đánh mất, thì bạn sẽ học được. Người ác làm những điều ác chúng ta đã thấy rồi, thầy của tôi đấy, phản diện dạy tôi, tôi thấy rồi, nghe rồi. Suy nghĩ xem mình có hay không? Có, thì sửa đổi, nếu không có, thì phải nhắc nhở bản thân không được phạm phải lỗi lầm này. Thiện nhân chính diện dạy ta, người bất thiện phản diện dạy ta, tất cả đều là thầy của ta. Người này một đời thành Phật, họ sẽ rất biết ơn những vị thầy giáo này. Thập Pháp Giới y chánh trang nghiêm, ai chẳng phải là thầy của mình? Tất cả mọi người là thầy giáo. Nói cho bạn biết, tất cả động vật là thầy giáo, hoa cỏ cây cối cũng là thầy giáo, sơn hà đại địa cũng là thầy giáo. Cho nên Thiện Tài Đồng tử, có thể trong một đời chứng được quả vị Diệu GIÁC. Vị này đã học như thế nào? Vị này biết học, đã học như vậy đấy. Ngày nay chúng ta gặp được thầy hay, lại hoài nghi thầy, bản thân bạn không không được lợi ích gì. Gặp phải thầy không hay, lại chê bai thầy, nói rằng: Người này không phải người tốt, chúng ta không nên thân cận, xa rời thầy. Ở chỗ người tốt không học được điều gì, ở chỗ người xấu cũng không học được điều gì, thì suốt cuộc đời này của bạn sẽ có được thành tựu gì đây, nhất định phải học như tâm Thiện Tài đồng tử, thì chúng ta sẽ thành công. Tâm của Thiện Tài đồng tử như thế nào? Là xem tất cả chúng sanh đều là Phật. Người đó làm thiện là người đó đang biểu diễn cho chúng ta thấy, người đó là việc xấu thì cũng là đang biểu diễn cho chúng ta thấy, tất cả là đều dạy ta. Vị này làm thiện và ác, là làm để cho chúng ta thấy, chứ không phải họ thật sự ác hay thật sự thiện, vị đó là thầy, ta là học sinh, thầy dạy ta, thầy ấy đóng vai diễn suất sắc, khiến ta rất cảm động, trong đó khiến ta lãnh ngộ được, khiến ta học được, sự việc là như vậy. Cho nên mười nguyện của Ngài Phổ Hiền, nguyện thứ nhất là “lễ kính chư Phật”, không có sự khác biệt trong đây, chư Phật là Phật quá khứ, Phật hiện tại. Chúng ta thấy kinh Phật Danh trong Đại Tạng Kinh, trong đó có hơn một vạn danh hiệu Phật, có Phật quá khứ, Phật vị lai, Phật hiện tại.

Trong kinh Phật Danh, ý nghĩa quan trọng nhất là gì? Là vị lai. Phật vị lai ở đâu? Tất cả chúng sanh đều là Phật vị lai, cho nên Tam Thế Chư Phật quan trọng nhất là nói đến vị lai. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đã có Phật tánh thì nhất định sẽ thành Phật. Ngày nay chúng ta có tội với tất cả chúng sanh, nghĩa là có tội với chư Phật vị lai, thì làm sao bạn có thể thành tựu được? Bạn không thể thành tựu được. Trong kinh Hoa Nghiêm nói càng đầy đủ hơn: “Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”, chẳng những hữu tình, hữu tình là nói đến động vật, là Phật vị lai, mà hoa cỏ cây cối cũng là Phật vị lai, sơn hà đại địa cũng là Phật vị lai. Vì sao vậy? Vì đồng viên chủng trí, viên là viên mãn, chủng trí chính là Nhất Thiết Chủng Trí mà chư Phật Như Lai chứng được quả vị cứu cánh. Bạn xem tình và vô tình đều viên mãn Nhất Thiết Chủng Trí, đó chẳng phải ngay cả sơn hà đại địa cũng có thể thành Phật hay sao?

Trong Hoàn Nguyên Quán dạy chúng ta 3 loại châu biến, đưa ra ví dụ gì đây? Đưa ra một vi trần. Một vi trần là gì? Ngày nay nói là hạt nguyên tử cơ bản quark, mắt thường không thấy được, là hiện tượng vật chất nhỏ nhất. Một vi trần này châu biến pháp giới. Bạn nên biết rằng, những vi trần rất nhỏ như thế là gì? Là ba động. Hiện tượng vật chất làm sao mà có? Do ba động hình thành. Vì vậy bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần đều do ba động hình thành, sự biến động của nó châu biến pháp giới. Phải mất bao lâu mới châu biến pháp giới? Lập tức, ngay đó bèn châu biến pháp giới. Ở trong cảnh giới đó không có thời gian và không gian, cho nên tốc độ của nó rất nhanh. Ngày nay chúng ta nói ánh sáng, điện từ không bì được, còn thua xa, tia sáng từ mặt trời đến địa cầu, cự ly gần cũng phải mất 8 phút, ba động của một vi trần thì lập tức châu biến pháp giới. Thập phương chư Phật Như Lai, A La hán, đều có thể nhận được tin này, các vị ấy tỉ mỉ, còn chúng ta thì thô tháo, cho nên không thể nhận được. Chẳng phải không có cảm đầu, thật sự có cảm đấy, nhưng chúng ta không thể ứng được, vì chúng ta còn chướng ngại. Các vị thánh nhân, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ tát, các vị ấy đã phục hồi được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, cho nên họ có thể nhận được. Đó là châu biến thứ nhất.

Thứ hai là “xuất sanh vô tận”. Xuất sanh vô tận là nói về biến hóa, biến hóa vô lượng vô biên, không có số lượng, không có biên giới. Sự biến hóa này nương vào đâu mà khởi tác dụng? Nói cho các vị biết, nó nương vào ý niệm, vào thức. Thức, trong Phật pháp nói, thọ tướng hành thức, đều gọi là thức, thọ tướng hành thức sát na sát na không giống nhau. Hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất, nương theo ý niệm vi tế mà sản sinh biến hóa. Điều này nói rất nhiều trong những lời dự ngôn, là nguyên lý hóa giải tai nạn. Tôi thấy trong cuốn sách này, nêu lên một ví dụ, nói về ung bứu: Có một phụ nữ bị bệnh bứu rất nghiêm trọng, ba bác sỹ và một y tá, đồng thời khi đó còn có một vị nhiếp ảnh, là nhân viên quay phim nhiếp ảnh, tổng cộng có 5 người ở trong phòng bệnh. Thật sự gọi là buông bỏ vạn duyên, cùng một ý niệm, cùng một suy nghĩ, nhìn cục bứu này,

bởi vì dùng máy chụp hình có thể dùng Xquang chiếu ra, mọi người đều có thể nhìn thấy, nhìn thấy cục bứu, cho nó một ý niệm: “Mất rồi, cục bứu mất rồi, cục bứu mất rồi”. Miệng thì nói như vậy, còn tâm thì nghĩ cục bứu mất rồi, 2 phút 40 giây, thật sự không thấy cục bứu đâu nữa, người này hoàn toàn phục hồi lại bình thường. Phương pháp trị liệu này, khoa học làm sao giải thích được, không thể giải thích được. Dùng ý niệm hóa giải nó, điều này trong Phật pháp có căn cứ, Phật pháp có thể giải thích được, “nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”. Bạn bị bệnh là cũng do tưởng mà ra, cục bứu càng ngày càng to cũng là tưởng ra, nếu bạn không nghĩ tới nó thì nó sẽ không có, bạn thường nghĩ tới nó thì sẽ xuất hiện, lúc nào cũng nghĩ đến nó thì càng ngày nó càng lớn. Bây giờ kêu bạn đổi ý niệm, “nó biến mất rồi, không thấy nó nữa”, 2 phút 40 giây, không mổ xẻ, cũng không dùng thuốc, mà nó biến mất. Có bài báo cáo như vậy, khoa học làm sao giải thích đây? Ngày nay khoa học thật sự cũng có Lượng Tử Lực Học, Lượng Tử Lực Học và trong Hoàn Nguyên Quán, nói về hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất vi tế ba động sinh sản, có giảng đến điều này, đó chính là căn cứ của lý luận, cho nên nó phá giải một số dự ngôn. Dự ngôn có phải là thật không? Là thật đó. Vì sao vậy? Vì hiện nay ý thức tập thể của con người sống trên địa cầu này, họ đang nghĩ gì? Bây giờ họ đang nghĩ về tai nạn. Tai nạn từ đâu mà có? Là từ ý niệm không chân chánh mà sanh ra, khởi tâm động niệm, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, tạo nên tai nạn. Ngày nay tai nạn hiện tiền, mọi người vẫn còn nghĩ đến tai nạn, nên tai nạn càng ngày càng rộng lớn, càng ngày càng nghiêm trọng, tất cả đều do tâm tướng sanh. Hiểu được nguyên lý này, nếu như tất cả mọi người sống trên địa cầu này hồi tâm chuyển ý, chúng ta không nghĩ đến tham sân si, chúng ta chỉ nghĩ đến Giới Định Huệ, chúng ta không nghĩ đến tai nạn, chúng ta chỉ nghĩ đến hòa mục tương xử, nghĩ đến hổ tương tôn trọng, hổ tương kính ái, hổ tương quan tâm, hổ tương hợp tác, thì tai nạn lập tức sẽ không còn nữa, giống như cục bứu không còn nữa vậy. Cho nên pháp, không có một pháp nào cố định, tất cả đều là pháp sống, tất cả đều là hiện tượng ba động. Cho nên các nhà dự ngôn nhìn thấy những tai nạn đó, họ không dám nói là tai nạn sẽ thay đổi. Vì sao vậy? Vì ý niệm sát na sát na thay đổi. Ý niệm thay đổi thì nó lập tức thay đổi, không hề nói sai một tí nào cả. Niệm trước ác thì biến ra tai nạn, niệm sau thiện thì tai nạn không còn nữa, chính là cái lý này. Sức mạnh của tập thể ý thức lớn hơn hết, cho nên rất nhiều Tôn giáo ngày xưa hiểu được điều này, Phật giáo đối với điều này hiểu càng sâu sắc và lý giải thấu triệt hơn. Mọi người chúng ta cùng một lúc đều cầu nguyện, hoặc là trong đạo Phật nói cùng một lúc niệm Danh hiệu Phật danh hiệu Bồ tát. Mọi người trên toàn thế giới chính thời giờ lại cùng một lúc, niệm Phật A Di Đà, niệm Quán Thế Âm Bồ tát. Niệm nửa giờ đồng hồ, trong tâm nghĩ rằng, xin Bồ tát giúp chúng con, thì tai nạn sẽ hóa giải, thật sự không còn nữa, điều này không giả đâu nhé. Chúng ta phải làm thế nào đây? Ngày nay có thể dùng Ti vi, Ti vi phát đi khắp thế giới, giờ giấc trên thế giới không giống nhau, nhưng chúng ta chính đồng hồ lại, chính lại cùng một giờ như nhau. Ở Úc bây giờ là 8 giờ, bên Đài Loan là sáu giờ, đó chính là chúng ta sử dụng cùng một thời gian, mỗi một nơi trên thế giới, chúng ta kết hợp

thời gian thành cùng một giờ, mọi người cùng nhau niệm, thì sức mạnh này thật sự không thể nghĩ bàn! Thật sự có thể thay đổi, tai nạn hóa giải rồi, thay đổi rồi, thiện tâm của bạn vĩnh viễn duy trì, vậy thì thế giới của chúng ta sẽ biến thành thế giới Cực lạc, sẽ biến thành thế giới Hoa Tạng, chuyện này không khó đâu. Vì sao thế giới Cực lạc lại đẹp như vậy? Không có gì khác. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta, cư dân của thế giới Cực Lạc, “đều là chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”, cho nên nó mới đẹp như thế đó, người ở thế giới đó không có ác niệm, không có phân biệt, không có chấp trước. Cư dân trong Thật Báo Độ, họ không có khởi tâm động niệm, thì làm sao không tốt được! Đức Phật giới thiệu với chúng ta thượng thiện nhân, đó là gì vậy? Là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, là cư dân trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, họ không có một niệm ác, lý là ở chỗ này. Chúng ta hiểu rõ rồi, chúng ta có thể nghe theo lời chỉ dạy của chư Phật Bồ tát, nghe theo lời dạy của người tín ngưỡng tôn giáo, nghe theo lời dạy của các vị thần thánh trong tôn giáo mình. Niệm niệm đều là thiện niệm, không có một ác niệm nào. Thế giới của chúng ta đây chính là thiên đường, là vườn trời, chính là thế giới Cực Lạc, chẳng phải không làm được đâu, giác ngộ thì sẽ làm được. Sự chuyển biến chỉ ở trong một niệm, không có trước sau. Đạo lý này rất thâm sâu, ở trong Đại thừa kinh giáo đều có đề cập đến. Hiền Thủ quốc sư rút trong Kinh Hoa Nghiêm, quy nạp thành 6 điều, đơn giản và dễ hiểu, viết ra chân tướng sự thật của vũ trụ vạn vật. Trước đây chúng ta có học qua hai lần, đối với sự tu học của chúng ta, có lợi ích lớn giúp cho chúng ta nhìn thấu buông bỏ, giúp cho chúng ta điều tiết thân tâm mạnh khỏe, viễn ly tật bệnh, viễn ly già nua, điều này giúp chúng ta rất nhiều, rộng ra là giúp cho chúng ta hóa giải sự động loạn của xã hội, sự tai nạn của tự nhiên. Từ điểm này chúng ta có thể tượng tượng ra, ngày xưa tiên sỹ Thang Ân Tử nói rất có lý, đó là sự thật không dối gạt đâu: Giải quyết vấn đề xã hội của thế kỷ 21 này, phải dùng học thuyết Không Mạnh của Trung Quốc và giáo lý Đại thừa. Có thể nói được như vậy, thật không đơn giản, đối với chân tướng sự thật, người này đã thông đạt hiểu rõ. Chúng ta nghiêm chỉnh học tập, thì có thể hóa giải rất nhiều vấn đề hiện nay.

Chúng ta học đoạn kế tiếp: “Phục vân, kim dĩ nhất nhất xuất văn hiền chứng, dục sử kim thời thiện ác phạm phu đồng triêm cửu phẩm, sanh tín vô nghi, thừa Phật nguyện lực, tất đắc sanh dã.

Những điều này đều là của Thiện Đạo đại sư nói, y cứ vào kinh điển để chứng minh cho chúng ta thấy, mục đích là hy vọng những thiện ác phạm phu hiện nay. Bất luận là bạn làm thiện hay bạn làm ác cũng không sao, đều có thể đồng triêm cửu phẩm. Nói cách khác, chỉ cần bạn có Tín Nguyện Hạnh là có thể được vãng sanh, đều được bốn nguyện oai thần của đức Phật A Di Đà gia trì.

Sinh tín vô nghi, nghĩa là điều quan trọng nhất là bạn phải sanh khởi tín tâm, dùng kinh điển để chứng minh không gì khác ngoài việc giúp bạn sanh khởi tín tâm, đoạn nghi sanh tín, điều này vô cùng quan trọng.

Thừa Phật nguyện lực, tất đắc sanh đã. Chúng ta nương vào sự gia trì nơi 48 nguyện của Phật A Di Đà. Bốn nguyện oai thần gia trì, bất luận là làm thiện hay làm ác đều có thể được vãng sanh. Chúng ta cần phải có niềm tin, do đó nhất định chúng ta phải sửa đổi những thái độ sai lầm, không được chê bai người ác, không được xem thường người làm ác, không được. Người thật sự tu tập, người có công phu đắc lực, nhìn thấy người làm ác, sanh tâm lân mẫn, chứ không ghét bỏ, chứ không bài xích, không chỉ trích những sai lầm đó, phải sanh tâm đồng tình, sanh tâm lân mẫn. Vì sao người đó làm ác? Vì họ vô tri, không ai dạy họ. Nhất định phải khẳng định rằng tánh người vốn là thiện. Lão tổ tông của Trung Quốc dạy rất hay : “ Nhân chi sơ, tánh bản thiện”, đó là thiên tánh của họ, là tự tánh của họ. Sở dĩ biến thành bất thiện, đó là tập tánh, không có người dạy, nên học điều hư. Nhất là xã hội ngày nay, không thật sự có một người tốt dạy họ, thì họ chẳng thể không học điều hư. Bên trong có tập khí phiền não, trong Bách Pháp cho chúng ta thấy: Thiện tâm sở của lục đạo phàm phu chỉ có 11 cái, ác tâm sở có 26 cái. Cũng có nghĩa là bản thân tập khí ác của bạn có nhiều hơn tập khí thiện, hơn nữa sức mạnh của tập khí ác rất mạnh, sức mạnh của tập khí thiện rất yếu ớt. Những cám dỗ bên ngoài, ngày nay cám dỗ thiện hầu như là không có, cám dỗ ác thì nhiều vô số kể. Ở xã hội này có thể không làm ác được sao? Đó là việc không thể, ở trên xã hội này mà không làm ác, thì chỉ là những vị thị hiện thôi, chẳng phải những vị thị hiện thì không thể làm được đâu. Cho nên chúng ta nghĩ đến, Đức Phật dạy mấy câu trong kinh Vô Lượng Thọ: Từ bi đến cực điểm, điều này là đối với những người làm ác mà nói. Chúng ta dùng tâm trạng gì để nhìn họ? Người trước vô tri, không ai dạy họ, cho mẹ họ không dạy họ, ông bà họ không dạy họ, ít nhất là ba đời không có ai dạy họ. Người trước bất thiện, vô tri, không biết đạo đức, người không nói được, không nên trách họ. Cả một xã hội ngày nay, ra nông nổi này, chúng ta nghe Đức Phật dạy như thế, thì tâm bình khí hòa, suy nghĩ kỹ xem, không thể trách bất cứ người nào, cũng không thể trách Chánh phủ, không thể trách chế độ. Vì sao vậy? Vì nguyên nhân đã có từ lâu, truy ra ít nhất cũng có 100 năm rồi, trong 100 năm này, đã bỏ qua sự dạy dỗ của Thánh hiền. Trong đây sự cám dỗ lớn nhất chính là khoa học, chúng ta tin tưởng khoa học, mà bỏ qua những điều Lão tổ tông dạy, bỏ qua những điều thánh hiền dạy, chỉ chú trọng vào khoa học mà thôi. Ngày nay gặp phải những vấn đề này, phải làm sao đây? Trên thế gian này có người thông minh, chứ chẳng phải không có người thông minh, người thông minh quay đầu lại tìm Lão tổ tông. Chính xác đấy, đi tìm cổ thánh tiên hiền, đi tìm tôn giáo. Nhưng mà bạn nên biết rằng, tôn giáo cổ thánh tiên hiền, ở đây đã bị người ta làm loạn, cho nên mọi người nghi hoặc, không thể sanh khởi lòng tin thanh tịnh. Nguyên nhân vì sao vậy? Vì tập khí tạo thành những chướng ngại. Đối với điều này chúng ta có đủ lòng tin, do học mà có, chúng ta tin

thầy giáo, đây là nhân rất tốt, tin tưởng lời dạy bảo của thầy, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Một phương hướng, một mục tiêu. Tôi học Phật 59 năm bám lấy không bỏ. Không có ngày nào chẳng đọc kinh, không có ngày nào chẳng giảng kinh, ở giảng đường thì giảng kinh, không ở giảng đường, mà trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, gặp một người thì nói cho một người nghe, gặp hai người thì nói cho hai người nghe, chẳng có ngày nào ở không. Một ngày giảng bao nhiêu giờ? Ít nhất là 8 tiếng đồng hồ, cho đến nay cũng như vậy. Người đến gặp tôi rất đông, tôi có không nói chuyện với ai chẳng? Mở miệng là giảng kinh, đem những đạo lý của Phật Bồ tát và Thánh hiền, những điều tôi đã học, tôi nói những điều tâm đắc mình học được, cho mọi người cùng nghe, bây giờ người ta nói là chia sẻ với đại chúng, một ngày không dưới 8 tiếng đồng hồ. Những chuyện ô nhiễm của thế gian cố gắng tránh, sự nhiễm ô trầm trọng nhất là ti vi, môi giới, báo, tạp chí..., đối với những thứ này, ít nhất có 45 năm tôi không tiếp xúc rồi, không xem rồi. Tôi không có quyền kêu bạn đừng chiếu những tiết mục đó, tôi không có quyền lực đó, nhưng mà tôi có quyền không coi bạn chiếu. Vì sao vậy? Không bị nhiễm ô, những báo tạp chí tôi không xem, tôi xem kinh Phật, tôi xem sách thánh hiền, tập thành thói quen này. Ở trong đó có chất dinh dưỡng phong phú nhất, nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng, đồng thời cũng nuôi dưỡng thân mạng của chúng ta. Tâm bạn thanh tịnh, sanh tâm hoan hỷ, thì mỗi tế bào, mỗi phân tử, mỗi nguyên tử, điện tử trên cơ thể bạn, đều là mạnh khỏe, đều bình thường, thì làm sao bạn không vui được! Cho nên tiếp xúc với sự dạy dỗ của thánh hiền, chúng ta sẽ hiểu được mình phải sống thế nào, làm thế nào để hưởng thụ cuộc đời hạnh phúc mỹ mãn.

Đoạn văn dưới đây: Hựu ư, Hành Quyền Kệ tiền, khai thị Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh chi cơ viết, kỳ cơ giả, tắc nhất thiết thiện ác đại tiểu phạm ngu dã.

Tất cả những lời này đều do Thiện Đạo đại sư nói, Thiện Đạo đại sư viết ở Hành Quyền, cuốn sách này tôi chưa được xem, Hoàng Niệm Lão ở phía sau cuốn sách này, có trong mục lục dẫn dụng kinh luận, có cuốn Hành Quyền Kệ. Thiện Đạo đại sư khai thị căn cơ của Đại Thừa Vô Lượng Thọ kinh, căn cơ như thế nào thì có thể khế hợp với bộ kinh này? Có thể nương theo bộ kinh này tu tập để đạt được quả vị thù thắng? Ngài nói căn cơ này tức là tất cả thiện ác, đại tiểu, đại thừa, tiểu thừa, phạm phu, ngu nhân, tất cả đều bao gồm trong đây. Cho nên bộ kinh này, trong kinh Pháp Diệt Tận, đức Phật Thích Ca Mâu Ni có dạy, sau 9 ngàn năm nữa, tất cả kinh điển trong Phật pháp đều không còn, đều bị biến mất khỏi thế gian này, cuối cùng còn lại một bộ kinh, chính là bộ kinh này, chính là kinh Vô Lượng Thọ này. Vì sao vậy? vì nó có thể khế hợp tất cả căn cơ thiện và ác, tu thiện, tu ác đều có thể được vãng sanh, đại thừa tiểu thừa, phạm phu ngu nhân, chẳng có người nào là không khế cơ, đúng là “tam bối cửu phẩm tổng tại ngộ duyên bất đồng”, câu này nói hay quá. Nhân duyên ngày nay chúng ta gặp được, thù thắng không gì sánh bằng, thật sự có thể nắm bắt cơ duyên này, không để nó đi qua, thì chắc chắn sanh

về Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Cổ nhân dạy, chúng ta phát tâm là cầu sanh về thượng thượng phẩm, không được thượng thượng phẩm, thì vẫn còn được trung thượng phẩm. Câu này nói rất có lý, mục tiêu nhất định phải ở thượng thượng phẩm. Tuyệt đối không được nói rằng, tôi làm việc xấu cũng không sao, tôi chỉ cần được hạ hạ phẩm vãng sanh là đủ rồi, điều này không nắm chắc đâu, cần phải nên làm những việc nắm chắc, đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, đỏi nghiệp vãng sanh là mang theo nghiệp cũ chứ không phải là mang theo nghiệp mới đâu. Đó là những điều người xưa giảng nói rất rõ ràng mình bạch, trong đó có đạo lý rất thâm sâu, nhưng mà đạo lý này chúng ta có thể hiểu được, chúng ta có thể tiếp thu được. Như lý như pháp mà tu tập, thì không có điều gì chẳng thành tựu. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây vậy.

HẾT TẬP 37

Tập 38

Giảng ngày 13 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 40, dòng thứ 6 từ dưới lên. Giờ chúng ta đọc một đoạn kinh văn.

Hành Quyển Kệ tiền, khai thị Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh chi cơ viết, kỳ cơ giả, tắc nhất thiết thiện ác đại tiểu phạm ngu dã. Hôm qua chúng ta học đến đoạn này, hôm nay coi đoạn kế tiếp: Đại sư chi thuyết, thượng khế thánh tâm, hạ hợp quần cơ, thật đại hữu công ư Tịnh độ, cố trung nhật chi sư đa tông thử thuyết.

Ở đây Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ cho chúng ta biết, những điều Thiện Đạo đại sư nói, phía trước đều là của Thiện Đạo đại sư nói, những lời này nói rất hay, dưới đây là những lời tán thán, “thượng khế thánh tâm”, chữ thánh ở đây chỉ cho chư Phật Như Lai. Sự thật chư Phật Như Lai nói bộ kinh này, giảng bộ kinh này, hoằng dương bộ kinh này, ý nghĩa thật sự của nó chính là phổ độ chúng sanh. “Hạ hợp quần cơ”, hợp có nghĩa là châu biên, trong đó bao gồm tất cả chúng sanh, thật sự là “tam căn phổ bị, lợi đốn toàn thu”. Đối với pháp môn Tịnh độ mà nói, không có ai chẳng khế hợp, không có ai chẳng phải là đương cơ, then chốt ở chỗ chúng sanh có chịu tin hay không, có chịu phát nguyện hay không mà thôi. Cho nên Thiện Đạo đại sư, và cách giảng nói của chư vị Tổ sư ngày xưa, cách nhìn không giống nhau, cách nhìn của Thiện Đạo đại sư, thật sự có công rất lớn đối với pháp môn Tịnh độ.

Cố trung nhật chư sư đa tông thử thuyết. Vào đời Tùy, Đường, Nhật Bản và Hàn Quốc, đã phái rất nhiều các vị xuất gia đến Trung Quốc tham học, cho nên Tịnh độ tông lưu hành ở Nhật Bản và Hàn quốc, đa số đều tuân theo lời chỉ dạy của Thiện Đạo đại sư.

Dưới đây đưa ra một ví dụ: “Nhu Nhật Hợp Tán vân, cuốn Hợp Tán này do pháp sư Quán Triệt trước tác. “Đệ thập bát nguyện, thập phương chúng sanh, tam bối chúng sanh, giai thị cụ phược phạm phu, thị kỳ cơ dã.” Các vị cao tăng ở Nhật Bản, trong đệ thập bát nguyện, không nói đến Bồ tát, cũng không nói đến A La Hán, mà nói thập phương chúng sanh, tam bối chúng sanh. Tam bối này đều là phạm phu, là lục đạo phạm phu, khi lâm mạng chung, nhất niệm, thập niệm đều được vãng sanh.

“Hậu phục vân, như Nguyên Hiếu vân”, Nguyên Hiếu là chuyên tông tịnh độ của Hàn Quốc. “tứ thập bát đại nguyện, sơ tiên vi phàm phu, hậu kiêm vi tam thừa thánh nhân”. Nói cách khác, Đức Phật Di Đà nói kinh Vô Lượng Thọ, thập phương Như Lai tiếp nhận pháp môn này, phổ biến hoàng dương pháp môn này, mục đích là phổ độ kẻ phàm phu nghiệp chướng sâu dày. Tâm của đức Phật giống như tâm của cha mẹ vậy, cha mẹ đối với con cái, chư Phật đối với chúng sanh, tâm trạng như nhau. Không gì ngoài việc mong cho chúng sanh sớm có ngày thành Phật. Có thể thành Phật được chăng? Đáp án là khẳng định thành, không có một chút hoài nghi nào hết. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh vốn là Phật. Trong Đại thừa kinh giáo, chư Phật Bồ tát thường dạy chúng ta rằng: “Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”. Bạn vốn là Phật, chỉ cần ngay bây giờ trong tâm bạn nghĩ đến Phật, thì làm sao không thành Phật được? Cho nên phàm phu thành Phật ngay trong một niệm, thật sự nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật. Vấn đề ở chỗ bạn có chịu niệm hay không thôi? Bạn niệm cái gì thì nói biến ra cái đó. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, sát na sát na đều đang biến hóa, nó không phải là định pháp. Trong Đại thừa giáo đức Thế Tôn thường nói với chúng ta, đức Phật nói không có định pháp. Vì sao vậy? Vì cả vũ trụ này sát na sát na đều đang biến hóa, vốn là không có định pháp, cho nên Đức Phật giáo hóa chúng sanh cũng không có định pháp. Biến hóa từ đâu mà có? Người nào có thể chủ trì được sự biến hóa này? Trong Đại thừa kinh giáo Đức Phật thường dạy: “Nhất thiết pháp duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”, đó chẳng phải là đã nói rất rõ ràng hay sao? Vì sao lại có nhiều biến hóa như vậy? Tâm năng hiện năng sanh, những pháp sở hiện sở sanh này, nó sẽ sản sinh biến hóa, đó là thức khởi tác dụng. Thức là gì vậy? Thức là phân biệt, là chấp trước, thế bạn nên suy nghĩ, không cần nghĩ đến người khác, mà nghĩ về chính mình, sự phân biệt của chúng ta vô lượng vô biên, chấp trước của chúng ta cũng là vô lượng vô biên. Nhất thiết pháp sở sanh, nó không phải là định pháp, nó sát na sanh diệt, cho nên sát na tùy theo tâm niệm của chúng sanh, nó khởi lên sát na biến hóa. Dù là chư Phật Như Lai, hay Pháp thân Bồ tát ứng hóa ở trong lục đạo, giống như kinh Lăng Nghiêm nói: “Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”, cho nên pháp của Phật nói cũng không có định pháp, tùy theo tất cả chúng sanh mà biến hóa. Đức Phật gọi là : “Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”, trong tùy thuận có bất biến, tùy thuận là biến. Sự phiền phức của phàm phu chúng ta chính là tùy theo chúng sanh mà biến hóa, tùy duyên tùy biến, đó là khổ, sự sáng suốt của chư Phật Bồ tát là tùy duyên bất biến, đó là các Ngài sáng suốt, duyên nào cũng có thể tùy, Thập pháp giới y chánh trang nghiêm đều có thể tùy. Bất biến là gì? Bất biến, các ngài dùng chân tâm. Cái gì là chân tâm? Là Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi, những cái này bất biến, vĩnh hằng bất biến. 10 chữ này chính là Đại Bồ Đề Tâm mà kinh giáo thường nói. Trong Tứ thánh pháp giới dùng cái tâm này, ở cõi nhân thiên, ở tam đồ, ở địa ngục vẫn là dùng cái tâm này. Ý chánh trang nghiêm hàng ngày đều đang biến hóa, sát na biến hóa, Bồ đề tâm bất biến, phàm phu thì không được, phàm phu tùy duyên tùy biến, Thế nào là tùy biến? Là tùy theo cảnh giới bên ngoài, khởi lên

thất tình ngũ dục, tham sân si mạn, thế nên biến đổi. Nên biết rằng, tùy duyên tùy biến là tạo nghiệp, tùy duyên bất biến thì không tạo nghiệp. Trong kinh Đức Phật miển cưỡng gọi nó là tịnh nghiệp. Kỳ thật nếu như nói tạo tịnh nghiệp, là đối với Tứ thánh pháp giới trong Thập pháp giới mới gọi là tịnh nghiệp. Ở trong Thật Báo Độ, không có dấu vết, không có nhiễm tịnh, đó mới là sự khởi dụng của tự tánh, không có gì chẳng gọi là tánh, đó là quả địa của Như Lai. Chúng ta học Phật thì phải học năng lực này, năng lực này trong Hoàn Nguyên Quán, chính là câu đầu tiên: “Tùy duyên diệu dụng”. Diệu dụng nghĩa là vĩnh hằng bất biến, không chấp tướng, chẳng những không chấp tướng mà thật sự dấu vết cũng không tìm thấy. Có thể nói là tự tánh khởi dụng, trong tự tánh hai đầu có không đều không có, nó không phải là vật chất, nó cũng chẳng phải là tinh thần, cho nên chỉ có thể lãnh ngộ, chứ không thể dùng ngôn ngữ, không nói được, ngôn ngữ đạo đoạn, diệu mà! Khi khởi tác dụng, “oai nghi hữu tác”, cũng có nghĩa là hoàn toàn tùy thuận chúng sanh, ở trong tùy thuận khởi tác dụng, khởi lên tác dụng thích hợp nhất, tác dụng thù thắng nhất, tác dụng hoàn mỹ nhất, cũng không có định pháp. Chúng sanh tự tư tự lợi, còn nó khởi tác dụng là đại công vô tư, tương phản với bạn. Tâm hành của chúng sanh niệm niệm chấp trước tham sân si, nó thị hiện khởi tác dụng cho bạn, niệm niệm đều tuân thủ giới định huệ, giúp cho chúng sanh giác ngộ, giúp cho chúng sanh quay đầu. Quay về đâu? Quay về tự tánh, quay về tánh đức, đó chính là oai nghi hữu tác, người này có nguyên tắc. Điểm chính xác của nguyên tắc này không có nhất định. Nhân con người, nhân sự việc, nhân thời, nhân địa, mà khởi biến hóa. Nó có một nguyên tắc bất biến, chính là tuyệt đối lợi ích chúng sanh, chắc chắn là dẫn dắt chúng sanh hồi đầu thị ngạn, điều này là bất biến. Có tám vạn bốn ngàn pháp môn, Tịnh độ tông niệm Phật cũng là một pháp môn. Thái độ của chư Phật Bồ tát miên viễn là nhu hòa chất trực, cho nên các Ngài ở trước chúng sanh, đều khiến chúng sanh sanh tâm hoan hỷ. Người thiện thích Ngài, người ác cũng thích Ngài, không có ai ghét Ngài hết, điều này quá giỏi giang. Trời người hoan hỷ Ngài, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục cũng hoan hỷ Ngài. Làm người được như thế thật quá viên mãn, điều này chúng ta nên học, đó gọi là nhu hòa. Nhu là dịu dàng, hòa là hài hòa, tuy dịu dàng hài hòa, nhưng Ngài làm việc không do cảm tình, Ngài chất trực. Đầy đủ trí huệ, không hề có một chút hồ đồ. Câu cuối cùng rất ghê ghớm: “Thay khổ cho chúng sanh”. Như đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế đã thị hiện chúng ta, suốt cuộc đời Ngài thật sự đã buông bỏ hết, ba y một bát, ngày ăn một bữa, nghỉ dưới gốc cây, giảng kinh thuyết pháp, chẳng có ngày nào Ngài ở không. Đó là thay khổ cho chúng sanh, suốt 49 năm cũng như một ngày. Chúng ta mở lịch sử ra, cả ngàn vạn năm, tìm đâu ra được một người thầy như thế? Tìm không ra người thứ hai. Đức Thế Tôn hy vọng rằng, đời đời kiếp kiếp, học trò của Ngài học theo gương Ngài, nên Ngài đã làm gương, học theo Ngài mới thật sự là một người đệ tử chân chánh, Ngài là khuôn mẫu của đệ tử Phật, Ngài đã làm được điều này. Cho nên làm nhà giáo dục thì đầu tiên phải

giáo dục chính mình, bản thân không làm được, thì làm sao đi dạy người khác? Đó là chân lý.

Chúng ta phát tâm học Phật, nhất là phát tâm xuất gia, hoằng pháp, hộ pháp, bạn không học theo Phật sao được? Hai chữ học Phật ở đây, là học theo Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đó gọi là chân thật học Phật. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không vì danh vì lợi dưỡng, ngay cả tâm niệm danh vì lợi dưỡng cũng không có, chính là giáo dục chúng sanh. Chúng loại chúng sanh không giống nhau, trình độ cao thấp không bằng nhau, họ ở thế gian này làm việc kinh doanh lại bất tương đồng. Vấn đề nan giải là gì, chỉ cần bạn tìm đến Thầy, thì Thầy đều có thể giúp bạn giải quyết vấn đề. Thật sự Ngài đã hiển lộ đại trí huệ, đại học vấn. Chẳng những giải quyết những vấn đề khó khăn trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, mà mục đích cuối cùng, là muốn giúp cho tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, hồi quy tự tánh, thành tựu Phật quả viên mãn. Đó chính là mục tiêu cuối cùng mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện giảng dạy. trong kinh Phật có câu, câu này có thể dịch ra, không hề khó chút nào, nhưng mà lại không dịch: “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”, đây là mục tiêu cuối cùng mà đạo Phật truy tìm, toàn là tiếng Phạn, dịch thành Trung văn, thì có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chẳng phải là không dịch được, nhưng vì sao không dịch? Đó gọi là tôn trọng không dịch. Học Phật là học cái gì? Chính là phục hồi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của chính mình, mình vốn sẵn có, chẳng phải hướng ngoại tìm cầu. Vì sao bây giờ lại không có? Vì bạn bị vọng tưởng phân biệt chấp trước che khuất. Buông bỏ chấp trước, không còn chấp trước nữa, thì Chánh giác hiện tiền, buông bỏ phân biệt, thì Chánh đẳng Chánh giác hiện tiền. Đối với tất cả pháp của thế và xuất thế gian, không khởi tâm động niệm, thì bạn sẽ thành Phật, vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hiện tiền. Tất cả chúng sanh người người ai cũng có, buông bỏ thì đạt được. Vì sao không chịu buông bỏ? Điều này đáng để chúng ta suy nghĩ, suy nghĩ rõ ràng, minh bạch. Phật pháp, Chương Gia đại sư nói rất hay, “tri nan hành dị”. Tri là biết chân tướng sự thật, những điều trong Phật pháp gọi là tánh tướng, lý sự, nhân quả, biết rõ ràng minh bạch, điều này thật sự không dễ. Hành quá dễ dàng, hành buông bỏ, buông bỏ là đúng. Vì sao không chịu buông bỏ? Vì những điều biết không rõ ràng, không thấu triệt, còn nghi hoặc, làm chướng ngại sự buông bỏ của bạn. Nếu như không có chút gì nghi vấn, dạy bạn buông bỏ là buông bỏ, thì lập tức bạn sẽ thành tựu. Chúng ta thấy trong kinh Phật có ghi chép lại, ở trong truyện ký thì lại càng nhiều hơn, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, thật sự chỉ ở trong một niệm, một niệm buông bỏ rốt ráo, thì công phu sẽ thành tựu. Đối với thật tướng của các pháp, Ngài thật sự hiểu rõ ràng minh bạch, cho nên Ngài rất dễ dàng buông bỏ. Chúng ta muốn đi con đường gần, đi con đường tắt. Phân lượng của kinh Hoa Nghiêm quá lớn, thật sự không dễ thọ trì, nhưng mà Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, đó chính là cốt lõi tu tập kinh Hoa Nghiêm. Bài luận văn này chữ không nhiều, nguyên lý nguyên tắc trong kinh Hoa Nghiêm, phương pháp tu hành chứng quả đều ở trong đó. Ngày xưa

chúng tôi có học qua hai lần, tu Hoa Nghiêm, đi đường tắt, bộ luận này rất hay. Luận văn được chia làm 6 đoạn, 3 đoạn đầu nói về sự khởi nguồn của vũ trụ, sự khởi nguồn của vạn pháp, Ta từ đâu mà có, đều nói rất rõ ràng. Ba đoạn sau là dạy chúng ta phương pháp quay đầu, bạn muốn hồi quy tự tánh, muốn tìm lại bản lai diện mục của mình, trong thiền tông nói, “khi cha mẹ chưa sanh bản lai diện mục”, bản lai diện mục của bạn là Phật, bạn tìm lại bản lai Phật của mình. Bắt đầu tu Tứ Đức, Tứ Đức là cơ bản, đó chính là oai nghi phép tắc, Ngũ Chỉ là buông bỏ, Lục Quán là nhìn thấu, thì bạn sẽ thành tựu. Những điều này nói thì rất dễ, nhưng làm thì không dễ, rất là khó. Vì sao vậy? Vì tập khí của chúng ta rất sâu dày, mê muội lâu ngày, tập khí sâu dày, rất muốn buông bỏ, nhưng mà lại buông không được. Nhưng mà chúng ta ra sanh vào thời đại này, học Phật thành Phật được tăng thượng duyên thù thắng không gì sánh bằng. Tăng thượng duyên ở đây là gì? Người ngoại quốc đóng bộ phim 2012, tôi cảm thấy đó là tăng thượng duyên thù thắng không gì sánh bằng, cho chúng ta thấy, bạn muốn thành Phật, bạn muốn thành tựu, bạn còn bao nhiêu thời gian nữa? Vẫn còn 3 năm nữa, ba năm có đủ hay không? Đủ rồi! Dùng phương pháp nào đây? Dùng phương pháp chấp trì Danh hiệu, thời gian ba năm chắc chắn bạn sẽ thành tựu. Nghĩa là cái duyên này cho bạn biết, 3 năm bạn có thể thành Phật, không thành Phật được, thì ba năm bạn sẽ đi vào đường tam đồ. Có hai con đường, bạn chọn đường nào đây? Chúng ta chọn con đường thành Phật, bình thường tôi dạy các vị 16 chữ, là được rồi. Chúng ta không dùng tiêu chuẩn cao trong Phật giáo, vì điều đó rất khó làm. Chúng ta buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ sự tham luyến ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn, tâm thái như vậy, phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, thì chẳng có người nào không thành tựu. Làm chướng ngại sự thành tựu của bạn không gì khác, chính là 16 chữ tôi nói, đó là chướng ngại: Tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn, những thứ này làm chướng ngại, chỉ cần buông bỏ những thứ này, thì chướng ngại của bạn sẽ không còn nữa, một đời bạn sẽ thành tựu. Chúng ta hiểu rõ rồi, thì chúng ta phải thật tu, tu ngay bây giờ, tu ngay hôm nay, phải nghiêm chỉnh, không tham luyến, không mơ hồ nữa. Chỉ cần thật sự tu, chẳng những cứu được mình, mà còn cứu được gia đình mình nữa, cứu được xã hội, cứu được đất nước, và cứu được thế giới. Công đức này thù thắng quá, trang nghiêm thù thắng không gì bằng, vì sao lại không chịu tu? Chỗ chúng ta nương vào chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ này, bộ kinh Vô Lượng Thọ này triển khai ra, chính là pháp môn vô lượng vô tận mà Thập Phương Tam Thế Nhất Thiết Chư Phật đã nói. Tất cả tinh hoa đều gói gọn trong bộ kinh này nơi Đại tạng kinh. Cốt tủy tu hành thành Phật của Chư Phật Bồ tát đều nằm trong đó, chúng ta không còn nhiều thời gian nữa, nghiêm chỉnh học tập bộ kinh này là đủ rồi, không còn nghĩ đến những việc khác. Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, trường thời ở đây chính là ba năm, chắc chắn thành tựu. Thiệt Đạo đại sư nói rất hay, “bổn vi phạm phu”, chính là vì phạm phu, trong một đời tu hành thành Phật.

Dưới đây đoạn tổng kết nhỏ này: Cổ tri tịnh độ tông ý, bốn vi phạm phu, kiêm vi thánh nhân, thử thuyết chi yếu diệu.

Yếu là tinh yếu, diệu là huyền diệu.

Tại ư trực hiển Như Lai độ sanh vô tận chi bi nguyện.

Đức Phật có năng lực phổ độ tất cả chúng sanh hay không? Có, năng lực gì? Là trì danh niệm Phật, chính là pháp môn này, có thể làm cho tất cả những phạm phu phạm tội nghiệp cực nặng, trong một đời được thành Phật, điều này quá tuyệt vời!

Tảo tận phạm phu thoái khiếp chi tâm, phổ linh chánh tín thử pháp, phát tâm niệm Phật, thừa Phật nguyện lực, tất đắc vãng sanh dã.

Không có người nào là chẳng vãng sanh. Pháp môn này thù thắng không gì sánh bằng, gặp được, là có phước đức lớn, có nhân duyên lớn. Bạn gặp được, bạn gặp được rồi bạn có thể thành tựu được hay không? Then chốt ở chỗ thiện căn phước đức. Thiện căn là gì? Khi tiếp xúc, người này có thể tin, có thể giải, đó là thiện căn, có thể tin tưởng, có thể lý giải. Phước đức là gì? Phước đức là thật tu, y giáo tu hành, nhất môn thâm nhập, một đời quyết định thành tựu, đó là phước đức, người này có phước đức lớn. Sau khi gặp được cũng có, đây là thiện căn phước đức mỏng, gặp được thì sao? Thì bán tín bán nghi, còn nghĩ rằng, chắc là có một pháp môn nào đó hay hơn nữa, người đó còn muốn quảng học đa văn, là một hạng người. Còn một hạng người khác, thì sự vật quá nhiều, gia đình, thân tình, sự nghiệp... không buông được, việc tạp quá nhiều, không thể chuyên tâm, nên không thể thành công được. Đó là gì? Đó là không có phước, phước báo mỏng, nhân duyên tuy thù thắng nhưng một đời không thể thành tựu, cũng có nghĩa là người này không buông bỏ, không nhìn thấu được.

Tin tức tai nạn hiện nay, cho chúng ta biết bạn chỉ còn bấy nhiêu thời gian đó thôi, bạn nghĩ thử xem cái nào quan trọng hơn, bạn có nên buông bỏ hay không. Dĩ nhiên cuộc sống là số một, chỉ cần mình được ăn no, mặc ấm, với một căn nhà nhỏ để che gió chắn mưa là đủ rồi. Chúng ta giống như nhập thất vậy, 3 năm, 3 năm niệm đến công phu thành phiền là được rồi. Nếu như thân tình, sự nghiệp trói chặt không buông bỏ được, cũng không sao, bạn cứ xem như là nghỉ phép 3 năm vậy, xin nghỉ phép 3 năm, để nhập thất, 3 năm niệm đến công phu thành phiền, hoặc là tai nạn này không có nữa, hoặc là tai nạn này giảm, mình còn lưu lại thế gian, tiếp tục lo việc thân tình, tiếp tục đi làm sự nghiệp của bạn, được thôi. Đến khi nào thì bạn về thế giới Cực lạc? Bạn sanh tử tự tại, muốn đi thì đi thôi, bạn muốn sống thêm vài năm nữa cũng không sao, điều này được, đó chính là thật sự thành tựu. Đầu tiên giải quyết xong việc lớn sanh tử của chính mình, sau đó thân thể này vẫn còn, thì lưu lại thế gian này giúp cho chúng sanh, đó là việc tốt, chẳng phải là không được, phải thật sự có bản lãnh này mới được. Chân tướng sự thật và chân lý của

Phật pháp cần phải thấu triệt, không thấu triệt, có một chút xíu tai nạn, bạn đã không chịu được, tâm ý hoảng loạn, sự tổn hại này rất lớn. Thật sự hiểu thấu triệt rồi, đừng nói đến những điều truyền ngôn, mà ngay cả sự thật phơi bày trước mặt, bạn cũng không hề kinh sợ, như như bất động. Bạn không có vọng niệm, không có phiền não, không có khủng bố, bạn có trí huệ, trí huệ nghĩa là biết được phải xử lý cách nào, làm thế nào để hóa giải được tai nạn trước mắt. Có thể hóa giải được không? Chẳng có tai nạn nào là không hóa giải được. Vấn đề ở chỗ bạn có định lực, có trí huệ hay không? Chỉ cần bạn có đủ hai thứ này, thì mọi vấn đề chắc chắn giải quyết được. Trong hai thứ này thì định lực là công phu của người tu hành. Trí huệ là báu vật của đức tánh, nó từ đâu mà có? Từ trong định mà có, nó chẳng phải do học mà có. Trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy chúng ta: “Tất cả chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai”, phía sau là đức tướng, cho nên đức năng, là năng lực có được từ trí huệ, tướng hảo đều là tự tánh sẵn có, thì làm sao không giải quyết được vấn đề, làm gì có lý đó! Chẳng những có thể giải quyết được tai nạn của địa cầu, mà những tai nạn tinh hệ trong vũ trụ vẫn có thể giải quyết được, hệ mặt trời có vấn đề, hệ ngân hà có vấn đề, đều có thể giải quyết, chẳng có gì là không giải quyết được. Pháp thân Bồ tát nhìn thấy những sự việc này, thấy là chuyện bình thường, là chuyện nhỏ. Nếu chúng ta muốn học năng lực này, thực tế mà nói, đạo Phật dạy chúng ta, chính là dạy chúng ta năng lực này, năng lực này chính là công phu tu tập của chúng ta, tu đến Pháp thân Bồ tát. Vừa rồi có nói, tinh hệ xảy ra sự cố, thì bạn có cách để giải quyết vấn đề, nếu không có năng lực lớn như thế, mà chỉ có chút công phu nhỏ, thì chỉ giải quyết được vấn đề an toàn của tự thân, giải quyết được việc gia đình chúng ta, giải quyết việc xã hội nơi chúng ta cư trú, thì đó là chuyện quá dễ dàng, dễ như trở bàn tay. Dùng phương pháp nào đây? Giảng kinh dạy học, có hiệu quả không? Có hiệu quả. Vì sao vậy? Vì giảng kinh dạy học giúp người Giác ngộ, giúp người hiểu được chân tướng sự thật trước mặt. Chỉ cần chúng ta không mê, chỉ cần chúng ta buông bỏ phân biệt chấp trước, thân tâm chúng ta phục hồi lại bình thường, khỏe mạnh, thì nơi chúng ta ở tất cả mọi tai nạn đều không xảy ra, nó cũng phục hồi lại bình thường. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: “Người có phước ở nơi có phước”, đầu tiên chính bản thân mình phục hồi đến chỗ không tạo ác nghiệp, là tu phước. Chỗ chúng ta ở, mọi người đều tu phước, ai cũng là người có phước hết, thì môi trường chúng ta sinh sống đương nhiên là có phước. Cho nên gọi là cảnh tùy tâm chuyển, phong thủy theo tâm con người mà thay đổi, bạn đã hiểu chưa? Các nhà phong thủy thường nói hai câu, đã cho chúng ta thấy rõ điều đó, nhà phong thủy nói thế nào? Nói rằng: Người phước ở đất có phước, đất phước người có phước ở, ở chỗ này phong thủy không tốt, người có phước sống ở đó, thì 3 năm sau sẽ trở thành tốt. Ở chỗ đó phong thủy rất tốt, con người tâm không tốt, chỗ họ ở ba năm sau phong thủy sẽ thành không tốt. Đó là những điều nhà phong thủy nói, không dối gạt đâu, cái lý của nó giống “ như cảnh tùy tâm chuyển” ở trong Phật pháp, cảnh là môi trường cư

trú. Cho nên chúng ta phải làm cho những tai hại tự nhiên được tiêu trừ, không gì khác là tu phước, mọi người đều tu phước, tu thiện tu phước, thì vấn đề sẽ được hóa giải.

Chúng ta coi tiếp đoạn dưới đây, đoạn thứ ba “Bính”, đều là những lời bậc cổ đức dạy: Chuyên tiếp thượng căn, bàng cập trung hạ, thử thuyết tụng văn tự biểu diện thượng, tư đồng ư Giáp nhi phản ư Ất.

Giáp là đoạn thứ nhất, Ất là đoạn thứ hai. Hình như rất gần với đoạn thứ nhất, không tương ứng với đoạn thứ hai. Đoạn thứ nhất là “thượng bối vãng sanh, duy thị Bồ tát”, bạn xem chuyên tiếp thượng căn, nhưng mà bên dưới lại là bàng cập trung hạ. Nhìn từ văn tự mà nói thì hình như là như vậy, nhưng trên thực tế thì sao? Trên thực tế lại bất đồng. “Thật tắc dữ Ất đồng”, giống như đoạn thứ hai, bồn vi phàm phu, kiêm vi thánh nhân, đồng với đoạn này.

Chủ ngã bối phàm phu quân hà trực đăng Cửu phẩm, cố dữ Giáp căn bản tương vi dã.

Ý nghĩa tương vi với đoạn thứ nhất, và ý nghĩa tương đồng với đoạn thứ hai, chủ trương rằng, phàm phu chúng ta có thể trực đăng cửu phẩm. Chính là lời dạy của Thiện Đạo đại sư, vãng sanh cửu phẩm ở chỗ ngộ duyên bất đồng. Nếu như bạn gặp được nhân duyên thù thắng, thì bạn sẽ được thượng thượng phẩm vãng sanh, cho nên vấn đề liên quan đến ngộ duyên rất quang trọng. Từ xưa đến nay chư vị Tổ sư thường nói : “Đại phước đức, đại nhân duyên”, điều này thật sự không thể nghĩ bàn, nếu bạn nhận biết được, thì đó là đại trí huệ, nếu bạn nắm bắt được cơ hội này, không để mất cơ hội, thì đó là phước báo lớn. Chúng ta thấy từ những ví dụ của người xưa, thân cận thiện tri thức, có người suốt cuộc đời không rời xa. Tăng đoàn của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, những người đệ tử Ngài, đã làm mẫu mực cho chúng ta thấy, những người đó họ biết được đức Thế Tôn là vị thầy tốt, biết được đức Thế Tôn là vị đại thiện tri thức, nên thân cận Ngài, không rời xa Ngài. Trong số đệ tử có người theo Ngài mười mấy năm, hai mấy năm, ba mấy năm, có người theo Ngài suốt cuộc đời, đến khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết Bàn mới thôi, Đức Phật còn tại thế thì không xa rời ngài một ngày nào hết. Ngày nay chúng ta biết được, 1255 vị này, trong đó có biết bao nhiêu vị là chư Phật Bồ tát tái lai, phàm phu không hiểu, họ đã làm mẫu mực để cho chúng ta thấy: Làm thế nào mới có thể thành tựu đạo nghiệp? Thế nào gọi là hộ trì Phật pháp, cách làm của họ đã nói lên điều này, người hướng đạo. Trong đó giống như diễn viên diễn kịch vậy, có người thị hiện thông minh, trí huệ, thần thông, thị hiện những thứ này, tất cả đều học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni. “Thượng thượng căn, chuyên tiếp thượng căn”, học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Có một số người thị hiện phàm phu, ngu si, độn căn, họ cũng một đời học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni không rời, “bàng cập trung hạ”. Chúng thường theo đức Thế Tôn có hơn ngàn người, trong đó có đủ tam căn thượng trung hạ.

Dưới đây đã nói lên điều này. Vì sao lại nói như vậy? Nói như vậy ở đây là chân tướng sự thật, tăng đoàn thời đó thật sự là như vậy.

Đàn thử vị chuyên tiếp thượng căn giả, cái khùng thể gian thiên kiên chi sỹ. Mỗi vị tịnh tông, nãi trai công trai bà chi hành, nhi bỉ thị chi, cố tác thị thuyết, dĩ tế chi dã.

Đã nói lên dụng ý ở đây rồi, sợ người ta nói pháp môn Tịnh độ là chuyên tiếp dẫn những bà già, ông già, bà già. Còn người có trí huệ lớn, có phước đức lớn, họ không học pháp môn này, làm khơi dậy lòng hoài nghi của người đời, cho nên từ xưa đến nay có rất nhiều người thông minh, có trí huệ, có địa vị, có phước đức lớn, đều quy y Tịnh độ chuyên niệm Phật A Di Đà, làm mẫu mực cho người thế gian. Bởi vì kinh luận của Tịnh độ thấy rất đơn giản, bộ kinh này có chú giải, nếu không có chú giải, chỉ xem bạch văn, một cuốn rất mỏng, người ta xem thường nó. Khi tôi mới học Phật, khởi lòng tin đối với tịnh Tông, đã mất khoảng thời gian khoảng 20 năm, Thầy Phương không giới thiệu cái này, không giới thiệu Tịnh tông. Chương Gia đại sư cũng không giới thiệu Tịnh tông, khi tôi thân cận thầy Lý, thầy mới giới thiệu cho tôi biết, tôi bán tín bán nghi. Thầy ấy đã dùng rất nhiều phương tiện thiện xảo để dạy tôi, nhưng tôi vẫn không hề lay động, tôi đã từng nói với quý vị rất nhiều lần rồi, tôi tiếp nhận Tịnh tông là do giảng kinh Hoa Nghiêm. Giảng kinh Hoa Nghiêm mười mấy năm, giảng được một nửa, vào thời đó giảng Kinh Hoa Nghiêm một tuần giảng 3 lần, hai lần giảng về Bát Thập Hoa Nghiêm, một lần giảng về Tứ Thập Hoa Nghiêm, cả hai đều giảng được khoảng một nửa. Trong kinh Hoa Nghiêm thấy ngài Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, hơn nữa dẫn theo trong pháp hội Hoa Tạng, gồm 41 vị Pháp thân Đại sỹ đồng quy Cực Lạc, về đó học với Phật A Di Đà, tôi đọc đến đoạn kinh này, đã lãnh hội được ý nghĩa của nó một cách sâu sắc. Thế giới Hoa Tạng không tốt sao? Phật Tỳ Lô Giá Na không bằng Phật A Di Đà sao? Đây là những vấn đề của tôi. Vì sao ngài Văn Thù và Phổ Hiền, lại muốn dẫn hết những người đó về thế giới Cực lạc? Sự việc này đã xuất hiện trong kinh Hoa Nghiêm, đương nhiên cái lý này vẫn còn ở trong kinh Hoa Nghiêm, đọc lại tỉ mỉ kinh Hoa Nghiêm thì sẽ hiểu thôi. Bồ tát ở thế giới Hoa Tạng, đoạn tận 41 phẩm tập khí vô minh, cần phải 3 Đại a tăng kỳ kiếp, thời gian dài như thế. Những vị Pháp thân Bồ tát này, nếu như về thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, ở đó tu tập, như các vị pháp thân Bồ tát đây, thì 41 phẩm tập khí vô minh, thì chỉ trong một thời gian ngắn là đoạn tận. Động tác này thật sự quá giỏi, đã nâng cao pháp môn Tịnh độ, chẳng những nâng cao bằng với Hoa Nghiêm, mà còn siêu việt hơn Hoa Nghiêm nữa. Chỗ trở về cuối cùng của Hoa Nghiêm, sự thành tựu viên mãn, là ở chỗ Thập Đại Nguyện Vương quy hướng Cực lạc. Thế nên tôi đã quay đầu lại thật sự đọc Tịnh Độ Ngũ Kinh, đã có lòng tin vững chắc đối với Tịnh độ tông, cho nên tôi nghĩ đến người xưa thường dạy, pháp môn này gọi là pháp khó tin. Con đường chính bản thân tôi đi, phải mất hơn hai mươi năm, giảng kinh Lăng Nghiêm, giảng đại ý kinh Pháp Hoa, giảng kinh Hoa

Nghiêm, tôi mới làm quen với Tịnh độ, thật là không dễ. Nếu như tôi không có một số nền tảng của các bộ Đại kinh này, thì đối với Tịnh độ vẫn bán tín bán nghi. Sau này thấy rất nhiều các bậc cổ đức, chúng ta thật sự còn kém họ rất nhiều, theo không kịp, họ đều chọn pháp môn này, tuyệt đối chẳng phải là ngu si đâu, chắc chắn trong đó có lý do của họ, khiến cho chúng ta tiếp nhận, thật sự tiếp nhận, nghiêm chỉnh học tập. Tịnh Độ Ngũ Kinh giảng qua một lần, ngay cả Vãng Sanh Luận cũng giảng một lần, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là giảng nhiều nhất.

Dưới đây dẫn chứng cuốn Di Đà Sớ Sao: Như Di Đà Sớ Sao viết, hựu Khởi Tín Nhân Duyên Phân Sớ.

Trong Sớ Sao Liên Trì đại sư dẫn chứng Khởi Tín Luận, trong đoạn chú giải Nhân Duyên Phần. Sớ là chú giải. Minh tín vị sơ tâm, hữu tứ chủng cơ. Ở đây nói đến căn cơ của chúng sanh bất đồng, đây là tín vị sơ tâm. Dĩ lễ tán diệt tội bị sơ cơ, đây là sự thật, nhập môn ở đâu đây? Bắt đầu hạ thủ từ đâu? Từ lễ sám diệt tội. Chúng ta đối với Đại thừa khó mà sanh khởi tín tâm như thế. Nguyên nhân là vì sao? Là vì nghiệp chướng sâu nặng, cho mình là hay, đối với các bậc Hiền thánh cũng không để vào mắt. Bản thân chúng ta đều mắc phải căn bệnh này, lễ sám là phương pháp diệt tội rất hay. Lễ sám là gì? Là thu tâm. Tôi học Phật tôi vô cùng biết ơn pháp sư Sám Vân, tuy thầy không dạy tôi điều gì, tôi ở trong ngôi nhà tranh của thầy hơn 5 tháng, tôi công quả ở đó. Trong ngôi nhà tranh đó có tất cả 5 người, 3 người xuất gia gồm pháp sư Sám Vân, pháp sư Bồ Diệu, pháp sư Đạt Tông, không biết pháp sư Đạt Tông bây giờ còn hay mất, pháp sư Sám Vân và pháp sư Phổ Diệu đều vãng sanh cả rồi. Ngoài ra còn có một vị cư sỹ, tên là Châu Kính Trụ, năm đó ông ta 70 tuổi, còn tôi năm đó 30 tuổi, là người nhỏ tuổi nhất, cho nên tôi làm công quả cho đạo tràng nhỏ này, tất cả mọi công việc phục vụ trong đạo tràng, đều do một mình tôi làm. Nấu cơm bằng củi, vì ở trên núi nên không có điện cũng không có nước. Sau này chúng tôi đã nghĩ ra cách lấy nước, chúng tôi dùng cây tre, khoét thông mắt tre, trên núi có một con suối, chúng tôi dùng ống tre để dẫn nước về. Nhưng mà trên núi có dã thú, nên chúng thường làm hư ống dẫn nước, lại phải lên núi để sửa lại. Đồ đốt phải đi lượm củi, ở trên núi, lá cây và cành cây rụng rất nhiều, nên lượm về đốt, tự mình trồng rau, sống cuộc sống nông thôn ngày xưa. Tôi còn trẻ, những việc này tôi đã được học từ nhỏ, tôi lo cho 3 vị pháp sư, 1 vị trưởng giả, 1 ông già. Ngôi nhà tranh này cách thị trấn Bộ Lý nhỏ, tôi cũng không biết là bao nhiêu cây số nữa, nhưng mỗi lần đến Bộ Lý mua rau, mỗi tuần đi một lần, phải mất một ngày, đi bộ. Đi bộ từ nhà tranh, đi đến Bộ Lý mất khoảng 3 tiếng đồng hồ, quay về 3 tiếng nữa, tất cả là 6 tiếng, 2 tiếng đồng hồ là mua đồ. Mỗi tuần đi mua rau một lần, rau xanh thì tự trồng. Pháp sư Sám Vân giao bài tập cho chúng tôi, là mỗi ngày lạy Phật 800 lạy. Sáng sớm thức dậy lạy 300, buổi trưa sau khi ăn trưa và dọn dẹp xong, sau khi dọn dẹp xong thì lễ Phật 200 lạy, công phu tối là 300 lạy, trong nhà tranh, vì buổi tối không có điện, không có đèn, cho nên đại khái khoảng 8 giờ tối là đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy, Thức dậy làm vệ sinh cá nhân xong, thì

lạy 300 lạy, lạy 300 lạy xong thì bắt đầu nấu ăn sáng. Khi ăn sáng, pháp sư Sám Vân rất chú trọng, mỗi sáng đều uống sữa đậu nành, sữa đậu nành do chính mình xay, buổi tối trước khi đi ngủ, lấy đậu nành và đậu phộng trộn đều rồi ngâm nước, sáng hôm sau thức dậy thì xay đậu, trong sữa đậu nành có đậu phộng nên uống rất ngon. Người xuất gia muốn sống một mình thì việc gì cũng phải biết làm mới được. Đó là vào thời chiến tranh, chúng tôi là những học sinh lưu vong, nên đã tập thành thói quen rồi, giặt quần áo, may vá đều có thể làm được, cho nên hơn năm tháng ở trên núi, tôi đã lạy mười mấy vạn lạy, đập đầu lạy mười mấy lạy, tiêu nghiệp chướng! Lễ sám diệt tội, thu phục được tập khí phiền não của chình mình. Đó là nền tảng cơ bản để tôi đến Đài Trung học giảng dạy, nếu như không có nửa năm nghiêm chỉnh tu tập này, dưới sự hướng dẫn của pháp sư Sám Vân, khi đó ở trên núi pháp sư Sám Vân tu pháp môn Tịnh độ, thầy kêu tôi xem Số Sao, xem Yếu Giải, xem Viên Trung Sao, cho nên đối với 3 bộ chú giải này tôi rất quen thuộc, chính là học vào thời điểm đó. Đại cương của ba cuốn sách này, tôi đã vẽ thành sơ đồ, khi đã vẽ được rồi, tôi cảm thấy vô cùng kinh ngạc, mới biết được cái hay trong kinh điển của đạo Phật, thật sự bái phục sát đất. Ngoài những cuốn sách này ra, thầy ấy còn bảo tôi đọc cuốn Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, đó là thời khóa nửa năm của tôi ở trên núi. Có nền tảng này rồi, tôi đến Đài Trung học giảng kinh, không bỏ phí thời gian, phải nhập môn từ chỗ đó, tiếp nhận sự huấn luyện cơ bản.

Ngày nay chúng ta có môi trường tốt như thế này, vì sao sự tu học không tiến bộ? Nguyên nhân ở chỗ mọi người không nghiêm chỉnh lễ sám diệt tội. Nếu như bắt đầu hạ thủ công phu từ chỗ này, thì tình hình sẽ khác rồi. Nghiêm chỉnh tu tập, một ngày 8 trăm lạy là ít nhất, vì tôi phải dùng rất nhiều thời gian lo cho cuộc sống của mọi người, phục vụ ở trên núi chỉ có một mình tôi, cho nên việc gì cũng phải làm.

Đoạn dưới, dĩ tu tập chỉ quán bị trung cơ, dĩ cầu sanh Tịnh độ bị thượng cơ. Bạn xem ba loại căn cơ thượng trung hạ. Sơ vị nghiệp chướng chúng sanh, trung vị phàm phu nhị thừa, thị tri Tịnh tông thị Đại thừa Bồ tát sở tu hỷ. Đây là lời trong Khởi Tín Luận Số nói.

Hựu Di Đà Yếu Giải, vị trì danh pháp môn thâm diệu, phá tận nhất thiết hỷ luận, trảm tận nhất thiết ý kiến, duy Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh chi lưu, triệt để hà đảm đắc khứ.

Ở đây đã chỉ dẫn ra thượng căn. Mã Minh, Long Thọ là chư vị Tổ sư ở Ấn Độ, ở trong truyện ký có ghi chép lại, họ là người đã chứng được quả vị Sơ Địa, địa vị cao nhất, là Sơ Địa Bồ Tát. Ngài Trí Giả và Vĩnh Minh là người Trung Quốc. Trí Giả đại sư là vị tổ của tông Thiên Thai, Vĩnh Minh Diên Thọ, là vị tổ đời thứ sáu của tông Tịnh độ ở Trung Quốc, Đức Phật ứng hóa mà đến. Trí Giả đại sư là hóa thân của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, là hóa thân của Phật A Di Đà. Pháp môn Tịnh

độ, phải những người như họ mới triệt để, hà đảm nghĩa là thừa đương, họ mới có thể gánh vác được, chẳng phải là người thường đâu. Sự thâm diệu của pháp môn này là, phá hết tất cả hý luận. Câu này nói rất đậm, là lời nói thật, không giả dối đâu. Tất cả hý luận là nói về cái gì? Không phải là nói về pháp thế gian, mà tất cả kinh điển của chư Phật Bồ tát nói ra đều là hý luận, sao lại phiền phức như thế? Một câu A Di Đà Phật, chẳng phải là sẽ thành Phật sao? Còn làm những chuyện này làm gì chứ? Câu này không dễ dàng chút nào! Vì sao vậy? Vì tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là đường vòng, con đường này đi thẳng, chỉ dạy bạn một câu niệm Phật, ngoài câu niệm Phật ra thì tất cả đều buông bỏ, phải mất bao nhiêu thời gian để thành tựu? Trong kinh Di Đà nói, “nhược nhất nhật đến nhược thất nhật”. Trong lịch sử Trung Quốc chúng ta thấy, chấp trì danh hiệu, niệm Phật vãng sanh, thông thường là 3 năm, sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, gặp được Đức Phật A Di Đà, được bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì, thì bạn chính là Bồ tát A Duy Việt Trí, chẳng phải bạn thông hết được sao? Đâu cần phải tốn nhiều thời gian để học tập nữa, đây là hạng người nào? Ai có thể tin được? Là những người như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả họ có thể tin được.

Trảm tận nhất thiết ý kiến, nghĩa là không cho bạn khởi tâm động niệm, thì đâu còn tâm phân biệt chấp trước. Trảm hết tất cả ý kiến, nghĩa là đoạn phiền não, phá phiền não chướng, phá tận tất cả hý luận, là phá sở tri chướng, một câu niệm Phật mà phá được hai loại chướng ngại. Cho nên dưới đây cho chúng ta biết : “Cái nhân trì danh nhất pháp nãi chí viên chí đốn vô thượng pháp môn. Nghiệp chướng của chúng ta sâu dày, người sơ học làm sao mà biết được? Chí là đến mức cuối cùng, viên mãn cực kỳ, viên giáo nào cũng không thể đem so với nó được, viên trung chi viên. Đốn là đốn siêu, đốn trung chi đốn, vô thượng pháp môn, là pháp môn cao nhất trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, không có pháp môn nào cao hơn nữa, có thể tin được không? Người tin được điều này, đó chính là thượng căn, người không thể tin được, là trung hạ căn tánh, đây là lời nói thật.

“Phi tu lượng phân biệt chi sở năng cập cố vân thâm diệu”. Nan tín chi pháp! Tiểu thừa Quyền giáo rất khó lòng tiếp nhận. Những người được gọi là tri thức phân tử, tâm hiếu học, đó đều là chướng ngại. Hiếu học là sở tri chướng, có sở tri chướng thì không thể được định, không thể khai ngộ, vì vọng tưởng quá nhiều. Cho nên ngày xưa Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm mẫu mực cho chúng ta, 19 Tuổi ngài ra khỏi nhà, đi tham học đến năm 30 tuổi, tham học 12 năm, trong 12 năm này, tất cả những tôn giáo học phái của Ấn Độ, những kinh điển tu học của họ Ngài đều học qua hết. Vì sao vậy? Vì việc truyền pháp sau này, khiến cho xã hội đại chúng có lòng tin. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng phải là người không học võ thuật, cái gì Ngài cũng học qua. Thân phận Vương tử địa vị đặc thù, mọi người đều tin tưởng Ngài. Dưới cội cây Bồ đề, Ngài buông bỏ hết những thứ đã học trong 12 năm. Những thứ học trong 12 năm là gì? Là sở tri chướng, Ngài buông bỏ sở tri chướng. Trong quá trình tu học, Ngài từng sống cuộc sống khổ hạnh

tăng, đó là gì vậy? Đó là phá phiền não chướng, có thể buông bỏ tập khí phiền não. Buông bỏ những thứ đã học trong 12 năm, buông bỏ tất cả sở tri, buông bỏ phiền não chướng, buông bỏ sở tri chướng, thế mới có thể khai ngộ, mới có thể đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Sự biểu diễn của Ngài là để cho người đời sau chúng ta thấy, nhất định chúng ta phải nhớ, suốt cuộc đời của Đức Thế Tôn là ngài biểu diễn cho chúng ta thấy, giống như diễn kịch vậy. Trong kinh Phạm Võng Ngài đã tiết lộ thân phận mình, Ngài đến thế gian này lần này, thị hiện làm Phật đã tám ngàn lần rồi. Nói cách khác, từ kiếp lâu xa Ngài đã thành Phật, trong số đệ tử, thậm chí những người xuất gia hộ pháp, đều là những vị Phật Bồ tát hóa thân, đến để diễn vở kịch này, Đức Phật đóng vai chính, còn những người khác đóng vai phụ. Các ngài biểu diễn cho chúng ta xem, vì người mà diễn thuyết, vũ đài này chính là hành nghi suốt cuộc đời Ngài, biểu diễn suốt cuộc đời, khiến chúng ta từ từ cảm nhận được chân tướng sự thật.

Dưới đây dạy chúng ta phương pháp tu tập. “Đản mạc trực niệm khứ”. Mạc trực ở đây là niệm thường xuyên, khẳng khẳng niệm không buông. “Bất giả phương tiện”, là không cần sử dụng bất cứ một phương pháp nào để trợ giúp. “Bất lạc tư lượng”, bạn cũng không thể có tâm tán loạn, pháp môn này là “trực khởi trực dụng, tự đắc tâm khai”. Đó là bí quyết niệm Phật, bậc cổ đức nói ra để chánh trợ song tu, trì danh niệm Phật là chánh tu, dùng những phương pháp khác để trợ giúp, trợ tu, chánh trợ song tu. Liên Trì đại sư dạy chúng ta rằng, trì danh niệm Phật là chánh tu, cũng dùng trì danh niệm Phật làm trợ tu, chánh trợ đều là trì danh. Bạn có cần phải trì giới không? Không cần trì giới nữa. Vì sao lại không cần trì giới? Suốt 24 giờ đồng hồ, bạn chỉ có một câu A Di Đà Phật, bạn còn phá giới được sao? Được viên mãn rồi. Có thể nói Tam Phước, Tam Huệ, Lục Hòa, Lục Ba La Mật, Thập Nguyện tất cả đều ở trong một câu danh hiệu. Thật là không thể nghĩ bàn! Lý như vậy, sự cũng như vậy. Người thật sự có thể tu tập như thế, bạn có thể nói họ không phải là bậc thiện căn được không? Phải là bậc thượng thượng căn mới có thể làm được. Hai câu sau đây có đề cập đến: “Đương hạ phá tận hý luận, đặng trừ nhất thiết kế độ phân biệt”, phá tận hý luận, đoạn sở tri chướng, trừ tất cả kế độ phân biệt, là đoạn phiền não chướng. Kế độ là phiền não Kiến Tư hoặc, phân biệt là phiền não trần sa hoặc, một câu niệm Phật của người ta, có thể đoạn trừ phiền não chướng, đoạn trừ sở tri chướng.

“Cổ vân, như thị thâm diệu chi pháp, duy hữu Mã Minh đặng nhục thân đại sỹ, thi năng trực hạ thừa đương, triệt để hà đảm dã”. Đây đâu phải là người thường, thật sự trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài câu A Di Đà Phật ra, thì không có gì nữa, đây là người niệm Phật, tám vạn bốn ngàn pháp môn, tìm không ra một người có tâm thuần tịnh như thế, niệm niệm cùng với tự tánh tương ưng.

Bạn xem đại sư Huệ Năng kiến tánh, tự tánh như thế nào, Ngài đã nói ra: Tự tánh là thanh tịnh, đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, tự tánh bất sanh bất diệt, tự tánh vốn tự đầy đủ, tự tánh vốn không dao động, bạn xem một câu niệm Phật, có tương ứng với những điều trên đây không? Sau cùng còn có thể sanh vạn pháp. Cho nên chúng ta học Tứ Thập Hoa Nghiêm, thấy Thiên Tài Đồng tử tham vấn với Tỳ Kheo Đức Vân. Tỳ Kheo Đức Vân tu Bát Chu Tam Muội, khai thị cho Thiên Tài Đồng Tử 21 pháp môn niệm Phật, 21 pháp môn này triển khai ra, chính là tất cả pháp môn mà Thập Phương Tam Thế Nhất Thiết Chư Phật, vì tất cả chúng sanh mà giảng nói, một câu niệm A Di Đà Phật bao hàm hết tất cả, triển khai ra chính là năng sanh vạn pháp, vô lượng vô biên pháp môn, không có tách rời câu A Di Đà Phật, điều này có hay không?

Niệm Công đưa ra mấy vị nhục thân Bồ tát, giới thiệu sơ lược về họ. “Mã Minh đại sỹ, Đông Thiên Trúc nhân”, Thiên Trúc là Ấn Độ, ngày nay gọi là Ấn Độ, người Đông Ấn Độ. “truyền Phật tâm ấn, vi thiên tông thập nhị tổ”. Sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, thì Giáo do ngài A Nan truyền, còn Tông thì do Tôn giả Ca Diếp truyền, cho nên nói Tôn giả Đại Ca Diếp, là vị tổ đời thứ nhất của Thiên tông. Về bên Giáo thì Ngài A Nan là vị tổ đời thứ nhất, Ngài A Nan truyền Giáo, gọi là Tông Môn Giáo Hạ. Vị tổ đời thứ 12 của Thiên tông, “trùng hưng đại thừa, tạo Đại Thừa Khởi Tín Luận, luận mật khuyên đạo chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh độ”, là Mã Minh Bồ tát.

Long Thọ đại sỹ, là người Nam Thiên Trúc, là vị tổ thứ 14 của Thiên tông, khai thác sắt, thấy được Kim Cang Tát Đỏa Bồ tát, truyền thọ mật pháp, cho nên Ngài trở thành tổ sư của Mật tông. Nhập Long cung, thỉnh kinh Hoa Nghiêm, cho nên Ngài lại là sơ tổ của tông Hoa Nghiêm, lấy việc tạo các bộ luận, tận lực hoằng pháp môn Tịnh độ. kinh Lăng Già hiển ký nói rằng, Ngài chứng được Hoan Hỷ Địa, đây là nói về địa vị của ngài, ngài là Bồ Tát Sơ Địa. Vãng sanh tịnh độ, cho nên lại gọi là tổ sư của Tịnh tông, nước chúng ta tôn xưng vị Đại sỹ này là Tổ sư của tám tông. Phía trước nói 4, phía sau có Thiên Thai, Nam Sơn, Nam Sơn là giới luật, Luật tông, Pháp Tướng, Tam Luận, đều thừa nhận Ngài là Tổ sư. Cho nên Long Thọ Bồ tát và Đại thừa bát tông, bát luận tông nào cũng có sự quan hệ mật thiết đối với Ngài, tổ sư của tám tông. Truyện ký của Ngài có trong Đại tạng kinh, trong Cao Tăng Truyện cũng có, quý vị có thể tìm đọc. Trong truyện ký nói, Ngài chứng được Sơ Địa, Sơ Địa là pháp thân Bồ tát, chứ chẳng phải người tầm thường. Thiên Thai Đại sư nói, vị này thật sự thành Phật rồi, phân chứng tức Phật, trên cơ bản thì Ngài đã siêu việt Thập pháp giới, trụ ở Nhất chân pháp giới, là người rất thông minh, minh tâm kiến tánh rồi. Đọc kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyền lại, đức Thế Tôn thuyết pháp 49 năm, chỉ 3 tháng là Ngài học xong. Bộ Đại tạng kinh này, 3 tháng là Ngài tốt nghiệp, các vị nghĩ thử xem có làm được hay không? Sự việc này có thiệt hay không? Tôi nghĩ chắc là thiệt, không phải giả đâu. Vì sao vậy? Vì Đại sư Huệ Năng đã làm một tấm gương cho chúng ta thấy, Đại sư Huệ Năng kiến tánh, Ngài là người không biết chữ, bất cứ bộ kinh nào của đức Phật Thích Ca Mâu Ni

nói, bạn đọc cho Ngài nghe, là Ngài có thể giảng giải cho bạn nghe, không cần học. Cho nên Bồ tát Long Thọ xem Đại tạng kinh, bộ kinh này có cần xem hết không? Không cần đâu, giống như đại sư Huệ Năng vậy, chúng ta thấy trong Pháp Bảo Đàn Kinh có ghi lại một đoạn như sau:

Thiền sư Pháp Đạt, suốt đời thọ trì kinh Pháp Hoa nhưng chưa khai ngộ, đọc 3000 bộ kinh Pháp Hoa, chúng ta biết bộ kinh này rất dài, có phân lượng rất lớn, một ngày nhiều nhất là đọc được một bộ, cũng phải mất 7,8 tiếng đồng hồ, mỗi ngày đọc một bộ, 3000 bộ, là nói con số chẵn, chắc chắn là vượt trên số 3000, 10 năm. 10 năm đọc một bộ kinh là cũng giỏi lắm đấy, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Cho nên Ngài đến Tào Khê, tham vấn với Lục Tổ đại sư, khi lễ Lục Tổ bái đầu không sát đất, đánh lễ lão Hòa thượng 3 lạy, nhưng đầu lại không sát đất. Đứng dậy, Lục Tổ hỏi Thiền sư, vừa rồi tôi thấy ông lễ bái mà đầu không sát đất, ông có điều gì đáng kiêu ngạo vậy? Thiền sư nói, con đã đọc được 3000 bộ kinh Pháp Hoa rồi, người đời nay đáng để kiêu ngạo đấy. Bị Lục Tổ nhìn thấu rồi, Ngài hỏi: Đại ý của kinh Pháp Hoa là gì? Thiền sư không trả lời được, hỏi ngược lại Lục Tổ, Lục Tổ nói, ta chưa hề nghe qua bộ kinh này, người đọc cho ta nghe thử xem. Kinh Pháp Hoa có 28 phẩm, thiền sư đọc đến phẩm thứ hai, Lục Tổ nói, được rồi, không cần đọc nữa, ta hiểu hết rồi, giảng cho Thiền sư, thiền sư liền khai ngộ. Lục Tổ đại sư giảng cho chúng ta, chúng ta không khai ngộ, vì sao vậy? Vì không có Pháp Hoa Tam Muội, thiền sư 10 năm đọc bộ kinh này, nên được Pháp Hoa Tam Muội, nghĩa là trong kinh Pháp Hoa, thiền sư đã được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, thiền sư đạt được điều này. Cho nên khi Lục Tổ giảng là thiền sư đại triệt đại ngộ, hiểu rõ hết, lễ bái, lễ tạ Lục Tổ, thì đầu sát đất rồi. Điều này cho chúng ta một bài pháp rất lớn, người đã minh tâm kiến tánh, có cần học hết kinh điển hay chăng? Không cần, chỉ cần đọc vài trang, đọc vài câu là được, là hiểu rồi, một bộ kinh đọc vài câu, thì ba tháng đương nhiên là một thời gian rất dài đấy, kinh điển mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng một đời, Ngài đều thông hết. Cho nên Bồ tát Sơ Địa phá vô thi vô minh, những vẫn còn tập khí, tập khí chưa đoạn. Giống như thiền sư Pháp Đạt vậy, có một chút gì đó cho rằng mình rất giỏi, trên thế gian này không có một người nào giỏi hơn mình, ở Sơ Địa gọi là Tiểu Bồ tát, vừa mới nhập môn thôi. Đại Long Bồ tát thấy, chăm sóc cho Ngài, dẫn Ngài đến Long cung. Bồ tát Long Thọ hiểu học, chẳng phải người thích học sao, quảng học đa văn sao? Dưới Long cung kinh điển rất phong phú, dắt người đến đó mà xem. Thấy cuốn Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, đại bản, bộ hoàn chỉnh, bộ kinh mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng trong 21 ngày, có dung lượng bao nhiêu đây? Có 10 tam thiên đại thiên thế giới vi trần bài kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm, bộ kinh này mang về địa cầu của chúng ta thì không thể để được. Bồ tát Long Thọ thấy cuốn kinh này, thì một chút tập khí ngạo mạn đó lập tức không còn nữa, mới biết rằng những gì suốt đời mình học được còn quá ít. Thấy cuốn đại bản Hoa Nghiêm, chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề,

chúng sanh ở trên quả địa cầu, không có một người nào có thể thọ trì được, không thể học được. Ngài xem tiếp trung bản, phân lượng của trung bản cũng còn rất lớn, không khế hợp với căn cơ của chúng sanh ở thế giới Ta Bà này. Cuối cùng xem tiểu bản, tiểu bản là gì? Là mục lục đề cương, giống như chúng ta xem Tứ Khố Toàn Thư vậy. Tứ Khố là đại bản, Tứ Khố Hội Yếu là trung bản, tiểu bản là mục lục đề cương, chỉ có 5 cuốn, đóng thành 5 cuốn, mục lục đề cương. Tên của mỗi cuốn sách, ai là người trước tác, giới thiệu sơ lược nội dung đại ý bên trong. Ngài nói cuốn này được đây, cuốn này đối với Diêm Phù Đề chúng sanh không có vấn đề gì. Phân lượng là bao nhiêu? 10 vạn kệ, 40 phẩm, 40 phẩm, 10 vạn kệ. Người Ấn Độ tính 4 câu là 1 bài kệ, 10 kệ, nghĩa là 40 vạn câu. Ngày nay chúng ta xem bộ kinh Hoa Nghiêm, là mục lục đề cương của kinh Hoa Nghiêm. Bộ kinh này do Bồ tát Long Thọ truyền đến thế gian, cho nên Ngài là Tổ sư của tông Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm do Ngài truyền đến. Trước Ngài thì kinh Hoa Nghiêm không lưu truyền ở thế gian này, đây là bộ kinh Đức Thế Tôn khi ở trong định giảng 21 ngày, sau khi giảng xong Bồ tát Đại Long đã thu giữ lại ở Long cung. Từ đây cho chúng ta có một cảm nhận rất sâu sắc, khai ngộ là việc rất cấp thiết, minh tâm kiến tánh là việc cấp thiết, sau khi kiến tánh thì thông hiểu hết, hoàn toàn không còn chướng ngại gì. Chân tướng sự thật này, trong kinh điển Đại thừa Đức Phật thường dạy, “nhất kinh thông nhất thiết kinh thông”, thông được một pháp môn, thì thông hết tất cả mọi pháp môn, cho nên kêu bạn, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu là vậy. Tất cả mọi pháp môn đều có thể thông đến minh tâm kiến tánh, cho nên pháp môn bình đẳng, không có cao thấp. Con đường nào cũng có thể đến nhà, chỉ cần bạn chịu đi là được rồi, bạn không cần phải đi tìm con đường khác, tìm đường khác, mất thời gian, vất vả, mà lại không đến được nhà. Nhất môn thâm nhập, một bộ kinh, một pháp môn, chắc chắn được định, định nghĩa là Tam Muội. Sau khi được định rồi, thì tiếp tục tiến lên nữa, không thay đổi phương hướng, thì chắc chắn khai ngộ. Sau khi ngộ, thì cũng giống như Bồ tát Long Thọ vậy, học tập rất dễ dàng, không hề có chút khó khăn nào hết, vừa thấy là hiểu, vừa nghe là hiểu ngay, vừa tiếp xúc là hiểu được hết. Đây là bí quyết tu học trong Phật pháp, nếu không tin, tự cho mình là thông minh, thì con đường của họ đi còn rất xa, họ còn gặp rất nhiều khó khăn. Thật sự nghe lời, nghe theo lời dạy của các vị tiền bối, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, đây chính là một con đường gần nhất. hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 39

Giảng ngày 14 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 42, dòng thứ nhất, trang thứ 42, dòng thứ nhất, chúng ta học từ câu thứ hai.

Trí Giả đại sư tụng Pháp Hoa, thân tâm hốt nhiên, đắc nhập Pháp Hoa Tam Muội, thân kiến Linh Sơn nhất hội, nghiêm nhiên vị tán, hậu trú Thiên Thai Sơn sáng Thiên Thai tông. Lâm chung hữu hiệp tây hướng, xưng niệm Di Đà Quan Âm nhi tịch.

Ở đây giới thiệu sơ lược về Thiên Thai Trí Giả đại sư. Thiên Thai tông, cũng gọi là Pháp Hoa tông, một nhân vật vô cùng quan trọng. Thiên Thai tông kiến lập viên mãn, có thể nói là đã hoàn thành trong tay Đại sư, trong truyện ký có một đoạn ghi lại như sau:

Một hôm Ngài tụng kinh Pháp Hoa, đọc đến phẩm Dược Vương Bồ tát thì nhập định. Nhập định, định ở đây chính là Pháp Hoa Tam Muội, cảnh giới trong định vượt ra ngoài thời gian và không gian, cho nên ngài thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giảng kinh Pháp Hoa ở núi Linh Thứu, Ngài đã tham dự pháp hội này, nghĩa là một tiết học, tham dự một tiết học. Sau khi nghe xong thì xuất định trở về, nói với mọi người rằng, hội Linh Sơn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn chưa giải tán, ngài vẫn đang giảng. Đó là cảnh giới gì? Đây chính là cảnh giới Thập Huyền Môn trong kinh Hoa Nghiêm. Thập Huyền, thập nghĩa là viên mãn, Huyền là huyền diệu, không thể nghĩ bàn. Một tức là nhiều, nhiều tức là một, 10 môn này, nhập một môn, thì các môn khác đều nhập. Diệu ở chỗ nào? Diệu ở chỗ đồng thời đồng xứ, đó là gì? Đó là thật tướng của vũ trụ nhân sinh. Trong tâm của lục đạo phàm phu, thì có quá khứ, có hiện tại, có vị lai, đó không phải là thật, đó là giả. Nói thật với bạn, không có quá khứ, hiện tại, vị lai đâu, cũng chẳng có Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, tất cả mọi hiện tượng cảnh giới, đều từ một niệm ngay đây mà có. Đó là chân tướng sự thật, Đức Phật thường nói trong kinh, thường nói trong Đại thừa kinh giáo, nhưng mà chúng ta nghe không hiểu. Chúng ta cảm thấy cảnh giới này không thể nghĩ bàn, học Phật cũng không dám phủ định, câu này là giả cũng không dám nói là giả, nhưng mà không có cách thừa nhận. Cảnh giới này đến bao giờ bạn mới thấy được chân tướng đây, bạn buông bỏ được khởi tâm động niệm phân biệt

chấp trước, thì cảnh giới này sẽ hiện tiền. Thật sự không ít người, trong khoảng sát na không khởi tâm, không động niệm, thì cảnh giới này sẽ hiện tiền, vừa khởi niệm thì cảnh giới biến mất, không hiện tiền nữa, chẳng phải là huyền giác đâu, chúng ta bây giờ mới gọi là huyền giác, đó là chân tướng sự thật. Từ đó cho thấy, sự vọng tưởng phân biệt chấp trước đã hại chúng ta thâm, chẳng phải người khác làm cho chúng ta đâu, tự làm tự chịu đấy, chúng ta chẳng thể không hiểu rõ cái lý này. Trong vũ trụ có lục đạo luân hồi hay không? Không có những thứ này, cũng không có Thập pháp giới y chánh trang nghiêm. Kinh Kim Cang nói rất hay: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Đó là chân tướng, khi nào thì mới chứng được? Sơ trụ của Viên Giáo, Sơ địa của Biệt Giáo thì chứng được. Chúng ta học Phật phải lấy cái đó làm mục tiêu. Học cái gì? Tự mình cần phải biết, nếu như không chứng được, ở trong kinh điển chúng ta đọc tụng, đem tâm cung kính để đọc tụng, bạn cũng biết được những sự việc này, nhưng mà không phải tự mình chứng ngộ đâu, mà chúng ta hiểu được những việc này trong kinh giáo, có sự việc thế này, không được thọ dụng, chứng đắc thì thọ dụng được. Ngài Trí Giả đại sư thị hiện, là chứng được, thân chứng. Trong vũ trụ, đứng về thể tánh mà nói, là không có gì hết, về mặt khởi dụng mà nói, thì thật sự vô lượng vô biên, vô số vô tận, không thể nói được. Hiện thị thể tánh là chân, hàm chứa vô lượng trí huệ, nếu mê thì biến thành phiền não. Vô lượng đức năng, nhưng mê thì biến thành tạo nghiệp, nghiệp tập. Vô lượng tướng hảo, mê rồi thì biến thành luân hồi lục đạo, nó là một chẳng phải hai, mê giác bất đồng. Sự khởi dụng của giác ngộ, là thật Báo Trang Nghiêm Độ, là nhất chân pháp giới, mê rồi khởi tác dụng, xem độ mê của bạn, mê đến cùng rồi, thì sự tác dụng của nó là A tỳ địa ngục. Mê nhẹ nhất, là Phật pháp giới trong Thập pháp giới, sâu cạn không giống nhau. Nói 10 là phân loại nó ra thành 10, trong mỗi loại đều là vô lượng vô biên. Chúng ta cũng là con người, độ mê ở một tầng lớp, nhưng mà con người có giàu sang nghèo hèn không giống nhau, khác nhau quá nhiều, đó là gì vậy? Cũng là độ mê sâu cạn không đồng nhau. Bình thường chẳng phải nói là tạo nghiệp sao? Không sai, bạn không mê thì làm sao tạo nghiệp được. Mê có sâu cạn, cho nên tạo nghiệp không giống nhau, mê sâu thì tạo ác nghiệp, mê cạn thì tạo thiện nghiệp, không giống nhau, mê ngộ chẳng tương đồng. Cho nên Đức Phật dạy chúng sanh, dạy họ điều gì? Giúp họ phá mê khai ngộ, đó chính là giáo dục của đức Phật, sự dạy học của đức Phật, chúng ta chẳng thể không biết.

Sau này Trí Giả đại sư kiến lập tông Thiên Thai, khi ngài vãng sanh, “lâm chung hữu hiệp tây hương”. Khi lâm chung giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thị hiện vậy, “xung niệm Di Đà Quan Âm nhi tịch”. Trong bốn loại niệm Phật, Trí Giả đại sư dùng Quán Tưởng Niệm Phật, Ngài không trì danh, Ngài dùng quán tưởng niệm Phật, y theo kinh Thập Lục quán, Ngài vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc. Cho nên các vị tổ sư của Thiên Thai tông sau này, rất nhiều vị khi vãng sanh đều là niệm Phật vãng sanh, bao gồm cả thời cận đại đây, chúng ta thấy pháp sư Đê Nhân, pháp sư Đàm Hư, pháp sư

Bảo Tĩnh, là những vị tu Thiên Thai tông, đều là niệm Phật vãng sanh Tịnh độ, từ đó cho thấy sự thù thắng của Tịnh tông.

Tiếp tục xem vị kế tiếp, “Vĩnh Minh đại sư ư Thiên Thai thiệu quốc sư phát minh tâm yếu”. Câu này muốn nói về nhân duyên khai ngộ của Đại sư Vĩnh Minh. Thầy của Ngài, ngày nay nói là thầy chỉ đạo, thầy truyền pháp, giúp cho Ngài, hướng dẫn Ngài đại triệt đại ngộ, phát minh tâm yếu, nghĩa là đại triệt đại ngộ. Ngài Vĩnh Minh vốn cũng tu theo Thiên tông, “Pháp Nhân tông đích tôn”. Sau đời Lục Tổ học sinh của Ngài phân thành 5 phái, trong tông lớn này phân thành 5 tông nhỏ, Pháp Nhân Tông, “hậu chuyên chí Tịnh tông”. Chúng ta biết rồi đó, ở đây đã hé lộ thân phận của ngài, Ngài là hóa thân của Phật A Di Đà. Bạn xem vào thời đó phái Thiên rất hưng thịnh, mọi người đua nhau học thiền, Ngài cũng học thiền. Sau khi ở Thiên tông đại triệt đại ngộ, Ngài phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, tu pháp môn Tịnh độ. Vì sao đại sư lại làm như vậy? Dụng ý rất sâu! Ngài biết được rất nhiều người trong Thiên tông không phải là thượng thượng căn, thiền là tiếp những người thượng thượng căn, họ không phải là căn cơ này. Nói cách khác, suốt cuộc đời tu theo Thiên tông không được khai ngộ, không được kiến tánh, cùng lắm là được thiền định mà thôi, như thế là tốt lắm rồi. Được thiền định, tương lai sẽ đi về đâu đây? Sau khi mệnh chung, đa số sanh về cõi trời Tứ Thiên, trời Tứ Không, không ra khỏi lục đạo luân hồi. Chư Phật Bồ tát Từ bi, vì những người này mà thị hiện, bạn khuyên họ tu Tịnh độ, họ không tin, họ nói đó là pháp môn của bà già tu, họ xem thường, tham thiền thì họ lại chẳng phải là người có đủ điều kiện, họ không phải là bậc thượng thượng căn. Các vị nên biết rằng, tập khí cống cao ngã mạn còn, họ không buông bỏ được, cho nên chư Phật Bồ tát thị hiện như vậy cho họ thấy. Bạn học thiền tôi cũng học thiền, bạn chưa khai ngộ, còn tôi đã ngộ rồi, tôi đã minh tâm kiến tánh, quay đầu lại chuyên tu Tịnh độ, dẫn họ về Tịnh độ, thị hiện phương tiện như thế, thiện xảo phương tiện, đưa những người tu thiền này về Tịnh độ, ở cõi Tịnh độ, chẳng có người nào không thành tựu, ai ai cũng thành tựu. Ở trong thiền chỉ thành tựu được một chút xíu, quay đầu lại tu theo Tịnh độ, thì chẳng có ai không được vãng sanh. Quả nhiên ở trong pháp thiền, đạt thiền định, có được công phu, có thể xem nhẹ tâm phân biệt chấp trước, coi rất nhẹ, tâm phân biệt chấp trước không khởi tác dụng nữa, nhưng chưa đoạn, công phu thiền định của họ có thể hàng phục được, vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, đều ở Phương tiện Hữu dư độ. Từ đó cho thấy, bất luận tu theo pháp môn nào, nhất định các vị phải biết, chỉ là phương pháp không giống nhau, đường đi không tương đồng, nhưng nguyên lý nguyên tắc của nó thì hoàn toàn giống nhau, tất cả là tu thiền định, tất cả là dạy bạn buông bỏ, buông bỏ thì tự tánh bản định hiện tiền, Tam muội hiện tiền. Trong thâm sâu của Tam muội, cảnh giới đó chính là cảnh giới Phật. Thiên Thai đại sư nhập Pháp Hoa Tam Muội, thấy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn đang giảng kinh, giảng kinh gì vậy? Giảng kinh Pháp Hoa. Bậc cổ đức của Tịnh tông niệm Phật, niệm đến nhất

tâm bất loạn, sự nhất tâm bất loạn, thậm chí còn chưa được sự nhất tâm bất loạn, các vị công phu thành phần Thượng bói thượng tam phẩm, đều là niệm Phật Tam muội. Họ gặp Phật, gặp đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn đang giảng kinh, giảng kinh gì? Giảng kinh Vô Lượng Thọ. Cảnh giới này muốn nói rằng, tập khí chúng tử trong A Lại Da của bạn, tập khí chúng tử này tương ứng với cái nào, thì cảnh giới đó sẽ hiện tiền. Bản thân chúng ta học pháp môn nào, học bộ kinh nào, thì ở trong Tam muội, chắc chắn bạn gặp được cảnh giới bạn tương ứng hiện tiền. Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, nó tương ứng. Bạn không cầu, bạn có tập khí này, tập khí này nghĩa là minh cảm, Phật Bồ tát hiển ứng, minh cảm hiển ứng, bạn thấy được cảnh giới này.

Vĩnh Minh Đại sư là Tổ sư đời thứ 6 của Tịnh độ tông, Tổ đời thứ sáu của Tịnh độ tông. Dưới đây nói sự công phu tu tập của ngài: “Nhật tụng hồng danh thập vạn thanh, kiêm hành nhật khóa nhất bách linh bát sự”. Siêng năng quá, chúng ta không làm được, mỗi ngày 10 vạn danh hiệu Phật, còn phải tu 108 việc, những điều này trong truyện ký của Đại sư, quý vị có thể thấy.

“Mông Quán Âm Đại sỹ cam lồ quán khẩu, diệu huệ đồng hiện”, đó là cảm ứng. Sau khi Quán Âm Bồ tát dùng cam lồ quán khẩu, thì khai trí huệ. “Trước Tông Cảnh Lục nhất bách quyển”, Tông Cảnh Lục bậc cổ đức gọi đó là Tiểu Tạng kinh, chính là sự cô đọng của Đại tạng kinh. Phân lượng của Đại tạng kinh quá lớn, muốn đọc qua một lần không dễ dàng, Tông Cảnh Lục chính là đại cương Đại tạng kinh, là tinh hoa của Đại tạng kinh. Nếu như không có thời gian, không có năng lực để đọc toàn tạng, thì đọc Tông Cảnh Lục là được rồi. “Cập Tâm Phú Chú, Vạn Thiện Đồng Quy Tập”, đều là những trước tác nổi tiếng của Đại sư, những cuốn sách này đều có trong Đại tạng kinh. “Úy vi pháp cự, quang chiếu vạn thế”, hai câu này dùng để tán thán ngài, không hề quá đáng chút nào. “Thất thập nhị tuế phần hương biệt chúng, tọa thoát tây quy”, Ngài trụ thế 72 năm, năm 72 tuổi ngài thì vãng sanh, ngồi mà hóa.

“Dĩ thượng tứ đức, hàm vi nhục thân Đại sỹ, pháp môn Long tượng”. Ở đây sơ lược đưa ra 4 vị Đại sỹ, Ngài Mã Minh và Long Thọ là cao tăng Ấn Độ, Ngài Trí Giả và Vĩnh Minh là cao tăng Trung Quốc, tất cả đều cầu sanh Tịnh độ, đều là niệm Phật vãng sanh, là nhục thân Bồ tát. Long tượng pháp môn là ví dụ, câu này trong đạo Phật thường dùng, Long tượng đều có định công. Chúng ta không thấy Long, chúng ta thấy Tượng, bạn xem Đại tượng, bạn tỉ mỉ quan sát nó xem, hành trụ tọa ngọa đều ở trong định, nó rất rất chậm, phải học nó. Cuộc đời tôi gặp được một người, là Chương Gia đại sư, thật sự bất luận cả việc nói chuyện, động tác rất chậm, nói cũng rất chậm, nói từng chữ từng chữ một, chứ không nói nhanh như chúng ta đâu. Đó là tu dưỡng, cũng là dạy học, dạy chúng ta điều gì? Ngày nay điệu bộ của chúng ta quá nhanh, nên chậm một chút, tốc độ nói chuyện quá nhanh, cần nên chậm lại vài giây, khiến người ta cảm nhận được sự vững

vàng. Trong Luận Ngữ nói: “Quân tử bất trọng tắc bất uy”, uy ở đây là từ đức mà nói, uy đức, hàng phục tâm lòng bông của chúng sanh, cho nên là dạy học. Bạn tiếp xúc với Ngài, thì tự nhiên bạn cũng chậm lại, duy nhất trong sự vững vàng, bạn mới có thể cảm nhận được Phật pháp, tâm lòng bông thì không thể học được đâu, chẳng phải thầy không dạy, mà do bạn không tiếp nhận được. Càng tiếp cận môn học tâm tánh, thì tâm địa càng thanh tịnh, cho nên ngôn ngữ, văn tự trong kinh Phật, nếu bạn nương vào ý nghĩa của văn tự, thì chắc chắn bạn không thể hiểu được. Ý nghĩa của nó ở đâu? Ý ở ngoài văn tự, ngôn ngữ văn tự chỉ là dẫn đường, ý nghĩa của nó không ở đó, mà nó ở ngoài văn tự, cho nên nếu bạn có thể cảm nhận được cái gọi là ý ở ngoài lời, thì bạn mới có thể ngộ nhập. Đạo Phật thường nói là bậc thượng thượng căn, thế nào là bậc thượng thượng căn? Người phiền não nhẹ là thượng thượng căn, người tâm địa thanh tịnh bình đẳng là thượng thượng căn. Cho nên nhất định bạn không được xem thường các ông già, bà già, thường những người này lại là bậc thượng thượng căn, nếu có nhân duyên tiếp xúc, thì họ thật sự khế nhập được, bất luận là nhập sâu hay cạn, nhưng họ đã khế nhập được, cho nên họ được thọ dụng, một câu danh hiệu Phật họ khế nhập, họ quyết định được vãng sanh. Không nói đến phẩm vị cao thấp, nhưng họ được sanh Tịnh độ. Vì sao vậy? Vì họ giữ khăng khăng, không có nhị niệm. Thời gian niệm Phật không cần nhiều, 3 năm 5 năm thì được tự tại vãng sanh, được thật sự khế nhập. Những người trung hạ căn, tu tịnh độ, tu 20 năm, 30 năm, 40 năm, 50 năm, hỏi họ có nắm chắc được vãng sanh chăng? Không nắm chắc. Vì sao vậy? Vì không khế nhập. Ngày ngày niệm Phật, hữu khẩu vô tâm, không thể tương ứng, hàng ngày cũng ở trong niệm Phật đường, niệm ngàn tiếng vạn tiếng, nhưng không tương ứng, khi lâm chung vẫn còn sợ chết, hạng người này rất nhiều, chúng ta đã thấy đó. Người khác có nhìn thấy, cũng không cần phải để trong lòng, mà quay lại hỏi bản thân mình, mình làm được chưa? Ngày nay Đức Phật A Di Đà đến tiếp dẫn tôi, tôi có thật sự sanh tâm hoan hỷ không? Thật sự muốn đi theo Ngài không? Thật sự buông bỏ thân tâm thế giới trước mặt chăng? Danh lợi thân tình triệt để buông bỏ được chăng? Tất cả đều đến để khảo nghiệm chúng ta, rốt cuộc chúng ta có thật sự tu tập hay không? Thật tu thì thật được vãng sanh. Bộ kinh này hay, hội tập hay, chú giải hay, dẫn chứng 193 bộ kinh luận, làm chứng minh cho chú giải, lại dẫn chứng rất nhiều tây phương, đông độ, tây phương là nói về cổ Ấn độ, các vị cao tăng để làm chứng, hy hữu khó gặp, chúng ta gặp được, có đầy đủ nhân duyên. Vấn đề ở chỗ thiện căn phước đức, thiện căn là chân tín, có thể lý giải, phước đức là chân tu. Bí quyết của việc chân tu, không gì khác ngoài việc buông bỏ, không buông bỏ thì chẳng phải là chân tu, triệt để buông bỏ đó chính là chân tu. Tất cả ngoại duyên đều buông bỏ, khiến cho trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoài câu A Di Đà Phật ra thì không có gì hết, đó gọi là chân tu, hạng người này cũng chính là Long tượng pháp môn.

“Yếu giải vị duy như thị chi nhân, thử năng triệt để thừa đương Tịnh độ pháp môn. Cận thể học nhân yên đắc dĩ thể tục chi kiến, nhi bỉ thị Tịnh độ da”.

Mã Minh, Long Thọ là nhân vật như thế nào, Trí Giả, Vĩnh Minh khi các Ngài còn tại thế, Đế vương tôn sùng, lạy làm Quốc sư. Ngài Trí Giả là quốc sư, ngài Vĩnh Minh Diên Thọ cũng là quốc sư, Đế vương xưng mình là đệ tử. Những người như họ, mới thật sự triệt để thừa đương pháp môn Tịnh độ, viên tu viên chứng. Học nhân đời cận đại, học nhân ở đây không gì khác, là chỉ cho những người học Phật. Cái nhìn của thể tục không buông bỏ, thấy người ta nói cũng nói, xem thường Tịnh độ, không hề biết rằng, trong Phật pháp Tịnh độ là pháp thượng thượng thừa. Các vị tổ sư đời Đường đem so sánh, so sánh giữa Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Chỗ trở về cuối cùng của Hoa Nghiêm và Pháp Hoa là Tịnh độ, trong kinh Hoa Nghiêm, Thập đại nguyện vương hướng dẫn về Cực lạc, điều này mọi người đều biết. Vì sao tôn trọng Hoa Nghiêm mà kỳ thị Tịnh độ? Sao có lý như vậy. Trong Hoa Nghiêm có triết học tối cao, trong đây không có sao? Có đó, không thua Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đâu.

Chúng ta học đoạn kế tiếp, vẫn tiếp theo đoạn trên: “Hựu yếu giải vân, cố nhất thanh A Di Đà Phật, tức Thích Ca Bổn Sư ư ngũ trước ác thế, sở đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp.” Câu này khó quá! Của ai nói vậy? Ngâu Ích đại sư nói đó, cho nên Ân Quang đại sư tán thán, tán thán Yếu Giải của Ngâu Ích đại sư, Ngài đã nói quá hay, người xưa chưa từng nói như vậy. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật như thế nào? Làm thế nào để đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Ngâu Ích đại sư nói niệm Phật A Di Đà thì đạt được, bằng chứng đâu? Bằng chứng ở trong kinh Di Đà. Bạn xem đã nhiều năm giảng kinh Di Đà, đọc kinh Di Đà mà không phát hiện ra, nhưng đã được Ngài phát hiện, thật sự không hề sai chút nào! Ngâu Ích đại sư đã khiến chúng ta thức tỉnh.

“Kim dĩ thử quả giác toàn thể, thọ dữ trước ác chúng sanh”. Kim là ngày nay, Phật là Phật A Di Đà, đem quả giác toàn thể, truyền trao cho lục đạo chúng sanh trong đời ác trước, chúng sanh trong đời ác ngũ trước. Xã hội của chúng ta ngày nay, trước ác đến cực điểm, trước là gì? Là nhiễm ô. Ngày nay nói đến nhiễm ô, thì mỗi người chúng ta đều có một cảm xúc sâu sắc, cảm xúc dễ dàng nhất là gì? Là môi trường bị nhiễm ô. Trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, thực vật của chúng ta bị nhiễm ô nghiêm trọng, nước uống của chúng ta bị nhiễm ô nghiêm trọng, quần áo chúng ta mặc, có một số làm bằng chất hóa học đều có nhiễm ô. Trung Quốc thời xưa mặc áo bông áo sợi, đó là tự nhiên, ngày nay khoa học phát đạt, muốn thay đổi những thứ này, thay đổi là bị hư, nhìn hình dáng bên ngoài rất đẹp, nhưng đối với nhân thể không có lợi. Cho nên sự ăn uống ngủ nghỉ ngày này, đã khiến cho rất nhiều người mắc phải những căn bệnh kỳ quái. Nói rộng ra thì quý vị đều biết, địa cầu bị nhiễm ô, địa cầu bị bệnh rồi. Đây là cảnh giới bên ngoài, quay lại nhìn xem, tâm bị nhiễm ô, đem so với môi trường nhiễm ô không biết nó nặng gấp

bao nhiêu lần. Nguồn cội của sự nhiễm ô ở bên trong, chứ không phải bên ngoài, bên trong nhiễm ô, bên ngoài thì sao? Cảnh giới bên ngoài tùy tâm chuyển, cảnh tùy tâm chuyển, tâm bị nhiễm ô, thân tự nhiên cũng bị nhiễm ô, môi trường bên ngoài cũng bị nhiễm ô, đó chính là nguyên nhân khiến con người ngày nay bị bệnh. Hóa giải tai nạn của tự nhiên, chúng ta nói sự tai hại của tự nhiên, bạn phải biết sự tai hại này từ đâu mà có, giống như đi khám bệnh vậy, như bác sỹ chữa bệnh vậy. Trung Quốc, nước ngoài, những dự ngôn từ xưa đến nay, đều đã nói rất nhiều tai hại, đó là gì? Đó giống như nói ra tình trạng của căn bệnh. Nói ra rồi, có rất nhiều người nghe rồi sợ hãi, kỳ thật là sai lầm, không cần phải lo sợ. Nhất định bạn phải biết căn bệnh này từ đâu mà có, bạn vốn là một người khỏe mạnh, làm sao lại bị bệnh?

Trong đạo Phật nói, bệnh có 3 nguyên nhân: Loại thứ nhất là sinh lý, trong âm thực của bạn, trong cách sống của bạn có chỗ sai lầm, khiến cho bị bệnh, loại tật bệnh này thì bác sỹ có thể chữa trị cho bạn, giúp bạn phục hồi trở lại bình thường, đó là loại thứ nhất.

Loại thứ hai là oan thân trái chủ của bạn tìm đến bạn, nó đến làm gì đây? Nợ mạng thì đền mạng, thiếu tiền thì đến tiền, nó đến để đòi tiền đòi mạng, dạng bệnh này, bác sỹ không chữa được, nó không thuộc về sinh lý, vậy phải làm cách nào đây? Điều giải. Cho nên trong tôn giáo, có rất nhiều các vị truyền giáo giúp cho tín đồ chữa trị căn bệnh, đại đa số là dạng bệnh này, đưa ra điều kiện điều tiết, đối phương tiếp nhận, thì nó sẽ đi, bạn sẽ khỏi bệnh.

Loại thứ ba gọi là bệnh nghiệp chướng, là bản thân bạn tạo tội nghiệp quá nhiều, loại bệnh này rất phiền phức, vì sao vậy? Bác sỹ chữa không khỏi, nó cũng chẳng thuộc về điều tiết, mà do chính bạn tạo nghiệp nặng, rất phiền phức. Bạn đi tìm các nhà truyền giáo để giúp, họ không giúp được. Bởi vì nó không phải là điều tiết, mà do chính bạn tạo nghiệp sâu dày, bạn phải bị báo ứng này. Nhưng vẫn còn có cách, đó là chân thật sám hối, Phổ Hiền Bồ tát dạy chúng ta “sám trừ nghiệp chướng”. Thật sự sám hối, thật sự sửa đổi lỗi lầm, đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, thì vấn đề sẽ được hóa giải. Cơ thể của chúng ta bị bệnh, bạn biết được nguyên nhân vì sao, thì bạn sẽ có cách chữa trị. Địa cầu hiện nay bị bệnh, nói thiệt, nguyên nhân của nó cũng không ra ngoài ba loại này. Nếu chúng ta hiểu rõ rồi, dùng những nguyên lý nguyên tắc này giúp cho việc hóa giải tai nạn, có thể làm được không? Làm được, đáp án là chắc chắn. Cho nên tai nạn có nhiều, Lão tổ tông của chúng ta có 5000 năm, đất nước này trường trị cửu an. Đại tai nạn không có gì, tiểu tai nạn thì thường có, hiểu cách xử lý, thật sự có thể hóa giải. Phương pháp hóa giải quan trọng nhất, pháp cơ bản là giảng kinh dạy học, cho nên Lão tổ tông của chúng ta, ngàn vạn năm về trước đã đưa ra, “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Ý nghĩa của câu này quá thâm sâu, phương pháp này, lý luận y cứ của nó là gì? Lý luận y

cứ của nó là nhân tánh bản thiện, “nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Bạn xem trong việc giảng dạy, trong Tam Tự Kinh nó được đặt vào câu thứ nhất “giáo học vi tiên”. Cái gì quan trọng nhất? Quan trọng nhất là nói trước, học trước, khẳng định nhân tánh bản thiện. Vì sao họ lại biến thành bất thiện? bất thiện không phải là bản tánh, mà là tập tánh. Tập tánh, học điều xấu, tập tánh bất thiện, bản tánh là bản thiện, bản thiện là chân, vĩnh hằng bất biến. Tập tánh thì theo tập quán bên ngoài mà bị nhiễm ô, cho nên tiếp sau đó mới rằng: “Tánh tương cận, tập tương viễn”. Tánh tương cận có nghĩa là gì? Tánh là tiếp ứng, tương ứng với bản thiện, tập tánh thì tương phản với bản thiện. Trong tập tánh có tự tư tự lợi, có danh văn lợi dưỡng, có tham sân si mạn, tập tánh. Trong bản tánh thì không có, trong bản tánh không có tự tư tự lợi, không có danh văn lợi dưỡng, cũng không có tham sân si mạn. Đức Phật nói rất hay: Chúng sanh mê thất bản tánh, những tập tánh bất thiện này, gốc rễ của nó vẫn là bản tánh, bản tánh bị biến chất, sau khi mê rồi thì nó biến chất. Đạo Phật nói rất rõ ràng, trong bản tánh có Tam bảo, Tam bảo gồm: Trí huệ, Đức năng, Tướng hảo. Trong kinh Hoa Nghiêm Đức Phật dạy, tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai, Tam bảo trong kinh Vô Lượng Thọ này, Đại Thừa chính là trí huệ, là bản tánh của bạn, Vô Lượng Thọ là đức, Trang Nghiêm là tướng hảo, bạn nghĩ xem chẳng phải Tam bảo sao? Nhưng mà sau khi mê rồi, thì trí huệ biến thành phiền não, đức biến thành tạo nghiệp, tướng hảo biến thành luân hồi, biến thành tam đồ, nó biến chất mất rồi. Cho nên đã dẫn đến rất nhiều bệnh khổ, dẫn đến rất nhiều tai nạn, chư Phật Bồ Tát Từ Bi dạy chúng ta, nói cho chúng ta biết chân tướng sự thật, khiến cho chúng ta quay đầu, chúng ta buông bỏ phiền não. Ba loại đại phiền não, là Kiến tư phiền não, Trần sa phiền não, Vô minh phiền não, bạn buông bỏ được thì bạn sẽ quay về với bản thiện, quay về với tự tánh, thì thân tâm mạnh khỏe, gia đình hạnh phúc viên mãn, sự nghiệp thuận lợi, xã hội tường hòa, phong điều vũ thuận, tất cả những tai nạn tự nhiên đều không còn nữa, công lao ở việc giáo dục. Bạn nhìn lại xem Trung Quốc ngày xưa, có nhà nào là không chú trọng việc giáo dục? Có người nào không đem việc giáo dục xếp ở hàng đầu. Đứa trẻ từ khi trong thai, cha mẹ đã bắt đầu dạy dỗ, gọi là thai giáo, giáo dục xếp ở hàng đầu. Sống đến già học đến già, suốt cuộc đời nhận sự giáo dục của Thánh hiền, không ngừng hưởng thượng vưon lên, đại viên mãn cuối cùng là hồi quy tự tánh. Hồi quy tự tánh, trong truyền thống của người Trung Quốc chúng ta, xưng là Thánh nhân, Đại thánh, trong đạo Phật tôn xưng là Đức Phật, danh xưng có khác, nhưng cảnh giới hoàn toàn tương đồng, trong tôn giáo xưng là Thần. Thần, Thánh, Phật cùng một ý. Bạn không dạy thì nó làm sao mà biết được, Trung Quốc chú trọng giáo dục, trong sự giáo dục đã đạt được cảnh giới tương đối cao, Phật giáo truyền vào Trung Quốc, người Trung Quốc vô cùng hoan hỷ khi được tiếp xúc. Vì sao vậy? Vì nó đã nâng cảnh giới của chúng ta cao lên một tầng nữa. Bạn xem điển tích của Trung Quốc thì sẽ thấy, trong điển tích của Trung Quốc, người Trung Quốc mong cầu là tóm tắt rõ ràng, nêu rõ điểm chính, đều đã nói ra. Phật giáo truyền vào Trung Quốc, mỗi mỗi điều đều giảng nói rất rõ ràng, đã khiến cho học thuật của Trung Quốc phong phú thêm. Người Trung Quốc thích đơn giản,

người Ấn Độ không ngại phiền hà, nhất định phải giảng thấu, khiến cho mọi người hiểu rõ. Ngày xưa bậc cổ nhân của Trung Quốc giảng, thật sự phải là bậc thượng căn mới hiểu nổi, bậc trung hạ căn chỉ biết làm theo thôi, dạy bạn làm thế nào thì bạn làm thế ấy, cũng may là con người chân thật đều biết nghe lời, không cần phải biết nhiều. Nhưng mà ở Ấn độ thì lại khác, Đức Phật ở Ấn Độ thật là Từ bi, đối với bậc trung hạ căn, đều không ngại phiền hà, giảng giải rõ ràng, thật là khó được. Cho nên hơn 2000 năm rồi, sự dạy học của đạo Phật và truyền thống của Trung Quốc hoàn toàn dung nạp thành một phiến, Nho Thích Đạo là một nhà, là nhất thể, không tách ra được, trên hình tượng thì có Nho Thích Đạo, nhưng thực tế thì không có, nó là một thể. Phật pháp, nhất định chúng ta phải biết, trong xã hội đại chúng có sự hiểu lầm, đó là điều dĩ nhiên thôi. Chúng ta là người học Phật mà không biết Phật pháp, thì đó là sai lầm rất lớn, là có lỗi với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì sao tôi lại nói những lời này? Nói cho quý vị biết, đạo Phật là giáo dục không phải là tôn giáo. Nếu nó là tôn giáo, thì ngày xưa Đế vương của Trung Quốc không thích đâu, nó không dễ dàng sanh tồn ở Trung Quốc, nó là giáo dục. Giáo dục điều gì? Giáo dục hiểu để, hoàn toàn giống như người Trung Quốc, văn hóa của Trung Quốc là văn hóa hiểu. Từ hiểu dẫn đến 4 khoa mục là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Bốn khoa mục này là để giải thích từ Hiếu. Thế nào gọi là hiểu? Ngũ Luân là hiểu, Ngũ Thường là hiểu, Tứ Duy là hiểu, Bát Đức là hiểu. Trong điển tịch truyền thống của đạo Nho Trung Quốc, Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam kinh, thậm chí diễn biến thành Tứ Khố Toàn Thư sau này. Bạn xem, bộ sách nào, bài viết nào tách rời tôn chỉ này? Cuộc sống, công việc của chúng ta, thậm chí là biểu diễn nghệ thuật, nghệ thuật thuyết xướng cũng không tách rời được. Cho nên nếu nói rõ hơn một chút nữa, văn hóa Trung Quốc là văn hóa gì? Là văn hóa Luân Lý, văn hóa Ngũ Thường, văn hóa Tứ Duy, văn hóa Bát Đức. Phật pháp và nền tảng của Trung Quốc hoàn toàn tương đồng. Bạn xem Tịnh tông của chúng ta, tông chỉ tu học, là y theo Tịnh Nghiệp Tam Phước trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, chữ không nhiều, nhưng là nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Tất cả cộng lại có 3 điều, điều thứ nhất là: “Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”. Giáo dục của Phật giáo được kiến lập từ đâu? Từ hiếu đạo, hiếu thân tôn sư, điều này cùng với quan niệm của hiền thánh ở Trung Quốc hoàn toàn tương đồng. Từ tâm bất sát, tu Thập thiện nghiệp, là điều thứ nhất. Cho nên ngày nay vì sao chúng ta phải học Đệ Tử Quy? Dùng Đệ Tử Quy để thực hành hiếu thân Tôn sư của chúng ta. Nếu bạn làm được, thì điều thứ nhất là Tịnh Nghiệp Tam Phước bạn sẽ làm được. Từ Tâm Bất Sát là chúng ta dùng Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, câu cuối cùng là của Phật giáo, là Thập thiện nghiệp đạo, ba căn. Nếu như không gieo nhân từ chỗ này, thì phía sau hoàn toàn không làm được, bạn xem điều thứ hai, là nâng cao lên, từng lớp từng lớp nâng cao, thọ trì Tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi. Nói cách khác, Tam quy Ngũ giới được kiến lập từ nền tảng cơ bản hiếu thân tôn sư. Con người bất hiếu với cha mẹ, không tôn trọng Sư trưởng, thì tiêu đời hết, ở xã hội ngày xưa của Trung Quốc, họ không thể đứng được,

không thể làm người được, ở trong xã hội ai cũng xem thường bạn, đây là điều cơ bản để làm người, làm sao có thể bỏ qua được.

Điều thứ hai là Tiểu thừa, điều thứ ba là Đại thừa. có điều thứ hai rồi, thì mới có thể tiến lên một lớp, đến điều thứ ba. Tầng thứ ba là phát Bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả. Khuyến tấn hành giả, là độ hóa chúng sanh, giáo hóa chúng sanh. Mười câu trước là thân hành, câu cuối cùng là ngôn giáo, bản thân bạn làm được rồi, thì mới có thể dạy người được. Đây là văn hóa Trung Quốc, văn hóa Trung Quốc chắc chắn không thể tách rời Phật pháp, cho nên ba đạo là Nho Thích Đạo. Nghiêm khắc mà nói, ba đạo đều không phải là Tôn giáo, ba đạo đều dạy học, điều này chúng ta cần nên nhận biết rõ ràng. Ba đạo đều tôn trọng Tôn giáo, đều lễ kính, đều tán thán, không hề bài xích. Trong kinh Phật không thấy Tôn giáo bị bài xích, trong số học sinh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người không cùng một nước rất đông, người không cùng bộ tộc cũng rất đông, không cùng Tôn giáo tín ngưỡng cũng rất nhiều. Điều này có chép trong kinh điển, bạn xem trong kinh địa tạng vị nữ Bà La Môn, đó là Bà La Môn giáo, Đức Phật không hề dạy nàng buông bỏ Bà La Môn giáo, không thấy có nói như vậy, mà Đức Phật còn tôn kính thần Bà La Môn. Cho nên Phật pháp tại thế gian, đối với bất cứ học phái nào Tôn giáo nào cũng không phá hoại, mà còn kiến thiết, đều là lễ kính tán thán, khuyên bảo tất cả những người tin giáo, phải tôn kính giáo chủ của họ, phải nghiêm chỉnh nghe theo lời dạy của giáo chủ mà thực hành, đó chính là Phật Bồ tát. Không hề nói Tôn giáo của người không tốt, hãy theo ta, Đức Phật không nói như vậy. Đức Phật là nhà giáo dục, Ngài dạy bạn nhận biết chân tướng của vũ trụ nhân sinh, Ngài dạy bạn hồi quy tự tánh, khai mở trí huệ. Ở Trung Quốc làm phong phú thêm Phật giáo Trung Quốc, chúng ta có thể nói câu này, ở bất cứ nước nào, nó đều làm văn hóa của nước đó phong phú, ở trong bất cứ Tôn giáo nào, nó đều làm phong phú của Tôn giáo đó, chắc chắn như vậy. Bất luận trong hoàn cảnh nào, chỉ có bách lợi mà không có gì hại cả, đó là Phật pháp, pháp hay như vậy. Nhưng trong xã hội ngày nay đã gây nên rất nhiều hiểu lầm, trách nhiệm này không phải của Đức Phật, Đức Phật không chịu trách nhiệm, chư vị Tổ sư cũng không chịu trách nhiệm, trách nhiệm này là do chúng ta không phấn đấu vươn lên, chúng ta thật sự giống như trong kinh Đức Phật dạy: “Tiên nhân bất thiện, vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả”. Từ nhỏ chúng ta không tiếp xúc với Phật pháp, không có người hướng dẫn chúng ta, không ai nói cho chúng ta biết. Đời này nếu như tôi không gặp được Phương Đông Mỹ tiên sinh, thì suốt đời đều không thể biết được, tôi học triết học với Thầy, Thầy đã giới thiệu Phật giáo với tôi. Nói cho tôi biết Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học lớn, triết học trong Kinh Phật là triết học cao nhất trên thế giới, người học Phật được hưởng thụ cao nhất, tôi đã đến với Đạo Phật như vậy. Trước kia khi tôi chưa biết Phương tiên sinh, lúc tôi còn học ở trong trường, học cấp hai, tôi từng vào Giáo đường, đọc qua Thánh kinh, tôi có rất nhiều bạn học người Hồi giáo, chúng tôi quan hệ rất tốt. Khi đó số lượng kinh điển của họ lưu thông quá ít, thời gian ở trong

trường không nhiều, chỉ có hai năm thôi, tôi không thấy kinh Cổ Lan, tôi thấy trong Hội giáo xuất bản những bài văn ngắn, nhưng tư liệu này tôi đọc thấy rất vui, cho nên tôi rất ngưỡng mộ Hội giáo và Tân Cựu Ước. Tôi không tin giáo, bởi vì tôi cảm thấy mình chưa hiểu biết nhiều, đến khi tôi hoàn toàn hiểu rõ, hoàn toàn minh bạch, thì tôi mới đi tham dự lễ tẩy, sau này tôi gặp được Phật pháp, mới thấy rằng trên thế gian này còn có cái hay quá, không dễ gì gặp được! Sau khi gặp được rồi, học tập theo cũng rất khó khăn, học rất vất vả, nhưng học rồi lại rất vui. Ở đây thật sự phải biết ơn chư Phật Bồ tát, biết ơn chư vị Tổ sư, biết ơn thầy giáo hiện tiền. Vì sao vậy? Vì họ đã đem toàn bộ số kinh điển mà Đức Phật để lại, truyền lại cho chúng sanh trong đời trước ác chúng ta.

Nãi chư Phật sở hành cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cứu giới tự lực sở năng tín giải dã.

Câu này nói thiệt, chúng ta nương vào tín tâm, nương vào kính tâm, tôn kính Ngài. Tín mà không có kính, thì không được lợi ích, bạn phải có kính yêu, kính trọng, thì bạn mới được lợi ích. Vì sao vậy? Vì bạn mới có thể kiên nhẫn miệt mài được. Trong công việc giảng dạy của chúng tôi, suốt 59 năm, không bỏ một ngày nào, vì sao vậy? Vì hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Thật sự là phiền não nhẹ, trí huệ tăng, những thứ nghi nan tạp chúng, của mình cũng vậy, của gia đình cũng vậy, của đoàn thể cũng vậy, của xã hội cũng thế, ngày nay thậm chí khắp thế giới, chúng ta đều có thể thấy rõ tiền nhân hậu quả, chúng ta biết được phương pháp giải quyết, bạn nghĩ xem có vui không. Bản thân sống trên thế gian này không nhiễm một bụi trần, không có tự tư tự lợi, không có danh văn lợi dưỡng, không có tham sân si mạn. Đức Phật định ra một tiêu chuẩn cho chúng ta, là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác này mỗi năm mỗi tiến lên, sự hỷ duyệt trong đó không có cách nào hình dung được. Đối với tất cả chúng sanh tự nhiên sanh khởi tâm lân mẫn, chẳng phải là quả trách, muốn giúp cho họ cần phải có duyên, họ chịu tiếp nhận mới được, họ không chịu tiếp nhận thì không làm được đâu. Họ chịu tiếp nhận thì toàn tâm toàn ý lo cho họ, không chịu tiếp nhận, thì chỉ biết lo liệu cho mình. Gặp được, có thể tiếp nhận, thì kiêm thiện thiên hạ. Cho nên pháp môn này, giảng đến chỗ cuối cùng là thành Phật, thành Phật là sao? Bắt buộc bạn phải buông bỏ khởi tâm động niệm, bạn mới đạt được cứu cánh, điều này chúng ta chưa làm được, chúng ta biết điều này rất quan trọng, khởi tâm động niệm vẫn chưa buông bỏ được, nó quá vi tế. Cho nên trong kinh đức Phật dạy rất hay, đến khi nào bạn mới có thể thấy được khởi tâm động niệm? Đến Bát Địa, đừng nói là Viên Giác, Bát Địa của Biệt Giáo cũng là giỏi lắm rồi. Hoa Nghiêm là Viên Giác, Bát Địa của Biệt Giáo chúng được cảnh giới đó, giống như Bồ tát Bát Trụ trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát Bát Trụ trong Thập Trụ, mới có thể thấy được thức A Lại da. Công phu thiền định sâu dày, tâm thanh tịnh, những tâm niệm vi tế mà có thể cảm nhận được, cũng có nghĩa là thật sự cảm nhận được sự xuất hiện của thức A lại da, bạn nhìn thấy, cho nên Phật giáo là khoa học, Phật giáo chẳng phải là mê

tín. Vì sao vậy? Vì mỗi cảnh giới đều nói bạn phải thân chúng, chỉ nghe Phật nói thì không được, vì đó là cảnh giới của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng phải là cảnh giới của bạn, bạn hiểu cũng không được ích lợi gì, bắt buộc phải y theo lời dạy của đức Phật, làm theo và chúng đắc, thì mới được lợi ích, đây là tinh thần khoa học. Cho nên, chẳng phải tự lực của Cửu pháp giới mà có thể tín giải được, tự học không thể thành công, một câu nói như vậy thôi, nhất định phải theo thầy học, nói cho cùng thì chỉ có một câu như vậy, tự học không thể thành công, mà nhất định phải theo thầy. Thầy ở đây là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là Đức Phật A Di Đà, phải tôn kính các vị đã học trước, học trước ở đây là chư vị Đại Bồ tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, Di Lặc, đều là những vị đi trước mà chúng ta cần nên tôn kính.

Từ đó cho thấy, pháp môn niệm Phật thật là pháp môn vô thượng thâm diệu, chỉ có các bậc thượng căn mới có thể thừa đương được. Đó chính là ý nghĩa của câu chuyên tiếp thượng căn mà đoạn trước đã nói. Vì sao vậy? Vì bậc thượng căn, vừa nghe là hiểu liền, chẳng những hiểu được, mà còn thật tu. Nói cho các vị biết, nếu mình buông bỏ được một chút chấp trước, chấp trước không còn nghiêm trọng như ngày xưa, buông bỏ rồi, cũng là bậc Thượng căn ! Nếu như không buông bỏ, mà chấp trước nghiêm trọng, thì sẽ sanh ra chướng ngại, và không thể được vãng sanh. Trong phạm thánh đồng cư độ, hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là bậc Thượng căn, bạn nghĩ xem có phải như vậy không? Sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, được bổn nguyện gia trì của Đức Phật A Di Đà, thì bạn chính là Bồ tát A Duy Việt Trí. Kỳ thật không phải do bạn chứng được đâu, đến thế giới Cực lạc, quyền lợi của bạn, quy cách của bạn, chính là Bồ tát A Duy Việt Trí. Ai cho bạn vậy? Phật A Di Đà cho bạn đấy. Bồ tát A Duy Việt Trí, chúng ta nói đến địa vị thấp nhất, trong kinh Hoa Nghiêm nói là Bồ tát Sơ trụ. Điều này không thể nghĩ bàn, đây thật sự là cảnh giới sở hành của chư Phật, Bồ tát không dám nghĩ tới, cho nên gọi đó là pháp khó tin, bạn tin được đó là bậc Thượng căn, có thể thừa đương được. Tôi buông bỏ hết, tất cả pháp của thế và xuất thế gian đều buông bỏ hết, tôi chỉ có bộ kinh này, chỉ có danh hiệu này, trong đời này chắc chắn tôi được sanh về Tịnh độ, thân cận Phật Di Đà. Căn tánh bình thường của thế gian không thể đem so sánh được. bạn có thông minh đi nữa, có trí huệ đi nữa, bạn nghiên cứu tất cả kinh giáo, nói chuyện thao thao bất tuyệt, cuối cùng thì sao? Vẫn không được vãng sanh, vẫn còn trong lục đạo luân hồi, thì làm sao có thể đem so sánh với người này được!

Hựu bổn kinh Bồ tát vãng sanh phẩm viết, Thập phương thế giới chư Phật danh hiệu, cập Bồ tát chúng đương vãng sanh giả, dẫn thuyết kỳ danh, cùng kiếp bất tận.

Thập phương chư Phật danh hiệu, danh hiệu ở đây là gì? Chính là một câu Nam mô A Di Đà Phật, Nam mô A Di Đà Phật là danh hiệu của chư Phật trong mười phương thế giới. Vì sao vậy? Vì trong kinh giáo Đại thừa đức Phật thường dạy: Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất pháp thân, nhất tâm nhất trí huệ, lực vô úy diệc nhiên. Chúng ta

là người chưa giác ngộ, là người chưa chứng được Viên giác, có phân biệt, có vọng tưởng. Người chứng được Viên giác thì biết được, một là tất cả, tất cả là một. Một câu danh hiệu Phật A Di Đà, chính là danh hiệu của Tây phương nhất thiết chư Phật.

Bồ tát chúng đương vãng sanh giả, các vị Bồ tát này, niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ, dẫn thuyết kỳ danh, cùng kiếp bất tận, nói không thể hết. Đây là nó về trì danh niệm Phật cầu vãng sanh, ý của câu này không gì khác, là khiến cho chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật, chúng ta làm cách nào mới có thể thành tựu được. ở thế giới này thành tựu rất khó, chướng duyên quá nhiều. Chướng duyên đầu tiên, là thọ mạng có hạn, quá ngắn ngủi, những thứ chúng ta cần học thì quá nhiều, thời gian ngắn ngủi như thế chúng ta không có cách nào hoàn thành được, đó là chướng ngại lớn nhất, còn những chướng ngại khác thì chưa nói tới, nó có quá nhiều. Về thế giới Cực lạc tất cả mọi chướng ngại đều không còn nữa, vấn đề đầu tiên được giải quyết, là Vô lượng thọ, thọ mạng vô lượng, có rất nhiều thời gian. Trong Quán Kinh đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy chúng ta rằng, Phạm thánh đồng cư độ, hạ hạ phẩm vãng sanh, tu học ở thế giới Tây phương Cực lạc, tu đến khi tự mình thật sự đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó thật sự là Bồ tát A Duy Việt Trí, chứ chẳng phải do Phật A Di Đà gia hộ đâu, mà do công phu của bạn thật sự đạt đến vị A Duy Việt Trí. Phải mất bao nhiêu thời gian? Đức Phật nói 12 kiếp, 12 kiếp nếu nói ở thế giới của chúng ta đây thì dài lắm, nhưng ở thế giới Tây phương thì rất ngắn. Vì sao vậy? Vì thọ mạng của họ là Vô lượng thọ, thọ mạng vô lượng kiếp thì 12 kiếp có đáng là bao nhiêu. Nói cách khác, thời gian rất ngắn là chúng được rồi, 41 vị pháp thân Đại sĩ ở thế giới Hoa Tạng, vì sao họ đến thế giới Cực lạc lại học theo đức Phật A Di Đà? Điều này nhất định chúng ta cần hiểu rõ. Nếu là Bồ Tát Sơ Trụ của thế giới Hoa Tạng, ở thế giới Hoa Tạng, muốn đoạn tận 41 phẩm tạp khí vô minh, cần phải mất bao nhiêu thời gian? 3 A tăng kỳ kiếp. Bạn xem phạm Thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, ở thế giới Tây phương cực lạc 12 kiếp, là có thể đạt đến địa vị đó rồi. Từ đó chúng ta có thể hiểu được, tu tập ở thế giới Hoa Tạng, thời gian đoạn tạp khí dài và chậm, đến thế giới Cực lạc thì nhanh. Cho nên ngài Văn Thù và Phổ Hiền, đều muốn dẫn những người này về thế giới Tây phương Cực lạc, cái lý của nó là ở chỗ này, Đức Phật Tỳ Lô Giá Na không ngăn cản, ngược lại rất vui. Nói lên điều gì? Là không có tâm ganh ghét, môi trường tu tập ở thế giới Cực lạc tốt, nên trở về nơi đó, đi sớm thì thành tựu sớm, sau khi đã thành tựu, thì giống như chư Phật Như Lai phổ độ chúng sanh.

Hựu Thọ Bồ Đề Ký phẩm viết, do ư thủ pháp bất thính văn cổ, hữu nhất ức Bồ tát, thoái chuyển A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Ở đây nêu ra một ví dụ nói, các vị Bồ tát này không nghe được pháp môn Tịnh độ, không biết có thế giới Tây phương Cực lạc, có Phật A Di Đà, tùy theo pháp môn của

mình đã học, phải mất nhiều thời gian, chướng nạn quá nhiều, đôi khi không vượt qua được thử thách bèn thoái chuyển, hoặc là chọn những pháp môn khác, trường hợp như thế có rất nhiều. Trong Tám tông của Đại thừa, có người chọn tu, có người muốn học, đều cho mình là đúng, chúng ta nghe thấy họ phát tâm nguyện này, chúng ta cần nên tán thán, không nên phản đối, đối với lời dạy của Đức Phật đây, họ bỏ qua, lại không hiểu, lời dạy gì vậy? Đức Phật dạy: “Một bộ kinh thông rồi thì tất cả kinh khác đều thông hết”, câu này họ không hiểu, cho nên họ còn muốn học rất nhiều, cái gì cũng muốn học. Nếu như thật sự hiểu rồi, một bộ kinh thông, tất cả các kinh đều thông hết, thế thì tôi chỉ cần học một bộ là được rồi, bạn nghĩ thử xem người này có phải là bậc Thượng thượng căn không? Bây giờ chúng ta hiểu rồi, đó thật sự là bậc Thượng thượng căn, họ chỉ hạ thủ công phu vào một bộ kinh thôi, chắc chắn được Tam muội, sau khi được Tam muội, chắc chắn sẽ khai ngộ. Chúng tôi hỏi thử xem, các bạn đây chọn bộ kinh nào? Suốt đời học một bộ kinh, tôi tin rằng rất nhiều người học kinh Vô Lượng Thọ. Tôi được bộ kinh này, ngày xưa thầy Lý cho tôi, là cuốn kinh do Thầy ấy chú giải, Thầy viết bằng bút lông, không nhầm khi Thầy ấy giảng bộ kinh này, vào thời gian Thầy khoảng 68 69 tuổi, chưa tới 70, chắc là khi Thầy 68 tuổi, bộ kinh này giảng năm Thầy ấy 68 tuổi. Tôi thấy chú thích của Thầy đã rất vui mừng, Thầy đánh dấu từng đoạn một, rất rõ ràng, sanh tâm hoan hỷ, muốn học, muốn giảng. Kỳ thật, lần đầu tiên tôi giảng bộ kinh này ở Mỹ, chính là dùng cuốn này của Thầy Lý, cuốn chú giải của Hoàng Lão vẫn chưa thấy, khi đó tôi chưa biết. Trước đó hình như 2,3 lần, đều là sử dụng cuốn sách của thầy Lý. Và cũng tại Mỹ, tôi đã liên lạc được với Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, rất may mắn Thầy ấy đã tặng cho tôi cuốn chú giải này, thầy đến Mỹ chỉ mang theo một bộ, bộ đó in bằng giấy nên. Chúng tôi biết loại giấy nên đó, ngày xưa đã từng làm công việc này, giấy sếp nhiều lắm là dùng khoảng 120, 130 là cùng, không thể in lại được nữa, in nữa thì không thể nhìn thấy chữ, cho nên tôi tin tưởng cuốn sách của Thầy, đại khái có khoảng 100 cuốn thôi, số lượng rất ít. Sau khi tôi đọc rồi, tôi để các bạn liên lạc với Thầy ấy, thỉnh giáo với Thầy xem Thầy có bản quyền hay không? Có bản quyền thì đâu cần nói nữa, nếu không có bản quyền tôi nói tôi mang về Đài Loan in, sau khi nghe Thầy rất vui mừng nói, không có bản quyền đâu. Cho nên xuất bản lần thứ nhất, tôi in một vạn cuốn, 1 vạn cuốn bìa mỏng. Thầy ấy bảo tôi viết lời giới thiệu, bảo tôi làm trình bày bìa sách, tôi đều làm theo hết. Cho nên sau này khi tôi đã giảng nhiều lần rồi, thì là tham khảo chú giải của Thầy. Tôi còn nhớ, tôi giảng qua 10 lần, khi đó tôi cũng muốn phát tâm, ngừng kinh Hoa Nghiêm, giảng được một nửa rồi không giảng nữa, trung bản Hoa Nghiêm rất khó cơ, cho nên giảng bộ kinh này thính chúng rất đông, bất luận là trong nước hay nước ngoài, thính chúng đều đông hơn giảng những bộ kinh khác. Từ đó có thể cảm nhận được chữ duyên, nó có thể khế hợp sâu sắc, thời mạt pháp của Đức Thế Tôn vẫn còn 9 ngàn năm nữa, đây là lần thứ 11. Vì sao lại giảng kinh này? Vì thấy quá nhiều tai nạn, giảng kinh dạy học có thể cứu được tai nạn, kinh Hoa Nghiêm quá dài, quá lớn, rất tốt, chúng ta phải nhận được kết quả ngay, lập tức thấy được kết quả, cho nên chọn lấy tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Kinh

Vô Lượng Thọ là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, nội dung không khác gì với kinh Hoa Nghiêm, cho nên người xưa gọi cuốn này là trung bản Hoa Nghiêm, kinh Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm. Nội dung ba bộ kinh này chỉ nói về một sự việc, là cứu cánh thật tướng của các pháp. Từ tu nhân mà nói, là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, về mặt quả đức mà nói, là Đại thừa Vô Lượng Thọ trang nghiêm, tu nhân chứng quả, cho nên bộ kinh này đã giúp cho chúng ta rất nhiều.

Lần này chúng tôi chọn giảng chú giải của Lão cư sỹ, cũng là để tôi báo đáp công ơn của Thầy, Thầy ấy lớn tuổi hơn tôi, nhân duyên học tập của Thầy tốt hơn tôi, Thầy được thân cận ngài Hạ Liên. Thầy của tôi là Lý Bình Nam lão cư sỹ, Lý lão cư sỹ học giảng dạy, học với Mai Quang Hy lão cư sỹ, Thầy là học sinh của Mai Lão. Mai Lão và Hạ Liên lão cư sỹ là bạn tốt đồng liêu, quan hệ giữa hai vị này rất tốt, sau khi học Phật họ sống với nhau, đều là những người làm quan, khi làm quan họ cũng sống cùng nhau, thời gian họ sống cùng nhau rất lâu. Cho nên sau khi cuốn Hội Tập của Thầy thành công, Mai Lão đã viết lời giới thiệu rất dài, lời giới thiệu đó vô cùng giá trị, chỉ dạy cho chúng ta rất nhiều. Từ thầy Lý mà chúng tôi biết được Hạ Liên Cư lão cư sỹ, Thầy ấy cũng từng đề cập đến Hoàng Niệm Tổ cư sỹ, cho nên trước khi chúng tôi gặp nhau thì tên gọi đã quen thuộc lắm rồi, cùng đi trên một con đường, thật sự là bậc thiện tri thức, là đồng tham bạn hữu, cho nên chúng tôi đã có duyên với Hạ lão cư sỹ. Tôi vừa gặp Niệm công, như đã quen từ hồi nào, vô cùng hoan hỷ. Bởi vì khi đó, người giảng Hội Tập bản này chỉ có hai người, ở hải ngoại thì tôi giảng, ở trong nước thì Thầy ấy giảng, không có người thứ ba. Sau khi chúng tôi gặp được thì vô cùng cảm khái, đối với pháp môn này, đối với bộ kinh này, với Hội Tập bản này thật sự hiểu được, thật lòng tán thán, có thể tín, có thể giải, y giáo phụng hành. Cho nên chúng tôi tin lời nói này: “Do u thử pháp bất thình văn cố, hữu nhất ức Bồ tát thoái tâm”, thoái mất tâm Bồ đề.

Hựu Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới kinh vân, Bồ tát liễu tri chư Phật, cập nhất thiết pháp giai duy tâm lượng, đắc tùy thuận nhẫn, hoặc nhập Sơ địa, xả thân tức sanh diệu hỷ thế giới, Cực lạc tịnh Phật độ trung.

Điều này đã cho chúng ta niềm khích lệ rất lớn, Bồ tát ở đây là Đại Bồ tát chứ chẳng phải là Tiểu Bồ tát đâu. Đại Bồ tát đặc biệt là Sơ địa trở lên, Viên Giác thì Sơ trụ trở lên, thì mới hiểu được rõ ràng rằng chư Phật cho đến tất cả pháp đều duy tâm lượng, duy thị là chỉ có. Tâm lượng là gì? Chúng ta học Hoàn Nguyên Quán thì sẽ hiểu được, trong Hoàn Nguyên Quán, hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến, thị tam biến câu cuối cùng nói : “Hàm dung không hữu”. Tâm lượng của bạn vốn là như vậy, trong đạo Phật hay nói hai câu mà quý vị thường nghe thấy: “Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, hai câu này chính là hàm dung không hữu. Hàm là bao hàm, bao hàm hư không, dung là bao dung, bao dung tất cả vạn vật, bao dung vạn pháp, nó vốn là như vậy mà. Người

Trung Quốc thường nói, lượng lớn phước lớn, tâm lượng vốn có của bạn, nó bao dung biến pháp giới hư không giới, không lọt pháp nào, tâm lượng của bạn lớn như vậy, thì gọi đó là Phật, Phật vốn là bạn, bạn vốn là như vậy mà. Cho nên được tùy thuận nhân, người này có thể hằng thuận tất cả chúng sanh, bạn làm thiện vị này tùy thuận bạn, bạn làm ác họ cũng tùy thuận bạn, điều này quả thật quá tài ba. Vì sao vậy? Vì trong kiến giải của vị này không còn thiện ác. Vì sao vậy? Vì họ không có phân biệt, không có chấp trước, thì lấy đâu ra thiện ác, chẳng những không có thiện ác, mà không có cả nhiễm tịnh, tâm của họ thanh tịnh, bình đẳng, không hề khởi tâm động niệm. Phật nhãn nhìn chúng sanh là cảnh giới như vậy.

Hoặc nhập Sơ địa, những vị Bồ tát này, Bồ tát được tùy thuận nhân, Bồ tát chúng được Sơ địa, khi xả thân này thì mau sanh về thế giới Diệu Hỷ, Cực lạc tịnh Phật độ trung. Họ biết được thế gian này có thế giới Cực lạc, có Đức Phật A Di Đà, nên mau đi về đó, về thế giới Tây phương Cực lạc, thân cận với đức Phật A Di Đà. Rất có ý nghĩa, dẫn chúng những lời này, đều từ trong kinh Đức Phật nói ra. Mục đích là gì? Khuyến khích chúng ta, nhân duyên gặp lần này quả thật là không dễ, gặp được rồi thì không nên xem thường mà bỏ mất cơ hội, nếu bỏ mất cơ hội thì thật là đáng tiếc, có được rất là khó. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 40

Giảng ngày 15 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 42, dòng thứ hai từ dưới lên, chúng ta học từ câu thứ hai.

Hựu, Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới Kinh vân, Bồ tát liễu tri, chư Phật cập nhất thiết pháp giai duy tâm lượng, đắc tùy thuận nhân, hoặc nhập Sơ địa, xả thân tức sanh diệu hỷ thế giới, Cực lạc Tịnh Phật độ trung.

Ngày hôm qua chúng ta học đến đoạn này, hết giờ nên không thể giảng giải kỹ được. Đoạn kinh ngắn này thôi nhưng rất quan trọng: Bồ tát liễu tri, liễu là hiểu rõ, tri là biết, chỗ này trong Phật pháp gọi là khai ngộ, nhưng mà ngộ có giải ngộ và chứng ngộ, giải ngộ thì có thể đạt được cảnh giới này, gọi là thâm nhập kinh tạng, trường thời huân tu. ở trong đây cũng có hai trường hợp, đều đạt được lợi ích. Hạng thứ nhất là đọc qua

nhieu, bác học đa văn, thời đại hiện nay hạng người như thế rất nhiều, Phật giáo Đại thừa, Bát tông phái phổ biến xem qua, nhưng cần có thời gian, cũng cần phải có thầy hay hướng dẫn. Người này đối với cảnh giới của chư Phật Như Lai có thể hiểu được, đây thuộc về giải ngộ, bản thân không đạt được thọ dụng giống như pháp thân Bồ tát.

Phương thức thứ hai là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Hạng người này thời gian học một bộ kinh, tu tập một pháp môn rất dài, chắc chắn có thể được tam muội, tam muội thì hàng phục được phiền não, được tự tại, được khai trí huệ. Công phu tam muội sâu dày, thì hốt nhiên được đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là vị này chứng ngộ, hoàn toàn khác với cảnh giới giải ngộ. người này thật sự siêu việt lục đạo, siêu việt Thập pháp giới, được thọ dụng thật sự.

Hai hạng này đều có thể liễu tri, liễu tri điều gì? Chư Phật cập nhất thiết pháp giai duy tâm lượng. Ngày nay các nhà khoa học nói là lượng tử lực học, rất tương ứng với câu kinh văn này. Lượng tử là gì? Là một điểm ánh sáng cực kỳ vi tế, điểm ánh sáng này từ đâu mà có? Từ chấn động mà có, nó không phải là tĩnh, nó là động, giống như tia sáng, từng tia từng tia, tốc độ của nó rất nhanh. Một tia sáng chính là một hiện tượng lượng tử, cái này giống như một ý niệm nói trong kinh điển Đại thừa, ý niệm cực kỳ vi tế. Trong kinh Nhân Vương đức Phật có dạy rằng: Một khảy móng tay có 60 sát na, 1 trong 60 phần trong một khảy móng tay gọi là 1 sát na, một khảy móng tay có 60 sát na, trong một sát na có 900 sanh diệt. Nói cách khác, lượng tử thấy ánh sáng của tia sáng, một sát na có 900 lần ánh sáng, trong ánh sáng đó có hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất. Khi không mê thì hiện tượng tinh thần là kiến văn giác tri, khi mê thì gọi là thọ tướng hành thức, thọ tướng hành thức chính là kiến văn giác tri, mê ngộ bất tương đồng. Trong kiến văn giác tri, chẳng những không có phân biệt chấp trước, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng không có, trong tự tánh vốn sẵn có, không hề có sanh diệt. Khi mê, hiện tượng này gọi là A Lại Da, gọi là vọng tâm, có sanh diệt, thời gian sanh diệt rất ngắn, các nhà khoa học phát hiện được rồi. Chúng ta học đến đoạn Đức Thế Tôn đối thoại với Di Lặc Bồ tát, thì nói càng rõ hơn. Di Lặc Bồ tát nói một khảy móng tay, một khảy móng tay có 32 ức bá thiên niệm, Ngài không nói đến sát na, cũng không nói đến sanh diệt, một khảy móng tay 60 sát na, một khảy móng tay 900 sanh diệt, vẫn chưa gọi là nhiều, chưa nhiều bằng Di Lặc Bồ tát nói. Di Lặc Bồ tát nói một khảy móng tay có 32 ức bá thiên niệm, có nghĩa là chúng ta tính ra thì bằng 320 triệu, một khảy móng tay có 320 triệu niệm. Đó chính là điểm sáng mà trong lượng tử lực học thấy được, mỗi điểm sáng đều là độc lập, ánh sáng này diệt, ánh sáng kia sanh. Các nhà khoa học suy nghĩ cũng rất có lý, sau khi tia sáng phía trước diệt rồi, tia sáng phía sau lại tiếp tục, ở giữa nhất định có khoảng trống, vi tế hơn nữa thì ở giữa cũng vẫn còn có khoảng trống, không thể không có khoảng trống. Giống như thước phim của máy chụp hình vậy, khi đặt vào máy chiếu để mở ra, cũng là ống kính đóng mở, mở là sanh, đóng là diệt, giữa sự đóng

mở của mỗi tâm hình, chắc chắn ở giữa có khoảng cách, nhưng mà cự ly của khoảng cách này quá ngắn, nhục nhãn của chúng ta không thể phân biệt kịp, thì nó đã tiêu mất rồi, nhưng chắc chắn là có. Cho nên tất cả đều là tâm hiện thức biến, Chư Phật Như Lai, tất cả vạn pháp. Chân tướng là gì? Chân tướng là tâm hiện thức biến. Hiểu rõ chân tướng sự thật này rồi, cho nên Bồ tát chứng được tùy thuận nhãn. Nhãn là gì? Nhãn là định, nhãn là tam muội, nhãn là không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Nhất thiết vạn pháp, vô lượng vô biên sát độ của chư Phật, Thập pháp giới y chánh trang nghiêm để trước mắt, mà không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, hơn nữa còn liễu liễu phân minh, giống như cái gì? Giống như chúng ta xem Ti vi vậy, những tiết mục trong Ti vi có phải là sát na sanh diệt hay không? Trong lượng tử lực học nói, nghĩa là ánh sáng cực kỳ vi tế sát na sanh diệt, hợp thành hiện tượng này, phải dùng lượng tử, chúng ta nói dùng khoa học cũng được, dùng ánh mắt lượng tử khoa học để xem Ti vi, nó chính là từng tia từng tia ánh sáng liên tục. Liên tục không thể gọi là tương tục, tương tục là trước và sau hoàn toàn tương đồng, còn ở đây mỗi điểm sáng đều không tương đồng, cho nên nó là tương liên tục, chứ không phải là tương tương tục. Tương liên tục này, trên thực tế là không vô sở hữu, nó sanh diệt quá nhanh, hốt sanh hốt diệt, sanh diệt không ngừng, là hiện tượng như vậy. Cho nên trong hiện tượng này, giống như trong kinh Bát Nhã đức Thế Tôn đã nói, nhất thiết pháp, chư Phật Như Lai nhất thiết pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc, đó gọi là tùy thuận nhãn. Người này ở trong tất cả pháp, nghĩa là trong tất cả mọi hiện tượng, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, được tùy thuận nhãn. Đây là người chứng ngộ, chúng ta nói đó là pháp thân Bồ tát, vị này ở trong tất cả hiện tượng, đã có thái độ như thế, tuyệt đối chính xác. Chẳng phải vị này không thấy rõ, chẳng phải là không nghe rõ, mà thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, gọi đó là Như Lai, người này chính là Như Lai, Ngài sanh trí huệ không sanh phiền não, không khởi tâm không động niệm, sanh trí huệ gì? Sanh căn bản trí. Trong kinh Bát Nhã nói, “Bát Nhã vô tri”, đó là căn bản trí, không khởi tâm không động niệm là căn bản trí. Khởi tác dụng là, có người đến thỉnh giáo với vị này, vị này giảng giải cho họ, đó là “vô sở bất tri”, Bát nhã vô tri, vô sở bất tri. Cho nên Ngài ứng hóa trong Thập pháp giới, khi đối diện với những kẻ phàm phu, thì Ngài vô sở bất tri, khi không đối diện với những kẻ phàm phu này thì Ngài là vô tri. Vô tri và vô sở bất tri là một chẳng phải hai, ý này rất sâu. Vô tri là gì vậy? Vô tri là ẩn, vô sở bất tri là hiển, ẩn hiện bất đồng. Khi đối mặt với chúng sanh là duyên, khi không còn duyên, thì ẩn không hiện nữa, khi gặp được duyên, thì từ chỗ ẩn hiển lộ ra, hiển lộ ra rồi thì vô sở bất tri. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp, không có một pháp nào ra khỏi tự tánh, cho nên người kiến tánh, đã khế nhập được cảnh giới này, mục đích học Phật cuối cùng không gì khác, ngoài việc dạy bạn mình tâm kiến tánh. Chư Phật Như Lai không hề có chút tư hào tâm đồ kỵ, không hề có mảy may tâm chướng ngại bạn, đều hy vọng bạn mau chóng quay trở lại tự tánh, những điều chúng ta chứng đắc hoàn toàn tương đồng. Trong chúng phần của Cổ Phật, chẳng có một chút gì tăng, ở chỗ người sơ chứng nhập cảnh

giới, cũng không thiếu một tí nào, không tăng không giảm, không sanh không diệt, được Tùy thuận hẳn. Tuy chúng ta chưa chứng được, ngày nay chúng ta từ trong thánh giáo của chư Phật Bồ tát, nghe rõ ràng, mà hiểu được, cho nên cần học chư Phật Bồ tát, trong tất cả mọi cảnh giới, chúng ta đều có thể tùy thuận. Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta rằng: “Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Vì sao phải hằng thuận? Vì sao phải tùy hỷ? Vì biết được tất cả pháp vô sở bất tri, tất cánh không, bất khả đắc. Sự tùy thuận này của bạn là tự nhiên, thuật ngữ trong đạo Phật gọi là “pháp nhĩ như thị”, pháp vốn là như vậy mà. Tự tại tùy duyên. Tự tại từ trong tùy duyên mà thấy được, tùy duyên từ trong tự tại mà thấy được. Nói cách khác, không thể tùy duyên thì làm cách nào cũng không thể được tự tại, bị phiền não ràng buộc, người thật sự tự tại thì chắc chắn là tùy duyên. Từ chỗ này có thể quan sát người đó, ngộ nhập cảnh giới sâu cạn có khác nhau, có thể thấy được công phu tu chứng của vị này.

Hạng người khác nữa là, hoặc nhập Sơ địa, xả thân về thế giới Tây phương Cực lạc, thân cận Phật A Di Đà, đó là nhân duyên đặc biệt, kỳ thật là Bồ tát. Biết được pháp môn Tịnh độ, cũng phải nhờ vào nhân duyên, nếu không có nhân duyên kỳ thật có rất nhiều Bồ tát, không nghĩ ra việc này, không có duyên mà. Nếu có người nhắc họ, họ sẽ học nhanh hơn chúng ta. Vì sao vậy? Vì họ có định lực. Ở trong thiền định, không có khái niệm về thời gian và không gian, cho nên chỉ cần có người nhắc nhở, vị này lập tức thấy được thế giới Cực lạc. Tuy nhiên Thập phương chư Phật, nỗ lực hoằng dương Tịnh độ, nhưng vẫn có rất nhiều vị Bồ tát không tin. Đương nhiên những vị Bồ tát không tin này, là các vị trước Sơ địa, tuy đã đoạn được phân biệt chấp trước, nhưng tập khí phân biệt chấp trước vẫn còn, nhập vào Sơ địa thì tập khí mới đoạn. Thấy được Phật A Di Đà, thấy được thế giới Cực lạc, chỗ này là nơi thích hợp nhất cho việc tu hành chứng quả. Đến nơi đó không gì khác ngoài việc, tu hành chứng quả, khế nhập vào cảnh giới của chư Phật, vì việc này mà đến thế giới tây phương Cực lạc, ở đó tu hành thành tựu, nghĩa là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Ở thế giới này của chúng ta tu tập cũng được, cũng có thể vào được cảnh giới này. Tuy cũng là khai ngộ như nhau, nhưng trong cảnh giới khai ngộ vẫn có chỗ khác nhau, đại thể tương đồng, nhưng nhìn kỹ thì còn có chỗ sai biệt, đây chính là 41 cấp bậc trong kinh Hoa Nghiêm, không tính Thập tín ở trước, bắt đầu tính từ Sơ trụ. Tiêu trừ những cấp bậc này, trở về chỗ cứu cánh đại viên mãn, phải tốn thời gian ở thế giới Cực lạc không lâu, còn ở quốc độ của chư Phật, thì phải dùng thời gian tương đối lâu, thế giới Cực lạc là thu nhỏ lại của đại phước độ, cho nên nói ở đó là môi trường tốt để tu học, họ đi rồi. Ý nghĩa này chúng ta phải hiểu, chúng ta phải nghiêm chỉnh nỗ lực học tập, trong cuộc sống hàng ngày, phải học hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức.

Dưới đây lão cư sỹ dẫn chứng Di Đà Sớ Sao của đại sư Liên Trì, trong Sớ Sao nói: “Cổ tri niệm Phật, Bồ tát chi phụ, sanh dục pháp thân, nãi chí thập địa thủy chung, bất ly

niệm Phật, hà đắc sơ tâm tự túc, bất nguyện vãng sanh, khả kiến Tịnh độ pháp môn chánh khế Bồ tát chi cơ”.

Nói pháp môn niệm Phật là cha của Bồ tát, đây là ví dụ. Ví dụ điều gì? Ví dụ bạn có thể chứng được pháp thân. Thực tế mà nói, pháp thân vốn sẵn có, pháp thân bất sanh bất diệt, pháp thân chính là Thường tịch quang mà pháp môn Tịnh độ đề cập đến. Chân như bốn tánh, bốn tánh của chúng ta mê rồi, tuy có đó, thực tế mà nói nó chưa từng bỏ chúng ta, chỉ vì chúng ta không nhận ra nó thôi. Pháp thân, pháp thân là pháp tánh của tất cả pháp, Pháp thân tuy là đứng về mặt tướng mà nói, tánh tướng là một, chẳng phải hai. Cái gì là tánh? Tướng là tánh. Cái gì là tướng? Tánh là tướng, tánh tướng nhất như, tánh tướng bất nhị, đó là bạn thật sự thấy được, thật sự hiểu rõ được, sanh diệt là tướng, bất sanh bất diệt là tánh. Sanh diệt và không sanh diệt, hợp lại là một không thể tách rời, cho nên sanh diệt vĩnh viễn không gián đoạn. Nguyên nhân vì sao vậy? Vì tánh bất sanh bất diệt thì làm sao có gián đoạn được. Chỉ cần ly tướng, ly ở đây là không chấp trước tướng, không phân biệt, ở trên tướng không khởi tâm động niệm, thì gọi là ly tướng, “ly nhất thiết tướng, tức nhất thiết pháp”, chỉ cần bạn không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, thì tất cả vạn pháp chẳng pháp nào không phải là tự tánh, lúc này cảnh giới tâm hiện thức biến, bạn hoàn toàn thấy được.

Sớ Sao dùng pháp môn niệm Phật, dùng pháp môn này phục hồi tự tánh, bởi vì bạn vốn là Phật, bây giờ lại niệm Phật. Vốn là Phật là nhân, bây giờ niệm Phật là duyên, nhân gặp được duyên, thì quả báo sẽ hiện tiền, quả báo này nghĩa là bạn nhập cảnh giới Phật. Cho nên lấy niệm Phật ví dụ cho cha mẹ, có thể sanh ra pháp thân, đây là dùng ví dụ mà nói.

Dưới đây nói: “nãi chí thập địa thủy chung bất ly niệm Phật”. Bồ tát tu tập tu đến gian đoạn cao nhất, giống như chúng ta đi học, học đến nghiên cứu sở, học lên tiến sỹ. Ở gian đoạn này tu cái gì đây? Toàn bộ là tu pháp môn niệm Phật. Thủy là Sơ địa, chung là Thập địa, từ thủy đến chung không rời niệm Phật. Chúng ta coi Thiện Tài Đồng tử Ngũ thập tam tham, Thập địa thủy chung không rời niệm Phật, chính là nói về Ngũ thập tam tham. Vị thiện tri thức đầu tiên mà Thiện Tài Đồng tử tham vấn, là Kiết Tường Vân tỷ kheo, chúng ta thấy trong Tứ Thập Hoa Nghiêm. Kiết Tường Vân tỷ kheo là địa vị nào? Ngài là Sơ trụ của Viên Giáo, là sơ Địa của Biệt Giáo, Ngài tu pháp môn niệm Phật, ngài tu Ban Châu Tam Muội, chuyên niệm Phật A Di Đà cầu sanh thế giới Cực lạc. Thập địa là Pháp Vân địa, trong kinh Hoa Nghiêm giảng lại càng cao hơn, giảng đến Đẳng Giác, cao hơn một tầng so với Thập địa, đến Ngũ thập tam tham, Thiện Tài Đồng tử tham vấn với Bồ tát Phổ Hiền, Thập đại nguyện vương của Bồ tát Phổ Hiền quy về Cực lạc, là chung! Kiết Tường Vân tỷ kheo là thủy. Thiện Tài Đồng tử ngũ thập tam tham, chuyên niệm Phật A Di Đà, không sai chút nào, trong đó tuy phải trải qua 51 tầng lớp, quảng học đa văn. Mục đích là gì? Mục đích là khai Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là gì? Là vô sở bất

tri. Ngài đi tham vấn, tham học khắp nơi, khắp nơi quan sát, khảo sát, học tập, vô sở bất tri, đã làm để cho chúng ta thấy. Vô tri và vô sở bất tri, cùng một lúc cùng một nơi thực hiện, cái này hay quá! Vì sao có thể cùng một lúc cùng một nơi vậy? Vì tướng có tánh không, có là huyền có, không là chân không, nó không chướng ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Cảnh giới này ở đâu vậy? Ở ngay trước mặt chúng ta. Vì sao chúng ta không biết được vậy? Vì chúng ta mê. Làm sao lại mê? Vì bạn có tự tư tự lợi, bạn có ngã kiến, bạn có ngã chấp, có pháp chấp, có phân biệt, có vọng tưởng, chính là ngay đây! Chỉ tiếc bạn không thấy được. Sau khi đại triệt đại ngộ, người ta hỏi bạn, bạn vẫn như thế, không thay đổi chút nào, khi chưa ngộ là như vậy, ngộ rồi cũng vẫn là như vậy. Khi chưa ngộ, trong thiên tông có một công án, đó là một câu chuyện nhỏ rất có ý nghĩa, khi chưa ngộ “thấy núi là núi, thấy nước là nước”. Trong quá trình tu học công phu có tiến bộ, thì thấy núi chẳng phải là núi, thấy nước chẳng phải là nước, sau khi đại triệt đại ngộ, thì thấy núi vẫn là núi, thấy nước vẫn là nước. Ba giai đoạn tu tập, nói lên trước khi chưa ngộ, mê mà không giác, trong quá trình tu tập giác mà không mê, nhưng mà không tròn, lệch qua một bên, thật sự giác ngộ rồi, thì mê giác không hai, mê ngộ là một, là một việc. Người giác ngộ hiểu rõ chân tướng sự thật, kẻ mê hoặc thì không biết được, cũng sống qua một đời. Giác không phải là việc khó, chỉ cần chịu buông bỏ một chút, thì trí huệ sẽ mở ra một chút. Chưa chứng được viên giác, thì vẫn còn tạo nghiệp, vì sao vậy? Vì còn tập khí, tập khí phiền não vẫn khởi tác dụng, cho nên vẫn còn tạo nghiệp. Tuy tạo nghiệp, tuy chịu quả báo, nhưng giác ngộ nhanh hơn người khác. Tuy thọ quả báo, nhưng giác ngộ rồi thì có thể chuyển đổi được, chỉ cần chuyển mê thành ngộ, trong môi trường thực tế, bạn có thể chuyển khổ thành vui, ngày nay chúng ta nói người này có thể hóa giải được tai nạn. Nếu là mê thì bạn phải chịu tai nạn, sau khi giác ngộ thì có thể hóa giải được tai nạn, triệt để giác ngộ thì tai nạn không còn nữa, đó chính là cảnh giới không tương đồng. Cho nên pháp môn không gì sánh bằng là niệm Phật, ở đây nói về pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, pháp môn nào là số 1? Pháp môn niệm Phật, hơn nữa cho chúng ta biết là trì danh niệm Phật, là số 1 trong số 1. Bạn không thâm nhập thì không hiểu được, sau khi thâm nhập mới hiểu được, pháp môn này vô cùng thù thắng. Chúng ta cũng học, học nhiều năm như thế nhưng chẳng có hiệu quả gì, nguyên nhân vì sao vậy? Vì bạn không biết niệm. Vì sao người khác có hiệu quả mà bạn lại không có? Tôi hôm qua có một bạn đưa cho tôi xem một cái đĩa, Lưu Tố Vân giảng, khi cô ấy giảng đĩa đó là 62 tuổi, năm nay cô ấy 66 tuổi, giảng 4 năm về trước. Cô ấy đi ra nơi đâu cũng tuyên dương pháp môn Tịnh độ, nói lên tâm đắc trong việc tu tập của mình, điều này cho thấy cô ấy biết niệm, cô ấy báo cáo với mọi người, cuộc đời mình chỉ có một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật bốn chữ này thôi. Cô ấy tin mình chắc chắn sẽ sanh về Tịnh độ, không có niệm thứ hai, cô ấy không nghĩ gì hết, thiên kinh vạn luận vô lượng pháp môn, cô ấy không đụng đến, cô ấy tri túc thường lạc, những thứ tôi có quá đủ rồi, những thứ khác tôi không cần, không có tâm tham. Cho nên thời gian học Phật không

dài, công phu không sâu, kinh luận biết được rất ít, nhưng mà khi giảng giải với mọi người thì rõ ràng mạch lạc, thao thao bất tuyệt, có thể liên tục giảng 7,8 tiếng đồng hồ. Đó là gì vậy? Là cô ấy biết niệm! Chúng ta ngày nay thì sao? Chúng ta ngày nay không biết niệm. Tâm không chuyên, ý không kiên quyết, lòng tin mơ hồ không rõ ràng, người ta thật là chân tín thiết nguyện, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Cô ấy đi con đường này, thời gian không lâu, bạn xem cô ấy giảng giải rõ ràng mạch lạc, cô ấy thực hành công phu thiết thực, đó là một người học Phật, là một tấm gương tốt.

Sau đây là câu cảm thán của đại sư Liên Trì: “Hà đắc sơ tâm tự tức, bất nguyên vãng sanh”, chỉ cần bạn vãng sanh, là bạn chứng được đại viên mãn. Cho nên thật sự chọn được pháp môn này, giữ vững không bỏ, người này không phải là bậc thượng thượng căn thì ai là bậc thượng thượng căn đây.

Trong đoạn dài này, cổ đức nói có 3 loại. Ba loại này, cuối cùng đây là “chuyên tiếp thượng căn, bãng cập trung hạ”, chính là nghĩa này, chuyên tiếp thượng căn. Thế nào là thượng thượng căn? Là năng tín, năng giải, năng nguyện, năng hành. Tín giải nguyện hành, đều đạt được hết, thì người này chính là bậc thượng căn.

Chúng ta học đoạn kế tiếp: “Do thượng khả kiến, trì danh niệm Phật, nãi quả giác nhân tâm chi pháp”. Học Phật cũng không tách rời nhân quả, nhân tâm quả giác, nhưng mà pháp môn này rất đặc biệt, danh hiệu Di Đà là quả giác, chúng ta dùng quả giác làm nhân tâm, pháp môn này thù thắng kỳ đặc, không gì sánh bằng. Nói cách khác pháp môn này bắt đầu tu từ quả, vừa hạ thủ là tương ứng với quả giác. Cho nên nói, chỉ có Phật với Phật mới có thể cứu cánh thể dụng, cứu cánh là viên mãn không hề khiếm khuyết một tơ hào nào hết, chỉ có Phật mới biết được. Phật ở đây không phải Phật trong Thập pháp giới, mà là Phật chứng được cứu cánh viên mãn pháp thân, các Ngài hiểu một cách triệt để. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, ít nhất là Bát địa trở lên, có thể cứu cánh thể dụng, từ đó cho thấy, không ra khỏi Thập pháp giới thì không thấy được.

Thị pháp vô thượng thâm diệu, quảng thâm như hải, mộc kỳ trung giả, hạ căn nhân thiên du hải tâm, diệc tức thân tại đại hải, bính đắc hải thủy dục chi lạc.

Ví dụ này hay quá, dùng nước biển tắm để làm ví dụ, Pháp môn trì danh niệm Phật, thật sự sâu rộng như biển, chỉ có Phật và Phật mới có thể cứu cánh.

Mục kỳ trung giả, bậc hạ căn bơi lội ở đâu? Bơi lội ven bờ biển, nước không sâu, nhưng cũng là tắm biển. Điều này ví dụ cho cái gì? Phạm thánh đồng cư độ ở thế giới Cực lạc, Thật báo trang nghiêm độ được ví cho biển sâu, Phạm thánh đồng cư độ là ven biển, cùng chung một biển lớn. Bạn có thể đạt được sự vui trong cảnh giới quả địa của chư Phật Như Lai, đó chính là bạn đã đạt đến thế giới Cực lạc, bạn chính là Bồ tát A Duy Việt Trí, có phải chính bản thân mình chứng được không? Không phải, cách ly cảnh giới

của mình rất rất xa. Bản thân một phẩm phiến não cũng không đoạn, Phàm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng có thể được hưởng thụ sự tiếp đón giống như Bồ tát A Duy Việt Trí, cấp bậc như thế, nhận sự tiếp đón như vậy. Ở chỗ này là ví dụ cho việc đó, bạn không thể tưởng tượng được đâu.

“Nhược dục thâm cùng kỳ đề, tắc duy lại thượng căn lợi trí chi sỹ”. Bạn muốn đem thế giới Cực lạc, cảnh giới của Di Đà Như Lai, và sự thiện xảo của Di Đà Như Lai, tiếp dẫn các loài chúng sanh căn tánh bất đồng, về thế giới Cực lạc bình đẳng thành tựu, hiện tượng này, đạo lý này, thì phải cần thượng căn lợi trí. Thượng căn lợi trí chỉ cho ai vậy? Chỉ cho chư Phật Như Lai, chỉ có các Ngài mới thật sự biết được, các Ngài lặn xuống nước, phải là nhân viên này mới có thể lặn xuống đáy biển, các Ngài biết được tình hình dưới đáy biển, người không có công phu này thì không làm được.

“Cổ vân chuyên tiếp thượng căn, bàng cập trung hạ”, cho nên bậc cổ đức có cái nhìn như vậy.

“Dĩ thượng Át Bính lưỡng thuyết, văn dị chỉ đồng”, đây là đoạn thứ hai và đoạn thứ ba. Đoạn thứ nhất không nói, đoạn thứ nhất nói bậc thượng thượng căn, đó là tứ địa trở lên. Trung thượng cũng phải là các vị Bồ tát mới có phần, A La hán, Bích Chi Phật trở lên, phàm phu không có phần. Đoạn thứ hai và đoạn thứ ba, nói về Tứ độ tam bối cửu phẩm, phàm phu đều có phần, thế nên thế giới Cực lạc mới thù thắng, ở sát độ của chư Phật trong mười phương tìm không ra.

Đoạn thứ hai nói: “Bổn vi phàm phu, kiêm vi thánh nhân”. Đoạn thứ ba nói: “chuyên tiếp thượng căn, bàng cập trung hạ”. Thượng căn ở đây và thượng căn ở đoạn trước ý nghĩa không giống nhau, thượng căn ở đây là chân tín vừa mới giảng, thật sự có thể lý giải, thật sự phát nguyện, thật tu. Hạng người này chính là bậc thượng thượng căn, họ không phải là Bồ tát, họ là phàm phu, họ đầy đủ 4 điều kiện này, tu hành như lý như pháp, họ có thể về Thật báo trang nghiêm độ, thế mới phù hợp với đại nguyện độ sanh của Di Đà. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh vốn là Phật, chỉ do nó mê, nó giác ngộ rồi, giác ngộ triệt để rồi, thì nó là Phật.

Cho nên hai đoạn Át và Bính, văn tự hình như là có khác, nhưng ý nghĩa thì tương đồng.

“Kháp tư Lô sơn, hoành khán thành lãnh, trắc khán thành phong, hiện tướng hữu sai, bổn thể thị nhất”. Ở đây lấy Lô sơn làm ví dụ, rất hay. Vì sao vậy? Vì Tịnh tông ở Trung Quốc khơi nguồn từ Lô sơn, sơ tổ của Tịnh tông Trung Quốc là Huệ Viễn đại sư. Ngài vào thời Đông Tấn, kiến lập niệm Phật đường ở Lô sơn, tên là Đông Lâm Niệm Phật Đường, đây là tổ đình của Tịnh độ tông. Tôi vẫn chưa đi tới Lô sơn, trong thơ của

người xưa có tán thán như thế, “hoành khán thành lãnh, trắc khán thành phong”, ý là như vậy.

Cổ lưỡng thuyết văn tự tuy dị, dẫn tất giai xiển minh lưỡng độ đạo sư, bi trí vô lượng, phước huệ song viên.

Sau đây hai cách nói này nhấn mạnh sự thù thắng khó sánh của Tịnh tông. Nói lên lưỡng độ đạo sư, đạo sư của thế giới tây phương Cực lạc là Phật A Di Đà, đạo sư của thế giới Ta Bà chúng ta đây là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bi trí vô lượng, phước huệ song viên. Bi trí, phước huệ, đều là gia trì cho tất cả chúng sanh trong thế giới Ta bà này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở thế gian này, nhiều lần tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, đây là bi trí, Đức Thế Tôn giảng tất cả kinh, suốt đời chỉ giảng một lần, chứ không giảng lần thứ hai, duy nhất kinh Vô Lượng Thọ ngài giảng nhiều lần. Từ bây giờ lưu truyền tiếp theo, có 5 bản dịch đối chiếu xem, trong đó có sự sai biệt rất lớn, đó không phải là giảng một lần, cho nên phán đoán là Ngài giảng ít nhất 3 lần trở lên. Nhưng mà bản dịch của chúng ta có 7 bản bị thất truyền, trong 7 bản dịch đó, có còn sự khác biệt nữa hay không, điều đó không biết được, cho nên bây giờ mọi người giảng từ ba lần trở lên, không ít dưới ba lần đâu.

“Ngôn chuyên tiếp thượng căn giả, chánh hiển Như Lai chi đại trí đại huệ.” Chuyên tiếp thượng căn, thượng căn ở đây cần chú ý, gặp được pháp môn này tín tâm kiên cố, suốt đời tuyệt đối không thay đổi, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, chắc chắn vị này thành tựu, đây là bậc thượng căn. Rất rất nhiều người thành tựu, họ đã dùng thời gian bao lâu? Từ ba đến năm năm, người này không phải bậc thượng căn, thì ai là bậc thượng căn đây.

Hình như 3, 4 năm về trước, Hoàng Trung Xương cư sĩ ở Thâm Quyển, mới có 30 tuổi, còn rất trẻ, nghe được pháp môn này, cậu ấy phát tâm nhập thất chuyên tu, nhập thất 3 năm, Hướng Tiểu Lợi cư sĩ hộ thất, 2 năm 10 tháng, còn hai tháng nữa thì viên mãn, cậu ấy biết được giờ đi, niệm Phật vãng sanh, bạn nghĩ cậu ấy căn tánh gì? Có thể gọi là bậc thượng thượng căn không? Trong ba năm nhập thất, mỗi ngày một bộ kinh Vô Lượng Thọ, danh hiệu Phật không gián đoạn, khi đó đến hỏi tôi, tôi dùng phương pháp dạy người niệm Phật tu tập của Lão hòa thượng Đế Nhàn, phương pháp của Lão hòa thượng, thật sự là thiện xảo phương tiện, chính là một câu A Di Đà Phật. Niệm mệt rồi thì bạn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi thì lại niệm tiếp, bạn xem đối với cơ thể, đối với tinh thần không có áp lực gì hết, mệt rồi thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi thì niệm, không phân biệt đêm ngày, khi nào mệt thì khi đó nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi dậy tu tiếp, cậu ta đã dùng phương pháp này, phương pháp này của Đế lão hay quá! Không có áp lực gì hết. Hai năm 10 tháng, Phật A Di Đà đã rước cậu ấy về thế giới Cực lạc. Chính là chỗ này nói “chuyên tiếp thượng căn”, cậu ấy chính là bậc thượng căn, nghe được pháp môn này, lòng tin vững chắc, không hề có chút nghi ngờ, có nghi thì không được, tâm sẽ không thể định

được. Cho nên chúng ta thấy có rất nhiều người nhập thất, nhập được 2,3 tháng thì âm thầm trốn ra, đó là vì sao vậy? Vì họ chịu không nổi. Ở trong thất không có ai nói chuyện với họ, cho nên không có tín tâm kiên cố thì không dễ đâu! Thời gian 3 năm ở trong thất không thể đại triệt đại ngộ, thì cũng được Niệm Phật tam muội, điều này chắc chắn làm được. Được Niệm Phật tam muội rồi, thì vãng sanh không còn vấn đề gì nữa, được Niệm Phật tam muội rồi, đó thật sự là nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật, tâm niệm của bạn thông với Phật A Di Đà, Phật đến tiếp dẫn bạn, bạn xem có thù thắng không. Cho nên nhất định chúng ta không được xem thường niệm Phật đường, niệm Phật đường như lý như pháp, còn trang nghiêm thù thắng hơn đạo tràng lớn. Vì sao vậy? Vì có nhiều người vãng sanh! Một người vãng sanh nghĩa là một người thành Phật, hai người vãng sanh, là hai người thành Phật, điều này có hay không! Một niệm Phật đường nhỏ, trong đó là cái trạm để Phật A Di Đà tiếp dẫn vãng sanh, thật tin, thật nguyện, thật tu, không thiếu sót cái nào. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát, thật sự là một niệm Phật đường nhỏ, chỉ có 8 người, 8 người này người nào cũng thành tựu, thế có hay không! Viên mãn rồi! Cuốn Tây Phương Xác Chỉ của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ tát, cuốn nhỏ này thôi, là tin tiết lộ ra từ chỗ xin quẻ, Ấn Quang đại sư làm chứng cho vị này, xin quẻ là của quý thần, không thể tin tưởng, chỉ có điều này là thật, không phải giả đâu nhé, Ấn Quang đại sư làm chứng cho, cho nên cuốn sách này cũng được ghi vào tùng thư của Tịnh tông, là tấm gương học Phật cho thời mạt pháp của chúng ta.

Ý nghĩa của thượng căn chúng ta cần nên hiểu rõ ràng, nghĩ lại bản thân mình xem, mình thuộc hạng căn tánh nào? Điều này rất quan trọng. Nếu là thượng căn, bắt buộc phải được định, bắt buộc phải khai trí huệ, thế thì khó lắm, chúng ta không làm được.

Pháp môn tịnh độ này, “nãi Di Đà trú chân thật huệ từng chân thật chi tế chi sở khai hóa hiển thị, cố duy Phật dữ Phật nãi năng cứu cánh”. Ở đây nói lên Tịnh tông có thể thù thắng như vậy, là do Phật A Di Đà từ trong trí huệ chân thật lưu xuất ra. Chân thật chi tế nghĩa là chân như tự tánh, là trực tiếp, nó không phải là gián tiếp. Rất nhiều Phật pháp, từ chân thật chi tế thấu qua thức A Lại Da mà biến hiện ra vô lượng pháp môn, pháp môn này không thấu qua thức A Lại Da, nó gợn gàng đứt khoát, thấy thì quá dễ dàng, quá đơn giản, cho nên khiến người ta khó tin, cái lý là vậy. Mấy câu này rất quan trọng, có thể hóa giải rất nhiều nghi hoặc của chúng ta đối với Tịnh tông. Đối với pháp môn này, chúng ta luôn luôn có nhiều nghi hoặc, một câu này có thể hiểu rõ ràng, phục hồi tâm thanh tịnh của chúng ta. Tịnh tông thường nói, “tâm tịnh tắc Phật độ tịnh”. Tâm của chúng ta thường có nghi hoặc, cho nên nó thường không thể thanh tịnh. Không thể thanh tịnh, nguyên nhân thứ nhất là có ta, ngã chấp kiên cố, trong kinh Kim Cang nói là ngã kiến, ngã kiến là Mạt na thức. Ngã kiến, ngã ái, ngã mạn, ngã si, tứ đại phiền não thường tương tùy, tứ đại phiền não này sanh ra là có. Cho nên mê chính là căn bệnh này,

giác ngộ rồi thì bạn phục hồi lại bình thường, bệnh thái này nếu gặp được duyên thì nó sẽ phát bệnh, không gặp duyên thì không sao. Tuy có bệnh nhân, nó tiềm phục, nó không khởi tác dụng, gặp được duyên thì nó khởi tác dụng, khiến cho những tế bào mạnh khỏe trên cơ thể bạn, chuyển biến thành tế bào mang bệnh, đó chính là bạn bị bệnh. Nguyên nhân chúng ta bị bệnh là như vậy, cái lý này hiểu rõ ràng rồi, chúng ta quay đầu lại nhìn xã hội ngày nay, xã hội ngày nay không bình thường, hỗn loạn trước nay chưa hề có. Kể đến xem tình hình địa cầu, động đất, sóng thần, thời tiết bất thường, ngũ cốc thiếu hụt, hạn hán, ngập lụt, mang theo ôn dịch, số lượng lớn động vật biến mất khỏi địa cầu, đây là hiện tượng vô cùng bất thường, đây là tai nạn! Tai nạn từ đâu mà có? Là tâm niệm của con người sống trên quả địa cầu này cảm ứng nên. Ngày xưa những người sống trên quả địa cầu này, có sự dạy dỗ của Lão tổ tông, sự dạy dỗ của đại Thánh đại hiền nhân, các vị thần thánh trong tôn giáo, chư Phật Bồ tát trong Phật giáo. Tâm của cư dân sống trên địa cầu thuần hậu nên có thể tiếp nhận, cho nên thân tâm mạnh khỏe, gia đình hòa hợp, phong điều vũ thuận, không có những tai nạn tự nhiên nhiều như thế. Ngày nay cư dân trên địa cầu này không cần đến tổ tông, chẳng những không cần Tổ tông mà không cần cả cha mẹ nữa, tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm, đều là tổn người lợi mình, điều này thật ghê gớm! Cố ý phá hoại sự thăng bằng của sinh thái tự nhiên, cho nên tạo nên xã hội bất an, địa cầu nơi đâu cũng tai nạn dồn dập, cái lý là ở chỗ này. Nếu như chúng ta thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, hóa giải tai nạn có khó không? Không khó!

Gần đây có một bạn tặng cho tôi một cuốn sách, tên là Giải Độc Mạt Thế Dự Ngôn, tôi có xem qua chưa xem hết, trong đó giảng về lượng tử lực học của thời cận đại, cái nhìn đối với vũ trụ, rất gần với giáo lý Đại thừa. Tôi nhớ trong đó có nhà khoa học nói, căn cứ sự nghiên cứu của ông ta, ông ta nói trên thế gian này vốn không có vật chất, điều này rất gần với giáo lý Đại thừa. Vật chất là gì? Là hiện tượng ba động, nó từ lượng tử lực học, là một tia sáng cực kỳ vi tế, tia sáng này là hiện tượng từng tia từng tia liên tục, ông ta nói tần số của nó không đồng, tần số chậm thì biến thành vật chất, thành sơn hà đại địa, tần số nhanh hơn một chút, thì biến thành hoa cỏ cây cối, các dạng thực vật, nhanh hơn một chút nữa thì thành động vật, nhanh nhất là giống như trong Ti vi của chúng ta ngày nay, đó là nhanh nhất, ông ta nói hoàn toàn là do tần số ba động không đồng, ngoài thứ này ra, thì vốn không có sự tồn tại của vật chất. Giống như trong kinh Nhân Vương nói, như kinh Bồ Tát Xứ Thai nói, nghĩa là sự đối thoại giữa Bồ tát Di Lặc và đức Phật Thích Ca Mâu Ni, một khảy móng tay có 32 ức bá thiên niệm, niệm ở đây chính là tia sáng trong lượng tử lực học nói. Rất khó được! Nhưng Phật pháp nói lại cao hơn một lớp nữa, tia sáng này từ đâu mà có? Lượng tử lực học không nói đến tia sáng này từ đâu mà có. Cho nên Phật pháp nói đến chỗ rốt ráo, là nó vẫn có tự tánh, danh từ trong kinh Phật gọi là “tánh”, tự tánh, bản tánh, chân tánh, pháp tánh, nói rất nhiều, đây là một cách nói pháp thiện xảo của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thiện xảo giảng dạy, cho bạn biết không nên chấp trước vào danh tự, không nên chấp trước vào ngôn ngữ, đó hoàn

toàn là giả, bạn hiểu cái ý nghĩa của nó là được rồi, cái đó là thể, nó vĩnh hằng, nó bất biến, mình tâm kiến tánh rồi. Khi Lục Tổ Huệ Năng kiến tánh có nói, tánh như thể nào? Ngài nói tánh là thanh tịnh, “hà kỳ tự tánh, bản tự thanh tịnh”, nó vĩnh viễn không bị nhiễm ô, thật sự như vậy. Vì sao nó không bị nhiễm ô? Vì tướng nhiễm ô này là giả, không có thật, thì làm sao có thể nhiễm ô được nó. Vốn không sanh diệt, phát hiện tia sáng cực kỳ nhỏ của lượng tử, nó vẫn còn sanh diệt, tự tánh thì bất sanh bất diệt, cho nên trong Phật pháp nói phàm có sanh diệt đều không có thật, đều là giả. Thật là bất sanh bất diệt, chân tánh bất sanh bất diệt. Tia sáng này từ đâu mà có? Là từ tự tánh mà có, cũng có nghĩa là hiện tượng ba động khởi lên từ trong tự tánh, nhưng tự tánh không phải là ba động, tự tánh có thể khởi hiện tượng ba động này, điều này rất khó hiểu. Trong Phật pháp nói, chỉ có chứng ngộ mới biết được, bản thân bạn khế nhập vào cảnh giới thì bạn sẽ biết được, không khế nhập cảnh giới, bạn không dễ gì cảm nhận được chân tướng sự thật này. Cho nên Phật pháp là khoa học, nói có bằng chứng, phải đích thân bạn chứng mới được, bạn không thân chứng mà chỉ nghe Đức Phật nói thì không được, Đức Phật chỉ dẫn đường cho bạn, nói cho bạn biết sự thật này, bản thân bạn bắt buộc phải chứng được, dùng phương pháp nào để chứng được đây? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, vọng tưởng là khởi tâm động niệm, nếu bạn có thể, chúng ta nói đến cảnh giới lục căn tiếp xúc với lục trần, ở trong đó thật sự đạt được không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì bạn có thể chứng được. Bạn không chứng được chính là những thứ này làm chướng ngại bạn, khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, thì bạn không thấy được. Cho nên trong Đại thừa kinh giáo nói rất hay, thật sự buông bỏ chấp trước, không còn chấp trước vào pháp của thế và xuất thế gian, cửa thứ nhất phá được, thì lục đạo luân hồi sẽ không còn nữa. Vì sao vậy? Vì lục đạo luân hồi từ chấp trước biến hiện ra, nó là giả, chẳng phải thật, có chấp trước thì nó có, không chấp trước thì nó không có, đó không phải là thật. Tứ thánh pháp giới, nằm ngoài lục đạo, là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật, nó cũng không phải thật, từ đâu mà có? Từ phân biệt mà có. Bạn có tâm phân biệt, thì có cảnh giới này xuất hiện, đoạn hết phân biệt, thì nó không còn nữa. Không khởi tâm, không động niệm, thì Thập pháp giới không còn, nó không có thật. Trong Đại thừa kinh giáo thường nói, Thật báo trang nghiêm độ của chư Phật Như Lai, có thật không? Nó cũng không có thật, “phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”, không hề nói Thật báo trang nghiêm độ của chư Phật là ngoại lệ, không nói như vậy? Vậy cái gì tạo thành Thật báo độ đây? Là tập khí khởi tâm động niệm, không phải là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là Phật pháp giới trong Thập pháp giới, tập khí của khởi tâm động niệm, nếu tập khí không có, thì Thật báo độ cũng không còn, vậy còn lại cái gì, là quay về tự tánh, gọi là Thường Tịch Quang, nó là thật, vĩnh hằng bất biến. Trong triết học nói, đó là bản thể của vũ trụ vạn vật. Tuy nó không phải là tinh thần, cũng không phải là vật chất, nhưng nó năng sanh, năng hiện tinh thần và vật chất, bạn cần nên biết, nó năng hiện không phải là thật, những hiện tượng sở hiện này đều là sanh diệt.

Nghĩa là trong lượng tử lực học phát hiện, tất cả đều là tia sáng cực kỳ vi tế, tia sáng này là tương liên tục, không nói nó là tương tục, mà nói nó là liên tục. Vì sao vậy? Vì mỗi cái nó độc lập riêng, giống như thước phim của điện ảnh vậy, mỗi cái đều độc lập riêng, cho nên nó không phải là tương tục, nó là liên tục. Điều này nói rất hay! Tương tục là một thứ, mỗi cái đều như nhau, thế thì được, ở đây nó không giống nhau, mỗi cái đều không giống nhau, tuyệt đối không có hai cái tương đồng, vô lượng kiếp rồi tìm không ra hai cái tương đồng. Như thế mới tiết lộ được thật tướng của các pháp, ngày nay người ta nói là tiết lộ bí mật, bí mật này bị thấy rõ rồi, đó là chân tướng sự thật. Do đó tất cả mọi hiện tượng đều là thức biến. Thức là gì? Thức là phân biệt chấp trước. Tâm niệm của chúng ta, tâm niệm thiện thì biến thành thiện, tâm niệm bất thiện thì biến thành bất thiện. Cho nên nếu chúng ta niệm niệm đều là tham sân si mạn, thì là bất thiện, đó là niệm độc, chắc chắn bạn sẽ bị bệnh. Nếu như niệm niệm của bạn đều là Giới định huệ, niệm niệm đều là nhân nghĩa đạo đức, niệm niệm đều là an định hòa bình, thì đó hoàn toàn là thiện, do đó là cảnh giới do tâm niệm bất thiện biến hiện ra. Ngày nay chúng ta giác ngộ rồi, lập tức sửa đổi lại tâm niệm có được hay không? Được! Có hiệu quả không? Có hiệu quả, tai nạn sẽ không còn nữa. Bạn xem người niệm Phật có giới không, người trên thế gian này đều niệm ác, đều niệm bất thiện, tai nạn khởi lên, người niệm Phật hàng ngày niệm Phật A Di Đà, tai nạn khởi lên, thì họ về thế giới Cực lạc, cõi Ta bà này không liên quan đến họ, điều này rất hay! Người tín ngưỡng tôn giáo, họ niệm Thượng Đế, họ niệm Thần, niệm niệm họ nghĩ đến lời dạy của thần thánh, họ y giáo phụng hành, họ cũng được về thiên đường.

Trong Đại thừa giáo dạy chúng ta rằng, cõi trời có 28 tầng trời, đều rất thù thắng. Phước báo của cõi trời cõi nhân gian chúng ta không thể so sánh được, họ thọ mạng lâu. Người Trung Quốc chúng ta nói, người Ấn Độ gọi là trời Đạo Lợi, người Trung Quốc gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế, ở trời Dục giới, đừng nói những điều thù thắng khác, chỉ nói về thọ mạng. Trời Đạo Lợi và chúng ta ở đây có thời gian khác nhau, cõi nhân gian 100 năm, bằng trời Đạo Lợi 1 ngày, thọ mạng của cõi trời Đạo Lợi là bao nhiêu? Thời gian của họ ở đó, một năm cũng là 360 ngày, đứng về mặt chu vi tròn mà nói, một vòng tròn có 360 độ, 1 năm là 360 ngày, một ngày của họ bằng 100 năm của cõi nhân gian chúng ta, một năm của họ bằng 3 vạn 6 ngàn năm của chúng ta, thọ mạng của họ là 1000 tuổi, phước báo lớn ! Càng lên trên thì thọ mạng càng cao hơn, một ngày ở cõi trời Dạ Ma, bằng cõi nhân gian của chúng ta 200 năm, thọ mạng của họ là 2000 tuổi. Bồ tát Di Lặc ở cõi trời thứ tư, cõi trời Đâu Suất, một ngày của cõi trời Đâu Suất bằng 400 năm của cõi nhân gian, thọ mạng của họ 4000 tuổi. Cho nên Bồ tát Di Lặc ở cõi trời Đâu Suất thọ mạng hết, mới đến thế giới này để thành Phật, đức Phật Thích Ca nói cho chúng ta biết như vậy. Bây giờ chúng ta tính thử xem còn bao lâu nữa? còn 56 ức 7 ngàn vạn năm sau, Bồ tát Di Lặc sẽ đến thế giới của chúng ta. Thế giới của chúng ta có hủy diệt hay không?

Không. Thế giới này có tai nạn lớn hơn nữa thì cũng không hủy diệt được, tương lai Bồ tát Di Lặc còn đến đây thành Phật mà.

Cho nên ý niệm làm chủ tất cả, điều này là có thật. Tôi thấy những bài báo cáo này của các nhà khoa học, Giải Độc Mật Thế Dự Ngôn, trong đó nói rất có lý, cho nên hiểu được lý này rồi, thì tai nạn có hiện tiền cũng không sợ, biết được phương pháp hóa giải, chuyển lại tâm niệm là hóa giải được, nhưng phải cần ý thức tập thể mới có được hiệu quả. Ý thức tập thể, chúng ta kêu tất cả mọi người trên thế giới này hồi tâm hướng thiện, điều này không làm được, họ không tin, họ nói đó là tôn giáo, là mê tín. Thế phải làm sao đây? Chúng ta tìm đến những người tin tôn giáo, những người mê tín này, những người mê tín này đoạn ác tu thiện, chúng ta thay đổi thì họ cũng có lợi vậy. Tuy họ có lợi đó nhưng họ vẫn xem thường chúng ta, chúng ta không nên để ý, không nên để trong lòng. Tóm lại cứu người, cứu mình đó là việc tốt, tuy phải chịu đựng sự xỉ nhục rất nhiều, nhưng đó là tiêu nghiệp chướng cho chúng ta, có gì là không tốt đâu! Cho nên người học Đại thừa kinh giáo, mấy năm gần đây tôi thường nói, Đức Phật nói cho chúng ta biết thế gian này, giờ giờ là giờ tốt, ngày ngày là ngày tốt, tôi tiếp theo hai câu, người người là người tốt, việc việc là việc hay. Như thế thì chúng ta sống trên thế gian này sẽ vui sướng biết bao, hạnh phúc biết bao. Tôi cảm thấy thế gian này rất đẹp, không có người ác, họ làm ác là do nhất thời hồ đồ, mê thất đi tự tánh, bản tánh bản thiện, chúng ta tin bản tánh của họ là thiện, “nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Họ bất thiện là vì họ không có được sự giáo dục tốt, họ học điều xấu, xã hội ngày nay học điều xấu rất dễ dàng, có rất nhiều thầy giáo dạy bạn học điều xấu. Thầy giáo đầu tiên chính là Ti vi, ngày nay thầy giáo Internet còn lợi hại hơn thầy Ti vi nhiều, nó đã dạy bạn đó! Ngày nào bạn cũng học với nó, chẳng có ngày nào là không thân cận nó, bạn có thể không học điều xấu được chăng? Đó là chuyện không thể. Ngay cả chư Phật Bồ tát mà học với nó, tôi tin rằng cũng sẽ học điều xấu. Cho nên chúng ta chỉ có duy nhất một phương pháp, tôi chẳng thể hạn chế Ti vi của bạn không chiếu, nhưng tôi có quyền không coi. Đạo tràng của chúng ta, có không ít những gia đình học Phật, trong nhà không có Ti vi, có Ti vi nhưng không bắt được sóng, vì không có ăng ten, họ đã mở đĩa giảng của chúng tôi. Hàng ngày chúng ta tiếp xúc là chư Phật Bồ tát, hàng ngày tiếp xúc là sự dạy dỗ của thánh hiền, chúng ta gián đoạn với những tin tức bên ngoài. Tôi đã hơn 40 năm, gần 50 năm rồi, không xem Ti vi, không nghe đài, không đọc báo, không đọc tạp chí, cho nên nhiều người nói về tai nạn, đến hỏi tôi, tôi nói không có, mỗi ngày thiên hạ đều thái bình, cuộc sống rất tốt, không hề có việc gì phải lo lắng cả. Đó chẳng phải là vấn đề của tâm sao, bạn chịu buông bỏ, thì chẳng có chuyện gì, buông bỏ Ti vi, buông bỏ đài, tất cả mọi môi giới đều buông bỏ, buông bỏ báo, buông bỏ tạp chí, thậm chí ngay cả sách cũng buông bỏ. Nhà sách hiện nay không giống như nhà sách ngày xưa, nhà sách 60 năm trước, bạn bước vào có khí phách của sách, từ trường rất tốt, bạn bước vào thư viện, bước vào nhà sách, tâm bạn an định, cảm

giác rất hay. Ngày nay thì không, ngày nay bước vào nhà sách từ trường ở đó không tốt. Nguyên nhân vì sao vậy? Vì nội dung những cuốn sách trên kệ không tốt. Khi tôi còn trẻ tôi rất thích đến các nhà sách, đi đến thư viện, bây giờ thì không đi nữa, bây giờ chỗ tôi ở, trong phòng để toàn là kinh sách, kinh sách của Phật giáo, những kinh sách của tôn giáo khác tôi cũng sưu tập, sách của Trung Quốc, Tứ Khố Toàn Thư, Tứ Khố Hội Yếu, tôi chỉ để những loại sách này, những loại sách này từ trường rất tốt.

Xã hội ngày nay người tốt ít, không tìm được người bạn tốt, chúng ta làm bạn với các bậc cổ nhân, làm bạn với chư Phật Bồ tát, hay! Họ vĩnh viễn không thay đổi. Từ đó cho thấy, hạnh phúc hay tai nạn đều do chính bản thân mình lựa chọn mà thôi. Bạn đừng trách người khác, trách người khác là sai, do mình lựa chọn thôi. Cuộc đời này bạn chọn hạnh phúc mỹ mãn, thì thật sự bạn sẽ có một cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn, nếu bạn chọn những điều thập ác, sát đạo dâm vọng, bạn chọn những thứ này, thì cuộc sống của bạn sẽ phải chịu tai nạn dập vùi. Cho nên tôi thấy rất nhiều dự ngôn rồi, tôi không hề cảm thấy lạ lùng chút nào, tôi biết được rất nhiều tai nạn vì sao nó có, vì sao lại có tai nạn, tôi cũng biết được phương pháp hóa giải, chẳng phải việc khó!

Cho nên thế giới Cực lạc, là trí huệ Bát nhã trong tự tánh vốn sẵn có của Phật Di Đà, nghĩa là chân thật huệ, từ chỗ này khai hóa hiển thị. Khai là khai mở, mở cửa ra, hóa là giáo hóa. Dùng phương pháp nào để giáo hóa? Dùng phương pháp hiển thị, ngày nay chúng ta nói, thân hành chính là hiển thị, ngôn giáo. Bản thân làm để cho mọi người thấy, mọi người tin tưởng. 48 nguyện của Phật A Di Đà, nguyện nào Ngài cũng làm được, nói được làm được, không câu nào giả hết, cho nên được người khác tin tưởng. Rốt cuộc là quay về điều gì? Chỉ có người minh tâm kiến tánh mới biết được.

Di Đà chi nhất thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, viên dung cụ đức, siêu tình ly kiến, cử thể thị sự lý vô ngại, sự sự vô ngại chi nhất chân pháp giới, cố phi tư lượng phân biệt chi sở năng tri, ngữ ngôn văn tự chi sở năng cập, cố vân phi cửu giới tự lực sở năng tín giải.

Đoạn này hơi dài một chút, thật sự Niệm công đã vì chúng ta mà giảng nói rõ ràng. Sự vĩ đại của Tịnh tông, là ở chỗ Di Đà nhất thừa nguyện hải. Hải là hình dung từ, là đại nguyện, hoằng nguyện! Nguyện điều gì vậy? Mong tất cả chúng sanh trong một đời đều được viên thành Phật đạo, đây gọi là nhất thừa nguyện hải. Nhất thừa là thành Phật, nhị thừa là nói về Đại thừa và Tiểu thừa, Đại thừa là Bồ tát, Tiểu thừa là A La hán. Tịnh tông không mong các bạn thành A La hán, thành Bồ tát, không mong điều này, Tịnh tông mong bạn đời này chứng được, viên mãn giống như Phật A Di Đà, đây là bốn nguyện của Di Đà. Hơn nữa dùng phương pháp quá vi diệu, dùng lục tự hồng danh, trên thực tế chỉ có 4 chữ, A Di Đà Phật. Đại sư Liên Trì niệm Phật chỉ niệm bốn chữ, trong Trúc Song Tùy Bút có ghi lại một đoạn như sau: Có người đến thỉnh giáo với Ngài, hòa thượng niệm Phật, ngài niệm cách nào? Niệm 4 chữ. Còn dạy người khác? Dạy người

khác 6 chữ. Vì sao lại khác nhau? Ngài nói, đời này tôi quyết định phải vãng sanh về thế giới Cực lạc, thân cận Phật Di Đà, cho nên không thêm vào những lời khách sáo, trong kinh nói rất rõ ràng, chấp trì danh hiệu, danh hiệu là 4 chữ. Ý nghĩa của chữ Nam Mô, Nam Mô là cung kính, là quy y, là quy mạng, những lời khách sáo này thì miễn đi. Tôi dạy người khác, người khác không có tâm nguyện thật sự cầu vãng sanh, cho nên thêm vào chữ quy y A Di Đà Phật, quy mạng A Di Đà Phật, kết duyên với Phật A Di Đà, đời sau lại tiếp tục niệm, là ý nghĩa như vậy. Thật sự một đời này vãng sanh, thì bạn nên học Đại sư Liên Trì, miễn đi những lời khách sáo, chúng ta làm thật, chứ không làm giả. Làm thật là 4 chữ A Di Đà Phật, 4 chữ này viên dung cụ đức, 4 chữ này có thể phiên dịch, nhưng không dịch. Vì sao lại không dịch? Tôn trọng không dịch, dịch thành ý nghĩa của Trung Quốc, thì A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, Vô Lượng Giác. Vô Lượng Giác là đối với ai mà nói? Là đối với chân như bản tánh mà nói, cho nên nó là danh hiệu của tánh đức, niệm Phật A Di Đà là niệm tự tánh của chính mình. Trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy chúng ta rằng: Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai, Phật A Di Đà chính là đức tướng trí huệ Như Lai, vô lượng trí huệ, vô lượng đức, vô lượng tướng hảo, niệm tự tánh, chứ không niệm gì khác. Cho nên viên dung cụ đức, viên dung cụ đức, chúng ta dùng một câu này trong kinh Hoa Nghiêm, thì ba việc trí huệ, đức năng, tướng hảo đều đầy đủ, không hề thiếu điều nào.

Siêu tình ly kiến, tình là tình chấp, ở đây không có tình chấp, kiến là ngã kiến. Tình, người Trung Quốc nói thất tình ngũ dục, kiến là ngã kiến trong 4 loại phiền não của Mạt na thức. Từ ngã kiến phát sinh ra ngã ái, ngã mạn, ngã si, chỉ cần không còn ngã kiến thì những cái sau sẽ không còn nữa. Cho nên nửa kinh Kim Cang phía sau dạy bạn ly kiến, phá tứ kiến, ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, phá được tứ kiến rồi, thì bạn siêu lên Thập pháp giới. Phía trước nói về 4 tướng, ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, phá được tứ tướng thì bạn siêu việt lục đạo luân hồi, tứ kiến phá rồi thì siêu việt Thập pháp giới. Một câu danh hiệu siêu tình ly kiến, người niệm Phật A Di Đà rất đông, người hiểu được cảnh giới, nghĩa lý của câu danh hiệu Phật A Di Đà không nhiều. Cho nên vì sao người niệm Phật, còn phải thật sự học kinh Vô Lượng Thọ? Học kinh Vô Lượng Thọ, bạn sẽ hiểu rõ lý sự tánh tướng nhân quả của Tịnh tông, thì sự niệm Phật của bạn sẽ hoàn toàn khác với người ta, thật sự là nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật, bạn mới có được vô lượng pháp hỷ, bạn sẽ niệm thấy thoái mái, niệm nhanh, niệm hoan hỷ, cái lý là ở chỗ này.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây

Tập 41

Giảng ngày 16 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 43, dòng thứ năm từ dưới lên, chúng ta học từ đoạn giữa. Chúng ta học từ chỗ Di Đà chi nhất thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, viên dung cụ đức, siêu tình ly kiến, cử thể thị sự lý vô ngại, sự sự vô ngại chi nhất chân pháp giới, cố phi tư lượng phân biệt chi sở năng tri, ngữ ngôn văn tự chi sở năng cập, cố vân phi cửu giới tự lục sở năng tín giải.

Chúng ta coi đến đoạn này, hôm qua chúng ta học đến đoạn này, đây là những lời khuyên bảo hết lòng của chư vị Tổ sư, giúp chúng ta xây dựng tín tâm đối với pháp môn Tịnh độ, vì chúng ta mà nói lên bốn nguyện của Di Đà, thật sự kỳ vọng tất cả chúng sanh, trong một đời có thể thành tựu được vô thượng Bồ đề, đó gọi là Nhất thừa nguyện hải. Việc này có thể làm được hay không? Trong kinh luận thường nói, “trước ác phạm phu, ngữ trước ác thế”, những phạm phu tạo tác ác nghiệp này, trong một đời có thể thành Phật được chăng? Điều này ai có thể tin được? Thực tế mà nói, điều này có ai tin được hay không không quan trọng, quan trọng nhất là bản thân chúng ta có tin tưởng được hay không? Khiến cho chúng ta nhớ đến Di Đà Yếu Giải của Đại sư Ngẫu Ích, nói cho chúng ta về 6 đức tin. Đức tin thứ nhất trong 6 đức tin là tin chính mình, thứ hai mới là tin người, người ở đây là chỉ cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Đức Phật Di Đà. Nếu như không có niềm tin đối với chính mình, người không có niềm tin rất nhiều, chẳng phải là người xấu mà là người tốt. Khi tôi mới học Phật, có người đồng sự của bạn tôi, là thư ký của lớp chúng tôi, chúng tôi thường qua lại, tôi học Phật, vợ của anh ta không dám đến chùa, không dám vào trong chánh điện, tôi hỏi cô ấy vì sao vậy? Cô ấy nói bản thân mình tạo nghiệp quá nặng, không dám gặp chư Phật Bồ tát, người tốt đấy, chẳng phải là người xấu đâu, biết được bản thân mình khởi tâm động niệm, hành vi bất thiện, biết được đấy, chẳng phải không có lương tâm, biết đấy, không dám. Điều này đối với pháp môn Tịnh độ, thì rất khó trong một đời đạt được lợi ích. Nghe thấy có thể tin, có thể lý giải, thì chính là bậc thượng căn mà trước đây chúng

ta nói, chẳng phải là hạ căn đâu. Trong kinh Di Đà nói: “Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc”. Có thể tin, có thể lý giải, có thể phát nguyện, có thể làm theo, đây chính là bậc thượng căn, ở đây nói chuyên tiếp thượng căn, là chỉ cho những người này.

Ở đây hiển thị điều gì? Hiển thị tánh đức, trong tự tánh có đầy đủ trí huệ đức năng là không thể nghĩ bàn. Vũ trụ vạn pháp là tự tánh sở hiện sở sanh, tự tánh năng sanh năng hiện, vạn đức vạn năng, chẳng hề nói việc này nó làm không được, trong kinh không hề nói như vậy. Đức Phật không độ người vô duyên, vô duyên nghĩa là họ không tiếp nhận, họ không thể y giáo phụng hành, nếu họ tiếp nhận, nếu họ y giáo phụng hành, thì chẳng có người nào là không được độ, trước đây chúng ta có học đến, ngũ nghịch thập ác, lâm mạng chung thời nhất niệm thập niệm đều được vãng sanh. Ngũ khí kiên định như thế, khiến chúng ta thấy rồi không còn chút nghi ngờ nào nữa, đó là tánh đức khởi dụng. Cho nên nhất định phải biết, lục tự hồng danh viên dung cụ đức. Vì sao vậy? Vì siêu tình ly kiến, đã nói ra ý nghĩa của câu này rồi, lục đạo phàm phu hữu tình chấp, Tứ thánh pháp giới không ly kiến. Bốn chữ siêu tình ly kiến, nghĩa là siêu việt Thập pháp giới, siêu tình là siêu việt lục đạo, siêu kiến là siêu việt Tứ thánh pháp giới. Cho nên cử thể, thể là tự tánh. Sự lý vô ngại, sự sự vô ngại, thể mới gọi là nhất chân pháp giới. Các vị nên biết rằng, nhất nghĩa là chân, nhị là vọng chẳng phải là chân, cho nên trong kinh điển Đại thừa Đức Phật nói rất nhiều, khởi tâm động niệm là vọng. Vì sao vậy? Vì khởi tâm động niệm là hai, vừa động là hai rồi. Đạo giáo cũng nói như vậy, nhất sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật, cái này nói rất có vị đấy. Nhất là gì không nói rõ ràng, chỉ nói nhất, nhị là gì cũng không nói rõ ràng, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật. Chúng ta đã học Hoa Nghiêm, đã học Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, rất rõ ràng, nhất là gì? Nhất là thể tự tánh thanh tịnh viên minh. Nhị là gì? Nhị là y chánh trang nghiêm. Tam là gì? Tam là thị tam biến, cũng có thể nói, tam là tam tế tướng của A Lại Da, thật sự tam sanh vạn vật. Những thánh triết của Đạo giáo này, đã khơi dạy cho chúng ta điềm khởi đầu, không nói kỹ, đạo Phật thì nói rất rõ ràng, hiển nhất thể là nhất, khởi nhị dụng là nhị, thị tam biến là tam, tam sanh vạn pháp. Tam biến trong Hoàn Nguyên Quán nói, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, đều có đầy đủ ba loại châu biến. Thứ nhất là châu biến pháp giới, thứ hai là xuất sanh vô tận, biến hóa vô cùng, năng sanh vạn pháp. Thứ ba là hàm dung không hữu, đó là trong Hoàn Nguyên Quán nói. Y theo Đại thừa giáo nói, nhất là tự tánh, cũng gọi là pháp tánh, nhị là nhất niệm bất giác mà có vô minh. Vô minh ở đây là gì? Là A Lại Da thức, bạn xem, nhất chân nhất

vọng, là nhị rời, nhất là chân tâm, nhị là vọng tâm, vọng tâm xuất hiện rời. Trong vọng tâm có ba đặc tánh, ba hiện tượng, nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng đồng thời hiện ra. Các nhà khoa học nói là năng lượng, tin tức, vật chất, nó năng sanh vạn pháp. Năng lượng là nghiệp tướng của A Lại da, cũng chính là chân động, khoa học ngày nay nói là chân động. Chuyển tướng là tin tức, cảnh giới tướng là vật chất, từ đây mà sanh khởi ra. Đây là nói về vũ trụ vạn pháp, nhân sinh là nói chính mình từ đâu mà có, đã nói rất rõ ràng minh bạch, vũ trụ từ đâu mà có. Vạn sự vạn vật trong vũ trụ, vì sao lại có biến hóa, những biến hóa này đều là chuyển tướng, gọi là kiến phần, nó khởi tác dụng. Ba loại châu biến trong Hoàn Nguyên Quán, đây là loại thứ hai, xuất sanh vô tận, câu này có nghĩa là biến đổi vô cùng. Vì sao nó biến? Bởi vì hữu tình chúng sanh có phân biệt, có chấp trước, cho nên tất cả tướng cảnh giới, cũng theo tâm niệm đó mà chuyển biến, cái lý là như vậy. Tâm niệm thanh tịnh thì biến thành Tịnh độ, tâm niệm không thanh tịnh thì biến thành uế độ, tâm niệm thiện biến cảnh giới thiện, ba đường thiện, tâm niệm bất thiện hiện ba đường ác, thiên biến vạn hóa. Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta đừng cho đó là thật, tất cả đều là giả, “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, không có cái gì là thật cả. Cho nên chư Phật Bồ tát sống cùng với lục đạo chúng sanh, vì sao lại sống cùng? Vì vốn là cùng nhau mà, chỉ là bản thân bạn không biết, bạn bị mê, chứ vốn là sống cùng nhau mà. Sống cùng nhau, chúng ta ở uế độ, các Ngài ở Tịnh độ. Vì sao vậy? Kỳ thật giáo lý Đại thừa chúng ta thường đọc, đọc cái gì đây? Trong cuộc sống bạn đã lãng quên mất, không dùng đến nó, tâm tịnh tức Phật độ tịnh. Các Ngài giác ngộ rời, tâm thanh tịnh, cho nên mặc dù sống cùng chúng ta nhưng các Ngài vẫn ở Tịnh độ, còn chúng ta thì sao? Tâm chúng ta bị nhiễm nên ở uế độ, tâm chúng ta thiện thì ở cõi trời, tâm bất thiện thì ở tam đồ. Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, không rời một niệm ngay đây, đó hoàn toàn là những lời nói chân thật, bạn xem cảnh giới nào chẳng phải là cảnh giới Hoa Nghiêm! Bạn không tìm thấy chỗ nào ở ngoài Hoa Nghiêm đâu, tìm không thấy. Nói cách khác, cứu cánh viên mãn chính là cảnh giới Hoa Nghiêm, Vô Lượng Thọ chính là nòng cốt của cảnh giới Hoa Nghiêm, viên mãn thù thắng không gì sánh bằng, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Cho nên nhất chính là chân, khởi lên một niệm chính là vọng, nhất chân không còn nữa. Ai thấy được nhất chân? Ai sống ở nhất chân? Bồ tát Sơ trụ của Viên Giáo, Sơ địa trở lên của Biệt Giáo, thật ra là trùng điệp với chúng ta, chứ không hề tách rời.

Cho nên không phải tư lượng phân biệt mà có thể biết được, tư là thức thứ sáu phân biệt, lượng là thức thứ bảy chấp trước. Chúng ta dùng thức thứ sáu, dùng thức thứ bảy, cũng có nghĩa là dùng chấp trước, dùng tâm phân biệt, thì chắc chắn

bạn không thể hiểu rõ được chân tướng. Cho nên trong pháp Đại thừa dạy người học Phật, ly tâm ý thức mà tham, ở thế gian thì gọi là nghiên cứu, khi không hiểu rõ thì phải nghiên cứu kỹ, nghiên cứu không tách rời tâm ý thức, vẫn còn dùng nó, còn Phật pháp? Phật pháp không dùng tâm ý thức. Vì sao vậy? Vì tâm ý thức là vọng tâm, tâm ý thức chính là A Lại Da, tâm là thức A Lại Da, ý là thức Mạt na, thức là thức thứ sáu. Cho nên tâm ý thức là A Lại Da, là vọng tâm chẳng phải chân tâm, không dùng A lại da. Không dùng A Lại Da, A Lại Da sẽ biến thành Đại viên cảnh trí, không dùng Mạt Na, Mạt Na sẽ biến thành Bình đẳng tánh trí, không dùng ý thức, ý thức là phân biệt, không phân biệt, không dùng nó, thì ý thức sẽ biến thành Diệu quan sát trí, chuyển tám thức thành bốn trí. Trong kinh Hoa Nghiêm, bạn chính là Bồ tát Sơ trụ của Viên Giáo, là Bồ tát Sơ địa của Biệt Giáo, bạn thoát ly được Thập pháp giới, bạn trụ ở Nhất chân pháp giới, Nhất chân pháp giới cùng Thập pháp giới đồng thời đồng xứ. Điều này rất thần kỳ, đồng thời đồng xứ, không cùng tần số không gian, chỉ không cùng tần số, nếu như phá vỡ được tần số, thì bạn sẽ thấy được đồng thời đồng xứ. Thế giới tây phương Cực lạc không có tần số, cho nên Tứ độ tam bôi Cửu phẩm đều ở một chỗ, không hề có chút chướng ngại, thế giới đó là sự lý vô ngại, sự sự vô ngại, gọi là nhất chân.

Phân biệt tư lượng ngữ ngôn văn tự, đều không thể nào hình dung được nó, duy chỉ có chứng mới biết được, cho nên phi cửu giới tự lực sở năng tín giải.

Chúng sanh trong Cửu pháp giới, làm cách nào để có thể tín giải được? Phải nhờ vào Phật lực gia trì. Chư Phật Bồ tát đã nói cho chúng ta biết sự việc này, hơn nữa còn nói rất kỹ, chúng ta thật sự hiểu, hiểu rõ ràng, tin tưởng, không nghi hoặc, gọi là khai ngộ, chẳng phải cảnh giới bản thân mình chứng được, chư Phật Bồ tát nói cho chúng ta biết, chúng ta thật sự hiểu được.

Hành nhân, nhược năng ư thử vô thượng thậm thâm vi diệu chi pháp, sảo sanh tín giải, kỳ nhân tất thị thượng căn.

Chúng ta tin pháp này là pháp nhĩ như thị, chẳng phải do ai sáng tạo ra, chẳng phải do ai phát minh ra, nó vốn là như vậy, tự tánh mà, tự tánh có thể, có tướng, có dụng. Đại Phương Quảng trong kinh Hoa Nghiêm nói, Đại là hình dung về thể của nó, Phương là tướng, Quảng là nói về dụng, tự tánh cũng có thể tướng dụng. Thể của thể tướng dụng này rất vi diệu, đúng là chỉ có chứng mới biết được. Tướng của thể tướng dụng, Dụng của thể tướng dụng, chúng ta từ chỗ thân cận Phật Bồ tát, tiếp nhận sự dạy dỗ của chư Phật Bồ tát, chúng ta có chút tín giải, sanh

khởi lên một chút xú tín giải, tín giải chẳng phải là viên mãn. Một chút xú tín giải này, gặp được pháp môn Tịnh độ, có thể thật sự phát tâm vãng sanh Tịnh độ, thân cận Phật A Di Đà, y giáo phụng hành, chấp trì danh hiệu, thì nguyện vọng này nhất định sẽ thành tựu, đó chính là bậc thượng căn. Vì sao vậy? Vì một đời thành Phật. Đó chính là Di Đà nhất thừa nguyện hải. Người có một chút tín giải đều có thể nhập vào Di Đà nhất thừa nguyện hải, điều này có hay không? “Cổ vân chuyên tiếp thượng căn”, thượng căn ở đây được giải thích như vậy. Nhưng mà nếu chúng ta bình tĩnh, khách quan để xem xét việc này, đối với niệm Phật cầu sanh Tịnh độ của Tịnh tông, thật sự không còn một chút hoài nghi nào, hoàn toàn khẳng định tiếp nhận, người y giáo phụng hành không nhiều, thật sự không nhiều. Điều này nói với ai đây? Đối với người học Tịnh tông mà nói. Người học Tịnh độ bình thường, họ có thật tâm không? Họ không thật tâm, họ thật sự hiểu không? Không có. Tín tâm của họ chính là lộ thủy đạo tâm mà người xưa nói, hoặc hữu hoặc vô, có khi có, có khi thì chẳng có. Điều đó nói lên rằng cái tâm này là động, tâm niệm sát na sát na chuyển biến, chuyển biến quá nhanh, tốc độ chuyển biến của nó chúng ta không thể tưởng tượng được. Bồ tát Di Lặc nói cho chúng ta biết, một khảy móng tay có 32 ức bá thiên niệm, chúng ta tính ra là 320 triệu, một khảy móng tay có 320 triệu niệm, bạn xem tốc độ này có nhanh không. Cho nên từ chỗ chấn động này, ngày nay các nhà khoa học cho chúng ta biết, họ nói rất cụ thể, Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, chủng chủng sắc tướng bất tương đồng, nguyên nhân là tần số chấn động không giống nhau. Tần số chấn động chậm, thì biến thành hiện tượng vật chất, trong hiện tượng vật chất, những vật cứng như cát đá, ngày nay chúng ta nói biến thành cố thể. Tần số chấn động nhanh hơn một chút, thì biến thành cây cối hoa cỏ, biến thành động vật, nó cũng là vật chất, nhưng mềm mại hơn một chút. Động tác nhanh hơn một chút nữa, thì biến thành hiện tượng tự nhiên, tần số không giống nhau. Đó là chúng ta lấy ví dụ trước mắt mà nói, nhưng trên thực tế nó bao gồm Thập pháp giới y chánh trang nghiêm. Điều này chúng ta hiểu, rõ ràng minh bạch, có khoa học chứng minh. Cho nên pháp môn này, Di Đà Như Lai chuyên tiếp thượng căn, nhất sanh thành tựu viên mãn.

Đồng thời Như Lai từng chân thật huệ trung, khai diễn thử pháp môn giả. Như Lai chính là Phật A Di Đà, Ngài từ trong trí huệ chân thật, chân thật huệ ở đây, là trí huệ Bát nhã nơi tự tánh vốn sẵn có, không phải có từ bên ngoài. Trí huệ ở đây là trí huệ Bát nhã tự tánh vốn sẵn có, chính là nguồn gốc của hiện tượng tinh thần, nó khởi lên hai tác dụng, thứ nhất là tác dụng về hiện tượng vật chất, thứ hai là tác dụng về hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần là từ trong trí huệ chân thật, từ nguồn gốc này phát sinh ra, hiện tượng vật chất là từ đức tướng mà sanh ra.

Trí huệ, đức tướng đều có sẵn trong tự tánh, cho nên đức tướng trong tự tánh biến thành hiện tượng vật chất, trí huệ trong tự tánh biến thành hiện tượng tinh thần. Trong đạo Phật hiện tượng vật chất gọi là sắc pháp, hiện tượng tinh thần gọi là tâm pháp. Thông thường tâm pháp trong tự tánh là kiến văn giác tri, trong A Lại Da thì gọi là thọ tướng hành thức. Thọ tướng hành thức từ đâu mà có? Từ kiến văn giác tri mà có.

Từ trong chân thật huệ, khai diễn ra pháp môn này, pháp môn Tịnh độ, thế giới vật chất của Tịnh độ, quý vị đều biết, thế giới Tây phương Cực lạc, là thế giới vật chất, nhưng mà vật chất nơi đó, khác với vật chất của chúng ta ở đây, nó thù thắng hơn vật chất của chúng ta. Thù thắng chỗ nào? Trong hiện tượng vật chất của họ, hiện tượng tinh thần đặc biệt minh hiển. Hiện tượng vật chất của thế giới chúng ta đây, trong hiện tượng vật chất có hiện tượng tinh thần, nó đàn độn hơn chứ chẳng phải là không có, có đó. Bạn không dễ dàng phát hiện nó có, nó ở đó khởi tác dụng, nó khởi tác dụng mà bạn không biết. Kỳ thật y chánh trang nghiêm của Thập pháp giới, với thế giới Tây phương Cực lạc, với thế giới Hoa Tạng, không hề sai biệt chút nào, vì sao vậy? Vì cảnh tùy tâm chuyển. Người sống trên địa cầu chúng ta đây ngu si, cho nên hiện tượng vật chất cũng ngu si, con người ngu si nó cũng ngu si. Cư dân ở thế giới Tây phương Cực lạc, họ giác ngộ rồi, cho nên hiện tượng vật chất ở thế giới Tây phương Cực lạc nó cũng giác ngộ, cái lý là như vậy, thật sự cảnh tùy tâm chuyển, không sai chút nào. Bạn xem hiện tượng vật chất ở nơi đó có thể nói pháp, biểu pháp vô cùng rõ ràng, vật chất của thế giới chúng ta đây cũng biểu pháp, chỉ có người nào mới thấy được? Người tâm địa thanh tịnh, người quan sát tinh nhuệ mới thấy được, giống như thế giới Cực lạc không khác. Phàm phu chúng ta phiền não tập khí rất nặng, mê thất tự tánh lâu ngày, không thể thấy được. Những đạo lý này nếu chúng ta nắm vững, thì đối với sự tu học của chúng ta hiện nay có lợi ích lớn, giúp cho bạn khai ngộ, thời thời khắc khắc đều có tiểu ngộ, đều có chỗ ngộ, tích tiểu ngộ thành đại ngộ, tích đại ngộ thành đại triệt đại ngộ. Cho nên con người chẳng thể không để tâm vào đạo, thế nào là đạo? Phật giáo Đại thừa, đạo chính là Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi. Ở trong pháp thế gian thì đạo chính là Hiếu Đễ Trung Tín, Lễ Nghĩa Liêm Sỉ, Nhân Ái Hòa Bình. Chúng ta lấy lời dạy của Cổ thánh tiên hiền ở Trung Quốc, dùng 12 chữ này để thay thế toàn bộ. Chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác cũng không tách rời 12 chữ này, đều có thể tương ứng với 12 chữ này. Như thế thì gọi bạn là hành đạo, bạn hành trong đạo, bạn không ra khỏi quỹ đạo, tương lai

chắc chắn bạn có thể chứng đạo, 12 chữ này là tánh đức, ở trong tự tánh vốn sẵn có.

Chư Phật Bồ tát ứng hóa trong Cửu pháp giới, khai diễn pháp môn này, cho nên câu cuối cùng là niệm Phật, niệm Phật ở đây rất quan trọng. Duy có tín nguyện trì danh, bạn mới có thể quay về tánh đức. Thế giới Cực lạc là do tánh đức thành tựu, thế giới Cực lạc là đại viên mãn của tánh đức, bạn nghĩ xem có quan trọng không. Chúng ta không dùng đạo lý này, mà lại dùng phương pháp khác để chứng đắc, thì rất khó. Vì sao vậy? Vì phải đoạn tập khí phiền não. Pháp môn này cho chúng ta biết, không cần đoạn tập khí phiền não mà có thể thành tựu được, được bốn nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia hộ, bạn có thể sanh về Tịnh độ.

Cho nên, “Di Đà dục huệ chúng sanh chân thật chi lợi”. Dục là nguyện vọng của Ngài, nguyện vọng của Ngài, huệ ở đây là cho, cho chúng sanh lợi ích chân thật. “Cổ thử pháp môn tất phương tiện cứu cánh, phổ bĩ tam căn, phổ linh hiện tại đương lai nhất thiết phàm ngu, trược ác chúng sanh tất chúng bĩ nạn. Cổ thử thậm thâm chi pháp, phục hựu bàng cập trung hạ dã.”

Pháp môn Di Đà này, chắc chắn là phương tiện cứu cánh, phương tiện đến cùng rồi, không có pháp môn nào phương tiện hơn pháp môn này nữa, phổ biến có thể gia bị cho tất cả căn tánh của chúng sanh. Tam căn là thượng trung hạ, tất cả chúng sanh không đồng căn tánh, gặp được pháp môn này đều có thể được lợi ích, hơn nữa đều có thể một đời được thành tựu, bậc hạ hạ căn cũng có thể một đời thành tựu, điều này thật đáng nể! Hạ hạ căn chính là ngũ nghịch thập ác, khi lâm mạng chung thời gặp được bậc thiện tri thức, gặp được bạn tốt khuyên người đó học pháp môn này, nhưng người đó phải tin tưởng, lập tức quay đầu, phát nguyện vãng sanh, nhất niệm thập niệm đều được vãng sanh, sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, Phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm. Chúng ta biết, hạ hạ phẩm cũng là Bồ tát A Duy Việt Trí, thật sự không thể nghĩ bàn, quả thật là hạ hạ phẩm. Nhưng mà ở thế giới Tây phương Cực lạc, người này biểu hiện thần thông đạo lực, giống như Bồ tát A Duy Việt Trí không khác, điều này không phải người đó tu được, mà là sự gia trì của Phật A Di Đà. Cho nên vị này có năng lực giống như các vị Bồ tát khác vậy, ứng hóa trong Thập pháp giới giáo hóa chúng sanh, người đó có năng lực này. Nếu không phải là pháp môn Tịnh độ, thì người này đến khi nào mới có thể, quay về lục đạo trong Thập pháp giới để giúp cho mọi người đây? Người này nhất định phải buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, cũng có nghĩa là phải chứng được địa vị Sơ trụ của Viên Giác mới được. Nếu như chúng ta miễn cưỡng hạ thấp tiêu chuẩn này xuống, hạ đến thấp nhất thì cũng chứng được quả A La Hán,

đoạn hết kiến tư phiền não, siêu việt lục đạo luân hồi, quay trở lại lục đạo, có thể giúp cho lục đạo chúng sanh, người này không còn mê hoặc nữa, ba loại bất thoái, người này chúng được Vị Bất Thoái. Chư Phật Bồ tát lấy oai thần gia hộ cho người này, giúp cho người này đạt được Hành Bất Thoái, Niệm Bất Thoái vẫn chưa được, người này chưa đạt được. Đây là người có tâm từ bi rất lớn, bản thân chưa được thành tựu lớn, có chút thành tựu nhỏ này, bèn mong chóng đi giúp cho người khác, hạ người này. Cho nên nếu chúng ta hiểu rõ được chân tướng sự thật, bạn mới thật sự biết được điều không thể nghĩ bàn của pháp môn Tịnh độ, quá thù thắng!

Chúng ta học Tịnh độ, học Tịnh độ chính là học Phật A Di Đà, học Phật A Di Đà bắt buộc phải có hoằng nguyện của Phật A Di Đà. Lấy tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, nguyện tất cả chúng sanh đều đồng đẳng bỉ ngạn. Bỉ ngạn ở đây là Đại Bất Niết Bàn, nghĩa là cứu cánh thành Phật. Bốn nguyện của Di Đà, nếu như chúng ta không có bốn nguyện này, thì không thể tương ứng với Phật A Di Đà. Cho nên Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay, Ngài nói: Có thể được vãng sanh hay không, quyết định ở chỗ có tín nguyện hay không. Nếu tâm lượng của bạn rất nhỏ, chỉ lo cho mình không nghĩ tới người khác, thì điều này không tương ứng với nguyện của Phật A Di Đà. Bạn phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, vãng sanh được không? Không thể được. Nguyên nhân vì đâu vậy? Vì bạn và nguyện của Phật A Di Đà tánh chất không giống nhau. Phật A Di Đà là vì phổ độ chúng sanh, biến pháp giới hư không giới, không bỏ một chúng sanh nào, còn bạn là vì bản thân, không hề nghĩ đến người khác, bạn cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, tánh chất của nguyện không giống nhau, nên không thể đi được, đạo lý này chẳng thể không biết.

Cho nên Cổ thánh tiên hiền, coi bộ kinh này và kinh Hoa Nghiêm là ngang nhau, nói kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, chính là đại bản kinh Vô Lượng Thọ, chẳng phải là ý này sao? Cho nên tâm lượng không lớn thì làm sao được. Ở bản kinh này, bạn xem 48 chương của Hạ Liên Công phân ra, cũng gọi là 48 phẩm, phẩm Đức Tôn Phổ Hiền thứ hai, quá rõ ràng. Trong kinh vẫn nói : “Hàm cộng tôn tu Phổ Hiền Đại sỹ chi đức”, Phổ Hiền chi đức chính là Thập đại nguyện vương, cảnh giới của mỗi nguyện, đều là biến pháp giới hư không giới, cho nên gọi là đại nguyện, chẳng phải đối với người nào, hay đối với địa phương nào, không phải như vậy, đối tượng của Ngài là biến pháp giới hư không giới. Chúng ta không có nguyện lớn như vậy, nên không thể tương ứng với Phật A Di Đà, cho nên Đại sư Ngẫu Ích nói cho chúng ta biết điều kiện vãng sanh, được vãng sanh hay không là ở chỗ có tín nguyện hay

không. Phẩm vị cao thấp là ở chỗ công phu niệm Phật sâu hay cạn. Bây giờ chúng ta biết được, vãng sanh là chuyện đại sự, phẩm vị cao thấp không quan trọng, đến nơi đó thân cận Phật A Di Đà, tâm hướng thượng tốc độ rất nhanh. Nếu như bản thân có thể đồng mãnh tinh tấn, thì tốc độ rất nhanh. Cho nên Bồ tát mười phương, chẳng có vị nào không hướng về thế giới Cực lạc, nguyên nhân gì vậy? Chính là tốc độ nâng cao cảnh giới tu tập rất nhanh.

Bậc thượng căn chúng ta không hoài nghi, còn bậc hạ căn, hạ hạ căn, người rất ngu si cũng không thể xem thường. Vì sao vậy? Vì họ có duyên nghe được pháp môn này, thấy được kinh điển của Tịnh tông, thấy được hình tượng chư Phật Bồ tát, chắc chắn là người nhiều đời nhiều kiếp học Phật. Vì sao đời này lại như vậy? Vì tình chấp, phiền não quá nặng, mê mất rồi, mê quá sâu dày. Tình chấp quá nặng, cho nên suốt cuộc đời không gặp được Phật duyên, lâm mạng chung thời mới gặp được. Tuy lâm mạng chung thời mới gặp được, không muộn, đưa hết chúng tử về quá khứ trong A Lại Da thức ra, tốc độ này quá nhanh, trong khoảng sát na chúng tử trong A Lại Da thức đã ra rồi, cuối cùng thời gian rất ngắn, người này tiếp nhận, tin tưởng và phát nguyện, người này thật sự được Phật đến tiếp dẫn để vãng sanh. Ở đây nói về thiện căn đời trước, phước đức nhân duyên không thể nghĩ bàn, điều này phàm phu chúng ta không biết được.

Chúng ta coi tiếp đoạn dưới: “Chỉ ư vị thử vi chuyên tiếp phàm phu giả, cái hiền Như Lai chi đại từ đại bi, Thế Tôn mãn niệm mật thế phàm ngu, chướng thâm khổ trọng, nãi phát vô thượng hoàng thâm đại nguyện, cố hiệu nguyện vương”.

Ở đây vì chúng ta mà nói lên việc chuyên tiếp phàm phu, mục đích là khiến cho những phàm phu ngu si chúng ta đây, có thể thật sự sanh khởi tín tâm, không còn cảm giác tự ti, không còn cảm giác tội ác. Cảm giác tự ti và cảm giác tội ác đều làm chướng ngại cho việc niệm Phật vãng sanh của chúng ta, chướng ngại này bắt buộc phải hóa giải nó, thì trong việc tu học đời này của chúng ta mới thuận lợi thông qua, quyết định vãng sanh, điều này rất quan trọng.

Đoạn này hiển thị tâm đại từ đại bi của Như Lai, Như Lai ở đây là Phật A Di Đà, Thế Tôn ở đoạn sau này là chỉ cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Di Đà từ bi, vô duyên đại từ, không có điều kiện, đồng thể đại bi. Thật sự chư Phật Như Lai, và tất cả chúng sanh trong biên pháp giới hư không giới, ý nghĩa của từ chúng sanh ở đây phải biết, hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, gọi là chúng sanh. Cho nên phạm vi của chúng sanh rất lớn, bao gồm những thứ mà ngày nay chúng ta nói như, động vật, thực vật, khoáng vật và hiện tượng tự nhiên. Ban đêm chúng ta nhìn

lên trên bầu trời, vô lượng vô biên những thế giới này, thế giới tinh cầu, đều là do chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, tất cả đều là chúng sanh.

Chư Phật Như Lai các Ngài đã minh tâm kiến tánh, biết được tất cả chúng sanh, đều do tự tánh biến hiện mà có. Tự tánh năng sanh năng hiện, tất cả chúng sanh đều là sở sanh sở hiện, cho nên chúng sanh và Phật là một thể. Chúng sanh mê thất không thừa nhận tự tánh, chư Phật giác ngộ tâm tánh rồi nên biết được, Ngài khẳng định tất cả chúng sanh là chính mình, cho nên gọi là pháp thân. Pháp là gì? Pháp là vạn pháp, vạn pháp chính là thân ta, thân ta chính là vạn pháp, gọi là pháp thân, pháp thân bất diệt, thân này của tôi có sanh diệt, pháp thân bất diệt, bất sanh bất diệt. Pháp thân mới là chân thân của chính mình, thân này của tôi là một tế bào nhỏ trong pháp thân. Kỳ thật tế bào này cũng là bất diệt, các nhà khoa học đã chứng minh từ lâu rằng, tinh thần bất diệt, vật chất bất diệt. Trong Hoàn Nguyên Quán đưa ra một ví dụ rất hay, đưa ra một vi trần, một vi trần trong y báo, một vi trần châu biến pháp giới, mỗi vi trần châu biến pháp giới, một vi trần xuất sanh vô tận, mỗi vi trần xuất sanh vô tận, một vi trần hàm dung không hữu, mỗi vi trần hàm dung không hữu. Bạn nghĩ xem đó là cảnh giới gì? Những lời dạy ở trong cái bộ kinh lớn đó, trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, thường mang ra tác như thị quán, trở thành quán tưởng của chúng ta, trở thành quan niệm của chúng ta, vô tình chúng ta đã thâm nhập vào đó. Cho nên người biết tu tập, người biết thì quan niệm của họ, hoàn toàn đều là quan niệm mà trong kinh nói. Kinh điển là Phật tri Phật kiến, cái gọi là Phật tri Phật kiến, chính là trí huệ kiến giải mà tự tánh sẵn có, là tự tánh. Chúng ta trở về tự tánh, những phàm phu phiền não tập khí sâu dày này, không có năng lực đại triệt đại ngộ, dùng phương pháp này rất là vi diệu, hiển thị tâm từ bi vô tận của Như Lai tiếp dẫn chúng sanh, vô lượng vô biên thiện xảo phương tiện, giúp chúng ta những người chướng sâu khổ nặng.

Mạt thế nghĩa là thời kỳ mạt pháp, đến đây giúp chúng ta, Ngài phát đại nguyện vô thượng hoằng thâm, đại nguyện ở đây chính là 48 nguyện, gọi là nguyện vương, vua trong các nguyện. Quá khứ, hiện tại, vị lai, chư Phật Bồ tát trong biến pháp giới hư không giới, vì chúng sanh mà phát vô tận đại nguyện, quy nạp lại cũng không ngoài 48 nguyện, 48 nguyện quy nạp lại nữa thành tứ hoằng thệ nguyện, tứ hoằng thệ nguyện nói rộng ra chính là 48 nguyện. Tứ hoằng thệ nguyện quý vị đều biết, thứ nhất là chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, thứ hai, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, thứ ba, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, câu cuối cùng, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Phật Di Đà và Phật Thích Ca giúp cho tất cả chúng sanh, trong một đời có thể đầy đủ 4 đại nguyện này. Các Ngài đã làm rồi, vấn đề ở chỗ chúng ta có thể hành hay không? Có tin tưởng không? Chỉ cần có một chút xíu hoài nghi bèn biến thành chướng ngại, cho nên đức Phật đã đặt nghi ở trong căn bản phiền não, căn bản phiền não có 6 cái, tham sân si mạn nghi, cái cuối cùng là ác kiến. Ác kiến là gì? Ác kiến là 5 loại kiến hoặc, trong ác kiến có 5 loại, hợp lại thì gọi là kiến tư phiền não, kiến ở đây chính là ác kiến. Nghi ở đây không phải là nghi hoặc bình thường, mà là sự hoài nghi đối với lời dạy của chư Phật Bồ tát, bạn nghi ngờ thì không có tin tưởng, bạn không có tín thì làm gì có nguyện, uổng một đời này rồi! Cho nên sự nghi ngờ này, bạn đã biết được sự tác hại của nó như thế nào rồi, nhất định không được nghi ngờ, phải hoàn toàn khẳng định, phải tin tưởng “chân ngữ” trong ngũ ngữ của Như Lai mà kinh Kim Cang đã nói. Lời nói của Đức Phật là lời chân thật, rất chân thật, không hề lường gạt người. “Như ngữ”, hai chữ chân ngữ này nói rất hay, hoàn toàn giống như chân tướng sự thật vậy, không thêm chút nào, cũng không bớt chút nào, gọi là như ngữ, những lời nói ra đều là chân tướng sự thật, thật tướng của các pháp. Chư Phật Bồ tát lường gạt chúng ta, dựa vào đâu? Chư Phật Bồ tát chẳng những phá tứ tướng, mà tứ kiến cũng phá luôn, vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến. Vì sao Ngài phải vọng ngữ? Ngài không cầu điều gì ở chúng ta, vì sao phải gạt chúng ta? Không cầu điều gì mà gạt người, chắc chỉ có người mắc bệnh thần kinh thôi. Bạn xem chư Phật Bồ tát có giống người bị bệnh thần kinh không? Không giống mà. Chúng ta có thể không tin tưởng Ngài được sao? Không tin tưởng Ngài, Ngài chẳng mất gì, mà chính bản thân chúng ta chịu thiệt. Một người có tâm lòng tốt như thế đến đối xử với chúng ta, chúng ta còn trách Ngài, còn hiểu lầm Ngài, còn hiểu sai Ngài. Bạn nghĩ xem tội nghiệp này có sâu nặng hay không? Cho nên đức Phật đặt chữ này ở sau chữ tham sân si mạn nghi.

Đạo Phật nói tam độc tham sân si, tôi thường nói ngũ độc, vậy hai cái độc kia là gì? Mạn là độc, ngạo mạn, nghi là độc, ngũ độc. Bên trong có 5 độc, bên ngoài có ngũ dục thất tình, bạn có thể không bị bệnh chướng? Bạn có thể không tạo nghiệp chướng? Bị bệnh thì khổ cho tâm thân của bạn, tạo nghiệp thì làm khổ pháp thân huệ mạng của bạn. Chẳng thể không nhận biết rõ ràng! Thành tựu thế pháp và Phật pháp, sự dạy dỗ của Cổ thánh tiên hiền, ở Trung Quốc đã thực nghiệm 5000 năm, thông qua kiểm nghiệm, nói lên đó là thật, chẳng phải là giả. Nguyên lý nguyên tắc dạy học này là gì? Chính là Hiếu đạo và Sư đạo mà bậc cổ nhân của Trung Quốc nói. Hiếu đạo biểu hiện trong việc kính tổ tông, Sư đạo biểu hiện trong việc tôn sư trọng đạo. Vì sao phải tôn sư? Mục đích của tôn sư là trọng đạo, Sư là thay cho

đạo. Một con người có thể thành thánh thành hiền, họ nhờ vào đâu? Chính là nhờ vào hai người, cha mẹ dạy con cái, nòng cốt dạy con cái của họ là gì? Quan trọng nhất là gì? Tôn trọng thầy giáo, chính là tôn sư trọng đạo. Thầy giáo dạy học trò lý niệm trọng tâm nhất là gì? Là hiếu thảo phụ mẫu. Hiếu thảo phụ mẫu, phụ mẫu không dễ nói, tôi là cha mẹ anh, anh phải nên hiếu thảo tôi, người con nói, vì sao tôi phải hiếu thảo với ông chứ, không dễ nói đâu, để cho người ngoài nói, như thế mà dạy thành công. Thầy giáo cũng không tiện nói rằng, tôi là thầy giáo, anh là học trò, anh phải nên tôn trọng tôn, điều này thật khó nói, câu này phải để cho cha mẹ nói. Cho nên hai người này dạy học trò tốt, dạy người tốt, nhất định phải hiểu rõ lý này, họ biểu diễn, biểu diễn là vì bọn trẻ.

Ấn tượng của tôi rất sâu sắc, hình như năm 6 tuổi là đi học, trường học tu thực, tôi ở nhà người thân, ở từ đường của một người cô, từ đường đó bây giờ không còn nữa, khi tôi trở về thăm thì không còn nữa, chỉ là khoảng đất trống. Ngày đầu tiên vào lớp học, phụ thân dẫn tôi đi, có mang theo một chút lễ vật tặng cho thầy giáo. Trong lớp học có hơn 30 người, học sinh không nhiều, có hơn 30 người, đã đứng hết trong lễ đường, lễ đường là đại điện tế tổ tiên, trong đó có cúng một bài vị, Đại Thành Chí Thánh Tiên Sư Khổng Phu Tử Thần Vị, các bạn học đứng hai bên, thầy giáo đứng ở phía trên, học sinh mới đến, trước tiên lạy thần vị của Khổng Tử, không có tượng Khổng Tử, lễ thần vị của Khổng Tử tam quỳ chín khấu đầu, đại lễ của thời nhà Thanh. Sau khi lạy Khổng Tử xong, cha tôi mời thầy giáo ngồi lên ghế, ngồi ở trước bài vị của Khổng Tử, cha tôi dẫn tôi, lễ thầy giáo tam quỳ chín khấu đầu, và dâng lên lễ vật. Biểu diễn như vậy đó, suốt cuộc đời này chúng tôi không thể quên được, suốt đời đối với người làm công tác giáo dục, tâm tôn trọng đó tự nhiên sanh khởi. Cho nên một tiết học, sự giáo dục này có quan trọng không, mỗi học trò vào lớp. Sau này mỗi khi có học sinh mới đến, chúng tôi được coi như học sinh cũ đứng qua một bên nhìn, mỗi lần học sinh mới đến, lễ tiết này chúng tôi lại được coi một lần, cho nên rất quen thuộc. Suốt cuộc đời từ trong nội tâm tôn kính thầy giáo, đối với đạo học quan trọng hơn bất kỳ điều gì khác.

Sau này tôi đến Đài Loan, bạn thấy tôi thân cận với Thầy Phương, thân cận Chương Gia đại sư, thân cận thầy Lý, hình như rất là hợp ý, nhưng kỳ thật thì sao? Kỳ thật là tôn sư. Trong lòng tôi rất rõ, sự rõ ràng này không phải khi đó, mà cách mười mấy hai chục năm sau tôi mới hiểu, thầy giáo vốn không quen biết, nhưng khi vừa gặp lại có ấn tượng tốt như vậy, đối xử với tôi tốt như vậy, đặc biệt là thầy Phương và Chương Gia đại sư, kêu tôi mỗi chủ nhật đến nhà thầy, đơn độc dạy tôi

2 giờ đồng hồ, chúng tôi nằm mơ cũng không dám nghĩ tới. Nguyên nhân gì vậy? Tôn sư trọng đạo. Đại khái học sinh ở trường ngày nay, đối với thầy giáo không có tâm cung kính giống như chúng tôi ngày xưa. Ân Quang đại sư nói, một phần cung kính được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích. Nói lên điều gì? Thầy giáo rất muốn dạy bạn, bạn có thể tiếp thu được hay không? Từ chỗ nào mà thầy giáo nhìn thấy bạn có thể tiếp thu? Coi sự thành kính của bạn. Thật sự một phần thành kính thì bạn được một phần, mười phần thành kính thì bạn được mười phần, chúng ta đối với thầy giáo không được 10 phần thì cũng được 8,9 phần, cho nên thầy giáo rất vừa ý. Cuộc đời của thầy giáo chỉ có một mục đích duy nhất là muốn truyền đạo, có người truyền bá kiến thức của thầy, có người kế nghiệp. Bậc cổ nhân ở Trung Quốc nói: “Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại”, kiến thức của thầy không có người truyền bá, thì thầy cảm thấy nuôi tiếc. Khi thật sự không tìm được người nối nghiệp, thì chỉ viết sách, trước tác. Sau khi trước tác được lưu truyền đi, xem người đời sau, người có duyên, đọc được sách của họ, coi thật sự hiểu, giúp người này thành tựu. Cho nên gặp được người có nhân duyên này thì thầy sẽ không buông bỏ đâu, chắc chắn thầy giáo sẽ giữ lại. Chúng tôi ở trong môi trường như vậy, không quen biết thầy giáo, không nộp học phí lấy một đồng, đặc biệt mở tiết học dạy cho tôi, không để chúng tôi đến trường học dự thính. Cho nên cuộc đời tôi có được một chút thành tựu nho nhỏ này, chẳng thể không biết ơn thầy giáo, niệm niệm không quên thầy. Tôi học, khi lên lớp chia sẻ cùng các bạn học, cảm tưởng học tập của mình, tâm đắc học tập của mình, báo cáo với quý vị. Tôi luôn luôn để hình ảnh của thầy giáo ở trước mặt mình, tôi phải trình thưa với thầy, không một ngày nào tôi rời xa thầy. Lời dạy của thầy giáo, tôi nhất định tận tâm tận lực nỗ lực thực hiện, thực hiện ngay trong cuộc sống, thực hiện trong việc đối nhân xử thế tiếp vật.

Con người một đời được thành tựu, phải nhờ vào cha mẹ, nhờ vào thầy giáo. Cho nên người bất hiếu với cha mẹ, ở thế gian này chắc chắn không thể thành tựu được điều gì. Không hiểu được lẽ tôn sư trọng đạo, thì nhất định không học được điều gì, bất luận là thế pháp hay Phật pháp cũng không ngoại lệ. Người đời nay khinh mạn thầy giáo, cho nên học thuật của thế và xuất thế gian đều đoạn hết. Nếu như thánh học bị đoạn mất, thì xã hội này sẽ biến thành một màn đen tối, đó chính là triệu chứng của ngày tận thế. Hiện tượng của ngày tận thế, bạn nghĩ xem có đáng sợ không. Làm thế nào để cứu nguy cơ này? Không gì khác ngoài việc, hiếu thảo cha mẹ, tôn kính sư trưởng, nghiêm chỉnh nỗ lực học tập Cổ thánh tiên hiền, cứu bản thân mình, cuộc đời mình dù không cầu sanh Tây phương Tịnh độ, thì đời sau cũng ở cõi trời chứ không ở cõi người, cõi người không có phúc báo lớn như vậy.

Phước báo của bạn, dục vọng chưa đoạn nên bạn ở cõi trời dục giới. Nếu như ngũ dục ít, thì bạn sanh về cõi trời sắc giới. Nếu như là niệm Phật gặp được pháp môn Tịnh độ, chắc chắn bạn sanh về thế giới Cực lạc, một đời làm Phật, đây là cứu cánh viên mãn.

Chúng ta coi đoạn dưới đây: “Đại nguyện chi khắc tâm nãi đệ thập bát nguyện”, nguyện văn của tâm nguyện này toàn bộ được ghi chép. “Văn viết, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, chí tâm tín lạc, sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ chánh giác, duy trừ ngũ nghịch, phi báng chánh pháp.”

Đây là nguyện văn của nguyện thứ 18. Nguyện này vào đời Tùy Đường đặc biệt được chư vị Tổ sư in ra, đây là nguyện quan trọng nhất trong 48 nguyện. Tất cả chúng sanh, đảm bảo tất cả chúng sanh một đời thành Phật, điều này thật đáng nể! Thập phương chúng sanh, chúng ta có trong đó, chúng ta cũng không ngoại lệ. Thập phương chúng sanh nghe danh hiệu ta, ngày nay chúng ta được danh hiệu Phật A Di Đà, nghe được danh hiệu này, dưới đây có một điều kiện, là chúng ta có chí tâm tín lạc hay không.

Chí tâm là chân tâm, tâm cực kỳ chân thành, chúng ta có niềm tin như vậy hay không? Lạc là yêu chuộng ưa thích. Đối với pháp môn Tịnh độ, đối với Phật A Di Đà, thật sự tin tưởng, thật sự ưa thích.

Sở hữu thiện căn, một đời tu tập, đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, đều hồi hướng về thế giới Tây phương Cực lạc, làm tư lương cho việc vãng sanh thế giới Tây phương Cực lạc của chúng ta.

Nguyện sanh ngã quốc, ngã quốc ở đây là do chính đức Phật A Di Đà nói ra, là thế giới Tây phương Cực lạc, điều này chúng ta cần nên làm. Dưới đây nói nãi chí thập niệm, một đời không tín ngưỡng tôn giáo, một đời không gặp được Phật pháp, lâm mạng chung trước 1,2 ngày, bạn gặp được bạn tốt, giới thiệu pháp môn này cho bạn, bạn vừa nghe là tiếp nhận, thật sự có thể làm được đến chỗ chí tâm tín lạc.

Cuộc đời tôi có gặp được một người như vậy, lúc trước ở Mỹ, Châu Quảng Đại tiên sinh sống ở Hoa phủ, một đời không tin tôn giáo, bị ung thư. Ung thư giai đoạn cuối, bác sỹ chạy rồi, người trong nhà lo lắng, khắp nơi đi cầu thần lạy Phật, cũng may chúng tôi ở bên đó có hội Phật giáo, hội Phật giáo ở Hoa phủ, đến tìm

chúng tôi. Chúng tôi đi với mấy người học trò, thấy ông ấy như vậy thật sự là không được rồi, bèn khuyên ông ấy cầu sanh Tây phương Tịnh độ, giới thiệu sơ qua về Phật A Di Đà và thế giới Cực lạc cho ông ấy. Người này có thiện căn, vừa nghe là tin nhận liền, nói với mọi người trong nhà, không cần đi kiếm bác sỹ, không cần đi tìm thuốc gì nữa, tất cả mọi người hãy niệm Phật giúp cho ông ta cầu sanh Tịnh độ. Được ba ngày thì ông ấy vãng sanh, thoạt tướng vãng sanh rất tốt, cả nhà đều tin tưởng, đúng là có sự cảm ứng không thể nghĩ bàn.

Đức Phật phát lời nguyện này, nhất niệm thập niệm quyết được vãng sanh, nếu không được vãng sanh thì không thủ chánh giác, Ngài sẽ không thành Phật.

Ngày nay Pháp Tạng tỳ kheo đã thành Phật rồi, 48 nguyện của Ngài nguyện nào cũng thực hành đầy đủ. Người không thể được vãng sanh, thì dưới đây có một câu: “Duy trừ ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp”. Đoạn trước chúng ta có đọc qua, trong Quán Kinh ngũ nghịch thập ác, chỉ cần trước khi lâm chung, nghe được pháp môn này, chí tâm tín lạc nguyện sanh ngã quốc, nãi chí nhất niệm thập niệm, đều được vãng sanh, đây nói về ngũ nghịch. Cho nên trong câu này, quan trọng nhất là câu cuối cùng, nghĩa là hủy báng chánh pháp thì không có cách nào, họ không tin mà, họ không tiếp nhận thì chẳng có cách nào. Giả như không hủy báng, thật sự sanh khởi tín tâm, nguyện tâm, thì ngũ nghịch thập ác đều được vãng sanh, đây là chỗ thù thắng không gì sánh bằng của pháp môn Tịnh độ.

Dưới đây Niệm công nói: “Cái dĩ sanh tử phàm phu, mê tâm trực cảnh, trầm luân khổ hải, đầu xuất đầu một, nhược vô thử thập niệm tất sanh chi đại nguyện, chúng sanh hà do đắc xuất luân hồi”. Câu này nói rất đúng, nếu như không có đại nguyện này của Di Đà, thì sanh tử phàm phu trong lục đạo, thật quá đáng thương! Mê tâm trực cảnh. Hiện tượng xã hội ngày nay đã đạt đến chỗ cuối cùng, mê thất mất chân tâm. Thế nào là chân tâm? Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng toàn bộ mê rồi. Mê thất mất chân thành, thì là hư ngụy, hư tình giả ý, mê thất mất thanh tịnh thì bạn bị nhiễm ô.

Ngày nay quý vị đều biết quả địa cầu bị nhiễm ô, quả địa cầu bị nhiễm ô rất nghiêm trọng. Vì sao quả địa cầu bị nhiễm ô? Vì tâm con người nhiễm ô trước, sau đó quả địa cầu bị nhiễm ô. Phật pháp nói rất hay: “Tâm tịnh tắc Phật độ tịnh”. Cho nên ngày nay nói về bảo vệ môi trường, khi chúng tôi giảng kinh đã đề cập đến rất nhiều lần, có thể làm tốt việc bảo vệ môi trường không? Không thể! Vì sao vậy? Vì tâm không thanh tịnh, bạn làm được việc bảo vệ môi trường thành công, đó là điều không thể có được. Cho nên thật sự hiểu được việc bảo vệ môi trường, thì đầu tiên

phải bảo hộ tâm thanh tịnh của chính mình. Bảo hộ tâm chân thành của chính mình, nhất định phải đề xướng hiếu đạo, phải đề xướng sư đạo, mới có thể cứu được bản thân, mới có thể cứu được chúng sanh. Hai đạo này không thể thiếu được, một bên không có thì bên kia cũng không thể thành tựu, thật sự giống như đôi cánh của con chim vậy. Ở Trung Quốc 5000 năm rồi, xã hội đó có thể bình an là nhờ vào đâu? Là nhờ vào hiếu đạo và sư đạo, cho nên người Trung Quốc rất coi trọng sư đạo, thân thế địa vị của thầy giáo hoàn toàn giống như cha mẹ vậy. Cha mẹ qua đời con cái để tang 3 năm, tận hiếu, báo đáp công ơn cha mẹ. Sau khi thầy giáo qua đời, học sinh đối với thầy giáo để tang trong tâm 3 năm, nghĩa là không mặc đồ tang, sự khác biệt ở chỗ này, ngoài điều này ra thì không có gì khác biệt cả, nhớ ân thầy giáo. Khi cha mẹ, thầy giáo còn tại thế, từ cách xưng hô của người Trung Quốc là bạn có thể biết được, người Trung Quốc có danh có tự, tên là cha mẹ đặt cho, khi bạn chưa thành niên thì mọi người gọi tên bạn, sau khi thành niên thì không được gọi tên nữa. Trung Quốc cổ đại, người nam 20 tuổi thì thành niên, người nữ 16 tuổi thì thành niên. Thành niên thì đội mũ, làm Lễ đội mũ, biểu thị bạn là người lớn, không còn là đứa trẻ nữa. Bắt đầu từ ngày hành Lễ đội mũ, thì người ta không còn gọi tên bạn nữa, khi hành Lễ đội mũ tặng cho bạn một chữ, chữ này do ai tặng? Đại khái là anh em, các bạn, những người ngang hàng tặng cho bạn chữ này, sau này chỉ có cha mẹ bạn gọi tên, còn ông bà nội, chú bác người thân của bạn đều gọi chữ, biểu thị tôn trọng bạn. Tương lai bạn làm quan trong triều đình, Hoàng thượng gọi bạn bằng chữ chứ không gọi bằng tên, tôn trọng bạn mà. Bạn biết được gọi bạn bằng tên chỉ có cha mẹ, ngoài ra còn có một người suốt đời gọi bạn bằng tên, đó là thầy giáo, thầy giáo giống như cha mẹ vậy, không gọi bạn bằng chữ mà gọi bằng tên. Cho nên người xuất gia có danh có tự, khi bạn thọ giới bạn có tự hiệu. Ai là người suốt đời gọi bạn bằng tên? Thầy thế độ cho bạn gọi bạn bằng tên. Còn một người nữa đó là thầy truyền pháp, trong đạo Phật gọi là Hòa thượng. Hòa thượng là thân giáo sư, pháp của bạn do vị này truyền cho, cho nên suốt đời vị này gọi bạn bằng tên. Từ đó bạn biết được, đời người có hai ân đức lớn nhất đó là cha mẹ và thầy giáo, suốt đời không được quên. Thường nghĩ đến cha mẹ và thầy giáo, thì bạn sẽ không có tà niệm. Trong lòng có tà tư, lập tức bạn nhớ đến, có lỗi với cha mẹ, có lỗi với thầy giáo. Tà tư tà niệm đều không có, thì làm sao bạn làm việc xấu được! Làm gì có lý đó? Sự dạy dỗ của Thánh nhân đối với con người có ảnh hưởng đến mức nào, sự chăm sóc của thầy giáo đối với học sinh không khác gì cha mẹ, đôi khi còn hơn cả cha mẹ. Cho nên bắt hiếu với phụ mẫu, quý vị đều biết

đó là đại nghịch, bất kính thầy giáo và bất hiếu với cha mẹ tội như nhau, điều này chúng ta chẳng thể không biết.

Thầy của chúng ta ngày nay là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Đức Phật A Di Đà. Đức Thích Ca và Đức Di Đà ở đâu? Ở trong bộ kinh này. Bộ kinh này nếu chúng ta không học kỹ, chính là không kính thầy giáo. Sự giáo huấn trong bộ kinh này, nếu chúng ta không đem áp dụng trong cuộc sống hàng ngày, thì làm sao chúng ta xứng đáng với đức Phật Thích Ca Mâu Ni đây? Đời này chúng ta không thể vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, thì chúng ta có lỗi với Phật A Di Đà, Phật A Di Đà hy vọng chúng ta đến thế giới Cực lạc, đó là môi trường tu học rất tốt, trong pháp giới hư không giới, không có một chỗ nào có thể đem so sánh với nơi này được. Người đến được đó để tu tập, thì chẳng ai không thành Phật cả, bảo đảm bạn sẽ thành tựu.

Nếu như chúng ta còn lưu luyến lục đạo, sai rồi! Cha mẹ không học Phật, không biết được sự thù thắng của Phật pháp, những hy vọng đối với chúng ta, đều là danh văn lợi dưỡng của thế gian. Sau khi chúng ta học Phật rồi, cha mẹ cũng hiểu, cha mẹ thấy rồi cũng hiểu ra, chúng ta được thành tựu trong Phật pháp, thì cha mẹ cũng được lợi ích. Trong ngàn ngữ nói : “Nhất tử thành Phật, cửu tử sanh thiên”. Bạn xem nếu tâm bạn hướng thượng, thì chín đời tổ tiên đều được sanh thiên. Hiếu cảm thiên địa, chúng ta muốn báo ơn cha mẹ, thật sự vãng sanh về thế giới Tây phương Cực lạc là chân báo ơn, trong Phật pháp không thể thành tựu, thì lấy gì để báo ơn đây? Bốn chữ này đặc biệt nhắc nhở, chúng ta không được mê làm nữa. Thật sự không mê thì bạn sẽ không trực cảnh, trực cảnh nghĩa là bạn không bị cảnh giới bên ngoài làm lay chuyển, bạn còn bị cảnh giới bên ngoài lay chuyển, là bạn mê mà không giác. Nói cách khác, hiện tượng mê tâm là gì? Là tự tư tự lợi, là làm việc danh văn lợi dưỡng, là tham ái ngũ dục lục trần, trong tâm vẫn còn tham sân si mạn, đó là mê. Mê tâm học Phật, mê tâm chính là tâm luân hồi, học Phật không ra khỏi lục đạo luân hồi, tu giới đi nữa thì quả báo cũng ở cõi nhân thiên, phước báo của nhân thiên không ra khỏi lục đạo luân hồi, điều này chẳng thể không biết. Không ra khỏi lục đạo, ở trong lục đạo, chắc chắn thời gian ở tam ác đạo dài, thời gian ở tam thiện đạo ngắn, gọi là trầm luân khổ hải, đầu xuất đầu một. Ở trong lục đạo, bạn sanh về tam thiện đạo, giống như là đầu xuất, thời gian rất ngắn, trầm luân đến tam ác đạo thời gian rất dài, cho nên ở trong lục đạo, tam ác đạo là quê hương, tam thiện đạo là nơi đến du lịch vãng cảnh, thời gian rất ngắn ngủi, bạn nghĩ xem có khổ không.

Đức Phật muốn cứu độ những chúng sanh khổ nạn này, nhược vô thử thập niệm tất sanh chi đại nguyện, đây chính là pháp môn phương tiện cứu cánh, phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, đoạn sau sẽ giảng giải cho bạn rõ ràng. Chúng sanh thật sự vì pháp môn này, mà siêu việt luân hồi, siêu việt Thập pháp giới.

Cổ vi đa chương chúng sanh, đặc thù phương tiện, khai thử dị hành chi pháp, thậm chí u kinh diệt thời độc lưu thử kinh, dĩ tác chu hàng, cố vân chuyên vi phàm phu dã.

Đây là lời nói chân thật, không giả chút nào. Pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt tận, pháp vận của Đức Phật 1 vạn 2 ngàn năm, hiện tại đã trải qua hơn 3000 năm rồi, đại khái vẫn còn hơn 8 ngàn 9 trăm năm nữa, pháp vận của Đức Thế Tôn. Khi đó kinh điển của đạo Phật biến mất trên thế gian này, nhưng bộ kinh này vẫn còn, bộ kinh này diệt sau cùng, kinh Vô Lượng Thọ vẫn còn, bản nào của kinh Vô Lượng Thọ? Chắc chắn là Hội tập bản này, chắc chắn là chú giải của Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, cuốn sách này diệt sau cùng. Sau khi cuốn sách này diệt rồi, sau khi thêm 100 năm nữa thì diệt, chỉ còn lại Nam Mô A Di Đà Phật, chỉ còn lại sáu chữ này, còn phải lưu truyền một thời gian nữa, khi đó có người nghe được lục tự danh hiệu này, mà phát nguyện chấp trì được, thì cũng được vãng sanh, thật sự không thể nghĩ bàn.

Chúng ta sống trong thời đại này, muốn bản thân mình không bị hoạn nạn, muốn gia đình mình hạnh phúc, muốn xã hội an định, thế giới hòa bình, ngoài phương pháp này ra, thì không có phương pháp nào khác. Làm thế nào để hóa giải tai nạn? Ở trong Phật pháp là giảng kinh dạy học. Vì sao vậy? Vì con người giác ngộ, thì tai nạn sẽ không còn, con người mê hoặc thì tai nạn sẽ hiện tiền, cho nên cảnh tùy tâm chuyển, tướng do tâm sanh là nguyên lý này, nguyên lý nguyên tắc vĩnh viễn bất biến, điều này chúng ta phải ghi nhớ. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 41

Tập 42

Giảng ngày 17 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 44, dòng thứ 8.

Hựu mật điền Tỳ Lô Xá Na kinh vân, đại bi vi căn, bồ đề vi nhân, phương tiện vi cứu cánh.

Mấy câu kinh này trước kia đã từng dẫn chứng qua, ở đoạn này lại đưa ra nữa, dụng ý rất sâu. Phật pháp, nhất là Phật pháp Đại thừa, ba câu này đã nói hết ra nội dung. Căn là gì? Căn là đại bi. Đại bi là sao? Là tâm đồng tình, là tâm lân mẫn, tâm yêu thương, đó là căn. Căn ở đây được sanh khởi từ tự tánh, trong tự tánh vốn sẵn có, chứ chẳng phải từ bên ngoài. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Thế Tôn thường nói, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Phật là gì? Là đại từ đại bi. Cho nên ngày xưa có người hỏi rằng, thế nào là Phật giáo? Chư vị tổ sư trả lời họ bằng hai câu: “Từ bi vi bản, phương tiện vi môn”, đó chính là Phật pháp Đại thừa, bạn xem có 8 chữ thôi, “từ bi vi bản, phương tiện vi môn”. Phương tiện là gì? Phương tiện nghĩa là dùng phương pháp thích hợp nhất, để thể hiện tâm từ bi, đó là phương tiện. Từ bi, Bồ đề, Phương tiện, đều sẵn có đầy đủ trong tự tánh. Khi đại sư Huệ Năng khai ngộ nói, “hà kỳ tự tánh, bản tự cụ túc”, không thiếu điều gì. Tâm Từ bi của chúng ta đi đâu mất rồi? Tâm Từ bi bị trật đường rày rồi, mê rồi, sau khi mê bị trật đường rày rồi. Trật thành cái gì đây? Trật thành tự tư tự lợi. Tự tư tự lợi nếu như phục hồi trở lại bình thường, thì đó chính là Đại từ Đại bi. Nên biết rằng, hiện nay chúng ta đang ở vào thời kỳ không được bình thường, mà còn rất rất không bình thường, vô cùng tự tư, ngay cả cha mẹ cũng không cần, vợ con cũng không cần luôn, trật đường rày 180 độ, cho nên cần có Bồ đề làm nhân. Bồ đề là trí huệ sẵn có trong tự tánh, gọi là tánh trí huệ, trí huệ này xuất hiện, mới có thể phục hồi trật đường rày trở lại bình thường. Cho nên tu học Phật pháp, nhất định quý vị cần nên biết, tu cái gì? Chẳng phải cầu thăng quan phát tài, không cầu những thứ đó, chẳng phải cầu danh văn lợi dưỡng, mà cầu trí huệ, nghĩa là cầu bồ đề. Cầu bồ đề cách nào đây?

Bồ đề là giác ngộ, giác nghĩa là trí huệ trong tự tánh hiển lộ, mê thì nó biến thành phiền não, mê rồi, bồ đề thành phiền não, vô minh phiền não, là khi bắt đầu mê, khi mê nghiêm trọng rồi, thì là trần sa phiền não, kiến tư phiền não. Kiến tư phiền não chính là luân hồi lục đạo, mê, mê rồi thì tạo nghiệp, nghiệp lực dẫn đến quả báo, quả báo ở đây là tam đồ lục đạo. Tam đồ lục đạo vốn là không có, cái vốn có, ở trong giáo lý Đại thừa, không còn cách nào khác, bèn đặt cho nó một danh từ gọi là Nhất chân pháp giới, Nhất chân pháp giới là chỉ cho, Thật báo trang nghiêm độ của chư Phật Như Lai, cái này vốn sẵn có. Tâm hiện, duy tâm hiện ra là Nhất chân pháp giới, Nhất chân pháp giới biến thành Thập pháp giới, biến thành lục đạo luân hồi, biến thành tam đồ địa ngục, đó là gì? Đó là tâm niệm sai lầm của bạn, tâm thái không được bình thường, biến hiện ra huyễn tướng, không có thật. Kinh Kim Cang nói: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Lục đạo tam đồ là mộng huyễn bào ảnh, chẳng những những thứ này mà ngay cả pháp giới Tứ thánh cũng là mộng huyễn bào ảnh, trong Thập pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật, vẫn còn thuộc về mộng huyễn bào ảnh. Tứ thánh gọi là Tịnh độ, tuy mê, nhưng chưa nghiêm trọng, tuy có niêm ô, nhưng niêm ô chưa sâu dày. Đối với sự chỉ dạy của chư Phật Bồ tát biết tôn trọng, biết kính ái, biết y giáo phụng hành, cho nên cảnh giới của vị này tuy không phải là Thật báo độ, nhưng rất gần với Thật báo độ, gọi là Tịnh độ. Lục đạo gọi là niêm ô, ngày nay niêm ô rất nghiêm trọng. Nguyên nhân gì vậy? Không có bồ đề, cũng không có từ bi, chẳng phải thật sự không có, mà nó bị biến chất, đại bi biến thành tự tư tự lợi, bồ đề biến thành ngu muội, cho nên quả báo hiện tiền ra sao? Súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Xã hội của chúng ta ngày nay, các bạn nghĩ thử xem, có phải là súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ không? Súc sanh là gì? Là ngu muội vô tri, tri kiến điên đảo, chánh pháp thì xem là tà pháp, tà pháp cho là chánh pháp, ngày nay nói gì? Giá trị quán điên đảo. Người xưa cho rằng nhân nghĩa là tốt, được mọi người khâm định, người thời nay đối với nhân nghĩa lại cho rằng không đáng một xu. Cái gì là tốt nhất? Tự tư tự lợi là tốt nhất, con người sống vì mình, chứ không phải sống vì người khác, con người có thể tổn người lợi mình, tổn người lợi mình mà là anh hùng, là hào kiệt, thật là điên đảo, không như ngày xưa, ngày xưa có thể xả thân, giết thân thành nhân, thành nhân thủ nghĩa, giá trị quán điên đảo rồi, thị phi điên đảo, tà chánh điên đảo. Cho nên câu sau đây vẫn lấy phương tiện làm cứu cánh, phương tiện ở đây là gì? Là phương tiện phản diện chứ không phải là phương tiện chánh diện. Chúng ta nhìn thử xem xã hội ngày nay, có giống súc sanh hay không? Con người đôi khi còn không bằng súc sanh nữa. Có giống ngạ quỷ không? Có giống địa ngục không? Địa

ngục trần gian! Con người sống trên thế gian này, mà không biết vì sao lại sống. Con người sống trên thế gian này có ý nghĩa gì? Có giá trị gì? Họ đều không biết. Không biết, nhưng họ vẫn khởi tâm động niệm, họ vẫn có ngữ ngôn tạo tác. Họ tạo tác điều gì? Bạn quan sát kỹ mà xem, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, hoàn toàn tương ứng với ba ác đạo. Nghiệp nhân đầu tiên của ba ác đạo là tham sân si, bạn xem có phải là tương ứng với cái này hay không? Từ phương tiện của họ mà nói, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, những thứ này là phương tiện của họ, phương tiện của chúng sanh trong ba ác đạo, ý nghĩa của ba câu này có thâm sâu không?

Các nhà khoa học thời cận đại chứng minh, dùng lý luận của lượng tử lực học để chứng minh, tâm trạng của con người sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của cơ thể. Họ đưa ra hai ví dụ, một là phần nộ, một là từ ái. Trong tâm có từ bi, có lòng yêu thương, tâm trạng này, tâm trạng này sẽ ảnh hưởng đến tế bào trong cơ thể của chúng ta, nó đã được nguồn dinh dưỡng rất tốt, năng lực miễn dịch, luôn luôn hướng thượng, cơ thể của họ khỏe mạnh. Nếu như phần nộ, họ nói sự ảnh hưởng của phần nộ là mặt trái, khiến cho những tế bào mang theo mầm bệnh độc, năng lực miễn dịch bị giảm xuống, rất dễ bị virus truyền nhiễm từ bên ngoài. Đây là nói về tâm trạng của nhân loại, chẳng thể nói nó không liên quan đến cơ thể, có quan hệ mật thiết. Nói rộng ra, nói rộng ra đến môi trường, thật sự như trong đạo Phật nói, “tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển”, ảnh hưởng đến môi trường bên ngoài. Họ cũng đưa ra một ví dụ, lời cầu nguyện trong tộc quần xưa của người ngoại quốc, khi hạn hán cầu mưa, thấy một người ở nơi hoang vắng cầu nguyện, sau khi cầu nguyện xong họ nói, công việc của chúng ta làm xong rồi, về thôi! Trời không mưa, nhưng mà buổi sáng cầu nguyện, buổi chiều sắp hoàng hôn thì thật sự có mưa, đầu tiên mưa rất lớn, sau đó mỗi ngày đều có một trận mưa, cứ thế mà mưa, suốt một mùa hai, ba tháng. Hỏi họ cầu nguyện cách nào? Họ nói không phải họ cầu ông trời cho mưa xuống, họ không có tâm niệm này. Họ niệm điều gì? Cảm ơn trời xanh, cảm ơn đại tự nhiên, đã yêu thương những chúng sanh sống ở nơi này như thế, hoàn toàn dùng tình thương, không cần cầu nguyện, cảm ơn, yêu thương, thì tự nhiên sẽ thông thôi.

Điều này khiến chúng tôi nhớ đến, trong sách xưa có ghi một đoạn, trong truyện ký của đại sư Liên Trì có ghi một câu chuyện. Năm nọ Hàng Châu bị hạn hán, đại sư Liên Trì sống ở Hàng Châu, tôi có đến thăm đạo tràng của Ngài, bây giờ không phải là đạo tràng nữa, bây giờ biến thành quán trà rồi, chúng tôi thấy rất đau lòng, chánh điện làm phòng trà, bán trà, chỗ cúng Phật ngày xưa, bây giờ đặt

một cái bàn dài, là chỗ để ca nhạc, khiêu vũ, biểu diễn. Cũng còn may, họ biểu diễn toàn là âm nhạc cổ điển, nghệ thuật nhân gian của Trung Quốc. Thái thú của Hàng Châu xin đại sư Liên Trì giúp cho nông dân cầu mưa, đương nhiên đại sư Liên Trì không thể từ chối rồi, Ngài nói tôi cũng không biết cầu mưa, tôi chỉ biết niệm Phật, cho nên Ngài dẫn theo một nhóm người gồm có người xuất gia và người tại gia, bản thân Ngài cầm khánh và mõ, dẫn theo một đoàn người này đến đồng ruộng niệm Phật, ở đó đi nhiễu Phật. Thật kỳ lạ, sau khi niệm xong, thì chỗ đó bèn có mưa, thực nghiệm này với người ngoại quốc kia cùng một lý như nhau. Tâm yêu thương chân thật cùng với đại tự nhiên, cùng với thiên địa quỷ thần thông suốt, lưu thông với nhau. Con người yêu đại tự nhiên, con người kính thần minh, thần minh và đại tự nhiên cũng yêu con người. Vì sao vậy? Vì là cộng đồng thể một sanh mạng, chẳng phải là hai việc đâu. Cho nên một tâm niệm cực kỳ vi tế không đáng là gì của chúng ta, đều có sức ảnh hưởng rất lớn. Nhỏ là ảnh hưởng đến sức khỏe của thân tâm bạn, lớn là ảnh hưởng đến môi trường bên ngoài. Cầu nguyện có hiệu quả, nhất thời, tạm thời, trị ngọn không trị gốc. Trị gốc nghĩa là sao? Trị gốc là giảng kinh dạy học, vì sao vậy? Vì giảng kinh dạy học khai phát trí huệ của con người, trí huệ hiện tiền thì chẳng phải đã tìm thấy gốc rồi sao, trí huệ hiện tiền thì sẽ có phương tiện cứu cánh. Phải dùng lời dạy của Cổ thánh tiên hiền ở Trung Quốc để giải thích ba câu này. Căn là gì? Lão tổ tông ở Trung Quốc cho chúng ta biết, căn là phụ tử hữu thân, căn của nền văn hóa Trung Quốc. Thân là gì? Thân là thân yêu, sự thân yêu của phụ tử không có điều kiện, là chân thật không giả dối. Bạn thấy cha mẹ, thấy vào lúc nào? Trẻ sơ sinh, rõ ràng nhất là vào lúc 3,4 tháng, bạn xem cha mẹ yêu thương đứa trẻ, đứa trẻ tuy không biết nói chuyện, bạn xem dáng vẻ của nó đối với cha mẹ, nói lên sự yêu thương của nó rất rõ ràng.

Có lần tôi đi họp ở Nhật, mười mấy bạn học Tịnh tông đi với tôi, trên đường đi, trong đoàn có một bà mẹ trẻ, con của cô ấy được 4 tháng, mang theo một cái xe nhỏ. Trên đường đi, tôi kêu mọi người quý vị nhìn xem, quý vị đến xem phụ tử hữu thân, ở đây quý vị sẽ thấy rõ ràng, sự giáo dục của Trung Quốc là gieo mầm từ chỗ này. Mục đích dạy học là gì? Là hy vọng tình thân yêu này, suốt đời giữ gìn không bao giờ thay đổi. Đây chính là đại bi, từ bi vĩnh viễn bất biến, đại bi biểu hiện ở chỗ phụ tử, nghĩa là phụ tử tử hiếu. Tâm đại bi khi làm cha, ở địa vị này phải làm thế nào? Chính là từ ái, chính là thân yêu. Phận làm con cái thì phải làm sao? Chính là hiếu thảo, phương tiện, ở đây chính là nói về phương tiện. Đối với lãnh đạo trung thành, thì bạn chính là từ ái, lãnh đạo đối với thuộc hạ nhân từ, thì đó đều thuộc về phương tiện. Nhưng mà ở trong đây quan trọng nhất là trí huệ, nếu không

có trí huệ bạn sẽ không biết phải làm cách nào, thì bạn sẽ không làm được, trí huệ mở rồi thì gốc sẽ tìm thấy, cũng biết được làm cách nào để vận dụng cái căn này.

Lão tổ tông của Trung Quốc chúng ta, họ thật sự hiểu, thật sự có trí huệ, đã nói cho chúng ta rất rõ ràng, đơn giản vẫn tất, rõ ràng minh bạch, không mập mờ một tí nào. Tâm từ bi của người cha là gì? Tâm từ bi của người con là gì? Tâm từ bi của huynh đệ là gì? Tâm từ bi của bạn hữu là gì? Điều dạy bạn từ trên phương tiện, đó chính là một sự từ bi.

Trong ngũ luân nói, phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trường ấu hữu tự, bạn hữu hữu tín. Nói có năm chữ, là tổng đại cương, tổng nguyên tắc! Dùng tâm đi nghiên cứu thể hội khái niệm trung tâm này, tất cả chúng sanh cùng một thể với tôi. Trong Phật pháp giảng càng triệt để càng cứu cánh hơn, biến pháp giới hư không giới cùng với mình là một thể, cái gọi là “năm một cọng tóc mà động đến toàn thân”. Bản thân chúng ta có một quan niệm, một câu nói, một động tác, đều ảnh hưởng đến biến pháp giới hư không giới, đây là điều trong Hoa Nghiêm Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói. Hiền Thủ đại sư đưa ra một ví dụ là nhất trần, một vi trần châu biến pháp giới. Một vi trần vì sao châu biến pháp giới? Sự chấn động của một vi trần, sự ba động này châu biến pháp giới, xuất sanh vô tận, lượng của một vi trần hàm dung không hữu, sự ba động của một vi trần châu biến pháp giới. Tác dụng của một vi trần, là xuất sanh vô tận, là một thể. Cho nên tiến sỹ Giang Bồn ở Nhật làm thực nghiệm nước, tôi quen biết ông ta năm đó, tính đến nay đã có 10 năm rồi. Ông ta nói với tôi, nòng cốt của vũ trụ hình như chính là tình thương, tôi nói, không sai. Tôi nói với ông ta, nòng cốt giáo lý của tất cả mọi tôn giáo trên thế giới, cũng chính là tình thương. Bạn xem đạo Phật nói từ bi, đạo Cơ Đốc, đạo Thiên Chúa nói thần yêu người đời, thượng đế yêu người đời, đạo Hồi giáo nói chân chủ, thật sự là nhân từ. Cho nên nhân từ bác ái, tôi nói 4 chữ này, là nòng cốt của giáo lý thần thánh trên toàn thế giới. Nó chính là tự tánh, chính là tánh đức, chính là căn, chính là bồ đề, chính là phương tiện.

Cổ thánh tiên hiền ở Trung quốc, tìm được căn rồi, cũng có trí huệ, trên phương tiện có đưa ra mấy ví dụ, chúng tôi quy nạp lại thành 12 chữ: Hiếu Đễ Trung Tín, Lễ Nghĩa Liêm Sĩ, Nhân Ái Hòa Bình, 12 chữ này. Nếu như chúng ta thực hiện được hết 12 chữ này, thì người này chính là thánh nhân, người này chính là Phật, người này chính là thần. Điều này không giả dối đâu. Đông phương tây phương xung hô không giống nhau, nhưng thực chất thì tương đồng, thực hành được từ bi, làm đến chỗ quá viên mãn, Phật pháp nói, từ bi vi bản.

Đạo Phật nói phương tiện, là nói đến điều gì? Nói về 10 đại cương, 10 đại cương ở đây chính là 10 thiện nghiệp. Trong Thập thiện mỗi một điều đều đầy đủ 10 điều, đó là 100 điều, trong 100 điều này mỗi một điều đều đầy đủ 10 điều, trùng trùng vô tận. Cho nên ở Tiểu thừa, Tiểu thừa có 3000 oai nghi, là sự mở rộng ra của 10 thiện nghiệp, 3000 điều, Đại thừa Bồ tát tám vạn bốn ngàn tế hạnh, vẫn là Thập thiện nghiệp mở rộng ra, 3000 oai nghi là phương tiện cứu cánh, 8 vạn 4 ngàn tế hạnh, là phương tiện cứu cánh của Bồ tát.

Nếu chúng ta dùng 12 chữ này của Trung quốc, 12 điều đức mục: Trung Hiếu Nhân Ái, Tín Nghĩa Hòa Bình, thêm Lễ Nghĩa Liêm Sỉ, 12 chữ này. 12 chữ này nói rộng ra, có phải là 8 vạn 4 ngàn tế hạnh của Bồ tát hay không? Đúng vậy, không sai chút nào, xem bạn có trí huệ để sử dụng nó hay không thôi. Có trí huệ sử dụng nó, từng ly từng tí trong cuộc sống hàng ngày, không điều gì chẳng phải tâm từ bi đang hiện ra. Ba câu này chính là nền tảng giáo dục của chúng ta, gốc của Phật pháp rất hay, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Sa Di Luật Nghi, quá hay. Chúng ta không có trí huệ thì không biết sử dụng nó, cho nên chúng ta học Đệ Tử Quy, học Cảm Ứng Thiên, từ trong đó học một ít trí huệ, Thập thiện nghiệp đạo chúng ta không biết triển khai, bạn học Đệ Tử Quy thì sẽ biết được, Đệ Tử Quy triển khai. Đệ Tử Quy tổng cộng có 360 câu, mỗi câu 3 chữ. Nói cho quý vị biết, mỗi câu đều là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thái Thượng Cảm ứng Thiên cũng là như vậy, mỗi câu đều không tách rời Thập thiện nghiệp đạo. Bạn học từ trong đó, bạn học được điều gì? Học được biết dùng Thập thiện nghiệp đạo, thực hiện trong cuộc sống hàng ngày, thực hiện trong công việc, công việc của các hãng các nghiệp không đồng nhưng đều thực hiện. Thực hiện trong công việc tiếp nhân xử thế, sự quan hệ của bạn đối với mọi người rất tốt, đạo Phật gọi đó là pháp duyên thù thắng, bất luận bạn đi đến nơi nào, đều đón nhận được tình thương của mọi người, người ta hoan hỷ đón tiếp bạn, muốn học tập theo bạn. Đối nhân xử thế đến giai đoạn này, có thể nói là tương đối viên mãn rồi. Bạn chưa ra khỏi địa cầu, địa cầu ở trong hư không, là một tinh tú rất rất nhỏ, bạn bước ra được, bạn đi vào hư không vô tận, bạn tiếp xúc với chúng sanh không cùng không gian, phạm vi này lớn đấy, không chỉ là một Thập pháp giới, tất cả sát độ của chư Phật đều có Thập pháp giới. Thế nên Thập thiện của bạn khai triển ra, chắc chắn không chỉ là tám vạn bốn ngàn. Biến thành cái gì? Biến thành vô lượng vô biên vô tận vô số phương tiện, trí huệ của bạn viên mãn rồi, phương tiện cứu cánh rồi, thì bạn mới có thể hóa độ tất cả chúng sanh, ý nghĩa của ba câu này rất sâu.

Cái minh tất hữu cứu cánh phương tiện độ sanh chi pháp, phương thị Như Lai quả giác cứu cánh, cố thập niệm tất sanh chi cứu cánh phương tiện, thật do u Di Đà cứu cánh thành tựu chi tối cực phương tiện xứ, chánh thị bốn kinh trung Như Lai định huệ cứu sống vô cực xứ, đến đoạn này.

Chúng ta nói có một người lâm trọng bệnh, tất cả mọi phương pháp trị liệu đều không thể giúp cho người này. Đức Phật có cách nào không? Nếu như Đức Phật cũng đành chịu bó tay, thì Đức Phật không phải là bậc vạn đức vạn năng nữa, vạn đức vạn năng chỉ là lời tán thán, chứ không phải là lời chân thật. Chúng ta nên biết, sự phúc đáp của Phật pháp là khẳng định, chắc chắn là có. Vấn đề ở chỗ bạn có tin hay không? Bạn thật sự tin tưởng, thì nó thật sự có hiệu quả, bạn hoài nghi, thì nó sẽ không có tác dụng. Điều này nếu như nói rõ ra, thì Đức Phật thật sự có phương tiện, chứ Đức Phật không có phương pháp, điều này cần nên hiểu. Phục hồi trọng bệnh của bạn trở lại khỏe mạnh, phương pháp đó là gì? Phương pháp đó chính là sự tín tâm của bạn, là tâm trạng của chính bạn. Cho nên Đức Phật có phương tiện, Đức Phật không có phương pháp, phương pháp là ở chính bạn. Tâm trạng của bạn chuyển rồi, thì bệnh của bạn không còn nữa, bạn đến điểm giao nhau giữa sanh tử, con đường này là đường chết, con đường này là đường sống, bạn không đi đường kia mà đi đường này, thì vấn đề được giải quyết thôi. Đức Phật có thể nói cho bạn biết, những đạo lý và chân tướng sự thật này, nhưng chính bạn phải bước đi, bạn có quyền lựa chọn. Chư Phật Bồ tát có thể dạy bạn, bản thân bạn không tiếp nhận thì chẳng có cách nào, cho nên người nào chẳng phải là Phật. Phật pháp nói rất rõ ràng, mỗi người đều là một vị Phật, chỉ là bây giờ bị mê, mê quá sâu dày, thời gian mê quá dài. Nhưng mà mê có sâu dày có lâu đi nữa, nhưng giác ngộ chỉ ở trong một niệm.

Trong kinh Phật thường có một ví dụ, căn phòng tối ngàn năm, một đốm lửa là sáng, một ngọn đèn là chiếu sáng hết. Phòng tối ngàn năm là ví dụ thời gian bạn mê quá dài, bạn mê quá sâu dày, tắt một ngọn đèn lên là sáng, bóng tối không còn nữa. Đức Phật cho chúng ta biết, giác và mê chỉ ở trong một niệm, trong mê có tội ác, một niệm giác ngộ thì tội ác không còn nữa, vì sao vậy? Vì tội ác không có thật, trong chân tánh không có thiện ác, không có tội nghiệp. Tự tánh vĩnh viễn là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, bạn không giác là tạo nghiệp, là có tội, là phải thọ quả báo. Cho nên tin tưởng vững chắc mê ngộ ở một niệm, một niệm của chúng ta không chuyển được, vấn đề nằm ở chỗ nào? Vấn đề ở chỗ đối với chân tướng sự thật chúng ta còn hoài nghi. Nếu như không có hoài nghi, thì chắc chắn chuyển được. Vì sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chuyển được? Vì sao lục Tổ Huệ Năng

chuyên được? Bây giờ quý vị xem Lưu Tố Vân cư sĩ ở Đông Bắc Trung Quốc, vì sao cô ấy chuyên được? Bản thân cô ấy nói cô ấy đang biểu diễn. Câu này nói rất có ý nghĩa, cô ấy đang biểu diễn, thật sự là đang biểu diễn. Chẳng những bệnh của cô ấy không cần chữa trị, không hề uống tí thuốc nào mà hết bệnh, cơ thể khỏe mạnh, khỏe mạnh đến mức độ nào? Khỏe mạnh như lúc còn trẻ, hoạt bát hơn ngày xưa, người ta hỏi cô ấy vì sao vậy? Cô ấy nói vui một câu, cô ấy nói có thể gọi đó là phản lão hoàn đồng vậy! Đúng vậy, đúng là như vậy. Ở trong Phật pháp có căn cứ, tâm niệm, trong tâm cô ấy không có già, không có quan niệm về chữ già, cho nên cô ấy không suy, không già. Con người chúng ta khi có tí tuổi rồi thì, tôi già rồi, tôi không làm được đâu, quả thật là không làm được. Vì sao vậy? Vì ý niệm đang chuyển người đó. Tuổi tác có thể mỗi năm một lớn, nhưng ý niệm vĩnh viễn ở lúc còn trẻ, câu này ngày xưa khi giảng kinh tôi đã nói rất nhiều lần.

Tôi từng nói năm 26 tuổi tôi học Phật, thì suốt đời vĩnh viễn là 26 tuổi, không chuyên biến theo cảnh giới bên ngoài. Bạn 30 tuổi học Phật thì vĩnh viễn bạn 30 tuổi, ở trong Phật pháp bạn sẽ thật sự học được. Nhưng mà chúng ta vẫn còn một chút biến hóa, đó là gì vậy? Là vì chúng ta không học triệt để, hoàn toàn triệt để, hoàn toàn rõ ràng, thì bạn sẽ thường ở giai đoạn đó.

Đối với Đại thừa giáo tôi thật sự không rời một ngày nào, ngày nào cũng đọc kinh, ngày nào cũng giảng kinh, không ở trong giảng đường, tôi nói chuyện với người cũng là giảng kinh. Tôi học rất vất vả, cho nên tôi nói với mọi người, tôi không phải là bậc thượng thượng căn, tôi là bậc trung hạ căn, nhưng mà từ nhỏ tôi đã có tín tâm, tôi không hoài nghi. Tôi đối với giáo lý Đại thừa, đối với pháp môn Tịnh độ, hoàn toàn tin tưởng vững vàng. Đại khái vào lúc hơn 50 tuổi, trong đời tôi tiếp nhận sự chỉ dạy của Chương Gia đại sư, giống như trong kinh Lăng Nghiêm nói, “tương thử thâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân”, hiển thân báo ân. Dùng cái gì làm phương tiện cứu cánh? Noi gương Đức Thế Tôn làm một giáo viên có nghĩa vụ, tôi không làm hiệu trưởng, tôi làm giáo viên, mỗi ngày giảng kinh thuyết pháp, sống một ngày làm một ngày. Có duyên với thế gian này, thì tôi sống thêm vài năm, hết duyên với thế gian này, thì tôi đi về thế giới Tây phương Cực lạc, thế giới Cực lạc là quê hương của tôi, gọi là trở về quê hương, lá rụng về cội. Tôi hiểu xã hội này rất rõ, sống trên thế gian này hiện nay, vẫn như vậy ngày nào cũng sống cùng chư Phật Bồ tát, bạn xem có vui sướng không? Có hạnh phúc không! Không rời một ngày nào. Phật Bồ tát ở đâu? Ở trong kinh điển, kinh điển là dẫn đường, là môi giới. Mượn sự dẫn đường môi giới này, trên tinh

thần của chúng ta, chẳng những thông đạt với Cổ thánh tiên hiền, chư Phật Bồ tát, trên thực tế thì không có xa lạ. Nếu bạn hỏi vì sao vậy? Vì tất cả pháp từng tâm tưởng sanh. Nếu như chúng ta khởi tâm động niệm, giống như khi chúng ta thành lập Tịnh Tông Học Hội, tôi đưa ra 5 đề mục tu học, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đều có thể tương ứng với tam phước, tương ứng với lục hòa. Người khác không hợp với tôi, nhưng tôi hợp với họ, điều này không chướng ngại lục hòa kính, tất cả đều phải tự mình làm trước, đừng yêu cầu người khác, yêu cầu người khác thì bạn sẽ có phiền não, yêu cầu chính mình, đừng yêu cầu người khác. Tương ứng với Tam học, Lục độ, Thập đại nguyện, đứng về sự cũng không rời tăng đoàn của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cũng không rời Tăng đoàn của thế giới Cực lạc, đó là chân thật, không giả dối. Tôi làm được, bạn cũng làm được, mọi người đều làm được.

Thầy của chúng ta là kinh Hoa Nghiêm, là kinh Vô Lượng Thọ, là kinh Pháp Hoa, trong kinh giáo này là nhất thừa kinh giáo, còn thù thắng hơn Đại thừa. Năm bắt được một bộ, kiên nhẫn miệt mài, chọn bộ kinh này không cần chúng ta phải lo lắng, chư Phật Bồ tát, chư vị Tổ sư, đều cho chúng ta biết, kinh Vô Lượng Thọ là số một. Bạn xem trong lời giới thiệu của Mai Quang Hi cư sỹ, ông ấy nói: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, cũng là dẫn đường của kinh Vô Lượng Thọ, dẫn đường cho bạn nhập kinh Vô Lượng Thọ. Nếu như chúng ta không hoài nghi mà hoàn toàn tiếp nhận, thì bạn chính là bậc thượng thượng căn. Ở đây chúng ta giảng đến chỗ chuyên tiếp thượng căn, không hề nói sai một chút nào. Chúng ta ở trong thế giới tinh thần, ở trong thế giới linh tánh, chúng ta sống cùng với chư Phật Bồ tát, sống cùng với Cổ thánh tiên hiền, bạn nghĩ xem đó là việc vui không, thì làm sao lại không sanh tâm hoan hỷ được? Làm sao lại không có pháp hỷ sung mãn. Cho nên mỗi câu mỗi chữ trong kinh là vô lượng nghĩa, giảng không hết.

Ký nhiên Như Lai, ở đây là chỉ cho Phật A Di Đà, hoặc là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nhất định có pháp phương tiện cứu cánh để độ sanh, bất luận bạn là chúng sanh hạng nào, hành thiện cũng được, tạo nghiệp cũng được, ngũ nghịch thập ác cũng được, đều có thể giúp cho bạn một đời thành Phật, đây gọi là pháp phương tiện cứu cánh độ sanh. Như thế mới thật sự hiển thị quả giác cứu cánh của Như Lai, thật sự là viên mãn, không hề khiếm khuyết. Nếu như điều này không làm được, là khiếm khuyết, không gọi là viên mãn.

Đức Phật A Di Đà dùng phương pháp gì để đạt đến cứu cánh viên mãn? Lâm chung thập niệm tất sanh. Một đời mê hoặc, điên đảo, hồ đồ, tạo tác đại tội ngũ nghịch thập ác, chắc chắn đọa A Tỳ địa ngục. Phật A Di Đà vào lúc lâm

chung, dùng 1 niệm, 10 niệm tắt sanh, đây là phương tiện cứu cánh, không còn gì để nói nữa. Nhưng mà ở chỗ này các vị cần nên biết, người vãng sanh này cần phải hội đủ 3 điều kiện, ba điều kiện này không hội đủ, thì khi lâm chung họ không biết niệm Phật, họ không thể vãng sanh được. Thứ nhất là đầu óc sáng suốt, cho nên khi lâm chung sợ nhất là người già bị lẫn. Có người từng hỏi tôi, người già bị lẫn làm sao giúp cho họ đây? Chẳng có cách nào! Chỉ có thể niệm Phật khiến cho họ nghe thấy, “nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng”, đối với hạng người này, trông chừng tử A Di Đà Phật vào trong A Lại Da thức của họ. Cho nên tâm niệm trước khi vãng sanh phải rõ ràng, phàm người khi lâm mạng chung đầu óc sáng suốt, cho các vị biết, nhất định người này không đọa vào ba đường ác. Vì sao vậy? Vì họ không chọn nơi đó để đi, chắc chắn là cõi nhân thiên. Cho nên người Trung Quốc nói ngũ phước, cái cuối cùng chính là chết tốt, khi chết rõ ràng minh bạch, họ không đọa vào ác đạo, đó là một điều trong ngũ phước, cho nên cái thứ nhất là khi lâm chung đầu óc sáng suốt. Thứ hai là gặp được thiện hữu nhắc nhở, có người dạy họ, như Châu Quảng Đại tiên sinh ở Hoa Thịnh Đốn, nước Mỹ. Châu Quảng Đại tiên sinh một đời không tiếp xúc với tôn giáo, trước khi mất 3 ngày, người nhà mới tìm đến Tịnh Tông Học Hội của chúng tôi, học trò của chúng tôi đến giúp cho ông ấy, nói cho ông ấy cái hay của thế giới Cực lạc, khuyên ông ấy niệm Phật, phải có cơ hội này. Thứ ba là sau khi nghe rồi, tin tưởng, phát nguyện, thế là được rồi. Ba điều kiện này thiếu một cũng không được, Châu Quảng Đại có đầy đủ 3 điều này, cho nên ông ấy không phải là 10 niệm, mà ông ấy niệm 3 ngày, người thân của ông ấy 3 ngày 3 đêm, cùng với các bạn trong học hội của chúng tôi giúp ông ấy niệm. 3 ngày thật sự thành công, cả nhà đều tin tưởng, đều là tự hành hóa tha. Ông ấy biểu diễn như thế, bạn xem cả nhà vốn là không tin, giờ đều tin hết. Các bạn học Tịnh tông nghe được tin này, niềm tin đối với niệm Phật càng kiên cố, biết được việc đó không phải giả, mà là sự thật.

Thử hỏi, hiện tại cơ thể của chúng ta khỏe mạnh, Phật A Di Đà có thể giúp được không? Hiện tại tập khí phiền não của chúng ta rất nặng, tội nghiệp rất sâu, chúng ta muốn sám trừ nghiệp chướng, muốn thân tâm mạnh khỏe để học Phật, Phật A Di Đà có thể giúp ta được không? Hiện nay địa cầu mà chúng ta đang sống, nó bị bệnh rồi, tai nạn quá nhiều, Phật A Di Đà có thể giúp cho chúng ta hóa giải được không? Đáp án là khẳng định.

Phương tiện cứu cánh của Như Lai là gì? Cho quý vị biết, chính là giảng kinh dạy học, giảng kinh gì vậy? Giảng kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ. Tất cả những

nghi nạn tạp chúng, phương pháp đối trị, phương pháp trị liệu, tất cả đều nằm trong bộ kinh này. Vấn đề ở chỗ bạn có tin không? Tin, trong tôn giáo nói, người có tin thì được cứu, bạn có tin không? Tin thì bạn được cứu.

Thực tế mà nói, bộ kinh nào cũng thù thắng, Phật Phật đạo đồng, kinh giáo cũng như vậy. Kinh Kim Cang nói rất hay, “thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ”. Nhưng kinh Hoa Nghiêm quá dài, hiện nay cần cấp cứu, chúng ta tạm thời ngưng kinh Hoa Nghiêm một năm, hy vọng trong một năm này giảng bộ kinh này, đó là gì? Cấp cứu mà! Sau đó chúng ta từ từ học kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi sẽ tiếp tục giảng kinh Hoa Nghiêm, giảng hết kinh Hoa Nghiêm. Tôi nghĩ y theo cách giảng của chúng tôi ngày trước, giảng toàn bộ phẩm Thập Trụ, sau phẩm Thập Trụ thì không cần phải giảng kỹ như vậy nữa, chúng tôi sẽ y theo phương thức giảng kinh thông thường. Không phải là chỗ quan trọng, thì nói lược là được rồi, bộ phận quan trọng thì chúng tôi sẽ giảng kỹ, như thế thì thời gian có thể rút ngắn lại, hy vọng kinh Hoa Nghiêm không quá 5 năm là giảng xong. Nếu như y theo phương thức hiện nay, thì kinh Hoa Nghiêm phải giảng mất 20 năm, chúng ta rút ngắn lại, 5 năm là giảng xong.

Cho nên chỗ phương tiện cứu cánh thành tựu cuối cùng của Di Đà, thật sự không sai chút nào, Ngài có, chẳng phải Ngài không có.

Chánh thị bốn kinh trung, Như Lai định huệ, cứu sống vô cực xứ. Hai câu này là kinh văn trong kinh, không có gì là chẳng giải quyết được, các nhà khoa học cũng chứng minh. Dự ngôn trong ngoài xưa nay, có phải là thật không? Mọi người cũng khẳng định là thật. Nhưng mà cái thật ở đây, là cái thấy của họ vào thời điểm đó, khi sự việc đến, vẫn còn rất nhiều nhân tố biến hóa tồn tại trong đó, đó là xem cái gì? Cho nên sau mỗi dự ngôn đều xem, xem nhân tâm của các bạn, các bạn có thay đổi hay không, đều có một câu như vậy. Điều này nói lên rằng dự ngôn nói là điều có thể, chứ không phải là nhất định, nói là có thể, hoàn toàn ở trong tâm trạng của chúng ta. Hiện nay bạn bị bệnh nặng, bệnh nguy rồi, thọ mạng của bạn đã hết. Thọ mạng hết thì chẳng có cách nào, có thể kéo dài thêm không? Có. Vì sao lại có thể? Thọ mạng của bản thân tôi hết rồi, không còn nữa, tôi vì chúng sanh, thọ mạng của chúng sanh dài. Nếu như bạn có thể xả mình vì người, tôi đem cái thể xác này cúng đi, phục vụ vì tất cả chúng sanh, không còn vì mình nữa, lập tức thọ mạng được kéo dài. Xem sự phát tâm của bạn lớn hay nhỏ, bạn phát tâm nhỏ một chút thì kéo dài được vài năm, phát đại tâm thì kéo dài vài chục năm, con số không nhất định.

Ở Trung Quốc có một người sống lâu nhất, đó là Bành Tô, sống hơn 800 tuổi, đại đệ tử của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tôn giả Đại Ca Diếp đang nhập định ở núi Kê Túc, còn sống đó, 3000 tuổi rồi, thọ mạng của Ngài lâu quá. Ngài đang chờ Bồ tát Di Lặc ra đời, đem y bát giao cho Bồ tát Di Lặc, vậy còn phải chờ bao nhiêu năm nữa? Nếu theo cách tính của thế gian này thì là 56 ức 7 ngàn vạn năm nữa, Ngài phải sống lâu như vậy, chờ để giao y bát. Khi chúng tôi đi du lịch ở Đại Lý Vân Nam, còn nghe người ta nói rằng, tôn giả Ca Diếp thường xuất hiện, người có duyên thì sẽ gặp được Ngài. Cho nên pháp không có định pháp, đạo lý phải hiểu rõ ràng minh bạch. Tiền đồ một đời của mình, là do tâm niệm của mình tạo thành, không liên quan gì với người khác. Nếu như oán trời trách người, thì tội nghiệp đó rất nặng, thì bạn bị mê hoặc điên đảo rồi. Những đạo lý này, trong Hoàn Nguyên Quán giảng rất rõ ràng, giảng rất tỉ mỉ. Bộ kinh này rất thâm sâu, từ chỗ đại duyên khởi của vũ trụ bắt đầu giảng, giảng đến cuối cùng, dạy chúng ta tu chỉ, tu quán. Chỉ là học buông bỏ, quán là học nhìn thấu.

Kim nhân yên năng nhân thử pháp chi dị hành, nhi bỉ thị chi hồ. Đây là sự sai lầm của người ta đối với Tịnh tông, quan niệm sai lầm này, hình như pháp môn này quá dễ dàng, thành Phật tác Tổ làm gì có chuyện dễ dàng như vậy! Cho nên xem thường pháp môn này, họ muốn học những đại kinh đại luận khác, không hề biết rằng những đại kinh đại luận khác, chỗ quay về cuối cùng là tương đồng, con đường đó đi rất xa, đi rất nhiều đường vòng, pháp môn này là đi đường thẳng. Cho nên người có thể tin được, bất luận là họ hạng người nào, thật sự tin tưởng phát nguyện, đi con đường này đều gọi là thượng căn, chuyên tiếp thượng căn, không tin thì bạn đi con đường vòng vậy!

Dưới đây Lão cư sỹ đưa ra một ví dụ, giống như Ti vi màu, máy thu âm, máy tính điện tử, nhất định phải an toàn để dùng. Tuy ưu khoa kỹ vô tri chi nhân, nhất án điện nữ, tiện năng hưởng thụ, thử tối hiện đại chi khoa học thành quả, nhân tất nhân kỳ an toàn dị dụng, nhi tán kỳ khoa kỹ chi tiên tiến.

Đưa ra ví dụ này rất hay, hiện nay mỗi nhà đều sử dụng, bạn phải nói ra đạo lý của nó, người có thể nói ra được quá ít, nhưng mọi người đều biết dùng, đơn giản dễ dùng, lập tức có thể thu được hiệu quả, cho nên mọi người xem rất vui vẻ, cái lý đó quá thâm sâu, hiểu hay không hiểu cũng chẳng sao, chỉ cần biết dùng là được rồi. Cùng một lý như vậy, lý của Tịnh tông quá thâm sâu, chỉ có Phật và Phật mới có thể cứu cánh, thì bạn tìm sự phiền phức đó làm gì. Đức Phật nói chỉ có Phật và chư Phật mới có thể hiểu được, mới cứu cánh, ngày nay chúng ta chỉ cần làm

theo phương pháp này, đến thế giới Tây phương Cực lạc là làm Phật rồi, đó là đạo lý gì chẳng phải đã hiểu hết rồi sao? Nếu hiểu hết rồi mới học, thì cả đời bạn không có hy vọng rồi, đời này chắc chắn bạn không hiểu được, bạn không thể đi được, còn không bằng bà già kia, cái gì cũng không biết nhưng bà ấy đi trước, đến thế giới tây phương Cực lạc thì bà ấy hiểu hết. Bạn không thể so sánh với bà ấy, bà ấy là bậc thượng căn, bạn là hạ căn. Bạn thật sự hiểu rõ ràng sự việc này rồi, bạn sẽ hiểu được vì sao lần này tôi để kinh Hoa Nghiêm qua một bên mà giảng bộ kinh này, bạn sẽ hiểu được. Kinh Hoa Nghiêm dạy bạn hiểu rõ trong kinh đó, kinh này thì không cần, kinh này nói bạn làm Phật trước, sau đó tự nhiên bạn sẽ thông đạt hết. Thật sự tin tưởng chính mình, cho nên trong kinh Hoa Nghiêm có hai câu rất quan trọng, đầu tiên tin tưởng chính mình vốn là Phật, điều này rất quan trọng. Trong kinh Tịnh độ, “thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật”. Trong Quán Kinh nói như vậy: “Thị tâm thị Phật”, nghĩa là đức Phật dạy, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Thị tâm tác Phật, ngày nay bạn niệm Phật A Di Đà chính là thị tâm tác Phật. A Di Đà Phật là tự tánh Phật, bạn niệm danh hiệu Phật này chính là thị tâm tác Phật, bạn vốn là Phật, bây giờ lại tác Phật, thì làm sao không thành Phật được? Phải niệm thời gian bao lâu để thành Phật? Thông thường xem ra là ba năm, bạn nghĩ xem có nhanh không? Phàm phu làm Phật chỉ cần 3 năm. Nhưng mà bạn nghe thấy câu này e rằng bạn kinh sợ, ai ya, ba năm là phải chết rồi, pháp môn này không thể học được, làm người ta khiếp sợ mà thoái tâm. Đúng vậy, đó là gì? Mê hoặc nên mới như vậy. Trong lục đạo khổ như vậy mà còn không giác ngộ, còn không buông được, còn lưu luyến, thì còn có cách nào nữa? Chư Phật Bồ tát đứng bên cạnh cũng cảm thấy mắc cười, chẳng có cách nào. Thôi được, bạn đã không thể buông bỏ được mà đi, thì bạn thọ khổ thêm vài năm nữa vậy, chờ bạn thọ đủ rồi tính tiếp. Sự thật quả đúng là như vậy, chư Phật Bồ tát tuyệt đối không ép buộc bạn đâu. Bạn đồng ý ở luân hồi thì để bạn ở, chờ một ngày nào đó bạn ngán rồi, bạn không muốn ở đó nữa, thì chư Phật Bồ tát sẽ đến. “Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân”, đại nguyện này thật đáng nể! Chư Phật Bồ tát tuyệt đối không ép buộc người nào, gọi là “hàng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”, bạn muốn làm gì thì bạn làm điều đó, các Ngài tuyệt đối không can thiệp, điểm này chúng ta nên nhớ.

Chúng ta thấy người thân quyến thuộc, thấy được những người chúng ta tôn trọng, chúng ta thích, họ đang tạo ác nghiệp, đừng nên can thiệp vào, nên khuyên họ, khuyên họ không tin, không tin thì thôi. Không nên nhất định ép buộc, nhất định ép buộc là không tốt, ngay Phật Bồ tát còn không ép buộc, hà huống là chúng ta? Phương pháp hữu hiệu nhất, là chính bản thân bạn làm cho họ xem, họ sẽ tin tưởng, nếu họ nhìn thấy sự thật thì họ sẽ tin.

Nói lời này đại khái cũng khoảng 3,4 mươi năm rồi, Lão thái thái của Hà Đông Tước Sỹ ở Hongkong, bà ấy có thiện xảo phương tiện. Hà Đông Tước Sỹ là tướng quân, cả gia đình là tín đồ đạo Cơ đốc, Lão thái thái niệm Phật, trở lại thời xưa, còn tiếp nhận một chút văn hóa truyền thống, hiểu được hiểu thảo cha mẹ, cho nên mẫu thân niệm Phật, cả nhà tuy là tín đồ đạo Cơ đốc, nhưng cũng không phản đối, trong nhà có lập một điện Phật nhỏ, cúng dường cho mẫu thân, mẫu thân cũng không khuyên họ tin Phật, đạo ai người đó giữ, mọi người sống cùng nhau, rất hiếm có. Khi mẫu thân vãng sanh, không hề bị bệnh, biết được giờ đi, mở một đại hội vãng sanh tích biệt, mời tất cả người thân bạn bè của bà ấy đến nhà, mời họ ăn cơm, nói cho họ biết, hôm nay bà ấy vãng sanh. Mọi người cảm thấy kỳ lạ, Lão thái thái bình thường, rất mạnh khỏe mà, nói chết là chết sao, đến giờ bà ấy thật sự vãng sanh, ngồi mà mất, đi thật rồi. Tất cả con cháu của bà ấy đều tin hết, đều tin Phật, đó là sự thật, không giả dối đâu. Lão thái thái độ hết cả nhà, có thời tiết nhân duyên, nhân duyên chưa đến thì chẳng nói gì, nói chỉ thêm phiền phức, mọi người không được vui, cuối cùng nhân duyên đến rồi, biểu diễn cho họ xem, cả nhà đều tin hết. Đó là có trí huệ! Chẳng phải là trí huệ chân thật thì không làm được đâu. Cho nên chúng ta muốn độ người thân quyến thuộc, nên dùng phương pháp này, biết được giờ đi, ngày nào vãng sanh, báo cho người thân và bạn bè đến tiễn chân bạn, để cho họ tận mắt chứng kiến, họ sẽ niệm Phật, họ sẽ chấp nhận.

Hựu yên năng nhân trì danh chi dị hành, nhi khinh thủ pháp môn hồ.

Ở đây Lão cư sỹ đưa ra một số khoa học kỹ thuật hiện đại, giúp cho chúng ta một số tiện lợi, dùng thì rất dễ dùng, lập tức có thể nhận được kết quả, lý luận quá thâm sâu. Trì danh niệm Phật và lý luận này rất giống nhau, lý của nó rất thâm sâu, Bồ tát Đẳng Giác mà còn không thể thấu triệt rõ ràng, huống là bậc sơ học chúng ta?

Ở chỗ này, cũng đồng một lý, chúng ta tin tưởng Như Lai chắc chắn có phương tiện tối cao, hóa giải tất cả những tai biến của thiên nhiên. Hiện nay chúng ta cần thiết vô cùng, chắc chắn có phương tiện cực tốt, giúp cho chúng ta tịnh hóa thân tâm. Có hay không? Có đó! Người niệm Phật nhiều như vậy, niệm đến thân tâm thanh tịnh, người phiền não nhẹ trí huệ trưởng, chắc chắn là không ít, những người này không nổi tiếng nên chúng ta không biết được. Nếu thật sự có duyên như vậy, thì cần những người như thế nào? Cần những người lãnh đạo đất nước, kể đến là trưởng giả giàu có, người có sự nghiệp lớn, những người này có thể làm được. Đi tìm những người này, lễ hiền hạ sỹ, tìm những người như vậy, tìm mười mấy

hai chục người, thành lập cái lớp này, lớp tu học kinh Vô Lượng Thọ, thành lập cái lớp này. Mỗi kênh phát sóng trên Ti vi, mời những người này đến giảng giải, 24 giờ không gián đoạn. Giảng cái gì đây? Giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng 4 điều căn bản. Ngày nào cũng giảng, tôi tin rằng thời gian 1 năm, người ta sẽ giác ngộ, sẽ hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ họ mới đoạn ác tu thiện, những thứ mặt trái không cần nữa, buông bỏ hết, có thể phục hồi tánh đức của chính mình, xiển dương Hiếu Đức Trung Tín, Lễ Nghĩa Liêm Sỉ, Nhân Ái Hòa Bình, mọi người đều có thể giữ gìn được đức tánh này, thì tai nạn hoàn toàn được hóa giải.

Dự ngôn của người xưa chẳng phải là không linh, câu cuối cùng trong dự ngôn của người xưa, họ nói có hiện tiền hay không, họ nói là có thể, chứ không phải là nhất định, cuối cùng có hiện tiền hay không, là do tâm trạng của các bạn có sửa đổi hay không. Buông bỏ tự tư tự lợi, buông bỏ danh văn lợi dưỡng, buông bỏ ngũ dục lục trần, buông bỏ tham sân si mạn. Hết lòng hết dạ vì chánh pháp cứu trụ, vì tiêu tai giải nạn, vì hạnh phúc của tất cả chúng sanh, tâm niệm chuyển đổi như vậy, thì tai nạn sẽ được hóa giải, Như Lai thật sự có cách, chẳng phải là không có.

Chúng ta coi tiếp đoạn sau, cổ tri thượng chỉ lưỡng thuyết, các hữu sở trọng. Hai cách nói trên đây, đều có điểm quan trọng của nó. Đoạn Ất, tắc tán tịnh pháp chi phổ bị, đầu tại trước nhãn ư phạm phu.

Pháp môn Tịnh độ muốn giúp cho chúng sanh sau thời mạt pháp 9 ngàn năm, nhân đó được độ, sau 9 ngàn năm, tu những pháp môn khác thật sự rất khó. Khó ở chỗ nào? Phải đoạn hoặc. Người nào có năng lực này? Phương pháp của Tịnh tông, tập khí phiền não không đoạn, nhưng mà phải không chế được nó, không chế so với đoạn phiền não thì dễ dàng hơn rất nhiều, chúng ta có thể làm được. Chúng ta thay đổi tâm trạng, không còn tự tư tự lợi, không còn chấp danh văn lợi dưỡng, không còn tham sân si mạn, có những thứ này là hại chính bản thân mình nghiêm trọng nhất, người khác bị hại nhẹ, còn bản thân mình bị hại nặng, bản thân chắc chắn đọa địa ngục A Tỳ. Thật sự hiểu rõ rồi, thì thấy rằng giáo dục nhân quả rất quan trọng. Người xưa nói rất hay, mọi người tin nhân quả, là con đường đại trị thiên hạ, mọi người không tin nhân quả, là con đường đại loạn thiên hạ. Trung Quốc 5000 năm thật sự rất coi trọng nhân quả, vì sao vậy? Vì nhân nghĩa đạo đức là tốt, người có thể quy phạm, khiến con người không làm ác. Vì sao vậy? Vì làm ác cảm thấy hổ thẹn, cho nên người biết nhục, cảm thấy hổ thẹn, có lỗi với tổ tông, có lỗi với cha mẹ, có lỗi với thầy giáo, nên không muốn làm ác. Nhưng mà nếu như danh cao lợi nhiều thì họ sẽ động tâm, rõ ràng biết đó là không đúng, nhưng sức mạnh cảm dỗ đó thật sự là quá lớn, không dừng lại được, biết mà cố tình phạm.

Phải dùng phương pháp nào đây? Nhân quả, họ thật sự hiểu được luật nhân quả, thì họ sẽ không làm những việc này. Vì sao vậy? Vì biết được những danh lợi mà mình có trước mắt đây, không tồi, rất cao đấy, nhưng mà phải trả giá quá đắt. Ví dụ như địa vị cao nhất trước mặt, giàu có thiên bá ức, chút xíu là được ngay, sau khi bạn chết đọa vào địa ngục A tỳ, phải chịu tội 1 vạn kiếp, thì cái tâm này lập tức sẽ nguội ngay. Vì sao vậy? Đó thật sự gọi là liếm mật trên dao, ngọt một chút đó, nhưng bị đứt lưỡi, không chấp nhận làm những việc này.

Gần đây có một bạn tặng cho chúng tôi một cuốn sách, Khải Tát Quân Đoàn Đông Chinh Trung Quốc Chi Mê, đại đế Khải Tát cổ La Mã, người này quý vị đều biết, là một người nổi tiếng trong lịch sử. Dã tâm quá lớn, muốn nuốt chửng Trung Quốc, phái 10 vạn đại quân, tổng cộng mười mấy vạn người, tổng Soái là người con thứ ba, con trai thứ ba của ông ấy. Trong đại đoàn quân này, phân làm 10 đoàn quân, 10 vị tướng quân, Đông chinh. Vào thời đó đi đường, hoàn toàn là đi bộ, một nửa là kỵ binh, đại khái hai phần ba là kỵ binh, một phần ba là bộ binh. Từ La Mã đi đến Tây Vực, trên đường đi tổn thất người và ngựa đại khái khoảng một phần tư, bị tổn thất, vẫn còn ba phần tư, đi qua đại sa mạc ở Tân Cương, lại không ít người đã bị chết, cho nên đến Trung Quốc, thực tế mà nói binh lực không còn nhiều nữa, sỹ khí hoàn toàn biến mất, họ đều oán trách, binh sỹ đều oán trách. Vì sao phải chinh phục Trung Quốc? Trung Quốc có gì hay chứ? Đế quốc La Mã mạnh lớn và giàu có như thế, có phước mà không biết hưởng, đến đây chịu khổ sở như thế này. Đến biên giới của Trung Quốc, đánh với người Trung Quốc vài trận, có thắng có thua, thắng là thắng nhỏ, thua thì nhiều hơn, mới biết được người Trung Quốc không dễ ăn hiếp.

Vào thời triều đại nhà Hán, trong một lần đại chiến dịch, một lần đại chiến dịch chết hơn 9 ngàn người, sau lưng không có quân tiếp vận, không có tiếp vận nên càng chết số còn lại càng ít. Đến Cam Túc, khu vực cao nguyên Hoàng Độ, số người còn lại, đại khái không đến 1 vạn người. Chỉ hơn 8 ngàn người, sau khi đánh vài trận, chỗ thoái thủ cuối cùng, chỉ còn lại 200 người, toàn bộ tự sát hết, bạn xem cần gì? Trong lịch sử có ghi Đại đế Khải Tát bị người ta thích sát, bị mưu sát. Trên thực tế mưu sát không phải là ông ấy, bên cạnh ông ta có một vệ sỹ rất trung thành, khi đó mặc quần áo của ông ấy, chết thay cho ông ấy, ông ấy chạy trốn, cũng chạy trốn đến Trung Quốc, sống ở Trung Quốc 12 năm, sau đó bị bệnh chết. Những âm hồn này hai ngàn năm rồi vẫn chưa tan, quân đoàn này vẫn còn trú ở nơi hoang dã đó. Đó là gần đây, tổng soái Tam vương tử này, người này là một người tốt, anh ta

không muốn đánh nhau, cũng không muốn chinh phục Trung Quốc, nhưng mà không thể chống lại mệnh lệnh của Hoàng thượng. Chết ở Trung Quốc, dựa vào một người, người này tên là Lý Kim Lan, đã nói ra bí mật của cậu ta, sự việc này không ghi chép trong lịch sử. Họ hóa trang làm thương buôn, đội ngũ thương buôn rất lớn, 10 vạn người, họ cũng chia ra để đi, trên thực tế họ đến để chiếm đoạt Trung Quốc. Rốt cuộc trong nhiều năm như thế, khổ không thể nói ra, gặp được một vị Bồ tát, cho nên hiện nay họ đã trở thành tín đồ Phật giáo hết, Bồ tát giúp họ, nói cho họ biết, Trung Quốc không phải là chỗ của quý vị, quý vị đến đây làm gì? Câu này rất quan trọng, nói lên điều gì? Nghĩa là nơi chiến tranh chiếm đoạt được, đều có trong mạng của bạn, khi trong mạng của bạn không có, dùng thủ đoạn chiến tranh cũng chẳng đạt được, điều này khiến chúng tôi nhớ đến, đất nước Trung Quốc không phải của người Nhật. Bạn xem người Nhật phát động chiến tranh xâm Hoa, cuối cùng đầu hàng, họ cũng đạt được miếng đất nào của Trung Quốc. Ngạn ngữ nói rất hay: “Mạng lý hữu thời chung tu hữu, mạng lý vô thời mạc cưỡng cầu”, mạng của ông ta không có, cưỡng cầu, toàn quân bị tiêu diệt, đây là giáo dục nhân quả. Người viết cuốn sách này họ Cao, Cao tiên sinh, ông ấy là người địa phương, hình như là bộ tổng chiến của huyện, làm công việc văn tuyên, đối với việc này ông ấy hoàn toàn không thể tin được, không thể chấp nhận, rốt cuộc sau khi tiếp xúc với họ, cảm thấy đây không phải là chuyện giả. Cô Lý Kim Lan này, và con gái của cô ta không có nền tảng văn hóa, làm sao có thể vẽ ra một câu chuyện như vậy được, vẽ không ra mà. Hơn nữa Tam vương tử nói chuyện, là âm điệu của cổ La Mã. Ông ấy bèn tìm trong trường đại học một số người dạy văn Italy và dạy văn La Mã, đến đó mà nghe không hiểu, ngôn ngữ xưa và nay có thay đổi, phải tìm người cổ La Mã, mới hiểu được lời nói của cậu ta. May mắn là quân sư của cậu ấy, quân sư nghe hiểu tiếng Trung Quốc, có học qua ở Trung quốc, đều có mưu tính trước, quân sư gá vào thân con gái Lý Kim Lan làm người phiên dịch, mới nói ra câu chuyện này. Cho chúng ta sự chỉ thị rất lớn, cho nên đây là giáo dục nhân quả sống. Trong giáo dục nhân quả cho chúng ta thấy, giết người phải đền mạng, thiếu nợ phải trả tiền, chắc chắn không trốn được. Cho nên người hiểu được nhân quả, họ sẽ giữ đúng bản phận, sẽ không hành động mù quáng, còn có hiệu quả hơn so với luân lý đạo đức.

Cho nên các vị Đế vương ở Trung Quốc thời xưa, Cổ thánh tiên hiền giáo hóa nhân dân, dùng ba thứ, thứ nhất là từ đường, từ đường dạy điều gì? Dạy hiếu, đó là gốc! Dạy hiếu để trung tín. Thứ hai là văn miếu, Khổng miếu. Khổng miếu dạy điều gì? Dạy nhân nghĩa đạo đức. Thứ ba là Thành Hoàng miếu, bạn xem ở Trung Quốc, mỗi thành thị, mỗi xóm làng đều có, Thành Hoàng miếu dạy giáo dục

nhân quả, nói cho bạn về nhân quả báo ứng. Bạn giết chúng sanh, chúng sanh sẽ hướng về bạn đòi mạng, bạn thiếu tiền của người, chiếm đoạt tiền bạc của người, bạn phải trả nợ, một ngum một miếng, không sai chút nào, bạn dám làm không? Cho nên xã hội Trung Quốc 5000 năm nay, nhiều nhân khẩu như vậy, đất đai rộng lớn như thế, vẫn trường trị cửu an, nhờ vào đâu? Nhờ vào nền giáo dục.

Tôi tiết lộ với quý vị một tin, vì sao thế giới Cực lạc lại hay như vậy? Vì sao thế giới Hoa Tạng lại hay như thế? Chư Phật Bồ tát ngày nào cũng giảng kinh thuyết pháp ở đó, họ nhận sự giáo dục của Đức Phật. Giáo dục của Đức Phật, Phương Đông Mỹ tiên sinh cho chúng ta biết, là “sự hưởng thụ cao nhất của con người”. Cho nên thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực lạc, là nơi giáo dục phổ cập của Đức Phật, cho nên ở nơi đó sống một cuộc sống hưởng thụ cao nhất của con người, là cái lý như vậy. Nếu như thế giới của chúng ta đây mà phổ cập sự giáo dục của Đức Phật, thì thế giới của chúng ta cũng chính là thế giới Cực lạc, cũng chính là thế giới Hoa tạng. Chẳng phải là làm không được! Thật sự gặp được lãnh đạo giống như chư Phật Bồ tát, thì chúng sanh sẽ có phước.

Cho nên ở vào thời đại hiện nay, chúng tôi cũng có 10 năm kinh nghiệm, nhất định phải đoàn kết tôn giáo, nhất định phải đề xướng sự hỗ trợ học tập giữa các tôn giáo. Đem luân lý, đạo đức, nhân quả của tôn giáo, giáo dục phổ cập đến toàn dân, thì thế giới này tai nạn có thể hóa giải, sự xung đột có thể hóa giải, xã hội an định thế giới hòa bình, người dân mới thật sự sống cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn, đó chính là phổ bi của tịnh pháp.

Trước mắt là đối với phàm phu, đối với nhân dân trên toàn thế giới, hy vọng người dân trên toàn thế giới đều sống cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Cho nên lời nói của Thang Ân Tử rất có lý, chỉ có học thuyết của Khổng Mạnh Trung Quốc và giáo lý Đại thừa, bây giờ chúng ta phải thêm vào một câu, cần liên hợp tôn giáo trên toàn thế giới, phải đề xướng giáo dục tôn giáo, phải đề xướng đại học tôn giáo, đại học đa nguyên văn hóa, để nuôi dưỡng chất thầy giáo. Giáo hóa chúng sanh, vẫn phải đặt nền giáo dục lên hàng đầu, mới có thể giải quyết được vấn đề.

Bính, đoạn thứ ba dưới đây, tác hiển trì danh chi thâm diệu, triệt để thừa đương duy thượng căn. Đây là sự thật, “cố ứng hội thông, mạc tử cú hạ”, cho nên xem kinh, kinh là phải linh động, không thể chấp chặt vào ngôn ngữ văn tự, như thế thì bạn sai rồi, bạn phải hội thông ý nghĩa của nó. Cho nên trong khai kinh kệ nói, “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, câu này rất quan trọng, trong mỗi câu

mỗi chữ đều có rất nhiều ý nghĩa, “nhân giả kiến nhân, trí giả kiến trí”, xem trình độ của bạn, người cạn cợt thì thấy cạn cợt, người sâu sắc thì thấy sâu sắc, như thế chúng ta học bộ kinh này mới thật sự có tác dụng. Tác dụng thứ nhất là thân tâm khỏe mạnh, thọ mà không già, đó là tác dụng thứ nhất đối với chính mình. Tác dụng thứ hai là, có thể hóa giải một số tai nạn tự nhiên hiện nay, có thể hóa giải, có thể giúp cho xã hội này phục hồi lại sự an định hòa bình. Bắt đầu làm ngay từ bản thân chúng ta, từ đạo tràng nhỏ này của chúng ta, những người sống trong đạo tràng nhỏ này mà không thể hữu nghị với nhau, thì bạn có thể giúp đỡ người khác sao? Bạn có thể hóa giải được tai nạn sao? Không thể được. Những người không thể sống cùng nhau này phải làm sao đây? Chúng ta làm tròn bổn phận của mình là được rồi, hành vi của người khác như thế nào, bạn không cần phải lo, đã có ông trời lo rồi. Chúng tôi nghe thấy, ông trời muốn bắt người, tâm hành bất thiện ông trời sẽ bắt họ, những tai nạn bắt người, ôn dịch bắt người. Tôi nghĩ trong tương lai nạn ôn dịch chắc là rất nghiêm trọng, hiện nay đã xuất hiện rồi, ôn dịch phát tác, đại khái khoảng 3 đến 4 giờ đồng hồ là chết, không có thuốc cứu. Tôi cũng nghe nói, người có tâm địa từ bi lương thiện, sẽ không bị lây nhiễm ôn dịch, cái lý giống như các nhà khoa học nói vậy, con người thật sự có tình thương, thì sức miễn dịch của họ sẽ nâng cao, bất cứ virus bệnh nào đến họ, họ cũng không bị lây. Nếu như phẫn nộ, bất bình, oán hận, sẽ rất dễ bị lây bệnh. Những đạo lý này chúng ta đều hiểu, cho nên nhất định phải phát Bồ đề tâm, phải dùng tình thương, yêu thương tất cả chúng sanh. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 43

Giảng ngày 18 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 45, dòng thứ 2.

Đây là đoạn cuối cùng của Sơ Bỉ Căn Khí.

Cái thử pháp môn xảo bỉ chur căn, như Yếu Giải vân, thượng thượng căn bất năng du kỳ khôn, hạ hạ căn diệt năng trấn kỳ vực, phạm thánh kỳ thu, lợi đốn tất bí.

Đây là kết luận cuối cùng, tổng kết pháp môn này, thật sự là phương tiện cứu cánh của Như Lai. Cứu cánh ở đây cũng có nghĩa là viên mãn, không hề khiếm khuyết một tí nào, viên mãn không gì bằng, bất kỳ người có căn tánh như thế nào đều có thể thích hợp được. Tu học pháp môn này, đều có thể thành tựu, điều này thật không thể nghĩ bàn.

Trong cuốn Yếu Giải, Ngẫu Ích Đại sư nói, “thượng thượng căn bất năng du kỳ khôn”, hai câu này hay, nói rất hay. Khôn là gì? Ở đây khôn có nghĩa là phạm vi, bạn không thể siêu việt phạm vi của nó, phạm vi của nó quá lớn, biến pháp giới hư không giới. “Hạ hạ căn diệt năng trấn kỳ vực”, trấn là đạt đến, cũng có thể đạt đến cảnh giới của Đức Phật. Ngẫu Ích Đại sư chẳng phải là người bình thường, Ngài chú cuốn Yếu Giải này, tuy chỉ dùng thời gian có 9 ngày, phía sau có lời bạt, thời gian 9 ngày là viết xong. Ấn Quang Đại sư tán thán cuốn yếu giải này, nói rằng thật sự cô Phật tái lai, để viết chú giải cho cuốn kinh Di Đà, thì cũng không thể hơn cuốn này được, lời tán thán này cũng tán thán đến đỉnh điểm.

Năm xưa tôi ở Singapore, có một lần pháp sư Diễn Bối đưa ra vấn đề này để hỏi tôi. Thầy ấy nói, lời Ấn Quang Đại sư tán thán cuốn Yếu Giải, có phải là hơi quá chăng? Đã hỏi tôi vấn đề như vậy. Tôi trả lời Thầy ấy rằng, tôi nói sự tán thán của Ngài Ấn Quang, không hề quá đáng chút nào, Ngài đã tán thán rất hợp lệ, đó là

lời chân thật. Đời này chúng ta may mắn, còn gặp được thắng hội như thế, chỉ cần có thể tin được, chân tín, y giáo phụng hành, thì đời này cũng có thể tránh kỳ vục, nghĩa là chúng ta cũng có thể đạt đến Thật báo trang nghiêm độ của Di Đà Như Lai. Cho nên hai câu của Ngài Ngẫu Ích Đại sư tán thán kinh Di Đà, cũng giống như Ấn Quang đại sư tán thán Yếu Giải vậy, đều tán thán đến độ viên mãn, tán thán đến độ cứu cánh như thế. Chỉ cần có một chút xíu thiện căn, sau khi gặp được là có thể sanh tâm hoan hỷ rồi, phát nguyện y giáo phụng hành, cho nên pháp môn này thật sự là phạm thánh tề thu. Lợi là thượng căn, độn là hạ căn, lợi căn hay độn căn đều có phần cả.

Di Đà Sớ Sao vị thứ pháp môn vi tận nhiếp lợi độn chư căn, tất giai độ thoát. Đây là lời dạy của Đại sư Liên Trì. Đây là Trung Hưng Tam Đại Sĩ của Tịnh độ tông, Đại sư Liên Trì là vị thứ nhất, kế đến là Ngẫu Ích đại sư, tiếp theo là U Khê Đại sư, viết cuốn Viên Trung Sao. Cuối nhà Minh sang đầu nhà Thanh, Tịnh tông được phục hưng, có 3 vị Đại sư này.

Trong cuốn Sớ Sao có nói: “Tận nhiếp lợi độn chư căn”, là nói tất cả căn tánh, từ thượng thượng căn đến hạ hạ căn đều được độ thoát. Những lời này đều là nói về phương tiện cứu cánh.

“Bình vân”, Đại sư Liên Trì nói: “Chư dư pháp môn”, câu này muốn nói là tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều bao gồm trong lời nói này. Ngoài pháp môn Tịnh độ, thì gọi là chư dư pháp môn, “cao chi tắc hạ cơ tuyệt phân, ti chi tắc bất bỉ thượng căn”. Đức Thế Tôn khi còn tại thế, mỗi ngày đều giảng kinh thuyết pháp, Ngài nói rất hay, đều là những lời nói chân thật, không giả dối, nói pháp không nhất định. Người có trình độ cao thì nói pháp cao cho họ, người có trình độ thấp, thì nói cho họ pháp môn cần tu học trong cuộc sống hàng ngày. Vì người mà khác, vì thời mà khác, vì nơi chốn mà khác, vì sự việc mà khác, không có pháp nhất định. Cho nên chỉ cần thấy được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thì chắc chắn bạn được mãn nguyện, đó là điểm tuyệt vời của Đức Phật. Tất cả pháp Ngài nói ra, bất luận là cao thấp, sâu cạn, đều từ tự tánh lưu xuất ra. Đức Phật không bao giờ nói rằng, xem con người này, mình nên nói gì với họ, Đức Phật không có tâm niệm như vậy. Vừa tiếp xúc là hiểu rõ, là thông đạt rồi, bạn hỏi hay không hỏi Ngài cũng đều biết hết. Bạn đang nghĩ điều gì, bạn muốn cầu điều gì, bạn muốn được điều gì, Ngài hoàn toàn biết rõ, Đức Phật một đời hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Trong kinh Lăng Nghiêm nói: “Tùy chúng sanh tâm, ưng sở tri lượng”, tuyệt đối Đức Phật không đòi hỏi một người nào. Đức Phật thật sự làm đến chỗ tùy duyên bất biến, trong Hoàn Nguyên Quán nói là “tùy duyên

diệu dụng”. Đức Phật trụ thế 80 năm, thị hiện cho chúng ta thấy tùy duyên diệu dụng, tuyệt hay! Diệu ở đây chính là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Cho nên pháp môn cao, thì bậc căn cơ trung hạ không hiểu, giảng những điều thật là nông cạn, thì bậc thượng thượng căn không thích nghe. Giống như ngày nay bạn dạy học vậy, bạn đối mặt với học sinh lớp tiến sỹ, thì những học sinh bậc trung học và tiểu học không thích nghe, họ bỏ đi hết, bạn giảng quá sâu. Bạn giảng quá nông cạn, là bạn dạy những học sinh trường mầm non, học sinh đại học đứng bên cạnh cười rồi bỏ đi, họ cũng không nghe. Vì sao vậy? Vì không khế cơ. Cho nên Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, đây là kinh nhất thừa, cao! Bậc La Hán và Thanh Văn đều rút lui, họ nghe không hiểu.

Dưới đây đưa ra một ví dụ: “Thị dĩ Hoa Nghiêm như minh, huỳnh quang tăng kiết”, Đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, bậc A La hán nghe không hiểu, như mù như điếc, bậc A la hán chẳng phải là không có trí huệ, trí huệ rất ít, như huỳnh quang vậy, ánh sáng của con đom đóm vậy, dưới nền ánh sáng mạnh, thì ánh sáng này không lóe lên được, không hiển thị được, cho nên 5000 vị tỳ kheo rút lui.

“Duy chỉ nhất pháp, thượng hạ khiêm thu, khả vị vạn bệnh dĩ ư a già thiên khí thành ư cự dã”. Hai câu này là ví dụ, trong tất cả các pháp môn, chỉ có pháp môn này là đặc biệt, căn cơ nào cũng đều có thể nhiếp thọ được. Bậc thượng thượng căn nghe pháp môn này nghe thấy rất ý vị, quyết định muốn cầu sanh Tịnh độ, muốn thân cận Phật Di Đà, như các vị Bồ tát đẳng giác, Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí. Bậc hạ hạ căn như các ông các bà già không biết chữ, không được ăn học, nghe rồi cũng rất hoan hỷ, câu A Di Đà Phật không khó niệm, ai ai cũng biết niệm, chỉ cần chân thật niệm, thì chẳng có ai không được vãng sanh, sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, thì bậc hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cảnh giới đó. Thế giới Tây phương tuy có 4 độ, nhưng trong 4 độ này, không có giới hạn, không có chướng ngại, một sanh tất cả sanh, sanh về Phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, đồng thời cũng sanh về Phương tiện độ, Thật báo độ. Vì sao vậy? Vì trong phương tiện độ, các vị Bồ tát đó đã thấy được, sống cùng người này, các vị Bồ tát đẳng giác trong Thật báo độ cũng sống chung với người này, cùng học trong một lớp, một là tất cả, tất cả là một, đó là điều không thể thấy được trong tất cả quốc độ của chư Phật ở mười phương.

Trong sự dạy học ngày xưa ở Trung Quốc có, khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học cũng có, trình độ của học sinh cao thấp không đều, nhưng học cùng một lớp. Trung Quốc ngày xưa, trường học tư thực, tuổi tác của học sinh không bằng

nhau, từ 6,7 tuổi đến 18,19 tuổi, tuổi tác không bằng nhau, trình độ không giống nhau, nhưng cùng học chung một lớp. Chế độ trường học ngày nay đã chia ra rồi, chia ra tiểu học trung học, chia ra trung học đại học, lớp học cũng chia ra, không như ngày xưa, ngày xưa hoàn toàn không chia ra, cùng học chung trong một lớp. Thế giới Tây phương Cực lạc vẫn như vậy, không hề thay đổi, thế giới của chúng ta thay đổi, nhưng thế giới Cực lạc không thay đổi. Bạn nghĩ thử xem không thay đổi là cái lý gì vậy? Chẳng lẽ nơi đó không tiến bộ? Rốt cuộc sự thay đổi của chúng ta ngày nay là tiến bộ hay là thoái bộ? Phải nghiêm chỉnh tư duy, dùng tâm quan sát, vì sao thế giới đó vẫn không thay đổi?

Dưới đây hai câu ví dụ này của Đại sư rất hay: “Vạn bệnh dữ ư a già”. Ở Ấn độ ngày xưa có một loại thuốc, gọi là thuốc A già đà, thuốc này giống như vạn linh đơn mà người Trung Quốc nói, bệnh gì cũng có thể chữa được, không hề có tác dụng phụ, có thể chữa được vạn bệnh. “Thiên khí thành ư cự trị”, khí là đồ đựng, đã là lò luyện. Ở đây nói các loại đồ đựng không giống nhau, nhưng đều được đúc ra từ một cái lò. Lò lớn luyện gang, luyện gang, luyện kim, người Trung Quốc nói ngũ kim, đều phải trải qua lò luyện mới thành được đồ đựng, chúng ta mới có thể dùng được.

“Hựu”, lại nói, vẫn là lời nói trong Sớ Sao: “Đản trì Phật danh, tất sanh bi quốc, tắc hoặc cao hoặc hạ, hoặc phạm hoặc thánh, nãi chí hoặc tín hoặc nghi, hoặc tán hoặc hủy, tri hữu bỉ Phật, tiện thành thiện căn, đa kiếp đa sanh, cụ môn giải thoát”

Cao hạ ở đây là nói về căn tánh, hiện tiền chúng ta đây, bất luận là trình độ của bạn cao, hay trình độ của bạn thấp, hoặc bạn là Thánh nhân, bạn là A la hán, bạn là Bồ tát, hoặc bạn là phàm phu, phàm phu có thiên nhân phàm phu, súc sanh cũng là phàm phu, ngạ quỷ địa ngục cũng là phàm phu. Hoặc là bạn tin, hoặc là bạn hoài nghi, hoài nghi cũng có thể vãng sanh. Làm sao mà hoài nghi cũng có thể? Hoài nghi mà thật tu, chẳng phải là họ không tu, chân thật niệm, họ niệm với cái gì? Họ niệm với tâm hoài nghi, tôi niệm chết bỏ, xem có thể được vãng sanh hay không, không được vãng sanh thì thôi, còn được vãng sanh thì chẳng phải là tốt sao? Họ niệm Phật với tâm niệm như thế, sự siêng năng của họ tuyệt đối không kém gì người khác, cho nên họ đã thành công, sanh về thế giới Tây phương Cực lạc, biên địa nghi thành, khá lắm, cũng không thoái chuyển nữa. Biên địa nghi thành 500 năm thì họ sẽ giác ngộ, đoạn hết nghi hoặc, nghi hoặc đoạn rồi thì nhập phẩm, vậy người này ở phẩm vị nào? Cũng không nhất định, phải xem sự công phu của người đó. Cho nên thật sự thành tựu, tam bối cửu phẩm trong tứ độ đều ở trong

một niệm. Sau khi đoạn hết nghi, nhất niệm của người đó, công phu của tâm niệm đó nếu như sâu, thì phẩm vị lập tức được nâng cao, được thăng tiến, nó không phải là từng cấp bậc từng cấp bậc, có thể một lần mà nâng phẩm vị lên rất cao, đó là mỗi con người chúng ta căn tánh không giống nhau. “Hoặc tán hoặc hủy”, bạn tán thán Phật A Di Đà, bạn hủy báng Phật A Di Đà, khi vô tri, khi không hiểu rõ bạn hủy báng, gặp được thiện hữu, giảng giải cho bạn, bạn hiểu rồi, bạn sẽ sám hối, bạn sẽ tán thán. Bất luận là hủy báng hay tán thán, bạn biết có Phật A Di Đà, thì trong thức A Lại Da của bạn sẽ có chủng tử Phật A Di Đà, đó chính là thiện căn. Đời này không thể thành tựu, lai sanh hậu thế, “đa kiếp đa sanh, cụ mông giải thoát”. Bạn có thiện căn này, sau này gặp được thiện duyên, chắc chắn bạn vãng sanh Tịnh độ. Cho nên trong pháp môn này thường nói rằng: “Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng”, bạn thấy được hình tượng của Phật A Di Đà, biết được vị Phật này là Phật A Di Đà, nghe thấy âm thanh niệm Phật, nghe thấy lời đọc tụng kinh điển, đều hình thành chủng tử trong thức A Lại Da, chủng tử này, chư vị Tổ sư gọi là chủng tử kim cang, vĩnh viễn bất hoại. Đa kiếp đa sanh, kiếp nào đó bạn được thân người, lại gặp được pháp môn này, là có thể thành thực. Các bạn học theo pháp môn Tịnh tông cần nên biết, chúng ta gặp được pháp môn này, chắc chắn không phải chỉ kiếp này mới nghe thấy, trong kiếp quá khứ, nhiều đời nhiều kiếp, không biết đã gặp được bao nhiêu lần rồi, mới có được thiện căn ngày nay, vừa nghe thấy là hoan hỷ, vừa nghe thấy là có thể chấp nhận, điều này nói lên trong kiếp quá khứ, đối với pháp môn này bạn đã quen thuộc lắm rồi. Vì sao khi đó không được giải thoát? Chỉ có một nhân tố, là không buông bỏ tình chấp, đối với thế gian này vẫn còn nhớ, nặng nhất trong sự nhớ đó chính là tình chấp, bạn không buông bỏ nó được, bạn không buông được cái này. Giống như thầy Lý từng nói, bạn sẽ không thể tránh khỏi trường kiếp luân hồi, bạn ở trong luân hồi lục đạo, không dễ gì gặp được Phật pháp. Bạn nghĩ thử xem, nếu như kiếp sau bạn được thân người, toàn thế giới có hơn 60 ức người, bạn là một trong số đó, bạn sanh ở khu vực nào? Bạn có cơ hội gặp được Phật pháp hay không? Nghe được Phật pháp, nghe nói có vị Phật, nghe nói có Phật giáo, bạn biết được pháp môn Tịnh độ chẳng? Không dễ đâu, rất khó rất khó đấy! Còn khó hơn trúng số độc đắc nữa, cho nên đời này chúng ta thật sự đã trúng số độc đắc, nhất định bạn phải nắm bắt lấy, thật sự có thể nắm bắt được, thì đời này chắc chắn bạn thành tựu. Pháp môn này quảng đại, không cần chấp vào căn tánh gì, bạn nói tôi tu không giỏi. Tu không giỏi cũng có thể đi được, chỉ cần thật sự có thể buông bỏ vạn duyên, những chuyện tạp nhạp của thế gian này không còn vướng mắc nữa. Vướng mắc những việc này, nghĩa là nguồn gốc của lục đạo

luân hồi bạn vẫn chưa đoạn, chuyện gì cũng phải buông bỏ, trong tâm chỉ có Tây phương Tịnh độ, chỉ có Phật A Di Đà, thì chắc chắn bạn được vãng sanh, chắc chắn một đời được thành tựu.

Cho nên cuối cùng tổng kết, tổng kết ở đây rất hay. “Chỉ ư đương thế, nhược vấn hà nhân chánh thị đương cơ”. Ở đây bạn muốn hỏi, người như thế nào là bậc đương cơ của pháp môn Tịnh độ? Bậc đương cơ của pháp môn này, ngày nay chúng ta giảng kinh Vô Lượng Thọ, đương cơ của kinh Vô Lượng Thọ, bất luận là nam nữ lớn nhỏ, bất luận là phú quý bần tiện, thượng trí hạ ngu, cửu tu sơ tập, sơ tập là sơ học, “túc căn lợi độn, thiện ác sai biệt”, không cần hỏi về những thứ đó. “Chỉ yếu ư thử pháp môn năng sanh thật tín”, then chốt của câu này ở chữ thật, chân thật, không hề có một chút hoài nghi nào, chân tín, “chân tín phát nguyện”, bạn phải chân tín thì mới thật sự muốn cầu sanh Cực lạc, thật sự muốn về thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc ở đâu vậy? Ở trong Tịnh độ tam kinh. Tam kinh đều giới thiệu với chúng ta về thế giới Cực lạc, chúng ta nên suy nghĩ thế nào về Tam kinh này, trong Tam kinh nói về quê hương của chúng ta. Phật A Di Đà giống như cha mẹ của chúng ta, chư thượng thiện nhân và Bồ tát đẳng giác vô lượng vô biên, giống như anh em huynh đệ của chúng ta vậy. Bản thân chúng ta không biết, bỏ nhà ra đi, chịu nhiều sự đau khổ như thế, bây giờ biết được ở nhà hay, nên gấp rút quay về, đừng chịu những sự khốn khổ đó nữa, oan uổng, không đáng!

“Tùng nguyện khởi hạnh”, hành cách nào đây? Hai câu dưới đây, “phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”. Bồ đề tâm là tâm giác ngộ, không còn mê hoặc nữa, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh độ, tâm ở đây chính là đại Bồ đề tâm. Một phương hướng là Tây phương, một mục tiêu là thế giới Cực lạc. Một lòng một dạ muốn thân cận Đức Phật A Di Đà, người như thế đúng là đương cơ. Chúng ta suy nghĩ thử xem, chúng ta có muốn làm người như vậy hay không? Nói cho quý vị biết, làm người như thế không khó đâu. Việc khó ở thế gian này là cầu người khó, lên trời khó, cầu người khó, chuyện này là cầu chính mình, không cầu người khác. Bản thân mình thật sự hiểu rõ ràng mình bạch, thì vấn đề được giải quyết thôi. Cho nên vãng sanh về thế giới Cực lạc, việc cần thiết nhất là gì? Nghe kinh, việc này không giả dối chút nào. Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, 49 năm giảng kinh thuyết pháp, chẳng ở không một ngày nào. Đó là gì? Đó chính là từ bi tế thế, phổ độ chúng sanh. Hóa giải tai nạn của chính bạn, bản cùng, khốn khổ, tật bệnh của bạn, những việc bất hạnh xảy ra trong gia đình bạn, kinh điển sẽ dạy bạn. Ngày nay xã hội hỗn loạn, ngày nay tai biến khác thường, nếu bạn thật sự nghe kinh thì bạn có thể hóa giải được. Đức Phật đối với tất cả chúng sanh, có tâm từ bi vô tận,

trí huệ vô tận đều nằm trong kinh điển. Bạn không nghe kinh bạn sẽ không hiểu được, bạn không nghe kinh bạn sẽ không buông bỏ. Nếu bạn hiểu rõ ràng minh bạch Phật pháp trong kinh điển, chẳng cần khuyên mà tự nhiên bạn buông bỏ, không còn lưu luyến nữa, bởi vì bạn hiểu rõ, bạn giác ngộ rồi, bạn không chịu buông bỏ những thứ đó đều là rác rưởi, những thứ đó đều là sai lầm. Bạn buông bỏ rồi, thì bạn sẽ quay trở lại Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Từ Bi, bạn sẽ quay về, đó là điều tự tánh vốn sẵn có, trí huệ của bạn hiện tiền, bạn mới thật sự có năng lực giúp cho tất cả những chúng sanh khổ nạn. Có thể giúp cho người khác, thì đương nhiên là có thể giúp cho chính mình, giúp cho chính mình trong đời này viên thành Phật đạo. Chúng ta không cần phải kéo dài thời gian như thế, hôm nay quả nhiên hiểu rõ ràng minh bạch, thì bây giờ đây chúng ta đã đồng tâm với Phật A Di Đà rồi. Phật A Di Đà là tâm gì? Là tâm Chân thành, tâm Thanh tịnh, tâm Bình đẳng, tâm Chánh giác, tâm Từ bi, đây là tâm của Phật A Di Đà, ta tương đồng với Ngài, đồng một nguyện vọng với Phật A Di Đà, “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”. Cụ thể của nguyện vọng này, chính là 48 đại nguyện mà bộ kinh này nói, trong phẩm thứ 6 nói, đồng nguyện với Phật A Di Đà, đồng giải với Phật A Di Đà, bộ kinh này thật sự hiểu rõ ràng minh bạch. Nhất hướng chuyên niệm, là đồng hạnh với Phật A Di Đà. Bạn xem bạn có 4 cái đồng với Phật A Di Đà, đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hạnh. Đây chính là hoàn toàn tương ứng, hoàn toàn tương ứng, nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, bạn không vãng sanh thì ai vãng sanh chứ! Tứ độ tam bối cửu phẩm, xem tâm lượng của bạn, nếu bạn còn vì mình, vì chúng sanh trên địa cầu này, bạn sanh về Phàm thánh đồng cư độ, nhỏ mà! Nếu như bây giờ tâm lượng của bạn mở ra, niệm niệm của tôi đều vì tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, tôi không phải vì hệ ngân hà, tôi không phải vì hệ thái dương, tôi tuyệt đối chẳng phải chỉ vì quả địa cầu này, bạn về thế giới Tây phương Cực lạc, chắc chắn sanh về Thật báo trang nghiêm độ, tâm lượng lớn như thế. Tâm lượng nhỏ, chỉ có quả địa cầu, ngoài địa cầu ra vẫn chưa nghĩ tới, đó là Phàm thánh đồng cư độ. Cho nên tam bối cửu phẩm, là xem tâm lượng của bạn, chứ không xem cái khác. Người thế gian chúng ta nói, yêu người, yêu mình, yêu cha mẹ, yêu con cái, yêu thân bằng quyến thuộc, từ từ rộng ra đến bên ngoài. Những vị Bồ tát thật sự giác ngộ, tình thương của các Ngài là sát độ vi trần trong hư không pháp giới, tình thương đó có đầy trong tự tánh, cho nên sức mạnh của các Ngài rất lớn. Tâm niệm đó có thể chuyển cảnh giới, cảnh tùy tâm chuyển đã hiện ra rất rõ, trên thân của mình bạn có thể thấy được, nó không bị bệnh. Vì sao vậy? Tất cả những tế bào mang bệnh đều phục hồi

trở lại bình thường. Các vị nên biết rằng, Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Từ Bi, những thứ đó là bình thường, là trong tự tánh của bạn vốn sẵn có. Tham sân si mạn nghi, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, không có trong tự tánh, trong tự tánh không có, chúng ta chấp trước, chấp trước là có, nó sẽ sanh ra phiền phức, khiến cho tế bào trên cơ thể bạn, mang mầm mống bệnh tật, mang mầm bệnh độc, bị bên ngoài truyền nhiễm thì sẽ đổ bệnh. Nếu như bạn thay đổi tâm trạng của mình, thường xuyên niệm trong tự tánh và tánh đức hoàn toàn tương ứng, Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi, niệm những thứ này, bạn niệm những thứ này chính là phát Bồ đề tâm, những tế bào mang mầm bệnh hoàn toàn phục hồi lại bình thường. Thật sự bình thường, hoàn toàn giống như chư Phật Bồ tát không khác, thân tâm của bạn mạnh khỏe, người xưa thường nói già mà không suy. Bạn sống đến 100, 200 tuổi, tình trạng cơ thể của bạn giống như người trẻ vậy, không suy. Tâm làm chủ, chứ chẳng phải cái khác làm chủ đâu. Rộng ra hơn nữa, ngày nay chúng ta nói sơn hà đại địa, nói về tai hại tự nhiên, nguyên nhân từ đâu? Vẫn là tâm của chúng ta. Vì sao vậy? Vì cảnh tùy tâm chuyển, bậc cổ nhân Trung Quốc thường nói, hai câu này đã truyền ngàn vạn năm, ngày nay người giảng hình như ít hơn. Khi tôi còn trẻ, khoảng 2, 3 mươi tuổi, câu này trong xã hội có rất nhiều người nói, thường nghe thấy, “phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư”. Con người chỉ cần tu phước, bạn sống ở chỗ này, nơi đây không có phước báo, gọi là phong thủy, chẳng phải là nơi phong thủy tốt, bạn là người có phước ở đó ba năm, thì phong thủy ở nơi đó sẽ chuyển biến, tự nhiên biến thành nơi phong thủy tốt. Vì sao vậy? Vì người có phước, có phước có huệ, cảnh tùy tâm chuyển, đó là sự thật. Con người nếu không có phước, khởi tâm động niệm tự tư tự lợi, thị phi nhân ngã, tham sân si mạn, làm trái lại với luân lý đạo đức, người này không có phước. Dù nơi đó có phong thủy tốt chẳng nữa, rơi vào tay người này 3 năm, thì nơi này cũng hóa thành xấu, có nhiều thứ gọi là tai hại tự nhiên sẽ phát sanh, những lời này là của người xưa truyền lại. Trải qua sự khảo nghiệm ngàn vạn năm, chứng minh cho thấy lời nói này không sai, đó là sự thật. Trong truyền thống văn hóa của Trung Quốc, ở trong Phật pháp Đại thừa, không có gì chẳng là, “hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ”, tuyệt đối không hướng ra ngoài cầu. Có vấn đề, cá nhân mình có vấn đề, bị tật bệnh, gia đình gặp khó khăn, sự nghiệp gặp phải trắc trở, môi trường chúng ta sinh sống gặp phải khó khăn. Phải làm sao đây? Phản tỉnh, chắc chắn có lỗi lầm, chắc chắn có nghiệp lực bất thiện, nghiệp lực bất thiện chiêu cảm ra thiên tai. Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta, sám trừ nghiệp chướng, nghiệp chướng sám trừ rồi, thì chúng ta sẽ thông đạt vô ngại, thông suốt không ngại. Thông với ai vậy? Trong tôn giáo của Tây phương

nói, thông với chủ tạo vật, trong Phật pháp nói chúng ta thông với tự tánh. Trong nhân gian ngày xưa của Trung Quốc nói, thông với lão Tử tông, thông với quý thân, vấn đề được hóa giải. Trong bốn kinh này nói thật sự chỉ có 8 chữ: “Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”, vấn đề được giải quyết. Khi tôi giảng kinh, tôi nhớ tôi đã nói qua rất nhiều lần, các nhà khoa học nói cho chúng ta biết, tổ chức thân người này của chúng ta do tế bào hợp thành, những tế bào này hàng ngày đều thay cũ đổi mới, tế bào già tiêu mất, tế bào mới sanh ra, 7 năm là 1 chu kỳ, hàng ngày đều thay đổi, giống như cơ khí đổi linh kiện vậy. Đã 7 năm đổi một lần, đổi hết toàn bộ, thì sao không đổi cái mới? Vì sao không đổi cái tốt? Con người khi về già rồi, tế bào không còn tốt nữa, có nghĩa là nó không đổi linh kiện tốt, nó đổi linh kiện bình thường, nó đổi linh kiện xấu, cho nên cơ thể càng ngày càng xấu. Tổng chỉ huy cho việc đổi linh kiện này rốt cuộc là ai vậy? Là ý niệm, tâm niệm của bạn. Bạn xem con người đến 6,7 chục tuổi, già rồi, hàng ngày đều nhắc đến già, cho nên những tế bào thay đổi đó, tế bào mới hoàn toàn là tế bào già, tất cả trong đó đều mang theo mầm mống bệnh, già rồi thì phải sanh bệnh thôi, đều do ý niệm của bạn đổi lại đó. Bạn nghĩ thử xem, bạn có thể tìm được một người 7,8 chục tuổi, ngày nào người đó cũng nghĩ mình mới khoảng 18, 20 tuổi, họ có suy nghĩ như vậy không? Không có. Nếu thật sự họ suy nghĩ như vậy, tôi tin rằng những tế bào họ đổi lại đều khoảng 10 tuổi, 20 tuổi thôi. Vì sao vậy? Vì sự sanh diệt của tất cả các tế bào, đều nằm trong sự chỉ đạo của ý niệm, nguyên nhân là ở chỗ này. Có người bị lão hóa chậm một chút, có người bị lão hóa nhanh một chút, nguyên nhân gì vậy? Đều do ý niệm.

Ngày xưa tôi ở Đài Loan, có rất nhiều bạn, mọi người đều có việc làm, bận rộn với công việc, thường quên mất tuổi tác của mình, công việc rất bận rộn, hàng ngày nghĩ đến công việc. Đến năm mươi mấy tuổi thì nghỉ hưu, 60 tuổi nghỉ hưu, nghỉ hưu rồi thì không có việc làm, vào lúc này nghĩ đến điều gì? Tôi già rồi, xã hội thay cũ đổi mới, thời của mình phải rút lui, để cho lớp trẻ nó lên, họ nghĩ tới già. Hai năm không gặp, khi chúng tôi gặp lại, tôi thấy mà giật mình, làm như họ già đi mười mấy hai chục tuổi vậy. Nguyên nhân gì vậy? Tâm ý! Cho nên các bạn tôi gặp lại tôi họ rất ngưỡng mộ tôi. Lúc đầu khi tôi học Phật, họ đều cười tôi, đều không đồng ý. Vì sao một người thông minh như vậy lại hồ đồ, lại mê tín như thế? Đã bị kích chuyện gì? Bị sốc chuyện gì? Vì sao lại đi vào con đường này? Nhưng mà sau khi nghỉ hưu họ lại tán thán rằng, thầy đi đúng đường rồi! Thấy tôi lão hóa không nhiều. Nguyên nhân gì vậy? Tôi không nghĩ đến già, tôi cũng không nghĩ đến bệnh, ngày nào tôi cũng nghĩ đến những điều trong kinh điển dạy, tôi muốn nói

với quý vị rằng, ngày nào tôi cũng nghĩ đến những thứ này. Kinh giáo vĩnh viễn không già, vĩnh viễn không suy, vĩnh viễn không thay đổi. Tôi xin thưa với quý vị chính là cái lý như vậy đó. Quả nhiên sau khi khế nhập, bây giờ tôi có cảm giác, tôi cảm thấy cơ thể của tôi năm nay, so với năm ngoái, năm trước đều rất tốt, mỗi năm một tốt hơn, động tác không bị suy, tôi lễ Phật vẫn sát đất không cần dùng tấm đệm. Không nghĩ đến mà! Nghĩ đến già, nghĩ đến suy, nghĩ đến phải có người hầu hạ, thế thì phiền lắm, tôi không nghĩ đến những điều này. Có một số cư sỹ bên tôi rất quan tâm đến tôi, nói rằng tôi lớn tuổi rồi, nên tìm một người thị giả. Tôi nói không cần, tôi còn lo cho bản thân mình được. Lý Bình Nam lão cư sỹ 95 tuổi, mới đồng ý để mọi người tìm hai người đến lo cho ông ấy, trước 95 tuổi, tự mình lo cho mình, không suy. Có năng lực lo cho chính mình, nói lên rằng cơ thể của bạn không tồi, đâu cần phải người khác lo cho? Lớn tuổi rồi thì thật sự cử động nên cẩn thận một chút, cử động chậm một chút, không đến nỗi xảy ra chuyện ngoài ý muốn, cẩn thận, động tác, ngôn ngữ đều chậm một chút, càng chậm càng tốt. Những tập khí bùng bột thật sự đoạn hết, người trẻ, đặc biệt là xã hội ngày nay, thường có những tâm trạng bùng bột, tuy trình độ không đều, nhưng đều có, hiện tượng phổ biến. Bản thân chúng ta nghĩ xem cũng có những tập khí này, nhất định trong cuộc sống hàng ngày phải lưu ý, học điềm đạm. Bạn xem Tăng Quốc Phan tiên sinh, ông ta đối với con cháu trong nhà, Thư nhà, Gia huấn của ông ấy rất đáng đọc. Gia giáo của ông ấy, từ nhỏ con em đã phải học cách điềm đạm, không được có một chút tập khí bùng bột nào, đó chính là gia giáo. Ngày nay cách suy nghĩ đều cạn cợt, không giống như người xưa. Cho nên bất luận trong cuộc sống, hay trong công việc, tất cả mọi môi trường đều đang thay đổi, khiến cho chúng ta cảm nhận rõ ràng sự cảnh tùy tâm chuyển, đây là lời chân thật, không giả dối.

Chương này chúng ta học đến đây là xong, tiếp tục coi chương kế, chương thứ 6, “tạng giáo sở nhiếp”. Thế nào là Tạng giáo? Đoạn đầu giải thích cho chúng ta thấy: “Phàm thể cứu kinh điển, nghi tiên tri thử kinh thuộc u hà tạng, thuyết tại hà thời, phán thuộc hà giáo, u thử liễu tri, tắc hữu trợ u lý giải toàn kinh”, chúng ta học đến đoạn này.

Ở đây nói lên chương này rất cần thiết, cần nên nói. Thể là thể hội, cứu là nghiên cứu, ở trong Phật pháp gọi là tham cứu. Tham cứu và nghiên cứu có chỗ nào không giống nhau? Người thế gian nói nghiên cứu, ở trong nghiên cứu có tâm ý thức, cũng có nghĩa là gì? Là có phân biệt chấp trước. Còn tham cứu? Tham cứu thì không thể dùng phân biệt chấp trước. Ly vọng tưởng phân biệt chấp trước gọi là tham. Trong đó xem tạp vọng tưởng phân biệt chấp trước thì gọi là nghiên cứu, cho

nên nghiên cứu là pháp thể gian, tham cứu là pháp xuất thể gian, hoặc giả nghiên cứu là thể pháp, tham cứu là xuất thể pháp, không giống nhau ở chỗ này.

Tham cứu cách nào đây? Bạn xem nhiều, nghe nhiều, bạn không có phân biệt, bạn không có chấp trước, bạn không có ý kiến, bạn không có phê bình, chúng ta dùng cách nói thông thường gọi là thuần khách quan. Bạn có phân biệt chấp trước, bạn có ý kiến phê bình, là bạn có quan niệm chủ quan ở trong đó. Quan niệm chủ quan là gì? Là kiến thủ kiến và giới thủ kiến trong năm loại kiến hoặc, bạn xem tập những thứ này ở trong đó nên gọi là thể gian pháp. Cho nên chúng ta phải học thấy rõ ràng, nghe minh bạch, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, không còn phê bình nữa, không biểu thị ý kiến, không có ý kiến, không có ý kiến, không phê bình, bạn mới có thể thấy rõ chân tướng sự thật, đó là trí huệ đầy. Nếu như xen tạp phân biệt chấp trước trong đó, thì kiến văn giác tri của bạn, những điều bạn thấy là tri thức chứ không phải là trí huệ. Tri thức và trí huệ hoàn toàn không giống nhau, trí huệ rất vi diệu. Cho nên người thời nay cầu trí huệ không dễ dàng đâu, vì ý kiến của họ quá nhiều, họ thích phê bình, thích phát biểu ý kiến của mình, toàn là tri thức. Người thật sự có trí huệ, người có tu dưỡng, họ thấy mà không mở lời, bạn không thỉnh giáo với họ họ sẽ không nói đâu. Bạn thỉnh giáo với họ, họ ứng cơ thuyết pháp, xem trình độ của bạn là gì, bạn có thể tiếp nhận được bao nhiêu? Học tập ngay trong cuộc sống hàng ngày, chứ không rời cuộc sống đâu, rời cuộc sống hàng ngày thì học ở đâu chứ? 53 tham của Thiện Tài đồng tử là gì? Nghĩa là từ sáng thức dậy cho đến tối đi ngủ, tất cả con người và sự vật sự việc mà bạn tiếp xúc trong một ngày, chính là 53 tham, bạn thấy nam nữ già trẻ, các hăng các nghiệp, Thiện Tài đồng tử thật sự là tham, bạn đọc cho kỹ 53 tham này, Ngài đã dùng tâm xem, nghe, và học, không có ý kiến. Sợ nhất là phê bình, Thiện Tài đồng tử chưa bao giờ phê bình, Ngài toàn là tán thán, là cảm ơn, điều này cần nên học. Tán thán là nhìn thấy được chân lý, cảm ơn là cảnh giới đưa mình đi lên. Kiệt Tường Vân tỳ kheo là tượng trưng cho Bồ tát Sơ trụ, Bồ tát Phổ Hiền tượng trưng cho sự viên mãn, một đời từ Sơ trụ đạt đến cứu cánh viên mãn, 52 giai cấp. Đây là biểu pháp, pháp ở trong công việc, trong cách đối nhân xử thế, ở trong cuộc sống hàng ngày. 53 tham là sống chứ không phải là chết, là cuộc sống thực tế. Làm thế nào để ứng dụng Hoa Nghiêm trong cuộc sống hàng ngày? Thiện Tài đã biểu diễn ra.

Ở đây nói bộ kinh này thuộc về tạng nào, đây là phân loại. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói vào khi nào, phán thuộc về dạy học, dạy học giống như chương

trình dạy học của chúng ta ngày nay vậy, nên đặt nó ở trung học hoặc là đại học, nên để vào năm thứ mấy, khi nào thì dạy, nó là giáo dục. Bạn hiểu rõ như thế, nó giúp cho việc lý giải toàn bộ kinh.

Phu nhất đại thánh giáo chi phán phân, chư gia hữu dị, toát yếu ngôn chi viết, tam tạng, nhị tạng, ngũ thời, nhị giáo dữ tứ giáo, ngũ giáo.

Đây là bậc Cổ đức chia ra, Tạng có tam tạng, nhị tạng, nó thuộc về tạng nào? Đã thuyết vào lúc nào? Có vị Tổ sư nói là ngũ thời, điều này mọi người đều chấp nhận. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni một đời giảng kinh thuyết pháp, được chia làm 5 giai đoạn. Khi ngài khai ngộ, ở trong định 21 ngày, 21 ngày ở trong định giảng kinh Hoa Nghiêm, người thế gian không biết được, Tiểu thừa A La hán cũng không biết được, cho nên hàng Tiểu thừa không chấp nhận sự việc này. Bồ tát Đại thừa thì biết, người tham dự pháp hội này là 41 vị Pháp thân đại sĩ, họ không phải là Pháp thân Bồ tát, nên họ không có năng lực để tham dự pháp hội này, vì đây là vào trong định của Như Lai để nghe pháp. Đại thừa thì coi đây là một thời, thời thứ nhất, Tiểu thừa thì không tính như vậy. Sau khi đức Thế Tôn xuất định, ở trong vườn Lộc Uyển dạy 5 vị tỳ kheo, hàng Tiểu thừa thì tính từ đây, đây là thời A Hàm, 12 năm giảng A Hàm, đặt ra nền tảng tu học cơ bản. 12 năm này là nền tảng giáo dục, dạy bạn làm người, dạy bạn sanh lên cõi trời, dạy bạn siêu việt lục đạo luân hồi, đến đây là chấm dứt. Sau 12 năm này, đức Phật giảng Phương Đẳng, điều này phía sau có đề cập đến. Phán thuộc hà giáo, cổ nhân nói có nhị giáo, có tứ giáo, có ngũ giáo.

“Phàm thích kinh giả, tu tiên phán minh”, học tập kinh giáo, vì đại chúng giảng giải kinh điển, nhất định phải hiểu điều này, không hiểu những điều này, chính bản thân mình còn chưa hiểu rõ ràng, thì làm sao bạn có thể giảng giải kinh điển một cách rõ ràng được.

Ngày xưa học Thiên Thai, Thiên Thai tứ giáo, Tạng Thông Biệt Viên. Học Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm lấy Hiền Thủ đại sư làm tượng trưng. Hoa Nghiêm cũng gọi là tông Hiền Thủ, Hiền Thủ giảng ngũ giáo, Tiểu Thừa Chung Đốn Viên, những điều này bạn không hiểu rõ ràng, thì bạn không thể giảng giải được. Người thời nay học kinh giáo không giảng những thứ này, tứ giáo nghĩa, ngũ giáo nghĩa đều không nói đến, đều không lý giải được. Ở vào thời đại ngày nay, chúng ta phải đi theo thời đại, giảng tứ giáo, giảng ngũ giáo sẽ khiến cho người ta hồ đồ. Người thời nay rất quý trọng thời gian, tranh nhau từng giây từng phút, bạn giảng những điều này người ta không thích. Tôi muốn đến để nghe kinh, thầy giảng những thứ

này tôi nghe không hiểu, nên họ không đến nữa, đó là căn tánh không tương đồng. Thời, địa, người đều không giống, bắt buộc chúng ta phải tùy thuận, nhưng bản thân mình chẳng thể không hiểu. Nếu bạn gặp phải một người thật sự trong nghề, hỏi bạn mà bạn không biết thì tiêu rồi, lập tức người ta sẽ nhìn bạn bằng ánh mắt khác ngay, cho nên bản thân phải hiểu. Ngày nay giảng kinh, thông thường chúng tôi ở trong giảng đường, cũng không giảng về tứ giáo, ngũ giáo. Chúng tôi lấy tứ giáo, ngũ giáo quy nạp lại, quy nạp lại thành ba đoạn.

Thứ nhất là nhân duyên giảng kinh, vì sao tôi giảng bộ kinh này, nhân duyên giảng kinh.

Thứ hai là tông chỉ của bộ kinh này, cũng gọi là tông thú. Học bộ kinh này điểm quan trọng là chỗ nào minh tông luận dụng.

Thứ ba là giảng đề kinh, cho nên đơn giản hóa rồi. Một giờ đồng hồ là có thể giảng rõ ràng về ba điều này, tiết thứ hai là giảng đến kinh văn rồi. Bạn xem chúng ta ở đây, khái yếu này, khái yếu chính là huyền nghĩa. Chúng tôi giảng chắc khoảng 6,7 mươi tiếng đồng hồ mà vẫn chưa giảng đến kinh văn, họ nghe kinh: Tôi đến để nghe thầy giảng kinh, chứ không nghe thầy nói càn, thời gian dài như thế mà vẫn chưa thấy được kinh văn, người ta sợ bỏ chạy hết. Cũng may đối diện với chúng tôi ngày nay đều là các đồng tu cũ, nhất là bộ kinh này ngày xưa chúng tôi đã giảng qua 10 lần, đây là lần thứ 11, lần này chúng tôi không phải giảng kinh, chúng tôi giảng cuốn chú giải của Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ. Ngài dùng “thập môn khai khái” của Hoa Nghiêm, thập môn này môn nào chúng ta cũng học. Học đoạn này và kết cấu của kinh Hoa Nghiêm giống nhau, Ngài hoàn toàn sử dụng kết cấu của kinh Hoa Nghiêm.

“Kim bốn kinh tam tạng trung thuộc kinh tạng”, tam tạng là kinh tạng, luật tạng, luận tạng, nó thuộc về kinh tạng trong nhị tạng. Nhị tạng là Bồ Tát tạng và Thanh Văn tạng, nó thuộc về Bồ tát tạng. Trong ngũ thời, nó thuộc về thời Phương Đẳng. Phương Đẳng là thời thứ 3. Thứ nhất là thời Hoa Nghiêm, thứ hai là thời A Hàm, thứ ba là thời Phương Đẳng. Đức Phật ở thời Phương Đẳng giảng bộ kinh này, nghĩa là Hoa Nghiêm 21 ngày, A Hàm 12 năm Phương Đẳng tám năm. Cũng có nghĩa là, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giảng kinh thuyết pháp là 12 năm về sau, trước 12 năm, trong đó giảng bộ kinh này, thuộc về thời Phương Đẳng, đây là Đại thừa, sự khởi đầu của Đại thừa.

Ở trong nhị giáo, nhị giáo là tiệm giáo và đốn giáo. Tiệm là từ từ từng bước từng bước, y theo thứ tự mà học tập, đốn giáo là siêu việt, kinh này thuộc về đốn giáo.

Tứ giáo là tông Thiên Thai nói, ngũ giáo là tông Hiền Thủ nói. Viên giáo trong tứ giáo, tạng, thông, biệt, viên. Trong ngũ giáo tiêu, thi, chung, đốn, viên. Tứ giáo, ngũ giáo đều thuộc về Viên giáo, cho nên là Viên giáo đại thừa. Ở đây đề cập đến cương mục một chút trước, sau đó giảng kỹ thể nào gọi là tam tạng, chúng ta coi đoạn dưới đây : “Giáp, Tam Tạng”

Tạng giả, Đại Thừa Nghĩa Chương vân, bao hàm uẩn tích danh tạng, ở đây giải thích ý nghĩa của chữ này. Bao là bao gồm, hàm dung, uẩn tạng, kiết tích, có những ý nghĩa này ở trong đó thì gọi là tạng. Tạng được chia làm 3 loại: Một là kinh tạng, tiếng Phạn là Tu Đa La, ở đây dịch là khế kinh. Kinh ở đây thêm vào một chữ “khế”, bắt buộc phải có đầy đủ hai điều kiện: Trên khế với lý mà chư Phật đã nói, dưới khế với căn cơ chúng sanh được độ. Nghĩa là bên trên lý mà chư Phật đã nói, là tánh, chính là tự tánh, chắc chắn nó tương ứng với tánh đức, gọi là khế lý. Người thời nay nói là chân lý, trong đây nói là chân lý. Chân lý siêu việt thời gian và không gian, chân lý là vĩnh hằng bất biến, ngoài ra nhất định phải thích hợp với đại chúng xã hội ngày nay, có năng lực học tập, nếu như không có năng lực học tập, thì bộ kinh này không gọi là khế cơ. Cho nên trong kinh tạng có rất nhiều loại kinh, có sâu, có cạn, có kinh thích hợp với trình độ cao, có kinh thích hợp với bậc sơ học, nhưng bộ kinh này tất cả đều thích hợp hết. Người học lâu, bậc lão tu, được, rất thích hợp với họ, hàng sơ học cũng được. Trước đây có nói, ba loại căn tánh thượng trung hạ đều thích hợp hết.

Thứ hai là luật tạng, Luật tạng tiếng Phạn là Tỳ Nại Da, ở đây gọi là điều phục. Luật tạng là giới luật, điều quan trọng của giới luật chính là quy luật, nhất định cần nên học tập. Những quy luật này đều tương ứng với tự tánh, có thể điều phục được tập khí phiền não của chúng ta, khiến cho tập khí phiền não điều phục được, thì bạn mới có thể tiếp nhận được lời dạy của thánh hiền. Sau khi học tập lời dạy của thánh hiền, bạn giác ngộ rồi, sau khi giác ngộ thì tập khí phiền não của bạn được hóa giải. Cho nên giới luật là công phu sơ bộ, sau đó có định, có huệ. Định huệ có thể hóa giải tập khí phiền não của bạn, hóa giải thành trí huệ. Mê thì trí huệ biến thành phiền não, ngộ thì phiền não biến thành trí huệ.

Thứ ba là luận tạng, luận là thảo luận, tiếng Phạn là A Tỳ Đạt Ma, ở đây gọi là Đối trị, điều này rất giống nghiên cứu thảo luận mà người thời nay nói, nghiên

cứu thảo luận là trí huệ, cho nên luận tạng là trí huệ. Đối trị điều gì? Đối trị sanh tử, đối trị phiền não, đối trị nhiễm ô, phục hồi lại thanh tịnh bình đẳng giác.

Bốn kinh trong tam tạng kinh luật luận, thuộc về kinh tạng. Ở đây quý vị nên biết rằng, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế giảng kinh thuyết pháp, không phân biệt tỉ mỉ như vậy đâu, đó là do sau này chư vị Tổ sư phân ra thôi. Chúng ta quan sát thật kỹ thì bạn sẽ hiểu được, trong mỗi bộ kinh đều có kinh luật luận. Bạn xem trong bộ kinh này, những điều trong phẩm thứ 8 dạy chúng ta: “Thiện hộ khẩu nghiệp, bất ky tha quá, thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi, thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm”, đó là giới luật đấy, dạy như thế có rất nhiều. Cho nên trong mỗi bộ kinh, đều có kinh, đều có luật, đều có luận, những điều đức Thế Tôn và đệ tử thảo luận đều có hết. Rốt cuộc phải phân cách nào đây? Coi phân lượng nhiều ít, xem bộ kinh đó giảng về cái gì nhiều nhất. Kinh giảng về định học, luật giảng về giới học, luận giảng về huệ học, giảng về giới định huệ, dùng cái đó để phân. Bộ kinh này giảng về định nhiều, định là niệm Phật tam muội, giảng về điều này nhiều, cho nên quy về kinh tạng. Nếu như giảng nhiều về phương diện giới luật, thì quy về luật tạng. Thảo luận, giảng về huệ nhiều, thì quy về luận tạng. Kinh luật luận được phân ra như vậy, không có cách nào nghiêm khắc phân ra, bởi vì mỗi lần Đức Phật giảng Ngài đều nói đến.

Đoạn dưới đây nói về nhị tạng. Nhị tạng, Trí Độ Luận, cũng gọi là Đại Trí Độ Luận nói rằng: “Tuy cụ cầu nhất giải thoát môn, nhi hữu tự lợi lợi nhân chi dị, cố hữu đại tiểu chúng sai biệt, vi thị nhị chủng nhân, cố Phật khẩu sở thuyết, dĩ văn tự ngữ ngôn phân vi nhị chủng, tức Thanh Văn tạng dữ Bồ tát tạng dã, Thánh giáo tuy chúng bất xuất thử nhị”.

Đây là đại phân, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế giảng kinh thuyết pháp, đại phân thì có hai bộ phận, một là Tiểu thừa, một là Đại thừa. Tiểu thừa là Thanh Văn tạng, giống như bậc tiểu học. Đại thừa là Bồ tát tạng, giống như bậc đại học. Thời xưa hình như không nghe nói đến trung học, ở Trung Quốc chúng ta cũng vậy, đại học ở Trung Quốc gọi là thái học, tiểu học, thái học. Đại khái trước 12 tuổi đều gọi là tiểu học, đặt nền tảng. Ở trong đây, vì con người khi tuổi còn nhỏ trí nhớ rất mạnh, ít vọng niệm, tiếp xúc với xã hội bên ngoài không nhiều, giữ được sự trong trắng, trí nhớ tốt nhất, một đời những thứ cần nhớ, ở trong giai đoạn này đã thuộc hết toàn bộ, đều thuộc rất kỹ. Cho nên khi vào trong thái học, thông thường rất ít sử dụng bốn kinh. Vì sao vậy? Vì thầy giáo thuộc rồi, học sinh cũng thuộc rồi, nhắc tới bộ sách nào thì mọi người đều biết cả, nếu như bạn

không biết thì bạn không thể vào nghe giảng được, chỉ khi nào bạn học qua, bạn học rất thuộc, thì vào trong đó bạn mới thật sự học được, cho nên mọi người học rất vui, học rất hoan hỷ. Học sinh có thể đưa ra vấn đề thưa hỏi thầy giáo, thảo luận cùng các bạn. Những thứ cần học thuộc, thì trước 12 tuổi đều phải học thuộc hết, sau này cầu học, cho nên thầy giáo đi dạy, không mang theo sách, cũng không mang theo sách tham khảo. Mang theo cái gì đây? Mang theo rượu thịt. Học sinh chọn người gan dạ, thầy giáo dẫn học sinh đi du lịch, đi chơi, những môn chơi đó đều là dạy học. Bởi vì giảng đến câu chuyện trong lịch sử, thì phải đi đến tận nơi đó, để bạn coi, bạn coi hiện trường, quá khứ đã xảy ra những chuyện gì, cho bạn có ấn tượng sâu sắc. Đi du lịch, đi du lịch mấy tháng trở về, môn học đã dạy xong. Cho nên học thật sự là vui, đâu giống ngày nay học, học thật đáng thương, học thật vất vả.

Dưới đây trong dấu ngoặc đơn, “Duyên Giác nhiếp quy Thanh Văn, cố chi nhị tạng. Tịnh Cảnh Sớ vân, Long Thọ vân”, Bồ tát Long Thọ nói, sau khi Đức Phật diệt độ, ngài Ca Diếp và A Nan ở thành Vương Xá, kiết tập pháp tạng, là Thanh Văn tạng. Ở đây nói nguồn gốc của Thanh Văn tạng, chính là kinh A Hàm trong đại tạng kinh của chúng ta ngày nay.

Văn Thù, A Nan ư Thiết Vi sơn, tập Ma Ha Diễm vi Bồ tát tạng. Kiết tập kinh tạng, ngài A Nan đảm nhiệm việc giảng lại, còn có một vị chủ trì, vị chủ trì cho Thanh Văn tạng là Ma Ha Ca Diếp. Vị chủ trì cho Bồ tát tạng là Bồ tát Văn Thù, họ là những vị chủ trì, người giảng lại đều là ngài A Nan. Ngài A Nan giảng lại một lần tất cả kinh điển khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế đã nói, ghi chép lại lưu truyền đến đời sau, đó là kinh điển, nguồn gốc của kinh điển là như vậy. Do đó trong đạo Phật mấy ngàn năm nay bồi dưỡng pháp sư giảng kinh, đều sử dụng phương pháp này, phương pháp này ở Trung Quốc đã dùng 2000 năm, gọi là phục tiểu tọa. Ngày xưa ở tự viện mỗi ngày giảng kinh, thật sự là nền giáo dục mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni truyền lại, giáo dục của Đức Phật, sự dạy học của Phật Bồ tát, hàng ngày giảng kinh. Những học sinh phát tâm học giảng kinh ngồi ở hàng thứ nhất, ngồi gần thầy giáo nhất, hàng thứ nhất, vì sao vậy? Vì họ phải giảng lại, thầy giáo giảng buổi sáng, có thể buổi chiều sẽ đến lượt họ phải giảng, giảng lại một lần những gì thầy giáo đã giảng, đó là thời xưa. Những người bình thường nghe kinh, cũng đến chùa để tìm cái kinh đơn, nghĩa là chuyên môn nghe kinh, trong chùa có khách đường để tiếp đón họ, có phòng ốc để họ nghỉ ngơi, họ đến đó để nghe kinh, thời gian là một bộ kinh, giảng xong một bộ kinh thì họ sẽ đi, họ đến để nghe 1 bộ kinh. Vào thời đó chùa tốt, bởi vì kinh tế của chùa có sự thu nhập cố

định, không nương vào Phật tử, những người đến nghe kinh đa số là tú tài nghèo, họ đến chùa ở 1,2 tháng, tùy tâm cúng dường một chút, năng lực của họ có hạn, họ đến đây ở 2,3 tháng, chùa cho họ ăn ở, hàng ngày họ học tập kinh giáo. Đại khái người xuất gia cũng phải giảng lại, khi giảng lại đôi khi thầy giáo nghe, đôi khi thầy giáo không nghe, nhưng mà thầy giáo sẽ nghe vài lần. Các bạn học, các bạn học có người tư thâm, như các anh chị học trước vậy, làm trợ giảng cho thầy giáo. Vào thời đó chưa có danh từ trợ giảng, trên thực tế là trợ giảng, giúp cho các bạn giải quyết vấn đề, thật sự học tập! Thầy giáo giảng xong một bộ kinh, các vị học giảng kinh, cũng đã giảng lại xong, họ ra ngoài giảng có niềm tin. Đời đời như thế, đến đời chúng tôi đây vẫn còn học phương pháp cũ này.

Thầy Lý mở một lớp học ở Đài Trung, lớp học kinh, chính là lớp dạy giảng kinh. Thấy ấy dạy mấy người? Dạy 2 người, hai người này ngồi trước mặt thầy, còn lại hơn hai chục học sinh khác, ngồi vây xung quanh nghe dự thính, dự thính cũng phải học nghiêm chỉnh, cũng phải ghi chép vào tập, bởi vì khi đó không có máy thu âm, đương nhiên cũng không có máy thu hình, không có những thiết bị này. Chắc khoảng hơn 50 năm về trước, 60 mươi năm rồi. Ghi chép lại cho ai đây, cho bạn giảng kinh, giúp cho họ, bởi vì thầy giáo giảng kinh người này không cách nào nhớ được hết, các bạn ghi rồi, người này về nhà soạn ra, viết thành giáo trình, hoàn toàn là của thầy giáo, không được sử dụng ý của mình trong đó. Bạn giảng lại, thì mang giáo trình này đi giảng, giảng cho ai nghe đây, giảng cho các bạn nghe, cho thầy giáo nghe, thầy giáo và các bạn cùng nghe. Tiết thứ hai không phải là thầy giáo giảng, mà là người học giảng kinh đây giảng lại. Sau khi giảng xong, các bạn học phê bình để giúp cho người này tiến bộ, thầy giáo hướng dẫn, người học giảng kinh đây soạn lại bài giảng một lần nữa, sau khi soạn lại xong, tiếp tục lên bục giảng công khai giảng với mọi người. Hai người lên pháp tòa, ở Đài Loan, một người giảng tiếng phổ thông, một người giảng tiếng Đài, giống như là phiên dịch vậy, kỳ thật là sử dụng bài giảng giống nhau, bồi dưỡng học sinh như thế đấy. Lớp học này của thầy Lý mở được 2 năm, thành tựu được hơn 20 học sinh, tôi học ở lớp này một năm 3 tháng, tôi dự thính, ngồi ở hàng cuối cùng, bởi vì tôi là học sinh cuối cùng đến lớp, sự sắp đặt chỗ ngồi của họ, là y theo thứ tự trước sau, tôi đến sau cùng, cho nên chỗ ngồi của tôi ở chỗ cuối cùng.

Khi tôi còn trẻ có hai điều kiện tốt, một là trí nhớ rất tốt, tôi nghe diễn giảng một tiếng đồng hồ, nếu kêu tôi giảng lại ngay, thì ít nhất tôi cũng có thể giảng đến 55 phút, tôi có tài này, trí nhớ tốt, trí nhớ có thể duy trì được một tuần lễ, tôi có

năng lực này. Thứ hai là tôi có năng lực lý giải rất tốt, tôi hiểu được ý nghĩa của nó, cho nên trình độ học tập của tôi rất nhanh. Các bạn khác họ nghe không hiểu, ngồi trước thầy giáo tôi hiểu hết. Thầy giáo giảng một lần, tuyệt đối không giảng lần thứ hai, nếu bạn hỏi thầy, thầy la cho bạn một bài, đôi khi còn đánh bạn nữa, đánh rồi nhưng cũng không nói cho bạn biết, không giảng lại đâu. Thầy nói nếu như tôi la anh, đánh anh rồi lại giảng cho anh biết, thì bạn vẫn còn tâm lý may mắn, không sao hết, cùng lắm bị la một trận, bị đánh một trận, nhưng thầy vẫn giảng cho mình biết. Đánh rồi, la rồi mà không giảng, bạn sẽ chẳng có cách nào. Ở đây dạy bạn điều gì? Dạy bạn khi nghe giảng, phải tập trung tinh thần lại mà nghe, bạn không thể có một vọng niệm. Bạn bị sót một câu, bị sót một đoạn, thì tuyệt đối không thể giảng lại được, đây là đề khó đấy. Các bạn ấy không làm được họ đến hỏi tôi, tôi giảng cho họ, cho nên tôi đã giúp đỡ rất nhiều đối với các bạn học giảng kinh. Tôi nghe được 13 bộ kinh, đại khái hơn một tháng gần hai tháng, người này học bộ kinh này xong rồi, thì họ dự thính, tiếp tục hai người khác, luân phiên như thế, chúng tôi đã học như vậy. Cho nên những gì tôi nghe qua đều có thể giảng lại được, tôi có được ưu điểm như thế, vì vậy học rất nhanh, 1 năm 3 tháng thì tôi đi xuất gia. Sau khi xuất gia tôi dạy ở Phật Học Viện, bắt đầu ra ngoài giảng kinh, tôi học 13 bộ kinh này, rất hữu dụng rất được hoan nghênh. Dạy ở Phật Học viện được hơn một năm, chưa đến hai năm, tôi cảm thấy không được, nền căn bản của tôi không dày, tôi học toàn là tiểu bộ kinh, học được bộ lớn nhất, là kinh Kim Cang và phẩm Phổ Hiền Bồ tát Hạnh nguyện, lớn hơn một chút, căn bản không dày thì không được, tôi trở lại Đài Trung, học với thầy giáo một bộ kinh lớn. Khi đó tôi chuẩn bị là kinh Pháp Hoa, chú giải kinh Pháp Hoa, tôi đã tìm được mười mấy loại, đều là cổ chú, mang đến Đài Trung, hy vọng thầy giáo sẽ dạy tôi bộ kinh này. Đúng dịp đó thầy giáo bắt đầu khai giảng kinh Lăng Nghiêm, thầy nói với tôi, phân lượng của Lăng Nghiêm và Pháp Hoa gần giống nhau, nghĩa lý trong kinh Lăng Nghiêm và kinh Pháp Hoa cũng rất gần, đều có thể nói là pháp môn viên đốn Đại thừa. Thầy nói nếu chú học Lăng Nghiêm thì tôi tiện hơn, nếu chú học Pháp Hoa thì tôi không có thì giờ để dạy chú. Tôi đã chấp nhận, đổi thành học kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm mỗi tuần thầy ấy giảng 3 buổi tối, tối thứ năm tôi mới giảng lại. 3 năm thầy ấy giảng xong bộ kinh này, tôi cũng giảng lại hết bộ kinh đó. Thính chúng của tôi có 6 người, 6 người đều là giảng kinh, đều học giảng kinh, hơn nữa họ giảng cũng rất hay. Mỗi ngày sau khi tôi giảng lại kinh Lăng Nghiêm, thì 6 bạn học này chỉ ra khuyết điểm cho tôi, giúp cho tôi sửa đổi. Cho nên năm 1977, pháp sư người Hongkong, mời tôi đến Hongkong giảng kinh Lăng Nghiêm, tôi đã đồng ý ngay, tôi đã giảng qua một lần rồi mà. Quy cách học giảng kinh

chẳng thể không biết, sự tương truyền của Trung Quốc đời này sang đời khác, phương pháp bồi dưỡng pháp sư giảng kinh quá hay, trường học ngày nay không thể đem so sánh được. Họ được chọn ra từ trong thánh chúng, thật sự có năng lực này, hội đủ hai điều kiện, một là trí nhớ, hai là sự hiểu biết. Nếu bạn nghe một tiếng đồng hồ, bạn giảng không được 40 phút thì không đạt tiêu chuẩn, thì bạn không thể tham dự lớp học này, ít nhất là phải giảng được 40 phút, mới tạm gọi là được. Cách học của chúng tôi thời đó, bình thường rất hiếm có, hầu như 100% là có thể giảng được.

Dưới đây nói “Địa Trì diệt vân” Địa Trì là một bộ kinh. “Phật vị Thanh Văn, Bồ tát hành xuất khổ đạo”, hành là tu hành, khổ đạo là nói về lục đạo luân hồi. Hàng A La Hán và Bồ tát làm thế nào để siêu việt lục đạo luân hồi, nói những đạo lý, những phương pháp này cho họ. “Thuyết tu đa la”, tu đa la là kinh, “kiết tập kinh giả, tập vi nhị tạng”. Sau khi Đức Phật diệt độ, các vị đệ tử Thanh Văn và Bồ tát, hy vọng đem lời dạy của Đức Phật viết thành văn tự lưu truyền đến đời sau, giúp cho hàng hậu học đời sau, cho nên phát khởi kiết tập, nghĩa là sắp xếp lại những tài liệu dạy học của Đức Thế Tôn. Ngày xưa Đức Phật dạy học không có bài giảng, cũng không có văn tự, nên nhất định phải nương vào việc giảng lại, tập thành nhị tạng. Nói về việc tu hành của hàng Thanh Văn là Thanh Văn tạng, nói đến việc tu hành của hàng Bồ tát là Bồ tát tạng, đây là nguồn gốc của kinh điển Đại thừa và Tiểu thừa.

“Kim bốn kinh trung quảng diễn đại thừa, tường trần tín nguyện vãng sanh thù thắng nhân quả, tịnh Phật quốc độ y chánh trang nghiêm, Di Đà vô biên nguyện hải phổ độ chúng sanh chi đạo”, đều ở trong bộ kinh này. Cho nên bộ kinh này là Bồ tát tạng sở nhiếp, nhiếp là thu nhiếp, Bồ tát tạng thu, ngày nay chúng ta quen dùng từ thu nhiếp, nhiếp có nghĩa là thu nhiếp.

Đoạn dưới đây nói về thời gian “ngũ thời”. “Thiên Thai đại sư”, chính là Trí Giả đại sư, y theo kinh Niết Bàn, phân một đời Đức Thế Tôn thuyết pháp làm 5 thời, nghĩa là phân làm 5 thời kỳ.

Thứ nhất Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm đầu tiên trong 21 ngày, gọi là thời Hoa Nghiêm, vừa rồi tôi có nói với quý vị, hàng Tiểu thừa không chấp nhận.

Thứ hai là 12 năm, ở Vườn Lộc Uyển đảnh, đảnh là đảnh xứ, 12 năm không phải chỉ ở trong vườn Lộc Uyển, thời gian đầu ở vườn Lộc Uyển độ 5 tỳ kheo, nói Tứ A Hàm của Tiểu thừa, gọi là thời A Hàm. Ở trong Tiểu thừa nói về đạo lý làm

người, cũng có nghĩa là Luân lý, đạo đức, nhân quả, mà chúng ta giảng thời nay, giảng về con người vì sao phải ở trong lục đạo luân hồi, những lý sự nhân quả này đều giảng rất thấu triệt. Làm thế nào để thoát ly lục đạo luân hồi, giảng về nghiệp nhân quả báo trong lục đạo luân hồi, dạy con người làm thế nào để không mất nhân thân, làm thế nào để sanh về trời dục giới, cõi trời sắc giới, cõi trời vô sắc giới, làm thế nào để siêu việt lục đạo luân hồi. Những điển tích giảng dạy này, đều được gọi là thời A Hàm, kinh Tiểu thừa, thời A Hàm.

Thứ ba, trong tám năm sau đó, nói kinh Duy Ma, kinh Đại Tập, kinh Lăng Nghiêm vân vân, Tịnh độ ngũ kinh đều được nói vào thời điểm này. “Đàn thiên xích tiểu” ý nghĩa chữ đàn và xích giống như nhau. “Thán đại bảo viên”, lúc này Đức Phật khuyến khích đại chúng, nên bỏ Tiểu thừa, phát tâm hướng thượng. Tiểu thừa chỉ chứng quả A La Hán, chỉ thoát ly lục đạo luân hồi, không ra khỏi thập pháp giới. Nói cho đại chúng biết, ngoài luân hồi ra, vẫn còn bốn pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Phật. Lục đạo là nhiễm ô, tứ pháp giới là thanh tịnh. Hy vọng mọi người phát tâm, tiến lên một bước nâng cao cảnh giới của mình, cho nên đã nói những kinh điển như vậy. “Quảng thuyết tạng thông biệt viên tứ giáo”, quảng là phương, thường đi đôi với nhau phương quảng, quân là quân đẳng, bị chúng cơ, cho nên có tên là thời Phương Đẳng

Thứ tư, sau đó 22 năm, nói kinh Đại Bát Nhã, nên tên là thời Bát Nhã. 22 năm chúng ta mới biết được, Bát Nhã là trung tâm của Phật pháp, 12 năm thời A Hàm là nền tảng giáo dục, Phương Đẳng là thời kỳ dự bị, nghĩa là từ Tiểu thừa tiến đến Đại thừa là thời kỳ trải nghiệm, cũng có nghĩa là nòng cốt khoa dự bị, lớp dự bị.

Thứ năm, cuối cùng 8 năm nói kinh Pháp Hoa, kinh Niết Bàn là di giáo, là di chúc, nói trong một ngày một đêm, đều tính vào thời thứ 5, cho nên 5 thời kỳ. “Cửu giới tam thừa”, cửu giới là chín pháp giới. “Tất môn thọ ký, vô luận đại tiểu, giai linh tác Phật, thử thời minh viết Pháp Hoa Niết Bàn thời”.

Kinh Pháp Hoa là kinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói sau cùng, nói gì vậy? Cửu giới tam thừa đều nói đến trong kinh Pháp Hoa. Bất luận là Đại thừa Tiểu thừa, mục tiêu cuối cùng, đều là làm Phật, đều là thành Phật, như kinh Hoa Nghiêm nói, tất cả chúng sanh vốn là Phật.

Hựu thử kinh môn Thế Tôn đa thứ tuyên thuyết, cố bất ưng hạn ư nhất thời dã. Bộ kinh này rốt cuộc vào thời nào? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hầu như trong

thời Phương Đăng có nói đến, thời Bát Nhã cũng có nói đến, cho nên không thể đặt nó vào bất cứ thời kỳ nào, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thường giảng bộ kinh này. Nói cách khác, tầm quan trọng của bộ kinh này có thể suy nghĩ mà biết được. Vì sao Đức Phật phải giảng bộ kinh này? Là hy vọng tất cả chúng sanh, trong một đời này, đều có thể viên mãn thành Phật. Bộ kinh này là con đường thành Phật, ai cũng có phần, năng tín, năng nguyện, năng hành là sẽ thành công. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 44

Giảng ngày 19 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 47.

Chúng ta coi đoạn Định- Phán Giáo. Đệ nhất, tứ giáo dữ ngũ giáo, cổ kim chư sư phán phân giáo tướng giả phạm hữu thập nhị gia, kỳ trung tối trước giả nãi Thiên Thai sở lập chi tứ giáo, dữ Hiền Thủ tông chi ngũ giáo.

Phán giáo, cũng có nghĩa là sau này chư vị tổ sư phát minh ra, tam tạng, nhị tạng, ngũ thời, phân giáo. Vào thời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hoàn toàn không có, sau này chư vị Tổ sư, đem sự dạy học của Đức Thế Tôn trong suốt 49 năm ra nghiên cứu, nghiên cứu rốt cuộc Ngài đã dùng phương pháp nào? Nghiên cứu về những thứ đó, cho nên đã đem phân ra rất nhiều khoa mục, đối với các vị học Phật đời sau này mà nói, thật sự tiện lợi rất nhiều, nhưng nói tóm lại, những thứ này rất đáng để tham khảo. Nếu không thể giữ vững những nguyên tắc này, thì là bạn sai đây. Thời giáo một đời của đức Thế Tôn rất linh hoạt, trong kinh Đức Phật đã nói rất rõ ràng: “Nhu Lai vô hữu định pháp khả thuyết”. Trong Kinh Lăng Nghiêm đã nói cho chúng ta thấy rõ, “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”. Cho thấy Đức Phật tùy theo căn tánh của chúng sanh, tùy theo trình độ của chúng sanh, không có phương pháp nhất định, như trước đây chúng ta học đến “cứu cánh

phương tiện”, đó là đại trí huệ, đại thần thông mới có thể làm được. Chứ không giống như phương pháp phân ra của hàng hậu học, những phương pháp này đều biểu hiện qua một đời thuyết pháp của Đức Thế Tôn, đó là những điều mà người học Phật chúng ta chẳng thể không biết.

Phán giáo, giáo là dạy học, dùng ngôn ngữ ngày nay mà nói, là chế độ dạy học, người xưa nói là nghi thức dạy học, cho nên có giáo nghĩa, có giáo pháp, pháp là phương pháp, nghi là nghi thức, ngày nay chúng ta nói là chế độ. Ví dụ như lớp mẫu giáo, tiểu học, trung học, đại học, thạc sỹ, đều thuộc về chế độ, ngày xưa gọi những cái đó là giáo nghĩa. Phương pháp là phương pháp dạy học, đối với hàng lợi căn dùng phương pháp nào? Hàng độn căn dùng phương pháp nào? Phương pháp nhân người mà khác. Nghi thức là y theo tiến độ không tương đồng mà có sự sai biệt. Bắt đầu học tập, là sơ nhập môn, gọi là tiểu học, sau đó từ từ hướng thượng nâng cao lên, nâng lên đến trung học, nâng lên đến đại học, nâng lên đến nghiên cứu sở. Phương pháp như vậy gọi là tiệm giáo, từ từ hướng thượng nâng lên. Còn một loại nữa là đốn giáo, cái gọi là thiên tài nhi đồng, họ không cần phải trải qua nhiều tầng lớp như vậy, vừa nhập môn là họ có thể vào lớp thạc sỹ, tiểu học, trung học, đại học, họ không cần phải học, đó là trường hợp đặc biệt, có người như vậy không? Có, nhưng không nhiều, rất ít.

Từ đó cho thấy, cách nói pháp này, vì người mà bất đồng, vì thời mà bất đồng, vì việc mà bất đồng, vì nơi chốn mà bất đồng, nếu bạn hiểu được hết, thì gọi là khế cơ.

“Cổ kim chư sư”, đó là thời xa xưa, chứ không phải ngày nay, đại khái phân khoa phán giáo là vào thời Tùy Đường. Nói “cổ” là trước đời Tùy Đường, cổ nhân, nói “kim” đại khái vào thời Tùy Đường, các vị tổ sư nói phân khoa phán giáo có 12 học phái. Trong 12 học phái này, nổi tiếng nhất là Thiên Thai và Hiền Thủ, cho nên người học giáo sau này, không nương vào Thiên Thai thì nương vào Hiền Thủ, cho đến năm Dân Quốc đầu tiên cũng còn như vậy. Ngày nay chúng ta còn học những thứ này nữa hay không? Ngày nay không học nữa, đến thời của chúng tôi là đã không học rồi. Không học thì làm sao đây? Thầy Lý đã đơn giản hóa những thứ này, viết thành một cuốn sách mang tên, Nội Điển Giảng Tọa Chi Nghiên Cứu, chúng ta nương vào cuốn sách này. Cuốn sách này nghĩa là gì? Nghĩa là đơn giản hóa tứ giáo và ngũ giáo, đây là thích hợp với người thời nay, không nói kỹ như bậc cổ nhân, nhưng mà thích hợp với khẩu vị của người thời nay.

“Thiên Thai tứ giáo viết tạng thông biệt viên”. Dưới đây giải thích sơ lược: “Tạng giáo” chính là Tiểu thừa, tạng ở đây là tam tạng, nghĩa là tam tạng kinh luật luận, mở ra ba khoa mục này. Kinh tạng, nói về định học, Luật tạng nói về giới học, nói về quy củ, Luận tạng là nghiên cứu thảo luận, khai mở trí huệ. Ở trong đó có rất nhiều điều hỏi đáp. Mới vào cửa Phật cần nên học những điều này, học giới tu định khai trí huệ.

Thứ hai là Thông Giáo, vị Đại thừa trung thông thuyết tam thừa, thông bị tam căn. Thông giáo ở đây nghĩa là, trước thông với Tiểu thừa, sau thông với Đại thừa. Ở trong đó nói có Thanh Văn thừa, có Duyên Giác thừa, có Bồ tát thừa. Thanh Văn là Tiểu thừa, Duyên Giác là trung thừa. Nếu như nói nhị thừa, là Duyên Giác và Thanh Văn hợp lại, gọi là Tiểu thừa giáo, Bồ tát là Đại thừa. Nói tam thừa là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát. “Thông bị tam căn”, tam căn thượng trung hạ đều giảng đến, ở đây giống như bậc trung học của Phật giáo vậy.

Biệt Giáo, vị Đại thừa kinh trung sở thuyết giáo pháp, bất thông Tiểu thừa đẳng giả thị dã. Ở trong đây không có giáo nghĩa Tiểu thừa, thật sự nâng cao rồi, nhưng mà nó vẫn còn có thể hướng thượng nâng cao lên nữa, hướng thượng nâng cao lên đến viên giáo, ở đây ví cho đại học, viên giáo ví cho thạc sỹ.

Tứ giả Viên Giáo, vị pháp giới tự tại, cụ túc viên mãn, nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất, vô ngại pháp môn đẳng thị dã. Đây mới là viên mãn đại thừa, ở trong đó nói đa phần là pháp thân Bồ tát, đến Phật quả cứu cánh.

Đây là giáo tướng của Thiên Thai, nghĩa là nghi thức dạy học, cách dạy học, người thời này nói là chế độ dạy học, như vậy mọi người dễ hiểu.

“Hiền Thủ tông phân giáo”, Hiền Thủ là tông Hoa Nghiêm. Hiền Thủ đại sư, là tổ đời thứ ba của tông Hoa Nghiêm. Thứ nhất, sơ tổ của tông Hoa Nghiêm là hòa thượng Đỗ Thuận, nhị tổ là Vân Hoa, tam tổ là Hiền Thủ. Sự kiến lập phân giáo này, đã hoàn thành vào đời Hiền Thủ đại sư, thành lập nên một thế hệ rất tốt. Cho nên tông Hoa Nghiêm không gọi là tông Đỗ Thuận mà gọi là tông Hiền Thủ, Ngài là một nhân vật rất quan trọng trong 5 vị tổ đầu tiên của tông Hoa Nghiêm, cũng có nghĩa là sự kiến lập nên tông Hoa Nghiêm đến tay Ngài mới được coi là viên mãn, giống như làm nhà vậy, đến đời Ngài mới làm xong, bắt đầu làm là hai vị tổ trước.

Phán giáo Ngài nói: “Thánh giáo vạn sai, yếu duy hữu ngũ”, thánh giáo, thánh chỉ cho Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc đại thánh. Một đời Ngài giáo hóa

khác nhau rất nhiều, tất cả pháp Ngài nói trong suốt 49 năm, yếu là đem quy nạp lại tinh giản có 5 loại: Tiểu thừa giáo, Đại thừa thí giáo, Đại thừa chung giáo, Đốn giáo, Viên giáo. Thiên Thai lấy đốn và viên hợp lại là một gọi là Viên Giáo. Ngài Hiền Thủ từ trong viên giáo lại mở ra đốn giáo, tiểu giáo là tiểu học, thí giáo là trung học, chung giáo là đại học, đốn viên là nghiên cứu sở, giảng kỹ hơn tông Thiên Thai một chút.

Dưới đây giới thiệu, thứ nhất tiểu thừa giáo: “Sở thuyết duy thị nhân không, túng thiểu thuyết pháp không, diệc bất minh hiển, vị tận pháp nguyên cố”. Cho nên trong Tiểu thừa giáo giảng nhiều nhất là về nhân ngã không, pháp không có nói, nhưng nói không nhiều, nói không được rốt ráo, chỉ nhắc qua thôi. Cho nên hàng Tiểu thừa, đối với duyên khởi của vạn pháp họ không hiểu rõ, duyên khởi về lục đạo thì nói rất nhiều, không nói đến duyên khởi của các pháp, chỉ nói duyên khởi của lục đạo, cho nên sự tu tập của hàng Tiểu thừa, quả vị cao nhất là siêu việt lục đạo. Lục đạo từ đâu mà có? Lục đạo là kiến tư hoặc phiền não biến ra, đoạn hết kiến tư phiền não, thì lục đạo không còn nữa. Lục đạo không còn nữa, cảnh giới xuất hiện ra là Tứ thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, sau đó nói về thập pháp giới, thêm vào tứ pháp giới, thập pháp giới. Trong thập pháp giới, tứ pháp giới này gọi là Tịnh độ, lục đạo phạm phu trước, sáu pháp giới này là uế độ, là nhiễm ô, tứ thánh pháp giới thanh tịnh không nhiễm ô. Trong nhiễm ô nói đến thiện ác, bạn tu thiện thì ở ba đường lành, bạn làm ác thì vào 3 đường dữ, cảnh giới này từ trong tâm niệm biến hiện mà có. Đạo lý này trong Đại thừa giáo nói rất rõ ràng minh bạch: “Tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển”.

Thông thường người ta không hiểu rõ chân tướng sự thật, chân tướng sự thật là gì? Tất cả chúng sanh có tâm vô tâm khởi một niệm lên, mà không biết một niệm này ảnh hưởng đến mức nào, không biết tâm niệm này sẽ tạo nên kết quả như thế nào, họ hoàn toàn không biết, Bồ tát Đại thừa thì biết được. Ở trong Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, thấy được ba loại châu biến này, thì không thể lường được! Một tâm niệm cực kỳ vi tế, thậm chí tâm niệm đó chính bản thân chúng ta còn không biết được. Vì sao vậy? Tập khí mà, tập khí nhỏ nhoi, khởi lên một niệm, tâm niệm khởi lên là châu biến pháp giới, bạn xem mức ảnh hưởng có lớn không? Tin tức châu biến pháp giới này, ngày nay các nhà khoa học gọi là tin tức, trong Đại thừa giáo gọi là chuyển tướng, nó là năng biến, cảnh giới tướng là sở biến, tùy theo tâm niệm này mà biến. Niệm thiện thì biến thành cảnh giới thiện, niệm ác thì biến thành cảnh giới ác, ác niệm biến thành ngũ trược ác thế, niệm thiện biến thành thế giới Cực lạc, tâm niệm biến hiện, tâm niệm thiện ác đều

không có, mới gọi là tịnh niệm. Chỉ cần có những tâm niệm này, thì đều là nhiễm ô, đều là không thanh tịnh. Đến Tứ thánh pháp giới, đoạn hết kiến tư phiền não, cũng có nghĩa là hai bên thiện ác đều không có, nó không tồn tại nữa, cho nên mới gọi Tứ thánh pháp giới là tịnh niệm, nơi mà những người này sống gọi là Tịnh độ, cái lý là ở chỗ này. Vẫn còn nhiễm tịnh thì đó không phải thật sự thanh tịnh, thật sự thanh tịnh là gì? Là ngay cả nhiễm tịnh cũng không còn. Bạn xem nhiễm tịnh vẫn là đối lập, vẫn là nhị pháp không phải là nhất pháp, trong nhất pháp, trong nhất pháp không có nhiễm tịnh. Nói cách khác, tất cả những thứ đối lập đều không tồn tại, đó gọi là nhất chân pháp giới, đó là thật báo trang nghiêm độ, đó là Viên giáo, đến Thật báo trang nghiêm độ là Viên giáo.

Đại thừa chung giáo, chung giáo là Đại thừa, Đại thừa là viên mãn, Đại thừa viên mãn hướng thượng nâng cao gọi là nhất thừa. Trong kinh Pháp Hoa nói: Duy có pháp nhất thừa, không hai cũng không ba. Hai là Đại thừa tiểu thừa, ba là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, không có! Đó là giả thiết. Chỉ có pháp nhất thừa, không hai cũng không ba. Nhất thừa chính là Phật thừa, bạn vốn là Phật, bây giờ bạn quay về tự tánh, là bạn thành Phật, cho nên đây là điểm cuối cùng của Đại thừa. Điểm cuối cùng của Đại thừa ở đâu? Là Phật pháp giới trong Thập pháp giới. Họ chưa kiến tánh, vẫn như xưa dùng A Lại Da, nhưng mà họ dùng A Lại Da một cách viên mãn. Vì sao vậy? Vì họ tiếp thu sự chỉ dạy của Phật Bồ tát, họ y giáo tu hành. Cho nên về mặt hình tướng, thấy họ và Phật không khác. Vì vậy Trí Giả đại sư nói về “Lục Túc Phật”, gọi những người này là Tương Tư Túc Phật, rất giống, rất giống Phật, nhưng chưa thể gọi là chân Phật. Vì sao vậy? Vì họ chưa thể chuyển thức thành trí, tâm mà họ dùng vẫn là A Lại Da, thật sự thành Phật, thì A Lại Da chuyển biến thành Tứ trí bồ đề, đó là chân tâm, họ vẫn còn dùng A Lại Da, nếu như chuyển bát thức thành tứ trí, thì đó là chân Phật, nhất chân pháp giới, gọi đó là minh tâm kiến tánh, Thiên tông gọi là minh tâm kiến tánh, trong Pháp tướng tông thì gọi là chuyển thức thành trí. Chuyển thức thứ sáu thành Diệu quan sát trí, chuyển thức thứ 7 thành Bình đẳng tánh trí, chuyển A Lại Da thành Đại viên cảnh trí, chuyển Tiền ngũ thức thành Thành sở tác trí, chuyển biến như thế thì vị này chính là chân Phật. Chân Phật vẫn chưa đạt đến cứu cánh viên mãn, cho nên Thiên Thai đại sư gọi đó là Phần Chứng Túc Phật. Từ sơ trụ của Viên Giáo đến đẳng giác đều gọi là Phần Chứng Túc Phật, đẳng giác trở lên là viên mãn, gọi là cứu cánh viên mãn.

Điều này trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta học được rất nhiều, 41 tầng lớp ở đây đều là minh tâm kiến tánh, đều là không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, cho nên là chân bình đẳng. Trong chân bình đẳng vì sao vẫn còn có 41 cấp bậc vậy? Tập khí vô thi vô minh, mang theo nhiều ít không đồng nhau. Vừa mới chứng được Sơ trụ của Viên Giáo, không khởi tâm, không động niệm, nhưng mà tập khí không khởi tâm, không động niệm vẫn còn. Tập khí đó không sao cả, không giống như phân biệt chấp trước, tập khí phân biệt chấp trước vẫn còn tạo nghiệp, tập khí không khởi tâm không động niệm nó không tạo nghiệp, cho nên nó không chướng ngại, đoạn tận, đoạn sạch những tập khí này, thì đó chính là cứu cánh viên mãn Phật. Cho nên chỉ cần buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hoặc giả chúng ta nói buông bỏ khởi tâm động niệm, đây chính là Viên giáo. Viên giáo không khởi tâm, không động niệm, đốn giáo cũng không khởi tâm, không động niệm. Đốn giáo là lập tức buông bỏ, hạng người này rất khó tìm, viên giáo, buông bỏ khởi tâm động niệm mới là Viên giáo. Nhưng mà viên giáo từ từ từng bước từng bước hướng thượng nâng cao, đó là Viên giáo. Đốn giáo, đốn giáo không đi qua tiểu, thi, chung, không đi qua, thật sự gọi là một bước lên trời.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế, Ngài tham học 12 năm, biết rằng không viên mãn, nên buông bỏ những thứ học được trong 12 năm này, nhập định dưới cội cây bồ đề, hốt nhiên đại ngộ, đó là đốn. Lập tức buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, không có thứ lớp, buông bỏ hết, nên đã thành Phật.

Vào đời Đường ở Trung Quốc, Lục Tổ Huệ Năng của Thiên tông thị hiện là đốn giáo, Ngài không phải là viên giáo. Ngài không đi qua tiểu, thi, chung, ngài không đi qua, chỉ ở trong phương trượng của ngũ tổ Hoàng Nhẫn, canh ba nửa đêm vào đó thân cận với ngũ tổ, tổ sư giảng đại ý kinh Kim Cang cho Ngài, giảng đến câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, thì Ngài hốt nhiên đại ngộ. Đó là nguyên nhân gì vậy? Ngũ tổ giảng đến chỗ này, thì Ngài buông bỏ khởi tâm động niệm. Đây là đốn xả, xả là buông bỏ, đốn xả, không phải Ngài bỏ từ từ. Căn tánh của chúng ta ngày nay không giống như Ngài, chúng ta không phải là đốn căn, chúng ta là tiệm căn. Chúng ta học tập trong kinh giáo, công phu thật sự là gì? Công phu thật sự chính là buông bỏ, mỗi năm buông bỏ một chút, mỗi năm buông bỏ một chút, mấy mươi năm từ từ buông bỏ, có được kết quả, đó gọi là tiệm tu. Chúng ta học tiểu giáo, buông bỏ tiểu giáo, học thi giáo lại buông bỏ thi giáo, học chung giáo lại buông bỏ chung giáo, như thế từ từ đi đến viên giáo. Đây là viên giáo? Hoa

Nghiêm là viên giáo, Pháp Hoa là viên giáo, kinh Vô Lượng Thọ là viên giáo, từ từ chúng ta học thành.

“Đại thừa thí giáo, vị thí nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh chi nghĩa”. Vẫn chưa nói đến điều này, Đại thừa mới bắt đầu chưa nói đến điều này. “Bất hứa định tánh xiển đề thành Phật”, cho nên nói Nhất Xiển Đề không thể thành Phật. Xiển Đề là tiếng Ấn độ, có nghĩa là gì? Là không có thiện căn. Người không có thiện căn thì làm sao có thể thành Phật được. Nhưng Viên giáo thì không nghĩ như vậy, Viên giáo cho rằng, tất cả chúng sanh vốn là Phật. Câu này không thể nói ở chỗ đó, nói thì họ hoài nghi, họ không tin, cho nên chỉ nói rằng người không có thiện căn thì không thể thành Phật. “Vị tận đại thừa cực tác chi đàm, cố danh vi thí” đây là Đại thừa thí giáo.

Chung giáo, chung giáo là nói về trung đạo, giảng về diệu hữu, giảng về định tánh, định tánh là A La hán, Xiển Đề là chúng sanh không có thiện căn, tất cả đều có thể thành Phật. “Phương tận đại thừa chí cực chi thuyết, cố danh viết chung”. Những gì chúng ta học ngày nay, chúng ta học đến chỗ nào đây? Chúng ta học đến đại thừa chung giáo, đốn và viên chúng ta chưa có phần.

Đốn giáo, duy thuyết chân tánh, nhất niệm bất sanh, tức danh vi Phật, bất y địa vị tiệm thứ nhi thuyết, cố danh vi đốn. Giống như những điều Huệ Năng đại sư gạt hái được, Ngài là đốn giáo, đốn xả, đốn ngộ, đốn chứng, đốn thành. Cho nên y vào lý mà nói, phàm phu thành Phật phải cần bao nhiêu thời gian? Một niệm. Niệm trước mê là phàm phu, niệm sau giác là thành Phật, giác ngộ đó là giác ngộ gì? Là buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, là chân giác ngộ. Ngày nay chúng ta không giác ngộ được là vì sao? Là vì không buông bỏ được khởi tâm động niệm phân biệt chấp trước. Chúng ta cũng có thể ngộ, nhưng không phải là đốn ngộ, là sự tích lũy việc tu học trong mấy chục năm, nghĩa là trong kinh điển nói cho chúng ta biết, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”. Hàng ngày không rời kinh điển Đại thừa, ngày ngày đọc tụng, học tập, chúng ta biết, sự ngộ của chúng ta gọi là giải ngộ. Chư vị tổ sư, như Đức Thích Ca, ngài Lục Tổ, các Ngài chứng ngộ, hiệu nghiệm của chúng ngộ, các Ngài thật sự hưởng được. Chúng ta giải ngộ là hiểu được, nhưng trên thực tế thì chưa làm được, không làm được thì sao đây? Chưa làm được thì vẫn còn chịu sự thống khổ của sanh tử luân hồi, may mà gặp được pháp môn đối nghiệp vãng sanh này. Nếu như chúng ta thật sự giác ngộ, bản thân chúng ta nên suy xét chính mình, chúng ta không thể đốn xả khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, suy nghĩ thử xem e rằng đời này không thể

đoạn sạch, chẳng những không đoạn được khởi tâm động niệm, mà phân biệt chấp trước cũng không đoạn sạch, nếu không đoạn sạch thì không ra khỏi lục đạo. Một đời chúng ta tu tập, quả báo ở đâu? Quả báo ở cõi nhân thiên, có thể nói kiếp sau chắc chắn không đọa vào ba đường ác, có thể được thân người. Tu hay hơn một chút, chưa đoạn hết dục, sanh về trời dục giới, nếu như dục thật mỏng thật mỏng, bạn về cõi trời sắc giới, bạn sanh về cõi trời. Nếu hoàn toàn không chế được dục vọng, thực tế là gốc chưa đoạn, hoàn toàn có thể không chế, thật sự không khởi tác dụng, sanh về cõi trời vô sắc giới, vẫn chưa ra khỏi lục đạo luân hồi. Như thế nên biết rằng siêu việt lục đạo luân hồi là việc làm vô cùng khó khăn, gặp được pháp môn Tịnh độ, đối với chúng ta mà nói đây và chuyện vui lớn, pháp môn này không cần đoạn hoặc, chỉ cần hàng phục được nó là đủ rồi. Bạn có năng lực hàng phục được kiến tư phiền não, nghĩa là hàng phục được chấp trước; Tôi không chấp trước tất cả pháp, tôi thật sự có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, thì chắc chắn bạn có thể sanh về Phạm thánh đồng cư độ ở tây phương Tịnh độ, chắc chắn bạn được vãng sanh. Công phu của bạn tiến lên một bước, bạn lại có năng lực hàng phục được trần sa phiền não, nghĩa là bạn có năng lực không phân biệt, không chế được phân biệt, bạn sanh về phương tiện hữu dư độ ở thế giới tây phương Cực lạc. Nếu công phu của bạn cao lên một tầng nữa, bạn không chế được khởi tâm động niệm, ở trong tất cả pháp của thế và xuất thế gian, thật sự không khởi tâm không động niệm, thì bạn sanh về Thật báo trang nghiêm độ ở thế giới tây phương Cực lạc. Cho nên Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: Được vãng sanh hay không là ở chỗ có tín nguyện hay không, chân tín thiết nguyện thì được vãng sanh, vãng sanh về nơi Tứ độ tam bối cửu phẩm, đó là ở chỗ công phu niệm Phật cao thấp của bạn. Ở thế giới Cực lạc không cần phải lo, không cần phải suy nghĩ đến những thứ này. Thế giới Cực lạc là gì? Là bình đẳng, nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất. Mặc dù sanh về Phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng bình đẳng với Thật báo độ, điều này không thể nghĩ bàn. Như vậy nghĩa là sao? Ngày nay chúng ta ở phạm Thánh đồng cư độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, địa cầu này là Phạm thánh đồng cư độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tứ thánh pháp giới của đức Phật Thích Ca Mâu Ni chúng ta không thấy. Thật báo trang nghiêm độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni chúng ta không thấy, đó là vì sao? Vì không giống nhau, ở trong đây như người thời nay nói rằng, không gian duy thứ bất đồng. Các Ngài có thể thấy chúng ta, chúng ta không thấy được các Ngài, nhưng mà ở thế giới tây phương Cực lạc thì không như vậy, tuy chúng ta là Phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, không đoạn một phẩm nào của kiến tư phiền não, đạt đến thế giới tây phương Cực lạc, là được bốn nguyện oai thần của đức Phật A Di Đà gia trì, trí huệ thần thông

đạo lực của chúng ta, tương đồng với Bồ tát A Duy Việt Trí. A Duy Việt Trí là gì? Sơ trụ của viên giáo trở lên, là Thật báo độ. Nói một cách khác, Bồ tát ở Thật báo độ nơi thế giới tây phương Cực lạc, Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, đều ở bên đó, ngày nào cũng có thể gặp được, họ là học trò của đức Phật, quan hệ của chúng ta là bạn học, họ là đàn anh của chúng ta. Chúng ta học tập có bất cứ khó khăn nào, họ đều giúp đỡ chúng ta, cho nên bạn sanh về thế giới Cực lạc, chắc chắn bạn không bị thoái chuyển. Nguyên nhân gì vậy? Rất nhiều người lo cho bạn, bạn muốn thoái chuyển cũng không được, đây là chỗ thù thắng không gì sánh bằng của thế giới Cực lạc, chúng ta chẳng thể không biết.

Ở đoạn đốn giáo này phía sau vẫn còn, như “Tu Ích kinh vân: Đắc chư pháp chánh tánh giả, bất tùng nhất địa chí ư nhất địa”. Đắc chư pháp chánh tánh, vì sao vậy? Tất cả được lưu xuất từ tự tánh. Hơn nữa sau khi bạn có thể nghe được, là bạn có thể minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, giống như ngài Huệ Năng vậy.

“Lăng Già kinh vân: Sơ địa tức Bát địa, nãi chí vô sở hữu hà thứ đẳng”. Ở trong đây không có thứ đệ, thật là nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất, Sơ địa tức Bát địa đó là ví dụ. Sơ trụ, trong kinh Hoa Nghiêm Sơ trụ tức Sơ địa, Bát trụ tức Bát địa, nó không có giai cấp, không có thứ đệ, đây gọi là đốn giáo.

Sau đây là viên giáo, “thống cai tiền tứ, viên mãn cụ túc: Viên là gì? Trước đây nói về tiểu, thi, chung, đốn, đều bao hàm hết, viên mãn cụ túc. “Sở thuyết duy thị vô tận pháp giới, tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, tương tức tương nhập, để vãng trùng trùng, chủ bạn giao tham vô tận, vô tận nhất vị tức nhất thiết vị, nhất thiết vị tức nhất vị. Thị cố thập tín mãn tâm, tức nhiếp nhất thiết vị, viên thành chánh giác”, đó là viên giáo. Trong kinh điển đại thừa, Hoa Nghiêm là viên giáo, Pháp Hoa là viên giáo, bộ kinh này cũng là viên giáo. Chưa sanh về thế giới tây phương Cực lạc thì không viên, vừa vãng sanh là viên rồi, đến thế giới Cực lạc, thật sự là nhất tức nhất thiết, nhất vị tức nhất thiết vị, nếu như chúng ta sanh về bên đó, địa vị khi chúng ta đi, là Phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, là vị thứ như vậy. Nhưng mà đến thế giới Cực lạc, cái vị này lập tức biến thành nhất thiết vị, nếu chúng ta qua lại với Quan Âm và Thế Chí, qua lại thì chắc chắn là địa vị bằng nhau. Nếu địa vị không bằng nhau thì không thể qua lại được, như thế thì bạn biến thành đẳng giác rồi. Đây gọi là pháp khó tin, thật sự không thể nghĩ bàn! Phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm, mà có thể qua lại với Bồ tát thượng thượng phẩm ở Thật báo trang nghiêm độ. Bậc cổ đức cho chúng ta biết, tất cả kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, Ngài không nói điều này, chỉ

nói qua ở trong pháp môn Tịnh độ, tuyệt đối không phải do bản thân mình tu thành, là bản nguyện oai thần gia trì của đức Phật A Di Đà. Cho nên tôi thường nói đến thế giới tây phương Cực lạc bạn đón nhận sự tiếp đãi, ngày nay người ta nói là cấp biệt, bạn đến địa vị nào? Địa vị Bồ tát A Duy Việt Trí, hưởng quyền lợi của Bồ tát A Duy Việt Trí, quyền lợi của Bồ tát địa, Sơ địa tức là Bát địa. Chúng ta hiểu rõ lý này, biết được chân tướng sự thật rồi, mà bạn còn chấp nhận đi đường vòng nữa hay sao? Tôi tin rằng những người thật sự hiểu được rõ ràng, họ sẽ buông bỏ vạn duyên, buông bỏ tất cả pháp của thế và xuất thế gian, như đại sư Liên Trì vậy. Đại sư Liên Trì thị hiện cho chúng ta thấy, đối với pháp môn này Ngài không hiểu rõ ràng minh bạch, Ngài cũng muốn thông tông thông giáo, quảng học đa văn. Sau khi hiểu rõ ràng rồi, Ngài bèn nói rằng: “Tam tạng thập nhị bộ nhường cho người khác ngộ”, quý vị ai muốn học thì đi mà học, “tám vạn bốn ngàn hạnh để cho người khác hành”, quý vị thích cái nào thì cứ đi mà học. Bản thân Ngài chỉ một bộ kinh Di Đà, một câu niệm Phật, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, không có tâm niệm thứ hai, làm cho chúng ta thấy. Không hiểu rõ ràng minh bạch, và sau khi hiểu rõ ràng minh bạch, là hai người, chứ không phải là một người. Pháp môn này thành tựu rồi, chúng ta coi Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, coi những chuyện vãng sanh trong đại tạng kinh, là những người xưa, quan sát kỹ những người niệm Phật xung quanh chúng ta, đại đa số đều là 3 năm. Người ta ba năm là có thể thành công, vì sao chúng ta ba năm mà không thành công được? Người ngoại quốc nói tai nạn, chẳng phải là 2012 sao? Chúng ta còn cách 2012 còn đúng 3 năm, người giác ngộ nên làm thế nào đây? Nên khắc kỷ thủ chứng, tôi có được thế giới tây phương Cực lạc rồi, tai nạn đến cũng được, không đến cũng được, chẳng liên quan gì đến tôi. Nó đến thì mình về thế giới Cực lạc, nó không đến mình ở đây thêm vài năm nữa cũng được, ở mấy năm nữa để làm gì? Ở lại để độ chúng sanh. Vì sao vậy? Vì bản thân mình đã được độ rồi, mình được độ rồi, thì mới có thể độ người, bạn mới thật sự là vô ngại. Bản thân mình còn chưa được độ, mà muốn độ người, trong kinh nói rất hay, “vô hữu thị xứ”, nghĩa là không có cái lý này. Muốn độ người trước phải độ mình. Ngày nay chúng ta biết được, độ mình không gì khác ngoài việc buông bỏ, buông bỏ thì được độ. Buông bỏ kiến tư phiền não, thì bạn chứng được quả A La Hán, buông bỏ trần sa phiền não, bạn sẽ thành Bồ tát, buông bỏ vô minh phiền não, bạn sẽ thành Phật, tất cả đều ở trong một niệm. Học Phật là học điều gì? Học buông bỏ, không được học phân biệt chấp trước, học phân biệt chấp trước thì bạn sẽ bị thiệt thòi lớn. Vì sao vậy? Trong tự tánh thanh tịnh không có gì hết, nó chỉ có trí huệ, đức năng, tướng hảo, trong tự tánh vốn sẵn có, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong tự tánh vốn không có. Bạn vốn là Phật, nhưng bị những thứ này che

lập, khiến cho Phật tánh của bạn không thể hiện tiền, khiến cho trí huệ của bạn không thể hiện tiền, đức năng không thể hiện tiền, tướng hảo không thể hiện tiền. Trong tất cả kinh điển đức Phật đã nói cho chúng ta biết rõ, ngày nay chúng ta cũng học được, cũng hiểu rõ, điểm khiếm khuyết hiện nay chính là buông bỏ, xem bạn buông bỏ được bao nhiêu, nhưng đừng lo, chân thật niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là được rồi. Bạn có thể buông bỏ được bao nhiêu, sau khi về đến thế giới Cực lạc, địa vị Tứ độ tam bối cửu phẩm không tương đồng. Chỉ cần phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, sanh về tây phương Tịnh độ, vãng sanh về thế giới tây phương Cực lạc chắc chắn tương đồng. Sanh về nơi đó phẩm vị không giống nhau, điều này liên quan đến việc bạn buông bỏ được bao nhiêu. Cho nên điều này không phải là cạnh tranh với người khác, mà là cạnh tranh với chính mình. Tôi muốn phẩm vị cao, thì tôi phải buông bỏ nhiều một chút, tôi cũng không muốn cao như vậy, thì chỉ cần niệm Phật qua loa là được rồi, thâm tín thiết nguyện thì chắc chắn bạn được vãng sanh.

Đoạn thứ hai dưới đây nói về nhị giáo. Nhị giáo, phán giáo trên đây tuy có bất đồng, nhưng nhị giáo đốn và tiệm thì các học thuyết khác đồng nhiếp.

Trước đây có giảng qua, đời Tùy Đường phân giáo có 12 học thuyết, 12 học thuyết này trong cuốn Hoa Nghiêm Sớ Sao đều có đề cập đến. Quan trọng nhất ngoài Thiên Thai và Hiền Thủ ra, còn có một nhị giáo cộng đồng, mỗi vị Tổ sư phán giáo đều khẳng định đốn tiệm nhị giáo. Phật giáo Trung Quốc tự xưng là tôn giáo, các vị nên biết rằng, Phật giáo không phải là tôn giáo, nhưng bản thân Phật giáo xưng là tôn giáo, khác với ý nghĩa của tôn giáo ngày nay, Trung Quốc xưng tôn giáo chính là đốn tiệm nhị giáo, Thiên tông thuộc về đốn giáo, ngoài ra đều thuộc về tiệm giáo. Thiên tông nói đốn ngộ, không có giai cấp, ngoài Thiên tông ra, bao gồm 9 tôn phái của tiểu thừa, đều thuộc về tiệm giáo, cũng có nghĩa là từng bước từng bước hướng thượng nâng lên, chỉ có Thiên tông không có giai cấp, họ khai ngộ là thành Phật. Thành Phật là giai cấp nào? Ít nhất là Sơ trụ của Viên Giáo, họ thật sự siêu việt lục đạo, siêu việt Thập pháp giới, điều này không phải người thường mà có thể làm được.

Chúng ta thấy được hai điển hình, đức Phật Thích Ca Mâu Ni là đốn giáo, đốn xả, lập tức buông bỏ, một lần là buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước. Người thứ hai biểu diễn cho chúng ta thấy, là Lục Tổ Huệ Năng của Thiên tông, Ngài cũng là đốn xả, đốn ngộ, đốn chứng. Ngày xưa năm đức Phật 30 tuổi, Huệ

Năng đại sư 24 tuổi. Vấn đề ở chỗ có chịu buông bỏ hay không, vấn đề này không ở người khác, mà hoàn toàn ở mình, hơn nữa người người bình đẳng.

Đốn, tôi thấy có viên đốn, và không viên đốn. Thế nào gọi là không viên đốn? Nếu bạn đem kiến tư, ý tôi muốn nói là chấp trước trong kinh Hoa Nghiêm, buông bỏ chấp trước, bạn chứng được A La hán, đó cũng là đốn, đốn chứng A La Hán, nhưng mà không viên mãn, chứng Phật mới là viên mãn. Nếu bạn buông bỏ được phân biệt, thì bạn chứng được quả vị Bồ tát, Bồ tát ở đây là Phật Bồ tát trong thập pháp giới, nghĩa là hai tầng bên trên của Tứ thánh pháp giới, Phật, Bồ tát, bên dưới là Thanh Văn, Duyên Giác. Thanh Văn, Duyên Giác là buông bỏ kiến tư phiền não, Phật Bồ tát là buông bỏ trần sa phiền não, nghĩa là không còn phân biệt, không phân biệt, vẫn còn khởi tâm động niệm, sau khi buông bỏ khởi tâm động niệm, đó là viên đốn, là đốn ngộ viên mãn. Thập pháp giới không có, người này siêu việt thập pháp giới, người này sanh về Thật báo trang nghiêm độ của chư Phật Như Lai, sanh về nơi đó, đây mới gọi là viên đốn, không phải là chuyện dễ dàng đâu. Chúng ta ngày nay không có năng lực này, kêu chúng ta lập tức buông bỏ kiến tư phiền não thì ta buông không được, chúng ta làm từ từ, buông từng chút từng chút, xả từng chút từng chút. Cho nên đừng về mặt căn tánh mà nói, so với người xưa chúng ta còn cách quá xa, nhưng cũng còn may, cũng còn buông bỏ được một chút, mỗi năm buông một chút, năm nào cũng buông, tích lũy lại 3,50 năm, thì cảnh giới cũng khá đấy. Nếu như chỉ học mà không chịu buông bỏ, nói cho quý vị biết, như thế là biến thành Phật học rồi. Tri thức của bạn rất phong phú, cảnh giới của bạn không thể nâng cao, nói về cảnh giới thì bạn vẫn dậm chân tại chỗ. Bạn có thể nói thiện đạo, bạn giảng kinh điển giống như người xưa hình dung là ba hoa chích chòe, sanh tử vẫn là sanh tử, bạn không ra khỏi lục đạo luân hồi, ở trong lục đạo tùy theo nghiệp lực mà lưu chuyển. Ở đây có nghĩa là nói được không làm được, không có trí huệ chân thật. Do đó, sau khi hiểu rõ, tu tập là điều quan trọng hơn tất cả, tu tập chính là buông bỏ. Không chịu buông bỏ, thì không ra khỏi được luân hồi lục đạo, chân tướng sự thật này chẳng thể không biết.

Chúng ta đọc đoạn văn này: Nhị giáo, phán giáo trên đây tuy có bất đồng, nhưng đốn tiệm nhị giáo các học thuyết đồng nhiếp. Hai tông Thiên Thai và Hiền Thủ, cũng lấy đốn tiệm mà phân làm tứ giáo ngũ giáo. Ngũ Giáo Chương vân: “Hoặc phân vị nhị, sở vị tiệm đốn, dĩ thi chung nhị giáo, sở hữu giải hạnh, bình tại ngôn thuyết, giai vị thứ đệ, nhân quả tương thừa, từng vi chí trước, thông danh vi tiệm”

Trong tông Thiên Thai, tạng, thông, biệt, đều thuộc về tiệm giáo. Ở trong ngũ giáo, của tông Hiền Thủ, tiểu, thi, chung, có thể nói đều thuộc về tiệm giáo.

“Ngôn thuyết đốn tuyệt”, tuyệt ở đây là đoạn hết. “Lý tánh đốn hiển, giải hạnh đốn thành, nhất niệm bất sanh tức thị Phật đặng”, bình đẳng với Phật, đây gọi là đốn. Đốn là một lần, một thời là buông bỏ hết, không phải làm từ từ từng tí từng tí một đâu, một lần là xả bỏ hết.

Đời nhà Tùy ở Trung Quốc, ngài Huệ Viễn đại sư, phân bổn kinh dạy rằng, ở đây đưa Huệ Viễn đại sư làm ví dụ, cuốn chú giải của Huệ Viễn đại sư rất lưu hành ở Trung Quốc. Ngày xưa tôi học kinh Hoa Nghiêm ở Đài Trung, là học cuốn chú giải của Ngài. Ngài Huệ Viễn đây không phải ngài Huệ Viễn đời Tấn, tên gọi hoàn toàn giống nhau, ở trong Phật giáo sử, gọi là Tiểu Huệ Viễn, ngài là người đời nhà Tùy. Các vị sau này thấy ở trong cuốn chú sớ của người xưa, thấy Tiểu Huệ Viễn là chỉ cho Ngài. Ngài có chú giải kinh Vô Lượng Thọ, chú giải rất hay, ngài đã dùng cuốn sách của Khang Tăng Khải, dịch vào đời Ngụy, là cuốn lưu thông rộng rãi nhất trong năm loại nguyên dịch, ngài phán bộ kinh này chính là Tịnh Ảnh Sớ. Tịnh Ảnh Sớ là bộ sớ do ngài Huệ Viễn đại sư viết vào đời Tùy.

“Kim thử kinh giả, nhị tạng chi trung, Bồ tát tạng thu”, ở đây chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ, trong nhị tạng nói thuộc về Bồ tát tạng. “Vị căn thực nhân đốn giáo pháp môn”, ngài phán Kinh Vô Lượng Thọ này thành đốn giáo, “vân hà tri đốn”, làm thế nào để biết được nó là đốn giáo? “Thử kinh chánh vi phàm phu trung nhân, yếm úy sanh tử, cầu chánh định giả, giáo lệnh phát tâm, sanh ư Tịnh độ, bất tùng tiểu đại, cố tri thị đốn”. Chúng ta suy nghĩ thử xem nó có thuộc về đốn giáo hay không? Thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh độ, thì phải xả bỏ cái thế gian này, nếu bạn không buông bỏ thì không đi được đâu, bạn không thể mang theo thế giới Ta bà này. Cho nên hòa thượng trong niệm Phật đường là Đường Chủ, dắt dẫn người niệm Phật, thường xuyên nhắc nhở mọi người, thân tâm thế giới tất cả buông bỏ hết, nhất tâm chuyên niệm cầu sanh Tịnh độ, đây là câu nói cửa miệng của Đường Chủ. Thời thời khắc khắc nhắc nhở mọi người, thân tâm thế giới phải buông bỏ hết, đốn xả đây, thế bạn mới được vãng sanh chứ. Người thông minh nên biết rằng, những thứ mang đi được, thì mới nỗ lực nghiêm chỉnh mà làm, những thứ không mang được thì buông bỏ hết, không cần phải bận tâm nữa. Bạn nhìn xem cái gì có thể mang đi được? Niệm Phật, câu niệm Phật này mang theo được, cái tâm phát Bồ đề tâm này mang theo được, còn những cái khác thì không mang theo được, không mang theo được thì phải xả bỏ hết, mang theo được bạn nhất hướng chuyên niệm.

Thật sự đây không phải từ tiêu đại, nó không phải là tiệm tu, nó là đốn giáo, trong một đời là thành tựu được.

“Minh Đại Hựu sư phán tiểu bản viết, đốn tiệm phân chi, thử thuộc đốn giáo”. Đại Hựu pháp sư có chú giải cuốn kinh Di Đà, trong chú giải ngài phán pháp môn này, cũng khẳng định nó thuộc về đốn giáo. Tiệm giáo phải tu nhiều đời nhiều kiếp mới có thể thành tựu, đốn giáo thì một đời là được viên mãn.

Chư vị tổ sư ở Trung Quốc, phân bản kinh làm hai đại và tiểu đa số đều nói như vậy, nên biết rằng trong nhị giáo bản kinh thuộc về đốn giáo.

Trên đây y theo đốn tiệm nhị giáo mà phán. Nếu y theo ngũ giáo tiểu, thi, chung, đốn, viên của tông Hiền Thủ, phán giáo tướng của bản kinh. Ở đây dùng ngũ giáo của tông Hiền Thủ là tiêu chuẩn.

Chư vị tổ sư của Tông tịnh độ từ xưa đến này, từ trong ra ngoài, vì cơ duyên bất đồng, mà dùng từ có khác, nhưng thực chất của nó, không ai chẳng dùng bản kinh, chẳng những thuộc về viên đốn giáo, mà còn là đốn trong đốn, viên trong viên vậy. Ở đoạn sau lão cư sỹ còn giải thích.

Đời Thanh Bành Nhị Lâm cư sỹ, tức là Bành Tế Thanh, Bành Nhị Lâm chính là Bành Tế Thanh, ở trong Khởi Tín Luận phân bản kinh là: Khởi Tín Luận ở đây không phải là Đại Thừa Khởi Tín Luận, là Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, do cư sỹ Bành Tế Thanh viết ra. Ở trong bài luận văn đầu tiên ông ấy phán kinh Vô Lượng Thọ. “kinh Vô Lượng Thọ là, Như Lai gọi là tánh của viên giáo”. Bành cư sỹ, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung, là một vị tại gia cư sỹ, ông ấy là người vào thời Càn Long nhà Thanh. Xuất thân từ vọng tộc, phụ thân của ông làm quan rất lớn, là Binh bộ thượng thư của hoàng đế Càn Long, giống như bộ trưởng Bộ quốc phòng ngày nay. Cha của ông ấy, người này rất thông minh, thanh niên 19 tuổi đi thi tiến sỹ, thi đỗ tiến sỹ, bởi vì môi trường trong gia đình tốt, nên không làm quan. Ông ấy thích học Phật, suốt ngày sinh hoạt cùng các vị cao tăng trong đạo Phật, ông ấy rất chuyên tâm học, rất thành tựu, cho nên ông ấy viết cuốn Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, và cuốn tiết bản kinh Vô Lượng Thọ, không phải là hội tập mà là tiết bản, phía sau có đề cập đến. Ông từng nói một câu, sau này người ta thường dẫn chứng, ông nói: Pháp môn này là một ngày hy hữu khó gặp trong vô lượng kiếp. Chúng ta có nhân duyên gặp được pháp môn này, ý nghĩa rất gần với câu trong kệ khai kinh. Kệ khai kinh do Võ Tắc Thiên viết, “bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ”, Bành Tế Thanh cư sỹ nói, một ngày hy hữu khó gặp trong vô lượng kiếp. Bạn gặp được pháp môn này, sau khi gặp rồi bạn phải nắm chắc lấy nó,

không được xem thường mà bỏ qua, như thế thì thật đáng tiếc, thật đáng tiếc, vô lượng kiếp mới chỉ gặp một lần, câu nói này khiến cho chúng ta biết quý trọng, “thân người khó được, Phật pháp khó gặp”, có thể được nghe pháp viên trong viên, đốn trong đốn trong Phật pháp, tìm ở đâu ra chứ? Chúng ta được nghe rồi mà lại bỏ qua, không thể nắm bắt được, không thể thành tựu trong một đời này, nguyên nhân vì sao vậy? Tuy nghe nói, nhưng hiểu không được thấu triệt, hiểu không được rõ ràng, sơ ý câu thả, không nghiêm chỉnh học tập, suốt đời này vẫn chịu sự luân hồi lục đạo như cũ, bạn xem có đáng tiếc không. Cho nên chư Phật Bồ tát thị hiện ở thế gian này, vì chúng ta mà hội tập, hoàn thiện bản kinh này. Lại gặp được Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, cuối đời ngài bị bệnh mà vẫn hoàn thành cuốn chú giải này, thật không dễ dàng! Trong cuốn chú giải dẫn chứng kinh luận xưa và nay, luận số có 193 bộ, chứng minh rằng những điều trong kinh điển nói, những điều chư vị tổ sư nói, làm tăng trưởng lòng tin của chúng ta đối với pháp môn này, dụng tâm vất vả, thật sự là từ bi đến cùng tột. Đọc kinh không hiểu, chúng ta coi lại cuốn chú giải này, trong cuốn chú giải này thấy được rất nhiều điều trong kinh nói, rất nhiều điều chư vị Tổ sư nói trong luận số, còn không động lòng sao? Còn không biết sự quý giá của bộ kinh này sao? Sau thời mạt pháp 9 ngàn năm, tất cả chúng sanh nương vào đâu để được độ? Nương vào bộ kinh này đây. Bộ kinh này phải lưu thông với số lượng lớn, lần đầu tiên tôi in cuốn chú giải này, đã in 1 vạn cuốn. Lần đầu tiên in cuốn hội tập của Hạ Liên lão, cũng in 1 vạn cuốn. 1 vạn cuốn phân lượng quá ít, trên quả địa cầu này có 60 ức người, cũng may nhiều năm nay, chúng tôi lợi dụng ti vi vệ tinh, lợi dụng mạng Internet, đem sự học tập của chúng tôi, thông qua những truyền thông hiện đại ngày nay, chia sẻ cùng những người có duyên trên toàn thế giới.

Gần đây nghe nói, thiên tai càng ngày càng nhiều, thật sự từ góc độ truyền thông cho chúng ta thấy, tần số không ngừng nâng cao, tai nạn càng ngày càng nghiêm trọng. Cho nên chúng tôi tạm thời ngừng kinh Hoa Nghiêm, hy vọng dùng thời gian 1 năm, chúng ta ôn tập lại từ đầu cuốn chú giải của Hoàng Niệm lão. Hạ lão và Hoàng lão không phải là người thường, người bình thường không thể làm được việc như vậy. Chúng ta làm cách nào để báo ơn đây? Y giáo phụng hành, lưu thông rộng rãi, đó thật sự là báo Phật ân, báo ân cho hai vị này.

Dưới đây dẫn chứng lời của Đạo Ân pháp sư người Nhật, cuốn Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải, cuốn chú giải này là của Đạo Ân pháp sư viết: “ Trục phán bản kinh vì bản nguyện nhất thừa, đốn cực đốn tốc, viên dung viên mãn chi giáo,

bỉ thô đại đức đa đồng thử thuyết”. Bỉ thô là nước Nhật. Tịnh độ tông ở Nhật rất hưng thịnh, vào đời Tùy Đường, nước Nhật đã cử đi không biết bao nhiêu ca tăng đến Trung Quốc du học, họ đã thân cận Thiên Đạo đại sư, thân cận Trí Giả đại sư, cho nên hai vị đại sư này ở Nhật rất nổi tiếng. Trong các ngôi chùa Phật giáo ở Nhật, đều có thể thấy được tượng đắp, tượng vẽ đại sư, ở Phật giáo Trung Quốc không thấy, nhưng ở Nhật Bản thì thấy được. Người Nhật đối với Tổ sư tôn trọng hơn người Trung quốc, người Trung quốc thứ nhất là kính Phật, thứ hai là kính tổ sư, người Nhật thứ nhất là kính Tổ sư, thứ hai là kính Phật. Có lý đấy, tổ sư gần với chúng ta hơn, giống như chúng ta thứ nhất là kính cha mẹ, thứ hai là kính tổ tông. Người Nhật truyền thừa truyền thống văn hóa Trung quốc, cho đến ngày nay vẫn không suy. Đây là chỗ đáng cho chúng ta tôn kính.

“Đại Kinh Thích viết, Thiên Thai, Chân Ngôn tuy giai minh đốn giáo, nhiên bỉ hứa đoạn hoặc chứng lý, cố do thị tiệm giáo dã, minh vị đoạn hoặc phạm phu, trực xuất tam giới giả, thiên thị thử giáo.”

Ở đây dùng Thiên Thai, Chân ngôn là Mật tông, để so sánh. Thiên Thai và Mật Tông tuy nhiên đều gọi là đốn giáo, nhưng họ thế nào? Họ cũng đồng ý đoạn hoặc chứng lý, đoạn hoặc chứng lý vẫn thuộc về tiệm giáo, tiệm thứ, giống như chúng tôi vừa giảng. Đoạn kiến tư phiền não chứng A La hán, kể đến đoạn trần sa chứng Bồ tát, cuối cùng đoạn vô minh mới chứng được Phật quả. Là đốn đoạn, nó vẫn còn là từng cấp bậc từng cấp bậc. Kinh Vô Lượng Thọ này không như vậy, nói về phạm phu chưa đoạn hoặc, chưa đoạn một phẩm phiền não nào, là có thể trực tiếp siêu xuất tam giới, chẳng những siêu xuất tam giới, mà còn siêu xuất Thập pháp giới, thiên thị thử giáo. Khi đem so sánh hai cái này, cho nên giáo này là đốn trong đốn, chứng minh sự kiến giải này là có lý do, chứ chẳng phải tùy tiện nói.

“Hựu Nhật Khê sư vân”, tên ngài là Nhật Khê, cũng là người Nhật. “Thánh đạo chư giáo, lý thị viên dung, ích, lợi ích thị cách thiên, dĩ kỳ đốn cơ nan đắc dã. Thị dĩ giáo tuy viên đốn, vọng cơ tự thành tiệm, Tịnh độ ngôn viên đốn giả, u viên mãn tốc tạt lợi ích”

Đây là đứng từ góc độ khách quan để quan sát. Thánh đạo chư giáo, ở đây nói đến toàn bộ Phật giáo, tất cả kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm. Chư giáo là tất cả kinh, lý là viên dung, điều này là chân thật. Vì sao vậy? Vì kinh giáo Đại thừa tiểu thừa, đều lưu xuất từ trong tự tánh của đức Thế Tôn mà ra, thì làm gì có chuyện không viên dung! Nhưng mà lợi ích thì không đồng, cá nhân mỗi người được lợi ích không tương đồng, đó là gì vậy? Đó là dĩ kỳ

đốn cơ nan đắc. Căn tánh Viên đốn quá khó, trong ức vạn người khó có được một người, bậc căn cơ như Lục Tổ Huệ Năng, ba thầy giáo của tôi đều nói với tôi, Phương Đông Mỹ tiên sinh, Chương Gia đại sư, thầy Lý, ba người này không hợp lại nhưng nói với tôi những lời giống nhau: Bậc căn tánh giống như Lục Tổ Huệ Năng, trước Lục Tổ Huệ Năng không có, chưa từng thấy. Từ khi Lục Tổ Huệ Năng qua đời cho đến ngày nay, cũng không thấy có, chỉ có duy nhất một người, không tiền tuyệt hậu, cho nên 3 vị Thầy đều nhắc nhở tôi, thầy không được học theo ngài, học không được đâu. Phương Đông Mỹ tiên sinh nói với tôi, đó gọi là một bước lên trời, lên được thì thành công, không lên được mà ngã xuống thì tan xương nát thịt. Cho nên ba vị thầy đều nhắc nhở tôi, đừng học Đàn Kinh, đừng học ngài Huệ Năng. Phương Đông Mỹ tiên sinh giới thiệu với tôi, học Phật nên hạ thủ từ Pháp tướng tông, từ Bách Pháp Minh Môn mà nhập môn, giống như leo cầu thang vậy, từng bậc từng bậc mà bước lên, thì thật sự được lợi ích. Chương Gia đại sư muốn tôi tu tâm thanh tịnh, học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm mô phạm, nói tôi đọc Thích Ca Phương Chí, đọc Thích Ca Phổ. Học Phật đầu tiên nhận biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài là một người như thế nào, thì sự học tập của chúng ta sẽ không bị lầm đường, sẽ không bị lạc lối. Tôi quen biết thầy Lý, Thầy Lý giới thiệu cho tôi pháp môn tịnh độ. Đem cuốn hội tập bốn kinh Vô Lượng Thọ truyền lại cho tôi, thật là hữu dụng. Cho nên nói căn tánh không tương đồng, chúng ta không phải dạng viên đốn căn tánh, nên cần phải nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, kiên nhẫn miệt mài. Trong sự học tập của bạn ném được mùi vị, gọi là pháp vị. Chư vị tổ sư thường nói rằng: “Thế vị đâu đậm bằng pháp vị”. Thế vị là nói về lục đạo luân hồi, mang ra so với Phật pháp thì còn cách xa lắm, pháp vị thật sự đậm hơn thế vị. Pháp vị là sự hỷ duyệt được lưu xuất từ trong tự tánh. Khổng Phu Tử đã đạt được, bạn xem câu đầu tiên trong Luận Ngữ: “Học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Bạn có thể học được từ chỗ thánh nhân, đem áp dụng vào trong cuộc sống hàng ngày của chính mình, thì trong nội tâm của bạn sẽ sanh pháp hỷ. Duyệt ở đây, hỷ duyệt được lưu xuất ra từ trong nội tâm, không phải từ môi trường bên ngoài, không liên can gì tới ngoại cảnh, cho nên Khổng Phu Tử đã ném được. Các vị Tổ sư trong Phật giáo nói còn nhiều hơn nữa, sau khi bạn thật sự khế nhập vào kinh điển, ném được pháp vị, thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Các vị chớ nên xem thường hai câu này, hai câu này nếu như bạn hiểu rõ, thì bạn sẽ được lợi ích lớn. Ngạn ngữ của thế gian thường nói: “Nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng”. Nói cách khác, bạn phải cảm nhận được dưỡng sinh, người có tuổi từ trung niên trở lên đều cảm nhận được tầm quan trọng của

việc dưỡng sinh, thân tâm khỏe mạnh rất quan trọng, đó là phước báo thật sự. Khỏe mạnh từ đâu mà có? Khỏe mạnh từ tâm hoan hỷ mà có. Nếu ngày nào bạn cũng mặt mày nhăn nhó khổ sở, chắc chắn bị nhiều bệnh, thì lấy đâu ra tâm hoan hỷ nữa, cho nên không khỏe mạnh. Mạnh khỏe có từ tâm hoan hỷ, ngày nào cuộc sống cũng vui vẻ, thì người này thân tâm khỏe mạnh, không sanh bách bệnh, tuổi tác tăng trưởng, già mà không suy, đó là phước báo đầy. Bạn muốn có được phước báo lớn này, thì trong kinh điển Đại thừa có rất nhiều, chỗ nào cũng có, đây là Phật pháp đối với chúng ta trực tiếp nhất, cũng là một số ít lợi ích. Bạn có được sự lợi ích này, thì chắc chắn thân tâm khỏe mạnh, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi, rộng ra thì xã hội an định, thế giới hòa bình, trong Phật pháp gọi đó là tiểu lợi, chứ không phải là đại lợi. Đại lợi ích là giúp cho bạn thành Bồ tát, thành Phật, bạn có năng lực ở trong biến pháp giới hư không giới giáo hóa chúng sanh, đó là đại lợi ích.

Bởi vì đốn cơ khó được, như chúng ta không thuộc về hàng đốn cơ, cho nên giáo tuy viên đốn, thật vậy, “viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên”, viên nhân xem tất cả kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, không có câu nào chẳng phải là pháp viên đốn. Cho nên chúng ta chẳng phải là hàng căn cơ viên đốn, xem Hoa Nghiêm, xem Pháp Hoa, xem bộ kinh này, đều biến thành tiệm giáo, đó là sự thật.

“Tịnh độ ngôn viên đốn giả”, ở đây quay trở lại pháp môn mà chúng ta đang tu học ngày nay, “ư viên mãn tức tột lợi ích”, ư ở đây có nghĩa là tại. Vì sao nói Tịnh độ là viên đốn? Vì nó nhanh chóng khiến cho người tu học đạt được lợi ích viên mãn, vãng sanh về thế giới tây phương Cực lạc, chính là được lợi ích viên mãn, đây là sự thật, không dối gạt đâu. Phàm phu, hạ phàm, phàm phu hạ đẳng, không có trí huệ, người thời nay nói không có văn hóa. Gặp được pháp môn này, họ tin tưởng, thậm chí họ nghe không hiểu, chỉ cần họ tin tưởng, nghe thấy pháp môn này hay như vậy, lại dễ dàng như thế, chỉ có một câu A Di Đà Phật. Bạn xem có dễ dàng không, khăng khăng không bỏ cứ thế mà niệm, là có thể thành tựu, hơn nữa thời gian để thành tựu không lâu, 3 năm, 5 năm là thành công rồi, người này về thế giới tây phương Cực lạc để làm Phật, đạt được lợi ích cứu cánh viên mãn, bạn thấy có hay không! Bạn nghĩ xem pháp môn này, kinh điển này có thuộc về viên đốn hay không? Có thể nói được đây.

Dưới đây nói: “Cái chỉ kỳ tha thánh giáo, tuy cụ viên dung chi lý, đản chúng sanh căn cơ thô thiển, mặt minh kỳ chỉ, vô do nhiếp giải khởi hạnh, nhi môn pháp

ích, thị cô pháp tuy viên đốn, đản dĩ hành nhân cơ thiên, đốn pháp thành tiệm, viên pháp thành thiên”.

Đây là chân tướng sự thật, cho nên giáo, phân tông phân giáo, đối với hàng căn cơ nông cạn có cái hay, còn đối với hàng căn tánh viên đốn, thì không có lợi ích gì. Điều này chúng ta chẳng thể không biết, đặc biệt là những bạn phát tâm tương lai học giảng dạy, nhất định phải hiểu rõ ràng. Bản thân chúng ta tu tập thế nào? Dùng phương pháp nào để dạy người, bản thân mình tu bộ kinh này là viên đốn đại kinh, nếu hiểu rõ bộ kinh này, thì công phu niệm Phật của bạn có thể đạt đến sự nhất tâm bất loạn, lý nhất tâm bất loạn. Những kinh luận khác chưa học qua có thể thông đạt được không? Được! Thật sự là thông một bộ kinh thì tất cả kinh khác đều thông đạt, thành tựu một pháp môn, thì tám vạn bốn ngàn pháp môn đều thành tựu. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”, không sai chút nào. Bạn thật sự có thể tin được, là bạn có phước đầy.

Chúng ta học tiếp đoạn dưới đây: “Đản Tịnh tông tác bất nhiên, nhân nhân năng hành giai đắc chân thật chi lợi, bất lao đoạn hoặc, trực xuất tam giới, cố thật vi đốn trung chi đốn viên mãn chi giáo dã”.

Hoàng lão kết luận hay quá! Tịnh độ tông không giống như Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Tam Luận, Pháp Tướng, Mật Tông. Vì sao vậy? Những tông phái đó học tập thật sự phân chia ra rất nhiều tầng lớp, giống như đi học vậy, bạn phải từ tiểu học, trung học, đại học, nghiên cứu sở, phải tốn thời gian rất dài, mà chưa chắc đã có kết quả. Vì sao vậy? Vì giáo lý học nhiều, sẽ biến thành thường thức, biến thành tri thức, chứ không phải là trí huệ. Vì sao vậy? Vì chưa buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước. Cho nên bạn vẫn sống trong thế giới phiền não khổ não như xưa, bạn không thể giải thoát, bạn không được đại tự tại, bạn không có được sự vui sướng thật sự. Muốn đạt được sự lợi ích của Phật pháp thật sự, thì nhất định bạn phải buông bỏ tập khí phiền não, hồi quy tự tánh, tự tánh thuần tịnh thuần thiện. Lão tổ tông của Trung Quốc nói rất hay: “Bỏ tánh bỏ thiện”. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh nói: “Nhân chi sơ tánh bản thiện”, phải quay về với bản thiện mới có được niềm vui, mới có được pháp hỷ. Mục tiêu cuối cùng trong việc giảng dạy của đạo Phật, là dạy chúng ta hồi quy tự tánh, phương hướng là một, mục tiêu là một, nhưng phương pháp thì có rất nhiều, cho nên có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Chúng ta muốn trong một đời này được thành tựu, thì trong vô lượng pháp môn này chỉ chọn một cửa, bạn không nên chọn 2 cửa, 3 cửa, hai cửa, ba cửa bạn không vào được đâu, một cửa thì vào được, sau khi vào được thì bạn sẽ được tất cả, cái

bạn được là viên mãn. Đức Phật nói ra nhiều pháp môn như thế, là để cho người căn tánh bất đồng chọn lựa, chẳng phải kêu bạn phải học hết, bạn học hết là bạn sai đây. Giống như đang học đại học vậy, chỉ có thể học một khoa thôi, 4 năm thì tốt nghiệp, nếu bạn học hết tất cả mọi khoa, thì 400 năm bạn cũng không thể tốt nghiệp được, bạn không thể thành tựu được, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, là đúng rồi. Thật sự hiểu rõ Tịnh tông, ai ai cũng có thể tin, lợi ích chân thật, không cần đoạn hoặc, mà siêu việt được Thập pháp giới, không chỉ tam giới, siêu việt Thập pháp giới, cho nên là viên mãn đại giáo đốn trong đốn, câu này nói không sai một chút nào. Hy vọng các bạn chuyên cần nỗ lực, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, ai ai cũng được thành tựu, hơn nữa rất mau được thành tựu. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 44

Tập 45

Giảng ngày 20 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 49, dòng thứ 3 từ dưới lên, chúng ta coi từ đoạn giữa.

“Hựu Viên Trung Sớ vân, viên đốn pháp môn, diệt tất tu tiên khai viên giải, nhi thứ tu viên hạnh, phá tam hoặc nhi phương chứng viên quả, dĩ giai bất thoái.”

Đến đây là một đoạn ngắn, đây là lời U Khê đại sư nói. Tiêu bản kinh Di Đà chú giải rất nhiều, trong chú giải chư vị cổ đức hầu như khẳng định Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư, ba bộ chú giải này rất đầy đủ, rất kỹ càng, bất luận là phương pháp hay lý luận, đều đáng để cho các vị học Tịnh tông học tập, đây là ba loại chú giải kinh Di Đà.

Ở đây nói đến pháp môn viên đốn, chúng ta thấy chư vị cao tăng từ xưa đến nay, cũng phân kinh Vô Lượng Thọ là pháp môn viên đốn, pháp môn viên đốn chỉ có Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, bộ kinh này phân làm viên đốn cũng rất có lý, bởi vì nó là một đời viên mãn thành tựu. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, thật sự phải là bậc thượng thượng căn mới có thể thọ trì được, bậc trung hạ căn thật sự không thể nào tu học theo được. Nhưng Tịnh tông thì khác, tam căn phổ bị, đây là thượng trung hạ tam căn, lợi đốn toàn thu. Chỉ cần bạn năng tín, năng hành, giải thì không có việc gì đáng ngại, chỉ cần năng tín năng hành. Đây là ngài Ngẫu Ích đại sư nói trong cuốn Yếu Giải, có thể được vãng sanh hay không, vấn đề ở chỗ có tín nguyện hay không, phẩm vị cao thấp là ở chỗ công phu niệm Phật của bạn cạn hay sâu, sâu cạn ở đây ý muốn nói là bạn buông bỏ được bao nhiêu, nếu bạn buông bỏ hết được vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì bạn vãng sanh về Thật báo độ. Chưa buông bỏ vọng tưởng, buông bỏ phân biệt chấp trước, thì sanh về Phương tiện hữu dư độ. Nếu như còn đầy đủ vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì sanh về Phàm thánh đồng cư độ. Nhưng thế giới Cực lạc vô cùng thù thắng, điều này ở trong sát độ của chư Phật mười phương không có. Dùng cách nói của các nhà khoa học ngày nay, thì sát độ của chư Phật mười phương đều có không gian tần số bất đồng, cho nên quả vị chúng được không tương đồng, họ không thể sống cùng một chỗ. Thế giới Tây phương rất đặc thù, ở nơi đó không có tần số không gian, tứ độ tam bồi cửu phẩm, ở chung một chỗ không có sai biệt, cho nên sanh về Đồng cư độ, cũng bằng sanh về Thật báo độ. Như Quan Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền là các vị Bồ tát ở Thật báo độ, Phàm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh ở thế giới Cực lạc, cũng thấy được các vị Bồ tát này, hàng ngày họ sống cùng Bồ tát, đây là chỗ thù thắng của thế giới Cực lạc so với sát độ của chư Phật mười phương. Cho nên đức Phật Thích Ca Mâu Ni khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh độ, thập phương chư Phật đều tán thán pháp môn này. Trong kinh Di Đà chúng ta thấy sáu phương Phật tán thán, trong kinh Vô Lượng Thọ bạn cũng thấy thập phương Phật tán thán. Trong Viên Trung Sớ nói mấy câu rất hay, đây là chỉ cho pháp môn viên đốn thông thường, còn như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa thì tất tu tiên khai viên giác, nên có khác. Khai viên giác ở đây là thật sự khai ngộ, sau đó là tu hành, mới có thể tu viên hạnh,

viên hạnh là nhất tu nhất thiết tu. Tiêu chuẩn khai viên giác ở đây cao quá, trong Đại thừa giáo gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, bạn mới có thể khế nhập pháp hội Hoa Nghiêm. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh Hoa Nghiêm là ngài giảng ở trong định, người thường chúng ta thấy đức Phật ngồi nhập định dưới gốc cây Bồ đề. 3 nhân 7 bằng hai mươi mốt ngày, ngài đã nhập định ở đó, nhưng không ngờ ngài đã ở trong định giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Người không có năng lực này thì không thể vào được, định ở đây không phải là tiểu định, không phải Tứ thiền bát định mà trong bộ kinh này thường nói tới, không phải định này, vì đây là tiểu định. Tứ thiền bát định chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, Cửu Thứ Đệ Định mà các vị A La Hán chứng được, trong kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng, vị này mới có thể siêu việt được lục đạo, nhưng bắt quá cũng chỉ vào được pháp giới Thanh Văn trong pháp giới tứ thánh thôi, cao nhất là đến pháp giới Duyên Giác, trên nữa còn có Bồ tát, còn có Phật, vị này không có phần. Nhất định phải đại triệt đại ngộ, đoạn trước nói là phá tam hoặc, nghĩa là buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, thế mới là chứng viên quả, tu viên hạnh. “Dĩ giai bất thoái”, bất thoái ở đây nghĩa là có đầy đủ ba loại bất thoái: Vị bất thoái, hành bất thoái, niệm bất thoái. Đó là nói về đại pháp viên đốn.

Chư vị lịch đại Tổ sư, đối với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa thì không còn gì để nói, họ đều công nhận là pháp môn viên đốn, kinh Lăng Nghiêm cũng được tôn xưng là đại pháp Viên Đốn, kinh Vô Lượng Thọ cũng được nhiều người đồng ý, vì sao vậy? Vì nó thật sự là đốn pháp, trong kinh Di Đà nói pháp môn này phải tu tập bao lâu mới được vãng sanh? Trong kinh Di Đà cho chúng ta biết: Nhược nhất nhật nhược nhị nhật cho đến nhược thất nhật, 7 ngày vãng sanh là phù hợp với ý nghĩa của chữ đốn rồi, sanh về thế giới Cực lạc chính là Bồ tát A Duy Việt Trí, đây là ý nghĩa của chữ viên, cho nên hai chữ viên đốn đều có đầy đủ.

Chúng ta học tiếp đoạn dưới đây: “Kim tắc dẫn thuyết bỉ độ y chánh nhị báo dĩ chi vi khai giải sanh tín, thất nhật trì danh nhất tâm bất loạn dĩ chi vi tạo tu hành môn, lâm mạng chung thời tức đắc vãng sanh, dĩ giai bạt chí, chỉ A Bệ Bạt Chí, nghĩa vi bất thoái. Cố tri thử kinh, vị ngũ trược ác thế chi vô thượng đề hồ”.

Ở đây nói lên kinh Di Đà, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ cùng một bộ, một là tế thuyết, một là lược thuyết, cùng một bộ. Ở đây đề cập đến là kinh Di Đà, giới thiệu thế giới tây phương Cực lạc y báo, chánh báo trang nghiêm. Chánh báo trang nghiêm: Thứ nhất là vô lượng thọ, thọ mạng vô lượng, có thật không? Chúng ta biết được điều này trong kinh Hoa Nghiêm, đó là sự thật, không sai chút nào, về mặt lý có thể nói thông được. Quốc sư Hiền Thủ y theo giáo nghĩa kinh Hoa

Nghiêm, chọn ra những điều cốt yếu viết thành một bài luận là Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán. Bài luận này không dài, nhưng nói ra được những điều tinh túy trong kinh Hoa Nghiêm. Đoạn đầu tiên nói gì? Nói về duyên khởi của vũ trụ, sau khi chúng tôi đọc xong, nhìn lại giới học thuật trong đời hiện này, các nhà khoa học, các nhà triết học, họ luận thuật về vũ trụ duyên khởi, sự diễn biến của tất cả vạn pháp, sự có mặt của sinh mạng, đều không sánh được Hoàn Nguyên Quán. Trong Hoàn Nguyên Quán cho chúng ta biết, bản thể của vũ trụ, nó có định luận, không như các nhà triết học ngay nay, đối với bản thể của vũ trụ vẫn còn có vấn đề, không có cách nào nó đầy đủ được. Phật pháp nói về duyên khởi của vũ trụ chính là nói đến tự tánh. Tự tánh không dễ gì lý giải được, cũng không có cách nào nói ra được. Nó ở đâu vậy? Nó chẳng nơi nào là không có, chẳng lúc nào là không có, nó không phải là tinh thần, cũng không phải là vật chất, nhưng tinh thần và vật chất đều do nó biến hiện ra, cho nên trong Phật pháp nói, tự tánh năng sanh năng hiện, vũ trụ vạn vật là sở sanh sở hiện. Cho nên ở đoạn này nói, tất tu khai viên giải, viên là viên mãn, đối với chân tướng của vũ trụ, chúng ta thường nói là vũ trụ vạn hữu, trong Phật pháp nói là chân tướng của vạn pháp. Bạn thật sự hiểu rõ, thật sự thông đạt, trong tự tánh không hề có gì hết, nhưng bạn chẳng thể nói nó là không, vì sao vậy? Vì nó năng hiện, năng hiện y báo nghĩa là hiện tượng của vũ trụ, năng hiện chánh báo nghĩa là hiện thân người chúng ta đây. Chánh báo là nói về bản thân mình chứ không nói đến người khác, bản thân mình là chánh báo, còn những người khác, những người khác là y báo của ta, cũng có nghĩa là môi trường nhân sự trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, vậy chư Phật Bồ tát? Chư Phật Bồ tát cũng là y báo của ta, chánh báo là chính mình, khái niệm này nhất định phải hiểu rõ. Không thể nói rằng hữu tình chúng sanh đều là chánh báo, như thế là sai. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của chúng ta, có môi trường hữu tình chúng sanh, và có môi trường vô tình chúng sanh. Cách phân chia ngày nay là động vật, thực vật, khoáng vật, đều là môi trường sinh hoạt của chúng ta, bao gồm cả hiện tượng đại tự nhiên. Ta và hiện tượng đại tự nhiên đồng thời phát sinh, phát sinh cách nào? Trong Đại thừa giáo đức Phật thường dạy, chúng ta cũng nghe rất quen tai rồi, nhưng mà ý nghĩa thật sự của nó, chúng ta thật sự không hiểu được, chúng ta nghe rất mơ hồ, như đúng mà lại là sai, chẳng phải là thật sự hiểu, thật sự hiểu nhất định phải khế nhập, thì mới thật sự là hiểu. Nếu thật sự khế nhập vào cảnh giới này, bạn thấy được, bạn thấy được chân tướng sự thật rồi, trong Phật pháp đó là người ở địa vị nào? Là Bồ tát Bát địa, vị này thấy được ở đâu? Thấy được ở trong định. Cho nên tu học Phật pháp, bất luận là Đại thừa Tiểu thừa, tông

môn giáo hạ, hiền mật, đều không thể rời thiền định, rời thiền định thì không phải là học Phật rồi. Pháp môn niệm Phật của chúng ta ngày nay, ngày nào cũng niệm Phật A Di Đà, có phải là tu thiền định hay không? Phải, chúng ta dùng phương pháp chấp trì danh hiệu tu thiền định, rất nhiều người họ không biết. Bạn hãy nhìn đề kinh của bộ kinh này, thì bạn biết được đây là tu thiền định. Chúng ta dùng phương pháp niệm Phật, đạt được cảnh giới gì? Đạt được sự thanh tịnh, tâm thanh tịnh chính là thiền định. Công phu thiền định này không cao, tương đương với A La Hán, có thể siêu việt lục đạo luân hồi, cao hơn một tầng nữa, là thiền định của Bồ tát, tâm bình đẳng, Bồ tát thành tựu tâm bình đẳng, đây đều là định. Công phu thiền định đến một trình độ nhất định thì sẽ khai trí huệ, gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, là thành Phật rồi, đó là chữ giác ở cuối của đề kinh, giác ở đây là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là khai trí huệ, trí huệ trong tự tánh vốn sẵn có. Trong kinh Hoa Nghiêm nói rất hay, nói rất rõ ràng, đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho chúng ta biết: “Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Cho nên trong tự tánh có trí huệ viên mãn, có đức năng viên mãn, có tướng hảo viên mãn, chưa có duyên thì nó không hiện, cảnh giới nó hiện ra gọi là thường tịch quang. Thường là vĩnh hằng bất biến, tịch là thanh tịnh tịch diệt, tướng là một vầng ánh sáng. Hiện nay chúng ta mê rồi, mê rồi nên thường tịch quang biến thành vô minh. Vô minh là gì? Vô minh là đen tối, cho nên các nhà khoa học hiện nay biết được, vũ trụ là đen tối, một màn đen. Ánh sáng từ đâu mà có? Ánh sáng từ hành tinh phóng quang, có được là như vậy. Trong Phật pháp nói, nếu như bạn phá được vô minh, bạn phá được vô minh thì bạn thấy được tự tánh, bạn thấy vũ trụ này là trong sáng, chứ không phải vũ trụ là đen tối, ngày nay chúng ta thấy buổi tối trời vẫn tối mà, đó là vì chúng ta chưa phá vô minh, một ngày nào đó phá được vô minh rồi, thì bạn thấy hoàn toàn là trong sáng, chứ chẳng phải là đen tối, đây là điều đức Phật dạy chúng ta. Sự biến hóa này nói thiệt, nó đều thuộc về ý niệm.

Trong cuốn Hư Vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ, chúng ta thấy một câu chuyện, việc ghi lại này chúng ta tin tưởng, không phải là giả, chắc chắn là thật, lão Hòa thượng không biết nói dối đâu. Lão hòa thượng có một lần khi tết đến, vì ngài ở nhà tranh, ngôi nhà tranh này cách tự viện không xa, những phẩm vật cần thiết cho cuộc sống, do tự viện cúng dường cho ngài. Tết đến ngài vào trong chùa lấy một ít đồ ăn mang về, chắc vào lúc hoàng hôn, là ngài về đến nhà tranh, về nhà tranh đi bộ cũng phải mất một khoảng thời gian. Đi được nửa đường, thì gặp 2 vị xuất gia trong chùa, rất quen, trên tay họ cầm đèn lồng, đèn lồng đã được thắp lên. Hai bên gặp nhau, gặp rồi thì hai vị này hỏi lão hòa thượng, nói rằng: Lão hòa thượng à, trời tối như thế rồi, sao ngài không mang theo đèn? Lão hòa thượng nghe

thấy lời này, thì đột nhiên trời tối thật, ngài nói có chuyện gì vậy? Tôi không cảm giác là tối, vừa nghe thấy là tối thật. Ngài đã khởi lên ý niệm phân biệt, trời tối, quả nhiên trời sẽ tối. Khi không có ai nhắc ngài, ngài đi ra như vậy, thì ngài miên viễn duy trì được như vậy, cho nên ngài thấy là sáng. Cảnh giới không tương đồng, đều nằm trong một ý niệm của con người, cho nên tâm hòa thượng thanh tịnh, không có phân biệt, không có chấp trước, thì ngài là như vậy, duy trì được như vậy, có thể duy trì được, khi vừa khởi lên ý niệm là biến đổi rồi. Cảnh tùy tâm chuyển, điều này không sai một chút nào, tùy theo ý niệm mà chuyển, còn ý niệm này là gì? Ý niệm là A Lại Da, A Lại Da năng biến, nếu như không dùng A Lại Da thì sẽ không biến. Chuyển thức thành trí là khai ngộ, chuyển thức thành trí là khai ngộ, bạn sẽ không còn thấy đen tối nữa, mà thấy một vàng ánh sáng. Trong Đại thừa giáo nói “đại quang minh tạng” chính là ý này. Cho nên chúng ta biết được, ban đêm nhìn thấy đen tối, nghĩa là chưa phá được vô minh. Bạn phá được chấp trước, phá được phân biệt, chưa phá được vô minh, thì vẫn thấy bầu trời đen tối y như cũ, phá được vô minh thì sẽ khác.

Y báo và chánh báo của thế giới Cực lạc, đức thứ nhất của chánh báo chính là vô lượng thọ, thọ mạng vô lượng. Vì sao vậy? Vì trong tâm họ không có khái niệm về thời gian, thời gian và không gian đều không có thật, Phạm thánh đồng cư độ ở thế giới Cực lạc không có thời gian không gian, không có thời gian thì không có trước sau, không có không gian thì không có cự ly. Không có cự ly ở đây ý muốn nói điều gì? Nói đến biến pháp giới hư không giới đều không có cự ly. Điều này chúng ta rất khó hiểu, nó không phải là thường thức của chúng ta, thế giới chúng ta ở đây có cự ly, từ Mỹ bay đến đây cũng phải mất mười mấy tiếng đồng hồ, nếu như không còn cự ly nữa, vừa động niệm là nước Mỹ hiện tiền, ở đâu vậy? Chính chỗ này nè. Thế giới tây phương Cực lạc ở đâu? Vừa khởi niệm thì nơi này chính là thế giới Cực lạc, Phật A Di Đà ngay trước mặt, không có thời gian không gian, không có trước sau, gọi đó là nhất chân. Nói một cách khác, tất cả những thứ đối lập đều tiêu trừ hết, khắp vũ trụ này là một thể. Cho nên trong Hoàn Nguyên Quán cho chúng ta thấy, hiện tượng vật chất và tinh thần, đưa ra ví dụ là một vi trần, trong kinh Phật nói là một vi trần, là thứ nhỏ nhất trong vật chất, không thể phân liệt tiếp được nữa, nhỏ nhất. Ngày nay nói là nguyên tử cơ bản, nguyên tử cơ bản không biết còn có thể phân ra được nữa hay không, trong Phật pháp phân đến khi không thể phân được nữa thì gọi là vi trần. Một hạt vi trần này nó có hiện tượng ba động, sự ba động đó lập tức châu biến pháp giới, cho nên tốc độ của nó rất nhanh, nó không có cự ly, so với ánh sáng, so với điện từ thì nó mạnh hơn rất

nhiều, ánh sáng và điện từ không thể so sánh được, nó vừa động là châu biến pháp giới. Trên thực tế chúng ta cần nên hiểu rõ lý này, quang ba là quang tử, hoạt động của quang tử có thể châu biến pháp giới chăng? Có thể, trên thực tế nó châu biến pháp giới. Trên phương diện chúng ta ứng dụng, vì chúng ta còn chấp trước, trong đầu chúng ta còn có cự ly, có tốc độ, có trước sau, cho nên tạo thành một loại huyền giác, không thể đạt được tác dụng viên mãn, là trạng thái như vậy. Cũng như vậy, nếu chúng ta thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật, như thế giới tây phương Cực lạc, con người không suy già, không bị bệnh, vô lượng thọ, tất cả động thực vật cũng là vô lượng thọ, sơn hà đại địa khoáng vật cũng là vô lượng thọ, nó không biến động, nó không biến hóa. Vì sao nó không biến hóa? Vì nó không phân biệt, không chấp trước. Trong Đại thừa kinh giáo thường nói, biến hóa là thức khởi tác dụng, A Lại Da khởi tác dụng, A Lại Da là vọng tâm, tự tánh là chân tâm, chân tâm năng hiện năng sanh, năng hiện năng sanh không biến đổi. Chúng ta không biết dùng chân tâm, mà là dùng vọng tâm, vọng tâm dùng A Lại da, A Lại da sẽ biến, thiên biến vạn hóa. Cho nên thế giới Cực lạc, nghĩa là Thật báo trang nghiêm độ của tất cả chư Phật, đều là dùng chân tâm, không còn dùng vọng tâm nữa. Pháp tướng tông nói rằng, chuyển thức A Lại Da thành Đại viên cảnh trí, chuyển thức Mạt na thành Bình đẳng tánh trí, bình đẳng thật sự viên mãn chứng được, chuyển thức thứ Sáu thành Diệu quan sát trí, chuyển Tiền ngũ thức thành Thành sở tác trí. Đây là sự thật, chẳng phải giả đâu, gọi là nhất chân, tất cả mọi hiện tượng đều vĩnh hằng bất biến. Cho nên kinh điển Đại thừa chẳng thể không học, chẳng thể không nghiêm chỉnh mà học, tuy chúng ta chưa chứng được, nhưng chúng ta có thể đến giải ngộ, học nhiều rồi, ấn tượng sâu sắc, từ từ hiểu rõ, buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt. Tuy chưa đạt đến viên giải, nhưng từng bước từng bước tiếp cận viên giải, chỉ cần chúng ta tiếp cận một chút, thì trong cuộc sống của chúng ta sẽ có sự thay đổi, sẽ có được sự thọ dụng. Không cần phải hoàn toàn chứng đắc, bạn giải được một phần thì được một phần thọ dụng, giải hai phần thì được hai phần thọ dụng. Chứng một phần thì được một phần thọ dụng, chứng hai phần thì được hai phần thọ dụng, hoàn toàn buông bỏ ba loại phiền não, đó là viên chứng, viên giải, viên tu, hạnh ở đây nghĩa là tu, viên tu, viên chứng. Đại thừa pháp từ đầu đến cuối nói cho bạn biết nguyên tắc chính là buông bỏ, nhưng mà rất nhiều người không dám buông bỏ, nói buông bỏ thì cuộc sống ngày mai của tôi sẽ thế nào, họ sẽ nghĩ đến ngày mai, nghĩ đến sang năm, nghĩ đến đời này, nghĩ tới đời sau, họ suy nghĩ rất nhiều, khiến cho họ không dám quay về tự tánh. Đức Phật nói trong tự tánh của mình cái gì cũng có, có đầy đủ hết, trí huệ đức tướng chẳng phải có đầy đủ sao, tướng là phước báo, có đầy đủ hết, hơn nữa thật sự là trong tự tánh sẵn có. Ngạn

ngữ có câu: “Lấy không hết, dùng không kiệt”, điều này bản thân bạn sẵn có. Chúng ta bị mê, đánh mất nó rồi, đánh mất rồi, ngày nay những thọ dụng mà chúng ta có, đều do chính mình nỗ lực mà có, tu được mà có, trong bốn tánh có, chúng ta không dùng được, đều do tu hết. Giống như bạn vô cùng giàu có, bây giờ bạn đi bụi ở bên ngoài, bạn không dùng được của cải, sống ngoài đường chỉ còn cách đi làm thuê, làm việc tạp nhạp, làm một ngày sống một ngày, không biết gia tài của mình là ức vạn, không hề biết. Lục đạo chúng sanh chúng ta giống như tình trạng này, cho nên đức Phật cho chúng ta biết, tất cả chúng sanh vốn là Phật, tánh đức viên mãn. Đức Phật dạy chúng ta không gì khác ngoài việc hướng dẫn chúng ta quay về tự tánh. Chúng ta mê muội quá sâu dày, mê muội quá lâu rồi. Văn minh khoa học ngày nay hình như là rất tốt, nhưng chúng ta cũng bị nó làm mê, bị nó gạt, gạt ở đây nghĩa là sao? Ăn được một chút ngọt đấy, nhưng mà phải trả giá quá đắt, trả giá gì vậy? Sự hủy diệt quả địa cầu, phải trả cái giá này, điều này thật sự là không đáng. Ngày nay chúng ta cũng hiểu được phần nào, thật sự biết ơn lão Tổ tông của chúng ta, lão Tổ tông của chúng ta có trí huệ. Hai ngàn năm trước chúng ta đã có sự phát minh của khoa học, nhưng lão Tổ tông của chúng ta không đề cao, vì sao vậy? Vì họ có trí huệ. Nếu như văn minh khoa học không có nền tảng luân lý, đạo đức, nhân quả, thì chỉ có hại không có lợi. Cho nên lão Tổ tông ở Trung Quốc dạy người, dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả, thậm chí khoa học triết học, rất ít người đề cao, đề cao người Trung quốc xưng là thánh nhân, là đại thánh. Đối với các loại khoa học kỹ thuật này họ có biết không? Biết, biết mà không ghi chép lại, biết mà không phát triển, khiến cho con người trên thế gian này, sống cuộc sống thừa bình, an lạc, hạnh phúc, mỹ mãn. Đó là chân trí huệ, đó là từ bi thật sự.

Tôi có đọc qua một cuốn sách, cuốn sách cổ, tôi quên nó là cuốn sách gì rồi, ngày xưa có đọc qua, vào thời Vương Mãng, đã có người dùng phương pháp bay lượn để phi hành, bạn xem có sớm không, sau này người ta không truyền cái này nữa. Vào thời Tam Quốc, Chư Cát Lượng phát minh mục ngư lưu mã, cơ giới hóa vận tải, tuy đó là hình mẫu cơ giới hóa, nhưng rất tiện lợi, nó không dùng nhân lực, cũng không dùng sức mạnh của động vật. Nghe nói mục ngư lưu mã mỗi ngày có thể đi được 30 dặm, nó là vận tải cơ giới hóa. Chư Cát Lượng chết rồi thì hủy bỏ hết, không lưu lại cho đời sau. Vì sao vậy? Vì ông ấy biết được cái đó phát triển rộng ra thì rất phiền phức, cho nên các nhà khoa học phương tây, nếu như tiếp nhận qua truyền thống giáo dục của Trung quốc, thì tôi tin rằng, họ không tiết lộ bí mật này, khiến cho thế gian này trường trị cửu an, có thể kéo dài thêm vài ngàn năm

nữa. Thực tế mà nói chúng ta đã nhiều năm huân tu trong giáo pháp Đại thừa, mới nhìn rõ được sự việc này.

Thế giới Cực lạc thật sự từ trong tự tánh hướng thượng nâng cao, nó là từ trong ra ngoài, hoàn toàn hồi quy tự tánh, tánh đức là viên mãn. Những khoa học kỹ thuật ngày nay đem ra so bì với nó thì còn cách xa lắm, không thể nào so sánh được. Nó ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày thì chính là lục thần thông mà trong Phật pháp nói, lục thông. Lục thông là gì? Lục thông là bản năng của con người, có thể phá vỡ tất cả chướng ngại. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại”, phá vô minh rồi, không còn đen tối nữa, còn cần đèn làm gì chứ? Còn cần điện làm gì? Không có đen tối. Năng lực của mắt có thể nhìn thấy hư không pháp giới, có thể nhìn thấu tất cả chướng ngại. Nguyên nhân gì vậy? Dùng cách nói của khoa học cũng có thể cảm nhận được, năng lực thấy của nó, không còn bị sóng quang làm chướng ngại. Chúng ta biết, mắt chúng ta có thể thấy, chỉ thấy được một đoạn rất nhỏ của sóng quang, lớn hơn sóng quang này thì chúng ta không thấy được, nhỏ hơn sóng quang này chúng ta cũng không thấy được. Nếu như nói năng lực thấy của mắt chúng ta không có chướng ngại, tất cả các loại sóng quang bạn đều có thể thấy được, thì vũ trụ này lập tức thay đổi, nhìn xuống địa cầu là có thể nhìn thấy lõi của quả địa cầu, không chướng ngại, có thể nhìn thấy mặt bên kia quả địa cầu. Biến pháp giới hư không giới, bạn chẳng hề có chút chướng ngại nào, khi nào vậy? Bồ tát Sơ trụ của Viên Giác phục hồi được năng lực này, phục hồi năng lực nghe, phục hồi năng lực cảm giác, kiến văn giác tri đều phục hồi được hết, kiến văn giác tri là tự tánh, khi mê thì biến thành thọ tướng hành thức, ngày nay chúng ta nói là hiện tượng tâm lý, là hiện tượng mê. Trong hiện tượng giác không gọi là thọ tướng hành thức, mà gọi là kiến văn giác tri. Chúng ta buông bỏ thọ tướng hành thức, thì kiến văn giác tri sẽ phục hồi. Kiến văn giác tri là tánh đức, vĩnh viễn bất biến, thật sự ở thế giới Cực lạc gọi là kim cang bất hoại thân. Vì sao vậy? Vì nó không dùng A Lại Da, hoàn toàn tương ứng với tánh đức, đó là chánh báo trang nghiêm. Có cần ẩm thực hay không? Không cần. Ý báo trang nghiêm, nghĩa là môi trường bạn sinh sống, trong y báo có một sự trang nghiêm không gì sánh bằng, là chư Phật Bồ tát sống cùng nhau. Trong kinh nói rằng: “Chư thượng thiện căn câu hội nhất xứ”, thượng thiện ở đây là bậc đẳng giác trở lên, trên đẳng giác là viên mãn Phật, thật sự câu hội nhất xứ. Trong kinh Vô Lượng Thọ lại càng nói rõ ràng hơn, kinh Di Đà là lược thuyết, nhưng những cuốn chú giải của chư vị Tổ sư chú rất kỹ. Sớ Sao của Liên Trì đại sư, hoàn toàn dùng giáo nghĩa của Hoa Nghiêm để giải thích kinh Di Đà, cho nên đã nâng cao kinh Di Đà lên, nâng cao coi ngang bằng kinh Hoa Nghiêm, khiến cho chúng ta thật sự nghe mà hiểu biết được, bất

luận là sự hay lý đều giảng rõ ràng, nên chúng ta sanh khởi lòng tin. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế, trong suốt 49 năm giảng kinh thuyết pháp, mục đích thứ nhất là muốn cho con người sanh khởi lòng tin, sau khi sanh khởi lòng tin thì phát nguyện, ở trong giáo lý Đại thừa chấp nhận học tập, ở trong Tịnh tông thì nguyện này không giống với họ, nguyện sanh Phật quốc, sanh Phật quốc không gì khác là thay đổi môi trường tu học. Bởi vì bạn ở trong bất kỳ pháp giới nào tu học, nói tóm lại vọng tưởng phân biệt chấp trước bạn chưa phá được, thì bạn không ra khỏi thế giới Ta bà này. Khu giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni thuyết, khu này là tam thiên đại thiên thế giới, nếu như dùng hệ ngân hà để làm đơn vị, thì bằng 10 vạn ức hệ ngân hà, đây là khu giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, 10 vạn ức hệ ngân hà, bạn không ra khỏi phạm vi này đâu. Phạm vi này chính là Thập pháp giới, bạn không có cách nào siêu việt được, sau khi siêu việt đó chính là nhất chân pháp giới, sanh về Thật báo trang nghiêm độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chính là Hoa tạng thế giới, đó là siêu việt. Sau khi siêu việt thì thế giới này không còn biên tế nữa, bậc cổ nhân Trung quốc nói: “Đại nhi vô ngoại”, không có biên tế, “tiểu nhi vô nội”, đều nói về tự tánh. Tự tánh nói đến vi trần, hiện tượng vật chất nói đến vi trần, còn nhỏ hơn nguyên tử, điện tử nữa, trong cái đó có thế giới. Thế giới gì vậy? Nó lớn như thế giới bên ngoài này, trong vi trần có thế giới, trong thế giới đó lại còn có vi trần, trong vi trần vẫn còn có thế giới, không có chỗ cùng, điều này khoa học không nói tới. Ai là người có thể vào trong vi trần thế giới tham học vậy? Bồ tát Phổ Hiền, Bồ tát Phổ Hiền ở đây không nhất định chỉ hàng Đẳng giác, các vị Bồ tát từ Sơ trụ trở lên tu hạnh Phổ Hiền, đều có năng lực này, bản năng của họ, cho nên tự tánh không thể nghĩ bàn, tác dụng của tự tánh không thể nghĩ bàn. Duy chứng nãi tri, bạn không chứng thì không biết được đâu, bạn chứng thì bạn sẽ biết được. Trong kinh điển Đại thừa thường nói, vị nào chứng được? Người thấy được A Lại Da, nghĩa là thấy được duyên khởi của vũ trụ, vũ trụ là duyên khởi thế nào? Trên thực tế duyên khởi không phải là quá khứ, cũng không phải vị lai, mà ngay đây, nó không có thời gian, có quá khứ, có vị lai là có thời gian rồi, nó không có, ngay đây, là bạn thấy được. Trong kinh thường nói Bồ tát Bát địa, có nhiều người hỏi rằng: Bát địa rốt cuộc là Bát địa của Viên Giác hay Bát địa của Biệt Giác? Chúng ta đứng về mặt lý mà phán xét, thì đại khái Bát địa của Biệt Giác là thấy được rồi. Sơ địa của Biệt Giác bằng với Sơ trụ của Viên Giác, họ đã siêu việt Thập pháp giới. Siêu việt Thập pháp giới, nói cách khác, không còn vọng tưởng phân biệt chấp trước nữa, là ở trong cảnh giới như vậy. Trí huệ, đức năng, tướng hảo của họ, so với quả vị cứu cánh không có gì khác biệt, chỉ khác biệt ở chỗ tập

khí vô thi vô minh vẫn còn, nhưng mà tập khí đó không đáng ngại. Cho nên các vị Bồ tát ở tầng lớp này, trong cuộc sống hàng ngày họ làm gì? Không gì ngoài việc ở trong biên pháp giới hư không giới giáo hóa chúng sanh. Thế giới này quá lớn, chẳng phải một vị Phật, bạn xem trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Hoa Tạng Thế Giới, phẩm Thế Giới Thành Trụ, thì bạn biết được không có biên giới, đếm không thể hết. Tất cả sát độ của chư Phật, đại đa số đều có Thập pháp giới, đều có lục đạo, chúng sanh ở trong đó khởi tâm động niệm, bạn hoàn toàn có thể tiếp nhận được, thông tin của họ tới, bạn nhận được, bạn có cần đi giúp họ không? Đó phải xem duyên phận, duyên phận họ không biết, nhưng bạn biết, chư Phật Bồ tát đều biết được. Thế nào gọi là duyên phận? Bạn hiện thân dạy họ, họ có tiếp nhận hay không? Đó gọi là duyên phận, họ hoan hỷ tiếp nhận, có duyên với bạn, tự nhiên bạn sẽ đi. Nếu như họ không thể tiếp nhận, thì bạn không cần đi. Vì sao vậy? Vì có rất nhiều Bồ tát nhận được thông tin này, vô lượng vô biên đều nhận được, cho nên pháp giới thật sự không thể nghĩ bàn.

Sau khi bạn hiểu rõ y báo chánh báo, đương nhiên bạn rõ ràng. Giải ở đây khác với viên giải mà đoạn trước nói, tôi tin tưởng đức Phật Thích Ca Mâu Ni không nói dối đâu. Ngài giới thiệu cho chúng ta, Tây phương của thế giới Ta bà, có một nơi như thế, đức Phật A Di Đà đang giảng dạy ở đó, chắc chắn là thật, không phải giả đâu. Thật sự có đức Phật A Di Đà, ở đó chủ trì việc giảng dạy. Không nghe nói thế giới Cực lạc có quốc vương, cho nên nơi đó không phải là một quốc gia, nó không có tổ chức của quốc gia. Vậy nó là gì? Nó là một trường học, thế giới Cực lạc chỉ có thầy giáo, chỉ có học sinh. Cho nên nó không xung đột với những tôn giáo khác, những tôn giáo khác là một quốc gia, họ có quốc vương, có thiên chúa, có Thượng đế, thế giới tây phương Cực lạc thì không có. Điều này chúng ta cần hiểu rõ ràng, nó là một trường học, một trường học vô cùng rộng lớn, đến nơi đó cầu học, thành tựu trí huệ cứu cánh viên mãn, cho nên từ đó sanh tín tâm. Nếu không giảng thấu triệt, nếu không giảng rõ ràng, thì tín tâm khó mà sanh khởi, sanh khởi tín tâm rồi thì phải phát nguyện. Vì sao muốn sanh về thế giới Cực lạc? Không gì khác là vì hồi quy tự tánh, là vì viên thành Phật đạo, viên thành Phật đạo là cần, vì bạn vốn là Phật mà. Vì sao phải thành Phật? Thành Phật là vì giúp cho tất cả chúng sanh đều thành Phật, điều này quan trọng, chỉ có thành Phật thì sự giảng dạy của bạn mới đạt đến cứu cánh viên mãn. Chúng sanh như thế nào bạn cũng đều có cách dạy họ, bạn có trí huệ, bạn có đức hạnh, bạn có thần thông, bạn có năng lực, thì bạn mới dạy được người ta. Cho nên tín, từ giải mà sanh tín. Ngày nay trong đạo Phật chúng ta, người tin Phật không ít, họ không có giải, không có giải cho nên mê tín, nghe nói thế giới Cực lạc rất hay, cuộc sống nơi đây thật sự quá

khổ, tôi về đó để hưởng phước vậy. Họ đến thế giới Cực lạc để làm gì vậy? Họ đến thế giới Cực lạc để hưởng phước, rốt cuộc cũng không thể được vãng sanh. Vãng sanh về thế giới Cực lạc chẳng phải là để hưởng phước, ý niệm về thế giới Cực lạc hưởng phước, không phù hợp với tiêu chuẩn ở bên đó, người ta sẽ không thu nhận bạn đâu. Ví dụ như gia đình mình nghèo cùng khổ, phòng ốc rất nhỏ, ở rất chật chội, trường học thì đẹp, rất rộng, mình đi học là vì sao? Mình đi học là vì được ở một môi trường tốt, như thế thì trường học đó sẽ không dám nhận bạn. Thế giới Cực lạc cũng như vậy, bạn đến đó để cầu học, sau khi tốt nghiệp bạn phổ độ chúng sanh, thì Cực lạc thế giới chào đón bạn. Bạn xem thế giới Cực lạc thật sự là quê hương của mình, sau khi trở về nơi đó sẽ không đi đâu nữa, ý niệm như vậy là sai rồi. Giảng cho bạn đến chỗ cứu cánh, thế giới Cực lạc ở đâu vậy? Biến pháp giới hư không giới chẳng có chỗ nào không phải là thế giới Cực lạc, đây là sự thật, không phải giả đâu. Trong kinh điển tiết lộ thông tin này cho chúng ta rất nhiều, chúng ta sơ sài coi mà không hiểu, “nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”, nhất là thế giới Cực lạc, nhất thiết là sát độ của chư Phật. Nhất tức nhất thiết, biến pháp giới hư không giới tất cả sát độ của chư Phật, nơi nào chẳng phải là thế giới Cực lạc? Tất cả đều là Cực lạc. Vậy bây giờ chúng ta có cần vãng sanh về thế giới tây phương Cực lạc của đức Phật A Di Đà không? Cần! Vì sao vậy? Vì sau khi về thế giới Cực lạc rồi, bạn đến bất kỳ sát độ nào của chư Phật, cũng đều là thế giới Cực lạc. Bạn không đi thì không được đâu, bạn đến bất cứ nơi đâu cũng vẫn là thế giới Ta bà thôi. Khác hẳn, cho nên nhất định bạn phải đi, bạn không thể không đi.

“Thất nhật trì danh, nhất tâm bất loạn”, thất ở đây không phải là đếm con số, bạn không thể coi là 1 ngày 2 ngày 3 ngày, không có nghĩa là như vậy, mà nó nói lên sự viên mãn. Trong kinh Di Đà dùng thất để nói lên sự viên mãn, thất chỉ cho cái gì? Chỉ cho bốn phương, trên, dưới, giữa, đây là thất. Trong kinh Hoa Nghiêm dùng thập nói lên sự viên mãn, thập là từ số chữ, từ 1 đến 10 là con số hoàn chỉnh, viên mãn, cho nên nó là biểu pháp. Chẳng phải chỉ nói 7 ngày, chúng ta phải có cái nhìn như thế nào đây? 7 ngày là một kỳ, bảy ngày ở đây giống như một tuần lễ, một kỳ. “Chung nhi phục thi”, 7 ngày, như chủ nhật là xếp vào ngày thứ nhất, đến ngày thứ 7 là kết thúc một ngày, sang ngày thứ hai lại là ngày chủ nhật, “châu nhi phục thi”, một cái thất, một cái thất. Ngày nay chúng ta làm pháp hội Tam thời hệ niệm, là vì giúp cho thế gian này hóa giải tai nạn, thất ở đây là gì? 100 cái thất liên tục không dứt, 100 cái thất nghĩa là 700 ngày, bằng hai năm. Ngày nay Liên hiệp quốc tập hợp một số nhà khoa học cũng không kiêng kỵ, những tai nạn nghiêm trọng đều báo cáo công khai. Hôm qua tôi xem được thông tin này, điều này có số

liệu của khoa học, các nhà khoa học nói, quả địa cầu này thật sự có điều phiền phức, trong lòng đất có rất nhiều núi lửa đang phun trào, ngày xưa không có ai nói, ngày nay chúng ta biết được. Phạm nơi nào có suối nước nóng thì bên dưới đều có núi lửa, khi những thứ này dẫn phát, thì vô cùng phiền phức, nên đem đến tai nạn nghiêm trọng. Vì sao nước của suối nước nóng lại nóng như thế? Vì bên dưới có lửa cháy.

Hóa giải tai nạn, chúng ta y cứ theo lý luận mà trong Phật pháp đã nói, “nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh”, Phật sự hệ niệm là tư tưởng chánh diện, là tâm thái lành mạnh, chẳng những có thể sửa đổi chính mình, mà còn thay đổi được môi trường. Khi học tập phải nghiêm chỉnh, tùy văn nhập quán, bản thân mình khi làm pháp sự này, phải thâm nhập cảnh giới, thì hiệu quả sẽ vô cùng thù thắng. Niệm Phật phải nhập vào thế giới Cực lạc, cho nên Đại Thế Chí Bồ tát nói: “Nhớ Phật niệm Phật hiện tiền tương lai chắc chắn thấy Phật”.

Mật giáo, chúng ta gọi là Mật tông, họ nói tam mật tương ưng, chúng ta niệm Phật cũng như vậy, miệng niệm Phật A Di Đà, tâm nghĩ về thế giới tây phương Cực lạc, hoặc là nghĩ về Phật A Di Đà cũng được, đó gọi là tương ưng. Cho nên kinh không thuộc thì bạn không thể tưởng được, kinh điển thuộc rồi thì bạn rất dễ quán tưởng, luôn luôn nghĩ về thế giới tây phương Cực lạc, không nên có những tạp niệm khác. Chữ niệm gồm có chữ kim và chữ tâm, văn tự của Trung quốc là phù hiệu của trí huệ. Bạn thật sự niệm, nếu như miệng niệm mà không có tâm, thì niệm Phật này không tương ưng, tâm và miệng phải tương ưng, miệng niệm Phật, trong tâm thật sự có Phật. Quan trọng nhất là bản thân mình phải tương ưng với Phật, cũng có nghĩa là bản thân mình phải làm Phật, thì sự cảm ứng đó rất lớn. Có người nói như thế phải chăng là quá cuồng vọng? Tôi là phàm phu nghiệp chướng sâu dày, sao tôi dám làm Phật chứ? Như thế thì bạn hoàn toàn sai rồi. Tội nghiệp có, khi bạn còn mê thì có, nhưng khi giác ngộ rồi thì không còn nữa. Trong đại thừa giáo thường nói: “Tội tánh bản không”. Vì sao có? Vì bạn có vọng niệm là có, bạn có ngã là có, nếu như đoạn được ngã rồi, thì tội nghiệp sẽ không còn nữa. Thực tế mà nói tu học Phật pháp, bước đầu tiên là phá ngã chấp, điều này rất khó phá. Tôi từ đâu ra? Có mặt cùng với vũ trụ, nói thật, có ta trước mới có vũ trụ, không có ta thì làm sao có vũ trụ? Bạn xem trong Hoàn Nguyên Quán nói, đồng thời có mặt, do A Lại Da thức biến hiện ra. A Lại da làm sao mà có? Từ ý niệm mà có. Tất cả ý niệm đều có nhân, đều có quả, duy chỉ có A Lại da là không có nhân. Bạn không nên nói rằng, vô thi vô minh, vô thi vô minh bất giác mà khởi lên ý niệm này, vì sao lại bất giác? Vì sao lại khởi niệm? Như thế thì lập tức bạn đọa lạc. Vì sao vậy?

Vì bạn có phân biệt, có chấp trước thì sẽ bị đọa xuống. Cho nên ý niệm đầu tiên không có nguyên nhân. Trong hội Lăng Nghiêm đức Phật Thích Ca Mâu Ni đưa ra một ví dụ: “Diễn nhược đạt đa, mê đầu nhận ảnh”, đưa ra ví dụ này rất hay, đó chính là mê. Mê có nguyên nhân không? Mê không có nguyên nhân. Vậy vì sao lại mê? Không có lý do, chính là một ý niệm mê, niệm đầu tiên, điều này cũng rất khó hiểu. Thật ra dạng ví dụ này trước mắt rất nhiều. Vào thời chúng tôi còn làm học sinh, là thời kỳ chiến tranh, đánh nhau với người Nhật, tiểu học lớp năm là bắt đầu phải học quân huấn rồi, học huấn luyện quân sự. Khi học quân huấn, Sĩ quan huấn luyện do trường học đưa ra, để dạy môn quân huấn này. Diễn tập tập hợp khẩn cấp, vì thời đó học sinh chúng tôi đều ở trường học, thời kỳ chiến tranh đều ở trường học. Sáng sớm thức dậy, tiếng còi thổi lên, tập hợp khẩn cấp, quần áo mặc gọn gàng, khi đó còn phải đeo một cái dây da, giống như tiểu binh vậy. Tất cả đã ăn mặc gọn gàng rồi, con người trong lúc hốt hoảng thì tìm khắp nơi, tìm cái gì? Tìm mũ, hỏi các bạn khác, bạn có thấy cái mũ của tôi không? Rất căng thẳng! Có người nói: Chẳng phải cái mũ của bạn đang đội trên đầu đó sao? Sờ lên đầu, quả nhiên mũ ở trên đầu, đó chính là mê đầu nhận ảnh. Sự mê hoặc của người đó có nguyên nhân không? Không có nguyên nhân. Diễn nhược đạt đa, mê đầu nhận ảnh, ý nghĩa của nó giống như câu chuyện này vậy. Chúng ta nói đến cái gì? Nói lên hiện tượng căng thẳng mới phát sinh ra hiện tượng như thế, cho nên nói là không có nguyên nhân.

7 ngày trì danh, ở đây nói đến nhất tâm bất loạn, do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch, câu này rất khó khăn, nhất tâm bất loạn không dễ dàng chút nào, thật sự công phu. Cho nên tôi đã gặp rất nhiều người, nói với tôi rằng: Pháp sư à, pháp môn này con không thể học được. Tôi hỏi, vì sao vậy? Họ nói, nhất tâm bất loạn con không làm được. Đúng vậy, có được mấy người đạt được nhất tâm bất loạn? Nếu như đúng tiêu chuẩn của đoạn này, không đạt được nhất tâm bất loạn thì không thể được vãng sanh, thì chẳng còn cách nào nữa. Ở trong nguyên bản chẳng phải là nhất tâm bất loạn mà là hệ niệm bất loạn, thì dễ dàng hơn nhiều. Huyền Trang đại sư phiên dịch là trực dịch, nghĩa là hệ niệm bất loạn là do đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng, chứ không phải là nhất tâm bất loạn. Cưu Ma La Thập đại sư là ý dịch, nghĩa là không y theo nguyên bản kinh văn, là ý nghĩa. Nhưng mà ngài nói cũng rất có lý, chúng ta thật sự niệm đến hệ niệm bất loạn, lâm mạng chung thời Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, trước khi tiếp dẫn chắc chắn ngài phóng quang chiếu đến bạn, Phật quang chiếu đến, thì công phu của bạn tăng lên gấp đôi, là tăng lên tương đối. Cũng có nghĩa là giống như công phu của bạn, tăng lên gấp đôi, sự vãng

sanh này chắc chắn trông cây đượ. Cho nên khi lâm mạng chung, một niệm mười niệm đều đượ vãng sanh. Nhất tâm bất loạn là nói đến công phu, công phu là sau khi vãng sanh về thế giới tây phương Cực lạc, phẩm vị của bạn cao thấp không giống nhau, sự nhất tâm sanh Phương tiện độ, lý nhất tâm sanh Thật báo độ. Thông thường công phu của chúng ta thành phiền, công phu thành phiền không đến nhất tâm bất loạn, nhưng mà có thể hàng phục đượ phiền não, điều này rất quan trọng, có thể không chế đượ tập khí phiền não không khởi tác dụng, trong đạo Phật thường nói là không khởi hiện hành, công phu như vậy là đượ, là có thể đượ vãng sanh. Lâm mạng chung thời tức đắc vãng sanh, vãng sanh chắc chắn đượ Phật đến tiếp dẫn, đây là lời phát nguyện của đức Phật, nguyện của đức Phật A Di Đà. Cũng có người hoài nghi nói rằng: “Hư không pháp giới không riêng gì địa cầu chúng ta đây, còn những thế giới khác, tất cả chúng sanh đều niệm Phật A Di Đà, hàng ngày người vãng sanh nhiều như vậy, đức Phật A Di Đà đi tiếp dẫn khắp nơi, ngài bận rộn quá, ngài làm kịp không? Có khi nào để lớt mình không?” Có sự nghi vấn như vậy, cho nên sự nghi vấn như vậy là dư thừa, chúng ta hoàn toàn dùng phàm tình để đo lường, không hiểu rõ chân tướng sự thật, chân tướng sự thật là pháp thân của Phật A Di Đà, biến pháp giới hư không giới, ở đâu cầu là ở đó có ứng. Ở đâu vậy? Ở ngay hiện tiền đây. Thực tế mà nói, chúng ta chưa bao giờ rời xa thế giới Cực lạc, cũng chưa bao giờ xa rời đức Phật A Di Đà, cho nên nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật. Bạn hiểu đượ lý này, thì sự nghi hoặc của bạn đượ tiêu trừ, cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn, cho nên chúng ta thường đọc đến Hoàn Nguyên Quán nói về khởi tác dụng. Thứ nhất là châu biến pháp giới, hiểu đượ châu biến pháp giới, thì thông tin của chúng ta đức Phật biết rất rõ. Niệm niệm đều duy trì đượ sự liên hệ này.

“Xuất sanh vô tận”, đã cho chúng ta sự cảm giác an toàn, xuất sanh vô tận, nơi nào có cầu thì nơi đó sẽ có ứng, Quán Thế Âm Bồ tát, thiên xứ hữu cầu thiên xứ ứng, bất luận là nơi nào, chúng sanh trong Thập pháp giới, chỉ cần có cầu, thì đều có ứng hết.

Câu cuối cùng là nói đến tâm lượng, “hàm dung không hữu”, chính là bình thường ta nói, tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Đức Phật đối với tất cả chúng sanh, thanh tịnh bình đẳng giác, chắc chắn không có sự sai biệt, không có chệ bai. Chúng sanh tạo ngũ nghịch thập ác, chỉ cần chịu quay đầu, chỉ cần chịu phát tâm thân cận Phật A Di Đà, thì chẳng ai là đức Phật không tiếp dẫn, sẽ không để lớt lại một người nào. Đức Phật không đến tiếp dẫn là do bản thân bạn có chướng ngại, trong sự chướng ngại này nghiêm trọng nhất là tình chấp, đây là điều vô cùng

phiền phức. Cho nên trong cuộc sống hàng ngày nên xem nhẹ cái này, khi lâm chung chúng ta mới không có chướng ngại. Nhất là vào thời kỳ hiện nay đặc biệt rất nhiều tai nạn, tuy gặp phải tai nạn nhưng vẫn được vãng sanh, chỉ cần buông bỏ tất cả, không hề có tư hào lưu luyến nào, thì bạn rất dễ dàng ra đi, không nên bận lòng với một việc gì, bạn buông bỏ tất cả thì tâm bạn sẽ rất tự tại. Sanh về thế giới Cực lạc, địa vị của người này chính là Bồ tát A Duy Việt Trí, trong dấu ngoặc đơn ở chỗ này nói là A Bệ Bạt Trí, trong kinh Di Đà dùng bốn chữ này, trong kinh Vô Lượng Thọ nói là A Duy Việt Trí, đây là âm dịch từ tiếng Phạn, là một câu nói, cũng là một câu nói, có nghĩa là bất thoái, đó là ba loại bất thoái. Thông thường nói vị bất thoái là Tiểu thừa Tu Đà Hoàn chứng được, hành bất thoái là Bồ tát chứng được, niệm bất thoái là Pháp thân Bồ tát chứng được, ba loại bất thoái này đều đầy đủ, mới gọi là A Duy Việt Trí. Trước đây chúng tôi đã giảng qua rất nhiều lần, địa vị này không phải dễ dàng mà có thể đạt được, nếu nương vào bản thân mình tu tập, thì vô cùng khó khăn. Bởi vì Bồ tát A Bệ Bạt Trí siêu việt Thập pháp giới, họ trú ở Nhất chân pháp giới, trú ở Thật báo trang nghiêm độ của đức Phật A Di Đà, cho nên điều này không dễ dàng đạt được. Nhưng mà thế giới tây phương Cực lạc thì không như vậy, Phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh cũng là Bồ tát A Duy Việt Trí, tuy họ không chứng được, nhưng trí huệ, thần thông, đạo lực của họ ngang hàng với Bồ tát A Duy Việt Trí. Như vậy có nghĩa là sao? Đây là bản nguyện oai thần của đức Phật A Di Đà gia trì, cũng có nghĩa là hưởng phước của đức Phật A Di Đà, sự tiếp đón bạn cũng như các vị Bồ tát vậy, đó là đức Phật A Di Đà cho bạn, chứ chẳng phải bản thân bạn đạt được. Đức Phật A Di Đà thường xuyên giúp đỡ bạn, chờ cho đến khi bạn thật sự chứng được, bạn ở thế giới tây phương Cực lạc tu tập thật sự chứng được. Phải mất bao lâu mới thật sự chứng được đây? Chúng ta nói về Phạm thánh đồng cư độ hạ hạ phẩm vãng sanh, trong cuốn Quán Vô Lượng Thọ Kinh nói rất rõ ràng, 12 kiếp thì bạn thật sự chứng được, trước 12 kiếp đó là đức Phật A Di Đà giúp bạn. Sự tiếp đãi đặc biệt này, ở trong thế giới của đức Phật khác không có, chỉ có đức Phật A Di Đà là từ bi như thế, cho bạn sự tiếp đãi tốt như vậy. Biết được tình trạng này rồi thì bạn chẳng thể không phát tâm, nếu bạn không phát tâm thì phiền phức lắm đấy, mình muốn nương vào sức mạnh của chính mình, siêu việt lục đạo, siêu việt Thập pháp giới, thì khó khăn lắm!

“Cổ tri thử kinh, vi ngũ trược ác thế chi vô thượng đề hồ”. Đề hồ là ví dụ, là thức uống của cõi trời, thức uống ngon nhất của cõi trời là đề hồ, trước đó thêm vào chữ vô thượng, đây là đến chỗ cuối cùng. Dùng câu này để ví dụ cho pháp môn

này, pháp môn Tịnh độ, đặc biệt là ở cõi đời ác trược, trược là nhiễm ô, ác là thập ác, trược ác nghiêm trọng. Chính là xã hội của chúng ta ngày nay, có thể nói tất cả mọi người, đều nhận biết sâu sắc đến quả địa cầu, môi trường mà chúng ta sống đây, đã bị nhiễm ô nghiêm trọng rồi. Sự ô nhiễm này có liên quan mật thiết đến khoa học kỹ thuật, nhất là mấy năm gần đây, thuốc trừ sâu và phân bón làm ô nhiễm mặt đất, ô nhiễm nguồn nước. Cho nên đồ ăn thức uống của chúng ta ngày nay, thật sự giống như trong kinh nói, “uống đắng ăn độc”. Ngày xưa chúng tôi đọc câu kinh này, cảm thấy không có ý nghĩa gì hết, ngày nay đọc câu kinh này, thấy rằng nó miêu tả cuộc sống hiện thực của chúng ta. Ngày xưa trong loài động vật, động vật mang mầm bệnh độc nhiều hơn, nên khi ăn thịt rất dễ bị lây nhiễm, ngày nay thực vật cũng không ngoại lệ, ngay cả lúa gạo cũng có vấn đề.

Ở Đài Loan chúng tôi, những người nông dân ở Đài Loan, gạo của họ ăn, là được cấy ở một khu vực, không mang đi bán, vì sao vậy? Vì chỗ đó không có thuốc trừ sâu, không có phân bón, họ cấy để bán cho người khác thì thuốc sâu và phân bón rất nhiều, cho nên gạo thấy rất đẹp, nhưng trên thực tế thì không có dinh dưỡng. Rau cỏ cũng như vậy, cũng có thuốc sâu rau, điều này ngày xưa chúng ta không bao giờ nghĩ đến!

Mấy năm trước tôi ở Sơn Đông Khánh Vân, có đi tham quan một nơi nuôi vịt, là một nơi nuôi vịt với qui mô rất lớn. Tôi đến tham quan thấy những con vịt nhỏ rất dễ thương, người phụ trách trong đó bắt một con để lên tay tôi, nó bằng bàn tay của tôi vậy. Người đó hỏi tôi: Pháp sư, ngài đoán xem con vịt nhỏ này sinh được mấy ngày rồi? Tôi đoán ít nhất là khoảng 10 ngày, ít nhất là phải một tuần lễ, thì mới lớn như vậy được. Vị này nói với tôi, nó mới sinh hôm qua. Tôi giật mình, tôi nói, con vịt này lớn rồi, quý vị mang đi bán, đại khái khoảng mấy ngày? Hai tuần lễ. Một phần ba vịt tại Bắc Kinh là do họ cung cấp, còn có thể ăn được không? Ăn toàn các chất hóa học, để cho nó mau lớn. Nhớ đến ở nông thôn của chúng tôi ngày xưa, nuôi vịt lớn có thể làm thịt được ít nhất là nửa năm, bình thường là nửa năm, bây giờ chỉ cần hai ba tuần là lớn rồi, còn dám ăn thịt chẳng? Cho nên tôi nói cho quý vị rõ, chẳng những thứ này không ăn được, mà trứng vịt cũng không thể ăn được, thật đáng sợ! Sau này còn nghe nói, họ nuôi heo, nuôi bò đều như vậy cả, họ đều cho ăn những thức ăn gia súc không bình thường này, cho nên ăn rồi, thì bệnh kỳ lạ gì cũng xuất hiện, thật đáng sợ! Cho nên sự ăn uống của chúng ta ngày nay không thể yên tâm, chỉ có một phương pháp, điều này trong Phật pháp nói, tâm thanh tịnh không bị bệnh độc lây nhiễm, tâm từ bi có thể hóa giải được độc. Chúng ta chỉ còn biết dùng phương pháp này thôi, cố gắng tránh, cố gắng tu dưỡng tâm từ

bi tâm thanh tịnh của chính mình, dùng câu nói trong y học, thì đó chính là nâng cao năng lực miễn dịch của chúng ta, năng lực miễn dịch này chính là tâm thanh tịnh và tâm từ bi.

Dùng vô thượng đề hồ để hình dung, ở thế giới này tu tập pháp môn này, tương đồng với cách nói của bậc cổ nhân ở Nhật Bản. Dưới đây nói, “khả kiến sao ý”, là ý nghĩa trong Viên Trung Sao. “Diệc dữ thượng dẫn nhật đức chi thuyết vẫn đồng”, nghĩa là các vị cổ đức ở Nhật bản, pháp mà họ nói tương đồng. “Thả sở vị vô thượng đề hồ”. câu này dùng rất hay, “tự nhiên ung thị khế lý khế cơ, tối cực viên đốn chi thánh giáo dã”, vô thượng đề hồ bao hàm ý nghĩa này. Sống vào thời đại chúng ta, bộ kinh này, pháp môn này khế lý, lý mà chư Phật đã chứng được, khế cơ, bất cứ người nào chỉ cần năng tín, năng giải, năng phát nguyện, lão thật niệm Phật, thì chẳng có ai là không thành tựu, cho nên đây là thánh giáo tối cực viên đốn.

“Thị dĩ nhật Ngọc Sao vân”, đây là một bộ chú giải kinh Vô Lượng Thọ của Nhật, tên của cuốn chú giải này là Ngọc Sao. “Tự đốn giáo hữu nhị giáo nhị siêu”, nói đốn giáo có nhị giáo nhị siêu.

Nhị giáo. Thứ nhất là “nan hành thánh đạo chi thật giáo, sở vị Phật tâm, Chân Ngôn, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm đẳng thánh giáo dã”, đưa ra mấy ví dụ này, đây là chân thật không giả dối đâu, là nhất thừa giáo, đây là khó.

Thứ hai, “dị hành Tịnh độ bốn nguyện chi giáo, Đại Vô Lượng Thọ kinh đẳng dã”, đây nói nhị giáo.

Nhị siêu là thụ siêu và hoành siêu. “Chân Giải thích vân”, đây cũng là cuốn chú giải của pháp sư người Nhật. “Do tự lực tu đoạn cố danh thọ siêu”, nghĩa là hoàn toàn nương vào sức mạnh của chính mình, đoạn kiến tư phiền não, đoạn trần sa phiền não, phá vô minh vô minh. Điều này trong Đại thừa giáo thường nói, trong kinh Hoa Nghiêm, danh từ thì không giống nhau, nhưng ý nghĩa tương đồng, trong kinh Hoa Nghiêm nói, vọng tưởng phân biệt chấp trước. Vọng tưởng chính là vô minh phiền não, phân biệt chính là trần sa phiền não, chấp trước chính là kiến tư phiền não, ý nghĩa của nó hoàn toàn tương đồng, nhất định phải là chính bản thân mình đoạn tận nó. Chúng ta nói là buông bỏ, thật sự buông bỏ, việc buông bỏ nói thì rất dễ, nhưng trên thực tế thì vô cùng khó khăn. Khó cũng phải làm, chẳng thể là không làm, buông bỏ từ từ, con đường chúng ta đi đây không phải là đốn siêu, chúng ta là tiệm tiến, tiến dần từng bước. Một mặt thì buông, một mặt thì học, cái

này có rất nhiều điều lợi, bạn buông bỏ một ít, bạn quay lại coi bộ kinh này, bạn sẽ thấy sâu hơn một lớp. Mỗi năm buông một ít, mỗi năm đọc bộ kinh này, sẽ phát hiện ra những ý nghĩa mới, trong kinh có vô lượng nghĩa. Chẳng phải chúng ta không thấy được kinh văn này, chúng ta thấy đó, nhưng bản thân chúng ta bị nghiệp chướng làm chướng ngại, không thấy được ý nghĩa của kinh, thấy được thiển ý, nhưng không thấy được thâm ý. Đến khi nào bạn mới có thể nhìn thấu được bộ kinh này? Vô thi vô minh cũng buông xuống, vô thi vô minh không dễ hiểu, tôi nói hai câu, quý vị nghe rồi sẽ thấy dễ hiểu, gọi là khởi tâm động niệm. Buông bỏ vô thi vô minh, chính là không khởi tâm, không động niệm, đó chính là buông bỏ vô thi vô minh. Khởi tâm động niệm đã không có, thì lấy đâu ra phân biệt chấp trước! Phân biệt là do khởi tâm động niệm mà có, chấp trước là từ phân biệt mà có. Cho nên buông bỏ chấp trước là A La Hán, buông bỏ phân biệt là Bồ tát, buông bỏ khởi tâm động niệm, đó là thành Phật, là hồi quy tự tánh. Phải tu thôi, không tu là không được đâu, bản thân mình phải nghiêm chỉnh nỗ lực mà tu, chắc chắn có lợi ích. Học không nên chấp trước điều gì, như thế là tốt rồi, tiến lên nữa, chẳng những không chấp trước mà phân biệt cũng không có. Khởi tâm động niệm thật sự rất khó, đó không phải chuyện giả dối đâu, chúng ta dự định trong một đời này, không thể được đâu, không thể làm được. Làm được thì đó chính là tự lực siêu việt Thập pháp giới. Nếu như không có năng lực này, thì chúng ta tìm đến pháp môn Tịnh độ.

“Tịnh độ bốn nguyện, chân thật do tha lực cố, siêu việt thành Phật chi pháp dã, cố danh hoành siêu”. Chúng ta tìm đến pháp môn này, tìm đến pháp môn Tịnh độ nghiêm chỉnh tu tập, thì được bốn nguyện oai thần của đức Phật A Di Đà gia hộ. Thế nào gọi là hoành siêu? Tiếp dẫn vãng sanh chính là hoành siêu.

“Hoành siêu chi đôn, trì danh đôn trung chi đôn dã”, câu nói này cũng là chân thật, không giả dối đâu. Pháp môn niệm Phật có rất nhiều, quy nạp lại thành bốn loại: Là trì danh, quán tưởng, quán tượng và thật tướng. Trì danh nghĩa là chấp trì danh hiệu, dùng một câu danh hiệu A Di Đà Phật, thay thế cho vọng tưởng phân biệt chấp trước của chúng ta từ nhiều đời nhiều kiếp, bởi vì chúng ta không niệm Phật thì sẽ suy nghĩ lung tung, bất luận là niệm cái gì cũng không thể ra khỏi luân hồi lục đạo. Nói thiệt, niệm kinh Hoa Nghiêm cũng không thể ra khỏi luân hồi lục đạo, niệm tất cả những bộ kinh này có lợi ích là không đọa vào ba đường ác, đời sau được phước báo nhân thiên, nhưng không ra khỏi lục đạo. Niệm Phật A Di Đà có thể ra khỏi lục đạo luân hồi, điều này chúng ta cần nên biết. Vì sao niệm những bộ kinh khác lại không ra khỏi được lục đạo luân hồi? Vì tập khí phiền não của bạn

chưa đoạn, nguyên nhân là ở chỗ này, không có cách nào đoạn được tập khí phiền não, niệm Phật A Di Đà có thể đoạn được tập khí phiền não. Nói cách khác, nhất định phải niệm Phật, không niệm Phật bạn sẽ loạn tưởng, loạn tưởng chính là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Cho nên bản thân mình cần nên phản tỉnh một chút, một ngày 24 tiếng đồng hồ, có mấy giờ mình niệm Phật, không niệm Phật là tạo nghiệp luân hồi, đem hai cái này ra so sánh thì bạn sẽ biết được, tương lai mình ở trong luân hồi lục đạo, hay là ở nơi thế giới Cực lạc. Thời gian mình niệm Phật nhất định phải nhiều hơn thời gian mình vọng tưởng, điều này rất quan trọng, cho nên niệm Phật ba năm, công phu thành phiền là được vãng sanh, biết được giờ đi, Phật đến tiếp dẫn, đó là gì? Đó là do niệm danh hiệu Phật không gián đoạn, mỗi ngày ít nhất là mười mấy tiếng đồng hồ, trong tâm họ là danh hiệu Phật, ngoài giờ ngủ nghỉ không thể không chế ra, tất cả thời gian còn lại là niệm Phật.

Đế Nhân hòa thượng, dạy đệ tử ngài là thợ vá xoong nồi, câu chuyện này rất nhiều người biết đến, Tán Hư pháp sư ngày xưa ở HongKong thường đề cập đến câu chuyện này để khuyến khích mọi người, câu chuyện này ở trong cuốn Phật Thất Khai Thị. Người này là bạn chơi lúc nhỏ của ngài, là người cùng thôn, lúc nhỏ chơi với nhau, lớn lên rồi không hề đi học, người rất khờ, rất chân thật, học được cách vá xoong nồi, chỉ có tài như vậy, sống với nghề này, rất vất vả. Hoàn cảnh của gia đình Đế Nhân pháp sư thì tốt hơn, lúc nhỏ có đi học, học qua tư thực, lớn lên học buôn bán, sau này thì xuất gia, xuất gia rồi, ngài cũng rất giỏi, rất chuyên cần, cũng giảng kinh thuyết pháp, làm tri khách ở chùa Quán Tông. Lúc đó ngài vẫn chưa nổi tiếng, người bạn đó tìm đến ngài, thấy cuộc sống của ngài không tệ, nên cũng muốn xuất gia học với ngài. Ngài nói, không được đâu, anh đã 40 tuổi rồi, học kinh giáo anh không biết, học giảng kinh thì anh không biết chữ, sau khi anh xuất gia rồi, thì anh đi đâu chứ? Phân tích cho anh này nghe, nhưng anh này lỳ ra nhất định đòi xuất gia, không đồng ý trở về nữa. Đế Nhân đại sư không làm gì được, dù sao cũng là bạn chơi lúc nhỏ mà. Ngài nói, tôi ra một điều kiện, tôi đưa ra điều kiện nếu anh bằng lòng, thì tôi xuất gia cho anh. Anh ta nói, được, bất cứ thầy dạy tôi điều gì tôi cũng bằng lòng hết. Như thế nên xuất gia cho anh ta, sau khi xuất gia rồi, ngài nói, anh đừng ở trong chùa, ở trong chùa người ta sẽ xem thường anh, anh không biết làm gì hết. Ở miệt quê, ngài tìm được một ngôi chùa cũ, không có người ở, kêu anh ta ở đó, chỉ dạy anh ta một câu : Nam mô A Di Đà Phật. Ngài nói, ta dạy cho anh pháp này, anh niệm đi, niệm mệt rồi thì anh nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi thì anh niệm tiếp. Thật sự không hề có áp lực gì hết, anh ta đã làm theo như vậy. Lão hòa thượng nói, đến cuối cùng chắc chắn có lợi. Anh ta rất thật, anh

ta cũng không hỏi có lợi ích gì, tóm lại hàng ngày chỉ niệm có 6 chữ ấy mà, niệm mệt thì nghỉ ngơi, nghỉ khỏe thì niệm tiếp, niệm 3 năm như vậy. Khi đó ở gần ngôi chùa cũ này có một bà lão, cũng là người niệm Phật, cũng là đệ tử quy y với pháp sư Đế Nhân, lão pháp sư giao cho bà lo cho cuộc sống của anh thợ vá nôi này, lo cho anh ta ngày hai bữa, bữa sáng để anh ta tự lo, bữa trưa, bữa tối lo cho anh ta, để anh ta chuyên tâm niệm Phật. Anh ta thật tu, niệm ba năm trời, anh ta không ra ngoài, giống như người nhập thất vậy. Một hôm đi vào trong thành, thăm người thân, bạn bè, nhưng trên thực tế là anh ta đến từ đã, anh ta sắp vãng sanh, chính anh ta biết được, đến thăm người bạn cũ này. Đến tối trở về nói với bà lão nấu cơm, cảm ơn bà, ngày mai bà đừng nấu cơm cho tôi nữa. Bà cụ nghe rồi cảm thấy kỳ lạ, sư phụ không cho mình nấu cơm, chắc hôm nay vào trong thành, bạn bè mời thầy ấy ăn rồi, và bà cũng không truy cứu nữa. Qua ngày thứ hai, gần trưa, bà lão vào trong chùa xem thử, xem sư phụ có nhà hay không. Vào trong chùa kêu không có ai trả lời, thấy sư phụ đứng ở trong điện Phật, nhìn kỹ thấy thầy chết rồi, bà lão quá sợ hãi, bà chưa bao giờ thấy ai đứng chết cả. Bà thông báo cho các bạn học Phật ở gần đó biết, mọi người xúm lại xem, đúng vậy, lập tức báo cho Đế Nhân hòa thượng biết, sư phụ mất rồi, đứng mà vãng sanh. Vào thời đó đi bộ, không có phương tiện giao thông, đi về phải mất 3 ngày. Đế Nhân hòa thượng đến thấy như vậy, tán thán nói rằng, anh không uổng phí việc xuất gia, các vị pháp sư giảng kinh, các vị phương trượng trụ trì ở danh sơn cũng không bằng anh. 3 năm, đứng mà vãng sanh, bạn xem, anh ta đứng 3 ngày, chờ Đế Nhân pháp sư đến lo hậu sự cho anh ta.

Phương pháp này hay vô cùng! Anh ta thật sự được lợi ích, biết được giờ đi, không bị bệnh, đứng vãng sanh. Lão hòa thượng thường đưa ra câu chuyện này khuyên khích mọi người. Bạn xem không khó mà, thật sự tu, thật sự buông bỏ, anh ta không có gì hết. Cho nên câu chuyện hay như vậy đó, lão hòa thượng thường nói, tham thiền, học mật, ngài không thấy có sự thành tựu, nhưng mà niệm Phật vãng sanh, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh, không bị bệnh, biết được giờ đi, đời ngài đã thấy được mấy chục người rồi. Điều này không phải giả đâu, cho nên thật sự là đốn trung chi đốn.

Ngoài ra ba kiểu niệm Phật kia đều không tiện lợi bằng trì danh niệm Phật. Quán tưởng, người thời nay tâm ý rối loạn, không quán được. Trong 16 quán, thứ nhất là quán mặt trời, mặt trời xuống núi, bóng xế lơ lửng, nhìn mặt trời đỏ rực xuống núi, mở mắt ra thấy hiện tượng này, nhắm mắt lại hiện tượng này còn trước mặt, gọi là quán thành. Bất luận là vào lúc nào, ở đâu, bóng xế lơ lửng đều ở trước

mặt mới gọi là quán thành, không đơn giản đâu, niệm Phật vẫn tiện lợi hơn. Cho nên quán tưởng khó, quán tượng cũng khó. Đặt pho tượng Phật ở trước mặt, hàng ngày nhìn tượng, nhưng khi bạn không nhìn thì bị gián đoạn, công phu bị gián đoạn. Thật tướng quá khó, thật tướng là minh tâm kiến tánh, sau khi bạn niệm đến lý nhất tâm bất loạn, thì đó là thật tướng niệm Phật. Cho nên chư vị Tổ sư nói trì danh là đốn trung chi đốn, là lời nói chân thật đó.

Trên đây chư vị cổ đức bao hàm lời của ngài Thiệu Đạo đại sư, phân bốn kinh này là đốn cực đốn tốc, là giáo pháp viên dung viên mãn. Như cuốn Chân Giải gọi bốn kinh này là chuyên trung chi chuyên, đốn trung chi đốn, chân trung chi chân, viên trung chi viên, tuyệt đối là pháp bất nhị, nhất thừa chân như chi đạo.

Những lời tán thán này đều là sự thật, đều là những lời chân thật, không có chút tư hào nào nói quá. Thật sự như trong kinh Kim Cang nói, Như Lai là như ngữ giả, những điều ngài nói hoàn toàn là chân tướng sự thật, không hề nói quá một điều gì, chúng ta có thể thâm tín bất nghi, lòng tin và sự chuyên tâm giống như anh thợ vá nôi, thì chẳng có ai là không thành tựu. Anh thợ vá nôi có thể thành tựu được, nếu chúng ta không thành tựu thì sẽ không bằng anh ta, đó là một người nhà quê, ngày nay chúng ta nói người không có tri thức, không có trí huệ, không có văn hóa, nương vào sự chân thật mà thành công. Đúng là chân thật, nghe lời, thật tu, sáu chữ của Lưu Tổ Vân, anh thợ vá nôi cũng 6 chữ mà thành công. Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 45

Tập 46

Giảng ngày 21 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 50, dòng thứ 6 từ dưới lên.

“Di Đà Yêu Giải vân, Thích Ca nhất đại thời giáo, duy Hoa Nghiêm minh nhất sanh viên mãn, nhi nhất sanh viên mãn chi nhân, tắc mật hậu Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm trung, thập đại nguyện vương đạo quy an dưỡng, thử dĩ thử khuyến tấn Hoa Tạng hải chúng” .

Chúng ta đọc đến đoạn này, đây là lời dạy của Ngẫu Ích đại sư. Nhất đại thời giáo là chỉ cho tất cả kinh mà đức Phật nói trong suốt 49 năm. Khi đức Phật còn tại thế, 30 tuổi ngài khai ngộ, sau khi khai ngộ rồi ngài bắt đầu thuyết giáo, 79 tuổi ngài viên tịch, cho nên giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Hội ở đây giống như ngày nay chúng ta chia lớp vậy, một đời ngài dạy hơn 300 lớp, thời gian dài ngắn không đồng nhau, nội dung giảng dạy sâu cạn cũng không tương đồng. Có khi một bài mà giảng mấy năm, cũng có khi một bài một ngày là giảng xong, tình trạng này rất nhiều, chúng ta có thể tưởng tượng được, khi còn tại thế đức Phật thuyết pháp không có một chế độ nhất định. Quần chúng ở tứ phương có trường hợp cá biệt đến thỉnh giáo, trường hợp đoàn thể đến thỉnh giáo, đức Phật rất từ bi, không từ chối người nào, ngài đều khiến cho họ cảm thấy thỏa mãn rồi mới ra về, cho nên đúng là hữu giáo vô loại. Những điều ngài dạy cũng không có định pháp, đức Phật không có định pháp để nói. Người đến thỉnh giáo với ngài có nghi hoặc điều gì, có vấn đề gì, có kỳ vọng gì, đức Phật đều có thể giúp cho họ giải quyết hết, đây là tình hình đức Phật giảng dạy vào thời đó. Cũng có một bộ phận gọi là thường tùy chúng, điều này trong kinh thường đề cập đến, 1255 vị, đây là những người thường theo đức Phật, đều theo ngài mười mấy năm. Đối với những người này, sự giảng dạy có thứ đệ, có sâu cạn, cho nên sau này chư vị tổ sư pháp giáo, phân sự thuyết pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm 5 thời kỳ, trước đây chúng tôi có giảng qua. Thời A Hàm, thời Phương Đẳng, thời Bát Nhã, thời Pháp Hoa, giống như ngày nay chúng ta nói, tiểu học, trung học, đại học, nghiên cứu sở. Đối với thường tùy, giúp cho họ từng bước tiến lên. Đoàn thể này cũng không phải là nhỏ, thường thường là mấy ngàn người, ở đây chúng ta có thể tưởng tượng ra được. Trong kinh nói đức Phật dùng một âm mà thuyết pháp, chúng sanh mọi loài đều hiểu được. Đây là diệu âm, chúng ta khó mà tưởng tượng được, ngày nay chúng ta mượn công cụ khoa học, dùng micro để nói, ngày xưa không có những công cụ này. Đức Phật đăng tòa thuyết pháp, thỉnh chúng có đến 2,3 ngàn người, mọi người đều nghe được rõ ràng, tất cả đều không hoài nghi, cảnh giới này chúng ta rất khó

tưởng tượng. Đức Phật có năng lực này hay không? Chúng ta tin là có. Thính chúng ngày đó không giống như người bây giờ, tuy có bậc hạ hạ căn, chúng ta có thể lý giải được, bậc hạ hạ căn thời đó, đại khái còn giỏi hơn nhiều so với bậc thượng thượng căn ngày nay. Vì sao vậy? Vì tâm người ta thanh tịnh, người thời nay tâm trạng bồng bột, không có định công đó, người thời xưa trung hậu lão thành, ít vọng niệm, tâm thanh tịnh, cho nên việc thuyết thính đó sự cảm ứng không thể nghĩ bàn. Đó là nhất đại thời giáo.

49 năm thuyết pháp, chỉ có kinh Hoa Nghiêm, trong tất cả kinh chỉ có bộ kinh này, là giảng đến nhất sanh viên mãn. Nhất sanh nghĩa là từ khi chúng ta sơ học Phật, viên mãn là thành Phật. Chúng ta mới bước vào đạo Phật, giống như đi học vậy, chúng ta vào tiểu học, cho đến lớp tiền sỹ, nhận được học vị tiền sỹ, đây gọi là nhất sanh viên mãn. Đức Phật nói những bộ kinh khác, đều không nói đến viên mãn như vậy, có khi nói đến quả vị A La Hán là ngừng, giống như mở trường tiểu học, tốt nghiệp tiểu học rồi, chỉ nói đến tiểu học. Kế đến vào trung học, tốt nghiệp trung học rồi, cũng chỉ nói đến trung học, tốt nghiệp đại học, cũng chỉ nói đến đại học, không nói đến nghiên cứu sở. Chỉ có Hoa Nghiêm là thật sự cứu cánh viên mãn, từ lớp 1 tiểu học nói đến lớp tiền sỹ, chỉ có bộ kinh này là giảng đến viên mãn.

Cái nhân nhất sanh viên mãn, viên mãn ở đây nghĩa là thành Phật, nghĩa là chúng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chúng được quả Phật. Nhân chơn chánh là cuối cùng, trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: “Thập đại nguyện vương đạo quy Cực lạc”. An dưỡng nghĩa là thế giới Cực lạc, điều này chúng ta thấy được trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới, phẩm kinh này rất hiếm có, có duyên với người Trung Quốc, toàn bộ truyền vào Trung Quốc. Chư vị Tổ sư đã dịch sang Trung văn, tổng cộng 40 quyển, đây gọi là Tứ thập Hoa Nghiêm trong bộ kinh Hoa Nghiêm. Trong Tứ thập Hoa Nghiêm có một phẩm tên là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, hoàn chỉnh không thiếu, trong đây nói về Thiện Tài Đồng Tử ngũ thập tam tham, đã thành tựu như thế nào, rất đáng để cho chúng ta học tập.

Ngày xưa khi tôi mới học Phật, Phương Đông Mỹ tiên sinh nói với tôi, thầy đặc biệt tôn sùng kinh Hoa Nghiêm, thầy nói tất cả sách triết học trên toàn thế giới, thì bộ kinh Hoa Nghiêm là cuốn triết học khái luận hay nhất. Trong bộ sách này có đạo lý viên mãn, có phương pháp chính xác, phía sau còn có biểu diễn, điều này thật không dễ. Thiện Tài Đồng Tử và 53 vị thiện tri thức, đem lý luận và phương pháp trong kinh Hoa Nghiêm, hoàn toàn thực hiện hết, nghĩa là áp dụng vào trong

cuộc sống, áp dụng vào trong công việc, áp dụng vào trong cách đối nhân xử thế, đã làm cho chúng ta thấy. Thầy ấy nói trong sách triết học trên khắp thế giới chưa bao giờ thấy như vậy. Thầy ấy rất tôn sùng, hơn nữa còn hạ thủ công phu trong kinh Hoa Nghiêm rất sâu dày. Cho nên lúc cuối đời, khi nghỉ hưu ở trường đại học Đài Loan, trường đại học Phụ Nhân, đây là trường học giáo hội, mời thầy, giảng triết học Hoa Nghiêm ở lớp tiến sỹ. Vì sao vậy? Duy nhất Thập đại nguyện vương đạo quy Cực lạc, mới thật sự là tam căn phổ bị, lợi đốn toàn thu. Nếu như không có cái này, thì đúng là bậc thượng thượng căn có phần, bậc trung hạ căn thì không có phần. Khi có chiêu này rồi, thì bậc hạ hạ căn cũng nhất sanh thành Phật, nhất sanh viên mãn, cho nên điều này không thể nghĩ bàn. Vào thời kỳ mạt pháp, chúng ta nên hoằng dương bộ kinh nào đây, mới khế hợp với căn cơ của thời đại này. Thời đại mạt pháp này, trong kinh điển Đại thừa đức Phật có đề cập đến, thời kỳ mạt pháp, đại thừa khế cơ, chúng ta suy nghĩ kỹ xem, chưa chắc con người trên thế gian hiện này đều là căn tánh đại thừa. Nếu như nói như vậy thì thật sự có vấn đề, chẳng phải căn tánh đại thừa, nhưng họ có thể tiếp nhận Đại thừa, mà không thể tiếp nhận Tiểu thừa, đó là do tầng lớp tri thức ngày nay mở rộng. Tri thức trong Tiểu thừa rất nhỏ, nó có sự bó buộc, có sự bảo thủ, người thời nay không chấp nhận dạng tư tưởng này. Ngày nay người ta tiếp nhận sự phóng khoáng, dân chủ, tự do, phóng khoáng, Đại thừa là như vậy đó. Cho nên Đại thừa rất khế hợp với căn cơ của người thời nay, nó phóng khoáng, tự do, không bó buộc, nói về lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, người thời nay thích nghe. Nếu bạn lập ra nhiều quy củ, kêu họ phải tuân thủ, thì họ không chịu nổi. Bạn xem 3000 năm trước đức Phật Thích Ca Mâu Ni, người Trung quốc ghi chép lại, các vị như Hư Vân lão hòa thượng, đều dùng những điều người Trung quốc ghi chép. Người Trung quốc ghi chép từ sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ cho đến năm nay, là 3037 năm, khác với người ngoại quốc nói. Người ngoại quốc nói là hai ngàn năm trăm mấy chục năm, hơn kém nhau 600 năm, sự khác biệt rất lớn. Rốt cuộc tin tưởng cái nào đây? Điều này chúng ta không cần phải quan tâm đến. Phật pháp không coi trọng những hình thức này, Phật pháp coi trọng nội chứng, cho nên người Ấn độ không coi trọng lịch sử, nói đến niên đại bản thân họ cũng không rõ ràng, họ coi trọng thiên định, coi trọng trí huệ, coi trọng khế nhập cảnh giới, còn những việc phân biệt chấp trước này họ không coi trọng. Nói đến điều này, vào thời buổi hiện nay, học tập kinh Hoa Nghiêm là chính xác. Cho nên kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi cũng đã giảng thời gian tương đối dài rồi, đã giảng hơn 4000 tiếng đồng hồ, tuy chỉ mới giảng được một phần năm, nhưng thính chúng đều rất hoan hỷ, rất khó được. Điều này nói lên trong kinh đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói không sai, Đại thừa khế hợp với căn tánh

của người thời nay, họ thích nghe, nhưng chưa chắc họ đã thực hành được, chưa chắc đã khế nhập, nhưng mà họ thích, họ không bài xích, điều này chúng ta cần nên biết.

Vừa khế cơ, vừa khiến cho người thời nay thật sự được lợi ích, một đời có thể thành tựu, cho quý vị biết, không gì bằng kinh Vô Lượng Thọ. Cho nên bậc Cổ đức bình luận những kinh điển này, mọi người công nhận Hoa Nghiêm là số một, kinh Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ đem so với nhau, thì kinh Vô Lượng Thọ là số một, số một trong số một. Vì sao vậy, vì Hoa Nghiêm nhất sanh viên mãn, kinh Vô Lượng Thọ, Thập đại nguyện vương đạo quy an dưỡng, nghĩa là quy về kinh Vô Lượng Thọ, cái này rất có ý nghĩa.

“Thả dĩ thử khuyến tấn Hoa Tạng hải chúng”. Câu này nói là ngài Văn Thù và ngài Phổ Hiền, hai vị đại Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền đây, chẳng những bản thân mình phát nguyện cầu sanh Tịnh độ, mà còn khuyên Hoa Nghiêm hải hội, 41 vị Pháp thân đại sỹ. 41 vị này chẳng phải là 41 người, mà là 41 cấp bậc, gồm Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác, tất cả các vị pháp thân Bồ tát đây, đều theo Văn Thù và Phổ Hiền, về thế giới Cực lạc, tham vấn đức Phật A Di Đà, và học tập với đức Phật A Di Đà. Cảnh giới này đồ sộ biết dường nào, cử động này, tôi tin rằng sẽ ảnh hưởng đến biến pháp giới hư không giới, tất cả chúng sanh trong Thập pháp giới, họ thấy được, họ nghe được, đối với thế giới tây phương Cực lạc, tự nhiên sẽ sanh khởi tín tâm và nguyện tâm kiên cố, đều biết rằng học Phật nên cầu sanh về thế giới Cực lạc. Ngài Văn Thù và Phổ Hiền biểu diễn cho chúng ta thấy, đây là chuyện lớn, chứ không phải chuyện nhỏ đâu. Nhưng mà xã hội của chúng ta ngày nay, có rất nhiều người không hiểu rõ Phật giáo, mà sinh ra sự ngộ nhận nghiêm trọng, sự ngộ nhận này ảnh hưởng không lớn đối với việc hoằng truyền Phật pháp. Ảnh hưởng lớn nhất là gì? Lớn nhất là bản thân họ đời này, không có ý tiếp cận Phật pháp, bỏ lỡ mất cơ hội viên mãn đời này, đây mới gọi là đại sự! Việc hoằng truyền Phật pháp không có thời gian, nó không hề gì. Chúng sanh khi nào được độ đức Phật đều biết hết, có rất nhiều người, đời này bị luống qua, thật là đáng tiếc. Phật giáo ở xã hội ngày nay, những tình trạng này, tôi thường nói ngày nay có 6 hình thức bất đồng, chúng ta nên biết rõ, nhận thức rõ, có người hỏi chúng ta, chúng ta có thể giảng nói rõ ràng.

Sáu hình thức, hình thức thứ nhất là Phật giáo của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật giáo của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là gì? Là giáo dục, nghĩa là sự giáo dục của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Khi đức Phật còn tại thế, cũng giống như

Không Tử ở Trung quốc vậy. Địa vị gì? Làm nghề thầy giáo, ngài không làm việc khác, từ sáng đến tối đều là dạy học, người Trung quốc tôn xưng ngài là Thánh nhân, đó là bậc Đại thánh danh xứng với thật. Ngài chẳng phải chỉ đơn độc là ngôn giáo mà còn thân giáo nữa, những gì ngài biết được thì hoàn toàn ngài làm được. Ngài biết là kiến tánh, minh tâm kiến tánh, đem tánh đức của tự tánh, trong cuộc sống hàng ngày hoàn toàn lưu xuất ra. Người Trung quốc chúng ta nói là đạo đức, không hề làm trái ngược lại với tánh đức, làm cho chúng ta thấy, thật sự buông bỏ được! Cuộc sống đơn giản là vui sướng hơn bất cứ điều gì. Điều kiện cuộc sống vật chất một đời, chỉ có 3 y 1 bát, toàn bộ tài sản của ngài chỉ có bấy nhiêu đó. 3 y 1 bình bát, 3 tấm y và 1 cái bát, ăn cơm thì đi khát thực, nhật trung nhật thực, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, thọ hạ nhất túc, buổi tối nghỉ ngơi ở đâu? Ngồi thiền dưới gốc cây, ngài có đạo tràng, khắp nơi đều là đạo tràng, ngài không hề kiến lập một phòng ốc nào, không có. Đạo tràng ở đâu? Ngoài trời, ở trong rừng, dưới gốc cây, bên hồ nước, đến chỗ nào ngài ngồi xuống, học sinh vây xung quanh, ngài giảng kinh thuyết pháp cho đại chúng, đó là dạy học, vui không gì bằng. Không ở một chỗ nhất định, mỗi ngày đều ở một nơi khác nhau, giống như dân tộc du mục vậy. Chúng ta dùng tâm cảm nhận một chút xem, thân thể của những vị này gọi là thân kim cang bất hoại. Vì sao vậy? Vì ngủ nghỉ ở ngoài trời, họ chịu đựng được, bão táp mưa sa nắng cháy, họ chịu đựng được, họ không bị bệnh, chúng ta ngày nay có thể sống cuộc sống như vậy chăng? Chắc chắn không được. Chúng ta ngồi dưới gốc cây một đêm thôi, thì ngày hôm sau nằm trong phòng bệnh rồi. Nói lên chúng ta còn kém họ rất xa, chúng ta muốn theo họ, nghĩ đến điều kiện của bản thân mình không đủ thì chẳng có cách nào. Chúng ta ăn ngày ba bữa chưa đủ còn phải ăn thêm điểm tâm, các ngài ăn một bữa, hơn nữa họ ăn rất ít. Cách sống đó chúng ta có thể chịu đựng được không? Các ngài làm cho chúng ta thấy đó. Đức Phật dạy chúng ta buông bỏ, buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, ngài thật sự buông bỏ, ngài không buồn sầu, không vương mắc, ngoài cái thân này ra thì chẳng có gì hết, trí huệ sung mãn, thân tâm an trú trong định. Thiền định này không phải thiền định khi ngồi thiền, thế là bạn sai rồi, bạn không hiểu rõ ý nghĩa của thiền định. Thiền định là đi đứng nằm ngồi đều ở trong định, thế nào gọi là ở trong định? Nghĩa là không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là thiền định. Cho nên sự thiền định này rất có lợi, giảng kinh trong thiền định, thuyết pháp trong thiền định, sinh hoạt trong thiền định. Ngày nay chúng ta có một quan niệm sai lầm, cho rằng thiền định là ngồi thiền, ngồi ở đó mới là thiền định, không ngồi thì không phải là thiền định, không phải như vậy. Thiền định thật sự, thì đi cũng thiền định, đứng cũng thiền định, ngồi cũng thiền định, nằm ở đó ngủ

cũng là thiên định, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định, không có một vọng niệm nào hết. Nếu bạn không hỏi, thì ngài không có ý niệm nào hết, bạn hỏi thì tùy theo câu hỏi mà trả lời, khởi lên tác dụng, khi không hỏi, thì vô tri, bất nhã vô tri, khi không hỏi thì ngài vô tri, bạn hỏi ngài thì vô sở bất tri, khi khởi tác dụng thì vô sở bất tri. Trong kinh Bát Nhã nói: Bát nhã vô tri, vô sở bất tri, vô tri là định. Chắc chắn không có phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, đó là Phật pháp. Chúng ta không có Bát nhã trí huệ, niệm niệm sanh phiền não, vì sao vậy? Là vì chúng ta có tri, bạn có tri nghĩa là bạn có phân biệt, bạn có chấp trước, bạn có vọng tưởng, có tri thì bạn hữu sở bất tri, những thứ bạn chưa học thì bạn hoàn toàn không biết. Vô tri thì vô sở bất tri, những thứ chưa học qua cũng biết được, không có cái gì là chẳng biết. Vì sao vậy? Vì tất cả pháp đều từ tự tánh biến hiện ra, bạn thấy tánh rồi thì làm gì có chuyện không biết, tất cả pháp không rời tự tánh. Vì sao chúng ta có nhiều vấn đề như thế? Là vì chúng ta mê thất tự tánh. Chúng ta thưa hỏi vấn đề, đức Phật nương tự tánh trả lời, nương tự tánh trả lời chắc chắn không có sai lầm, ngôn từ thiện xảo, chắc chắn bạn nghe hiểu. Đó là điều trước đây chúng ta học qua, cứu cánh phương tiện, toàn là tánh đức, chúng ta học điều gì cũng cần phải biết. Cho nên đức Phật Thích Ca Mâu Ni, địa vị của ngài là gì? Ngài không phải là tôn giáo, cũng không phải là thần, cũng chẳng phải là tiên, ngài là con người. Danh từ Phật là danh xưng của học vị, Trung quốc thời xưa danh xưng học vị có 3 giai cấp, cao nhất là thánh nhân, thứ hai là hiền nhân, thứ ba là quân tử. Ở Trung quốc thời xưa người có học, là có cách xưng hô không đồng đẳng cấp.

Ở Ấn độ cũng như vậy, học vị cao nhất gọi là Phật, ý nghĩa của chữ Phật, dịch sang tiếng Trung quốc gọi là Giác Giả, nghĩa là bậc giác ngộ, người Trung quốc thì gọi là bậc thánh nhân. Học vị thứ hai gọi là Bồ tát, Huyền Trang đại sư dịch từ Bồ tát thành Giác Hữu Tình. Tình, tình chính là A Lại Da, A Lại Da là gốc của tình, chưa đoạn gốc cho nên vẫn còn hữu tình, căn chưa đoạn nhưng là bậc giác ngộ. Giác ngộ nên ngài có thể không chế tình cảm, đó là học vị thứ hai, Bồ tát. Học vị thứ ba là A La hán, A La hán gọi là bậc vô học. Nếu từ chữ mà dịch nghĩa là vô học, họ tốt nghiệp rồi, họ tốt nghiệp trường nào? Họ tốt nghiệp tiểu học, không phải là đại học, tốt nghiệp tiểu học. Bồ tát là đại học, A la hán là tiểu học, tốt nghiệp tiểu học, ở trong Tiểu thừa gọi là vô học. Những môn học của Tiểu thừa họ đều đã học xong, gọi là chánh giác. Vì sao gọi là chánh giác? Vì họ không chấp trước, đối với pháp của thế và xuất thế gian họ không chấp trước, không chấp trước thì luân hồi lục đạo không còn nữa. Lục đạo luân hồi từ đâu mà có? Từ chấp trước mà có, có chấp trước là có lục đạo luân hồi, không chấp trước thì lục đạo luân hồi

không còn nữa, cho nên nó là giả chứ không phải là thật. Trong kinh Kim Cang nói, phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng, bạn không nên chấp nó là thật, chấp nó là thật bạn sẽ bị thiệt thòi đấy, bạn ở trong mê thì không thể ra được. Cho nên Phật, Bồ tát, A la hán, là danh xưng cho ba học vị, giống như trong đại học ngày nay, tiến sỹ, thạc sỹ, học sỹ, danh xưng của học vị, chúng ta cần nên biết. Nếu bạn xem Phật Bồ tát là thần tiên, thì bạn hoàn toàn sai lầm, đó gọi là mê tín, đối với Phật giáo thật sự không thông được. Nhưng người xem Phật, Bồ tát, A la hán là thần tiên thì rất nhiều, đó là gì vậy? Phật giáo biến thành tôn giáo rồi, nó không phải là tôn giáo, mà biến thành tôn giáo, những người Phật tử đời sau như chúng ta, có lỗi với đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Bạn thật sự hiểu được đức Phật Thích Ca Mâu Ni, suốt đời ngài làm công việc gì? Dùng cách nói ngày nay, là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, người thời nay xưng là, nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, người thời nay xưng hô như vậy đó. Ngài có địa vị gì? Ngài làm công việc nghĩa vụ đối với sự giáo dục ở xã hội đa nguyên văn hoá này, ngài là một giáo viên, một giáo viên rất giỏi, ngài không nhận học phí, ngài làm công quả. Khổng Lão phu tử không phải là làm công quả, Khổng lão phu tử thu học phí, không thu nhiều, một ít thôi, nhưng vẫn thu, đức Phật Thích Ca Mâu Ni không thu, không nhận một đồng nào, đó là nghĩa vụ. Chúng ta học Phật nhất định phải nhận biết thầy giáo, nếu không nhận biết, chúng ta học tập sẽ có khúc mắc, điều này khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi. Vào thời đó khi tôi mới tiếp xúc, Phương Đông Mỹ tiên sinh giới thiệu đó là học thuật, Thầy Phương cũng rất giỏi, cũng không xem đức Phật Thích Ca Mâu Ni là thần tiên. Thầy Phương giới thiệu với tôi nói rằng, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới này, thầy đã giới thiệu với tôi như thế. Thầy nói triết học trong kinh Phật, là cao phong nhất trong tất cả các triết học trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người, tôi đã vào với đạo Phật như vậy. Sau này có duyên gặp được Chương Gia đại sư, câu hỏi thứ nhất tôi đưa ra khi tôi gặp ngài, tôi thỉnh giáo với ngài: Con biết Phật pháp thù thắng, Phật pháp là đại học vấn, có cách nào khiến chúng con có thể mau chóng khế nhập? Tôi đã đưa ra vấn đề như thế để thưa hỏi. Lần đầu tiên khi gặp vị xuất gia, trước đó tôi không qua lại với người xuất gia, lần đầu tiên gặp mặt tôi đưa ra vấn đề này để thỉnh giáo. Tôi thưa hỏi ở phòng khách của ngài, khi đó hình như có 5 người ngồi trong phòng khách. Ngài nhìn tôi, tôi cũng nhìn ngài, chúng tôi nhìn nhau hơn nửa giờ đồng hồ, bầu không khí trong phòng khách nhỏ này rất nghiêm túc, nhưng cũng rất nhu hòa, sau nửa giờ đồng hồ, ngài mới nói một câu, có! Tôi chờ đợi nửa giờ đồng hồ, chờ được một chữ, “có”, tinh thần phấn chấn lên, có. Tiếp tục chú ý nghe, ngài lại chẳng nói gì, đại khái 6,7 phút sau đó, ngài nói với

tôi 6 chữ, ngài nói chuyện rất chậm, nói từng chữ từng chữ: “ Nhìn được thấu, buông xuống được”. Tôi nói chuyện đây là rất nhanh đấy, ngài nói chậm hơn tôi nhiều, nói từng chữ, từng chữ, nói 6 chữ. Tôi nghe rồi tưởng hiểu mà không hiểu, hình như hiểu được ý của ngài, tốc độ của chúng tôi nhanh, còn trẻ mà. Kế đến thưa hỏi ngài vấn đề thứ hai, bắt đầu hạ thủ công phu từ đâu? Đại sư nói với tôi rằng, hạ thủ công phu từ bố thí. Ngày đầu tiên ở chỗ ngài hai tiếng đồng hồ, hầu như chỉ ở trong sự im lặng, nhưng mà từ trường ở đó rất tốt. Sau này ngài hẹn, mỗi tuần vào ngày chủ nhật dành cho tôi hai giờ đồng hồ, giới thiệu cho tôi hai cuốn sách, kêu tôi tự tìm đọc, đọc cuốn Thích Ca Phô, và Thích Ca Phương Chí. Ông muốn học Phật, thì đầu tiên phải nhận biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Sau khi chúng tôi đọc xong rồi mới biết được, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thật sự suốt đời làm công việc giáo dục, suốt đời dạy học, thật sự không liên quan gì đến tôn giáo hết. Nhưng mà Phật giáo trong xã hội ngày nay, hình thái thứ hai xuất hiện đó chính là tôn giáo, nó vốn không phải là tôn giáo, mà biến thành tôn giáo, những đệ tử đời sau như chúng ta có lỗi với thầy giáo, làm sao lại biến nó thành tôn giáo vậy? Phật giáo biến thành tôn giáo, lịch sử không dài. Phật giáo khi truyền vào Trung quốc không phải là tôn giáo, nhưng mà trong Phật giáo giảng về tôn giáo. Tôn giáo đó và tôn giáo ngày nay, hoàn toàn khác, hoàn toàn không tương can. Đạo Phật giảng tôn giáo là giảng về tông môn giáo hạ, khi ngài giảng dạy ngài dùng hai phương pháp hoàn toàn khác nhau. Thiên tông thật sự là tiếp dẫn bậc thượng thượng căn, trung hạ căn không có phần, đây gọi là tông môn. Tông môn là gì? Thật sự là tham thiền, dùng phương pháp này, hoàn toàn dùng thiền để dụng công, sau khi khai ngộ mới tiếp xúc với kinh điển, kinh điển nghĩa là giáo, chưa khai ngộ thì không xem kinh điển. Đây là một phương pháp rất đặc biệt, không có căn tánh này, nghĩa là bậc căn tánh thượng trung hạ, thì từ giáo hạ, nhập môn từ kinh điển. Kinh điển có sâu có cạn, cho nên Tổ sư phân giáo, đem tất cả kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong 49 năm chỉnh lý lại, phân biệt rõ ràng ý nghĩa sâu cạn ở trong đó. Loại nào dạy sơ học, loại nào dạy bậc trung học, loại nào là học tập sau cùng. Giống như sắp đặt chương trình học, chương trình của tiểu học, chương trình của trung học, chương trình của đại học, chương trình của nghiên cứu sở, việc này do các vị Tổ sư ở Trung quốc làm. Như tông Thiên Thai, tông Hiền Thủ, họ đã phân ra rất rõ ràng. Khi đức Phật còn tại thế, ngài không phân ra như vậy, bởi vì đức Phật giảng dạy, không giống như trường học chính quy ngày nay, phân ra trình độ đẳng cấp, không phải như vậy. Mọi người từ khắp nơi đến, trình độ không đều nhau, cho nên khi ngài giảng dạy, ai hỏi điều gì thì ngài

giảng điều đó, hỏi sâu thì ngài giảng sâu, hỏi cạn thì ngài giảng cạn, hầu như ngày nào cũng có tình trạng như vậy. Vào thời đó quốc gia không đồng, quần tộc không đồng, tôn giáo tín ngưỡng không đồng, người đến thỉnh giáo với ngài, học tập với ngài đều có hết, cho nên cần phải hiểu rõ tình huống.

Vào thời Tùy Đường, Trung quốc kiến lập chế độ tông lâm, đó chính là kiến lập trường học chính quy, đây là đạo tràng trong nhà Phật. Tông lâm giống như đại học ngày nay vậy, tổ chức trong đó cũng rất giống như trường học ngày nay, chủ tịch của tông lâm cũng gọi là phương trượng, cũng gọi là trụ trì, đó là hiệu trưởng, dưới ngài có ba vị chấp sự. Thứ nhất là thủ tọa coi sóc việc dạy học, Hòa thượng thủ tọa tương đương với giáo vụ trưởng của trường học, Duy na tương đương với huấn đạo trưởng, lo việc huấn đạo, Giám viện tương đương với tổng vụ trưởng, danh xưng có khác nhau, nhưng hoàn toàn tương đồng với việc phân công chức trách của đại học ngày nay. Cho nên đã nâng sự giáo dục của đức Phật trở thành chính quy, đó là đặc sắc của Phật giáo Trung quốc. Phương Đông Mỹ tiên sinh rất chú trọng sự việc này, muốn phục hưng Phật giáo, nhất định phải phục hồi vai trò trong tông lâm như ngày xưa, cũng có nghĩa là phải kiến lập đại học Phật giáo, Phật giáo mới có thể phục hưng được, Phật giáo là giáo dục, điều này nhất định phải nhận biết rõ ràng. Nội dung giảng dạy bao gồm rất lớn, đúng là biến pháp giới hư không giới, tần số không gian bất đồng. Nhưng đều nói đến, giảng về Thập pháp giới, giảng về vô lượng vô biên pháp giới, giảng quá khứ, giảng vị lai. Tánh tướng lý sự nhân quả trong hư không pháp giới, đều giảng đến hết, bao gồm hết, đúng là đại học vấn. Cho nên sau khi truyền đến Trung quốc, số kinh điển này không ngừng truyền vào Trung quốc, các vị cao tăng ở Trung quốc, và những vị từ Ấn độ đến Trung quốc truyền giáo, đế vương của Trung quốc, giới học thuật của Trung quốc chào đón! Quốc gia kiến lập nơi phiên dịch, thời đó dịch kinh quốc gia mang tiền đến ủng hộ, đế vương dẫn đầu hộ trì, thích thú quên cả mệt mỏi. Từ triều đại nhà Hán cho đến triều đại nhà Tống, hơn tám trăm năm, phiên dịch ra số Đại tạng kinh ngày nay. Phật giáo biến thành tôn giáo, tôi nghĩ khoảng sau thời Càn Long, thời đại Càn Long vẫn là học thuật, mỗi ngôi chùa, am, đường, đều là trường học. Dùng cách nói ngày nay gọi là gì? Trường chuyên, thông thường một đạo tràng là học một bộ kinh hoặc là một bộ luận, bạn muốn học kinh này, thì bạn có thể đến chỗ họ để báo danh, bạn đến tham dự, bạn đến học với họ.

Thật sự biến chất, phê trừ việc giảng dạy, tôi nghĩ là Từ Hy Thái hậu, trên tay bà đã thật sự biến thành tôn giáo, thời gian không dài, cùng lắm là hơn hai trăm

năm, chưa đến ba trăm năm, biến thành tôn giáo. Bởi vì Từ Hy Thái hậu, bà ấy tin tôn giáo, bà ấy tin quý thân.

Tiền Thanh, chúng ta coi lịch sử triều đại nhà Thanh, từ khai quốc đến Hàm Phong. Hàm Phong là chồng của Từ Hy, trong triều đình, nghĩa là trong hoàng cung, thường mời học giả của ba nhà Nho- Thích- Đạo, đến giảng dạy trong cung đình. Hoàng đế dẫn theo quý phi, văn võ đại thần, ngày nào cũng học, học rất chuyên cần, những bài giảng đó đều có tài liệu giảng dạy, những tài liệu này đến nay vẫn còn bảo tồn trong tứ khố toàn thư. Đôi khi tôi cũng thích mở ra xem, coi trong cung đình họ giảng những gì. Tứ Thư giảng thế nào? Ngũ Kinh giảng thế nào? Trong Tứ Khố Toàn Thư vẫn còn bảo tồn. Chế độ này bị Từ Hy phế trừ, sau khi Hàm Phong chết, con trai kế thừa vương vị, con trai là Đồng Trị, nghĩa là con trai của Từ Hy Thái hậu. Tuổi còn nhỏ, không hiểu việc, cho nên trên thực tế thì Từ Hy nắm quyền, Từ Hy phế trừ chế độ này, sau khi phế trừ, bà ta cũng có những thứ bà ấy thích, bà ấy thích xin quẻ, cho nên trong cung đình, những chuyện đại sự không thỉnh giáo với các chuyên gia, mà thỉnh giáo với các vị thần tiên trong bàn quẻ, cuối cùng khiến mất nước.

Sự việc này Chương Gia đại sư nói cho tôi biết, bởi vì Chương Gia nhiều đời, đều là quốc sư của đế vương triều đại nhà Thanh, cho nên ngài nói cho tôi biết về vấn đề xin quẻ, Từ Hy Thái hậu tin điều này. Chương Gia đại sư nói với tôi, xin quẻ trong đó có thần tiên Bồ tát đến giảng lâm, ngài nói đó đều là giả chứ chẳng phải là chân thật. Những linh quý này mạo xưng chư Phật Bồ tát, mạo xưng thần tiên, nhưng mà cũng là làm việc tốt. Đối với những việc nhỏ, thì họ thật sự có thần thông, họ nói cũng rất linh, không linh thì chẳng có ai tin. Đối với những việc lớn thì nó nói bậy, bạn bị mắc lừa, bạn cũng không thể tìm được nó, cho nên ngài nói với tôi, việc xin quẻ là có thật. Nếu như bạn mời họ, đến để nói chuyện cho vui thì không có sao hết, bạn chớ nên bàn luận việc chánh sự với họ, nói về việc chánh sự, đôi khi vì giữ thể diện, không biết mà cho là biết, thì họ sẽ nói bậy, nên khi bạn bị mắc lừa bị thiệt thòi thì bạn không tìm thấy họ đâu. Cho nên đây là những thường thức mà chúng ta cần nên biết. Đôi khi những linh mưu này, ngày nay rất nhiều, nhiều hơn ngày xưa rất nhiều, truyền những thông tin này, chúng ta nhận được thông tin này, phải dùng trí huệ để phán đoán sự chính xác của nó. Họ bảo chúng ta dùng phương pháp nào để xử lý, điều này không được tùy tiện nhận lời, phải dùng phương pháp trong kinh Phật nói để xử lý, thì không có vấn đề gì, thì chắc chắn bạn không phạm lỗi lầm. Ví dụ như những linh mưu này, tôi biết, họ đến nói với

tôi, bây giờ tai nạn rất nhiều, linh mưu tìm đến Quán Âm Bồ tát, tôi nói, Quán Âm Bồ tát nói thế nào? Họ đi hỏi Quán Âm Bồ tát, tai nạn có thật hay không? Họ nói, Quán Âm Bồ tát nói là có thật. Có cách nào hóa giải không? Ngài nói, có. Phương pháp gì? Giảng kinh thuyết pháp. Tôi nói, nếu như vậy thì được, điều này tương ứng với kinh Phật, có thể tiếp nhận. Vì sao vậy? Vì sao giảng kinh thuyết pháp mà có thể hóa giải được tai nạn? Tai nạn là do con người hiện nay sống trên quả địa cầu này, có ý niệm bất thiện, có tâm hành bất thiện, chiêu cảm nên, chiêu cảm mà có. Đây là nguyên nhân thật sự của tai nạn. Giảng kinh thuyết pháp có thể giúp cho con người khai ngộ, giúp cho con người giác ngộ. Sau khi giác ngộ rồi, có thể buông bỏ những quan niệm sai lầm, buông bỏ những hành vi sai lầm. Y theo sự chỉ dạy truyền thống của lão Tổ tông Trung quốc, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, tư tưởng của chúng ta không đi ngược với truyền thống này, hành vi của chúng ta không trái ngược, thì tai nạn của thế gian này tự nhiên được hóa giải. Có lý đấy! Nếu như nó dùng những phương pháp khác thì không thể tin tưởng được, cầu nguyện cũng là một phương pháp, cấp thời thì được, bởi vì tâm cầu nguyện đó rất kiên thành, buông bỏ hết tạp niệm để cầu nguyện, thật sự có thể làm giảm bớt tai nạn xuống, nhưng không thể kéo dài được lâu, đó là trị ngọn mà không trị gốc, trị gốc là giáo dục. Cho nên cầu nguyện có tác dụng gì không? Có tác dụng, thật sự có tác dụng. Nhưng nếu bạn muốn vĩnh viễn duy trì, thì nhất định phải học tập kinh giáo, luân lý, đạo đức, nhân quả, cổ kim trong ngoài đều không thể tách rời, đây là tánh đức, từ tự tánh lưu xuất ra. Hiểu được đạo lý này, hiểu được nguyên lý này, thì bạn mới nắm bắt được. Tai nạn của bản thân, là bệnh khổ! Đó là tai nạn của bản thân chúng ta. Tai nạn của hoàn cảnh bên ngoài là cộng nghiệp, chúng ta hiểu được những nguyên tắc nguyên lý này, thì tâm của bạn sẽ định, bạn sẽ không bị hoảng, bạn cũng không bị loạn. Tai nạn tuy hiện tiền nhưng chỉ cần bạn có định, thì bạn có thể xử lý một cách khéo léo. Chỉ sợ bạn không biết khi tai nạn đến, tâm bạn hoảng loạn, thì phiền phức lắm. Như thế thì cho dù là chư Phật Bồ tát cũng không thể cứu được bạn, chỉ cần tâm bạn định, thần chí rõ ràng không hề loạn, thì có thể giải quyết được vấn đề. Định sanh huệ, có trí huệ hiện tiền thì vấn đề tự nhiên được hóa giải. Giải quyết một vấn đề có rất nhiều phương diện, chứ chẳng phải chỉ có một phương pháp. Cho nên nói nhân thời, nhân người, nhân địa, không giống nhau, thiên biến vạn hóa, giống như thiện xảo phương tiện mà trước đây nói vậy. Bạc cổ nhân giảng kinh Vô Lượng Thọ là cứu cánh phương tiện, chúng ta phải thật sự hiểu rõ câu này, bất cứ vấn đề gì cũng có thể ở trong Kinh Vô Lượng Thọ mà tìm thấy đáp án, đó là sự thật không sai chút nào. Cho nên lần này chúng ta lại tìm về bộ

kinh này, ôn tập lại một lần nữa, dụng ý chính, là ứng phó với những vấn đề tai nạn hiện nay, chúng ta ôn tập lại bộ kinh này một lần nữa.

Sơ học Phật, tôi tin có rất nhiều người, đều gặp phải sự việc này, người khác thỉnh giáo với bạn, đức Phật giảng điều gì vậy? Tôi từng hỏi qua một vị đạo hữu, nhiều năm về trước, đại khái khoảng hai ba chục năm về trước rồi. Khi đó chúng tôi ở thư viện Cảnh Mỹ Đài Bắc, một lần khi tết đến, các bạn học cũ đến thư viện để chúc tết. Một vị giáo thọ ở trường đại học Phụ Nhân nói với tôi rằng, thầy nói học kỳ này, nghĩa là học kỳ kế tiếp, ở trong trường lợi dụng hoạt động ngoại khóa, thầy giảng cho học trò một bài, Phổ Hiền Bồ tát Hạnh Nguyên Phẩm, thật khó có. Ở Đài Loan sinh viên đại học học Phật rất thịnh hành. Tôi nói, hay lắm. Đột nhiên tôi nghĩ ra một vấn đề, tôi nói: Em có một vấn đề muốn hỏi thầy, mong thầy trả lời em. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế, ngài giảng kinh thuyết pháp 49 năm, ngài đã giảng gì? Xin thầy dùng một câu trả lời cho em, không được nói nhiều, chỉ một câu thôi. 49 năm ngài giảng gì? Thầy ấy suy nghĩ 5,6 phút, không có cách nào trả lời được. Thầy ấy quay lại hỏi tôi, tôi nói trong kinh Bát Nhã nói một câu, 4 chữ, “chư pháp thật tướng”. Tôi nói dùng câu này có được hay không? Thầy ấy suy nghĩ một chút nói, được, được. Chư pháp thật tướng nếu dùng cách nói của ngày nay nghĩa là, chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Người xưa dùng văn tự đơn giản, có 4 chữ, chư pháp thật tướng, đúng vậy! Đó là gì? Đối với phần tử tri thức có thể nói như vậy, họ hiểu được, đối với Phật pháp họ đã nhập môn rồi, những thứ này không phải là mê tín. Nếu đối với hàng sơ học, họ chưa tiếp xúc qua Phật pháp, dạng này thường gặp, rốt cuộc đức Phật đã nói gì? Thì ngài phải giải thích tỉ mỉ hơn một chút cho họ nghe. Trong kinh có, đức Phật thật sự là từ bi, ngài dạy chúng ta làm thế nào để đối phó với những người có nghi vấn như vậy. Ở trong kinh có “lục sự minh kinh ý”, nghĩa là có sáu việc, ở chỗ pháp số trong tam tạng có, nội dung này đều do đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói.

Kinh vân: “Phật hữu tam đạt chi trí”, lai là vị lai, kim là hiện tại, “vãng cổ” nghĩa là quá khứ, hiện tại, vị lai, “mị bất thông yên”, chẳng có điều gì là ngài không biết. Có thật không? Đúng vậy, bạn coi kiến tánh mà, tất cả pháp đều từ tự tánh sở sanh sở hiện, bạn kiến tánh rồi, thì có lý nào lại không biết, bạn còn có điều không biết, nghĩa là bạn chưa kiến tánh. Lục Tổ Huệ Năng đại sư kiến tánh, ngài chưa từng học kinh giáo, chưa từng học qua pháp thế gian, bất luận sự việc gì bạn thỉnh giáo với ngài, ngài đều giảng giải cho bạn một cách thông suốt, ngài thật sự không học qua. Cho nên nếu bạn thật sự muốn trí huệ hiện tiền, vô sở bất tri, vô sở

bất năng, trong pháp Đại thừa dạy minh tâm kiến tánh, ngài đã làm được, không hề giả dối. Người thế gian cho là không thể, trong sự tưởng tượng của chúng ta đương nhiên cũng không thể.

Khi chúng tôi cầu học ở Đài Trung, thầy Lý từng nói với chúng tôi, muốn hoằng pháp lợi sanh, nhất định phải thông pháp của thế và xuất thế gian, bạn có thể thông được không? Pháp thế gian không nói nhiều, chúng ta chỉ nói đến bậc cổ nhân vậy, bậc cổ nhân Trung quốc viết ra một bộ Tứ Khố Toàn Thư, bạn có thông đạt được không? Đại tạng kinh trong đạo Phật bạn thông đạt được không? Đừng nói là nghiên cứu Tứ Khố Toàn Thư, hàng ngày bạn đọc nó, mỗi ngày đọc 10 tiếng đồng hồ, từ lúc ra đời là đã biết đọc, đọc cho đến khi bạn 100 tuổi cũng chưa đọc hết, làm sao bạn có thể thông đạt? Huông là tri thức của thế gian ngày càng đổi mới, bạn không thể thông đạt được, tam tạng 12 bộ kinh trong đạo Phật cũng như vậy. Bạn không thông cũng không được, bạn không thông thì không thể giảng dạy, làm sao đây? Thầy giáo dạy chúng ta một phương pháp đặc biệt thông đạt, thầy đã dạy cho tôi bốn chữ: Chí thành cảm thông, thầy nói chúng ta muốn thông, mà nương vào nghiên cứu học tập thì chắc chắn không thể làm được. Thế thì sao? Cảm ứng, cảm thông. Dùng cái gì để cầu cảm ứng? Dùng tâm thành, dùng tâm chân thành, tâm chân thành đến chỗ cuối cùng thì gọi là chí thành, dùng phương pháp này, cảm ứng với chư Phật bồ tát, cảm ứng với tự tánh. Thành tắc linh, tinh thành sở chí, kim thạch vi khai.

Biểu hiện của thành, thứ nhất là tánh đức, thành tín, không hề có chút tư hào nghi hoặc nào, thanh tịnh tâm thì có thể cảm thông, thầy giáo dạy chúng tôi, lúc chúng tôi giảng kinh, đương nhiên là tham khảo những cuốn chú giải của bậc cổ nhân, chú giải của bậc cổ nhân cũng rất sâu, coi đến chỗ không hiểu được, phải làm sao đây? Thầy giáo dạy cho chúng tôi một cách rất hay, coi đến chỗ không hiểu thì đừng coi nữa, đi lạy Phật, lạy 3,4 trăm lạy, tự nhiên sẽ thông, đó là việc khi chúng tôi còn làm học sinh học tập giảng kinh thường làm, rất linh. Bạn đừng nghĩ đến nó nữa, bàn càng nghĩ nó càng không thông. Vì sao vậy? Vì bạn suy nghĩ là dùng vọng tưởng phân biệt chấp trước, cái đó không có cách nào giải thích ý nghĩa của kinh được, chỉ có cách buông bỏ tất cả vọng niệm, nhất tâm lạy Phật, ở trong đây định huệ sẽ khởi tác dụng. Phương pháp này không phải do thầy Lý phát minh ra, mà là do Tổ sư truyền lại, ở trong Phật giáo đời đời kiếp kiếp kiến chư vị Tổ sư, đã truyền lại phương pháp này, rất hữu dụng. Cho nên tâm càng thanh tịnh, thì bạn xem kinh càng hiểu rõ, càng có thể thấy được ý nghĩa của nó, cần tâm thanh tịnh, cần tâm bình đẳng. Giác, nghĩa là đại triệt đại ngộ chúng ta chưa làm được, nhưng

thanh tịnh bình đẳng, tuy chưa đạt được viên mãn, nhưng ta nỗ lực làm, càng thanh tịnh càng tốt, càng bình đẳng càng tốt, thanh tịnh bình đẳng phải mỗi năm mỗi tiến bộ. Nhiễm ô cần buông bỏ, kiêu mạn cần buông bỏ. Sự chướng ngại lớn nhất cho việc bình đẳng là kiêu mạn, tập khí kiêu mạn đôi khi chính bản thân mình còn không biết, nhưng mà người khác có thể cảm nhận được, thái độ kiêu mạn, ngôn ngữ kiêu mạn đều thành chướng ngại. Cho nên phải học cách khiêm hạ, lạy Phật chính là học khiêm hạ, chúng ta đối với Phật ngữ thể đầu địa, đối với mỗi chúng sanh cũng đều ngữ thể đầu địa, đoạn tận tập khí kiêu mạn của bạn từ vô thi kiếp, bạn không làm như vậy, thì không thể đoạn được. Cho nên sự khiêm hạ đối với chính bản thân mình có rất nhiều lợi ích.

Dưới đây nói: “Phật kinh chúng đa, dĩ hư không vi lượng”, nhiều hơn Tứ Khố Toàn Thư rất nhiều. “Phật trí hoằng thâm, dĩ vô tạo vi nguyên”, câu này rất quan trọng, trí huệ của Phật nghĩa là trí huệ của tự tánh. Vì sao trí huệ tự tánh của Phật có thể hiển lộ? Vì sao trí huệ tự tánh của chúng ta không hiển lộ ra? Bạn xem chính là ở câu này: “Dĩ vô tạo vi nguyên”, chúng ta có tạo tác, có tâm tạo tác thì không thanh tịnh, đức Phật không có tạo tác. Nói cho các vị biết, đức Phật miên viễn không khởi tâm, không động niệm, khởi tâm động niệm đã không có, thì lấy đâu ra phân biệt chấp trước? Cho nên tâm Phật là gì? Vĩnh viễn là thanh tịnh bình đẳng giác. Khi không khởi tác dụng là thanh tịnh bình đẳng giác, khi khởi tác dụng cũng vẫn là thanh tịnh bình đẳng giác. Không hề có một chút tư hào nhiễm ô nào, tuyệt đối không có ý niệm tự tư tự lợi, tuyệt đối không có ý niệm thị phi nhân ngã, điều này chúng ta cần nên học, chúng ta nên hạ thủ công phu ở chỗ này.

Đầu tiên chúng ta nên học chư Phật Bồ tát, khẳng định tất cả chúng sanh vốn là Phật, thì tâm tôn kính của chúng ta đối với mọi người sẽ sanh khởi, họ là Phật, nhưng vì sao họ lại ra nông nổi này? Vì họ mê, bây giờ họ là một vị Phật mê hoặc điên đảo. Mê hoặc điên đảo là giả, là pháp sanh diệt, sẽ có ngày họ giác ngộ, họ hiểu rõ, tất cả tập khí phiền não đều buông bỏ hết, thì bản lai diện mục của họ sẽ hiện tiền, bản lai diện mục là một vị Phật. Nếu như chúng ta không có thời gian dài như vậy, huân tu Phật pháp, thì chúng ta cũng mê hoặc. Bậc Cổ nhân nói ra hai câu này, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, trong đây có đạo lý lớn, bậc trung hạ căn cơ như chúng ta đây, thì hai câu này có lợi ích lớn, cho nên mỗi ngày tôi nhất định phải đọc kinh. Vì sao vậy? không có gì vui bằng, sự hưởng thụ thật sự. Thầy Phương nói, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Cảm nhận được từ đâu đây? Từ việc đọc kinh, cùng mọi người học tập với nhau, cùng học với

nhau, ngày xưa mỗi ngày tôi học 4 tiếng đồng hồ, bây giờ lớn tuổi rồi, giảm đi một nửa, còn 2 tiếng đồng hồ, trên thực tế không có mệt. Tôi thật sự học hai tiếng đồng hồ phải không? Nói thiệt với quý vị, mỗi ngày chắc chắn là 8 giờ đồng hồ. Tiếp xúc với bất cứ ai, thân đang biểu pháp, mở miệng nói ra đều là kinh giáo, cho nên tôi cảm nhận được đức Phật Thích Ca Mâu Ni, 49 năm, ngài mở miệng ra là kinh, là giảng kinh, đối với một người như vậy, đối với đoàn thể cũng như vậy. Khi không nói pháp, nhất cử nhất động của ngài đều là biểu pháp. Thân thể đang nói, không nhất định là ngôn ngữ, thân thể cũng nói được, thân khẩu ý tam nghiệp đều đang nói pháp, thì làm sao mà ngài không vui được, làm sao mà ngài mệt mỏi được. Ngạn ngữ Trung quốc có câu: “Nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng”, việc này là chuyện vui. Bi ai thương tâm thì sẽ mệt mỏi, trong sự vui sướng thì làm gì có mệt mỏi? Làm gì có lý đó! Cho nên bạn biết được, câu không mệt không ghét là sự thật, không phải giả đâu, mệt mỏi là giả. Ba câu trước trong Luận Ngữ, trong đó có một câu: “Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc duyệt hồ”, bằng là gì? Là là người chí đồng đạo hợp, từ nơi xa xôi đến, bạn nghĩ xem có vui không? Làm sao mà họ có mệt mỏi, nói chuyện ba ngày ba đêm cũng không thấy mệt mỏi, đó là sự thật, không phải giả đâu. Nếu không phải là chí đồng đạo hợp, cái gọi là nói chuyện không hợp thì không nói được, thì sẽ mệt mỏi. Cho nên phải học chư Phật Bồ tát, khẳng định tất cả chúng sanh vốn là Phật. Lão Tử tông của Trung quốc cho chúng ta biết, nhân tánh bản thiện, “nhân chi sơ, tánh bản thiện”, chúng ta dùng thái độ này nhìn người khác, thì cả vũ trụ này đều là người thiện, không có người ác. Người ác là gì? Là họ gặp phải ác duyên nên học theo thói hư, đó là tạm thời thôi, họ sẽ quay đầu, bởi vì tự tánh của họ là bản thiện. Cho nên đối với những người làm ác, bạn sẽ không trách họ, bạn thấy họ làm ác, cũng gật đầu mỉm cười, làm cũng hay đấy, làm việc xấu. Làm việc xấu là gì? Họ có báo, họ có ác báo, ở trong ác báo, ở trong sự thọ báo, họ sẽ tỉnh ngộ. Nghĩa là tâm lành hiển hiện, họ sẽ tỉnh ngộ, trình độ tỉnh ngộ sâu thì vĩnh viễn họ không làm việc xấu nữa, giác ngộ tạm thời cũng là khó rồi. Cái gọi là tâm lành hiển hiện, thì nghiệp của người này được tiêu rất nhiều, nếu có cơ hội gặp được ác duyên nữa, thì họ lại tạo nghiệp, đó là vì họ không ngộ thấu triệt, họ phục hồi tạo nghiệp.

Nói tóm lại, tạo nghiệp thọ báo, thọ báo lại tạo nghiệp. Ở trong đây số lần nhiều rồi, họ cảm thấy rất phiền, họ cảm thấy đúng thật là khổ, thì có thể triệt để quay đầu. Cho nên giáo dục quan trọng hơn bất cứ thứ gì, không thể bỏ qua. Phải khẳng định tất cả hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh nghĩa là giác, đặc biệt nhấn mạnh sự giác này. Vô tình chúng sanh đều có pháp tánh, pháp tánh và Phật tánh là một tánh. Chúng ta nói vô tình là thực vật, khoáng vật, trong tánh

nhất định có kiến văn giác tri, ngày nay chúng ta chứng thực, thực vật có kiến văn giác tri, khoáng vật có kiến văn giác tri. Kiến văn giác tri là đức năng trong tự tánh, bất sanh bất diệt. Mê rồi thì kiến văn giác tri biến thành thọ tướng hành thức, biến thành A Lại da, A Lại da có thọ tướng hành thức. Sau khi giác ngộ, thọ tướng hành thức biến thành kiến văn giác tri, thọ tướng hành thức tạo nghiệp, kiến văn giác tri không tạo nghiệp. Không giống nhau! Khẳng định tất cả pháp, pháp ở đây chính là trong kinh đức Phật nói, hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên. Ở trong đây mê rồi, nghĩa là ở trong lục đạo, thì chắc chắn có thọ tướng hành thức. Tiến sỹ Giang Bồn người Nhật làm thực nghiệm nước, nước có thọ tướng hành thức. Tôi nghe nói ở Đài Loan còn có một số bạn nhỏ làm thực nghiệm, dùng trái cây, dùng thực vật, dùng cơm, dùng bánh bao để làm thực nghiệm, cũng phát hiện ra trong sự thực nghiệm này, đã hiển thị rất rõ ràng, trong chúng có thọ tướng hành thức. Nó hiểu được ý của con người, nó biết được bạn thích nó, biết được bạn ghét nó, nó có cảm thọ. Cho nên chúng ta khẳng định, bản năng của tự tánh là kiến văn giác tri, đức hạnh của tự tánh là nhân từ bác ái, nhân từ bác ái là tánh đức, trong tự tánh vốn sẵn có, cho nên tôn giáo nào cũng nói về ái. Ái ở đây không phải là tình cảm, mà là trí huệ. Ái của tình cảm là giả, chẳng phải chân, bởi vì nó sẽ thay đổi, ái của trí huệ là vĩnh hằng bất biến. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch rồi, chắc chắn bạn sẽ sanh tâm cảm ơn tất cả chúng sanh. Bồn lai hòa mục, đó là sự thật, không phải giả đâu. Vũ trụ là một bầu hòa khí, nếu bạn không hòa, bạn sẽ bị bệnh, là bạn có vấn đề rồi. Cơ thể của chúng ta, thân tâm là một bầu hòa khí, thì con người mạnh khỏe sống lâu, nếu như không hòa, thì sẽ có vấn đề. Hòa duyệt, bạn xem người đó hoan hỷ, tướng hỷ duyệt. Bạn nhìn biểu hiện trên khuôn mặt của người đó, là một người ưu tư phiền não, chắc chắn họ bị bệnh. Bạn thấy người kia vui mừng hơn hờ, rất hoạt bát, giống như một đứa trẻ vậy, thì làm gì họ bị bệnh, gọi là thuận dương chi thể. Thuận dương chi thể này, làm thế nào để duy trì đến già mà không suy? Công phu. Sống đến 100 tuổi rồi mà vẫn như một đứa trẻ vậy, ngây thơ lãng mạng như thế, hoạt bát tự tại như thế, đây chính là lợi ích của Phật pháp, là lợi ích của văn hóa truyền thống. Bạn thật sự học, thì thật sự được như vậy, thân tâm khinh an, không có phiền não, không có ưu tư. Vấn đề phức tạp nào đến trước mặt, dùng trí huệ giải quyết. Nên nhớ, không phải dùng trí thức, mà là dùng trí huệ. Cho nên vĩnh viễn là cảm ơn tất cả, cảm ơn tất cả con người. Người tốt với tôi tôi cảm ơn họ, người không tốt với tôi tôi cũng vẫn cảm ơn họ. Vì sao vậy? Vì họ thành tựu cho tôi, nếu không có những cảnh giới này, thì tôi đến đâu để học tập? Cảm ơn tất cả động thực

vật, cảm ơn sơn hà đại địa. Cho nên hàng ngày chúng ta lạy Phật, lạy cuối cùng là lạy ai vậy? Lạy thập phương sát độ vi trần thế giới, đó là cảm ơn đại địa, thập phương sát độ vi trần thế giới, đó là vô lượng vô biên, toàn là tự tánh biến hiện ra. Nhất định phải biết, bốn lai hòa mục, cho nên tinh cầu trong thái không vận hành hòa mục, nó không đụng chạm nhau, nó tuần hoàn ở một quỹ đạo nhất định, không hề sai chạy một chút nào. Nhưng bạn nên biết rằng, nếu như tâm con người loạn, suy nghĩ lung tung, thì tinh cầu có thể ra khỏi quỹ đạo. Nếu như tinh cầu ở trong tình trạng như vậy, chúng ta giúp nó bằng cách nào đây? Phục hồi lại chánh niệm, chúng ta đẩy làn sóng này cho nó, thì có thể ảnh hưởng đến nó. Làn sóng thuần chánh, làn sóng thuần tịnh, sẽ giúp nó, tu sửa lại quỹ đạo cho nó. Thứ này chẳng phải là huyền học đâu, trong Phật pháp thật sự có lý luận, có đạo lý nguyên tắc, hòa mục tương xử, bình đẳng đối đãi. Quan trọng nhất là nhân sự hoàn cảnh, làm thế nào để sống tốt với người? Người ta không tốt với mình, mình có thể dùng hòa mục đối với họ, dùng tâm bình đẳng đối với họ, như thế mới có thể cải thiện được. Họ đối với mình không tốt, mình đối với họ càng không tốt, đối lập, thì bạn vĩnh viễn là đối lập, ở trong đây sẽ sinh ra mâu thuẫn, sẽ sinh ra xung đột. Xung đột cao lên, thì là đấu tranh, đấu tranh lên cao nữa, thì ngày nay là chiến tranh. Chiến tranh ngày nay, vũ khí hạt nhân, có ghê gớm không? Hòa bình từ đâu mà có? Hòa bình từ nội tâm của chính mình giác ngộ, thì sẽ có hòa bình, không giác thì hòa bình vĩnh viễn không đến. Cho nên đối với người cần nên hổ tương bao dung, hổ tương tôn kính, hổ tương tin tưởng, hổ tương quan hoài, hổ tương lo lắng, hổ tương hợp tác. Bạc cổ nhân ở Trung quốc nói đôn luân tận phận, mới có thể làm được viên mãn, như thế mới giống một con người chứ, con người phải như vậy. Nếu như mấy điều này mà không làm được, thì không giống một con người, hoặc là không giống một con người bình thường. Phật Bồ tát là một người bình thường, người Trung quốc nói: Thánh hiền, quân tử là người bình thường. Những người bình thường này là bậc mô phạm của chúng ta, chúng ta nên nghiêm chỉnh nỗ lực.

Cho nên vô tạo vi nguyên, câu này nói rất hay, không có tạo tác, không có tạo tác, vô tạo ở đây, rất gần với Vô vi mà Đạo Giáo của Trung quốc nói, vô vi nhi vô sở bất vi. Đạo Phật thì nói, “tác nhi vô tác, vô tác nhi tác”, là ý này. Công hiến cho xã hội, công hiến cho đại chúng, nhất định không kể công, trong tâm thanh nhiên như không, làm rồi mà cũng như chưa làm vậy, vĩnh viễn bảo trì Thanh tịnh Bình đẳng Giác, không bị môi trường bên ngoài ảnh hưởng. Trí huệ của đức Phật có được là làm như vậy.

“Kinh trung sở diễn, bất khả tư nghì”, những điều trong kinh nói không thể nghĩ bàn, “hoặc hữu phản phúc, nan liễu nan minh”. Điều này chúng ta thường gặp phải, “thô dĩ lục sự khả tri kỳ ý”, những lời này đều do đức Phật nói, vì đối tượng đức Phật nói kinh không giống nhau. Ngày nay bạn nhìn thấy chưa chắc đã phải là đối với căn cơ của bạn, đối với căn cơ của bạn, bạn rất dễ hiểu, không phải đối với căn cơ của bạn, bạn không dễ dàng lý giải được. Nhưng khi đức Phật còn tại thế, ngài nói cho chúng ta biết sáu việc, đối với người bình thường mà nói, thì đều có thể lý giải được, rốt cuộc đức Phật đã nói gì?

Thứ nhất là chánh đạo, nghĩa là kinh điển đức Phật nói, chỉ ý thâm áo, vô tác vô vi, vô hành vô đắc, tự nhiên đạo hợp, gọi là chánh đạo. Nói cách khác, chánh đạo nghĩa là hoàn toàn tùy thuận tự tánh, chắc chắn không trái ngược lại với tự tánh. Chánh đạo của Phật pháp là gì? Chính là thập thiện nghiệp đạo, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, chắc chắn tương ứng với thập thiện, rất tự nhiên, đây là chánh đạo, nếu trái ngược lại, là đi sai đường rồi, bạn đã đi vào con đường tà đạo. Thập thiện là tánh đức, thập ác là hoàn toàn trái ngược lại với tánh đức, thế là mê rồi. Ở trong đây hai câu quan trọng nhất là, vô tác vô vi, tác mà vô tác, vi mà vô vi, hành mà vô hành, đắc mà vô đắc. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài đã thị hiện như vậy cho chúng ta thấy. Bạn xem cuộc sống hàng ngày của ngài trong suốt 49 năm, công việc của ngài là giảng dạy, có phải như vậy không? Cho nên ngài có thể ở trong cuộc sống hàng ngày, trong việc giảng dạy, trong việc ứng phó, ngài đều có thể làm được không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Nhưng mà khi ngài tiếp chúng, nét mặt luôn mỉm cười. Năm đức của Không Phu Tử là ôn, lương, cung, kiệm, nhượng. Chúng ta thấy được ở trên người đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đối với người cung kính, khiêm hạ, lễ nhượng, bạn quan sát kỹ, bạn sẽ thấy được hết, đây gọi là chánh đạo.

Thứ hai là thiện quyền. Thiện là thiện xảo, quyền là biến hóa, nó không phải là một pháp, tùy cơ mà biến đổi, vô cùng hoạt bát. Nghĩa là đức Phật nói kinh, thiện quyền biến hóa, không có phương sở, hoặc xuất hoặc xứ, đều thuận cơ nghi, tùy loại khai diễn, khiến người ngộ giải, tất đắc chứng nhập, gọi là thiện quyền. Ở trong đây có một câu khó hiểu là hoặc xuất hoặc xứ, đây là lời nói của người xưa, nếu dùng cách nói ngày nay thì bạn sẽ dễ hiểu thôi, chúng ta nói hoặc tiến hoặc thoái, thì mọi người dễ hiểu. Xuất nghĩa là tiến, xứ nghĩa là thoái. Thật sự gọi là tùy cơ, không có phương pháp nhất định, không có định pháp để nói, hoàn toàn tùy thuận chúng sanh. Cho nên đức Thế Tôn từng dạy rằng, trong suốt 49 năm ngài

không nói một lời nào hết. Câu này là thật đó không phải giả đâu, nghĩa là không nói một câu nào theo ý của riêng mình, đều là người khác. Bạn hỏi điều gì thì trả lời bạn điều đó, cho nên ngài nói suốt cuộc đời ngài không nói qua một câu Phật pháp nào, đều do người khác hỏi, không có phương sở, thiện quyền không có phương sở. Đề thuận cơ nghi, nghĩa là hàng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Tùy loại mà khai diễn, khai là khai thị, nghĩa là nói với họ. Diễn là biểu diễn, đức Phật đã làm cho họ thấy, mục đích là giúp cho người ngộ giải, khai ngộ, sau khi khai ngộ họ mới có thể chứng nhập. Khai diễn ở đây, với khai thị trong kinh Đại thừa, ý nghĩa giống nhau. Biểu diễn ở đây chẳng phải là mô phạm sao? Thị là mô phạm, làm cho mình thấy, diễn cũng có nghĩa là như vậy, diễn và thị có ý nghĩa giống nhau. Cho nên đây là thiện quyền, trước đây chúng ta có học, cứu cánh phương tiện có nghĩa là thiện quyền.

Thứ ba là chí giáo: Ở đây càng nói chúng ta càng dễ hiểu. Nghĩa là Như Lai nói kinh, vì chúng sanh mà chỉ ra tội phước, khiến cho họ biết được, làm nhân gì thì được quả đó. Không có chuyện làm thiện bị tội, làm ác được phước, hiểu rõ việc này, chí vi dễ hiểu, là chí giáo, chí là nói đến chỗ cuối cùng. Ở trong điều này nói về nhân quả, nhân quả là sự thật, tuyệt đối không giả đâu. Bạn làm thiện chắc chắn có thiện báo, bạn tạo ác chắc chắn có ác báo. Bản thân mình cần nên hiểu tự cầu đa phước. Quá khứ không biết nên tạo nhiều ác nghiệp, có thể tha thứ được, ngày nay biết rồi, quyết tâm sửa đổi, toàn tâm toàn lực tu thiện tích đức, thì tiền đồ của chúng ta càng ngày càng sáng ngời, càng ngày càng hạnh phúc. Sáng ngời và hạnh phúc chẳng phải do người khác cho chúng ta đâu, là do bản thân bạn tạo nhân, thì bản thân bạn chắc chắn được quả báo tốt. Xã hội ngày nay ra nông nổi này là nguyên nhân gì vậy? Là do mọi người không hiểu được nghiệp nhân quả báo, cho rằng mình rất thông minh, lương tâm bị che khuất, có thể chiếm đoạt những thứ của người khác, tưởng rằng đó là tài năng của mình, sai rồi! Bạn có năng lực cướp đoạt đồ của người khác, thế lực của người khác không mạnh như bạn, không thắng được bạn, bạn đoạt được rồi, bạn có thể hưởng thụ được không? Số của bạn không có phước báo đó, thì sau khi chiếm đoạt được tự nhiên tai nạn sẽ đến, bạn vẫn không đạt được, đây là sự thật, không phải giả đâu.

Gần đây tôi đọc một cuốn sách, Khái Tát Đại đế của đế quốc cổ La Mã, phái binh đoàn xâm lược Trung Quốc, mười mấy vạn binh, sau khi đến Trung Quốc đều chết hết. Những vong hồn này gặp được Bồ tát, Bồ tát đã cứu họ, thật đáng thương! Hàng ngày chịu lạnh chịu đói, không tìm được một nơi để ở, Bồ tát mừng 1 ngày rằm, đã cho họ một ít đồ ăn, nói với họ, Trung Quốc không phải là của quý vị, quý

vị đến đây làm gì? Tôi đọc đến câu này, tôi rất cảm động, chẳng phải của bạn thì bạn không lấy được! Khi bạn muốn chiếm đoạt, bạn phải trả giá rất đau khổ, mà vẫn không đạt được, bạn xem mười mấy vạn người chết ở Trung Quốc, có bi thảm không! Khiến tôi nhớ đến người Nhật xâm lược Trung Quốc, muốn chiếm lãnh Trung Quốc, Trung quốc không phải là của họ, đánh 8 năm trời, cuối cùng cũng đầu hàng. Cá nhân con người cũng như vậy, chúng ta chiếm đoạt đồ của người khác, trộm đồ của người khác, số có, số của bạn không có, thì trộm cũng trộm không được, chiếm cũng chiếm không được. Bạn lấy được đồ rồi, thì tai họa cũng ập đến, tai nạn cũng ập đến. Vì sao có người cướp, trộm mà họ không bị tai nạn? Trong nhân quả nói rằng, chẳng phải không có quả báo, mà là thời chưa đến, đến thời rồi thì tất cả thọ báo hết. Vì sao chưa đến thời? Bởi vì trong đời quá khứ bạn tu quả báo rất lớn, phước đó đang che chở cho bạn, Nhưng mà cái phước đó bạn mau chóng hưởng tận, sau khi hưởng tận thì quả báo lập tức hiện tiền, đạo lý nhất định mà, hà tất phải làm cái việc ngốc đó! Bạn vì sự sinh tồn, người ta cũng vì sự sinh tồn, vì sự sinh tồn của mình mà không để cho người khác sinh tồn, đó là không có đạo lý, như vậy sẽ bị quả báo tốt sao? Trời đất không dung. Người ta là một quốc gia nhỏ bé, không có cách nào chống cự lại bạn, bạn to khỏe, thì ông trời đến trừng trị bạn, đó là trời đất không dung, bạn có thể trốn chạy được sao? Ngày nay người ta không nói đến những vấn đề này, trong xã hội không còn nghe thấy nữa, khi tôi còn trẻ tôi thường nghe thấy, trong xã hội còn có người nói đến, 60 năm về trước rồi. Xã hội ngày nay không nghe được âm thanh này nữa, cho nên thật sự gọi là vô pháp vô thiên, vấn đề này rất trầm trọng. Cho nên nhất định phải tin nhân quả, bạn gieo nhân tốt, chắc chắn có quả báo tốt.

Thứ tư là hướng dẫn, nghĩa là Như Lai nói kinh vì những người ngu si mê muội khó bề khai hóa, dạy hạng người này rất khó khăn. Cho nên hiện đời có thể gặt được nhân duyên quả báo vân vân, khuyên dụ hướng dẫn, khiến cho họ hoan hỷ tin theo mà sanh chánh tín, đó là hướng dẫn. Đây là phương pháp đức Phật thường dùng, rất hiệu quả. Bạn đối với người bần cùng, đối với người ngu si, bạn giảng những đạo lý rất sâu thì họ không hiểu được. Bạn kêu họ đến học kinh, ngày ba bữa cơm tôi còn ăn chưa no, thì lấy đâu ra thì giờ để học những thứ này, học những thứ này có thể ăn được không? Lúc tôi mới học Phật, các bạn đến từ Mỹ đều hiểu được, khi tôi còn trẻ, có một chút trí huệ, không có phước báo, cho nên cuộc sống vô cùng vất vả, hơn nữa lại đoán mệnh. Bản thân tôi hiểu rất rõ, thọ mạng của tôi là 45 tuổi, cho nên tôi học Phật, định thọ mạng đến 45 tuổi là vãng sanh, cho nên có thể buông bỏ, thầy giáo kêu tôi buông bỏ, tôi có thể buông bỏ được, biết được thọ

mạng không dài. Vì sao cuộc sống lại vất vả như vậy? Vì đời trước không tu phước. Thầy bói nói, kho tiền của bạn trống không, đúng vậy. Cho nên Chương Gia đại sư rất giỏi, ngài đã nhìn thấu hết, ngài dạy tôi tu bố thí, tu tài bố thí, tu pháp bố thí, tu vô úy bố thí. Tôi thưa với ngài rằng, tôi nói, mỗi tháng tiền lương của con rất ít, con không có tiền để bố thí. Ngài hỏi tôi, có một cách không? Một cách thì được. Một đồng có được không? Một đồng thì hơi miễn cưỡng. Thầy cứ từ một cách một đồng đó mà bố thí. Tôi rất nghe lời! Sau này đúng là càng bố thí càng nhiều. Bạn xem những năm gần đây, mỗi năm tôi bố thí, hầu như gần một ngàn vạn dolas. Tiền từ đâu mà có? Tôi không biết, vốn là không nghĩ đến, chứng minh trong kinh đức Phật nói, tiền tài từ đâu mà có? Từ bố thí mà có, càng xả càng nhiều. Trí huệ từ đâu mà có? Từ pháp bố thí mà có. Mạnh khỏe trường thọ từ đâu mà có? Từ bố thí vô úy mà có. Bạn chỉ cần thật sự tu ba loại bố thí này, những điều bạn cầu như tiền tài, trí huệ, mạnh khỏe trường thọ đều được. Bản thân tôi đây làm mô phạm, năm 45 tuổi tôi bị bệnh, nằm hơn một tháng, sau khi khỏi rồi thì không còn bị bệnh nữa, làm gì vậy? Chính là làm ba việc này. Ba việc này làm có hiệu quả nên tôi nghiêm chỉnh làm, tôi vĩnh viễn không buông bỏ, không nên nghĩ đến bản thân, bản thân mình chuyện gì cũng có người lo cho, bạn xem có tự tại không, không cần phải lo lắng một tí nào, dùng hết sức mình đi bố thí, có vui không, có tự tại không!

Thứ năm là phước đức, nghĩa là đức Phật nói kinh vì khiến cho chúng sanh, tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ vân vân, điều phục chư căn, không hề phóng dật, thì được phước báo nhân thiên, trường lạc vô cùng, đây là phước đức, điều này mỗi con người chúng ta đều muốn làm. Tôi theo Chương Gia đại sư 3 năm, điều này Chương Gia đại sư thường nói với tôi, chỉ cần thật sự tu, thì thật sự tích lũy phước đức. Phước đức này chẳng những có thể độ được chính mình, mà còn có thể độ chúng sanh, có thể độ những tai nạn của thế gian này. Chỉ là những vị lãnh đạo trong các quốc gia này, tôi có duyên gặp gỡ họ, họ không thể tiếp nhận lời khuyên của tôi, nếu như họ có thể tiếp nhận lời khuyên của tôi, thì sẽ hóa giải được rất nhiều vấn đề. Đây là sự thật, không giả đâu.

Cuối cùng là cấm giới, nghĩa là khuyên chúng ta trì giới. Nghĩa là đức Phật nói kinh, chế các giới cấm, khiến cho tất cả chúng sanh, thu nhiếp thân khẩu ý, thanh tịnh không phạm, thì có thể siêu thoát ba đường khổ, đây là cấm giới. Đây là nâng cao lên, nghĩa là từ phước báo, bạn xem hướng dẫn, phước đức đến giới cấm, đó là từng bước từng bước hướng thượng mà nâng lên. Có thể trì giới, có thể niệm Phật, thì có thể siêu thoát lục đạo luân hồi, chắc chắn ở trong Tịnh độ tông, tu trì danh niệm Phật, cầu sanh tịnh độ. Cho nên người niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, đối

với giới luật phải coi trọng. Giới luật không cần nhiều, Ngũ giới Thập thiện nhất định bạn phải làm được. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập niết bàn, ngài đã để lại cho hàng đệ tử đời sau hai câu, hai câu này vô cùng quan trọng, một đời ngài đã làm cho chúng ta thấy. Ngài A Nan hỏi đức Phật: Khi ngài còn tại thế chúng con đều nương theo ngài, ngài nhập niết bàn rồi chúng con lấy ai để làm thầy? Đức Phật không chỉ định người nào, đức Phật chỉ nói: “Lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”, có thể trì giới, có thể chịu khổ, thì bạn có thể thành tựu. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni ba y một bình bát, ngày ăn một bữa, tối ngủ dưới gốc cây. Khi đức Phật nhập niết bàn là ở ngoài rừng, chứ không phải ở trong nhà. Biểu diễn ở đây là gì? Biểu diễn là lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy. Người thế gian thấy cuộc sống vật chất của đức Phật Thích Ca Mâu Ni rất khổ, kỳ thật ngài vui sướng không gì bằng, bạn xem khi ngài tiếp mọi người, khuôn mặt luôn mỉm cười. Chưa bao giờ bạn thấy có một ngày nào đức Phật Thích Ca Mâu Ni, với vẻ mặt lạnh lùng không vui cả, không có, chưa bao giờ có, trong tâm ngài là hòa khí, là hoan hỷ. Trong mắt của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thì tất cả chúng sanh đều là Phật, ngày nào cũng sống với Phật, thì làm sao ngài không vui được! Đức Phật nhìn thế giới, trong kinh Hoa Nghiêm nói, “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”, chẳng những hữu tình chúng sanh là Phật, mà vô tình chúng sanh cũng không ngoại lệ, cũng là Phật. bạn nghĩ xem tâm như thế có rộng lớn không, tâm tình này nhẹ nhàng biết bao. Học Phật là học từ đây, có một oan gia, có một đối thủ là sai rồi, chẳng phải là oan gia đó, oan gia đó là Phật, đó là bản thiện. Sai ở chỗ nào? Bản thân mình sai, bên ngoài không sai, bạn ra bên ngoài tìm không thấy một người sai, đều là nội tâm của mình. Chúng ta lấy tập khí phiền não xem bên ngoài, thì bên ngoài đều là phiền não. Chúng ta dùng ý niệm ác để nhìn người ta, thì người ta đều là người ác, bạn dùng Phật nhãn nhìn chúng sanh, thì tất cả chúng sanh đều là Phật. Điều này chúng ta cần nên học tập.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 46

Tập 47

Giảng ngày 22 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ 50, dòng thứ 5 từ dưới lên, bắt đầu từ câu cuối cùng, chúng ta đọc kinh văn.

“Ta hu, phạm phu liệt đấng bỏ xứ, kỳ xướng cực đàm, bất khả trắc độ, Hoa Nghiêm sở bảm, khước tại thử kinh, nhi thiên hạ cổ kim, tín tiên nghi đa, từ phồn nghĩa thực, dư duy hữu phẩu tâm lịch huyết nhi dĩ”

Mấy câu này là ngài Ngẫu Ích đại sư nói. Phật giáo suy, có thể nói bắt đầu từ cuối nhà Minh, là đã có hiện tượng suy thoái, may mắn có hai vị đại sư là Liên Trì và Ngẫu Ích xuất hiện, các ngài đã phục hưng lại Phật giáo, đến đầu nhà Thanh mới có sự hưng thịnh như vậy. Ở đây đại sư nói hai câu rất quan trọng, xưa nay trong thiên hạ, người tín tâm thì ít, người hoài nghi thì nhiều, đây là nguyên nhân gì vậy? Người thật sự tu học ít, người có thể giảng giải Phật pháp một cách rõ ràng minh bạch không có, tương suy từ đây mà có. Tương suy ngày nay, có thể nói đã suy đến chỗ cùng, ngày xưa tuy nói rằng không có người giảng, nhưng vẫn có người giảng, vẫn có người tu, không có nhiều bằng đời Tùy Đường. Đời Tùy Đường là thời đại vàng son của Phật giáo Trung quốc, so ra mạnh hơn thời chúng ta ngày nay rất nhiều. Ngày nay người tu rất ít thấy, chắc là có, nhưng chỉ ở trong núi không chịu ra, người giảng lại càng ít, khiến cho mọi người trong xã hội đối

với Phật giáo sanh ra sự nghi hoặc rất lớn. Khi chúng tôi còn trẻ cũng không ngoại lệ, cũng bị sự truyền nhiễm này, thường cho rằng Phật pháp là tôn giáo, tôn giáo đều là mê tín. Sự hiểu lầm này đã ảnh hưởng rất lớn đối với chúng ta, không muốn tiếp xúc với nó, đây là sự thật. Khi đó nếu như tôi không học triết học với Phương Đông Mỹ tiên sinh, thì tôi sẽ không có duyên với Phật, vĩnh viễn đoạn tuyệt mất. Tôi học triết học với thầy Phương, thầy đã dạy cho tôi một bộ triết học khái luận, nhân duyên rất thù thắng, bài cuối cùng lại là triết học kinh Phật. Khi đó tôi vô cùng ngạc nhiên, Phật giáo là đa thần giáo, đa thần giáo trong tôn giáo, thuộc về tôn giáo thấp, tôn giáo cao cấp chỉ có một chân thần. Phật giáo cái gì cũng lạy, cho nên nó thuộc về đa thần giáo, phiếm thần giáo, hầu như không có người khai hóa, là tộc quần lạc hậu, mới tín phụng những thứ này. Tôi nói với thầy Phương: Phật giáo làm gì có triết học? Thầy nói, anh còn trẻ, anh không biết được đâu. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là một nhà triết học vĩ đại nhất trên thế gian này, triết học trong kinh Phật là triết học cao phong nhất trên toàn thế giới, học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người, nhân duyên tôi tiếp xúc với Phật giáo từ đây mà có. Tôi tin tưởng thầy giáo, cuối đời của thầy, ít nhất là có 25 năm, những tiết dạy trong trường đều là kinh Phật, thầy ấy dạy ở trường đại học Đài Loan, mở một tiết học lớn, Phật Học Ngụy Tấn, Phật Học Tùy Đường, Phật Học Đại Thừa. Sau khi nghỉ hưu ở đại học Đài Loan, Đại Học Phụ Nhân là trường học giáo hội, mời thầy giảng dạy ở lớp tiến sỹ, thầy ấy giảng triết học Hoa Nghiêm. Khi đó tôi tính, cuối đời khoảng 79 tuổi ngài đi, 25 năm cuối đời, ở trong trường học đều giảng kinh Phật. Thầy mất sớm quá, nếu như ở lại thêm 5 năm nữa, thì thầy đối với Phật học Đài loan, đối với Phật học trên toàn thế giới, có sự ảnh hưởng rất lớn, đây đúng là một đời đại sư. Phật học rốt cuộc là giảng những gì? Chúng tôi dùng một câu để nói, đức Phật Thích Ca Mâu Ni 49 năm giảng kinh thuyết pháp, ngài đã giảng gì? Ngài giảng về chân tướng của nhân sinh vũ trụ, giảng thấu triệt, giảng rõ ràng. Lời của thầy Phương nói không hề khuếch trương một tí nào, chúng tôi đã cùng nhau học 59 năm, từ khi thầy Phương dạy tôi đến nay là 59 năm. Trong 59 năm này, chúng tôi đối với môn học thuật này khăng khăng không bỏ, chứng minh được nó thật sự là triết học cao đẳng. Chẳng những là triết học cao đẳng, mà còn là khoa học cao đẳng. Ngày nay những vấn đề triết học và khoa học không giải quyết được, đều nằm trong kinh Phật. Rất tiếc, giới học thuật xem đây là tôn giáo, xem đây là mê tín, không tiếp xúc với nó, đây là sự tổn thất rất lớn. Trên thế giới những vị vĩ đại, nhà triết học, nhà khoa học rất thông minh, nếu như có thể tiếp xúc Phật pháp, thì đối với sự nghiên cứu học thuật của họ, sẽ nâng cao lên rất nhiều. Sự tồn tại của âm

hưởng này, khiến cho mọi người sanh lòng hoài nghi không dám tiếp xúc, dùng Phật pháp mà nói, đây là không có phước, họ không có phước báo, chúng sanh không có phước báo. Hôm qua giảng đến đoạn kinh này, vì có nhiều bạn từ nơi khác đến, học Phật được bao nhiêu năm rồi, thường gặp phải những vấn đề như vậy, những vấn đề này là những vấn đề rất phổ biến, nhưng mà rất quan trọng. Cho nên chúng tôi thêm vào một đoạn, lục sự minh kinh ý. Đây là do đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, cũng là giúp cho chúng ta giải quyết những vấn đề hiện tại, giảng về sáu việc, sáu việc này, có thể giải đáp đại ý kinh điển mà đức Phật đã nói. Kinh Phật đã nói những gì? Đây là nói rất kỹ, không phải một câu, một câu đó chính là chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Trong sáu câu này, câu thứ nhất là Chánh đạo, Chánh đạo chính là nói về chân tướng của vũ trụ nhân sinh. Phật pháp phân nó ra làm sáu chữ rất đơn giản, để nói về sự việc này. Sáu chữ này, chữ thứ nhất là tánh, thứ hai là tướng, tánh tướng. Tánh trong triết học nói là bản thể, vũ trụ từ đâu mà có? Vạn vật từ đâu mà có? Phải có nguồn gốc chứ, nguồn gốc đó chính là tánh, trong Phật pháp nói là tự tánh, pháp tánh, chính là ý này. Tướng là hiện tượng, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên, bao gồm hết trong đó, là tánh tướng, đây là một đôi. Đôi thứ hai là sự lý. Lý là đạo lý, đạo lý gì phát sinh ra những sự việc này. Sự, trăm công ngàn việc, vô lượng vô biên. Sự không tách rời lý, lý không tách rời sự. Giống như ngày nay, trong số các bạn học này, rất nhiều vị sức khỏe không tốt, rất nhiều bệnh tật, đây là sự. Vì sao bạn bị bệnh, đó là lý, khi hiểu rõ lý rồi, thì bệnh rất dễ chữa. Ngày nay quả địa cầu này có vấn đề, có nhiều tai nạn, đây là sự. Vì sao quả địa cầu này lại có nhiều tai nạn như thế? Đó là lý, hiểu được rõ lý rồi, thì quả địa cầu này muốn phục hồi lại bình thường cũng không phải là chuyện khó. Cho nên các nhà khoa học báo cáo, mấy ngày trước chúng tôi coi được thông tin của Liên hợp quốc, đều không kiêng kỵ gì, đều đã nêu ra những vấn đề nghiêm trọng này, nêu ra sự, nhưng họ không nói về lý rõ ràng. Nếu như nói về lý rõ ràng, thì về sự chúng ta sẽ có phương pháp đối phó. Có thể hóa giải tai nạn được chăng? Được. Bệnh tật có thể chữa khỏi được không? Được, chắc chắn được.

Đôi thứ ba chính là nhân quả. Có nhân chắc chắn có quả, có quả chắc chắn có nhân, đây là nói tổng quát. Ngay hôm qua chúng ta học đến chánh đạo, đây là nói về tánh tướng. Thiện quyền là nói về sự lý, chí giáo là nói về nhân quả. Ba điều sau là nói về việc hướng dẫn chúng sanh cách nào, để họ có thể tiếp nhận sự giáo dục của đức Phật, có hướng dẫn, sau đó nói về phước đức cho họ. Phước đức của con người, không phân biệt quốc gia, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt

tôn giáo. Bạn hỏi người kia, anh có muốn phát tài không? Ai ai cũng muốn, điều này không phân bất cứ giai cấp nào, họ đều muốn giàu có. Có muốn thông minh trí huệ không? Có muốn mạnh khỏe sống lâu chẳng? Ba thứ này chắc chắn mọi người đều muốn. Đức Phật dạy bạn, làm cách nào để bạn có thể đạt được, giàu có, thông minh, mạnh khỏe sống lâu. Ở đây ngài dạy chúng sanh học tập Lục độ Ba la mật. Lục độ Ba la mật có thể giúp cho bạn đạt được những điều này, ở trong đây nói về Bồ thí, Trì giới, Tinh tấn, Thiên định, Bát nhã. Bạn thật sự tu được sáu điều này, thì chắc chắn bạn đạt được phước báo viên mãn. Cuối cùng là nói về giới luật, nói về cấm giới, điều này rất quan trọng. Điều này nghĩa là gì? Là cuộc sống của cá nhân bạn có quy luật, người Trung quốc nói, gia hữu gia quy quốc hữu quốc pháp. Gia quy của người Trung Quốc chính là Đệ tử quy. Nhưng mà nên biết rằng, người Trung quốc nói gia là đại gia đình, đại gia đình kéo dài đến năm Dân Quốc thứ hai mấy, trước chiến tranh vẫn còn không ít đại gia đình, sau 8 năm chiến tranh, thì đại gia đình không còn nữa. Thông thường đại gia đình có 5,6 đời không ra ở riêng, sống cùng nhau. Ở trong vùng nông thôn Trung quốc, bạn sẽ rất dễ thấy, thôn này là thôn Vương, thôn kia là thôn Trương, đó là một gia đình. Một thôn là một gia đình, nhân khẩu ít thì đại khái cũng có khoảng hai trăm người. Thông thường một gia đình có khoảng 300 người, nhà người ở đông đúc thì có 6,7 trăm người, nếu như không có quy củ thì chẳng phải là loạn sao. Cho nên gia quy vô cùng quan trọng, trong gia đình có gia đạo, có gia quy, có gia học, có gia nghiệp, nó là một đoàn thể của xã hội, là cơ sở tổ chức của quốc gia. Cho nên người Trung quốc nói, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Một gia đình trị tốt rồi, thì quốc thái dân an, những đứa trẻ trong nhà họ dạy rất khéo. Hiểu lý giữ pháp, mọi người là người tốt, mọi việc là việc hay. Cho nên tôi thường nói, Trung quốc ngày xưa, trong mọi hăng mọi công việc, công việc nào, được mọi người ngưỡng mộ nhất, hướng đến nhất? Chính là học và làm quan. Bạn xem làm quan, trong xã hội có địa vị rất cao, cũng có sự thu nhập rất tốt, nhàn rỗi, không có việc làm, không có vụ án để giải quyết. Một tháng mà có 1,2 vụ án là ghê gớm lắm. Vì sao vậy? Vì lão bá tánh đều tốt, con người không làm việc xấu, gia đình khéo dạy, mọi người tuân thủ Đệ tử quy, thì đều là người tốt. Chúng ta thấy bậc cổ nhân, tập bộ trong Tứ Khố Toàn Thư, những tác phẩm văn học này, phần lớn đều do người làm quan viết ra, họ không có việc gì làm, hàng ngày ở nhà đọc sách, viết văn, làm thơ. Không như ngày này, ngày nay làm quan là vất vả nhất, đúng thật là điên đảo. Vì sao vậy? Vì ngày nay nhà không còn, không có người dạy, trên thực tế thì vẫn còn có người dạy. Ai dạy vậy? Ti vi dạy, Internet dạy. Dạy điều gì? Dạy bạo lực sắc tình, dạy sát đạo dâm vọng, xã hội

loạn hết rồi, cho nên người làm quan rất vất vả. Đó chính là nói đến sự quan trọng của việc giáo dục, quan trọng hơn tất cả. Cho nên đức Phật nói cấm giới, chính là quy củ, quy phạm trong cuộc sống, mọi người ai cũng tuân thủ, thì thế giới này hòa bình, xã hội này an định, an cư lạc nghiệp, mới thật sự là hạnh phúc mỹ mãn. Ở đây nói rất cụ thể, nghĩa là bạn tu phước cách nào? Bạn tích đức cách nào. Đạo Phật tu phước tích đức, chính là sáu đề mục tu hành của Bồ tát. Tu những đề mục này cách nào đây? Ngày nay chúng ta ở đây có thể học một chút, trong kinh Phật có lục sự thành tựu, sáu việc để thành tựu Bồ tát, là sáu đề mục tu học, điều này rất quan trọng.

Đoạn văn này ở trong Trang Nghiêm Luận. Luận vân: “Bồ tát vị thành tựu lục độ cố quyết định ứng hành lục sự dã”. Bạn muốn thành tựu lục độ, nghĩa là sáu đề mục tu học của Bồ tát, bạn muốn học được sáu đề mục này, thì nhất định bạn phải làm sáu việc này.

Việc thứ nhất là cúng dường, “cúng dường giả, vị nhân thành tựu đàn độ, cố hưng cúng dường, nhược bất trường thời cúng dường Tam bảo, tác đàn độ bất đắc viên mãn dã”. Đàn là đàn na, là tiếng Ấn độ, dịch thành tiếng Trung quốc thì có nghĩa là bố thí, đây chính là mục thứ nhất Bố thí Ba la mật. Bố thí, nhưng ở đây không nói là bố thí, mà nói là cúng dường, trong việc bố thí dùng tâm cung kính chân thành nhất để làm, thì gọi là cúng dường. Bồ tát Phổ Hiền dạy chúng ta quảng tu cúng dường, cho nên trong Đại thừa giáo thường nói, Bồ tát không tu hạnh Phổ Hiền, thì chắc chắn không thể thành tựu viên mãn Phật đạo. Thành tựu viên mãn Phật đạo, quan trọng nhất là phải tu Phổ Hiền thập nguyện. Điều thứ nhất trong thập nguyện là lễ kính, thứ hai là tán thán, điều này phải học. Con người và con người qua lại với nhau, lễ phép rất quan trọng, cúi mình thấp xuống 90 độ, thì người nào cũng hoan hỷ. Khiêm hạ, tôn trọng người khác, tán thán người khác, thì duyên của bạn với mọi người sẽ tốt, bắt đầu làm từ đây, Đệ tử quy cũng dạy người ta học tập như thế. Kế tiếp là gì? Kế tiếp là cúng dường, người Trung quốc chúng ta từ xưa đến nay hiểu được. Từ triều Hán, Phật giáo từ triều Hán truyền lại, sau khi truyền đến đế vương Trung quốc đã tiếp nhận, chẳng những tiếp nhận, mà còn nghiêm chỉnh đẩy mạnh, nghĩa là đẩy mạnh sự giáo dục của đức Phật, nên biết rằng nó không phải là tôn giáo. Phật giáo biến thành tôn giáo, vào khoảng sau Gia Khánh, vì thời Càn Long Phật giáo vẫn chưa là tôn giáo, vẫn là giáo dục. Thật sự biến thành tôn giáo, là vào thời Từ Hy Thái hậu, khi bà chấp chánh, phế trừ sự dạy học trong cung đình, bà ấy thật sự mê tín, làm việc xin xăm bói quẻ, qua lại với quỷ thần, đây là sở thích của bà ấy. Trên làm dưới làm theo, cho nên Phật giáo

không thể chân hưng trở lại, cho nên lịch sử này không lâu, nhất định phải nhận rõ bộ mặt thật của Phật giáo. Nho Thích Đạo đều là học thuật, lễ kính, tán thán, kể đến là cúng dường. Người Trung quốc nói, lễ nhiều người không trách. Cúng dường ở trong cuộc sống hàng ngày, sự qua lại giữa con người với con người, đây chính là tặng lễ vật, cho nên phải biết rằng, tặng lễ vật thuộc về cúng dường, thuộc về tài bố thí. Tình cảm giữa con người với con người được kiến lập từ đây, lão Tổ tông của Trung quốc dạy chúng ta như thế. Khi Phật giáo truyền vào Trung quốc, đức Phật cũng dạy chúng ta như thế, hơn nữa nền tảng dạy học của Phật giáo, và nền tảng văn hóa truyền thống của Trung quốc hoàn toàn tương đồng. Nền tảng là gì? Là “hiếu dưỡng phụ mẫu”. Bạn xem tịnh nghiệp tam phúc, là nói học Phật, có ba môn bắt buộc phải học, ba điều. Tông phái trong đạo Phật rất nhiều, ở Trung quốc có 10 tông, phái biệt thì càng nhiều hơn. Pháp môn nghĩa là phương pháp, môn kinh, tám vạn bốn ngàn, đều phải tuân thủ nguyên tắc này, nguyên tắc này là căn bản của căn bản, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, cội rễ! Cho nên khi đạo Phật truyền vào Trung quốc, người Trung quốc lập tức tiếp nhận, là vì nó đứng cùng nền tảng với văn hóa Trung quốc, trên cùng một lý, thật là hiếm thấy.

Kể đến là “từ tâm bất sát”, đại từ đại bi, tuyệt đối không làm tổn hại tất cả chúng sanh, “tu thập thiện nghiệp”, từ căn bản này mà kiến lập, hoàn toàn tương đồng với truyền thống văn hóa Trung quốc. Thời xưa năm 70, tiến sỹ Thang Ân Tử nói rất hay, ông tán thán người Trung quốc có trí huệ, tấm lòng rộng lớn, có thể tiếp nhận các nền văn hóa khác nhau. Phật giáo từ Ấn độ truyền đến, không giống với nền văn hóa Trung quốc, nhưng mà khi truyền vào Trung quốc, người Trung quốc nhiệt liệt hoan nghênh nó, học tập nó. Phật pháp đã làm nền văn hóa truyền thống Trung quốc phong phú, những lời này nói rất có lý. Cho nên ngày nay chúng ta đề xướng đa nguyên văn hóa, phải đoàn kết, phải hợp tác, phải hỗ trợ học tập. Sự việc này chúng tôi đã làm mười mấy năm, bắt đầu làm từ năm 1999, ngày nay cách nghĩ, cách làm, và kinh nghiệm của chúng tôi, từ từ đi đến giai đoạn thành thực. Cho nên học viện của chúng tôi, từ cuối năm nay bắt đầu chính thức học tập, diễn tích, kinh điển của các tôn giáo. Nghiêm chỉnh học tập, mục đích gì? Là làm phong phú nội dung kinh giáo của chúng ta, rút tỉa những tinh hoa trong kinh điển của các tôn giáo, để bồi bổ thêm cho chính mình, nâng cao cảnh giới của bản thân, không thể kiến thức hẹp hòi. Mỗi một đạo đều có cái hay của nó, đều có chỗ tuyệt vời của nó, chúng ta cố gắng hấp thu, thành tựu đức hạnh của chính mình, thành tựu trí huệ của chính mình. Đây là lý do chúng tôi học đa nguyên văn hóa trong kinh điển của các tôn giáo.

Dưới đây có một câu, chúng ta phải nhìn thoáng, không được chấp vào lời nói, “nhược bất trường thời cúng dường Tam bảo”, là câu này. Trường thời thì dễ hiểu, nhưng Tam bảo là gì? Tam bảo là Phật, Pháp, Tăng. Nếu như bạn không hiểu, thì bạn sẽ nói đây là mê tín. Ý nghĩa thật sự của Tam bảo là gì? Phật là giác ngộ. Nghĩa là trong kinh Vô Lượng Thọ nói, thanh tịnh bình đẳng giác, Phật là giác, Pháp là bình đẳng, Tăng là thanh tịnh. Giác Chánh Tịnh. Nếu chúng ta hiểu được trường thời cúng dường Giác Chánh Tịnh, đối với bậc giác ngộ chúng ta phải cúng dường họ. Dùng cái gì để cúng dường? Y giáo tu hành để cúng dường, không phải lấy tiền tài, không phải lấy vàng bạc. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ngài đã làm gương cho chúng ta thấy, một đời ngài giảng dạy, 30 tuổi là tu tập thành tựu. Người Trung quốc nói tam thập nhi lập, đức Phật Thích Ca Mâu Ni tam thập nhi lập, Khổng Tử cũng tam thập nhi lập, thập ngũ hữu chí u học, tam thập nhi lập. Năm đức Phật Thích Ca Mâu Ni 19 tuổi, ngài từ bỏ gia đình ra đi tham học, học 12 năm khai trí huệ, cũng là tam thập nhi lập. Nhưng đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sau khi thành tựu học thuật và đức hạnh, ngài bắt đầu công việc giảng dạy, một đời vui với công việc đó không mệt mỏi, cuộc sống đơn giản. Ngày nay chúng ta nói sống cuộc sống khổ hạnh tăng, tài sản của ngài là 3 y 1 bình bát, ba tấm y một cái bát, đây chính là tài sản của ngài. Ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, ngài không cần gì hết, cúng dường ngài cách nào đây? Ngài dạy bạn, bạn nghiêm chỉnh học tập, chịu áp dụng, là ngài vui mừng nhất. Thầy giáo dạy học trò, một đời dạy học, dùng người thời nay mà nói, thì ngài là một nhà giáo dục, địa vị của ngài là một vị thầy giáo, không liên quan gì đến tôn giáo, không dính dáng gì tới. Ngày nay biến thành tôn giáo, những học sinh đời sau như chúng ta, có lỗi với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, học thuật hay như vậy, sao lại để nó biến thành tôn giáo? Bản thân nó không thay đổi, những người bất hiểu như chúng ta đây, những đệ tử đệ tôn này đã biến nó thành tôn giáo, đức Phật Thích Ca Mâu Ni biết, ngày nào ngài cũng chảy nước mắt, bản thân chúng ta cần nên phản tỉnh lại. Những điều ngài dạy chúng ta ở đâu? Ở trong kinh điển, đạo lý trong kinh điển. Giảng cho chúng ta biết quy luật tự nhiên, tư tưởng, ngôn hành của chúng ta, làm thế nào để tùy thuận với quy luật của đại tự nhiên. Quy luật của đại tự nhiên gọi là đạo, tùy thuận đại tự nhiên gọi là đức, trái ngược với đại tự nhiên thì tai nạn sẽ đến. Ngày nay con người không tin tưởng Thánh hiền, không tin tưởng tôn giáo, mà tin tưởng khoa học kỹ thuật, khoa học kỹ thuật phá hoại sự thăng bằng của sinh thái tự nhiên, tạo nên địa cầu ngày nay có rất nhiều tai nạn. Ngay cả các nhà khoa học cận đại cũng thừa nhận, tai nạn từ đâu mà có? Con người gây nên. Rõ ràng nhất là ngày nay nhiệt độ của địa cầu càng nóng lên, đây là hiện tượng rất đáng sợ. Khí hậu có sự thay đổi

ng nghiêm trọng, sự thay đổi này mang đến hậu quả không thể tưởng tượng được. Năm nay ở Trung quốc mùa đông ấm, phải nói là năm ngoái, lúa mạch thu hoạch giảm xuống 40%. Vùng Đông Bắc Trung quốc là nơi sản xuất lúa mạch lớn trên thế giới, lương thực giảm sản rất nhiều, sau này con người ăn cái gì đây? Cho nên sau nguy cơ tài chính, các nhà khoa học cảnh cáo cho chúng ta biết là có nguy cơ lương thực, điều này mới thật sự là đáng sợ. Rất nhiều tai nạn, đều không tránh khỏi sự liên quan do con người gây nên. Đạo của Thánh hiền không gì khác, ngoài việc dạy chúng ta tuân thủ quy tắc của đại tự nhiên, không nên phá hoại nó.

Chúng ta học Phật nhiều năm rồi, ăn chay được, ăn chay đối với sức khỏe của con người rất có lợi. Nhưng ngày nay thức ăn chay cũng có vấn đề, gạo và rau sử dụng thuốc sâu, phân bón, phá hoại sinh thái tự nhiên, nhìn thấy rất đẹp mắt, nhưng dinh dưỡng thì không thể đem so với ngày xưa. Trái cây thật sự nhìn rất đẹp mắt, lớn hơn ngày xưa nhiều, ăn thì chẳng có mùi vị gì, ăn vào bụng không có dinh dưỡng, có khi còn mang mầm bệnh đến cho bạn, bạn nghĩ xem có phiền phức không? Ở trong thịt vấn đề còn nghiêm trọng hơn. Cho nên trên thế giới ngày nay, những căn bệnh kỳ quái đều xuất hiện, lão Tổ tông nói với chúng ta bệnh từng khẩu nhập, đại đa số bệnh tật từ đâu mà có? Từ ẩm thực mà có, đây là khoa học mang đến cho chúng ta, mang đến cho chúng ta như trong kinh nói, “uống đắng ăn độc”, coi trọng nhìn không coi trọng ăn, những đạo lý này cần nên biết.

Cho nên ở đây nói cúng dường Tam bảo, là dùng tâm chân thành của chúng ta cúng dường, tâm thanh tịnh cúng dường, lấy y giáo phụng hành để cúng dường, như vậy là đúng. Mục đích tu học Phật pháp, thứ nhất là thân tâm khỏe mạnh, thứ hai là gia đình hạnh phúc sự nghiệp thuận lợi. Nếu như không đạt được những điều lợi ích này thì bạn học làm gì? Nếu như học mà không dùng được, thì đâu cần phải lãng phí thời gian, lãng phí tinh thần làm gì? Học nó có lợi. Thật sự trong kinh Phật không có một câu giả dối, bạn đều có thể đạt được hết, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ, lý luận, đạo đức, phương pháp đều có cả. Hóa giải tất cả tai nạn, đều có phương pháp tuyệt diệu của nó. Cho nên Bồ thí Ba la mật cần nên biết, không phải ở trên hình thức, mọi người nghe được điều này thì nghĩ đến mặt hình thức, sai rồi, hình thức qua nhỏ bé. trong kinh Phật cúng dường Phật, dùng gì để cúng dường? Một đóa hoa, hương hoa cúng dường, không kêu bạn cúng dường tiền, cúng dường tiền thì bạn hoàn toàn hiểu lầm ý nghĩa của nó rồi. Đức Phật một đời tay không đụng đến tiền, thì sao bạn có thể cúng dường tiền cho ngài chứ? Bạn xem từ giới Sa Di, chỉ có 10 điều giới, trong đó có một điều, không được đụng đến những thứ tiền tài

vàng bạc, đầu tiên phải buông bỏ những thứ này, thì tâm của bạn mới thanh tịnh được. Nếu như không buông bỏ được những thứ này, thì tâm của bạn làm sao thanh tịnh được, điều này cần nên biết. Khi đức Phật còn tại thế bạn cúng dường ngài, ngài đi khát thực, bạn cúng dường ngài một chút đồ ăn, không phải là một chén, trong nhà bạn có nhiều đồ ăn, cúng dường cho ngài, một muống thức ăn, bởi vì một cái bát không phải ngài khát thực một nhà, đi khát thực mấy nhà để chung một cái bát. Thông thường thì khoảng 7 nhà, khát thực được một bát cơm, không phải là một nhà. Chế độ đó hay, thật sự kêu bạn triệt để buông bỏ, không có một chút tham tâm nào hết.

Thứ hai là học giới, học giới nghĩa là thủ pháp, học quy củ, là nhân thành tựu giới độ, cho nên học trì giới, nếu không trường thời trì giới, thì giới độ không thể được viên mãn. Giới là gì? Là quy phạm trong cuộc sống, nếu như bạn không học, cuộc sống cá nhân bạn không có quy luật, thì bạn không thể được quả báo trường thọ sống lâu. Bạn tiếp xúc với đại chúng không có quy củ, thì đoàn thể này sẽ hỗn loạn, nó không giống một đoàn thể. Ngày nay chúng ta thấy đạo Phật trên khắp thế giới, đã nhiều năm rồi tôi cũng đi rất nhiều nơi, tiếp xúc với đệ tử Phật ở khắp nơi. Người tại gia học Phật bỏ qua Thập thiện nghiệp đạo, người xuất gia không học Sa Di luật nghi, thì Phật pháp sẽ diệt. Điều này cần nên biết, giới là hạnh, rất quan trọng, bạn học những lý luận này, học những lý luận trong kinh giáo này, bạn phải áp dụng vào trong cuộc sống, bạn đem ra thực hành nó, đó chính là giới. Bạn không làm được thì coi như là chưa học, cho nên không có giới thì Phật cũng không còn nữa. Đạo Nho truyền thống của Trung quốc, nếu như không có lễ thì Nho cũng không còn. Ngày nay thật sự lễ trong đạo Nho không còn nữa, Giới của đạo Phật cũng không có. Ngày nay Phật biến thành gì rồi? Ngày nay gọi là Phật học, coi nó là một loại học thuật để nghiên cứu, bạn không đạt được lợi ích thật sự của Phật pháp. Lợi ích thật sự là nâng cao cảnh giới của bạn, nâng cao đức hạnh của bạn, nâng cao trí huệ của bạn, ba việc này bạn đã không làm được. Như mấy năm trước đây, tôi ở trong đại học Kiếm Kiều, đại học Luân Đôn, vì các bạn học hệ hán học, diễn giảng cho họ hai lần, ba trường học ở Luân Đôn, bao gồm Newton. Hệ hán học ở Âu châu là học phủ nổi tiếng nhất. Học sinh ở trong đó, lớp tiến sỹ, lớp thạc sỹ, tôi rất thán phục, thán phục họ nói tiếng Bắc Kinh rất hay, tôi còn không bằng học đấy, có thể xem cổ văn của Trung quốc, bởi vì sách cổ đều là cổ văn, chẳng thể không thán phục họ, họ học rất thành đạt. Tôi đến thăm quan, đến phỏng vấn và nói chuyện với họ. Tôi nói quý vị có thể dùng, điển tịch của Nho Thích Đạo để viết luận văn, học vị tiến sỹ có thể đạt được, sau này cũng có thể làm một vị giáo thọ nổi tiếng, cũng là một nhà hán học Âu châu. Tôi nói chắc chắn quý

vị không thể như tôi, tự tại, vui vẻ, và hạnh phúc. Nguyên nhân vì sao? Vì những điều tôi học và quý vị học tương phản với nhau. Viết Phật học, Đạo học, Nho học lên trên bảng, họ đọc từ bên này sang bên kia, Nho học, Đạo học, Phật học. Tôi nói tôi trái ngược lại với quý vị, tôi đọc từ bên kia lại, người Trung quốc từ phải sang trái, người Trung quốc đọc là học Nho, học Phật, học Đạo, thì không giống nhau rồi. Học Nho phải học được giống như Khổng Tử, Mạnh Tử vậy, học Phật phải học được giống như đức Phật Thích Ca Mâu Ni, học Đạo cũng phải đạt được như Lão Tử Trang Tử vậy, bạn thật sự học được rồi. Cho nên ngày nay người học Phật, học Đạo, học Nho không có, nhưng người nghiên cứu về Đạo học, Nho học, Phật học lại rất nhiều, biến nó thành học thuật, nó biến chất mất rồi. Hình tướng thì vẫn như vậy, nhưng mùi vị thì hoàn toàn khác, cũng giống như nông sản phẩm ngày nay vậy, hoàn toàn dùng thuốc sâu phân bón, biến chất mất rồi. Vẫn là lúa nước, vẫn là lúa mạch, nhưng mùi vị thì khác, không có dinh dưỡng. Bạn muốn có sự thành tựu như Cổ thánh tiên hiền, chắc chắn bạn làm không được, cho nên một đời bạn, vẫn sống trong thế giới phiền não và thống khổ. Điều này là tôi nói với họ, lão Tổ tông ở Trung quốc, xứng đáng với con cháu đời sau, con cháu đời sau thì có lỗi với lão Tổ tông, gọi là đại bất hiếu! Để lại đồ tốt như thế mà không nhận biết. Những món đồ quý giá này, thật sự có thể giúp cho bạn trong một đời, đạt được đại phước huệ. Cho nên gần đây, cũng có khoảng mười mấy năm rồi, chúng tôi tích cực đề xướng giới học, chúng tôi biết, vì sao không thể áp dụng Sa Di luật nghi, không thể áp dụng Thập thiện nghiệp. Hai điều này là nền tảng của Phật pháp, vì sao người xưa có thể làm được? Vì sao người thời nay chúng ta không làm được? Chúng ta suy nghĩ, chúng ta tư duy, chúng ta nghiên cứu thử xem, người xưa nền tảng rất sâu! Sự giáo dục luân lý đạo đức do cha mẹ dạy, gọi là giáo dục từ gốc. Giáo dục từ gốc vào thời điểm nào? Trước 3 tuổi, từ khi ra đời cho đến năm 3 tuổi là 1000 ngày, 1000 ngày này gọi là giáo dục từ gốc. Dạy điều gì vậy? Chính là dạy Đệ tử quy, không phải là giảng, đó là em bé, không phải là giảng cho nó nghe, mà làm cho nó thấy. Cho nên Đệ Tử Quy dạy cách nào? Cha mẹ thực hành Đệ tử quy trong cuộc sống hàng ngày, đứa trẻ vừa ra đời, mở mắt ra là nó biết nhìn rồi, lỗ tai nó đã biết nghe, nó bắt đầu biết bắt chước, biết học tập theo rồi. Cho nên cha mẹ ở trước mặt đứa trẻ, ngôn ngữ hành động đều phải hợp lễ. Vì sao vậy? Vì đứa trẻ học theo, học 3 năm thì nền tảng kiên cố rồi. Ngôn ngữ Trung quốc có câu: “ 3 tuổi thấy 80”, ba tuổi trông nền tảng sâu dày, thì 80 tuổi cũng không thay đổi. Giáo dục như thế ngày nay không còn nữa, nếu như có, thì nó cũng trông nền tảng sâu dày, khi đứa bé vừa mở mắt ra là nó xem ti vi. Ti vi diễn những gì? Cha mẹ không còn dạy nữa,

cha mẹ ở trước mặt đứa trẻ, đôi khi còn có thái độ không tốt, đều được đứa trẻ học hết, cho nên nói đứa trẻ khó dạy. Vì sao khó dạy? Vì do bạn dạy nó như vậy mà. Cha mẹ cảm nhận được đứa trẻ khó dạy, trong trường học thầy giáo thấy học trò khó dạy, đây là vấn đề lớn trong xã hội ngày nay, cho nên khó, vô cùng khó! Nhân chi sơ tánh bản thiện, tánh tương cận tập tương viễn. Tập tánh chính là tập quán, bản tánh là thiện, tập quán là bất thiện, học hư hết, thì xã hội này làm sao mà không hỗn loạn được? Cho nên chúng tôi tích cực đề xướng Đệ tử quy, lúc nhỏ không học qua bây giờ mau chóng đến học bù. Nhất định phải hạ thủ từ đệ tử quy, phải xây dựng nền tảng từ trong Cảm ứng Thiên, sau đó Thập Thiện Nghiệp Đạo, Sa Di Luật Nghi, thì bạn rất dễ dàng làm được, đó gọi là nền tảng của nền tảng. Nền tảng thứ nhất là Đệ Tử Quy, nền tảng thứ hai là Cảm ứng Thiên, nền tảng thứ ba Là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Ba nền tảng của Nho Thích Đạo, nó có thứ tự trước sau. Không có hai điều trước, thì Thập thiện nghiệp đạo không thực hành được, không thực hành Thập thiện nghiệp đạo, thì Sa di luật nghi không hành được. Ngày nay chúng ta học bù, học bù còn hơn không học. Nếu bạn thật sự phát tâm, thật sự sám hối, đoạn ác tu thiện, thì vẫn còn kịp, vẫn còn cứu được. Nếu như không biết sám hối, tất cả vẫn tùy thuận theo tập khí phiền não, thì tiêu rồi, tuy một đời nghiên cứu về Phật học, giảng giải thao thao bất tuyệt, mà không đạt được lợi ích thật sự, cho nên giới luật quan trọng hơn bất cứ thứ gì hết. Trong Phật pháp nói tín giải hành chứng, học tập kinh giáo là tín giải, lý giải, hiểu rõ, sau khi hiểu rõ rồi thì phải làm, phải hành, không hành sao được. Y theo lý luận này, y theo phương pháp này mà tu tập. Tu là tu sửa, hành là hành vi. Bậc Thánh nhân đưa ra cho chúng ta tiêu chuẩn, đặt ở trước mặt chúng ta, tiêu chuẩn này không phải do họ chế định, điều này nhất định bạn phải biết, tiêu chuẩn này là pháp tánh, là tự tánh tự nhiên lưu xuất ra, chứ chẳng phải do người nào chế tạo phát minh ra. Nói cách khác, đó là quy luật của đại tự nhiên, cổ thánh tiên hiền đã phát hiện ra, tuân thủ quy luật của đại tự nhiên, cuộc sống của bạn mới đạt được hạnh phúc mỹ mãn, bạn không thể làm trái ngược với đại tự nhiên. Nhưng ngày nay đại tự nhiên cũng loạn rồi, loạn hết tất cả, tai họa này lớn lắm đó. Từ xưa tới nay Trung quốc lấy nông lập nước, nông canh, nông canh trồng cấy thu hoạch trông vào thời tiết. Mỗi tháng có hai tiết khí, 24 tiết khí, khi nào gieo giống, khi nào thu hoạch, không bỏ lỡ nhân duyên thời tiết. Tôi ở trong khu vườn này, có một cây nở hoa giống như hoa sen vậy, hoa nở trên cây, rất nhiều, rất đẹp. Cây này vốn không phải nở hoa vào thời điểm này, nhưng năm này lại nở vào lúc này, chúng tôi cảm thấy rất kỳ lạ, chính là khí hậu biến hóa, khí hậu không bình thường. 24 tiết khí loạn mất rồi, đây không phải là hiện tượng tốt, khiến cho quy luật trong cuộc sống của chúng ta cũng bị

loạn, không biết đối phó cách nào. Ở trong thời đại này, ai dạy chúng ta đây? Rốt cuộc nguyên nhân gì phát sinh vậy? Đây nói về lý sự nhân quả, chúng ta dùng phương pháp nào để đối phó? Đây là vấn đề lớn, cũng là việc lớn, chứ không phải việc nhỏ đâu. Bản thân chúng ta không giữ quy củ, thì quy củ của đại tự nhiên cũng loạn mất, đáng để chúng ta cảnh giác. Chúng ta cần nên làm thế nào? Những quy củ xưa, những điều hay, chúng ta phải tìm lại, thân thể lực hành. Bậc cổ đức cho chúng ta biết, trong 100 người có 1 người giác ngộ, một người quay đầu, thì xã hội này, môi trường này còn có thể cứu được. 1% con người quay đầu, thì có thể giúp cho xã hội này, giúp cho quả địa cầu này, khiến nó trở lại bình thường. Cho nên việc cầu nguyện trong tôn giáo là có lý, đó không phải là mê tín. Có nhiều người ý chí tập trung, suy nghĩ một sự việc, có rất nhiều người đến hỏi tôi, có hiệu quả không? Có hiệu quả, nhưng đó là trị ngọn không trị gốc.

Giang Bồn Thắng tiến sỹ người Nhật làm thực nghiệm, tìm 150 người, cầu nguyện ở eo biển chỗ hồ Tỳ Bà, mời một vị Hòa thượng hơn 90 tuổi, thời gian cầu nguyện là một tiếng đồng hồ. Kêu mọi người buông bỏ hết tất cả vọng niệm, chỉ suy nghĩ một việc, nước trong hồ đó rất dơ bẩn, hơn 20 năm rồi, mùi rất khó ngửi, mọi người phát ra một ý niệm, nước hồ trong sạch rồi, tâm thì nghĩ, miệng thì đọc. Đọc một tiếng đồng hồ, 150 người, trải qua 3 ngày, nước hồ thật sự trong sạch, mùi hôi thật sự không còn nữa. Truyền thông của Nhật bản đều đưa tin, họ cảm thấy rất kinh ngạc, duy trì được bao lâu? Nửa năm! Sau nửa năm nó trở lại trạng thái như xưa. Cho nên chúng tôi nói với tiến sỹ Giang Bồn, tốt nhất quý vị cứ hai tháng đến đó cầu nguyện một lần, thì nước ở đó sẽ duy trì được thời gian dài. Đó là trị ngọn không trị gốc! Làm thế nào để trị gốc? Chúng ta trở về với tâm thanh tịnh. Đức Phật nói cho chúng ta biết, cần tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, đó là trị gốc. Những người sinh sống bên bờ hồ này, đều có thể đoạn ác tu thiện, đều có thể tích lũy công đức, sự nhiễm ô và dơ bẩn ở môi trường bên ngoài, tự nhiên không còn nữa. Cho nên Phật pháp cho chúng ta biết, “tâm tịnh tắc quốc độ tịnh”, nếu như mọi người sống ở nơi này tâm đều thanh tịnh, thì nơi này sẽ không có sự nhiễm ô, tự nhiên sẽ không nhiễm ô, đó là trị gốc. Hiểu được lý này rồi, thì gốc ngọn cùng trị, chắc chắn có hiệu quả. Trị gốc nhưng vẫn phải tu đức, vẫn phải hạ thủ công phu từ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, những điều này đều làm được rồi, thì sơn hà đại địa nơi đây, tuyệt đối không có tai họa xuất hiện. Cúng dường và học giới là đều nói về căn bản, gọi là pháp căn bản.

Thứ ba là Từ bi, nghĩa là tu tập tâm từ bi, ngày nay chúng ta nói là tình thương. “Vị nhân thành tựu nhân độ”, Nhân nhục Ba la mật, cho nên tu tập tâm đại bi, nhiều ích chúng sanh. Nếu không trường thời nhẫn chịu và không nhiều ích chúng sanh, thì nhân độ không thể đạt được viên mãn. Nhân nghĩa là tâm nhẫn nại, trong tâm nhẫn nại là tình thương. Tâm đại bi dùng ngôn từ ngày nay chính là tình thương, tình thương đầu tiên là phải thương chính mình, không thương chính mình thì sẽ không biết thương người khác. Thật sự thương chính mình, là tánh đức thương chính mình. Lão Tổ tông cho chúng ta biết, “nhân chi sơ tánh bản thiện”, chúng ta phải khẳng định bản thân mình bản tánh bản thiện. Chúng ta bắt đầu tình thương từ đâu? Thương bản thiện của chính mình, trong bản thiện chắc chắn không có một niệm ác, tánh đức viên mãn, bạn cần nên phát tâm này, ở trong Phật pháp gọi là Tâm bồ đề. Chúng tôi vì muốn cho mọi người dễ dàng cảm nhận được, dễ dàng hiểu rõ được, chúng tôi dùng 10 chữ để hiển thị nó. Thứ nhất là chân thành, tâm chân thành là bản thể của chân tâm, tự thọ dụng của tâm chân thành là hưởng thụ, là tâm thanh tịnh, là tâm bình đẳng, là tâm chánh giác, tự thọ dụng. Tâm của chúng ta an trú trong sự thanh tịnh bình đẳng giác, đại từ đại bi đối với tất cả chúng sanh bên ngoài, thông thường nói là bác ái. Trong Đệ tử quy nói: “Phàm là người, đều nên thương”, ý nghĩa này là Tiểu thừa, trong Đệ tử quy có Đại thừa không? Có! Có hai câu là Đại thừa, “phiếm ái chúng, nhi thân nhân”, hai câu này là Đại thừa. Phiếm ái, chính là đại ái, là bác ái. Chúng là gì? Đạo Phật nói chúng, là hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, gọi là chúng sanh. Phạm vi chúng sanh rất lớn, con người là chúng sanh, động vật cũng là chúng sanh, chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, thực vật cũng là chúng sanh, khoáng vật cũng là chúng sanh, hiện tượng tự nhiên cũng là chúng sanh. Nói cách khác, tình thương này, chẳng những thương nhân loại, mà thương hoa cỏ cây cối, thương sơn hà đại địa, thương hư không pháp giới, bạn xem tình thương đó có lớn không? Bạn thương được thì bạn sẽ không làm tổn hại chúng, nếu bạn làm tổn hại chúng là bạn không thương chúng. Tu tập môn học này, thì nhất định bạn phải có tâm kiên nhẫn, đặc biệt là hữu tình chúng sanh, họ mê hoặc điên đảo, họ đang tạo nghiệp tội, bạn có thể nhẫn chịu, đối với họ bạn không sanh tâm sân hận. Bạn đứng một bên quan sát, hết sức cẩn thận, dùng phương tiện thiện xảo cách nào, giúp cho họ giác ngộ, giúp cho họ quay đầu. Cho nên tuy họ làm tổn hại bạn, làm tổn hại bản thân chúng ta, quyết định không oán hận, không oán hận thì chắc chắn không có báo thù. Vì sao vậy? Vì chúng ta nhận biết rõ ràng, khắp cả vũ trụ và bản thân chúng ta là một thể sanh mạng cộng đồng. Họ phạm sai lầm, làm sao bạn có thể oán hận họ được? Vì sao họ phạm sai lầm? Vì họ không được học qua, họ không hiểu rõ chân tướng sự thật,

chân tướng sự thật là một thể sanh mạng cộng đồng. Trong chân tướng sự thật, con người và chúng sanh chắc chắn không có tham sân si mạn, vì mê thất tự tánh mới sanh ra những quan niệm sai lầm này, sau khi giác ngộ thì những thứ này không còn nữa. Chúng sanh và Phật chỉ khác ở chỗ mê ngộ mà thôi, người mê thì có oán hận, người giác ngộ thì làm sao có oán hận được, làm gì có lý như thế? Tâm của bậc giác ngộ là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ. Cho nên tôi đến Úc Châu, đại diện cho trường học Úc Châu, không ít lần đi tham dự hội nghị hòa bình của Liên hiệp quốc, xung đột hóa giải cách nào? Làm thế nào để thực hiện được hòa bình, không có gì khác ngoài tình thương. Tình thương bản thân mình vốn sẵn có, có thể tìm lại nó và chăm sóc nuôi dưỡng nó, mở rộng tình thương. Thật sự làm được “phiếm ái chúng, nhi thân nhân”, thì không còn xung đột nữa, xã hội sẽ an định thế giới sẽ hòa bình, đạo lý này rất nhiều người đã đánh mất.

Chúng tôi có cơ hội, phát biểu bài tham luận ở Liên Hiệp quốc, các bạn tham dự hội nghị nghe rồi đều rất vui vẻ, thật sự họ chưa bao giờ được nghe, chưa bao giờ nghĩ đến, đây mới là phương pháp hóa giải xung đột hay, nhưng mà họ không tin. Họ nói, pháp sư à, đây là lý luận, không làm được đâu, những lời này tôi nghe rồi thật sự cảm thấy rất khó xử, họ nói đây là người xưa nói, là lý tưởng, chứ không phải là sự thật. Thế nên bắt buộc chúng ta phải làm gương, làm mẫu mực mới được, họ thấy rồi, họ sẽ tin. Cho nên Tổ tông của chúng ta có đức, tam bảo gia hộ. Ở quê hương của chúng tôi, thôn Thang Trì, huyện Lô Giang tỉnh An Vi, tôi làm thí nghiệm ở đó, đã làm thành công. Thời gian rất ngắn là thành công rồi, chính là dạy Đễ tử quy, chúng tôi sử dụng một phương pháp, khiến cho người dân trong thôn nhỏ này, có 4 vạn 8 ngàn, lớn bé già trẻ, các hăng các việc đều cùng nhau học, không cùng nhau học thì không thể có được hiệu quả. Bạn nói kêu những người trẻ làm, họ thấy những người lớn không làm, họ sẽ nói bạn lừa gạt họ. Bạn nói ở trong trường học dạy học sinh làm, thầy giáo không làm, thì học sinh sẽ không tin, thế thì sẽ không có hiệu quả. Cách dạy học này của Trung quốc, bị đoạn mất ít nhất là bốn đời rồi. Sau khi Mãn Thanh mất nước, chúng ta đã bỏ qua, Mãn Thanh mất nước khoảng 20 năm, phong khí này vẫn còn duy trì, kiểu dạy học này ở nông thôn, tôi sống ở vùng nông thôn, ở nông thôn rất phổ biến. Nhưng sau hai lần đại chiến, người Nhật đầu hàng, chúng tôi trở về lại quê hương thì không còn thấy nữa, thật sự không còn nữa, cho nên tôi tính ít nhất cũng bị đoạn mất bốn đời rồi. Bây giờ muốn phục hồi lại chắc chắn có sự khó khăn, cho nên tôi yêu cầu các thầy cô giáo, quý vị phải làm được trước, quý vị không làm được, thì không thể dạy cho người khác. Chúng tôi đã tiếp nhận được 37 thầy cô giáo, thầy cô giáo rất hợp tác,

họ thật sự đã làm được. Làm được, chúng tôi dạy cách nào đây? Chúng tôi xuống làng vào nhà, làm cho quý vị thấy, người già nhìn thấy cảm động, con của tôi giống quý vị như thế này thì hay biết mấy, hiểu thảo quá. Phận làm con thấy rồi cũng cảm động, cảm thấy bất hiếu với cha mẹ, có lỗi với cha mẹ. Thời gian rất ngắn, phong khí ở thôn nhỏ này, thay đổi 180 độ, chúng tôi nhìn thấy rất cảm động. Đầu tiên tôi dự định phải mất hai đến ba năm, mới có thể thấy được hiệu quả, không ngờ mới 3,4 tháng, mà hiệu quả đã rõ ràng như vậy, khi đó tôi đã nhớ ra và giới thiệu với Liên Hợp quốc, quả thật là Tổ tông che chở, sau hai tháng, tổng bộ tổ chức giáo khoa văn của Liên Hợp quốc ở Paris đến tìm tôi, thế là tốt rồi, tìm tôi thì dễ giải quyết rồi. Chúng tôi mở một chương trình hoạt động lớn ở Paris, có đại biểu của 192 quốc gia đến tham dự, làm được vô cùng thành công. Liên Hợp quốc cho chúng tôi một phòng triển lãm, chúng tôi lấy sự dạy học ở Thang Trì, thành quả của 4 tháng đem triển lãm ở đó, nhận được hiệu quả rất lớn, nói lên rằng những thứ truyền thống cổ xưa của Trung quốc, ngày nay rất hữu dụng. Sau đại hội đại biểu của 192 nước, đều muốn đến Thang Trì khảo sát, học tập. Nhân duyên này quá thù thắng! Tuy có một số nhân duyên sai biệt, nên họ không đến đó được, nhưng mà bản thân họ, tự động dùng phương pháp đi tham quan du lịch, hình như có hơn hai mươi đại biểu đi tham quan, họ đến đó xem rồi vô cùng cảm động, hiện nay chánh phủ tiếp nhận rồi. Ngày nay ở Trung quốc, tôi nghe nói quốc gia chính thức, liệt Đệ tử quy vào trong môn học của tiểu học và trung học, việc rất hay! Tìm lại những thứ của lão Tổ tông, thì tiền đồ của đất nước chúng ta sẽ vô lượng. Cho nên khi bắt đầu hạ thủ từ điều này, phải tu tâm từ bi, phải tìm lại tình thương, phải tìm lại tâm kiên nhẫn.

Dưới đây là cần thiện. “Cần thiện giả, vị nhân thành tựu tấn độ”, tấn độ ở đây là tinh tấn, người xưa nói, mỗi ngày một mới, mỗi ngày mỗi tiến bộ, đạo Phật nói là tinh tấn. Cho nên khuyên tu các điều thiện, nếu tâm phóng dật, không tu thiện, thì tấn độ không thể được viên mãn. Tinh tấn Ba la mật phải làm đến chỗ viên mãn, nhất định phải tu thiện. Phải biết đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, tự nhiên bản thân mình chứng được thanh tịnh bình đẳng giác. Chứng được thanh tịnh bình đẳng giác, thì người đó được gọi là Phật, điều này các vị cần nên biết. Trong đạo Phật, Phật, Bồ tát, La hán, là danh xưng của học vị trong Phật giáo, giống như trong đại học của chúng ta ngày nay, ba học vị tiến sỹ, thạc sỹ, học sỹ. Làm cách nào để đạt được 3 học vị này? Trong đề kinh có nói, thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tâm bạn thanh tịnh, đoạn hết kiến tư phiền não, đạt được học vị thứ nhất là A La hán, tâm của A La Hán thanh tịnh. Hướng lên học tâm bình đẳng, đạt được tâm bình đẳng thì gọi là Bồ tát. Cuối cùng là giác, nghĩa là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh,

đó là học vị cao nhất gọi là Phật. Cho nên ba học vị này, mỗi người tu tập đều có thể đạt được, đầu tiên đạt được cái thứ nhất, kế đến đạt được cái thứ hai, cuối cùng là cái thứ ba bạn đều đạt được hết. Điều này đại đa số người tu học chúng ta, đã sử dụng phương pháp này. Bậc thượng thượng căn, một lần là họ đạt được rồi, những người như vậy rất ít, có hay không? Có.

Ở Ấn độ đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta thấy, ngài một lần là đạt được, dưới cội cây Bồ đề, khi sao mai vừa mọc, ngài đại triệt đại ngộ, một lần là ngài đạt được. Ở Trung quốc, quý vị đều biết được, Thiên tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư, năm ngài 24 tuổi, cũng là một lần đạt được, nghĩa là thanh tịnh bình đẳng giác, ngài một niệm mà thành tựu, thật sự buông bỏ. Trong kinh cho chúng ta biết, buông bỏ sự chấp trước đối với tất cả pháp của thế và xuất thế gian, thì tâm của bạn sẽ thanh tịnh. Buông bỏ sự phân biệt đối với tất cả pháp, thì bạn đạt được tâm bình đẳng, không còn mê hoặc đối với pháp thế và xuất thế, tất cả đều hiểu rõ, thì đạt được chánh giác, chánh giác ở đây là Vô thượng Chánh giác, tên đầy đủ của nó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bạn đạt được. Cho nên từng bước từng bước tiến lên, bản thân mình tiến lên để đạt được cảnh giới cao nhất, thì bắt buộc bạn phải tinh tấn, bạn không tinh tấn, thì bạn không thể đạt được. Tinh tấn nghĩa là nỗ lực nghiêm chỉnh đoạn ác tu thiện. Bản thân mình làm như vậy, cũng khuyến khích mọi người trong xã hội, làm mô phạm cho mọi người trong xã hội.

Thứ năm là ly huyên. “Ly huyên giả, vị nhân thành tựu thiên định, cố ly huyên náo, nhược tại tụ lạc đấu tranh tạp loạn, tắc thiên định bất đắc viên mãn”. Đây là trong quá trình học tập, thiên định là một then chốt tu tập trong đạo Phật, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là học thiên định. Bởi vì Phật pháp là nhân giới được định, nhân định khai huệ, nó là đầu mối thật sự của việc tu tập. Bạn không được định thì bạn không thể khai ngộ, bạn được định, tâm định là thanh tịnh, cho nên được định là chứng A la hán. Tiểu thừa A La hán có 8 đẳng cấp, tứ quả tứ hướng, có tám đẳng cấp, đẳng cấp cao nhất gọi là A la hán, thông thường 7 cấp trước cũng có thể gọi là A La hán. Từng cấp bậc từng cấp bậc hướng thượng vươn lên, từ từ phục hồi đến tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh rồi, vẫn còn một chướng ngại chính là tâm phân biệt, phân biệt cũng là chướng ngại, chướng ngại bạn khai trí huệ. Phân biệt khó đoạn hơn chấp trước, đoạn phân biệt rồi trí huệ mới khai, sau khi trí huệ khai rồi thì vĩnh viễn không còn thoái chuyển nữa. Định công phu có khi sẽ thoái, có tiến có thoái, trí huệ khai rồi thì sẽ không còn thoái chuyển nữa, trí huệ không thoái chuyển, định công phu cũng không thoái chuyển. Giới đức của bạn,

đức hạnh của bạn cũng không thoái chuyển, đó mới thật sự là thành tựu viên mãn. Cho nên vấn đề tu tập nhất định phải có môi trường tốt, môi trường thanh tịnh thì bạn dễ dàng nhiếp tâm.

Ngày xưa, tiêu chuẩn của môi trường thanh tịnh, là không nghe thấy tiếng bò kêu. Ở nông thôn, tiếng bò kêu rất lớn, môi trường người này sống, không nghe thấy tiếng bò kêu, lấy cái đó làm tiêu chuẩn. Ngày nay tìm môi trường thanh tịnh như thế không dễ dàng. Vì sao vậy? Vì ngày nay tiếng ồn rất nhiều, tiếng xe cộ là tiếng ồn, tiếng máy bay là tiếng ồn, tìm được một nơi không nghe thấy tiếng ồn, thật không dễ dàng, cho nên môi trường đó tu tập mới tốt, xa rời những sự nhiễm ô này. Ngày nay thứ nhiễm ô nghiêm trọng nhất là gì? Ti vi, Internet, truyền thông, chương báo tạp chí đều là nhiễm ô, bạn không có cách nào cấm chỉ nó, nhưng bản thân chúng ta có quyền không tiếp nhận nó. Cho nên khoa học kỹ nghệ cao chúng ta cũng ứng dụng nó, tất cả mọi sự nhiễm ô không tiếp nhận. Trong học viện của chúng tôi có ti vi, bạn xem phía trước kia có gắn chảo, người Trung quốc gọi là cái nồi lớn, rất lớn, quý vị có thể nhìn thấy, chúng tôi chỉ mở kênh Hoa Tạng dạy học, chỉ mở một tiết mục này, còn những thứ khác không mở. Bạn mở ti vi ra là tiết mục này, sẽ không tạo thành sự nhiễm ô. Rất nhiều đạo tràng của chúng tôi, thông thường ti vi chúng tôi dùng để mở đầu đĩa, dùng đĩa để dạy học, không bắt được tiết mục trong ti vi. Đây chính là ý nghĩa của từ ly huyên. Báo chương tạp chí, nhân duyên chúng tôi đoạn tuyệt nó, cũng có mấy chục năm rồi, có 4,5 chục năm rồi không đọc báo. Những tin tức quan trọng, có một số học trò tải từ trên mạng xuống cho tôi. Cho nên những tin tức quan trọng chúng ta cũng cần nên biết, và còn có một số phật tử đã cung cấp cho chúng tôi, điều này rất quan trọng. Nếu muốn thật sự thành tựu được học vấn, thành tựu được đức hạnh, thì nhất định phải tuân thủ theo lời dạy của lão Tổ tông, có trong Tam Tự Kinh: “Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”. Học viện của chúng tôi ở đây 10 năm rồi, sang năm chúng tôi sẽ cử hành kỷ niệm 10 năm thành lập, có gì đáng để chúc mừng đây? 10 năm quý vị có thành tựu hay không? Trong lễ kỷ học ký của Trung quốc có nói: Thất niên tiểu thành, cửu niên đại thành. Chúng ta có thành tựu gì? Nếu như sang năm lễ kỷ niệm này, người xuất gia chúng ta, Đệ tử quy, Cảm ứng thiên, Thập thiện nghiệp, Sa di luật nghi chúng ta không làm được, thì lễ kỷ niệm sang năm không nên làm nữa. Vì sao vậy? Mắc cỡ quá, không thành tựu. Nếu như sang năm vào lúc này, 4 đề mục này quý vị đều làm được, coi như có thành tựu, đáng để chúc mừng, Nếu như không làm được, thì không cần phải hao người tốn của, không cần làm những việc cho đẹp mắt, vì nó không có ý nghĩa. Nói thật, gieo trồng nền tảng này, ở trên dãy núi này, khi kiến lập học viện chúng tôi đã nói với mọi người, hy vọng mọi người

trong hai năm có được nền tảng vững chắc, sau đó nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Quý vị mỗi người học một bộ kinh, một bộ kinh học 7,8 năm, thì bạn là chuyên gia đấy, ở trên thế giới này bạn là học giả nổi tiếng. Không thể đọc qua rất nhiều, đọc qua nhiều thì thời gian của bạn, tinh thần của bạn sẽ bị phân tán, đây là hạng hạng thông, hạng hạng tung, không có được cái gì hết, thế là bạn sai rồi. Cho nên việc học không thể có tâm tham, không thể có tâm danh lợi xen lẫn trong đó, không thể mơ mộng viễn vông, chân thật bắt đầu từ tiểu bộ kinh, rất dễ học, y theo quy củ mà học. Thầy Lý cho chúng tôi cuốn, Nghiên Cứu Giảng Dạy Nội Điển, đó là nguyên tắc hướng dẫn, bạn y theo phương pháp trong đó mà học tập, không có người nào mà học chẳng thành. Ngày xưa khi chúng tôi ở Singapore, năm 1999, đến năm 2002, chúng tôi mới chánh thức di dân sang Úc Châu. Ở Singapore 3 năm, chúng tôi làm thí nghiệm, mở lớp giảng huấn ngắn ngày, một kỳ là 3 tháng. Chúng tôi không nói 3 điều cơ bản, chúng tôi chỉ nói về phương pháp nghiên cứu kinh giáo, chỉ dạy một môn này, giúp cho học sinh lên bục giảng giảng kinh, cũng giảng rất hay, chính là dùng phương pháp của thầy Lý. 3 tháng chuyên học một môn, họ đều giảng rất hay. Ngày nay ở trong nước khắp nơi giảng kinh, học sinh nói với tôi rằng, những điều học được trong 3 tháng ở Singapore, nhiều hơn 3 năm học ở Phật học viện ngày xưa. Vì 3 năm họ học quá nhiều quá phức tạp, 3 tháng ở đây chuyên học một môn, tinh thần và thời gian của họ tập trung lại. Hơn nữa môn học này bắt họ phải lên diễn giảng, nếu họ không học nghiêm chỉnh, họ sẽ không diễn giảng được, cho nên chúng tôi không cần phải đốc thúc, tự mình đốc thúc chính mình, toàn tâm toàn lực hạ thủ công phu trong một bộ kinh, mỗi người đều học được rất giỏi.

Quý vị sống ở nơi đây 10 năm rồi, quý vị mang thành tích gì đưa cho Phật Bồ tát xem đây? Đưa cho chư vị Tổ sư xem? Đưa cho các bạn đồng tham đạo hữu xem? Đưa cho các Phật tử thuần thành của chúng ta xem? Họ đã hộ trì đạo tràng cho chúng ta, khiến cho chúng ta ở đây an cư lạc nghiệp, phải hồi hướng chứ, không hồi hướng chẳng phải họ ủng hộ công đức dường sao? Bạn còn xứng đáng với người ta không? Cho nên chúng tôi hy vọng các bạn nghiêm chỉnh nỗ lực trong nửa năm này, đến sang năm kỷ niệm 10 năm thành lập, nhớ lời chúng tôi dặn, không học được 4 thứ này, thì kỷ niệm 10 năm cứ âm thầm mà qua, không nên đề cập đến bất cứ điều gì.

Cuối cùng là nhạo pháp, chữ này đọc là nhạo, chứ không đọc là lạc, nhạo nghĩa là yêu thích, lạc là khoái lạc, chữ này ở đây đọc là nhạo.

Nhạo pháp giả, vị nhân thành tựu trí độ, cố ái nhạo Phật pháp, nhược bất biến lịch thập phương, thừa sự chư Phật, thính pháp vô yếm, như hải nhập lưu, vô thời doanh dật, tắc trí độ bất đắc viên mãn.

Đây là hiểu học, nhạo pháp là hiểu học, hiểu học không mệt mỏi bạn mới thành tựu trí huệ. Vì sao không yêu thích Phật pháp? Học nhiều năm như thế, nhưng bạn không học được gì. Người xưa có nói một câu: “Thế pháp mùi vị không đậm bằng Phật pháp”, đây là nói về mùi vị. Những sự khoái lạc của thế gian không thể sánh bằng Phật pháp, pháp vị của Phật pháp rất đậm. Không Phu Tử đã nếm được, thứ ông ấy nếm được không phải là Phật pháp, là pháp Thánh hiền của truyền thống Trung Quốc, “học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”. Học tập thánh hiền, đem áp dụng những thứ học được vào trong cuộc sống hàng ngày, thật khoái lạc! Sự khoái lạc đó không phải đến từ bên ngoài, mà từ trong nội tâm lưu xuất ra, niềm vui Phật pháp được lưu xuất ra từ trong nội tâm, thù thắng hơn pháp của cổ thánh tiên hiền ở Trung quốc, đây là sự thật không phải giả đâu. Nói cách khác, ngày nay đối với Phật pháp bạn không có tâm trạng yêu thích này, bạn học nhiều năm như thế, nhưng không hề nếm được pháp vị. Như ăn đồ ăn vậy, ăn nguyên nuốt chửng, không biết mùi vị gì hết, chỉ có tình huống này, nên đối với điều này bạn mới không thể sanh khởi tâm yêu thích. Nếu như thật sự cảm nhận được vị của Phật pháp, bạn sẽ thấy vui không mệt mỏi, thật sự có được niềm vui! Các bạn không nếm được mùi vị, vì sao bạn không nếm được? Vì bạn không thực hành, bạn không thực hành được những điều mình đã học, nếu bạn thực hành được, thì bạn sẽ nếm được pháp vị, bắt đầu làm từ đâu đây? Cho các bạn biết, bắt đầu từ Đệ Tử Quy, từ Cảm ứng Thiên, từ Thập Thiện Nghiệp. Thập thiện nghiệp đạo được kiến lập trên nền tảng Đệ Tử Quy và Cảm ứng Thiên, giống như xây nhà lầu vậy, tầng thứ nhất là Đệ Tử Quy, tầng thứ hai là Cảm ứng Thiên, tầng thứ ba là Thập Thiện Nghiệp Đạo, tầng thứ tư là Sa Di Luật Nghi. Không có tầng thứ nhất thì lấy đâu ra tầng thứ hai? Không có tầng thứ nhất, thứ hai, thì đương nhiên không có tầng thứ 3 thứ 4, bạn mới biết được Đệ Tử Quy, rất quan trọng đối với vấn đề học Phật. Bạn không thể thực hành được hai việc này, thì bạn đã uống công học Phật. bạn học được điều gì? Giống như đại học Kiếm Kiều vậy, bạn học là Phật học. Phật học là gì? Là biến Phật pháp thành một dạng tri thức, không phải trí huệ, là tri thức. Phật pháp đối với đức hạnh của bạn, đối với cảnh giới của bạn không hề liên quan. Nói cách khác, dùng Phật pháp mà nói, bạn học suốt đời thì cũng vẫn là cái thấy biết của phàm phu. Tâm bạn dùng, khởi tâm động niệm là tâm luân hồi, tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, làm sao bạn có thể thành tựu được? Điều này quá quan trọng!

Quý vị à, nếu 4 nền tảng này vững chắc, bộ kinh Vô Lượng Thọ này, nếu bạn có thể nhất môn thâm nhập, suốt đời không thay đổi, khẳng khẳng không bỏ, thì sự thành tựu của bạn chư Phật đều tán thán, bạn thật sự thành tựu. Thông được bộ kinh này, thì nói cho quý vị biết, tất cả kinh đều thông hết. Học tập Phật pháp có bí quyết, Phật pháp thông rồi thì tất cả pháp của thế gian cũng thông hết, những điều liên quan đến khoa học triết học bạn đều hiểu rõ. Sự học vấn này, ai ai cũng có thể học, ai ai cũng có thể tu được, vấn đề ở chỗ bạn có chịu thực hành hay không?

Ở đây nói cũng rất vất vả, vì sao vậy? Vì người này muốn đi tham học, đó là việc rất vất vả. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biểu diễn cho chúng ta thấy, 19 tuổi là ngài đi tham học, khi đó ở Ấn độ tôn giáo và học thuật, đều nổi tiếng nhất trên thế giới. Phổ biến nhất là họ coi trọng giới luật, coi trọng thiên định, ngay cả giới học thuật cũng coi trọng. Trong kinh nói Tứ thiên bát định, đó không phải là của Phật giáo, là của Bà La Môn giáo, Bà La Môn giáo có mặt sớm hơn Phật giáo ít nhất là 8 ngàn năm. Người Ấn độ không coi trọng lịch sử, đời đời tương truyền, truyền miệng, Bà la môn giáo có rất sớm, chúng tôi cũng có tiếp xúc với họ rất nhiều, họ nói với tôi, sơ tổ của họ cách bây giờ, ít nhất là 1 vạn 3,4 ngàn năm rồi. Điều này có thể tin được, Trung quốc chúng ta cũng không thua kém gì họ, cổ thánh tiên hiền ở Trung quốc, thật sự không khác gì chư Phật bồ tát, truyền lại cho chúng ta những trí huệ và đức hạnh chân thật này. Bởi vì ngày xưa không có văn tự, văn tự do hoàng đế phát minh, tính đến hoàng đế Phục Hy khoảng 1000 năm, cho nên người Trung quốc nói là 5000 năm văn hóa, 5000 năm là có lịch sử, có khảo chứng, có thể chứng minh được. Nếu như thời cận đại các nhà khảo cổ phát hiện ra, không chỉ là như vậy, hướng thượng nâng cao lên còn quá nhiều. Hoàng đế phát minh văn tự, có văn tự ghi chép, lịch sử 5000 năm, trước kia không có văn tự là truyền thuyết. Thành tựu lớn nhất trong đời Khổng phu tử là Tập Đại Thành, bản thân ngài không sáng tạo, không phát minh, “thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”, đối với truyện cổ thánh tiên hiền ngài tin tưởng, ngài thích, thích là yêu thích. Một đời ngài học được, tu được, dạy được, truyền được, đều là của cổ thánh tiên hiền, cho nên gọi là Tập Đại Thành. Dem truyền thuyết của cổ nhân, ngày xưa gọi là truyền thuyết, viết thành văn tự lưu truyền lại cho hậu thế. Thái độ tu học này rất chính xác, chúng ta cần nên học tập theo, không nên mơ mộng viễn vông, không nên cho mình là đúng, đề cao bản thân mình là sai lầm. Người có đức hạnh, người có học vấn ngày xưa của Trung quốc, tôn sùng cổ nhân, tôn trọng bậc cổ nhân, đây là chính xác. Cho nên đây là lần thứ 11 tôi giảng bộ kinh này, tôi đã chọn cuốn chú giải của Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ, tôn sùng vị này, chúng ta học tập ngài, hà tất

phải quảng cáo chính mình? Đây chính là chúng ta thực hành lời dạy của Phu tử, “thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”. Rất may mắn có cuốn chú giải của Hoàng lão cư sỹ, bạn xem ngài dẫn dụ kinh luận, kinh là của đức Phật nói, luận là của chư vị tổ sư nói, tổng cộng có 193 loại, chúng ta học tập như vậy, cũng có nghĩa là học 193 loại kinh luận. Điều này rất hay, không nên khoe khoang chính mình, những điều hay đẹp dành cho người xưa, dành cho người khác, bản thân chúng ta được lợi ích chân thật.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 48

Giảng ngày 23 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ năm mươi, dòng thứ năm từ dưới lên, bắt đầu từ câu cuối cùng.

“Ta hu, phàm phu liệt đấng bổ xứ, kỳ xướng cực đàm, bất khả trắc độ, Hoa Nghiêm sở bảm, khước tại thử kinh, nhi thiên hạ cổ kim, tín tiên nghi đa, từ phồn nghĩa thực, dư duy hữu phẫu tâm lịch huyết nhi dĩ”

Mấy câu này là của ngài Ngẫu Ích nói, Ngẫu Ích đại sư nói trong cuốn Di Đà Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói: Ta hu là câu cảm thán. Pháp môn Tịnh Độ tán tụng, bác địa phàm phu, nếu được như lý như pháp mà tu tập pháp môn này, thì đều có thể một đời chứng được Bồ Tát bổ xứ, bổ xứ là Đẳng Giác. Nói cách khác, nghĩa là một đời viên mãn thành Phật, sự việc này thật sự là kỳ xướng cực đàm. Xướng là đề xướng, đặc biệt đề xướng không gì bằng. Vì sao vậy? Vì đây là việc không thể, đàm kinh thuyết giáo, đó cũng là nói đến chỗ cứu cánh, nghĩa là không thể đo lường, chẳng những phàm phu không có cách nào đo lường được, mà Bồ Tát Ma Ha Tát, họ cũng không thể đo lường được, nghĩa là không có cách nào tưởng tượng

được. Làm sao lại có chuyện này xảy ra! Có thể xảy ra hay không? Đừng về mặt lý luận mà nói là có thể. Bởi vì phàm thánh chỉ khác nhau ở một niệm, một niệm mà giác, thì phàm phu thành Phật, một niệm mà mê, thì đó chính là làm phàm phu trong lục đạo, mê ngộ thật sự ở ngay trong một niệm. Một niệm này chúng ta không hiểu được, nói một niệm, chúng ta rất mập mờ, biết thế nào gọi là một niệm. Một niệm này ở trong giáo lý Đại thừa, gọi là vô thị vô minh, một niệm bất giác là biến thành phàm phu. Một niệm này đức Thế Tôn nói trong kinh Nhân Vương, một đàn chỉ có sáu mươi sát na, một sát na có chín trăm sanh diệt, mỗi sanh diệt gọi là một niệm. Thời gian này quá ngắn, chúng ta không thể tưởng tượng được, chúng ta khởi một ý niệm, không chỉ là một khảy móng tay. Chúng ta học đến đoạn đức Thế Tôn đối thoại với Bồ Tát Di Lặc, đoạn này nói ở trong kinh Bồ Tát Xứ Thai.

Đức Phật hỏi ngài Di Lặc: “Tâm hữu sở niệm”, nghĩa là nói trong tâm phàm phu khởi lên một ý niệm, ý niệm này rất thô, tâm hữu sở niệm, trong ý niệm này, mấy niệm, mấy tướng, mấy thức, đức Phật đã hỏi một câu như vậy. Tâm phàm phu khởi lên một ý niệm, một ý niệm này có bao nhiêu niệm vi tế? Có bao nhiêu tướng? Có bao nhiêu thức? Tướng là tướng phần của A Lại Da, tướng cảnh giới. Thức là kiến phần của A Lại Da, thọ tướng hành thức.

Bồ Tát Di Lặc trả lời, trên thực tế là nói cho chúng ta nghe, đức Thế Tôn hỏi thay cho chúng ta, chúng ta không hiểu được chân tướng sự thật, danh từ trong kinh Phật gọi là thật tướng của các pháp, chúng ta không hiểu được. Bồ Tát Di Lặc nói cho chúng ta biết, Ngài cũng dùng một khảy móng tay, một khảy móng tay có ba hai ức bá thiên niệm, đơn vị là bá thiên, bá thiên là mười vạn. Ba hai ức nhân với mười vạn, là ba trăm hai mươi triệu, dùng cách nói của Trung Quốc là ba trăm hai mươi triệu, một khảy móng tay, nhiều hơn so với kinh Nhân Vương nói. Chúng ta biết trong kinh Nhân Vương, đức Phật Thích Ca Mâu Ni phương tiện nói như vậy, một khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu ý niệm. Một giây chúng ta có thể khảy được bao nhiêu lần? Đại khái có thể khảy được bốn lần, tôi tin có người nhanh hơn tôi nhiều, tốc độ nhanh thì có thể khảy được năm lần. Nếu như khảy năm lần là một nghìn sáu trăm triệu, chúng ta nói giây. Ngày nay khoa học dùng giây làm đơn vị, một giây có một nghìn sáu trăm triệu, gọi là một niệm, đó gọi là vô thị vô minh. Một niệm này, Bồ Tát Di Lặc nói niệm niệm thành hình. Hình chính là hiện tượng vật chất, nghĩa là tướng mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, “hình giai hữu thức”, ở trong mỗi hiện tượng vật chất đều có thức. Thức là gì? Là thọ tướng hành thức, nghĩa là hiện tượng tâm lý, hình là hiện tượng vật chất. Hiện

tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, cùng lúc xuất hiện. Hiện tượng vật chất là tướng phần của A Lại Da, thọ tướng hành thức là kiến phần của A Lại Da. Một niệm bất giác, ngày nay khoa học gọi là năng lượng, trong Phật Pháp thì gọi đó là nghiệp tướng của A Lại Da. Nghiệp tướng chính là một niệm bất giác, một niệm bất giác là chấn động, là ba động, là ba động vô cùng vi tế. Ba động này đồng thời xuất hiện với vật chất và tinh thần, đều hoàn thành ở trong một niệm. Cũng có nghĩa là chúng ta dùng cách tính của Bồ Tát Di Lặc, là một giây có một nghìn sáu trăm triệu, một giây có một nghìn sáu trăm triệu hoàn thành. Đây là nói về sự duyên khởi của vũ trụ, duyên khởi của vạn pháp, duyên khởi về sinh mạng, của chính chúng ta, là đồng thời, không có trước sau. Các nhà khoa học thời cận đại đã phát hiện ra vấn đề này, đã chứng minh một đoạn trong kinh đức Phật nói, là sự thật, không phải giả đâu. Một niệm này không có nguyên nhân, bạn muốn tìm vì sao có niệm này? Một niệm này khi nào thì khởi dậy? Bạn nghĩ thử xem, bạn đã bị hạ xuống từ vọng tưởng, hạ xuống phân biệt, hạ xuống chấp trước, thì sự phiền phức của bạn lớn đấy. Ý niệm vừa khởi trong đó không có phân biệt chấp trước, cảnh giới nó hiện ra là gì? Là Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai, là Nhất Chân pháp giới. Nếu như vừa có phân biệt vì sao nó động? Khởi lên ý niệm này là phân biệt, thì Nhất Chân pháp giới không còn nữa, mà biến thành Tứ Thánh pháp giới. Tứ Thánh pháp giới là Phương Tiện Hữu Dư Độ. Nếu như lại còn chấp trước, vì sao lại có ý niệm này? Phiền phức của bạn sẽ đến ngay, bạn đã rơi vào trong luân hồi lục đạo, càng tục xuống càng sâu. Cho nên đức Phật dạy chúng ta nguyên tắc tu học, không cần hỏi lý do. Vì sao vậy? Vì nó là giả, nó không có thật, bạn muốn tìm nó, nó đã không còn tồn tại nữa, bạn còn tìm nó để làm gì? Ý niệm này một giây có một nghìn sáu trăm triệu, làm sao bạn có thể nắm bắt nó được, những dụng cụ tinh vi nhất của khoa học cũng không thể bắt được nó. Nó khởi tác dụng rất lớn, bởi vì nó từ từ trong tự tánh mà biến hiện ra, hoàn toàn xung tánh. Quốc sư Hiền Thủ, trong cuốn Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán nói cho chúng ta biết: Một niệm này, một giây có một nghìn sáu trăm triệu ý niệm này, nó chu biến pháp giới, một niệm chu biến pháp giới. Tốc độ của ánh sáng, chúng ta đều biết rằng nó nhanh nhất, từ mặt trời đến địa cầu có hơn tám phút. Một ý niệm vi tế này của chúng ta chu biến pháp giới, làm sao ánh sáng có thể so sánh được! Đại sư đưa ra ví dụ là một vi trần. Một vi trần là gì? Nghĩa là hiện tượng vật chất mà một niệm hiện ra, là cảnh giới tướng của A Lại Da, trong tam tế tướng thì cảnh giới tướng là vật chất, đó gọi là một vi trần. Trong Đại thừa giáo nói một vi trần là nói về cái đó, nhục nhãn không thể thấy được.

Một vi trần này có ba hiện tượng, hiện tượng thứ nhất là chu biến pháp giới. Ngày nay chúng ta biết được vật chất có hiện tượng ba động, nó là do ba động hiện ra. Tần số ba động chậm, thì biến thành vật chất, khoáng vật, nhanh hơn một chút thì biến thành động thực vật, nhanh hơn tí nữa, thì biến thành sóng quang và điện từ của chúng ta ngày nay, tần số khác nhau. Cho nên các nhà khoa học thời cận đại phát hiện ra hiện tượng này nói rằng: Thế giới này vốn không có hiện tượng vật chất, chỉ là hiện tượng ba động mà thôi. Bạn cho nó là vật chất, thì đó chỉ là huyễn giác, nó không tồn tại. Đó là lượng tử lực học ngày nay, giải thích về hiện tượng của đại tự nhiên. Càng ngày càng tương ứng với những điều trong kinh đức Phật nói. Cho nên nói cho quý vị hiểu, dạng ba động này, nó không có thời gian, nó cũng chẳng có không gian. Thời gian và không gian nó là giả, không có thật. Điều này khoa học ngày nay cũng biết, không có không gian thì không có cự ly. Cho nên khi ba động này vừa phát sinh, bèn biến pháp giới hư không giới, chẳng có không gian! Không có thời gian, không có quá khứ, hiện tại, mà ở ngay đây. Nếu như chúng ta tham thấu đạo lý này, thì tác dụng rất lớn. Đối với bản thân mà nói, là thân Kim Cang Bất Hoại như trong kinh đức Phật đã nói. Bạn có thể thành tựu được hay không? Được! Bạn hiểu rõ được lý này thì bạn sẽ làm được, bạn sẽ chứng được thân Kim Cang Bất Hoại. Bạn hiểu được lý này, thì bạn có thể làm thay đổi được thế giới này. Môi trường chúng ta đang sống, quả địa cầu này có nhiều tai họa như thế, bạn có năng lực hóa giải được hết những tai họa này. Khiến cho quả địa cầu này phục hồi lại trạng thái khỏe mạnh, có năng lực, chẳng phải không có năng lực, đây là sự thật, không dối gạt đâu. Chỉ cần tất cả thuận theo tự tánh, thuận theo tánh đức, thì không có gì là chẳng mạnh khỏe, trái ngược với tánh đức, thì tai họa sẽ ập đến. Tai họa của cá nhân là tật bệnh, tai họa của môi trường, là những tai họa tự nhiên mà ngày nay nói. Trên thực tế tai họa tuyệt đối không phải do môi trường tự nhiên, mà do chúng ta trái ngược với tánh đức, những ý niệm, những hành vi này tạo thành. Cho nên hiểu được lý này, chúng ta sửa đổi ý niệm lại cho đúng đắn, trở về tự tánh, thì tất cả đều biến thành bình thường. Thân tâm bình thường, nghĩa là khỏe mạnh, môi trường sinh sống bình thường, nghĩa là phong điều vũ thuận. Môi trường mà chúng ta sống, giống như thế giới Cực Lạc, giống như thế giới Hoa Tạng vậy, thật sự không hai không khác.

Tóm lại tâm quyết định tất cả mọi sự biến hóa, ba loại công năng trong hiện tượng, loại thứ hai gọi là xuất sanh vô tận. Vì sao lại xuất sanh vô tận? Do tâm! Sự hoạt động trong tâm là không cùng tận, nó trực tiếp ảnh hưởng đến sự hoạt động

của thân tâm bạn, ảnh hưởng đến sự hoạt động của môi trường bên ngoài, lớn đến hư không pháp giới, tất cả sự hoạt động của tinh cầu, tinh hệ.

Thứ ba là hàm dung không hữu, cũng chính là trong Đại thừa giáo thường đọc, tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Bạn vốn là như vậy, tâm lượng vốn lớn như vậy, đây là tánh đức, đây là điều lão Tổ tông ở Trung quốc nói: Nhân tánh bản thiện. Vì sao lại bất thiện? Vì mê thất tự tánh nên mới thành ra như vậy. Cho nên hiểu được lý này, thì phàm phu chúng được Vị bồ xứ, cũng chẳng có gì lạ, đây là hiện tượng bình thường. Chúng ta thấy trong kinh điển, năm đức Phật Thích Ca Mâu Ni ba mươi tuổi, Ngài tọa thiền dưới cội cây Bồ Đề, khi sao mai vừa mọc, Ngài hốt nhiên đại ngộ, đó chính là phàm phu thành Phật, đó là Ngài thị hiện cho chúng ta thấy.

Vào đời Đường ở Trung Quốc, thiên tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư, Ngài cũng biểu diễn cho chúng ta thấy chiêu này. Năm đó Huệ Năng đại sư hai bốn tuổi, còn trẻ hơn đức Phật Thích Ca Mâu Ni nữa. Nửa đêm trong phương trượng của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, Ngũ Tổ đã giảng đại ý kinh Kim Cang cho Ngài, chắc chắn không có quyền kinh, bởi vì Lục Tổ Huệ Năng không biết chữ. Giảng đại ý kinh Kim Cang, giảng đến câu “ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, Ngài đã hốt nhiên đại ngộ, phàm phu thành Phật rồi. Ngộ rồi chính là Bồ Tát bồ xứ, đại triệt đại ngộ. Vì sao vậy? Vì đã buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước. Trong Đại thừa giáo đức Phật thường nói với chúng ta, chỉ cần bạn buông bỏ được vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì bạn sẽ thành Phật. Cho nên thành Phật cần tốn bao nhiêu thời gian? Một niệm! Chính là ngay đây. Bạn không thành Phật là vì bạn không buông bỏ được.

Suốt đời tôi biết ơn Chương Gia đại sư, lần đầu tiên gặp tôi đã thỉnh giáo với Ngài, Ngài đã truyền lại cho tôi phương pháp, không giữ lại điều gì. Tôi thỉnh giáo với Ngài rằng: Phương Đông Mỹ tiên sinh giới thiệu cho con Phật Pháp, nói cho con biết Phật Pháp là triết học. Thầy ấy gọi kinh Phật là triết học, là triết học cao phong nhất trên thế gian này. Con xin thỉnh giáo với đại sư, trong đạo Phật có phương pháp nào, khiến cho con có thể nhanh chóng khế nhập được? Ngài đã nói với tôi: “Nhìn được thấu, buông xuống được”, chính là 6 chữ này. Nhìn được thấu nghĩa là sao? Nghĩa là hiểu rõ, đối với thật tướng của các pháp hiểu rõ, đây gọi là nhìn thấu. Buông bỏ là bạn chứng được, buông bỏ điều gì? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước. Vọng tưởng chính là ý niệm, nghĩa là một niệm bất giác, chúng ta nói là khởi tâm động niệm. Dạng khởi tâm động niệm này, chẳng phải bạn cố tâm, bạn không cố tâm, vô ý, vô tâm vô ý, nó đột nhiên khởi niệm, nhưng sự

khởi niệm này, khởi niệm là hư vọng, chân tâm bất động. Khi Huệ Năng đại sư kiến tánh, Ngài nói lên hình dạng của chân tâm, câu thứ tư ngài nói: “Đâu ngờ tự tánh vốn không lay động”, chưa từng bị động. Cho nên động, ý niệm động đó gọi là vọng động. Vô thì là gì? Là không có chỗ bắt đầu, bạn muốn tìm chỗ bắt đầu của nó là sai rồi, không có chỗ bắt đầu, không có chỗ bắt đầu cho nên chẳng có chỗ cuối cùng, là giả chẳng phải thật, thật là có thì có chung. Vô thì vô chung điều này chẳng phải là giả hay sao? Đức Phật đã nói một cách rõ ràng minh bạch, vì sao bạn không hiểu? Là giả chẳng phải thật đâu. Thật là vĩnh hằng bất biến, Ngài đã tìm được chân rồi, buông bỏ giả thì chân thật hiện tiền. Chân là gì? Là thanh tịnh, “đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, chưa bao giờ bị nhiễm ô. Trong kinh Vô Lượng Thọ nói là thanh tịnh, “đâu ngờ tự tánh vốn không sanh diệt”, không có sanh diệt. Câu thứ ba Ngài nói rất hay: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Nó tuy không có gì hết, hình dáng là gì? Hình dáng trong kinh dùng một câu để hình dung về nó, gọi là Thường Tịch Quang. Tịch là thanh tịnh tịch diệt, Quang là quang minh biến chiếu, Thường là vĩnh hằng bất biến, là như vậy. Một ngày nào đó nếu chúng ta kiến tánh, thì bạn sẽ không còn thấy bóng tối nữa. Bóng tối là gì? Bóng tối là vô minh. Bất luận là ở đâu, ban ngày bạn ở trong hầm, thì trong hầm cũng sáng. Vì sao vậy? Vì thể của tất cả pháp là tự tánh, tướng là huyền tướng, tánh là chân tánh. Ban đêm nhìn lên bầu trời cũng thấy sáng, đó là người minh tâm kiến tánh. Nếu như chúng ta ở trong hầm mà thấy bóng tối, ban đêm nhìn lên bầu trời thấy tối đen, thì đó là vô minh. Nên nhớ rằng, chưa phá được vô minh, phá được vô minh rồi thì hiện tượng này không còn nữa, đại quang minh tạng sẽ hiện tiền. Giống như đức Thế Tôn, giống như Huệ Năng đại sư vậy, là bậc thượng thượng căn. Có biết chữ hay không, có học hay không chẳng liên quan gì đến việc này. Học nhiều thì biến thành sở tri chướng, cho nên Huệ Năng đại sư không biết chữ, là Ngài không có sở tri chướng, buông bỏ phiền não chướng thì sở tri chướng không còn nữa. Từ đó cho thấy, người thế gian chúng ta thường tán thán là hiếu học, cầu tri. Họ cầu điều gì? Họ cầu tăng trưởng sở tri chướng mà thôi. Như vậy có phải kêu chúng ta đừng học nữa hay, đừng cầu tri nữa chăng? Không đúng. Mục đích tu tập cuối cùng của đạo Phật, chính là khai mở trí huệ. Các vị nên biết rằng, khai trí huệ chứ không phải là tri thức. Tri thức là sở tri chướng, còn trí huệ thì không phải, trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy: Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Đó là gì? Là ở trong tự tánh. Như Lai chính là tự tánh, trong tự tánh có trí huệ, có đức năng, có tướng hảo, nghĩa là vốn tự đầy đủ. Ẩn mà không hiện, bạn chẳng thể nói nó không có. Câu thứ tư cũng nói về tự tánh, đây là

tánh đức, “vốn không lay động”, đây là nói về tự tánh bốn định, tự tánh chưa từng bao giờ lay động. Câu cuối cùng đó chính là một niệm bất giác, một niệm bất giác này năng sanh vạn pháp, vũ trụ xuất hiện, vạn vật xuất hiện, tôi xuất hiện. Sự việc này các nhà khoa học, triết học đều nói không rõ ràng, nhưng đạo Phật đã nói rõ ràng minh bạch như thế. Cho nên thầy Phương nói: Triết học trong kinh Phật là triết học cao phong nhất trên thế giới. Chúng tôi học gần một giáp rồi, sang năm là sáu mươi năm, nghĩa là một giáp. Trong sáu mươi năm này chúng tôi chứng thực, chẳng những kinh Phật là triết học cao cấp, mà còn là khoa học cao cấp. Bạn xem khoa học đối với hiện tượng của vũ trụ vạn hữu, ngày nào cũng nghiên cứu, nếu đem so với kinh Phật thì còn cách rất xa. Ngày nay thấy càng ngày càng tiếp cận rồi, họ đã phát hiện ra ta tế tướng của A Lại Da, điều này không dễ dàng! Sự phát hiện của họ, trong Phật Pháp nói là giải ngộ, chứ chẳng phải là chứng ngộ, giải ngộ thì không đạt được lợi ích chân thật. Vì sao vậy? Vì tập khí phiền não chưa đoạn. Sự chứng ngộ trong Phật Pháp, là phải buông bỏ được hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, thì bạn sẽ chứng được, đó là chứng ngộ, bạn đạt được lợi ích. Các nhà khoa học không buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, công cụ tinh vi, số học cao thâm, trong đây hiểu rõ được, đó là giải ngộ. Chúng ta không có năng lực, trong một niệm buông bỏ được hết ba loại phiền não này, chúng ta không có năng lực này, nên làm không được. Đây gọi là gì? Đây gọi là đốn tu đốn chứng, đại pháp viên đốn. Chúng ta làm không được, đức Phật có pháp phương tiện, dạy chúng ta buông bỏ từng giai đoạn một. Đầu tiên buông bỏ chấp trước, không còn chấp trước đối với tất cả pháp của thế và xuất thế gian, bạn thật sự buông bỏ được chấp trước. Chấp trước là kiến tư phiền não, thật sự buông bỏ thì lục đạo sẽ không còn. Vì sao vậy? Vì lục đạo do kiến tư phiền não biến hiện ra. Trong kinh Kim Cang nói: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, lục đạo là cảnh mộng. Cảnh mộng này phát sinh như thế nào? Là từ chấp trước mà phát sinh, là từ kiến tư phiền não mà phát sinh, sau khi buông bỏ kiến tư phiền não thì lục đạo sẽ không còn, bạn sẽ chứng được quả vị A La Hán. Mục đích tu tập cuối cùng của đạo Phật là, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, dịch thành tiếng Trung Quốc có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, bạn đã chứng được chánh giác, chánh giác là A La Hán. Tiếp tục buông bỏ tâm phân biệt, phân biệt chính là trần sa phiền não, không còn phân biệt nữa. Vì sao không còn phân biệt nữa? Nó là giả, bạn phân biệt nó làm gì? Nó không có thật, nếu là thật còn có thể nói được, đằng này là giả mà, là mộng huyễn bào ảnh, như lộ như điện. Bạn buông bỏ nó, thì bạn chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác, nghĩa là quả vị Bồ Tát. Kế đến buông bỏ khởi tâm động niệm, lục căn trong cảnh giới lục trần, không còn khởi tâm động niệm, thì bạn

chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở đây miễn cưỡng chọn cho bạn một danh từ gọi là Phật. Bạn đừng cho là thật sự có Phật, thật sự có Phật thì bạn lại khởi lên tâm phân biệt chấp trước rồi, bạn lại bị đọa lạc vào trong lục đạo, đó là giả đấy! Danh khả danh phi thường danh, đạo khả đạo phi thường đạo. Có thể nói ra được, thì tất cả đều chẳng phải là chân điều này nhất định phải hiểu. Cho nên đức Phật nói một câu cứu cánh, quý vị cần nên thể hội. Đức Phật nói, không có pháp để Ngài nói, chẳng những không có định pháp để nói, thực tế mà nói là không có pháp để nói. Đây là lời chân thật! Nếu như có pháp để nói thì hoàn toàn trái ngược lại với tự tánh rồi. Đạt đến chỗ thật sự không có pháp để nói, thì bạn có thể khế nhập được cảnh giới, đó là hội quy tự tánh. Cho nên đứng về lý mà nói, phàm phu chúng ngời Vị bồ xứ là có lý, chứ chẳng phải là không có lý. Chỉ là cái lý này quá sâu, sự việc này quá huyền diệu. Chúng ta có thể làm được, nhưng mà chúng ta hoài nghi, tập khí phiền não quá nặng, chướng ngại của chúng ta quá nhiều, chướng ngại không trừ bỏ thì đương nhiên có hoài nghi rồi. Chỉ cần có nghi, chỉ cần có xem tạp, thì công phu của bạn sẽ bị phá hoại, không còn thuần nữa. Cho nên pháp môn niệm Phật này, pháp môn này thù thắng không gì bằng, tám vạn bốn ngàn pháp môn, chư Phật Bồ Tát đều tán thán pháp môn này là số một, nó phương tiện cứu cánh, trực tiếp tương ứng với tự tánh. Cho nên một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Nhưng bạn cần nên hiểu rõ chân tướng sự thật, ở trong Hội Lăng Nghiêm ngài Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói rất rõ ràng: “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, niệm Phật như thế mới có thể thành Phật. Đô nhiếp lục căn có nghĩa là gì? Nghĩa là buông bỏ. Sau khi buông bỏ thì tịnh niệm hiện tiền, không hoài nghi, không xen tạp. Chúng ta có thể làm được, nhất tâm nhất ý, tất cả thời, tất cả xứ, ngoài câu niệm Phật ra trong tâm không nghĩ gì hết, đây gọi là người niệm Phật, gọi là tịnh niệm tương tục. Niệm bao lâu thì mới có thể thành công? Từ lý luận vừa nói thì là một niệm. Trong kinh Di Đà nói hoặc một ngày, một ngày quá dài, một niệm thôi, cho nên nói, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Nhất định chúng ta cần phải niệm niệm tương ứng, trừ bỏ hết tập khí phiền não, bạn sẽ viên mãn hội quy tự tánh. Hội quy tự tánh, vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo hoàn toàn hiện tiền. Bây giờ nó ở đâu? Nó ở trong Thập pháp giới, ở trong lục đạo. Vì sao nó hiện tiền? Vì nó cùng với chúng sanh cảm ứng đạo giao. Hiện cái này để làm gì? Không phải là lợi ích cho chính mình, tự mình còn có lợi ích riêng, thì vọng tưởng phiền não của bạn lại sanh khởi rồi. Hiện tiền là để hóa độ chúng sanh, giúp cho chúng sanh giác ngộ, giúp cho chúng sanh quay đầu, làm công việc này, không có riêng

mình, chúng sanh chính là mình. Thật sự mình người không khác, sanh Phật bất nhị, chúng sanh và Phật không hai. Vũ trụ này là một thể, thì tâm phân biệt của bạn thật sự sẽ đoạn trừ, tâm phân biệt đoạn rồi thì đương nhiên chấp trước không còn nữa. Đây là nói về mối quan hệ giữa phàm phu và Bồ Tát bồ xứ, chúng ta hiểu rõ rồi thì sẽ không còn hoài nghi nữa. Biết được nên dùng tâm trạng nào để niệm Phật.

“Hoa Nghiêm sở bản, khước tại thủ kinh”. Hoa Nghiêm phụng mệnh, giáo lý, giáo nghĩa, giáo hành, giáo pháp, đều nằm trong bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Hoa Nghiêm quá lớn, phân lượng quá nhiều, đây chính là sự rút tĩa ngắn gọn của kinh Hoa Nghiêm. Tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, với Hoa Nghiêm, bất luận là đứng về mặt giáo lý hay hành quả, hoàn toàn tương đồng, tuyệt đối không khác. Bạn xem bộ kinh này hay biết bao, quan trọng biết bao! Ngày xưa chúng ta học kinh Hoa Nghiêm cũng học không ít thời gian, chúng ta học đến phẩm Thập Trụ, đại khái khoảng một phần năm bộ kinh rồi, đã dùng hơn bốn ngàn giờ đồng hồ. Hiện tại chúng ta để kinh Hoa Nghiêm qua một bên, chúng tôi cũng hy vọng có đầu có cuối, chỉ là tạm thời để qua một bên thôi. Chúng tôi định ngưng một năm, thời gian trong một năm này, chúng ta cố gắng học tập cái tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Vì sao vậy? Cấp cứu, hiện nay tai họa quá nhiều, thật sự thông đạt thì có thể hóa giải được tai họa, thật sự thông đạt thì có thể làm tiêu trừ tất cả tật bệnh của thân tâm, có nhiều điều lợi ích như vậy. Tai họa nhiều như thế, chúng ta dùng phương pháp nào để giúp họ đây? Ở trong pháp Đại thừa, chư Phật Bồ tát chỉ nói một câu, hóa giải tất cả tai họa, là giảng kinh thuyết pháp. Quý vị nghĩ thử xem có lý hay không? Có lý, giải quyết từ ngọn gốc. Tật bệnh của thân thể, sống trên quả địa cầu này có tai biến. Nguyên nhân gì vậy? Đều do chúng ta làm trái ngược lại với tự tánh, và có những tư tưởng hành vi sai lầm mà chiêu cảm ra. Giảng kinh thuyết giáo, khiến chúng ta giác ngộ, hiểu rõ. Chúng ta buông bỏ những tư tưởng hành vi sai lầm, làm những điều tương ứng với tự tánh, tìm lại những tư tưởng hành vi chính xác, thì vấn đề lập tức được hóa giải, đây không phải là mê tín. Lão Tổ tông của chúng ta biết, ngàn vạn năm tương truyền lại: “Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Việc lớn nhất trên thế gian này là gì? Là dạy học chứ không phải điều gì khác. Bậc đại thánh đại hiền họ không ra làm quan, họ không làm những công việc khác, một đời họ cống hiến cho việc dạy học. Nhìn Khổng Mạnh ở Trung Quốc, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Ấn Độ, bạn lại nhìn các vị lãnh tụ của các tôn giáo trong những dân tộc khác, chẳng có người nào không suốt đời dạy học. Nội dung dạy học, nòng cốt dạy học, đều là tánh đức. Người Trung Quốc đem nó phân loại ra thành , luân lý, đạo

đức, nhân quả, nâng lên cao nữa chính là khoa học và triết học. Chúng ta hiểu rõ lý này rồi, cần nên làm bậc mẫu mực, bậc mẫu mực chính là chân tu. Cư sỹ Lưu Tố Vân nói sáu chữ, đây là chư Phật Bồ Tát nói: Thật thà, nghe lời, chân tu. Một đời cô ấy chính là sáu chữ này, cho nên cô ấy đã làm bậc mẫu mực hay nhất cho mọi người xem, làm mẫu mực là thân giáo. Học Phật mà còn bị thân bệnh, thì mọi người trong xã hội này nhìn thấy sẽ không sanh khởi tín tâm, học Phật mà thành ra như vậy thì thôi đi, đừng học nữa. Phải được như thế nào đây? Thân tâm khỏe mạnh, không có phiền não, không có ưu tư, không có tập khí, thường sanh tâm hoan hỷ. Di Lạc Bồ Tát biểu diễn cho chúng ta thấy, luôn luôn hòa khí, luôn luôn hoan hỷ, đó là tướng học Phật đầy, nơi sinh sống không có tai họa, sẽ không có tai họa. Ở Trung Quốc người già thường nói: “Phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư”. Học Phật là người có phước báo nhất, nơi họ ở, phong thủy của nơi này tự nhiên biến thành tốt, phong thủy chuyển đổi theo tâm con người. Người không có phước báo, sống ở một nơi phong thủy rất tốt, nhưng họ sống ở đó ba năm, thì phong thủy hoàn toàn trở nên xấu. Ngược lại nơi phong thủy rất xấu, rất kém, nếu là người có phước ở đó thì chỉ cần ba năm thôi, thì phong thủy nơi này sẽ trở nên tốt. Tâm con người có thể thay đổi được đại tự nhiên, có thể thay đổi được môi trường. Cách nói này ở Trung Quốc ít nhất cũng có năm nghìn năm rồi, người Trung Quốc có năm nghìn năm kinh nghiệm, có năm nghìn năm hiệu quả. Ngày nay con người ta không tin, không tin nên tai họa xuất hiện. Chuyển biến thật sự chỉ ở trong một niệm, làm sao bạn biết được là chuyển biến? Là sự dạy dỗ của thánh hiền, sự dạy dỗ của chư Phật Bồ Tát, nên học tập nhiều, thì bạn sẽ hiểu. Học được rồi, thì tự bản thân sẽ chuyên, thật sự làm được có hiệu quả, người khác nhìn thấy thì họ sẽ tin, chẳng phải là mê tín, chẳng phải là lạc hậu. Cho nên đầu tiên chúng ta cần kiến lập, niềm tin đối với Cổ thánh tiên hiền, giống như Khổng Tử vậy. Một đời Khổng Tử, tôi cho rằng cái hay nhất của Ngài là, nghĩa là có hai câu nói về Ngài: “Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”, tâm trạng như thế hay vô cùng. Thuật nhi bất tác, nghĩa là nói về một đời Ngài, không sáng tạo, không phát minh, người này chân thật. Tín nhi hiếu cổ, là tin tưởng lời dạy của Cổ thánh tiên hiền, không hề có hoài nghi, thích học tập với bậc cổ nhân. Ngày nay người ta nghe được hai câu này, cho rằng hai câu này là cặn bã, hai câu này là lạc hậu. Người nào cũng như vậy, thì xã hội này còn tiến bộ được hay không? Người nói như vậy rất nhiều. Trên thực tế đối với hai câu này họ hoàn toàn không lý giải được, họ nghĩ sai rồi. Người học Phật chúng ta nghe được rất hoan hỷ, có thể khẳng định. Vì sao vậy? Vì sao phải tín nhi hiếu cổ? Những điều cổ nhân chúng được là viên mãn, bạn

có thể hơn họ chẳng? Không có chuyện đó. Nó là tròn, tròn như trái cầu, bạn nhủ lên một tí thì quả cầu không tròn nữa, bạn phá hoại nó rồi, nó không thể thêm một chút, và cũng không thể bớt một chút, họ đã chứng được viên mãn như thế, bạn không có cách nào đâu. Cho nên “kim Phật như cổ Phật chi tái lai”, những điều kim Phật và cổ Phật chứng được đều như nhau, không tăng không giảm, chứng được tự tánh viên mãn. Thế nên những điều kim Phật nói chẳng phải là cổ Phật nói sao? Những điều cổ Phật nói chính là những điều kim Phật nói, không hề sai khác. Kim Phật khiêm hạ, tất cả đều là của cổ Phật nói. Kỳ thật cổ Phật chứng được viên mãn, kim Phật cũng chứng được viên mãn. Kim Phật không nhận là mình nói mà nói là cổ Phật nói. Đó là gì vậy? Đó là khuyên dạy chúng ta, phàm phu chúng ta không hiểu đạo lý, ngạo mạn, ganh tị, chướng ngại, từ đó mà tạo tội nghiệp. Các Ngài biểu pháp cho chúng ta, để dạy dỗ chúng ta, bạn không thể nhiều hơn cổ Phật một tí nào, không thể.

Phu Tử nói lên câu này, đại sư Thanh Lương cũng nói lên câu này. Ở trong đề kinh của Tứ Thập Hoa Nghiêm, chúng tôi đã thấy. Ngài nói rằng: Tất cả pháp mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt bốn mươi chín năm, đều là những điều cổ Phật nói, đức Thế Tôn không hề thêm một chữ nào vào trong kinh điển của cổ Phật. Còn nghiêm khắc hơn Khổng Phu Tử nữa, đã nói rất rõ ràng. Có phải như vậy không? Thiệt đó, không dối gạt chút nào. Mỗi người đều chứng được cứu cánh viên mãn, không đạt được minh tâm kiến tánh, thì không đạt được cảnh giới này, đến chỗ minh tâm kiến tánh thì sẽ biết được. Khiêm hạ là tánh đức, sẵn có trong tự tánh, ngạo mạn, không có trong tự tánh, ngạo mạn là phiền não, bản thân của phiền não chính là chướng ngại. Chướng ngại là gì? Là chướng ngại tự tánh của bạn, chướng ngại sự tu tập của bạn, chướng ngại sự thành tựu của bạn, thứ này chẳng thể không buông bỏ. Phàm phu thật đáng thương, thời gian ở lục đạo quá dài, vô lượng kiếp rồi lặn hụp trong tam đồ lục đạo, nuôi dưỡng thành những tập khí phiền não này, tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn. Đáng thương! Chư Phật Bồ Tát thấy nên nói rằng, người thật đáng thương, đây là sự thật, không phải giả đâu. Có duyên là điều rất khó, thân người khó được, gặp được Phật Pháp, một đời tu tập vì sao không được thành tựu? Chủ yếu là do tập khí phiền não quá sâu dày, nói đơn giản một chút là không buông bỏ được tâm tự tư tự lợi, không buông bỏ được danh văn lợi dưỡng, không buông bỏ được tâm tật đố chướng ngại. Tuy được thân người, học được Phật Pháp, nhưng vẫn tạo nghiệp, tâm không sửa đổi, y theo tâm luân hồi, tâm luân hồi là tạo nghiệp luân hồi, học Phật cũng tạo nghiệp luân hồi. Cho nên trong kinh có câu: “Bất khả dĩ thiểu thiện căn phước đức nhân duyên”, trong kinh Di Đà nói, mà được sanh về nước Phật. Không tu Tịnh

Độ, bất luận là tu tập pháp môn nào, nếu như không có thiện căn phước đức nhân duyên, thì không thể thành tựu được, chỉ có thể ở trong Phật pháp được một điều lợi ích, nghĩa là trông chừng tử Phật trong A Lại Da, bạn chỉ được lợi ích này. Bạn vẫn ở đó tạo nghiệp, đã tạo nghiệp rồi thì chắc chắn ở trong luân hồi thọ quả báo. Nghiệp bạn tạo, là thiện nghiệp ít và ác nghiệp nhiều. Vì sao vậy? Vì trong năm mươi tâm sở, thì thiện tâm sở chỉ có mười một, bất thiện tâm sở có hai mươi sáu, ở trong đó tập khí phiền não cực nặng.

Xã hội hiện nay, sự cám dỗ của ngũ dục lục trần, mặt trái thắng mặt phải, chúng ta sống trong môi trường này, bạn có thể không tạo nghiệp được chăng? Tuy bạn có lòng tốt phát tâm tu tập, tu mấy chục năm, nhưng không thấy tiến bộ. Hiện tượng này là bình thường, bạn hiểu rõ chân tướng sự thật rồi thì bàn sẽ không trách móc, là bình thường. Người thật sự có thành tựu, đó là thiện căn phước đức nhân duyên thù thắng không gì sánh bằng. Quan trọng nhất vẫn là thiện căn phước đức, thiện căn là năng tín năng giải, là chân thật. Phước đức là gì? Phước đức là thật tu, sau khi giải rồi thì thật tu. Người này có phước, bất luận môi trường bất thiện thế nào, họ đều có thể thành tựu. Ở xã hội ngày nay, có thể nói người này là đại thiện căn đại phước đức. Không học Phật bất luận là họ tạo nghiệp như thế nào, tạo tội nghiệp nặng thế nào, trong kinh Phật nói ngũ nghịch thập ác cũng không sao, chỉ cần quay đầu thì nghiệp chướng tự nhiên tiêu trừ, phước huệ tự nhiên sẽ hiện tiền. Thế Thân Bồ Tát thị hiện cho chúng ta thấy, chẳng phải sao? Thế Thân Bồ Tát thông minh tuyệt đỉnh, sau này học Tiểu thừa pháp, phỉ báng Đại thừa, Ngài rất thông minh, tạo năm trăm bộ luận phê phán Đại thừa. Sau này anh trai Ngài dạy Ngài, Vô Trước Bồ Tát khai đạo Ngài, Ngài hiểu được rồi, sau khi hiểu được Ngài sám hối. Ngài định ở trước tượng Phật cắt đứt lưỡi mình, Ngài nói, lưỡi của Ngài hư quá, ngày xưa phê bình Đại thừa, phỉ báng Đại thừa. Anh của Ngài nói rằng, thầy quay đầu là được rồi, cần gì phải cắt lưỡi? Thầy vẫn dùng cái lưỡi này để tán thán Đại thừa thì hay biết bao! Ngài nghe rồi thấy rất có lý, đem những tác phẩm hủy báng Đại thừa ngày xưa đốt hết. Tán thán Đại thừa, Ngài cũng tạo năm trăm bộ luận, gọi Ngài là Thiên Bộ Luận Sư. Năm trăm bộ tán thán Tiểu thừa, năm trăm bộ tán thán Đại thừa, không bao giờ hủy báng nữa. Tu tập chúng được Bồ Tát Sơ Địa, tuy chưa đạt đến bồ xứ. Nếu như muốn vãng sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc, thì cũng bằng bồ xứ. Môi trường ở thế giới tây phương Cực Lạc vô cùng đặc sắc, không thể nghĩ bàn, đều được bốn nguyện gia trì của đức Phật A Di Đà. Cho nên sanh về thế giới Tây phương Cực Lạc đều làm Bồ Tát A Duy Việt Trí. Cho nên bộ kinh này bằng với kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh nói rõ về kinh

Vô Lượng Thọ, cuốn kinh này là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Người xưa gọi là Trung Bản Hoa Nghiêm, còn cuốn Phật Thuyết A Di Đà Kinh, là Tiểu Bản Hoa Nghiêm, tiểu bản dễ thọ trì, cho nên có thể dùng nó tụng công phu chiều, văn tự nhiều ít khác nhau, nhưng nghĩa lý thì không khác, cho nên công phu chiều chúng ta tụng kinh Di Đà. Tịnh Tông Học Hội thành lập, tôi đã soạn ra một cuốn nhật tụng, công phu khuya chúng tôi không đọc kinh Di Đà, mà đọc phẩm thứ sáu trong bộ kinh này, bốn mươi tám nguyện của đức Phật A Di Đà. Kinh tụng buổi tối chúng tôi cũng chọn bộ kinh này, từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy, trì giới niệm Phật. Phẩm thứ ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy, đức Phật nói rõ cho chúng ta biết về Thập Thiện Thập Ác. Bộ phận này là nói về nền tảng cơ bản của giới luật, cần nên thọ trì. Ở vào thời đại ngày nay, vấn đề tu học của Tịnh tông chúng ta là nương vào kinh Vô Lượng Thọ, chắc chắn chính xác. Đức Phật có nói trong kinh Pháp Diệt Tận, trong tương lai vào thời kỳ mạt pháp còn chín nghìn năm. Ý theo sự ghi chép của bậc cổ nhân Trung Quốc, người ta đều có căn cứ chứ chẳng phải là nói càn đâu. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay, là ba nghìn không trăm ba mươi bảy năm. Cách nói của người ngoại quốc là hai nghìn năm trăm năm mấy năm, khác với sự ghi chép của người Trung Quốc có đến sáu trăm năm. Chánh pháp một nghìn năm, tượng pháp một nghìn năm, mạt pháp mười nghìn năm. Vận pháp của đức Phật là mười hai nghìn năm. Năm nay là ba nghìn không trăm ba mươi bảy năm, là bắt đầu bước sang ngàn năm thứ hai của thời mạt pháp. Thời mạt pháp đã qua một nghìn năm rồi, bắt đầu bước sang nghìn năm thứ hai, thời gian rất dài. Người ngoại quốc nói thế giới tận thế, trong Phật Pháp thì không nói như vậy. Vận pháp của đức Phật còn dài như thế, ở trong thời gian dài này, thật sự tu tập, có thể khai trí huệ, có thể được độ, thì chỉ có bộ kinh này. Vì sao vậy? Vì tám vạn bốn nghìn pháp môn, đều cần tự mình đoạn phiền não, đều phải tự mình đạt được tam muội mới có thể khai ngộ, thế thì rất khó! Chúng tôi nói thấp nhất, năm loại kiến hoặc, bạn có thể đoạn được không? Năm thứ này đoạn rồi mới chúng được quả Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa, trong Đại thừa kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Thập Tín vị, bạn chứng được Sơ Tín vị. Khá lắm, chuyển phàm thành thánh, không gọi bạn là phàm phu nữa, mà gọi bạn là thánh nhân, tiểu thánh, vị thánh nhỏ. Thập Tín vị nghĩa là tiểu học của Đại thừa, Sơ Tín vị là lớp một, bạn mới vào lớp một của Đại thừa Thập Tín. Điều kiện gì? Đoạn được thân kiến, không phải là thân tướng, là thân kiến. Phần cuối của kinh Kim Cang nói: Ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, đoạn tận điều này là Sơ Tín vị. Phần đầu kinh Kim Cang nói, ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Bốn tướng này là sơ quả hướng, vẫn chưa chứng được quả vị, phá kiến hoặc rồi

mới thật sự chứng được sơ quả của Tiểu thừa. Bạn xem có khó không! Năm loại kiến hoặc này, thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Biên kiến ngày nay chúng ta nói là đối lập, tương đối, là nguồn gốc của phiền não. Thân kiến là nguồn gốc của phiền não, tự tư tự lợi cũng từ đây mà có. Biên kiến là gốc của phiền não, có cái này thì phiền phức rồi, phiền não bèn khởi lên. Kiến thủ kiến, giới thủ kiến hợp lại, người Trung Quốc gọi là thành kiến. Người nào đó thành kiến rất sâu, nghĩa là chấp trước nghiêm trọng, sự tạo tác của họ chính là lục đạo luân hồi. Chúng ta có cách nào để đoạn trừ nó không? Thật sự không có cách nào, nếu bạn hiểu rõ rồi, suy nghĩ thông rồi, thật sự không có năng lực, tu hành chứng quả siêu việt tam giới. Bạn tu tập pháp môn này, trong suốt cuộc đời bạn pháp môn này, không đoạn một phẩm phiền não nào hết, thì cũng có thể chứng được bồ xứ. Pháp môn này quá thù thắng, thù thắng không gì sánh bằng.

“Nhi thiên hạ cổ kim, tín tiên nghi đa”, quá ít người tin được. Tín ở đây chỉ cho ai vậy? Chỉ cho người học Phật, người học Phật tin được quá ít, người hoài nghi thì quá nhiều. Vậy người nào tin đây? Người không học Phật, bạn xem các ông bà già, nói với họ là họ tin liền. Họ chân thật niệm Phật, rốt cuộc họ được vãng sanh, điềm lành hy hữu, họ không hoài nghi. Trái lại người hàng ngày thật sự hạ thủ công phu trong giáo lại hoài nghi, họ không tin, không dễ dàng, quá khó! Rất nhiều lần chúng tôi nói chuyện với các bạn học, tôi tin tưởng pháp môn Tịnh độ vô cùng khó khăn. Quý vị đều biết tôi học triết học với Phương Đông Mỹ tiên sinh, trước tiên coi kinh Phật là triết học để nghiên cứu. Học mười mấy năm cảm thấy là không đúng, sự tư duy và kiến giải của chúng tôi có vấn đề. Kinh Phật là triết học, và siêu việt hơn triết học, không thể hoàn toàn dùng thái độ học triết học để xem kinh Phật. Phải y theo Tín, Giải, Hành, Chứng mà trong kinh đức Phật đã nói, như thế mới thật sự tiếp nhận được. Hoàn toàn tin tưởng đối với Tịnh độ, là lần đầu tiên giảng kinh Hoa Nghiêm. Năm Dân Quốc thứ sáu mươi, tôi bắt đầu giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Loan, cũng giảng mười mấy năm, Bát Thập Hoa Nghiêm giảng một nửa, Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng một nửa. Từ từ từ từ, hiểu rõ ràng mình bạch những lý sự này rồi, một ngày nọ đột nhiên nhớ đến, Ngài Văn Thù và Phổ Hiền học pháp môn gì vậy? Pháp môn tu chính của Thiện Tài Đồng Tử là gì? Những thứ này vẫn chưa giảng đến, còn ở phía sau, mở đến đoạn cuối của kinh Hoa Nghiêm, quyển thứ bốn mươi, thấy trong quyển thứ ba mươi chín, Văn Thù Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Chúng tôi đọc đến đoạn kinh này cảm thấy vô cùng kinh ngạc. Ngài Văn Thù là thầy của bảy đức Phật, nghĩa là trong số học trò của Ngài có bảy người thành Phật rồi, Ngài không phải là người thường,

đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, mà còn khuyên bốn mươi một vị Pháp Thân đại sỹ trong hội Hoa Tạng, kết bạn tập thể về thế giới Cực Lạc lễ bái đức Phật A Di Đà, học tập với đức Phật A Di Đà. Kế đến thấy Thiện Tài Đồng Tử, Thiện Tài là môn sanh đặc ý của ngài Văn Thù, đương nhiên Thiện Tài truyền pháp của thầy mình. Xem rồi, thấy quả nhiên không tồi, trong hội Văn Thù, Thiện Tài được căn bản trí, cũng có nghĩa là chứng được địa vị Sơ địa của Biệt Giáo, Sơ trụ của Viên Giáo, chứng được quả vị này, siêu việt thập pháp giới. Bồ Tát dạy Thiện Tài Đồng Tử đi tham học, tham học là gì? Là thành tựu hậu đắc trí, thì trí huệ mới viên mãn. Căn bản trí là bát nhã vô tri, đoạn này được thành tựu ở chỗ Văn Thù Bồ Tát. Năm mươi ba tham thành tựu là hậu đắc trí, là vô sở bất tri. Bát nhã vô tri, vô sở bất tri, đây gọi là trí huệ viên mãn. Chúng ta nhìn kỹ Thiện Tài tham vấn vị thiện tri thức đầu tiên, trong Tứ Thập Hoa Nghiêm gọi là Kiết Tường Vân tỳ kheo, vị này tu tập pháp môn gì? Tu Ban Châu Tam Muội, chuyên niệm Phật A Di Đà, cầu sanh Tịnh Độ, thuyết pháp cho Thiện tài đồng tử, giảng về hai mươi một pháp môn niệm Phật. Hai mươi một pháp môn này nói rộng ra, là tất cả pháp mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt bốn mươi chín năm. Mở rộng ra nữa, là tất cả pháp mà mười phương ba đời tất cả chư Phật đã nói. Cuối cùng xem tham vấn thứ năm mươi ba, Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc, tôi tin rằng Tịnh Độ từ đây mà có. Tôi hiểu rồi, mới biết rằng pháp môn này thù thắng không gì sánh bằng, ngày xưa hoài nghi không tin, giờ mới biết pháp môn này thù thắng, pháp môn này hay! Thầy Lý giảng kinh Vô Lượng Thọ ở Đài Trung, khi đó cuốn chú giải của Hoàng Lão vẫn chưa viết xong, cũng có thể vẫn chưa động bút. Ngày xưa, thầy giảng bộ kinh này ở Đài Trung, thầy tự viết chú giải đơn giản, ghi chú ở lề cuốn sách, chúng tôi đem in ra và lưu thông, ở trong học viện đều có thể nhìn thấy. Lão cư sỹ Mai Quang Hi viết bài tựa rất dài, Cư sỹ Mai lão là thầy của thầy Lý, kinh giáo của lão cư sỹ Lý Bình Nam, là học với thầy Mai Quang Hi. Cho nên thầy Lý thấy thầy giáo mình viết bài tựa vô cùng gằn gỏi, thầy đã đưa cuốn ghi chú ở lề này cho tôi, tôi thấy rồi vô cùng hoan hỷ. Khi đó là muốn giảng bộ kinh này, thầy giáo nói với tôi: Thời tiết nhân duyên chưa thành thực, bây giờ thầy chưa thể giảng được, thầy mà giảng thì sẽ gặp rất nhiều khó khăn, sức mạnh của thầy chưa chịu đựng được đâu. Khi đó bản kinh tôi đã in hai nghìn cuốn, để chuẩn bị giảng bộ kinh này, rốt cuộc là ngưng lại. Đến khi thầy giáo vãng sanh rồi, tôi lại tìm thấy cuốn này ở Mỹ, chúng tôi đã cho in mười nghìn cuốn này, chú giải của thầy giáo, bởi vì có rất nhiều người không thấy. Ở Đài Trung rất nhiều bạn chưa từng thấy, sau khi in ra rồi mọi người đọc được rất hoan hỷ. Rất nhiều bạn đến tìm tôi, mong tôi khai giảng, cho nên lần đầu tiên tôi giảng cuốn này, là giảng ở Mỹ. Hình như

lần thứ hai hay lần thứ ba gì đó, tôi giảng ở Singapore, sau này ở Đài Loan cũng giảng được hai lần, tổng cộng giảng qua mười lần, đây là lần thứ mười một. Lần này chúng tôi đặc biệt, giảng cuốn chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cho nên tựa đề là Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa. Vì sao lại giảng như vậy? Hy vọng các bạn học Tịnh Tông, học đức Phật Thích Ca Mâu Ni, học Khổng Tử, “thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”. Tôn trọng người xưa, công đức hồi hướng đến người xưa. Hạ lão hội tập không dễ dàng, chú giải của Niệm công cũng rất khó khăn, hội rất hay, chú rất hay. Hai vị này là Bồ Tát tái lai chứ chẳng phải phàm nhân đâu. Chúng tôi vì muốn khiến cho người học Tịnh Tông trên toàn thế giới, đối với chú giải của bộ kinh này, sanh khởi tín tâm, đoạn nghi sanh tín. Cho nên chúng tôi chọn giảng cuốn chú giải này, cũng là để báo đáp ơn tri ngộ của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Năm xưa chúng tôi gặp nhau vô lượng hoan hỷ, vào thời đó giảng bộ kinh này, chỉ có tôi và thầy, thầy giảng ở trong nước, tôi giảng ở hải ngoại. Sự tu học và giáo hóa của thầy, đều là bậc mẫu mực của chúng ta, chúng ta đem so với thầy thì quả là thua kém rất xa. Tôi gặp thầy khi tôi giảng bộ kinh này ở Mỹ, thầy đã tặng cho tôi cuốn chú giải này, thầy đến Mỹ chỉ mang theo một bộ, hơn nữa là in dầu. Sau khi tôi đọc rồi thì tôi điện cho thầy, tôi hỏi thầy có bản quyền hay không? Nếu như không có bản quyền thì tôi muốn mang đi in ra, nếu có bản quyền thì thôi không nói nữa, thầy nói với tôi không có bản quyền. Nghe nói tôi muốn in, thầy lại phó chúc, kêu tôi viết đề kinh cho thầy, viết bài tựa cho thầy. Khi thầy còn tại thế, mỗi năm chúng tôi có thể đến Bắc Kinh một hai lần, nghĩa là đi thăm thầy. Sau khi thầy mất rồi, chúng tôi muốn thỉnh giáo nữa cũng chẳng có ai. Cho nên ngày nay đọc cuốn chú giải này của thầy, cảm niệm rất sâu sắc. Hội tập của Hạ lão, chú giải của Niệm lão, thật sự có thể cứu được, chúng sanh trong chín nghìn năm mạt pháp của đức Thế Tôn, công đức này thù thắng không gì bằng! Chúng ta có trách nhiệm tán dương, không nên khắp nơi đề cao chính mình, đó là sai lầm, điều này nói lên tập khí cống cao ngã mạn vẫn chưa đoạn. Cho nên chúng tôi chọn giảng bộ kinh này, nuôi dưỡng tâm khiêm nhường của chính mình, hóa giải tâm ngạo mạn của chính mình, tôn trọng người khác, tôn trọng thánh giáo. Hy vọng mọi người trong một đời này, có duyên gặp được đều được thành tựu.

“Từ phồn nghĩa thực”, câu này là đối với những điều kinh Hoa Nghiêm nói, phân lượng của kinh Hoa Nghiêm quá lớn. Nghĩa này không phải là thực, thực thì không dễ gì nhìn thấy, là vì trình độ của chúng ta quá kém. Nhất là thời kỳ mạt pháp, tập khí phiền não quá nặng, không có trí huệ, cũng có nghĩa là đọc không hiểu, văn tự đã khó rồi, nghĩa lý lại còn khó hiểu hơn. Cho nên, Ngẫu Ích đại sư

Ngài chỉ biết tự mình tận tâm dốc sức mà thôi. Đây là miêu tả nỗi khổ tâm của Ngài, cả ngày lẫn đêm chú giải những cuốn đại kinh này, kinh luận này, để lại làm tư liệu học tập cho người đời sau. Ngẫu Ích Đại Sư Toàn Tập, điều hiếm thấy trong toàn tập là Yếu Giải.

Chúng ta tiếp tục coi đoạn dưới đây: “Yếu Giải phục vân, cố đương lai kinh pháp diệt tận, đặc lưu thử kinh”, kinh ở đây chính là kinh Vô Lượng Thọ. “Trụ thế bách niên, quảng độ hàm thức”. Hàm thức nghĩa là hữu tình chúng sanh, đây là Yếu Giải, dẫn chứng trong kinh Vô Lượng Thọ có câu này, trong kinh Pháp Diệt Tận cũng có câu này. Nên bạn biết rằng, hiệu quả của bộ kinh này không gì sánh bằng, tất cả kinh không thể so sánh được, đây là sự thật không phải giả đâu. “A già đà dược, vạn bệnh tổng trị”, chúng ta không thể xem hai câu này là ví dụ, mà là lời dạy chân thật, thật sự chúng ta dùng lý luận và phương pháp của bộ kinh này, có thể chữa được bách bệnh. Bệnh của thân thể chúng ta, nghĩa là bệnh sinh lý, bệnh tâm lý đều chữa được hết. Nói với các bạn rằng, căn bệnh của xã hội ngày nay, căn bệnh của địa cầu, tai họa nhiều như thế, nhưng bộ kinh này đều có thể chữa được hết, không giả tí nào, tôi không hề có một chút hoài nghi nào. Cho nên chúng tôi ngưng giảng kinh Hoa Nghiêm một năm, để học tập bộ kinh này. Chủ yếu là nhìn thấy thời nay, quả địa cầu tai biến quá nhiều, chúng ta hiểu rõ, những điều chư Phật Bồ Tát nói, những điều cổ thánh tiên hiền nói: “Tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển”. Nói cách khác, sự khỏe mạnh của thân tâm chúng ta và quả địa cầu, môi trường chúng ta sinh sống, cùng với sự khởi tâm động niệm và hành vi của chúng ta có sự liên quan mật thiết. Tâm hành của chúng ta bất thiện, cho nên mới sinh ra bệnh tật. Nếu như thân tâm chúng ta khỏe mạnh, ý niệm thuần tịnh thuần thiện, thì tất cả tai nạn đều được tiêu trừ, trở lại với trạng thái tự nhiên. Trạng thái tự nhiên nghĩa là trạng thái mạnh khỏe, trạng thái tốt đẹp, đây là pháp môn bất nhị để tiêu trừ tất cả mọi tai họa. Đối với sự việc này, người tin được rất ít, người hoài nghi lại nhiều, bắt buộc chúng ta phải làm bậc mẫu mực cho mọi người xem, thì người ta mới tin.

“Tuyệt đãi viên dung”, là tuyệt đối viên dung, không thể nghĩ bàn. “Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tủy, nhất thiết chư Phật chi tâm yếu, Bồ Tát vạn hạnh chi ty nam, giai bất xuất ư thử hỷ”.

Ngẫu Ích đại sư tán thán đối với kinh Vô Lượng Thọ, tán thán đến chỗ không còn gì hơn nữa, tán thán đến chỗ cuối cùng. Ngẫu Ích đại sư là người như thế nào? Phía sau còn có một đoạn, hôm nay không kịp giờ, ngày mai sẽ giảng đến. Ấn Quang đại sư tán thán Ngẫu Ích đại sư, cũng là tán thán bộ Yếu Giải này, ý muốn

nói rằng, cho dù cô Phật tái lai, viết bộ chú giải cho kinh Di Đà, thì cũng không thể hay hơn cuốn này.

Chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Bồ Tát Đại Thế Chí tái lai. Đại Thế Chí Bồ Tát mà có thể tán thán Yếu Giải như thế, tán thán Ngẫu Ích đại sư. Vậy Ngẫu Ích đại sư là người như thế nào? Nếu như ngài không phải là Phật A Di Đà tái lai, thì chắc chắn là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai. Ngẫu Ích đại sư một đời không để lộ thân thế của mình.

Áo tạng của Hoa Nghiêm, tạng ở đây có nghĩa là dung chứa, sâu kín, nghĩa lý tinh thâm sâu xa. Bí tủy của kinh Pháp Hoa, là tinh túy, là tinh hoa. Tất cả tâm yếu của chư Phật, là kim chỉ nam của Bồ Tát vạn hạnh, ty nam nghĩa là tiêu chuẩn. Người thời nay nói là chỉ tiêu, đều ở chỗ này, bạn có thể không học sao? Nếu bạn không học bộ kinh này, nói thiệt, bất luận tu tập pháp môn nào, phiền não của bạn không thể đoạn, thì bạn không thể ra khỏi luân hồi, tu hay cách mấy thì cũng ở trong lục đạo được phước báo của nhân thiên thôi. Dục vọng của bạn không đoạn được, không có phần ở sắc giới thiên, càng không có phần ở vô sắc giới thiên, không gian hoạt động của bạn là ở dục giới thiên. Tiêu chuẩn của dục giới thiên là thượng phẩm Thập Thiện. Bản thân chúng ta suy nghĩ thử xem, Thập Thiện nghiệp đạo, chúng ta có thể đạt được bao nhiêu điểm? Thượng phẩm Thập Thiện phải được chín mươi điểm trở lên, bạn mới có thể sanh về dục giới thiên. Nếu như không được chín mươi điểm, thì đời sau bạn hưởng được phước báo của cõi người, đây là chân tướng sự thật, chẳng thể không biết. Bản thân chúng ta suy nghĩ kỹ xem, siêu việt luân hồi lục đạo quá khó khăn. Chúng ta hiểu được kiến tư phiền não, thật sự không dễ đoạn.

“Dục quảng tán thuật, cùng kiếp mật tận”. Chúng ta muốn tán thán bộ kinh Vô Lượng Thọ này rộng khắp, tán thán một kiếp bạn cũng không tán thán hết. Chẳng những là người thường, mà chư Phật Bồ Tát có tán thán cũng tán thán bất tận. Đức Thế Tôn nói rất hay, pháp môn này, “chỉ có Phật và Phật mới biết được”. Những lời này chúng ta hiểu được rồi, trong lòng chúng ta nên nghĩ rằng, pháp mà chư Phật Bồ Tát thị hiện ở thế gian này, thân thể tướng hảo quang minh, ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, cơ thể khỏe mạnh, thân Kim Cang Bất Hoại. Làm cách nào để chứng minh đây? Một đời đức Thế Tôn, cuộc sống của Ngài ba y một bình bát, ngày ăn một bữa, tối ngủ dưới gốc cây. Khi Ngài nhập Niết Bàn không phải ở trong phòng, mà ở trong rừng. Điều này nói lên rằng, họ không sợ bão táp mưa sa nắng cháy, bạn nghĩ xem sức khỏe có tốt không! Nếu như chúng ta nghĩ

ngoi ngoài trời, ở một hai đêm, thì sức khỏe của bạn sẽ không ổn, chắc chắn phải vào nhà thương rồi, làm sao bạn có thể so sánh với các Ngài được! Đây là công phu tu tập, hiển thị ra cho bạn thấy. Ngày nay chúng ta đi ra bên ngoài, tướng mạo không đẹp, sức khỏe không tốt, thì làm sao người ta coi trọng bạn được? Người học Phật mà như vậy, thì không nên học Phật nữa. Cho nên lợi ích đầu tiên của việc học Phật, chính là thân tâm khỏe mạnh, pháp hỷ sung mãn, đi đến đâu cũng mỉm cười, giống như Bồ Tát Di Lặc vậy, đây mới là tướng học Phật chứ. Người ta thấy nét mặt của bạn mỗi ngày là ưu tư, âu sầu, họ còn có thể học Phật được sao? Học Phật có được lợi ích gì chứ? Không thấy có lợi ích, mà chỉ thấy khuôn mặt khó coi của bạn, thì người ta sẽ sợ chạy mất. Cho nên nhiều năm rồi tôi thường khuyên bảo mọi người, học Phật cái đầu tiên, đạt được lợi ích đầu tiên, là tướng mạo trở nên đẹp, cơ thể tuy có bệnh, bệnh không cần chữa, mà tự nhiên hết bệnh. Vì sao vậy? Vì thay đổi từ trong ý niệm. Chỗ nào có đau, thì chắc chắn bản thân mình chỗ đó có trục trặc, sự trục trặc này quy về chỗ cuối cùng chính là ý niệm, tư tưởng ngôn hành của chúng ta làm trái ngược lại với tánh đức. Thay đổi lại tâm của mình, thì bệnh của thân thể tự nhiên sẽ được phục hồi, đạo lý này chẳng thể không hiểu, chẳng thể không biết. Cho nên học Phật nếu không hiểu giáo lý, thì bạn sẽ rất khó khăn, bạn học cách nào đây? Quan trọng nhất trong Phật Pháp, đức Phật dạy chúng ta bốn giai đoạn, Tín, Giải, Hành, Chứng. Đương nhiên điều thứ nhất là bạn phải tin, bạn không tin thì bạn sẽ không chịu học. Tin cũng không phải là chuyện dễ dàng, phải có nhân duyên, người bạn thật sự kính ngưỡng, đến khuyên bạn, thì bạn mới tin, người thường khuyên bạn, bạn không chấp nhận đâu. Sau khi tin rồi thì nhất định phải lý giải, thì mới có nền tảng, bạn phải thâm nhập kinh tạng. Tôi học Phật, thầy giáo nói với tôi, Phương Đông Mỹ tiên sinh nói với tôi, triết học của đạo Phật không ở trong tự viện, ở đâu vậy? Ở trong kinh tạng, sự chỉ dẫn này vô cùng quan trọng, nếu như thầy ấy không nói rõ cho tôi trước, tôi vào trong chùa thấy người xuất gia, không giống trong kinh đức Phật nói, thì tôi sẽ không tin, tôi sẽ hoài nghi. Cho nên thầy giáo nói, không ở trong tự viện, thầy ấy nói với tôi, tự viện ngày xưa, người xuất gia thật sự có đạo đức, thật sự có học vấn, thầy của vua, đó là sự thật. Ngày nay họ không học nữa, họ không học cũng chẳng sao, còn ở trong kinh điển, cho nên chúng ta học Phật học ở đâu đây? Lúc này tìm đến kinh điển, cho nên từ khi thầy giáo giới thiệu với tôi đến nay là năm mươi chín năm, không có ngày nào rời xa kinh điển, càng đọc càng hoan hỷ, càng đọc càng khỏe mạnh. Thật sự vấn đề gì, đều có thể tìm thấy lý luận trong kinh điển, tìm thấy phương pháp giải quyết, thật sự không thể nghĩ bàn. Tôi quen biết Chương Gia đại sư, Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, kêu tôi học đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sự hướng dẫn

này cũng vô cùng quan trọng. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni một đời dạy học, không làm việc khác, dạy học mới thật sự là cứu khổ cứu nạn. Vì sao vậy? Vì phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc. Khổ từ đâu mà có? Khổ từ mê mà có, vui từ đâu mà có? Vui từ giác ngộ mà có. Cho nên phá mê là giúp cho người ta ly khổ, giác ngộ là giúp cho người ta đắc lạc. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm công việc này, không làm việc thứ hai nào khác. Cho nên thầy giáo bảo tôi đọc bộ sách đầu tiên, chính là Thích Ca Phổ, Thích Ca Phương Chí, trong đại tạng kinh có hai quyển sách này, hai quyển sách này do người đời Đường viết, chính là truyện ký của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Bạn học Phật, trước bạn phải biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bạn hiểu rõ Ngài rồi, thì bạn mới không học sai, bạn không nhận biết Ngài, không hiểu rõ Ngài, thì bạn học gì chứ? Câu nói này rất có lý, cho nên quý vị thấy tôi niệm niệm không quên thầy giáo, thầy giáo quá từ bi, chỉ dẫn con đường này, khiến cho chúng tôi đời này, được lợi ích không gì sánh bằng, chẳng thể không biết ơn thầy, niệm niệm không quên thầy.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 49

Giảng ngày 24 tháng 05 năm 2010

Tại Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ năm mươi một, hàng thứ nhất, bắt đầu từ câu cuối cùng.

“Phu Pháp Hoa giả, nữi Thiên Thai tông sùng vi thuận viên độc diệu giả dã. Hoa Nghiêm nữi Hiền Thủ tông tôn vi Biệt Giáo nhất thừa, sự sự vô ngại, toàn viên chi giáo dã. Kim Ngẫu Ích đại sư chỉ xuất, Thiên Thai chi thuận viên, Hiền Thủ chi toàn viên. Kỳ mật tùy dĩ áo tạng, giai bất xuất thử đại kinh chi ngoại”. Chúng ta xem đến đoạn này.

Đoạn trước Niệm lão dẫn chứng Yêu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Đức Thế Tôn ở sau thời diệt pháp, kinh điển của đạo Phật trên thế gian này đều mất hết, không tìm lại được nữa. Cuối cùng đặc biệt lưu lại bộ kinh này, chính là kinh Vô Lượng Thọ trụ lại thế gian một trăm năm. Kinh điển của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đến cuối cùng chỉ còn lại bộ kinh này. Bây giờ chúng ta biết được kinh Vô Lượng Thọ, tổng cộng có chín bản khác nhau, trong tương lai lưu lại thế gian là bản nào? Chúng tôi có thể khẳng định rằng, là cuốn hội tập của Hạ Liên Cư lão cư sỹ. Vì sao vậy? Chúng tôi mở chín bản ra xem, thấy kinh văn trong cuốn này rất thông suốt, đọc rất dễ, ai thấy cũng thích, chắc chắn sau này người đọc tụng rất nhiều, người học tập rất nhiều, người lưu truyền cũng rất nhiều. Pháp duyên của bộ kinh này thù thắng không gì sánh bằng, tôi đã giảng qua rất nhiều lần, đây là lần thứ mười một. Bất luận là giảng ở đâu, thính chúng bao giờ cũng đông hơn giảng những bộ kinh khác, từ thâm sâu cảm nhận được pháp duyên này không thể nghĩ bàn. Cho nên chúng tôi biết được, bộ kinh này sẽ lưu truyền đến đời sau chín nghìn năm. Quảng độ chúng sanh, vì bộ kinh này người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, không biết được là bao nhiêu.

Đại Sư lại tán thán nói: Hoa Nghiêm áo tạng, Pháp Hoa bí tủy, là tất cả tâm yếu của chư Phật, là kim chỉ nam của Bồ Tát vạn hạnh, đều không rời bộ kinh này, đều ở trong bộ kinh này. Bây giờ chúng ta xem tiếp Pháp Hoa, Thiên Thai tông tôn sùng là tất cả kinh giáo mà Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt bốn mươi chín năm, thuần viên độc diệu. Người xưa phân nói thành Nhất Thừa Giáo, cao hơn Đại Thừa một bậc. Nhất Thừa Giáo người xưa công nhận ba bộ kinh là: Kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Phạm Võng. Rất tiếc là kinh Phạm Võng không truyền vào Trung Quốc, truyền vào Trung Quốc chỉ có một phẩm, Bồ Tát Tâm Địa Giới Phẩm, toàn bộ quyển kinh không truyền đến. Hoa Nghiêm nghĩa là tông Hiền Thủ tôn sùng là Biệt Giáo nhất thừa, Biệt là đặc biệt. Những điều trong bộ kinh này nói, trong những bộ kinh khác Đức Phật chưa từng nói, đây là nhất thừa. Điều gì đức Phật chưa từng nói qua? Là sự sự vô ngại, lý sự vô ngại thì có, trong những kinh khác có nói, nhưng sự sự vô ngại thì không có, cho nên đây là điều duy nhất có trong kinh Hoa Nghiêm, gọi là Biệt Giáo Nhất Thừa, “toàn viên chi giáo”.

“Kim Ngẫu Ích đại sư chỉ xuất, Thiên Thai chi thuần viên, Hiền Thủ chi toàn viên. Kỳ mật tủy dữ áo tạng, giai bất xuất thử đại kinh chi ngoại”. Ở đây đưa kinh Vô Lượng Thọ lên rồi, cho thấy bộ kinh này đúng là toàn viên, lại là tinh túy của kinh Pháp Hoa, cũng là thuần viên. Nói cách khác, bộ kinh này là viên trong viên, cách nhìn này, cùng với sự phân giáo của chư vị Tổ Sư Nhật bản, là dị khẩu đồng

thanh. Điều này ở đoạn trước chúng ta có thấy, Niệm lão dẫn chứng chư vị Tổ Sư của Nhật Bản ngày xưa, họ cũng có cách nhìn này. Đúng như tông môn gọi là, lỗ mũi thông khí vậy, cách nhìn của họ hoàn toàn giống nhau.

Pháp sư Ấn Quang của Tịnh Tông thời cận đại, tán thán cuốn Yếu Giải. Đoạn văn này ngài hoàn toàn dẫn chứng, Ấn Quang đại sư, tán thán Di Đà Kinh Yếu Giải: Lý sự mỗi cái đến chỗ cùng. Lý là nói về lý luận, sự là nói về sự tướng, đều giảng đến chỗ rốt ráo, văn của cuốn Yếu Giải không nhiều, nhưng giảng rất thấu triệt. Người xưa giảng bộ kinh này, chú bộ kinh này, những điều không nói đến, thì Ngẫu Ích đại sư nói đến, là bộ chú giải đầu tiên từ khi Đức Phật nói bộ kinh này. Đây là lời tán thán của Ấn Quang đại sư đối với cuốn Di Đà Yếu Giải, “diệu cực xác cực”. Diệu là vi diệu, là huyền diệu, xác là chính xác, không hề có một chút sai lầm. Những điều chú giải thật sự là bổn nghĩa của đức Phật. Cho dù Cổ Phật xuất thế, để chú giải lại bộ kinh này, thì cũng không thể hay hơn cuốn này. Tán thán như thế, là tán thán đến đỉnh điểm, không có gì cao hơn điều này nữa. Chúng ta nên biết rằng, tiểu bản kinh Di Đà và bộ kinh này thuộc về một loại, thuộc về cùng một bộ. Đối với kinh Di Đà mà tán thán như vậy, thì cũng có nghĩa là tán thán kinh Vô Lượng Thọ. Bộ kinh này ở trong Phật Pháp, nó có địa vị thế nào, là chúng ta biết được rồi. Cho thấy cuốn Yếu Giải phân bộ kinh này, giống như đích thân Đức Phật phân vậy. Phán giáo của Ngẫu Ích đại sư, như đức Phật A Di Đà, như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đích thân phân giáo vậy. Những lời này đều là giúp cho chúng ta kiến lập niềm tin, nếu như chúng ta thật sự tin tưởng, không hề hoài nghi chút nào, thì thiện căn phước đức của người này không thể đo lường được. Năng tín, năng giải đó là thiện căn viên mãn, sự việc này, với chuyện có học qua không, có biết chữ hay không, nói cho các vị biết, không hề liên quan. Học nhiều lại sanh tâm hoài nghi, những ông bà già ở thôn quê không có học, không biết chữ, họ nghe rồi tin ngay, họ không hoài nghi, chịu niệm Phật, nguyện vãng sanh họ đều thành tựu được, họ đều về thế giới Cực Lạc để làm Phật. Trên thế gian này có rất nhiều học giả chuyên gia, họ còn hoài nghi, đối với thế giới Cực Lạc có rất nhiều nghi vấn, vẫn gieo nhân lục đạo luân hồi như cũ. Chúng ta suy nghĩ thử xem, ai là người có trí huệ, ai là người có phước báo? Chẳng phải đã rõ ràng rồi sao? Chúng ta thấy rõ ràng rồi, nhất định phải quay trở lại suy nghĩ chính bản thân mình xem, mình có thiện căn phước đức hay không? Duyên thì gặp rồi đấy, nhưng có thiện căn phước đức hay không? Thiện căn là năng tín, năng giải, chân tín, chân giải, phước đức là thật tu. Người có đại phước đức, chắc chắn là người buông bỏ thân tâm thế giới, đó thật là phước đức. Chúng ta ngày nay chẳng

thể nói là không tin, chẳng thể nói là không giải, chẳng thể nói là không có nguyện, vì sao công phu không đắc lực? Trong tín nguyện giải hành của chúng ta có nghi vấn, có xen tạp. Vì sao lại xen tạp? Vì thể duyên không buông bỏ được, đối với danh văn lợi dưỡng của thế gian này, đối với ngũ dục lục trần vẫn còn tham luyến, quan trọng nhất trong tham luyến không gì bằng tình chấp. Có thể siêu việt tình chấp, thì thật sự là đại thiện căn, đại phước đức. Vì sao vậy? Vì người này chắc chắn thành tựu, hơn nữa sự thành tựu này chắc hẳn cao hơn người thường. Tình chấp sâu dày không chịu buông bỏ, tuy được vãng sanh cũng chỉ ở Phạm Thánh Đồng Cư độ, điều này chúng ta cần nên hiểu rõ ràng. Chúng ta hy vọng bản thân mình sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc phẩm vị cao, hay chấp nhận hạ phẩm hạ sanh là vừa lòng rồi? Chúng ta cần nên nhận biết rõ ràng, tình chấp quá nặng, e rằng đến khi đó không được vãng sanh đấy. Phải buông bỏ, khi nào thì buông bỏ? Bây giờ cần phải buông bỏ, đừng nói rằng bây giờ mình còn trẻ, chờ mình già rồi hãy buông bỏ, chờ đến khi mình gần chết rồi buông bỏ, e rằng đến khi đó không kịp nữa đâu, đến khi đó ngay bản thân mình không làm chủ được, ngay bây giờ phải tập thành thói quen.

Ấn Quang đại sư dạy chúng ta thường nghĩ đến chữ chết, ngày nào cũng nhìn chữ này, ngày nào cũng nghĩ đến chữ này, một hơi thở ra không hít vào nữa, thật sự chết rồi. Nhất định phải biết rằng, thời gian chúng ta sống ở thế gian này không dài, đời sau phải làm sao đây? Nhất định phải nhận biết sanh tử một cách rõ ràng, thân này có sanh tử, nhưng linh tánh bất sanh bất diệt. Khi mê thì gọi là linh hồn, khi ngộ thì gọi là linh tánh. Linh hồn biến thành linh tánh gọi là biến dịch sanh tử, người học Phật biết có hai loại sanh tử, là phần đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử. Sanh tử của thân xác chúng ta đây gọi là phần đoạn sanh tử. Linh hồn chuyển lên cao hơn gọi là biến dịch sanh tử. Tự tánh không có hiện tượng sanh tử, thật sự nó bất sanh bất diệt, là linh hồn chuyển mê thành ngộ, nó giác ngộ. Giác ngộ rồi thì gọi là linh tánh, chứ không gọi là linh hồn nữa. Chưa giác ngộ thì linh hồn không ra khỏi lục đạo luân hồi, sau khi giác ngộ rồi thì nó siêu việt. Vì sao vậy? Vì lục đạo luân hồi là giả, nó không có thật, không còn lưu luyến lục đạo thì là siêu việt. Chẳng phải họ không có năng lực siêu việt, mà chỗ họ lưu luyến thì không muốn siêu việt, đây là mê. Cho nên giác ngộ là siêu việt, chúng ta phải biết quý trọng linh tánh của chính mình, không làm việc hồ đồ nữa. Ở trong kinh đức Phật dạy chúng ta: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”. Chẳng những không lưu luyến lục đạo, mà Tứ Thánh pháp giới cũng không lưu luyến. Các vị nên biết rằng, Tứ Thánh là Phương Tiện Hữu Dư Độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nơi đó gọi là Tịnh Độ. Vì sao gọi là tịnh? Vì không có thiện ác, có thiện có ác là nhiễm ô không thanh

tình. Bạn xem bạn làm việc thiện, thì được hưởng quả báo trong ba đường thiện, làm việc ác thì chịu quả báo nơi ba đường ác, ở trong luân hồi. Lục đạo là nhiễm ô, là uế độ, ngũ trược ác thế, điều này cần nên biết. Trong mắt của chư Phật Bồ Tát, lục đạo là biển khổ, trôi lên lặn xuống. Đức Phật nhìn thấy những chúng sanh này thường thở dài nói: “Đứa con đáng thương”, quá hồ đồ, đúng ra không phải chịu những tội khổ này. Hồ đồ, những người mê muội sâu dày còn cho đó là vui, thật sự không muốn ra khỏi. Chỉ có người giác ngộ hiểu rõ, một chút giác ngộ này của chúng ta có được không dễ dàng. Mấy chục năm không rời xa kinh giáo, ở trong kinh giáo nhận được thông tin này, huân tập thời gian dài, khiến cho chúng ta từ từ cảm nhận được, đây là sự việc chân thật, có lý luận y cứ, không hề sai chút nào, cần nên buông bỏ nó, nên buông bỏ sớm, càng sớm càng tốt. Nếu nương vào tiêu chuẩn của chư Phật Bồ Tát mà nói, là ngay đây buông bỏ, tuyệt đối chính xác, buông bỏ thì bạn sẽ thành tựu. Buông bỏ chấp trước thì bạn thành A La Hán. Buông bỏ phân biệt thì bạn thành Bồ Tát. Buông bỏ khởi tâm động niệm, thì bạn sẽ hồi quy tự tánh, bạn sẽ thành Phật. Trong Ấn Quang đại sư toàn tập, cuốn cuối cùng là Vĩnh Tư Lục, trong đó có một bài, viết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát ở thế giới Cực Lạc tái lai, có thể tin tưởng được, đây là lời Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán. Thân thế của ngài Ngẫu Ích đại sư không tiết lộ, Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán ngài như thế, Ngài là người như thế nào? Bạn xem, dù là cổ Phật xuất thế chú giải lại bộ kinh này, thì cũng không thể hay hơn cuốn này. Ngài có phải là Đức Phật tái lai chăng? Câu này có nghĩa là Ngài chính là Đức Phật tái lai, có phải là Phật A Di Đà chăng? Ấn Quang đại sư không nói rõ. Chúng ta nương vào trí huệ mà phán đoán, nếu không phải là Đức Phật A Di Đà tái lai, thì chắc chắn cũng là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai. Quán Thế Âm Bồ Tát từ kiếp xa xưa đã thành Phật rồi, bây giờ ở thế giới Cực Lạc gọi là Đào Giá Từ Hàng, với địa vị Bồ Tát để giúp cho đức Phật A Di Đà, quảng độ chúng sanh. Tiếp tục coi đoạn dưới đây:

Lại nữa, Sớ Sao nói rằng, y tông Hiền Thủ phân giáo thành năm thời, là tiểu, thi, chung, đốn, viên. Đây là năm thời, tiểu giáo, thi giáo, chung giáo, đốn giáo, viên giáo. Nay bộ kinh này thuộc về đốn giáo, cũng lại kiêm thông trước sau nhị giáo. Đốn giáo này, trong đây thông trước là chung giáo, thông sau là viên giáo. Đây là y theo cách nhìn của tông Hoa Nghiêm, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, là thuộc về loại giáo nào.

Lại nói, tứ pháp giới là: Một là sự pháp giới, hai là lý pháp giới, ba là lý sự vô ngại pháp giới, ba điều này trong các kinh giáo đều có. Bốn là sự sự vô ngại

pháp giới, điều này chỉ có duy nhất trong kinh Hoa Nghiêm, nên có tên là Biệt giáo nhất thừa. Ở đây đã nói rõ ràng, vì sao nó có tên là Biệt giáo nhất thừa, nói về tứ pháp giới, tứ pháp giới này, đặc biệt là sự sự vô ngại pháp giới. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng nhiều kinh luận như thế, nhưng chỉ có kinh Hoa Nghiêm là giảng đến sự sự vô ngại, đó thật sự gọi là toàn viên. Cho nên kinh Hoa Nghiêm được gọi là biệt giáo nhất thừa.

Lấy Hoa Nghiêm toàn viên, thì nay được ít phần, giáo này so với kinh Hoa Nghiêm, viên giáo nhiếp hết kinh này, kinh này phần nhiếp viên giáo. Kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà, có một bộ phận ngang bằng với kinh Hoa Nghiêm, cho nên Liên Trì đại sư phân tiểu bản là phân viên. Cho nên đưa ra hai cuốn đại bản và tiểu bản, sự sự vô ngại pháp giới có mười, để chứng minh phân kinh Di Đà thuộc về viên giáo. Chúng ta biết khi ngài Liên Trì đại sư còn tại thế, vì sao Ngài lại làm như vậy? Vào thời ngài Liên Trì Đại sư, Tông Tịnh Độ vô cùng suy yếu, ở trong xã hội, người ta cho rằng đây là pháp môn dành cho các bà già, vào thời đó Thiền Tông hưng thịnh, trong đạo Phật phổ biến là tham thiền. Liên Trì đại sư biết được tham thiền sẽ không khai ngộ, tham thiền không khai ngộ, thì không đạt được lợi ích chân thật, cùng lắm là đạt được thiên định, vào thời đó người đạt được thiên định rất nhiều. Đạt được thiên định tương lai sẽ đi về đâu? Đều về cõi trời tứ thiên, xem công phu sâu cạn của bạn, công phu cạn là sơ thiên, nhị thiên, công phu sâu thì tam thiên, tứ thiên, đều đến đó. Người ta quên rằng, phước trời hưởng hết rồi lại đọa xuống luân hồi, ngàn năm có câu: “Trèo càng cao thì té càng đau”, trèo đến tứ thiên thiên, trèo đến tứ không thiên, tương lai thọ mạng hết rồi thì đi về đâu? Đa phần đều đến địa ngục A Tỳ. Vì sao vậy? Vì họ ngộ nhận, xem tứ thiên, tứ không thiên là cứu cánh Niết Bàn, sanh ra cảm giác sai lầm nghiêm trọng, họ cho là họ đã thành Phật rồi. Đến khi thọ mạng hết rồi, phiền não lại hiện tiền, họ sẽ hoài nghi: Bạn xem sự tu tập trong Phật giáo, chúng ta đã tu đến trình độ này rồi, vì sao vẫn còn khởi phiền não, hay là chúng ta bị Đức Phật gạt rồi? Vừa khởi lên ý niệm này, là phỉ báng Phật, phỉ báng Pháp, phỉ báng Tăng, lỗi lầm phỉ báng Tam Bảo, chính là A Tỳ địa ngục. Đây chính là nguyên nhân trèo càng cao thì té càng đau, vì sao họ lại đọa vào địa ngục? Họ hoài nghi đối với đức Phật, họ hoài nghi đối với thánh giáo, hoài nghi đối với người tu hành, bản thân họ là người tu hành, lấy mình làm ví dụ. Cho nên sanh về cõi trời không cứu cánh, trên trời phước báo lớn, thọ mạng dài. Chúng ta cần nên quán sát kỹ, quán sát kỹ thì biết được, thọ mạng dài đó cũng không đủ. Chúng ta thấy con phù du trên nước, con trùng nhỏ chạy tới chạy lui trên nước, tôi nghĩ rất nhiều người từng nhìn thấy, thọ mạng của nó sáng sanh chiều chết, đó là một đời của nó, sáng sớm sanh ra đến tối thì chết. Nếu nó thấy con

người chúng ta sống mấy chục năm, chẳng phải giống như chúng ta thấy người cỡi trời sao? Thật sự ở cỡi trời Đạo Lợi thấy con người ở cỡi nhân gian chúng ta, cũng giống như chúng ta nhìn con phù du vậy, một ngày ở cỡi trời Đạo Lợi, bằng trăm năm ở cỡi nhân gian chúng ta. Con người ở cỡi nhân gian này sống được trăm tuổi cho là trường thọ, nhưng chỉ là một ngày ở cỡi trời Đạo Lợi. Nếu năm mươi tuổi qua đời thì mới chỉ có nửa ngày. Các bạn nghĩ thử xem có phải là như vậy không? Chúng ta suy nghĩ thông sự việc này, thì đối với thiên đạo sẽ không ngưỡng mộ nữa. Bất sanh bất diệt, vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc là bất sanh bất diệt, đây là sự thật, không dối gạt đâu. Vô lượng thọ đó là sự thật, hơn nữa về thế giới Cực Lạc, chẳng có ai là không một đời chứng được Phật quả viên mãn, nghĩa là thật sự hồi quy tự tánh. Hồi quy tự tánh thật sự bình đẳng, chắc chắn không có Phật trước Phật sau. Giống như biển cả, nước của sông ngòi, khi nước chảy trong sông ngòi thì có trước có sau, người xưa nói rằng: Trường Giang sóng sau đuổi sóng trước. Có trước có sau, chảy về biển rồi thì không còn trước sau nữa. Lục đạo chúng sanh, thập pháp giới chúng sanh, khi chưa ra khỏi luân hồi, chưa ra khỏi lục đạo, chưa ra khỏi thập pháp giới, thì có cao thấp thứ lớp không đồng nhau, vào Thường Tịch Quang rồi, thì hiện tượng sai biệt này hoàn toàn không còn nữa. Giống như nước trong sông ngòi chảy về biển cả vậy, hiện tượng bình đẳng hiện tiền, đó là bình đẳng thật, chứ không phải là bình đẳng giả đâu, trí huệ đức tướng hoàn toàn bình đẳng. Chân tướng sự thật này, hiện tại bày ra trước mặt chúng ta, chúng ta phải chọn lựa cách nào, chọn lựa tương lai của chúng ta. Chúng ta hy vọng thành Phật, hy vọng thành Bồ Tát, hay là hy vọng tiếp tục ở trong lục đạo cầu sanh lên trời? Sự khởi tâm động niệm của chúng ta, ngôn ngữ hành động của chúng ta, quyết định nguyện vọng của chúng ta có thể đạt được hay không? Nếu bạn chân tín, chân nguyện, chân tu, thì chắc chắn bạn có thể đạt được. Phạm phu một đời có thể thành Phật, đây là điều pháp môn Tịnh Tông nói, chư vị cổ đức xưa này đều khẳng định cách nói này, đem bộ kinh này, phân giáo bằng với kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, nhất thừa viên đốn đại giáo. Chúng ta hoài nghi nó, không có niềm tin đầy đủ đối với nó, vẫn còn nghiên cứu kinh giáo của pháp môn khác, nhận biết không rõ ràng, thật sự nhận biết rõ rồi, pháp môn khác chẳng phải là không hay, vì sao chúng ta không chọn pháp môn khác? Vì một đời không thể thành tựu, nó phải đoạn hoặc, đoạn hoặc quá khó khăn. Pháp môn này thì không cần đoạn hoặc, chỉ cần một câu A Di Đà Phật công phu đặc lực, không chế được phiền não, điều phục được phiền não, điều này chúng ta có thể làm được, đoạn hoặc quá khó, nhưng những pháp môn khác, không đoạn hoặc thì không thể thành tựu, hàng phục được

phiền não thì bạn chỉ có thể sanh lên cõi trời, bạn vẫn không ra khỏi lục đạo luân hồi, chân tướng sự thật này chẳng thể không biết.

Chúng ta xem tiếp đoạn sau: Cho thấy Liên Trì đại sư, cũng phân kinh Di Đà là viên đốn giáo, đây là điểm các vị cổ đức của Trung Quốc và Nhật Bản giống nhau. Khác nhau là, hoặc tôn sùng đây là viên trung chi viên, hoặc khiêm nhường cho rằng đây là phân viên, điều này do cơ duyên khác nhau mà thiện xảo bất đồng. Đoạn trước chúng ta thấy ngài Liên Trì, ngài Ngẫu Ích, đều nói nó là phân viên, đây là gì? Là khách sáo, là khiêm nhường. Liên Trì đại sư viết cuốn Di Đà Kinh Sớ Sao, kết cấu của cuốn Sớ Sao đó, rất giống Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao. Vì thời đó Thiền Tông rất hưng thịnh, mọi người đua nhau đi học thiền, tổ sư từ bi, thấy những người này học thiền sẽ không thành tựu, nhưng kêu họ bỏ thiền để tu Tịnh Độ, họ không bằng lòng, rất xem thường Tịnh Độ. Cho nên ngài cũng dùng thập huyền môn, để giải thích nghĩa lý trong kinh Di Đà, nói lên kinh Di Đà và kinh Hoa Nghiêm là một chẳng phải hai. Bởi vì người học Phật nhắc đến kinh Hoa Nghiêm, thì không ai chẳng tôn kính, không ai chẳng hướng về. Liên Trì đại sư đã dùng phương pháp này, đưa Tịnh Tông lên ngang hàng với Hoa Nghiêm. Mọi người đọc Sớ Sao rồi, mới thật sự nhận biết bản lai diện mục của Tịnh Tông, thù thắng không gì bằng, chẳng khác gì Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm viên mãn thành tựu, đến cuối cùng vẫn là, Phổ Hiền Bồ Tát thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc, Hoa Nghiêm cuối cùng quy về Tịnh Độ, kinh Hoa Nghiêm cuối cùng nhập Vô Lượng Thọ. Tịnh Độ Tông đã được phục hưng từ tay của hai vị này, tiếp theo ngài Liên Trì là ngài Ngẫu Ích, hai thầy trò của Ngài là tổ sư của Tông Tịnh Độ. Liên Trì đại sư là vị tổ đời thứ tám, Ngẫu Ích đại sư là đời thứ chín, vô vùng gian khổ, nhưng đây là sự thật, không phải giả dối đâu. Mỗi câu nói đều rất có lý, nếu như làm theo kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà, thì là viên trung chi viên, đây là sự thật, lời nói này không phải tùy tiện nói ra đâu, đây là bậc cổ đức đời Tùy Đường. “Hoặc khiêm chi”, khiêm nhường một chút, “phân thuộc ư viên”, một bộ phận là viên. Ngẫu Ích đại sư, Liên Trì đại sư, vào thời đó phải khiêm nhường một chút. Học giả chân chánh trong tâm hiểu rõ, ngài Liên Trì, ngài Ngẫu Ích không nói viên trung chi viên, mà nói một bộ phận là viên, đây là cơ duyên có khác, nên thiện xảo bất đồng, ý nghĩa trong câu nói này vô cùng sâu sắc.

“Liên Trì bản hoài dữ Thiện Đạo, Ngẫu Ích”, bản hoài của ngài Liên Trì đại sư, và Thiện Đạo đại sư, Ngẫu Ích đại sư, cùng với chư vị cổ đức Nhật Bản chẳng phải không có khác. Đứng về mặt bản tích mà nói, bản của họ đều không tiết lộ ra, chúng ta không biết được. Ngài Thiện Đạo là đức Phật A Di Đà tái lai, Ngài tiết lộ

ra, cho nên chúng ta có thể tin tưởng, các vị này không phải là phàm nhân, người phàm không thể làm được, người phàm viết chú giải cho cuốn kinh Di Đà, có thể hơn được Sớ Sao chăng? Có thể hơn được Yếu Giải chăng? Không thể được.

Dưới đây có nói: “Viết cuốn Sớ Sao này trong lúc Thiên Tông hưng thịnh, cho nên chẳng thể không quyền nghi thiên xảo, phù hợp với quần cơ, mà phương tiện nói như vậy”. Mấy câu này nói rất hay, cho nên không nói nó là viên trung chi viên, mà nói nó một bộ phận là viên, đây là khiêm nhường, là khách sáo, tránh tranh luận, tránh đố kỵ, tránh chướng ngại. Chỉ cần mọi người thật sự nhận biết pháp môn Tịnh Độ, thì đạt được mục đích rồi.

Đúng như cư sỹ Thẩm Thiện Đăng nói, gọi là Bồ Tát đại quyền, là bậc đương cơ, nhân bệnh cho thuốc, hợp với thời tiết nhân duyên vậy.

Thẩm cư sỹ nói rất đúng, Bồ Tát Ma Ha Tát là Đại Bồ Tát, cơ duyên của chúng sanh thành thực, cơ duyên thành thực rồi, thì sẽ cảm ứng đạo giao với chư Phật Bồ Tát. Chúng sanh tuy không phát nguyện cầu Phật Bồ Tát, nhưng chư Phật Bồ Tát biết, chứ chẳng phải là không biết, bạn thành thực rồi. Thế nào gọi là thành thực? Là có thể tiếp nhận, vừa tiếp xúc với bạn, bạn không phản đối, bạn hoan hỷ tiếp nhận, là duyên thành thực rồi. Dùng phương pháp nào để giảng, để tiếp dẫn, khiến bạn dễ dàng tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, phát tâm y giáo phục hành. Ở trong Phật Pháp gọi là chúng sanh căn cơ thành thực, người này thiện căn thành thực, nên dùng những phương pháp thiện xảo phương tiện này, giúp đỡ họ, thành tựu cho họ.

Liên Trì đại sư ở trong Sớ Sao, dẫn chứng lời văn sự sự vô ngại trong kinh điển Tịnh Độ, thật ngụ thâm ý, tức chứng khổ tâm. Trong kinh Di Đà, trong kinh Vô Lượng Thọ có ghi, chỉ do những độc giả thông thường, cách nhìn nông cạn không thể thâm nhập được, đây là sự thật. Chúng tôi học Phật nhiều năm rồi nên cảm nhận rất sâu sắc, sự lý giải của bạn đối với kinh điển, kinh điển có thể nói là sâu rộng vô bờ bến, không có biên giới, bạn có thể hiểu được mấy phần, đó là công phu tu hành của bạn. Công phu của bạn càng cao, thì bạn thấy càng sâu càng rộng, công phu của bạn cạn thì sẽ không thấy được, cho nên bộ kinh này đọc hoài cũng không thấy ngán. Hôm qua thấy được ý nghĩa mới, hôm nay lại có ý nghĩa mới nữa, ngày mai còn nữa, không có cùng tận, cho nên pháp vị của nó đậm. Khác với sách của thế gian, sách của thế gian không đậm như vậy, nó thật sự có phạm vi, bạn đọc qua mấy lần rồi thì không muốn đọc nữa. Vì sao vậy? Vì biết hết rồi.

Nhưng kinh điển của Phật, sách của thánh nhân, bạn đọc cách mấy, thì mùi vị của nó cũng vô cùng tận, Tứ Thư Ngũ Kinh của Trung Quốc có sức mạnh này, mùi vị trong kinh Phật còn đậm hơn đây nhiều. Tùy theo cảnh giới của mỗi người khác nhau, cảnh giới ngày một nâng cao, bạn đọc kinh mỗi ngày khai trí huệ, cho nên bạn càng đọc càng thấy hoan hỷ, càng đọc bạn càng không thể buông tay. Nó có sức hấp thụ lớn như vậy, vì sao vậy? Vì nó từ trong tự tánh lưu xuất ra, ở trong tự tánh vốn đầy đủ đức tướng, trí huệ, vô cùng vô tận. Trong tự tánh lưu xuất ra mỗi chữ, mỗi câu, đều là vô lượng nghĩa, vô tận nghĩa. Ngài Liên Trì và ngài Ngẫu Ích là người như thế nào? Ngài xem kinh Di Đà, không khác gì với kinh Hoa Nghiêm, những điều có trong kinh Hoa Nghiêm, thì trong kinh Di Đà cũng có, Ngài đã phát minh ra, chúng ta nghe rồi, chúng ta đọc rồi thấy phục, chẳng thể không phục. Ngài đã thấy được, nhưng chúng ta không thấy được, các Ngài thâm nhập, còn chúng ta thì thô thiển. Nếu như các Ngài là Phật, là chư Phật Như Lai tái lai, thì không còn gì để nói nữa! Điều các Ngài nói là nhất thừa cứu cánh viên mãn, để giải thích bộ kinh Di Đà này, kinh Di Đà cũng biến thành nhất thừa cứu cánh viên mãn. Cho nên nói một kinh thông thì tất cả các kinh đều thông, cái lý là ở chỗ này, thật sự thông chứ không phải thông giả đâu, tất cả pháp của thế và xuất thế gian đều thông. Cho nên khi đó Ngài đã làm như vậy, thật sự đã đưa Tịnh Độ bị suy, phục hưng lên, nâng cao lên, pháp môn này mới thật sự phổ độ chúng sanh. Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Thiên Tông hay, nhưng đó cần bậc thượng thượng căn, không phải bậc thượng thượng căn, bậc trung hạ căn học, có được lợi ích chăng? Cũng có, giúp cho bạn nâng cao cảnh giới vẫn còn có hạn. Vì sao vậy? Vì vọng tưởng phân biệt chấp trước không buông bỏ, đây là sự thật. Cho nên bạn học kinh điển nhất thừa này, bạn tiến lên rất có hạn, bề ngoài tiến lên, bạn có thể giảng được rất lưu loát, đây là bề ngoài. Ở trong những trước tác, văn chương bạn có thể phát huy, giảng giải thông suốt, đây cũng là bề mặt bên ngoài. Còn trong nội tâm? Cảnh giới của nội tâm không thay đổi, vẫn là tự tư tự lợi, vẫn là danh văn lợi dưỡng, vẫn còn tham hưởng thụ ngũ dục lục trần. Nói cách khác, bạn vẫn là tâm luân hồi như xưa, học Phật cũng là việc luân hồi, điều này chẳng thể không biết. Thật sự học Phật, đặc biệt là trong giáo pháp nhất thừa, nhất thừa giáo giảng về điều gì? Là chuyển tâm luân hồi của chúng ta thành tâm Bồ Đề, đây là đạo nhất thừa. Cho nên tu tập kinh Vô Lượng Thọ, bạn xem mọi người giảng rõ ràng biết bao, tam bối vãng sanh đều là phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm. Nếu bạn không cải tâm luân hồi thành tâm Bồ Đề, thì không thể vãng sanh. Vì sao vậy? Vì thế giới Cực Lạc là Đại Thừa. Cảnh giới Đại Thừa, được kiến lập từ nền tảng của tâm Bồ Đề. Tâm Bồ Đề chúng ta dùng đề kinh để giải thích, thì mọi người sẽ dễ hiểu. Thế của tâm Bồ Đề,

bản thể là chân thành, chân chắc chắn không phải là giả, thành chắc chắn không phải là hư vọng, không phải hư ngụy. Nó khởi tác dụng đối với bản thân là thanh tịnh bình đẳng giác, đối với bên ngoài là đại từ đại bi, đây là tâm Bồ Đề. Đối với mình đoạn phiền não, học pháp môn, thành Phật đạo. Phiền não đoạn rồi, thì tâm thanh tịnh hiện tiền, pháp môn thông rồi, thì tâm bình đẳng hiện tiền, giác ngộ rồi, thì đã thành tựu Phật đạo. Bạn xem năm chữ này, có phải là tứ hoằng thệ nguyện chăng? Phải! Đối với bên ngoài, chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, đại từ đại bi độ chúng sanh, đây chẳng phải là tứ hoằng thệ nguyện sao. Phát tâm này thì tương ứng với tâm của Đức Phật A Di Đà, tâm của chúng ta tương ứng với tâm của đức Phật, nguyện của chúng ta tương ứng với nguyện của Đức Phật. Thành lập Tịnh Tông học hội, chúng tôi đề xướng chuyên tu, soạn ra một cuốn nhật tụng. Trong cuốn nhật tụng buổi khuya, đọc phẩm thứ sáu, Tứ Thập Bát Nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ. Lấy bốn mươi tám nguyện của đức Phật A Di Đà, biến thành bốn mươi tám nguyện của chính chúng ta, chúng ta đồng tâm đồng nguyện với đức Phật A Di Đà. Tâm của Đức Phật A Di Đà là thanh tịnh bình đẳng giác, chúng ta cũng là thanh tịnh bình đẳng giác, tâm của chúng ta, nguyện của chúng ta tương đồng. Giải của Đức Phật A Di Đà, trong triết học nói là nhận thức luận, cái nhìn đối với biến Pháp giới hư không giới, đối với vạn sự vạn vật thì đó là giải. Ở đâu? Ở trong kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ đưa ra đại cương, kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm là mục lục nhỏ, cho nên kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, là chú giải của kinh Vô Lượng Thọ, là một chẳng phải hai, giải đồng với Phật. Hàng ngày chúng ta đọc tụng, hàng ngày chúng ta học tập, dùng phương pháp, lý luận này để quán chiếu, chiếu kiến thật tướng của các pháp, chân tướng của tất cả pháp, thì bạn không còn mê nữa, bạn mới thật sự làm được, chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, học Phật là vì vậy. Vì sao phải phổ độ tất cả chúng sanh? Tất cả chúng sanh trong pháp giới hư không giới cùng với mình là một thể, đồng thể đại bi, vô duyên đại từ, thật sự là đồng thể. Ngày nay khoa học cũng nói về đạo lý này, các nhà khoa học cũng khẳng định, vũ trụ cùng với mình là một thể. Chúng ta khởi tâm động niệm, bất luận là có ý hay vô ý, đều ảnh hưởng đến người khác, ảnh hưởng đến xã hội, ảnh hưởng đến sơn hà đại địa. Chúng ta khởi lên ý niệm có ý vô ý quá nhiều, sát na sát na đều khởi lên ý niệm, người dân sống trên thế giới này nhiều như thế, hơn sáu mươi ức người. Ngày nay vì không có sự chỉ dạy của thánh hiền, người Đông Phương xa rời thánh hiền, người Tây Phương xa rời tôn giáo, cho nên ngày nay khởi tâm động niệm, mặt chính thì ít, mặt phụ thì nhiều, tạo thành xã hội hỗn loạn, tạo thành bệnh khổ cho hữu tình chúng sanh, tạo

thành thiên tai cho sơn hà đại địa. Môi trường vật chất, môi trường tinh thần, những trạng thái nó hiện ra, sát na sát na thay đổi, có liên quan đến ý niệm của chúng ta, chứ chẳng phải không có liên quan. Thật sự hiểu được lý này, thì có thể cứu được mình không? Cứu được! Có thể cứu được quả địa cầu này không? Được! Ai có thể làm được? Chính mình, chứ chẳng phải là người khác, cầu người khác là sai, cầu mình mới đúng, không hề sai chút nào. Chỉ cần thay đổi tâm trạng của chúng ta, thì tất cả sự tướng đều thay đổi, lý và sự đều liên kết với nhau, tâm trạng đúng đắn, tâm trạng tốt, thì vấn đề gì cũng giải quyết được. Nếu như tâm trạng không đúng đắn, thì vấn đề gì cũng có, lời dạy của chư Phật Bồ Tát, lời dạy của bậc thánh nhân, không gì khác ngoài việc dạy chúng ta thay đổi tâm trạng, nói cho chúng ta biết tiêu chuẩn đúng đắn là gì? Luân lý là tiêu chuẩn đúng đắn, đạo đức là tiêu chuẩn đúng đắn, nhân quả là tiêu chuẩn đúng đắn, bạn chỉ cần tuân thủ tiêu chuẩn đúng đắn, thì vấn đề của bạn sẽ được giải quyết. Chúng tôi nói như thế cũng chỉ là nói đại cương, nếu bạn hỏi, thế nào là luân lý? Thế nào là đạo đức? Thế nào là nhân quả? Thì bạn mới dễ hạ thủ, bạn mới biết được làm cách nào. Luân lý là quan hệ, quan hệ giữa con người với con người, quan hệ giữa con người với sự việc, sự quan hệ giữa con người với tất cả động vật, quan hệ giữa con người với thực vật, quan hệ giữa con người với sơn hà đại địa, quan hệ giữa con người với vũ trụ, quan hệ giữa con người với sinh vật không cùng tần số không gian, những điều này đều thuộc về luân lý. Chư Phật Bồ Tát cho chúng ta biết, một số quần tộc sống trên quả địa cầu này, chư vị cổ thánh tiên hiền cho chúng ta biết, vũ trụ là một thể, đây là nói về quan hệ luân lý, một sanh mạng thể cộng đồng. Thật sự hiểu rõ về quan hệ rồi, thì chắc chắn đối với những mối quan hệ này bạn sẽ quan tâm hơn, thường xuyên nghĩ về họ, bạn sẽ thương họ, để tâm và lo lắng cho họ, giúp đỡ họ, đây chính là đức. Chư vị cổ thánh tiên hiền giảng rất cụ thể, môi trường sinh sống ở Trung Quốc, về luân lý thì nói có năm loại, gọi là ngũ luân. Trong quan hệ ngũ luân, đức đầu tiên chính là thương, phụ tử hữu thân gọi là thân ái, loại thân ái này phát huy rộng rãi ra, phát huy đến độ thân ái với tất cả chúng sanh. Bạn thương họ thì chắc chắn bạn không hại họ, bạn thật sự thương họ, bạn có thể hy sinh chính mình để thành tựu cho người khác. Vì sao vậy? Vì mình và người là một thể, chẳng phải hai. Nếu không nhận biết như vậy, thì không thể làm được. Chư Phật Bồ Tát, đại thánh tiên hiền, làm bậc mẫu mực cho chúng ta, đó là hy sinh cống hiến, vì tất cả chúng sanh mà phục vụ, vì sao vậy? Vì các Ngài hiểu, các Ngài giác ngộ, các Ngài hiểu được vì tất cả chúng sanh phục vụ, là vì chính mình, chứ không phải vì người khác, mình người là một chẳng phải hai.

Đạo đức chính là quy luật của đại tự nhiên, trong Phật Pháp gọi là tánh đức, tự tánh vốn là như vậy, quy luật chính là đạo, tuân thủ quy luật chính là đức. Con người nếu như suốt cuộc đời đi trên con đường đạo đức, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đều có thể phụng hành mà không làm sai trái, thì tinh thần của họ sẽ ổn định, tâm trạng của họ đúng đắn. Tinh thần đúng đắn và ổn định, ở trong đạo Phật gọi là Tam Muội, nó khởi tác dụng là sanh trí huệ chứ không sanh phiền não. Cho nên trong Phật pháp nói nhân giới được định, giới chính là tuân thủ quy luật đạo đức, định chính là tư tưởng. Tinh thần của bạn ổn định, kể đến là khai trí huệ, khai trí huệ rồi mới thật sự được lợi ích. Đó là gì? Là tự tánh khởi dụng. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta thấy chính là điểm này, lịch đại Tổ Sư thị hiện cho chúng ta thấy cũng như vậy, thật sự gọi là thiện, chí thiện. Đạo Nho nói: “Chỉ ư chí thiện”, bạn xem cuộc sống như vậy viên mãn quá, cuộc sống như vậy thật sự hạnh phúc, bạn không học thì không đạt được, càng học bạn đạt được càng nhiều, bạn được pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, thân tâm khỏe mạnh. Người Trung Quốc nói là có phước, người có phước ở đất có phước, đất có phước người có phước ở. Ở thế giới này, quả địa cầu tai biến rất nhiều, nơi nào bạn sinh sống, thì nơi đó không có tai họa. Đây là sự thật, không phải giả đâu, tuyệt đối không phải là mê tín, vì từ trường của bạn chánh, không hề có chút gì bất chánh, từ trường của bạn và từ trường của người khác, và từ trường của vũ trụ, là tương thông, hỗ tương ảnh hưởng. Tuy chỉ một mình bạn là người chánh tri chánh kiến, xung quanh bạn nhiều người như thế, tri kiến bất chánh. Cổ nhân có câu: “Tà không thắng chánh”. Một người chánh tri chánh kiến, xung quanh bạn có thể, có mấy ngàn người không được chánh tri chánh kiến, có mấy vạn người, thậm chí có mấy chục ngàn người không chánh tri chánh kiến, một mình bạn là chánh thì có thể cảm hóa được họ. Cảm hóa người khác sâu cạn, rộng hẹp cũng không đồng nhau, đó là nguyên nhân gì vậy? Là vì tập khí nghiệp chướng của mỗi người khác nhau. Ở trong nghiệp, có tịnh nghiệp và nhiễm nghiệp, có thiện nghiệp có ác nghiệp, không giống nhau, chắc chắn sẽ cảm nhận, nhưng thành phần cảm nhận không tương đồng. Nếu như chúng ta ở trong đời này, kiếp này, “niệm từ tại từ vĩnh vô gián đoạn”, bạn sống ở nơi này lâu, thì nơi này cũng được cảm hóa, một nơi được cảm hóa rồi, thì từ từ sẽ ảnh hưởng đến những nơi khác. Sự việc này nếu như chúng ta quan sát tỉ mỉ thì sẽ thấy, nơi chư vị thánh nhân sống ngày xưa, những nơi các Ngài giáo hóa. Giống như Tổ Đình của chư vị Tổ Sư trong đạo Phật, bạn quan sát kỹ, khi các Ngài còn tại thế, những người sống trong khu vực trong phạm vi của ngài, có phước hay không? Những người đó có cuộc sống rất hạnh phúc, những

phước báo này từ đâu mà có? Thế giới ngày nay, các nhà khoa học nghiên cứu về lượng tử lực học, họ biết được, trong lượng tử lực học có lý luận này, truyền nhiễm. Sự khởi tâm động niệm của bạn sẽ ảnh hưởng người khác, bạn khởi tâm động niệm là thiện, tuy họ là bất thiện, nếu hai điểm này giao nhau thì sẽ ôn hòa, từ từ từ từ hóa giải được tâm niệm bất thiện đó, trường thời huân tu thì hiệu quả sẽ thấy rất rõ ràng. Đây đều là khổ tâm của các bậc cổ thánh tiên hiền, đại thiện tri thức, giáo hóa đối với tất cả chúng sanh.

Chúng ta xem tiếp đoạn sau: Sự sự vô ngại pháp giới chỉ có duy nhất trong kinh Hoa Nghiêm, cho nên biết rằng trong bốn kinh đại sư dẫn chứng rộng rãi, để chứng minh bốn kinh hiển thị sự sự vô ngại pháp giới, cũng chứng minh bốn kinh thuộc về viên giáo, thật sự không chút nghi hoặc.

Bốn kinh ở đây là Kinh Di Đà Sớ Sao, trong cuốn Sớ Sao này Liên Trì đại sư, đã sử dụng thập môn khai khái, hoàn toàn giống như kinh Hoa Nghiêm. Hoàng lão cư sỹ chú giải kinh Vô Lượng Thọ, cũng dùng thập môn khai khái, chứng minh đại bản, tiểu bản, không khác với kinh Hoa Nghiêm. Bạn mới thật sự hiểu rằng, kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm, Bành Tế Thanh cư sỹ nói như vậy, nói rất hay, nói rất hay, kinh Di Đà chính là tiểu bản Hoa Nghiêm.

Ngày xưa tôi thường khuyên bảo, các vị phát tâm giảng kinh, tôi nói với họ rằng, bạn muốn giảng kinh Di Đà hay, muốn giảng kinh Vô Lượng Thọ hay, thì nhất định bạn phải học Hoa Nghiêm, bạn có nền tảng kinh Hoa Nghiêm rồi, thì bạn sẽ giảng hai bộ kinh này rất hay. Ba bộ kinh này thực tế là một bộ kinh, kinh Hoa Nghiêm, Kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà. Kinh Di Đà chỉ đưa ra đại cương, kinh Vô Lượng Thọ là giải thích sơ lược, còn kinh Hoa Nghiêm thì thuyết minh rõ ràng. Chúng ta phải nên hiểu rõ mối quan hệ này, chúng ta học giảng dạy, đầu tiên học kinh Di Đà, được, vì phân lượng ít, trước nắm bắt được đại cương. Kế đến học kinh Vô Lượng Thọ, tinh yếu hiểu được rồi, thì xem kinh Hoa Nghiêm sẽ dễ dàng, nói kỹ mới có mùi vị. Mấy câu này nói lên việc, Liên Trì đại sư viết cuốn Sớ Sao, ngụ ý của Ngài rất sâu. Vào thời đó, dùng phương pháp này mới đưa Tịnh Tông lên, khiến cho mọi người không còn xem thường Tịnh Tông nữa, hứng thú học tập cũng đậm đà, thật học, người thời xưa khác với người thời nay. Người xưa phát tâm học, thì họ sẽ thật sự học, không như ngày nay, cho nên người được vãng sanh nhiều, người thành tựu nhiều.

Dưới đây là lời của Hoàng lão nói: Nay theo những điều đại sư để lại, chuyên nói về huyền nghĩa sự sự vô ngại pháp giới trong bốn kinh.

Liên Trì đại sư chú giải kinh Di Đà, dẫn chứng kinh văn nghĩa thú của thập huyền môn trong kinh. Tư là nay, ngày nay chúng ta cũng học tập những điều của đại sư. Tung là tung tích, y theo phương pháp của đại sư, tìm ra kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ, tương thông với huyền nghĩa sự sự vô ngại trong kinh Hoa Nghiêm đã nói. Điều này chứng minh kinh Vô Lượng Thọ thật sự, có thập huyền mà kinh Hoa Nghiêm đã nói, nên cùng với Hoa Nghiêm hoàn toàn không khác. Không chỉ ra thì người khác sẽ không tin, thật sự tìm được kinh văn, chỉ ra, thì mọi người sẽ tin, sẽ không còn gì để nói nữa. Hoa Nghiêm Tông lập thập huyền môn, chỉ bày pháp giới vô ngại. Thập huyền môn nói về điều gì? Chính là nói về lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Vì sao vậy? Vì pháp giới là một thể, đã là một thể thì chắc chắn có hiện tượng này phát sanh. Tên là huyền môn có nghĩa là, thông được điều này thì có thể nhập vào huyền hải của Hoa Nghiêm viên giáo, cho nên gọi là huyền môn.

Vì sao nói huyền môn? Thông thử, thử ở đây chính là thập huyền, chính là mười điều này, thì bạn có thể khế nhập vào Hoa Nghiêm viên giáo. Hoa Nghiêm được ví như huyền hải, giáo hải, cho nên gọi là huyền môn.

Trước đây nói Hoa Nghiêm áo tạng, ở đây thì nói về huyền hải của Hoa Nghiêm viên giáo, chính là Hoa Nghiêm áo tạng mà trước đây nói. Áo là súc tích sâu xa, trước đây nói là áo tạng, đồng nghĩa với huyền hải mà đoạn này nói, tạng có nghĩa là chứa đựng, hải có nghĩa là dung nạp, tương thông. Cho nên nếu bạn thông đạt thập huyền, thì bạn sẽ nhập được Hoa Nghiêm áo tạng, Hoa Nghiêm áo tạng, chính là huyền hải của Hoa Nghiêm viên giáo mà đoạn này nói. Người ta thường nói nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm, như thế thì mọi người sẽ dễ hiểu, nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, nghĩa là sống cuộc sống Hoa Nghiêm. Đó là gì? Đó là cảnh giới của pháp thân Bồ tát. Tuy chúng ta không ở nhất chân pháp giới, chúng ta vẫn còn ở nhân gian này, bạn có thể chúng nhập cảnh giới này, có thể nói bạn sống cùng với Bồ Tát ở cảnh giới Hoa Nghiêm, là cảnh giới tương đồng. Hiện tiền có phải là lý sự vô ngại sự sự vô ngại chăng? Đúng vậy, không sai chút nào, bạn sẽ không còn bị chướng ngại nữa. Lúc này mới biết được chướng ngại từ đâu mà có? Từ mê hoặc mà có, mê mất tự tánh, mê mất chân tướng sự thật, cho nên nơi nào cũng có chướng ngại, khi giác ngộ, khai giải rồi thì chướng ngại không còn nữa, tâm lượng cũng mở ra, điều này có lý luận y cứ. Trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, nói cho chúng ta biết thị tam biến, chính là ba loại châu biến, thị là chỉ thị ra, tự tánh vốn là như vậy. Trong đoạn văn này,

Hiền Thủ đại sư đưa ra ví dụ là nhất trần, trong kinh nói về nhất trần, ngày nay các nhà khoa học lượng tử nói là gì? Nói là quang tử, cùng với nhất trần mà trong Hoàn Nguyên Quán nói, rất gần. Khoa học nói gì? Là sự cấu thành hiện tượng vật chất là quang tử, rất nhiều quang tử, tích tụ một chỗ tương tục không gián đoạn, biến thành một loại hiện tượng vật chất, hiện tượng vật chất rất nhiều, là vì tần số sóng quang không tương đồng. Tần số chậm thì biến thành khoáng vật, tần số nhanh hơn một chút, thì biến thành thực vật, biến thành động vật, cho nên những thứ này do tần số bất đồng tạo thành. Ngoài tần số ra, ngoài tần số quang tử ra thì không có gì hết, chứng minh vũ trụ thật sự là một thể, vạn sự vạn pháp đều là hiện tượng tần số quang tử không tương đồng, tạo nên. Ai là người chỉ huy những quang tử này? Vì sao quang tử tương tục không gián đoạn? Vì sao nó biến hóa vô cùng? Hoàn Nguyên Quán nói cho chúng ta biết, nó có ba loại hiện tượng. Thứ nhất là châu biến pháp giới, nghĩa là một làn sóng quang, làn sóng này châu biến pháp giới. Nói cách khác, cùng với tất cả vô lượng vô biên trong pháp giới, vô số vô tận quang tử, đều thông hết, quang quang chiếu nhau, nó không phải là đối lập, nó có sự liên kết. Cơ thể con người chúng ta, bao nhiêu quang tử tập hợp lại mới hiện ra tướng này. Chúng ta và người khác có liên quan hay không? Có liên quan, cùng thực vật, cùng động vật, cùng với sơn hà đại địa, với khắp vũ trụ này đều có liên quan, hơn nữa còn liên quan rất mật thiết. Hiện tượng thứ nhất nói nó là độc lập, nhưng nó cũng là viên dung, cũng là tương thông với tất cả. Thứ hai là xuất sanh vô tận, biến hóa vô cùng, theo ý niệm mà biến, bất luận là có ý hay vô ý nó đều biến đổi, cho nên ý niệm điều khiển những quang tử này. Hiện tượng thứ ba là hàm dung không hữu, một hạt quang tử hàm hư không bao pháp giới. Trong Phật pháp nói, tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, chính là ý hàm dung không hữu này. Không là hư không, hữu là vạn hữu, ở trong một vi trần, ở trong một quang tử nó hàm dung không hữu. Các nhà khoa học còn đang nghiên cứu, họ vẫn chưa triệt để hiểu rõ, trong Hoàn Nguyên Quán nói rất rõ ràng, minh bạch, đó là những điều trong kinh Hoa Nghiêm nói. Cho nên bạn xem tiêu đề của bộ luận này, Tu Hoa Nghiêm Áo Chi Vọng Tận Hoàn Nguyên, đó là khó chứ không dễ đâu, nhưng nếu chúng ta y vào kinh Vô Lượng Thọ thì dễ. Bạn xem một câu A Di Đà Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc, về thế giới Cực Lạc là hoàn nguyên, vọng tận hoàn nguyên, cực kỳ vi diệu, cho nên đúng là viên trung chi viên. Nói một bộ phận thuộc về viên giáo, đương nhiên là đại sư khiêm nhường, chỉ có khiêm nhường mới khiến cho người ta tôn kính. Con người không tôn kính những người ngạo mạn đâu, con người thích những người khiêm nhường, thích thân cận những người khiêm nhường. Người ngạo mạn nói hay cách mấy, nhưng sau khi xuống bục giảng rồi thì chẳng có ai lý

tới họ nữa, vì sao vậy? Vì tư thế quá cao, hoàn toàn khác, cho nên bạn xem đại sư khiêm nhường.

Đoạn dưới, ngày nay y theo Thám Huyền Ký. Thám Huyền Ký do Hiền Thủ đại sư viết, y theo Lục Thập Hoa Nghiêm, chính là chú giải của lục thập Hoa Nghiêm. Bởi vì vào thời đó, vào thời của Hiền Thủ đại sư, kinh Hoa Nghiêm mới truyền vào Trung Quốc dịch thành sáu mươi quyển, tám mươi quyển là vào thời Võ Tắc Thiên làm hoàng đế, dịch thành tám mươi quyển. Bộ sách này quốc sư Hiền Thủ không thấy, quốc sư Hiền Thủ thấy lục thập Hoa Nghiêm, cho nên Ngài dùng thập huyền môn để giảng giải Lục Thập Hoa Nghiêm.

Y theo Thám Huyền Ký nói về thập huyền thứ đệ, dẫn chứng kinh văn, để chứng minh bốn kinh có đầy đủ thập huyền. Xem Hiền Thủ đại sư giảng Hoa Nghiêm, Thám Huyền Ký là giảng Hoa Nghiêm, nói về thập huyền thứ đệ. Dùng thập huyền thứ đệ, Ngài dẫn chứng kinh văn trong kinh Hoa Nghiêm, trong Thám Huyền Ký. Ngày nay dùng kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ, nói lên kinh Vô Lượng Thọ thật sự có đầy đủ. Thập huyền mà kinh Hoa Nghiêm nói, để chứng minh bốn kinh thật sự thuộc về viên giáo, chính là trung bản Hoa Nghiêm, đây là sự thật, không hề sai chút nào. Trung bản Hoa Nghiêm, câu này là của Bành Tế Thanh cư sỹ nói, vị cư sỹ này cũng rất giỏi, thông tông thông giáo, hiểu mật viên dung, đại thiện tri thức. Ông ấy sinh vào Tiền Thanh thời đại Càn Long, phụ thân làm quan lớn, làm binh bộ thượng thư, ngày nay gọi là bộ trưởng bộ quốc phòng, bộ trưởng bộ quốc phòng vào thời hoàng đế Càn Long, cho nên điều kiện gia đình tốt. Khoảng hai mươi tuổi, thi đỗ tiến sỹ, suốt đời không làm quan, điều kiện gia đình tốt, không cần lo nghĩ điều gì, chuyên lòng nghiên cứu Phật Pháp, tinh thông Phật Pháp, đó không phải là chuyện đùa đâu. Cho nên câu này là của ông ấy nói, kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm. Dẫn chứng kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ, hoàn toàn tương ứng với thập huyền trong kinh Hoa Nghiêm, để chứng minh những điều nói trên hoàn toàn là lời chân thật, chứ không phải vì người tu Tịnh Tông dương dương tự đắc vậy. Đưa kinh Vô Lượng Thọ lên bằng với kinh Hoa Nghiêm, có phải là những người học Tịnh Tông, muốn đưa cao địa vị của mình lên? Không phải ý này, trong kinh thật sự có đầy đủ, đồng với thập huyền của Hoa Nghiêm.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 50

Chuyển ngữ: Tử Hà

Giảng ngày 26 tháng 05 năm 2010

Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi hai, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ đoạn giữa.

Kim y Thám Huyền Ký sở thuyết Thập Huyền thứ đệ, dẫn chứng kinh văn, dĩ minh bốn kinh thật cụ Thập Huyền. Ư thị tắc xác chứng bốn kinh chánh thuộc viên giáo tức thị trung bốn Hoa Nghiêm.

Đoạn trước chúng tôi giảng đến chỗ này, dưới đây chính là đồng với Thập Huyền Môn của kinh Hoa Nghiêm, tổng cộng có mười đoạn. Hoàng Niệm Lão y cứ vào Thám Huyền Ký của quốc sư Hiền Thủ. Thám Huyền Ký là cuốn chú giải Lục Thập Hoa Nghiêm, nói về thứ đệ của Thập Huyền.

Dẫn chứng kinh văn: Dẫn chứng kinh Vô Lượng Thọ, trong kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ cũng có Thập Huyền, nói lên kinh Vô Lượng Thọ thật sự cũng có đầy đủ Thập Huyền Môn. Thập Huyền Môn chỉ có trong kinh Hoa Nghiêm.

Khi Đức Thế Tôn còn trụ thế, suốt bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp, chỉ ở pháp hội Hoa Nghiêm, Ngài giảng về chân tướng sự thật, những kinh khác Ngài không nói đến. Trong bộ kinh này thật sự nói lên thật tướng của các pháp, chúng ta nói áo bí thật tướng các pháp đều được tiết lộ, hy hữu thù thắng không gì bằng. Không hề biết rằng kinh Vô Lượng Thọ cũng có đủ, cho nên người xưa giảng kinh Vô Lượng Thọ, chính là trung bốn Hoa Nghiêm, kinh Di Đà là tiểu bốn Hoa Nghiêm. Đây là có căn cứ, chứ chẳng phải tùy tiện nói đâu. Liên Trì đại sư viết cuốn Sớ Sao cho kinh Di Đà, cũng chỉ ra áo nghĩa trong kinh, có liên quan tới Thập Huyền.

Dĩ chứng như thượng chi thuyết giai thị thật tướng ngữ phi nhân tịnh tông hành nhân chi vọng tự tôn đại dã.

Liên Trì đại sư đưa kinh Di Đà lên bằng với kinh Hoa Nghiêm, ngang bằng nhau. Khi đó giảng kinh Hoa Nghiêm là toàn viên, giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà, một bộ phận thuộc về viên gọi là phân viên. Không thể nói là toàn bộ, mà một bộ phận tương đồng với kinh Hoa Nghiêm, đây là lời khiêm nhường, lời này vào thời đó, nó có ý nghĩa của thời đại. Thật sự mà nói, ba bộ kinh này, là kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, và kinh Hoa Nghiêm, thực tế mà nói là một bộ kinh. Kinh Vô Lượng Thọ là giảng kỹ, kinh Di Đà là lược thuyết, nội dung không khác nhau. Cho nên đã nhiều năm rồi tôi thường khuyên bảo mọi người: Quý vị thật sự muốn tu Tịnh Độ, hoằng dương Tịnh Độ, muốn giảng tốt kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, thì chẳng thể không đọc Hoa Nghiêm. Vì sao vậy? Bởi kinh Hoa Nghiêm giảng kỹ kinh Vô Lượng Thọ, giảng kỹ kinh Di Đà. Quý vị có nền tảng này rồi, quý vị đọc tiếp hai bộ kia thì sẽ hiểu thấu được. Hai bộ kinh này kinh văn không dài, nghĩa lý thâm sâu huyền diệu, không khác gì Pháp Hoa và Hoa Nghiêm.

Thứ đệ ở đây hoàn toàn tương đồng với Thám Huyền Ký, bây giờ chúng ta xem điều thứ nhất.

Nhất, đồng thời cụ túc tương ưng môn. Điều này vô cùng quan trọng, điều này có thể nói là tổng thuyết, chín điều sau gọi là biệt thuyết, điều này là tổng. Chú trọng vào đâu? Vào đồng thời, đồng thời cũng đồng xứ. Đồng thời đồng xứ tương ưng, tương ưng với ai? Tương ưng với biến pháp giới hư không giới.

Thám Huyền Ký do đại sư Hiền Thủ viết, lúc trước chúng ta đã từng học qua, Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán, bài luận văn này do đại sư Hiền Thủ viết. Bài luận văn này là nói kỹ về đồng thời cụ túc tương ưng. Quý vị xem giảng về duyên khởi của vũ trụ, chúng ta dùng ngôn từ thời nay mà nói, chính là triết học tối cao mà Phương Đông Mỹ tiên sinh nói. Năm xưa thầy Phương giới thiệu triết học trong kinh Phật cho tôi. Thầy nói: “Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế gian này. Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong thế giới triết học”. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Đồng thời cụ túc tương ưng môn”, chính là đỉnh cao nhất, chẳng những là đỉnh cao nhất của triết học, cũng là đỉnh cao nhất của khoa học. Triết học và khoa học ngày nay đều không nói đến cảnh giới này, cho nên vấn đề của nó rất nhiều, trong Phật Pháp hoàn toàn giải quyết được, đồng thời đồng xứ tương ưng. Vì sao vậy? Chúng ta xem ba đoạn trước trong bài luận văn của đại sư Hiền Thủ, chẳng phải đã hiểu rõ rồi sao? Vũ trụ từ đâu mà có? Vạn vật từ đâu mà có? Ta từ đâu mà có? Ta cùng vạn vật và vũ trụ có liên quan gì? Đây là vấn đề rất lớn! Vấn đề này giải quyết được rồi, thì những

thứ khác đều là chuyện nhỏ, đều là nhỏ nhất tầm thường không đáng kể. Thật sự hiểu được rõ ràng minh bạch rồi, con người chúng ta ở thế gian này, chuyện kiết hung họa phúc bản thân mình có thể làm chủ được, thọ mạng dài ngắn bản thân mình cũng có thể làm chủ được, môi trường chúng ta sinh sống, xã hội ngày nay loạn động, địa cầu thiên tai rất nhiều. Dùng phương pháp nào để đối phó, quý vị đều biết cả rồi. Vì sao vậy? Bởi đồng thời cụ túc tương ưng môn sao không giải quyết được? Phương pháp này vi diệu cực kỳ!

Chúng ta xem Niệm Lão dẫn chứng đoạn văn này, trước giảng về những điều trong kinh Hoa Nghiêm nói, sau đó giảng những điều trong bộ kinh này nói. Chúng ta xem đoạn văn của Ngài:

Phu Hoa Nghiêm giáo lý dĩ duyên khởi vi chủ, pháp giới nhất thiết tận thành nhất đại duyên khởi, nhất pháp thành nhất thiết pháp, nhất thiết pháp thành nhất pháp, nhất thời cụ túc viên mãn hiển hiện, cố viết cụ túc tương ưng.

Đầu tiên giải thích danh xưng của môn này, môn này gọi là *đồng thời cụ túc tương ưng môn*. Vì sao sử dụng danh xưng này? Giáo lý của Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm giảng gì? Giảng về thật tướng của các pháp, đây là danh từ trong kinh Phật. Dùng ngôn từ ngày nay, là nói về chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Thật sự là chân tướng, không giả dối chút nào. Ngày nay triết học và khoa học đối với vấn đề này còn đang tìm tòi, chưa có định luận, đang thăm dò. Những điều trong kinh Hoa Nghiêm nói không phải là thăm dò, không phải là tìm tòi, mà là khẳng định. Cao hơn so với các nhà khoa học và triết học. Chúng ta thắc mắc: Vì sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biết được? Vì sao các nhà khoa học không biết mà Ngài biết? Sao Ngài biết? Trong kinh Hoa Nghiêm có câu, phẩm Xuất Hiện, chúng tôi chưa giảng đến phẩm Xuất Hiện, còn ở phía sau. Ngài nói :*Tất cả chúng sanh đều có đức tướng và trí huệ của Như Lai*. Điều này thật nghề ghớm! Tất cả chúng sanh bao gồm quý vị bao gồm cả tôi, tất cả chúng ta đều ở trong đó. Tất cả chúng sanh, thế nào gọi là chúng sanh? Là hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, gọi là chúng sanh. Cho nên chúng sanh chẳng những bao gồm con người, con người chúng ta do chúng duyên hòa hợp mà sanh. Tứ đại ngũ uẩn hiện ra cái thân này. Tứ đại là nói về hiện tượng vật chất của thân thể chúng ta, thọ tướng hành thức là nói về hiện tượng tinh thần của thân thể chúng ta. Tất cả đều là chúng duyên hòa hợp, hiện tượng vật chất Đức Phật nói có bốn loại: Địa, thủy, hỏa, phong, hình thành hiện tượng vật chất. Thọ, tướng, hành, thức hình thành hiện tượng tâm lý. Tâm và vật đồng thời sanh khởi, tâm và vật không thể tách rời. Trong tâm nhất định có vật, trong vật chắc chắn có tâm, không thể tách rời nó.

Quý vị xem trong kinh Đức Phật đưa ra một ví dụ: Nhất trần, vi trần. Vi trần này là gì? Khoa học ngày nay nói là nguyên tử, điện tử, lap tử, chính là lap tử, lap tử cơ bản. Thời cận đại, trong lượng tử lực học, giảng về một thứ nhỏ hơn vật này, gọi là quang tử, hiện tượng vật chất. Hiện tượng vật chất này do tứ duyên hợp thành, chúng duyên mà! Thật sự nó là vật chất, rất nhỏ, mắt thường không thấy được, dùng kính hiển vi thì có thể thấy được, nhìn thấy nó là hiện tượng vật chất, cho nên dùng địa để tượng trưng, địa là đại địa, tượng trưng cho vật chất. Thủy, hỏa, phong, thủy là gì? Thủy là độ ẩm, ở trong vật chất rất nhỏ này, nó có độ ẩm, nếu nói mang điện, thì nó mang dòng điện âm. Hỏa là nhiệt độ, là điện dương, ngày nay chúng ta gọi là đới điện. Điện dương chính là Hỏa Đại trong kinh Phật nói, điện âm chính là Thủy Đại trong kinh nói. Danh từ tuy khác, nhưng chỉ là một thứ. Hơn nữa nó là Động, chứ không phải Tĩnh. Cho nên Phong tượng trưng cho Động, nó không phải trạng thái Tĩnh, nó đang Động. Động này ngày nay khoa học nói là hiện tượng ba động. Các nhà khoa học thời cận đại rất giỏi, họ cho chúng ta biết, họ nghiên cứu về nguyên tử, điện tử, nghiên cứu đến kết luận cuối cùng, họ khẳng định rằng thế gian này tuyệt đối không có vật chất, không có vật chất. Vật chất là gì? Là địa thủy hỏa phong. Trên thực tế vật chất là một hiện tượng ba động, tần suất ba động không đồng nhau, cho nên khiến cho chúng ta nhìn thấy vô số hình sắc. Ba động chậm, tần suất chậm một chút, trên thực tế là chậm, nhưng chúng ta không thể tưởng tượng được, tưởng tượng không ra. Nó biến thành thể cứng, cát, đá, biến thành những thứ này là tần suất chậm. Tần suất nhanh một chút thì biến thành thực vật, nhanh hơn chút nữa thì biến thành động vật, nhanh nữa như là những điện tử, sóng quang ngày nay. Ngoài hiện tượng ba động ra thì không có gì nữa, đây là những điều các nhà khoa học ngày nay nói, các nhà lượng tử lực học nói, hoàn toàn tương đồng với trong kinh Đức Phật nói.

Cho nên Hiền Thủ đại sư ví dụ, trong Hoàn Nguyên Quán ví dụ, nói là nhất trần. Nhất trần là gì? Chính là một quang tử, một nguyên tử. Thời gian nó tồn tại rất ngắn, hơn nữa mỗi cái, nếu chúng ta dùng những lời trong kinh Đức Phật nói, mỗi hạt vi trần, đều là một thứ đơn độc, không liên tục. Chúng ta thấy hiện tượng vật chất, mắt thấy sai rồi, đó là một hiện tượng liên tục. Khi chúng tôi giảng kinh, chúng tôi thường dùng danh từ tương tương tư tương tục để nói. Nếu tôi dùng lượng tử lực học nói, thì tương tương tư tương tục này vẫn chưa đúng, không phải là tương tương tục, mà là tương liên tục. Dùng tương tương tục là trên dưới phải tương đồng, nhưng tôi biết, tôi dùng tương tư, nghĩa là nó tuyệt đối không phải là tương đồng, nó tương tư, tương tương tư tương tục. Các nhà khoa học dùng danh

từ này rất hay, tương liên tục, nó không phải là tương tương tục, mỗi cái đều độc lập riêng. Thực tế mà nói Ngài đưa ra ví dụ, và chúng tôi đưa ra hiện tượng đó hoàn toàn tương đồng, giống như chúng ta xem phim điện ảnh vậy, phim là tương khung từng khung, nó là tương đèn huyễn, từng khung từng khung, tuyệt đối không có tương đồng, nó không phải tương đồng. Chiếu với tốc độ quá nhanh, cặp mắt của chúng ta bị nó lường gạt, cho là thật có, nhưng nó không có thật.

Các nhà khoa học cũng dùng phim điện ảnh làm ví dụ, tương đồng với ví dụ tôi dùng. Từ đó quý vị có thể thấy được, nó là giả, nó không có thật. Phim này khi máy chiếu phim chiếu lên, trên màn hình, thời gian của nó là một giây hai mươi bốn tám, nghĩa là hai mươi bốn tám liên tục, mỗi tám không giống nhau, mỗi tám đều độc lập, không có tương đồng, hơn nữa nó đã qua rồi thì không còn tìm lại được nữa. Điều này nhất định phải hiểu, không thể tìm lại được nữa, chuyện là như vật, đây gọi là chân tướng! Những hiện tượng trong vũ trụ ngày nay, tốc độ của nó nhanh cỡ nào? Trong kinh Nhân Vương đức Phật nói, đó không có thật, đó là đức Phật phương tiện nói. Đức Phật dạy một búng móng tay có sáu mươi sát na, nghĩa là một phần sáu mươi của một búng móng tay gọi là một sát na. Trong một sát na có chín trăm sanh diệt. Chúng ta búng móng tay nhanh, một giây có thể búng được bốn lần. Nếu là bốn lần, bốn nhân với sáu mươi nhân với chín trăm, bằng hai mươi một vạn sáu ngàn lần, một giây có hai mươi một vạn sáu ngàn tám phim. Sao quý vị có thể thấy nó là giả được? Phim điện ảnh của chúng ta ngày nay, một giây chỉ có hai mươi bốn tám, một phút của nó có thể chiếu là hai mươi một vạn sáu ngàn tám. Điều này trong kinh Nhân Vương nói, đây là phương tiện nói như vậy.

Chúng ta thấy Bồ Tát Di Lặc, đối thoại với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thì hoàn toàn khác, điều Bồ Tát Di Lặc nói có lẽ là thật. Lúc bấy giờ Đức Phật hỏi Di Lặc Bồ Tát “tâm hữu sở niệm”, nghĩa là phạm phu chúng ta khởi lên một niệm, thời gian của ý niệm này rất ngắn, khởi lên một ý niệm, trong một ý niệm này, có bao nhiêu hiện tượng ý niệm liên tục? Có bao nhiêu tướng? Có bao nhiêu thức? Tướng nghĩa là hiện tượng vật chất, thức nghĩa là hiện tượng tinh thần, niệm là ba động, trong ba động này, có mấy hiện tượng vật chất, mấy hiện tượng tinh thần xuất hiện? Khi Bồ Tát Di Lặc trả lời, cũng dùng búng móng tay. Một búng móng tay không phải sáu mươi sát na, một búng móng tay là ba mươi hai ức bá thiên niệm, đây không phải là hai mươi một vạn sáu ngàn, ba mươi hai ức bá thiên niệm, “niệm niệm thành hình”, Đức Phật hỏi mấy tướng? Niệm niệm đều có hiện tượng vật chất, ở trong mỗi hiện tượng vật chất đều có thức. Thức là gì? Thức là thọ tướng hành thức, nghĩa là hiện tượng tinh thần, trong mỗi hiện tượng vật chất đều

có. Bồ Tát Di Lặc nói: “Thức niệm cực vi tế bất khả chấp trì”. Quá vi tế, không có cách nào nắm bắt được nó, nó có thật. *Oai thần của Phật*. Ở đây nói Phật, trong kinh Hoa Nghiêm bậc Sơ trụ trở lên thì gọi là Phật. Bồ Tát Sơ trụ trở lên, cho nên bốn mươi một vị pháp thân đại sỹ: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, họ đều có năng lực nhìn thấy, họ có năng lực có thể nhập vào cảnh giới này. Cho nên không phải Đức Phật dùng cơ giới để phát hiện ra, Ngài ở trong thiên định, trong thâm sâu của thiên định nhìn thấy, nhìn thấy chân tướng sự thật. Nếu chúng ta dùng búng móng tay, cũng dùng bốn lần búng móng tay, thì một giây có bao nhiêu ý niệm? Một giây có một ngàn hai trăm tám mươi triệu, chứ chẳng phải là hai mươi một vạn sáu ngàn, một ngàn hai trăm tám mươi triệu!

Đây chính là quang tử mà các nhà khoa học lượng tử ngày nay nói, họ đã phát hiện ra, thật không dễ dàng! Chúng ta chẳng thể không khâm phục họ. Họ đã sử dụng cái gì? Họ đã dùng cơ giới để phát hiện ra. Mắt thường không thể thấy được, ba động cực kỳ vi tế. Hiện tượng này, trên thực tế chính là A Lại Da mà trong kinh Đức Phật nói. Một niệm bất giác, từ trong chân tánh, sanh khởi lên một thứ hư vọng không có thật, gọi là A Lại Da. Tự tánh là chân tâm, vĩnh hằng bất biến, A Lại Da là vọng tâm. Vọng tâm từ đâu mà có? Từ trong hiện tượng ba động sinh ra. Ba động vào lúc nào? Chính là ở một niệm ngay đây. Điều này nhất định phải biết, nó không phải là quá khứ, không phải là vị lai, mà ở ngay đây. Quý vị cần nên biết rằng, một niệm ngay đây nó không tồn tại, nó vừa động là lập tức không còn, nhanh hơn tia chớp nữa, niệm thứ hai lại xuất hiện, niệm thứ hai không còn thì niệm thứ ba lại xuất hiện, cho nên nó là tướng liên tục. Như chúng ta xem tướng liên tục trong phim ảnh, đây là nói lên hiện tượng vật chất của vũ trụ. Chẳng những hiện tượng vật chất của lục đạo là như vậy, mà pháp giới tứ thánh cũng như vậy, thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng, và Báo Độ của chư Phật, cũng là cảnh giới này, không hề sai khác. Cho nên trong kinh nói: “ Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, không nói rằng, trừ Thật Báo Trang Nghiêm Độ của chư Phật Như Lai ra, không hề nói như vậy. Thật Báo Độ của chư Phật Như Lai cũng như vậy. Vì sao thế giới của các Ngài tốt, còn thế giới của chúng ta lại kém như vậy? Ở đây nói đến: *Đồng thời cụ túc tương ưng môn*. Đồng thời cụ túc tương ưng môn, thì thế giới của chúng ta đây phải giống như thế giới Cực Lạc chứ? Như vậy thì mới có thể nói được! Vì sao lại có sự khác biệt lớn như vậy? Sự khác biệt này từ đâu mà có? Sự khác biệt này từ ý niệm mà có, nghĩa là hiện tượng tâm lý, thọ tướng hành thức, ý niệm có khác biệt, mỗi ý niệm đều khác nhau. Vật chất nung vào đâu để

có sự biến hóa? Trong kinh điển Đại Thừa thường nói, tâm năng sanh, năng hiện hiện tượng này. Hiện tượng biến hóa này là thức, trong tâm không có, trong tâm không có phân biệt, không có chấp trước, cho nên trong tâm sanh ra hiện tượng này nó không biến hóa. Sinh ra biến hóa là phân biệt chấp trước, phân biệt chấp trước là mỗi niệm của chúng ta không giống nhau. Vũ trụ là một thể, cho nên mới đồng thời đồng xứ tương ưng, nó là một thể mà! Nếu không phải là một thể thì làm sao có thể tương ưng được?

Giống như cơ thể của chúng ta vậy, cơ thể của chúng ta có bao nhiêu tế bào hợp thành, tế bào là nguyên tử hợp thành, nguyên tử là điện tử hợp thành. Truy xét đến cuối cùng là quang tử, cơ thể của quý vị có bao nhiêu? Nhưng nhiều lập tử như thể hợp thành cơ thể này, mỗi một lập tử đều có liên quan đến toàn thân này, đồng thời đồng xứ tương ưng. Đồng xứ là gì? Là một cơ thể này, cho nên động một sợi lông là toàn thân cảm nhận được, đây chính là đồng thời đồng xứ tương ưng. Chúng ta phải hiểu được đạo lý này! Hiểu rõ chân tướng sự thật này rồi, chúng ta vô tình hay hữu ý khởi lên một ý niệm, động một sợi tóc mà toàn thân cảm nhận được, khắp cả vũ trụ có thể cảm nhận được. Ý niệm này bất luận là quý vị vô tình hay hữu ý, ý niệm này là thiện hay ác. Đây chính là ba châu biến mà trong Hoàn Nguyên Quán nói: Thứ nhất là “châu biến pháp giới”, một ý niệm cực kỳ vi tế châu biến pháp giới. Vì sao vậy? Bởi trong tự tánh không có thời gian, không có không gian. Không có thời gian là không có trước sau, không có không gian là không có cự lý. Cho nên ý niệm vừa khởi là châu biến pháp giới, một niệm thiện châu biến pháp giới, một niệm ác cũng châu biến pháp giới. Chẳng nên nghĩ rằng một ý niệm này không sao hết, chúng ta khởi lên một niệm là cả pháp giới đều chấn động. Nếu trong một ý niệm này thêm vào một chút phân biệt chấp trước, thì là xuất sanh vô tận, xuất sanh vô tận là biến hóa, tâm hiện thức biến. Người xưa nói: “Kéo một sợi tóc động toàn thân”, quý vị cảm cọng tóc kéo một chút thì toàn thân đều cảm nhận được. Chúng ta hiểu được đạo lý này rồi, chúng ta khởi một ý niệm thì khắp cả vũ trụ đều cảm nhận được.

Ngày nay chúng ta thắc mắc: Thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng, vì sao lại đẹp như vậy? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho chúng ta biết, người dân sống ở thế giới đó, đều là thiện niệm không có ác niệm. Ngài giới thiệu thế giới Cực Lạc cho chúng ta: “Giai thị chư thượng thiện căn câu hội nhất xứ”, cho nên thế giới đó mới đẹp như vậy. Thế giới của chúng ta ngày nay vì sao ra nông nổi này? Ngày nay con người sống trên quả địa cầu này ý niệm bất thiện. Ý niệm bất thiện biến ra cái gì? Thân tâm nhiều bệnh không khỏe mạnh. Quả địa cầu này thiên tai gì cũng có,

chẳng phải là như vậy sao? Chúng ta hiểu được đạo lý này rồi, vậy có thể làm cho thân tâm mình phục hồi lại khỏe mạnh chẳng? Có thể làm cho quả địa cầu này phục hồi trở lại bình thường chẳng? Được! Ý niệm! Đối trị cách nào đây? Sửa tâm mình chân chánh là được rồi! Thế nào là chánh? Thuận theo quy luật của đại tự nhiên là chánh, trái ngược lại với quy luật của đại tự nhiên là tà, là sai. Cư dân sống trong sát độ của chư Phật tâm địa thanh tịnh, giống như cảnh giới khi Huệ Năng đại sư kiến tánh nói: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”. Người xưa dạy chúng ta: “Nhân tánh bản thiện”, hai câu đầu trong Tam Tự Kinh: “Nhân chi sơ, tánh bản thiện”. Thiện ở đây không phải là thiện trong từ thiện ác, thiện trong từ thiện ác quá nông cạn. Chữ thiện đó là tán thán, chữ thiện đó là hình dung, hình dung điều gì? Hình dung nó không khiếm khuyết điều gì. Viên mãn, không khiếm khuyết, đó là tự tánh! Khi nào thì tự tánh xuất hiện trạng thái này? Không chấp trước, không phân biệt, không khởi tâm động niệm gọi đó là bản thiện. Khởi tâm động niệm là bất thiện, A Lại Da xuất hiện, đó là bất thiện. Cho nên bản thiện so ra còn cao hơn Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Bản thiện là tâm tánh hoàn toàn hiển lộ, nghĩa là chân tánh của chính mình hiển lộ. Trong chân tánh không có hiện tượng vật chất, cũng không có hiện tượng tinh thần. Trong kinh hình dung nó là một ánh quang minh, gọi là Đại Quang Minh Tạng. Tịnh Độ Tông gọi cảnh giới này là Thường Tịch Quang. Trên thực tế thêm vào một chữ độ, đó là kiến giải của phàm phu, nói về tứ độ: Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Thường Tịch Quang Độ. Trên thực tế nói Thường Tịch Quang chính là Thường Tịch Quang, không cần thêm chữ độ vào đó nữa, điều này chúng ta cần nên hiểu, thêm chữ độ là do Đức Thế Tôn phương tiện nói như vậy. Trong Thường Tịch Quang không có thân, cũng không có độ, cũng có nghĩa là không có hiện tượng vật chất và tinh thần, nhưng quý vị chẳng thể nói nó là không, nó năng biến. Cho nên đại sư Huệ Năng nói: “Đâu ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp”, nó biến được, bản thân nó không có gì hết, nhưng nó có thể biến được tất cả. Khi nó bất biến thì: “Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Trong Thường Tịch Quang có đủ tất cả, không thiếu thứ gì, chỉ cần hiện tượng ba động phát sanh, thì vũ trụ sẽ hiện tiền, vạn vật sẽ hiện tiền, cơ thể của chúng ta sẽ hiện tiền. Cơ thể nghĩa là một hiện tượng vật chất, một hiện tượng tinh thần. Hai hiện tượng này, theo sự phân biệt chấp trước của quý vị, từ từ biến thành thập pháp giới y chánh trang nghiêm. Chuyện là như vậy! Chúng ta khởi lên một ý niệm, chẳng những ảnh hưởng đến thập pháp giới của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, mà thập pháp giới trong sát độ của tất cả chư Phật mười phương đều bị ảnh hưởng. Vì sao vậy? Bởi một tự tánh biến

mà. Khấp vũ trụ cùng với mình là một thể, cho nên nó mới có thể đồng thời đồng xứ cụ tức tương ứng. Nếu chẳng phải là nhất thể, thì làm sao quý vị có thể giải thích được? Cho nên thật sự là một thể thì có thể giải thích được. Hiểu được đạo lý này rồi, đối với đạo lý này hiểu một cách rõ ràng minh bạch, không còn một chút hoài nghi nào hết.

Xã hội ngày nay loạn động, thiên tai quá nhiều, khu vực HongKong của chúng ta đây không bị thiên tai có được chăng? Được! Chỉ cần ở HongKong có thể tụ tập được một hai trăm người, thiếu số người này là có thể cứu được khu vực HongKong đây. Một hai trăm người đây thật sự hồi tâm chuyển ý, đoạn ác tu thiện. Tiêu chuẩn của thiện ác là gì? Người xưa rất từ bi, các Ngài đã nói rõ cho chúng ta biết, từ đại cương mà nói là Hiếu đễ, đây là nòng cốt của Chánh pháp. Người xưa nói: “Hiếu thân tôn sư”, Đức Phật cũng nói như vậy. Điều thứ nhất trong Tịnh Nghiệp Tam Phước: *Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp*. Tiêu chuẩn của thập thiện nghiệp là gì? Những điều trong kinh luận nói toàn là tiêu chuẩn, nói rất nhiều, nhưng chúng ta không chịu làm. Người xưa nói rất hay, quý vị xem từ hiếu đễ dẫn đến Ngũ Luân: “*Phụ tử hữu thân, quân thân hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín*”. Nói phụ tử, quân thân, phu phụ, trưởng ấu, bằng hữu, đây là đạo, là quy luật tự nhiên. Giảng thân, giảng nghĩa, giảng biệt, giảng tự, giảng tín, đây là đức, thuận theo đạo quý vị thực hành thì đó chính là đức. Từ đây là dẫn đến Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, truyền thống văn hóa của Trung Quốc chính là những điều này.

Ngũ Thường: *Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín*. Đây là nguyên tắc cơ bản làm người, bắt buộc phải tuân thủ, quý vị không tuân thủ thì không gọi là người. Con người và cầm thú khác biệt, chính là ở chỗ con người biết Ngũ Thường, cầm thú thì không biết.

Tứ Duy: *Lễ nghĩa liêm sỉ*.

Bát Đức: *Hiếu đễ trung tín nhân ái hòa bình*, chỉ có mấy chữ vậy thôi.

Quý vị xem Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh, cho đến hoàng đế Càn Long soạn cuốn Tứ Khố Toàn Thư, đều không tách rời những điều này, đây là đại cương của truyền thống văn hóa. Ở trong Phật pháp chính là Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, rất đơn giản.

Tam Quy là *Giác, Chánh, Tịnh*.

Ngũ Giới: *Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu.*

Thập Thiện, Tiểu thừa nói rộng ra là ba ngàn oai nghi, Đại thừa nói rộng ra là tám vạn bốn ngàn tế hạnh, là viên mãn, là thành Phật rồi. Nói rất tinh giản cốt yếu, đây là đạo, đây là tánh đức, tùy thuận tánh đức, nếu bản thân chúng ta thật sự hiểu rõ, dùng mấy điều này để phản tỉnh. Người xưa dạy tiểu học, ngày nay mọi người học tập Đệ Tử Quy. Đệ Tử Quy nghĩa là những điều này cụ thể thực hành, thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong việc đối nhân xử thế. Quý vị làm được là quý vị đang hành đạo, cuộc sống hàng ngày là hành đạo, bất luận quý vị làm nghề gì, công việc của quý vị là hành đạo, tiếp nhân xử thế chẳng việc nào không phải hành đạo, trong đạo Phật gọi là hành Bồ Tát đạo. Thật sự làm được như vậy, thân tâm khỏe mạnh, không sanh bá bệnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội hài hòa, thiên hạ thái bình. Bất cứ tai họa gì trên địa cầu này cũng được hóa giải, đều không còn nữa. Đa số người ta không hiểu, họ vẫn còn tạo nghiệp, thiếu số người giác ngộ, trong một ngàn người có một người giác ngộ, một vạn người có một người, mười vạn người có một trăm người, một trăm vạn người có một ngàn người, một phần ngàn. Một người hành đạo, chín trăm chín mươi chín người được thom lây, công đức rất ít đó, mọi người cùng hưởng.

Tôn giáo ở Tây Phương họ dùng phương pháp, lúc cần cấp khi tai họa xảy đến, tập thể ý niệm cầu nguyện, có được hiệu quả. Nhưng nên biết rằng đây là trị ngọn, chứ không phải trị gốc, vì sao vậy? Bởi khi cầu nguyện bị gián đoạn, thì tai họa lại hiện tiền. Trị bản dùng phương pháp nào? Dạy học. Người xưa thật sự có trí huệ, nói cho chúng tử tôn đời sau biết: “ Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”, tin rằng con người dạy tốt được. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế ngày nào Ngài cũng dạy học, giảng kinh thuyết pháp không một ngày nào gián đoạn. Ba mươi tuổi khai ngộ là Ngài bắt đầu dạy, bảy mươi chín tuổi nhập Niết Bàn, dạy học suốt bốn mươi chín năm dài. Con người có thể dạy dễ được, nếu quý vị không dạy, không dạy học sẽ học những điều xấu. Kết quả của việc học điều xấu này là gì? Là chính mình thân tâm không được khỏe mạnh, gia đình không hài hòa, xã hội không an định, thiên hạ chẳng thái bình, đó là học điều xấu.

Nếu họ học tập lời dạy của thánh hiền, thánh hiền dạy điều gì? Dạy luân lý. Luân lý là gì? Luân lý nói về quan hệ, quan hệ giữa người với người, quan hệ Ngũ Luân. Phật pháp nói rất cứu cánh, ngoài chuyện quan hệ giữa người và người ra, quan hệ giữa con người với động vật, quan hệ giữa con người với thực vật như hoa

cỏ cây cối, quan hệ giữa con người và sơn hà đại địa, quan hệ giữa con người và thiên địa quỷ thần, thiên địa quỷ thần chính là quan hệ sinh vật bất đồng không gian mà ngày nay khoa học nói, quan hệ giữa con người với vũ trụ, tất cả đều là luân lý. Cho nên giảng về điều này, chỉ có Đức Phật mới giảng giải viên mãn, tất cả các quan hệ đều làm tốt rồi, thì không có chuyện gì xảy ra nữa. Sự đối ứng của quan hệ, đó chính là đạo. Lòng tin của mình kiên cố, đoạn tất cả ác, hành tất cả thiện, sức mạnh đó đến từ giáo dục nhân quả. Cho nên thánh nhân bình thiên hạ, đưa xã hội trở nên tốt như vậy, chính là ba cách giáo dục: *Luân lý, đạo đức, nhân quả*. Người xưa nói: “*Tín nhân quả thiên hạ đại trị chi đạo dã. Bất tín nhân quả thiên hạ đại loạn chi đạo dã*”. Nói rất hay! Điều này khiến cho xã hội an định, thế giới hòa bình. Vẫn còn một số người, họ hy vọng hưởng thượng nâng cao lên. Được, hưởng lên nữa, đó chính là giáo dục triết học, giáo dục khoa học. Trong sự giáo dục của cổ thánh tiên hiền có, chẳng phải không có. Thời xưa không gọi là khoa học, triết học, những danh từ này là thời cận đại, từ Phương Tây truyền đến. Trong truyền thống ngày xưa có triết học không? Có! Có khoa học không? Có! Trong kinh Hoa Nghiêm triết học và khoa học giảng lên đến tột đỉnh. Bài văn của Quốc sư Hiền Thủ không dài, rất ngắn, nói hết rồi! Chúng ta cùng nhau học tập, sử dụng hơn hai trăm giờ, rất lợi ích.

Trong lúc xã hội loạn động, địa cầu thiên tai vô số, chúng ta vẫn có thể ngày nào cũng sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Chúng ta học được trong kinh Hoa Nghiêm, không ưu sầu, không phiền não, bản thân hiểu được làm cách nào, cảnh giới hiện tiền biết được dùng phương pháp nào để đối phó. Những điều này chúng ta biết ơn Đức Phật, chẳng phải do sự dạy dỗ của Đức Phật, bản thân chúng ta chắc chắn không thể được. Tin rằng khoa học cũng có thể đạt được giáp ranh này, đạt được giáp ranh này là quý vị giải ngộ, bản thân quý vị không được thực dụng. Vừa rồi nói giống như thực dụng của Phương Tây, đầu đầu trị đầu, đầu chân trị chân, trị ngọn không trị gốc. Cho nên đồ của Phương Tây, chúng ta nhìn qua là hiểu, những thứ này của chúng ta họ không hiểu được. Chúng ta hiểu được những nguyên lý nguyên tắc đó, thì ý nghĩa này sẽ không khó hiểu.

Đoạn đầu nói về giáo lý Hoa Nghiêm, trong đạo Phật nói giảng dạy. Giáo có bốn loạn: *Giáo, Lý, Hành, Quả*. *Giáo* là văn tự là ngữ ngôn. Sự y cứ của văn tự ngữ ngôn là gì? Y vào lý luận, đạo đức. *Đạo lý* là gì? Đạo lý là chân tướng sự thật của vũ trụ vạn pháp. Thuật ngữ trong đạo Phật gọi là: “Thật tướng của các pháp”, thật là chân thật, chân thật như vậy. Sau khi hiểu rồi, quý vị phải thực hành ngay trong cuộc sống hàng ngày, đó gọi là Hành, quý vị được lợi ích. Hành ở ngay bản thân

bình, khỏe mạnh, hạnh phúc mỹ mãn, hành ngay trên thân mình. Hành ở đại tự nhiên, phong điều vũ thuận, muôn vật được mùa, non nước xinh tươi, thiên tai chẳng có, quý vị thật sự được lợi ích. Đó là gì? Đó là *Hành*. Quý vị đem những lý luận này biến thành cuộc sống của chính mình, biến thành hành vi của mình. Phía sau là Quả. *Quả* là gì? Quả là quý vị không ngừng hưởng thượng vươn lên. Trong đạo Phật nói quý vị đã thành bậc A La Hán, thành Bồ Tát, thành Phật, không ngừng hưởng thượng vươn lên. Trong đạo Phật nói Phật, Bồ Tát, A La Hán, là danh xưng của học vị, giống như chúng ta đi học. Hưởng thượng nâng cao là sao? Quý vị có được học vị học sỹ, tốt nghiệp đại học, tốt nghiệp nghiên cứu sỹ, có được học vị thạc sỹ, tốt nghiệp tiến sỹ, quý vị có học vị tiến sỹ, đây là không ngừng hưởng thượng vươn lên. Phật là học vị cao nhất trong sự giáo dục của đức Phật, gọi là Phật, học vị thứ hai là Bồ Tát, học vị thứ ba là A La Hán, là danh xưng học vị.

Đức Phật dạy chúng ta: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”, nói cách khác, quý vị vốn có được học vị cao nhất. Vì sao bây giờ quý vị lấy không được? Bởi quý vị có chướng ngại. Chướng ngại là gì? Chướng ngại là phiền não, phiền não vô lượng vô biên. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni phân phiền não thành ba loại:

Thứ nhất là vô minh phiền não. Vô minh vô minh phiền não, đây là nói mê. Quý vị mê quá sâu dày, thời gian mê quá lâu, hoàn toàn không hiểu rõ chính mình, không hiểu rõ vũ trụ.

Thứ hai là phân biệt phiền não.

Thứ ba là chấp trước phiền não.

Quý vị có ba loại phiền não này, khiến cho trí huệ, năng lực, tướng hảo của quý vị hoàn toàn bị biến chất, chẳng phải không có, mà biến chất. Trí huệ biến thành gì? Trí huệ biến thành phiền não. Đức năng biến thành gì? Đức năng biến thành tạo nghiệp. Còn tướng hảo? Tướng hảo biến thành lục đạo luân hồi. Biến chất rồi! Nếu chúng ta chuyển tâm lại, những cảnh giới biến chất này, từ từ phục hồi trở lại bình thường. Phục hồi trở lại bình thường, thì quý vị chính là A La Hán, là Bồ Tát, là Phật. Quý vị nên nhớ rằng, A La Hán, Bồ Tát, Phật chẳng phải là thần tiên, chẳng phải địa vị gì trong xã hội, mà là danh xưng của học vị. Đây là nói về sự tu học của quý vị, từng bước từng bước hưởng thượng vươn lên, đạt đến cứu cánh viên mãn. Cứu cánh viên mãn là gì? Là vô sở bất tri, vô sở bất năng, đó là học vị tối cao.

Khi đạt được học vị Phật rồi, thật sự đạt được đồng thời cụ túc tương ưng môn, đạt được rồi, chứng được rồi. Đây chẳng phải là lý luận, là những người này, đích thân họ chứng được cảnh giới này. Họ chứng được cách nào? Họ đã buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, hồi quy tự tánh, là chứng được!

Cho nên tu học Phật Pháp từ thi đến chung, thi là sơ phát tâm, chung là thành Phật. Họ tu điều gì? Tu buông bỏ. Vì sao phải buông bỏ? Bởi tất cả đều là giả, tất cả đều là bất khả đắc, quý vị cho là thật có, là quý vị sai. Nếu quý vị không buông bỏ, quý vị sẽ bị thiệt thòi lớn, quý vị buông bỏ, sẽ được đại tự tại. Từ từ đức tướng và trí huệ trong tự tánh sẽ hiển lộ, hưởng không tận, trong tự tánh có đủ tất cả không thiếu thứ gì.

Cho nên giáo lý Hoa Nghiêm lấy duyên khởi làm chủ. Khởi là gì? Là sanh khởi, sanh khởi vũ trụ, sanh khởi vạn pháp, sanh khởi ta là duyên, gọi là duyên khởi. Duyên thứ nhất chính là ba động, ba động này cực kỳ vi tế, trong kinh đức Phật nói là vô thi vô minh. Vô minh là động, minh là bất động, minh là quang minh, là tánh đức, nó bất động, bất sanh bất diệt, chắc chắn không nhiễm ô. Tuy quý vị đọa vào địa ngục A Tỳ, tự tánh của quý vị cũng không nhiễm ô, tự tánh của quý vị cũng không động, đây là nói về chân tâm của quý vị. Có hiện tượng nhiễm ô, có hiện tượng động, là vọng tâm chẳng phải chân tâm. Biết dùng chân tâm chính là pháp thân Bồ Tát, là Phật.

Vọng tâm, dùng vọng tâm một cách chính xác, không dùng sai, không dùng tà, là Bồ Tát và A La Hán. Vì sao vậy? Bởi họ tiếp nhận sự dạy dỗ của Đức Phật. Học sinh ngoan, biết nghe lời, y giáo phụng hành, họ làm đúng.

Pháp giới nhất thiết tận thành nhất đại duyên khởi. Đây chính là câu : “Đâu ngờ tự tánh năng sanh vạn pháp” mà đại sư Huệ Năng nói. Vạn pháp ở đây chỉ cho cái gì? Đại sư Huệ Năng nói vạn pháp, ở đây nói là pháp giới, nói tất cả pháp giới. Pháp giới ở đây không phải chỉ khu vực giảng dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Phạm vi giảng dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bao lớn? Là tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới lấy hệ ngân hà làm đơn vị. Bao nhiêu hệ ngân hà? Mười ức. Mười ức hệ ngân hà là khu vực giáo hóa của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khu vực giảng dạy này không lớn lắm. Trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy, khu vực giảng dạy của một số Đức Phật, là hai tam thiên đại thiên thế giới, thậm chí là năm, mười, hai mươi đại thiên thế giới. Nghĩa là so với khu vực giảng dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, lớn hơn gấp mười lần, hai chục lần. Khu vực giảng dạy lớn nhất là của Đức Phật A Di Đà. Khu vực giảng dạy của Đức Phật A

Di Đà lớn cỡ nào? Không ai có thể tính đếm được, khu giáo hóa của ngài bao gồm cả quốc độ của chúng ta ở trong đó.

Pháp giới nhất thiết tận thành nhất đại duyên khởi. Câu này rất quan trọng, đây là chân tướng sự thật. Quý vị thật sự hiểu rồi thì một pháp thành tất cả pháp. Một pháp là gì? Là một vi trần. Cơ thể của chúng ta cũng là một vi trần, không phải là rất nhiều vi trần sao? Không phải! Một vi trần! Quý vị có thể hiểu được ý nghĩa này không? Nếu quý vị không hiểu được ý nghĩa này, thì quý vị cứ liên tưởng đến khi chúng ta xem phim, quý vị thấy những hình ảnh trên màn hình, quý vị nói những hình ảnh này là một tấm ảnh ảo, hay là có rất nhiều tấm ảnh ảo? Chắc chắn quý vị trả lời: Rất nhiều! Tôi cho các vị biết, chỉ có một cái. Quý vị nhìn thấy chẳng phải một màn hình đó sao? Đoạn trước, đoạn trước qua rồi. Đoạn sau? Đoạn sau vẫn chưa tới, chỉ có một cái, đây gọi là nhất đại duyên khởi. Cho nên đức Phật dạy chúng ta điều gì? Là ở ngay đây, ngay ý niệm này, đây là một pháp, một pháp thành tất cả pháp. Tất cả pháp đó là gì? Là tương tục. Các nhà khoa học ngày nay nói là liên tục, liên tục hay, có ý nghĩa hơn tương tục. Tương tục sợ rằng, trước và sau cùng một thứ, liên tục thì không đồng. Ý niệm của chúng ta nhanh, niệm trước diệt, niệm sau sanh, niệm niệm khác nhau, niệm niệm tìm không thấy, nhưng niệm niệm sanh ra biến hóa rất lớn.

Tối hôm kia tôi ở Bồ Lý Tư Bản, cũng mấy tháng rồi tôi không đến đó, gặp mặt các bạn học, tôi thấy trong giảng đường ngồi kín cả. Họ muốn tôi giảng một giờ, họ đưa ra một vấn đề: “Phương pháp hóa giải thiên tai”. Giảng đề này truyền hình trực tiếp, dùng Internet truyền đi, ngày nay có rất nhiều người hỏi tôi vấn đề này.

Lúc trước tôi ở Tuyết Lê phỏng vấn mười tôn giáo, ngày xưa chưa bao giờ nói đến vấn đề này, ngày nay mọi người đều đưa ra vấn đề này, tôi nghĩ chắc là xem qua bộ phim 2012 của Mỹ, chiếu khắp toàn cầu, có thể bị ảnh hưởng từ bộ phim đó, đều đưa ra vấn đề này hỏi tôi. Phật giáo thấy thế nào đối với vấn đề này? Dùng phương pháp nào để đối phó? Tôi nói với họ rằng: Ngày nay dự ngôn rất nhiều, dự ngôn của xưa nay và các nhà khoa học đưa ra những phán đoán có căn cứ, mọi người đều quan tâm đến chuyện thiên tai, rốt cuộc là có hay không? Những điều trong Phật Pháp nói, bất cứ dự ngôn nào đưa ra đều không xác định, có thể có cũng có thể không. Phật Pháp trả lời, tuyệt đối không lấp lửng nước đôi, nó có đạo lý, cùng đạo lý trong lượng tử lực học, vì ý niệm của con người thay đổi trong từng sát na. Các nhà dự ngôn khi họ nói những lời đó, là lúc họ nhìn thấy tâm của cư

dân sống trên quả địa cầu này, tạo thành một môi trường như thế nào, nhưng họ muốn một chuyển biến, thì chuyển biến không còn. Giống như chúng ta đi đến một ngã ba đường, con đường kia rất khó đi, có nhiều tai nạn, có chó sói hổ báo. Quý vị đi đến đó đột nhiên nhớ ra mình đi bên này, thì chẳng phải lập tức thay đổi rồi sao? Đây là không xác định. Nếu quý vị vẫn chọn đi con đường đó, thì có thể sẽ gặp tai nạn. Những tai nạn này vì sao thành hình? Vì tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, ngũ dục lục trần, những thứ này. Người xưa thường nói: “Người này làm người bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa”, người này đi đến đường cùng, chắc chắn tai nạn phát sanh. Nếu thấy tai nạn này hiện ra trước mặt, lập tức quay đầu, nghĩa là giác ngộ mình không thể làm việc xấu nữa, và không thể có ác niệm nữa, ý niệm đó vừa chuyển thì tai nạn không còn nữa. Cho nên rất nhiều dự ngôn. Có! Rất chính xác! Nhưng chỉ hiện tiền thôi, còn rất nhiều điều nói mà không có. Chẳng phải không có, mà do ý niệm của quý vị thay đổi. Cho nên sự cầu nguyện đó đã khởi lên tác dụng, khi cầu nguyện ý niệm của họ chánh, chứ chẳng phải tà. Cho nên khi có năng lực họ có thể khiến cho thiên tai tạm ngừng không phát sinh, nhưng chúng tôi thường nói đó là trị ngọn không trị gốc. Thời gian cầu nguyện rất ngắn, sau khi cầu nguyện xong ác niệm lại sanh khởi, cho nên cảnh giới đó lại hiện tiền, chính là lý này! Người xưa rất giỏi, họ thật có trí, chú trọng dạy học! Dạy học là thời gian dài, là mãi mãi, cho nên có thể nhổ tận gốc tai nạn. Quý vị nhìn cách dạy học của người xưa quý vị sẽ hiểu, người xưa có trí, có phương pháp, có kinh nghiệm, có hiệu quả. Người xưa dạy cho người đời sau, từ khi nào thì bắt đầu dạy? Từ khi mang thai, gọi là thai giáo, người ngoại quốc không có, họ không hiểu được đạo lý này. Cho nên Đệ Tử Quy chẳng phải dạy cho các em nhỏ học, Đệ Tử Quy dạy cho ai? Đệ Tử Quy dạy cho trẻ sơ sinh. Đứa bé ra đời, nó biết thấy, nó biết nghe, nó đã bắt đầu học tập rồi. Ngày nay người Phương Tây mới biết được, họ dùng cái gì để biết được? Dùng phương pháp thôi miên, họ phát hiện ra. Khiến cho người này thôi miên, họ quay trở lại, trở lại lúc trẻ sơ sinh, trở lại trong tử cung của người mẹ. Sau đó hỏi họ trong tử cung như thế nào, họ biết rất rõ, họ không mê hoặc. Mẫu thân khởi tâm động niệm, tất cả việc làm, họ đều cảm nhận được, điều này chứng minh rằng, người xưa nói về thai giáo rất có lý. Đứa trẻ ra đời, trong lúc thôi miên hỏi họ, khi đứa trẻ sinh ra, họ đều biết rõ ràng, người lớn ở trước đứa trẻ lời nói việc làm, tất cả động tác, nó đều biết hết, nó thật sự đang học tập. Quý vị nghĩ xem từ khi ra đời đến năm ba tuổi là một ngàn ngày, một ngàn ngày này gọi là giáo dục cội rễ. Cho nên Đệ Tử Quy là cho mẹ thực hành cho trẻ sơ sinh xem, trước ba tuổi ngày nào nó cũng xem. Phạm là mặt trái, những việc bất thiện, tuyệt

đổi không để nó nhìn thấy, không được để nó nghe thấy, không được để nó tiếp xúc, gọi là đồng môn dưỡng chánh. Một ngàn ngày khi cội rễ đã trồng xuống rồi, ngàn năm có câu: “Tam tuế khán bát thập”, ba tuổi trồng xuống cội rễ này thì tám mươi tuổi cũng không thay đổi. Cách giáo dục này quá hay! Cho nên người xưa thật sự đã thực hành được tam cương bát mục trong đại học, nghiêm chỉnh thực hành: Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia, trị quốc bình thiên hạ. Bình thiên hạ, bình là công bằng, thiên hạ công bằng, rất có đạo lý!

Chúng ta đã đánh mất những thứ ngày của người xưa, đại khái khoảng một trăm năm rồi. Sau khi Mãn Thanh mất nước, Trung Quốc bất hạnh, xã hội đại loạn, quân phiệt cát cứ. Vừa mới thống nhất thì người Nhật lại phát động chiến tranh với Trung Quốc tám năm. Tám năm chiến tranh này đã đánh mất đi nền văn hóa truyền thống, đây là sự tổn thất lớn không gì bằng, gia đình truyền thống không bao giờ thấy được nữa. Thật sự bi ai, gia đình không còn nữa! Gia đình truyền thống là đại gia đình, thông thường là năm đời sống chung với nhau. Gia đình họ sống cùng nhau là thân, trong gia đình này thân ái tinh thành, tất cả do dạy dỗ mà ra. Cho nên có gia đạo, đại gia đình này giống như tổ chức xã hội, có gia đạo, gia quy, gia học, gia nghiệp, gia nghiệp là sự nghiệp. Người thời nay không còn nhà nữa, không có nhà thật bi ai! Bi ai lớn nhất là già rồi phải làm sao? Khi chưa già thì không biết, khi già rồi thì biết được rất đáng thương, đi đâu đây? Viện dưỡng lão! Chúng tôi đã đến tham quan rất nhiều viện dưỡng lão. Tâm trạng của người trong viện dưỡng lão thế nào? Ngồi ăn chờ chết. Quý vị thấy người trong viện dưỡng lão, ngày nào có người chết: “Lại có người đi rồi, ngày nào đến lượt mình đây?” Đó là tâm trạng gì vậy? Người xưa nói, người già vui nhất là dưỡng lão ở nhà, khi già về vui với con cháu, nghỉ hưu, nghỉ công việc rồi. Quý vị nghĩ xem gia đình lớn như vậy, mấy trăm người, lớp trẻ mười bảy mười tám tuổi gần trăm người, hàng ngày quây quần bên bạn, vui biết mấy! Cho nên ngày xưa không bao giờ phải lo lắng cho người già, không có chuyện này, dưỡng lão ở nhà. Khi nghỉ hưu rồi thì trở về quê hương. Ra làm việc bên ngoài, ở bất cứ nơi đâu, thì gia đình là hậu thuẫn của quý vị, hậu thuẫn đáng tin nhất, hậu thuẫn mạnh nhất, quý vị không cần phải lo.

Khi còn nhỏ gia đình dạy quý vị, gia học, gia học chính là tư thực, nghĩa là trường học của đệ tử trong gia đình. Chế độ cổ xưa này khiến cho chúng ta thường hoài niệm. Nhưng ngày nay nếu muốn phục hồi lại như xưa, lấy bà con huyết thống làm nền tảng cho một gia đình, thì không thể rồi! Tôi thường suy nghĩ, thường nghe thấy rất quen thuộc “xí nghiệp gia”, đột nhiên tôi nghĩ đến xí nghiệp. Dùng xí

nghiệp để phục hồi lại gia học truyền thống ngày xưa: Gia quy, gia học, gia nghiệp, vậy thì đất nước chúng ta sẽ phục hưng trở lại.

Ông chủ là đại gia trưởng, nhưng nhất định ông chủ phải xem tất cả công nhân của như anh chị em trong một gia đình của mình vậy. Người công nhân lớn tuổi là chú bác của mình, cần dưỡng già. Con của công nhân là cháu chắt của mình, phải dạy dỗ chúng, phục hồi lại tinh thần gia đình truyền thống, trên thế giới là độc nhất vô nhị. Vì sao đất nước chúng ta cả năm ngàn năm rồi có địa vị trên thế giới, vĩnh viễn bất suy bất bại. Trên thế giới có tứ đại văn minh cổ, ba cái không còn, chỉ còn Trung Quốc. Lý gì vậy? Giáo dục! Chổng đờ đợc Trung Quốc chính là gia đình, gia đình của Trung Quốc quá hoàn mỹ. Vì sao gia đình làm đợc tốt như vậy? Nương vào giáo dục! Nếu không có giáo dục, gia đình quý vị sao có thể đại công vô tư đợc? Từ nhỏ đã dạy bọn trẻ đại công vô tư, chẳng thể có tâm riêng tư. Vì sao sống trên thế gian này? Vì gia đình của tôi. Họ yêu gia đình, là họ sẽ yêu ruộng đất của họ, yêu xóm làng, yêu quê hương họ, yêu quê hương chính là yêu đất nước. Tình thương này từng lớp từng lớp rộng ra. Cho nên chữ “thân” là cội rễ giáo dục, đều từ chữ này mà ra, thân là thân yêu. Mục đích đầu tiên của giáo dục thời xưa là, phụ tử thân yêu, làm thế nào để có thể duy trì trong suốt cuộc đời không thay đổi. Đây là mục đích đầu tiên của giáo dục. Mục đích thứ hai là phát triển rộng rãi tình thân yêu này. Từ thương yêu cha mẹ, thương yêu anh chị em, thương yêu gia tộc, thương yêu xóm làng, thương yêu xã hội, thương yêu đất nước mình. Sau đó thì rộng ra thương yêu nhân loại: “Phàm là người, đều muốn đợc yêu thương”. Giáo dục yêu thương! Quý vị yêu thương họ, quý vị sẽ không hại họ, đây là điều chắc chắn.

Niên đại 70, tiến sỹ Thang Ân Tỉ người Anh nói: “Giải quyết vấn đề của thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh, và đại thừa Phật giáo”, đây là người Anh nói. Hình như năm 2006, lần thứ hai tôi phỏng vấn London, ở trường đại học Kiếm Kiều, ở trường đại học London, tôi giao lưu với các bạn học hệ Hán học, tôi dạy họ hai tiết. Giáo thọ của họ cũng tham dự, tôi hỏi mọi người: Thang Ân Tỉ là người Anh, quý vị rất quen thuộc, lời ông ta nói có thật không? Quý vị có tin chẳng? Thầy giáo và học sinh nhìn tôi cười, không nói gì, tôi cũng cười với họ. Tôi lại hỏi: Thang Ân Tỉ nói sai rồi hả? Họ cũng không trả lời tôi, cuối cùng tôi nói với mọi người, Thang Ân Tỉ không nói sai, nhiều người đã giải thích sai câu nói này của ông ấy. Vì sao vậy? Nói đến Nho, hẳn quý vị nghĩ đến Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam kinh, trong trường học những môn này. Nói đến Phật, nhất định quý vị nghĩ

đến Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, đây là kinh luận Đại thừa. Quý vị đều nghiêm chỉnh học tập, đều lấy những tài liệu này để viết luận văn tiến sỹ. Không sai, quý vị có thể lấy được học vị, tương lai có thể trở thành một vị giáo thọ nổi tiếng, có thể trở thành nhà Hán học Âu châu. Quý vị không thể giống như tôi, từ sáng đến tối hoan hỷ, mỉm cười, vui không gì bằng, quý vị không thể! Trong tương lai tuy quý vị có được học vị, làm giáo thọ, làm nhà Hán học, nhưng quý vị vẫn sống trong thế giới đau khổ, thế giới phiền não và đau khổ. Vì sao vậy? Bởi quý vị không giải thấu được lời nói của tiến sỹ Thang Ân Ti. Quý vị ngày nay đang làm việc Nho học, Đạo học, Phật học, tôi học khác quý vị, tôi và quý vị học tương phản nhau. Quý vị xem ngày nay viết chữ, đều giống như tiếng Anh viết từ trái qua phải, khi chúng ta xem, đọc là Nho học, Đạo học, Phật học. Chúng tôi đọc là từ phải qua trái. Chúng tôi đọc cách nào đây? Chúng tôi đọc là học Phật, học Nho, học Đạo, khác nhau mà! Quý vị học là Nho học, Đạo học, Phật học, tôi học là học Nho, học Phật, học Đạo, cũng là hai chữ, quý vị đọc từ bên này, tôi đọc từ bên kia, nên hiệu quả khác nhau.

Học Nho là phải học giống như Khổng Tử, Mạnh Tử, học Phật thì phải giống như Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, học Đạo phải giống như Lão Tử, Trang Tử, thật sự được lợi ích! Ngược lại quý vị xem nó như một học thuật để nghiên cứu, không liên quan gì đến cuộc sống và sinh hoạt của quý vị, quý vị không được lợi ích, quý vị vẫn sống trong môi trường phiền não và thống khổ như cũ. Cho nên nhắc đến Nho, quý vị sẽ nghĩ đến Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh, quý vị không nghĩ đến Đệ Tử Quy. Phật Pháp quý vị nghĩ đến kinh điển Đại thừa mà không nghĩ đến Thập Thiện Nghiệp. Đệ Tử Quy là gì? Là thực hành Tứ Thư, Ngũ Kinh, Thập Tam Kinh. Đạo Nho nói hay, phương pháp thứ lớp dạy người tu học: Bác học, thâm vấn, thận tư, minh biện. Quý vị học như vậy là đúng! Nhưng điều cuối cùng thì không làm. Điều cuối cùng là gì? Là đốc hành! Quý vị chẳng thực hành. Học Phật, đạo Phật nói bốn chữ: Tín, Giải, Hành, Chứng. Quý vị chỉ có hai chữ trước là Tín và Giải, không có Hành, không có Hành sao có Chứng? Đạo Nho không đốc hành, trong đạo Phật không Hành Chứng, chính là điều người ta thường nói: Học mà không dùng được! Những thứ quý vị học không khởi tác dụng, cho nên sự dạy học có trí huệ của thánh hiền quý vị không được lợi ích.

Ngày hôm đó tuy tôi nói không nhiều, diễn giảng ở mỗi trường học chỉ có một giờ, nhưng đã khiến họ thông hiểu, học rồi thì phải hành.

Lưu Tô Vân cư sỹ giảng mười bốn giờ ở đây, mọi người đều hoan hỷ, đều muốn học với cô ấy, cô ấy nói cô ấy chỉ có sáu chữ: Chân thật, nghe lời, thật hành. Nếu chúng ta chân thật, nghe lời, mà không chịu hành, thì chẳng có cách nào, sẽ chẳng học được gì ở cô ấy. Hai chữ sau rất quan trọng, phải thật hành. Thế xuất thế gian, từ cổ chí kim, từ trong ra ngoài, các vị đại thánh tiên hiền, sự thành tựu của họ, dùng sáu chữ của Lưu Tô Vân đây là đủ rồi. Đúng là chân thật, nghe lời. Nghe lời ai? Nghe lời thánh hiền. Người xưa nói: Không nghe lời lão nhân, thất bại ở trước mặt”. Lão nhân là ai? Là Khổng Mạnh, là Lão Trang, là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nếu quý vị không nghe lời, thì thất bại ở ngay trước mặt, quý vị nghe lời, hay biết mấy! Cho nên quý vị phải có niềm tin.

Thái độ cầu học một đời của Khổng Phu Tử đã nói rất rõ ràng: “Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ”. Đối với hai câu này trong Luận Ngữ, tôi phục sát đất. Có người hỏi tôi: Trong Luận Ngữ hai câu nào quan trọng nhất? Tôi nói là hai câu này!

“Thuật nhi bất tác”, ngài không sáng tạo, không phát minh. Những điều Ngài học, Ngài tu, Ngài dạy, Ngài truyền lại, đều là những thứ của cổ thánh tiên hiền. Không như chúng ta ngày nay, con người ngày nay trong đầu họ muốn sáng tạo, phải có sáng kiến, phải có phát minh, phải cạnh tranh với mọi người. Sai rồi! Quý vị nên biết rằng, sáng ý, phát minh là tâm quý vị động. Ngài “tín nhi hiếu cổ”, nên tâm Ngài định, Ngài không sáng tạo, không phát minh, tâm Ngài vĩnh viễn là định. Định thì có thể khế nhập tự tánh, tâm của chúng ta ngày nay động, thì làm sao có thể hiểu được những lời dạy của người xưa, làm sao có thể cảm nhận được. Tâm dao động, chẳng những không học được những lời dạy của cổ nhân, mà lời dạy của người thời nay quý vị cũng không học được, đạo lý trong đây rất thâm sâu! Quý vị tham thấu triệt rồi mới hiểu được người thời nay thật sự không như bậc cổ nhân. Xã hội thời xưa là thừa bình thịnh thế, cuộc sống của mọi người thật sự trong an định, hài hòa, hạnh phúc mỹ mãn. Tuy là bần cùng họ cũng vui, tâm họ định, họ tuân thủ quy củ, tuân thủ đạo đức, hiểu luật nhân quả. Hoàn toàn khác với sự tu duy của người thời nay, người thời nay suy nghĩ lung tung. Ngày nay vẫn còn có người dạy họ, ai dạy vậy? Ti vi dạy, Internet dạy. Dạy điều gì? Dạy bạo lực, dạy sắc tình, dạy sáng tạo, dạy sát đạo dâm vọng. Điều này thế nào? Quá đáng sợ!

Chúng ta may mắn, sống trong thế giới như vậy mà vẫn gặp được giáo pháp Đại thừa, gặp được kinh Vô Lượng Thọ, gặp được kinh Hoa Nghiêm, thật hy hữu! Thật sự hiểu được thì lợi ích không thể nghĩ bàn!

Đây là nói về một pháp thành tất cả pháp, tất cả pháp khởi một pháp, hỗ tương khởi lên tác dụng. Chúng ta khởi lên một ý niệm, sẽ ảnh hưởng đến pháp giới hư không giới, pháp giới hư không giới cũng ảnh hưởng đến chúng ta, hỗ tương nhau.

Chú ý, *nhất thời cụ túc*, nghĩa là ngay đây. Cho nên trong kinh Phật ghi chép về thời gian không ghi ngày tháng năm nào. “*Như thị ngã văn, nhất thời...*” Nhất thời là sự thật. Nhất thời là gì? Nghĩa là ngay đây, ở ngay trước mặt. *Viên mãn hiển hiện, cố viết cụ túc tương ưng*. Đây là giải thích sơ lược về *Đồng thời cụ túc tương ưng môn*.

Dưới đây dẫn chứng: *Hoa Nghiêm Diệu Nghiêm Phẩm viết: Nhất thiết pháp môn vô tận hải, đồng hội nhất pháp đạo tràng trung*.

Nhất thiết pháp môn vô tận hải, là quá lớn, quá nhiều, không chỉ là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tứ hoằng thệ nguyện nói: “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học”, nghĩa là không chỉ tám vạn bốn ngàn, tám vạn bốn ngàn không phải là một định số, triển khai ra là vô lượng vô biên, chính là *nhất thiết pháp môn vô tận hải*. Từ đó chúng ta cảm nhận xem, đó chính là chân thật nghĩa của Đức Phật, không thể coi đó là một con số.

Đồng hội nhất pháp đạo tràng trung. Nhất pháp là gì? Là một vi trần. Vô lượng vô biên thế giới ở đâu? Ở trong một vi trần. Điều này không dễ hiểu đâu, ở trong một vi trần có vô lượng vô biên pháp. Khoa học ngày nay tương đối tiến bộ, chúng ta nhìn thấy thể điện tinh, nhưng móng tay rất nhỏ đây, nhưng trong đó hàm chứa rất nhiều thứ, một bộ Đại Tạng Kinh, chỉ ở trong một cái đĩa nhỏ, cảm thấy ngạc nhiên quá! Kỳ lạ quá! Sự thật khoa học và chân tướng sự thật còn cách nhau rất xa. Chân tướng sự thật là gì? Là một vi trần, mắt thường không thể thấy được. Một vật nhỏ như thế, ở trong đó chứa đựng bao nhiêu thứ? Chứa đựng biến pháp giới hư không giới. Móng tay của chúng ta lớn như thế này, trong đây mới chứa đựng có một bộ Đại Tạng Kinh thì có đáng là bao. Thật sự là như vậy, trong kinh thường nói: “Giới tử nạp Tu Di”. Hạt cải rất nhỏ, núi Tu Di rất lớn, núi Tu Di để ở trong một hạt cải, hạt cải không to ra, núi Tu Di không nhỏ lại, mà đặt vào được. Sự sự vô ngại! Điều này chúng ta không cách nào tưởng tượng được, nhưng nó là chân tướng sự thật. Vì sao vậy? Vì trong tự tánh không có tương đối, tìm không ra tương đối. Lớn nhỏ là tương đối, không có lớn nhỏ, cho nên trong nhỏ có thể dung

nap đượ lớn. Lớn dung nạp nhỏ thì chúng ta chẳng nghi ngờ, nhỏ dung nạp lớn thì chúng ta không biết, nó không có lớn nhỏ.

Đồng hội nhất pháp đạo tràng trung, đồng thời đồng xứ.

Đại Số viết. Đại Số ở đây chính là Hoa Nghiêm Kinh Số Sao, do Thanh Lương đại sư viết, Ngài đã viết một ví dụ: “*Như hải nhất tích, cụ bách xuyên vị*”. Một giọt nước trong biển cả, nước từ các dòng sông nơi tám phương bốn phía, đều chảy về biển cả. Một giọt nước biển, nhưng có đủ vị của tất cả các dòng sông trong đó. Dùng ví dụ này để nói đến: “*Thị vi thử môn chi huyền nghĩa*”. Nghĩa là nói đồng thời đồng xứ, không có lớn nhỏ, không có trước sau, cũng chẳng có cự ly, đồng thời tương ứng, là một thể. Đây là đúc kết của kinh Hoa Nghiêm, một khái niệm rất quan trọng, là chân tướng sự thật.

“*Kim thử kinh trung*”. Lại nói đến kinh Vô Lượng Thọ.

“*Cụ hiển thử đồng thời cụ túc tương ứng chi huyền môn*”. Trong kinh Hoa Nghiêm có đoạn văn như vậy, kinh Vô Lượng Thọ cũng có.

“*Như kinh trung Chí Tâm Tinh Tấn Phẩm*”. Nghĩa là bộ kinh này.

“*Pháp Tạng Tỳ Kheo*”. Pháp Tạng Tỳ Kheo là tiền thân Đức Phật A Di Đà. Khi chưa thành Phật xuất gia tu hành, pháp danh của Ngài là Pháp Tạng, địa vị Tỳ Kheo.

“*U bỉ nhị thập nhất câu đề Phật độ công đức trang nghiêm chi sự, minh liễu thông đạt, như nhất Phật sát sở nhiếp Phật quốc siêu quá u bỉ.*”

Đây là đoạn kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ. Dưới đây lão cư sỹ giải thích cho chúng ta hiểu:

“*Kinh trung nhị thập nhất câu đề Phật độ, biểu vô lượng Phật độ*”. *Nhị thập nhất* ở đây không phải là số chữ. *Câu đề*, là tên gọi một đơn vị trong số lượng của Ấn độ, số lượng này rất lớn, là một trong mười đại số. Hai mươi một là nói lên sự viên mãn. Thông thường đức Phật dùng thất để nói lên sự viên mãn, ngay trong kinh Di Đà cũng nói thất: “Thất trùng lan thuẩn, thất trùng hàng thọ”, đều là dùng thất. Thất là gì? Là bốn phương, trên, dưới, và giữa, là ý nghĩa như vậy, nên viên mãn.

Trong kinh Hoa Nghiêm thường dùng mười để biểu pháp, vì kinh Hoa Nghiêm là viên giáo. Mật tông cũng không tách rời Hoa Nghiêm, Mật tông dùng mười sáu biểu pháp nói lên sự viên mãn, hai mươi một nói lên sự viên mãn. Cho nên ý nghĩa biểu pháp trong kinh Hoa Nghiêm, thuật ngữ của tông nào cũng dùng đến.

Đây chính là vô lượng vô biên, vô cùng vô tận sát độ của chư Phật, là ý nghĩa như vậy.

“Pháp Tạng Tỳ Kheo nhiếp vô lượng Phật độ vi nhất Cực Lạc Tịnh Độ. Thị tức Hoa Nghiêm trung nhất thiết chư pháp đồng thời đồng xứ, vi nhất đại duyên khởi nhi tồn tại, cụ túc tương ưng chi nghĩa.”

Đồng thời đồng xứ ở đây, chúng ta nên biết, trong kinh Hoa Nghiêm nói đồng thời đồng xứ, thường dùng một vi trần, một sợi lông để làm ví dụ. Một vi trần giống như chúng tôi vừa nói, các nhà khoa học ngày nay nói nguyên tử, điện tử, lap tử. Trong lượng tử lực học nói là quang tử, cái nhỏ nhất trong vật chất, một đơn vị nhỏ nhất, nói một sợi lông là chánh báo. Đạo Phật nói về y báo và chánh báo, y báo thì không có vấn đề gì, khái niệm về chánh báo nhất định phải rõ ràng. Chánh báo là chỉ cho bản thân của chúng ta, gọi là chánh báo, ngoài bản thân ta ra những thứ còn lại đều là y báo. Y báo là gì? Là nói về môi trường. Môi trường sinh hoạt của ta, có rất nhiều người, là con người, công việc, môi trường, trong môi trường cuộc sống của chúng ta. Nó là y báo, chẳng phải là chánh báo, chánh báo chỉ có một mình ta. Nếu quý vị nói chánh báo, thì quý vị là chánh báo, tôi là y báo của quý vị, không bao gồm chánh báo. Khái niệm này nhất định phải rõ ràng. Không nên cho rằng, chánh báo là nó về thân người, đó là sai, chánh báo là nói về mình. Y báo chính là môi trường để quý vị nương vào đó mà tồn tại. Môi trường con người sự việc, môi trường vật chất, môi trường tự nhiên, đều là nói về y báo.

Quý vị xem, Ngài cũng nói về nhiếp vô lượng vô biên sát độ của chư Phật, đương nhiên là tất cả chúng sanh trong vô lượng vô biên Phật độ, hữu tình vô tình đều bao gồm hết trong đó.

Nếu nói về hữu tình chúng sanh, nói đến chỗ tối cao là chư Phật Như Lai, nói đến chỗ thấp nhất, mắt thường chúng ta có thể nhìn thấy bọ bay cựa động là con vật nhỏ. Ngày nay nói càng vi tế hơn đó là virus, virus cũng là sinh vật rất nhỏ, mắt thường không thấy được, đặt vào kính hiển vi thì chúng ta nhìn thấy. Bất đồng tần số không gian thì sao? Như thế giới chúng ta đây, có lục đạo luân hồi, có lục đạo

chúng sanh. Ngoài cõi người ra, cục bộ cõi súc sanh chúng ta có thể thấy được, trong súc sanh đạo còn rất nhiều chúng ta không thấy được. Như địa ngục, ngạ quỷ, cõi trời, tần số không gian không giống với chúng ta. Tần số cao hơn chúng ta, họ có thể thấy được chúng ta, chúng ta không thấy được họ. Không nhìn thấy chẳng thể nói là không có, nhìn thấy cũng chẳng thể nói là có. Đây là chân tướng sự thật, đều là một loại huyền giác, cho nên trong cảnh giới thiên biến vạn hóa, quý vị phải luyện công phu. Luyện gì vậy? Luyện bất động! Không bị môi trường bên ngoài làm động.

Trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật dạy như vậy, nếu quý vị tu tập như thế mà thành công rồi, quý vị có thể chuyển cảnh giới, nếu tâm quý vị động theo cảnh giới bên ngoài, là quý vị bị môi trường chuyển, bị môi trường chuyển thì rất khổ đấy! Khi quý vị bất động, chuyển được cảnh giới, quý vị tự tại, vui sướng, cho nên nói: *“Nhược năng chuyển cảnh, tắc đồng Như Lai”*. Như Lai ở đây có hai nghĩa, song quan ngữ. Một là nói về tự tánh, Như Lai là tự tánh. Một là nói về người tu hành đã chứng được quả vị Như Lai, nghĩa là người minh tâm kiến tánh. Họ được tự tại, họ không bị cảnh giới bên ngoài làm động, điểm này rất quan trọng. Hôm nay sắp hết giờ rồi, ngày mai chúng tôi giảng tiếp đoạn này. Làm thế nào để không bị cảnh giới chuyển? Thuận cảnh bên ngoài không tham luyến, nghịch cảnh bên ngoài không sân nhuế, thì quý vị sẽ không bị nó chuyển. Người hủy báng quý vị, người nhục mạ quý vị, người hãm hại quý vị, coi như không, trong tâm không dính mắc điều gì, quý vị thành công rồi, quý vị chuyển được cảnh giới. Chẳng những quý vị không oán hận họ, mà còn cảm ơn họ. Vì sao vậy? Bởi họ đến khảo quý vị, xem quý vị động hay bất động? Quả nhiên bất động, thông qua rồi, thầy giáo giỏi! Bản thân mình không bị tổn thương, họ cũng không tạo nghiệp tội, đối với họ cũng có lợi. Nếu như mình nổi giận, muốn báo thù, thì hai bên đều bị tổn thương. Quý vị xem, một ý niệm chân chánh thì cả hai đều được lợi ích, một ý niệm bất chánh thì hai bên đều bị tổn thương. Đó chính là không bị cảnh giới chuyển, mà mình chuyển được cảnh giới. Cũng có nghĩa là trong cảnh giới, quý vị có thể buông bỏ thất tình ngũ dục. Đó là gì? Là trí huệ làm chủ, quý vị sẽ được đại tự tại. Đoạn này ngày mai chúng ta tiếp tục học nữa.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 50

Tập 51

Chuyên ngữ: Từ Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày 27 tháng 05 năm 2010

Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi ba, hàng thứ ba, bắt đầu xem từ câu thứ hai.

Kinh trung nhị thập nhất câu đề Phật độ, biểu vô lượng Phật độ. Pháp Tạng Tỳ Kheo, nhiếp vô lượng Phật độ vi nhất Cực Lạc Tịnh Độ. Thị tức Hoa Nghiêm trung nhất thiết chư pháp đồng thời đồng xứ, vi nhất đại duyên khởi nhi tồn tại, cụ túc tương ưng chi nghĩa. Thị vi Thập Huyền chi tổng môn, thật diệc bốn kinh chi tổng tướng. Bốn kinh thật diệc đồng thử nhất đại duyên khởi nhi xuất hiện dã.

Đoạn này là giải thích phẩm Chí Tâm Tinh Tấn trong kinh Vô Lượng Thọ, đây là một đoạn kinh văn trong phẩm đó. Đoạn kinh văn này là Pháp Tạng Tỳ Kheo, nghĩa là đức hiệu của đức Phật A Di Đà lúc tu hành ở nhân địa. Trong kinh nói: *Ư bỉ nhị thập nhất câu đề Phật độ, công đức trang nghiêm chỉ sự, minh liễu thông đạt, như nhất Phật sát, sở nhiếp Phật quốc, siêu quá u bỉ.* Có một đoạn nói như vậy. Ở đây Hoàng Niệm Lão giải thích sơ lược cho chúng ta biết, ở trong kinh nói hai mươi một câu đề, hai mươi một ở đây không phải là số chữ, mà là biểu pháp, nói lên sự viên mãn. Theo thói quen, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Phật Thuyết A Di Đà, đa số dùng “thất” để nói lên sự viên mãn. Ý nghĩa của “thất” gồm có Đông, Nam, Tây, Bắc, là bốn phương, cộng trên dưới và ở giữa, “thất” có nghĩa là như vậy.

Kinh Hoa Nghiêm dùng “thập” làm biểu pháp, đây là số chữ, nghĩa là từ một đến mười là viên mãn. Tông Hoa Nghiêm, y theo tông phái ở Trung Quốc mà nói, giáo nghĩa của mười tông phái tiểu thừa và đại thừa, đều nằm trong bộ kinh này. Biểu pháp của Mật Tông là “thập lục”, sau này chúng ta sẽ học đến thập lục chánh sử. Ở đây cho thấy “nhị thập nhất câu đề”, Mật Tông thường sử dụng, để nói lên sự đại viên mãn, cho nên ở đây không thể xem như là số mục, ý nghĩa của nói tiêu biểu cho vô lượng Phật độ. Cũng có nghĩa là tâm hiện thức biến, không sót một điều gì, tất cả đều bao hàm trong đó.

Pháp Tạng Tỳ Kheo tiếp nhận tất cả ưu điểm trong vô lượng Phật độ, những khiếm khuyết trong mười phương tất cả quốc độ, hoàn toàn không còn tồn tại, cho nên thế giới này gọi là thế giới Cực Lạc. Cái lý là ở chỗ này! Trong đây, đương nhiên oai thần của đức Phật, đây là nhân tố đầu tiên. Nhân tố thứ hai là chúng sanh không tạo ác nghiệp. Thế nào gọi là chúng sanh không tạo ác nghiệp? Điều này đức Phật cũng không làm được. Đức Phật có thể kêu chúng sanh đừng tạo ác nghiệp chăng? Con người sống trên quả địa cầu ngày nay, tạo tội nghiệp vô lượng vô biên, đây là Báo Độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thể kêu chúng ta đừng tạo tội nghiệp chăng? Cho nên không dễ dàng. Sự thành tựu của thế giới, như kinh Hoa Nghiêm nói là vô lượng nhân duyên. Ở trong kinh đức Phật cũng thường nói với chúng ta: “tâm Phật chúng sanh, tam vô sai biệt”, đây là ba sức mạnh. “Tâm”, ngày nay chúng ta nói là năng lượng, năng lượng của tâm, năng lượng của đức Phật, năng lượng của chúng sanh đều bằng nhau, tam vô sai biệt. Cho nên đức Phật có thể độ chúng sanh hay không? Đức Phật không thể độ chúng sanh, đây là nói thật. Đức Phật làm thế nào để gọi là độ chúng sanh? Những điều đức Phật dạy chúng ta phải nghe. Các bậc đại thánh đại hiền của thế và xuất thế, sở dĩ các ngài có thể thành tựu được, là vì họ có tam bảo, phải nương vào tam bảo này. Tam bảo ở đây là tự tánh tam bảo, là gì vậy? là chân thật, nghe lời, thật tu, thì đức Phật gia hộ cho. Nếu chúng sanh có thể phát huy sức mạnh này, đức Phật sẽ giúp quý vị. Ví dụ như tịnh tông chúng ta nói về niệm Phật vãng sanh, chúng ta niệm đến khi công phu thành phiền. Công phu thành phiền cũng có tam bối cửu phẩm. Công phu thành phiền của thượng thượng phẩm, khi lâm mạng chung thời đức Phật đến tiếp dẫn. Đức Phật tiếp dẫn đầu tiên ngài phóng quang, hào quang của đức Phật chiếu đến, sẽ nâng cao công phu của quý vị lên một lớp. Quý vị nghĩ xem, thượng thượng phẩm vãng sanh, đức Phật nâng cao quý vị, quý vị sẽ ra sao? Quý vị sẽ thành sự nhất tâm bất loạn, điều này cần nên biết. Nếu quý vị là hàng thượng trung bối, công phu thành phiền của quý vị là thượng trung bối, khi vãng sanh, Phật quang chiếu đến, sẽ biến thành thượng thượng bối. Quý vị niệm đến thượng thượng bối, Phật quang chiếu đến, quý vị sẽ không còn ở Đồng Cư độ nữa, quý vị sẽ sanh về Phương Tiện Hữu Dư độ, nâng cao lên một cấp bậc. Công phu của chúng ta chỉ là hạ hạ phẩm vãng sanh, khi lâm chung Phật quang chiếu đến, bèn là hạ trung phẩm vãng sanh, lý là như vậy. Sự gia trì của đức Phật tương đối với công phu của chúng ta. Nếu công phu của chúng ta niệm đến sự nhất tâm bất loạn, thượng thượng phẩm, Phật quang chiếu đến, thì quý vị thành lý nhất tâm bất loạn, sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ, đạo lý này cần nên hiểu. Cho nên chúng ta cần phát huy năng lượng của chính mình, có nghĩa là trong kinh đức Phật giảng như thế nào, chúng ta thật sự học thuộc kinh, hiểu nghĩa lý. Học thuộc mà không hiểu nghĩa lý thì không được, nhất định phải hiểu nghĩa lý. Y giáo phụng hành, đem những đạo lý Đức Phật nói trong kinh điển, thật sự biến thành tư tưởng của chính mình. Sự chỉ dạy trong kinh điển, đó chính là điều giới, giúp cho chúng ta sửa đổi những hành vi sai lầm, thì sức mạnh của đức Phật mới có

thê gia hộ cho quý vị được, nếu bản thân quý vị không có điều này, đức Phật có muốn gia hộ cũng không được. Từ đó cho thấy, chúng ta quyết định không thể làm ác, chẳng những không thể làm, mà ý niệm ác cũng không được có, thì quý vị sẽ thường được tam bảo gia hộ, nhất là người niệm Phật, chắc chắn sẽ được đức Phật A Di Đà gia hộ, đâu có lý quý vị không thành tựu!

Nền tảng tu học cơ bản, quý vị phải ghi nhớ, quý vị tu tịnh độ, “tịnh nghiệp tam phước”, đây là nguyên tắc chỉ dạy tu học tối cao của tịnh tông. Trong đây nói về ba điều, quý vị chỉ cần có một điều. Điều nào vậy? Điều thứ nhất. Làm được điều thứ nhất rồi, điều thứ hai và điều thứ ba chưa làm được, làm được điều thứ nhất, thì quý vị sẽ sanh về Phàm Thánh Đồng Cư độ. Điều thứ nhất là gì? Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp. Thực hiện cách nào? Hiếu thân tôn sư thực hiện ở Đệ Tử Quy. Thực hành Đệ Tử Quy đó chính là hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng. Làm được hai câu này rồi. Từ tâm bất sát, thực hiện ở Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, giáo dục nhân quả. Quý vị thật sự làm được rồi, thì quý vị thật là bậc thiên nhân. Thập Thiện Nghiệp Đạo đằng sau sẽ không khó, quý vị dễ dàng làm được, tu thập thiện nghiệp. Như vậy, có được điều kiện này, đối với tịnh độ thâm tín không nghi, nhất tâm cầu nguyện vãng sanh. Ý niệm này, Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, đây chính là phát Bồ Đề Tâm, nhất hướng chuyên niệm. Không phải Bồ Đề Tâm, quý vị sẽ không muốn cầu sanh tịnh độ, ý niệm muốn cầu sanh tịnh độ này chính là Đại Bồ Đề Tâm. Đây cũng là điều chư vị Tổ sư ngày xưa chưa nói, Ngẫu Ích đại sư có nói. Câu này Ấn Quang đại sư tán thán Ngẫu Ích đại sư tột bậc, ngài nói đây chính là bản nguyện của đức Phật A Di Đà độ chúng sanh. Cho nên pháp môn này gọi là “vạn tu vạn nhân khứ”, đây là lời Thiện Đạo đại sư dạy.

Đoạn kinh văn này, khiến cho chúng ta có sự nhận biết cơ bản, đó chính là Pháp Tạng Tỳ Kheo, có thể đem tinh hoa trong vô lượng vô biên sát độ của chư Phật, hấp thụ cái hay của người khác, thiện pháp, ở thế giới Tây Phương Cực Lạc quý vị sẽ thấy hết toàn bộ, quý vị đều thọ dụng được. Ở trong mười phương thế giới có rất nhiều điều bất thiện, nhưng thế giới Cực Lạc hoàn toàn không có, chẳng những quý vị không nhìn thấy, mà ngay cả danh tự cũng chẳng nghe qua. Cho nên đức Phật A Di Đà cũng giống như nhà Tập Đại Thành mà người xưa nói, thiện pháp của chư Phật ngài đã Tập Đại Thành hết, toàn bộ đều ở thế giới Cực Lạc. Cho nên quốc độ của đức Phật này, siêu việt hơn sát độ của chư Phật trong mười phương, siêu việt hơn. Nguyên nhân siêu việt chúng ta cần nên hiểu, thì quý vị sẽ không còn một chút hoài nghi nào, đây là sự thật, không dối gạt đâu. Như ngày nay chúng ta học đa nguyên văn hóa, chúng ta học thật, chúng ta cũng từ kinh điển này, trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta nhận được sự gợi ý này, Tập Đại Thành! Tịnh Tông Học Viện Úc Châu của chúng ta, cuối năm nay chính thức dạy môn “giảng dạy kinh điển tôn giáo”. Đầu tiên chúng tôi mở hai môn học, Kinh Cổ Lan và

Thánh kinh Tân Cựu Ước, chúng tôi mời chuyên gia đến hướng dẫn, đảm nhiệm việc giảng dạy trong học viện chúng ta, chúng ta chính thức học tập. Chúng ta cần học tập tinh hoa trong kinh điển của tất cả tôn giáo, để bổ xung cho việc học tập kinh điển của chính mình, đây chẳng phải là Tập Đại Thành sao? Tôi nghĩ đạo lý này chẳng phải khó hiểu, sự tu học của chúng ta mới thật sự đạt được viên mãn.

Đây chính là những điều trong kinh Hoa Nghiêm nói: Nhất thiết chư pháp, đồng thời đồng xứ, vị nhất đại duyên khởi nhi tồn tại. Đây là chân tướng sự thật, trong kinh Hoa Nghiêm nói. Đồng thời đồng xứ, trong kinh điển đưa ra ví dụ, nhất trần, nhất mao đoan. Nhất trần là một vi trần, là vật nhỏ nhất trong Y Báo. Mao đoan là Chánh Báo nhỏ nhất. Ở đây có tin tức trong sát độ của tất cả chư Phật, trong biến pháp giới hư không giới, không sót một cái nào. Nhất trần như vậy, nhất mao đoan cũng như vậy. Điều này rất khó hiểu, nhưng nó là sự thật. Vì sao vậy? Vì nó xung tánh, nó là tự tánh. Ở trong tự tánh không có lớn nhỏ, hạt cải chứa Tu Di, điều này trong kinh đức Phật thường nói. Hạt cải rất nhỏ, nhưng có thể để núi Tu Di vào trong đó, núi Tu Di không thu nhỏ lại, hạt cải không nở lớn ra, nó có thể chứa được, thật sự có thể chứa được. Núi Tu Di xung tánh, hạt cải cũng xung tánh. Một mao đoan xung tánh, một vi trần cũng xung tánh, chỉ cần là xung tánh, quyết định không có thời gian không gian, không có thời gian không có trước sau, không có không gian không có cự ly. Pháp pháp viên dung tự tại, không chướng ngại, cảnh giới lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Cảnh giới này trong kinh đức Phật thường nói chỉ có chúng mới biết được. Quý vị thật sự muốn biết rõ ràng minh bạch, thì bản thân quý vị nhập cảnh giới này, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ. Không nhập cảnh giới này, nghe người khác nói, cũng được coi là biết, là giải ngộ chứ không phải chứng ngộ. Quý vị nghe hiểu được, nhận biết được, nhớ lấy, có sự việc như vậy, bản thân chưa chứng được, chưa thấy qua. Trong khai ngộ có hai loại, là giải ngộ và chứng ngộ. Giải ngộ cũng được, về phần giáo trước tiên phải giải, giải rồi đến hành. Hành có nghĩa là gì? Hành có nghĩa là chứng, chứng là phải nhập cảnh giới này. Nhập cảnh giới này quý vị thật sự được thọ dụng, đây là tánh đức của tự tánh. Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, quý vị hoàn toàn được thọ dụng hết. Chúng ta ngày nay có chướng ngại, chứ chẳng phải không có chướng ngại. Lý có ngại, chúng ta không cách nào giác ngộ. Sự cũng có chướng ngại, sự rất phức tạp, mang đến cho chúng ta vô số phiền não. Nếu như được vô ngại, chúng ta không có chướng ngại, không có phiền não, từ trong phiền não giải thoát. Cho nên lý có ngại, sự có ngại, lý sự cũng có ngại, sự sự cũng có ngại. Đây chính là lục đạo luân hồi, phiền não trói buộc. Trong kinh thường nói là trói buộc, từ đây quý vị quan sát xem, quý vị sẽ cảm nhận được, thật sự chúng ta bị phiền não trói buộc. Trói buộc là tạo nghiệp, tư tưởng, ngôn hành hoàn toàn trái ngược với tánh đức, là tạo nghiệp, tạo nghiệp cũng có quả báo. Quả báo gì? Lục đạo luân hồi. Quý vị tạo thiện nghiệp, ba đường lành, chiêu cảm ba đường lành. Nếu như tạo ác nghiệp, đó là ba đường ác. Quý vị không ra khỏi lục đạo luân

hồi. Tu tập Phật pháp, mục đích đầu tiên là siêu việt lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là cảnh mộng, không có thật. Như chúng ta nằm mộng, khi mộng thì có, cảnh giới trong mộng rất rõ ràng, nhưng khi tỉnh lại thì không tìm thấy. Hiện tượng luân hồi cũng như vậy. Hiện nay chúng ta đang nằm mộng, một ngày nào đó thức tỉnh, tìm không thấy lục đạo, vì là cảnh mộng. Nếu những điều trong kinh điển mà chư Phật Bồ Tát nói, chúng ta thật sự hiểu được, thật sự tin tưởng không nghi hoặc, chúng ta cũng được một ít phần thọ dụng. Ít phần thọ dụng ở đây là gì? Là đối với tất cả pháp của thế gian có thể buông bỏ được, không còn chấp trước trong lòng nữa. Vì sao vậy? Vì biết rằng phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, thật sự có thể buông bỏ, thật sự buông bỏ được, trong kinh đức Phật gọi là được Tam Muội. Công phu Tam Muội sâu dày, thì sẽ khai ngộ. Khai ngộ là khế nhập cảnh giới. Ngộ có tiểu ngộ, đại ngộ, đại triệt đại ngộ, phân ra rất nhiều đẳng cấp. Ở trong đây cho chúng ta một thông tin quan trọng nhất, biến pháp giới hư không giới là một duyên khởi. Điều này quan trọng hơn tất cả, như trước đây từng nói : nhất pháp thành nhất thiết pháp, nhất thiết pháp khởi nhất pháp. Biến pháp giới hư không giới cùng một sanh mạng thể cộng đồng. Nói cách khác, vạn sự vạn vật trong biến pháp giới hư không giới, có liên quan gì đến chúng ta chăng? Sự liên quan này vô cùng mật thiết. Chúng ta nói một gia đình, một gia đình cự ly còn rất xa, trong kinh đức Phật nói rất hay: cùng một pháp thân. Pháp thân là gì? Pháp thân chính là vạn sự vạn vật trong biến pháp giới hư không giới, với ta là một thân một thể. Nhận biết được điều này thì đó chính là Phật tri Phật kiến mà trong kinh điển đại thừa đã nói. Kinh Pháp Hoa nói: nhập Phật tri kiến, người nhập Phật tri kiến là thành Phật, quý vị đồng tri kiến với đức Phật, đồng một cách nhìn, đồng một cách suy nghĩ. Điều này cũng rất khó hiểu. Vì sao vậy? vì nó hoàn toàn ngược lại với kiến thức thông thường của chúng ta. Đông đảo chúng sanh là mình sao? Hoa cỏ cây cối là mình sao? Sơn hà đại địa là mình sao? Hiện tượng vũ trụ trong hư không này là mình sao? Đúng vậy, không sai tí nào! Tất cả đều là tự tâm biến hiện ra. Kinh Hoa Nghiêm nói: duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Tâm là tâm của chính mình, thức cũng là thức của chính mình. Chân tâm là một, A Lại Da cũng là một.

Đây là tổng môn của Thập Huyền Môn. Bởi vì nó là một thể, nó tương ưng, sự tồn tại của nó, đồng thời, đồng xứ. Khái niệm này quan trọng hơn bất cứ điều gì. Chúng ta niệm Phật, Phật sẽ có cảm ứng. Vì sao vậy? Vì đức Phật với chúng ta đồng thời đồng xứ, Bồ Tát và chúng ta đồng thời đồng xứ, nên cảm ứng mới nhanh như vậy. Tự tánh chu biến khắp nói, A Lại Da chu biến khắp nơi. A Lại Da là gì? Là khởi tâm động niệm, là phân biệt chấp trước. Khởi tâm động niệm là A Lại Da thức, phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy, đồng thời đồng xứ, tâm hiện thức biến, đây chính là một đại duyên khởi. *Cụ túc tương ưng*, đạo lý của cụ túc tương ưng, chính là đồng thời đồng xứ, là một thể. Ý nghĩa trong đây rất thâm sâu, là nói về tổng môn của Thập Huyền Môn, cũng là tổng tướng của kinh Vô Lượng Thọ. Ý nghĩa của tổng môn và tổng tướng giống

nhau. Ở đây nói lên kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm, là một loại, là một bộ. Bản kinh thật sự cũng cùng với một đại duyên khởi của kinh Hoa Nghiêm mà xuất hiện. Nói cách khác, thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng, cùng một đại duyên khởi mà xuất hiện. Lý là như vậy, sự cũng như vậy.

Liên Trì đại sư vô cùng khiêm nhường, nói Hoa Nghiêm là viên trung chi viên, kinh Vô Lượng Thọ bộ phận thuộc về viên, đây là khiêm nhường.

Dưới đây lại đưa ra một câu trong phẩm Tuyên Trì Công Đức. Tuyên trì là thất bảo trì bát công đức thủy. Thế giới Tây Phương Cực Lạc, “kỳ thủy nhất nhất tùy chúng sanh ý”. Thủy là một pháp, chúng sanh ý, ý là sự ham muốn của chúng sanh, là nhiều pháp. Dưới đây nói chúng sanh sở dục thủy chi lãnh noãn hoãn cấp. Lãnh noãn là nhiệt độ, hoãn cấp là tốc độ nước chảy.

Thiền thâm các các bất đồng, nhi thử nhất thủy, năng đồng thời đồng xứ, mãn túc nhất thiết chúng sanh tâm ý. Thủy thị nhất pháp, chúng sanh chi dục thị đa pháp. Nhi thử nhất thủy, năng đồng thời đồng xứ tương ưng nhất nhất chúng sanh chi ý. Thử chánh thị đồng thời cụ túc tương ưng chi huyền môn dã.

Từ chỗ này chúng ta có được sự gợi ý rất lớn, Thập Huyền Môn mà kinh Hoa Nghiêm nói ở đâu? Chính là ở ngay trong cuộc sống hàng ngày, không tách rời, chỉ là bản thân chúng ta không biết. Cho nên kinh Hoa Nghiêm có câu tổng thuyết: nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất. Không hề xa rời đồng thời đồng xứ, không xa rời. Kinh Vô Lượng Thọ có đầy đủ ý nghĩa Thập Huyền của kinh Hoa Nghiêm. Chúng ta tỉ mỉ xem tất cả kinh, quý vị sẽ phát hiện cứu cánh viên mãn của tánh đức.

Chúng ta xem tiếp: *Hà hướng thử thủy phục năng đồng thời ba dương vô lượng vi diệu âm thanh.* Trong nước này có âm thanh. *Hoặc văn Phật Pháp Tăng thanh, nãi chi cam lộ quán đảnh thọ vị thanh.*

Trong kinh Hoa Nghiêm, trong Hoàn Nguyên Quán, chúng ta cảm nhận sâu sắc, bất cứ vật chất nào đều cũng có hiện tượng tinh thần. Khi giác ngộ thì gọi kiến văn giác tri, vốn sẵn có trong tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Thế Tôn dạy chúng ta: Tất cả chúng sanh đều có đức tướng và trí huệ của Như Lai. Chúng sanh: Một vi trần có phải là chúng sanh không? Phải, là chúng sanh. Một mao đũa có phải là chúng sanh không? Phải, là chúng sanh. Vì sao vậy? vì chúng duyên hòa hợp mà sanh, đây là đơn thuần nhất, không có cái gì đơn thuần hơn cái này. Sự đơn thuần này sao lại nói là chúng duyên? Chúng duyên ở đây chính là Ngũ Uẩn trong Phật pháp. Ngũ Uẩn là nói pháp căn bản, chính là nói về một vi trần, chính là nói về lập tử cơ bản, không thể phân ra được nữa, nó là nhỏ nhất. Nó có hiện tượng vật chất, hiện tượng vật chất ở đây, trong kinh gọi là Địa Đại. Địa là hiện tượng vật chất, nó có nhiệt độ, nhiệt độ gọi là Hỏa Đại. Nó có độ ẩm, độ

âm gọi là Thủy Đại, nó là động chứ không phải là tĩnh, động thì dùng phong để hình dung nó. Quý vị xem, một hiện tượng vật chất nó có Tứ Đại Địa Thủy Hỏa Phong. Tứ đại này hòa hợp, không tách rời khỏi tinh thần. Tinh thần là gì? Tinh thần là thọ tướng hành thức. Khi giác ngộ rồi, tuy nó không hiện tướng, trong tự tánh có kiến văn giác tri, trong tự tánh có đức tướng, khi nó không hiện ra, lúc ở Thường Tịch Quang nó không hiện. Không hiện chẳng thể nói nó là vô, khi hiện hiện ra thì năng sanh vạn pháp, nhưng quý vị không thể nói nó là có. Vì sao vậy? vì thời gian nó tồn tại rất ngắn. Bồ Tát Di Lặc nói: *một khoảnh móng tay có ba mươi hai ức bá thiên niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức, thời gian nó tồn tại, là một niệm trong ba mươi hai ức bá thiên niệm của một khoảnh móng tay.* Chúng ta khoảnh móng tay, khoảnh nhanh, một giây nếu khoảnh nhanh thì có thể khoảnh được năm lần. Nếu y theo cách nói của Bồ Tát Di Lặc, là một ngàn sáu trăm triệu, một giây có một ngàn sáu trăm triệu. Quý vị xem tốc độ có nhanh không, chúng ta không thể tưởng tượng được đâu, một ý niệm thì không biết là bao nhiêu rồi, trong lượng tử lực học nói đây là tiểu quang tử, nó tích lũy những hiện tượng tương tự tương tục này. Nó có tồn tại không? Nó không tồn tại, không thể tưởng tượng. Cho nên những hiện tượng ngày nay chúng ta thấy đều là huyễn tướng, “đương thể tức không, liễu bất khả đắc”. Quý vị muốn phân biệt nó là sai rồi, quý vị muốn chiếm lấy nó, lại càng sai, nó không thể chiếm được, cần phải hiểu được chân tướng sự thật, quý vị có thể chiêm ngưỡng, nhưng không thể chiếm đoạt, chiếm làm của mình là sai, là quý vị tạo nghiệp.

Trong kinh nói về những vấn đề của khoa học. Nói về tướng, trong hiện tượng có sắc thanh hương vị, nghĩa là một vật chất cực nhỏ, đây là điểm quang, tuy thời gian rất ngắn nhưng nó có đầy đủ sắc thanh hương vị. Tiến sỹ Giang Bồn người Nhật, dùng phương pháp khoa học quan sát, nhìn thấy sắc tướng, không nghe thấy âm thanh. Có âm thanh, vô lượng âm thanh vi diệu. Ở trong âm thanh, có tiếng thuyết pháp. Nói cách khác, trong tâm quý vị muốn nghe tiếng gì, nó đều có thể cho quý vị cảm ứng tâm điện, âm thanh của nó sẽ phát ra. Quý vị muốn nghe niệm Phật, thật đó, muốn nghe Phật A Di Đà, nó sẽ niệm Phật A Di Đà, muốn nghe Phật Thích Ca Mâu Ni, nó sẽ niệm Phật Thích Ca Mâu Ni, muốn nghe Quán Âm Bồ Tát, nó sẽ niệm Quán Âm Bồ Tát. Rất vi diệu. Ngoài âm thanh ra, nó có hương vị, đầy đủ sắc thanh hương vị. Sắc thanh hương vị là tánh đức của tự tánh. Từ đâu mà có? Trong tự tánh vốn đầy đủ. Cho nên chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta, cái này ngũ dục lục trần không nên hướng ra ngoài cầu, hướng nội cầu. Người tu hành chân chánh, chúng tôi nói là người đắc đạo, họ buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, họ không cần ẩm thực, sao họ sống được vậy? Bây giờ chúng ta hiểu rồi, trong tự tánh có dinh dưỡng, có thể cung cấp cho họ không hết. Đúng là lấy không tận, dùng không hết, là đạo lý này vậy! Tự tánh vốn có. Ngày nay chúng ta mê thất tự tánh, tuy có đó, nhưng nó không khởi tác dụng, cho nên chúng ta phải ra ngoài tìm kiếm, để nuôi dưỡng thân thể này. Người thật sự giác ngộ, họ không tìm ở bên ngoài,

trong tự tánh cụ túc viên mãn, hướng ngoại tìm cầu là sai rồi. Phật pháp dạy con người hướng nội, kinh điển gọi là nội điển.

Chúng ta xem tiếp: *Đắc văn như thị chủng chủng thanh tịnh, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thực thiện căn, tùy kỳ sở văn, dữ pháp tương ưng.*

Quý vị muốn nghe gì, đúng là quý vị muốn nghe. Quý vị muốn nghe kinh Hoa Nghiêm, thì tiếng nước chảy chính là giảng kinh Hoa Nghiêm. Tôi muốn nghe nhạc, khi nghe tiếng nước chảy đúng là đang tấu nhạc. Hai người cùng nghe, trong tâm hai người suy nghĩ không giống nhau, điều họ nghe thấy cũng không giống nhau, lại hỗ tương không trở ngại, thế giới này không có điều gì chẳng xung tánh, thế giới này mới thật sự gọi là hạnh phúc mỹ mãn, mỗi con người không xâm phạm lẫn nhau. Sau khi nghe rồi, tâm họ thanh tịnh, không sanh phiền não, cho nên họ không phân biệt, chánh trực bình đẳng, thiện căn thành thực. Tuy chúng ta không có cách khế nhập vào cảnh giới này, nhưng trong đây những gì có thể học được thì chúng ta cố gắng học. Mấy câu này, tuy ngài đưa ra một cái nghe, thính văn. Thính văn là nhĩ căn. Ở thế giới chúng ta ngày nay, lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc chạm. Tu tâm thanh tịnh trong cảnh giới lục căn tiếp xúc lục trần, đó gọi là chân tu hành! Làm thế nào để tâm có thể thanh tịnh? không phân biệt, không chấp trước. Trong tâm hiểu rõ ràng minh bạch: *Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng.* Được thọ dụng, nhưng không thể có, trong thọ dụng cũng không phân biệt chấp trước, tâm thanh tịnh của quý vị thường hiện tiền, tâm bình đẳng của quý vị thường hiện tiền. Đây là chân công phu! Là gì? Là thiền định. Cho nên định, định là hoạt bát, rất nhiều người ngộ nhận, khi nói đến thiền định bèn nghĩ ngay đến việc xếp bằng ngồi quay mặt vào vách. Đó là bậc sơ cơ! Người thật sự nhập định, là đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. Tâm của họ là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, đó chính là thiền định. Ngồi là tâm thanh tịnh bình đẳng, đứng cũng như vậy, tiếp xúc với bất cứ cảnh giới nào cũng như vậy, thật sự là thanh tịnh bình đẳng. Công phu này lâu ngày, hoát nhiên đại ngộ, đó chính là giác. Đề kinh của kinh Vô Lượng Thọ là Thanh Tịnh Bình Đẳng - Khai Ngộ. Thanh Tịnh là thiền định của thế gian, Bình Đẳng là thiền định của xuất thế gian. Thanh Tịnh là định của Thanh Văn và Bồ Tát, Bình Đẳng Giác là định của Phật. Trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, hiểu rõ được đạo lý này, nghiêm chỉnh học tập, thật sự tu hành. Thật sự công phu không ở chỗ hình thức, hình thức là dạy người sơ cơ, lớp mẫu giáo, lớp tiểu học, dạy người sơ cơ thôi. Sau khi học được rồi, nhất định phải áp dụng trong cuộc sống hàng ngày, áp dụng trong công việc, áp dụng trong sự tiếp nhân xử thế. Nên nhớ, áp dụng là gì? Là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, vĩnh viễn là thanh tịnh bình đẳng, cảnh giới bên ngoài như thế nào cũng không làm ảnh hưởng đến quý vị. Thuận cảnh quý vị không tham luyến, thanh tịnh bình đẳng, nghịch cảnh hiện tiền không sân giận, vĩnh viễn

duy trì thanh tịnh bình đẳng, đây gọi là chân thật tu hành, gọi là chân công phu. Trong tất cả thời, tất cả xứ, tất cả cảnh duyên, cảnh là môi trường vật chất, duyên là môi trường con người sự việc, đều Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Người này ở trong pháp hội Hoa Nghiêm, gọi là pháp thân Bồ Tát. Họ không có Giác, họ có Thanh Tịnh Bình Đẳng, đó là Phật Bồ Tát trong thập pháp giới. Khi có Giác rồi họ siêu việt thập pháp giới, chính là pháp thân Bồ Tát, là Phật thật sự, chứ không phải Phật giả đâu. Cho nên bây giờ chúng ta cần học, chính là cảnh giới lục căn tiếp xúc lục trần, vô chư phân biệt, chánh trực bình đẳng. Hai câu này rất quan trọng, có thể tu tập như thế, thì thành thực thiện căn. Quý vị có thiện căn, thiện căn thành tựu, chín muồi rồi, thiện căn chín muồi, thuần thực, vắng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, là sanh về Thật Báo Trang Nghiêm Độ.

Tùy kỳ sơ văn, dữ pháp tương ưng. Hai câu này đứng về sự mà nói thì có sâu cạn khác nhau. Khi nào mới có hiện tượng này? Ít nhất thì tâm quý vị thanh tịnh, quý vị sẽ có hiện tượng này. Tùy kỳ sở văn, dữ pháp tương ưng, năng tín, năng giải, năng hành, năng chứng, đây gọi là tương ưng. Kỳ nguyện văn giả, triếp đọc văn chi. Quý vị muốn nghe thì nghe được rõ ràng, ngay bên tai thôi, khi không muốn nghe thì, liễu vô sở văn. Tôi thích nghe đức Phật giảng kinh, những người ngồi cạnh tôi lại thích nghe Bồ Tát tụng niệm, mỗi người nghe một khác, chính là trong tâm họ suy nghĩ khác nhau, không làm trở ngại nhau, không có tạp âm, cảnh tùy tâm chuyển. Chúng ta ngày nay không được, mê thất tự tánh rồi, chúng ta ngày nay tâm bị cảnh chuyển. Nghĩa là trong cảnh giới nào, tâm thanh tịnh của chúng ta cũng không thể hiện tiền, nhất định phải tìm một môi trường thật thanh tịnh, không nghe thấy âm thanh gì hết, như thế thì tâm mới có thể tĩnh được. là sao vậy? Là vì tâm của chúng ta bị cảnh chuyển. Một ngày nào đó, tâm của quý vị có thể chuyển cảnh giới, quý vị sẽ được tự tại. Tâm thanh tịnh hiện tiền mới có thể chuyển cảnh giới, cảnh giới như thế nào cũng không làm ảnh hưởng đến quý vị.

Vĩnh bất thoái ư, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm. Câu này rất quan trọng, câu này nói lên vị đó ở vào địa vị nào? Kinh Hoa Nghiêm nói Sơ Trụ trở lên, họ siêu việt thập pháp giới, vĩnh bất thoái A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, trong Phật pháp đây là mục tiêu duy nhất mong chứng được. Câu này có thể dịch thành Trung văn, bởi nó là chỉ tiêu đầu tiên trong đạo Phật, cho nên tôn trọng không dịch, chỉ dịch âm thôi, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu muốn dịch, chữ A có nghĩa là Vô, Nậu Đa La dịch sang Trung văn có nghĩa là Thượng, Vô Thượng. Tam Miệu, Tam dịch là Chánh, Miệu dịch là Đẳng, Chánh Đẳng, bên dưới Tam là Chánh, Bồ Đề là Giác. Nguyên câu dịch thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Có thể dịch được, không dịch là vì tôn trọng. Học Phật không cầu điều gì khác, tuyệt không cầu danh văn lợi dưỡng, học Phật chỉ cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bậc A La Hán đạt được là Chánh Giác, hàng Bồ Tát đạt được là Chánh Đẳng Chánh Giác, Chư Phật đạt được, thêm vào chữ Vô

Thượng, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cho nên Phật, Bồ Tát, A La Hán, là danh xưng học vị trong Phật giáo. Đây là điều kiện để đạt được học vị này.

Chỉ thị nhất thủy. Ở đây đưa ra một ví dụ, lấy nước làm ví dụ.

Đản năng ư đồng thời đồng xứ, mãn nhất thiết văn giả chi nguyện, các các văn kỳ nguyện văn chi pháp, thả tùy kỳ sở văn, dĩ pháp tương ưng.

Công đức của nước không thể nghĩ bàn, cho nên gọi là bát công đức thủy. Ngoài nước ra, từ tiếng nước chảy mà nghe được, về sắc tướng có phải là biểu pháp không? Phải, là biểu pháp. Đồng một cảnh quan, nhìn núi, nhìn nước, nhìn cây, nhìn hoa, mỗi người đều có sự cảm nhận khác nhau, đó chẳng phải tùy tâm của tất cả chúng sanh sao? Mỗi người cảm nhận khác nhau, thật sự là như vậy. Cho nên đức Phật nói rất hay: Phật không nói định pháp. Vì sao có sự cảm nhận bất đồng? Bởi phân biệt và chấp trước của quý vị bất đồng, thức tâm của quý vị bất đồng, do thức biến hiện, sự cảm nhận do thức của quý vị biến hiện. Thật sự có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị mới tiếp xúc đến Phật tánh, chẳng có lời nào có thể diễn tả được. Chẳng những ngôn ngữ không thể diễn tả được, mà còn không thể tưởng tượng được, nên gọi là Diệu Pháp. “Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp”. Chỉ có người kiến tánh mới có thể hưởng thụ được, họ cũng không nói ra được. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dùng phương tiện thiện xảo không gì sánh bằng, để nói ra số kinh điển nhiều như thế. Cảnh giới của Ngài chúng ta thật sự khó nhập được chăng? Không được, ở trên văn tự không được. Quý vị phải buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước thì được. Nếu quý vị không buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, là bản thân quý vị đang suy đoán. Tôi nghĩ đại khái nó có ý nghĩa như vậy. Cách ý nghĩa chân thật chắc chắn còn cự ly rất lớn. Cho nên “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”, chỉ có pháp thân Bồ Tát mới làm được, chẳng phải pháp thân Bồ Tát thì không làm được đâu. Lý và sự này chúng ta cần phải biết, thì trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày mới biết phải dụng công cách nào. Điều này rất quan trọng.

Ngày nay mọi người đều biết xã hội loạn động, từ phương tiện truyền thông, quý vị biết được nhiều hơn tôi. Trên quả địa cầu này tai họa liên tiếp, ngày nào cũng có, tần suất càng ngày càng nhiều, tai họa càng ngày càng nghiêm trọng, vì sao vậy? Vì sao thế giới Cực Lạc lại hay như thế? Chưa bao giờ nghe thấy thế giới Cực Lạc có động đất, có sóng thần, chưa bao giờ nghe thấy. Cũng chẳng nghe thấy thế giới Hoa Tạng có tai họa gì, nguyên nhân gì thế? Tai họa từ đâu mà có? Tai họa là do tâm bất thiện của chúng ta chiêu cảm nên. Quý vị nên nhớ, đồng thời đồng xứ cụ túc tương ưng, đạo lý ở chỗ này!

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho chúng ta thế giới Cực Lạc, tâm của cư dân bên đó như thế nào? Đều là chư thượng thiện căn câu hội nhất xứ, cư dân bên đó đều là bậc thượng thiện, cho nên không có tai họa. Thế nào gọi là thượng thiện? Tập khí

phiền não đoạn tận hết gọi là thượng thiện. Vọng tưởng vẫn chưa đoạn, phân biệt chấp trước thì đoạn rồi, gọi là thiện được chẳng? Được! Là đại thiện của Bồ Tát. Vọng tưởng phân biệt vẫn còn, chấp trước đoạn hết, là thiện của A La Hán. Trong đại thừa pháp gọi là tiểu thiện, thiện của Tiểu Thừa. Thế giới Cực Lạc là đại thừa. Phạm Thánh Đồng Cư độ tuy chưa đoạn phiền não, nhưng bốn nguyện gia trì của đức Phật A Di Đà, sanh về thế giới Cực Lạc, sự đối đãi với họ, sự hưởng thụ của họ, bằng với Bồ Tát A Duy Việt Trí, đó chính là thượng thiện, A Duy Việt Trí là thượng thiện, đều là bậc thượng thiện. Chúng ta muốn tu đến bậc thượng thiện không dễ dàng. Đạt được thượng thiện là Sơ trụ của Viên Giáo trong kinh Hoa Nghiêm, phải đạt được đẳng cấp này mới là thượng thiện, nhưng thế giới Cực Lạc vô cùng kỳ đặc, cho nên mười phương chư Phật tán thán rằng. Sanh về bên đó, dù là Phạm Thánh Đồng Cư độ, hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng được đối đãi như hàng Bồ Tát A Duy Việt Trí. Điều này không thể nghĩ bàn, đây là pháp khó tin. Cho nên chúng ta đối với pháp môn này không được hoài nghi. Nói như vậy có rất nhiều vị Bồ Tát không tin, Bồ Tát không tin, người phàm phu chúng ta nghe rồi, thật sự tin tưởng không hề nghi hoặc, đó là gì? Đó là thiện căn sâu dày, người không có thiện căn không tin, nương vào thiện căn. Thiện căn là năng tín, năng giải, phước đức là năng nguyện, năng hành. Thật sự muốn vãng sanh, thật tu, người này chắc chắn được vãng sanh.

Xã hội loạn lại , thiên tai rất nhiều, cuộc sống vất vả, thân tâm bất an. Đó là gì? Là tất cả những điều bất thiện tạo nên. Vì sao những người ở thế giới của đức Phật A Di Đà, có thể vĩnh viễn duy trì được thiện niệm, thiện hạnh? Ngài đã dùng phương pháp gì? Trình độ của những người vãng sanh trong mười phương thế giới không đồng đều, trình độ đồng đều thì đâu có tam bối cửu phẩm? Tam bối cửu phẩm là nói lên trình độ không đồng đều. Vì sao có thể tạo nên thế giới Cực Lạc? Nói cho quý vị biết, hàng ngày giảng kinh, hàng ngày dạy học, không gián đoạn một ngày nào. Chẳng những không gián đoạn ngày nào, ngay cả một giây một phút cũng không gián đoạn. Cực Lạc và Hoa Tạng, quý vị dùng tâm quan sát và cảm nhận trong kinh điển, ở nơi đó không có tổ chức chính trị. Quốc vương của thế giới Cực Lạc là ai? Không biết, chẳng có. Thế giới Cực Lạc có đại thần không? Không có! Thế giới Cực Lạc có huyện thị trường không? Không nghe nói. Vậy thế giới Cực Lạc có gì? Chỉ có hai hạng người, một là thầy giáo, một là học sinh, đó là trường học. Đức Phật A Di Đà đã mở ra trường đại học Phật giáo biến pháp giới hư không giới, đến đó để học. Chỉ có hai hạng người, thầy giáo và học sinh, không nghe nói có người làm nghề khác. Dạy học không gián đoạn, học tập không gián đoạn, cho nên họ mau thành tựu, đạo lý ở chỗ này! Do đó chúng ta ngộ ra một vấn đề lớn, thế giới của chúng ta nếu muốn hóa giải tai họa, nếu muốn trường trị cửu an, nương vào đâu? Nương vào dạy học. Cho nên người xưa rất hay: Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên. Chỉ cần quý vị làm tốt việc giáo dục. Ngày nay khoa học kỹ nghệ phát đạt, giải quyết vấn đề này

dễ dàng! Quốc gia không cần phiền phức nhiều, huấn luyện năm sáu chục thầy giáo, dùng ti vi vệ tinh, dùng Internet, hàng ngày giảng luân lý đạo đức nhân quả cho mọi người nghe, những tiết học khoa học, triết học, ngày nào cũng dạy. Chỉ cần một năm thôi thì tất cả tai họa trên quả địa cầu này không còn nữa. Vì sao vậy? Bởi tư tưởng của con người đều thuần chánh rồi. Chuyển được ý niệm, thì thiên tai sẽ không phát sinh. Thế giới này có thiên tai lớn hơn nữa, có thể cứu được chăng? Được! Chỉ xem ý niệm của chúng ta có thể chuyển được hay không thôi! Gần đây tôi đọc một cuốn sách, do một bạn tặng cho tôi, cuốn sách này gọi là Giải Độc Mạt Thế Dự Ngôn, dịch ra tiếng Trung. Các nhà khoa học đưa ra những số liệu, thật sự chứng minh ý niệm làm chủ tất cả. Có một nhà khoa học chuyên nghiên cứu về nguyên tử, ông có được kết luận khẳng định rằng, trên thế giới này vốn không có sự tồn tại của vật chất. Ông nói, vật chất là gì? Trong lượng tử học nói về quang tử, loại quang tử này tích lũy, hiện tượng liên tục, đều là hiện tượng ba động. Tần suất ba động chậm biến thành vật chất, biến thành thể cứng, như đá, sơn hà đại địa, tốc độ nhanh hơn chút nữa thì biến thành thực vật, nhanh hơn chút nữa thì biến thành động vật, nhanh nhất như ngày nay chúng ta nói là sóng quang, là điện từ. Toàn là hiện tượng ba động, rồi hiện tượng ba động thì không có gì hết. Điều này tương đồng với kinh Phật, ý niệm có thể làm thay đổi tất cả. Ý niệm bất thiện, có thể làm cho sơn hà đại địa, chiêu cảm nên vô số tai họa. Nếu tâm quý vị chánh, chánh có nghĩa là phù hợp với quy luật của đại tự nhiên. Người xưa nói về đạo đức, quy luật của đại tự nhiên là đạo, Ngũ Luân là đạo, Ngũ Thường là đức, quý vị sống thuận theo đạo của đại tự nhiên, tư duy, ngôn hành của quý vị phù hợp với đại tự nhiên, đó chính là đức, đây là tánh đức. Người xưa nói về đạo đức, quy nạp lại mười hai chữ là nói hết rồi: Hiếu để trung tín, lễ nghĩa liêm sỉ, nhân ái hòa bình. Chúng Ta khởi tâm động niệm, không làm ngược lại mười hai chữ này, ngôn ngữ tạo tác cũng không làm ngược mười hai chữ này, xã hội mau chóng phục hồi lại bình an, vô số tai họa trên thế giới từ từ biến mất. Nếu chúng ta làm trái ngược lại với mười hai chữ này, bất trung, bất hiếu, bất nhân, bất nghĩa, phiền phức lắm đấy, xã hội sao mà không loạn được!

Ý niệm đồng thời đồng xứ cụ tức tương ứng, sơn hà đại địa có cảm ứng, nó sẽ trở nên xấu. Trong kinh đức Phật dạy chúng ta, nạn nước từ đâu mà có? Từ tham lam mà có. Nạn lửa, ngày này quả địa cầu ngày càng ấm lên, đây thuộc về lửa, nhiệt độ ấm lên, từ đâu mà có? Từ sân nhuế. Nạn gió từ đâu mà có? Từ ngu si mà có. Cho nên tham sân si mạn nghi. Ngày nay trên quả địa cầu này có vô số tai họa, nguyên nhân thật sự là ở chỗ này. Đức Phật dạy chúng ta hai câu, đối phó với tất cả tai họa vô cùng hữu hiệu: Cần tu giới định huệ, tức diệt tham sân si. Cá nhân thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thế giới hòa bình. Hai câu thôi, quý vị có tin không? Cần tu giới định huệ, tức diệt tham sân si. Nhỏ được mầm bệnh rồi. Thực hành cách nào? Dạy học, dạy mỗi ngày. Cho nên suốt bốn mươi chín năm đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói

gì? Chính là cần tu giới định huệ, tức diệt tham sân si. Kinh điển trong đạo Phật được chia làm ba loại, gọi là Tam Tạng Kinh điển, Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng. Nói về điều gì? Nói về Giới Định Huệ. Kinh tạng nói về Định, Luật tạng nói về Giới, Luận tạng nói về Huệ. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, suốt bốn mươi chín năm ngày nào cũng giảng dạy, ngày nào cũng giảng cho mọi người về Giới Định Huệ, dùng Giới Định Huệ để đối trị tham sân si. Ngài không phải mê tín, nói thật Ngài cũng không phải là tôn giáo. Ngày nào cũng giảng kinh thuyết pháp cho mọi người. Dùng cách nói ngày nay, công việc Ngài làm suốt cuộc đời, chính là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, hơn nữa Ngài là thầy giáo tình nguyện, dạy học không nhận học phí, học sinh của Ngài người đến không đui, kẻ đi không giữ, không phân quốc gia, quần tộc, tín ngưỡng, chỉ cần quý vị chịu đến học, đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ vô cùng nhiệt tâm dạy quý vị.

Chúng ta học Phật, đầu tiên phải nhận biết thầy giáo một cách rõ ràng, quý vị mới thật sự học được những điều Ngài dạy. Nếu quý vị không nhận biết rõ ràng, quý vị sẽ bị đi đường vòng. Cho nên trong Khai Kinh Kệ nói rất hay: Nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa. Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, là nội dung Ngài giảng dạy. Chúng ta làm học sinh phải nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa. Quý vị giải sai ý nghĩa của Ngài, Ngài không có lỗi, người có lỗi là quý vị. Ngài thật sự có phương pháp giúp quý vị, khiến cho cuộc sống quý vị đời này hạnh phúc viên mãn. Vì sao vậy? bởi hạnh phúc viên mãn, vốn có đầy đủ trong tự tánh của quý vị, chứ chẳng phải Ngài cho quý vị đâu. Bất quá do ngày nay quý vị mê mà thôi, Ngài làm quý vị thức tỉnh, quý vị giác ngộ rồi, thì đạt được hết. Cho nên đức Phật dạy học, dạy quý vị, quý vị thành Phật rồi, Ngài không kể công nói: quý vị phải cảm ơn tôi, tôi đã thành tựu cho quý vị. Đức Phật không nói như vậy. Vì sao? Bởi quý vị vốn là Phật. Quý vị thành công rồi, trong tâm Ngài không còn dấu vết gì hết, Ngài duy trì thanh tịnh bình đẳng giác, không hề bị ảnh hưởng, đây là sự thật. Điều này chúng ta cần nên học. Chúng ta đối với xã hội này, đối với tất cả chúng sanh làm việc cống hiến lớn nhất, làm việc tốt nhiều hơn nữa, nhưng tâm địa phải thanh tịnh, không thể có một dấu vết gì, gọi là tam luân thể không, như vậy mới đúng! Nếu bản thân quý vị cảm thấy có thành tựu, quý vị là phàm phu, tuy làm rất nhiều điều tốt, nhưng không thoát ly được luân hồi lục đạo, quý vị vẫn còn ở ba đấng thiện chịu quả báo. Vì sao vậy? bởi trong tâm quý vị có, quý vị có nghiệp nhân, đương nhiên chịu quả báo. Chư Phật Bồ Tát không chịu quả báo, các ngài có làm việc tốt nhiều chẳng nữa, trong tâm không có, trống rỗng! Cho nên các Ngài không chịu quả báo, đạo lý này cần phải hiểu! Nếu như quý vị không hiểu, mà còn chấp những tướng này, quý vị không ra khỏi lục đạo luân hồi, đó là sai! Con người có làm việc xấu nhiều đi nữa nó cũng không có thật, là do họ mê hoặc điên đảo, họ làm sai. Trong tâm họ có, có những ý niệm này, nơi lục đạo, họ thọ báo trong ba đường ác. Nếu tâm địa họ thanh tịnh, nhất trần bất nhiễm, quả báo sẽ không còn nữa, họ siêu việt lục đạo luân hồi. Cho nên chúng ta đối với mọi người trên thế gian này, họ làm thiện

cũng tốt, làm ác cũng được, làm thiện chúng ta tán thán, làm ác, chúng ta thấy rồi, nhất định không để trong lòng, để trong lòng thì tâm chúng ta sẽ bị hư. Tâm chúng ta vốn là tâm thiện, tâm thanh tịnh, mang những ác niệm ác hạnh của họ vào trong tâm của chúng ta, tâm chúng ta há chẳng phải biến thành thùng rác của họ rồi sao? Chẳng phải tâm chúng ta bị hư rồi sao? Thế thì quý vị sai lầm nghiêm trọng rồi. Nên làm cách nào đây? Nên học tập giống như chư Phật Bồ Tát vậy, thấy rõ ràng nhưng trong tâm không lưu dấu vết, tâm trống trơn. Vốn không có việc này, trên miệng cũng không được thường đàm luận họ làm gì, đó là sai, đó không phải họ tạo nghiệp mà bản thân chúng ta đang tạo khẩu nghiệp, không liên quan gì đến họ, ai làm người nấy chịu. Chúng ta không nên bị họ chuyển, họ làm ảnh hưởng chúng ta, sai rồi, không được! miên viễn bảo trì Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, năm chữ trên đề kinh này quá hay, đây gọi là chân thật học Phật.

Ngày nay mọi người đều trông chờ, đều kỳ vọng vào sự hài hòa. Hài hòa phải bắt đầu làm ngay từ bản thân chúng ta. Lần trước tôi ở đây, vì xã hội bất an, tai họa quá nhiều, đặc biệt đưa ra Lục Hòa Kính, chỉ có hài hòa, hòa bình mới cứu được thế giới, cứu được xã hội, cứu được quả địa cầu này. Lục Hòa Kính trong đạo Phật quá hay. Các nhà khoa học ngày nay cũng cho chúng ta biết, điều này hoàn toàn tương đồng với kinh Phật. Thành thị có một trăm vạn người, có được một trăm người, đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức, nghiêm chỉnh tu Lục Hòa Kính, nơi thành thị có một trăm vạn người sống đây sẽ không có tai họa, một trăm người là thiếu số, một trăm vạn người là đa số. Đa số người tạo nghiệp, thiếu số người có thể cứu được chăng? Được! Nguyên nhân vì sao? Vì tà không thắng chánh. Một trăm vạn người tạo nghiệp là tà, một trăm người đây là chánh, tà không thắng chánh. Chánh Tư Duy, Chánh Niệm, Chánh Hạnh, sẽ khởi lên tác dụng rất lớn. Các nhà khoa học phân tích cho chúng ta biết, phân tích nghe rất có lý, rất có lý.

Trong kinh điển đại thừa, chúng ta nhận được thông tin từ đức Phật, trong những cuốn sách kia, các nhà khoa học cung cấp cho chúng ta một số thông tin, chúng ta có niềm tin đối với những tai họa này, có thể thay đổi tai họa. Bắt đầu làm từ đâu? Bắt đầu làm từ nội tâm của chúng ta, nếu chúng ta có chí đồng đạo hợp. Cho nên ngày nay có một số nơi, chúng tôi phát khởi Tam Thời Hệ Niệm, một trăm thất, nghĩa là liên tục bảy trăm ngày. Có nghĩa là gì vậy? Hoàn toàn tương đồng với sự cầu nguyện trong các tôn giáo, có thể tập hợp vài trăm người, hàng ngày làm theo quy củ, sẽ khởi tác dụng rất lớn. Tuy không hóa giải được tai họa, nhưng cũng giảm nhẹ đi, thời gian bị tai họa rút ngắn lại, chắc chắn có được hiệu quả. Nhưng nên biết rằng, đó là trị ngọn, chứ không phải là trị gốc, cầu nguyện là trị ngọn, rất có hiệu quả, nhất là tập thể ý thức cầu nguyện, có tác dụng rất lớn, thật sự có hiệu quả. Trị gốc thì sao? Trị gốc nương vào việc giảng dạy, giảng kinh thuyết pháp là trị gốc. Cũng có nghĩa là, xã hội ngày nay, cần cái gì để chữa trị? Cần giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả. Chỉ cần ba loại giáo dục này phổ cập. Tôi tin rằng chỉ cần thời gian một năm thôi, xã hội an định, thế giới hòa

bình. Có được năm, sáu chục thầy giáo, là có thể cứu được đất nước, có thể cứu được thế giới. Lời của người xưa là chân lý: Kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên. Những thứ khác không thể làm được, chỉ có dạy học mới có thể làm được.

Chuyện này ngày xưa chúng tôi có làm thực nghiệm, thực nghiệm đó làm cho Liên Hiệp Quốc xem, đã làm thành công. Tôi ở thôn nhỏ An Vi Lô Giang Thang Trì, mới đầu chúng tôi có ba mươi bảy thầy giáo, ở đó quảng bá Đệ Tử Quy. Bản thân ba mươi bảy vị thầy giáo này làm được rồi, mình không làm được thì chẳng thể dạy người khác. Mình làm được rồi, vào trong làng xóm dạy học, thân hành miệng dạy. Chưa đến bốn tháng, thiện tâm của con người sống trong thôn nhỏ này được đánh thức dậy, điều không ngờ tới. Chúng tôi cứ tưởng dạy học phải mất hai ba năm mới có được hiệu quả, thật không ngờ chưa đến bốn tháng mà thành quả đã rõ ràng, xã hội thay đổi một trăm tám mươi độ, khiến cho chúng tôi thật sự cảm nhận được lời người xưa nói: nhân chi sơ tánh bản thiện. Đúng vậy, không hề dối trá. Con người dễ dạy như vậy, đây là ân đức sau dày của tổ tông chúng ta. Căn rễ văn hóa của chúng ta còn sâu, tuy bị đánh mất gần một trăm năm, nhưng làm là được. Đây là điều không thể tưởng tượng. Chúng tôi đem sự việc này báo cáo tỉ mỉ ở Liên Hiệp Quốc, xứng đáng cho mọi người tham khảo. Nếu dùng những thông tin này, dùng khoa học kỹ nghệ tiên tiến để báo cáo tường tận, thì hiệu quả này rất lớn!

Ở Thang Trì làm ba năm, thì việc giảng dạy của chúng tôi giải tán, nhưng ở Mã Lai vẫn tiếp tục làm. Ở Thang Trì có khoảng hai mươi thầy giáo, dạy học ở Cát Long Pha. Thật hiếm có! Nhưng ảnh hưởng rất lớn, trên thế giới rất nhiều quốc gia, đặc biệt là các bạn học tịnh tông, rất chú trọng vấn đề này, đây là việc tốt! Bởi mục đích cuối cùng của người niệm Phật, đều hy vọng sau này có thể sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận đức Phật A Di Đà. Điều kiện vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, trong kinh Di Đà nói rất rõ ràng: Bất khả dĩ thiếu thiện căn phước đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc. Nói cách khác, vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc có ba điều kiện: thiện căn, phước đức, nhân duyên. Thiện căn là gì? Năng tín năng giải là thiện căn. Phước đức là năng hành. Năng hành năng chứng vãng sanh chính là chúng quả. Nhân duyên là duyên phận. Đời này quý vị có thể gặp được Phật pháp, gặp được pháp đại thừa, gặp được tịnh độ tông, đây là duyên phận. Ba điều kiện này đầy đủ rồi, chắc chắn được vãng sanh. Trong kinh đức Phật cũng thường nói, vừa rồi tôi có nhắc đến con người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, người dân ở đó đều là bậc thượng thiện. Làm thế nào để chúng ta đạt được điều kiện này? Thực hành Đệ Tử Quy là đầy đủ điều kiện rồi. Đệ Tử Quy tổng cộng có một ngàn không trăm tám mươi chữ, trong đó nói về một trăm mười ba việc, quý vị đều làm được hết. Đệ Tử Quy là nền tảng của Lục Hòa Kính. Vì sao Lục Hòa Kính lại khó như vậy? Bởi quý vị không thực hành được Đệ Tử Quy. Quý vị thực hành được Đệ Tử Quy, thực hành được Cảm ứng Thiên, thì Lục Hòa Kính tự nhiên thành tựu. Điều này rất quan

trọng! Mở kinh điển ra, chúng ta thường thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni gọi, thiện nam tử, thiện nữ nhân. Ngài nói thiện nam tử, thiện nữ nhân, chúng ta nghĩ thử xem có bao gồm mình ở trong đó không? Chúng ta có điều kiện này chăng? Ta có phải là một thiện nam tử, thiện nữ nhân không? Tiêu chuẩn của chữ thiện trong đạo Phật, người này nhất định phải thực hành được Đệ Tử Qui, thực hành được Cảm Ứng Thiên, thực hành được Thập Thiện Nghiệp, đây chính là danh xưng thiện nam tử, thiện nữ nhân ở trong kinh điển. Nếu quý vị không đầy đủ những điều kiện cơ bản này, thì niệm Phật vãng sanh không nắm chắc được. Quý vị đến đó người ta kiểm tra quý vị không đủ tư cách, quý vị không phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân, quý vị đến đó làm loạn, làm người khác hư hỏng, như thế đâu có được! Thế giới Cực Lạc không thể bị quý vị phá hoại, cho nên nhất định quý vị phải có thiện căn. Thiện căn phước đức nhân duyên này, nhất định phải hoàn thành ngay ở thế giới của chúng ta. Ba thứ này chính là Đệ Tử Qui, Cảm ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp. Tôi tin rằng trong một năm có thể học được, thời gian một năm.

Khi chúng tôi ở Thang Trì, tôi hy vọng các thầy giáo trong bốn tháng thực hành được Đệ Tử Qui, tôi cho họ thời gian bốn tháng, không ngờ hai tháng là họ làm được rồi. Cho nên chúng tôi vô cùng cảm động. Hai tháng thực hành được rồi, là có thể vào làng đi dạy học. Thôn nhỏ này có bốn vạn tám ngàn người, thời gian không đến bốn tháng, họ đã dạy người ta nên người, thật hiếm có! Điều này nói lên người dân Trung Quốc là ưu tú nhất trên toàn thế giới, chân thật, nghe lời, làm thật. Mọi người đều làm thật, cho nên phổ biến thực hành đệ tử quy, thật sự giống như lời người xưa nói: *dạ bất bé hộ, lộ bất xả di*, thiện tâm của mỗi người đều bộc phát. Sau việc thực nghiệm này, chúng tôi mới can đảm, nói chuyện với những người nước ngoài chú trọng về vấn đề hòa bình, những thứ truyền thống của Trung quốc ngày nay vẫn hữu hiệu, chúng tôi làm thực nghiệm thành công rồi, đây không phải giả đâu. Một số học giả, đã đến Thang Trì tham quan, học tập qua.

Chúng ta xem câu cuối cùng, đây nói về tùy kỳ sở văn, dữ pháp tương ưng. Khả kiến Hoa Nghiêm thập huyền chi tổng môn, dĩ cử thể hiển thị ư bốn kinh hỷ.

“Đồng thời cụ túc tương ưng môn”, đây là tổng cương của Thập Huyền, trong kinh Vô Lượng Thọ có, mà còn rất rõ ràng. Chúng ta học tập, trong quá trình học tập đem tâm cảm nhận, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của chúng ta có đầy đủ Thập Huyền. Nếu quý vị có thể nắm bắt được thập môn này, thập môn này là đại cương, thì quý vị có thể nhập cảnh giới Hoa Nghiêm. Cảnh giới Hoa Nghiêm ở đâu? Không rời chúng ta, chính là xã hội ngày này. Quý vị là căn tánh Hoa Nghiêm, thì quý vị ở thế giới Hoa Tạng. Quý vị là căn tánh Di Đà, thì quý vị ở thế giới Cực Lạc. Muốn ở thế giới Cực Lạc, phải đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với đức Phật A Di Đà. Tâm của Phật A Di Đà, chính là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác mà đề kinh đã nói, phía trước tôi thêm vào hai chữ: Chân

Thành. Phía sau thêm vào hai chữ: Từ Bi. Tổng cộng mười chữ: Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi. Đây là tâm của Phật A Di Đà. Chúng ta khởi tâm động niệm tương ưng với mười chữ này, quý vị đồng tâm với Phật A Di Đà. Nguyên của Phật A Di Đà là bốn mươi tám nguyện. Cho nên thời khóa tụng niệm của quý vị học tịnh tông, tôi đã soạn ra một cuốn nhỏ. Kinh điển chúng tôi tụng buổi khuya, chính là phẩm Tứ Thập Bát Nguyện thứ sáu trong kinh Vô Lượng Thọ. Vì sao chọn phẩm này? Chúng tôi đọc thuộc phẩm này, lấy bốn mươi tám nguyện của đức Phật A Di Đà, biến thành bốn mươi tám nguyện của chính mình, đồng nguyện với Phật A Di Đà. Hạnh của Phật A Di Đà là đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện. Trong bộ kinh này từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy chuyên giảng về điều này. Bộ kinh này dày, tổng cộng có sáu phẩm kinh, trong đó dạy gì? Dạy đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện, nội dung là Ngũ Giới Thập Thiện, không cao, chúng ta có thể làm được. Vì sao không làm được? Bởi chúng ta bị thiếu nền tảng. Nền tảng chính là ba cội rễ, cho nên ba cội rễ này rất quan trọng. Quý vị thực hành được Đệ Tử Quy, thực hành được Cảm ứng Thiên, thực hành được Thập Thiện Nghiệp, thì đoạn kinh này quý vị sẽ làm được hết. Hạnh của Phật A Di Đà, tâm đồng Phật, nguyện đồng Phật, hạnh đồng Phật, quý vị vãng sanh về tây phương tịnh độ là quả đồng Phật. Đúng như lời Thiện Đạo đại sư nói: vạn tu vạn nhân khứ, không còn sót lại một người nào. Sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, chẳng những vĩnh viễn thoát ly lục đạo luân hồi, mà còn vĩnh viễn thoát ly thập pháp giới. Thù thắng không gì bằng! Cơ duyên này thật hiếm có, đúng là bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ. Đời này chúng ta gặp được rồi, Bành Tế Thanh cư sỹ nói: một ngày hy hữu khó gặp trong vô lượng kiếp, chúng ta cũng gặp được rồi, gặp rồi mà không chịu học, lỗi lầm này là do bản thân mình, thế thì quý vị sai lầm lớn rồi! Không gặp được thì chẳng có gì để nói, gặp rồi mà không được vãng sanh, là có lỗi. Chúng ta ở trong luân hồi, lần sau mong gặp được nữa, thì chẳng biết đến kiếp nào! Không dễ dàng gặp được! Cho nên nhất định phải hoàn thành trong một kiếp này, chúng ta nghiêm chỉnh nỗ lực học Phật, niệm Phật, chẳng những độ mình, mà còn có thể giúp cho khu vực này an định hòa bình. Đây là công đức rất lớn!

Vừa rồi nói một trăm người nghiêm chỉnh tu tập, y theo phương pháp lý luận trong kinh điển nghiêm chỉnh học tập, quý vị có thể giúp cho thành phố này, thành phố có một trăm vạn người cư trú đây, ít bị tai họa, đây là công đức rất lớn, là việc làm rất tốt. Nếu đạo tràng của chúng ta, tất cả quý vị cùng nhau thực hành Lục Hòa Kính, trở thành một Tăng đoàn Lục Hòa Kính, công đức này rất lớn. Bởi thành tựu một Tăng đoàn Lục Hòa Kính, thì chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ, khu vực này sẽ không có tai họa. Khu vực này rất rộng. Quý vị xem bốn phía Hồng Kông, phía bắc Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, bên cạnh Đài Loan, Philippin, Việt Nam, khu vực này không có tai họa, một Tăng đoàn Lục Hòa xuất hiện. Chúng ta có chịu phát tâm không? Có chịu phát tâm nghiêm chỉnh học tập Lục Hòa Kính chăng? Học ở đạo tràng, về nhà quý vị thực hiện, quý

vị học ở đây, trở về nhà, gia đình của quý vị chính là đạo tràng Lục Hòa Kính, chính quý vị dẫn dắt. Một gia đình tương thân tương ái, hòa mục tương xử, đó là một gia đình hạnh phúc mỹ mãn. Tâm tốt rồi thì đương nhiên sự nghiệp thuận lợi, chắc chắn là như vậy, giao tiếp tốt, có duyên với mọi người. Hoàn toàn ở chỗ mình phát tâm, mình nhận biết, mình thực hành. Tôi rất hy vọng, Tăng đoàn này đã mấy trăm năm không có rồi, có thể xuất hiện ở Hongkong, đây là kỳ tích đấy! Chịu phát tâm, tôi tin tưởng sâu sắc chư Phật Bồ tát sẽ bảo hộ, Phật Bồ tát đến hộ trì đạo tràng này, thành tựu đạo tràng này, cũng là thành tựu tâm nguyện của mọi người.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 51

Tập 52

Chuyên ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày 28 tháng 05 năm 2010

Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi ba, hàng thứ hai từ dưới đếm lên, bắt đầu xem từ nhị.

“*Nhị. Quảng hiệp tự tại vô ngại môn*”. Đây là môn thứ hai trong Thập Huyền Môn của kinh Hoa Nghiêm. Cảnh giới Hoa Nghiêm là đại triệt đại ngộ, là cảnh giới của Bồ Tát minh tâm kiến tánh. Nhập cảnh giới này, chính là bậc đắc đạo, bậc thành Phật mà người ta thường nói. Ở trong đạo Phật chứng được quả vị cứu cánh viên mãn. Vị này đã buông bỏ hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nhập cách nào đây? Trong Thám Huyền Ký, quốc sư Hiền Thủ lược cử Thập Môn, mỗi một môn đều có thể khế nhập cảnh giới Hoa Nghiêm. *Thập*, quý vị đều đã biết, nó là biểu pháp, không phải là chữ số, nó nói lên sự viên mãn. Nói cách khác tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, môn nào cũng có thể nhập được cảnh giới Hoa Nghiêm. Buông bỏ tất cả, sau khi buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không còn chướng ngại, sẽ thông. Ở đây đưa ra một số ví dụ này hoàn toàn hiện tiền. Ngày nay chúng ta có hiện tiền không? Có hiện tiền! Hiện tiền vì chúng ta không buông bỏ được. Không buông bỏ được thì không thể khế nhập cảnh giới. Đạo lý ở chỗ này! Cho nên chướng ngại vĩnh viễn không phải ở bên ngoài mà ở ngay tự thân.

Đứng về lý mà nói, phàm phu thành Phật ở trong một niệm, một niệm giác là thành Phật, một niệm mê là phàm phu. Một niệm này cũng không dễ hiểu đâu. Thế nào là một niệm? Thật hiếm có, đỉnh cao của khoa học ngày nay, trong lượng tử lực học phát hiện. Thập Huyền Môn này, trong lượng tử lực học có thể giải thích được, dùng phương pháp khoa học giải thích, giải cũng rất hay. Vậy có thể khế nhập chăng? Nói cho quý vị biết, không thể! Vì sao không thể khế nhập? Sự giải thích của họ giống như việc lý giải của chúng tôi, gọi là giải ngộ! Biết được sự việc này một cách rõ ràng minh bạch không sai lầm, nhưng không làm được. Phải làm được điều gì? Phải chứng ngộ, thì khế nhập được cảnh giới, quý vị thật sự thành Phật, phải chứng ngộ mới được. Các nhà khoa học không dễ dàng, dùng phương pháp khoa học phát hiện được, phát hiện chân tướng sự

thật, là phát hiện thôi, chứ chẳng phải cảnh giới trực tiếp của họ. Họ lợi dụng nhiều công cụ khoa học để phát hiện ra.

Thời xưa không có những thứ công cụ này, dùng phương pháp nào để phát hiện vậy? Họ dùng phương pháp thân chứng của mình phát hiện ra, cái này hay, đó là chứng ngộ. Dùng phương pháp nào để thân chứng? Dùng thiền định, cũng có nghĩa là buông bỏ. Buông bỏ sự chấp trước vào tất cả pháp của thế và xuất thế gian, quý vị đạt được thiền định sơ cấp của đạo Phật. Điều này quý vị cần nên biết. Thiền định thế gian có tứ thiền bát định, có tám tầng lớp, những thứ này không thể nhập cảnh giới của đức Phật, bởi đó là pháp thế gian. Có thể thông đạt được tình hình trong lục đạo luân hồi, không ra khỏi lục đạo luân hồi. Phật pháp siêu việt lục đạo, cho nên họ không thể nhập vào cảnh giới của đức Phật. Ở tứ thiền bát định phải hướng thượng nâng cao. Trong hội Lăng Nghiêm nói: A La Hán chứng được cửu thứ đệ định, quý vị xem, bát định là thế gian, cửu định là xuất thế, chứng được quả A La Hán. Đây là Phật pháp, Phật pháp này chưa cứu cánh, chỉ là tiểu thừa thôi, là bậc sơ cấp trong Phật giáo. Như Thập Tín vị trong kinh Hoa Nghiêm nói. Các vị nên biết rằng, Thập Tín vị là tiểu học trong Phật giáo. Tiến lên một bước nữa, buông bỏ được phân biệt, nghĩa là đối với tất cả pháp của thế và xuất thế gian hiểu được rõ ràng, không phân biệt, không chấp trước. Định này cao hơn A La Hán, chỉ có Bồ Tát mới chứng được. Ngôi thứ của hàng Bồ Tát rất nhiều. Thời xưa chư vị tổ sư phân giáo không giống nhau, phân giáo nghĩa là cách nhìn của họ không tương đồng, cho nên cấp bậc phân ra cũng khác nhau.

Hai ngàn năm rồi, đối với phân giáo, thông thường người ta cho rằng, tông Thiên Thai và tông Hiền Thủ, phân giáo hay và hợp lý nhất, cho nên hầu như những người học tập kinh giáo, tuy không đồng tông phái nhưng cũng dùng phương pháp của hai tông này. Như ngày nay chúng ta dùng cuốn chú giải này, Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ dùng phương pháp của Quốc sư Hiền Thủ.

Ngũ giáo: Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên.

Tiểu là Tiểu thừa, tương đương với tiểu học của chúng ta ngày nay.

Thi là bắt đầu, giống như bậc trung học. Thi giáo là trung học, bắt đầu học Đại thừa.

Chung là điểm cuối của Đại thừa, giống như đại học.

Viên, Đốn giống như nghiên cứu sở.

Từng bước từng bước hướng thượng nâng cao, cho nên Phật, Bồ Tát, A La Hán, là danh xưng học vị trong Phật giáo. Quý vị bước vào tiểu giáo của đạo Phật, chính là A La

Hán. Có mười đẳng cấp, từ lớp một cho đến lớp mười. Thi giáo và Chung giáo cũng như vậy, từng cấp bậc từng cấp bậc hướng thượng nâng cao.

Bồ Tát tương đương với học vị thạc sĩ, là học vị thứ hai. Học vị cao nhất là Phật, trong trường học ngày nay gọi là tiến sĩ. Không có gì cao hơn học vị này nữa. Cho nên đây là danh xưng ba học vị trong Phật giáo.

Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ viết chú giải, hoàn toàn dùng Ngũ giáo của tông Hiền Thủ. Dùng thứ đệ Thập Huyền Môn của kinh Hoa Nghiêm. Trong bộ kinh này rất rõ ràng. Môn thứ nhất trong Thập Huyền Môn là tổng tướng, rất quang trọng. Nói cho chúng ta biết chân tướng sự thật, tất cả pháp của thế và xuất thế gian đồng thời đồng xứ. Cụ túc ở đây nghĩa là tương ứng viên mãn. Hai từ “tương ứng” chúng ta đổi một từ, thì mọi người sẽ dễ hiểu hơn. Chữ “tương” đổi thành chữ “cảm”, cảm ứng. Tương ứng thật sự có nghĩa là cảm ứng. Quý vị xem tất cả pháp đồng thời đồng xứ cảm ứng viên mãn. Câu này dùng ngôn từ của chúng ta ngày nay, thì dễ hiểu hơn. Cảnh giới này không thể nghĩ bàn, thật hiếm có, chúng ta cũng phải cảm ơn sự tiến bộ của khoa học ngày nay. Nếu không có lượng tử lực học thì chẳng thể giải thích được. Lượng tử lực học là sự việc của những năm gần đây, nó có thể giải thích được. Vì sao vậy? Bởi lượng tử lực học cũng khẳng định, vũ trụ là một sinh mạng thể cộng đồng, vật chất và tinh thần vĩnh viễn không tách rời. Điều này gần đây lượng tử lực học phát hiện ra.

Đạo Phật ba ngàn năm về trước, đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói một cách thấu triệt như vậy, nói còn viên mãn hơn họ nữa. Cho nên ngày nay chúng ta dùng khoa học để chứng thực, để chứng minh đức Phật nói không sai. Chúng ta có thể tin tưởng, quan trọng nhất là phải kiến lập vũ trụ nhân sinh quan cho chúng ta. Điều này rất quan trọng! Vũ trụ này với ta là một thể, một ý niệm bất luận là vô tình hay hữu ý, là chánh hay tà, vừa khởi ý niệm là châu biết pháp giới, cảm ứng viên mãn rồi. Ý niệm này chính là cảm, biến pháp giới hư không giới tất cả vạn sự vạn vật là ứng.

Cảm ứng trong kinh đức Phật đã nói rất rõ ràng. Có bốn hình thức: hiển cảm hiển ứng, hiển cảm minh ứng, minh cảm hiển ứng, minh cảm minh ứng. Chẳng phải không cảm ứng, tuyệt đối là có. Đôi khi mình cảm nhận được, nhưng cũng có khi mình không cảm nhận được. Trong lượng tử lực học cũng nói những thứ này, và đưa ra rất nhiều ví dụ.

Như chỗ này nói về con bướm. Hai con bướm vỗ vỗ đôi cánh của nó, có thể ở ngoài trăm ngàn dặm, nơi đó đã nổi dông bão, nó khởi tác dụng rồi. Vì sao lại ảnh hưởng đến chỗ đó? Bởi có duyên với chỗ đó. Có duyên thì nó khởi lên tác dụng. Cho nên đức Phật dạy chúng ta, khởi tâm động niệm, không thể có tà niệm, không thể có sai lầm. Nếu sai lầm, nơi nào có duyên với sự sai lầm này, thì nơi đó sẽ khởi tác dụng. Những ví dụ

này rất rõ ràng. Hiểu được đạo lý này: vũ trụ và chúng ta là một thể, địa cầu và chúng ta là một thể. Tai nạn trên quả địa cầu ngày nay rất nhiều, có phương pháp nào hóa giải chẳng? Có ! Vì sao vậy? Bởi địa cầu và chúng ta là một thể. Ý niệm của mình nếu là chánh, không có tà niệm, thì tai nạn trên quả địa cầu này không còn nữa. Những tai nạn này trong kinh đức Phật dạy rất rõ:

Nạn nước là do tham chiêu cảm nên. Nạn nước trên quả địa cầu ngày nay rất phiền phức, những tảng băng ở Nam Bắc Cực đang tan ra, nước biển dâng lên, các thành phố ở vùng duyên hải bị chìm hết. Đức Phật dạy đây là nguyên nhân gì? Thâm sâu hơn khoa học, khoa học còn chưa đề cập đến. Ngài dạy, là do những người sống trên quả địa cầu này, tham lam mà chiêu cảm ra. Quả địa cầu ấm lên dần, điều này phiền phức lớn. Các nhà khoa học cảnh cáo, nếu nhiệt độ cao lên bốn lần, thì người sống trên quả địa cầu này chẳng thể sinh tồn, có rất nhiều sinh vật sẽ biến mất.

Nhiệt độ từ đâu mà có? Đức Phật dạy chúng ta: Do ý niệm sân hận của tất cả chúng sanh chiêu cảm nên. Khi con người nổi giận, quý vị xem toàn thân nóng bỏng. Chúng ta nổi giận một trận ở đây, thì nhiệt độ của địa cầu sẽ cao lên một chút, nếu là tập thể thì hiệu ứng của nó vô cùng to lớn. Thật sự ngày nay tham sân si đều là tập thể, ở đâu mà chẳng có!

Ngu si chiêu cảm nên nạn gió. Ngạo mạn chiêu cảm nên động đất. Còn nghi hoặc nữa, nghi ngờ lời dạy của thánh hiền, nghi ngờ lời dạy của cổ thánh tiên hiền. Nhất định phải chờ khoa học ngày nay chứng thực quý vị mới chịu tin. Tất cả đều là nhân tố chiêu cảm nên thiên tai.

Cho nên quốc độ của đức Phật, những khu vực Ngài giáo hóa, khu vực Ngài ở không có thiên tai . Thế giới Cực Lạc không nghe nói có thiên tai, thế giới Hoa Tạng không nghe nói có thiên tai. Chẳng phải không có, mà người ta có phương pháp phòng hộ, khiến cho những thiên tai này không sanh khởi. Phương pháp gì vậy? Dạy học! Ngày nào cũng giảng, ngày nào cũng dạy. Cho nên người tiếp nhận sự giáo dục của chư Phật Bồ Tát, họ không có tà niệm, đương nhiên càng không có hành vi bất thiện, cho nên môi trường mà họ sinh sống miên viễn không có tai nạn. Người của họ bên đó chưa bao giờ nghe thấy có ai bị bệnh cả. Những đạo lý này trong kinh đều có hết.

Chúng tôi mong rằng lượng tử lực học càng tiến bộ hơn, chứng thực được nhân trong kinh đức Phật nói. Quả sự thật này các nhà khoa học đã nhận biết, nhận biết được rồi. Nhưng nguyên nhân thật sự vẫn chưa tìm thấy. Con người của chúng ta ngày nay thật đáng thương, phải chờ họ tìm được thì chúng ta mới tin. Ngạn ngữ có câu: “không nghe lời người già, thất bại ở trước mặt”. Người già ở đây là cổ thánh tiên hiền, là chư Phật Bồ Tát. Họ đã chứng được, các Ngài thật sự là nhà khoa học, không cần những dụng cụ

khoa học này, hoàn toàn dùng phương pháp thiên định, trong thâm sâu của thiên định, đã nhìn thấy rõ toàn bộ chân tướng của vũ trụ, không có bất kỳ bí mật nào. Khoa học bắt buộc phải mượn dụng cụ thể nghiệm để chứng thực, điều này rất phiền mà lại không cứu cánh. Nhưng ngày nay họ phát hiện. Phát hiện ra điều gì? Họ phát hiện ra thế gian này không có vật chất. Rõ ràng tôi nhìn thấy có vật chất, sao lại nói là không? Họ nói, vật chất là hiện tượng ý niệm tích lũy liên tục, nó là sản vật của ý niệm. Đây là điều lượng tử lực học thời cận đại phát hiện, hoàn toàn giống như trong kinh đức Phật dạy.

Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ, đoạn trước nói về duyên khởi của vũ trụ. Vũ trụ từ đâu mà có? Hoàn toàn tương đồng với sự nghiên cứu của lượng tử lực học ngày nay, vẫn chưa đạt đến Hoàn Nguyên Quán, vì Hoàn Nguyên Quán nói đến bản thể, họ thì chưa nói đến. Nếu dùng Phật pháp mà nói, thì họ nói đến A Lại Da, chưa nói đến tự tánh, họ phát hiện ra A Lại Da.

Pháp Tướng tông nói, vũ trụ này ngoài thức ra thì không có gì hết. Thức là gì? Thức là năng biến. Nhưng năng hiện năng sanh là gì? Đó vẫn là vấn đề lớn, chưa được giải quyết. Năng biến thì tìm ra rồi. Vũ trụ này thiên biến vạn hóa, vì sao năng biến? Họ đã tìm ra. Đức Phật dạy A Lại Da có tam tế tướng. Lượng tử lực học ngày nay nói vũ trụ chỉ có ba thứ: năng lượng, vật chất, tin tức. Chỉ có ba thứ này thôi. Ba thứ này kỳ thực là tam tế tướng của A Lại Da:

Nghiệp tướng của A Lại Da chính là năng lượng mà họ nói.

Chuyển tướng của A Lại Da, nghĩa là Mạt Na Thức, chính là tin tức mà họ đã phát hiện.

Cảnh giới tướng của A Lại Da chính là vật chất vậy.

Vật chất từ đâu mà có? Vật chất từ trong tin tức biến hiện ra. Điều này Duy Thức giảng rất rõ ràng, nhưng Duy Thức không giảng đến chỗ cứu cánh. Năng sanh năng hiện chưa phát hiện ra, đó là tự tánh, đó là hiện tượng ba động. Ba động nghĩa là năng lượng. Năng lượng này từ đâu mà có? Vì sao lại có năng lượng này? Vấn đề này đến nay vẫn chưa được giải quyết. Kinh điển của đạo Phật giải quyết được. Đó là bản năng của tự tánh, tự tánh vốn đầy đủ.

Đạo Phật tu chứng đến chỗ cao nhất, là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, thấy được bản tánh. Bản tánh là bản thể của vũ trụ vạn hữu. Năm ba mươi tuổi đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã chứng được, đã nhập vào cảnh giới này. Kinh Hoa Nghiêm nói, là nhập cảnh giới Hoa Nghiêm.

Vào Triều đại nhà Đường ở Trung Quốc, thiên tông Lục Tổ Huệ Năng năm Ngài hai mươi bốn tuổi, Ngài cũng nhập vào cảnh giới này. Như thế đối với tánh tướng, lý sự,

nhân quả của vũ trụ mới hoàn toàn thông đạt. Trí huệ viên mãn! Sau khi hiểu rõ rồi, Ngài hướng dẫn chúng ta, có thể tùy thuận với quy luật của đại tự nhiên, nghĩa là quy luật của tự tánh. Quy luật của tự tánh người xưa gọi là đạo đức, thì cuộc sống của quý vị sẽ hạnh phúc viên mãn, quý vị sẽ được mạnh khỏe sống lâu. Tuổi tác tuy tăng trưởng, nhưng dung mạo bất biến, trẻ mãi, không tật bệnh. Khu vực mình sinh sống thật là ngũ cốc được mùa, nhật nguyệt thanh minh, phong điều vũ thuận, không có thiên tai . Vì sao vậy? Vì thuận theo tánh đức. Nếu làm trái ngược với tánh đức, thì phiền phức đầy, tai nạn gì cũng có, con người cũng bị bệnh, nơi mình sinh sống sẽ có rất nhiều thiên tai . Những thứ này khoa học vẫn chưa có thể nói rõ ràng được, nhưng Phật pháp đã phát hiện ra tam tế tướng của A Lại Da, chúng ta chẳng thể không khâm phục. Chúng tôi tin tưởng từ từ các nhà khoa học sẽ có thể chứng thực được. Nhưng họ không thể kiến tánh. Vì sao vậy? Kiến tánh bắt buộc phải buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, các nhà khoa học không buông bỏ những thứ này. Họ chưa buông bỏ, họ nghiên cứu đến kết quả cuối cùng, giống như cảnh giới của chúng ta. Chúng ta hiểu được vũ trụ, đó là tri thức nhận biết được từ trong kinh Phật, còn họ dùng khoa học thực nghiệm mà biết được, giống như chỗ này nói vậy. Đó là gì? Đó là giải ngộ, chẳng phải chứng ngộ. Giải ngộ là chúng ta hiểu được đạo lý trong đó, phương pháp cũng biết , nhân quả cũng hiểu. Chúng ta biết làm thế nào để chứng được, con đường này hiểu rõ ràng. Nói cách khác, cảnh giới của chư Phật Bồ Tát, chúng ta có thể đạt được, chứ chẳng phải không đạt được. Huống nữa trong kinh đức Phật dạy chúng ta, đó là những lời chân thật: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Quý vị vốn là Phật! Vì sao ngày nay lại như thế này? Vì mê, mê mất tự tánh! Sau khi mê rồi, sự phiền phức nghiêm trọng nhất, đó chính là tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn. Khởi lên những phiền não này, có những phiền não này rồi thì thân sẽ bị nhiều bệnh, môi trường sinh sống sẽ gặp nhiều tai nạn. Sau khi hiểu rồi, thì chúng ta phải sửa đổi tâm mình, biết rằng chúng ta khởi tâm động niệm, tất cả chúng sanh trong biến pháp giới hư không giới, tin tức ý niệm của chúng ta họ đều nhận được hết. Quý vị có thể nói là không ai biết chăng? Người hồ đồ thì không biết, chứ người sáng suốt họ biết được, người nhiễm ô không biết, người tâm thanh tịnh họ biết được. Biết rồi họ có trách quý vị không? Không ! Nếu họ trách quý vị, là họ lại khởi lên phân biệt chấp trước, họ cũng giống quý vị, họ không hơn quý vị được. Cho nên thấy được rõ ràng, tâm địa họ vẫn thanh tịnh bình đẳng, như như bất động. Đây gọi là Phật Bồ Tát. Các ngài không bị cảnh giới của quý vị chuyển. Đứng trên đó miên viễn không bị rơi xuống. Đạo lý ở chỗ này!

Hôm nay chúng ta học môn thứ hai: Quảng hiệp tự tại vô ngại. Từ môn thứ hai đến thứ mười là biệt tướng, môn thứ nhất là tổng tướng.

Đại Số vân. Đại Số là cuốn chú giải kinh Hoa Nghiêm của Thanh Lương đại sư, chúng ta gọi là Hoa Nghiêm Đại Số.

Như kính xích chi kính kiến thập lý chi ảnh. Câu này là của Thanh Lương đại sư nói trong Đại Sớ. Ngài dùng “*kính dụ hiệp*”, kính dụ cho hiệp. “*Nhi thập lý chi ảnh dụ quang*”. Một thước gương, chiếu ra bên ngoài khoảng mười dặm cũng không sao cả. Dặm nhỏ hơn Km, mười dặm bằng năm Km. Thấy được rõ ràng. Chúng ta thấy đường phẳng nằm ngang ba mươi Km, nhìn thấy đường phẳng ba mươi Km. Chỉ cho tám gương này. Ngày nay hiện tượng này càng tiến bộ hơn, máy chụp hình bây giờ, máy chụp hình không được một thước, chỉ có mấy phân, ống kính có chút xúi. Nếu chúng ta đứng ở chỗ cao một chút, chụp đường phẳng ba mươi dặm, tất cả cảnh quan này đều nằm trong máy chụp hình.

Ví dụ này cho chúng ta biết điều gì? *Quang hiệp vô ngại!* Cũng có nghĩa là, cảnh quan trong mấy mươi dặm có thu nhỏ lại hay không? Không thu nhỏ đâu. Ống kính của máy chụp hình có lớn ra không? Không lớn, nó ở trong đó. Ý nghĩa trong đây rất thâm sâu. Chúng tôi dẫn chứng trên cơ thể của chúng ta, mắt ta có thể thấy được. Mắt thật sự giống như máy chụp hình, nếu có học qua Duy Thức Học thì sẽ dễ hiểu. Mắt có thể thấy được chăng? Mắt không thể thấy, mà chỉ giống máy chụp hình, mắt có thể chụp, cảnh tượng chụp được in vào trong nhãn thức, nhãn thức cũng giống như phía sau màn hình, cảnh quan phía trước được giữ lại ở màn hình phía sau. Máy chụp hình ngày nay rất tiến bộ, mặt sau của ống kính là quí vị có thể nhìn thấy màn hình, thấy rất rõ ràng, nhưng nó không biết phân biệt, mắt cũng giống máy chụp hình vậy. Ai phân biệt? Thức thứ sáu phân biệt. Thức thứ sáu nó không thấy được, không nghe được, thức thứ sáu có kiến phần, có tướng phần. Kiến phần của nó thấy gì? Nó thấy những thứ nhãn thức chụp được, ở trong đó phân biệt, cho nên chẳng phải là mắt phân biệt, mà là thức thứ sáu phân biệt. Sau khi phân biệt thì khởi lên chấp trước, cái này tôi thích, cái kia tôi không ưa. Đó là gì? Đó là Mạt na thức! Mạt na thức chấp trước không phải ở màn hình nhãn thức, mà ở màn hình của thức thứ sáu. Từng lớp từng lớp. Mắt chỉ quản bên ngoài, bất cứ thứ gì bên ngoài nó chỉ chụp vào là được rồi, nó không thể phân biệt chấp trước. Sau khi thức thứ sáu phân biệt, ấn tượng đó được lưu giữ ở A Lại Da, từng lớp từng lớp truyền bá, cảm giác của những thứ truyền bá đó giống như bên ngoài vậy. Tuyệt đối không như chúng ta nhìn máy chụp hình, chúng ta thấy tấm hình nói nó thu nhỏ lại, không phải thế. Quí vị nghĩ xem, cặp mắt của chúng ta, công năng của cái máy chụp hình này rất lớn. Thức thứ sáu duyên theo nó, thức thứ bảy cũng duyên theo nó, cũng giống như cảnh giới bên ngoài, y như không thấy nó thu nhỏ lại vậy. Trên thực tế màn hình của nó rất nhỏ, rất nhỏ, nhỏ đến mức mắt thường của chúng ta không thấy được, ngay cả kính hiển vi cũng không thấy được. Nếu như thấy được, thì các nhà khoa học đã nói ra từ lâu rồi. Chỉ có đức Phật mới có thể nói rõ, cho nên trong kinh nói: “*hạt cải chứa núi Tu Di*”. Hạt cải rất nhỏ, núi Tu Di rất lớn, có thể để núi Tu Di vào trong hạt cải, núi Tu Di không thu nhỏ lại, hạt cải chẳng lớn ra. Chúng ta dùng nhãn cầu làm ví dụ thì càng dễ hiểu hơn, còn dễ hiểu

hơn ví dụ này của đức Phật. Chúng ta mở mắt ra nhìn thấy núi Hy Mã Lạp Sơn, thấy rất rõ ràng, nhất là ngồi trên máy bay nhìn xuống quả địa cầu, quả địa cầu không thu nhỏ lại, con mắt của chúng ta chẳng lớn ra. Không lớn ra, cảm nhận hoàn toàn tương đồng, không hề sai khác. Đây gọi là *quảng hiệp vô ngại*.

Nhĩ, nhĩ thức chỉ có thể tiếp nhận âm thanh, nó cũng không phân biệt, không chấp trước, phân biệt chấp trước đều là thức thứ sáu và thức thứ bảy khởi tác dụng. Người tu hành chân chánh không thể dùng thức. Dùng thức thì sao? Dùng thức thì sanh phiền não.

Trong Kinh Lăng Nghiêm Chánh Phái, Giao Quang đại sư giảng, đó là giảng về người tu hành có trình độ cao, chứ chẳng phải là người thường, người thường thì không thể đạt được cảnh giới đó. Ngài nói ở hội Lăng Nghiêm đức Phật Thích Ca Mâu Ni hướng dẫn cho đại chúng khi đó, trình độ của họ tương đối cao. Dạy họ điều gì? Dạy xả thức dụng căn. Như vậy sẽ không khác với chư Phật Như Lai. Xả thức nghĩa là sao? Nghĩa là không dùng A Lại Da. Không dùng A Lại Da, mắt có thể thấy được chăng? Thấy được! Cái gì thấy vậy? tánh thấy thấy! Tai có thể nghe được chăng? Cái gì nghe được? tánh nghe nghe! Chứ chẳng phải là nhãn thức, cũng chẳng phải là nhĩ thức. Đó là gì? Là ly tâm ý thức. Trong thiền tông chú trọng nhất là chữ ly này. Vì sao tham thiền có thể khai ngộ? Chính là lục căn trong cảnh giới lục trần của họ, họ không dùng tâm ý thức. Cảnh giới này cao, có thể khai ngộ, có thể kiến tánh.

Đầu tiên chúng ta tìm hiểu xem tâm ý thức là gì vậy? Tâm là lưu ấn tượng, Ý là chấp trước, Thức là phân biệt. Nói cách khác, trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý nhận biết, tất cả đều không dùng đến. Vậy sẽ như thế nào? Hoàn toàn trực tiếp không gián tiếp. Không dùng phân biệt, nghĩa là không dùng thức thứ sáu, không chấp trước nghĩa là không dùng thức thứ bảy, không lưu ấn tượng nghĩa là không dùng thức A Lại Da. Đó là tình trạng như thế nào? Giống như gương chiếu vào những thứ bên ngoài, không lưu dấu vết. Là sao? Chỉ có pháp thân Bồ Tát mới có khả năng làm như vậy, đây là cảnh giới của pháp thân Bồ Tát.

Giao Quang đại sư đề xướng xả thức dụng căn, rất phù hợp với giáo nghĩa kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm không phải nói với người thường, nói với ai vậy? Nói với người sắp khai ngộ, họ đã đạt đến bờ giác ngộ rồi, dùng phương pháp này hướng thượng nâng lên, khế nhập, nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm. Chúng ta hiểu được đạo lý này, cũng biết được phương pháp nữa, thật sự tu tập ngay trong cuộc sống hàng ngày, cố gắng hạn chế dùng phân biệt chấp trước, đây gọi là chân công phu. Như thế quý vị mới thật sự tìm lại chân tâm sẵn có của mình, chân tâm của quý vị là thanh tịnh, chưa từng bị nhiễm ô. Trên đề kinh Vô Lượng Thọ, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác ngộ, quý vị mới có thể phục hồi được thanh tịnh bình đẳng giác, phục hồi được tâm thanh tịnh, thì

quí vị là A La Hán, phục hồi được tâm bình đẳng, quí vị là Bồ Tát, phục hồi được đại giác, quí vị sẽ thành Phật. Tâm Thanh Tịnh là hàng Thanh Văn, Duyên Giác trong pháp giới tứ thánh chứng được, Tâm Bình Đẳng là Bồ Tát, Phật trong pháp giới tứ thánh chứng được. Giác thì sao? Giác là ra khỏi mười pháp giới, bậc Sơ Trụ của Viên Giáo trở lên, đó là chân Phật, chẳng phải giả Phật. Cho nên chân tu hành, bất luận tu pháp môn nào, đó là phương pháp, đường đi khác nhau, có tam vạn bốn ngàn vô lượng vô biên, nhưng lý chỉ là một. Nhất định không thể có phân biệt chấp trước, chỉ cần quí vị có phân biệt chấp trước là có lục đạo. Lục đạo từ đâu mà có? Lục đạo từ chấp trước biến hiện ra. Cho nên quí vị không còn chấp trước đối với tất cả pháp của thế và xuất thế gian. Đức Phật dạy chúng ta tùy duyên, không nên phan duyên, tùy duyên nghĩa là không chấp trước, sao cũng được, rõ ràng minh bạch, không một chút hồ đồ. trí huệ chân thật, hiểu rõ mà không phân biệt chấp trước, đây là A La Hán, là Bồ Tát. Nếu quí vị không dùng A Lại Da, trong tâm không hề có dấu vết gì, thì quí vị thành Phật, cao hơn hàng Bồ Tát, Bồ Tát chưa đạt được cảnh giới này. Trong Pháp Tướng tông gọi là xả thức dụng căn.

Kinh Lăng Nghiêm được truyền vào Trung Quốc thời Đường, đây là bộ trân bảo của Ấn Độ. Thời đó Phật giáo được truyền đi khắp nơi, đất nước Ấn Độ xem kinh Lăng Nghiêm là quốc bảo, bộ kinh này không truyền ra bên ngoài. Cho nên rất nhiều cao tăng, các vị cao tăng Trung Quốc đến du học tại Ấn Độ, đều không thấy được bộ kinh này. Bộ kinh này do một vị xuất gia người Ấn Độ tên là Bát Thích Mật Đế, lén mang đến Trung Quốc. Vô cùng vất vả, vì khi ra khỏi nước kiểm tra chặt chẽ, nếu mang vật quốc cấm thì phạm pháp, sẽ phải xử hình. Ngài đã rất khổ tâm, xẻ bắp thịt ra, dùng chữ rất nhỏ viết bộ kinh này, viết xong rồi đặt vào trong bắp thịt và may kín lại, như thế khi xuất quan, không bị phát hiện, đưa sang Trung Quốc. Sau khi dịch sang Trung văn, ngài trở về nước, trở về nước ra đầu thú, vì lấy trộm quốc bảo mang sang Trung Quốc. Trở về gánh vác trách nhiệm, chịu sự hình phạt của đất nước. Tinh thần này không gì bằng!

Thiên quá khó, thật không dễ chút nào, nhưng nương vào kinh Lăng Nghiêm, nương theo bộ kinh này mà tu tập, có thể giúp cho Giải-Hạnh của chúng ta hướng thượng nâng cao. Điều này thật hiếm có! Nếu đứng về mặt tịnh độ tông mà nói, quí vị có được phương pháp xả thức dụng căn của kinh Lăng Nghiêm, thì việc vãng sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, chẳng phải sanh về Đồng Cư độ, Phương Tiện độ, mà trực tiếp sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ, đây là sự thật, không giả dối đâu. Cũng có nghĩa là nó có thể giúp cho quí vị nhìn thấu, buông bỏ, có lợi ích như vậy! Chúng ta ngày nay tuy không học kinh Lăng Nghiêm và kinh Viên Giác, nhưng trong kinh Hoa Nghiêm và kinh Vô Lượng Thọ cũng không ngoại lệ, đều có giáo nghĩa này trong đó. Phương pháp tuy bất đồng nhưng phương hướng chỉ có một, nhất định phải biết buông bỏ, buông bỏ phiền não, buông bỏ chấp trước, buông bỏ tập khí. Trở về với đề kinh này, quí vị phục hồi được tâm Thanh Tịnh, tâm Thanh Tịnh quí vị vốn sẵn có, phục hồi tâm Bình Đẳng,

phục hồi tâm Giác, là quý vị thành tựu rồi! Giác thì rất khó nếu không có Thanh Tịnh Bình Đẳng, thì chắc chắn chẳng thể khai ngộ. Tâm Thanh Tịnh Bình Đẳng hiện tiền, sự cách ly với khai ngộ sẽ rất gần.

Cho nên Quảng hiệp tự tại ở đây, chúng ta dùng Duy Thức giảng thì ý nghĩa mới có thể thấu triệt. Tu tập trong cuộc sống hàng ngày, cuộc sống chính là tu, tu tập không tách rời cuộc sống. Tu tập chính là công việc, chính là việc đối nhân xử thế, không tách rời đâu. Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác, không lìa thế gian mà giác ngộ.

Xem đoạn tiếp theo: “*Bốn kinh Phát Đại Thệ Nguyên phẩm vân*”. Đây là phẩm thứ sáu, cũng chính là bốn mươi tám nguyện của đức Phật A Di Đà. Chúng ta xem môi trường vật chất của thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

“*Sở cư Phật sát*”. Bao gồm cả người vãng sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị sanh về thế giới Cực Lạc, chỗ quý vị ở, *sát* ở đây là sát độ. Ngày nay chúng ta nói là tinh cầu.

“*Quảng bác nghiêm tịnh*”. Chỗ này rất lớn, lớn hơn quả địa cầu này rất nhiều. Quả địa cầu này trong vũ trụ, là một tinh cầu rất nhỏ, những điều này chúng ta cần nên biết. Tôi có một tấm hình, quý vị có thể nhìn thấy, chỗ này có điểm màu lam, điểm này là từ vũ trụ chụp xuống địa cầu, quý vị thấy một chỗ sáng, đó là ngân hà, hệ ngân hà. Chụp được ở đâu vậy? cách quả địa cầu bốn mươi ức anh lý. phóng xạ vệ tinh nhân tạo, vệ tinh nhân tạo phóng đi, ngoài bốn mươi ức anh lý, ống kính quay trở lại, chụp được một tấm hình, gửi về địa cầu. Quý vị xem một chút xíu này, bốn mươi ức anh lý, rất nhỏ. Cho nên con người chúng ta phải biết chân tướng sự thật, một quả địa cầu nhỏ như thế, con người chúng ta sống trên đó, ra ngoài bốn mươi ức anh lý không nhìn thấy người nữa, con người còn nhỏ hơn virus, họ còn không chịu chân thật, còn ở đó hủy hoại quả địa cầu, tiêu rồi! Sau khi hiểu rồi, phải chân thật dụng công tu tập.

Con người thật sự là chủ tử của vũ trụ. Vũ trụ từ đâu mà có? Từ ý niệm của chúng ta phát sinh ra. Điều này được lượng tử lực học ngày nay phát minh, tất cả hiện tượng vật chất, là tướng liên tục do ý niệm tích lũy thành, vốn không thật, chỉ là huyễn giác. Quý vị xem thế giới Cực Lạc quảng đại, thái dương lớn hơn quả địa cầu này ba mươi một vạn lần, tinh cầu này lớn quá, thế giới Cực Lạc lớn hơn thái dương hệ rất nhiều. Vì sao không thấy được? Bởi quá xa. Nó cách xa chúng ta mười vạn ức quốc độ của đức Phật. Một quốc độ của đức Phật là mười ức hệ ngân hà, mười ức hệ ngân hà. Mười vạn ức quốc độ Phật, nghĩa là mười ức nhân với mười vạn ức, cự ly này quá xa, cho nên chúng ta không nhìn thấy được. Tuy xa như vậy, nhưng thông tin ý niệm của chúng ta không thể nghĩ bàn, chúng ta vừa khởi lên ý niệm là bên đó nhận được, cho nên tốc độ của ý niệm này không thể nào tính được. Hoàn Nguyên Quán dạy chúng ta, một vi trần, vi trần chính là tiểu quang tử mà lượng tử lực học ngày nay nói, điểm quang nhỏ đó, trong Phật pháp gọi

là vi trần. Thiên nhãn của hàng A La Hán cũng không nhìn thấy được. Trong kinh cho chúng ta biết, bậc bát địa trở lên mới thấy được. Một vật chất nhỏ như vậy, một hiện tượng vật chất nhỏ đó, nó đầy đủ tứ đại ngũ uẩn. Tứ đại ngũ uẩn, hiện tượng chúng duyên hòa hợp sanh ra, nó là nền tảng của tất cả vật chất. Tất cả vật chất, lớn đến hư không pháp giới, nhỏ là một vi trần, đều do nó tổ hợp mà nên. Nó từ đâu mà có? Nó từ ý niệm sinh ra. Ý niệm là duyên, tự tánh là thể, nếu không có ý niệm thì tự tánh không sanh ra các thứ, cho nên tự tánh không phải vật chất cũng chẳng phải tinh thần, nó không phải là gì, nó năng sanh vạn pháp. Có thể sanh hiện tượng vật chất, có thể sanh hiện tượng tinh thần, nhưng nó gặp duyên, duyên là gì? Là ba động, thông tin này chính là ba động, cho nên tuy là một vi trần, một mao đoạn, nó đều đang chấn động. Nó không chấn động thì sẽ chẳng còn nữa, nó nương vào chấn động mới sinh ra hiện tượng này. Phạm vi ảnh hưởng chấn động này bao lớn? Biến pháp giới hư không giới. Quý vị xem ba loại châu biến:

Thứ nhất là châu biến pháp giới, nó vừa động là châu biến pháp giới.

Hiện tượng thứ hai là xuất sanh vô tận, tùy theo ý niệm mà sanh ra biến hóa, biến hóa vô lượng vô biên. Chúng ta học môn học này cũng rất khó khăn. Vì sao nó sanh ra nhiều biến hóa như thế? Tôi suy nghĩ rất lâu, nghĩ đến lúc nhỏ chơi kính vạn hoa, cho nên có rất nhiều học trò đã tặng cho tôi kính vạn hoa. Quý vị nhìn xem kính vạn hoa rất đơn giản, trong đó có ba miếng kiếng, cho một chút giấy vụn nhiều màu sắc vào, xoay tròn nó, quý vị xoay từ sáng đến tối, hình trong ống kính biến hóa, không tìm ra một tấm hình tương đồng. Như vậy chẳng phải rõ ràng rồi sao? Chẳng phải ý nghĩa như vậy sao? Thật sự xuất sanh vô tận, từ trong đây nhìn thấy xuất sanh vô tận. Cho nên thập pháp giới y chánh trang nghiêm, kính vạn hoa đó!

Hiện tượng thứ ba hàm dung không hữu, cũng có thể thấy được từ trong kính vạn hoa. Quý vị xem vô lượng vô biên hình đều ở trong đó. Hàm dung không hữu, trong kinh điển đại thừa thường có hai câu: “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”. Bao thái hư là hàm không, lượng châu sa giới là dung hữu, độ lượng lớn, có thể bao dung. Muôn sự muôn vật trong vũ trụ này quý vị đều có thể bao dung được. Vì sao vậy? Bởi nó do quý vị biến hiện ra. Tự thể là tự tánh, tự tánh không thể nghĩ bàn. Thật sự hiểu rõ được những đạo lý này rồi, thì vấn đề gì bản thân mình cũng có thể làm chủ được.

Thân có bệnh, bệnh rất nặng, có cần trị liệu chăng? Không cần! Chuyển đổi ý niệm thì bệnh không còn nữa. Trước đây tôi có đưa ra một điển hình, cư sỹ Lưu Tố Vân ở Đông Bắc, lần trước đến đây ở tám ngày, năm năm mươi chín tuổi, cô ấy bị bệnh lao da ban đỏ, bệnh này còn đáng sợ hơn ung thư nữa, người bị bệnh này hầu như không thể sống nổi, cô ấy không may đã bị căn bệnh này, là Phật tử thuần thành, đối với Phật pháp không hề có chút hoài nghi. Khi bị bệnh bác sỹ nói với cô ấy, nên chuẩn bị tâm lý, vì cô

có thể chết bất cứ lúc nào! Cô ấy nghe mà coi như không có chuyện gì, không để chuyện này vào trong lòng, trong tâm cô ấy chỉ có Phật A Di Đà, ngoài câu A Di Đà Phật ra thì không có ý niệm gì khác. Cho nên bác sỹ khen: “tâm trạng cô vui như thế này, thật hiếm có, chưa bao giờ thấy!” Cô ấy không thể dùng thuốc, vì dung thuốc là bị phản ứng thuốc, cho nên bác sỹ nói không thể chữa được, bèn cho cô ấy về. Trở về một thời gian thì khỏi, đi tái khám hết bệnh, ngay cả vết sẹo cũng không còn. Quý vị biết đó là gì vậy? Điều chỉnh tâm mình, trong tâm cô ấy chỉ có A Di Đà Phật, không có bệnh, cho nên những tế bào bị bệnh đó, hoàn toàn phục hồi trở lại bình thường, đạo lý là ở chỗ này. Tế bào trong cơ thể, theo ý niệm của chúng ta nó có thể phục hồi trở lại bình thường, sơn hà đại địa bên ngoài, ý niệm của chúng ta cũng có thể khiến nó phục hồi trở lại bình thường, không để nó có động đất, không để nó có thiên tai, làm được đấy, chứ chẳng phải không làm được. Chỉ cần quý vị chân tín là được rồi! Nếu quý vị có chút hoài nghi thì không được đâu, công lực của quý vị hoàn toàn bị hỏng hết. Đây là bằng chứng chúng ta tận mắt chứng kiến.

Trong một số sách ở phương tây, người phương tây gọi là cầu nguyện, sức mạnh của việc cầu nguyện không thể nghĩ bàn, trên thực tế chính là thay đổi quan niệm. Có một câu chuyện, câu chuyện này trong khoa học có ghi: Một người phụ nữ kia bị ung thư, ung bướu, ung bướu này cũng tương đối lớn, chắc phải to khoảng hai ba phân, rất nghiêm trọng. Ba vị bác sỹ cầu nguyện cho cô ấy, khi cầu nguyện tâm địa chân thành, không có một vọng niệm nào hết, duy chỉ có một tâm niệm, nhìn, chắc nhìn tám phim chụp XQ, nhìn vào ung bướu này, nhìn nó. Ba vị bác sỹ cùng chung một tâm niệm, đi đi! Cái bướu này đi đi, đi đi! Chính là một tâm niệm này, nói một câu, đi đi! Dùng bao nhiêu thời gian? hai phút bốn mươi giây, cục bướu này thật sự không còn nữa. Khoa học giải thích cách nào đây? Thật sự không còn nữa. Đây thuộc về tập thể ý thức. Một người là sức mạnh đã lớn rồi, ở đây là ba người. Cho nên từ những câu chuyện này người phương tây nói khoa học không thể giải thích được. Nhưng cuối cùng lượng tử lực học đã giải thích được, có khả năng này, nghĩa là tâm niệm làm chủ tất cả. Tâm niệm có thể làm thay đổi được tất cả môi trường vật chất. Cho nên thân chúng ta bị bệnh là sao? Là tâm niệm bất thiện! Tham, sân, si, mạn, nghi, là nhân bệnh, gọi là bệnh độc, đạo Phật nói tam độc là nhân, oán, hận, não, nộ, phiền, là duyên. Nếu quý vị oán hận, phiền não, nổi nóng, thì chắc chắn sẽ bị bệnh. Cho nên nếu điều chỉnh lại thái độ này, nghịch cảnh đến không nổi giận, không oán hờn; thuận cảnh cũng không thích lắm. Luôn luôn giữ tâm mình trong trạng thái bình thường, nghĩa là giữ tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh hiện tiền, thì những mầm bệnh trong cơ thể của quý vị tự nhiên phục hồi trở lại bình thường. Đây là sự thật, không dối gạt đâu! Không nghe nói ở thế giới Tây Phương Cực Lạc có người bị bệnh, cũng không nghe nói ở đó có bác sỹ, nguyên nhân gì thì ngày nay chúng ta đã hiểu rồi!

Tâm địa tốt, không phiền não, đây chính là nguyên nhân không bệnh. Thế giới Tây Phương Cực Lạc không có thiên tai .

“Quảng bác nghiêm tịnh”. Nghiêm là trang nghiêm, *tịnh* là thanh tịnh.

“quang oánh như kính, triệt chiếu thập phương”. Đây là đại địa của cõi đó. Cảnh đẹp như thế, hoàn toàn do thiện niệm biến hiện ra. Cho nên đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho chúng ta biết, cư dân ở đó đều là “chư thượng thiện căn câu hội nhất xứ”. Chẳng những thiện, mà thiện đến chỗ cuối cùng, bậc thượng thiện căn sống chung một chỗ. Nếu chúng ta muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc, quý vị phải có tâm thiện, không có tâm thiện thì chẳng đi được đâu, đức Phật A Di Đà không thể rước được. Quý vị muốn đi phải thật sự là bậc thượng thiện. Cho nên mở kinh điển ra, quý vị thấy đó: “thiện nam tử thiện nữ nhân”, chẳng phải là thiện nam tử thiện nữ nhân thì không đi được. Thiện có tiêu chuẩn không vậy? Có! Thập Thiện Nghiệp Đạo đó! Học Thập Thiện Nghiệp Đạo cách nào? Đệ Tử Quy chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện là nói về mười điều, trong Đệ Tử Quy nói rất nhiều, nói rất kỹ. Quý vị thực hành được Đệ Tử Quy, thực hành được Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, thì quý vị chính là “thiện nam tử thiện nữ nhân”, quý vị niệm Phật chắc chắn được vãng sanh. Vì sao thế? Bởi quý vị có đầy đủ điều kiện. Nếu chưa thực hành được Đệ Tử Quy và Cảm ứng Thiên, còn thường xuyên phạm lỗi lầm, niệm Phật cũng không được, có niệm Phật khi lâm mạng chung đức Phật A Di Đà cũng không đến đón quý vị đâu. Quý vị nghĩ thử xem vì sao vậy? Sợ quý vị mang tập khí phiền não sang thế giới Cực Lạc, phá hoại thế giới Cực Lạc, cho nên người ta đề phòng rất nghiêm ngặt. Tâm hành không thanh tịnh, tuyệt đối chẳng thể về thế giới Cực Lạc. Cho nên người niệm Phật rất nhiều, người vãng sanh lại ít, nguyên nhân là như vậy!

Người xuất gia giới hạn thấp nhất là phải thực hành Sa Di Luật Nghi, chưa thực hành Sa Di Luật Nghi, người xuất gia có niệm Phật cũng không thể vãng sanh được. Đạo lý này không khó hiểu, là sự thật, không dối gạt đâu! Cho nên nguyên nhân thế giới Cực Lạc đẹp chúng ta đã biết rồi.

Thế giới của chúng ta và thế giới Cực Lạc có khác biệt chẳng? Không hề khác biệt! Nếu con người sống trên thế giới này, thật sự thực hành giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, thế giới của chúng ta sẽ biến thành thế giới Cực Lạc. Đây là sự thật! Chư Phật Bồ Tát ở thế gian này vất vả dạy dỗ, nhưng đáng tiếc, người tin thì ít, người không tin lại nhiều.

Xã hội của chúng ta ngày nay không bằng thời xưa, không cần nói nhiều, ba mươi năm về trước thôi. Năm 1977 tôi đến HongKong giảng kinh lần đầu tiên. Xã hội HongKong năm 1977 hay hơn ngày nay rất nhiều. Ngày đó HongKong chưa có xe điện ngầm, chưa có đường hầm, cũng chưa có cao ốc. Tôi nhớ khi đó có một tòa nhà lớn, 50

tầng, bên bờ biển HongKong, cửa sổ tròn, hình tròn, tòa nhà đó vẫn còn, khi tôi đến, đó là tòa nhà cao nhất HongKong. Thông thường căn nhà khoảng mười mấy tầng, mười mấy tầng thì rất nhiều, cao nhất là hai, ba mươi tầng, không như ngày nay. HongKong khi đó rất đẹp, bây giờ không còn đẹp nữa. HongKong ngày nay, người ngoại quốc nói, là nơi không thích hợp cho người ta ở nhất, ô nhiễm nghiêm trọng. Con người khi đó còn tương đối lương thiện, vẫn còn một chút quan niệm về luân lý đạo đức, ngày nay rất ít, hầu như không còn nghe thấy nữa. Đây là điều chúng ta cần nên hiểu.

Câu dưới đây nói rằng: “triệt chiếu thập phương vô lượng vô số, bất khả tư nghì chư Phật thế giới”. Đây là đoạn văn trong bốn mươi tám nguyện.

Hoàng Lão cư sỹ giải thích rằng: “dĩ nhất sát chi lực dụng biến triệt thập phương”. Đây có nghĩa là quang, thế giới Tây Phương Cực Lạc, một sát độ của đức Phật A Di Đà đây, lực độ của sát độ này, sát độ này khởi tác dụng, biến triệt thập phương. Điều này chúng ta hiểu, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, ba động của nó đều biến pháp giới hư không giới, đương nhiên hào quang của đức Phật A Di Đà chiếu đến chỗ chúng ta. Vì sao chúng ta không thấy? Đó là nghiệp chướng của chúng ta, người nghiệp chướng tiêu trừ rồi thì họ thấy được. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở ngay trước mắt, ngay ở trước mặt, đây là sự thật, không hề dối trá.

“*Nhất sát chi tướng bất hoại, thị vi hiệp*”. Quang hiệp tự tại. Nhất sát này có, nó không thay đổi.

“*Lợi dụng vô hạn chi quang dĩ nhất pháp chi hiệp, bất tương phương ngại, các các tự tại, cố danh quang hiệp tự tại vô ngại.*”

Chúng ta đem nó thu nhỏ lại, thu nhỏ lại đến chúng ta ngày nay, học rồi thì phải áp dụng chứ. Quả địa cầu ngày nay phiền lắm, tôi nghĩ hình như là câu chuyện của năm ngoái. Nước Mỹ chiếu bộ phim 2012, chiếu trên toàn cầu, đại khái cũng có một chút tác dụng. Mấy chục năm rồi tôi không xem phim, cũng không xem ti vi, tôi đi chữa răng ở Cao Hùng, học trò xem rồi trở về nói với tôi, có sự việc như vậy, nhất định mời tôi đi xem, tôi đã đi xem. Xem rồi, tôi nói với mọi người: đây là cảnh cáo, cảnh cáo rất nghiêm trọng! Là một thông tin, không thể bỏ qua, có thể cũng khiến cho mọi người trên toàn thế giới chú ý. Năm xưa tôi đã tiếp xúc với rất nhiều tôn giáo, chưa bao giờ nói đến vấn đề thiên tai. Năm ngoái và đầu năm nay, tôi đã phỏng vấn mười tôn giáo ở Âu Châu, hầu như tôn giáo nào cũng đưa ra vấn đề này để thảo luận. Khoảng một tháng trước, đài truyền hình Phụng Hoàng ở đây đến tìm tôi để nói về vấn đề này. Bây giờ vấn đề thảo luận chủ yếu là làm thế nào để đối phó với thiên tai trên địa cầu? Đạo Phật thật sự có cách, chứ chẳng phải không có, nhưng quý vị phải tin tưởng mới được, thật sự tin tưởng, thì sẽ có hiệu quả. Đây chẳng phải là quang hiệp tự tại sao?

Đạo tràng của chúng tôi đây nhỏ, địa cầu rất lớn, đối với chúng tôi mà nói thì địa cầu là quảng, đạo tràng nhỏ của chúng tôi là hiệp. Chúng ta học Phật chẳng thể học không, thấy tình hình trước mắt, chúng ta nên làm thế nào?

Thế giới này mọi người đều hy vọng hòa bình, đều mong hài hòa, nhưng mọi người đều không nghiêm chỉnh thực hành hài hòa. Hài hòa bắt đầu làm từ đâu? Phải làm từ bản thân mới được. Hy vọng mọi người hòa với mình, mình không cần hòa với người, như thế được không? Như thế có thể làm được không? Đây là việc không thể làm được. Đức Phật dạy chúng ta, ngài dạy tất cả hàng đệ tử cần nên tu Lục Hòa Kính, phải làm từ ngay bản thân.

Căn cứ lý luận điều thứ nhất trong Lục Hòa Kính là: “*Kiến Hòa Đồng Giải*”. Điều quan trọng nhất trong Kiến Hòa Đồng Giải là gì? Thực tế mà nói đó chính là ba đoạn trước trong Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ. Vũ trụ từ đâu mà có? Tinh cầu từ đâu mà có? Vạn vật từ đâu mà có? Nó liên quan gì với ta? Hiểu rõ những điều này rồi thì kiến giải của chúng ta sẽ tương đồng, cách nhìn của chúng ta sẽ giống nhau. Kiến Hòa Đồng Giải phải được xây dựng nền tảng từ đây. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy, đầu tiên Ngài giúp chúng ta kiến lập nền tảng cơ bản: Hiện nhất thể. Hiện thị ra, biến pháp giới hư không giới, khắp vũ trụ này cùng ta là một thể, thể tự tánh thanh tịnh viên minh. Ta nói khắp vũ trụ này với ta là một nhà, một nhà vẫn còn có cự ly đây, vẫn còn có những phân tử bất đồng, nên không phải một nhà mà là một thể.

Những năm gần đây, từ năm 1999, hơn mười năm rồi, nhiều tôn giáo khác nhau có sự qua lại, chúng tôi mong rằng tôn giáo đoàn kết, tôn giáo có thể hài hòa tương xử, giúp nhau hóa giải xung đột, thúc đẩy xã hội an định, thế giới hòa bình. Chúng ta xây dựng trên quan niệm gì? Ngoài Phật giáo ra tất cả các tôn giáo khác đều khẳng định có vị thần, vị thần sáng tạo vũ trụ, là chủ tạo vật. Trong Phật giáo thì không có, điều này quý vị nên biết. Đạo Phật nói về cái gì? Nói về thể tự tánh thanh tịnh viên minh, đây chính là chủ tạo vật mà Phật giáo nói. Đó là gì? Là tự tánh. Khi Phật giáo chưa truyền vào Trung quốc, người xưa nói: “bổn tánh bổn thiện”. Tam Tự Kinh nói: “nhân chi sơ tánh bổn thiện”, thiện ở đây có nghĩa là gì? Thiện chính là thanh tịnh viên minh mà Phật giáo nói. Thiện đây không phải đối với ác, mà thiện có nghĩa là rất hay, hay vô cùng, nó có nghĩa là như vậy. Đạo Phật dùng bốn chữ thanh tịnh viên minh để giải thích về thiện. Đây là bản thể của vũ trụ vạn hữu, nó là vĩnh hằng, bất sanh bất diệt. Chúng tôi tiếp xúc với tôn giáo, chúng tôi khẳng định, thần và thượng đế mà họ nói, chính là thể tự tánh thanh tịnh viên minh. Tôi nói: “Chúng tôi thừa nhận, trong vũ trụ có một vị chân thân, là chủ tạo vật, chân thân có trí huệ viên mãn, quý vị chấp nhận chăng?” “Được!” Họ đều khẳng định như vậy. “Chân thân có trí huệ viên mãn, chân thân có thần thông quảng đại. Quý vị có tin chăng?” “Tin!” “Chân thân có thể thiên biến vạn hóa”. Họ đều tin cả! Tôi nói thế thì

tốt, vấn đề được giải quyết rồi, tiền đề của chúng ta giải quyết được rồi. Tất cả những người sáng lập ra tôn giáo, đều là hóa thân của chân thần, cho nên tôn giáo là một nhà. Đầu tiên tôi cứ tưởng là phải trải qua biện luận, rất nhiều người muốn đến tranh luận, rốt cuộc mười mấy năm rồi tiếp xúc với rất nhiều tôn giáo, đều tin tưởng, đều khẳng định, chưa bao giờ có sự tranh luận, đây là việc tốt! Thật sự những người này có trí huệ, họ vừa nghe là hiểu liền.

Vì sao chân thần lại kiến lập ra nhiều tôn giáo như vậy? Bởi ngày xưa phương tiện giao thông không có. Quý vị xem một trăm năm trước, tôi biết ở Đại Lục, người thôn quê suốt đời chưa bước chân vào thành phố, cho đến chết cũng không qua lại với những thôn bên cạnh, không gian hoạt động của họ chỉ có một chút xúi đó thôi, giao thông bất tiện, chẳng có truyền thông. Thần muốn giáo hóa những người này, chỉ còn cách hiện ra nhiều thân, ở trong các quần tộc khác nhau, văn hóa khác nhau, nên thần phải hiện ra môi trường giống như họ, ở đó hướng dẫn họ. Quý vị quan sát kỹ điển tịch của tất cả tôn giáo, tương đối giống nhau, bảy mươi phần trăm là tương đồng, ba mươi phần trăm bất đồng là gì? Là cách sinh hoạt của họ không giống, bối cảnh văn hóa khác nhau, nhưng phương hướng mục tiêu hoàn toàn tương đồng, nhân từ bác ái, tổng mục tiêu tương đồng, Đạo Phật nói đại từ đại bi. Người xưa để đối phó với một số nghi vấn họ đã nói rất hay. Có người hỏi: “Thế nào là Phật giáo?” Tổ sư trả lời: “từ bi vi bản, phương tiện vi môn”, đó là Phật giáo.

Quý vị xem Tân Cựu Ước, Tân Cựu Ước là kinh điển y cứ của ba tôn giáo. Đạo Do Thái y vào Cựu Ước, đạo Cơ Đốc y vào Tân Ước, đạo Thiên Chúa học cả Tân Cựu Ước. Trong cuốn sách đó nói gì? Quan trọng nhất là: thần yêu thương con người, thượng đế yêu thương con người, họ không nói là yêu thương tín đồ, mà yêu thương con người, giống như ý nghĩa đại từ đại bi trong Phật giáo vậy. Trên thế giới vẫn còn một tôn giáo lớn nữa là Hồi giáo, tín đồ hơn mười ức người, bộ kinh quan trọng là kinh CỎ Lan, đầu tiên chắc chắn có câu: “chân chủ thật sự là nhân từ”. Đó chẳng phải giống nhau sao? Phương hướng mục tiêu hoàn toàn như nhau! Chỉ là nhưng tiểu tiết trong cuộc sống không giống nhau thôi. Cho nên tôn giáo có thể đoàn kết, tôn giáo có thể cứu quả địa cầu này. Họ tôn sùng sự cầu nguyện, cầu nguyện có hiệu quả chẳng? Có hiệu quả! Nhưng đó là trị ngọn, chứ chẳng phải trị gốc. Tai họa trước mặt thật sự hóa giải được, tai họa lớn thành tai họa nhỏ, tai họa nhỏ thành không có nữa, thật sự có hiệu quả. Nhưng khi không cầu nguyện thì nó lại xuất hiện, cho nên nó không phải là trị gốc. Trị gốc là sao? Đạo Phật nói trị gốc, trị gốc là giảng kinh thuyết pháp. Ngày nào cũng giảng khiến mọi người khai ngộ, ngày nào cũng học, chúng ta thật sự gạt hái được hạnh phúc mỹ mãn của đời người. Người xưa hiểu được, trước khi Phật giáo truyền vào Trung Quốc, lão tổ tông biết: “kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”. Người xưa chú trọng nhất là giáo dục. Giáo dục bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ thai giáo. Khi người mẹ mang thai, thai nhi còn trong bào thai

vẫn chưa ra đời, nhưng nó đã đang học rồi. Sự việc này được người thời nay phát hiện ra. Bác sỹ tâm lý ở phương tây dùng thủ đoạn thôi miên, khiến cho người ta trở lại lúc còn trong bào thai, hỏi cảm giác đó, họ đều nói ra được. Cho nên mới biết được, khi còn trong bào thai đã có đủ tri giác. Tâm tư, động tác, ngôn ngữ, cử chỉ của người mẹ đều ảnh hưởng đến thai nhi, đều ảnh hưởng đến đứa trẻ. Như thế mới thật sự khẳng định rằng, việc thai giáo của người xưa rất có lý. Đứa trẻ từ khi chào đời, nó mở mắt ra là đã biết nhìn, biết nghe, nó đã bắt đầu học rồi đấy! Cho nên người xưa chú trọng cội rễ giáo dục, đứa trẻ từ khi ra đời cho đến ba tuổi, một ngàn ngày này là cội rễ giáo dục. Trong một ngàn ngày này phải cẩn thận chăm sóc nó. Tất cả những việc bất thiện, không được để nó nghe thấy, không được để nó nhìn thấy, không được để nó tiếp xúc. Cha mẹ phải trông coi kỹ, trước mặt nó, ngôn ngữ cử chỉ của cha mẹ phải hợp lý, phải có quy củ. Vì sao vậy? Vì đứa trẻ học theo mà. Cho nên dân tộc Trung hoa có bề dày lịch sử năm ngàn năm, năm ngàn năm trường trị cửu an, dân tộc này có trí huệ, có đức hạnh. Trên thế giới bốn nền văn minh lớn, ba không còn nữa, duy có Trung quốc còn tồn tại. Đạo lý gì vậy? Giáo dục, hiểu được giáo dục, hoàn toàn tương đồng với tư tưởng giáo dục của đức Phật.

Thật bất hạnh, sau khi Mãn Thanh mất nước, xã hội loạn động, vừa mới thống nhất, người Nhật lại xâm lược Trung Quốc, phát động tám năm chiến tranh, khiến cho nền văn hóa truyền thống Trung Quốc biến mất, hàng ngày chúng ta chạy nạn, bỏ qua mất nền giáo dục truyền thống, cho đến ngày nay vẫn không cách nào phục hồi được. Nền giáo dục ngày xưa là giáo dục Nho Thích Đạo. Nho gia nói lên luân lý đạo đức, Đạo gia nói lên nhân quả, Phật pháp thì viên dung cả Nho và Đạo, và hướng thượng nâng lên một lớp nữa, siêu việt lục đạo, siêu việt thập pháp giới. Nói về văn hóa truyền thống của Trung quốc, không tách rời Phật giáo, ngay cả nước ngoài, như tiến sỹ Thang Ân Tỷ người Anh nói rất rõ: “tâm lượng người Trung Quốc lớn, triều Hán tiếp nhận văn hóa dị tộc, chính là nói đến Phật giáo, là văn hóa Ấn Độ, truyền đến Trung Quốc người Trung quốc tiếp nhận, nghiêm chỉnh học tập. Phật pháp đã khiến cho văn hóa truyền thống của Trung quốc phong phú.” Đây là lời Thang Ân Tỷ nói. Dung hợp thành một thể.

Nền tảng của Nho Thích Đạo tương đồng, đều nói về hiếu thân tôn sư. Người trung quốc rất chú trọng. Nền tảng Phật pháp được kiến lập trên hiếu thân tôn sư. Quý vị xem Tịnh Nghiệp Tam Phước có ghi: “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, đặt ở câu đầu tiên. Cho nên người Trung quốc thích đạo Phật là có lý. Lão tổ tông của chúng ta dạy giống như đạo Phật dạy, hoàn toàn tùy thuận tánh đức, tùy thuận tự tánh. Đây là điều rất hay!

Từ triều Hán, có hai thể hệ giáo dục rất rõ ràng. Giáo dục nhà Nho là do chánh phủ thúc đẩy, tể tướng dẫn đầu, cả nước thúc đẩy nền giáo dục nhà Nho. Giáo dục của Phật giáo là hoàng đế thúc đẩy, hoàng đế chỉ đạo, cho nên đạo tràng của Phật giáo, đều gọi là

Tự. Tự là đế vương chuyên dùng. Quý vị đến tham quan cổ cung ở Bắc Kinh, thì thấy được. Tự là danh xưng trong cơ cấu làm việc của chánh phủ. Vì sao lại dùng Tự? Tự là thiết lập vĩnh cửu không được phế trừ. Dưới tể tướng thì dùng bộ, nhưng nó có tăng có giảm, có thể phế trừ, có thể tăng gia. Tự là vĩnh hằng không được biến động, đây là tôn trọng vậy. Dưới hoàng đế có chín tự. Phật giáo truyền vào, cũng gọi là tự, nên biến thành mười tự. Do đế vương chỉ đạo nên truyền bá nhanh hơn Nho. Quý vị xem mỗi huyện chỉ có một miếu Khổng Tử, nhưng chùa Phật không biết bao nhiêu ngôi. Hoàng thượng dẫn đầu làm mà! Lịch đại đế vương, hầu như đại đa số là quy y cửa Phật, đều lễ bái người xuất gia làm thầy, xưng là quốc sư, như Hiền Thủ quốc sư, Thanh Lương quốc sư, là thầy của hoàng thượng đó! Đây là chú trọng giáo dục vậy!

Chúng ta ngày nay nói hóa giải tai họa, muốn trị gốc, trị gốc thì phải nương vào giáo dục. Tôn giáo nhất định phải giáo dục, làm công việc giáo dục tôn giáo. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế, ngày nào ngài cũng giảng kinh thuyết pháp, không gián đoạn ngày nào. Một ngày không phải tám tiếng đồng hồ, chúng ta hiểu rồi, nhận biết Phật giáo rồi, mới bội phục ngũ thể đầu địa.

Thầy tôi là Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, dạy tôi học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi chấp nhận. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni một đời giảng kinh, bắt đầu từ năm 30 tuổi cho đến năm 79 tuổi ngài viên tịch. 49 năm giảng kinh thuyết pháp.

Năm 26 tuổi tôi bắt đầu học Phật, năm 33 tuổi thì xuất gia, xuất gia rồi là bắt đầu giảng kinh thuyết pháp, dạy Phật học viện. Năm nay 52 tuổi rồi. Phật giáo là giáo dục, chẳng phải mê tín, chẳng phải tôn giáo. Điều này cần nên hiểu, Phật giáo là giáo dục. Cho nên thầy tôi muốn tôi đi con đường này, tôi rất hoan hỷ, một đời dạy học. Khi mới học Phật thầy bảo tôi xem cuốn sách gì? Xem cuốn Thích Ca Phở, Thích Ca Phương Chí. Thầy nói với tôi: “Chú muốn học Phật, đầu tiên chú phải nhận biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nếu chú không nhận biết, chú sẽ đi sai đường”. Sự hướng dẫn này vô cùng quan trọng. Ngài không hề dạy tôi đọc kinh gì, niệm chú gì, ngài dạy tôi xem Thích Ca Phương Chí, Thích Ca Phở. Trong Đại Tạng Kinh có, do người triều Đường viết. Sau khi nhận biết rồi mới hiểu, Ngài là con người, chẳng phải là thần, cũng chẳng phải là tiên. Người Ấn Độ xưng là Phật, người xưa xưng là thánh nhân, cùng một ý nghĩa. Phật là gì? Phật có nghĩa là giác ngộ. Thánh là gì? Thánh có nghĩa là hiểu rõ. Quý vị xem hiểu rõ và giác ngộ cùng một ý nghĩa. Người trung quốc tôn xưng Khổng Tử Mạnh Tử là thánh nhân, ở Ấn độ tôn xưng ngài Thích Ca là Phật. Phật chính là bậc thánh nhân mà người xưa nói, Bồ Tát chính là hiền nhân mà người xưa nói. A La Hán người trung quốc gọi là quân tử. Là danh xưng học vị, điều này quý vị cần hiểu rõ ràng, thì quý vị mới thật sự đạt được lợi ích của Phật pháp, quý vị mới biết trong đây không hề có một chút mê tín nào. Đế vương ngày xưa thông minh, nếu mê tín thì sao họ chấp nhận? Từ nước ngoài truyền

đến, trí huệ chân thật, giao lưu là thấy bội phục ngũ thể đầu địa thôi, như thế nên mới tiếp nhận.

Ngày nay chúng ta là đệ tử Phật, đã biến Phật giáo thành tôn giáo, có xứng đáng với đức Phật Thích Ca Mâu Ni chăng? Địa vị của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là thầy giáo, giống như Khổng Tử, khi còn tại thế, hữu giáo vô loại. Khổng Tử còn nhận chút học phí, đức Phật Thích Ca không nhận học phí, là thầy giáo tình nguyện. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có địa vị gì? Là thầy giáo tình nguyện ở xã hội đa nguyên văn hóa, thật đáng để người ta tôn kính! Ngày nay đưa Ngài vào tôn giáo, đưa Ngài vào mê tín, những người đệ tử đời hậu thế như chúng ta có đáng chết không hả?

Đạo tràng, tự viện, am đường ngày xưa, vào thời đại Càn Long còn phổ biến dạy học, nơi đó là gì? Là trường học đấy. Tôi nghĩ Phật giáo biến thành tôn giáo, biến thành mê tín, vào khoảng sau thời Gia Khánh, chưa đến ba trăm năm, khoảng hơn hai trăm năm thôi. Thật sự biến chất là vào thời Từ Hy, cho nên tội của Từ Hy rất nặng. Từ Hy cũng là một Phật tử thuần thành, cũng lạy người xuất gia làm thầy, nhưng bà ấy mê tín, bà ta không tin Phật, mà tin quý thần, thích xin xăm bói toán, như thế thì chẳng có cách nào nữa. Trước thời Từ Hy, trong cung đình đời Thanh, mời cao nhân của Nho Thích Đạo vào trong cung giảng dạy. Đế vương dẫn theo tần phi, văn võ đại thân, hàng ngày học tập, tiếp nhận giáo dục. Sau khi Từ Hy nắm được chánh quyền, điều lệ này đã bị trừ bỏ, đổi thành gì? Đổi thành xin xăm. Người dân trên làm dưới bắt chước, hoàng thượng thái hậu, lão Phật gia đều thích thứ này, cho nên nhân gian đều học theo xin xăm, không giảng kinh nữa, biến thành việc cầu an cầu siêu mất rồi. Cho nên từ Từ Hy đến nay mới hai trăm năm thôi, Phật giáo chìm đắm như thế đấy. Khiến chúng ta đau lòng quá! Điều này chẳng thể không biết. Chúng ta phải làm sao đây? Nhất định chúng ta phải học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở đâu? Ở trong kinh điển. Quý vị xem hàng ngày chúng ta học kinh giáo học rất vui, cuộc sống của chúng ta vô cùng mỹ mãn.

Năm xưa Phương Đông Mỹ tiên sinh nói với tôi: “học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người”. Tôi cảm ơn thầy giáo. Thật vậy, đời này tôi hưởng thụ đến chỗ tối cao, là do thầy đã dạy tôi. Nếu thầy không dạy, thì chắc là tôi không có duyên với Phật rồi, tôi không thể tiếp xúc với Phật giáo. Tôi giống như đại chúng trong xã hội ngày nay vậy, đối với Phật giáo có thiên kiến, cho rằng là mê tín, cho rằng là tôn giáo, mà là một tôn giáo rất thấp trong tôn giáo. Vì sao vậy? vì đa thần giáo, cái gì cũng lạy. Tôn giáo cao cấp chỉ có một chân thần, tôn giáo thấp thì ai cũng lạy. Điều này sai lầm rất lớn! Nếu không có Thầy Phương sửa đổi, thì miên viễn tôi không thay đổi. Cho nên tôi gặp được ba thầy giáo tốt. Thứ nhất là thầy Phương Đông Mỹ, thứ hai là Chương Gia đại sư. Sau khi Chương Gia đại sư vãng sanh, tôi theo thầy Lý. Theo thầy Phương là lớp vỡ lòng, ba

năm theo Chương Gia đại sư là xây dựng nền móng, sau này theo thầy Lý mười năm, giảng kinh thuyết pháp là do Thầy Lý dạy. Con đường này chính xác!

Xã hội ngày nay, tôi thấy có sáu dạng Phật giáo, đó là hình thức của Phật giáo. Thứ nhất là giáo của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chúng ta kế thừa, đó là giáo dục, giáo dục của đức Phật.

Thứ hai là tôn giáo Phật giáo, rất nhiều, rất phổ biến.

Thứ ba là học thuật Phật giáo. Tôi cũng đã từng làm qua, mang kinh Phật dạy trong trường đại học, gọi là triết học kinh Phật, tôi còn nhớ tôi đã dạy năm năm. Học thuật Phật giáo đấy!

Ngày nay còn có du lịch Phật giáo, tôi thấy được ở Đại Lục, du lịch thăm quan Phật giáo.

Xí nghiệp Phật giáo, mở ra rất nhiều tự viện dây chuyền, dùng phương thức xí nghiệp để quản lý, nghe nói còn mang ra chợ nữa.

Cuối cùng là tà giáo Phật giáo. Tổng cộng là sáu loại.

Quý vị học Phật, học loại nào vậy? Cần nên hiểu rõ ràng minh bạch, bằng không quý vị sẽ mê tín đấy! Nói đến đây, đạo tràng nhỏ của chúng tôi, đạo tràng nhỏ có quy củ, là đạo tràng làm công việc dạy học. *Hiệp* đây là một đạo tràng dạy học. trên địa cầu này Phật giáo rất nhiều, người tin Phật trên toàn thế giới có đến sáu, bảy ức, có nhiều người tin Phật như thế, nhưng ngày nay người thật sự đi vào con đường giáo dục Phật giáo thì không có. Chúng ta phải dẫn đầu, chúng ta cần có một chỗ dẫn đầu, làm được có thành tích rồi, khiến cho những đạo tràng khác đến đây xem và học tập theo, từ từ thúc đẩy, làm cho nền giáo dục của đức Phật phục hưng trở lại, như thế là đúng. Thầy Phương Đông Mỹ năm xưa đã nhiều lần nói với tôi, muốn phục hưng Phật giáo Trung Quốc, nhất định phải phục hồi là chế độ tông lâm. Chế độ tông lâm được kiến lập vào đời Tùy Đường. Đó là gì? Đó là đại học chính quy, khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế là tư nhân dạy học, như Không Tử vậy, chưa có cách dạy chánh thức này, truyền đến Trung quốc đây là cách mạng Phật giáo, khiến Phật giáo chánh quy. Quý vị xem trong tông lâm, nghĩa là ngôi chùa lớn, phân phối chức vụ, chủ tịch, nghĩa là trụ trì, phương trượng là hiệu trưởng, hòa thượng thủ tọa là giáo vụ trưởng, lo việc giáo vụ, duy na lo việc huấn đạo, giám viện là quản tổng vụ. Hoàn toàn giống như trường học ngày nay vậy, chỉ là danh xưng bất đồng, nhất định chúng ta phải hiểu rõ, nhất định phải đưa Phật giáo trở về với dạy học, thì chúng ta sẽ không uổng công. Hy vọng quý vị học tập nghiêm chỉnh, học được Phật pháp rồi, thứ nhất thân tâm khỏe mạnh, già mà không suy, chẳng phải là tốt sao? Trên quốc tế hình tượng này khiến cho người ta ngưỡng mộ, tuổi tác rất lớn nhưng

xem ra chưa già, chuyện này bản thân mình có thể làm chủ được, quý vị không bị bệnh, sau đó có thể giúp cho việc hóa giải tai họa. Ngày nay tôn giáo đoàn kết, tôn giáo hỗ trợ học tập, cho nên chúng tôi có ý mở trường, nhân duyên này chắc là thành thực ở Úc Châu, muốn mở trường đại học ở Úc Châu. Ở thôn Di Đà mở bệnh viện. Ngày nay chúng tôi đang quy hoạch, những việc này làm được rồi, đây là bộ mặt mới của Phật giáo trên xã hội này, chứ chẳng phải là mê tín! Chúng ta dẫn đầu, từ nhỏ từ từ lớn ra. Đây cũng là *quảng hiệp tự tại vô ngại* vậy. Chúng ta học rồi thì phải biết dùng chứ, ánh sáng của đạo tràng chúng ta tỏa ra bốn phía, sẽ ảnh hưởng đến rất nhiều người.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 52

Tập 53

Chuyên ngữ: Tử Hà

Biên Tập: Bình Minh

Giảng ngày 10 tháng 06 năm 2010

Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi bốn, hàng thứ năm, bắt đầu xem từ chữ tam.

Tam, nhất đa tương dung bất đồng môn. Đại Số vân, nhược nhất thất chi thiên đặng, quang quang tương thiệp, cái nhất trung hữu đa, đa trung hữu nhất, thị vi tương dung, nhi nhất đa chi tướng bất thất, thị vi bất đồng.

Thập Huyền đúng là tướng chân thật của các pháp, chỉ có đức Như Lai ở quả địa mới thấy được rõ ràng. Ngày xưa đức Thế Tôn giảng kinh suốt bốn mươi chín năm, duy nhất trên hội Hoa Nghiêm, tuyên thuyết với đại chúng, dùng ngôn từ ngày nay nói cho thân thiết một chút, là chia sẻ với mọi người. Sau này ở hội A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa, Niết Bàn, ngài đều không nói đến nữa, đều không nói như vậy nữa.

Pháp Hoa là thuận viên, Hoa Nghiêm là toàn viên, đương nhiên đều khế nhập cảnh giới này. Thật hiếm có, khoa học ngày nay, khoa học lượng tử lực học tối tân, đã chứng minh cho chúng ta thấy. Chứng minh điều gì? Chứng minh Thập Huyền Môn là có thật, chẳng phải giả. Mỗi một môn đều là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Nhưng môn môn tương nhập, mỗi một môn đều hàm chứa chín môn còn lại, bất luận môn nào. Cho nên nói, một môn nhập rồi thì môn môn đều nhập. Xem trong mười môn này, môn nào khế hợp với căn cơ của mình, thì mình đi vào từ môn đó, giống như một chánh điện lớn, có mở mười cửa vậy.

Nhập cảnh giới Hoa Nghiêm chính là nhất chân pháp giới, chính là minh tâm kiến tánh, trong tịnh độ tông là lý nhất tâm bất loạn, là nhập được cảnh giới này.

Nhập có đốn nhập và tiệm nhập, dĩ nhiên đốn là hay, nhất ngộ nhất thiết ngộ. Ngày xưa đức Thế Tôn thị hiện cho chúng ta thấy là đốn ngộ. Vì sao có thể đốn ngộ? Bởi Ngài đốn xả, chỉ trong một niệm là buông bỏ hết vọng tưởng phân biệt chấp trước, sạch sẽ. Nếu quý vị hỏi phàm phu thành Phật, cần mất bao nhiêu thời gian? Nói thiệt với quý vị rằng, chỉ một niệm! Một niệm *giác* phàm phu thành Phật. *Giác* ở đây chúng ta có thể dùng đề kinh của bộ kinh này giải thích. Đề kinh của bộ kinh này nói về tu hành, nói về

tu nhân, có năm chữ: “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”. Năm chữ này nghĩa là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tâm Thanh Tịnh thành Chánh Giác là A La Hán, Tâm Bình Đẳng thành Chánh Đẳng Chánh Giác là Bồ Tát, Phật thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chính là chữ *Giác* này. Chỉ trong một niệm! Chúng ta biết được phương pháp này, hiểu được đạo lý, tin chắc không nghi ngờ. Vấn đề ở chỗ nào? Vấn đề ở chỗ không buông bỏ được! Không buông bỏ được chính là bất Giác, không Bình Đẳng, không Thanh Tịnh. Với tình trạng như vậy, trong một đời muốn thành tựu, ngoài pháp môn niệm Phật ra, chẳng còn con đường thứ hai nào khác. Đây là sự thật, không dối gạt đâu! Đây là con đường tắt trong tiệm tu, một đời chắc chắn thành tựu. Thành tựu sớm hay muộn, về thế giới cực Lạc có quả vị cao hay thấp, vẫn ở chỗ buông bỏ. Thế mới biết được việc buông bỏ quan trọng mức nào. Vì sao đức Phật lại nhấn mạnh việc buông bỏ như vậy? Bởi trên thế gian này tất cả đều là giả! Bây giờ quý vị muốn quay về chân tánh, trong chân không có giả, cho nên những thứ giả không mang đi được. Nhất định phải hiểu đạo lý này! Cống cao ngã mạn là giả, ý niệm đố kỵ cũng là giả, tham sân si cũng là giả, chẳng có gì là chân, vì sao không buông bỏ đi? Buông bỏ thì niệm Phật có phần nắm chắc, buông bỏ phẩm vị rất cao. Tam bói cửu phẩm vãng sanh. Thiện Đạo đại sư nói rất hay: “tổng tại ngộ duyên bất đồng”, ngoài ra không có nguyên nhân gì đặc biệt cả. Bạc địa phàm phu nếu ngộ duyên thù thắng, thì có thể trong một đời này, sẽ sanh về Thật Báo độ thượng phẩm thượng sanh, không khác gì Đức Phật Thích Ca và Lục Tổ Huệ Năng. Sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, thượng thượng phẩm vãng sanh. Không buông bỏ được là vì sao? Vì không thật sự hiểu! Làm sao đây? Đọc nhiều kinh, nghe nhiều kinh. Nếu thật sự học được chiều tu hành này của bậc cổ nhân, “nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”, thì quý vị sẽ thành tựu. Cho nên người chân thật niệm Phật, không phải làm giả đâu nhé. Cái cần buông bỏ phải buông bỏ hết, cái không nên buông bỏ phải giữ cho kiên cố. Pháp môn này dạy chúng ta chấp trì danh hiệu. Chấp là chấp trước, trì là bảo trì, cũng có nghĩa là chấp trì một thứ: “lục tự hồng danh”, thì chắc chắn quý vị đắc sanh tịnh độ. Trong tâm có Phật, tâm ức niệm, khẩu xưng danh, thân lễ kính, tâm cung kính không được gián đoạn. Chúng ta không đối diện với tượng Phật, vậy tâm cung kính còn hay mất? Vẫn còn! Làm sao có thể sanh khởi? Quý vị không biết, nếu quý vị thật sự biết tất cả chúng sanh vốn là Phật. Họ là vị Phật nào vậy? Chúng ta niệm Phật A Di Đà, thì họ chính là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà ở ngay trước mặt quý vị, Phật A Di Đà ở ngay cạnh quý vị, ở xung quanh quý vị. Tất cả chúng sanh không có ai chẳng phải là Phật A Di Đà. “Một là tất cả, tất cả là một”. Đây là chân tướng sự thật! Nếu quý vị hỏi là đạo lý gì vậy? Trong kinh Đức Phật đã dạy rất rõ ràng: “tất cả pháp từ tâm tướng sanh”, Phật A Di Đà cũng là một pháp, Ngài cũng từ tâm tướng sanh. Nếu thật sự hiểu được, tất cả chúng sanh, tất cả người, tất cả động vật, tất cả thực vật, hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, tất cả đều là báo thân của đức Phật A Di Đà, quý vị khẳng định, nhận biết thì sẽ chứng được báo thân, báo thân của đức

Phật Di Đà. Một nguyện lễ kính chư Phật của Bồ Tát Phổ Hiền là quý vị viên mãn. Nếu quý vị còn phân biệt, đây là Phật A Di Đà, còn đó không phải, thì nguyện này của quý vị không được viên mãn. Một là tất cả, tất cả là một là đại viên mãn.

Tôi không tu tịnh độ, tôi tu pháp môn khác, có thể được vãng sanh chăng? Được! Pháp môn tịnh độ rất lớn. Trong “tam bối vãng sanh” đoạn cuối cùng nói về người tu đại thừa. Câu này rất quan trọng, người tu theo tiểu thừa không thể vãng sanh, không phù hợp với điều kiện của thế giới Tây Phương Cực Lạc, ở đó là đại thừa, chứ chẳng phải tiểu thừa, người học tiểu thừa không thể vãng sanh.

Thế nào là tiểu thừa? Chỉ cầu tự lợi, không nghĩ đến việc lợi tha, đó là tiểu thừa! Đại thừa là tâm đại thừa, nghĩ đến mình đồng thời cũng nghĩ đến tất cả chúng sanh, đó là đại thừa. Tôi muốn thành tựu mình, đồng thời cũng muốn thành tựu tất cả chúng sanh. Nhất đa không trở ngại, hà tất phải đổ ky? Đối với người mà quý vị đổ ky đó phương hại không lớn, họ niệm Phật vẫn có thể được vãng sanh, nhưng bản thân quý vị thì không được vãng sanh, sự tổn hại này quá lớn! Nếu quý vị là người hiểu biết, sửa đổ ky thành tán thán, tùy hỷ công đức, thì quý vị là người rất giỏi! Bản thân quý vị tu tập, người khác tu tập, đều có một phần công đức trong sự tu trì của quý vị. Vì sao vậy? Vì tùy hỷ công đức.

Chúng ta học đoạn này, môn này gọi là “nhất đa tương dung bất đồng môn”. Đại Số là kinh Hoa Nghiêm, là Số Sao của Thanh Lương đại sư, ngài dùng một ví dụ, ví như một căn phòng, căn phòng này có một ngàn ngọn đèn. Căn phòng này tương đối lớn, giống như cung điện vậy.

Lần này tôi đi tham vấn La Mã, ngày xưa cũng đã từng đến tham vấn qua, nhưng không có ấn tượng gì mấy, lần này đi ấn tượng rất sâu sắc. Đặc biệt đến xem thần điện của La Mã cổ, một căn phòng ngàn ngọn đèn, chẳng phải giả, là có thật đấy.

“Quang quang tương thiệp”. Ánh sáng của mỗi ngọn đèn đều chiếu khắp đại điện. Trong một ngọn đèn có ánh sáng của nhiều ngọn đèn.

Đây là tương dung, “nhất trung hữu đa”, “đa trung hữu nhất”. Nhưng mỗi ngọn đèn vẫn là mỗi ngọn đèn, đèn không hề hỗn hợp.

“Nhất đa chi tướng bất thất”, là bất đồng, trong đồng có bất đồng, trong bất đồng có đồng. Đồng và bất đồng là một chẳng phải hai, nếu như quý vị lãnh hội được chân tướng này.

Chúng ta xem qua phần giải thích một chút.

“*Hoa Nghiêm Lô Giá Na Phật phẩm vân, dĩ nhất quốc độ mãn thập phương, thập phương nhập nhất diệc vô dư, thế giới bốn tướng diệc vô hoại, vô tử công đức cố năng nhĩ.*”

“Nhất Phật quốc”. Kinh Hoa Nghiêm muốn ám chỉ thế giới Hoa Tạng của đức Phật Tỳ Lô Giá Na. Chỗ chúng ta ngày nay đang ở đây, là thế giới Ta Bà của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ở phương tây của thế giới Ta Bà có một thế giới, là thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà. Trong thế giới Hoa Tạng có Ta Bà chăng? Có! Có Cực Lạc chăng? Có! Vì sao vậy? Bởi là nhất đa tương dung bất đồng môn, thì sao không có!

Trong sát độ của mười phương tất cả chư Phật, một Phật sát cũng giống như một ngọn đèn vậy. Vũ trụ này được ví như một căn phòng, không chỉ ngàn ngọn đèn, mà vô lượng vô biên, vô số vô tận sát độ của chư Phật, đều ở thế giới Hoa Tạng. Chúng ta đã ở thế giới Hoa Tạng từ lâu rồi. Đúng vậy, bản thân mình ngu mê bất giác. Vì ở trong sát độ của chư Phật chẳng có không gian, không có không gian thì không có cự ly. Ở đâu vậy? Chính ngay đây! Không có thời gian thì chẳng có trước sau. Ngày nay chúng tôi nói những lời này, những người thường cùng nhau học tập kinh Hoa Nghiêm thì không sao, thì quý vị sẽ có một khái niệm rất rõ ràng, một là tất cả, tất cả là một, một và tất cả không hai. Đây là sự thật chẳng phải giả đâu! Khẳng định vũ trụ và mình là một thể, từ bi trong tự tánh tự nhiên lưu xuất ra, nếu quý vị không có sự nhận biết này, thì tâm từ bi chẳng thể sanh khởi. Nếu quý vị nhận biết cha mẹ là người thân của mình, con cái là người thân, đối với họ có thể sanh khởi tâm từ bi. Nếu quý vị thật sự hiểu được kinh Hoa Nghiêm, thì ngày nay chúng ta sống trên quả địa cầu này, một bông hoa một cọng cỏ, cây cối hoa cỏ trên địa cầu này, cùng với mình là một thể, còn thân hơn cha mẹ con cái nữa. Chẳng những cùng hoa cỏ cây cối, mà cùng sơn hà đại địa, cùng với hiện tượng tự nhiên đều là một thể. “Ái tâm biến pháp giới, thiện ý mãn nhân gian”. Đó là gì? Đó là từ tự tánh lưu xuất ra. “pháp nhĩ như thị”, nó vốn là như vậy mà, hiểu rõ thì nó lưu xuất ra. Phật là gì? Phật là một người hiểu rõ. Quý vị hiểu rõ thì quý vị thành Phật. Ngày nay chúng ta hiểu, nhưng tập khí phiền não vẫn còn, vẫn chưa buông bỏ được, Thiên Thai đại sư nói là là Phật. Thiên Thai đại sư nói Phật có sáu loại. Quý vị thuộc loại nào?

“ Quán hành tức Phật”. Bây giờ quý vị đang đi trên con đường thành Phật, tuy chưa đến đích, nhưng quý vị đi trên con đường chánh đạo, con đường thành Phật. Vậy còn một bước chưa đi tới? Một bước chưa đi tới là *danh tự tức Phật*. Tất cả đều nói về quá trình học tập. Đứng về lý mà nói, thì quý vị vốn là Phật, không sai chút nào. Kinh Hoa Nghiêm dạy rằng: “*tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí*”. chính là nghĩa này, đây là điều những bộ kinh khác không có. *Tình* là hữu tình chúng sanh, chúng ta thường nói là động vật, *tình dữ vô tình*, vô tình là thực vật, khoáng vật, hiện tượng tự nhiên. *Đồng viên chủng trí*, đây là thật tướng của các pháp. Nếu như chúng ta không học Hoa Nghiêm một thời gian dài

như thế, thì những lời này chúng ta nghe không hiểu, nghe rồi sẽ phiền não, sẽ có ý kiến. Hơn bốn ngàn tiếng học tập đây, cho nên bây giờ chúng ta nghe hiểu được, nghe rất hoan hỷ. Tuy biết mình chưa làm được, nhưng cũng sanh tâm hoan hỷ. Trước mắt điều quan trọng nhất, làm thế nào để ta nhập được cảnh giới này?

Đức Phật dạy chúng ta: “*nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu*”. Trường là bao lâu? Nếu quý vị thật tu, thật sự nghe lời, bình thường mà nói ba năm là đủ, có thể nhập được cảnh giới này. Nếu như còn một chút giải đãi, còn một chút tập khí, thì năm năm, mười năm, hai mươi năm, ba mươi năm, chẳng có ai không thành tựu! Học Phật cần nên nắm chắc không buông, biết được trong mỗi thế giới, đều có thế giới Ta Bà của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đều có quả địa cầu này. Đến bất kỳ quả địa cầu nào cũng có thể tìm thấy chúng ta. Thân của chúng ta không biết có bao nhiêu. Thật sự giống như kính vạn hoa, xuất sanh vô tận vậy. Nghe không hiểu, nghe không hiểu chẳng nên hỏi, Đức Phật không nói dối, quý vị tin được, đó là thiện căn. Quý vị không muốn nghiên cứu nó, tôi tin, tôi chẳng cần phải nghiên cứu, không cần nói đạo lý gì hết. Thế thì quý vị có trí huệ đây! Trí huệ gì vậy? đây gọi là căn bản trí. “bát nhã vô tri, vô sở bất tri”. Phương pháp tu học như vậy, chắc chắn phiền não ít, trí huệ nhiều. phiền não càng ngày càng ít, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ngày càng ít. Tâm càng ngày càng thanh tịnh, càng ngày càng bình đẳng. Tâm thanh tịnh bình đẳng sanh trí huệ, thì người đó sao không có trí huệ được! Nếu quý vị muốn tìm nguyên nhân vì sao có hiện tượng này? Sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại nói như vậy? điều này rất đáng sợ! Đáng sợ điều gì? Đáng sợ là đời này quý vị không thể thành tựu được, đời sau tiếp tục phải làm tiếp. Chúng ta có lý do để tin tưởng, quý vị cùng nhau học tập nơi đây, ngày nay có ti vi, có Internet, hoan hỷ đến học tập, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, đã tu thành thiện căn phước báo nhân duyên. Nhưng vì sao hiện tại đây tu tập nhiều như thế mà chưa được vãng sanh, chưa được thành tựu?

Có hai nguyên nhân, thứ nhất không buông bỏ được tình chấp, thứ hai là sở tri chướng, không buông bỏ được nghiên cứu, luôn luôn đánh dấu hỏi cho đến cùng, cho rằng mình biết rồi. Không sai! Quý vị biết đó là thường thức, người thời nay gọi là Phật học, vì quý vị không học Phật, cho nên chẳng có phần ở tây phương tịnh độ, học Phật thì có phần. Chúng ta cần chân thật học Phật, chẳng nên tiểu hiểu về Phật học. Đối với tất cả pháp mà đức Thế Tôn nói, từng câu từng chữ đều từ tự tánh lưu xuất ra, ta thâm tín bất nghi. Người này có phước, người này có định, định là phước. Định lâu rồi, những tập khí phiền não, không cần buông bỏ thì tự nhiên nó cũng biến mất, quý vị ở trong định tự nhiên những thứ này không còn, cửa giác ngộ mở ra. Kiếp đây, trong thế gian này không mở được cửa giác ngộ, khi vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chắc chắn cửa giác ngộ sẽ mở ra, đại triệt đại ngộ. Đây đều là chân tướng sự thật. cho nên tướng của mỗi người đều độc lập riêng, chẳng hề hỗn hợp một chỗ, giống như trong chánh điện có ngàn ngọn đèn, ánh sáng của mỗi ngọn đèn, đều chiếu khắp cả chánh điện, đây gọi là tương dung. Mỗi ngọn

đèn đều độc lập riêng, quý vị tắt đèn đi, ánh sáng của nó không còn nữa, ánh sáng của nó không tương dung với ánh sáng của những ngọn đèn khác, tắt ngọn đèn trở lên thì nó lại tương dung. Đa không trở ngại sự tồn tại của nhất, nhất không trở ngại sự tồn tại của đa. Vì sao vậy? vì nhất hay đa đều là giả, đều không có thật. Nếu là thật chắc chắn có sự trở ngại! Nó không có thật! Làm sao biết được nó không có thật? Quý vị đã học qua Hoàn Nguyên Quán thì chẳng phải rõ ràng rồi sao? Trong Hoàn Nguyên Quán nói cho chúng ta biết, nói rất rõ ràng. Từ nhất thể, danh từ trong kinh là “hiển nhất thể”, “khởi nhị dụng”, thể là chân, vĩnh hằng bất biến, thanh tịnh bình đẳng. Đại sư Huệ Năng thật sự khai ngộ, chẳng phải là khai giả, Ngài thấy tánh, tánh là thể nào? Ngài nói rất hay, nói cho chúng ta biết chân tánh là thanh tịnh, chân tánh là vĩnh hằng bất biến, chân tánh là viên mãn đầy đủ. Khi nó không hiển hiện, khi nó không hiện tướng, nhưng tự tánh có đầy đủ tất cả pháp. Tự tánh vốn là định, vốn không dao động, chính là tự tánh bản định, câu cuối cùng là năng sanh vạn pháp. Không có gì hết, nhưng có thể hiện Thật Báo Trang Nghiêm độ của chư Phật Như Lai. Đây là khái niệm vô cùng quan trọng đối với người học Phật chúng ta, đề cập đến Thật Báo Trang Nghiêm độ của chư Phật, bản thân mình phải biết, chúng ta và nó là một thể, chúng ta có phần. Trong pháp đại thừa mỗi câu mỗi chữ đều nói về chính mình, nói về người là nói về mình, nói về mình thì người khác cũng có phần. Nhất đa bất nhị, nhất đa tương dung. đa không trở ngại sự tồn tại của nhất, nhất cũng không trở ngại sự tương dung của đa. Pháp giới lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Đây là chân tướng sự thật, khế nhập vào chân tướng sự thật này, quý vị thử nghĩ xem, thật hiếm có, quý vị ở nơi đây cùng nhau tu Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính là tánh đức, ai ai cũng có, mê thì không hòa, giác ngộ rồi tự nhiên sẽ hòa. Người giác ngộ không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì sao chẳng hòa? Cùng với chư Phật Như Lai và pháp thân Bồ Tát không hai không khác. Ở trong cung điện biến pháp giới hư không giới, đức Phật phóng hào quang, mọi người phóng hào quang, bản thân mình cũng phóng hào quang. Quý vị không phóng hào quang thì làm sao quý vị tồn tại được. Hào quang này nhà khoa học gọi là ba động. Vì sao gọi là ba động, bởi nó thật sự có hào quang. Vì sao? Vì thể của nó là Thường Tịch Quang, thì sao không có hào quang được! Hào quang từ đâu mà có? Từ Thường Tịch Quang! Trong tự tánh vốn có đầy đủ, cho nên các nhà lượng tử học gọi ba động cực kỳ vi tế đó là quang tử, nó có hình tướng, mắt thường nhìn thấy được. Nhìn thấy được đó là gì? Nhìn thấy được đó là vật chất! Nhưng quý vị cần nên biết, ba động cực kỳ vi tế đó, năng lượng trong tiểu quang tử này, là viên mãn, đều hàm chứa trong quang tử cực kỳ vi tế đó, thật không thể nghĩ bàn!

Chúng ta thật sự thực hành được Lục Hòa Kính rồi, kỳ thật ở trong đạo tràng của chúng ta so ra dễ tu tập hơn, bởi mọi người đều nhận biết rõ ràng, đồng một thể tự tánh thanh tịnh viên minh. Điều thứ nhất trong Thập Huyền Môn nói: đồng thời cụ túc tương ưng môn. Vì nó là một sanh mạng thể cộng đồng, cho nên đồng thời cụ túc tương ưng

môn, môn này là tông tướng. Kế đến là quảng hiệp tự tại vô ngại môn, nhất đa tương dung bất đồng môn. Đây là biệt tướng.

“*Nhất Phật sát mãn thập phương*”. Ở đây nói về ba động, trong Hoàn Nguyên Quán cho chúng ta biết, nói về khởi nhị dụng, từ một thể khởi nhị dụng. Trong nhị dụng, chánh báo là mình, y báo là hoàn cảnh, đây gọi là nhị dụng. Bất luận là chánh báo hay y báo, đều đang chấn động, không chấn động thì chẳng còn hiện tượng, là quay về Thường Tịch Quang, chấn động này chưa bao giờ ngừng nghỉ. Hiện tượng động đầu tiên của nó là châu biến pháp giới. Các nhà khoa học hiện nay vẫn chưa thể tìm thấy được, vì tốc độ của ba động này quá nhanh. Nên nhớ là châu biến pháp giới, vừa động là châu biến pháp giới. Tâm của chúng ta phải tốt, một niệm bất thiện cũng châu biến pháp giới, đừng tưởng rằng người khác không biết, người biết được nhiều vô số, chẳng có ai là không biết, cho nên không thể có ý niệm bất thiện, không thể có ngôn từ bất thiện, mình phải nghiêm chỉnh tu tập. Nhìn thấy người khác bất thiện, đừng để trong lòng, không nên phê bình, không nên để trên miệng. Vì sao vậy? Bởi duy trì tâm thanh tịnh của mình, nếu để trong lòng thì tâm quý vị sẽ không thanh tịnh, sẽ biến thành thùng rác chứa những điều bất thiện, quý vị có muốn như vậy không? Dem tâm thanh tịnh của mình làm thùng rác của người khác, suốt ngày làm phiền người khác, tìm lỗi người khác, vừa động niệm, vừa mở miệng là bỏ vào đó hết, chứa đựng quá nhiều, chứa đựng quá đầy rồi, cho nên bây giờ muốn phục hồi thanh tịnh, khó lắm! Kỳ thật tất cả đều là hư vọng. Thời gian tồn tại của một hạt quang tử rất ngắn, mỗi hạt đều chẳng tương can, đều độc lập riêng. Chỉ cần quý vị chịu buông bỏ thì nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, tiêu nghiệp chướng thật khó, sám hối chẳng dễ dàng, là vì quý vị không hiểu rõ chân tướng sự thật. Hiểu rõ chân tướng sự thật, phục hồi thanh tịnh bình đẳng giác của chính mình. Thanh tịnh bình đẳng giác vốn có đầy đủ trong tự tánh. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”, Như Lai chính là tự tánh, trí huệ chính là Thường Tịch Quang. Trong lượng tử lực học gọi là lượng tử, lượng tử có tiểu quang tử, quang đó là ánh sáng của tự tánh. Đức ở đây ngày nay nói là năng lực, là tài nghệ, năng lực là đức. Tướng hảo, nói đến tướng hảo, đầu tiên sẽ nghĩ đến chính mình, tướng mạo trang nghiêm đẹp đẽ, thân thể khỏe mạnh trường thọ, mỗi mỗi đều là vô lượng thọ. Hiện nay quý vị mê, bản thân quý vị không biết, chư Phật Bồ Tát giác ngộ, chư Phật Bồ Tát nhìn thấy quý vị là vô lượng thọ, mỗi hạt tiểu quang tử đều là vô lượng thọ. Quang tử đốt cháy rồi, khi ý niệm này vừa hiện tiền thì lập tức bị tiêu diệt, sau khi tiêu diệt rồi nó sẽ đi đâu? Nó lại trở về Thường Tịch Quang, từ Thường Tịch Quang sanh khởi, lại trở về Thường Tịch Quang. Các nhà khoa học ngày nay đang nghiên cứu, đang thảo luận, họ nói vũ trụ này, chín phần mười vũ trụ không thấy nữa, khoa học tìm không ra, các nhà khoa học tìm được, đại khái khoảng 10%, còn 90% hình như phòng lên, phòng lên đến cuối cùng không còn nữa. Sao cuối cùng không còn? Bởi nó trở về Thường Tịch Quang. Đức Phật

nói rất rõ ràng, họ còn đang hoài nghi. Thập Huyền Môn để cho họ giảng, giảng được thôi, chứ giảng không thấu triệt. Vì sao vậy? Bởi đó chẳng phải là cảnh giới của họ. Hiện tại vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của họ hoàn toàn chưa buông bỏ được, chưa buông bỏ mà chứng được, nếu là khoa học chứng được, vậy chúng ta có thể không cần học Phật học, mà học với các nhà khoa học là được rồi. Họ nói rất hay, nhưng họ không chứng được, họ không được lợi ích. Nếu thật sự chứng được, thì được lợi ích lớn, học mà không dùng được, thông thường người ta gọi là huyền học, quý vị không dùng được. Phật pháp là khoa học, khoa học và huyền học khác biệt nhau ở chỗ này, huyền học là học rồi mà không dùng được, nhưng Phật pháp học rồi thì dùng được, dùng trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của quý vị. Dùng được là thế nào? Trong kinh đức Phật dạy: lìa khổ được vui. Tam khổ, Bát khổ đều đoạn hết, không còn khổ thì quý vị được đại tự tại, đại tự tại chính là lạc, bản thân mình làm chủ được.

Tứ đức trong tự tánh là Thường Lạc Ngã Tịnh. Ngã có nghĩa là tự tại, là vĩnh hằng, cho nên thân này không phải là ta, thân có sanh diệt, nó là hình tướng huyền hóa của vọng tâm, nó không thật có. Khi mê, thân này chết rồi, thân này diệt rồi, linh hồn thì bất diệt. Thân diệt rồi nó đi về đâu? Hiện tượng vật chất này đi về đâu? Hiện tượng vật chất vốn không có, thì nó đi về đâu chứ? Trong kinh Lăng Nghiêm nói rất hay: “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”, sanh diệt đồng thời đồng xứ, đồng thời đồng xứ. Cho nên trong kinh nói đồng thời tương ưng chính là nghĩa này.

“Thập phương nhập nhất”, nhập vào một sát độ, một sát độ nhập thập phương, bốn tướng bất hoại. Vì sao bốn tướng bất hoại? trong đây có công đức không gì sánh bằng, công đức này là tự tánh, chỉ cho tánh đức.

Dưới đây chúng ta thấy, Hoàng Lão cư sỹ đưa ra đoạn kinh nói về Thập Huyền trong bốn kinh: *Bốn kinh trung Di Đà bảo hương phổ huân nguyện văn vân*. Đây là nguyện thứ bốn mươi ba trong bốn mươi tám nguyện. *Quốc độ sở hữu nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng bảo hương hợp thành, kỳ hương phổ huân thập phương thế giới*. Đây là nguyện thứ bốn mươi ba của đức Phật A Di Đà, nói lên hiện tượng vật chất của thế giới Tây Phương Cực Lạc. *Bi quốc vạn vật trung nhiệm hà nhất vật giai vi vô lượng bảo hương sở thành, dĩ vô lượng hương nhập u nhất vật, biểu nhất thiết pháp nhập u nhất pháp, biểu nhất đa tương dun. Nhất pháp dã bất hoại*.

Thực tế mà nói những sự việc này ở ngay trước mắt, chúng ta dùng tâm tư duy và quan sát, cũng không rời vọng tâm. Khởi tâm động niệm chính là vọng tâm, vọng tưởng, vẫn dùng phân biệt, chấp trước. Nói cách khác chúng sanh trong lục đạo, đều do thức A lại da biến ra, không hiểu rõ chân tướng sự thật, tưởng a lại da là chân tâm. Sai lầm lớn nhất là ở chỗ này, chỗ này sai lầm thì tất cả đều sai lầm. Nhất giác nhất thiết giác, nhất mê nhất thiết mê. Chúng sanh và Phật ngoài sự mê ngộ ra, thì không có gì chẳng tương

đồng. Vì sao tất cả muôn vật ở thế giới Cực Lạc đều do bảo hương hợp thành? Trong tánh đức vốn sẵn có đầy đủ bảo hương, kiến tánh rồi không mê hoặc, thì tánh đức tự nhiên hiển lộ. Sống ở trong môi trường như thế, chúng tôi thường nói người này được đại tự tại. Vì sao tự tại? Bởi người được bảo hương. Dùng ngôn ngữ của chúng ta mà nói, là sự gia hộ của bảo hương. Gia hộ có lợi ích gì? Lợi ích thứ nhất, giúp quý vị chuyển phiền não thành bồ đề, chuyển sanh tử thành niết bàn, có được sự lợi ích như thế đấy. Bảo hương có thể nuôi dưỡng pháp thân huệ mạng, nuôi dưỡng được pháp thân huệ mạng, quý vị nghĩ thử xem, không thể nuôi dưỡng được nhục thân của chúng ta sao? Chắc chắn được! người thấy bảo hương, những tế bào bệnh tật trong cơ thể của quý vị hoàn toàn biến mất, hoàn toàn phục hồi trở lại bình thường, cho nên quý vị có thể thành tựu tướng hảo quang minh như đức Phật A Di Đà, như đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy. Thân vô lượng tướng, tướng vô lượng tốt, chẳng phải chỉ có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp. Ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp là nói đến con người trên quả địa cầu này, khác với tướng đó! Cũng có nghĩa là lục trần trong quốc độ của đức Phật, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, đều được lưu xuất từ tự tánh, dĩ nhiên là nhất đa tương dung vô ngại. Danh từ nói trong tự tánh là kiến văn giác tri. Mê rồi thì biến thành a lại da, tâm và tâm sở của a lại da đều có đầy đủ thọ tướng hành thức. Chuyển tám thức thành bốn trí, người này chẳng những không ở trong lục đạo, cũng chẳng ở trong mười pháp giới, mà sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ của chư Phật Như Lai. Điều này chúng ta chẳng thể không biết. Biết được cảnh giới này trang nghiêm như thế, đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc, mới thật sự khởi tâm muốn sanh về cõi đó, thật sự muốn cầu vãng sanh, ý niệm muốn cầu vãng sanh đó, có vô lượng công đức. Vì sao vậy? Bởi chắc chắn quý vị được vãng sanh. Nếu đối với thế gian, với thế giới hư vọng này, không buông được, chẳng còn cách nào đâu, quý vị lại tiếp tục ở trong lục đạo luân hồi. Hiểu được rõ ràng mình bạch rồi, không còn muốn ở trong lục đạo luân hồi nữa. Tuy hiện tại thân còn ở trong lục đạo, làn sóng của mỗi ý niệm của chúng ta, đức Phật A Di Đà đều nhận được hết, vừa khởi một niệm là châu biến pháp giới, sao đức Phật A Di Đà không biết được, mười phương ba đời tất cả chư Phật cũng biết được. Quý vị lập thế nguyện nguyện sanh tịnh độ, nguyện thành Phật đạo, nguyện độ chúng sanh. Nguyện độ chúng sanh này vô cùng quan trọng, bởi nguyện này mới thật sự là đại thừa, đại thừa không vì mình. Vì sao mình thành tựu? mình thành tựu là vì chúng sanh. Chúng ta tu là vì tất cả chúng sanh khổ nạn mà tu, chứ không vì mình, cho nên tinh tấn không giải đãi, không có mình. Vì chư Phật Như Lai, sao phải vì các ngài? Bởi niệm niệm của chư Phật Như Lai là nghĩ đến chúng sanh, cũng bao gồm cả ta ở trong đó. Mình phải báo đáp ân của ngài như thế nào đây? Làm thế nào để không cô phụ sự kỳ vọng của ngài? Đó chính là sanh về thế giới cực lạc. Đức Phật nhìn thấy rất hoan nghênh quý vị, ngài nói: cuối cùng con đã trở về, các con lưu lạc trong lục đạo luân hồi vô cùng vất vả, lần này các con trở về rồi, thật là may mắn! Trong cuốn Đại Thế Chí Viên Thông Chương, miêu tả như mẹ nhớ con, đức Phật A Di

Đà giống như từ mẫu vậy, hàng ngày nhớ nghĩ đến chúng ta, chúng ta thật sự phát tâm trở về, Ngài rất hoan hỷ, Ngài hoan hỷ nên Phật quang gia hộ quý vị, bảo hương gia hộ quý vị, chưa từng bao giờ bị gián đoạn, tự tánh pháp cũng như vậy, không thể bị gián đoạn. Chúng ta thật sự hiểu rõ rồi, quý vị nghĩ xem sự an ủi này to lớn biết bao. Lục Hòa rất khó, khó vô cùng. Hai người sống với nhau đều đưa ra ý kiến riêng, không thể hòa được, bốn người hàng ngày chẳng phải muốn đánh nhau đó sao? Thật sự hiểu được chân tướng sự thật, tự nhiên sẽ hòa thôi. Vì sao vậy? bởi họ buông bỏ hết. Người xưa thường nói: “ư nhân vô tranh, ư thế vô cầu”, người thật sự hiểu rõ thì sẽ làm được. Vì sao họ không tranh không cầu? Bởi họ biết tất cả đều là giả chẳng phải chân, chắc chắn cầu không được. Trong kinh Bát Nhã nói rất hay: “nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc”. Đã nói lên chân tướng sự thật này, vì sao khuyên quý vị buông bỏ, đạo lý nằm ở chỗ này! Quý vị muốn tranh, quý vị muốn cầu, tâm quý vị bị nhiễm ô, quý vị tự tư tự lợi, có tự tư tự lợi thì không có tâm bình đẳng, mê lầm không giác ngộ gọi là chúng sanh. Đức Phật giúp chúng ta, khiến chúng ta hiểu rõ đạo lý này, biết được buông bỏ là đúng, vĩnh viễn buông bỏ. Cho nên đạo Phật nói xả đắc, có hai nghĩa, quý vị xả là bố thí, là cúng dường, quý vị tu tài bố thí chắc chắn được giàu có, càng thí càng nhiều. Quý vị tu pháp bố thí chắc chắn được thông minh trí huệ, tu thí vô úy chắc chắn được mạnh khỏe sống lâu. Điều này đức Phật dạy chúng sanh mê lầm không giác ngộ trong lục đạo, trong tâm có dục vọng muốn mong cầu, cho quý vị biết phương pháp hữu cầu tất ứng này, không có gì chẳng cầu được. Vì sao quý vị không dùng phương pháp chính đáng để cầu? Quý vị dùng phương pháp sai lầm, dùng phương pháp phi pháp, đó gọi là tà pháp, những điều đạt được là ở trong vận mệnh của quý vị, quý vị nghĩ xem có oan không? Trong vận mệnh không có thì cầu cách nào cũng chẳng đạt được. Chúng ta cầu Phật Bồ tát, chư Phật Bồ Tát cảm ứng giúp ta đạt được, vẫn là do chính quý vị tu, bản thân quý vị không tu, chư Phật Bồ Tát cũng chẳng thể giúp được gì. Chư Phật Bồ Tát gia hộ quý vị là tương đối, quý vị có một phần công đức, thì các ngài giúp quý vị một phần, quý vị có mười phần công đức thì các ngài giúp quý vị mười phần, là tương đối, không tăng không giảm. Nếu chúng ta muốn được sự gia hộ của chư Phật Như Lai nhiều hơn, thì chúng ta phải thật sự dụng công, cần buông bỏ nhiều, buông bỏ nhiều thì sẽ đạt được. Ví dụ như tài thí, thì quý vị sẽ phát tài, phát tài rồi thì làm sao? Lại đem hết số phát tài đó đi bố thí.

Học Phạm Lãi. Vào thời Ngô Việt Xuân Thu, nước Việt có bác sỹ tên là Phạm Lãi, giúp cho vua Câu Tiễn nước Việt, khôi phục đất nước là việc khó nhất trên thế gian này, đất nước bị diệt vong mà còn có thể phục hưng, còn có thể hưng thịnh, việc này không dễ dàng đâu. Ông ta biết cá tính của vị quốc vương này, có thể chia hoạn nạn, chẳng thể chia sẻ sự giàu sang. Khi hoạn nạn mọi người đồng tâm hiệp lực, cứu đất nước, cứu dân tộc, đánh bại quân địch, mình được thắng lợi, thống nhất rồi, những người làm được việc như vậy không cần nữa, thủ đoạn cuối cùng là đem họ ra xử tử. Phạm Lãi rất thông minh,

giúp cho Câu Tiễn phục hồi đất nước, rồi ông ta bỏ trốn, không cần chào vua Việt mà lặng lẽ trốn đi, thay tên đổi, vốn họ Phạm đổi thành họ Đào, mọi người không biết ông ta, ông tên là Đào Châu Công, làm nghề buôn bán, buôn bán mấy năm thì phát tài, đem số tiền của này bố thí cho những người nghèo khó, bản thân làm ít vốn nhỏ, qua mấy năm lại phát tài nữa, phát tài lớn, bố thí nhiều, vận mệnh nhiều của, lại hết, ba tụ ba tán, người Trung Quốc lạy thần tài, thần tài chính là Phạm Lãi. Người Đài Loan lạy thần tài là Quan Công, Quan Công và phát tài không liên quan gì với nhau. Quan phu tử là trung nghĩa, là điển hình trung nghĩa, là khuôn mẫu trung nghĩa, không liên quan gì đến phát tài. Phạm Lãi có liên quan lớn đến sự phát tài, người này rất biết buôn bán, hoàn toàn hiểu được Tứ Nhiếp Pháp của đạo Phật. Thời đó đạo Phật chưa truyền vào Trung Quốc. Cho nên không thể lấy đồng tiền bất nghĩa, bất nghĩa tức là không hợp với đạo lý. Trong từ điển giải thích chữ “nghĩa” là tuân lý viết nghĩa, có nghĩa là tuân thủ đạo lý, không trái ngược lại đạo lý. Đạo là gì? Ngũ Luân là đạo, Ngũ Thường là đạo, Tứ Duy Bát Đức là đạo, giữ gìn không vi phạm. Bất luận là đại thừa hay tiểu thừa trong Phật pháp, thế nào là Phật đạo? Thập Thiện Nghiệp Đạo chính là Phật đạo. Thập Thiện Nghiệp đạo triển khai ra mười điều, trong mỗi điều đều có đầy đủ chín điều kia, mười nhân với mười bằng một trăm, một trăm điều vẫn là đại cương. Tiểu thừa triển khai rộng ra, triển khai ra bao nhiêu? Ba ngàn điều, chính là ba ngàn oai nghi, Bồ Tát nói càng kỹ hơn, Bồ Tát triển khai ra là tám vạn bốn ngàn tế hạnh, thập Thiện Nghiệp Đạo viên mãn thì thành Phật. Kiến lập nền tảng Lục Hòa, xã hội ngày nay, tuyệt đối không thể yêu cầu người khác hòa với mình, nếu quý vị yêu cầu như thế, cho đến khi chết, quý vị cũng chẳng gặp được người nào, ai muốn hòa với quý vị chứ! Chỉ có mình phát tâm hòa với người khác, hòa với người nhất định mình phải tu Nhân Nhục Ba La Mật, phải chịu thiệt thòi, phải chịu nhường nhịn, phải học được tâm như đất. Trong xã hội người ta cho rằng quý vị là kẻ ngốc, quý vị quá khờ khạo, người đời thấy quý vị cho là kẻ dị nhân, không tương đồng với người ta, là quái nhân, quái dị, nhưng chư Phật Bồ Tát thì tán thán quý vị. Vì sao vậy? tuy quý vị không học Phật, nhưng kiếp sau chắc chắn sanh về cõi trên, hành Thập Thiện sanh về cõi trời. Nếu mười điều này quý vị có thể mở rộng ra, mở rộng ra đến ba ngàn điều, thì quý vị sẽ ra khỏi luân hồi lục đạo, về cõi pháp giới Tứ Thánh, nếu không ngừng hưởng thượng vưon lên, vưon lên đến tám vạn điều thì quý vị thành Phật. Thực hành cách nào đây? Thực hành Đệ Tử Quy chính là thực hành Thập Thiện Nghiệp. Quý vị mang ra so sánh thử mà xem, trong Đệ Tử Quy nói về một trăm mười ba sự việc, điều nào thuộc về Bồ Thí, điều nào thuộc về Trì Giới, điều nào thuộc về Nhân Nhục, tất cả đều ở trong đó. Mỗi câu mỗi chữ trong Thái Thượng Cảm Ứng Thiên cũng ở trong đó, một là ba, ba là một. Thập Thiện Nghiệp Đạo là đại cương, Đệ Tử Quy là tế hạnh, là đại cương trong tế hạnh. Dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta khiêm hạ, dạy chúng ta nên tôn trọng, lễ phép đối với người khác. Đây là sự thật, không dối gạt đâu!

Lần này tôi đến tham vấn Phạm Đê Cương, gặp đức giáo hoàng của đạo Thiên Chúa, hồng y giáo chủ có hai ba chục người, đều là người lãnh đạo của Thiên chúa giáo, gặp giáo chủ đầu họ cúi xuống, cúi xuống bao nhiêu độ vậy? Khoảng năm độ! Họ cúi đầu khoảng năm độ thôi, không dễ đâu nhé! Người xưa dạy chúng ta, trong Đệ Tử Quy quy định, thân là chín mươi độ. Quý vị nghĩ xem, lễ năm độ và lễ chín mươi độ, người ta đối với mình như vậy, mình sẽ có cảm nhận như thế nào? Xã hội phải tương hòa, không có lẽ làm sao có thể hòa được? Lễ là gì? Lễ là nói lên sự thành kính của chúng ta, chân thành cung kính phải biểu hiện ra. Cho nên đoàn thể nhỏ này của chúng ta, số người không nhiều. Bắt đầu học Lục Hòa Kính từ đâu? Trên lý luận thì từ Kiến Hòa Đồng Giải, trong kinh Đại Hoa Nghiêm có nói, tất cả chúng sanh vốn là Phật, chúng ta đều có sự nhận biết này. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “tình dữ vô tình đồng viên chủng trí”. Viên là viên mãn, cho nên muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới, cùng chúng ta là một thể. Một thể này là gì? Một thể này gọi là Thanh Tịnh Pháp Thân. Đức Phật đã chứng được, chúng ta có hay không? Có! Chúng ta không rời xa Thanh Tịnh Pháp Thân, chỉ vì mê mờ không chịu nhận, chư Phật Bồ Tát đã giác ngộ, các ngài hoàn toàn nhận được. Là một thể, thân thiết biết bao! Chư Phật Bồ Tát và chúng ta là một thể, ngày nay chúng ta khổ như thế này, sao các ngài không đến giúp ta? Bởi quý vị có nghiệp chướng, có nghiệp chướng nên bắt buộc ở trong môi trường này, mới có thể tiêu trừ được nghiệp chướng đó, sau khi tiêu trừ rồi thì chư Phật Bồ Tát giúp quý vị được lạc. Quý vị có nghiệp chướng, chư Phật Bồ Tát giúp quý vị thăng quan phát tài, thì quý vị tạo nghiệp càng nặng hơn, tương lai đọa vào địa ngục càng sâu hơn, cho nên chư Phật Bồ Tát có trí huệ các ngài không nhẫn tâm làm như vậy. Ai tới giúp quý vị đây? Ma vương ba tuần đến giúp quý vị. Nó đến dạy quý vị tăng trưởng dục vọng, tăng trưởng tham sân si, sau khi chết rồi thì xuống địa ngục A Tỳ chịu khổ, nó ở đó xem quý vị diễn kịch. Trong tiểu thừa có hàng ma, trong đại thừa không có hàng ma. Vì sao vậy? Bởi ma cũng là Phật, nó cũng có Phật tánh, nhưng tâm sân hận và tâm tật đố của nó rất nặng. Quý vị học giỏi, nó khâm phục quý vị, nó làm hộ pháp đến hộ trì quý vị, quý vị tu không được, nó hận quý vị, nó nghĩ ra đủ cách để trừng trị quý vị. thủ đoạn trừng trị rất hay, gọi là gì? Là tự làm tự chịu, không thể trách nó, quý vị tự làm tự chịu, chiêu này rất lợi hại.

Dưới đây nói: *hựu nhất vật chi nhất tướng, dĩ chúng hương chi đa tướng cộng tồn biểu lưỡng tướng bất đồng chi nghĩa.*

Hoàng Lão cư sỹ dẫn chứng nguyên thứ bốn mươi ba này rất hay. Nhất vật là một tướng, lưỡng vật là hai tướng, vô lượng vô biên hình tướng cộng tồn cộng vinh. Đây là ý nghĩa của nhất đa tương dung, nhưng mỗi tướng đều độc lập tồn tại, ở đây nói về đa tướng. Chúng ta nên nghĩ đến tiểu quang tử trong lượng tử ngày nay, tiểu quang tử vẫn còn là cách nói của các nhà khoa học, vũ trụ từ đâu mà có? Từ tiếng nổ lớn mà có! Tiếng nổ lớn đó là gì? Là tiếng nổ của tiểu quang tử, tiểu quang tử liên tục phát nổ, sau khi nổ

xong thì vũ trụ không thấy nữa, nó trở về Thường Tịch Quang. Đây là chân tướng sự thật, Kiến Hòa Đồng Giải của chúng ta phải kiến lập trên nền tảng này.

Liên Trì đại sư dùng Thập Huyền Môn giảng Di Đà Sớ Sao. Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ chú giải Kinh Vô Lượng Thọ, cũng dùng Thập Huyền Môn, chưa từng nghe người khác giảng như vậy. Trên thế giới ngày nay kiến lập cộng thức này quá hay, cho nên Phật pháp nói đến luân lý, luân lý là nói về quan hệ, quan hệ của Phật pháp là nói đến cứu cánh thấu triệt. Chúng ta có cần thương yêu chúng sanh chăng? Phải thương yêu, nhất định không được làm tổn hại chúng sanh! Quý vị thương nó, nó cũng thương quý vị.

Hôm qua tôi trở về từ Malaysia, tôi đến trong phòng có một con muỗi, tôi mau chóng nói chuyện với nó. Tôi nói, Bồ Tát muỗi à, ông từ đâu vào đây tôi không biết, nên ông vào đường nào thì ra bằng đường đó vậy. Sau khi tôi nói chuyện với nó, thì tôi đọc sách của tôi, nhưng sáng sớm hôm sau thức dậy không thấy con muỗi đâu nữa, khi đi ngủ, tôi cũng không thấy nó, chẳng biết nó đã đi đâu. Nhất định không được khởi ý niệm muốn giết nó, nó rất dễ thương, biết nghe lời, nói chuyện với nó là nó sẽ đi ngay, cửa phòng đóng kín, không biết nó đi từ đường nào. Ngay cả hoa cỏ cây cối chúng ta cũng có thể nói chuyện được. Ở Úc châu vườn của chúng tôi rất rộng, cho nên trồng rất nhiều rau, trong đó có rất nhiều cây ăn trái, trồng hơn ba mươi loại cây ăn trái, đối với những hoa cỏ cây cối này, chúng ta kính lễ nó, tán thán nó, cúng dường nó, lo cho nó rất chu đáo, thì cỏ sẽ xanh, hoa sẽ thơm và trái cây sẽ rất ngọt. Chim muốn ăn, sâu muốn ăn cỏ, chim muốn ăn trái cây. Chúng tôi có quy định với chim, chỉ định cho nó được ăn mấy cây, mấy cây đó cúng dường cho chim, chúng tôi sắp xếp rất chu đáo, nó biết nghe lời. Lối xóm tốt là hòa mục tương xử, tôn trọng lẫn nhau. Đối với những con sâu trong vườn rau, chúng tôi đã làm như thế mười năm rồi, chúng tôi lập ra một khu, chuyên để cho sâu ăn, chúng muốn ăn rau thì qua bên đó ăn, cho nên không cần dùng đến một phương pháp nào khác để phòng hộ, không cần dùng.

Quý vị xem người nông dân trồng cây ăn trái, trái cây lớn đều phải dùng túi cột lại, chúng tôi thì không cần. Vì sao vậy? vì con sâu sẽ không đến ăn đâu, chúng tôi để một phần cho nó ăn rồi, nó cũng sẽ tôn trọng chúng tôi, nên để một phần lại cho chúng tôi. Tất cả đều có linh tánh, sơn hà đại địa cũng có linh tánh, thật sự có sơn thần, có thần thổ địa, cho nên phải giữ gìn sơn hà đại địa, không được tùy ý phá hoại.

Giới kinh trong đạo Phật nói với người xuất gia: “Tỳ Kheo thanh tịnh không đạp lên cỏ tươi”. Cỏ mọc lên rất đẹp, quý vị muốn đi tắt, quý vị đạp lên nó, như thế là không tôn trọng nó. Có đường nhất định phải đi trên đường, trừ những trường hợp khẩn cấp không còn cách nào thì được, không khẩn cấp nhất định phải tuân thủ quy củ. Đây là lễ kính chư Phật, hoa cỏ cây cối cũng là chư Phật, sơn hà đại địa cũng là chư Phật. Chúng ta phải thật sự hiểu rõ ràng, mới biết mình phải làm cách nào. Thập Huyền giảng rất rõ

ràng, mỗi câu mỗi chữ đều nó về chân tướng. Sau khi học rồi, nhất định phải thực hành trong cuộc sống hàng ngày, giữa con người với con người, nhất là người học Phật, quan hệ giữa chúng ta càng mật thiết hơn, nhất định phải ghi nhớ, đây là sự thật không dối gạt đâu. Khởi lên ý niệm châu biến pháp giới, khởi lên phân biệt chấp trước là xuất sanh vô tận, khi mê tâm lượng ngày càng nhỏ lại, tâm lượng nhỏ, không biết rằng tâm lượng vốn sẵn có của quý vị, là hàm dung không hữu. Hàm là bao hàm, bao hàm hư không, hư không bao lớn, tâm lượng của quý vị còn lớn hơn hư không. Trong kinh Lăng Nghiêm đức Thế Tôn ví dụ, ngài ví dụ hư không như một đám mây, tâm lượng được ví như hư không, quý vị nghĩ thử xem, hư không lớn hay là đám mây lớn? Nhất định chúng ta phải phục hồi lại độ lượng, lượng lớn thì phước lớn. Người tâm không bao dung là những người đáng thương, là phạm phu trong lục đạo. Trong thời khóa công phu sáng tối, trong một số nghi thức pháp sự, đều có đọc đến hai câu: “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”. Đây là điều thứ ba trong ba châu biến, tâm lượng vốn sẵn có trong tự tánh của quý vị, chẳng có gì là không bao dung. Đứng về khía cạnh thế giới mà nói có tịnh độ có uế độ, đều phải bao dung. Trong lục đạo có ba đường lành, ba đường dữ cũng phải bao dung hết. Không phân biệt, không chấp trước, bình đẳng đối đãi, hòa mục tương xử.

Nếu quý vị tạo nghiệp, lục đạo chính là do nghiệp lực biến hiện ra. Nghiệp có thiện và ác, nghiệp này nhất định phải tiêu trừ, không tiêu trừ thì chẳng đi được, mà phải ở trong lục đạo, không tiêu trừ nghiệp chướng thì chẳng thể thoát ly lục đạo luân hồi. Cho nên ba đường lành là tiêu trừ quả báo thiện nghiệp. Quý vị tu nhiều phước mà muốn hưởng hết phước, tạo ác nghiệp vào ba đường dữ chịu tội, chịu tội hết mới được ra. Cho nên lục đạo đều là giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, trong nghiệp chướng có thiện có ác. Trong ba đường ác có gì không tốt vậy? nếu không có ba đường ác, nghiệp chướng của người tạo tội không bao giờ có thể tiêu được. Không tiêu được thì khổ lắm, ở cõi đời này chính là địa ngục trần gian, họ phải chịu quả báo này. Vì sao người đọa vào địa ngục thời gian lại dài như vậy? họ phải tiêu trừ hết nghiệp báo mới có thể ra được. Giống như người này gây ra rất nhiều tội, cuối cùng bị điều tra ra anh ta phải ngồi tù, mãn hạn tù thì được thả ra. Ba đường ác cũng giống như nhà tù vậy, có nặng có nhẹ không đồng nhau. Người chịu tội nhẹ vào đường súc sanh, nặng hơn một chút vào đường ngạ quỷ, nặng nhất là vào đường địa ngục. Lục đạo là nơi tiêu nghiệp cho con người, pháp giới Tứ Thánh tu tập ở chỗ đó, chuyển phàm thành thánh. Trong lục đạo cõi người có nhân vương, cõi trời có thiên vương, rất giống tổ chức của cõi người, và rất giống tổ chức của xã hội. Nhưng trong pháp giới Tứ Thánh không có danh từ này, trong pháp giới Thanh Văn ai là người làm quốc vương chúng ta không nghe nói, trong pháp giới Duyên Giác, pháp giới Bồ Tát, pháp giới Phật đều không có quốc vương. Họ ở nơi đó hạnh phúc mỹ mãn, họ thường qua lại, qua lại để làm gì? Qua lại để nghe pháp, thường chia sẻ cùng nhau không gián đoạn, đó gọi là thế giới Cực Lạc. Cảnh giới đó, đức tướng, trí huệ đều

hiện tiền. bất luận là cuộc sống tinh thần hay cuộc sống vật chất, đều làm đến chỗ tùy tâm sở dục. Cho nên trong pháp giới Tứ Thánh không có quan hệ vua tôi, cũng không có quan hệ cha con, do hóa sanh ra. Chúng ta biết người trời là hóa sanh, người ở cõi trời Dục Giới là thai sanh, cõi Sắc Giới trở lên không có, họ do hóa sanh ra, sát độ của chư Phật chẳng cần phải nói nữa, ở nơi đó không có những tổ chức phức tạp của cõi người này, nơi đó rất đơn thuần. Chúng ta quan sát kỹ, trong Phạm Thánh Đồng Cư độ có, trong Phương Tiện Hữu Dư độ không có, đó chính là pháp giới Tứ Thánh, đức Phật không bao giờ nói rằng bên đó có quốc vương, ngài không hề nói như vậy. Hướng lên trên mỗi quan hệ chỉ có hai, là quan hệ thầy trò. Đức Phật là thầy, ngày nào cũng dạy, chư Bồ Tát ngày nào cũng tiếp nhận sự chỉ dạy của đức Phật, để nâng cao linh tánh và cảnh giới của mình, ngày nào cũng làm như vậy, đến nơi đó hàng ngày học tập. Những điều này chúng ta cũng không nên nói nhiều. Vì sao vậy? bởi nói nhiều những người không thích học họ sẽ không về đó nữa, về đó ngày nào cũng học, họ sẽ không đi đâu.

Chư Phật Bồ Tát thiện xảo phương tiện, các ngài có phương pháp để dụ dỗ chúng sanh, đây là ý thiện, chứ chẳng phải ác ý đâu, đây là lợi người, chứ chẳng phải tự lợi. Bản thân chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này rồi, đem chân tướng sự thật này nói cho người khác biết. Cho nên *nhất* và *đa* đồng thời tồn tại, không hề chướng ngại lẫn nhau.

Thập Huyền Môn sẽ quy về bốn pháp giới, có bốn loại: sự pháp giới, lý pháp giới, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. ở đây nói rất rõ ràng.

Hựu thử hương biến u thập phương, phục minh nhất pháp biến u đa pháp, cánh hiển nhất đa tương dung bất đồng chi diệu.

Quý vị quan sát kỹ biến pháp giới hư không giới, qua kính hiển vi chúng ta thấy một tế bào, trong tế bào này có rất nhiều nguyên tử, điện tử, lap tử, tiểu quang tử, tổ hợp thành một tế bào. Tế bào là *đa*, nhưng mỗi một tiểu quang tử, đó là *nhất*. tế bào này do nhiều tiểu quang tử hình thành, duyên tụ hiển lộ, duyên diệt chẳng còn, trong đạo Phật nói là ẩn hiện bất đồng, đoạn thứ năm dưới đây nói về ẩn mật hiển, ẩn hiện không giống nhau. Chẳng nhưng là hương biến mười phương pháp giới, mà còn biến tất cả vạn pháp, ánh sáng cũng như vậy, kiến văn giác tri cũng như vậy. Nói về bốn đặc tính của vật chất là địa thủy hỏa phong, tiểu quang tử cũng có bốn đặc tính này. Địa là hiện tượng vật chất, thủy, hỏa, đây là danh từ trong Phật giáo. Ngày nay khoa học nói điện, điện âm, điện dương, lap tử cơ bản nhỏ nhất cũng có điện âm, điện dương. Điện dương là hỏa đại, điện âm là thủy đại, và phong đại, phong đại là lưu động không ổn định, một nguyên tử cực nhỏ, hiện tượng của nó, từ kính hiển vi chụp lại cho chúng ta thấy, nó rất giống hệ thái dương, nguyên tử ở giữa có rất nhiều điện tử chạy vòng quanh. Chúng ta thấy trong cơ thể của mình, có bao nhiêu hệ thái dương như vậy, các nhà khoa học cũng nói không hết được, nhưng chắc chắn nó không làm trở ngại lẫn nhau. Trong một tế bào có rất nhiều

nguyên tử, điện tử, mỗi mỗi đều độc lập riêng biệt, đó là nhất, tập hợp lại là đa. Cho nên đạo Phật nói duyên tụ thì hiển, duyên diệt thì tán.

Cánh hiển nhất đa tương dung bất đồng chi diệu. Đạo lý này rất khó hiểu, phải giảng rộng ra, nhất là vào thời đại này, quý vị không giảng thì mọi người chẳng tin, họ không chấp nhận, cần giảng nhiều. Cũng may các nhà khoa học ngày nay giúp chúng ta rất nhiều, ai ai cũng hiểu được đạo lý này, Kiến Hòa Đồng Giải của chúng ta đã có nền tảng rồi, kiến lập trên nền tảng này là Giới Hòa Đồng Tu. Cuộc sống của chúng ta phải có quy củ, phải có thứ lớp, học Đệ Tử Quy, học Cảm ứng Thiên, học Thập Thiện Nghiệp, đều là học quy củ. Quy củ có phải là ràng buộc chúng ta chăng? Không! Chư Phật Bồ Tát nghiêm trì giới luật, đó là gì? Là đại từ đại bi, các ngài còn phải học giới luật gì nữa? các ngài đã minh tâm kiến tánh rồi mà! Nhưng các ngài vẫn làm cho mọi người thấy, làm cho những người mê hoặc điên đảo xem, người mê hoặc điên đảo khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác đều là bất thiện, họ tạo nghiệp tội nên sẽ bị đọa vào ba đường ác, miên viễn không thể thoát ly lục đạo luân hồi, như thế thật đáng thương. Chư Phật Bồ Tát, đại thánh đại hiền đều đến đây làm bậc mẫu mực, giống như diễn kịch vậy, diễn cho mọi người xem. Khiến cho họ biết được cuộc sống hàng ngày đều có thể tuân thủ những nguyên tắc này, thì cuộc sống đẹp, hạnh phúc và tự tại biết bao, tất cả những khổ nạn đều không còn nữa, thân tâm mình mạnh khỏe, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thiên hạ thái bình. Cho nên điều này gọi là phổ thí, nghĩa là phổ biến bố thí cho mọi người. Dùng phương pháp gì vậy? dùng cách dạy học, quý vị không dạy, họ sẽ không hiểu, ngày nào cũng dạy. Ngày xưa Thầy Phương cho tôi biết cái công cụ hay như vậy, nghĩa là nói đến ti vi, vào thời đó chưa có mạng Internet, thầy ấy nói nhất định phải lợi dụng công cụ này, để giảng kinh dạy học. Trên thế giới có được năm, sáu mươi vị thầy giáo, bất đồng tôn giáo, bất đồng nền văn hóa, ngày nào cũng giảng dạy trên ti vi, thì sẽ cứu được thế giới này, xã hội có thể phục hồi lại an định, tất cả những hiện tượng không bình thường của địa cầu, đều có thể phục hồi lại bình thường. Vì sao vậy? vì cảnh tùy tâm chuyển, chắn chắn làm được.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây!

HẾT TẬP 53

Tập 54

Chuyên ngữ: Tử Hà

Biên Tập: Bình Minh

Giảng ngày 11 tháng 06 năm 2010

Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi bốn, hàng thứ hai từ dưới đếm lên, chúng tôi đọc một đoạn kinh văn.

Tứ, chư pháp tương tức tự tại môn. Thượng hiển tương dung, thử biểu tương tức. Tấn dịch Hoa Nghiêm Thập Trụ Phẩm vân: Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất, ví như thủy chi dữ ba, dĩ thủy dụ nhất, dĩ ba dụ đa, ba tức thị thủy, thủy tức thị ba, bỉ thử tương tức, nhi các tự tại. Cố vân tương tức tự tại.

Mười câu trong kinh Hoa Nghiêm này chính là Thập Huyền Môn. Đã nói lên thật tướng của toàn bộ kinh. Câu đầu tiên là tổng tướng, đồng thời cụ túc tương ưng. Vì sao lại có những hiện tượng này? Đây là hiện tượng không thể nghĩ bàn, tóm lại mà nói đây chính là sự sự vô ngại. Cách nói này khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, suốt bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp, chỉ ở trong hội Hoa Nghiêm ngài mới nói ra, còn những chỗ khác ngài nói đến lý sự vô ngại, chứ không nói đến sự sự vô ngại. Sự sự vô ngại là cảnh giới đức Như Lai thân chúng, chứ chẳng phải cảnh giới của hàng Bồ Tát, phải là hàng Bồ Tát pháp thân, pháp thân Bồ Tát nghĩa là thành Phật, đây là cảnh giới của họ. Nói cách khác, trong thập pháp giới không nói đến, chẳng phải không thường nói, mà đức Phật không nói đến. Ngài nói với ai vậy? Ngài nói với pháp thân Bồ Tát. Cho nên kinh Hoa Nghiêm trong hai mươi một ngày, đức Thế Tôn ở trong định nói ra, đại chúng trong pháp hội đều là pháp thân Bồ Tát, bốn mươi một địa vị, từ Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, ngài đã giảng cho họ nghe. Đó là thuần chân vô vọng, đều nói về chân tướng sự thật. Nhưng sau khi chúng ta đọc rồi, nhưng hiện tượng này ở đây? Nó ở ngay đây, trên thực tế nó ở ngay trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, mà chúng ta không biết. Vì sao lại không biết? Bởi ta mê thất mất tự tánh. Ở đây nói: nhất tức thị đa, đa tức thị nhất. một mê tất cả mê, một ngộ tất cả ngộ. Chúng ta nên biết điều này trong kinh đức Phật thường nói, thường nhắc nhở. Ngộ là chân, mê là giả. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ tát cho chúng ta biết, giác là chân, mê chẳng phải chân, “bổn giác bổn hữu, bất giác bổn vô”, bổn thì nhất định có thể đoạn được, chúng ta thường nói là buông bỏ, kỳ thật đó chính là đoạn hết, bổn hữu thì nhất định phải tìm lại được, quý vị vốn sẵn có mà. Khi mê có hay không? Vẫn có! Chẳng những có mà nó còn khởi tác dụng, chỉ vì quý vị không biết nên quý vị đã dùng sai nó,

dùng sai nên tạo nghiệp. Chư Phật Bồ Tát giác ngộ, giác ngộ rồi nên các ngài dùng đúng, chẳng phải các ngài không dùng, các ngài cũng dùng đầy, các ngài dùng để giáo hóa chúng sanh, giáo hóa chúng sanh trong mười pháp giới, không chỉ riêng con người, từ chư Phật Bồ Tát trong mười pháp giới cho đến địa ngục A Tỳ, tác dụng này lớn quá! Chúng ta mê, mê nó vẫn khởi tác dụng, nhưng ta dùng sai, dùng nó để tạo nghiệp. Tạo nghiệp thiện thì vào ba đường lành trong lục đạo, tạo nghiệp ác thì vào ba đường ác trong lục đạo. Con người thật sự giác ngộ rồi, thì lục đạo không còn nữa. Tuy lục đạo không có, những vẫn còn rất nhiều chúng sanh mê trong lục đạo. Chư Phật Bồ Tát có cần giúp họ không? Cần! thời thời khắc khắc giúp họ. Vì sao vậy? Bởi pháp giới là một thể, ba đường lành, ba đường dữ cũng không rời pháp giới. Nếu chúng ta xem pháp giới là thân mình, mười pháp giới chỉ là những khí quản trong cơ thể của mình mà thôi. Có những khí quản bị bệnh, ta có cần quan tâm đến nó không? Có cần chữa trị cho nó không? Chắc chắn phải quan tâm rồi. Ba đường ác là những khí quản bị bệnh của chúng ta, chỉ có như vậy thôi, nhưng nó và chư Phật Như Lai vẫn là một thể, sao ta có thể không quan tâm được! Cho nên điều thứ nhất trong Thập Huyền là *đồng thời tương ứng*. Đồng thời và đồng xứ, đồng thời đồng xứ cụ túc tương ứng. Cụ túc nghĩa là không hề khiếm khuyết. Đây là câu tổng tướng, chúng ta nhận thức được rõ ràng, thì chín câu sau sẽ rất dễ hiểu. Tuy không phải là cảnh giới phạm phu của, nhưng chúng ta có thể cảm nhận được.

Ví như một niệm có đầy đủ tất cả thông tin, chúng ta dùng danh từ ngày nay mà nói, có thể tin được chăng? Chúng ta thấy khoa học ngày nay tiến bộ, thẻ nhớ này, vi tính ngày nay dùng rất nhiều, máy chụp hình bây giờ cũng dùng thẻ nhớ, thẻ nhớ chỉ lớn bằng móng tay thôi, trong đó chứa được bao nhiêu dung lượng đây? Tôi đến Úc Châu có người tặng cho tôi bộ Tứ Khố Toàn Thư, chứa trong thẻ nhớ. Phân lượng của Tứ Khố Toàn Thư rất lớn, nhưng có bao nhiêu thẻ vậy? hình như chỉ có mười mấy thẻ, giống như đĩa vậy, chỉ có mười mấy cái, dung chứa trong đó. Mang đĩa này đặt vào vi tính, hiện ra trên màn hình, chúng ta thấy được. Điều này ngày xưa ta không thể nào tưởng tượng được, một bộ đại tạng kinh mà chỉ có hai thẻ. Chúng ta cảm thấy vô cùng kinh ngạc, nhưng quay đầu lại xem kinh Phật, thì ra chúng ta chỉ đọc sơ lược qua, không hề chú ý đến vấn đề này, trong kinh nói một niệm đầy đủ tất cả mọi thông tin. Một niệm đó, trong thẻ nhớ bằng móng tay của chúng ta đây không biết có bao nhiêu niệm? chúng ta biết hiện tượng vật chất từ đâu mà có? Từ hiện tượng tâm niệm tích lũy liên tục mà có. Nói thiệt, vật chất vốn không tồn tại, không có vật chất. Ý niệm! vô lượng, vô số, vô tận ý niệm tích lũy lại một chỗ, là hiện tượng liên tục bộc phát. Mắt ta thấy được, tai ta nghe được, tay ta tiếp xúc được, đó gọi là hiện tượng vật chất, là cảnh giới tướng của a lại da. Khi học Duy Thức, khi giảng Duy Thức, giảng rất hay, nhưng chúng ta thấy sự phát minh của khoa học ngày nay, vô cùng kinh ngạc, kỳ thật nghĩ đến những thứ đã học, đã giảng, chẳng phải là những điều này sao? So ra còn cao hơn những điều đó nhiều, những

thứ này còn kém xa những điều trong kinh đức Phật dạy. Ngày nay nói đến lượng tử, lượng tử là điểm quang nhỏ, đã biến thành hiện tượng vật chất rồi, điểm quang nhỏ đó bao nhiêu thông tin, tích tụ ở chỗ đó.

Các nhà khoa học cho rằng, vũ trụ có được từ tiếng nổ lớn, cũng hơi giống đây, nhưng không phải những điều họ tưởng tượng ra. Quang tử từ đâu mà có? Nó còn nhỏ hơn hạt cơ bản nữa, hầu như là không, chẳng phải gần không, mà bằng với không, thật là không, nó có một sức mạnh tác dụng, bộc phát ở đó, giống như tia chớp vậy, trong khoảng thời gian rất ngắn, nhục nhãn của chúng ta không thể tiếp xúc đến, nhưng nó có rất nhiều điểm quang, bộc phát liên tục thì chúng ta có thể thấy được, chứ một điểm thì không thể thấy được. nhìn thấy rồi chúng ta cho rằng đó là vật chất, có một cái gì ở đó, trong mỗi điểm quang đều có đầy đủ thông tin, trong mỗi điểm quang đều có đầy đủ hiện tượng vật chất. hiện tượng vật chất này là gì? Trong đạo Phật nói là vô lượng vô biên pháp giới, các nhà khoa học ngày nay nói là vũ trụ. Vũ trụ bao lớn? người xưa nói hai câu: “kỳ đại vô ngoại”, là không có biên giới, vũ trụ không có biên giới. “Kỳ tiểu vô nội”, lượng tử ngày nay nói kỳ tiểu vô nội, ở đây nói có lớn có nhỏ, sau đó lại nói lớn nhỏ là một chẳng phải hai. Lớn là lớn trong nhỏ, nhỏ là nhỏ trong lớn, ý nghĩa câu nói này rất thâm sâu. Nhỏ trong lớn dễ hiểu, lớn trong nhỏ không dễ hiểu đâu. Trong kinh Hoa Nghiêm nói rất nhiều, kinh Hoa Nghiêm nói đến vi trần, đây là thuật ngữ Phật học. Ngày nay nói là lượng tử, tiểu quang tử. Trong tiểu quang tử này có thế giới, vô lượng vô biên thế giới ở trong đó. Thế giới không thu nhỏ lại, tiểu quang tử chẳng phóng lớn ra, ở trong đó có thế giới, trong thế giới đó lại có vi trần, cũng có nghĩa là còn có tiểu quang tử, trong tiểu quang tử đó lại có thế giới, trùng trùng vô tận. Hiện tượng này các nhà khoa học chưa tìm ra, khoa học chỉ phát hiện trong tiểu quang tử có thông tin, thông tin như thế nào? Tất cả tin tức của vũ trụ đều nằm trong đó. Cách nói này là thiết đó, công năng của thức thứ sáu rất lớn, trong kinh đức Phật thường dạy, khoa học ngày nay phát minh ra. Thức thứ sáu hướng ra ngoài phan duyên, có thể duyên đến hư không pháp giới, hướng nội nó có thể duyên đến a lại da. Các nhà khoa học ngày nay cũng dùng hai cực đoan này mà phát triển. Một là hồng quan thế giới, là đại vũ trụ, một là lượng tử lực học, nghĩa là tiểu vũ trụ. Nhưng đạo Phật nói lớn nhỏ là một chẳng phải hai, điều này khoa học vẫn chưa đề cập đến, từ từ hướng đến chỗ này phát triển ra. Chúng tôi tin rằng qua vài năm nữa, các nhà khoa học có thể nói ra, nhưng đó không thể kiến tánh. Nguyên nhân gì vậy? chân tướng sự thật này vốn sẵn có. Khi Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ, ngài nói ra năm câu, trong đó câu thứ ba ngài nói rằng: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, tánh đức này vốn đầy đủ, không hề khiếm khuyết tí nào, chẳng những tất cả chúng sanh bình đẳng, chúng sanh ở đây phải dùng ý nghĩa trong kinh Hoa Nghiêm để giải thích, hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi được gọi là chúng sanh. Một tiểu quang tử cũng là chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi. Những duyên gì vậy? trong đạo Phật nói, ít nhất có

tám, trong hiện tượng vật chất, cũng có địa thủy hỏa phong, bốn yếu tố này, trong vật chất nhỏ cũng có đầy đủ bốn yếu tố này. Địa là vật chất, quý vị thấy được. Dưới lớp kính hiển vi cao độ, thật sự quý vị có thể thấy được.

Năm ngoái tôi đi trị sâu răng ở Cao Hùng, thấy con sâu răng, giống như con trùng vậy, mắt thường không thấy được, kính lúp thường, kính hiển vi cũng không thấy được, chỗ răng đau đó, bác sỹ dùng kim kê ra một chút để vào kính hiển vi, kính hiển vi phóng lớn lên, chiếu lên màn hình, chúng ta thấy rất rõ ràng, đầy kín, giống như con giòi vậy. Tôi hỏi bác sỹ phóng lớn lên gấp bao nhiêu lần? ông ta nói 3600 lần, thấy được rồi, 3600 lần. dĩ nhiên kính hiển vi này không phải là phòng thí nghiệm của khoa học, dùng phòng thí nghiệm khoa học mà phóng lớn ra chắc chắn còn hơn nhiều lần. Quý vị có thể thấy được hiện tượng vật chất này là rất nhỏ, chắc chắn nó có đầy đủ địa thủy hỏa phong. Thủy và hỏa là hai danh từ Phật học, khoa học ngày nay không dùng danh từ này, danh từ khoa học là điện âm và điện dương, nó mang theo điện. Điện dương là hỏa, điện âm là thủy, hoặc chúng ta nói có độ ẩm, độ ướt. Yếu tố thứ tư là phong đại. Phong có nói lên điều gì? Phong nghĩa là động, nó chấn động, động không ngừng, nó chẳng phải là tĩnh, nó là động, chỉ cần là vật chất, vật chất nhất định là động, không tĩnh lại, nếu tĩnh thì không có vật chất, không thấy nữa, nó đi đâu vậy? chúng ta biết, như trong kinh đức Phật thường nói, nó về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang là tự tánh, tự tánh bất động. Đại sư Huệ Năng nói: “đâu ngờ tự tánh vốn không lay động”, nó bất động, bất động nên không có, khi động thì nó hiện ra, trong tự tánh hiện ra huyễn tướng, chúng ta gọi đó là vật chất. Tuy là vật chất nhưng trong nó có hiện tượng tinh thần. Hiện tượng tinh thần là gì? Là thọ tướng hành thức. Nó có sự cảm thọ, có phân biệt, tướng là phân biệt, hành là chấp trước, thức là a lại da, a lại da gọi là tàng thức, ngày nay chúng ta có thể gọi nó là ký ức, ký ức chất chứa trong đó. Quý vị xem quang tử cực kỳ nhỏ bé, chúng duyên hòa hợp mà sanh đó gọi là chúng sanh. Đạo Phật nói chúng sanh, hàm nghĩa của nó rất sâu rất rộng. Tất cả mọi hiện tượng, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, đều là chúng duyên hòa hợp mà sanh ra, cho nên nó đồng thời cụ túc.

Quý vị xem một niệm có đầy đủ tất cả mọi thông tin, một tướng đầy đủ tất cả tướng, một trần có đầy đủ mười phương sát độ, một sắc có đầy đủ tất cả sắc tướng, một âm có đầy đủ tất cả pháp âm, cho nên tự tại. Tương dung, tương tức, ẩn hiện, hàm dung, trùng trùng vô tận, sự sự vô ngại. Những chân tướng sự thật này đều ở trước mắt, người không có chướng ngại thấy rất rõ ràng, không chướng ngại là giác, có chướng ngại là mê. Cái gì chướng ngại? tập khí phiền não. Chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta phân chướng ngại thành ba loại, gọi là phiền não, ba loại đại phiền não.

Thứ nhất là vô minh phiền não, cái này rất vi tế. Vô minh phiền não chính là hiện tượng ba động mà các nhà khoa học ngày nay phát hiện ra. Chúng ta thường thấy trong

hội Hoa Nghiêm, khởi tâm động niệm là nói về điều này. Sau khi mọi người nghe rồi, ngộ ra được ý nghĩa của nó hay không? Rất khó! Bởi chúng ta khởi tâm động niệm quá thô, nó không thô như vậy, nó cực kỳ vi tế, sự khởi tâm động niệm này, ngay bản thân quý vị cũng không biết được, chẳng những không biết, mà chư Bồ tát dưới địa vị Bát địa cũng không biết được. Ba động cực kỳ vi tế này, danh từ Phật học gọi là vô thi vô minh. Vô minh thêm vào hai chữ vô thi, thêm vào hai chữ này rất hay, vô thi là gì? Là không có bắt đầu, cũng chẳng có lý do. Quý vị nói vì sao nó lại động? vì sao lại có động này? Quý vị càng hỏi vấn đề càng phức tạp. Vì sao vậy? bởi càng hỏi nó càng động mạnh. Làm sao đây? Có cách gì không? Mặc kệ nó, đừng lý tới nó, từ từ nó sẽ êm, và nó sẽ biến thành bất động, bất động là hoàn nguyên. Quý vị không nên tìm nguyên nhân của nó. Cho nên động thứ nhất, cái vi tế đó gọi là vô thi vô minh, sau nó thì có nhân có quả, cái thứ nhất không có nhân. Nhất định phải hiểu rõ đạo lý này, quý vị đừng truy cứu nó, càng truy cứu càng sai lầm, sai lầm rồi thì không ra được đâu, đây là vô minh phiền não. Làm sao chúng ta biết phá được vô minh phiền não? Có một việc rất rõ ràng ngay trước mắt, phá được vô minh phiền não rồi, ban đêm quý vị nhìn ra bên ngoài là sáng, chứ chẳng phải là đen tối. Vì sao bầu trời lại đen tối như vậy? vũ trụ lại đen tối như vậy? đó là vô minh. Nếu quý vị thật sự phá được vô minh, thì vũ trụ này là sáng, cho nên trong kinh gọi cảnh giới đó là Thường Tịch Quang. Nó chẳng phải là đen tối, nó là quang minh, rất sáng, ánh sáng này không chói mắt. Ánh sáng của mặt trời chói mắt, ánh sáng của tia chớp cũng chói mắt, ánh quang minh của tự tánh không chói mắt, nó nhu hòa, giống như nhìn mặt trăng vậy, càng nhìn càng thấy dễ chịu, chỉ cần một chút xúi ba động yếu ớt thôi, cũng không thấy được ánh quang minh, mà là một bầu trời đen tối, cho nên gọi là vô minh. Đó là loại thứ nhất. Chúng sanh trong mười pháp giới vẫn chưa phá được, không riêng gì lục đạo trong mười pháp giới, mà A La Hán, Bồ Tát, Bích Chi Phật, Phật. Phật trong mười pháp giới cũng chưa phá được, cho nên nếu quý vị hỏi họ ban đêm thấy thế nào? Họ sẽ nói ban đêm là một màn đen, vũ trụ là đen tối. Chúng ta ở gần mặt trời, quý vị xem ánh sáng quả mặt trời chiếu đến quả địa cầu này có tám phút, quý vị nhìn lên bầu trời thấy rất sáng, kỳ thực khi nhật thực quý vị sẽ phát hiện ra, bóng của mặt trăng đã che khuất mặt trời, che khuất mặt trời nên chúng ta không nhìn thấy, khắp nơi tối đen, vô minh hiện tiền. Nếu là người kiến tánh, Thường Tịch Quang của tự tánh hiển lộ, thấy vũ trụ sáng, trong vũ trụ không còn thấy bóng đêm.

Chúng ta đã phá được vô minh chưa? Kiểm nghiệm từ đây, sẽ thấy được rất rõ ràng. Từ vô thi vô minh khởi lên phân biệt, phiền não phân biệt này rất nặng, quý vị đã bước vào mười pháp giới, Tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới, so với lục đạo thì nó là tịnh độ, trong lục đạo nhiễm ô không thanh tịnh, còn nơi đó thanh tịnh không nhiễm ô, nên gọi là tịnh độ. Chỉ phân biệt, không chấp trước. Nếu từ phân biệt khởi lên chấp trước, lại đọa lạc xuống dưới, đọa lạc đến lục đạo. Lục đạo là nhiễm ô, trong nhiễm ô có

thiện ác. Ý niệm thiện, điều này cần nên biết, hoàn cảnh bên ngoài, cảnh tùy tâm chuyển. Trời đất do mình tạo nên, không liên quan gì đến người khác, quý vị khởi tâm động niệm là thiện, hành vi tạo tác là thiện, chiêu cảm ba đường lành. Nếu ý niệm bất thiện, ngôn ngữ bất thiện, sẽ chiêu cảm ba đường ác. Lục đạo từ đâu mà có? Tự mình tạo ra. Trong kinh đức Phật dạy rất hay: “tất cả pháp từ tâm tưởng sanh”, Ngài lại nói rằng: “tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm chuyển”. Tướng không những bao gồm diện mạo của chúng ta, mà bao gồm cả tình trạng sức khỏe nữa. Vì sao có người mạnh khỏe, tướng mạo trang nghiêm? Có người tướng mạo không đẹp, sức khỏe không tốt? do ý niệm không giống nhau, ý niệm này gọi là ý niệm thiện ác. Xã hội ngày nay loạn động, con người sống trên thế gian này vô cùng vất vả, nam nữ già trẻ, các hăng nghiệp cũng không ngoại lệ. Hiện tượng phổ biến là không cảm thấy an toàn, phiền não này rất nghiêm trọng. Nguyên nhân gì vậy? Bởi mê quá sâu dày, mê quá trầm trọng, đây là bệnh nặng, chứ không phải bệnh nhẹ đâu. Cho nên cõi người là một trong ba đường lành. Ngày nay cõi người hình như không phải là đường lành nữa rồi, mà nó giống như đường ngạ quỷ trong kinh đức Phật dạy, gần như đường ngạ quỷ, đường địa ngục vậy. Vì sao lại ra nông nỗi này? Cõi người, cõi trời cũng có bệnh nhưng nhẹ hơn một chút, nhưng ngày nay sao lại nghiêm trọng như thế? Là sao vậy? Không cần nói nhiều, ba mươi năm trước, năm 1977 lần đầu tiên tôi đến HongKong, tôi đã ở HongKong giảng kinh bốn tháng, khi đó HongKong rất đẹp, không như bây giờ, khác nhiều quá. Bây giờ con người tánh tình thô bạo, thật sự không cảm thấy an toàn, hiện tượng này vào thời đó không có. Trong cuộc sống có niềm vui, bây giờ không vui, chỉ có khổ thôi. Càng về trước xã hội càng an định, tuy cuộc sống vật chất thanh đạm nhưng có niềm vui. Nguyên nhân từ đâu vậy? Nguyên nhân do ngày xưa có người dạy. Dạy điều gì? Dạy luân lý, đạo đức, nhân quả. Cho nên họ khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác thiện nhiều hơn ác. Đạo lý nằm ở chỗ này. Ngày nay không có người dạy, không có bậc thiện nhân dạy, không có hàng người tốt dạy, nhưng vẫn có người dạy quý vị đấy. Ai dạy vậy? Ma vương ba tuần dạy quý vị. Ngày nay ma vương ba tuần nắm giữ quyền giáo hóa toàn cầu, tất cả nằm trong tay nó. Nó từng đến tìm tôi, nó nói với tôi, không được sự đồng ý của nó, xâm phạm đạo tràng của nó. Khi đó tôi không hiểu. Tôi nói tôi không hề xâm phạm đạo tràng của ông, nó cũng không biện giải gì. Sau này tôi mới hiểu ra, đạo tràng của nó là gì? ti vi, Internet, vệ tinh là đạo tràng của nó đấy. Đã lâu rồi chúng tôi dùng giảng kinh, chúng tôi cũng có một đài vệ tinh, cũng dùng mạng Internet, là xâm phạm đạo tràng của nó. Thì ra vệ tinh, ti vi, Internet đều nằm trong tay nó. Nó dạy điều gì? Nó dạy bạo lực, dạy sắc tình, dạy sát đạo dâm vọng. tôi mới hiểu ra. Trong tiểu thừa có hàng ma, trong đại thừa thì không có, Vì sao vậy? bởi ma cũng là Phật, nó cũng có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chỉ là nó cống cao ngạo mạn, tâm háo thắng rất mạnh. Tôi cũng lập một bài vị cho nó, xem nó như Bồ Tát vậy. Thật sự khi đó tôi không thương lượng với nó mà đã làm kênh ti vi, mạng Internet. Ngày nay ai dạy quý vị? ti vi dạy, Internet dạy, dạy con người hư hết. Nhân tố trong đây vô

cùng phức tạp, không thể trách bất cứ ai, chúng ta cũng không thể trách ma ba tuần. Mà là sao? Là đời đời kiếp kiếp, chúng ta quá chủ quan, không đem giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả phổ biến khắp thế gian, chúng ta đã bỏ qua, chúng ta quá chủ quan. Thế kỷ trước, trong một trăm năm, đời này không bằng đời trước, đến nay thì đã sụp đổ hết. Giống như bờ đê của con sông vậy, mấy ngàn năm trước bậc cổ nhân đã giữ vững bờ đê này, có một chút rò rỉ là phải sửa chữa ngay. Từ khi triều đại nhà Thanh diệt vong, Dân Quốc thành lập là bỏ qua rồi, đến này hầu như đổ vỡ hết. Hiện tượng thế nào? Đối với mỗi cá nhân mà nói, có rất nhiều tật bệnh, đặc biệt là bệnh truyền nhiễm, thân tâm chúng ta chịu khổ. Môi trường sống thì sao? Ngày nay mọi người nói về tai nạn của thiên nhiên, động đất liên tục, núi lửa thức dậy, sóng thần nghiêm trọng, những tảng băng ở Nam Bắc cực tan ra nhanh chóng, nước biển dâng cao, trong tương lai những thành phố vùng ven biển đều bị nhấn chìm.

Lần này tôi đến Italy, đặc biệt đến Uy Ni Tư xem, vì đó là thành phố trên mặt nước, có thể lần sau đi sẽ không thấy được nữa. Tôi thấy du khách ở Uy Ni Tư rất đông, người dân địa phương cho chúng tôi biết, bình quân mỗi ngày có hơn mười vạn người, đều là khách tham quan, chắc họ cũng muốn đến xem một chút, có thể qua vài năm sẽ không còn thấy nữa. Những thứ đó là gì? Đó đều là bệnh phát. Có thể cứu được chăng? Quý vị xem dự ngôn của người xưa, đều đã cảnh cáo chúng ta. Các nhà khoa học căn cứ vào sự chứng nghiệm phán đoán, sự thay đổi của quả địa cầu này không bình thường, nhiệt độ của Nam Bắc cực, năm mươi năm trở lại đây, đã thay đổi năm độ, cho nên khí hậu không được bình thường, đây đều là những triệu chứng không được bình thường. Chúng ta có cách nào cứu vãn chăng? Trong giáo pháp đại thừa nói, có, chắc chắn có. Bất cứ dự ngôn nào, hay sự suy đoán của khoa học, đều là cảnh giới ngay khi đó, những điều họ thấy không sai, nhưng những dự ngôn và suy đoán đó, đều không phải là định luận. Vì sao vậy? Bởi tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, tâm niệm của chúng ta thường xuyên thay đổi. nếu tâm niệm bất thiện, sẽ bị họ đoán đúng, và tai nạn sẽ hiện tiền. Nếu chúng ta biết được việc này, chuyển đổi ý niệm một chút. Chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, tai nạn sẽ không còn nữa. Kiểm nghiệm từ đâu đây? Từ ngay tự thân, chuyển ý niệm, thì thân thể mạnh khỏe, những tế bào bệnh độc, đều phục hồi trở lại bình thường. Đây là tự độ, tự mình cứu lấy mình. Ý niệm của chúng ta chuyển đổi, bệnh đau trên cơ thể của chúng ta chuyển đổi rồi, khu vực chúng ta ở đây, cảnh tùy tâm chuyển mà. Chỗ này có động đất, nhưng không bị động đất, có sóng thần, không bị sóng thần, có nạn ôn dịch, không bị ôn dịch. Đạo lý gì vậy? trong kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ, trong kinh Vô Lượng Thọ cũng nói rất rõ, bởi cảnh giới sẽ thay đổi theo ý niệm. Ý niệm của con người thiện, thì tất cả đều thiện. Đây nói về điều gì? Nói về đồng thời cụ túc tương ưng. Bởi tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ này, nó liên quan mật thiết với ý niệm của chúng ta. Cho nên bất luận là vô tình hay cố ý, khởi lên một ý niệm chắc chắn có sự ảnh

hưởng, và sự ảnh hưởng này rất sâu rộng. Chúng ta thật sự hiểu được, nhiều năm huân tu trong giáo pháp đại thừa như thế, đối với những lời dạy của đức Phật hiểu được rõ ràng. Ý niệm nào là tối thiện? là thiện trong thiện, thuần tịnh thuần thiện, chính là một câu A Di Đà. Quý vị thật sự buông bỏ vạn duyên, không có tạp niệm, từ sáng đến tối trong tâm chỉ có một câu A Di Đà, rất hữu dụng. Quý vị xem Lưu Tố Vân cư sỹ ở đông bắc cô ấy có được lợi ích chăng? Bị bệnh lao da ban đỏ nặng như thế, căn bệnh này còn nghiêm trọng hơn ung thư, chẳng phải một câu Di Đà là hết bệnh đó sao? Cô ấy từng đến đây, quý vị xem trên người cô ấy không còn một vết sẹo. Hỏi cô ấy chữa cách nào? Cô ấy nói niệm Phật.

Theo căn cứ của các nhà khoa học, ở đây họ nói về sự quan trọng của ý niệm, một thành phố có một trăm vạn người ở, một trăm vạn người, cần bao nhiêu người tâm thanh tịnh, khiến cho thành phố đó không bị thiên tai? Một trăm người chân chánh tu tập, một trăm vạn người trong đô thị này tạo nghiệp, một trăm người này là tiểu số, họ tu tập nghiêm chỉnh, có thể khiến cho tai nạn của những người tạo nghiệp đây giảm nhẹ đi. Được không? Ta có thể tin được chăng? Quý vị có tin không? Chỉ cần một trăm người. Tôi tin đấy! Tôi tin người xưa có nói, “tà không thắng chánh”. Một trăm vạn người tạo nghiệp, tuy rất nhiều nhưng đó là tà, tâm niệm của một trăm người này là chánh, tà không thắng chánh. Cho nên thiện tâm thiện niệm của một trăm người đây, có thể giữ cho thành phố một trăm vạn người này không bị thiên tai. Cả thế giới có hơn sáu mươi ức người, các nhà khoa học tính cần phải có bao nhiêu người, thì mới có thể cứu được quả địa cầu? Họ nói cần tám ngàn người là có thể cứu được quả địa cầu, tám ngàn người không khó tìm đâu. Các nhà khoa học kiến nghị với chúng ta, nói chúng ta dùng ti vi, dùng mạng Internet, không cần phải tập hợp một chỗ, tám ngàn người này ở khắp nơi tu tập chân chánh. Cho nên trong hiệp hội của chúng tôi khởi xướng tu Lục Hòa Kính, đây là việc hay, không cần tập hợp lại một chỗ. Bản thân quý vị thật sự có sứ mệnh này, thật sự giác ngộ, tôi tu tập trang nghiêm, tôi có thể giúp cho những chúng sanh khổ nạn. Đầu tiên là cứu chính mình, và cứu những chúng sanh khổ nạn sống trên quả địa cầu này. Rất có lý! Bản thân chúng ta cần suy nghĩ xem, kiếp này được làm người ở trên thế gian, để làm gì? Trong kinh đức Phật cho chúng ta một đáp án: “nhân sanh thù nghiệp”, đáp án này quá hay! Trong đời quá khứ hành thiện tích đức, kiếp này đến cõi người này hưởng phước, trả hết nghiệp báo đến để hưởng phước. Nếu kiếp quá khứ tạo ác nghiệp, kiếp này đến cõi người để thọ khổ, đến để thọ báo. Thứ ba là người giác ngộ, họ hiểu rõ, không thọ khổ vui. Họ đến đây làm gì? Đến nâng cao cảnh giới của mình, đến hóa giải khổ báo của chúng sanh, điều này có ý nghĩa, có giá trị. Cho nên bản thân tu tập trang nghiêm, chẳng những vì mình, mà còn vì tất cả chúng sanh khổ nạn trên thế gian, cần nghiêm chỉnh nỗ lực tu tập. Đức Phật dạy chúng ta: “lấy giới làm thầy, lấy khổ làm thầy”, hai câu này Ngài nói rất hay. Khi đức Phật còn tại thế, suốt đời Ngài làm bậc mô phạm cho

chúng ta , quý vị xem suốt đời Ngài sống cuộc đời lưu lạc, ngày ăn một bữa, tối ngủ dưới gốc cây. Đây là cuộc sống của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tài sản của ngài chỉ có ba y một bình bát, ngoài ra không có gì hết. Sự nghiệp của Ngài là hàng ngày dạy học, năm ba mươi tuổi khai ngộ, từ đó về sau bắt đầu dạy học, năm 79 tuổi viên tịch, giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm, không ngừng nghỉ một ngày nào. Một người cũng dạy, hai người cũng dạy, mấy trăm người, mấy ngàn người ngài cũng dạy. Đức Phật là nhà giáo dục, đức Phật là thầy giáo giỏi, chúng ta phải nhận biết rõ ràng. Ngài dạy điều gì? Giáo dục phổ biến thế gian, không ngoài luân lý, đạo đức, nhân quả, đây là phổ biến. Bậc lợi căn, họ không vừa lòng với những điều này, đức Phật mở cửa phương tiện, đặc biệt dạy cho họ, nếu dùng cách nói ngày nay, là ngài dạy khoa học, triết học.

Tôi đã vào đạo Phật từ con đường triết học, thầy của tôi là nhà triết học, thầy đã giới thiệu đạo Phật cho tôi. Thầy nói rằng: đức Phật Thích Ca Mâu Ni là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế gian này, triết học trong kinh Phật, là đỉnh cao của triết học trên thế giới, học Phật là sự hưởng thụ tối cao của đời người. Tôi đã đến với đạo Phật như thế. Thầy giáo còn nhắc nhở một câu: Ngày nay anh muốn học triết học trong kinh Phật, nó không ở trong chùa, nó ở đâu vậy? ở trong kinh điển. sự nhắc nhở này rất hay. Nếu đến chùa không thấy triết học, khoa học, sẽ cảm thấy thầy giáo có vấn đề. Thầy ấy đã nói với tôi rất rõ ràng như vậy. Những vị xuất gia trong chùa ngày xưa thật sự có học vấn, có đạo đức. Xã hội ngày nay thay đổi. vì sao vậy? bởi họ không học. Thế mới biết được đời này bản thân chúng ta nên đi con đường nào, mục tiêu cần truy cứu là gì?

Trương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, khuyên tôi học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi đã nhận lời. Tôi học Phật 59 năm rồi, giảng kinh dạy học 52 năm, không có đạo tràng, một mình đi khắp nơi, xem như pháp duyên không tòi, bất luận đi đến đâu cũng có người hoan nghênh tiếp đón. Nhưng rất tiếc, là bây giờ rất ít người học Phật. Vì sao vậy? Bởi quá vất vả, không chịu khổ thì không học được đâu, học Phật phải chịu được khổ, phải trì được giới. Giới là vô thượng bồ đề bản. Vô thượng bồ đề chính là thành Phật, thành Phật căn bản ở chỗ trì giới. Học giới luật từ đâu? Học từ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên. Giới luật của đạo Phật học từ Thập Thiện Nghiệp. Vì sao ngày nay Thập Thiện Nghiệp cũng không hành được? Thập Thiện Nghiệp đạo còn có nền tảng. Ngày xưa ba nhà Thích Đạo Nho, vừa nhập môn là cội rễ. Đệ Tử Quy của nhà Nho, Cảm Ứng Thiên của nhà Đạo, Thập Thiện Nghiệp của Phật giáo, nền tảng Thích, Đạo, Nho đều phải học hết, nhất định phải học tập từ Đệ Tử Quy, vì đó là nền tảng đầu tiên, giống như xây nhà vậy, đó là nền móng, Cảm Ứng Thiên là tầng một, Thập Thiện Nghiệp Đạo là tầng hai. Nếu quý vị không hạ thủ từ đây, thì quý vị không thể nhập môn được. Nhiều năm rồi, tôi đã đi qua nhiều quốc gia, tiếp xúc với rất nhiều người học Phật, đại đa số là đồng bào Hoa Kiều, cư trú ở hải ngoại. Mười năm trở lại đây, tôi tiếp xúc với nhiều tôn giáo trên thế giới, tôn giáo nào cũng hay, đúng một là tất cả, sự tu học của mỗi tôn giáo,

đều là hai câu này: phải trì giới, phải chịu được khổ, thì mới học được điều hay. Nếu không trì giới, không chịu khổ được, thì cũng vậy, cũng không thể nhập vào cảnh giới của thánh hiền. Điều này vô cùng quan trọng! đầu tiên là cứu chính mình, bản thân mình đời này có được cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn. Như thầy Phương giới thiệu với tôi, học Phật là sự hưởng thụ tối cao của con người. Nếu chúng ta không được sự hưởng thụ tối cao đó, thì uổng công học tập rồi! Sự hưởng thụ tối cao này, không phải là giàu có, chẳng phải có địa vị, không liên quan gì đến những thứ này. Sự hưởng thụ tối cao là gì? Là vui sướng! suốt ngày đều hoan hỷ. Đạo Phật nói pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ, như vậy đời này quý vị không bị luống qua. Niềm vui từ đâu mà có? Chẳng phải có từ bên ngoài đâu, mà từ nội tâm phát xuất ra, giống như mạch nước vậy, từ nội tâm lưu xuất ra, gọi là pháp hỷ sung mãn. Nhà Nho có, nhà Đạo cũng có. Quý vị xem câu đầu tiên trong Luận Ngữ: “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”, duyệt ở đây là hỷ duyệt vậy.

Không Tử có một môn sinh đặc ý tên Nhan Hồi. Nhan Hồi không có địa vị, bản dân, không có tiền của, là một người có đời sống vật chất thiếu thốn nhất trong số học trò của Không Tử, lấy giỏ đựng cơm lấy bầu đựng nước. Nghĩa là ngay cả cái bát ăn cơm cũng không có, dùng cái gì để ăn, dùng tre đan thành một cái giỏ làm bát đựng cơm, uống nước không có ly, dùng hồ lô để uống nước. Cuộc sống như thế, Phu tử nói rất hay, nếu là người khác, không ai có thể chịu nổi. Nhưng Nhan Hồi thì sao? Suốt ngày ông ta rất hoan hỷ, “Hồi dã bất cải kỳ lạc”, trong đám học trò người sống vui nhất là Nhan Hồi. Ông ấy vui điều gì? Bởi ông ta hiểu rõ những luân lý thánh hiền dạy, và thực hành những điều dạy đó, ông ấy làm được hết sao không vui được! Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đều tương ứng với Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, quý vị xem ông ta không vui sao được! Người thế gian tuy có địa vị rất cao, tiền của rất nhiều, nhưng họ không vui, cuộc sống rất đau khổ. Người thời nay đại phú trưởng giả, tôi đã gặp rất nhiều, tiền của có cả ức vạn, ban đêm không uống thuốc an thần thì họ chẳng thể nào ngủ được, quý vị xem họ có khổ không! Đâu có được sự tự tại như tôi!

Có người nói, suốt 49 năm rốt cuộc đức Phật đã giảng điều gì? Tôi cũng từng dùng câu này để hỏi một học trò, học trò này là giáo thọ của một trường đại học, học vị tiến sỹ đấy, cũng giảng kinh trong trường học cho học sinh. Một lần vào dịp tết, anh ta đến thăm tôi, tôi đưa ra câu hỏi này: suốt 49 năm đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp, rốt cuộc ngài đã giảng những gì? Anh dùng một câu để trả lời tôi. Anh ta không trả lời được, suy nghĩ 5,6 phút sau, không trả lời được, anh ta hỏi tôi. Tôi nói trong kinh có câu chỉ có 4 chữ thôi, trong kinh Bát Nhã nói, “chư pháp thật tướng”, dùng câu này trả lời có được chăng? Anh ta suy nghĩ nói, được! Chư pháp thật tướng, nếu nói rộng ra, chính là chân tướng của vũ trụ vạn hữu, 49 năm đức Phật đã nói về vấn đề này. Quý vị hiểu rõ chân tướng của vũ trụ vạn hữu rồi, sao quý vị không vui được. Đức Phật

thật sự có trí huệ, chân tướng này, ngài chia ra làm sáu điều. Thứ nhất nói về tánh, tánh là bản thể, trong triết học nói là bản thể. Thứ hai là tướng, tánh tướng, tướng là tất cả mọi hiện tượng. Thứ ba là lý, là đạo lý. Thứ tư là sự, lý sự. Cuối cùng là nhân quả, tổng cộng sáu chữ: tánh tướng, lý sự, nhân quả, nói rõ ràng hết. Khổng Tử nói rất hay: “sáng nghe đạo, chiều chết cũng được”. Thật sự hiểu rõ ràng rồi thì không còn sanh tử nữa, lấy đâu ra sanh tử? nó là giả chẳng phải chơn. Cho nên đạo Phật gọi là liễu sanh tử. Liễu sanh tử chẳng phải không có tướng sanh tử, đối với hiện tượng này quý vị hiểu một cách triết để. Sanh tử ở đâu? Sanh tử ở ý niệm, niệm trước diệt là tử, niệm sau sanh là sanh, trong khoảng sát na thôi. Tốc độ của nó quý vị không thể nào tưởng tượng được. Cho nên trong kinh đức Phật nói bất sanh bất diệt. Quý vị suy nghĩ thử xem, nếu thật sự bất sanh bất diệt, quý vị nói bất sanh bất diệt chẳng phải là câu nói thừa sao? Có sanh diệt, sanh diệt hầu như đồng thời, cho nên gọi là bất sanh bất diệt. Quý vị nói diệt thì nó sanh, quý vị nói sanh nó lại diệt. sanh diệt là một chẳng phải hai, gọi là bất sanh bất diệt, sanh diệt đồng thời. Quý vị không tìm thấy đâu, ngay cả dấu vết cũng không thấy. Cái thân này chúng ta dùng nó mấy chục năm, nó già rồi, không còn tốt nữa, ta đổi một thân mới. Giống như quần áo, quần áo dơ bẩn rồi, cũ rách rồi, ta đổi bộ mới. Rất tự tại! Tâm quý vị tốt, hành vi tốt, thân này càng đổi càng tốt.

Các nhà khoa học ngày nay cho biết, thân người do tế bào hợp thành, tế bào thay cũ đổi mới, sát na sát na sanh diệt, có chu kỳ là 7 năm, tế bào cũ không còn nữa, hoàn toàn mới. Chu kỳ 7 năm thay đổi hết, thời thời khắc khắc thay đổi, niệm niệm thay đổi. Chúng ta thấy giống như thay đổi linh kiện trong cơ khí . Thay linh kiện sao ta không thay cái mới? nếu thay cái mới thì cơ thể chúng ta chẳng phải ngày một tốt hơn sao? Vì sao lại thay vào cái già, cái cũ, cái mang mầm bệnh ? càng thay càng xấu đi. Nguyên nhân gì thế? Bởi quý vị không hiểu rõ chân tướng sự thật, hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, thì ta sẽ đổi cái mới, không còn đổi cái già nữa. Vì sao linh kiện này già? Bởi phiền não khiến nó già, lo âu làm nó già đây, chuyện là như vậy đây. Quý vị phiền não lo âu, tự tư tự lợi, tham sân si mạn, càng thay càng xấu đi. Nếu quý vị không có những thứ này, tâm địa thanh tịnh, những thứ thay đổi đều bình thường, đều tốt cả. Nếu quý vị thật sự thông hiểu đạo lý này, quý vị chấp nhận, đem tất cả những ý niệm bất thiện thay đổi hết, khôi phục lại tâm địa giống như chư Phật Bồ Tát. Tâm địa của chư Phật Bồ Tát là thế nào? Trên đề kinh này có nói đến, là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, tôi thêm vào trước sau hai chữ, trước thêm hai chữ Chân Thành, Chân Thành, Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Chánh Giác, Từ Bi, tổng cộng có mười chữ. Niệm niệm tương ứng với mười chữ này, sẽ không bị bệnh tật, không bị già nua. Vì sao vậy? Bởi tâm địa của quý vị bình thường, tế bào thay cũ đổi mới đều bình thường. Đạo lý ở chỗ này! Có hiệu quả chăng? Có hiệu quả, rất có hiệu quả!

Mười mấy năm nay, tôi đã tham dự rất nhiều hội nghị quốc tế, những người tham dự hội nghị rất cung kính tôi, hầu như đều hỏi chung một vấn đề, là dùng phương pháp gì bảo dưỡng cơ thể. Tôi nói không có gì hết, tôi không ăn những thứ bổ, cuộc sống rất đơn giản, tôi ăn chay, và ăn rất ít. Bảo dưỡng cách nào đây? Tâm thanh tịnh! Tư tưởng của tôi rất đơn thuần, hàng ngày ngoài việc đọc kinh, đọc sách thánh hiền, những thứ khác tôi buông bỏ hết. Mấy chục năm rồi không xem ti vi, không nghe đài, không đọc báo, không xem tạp chí. Vì sao vậy? bởi những thứ đó là ma, tạo thành như một cái lưới vậy. Nó có năng lực chế tạo, tôi cũng có năng lực cự tuyệt, không bị nó dụ dỗ. Hàng ngày chúng ta tiếp xúc với kinh điển đại thừa, làm bạn với chư Phật Bồ Tát, giao lưu với chư Phật Bồ Tát, tâm quý vị mới thanh tịnh được. Không dính mắc danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, vui biết bao, tự tại biết bao! Đây chính là phương pháp dưỡng sinh của tôi. Sau khi học Phật pháp rồi, kinh điển đại thừa là lý luận để y cứ, chỉ cần tâm hành, tương ứng với Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là chính xác. Đây là phương pháp dưỡng sinh của chư Phật Bồ Tát. Giữ tâm như thế, sau đó thầy giáo hướng dẫn chúng ta nhìn thấu buông bỏ. Nhìn thấu là hiểu rõ, hiểu rõ tánh tướng lý sự nhân quả của vũ trụ vạn hữu, phải nhìn thấu. Sau khi hiểu rõ rồi đương nhiên phải buông bỏ, không để tâm dính mắc những thứ này. Ý niệm thiện trong thiện, tịnh trong tịnh, thuần trong thuần, chính là bốn chữ A Di Đà Phật, trong tâm luôn luôn có câu A Di Đà Phật, quý vị sẽ bình an, trong Phật pháp gọi là được độ, tôn giáo khác nói là được cứu rỗi. Đây là sự thật không phải giả dối đâu. Cho nên ý niệm làm chủ tất cả, ý niệm ở mình chứ không phải ở người khác, tự mình làm chủ chính mình, làm chủ tất cả, thân tâm khỏe mạnh, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, thế giới hòa bình, hoàn toàn ở ý niệm của quý vị. Đây chính là “tất cả pháp từ tâm tướng sanh” mà trong kinh thường nói, trong kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Tâm là chân tâm, tự tánh, biến pháp giới hư không giới đều do tự tánh biến hiện ra. Tự tánh của ai vậy? tự tánh của chính mình. Tự tánh của mình và tự tánh của người là một tự tánh, cũng đồng với tự tánh của chư Phật Như Lai, đồng với tự tánh y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, đồng với tự tánh của hiện tượng tự nhiên sơn hà đại địa, cho nên nó thông suốt. Nếu quý vị thật sự kiến tánh thì sẽ thông hết, quý vị sẽ hiểu được vũ trụ và mình là một thể. Giác ngộ rồi quý vị chuyển cảnh giới chứ không còn bị cảnh giới chuyển nữa, như thế mới có thể được đại tự tại.

Muốn không bị cảnh giới chuyển, đầu tiên phải biết, buông giả, giữ chân. Chân là tự tánh, là tánh đức, quý vị nắm bắt được điều này, trong đây có chân lạc. Người xưa có câu: “thế vị sao đậm bằng pháp vị”. thế gian là gì? Niềm vui ở cõi người cõi trời, không thể sánh bằng pháp vị. Pháp là gì? Pháp là tự tánh, có trong tự tánh. Tuy tự tánh không phải vật chất cũng chẳng phải tinh thần. Đại sư Huệ Năng cho chúng ta biết, nó “vốn tự đầy đủ”. Tự tánh đầy đủ điều gì? Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy rằng: “tất cả chúng sanh đều có đức tướng và trí huệ của Như Lai”, đây chính là nội

dung của chữ “đầy đủ”. Đầy đủ điều gì? Vô lượng trí huệ, trí huệ không phải có từ bên ngoài, vốn sẵn có vô lượng trí huệ. Đức hạnh, là vô lượng đức năng, đức năng bao gồm tài nghệ. Cuối cùng là tướng hảo, tướng hảo chính là phước báo mà người đời thường nói, đều là viên mãn, không hề khiếm khuyết điều gì. Chỉ cần quý vị trừ được chướng ngại, buông được chướng ngại, thì trí huệ đức năng của tự tánh sẽ hiện tiền. Đây thật sự là nguồn gốc của pháp hỷ sung mãn, và thường sanh tâm hoan hỷ, họ không vui sao? Mục tiêu của đạo Phật là phá mê khai ngộ, ly khổ đắc lạc, không phải dạy quý vị chịu khổ, mà dạy quý vị ly khổ đắc lạc. Người đời cho danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần là vui. Đức Phật nói những niềm vui đó là gì? Là heroin, là á phiện, quý vị phải trả giá rất nhiều! Đức Phật nói lạc ở đây được lưu xuất từ tự tánh, là đức tướng trí huệ, là tự nhiên, là vĩnh hằng, là bất sanh bất diệt, những điều hư vọng, những thứ giả phải buông bỏ, quý vị thật sự tìm lại sự vĩnh hằng, thật sự sẵn có. Người xưa cho chúng ta biết bản tánh bản thiện, “nhân chi sơ tánh bản thiện”, đó là lạc. Thiện ở đây chúng ta dùng giáo pháp đại thừa giải thích, chính là trí huệ đức tướng viên mãn đầy đủ, đó là thiện, thiện ở đây không phải thiện đối với ác.

Đạo Phật truyền vào Trung Quốc, được người xưa chấp nhận, mà còn sai sứ giả đi thỉnh về, vào thời Hán Minh Đế. Thật sự giống như Thang Ân Tử nói, người xưa có sự rộng lượng này, chấp nhận bao dung nền văn hóa dị tộc Phật giáo từ Ấn Độ, là dị tộc rồi, nền văn hóa dị tộc mà chúng ta chấp nhận, Phật pháp là khiến cho nền văn hóa truyền thống của xưa thêm phong phú, điều này không phải giả đâu. Quý vị xem người xưa nói: “nhân chi sơ tánh bản thiện”, chỉ một câu này thôi, nhưng thông thường người ta cho rằng thiện đối với ác, nên hành thiện, Ngũ Luân là thiện, Ngũ Thường là thiện, Tứ Duy, Bát Đức là thiện, không nên rời xa những thiện pháp này, tương lai đi về đâu? Về Thiên đường, đó là thiên đạo. Nếu dùng pháp đại thừa giải thích thì người này thành Phật. Thiện đó là gì? Thiện đó là đức tướng trí huệ vốn đầy đủ trong tự tánh. Đây chính là Phật pháp làm cho nền văn hóa truyền thống của xưa thêm phong phú.

Trong Đệ Tử Quy có câu: “phiếm ái chúng, nhi thân nhân”, thông thường người ta giải thích “phiếm” nghĩa là rộng lớn, phải yêu thương tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh ở đây là chỉ cho con người, cùng lắm là đến loài động vật, thương yêu con người và thương yêu động vật, bởi động vật có tình. Nhưng chữ “chúng” trong đạo Phật rất rộng. trong đạo Phật thế nào gọi là chúng sanh? hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi gọi là chúng sanh, ý nghĩa này vô cùng rộng lớn. quý vị nghĩ xem trong vũ trụ, bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, lớn như vũ trụ, nhỏ như tiểu quang tử trong lượng tử, đều là hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi. cho nên dùng giáo pháp đại thừa giải thích, thì ái ở đây rất rộng, chẳng những thương yêu con người, thương yêu động vật, mà còn thương yêu hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, phải thương yêu tất cả muôn sự muôn vật trong vũ trụ này. Tình thương này mở rộng ra, bao trùm khắp vũ trụ. “Ái

tâm biến pháp giới, thiện ý mãn nhân gian”. Phật pháp đã khiến cho nền văn hóa truyền thống xưa thêm phong phú, nâng cao nền văn hóa truyền thống xưa, nâng cao lên ngang hàng với đại thừa cứu cánh viên mãn.

Nếu chúng ta không tiếp nhận Phật pháp, thì nền văn hóa truyền thống xưa không đạt đến cảnh giới này. Cho nên chúng ta học tập, có một cảm xúc rất rõ ràng, các vị cổ thánh tiên hiền đưa ra đại cương, dùng Phật pháp để giảng rõ đại cương này. Hiểu rõ đạo lý này rồi, người học Phật tâm lượng phải mở rộng ra, phải bao dung nhưng tôn giáo khác trên thế giới. Trong kinh điển của mỗi tôn giáo đều có những điều hay, ta nghiêm chỉnh học tập, hấp thu những điều hay đó của họ, làm phong phú giáo pháp đại thừa của chúng ta. Đây là thái độ học vấn chính xác đấy, không nên có tâm phân biệt, cái gì của mình là hay nhất, người ta không bằng mình. Đây là câu nói có thói xấu rất lớn trong đại thừa.

Lần này tôi và sáu tôn giáo cùng nhau tham vấn, tôi đưa ra một ví dụ để đàm luận với họ, điều này tôi thường nói. Chúng ta xem chân lý của vũ trụ như một cơ thể của con người, nền văn hóa bất đồng đều ở trên một thân người. Mắt là một nền văn hóa, tai là một nền văn hóa, mũi là một nền văn hóa. Bên ngoài năm căn, bên trong lục phủ, đều có nền văn hóa bất đồng. Nếu quý vị cho rằng, văn hóa của tôi là số một, cặp mắt là số một, còn những văn hóa khác không bằng tôi. Thử hỏi xem quý vị mạnh khỏe hay bị bệnh? Chỉ có con mắt tốt, còn những thứ khác không được, quý vị bị bệnh rồi, bệnh rất nặng đấy! Tâm trạng này không được lành mạnh, bị bệnh rồi. Phải đối xử thế nào đây? Mỗi khí quản của tôi đều là số một, không có số hai. Cơ thể của tôi mạnh khỏe không bị bệnh. Trên địa cầu này nhiều quốc gia, mỗi quốc gia đều là số một, không có số hai. Mỗi bộ tộc đều là số một, mỗi tôn giáo cũng là số một, thì địa cầu này chính là thiên đường, địa cầu này chính là thế giới Cực Lạc. Những người sống trên quả địa cầu này, cần nên quay về phương hướng đó nỗ lực tiến tới, nó có giá trị, có ý nghĩa. Đừng xem mình là số một, người khác không bằng mình, sai lầm lớn đấy! Chẳng những quý vị không được số một, mà còn lạc hậu nữa, sai lầm rồi! Quan niệm sai lầm mau chóng sửa đổi lại. Trong cuộc đời này, ta có phương hướng chính xác, mục tiêu chính xác, quý vị nghĩ xem sung sướng biết bao! Ta đi trên con đường Đại Bồ Đề, đây là tiếng Ấn Độ, dịch sang tiếng Trung là Giác Ngộ, giác mà không mê. Người Ấn Độ gọi là giác, người TQ gọi là thánh, thánh hiền. Thánh có nghĩa là gì? Thánh nghĩa là hiểu rõ, người hiểu rõ chân tướng sự thật, gọi là thánh nhân. Thánh nhân, thần nhân, Phật, cùng một ý nghĩa, chỉ là danh từ bất đồng, nội dung hàm nghĩa hoàn toàn tương đồng. Cho nên không nên chấp tướng danh tự.

Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta: “Nghe kinh thuyết giáo không nên chấp trước tướng ngôn thuyết. Ngôn ngữ nói nhiều nói ít, nói sâu nói cạn đều không quan trọng, quan trọng là ý nghĩa của nó, ý nghĩa của nó thuần chánh, tiêu chuẩn

thuần chánh chính là chân tướng sự thật, chân tướng sự thật, tuyệt đối chính xác. Tinh thần khoa học cầu điều này, Phật pháp cũng không ngoại lệ, cũng xem điều này là số một, cho nên Phật pháp là khoa học.

Ngày xưa khi tôi học triết học, Thầy Phương đã giới thiệu với tôi đạo Phật, thầy giảng về đỉnh cao của triết học, chúng tôi học gần sáu mươi năm, sang năm là 60 năm rồi, khẳng định rằng kinh Phật là khoa học tối cao. Những điều khoa học, triết học ngày nay không giải quyết được, đều nằm trong giáo lý đại thừa. Nhưng đáng tiếc, họ cho rằng đó là tôn giáo, là mê tín, không chịu tiếp cận. Đó là gì? Đạo Phật gọi đó là không có phước báo. Nếu thật sự có phước, khi tiếp cận sẽ làm cho nền học thuật của họ thêm phong phú, những điều nan giải trong triết học sẽ được giải quyết, những điều tối cao trong khoa học cũng được phát hiện ra, không tiếp cận, chẳng có phước báo. Những điều hay ngay trước mắt mà không nhận ra, điều này nên trách mình, chứ chẳng thể trách người, cho nên Phật pháp là pháp bình đẳng, không có gì chẳng bình đẳng. Mỗi người đều là số một, về thế giới Cực Lạc rồi, thật sự mỗi người đều là số một, cho nên người ở thế giới Cực Lạc là thân Kim Cang Bất Hoại, thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng đẹp, chẳng phải chỉ có 32 tướng 80 vẻ đẹp. Chúng ta nghe rồi cũng không cần phải ngưỡng mộ, cũng chẳng cần phải tự ti mặc cảm. Vì sao vậy? Bởi đó do tâm biến hiện ra, chỉ cần chúng ta buông bỏ vọng niệm, buông bỏ những thứ không bình thường này, buông bỏ hết, thì những điều hay đẹp ở thế giới Cực Lạc, đều sẽ hiện ra ngay đây. Trong tâm đại thừa không có đối lập, đây là điều những người tu tập pháp đại thừa chẳng thể không hiểu, không đối lập có nghĩa là bình đẳng, có đối lập là không bình đẳng rồi. Trong đại thừa không có pháp nào chẳng chân thành, chân thành là bản thể của tự tánh, giống như vàng và vàng khí vậy, nó là vàng thiệt, nên hiện ra tất cả tướng đều là thuần vàng, không có gì chẳng chân thành, thấy điều gì cũng chân thành. Vì sao vậy? Bởi tất cả đều là tự tánh. Sau khi khai ngộ, không có pháp nào chẳng phải, thật sự thế giới bình đẳng, thế giới thanh tịnh, thế giới viên mãn, đều ở trong đại thừa. Đại thừa ở đâu? Đại thừa ở trong tự tánh của chúng ta, đại thừa ở trong tâm của chúng ta, đại thừa ở chỗ hành vi của chúng ta, đại thừa trong thân, trong cuộc sống của chúng ta. Rất hữu dụng! chẳng phải học mà không dùng được, học rồi lập tức dùng được ngay. Cho nên năm 70 tiến sỹ Thang Ân Tử người Anh, có nói: “muốn giải quyết những vấn đề xã hội ở thế kỷ 21, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và giáo pháp đại thừa của Phật giáo”. Câu này ông ta nói rất nhiều lần, người hiểu được không nhiều, người hiểu sai ý nghĩa của nó rất đông. Ông ta nói không sai tí nào. Học thuyết Khổng Mạnh là nền tảng vào đại thừa tốt nhất. Người xưa rất thông minh, đức Phật Thích Ca Mâu Ni vốn dùng tiểu thừa làm nền tảng, cho nên trong kinh đức Phật dạy rõ ràng: “Đệ tử Phật, không học tiểu thừa trước, học đại thừa sau, thì chẳng phải đệ tử Phật”, Ngài không thừa nhận quý vị, đây là chỗ ngài nhấn mạnh tầm quan trọng của tiểu thừa. Đạo Phật truyền vào TQ, vào đời Tùy Đường tiểu thừa rất

hung thịnh, kinh điển tiêu thừa được phiên dịch tương đối đầy đủ. Tứ A Hàm trong đại tạng kinh của chúng ta ngày nay, là kinh tiêu thừa, đem so với đại tạng kinh Pali của Phật giáo Nam truyền, có thể nói hầu như được phiên dịch một cách viên mãn, đại tạng kinh Pali của Phật giáo nam truyền, so ra chỉ nhiều hơn của chúng ta khoảng 50 bộ, hơn ba ngàn bộ kinh chỉ nhiều hơn 50 bộ, cũng không đáng là bao, đã hoàn chỉnh như vậy đó. Ở TQ thành lập hai tông phái là Câu Xá Tông và Thành Thật Tông, nhưng hai tông phái này đến Đường triều Trung Diệp thì suy thoái, đến triều Tống không còn nữa. Phật giáo TQ ngày nay chỉ có tám tông phái đại thừa. Có phải người TQ làm trái với lời dạy của đức Thế Tôn chăng? Không! Người TQ dùng Nho và Đạo thay cho tiêu thừa, làm nền tảng cho đại thừa. Từ triều đại nhà Đường đến nay, hơn 1700 năm, đời đời cao tăng cao sỹ, người cư sỹ tại gia học Phật thành tựu rất nhiều, không thua gì Ấn Độ, chúng ta quan sát kỹ, thành tích tu học của chúng ta vượt hơn Ấn Độ rất nhiều. TQ nhiều năm rồi, trên hình tướng có Thích Đạo Nho, trên thực tế chỉ là một thể, học tập hết. Phật giáo dẫn đầu, quý vị xem học Phật phải học Nho học Đạo, lấy đó làm nền tảng, là môn học bắt buộc. Đạo Phật làm như vậy, đạo Nho làm như vậy, Nho học sách Lão Trang, cũng học kinh Phật, Đạo Lão cũng như vậy, Đạo Lão cũng học kinh Phật, cũng học Tứ Thư Ngũ Kinh của đạo Nho. Cho nên trên thực tế ba đạo này đã dung thành một thể, bên ngoài hình tướng phân biệt, bên trong không phân biệt, Thích Đạo Nho thường cùng nhau thảo luận, nghiên cứu, chia sẻ. Điều này làm nên nền văn hóa truyền thống TQ, cũng là nét đặc sắc của nền văn hóa truyền thống TQ. Bao dung! Vui vẻ hấp thụ tinh hoa của người khác để nâng cao chính mình, thế nên hơn 1700 năm về trước, vào triều đại nhà Đường tinh thần này rất hưng thịnh. Chúng ta hiểu được rồi, cho nên ta phải học tập, trên thế giới có rất nhiều nền văn hóa khác nhau, chúng ta nên tiếp xúc, học tập với họ, để vun bồi mình, làm cho mình phát triển rộng rãi, như thế mới đúng. Cho nên Tịnh Tông Học Viện ở Úc Châu của chúng tôi, tháng 7 năm nay bắt đầu, tôi đã mời hai thầy Hồi giáo và đạo Cơ Đốc, mời A Hoanh và Thần phụ của họ, tới dạy ở học viện của chúng tôi, mời họ làm giáo thọ ở học viện của chúng tôi. Chúng ta phải nghiêm chỉnh học tập kinh điển của các tôn giáo khác, bất đồng văn hóa, chúng ta dẫn đầu. Sau khi có thành tích rồi, tôi tin rằng sẽ có sự ảnh hưởng, mọi người đều cần nên học tập. Đối với người phải tôn trọng và lễ kính, không thể nói mình là số một, mình là độc nhất, không nên nói như vậy, bản thân nên khiêm hạ, “mãn siêu tôn, khiêm thọ ích”, lời dạy của người xưa nên khắc ghi cho kỹ.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây

Tập 55

Chuyên ngữ: Tử Hà

Giảng ngày 12 tháng 06 năm 2010

Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi bốn, hàng thứ hai từ dưới đếm lên, chúng ta xem Tứ

Tứ, chư pháp tương tức tự tại môn. Thượng hiển tương dung, thử biểu tương tức. Tấn dịch Hoa Nghiêm Thập Trụ Phẩm vân: Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất, ví như thủy chi dữ ba, dĩ thủy dụ nhất, dĩ ba dụ đa, ba tức thị thủy, thủy tức thị ba, bỉ thử tương tức, nhi các tự tại. Cổ vân tương tức tự tại.

Đây là giải thích tiêu đề thứ tư. Đoạn trước *nhất đa tương dung và quảng hiệp tự tại*, đều nói lên sự tương dung của tất cả pháp, chẳng những tương dung mà còn tương tức. Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất. Thập Môn đều nói về thật tướng của các pháp, về chân tướng của tất cả các pháp. Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, là cảnh giới của chư Phật Như Lai. Khế nhập được cảnh giới này, trong tông môn chính là đại triệt đại ngộ, ở giáo hạ gọi là đại khai viên giải, tịnh độ tông gọi là lý nhất tâm bất loạn. Từ đó cho thấy nghĩa lý của bộ kinh này, vô cùng sâu sắc. Còn sự thì sao? sự ở ngay trước mặt chúng ta, ngay trong cuộc sống hàng ngày. Chư Phật Bồ Tát, đây là Bồ Tát pháp thân, các ngài giác mà không mê, chúng sanh trong mười pháp giới, chúng ta càng không cần nói đến, mê mà không giác, sự ở ngay trước mắt, nhưng mê mà không giác. Tác dụng của giác là gì? Tác dụng của giác là sự sự vô ngại, chúng ta ngày nay sự sự đều bị chướng ngại. Thật sự đã nhiều năm rồi, làm một chút việc tốt thôi mà chướng ngại trùng trùng. Đó là gì? Là mê mà không giác. Cho nên đoạn kinh văn của khoa này, nghĩa là một đoạn dài nói về Thập Huyền Môn, đối với việc tu học của chúng ta, giúp rất nhiều trong việc nâng cao cảnh giới, và giác ngộ của chúng ta. Cho nên ở đoạn này chúng ta dùng nhiều thời gian, nghiêm chỉnh học tập.

Đại sư dẫn chứng kinh Hoa Nghiêm, chỉ cho bộ Lục Thập Hoa Nghiêm dịch vào đời Tấn. Trong kinh có câu này : “ nhất tức thị đa, đa tức thị nhất”. Ý nghĩa của câu này rất thâm sâu, nhất là nhiệm nhất, chứ không phải là định nhất. Nhất chính là tất cả pháp, một pháp. Thế nào gọi là một pháp? Một vi trần gọi là một pháp, một cọng lông cũng gọi là một pháp.

Đa có nghĩa là gì? Đa là pháp giới, đa là vũ trụ. Vì sao gọi là “nhất tức thị đa, đa tức thị nhất” ? Bởi tất cả pháp không rời tự tánh. Chúng ta học tập lâu rồi, ít nhất cũng phải có khái niệm, tất cả pháp từ đâu mà có? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Chúng ta nói tâm hiện, tâm đây là tự tánh. Một pháp từ tự tánh hiện ra, tất cả pháp cũng từ tự tánh hiện ra. Nó là một hay là đa?

Trong cuốn Sớ Sao của ngài Thanh Lương, đoạn dưới đây cũng dùng: *Hữu Đại Sớ vân, như kim dữ kim sắc, nhị bất tương ly*. Kim là một pháp, kim sắc cũng là một pháp. Kim ví cho *thể*, sắc ví cho *tướng*. Từ từ chúng ta sẽ hiểu được ý nghĩa này. *Thể* là tịch, trong tịnh độ gọi là Thường Tịch Quang. *Thể* là Tịch, là bất động. *Tướng* là Quang, Tịch Quang. *Nhị bất tương ly* là Thường, vĩnh hằng bất biến, nó khởi tác dụng, thể có biến hóa hay không? Không! *Thể* biến thành hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, sao lại nói là không biến hóa? Biến ở đây là thức biến, thức là vọng thức, nó không có thật, nó là giả, là vọng. Vọng nương chân khởi, nếu không có chân lấy đâu ra vọng! Cho nên đức Phật dạy chúng ta chân vọng không hai. Đây đều là chân tướng sự thật, nếu quý vị giác ngộ sẽ thấy vọng chính là chân, chân không rời vọng. Sự khác biệt giữa giác và mê ở chỗ nào? Khi giác rồi không chấp trước, chẳng những không chấp trước mà cũng không phân biệt, chẳng những không phân biệt, mà đối với tất cả pháp không khởi tâm không động niệm. Đó là giác, cho nên được sự lợi ích vô ngại, tự tại vô ngại. Khi mê cùng sắc, cùng tâm, cùng nhất cùng đa đều không được tự tại, nơi nơi đều chướng ngại. Chướng ngại từ đâu mà có? Chướng ngại từ mê mà có, từ bất giác mà có, chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật này.

Làm thế nào để nhập vào cảnh giới Hoa Nghiêm? Cảnh giới Hoa Nghiêm và cảnh giới của thế giới tây phương Cực Lạc, không hai không khác. Nếu quý vị nhập được cảnh giới Hoa Nghiêm, vĩnh sanh về thế giới tây phương Cực Lạc, quý vị sẽ sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ, quý vị không ở Phương Tiện Độ, cũng không ở Đồng Cư Độ, nâng cao lên rất nhiều. Việc này ngày nay có cần nghiêm chỉnh học tập hay không? Cần! trong kinh đức Phật dạy chúng ta, tu tập ở thế giới Ta Bà này một ngày, bằng tu một trăm năm ở thế giới Cực Lạc. Từ đó cho thấy, nếu chúng ta ở nơi này vào lúc này, hiểu rõ được việc này, hiểu rõ ràng gọi là nhìn thấu, nhìn thấu rồi tự nhiên sẽ buông bỏ. Vì sao bây giờ không buông bỏ được? bởi không nhìn thấu, coi cảnh giới tướng là thật, cho ta là thật có, người cũng là thật, môi trường cũng thật, mà không biết tất cả là giả, không có thật. Cho nên trong kinh Bát Nhã, Kinh Kim Cang quý vị đã đọc rất nhiều, quý vị xem trong kinh Kim Cang đức Phật dạy rất rõ ràng: “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Thế nào gọi là “pháp hữu vi” ? Y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới đều là pháp hữu vi, Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác trong mười pháp giới, đâu chẳng phải là pháp hữu vi ? Hữu vi có nghĩa là có sanh có diệt. Chúng được vô vi thì không còn trong mười pháp giới nữa, ít nhất là đạt đến Thật

Báo độ của chư Phật Như Lai. Vì sao vậy? Bởi trong kinh nói về Thật Báo độ rất rõ ràng, đức Phật nói nghe rất thú vị, gọi là hữu sanh vô diệt, Thường Tịch Quang độ bất sanh bất diệt, Thật Báo Trang Nghiêm độ hữu sanh vô diệt, thập pháp giới hữu sanh hữu diệt, đây là nói về hiện tượng trước mắt, quý vị cảm nhận được, trên thực tế thì nói đến chư pháp tương tức, sanh diệt bất nhị, mê ngộ là một, càng giảng càng huyền, huyền nghĩa là diệu, đối với người sơ học ngày càng thấy khó, không biết chư Phật Bồ Tát nói gì, chúng ta không hiểu được. Nghe không hiểu đừng sợ, không nên hoài nghi, chư Phật Bồ Tát nói mỗi câu mỗi chữ đều là lời chân thật, chúng ta bị mê, không phải cảnh giới trước mặt chúng ta, khi nào chúng ta phá mê khai ngộ thì sẽ hiểu thôi.

Ví dụ trong kinh rất hay, từ ví dụ chúng ta có thể phảng phất lý giải được, ngài dùng thủy và ba làm ví dụ. Thủy dụ cho nhất, ba là sóng, dụ cho đa. Chúng ta ở HongKong, Hongkong ở vùng bờ biển, Hongkong, Cửu Long là một eo biển, nước ở đây là nước biển, nước mặn, hàng ngày chúng ta đều thấy nước và sóng, ngày nào cũng thấy. Sóng là nước, nước là sóng. “Tức” ở đây nói đơn giản có nghĩa “chính là”, nước chính là sóng, sóng chính là nước. Vì sao lại dùng hai danh xưng như vậy? hai danh xưng vì nó hiện ra tướng không giống nhau. Nước là tĩnh, khi bất động chúng ta gọi là nước, khi nổi sóng chúng ta gọi là sóng. Sóng và nước là một chẳng phải hai. “bỉ thử tương tức”, nước chính là sóng, sóng chính là nước, bỉ thử tương tức. “Nhi các tự tại”, tuy mỗi mỗi tương tức, nhưng nước vẫn là nước, ba vẫn là ba, mỗi mỗi tự tại. Chính là tương tức tự tại trong Huyền Môn nói, dùng cái này làm ví dụ, dụ cho cái gì? Dụ cho tất cả pháp. Ví dụ này rất dễ hiểu, tất cả pháp tương tức tự tại, cũng giống như nước và sóng vậy, điều này có thể chúng ta thấy khó. Chúng ta đổi một ví dụ khác xem có phải như vậy không. Khoa học ngày nay phát triển, đứng về mặt ví dụ mà nói, chúng ta càng được nhiều tư liệu hơn. Thân người ví như một người, đây là nhất, một đoàn thể là đa, Hiệp Hội Phật Đà Giáo Dục của chúng ta là đa, nhiều người cùng nhau học tập, là đa. Nhất ở trong đa, trong đây có thể thấy được nhất đa tương tức, nhất đa tự tại. Một người ở trong đoàn thể, là một nhân viên trong đoàn thể, khi nói đến đoàn thể thì có chúng ta ở trong đó, giống như sóng và nước vậy. Đứng về phía thâm sâu mà nói, cơ thể của chúng ta là đa. Vì sao vậy? Bởi cơ thể do nhiều khí quản hợp thành, mỗi khí quản đều độc lập riêng, nó tự tại, hợp thành một cơ thể, cơ thể là đa, cơ thể cũng là tự tại, mỗi khí quản đều tự tại. Nếu dùng phương pháp khoa học ngày nay phân ra, khí quản do nhiều phân tử hợp thành, phân tử do nguyên tử hợp thành, thế nên càng nhiều, một cơ thể này có bao nhiêu nguyên tử. Mỗi nguyên tử là nhất, cả cơ thể là đa, hợp thành một cơ thể này. Chúng ta nên biết, những nguyên tố hợp thành này, nguyên tử, điện tử, thay cũ đổi mới, nó không vĩnh hằng, sát na sát na sanh diệt, sanh diệt là mỗi cái mỗi cái sanh diệt, nó không trở ngại đoàn thể, giống như đoàn thể của chúng ta vậy, một người đi rồi, lại thêm một người gia nhập, giống như tổ chức trong cơ thể của chúng ta, tình trạng giống nhau, chúng ta không cảm nhận được,

mất một tế bào cũ lại thêm vào một tế bào mới. Trên thực tế đúng như đức Phật dạy tương tức tự tại. Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy chúng ta điều gì? Là nói về chỗ cứu cánh viên mãn của khoa học và triết học. Khoa học ngày nay tiến bộ, giúp chúng ta giải quyết được rất nhiều vấn đề, chứng minh những điều trong kinh đức Phật nói. Kinh Hoa Nghiêm nói: Đức Thế Tôn đưa ra một ví dụ, trong Sớ có ghi và cũng chính là điều trong kinh đức Phật nói. Đại Sư của Thanh Lương đại sư, ngài viết rằng: “chí ư bản kinh”, trong kinh Vô Lượng Thọ có câu này không? Có! Bản kinh, Pháp Tạng Nhân Địa Phẩm”, đây là phẩm thứ tư, có một đoạn kinh văn như vậy:

“Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh

Hữu tình các các tùy loại giải

Hựu năng hiện nhất diệu pháp thân

Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến”

Trong đây nói về hai việc, thứ nhất là đức Phật thuyết pháp, điều này quý vị đều biết, cách nói này trong kinh điển đại thừa rất nhiều. Đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh các các tùy loại giải. Ở đây nói Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh, Hữu tình các các tùy loại giải, cùng một ý nghĩa. Một âm là nhất, tất cả chúng sanh là đa. Một âm thanh này đến bên tai của mỗi chúng sanh, đều biến thành âm thanh mà bản thân họ có thể hiểu được. Nếu chúng ta hỏi đức Phật đã nói chưa? Đức Phật nói rồi! Rồi cuộc ngài nói như thế nào? Nếu đức Phật thật sự nói rồi, trong hội chúng, đức Phật nói bằng ngôn ngữ nào, ai hiểu được ngôn ngữ đó thì sẽ hiểu, ngôn ngữ khác họ không hiểu. Quý vị nghĩ xem rồi cuộc đức Phật nói bằng ngôn ngữ nào? Vì sao tất cả chúng sanh đều hiểu được? Cảnh giới này, chư vị tổ sư gọi là “cảnh giới không thể nghĩ bàn”. Đức Phật nói thiệt mà, không phải là làm bộ nói đâu, ai cũng hiểu được. ngài có tự tại không? Tự tại! Người TQ nghe đức Phật nói bằng tiếng TQ, người Ấn độ nghe đức Phật nói bằng tiếng Ấn độ, đây chính là tương tức. Chẳng những cõi người hiểu được, mà súc sanh cũng hiểu được, tất cả chúng sanh bất đồng không gian duy thứ, đều hiểu được hết. Đó là gì? Đó là tánh đức! trong đây hoàn toàn không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên nó viên dung, nó không có chướng ngại. Âm thanh này đi đến đâu, tự nhiên sẽ biến thành âm thanh nơi đó họ hiểu được, tự động tự nhiên. Đức Phật dạy chúng ta, năng lực này của đức Phật đây không chỉ riêng một mình ngài có, mà tất cả chúng sanh ai ai cũng có. Vì sao chúng ta ngày nay không có? Bởi chúng ta vốn không có chướng ngại mà tự làm chướng ngại, nên chẳng có cách nào. Tự mình gây nên chướng ngại gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước do chính mình tạo nên, nhưng thứ này trong tự tánh vốn không có. Chỉ cần rời vọng tưởng phân biệt chấp trước, quý vị sẽ hoàn toàn thấy được chư pháp tương tức tự tại. Trước nói về tương dung, hổ tương bao dung, ở đây nói càng thân thiết

hơn, nói chính là, không hề có một chút phân biệt nào, sau đó chúng ta mới hốt nhiên đại ngộ.

Vì sao Bồ Tát tu tập muốn khai ngộ, muốn kiến tánh. Thập Huyền chính là tánh đức viên mãn hiển lộ, chúng ta thấy rồi vô cùng ngưỡng mộ, cũng muốn nhập vào cảnh giới đó. Nhập được không? Được! Nếu không được thì đức Phật đã không dạy chúng ta. Làm thế nào mới có thể được? Buông bỏ là được! Buông bỏ kiến tư phiền não, là tiểu ngộ, vừa nhập môn, buông bỏ phân biệt, là đại ngộ, buông bỏ vọng tưởng, là triệt ngộ, là nhập được cảnh giới rồi. Không buông bỏ thì không được đâu, buông bỏ khó đấy. Khó chỗ nào? Thứ nhất tập khí phiền não của mình quá nặng, tập khí phiền não từ vô thủy kiếp. Thứ hai là hoàn cảnh trước mắt chúng ta, cám dỗ quá nhiều, sức mạnh của sự cám dỗ quá lớn, người thường không vượt qua được. Quý vị có thể không bị dụ dỗ chăng?

Môi trường học Phật ngày xưa hay hơn ngày nay. Một trăm năm về trước, khi khoa học kỹ nghệ mới manh nha, chưa có sức cám dỗ lớn như vậy. Một trăm năm khoa học kỹ nghệ này, đúng là tiến vùn vụt, ngày càng đổi mới, muôn màu muôn vẻ. Nó nhiễu loạn lục căn của chúng ta, đây chính là thời đại chúng ta đang sống. Nếu không có thiện căn sâu dày, quý vị học Phật có thể thành tựu được chăng? Trong kinh đức Phật dạy, chư vị Tổ sư cũng nói rất nhiều, các ngài nói đều là lời chân thật, tám vạn bốn ngàn pháp môn nhưng không độ được chúng sanh thời nay. Chẳng phải pháp môn có vấn đề, mà căn tánh chúng sanh có vấn đề. Căn tánh của chúng sanh chúng ta dùng một câu để tóm lại: nghiệp chướng quá nặng! Kinh giáo của tất cả pháp môn đều không có hiệu quả, giống như bị bệnh nặng, không dùng thuốc được, chỉ có một con đường, con đường này chính là lão thật niệm Phật cầu sanh tịnh độ. Con đường này cũng phải buông bỏ, nếu không buông bỏ thì phương pháp này không thể thành tựu được. Nhưng pháp môn này điều kiện dễ dàng hơn những pháp môn khác. Tám vạn bốn ngàn pháp môn khác, đều phải đoạn phiền não mới có thể thành tựu, pháp môn này không cần đoạn phiền não, chỉ cần hàng phục được phiền não là thành tựu, hàng phục dễ hơn đoạn nhiều. Hàng phục điều gì? Bản thân có quyết tâm: tôi tránh tất cả, ít tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, đây là phương pháp rất hay, tiếp xúc chẳng thể không bị ảnh hưởng, ít tiếp xúc, tốt! Tiếp xúc nhiều với chư Phật Bồ Tát, chư Phật Bồ Tát ở đâu vậy? Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Di Đà, chính là chư Phật Bồ Tát, luôn luôn giữ lấy, tuyệt đối không để lãng quên, chân thành, cung kính, thấy kinh Phật cũng giống như thấy được đức Phật A Di Đà vậy. Nhìn thấy tượng đức Phật A Di Đà, bất luận là tượng đắp hay tượng vẽ, cũng giống như thấy được đức Phật A Di Đà thiết vậy, không xa lìa, trong đời này chúng ta mới có thể thoát ly luân hồi. Thật sự phải biết được nỗi khổ của luân hồi, phải nhìn thấu thế giới. Thế giới này có vui không? Có! Nhưng không có thiết, nó là giả. Quý vị có thể hưởng thụ niềm vui của thế gian này, thời gian vô cùng ngắn ngủi. Kiếp sau ra sao? Kiếp sau đọa vào tam đồ, không thể thoát ly lục đạo luân hồi, khổ lắm! Trong kinh thường hình dung lục đạo là

biên khổ, biên khổ không bờ, quay đầu là bến. Cho nên phải nhìn thấu thế giới này, thế giới này chỉ có khổ không có lạc. Lạc là gì? Lạc là hoại khổ. Đạo Phật chia khổ thành ba loại: khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Phải nhận biết ba loại khổ này một cách rõ ràng, sau khi chúng ta nhận biết rõ ràng rồi, tự nhiên muốn tìm chân lạc, tìm vĩnh lạc. Tìm về Tây phương tịnh độ, đó chính là chân lạc, là vĩnh lạc. Quý vị thật sự nhìn thấu, công phu tu tịnh độ của quý vị sẽ đắc lực. Không nhìn thấu, mà còn lưu luyến nơi này, thì đời này chỉ có thể nói là kết thiện duyên với đức Phật Di Đà mà thôi, không thể vãng sanh được. Nếu chúng ta đến được thế giới Cực Lạc, cảnh giới này sẽ hiện tiền, nhất âm thuyết pháp giống như chư Phật Như Lai vậy. Tất cả chúng sanh đều không chướng ngại, tương dung tương tức.

Dưới đây nói: “*Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân, phổ sử chúng sanh tùy loại kiến*. Diệu âm, sắc âm. Lại nói rằng: “*nhất thân trung nhất thiết thân*” Nhất thân là gì? Phật có ba thân, đức Phật có ba thân, thì chúng ta cũng có ba thân. Đức Phật có mười thân, chúng ta cũng có mười thân. Chúng ta không hề kém đức Phật một điều gì, ngài có gì chúng ta cũng có cái đó, tuy ta có đầy đủ, nhưng ta có chướng ngại, nên không hiển lộ, chứ chẳng phải không có, chúng ta bỏ được chướng ngại thì nó sẽ hiển lộ. Trong kinh thường nói: “mười phương ba đời Phật, cộng đồng một pháp thân”. Nhất là pháp thân, đa là tất cả thân, tất cả thân là ứng hóa thân. Ứng hóa thân hiện cách nào? Chúng sanh có cảm, tự nhiên sẽ hiện tiền, hiện y hiện chánh, y chánh đều hiện, tất cả thân. Biến pháp giới ứng hóa thân, tất cả là một, một là tất cả.

Những năm gần đây, giới tôn giáo cũng giác ngộ rồi, đoàn kết rồi, cũng có nghĩa là duyên đã thành thực. Duyên gì vậy? quả địa cầu bị bệnh ! quả địa cầu có nguy cơ, bất luận quý vị thuộc tôn giáo nào, quý vị cũng không rời quả địa cầu. Quả địa cầu bị bệnh mọi người phải cứu nó, cho nên họ có thể hợp tác. Ngày nay chúng ta nói về đa nguyên văn hóa. Một chính là một tôn giáo, tất cả nghĩa là tất cả tôn giáo. Tất cả tôn giáo nghĩa là một tôn giáo, một tôn giáo nghĩa là tất cả tôn giáo. Tôn giáo cũng là tương tức tự tại, đa nguyên văn hóa. Trên thực tế khái niệm này, ở TQ ít nhất đã thực hiện hơn một ngàn năm về trước rồi. Ngày nay chúng ta nhắc đến nền văn hóa truyền thống của TQ , quý vị sẽ nghĩ ngay đến ba đạo Thích Đạo Nho. Nho là nhất, Đạo là nhất, Phật cũng là nhất, ba là đa. Một tức là ba, ba tức là một, Nhất đa bất nhị. Cho nên ngày nay chúng ta mới thấy, trên hình tướng thật sự có ba, hình tướng không giống nhau, nhưng về mặt giáo dục, về cảnh giới, thì ba đạo tương tức. Người thật học, họ học đạo Nho, đọc kinh Phật, học Lão Trang, họ học hết. Người học Đạo, các vị đạo trưởng, họ học Tứ Thư Ngũ Kinh, học kinh Phật, họ thông hết. Người học Phật, vào thời xưa, chắc chắn lấy Tứ Thư Ngũ Kinh làm nền tảng, lấy Lão tử, Trang Tử làm nền tảng, mới có thể nhập đại thừa. Đặc biệt sau Đường Triều Trung Diệp, người học Phật không còn học tiểu thừa nữa, dùng Nho và Đạo thay thế cho tiểu thừa. Cho nên chúng ta thấy, hình như bia đá ở chùa Thiếu Lâm:

“hỗn nguyên tam giáo cửu lưu thủ tán”. Tam giáo cửu lưu là một nhà. Đúng vậy! Ngày nay giới tôn giáo giác ngộ rồi, cho nên tam giáo cửu lưu là một nhà, bức tranh này nên in nhiều ra, tặng cho mọi người. Tương truyền rằng vào đời Đường Túc Tông, Túc Tông là con Đường Minh Hoàng, cách chúng ta ngày nay, khoảng 1500 năm, người TQ đã thực hành đa nguyên văn hóa rồi. Nói đến đa nguyên văn hóa, người xưa là lão tổ tông đấy. Cho nên đất nước TQ, 5000 năm lịch sử, bản đồ lớn như thế, dân tộc nhiều như thế, nhân khẩu đông như thế, mấy ngàn năm rồi trường trị cửu an là nhờ vào đâu? Nhờ vào đa nguyên văn hóa, không phải một đạo độc quyền, mà bình đẳng, mỗi đạo đều là số một, Phật là số một, Nho là số một, Đạo cũng là số một. Nếu như họ không thể tương dung tương tức, thì sẽ có số một, số hai, số ba, tương tức tương dung, mỗi đạo đều là số một, không có số hai. Nhất định chúng ta phải hiểu đạo lý này. Vì sao vậy? bởi mỗi đạo đều là số một, là xung tánh. Trong đây có ý nghĩa rất thâm sâu, trong tất cả pháp, một là tất cả, tất cả là một, trong một vi trần có tin tức của cả vũ trụ, đó là đa. Một vi trần có hiện tượng của cả vũ trụ, “hạt cải chứa núi Tu Di”, đây là ví dụ trong kinh đức Phật thường nói. Hạt cải cũng gần giống như hạt mè vậy, có thể dung chứa đượ núi tu di, đức Phật thường đưa ra ví dụ này. Trên thực tế chúng ta thấy trong kinh Hoa Nghiêm, một vi trần có đại thiên thế giới, tương tức đấy! Tất cả vi trần đều như vậy, cho nên nói rằng: “nhất tức thị đa, đa tức thị nhất”, đều nói về chân tướng sự thật. Vì sao vậy? bởi một vi trần là tự tánh, tất cả sát độ cũng là tự tánh, tâm hiện thức biến. Xung tánh, là trong tự tánh không có lớn nhỏ, trong tự tánh không có trước sau. Phát sinh vũ trụ này khi nào? Một niệm ngay đây, không có trước sau. Cách nói này thật khó hiểu, nhưng ngày nay chúng ta chẳng thể không biết ơn các nhà khoa học thời cận đại, đặc biệt là lượng tử lực học, đã giúp chúng ta rất nhiều. Những điều khoa học và lượng tử nói, gần giống Thập Huyền Môn, khác biệt ở chỗ họ không nói đến tánh, không nói đến tự tánh. Chúng ta nói đến đại thừa Duy Thức tông, các vị đại sư của Duy Thức, quý vị xem khẩu khí của họ, Duy là duy độc. Trong vũ trụ có gì? Chỉ có Thức, ngoài Thức ra không có gì nữa, gọi là Duy Thức. Thức là gì? Thức là năng biến, tất cả vạn pháp là sở biến, năng sở không hai, năng sở là một. Sở biến là giả, năng biến là chân, cho nên họ nói về Duy Thức. Duy Thức chính là tam tế tướng của a lại da, các nhà khoa học phát hiện được Nghiệp Tướng. Nghiệp Tướng là gì? Nghiệp tướng là hiện tượng ba động, là năng lượng. Chuyển Tướng chính là tin tức. Tám thức và 51 món tâm sở đều có tin tức. Cảnh Giới Tướng là vật chất. Tâm vật nhất nguyên, không thể tách rời.

Bồ Tát Di Lặc nói, trong một khảy móng tay, có ba mươi hai ức bá thiên niệm, đó là năng lượng, “niệm niệm thành hình, hình đều có thức”, lượng tử lực học ngày nay phát minh, không phải giả đâu. Pháp Tướng tông thì nói rõ ràng hơn. Phải chuyển a lại da thành đại viên cảnh trí, đó là kiến tánh. Chuyển tám thức thành bốn trí. Nếu các nhà lượng tử lực học biết cách chuyển tám thức thành bốn trí, họ sẽ thành Phật. Những

người này rất thông minh, nếu tiếp xúc với Phật pháp họ sẽ rất giỏi. Nhưng muốn chuyển phải buông bỏ, buông bỏ phiền não chướng và sở tri chướng, mới kiến tánh được, cũng có nghĩa là mới nhập được cảnh giới Hoa Nghiêm. Nhập cảnh giới Hoa Nghiêm chính là minh tâm kiến tánh. Kiến tánh rồi mới có thể hiện diệu sắc thân, chẳng phải quý vị cố tâm cố ý hiện, cũng chẳng phải vô tâm vô ý hiện, cố tâm cố ý hay vô tâm vô ý đều không được, đều không thể hiện ra. Vì sao vậy? Bởi hữu vô là đối lập, vẫn ở trong lục đạo. Hữu vô là nhiệm pháp chứ chẳng phải tịnh pháp. Nhất định phải ở chỗ không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây là sự thật! Chân tâm tự tánh hiển lộ viên mãn. Khi đó quý vị hiện ra diệu sắc thân, hiện cách nào? Hiện những thân chúng sanh cần, chúng sanh có cảm quý vị có ứng. Nếu chúng ta thật sự hiểu được nguyên lý này, biết được chân tướng sự thật này, thì tâm chúng ta sẽ định, vọng tâm không còn dao động nữa, người ta thường nói tâm không ổn định, tâm quý vị định khí sẽ hòa. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói, quý vị đã ở trong pháp giới không chướng ngại rồi, được đại tự tại. Chúng ngay đây, hiện chúng, thân còn ở thế gian này, có thể được tự tại chẳng? Được ! thật sự được tự tại. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni biểu diễn cho chúng ta thấy, ngài thị hiện, năm 30 tuổi ngài chứng được, sau khi chứng được, Thập Huyền là cảnh giới của ngài. Suốt 49 năm giảng kinh thuyết pháp, đó là ngài biểu diễn cho ta thấy. Ngài dạy chúng ta phàm phu một đời thành Phật, ngài biểu diễn cho chúng ta xem. Chúng ta hiểu được rồi, học theo phương pháp của ngài, chúng ta cũng có thể được thành tựu. Có điển hình chẳng? Có, rất nhiều! Quý vị xem Cao Tăng Truyện trong đại tạng kinh, người xuất gia thành tựu, người tham thiền được đại triệt đại ngộ, người học giáo được đại khai viên giải, người niệm Phật được lý nhất tâm bất loạn. Thật sự không khác đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Phàm phu không nhận ra. Mười hạng đương cơ trong kinh Hoa Nghiêm, hạng cuối cùng là Đại Tâm Phàm Phu, hạng người này nhận ra được.

Thế nào gọi là Đại Tâm Phàm Phu? Là hàng phàm phu thật sự phát Bồ đề tâm. Tâm Bồ đề là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Họ đã thực hành được 10 chữ này, nên họ có thể nhận ra. Ngạn ngữ có câu: “nội hàng khán môn đạo, ngoại hàng khán nhiệt náo”, thông thường người phàm phu xem náo nhiệt, họ không thể thành tựu, người nội hàng xem môn đạo, họ học được. Cho nên người tại gia, quý vị xem biết bao người thành tựu. Người xuất gia, người tại gia, thành tựu viên mãn không dễ dàng đâu, thành tựu có ba tầng, buông bỏ kiến tư phiền não, trong kinh Hoa Nghiêm nói là chấp trước, thật sự buông bỏ thì thành Chánh Giác, đây là tầng thấp nhất. Kế đến buông bỏ phân biệt, đối với tất cả pháp của thế và xuất thế gian không phân biệt, sẽ chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác, chứng được bình đẳng tánh trí trên đề kinh này, là Bồ Tát. Sau cùng buông bỏ khởi tâm động niệm, đó là vọng tưởng, không khởi tâm không động niệm, người đó chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, là thành Phật.

Tám tông phái đại thừa, bất luận tu tập tông phái nào, phương pháp có khác nhau, nhưng phương hướng và mục tiêu hoàn toàn tương đồng, cho nên nói: “pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, chỉ ở chỗ quý vị thật sự nhìn thấu, thật sự buông bỏ thì sẽ chứng được. Bản thân chúng ta cần nghiêm chỉnh phản tỉnh lại mình, có làm được không? Không làm được, chúng ta phải bám chặt lấy đức Phật A Di Đà. Tịnh tông đơn giản, tổng cộng chỉ có 5 bộ kinh 1 bộ luận, phân lượng không nhiều, 5 bộ kinh 1 bộ luận chỉ vồn vện trong một cuốn nhỏ, kinh điển của tịnh tông có đủ trong đó. Nếu cảm thấy 5 bộ kinh 1 bộ luận quá nhiều, được, trong 6 bộ này quý vị chỉ cần dùng một bộ, quý vị sẽ thành tựu. Thật sự một kinh thông rồi tất cả kinh khác đều thông hết. Nếu không thông thì Thập Huyền này không thể Huyền được, một bộ thông thì các bộ khác đều thông, cho nên một tức là nhiều, nhiều tức là một. Một bộ kinh Vô Lượng Thọ là một, tất cả kinh là nhiều, một là tất cả, tất cả là một, tương dung tương tức. Vì sao vậy? bởi bộ kinh này từ trong tự tánh của đức Thế Tôn lưu xuất ra, tất cả kinh cũng từ trong tự tánh lưu xuất ra, làm sao không thông được?

Bất đồng tôn giáo, Tân Cựu Ước có phải từ tự tánh lưu xuất ra không? Cổ Lan Kinh có phải từ tự tánh lưu xuất ra không? Chẳng có pháp nào rời tự tánh, một bộ kinh thông được rồi, kinh điển của tất cả tôn giáo có thông được không? Thông được! thông hết, thông hết tất cả pháp của thế và xuất thế gian, mở rộng phạm vi ra, cõi trời cõi người, dưới đến tam đồ, chẳng có chỗ nào là không thông, thông suốt hết. Không rời tự tánh! Trong kinh điển đại thừa đức Phật có dạy: “ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm”. Pháp là tất cả pháp, sở hiện sở sanh. Tâm là một tâm, năng sanh năng hiện, cho nên tất cả pháp chính là tự tánh. Tự tánh đâu có lý không dung, tự tánh đâu có lý chẳng thông?

Chúng ta đoàn kết tôn giáo, quý vị nghĩ xem có cần thiết kêu họ theo đạo Phật chăng? Có cần không? Không cần thiết! Cần dạy họ điều gì? Cần dạy họ nhìn thấu, buông bỏ, họ sẽ thông được kinh. Trong tôn giáo nói về chân thân, người tạo nên vũ trụ, khi nào thì quý vị thấy được chân thân? nhìn thấu buông bỏ thì thấy được. Ngày nay họ nói về chân thân, chân thân không có hình tướng, chân thân không có thân, chân thân biến pháp giới hư không giới, chẳng lúc nào không có, chẳng chỗ nào không có. Chẳng lúc nào không có, chẳng chỗ nào không có, không sai, nhưng quý vị đã thấy chưa? Buông bỏ thì thấy được! Vì sao không thấy được? Bởi quý vị không buông bỏ, quý vị không nhìn thấu, không buông bỏ, nhìn thấu buông bỏ là thấy được. Tôn giáo nói về chân thân, chân thân duy nhất. Đạo Phật nói là tự tánh, là một thứ thôi. Cho nên một tức là nhiều, nhiều tức là một, không những tôn giáo như vậy, tất cả học phái trên thế gian này, cũng đều như vậy.

Chắc sẽ có người hỏi, trong tôn giáo học phái có tà có chánh, đúng vậy, tà chánh cũng không rời tự tánh. Thế nào là chánh pháp? Tương ưng với tự tánh là chánh pháp, không tương ưng với tự tánh là tà pháp. Nếu chúng ta tiến lên một bước nữa, giác ngộ là chánh pháp, mê hoặc là tà pháp. Pháp có chánh tà chăng? Không có! Từ đâu phân biệt tà chánh? Từ mê ngộ! Nếu quý vị ngộ rồi, thì tà pháp cũng thành chánh pháp, còn mê thì chánh pháp cũng thành tà pháp, kinh Hoa Nghiêm cũng thành tà pháp. Đạo lý này cần nên hiểu. Vì sao nói pháp pháp đều là chánh pháp? Bởi là tánh hiện, tâm hiện thức biến, không rời tự tánh, rời tự tánh chẳng có pháp nào để đắc. Nếu chúng ta thật sự giác ngộ, yêu ma quỷ quái cũng là chánh pháp sao? Đúng thế! Súc sanh, ngựa quý, địa ngục đều như vậy! Chúng sanh tạo nghiệp đọa vào địa ngục, địa ngục cũng là chánh pháp. Vì sao vậy? Bởi họ ở đó để tiêu nghiệp chướng, nghiệp chướng hết rồi mới có thể thành Phật được, không tiêu nghiệp làm sao thành tựu được! Địa ngục và thiên đường là bình đẳng, không sai biệt. Ở trong địa ngục tiêu tội nghiệp, tiêu nghiệp chướng, ở thiên đường thì tiêu phước báo, phước báo quý vị tu được, cũng làm cho nó tiêu tan hết, hưởng phước ở thiên đường. Cùng chung một đạo lý thôi! Quý vị sẽ không còn phân biệt, không còn chấp trước nữa. Cho nên đức Phật dạy chúng ta, thiện và ác đều không thể tạo. Đức Phật dạy đệ tử tu tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp là gì? Là buông cả hai bên thiện và ác. Nếu không buông bỏ được quý vị không ra khỏi lục đạo. Không phải đến chịu tội là đến hưởng phước, những thứ quý vị tạo nên nhất định phải có chỗ để tiêu đi, quý vị không ra khỏi luân hồi lục đạo. Muốn ra khỏi luân hồi lục đạo phải tu tịnh nghiệp. Tịnh nghiệp là gì? Đoạn ác tu thiện là tịnh nghiệp, tạo tác ác nghiệp không chấp tướng cũng là tịnh nghiệp. Bất luận là thiện hay ác, chỉ cần không có vọng tưởng phân biệt chấp trước, đó chính là tịnh nghiệp. Quý vị có tin chăng? Nếu không tin quý vị hãy xem 53 tham trong kinh Hoa Nghiêm, sự ngu si của Bà La Môn Thắng Nhiệt, sát nghiệp của Cam Lộ Hỏa Vương, thiện nghiệp đầy, đó là tịnh nghiệp. Chuyên làm chuyện tham sân si, ai vậy? Bồ Tát đấy! Thiện Tài Đồng Tử đến tham vấn đấy! Thiện Tài Đồng Tử đến tham vấn được giác ngộ, nâng cao cảnh giới của mình. Trong cảnh giới này gọi là luyện tâm. Luyện tâm gì vậy? Luyện không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, nếu không trải qua những sự tướng này, làm sao biết được quý vị không khởi tâm không động niệm? làm sao biết được quý vị không phân biệt không chấp trước? Nhất định phải trải qua, qua cảnh để luyện tâm. Bắt đầu từ đâu? Từ sau khi thấy tánh, trước khi thấy tánh, quý vị không được tu pháp môn này, tu pháp môn này tâm quý vị sẽ bị cảnh giới chuyển, không thể làm chủ được. Nhất định phải minh tâm kiến tánh, thật sự nhìn thấu, buông bỏ, không bị cảnh giới bên ngoài chuyển, mới tu pháp môn này. Pháp môn này là kỳ thi cuối cùng, quý vị là thiệt hay giả. Thông qua được cuộc thi này là quý vị thành tựu. Thiện Tài biểu diễn cho chúng ta thấy, một đời thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng có nghĩa là, 53 cảnh giới này ở trước mặt, chẳng những không phân biệt chấp trước, mà khởi tâm động niệm cũng không có. Đây là thiệt không phải giả đâu.

Khi tôi mới học Phật, Phương Đông Mỹ tiên sinh giới thiệu cho tôi kinh Hoa Nghiêm, thầy nói đây là chân trí huệ, chân học vấn, chân đức hạnh, trải qua khảo nghiệm đầy, không phải giả đâu. Trải qua cảnh để luyện tâm, mới thành tựu được vô sở bất tri, “bát nhã vô tri, vô sở bất tri”. Căn bản trí được thành tựu ở chỗ thầy giáo, hậu đắc trí được thành tựu trong cuộc sống hàng ngày, sinh hoạt hàng ngày chính là nơi để luyện tâm, sinh hoạt, công việc, đối nhân xử thế, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần. Bồ Tát tu điều gì? Tu không khởi tâm không động niệm. Phạm phu trong cảnh giới tu không chấp trước, từng bước từng bước tiến lên, không nên chấp trước, thật sự ý niệm chấp trước cũng không có, quý vị thành Chánh Giác, tiểu thừa là A La Hán, đại thừa là Bồ Tát Thất Tín trở lên, Thất Tín trong Thập Tín trở lên. Sau đó tu không phân biệt, lục căn trong cảnh giới lục trần tu không phân biệt. Cuối cùng trong cảnh giới tu không khởi tâm không động niệm, thật sự tu đến không khởi tâm, không động niệm, siêu việt mười pháp giới, quý vị thật sự đã thành Phật. Khi đó cảnh giới mà quý vị hiện ra, chính là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Ở trong Thật Báo Trang Nghiêm độ, triệt để buông bỏ tập khí khởi tâm động niệm, Thường Tịch Quang sẽ hiện tiền. Thường Tịch Quang là gì? Là tự tánh! Quý vị thành tựu viên mãn. Cho nên một tức là nhiều, nhiều tức là một, nói tóm lại, một là tánh, nhiều là tướng. Tánh tướng là một chẳng phải nhiều, cho nên nó tương tức.

Chúng ta coi tiếp đoạn dưới, Hoàng Lão cư sỹ lại dẫn chứng phẩm thứ hai mươi bảy, “Ca Thán Phật Đức Phẩm”, trong đây có một đoạn kinh văn.

Kỳ sở tán hoa tức ư không trung hợp vi nhất hoa, hoa giai hướng hạ, đoan viên châu tán hóa thành hoa cái, đa hoa thành nhất hoa, cố đa tức thị nhất. Nhất hoa trung hàm đa hoa. Trong một hoa cái lớn có rất nhiều hoa, “nhất tức thị đa dã”.

Ví dụ này và ví dụ trước đây đưa ra, một con người và một đoàn thể, ý nghĩa của nó hoàn toàn tương đồng. Một đóa hoa là một, hoa ở trong hoa cái, hoa cái là hoa lớn, dùng nhiều hoa làm thành một hoa cái, treo giữ hư không, tất cả hoa đều chia xuống, đẹp không gì bằng. Hiện thị chư pháp tương tức tự tại. Trong kinh Vô Lượng Thọ nói, chúng ta phải dụng tâm học tập. Phải ở trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của mình, thấy được hiện tượng này. Thập Môn môn nào cũng vậy, cũng ở ngay trước mắt, chúng ta thấy được, tuy chưa khế nhập, nhưng đã đến cửa, cũng thật sự thấy được. Vì sao chưa khế nhập được? chưa khế nhập được bởi không buông bỏ. Buông bỏ được một phần thì khế nhập được một phần, buông bỏ hai phần thì nhập được hai phần. Vì diệu không diễn tả được! Nhìn thấu vẫn chưa thể khế nhập. Nguyên nhân gì vậy? Ngày xưa Thầy Lý nói với chúng tôi, nhìn được thấu, không thắng được. Tập khí tự tư tự lợi, tập khí danh văn lợi dưỡng, tập khí công cao ngã mạn, tập khí tham hưởng thụ ngũ dục lục trần, không thắng được. Điều này hoàn toàn là vấn đề công phu tu tập, công phu hành môn, giải môn thì không có vấn đề gì, giải môn nhìn thấu, hành môn buông không được, cho nên không

hưởng được lợi ích chân thật của Phật pháp. Người xưa có câu: “thế vị không nòng bằng pháp vị”. Sự hưởng thụ phước báo của cõi trời cõi người, là thế vị, nó không thể đem ra so sánh với pháp vị, đây là sự thật không giả dối đâu. Vấn đề ở chỗ quý vị không nếm được pháp vị, giải ngộ thì chưa nếm được. Giống như đọc thực đơn cho quý vị trong bữa tiệc vậy, món nào cũng đọc quý vị, nghe thấy hết nhưng không ăn được, không biết mùi vị gì. Làm thế nào mới có thể nếm được, buông bỏ thì nếm được thôi. Quý vị cần nên biết, đức Phật Thích Ca Mâu Ni biểu diễn cho chúng ta xem, ngài đã buông bỏ hết. Hàng ngày ngài ăn gì? Ra ngoài đi khát thực, người ta cúng món gì ngài ăn món đó, không phân biệt, không chấp trước. Quý vị nghĩ xem ngài đã ăn được vị gì? Ngài đã ăn được diệu vị vô thượng. Vì sao vậy? người ta cúng dường ngài một bát cơm rất thường, đến khu vực người nghèo mà cúng dường, thì thức ăn đó vô cùng khó ăn. Họ cúng dường đức Phật, ngài đã tiếp nhận, để họ tu phước, cúng dường đức Phật phước báo rất lớn. Vì sao thức ăn đó đến miệng đức Phật lại biến thành vị khác? cảnh tùy tâm chuyển đây! Cho nên đức Phật nếm được toàn là diệu vị vô thượng, cảnh tùy tâm chuyển, tâm của đức Phật là tâm vô thượng. cảnh giới đến ngài là chuyển đổi. Nếu đức Phật đưa cho chúng ta, chúng ta ăn là vị phàm phu, vì sao vậy? Bởi tâm của chúng ta là tâm vọng tưởng, thượng vị của đức Phật đưa cho cũng biến thành vô vị. Đạo lý ở chỗ này! Không giống nhau đâu. Tất cả đều tùy tâm, tâm là trạng thái, tâm niệm, đều tùy tâm mà chuyển. Như Lai mới thật sự gọi là bình đẳng nhất vị, vô thượng diệu vị.

Trong lục căn, một căn như vậy, năm căn khác cũng như vậy. Mắt ngài thấy là diệu sắc, ví dụ như xem hoa, ngắm hoa, cùng ngắm hoa, nhưng sự cảm nhận hoàn toàn khác, đức Phật thấy là diệu sắc, ngài nghe là diệu âm, ngài tiếp xúc toàn là diệu pháp, không có gì là chẳng diệu. Làm sao biết là diệu? Xem Thập Huyền thì biết được diệu. Đây là chỗ chúng ta và ngài không tương đồng.

Thông thường học giáo không nghĩ đến điều này, chỉ xem văn tự, xem xong thì thôi, đã học được rồi. Thật sự học tập phải thưởng thức từng câu từng chữ. Tuy chúng ta không trực tiếp tiếp xúc, nhưng đại khái cũng có thể cảm nhận được một chút gì đó, sẽ sanh pháp hỷ, pháp hỷ sung mãn thì không có, nhưng có pháp hỷ, chẳng thể nói là không có. Nếu thật sự không có, sẽ cảm thấy kinh giáo này khô khan vô vị. Khi nhìn thấy môn đạo, ở trong đó có mùi vị, quý vị muốn ngừng cũng không được, càng thấy càng muốn thấy, càng nghe càng muốn nghe. Đây chính là pháp vị. Từ cảnh giới của mình chúng ta cảm nhận được những thứ này, chúng ta sẽ nghĩ đến cao hơn chúng ta như bậc A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Bồ Tát còn có 51 đẳng cấp, cao nhất là đức Phật. Cảnh giới của mỗi cấp bậc đều không giống nhau, do đó chúng ta biết rằng, pháp vị của mỗi cảnh giới đều không tương đồng, càng lên cao càng thù thắng, như thế mới hiểu được lời dạy của người xưa: “thế vị không nòng bằng pháp vị”. Niềm vui của cõi trời cõi người, đem so với Phật pháp, thì thấy niềm vui đó khô khan vô vị, hưởng là trong lục đạo, nếu không

có đức hạnh, hưởng thụ ngũ dục lục trần, không ai chẳng tạo tội nghiệp. Người có cặp mắt sáng thấy rõ, biết được quả báo sau này của quý vị, phàm phu vô tri, không thể nhận biết. Phàm phu là cõi người chúng ta đây, trên thực tế có những người không bằng con quỷ nữa, quỷ có ngũ thông, nó thấy được, thiện ác, họa phước, báo ứng, quỷ thần biết rất rõ. Quả báo được ngũ thông, nếu nó thật sự quay đầu nó sẽ tinh tấn hơn chúng ta. Ngày nay thật sự có quỷ thần nghe pháp được độ vãng sanh. Thông thường mà nói, siêu độ những quỷ thần này, sanh về cõi trời nhiều nhất, lại trở lại cõi người, đầu thai trở lại cõi người cũng không ít, thật sự được vãng sanh, thật sự thông minh, không còn trong lục đạo luân hồi nữa. Đối với vấn đề thiên tai, quỷ thần rõ hơn chúng ta, chúng ta không bằng họ.

Làm thế nào để hóa giải thiên tai ngày nay? Lần này tôi đến phỏng vấn đạo Thiên Chúa giáo, người ta thường gọi là Giáo Hoàng, chủ yếu cũng thảo luận về vấn đề này. Ngày nay thiên tai là toàn cầu, hóa giải xung đột là nhân, tu nhân, cầu xã hội an định, thế giới hòa bình là quả. Phải dùng phương pháp nào? Dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để cầu nguyện. Có hiệu quả không? Có hiệu quả! Tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi là có hiệu quả. Kinh sám Phật sự trong đạo Phật, chúng tôi đề xướng tam thời hệ niệm, đều thuộc về loại này, âm dương đều lợi. Nhưng nên biết rằng, đó là trị ngọn chứ chẳng phải là trị gốc, cầu nguyện có thể cứu gấp, khi kiếp nạn đến thật sự rất có hiệu quả. Nhưng cách một khoảng thời gian, con người ta dễ dàng quên đi sự việc này, thiên tai lại hiện tiền, cho nên là trị ngọn chứ không phải trị gốc. Trị gốc là sao? Chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta, một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni biểu diễn cho ta thấy, ngài giảng kinh thuyết pháp, dạy con người phá mê khai ngộ, vấn đề này mới thật sự giải quyết, giải quyết triệt để. Tôi nghĩ một số quý vị biết tiến sỹ Giang Bồn Thắng người Nhật, mười mấy năm ông ấy làm thí nghiệm nước, nói lên một việc. Khoáng vật, một giọt nước thôi, nó có thọ tướng hành thức, nó hiểu được suy nghĩ của con người, nó có cảm nhận, quý vị thích nó, nó cũng thích quý vị, quý vị ghét nó, nó cũng ghét quý vị, nó có thọ tướng hành thức. Nói cách khác, dùng cách nói ngày nay thì nó có cơ thể, nước là khoáng vật, nó có thọ tướng hành thức. Đức Phật dạy chúng ta, tất cả hiện tượng vật chất, đều có thọ tướng hành thức, một hạt cát, một vi trần đều có, huống là thực vật. Vì sao vậy? Bởi nó do tánh hiện ra. Trong tánh vốn đầy đủ kiến văn giác tri, đó là tánh đức của tự tánh. Khi mê, kiến văn giác tri sẽ biến thành thọ tướng hành thức. Tâm vật một thể, không phân ra được. Nếu thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, quả địa cầu ngày nay phát sinh rất nhiều tai biến, có cách nào khống chế nó, để nó trở lại bình thường chẳng? Có ! Các nhà khoa học ngày nay cho chúng ta biết, ngay cả quả địa cầu, trong vòng 50 năm qua, nam bắc cực đã chênh lệch nhau 5 độ rồi, cho nên khí hậu ngày nay không được bình thường. Có thể làm cho quả địa cầu trở lại trạng thái bình thường chẳng? Có phương pháp nào không? Có đấy! Thật sự có phương pháp, cầu nguyện cũng

có hiệu quả. Các nhà khoa học cho biết, nhân khẩu sống trên quả địa cầu ngày nay, có hơn sáu mươi ức người. Có được một phần ngàn người, thật sự phát bồ đề tâm, đoạn ác tu thiện, thì có thể khiến cho địa cầu hóa giải thiên tai, phục hồi trở lại bình thường. Họ đưa ra ví dụ rất hay, thành phố 100 vạn dân, có được 100 người, dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, 100 người này ở đó cầu nguyện, thành phố 100 vạn dân đây thật sự được tiêu tai miễn nạn. Chúng ta nghĩ xem có thể tin được chăng? Người tạo nghiệp tội nhiều như thế, 100 vạn người tạo tội, 100 người có thể cứu được chăng? Đáp án: chắc chắn cứu được. Vì sao vậy? dùng câu nói của người xưa để giải thích: “tà không thắng chánh”. Họ đông người nhưng là tà, quý vị ít người nhưng là chánh, thật sự tà không thắng chánh, cho nên có hiệu quả. Nhưng nên biết rằng, đó là trị ngọn chứ không phải trị gốc, có thể cứu nhất thời, chứ không thể trường trị cửu an, trường trị cửu an nhất định phải nhờ vào giáo dục. Đức Phật thị hiện cho chúng ta là giáo dục, khi cấp nạn cũng dạy chúng ta cầu nguyện. Quý vị xem như trong kinh Vô Lượng Thọ đây, trong kinh đức Phật dạy chúng ta, nếu thật sự gặp cấp nạn thì phải làm thế nào? Cầu Bồ Tát Quan Âm, niệm Quan Âm Bồ Tát có thể hóa giải tai nạn trước mặt. có lý đấy! Nhưng thật sự cần phương pháp trị gốc, thay đổi từ nội tâm, thật sự phát bồ đề tâm, thật sự y giáo tu hành, sẽ triệt để giải quyết được vấn đề này, thật sự giúp quả địa cầu hóa giải tai nạn, giúp cho địa cầu trở lại bình thường, hơn 60 ức nhân khẩu trên thế giới này, cần bao nhiêu người phát tâm? Cần 8 ngàn người, 8 ngàn người thật sự phát tâm, có thể cứu được quả địa cầu. Ngày nay trong hiệp hội phát khởi tu Lục Hòa Kính, nếu trên toàn thế giới có được 8 ngàn người, tôi tin điều này không khó, ở trên ti vi, trên mạng Internet, 8 ngàn người đây thật sự quay đầu, thật sự phát tâm, thật sự thực hành Lục Hòa Kính, thực hành Lục Hòa Kính cũng chính là thực hành Đệ Tử Quy, Cấm ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp. Thực hành được ba điều này, là thật sự thực hành được Lục Hòa Kính. Chẳng những cứu mình, mà còn cứu quả địa cầu, cho nên tôi hy vọng quý vị trên mạng Internet, trên vệ tinh thật sự phát tâm. Chúng ta xem việc này, là sứ mệnh số một trong cuộc đời mình, chúng ta giúp cho quả địa cầu, cứu quả địa cầu, điều này rất có ý nghĩa. Đây là sự nghiệp vĩ đại.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Tập 56

Chuyên ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày 13 tháng 06 năm 2010

Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi lăm, bắt đầu xem từ hàng thứ bảy.

Ngũ. Ẩn mật hiển liễu câu thành môn. Đại Sở vân, nhược phiến nguyệt trừng không, hồi minh tương tịnh.

Đây là lời ngài Thanh Lương Đại sư nói trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao. Đoạn này cho chúng ta biết, ẩn hiển không hai. “Ẩn” khi đại sư Huệ Năng kiến tánh, nói lên sự thấy tánh, Ngài đã nói năm câu, trong đó câu thứ ba : “Đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”, đây là ẩn. Câu cuối cùng : “Đâu ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp”, đây là hiển. Khi không có duyên, chẳng thể nói nó không có, nó thật có đấy. Trong tự tánh không thiếu điều gì, đại sư Huệ Năng nói rất đơn giản, Ngài thưa với thầy mình, báo cáo với thầy mình, Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn nghe là biết ngay, chứ không phải ngài nói với chúng ta đâu. Nếu duyên đầy đủ nó sẽ hiển, cho nên đạo Phật nói về Nhân Duyên Quả, ở đây không nói nhân sanh, mà nói duyên sanh. Điều này rất có đạo lý, nhân là trong tự tánh có đầy đủ hết, nhân gì? Nhân y chánh, và quả y chánh trong mười pháp giới đều có đầy đủ, chờ có duyên thì nó sẽ hiện tiền, nhân mà không có duyên thì nó chẳng hiện tiền. Ngày nay chúng ta thấy trước mặt, quý vị xem pháp giới con người trong mười pháp giới, duyên của pháp giới con người đầy đủ, chúng ta cảm nhận được y chánh trang nghiêm trong pháp giới con người, nhưng còn chín pháp giới kia, tuy biết được, nhưng ta chưa thấy được. Trên là cõi trời, cõi A Tu La, cao nữa là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, chúng ta không có duyên thì chẳng thể thấy được. Nhìn xuống có súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, chúng ta có thể nhìn thấy một bộ phận của cõi súc sanh, còn một bộ phận không thấy được. chúng ta nghe nói có ngạ quỷ và địa ngục, nhưng không thấy được, duyên chưa đủ. Cho nên trong tất cả pháp thì duyên rất quan trọng. Y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, vốn sẵn có trong tự tánh. Cần duyên như thế nào nó mới hiện ra? Đạo Phật nói duyên này gọi là một niệm bất giác mà có vô minh. Cho nên Tướng tông nói:

“Vô minh bất giác sanh tam tế

Cảnh giới vị duyên trường lục thô”

Tam tế là năng hiện năng sanh, nhưng thức là năng biến, có thể thấy những hiện tượng mà tự tánh hiện ra, nó năng biến hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. Biến ra bao nhiêu? Vô lượng vô biên vô tận vô số, không có hạn lượng. Đây là tánh đức, không thể nghĩ bàn! Đạo lý này khoa học thời cận đại, lượng tử lực học có nói đến một phần nào đó rồi, nhưng chưa nói đến duyên khởi thật sự. Có nghĩa là họ đã phát hiện ra năng biến sở biến của A lại da, lượng tử lực học đã phát hiện ra. Nhưng tầng cao nhất là tự tánh, là năng hiện năng biến họ không phát hiện được, điều này rất khó. Vì sao không

thể phát hiện ra một niệ̣m đầu tiên này? Niệ̣m đầu tiên cần phải buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mới có thể thấy được. Các nhà khoa học sử dụng dụng cụ khoa học, dùng số lý cao thâm mà phát hiện ra, chứ không phải do buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà phát hiện được.

Đạo Phật ở Ấn Độ thời cổ đại, bất luận là học thuật hay tôn giáo, họ đều học thiền định. Thiền định là gì? Thiền định chính là buông bỏ tạp niệm, để tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là trí huệ, cho nên nó có thể đột phá không gian duy thứ, nó có thể nhìn thấy cảnh giới nhũc nhũn thông thường không thấy, là cảnh giới trong định. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở trong định giảng kinh Hoa Nghiêm. Phàm phu chúng ta nhìn thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni tọa thiền dưới cội bồ đề, Ngài nhập định, nhập định 21 ngày, sự việc này rất bình thường, chúng ta đều có thể chấp nhận được. Vì sao vậy? một số vị cao tăng thời cận đại, khi họ nhập định, họ có thể nhập định 1 tháng, mới xuất định.

Thời chiến tranh ở TQ có vị pháp sư, người ta gọi ngài là Phật Sóng Kim Sơn, ngài thường nhập định, thể hiện hình tướng này cho chúng ta thấy, thật sự ngài có công phu đó. Quý vị đều biết Hòa Thượng Hư Vân, khu vực Quảng Đông không ai chẳng biết ngài. Công phu nhập định của HT Hư Vân, cũng có 1,2 tháng ngài không xuất định. Cho nên có cảnh giới trong định, cảnh giới trong định là thật chứ không phải là nằm mộng đâu, cảnh mộng là hư vọng, cảnh giới trong định chẳng phải như vậy. Khi HT Hư Vân ở trong định, ngài có thể lên cung trời Đâu Suất, nghe Bồ Tát Di Lạc thuyết pháp. Trong định cảnh giới cung trời Đâu Suất hiện tiền, ngài đã đến đó. Trong kinh điển của đạo Phật ghi chép lại những mẩu chuyện như thế rất nhiều.

Vào triều đại nhà Đường có Trí Giả đại sư, có lần ngài nhập định, trở lại thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở núi Linh Thứu giảng kinh Pháp Hoa, ngài còn nghe một thời pháp ở đó. Khi xuất định ngài nói với mọi người, pháp hội đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Linh Sơn giảng kinh Pháp Hoa, đến nay vẫn chưa kết thúc, Đức Phật vẫn đang giảng pháp. Từ đó cho thấy, thời gian và không gian vốn không có thật. Nếu thật có thì làm sao có thể trở lại quá khứ? Nó không có thật! Thiền định có thể đột phá không gian duy thứ, nhìn được quá khứ, cũng có thể nhìn thấy vị lai.

Ngày xưa thầy Lý có nói với tôi như thế này, nghĩa là nói đến dự ngôn, dự ngôn của người xưa, như dạng dự ngôn Suy Bối Thủ, họ suy đoán ra từ số lý. Đó là số học cao thâm, suy đoán được. Nhưng nếu có một chút gì đó sai lầm, thì đúng là “sai một ly đi một dặm”, hoàn toàn không đúng nữa. Cho nên nói có khi đúng có khi sai, không nhất định. Nhưng những điều trong định thấy được, là chân thật không sai chút nào. Chư vị tổ sư ngày xưa cũng có một số dự ngôn, điều đó rất đáng tin. Vì sao vậy? bởi những điều đó các ngài thấy được trong thiền định.

Tôi thấy vừa rồi có rất nhiều bạn viết những câu hỏi , có mấy bạn đề cập những vấn đề liên quan đến thiên tai. Chúng ta học Phật nhiều năm rồi, tôi thường nói với quý vị, vào thời loạn thế này, linh môi rất nhiều. Vì sao có những hiện tượng này? Có người hỏi tôi như vậy. Hiện tượng này vốn là như vậy, xã hội ngày xưa không có nhiều như vậy, thỉnh thoảng nghe nói có, nhưng không phổ biến. Vì con người trong xã hội ngày xưa chánh khí, đọc sách thánh hiền, tiếp nhận nền giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, cho nên tâm con người chánh, từ trường này là chánh khí, linh môi không xuất hiện. Điều này có nghĩa là tà không thắng chánh, nó không dễ gì xuất hiện được. Những thứ này xuất hiện phổ biến nói lên điều gì? Nói lên từ trường của xã hội ngày nay không phải chánh khí mà là tà khí. Tà và tà cảm ứng với nhau, cho nên nó xuất hiện hết. Lý là như vậy, chẳng phải không có, có đấy. Nó cũng tiết lộ một số thông tin cho chúng ta biết, thực tế mà nói đây cũng là việc tốt, chứ không phải việc xấu đâu. Những thông tin này có đáng tin cậy không? Không nhất định, dự ngôn cũng như vậy, nhất định chúng ta phải dùng trí huệ trong kinh Phật để giải thích , xem nó có như lý như pháp hay không? Nếu như lý như pháp thì chúng ta có thể làm tài liệu tham khảo, thậm chí nếu chúng ta ứng đối, nhất định phải dùng lời chỉ dạy trong kinh điển. Chúng ta hiểu được đạo lý này, nguyên lý nguyên tắc là vạn pháp duy tâm. Kinh Hoa Nghiêm nói: “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Giáo lý đại thừa thường nói: “tướng do tâm sanh, cảnh tùy tâm hiện”, đều dạy chúng ta xử lý những nghi nạn tạp chúng đó, nhất định phải tuân thủ nguyên tắc này. Cho nên khi chúng ta gặp tai nạn, bệnh đau, phải nhớ đến lời dạy của đức Phật, lúc này phải hồi tâm hướng thiện, nghiêm chỉnh phản tỉnh, sám trừ nghiệp chướng, đoạn ác tu thiện, cải tà quy chánh, sẽ hóa giải được những tai nạn này. Từ đó cho thấy, bất luận dự đoán nào, kết quả phía sau không phải là một, mà rất nhiều kết quả khác nhau. Chúng ta có thể lựa chọn, những điều không có lợi cho mình, không có lợi cho xã hội, cần nên tránh. Những điều có lợi, ta phải nghiêm chỉnh nỗ lực học tập, thực hành trong cuộc sống hàng ngày, thực hành trong công việc, thực hành trong cách đối nhân xử thế. Tất cả những điều bất thiện ta nên ẩn nó đi, không để nó hiện hành, để tất cả thiện pháp hiển hiện. Điều này bản thân chúng ta có thể làm được.

Đoạn văn này, đại sư Thanh Lương nói về Phiến Nguyệt Trùng Không. Phiến nguyệt là gì? Là bán nguyệt chứ không phải là mãn nguyệt, chắc là trăng vào ngày mùng tám, trăng mùng tám chúng ta gọi là thượng huyền, quý vị thấy một nửa mặt trăng, một nửa hiện, một nửa ẩn, đây là “ẩn xứ cụ hiển, hiển xứ cụ ẩn”. Một nửa đó chúng ta có thể nhìn thấy rõ ràng, là nói về ẩn mật hiển liễu câu thành, nghĩa là cùng quý vị thấy được hết. Chúng ta học rồi thì phải biết dùng, đặc biệt ứng dụng vào thời nay, bộ phận nào cần ẩn mật, bộ phận nào cần hiển liễu, phải dùng nó một cách linh hoạt, thật sự đạt được lợi ích.

Nếp sống của xã hội ngày nay không tốt, vì sao không tốt? Bởi mê thất tự tánh. Nói thiệt, từ trước tới nay, người tây phương mê hơn người đông phương nhiều. Vì sao vậy? Chư vị tổ sư ở đông phương, lão tổ tông của chúng ta, các ngài thật sự có trí huệ. Trí huệ từ đâu mà có? Trí huệ có từ tâm từ bi, có từ tâm đại công vô tư. Nếu quý vị thường xuyên đọc cổ tịch xưa, sẽ nhận ra một việc, tâm lượng của người xưa rất lớn. Chúng ta thấy trong văn tự ngữ ngôn, mở miệng là nói thiên hạ, rất ít nói đến quốc gia, mở miệng là nói đến thiên hạ, “tề gia trị quốc bình thiên hạ”, tề gia trị quốc là vì ai? Vì người trong thiên hạ có được sự công bình, bình thiên hạ có nghĩa là như vậy, cũng có nghĩa là đối đãi bình đẳng, hòa mục tương xử mà ngày nay chúng ta nói, đây là ý nghĩa của câu bình thiên hạ, là trí huệ chân thật! Duy nhất người trong thiên hạ hòa mục tương xử, đối đãi bình đẳng, thì thế giới này mới an định, hòa bình. Làm thế nào để đạt được? Phải nương vào nền giáo dục, phải dạy. Con người dạy được, nương vào đâu? Điều này người xưa rất rõ, cổ thánh tiên hiền đều biết, tánh người vốn thiện, “nhân chi sơ tánh bản thiện”. Cho nên trong kinh đức Phật dạy: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, chẳng phải là bản thiện sao? Vốn là Phật nhưng vì sao bây giờ không phải là Phật? Bởi quý vị không nghiêm chỉnh học tập, không có người dạy, quý vị học điều hư, đây chính là điều người xưa thường nói: “gần mực thì đen gần đèn thì sáng”. Ngạn ngữ có câu: “thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”, quý vị đã bị tập quán không tốt làm nhiễm ô. Chúng ta nên bình tĩnh quan sát, tư duy. Đồ ngoại quốc thật sự tốt sao? Cái gì cũng học được chẳng? Đó là quý vị mê hoặc điên đảo, không có trí huệ.

Tôn Trung Sơn tiên sinh nói Tam Dân Chủ Nghĩa, năm ngoái tôi chữa sâu răng ở Đài Loan, rất nhiều người bạn làm chính trị đến thăm tôi. Tôi đã nói gì với họ? Cho nên tôi nhờ người ta kiếm cuốn sách Tam Dân Chủ Nghĩa cho tôi xem, tôi đã mất ba ngày, đọc qua sáu kỳ diễn giảng của Tôn Trung Sơn tiên sinh một lần, tôi rất khâm phục ông ấy, người TQ đã bỏ qua lý niệm của ông ấy. Khi diễn giảng ông có nói câu: “Ngoại quốc chỉ hơn chúng ta khoa học và cơ khí, hai thứ này chúng ta không bằng họ, còn những thứ khác họ không bằng mình”. Lời nói này vô cùng quan trọng. Ngày xưa Tôn Trung Sơn làm cách mạng, nói về Tam Dân Chủ Nghĩa đến nay đại khái khoảng 100 năm, lời nói của 100 năm về trước ngày nay đã ứng hiện rồi đấy. Nếu chúng ta, chỉ học khoa học kỹ thuật và cơ khí văn minh của người ngoại quốc, còn những thứ khác hoàn toàn dùng của TQ, thì hay biết mấy! Sai lầm lớn nhất của chúng ta là thấy đồ ngoại quốc tốt, cái gì cũng hay, đồ TQ đều không tốt, đều không cần, mê muội học theo ngoại quốc, ngày nay chúng ta mới bị thiệt thòi lớn như vậy, bị mắc mưu, còn có thể học nữa chẳng? Học nữa sẽ mất nước đây! Tôi đọc xong cuốn sách này, nhận thấy quan điểm của ông ấy rất chính xác. Đáng tiếc, ông ấy qua đời sớm quá! Nếu ông sống thêm được 10, 20 năm nữa, thì TQ có lẽ đã không bị gặp nạn lớn như vậy. Ông ấy thấy được rõ ràng, đây là trí huệ đấy, chứ không phải tri thức đâu. Cho nên ưu điểm và khuyết điểm của người khác, ưu điểm là

mặt phải, khuyết điếm là mặt trái, ta đều phải nhận biết rõ ràng, ẩn mật hiển liễu đều phải thấy rõ. Bản thân chúng ta cũng như vậy. Hiểu được đạo lý này, trong việc đối nhân xử thế, ngay cả chư Phật Bồ Tát cũng không ngoại lệ. Chư Phật Bồ Tát có ẩn mật không? Có! Vì sao vậy? Bởi không khế cơ, khi cần ẩn nhất định phải ẩn. Ví dụ dạy hàng sơ cơ, chỉ có thể dạy luân lý, đạo đức, nhân quả, họ sẽ được lợi ích. Quý vị nói vấn đề cao thâm với họ, như khoa học triết học, họ nghe không hiểu được, phải từ từ. Quý vị tốt nghiệp tiến sĩ, có được học vị tiến sĩ, kêu quý vị đi dạy tiểu học, quý vị có thể lấy chương trình của lớp tiến sĩ, để dạy cho lớp tiểu học chẳng? Không thể được! Bộ phận đó đều phải cất giữ đi. Dạy Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên cho tiểu học rất thích hợp, những thứ này phải cho nó hiển liễu. Đạo lý ở chỗ này! Đối với xã hội ngày nay, có người nói xã hội này là thời đại tri thức bộc phát, chúng ta chẳng thể không thừa nhận, con người thời nay khó độ, người xưa dễ độ, họ chân thật, biết nghe lời, và thật sự làm theo, cho nên có rất nhiều người thành tựu. Ngày nay khó vì họ không chân thật, họ hoài nghi, họ đưa ra ý kiến và vấn đề rất nhiều, không dễ dàng tiếp nhận, càng không thể làm theo. Hiện nay đối với hạng căn cơ như vậy, chúng ta đề xướng nền giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, phải làm thế nào để người ta tin tưởng đây? Cần phải có những ví dụ cụ thể, những mô hình chính đáng, họ thấy rồi họ mới tin.

Mấy năm trước tôi tham dự hội nghị hòa bình của liên hiệp quốc, mang kinh nghiệm trường trị cửu an của người xưa, báo cáo lên hội nghị, mọi người nghe rồi rất hoan hỷ. Vì sao vậy? vì họ chưa từng nghe. Nhưng họ nghi vấn rằng, đây là lý tưởng, không thể thực hành được. Nói cách khác là mất công nói rồi. Họ cũng biết là đúng, là hay, nhưng là lý tưởng, không thể thực hành thì tiêu rồi. Cho nên chúng ta phải làm gương cho họ thấy, khoa học ngày nay không gì khác, khoa học là bằng chứng, mang bằng chứng ra cho họ xem. Như thế chúng tôi mới ở Giang Thang Trì An Vi Lô của TQ, tìm một thôn nhỏ này làm thực nghiệm, thực nghiệm đã thành công. Chúng tôi chỉ thực nghiệm Đệ Tử Quy. Chúng tôi mời 37 vị thầy giáo, đem mục tiêu, lý tưởng và nguyện vọng của mình nói cho thầy giáo biết. Yêu cầu thầy giáo không được làm thầy giáo bình thường, thầy giáo bình thường thì không thể cứu xã hội được. Phải làm thầy giáo như thế nào vậy? Phải làm thánh nhân, làm Khổng Tử, Mạnh Tử. Mọi người phải phát tâm như vậy, chúng tôi vô cùng biết ơn những vị thầy giáo này, họ thật sự nghe lời và đã làm theo. Làm cách nào vậy? Muốn dạy người trước phải dạy mình. Bản thân mình không thực hành được Đệ Tử Quy, thì không thể dạy người khác. Đệ Tử Quy có 1080 chữ, trong đó nói về 113 việc, 113 việc này mình đều phải làm được, thực hành ở đâu? Thực hành trong cuộc sống hàng ngày, thực hành trong công việc, thực hành trong cách đối nhân xử thế, tất cả đều làm được thì người ta sẽ tin. Khi đó tôi yêu cầu thầy giáo trong 4 tháng phải làm được, thầy giáo đã không cô phụ sự kỳ vọng của tôi, trong hai tháng đã làm được rồi. Từ trong thâm sâu tâm hồn chúng tôi rất khâm phục và cảm động. Làm

được rồi thì lập tức vào trong làng đến từng nhà để biểu diễn, đã khiến cho người dân nơi đó cảm động, sau đó chúng tôi mở lớp dạy học, mọi người đều đến học. Cho nên thôn nhỏ này 3,4 tháng, nếp sống của họ hoàn toàn thay đổi. Quý vị xem vốn là ần, ngày nay hiển liễu hết. Vốn ần điều gì? Tánh người vốn thiện, quý vị không thấy họ thiện, vì nó ần. dạy rồi bản thiện đó hoàn toàn hiển lộ. Khiến cho chúng tôi chứng minh được hai việc. Thứ nhất chứng minh được “nhân chi sơ tánh bản thiện”. Thứ hai chứng minh con người rất dễ dạy, con người rất dễ dạy, chỉ cần quý vị chịu dạy họ, chịu khó nhắc nhở họ, vì họ là bản thiện. Những điều mô phạm trong Đệ Tử Quy là tánh đức, chỉ cần bản thiện hiện tiền, thì tự nhiên sẽ đầy đủ những thứ này, đâu cần phải học, vốn có sẵn mà! Nó phát khởi là hiện tiền, là hiển liễu. Đúng là tổ tông hữu đức. Sau khi có được những hiệu quả này, khi đó ý niệm đầu tiên của chúng tôi là, làm thế nào để giới thiệu cho Liên Hiệp Quốc? chúng tôi đã khởi lên tâm niệm này. Quý vị xem, có cảm ứng đấy, vừa khởi ý niệm, hai tháng sau Liên Hiệp Quốc đến tìm tôi, việc này rất tốt, mời tôi cùng họ làm chủ trì hoạt động này, làm chủ trì thì chúng tôi có quyền rồi. Cho nên khi đó tôi vui vẻ nhận lời, tôi nói lần này ở tổng bộ giáo khoa văn của liên hiệp quốc, tổ chức hoạt động này, tôi chỉ có hai câu: “thứ nhất vấn đề tôn giáo có thể đoàn kết, thứ hai con người có thể dạy được” Hoạt động này mở ra hiệu quả rất tốt, thật sự hóa giải xung đột, giúp cho xã hội trở lại an định hài hòa. Cho nên Thập Huyền Môn chúng ta học rồi thì phải biết cách dùng, đây là trí huệ chân thật. Đừng sợ khó, trong tự tánh của chúng ta có đầy đủ cả. Chỗ chur Phật Bồ Tát Thập Huyền Môn là hiển liễu, Thập Huyền Môn của chúng ta là ần, ần mật không hiển, cho nên trước hết chúng ta phải nhận biết rõ ràng.

Dưới đây Hoàng Lão cư sỹ, dùng kinh văn của bốn kinh để ứng đối với môn này. Trong phẩm Lễ Phật Hiện Quang, phẩm thứ 38 này có một đoạn kinh văn như sau:

A Di Đà Phật tức ư chương trung phóng vô lượng quang, phổ chiếu nhất thiết chur Phật thế giới, thời chur Phật quốc giai tất minh hiện như xú nhất tâm.

Nhất tâm là cự ly rất gần, người xưa có danh xưng nói về độ dài như vậy, tám tấc, chưa đến một trượng, tám tấc là một tâm. Đức Phật phóng quang trong lòng bàn tay. Trong kinh điển đại thừa thường nói, đức Phật có thường quang, phóng quang. Thường quang là thân quang, đức Phật có, điều này rất rõ. Chúng ta có không? Có ! quang của chúng ta bị ần mật rồi, đức Phật thấy được, nhưng bản thân chúng ta không thấy được. Ẩn hiển.

Trên thân chúng ta có quang, làm cách nào để chứng minh trên thân chúng ta có quang? Không khó đâu, người có định sẽ thấy được, không cần phải định thâm sâu, có một chút tiểu định là thấy được rồi, người học khí công ngày nay cũng có thể thấy được, bên khí công nói là khí, nhưng thực tế là quang. Đạo Phật nói quang, họ nói khí, gọi là khí trường, thân quang lớn nhỏ không giống nhau, nhan sắc thân quang không giống

nhau. Vì sao có nhiều sự khác biệt như thế? Bởi nó liên quan đến tư tưởng hành vi của quý vị. Tâm quý vị thanh tịnh thì hào quang màu vàng kim, màu trắng rất đẹp mắt, nói lên cơ thể quý vị mạnh khỏe, thân tâm thanh tịnh. Nếu phiền não tập khí nặng nề, tâm hành bất thiện, hành vi bất thiện, cũng có quang, hào quang đó là màu xám, hoặc là màu đỏ sẫm, nhìn không đẹp mắt. Những người học khí công đều có năng lực này. Khi tiếp xúc họ cho chúng tôi biết, có năng lực này giúp họ rất nhiều. Vì sao vậy? Bởi nhìn người ta là biết được thiện và ác, thấy người bất thiện thì tránh xa, “kính nhi viễn chi”, người thiện thì có thể thân cận, họ có năng lực này đấy. Vì sao họ có thể thấy được? thực tế mà nói, điều này rất đơn giản, nguyên lý chính là ở chỗ tâm của họ thanh tịnh hơn chúng ta, cho nên năng lực này mới có thể hiện tiền. Có nhiều người học khí công ở gian đoạn rất cao, nhưng đến cuối cùng năng lực của họ bị mất hết. Vì sao bị mất vậy? Khởi niệm tham đời với danh lợi thì công phu sẽ bị mất hết. Người nổi tiếng, được cúng dường nhiều, người ta gặp đều cung kính, được người cung kính nên khởi tâm ngạo mạn, động đến tiền tài thì khởi tâm tham, như thế công phu sẽ mất hết. Còn một hạng người nữa nhìn thấy được, ai vậy? trẻ con, đứa trẻ lên hai, lên ba chúng nhìn thấy được, bởi tâm nó thanh tịnh, không tạp niệm, không phiền não nên nó thấy được, từ từ lớn lên thì năng lực này bị mất, nó sẽ không nhìn thấy nữa, bởi nó bị ngoại cảnh làm nhiễm ô. Năng lực này là thiệt chứ không giả đâu.

Trong kinh đức Phật dạy, chỉ cần là hiện tượng vật chất, nó đều có thể phóng quang. Quang ở đây là gì? Quang ở đây chính là sự chấn động của nó, hiện tượng ba động của nó. Trong kinh đức Phật nói rất hay, hiện tượng ba động này chu biến pháp giới. Chúng ta thấy trong Hoàn Nguyên Quán, Hiền Thủ đại sư đưa ra ví dụ là một vi trần, một vi trần chu biến pháp giới. Sao một trần chu biến pháp giới? là ba động. Vì sao vậy? Bởi vật chất do ba động hợp thành. Điều này lượng tử học ngày nay nói ra, họ nói đó là tâm niệm của chúng ta tích lũy mà có, là hiện tượng liên tục, vốn không có vật chất tồn tại. Cho nên nếu phân tích kỹ vật chất là phân thành ba động, ba động thì tồn tại. Hiện tượng vật chất có rất nhiều loại, tần suất của nó không giống nhau, tần suất chậm sẽ biến thành cố thể, như cát đá vân vân, nhanh hơn chút nữa sẽ biến thành hoa cỏ cây cối, nhanh hơn nữa sẽ biến thành động vật, nhanh nhất như điện từ ngày nay, điện là nhanh nhất. Cho nên tất cả mọi hiện tượng đều do tần suất ba động của ý niệm sanh ra. Đứng về khía cạnh này mà tìm hiểu, chúng ta sẽ biết rằng chỉ cần là hiện tượng vật chất thì đều phóng quang. Thân của chúng ta cũng là vật chất, sao nó không phóng quang? Ánh sáng lớn nhỏ, màu sắc của ánh sáng, là ý niệm của chúng ta. Cho nên người thật sự có công phu, nhìn là biết được ngay, không cần phải hỏi, quý vị là người thiện hay người ác không cần phải biện bạch, nhìn là biết ngay thôi.

Đoạn này nói về phóng quang, phóng quang phải có nhân duyên đặc biệt, đây là thông tin nhanh. Như ngày nay dùng điện thoại di động, vừa bấm máy điện ba lập tức

phóng đi, người ở bên kia trái đất sẽ nhận được ngay, tin tức đến họ, đây chính là phóng quang. Phật A Di Đà phóng quang, chúng ta cũng có thể phóng quang đấy, chỉ không lớn, không được tự tại như ngài thôi. Nếu chúng ta không có những cơ khí này thì chẳng thể phóng quang được. Nhưng vẫn còn có cách để ta phóng quang, đó là ý niệm, niệm đến đâu quang đến đó. Niệm Phật A Di Đà, Phật A Di Đà ở thế giới Cực Lạc, sẽ nhận được quang của chúng ta, bản thân ta không biết, nhưng ngài đã nhận được. Niệm lực của chúng ta phóng quang, màu sắc không giống nhau, ánh sáng mạnh yếu không giống nhau, nó liên quan đến ý niệm của quý vị.

Trong cuộc sống hàng ngày, ta tiếp cận với người thân, người xưa nói: “mẫu tử liên tâm”, sự cảm ứng đó vô cùng nhạy bén. Hai người ở hai nơi khác nhau, bên này tưởng nhớ, bên kia sẽ cảm nhận được. Sự việc này không giả dối đâu.

Phật phóng quang phổ chiếu nhất thiết chư Phật thế giới, thời chư Phật quốc, giai tất minh hiện, như xứ nhất tâm.

Chúng ta thử hỏi, bàn tay đức Phật A Di Đà phóng ra vô lượng quang, quả địa cầu này có nhận được chăng? Có! Chúng ta ở trong ánh hào quang của đức Phật chăng? Có, chúng ta ở trong ánh hào quang đó, không sai tí nào. Vì sao chúng ta vẫn mê hoặc điên đảo? vẫn tạo tội nghiệp? Chẳng phải hào quang của đức Phật không chiếu đến quý vị, bản thân quý vị núp ở một chỗ khiến cho hào quang của đức Phật không chiếu đến mình. Núp ở đâu vậy? Núp trong vọng tưởng phân biệt chấp trước, những thứ này làm chướng ngại Phật quang, ba tầng chướng ngại. Nếu quý vị buông bỏ chấp trước, quý vị sẽ thấy được Phật quang, tuy thấy không nhiều, buông bỏ được phân biệt sẽ thấy được nhiều một chút. Nếu buông bỏ hết khởi tâm động niệm, thì sẽ thấy được hết, không còn chướng ngại nữa. Chúng ta sống ở đâu? Sống trong quang minh biến chiếu của chư Phật Như Lai. Nghiệp chướng gì cũng tiêu trừ, cho nên người học Phật chẳng thể không buông bỏ. Không buông bỏ thì chỉ học được trên văn tự mà thôi, chẳng được lợi ích gì. Nếu chúng ta thật sự buông bỏ, sẽ được lợi ích thật sự. Đọc kinh, nghe kinh trí huệ tăng trưởng, trí huệ rất hữu dụng.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới đây, vẫn là kinh văn trong phẩm Lễ Phật Hiện Quang. *Hựu nãi chí nê lê kê cốc u minh chi xứ, tất đại khai khoát, giai đồng nhất sắc.*

Đoạn này nói, chẳng riêng cõi người, mà đường súc sanh cho đến đường địa ngục, “nê lê” là địa ngục, thậm chí đường địa ngục. “kê cốc” là nơi ánh sáng khó chiếu đến. “Son cốc tiêu kê, u minh chi xứ”. U minh là song ngữ, là chỗ trong hốc núi mặt trời khó chiếu đến, nơi u ám. Cũng có nghĩa chỉ cho đường ngạ quỷ. Đoạn trước nói đến đường địa ngục, đường ngạ quỷ. Phật quang phổ chiếu của đức Phật A Di Đà, đều có thể chiếu đến hết, không hề chướng ngại. Điện từ đôi khi bị chướng ngại, chúng ta ở trong

núi điện thoại di động không thể điện được, điện tín không thông, nó có chướng ngại. Phật quang không hề chướng ngại, từ tự tánh lưu xuất ra nên không hề chướng ngại, khiến cho tự tánh bị chướng ngại chính là vọng tưởng phân biệt chấp trước của chính mình, những thứ này khởi lên chướng ngại. Nếu buông bỏ được những thứ này, thì không còn chướng ngại nữa.

“Tất đại khai khoát, giai đồng nhất sắc”. Điều này nói lên y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, là một chẳng phải hai. “Nhất sắc” là gì? Nhất sắc là tự tánh. Năng hiện năng sanh là tự tánh, sở hiện sở sanh là vạn vật, tất cả vạn vật. Giống như ví dụ trước đây. Nước ví cho năng sanh năng hiện, sóng ví cho sở sanh sở hiện. Sóng chính là nước, nước chính là sóng. Muôn sự muôn vật không rời tự tánh, đều thấy được hết. Trong tướng thấy tánh, trong sự thấy lý. Lý là một, tánh là một.

Dưới đây đưa ra ví dụ: *Do như kiếp thủy di mãn thế giới, kỳ trung vạn vật trầm một bất hiện*. Kiếp thủy là đại tam tai, chẳng phải là tiểu tam tai. Ngày nay chúng ta hiểu được tiểu tam tai rồi, tiểu tam tai là chiến tranh vũ khí hạt nhân, rất đáng sợ. Đại tam tai là thủy hỏa phong, những thiên tai này trong kinh có nói: người đạt được sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên thiên gọi là phước thiên, người phước ở đất phước. Vì sao vậy? Bởi nơi đó không có tam tai. Từ đó cho thấy chúng ta cần nên tu phước, phước báo này nếu được bằng tứ thiên, mới có thể hóa giải thiên tai thủy hỏa phong trên địa cầu. Phước của cõi trời tứ thiên là gì? Chính là đề kinh Vô Lượng Thọ này, là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Chúng ta phải đạt được đến đâu? Đạt đến Thanh Tịnh là được rồi. Tâm người ở cõi tứ thiên thật sự thanh tịnh, lấy định hàng phục tâm phân biệt, tạm thời không khởi lên tâm phân biệt. Giác thì chưa giác. Hàng phục tâm phân biệt, tâm thanh tịnh hiện tiền, người đó có đại phước đức, họ ở bất cứ nơi đâu nơi đó cũng không có thiên tai, người tạo ác nơi đó tạm thời cũng không bị thiên tai, vì nhờ phước đức của vị này, nhưng người tạo ác này đi chỗ khác quả báo thiên tai sẽ hiện tiền. Ở bên người có phước đức, nhờ phước của họ. Cho nên đạo lý này, chân tướng sự thật này chúng ta cần nên hiểu rõ ràng minh bạch, khi thiên tai hiện tiền, tâm quý vị sẽ ra sao? Tâm quý vị sẽ thanh tịnh, không bị cảnh giới bên ngoài làm động tâm, quý vị động tâm là tiêu rồi. Chúng ta tu tập phải ở ngay trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, tu luyện công phu này. Không bị cảnh giới nhiễu loạn, đây là chân công phu, thật sự tài giỏi, không nên bị cảnh giới bên ngoài làm ảnh hưởng. Nói cách khác, quý vị duy trì được tâm thanh tịnh. Phải dùng phương pháp gì? Dùng một câu A Di Đà Phật, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn này rất hay. Niệm niệm ở câu A Di Đà Phật, đây là tâm thanh tịnh, ngoài A Di Đà Phật ra không có tạp niệm gì khác, buông bỏ hết tất cả, chỉ giữ một câu A Di Đà Phật là được rồi. Chúng ta có thể làm được đấy. Phước báo của người này bằng cõi trời tứ thiên, thật sự là người có đại phước đức.

Khu vực Hongkong này nếu y theo cách nói của các nhà khoa học, là giới khoa học nói, chứ không phải các nhà dự ngôn nói. Nhà khoa học lượng tử nói, đô thị một trăm vạn người, có 100 người đạt đến cảnh giới này, đô thị một trăm vạn người đây sẽ không bị thiên tai. Hongkong tính ra có khoảng 3-4 trăm vạn dân, cần bao nhiêu người? cần 3-4 trăm người! 3-4 trăm tâm địa thanh tịnh, khu vực Hongkong đây sẽ không bị thiên tai. Các nhà khoa học kiến nghị với chúng ta như vậy, chúng ta nghe rồi có thể tin được, có lý do để tin họ, lý do này nằm trong kinh điển đại thừa. Người bất thiện nhiều, họ làm những điều trái ngược tánh đức, trái ngược tánh đức gọi là tà. Người thiện khởi tâm động niệm đều từ tánh đức lưu xuất ra, tâm họ chánh. Đúng với câu tà không thắng chánh. Nhiều người tà niệm, một người chánh niệm thôi là có thể thắng được những tà niệm này. Tà niệm tà hạnh chiêu cảm ra thiên tai. Tâm chánh hạnh chánh nơi họ ở không đâu chẳng kết tường. Cho nên càng nhiều người chánh niệm thì sức mạnh càng lớn.

Có lần tôi tham vấn ở Phạm Đế Cương, trong cuộc nói chuyện, có đoạn nói về việc cầu nguyện có linh hay không? Có người cầu nguyện rất linh, có cảm ứng rõ ràng, nhưng có người cầu nguyện không linh. Cùng một bài cầu nguyện vì sao đạt hiệu quả không giống nhau? Bởi người cầu nguyện tâm không thanh tịnh, không kiên thành. Vấn đề then chốt ở chỗ này. Nếu tâm thanh tịnh, tâm kiên thành, thì sự cảm ứng của việc cầu nguyện đó rất nhanh. Trong tâm hoài nghi, tạp niệm, việc cầu nguyện sẽ không linh. Người xưa nói rất hay: “thành tắc linh”. Tâm địa không thành thì chẳng cảm ứng, tâm địa kiên thành sẽ cảm ứng. Có thể nói người phương tây đối với việc cầu nguyện họ nghiên cứu kỹ, họ nói rất hay, cũng nói đến tâm thanh tịnh, tâm kiên thành, và còn nói đến tâm trạng tốt, nếu tâm trạng không vui, tâm lý loạn, cầu nguyện cũng có vấn đề, cho nên tâm trạng phải thật vui.

“Giai đồng nhất sắc”, chúng ta có thể nói, người này đã thấy tánh rồi. Chân tánh ở đâu? Không pháp nào chẳng phải, pháp nào cũng là nó.

Dưới đây đưa ra ví dụ kiếp thủy đầy khắp thế giới, nước dâng lên cao, chỉ nhìn thấy mặt nước, còn muôn vật đều chìm trong nước, bị nước nhấn chìm, quý vị thấy một màu trắng, nghĩa là miêu tả nước lớn, chỉ thấy nước thôi.

Kỳ trung vạn vật trầm một bất hiện, duy kiến đại thủy, bỉ Phật quang minh diệt phục như thị. Thanh Văn, Duyên Giác, nhất thiết quang minh tất giai ẩn tế, duy kiến Phật quang minh diệt hiển hách.

Dùng ví dụ trước để hội hợp nghĩa kinh. Đưa hàng Thanh Văn, nghĩa là bậc tiểu thừa Tứ Quả Tứ Hướng, đưa hàng Bồ Tát, Bồ Tát từ sơ tín vị đến Đẳng Giác 51 địa vị, họ có hào quang, nhưng đem so với Phật quang thì hào quang của họ bị ẩn hết, không còn thấy nữa, chỉ thấy Phật quang thôi. Phật quang “minh diệt hiển hách”, dùng bốn chữ

này miêu tả Phật quang. Khi đó quý vị chỉ thấy được Phật quang, Phật quang từ tự tánh viên mãn hiển lộ. Ý nghĩa câu này vô cùng thâm sâu, tự tánh viên mãn hiển lộ, tự tánh của ai vậy? Tự tánh của chính mình, chứ chẳng phải chỉ có đức Phật A Di Đà, chúng ta không có phần. Chúng ta và đức Phật A Di Đà không hai không khác. Về hình tướng có sự sai biệt, nhưng về tự tánh thì không khác. Nhất định phải hiểu đạo lý này. Mười pháp giới y chánh trang nghiêm, sự sai biệt đó không có số lượng, cùng một tự tánh. Tự tánh quang minh hiển lộ, chúng ta hiểu được, muôn sự muôn vật trong vũ trụ đều do tự tánh biến hiện ra. Nói cách khác, tất cả đều mang theo ánh quang minh của tự tánh. Lớn nói đến vũ trụ, nhỏ nói đến vi trần, đã là tự tánh biến hiện thì nó chính là tự tánh. Trong tự tánh có trí huệ, đức năng, tướng hảo. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta đã đọc rất nhiều lần, trong một vi trần có thể giới. Có thể giới gì? Sát độ của tất cả chư Phật đều ở trong một vi trần. Một vi trần không lớn ra, thể giới chẳng thu nhỏ lại. Một vi trần này làm sao có thể dung chứa được thể giới? Phàm phu không thấy được cảnh giới này, tuy nghe nói nhưng còn nhiều nghi vấn, hoài nghi. Đó là gì? Là phàm phu có đầy dẫy vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên không thấy được chân tướng sự thật. Quả vị Phật đã đoạn hết vọng tưởng phân biệt chấp trước rồi, ngài thấy được cứu cánh viên mãn, thấy được thật tướng của các pháp. Trong tự tánh không có lớn nhỏ, không có đồng dị. Nói cách khác trong tự tánh chưa bao giờ có pháp đối lập. Cho nên trong kinh đức Phật thường nói đến pháp môn bất nhị. Lớn nhỏ không hai, lớn như vũ trụ, nhỏ như vi trần là không hai. Đây không phải là cảnh giới của chúng ta. Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm cho 41 vị pháp thân Bồ Tát, là bậc đương cơ chứ chẳng phải hàng phàm phu, hàng phàm phu nghe không hiểu, nghe rồi tâm sanh nhiều nghi vấn. Nói với các vị pháp thân Bồ Tát họ hiểu được, vì sao vậy? Vì họ đã thấy tánh.

Trong Sớ Sao ngài Thanh Lương giới thiệu cho chúng ta về bậc đương cơ trong kinh Hoa Nghiêm. Trong mười bậc đương cơ, hạng cuối cùng là phàm phu, phàm phu cũng học được. Phàm phu nào? Đại tâm phàm phu. Đại tâm ở đây nếu y theo kinh điển mà nói, là “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”. Người xưa nói: “lượng to phước lớn”. Người được “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”, phước báo đó không thể nghĩ bàn, người đó có thể tham dự pháp hội Hoa Nghiêm. Kỳ thật đại tâm ở đây chính là tâm bồ đề. Tâm lượng lớn có thể bao dung, tương dung, tương tức, cho nên có đủ điều kiện nhập cảnh giới Hoa Nghiêm.

Dưới đây kết luận rất hay: *Tức biểu nhất thiết pháp tức ư Phật quang chi nhất pháp, tức nhất pháp Phật quang hiển nhi nhất thiết pháp, thử độ vạn vật, thánh hiện quang minh câu ẩn.*

Đưa ra ví dụ hiển nhất pháp, Phật quang là hiển nhất pháp. Tất cả pháp ở thế gian bao gồm cả Bồ Tát, không nhìn thấy được quang minh của họ. Giống như chúng ta ở

dưới mặt trời, nhóm lửa, thắp đèn, đốt đồng lửa lớn, thắp ngọn đèn sáng, cũng chỉ thấy ánh sáng của mặt trời chứ không thấy ánh sáng của ngọn đèn. Có có nghĩa là như vậy. Có ánh sáng của ngọn đèn không? Có! Có ánh sáng của đồng lửa không? Có ! Sau khi ánh sáng mặt trời chiếu đến thì không còn thấy những ánh sáng này nữa.

“Ẩn hiển câu thành”, “thị vi ẩn hiển câu thành, đệ ngữ Huyền Môn chi tướng”. Chúng ta đã học qua rồi. Chúng ta phải làm cho ánh quang minh của tánh đức hiển lộ. Còn có cái không thể hiển lộ, phải mang dấu nó đi. Đó là gì? Là tập khí phiền não, tất cả những ý niệm bất thiện, những thứ này không thể hiển lộ, hành vi bất thiện không được hiển lộ.

Có người hỏi tôi, nếu được số tiền tài không nên có được, mang ra làm những việc thiện được hay không? Quý vị suy nghĩ vấn đề này thử xem.

Vị tổ sư đời thứ sáu của tông tịnh độ, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, ngài đã làm việc này, ngài làm được đó, nhưng chúng ta không được làm. Trước khi ngài xuất gia, ngài làm công vụ viên nhỏ, quản lý thu nhập tiền thuế, địa vị không cao, tay ngài thường cầm tiền, đó là của cải trong kho bạc nhà nước, chứ chẳng phải của ngài, nhưng ngài lấy mang đi mua đồ phóng sanh. Lâu ngày chày tháng, số tiền lấy trong kho bạc nhà nước chắc cũng không ít đâu. Của không cho mà lấy gọi là trộm cắp, mang đi mua đồ phóng sanh hết, bản thân mình không giữ đồng nào. Cuối cùng bị người ta phát hiện ra, ngài thừa nhận toàn bộ sự việc, ngài không nói dối, hỏi ngài lấy vào lúc nào? Lấy bao nhiêu? Chắc là không ít đâu. Y theo pháp luật phải tử hình, ngài chấp nhận. Cho nên vụ án này rất kỳ lạ, các vị quan tòa chưa bao giờ gặp phải vụ án như vậy. Người này lấy trộm tiền trong kho bạc nhà nước, để làm gì? Để mua đồ phóng sanh, cho nên lãnh án tử hình. Cuối cùng cũng may, vụ án này đưa lên hoàng đế. Đức vua xem qua cũng mắc cười, sao lại có một người như vậy, bèn hạ lệnh dẫn đức vua ra pháp trường, pháp trường là nơi chém đầu. Nói với vị quan nơi đó nhìn xem ngài có sợ không? Nếu ngài sợ thì chém đầu, bằng không sợ thì dẫn ngài đến để vua hỏi chuyện. Đức vua này cũng rất thông minh. Đến pháp trường ngài không hề có chút lo sợ. Pháp quan hỏi vì sao vậy? Ngài nói: Một tấm thân này của tôi mà đổi được ngàn vạn thân khác, đáng giá lắm! Ngài không hề có chút lo sợ. Y theo lời dặn dò của đức vua nên dẫn ngài về. Hoàng thượng hỏi ngài làm gì? Ngài nói: Làm việc tốt cho đất nước, tích đức cho hoàng thượng. Đức vua phóng thích ngài, ngài vô tội. Hỏi ngài muốn làm gì? Ngài muốn xuất gia, sau này chính là Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, đức vua rất hoan hỷ và làm hộ pháp cho ngài.

Quý vị nghĩ xem, việc như vậy ngày nay chúng ta làm được chăng? việc này là tham ô đấy, nhưng bản thân ngài không có tư hào ý niệm danh lợi. Nếu bản thân có chút danh lợi trong đó, sẽ đọa lạc. Ngài thật sự không có tí danh lợi nào.

Ngày nay chúng ta nói đến ẩn mật hiền liễu, chẳng thể không biết chuyện này. Đưa ra ví dụ ngài Vĩnh Minh Diên Thọ, là một ví dụ rất hay, không phải bình thường mà là thủ đoạn phi thường. Trong đây bản thân mình thật sự trong sáng, không hề có danh vãn lợi dưỡng, duy nhất một nguyện vọng là phổ độ chúng sanh, nhìn thấy số động vật này sắp bị người ta giết an thịt, ngài cứu nó mang đi phóng sanh, chỉ có tâm niệm như vậy, không có cái ta ở trong đó. Ngày nay chúng ta làm được chút việc tốt bèn cho rằng mình có công đức, sai lầm rồi, vẫn còn có mục đích mà. Ngài Vĩnh Minh Diên Thọ nói thay thế đau khổ cho chúng sanh, dùng thân mạng mình đổi lấy ngàn vạn thân mạng chúng sanh, thay thế đau khổ cho chúng sanh đây. Chúng ta có dụng tâm như vậy không? Nếu thật sự dụng tâm như vậy thì có thể học ngài Vĩnh Minh Diên Thọ. Nếu không phải như vậy mà trong đó có chút danh lợi thì quý vị sẽ có tội. Điều này chẳng thể không hiểu. Nhất là chư Phật Bồ Tát, bao gồm cả đệ tử Phật, luôn luôn phải nghĩ đến việc, làm rạng danh Phật giáo.

Ngày xưa thầy Lý thường dạy chúng tôi, phải dát vàng lên tượng Phật, làm trang nghiêm Phật pháp, không thể bôi nhọ lên tượng Phật, làm như vậy là diệt pháp. Ý nghĩa này rất thâm sâu, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, làm rạng danh Phật pháp, làm mặt phải hay làm mặt trái sự việc? Làm mặt trái rõ ràng nhất là phá hoại hình tượng Phật giáo. Trong ngũ nghịch tội, làm thân Phật chảy máu, là tội địa ngục. Còn một giới trọng nữa là phá hòa hợp Tăng, Tăng là Tăng đoàn, phá hoại Tăng đoàn, đây là tội địa ngục.

Khi tôi mới xuất gia, vừa xuất gia là giảng kinh dạy học, xuất gia rồi bèn dạy Phật Học Viện. Có vị lão cư sĩ tên Triệu Mặc Lâm, lớn tuổi rồi, chắc lớn hơn tôi khoảng 30 tuổi. Một hôm ông ấy mời tôi ăn cơm, ở Công Đức Lâm thành phố Đài Bắc, tôi nhớ hình như ở gần bến xe lửa. Khi tôi đến đã thấy ông ngồi ở đó rồi, bữa ăn chỉ có hai chúng tôi. Tôi hỏi ông không mời ai nữa sao? Không, tôi chỉ mời một mình thầy thôi. Thầy có biết vì sao hôm nay tôi mời thầy không? Tôi không biết, chưa có thần thông mà! Ông nói, tôi có một vấn đề muốn hỏi thầy. Ông già rất khách sáo. Vấn đề này nghi vấn lâu rồi mà chưa được giải quyết. Tôi hỏi vấn đề gì vậy? Ông nói về tội ngũ nghịch đọa địa ngục A Tỳ. Tôi nói: đúng vậy! Trong kinh có nói: tội ngũ nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng. Ông nói bốn tội kia không dễ phạm, rất ít. Ngày nay giết cha, giết mẹ rất nhiều, năm mươi năm về trước quả thật rất ít, ít khi nghe thấy việc này. Xã hội ngày nay loạn rồi, ngày xưa thật sự hiếm thấy. Giết A La Hán. A La Hán ở đâu tìm không ra, nhưng có đăng lưu, nghĩa là bằng với tội giết A La Hán đó chính là giết thầy giáo, điều này cũng rất ít. Làm thân Phật chảy máu, Phật không có ở thế gian, cũng có đăng lưu là ác ý phá hoại hình tượng Phật, nghĩa là tượng Phật, tranh Phật. Lấy tâm hận, tâm thù hận để phá hoại, cũng giống như tội làm thân Phật chảy máu vậy. Nhưng những điều này không dễ phạm phải. Riêng tội phá hòa hợp Tăng tôi

thấy rất nhiều người phạm. Ông cụ rất từ bi, ông là đệ tử quy y với Ân Quang đại sư, là bạn học với Thầy Lý, huynh đệ đồng môn đấy. Ông đã đem vấn đề này ra hỏi tôi, tôi nghe rồi nói rằng, chúng ta ăn cơm thôi, không nên để tâm đến việc này. Ông đặt đĩa xuống nhìn tôi nói: Như vậy nghĩa là sao? Tôi quay lại thỉnh giáo với ông nói, tôi học Phật thời gian chưa nhiều, xuất gia cũng chưa được bao lâu, ông là đại đức trong đạo Phật, ông thấy được nhiều hơn tôi, ông thấy đạo tràng nào là đạo tràng hòa hợp Lục Hòa Kính. Ông cụ nghe tôi nói như vậy, suy đi nghĩ lại bèn cười. Không có đạo tràng nào hết, trong chùa có hai người xuất gia ở với nhau còn cãi cọ, lấy đầu ra hòa hợp Tăng? Thế mới biết rằng Tăng đoàn hòa hợp không dễ. Trong kinh dạy, nếu khu vực này xuất hiện một Tăng đoàn hòa hợp, thì chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần thủ hộ. Ông nghĩ thử xem, một người có đạo đức, một người tu phước, khắp khu vực đó đều được lợi ích, bốn người trở lên, quả thật đáng sợ. Người đại phước đức như vậy ông có gặp được người nào không? Thật sự không có ai hết, cho nên không dễ dàng. Ngày nay thiên tai hiện tiền chúng tôi đề xướng tu Lục Hòa Kính, chúng ta không thể yêu cầu người khác học mình, yêu cầu người khác học mình là sai. Bản thân mình học, người khác không hòa với mình, mình phải hòa với người. Tiêu chuẩn hòa là gì? Là sáu điều: Thứ nhất kiến hòa đồng giải. Dĩ nhiên người ta khác với mình. Điều quan trọng nhất trong kiến hòa đồng giải là gì? Là biến pháp giới hư không giới, vạn pháp trong vũ trụ với ta là một thể, cùng một thể tự tánh thanh tịnh viên minh. Hòa nương vào đâu? Nương vào điều này. Ta là tự tánh hiện tiền, người cũng là tự tánh hiện tiền, tất cả súc sanh là tự tánh hiện tiền, hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa đều là tự tánh hiện tiền. Chẳng những mình hòa với người, mà hòa với tất cả hữu tình chúng sanh, hòa với hoa cỏ cây cối, hòa với sơn hà đại địa, hòa với khắp cả vũ trụ, là một thể. Không yêu cầu người khác, mà yêu cầu chính mình, người ta không hiểu, mình biết rõ ràng.

Giới hòa đồng tu, căn bản giới, Đệ Tử Quy, Cảm ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, nhất định mình phải thực hành, thật sự làm được chứ không yêu cầu người khác phải làm. Nếu quý vị yêu cầu người khác làm thì quý vị không hòa với họ được. Ta chỉ yêu cầu chính mình, chứ không yêu cầu người khác. Gặp người nhất định phải khom lưng cung kính 90 độ, không yêu cầu người khác phải khom lưng cung kính mình 90 độ.

Lần này tôi gặp đức giáo hoàng ở Paris, tôi thấy các vị trong đạo Thiên Chúa gặp đức giáo hoàng của họ, hành lễ bao nhiêu độ? Đại khái khoảng 5 độ, gật đầu một tí thôi. Nhưng chúng tôi gặp giáo hoàng nhất định phải cúi 90 độ, tôi không yêu cầu ông ấy đối với tôi như vậy. Tôi cũng yêu cầu tôi đối với người như thế nào.

Kế đến là thân hòa đồng trụ, khẩu vô tránh, ý đồng duyệt, đều ở chính mình. Cuối cùng là lợi đồng quân, điều này thực tế. Mình được cúng dường, có thể chia cho người khác chăng? Nhất định phải chia, người ta cần mình phải giúp, nếu họ không cần không

nhất định phải nhắc tới. Khi họ cần, tuy không nói ra, nhưng họ cần mình phải chủ động giúp họ, bản thân chúng ta làm. không nên yêu cầu người khác. Trong một gia đình bản thân quý vị làm được rồi, tôi tin rằng không bao lâu sẽ cảm hóa được những người trong nhà. Gia đình quý vị sẽ biến thành một gia đình lục hòa kính. Gia đình lục hòa kính thực tế nhất chính là kính tế của cái, của cái có trong gia đình quý vị, thấy người khác thiếu thốn, mình có thể giúp họ hay không? Đây là điều rất thực tế, những điều khác tôi cảm thấy rất dễ thực hành. Cho nên người ta nói chủ nghĩa cộng sản, quý vị nên biết lục hòa kính chính là cộng sản, không có của riêng. Tôi có của cái mọi người cùng hưởng. Chủ nghĩa cộng sản không phải do Mã Khắc Tư phát minh ra. 3000 năm về trước đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã đề xướng chủ nghĩa cộng sản rồi, Mã Khắc Tư là sau này, ông ta vẫn chưa thật sự làm được. So với đức Phật Thích Ca Mâu Ni thì còn kém xa lắm. Điều này nhất định chúng ta phải hiểu. Học rồi phải thực hành cách nào? Làm như thế là thành tựu đức hạnh của mình, viên mãn phước đức của mình. Viên mãn phước đức không phải vì mình, mà vì những chúng sanh khổ nạn ngày nay. Người thật sự có phước đức họ sống ở đâu, nơi đó có thiên tai, thiên tai không thể hóa giải được, đức của một người chưa đủ, không thể hóa giải được, nhưng có thể khiến cho thiên tai giảm nhẹ xuống. Chuyện này chắc chắn làm được. Giảm được bao nhiêu là do công lực, niệm lực của mỗi chúng ta. Sức mạnh của ý niệm rất lớn, chúng ta làm là sức mạnh của hành, tất cả đều có liên quan với nhau. Chúng ta có thể làm được bao nhiêu? Thật sự giúp cho nơi này, khiến cho thiên tai giảm nhẹ và rút ngắn thời gian lại. Thiên tai lớn biến thành thiên tai nhỏ, thiên tai nhỏ hóa thành không còn thiên tai. Tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, phải giống như ngài Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư vậy, không có chút danh lợi của mình ở trong đó, như thế mới được! Có một chút tâm danh lợi trong đó, là phá hoại hết công đức của mình. Đạo lý này chẳng thể không hiểu. Quý vị làm, người ta thấy quý vị khổ, khổ hạnh Tăng, nhưng bản thân quý vị có niềm vui không gì sánh bằng. Đức Thế Tôn dạy chúng ta, học Phật là học điều gì? Học phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Nếu quý vị đạt đến cảnh giới này, thấy người trên thế gian này, ai được vui? Chính bản thân mình vui. Ai khổ? Thấy tất cả chúng sanh đều khổ. Đây là sự thật, không giả dối đâu. Ngày nay người ta nói áp lực, quý vị xem người thời nay ai là người không bị áp lực? Ngay cả học sinh tiểu học cũng bị áp lực, nếu không bị áp lực sao nó nhảy lầu tự sát? Ai không bị áp lực? Người thật sự học Phật là người không bị áp lực, thân không có áp lực, tâm không có áp lực, tự tại biết bao! Vui sướng biết bao! Thật sự lìa khổ được vui đây.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm bậc mô phạm cho chúng ta. Ngài xuất thân từ địa vị vương tử, là người con trong một gia đình giàu có. Sau khi khai ngộ ngài đã sống như thế nào? Cuộc sống khổ hạnh Tăng, ngày ăn một bữa, tối ngủ dưới gốc cây, tài sản duy nhất ba y một bình bát, ngoài ra không có gì hết. Người thường nhìn như vậy thấy quá khổ, nhưng ngài có niềm vui lớn. Dùng ngôn từ ngày nay mà nói, là không hề bị áp lực,

tự tại biết bao! Không bị ràng buộc, hàng ngày giao du sơn thủy, thật sự được đại tự tại. Nhưng có được mấy người học theo ngài? Không ai học theo. Thực tế mà nói, ngài đã đạt được cảnh giới đó, sống cuộc đời như vậy, mới thật sự là đời sống của người xuất gia. Không sợ gió mưa nắng cháy, ngài không sợ, ban đêm ngủ ngoài trời, ngồi thiền dưới gốc cây. Chúng ta nghe nói thân kim cang bất hoại, thân ngài chính là thân kim cang bất hoại, ngài cũng không bệnh. Người thường chúng ta không thể sánh được, ban đêm chúng ta ra gốc cây ngồi một đêm thôi, có lẽ ngày hôm sau phải đưa đến bệnh viện rồi, làm sao có thể so với ngài được. Cho nên ngày nay chúng ta nghĩ đến phương thức sinh hoạt của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, cho rằng mình không làm được, cơ thể không chịu đựng nổi. Quan niệm này có chính xác không? Không chính xác! Vì sao không chính xác? Bởi tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, tâm tưởng chúng ta sai, nghĩ rằng mình không bằng ngài, đương nhiên không bằng ngài rồi. Nếu nghĩ rằng, đức Phật Thích Ca Mâu Ni làm được, mình cũng làm được. Ý niệm này chính xác đấy. Thân thể này bị gió mưa nắng cháy cũng chẳng sao. Chuyển ý niệm thì cả cơ thể cũng chuyển theo. Chúng ta hiểu được đạo lý này nhưng không dám thử, không dám thử nghiệm. Vì sao vậy? vì tín tâm chưa đủ. Ngày xưa Chương Gia đại sư thường nhắc nhở tôi nói tôi vẫn còn hoài nghi, vẫn chưa tin. Cho nên tin rất khó, không hoài nghi thật sự chẳng dễ dàng, đến lúc không hoài nghi nữa, quý vị không là Phật cũng là đại Bồ Tát đấy, chứ không phải người thường đâu. Đúng là ý niệm làm chủ tất cả. Ngày nay chúng ta không dám nghĩ là đối với vấn đề này còn có nhiều nghi vấn, không nghi vấn thì vấn đề gì cũng giải quyết được. Kinh Phật gặp nghi vấn gì cũng có thể giải thích được, đều có thể nói rõ ràng minh bạch. Thật tin thật tu phàm phu sẽ thành Phật. Thành Phật cần mất bao nhiêu thời gian? đứng về lý luận mà nói chỉ trong một niệm, một niệm giác, phàm phu thành Phật, một niệm mê Phật thành chúng sanh, phàm phu và Phật không khác, chỉ khác nhau ở chỗ mê ngộ mà thôi. Cho nên kinh giáo quý ở chỗ thật sự có thể lý giải, như trong kệ khai kinh: “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Thật sự lý giải rồi sẽ dùng được, biến nó thành cuộc sống của mình, thành tư tưởng của mình, thành hành vi của mình, thì quý vị sẽ được lợi ích. Sự lợi ích này không phải có từ bên ngoài, mà tự tánh vốn đầy đủ, chỉ ở trong trạng thái ẩn, chưa hiển lộ mà thôi, giác ngộ rồi, nó sẽ hiển lộ. Cho nên không tăng không giảm, khi ẩn không mất, khi hiển không được, nó vốn có mà, không tăng không giảm, là sự thật đấy.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây

Tập 57

Chuyên ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày 14 tháng 06 năm 2010

Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 55, hàng cuối cùng.

Lục, vi tế tương dung an lập môn. Đại Số viết, như lưu ly bình tịnh đa giới tử. Dĩ thượng các môn hàm minh quang hiệp vô ngại, nhất đa tương dung chi nghĩa, kim thử đệ lục môn, cánh chỉ vô luận như hà vi tế chi trung, diệc khả hàm dung nhất thiết chư pháp, nhất mao nhất trần chi trung vô biên sát hải, nhất thiết chư pháp đồng thời thông hiện, như nhất cảnh trung ương hiện vạn pháp. Chúng ta xem đến đây.

Môn này giảng về vi tế tương dung an lập. Năm môn trước đây, đều thuyết minh về tất cả pháp của thể và xuất thể gian, không một pháp nào ngoại lệ, tất cả đều có quang hiệp vô ngại, tương dung tương tức. Hôm nay đại sư giảng cho chúng ta môn thứ sáu, môn thứ sáu này giảng càng vi tế hơn, bất luận trong vi tế như thế nào, ý nghĩa của câu này rất sâu rộng. Nương theo sự tiên tiến của khoa học, chúng ta thấy báo cáo của các nhà khoa học, trong phòng thí nghiệm họ thấy được, thấy được nguồn gốc của vũ trụ, duyên khởi của vũ trụ, họ báo cáo với mọi người, nghĩa là khoa học lượng tử ngày nay. Trong báo cáo nói, tất cả muôn sự muôn vật trên thế giới, đều do vật chất tương đồng. Vật chất tương đồng này là ánh sáng vô cùng vi tế, danh từ khoa học là quần lượng tử. Tốc độ chấn động của nó, không tương đẳng, có nhanh có chậm. Chúng ta nói nó chậm, cũng không phải vấn đề ta có thể tưởng tượng được. Nói nó nhanh, nhanh đến mức độ nào. Nói nó chậm chậm đến mức độ nào, đều không phải là những thứ chúng ta có thể tưởng tượng được. Tia sáng chấn động chậm sẽ biến thành cố thể, như cát, đá, núi đá, là tần suất chấn động chậm. Nhanh hơn một chút nữa nó biến thành động thực vật. Nhanh nhất là biến thành điện tử. Đây là những điều con người thời cận đại phát hiện ra. Các nhà khoa học còn cho chúng ta biết, giải thích cho chúng ta chân tướng sự thật. Một nhà khoa học người Đức, chuyên môn nghiên cứu về lượng tử lực học đã nói rằng: Duyên khởi và sự tồn tại của tất cả vật chất trên thế gian này, đều do một sức mạnh khiến cho nguyên tử và phân tử chấn động.

Đạo Phật nói tự tánh là thanh tịnh, quang minh là vĩnh hằng, là bất động. Khi Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ, ngài đã dùng ngôn từ đơn giản nói lên chân tướng sự thật. Các nhà lượng tử lực học nói nguyên tử, điện tử, quang tử, đều là vật chất. Vật chất không tách rời chấn động, cũng có nhà khoa học gọi là ba động, cùng chung một ý nghĩa. Từ đó chúng ta mới biết được, tần suất chấn động và ba động chung một ý nghĩa. Nếu không có ba động này, thì chẳng có hiện tượng. Điều này gần giống với vũ trụ duyên khởi trong Phật pháp thường nói. Đức Phật dạy, đây cũng là cảnh giới ngài đã thân chứng. Ngài chứng được cách nào? Ngài thấy được từ trong thiền định thâm sâu. Thiền định là gì? Thiền định là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, tâm bình đẳng chính là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Công phu của người xưa đều học tập trong thiền định, nói công phu là nói về thiền định, thiền định chính là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh của quý vị đến trình độ nào? Đức Phật dạy chúng ta, tâm thanh tịnh này tất cả mọi người đều có, là chân tâm, là bản tánh của tất cả chúng ta, nó vốn như vậy. Bây giờ thì sao? Bây giờ vẫn như vậy? Sao biến thành phàm phu lục đạo? Trong kinh điển đại thừa nói rất rõ ràng, chúng ta quên mất, quên mất nên mê lầm, không dùng chân tâm. Có chân tâm mà không dùng nó. Chúng ta dùng tâm nào? Dùng vọng tâm. Thế nào là vọng tâm? Trong giáo lý đại thừa nói a lại da chính là vọng tâm. Học Pháp Tướng Tông, đây không phải là môn học chuyên của chúng ta, ta học một chút kiến thức như Bách Pháp Minh Môn Luận, Duy Thức Tam Thập tụng, chúng ta đã học qua những môn này rồi.

Nhất niệm bất giác gọi là vô thi vô minh. Vì sao gọi là vô minh? Bởi chân tâm là quang minh. Ba động cực kỳ vi tế vừa khởi, quang minh biến mất, quang minh biến thành đen tối, cho nên gọi sự đen tối đó là vô minh, vô minh chính là đen tối, là vọng tâm. Thật không may mắn vọng tâm đã làm chủ, chân tâm đứng bên cạnh không khởi tác dụng. Lục đạo như vậy, pháp giới Tứ Thánh cũng như vậy. Khi nào giác ngộ không dùng vọng tâm? Quý vị nên biết, chúng ta khởi tâm động niệm, ý niệm đầu tiên nghĩ gì? Nghĩ đến ta. Bất luận vô tâm hay cố ý, chắc chắn niệm đầu tiên là ta, không quên được ta. Đức Phật dạy, lục đạo chúng sanh, ý niệm về ta là giả chẳng phải chân. Cho nên trong lúc giảng dạy, đức Phật thường nói vô ngã, đây là chân chẳng phải giả. Người học Phật, nhất là hàng sơ học, nghe nói vô ngã là sợ, vô ngã thì tiêu rồi, cho nên họ không dám vào đạo Phật. Đức Thế Tôn đã dùng phương tiện thiện xảo trước nói về ẩn hiển, đối với hàng sơ học, đức Phật không nói về vô ngã. Đức Phật nói có ngã, có ngã mọi người sẽ hưng phấn, có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đức Phật không vọng ngữ, thật có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Ngã có nghĩa là gì? Ngã có nghĩa là chủ thể, là tự tại. Đức Phật thêm cho nó ý nghĩa. Nghĩ thử xem, ngày nay chúng ta có ngã, trong đó có ý nghĩa chủ thể hay không? Có tự tại không? Tự tại chính là vô ngại trong Thập Huyền Môn đề cập đến, sự sự vô ngại. Chúng ta không cảm nhận được mình có thể làm chủ thể. Nếu ta có chủ thể, ta hy vọng vinh hoa phú quý, mạnh khỏe sống lâu, làm được chăng? Không làm được. Không làm được là

không có ngã, thật sự làm được mới là ngã. Khi nào quý vị tìm được ngã. Trong Thiền Tông có câu thoại đầu: “bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra”. Đó là gì? Đó là tự tánh. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, là tìm lại được ngã. Có Ngã, có Thường. Thường là gì? Thường là bất sanh bất diệt. Có Lạc, Lạc nghĩa là gì? Lạc nghĩa là vĩnh viễn không khổ, gọi là Lạc. Lạc không phải là hoan lạc, không phải là rất vui, không phải ý nghĩa này. Hỷ, nô, ái, ố, ai, lạc, dục, được gọi là thất tình. Thất tình ngũ dục đều là khổ. Cho nên Lạc trong đạo Phật không phải là tương đối, không phải đối lập với khổ. Không có nghĩa quý vị vui, người ta khổ. Đạo Phật nói hoan lạc cũng là khổ. Hoan lạc là gì? Hoan lạc là Hoại Khổ. Nó không thể vĩnh viễn bảo trì, nó là một sát na rất ngắn, khiến cho quý vị hưng phấn một chút, như ngày nay chúng ta nói hút á phiện, hút heroin. Cái lạc đó không thể gọi là vui, đó là khổ. Cái gì là Lạc? Sau sự hưng phấn đó là khổ không thể nói hết. Đức Phật nói cho chúng ta biết, chúng ta tư duy quan sát xem, không sai một chút nào, đó là thật không phải giả đâu. Đạo Phật nói Lạc, ly khổ chính là Lạc. Thất tình lục dục là khổ, sanh lão bệnh tử là khổ, mê hoặc điên đảo là khổ. Đức Phật nói những ý nghĩa này, chúng ta phải dùng tâm cảm nhận, mới đạt được sự thọ dụng chân thật ở trong đó. Cuối cùng là Tịnh, là thanh tịnh, thanh tịnh là vui. Trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật dạy: “tịnh cực quang thông đạt”. Tịnh đến một trình độ nhất định trí huệ sẽ khai mở, hốt nhiên đại ngộ. Đại ngộ là gì? Đối với chân tướng của vũ trụ nhân sinh, trong những buổi giảng chúng tôi thường dùng sáu chữ: tánh tướng, lý sự, nhân quả của tất cả các pháp, đều hiểu hết. Thật sự hiểu rõ này là Lạc, đạo Phật nói pháp hỷ sung mãn. Khổng Tử cũng nói: “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”. Sự hỷ duyệt này không đến từ bên ngoài, hỷ duyệt ở đây là hiểu rõ, hiểu rõ chân tướng của tất cả pháp, sanh ra lạc, được phát ra từ nội tâm, từ trong tự tánh lưu xuất ra, đây là chân lạc. Lạc của phàm phu được đến từ bên ngoài, cho nên nó không phải là chân lạc. Từ trong tự tánh lưu xuất ra là tánh đức, tánh đức lưu xuất ra, là chân thật, là vĩnh hằng, không hề gián đoạn, là thường sanh hoan hỷ tâm, cho nên nó có ngã. Hiện nay chúng ta mê mờ trong lục đạo, không còn chân ngã nữa, xem thân này là ta, nó là giả. Thân này ta không làm chủ được, mỗi năm mỗi năm suy thoái, thời gian qua đi quá nhanh.

Còn nhớ tôi đến Hongkong giảng kinh năm đó, là năm 1977, tôi 50 tuổi, khi nói chuyện với các bạn đồng tu, hơn 30 năm về trước, rất nhiều đồng tham đạo hữu đã không còn, thời gian bằng một khảy móng tay, con người đã già rồi. Đó là gì? Đó là do ta không làm chủ được, đây chính là không tự tại. Y theo định nghĩa của đức Phật mà nói thì đó là vô ngã, cho nên nó là giả. Chư vị tổ sư thường nói: “mượn giả tu chân”, ý nghĩa của câu này thâm sâu, nói rất hay. Chúng ta đến thế gian này bằng cách nào? do nghiệp báo mà đến. Ngày xưa tạo thiện nghiệp, thiện nghiệp gặp duyên quả báo hiện tiền, đầu thai về cõi người, điều này trong kinh giáo nói rất rõ. Tạo nghiệp gì? Trung phẩm thiện nghiệp, Ngũ Giới hoặc Ngũ Thường của đạo Nho đều được cả, đều thông hết. Ngũ

Thường: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín. Đòi trước nghiêm chỉnh học tập, thực hành giỏi, đó chính là nghiệp nhân thọ thân người trong lục đạo. Mỗi chúng ta được thân người, tương đồng với nghiệp nhân quá khứ. Y lý mà nói mỗi đời mỗi đời, hướng thượng nâng cao mới được. Đây mới là chánh lý. Cũng là điều người xưa nói: “nhân chi sơ tánh bản thiện”. Thiện ở đây là thiện đối với ác, đời quá khứ quý vị tu thiện nhân, kiếp này được thân người, kiếp này tiếp tục tu thiện không khó đâu, từ cõi người nâng cao lên cõi trời, có khả năng đến cõi trời dục giới, trời sắc giới, trời vô sắc giới, chỉ do gặp duyên bất đồng. Ngày nay chúng ta nói: “nhân chi sơ tánh bản thiện”, không phải thiện đối với ác, mà là tự tánh viên mãn, đó là gì? Dùng Phật pháp để giải thích, giống như tiên sỹ Thang Ân Tử từng nói: Phật pháp khiến cho nền văn hóa xưa thêm phong phú, là ý nghĩa này. Dùng Phật pháp giải thích từ thiện này, nâng cao cảnh giới như đại thừa Phật giáo, nhưng người đời xem “nhân chi sơ tánh bản thiện”, là thiện đối với ác. Đòi quá khứ tu thập thiện kiếp này được thân người. Vì sao con người bây giờ quên mất đức hạnh trong đời quá khứ? Người xưa thường nói: ‘gần mực thì đen, gần đèn thì sáng’. Xã hội ngày nay nhiễm ô, vấn đề này rất nghiêm trọng. Chúng ta thấy quả địa cầu, bất luận khu vực nào, đều chú trọng nền giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, ngày nay không nói đến, không nói đến thì loạn đậy, không còn thị phi, không có chánh tà, không có chuẩn mực, tạo nên một xã hội loạn động. Trong sự loạn động đó, con người lại tạo ác nghiệp, chứ không tạo thiện nghiệp. Thế nào là ác nghiệp? tự tư tự lợi, khởi tâm động niệm đối với mình có lợi ích hay không, chứ không nghĩ đến người khác. Người xưa biết nghĩ đến người khác. Người thời nay không có. Mấy ngàn năm trước người phương tây, tiếp nhận nền giáo dục tôn giáo. Tôn giáo là hay, trong đó có nhân quả, đạo đức, luân lý. Trong Tân Cựu Ước nói về mười giới, rất giống Thập Thiện trong đạo Phật. Khi chúng tôi tiếp xúc với những tôn giáo khác, giới luật, quy tắc rất hay, có thiện ác, tà chánh, mực thước, thân cận bậc thánh hiền, “phiếm ái chúng nhi thân nhân”, thân cận bậc nhân từ, bậc hiền thánh, sẽ nâng cao. Quý vị xem từ trung phẩm thập thiện, được thân người, tiếp tục hành thiện, thượng phẩm thập thiện kiếp sau được sanh lên cõi trời, cứ thế hướng lên là chính xác. Ngày nay chúng ta đọa lạc, đọa lạc là sao, là rời xa nền giáo dục của thánh hiền, nhiễm tà ác nghiêm trọng. Điều này phiền phức lớn, tự tư tự lợi là tà ác, danh văn lợi dưỡng là tà ác, tham thủ ngũ dục lục trần là tà ác, tham sân si mạn là tà ác. Nếu quy về luân lý mà nói, bất trung bất hiếu là tà ác, bất nhân bất nghĩa là tà ác, không biết tôn sư trọng đạo là tà ác. Người xưa nói đến ân điển, có hai người ân lớn nhất đối với chính mình. Một là ân dưỡng dục của cha mẹ, hai là ân dạy dỗ của thầy giáo. Người xưa xem thầy giáo và cha mẹ mình không hai không khác. Từ danh xưng của người xưa, quý vị dễ dàng cảm nhận được, từ xưa đến nay có danh có tự. Danh do cha mẹ đặt cho, gọi là mệnh danh, khi chưa thành niên gọi là đồng tử, mọi người đều gọi tên quý vị, đều gọi danh tự của quý vị. Thành niên rồi, nam tử hai mươi tuổi hành quan lễ, quan lễ chính là mang mũ, mang mũ nói lên quý vị đã thành niên, là người lớn chứ không còn là trẻ nhỏ nữa. Người nữ mười

sáu tuổi chẵn đầu có nghĩa là thành niên rồi, người đồng bối cho quý vị tự, từ đó về sau gọi tự chứ không gọi tên nữa, tên chỉ riêng cha mẹ gọi thôi, suốt đời cha mẹ gọi tên, cô bác trong nhà, ông bà nội gọi tự chứ không gọi tên quý vị. Vì sao vậy? vì tôn trọng quý vị, cho nên chỉ cha mẹ gọi tên quý vị. Quý vị làm quan trong triều đình hoàng đế cũng gọi quý vị bằng tự chứ không gọi tên, tôn trọng quý vị, tôn trọng người khác. Nhưng bản thân quý vị nhất định phải xưng tên, vì sao vậy? vì quý vị khiêm hạ, cho nên phải khiêm, bản thân mình nhất định phải xưng tên. Ngoài cha mẹ ra vẫn còn một người nữa gọi tên quý vị, là thầy giáo, địa vị của thầy giáo bằng địa vị của cha mẹ. Đây chính là ân đức lớn nhất. Xem trong tang lễ cũng có thể nhận ra, cha mẹ qua đời phận làm con phải thủ hiếu ba năm, mặc đồ chế, thầy giáo qua đời để tang ba năm, không có đồ chế, tôn trọng thầy giáo.

Chúng ta học tịnh tông, tu học nương theo nguyên tắc hướng dẫn tối cao, là Tịnh Nghiệp Tam Phước trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đây là nguyên tắc hướng dẫn tối cao cho những người tu tịnh độ, cần nên tuân thủ. Tam Phước Tam Điều tổng cộng có mười một câu, điều thứ nhất bốn câu: “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, cho nên bất hiếu phụ mẫu, không kính sư trưởng, gọi là bội sự phản đạo, bất hiếu phụ mẫu bằng với tội này. Không nên cho rằng chính mình làm không sao hết, không phải vậy đâu, quý vị ảnh hưởng xã hội đấy. Xã hội thấy quý vị là người bất hiếu cha mẹ, họ sẽ học theo. Quý vị có chịu trách nhiệm không? Cho nên “học vi nhân sư, hành vi thế phạm”, điều này tích công đức lớn, mình phải làm mô phạm cho người khác thấy, để người ta học theo, mình không nên làm mô phạm xấu. Quý vị khiến cho con người trong xã hội hư, tội này rất nặng. Cho nên chúng ta phải từ vũ trụ duyên khởi, nhân sinh duyên khởi, sau đó mới có thể cảm nhận được thế nào gọi là tùy thuận tánh đức. Tùy thuận tánh đức là tối thiện, tối hay. Cổ thánh tiên hiền nói đến Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, không phải do ai phát minh ra, hay sáng tạo ra, mà đó là tánh đức. Tự tánh của con người vốn là như vậy, đây gọi là thiện, tánh bản thiện nó vốn là như vậy. Bậc thánh nhân và người thông minh phát hiện ra, phát hiện ra tự nhiên họ sẽ tuân thủ, khởi tâm động niệm, đối nhân xử thế, tuyệt đối không làm trái ngược tánh đức. Tùy thuận tánh đức được tôn xưng là thánh nhân, hiền nhân, quân tử. Đời đời kiếp kiếp truyền thừa, từ nhỏ đã được dạy rồi, mọi người trong xã hội đều làm như vậy. Nhưng xã hội ngày nay không được như thế. Điển hình như Hongkong đây, lần đầu tiên tôi đến Hongkong, vào năm 1977, môi trường ngày đó và Hongkong bây giờ hoàn toàn không giống nhau. Hongkong khi đó rất đẹp, giống như lời người xưa nói: “thế phong nhật hạ”. Chẳng riêng Hongkong mà toàn thế giới. Vì sao ngày nay thiên tai hưng khởi? vì sao có nhiều như thế? Tất cả đều có nguyên nhân của nó.

Đạo Phật dạy quan trọng là phá mê khai ngộ, dạy con người giác ngộ, dạy con người nhận biết chân tướng vũ trụ nhân sinh. Cho nên các nhà khoa học phát hiện ra vật

chất trên thế gian này, sự khởi đầu và tồn tại của nó, đều có một sức mạnh đang chấn động, nếu không chấn động thì chẳng có. Sức mạnh này đạo Phật gọi là nghiệp lực. Nghiệp lực không thể nghĩ bàn. Nghiệp lực là gì? Nói về duyên khởi của vũ trụ, nghiệp lực của A lại da, nhưng khi nói về tam tế tướng thì không nói đến nghiệp lực mà nói đến nghiệp tướng, ba loại hiện tượng: nghiệp tướng của A lại da, chuyển tướng, cảnh giới tướng. Đây là danh từ Phật học. Nghiệp tướng chính là sức mạnh mà các nhà khoa học nói, nhưng họ không biết được sức mạnh này từ đâu mà có, họ không nói rõ, chỉ nói rằng trong vũ trụ có một sức mạnh. Đạo Phật nói: “một niệm bất giác mà có vô minh”. Tự tánh hiện ra huyền tướng, gọi là A lại da. A lại da hiện huyền tướng, các nhà Duy Thức Học gọi là một nửa chân một nửa vọng. Vì sao vậy? Bởi thể là tự tánh, tướng hiện và tác dụng của nó là huyền tướng, không tách rời thể. Tách rời thể nó không có cách nào hiện ra huyền tướng, cho nên danh từ triết học gọi là bản thể. Thể không có hình trạng, không phải hiện tượng vật chất, cũng chẳng phải hiện tượng tinh thần, nhưng hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều từ nó sanh khởi. Nguyên nhân sanh khởi gọi là nghiệp tướng, chính là sức mạnh này. Từ sức mạnh chấn động này sanh ra. Chuyển tướng và cảnh giới tướng, chuyển tướng là hiện tượng tinh thần, cảnh giới tướng là hiện tượng vật chất. Duy Thức nói về tứ phần: tự chứng phần, kiến phần, chứng phần. Kiến phần là hiện tượng tinh thần, tướng phần là hiện tượng vật chất, tự chứng phần là bản thể, là tự tánh, là chân. Tự chứng phần là chân, kiến phần và tướng phần là giả. Cái gì là chân? Cái gì là vọng? Phật pháp định nghĩa: có sanh có diệt là vọng, không sanh không diệt là chân. Tự chứng phần không sanh diệt, kiến phần và tướng phần đều có sanh diệt. Như thế chúng ta dễ hiểu hơn. Đôi khi Duy Thức nói tứ phần gồm chứng tự chứng phần, chứng tự chứng phần là tánh giác, nghĩa là quý vị hiểu được. Vì sao quý vị hiểu được? Bởi có chứng tự chứng phần, cho nên chứng tự chứng phần là năng duyên trong tự chứng phần.

Trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy: “Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai”. Chứng tự chứng phần là trí huệ, trí huệ hiện tiền sẽ hiểu rõ. Trí huệ là chân chẳng phải giả, trí huệ không phải là tri thức, tri thức là giả, trí huệ là chân. Đạo Phật nói về điều này rất rõ ràng, các nhà khoa học cũng nói rất rõ. Họ nói nhất định chúng ta phải tin rằng, đằng sau sức mạnh này có tâm trí tồn tại. Tâm linh, tâm trí này mới là nguồn gốc của vật chất và tinh thần, cũng chính là bản thể. Đứng về mặt lý luận phân tích thì nó có thứ này, cái này đạo Phật gọi là tự tánh.

Từ trong kinh văn và cách nói của các nhà khoa học, chúng ta có kết luận rằng, vạn pháp trong vũ trụ này là một thể. Hơn ba ngàn năm trước đạo Phật đã nói rõ: tự tánh năng hiện năng sanh, A lại da năng biến, A lại da năng biến y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới. A lại da là gì? A lại da chính là ba động. Tự tánh bất động, đại sư Huệ Năng nói: “Đâu ngờ tự tánh vốn không dao động”, trong kinh điển đại thừa thường nói: tự tánh bản định. Bởi tự tánh bản định cho nên định vô cùng quan trọng, quý vị chẳng thể

không tu định. Định càng thâm sâu sức khỏe càng tốt, tốt đối với sức khỏe của thân tâm. Vì sao vậy? Bởi tất cả các tế bào trong cơ thể của ta đang động, nếu nó bất động sẽ không còn nữa. Nó sinh ra hiện tượng ba động, ba động có quy luật, ba động bình thường là mạnh khỏe, nếu ba động với tốc độ nhanh hoặc chậm, tế bào có sự biến hóa, sự biến hóa này mang đến mầm mống bệnh tật. Vì sao vậy? Vì nó không bình thường. Cho nên con người khi ở trong định là bình thường, cả cơ thể phục hồi trở lại bình thường, muôn vạn hình tượng trong vũ trụ cũng bình thường. Làn sóng tư tưởng của chúng ta ảnh hưởng khắp vũ trụ, ảnh hưởng sơn hà đại địa, ảnh hưởng hoa cỏ cây cối, ảnh hưởng tất cả chúng sanh. Cho nên Phật giáo đại thừa và khoa học hợp lại mà xem thì rất thú vị. Cho nên đoạn cuối trên đề kinh này, đưa ra đại cương tu tập cho chúng ta. Tu tập điều gì? Tu thanh tịnh, bình đẳng, giác. Ba thứ này hoàn toàn tùy thuận tánh đức. Được quả báo gì? Được quả báo đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm. Đại thừa là trí huệ, vô lượng thọ là đức tướng. Đạo Phật cho rằng vô lượng thọ là đức thứ nhất, có rất nhiều đức, đức thứ nhất chính là thọ mạng, nếu không có thọ mạng thì chẳng có những thứ khác, không thể đạt được, cho nên thọ mạng là đức thứ nhất. Trang nghiêm là đẹp. Tu nhân chứng quả đều ở trên đề kinh này.

Hôm nay nói về môn thứ sáu. “Cực kỳ vi tế chi trung”. Dùng khoa học ngày nay mà nói, trong lượng tử lực học gọi là quần lượng tử, vi tế là quần lượng tử, tiểu quang tử trong quần lượng tử vi tế. Trong Phật pháp dùng một vi trần thay thế cho nó, vi trần thay thế cho vật chất, một hiện tượng vật chất. Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần miên viễn không tách rời nhau, nó đồng thời sanh khởi. Cho nên các nhà lượng tử lực học nói: bất cứ vật chất nào đều cũng có làn sóng thông tin bên trong, làn sóng thông tin này là tinh thần, Phật pháp gọi là thọ tướng hành thức, tất cả vật chất đều có thọ tướng hành thức. Những điều thâm áo này, các nhà khoa học thời cận đại từ từ đã phát hiện, họ biết được và đã nói ra, những điều này được các nhà khoa học tiên tiến phát hiện, tuy phát hiện nhưng họ chưa đạt được sự tác dụng thù thắng. Đạo Phật nhận biết từ trong thiền định, thật sự đạt được lợi ích thù thắng. Cá nhân mỗi người đạt được thân tâm khỏe mạnh, thanh tịnh tự tại, đây là lợi ích của mỗi người. Lợi ích cho người khác thì sao? Quý vị không cần tác ý phóng ánh hào quang tự nhiên, đạo Phật gọi là quang, khoa học gọi là ba động. Ba động của quý vị đều là thiện, hoàn toàn tương ứng với tự tánh. Ba động của con người trong xã hội ngày nay là loạn, trái ngược với tánh đức, giống như sóng gió lớn, quý vị là người rất bình tĩnh, ba động bình tĩnh, so với sóng to gió lớn, sóng gió đó sẽ giảm nhẹ đi, bên đây khởi lên một chút bên đó sẽ giảm nhẹ xuống. Đó là gì? Là hóa giải thiên tai, sóng to gió lớn là thiên tai, quý vị có thể hóa giải nó. Bên đó sóng to, bên này sóng nhỏ, có khởi được tác dụng chăng? Được! Người xưa thường nói: “tà không thắng chánh”. Cũng có nghĩa là sức mạnh của chánh lớn hơn tà rất nhiều.

Gần đây tôi đọc cuốn sách, tác giả người ngoài quốc, dịch thành tiếng Trung, trong cuốn sách này cho chúng ta biết một thông tin, số ít người cầu nguyện, có thể hóa giải nghiệp chướng do nhiều người tạo nên. Ngày nay chúng sanh trên toàn thế giới tạo nghiệp, tạo nghiệp bất thiện. Nhân khẩu trên thế giới có khoảng hơn sáu mươi ức người. Cần bao nhiêu người thật sự quay đầu, đoạn ác tu thiện, chuyển mê khai ngộ? Tám ngàn người là đủ rồi, có thể duy trì hiện trạng thế giới này, không đến nỗi bị hủy diệt. Họ đưa ra tám ngàn người, không khó tìm đâu. Nếu chúng ta dùng mạng Internet, ti vi vệ tinh, tôi tin rằng chúng ta ở đây hô hoán một chút, ai thật sự có thể phát tâm, buông bỏ tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, chuyển ác thành thiện, chuyển nhiễm thành tịnh, chuyển mê khai ngộ, sẽ giúp được thế giới này hóa giải thiên tai. Có ai chịu làm chăng? Có đấy! Tôi tin không phải chỉ có tám ngàn người, tám vạn người cũng có. Càng đông người sức mạnh càng lớn, chẳng phải không làm được, thật sự làm được đấy. Cho nên đến thế gian này cần phải giác ngộ, giác ngộ rồi nên làm người cứu thế, không nên tạo nạn ở thế giới này. Quay đầu rồi, quý vị nhìn lại mà xem, tất cả những dự ngôn về thiên tai, các nhà khoa học đưa ra số lượng thiên tai, đều có thể thay đổi được. Bản thân các nhà dự ngôn nói rất hay, dự ngôn không phải là kết quả, có rất nhiều kết quả bất đồng, quan trọng ở chỗ chúng ta nghĩ thế nào, làm thế nào để quyết định kết quả của nó mà thôi. Nếu chúng ta không quay đầu, không sửa đổi, vẫn ngu si tự tư tự lợi, tổn người lợi mình, thì dự ngôn đó rất chính xác, thiên tai sẽ xảy ra giống như lời họ vậy, không hề sai chạy. Nếu chúng ta ngày nay giác ngộ, sức mạnh của ý niệm lớn như vậy, chánh niệm hóa giải được tà niệm. Chúng ta có thể nói như thế này, hóa giải tà niệm sanh ra quả ác, nó thật sự có sức mạnh đó. Điều này trong Phật pháp có thể nói thông được, các nhà khoa học cũng chứng minh cho ta thấy rồi.

Trong cực kỳ vi tế của môn này, “diệt khả hàm dung nhất thiết chư pháp”. Nhất thiết chư pháp ở đây là tất cả pháp trong biến pháp giới hư không giới, chẳng phải một quả địa cầu. Các nhà khoa học gọi là vũ trụ, tất cả pháp trong vũ trụ, trong cực kỳ vi tế có thể ba dung. Dưới đây nói:

Nhất mao nhất trần chi trung, vô biên sát hải, nhất thiết chư pháp, đồng thời thông hiện.

Nhất mao là cọng lông của chúng ta, là vật nhỏ nhất trong chánh báo. Đức Phật thường dùng từ mao đoan. Đầu cọng lông này càng nhỏ hơn. Nhất trần là vi trần, một hạt vi trần, vi trần này mắt thường không thấy được. Trong kinh đức Phật thường nói, trong kinh nói vi trần, lục đạo phàm phu không thể thấy được, chư thiên ở hai mươi tám tầng trời, chư thiên tuy có thiên nhãn cũng không thấy được. Ai thấy được? Người chứng quả vị A La Hán thấy được vi trần. Có bao nhiêu vi trần? Dưới lớp kính hiển vi cao cấp ngày nay, chúng ta thấy quần lượng tử đó có phải vi trần trong kinh đức Phật nói hay không?

Chúng ta sẽ biết được điều này. Nhưng vi trần còn có nhỏ hơn nữa, gọi là sắc tụ cực vi, nhỏ hơn gọi là cực vi chi vi. Trong kinh vi trần nhỏ nhất gọi là cực vi chi vi, không thể nhỏ hơn nữa, nhỏ hơn nữa sẽ không còn. Bồ Tát Di Lặc nói, một khảnh móng tay có ba mươi hai ức bá thiên niệm, niệm niệm thanh hình, đó là vi trần. Mỗi niệm là một vi trần, “hình giai hữu thức”, mỗi hạt vi trần đều có đủ thọ tướng hành thức. Các nhà khoa học cho biết, tiểu quang tử, nghĩa là lượng tử. Vật chất từ đâu mà có? Vật chất chính là hiện tượng tiểu quang tử tích lũy liên tục, hiện tượng tiểu quang tử tích lũy liên tục. Chúng ta thấy vật chất muôn hình muôn vẻ, chúng đều do tần suất ba động không giống nhau, có sự nhanh chậm khác nhau, ngoài những thứ này ra không có vật chất. Chúng ta nên biết, mắt thường thấy một hạt vi trần rất lớn, bao nhiêu lượng tử tích tụ lại, tần suất chậm khiến chúng ta có thể tiếp xúc đến một hạt vi trần. Nhưng đức Phật cho biết, trong một hạt vi trần này, có tin tức cả một vũ trụ, hàm dung nhất thiết chư pháp.

“Vô biên sát hải, nhất thiết chư pháp, đồng thời thông hiện”. Ở đâu vậy? ở trong một vi trần, dùng danh từ khoa học ngày nay, gọi là một tiểu quang tử trong quần lượng tử. Vô biên sát hải, nhất thiết chư pháp đều ở trong đó, đạo Phật nói như vậy, các nhà lượng tử lực học chưa phát hiện ra, họ chỉ phát hiện ra tiểu quang tử, nhưng không biết rằng trong tiểu quang tử vẫn còn cả một thế giới. Thật là không thể nghĩ bàn! Như thế mới nói rõ chân tướng sự thật cho chúng ta biết.

Dưới đây đưa ra một ví dụ: “như nhất kính trung ương hiện vạn tượng”. Ví dụ này giống như chúng ta dùng chiếc gương nhỏ, ngày nay dùng máy chụp hình là ví dụ hay nhất, ống kính của máy chụp hình rất nhỏ, cảnh giới tương bên ngoài lớn cỡ nào, cũng có thể thu nó vào trong ống kính được, trong thước phim chúng ta thấy rất rõ ràng. Ống kính đó được ví dụ cho vi trần, một vi trần, tất cả cảnh giới tương bên ngoài đều nằm trong đó. Đây là ví dụ, người xưa nói rất hay, chỉ có thể đưa ra ví dụ hơi giống thôi, không cách nào đưa ra ví dụ đúng như sự thật được. Từ ví dụ đó chúng ta dụng tâm tư duy, quan sát. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, giới khoa học ngày nay vẫn chưa làm được, giới khoa học chỉ nói đến nhất mao nhất trần, trong nhất mao nhất trần vẫn còn có vật chất nhưng họ chưa phát hiện ra. Sao đức Phật phát hiện ra? Điều này chúng ta nên biết, nếu không biết sẽ sanh tâm hoài nghi Phật pháp. Trong thiên định Đức Phật đã phát hiện ra, ngài nhìn thấy từ tâm thanh tịnh tột cùng. Trong giáo pháp đại thừa đức Phật thường dạy, ai là người thấy được cảnh giới A Lại Da? Bồ Tát bát Địa, Thất Địa trước nghe đức Phật nói họ biết được, họ biết được việc này, bản thân họ từng bước từng bước tiếp cận và chứng được, đến Bát Địa thì thấy được, tận mắt thấy được chân tướng sự thật. Bát Địa rất cao, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, 51 địa vị Bồ Tát, năm địa vị cao nhất là Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, năm địa vị cao nhất đây sẽ thấy rõ sự việc này, là cảnh giới thân chứng, chứ không phải do suy tưởng. Cho nên quý vị có thể nói Phật pháp không phải là khoa học sao? Nên tin tưởng những điều đức

Phật dạy, nhưng không phải chỉ tin tưởng là đủ, tin tưởng cái đó vẫn là của đức Phật chứ không phải của quý vị, quý vị không được lợi ích. Làm thế nào để được lợi ích? Đức Phật dạy quý vị phải thân chứng, chứng được cảnh giới tương đồng với ngài quý vị sẽ được lợi ích. Như thế sự học tập của quý vị mới viên mãn, nếu không nhập cảnh giới này chẳng thể gọi là viên mãn, nó chẳng phải của quý vị, mà chỉ nghe người ta nói thôi. Nhất định quý vị phải hạ thủ công phu.

Làm thế nào để đạt được thiền định thâm thâm? Không gì khác hơn ngoài buông bỏ, cái gì cũng phải buông bỏ. Vì sao vậy? Bởi trong tự tánh không có gì hết. Chỉ cần một thứ không buông bỏ đó cũng là chướng ngại rồi. Bậc lợi căn, họ có khả năng nhất thời đốn xả. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, ngài đã thị hiện cho chúng ta thấy, chúng ta có thể nói là một niệm đốn xả. Niệm ở đây như Bồ Tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có ba mươi hai ức bá thiên niệm, một niệm trong đó, chỉ cần một niệm đốn xả, đoạn hết, tự tánh viên mãn sẽ hiện tiền. Gọi đó là một niệm đốn chứng, phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm, một niệm đoạn hết, giống như Vĩnh Gia đại sư nói trong Chúng Đạo Ca: “giác hậu không không vô đại thiên”. Tịnh độ tông gọi cảnh giới đó là trở về Thường Tịch Quang, không còn đại thiên thế giới nữa, Thật Báo Trang Nghiêm độ của Chư Phật Như Lai cũng không có, trở về tự tánh viên mãn. Tự tánh là gì? Là đại quang minh tạng. Đức Phật dùng những thứ này để miêu tả tự tánh. Quý vị đã trở về Thường Tịch Quang, vừa khởi một niệm như vậy, A Lại Da xuất hiện ngay, tuy A Lại Da xuất hiện nhưng nó không khởi tác dụng. Khi đó là gì? Là Thật Báo Trang Nghiêm độ. Thật Báo Trang Nghiêm độ là tam tế tướng của A Lại Da hiện tiền, vì chưa có phân biệt chấp trước, nó không khởi lên tác dụng đó. Nếu một niệm tâm phân biệt khởi lên, ngay lập tức Thật Báo độ sẽ không còn, nhanh quá! Ý niệm làm chủ tất cả. Quý vị xem, có phân biệt là pháp giới Tứ Thánh xuất hiện, có chấp trước là lục đạo xuất hiện. Trong lục đạo có thiện niệm thiện hành, ba đường lành xuất hiện, ác niệm ác hành, ba đường ác xuất hiện. Tất cả đều do ý niệm làm chủ. Cho nên niệm lực không thể nghĩ bàn. Thật sự hiểu được đạo lý này rồi, chúng ta muốn thân tâm mình mạnh khỏe, làm được chăng? Được! được thân kim cương bất hoại giống như chư Phật Như Lai vậy. Tất cả ý niệm bất thiện đều không còn, thuần tịnh thuần thiện, đó chẳng phải là Phật thân sao? Đạo lý là như vậy.

Các nhà khoa học nói rằng, cơ thể con người do tế bào hợp thành, những tế bào này hàng ngày thay cũ đổi mới, hàng ngày những tế bào trên người có cái biến mất, có cái thêm vào. Điều này chúng ta hiểu được. Một chu kỳ là bảy năm, trong bảy năm những tế bào cũ trên cơ thể hoàn toàn biến mất, thay vào đó những tế bào mới, bảy năm một lần, bảy năm một lần. Người bảy mươi tuổi là đổi được mười lần. Tôi nghĩ vì sao họ không đổi cái mới? Nếu đổi cái mới thì hay biết bao. Vì sao lại đổi cái cũ vậy? Giống như một chiếc xe, thường xuyên thay đổi linh kiện, sao không đổi mới hoàn toàn? Đổi

những cái cũ, đổi cái cũ là sai rồi, đổi linh kiện cũ vẫn là chiếc xe cũ. Con người rất lỳ lợ, càng đổi càng xấu đi, đến cuối cùng thì không thể dùng được nữa, chỉ còn cách đổi thân khác thôi, thân này chết là đổi thân khác đấy.

Ở đây này dạy chúng ta rằng, nếu đổi cái mới, thế nào gọi là mới? Là khái niệm mới. Vì sao vậy? những tế bào hình thành này thay cũ đổi mới, nó hoàn toàn do ý niệm làm chủ. Chúng ta buông bỏ hết những ý niệm bất thiện, cần những ý niệm tốt, không nên tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham sân si mạn, thị phi nhân ngã. Thân thể quý vị tốt biết bao! Thân tâm mạnh khỏe, tuổi tác mỗi năm một lớn, nhưng quý vị ngày càng trẻ ra, không thấy già. Căn cứ vào nguyên lý này, chúng ta thấy chư Phật Bồ Tát đã làm được, các vị A La Hán trong pháp giới tứ thánh, các vị Bích Chi Phật đều làm được, rất giống như vậy. Chư thiên trong lục đạo phàm phu, chư thiên là gì? Họ có phiền não, nhưng phiền não nhẹ. Bậc A La Hán đoạn kiến tư phiền não, cho nên họ thành tựu thân kim cương bất hoại. Bậc A La Hán chưa chứng được pháp thân và trí bát nhã, họ có được mấy phần giải thoát vô ngại, có được mấy phần thôi chứ chưa viên mãn. Lợi ích của mấy phần đó, chúng ta cũng thấy ngưỡng mộ lắm rồi.

Trong kinh đức Phật dạy, giống như bên tôn giáo ngưỡng mộ thượng đế là bậc toàn tri toàn năng, trong Phật pháp chúng ta được biết, tất cả chúng sanh ai ai cũng là bậc toàn tri toàn năng, không sai chút nào. Vì sao chúng ta ra nông nổi này? Đây chính là vấn đề mê ngộ. Chúng ta mê mờ sâu dày, ngộ chưa thấu triệt. Vừa mới có được một chút giác ngộ, một chút giác ngộ này là gì? Là chúng ta chọn cách thân cận thánh hiền, chứ không chọn cách thân cận thế pháp trong xã hội ngày nay, không thân cận nó. Đây là giác ngộ đấy! Ít nhất chúng ta cũng giác ngộ không chấp nhận ô nhiễm, xã hội là lò nhiễm ô lớn, mình ở trong lò nhiễm này không bị sự nhiễm ô làm ảnh hưởng. Như thế cũng khá lắm rồi, nhưng chưa đủ đâu, chúng ta phải tiếp tục nỗ lực, bởi vẫn còn nhiều quan niệm sai lầm chưa buông bỏ được. Thật sự buông bỏ rồi, chúng ta sẽ có sức mạnh thay đổi nó, bây giờ chỉ có thể nói rằng duy trì trạng thái trước mắt, nó không thể thay đổi ta, ta cũng chẳng có cách nào đối với nó, hiện nay là trạng thái như vậy. Chúng ta cần nỗ lực, phương pháp nỗ lực là giảng kinh dạy học. Đây là phương pháp vô cùng hữu hiệu. Vì sao vậy? Vì quý vị giảng kinh thuyết pháp cho người, chắc chắn bản thân mình phải nỗ lực học tập. Nếu không nghiêm chỉnh học tập thì không thể giảng được. Dùng phương pháp này vun bồi bản thân, khích lệ chính mình. Bản thân mình chẳng thể không học, chẳng thể không thân cận chư Phật Bồ Tát, thân cận bậc thiện tri thức. Đại sư Thanh Lương là thiện tri thức, đại sư Liên Trì là thiện tri thức, kinh điển là thiện tri thức. Bộ kinh Hội Tập của Hạ Liên lão cư sĩ, Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ chú giải bộ kinh này, cũng là thiện tri thức. Hàng ngày chúng ta đọc tụng là hàng ngày chúng ta thân cận. Chỉ có phương pháp này mới có thể bảo hộ chính mình không bị tập tục làm nhiễm ô. Như thế mới thật sự gọi là học Phật, đối với những điều trong kinh điển nói thâm tín không nghi.

Dưới đây Hoàng Niệm lão cư sỹ dẫn chứng một đoạn trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện:

Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm vân, nhất trần trung hữu trần số sát, nhất nhất sát hữu nan tư Phật.

Điều này các nhà khoa học không thể lý giải được, lượng tử lực học đem so với kinh Hoa Nghiêm khác biệt quá xa, như trời với đất vậy. Sự việc này chờ chúng ta chứng minh. Chứng minh được chăng? Được! Vì kinh Hoa Nghiêm nói: Trong một vi trần có vi trần số Phật sát, quý vị không thể tưởng tượng được đâu. Trong vũ trụ này có bao nhiêu vi trần? Mỗi Phật sát đều ở trong một vi trần, không có cách nào tưởng tượng được nhiều Phật sát như thế, chỉ có thể nói rằng vô lượng vô biên, vô số vô tận. Chư Phật Như Lai đều ở trong đó. Đức Phật có rời chúng ta chăng? Không! Trên người chúng ta có bao nhiêu vi trần, trong mỗi hạt vi trần có trần số Phật sát, mỗi Phật sát này là khu giáo hóa của một đức Phật. Chúng ta nói tam thiên đại thiên thế giới, một Phật sát có tam thiên đại thiên thế giới, chứ chẳng phải một quả địa cầu, một thái dương hệ, hay một hệ ngân hà. Hoàng Niệm Tổ lão cư sỹ nói: Vũ trụ trong kinh nói, là một đơn vị thế giới, ngày xưa chúng ta ngộ nhận, tưởng một đơn vị thế giới là một thái dương hệ, Hoàng Niệm lão nói không phải như vậy. Ngài nói cũng rất có lý. Trọng tâm của đơn vị thế giới là núi Tu Di, thái dương hệ xoay chung quanh đơn vị thế giới. Chúng ta thấy, thái dương hệ xoay quanh hệ ngân hà, cho nên ngài nói đơn vị thế giới là hệ ngân hà, trung tâm của hệ ngân hà là hắc động, trong kinh nói đến núi Tu Di chính là hắc động này. Một ngàn đơn vị thế giới là một tiểu thiên thế giới, nghĩa là một ngàn hệ ngân hà, là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới bằng một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế giới bằng một đại thiên thế giới, là một Phật sát. Một Phật sát bằng bao nhiêu hệ ngân hà? Mười ức hệ ngân hà, mười vạn ức hệ ngân hà bằng một Phật sát. Trần số sát ở đâu? Trong một vi trần, lượng tử lực học nói trong một tiểu quang tử. Mỗi Phật sát có số Phật nhiều không thể đếm được, vô lượng vô biên chư Phật. Thật sự có nhiều như vậy sao? Đúng vậy. Vì sao? Bởi trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật nói: “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”, thật sự rất nhiều. Quý vị xem một Phật sát bằng mười ức hệ ngân hà, trong mười ức hệ ngân hà này có bao nhiêu chúng sanh? Không nói đến vô tình chúng sanh, chỉ nói đến hữu tình chúng sanh thôi. Trong đây nói lên điều gì? Nói lên không gian duy thứ bất đồng, là sự thật không giả dối đâu. Đức Phật dạy trong đại thiên thế giới này, có hai mươi tám tầng trời, có lục đạo luân hồi. Hai mươi tám tầng trời chính là hai mươi tám không gian duy thứ khác nhau. Trong đó có bao nhiêu? Đạo Phật nói đều là chư Phật. Trong lục đạo mê hoặc điên đảo, còn có chỗ không mê hoặc điên đảo, đó là pháp giới tứ thánh. Trong một Phật sát có Thật Báo Trang Nghiêm độ. Thật Báo Trang Nghiêm độ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Có Phương Tiện Hữu Dư độ, Phương Tiện Hữu Dư độ chính là pháp giới Tứ Thánh. Lục đạo là Phàm Thánh Đồng Cư độ. Quý vị nghĩ xem

trong đó có bao nhiêu Phật? Vì sao không nói đến chúng sanh mà nói đến Phật? Phật là chân thật, còn chúng sanh sẽ biến hóa, từ chúng sanh biến thành Phật, thành Phật thì bất biến. Cho nên đây là sự thật không dối gạt đâu. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, trước sau gì họ cũng thành Phật, vấn đề chỉ sớm hay muộn mà thôi. Người kia làm ác đọa vào địa ngục A Tỳ, nhưng trong tương lai họ sẽ thành Phật, chứ chẳng phải miên viễn đọa vào địa ngục A Tỳ, khi trả hết nghiệp rồi họ đi ra, từ từ tu tập họ vẫn có thể thành Phật. Cho nên nói đến Phật là chân, nói đến chúng sanh là giả.

Trong một vi trần, một mao đũa, có sự việc huyền diệu như thế, nếu đức Phật không nói thì làm sao chúng ta biết được? Đức Phật dạy trong kinh Hoa Nghiêm, có ai vào được sát độ trong vi trần này không? Có ! chẳng những đến tham quan mà còn đến đó học tập nữa. Ai đến đó vậy? Trong kinh đức Phật nói cho chúng ta biết, Phổ Hiền Bồ Tát đã đến đó. Chúng ta tin tưởng Phổ Hiền Bồ Tát có trí huệ, có thần thông, cho nên ngài có thể đến đó, chẳng những đến đó được, mà ngài còn có thể ở trong một niệm, châu biết hết thấy trần sát, trong một niệm ngài đã làm được. Vì sao vậy? Bởi hợp với tự tánh chẳng có gì không làm được.

Đại thế giới này không thu nhỏ lại, một vi trần không phóng lớn ra, lớn nhỏ không hai. Những việc này chúng ta nên dụng tâm quan sát, từ từ sẽ hiểu được. Những điều này mang đến cho chúng ta thông tin thù thắng không gì sánh bằng, đây là chân tướng sự thật, đức Phật đã thân chứng, chúng ta hướng đến, không nên nghĩ đến những điều thế gian, nên suy nghĩ về việc này. Một ngày nào đó chúng ta cũng giống như Bồ Tát Phổ Hiền, đến tham lễ vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, đây không phải mộng tưởng, nguyện vọng này nhất định sẽ thành hiện thực. Bản thân chúng ta nếu muốn sớm thành hiện thực, không muốn chờ đến kiếp sau, chờ chúng ta chân tu thành đạt địa vị như Phổ Hiền Bồ Tát, là Phổ Hiền Đẳng Giác, thì ta mới có năng lực.

Hiện nay chúng ta có được phương pháp rất hay, nghĩa là về thế giới Cực Lạc trước, vì sao vậy? Bởi ở thế giới Cực Lạc thành tựu nhanh. Cho nên kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát đều phát nguyện cầu sanh tịnh độ, điều này chúng ta thấy trong kinh ghi chép rõ ràng. Các ngài đã làm bậc mô phạm cho chúng ta, không nên bỏ lỡ cơ hội này. Vì sao vậy? Bởi thật sự hiểu rõ, tin tưởng tuyệt đối, trong một đời chúng ta có thể được thành tựu. Nếu thật sự muốn thành tựu, cần nên biết, thế duyên của thế gian phải buông bỏ triệt để, không buông bỏ thì quý vị chỉ là mộng tưởng mà thôi, còn buông bỏ được thì rất có khả năng thành tựu. Quý vị suy nghĩ kỹ xem, tính kỹ xem có lợi hay không? Hiểu được rồi, tôi tin rằng quý vị sẽ giống như Lục Tổ Huệ Năng, thế xuất thế gian, mười pháp giới, quý vị sẽ đốn xả hết. Không riêng cõi nhân gian trên quả địa cầu này, cõi trời sắc giới mời quý vị làm thiên vương quý vị cũng không làm. Đây là sự thật đấy.

Hai câu dưới đây vẫn nằm trong phẩm Hạnh Nguyên:

“U nhất mao đoan cực vi trung

Xuất hiện tam thế trang nghiêm sát”

Tam thế là nói về thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai. Tất cả sát độ của chư Phật ở đâu? Trong cọng lông của chúng ta, một cọng lông như vậy, tất cả cọng lông trên cơ thể cũng đều như vậy. Chư Phật Bồ Tát có bao giờ rời quý vị đâu, chưa bao giờ các ngài rời quý vị. Bản thân chúng ta thô bạo, không bao giờ nghĩ đến. Chúng ta khởi tâm động niệm nghĩ đến điều gì? Điều là vọng tưởng. Học kinh Hoa Nghiêm, học Phật cần học cách nào? Cần nhập cảnh giới Phật. Cảnh giới Phật ở đâu? Cảnh giới Phật ở ngay ý niệm, trong tâm niệm của chúng ta. Quý vị nên biết, cảnh giới Phật, cảnh giới Bồ Tát, cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác, chư thiên, ngạ quỷ, địa ngục, đều ở trong ý niệm của chúng ta. Cần nên nghiêm chỉnh phản tỉnh lại mình, hôm nay mình đã khởi lên tâm niệm gì. Thường nghĩ đến trong vi trần, trong cọng lông, có vi trần số Phật sát, trong mỗi mỗi Phật sát có vi trần số chư Phật Như Lai. Đó là gì? Đó là cảnh giới Hoa Nghiêm, là cảnh giới Phổ Hiền. Mỗi Phật sát trang nghiêm không gì sánh bằng. Vô lượng vô tận Phật sát, quý vị nghĩ thử xem đó là cảnh giới gì? Không thể nào hình dung ra được.

Trong kinh Kim Cang đức Phật dạy: Như Lai là người nói chân ngữ, như ngữ. Chân nghĩa là không nói lời dối trá, chân tướng sự thật như thế nào nói ra đúng như vậy, không thêm bớt điều gì. Truyền lại cho chúng ta thông tin đúng như sự thật này, chúng ta nên tin tưởng. Khởi tâm động niệm nên suy nghĩ về những điều này, không nên nhớ đến việc khác, thường xuyên đọc những câu kinh này, như vậy mới thật sự gọi là đọc kinh. Thường có trong tâm, từ từ quên đi cảnh giới bên ngoài, dùng cảnh giới của Phật thay thế cảnh giới bên ngoài, chúng ta thân cận chư Phật Bồ Tát. Tất cả tế bào trên cơ thể mình, những tế bào này do nhiều hạt vi trần hợp thành, cơ thể chúng ta là một vũ trụ nhỏ. Đây là chân tướng sự thật. Nhìn xa ra thế giới bên ngoài, tất cả hiện tượng vật chất đều do quần lượng tử tích tụ mà có. Quần lượng tử do vi trần tích tụ thành. Đức Phật ở đó. Tự nhiên chúng ta sẽ nghĩ đến Phổ Hiền Bồ Tát có dạy, nguyên tắc tu tập là Thập Đại Nguyên Vương, trong đó có “lễ kính chư Phật”. Người xưa viết cuốn Lễ Ký, khi đó đạo Phật chưa truyền vào TQ, chúng ta có thể nhận thấy trí huệ của người xưa. Thiên thứ nhất trong Lễ Ký là Khúc Lễ, câu đầu tiên: “khúc lễ viết, vô bất kính”, và nguyện thứ nhất Lễ Kính Chư Phật của Bồ Tát Phổ Hiền, chẳng phải không hẹn mà nên đó sao? Không có điều gì chẳng cung kính, tâm cung kính này là gì? Là tánh đức, tự nhiên lưu xuất ra, biểu hiện ra bên ngoài, cung kính đối với tất cả mọi người, chẳng phải hư ngụy. Cung kính từ tâm chân thành lưu xuất ra. Lễ kính chư Phật đấy! Cung kính tất cả động vật, quý vị nên biết, những con vật như muỗi mòng là hiện tượng bao nhiêu vi trần tích tụ lại mà có, nên nhớ rằng trong mỗi hạt vi trần có trần số sát, mỗi trần số sát đó có nan tu

Phật, quý vị còn dám đập chết một con muỗi chẳng? Đập chết một con muỗi là hủy diệt mất bao nhiêu Phật sát, giết biết bao nhiêu Phật rồi. Đây là sự thật không dối gạt đâu. Từ đó chúng ta mới thật sự lãnh hội được thập đại nguyện vương. Cho nên cung kính tất cả động vật, chúng ta cung kính nó, nó sẽ cung kính chúng ta, ta không giết hại nó, nó sẽ không giết hại ta. Đừng tưởng bệnh truyền nhiễm, nhưng con vật này mang theo mầm bệnh, chúng ta phải tiêu diệt nó, sai lầm đấy! Nó không mang theo bệnh. Có mầm bệnh là sao? Bởi ý niệm của ta có độc tố, tâm niệm không độc, thì tất cả thế giới vật chất bên ngoài sẽ không độc, tất cả đều do ý niệm biến hóa ra. Vì sao chúng ta không dùng chánh niệm để hóa giải vấn đề này. Nếu dùng ý thức hóa giải vấn đề là sai lầm, ý thức không được đâu, phải dùng chánh niệm. Ly tâm ý thức chính là chánh niệm. Tâm, ngày nay chúng ta gọi là ký ức, ý thức là phân biệt, mặt na là chấp trước. Chỉ cần quý vị không khởi tâm động niệm, không phân biệt chấp trước, là tự tánh khởi tác dụng. Không nên lạc vào tâm ý thức.

Giao Quang đại sư chú giải kinh Lăng Nghiêm, ngài chủ trương xả thức dụng căn. Trong hội Lăng Nghiêm đức Phật đề xướng việc này, nhưng thông thường người ta không dễ làm được, tuy chúng ta chưa làm được nhưng phải biết việc này, nghiêm chỉnh nỗ lực học tập không sợ sệt. Sợ sệt là sao? Là chưa hiểu thấu. Thật sự hiểu thấu rồi, tâm sẽ an định, không còn hoài nghi nữa, hiểu không thấu triệt sẽ sanh tâm hoài nghi. Có hoài nghi là có lo sợ không dám làm. Những hiện tượng này chúng ta không khó lý giải, bản thân mình nghiêm chỉnh nỗ lực, nhất định không rời kinh điển đại thừa. Chúng ta là phàm phu, cần nên nương vào những lời dạy trong kinh điển đại thừa, nghiêm chỉnh nỗ lực làm theo. Những lời dạy trong kinh điển đều từ tánh đức lưu xuất ra. Tánh đức của chư Phật Như Lai và tánh đức của chúng ta là một chẳng phải hai. Nói cách khác từ tự tánh lưu xuất ra, có phải chúng ta đi theo đức Phật Thích Ca chẳng? Không, chúng ta đi theo tự tánh của chính mình. Quý vị phải có khái niệm, chúng sanh và Phật không khác, phải có sự nhận thức này. Ta kính Phật là kính tự tánh của mình, ta yêu Phật là yêu tự tánh của mình. Chư Phật Như Lai và các vị hóa thân Bồ Tát đều từ tự tánh lưu xuất ra. Thanh tịnh, trang nghiêm, viên mãn, điều này chúng ta cần nên học tập. Không phải chúng ta bị người khác xỏ mũi dắt đi, khẳng định mình người không khác. Tất cả chư Phật Như Lai là tự tánh của mình biến hóa ra, rời tự tánh không có Phật Bồ Tát. Chúng ta xem kinh điển như thế, tâm trạng hoàn toàn khác. Trong kinh viết gì? Viết về chính mình, mỗi câu mỗi chữ đều là mình. Như thế quý vị mới có thể dung hợp thành một thể với kinh điển, dung hợp thành một thể với chư Phật Bồ Tát, tâm cung kính mới có thể lưu xuất ra.

Đoạn trước đại sư Thanh Lương đưa ra những ví dụ này. Dưới đây *kim bốn kinh, tích công luy đức phẩm đệ bát phẩm. Vị Pháp Tạng Tỳ Kheo u nhân địa trung thân khẩu thường xuất vô lượng diệu hương, do như chiêm đàn, ưu bát la hoa, kỳ hương phổ huân*

vô lượng thế giới, thủ trung thường xuất vô lượng chi bảo, trang nghiêm chi cụ, nhất thiết sở nhu, tối thượng chi vật, lợi lạc hữu tình.

Những điều này trong bốn kinh nói, giống như ý nghĩa trong kinh Hoa Nghiêm vậy. Đoạn trước trong kinh Hoa Nghiêm có nói đến, trong kinh Vô Lượng Thọ cũng có, cũng có những đoạn kinh văn và ý nghĩa như vậy. Nói lên “vi tế tương dung an lập”.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây

HẾT TẬP 57

Tập 58

Chuyên ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày 15 tháng 06 năm 2010

Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi sáu, hàng thứ sáu từ dưới đếm lên. Bắt đầu từ Thất, nhân đa la võng pháp giới môn, học từ đoạn này. Tôi đọc một đoạn.

Nhân đa la võng pháp giới môn, dĩ thượng vi tế tương dung môn, minh nhất trùng chi tương nhập tương tức, nhi vị minh trùng trùng vô tận tương nhập tương tức chi nghĩa. Cổ giả nhân đà la võng chi dụ dĩ minh thử nghĩa.

Công đức của tự tánh thật sự không thể nghĩ bàn, chúng ta không thể tưởng tượng được. Môn thứ sáu nói về vi tế tương dung, chỉ nói về nhất trùng tương nhập tương tức, và nói đến chỗ tương vi tế cuối cùng, hiện tượng vật chất, nhỏ đến mức không thể nhỏ hơn nữa. Người xưa nói, nếu chúng ta dùng hai câu này để hình dung tự tánh, cũng rất thích hợp, chính là câu: “kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”, hai câu này rất có ý nghĩa, dùng để miêu tả tự tánh rất thích hợp. Khoa học ngày nay nói đến lượng tử, lượng tử gọi là lượng tử quần, không phải đơn độc mà là lượng tử quần, do nhiều tiểu quang tử hợp thành. Đây có phải là một vi trần trong kinh điển đại thừa đức Phật thường nói chăng? Rất khó nói. Nếu khoa học tiến bộ hơn nữa, phát hiện ra lượng tử cũng do nhiều yếu tố nhỏ hợp thành, thì lượng tử quần cũng không phải là vật nhỏ nhất rồi, hiện tượng này là nhỏ nhất. Một hạt vi trần nhỏ nhất đó, lại có thể hàm dung biến pháp giới hư không giới, đại thế giới này ở trong một hạt vi trần, tuyệt đối không phải hạt cải chứa núi Tu Di. Khi mới bắt đầu học Phật, lão hòa thượng thường nói với chúng tôi, trong kinh nói giới tử là hạt cải, hạt cải rất lớn, hạt cải này có thể dung nạp núi Tu Di, chúng tôi nghe như vậy, đúng là như bịp bịp nghe sấm, hạt cải sao có thể dung nạp núi Tu Di chứ? Núi Tu Di không thu nhỏ lại, hạt cải chẳng lớn ra, làm sao dung chứa núi Tu Di đây? Ngày nay thấy trong kinh Hoa Nghiêm, hiện tượng nhất trần đây đem so với hạt cải quả thật vi diệu hơn nhiều. Nhất trần mắt thường không thấy được, nó rất nhỏ. Trong kinh đức Phật dạy rằng: Thiên nhãn của bậc A La Hán thấy được vi trần, vi trần chẳng phải là vật nhỏ nhất, trong kinh nói nhất trần bậc A La Hán không thể thấy được, vi trần còn có vật nhỏ hơn, chúng ta thường thấy trong kinh, gọi là sắc tụ cực vi, là một phần bảy của vi trần, bậc A La Hán không thấy được. Sắc tụ cực vi cũng không phải vật nhỏ nhất, bởi nó còn phân ra được,

một phần bảy của sắc tụ cực vi gọi là cực vi chi vi, là vật chất nhỏ nhất trong kinh điển đại thừa, không thể phân ra được nữa, nhất trần trong kinh nói là chỉ cho cực vi chi vi.

Ngày nay chúng ta thấy trong kinh Bồ Tát Xứ Thai, Bồ Tát Di Lặc dạy, lại càng nhỏ hơn nữa. Bồ Tát Di Lặc nói rằng, một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức. Một niệm là một vi trần, thời gian tồn tại của vi trần rất ngắn, tuy ngắn nhưng trong vi trần đều có thức. Trần là hiện tượng vật chất, là cảnh giới tướng của A Lại Da. Thức là hiện tượng tinh thần, đứng về mặt A Lại Da mà nói đó chính là thọ tướng hành thức, chúng ta thường nói đến Ngũ Uẩn, Ngũ Uẩn là nền tảng của vật chất. Một vi trần có đầy đủ ngũ uẩn. Hình là sắc uẩn, hình có bốn hiện tượng, là địa, thủy, hỏa, phong, nó không phải bốn phần, một vi trần có bốn hiện tượng, gọi là tứ đại. Thứ nhất là vật chất, ta thấy được, tuyệt đối không phải dùng mắt thấy được, thiên nhãn cũng không thấy được. Trong kinh đức Phật dạy, đến trình độ nào mới có thể thấy được? đến địa vị Bát Địa mới có thể thấy được. Thiên nhãn của Bồ Tát Bát Địa mới thấy được duyên khởi của vũ trụ, nghĩa là thấy được A Lại Da, tam tế tướng: nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng của A Lại Da, tam tế tướng sanh khởi như là đồng thời, bởi nó quá nhanh, một khảy móng tay có một phần trong ba trăm hai mươi triệu, chúng ta không thể tưởng tượng được, ngắn đến mức chúng ta không có khái niệm về nó, nó quá nhanh, người xưa hình dung nó là đá lửa điện quang, thời gian đó vẫn rất dài. Người xưa muốn có lửa dùng cục đá làm ra lửa, lúc nhỏ chúng tôi có dùng qua, thời chiến tranh ở vùng quê còn dùng cách này lấy lửa. Điện quang là chớp, thời gian cũng rất ngắn. Thời gian của tam tế tướng sanh khởi còn ngắn hơn nhiều so với đá lửa điện quang, không thể so sánh được.

Kiến văn giác tri trong tự tánh, trong kinh Hoa Nghiêm đức Phật dạy, tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai. Kiến văn giác tri là đức, thuộc về đức tướng, là hiện tượng tinh thần, hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần đều không hiện hành, trong tự tánh không có những thứ này, nhưng gặp duyên nó sẽ sanh. Chân tánh không có, sao có thể sanh được? Chúng ta dùng ví dụ đại hải, trong biển có sóng và nước, trong nước có sóng chăng? Ta thấy hồ nước nhỏ khi không có sóng, nước trong hồ rất sạch, nước không có sóng, gợn sóng nhỏ cũng không có, như tấm gương vậy, phong cảnh trên bờ hồ đều chiếu xuống nước, nhưng gặp gió nó sẽ có sóng, có những gợn sóng nhỏ. Chúng ta phân sóng ra có sóng nhỏ, sóng vừa, sóng lớn, thật sự không có, gặp duyên mới có. Tự tánh thật sự không có hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, nhưng gặp duyên nó sẽ khởi lên. Tất cả những hiện tượng này, các nhà lượng tử lực học ngày nay nói rằng, hiện tượng vật chất này do ý niệm tích tụ mà có, ý niệm tích tụ thành huyền tướng liên tục. Trên thực tế thì không có. Giống như giới khoa học ngày xưa cho chúng ta biết, năng lượng và vật chất có thể hỗ tương chuyển biến, năng lượng biến thành vật chất, vật chất trở lại năng lượng, y theo lý luận này mà phát minh ra hạt nguyên tử, nghĩa

là vật chất trở về năng lượng, năng lượng biến thành vật chất cách nào, các nhà khoa học chưa có cách nào tìm ra. Nhưng Phật Pháp đã làm được. Bồ Tát Di Lặc dạy rằng, ngài nói về ý niệm, niệm niệm thành hình, niệm niệm ở đây rất có ý nghĩa, nghĩa là đa niệm chứ không phải một niệm, e rằng trong một niệm vẫn chưa có, một niệm có hình, có hình là thấy được, niệm niệm thành hình là ta thấy được rồi, nhiều niệm tích tụ lại một chỗ, hiện tượng ba động liên tục đó khiến chúng ta nhìn thấy được, một cái thì không thấy được, nhưng tích tụ lại là thấy được. Quý vị đều biết thân người do nhiều tế bào hợp thành, tế bào do phân tử hợp thành, phân tử là điện tử, nguyên tử hợp thành, phân đến chỗ cuối cùng là tiểu quang tử, là lượng tử hợp thành. Chẳng những ta không thấy được lượng tử, mà không thấy được nguyên tử, phân tử, nhưng chúng ta thấy được tế bào, nhục nhãn thấy được tế bào, thấy được một thân người, thấy được vạn vật, tất cả đều do những thứ này hợp thành, hợp thành những hiện tượng vật chất không giống nhau, hình tướng lớn nhỏ có vô lượng vô biên. Nghĩa là thế nào? Các nhà khoa học cho biết, do tần suất chấn động của những hiện tượng này không giống nhau. Nếu tần suất chấn động giống nhau, là một vật chất, đổi thành vật chất khác, tần suất chấn động sẽ không giống nữa, giống như cục đá và khúc cây không giống nhau, cây và động vật cũng không giống nhau, tất cả đều do tần suất chấn động không đồng, mà có nhiều sự khác biệt như thế.

Đoạn trước đức Phật nói, trong một vi trần có đầy đủ vũ trụ, đạo Phật nói vô lượng vô biên sát độ của chư Phật. Trong kinh đức Phật dạy, sát độ của chư Phật lớn nhỏ không giống nhau. Do nguyên nhân gì? Phật Phật đạo đồng, hoàn toàn bình đẳng, vì sao khu vực giáo hóa của các ngài có lớn nhỏ? Hiện tượng này do nhân quả mà có. Có Phật trước khi các ngài chưa thành Phật, còn đang tu hành Bồ Tát đạo, nguyện lực của các ngài rất lớn, nguyện quảng độ chúng sanh, trong tương lai khi các ngài thành Phật, sát độ đó sẽ rất lớn. Có một số vị lại không phát nguyện lớn như vậy, chỉ là phổ độ chúng sanh, tương lai thành Phật, sát độ của vị này là một đại thiên thế giới.

Trong phẩm Thế Giới Hoa Tạng trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy trong phẩm Thế Giới Thành Trụ, thật sự có một số Phật sát, là 2-3 đại thiên thế giới, 5-6 đại thiên thế giới, cũng có cái mười mấy đại thiên thế giới, hoàn toàn không giống nhau. Lớn nhất là thế giới Cực lạc của đức Phật A Di Đà. Rốt cuộc thế giới Cực Lạc là bao nhiêu đại thiên thế giới? Vô lượng. Vì sao vậy? Vì nguyện lực của đức Phật A Di Đà quá đặc biệt, nguyện lực này bao gồm tất cả nguyện của chư Phật ở trong đó, cho nên thế giới của ngài rất lớn, không cách nào tưởng tượng được. Tất cả sát độ của chư Phật, bao gồm cả đức Phật A Di Đà, đều có thể hiện hiện trong một vi trần. Vi trần không phóng lớn, thế giới không thu nhỏ. Đây là tánh đức không thể nghĩ bàn, không thể tưởng tượng được. Vì sao vậy? Bởi nó là tự tánh, một vi trần là tự tánh, vô lượng vô biên sát độ của chư Phật cũng do tự tánh hiện ra, không rời tự tánh, tự tánh chẳng lớn nhỏ. Môn thứ sáu trước đây nói về vi tế tương dung, thật là tương nhập tương dung. Đây là chân tướng sự thật. Có ý

nghĩa gì đối với người học Phật chúng ta? Ý nghĩa này rất lớn. Lớn thế nào? Trong kinh có câu: “sinh Phật bất nhị”, chúng sanh và Phật là một chẳng phải hai, “tự tha bất nhị”, tha ở đây chỉ cho vạn pháp, mình và vạn pháp không hai, bất luận là người, là súc sanh, là hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, hay biến pháp giới hư không giới, cùng với mình không hai không khác. Đạo lý này chúng ta không hiểu, nghe rồi sanh tâm mê hoặc, thường không hiểu rõ. Hôm nay học đến đoạn này là hiểu rõ rồi, tương dung tương tức đấy. Mỗi lỗ chân lông, mỗi một tế bào trong cơ thể ta, đều có biến pháp giới hư không giới tất cả sát độ của chư Phật ở trong đó. Trong tế bào của mình có người, trong tế bào của người có mình. Như thế mới gọi là nhất thể, trong mình có người, trong người có mình. Nếu quý vị nhận biết được sự và lý này, quý vị còn hại người được chăng? Hại người chẳng phải là hại mình đó sao? Quý vị sẽ không hại họ mà còn thương yêu họ. Vì sao vậy? bởi thương người là thương chính mình, mình và người không khác mà. Vũ trụ và mình là một sinh mạng thể cộng đồng, không phải một nhà, một nhà vẫn chưa gọi là thể cộng đồng. Một thể cộng đồng, đây là chân tướng sự thật. Cho nên trong kinh có câu, câu này chúng ta đã học nhiều rồi, bản thân quý vị cũng có thể giảng giải được, nhưng chưa làm được. Vì sao vậy? Bởi quý vị chưa thật sự lãnh hội được ý nghĩa của nó. Câu đó là: “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”. Hai câu này có nghĩa là gì? Trong kinh nói đến luân lý đại thừa, luân lý là nói về quan hệ, mối quan hệ này sâu, rất viên mãn, thật sự là một thể. Sinh mạng của chúng ta có sanh diệt chăng? Không sanh diệt. Chẳng những tự tánh không sanh diệt, mà những hiện tượng do tự tánh hiện ra cũng không sanh diệt. Đó gọi là gì? Đạo Phật gọi là liễu sanh tử. Liễu là gì? Là hiểu rõ vấn đề sanh tử. Nhìn sanh tử đến chỗ cuối cùng, chính là sự sanh diệt của tiểu quang tử mà các nhà lượng tử lực học nói. Hiện tượng sanh diệt của tiểu quang tử, trong kinh thường gọi là bất sanh bất diệt. Quý vị nghĩ thử xem, nếu thật sự bất sanh bất diệt, mà còn nói bất sanh bất diệt chẳng phải dư thừa sao? Nó thật sự sanh diệt, gần như sanh diệt đồng thời, cho nên ta không thấy được sanh diệt. Quý vị nói diệt nó lại sanh, nói sanh nó lại diệt, tốc độ rất nhanh. Ngày nay chúng ta xem ti vi, những thứ hiện lên màn hình đó có sanh diệt không? Quý vị đều biết là có mà, nó thật sự là tiểu quang tử sanh diệt, tốc độ sanh diệt rất nhanh, chúng ta không nhìn thấy nó sanh diệt, nó thật sự có sanh diệt. Chúng ta thấy màn ảnh, ta có kiến thức này, sự sanh diệt trên màn ảnh đó, một giây có 24 sanh diệt, chúng ta không thể thấy được, không thể cảm nhận được hiện tượng sanh diệt đó, cứ tưởng nó liên tục. Màn ảnh ti vi nhanh hơn màn ảnh phim nhiều, cho nên xem ti vi càng thấy thật hơn, tốc độ quá nhanh. Trên thực tế trong cuộc sống hàng ngày, tốc độ sanh diệt này, chính là tốc độ sanh diệt của tiểu quang tử mà các nhà lượng tử lực học nói. Trước đây chúng ta nói về lạp tử cơ bản, tiểu quang tử còn nhỏ hơn lạp tử cơ bản. Lạp tử cơ bản do tiểu quang tử hợp thành. Thật sự hiểu rõ rồi, quý vị sẽ coi thế giới này là cơ thể của mình, đó là gì? Đó gọi là pháp thân, quý vị chúng được thanh tịnh pháp thân. Chúng được pháp thân là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Pháp thân Bồ Tát, trong kinh Hoa Nghiêm là Sơ Trụ

của Viên Giáo trở lên. Người chúng được pháp thân là siêu việt được mười pháp giới. Vì sao vậy? Bởi mười pháp giới là giả chẳng phải chân, lục đạo cũng là giả, quý vị có thể buông bỏ được chăng? Dĩ nhiên là buông bỏ được. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thân còn ở thế gian, nhưng thân này hoàn toàn khác. Thân đó là gì? Là vì tất cả chúng sanh mà có thân, chứ không phải chiếm lấy riêng mình, hoàn toàn vì người. Bởi tất cả chúng sanh là pháp thân của mình. Cho nên pháp thân không sanh diệt, ứng thân có sanh diệt, pháp thân không sanh diệt. Như cơ thể của chúng ta, đem thân này ví cho pháp thân, còn ứng hóa thân là gì? ứng hóa thân là tế bào của ta. Có thể nói hàng ngày tế bào thay cũ đổi mới không gián đoạn, đó gọi là sự sanh diệt của ứng hóa thân. Thân của chúng ta hình như không thấy có sanh diệt, gọi là pháp thân không sanh diệt. Phật pháp không gì khác ngoài việc nhân biết chính mình, bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra. Nó ở đâu? ở ngay đây. Bất quá chư Phật Bồ Tát đã giác ngộ, còn chúng ta mê, mê mà không giác, các ngài giác mà không mê. Ngoài điểm này ra, phàm phu và Phật hoàn toàn giống nhau.

Đoạn này, môn thứ bảy này dạy chúng ta điều gì? Nói về tương nhập tương tức trùng trùng vô tận. Ý nghĩa này rất thâm sâu, chúng ta phải dùng quán tưởng, trong vi trần có thể giới, đại thể giới này ở trong vi trần. Thế giới trong vi trần đó còn có vi trần hay chăng? Có, chắc chắn có! Trong vi trần đó lại có thể giới, trong thế giới đó lại có vi trần, trong vi trần lại có thể giới, trùng trùng vô tận, đó gọi là kỳ tiểu vô nội. Chúng ta dùng Phật pháp để giải thích lời nói của người xưa, ý nghĩa của nó hoàn toàn khác. Tiến sỹ Thang Ân Tử nói, Phật pháp truyền đến TQ, được người TQ chấp nhận, Phật pháp đã khiến cho nền văn hóa xưa thêm phong phú. Vì sao? Chúng ta dùng Phật pháp để giải thích lời nói của người xưa. Quý vị xem, người xưa nói: “kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội”, chứ không giải thích thêm nữa. Nhưng Phật pháp giải thích cho quý vị, không có biên tế. Gần đây các nhà khoa học phát hiện ra, họ nói vũ trụ này, ngày nay chúng ta nhận ra được chỉ là 10%, còn 90% đâu? 90% đó không thấy nữa, ngay cả dấu vết cũng không có, không thấy nữa. Làm sao giải thích đây? Trong giáo pháp đại thừa rất dễ dàng, nó quay trở về tự tánh rồi. Có thấy được tự tánh chăng? Không thấy được. Vì sao vậy? Bởi quý vị còn vọng tưởng phân biệt chấp trước, nên không thấy được tánh. Nếu buông bỏ được vọng tưởng phân biệt chấp trước, là kiến tánh, là thấy được. Cho nên chúng ta dùng vọng tâm, nghĩa là dùng tám thức và năm mươi một món tâm sở, hướng ra ngoài duyên đến vũ trụ, ngày nay gọi là thế giới hồng quan. Hướng nội có thể duyên đến A Lại Da. Giới khoa học ngày nay thật sự duyên đến A Lại Da, họ nói rằng trong vũ trụ chỉ có ba thứ, ngoài ba thứ này ra không có gì hết, ba thứ này chính là tam tế tướng của A Lại Da, giống như các nhà Duy Thức Học, họ nói trong vũ trụ không có gì hết, chỉ có duy thức. Thức là gì? Thức chính là ý niệm. Ý niệm là gì? Là năng biến, năng sanh, năng hiện, năng biến, vũ trụ là sở sanh, sở hiện, sở biến. Họ nói về ba thứ, thứ nhất là năng lượng, thứ hai là vật

chất, thứ ba là tin tức, giống như tam tế tướng nói, năng lượng là nghiệp tướng của A Lại Da, tin tức là chuyển tướng của A Lại Da, vật chất là cảnh giới tướng của A Lại Da. Vũ trụ do ba thứ này biến hiện ra. Các nhà khoa học cũng rất thông minh, đáng tiếc họ không học Phật, những người này mà học Phật chắc chắn sẽ thành Phật. Chúng ta tin, vì sao vậy? vì đức Phật nói tất cả chúng sanh vốn là Phật. Nếu họ học Phật, lập tức họ buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, sẽ thấy tánh, những điều khoa học mà họ nghiên cứu sẽ đạt đến cứu cánh viên mãn, chưa kiến tánh là chưa viên mãn, chỉ ở trong A Lại Da. Phật pháp gọi cảnh giới này là gì? Cảnh giới hướng lên của đạo Phật hoàn toàn từ chỗ đoạn hoặc mới có thể tiến lên, không đoạn hoặc thì chẳng thể tiến lên. Quý vị có thông minh đến đâu, nhưng nếu không tu thập Thiện Nghiệp, thì vẫn ở cõi người, địa vị của quý vị vẫn ở cõi người, ở cõi người giải ngộ, không cách nào lên được cõi trời, hướng lên được nhất định là đức hạnh, đức hạnh và tự tánh tương ưng. Dù giới khoa học thông minh, nhưng nếu không có đức hạnh, địa vị của họ ở cõi người, những sản phẩm khoa học kỹ thuật mà họ tạo ra, có hại lớn đối với tất cả chúng sanh, thậm chí có hại đối với quả địa cầu, tương lai chắc chắn họ phải đọa vào địa ngục. Mười pháp giới, lên cách nào, xuống cách nào, đều có tiêu chuẩn của nó, hoàn toàn không liên quan đến sự thông minh tài trí của quý vị. Chúng tôi thường nói, nó không liên quan đến Phật học, Nho học, Đạo học. Nếu là học Nho, học Đạo, học Phật thì hoàn toàn khác, đó mới thật sự hướng thượng nâng cao. Phải hiểu được đạo lý này. Nếu không hiểu đạo lý này, cho dù quý vị là nhà phát minh giỏi cũng không thể siêu việt lục đạo luân hồi.

Ở đoạn này, đức Phật dùng nhân đà la võng làm dụ, để nói lên ý nghĩa này. Nghĩa là mượn nhân đà la võng. Dưới đây giải thích rằng:

Nhân đà la võng giả, Đế Thích thiên cung sở hiển chi châu võng, võng hữu thiên châu, hổ tương ương chiếu, nhất nhất châu trung cách hiện nhất thiết châu ảnh, thử thị đệ nhất trùng chi các các ảnh hiện.

Trời Đế Thích là thiên chủ của cõi trời Đao Lợi, người xưa quen tôn xưng ngài là ngọc hoàng đại đế, ngọc hoàng đại đế chính là Đế Thích thiên. Trong cung điện của ngài có la võng, ngoài trần của cung điện có la võng.

Ở cõi nhân gian này, cung điện thời xưa có, tôi đi tham quan qua cung điện của nước ngoài, hình như không có la võng, cung điện của Nhật có, Nhật học theo TQ mà. Vì sao vậy? Vì cung điện là một tác phẩm nghệ thuật, mỗi viên gạch, mỗi viên ngói, mỗi cây cột, mỗi cây kèo đều là nghệ thuật, đều có hoa văn, đó là một tác phẩm nghệ thuật đắt giá. Sợ chim làm tổ trên những cây kèo đó, cho nên dùng sợi dây đồng kết thành võng ngăn lại, chim không bay vào được, người thấy được nhưng không được đụng vào. Cho nên cung điện thời xưa đều có la võng, ngày nay không còn, nhưng nếu đến Nhật

Bản quý vị sẽ thấy được. Một số chùa ở Nhật có mấy ngàn năm lịch sử, vẫn còn la võng, chúng ta có thể thấy được.

La võng của trời Đế Thích rất đắt giá, vì nó dùng bảo châu kết thành, gọi là châu võng, võng có thiên châu, chúng ta có thể tưởng tượng ra, viên châu đó rất lớn, một ngàn viên, trong cung điện có võng, trên võng gắn một ngàn viên châu. Viên châu tròn và trong suốt, như tấm gương có thể soi được, mỗi viên châu có thể soi được những viên châu khác, viên châu tròn, bề mặt của nó lồi ra, chiếu được hết cả cung điện vào trong đó. Chẳng những ngàn viên châu mà tất cả cảnh quan đều thu vào trong đó. Đây là một trùng, quan sát kỹ, mỗi viên châu đều có ngàn viên châu, ánh sáng của 999 viên châu khác đều ở trong một viên châu, giống như hai tấm kính chiếu vào nhau vậy, hai tấm kính chiếu vào nhau, chúng ta đi ở giữa sẽ thấy trùng trùng vô tận. Hiện tiền của viên châu này cũng như vậy, ở trong đó chúng ta nhìn kỹ sẽ thấy được trùng trùng vô tận, chẳng phải một viên.

“Nhất nhất châu trung các hiện nhất thiết châu ảnh”, đây là trùng thứ nhất, môn thứ sáu có nói.

Nhi nhất châu trung sở hiện chi nhất thiết châu ảnh, phục hiện ư kỳ dư cửu bách cửu thập cửu châu chi trung, thị đệ nhị trùng chi ảnh hiện, như thị thiên châu trùng trùng ương hiện vô hữu cùng tận.

Như hai tấm kính chiếu vào nhau, ở đây là một ngàn tấm, một ngàn tấm kính chiếu vào nhau, quý vị đi ở giữa sẽ thấy được tương gì?

Đời Tùy Đường, quốc sư Hiền Thủ nói về trùng trùng vô tận, giảng trong cung đình, hoàng đế nghe không hiểu được, không thể lãnh hội được ý này. Hoàng đế thưa với đại sư Hiền Thủ. Đại sư nói hoàng thượng lập một ngôi đình ngoài cung điện, xây dựng một ngôi đình tám góc. Làm xong rồi, quốc sư nói hoàng thượng đặt mỗi góc một tấm gương, gương ngày xưa làm bằng đồng chứ không phải làm bằng kính, cho nên trên dưới cũng có thể đặt kính, tổng cộng là mười mặt. Sau đó mời hoàng thượng vào trong đình xem, vừa bước vào trong là hiểu được, trùng trùng vô tận, quang quang tương chiếu. Quý vị xem, trong đó rất cuộc là bao nhiêu người, đúng là đếm không thể hết. Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, là chân thật, chân tướng, chân tướng sự thật đây! Chúng ta ngày nay rất tệ. Vì sao vậy? Vì la võng của trời Đế Thích trong suốt, như viên thủy tinh vậy. Mỗi tế bào trong cơ thể của chúng ta, có phải là một viên thủy tinh trong suốt chẳng? Có hay không? Có! Trong kinh nói, trong một vi trần một cọng lông đều có đại thiên thể giới mà, chẳng những có đại thiên thể giới mà còn trùng trùng vô tận. Đây là sự thật không giả dối đâu. Khi nào chúng ta mới có thể nhận ra? Minh tâm kiến tánh là nhận ra được. Quý vị sẽ biết được mỗi cọng lông trên cơ thể của mình, mỗi tế bào khởi tác dụng, tác dụng này và

đại thiên thế giới vô lượng vô biên sát độ của chư Phật, giống như thông tin qua lại, nó là đồng thời, biến pháp giới hư không giới, lớn là thế giới, nhỏ là vi trần đều có ở trong đó. Đây là khoa học mà đạo Phật nói, tuyệt đối không giả đâu, câu này nói cách đây mấy ngàn năm rồi, khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh Hoa Nghiêm. Sau khi thành đạo, bộ kinh đầu tiên được ngài giảng ở trong định, cảnh giới này không ai có thể hiểu được, nếu khi đó đức Phật nói về cảnh giới này cho mọi người nghe, họ sẽ không chấp nhận, chẳng ai có thể hiểu được. Vì sao vậy? Phiền não tập khí dày cộm, sao có thể hiểu được? Cho nên Bồ Tát Long Vương mang cất giữ dưới long cung. Sau khi xuất định đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh gì? Ngài giảng kinh A Hàm, điều này chúng ta cần nên học tập, gọi là ứng cơ thí giáo. Hàng phàm phu không biết gì hết, giảng cho họ điều gì? Giảng về đạo lý làm người, như ngày nay chúng ta nói về luân lý, đạo đức, nhân quả, nói về tiểu pháp, họ có thể chấp nhận. Kinh A Hàm là con đường trời người, khuyên người đoạn ác tu thiện, con người nên lập chí sanh thiên. Cõi trời phước báo lớn hơn cõi người, nên đem mục tiêu đặt ở cõi trời. đem bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh mà đức Phật đã giảng trong 21 ngày đó cất đi, cất đi không nói đến nữa. 12 năm giảng kinh A Hàm, nền tảng này vững chắc rồi, kể đến giảng Phương Đẳng 8 năm. Kinh Phương Đẳng là sự bắt đầu của giáo pháp đại thừa, chuyển tiểu thành đại. Giống như mở trung học, Phương Đẳng giảng 8 năm, cộng với 12 năm trước là 20 năm. Có nền tảng 20 năm rồi mới giảng Bát Nhã, Bát Nhã là nói lời chân thật, nói lên điều gì? Nói cho ta biết tất cả đều là giả chẳng phải chân. “phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, “nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, giảng những điều như vậy, không ngừng đưa học trò tiến lên. Bậc căn tánh thật sự đốn ngộ quá ít, hạng người này không nhiều, người căn tánh bình thường chiếm đại đa số. 22 năm giảng kinh Bát Nhã, cuối cùng giảng Pháp Hoa 8 năm, giáo nghĩa của Pháp Hoa và Hoa Nghiêm giống nhau, nói lời chân thật. Đức Phật dạy học có thứ lớp, giống như trường học, tiểu học, trung học, đại học, nghiên cứu sở. Không có hình thức trường học, nhưng quý vị cần nên biết, một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giống như việc dạy học tư thực ngày xưa. Không ít học sinh. Vào thời Khổng Tử là tư nhân dạy học, cũng không tệ đâu, Khổng Tử có 3000 học trò, Khổng Tử dạy học chỉ có năm năm, thời gian không dài.

Sau khi đức Phật Thích Ca khai ngộ, ngài lập chí dạy học, không làm việc gì khác, 79 tuổi ngài nhập Niết Bàn, ngài đã dạy học 49 năm. 49 năm này đều là cách dạy học tư thực ngày xưa, hình thức đó, trạng thái đó, ngài đã dạy rất thành công. Phạm vi dạy học đến cuối cùng vô cùng rộng lớn. Trong số học trò được thành tựu, tỏa ra khắp nơi đi giảng kinh thuyết pháp, mở rộng sự giáo hóa của đức Phật, ảnh hưởng rất lớn. Ngoài Ấn Độ ra, những nước lân cận Ấn Độ, các vị đệ tử ngài đều đã đi qua, cho nên ngài là nhà giáo dục, chứ không phải tôn giáo. Người tín ngưỡng tôn giáo đã học theo đức Phật rất đông, chúng ta thường thấy trong kinh, đức Phật không bảo họ phải thay đổi tín ngưỡng,

vì tín ngưỡng tôn giáo nhưng học tập theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không sung đột, không sao hết. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giống như tư nhân mở trường học, quý vị đến học. Đức Phật dạy điều gì? Giáo dục phổ cập là kinh A Hàm, kinh A Hàm giúp cho ta an định xã hội. Trong đó nói về luân lý, đạo đức, nhân quả rất nhiều. Nam truyền là tiểu thừa, đầy đủ nhất là nước Thái Lan, tôi có đến Thái Lan mấy lần. Rất tiếc, Phật giáo tiểu thừa không đi vào phương hướng dạy học. Nếu họ thực hành giáo dục của Phật giáo, thì đất nước Thái Lan sẽ rất hay, xã hội đó chắc chắn trường trị cửu an, sẽ không có nhiều loạn động như vậy. Khi đất nước Thái Lan không an định, người học Phật sẽ rất kiên thành, làm nghi thức tôn giáo, cầu Phật Bồ Tát gia hộ. Đọc tụng kinh điển nhưng không hiểu ý nghĩa trong kinh. Tuy trì giới, nhưng tại sao phải trì giới, vì sao đức Phật chế định ra những điều này? Họ không hiểu được, cho nên nó thuộc về tôn giáo. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế ngài là nhà giáo dục, điều này cần nên hiểu rõ. Ngài dạy con người phá mê khai ngộ, mới có thể lìa khổ được vui. Khổ từ đâu mà có? Khổ từ mê hoặc điên đảo mà có. Thế nào gọi là mê hoặc điên đảo? Là không hiểu rõ chân tướng sự thật. Người xưa dạy chúng ta biết được chân tướng sự thật trước mắt, điều này rất cạn, chứ không sâu đâu. Đầu tiên phải biết quan hệ giữa con người với con người, Ngũ Luân là nói về quan hệ, sau khi hiểu rõ được mối quan hệ rồi, kế đến phải biết cách đối xử với nhau. Quan hệ là đạo, thuận theo quan hệ đối xử với nhau là đức, gọi là đạo đức. Đạo là quy luật tự nhiên, chứ chẳng phải người nào đó sáng lập nên. Quan hệ cha con, quan hệ vợ chồng, quan hệ vua tôi, quan hệ anh em, quan hệ bạn bè, những điều này không phải do ai đó phát minh ra, mà là tự nhiên, cho nên nó thuộc về đạo. Phu tử hữu thân, là thân yêu, quân thân hữu nghĩa, là nhân nghĩa, nó thuộc về đức, phu tử tử hiếu là đức. Quân thân, quân nhân, thân trung, trung nghĩa đây chính là đức. Bằng hữu hữu tín là đức. Trường ấu hữu tự, tự là đức, là thứ tự. Giáo dục phổ cập nói đến Ngũ Thường, rất đơn giản, gồm nhân nghĩa lễ trí tín. Nói về Tứ Duy, Bát Đức, là đầy đủ rồi. Mọi người ai ai cũng hiểu và tuân thủ theo, xã hội này sẽ an định hài hòa. Con người phải dạy, nếu không dạy họ sẽ không hiểu. Những thứ này không phải mang ra đọc giống như đọc kinh, đọc như thế sẽ chẳng có lợi ích gì. Nếu thực hành được trong cuộc sống, trong công việc, trong cách đối nhân xử thế. Cho nên Phật giáo là sự giáo dục của đức Phật chứ không phải là tôn giáo. Điều này nhất định chúng ta phải nhận biết rõ ràng. Ngày nay Phật giáo trở thành tôn giáo, biến thành tôn giáo, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ chảy nước mắt đầy. Sao lại ra nông nổi này? Bất luận hàng tại gia hay xuất gia đã qui y theo Phật, trở thành đệ tử của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, nếu không nhận biết chân tướng sự thật này, sao xứng đáng là đệ tử của đức Phật Thích Ca Mâu Ni? Nhất định chúng ta phải đưa tôn giáo trở lại nền giáo dục, thì mới xứng đáng với đức Phật.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, năm 30 tuổi ngài bắt đầu giảng kinh dạy học, 79 tuổi ngài nhập Niết Bàn, không bỏ phí một ngày nào, hàng ngày giảng kinh

dạy học. Địa vị của ngài là gì? Là thầy giáo, danh từ này rất xứng đáng, ngài là thầy giáo đây. Ngài dạy điều gì? Tất cả kinh điển ngày nay chính là những bài giảng ngày xưa. Trong kinh điển tiểu thừa, nói về luân lý, đạo đức, nhân quả, rất nhiều. Trong kinh điển đại thừa nói về triết học, khoa học rất nhiều. Chẳng điều gì không có trong kinh giáo. Mọi người gặp đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thỉnh giáo với ngài, có hỏi là có đáp. Những câu vấn đáp này đều có ghi chép trong kinh điển, chúng ta thường thấy trong kinh điển. Tâm của đức Thế Tôn từ bi đến cùng tột, giúp tất cả chúng sanh vô điều kiện. Giúp điều gì? Giúp cho chúng sanh lìa khổ được vui, tiêu tai miễn nạn. Những thiên tai ngày nay đều có ghi chép trong kinh điển. Làm thế nào để hóa giải tai nạn của mỗi cá nhân, hóa giải thiên tai của xã hội, hóa giải thiên tai của quả địa cầu. Có trong kinh điển chẳng? Có ! Nghiêm chỉnh học tập, chắc chắn có hiệu quả.

Gần đây hiệp hội của chúng ta, đề xướng tu pháp Lục Hòa Kính. Pháp Lục Hòa Kính có thể hóa giải thiên tai của quả địa cầu. Vì sao vậy? Chuyển đổi tâm niệm bất thiện của chúng ta. Trên thế giới ngày nay có rất nhiều bậc chí sỹ nhân từ, nhà khoa học, nhà triết học, người lãnh đạo đất nước, đều cho chúng ta biết, hài hòa là vấn đề tối quan trọng trong xã hội ngày nay. Nếu mọi người đều nghĩ đến hài hòa, đều đi đến hướng hài hòa, thì thế giới này không còn xung đột, không còn chiến tranh nữa, chiến tranh là tai họa của con người. Ngày nay chúng ta biết được, trình độ của mình hiểu được những điều trong kinh tương đối, biết được thế giới vật chất và mình là một thể. Tâm chúng ta chánh, hành vi chúng ta chánh, thì những thiên tai trên quả địa cầu này đều được hóa giải. Khởi lên một niệm bất luận là vô tình hay cố ý, là thiện niệm hay ác niệm, sự ba động của nó châu biến pháp giới, dĩ nhiên châu biến khắp quả địa cầu, nó sẽ ảnh hưởng đến quả địa cầu. Ý niệm không tốt sẽ dẫn đến quả địa cầu có những chuyện phiền phức như động đất, gió bão, nước lớn vân vân, thậm chí còn có nạn ôn dịch nữa. Một ý niệm thiện sẽ hóa giải được những thiên tai này. Sao gọi là thiện niệm? Sao gọi là ác niệm? Có một tiêu chuẩn rất đơn giản, tự tư tự lợi là ác niệm, lợi ích xã hội, lợi ích đại chúng là thiện niệm. Quý vị xem tiêu chuẩn này đơn giản như vậy đó. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chưa bao giờ ngài có một ý niệm vì mình, ngài làm bậc mô phạm, là điển hình cho chúng ta. Ngài nhận biết rõ ràng, mỗi ý niệm chẳng những chịu trách nhiệm đối với mình, mà đối với xã hội, đối với quả địa cầu đều phải chịu trách nhiệm, chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với biến pháp giới hư không giới. Lời nói này chúng ta ngày nay khẳng định được rồi. Vì sao vậy? Khi học đến nhân đà la võng pháp giới môn, học đến vi tế tương dung môn là hiểu được rõ ràng. Trong tâm không có ý niệm ác. Chúng sanh lấy ác niệm đối với mình, mình đem thiện niệm đối với họ, như thế mới có thể giải quyết được vấn đề. Đức Thế Tôn đã làm bậc mô phạm cho chúng ta, khi đức Phật còn tại thế có người hủy báng ngài, có người chướng ngại ngài, có người phê bình ngài, có người hãm hại ngài. Ngài đã đối phó cách nào? Trong tâm ngài những người hại ngài đều là chư Phật Bồ Tát,

đều là thiện tri thức, đến để khảo ngài xem những điều ngài giảng, ngài học có thật hay không? Ngài đã trải qua được sự khảo nghiệm. Ngài có chánh niệm, chánh niệm đó là gì? “Tất cả chúng sanh vốn là Phật”. Trong giới kinh có câu: “tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta”, Ngài thật sự đã làm được, đây không phải là ví dụ đâu. Nếu biết quan hệ nhất thể thì sẽ hiểu được vấn đề này. Nếu cha mẹ khiển trách ta một cách vô lý, ta có oán giận họ chăng? Không thể được. Khi vô cớ hàm oan quý vị, xem quý vị có đức hạnh hay không? Kiểm tra quý vị, xem quý vị nói là ác tâm hay thiện ý? Ác tâm thiện ý không ở người mà ở mình. Nếu bản thân là thiện ý, tất cả ác tâm bên ngoài đến chỗ mình đều biến thành thiện ý. Người ngoài thiện ý, mình ác tâm, thiện ý bên ngoài đến chỗ mình cũng biến thành ác tâm. Hiện tượng này rất phổ biến trong xã hội ngày nay, quý vị quan sát kỹ sẽ thấy được rõ ràng. Chỉ cần tâm địa thanh tịnh, lương thiện, sẽ nhận biết một cách rõ ràng minh bạch. Khi gặp nạn, quý vị sẽ nghĩ đến đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát, lập tức được hóa giải hết. Dùng tâm gì? Dùng tâm biết ơn để đối phó. Vì sao phải dùng tâm biết ơn? Nếu họ thật sự thiện ý thì chẳng có vấn đề gì, nếu họ bất thiện, với tâm trạng đố kỵ chướng ngại, họ đã tạo nghiệp rất nặng, phải đọa vào ba đường ác. Họ không làm tổn hại mình, nhưng đã tổn hại chính họ. Cho nên bản thân chúng ta trong cuộc sống hàng ngày, tu tập tất cả công đức hồi hướng cho họ, giúp cho họ tiêu tai giải nạn, tuy đọa vào ác đạo nhưng chịu khổ ít một chút. Sớm có ngày ra khỏi nơi đó. Chúng ta phải học giống như tâm của chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát, không được dùng phiền não, nếu dùng phiền não là oan oan tương báo, là sai lầm lớn. Như vậy có nghĩa là quý vị ngang hàng với họ. Học Phật nhiều năm như thế mà còn ngang hàng với họ, thì quý vị học đến đâu chứ? Học Phật, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni chính là bậc mô phạm của chúng ta, học tập theo ngài, gọi là chân học tập. Kinh điển là ngôn ngữ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Trong kinh giáo, nếu chúng ta lãnh hội được tâm của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hành vi của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, quý vị đều có thể đạt được, đệ tử Phật giống như Phật, trong tâm không có một người oán hận. Quý vị còn có người oán, người hận, là sai lầm rồi, vẫn còn là phàm phu chưa ra khỏi luân hồi lục đạo. Nhất định quý vị phải giống Ca Lợi Vương cắt thân mình, đem quý vị ra xử tử nhưng trong lòng không chút tư hào oán hận. Vì sao vậy? vì không có sanh tử, lấy đâu ra sanh tử. Cắt thân, thân này là giả, không có thật, xả thân này rồi, lập tức đổi lại thân khác. Thân giả này bị cắt, bị hư rồi, đổi thân khác, là thân kim cang bất hoại, so với thân giả này tốt biết bao. Cho nên không oán hận mà còn biết ơn, khiến cho mình sớm thay được bộ quần áo mới, cho nên thật sự không chút oán hận. Phải hiểu rõ chân tướng sự thật mới có thể làm được việc này. Nếu không hiểu rõ chân tướng sự thật thì chẳng thể làm được. Đức Phật dạy chúng ta học Phật điều đầu tiên là buông bỏ ngã chấp. Kinh Kim Cang nói: “vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”, đây là cảnh giới nhập môn chứ không phải rất cao đâu. Hàng tiểu thừa Tu Đà Hoàn, đại thừa Bồ Tát Sơ Tín vị, đã phá được bốn tướng này rồi. Chúng ta đã học được chưa? Học

được điều này, mới gọi là học trò chính thức của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, địa vị rất thấp, là học sinh tiểu học lớp một, cách ly học vị còn rất xa, học vị đầu tiên là A La Hán, giống như quý vị học đại học, học vị học sỹ, nhận được học vị. Đây mới là Tu Đà Hoàn, cách A La Hán tám giai cấp gồm tứ quả tứ hướng, đến lớp tám mới có thể nhận được học vị, bây giờ mới học lớp 1 thôi. Chúng ta chưa đạt đến cảnh giới này, mới đang học lớp mẫu giáo, chưa được lên lớp một. Điều này bản thân mình phải nhận biết rõ ràng.

Đức Phật từ bi vô cùng, ngài biết chúng sanh trong thời mạt pháp nghiệp chướng sâu nặng, không có năng lực đoạn hoặc, đây là sự thật, không giả dối đâu. Có người giải ngộ nhưng không có người chứng ngộ. Cho nên chúng ta phải biết ơn đức Phật A Di Đà, chẳng riêng chúng ta biết ơn, mà mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai đều biết ơn đức Phật A Di Đà. Vì sao vậy? Vì pháp môn của ngài người nghiệp chướng sâu nặng không có năng lực đoạn hoặc cũng được độ. Vì sao chư Phật Như Lai phải cảm ơn? Các ngài vì hàng phàm phu chúng ta mà cảm ơn đức Phật A Di Đà. Sao các ngài phải vì chúng sanh? Bởi chúng sanh và ngài là một thể, chúng sanh không biết nhưng ngài rõ, cho nên đức Phật A Di Đà đến độ chúng ta, các ngài rất hoan hỷ, các ngài cảm ơn, tán thán. Có người đến giúp đỡ người thân trong gia đình mình, quý vị có biết ơn không? Đạo lý giống nhau thôi.

Ngày nay chúng ta học được đoạn kinh này trong kinh Hoa Nghiêm, mới thật sự biết được biến pháp giới hư không giới và mình là một sinh mạng thể cộng đồng, không chỉ là một nhà mà quan hệ một thể, quan hệ này thân thiết biết bao, Ngài đã nói cho chúng ta biết, một thể này thật thâm sâu, trùng trùng vô tận, chẳng phải một tầng tương tức tương nhập, trùng trùng vô tận tương tức tương nhập, nền tảng này thật thâm sâu. Ngày nay học đến đoạn này, chúng ta tin tưởng lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngài tuyệt đối không lường gạt chúng ta, ngài nói ra những lời chân thật, những điều ngài nói hoàn toàn là chân tướng sự thật, không thêm không bớt tí nào, gọi là không tăng không giảm. Chúng ta nghe được, hiểu được, hiểu rõ ràng, thật không đơn giản! Trong kinh Di Đà nói về thiện căn phước đức nhân duyên. Thiện căn là gì? Nghe đức Phật dạy, tin được, hiểu được, đó là thiện căn. Phước đức là gì? Là năng hành, chân tu, như thế là có phước rồi. Đầy đủ thiện căn phước đức, cầu sanh tịnh độ, đâu có lý không được vãng sanh! Đầy đủ thiện căn phước đức rồi, đức Phật dạy chúng ta phải buông bỏ, xả ly, mới có thể đạt được. Không làm được thì thiện căn phước đức không đầy đủ. Từ chân tướng sự thật này, từ từ chúng ta giác ngộ.

Ân đức lớn nhất của đức Thế Tôn đối với chúng ta là gì? Là giảng kinh dạy học. Nếu không giảng kinh dạy học làm sao chúng ta biết được. Chỉ đọc không, không có người giảng giải sẽ không hiểu được. Cho nên khi đức Phật còn tại thế, suốt 49 năm ngài không nghỉ một ngày nào, gặp một người ngài cũng dạy, gặp hai người ngài cũng dạy,

tùy thời tùy xứ đều là đạo tràng, đều là lớp học. Cho nên làm đệ tử chân thật của đức Phật, thật học, thật tu, học được rồi đi đến các nơi giảng dạy giống như đức Phật, thì chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ. Vì sao? Vì tôn kính đức Phật, nên kính trọng đệ tử của ngài, đạo lý là như vậy. Quý vị không cần cầu hộ pháp long thần bảo hộ, tự họ sẽ đến che chở cho quý vị. Bởi quý vị thật tu, nếu không thật tu hàng ngày cầu họ họ cũng không đến. Cho nên đối với các vị thần hộ pháp ta không cần phan duyên, nghiêm chỉnh nỗ lực, đó là sứ mệnh, là bổn phận của họ, họ sẽ tận trung gìn giữ làm công việc hộ pháp của mình.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới: *Đại Số vân, nhược lưỡng kính hổ chiếu, truyền diêu tương tá.*

Đại Số là Số Sao của đại sư Thanh Lương. Quý vị xem hai tấm kính chiếu vào nhau, vào thời nay, nhiều thang máy bên trong gắn kính, quý vị thường thấy đó, thấy cảnh giới này bèn nghĩ ngay đến kinh Văn trong kinh Hoa Nghiêm, từ trong đây chúng ta lãnh hội.

“Tại bổn kinh trung”, trước đây đều nói trong kinh Hoa Nghiêm, bây giờ chúng ta xem kinh Vô Lượng Thọ. “Vô Lượng Thọ Kinh, Bảo Liên Phật Quang phẩm”, đây là phẩm thứ hai mươi một, có đoạn kinh như thế này:

Chúng bảo liên hoa châu mãn thế giới, nhất nhất hoa trung. Chú ý câu này, trong mỗi đóa hoa. Quý vị xem hoa sen báu châu biến thế giới Cực Lạc. Về thế giới cực lạc, bất luận đi đến đâu, đều có thể nhìn thấy hoa sen, cho nên nơi đây còn được gọi là thế giới hoa sen.

Nhất nhất hoa trung xuất tam thập lục bá thiên ức quang. Ba mươi sáu không phải là số chữ mà là biểu pháp. Nói lên điều gì? Nói lên sự vô tận, vô lượng, vô số, vô tận nói lên sự viên mãn. Trong Mật tông thường dùng 36, cho nên tông giáo hiển mật đều ở trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ cũng như vậy. Tông môn, tông là thiên tông, giáo là giáo hạ, giáo nghĩa của hiển giáo, mật giáo đều ở trong kinh này. Bộ kinh này gọi là đại viên mãn, thế giới cực lạc cũng như vậy, cũng là đại viên mãn.

Nhất nhất quang trung xuất tam thập lục bá thiên ức Phật. Quý vị nên biết, hoa sen phóng hào quang, trong hào quang có hóa Phật. Một đóa hoa sen vô lượng quang, trong mỗi quang có vô lượng Phật. Quý vị nghĩ xem có bao nhiêu Phật?

Nhất nhất chư Phật hựu phóng bá thiên quang minh phổ vị thập phương thuyết vi diêu pháp. Các vị hóa Phật này tự nhiên đi đến mười phương, hào quang đến nơi nào, nói đó có duyên với ngài, ngài sẽ đi đến đó. Chúng sanh có cảm, đức Phật có ứng. Những người sống trên quả địa cầu ngày nay, chắc là rất có duyên với đức Phật A Di Đà? Thật

sự có duyên rất sâu với thế giới Cực Lạc. Thời quá khứ khi ngài Quán Thế Âm và Đại Thế Chí chưa thành Phật, các ngài đều tu ở thế giới Ta Bà này, có nghĩa là đồng hương với chúng ta đây, có sự quan hệ như vậy. Ngày nay các ngài ở thế giới Cực Lạc làm trợ thủ cho đức Phật A Di Đà, quan hệ vô cùng mật thiết.

Đức Phật phóng hào quang có chiếu đến chúng ta hay không? Có, chúng ta ở trong ánh hào quang của đức Phật. Vì sao không cảm nhận được? Chúng ta bị một tầng thép dày đè lên, bao trùm chúng ta nên hào quang không thể lọt vào. Tầng thép đó là gì? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thật đấy, không giả dối đâu. Nếu vọng tưởng phân biệt chấp trước nhẹ một chút, sẽ cảm nhận được, cảm nhận được Phật quang gia hộ mình. Phật quang gia hộ giúp quý vị sanh trưởng trí huệ, phiền não khinh, trí huệ trưởng. Đáng tiếc bản thân quý vị tự bảo hộ chặt chẽ quá, không tiếp nhận nên đức Phật chẳng miễn cưỡng. Chư Phật Bồ Tát đối với chúng sanh luôn tùy duyên. Phổ Hiền Hành Nguyện Phẩm nói đến tùy hỷ công đức, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Chư Phật Bồ Tát chưa bao giờ miễn cưỡng một người nào, quý vị làm thiện ngài hoan hỷ, làm ác ngài thờ dài, ngài không can thiệp, tùy quý vị thôi. Biết rõ trong tương lai chắc chắn quý vị hồi đầu, chỉ ở chỗ sớm hay muộn mà thôi, chắc chắn sẽ hồi đầu.

Như thị chư Phật các các an lập vô lượng chúng sanh u Phật chánh đạo. Nghĩa là chư Phật đến mười phương thế giới giáo hóa chúng sanh, hiện thân gì? Cần lấy thân gì để độ, các ngài sẽ hiện thân đó. Tất cả đều là chư Phật, là hóa thân của các ngài trong mười phương thế giới. Cần lấy thân Bồ Tát để độ bèn hiện thân Bồ Tát. Các tôn giáo khác cũng không ngoại lệ. Trong đạo Phật cần hiện thân A Xà Lê bèn hiện thân A Xà Lê, đây là nói đến người xuất gia, gọi là pháp sư. Cần lấy thân mục sư để độ, bèn hiện ra thân mục sư, là nói đến đạo cơ đốc. Cần lấy thân A Hoành để độ bèn hiện thân A Hoành, đạo Hồi giáo. Cần hiện thân đồng nam đồng nữ để độ bèn hiện thân đồng nam đồng nữ, không nhất định. Đây gọi là hằng thuận chúng sanh. Trong kinh Lăng Nghiêm nói: “tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng”. Đều là các vị hóa Phật ở thế giới Cực Lạc, số lượng này không thể tính đếm được, nhiều hơn số người sống trên quả địa cầu này. Trên quả địa cầu có sáu mươi mấy ức người, đáng là bao! Một đóa hoa nơi thế giới cực lạc, mỗi ánh hào quang trong một đóa hoa đó, đã nhiều hơn số người trên quả địa cầu này rồi, chúng ta không thể so sánh được. Cho nên nếu quý vị thật sự hiểu và nhận biết về thế giới cực lạc, quý vị có thể không phát tâm về đó sao? Đâu có lý như vậy! Không muốn về thế giới cực lạc, là vô tri đấy! Một nơi tốt như vậy mà còn do dự, còn hoài nghi, đó là gì? Là bản thân không có phước báo, không đủ thiện căn phước đức. Thật sự hiểu rồi sẽ buông bỏ vạ duyên, nhất tâm nhất ý cầu sanh tịnh độ, chắc chắn là như vậy! Trong đời này cầu sanh tịnh độ chắc chắn thành công, tu pháp môn khác, mặc dù dốc lòng, nhưng trong đời này chưa chắc đã thành tựu. Vì sao vậy? Bởi tập khí phiền não chưa đoạn hết. Có thể thành tựu được ở thế giới tây phương cực lạc là do quý vị đời nghiệp vãng sanh, tập khí

phiền não chưa đoạn vẫn được, đây là điều thù thắng không gì sánh bằng. Gặp được cơ hội này, nếu đời này không phát tâm cầu vãng sanh, không về được thế giới tây phương cực lạc, là hàm oan, là sai lầm đấy! Trong một đời, sai lầm lớn nhất của quý vị là như vậy, những việc khác chỉ là chuyện nhỏ thôi. Điều này chẳng thể không biết.

Đoạn kế tiếp nói: *Thượng đệ lục môn trung dĩ minh nhất nhất quang trung xuất tam thập lục bách thiên ức Phật, thị vi tế tương dung môn bỉ nãi nhất trùng chi tương tức tương dung. Cánh vi kỳ tiền hậu chi kinh văn, tắc khả quảng hiển trùng trùng vô tận chi tương tức tương nhập chi diệu nghĩa.*

Đúng là thâm sâu không đáy, chúng ta phải lãnh hội được ý nghĩa này, đây là chân tướng sự thật.

A Di Đà Phật quốc trong hữu vô số bảo liên hoa, nhất nhất hoa trung phóng vô số quang, nhất nhất quang trung hữu vô số Phật, nhất nhất Phật phóng quang thuyết pháp an lập vô lượng chúng sanh u Phật chánh đạo.

Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn, không cần nói đến những thứ khác ở thế giới tây phương cực lạc, chỉ nói về việc quang trung hóa Phật thôi, quý vị có muốn hướng đến, muốn về đó không? Ở đây nghe nói, nghĩa là miêu tả một điểm nhỏ ở thế giới cực lạc cho quý vị biết, quý vị nghe hiểu rồi, đây chính là nhân duyên, là một trong ba điều kiện để vãng sanh, gồm thiện căn, phước đức, nhân duyên. Quý vị có được nhân duyên rồi, gặp được rồi. Kế đến là vấn đề thiện căn phước đức. Thế nào là thiện căn? quý vị có tin không? Nghe có hiểu không? Nghe hiểu được, tin tưởng, đây là thiện căn, quý vị đã có thiện căn. Còn thiếu một thứ là phước đức. Quý vị có phước hay không? Phước là gì? Là thật tu, thật sự phát nguyện cầu vãng sanh, cầu vãng sanh trong đời này chính là bộ kinh Vô Lượng Thọ đây, hoặc kinh A Di Đà, chỉ cần một bộ là đủ rồi, không cần nhiều, nhiều sẽ phức tạp. Chỉ cần một bộ kinh, không cần đọc chú gì hết, nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu. Thời gian bao lâu? Thông thường mà nói chỉ ba năm là đủ, quý vị nắm chắc phần vãng sanh rồi.

Ba, bốn năm về trước, ở Thâm Quyết có vị cư sỹ còn rất trẻ, khoảng ngoài ba mươi tuổi, là cư sỹ Hoàng, nghe được pháp môn tịnh độ cậu ấy bèn phát tâm. Nghe nói niệm Phật chỉ cần ba năm là được vãng sanh, cậu ta bèn làm thực nghiệm nên nhập thất, cư sỹ Hướng Tiểu Lị hộ thất. Cậu ấy niệm Phật hai năm mười tháng, còn hai tháng nữa mới viên mãn, nhưng đã biết được giờ vãng sanh. Đó là gì? Làm mô phạm cho chúng ta thấy, là chuyện có thật chứ không giả dối đâu. Buông bỏ hết tất cả, ở trong thất chỉ có duy nhất một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu A Di Đà Phật. Hai năm mười tháng là thành công, Phật A Di Đà đến rước cậu ta, biết được giờ đi, không hề bệnh tật, đi rất tự tại. Đó là sự chứng minh gần đây cho chúng ta thấy, công đức của cậu ta rất lớn. Chúng

ta đang khuyên chuyển, khuyên mọi người, còn cậu ta thì chứng minh. Trong tam chuyển pháp luân, đây là tác chứng chuyển.

Chúng ta xem tiếp đoạn cuối cùng. *Như thị tắc cực lạc quốc trung, hữu vô số liên, liên phóng quang quang hiện Phật, Phật hiện quốc độ. Độ trung hựu hữu vô số liên liên phục phóng quang hiện Phật, mỗi nhất liên hoa dụ nhất đế châu như thị liên hoa châu biến Phật quốc.*

Đoạn này là nói về trùng trùng vô tận. Trong tánh đức điều này vô cùng quan trọng, điều này cũng rất khó hiểu, thật sự có thể giúp chúng ta phá mê sanh tín. Chúng ta thật sự hiểu được thì có lợi rất lớn trong việc tu tập của mình. Nhiều nghi vấn đều được hóa giải, không còn nghi hoặc nữa. Rất nhiều điều không thể buông bỏ được, nhưng sau khi hiểu rồi tự nhiên sẽ buông bỏ hết. Vì sao? Vì quý vị biết được không buông bỏ là chướng ngại. Chướng ngại điều gì? Chướng ngại sự hiện tiền của tánh đức. Tánh đức của quý vị đức Phật nói rất hay, là trí huệ đức năng tướng hảo. Vì sao quý vị không đạt được? Bởi quý vị có chướng ngại, buông bỏ hết chướng ngại sẽ đạt được toàn bộ. Nhất là người gặp được pháp môn này, nhất tâm cầu sanh tịnh độ, khi chưa về được tịnh độ, ngay bây giờ đã đạt được rồi, hà huống trong tương lai sanh về thế giới cực lạc. Chưa sanh về thế giới cực lạc, ngay đây đã đạt được rồi. Đạt được điều gì? Thân tâm khỏe mạnh, vấn đề của bản thân được giải quyết. Hiện tiền gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, tuy cuộc sống hạnh phúc nhưng tâm địa thanh tịnh không nhiễm một bụi trần, đó là gì? Là buông bỏ tất cả, trí huệ khai mở rồi. Bộ kinh Vô Lượng Thọ này triển khai rộng ra là gì? Là giao phả của quý vị, trong đó nói về lịch sử gia đình quý vị, những việc trong nhà quý vị, không phải việc bên ngoài, không liên quan gì đến người khác, hoàn toàn là nhà mình. Nếu có ai hỏi nhà quý vị như thế nào? Hãy tặng cho họ một cuốn kinh Vô Lượng Thọ nói, nhà tôi là như vậy đó. Quý vị xem tự tại và vui biết bao! Quý vị thật sự là người có phước đức lớn, người phước ở đất phước, chỉ cần quý vị ở Hongkong, khu vực Hongkong này sẽ không bị thiên tai, không cần dùng Lục Hòa Kính, chỉ một người là đủ rồi. Đây là sự thật không giả dối tí nào. Vấn đề ở chỗ chúng ta có thấu hiểu được hay không? Thấu đến trình độ nào? Trùng trùng vô tận ở đây có độ sâu. Chúng ta nghe kinh đọc kinh, tự nhiên sẽ có pháp vị, nếm được pháp vị rồi mới thật sự tin lời người xưa dạy: “thế vị không nồng bằng pháp vị”, mùi vị của thế gian không đậm bằng pháp vị, thế vị không nồng bằng pháp vị, quý vị thật sự nếm được rồi, tâm thanh tịnh hiện tiền, tâm bình đẳng hiện tiền, trí huệ cũng hiện tiền, quý vị được đại tự tại. Tâm từ mẫn hiện tiền, tâm thương yêu hiện tiền, nhìn thấy chúng sanh, gặp khổ nạn như ngày nay, quý vị sẽ lân mẫn và giúp đỡ họ. Dùng cách nào để giúp họ? Dùng phương pháp nghiêm chỉnh tu tập để giúp họ, người khác không nhìn thấy quý vị tu hành chân chánh, khoa học ngày nay nói làn sóng của quý vị không ngừng hướng ra ngoài phát đi, sẽ có lợi đối với họ. Đạo Phật gọi là phóng quang, quý vị thấy hoa sen ở thế giới cực lạc phóng quang, trong hào quang có

Phật, Phật lại phóng quang. Ngày nay chúng ta học tập, ta cũng đang phóng quang. Tuy bản thân mình có chướng ngại nên không nhìn thấy, nhưng thật sự là đang phóng quang. Trong kinh đức Phật dạy, ý niệm của ta vừa khởi đã châu biến pháp giới rồi, trong Hoàn Nguyên Quán nói như vậy, lẽ nào lại nói sai? Ý niệm của chúng ta, bất luận vô tình hay cố ý, đều có thể xuất sanh vô tận và hàm dung không hữu. Đây là tánh đức không thể nghĩ bàn. Quý vị có trí huệ, tự nhiên sẽ hiểu được dùng phương pháp nào để giúp những chúng sanh khổ nạn, giúp cho quả địa cầu này.

Cuối cùng là câu tổng kết. *Khả kiến bốn kinh chánh hiển Hoa Nghiêm nhân đà la võng trùng trùng vô tận sự sự vô ngại chi huyền môn.*

Câu kết này rất hay. Trong kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng, kinh Vô Lượng Thọ cũng nói rất rõ ràng. Điều này nói lên kinh Vô Lượng Thọ và kinh Hoa Nghiêm bằng nhau. Cho nên người xưa nói rằng, kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, rất có lý chứ không phải tùy tiện nói như vậy đâu. Nếu như không thật sự viên mãn thông đạt kinh Vô Lượng Thọ, thì không thể nói ra những lời như vậy. Nói ra lời này là pháp thân Bồ Tát chứ chẳng phải hàng phàm phu.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 58

Tập 59

Chuyên Ngữ: Từ Hà

Biên Tập: Bình Minh

Giảng Ngày: 16 Tháng 06 Năm 2010

Địa Điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 57, hàng thứ 7 từ dưới đếm lên. Đoạn thứ tám: thác sự hiển pháp sanh giải môn.

Do thượng chi trùng trùng vô tận, cố trần trần pháp pháp giai thị sự sự vô ngại pháp giới. Cố khả nhiệm tợ nhất trần nhất sự hiển thử pháp giới toàn thể. Như Đại Sớ vân, lập tượng thụ tý độc mục giai đạo.

Đến đây là một đoạn, đoạn trước nói về nhân đà la võng pháp giới môn, là nói đến sự trùng trùng vô tận, đây chính là khoa học mà trong kinh đề cập đến, nói cho ta biến chân tướng của vũ trụ, khiến chúng ta nhớ đến Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của quốc sư Hiền Thủ. Hoàn Nguyên Quán nói về hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến. Thị là giảng về ba loại châu biến.

Tương tức tương nhập là nói về tất cả pháp, tất cả pháp tương tức tương nhập trùng trùng vô tận, đây chính là loại thứ hai trong ba loại châu biến: “xuất sanh vô tận”, là cảnh giới không thể nghĩ bàn, nhưng nó là chân tướng sự thật. Các nhà khoa học ngày nay tìm hiểu, không có cách nào nghiên cứu đến cảnh giới này, họ nghiên cứu đến tam tế tướng, vật chất từ đâu mà có, họ nghiên cứu đến chỗ này. Phát hiện ra nghiệp tướng, chuyển tướng, cảnh giới tướng của A Lại Da. Danh từ trong khoa học và danh từ Phật học không giống nhau, nhưng cùng nói về một thứ. Khoa học nói về năng lượng, năng lượng chính là nghiệp tướng. Nghiệp ở đây nghĩa là động, nghiệp là tạo tác cho nên nó có nghĩa là động. Cũng chính là hiện tượng ba động mà các nhà khoa học nói, ba động vô cùng vi tế. Các nhà khoa học thời cận đại rất hứng thú với vấn đề này, đây là phát hiện mới. Ba là gì? Là làn sóng ý niệm, sức mạnh của ý niệm rất lớn, ý niệm thật sự có thể làm thay đổi vũ trụ, vũ trụ còn thay đổi được huống là sinh lý của chúng ta, thân thể, sinh lý đều có thể thay đổi. Thay đổi được là ý niệm, các nhà khoa học gọi ý niệm là tin tức, ở chỗ A Lại Da gọi là chuyển tướng, chuyển tướng cũng có nghĩa là kiến phần. Hiện tượng vật chất là cảnh giới tướng của A Lại Da, lượng tử lực học ngày nay nói về những thứ này, nhưng nhất trùng tương dung tương tức để hiểu, trùng trùng vô tận tương dung

tương tức thì rất khó hiểu. Điều này chỉ có ở trong Phật giáo đại thừa. Giới khoa học có thể hiểu được chuyện này chăng? Không dễ đâu, rất khó! Điều này trong thiên định thâm sâu mới thấy được. Trong kinh đức Phật thường dạy, công phu thiên định như thế nào mới có thể thấy được cảnh giới này? Trong kinh điển đại thừa đều nói rằng Bồ Tát Bát Địa. Từ đó cho thấy, bảy địa trước không thể thấy được, như chúng ta, cũng không thấy được, chỉ nghe nói thôi, trong kinh đức Phật nói cho chúng ta biết, ta biết được thông tin này. Muôn sự muôn vật trong vũ trụ này đều là tương dung tương nhập. Vì là tương dung tương nhập nên mới thật sự là một thể, không phải là một thể tưởng tượng, mà thật sự là một thể, chính là một sinh mạng thể cộng đồng. Do đó chúng ta khởi tâm động niệm, đức Thế Tôn nói “tâm hữu sở niệm”. Bất luận vô tình hay cố ý, tâm niệm này chính là ba loại châu biến. Thứ nhất năng lượng của nó châu biến pháp giới. Thứ hai xuất sanh vô tận. Thứ ba hàm dung không hữu.

Trong kinh đưa ra ví dụ nhất trần, một vi trần. Nhất sự, một sự việc, bất cứ một sự việc nào. Trong một sự việc có thể nhìn thấy toàn thể pháp giới. Trong một vi trần có thể nhìn thấy bất cứ một sự việc nào. Cho nên người minh tâm kiến tánh sẽ thấy được, thấy được chân tướng sự thật, cũng chính là Thập Huyền Môn trong kinh Hoa Nghiêm, môn nào cũng nhập được. Nhập được một môn thì tất cả các môn khác đều nhập. Vì sao vậy? Bởi tương dung tương nhập, bất luận môn nào cũng có đủ mười môn khác, bất luận vào từ môn nào cũng thấy được tất cả. Một là tất cả, tất cả là một. Biết được muôn sự muôn vật trong vũ trụ với mình là một thể, thân thiết biết bao!

Chúng tôi thường nói đến nền giáo dục luân lý, luân lý là nói về quan hệ. Kinh Hoa Nghiêm trong Phật giáo đại thừa nói về quan hệ, nói rất mật thiết. Chúng ta thấy trong kinh có ghi: “mười phương tam thế Phật, cộng đồng nhất pháp thân”. Tôi nghĩ rất nhiều người đã đọc qua câu kinh này, đều nhớ, rất quen thuộc. Nhưng có ai lãnh hội được không? Họ và mình thật sự là một pháp thân sao? Đúng vậy, không sai tí nào! Cảnh giới này không dễ lãnh hội được đâu. Mười phương ba đời Phật, ở trong đó có chúng ta. Ba đời Phật là nói về Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật vị lai. Chúng ta là Phật vị lai, trong tương lai đều sẽ thành Phật. Vì sao? Vì chúng ta có Phật tánh, hiện tại còn mê, mê thất tự tánh, sẽ có ngày giác ngộ, vấn đề này chỉ ở chỗ sớm hay muộn mà thôi, chắc chắn ta sẽ thành Phật. Sau khi thành Phật, chứng được Thập Huyền Môn, chứng được thanh tịnh pháp thân. Đến khi đó quý vị sẽ biết được, tất cả y chánh trang nghiêm trong pháp giới hư không giới và mình là một thể, gọi là pháp thân.

Trên đây nói nhiều đoạn, đoạn này đại sư cho chúng ta biết: trần trần pháp pháp đều là sự sự vô ngại pháp giới. Nhất trần nhất mao, mao ở đây chỉ cho lỗ chân lông. Trong một vi trần một cọng lông đều có cả pháp giới. Thông thường chúng ta dùng sáu chữ để nói lên toàn thể, gồm: tánh tướng, lý sự, nhân quả. Tánh là pháp tánh, trong Hoàn

Nguyên Quán nói, “tự tánh thanh tịnh viên minh thể”. Tất cả mọi hiện tượng trong vũ trụ, đều từ thể này biến hiện ra. Thể ở đây không phải vật chất cũng chẳng phải tinh thần, nó không hề có bất cứ một hình tướng nào, nhưng nó năng sanh tất cả hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, năng sanh năng hiện.

Vào triều đại nhà Đường, thiên tông có vị tên là đại sư Huệ Năng, vị tổ sư thứ sáu của thiên tông, người ta thường gọi ngài là Lục Tổ Huệ Năng. Ngài đã kiến tánh, ngài đốn ngộ, chứ không phải tiệm ngộ. Ngài là người không biết chữ, mới 24 tuổi, còn rất trẻ, khi ngài khai ngộ mới có 24 tuổi. Ngài đã thị hiện và chứng minh cho chúng ta biết, phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm, một niệm giác ngộ phàm phu thành Phật, một niệm mê Phật thành phàm phu. Chỉ trong một niệm thôi. Một niệm này là một niệm như thể nào chúng ta không biết được, không thể lãnh hội được. Đã nhiều năm rồi chúng ta tìm tòi trong kinh giáo, thấy trong kinh có dạy. Ngày xưa thấy kinh Nhân Vương, bộ kinh này hàng đệ tử Phật ở Đài Loan đều biết đến, bởi mỗi năm Phật giáo tổ chức một lần pháp hội Nhân Vương Hộ Quốc Túc Tai, pháp hội này chủ yếu đọc tụng kinh Nhân Vương, pháp hội kéo dài bảy ngày, mọi người đều biết. Trong kinh Nhân Vương đức Phật có dạy, nguồn gốc của vũ trụ là nhất thời đốn hiện. Khi nào vậy? Trong đại thừa giáo thường nói: “nhất niệm bất giác mà có vô minh”, một niệm bất giác gọi là vô minh. Vô minh là gì? Vô minh chính là năng lượng mà giới khoa học ngày nay nói, cái này xuất hiện, bất giác là nó xuất hiện, nếu giác thì nó không xuất hiện. Khi không xuất hiện gọi đó là chân tâm. Các vị đều biết chân tâm miên viễn bất động, chân tâm không có hình tướng, không phải vật chất cũng chẳng phải tinh thần. Chân tâm ở đâu? Không nơi nào chẳng có, không lúc nào chẳng hiện. Quý vị không cách nào có thể rời xa chân tâm, rời chân tâm thì không còn gì nữa, ngay cả hư không cũng là chân tâm biến hiện ra. Chân tâm ở đâu? Chân tâm ở ngay trước mắt, bởi nó chẳng phải là không, không thể gọi nó là không, cho nên lục căn không duyên tới được. Ở trước mắt mà mắt không thấy, tai không nghe được, tay không đụng được, tâm nghĩ không đến, nhưng nó có. Nếu nó không có thì chẳng có gì hết. Đạo Phật gọi đó là tự tánh, là chân tâm, là pháp tánh, là đệ nhất nghĩa, rất nhiều danh từ. Đối với việc này Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đã nói đến mấy chục danh từ. Vì sao nói nhiều như vậy? Đây là thiện xảo trong việc dạy học. Dạy ta điều gì? Dạy ta không nên chấp trước vào danh tự, nếu chấp trước danh từ là sai lầm, hoàn toàn sai lầm, nó không có danh tự. Giống như trong Đạo Đức Kinh Lão tử nói: “danh khả danh phi thường danh”, bắt đắc dĩ giả lập một danh từ cho nó, vốn không có danh từ, nói nó tên gì là sai lầm đấy, nó không có danh từ. Cho nên Bồ Tát Mã Minh dạy chúng ta nghe kinh học giáo, không nên chấp trước tướng danh tự, tất cả danh từ thuật ngữ đều là giả thiết, vì phương tiện dạy học, phải từ danh tự lãnh hội ý nghĩa của nó, như thế mới đúng. Không nên chấp trước danh từ, vì danh từ là giả. Chấp trước danh từ thì không thể thấy được chân tánh, vĩnh viễn không lãnh hội được chân thật nghĩa mà đức Phật đã nói.

Phải lia tướng danh tự mới có thể lãnh hội được chân thật nghĩa. Đức Phật dạy điều gì? Ngài Huệ Năng kiến tánh rồi, bèn thừa lại với thầy mình, điều này rất quan trọng. Thầy thấy tánh rồi, tánh như thế nào? Nói tôi nghe thử, nói được không? Nói không được, nói không được nhưng miêu tả được. Ngài nói: “hà kỳ tự tánh”, câu này nếu dùng cách nói ngày nay nghĩa là không thể tưởng tượng được tự tánh, “vốn tự thanh tịnh”, hiện tượng thứ nhất là thanh tịnh, chưa bao giờ bị nhiễm ô, quá khứ chưa từng bị nhiễm ô, hiện tại cũng không bị nhiễm ô, chắc chắn không bị nhiễm ô. Điều thứ nhất là như vậy. Thứ hai nó không sanh diệt, “vốn không sanh diệt”, không có sanh diệt, là vĩnh hằng, là tồn tại. Tồn tại nhưng chúng ta không nhìn thấy, không đụng được, cũng không thể tưởng tượng ra. Câu thứ ba là “vốn tự đầy đủ”, nó không có gì hết, nhưng cũng có thể nói là có tất cả, không thiếu điều gì, nhưng nó không hiện tiền, điều này rất khó hiểu, cho nên có duyên thì nó năng hiện. Cái gì là duyên của nó? Một niệm bất giác chính là duyên. Danh từ một niệm bất giác này trong Phật pháp cũng rất nhiều, thông thường chúng ta thấy nó có tên là vô thi vô minh. Ý nghĩa của hai chữ vô thi này, không nên nghĩ quá huyền, nghĩ huyền là sai đấy. Nó có nghĩa là gì? Là không có bắt đầu, cũng có nghĩa là không có nguyên nhân, không có bắt đầu, một niệm vọng động. Điều này rất huyền, vô cùng khó hiểu. Sao lại khởi lên một ý niệm? Ý niệm này là vô ý, thực tế mà nói vô tình hay cố ý đều không đúng, đối diện với vô ý còn có hữu ý, nó không phải hai thứ này, nhưng nó động, là một hiện tượng ba động cực kỳ vi tế, hiện tượng này vừa động, từ thể khởi dụng, nghĩa là từ tự tánh, tự tánh là bản thể. Quý vị xem, nó vốn tự đầy đủ. Hiện ra tướng gì? Hiện ra tướng của A Lại Da. A Lại Da là vọng tâm, tự tánh là chân tâm, từ chân tâm hiện ra vọng tâm. Ai biến ra vũ trụ này? Vọng tâm biến ra. Vọng tâm biến cách nào? Vọng tâm phải có thể. Nếu trong thể này thật sự không có gì hết, thì vọng tâm làm sao biến ra được? Cho nên trong thể này có đầy đủ, không thiếu thứ gì, chỉ cần động là nó hiện hình. Trong kinh đức Phật thường lấy nước làm ví dụ, tự tánh ví như nước, khi mặt nước yên. Động là gì? Động là sóng, động khởi sóng, khởi lên hiện tượng sóng, đó là vọng tâm, sóng vẫn là nước, là tự tánh. Khởi lên làn sóng này, sóng này chính là “năng sanh vạn pháp”. Tuy sanh vạn pháp nhưng tự tánh vẫn như như bất động, tự tánh không hề động. Đại sư Huệ Năng nói: “vốn không dao động”. Từ đó cho thấy, hiện tượng ba động này, hiện tượng ba động vô thi vô minh này, là giả chẳng phải chân. Chân tâm chưa bao giờ động, vừa động là khởi lên vọng tâm, vọng tâm này chính là ba thứ mà các nhà lượng tử lực học ngày nay thấy được, đó là hiện tượng năng lượng, hiện tượng tin tức, hiện tượng vật chất, ba thứ này xuất hiện. Trong giáo pháp đại thừa gọi là tam tế tướng của A Lại Da. Khi tam tế tướng này xuất hiện đó là một niệm. Bồ Tát Di Lặc có nói, ngài nói rất hay, rất rõ ràng. Thời gian của một niệm này rất ngắn, không dài, ngắn đến mức nào chúng ta không thể lãnh hội được. Trong kinh Bồ Tát Di Lặc nói rằng, trong một khảy móng tay, một khảy móng tay có bao nhiêu niệm? có 320 triệu niệm, nói cách khác, thời gian của một niệm trong khảy móng tay, là một phần trong 320 triệu, không phải là giây, một giây khảy

móng tay được 4 lần, chắc còn có người khảy nhanh hơn tôi nữa, tôi tin có thể khảy được năm lần. Nếu khảy được năm lần, vậy trong một giây có bao nhiêu niệm? 1600 triệu, một niệm nghĩa là một phần trong 1600 giây, không thể tưởng tượng được, nó quá nhanh. Cho nên Phật nói về vấn đề này gọi là bất sanh bất diệt. Quý vị nên biết, nếu không có hiện tượng này, mà nói bất sanh bất diệt chẳng phải là nói suông sao? Nó thật sự có sanh diệt, sao nói nó bất sanh bất diệt? Nói nó diệt, nó lại sanh, nói nó sanh nó lại diệt. Có thể nói rằng sanh diệt đồng thời, nhưng nên nhớ, trong ý niệm này có đầy đủ tam tế tướng, nghĩa là tam tế tướng của A Lại Da. Có nghiệp tướng, nghĩa là ba động, từ ba động này mà có hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần. “Niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức”. Thức là thọ tướng hành thức, là hiện tượng tinh thần. Cho nên vật chất và tinh thần đồng thời phát sanh. A Lại Da chính là chúng ta, là bản thân chúng ta, gọi nó là bản thức, bản nhân của mình. Khi mê, người xưa gọi là linh hồn, cái này, thân chúng ta có sanh diệt, nhưng nó không sanh diệt, thức không sanh diệt. Trong kinh Phật, thêm vào một chữ Thần, gọi là thần thức, đó là chúng ta.

Phạm vi của A Lại Da rất lớn, ngày nay từ Thập Huyền Môn mà ta biết được, bởi nó tương dung tương tức, nó cùng pháp giới là một thể, thật sự giống như tấm lưới, cùng ở một chỗ. Cho nên thật sự hiểu rõ đạo lý này rồi, chúng ta sẽ biết được ý niệm của mình, ý niệm chính là tin tức. Bất luận vô tình hay cố ý, nó cùng với tất cả hiện tượng trong biến pháp giới hư không giới, đều hỗ thông với nhau, giống như điện lưới vậy, vừa tiếp cận là động hết. Nhỏ một cọng tóc mà động toàn thân, các nhà khoa học lượng tử rất hứng thú đối với việc này, họ đang nghiên cứu vấn đề này. Bởi thông nên nó không chế được vật chất, sự biến hóa của vật chất, đó không phải việc của tánh mà là của thức. Cho nên đại thừa giáo có dạy: “duy tâm sở hiện”, tâm là chân tâm, chân tâm năng hiện, năng sanh năng hiện, không năng biến, nó bất biến, thức thì biến, cho nên tâm hiện thức biến. Thức biến ra mười pháp giới y chánh trang nghiêm, thức biến đầy. Tướng do chân tâm hiện ra, chính là Thật Báo Trang Nghiêm độ của chư Phật Như Lai. Chúng sanh trong Thật Báo độ này, chẳng những chư Phật Bồ Tát mà có con người, trong Thật Báo độ cũng có hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa. Nó sanh cách nào? Hóa sanh ra, tất cả đều do biến hóa, không có hiện tượng sanh trưởng. Sinh vật ở thế giới của chúng ta đây có thể chia làm mấy loại, gọi là noãn, thai, thấp, hóa, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, như hiện tượng hoa cỏ cây cối, hiện tượng sơn hà đại địa. Cho nên hiện tượng trong Thật Báo độ, như con người, hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, đều vĩnh hằng bất biến. Không có hiện tượng con người từ nhỏ lớn lên, họ do biến hóa, là vĩnh hằng bất biến, cũng không có hiện tượng già nua, gọi là trường sinh bất lão, thiệt có đó, không giả đâu. Con người ở Thật Báo độ ai ai cũng trường sanh bất lão.

Chúng ta học Phật, mục tiêu của mình, là hy vọng sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ. Thật sự có thể sanh về được nơi đó không? Thật sự có thể. Điều kiện gì để

sanh về nơi đó? Chỉ cần buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, là sanh về Thật Báo độ. Thật Báo độ mới thật sự là cố hương, mới thật sự là quê mình. Ngày nay chúng ta thành kẻ lang thang bên ngoài, chịu luân hồi trong lục đạo, khổ không nói hết. Nguyên nhân gì? Chính là do ta có phân biệt chấp trước. trong Thật Báo độ không có phân biệt chấp trước, có khởi tâm động niệm, sự khởi tâm động niệm đó chúng ta không tưởng tượng được, chúng ta không tưởng tượng ra. Đó là gì? Đó gọi là vô thi vô minh. Từ vô thi vô minh hiện ra cảnh giới gọi là Thật Báo độ, cho nên sự khởi tâm động niệm đó quá vi tế, chúng ta không thể nhận ra. Sự ba động vi tế này, ba động đầu tiên đó, chỉ có địa vị Bát Địa trở lên mới thấy được, Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Năm địa vị Bồ Tát này họ thấy được. trước Thất Địa công phu định lực chưa đủ, không thấy được chân tướng sự thật. Không thấy được chân tướng sự thật, nhưng họ cũng đến ở nơi đó. Trong kinh Hoa Nghiêm, bậc Sơ Trụ trở lên, 41 vị pháp thân đại sĩ. Từ đó cho thấy, trong Thật Báo độ thông minh trí huệ có khác, 41 vị pháp thân đại sĩ ở cùng nhau, nhưng rốt cuộc Thật Báo độ như thế nào, hàng Bồ Tát ở năm địa vị cao nhất biết rất rõ, họ thông minh, hoàn toàn hiểu hết, còn những vị khác không hiểu được. Cho nên Bồ Tát trong Thật Báo độ, còn phải học, phải tu. Nhưng cách học và tu của họ hoàn toàn không giống với chúng ta. Họ không cần diễn giảng, vậy học cách nào? Tục ngữ ngày nay có câu: nói bằng tâm linh, đại khái là như vậy, không có biên tế, nói bằng tâm linh, từ từ nâng cao cảnh giới của mình, hóa giải tập khí vô thi vô minh. Tập khí hoàn toàn hóa giải rồi, trở về Thường Tịch Quang, trở về Thường Tịch Quang thì không còn gì nữa. Cho nên giới khoa học ngày nay, họ có một vấn đề rất nghi hoặc. Chúng tôi đọc nhiều bài nghiên cứu của các nhà khoa học. Họ nói khoa học ngày nay có thể lý giải được, thấy được vũ trụ, trên thực tế vũ trụ chỉ còn lại 10%, 90% của vũ trụ không thấy nữa, không biết nó đã đi đâu. Có phải nó đã trở về Thường Tịch Quang chăng? Trở về Thường Tịch Quang, không hề có dấu vết gì. Nó từ Thường Tịch Quang ra, sau đó lại trở về Thường Tịch Quang. Trong kinh Phật có giải thích như vậy. Trở về Thường Tịch Quang, thật sự không có dấu vết gì, có khởi tác dụng được chăng? Chúng tôi tin nó khởi tác dụng. vì sao vậy? Bởi chúng sanh có cảm, nó sẽ có ứng. Chúng sanh cảm, tuy Thường Tịch Quang bất động, nhưng chúng sanh cảm khiến nó khởi động, cho nên có ứng. Vì sao có ứng? Vì trong tự tánh vốn đầy đủ đức tướng trí huệ. Tướng là hiện tượng vật chất, trí huệ là kiến văn giác tri, cho nên nó có trí huệ, có đức, có tướng, có đầy đủ hết, chỉ là không hiển thôi, giống như nước vậy. Nước có sóng không? Có sóng, nhưng khi không có gió thì không hiển sóng, có gió nghĩa là có duyên, nó sẽ khởi ba, khởi sóng, khởi lên sóng lớn. Khi không có gió, chẳng hề có sóng. Cho nên chúng ta mới biết được, chư Phật Bồ Tát cảm ứng, đức Phật A Di Đà ở thế giới tây phương cực lạc hiện tiền, có phải ngài từ thế giới tây phương cực lạc đến không? Không phải, ngài hiện thân ngay trước mặt. Vì sao vậy? Vì tương tức tương nhập. Ở trong cảnh giới đó, không có cái gọi là thời gian và không gian. Không có

thời gian là chẳng có trước sau, không có quá khứ vị lai, cho nên ở ngay đây. Không có không gian là chẳng có cự ly, hiện hình ở đâu? Hiện hình ở ngay đây.

Chúng tôi gặp một việc, đây là thầy hiệu trưởng của tôi, thời chiến tranh tôi học ở Quý Châu, thầy Châu Bang Đạo hiệu trưởng trường quốc lập đệ tam trung học, vợ thầy chúng tôi gọi là Châu sư mẫu, bà ấy gặp một chuyện rất kỳ lạ, sau khi chiến tranh thắng lợi, trở về Nam Kinh, căn nhà ở Nam Kinh rất lớn, mặt trước mặt sau đều có vườn, muốn bước vào trong phải đi qua ba lớp cửa, cửa lớn rồi tới vườn, trong đó còn hai lớp cửa nữa, bước vào lớp cửa thứ ba mới đến phòng khách, sau phòng khách là phòng ở của họ. Một hôm, Châu sư mẫu gặp một người xuất gia, gặp ở đâu? Gặp trong nhà bà ấy, vị xuất gia này đến đó hóa duyên. Sư mẫu hỏi thầy từ đâu tới? Từ Cửu Hoa Sơn. Sư mẫu hỏi thầy cần gì? Người đó nói cần năm cân dầu đốt. Khi đó sư mẫu chưa học Phật nên không cúng dường vị này. Không cúng dường nên vị xuất gia này bèn ra đi. Sau khi vị này đi rồi, sư mẫu phát hiện ra một việc kỳ lạ, ba lớp cửa đều không mở, sao vị này có thể vào trong được? khi ra cũng không ai mở cửa cho vị này, sao ra được? Lúc này mới phát hiện ra chuyện kỳ lạ đó, sự việc này trong lòng luôn mang nỗi hoài nghi. Sau này sống ở Đài Trung, quen biết thầy Lý, đem sự việc này kể lại cho thầy Lý nghe. Thầy Lý nói, đó là Bồ Tát Địa Tạng, bà đã có duyên với ngài. Sư mẫu vô cùng hối hận vì đã không cúng dường năm ký dầu đốt cho ngài. Đó là gì? Là ở ngay đây, không có thời gian không gian. Khi đó sư mẫu không cảm nhận được, sự việc qua rồi, mới thấy việc này kỳ lạ, ba lớp cửa không mở, vị đó đã đi đâu? Rõ ràng thấy ngài đến, còn nói chuyện với ngài nữa, nói đi là lập tức biến mất. Từ đó chúng ta hiểu được, “đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận”. đây là sự thật.

Bồ Tát thị hiện cho chúng ta thấy, bản thân mình có phải hiện tượng này không? Cũng là hiện tượng này mà không biết. Nếu quý vị thật sự lãnh hội được trong kinh nói một khảy móng tay có 320 triệu niệm. Khoa học lượng tử ngày nay cho ta biết, hiện tượng vật chất là gì? Là sự tích lũy của ý niệm, sinh ra hiện tượng liên tục. Tần suất ba động của ý niệm không giống nhau. Ba động chậm biến thành đá, thành khoáng vật, tần suất chấn động nhanh một chút biến thành thực vật, thành động vật, nhanh nhất như ti vi, điện thoại di động vân vân, ba động của nó rất nhanh. Ngoài ba động ra, không có cái gọi là vật chất. Nói cách khác, có thể đem vật chất phân giải trở lại ba động. Cách nói này và những điều trong Hoàn Nguyên Quán nói, nhất niệm châu biến pháp giới, xuất sanh vô tận, hàm dung không hữu, rất gần. Hiện tượng này là thật, không phải giả, ở ngay trước mắt.

Chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này rồi, tuy không bằng chư Phật Bồ Tát, các ngài đã thân chứng, còn chúng ta chưa chứng đắc, chỉ nghe đức Phật nói thôi, nhưng đối với lời Phật dạy ta thâm tín không nghi ngờ. Trong kinh Kim Cang đức Phật dạy rất

hay: “Nhu Lai thị chân ngữ giả, như ngữ giả”, “chân” nghĩa là tuyệt đối không nói dối, “như” nghĩa là giảng đến chỗ rất hay, không tăng không giảm. Sự thật như thế nào, ngài nói đúng như thế ấy, không thêm không bớt tí nào, gọi là như ngữ. Chúng ta tin tưởng lời đức Phật dạy, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, từ từ thể nghiệm, đó mới là chân chánh học Phật. Ngày nay chẳng phải chúng ta nói tu Lục Hòa Kính đó sao? Điều thứ nhất trong Lục Hòa Kính là Kiến Hòa Đồng Giải, rất quan trọng, đây là căn cứ lý luận hòa mục, chúng ta hiểu rõ được chân tướng sự thật, vũ trụ với mình là một thể, tất cả chúng sanh và mình là một thể. Ta có nên hòa hay không? Thu nhỏ vũ trụ lại, như thân của chúng ta, vậy ta là gì? Ta là một tế bào trong cơ thể, nhỏ nữa là một nguyên tử, một lap tử. Giới khoa học biết thân này có bao nhiêu lap tử, họ có số liệu, kiểm tra xem trên thân có bao nhiêu nguyên tử, điện tử, lap tử, trên thân có bao nhiêu? Cứ như thế chất thành một hiện tượng thân thể này. Mỗi nguyên tử, mỗi lap tử, đều là một bộ phận trong cơ thể này, cùng thành tựu một thân thể, hiện tượng này liên quan mật thiết với nhau, giống như tấm lưới vậy, thông hết với nhau, gọi là nhất thể quán. Chúng ta không trân trọng tấm thân này được chăng? Không trân trọng từng lỗ chân lông trên cơ thể, từng phân tử, từng nguyên tử, điện tử được chăng? Tuy những thứ này, luôn luôn thay cũ đổi mới. Giới khoa học cho chúng ta biết chu kỳ thay cũ đổi mới là 7 năm. Hiện tượng này chúng ta suy nghĩ kỹ thấy nó bình thường. Vì sao vậy? Lap tử cơ bản nhất, lượng tử nói là lượng tử quán, lượng tử quán là tiểu quang tử, thời gian tồn tại của nó rất ngắn, ngắn vô cùng, nhưng mỗi cái liên tiếp với nhau, tích lũy thành hiện tượng vật chất. Vũ trụ này do những thứ đó hợp thành. Cho nên chúng ta biết được là một thể. Trong kinh đức Phật dạy: “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, đối với người ta phải tôn trọng, phải kính mến, tôn trọng mọi người, nghĩa là tôn trọng tự tánh của ta. Hoa cỏ cây cối, cũng là một thể cộng đồng của chúng ta, năng lượng, tin tức, vật chất hoàn toàn tương đồng, sơn hà đại địa cũng tương đồng. Trong vũ trụ, đạo Phật nói y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, không tìm thấy một vật gì độc lập riêng biệt, không liên quan đến mình, tìm không ra. Cũng có thể nói rằng, không có vật gì ngoài thể của chúng ta, tất cả và mình là một thể, quý vị nghĩ xem chúng ta có nên kính mến không? Người xưa nói là hiếu thuận. Nói về hai chữ “hiếu kính”, hai chữ này là cội rễ, cội rễ của đức. Hiếu đối với cha mẹ, kính đối với thầy giáo. “hiếu thân tôn sư” là cội rễ của mọi đức hạnh. Hiểu được đạo lý này rồi, sẽ mở rộng hiếu kính ra. Đem sự hiếu cha mẹ, kính thầy giáo của mình triển khai ra chính là hiếu kính biến pháp giới hư không giới, đây là hạnh của Bồ Tát Phổ Hiền. Bồ Tát Phổ Hiền không giống các vị Bồ Tát khác, cho nên trong Đại Kinh đức Phật dạy: Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền thì chẳng thể thành Phật, có nghĩa là không tu hạnh Phổ Hiền thì không thể thấy tánh. Hạnh Phổ Hiền có mười điều. Cảnh giới của ngài là gì? Là biến pháp giới hư không giới. Đối tượng của ngài chính là trùng trùng vô tận mà trong môn này nói. “lễ kính chư Phật”, chư Phật ở đây chẳng những riêng hàng hữu tình chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí”. Vô tình là hoa cỏ

cây cối, sơn hà đại địa, hiện tượng tự nhiên, thuộc về loài vô tình, cùng loài hữu tình đồng viên chung trí. Là một chặng phải hai, cùng với vũ trụ là một thể. Chúng ta hiểu tâm kính ý, đối với biến pháp giới hư không giới không hề sai biệt, đối với cha mẹ như thế nào, đối với tất cả mọi người đều như vậy, đối với thầy giáo như thế nào, đối với chúng sanh cũng như vậy, không thể có sự sai khác. Có phân biệt thì không phải là Bồ Tát Phổ Hiền rồi. Đối với con người như vậy, đối với con kiến con muỗi cũng như vậy, đối với hoa cỏ cây cối cũng như vậy, đối với sơn hà đại địa cũng như vậy. Đây gọi là Bồ Tát Phổ Hiền. Vì sao ngài làm được? Bởi ngài biết tất cả là một thể, cảnh giới ngài thân chứng. Tuy chúng ta chưa chứng được cảnh giới này, nhưng trong kinh điển đại thừa, chư Phật Như Lai khai thị, nói cho ta biết chân tướng sự thật này. Ngày nay chúng ta phải sửa đổi tâm mình, chỉnh đốn lại những khái niệm sai lầm ngày xưa. Theo truyền thống ngày xưa mà nói, truyền thống ngày xưa nói về Ngũ Luân, trong kinh điển đại thừa nói về Thập Huyền Môn. Ngũ Luân nói đến chỗ cứu cánh viên mãn, quan hệ vô cùng mật thiết! Hiểu tâm của chúng ta mới đạt đến chỗ cứu cánh. Phu tử hữu thân là thân yêu, quân thần hữu nghĩa là đạo nghĩa, đều có thể đạt đến chỗ cứu cánh viên mãn. Mở rộng ra là Ngũ Thường: nhân nghĩa lễ trí tín. Tứ Duy: Lễ nghĩa liêm sỉ. Bát Đức: Trung hiếu nhân ái tín nghĩa hòa bình. Những điều truyền thống của người xưa chỉ có bấy nhiêu đó thôi. Mỗi chữ mỗi điều, cảnh giới của nó đều là biến pháp giới hư không giới, con người thật sự giác ngộ. Ngày nay chúng ta gọi là từ trường, người xưa gọi là không khí, bầu không khí đó rất tốt, đều là chánh khí, đều là tánh đức, đầy đủ cái này chính là cảnh giới của chư Phật Bồ Tát, ít nhất là cảnh giới của cõi trời. Tất cả tà khí của yêu ma quỷ quái, không thể xâm nhập được, tự nhiên là không có. Tà khí của yêu ma quỷ quái tương phản với chánh khí, tà không thắng chánh. Tự nhiên nó ẩn đi, không dám hiện ra.

Chúng ta thấy xã hội ngày nay toàn là tà ác, từ trường của xã hội này không tốt, khiến cho con người sống trên thế gian này cảm thấy không an toàn, tâm không thể định được, luôn luôn thấy bất an, đó chính là từ trường không tốt. Nguyên nhân gì? Chúng ta đã làm mất đi chánh khí. Tâm chúng ta như thế nào? Tâm ta tự tư tự lợi, tổn người lợi mình, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham sân si mạn. Tập khí này quá dày, là tập khí xấu, hoàn toàn trái ngược với tánh đức.

Nếu có một số ít người, thậm chí là một người, là chánh khí, như Phật pháp nói, nơi họ ở, từ trường của phạm vi nhỏ này chắc chắn có khác. Tôi thấy từ trường của Chương Gia đại sư có khác, từ trường của Lý Bính Nam lão cư sĩ có khác, nhất là Chương Gia đại sư. Khi đại sư còn tại thế, nơi ngài ở là một căn phòng kiểu Nhật Bản, trước sau đều có vườn. Bước vào vườn của ngài, là cảm nhận ra ngay bầu không khí khác. Cảm thấy nơi đó hài hòa, an tường. Ngồi với đại sư, tuy không nói lời nào nhưng chẳng muốn đi. Vì sao? Vì muốn hưởng thụ từ trường của ngài. Từ trường đó từ đâu mà

có? Từ tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Kinh Vô Lượng Thọ gọi là từ trường của Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Ngồi ở đó quý vị sẽ sanh tâm hoan hỷ.

Trong Luận Ngũ Không phu tử nói: “học nhi thời tập chi bất diệc duyệt hồ”, hỷ duyệt đây! Sự hỷ duyệt đó không phải đến từ bên ngoài, cảm nhận được đức hạnh của bậc cao nhân, quý vị cảm nhận được. “học nhi thời tập chi”, ngày nay chúng ta nói học Phật, học Nho, học Đạo, mấy câu này mọi người đều đọc được, giảng được, nhưng chưa thực hành được. Hỏi quý vị, học điều gì? Điều này chẳng thể không biết, pháp của thế và xuất thế gian cũng có liên quan mật thiết với nhau, giống như mắt lưới vậy, chẳng có pháp nào không liên kết với nhau. Chánh và tà cũng liên kết với nhau. Ý niệm bất thiện khiến thiện biến thành tà pháp, cho nên dạy học vô cùng quan trọng. Dạy học là sao? Là đưa tà trở về chánh, chỉ có thế mà thôi, chuyển ác thành thiện, chuyển tà thành chánh, chuyển mê thành ngộ. Nền giáo dục mấy ngàn năm rồi, chỉ làm một việc như vậy, cho nên học là học luân lý, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức. Mấy ngàn năm rồi, người xưa đã trước tác rất nhiều, thời Càn Long thu thập thành một bộ Tứ Khố Toàn Thư. Trong Tứ Khố Toàn Thư giảng về điều gì? Không rời học thuật truyền thống, có nghĩa là không rời Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, rời điều này là tà giáo, không rời những điều này là chánh giáo. Tà chánh được phân ra từ đây.

Tập có nghĩa là làm được, đem những điều đã học được thực hành trong cuộc sống hàng ngày, thực hành trong công việc, bất luận làm nghề gì, thực hành trong cách đối nhân xử thế, đó chính là bậc thánh hiền quân tử. Quý vị đã làm được một cách viên mãn, chẳng những thực hành được sự mà lý cũng tương ứng, lý sự không hai, là bậc thánh nhân. Nếu lý không thấu triệt, chỉ biết một bộ phận chứ không thấu triệt, thực hành được sự là hiền nhân. Không hiểu lý nhưng hoàn toàn làm được sự là bậc quân tử. “Bất diệc duyệt hồ” đó là vui, đều có thể đạt được bất diệc duyệt hồ. Sự đạt được sâu cạn khác nhau. Quân tử đạt được hỷ duyệt, không bằng bậc hiền nhân, hỷ duyệt bậc hiền nhân đạt được không bằng bậc thánh nhân, trình độ không tương đồng.

Ba nền tảng văn hóa truyền thống, mọi người đều thừa nhận, thực hành được Đệ Tử Quy của đạo Nho, học Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của nhà Đạo. Vì sao? Vì giáo dục nhân quả. Trong đạo Phật có Ấn Quang đại thời cận đại, trong giới Phật giáo thời cận đại, mọi người đều ngưỡng mộ, tôn trọng ngài. Suốt cuộc đời ngài đặc biệt thúc đẩy việc giáo dục nhân quả. Chỉ định ba cuốn sách người học Phật chẳng thể không đọc. Ba cuốn sách đó là: Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Hội Biên, An Sĩ Toàn Thư. Một đời ngài cật lực tuyên dương. Vì sao? Ngài dạy, đây là Ngài dùng lời nói của Châu An Sĩ: “nhân nhân tín nhân quả, thiên hạ đại trị chi đạo dã, nhân nhân bất tín nhân quả, thiên hạ đại loạn chi đạo dã”. Vào thời ngài Ấn Quang đại sư, đã thấy được hiện tượng loạn của xã hội. Dùng cái gì để cứu? Dùng nhân quả! Luân lý đạo đức không thể cứu được. Vì

sao? Vì chẳng phải không có người hiểu được luân lý đạo đức, nhưng nếu hiện ra cảnh giới cao danh, trọng lợi, tâm họ sẽ thay đổi, không thẳng được sự cảm dỗ. Nhưng người hiểu được nhân quả họ sẽ sợ, những vinh dự và lợi dưỡng đạt được trước mắt, hưởng thụ được mấy ngày? Lai sanh phải làm sao? Nghĩ đến vấn đề này thì họ không dám nhận, không phải của mình nhất định không nhận, họ sẽ không tham danh trọng lợi. Cho nên người xưa nói rất hay, có tu dưỡng luân lý đạo đức, người này sĩ u tác ác, nghĩa là họ không làm ác, vì sao? Vì họ biết hổ thẹn, lễ nghĩa liêm sỉ, biết hổ thẹn nên không làm. Người hiểu được nhân quả không dám làm ác. Vì sao? Vì đằng sau có quả báo. Ở hành môn học tập Thập Thiện Nghiệp Đạo, mới thật sự đạt được viên mãn. Thập Thiện Nghiệp đạo chỉ có mười điều, quý vị nên biết, triển khai mười điều này ra là gì? Trong Đệ Tử Quy có 113 việc, đều không rời mười điều này. Mỗi câu mỗi chữ trong Cấm Ứng Thiên, cũng không rời mười điều này. Tiểu thừa triển khai ra là ba ngàn oai nghi. Quý vị xem, mười điều biến thành ba ngàn điều. Bồ Tát đại thừa càng nhiều hơn nữa, biến mười điều này thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Làm được tám vạn bốn ngàn điều này là ai? Là Phật đấy. Trong đại thừa giáo nói chư Phật Như Lai, pháp thân đại sĩ, các ngài đã làm được, không tìm thấy một khuyết điểm nào trong ngôn ngữ tạo tác, khởi tâm động niệm của họ. Chúng ta dùng một câu để miêu tả là thuần tịnh thuần thiện, đây là học đấy! Thật sự học như thế mới có pháp hỷ. “Học nhi thời tập chi” mới có hỷ duyệt, trong giáo pháp đại thừa gọi là pháp hỷ sung mãn. Sự hoan hỷ này không phải đến từ bên ngoài, mà từ tự tánh lưu xuất ra, pháp hỷ này là từ trường thù thắng nhất. Đối với con người mà nói, đây là dinh dưỡng tốt nhất. Ngạn ngữ có câu: “ nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng”, từ sáng đến tối hoan hỷ, sao có thể bệnh được? Cho thấy người này không ưu tư, không phiền não, ngày nay nói không bị áp lực. Vì sao? Vì người đó vô ngã, cho nên cũng không có đối lập. Trong tâm họ, không riêng con người mà cả sơn hà đại địa, đều là chư Phật Như Lai, đều là thanh tịnh pháp thân, thác sự hiển pháp. Sự sự giai thị, pháp pháp giai thị.

Đại Sớ nói: “lập tượng thụ tỳ”, đó là đưa ra ví dụ, trong thiên tông thầy giáo khảo học trò, học trò kiến tánh, tánh như thế nào? Một thái độ rất tự nhiên để diễn tả, thầy giáo gật đầu là thông qua. Vì sao? Ông kiến tánh, tánh ở đâu? Pháp nào không phải là tánh? Đưa một ngón tay cũng là biểu thị, nói không được. Họ cùng một cảnh giới giống nhau, một động tác nhỏ là hiểu được hết, không phải hiểu được ở hình tướng, mà hiểu được nhau ở ý niệm. Điều này lượng tử lực học ngày nay phát hiện ra, tùy tiện đưa ra một pháp, không pháp nào là chẳng phải, pháp pháp đều là nó, “xúc mục giai đạo”. Những điều này trong kinh Hoa Nghiêm nói.

Xem trong bản kinh này. *Bổn kinh, Bồ Đề Đạo Tràng Phẩm*. Đây là đoạn kinh văn trong phẩm thứ mười lăm. *Hựu kỳ đạo tràng hữu bồ đề thụ, phục do kiến bỉ thụ cố, hoạch tam trùng nhĩn. Nhất âm hưởng nhĩn, nhị nhu thuận nhĩn, tam giả vô sanh pháp nhĩn.*

Cây là vô tình, là thực vật. Ở thế giới tây phương cực lạc, tiếp xúc đến cây là khai ngộ, cây biết nói pháp, thấy sắc nghe âm đều có thể khai ngộ. Chúng tôi nói sơ qua về ba loại nhãn này. Tam nhãn là ba loại nhãn. Nguyên thứ 48 trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật dạy: “văn danh đắc nhãn”, nghe thấy danh hiệu của đức Phật A Di Đà là được ba loại nhãn, nguyên thứ 47 trong 48 nguyên:

Cử Thanh Văn giả đắc tam pháp nhãn chi nguyện, nhi ngôn đệ nhất pháp nhãn, đệ nhị pháp nhãn, đệ tam pháp nhãn”. Pháp nhãn ở đây là gì? Không nói ra. Vị cử kỳ pháp nhãn chi danh, nhân thị nhi chư sư chi giải bất đồng. Vì đức Phật không nói ra danh xưng của ba loại nhãn này. Sau này Pháp Vị, đây là tên của một vị pháp sư, trong Kinh Nhân Vương nói ra năm loại nhãn, tam nhãn là ba loại nhãn đầu, chính là Phục Nhãn, Tín Nhãn, Thuận Nhãn.

Cảnh Hưng, là pháp sư người Nhật, cho rằng trong Phục Nhãn có ba nhãn là thượng trung hạ. pháp sư Huyền Nhất nói là kinh văn ở đoạn sau, trong Bồ Đề Đạo Tràng Phẩm thứ mười lăm, nói về ba loại nhãn, ba loại nhãn là: âm hưởng nhãn, nhu thuận nhãn, vô sanh pháp nhãn. Ngài dùng kinh văn trong bốn kinh này để giải thích, đều có thể giảng thông được.

Vô Lượng Thọ Kinh vân, vãng sanh cực lạc chi nhân, văn thất bảo thụ lâm chi âm thanh nhi đắc tam chủng chi nhãn.

Đây chính là điều đạt được ở cây bồ đề, cây bồ đề có thể hiện sắc, cũng có thể hiện âm thanh, rất tự nhiên, mà còn tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng. Ở dưới cội bồ đề nói tôi muốn thấy thế giới Ta Bà, chỗ đó ngày xưa tôi từng ở, cội cây này sẽ giống như màn hình ti vi, lập tức quý vị thấy trạng thái ở thế giới Ta Bà. Quý vị muốn nghe giảng kinh, nghe âm nhạc, đều có thể tùy theo nguyện vọng của quý vị, mấy người ở chung một chỗ, tôi muốn nghe giảng kinh Vô Lượng Thọ, người kia muốn nghe kinh Hoa Nghiêm, tôi thật sự nghe thấy giảng kinh Vô Lượng Thọ, người kia nghe đang giảng kinh Hoa Nghiêm. Cực kỳ vi diệu, không hề nhiễu loạn nhau. Vật chất ở thế giới cực lạc đều biết thuyết pháp. Vì sao? Vì hằng thuận chúng sanh. Quý vị ở trong chánh điện nghe đức Phật A Di Đà nói pháp, mọi người nghe kinh rất quy củ, có sự bó buộc, nhưng cây thuyết pháp cho quý vị, quý vị rất tự nhiên, rất tự tại, không cần phải bó buộc như vậy. Quý vị xem thế giới đó như vậy đây.

Đoạn kinh này nói về ba loại nhãn. *Âm hưởng nhãn, do âm hưởng nhi ngộ giải chân lý giả.* Âm hưởng này có rất nhiều loại, có âm nhạc diễn tấu, nghe rồi bèn khai ngộ, có giảng kinh thuyết pháp, đều thuộc về âm hưởng. Thứ hai: *Nhu thuận nhãn, huệ tâm nhu nhuyễn.* Đây là tứ đức trong Hoàn Nguyên Quán, đức thứ ba trong tứ đức là nhu hòa chất trực, tâm con người nhu hòa, chân thành, sanh trí huệ không sanh phiền não, tự

nhiên tùy thuận chân lý, chân lý ở đây chính là tự tánh, tùy thuận tánh đức. *Vô sanh pháp nhẫn chúng vô sanh chi thật tánh nhi ly chư tướng giả*. Ly chư tướng nghĩa là không chấp tướng. Đối với tất cả hiện tượng trong vũ trụ, trong kinh Bát Nhã nói thật tướng của các pháp, người này nhận biết rõ. Có tánh không có tướng. Thật tánh, tánh là gì? Tánh là năng sanh năng hiện, tướng là sở sanh sở hiện. Tướng sở sanh sở hiện là có sanh có diệt, tánh năng sanh bất sanh bất diệt, cho nên trên tướng thấy tánh, gọi là vô sanh pháp nhẫn. Đây là ngộ đạo đến chỗ cuối cùng, vô sanh pháp nhẫn ở đây người ta thường gọi là thành Phật, là pháp thân Bồ Tát, phần chứng tức Phật.

Thiền Đạo đại sư cũng nói về ba nhẫn, theo truyền thuyết nói, Thiền Đạo đại sư là đức Phật A Di Đà tái lai, ngài sanh và triều đại nhà Đường, khi đó Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, không ít cao tăng đến TQ học tập, họ nhận hai vị thầy, một là Thiền Đạo đại sư, tu tịnh độ, hai là Trí Giả đại sư, học Pháp Hoa. Hai vị thầy này có học sinh người ngoại quốc rất đông, khi trở về nước họ thật sự thành tựu.

Thiền Đạo đại sư nói về ba nhẫn: thứ nhất là hỷ nhẫn, hoan hỷ. Nghĩa là người niệm A Di Đà mà sanh tâm hoan hỷ. Ngài nói rất dễ hiểu. Quý vị nghĩ thử xem, niệm Phật A Di Đà niệm đến chỗ tâm sanh hoan hỷ, chẳng những có cảm ứng, chắc chắn là “nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật”, niệm đến pháp hỷ sung mãn, được hỷ nhẫn. Đây là do công phu niệm Phật sâu hay cạn mà ra.

Thứ hai là ngộ nhẫn, là khai ngộ, nghĩa là niệm Phật A Di Đà mà ngộ giải chân lý. Chân lý chính là thật tướng của các pháp, niệm Phật mà khai ngộ. Vì sao? Niệm hết phiền não chẳng phải là khai ngộ sao? Ngày nay không ít người niệm Phật, vì sao không thể khai ngộ? Thứ nhất là tạp nhạp, không thuần công phu, tuy niệm Phật A Di Đà nhưng trong đó còn đầy vọng tưởng phân biệt chấp trước. Thứ hai là hoài nghi, lòng tin không đủ.

Đại Thế Chí Bồ Tát dạy trong niệm Phật cương yếu: “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”. Đô nhiếp lục căn là tam muội, không xem tạp, tịnh niệm tương tục, nếu không thu nhiếp lục căn, mắt phan duyên với sắc, tai phan duyên với thanh, lục căn phan duyên với cảnh giới lục trần, xen tạp trong việc niệm Phật, sẽ phá hoại toàn bộ công phu niệm Phật. Cho nên đô nhiếp lục căn nói đơn giản là thu nhiếp vọng niệm, có nghĩa là như vậy. Nhất tâm chuyên chú, gọi là tịnh niệm, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, tương tục là không gián đoạn, sẽ khai ngộ. Sau khi khai ngộ sẽ giống như Lục Tổ Huệ Năng, những bộ kinh chưa học qua, vừa nghe là hiểu, vừa thấy là biết rõ. Khai ngộ rồi mà!

Thứ ba là tín nhẫn, niệm Phật A Di Đà mà trụ ở chỗ chánh tín, chánh tín ở đây có nghĩa là tin tưởng mình chắc chắn được vãng sanh. Công phu đã thành tựu. Thiền Đạo đại sư giải Quán Kinh, đối với Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, có bộ chú giải tên là Tứ

Thiếp Sớ, phu nhân Vi Đề Hy đạt được vô sanh pháp nhẫn, Thiện Đạo đại sư nói chính là ba điều này: hỷ nhẫn, ngộ nhẫn, tín nhẫn.

Trong Tịnh Độ Văn Loại Hành Quyển có câu: “sau khi Khánh Hỷ được một niệm tương ưng, cùng Vi Đề Hy đạt được tam nhẫn”, đều là giải thích Quán Kinh. Khánh Hỷ là tôn giả A Nan, tôn giả A Nan niệm Phật, sau khi một niệm tương ưng, cùng phu nhân Vi Đề Hy đạt được tam nhẫn. Tam nhẫn này chính là hỷ nhẫn, ngộ nhẫn và tín nhẫn mà Thiện Đạo đại sư nói.

Còn một cách nói khác là nhẫn nhục ba la mật trong sáu ba la mật. Nhẫn nhục ba la mật có ba hình tượng, chúng ta cần nên học.

Thứ nhất *Nại oán hại nhẫn năng nại nhẫn hữu tình oán địch chi nào hại*. Hữu tình là con người, là oán thân trai chủ của chúng ta, những người này đến không nhất định phải có nhân duyên gì, họ hủy báng, nhục mạ, phá hoại, hãm hại, xem quý vị có nhẫn được không? Nếu không nhẫn được thì quý vị không tu Bồ Tát hạnh. Hại đến chỗ cùng, như đức Phật Thích Ca Mâu Ni tu hạnh nhẫn nhục ba la mật, gọi là Nhẫn Nhục Tiên, gặp vua Ca Lợi cắt xẻ thân ngài, tử hình ngài bằng cách từng xẻo, nghĩa là dùng dao cắt từng miếng thịt trên thân ngài cho đến chết, không phải chết liền. Vua Ca Lợi với tâm oán hận nghĩ rằng, ông nói ông tu nhẫn nhục, được, xem ông có nhẫn được hay không, dùng thủ đoạn này xử tử ngài, cắt đến lúc sắp chết vua hỏi ngài, ông có oán hận không? Đức Phật nói không oán hận, mà còn nói cho vua biết, sau này khi tôi thành Phật, người đầu tiên tôi độ là ông. Đức Phật nói là giữ lời. Sau khi thành Phật, người đầu tiên được độ thành A La Hán là tôn giả Kiều Trần Như, tiền thân ngài chính là vua Ca Lợi. Đây là mô phạm mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta thấy, không hề có mảy may oán hận, chẳng những không oán hận mà còn có lòng biết ơn. Vì sao? Vì họ đến kiểm tra xem mình nhẫn nhục đến trình độ nào, nếu tốt nghiệp sẽ thành Phật. Cho nên đức Phật Thích Ca thành Phật, là vị Phật thứ năm trong Hiền kiếp, sau đức Phật Di Lặc. Vì nhẫn nhục ba la mật viên mãn, nên Ngài thành Phật trước, thành Phật trước đức Phật Di Lặc, Phật Di Lặc thành Phật sau. Ngài thành Phật trước, quý vị nghĩ xem có nên cảm ơn vua Ca Lợi chăng? Cho nên chúng ta bị người khác đến hủy báng, mạ nhục, hãm hại, phải cảm ơn họ, không nên có chút oán hận nào. Họ đến kiểm tra, mình biết trình độ của mình nâng cao lên, nếu còn một chút chưa buông bỏ thì không được, phải thi lại từ đầu, một lần thi là đậu ngay, không cần phải thi lần thứ hai nữa, nhưng cảnh giới của quý vị không ngừng hướng thượng vươn lên, phải liên tục tham gia cuộc thi. Con đường giác ngộ này không phải thuận buồm xuôi gió. Nếu thật sự tu nhẫn nhục là thuận buồm xuôi gió. Việc tốt đây, không phải việc xấu đâu. Vấn đề ở chỗ quý vị dùng ánh mắt nào nhìn sự việc. Nếu quý vị dùng ánh mắt của người giác ngộ, đó là việc tốt. Nhân giả vô địch, nhân giả là Bồ Tát, Bồ tát đối với tất cả chúng sanh không có một đối địch nào. Bồ tát nhìn chúng sanh

đều là Phật Bồ Tát, như thế là đúng. Phật Bồ tát đến thử mình, các ngài thị hiện ra muôn vàn ác sự, tạo muôn vàn nghiệp tội cho quý vị xem, xem quý vị có chịu đựng nổi không? Có nhìn vào mắt không? Nếu nhìn không vào mắt thì không được, công phu còn kém xa lắm. Xã hội là một vũ đài lớn, ai ai cũng khảo quý vị, cũng kiểm tra quý vị. Cho nên 53 tham của Thiện Tài đồng tử, qua sự luyện tâm, 53 tham là xã hội hiện thực, nam nữ già trẻ, các hãng các nghiệp, có thiện có ác, đều cho quý vị xem hết, thông qua các cửa, lấy tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm cung kính mà đối đãi. Điều là chư Phật Như Lai thị hiện, cho nên một đời thành tựu viên mãn, đạo lý là như vậy. Thấy người này cũng không vào mắt, thấy người kia cũng không vào mắt, chẳng phải họ làm sai mà chính mình có vấn đề. Họ làm đúng đấy! Quý vị xem Thiện Tài đồng tử thấy những người làm ác, ngài cung kính cúng dường, không tán thán. Biểu diễn thiện thì ngài tán thán, biểu diễn trái ngược lại ngài không tán thán nhưng cung kính cúng dường, thỉnh giáo, không thiếu điều gì, ngài đang học tập mà. Nếu là thiện thì học theo, là bất thiện thì mình cần nên phản tỉnh. “Hữu tắc cải chi, vô tắc gia miễn”, tất cả đều là thiện tri thức. Phu Tử nói: “tam nhân hành, tất hữu ngã sư”. Tam nhân hành gồm có: một là chính mình, hai là người thiện, ba là người ác, hai người đó đều là thầy của mình, thành tựu chính mình.

Thứ ba: *Đế sát pháp nhãn, hựu vân vô sanh pháp nhãn, bất khởi nhãn đẳng, đế quán chân lý, nhi an trụ vô sanh chi lý giả.*

Giống như ý nghĩa vô sanh pháp nhãn ở đoạn trước, nghĩa là quý vị thấy tất cả pháp, thấy được tánh tướng, lý sự, nhân quả của tất cả pháp, không động tâm. Trong ba nhãn này, hai nhãn trước là nhãn nai, nhãn sau cùng là tín nhãn, hầu như không giống nhau. “nhưng ý nghĩa tâm bất động lại giống nhau”, câu này rất quan trọng, nghĩa là bất luận cảnh giới nào hiện tiền, cũng không phân biệt, không chấp trước. Hàng Bồ Tát địa vị cao, chứng được vô sanh pháp nhãn, các ngài không khởi tâm động niệm, gọi là vô sanh pháp nhãn. Không phân biệt, không chấp trước, vẫn còn thuộc về trình độ nhãn nai, đến khi không khởi tâm không động niệm, gọi là vô sanh pháp nhãn.

Kinh Hoa Nghiêm cũng nói về ba nhãn này, nhưng nói kỹ hơn một chút.

Thứ nhất: *Nại oán hại nhãn, vị nhân dĩ oán tắng độc hại nhi gia u ngã, tức năng an tâm nhân nại nhi vô phản báo chi tâm.* Nhất định không báo thù. Người xưa nói: “nghịch lai thuận thọ”, lại nói rằng: “hành hữu bất đắc phản cầu chư kỳ”, nhất định phải có lòng tin, người khác không có lỗi, lỗi ở nơi mình. Vì sao người đó không oán hận người khác mà oán hận chính mình? chắc chắn mình có lỗi, chắc chắn mình làm gì đó có lỗi với người, gặp việc như vậy nghiêm chỉnh phản tỉnh, tìm ra nguyên nhân, trừ bỏ nguyên nhân, vấn đề này sẽ được hóa giải, nhất định không có sung đột. Không nên cho rằng đối phương có lỗi, như thế là sai, hoàn toàn sai lầm. Đời này mình không mắc tội với họ, nhưng có thể đời trước. Trong luân hồi lục đạo, chúng ta tin rằng đã từng đi qua,

đòi trước kết oán, bây giờ gặp lại, họ không bỏ được tâm oán hận nên đến báo thù. Chúng ta học Phật hiểu được đạo lý này rồi phải nên chấp nhận, bị đánh không đáng trả, bị chửi không đáp lại, người ta chửi mình lắng nghe, họ chửi mệt rồi tự nhiên sẽ không chửi nữa, bản thân mình luôn luôn biểu hiện tâm chân thành, cung kính, không hề oán hận, thì oán kết này sẽ được hóa giải. Điều này rất quan trọng!

Thứ hai: *An thọ khổ nhẫn*. Ở đây đưa ra một ví dụ: *Vị tật bệnh thủy hỏa đao trượng đẳng chúng khổ sở bách tức năng an tâm nhẫn thọ điềm nhiên bất động*.

Đó là gì? Là nghiệp chướng, điều chỉnh tâm trạng của mình, thì những nghiệp chướng này đều được hóa giải. Những nghiệp chướng này là ý niệm bất thiện, ngôn ngữ bất thiện, hành vi bất thiện của chúng ta tạo thành. Không phải từ bên ngoài vô duyên vô cớ gán cho ta đâu.

Thứ ba: *Đế sát pháp nhẫn, vị thâm sát chư pháp thể tánh hư huyền, bốn vô sanh diệt tín giải chân thật tâm vô vọng động an nhiên nhẫn khả*.

Nhẫn ở đây có nghĩa là khẳng định, có nghĩa là đồng ý. Những đạo lý đức Phật dạy trong kinh, mình đồng ý, tiếp nhận, khẳng định, có nghĩa là như vậy. Có khi đức Phật giảng đạo lý thâm sâu, tuy ta không thể lý giải nhưng không hoài nghi, lâu ngày chày tháng sẽ hiểu được. Cho nên học kinh giáo, phương pháp người xưa dạy chúng ta là nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu, chắc chắn có lý. Trường thời huân tu nói lên rằng học một lần chắc chắn không đủ, được mấy người đọc một lần là khai ngộ? Có đấy, như ngài Huệ Năng một lần là khai ngộ ngay, người như vậy quá ít, điều này ta không học được, cho nên nhất định chúng ta phải lặp đi lặp lại.

Tôi có một thói quen đọc sách, những môn học quan trọng, ít nhất đọc mười lần, đây là tiêu chuẩn thông thường của tôi, đọc mười lần, nghe mười lần. Ngày xưa không có băng đĩa, không có những thứ này, nơi nào có giảng kinh thì tôi đến đó nghe, nghe càng nhiều càng tốt. Tôi nghe thầy Lý giảng môn Phật Học Khái Yếu, tôi đã nghe giảng 11 lần, mỗi lần mở lớp dạy môn này, tôi đều đến nghe, sau khi nghe 11 lần tôi đã giảng được, tôi giảng không cần nhìn sách. Không lặp lại không được đâu, nghe bộ kinh này ít nhất mười lần trở lên. Những bộ kinh quan trọng tôi nghe đi nghe lại khoảng 30 lần, mới thật sự lãnh hội được, nghe ít không được đâu. Cho nên học Phật không được lợi ích, không gì khác ngoài việc nghe quá ít, thời gian huân tập không đủ, thật sự huân tập thời gian dài tự nhiên sẽ hiểu được, tự nhiên sẽ tương ứng.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

TẬP 60

Chuyển ngữ: Tử Hà

Biên tập: Bình Minh

Giảng ngày: 17 tháng 06 năm 2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Các vị pháp sư, các vị đồng học, mời ngồi xuống. Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang năm mươi bảy, hàng thứ hai đếm từ dưới lên.

Đệ cửu: Thập thế cách pháp dị thành môn. Thử môn biểu diên xúc. Dĩ thượng bát môn hoành thị viên dung chi tướng, thử thị thụ thị thập thế giả quá hiện vị tam thế, mỗi thế hựu các hữu quá hiện vị tam thế u thị thành vi cửu thế, cửu thế hữ nhập, vi nhất tổng thế, tổng thế dữ tiên cửu tương hợp nhi vi thập thế.

Tám môn trước, dùng cách nói ngày nay, là nói về không gian, nói về tương ứng, vô ngại tương ứng, vô ngại tương dung, tương tức, nói về vi tế an lập. Tất cả đều nói về không gian. Chúng ta đã biết, biến pháp giới hư không giới là một thế, quan hệ của nó là một thế. Đứng về mặt thời gian mà nói, có quá khứ, hiện tại, vị lai, có phải cũng bao gồm trong đó chăng? Không sai! Vì sao? Thời gian và không gian, được sanh ra từ một niệm, nó cũng không thật có. Trong tự tánh không có thời gian và không gian, ở tám môn trước chúng ta đã lãnh hội được rồi.

Môn này nói về thời gian. Trong văn nói: “thử môn biểu diên xúc”, diên là thời gian dài, diên trường; xúc là ngắn, thời gian ngắn. Vô ngại nghĩa là không có dài ngắn, một niệm là vô lượng kiếp, vô lượng kiếp là thời gian dài, một niệm là thời gian ngắn. Vô lượng kiếp chính là một niệm. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: “niệm kiếp viên dung”, niệm là thời gian ngắn, kiếp là thời gian dài, viên dung, tự tại, không chướng ngại. Nếu hỏi rằng: đoạn phiền não thành Phật cần mất bao nhiêu thời gian? Đứng về lý mà nói là một niệm, một niệm giác ngộ, phàm phu thành Phật, một niệm mê Phật biến thành chúng sanh. Đức Phật có biến thành phàm phu chăng? Đức Phật không biến. Vì sao? Bởi đức Phật không mê, sau khi giác rồi không mê trở lại nữa. Đây là sự thật, không dối gạt đâu. Trong Đại Kinh rất rõ ràng, không phải đức Phật nói với chúng ta một lần, mà rất nhiều lần ngài nói với chúng ta. Chư Phật Bồ Tát vô cùng từ bi, thời thời khắc khắc nhắc nhở

chúng ta, khi nào chúng ta thật sự giác ngộ rồi. Thế nào là giác ngộ? Buông bỏ là giác ngộ, điều này cần nên biết, không buông bỏ là chưa giác ngộ. Khi chưa giác ngộ thì phải thường xuyên nhắc nhở quý vị.

Ngộ có hai là giải ngộ và chứng ngộ. Giải ngộ nghĩa là hiểu nhưng chưa làm được, chưa làm được có thật sự lý giải được hay không? Chương Gia đại sư nói với tôi rằng, chưa lý giải được! Không nên cho rằng mình đã giác ngộ, cho rằng mình đã giác ngộ, đây là sai lầm rất lớn. Thật sự buông bỏ rồi mới là giác ngộ. Đại sư đưa ra một ví dụ, khiến tôi hiểu được đạo lý này. Ngài nói, trên bàn phía bên này để một đồng tiền bằng đồng, bên kia để một đồng tiền bằng vàng, cho quý vị lấy một đồng, quý vị lấy đồng nào? Dĩ nhiên chúng ta lấy tiền bằng vàng, chứ ai lấy tiền bằng đồng. Đó là gì? Là đã giác ngộ, chắc chắn biết chọn, chọn được chính xác. Người không hiểu, không giác ngộ, họ thấy tiền bằng đồng cũng rất tốt, nhất là tiền đồng mới thì nhìn rất đẹp mắt, tiền bằng vàng mà cũ thì không đẹp bằng tiền đồng, quý vị lấy cái nào? Chúng ta hiểu được hàm nghĩa này, cho nên thật sự giác ngộ, sao quý vị không chọn chư Phật Bồ Tát? Chắc chắn quý vị sẽ về đó, chắc chắn quý vị sẽ chọn Thật Báo Trang Nghiêm độ, chứ không chọn lục đạo luân hồi đâu. Ở trong lục đạo thật sự giác ngộ rồi, chắc chắn sẽ chọn thế giới cực lạc, quý vị còn làm những việc ngốc đó nữa sao?

Quý vị xem, ở ngay trước mắt chúng ta, người niệm Phật vãng sanh, hiện ra điềm lành cho chúng ta thấy, người ta đã giác ngộ, giác ngộ điều gì? Buông bỏ vạn duyên. Sau khi giác ngộ thì như thế nào? Thật sự là một bộ kinh Vô Lượng Thọ, bốn chữ hồng danh, A Di Đà Phật, chứ không nói đến sáu chữ. Ngoài những thứ này ra, trong tâm họ trong sạch không có bất cứ thứ gì, không hề vướng mắc điều gì, ra đi vô cùng tiêu dao tự tại, thật sự đã vãng sanh, không hề giả dối tí nào. Những người sống ở gần đều nhìn thấy nhà người này phóng hào quang, và có mùi hương lạ. Tất cả những người này ở trong thời mạt pháp chứng minh cho ta thấy, họ thật sự đã giác ngộ. Người giác ngộ sẽ không còn làm việc ngu ngốc nữa, người giác ngộ sẽ không làm cho mình phiền phức, họ đã giác ngộ rồi. Người giác ngộ cũng không làm phiền đức Phật Thích Ca Mâu Ni nữa, chánh pháp cứu trụ thế gian. Chúng ta ngày nay từ chỗ giải ngộ, có giải ngộ, không thể đi đến chỗ giác ngộ, là vì chưa buông bỏ được tự tư tự lợi, danh văn lợi dưỡng, tham luyến ngũ dục lục trần không buông bỏ, tập khí phiền não tham sân si mạn không buông bỏ. Cho nên mặc dù nghe hiểu Đại Kinh, nhưng trong cuộc sống hàng ngày vẫn lấy phiền não làm nhà, chứ không lấy giác tánh làm nhà. Giác tánh là Bồ đề tâm, chúng ta dùng mười chữ để miêu tả tâm bồ đề, thì mọi người sẽ dễ hiểu: chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Thể của bồ đề tâm là chân thành, chân là vĩnh hằng bất biến. Trong vũ trụ cái gì vĩnh hằng bất biến? Chỉ có chân tâm vĩnh hằng bất biến. Chân tâm chính là bản tánh, là tự tánh. Trong Hoàn Nguyên Quán nói: “tự tánh thanh tịnh viên minh thể, vĩnh hằng

bất biến”. Thấy tánh là thấy điều gì? Thấy như vậy, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Ngày nay chúng ta biết được có tự tánh, nhưng không thấy tánh, cũng có nghĩa tự tánh không thể làm chủ. Tự tánh làm chủ, thì tập khí phiền não vừa quét là hết, không còn nữa, không còn vọng tưởng phân biệt chấp trước.

Đại từ đại bi, chư Phật Bồ Tát, Bồ Tát ở đây là chỉ cho pháp thân Bồ Tát, đại từ đại bi, ứng hóa trong mười pháp giới, chúng ta không nói đến pháp giới tứ thánh, ứng hóa trong lục đạo, ứng hóa trong nhân gian. “Tùy chúng sanh tâm”, nghĩa là hằng thuận chúng sanh, “ứng sở tri lượng”, chúng sanh mong điều gì, ngài đều có thể hiện ra điều đó. Tuy thị hiện nhưng không hề khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, đây gọi là diệu dụng. Hiện tướng đó để làm gì? Hiện tướng để độ chúng sanh, giúp chúng sanh giác ngộ, cho nên các ngài làm như vậy, khiến cho chúng sanh trên thế gian này nhìn thấy, họ sẽ tỉnh ngộ. Tập khí phiền não nặng, vừa mới tỉnh ngộ, nhưng lập tức lại mê, giống như khi ngủ, kêu thức dậy, vươn vai một tiếng, mắt không mở ra, lại ngủ tiếp. Chúng ta học Phật cũng như vậy, nghe kinh tụng được một chút, nhưng vẫn chưa thức dậy, chưa trở mình lại ngủ đi tiếp, có bao nhiêu người như vậy? quá nhiều! Được mấy người thức tỉnh ngồi dậy, đó là thật sự giác ngộ. Kêu thức dậy, miệng trả lời nhưng lại ngủ tiếp, như thế không được. Cho nên chư vị tổ sư dạy chúng ta, ngộ rồi khởi tu. Tín, giải, hành, chứng. Tin tưởng, lý giải, đây là giải ngộ. Ngộ rồi thì sao? Ngộ rồi mới tu hành. Tu điều gì? Phải giống như đoạn cuối của kinh Hoa Nghiêm, 53 tham của Thiện Tài đồng tử, trải sự luyện tâm, đây là chân tu.

Năm xưa thầy Phương giới thiệu cho tôi kinh Hoa Nghiêm, đặc biệt nhấn mạnh đoạn 53 tham này, thầy nói đây là trí huệ chân thật, không phải giả, không ở trong kinh sách, ở trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, thật sự đoạn tận tập khí phân biệt chấp trước. 53 tham là gì? Chính là những hiện tượng xã hội mà chúng ta tiếp xúc trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, nam nữ già trẻ, các hăng các nghiệp, mỗi ngày ta đều tham học. Quý vị có luyện công phu hay không? Thấy những hình tướng đó, ta luyện công phu gì? Luyện không chấp trước, không phân biệt, không khởi tâm, không động niệm, luyện cái này đây! Nếu thật sự không chấp trước, không chấp trước nghĩa là vô ngã, chắc chắn không tự tư tự lợi, chỉ cần có ngã là có chấp trước.

Đạt được quả A La Hán không đơn giản, tiêu chuẩn trong kinh Kim Cang, người này thật sự đạt được vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Trong kinh Kim Cang nói rất rõ ràng, đó là hạng người nào? Tu Đà Hoàn, bậc Tu Đà Hoàn cũng đang chia sẻ với chúng ta, họ chứng được quả Tu Đà Hoàn, nhưng không suy nghĩ rằng mình chứng được quả Tu Đà Hoàn. Vì sao? Bởi có suy nghĩ như vậy là chấp tướng, chấp tướng là giả chẳng phải chân, không chứng được. Thật sự chứng được

là không có dấu vết gì, tâm địa thanh tịnh, không hề có dấu vết. Cho nên bậc A La Hán đạt được điều gì? Đạt được tâm thanh tịnh. Trên đề kinh này nói “thanh tịnh bình đẳng giác”, họ đã đạt được thanh tịnh.

Nếu còn có ngã, là còn nhiễm ô. Ngã là gì? Là sự nhiễm ô của Mạt na trong A lại da thức, Mạt na là ý căn, là ý nhiễm ô. Chỉ cần có ngã, là có bốn đại phiền não tương tùy. Ngã ái, ngã si, ngã mạn, nghĩa là tham sân si. Tham sân si là tam độc câu sanh phiền não, quý vị nghĩ xem căn bệnh này sâu dày biết bao! Sau khi giác ngộ, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, đối với người, đối với việc, đối với vật không có tâm tham. Thuận cảnh không tham tâm, nghịch cảnh không sân hận, tiếp nhân xử vật không có tâm kiêu mạn, không còn tham sân si, bất luận sống nơi đâu cũng giữ tâm bình khí hòa, đối nhân xử thế tâm luôn từ bi. Tâm từ bi được lưu xuất ra từ tâm khiêm hạ, bản thân mình không khiêm nhường, không khiêm tốn, nơi đâu cũng không tôn trọng người, là không có tâm từ bi. Người xưa nói: “học vấn thâm thời ý khí bình”. Người thật sự có học vấn, có đức hạnh, họ không nóng giận, họ tuyệt đối không ép buộc người khác, rất tùy thuận và hòa hợp. Vì sao? Vì họ không có ngã chấp thì lấy đâu ra ngã sở! Ngã sở là gì? Là cái mình có. Họ không có tâm niệm này, ngã và ngã sở đều buông bỏ hết. Cho nên mới có thể chúng được quả vị A La Hán, chứng được quả A La Hán thì không còn lục đạo nữa, siêu việt lục đạo luân hồi, họ đến lục đạo để giáo hóa chúng sanh, cũng là để tu hành. Tu điều gì? Họ đã buông bỏ chấp trước, nhưng chưa buông bỏ phân biệt, vẫn còn tâm phân biệt. Phân biệt vi tế hơn chấp trước, tương chấp trước rất thô, họ chưa buông bỏ phân biệt, trong lục đạo tu ly phân biệt nhanh hơn trong pháp giới Tứ thánh. Như trong kinh Đức Phật dạy, chúng ta học tịnh độ, tu ở cõi này thù thắng hơn tu ở thế giới cực lạc. Tu ở cõi Ta Bà này một ngày, bằng một trăm ngày tu ở thế giới cực lạc. Vì sao? Bởi nơi đây sóng to gió lớn, thế giới cực lạc không có sóng gió, cho nên tiến bộ rất chậm, nơi này tiến độ rất nhanh, thành tựu nhanh, đọa lạc cũng nhanh. Cho nên mười phương sát độ, chẳng thể nói nơi nào tốt nơi nào xấu, không có tốt xấu. Tốt xấu không ở bên ngoài mà ở nơi chính mình. Nếu mình biết tu thì cảnh giới này rất tốt. Chúng ta ở thế giới này nếu thật sự dụng công tu hành, tương lai có thể vãng sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ. Nếu không thiện học, chẳng thật tu, ở nơi này tu tập là Phàm Thánh Đồng Cư độ, đến tây phương cực lạc, muốn tiến lên Thật Báo Trang Nghiêm độ, ít nhất phải trải qua mười kiếp nữa, thời gian dài như vậy. Nếu ở cõi này thật sự biết tu, mười mấy năm ở cõi này, siêu việt qua mười đại kiếp tu ở thế giới cực lạc. Vì sự cảm dỗ quá nhiều, việc tốt cũng có, việc xấu cũng có, ở nơi đây thật sự tu tập đạt được bất động tâm, không khởi tâm không động niệm, nhìn thấy được rõ ràng, phân minh, an nhiên bất động, quý vị đã thành công rồi.

Rõ ràng là trí huệ, liễu liễu phân minh là huệ, như như bất động là định, không khởi tâm không động niệm là bản định của tự tánh. Công phu như thế niệm Phật vãng sanh, sanh về Thật Báo Trang Nghiêm độ, chứ không phải Phương Tiện Hữu Dư độ.

Thật sự tu đến chỗ không phân biệt, không chấp trước, là sanh về Phương Tiện Hữu Du độ. Có đủ vọng tưởng phân biệt chấp trước, dùng câu niệm Phật đè nén không cho nó khởi hiện hành, gọi là công phu thành phiền, là đời nghiệp vãng sanh, sanh về Phàm Thánh Đồng Cư độ, điều này chúng ta phải hiểu rõ ràng, sau đó đối với thời gian diên xúc vô ngại, thật sự hiểu được rồi đấy. Cho nên nâng cao cảnh giới của mình, nên nương vào ai? Nương vào chính mình. Chư Phật Bồ Tát thị hiện và giáo hóa, đều bình đẳng.

Chư Phật Bồ Tát kỳ vọng điều gì ở chúng ta, quý vị nghĩ thử xem, chư Phật Bồ Tát kỳ vọng điều gì ở chúng ta? Có phải các ngài mong chúng ta học tập nghiêm chỉnh không? Chánh pháp được cứu trụ chăng? Đời này chúng ta có thể vãng sanh với phẩm vị cao chăng? Nói thiệt, những thứ này đều là vọng tưởng của hàng phàm phu chúng ta. Nếu chư Phật Bồ Tát kỳ vọng điều gì ở chúng ta, thì các ngài là phàm phu chứ chẳng phải chư Phật Bồ Tát. Vì sao vậy? Bởi các ngài đã khởi tâm động niệm, chẳng những khởi tâm động niệm mà còn phân biệt chấp trước, làm gì có lý như vậy! Ứng hóa ở thế gian này, các ngài đã thoái chuyển mất rồi, thoái chuyển nên giống như chúng ta. Chúng ta ngộ nhận rồi, các ngài không có như vậy.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, hàng ngày ngài giảng kinh thuyết pháp, sống cùng chúng ta cũng cười cười nói nói, nhưng thật sự ngài không hề khởi tâm động niệm. Ngài giỏi, giỏi ở điểm này đây. Chúng ta dùng từ trong Phật giáo mà nói, là niệm niệm tương ưng với tự tánh, ngài không tương ưng với phiền não. Khởi tâm động niệm là tương ưng với vô minh phiền não, phân biệt là tương ưng với trần sa phiền não, chấp trước là tương ưng với kiến tư phiền não, ngài hoàn toàn không có. Thật sự hiểu rõ đạo lý này rồi, quý vị mới biết phương pháp tu tập. Tu hành không rời cuộc sống, không rời nhân quần. 53 tham, nơi đâu cũng đi được. Lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, Thập Huyền Môn là nói về sự sự vô ngại. Không hề chướng ngại, tất cả đều giúp quý vị, thành tựu quý vị. Quý vị vừa tiếp xúc, tình trạng của mình như thế nào, đều hiển hiện hết trong đó, công phu sâu hay cạn lập tức hiện ra, đâu cần tìm đến chư vị tổ sư để ấn chứng? không cần thiết! Sự ấn chứng đó đều là biểu diễn thôi, biểu diễn cho người ta xem, nó không thật có. Thật là ở chỗ vô ngôn. Điều này chúng ta chẳng thể không biết.

“Dĩ thượng bát môn hoành thị viên dung chi tướng”. Hoành là hoành biến mười phương, là nói về không gian. “thử thị thụ thị, thụ cùng tam tế”. Thụ là nói về thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai. Tổng quán Huyền Môn, thời gian không gian là một chẳng phải hai, thời gian và không gian chẳng thể phân khai, là một chẳng phải hai. Trong không gian chẳng có chướng ngại, trong thời gian cũng không có chướng ngại, được đại tự tại.

“Thập thế”, sao gọi là thập thế? Nói về thời gian chúng ta đều biết, gồm quá khứ, hiện tại, vị lai, gọi là tam thế. Người xưa nói rất thực tế, đứng về sự tướng mà nói, 30 năm gọi là một thế. Quý vị xem chữ hán, chữ “thế” là 30, 30 năm gọi là một thế. Thời

xưa đa phần mỗi nhà đều có từ đường, trong từ đường có gia phả, bao nhiêu năm sửa gia phả một lần? 30 năm. 30 năm phải sửa gia phả một lần. Vì sao? Vì đời sau đưa trẻ ra đời, thêm tên của nó lên đó.

Đạo Phật nói cửu thế, giải thích cửu thế cách nào? Gồm tam thế: quá khứ, hiện tại, vị lai. Quá khứ có quá khứ quá khứ, quá khứ hiện tại, quá khứ vị lai, nghĩa là quá khứ có tam thế. Hiện tại có hiện tại quá khứ, hiện tại hiện tại, hiện tại vị lai, cũng có tam thế. Vị lai có vị lai quá khứ, vị lai hiện tại, vị lai vị lai, hợp lại gọi là cửu thế. Cửu thế hổ nhập, là một tổng thế, thêm vào tổng thế nữa là thập thế.

Quý vị xem đạo Phật chia thời gian thành thập thế, chúng ta không thể nghĩ ra. Thập thế cổ kim.

“Thử thập thế cách lịch chi pháp, đồng thời cụ túc hiển hiện thị viết cách pháp dị thành”. Giải thích danh từ, thế nào gọi là cách pháp dị thành? Hay quá, ở đoạn này đã giải thích cho chúng ta, “biệt dị chi pháp”, pháp của cửu thế là biệt dị, quá khứ không phải hiện tại, hiện tại không phải vị lai. Quá khứ quá khứ không phải quá khứ hiện tại. Đây là đứng về mặt thời gian mà nói. Nhưng thế nào? “câu thời thành tựu”, câu thời nghĩa là đồng thời, đồng thời thành tựu, cho nên gọi là “dị thành”, dị là cửu thế, thành là tương nhập. “Cụ túc hiển hiện”. Ở đoạn đầu tiên, đoạn đầu tiên của Thập Huyền Môn, đoạn thứ nhất là tổng tướng, nói về đồng thời cụ túc tương ứng môn. Chẳng những đồng thời mà đồng xứ. Bởi mỗi môn tiêu đề của nó là bảy chữ, tinh lược rồi, là “đồng thời đồng xứ cụ túc hiển hiện”.

Môn cuối cùng là tổng kết: “Chủ bản viên minh cụ đức môn”, đây là tổng kết. Dưới đây đưa ra một đoạn kinh văn:

Tán dịch Hoa Nghiêm Sơ Phát Tâm Công Đức Phẩm vân. Chúng ta thường gọi bộ này là Lục Thập Hoa Nghiêm, đây là bộ kinh được phiên dịch sớm nhất. Kinh văn truyền vào Trung Quốc khi đó, đều thiếu sót không đầy đủ, cho nên chỉ có ba vạn sáu ngàn bài tụng, toàn bộ Kinh Hoa Nghiêm là mười vạn bài tụng. Quý vị nghĩ xem chỉ có ba vạn sáu ngàn bài tụng, đại khái là một phần ba, kinh Hoa Nghiêm truyền vào Trung Quốc không được toàn bộ, truyền vào TQ gom góp lại chắc được một nửa. Bộ kinh này quá lớn, phân lượng rất nhiều, cho nên dễ bị thất lạc. Trong kinh có đoạn như thế này:

Tri vô lượng kiếp thị nhất niệm, tri nhất niệm tức vô lượng kiếp. Ở đây nói về niệm kiếp viên dung, cho nên thời gian và không gian, tánh chất của nó như thế nào? Pháp Tướng Tông nói rất rõ ràng. Kinh điển nhập môn của Pháp Tướng Tông là Bách Pháp Minh Môn Luận, bộ luận này do Thiên Thân Bồ Tát viết, căn cứ Du Già Sư Địa Luận, Du Già Sư Địa Luận do Bồ Tát Di Lặc viết. Du Già Sư Địa Luận quy nạp tất cả pháp thành 660 pháp. Thiên Thân Bồ Tát cảm thấy, đối với người sơ học mà nói thì con số này

quá lớn, phân lượng quá nhiều, không tiện cho việc học, ngài đã quy nạp 660 pháp này thành 100 pháp, tiện lợi cho hàng sơ học. 100 pháp triển khai ra chính là 660 pháp, 660 pháp triển khai ra chính là tất cả pháp trong vũ trụ này, cho nên 100 pháp do tất cả pháp quy nạp lại mà có. 100 pháp này lại chia ra làm 5 loại: Tâm pháp, tâm sở pháp, sắc pháp, bất tương ưng hành pháp, vô vi pháp. Cho nên gọi là năm vị bách pháp, nghĩa là phân làm năm loại. Trong năm loại này bốn loại trước tổng cộng có 94 pháp, đều là hữu vi pháp, hữu vi là có sanh có diệt. Sáu pháp sau thuộc về vô vi pháp, vô vi pháp nghĩa là quý vị không nhìn thấy nó có sanh diệt. Cho nên hư không cũng được liệt vào pháp vô vi, vô vi pháp có thể nói có chân vô vi, có tương tự vô vi, hư không thuộc về tương tự vô vi, chẳng phải là chân vô vi, chân vô vi chỉ có một là chân như, là tự tánh. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể, nó thật sự là vô vi pháp, không sanh diệt. Như vậy không gian và thời gian liệt vào pháp nào? Liệt vào hữu vi pháp và bất tương ưng hành pháp. Bất tương ưng có một hiện tượng như vậy: nó không tương ưng với tâm pháp, tâm pháp là bất thức, tám tâm vương. Nó cũng không tương ưng với tâm sở. Tâm sở này nếu dùng cách nói ngày nay, chính là hiện tượng tinh thần, nó không thuộc về hiện tượng tinh thần. Sắc pháp có 11. Sắc pháp là hiện tượng vật chất, nó không thuộc về vật chất, cũng không thuộc về tinh thần, nhưng nó từ trong tinh thần lưu xuất ra, lưu xuất ra không thuộc về nó, không phải cùng loại với nó, gọi là bất tương ưng hành pháp. Nếu dùng cách nói ngày nay thì đây gọi là khái niệm trừu tượng. Nó chẳng phải chân, là khái niệm trừu tượng. Cho nên trong bách pháp có thời phân, thời phân là thời gian. Ở đây nói là thập thế cổ kim, thuộc về thời phân. Không gian gọi là phương phân, không gian có bốn phương, tám phương, trên dưới. Trong Duy Thức thời gian và không gian, đều gọi là bất tương ưng hành pháp, khái niệm trừu tượng, không có thật. Từ đâu mà có? Đều từ một niệm sanh ra, vũ trụ từ một niệm sanh ra, các nhà khoa học ngày nay đang hứng thú với vấn đề này, từ từ mọi người cũng khẳng định rằng, thời gian của vũ trụ rất ngắn, do một niệm sanh ra. Lượng tử học ngày nay nói về vấn đề này, càng nói càng tiếp cận với Phật pháp. Cho nên vô lượng kiếp và một niệm không khác biệt. Vô lượng kiếp hiển hiện cách nào? Là do một niệm tích lũy lại, trên thực tế chỉ có một niệm. Đây là sự thật. Có quá khứ chăng? Không có! Có một niệm này, từ một niệm này mà có quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu đoạn mất một niệm này, một niệm ngừng lại thì không có quá khứ, hiện tại, vị lai. Thật sự giống như chúng ta xem phim, xem phim trên màn ảnh, những thứ hiện ra trên màn ảnh, là từng thước phim độc lập riêng biệt, máy chiếu chiếu vào màn hình, tốc độ của nó một giây có 24 thước phim, mỗi thước phim đều khác nhau. Bây giờ thấy những thứ hiện lên màn hình, chính là hình ảnh của thước phim này, nếu thước phim này hết, cũng không có quá khứ, cũng chẳng có vị lai, không hề có. Vì có thước phim này, nó tiếp tục không dứt, hiện tượng liên tục ở đó, quý vị thấy có quá khứ, có vị lai, nó là huyền tướng không có thật. Rồi một niệm này, vô lượng kiếp đều không có, lấy đâu ra vô lượng kiếp! Vì có một niệm mới có vô lượng kiếp, vì có vô lượng kiếp mới có một niệm. Chân tướng sự thật

này chúng ta phải biết. Sức mạnh của một niệm đó không thể nghĩ bàn, ngày nay nói là công năng, công năng của một niệm quá lớn.

Hoàn Nguyên Quán nói về ba loại châu biến, là một niệm đầy! Đầu tiên chúng ta cần nên biết, tinh thần và vật chất là một thể, quan niệm này vô cùng quan trọng, vũ trụ này là một thể, tôi ở trong vũ trụ, quý vị cũng ở trong vũ trụ, chúng ta đều là một sinh mạng thể cộng đồng. Chẳng riêng tôi và quý vị ở trong đó, mà tất cả con người đều ở trong đó, tất cả động vật đều ở trong đó, hàng thực vật như hoa cỏ cây cối cũng ở trong đó, sơn hà đại địa cũng ở trong đó, bao gồm vô lượng tinh cầu, và bao gồm nhiều không gian bất đồng duy thứ, đều ở trong một niệm, một niệm này thật ghê gớm! Cho nên ba loại châu biến, thứ nhất là châu biến pháp giới. Đó là gì? Là năng lượng đầy, thông tin châu biến pháp giới. Thứ hai là xuất sanh vô tận, quý vị có thể thấy được, nghe được, tiếp xúc được, tưởng tượng được, đều ở trong đó, vô lượng, vô số, vô tận, vô biên tế, chính là một niệm đó. Cho nên vũ trụ này từ một niệm mà có, tất cả là một thể cộng đồng. Một niệm này đoạn rồi thì tất cả đều không có, đoạn rồi là quy về tự tánh, dùng Bách Pháp Minh Môn mà nói là quay về với vô vi pháp, 94 pháp trước đều là pháp hữu vi, hữu vi pháp do A lại da làm chủ, do A lại da biết ra. Chuyên tám thức thành bốn trí nghĩa là quay trở về vô vi pháp.

Bốn trí là gì? Bốn trí chính là trí huệ đức tướng mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong kinh Hoa Nghiêm: tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ của Như Lai, đức tướng trí huệ của Như Lai biến thành bốn trí bồ đề. Nhưng bốn trí đó ra sao? Nó ẩn không hiển. Chính là điều khi đại sư Huệ Năng kiến tánh nói: “đâu ngờ tự tánh vốn tự đầy đủ”. Cho nên nó năng sanh vạn pháp, khi vạn pháp quay trở lại tự tánh thì nó không phải là vạn pháp nữa, đó nghĩa là vốn tự đầy đủ. Nó vốn tự đầy đủ nhưng là ẩn, chẳng thể nói là không có, nó không có gì hết nhưng chẳng thể nói nó không có. Năng sanh vạn pháp là hiển, hiển thị ra, hiển thị ra rồi lại chẳng thể nói nó có. Vì sao? Vì sát na sanh diệt, không có thật. Quý vị nhất định phải biết, khi có cũng chỉ giống như những thước phim hiện lên trên màn hình, có hay không? Có! Có thật chăng? Không có thật! Những hiện tượng hiện ra không chướng ngại tự tánh. Tự tánh là gì? Chúng ta dùng màn hình ví dụ cho tự tánh, màn hình không chướng ngại sự phát huy của hiện tượng, hiện tượng phát huy không chướng ngại sự như như bất động của màn hình. Trên màn hình thật sự không có gì hết, không có gì hết, từ những thước phim mà nhận ra được màn hình không có gì, tướng là giả, màn hình là chân. Chân giả cùng nhau, chân vọng không hai, vọng không chướng ngại chân, chân không chướng ngại vọng, không hề chướng ngại. Chúng ta học được điều này thì gọi là chân tu.

Chư Phật Bồ Tát thị hiện, hiện tướng, cũng ở trong đây, trong mười pháp giới, trong nhân gian. Chúng sanh trong mười pháp giới, đều thuộc về thân nghiệp báo. Vì sao

xuất hiện cảnh giới này? Cảnh giới này chẳng phải do người khác tạo ra, không liên quan gì đến chư Phật Bồ Tát, thượng đế vân vân, mà do nghiệp lực của mình biến hiện ra. Y chánh trang nghiêm trong mười pháp giới, đều do nghiệp lực của mình biến hiện ra. Sau khi hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, ta phải có trách nhiệm với chính mình. Cuộc sống sinh hoạt trong đời này của ta hạnh phúc hay đau khổ, không hề liên quan gì đến người khác. Vì sao? Ai làm chủ tể? Ý niệm của mình làm chủ tể, cũng có nghĩa là chúng ta khởi tâm động niệm, ý niệm của ta bất thiện, thì đến thế gian này ta phải chịu khổ chịu nạn. Tâm địa ta lương thiện, không hề có ác ý, đến thế gian này là để hưởng phước, không có điều gì chẳng phải mình làm mình chịu, phải hiểu đạo lý này, không liên quan gì đến người khác. Nói cách khác, quý vị cầu xin ai giúp đỡ, người giúp đều có hạn. Cầu Phật Bồ Tát giúp, Phật Bồ Tát che chở, các ngài có làm được chăng? Nếu làm được, những thống khổ của chúng ta ngày nay, các ngài không hóa giải cho ta, thì tâm đại từ đại bi của các ngài ở đâu? Chẳng phải là giả sao? Từ bi đó chẳng phải khẩu hiệu suông sao? Cho nên phải biết rằng chư Phật Bồ Tát không giúp được. Chư Phật Bồ Tát giúp cho ta tương đối có hạn, thật sự làm chủ tể là chính mình, mình chịu giúp mình, thì chư Phật Bồ Tát sẽ giúp được, các ngài mới giúp được ta. Tịnh tông nói, đức Phật A Di Đà quá tuyệt vời, là vua trong chư Phật, “quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”, đây là câu chư Phật tán thán đức Phật A Di Đà, tán thán hay quá! Ngài giúp chúng ta được chăng? Được! Đời nghiệp vãng sanh chính là điều ngài giúp chúng ta, vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc, công phu niệm Phật của ta thật sự có công phu, khi ngài đến tiếp dẫn, hào quang của đức Phật chiếu đến ta trước, hào quang chiếu đến nghiệp chướng của ta tiêu trừ, chẳng phải tiêu trừ hết. Ví dụ như mình đoạn một phẩm phiền não, hào quang của Phật chiếu đến, bèn biến thành đoạn hai phẩm, ngài chỉ có thể giúp được một phẩm. Nếu như ta đoạn được năm phẩm phiền não, hào quang chiếu đến, thêm được năm phẩm nữa, mười phần phiền não của ta được đoạn tận, là tương đối mà. Quý vị có bao nhiêu công phu, ngài có thể giúp cho quý vị tiến lên, bản thân quý vị không có, ngài sẽ chẳng có cách nào giúp quý vị, nếu như bản thân mình không có công phu gì hết, mà ngài có thể giúp được, thì chúng ta đã được ngài độ hết rồi, không cần tu, không cần niệm Phật nữa, như thế mới là từ bi chứ. Quý vị nghĩ xem, vẫn phải nương vào chính mình. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ở thế gian này, ngài gia hộ cho chúng ta điều gì? Giảng kinh thuyết pháp. Đúng vậy, chư Phật Bồ Tát chỉ bảo cho chúng ta, cũng giống như trong lớp học thầy giáo dạy chúng ta vậy, cùng một đạo lý thôi. Thầy giáo dạy, bản thân ta không nghiêm chỉnh học tập, thì không được gì hết. Thầy giáo dạy, chúng ta nghe hiểu rồi, thật sự tin tưởng, y giáo phụng hành, thì sẽ đạt được. Thầy giáo chỉ làm được việc khai thị, còn ngộ nhập là việc của chính mình. Khai có nghĩa là khai khởi, là khai phát; thị là thị hiện, là biểu diễn cho mình xem. Khai là ngôn giáo, thị là thân giáo, thầy giáo miệng nói thân làm cho quý vị xem, thầy giáo chỉ làm được đến bước này, học sinh phải ngộ, xem rồi phải giác ngộ, ngộ rồi phải học theo thầy, phải hành, hành mới có thể nhập vào được.

Cho nên ngộ nhập là việc của học trò, thầy giáo không thể giúp gì được. Quý vị phải ngộ, ngộ rồi mới nhập được cảnh giới này, khai thị ngộ nhập. Học trò ngộ nhập cách nào? Có bốn chữ thuộc về học trò là tín, giải, hành, chứng. Tín, giải, hành là ngộ, chứng là nhập, trong hành có nhập, chứng là nhập được viên mãn. Cho nên học trò ngộ là tín giải, năng tín năng giải, là ngộ, ngộ nhập, khai thị ngộ nhập. Ân đức của thầy giáo và ân đức của cha mẹ bằng nhau. Thân chúng ta có được từ cha mẹ, ân dưỡng dục, thầy giáo là ân dạy dỗ. Chúng ta phải hiểu thảo cha mẹ, tôn kính thầy giáo, hiểu thân tôn sư, đây là đức lớn, là nền tảng của tất cả mọi đức hạnh, người xưa rất chú trọng vấn đề này, rất chú trọng hiểu đạo và sư đạo.

Ngày xưa làm thầy giáo rất vất vả, cuộc sống của thầy giáo không giàu có, không như trường học quốc lập ngày nay, lương tháng của thầy giáo có sự ưu đãi, sau khi nghỉ hưu rồi còn được lãnh lương hưu, thầy giáo ngày xưa không có ai chiếu cố đến. Thầy dạy học không thu học phí, không định đoạt học phí, Khổng Phu tử làm bậc mô phạm cho chúng ta, tiếp nhận sự cúng dường của các bậc phụ huynh, tùy duyên, không bắt buộc. Phụ huynh giàu có, tặng nhiều một chút, cúng dường nhiều một chút, gia đình phụ huynh nghèo khó thì học phí hoàn toàn miễn, đôi khi thầy giáo có dư lại giúp cho học trò. Cho nên từ xưa tới nay, trong xã hội có hai hạng người được mọi người tôn kính nhất, một là thầy giáo, suốt đời làm công việc dạy học, thứ hai là bác sỹ, bác sỹ là cứu người, không phải họ kiếm tiền mà là họ cứu người, nhất định phải chữa khỏi bệnh và cứu sống lại, sau khi hồi phục trở lại bình thường, đem chút lễ vật nhỏ biếu cho bác sỹ, đều là tùy tâm tùy lực, khác hẳn với thời nay, ngày nay hoàn toàn biến thành hành vi thương nghiệp rồi. Cho nên vào thời xưa hai hạng người này, sống trong xã hội đều rất thanh đạm, cuộc sống vật chất không giàu có, nhưng được người tôn kính nhất, họ là người cứu người, cứu đời. Nếu quý vị xem qua cổ lễ thì sẽ hiểu được việc này.

Cho nên chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, sẽ biết phải nương vào chính mình. Nương vào chính mình được chăng? Chắc chắn là được! Thật sự hiểu rõ đạo lý, thật sự giác ngộ, vì sao? Vì trong tự tánh có trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn và trí huệ viên mãn, tướng hảo theo cách nói của thế tục ngày ngày gọi là phước báo, không thiếu thôn điều gì.

Vì sao phải minh tâm kiến tánh? Thấy tánh rồi sẽ đạt được hết, quý vị xem, trí huệ khai, thành tựu đức, thành tựu tướng hảo.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện cho chúng ta thấy, ngày nay ta hiểu được, ý niệm có thể chuyển biến tất cả, năng lực của ý niệm rất lớn, ý niệm là chủ tạo vật. Mình từ đâu đến? ai tạo ra mình? ý niệm tạo đó. Ý niệm của mình tạo thành nhân sinh của mình. Nếu ý niệm này là thuần tịnh thuần thiện, thì quý vị thật sự thành Phật rồi. Lợi ích thứ nhất: thân tâm khỏe mạnh, không bệnh tật, già mà không suy, lớn tuổi, sống đến 1-2

trăm tuổi, vẫn còn giống như người trẻ, đây là phúc báo, từ đâu mà có? Tự mình tạo nên. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp, quý vị học được thì có thể tạo ra như vậy. Tôi đã từng nói rất nhiều lần, nếu quý vị thật sự biết học Phật, những đạo lý trong kinh đức Phật nói, hiểu rõ, ứng dụng được phương pháp đó, học Phật năm nào, quý vị sẽ vĩnh viễn duy trì được trạng thái đó, năm 30 tuổi học Phật, thì năm nào của quý vị cũng là 30 tuổi, sống đến 100 tuổi cũng vẫn là 30 tuổi. Năm 20 tuổi quý vị học Phật, sống đến 100 tuổi vẫn là 20 tuổi, quý vị duy trì được, nếu không duy trì được thì niệm lực này chẳng hay gì, niệm lực có thể tạo nên vũ trụ. Nếu thân mình vẫn chưa được tự tại, vẫn còn chướng ngại, thì sao được? sao có thể nói được? Đức Phật thành Phật cách nào? Nương vào ý niệm, thuần tịnh thuần thiện. Đức Phật dạy nếu chúng ta muốn mạnh khỏe sống lâu, cuộc sống vật chất cũng được tự tại. “Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”, đây là câu khi bắt đầu học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi, nhưng ngài nói rất rõ ràng, “hữu cầu tất ứng”, phải cầu như lý như pháp, nếu không hợp lý, không hợp pháp, thì không có cảm ứng. Như lý như pháp, lý là tánh đức, pháp là phương pháp tương ứng với tánh đức, cầu tài, tài từ đâu có? Đây là những điều Chương Gia đại sư dạy tôi năm xưa, tài có được từ tài bố thí. Chúng ta thấy xã hội ngày nay, nhiều người tiền của có cả ức vạn, số người này có của, vì sao họ có? Trong đời quá khứ họ hoan hỷ tu tài bố thí, đời này họ được giàu có. Vì sao đời này bần cùng, đời quá khứ không tu tài bố thí, không chịu tu, số không có của. Bất luận làm nghề gì, đều không kiếm ra tiền, số không có tiền. Số không có, bây giờ mình tu nhân được chăng? Được! bây giờ hiểu rồi, bèn tu tài bố thí, hoan hỷ bố thí, đầu tiên phải có tâm hoan hỷ bố thí, hoan hỷ giúp cho những người cần tiền, quý vị hoan hỷ giúp họ, càng bố thí càng nhiều, thật sự không sai tí nào. Đại sư dạy tôi phương pháp, tôi sử dụng đến nay là 59 năm rồi, đúng là càng bố thí càng nhiều, càng nhiều càng bố thí, nguồn tiền của quý vị sẽ không bao giờ hết. Giống như thủy triều vậy, tuyệt đối không được giữ ở đó, giữ là hư mất, là biến thành nước chết rồi, nước chết không lưu thông được, tài của quý vị sẽ có hạn, bên này đến, bên kia đi, cho nên tài còn gọi là thông hóa, nó phải lưu thông, dùng mãi không hết, tự tại biết bao!

Người thông minh trí huệ là tu pháp bố thí, người mạnh khỏe sống lâu là tu bố thí vô úy. Vô úy nghĩa là khi thấy chúng sanh gặp khó khăn, khi bất an, khi lo sợ, quý vị giúp cho họ, hóa giải nỗi lo sợ và ưu tư của họ, những việc này đều thuộc về bố thí vô úy. Đặc biệt là ẩm thực của ta, Phật giáo TQ đề xướng ăn chay, điều này thuộc về bố thí vô úy. Khiến cho tất cả chúng sanh nhìn thấy mình nó không sanh tâm sợ hãi, chúng ta sẽ bảo hộ nó, để nó được sự an ổn. Thật sự phát tâm chăm lo người già, hiếu thảo cha mẹ, người ngang tuổi cha mẹ mình, phải chăm sóc họ giống như cha mẹ mình vậy. Đây chính là con đường mạnh khỏe sống lâu. Ngày nay ba thứ này ai cũng ngưỡng mộ, ai cũng muốn có, nhưng họ không chịu tu nhân, nên không thể đạt được, cho nên nếu quý vị muốn có được, thì phải thật tu. Xả tài được tài, cho nên “xả đắc” là câu thuật ngữ trong nhà Phật, xả

càng nhiều, càng đặc nhiều. Nhưng “xả đặc” có hai nghĩa, thứ nhất xả nhất định có đặc, ý nghĩa thứ hai là xả đặc, nghĩa là những thứ đặc được cũng phải xả đi, không được giữ lại, nếu giữ lại rất có hạn, chỉ được bấy nhiêu đó thôi. Nếu những điều đặc được cũng xả bỏ, thì đạt được càng nhiều hơn, không có giới hạn. Đây là điều đức Phật dạy chúng ta, con đường sanh tài, con đường dưỡng sanh. Tu từ đâu? Nhất định phải tu từ nền tảng căn bản, như cây cối phải có rễ, rễ phải sâu, thâm căn đế cố, tiền đề phát triển sau này của quý vị là vô lượng vô biên. Đây là đạo lý nhất định. Căn bản là gì? Thực tế mà nói căn bản chính là hiếu kính. Tất cả đức hạnh của thế và xuất thế gian, đều xuất phát từ đây, đều được sinh ra từ đây. Ngũ luân, ngũ thường, tứ duy, bát đức ở TQ, đều lấy hiếu kính làm nòng cốt.

Đức Phật dạy chúng ta tịnh nghiệp tam phước, là tổng đại cương trong giáo pháp đại thừa, là nguyên tắc chỉ đạo tối cao, khai tông minh nghĩa, “hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”, hai câu này bày ở trước mặt, là rễ đó, đại căn đại bản. Phải thực hành hai chữ hiếu kính này thế nào đây? Phương pháp rất nhiều, đức Phật nói rất nhiều trong kinh điển. Chư Bồ Tát học rất giỏi, đem Thập Thiện triển khai ra thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh, thật sự thực hành Thập Thiện đến chỗ vô vi bất chí, làm đến chỗ viên mãn thật sự, người này đã thành Phật.

Đoạn đầu chúng tôi nói rằng, Thập Thiện triển khai ra là Đệ Tử Quy, là Cảm Ứng Thiên, chúng ta thật sự thực hành được Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên rồi, thực hành trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, thực hành trong cách đối nhân xử thế, thì quý vị sẽ có cội rễ. Đứng về mặt thế pháp mà nói, đó là cội rễ của thánh hiền, đứng về mặt Phật pháp mà nói là cội rễ của chư Phật Bồ Tát, phải thật sự thực hành mới được. Thật sự làm được rồi, người đời tôn xưng quý vị là thiện nhân quân tử, trong pháp xuất thế gian quý vị là thiện tri thức chân chánh. Trong kinh nói: “thiện nam tử thiện nữ nhân”, quý vị giống như Bồ Tát, ở bất cứ nơi đâu cũng đều khiến cho chúng sanh sanh tâm hoan hỷ, ngày nay chúng ta gọi là người rất có duyên, đạo Phật gọi là pháp duyên thù thắng.

Giữa con người với con người đối xử cách nào? Đức Thế Tôn dạy chúng ta tứ pháp, đối xử giữa con người với con người có Tứ Nhiếp Pháp, giống như ngày nay nói pháp đối xử nơi công cộng. Tứ Nhiếp Pháp, thứ nhất là Bố Thí, thông thường nói là kết duyên, bố thí ở đây không giống ý nghĩa bố thí trong lục độ. Bố thí trong lục độ là đoạn phiền não, bố thí đi tâm xan tham bôn sèn, nó có ý nghĩa như vậy. Bố Thí trong Tứ Nhiếp Pháp, ngày nay gọi là tặng quà, mời đi ăn, “lễ nhiều người không trách” mà, đây là thủ đoạn đầu tiên khi kiến lập mối quan hệ với người khác, rất quan trọng, nếu quý vị thường xuyên tặng quà, thường xuyên mời đi ăn, thì mối quan hệ sẽ rất tốt.

Thứ hai là Ái Ngữ, biết được mối quan hệ giữa con người với con người, quan trọng nhất là giao lưu, ngày nay người ta gọi là giao lưu, có nghĩa là đối đãi chân thành,

cần nên vì đối phương nhiều hơn, không nên chỉ biết mình. Nếu quý vị biết nghĩ đến đối phương, đây là Ái Ngữ chân chánh, nghĩa là nghĩ cho đối phương, nếu đối phương có lỗi, ta phải biết khuyên răn, trong đây có phương tiện thiện xảo. Tất cả mọi việc làm của mình là phục vụ cho chúng sanh, dĩ nhiên là những đối tượng mà mình tiếp đón, nghĩa là những đối tượng mình phục vụ.

Cuối cùng là Đồng Sự, điều này Bồ Tát mới có thể làm được, chúng ta chẳng phải là Bồ Tát, không phải Bồ Tát, nên việc Đồng Sự này chỉ có thể nói là đồng học, chúng ta cùng nhau hướng đến Chư Phật Bồ Tát học tập, hướng về các vị thánh hiền mà học tập, như thế là đúng. Đồng Sự thật sự của Bồ Tát, chúng ta thấy được trong 53 tham, nhưng không thể học theo, không học được, học theo như thế sẽ bị lạc hướng, sẽ đọa lạc. Cho nên trong Tứ Nhiếp Pháp, ta chỉ làm được ba điều trước gồm, bố thí, ái ngữ, lợi hành. Cùng học tập với thánh hiền, cùng học tập với chư Phật Bồ Tát thì không có vấn đề gì, đây là tiếp dẫn chúng sanh. Nếu chúng ta sống với mọi người được hài hòa, người đời gọi là tương thân tương ái, hỗ trợ hợp tác điều này rất quan trọng. Nhất định phải học tập tôn trọng mọi người một cách chân thật, bản thân mình khiêm hạ, tôn trọng người, quan tâm đến người, chăm lo mọi người, giúp đỡ mọi người, điều này vô cùng quan trọng. Nhất là những khi người khác có nhu cầu cần giúp đỡ, khi họ gặp khó khăn, ta phải giúp đỡ, giúp một cách chân thành, không có ý niệm tự lợi, không có ý yêu cầu người khác phải báo đáp, như thế mới là tâm chân thành, Chúng ta đối xử tốt với người, để hy vọng sau này người cũng đối xử tốt với mình là sai lầm, không có ý niệm như vậy, chỉ đưa ra, không cầu báo đáp. Vì sao? Vì tất cả chúng sanh với ta là một thể, cho nên Kiến hòa đồng giải rất quan trọng, đây mới là nền tảng chân chánh, đó là nhất thể, nó còn thân thiết hơn một gia đình nữa.

Đoạn văn dưới đây, trong phẩm Hạnh Nguyện nói: “*Tận nhiệt thiết kiếp vi nhất niệm, ngã u nhất niệm kiến tam thế, giai hiển diên xúc đồng thời tam tế nhất như chi nghĩa.*”

“Diên” là thời gian dài, “xúc” là thời gian ngắn, là một niệm, tam tế nghĩa là ba đời, quá khứ, hiện tại, vị lai.

Cổ Đại Sớ viết, nhược nhất tịch chi mộng, cao tường bách niên. Điều này giống như Huỳnh Lương Mộng mà người xưa nói, đây là một bài văn trong tiểu thuyết truyền kỳ, bài văn này có trong quốc văn ngày xưa, trong cuốn quốc văn của trung học đều có, những người cỡ tuổi tôi hầu như đều học qua. Đây là một bài ngụ ngôn, tường thuật về một cậu tú tài, nặng tâm danh lợi, ở trong Đạo Quán, ngồi nghỉ và ngủ gật, Lão đạo ngồi thiền ở bên cạnh, một bên đang nấu chút thức ăn, nghĩa là nấu huỳnh lương, là gạo cao lương, gạo nhỏ. Khi cậu ta tỉnh mộng, ở trong mộng đã mấy chục năm rồi, nằm mộng thấy đi thi, thi đậu, sau này đậu Trạng Nguyên và ra làm quan. Người thích thì đến báo

ân, người không thích lại đến báo thù, cuối cùng khi lớn tuổi thì cáo già mà trở về quê. Khi tỉnh mộng thức dậy, huỳnh lương nấu vẫn chưa chín.

Ở đây nói lên thời gian rất ngắn, ở trong mộng tỉnh dậy đã mấy chục năm rồi, nhân sinh như mộng! Tình hình thực tế cũng rất mơ hồ. Năm xưa khi chúng tôi mới học Phật, còn rất trẻ, chớp mắt đã mấy chục năm qua rồi, thật sự giống như khảy móng tay. Ngày xưa khi tôi đến Hongkong, hai vị mời tôi, một vị là người xuất gia, vị kia là người tại gia, vị xuất gia là pháp sư Thánh Hoài, hai vị đó đến nay đều không còn nữa. Vào thời đó thỉnh chúng đến nghe tôi giảng kinh, có rất nhiều pháp sư, ngồi hàng đầu tiên toàn là pháp sư, hầu như đến nay đều không còn nữa, nhân sinh khổ đoản, mới ba mươi mấy năm, còn nhớ hình như khi đó tôi năm mươi tuổi, đến Hongkong giảng kinh, đó là năm 1977, năm đó tôi 50 hoặc 51 tuổi. Thời gian qua đi nhanh quá, nói 100 tuổi, ngày nay chúng ta cảm thấy 100 tuổi quá ngắn, một khảy móng tay mà thôi, không dài đâu.

“Bổn kinh chi trung diệc đa hiển thử”. Bổn kinh ở đây chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ, cũng có đoạn kinh như vậy: “Nhu Đại Giáo Duyên Khởi Phẩm”, trong đó có câu kinh nói rằng: “ năng ư niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp”. Niệm khoảnh nghĩa là một niệm, một niệm có thể kéo dài đến vô lượng kiếp, vô lượng ức kiếp, đây là lời nói chân thật, chỉ cần hiện tượng ba động không gián đoạn. Ý niệm sanh diệt không trụ, niệm niệm không trụ, niệm trước diệt niệm sau sanh. Niệm sau sanh cách nào? Niệm trước, không có niệm trước lấy đâu ra niệm sau? Niệm kiếp viên dung, đây là nói lời chân thật, tất cả chúng sanh và chư Phật Như Lai cũng không ngoại lệ, sống trong hiện tại, đây mới là chân tướng sự thật.

Kinh Kim Cang nói tam tâm bất khả đắc, ý nghĩa đó rất thâm sâu: Tâm quá khứ bất khả đắc, quá khứ đã qua rồi, không thể tìm lại được nữa. Tâm hiện tại bất khả đắc, nói hiện tại, hiện tại đã thành quá khứ rồi. Tâm vị lai còn ở vị lai vẫn chưa đến. Những điều này đều nói về thời gian, thời gian là một khái niệm, chúng ta hiểu và biết ứng dụng nó, quý vị sẽ không có tâm gấp gáp. Công phu của mình đến khi nào mới được thành tựu đây? Mình cầu vãng sanh, trong đời này có thể được vãng sanh chăng? Sau khi quý vị hiểu rõ về thời gian rồi, sẽ buông bỏ ý niệm có thể được vãng sanh hay không. Nguyên thứ 18 trong 48 nguyện của đức Phật A Di Đà đã nói rất hay: Khi lâm mạng chung thời, niệm cuối cùng cầu sanh tịnh độ, thì chắc chắn được vãng sanh. Chúng ta nên học cách nào đây? Xem niệm hiện tại đây coi như là niệm cuối cùng, niệm niệm đều cầu vãng sanh như thế, đâu có lý chẳng vãng sanh! Những người niệm Phật được vãng sanh kia đều theo đạo lý này. Không nên chờ đợi, nghĩ rằng còn lâu lắm, trước mắt không cần gấp, đến khi lâm mạng chung hãy niệm! Như thế là sai lầm, phải ở ngay đây. Người thật sự biết dụng công, người thật sự thành tựu, nắm bắt ngay đây, không nên nghĩ đến quá khứ, cũng không nghĩ về tương lai, như thế gọi là sống ngay đây.

Trong Đức Tôn Phổ Hiền Phẩm, đây là phẩm Đức Tôn Phổ Hiền thứ hai: “Ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ”. Điều này ngày nay chúng ta không làm được, nhưng đây là việc ở thế giới tây phương cực lạc. Thế giới tây phương cực lạc thật sự là như vậy. Chúng ta sanh về đó, chắc chắn cảnh giới này hiện tiền. Hiện tiền khi nào? Sanh về thế giới cực lạc là nó hiện tiền. Vì sao? Trong đại nguyện của đức Phật Di Đà có nói: Chúng sanh trong mười phương thế giới niệm Phật vãng sanh về thế giới cực lạc, về thế giới cực lạc, đều làm Bồ Tát A Duy Việt Trí, đây là nguyện của đức Phật A Di Đà, chắc chắn không giả dối đâu. Bồ Tát A Duy Việt Trí là gì? Là vị viên chúng tam bất thoái. Y theo kinh văn trong kinh Hoa Nghiêm, Sơ trụ của Viên Giáo trở lên, phần chứng tức Phật, một số chư vị tổ sư cũng nói địa vị Thất Địa trở lên, điều đó thật ghê gớm! Cho nên về đến thế giới tây phương cực lạc, mỗi ngày ngoài việc thân cận bốn sư, nghĩa là không rời Phật A Di Đà, nghe kinh học pháp, đồng thời có thể phân thân, đến tham học với chư Phật trong mười phương thế giới. Trong kinh Di Đà nói mười vạn ức, mười vạn ức đây có ý nghĩa biểu pháp, vì đức Phật nói cự ly thế giới cực lạc cách thế giới của chúng ta, là mười vạn ức cõi Phật, nói ý nghĩa mười vạn ức, nghĩa là nói quý vị sanh về thế giới cực lạc, mà muốn trở lại thăm thế giới Ta bà này, thì lúc nào cũng có thể đi được, nó có ý nghĩa như vậy. Trên thực tế đâu phải chỉ có mười vạn ức! Mười phương thế giới vô lượng vô biên sát độ của chư Phật, ở trong khoảnh một niệm quý vị có thể phân thân đến đó tham học. Chẳng phải đức Phật dạy chúng ta tu phước tu huệ đó sao? Tu cách nào để có phước lớn nhất? Cúng dường Phật, quý vị xem, hàng ngày cúng dường một vị Phật thôi phước báo đó đã không thể lường được rồi. Hàng ngày quý vị cúng dường mười phương ba đời tất cả chư Phật Như Lai, phước báo đó lớn biết bao! Đó là tu phước đây. Tu huệ là nghe kinh học pháp, mỗi vị Phật nói cho quý vị một câu thôi đã nhiều lắm rồi, quý vị học trong một ngày, những điều đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng trong 49 năm, e rằng chỉ mấy giây là quý vị học xong. Cho nên về thế giới cực lạc thành Phật nhanh, thành tựu vô lượng trí huệ, vô lượng phước báo, chúng được quả Phật viên mãn, quả Phật viên mãn nghĩa là phước báo viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, nơi tốt như vậy mà có thể không đến sao? Chúng ta ở thế giới Ta Bà này hàng ngày chịu khổ, oan uổng quá! Thật sự hiểu rõ rồi, phải mau chóng sanh về đó, hôm nay đi luôn, như thế là quý vị thật sự giác ngộ đấy. Cho nên hiểu rõ rồi, quý vị sẽ không còn lưu luyến thế giới này nữa, đây là sự thật, nên buông bỏ thế giới này. Nếu còn lưu luyến, về thế giới cực lạc rồi quay trở lại, quay trở lại là thân Bồ tát, trở lại không phải do nghiệp báo, mà là thừa nguyện trở lại, giúp cho những chúng sanh có duyên với mình ở thế giới Ta Bà, quý vị có duyên với họ, họ sẽ nghe theo lời dạy của quý vị, quý vị đến dạy họ, đưa họ đi cùng, như thế nên hoàn toàn khác!

Hựu Ca Thán Phật Đức Phẩm vân. Đây là phẩm thứ 27. *Ư nhất thực khoảnh phục vãng thập phương vô biên tịnh sát.* Quý vị xem câu này nói hay quá, “nhất thực khoảnh”

nghĩa là thời gian một bữa ăn, chúng ta ăn một bữa cơm thông thường khoảng nửa tiếng, không quá một tiếng đồng hồ, “nhất thực khoảnh”, “phục vãng” nghĩa là đi và về. Mười phương vô biên tịnh sát, chứ không phải mười vạn ức, nói thiết với quý vị, mười vạn ức con số rất nhỏ, mười phương thế giới vô lượng vô biên sát độ thanh tịnh của chư Phật. Quý vị xem hiện tượng như vậy đó. Cho nên vãng sanh về thế giới tây phương cực lạc, không có thời gian và không gian nữa, không có thời gian là không có trước sau, cho nên chư Phật quá khứ, chư Phật vị lai, nói về mười phương ba đời tất cả chư Phật. Không có không gian nghĩa là không có cự ly, mười phương vô lượng vô biên sát độ của chư Phật, ở đâu? Ở ngay đây! Ý niệm khởi lên là đến đó ngay, niệm kiếp viên dung mà. Trong bộ kinh này nói cho chúng ta biết, chân tướng trong sát độ của chư Phật, cũng có nghĩa là chân tướng của vũ trụ, ngày nay chúng ta hoàn toàn sống trong mộng. Chúng Đạo Ca nói rất hay, trong kinh điển đức Phật thường dùng mộng huyền bào ảnh làm ví dụ. Chúng ta học Phật, nghe kinh học pháp, phải nên thật sự tỉnh mộng, tỉnh mộng rồi nghĩa là giác ngộ, ngộ rồi thì phải chân tu, tu điều gì? Tám vạn bốn ngàn pháp môn, nói tóm lại chỉ có một câu, nghĩa là dạy quý vị buông bỏ. Buông bỏ thì cảnh giới hiện tiền, quý vị sẽ khế nhập.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

HẾT TẬP 60